

WWW.DTV-EBOOK.COM

TÔ
HOÀI

TUYỂN TẬP

Mục lục

Chương 1:

Chương 2:

Chương 3:

Chương 4:

Chương 5:

Chương 6:

Chương 7:

BA NGƯỜI KHÁC

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương 1:

Các đội công tác vùng đồng bằng hạ lưu sông Hồng kéo về tổng kết đợt ở huyện lỵ, đông có đến cả nghìn con người. Suốt tháng triền miên nghe kể thành tích và những anh những chị rể, chuỗi ở xã lấy lên nay đã thành cán bộ đội vừa khóc vừa nói về cuộc đời bị đầy đoạ xưa kia.

Một việc tôi nhớ mãi. Có một cố nông quê huyện Nga Sơn được lên cán bộ đội đã đi làm cải cách hai đợt. Anh kể lại đời anh, cả hội trường hàng nghìn người ai cũng ngậm ngùi, các chị khóc sụt sùi. Số tay tôi đặt trên mặt túi dết kê đầu gối mà không ghi được chữ nào. Tôi đã nghe bao nhiêu chuyện kể khổ ở hội nghị, ở tổ rể chuỗi, nhưng chưa khi nào nghe choáng váng ghê rợn đến thế. Ban ngày anh đi cày, tối tắm rửa sạch sẽ rồi vào giường cả đêm phải ngậm bởi thẳng địa. Thẳng địa bị bệnh tim la, mút đến nửa đêm cũng không hết được mủ tanh nhức óc. Cả hội trường ào ào đả đảo địa chủ... gian ác... Đả đảo... Còn anh ấy nghẹn ngào nước lên không nói tiếp được nữa.

Thế nào mà anh ấy bị lây cái máu dê của thẳng địa đến tận giờ. Cơm hội nghị có thịt bò, thịt lợn, lại chăm chệp đâm rừng mỡ, lúc nào cũng cuồn lên, đâm hủ hoá lung tung. Ngồi trước mặt cô nào cũng hau háu nhìn cái đưng quần. Anh ấy phải kiểm điểm mấy trận tươi bởi đầu đốn. Rồi bị thái hồi trả về cơ quan huyện. Cả mấy chị cũng bị đuổi về xã. Tôi không qan tâm đến họ mà chỉ nghĩ: thì ra cái máu chó của thẳng chó kia truyền sang mày, gớm cái giống chó má chết tiệt.

Tổng kết xong các đội lại đi đợt mới. Cuộc ra quân rầm rộ có xếp hàng nghe mệnh lệnh xuất kích như chiến dịch thời kháng chiến. Đợt này khu vực làm bao trùm cả Hải Dương, Kiến An, cải cách thẳng, không qua giảm tô. Nhiều huyện quanh Hải phòng, ba năm trước là vùng “hai trăm ngày”, tàu hoả xuống qua ga Phú Thái đã vào sào huyệt địch còn lại, từ các nơi dồn về hàng nghìn người di cư cuối cùng chen nhau xuống tàu há mồm đi Nam.

Chúng tôi được đưa từ Thanh Hoá ra hỗ trợ chỗ khó. Công tác ở vùng thế này chắc là lòi thôi đây. Nhưng mà ở Nông Cống trong kia đội tôi đã được cở thành tích đánh địch. Có thể mới được ra đây. Tôi cũng chẳng áy náy sao. Làm gì rồi cũng làm được thôi. Tôi đã làm hai đợt công tác, trải việc ngót một năm rồi.

Các đội ở hội nghị tổng kết ra, chia tay nhau giữa chợ huyện, đông thành mít tinh. Không đợi ô tô tải, không cần ô tô. Đội trưởng Cự đếm được đủ đầu chúng tôi mười hai người, thêm hai rể nữa mới vào cán bộ đội, rồi Cự bắc hai bàn tay làm loa, hét to: “Lập công ngay từ lúc xuất phát. Chúng ta tranh thủ đi luôn. Ở dưới xã nông dân đang nóng lòng đội về”.

Mọi người đứng xếp hàng đôi, lưng đeo ba lô. Chúng tôi vẫn được nguyên đội ở Thanh Hoá thành tổ học tập rồi đến bây giờ đi. Đội trưởng Cự bên bộ đội sang - nghe nói là đại đội trưởng, tính quyết đoán nóng như lửa, gắt gao kỷ luật với mọi người. Cái khăn mặt bông trắng được phát từ ngày ra tập kết ở Sầm Sơn, đã cáu xỉn, mặc dầu đội trưởng rửa mặt chỉ lau chùi bằng ống quần. Tuy vậy cũng thuộc tính nhau, cứ lựa lúc người cứng thì ta mềm, dù sao cũng phải hơn phải đối một đội lạ lắm khác.

Thế là mười hai cái xe đạp - hai đội viên khác không có xe, không biết đi bằng cách nào. Tôi đạp xe lúc đường nhựa, lúc bờ đê, lù rù mò suốt đêm. Bóng tối có phần dịu. Đến lúc trăng lặn, nhấp nháy ánh sao đặng trước, tôi phanh khuy áo ngực, căng mắt dẫn phẳng phẳng. Gần sáng, mắt như quáng gà. Đã sang đến đường 5, lổn nhổn dấu hăm hố của du kích đào đường. Có nơi còn lại cả mìn - nghe nói thế. Không biết có phải vì tinh thần hăng hái đã làm nhãng ngay cái vất vả, xe với người chẳng xây xát gì cả. Chỉ sái một bên tay. Cũng nhờ đau mà đâm ra tỉnh nhủ đến sáng bạch.

Vừa sớm, lọt đột kẻ trước người sau đến chỗ đoàn uỷ miền. Chưa ô tô tải đưa đội nào tới. Đội trưởng Cự khoái chí, quay ra giơ hai tay: “Chúng ta đến trước tất cả!”

Cơ quan đóng ở một ngôi đền bên trong đã san phẳng hết các bệ thờ. Hai bên tả hữu vu ngăn cốt thành buồng. Tiếng máy chữ đồ rào rào như vẫn đập thê thây đêm, văn phòng đoàn cũng tranh thủ làm như chúng tôi đã đi suốt sáng. Trong sân sau tường đền còn sót lại cây mộc mùi hoa sớm thanh khiết thơm thoang thoang. Trước một gian phen bên kia che kín đáo, ngoài hiên đặt một dãy những giá gỗ tạp mới trên có thau men trắng vắt chiếc khăn mặt hoa. Chắc đoàn uỷ hay đoàn cố ngũ trong ấy.

Một người nhỏ nhắn, bộ quần áo nâu non mới sáng sủa. mặt trắng trẻo đeo kính trắng như học sinh mắt cận thị. Người ấy đạp xe từ ngoài cổng vào.

- Bên Quỳnh Côi sang phải không?

- Vâng, chúng tôi tranh thủ, không đợi xe.

- Tinh thần lắm, hoan nghênh. Tôi thường trực đoàn uỷ đây. Chúng ta vào văn phòng làm việc ngay. Đội số mấy, đội trưởng đâu?

Làm việc ngay, khẩn trương sao. Chỉ đôi ba câu đối đáp khét lẹt công việc, lập tức ai cũng tan cơn ngủ, quên cả rửa mặt, không nhớ vừa ỳ ạch đi cả đêm. Một lúc sau, cuộc trao đổi công tác, giao nhiệm vụ đã xong. Thật thì chỉ có đội trưởng Cự hỏi đi hỏi lại, còn cả hơn mười người ngồi im, thỉnh thoảng ai dấm dớ hỏi một câu về cái xã sắp đến thì được trả lời mấy lần giống nhau “tài liệu đây, tài liệu có hết”. Rồi người đoàn uỷ đứng dậy, xoa tay nở nụ cười như thói quen cười nhạt nước ố và xoa tay thế, nói lấy lệ “Các đồng chí thông cả rồi chứ”.

Chúng tôi đã ra cả ngoài sân đền.

- Tài liệu mang về xã thế là sắp sẵn đủ cả. Chúc công tác thắng lợi. Bắt tay cái nào!

Mọi người lồm cồm dắt xe ra đường. Sắp nhảy lên yên, có tiếng đằng sau giật giọng:

Này! Này!

Quay lại, vẫn chỉ thấy người thường trực đoàn uỷ còn đứng đấy.

- Vào cả đây, vào đây.

Tôi háu đói, đã tưởng ra niềm vui có lẽ được vào nghỉ và ăn sáng. Cả đội đứng thành bọn trước cái cút che cửa văn phòng lúc nãy. Người đoàn uỷ bước lên thềm, đồng dục:

- Các đồng chí, bắt đầu từ hôm nay, đội đã vào cuộc đấu tranh công tác ba cùng. Ở dưới xã, bà con nông dân khổ cực lắm. Chỉ có bọn bóc lột mới có xe đạp, mới thành thói ngồi mát ăn bát vàng. Chúng ta về với nông dân không thể đồng sàng dị mộng. Không được đi xe đạp xuống xã.

Cái ông đoàn uỷ mặt mày học trò bé loắt choắt mà hắc thế. Tôi chưa bị đoàn uỷ nào bắt không cho đi xe đạp xuống xã. Dễ chừng vùng tạm chiếm cũ lại làm cái cách không qua giảm tô thì phải khác cũng nên. Thế là mất tất cả tiếng đồng hồ, người tìm tước bẹ chuối, người ra chặt cây dương bóc vỏ bện thừng. Mười hai cái xe đạp được trói gọn thành một bó, khiêng vào trong đền, lênh khênh như đồng xương trâu. Điều bất ngờ ấy, cả đội trưởng Cự cũng không tưởng ra trước được. Tuy nhiên lúc ghé vai công lô xe, đội trưởng vẫn mặt đỏ găng hăm hở. Không hiểu đội trưởng nghĩ gì. Chỉ khoái hai anh rẽ đội viên mới không phải chạy theo như cả đền, tự dừng được đi cùng.

Qua chợ huyện, ai nấy đói lả. Nhưng bụng mình mình biết thế thôi. Trông vào cái chợ mùa đói, nháo nhào không biết đâu người ăn mày hay người mua bán. Sướng chưa, đội trưởng Cự bỗng nói: “Ta vào chợ kiếm cái ăn đã”. Cả bọn đi hàng một từ tốn bước sau Cự. Đường như sợ đội trưởng thay đổi ý kiến, phải cố làm ra vẻ hiền lành thế. Chúng tôi đều quần áo nâu bàng bạc, dép râu, mũ lá, có người mặt bạc phếch như mới ốm dậy. Đội trưởng Cự thì lúc nào cũng phùng phùng, lúc nhếch mép cười, lúc cúi kính, cũng thế.

Chợ sớm dần đông. Đường mùa khô kiệt, những mặt cám bầy la liệt khắp nơi. Lác đác, người đem trẻ con đi bán như trảy quả mít, một bên đứa trẻ ngồi nhấp nhồm vịu quang gánh, một bên tảng đất để cho cân. Chúng tôi, anh mặc lành, anh mặc tả, dị dạng, người trong làng về chợ nhìn tránh ra chiều e dè. Đã hai năm, đoàn uỷ đóng ở cái đền này. Hàng chợ đã thấy nhiều cán bộ đi về, áo cánh, áo vét khác nhau, nhưng biết đấy là những “anh đội” xuống xã hét ra lửa. Chẳng bận đến người ta cũng ngại, lẩn đi, bước né bên đường. Đội trưởng Cự đột nhiên đứng lại: “Chúng ta ăn bánh đúc!” Cả bọn lập tức xà vào hàng bánh đúc ngô. Mụ hàng hớt hải sang bên các lều bán nộm chuối, đu đủ xanh, nước chè tươi mượn mấy mảnh tre mới đủ ghế khách ngồi.

Chợ đã nhiều người nhưng chợ sớm chưa ai lê la hàng quà. Bọn người lạ mà ai cũng biết là các anh đội,

khiến những mụ ăn quà như mò khoét và cả đám ăn mỳ cũng không dám lãng vàng. Từng chiếc bánh ngô lười mèo vàng hây, giữa rốn mỗi chiếc đặt mảnh cháy vàng rộm. Một bát đàn tương mặn chát. Có anh đội bụng hằn bát tương lên để chấm và húp, khỏi phải cúi lom khom và ngòm ngoàm hay là cứ nuốt chửng cả cái không ai trông thấy. Anh đội cũng đói như mọi ai. Có người hỏi băng quơ: “Bánh ngô chấm tương à?” Mụ hàng trả lời ngẩn ngơ như nói giữa trời: “Thời buổi khó khăn lắm, hạt vừng cũng là hạt vàng đấy”.

Chẳng biết khó khăn thế nào, cái bánh ngô xay bụi bụi, ngọt ngọt, và lai đương đói móp bụng.

Năm ấy tôi ngót ba mươi. Từ tấm bé chỉ ở thành phố. Đến tuổi đi làm kiếm được chân giữ cửa trông kẻ cắp cho hiệu thịt bò “Sáp phăng giông” phố Tràng Tiền. Cách mạng thì vào tự vệ phố, đến lúc kháng chiến, không còn đội tự vệ nữa, nhưng tự cho mình là Việt Minh, tôi đi theo kháng chiến lên Việt Bắc. Những chuyện tôi đi được cũng là gian nan. Tản cư, vợ tôi và con gái mới ba tuổi chạy lên Núi trên Sơn Tây. Tất cả trai tráng phố tôi lại vào tự vệ. Phố tôi bị Tây trong thành tràn ra vây phải dồn vào liên khu Một giữa thành phố. Ta điều đình được với Tây để cho người già, trẻ con được ra ngoài. Lối ra trên đê làng Yên Phụ. Có lãnh sự Anh và lãnh sự Tàu đứng ra chứng kiến.

Tôi trốn đội tự vệ trà trộn trong đám người lố nhố ra. Trời lạnh, tôi chít xùm xụp cái khăn vuông mỏ quạ, giả làm bà già, đi qua ngay trước mặt các ông lãnh sự trong trạm kiểm soát nhòm ra. Tôi thoát được lên Núi tìm vợ con. Hỏi thăm cả làng, cả cái chợ giời tản cư, về sau gặp lại người biết, đã bảo mẹ con cô ấy theo người ta vào Hà nội rồi.

Tôi chưa biết đi đâu, cũng không dám “dinh tê”, sợ Tây biết tôi là tự vệ, tôi mò lên Thái Nguyên, rồi sang Tuyên Quang, lên thị xã Bắc Cạn, quanh quẩn ở những vùng đông người tản cư dưới xuôi lên. Cũng không có vốn mở hàng quán, tôi xin vào làm phát hành sách báo. Vào cơ quan bấy giờ dễ, cứ đến xin việc là được nhận ngay. Hàng ngày mấy chục quang gánh sách báo Cứu Quốc và sách nhà Sự Thật quảy xuống khu Ba, khu Tư - như những đoàn người thồ muối lên miền ngược. Không ai biết tôi trước kia làm loong toong, làm cu-li giữ cửa và đã trốn tự vệ. Chỉ biết tôi là người trong Hà nội ra có đôi ba chữ nên anh em cho giữ sổ sách văn phòng và kho. Ở trong rừng, cơ quan chỉ có quyển sổ cái ghi các thứ trong kho, xà phòng đường ta, quần áo khi nẫu, khi nhuộm thâm trên phát về.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ rời Hà nội được giải phóng, tôi trở lại thành phố.

Về đến Thái Nguyên cả cơ quan đàn ông đàn bà làm việc ở các cơ quan đều được may được phát một bộ quần áo một kiểu như nhau. Giày vải nâu, quần áo kaki xám nhạt. Và mọi người theo đúng điều lệnh tiếp quản: không về nhà, không mua bán, không ăn quà ngoài đường. Tối tối tôi vẫn lẩn đi chén phở, không ai biết. Một hôm được phép về nhà và ai có người quen được tới cơ quan thăm. Bố mẹ tôi mất đã lâu, tôi chỉ nhớ vợ con. Tôi hỏi hộp về chỗ nhà cũ ở Tám Mái. Nhưng hàng xóm kể cho biết cô ấy đã lấy chồng làm cu-lít cho Tây, tháng trước họ kéo nhau đi Hải phòng, vào Nam cả rồi.

Tôi như đuổi theo cái bóng. Cũng chẳng buồn, chẳng ngán ngẫm. Chỉ đôi lúc phảng phất nhớ mụm con

gái mà thôi. Cái năm xa cách nó mới ráo máu đầu, chẳng biết rồi nhón nhao thế nào. Tôi bây giờ mà hoá ra quan trọng, tôi giữ ba sổ chi thu- chẳng học nghề bao giờ cũng được lên chức kế toán trưởng. Năm sau tôi lấy vợ. Cũng dễ ợt. Cô ấy làm cấp dưỡng, theo cơ quan trên Thái về, chúng tôi biết nhau đã lâu. Rồi vợ tôi sinh một thằng con trai. Bây giờ “phóng tay phát động quần chúng”, công tác cải cách ruộng đất là quan trọng nhất. Mọi người chúng tôi ở cơ quan, rừ cấp dưỡng đến cán bộ chuyên có biết đồng ruộng hay không nhất loạt đều phải đi làm “thổ cải”. Thế là tôi đi. Tôi đi công tác cải cách, cu ngầu nhà tôi đã được sáu tuổi. Khi còn ở Việt Bắc mấy năm gần về Hà nội, ai cũng đều đi làm giảm tô, có người giảm tô xong sang công tác cải cách. Tôi chẳng biết mặt mũi đồng ruộng bao giờ, tôi tìm cách lẩn. Bờy giờ không khó, bởi chỉ có mỗi mình tôi giữ sổ sách, không thể mỗi chốc đi đâu. Nhưng về thành phố thì chỉ có trơ ra có tôi chưa được rèn luyện lập trường cách mạng. Ông giám đốc cũng chưa đi giảm tô, đi cải cách lần nào. Nhưng không ai dám nhắc ông ấy. Lại nói nịnh “bộ tư lệnh phải ở vị trí chỉ huy”, bên trong thì ghé tai xì xào ông ấy sợ đứng dậy thì có người ngồi mất ghế. Chiều thứ bảy nào cũng họp kiểm điểm trong tuần, thủ trưởng lại đập bàn nói choang choác: “Giải phóng nông dân lao động khỏi ách địa chủ phong kiến, mọi người đều có nhiệm vụ tham gia...”

Tôi cũng khéo lẻo lái, lẩn lút tránh được tới khi về Hà nội vẫn chưa đi. Tưởng chiến thắng về Hà nội giải phóng thế là đã hết mọi việc xóm làng, hoá ra vẫn còn. Không thể thoát, bây giờ chỉ mới hết giảm tô, còn cải cách. Cơ quan đã đi cạn kiệt cả, lần ày đích tôi có tên trong danh sách đi rồi không còn ngõ ngách nào lẩn nữa. Thế là phải đeo ba lô đạp xe đi. Tôi vào Thanh Hoá dự tổng kết các bước công tác của các đội vừa qua dưới xã. Lúc đầu tôi lo cứ rối tinh. Nhưng rồi cả tháng vừa nghe vừa hỏi thì cảm như mọi việc khuôn phép dần dần vào đấy, công tác này cũng thế thôi. Có gì khó hơn cái sổ sách kế toán, mình chẳng học mà cũng thành nghề cộng trừ nhân chia, thế ra đi cải cách không đáng sợ như những đứa đã đi về đồn thổi, dọa dẫm.

Mụ hàng bánh đúc chỉ đường cho chúng tôi về xã. Áng chừng mười cây số, hễ sắp hỏi thăm là có người mách lối đi, như là ai cũng biết mình về đấy rồi. Cái ba lô đeo trên lưng đã thấm đen mồ hôi. Đoàn người nhấp nhô đi quá buổi trưa. Đội trưởng vẫn thoăn thoắt dẫn đầu cho nên không ai dám ể oải. Gió mát hây hây mà mồ hôi đổ ra dính lưng nham nháp. Mặt trời lờ mờ nghiêng trước mặt, người đi trên đê trở xuống cánh bãi bảo kia kia, làng ấy đấy. Những khoanh tre xanh ngắt quây xóm làng ven con đê qua. Từng khúc đầm nước trong veo lác đác đám lá sen già đưa mùi thơm như rơm mới. Chắc xưa kia chỗ này vỡ đê hay dòng sông cũ còn lại hõm loáng thoáng thành những đầm nước. Giữa cánh đồng, một mòm núi đá chơ vơ. Bên cạnh, còn trông thấy cái lô cốt xi măng tháp canh của bột hương dưng.

Chúng tôi xuống, vào ngôi đền đầu thôn. Lại cái đền hoang, hai d\ bên tường đổ trống huếch nhưng vẫn còn bệ gạch chưa ai ăn trộm. Đội trưởng Cự nhìn quanh, thấy người đi trên đê qua lại, chưa yên tâm đã được bảo mật. Cả bọn chui vào cái sân cỏ mọc lưng ống chân cho được kín đáo chặt chẽ. Những con chuột thấy động chạy rào rào vào hậu cung đã mất cả cánh cửa ẩm ướt, tối om. Chúng tôi lại ngồi dưới mái hiên. Chỗ này, trên đê hay ngoài cửa không ai thấy. Kể ra cứ cẩn thận, thế mà lúc này còn lác đác người bây giờ trên đê đã vắng ngắt.

Đội trưởng Cự kéo mấy cái ba lô, kê lên, trải ra tấm bản đồ xã kẻ bằng tay lúc sáng nhận ở đoàn uỷ. Chúng tôi xúm quanh chăm chú. Cự nói một mạch:

- Một là, từ giờ phút này đội ta chịu trách nhiệm mọi mặt của xã. Xã đây ở vùng hai trăm ngày địch đóng lại, địa chủ thì gian ác, tổ chức của địch để lại đã khéo lồng vào tổ chức của ta, chúng nó đã làm cải cách và giảm tô giả. Công tác của chúng ta thật nặng nề. Hai là xã có chín thôn, mỗi chúng ta phụ trách một thôn. Tôi đọc tên từng người đây. Tôi phụ trách thôn Đìa với văn thư của đội, thôn Đìa cũng là trọng điểm, vì có nhà thằng bí thư chi bộ. Các đồng chí xem bản đồ rồi tự tìm đường về xóm. Không được hỏi han lung tung. Coi chừng tay sai địa chủ và tổ chức cũ sẽ đưa vào người nó bố trí sẵn. Kể từ bây giờ các đồng chí về vị trí chiến đấu dưới thôn cần thận cảnh giác không được liên lạc với tổ chức cũ, cứ chọn nhà thăm nghèo hỏi khổ, bắt rế râu chuối. Chiều thứ bảy, đúng giờ này - đội trưởng Cự cúi xem đồng hồ đeo tay, toàn đội về đây phản ánh tình hình và duyệt rế. Ba là tuyệt đối bí mật, tuyệt đối bí mật.

Tôi đói quá. Không biết có bệnh giun sán hay sao, hễ quá bữa thì bụng réo rong róc, mắt nảy đom đóm, hai bàn tay toát mồ hôi lạnh. Cứ từng cơn thế, người lả dần.

Tôi duỗi chân đạp vào cái đít ba lô trước mặt để đặt bản đồ. Ngón chân hình như vướng vào mảnh lá chuối. Tôi lé con mắt đương hoa vàng mờ, cũng nhận ra cái lá chuối lòi ở góc mảnh bạt nắp ba lô. Bấm thấy mềm mềm. Tôi quờ tay. Ôi chao, tôi nhận ra cái lá bánh đúc ngô ở chợ. Tôi ngược mắt. Đội trưởng đang nói đến đoạn hăng, bấm bố bàn tay liên liến, hai con mắt trợn trừng như muốn bật ra. Tôi luồn tay dưới ba lô, thò luôn cả gói, bỏ nhem vào túi sách của tôi, lị vờ lơ láo nhìn mọi người. Ai nấy vẫn dăm dăm. Người hý hoáy ghi sổ tay. Người vừa chăm chú vừa thờ ơ nhìn đội trưởng. Người vẫn cầm cúi xem tờ bản đồ mở che kín trên mấy cái ba lô. Lúc ấy tôi mới bình tĩnh nhận ra thật cái ba lô ấy của đội trưởng Cự. Đúng rồi, ba lô bộ đội gờ nếp viền quai kỹ lưỡng, chắc chắn hơn những cái ba lô con cóc khâu túm mua ở cửa hàng bách hoá. Tôi sừng sờ, nhưng rồi lại yên trí dần. Kỷ luật là ba cùng dưới xóm. Mà đội trưởng mua lén bánh đúc ở chợ. Bố bảo cũng không dám kêu mất. Và trông mọi người đương chăm chú thế kia thì chẳng ai nhìn thấy tôi vừa làm gì. Cho thẳng đạo đức giả tối nay đói già hòng.

Mọi người đứng dậy, xốc ba lô lên vai,. Hai anh đội cán bộ cơ sở ở xã lên, nách kẹp mo nang tài liệu, xăm năm đi ngay. Họ háo hức như được về xã nhà. Mà họ tự nhiên thế cũng chẳng lạ, chỉ có tôi mới phải lo lăng loăng quăng quăng biết chốc nữa vào nhà ai, có bắt được trứng rế hay không. Đội trưởng Cự một tay xua xua không biết là cản lại hay bảo đi, một tay nắm đấm, hô: “Vì giai cấp nông dân, quyết chiến, quyết thắng!”. Tôi thấy đội trưởng xch ba lô lên, sờ vào mép. Rồi nắn lại lần nữa. Mất mẹ nó rồi. Nhưng mặt vẫn bưng bưng như lúc đương nói, không khác. Đội trưởng đến trước mặt tôi. Tôi khúm núm co người túm miệng túi xách sợ lộ cái lá chuối, rồi nghiêng người đeo quai ba lô lên vai. Không phải đội trưởng tò mò gì về tôi mà Cự đến bắt tay từng người. Tôi kẹp chặt cái túi trong có gói bánh đúc ăn trộm rồi mới giơ bàn tay ra.

Đội trưởng bảo:

- Đồng chí đợt này được trên cử làm đội phó phụ trách toà án, cố gắng nhé.

Tôi nhẹ nhõm nắm tay Cụ. Mỗi người vào xóm một ngả. Chỉ có Đình rào bước theo tôi. Tôi hỏi:

- Cậu về cùng lối với mình à?

Lúc chỉ có hai ba người, chúng tôi thường cậu cậu tớ tớ - chỉ có mấy anh ở xã lên vẫn nghiêm túc “đồng chí” như khi họp. Riêng với đội trưởng tác phong quân sự thì không mấy khi dám cợt nhả, lúc nào cũng “đồng chí” cẩn thận.

Đình đáp:

- Mình phụ trách xóm Chuôm láng giềng cậu. Về Chuôm đi xuống lối bờ đầm đằng kia gần hơn.

- Thế tại sao đi lối này?

Đình cười hếch cái mũi đỏ.

- Đi vài bước cho nó vui mà.

Tôi ừ hử nhạt nhẽo. Đình ghé tai tôi, nói nhỏ nhỏ:

- Đây chia cho tớ bánh đúc với. Ông nhanh tay quá đấy. Tớ nhìn thấy trước đằng ấy cơ.

Tôi ơ mặt như đĩa ăn cắp bị bắt tạt trận - mà thật thế, còn như nổi gù. Gói bánh có bốn chiếc, tôi lẳng lặng lấy ra đưa Đình hai cái. Nhìn theo hút lúc ấy đội trưởng Cụ đã đi khuất vào bờ tre. Bỏ bánh lên túi ba lô rồi Đình cũng tắt tả về phía ấy. Ôi trời, nó đi báo cáo thì mình toi mạng! Nó nói ra thì nó mất bánh. Mà đội trưởng đã định ăn vụng, đội trưởng trù cho thì cũng chết dở.

Tôi lững thững vào thôn Am. Đi bắt rể khác nào đi câu. Còn chưa tối, mới choạng vạng mà trước mặt, sau lưng vắng tanh. Chiều chiều thông thường lúc này công đồng có người đi làm về, những con trâu bước thonng dong, đàn vịt rúc bờ ruộng chân tre, tẻ con đương vác sào ra dồn về. Thế mà đường vào xóm quanh quẽ, tưởng như không cả con chuồn chuồn chập chờn, con nhện nước loăng quăng. Ít ngày sau, tôi mới biết cả mấy thôn này đã đội biết tin đội về từ lúc đội còn ngồi ăn bánh đúc trên chợ huyện. Thế là gà quế, chó má, trâu bò người ta tắt tả nhốt chặt. Cả người cũng không dám lộ mặt ra ngõ.

Có thể nhận biết một làng mới thoát khỏi vùng tề tiêu điều khác hẳn các làng hậu phương um tùm cây cối xanh mát trong Thanh Hoá. Ở đây, cây đa, cây si ngã ba xóm, những luỹ tre và bờ bụi bị phạt trơ ra như những cái đầu trọc long lốc. Đồn bột Tây bắt triệt thể nào cho du kích mất chỗ ẩn nấp, đem đến cả các chòi gác bột hương đưng giữa làng rọi đèn pha phía nào cũng được.

Tôi nhòm ngó một vòng xuống cuối xóm rồi quay lại. Cả đến những giậu ô rô, giậu đuối và bờ xương

rồng cũng xơ xác như tóc cạo rồi chẳng còn mấy. Trên những mái rá mực đen xẫm không vẩn vơ một sợi khói bếp. Các cổng tán, cánh liếp mở há ngoác mồm. tôi không biết người ta cốt làm thế để đội về khỏi nghi giấu diếm cái gì trong nhà.

Tôi cứ toan vào bừa một nhà nào đó nghỉ ngơi cái đã. Nhà ấy không dựa được thì mai đi nhà khác. Tôi đã mấy đợt qua cái bờ ngõ lần đầu tiên ngày đi bắt rết rồi. Chợt trông thấy sau mấy cây chuối quần queo một người đàn ông cời trần gày nhom, quần xắn móng heo. Người ấy vừa đi vừa quay mặt vào trong cái sân đất, như nói với ai trong ấy: “Ông đã chặt cổ cả thằng Tây, ông đếch sợ anh đội”. Ngẩng lên thấy tôi, người ấy thoáng bối rối rồi nhìn trân trân: “A anh đội! Mời anh đội vào nhà em xơi bát nước!”. Cái mặt người này dại dại, mắt trơ tráo, không biết nó dở người hay là thằng địch trắng trợn cài bẫy. Giả vờ thế nào được với tôi, tôi không đáp. Tôi dăm cảnh giác, không dám vào bừa nhà ai như đã định thế, rồi cứ lúng túng, vẩn vơ...

Một quãng gặp một đóng rá. Trong kia, thoáng bóng người quần nâu bạc đã tuồng cả gấu, leo kheo rút rơm. Tôi khấp khểnh lẩm nhẩm: đây rồi... Đây rồi... rết đây chứ rết đâu... tôi xăm xăm tạt vào, Người đàn ông đứng lại dưới mái rá, hai tay luống cuống như vụng trộm thế nào. Khuôn mặt rỗ hoa xám nhợt đã luống tuổi. Người ấy phờ phạc ngẩng lên:

- Lạy anh đội...

Gian nhà lợp rá nát xám xịt như mặt người ấy. Tôi bước vào còn mấy người trong nhà, chốc mới nhận ra dần dần. Một người đàn bà ngồi xồm trong xó, luồn tay chống lên mảnh gỗ con. Một chú nhóc đóng khố, một cời trần tựa cột. Ở trái bếp bước vào một cô gái áo nâu lành lặn. Có lẽ có người lạ vào, cái áo vừa được mặc vội, một chiếc khuy đỏ chưa cài hở mảnh đuôi yếm cũn cợn.

- Anh đội vào chơi. Nhà chẳng có chỗ nào ra hồn...

Tôi ngồi xuống một mảnh vầu úp và nói:

- Tôi tên là Bối. Cả nhà cứ gọi tôi là Bối, anh Bối.

Rồi trong bụng thoải mái yên chí chưa thăm nghèo hỏi khổ mà đã trúng phóc ngay. Tôi lại nói:

_ Tôi là cán bộ đội về công tác. Ta đây là xóm Am, phải không?

- Vâng ạ, xóm Am.

Cô gái lại vào trong bếp lấy ra một cái bát đàn. Nhưng không có nước. Cô bối rối đứng. Bố cô rụt rè nói: “Nhà chẳng còn nồi chè xanh nào”. Tôi cười: “Vẫn uống nước mưa ngoài vại chứ gì. Vẽ, tôi cũng thế”. Nói rồi tôi cầm chiếc bát ở tay cô gái ra cái vại bên gốc cau có buộc cái mo cau hứng nước mưa. Tôi múc đầy bát nước, bưng vào, ừng ực làm một hơi hết tiệt. Quả là tôi đương khát se họng. Và mấy lâu nay ở và làng xóm tôi cũng quen ăn uống lôm lam, sống xít. Quả nhiên, chỉ cạn bát nước là tôi lại cảm thấy công

tác ba cùng đã đưa tôi gần gũi mọi người rồi. Đã chiều hẳn, phía bờ dần nước, đôi chim chích choè bay rờn nhau hót những tiếng dàu ngẩn gọi bạn vào hoang hôn. Trong nhà nhoè nhoẹt xâm xẩm, chỉ còn khuôn mặt cô gái trắng trắng.

Tôi đã thuộc tên mọi người. Bố tên là Diệc. Mẹ bị tàn tật ngồi trong vách đất. Con gái là cô Đơm và mấy em, những thằng Vó, cái Lưỡi, thằng Cò... Nhà cò nhà diệc, những ao ước cầu mong hàng ngày đơm đó sông nước chỉ có vậy. Nghèo đến thế chứ nghèo sao nữa, những cái tên cũng đã khiến tôi gối đầu ngủ yên được. Chưa trông rõ hết, cũng đoán ngay ra cái nhà tranh vách tuyềnh toàng ẩm mùi rêu đất, dừng cuối sân, một chiếc hũ sứt hay cái chĩnh đội chiếc nón mê. Người đi làm đồng về được con cáy, cái tép thì ném vào cái hũ đã trộn lừng muối, vài tháng kại chảy ra làm nước mắt, thức chấm. Người ta đương tìm đây rồi. Thật cũng có may rủi.

Tôi bắt đầu mở bài lục vấn con số.

- Nhà ta cấy được bao nhiêu?

- Chưa được hai miếng ạ.

- Ruộng nhà a?

- Thừa, cấy giẽ thôi.

Tôi nghĩ sắp đặt ngay: “Bố con, thế là nhà này đã được một rế, một chuối. Bố làm trưởng thôn, con thì tổ trong dân quân. Hay!”. Trong nhà tối om. Một thằng cu vào bếp thối đồng trấu châm một que đóm. Phao đèn hoa kỳ không bóng sáng lung lay chẳng khác sợi lửa đóm. Tôi hỏi:

- Nhà chưa cớm chiều à?

- Có... có... chưa... chưa...

- Chưa thì cho tôi ăn với. Tôi có phiếu gạo đấy. Mai cô Đơm lem lên đong gạo trên cửa hàng huyện.

Người ta ở đâu cũng đã biết lẽ lối đội cái cách đến thì ăn, thì ở ra sao. Những đồn thối, những tiểu lâm, bao nhiêu chuyện buồn cười và chuyện rùng rợn về những anh đội. Năm trước, khi còn cái bột hương dưng tề nguy giữa làng, thế mà những chuyện giảm tô, cái cách đã bay từ ngoài kia vào. Có người tò mò lén đi xem đấu địa chủ tận “hậu phương” bên kia sông. Nhiều nhà khá giả sợ xanh mắt, đã xuống Hải Phòng đi Nam. Người ở lại cũng mỗi người nói một cách khác, người ngóng đợi, người lo vu vơ.

- Cũng sẵn rồi nhưng cớm chẳng ra cớm đâu, mời anh đội ăn tạm.

Cô đơm bưng bày xuống mặt đất giữa nhà, lần lượt một nồi cớm, một cái chảo trông nhờ nhờ như muối. Đơm xới một bát cớm gắp ram ấy cộng rau sam đút lên bát rồi đem vào xó nhà cho mẹ ngồi bốc ăn trong

ấy.

Tôi hỏi vui:

- Cơm trộn kê hay sao mà vàng ngon thế?

- Vâng. Cám đấy ạ.

Rồi bác Diệc nhân nha kể: “Cả vùng này mùa vừa rồi nhốn nháo vì người các nơi qua lại đổ về Hải Phòng. Các cụ đạo vào tận đây rủ người ta đi, chả dưới xóm Đìa có người theo đạo mà. Ai đi đâu thì cứ đi, chỉ chết con nhà nông chúng tôi đi vay không thì cũng rồi tình lên chẳng cấy hái ra gì. Của ăn được thì còn chơi với ngoài đồng. không biết rồi nhặt nhanh thế nào, bây giờ may lắm còn moi móc ra cái cám ăn cứu người”.

Hồi dự tổng kết trong Thanh rồi tôi về huyện Thiệu Hoá thực tập, ở nhà rể, ngày hai bữa toàn cám, bấy giờ được ăn cám còn phúc bảy mươi đời. Thanh Hoá đã kiệt lực, đói to. Cả một vùng các huyện trên xưa nay ỷ vào đập nước Bái Thượng chỉ quen làm một vụ lúa, không biết làm màu. Máy bay Pháp bỏ bom phá vỡ đập Bái Thượng. Người ta nói thẳng Pháp chỉ đánh dấn một năm nữa thì cả tỉnh chết đói hết. Ngoài chợ tỉnh cũng bày bán trẻ con nhan nhản như bán chó. Tôi dự một cuộc đấu địa chủ. Có người rể bị đói đã lâu quá, đứng lão đảo, hét một tiếng rồi lăn ra chết. Những đơn vị trong Nam tập kết đóng quân dọc sông Mã. May được các chiến sĩ khu Năm đem ra kinh nghiệm và giúp dân trồng khoai, rau muống chống đói. Các mảnh vườn, các cánh ruộng khô nẻ được cuốc lên, đánh luống chỉ hơn một tháng đã được hái lá ăn. Rau muống luộc, rau lang rau muống phơi làm lương khô và muối dưa, nấu lẫn cám nuốt tạm đợi mùa.

Tôi còn đem ra đây cái nhớ khủng khiếp về những bữa ăn cám. Có đến cả phiên, mấy phiên chợ không đi ỉa được. Mình mấy ngứa nổi mẩn da cóc. Suốt đêm bứt rứt, không tài nào chợp mắt. Sợ quá phải về bệnh viện tỉnh xin thụt. Xuống đến chợ Rừng Thông, người ta mách ăn đu đủ xanh cũng rửa ruột được. Thế mà hiệu nghiệm có lẽ như thụt. Bây giờ cơm lẫn cám chắc ăn đỡ hơn đạo ấy. Cũng chưa biết thế nào, chỉ thấy từ ngày trận táo bón tắc ruột, bụng tôi như chắc lại, thỉnh thoảng mới phải tào tháo đuối. Mà tối nay cũng chỉ nhắm nháp qua loa. Còn hai cái bánh đúc trong túi cơ mà.

Tôi ngồi xồm, cầm bát, định lùa luôn mấy đũa. Nhưng miếng cơm nguội ngắt, răn như vôi vữa. Rồi từ từ nhai, tôi cũng tọng được hết bát rồi kêu là ăn trên chợ huyện còn lửng bụng.

Một nhoáng, cả nhà đã xong bữa.

Dần dà tôi được biết bác Diệc năm nay bốn mươi mốt. Cả đời chỉ quanh quẩn trong làng chưa khi nào bước chân lên con đường cái bên kia sông. Phải năm trời làm bệnh tả, bố mẹ chết cả. Còn tro trụi có Diệc. Rồi bệnh đậu mùa để lại cho bác Diệc những lỗ chỗ vết rỗ hoa khắp mặt. lẩn;óc nhà này qua nhà khác. Diệc không thể nhớ được thuở tằm bé đứa trẻ chibb gào khóc đòi ăn thì thế nào, nhưng đến khi biết đi biết chạy, cũng là lúc làm quen với cái thùng con trâu, cái liềm cắt cỏ, chiếc đòn gánh quảy nước rồi chẳng

bao lâu đã thông thạo mọi việc đồng áng. Những trận đi làm thuê bị đòn đánh và cái đói; cái khổ nhục tháng ngày, làm sao nhớ được bao nhiêu khiêng. Tôi còn muốn hỏi Diệc lấy vợ bao giờ, tại sao vợ lại ốm đau thế. Nhưng chưa biết lựa lời thế nào.

Bác Diệc nói:

- Anh đội đi cả ngày, nhọc rồi, đi ngủ thôi.

Quả là hai mắt tôi đã cứng đờ. Tai nghe câu chẳng câu chuộc. Chốc chốc ngật cổ một cái, lại choàng tỉnh.

- Ừ, ừ...

- Anh đội nằm ở cái chõng kia. Chõng vẫn bỏ không, thỉnh thoảng mới đem ra ngồi hóng mát ngoài sân. Cả nhà tôi nằm đất đã quen, mùa rét thì lót lá chuối khô, ấm lắm.

Cũng chẳng đợi chủ nhà giục lần nữa, tôi nói: “Tắt đèn nhé”- đấm đèn tắt phụt. Tôi ngả lưng xuống chõng, gối đầu lên ba lô. Thèm ngủ thế, nhưng vẫn nhớ trong túi dết có gói bánh dức.

Hôm sau, tôi thức dậy, trong nhà im phăng phắc. Cái chõng liếp cửa trước đã được dựng lên từ bao giờ - hai bàn tay ếch đặt lên hai mảnh gỗ. Con mắt ngược trắng dã như hai mảnh sành.

Tôi hỏi:

- Cả nhà đi làm rồi a?

Cái bóng rũ rượi im lìm. Người tàn tật này có lẽ còn mắc các chứng câm điếc và thong manh nữa. Tôi xếp cái ba lô vào góc chõng rồi bước ra cổng. Đường xóm buổi sáng không đến nỗi vắng tanh như chiều hôm qua. Ngoài đồng lúi húi người cào cỏ. Đuôi lúa con gái ngậm dòng rập rờn phe phẩy mơn man trong làn gió nhẹ như sắp trông thấy hạt thóc mẩy về đuổi đi bát cám trộn. Một đám trẻ con trần truồng mình mẩy lấm như trâu đằm đứng rụi mắt nhìn tôi lững thững qua.

Vào liền mấy nhà đều im ắng như nhà hoang. Tôi đã biết một làng bình thường chẳng mấy khi có người ở nhà buổi sáng. Ai cũng còn đi moi móc đào bới, đơm đó lấy cái ăn. Nhất là các xóm trong ngoài lũy tre phờ phạc, bên những chân tre còn sót lại, trồi ra những mái dạ như cây rơm, như chuồng trâu khác các chòm nhà giữa làng. Những nhà có máu mặt tụ hội ở xóm trong, xóm giữa, dần dà mới ra các xóm trẻ, xóm đồng, xóm bãi. Ngày trước hẳn ở đây là cổng đồng rồi người trong làng nhà đông san ra ở, người bơ vơ ở đâu tới ngụ cư lập nên xóm đuôi, xóm trại. Xóm này chắc cũng mới thành nơi ăn chốn ở vài mươi năm nay, nhiều chỗ nền nhà chưa hoàn thổ, đất tảng mốc rêu. Những vườn xoan cây chỉ nhỉnh cao bằng sào nửa.

Tôi qua lại bụi cây chuối rậm rịt buông xuống những nắm dây tơ hồng vàng rượi. Cái thằng quần xắn móng lợn vẫn như hôm qua. Chòm râu quai nón tua tủa. Như nó vẫn đứng đay rình tôi.

- Chào anh đội, đêm qua anh đội đã bắt được rết, yên chí rồi thì hôm nay vào nhà em được chứ? Anh xâu chuối em đi. Đố anh tìm được thằng chuối nào hơn em. Hôm qua mà anh vào nhà em thì em đã được là rết rồi, rết cái chứ chẳng chơi, nói thật đấy.

Tôi lặng lẽ theo hẳn. Không để tâm những câu nói lẩn thẩn, lắm nhảm. Không phải nó say rượu, cũng không phải nó dở người, vẻ nó táo tợn nhưng nó nói khôn như người ta. Có thể nghe nó mà biết tình hình, mà kiểm tra được việc cũng nên. Nhà này còn tồi tàn hơn nhà Diệp. Ba phía vách tuông ra, huếch hoác, lá khoai non xanh mát mắt phủ kín, dây bìm leo chằng chịt lên cả cột nhà như cái cọc tre. Một người đàn bà lúi húi trong bếp đương sàng sảy cái gì không biết. Tiếng lạt xạt khe khẽ như gà con bới đồng dẫm ủ bếp.

- Anh ngồi xuống. Nhà tôi ngồi chỗ nào cũng như nhau. Tôi là tiên chỉ cái làng này, tiên chỉ bần cố nông chứ chẳng vừa đâu. Những tôi không kể khổ với anh. Tôi chán ngấy cái khổ, cái kể khổ rồi. Tôi nói với đội việc khác.

“Lúc kháng chiến ấy mà. Ở trong này tôi là du kích tập trung huyện. Tôi không báo công đâu, công tôi thì không đếm xuể, mà công bao nhiêu cũng hoá công cốc rồi. Tôi chỉ kể những chuyện ân oán thân tôi. Đêm ấy tôi thành linh lên về cái nhà này. Tôi nhòm liếp, đèn còn sáng, thằng xếp bột hương dưng đương nằm với vợ tôi đúng chỗ cái cột này. con vợ tôi kia, cái đứa làm chứng sống còn đấy. Tôi xông vào. Cũng ghê lắm. Thằng xếp bột cứ trần truồng lăn xả vào tôi. Tôi mà không ghì lại nổi, nó chỉ lúi được mười bước quơ được súng thì tôi ăn bằng đạn tôi chết toi rồi. Những tôi cũng bị nó quật mấy hòn gạch tường vỡ đầu. Bây giờ phải khi giờ đầu tôi cứ buốt từ óc xuống xương sống. Thằng bệnh viện bảo tôi đứt một dây thần kinh. Thì điên à? Đứa nào bảo ông điên? Ông điên mà ông nhớ được chuyện cổ tích a, nhớ được công lao kháng chiến của ông a?”

Người đàn bà trong bếp nghe lảng máng tiếng người trên nhà cũng thò đầu lên hóng chuyện. Cái mặt mụ nhăn nheo, xám ngoét, miệng há hốc trơ ra, lợi hàm dưới đỏ hồng, đã mất hết răng. Như là nghe nói ai ở đâu chứ không phải chuyện về cái thằng xếp bột năm ấy ngủ với mụ ta. Dáng ngơ ngợ, mụ ấy mới lẩn thẩn.

“Bây giờ tôi khoẻ như hùm ấy chứ. Tôi lôi thằng dê xồm ra chỗ góc dưới kia. Tôi hoa mã tấu lên. Cái đầu nó nhảy nhót nhót dưới đất như con cóc phun nước. Tôi xách cái đầu lâu nó về huyện đội. Ấy thế mà rồi sau tôi xin huân chương, chúng nó bảo tôi báo thù thằng ngủ với vợ chứ không phải là thành tích. Báo thù thì tao phải pheng cổ cả vợ tao chứ, có phải không mẹ mày?”.

Người đàn bà quay mặt vào, không ừ hử một câu. Lại nghe tiếng sảy hạt tằm hay mày ngô rào rào như mưa thưa. “Anh đội tính cho tôi thế nào? Công tôi to thế phải không?”

Tôi ậm ừ:

- Được rồi.

- Ồi, anh đã bảo được đấy nhé. Làm giấy cam đoan đi rồi cho tôi làm trường thôn, phết thẳng tư Nhỡ đi.

Tôi sẽ vạch cho đội lồi ra hàng đàn địa chủ. Cứ tính đứa nào có ruộng thì ghi tên nó là thằng địa, nhiều ít mặc kệ, có ruộng có đất chẳng là thằng địa thì là con hùm ăn thịt người à, có phải không anh đội?

- Được, cứ để đội xét.

- Cái gì cũng bảo xét, trên huyện cũng nói để xét, rồi mất hút con mẹ hàng lơ. Để xét thì ăn mẹ gì! Thôi mời các anh cút, cút đi.

- Nóng tính thế. Tên là gì?

- Anh là Tây đồn lục vấn tao để bắt bỏ tù à?

- Không phải. Tây nó về nhà Tây rồi, đội hỏi để biết.

- Thế thì báo cáo với đội tôi là bần cố, tên tôi là bần cố Vách. Cả huyện này ai cũng biết Vách đồ tể. Ngày trước mổ Tây, bây giờ mổ lợn. Hôm nào được cỗ lòng lợn ngon anh đội đến đánh chén sớm nhé. Không, không được. Đội đương phải ăn cháo cám với dân mà. Cùng ăn, cùng ngủ, cùng làm. Cùng hai thứ thôi nhé, đừng ngủ với con cái Đơm nhé. Khớ! Khớ!

Vách rụt cổ cười rữ rữ. Về nhà tôi hỏi bác Diệc:

- Cái thằng Vách ấy là thế nào?

Trước kia nó là du kích huyện, bị Tây bắt được, bị đem rập đầu vào tường một ngày rồi sau đâm rồi lẩn thân. Nhưng mổ lợn thuê khéo lại nhanh mà cũng lắm lúc nói khôn đáo để.

Có hôm tôi hỏi thì cô Đơm lại nói khác:

- Chú Vách đi du kích thoát ly, nửa đem về bắt được ông xếp bột hương dũng nằm với thím ấy, chú áy dong xếp bột ra đem trôi sông, từ đấy bị cái ma oán đâm ra dở người.

Buổi trưa Đơm đi đâu chưa về. Ban ngày tôi mới trông rõ bát cơm màu vàng cám, lỗ đố vài hạt gạo còn sống nhăn. Tôi lại sợ tắc ruột, chỉ và nhều nháo vài miếng rồi ra ngoài vại chiêu bát nước lã. Tôi bảo bác Diệc:

- Sáng nay làm gì?

- Chẳng làm gì cả.

- Mai có đi làm rủ tôi đi với.

- Tôi đi cả buổi, nhưng anh... anh ở nhà...

- Tại sao, đi cả buổi à?

- Đi đào lỗ răn thôi, anh không làm được, mà cũng không, anh không được làm. Mùa này răn bắt đầu vào ngủ hang. Đi bắt vài con làm thức ăn.

Cái đòi đi làm của tôi cũng chết ngấm. Bắt răn! Tôi sợ rợn gai người. Tôi im lặng không nói gì nữa. Bác Diệc cười gượng, rồi chép miệng:

- Nhà có khách mà chẳng có gì ăn. Thằng bé đi câu ếch ngoài ruộng cũng về không. Mai ba bố con đi bắt răn, bắt chuột. Cũng là còn sớm chưa có hạt lúa chưa chắc chuột nhà đã ra ngoài đồng. Nhưng mà trông anh...

Không thấy rủ tôi đi bắt chuột, tôi nhẹ người. Tôi hỏi:

- Đồng áng thế nào mà hết răn lại chuột...

- Tháng ba ngày tám, chỉ còn ngòi trông ngon lúa. Thỉnh thoảng cào cỏ. Nhà tôi có mỗi miếng ruộng, quơ nửa buổi đã sạch trơn. Chẳng đào đâu ra việc cả.

Bác Diệc lại hoe hoe cười như không:

- Trông anh nhai cám tôi ái ngại lắm.

Tôi ngượng, kiến bò rần rần trên mặt.

- Tặng tôi cơm nước thế nào cũng đành đoảng vậy thôi.

- Hay là mai đi với tôi. Anh đừng trông rọ thôi. Tôi đã thấy một hang đất đùn, không phải vết lườn bụng răn, chân chuộtnhìn rõ ghê.

Tôi chối khéo:

- Sáng mai tôi phải lên hội ý đội.

Rồi tránh quanh quẩn chuột với răn, tôi sang việc khác:

- Nhà nào có bát ăn nhất thôn này?

- Nhà trưởng thôn này tư Nhỡ.

- Chỗ nào?

- Bên kia cái ao có mấy cây dừa.

Tôi toan giờ ngón lười, vắn vẹo thêm bác Diệc mấy câu nữa để lấy con số. Nhưng lại nghĩ: bước một của ta thê là thắng lợi trông thấy rồi, mai đi báo cáo thì ta nhất đội chứ ai. Nhưng cứ điều tra tình hình tường tận mọi mặt rộng ra, chẳng mất gì. Mấy ly chịu khó bây giờ, bước hai sẽ được thông thả.

Nghĩ thế tôi đi đến nhà trong thôn này tư Nhỡ. Diệc đứng dậy nói: “Anh đừng...” rồi không nói thêm. Tôi cũng chẳng để ý, tôi bước ra ngõ.

Những cây dừa xanh bên ao kia tôi đã trông thấy từ chiều hôm trước, nhưng không biết đằng sau vườn dừa còn có nhà. Vào quá mép bờ nước, trước mặt trải ra một con đường lát ba hàng gạch nghiêng, đi phía ngoài không nhìn thấy. Hai bờ đậu, hàng dâu xanh mướt. Những cây dừa lửa mùa này lúc lúu chùm quả vàng xẫm. Trong kia, như trổ vào giữa luỹ tre, một chiếc cổng tán buồng kín khít giữa hai cột đực, trên nóc cổng tán lòng vòng mấy hàng chông dây thép gai. Cái cổng ngõ chống cướp, chống càn của thời nhiều nhượng vừa qua. Bên trong, ẩn một ngôi nhà ngói mái phủ trĩu rêu ẩm xanh xẫm, hai đầu mái nhô đầu chuôi vồ ngất nghiêng.

Đàn chó xông ra sủa râm ran. Nhưng không phải chó dữ, chỉ là mấy con chó giữ nhà đánh tiếng. Một ông lão áo cánh năm thân nhuộm vỏ dẻ, bộ râu dài đen mướt như tóc buông. Hai con mắt còn hung nháu thế kia, tôi đoán không thể lão đã lên ngôi cụ mà lão chỉ là người chơi nuôi râu. Ông ta cúi, rút chốt nhấc cổng tán, suýt đuổi những con vện, con vá lốc nhốc chạy quay vsfo dưới nhà ngang.

- Mời anh đội vào chơi.

Trên một cánh cửa treo một tấm gỗ mộc ở giữa sơn đen một dòng chữ to: Hutte censt ans * (Lều cô đơn trăm năm). Tôi đánh vắn bập bõm, nhưng không biết chữ nghĩa. Trong nhà đúng kiểu cách nhà phong lưu đông quê, phản gỗ mít, giường thờ hương án sơn then, đôi giải y môn màu koa hiên đã úa.

Chủ và khách ngồi trên chiếc tràng kỷ mây đan, giữa bàn đặt một bát điều mộc và cái ấm rỏ. Chủ rót mời chén tống nước chè nụ âm ẩm.

- Bác là bác tư Nhỡ trưởng thôn?

- Thưa, tôi là tư Nhỡ. Còn trưởng thôn thì tùy đội bây giờ thương để cho thì được.

- Nhà ta đi vắng cả?

- Mẹ nó, với các cháu lên chợ huyện. Chả là ngoài vườn có buồng chuối, buồng cau đem bán, nhân thế mua mắm muối. Ấy làng xa chợ vất vả thế, mỗi việc đi mất cả buổi. Thế anh đội về ở nhà ai?

- Nhà bác Diệc.

- À, nhà Diệc...

- Nhà ta năm nay...

- Cám ơn anh thăm hỏi nghèo khổ. Tôi xin kể sự tích tôi về cái xóm Am này cho anh nghe. Năm trước tôi học trên huyện. Thời Tây, trên huyện mới có trường mà. Rồi bố mẹ tôi mất cả. Tôi phải bỏ học về trông nom cửa nhà. Nhà tôi được đình, tôi là con một. Ruộng nương có một ít, lại xâm canh bên kia sông.

- Sao con cả lại là tư?

- Tư Nhỡ vuốt râu cười:

- Ấy, tư là tư văn. Mua cái tư văn, được ra văn chỉ điều đóm các cụ, khỏi bị xách nhiễu phu phen tạp dịch.

- Bao nhiêu tuổi thì được vào tư văn?

- Không lệ tuổi, chỉ biện mâm xôi con gà với khoản tiền khoán. Tôi năm nay ngoài ba mươi.

- Ba mươi bao nhiêu?

- Ba mươi tư ạ.

- Thế mà để râu dài đến rốn!

- Ấy bộ râu cũng có tổ chức sự của bộ râu ạ. Quê chúng tôi gọi râu này là râu chống càn. Chả là mỗi lần Tây các bớt quang vùng kéo qua đây, khi lấy phu vác đạn, khuân đồ, khi bắt lính, bắt người ta đẩy ra đường 5 hững mìn. Râu tôi dài thế này, già nua thế này, tôi lại chỉ lên cái biển có hàng chữ Tây “Cái lều một trăm năm” kia, thế là chúng nó cười hô hố, xuống lục trứng chuồng gà, ra vườn dẫn chuối, lấy đu đủ rồi cút. Lần nào tôi cũng thoát. anh ạ.

- Bây giờ thì cắt râu được rồi.

- Dạ.

- Tôi ngồi một lúc, không còn gì hỏi nữa, đứng dậy. Tính nhăm đã vào cái nhàn trong xóm, mấy người... mấy nhà... Tối nay họp rẽ chuối, chiều mai ra ssan đèn họp đội. Nhất định mình bơi một loạt, thoát đầu đã trúng rẽ, lại chuối, mấy chuối. có thể cả tư Nhỡ, ruộng vài ba miếng, lại xâm canh đồng khác thì chưa phải địa, phú mà lại có tinh thần chống càn. nhưng mà trường thôn, lúc này quên mất chưa cắt chức trưởng thôn tư Nhỡ, vì tổ chức cũ phải giải tán, có cử lại anh ta thì cũng là tổ chức mới. Sắp sẵn người khác, hay là Vách, Vách khùng có được không, còn Đơm thì đội du kích rồi... Trông Đơm lam lũ, rách rưới, nhưng cái vai cái lưng mây mẩy và hai con mắt thì ngon như củ khoai lùi ăm được. Trạnh lòng nhớ cái câu trắng trợn của thằng Vách nói “ba cùng nhưng không được cùng ngủ với con Đơm”. Là đùa, cũng là thật, thằng khùng mà ma xó.

Về đến nhà bác Diệc. Cũng như chiều hôm trước Đơm đương lúi húi trong bếp. Ở góc buồng ngoài, hai con mắt trắng rợn của người tàn tật nhìn lên. Đơm ra rút rạ.

- Anh đã về.

- Trưa nay Đơm đi đâu?

- Em xuống chợ mua cái này.

- Chợ huyện à?

Đơm không trả lời mà lấy trong yếm ngực ra một gói lá chuối. Mảnh lá chuối cong cong, thò hai chiếc bánh đúc ngô vàng hây, cả miếng cháy ở giữa đen ròn. Đơm đưa bánh cho tôi.

- Ô hay, sao thế này?

- Em thấy anh thích ăn bánh ngô.

- Sao em biết?

- Em nhặt cái lá gần chõng, còn dính bánh...

Chết tôi rồi. Đơm cười, nét mặt cô gái dậy thì xanh xao bỗng đỏ hồng, xinh hẳn. Có lẽ cô cười cái mặt nhăn nhó, méo mó khó hiểu của tôi. Nhưng tôi cầm ngay gói bánh. Vừa thấy cái bánh, cơn đói đã bồn chồn lên rồi. Tôi chẳng ngại. Năm ngoái ở Quảng Xương, ở Thiệu Hoá, ở Nông Cống, không ở đâu tôi chịu đói. Tôi vẫn ăn vụng. Mỗi hôm đi họp đội, tôi lại tạt vào chợ, vào quán, mua kẹo, bánh đa ướn, có khi lừa vội bát bánh đúc chan canh cua. Chỉ cốt trông trước trông sau, không để ai nhìn thấy thôi. Mà biết đâu, suy bụng ta ra bụng người, có lẽ cả đội cũng thế, cũng ăn vụng.

Tôi bỏ gói bánh vào cái túi đeo vai. Nhưng tôi vẫn nắm tay Đơm. Trong mảnh áo rách vai, cái chân vú nần nần. “Em ngoan quá”. Tôi lấy trong khe quyển sổ ghi chép hai tờ giấy bạc một đồng kẹp trong đấy.

- Cầm lấy, thỉnh thoảng mua bánh đúc cho anh. Đừng để ai trông thấy nhá. Anh đương phải ba cùng.

- Em biết rồi.

Đơm cầm tiền, đút vào mép yếm.

- Em có cái túi hay nhỉ?

Tôi thò tay lách vào ngực Đơm.

Đơm đẩy tay tôi ra.

- Rõ cái anh!

- Anh xem cái chỗ để tiền.

- Ngoài này kia mà, lại đi sờ vào trong.

- Anh nhầm.

Tôi lại thọc vào ngực Đơm như vừa rồi. Lần này Đơm đứng tây ngậy, mặt đỏ lịm, để yên cho tay tôi vân vê.

Chập tối tôi nói với bác Diệc: “Đi bảo cậu Vách xem còn người nào trong xóm cũng nghèo như cậu ấy thì rủ vào đây tối nay họp rě chuối”. Một lúc, mấy người lục tục đến, cả Đơm cũng được họp. Mỗi người tìm một cái cột dựa vào. Im lặng, chờ tooi nói. Tối mịt, chẳng ai nhìn thấy mặt ai. Đến lúc bác Diệc thấy tôi mở quyển sổ túi xách mới vào bếp mới cầm ra cái đèn đom đóm như đêm trước.

Một bóng người cao lớn lù lù vào cửa. Ánh đèn vừa loé thấy tư Nhỡ. Vẫn tấm áo năm thân lưng thụng, nhưng bộ râu ria đã cạo nhẵn, mặt trơ khấc, lơ lảo trông khác hẳn.

- Chào các đồng chí!

Vách đứng dậy ngay, sừng sộ.

- Ai đồng chí đồng chuột với mày! Mày là thằng trưởng thôn của đế quốc, ai bảo thằng tổ chức cũ đến đây. Anh đội cho thằng này họp với chúng tôi à?

Tôi bước ra nói nhỏ với tư Nhỡ:

- Hôm nay chưa họp xóm, tối mai.

Tư Nhỡ tiu ngủi quay ra, mắt hút vào bóng tối.

Vách còn đay đi đay lại hỏi người nào gọi thằng tư Nhỡ đi họp rě chuối. Ai cũng im thin thít, không ai nói và cũng bởi vì không ai biết. Chỉ tại tôi, lúc chiều ở nhà tư Nhỡ ra, tư Nhỡ theo năn nì: “Tối nay họp à? - Không hiểu sao, tư Nhỡ đã biết- Anh cho đàn em họp với”. Tôi cũng ừ ào, thế là nó cạo râu, đến.

Tôi mở sổ tay, mặc dầu ánh đèn không thể nhìn ra chữ, tôi cúi xuống làm như nhìn tờ giấy rồi ngẩng lên nói một thôi một hồi:... phóng tay phát động--- giai cấp nông dân đánh đổ giai cấp địa chủ... Tối mai họp xóm tôi công bố... tôi chỉ định đồng chí Diệc ra làm trưởng thôn xóm Am...

Vách hỏi:

- Thay thằng tư Nhỡ à?

- Giai cấp nông dân ta từ nay làm chủ.

Một mình Vách vỗ tay.

- Thế thì được.

Tôi tuyên bố giải tán cuộc họp.

Vách sừng sốt hỏi:

- Còn cụng đầu tổ khổ kia mà. Trong tài liệu bảo thế.

Tôi gạt đi.

- Vừa rồi thế cũng là tổ khổ. Chúng ta làm việc phải hết sức khẩn trương.

Tôi nói và đứng dậy. Phải, họp cũng là tổ khổ chứ còn gì. Cái thằng Vách nửa điên nửa tỉnh này có thể rầy rà đây. Mọi người về rồi, tôi lại nằm lên cái chõng. Tôi lần túi lấy hai chiếc bánh đúc ngô của Đơm, ăn xong chỉ kịp quờ tay bỏ mảnh lá chuối vào túi dết rồi ngáy khò khò.

Sáng hôm sau, bố con bác Diệc đã biến đi từ bao giờ. Không biết Đơm đi đào chuột vẫn bố hay lại lên chợ huyện mua bánh đúc. Dác Diệc không rủ tôi như hôm qua nói. Và bác tưởng tôi phải đi họp. Thôi thế cũng may, bắt chuột cũng khiếp như bắt rắn, những cái nợ đời gớm ghiếc ấy mà. Mà tôi biết bụng người ta chẳng ai dám thật lòng rủ đi làm. Anh đội bảo thì phải rủ thôi. Ở Nông Cống tôi cũng vác cuốc ra đồng, rồi quảy đất đắp đê, sừng tấy cả bên bả vai. Thấy tôi lờ ngơ ngửa cả mắt, lại đau vai, hôm sau anh rẽ xin tôi cứ ở nhà nghiên cứu tài liệu, trông đỡ trẻ con và quét nhà. Thì ở đây cũng thế.

Tôi mở sổ tay ra, kê lên ba-lô. Người mẹ ồm như cái cọc bếp, có cũng bằng không, tôi cũng chẳng để ý đến. Thực tôi cũng chẳng có việc phải nghiền ngẫm sổ tay. Tôi ngồi rình xem Đơm có về. Tôi nhớ cái vú này này. Con mèo đợi vồ chuột. Đêm ngủ say quá chứ thèm từ chiều hôm qua. Khác nào thỉnh thoảng được cái bánh đúc, nuốt hết rồi mà môi vẫn tóp tép. Nhưng không thấy Đơm về.

Gần đến trưa thì bác Diệc lúi lũi vào cổng. Những vết bùn xám xỉ lấm lên tận mặt. Không được con rắn con chuột nào. Chuột làng chỉ mới đánh hơi tìm hang mà chưa ra đồng ở. Về qua cái vũng trâu đầm, be lên, bắt được mấy con tép. Mọi khi thì ném vào cái chĩnh làm nước cáy. Nhưng nhà có khách, đem nướng cho bữa có mùi thịt cá. Không thấy Đơm cùng về. Đơm đi đâu? Hay bởi nòi cơm cám nuốt khé cổ buồn như chấu, chỉ có người mẹ không lạch đi được đành ngồi nhai nghẹn từng miếng. Chưa ai kiếm được cái ăn chỗ nào cứ việc đi, chẳng cần bữa ở nhà. Văng cả những thằng cu con. Tôi với bác Diệc ngồi ăn bát cám có mùi gạo tấm, mùi tanh con tép, cũng dễ nuốt, hơi khác mọi khi.

Ngủ trưa dậy bác Diệc đã lại đi rồi. Tôi vào góc bếp, cầm một cái cào cỏ. Tôi vác cào lên, một bên đeo túi dết. Cá xóm biết anh đội đóng bộ đi làm đồng đấy. Ai chả biết anh đội làm trò, tôi mặc họ và thản

nhiên. Tôi xắn quần, đi từ xứ đồng cao trong chân tre ra con ngòi sâu rồi lại lội qua mấy khoảnh ruộng trũng. Đang khi nông nhàn, đồng áng lơ thơ xa xa mấy người cúi húi cào cỏ. Thấy người lội đồng mủ, quần xoe trên gối, người ta ngẩng lên rồi lại cúi xuống quờ tay gốc lúa. Anh đội, anh đội thăm đồng đấy mà.

Tôi có thăm hỏi đồng áng gì đâu. Đi guốc vào bụng những anh đội mắt trố như mắt chó giấy, cái gì cũng lạ lại làm ra vẻ ta đã thạo. Nhưng tôi còn láu cá hơn những người có thể biết tôi vờ vẩn. Tôi cốt vác cào cỏ, sục mấy cái cho rằng cào dính bùn và hai ống quần thì lâm thâm cỏ may. Tôi ra cửa đền ngoài chân đê hội ý đội. Làm bộ như tôi vừa đi làm đồng về chưa kịp rửa ráy, vác cả cào cỏ đến thẳng chỗ họp.

Tôi bước lên đường cái. Có người trong xóm chạy ra hốt hải gọi:

- Anh đội! anh đội!

Tôi quay lại nhìn. Lại thằng Vách. Tay Vách lăm lăm con dao bầu sáng loáng. Tôi chột hoảng. Thằng này nổi cơn điên hay sao. Nhưng nhớ ra cái nghề mổ lợn của Vách, tôi bình tĩnh lại.

- Gì thế?

- Tôi bảo anh đội hai câu này nhé, hai câu thôi. Có nghe tôi mới nói.

- Nói đi.

- Tối hôm qua anh không cho tôi tố thằng tư Nhỡ, tối nay họp xóm tôi tố nó. Anh bảo phóng tay kia mà...

- Còn câu thứ hai, nói nốt đi. Đừng vội đây.

- Anh ra đền họp bí mật với đội chứ vội cái quái gì.

Rồi Vách cười khàn khạch, giơ dao:

- Nay tôi mách anh: cái thằng Diệc làm rẽ của anh là rẽ thối đấy. Con cái nhà địa, anh biết chưa?

Tôi đứng nhìn Vách, không biết nó lờm hay thực.

- Tôi chỉ nói thế, anh đi hỏi cả làng này xem.

Rồi Vách múa con dao quăng quả đi. Tôi có cảm tưởng câu nói của nó vừa rồi có lẽ là tỉnh, bây giờ hoa dao lên mới là điên. Tôi lạng một giây, rồi tiếp tục đi. Cũng chưa nghĩ ra thế nào.

Tưởng đến sớm hoá ra đội trưởng Cự và mấy anh đội bần cố nông ở xã lên chưa có tiền sắm đồng hồ thế mà đúng giờ ngồi trong đền. Hai anh đội này sợ Cự một phép, việc gì nặng nhọc cũng xung phong. Cả cán bộ Đình ở xóm bên cũng đã đến. Lại ngờ chỉ có một mình mình cầm cái cào cỏ có vết bùn. Không, xem ra

người nào cũng khoe ngẫm ta vừa chân ướt chân ráo ở nơi bán lưng trời, bán mặt cho đất về đây. người thì cái rỏ đeo dít, người cái cuốc trên vai hạ xuống, có người quang gánh lồng thông để ngoài thêm, cái thùng và chiếc nỏ xỏ mũi trâu lặn lóc trong đám cỏ làm như đương đi đuổi trâu. Nhưng ai đấy có khôn mà chẳng ngoan. Sợi thùng gác bếp còn rơi ra cả tảng bồ hóng. Biết tẩy nhau cả. Mọi người nhìn nhau chỉ nhón nhác một cái và lặng lẽ quay mặt đi.

Trong chân tường, chuột đùn lên từng đồng đất. Ồ, mai bảo bác Diệc ra đây mà hun chuột. Mọi người tới đông đủ. Chúng tôi như một bọn lén lút cờ gian bạc lận, kéo ra đây đánh xóc đĩa lột nhau giữa nơi hoang phế đồng không mông quạnh. Hoặc như ngày xưa, cách cướp tỵ bạ một chỗ đợi đêm tới bật hồng lên xông vào làng. Về mặt người nào cũng ra chiều dăm chiêu, quan trọng.

Chúng tôi đương làm thay đổi cái làng này, xã này. Cả nước đã đứng lên. Các tất cả sẽ bị đánh đổ, bao nhiêu địa chủ và bon bóc lột phải đập xuống đất đen, chúng tôi phóng tay đưa bản cổ nông lên vị trí và địa vị người làm chủ thực sự của đồng ruộng. Tôi đương làm thế, tôi đã làm thế, tôi đương làm từng ngày, từng ngày theo kế hoạch...

Tôi mở sổ tay ra nhẩm việc. Đã bắt được rể, rể cái chắc chắn. Đã hợp rể chuỗi. Chắc là cái thằng rể chuỗi điên dèm pha bác Diệc thôi. Ta phải quyết chứ. Tối mai họp xóm, giúp cho bác Diệc đứng vị trí trưởng thôn. Nguyên tắc: làm kỹ nhưng không được làm thay. Các bước sau còn dồn dập, còn nhiều cái khó. Đã nắm được tình hình xóm và tất cả cũ. Cứ báo cáo cách ăn nói của Vách và cuộc thăm dò nhà tư Nhở, đi sâu đi sát đến thế chứ thế nào. Có ba hôm làm những ngần ấy việc.

Nhưng tôi vẫn còn lờ khờ. Ai cũng trình bày sôi sùng sục. Chưa đến lượt tôi, nhưng thoáng so sánh việc mình làm đâm ra chỉ bằng con muỗi mắt. Họ giỏi thế thật hay sao? Đội trưởng Cự đứng bắm cả hai bàn tay, mắt đỏ đòng đọc. Lợi dụng lúc đó tôi đá ngẫm cái dít túi dết. Quả là chỉ vấp cái mép bìa sổ cứng.

... Liên hai đêm đội họp rể chuỗi. Cụng đầu tố khổ luôn, bộc lộ tức khắc tình hình. Tinh thần nông dân lên, chặn đứng mọi thủ đoạn âm mưu địa chủ. Đêm qua họp tố khổ suốt sáng, phải cản lại chứ nhiều người cầm dao vừa chạy vừa khóc đi tìm địa chủ (Tôi nghĩ bụng: - Ở mình đụt thật. Tưởng chưa đến bước ấy. Không sao. Sẽ báo cáo là đã tố khổ suốt đêm, suốt hai đêm). Đến sáng, tất cả đầm đìa nước mắt. Cái khổ như núi đè xuống, phải cứu giai cấp nông dân. Không đợi họp xóm, chưa đưa rể làm đội trưởng thôn mới, cứ tập thể rể chuỗi là trụ cột rồi. Tôi đã xin được lệnh đoàn uỷ cho bắt bí thư chi bộ xã, thằng bí thư hai mang. Hai tên khác có nhiều tội ác đã cho canh gác không chế tại nhà. Xóm nào cũng phải phóng tay lên. Lấn bước sau, để có thì giờ dự trữ làm kỹ. Thế là đội ta đã chiếm lĩnh trận địa, dựng một đầu cầu vững chắc ở thôn Đìa. Các xóm khác cho biết tình hình thế nào?

Đình còn hăng hơn đội trưởng:

- Tôi đến đây họp thì ở nhà rể chuỗi còn đang cụng đầu tố khổ, quên cả cơm trưa. Trưởng thôn cũ nghe mong manh đã chạy trốn, tôi cho đuổi giải về cũi vào chuồng trâu rồi.

Lúc đội trưởng Cự bắt bí thư và cho du kích canh gác nhà địa thì tôi cảm như hén. Nhưng nghe cán bộ Đình nói thế, tôi đứng phắt lên:

- Phải có biên bản, tôi ký đề nghị bắt đã chứ. Tôi đội phó phụ trách toà án. Phóng tay nhưng đúng luật pháp mới được.

Đội trưởng Cự nói như quát:

- Địa chủ Bối phát biểu đứng.

Tôi phồng mũi nhưng lại xếp liên tiếp khi đội trưởng vẫn nói:

- Song không thể lễ mễ, lối bàn giấy nhưng địa chủ Bối, thế thì xông bu, xông chuồng, chúng nó chạy rảo. Cứ như địa chủ Đình, đến khi bác Diệc bước hai đội đặt văn phòng cố định bấy giờ bày biện giấy tờ ra cũng vừa. Bây giờ cứ miệng nói tay làm, nhanh nhanh lên, nhanh lên.

Tôi chưa định thần thì đội trưởng trở tay, đến lượt tôi báo cáo. Đã nghe mất thôn rồi, tôi biết cách thêm chi tiết dấm ốt, hơn hẳn những dự tính lúc mới đến. Riêng việc thằng Vách đón đường mách Diệc có liên quan địa chủ thì tôi dấu. Nói ra chỉ rắc rối, mà còn phải kiểm tra cái đã. Báo cáo tình hình thôn Am...

- Không được thì thảo nói chuyện riêng. Nghe thôn Am...

Tôi thao thao đông dạc, mạch lạc, tự tin, như thật. Không dữ dội bắt bớ, nhưng đúng phăm phắp bài bản hôm xuống xã.

- Các chí góp ý kiến với thôn Am nào. Mau lên, tối nay còn họp xóm cho kịp lịch công tác.

Bên kia đề, mặt trời đã xuống vàng khé. Bỗng nhiên đội trưởng Cự choảng tôi chan chất:

- Đồng chí Bối bắt ngay được rồi, lại xâu chuỗi, cụng đầu tố khổ rồi nắm tình hình xóm và đi xem xét đồng ruộng, thế là ưu điểm. Nhưng mà ưu điểm ấy chỉ để thằng biết võ đánh nhau với thằng biết võ. Kẻ thù không cần như thế, đồng chí còn đương múa tay ra võ, nó đã thò tay bóp dái đồng chí ngã lăn đùng ra rồi. Nó phá ngay trước mắt mà đồng chí không biết gì cả. Cái thằng khiêu khích, thằng Vách ấy phải gô cổ nó lại, sao lại để cho nó hợp chuỗi. Không được, cho về bắt ngay. Phải gác nhà tư Nhỡ, nội bất xuất, ngoại bất nhập. Thằng này vờ vẫn mua chuộc cán bộ đấy.

o O o

Tháng ba năm ấy, làng vào hội lệ.

Xưa nay, làng này chẳng có hội bao giờ. Chẳng phải vì sự tích ông thần hoàng, vì có cái hèm kiêng ky, mà bởi vì làng nghèo không đủ người có tiền giắt lưng đóng góp được xuất việc làng. Đến ngày kỵ thánh

hàng năm cũng chỉ có mâm xôi, con gà, thẻ hương của hội tư văn biện lễ. Rồi thì gặp năm phong hoa đăng hoà cốc, được về no ấm mới gọi phường xứ Đông sang hai ba đêm chèo hát. Thế thôi, mọi thứ chỉ thêm mà không có rồi đi xem hội, đi xem rước làng khác. Con trai con gái nô nức đi nhòm cái vui của người ta. Có lẽ bởi thế mà con gái làng, như cái Duyên, nhiều đứa lấy chồng thiên hạ.

Trong nhà vắng người, những con mối đuổi nhau vờn nhau trên vách kêu roèn roẹt, rồi lại im như tờ. Dưới nhà ngang - ngày mùa vào vụ chiêm tháng mười, thợ cày thợ cấy, thợ gặt đến ở, kẻ ăn người làm tấp nập ngày đêm như phiên chợ. Cả khi vẫn vụ vẫn còn lại masy người ở mướn quanh năm trông nom vườn ruộng.

Đã gần nửa đêm. Bên kia những khoanh tre, tiếng trống, tiếng gõ beng beng sắp tan trò cứ sôi lên rồi lại phẳng lặng. Ngay từ sau cơm chiều với mấy chén rượu, lão phó Thìn đã ngủ được một giấc, bây giờ trở dậy. Lão ra sân, bước thong thả. không ra đi dạo, không đi canh nhà. Mà thói quen như đi tuần, như đốc phu, lúc nào cũng từ lúc ấy đến sang canh, tay cầm cái gậy tre, lão rà rà trên sân gạch xuống sân đất ra ngõ cổng tán rồi ngoài bờ lũy. Cho đến lúc nghe tiếng can vạc đi ăn đêm về bay qua ngọn cây dừa, lão mới vào nhà, lại ngủ cho đến sáng bạch.

Những đêm chèo hát thế này, lão phó Thìn còn thức đợi bọn người làm đi xem về, soát lại chúng nó có đóng cửa cẩn thận không, thường khi cứ phải chốt lại. Phó Thìn đứng ở cổng trong, cạnh bụi chuối, ánh trăng nhạt thấp thoáng nhưng người đi chơi về mà không trông thấy, mà có nhìn thấy chắc cũng biết lão hay đứng như ma xó, chẳng phải rình mò gì. Nhưng phó Thìn đã đếm từng người vào. Lão lần thần đếm chơi, mà cũng thử xem thừa thiếu thế nào, ngộ có đứa phản chủ dắt dất đem cướp vào thì sao.

Người đã về cả, lão ra mó máy những cái then, cái chốt đã cài, đã nêm kỹ chưa. Những tối thường ngày cũng làm thế, có vậy lão mới vào ngủ lại được.

Diệc về sau cùng. Lão trông thấy bóng thường Diệc cưỡi trần, đi lênh khênh. Diệc ở nhà ông phó đã lâu. Diệc mồ côi cha mẹ, Diệc đã đến ở làm nhà này từ năm Diệc còn để chỏm, chưa nhắc nổi cái cày, chỉ xách nước và đi cắt cỏ suốt ngày. Lão phó Thìn nổi cơn tò mò. Quái sao thằng Diệc lại đi sang phía bếp, chúng nó ở bên nhà ngang cơ mà.

Bếp có một gian, gian bên đựng củi, thùng rơm và chạn bát. Bên trong, con Khoèo ở. Nó không nói, không đi được. Để ở nhà trên không tiện cơm nước và mọi thứ. Lão cho vấy thêm một trái làm cái ổ cho con Khoèo.

Nghĩ đến con, lão phó Thìn khi nào cũng rầu rĩ trong lòng. Như là thói quen đi rà rà trong nhà ra vườn ra lũy rồi mới về chợ mắt lại được. Nhưng ở đây không phải giấc ngủ mà là nỗi lo, là sự dăm chiêu cả đời. Vợ chồng lão đông con, đủ nếp tẻ, đều đã nên người dẫu lấy vợ lấy chồng làng này hay ở xa thì cũng cơ ngơi đầy đủ cả. Chỉ còn một cái khốn khổ này. Sao mà lại sinh ra cái quái, cái nợ thế. Không khi nào lão dám nghĩ hơn nữa.

Thằng Diệc kia đi vào trong bếp làm gì. Lão chỉ nghĩ thấy lạ thế thôi, chứ lão không dám sinh nghi. Thằng đó hiền như đất, không phải đứa trộm cắp. Mà trong bếp cũng chẳng của nả để lấy và lão cũng không may may ngờ nó có tình ý ra sao với cái con Khoèo bộ xương ngồi xương nằm. Mà trời ơi, con Khoèo cũng ngoài hai mươi tuổi đầu, nhưng mà nó có phải là người đâu, nó là cái phúc cái tội của nhà này thế nào đây.

Nhưng lão thấy Diệc đi tới, lão phó lý chợt nảy ra một ý khác, lão phó chưa nghĩ ra thế bao giờ.

Diệc đã trông thấy ông phó trong bụi chối ra. Diệc chẳng lạ cái tính ông phó hay rà rầm đem hôm các xó xỉnh như thế.

Diệc chấp tay:

- Ông chưa đi nghỉ. Con đã chốt cẩn thận cổng tán, cổng trong rồi.

Lão Thìn vẫy cái gậy.

- Đứng lại, cho tao hỏi. Mày vào bếp làm gì?

- Con không vào bếp. Con đứng đái trước nồi nước thiếc ở ngoài.

Lão Thìn sừng sộ:

- Đừng có chối. Ông đã trông thấy, ông đã biết, ông đã đi guốc vào đầu mày rồi.

Nói thế ông phó Thìn lại dịu giọng, rẽ rọt buộc mở từng câu:

- Mày vào trong bếp với con Khoèo. Thôi tao cũng cho phép, đừng lén lút mà tội nghiệp, tao cũng thương. Tao cho mảnh đất đầu đồng làm cái nhà, vợ chồng đem nhau ra đấy ở. Rồi làm hai miếng ruộng ở đồn cao ấy, tao cho. Tao cho không, nghe chưa?

Diệc dạ nhip. Diệc đã ngoài ba mươi, nhưng biết là cái kiếp đi ở nợ cả đời rồi. Chưa bao giờ dám có ý nghĩ lấy vợ. Chẳng cơ sở nào nào có thể để cho dám thế được.

Ông phó đã nói thế, thế là thế nào. Thoạt đầu câu nói lạ, khiến Diệc thảng thốt, Diệc nghe chưa thủng, đến lúc Diệc nghe ra rõ ràng thế rồi thì lại thấy êm êm.

Một hôm, Diệc khiêng mấy cây tre ngâm trong ao ra, rồi dờ cây rơm quảy mấy gánh. Diệc lội ao vét bùn lên trộn trấu, ai hỏi bảo để trét bức vách. Chẳng mấy lâu, người đi qua đã trông thấy một túp nhà mái rơm mới.

Đêm kia, trăng sáng nhàn nhạt như cái đèn hát chèo ngoài bãi cây đa. Diệc vào trong trái bếp, xốc cái Khoèo lên. Diệc vẫn cời trần như đêm xem hát. Diệc cồng cái Khoèo ra nhà mới - cái nhà vẫn ở đến tận

bây giờ.

BA NGƯỜI KHÁC

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương 2:

Trời nóng ong ong đã mấy hôm, như sắp bão. Thôn Am rúc tù và từng hồi thúc người đi đắp đê quai phòng lũ. Người ra đồng cứ cung cúc như chạy mưa. Mọi khi chả việc công ích nào được nhanh nhẹn như thế. Chính quyền xoá hết rồi, chưa có đến cả trường thôn. Vậy mà trên huyện vẫn có công văn thúc mọi việc. Thế là đội, các anh đội phụ trách xóm cáng hết. Ai cũng lợi bì bõm như trâu đầm, cả các anh đội xung phong ra chuyển đất, bùn ánh lên mặt tôi nóng rát. Hò lơ...hó lơ... hò lơ... Lại hò hát. Kể ra mọi người cũng hăng thật, không việc công thì đi kiếm miếng ăn, cứ biên biệt từ mờ đất, trưa về lại ngồi học chữ.

Ấy là chỉ có ở thôn tôi mở lớp. Đợt công tác nào tôi cũng giở môn võ lớp i-tờ xoá mù chữ. Chưa nơi nào ê a nhai hết quyển vỡ lòng đã vỡ lớp bởi cái cách ở xã đã xong, hết đợt.

Nhưng mỗi cuộc tổng kết tôi đều được biểu dương thành tích về văn hoá hơn cái thôn khác. Chỉ có Đình cười nháy cái ve mắt. Chắc thằng này chửi thầm tôi úm phép mấy em. Quả là ở đâu cũng có cái nàng dân quân đến lớp rồi đông. Tối họp khuya, rồi đi gác rồi như ai dựng gậy lên từ tờ mờ sáng. Không một lúc ngớt đầu tắt mặt tối. Hò lơ... hó lơ...

Ngoài đê về, tôi vừa rửa ráy chân tay xong dưới cầu ao, thấy đi vào một những người, thoát loáng thoáng, đến lúc ra khỏi bụi ruối mới nhìn tường mặt một cô gái bước nhanh nhẹn, áo vải phin nâu, cổ tay tròn, mũi súng trường nhấp nhô bên mái tóc chít khăn đầu ngôi rẽ lệch. Không quen mặt, tôi đoán là dân quân thôn khác. Cô này gọn gàng, mắt sắc long lanh, cứng cỏi. Mấy hôm đầu mới về nhìn đâu nhìn ai cũng chỉ thấy lam lũ. Cái áo tấc của Đơm về vệt bùn, bong mất cái khuy ngay giữa bụng. Người người lúc nào cũng mùi cỏ khô. Nhưng lâu lâu, trông các cô cũng cứ hay mắt dần lên.

Từ hôm tôi đánh vỡ cái ang quấy nước, bác Diệp bảo; “Anh đừng kín nước, cũng đừng ra đồng nữa, cứ ở nhà. Chẳng ai nói gì đâu”. Tôi bảo: “Anh mặc tôi, tôi phải cọ xát với bà con”. Nhưng nói thế, bây giờ tôi định vào đánh giặc. Cả buổi sáng đắp đập be bờ vẹo xương rồi.

Tôi ngồi xuống chõng. Bác Diệp gái in lìm trong xó tối, như con cóc rình đớp muỗi. Nhà không có ai.

Cô gái nọ bước vào.

- Em là chuối, em là dân quân bên thôn Chuôm.

- À... vâng...

- Đồng chí Đình...
- Đình bên thôn Chuôm, tôi biết.
- Báo cáo đồng chí Đình phạm kỷ luật.

- Sao?

- Đồng chí ấy dám hủ hoá.

- Tôi không phải đội trưởng. Cái này đồng chí lên văn phòng đội.

- Em chỉ muốn nói riêng với anh thôi.

Ơ mà lạ, ai cũng gọi nhau là đồng chí, cô này lại “anh” dám thế à. Nhưng lại thấy dè dặt. Tôi nhìn đôi mắt cô lơ đãng, chẳng có vẻ đi báo cáo việc đứng đắn, nghiêm trọng. Đình à, Đình thế nào. Tôi vẫn vừa biết, vừa kiềm tay Đình. Thằng này gồm, đã đi với nhau hai đợt, chẳng lạ. Không phải nó chỉ tình quái trông thấy tôi thón cái bánh đúc của đội trưởng. Gĩ cũng vậy, nó tính đếm và lật mặt phăng phăng. Cách bắt rết của Đình cũng khác người. Thoạt đầu, Đình sục khấp xồm một lúc, vào nhà nào cũng kê tiêu chuẩn ra hỏi ngay: - Mấy nhân khẩu? - Thừa năm ạ! - Cấy bao nhiêu? - Một mẫu hai. - Năm khẩu, mẫu hai. Trung nông rồi. - Tôi bị thằng Thìn đánh nhét cứt trâu vào mồm... - Không, cứ trung nông cái đã, còn cái ấy để tố khổ. Chào cả nhà nhé. Thế là Đình xách ba lô sang nhà khác. Cứ lần lượt cho đến lúc nhà nào người ta nói con số đối rách nhất, thì Đình đặt ba lô xuống, ở lại. Chỉ một buổi đã xong rết chuỗi cả thôn. “Thăm nghèo hỏi khổ thế mới quán triệt. Hà, hà...” Đình nói nói cười cười.

Bây giờ cô này tố cáo Đình. Đình hủ hoá, tôi đã gạt đi. Chẳng dây vào thằng Đình. Nhưng thấy cô con gái mà nói chữ hủ hoá ngon như nói công tác, tôi cũng thấy hay hay. Tôi hỏi:

- Hủ hoá thế nào?

- Hủ hoá em ạ.

Rồi tôi không kịp ngạc nhiên hay gật lắc thế nào, cô ấy kể vanh vách:

- Tên em là Duyên. Đồng chí Đình về bắt rết vào anh cả Cối em, rồi xâu chuỗi sang em và bố em. Thế, nhà em cả thầy ba rết chuỗi. Đồng chí ấy bảo: thôn này có địa chủ Thìn, cả hàng huyện đã biết tội ác nó, nó đã bị bắt, mai kia sẽ đem xử bắn. Thế là tôi xung phong bước hai nhất đội, hết công tác rồi. Cả ngày đồng chí ấy chỉ nằm nhà. Em đi làm về đồng chí ấy lại lôi em xuống bếp. Em cào cho một cái vào mặt chảy máu ra đấy, anh có trông thấy một vết quào ở bên mũi đồng chí Đình không?

- Việc này phải lên...

- Tệ lắm, em không chịu được.

- Cán bộ Đình công tác giỏi, đã lôi ra được ổ phản động xui đồng bào bỏ quê vào Nam, khi địch còn ở đây hai trăm ngày.

- Anh không tin em sao?

- Nhưng mà, chẳng lẽ...

- Thử thì biết ngay thôi.

- Thử thế nào?

- Tối nay, anh ra nấp sau trụ cửa đèn thế nào cũng thấy đồng chí ấy vào nhà em, bắt quả tang được.

- Tối nào chả họp!

- Ấy, tan họp chứ. Nhà em không có rào, có cửa, đến tận chỗ em nằm cũng như không.

- Nhưng cán bộ Đình ở nhà đồng chí ấy kia mà.

- Không, ở nhà anh cả Cối em ngoài bãi cống đồng, em ở với bố em trong xóm.

- Tối nào cũng thế à?

- Cô gái cười mỉm khó hiểu:

- Vâng ạ. Em phải trốn chứ!

- Được rồi.

- Tối nay nhá, nhanh lên đấy.

Câu nói trống không thật hỗn mà lại êm tai rớt lại với cái đuôi mắt ờ ờ, cái tiếng “anh” nghe thánh thót. Người ta chỉ thấy cút ở chân kẻ khác, tự dưng tôi cũng đâm ra tò mò hơn.

Chứ quả thật bận đầu đến tôi. Mà cái thằng Đình cũng ác ôn ra trò, phét lác một tắc đến trời, lại tỏ vẻ lý sự, đạo đức, phải phết nó một đòn bịt mõm. Nhưng tôi lại nghĩ đến cô dân quân thôn Chuôm ấy nhiều hơn, người đi rồi mà vẫn như còn đâu đây. Cái vai lắn, cái cười tút mắt lá dăm- khác hẳn Đơm, ôm trối lại rồi mà mặt cứ đực ra.

Trăng mùng mười lơ lửng xuống sau rặng tre bên kia. Dòng sông cạn đã bị lấp cửa, mùa mưa mới có nước, bây giờ chỉ lác đác những ao chuôm, lúc này như những con mắt thao láo dưới ánh trăng. Thế mà vẫn có người mò hến, tiếng lội lồm bồm qua, lại thanh vắng như không. Dần dần khuya, làng xóm bàng bạc

như trăng sông. Những lùm nhãn nhấp nhô lù lù, những khoanh tre lờm nhờm và cái cột trụ ngôi đền hoang cắt bóng trên nền trời sao. Tôi đứng nép một bên tường hoa, quần áo nâu nhòa vào màu rêu tường, không ai có thể nhìn thấy.

Chắc đã muộn, những con giun con dế vừa kêu ti ti, đã lặng ngắt. Tôi nghĩ các chuyện lằng quằng. Rồi đâm trợn. Không phải sợ ma, mà có điều vớ vẩn bây giờ mới nghĩ ra. Có thật con bé ấy người bên Chuôm, là chuối, là dân quân. Hay đây là địa chủ quăng lưới? Có thể lắm, đang lúc mới vào bước hai, công việc rối canh hẹ, bọn phản động, bọn mật thám trá hình, cả ban chỉ uỷ đội trưởng Cự đã phát hiện là tề nguy cài lại đội lốt và chỉ uỷ giả đã mưu mô làm cái cách vờ trước khi đội về, chúng nó sắp sẵn cả rế chuối cho đội dựa. Chúng còn bày vẽ dấu dối nữa. Đấu tố phường chèo thế nào mà thằng địa chủ lại bảo nông dân: “Anh làm chức gì mà được lên vạch mặt tôi những bốn lần, nhiều quá”. Bố con địa chủ đi cày bữa đêm, dân quân hỏi, chúng nó trả lời ngông nghênh; “Nhà địa chủ đây. Các ông các bà nông dân ăn thịt hết trâu, chúng tôi phải đi làm trâu thôi”. Thôn Am này còn chưa moi được ra địa chủ, thế mà tôi mất cảnh giác, đi rình mò bơ vơ, thằng thiên. Chỉ bởi lời xúi bẩy của một con bé cha căng chú kiết. Khéo không thì bị nó cắt vó cũng nên, không xong rồi.

Tôi thu mình, cúi xuống, co chân định nhảy ra chạy về. Những tôi đứng sững ngay lại. Vừa thấy thoáng một bóng người. Chỉ nhác một cái cũng nhận ra dáng thẳng Đình cao lêu đêu. Tôi áp tới, giơ đèn hai pin dọi vào mặt Đình. Tôi trông thấy một vết xước ở mũi nó thật, tôi quát:

- Ai?

Đình xoè tay che mắt bị chói, hỏi lại:

- Thằng nào thế?

- Tao.

- À, thằng Bối.

Tôi dứt đèn vào túi, đặt một tay lên vai Đình, thân mật.

- Đi đâu đấy?

Đình thản nhiên:

- Đi chơi.

- Đi chơi là thế nào?

-... là đi chơi...

- Biết tổng rồi, mày đi chơi gái.

Đình hỏi tôi một câu đột ngột:

- Cậu đã biết chiến thắng của tôi bên thôn Chuôm chưa?

- Chiến thắng?

- Tớ rình năm tối, tóm được hai thằng hải ranh ném đất làm ma để không ai dám đi họp. Truy ra là âm mưu của địa chủ Thìn. Tớ sắp được biểu dương toàn đội, lại báo cáo lên đoàn nữa. Biết không?

Rồi Đình lạnh lùng, thông thả buông từng tiếng như từng phát súng:

- Này mày hãy lo cái thân mày đã nhé. Mày chưa moi được thằng địa nào. Rể chuỗi mày liên quan tới nhà địa, thối um lên, không người thấy à? Lão Cự sắp làm thịt mày. Khôn hồn thì rút mẹ mày đi.

Tôi lại hoá ra đứa bị đóng đinh vào mặt, lúng búng không mở được miệng. Đình ung dung đi vào phía bờ tre nhà bố cả Cối. Tôi đứng trơ ra một lúc thật lâu. Những lời ghê rợn của Đình vừa đe đã làm cho tôi bủn rủn, lú lẫm cả moi mưu chước.

Từ nách sau tường đèn, cô Duyên chạy thoát ra, vẫn khoác khẩu súng đeo sau vai.

- Sao anh không bắt lại? Quả tang thế rồi mà.

- Quả tang quả táo cái con khỉ!

- Rõ anh này. Đêm mai đồng chí nó lại sang, em biết đi ngủ ở đâu?

Bỗng Duyên táo tợn tht lực ôm chầm lấy tôi, lúc lắc cái mũi súng sau lưng, cười hình hích. Thân hình nóng ra ườn lên, tôi gồng người dẫn xuống. Chẳng còn biết ra thế nào, mày dẫn xác đến, ông đương bức mình đây. Đồng chí coi khẩu súng dựng vào chân cột sau lưng. Hai đứa lăn xuống bãi cỏ, chẳng còn biết trời đất ở đâu nữa. Tôi thở dốc, ngoi lên hớp từng hơi. Những đến lúc thằng đàn ông sắp nghẹn cổ chết thì con đàn bà rên ư ử, nhũn ra.

- Em cho anh...

- Bận sau, bận sau. Em đương có tháng.

- Đâu nào?

- Sờ mà xem.

Cuộc quần thảo không biết còn lũng lộn bao nhiêu lâu nữa. Đến lúc tôi chỉ còn như cho chó què, bước

xiêu vẹo, lữ hữ. Lần được về nhà, nằm vật xuống chõng, thiếp đi.

Mỗi buổi sáng đều có cuộc hội ý đội, sang bước hai càng khẩn trương. Cán bộ đội các thôn lên báo cáo, nhận công tác mới từng ngày. Họp xong, Đình và tôi về cùng đường. Câu chuyện ma quái đêm trước dường như mỗi người coi tựa không có. Chúng tôi đối đáp bằng quơ, không đầu đuôi. Đình hỏi tôi đã giảng hết tiêu chuẩn trung nông chưa. Tôi bảo xong từ lâu. Nói văng mạng thế chứ ai đâu vắn vẹo khám sổ tay của nhau. Má các tiêu chuẩn bần, cố, trung, phú, địa đến công thương dân nghèo, dân chài lưới, đến thế nào là phản động, gian ác tôi đã ghi kỹ, tôi đã thuộc đã giảng từ trong Thanh, cứ vậy mà tương ra, màu mè vơ thêm mấy cái liên hệ mới nhất được, chứ khó khăn gì. Tôi nói thật vậy, Đình khen tôi láu. Thì Đình, Cự cũng chắc rửa, xóm nào ở đâu và đợt nào cũng tương tự, dần dần chúng tôi tự hào có kinh nghiệm nắm tình hình nhanh. Như về đây chưa hết bước một đã tỏ ngọn ngành cả cái xóm xưa và nay. Ở đâu thì nhà giàu, quan lại, địa chủ cũng ăn trên ngồi trốc. Nhà có máu mặt con cái chỉ mới mười năm, mười bảy đã dứt tiền hộ lại chữa sổ khai sinh tăng tuổi lên để sớm ra làm chưởng bạ, làm thư ký hội đồng kỳ mục, rồi dần dần lên phó lý, lý trưởng, chánh phó hương hội chánh phó hàng phủ hàng huyện. Như ở đây, khi Tây chiếm làng mấy năm trước thì ra làm xã uỷ, hương chủ, trưởng đồn, xếp bột hương dũng, tiên chỉ, tổng uỷ... Đã thuộc cả, moi đâu trúng đấy. Có thể công tác mới chạy nhanh như trâu bõn, bằng khen, giấy khen bay về tới tấp.

Lại các thứ chuyện. Biết nhau tới tận củ tỳ, cũng dễ ba hoa.

Đình nói:

- Đội trưởng Cự sắp cho cấy lúa thần kỳ ở trọng điểm xóm Đìa.
- Đương vội thế này, lúa má gì?
- Còn lạ đâu, lão ấy đã định làm thì sắt thép lắm.

Đình hỏi tôi:

- Cậu biết lúa thần kỳ thế nào không?
- Chưa.
- Cái ruộng lúa thần kỳ đến lúc sắp được gặt, người ra bước trên mặt thóc chắc chân như đi cầu qua sông. Mà chỉ một tháng thôi, thóc đã mấy hạt.
- Ở đâu thế?
- Trên thế giới khắp nơi. Cái khi lúa thần kỳ mới bí mật đem về trại thóc giống bên nước Manila, thế mà tình báo của ta lên vào lấy trộm được một vốc hạt. Cậu biết làm thế nào không khách tham quan thón một vốc hạt, nhét vào trong giày. Thế đã khiếp ta chưa.

- Giỏi nhỉ. Ta làm ở trọng điểm xóm đũa rồi cấy lan ra cả xã chứ.

- Chắc sẽ vậy.

Rồi Đình bấu dài môi:

- Không nói phét. Tớ ấy a, giá còn cái trại đại đồng của tớ thì lúa thần nông, thần kỳ đã có từ lâu rồi.

Đình sôi nổi kể:

- Cậu còn nhớ không, cái hôm đội ta được thành lập sau hội nghị tổng kết ở Quỳnh Côi (Tôi nhớ rồi, hôm ấy có hai người được trên giới thiệu bổ xung xuống đội). Không biết vui miệng hay họ cốt khoe: người này thì thời Tây đã đỗ tú tài, người kia thời ta thạo kỹ sư bằng đỏ bên Liên Xô. Đội trưởng Cự cười nhả mũi, hôm sau gửi lên trả đoàn cả hai người. Báo cáo là đội đã đủ khung rồi. Đội trưởng vẫn nói chỉ cần “người chữ nghĩa ềng ềng, học nhiều thì tài nói không tài làm, xuống xã tổ vươg chân”. Có lần Cự hỏi học lớp mấy, tôi nói: học lớp ba thời thực dân, đến độc lập thì là cán bộ rồi, không học nữa. Cự cười: “Tớ còn kém cậu một lớp. Thế mà hay, học lắm thì chỉ lý sự cùn. Chúng mình đã giới thiệu lý lịch với nhau khi thành lập đội, hôm ấy tớ mới nói sau khi khởi nghĩa tham gia cướp chính quyền huyện chưa kể thành tích công tác. Thăng Đình đã lập một trại sản xuất, cả huyện có một trại ấy. Tớ đặt tên là trại “đại đồng”, đại đồng thế giới ấy mà. Còn hay hơn lúa thần kỳ nhiều. Nếu bây giờ uỷ ban tỉnh mà nghe theo kế hoạch của tớ thì bây giờ cả tỉnh, cả nước đã thành trại đại đồng rồi.

Suốt dọc đường, rồi Đình còn theo về tận nhà kể chuyện đại đồng. Đình thao thao nói, ve mắt nháy lia lịa, sùi cả một mép. Cái vết con Duyên cào cạnh mũi đã bong vảy, chỉ còn hơi đỏ. Tôi lại nghĩ lắt léo hay là lúc ấy sượng quá, nó bấu vào mặt thẳng này. Đình đương hăng. Khi ấy, Đình làm tuyên truyền trên huyện. Khắp nơi tiêu thổ kháng chiến, nhà cao cửa rộng phá hết, đốt hết. Các làng, các thị trấn, thị xã dựng lên những cây tre cao như chân gấu sông, giữa buộc thanh sắt đường ray, ngày đêm dân quân đâm đổ hết tường, sụp nhà cả dãy phố. Người đường xuôi từ các làng quanh Hà nội lũ lượt chạy ngược dọc sông Hồng lên trung du. Người tản cư được chia vào ở các nhà trong làng. Đất rộng người thưa, dân cũng sẵn cái ăn, lá sẵn ngắt về nấu canh, muối dưa, sẵn trứa bỏ đấy cả năm chưa đào, quả đu đủ chỉ để cho lợn thì bây giờ người ăn ngon. Chả mấy lúc người tản cư ai quyết tâm ở lại cũng ổn cả, mặc dầu là tạm bợ nhưng tin tưởng.

Đình đã nghĩ ra được cái trại đại đồng cho mọi người vào ở tập trung quy củ, trật tự sản xuất. Huyện đã cử Đình đi báo cáo điển hình trại đại đồng ở nhiều nơi. nghe cũng hay, nhưng không đâu làm nổi vì các huyện ở sâu vắng người tản cư, không được trên cấp tiền. Huyện ven sông này có quỹ của tỉnh cho để trợ giúp đồng bào, bây giờ gom người ở một nơi thì phát tiền cũng dễ. Nhưng không phải Đình chỉ vì một cái tiện ấy, Đình nói ngày trước ở Hà nội, Đình làm phó nhỏ thợ xẻ đã vào ái hữu hội thợ mộc, Đình đọc sách và anh em bàn bạc đã b rồi đây loài người sẽ lên thế giới đại đồng, thì cái trại đại đồng này là một bước đúng như thế.

Năm dãy nhà dài một trăm thước, bên trong một loạt hai dãy giường nửa cho một trăm người. Nhà của phụ nữ bên kia đôi cũng to rộng thế. Chỉ đánh một tiếng kèng điều khiển được cả nghìn con người. Kèng dây, kèng thể dục và hát, kèng cơm, kèng hộp, kèng đi sản xuất, kèng về, kèng ngủ... Ai nấy răm rắp miếng cơm manh áo như nhau, không có ganh tỵ vì không ai hơn ai. Ngày chủ nhật, kèng đi chợ, tối kèng lửa trại vui nhộn. Buổi sáng buổi tối, cả trại ra đứng ngoài sân hô: khoẻ vì nước, kiến thiết quốc gia, quyết tâm tiến lên thế giới đại đồng...

Tôi hỏi dớ dẩn:

- Ai cấp lương cho ăn mà lên thế giới đại đồng được?

- Đã nói từ nãy rồi mà. Quý trên đưa về, ai tản cư lên vào trại cũng được nuôi. Nhiều người tình thần lắm, những thứ ở thành phố đem lên, quần áo, đỉnh nển, chén bát, đưa ra chợ bán hết lấy tiền bỏ vào quỹ trại. Nhiều quần áo sang trọng, nhưng trại đại đồng không cần những cái loè loẹt ấy của giai cấp tư sản bóc lột.

- Cậu là trại trưởng à?

- Mồ đây chứ còn ai vào đây!

- Có được lương không?

- Có chứ.

- Sao bảo người địa phương không được ăn trợ cấp?

- Nhưng tớ là lãnh đạo, tớ không phải địa phương, cũng không phải người tản cư.

- Thế rồi sau ra sao?

- Sao à? Giá còn đến bây giờ chắc đã lên đại đồng rồi. Trồng sản mau ăn lắm, lại chuối, lại dứa, lại trầu, lại chè...

- Thế rồi thất bại?

- Không, không thất bại. Không ai nản chí xin ra, không một người trốn. Không một vụ hủ hoá- Đình nghiêm nét mặt, nháy nháy ve mắt.

Tôi không muốn biết thêm ngọn nguồn nữa. Vì thấy Đình quả quyết “nhất định thắng lợi”. Nhưng nhẹ nhàng hỏi ơ hờ:

- Thế rồi làm sao?

- Đình trợn ngược mắt.

- Làm sao ấy à? Loài người đến tận bây giờ vẫn chưa đủ sức chống thiên nhiên, phải bỏ nửa chừng vì thế chứ làm sao. Nhưng mà có tiền nhiều chắc xã vượt qua được. Tự nhiên lụt lội, sét đánh đổ nhà chết người, cả sốt rét lẫn đùng ra. Mới vỡ lẽ là người xuôi lên chưa quen, ốm ngã nước sốt rét ác tính chỉ hôm trước hôm sau đã đái ra máu. Nửa tháng chết gần cả người. Đầu tiên còn mua gỗ đóng quan tài, cả trại đi đưa đám, có điều vẫn đọc lúc hạ huyệt. Sau người chết lắm quá, không kịp mua sắm, phải bó nửa, hai người vác thuổng khiêng đi chôn. thế là những người còn sống sót sợ, bỏ đi hết.

- Cậu cũng chuẩn?

- Đình cười hề hề, hồn nhiên:

- Ở lại dễ bị lây, chết mất ngáp à?

- Rồi cậu đi đâu?

- Tớ về huyện, lại công tác bán nói lấy ăn. Mấy năm sau được lên tỉnh, cho đến bây giờ. Chức vụ: phs phòng tuyên truyền.

- Rồi có đâu làm trại sản xuất nữa?

- Trại đại đồng chứ. Phi tay này thì thằng nào dám. Trên tỉnh cũng công nhận nếu không bị sốt rét phá hoại, trại đại đồng nhất định thành công. Tỉnh tứ - năm nào cũng đạt tiên tiến tiên phong mọi mặt công tác. Không nói phét!

Đình trợn mắt, giơ tay:

- Cả bây giờ đây. Kể ra, nói cho công bằng, cái tỉnh này nó máu xung kích, xung phong. Trước kia, trong bóng tối, làng nào cũng có cơ sở. Khánh chiến thì đi bộ đội, đi dân công ra trò. Giảm tô, cải cách cũng lá cờ đầu. Tớ mới được thư tỉnh chúng nó báo tin tỉnh tớ được cử đi làm điểm về phúc tra. Cải cách ruộng đất xong phải qua phúc tra mới thật căn bản. Lại cùng một lúc, tỉnh tớ làm chính đồn tổ chức từ tỉnh xuống huyện, xuống xã, lôi ra được nhiều phản động chui vào tổ chức lắm. Đảng ấy có biết không, tỉnh tớ được chọn cán bộ đi giúp chính huấn khu 5, Nam bộ, rồi giảm tô cải cách ruộng đất trong ấy. Biết đâu tớ chẳng sắp được đi. Tỉnh tớ thế mà ghê.

Đột nhiên tôi cười to:

- Ha, ha, ha...

Đình nhăn mũi, không bằng lòng, tưởng tôi chế nhạo. Hỏi xằng:

- Thăng đều, cười chó gì?

Rồi Đình không đợi tôi trả lời, Đình hạ thấp giọng, nhăm nháy:

- Tối hôm qua ấy, liệu hồn.

Vừa dứt cười thật tình tôi đương buồn cười về những khoe khoang tận đâu đâu của Đình, tôi vẫn đùa:

- Tối hôm qua thì làm sao?

- Đình lừa thăng tôi một quả:

- Sao ở trên trời ấy. Đẳng ấy vật nhau với cái Duyên. Hì, hì...

- Đâu nào!

- Biết điều thì nghe tao dậy đây. Tớ mách cho mà biết, con ngựa cái ấy cú cáo lắm. Tớ đương theo dõi xem nó có phải quốc dân đảng chui vào lưng loạn hàng ngũ chuối rẽ.

Tôi im, dần dần bối rối, ỉu hần. Thăng này ma quỷ quá. Còn đi với nó, có ngày thì mất mạng.

Nhưng Đình đã nói:

- Đẳng ấy ở phường phố lớn quờ chẳng hiểu mẹ gì về nông thôn. Tớ bảo cho miếng võ cảnh giác này mà phòng thân. Còn cái tối hôm qua thì tớ xuy xoa cho, không báo cáo lên lão Cụ đâu. Tớ với đẳng ấy về đây đã thông cảm xít xao từ cái hôm canh ty ăn trộm gói bánh đúc ngô của đội trưởng ở trong đền cơ mà.

Đình cong một ngón tay giơ ra cho tôi ngoặc. Như trẻ chơi móc xương móc xấu bỏ lỗi cho nhau. Thế là hai thằng cười hi hi, hà hà loạn xạ cái nhà vắng. Người đàn bà tàn tật ngồi trong xó vách vẫn đứng đưng. Rồi Đình về xóm Chuôm còn dặn lại “Nhớ nhé”. Chẳng biết nhớ nhé ra làm sao.

Cũng không biết nhớ nông nổi thế nào thật. Nhưng tưởng bấy lâu rình rập hạ nhau, bây giờ ăn cánh với nhau, thấy trong lòng nhẹ hần nỗi lo tính toán. Phải thôi, chẳng biết tội thằng Đình ở đâu, chứ tôi vừa dăng dện cái Đơm. lại cái Duyên. Kỷ luật cách hủ hoá thường phải ngồi chuồng trâu, phải đuổi về mà vẫn như như trơ trên như không. Thăng đàn ông như cái đó đi đơm, thế thôi. Nhưng đây là quả cấm. Mà cũng lạ, cứ cấm thì lại hay mê mê táy máy. Mà con bé mới hóm ghê, nó là quốc dân đảng thật hay sao, nó cho mình vào trồng, hay nó hại thằng Đình, hay là thằng Đình xỏ lá chơi tôi một miếng. Chỉ biết nó đã nắm thóp hai đứa. Nó sang tận Am mách tôi về thằng Đình thì nó sẽ lên lão Cụ báo cáo tôi, biết đâu là chừng. Tôi lại đâm lo.

Tối tối, xóm Am đã dựng đầu tổ khổ trong rẽ chuối và mở rộng ra tổ nông hội. Có nơi đi nhanh đã đấu địa chủ. Đội trưởng Cụ nhanh nhất đã xin lệnh bắt bí thư chi bộ và một lúc sáu địa chủ có tội ác. Trong

cuộc họp đội Cụ quát tháo “Phải ra tay mới phá được thế bị khống chế, bởi địch đã có tổ chức phá hoại, gây rối loạn. Ông lão loà ở xóm lệt xuống ao tắm mình, hay là địch dìm chết. Lại một đám cháy nhà. Đội trưởng nói: “Tăng cường tổ khổ, mở rộng tổ khổ để tìm ra đứa giết người, đứa đốt nhà”. Chúng tôi hội ý đội buổi sáng, có khi cả lúc chập tối, đứa nào bức tử, đứa nào đốt nhà cứ tổ khổ rộng khắp cả thôn thì ra thôi. Đường làng vắng hắt, người nào bần cùng lắm mới ra đường, đi len lết, không ai dám đến nhà ai. Gặp anh đội, người già lụi vào bờ rào ngoảnh ra cúi đầu chấp tay vái. Đội trưởng Cụ vào đỡ tay bà lão nói: “Nông dân làm chủ không được khúm núm thế, không được mắc mưu địch hòng xoá nhoà ranh giới bạn thù. Ta đương đầu tranh, nông dân phải ngẩng mặt tự hào, còn thằng địa chủ có quỳ giữa đường lạy ta cũng mặc xác nó, bà cụ biết chưa?”

Những cuộc lên hội ý đội, lúc có đội trưởng thì rậm rịch, bối rối títt mù, những vắng Cụ thì lại uể oải, trể tràng. Hai cậu bần cố ở xã được lên đi làm anh đội mà tôi vẫn xem khinh nửa mắt, cứ ngồi châu hẫu, chốc lại ngáp, vừa ngáp vừa gãi nách kêu ối giời ời rồi cuộn tròn tờ báo nội san: “Bạn quá, cho em mượn về xóm đọc”- “Ừ đọc báo thì cáng thông suốt”. Tôi đoán có cậu mới biết đánh vần, ngại mở tờ báo trước mặt người khác. Một đội viên thở dài khượt một cái: “Xóm của mày ít địa, có thì giờ nằm nghiền báo, sướng thật”. Các thôn vẫn chưa lên đủ, mà Cụ đi đâu không biết. Đã biết lệ, lão không về thì thôi, đã về muộn thế nào cũng nhiều việc quan trọng hay không cứ dùng dùng, tới tấp. Một lúc sau cũng chẳng thấy đội trưởng, thế là lả tả rút dần. Cũng chẳng biết bận quá hay không, nhưng đã có lịch công tác hàng ngày, rồi quá giờ phải đi làm việc khác.

Một hôm, đội trưởng Cụ sang xóm Am tìm tôi. Đội trưởng đến là có việc, thằng lười tôi cũng ngại. Cụ đặt bịch cái túi da bệt dẹt xuống chõng. Những gì trong túi mà nặng thế, sổ sách, tài liệu và khẩu súng, hay chỉ là hòn đá bỏ vào cho oai, hay lại gói bánh đúc ngô. Anh nào cũng như ma ăn cỗ, ai biết đau. Nhưng cái đáng buồn túi nặng nề tất là có chuyện. mấy hôm nay tôi đương lo sốt vó. Được phổ biến là trên đoàn uỷ nhận xét: xã này chưa đạt chỉ tiêu địa chủ. (Mà thôn tôi thì chưa tìm ra mống nào). Ở cuộc hội ý hôm trước, đội trưởng Cụ nói: “Chỉ thị đoàn uỷ phải triệt để chấp hành, thực hiện bằng được. Đưa phú lên địa thì dễ thôi, một lúc cả chục thằng cũng có, nhưng làm ầu mà bị kiểm tra thì hỏng hết. Cố lên không được dể cờ tuyên dương đợt này lọt vào tay đội khác”.

Trong những người phải cố, tôi khốn khổ nhất. Rễ chuỗi cả thôn tôi chưa tố ra được địa chủ. Tôi chưa phân tích tìm ra cái đầu cái đuôi địa chủ ở đâu. Hay là cái thôn này không có, không thể như thế, ở đâu có nông dân là ở đấy có địa chủ sách lý luận thế. Không, không khi nào chưa đấu tranh đã rút lui. Chỗ nào có nông dân, có ruộng đất có bóc lột. Tôi lên dây cót tôi. Hay là thằng tư Nhỡ? Nhưng phải cẩn thận, chống ầu mà. Các loại đất ruộng, đất vườn, đất thổ cư, các thứ lao động nhà nó chưa tính xong, không thể quy. mỗi tiêu chuẩn địa trên duyệt từng con số, bỏ hơi tai ra đấy chứ. Mà tôi nghĩ cũng chẳng nở. Minh thường qua lại nhà nó, hôm nào cũng chè thuốc, có hôm làm chén rượu tắc kè bồ dương, đội biết thì đi đòi anh đội, nhưng mà chỉ có mình với nó thì ai biết. Ruộng nà ấy chia đầu người, lấy cả đất vườn gò chưa đủ bình quân hai miếng. Mà nó cũng cố cày vai bừa bao năm nay. Bảo nó cái phú cũng còn non. Đêm nằm bức bối nghĩ không chợp mắt. Thì lại lần vào xó nhà vầy vò Đơm. Con bé cứ lúc mưa lúc nắng, cũng như trông nó

khuôn mặt ngơ ngơ ngần trẻ con, nhưng cái người nó thì nùng nục con gái. Cứ vờn như khúc gỗ, nhưng lắm bận Đơm nổi cơn hung, vừa động đến đã nóng rẫy rên lên, cắn bừa vào mũi tai vào tôi đau chết điếng mà không dám kêu. Tôi chỉ tránh nó ngoạm vào mũi, sợ thành sẹo như thằng Đình thì khốn. Dù sao, ấy thế cũng tan cơn nghĩ, ra ngã vào chổng mới ngủ được.

Đội trưởng Cự ngồi xuống bên cái túi da bò vàng nghệ vững chãi như chiếc ấm rỏ. Cự không uống rượu, nhưng mặt lúc nào cũng đỏ găng. Trong cuộc họp. Cự lườm một cái lộn lòng trắng mắt, ai đương nói cũng phải ghen lời, đợi nghe Cự. Mỗi tiếng Cự văng ra cục cằn như ném gạch. Cách nói năng thô lỗ ấy cũng không giống kiểu chính trị viên đại đội mà nghệ thuật ăn nói phải hàng ngày, có khi tôi nghĩ lão này khai man, cóc phải chính trị viên cũng nên. Đợt trước hôm đầu tiên họp đội tổ khổ và tự giới thiệu, cố nông Cự trình bày đã đi vệ quốc đoàn từ 1945 bây giờ chức vụ chính trị viên đại đội. Cự được quân đội điều đi cải cách ngay khi đơn vị ở khu 5 ra tập kết. nói thế thì biết thế, cũng chẳng ai hỏi lại. Cái việc lý lịch, ai cũng nơm nớp, như tôi cha mẹ họ hàng dấm dớ, nhờ cái phải ngồi chuồng trâu thì bỏ đời. Vả chẳng, Cự bản tính hay cáu, hay xúc động. Có hôm họp đội đọc báo, tin vụ thảm sát Hướng Điền tỉnh Quảng Trị, cả 92 người thôn Tân Lập và Tân Hiệp bị giết, còn hai người sống sót vượt tuyến ra bắc, đội trưởng Cự khoanh tay lên gối, cúi đầu khóc rưng rức.

Cự ngồi xuống hỏi tôi:

- Ở nhà à?

- Hôm nay không đi ba cùng được, tôi...

Cự cười nhếch mép - cũng là cái cười hiếm, có thể lúc ấy đương hiền từ, rồi Cự chống tay xuống mặt chổng.

- Biết rồi, thằng rẽ bảo cậu ở nhà quét nhà. Quảy chưa được gánh nước đã choang vỡ cái nôi của người ta.

Tôi tái người. Chuyện kín bưng thế mà Cự biết!

Cự lại nhẹ nhàng. Tôi yên yên cơn lo. Cự thân mật, bổ bã:

- Tối mai cậu xuống thôn Địa dự đám cưới mình nhé.

Tôi trố mắt. Cự lại nói:

- Tớ lấy vợ.

Tôi không dám hỏi: “Anh chưa vợ a?”. Cự rủ rì: “Tôi ra tập kết chỉ biết lao vào công tác. Nhưng tuổi đã ngoài ba mươi, thì phải tính rồi. Vì tình thương yêu giai cấp, tôi lấy một cô cố nông ở thôn Địa. Hôm qua họp toàn thôn, tôi ra câu hỏi: Khổ nhất thôn Địa là ai? Cả thôn nhất trí cô ấy. Tôi tuyên bố tôi sẽ lập

gia đình với người khổ nhất. Hội nghị cười râm ran, vỗ tay hoan nghênh. Dù việc riêng cũng công khai như ban ngày, càng thuận lợi cho công tác. Cậu nhớ bài báo về kỷ luật thẳng Bốn chứ?

- Nhớ.
- Lấy vợ không phải là hủ hoá, cần minh bạch.
- Đúng thế.
- Chẳng những nhớ, tôi còn cắt giữ bài báo ở tờ nội san “Cải cách ruộng đất” đăng cái nghị quyết của Đoàn uỷ. Đội trưởng Cự đã bảo tôi hai lần đọc to cho cả đội nghe để liên hệ và ngăn ngừa.

Nghiêm khắc phê phán sai lầm nghiêm trọng của Nguyễn Bốn - Đợt 5 này là đợt đấu tranh giai cấp gay go quyết liệt. Phần lớn cán bộ đều có tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, làm tròn nhiệm vụ. Đặc biệt, một số cán bộ xuất sắc đã được tuyên dương khen thưởng xứng đáng, nhưng bên cạnh những đồng chí tốt đó, tiếc thay có một số phạm sai lầm nghiêm trọng cần phải xử trí đúng mức. Đồng chí Nguyễn Bốn là một trong số đó.

Đồng chí Nguyễn Bốn năm nay 30 tuổi, một cán bộ trao trả * (*khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp, năm 1954, sau hội nghị Trung Giã, Việt Nam và Pháp, hai bên có những đợt trao trả tù binh) đã đi cải cách (đợt 4 và 5), hiện là đội viên Đào Khê. Trong đợt 4, đồng chí Bốn đã phạm lỗi nghiêm trọng: vì hủ hoá mà phải đổi đi 4 xóm, đến xóm nào cũng lại hủ hoá ở xóm đó, hủ hoá với vợ bộ đội, vợ tử sĩ và tròng ghẹo cả đàn bà trên 50 tuổi. Điên cuồng hơn nữa, ngay trong đại hội nông dân đồng chí Bốn đã công nhiên cắn vào vào vú, vào mặt một chi chuối tích cực. Tổng cộng trong đợt 4, đồng chí Bốn đã thông dâm với 8 người và có hành động tròng ghẹo nhiều người khác. Tác hại là cả 4 xóm ấy đều lạc hậu, rẽ chuối bị hỏng, mất tác dụng, đồng chí Bốn bị kỷ luật và cảnh cáo toàn đoàn.

Mức kỷ luật đó chứng tỏ chính sách khoan hồng mở đường cho những người sai phạm tự giác giáo dục, nhưng sang đợt 5 mới triển khai và đồng chí Bốn đã tái phạm khuyết điểm với mức độ trầm trọng hơn trước nữa.

Về xã Đào Khê mới ba ngày, đồng chí Bốn đã liên lạc với con ái, con nhà địa chủ cường hào gian ác. Cho con ái vào dân quân, đêm đến nấu chè đậu đen cho nó ăn rồi hủ hoá với nó. Lại cho mẹ con nó đi họp nông dân khiến không ai dám tố bố nó là địa chủ cường hào gian ác. Đồng chí Bốn lại đưa con Hạnh thành phần công thương vào dân quân, đen con Hạnh về hủ hoá ở nhà rẽ. Bố thị Hạnh có tội đánh chết người đã bị quần chúng tố cáo, nhưng đồng chí Bốn che dấu không báo cáo với đội. Đồng chí Bốn lại hủ hoá với chị Chắt, thiếu nhi trong xóm đã bắt được 4 lần trong bụi cây. Chồng chị ấy đi dân công vắng, mẹ chồng bị loạn, tối nào đồng chí Bốn cũng vào nhà chị ấy để hủ hoá. Tác hại: Suốt bước địch không trấn áp, đồng chí cường hào gian ác lọt lưới không truy ra, quần chúng phát động không lên. Cả 3 xóm đồng chí Bốn phụ trách đều bị phân loại ba xóm lạc hậu.

Những sai lầm của đồng chí Bốn thật vô ccf nghiêm trọng. Đồng chí Bốn đã mất hết phẩm chất con người chứ không còn nói phẩm chất đảng viên và cán bộ cách mạng. Rõ ràng đồng chí Bốn đi cải cách ruộng đất không phải để phục vụ quần chúng mà để hủ hoá dân ô. Đồng chí Bốn đã thành kẻ đầu hàng bao che cho địa chủ vứt bỏ hết quyền lợi nông dân, làm tổn hại đến cả sinh mạng quần chúng. Thực tế đồng chí Bốn đi cải cách ruộng đất mà lại đã phá hoại cải cách ruộng đất. Đoàn uỷ quyết định thi hành kỷ luật khai trừ đàn yịch, cho áp giải về cơ quan...

Học tập bản kỷ luật của đồng chí Bốn, chúng ta phải luôn luôn cảnh giác, đề phòng không để cho những tư tưởng xấu tấn công...

Ngày còn trong Thanh Hoá, khi tôi mới về đội này, đã nghe phong thanh Cụ lấy một cô là “rể cố nông” rồi Cụ xin cho cô ấy đi làm cán bộ cải cách, được đưa ra công tác ngoài Thái Bình. Những người ở đội trước xì xào thế, nhưng cũng không ai tò mò hỏi. Cũng là ngủ với đàn bà, nhưng mẹo như đội trưởng Cụ không ngu dại như Bốn để vi phạm điều 4 trong 10 điều kỷ luật cán bộ phát động quần chúng “không được hủ hoá trai gái với rượu chè”.

Tôi tỏ vẻ vui vui, xun xoe:

- Cưới thật à?

Cụ trố mắt, mặt chững lại, trả lời không đáp vào giọng cợt nhả của tôi:

- Tối mai liên hoan giải di nước chè xanh thôi, Đồng chí sắp sẵn mực thơ ca hò vè. Bây giờ ta làm việc...

Tôi ngồi xồm xuống via hè đất nện. Tôi lấy sổ tay, mở tháp cái bút máy oerovơ.

- Sắp hết bước hai mà xóm này chưa có địa chủ. Các thôn đã lên hết, thôn Đìa dẫn đầu lên ba địa, năm phú. Thôn Am vẫn mù mờ, không mống nào. Có nơi đã mít tinh quần dân chính đảng toàn xã, xã này cũng sẵn sàng rồi mà chỉ vì thôn Am...

Cụ nhác nhìn tôi rúm ró ghi chép dường như thương hại.

- Tôi phải báo cáo che quạt nan cho trên thông cảm với cậu chứ không thì cậu bị tróc về đoàn lâu rồi. Mới hôm qua họp, tôi phải dem danh dự bảo đảm với đoàn uỷ, tôi hứa đội sẽ giúp cậu.

Mồ hôi tôi chảy dài sống lưng.

Cám ơn anh.

- Ổn iếc gì, vào việc gấp thôi. cái rể của cậu dựa chưa thối nhưng đã lung lay, vì cậu không phát động cho vùng lên được. Địa chủ Thìn đã bị bắt, thằng Diệc rể cậu là rể của nó. cái con vợ đui què cầm điếc kia

là con nhah địa chủ Thìn. Thằng tá điền Diệc phải rước của nợ đi, mà thằng đồng chí đều cáng chỉ mượn hai miếng ruộng đầu đồng cuối đồng. Cho nên về mặt nông dân, nó không liên quan, nhưng nó cũng chưa dám vạch tội ác địa chủ. Cậu đã hiểu như tôi vừa nói chưa?

Quả tình nhiều việc Cự nói tôi chỉ mang máng rồi lại tự gạt đi, tôi nhớ cái câu thằng Vách dọa hôm trước: “địa” đấy à, thế ra... Nhưng tôi đáp lời Cự nhanh nhẹn, như đứa học trò quen nói dấu dốt:

- Tôi hiểu... tôi hiểu ạ...

Hai con mắt Cự xếch lên như mắt điều hâu. Tôi run tay. Tôi đoán có khi Cự cả cái sự tối ngày tôi mò mẫm ăn vụng như thằng Bốn. Giờ ời tôi phát sốt lên đây này.

Cự nói to, dẫn từng tiếng:

- Cũng không còn thì giờ để cậu loay hoay một mình. Xã vùng tề nguy này đặc biệt khó, nông dân bị chết mọi cách, chết đuối, treo cổ, dịch giết hay thế nào. Đội ta đã giải quyết hết, chỉ còn mỗi thôn cậu. Đồng chí đã biết cậu ở đâu có áp bức, ở đó có đấu tranh, tố khổ cả tháng mà không tìm ra địa chủ, cái thằng rể không mở mồm vạch thẳng bố vợ gian ác một cậu thì còn ai dám nói. Thằng Diệc được bồi dưỡng thế nào mà vẫn là cái đụn rạ, hợp thôn không áp ứng nói đủ được câu “thừa toàn thể đồng bào”, người ta xỏ lá phản ánh lên là cốt cán ăn nói khinh nông dân. Tôi biết hết, chẳng cần báo cáo của đồng chí đâu. Việc xóm nào không qua được mắt này. Từ nay đội trưởng Cự kiêm phụ trách thôn Am.

Rồi Cự hỏi:

- Có ý kiến gì không?

Tôi nhẹ nhõm:

- Không ạ.

Cũng chẳng biết thế nào mà không với có. Nhưng cứ cung cách nói năng, vẻ mặt đội trưởng đã dụ, có lẽ tôi cũng không bị bắt lên chuồng trâu giam cảnh cáo trên đoàn. Bây giờ đội trưởng kiêm thôn này thì tôi có đôi ba chữ nghĩa tôi về làm văn phòng được chẳng. Nhưng cũng không dám hỏi. Con cua nằm co quắp dưới bàn chân con ếch, nhúc nhích một cái nhờ bị nuốt chửng thì chết ngay.

Cự nói như ra lệnh:

- Tôi điều đồng chí sang thôn Chuôm. Bên ấy địa chủ Thìn đã vào tù, rể chuỗi đầu đầy cả rồi. Chỉ còn đội mít tinh tuyên bố xóa bỏ giai cấp địa chủ toàn xã...

Tôi “à” một tiếng như vừa mới hiểu. Nhưng Cự cũng không quan tâm, Cự chỉ để ý câu mình nói.

- Cậu thấy thế nào?

Tôi nói:

- Tôi phụ trách thôn Chuôm chung với đồng chí Đình à? Bên ấy căng lắm, mới bị trận bão lốc, tôi sang...

Hôm kia thôn Chuôm bị một trận bão cạn ghê gớm. Vùng này thỉnh thoảng gặp thiên tai ấy. Tự dưng, phía chân trời cửa bể, dựng lên một cột xoáy nước trắng xoá giữa vòm trời cơn mưa đen kịt. Ròng lấy nước! Ròng lấy nước! Cả làng cuống cuồng. Cơn lốc lao vào chuyển thành gió cuốn qua làng mạc, cánh đồng. Đâu đâu cũng gõ thùng, gõ mâm, gõ nồi đuổi lốc. Người qua đường nằm rạp xuống kéo lốc hất lên trời. Một vệt lốc ập qua, nhà cửa, cây rơm, cả gà lợn bị hất tứ tung lên dê, xuống bãi, ra đồng. Đội đương đồn người tới cứu chữa thôn Chuôm.

Cự nhìn vào trong nhà. Hai con mắt như hai mảnh sành của người đàn bà què hau háu trợn trừng như bao giờ vẫn thế, Cự khe khẽ:

- Tôi nói riêng cho đồng chí biết. Thằng Đình bị bắt rồi.

- Bị bắt? Sao thế ạ? Vâng, vâng...

- Thằng Đình là thủ lĩnh quốc dân đảng chui vào phá hoại ta từ lâu. Địa phương làm chính đồn tổ chức kết hợp phúc tra cải cách đã đấu tranh phát hiện ra. Ô tô xuống tận đây xích tay giải đi đêm qua, bí mật đến độ trong nhà cũng không biết.

Tôi lại rồi ruột lên nữa, trước mọi việc xảy đến hồ như xác việc cứ diễn ra ăn khớp như thế nào. Ngay hôm ấy, tôi đeo ba lô, túi xách sang Chuôm. Quả là bên này chẳng có việc đáng kể và mọi lo lắng đều như trút lại sau lưng. Sáng sớm, tôi lên hội ý đội. ra khỏi cổng đồng, thấy Đơ. Không phải gặp, mà Đơ đứng đợi tôi từ lúc nào. Như mọi khi, mảnh áo cánh rách lượm tượm. Một đám bùn khô còn dính bết trên đầu gối. Tôi tránh nhó trong đêm, những Đơ lúc Đơ đạp chân cuống quýt, tiếng những miếng bùn rơi lộp độp. Rách rưới không bớt được cái hơi nồng nặc của cô gái đương thì vừa ngủ dậy. quen tay, tôi mân mê đầu vú Đơ.

Đơ đứng yên như mọi khi, mặt đỏ rần. Nhưng những giọt nước mắt rơi xuống. Đơ nói nho nhỏ:

- Anh bỏ em rồi.

- Đội đổi công tác anh sang Chuôm.

- Không phải. Anh sang bên ấy ngủ với con Duyên.

- Tuyên truyền của địch, láo nào!

- Ai cũng biết hết rồi.

Tôi giải thích:

- bọn phản động đương hoành hành dữ lắm. Vừa có người thắt cổ dưới xóm Đìa. Lúc hạ thường xuống không thấy hơi trong bụng hứ ra. Đúng là bị treo cổ. Phải đề cao cảnh giác.

Đơm đẩy tay tôi ra.

- Con Duyên mặc áo của anh có mùi nước hao thơm, cả cánh đồng ngửi thấy.

Chết tôi, hôm ấy tôi phơi cái áo may ô cổ vuông ngoài sân, Duyên ướm thử lên ngực rồi chi đầu mặc luôn. “Anh trông em có đẹp không?” Từ hôm sang Chuôm, tôi ở nhà bố Duyên như thằng trước Đình đã ở. Bờ dưới nhà cả Cối lút nhút con nhỏ nằm đạp nhau chí choé cả đêm. Bố Cối nặng tai, ai nói chuyện thì thào hay nói to cứ mặc con vẹt, khi nào cũng thở than một câu không ra khoe, không ra phàn nàn: “Từ thuở cha sinh mẹ đẻ tôi chưa biết mặt đôi guốc, cái màn, chưa lên đến chợ tỉnh”. Nhiều oong già bà cả trong làng cũng tương tự, người thì chưa nhìn thấy cái xe tay, người thì mới nhìn thấy cái cột dây thép ngoài đường cái tây áp tai vào nghe u u, người mới có một đôi lần cuốc bộ lên chợ huyện.

Nhà có người già ngăn nắp đâu ra đấy, có cửa, có bờ rào. Nhưng trong nhà cũng tênh toàng mỗi cái phán, một chõng nằm, một chõng mâm ăn cơm. nền đất nhẵn thín, hạt trám đóng chi chít, thành thử mặt đất cũng phẳng như cánh phán, được nắn ngồi như nhau. Nhưng rồi không phải bọn trẻ con chỉ chí choé ở nhà bố mẹ chúng nó ngoài bãi. Tối nào chúng nó cũng san bớt nhau ra đi ngủ lang, kéo vào nhà ông nội. Có đến ba bốn đứa, đứa chạy đứa công vừa đến nơi đã díp mắt lăn ra giữa nhà. Mọi khi Duyên nằm giường, tôi không thể đoán thẳng Đình nằm chỗ nào. Bây giờ cái giường tre nhường cho tôi. Duyên chắt mảy tàu chuối vào lót ổ góc trong. Đi họp khuya về, lũ trẻ con đã ngủ mê tơi cả. Ông lão điếc nằm xó cột nào, không trông thấy. Tôi đặt cái túi đầu giường, rồi cẩn thận cởi quần áo, chống hai tay như con ếch bò vào chỗ Duyên. Cái Đơm nói chẳng ngoa.

- Ấy...

- Lại tháng à, xem nào.

- Không.

Duyên lăn xả vào, cười lên tôi. Đến lúc tôi lử cò bợ, Duyên vẫn cặp không cho rầy ra.

Duyên thì thào vào tai tôi:

- Tháng sau em về nhà chồng.

- Sao bảo đi Hà nội với anh?

- Chỉ được cái thăng thiên. Ra đấy rồi anh bỏ em bơ vơ.

- Anh thề.

- Chẳng phải thề cá trê chui ống, cứ chui vào đây này.

- Thật tháng sau em lấy chồng hả?

- Có thật thì người ta mới cho tha hồ, chứ không để mà chữa hoang với ai. Mai kia thằng con đầu em đặt tên nó là thằng Bối.

- Tên nó là thằng Đình.

Duyên ngoan vào mặt tôi, lại đề tôi ra, hùng hục: “Xem con ai nào! Xem con ai nào!”

Có hôm cả nhà vắng, chúng tôi ngủ với nhau cả ban ngày. Duyên thật ra đáng con gái, lại có bộ đồ mỗi, cái quần thâm, chiếc áo cánh phin, không man dại như Đơm. Hai đứa nằm đất mát lạnh trong khuya, sức nức mùi xà phòng hao lý. Tôi có một bánh bọc giấy bóng cất đáy ba lô, thỉnh thoảng mới lấy ra gọi đầu, thế mà Duyên lục được.

- Xà phòng này để anh gọi đầu thôi.

- Em tắm, em xoa khắp người.

- Phải dội kỹ mới hết nhờn.

- Không, để nguyên cả bọt cho thơm, sương cả mũi.

- Rồi ghè ngứa đấy.

- Chẳng sợ.

Có hôm tôi bắt được Duyên mặc cái áo may ô màu lơ của tôi, không phải chỉ người ta đồn mà Đơm nói lại. Duyên mặc đi chợ, lót trong tấm áo phin nâu mà vẫn hằn lỗ cổ vuông xanh lơ. Tôi vớ Duyên lại, bắt cởi ra. Duyên cười cười, cởi lộn ngược cái áo, ngực trần ra trước mặt tôi. Thế là hăng khoan đi chợ. Nhiều lần những áo lót tôi chưa mặc đã có mùi xà phòng thơm. Tối nào tôi cũng đe cô mà mặc nữa thì tôi đi ở nhà khác. Duyên cười không nói. Nhưng ả vẫn không chừa. Duyên muốn khoe ngăm với làng xóm “ta được mặc áo anh đội”. Cái này khéo mà tôi tù chứ chẳng chơi. Nhưng cũng chỉ thoáng sợ thế lúc một mình. Những khi có Duyên ám thì cái bài báo về thằng Nguyễn Bốn hủ hoá lại là chuyện của người khác, mình không thể, mình không giống nó.

Nhìn lại đầu làng không thấy ai, tôi lôi Đơm vào bụi dưới rậm rạp. Đú đờn, nhắm nhẩn, vẫn quanh quẩn.

- Cái Duyên nó lấy áo của anh nó mặc đi làm đồng.
- Thật trông thấy à?
- Không trông thấy cũng ngửi thấy mùi.
- Được, để rồi bắt nó về kiểm điểm, nó là dân quân mà.

Đơm lại sa nước mắt, lã chã. Hai con mắt ướt tình quá, quên đời. Đơm nhấm đầu ngón tay tôi, nói nhỏ:

- Tối nay đây.

BA NGƯỜI KHÁC

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương 3:

Nhà tù của liên đoàn uỷ đoàn phúc tra là lô cốt và trại giam ở phủ lý thời Pháp. Dây bìm bím rêu trùn lên lù lù tựa quả đồi xanh om, bên trong là các xà lim, các buồng giam lổ lổm như hang hốc núi đá, dân quân các xã ngày đêm đối phiên canh gác vòng trong và bên ngoài. Người bị bắt càng đông - cái nhà cũ không đủ chỗ chứa, phải làm thêm đẵn tre để nguyên cả gióng chôn liền thành bức tường dài rộng đến hơn hai trăm thước chia thành ngăn, mái lộ thiên chống hốc. Trông giống cái chuồng trâu. Các đoàn cải cách, đoàn phúc tra, đoàn chinh đồn tổ chức đều có nơi giam người tương tự. Có câu hù dọa “phải ngồi chuồng trâu là toi đời”, là những trại tạm giam này.

Chiếc xe commăngca Ru* (xe commăngca đít vuông của Rumani) đít vuông xóc lồng lên. Đình bị trói chặt tay chân nằm còng queo dưới sàn xe, không thể cựa được. Thế mảnn bà nchân những người ngồi trên ghế còn chặn lên cho khỏi quẫy. Ô tô chạy từ đêm đến sáng sớm, những người đi chợ huyện thấy nhấp nho trong xe hai người quần áo nâu mới, thắt lưng da to bản cầm dưng khẩu súng trường. Chỉ lạ mắt, không ai đoán được xe công việc gì đi hay về sớm thế. Sắp đến huyện, người ngồi ghế đằng trước quay lại:

- Chốc nữa đến nơi, gọi một tiểu đội ra gác rồi cởi chân cho nó đi. Vào chhõ giam, trói ngay vào cột. Thằng này nguy hiểm số một. Để xong thì mất đầu cả nút đấy.

Nơi giam Đình ở cũi phái ngoài lô cốt. Không một lỗ cửa sổ, trên mái trống hốc mà như tối mù. Nhiều người đã bị nhốt trước ở đấy, bùn cứt thối khản lồng bông ngập mắt cá chân. Đình phải trói đứng suốt ngày. Đêm ngủ lả đầu xuống, lưng cong như con tôm, hai tay vẫn treo lên cái vấu tre. Lúc lúc lại quờ quạng dật dờ ngo ngoạ. Đình vẫn chưa hết cơn choáng váng bởi không hiểu thế nào.

Mấy ngày liền không biết. Hôm đầu Đình còn tỉnh, nghe sau các vách cũi bên cạnh, tiếng rên, tiếng ho, tiếng nôn ồng ộc, tiếng thở dài não ruột, chẳng rõ người hháp hối hay con chó vừa bị một chày vào đầu, chỉ còn ư ử mấy tiếng mơ hồ.

Một buổi sáng, nghe người quát hỏi bên ngoài: Thằng việt gian Nguyễn Văn Đình ở buồng nào, thừa lên, ở buồng nào? Đình ú ớ: Tôi... tôi... Mấy cây tre gộc được nhắc ra, đẩy Đình ngã bệt xuống trước hai mũi súng chĩa.

Mi cánh tay thò vào, lôi ra.

- A, nó giở trò.

Thực sự, Đình không ngồi dậy được. Những cái lưng thể lể máy quả lựu đạn lại cúi xuống lôi Đình đứng

lên. Nhưng người bị giam lại khuyu xuống, không nhấc nổi hai bắp chân tụ máu. Xung quanh hét lấy lệ: đi, đi. Đình bò lồm ngồm, cũng không ai đoái hoài ngó lại. Đến bậc thềm, Đình như sức nhớ, mắt chớp chớp. Đình trông thấy cái bể nước đằng gốc cau, cái bể nước trơ trọi bên tường từ hồi Đình còn công tác dưới huyện. Hình như bây giờ để tôi vôi, thành bể trắng nhoe nhoét.

-... Đồng chí...

- Ai đồng chí với mày! Thừa các ông, mày nghe rõ chưa.

- Các ông cho tôi nước, tôi khát quá.

Một người thương hại, đem gáo dừa nước lại. Người đứng cạnh, chắc là tiểu đội trưởng, giắt gáo vất đi.

- Không được liên quan giai cấp. Phải cảnh giác, nó cầm cái cán gáo chọc vào cổ chết bị đầu mối thì sao.

Qua sân, Đình bò lên bậc thềm, vào một toà nhà ngói. Đây là công đường cũ của quan tri phủ, rồi sau là trụ sở uỷ ban huyện, Đình đã ra vào, thuộc từng xó. Đường như vẫn thế, chỉ khác đằng cuối, những lá cốt mới quây ngăn thành gian riêng, ngoài thềm kê một hàng giá gỗ, trên đặt những chậu tráng men hoa và chiếc khăn mặt bông trắng vắt cạnh- nơi của các đoàn uỷ, đâu cũng giống nhau. Bàn ghế lộn xộn, những người làm việc đều lạ mặt, ai cũng quần áo nâu một loạt.

Đình được dẫn tới trước một bàn làm việc.

- Thừa đồng chí, phạm nhân Nguyễn Văn Đình...

Người ngồi sau bàn, một thanh niên nhỏ nhắn, trắng trẻo đôi mắt kính trắng, như thầy lục sự ngày trước, nhưng lại đánh bộ quần áo nâu nom mới. Không đoán ra được là cán bộ gì. Thoạt trông, hồi tưởng những hôm ở chỗ cửa phủ ngoài kia cách đây hơn mười năm, khi mới cướp chính quyền, suốt ngày trống ngũ liên gọi người đến ghi tên đầu quân. Lại phấp phỏng như hôm nào ta lên báo cáo đoàn uỷ, lại nghĩ lại...

Người ấy ngẩng nhìn Đình rồi hỏi nhoe nhàng, nhưng lạnh ngắt, thất Đình lúng búng “bấm, bấm...”

- Cái gì?

- Tôi xin ngậm nước, mấy hôm rồi tôi chưa được hạt cơm hạt nước nào.

Đình run rẩy ngã xụp xuống. Đám người giải Đình tới đã lui ra ngoài từ nãy, đứng hai bên cửa. Người ngồi bàn giấy ngẩng lên hất hàm ra phía ấy, vẫn giọng điệu dằn:

- Cho nó uống nước.

Một người ra chỗ những chậu rửa mặt, nhìn quanh quất rồi cầm cái nắp nhựa hộp xà phòng, vục vào cái chậu còn nước, bưng lại cho Đình.

Đình ừng ực uống hết nắp na quện mùi xà phòng thơm. Vẫn khát như móc họng, nhưng không dám xin thêm. Từ hôm nọ tới giờ mới thấy được đối xử có vẻ như khác.

- Mà là Nguyễn Văn Đình?

Câu hỏi gay gắt, Đình lại buồn hẳn.

- Vâng ạ.

- Vâng ạ thế nào?

- Vâng ạ, Nguyễn Văn Đình.

- Quê quán, tuổi, nghề nghiệp.

- Tôi... tôi ba mươi tư... cán bộ phòng...tỉnh...

- Được rồi, mà mắc tội gì, biết chưa?

- Không ạ.

- Mà là thằng quốc dân đảng có rồi nhiều tội ác với nhân dân.

- Tôi không biết.

- Câm mồm. Năm ấy bọn phản động cho mà lập ra cái trại có tên là đại đồng. Chúng mà tham lắm, đại đồng là hai chữ đđ viết tắt, là tên quốc dân đảng của chúng mà. Ở trại mà giết hàng trăm người vô tội. Hiện có nhiều người dưới xuôi lên nhận mả người tản cư đã chết ở trại cùng với nông dân trong huyện tố cáo tội ác của mà. Khai ra mà theo phản động từ bao giờ, ai đưa mà chui vào Việt Minh.

Ông toà án vẫn nói nhỏ nhẹ. Nhưng Đình nghe đến đau, như từng miếng thịt sau gáy giật lên.

Đình luống cuống.

- Xin toà soi xét, tôi không phải quốc dân đảng. tôi không giết người.

- 56 người bị giết, danh sách từng người chết oan đây.

- Không, tôi...

Người trẻ tuổi đứng dậy, khoan thai như thầy giáo giảng bài.:

- Các đồng chí dân quân, khai khẩu cho nó nói ra.

Lập tức, tốp người trực ở ngoài ủa vào lòi Đình xuống sân. Một cái gộc tre xù xì đập bốp vào mồm Đình con đương há hốc. Ba chiếc răng cửa Đình văng ra như những hòn cuội, máu tuôn lênh láng. Đình lăn ra thở sảng sặc. Những đầu mẩu tre giáng xuống như giã giò, thỉnh thoảng, vun vút, bất kể vào đầu, vào lưng. Đình trợn ngược mắt, nhuôi ra. Chiếc gậy chọc vào lưng, lay đi lay lại. Rồi gậy lại chan chát xuống, như thử biết người còn sống không. Hai bàn tay Đình ruỗi như búng con quay rồi duỗi thẳng không nhúc nhích.

Người cán bộ kính trắng đã đứng đằng sau từ lúc nào.

- Khiêng nó về nhà giam. Cho cơm nước tử tế. Nó mà chết, các người gác phải thế mạng, không giỡn đâu.

Cả ngày Đình được một nắm cơm không và một gáo dừa nước lã. Cái miệng vừa mất răng, mặt sưng vều lên đỏ rừ, nhưng Đình cũng trệu trạo nhai nắm cơm và tu sạch gáo nước. Người canh gác đứng đợi Đình nuốt hết cơm rồi lại trói Đình vào cọc xong mới cầm chiếc gáo đi. Một người khác đến ngay, cắt lượt gác canh suốt đêm ngoài dóng cũi.

Tuy đau nhưng nuốt được vào của ngọc thực. Đình cũng tỉnh tỉnh đôi chút. Càng tỉnh càng khiếp sợ., có lúc muốn đập đầu chết ngay, có lúc tưởng tụi dưng cũng sắp tắt thở. làm sao đến nông nỗi này? Làm sao cái trại đại đồng lại lên trại quốc dân đảng? Những người ở xuôi tản cư không quen thung thổ đã ốm sốt rét ngã nước, cả vùng ai cũng biết. thế là thế nào, bí thư chủ tịch còn cả đấy, ở huyện, ở tỉnh à...à...

Có nhẹ trong đầu, nhưng khắp người đau như dầm. Hai tay bị thít vào cột, cả đêm Đình ỉa đái tuôn xuống quần. Có lúc khát rất cổ quá, cứ ngửa mặt ngáp như cá mè úi nước. Những trai giam, chuồng giam thế này, Đình đã biết nhiều. mọi khi anh đội rảo bước qua, rồi hét dân quân giải phạm nhân lên, điều không thể tưởng rồi ra có ngay anh đội lại phải trói đứng trong cái cũi tre. Đình đau đớn, ruột xót như bào.

Hôm sau, Đình lại bị dẫn lên. Mặt tấy to tròn như cái tráp, Đình tập tễnh lạch đi. Mà không biết thế nào, không biết ai giải cứu cho được. Cổ cũng cngi được vài bước, Đình với tay vịn người dân quân đi cạnh. Người kia chẳng nói chẳng rằng giơ báng súng tống vào mạng sườn Đình một cái, Đình bật tay ngã rụi.

Một lúc sau cũng rật rờ đến được trước bàn.

- Toà hỏi lại, trả lời cho rõ: mày vào đảng phản động bao giờ, ai đưa vào, ai tổ chức cho mày trá hình chui vào Việt Minh, ai ra lệnh cho mày tập trung người, giết người.

- Tôi lập trại nuôi người tản cư.

- Lại chối hả? Không sợ mất nốt hàm răng?

- Bẩm có chủ tịch, có bí thư đoàn huyện làm chứng. Các anh ấy bây giờ đương còn công tác trên tỉnh.

- Hai thằng phản động ấy là trùm quốc dân đảng vùng này, đã phải đền tội trước nhân dân rồi. Chúng nó cho tiền mày lập trại giết người phá kháng chiến thế nào, khai rõ ra.

- Thưa, không...

Thế thì chết rồi, Đình hốt hoảng, run rẩy. Nhưng rồi Đình tỉnh hẳn. Những câu hỏi móc máy ấy Đình cũng đã nghe quen tai, chẳng biết Đình đã từng nói hay từng nghe hỏi thế nhiều lần. Cặp kính trắng của ông toà mặt hiền lành cúi xuống đọc tài liệu, ký giấy tờ, nhưng những câu ông hỏi, ông nói lại là con dao bầu cứ thế, nhất định mổ lòi từng khúc ruột gan lú lếp của Đình ra, khiến cho Đình chỉ biết, chỉ nhớ mình có tội., tội nặng. Thế ra những thằng bí thư, thằng chủ tịch này ấy cũng đã là bon phản động mà “được đền tội” cả rồi.

- Tội nhân Nguyễn Văn Đình.

- Dạ, em... Thưa, con...

- Mày đã nhận thấy tội mày chưa?

- Con nhận thấy tội rồi.

- Tội thế nào?

- Con giết nhiều người.

- Mày vào quốc dân đảng phản động bao giờ?

- Đã lâu lắm, con quên...

- Không được quên. Đứa nào đưa mày vào?

- Vâng ạ, Thằng chủ tịch, thằng bí thư, còn đứa nào nữa...

- Sao mày lọt lưới đi cải cách?

- Con không biết.

- Mày lọt lưới cả phúc tra cải cách?

- Vâng, con lọt lưới.

Thôi, cho về.

Đình lại giở chứng, không muốn về cái chỗ thối ghê gớm ấy, giá cứ được đứng đây. Một báng súng đã thúc vào lưng, đun ra.

Nhưng hôm sau thêm nhiều người nữa ngồi ở hai cái bàn kê ai cũng hỏi hỏi, ghi chép, có cái máy đánh chữ tanh tách ngay cạnh. Thành thoảng một tờ giấy vừa đánh chữ bật ra lại đem cho Đình ký vào cuối trang. Đình cứ ký, cứ vâng dạ trả lời. Đình đã giết người thế nào, bao nhiêu người. Có người bị chọc tiết, phải không? - Vâng ạ- Có ai bị chôn sống không? - Có, có - Mấy người? Một ạ- Cả thầy mười lăm người, danh sách đây. - Có người chân còn thò lên mặt đất? - Có ạ - Mày lấy cuốc chặt đi phải không? - Vâng ạ - Chặt thế nào? Tôi chặt một cái. Những chuyện ghê rợn cứ người nói người kể. Cái sợ, cái chết đến nơi, bí thư và chủ tịch huyện đã xuống tuổi Vàng rồi, Đình cũng đương đi... Đình tỉnh rồi lại mê.

Người thẩm vấn hỏi một câu lạ, khác lúc này.

- Sao mày làm nhiều tội ác dã man thế?

- Vâng ạ.

- Tại sao, trả lời ngay!

- Chúng nó bảo tôi làm.

- Được rồi.

Ở cũi giam, là một năm cơm, một gáo nước hàng ngày. Nhà Đình ở ngay trong làng, cuối phố huyện đây. Nhưng làm sao vợ con biết được, chúng nó có biết hay không. Mấy hôm nay thôi phải gọi lên hỏi nữa. Hay tay Đình đội cửi trói. Đình ngồi phệt trên vũng bùn cứt, như con lợn quết bụng trong chuồng. Từ chân lên mặt vẫn sưng tấy, buốt đến tận óc. Đình chẳng còn chờ đợi gì, chỉ mong được chóng chết. Nhưng mà thế nào cũng sắp chết rồi. Cứ chôn đứng chôn ngồi thế nào thì cũng chết đến nơi.

Một tháng rồi ba tháng đã qua. Đình vẫn ngắc ngoải.

Hôm ấy, Đình phải điệu ra toà xử công khai. Cũng như những phiên toà giữa trời ở các xã. Một cái bãi liên chợ, đông nghịt cả hàng huyện kéo đến trường đấu. Trên hàng người, những chiếc đòn ống vát đầu tua tua lên như cắm chông. Dễ thường có con mẹ hăm cu vợ Đình trong đám ấy- các cụ để lại, xưa rày nhà Đình chỉ có một miếng ruộng, hồi giảm tô, vợ Đình được là chuối, là tổ trưởng dân quân. Ôi, nhưng mà cũng có khi bị đấu vì tội liên quan với phản động hay là đã chết cả rồi.

Những hy vọng vừa mơ màng tới, lại tối sầm. Từng đợt hô khẩu hiệu ồn ào bốn phía làm Đình xanh xám. Đình bị trói giật cánh khuỷu, mỗi bước cứ khuỷu xuống, hai bên dân quân lại lôi xềnh xệch. Trước dãy bàn xử án, mấy tấm cốt ken nối nhau, dài in hàng chữ hắc ín: Đả đảo Việt gian phản động Nguyễn Văn Đình. Bên cạnh một cọc tre tươi còn cả chòm lá phơ phất được cắm xuống, đất mới loang lổ xung quanh. Đình đã trông thấy những cái cọc như thế ở các mít tinh xử án, cọc trói người đem bắn. Đình bủn rủn lại ngã gục, không gượng lên được nữa. Bởi vì Đình đã lại trông thấy khuất sau chiếc ghế dài các đại biểu ngồi, trang trí tết lá dừa lưa thưa, hai người vừa khiêng ra một chiếc quan tài gỗ gạo tươi còn lớp tướp trắng bệch.

Đình đã biết cả.

Mấy báng súng tống vào lưng, đẩy Đình ngồi tựa ngay vào cái cọc tre ấy. Một chiếc thừng luồn vào nách, buộc chéo lên cọc, giữ cho Đình khỏi ngật ngưỡng. Đình lom khom quỳ nghiêng trông ra đường chợ, không được sắp mặt vào hàng ghế toà án, mà cũng không được chống đít xuống đám đông mít tinh dưới kia. Từ nãy, cái vỏ ốc thẳng Đình cứ bị xoay đi xoay lại mấy lần, chẳng nào thì Đình cũng trông thấy quang cảnh đã biết ở đâu.

Hình như linh tính thế nào, Đình nhác mắt ra. thoáng đằng sau hàng dân quân cầm giáo mác, dưới kia, trong đám các làng còn đương kéo lên có một người đàn bà nhấp nhô. Không nghe tiếng hô khẩu hiệu, không giơ tay, chỉ thấy nhẩy nhẩy. Trông rõ cả những người ấy bỗng lên cổ một cu con, mặc áo ca rô xanh. Ồi giời ơi, cái áo kẻ ca rô mà tháng trước Đình được chia cho phiếu mâu ở cửa hàng mậu dịch trên thị xã rồi gửi về cho con. Thằng cu nhà Đình! Thằng cu nhà Đình! Mẹ nó xốc nó lên cho Đình trông thấy. Đình trông thấy rồi. Nhưng cái cổ Đình sái như gãy không ngoảnh được mặt. Rồi chỗ đông nhô ra ấy, bị mấy cái đầu gậy túi bụi rúi xuống, chẳng thấy nữa. Khắp bãi lặng im nghe toà đọc cáo trạng tội Việt gian phản động Nguyễn Văn Đình chống phá kháng chiến, lập trại giam trá hình, giết chết hàng trăm những người vô tội.

Xung quanh, mỗi lúc một phần nộ. chốc chốc, bốc lên hàng loạt tiếng hô, dứt quãng cả tiếng người đương nói trên loa. Đả đảo Việt gian phản động... Đả đảo Việt gian... Bản cáo trạng dài lắm. Dần dần đã ta hẳn sừng, trời quang. Một hàng năm người ngồi ghế sau tấm cốt, hia đàn ông, ba đàn bà, áo nâu non mới. Đình không dám nhìn ai, lại lẫn thần nghĩ không biết toà án của đội hay trên đoàn tổ chức.

Ông nhỏ nhăn đeo kính trắng hỏi cung mọi khi hôm nay mặc đại cán màu xi măng, vai đeo túi dết, trịnh trọng đứng lên.

- Tội nhân Nguyễn Văn Đình!

Có mỗi một cái loa tiếng e é, đặt trên bàn toà án. Đình ngồi dưới chỗ cái cọc trả lời hay im lặng, chẳng biết. Chỉ có tiếng ông toà án bốn phía nghe được mà thôi.

Toà hỏi: ai xui mày lập trại giết người?

-...

- Bây giờ đồng bọn mày trốn ở đâu?

-...

- Mày đã giết bao nhiêu người?

-...

- Phải nói con số cụ thể.

-...

- Luật pháp không mớm cung, ép cung, luật pháp yêu cầu nói sự thật những việc đã làm.

-...

Một câu hỏi bỗng vang xuống hàng nghìn người ngồi, đứng dưới kia.

- Có ai lên vạch mặt tội ác Nguyễn Văn Đình?

Mấy người vừa lên, vừa chạy vừa hét. Toà cho đwsng nói ở chỗ loa. Tiếng quát rít lên: “Thằng Nguyễn Văn Đình ngẩng mặt lên”, nhưng Đình không còn sức ngọ nguậy được cái cổ, cứ trơ ra. Người ấy la hét, kêu khóc kể Đình bỏ đói, suốt ngày bắt lên đồi đào sắn trứa, lấy thức ăn nuôi lợn. Hôm nào cũng thấy xác người bị nhét trong những cây nứa tươi đập rập đem đi vùi, có đem đốt đuốc khiêng đi.

The thế tiếng một người đàn bà:

- Đêm nào thằng Việt gian cũng đi hủ hoá. Nó hủ hoá cả tôi. Hu, hu...

Ở dưới nhộn nhạo, không rõ người ta buột miệng cười âm lên hay đả đảo, đả đảo, có lúc nghe tiếng khóc thảm thiết rồi lại rồn rập: Đả đảo Việt gian...

Một người vọt tới, xia tay vào trán Đình - mặt Đình.

- Ba đời mày làm cai tổng, hành hạ cả làng, có phải thế không, nhận đi.

Đình lơ lơ ngược mắt xem có ai bị trói bên cạnh. Nhưng không. Người ta đều có mỗi một Đình, một thằng bạch đình.

- Ông mày là cai tổng, thì ông tao chết đường, bố mày làm lý trưởng, thì bố tao phải bỏ làng đi ăn mày, đến đời tao...

- Đả đả! Đả đảo!

Ông toà án ngồi giữa đứng ra nói:

- Tội trạng Nguyễn Văn Đình đã rõ trong cáo trạng và những tố cáo của quần chúng. Bây giờ sang mục toà nghị án.

Rồi ông cất cao giọng:

- Tôi lấy ý kiến giai cấp nông dân, xin hỏi tên Nguyễn Văn Đình đáng tội gì?

- Tội chết! Tội chết!

Trong làn nước mắt lờ mờ, Đình cố trông lại cái chỗ người đàn bà bế con lên vai lúc nãy. Chẳng biết có phải thấy mẹ con nó dường nhảy hay không. Ánh mặt trời chói lói, ầm ập trong các đội sắp hàng nhốn nháo, huyên náo: Chết! Tội chết! Đả đảo mật thám! Hát lên: Hò lơ, hó lơ...- Không, không, Nông dân là quân chủ lực! Một hai ba: Nông dân là...

- A lô! A lô! Yêu cầu đồng bào im lặng.

Bỗng lặng phắc:

- Toà tuyên án: tử hình Nguyễn Văn Đình! án xử ngay tại chỗ.

Lại sôi lên:

- Hoan hô giai cấp nông dân! Kiên quyết tử hình Việt gian.

Đình bị kéo đứng thẳng, ngay cái cọc tre ấy, dân quân xúm lại thiết chiếc thùng bó giò cả chân tay, cả người. Lúc mặt đã buộc miếng vải thâm thì cái quan tài gỗ trắng nhờ cũng được hai dân quân khiêng ra, mở nắp sẵn, đặt cạnh. Nhưng Đình đã li bì, không biết gì nữa.

Bài hát Nông dân là quân chủ lực vẫn vang vang. mỗi đám gào một phách, loạn xạ như vỡ chợ. Chỉ có tiểu đội dân quân trên bãi cỏ trước cái cót vẫn hí húi, hì hục, lặng lẽ. Người nện cán cuốc lèn thêm cho chặt đứng chân cọc. Người thít lại mối thùng quấn lên người phạm nhân. Đẳng sao bước ra một tiểu đội dân quân khác. Tám người súng trường bồng trên vai, áo nâu, mũ lá cọ, thắt lưng da to bản bóng nhoáng cài hai quả lựu đạn có rọ đạn cẩn thận. Tiểu đội ấy đứng dàn hàng ngang, trông về phía bãi trống, trước mặt người sắp bị xử bắn. Rồi hạ súng, báng dựng ngay chăm chăm, đợi lệnh.

Đột nhiên một người từ đằng sau nhô lên chỗ bàn toà án. Ông toà nhỏ nhắn đeo kính trắng cúi lom khom giơ bắt tay người mới đến. Ông cán bộ đã đứng tuổi, mép để hàng râu con kiến, cũng mặc áo nâu, áo đại cán màu hồng nhạt, đeo sắc cốt da, dừng lưng áo gồ hằn lên chuôi khẩu súng lục to. Rõ ra cán bộ cấp trên. Cả mấy người đã đứng dậy. Có những người lóc cóc chạy đi bưng thêm ghế tựa.

Ông cán bộ nói mấy câu với các vị toà án rồi bước vào trước micrô, thông thả, vang lừng:

- Thừa toàn thể đồng bào giai cấp nông dân huyện ta, tôi bí thư đại diện đoàn uỷ khu về truyền đạt một chỉ thị quan trọng của trung ương. Tôi thông báo để tất cả đồng bào rõ, kể từ giờ phút nhận được lệnh này của khu, các đội cải cách, đội phúc tra, đội chỉnh đốn tổ chức đình chít tất cả các vụ xử bắn. Toà án phải thi hành đúng pháp luật nhà nước, yêu cầu triệt để thi hành.

Ở dưới vẫn im, không hoan hô, không đả đảo. Rồi lại nhốn nháo và cứ thế lộn xộn, xô bồ người ta kéo

về không ra hàng ngũ gì cả cũng không cần được, mà cũng không ai cần cả. Đình đã thử đi rồi và như bị bỏ quên vẫn bị trôi đứng trơ trơ ra đấy. Cả các ông toà án cũng lúng túng, chỉ có đoàn uỷ khu về chận nhưng vẫn còn kịp, ông bình tĩnh và cẩn thận, ông đề phòng nông dân còn đương bông bột, nhờ đám đông xông lên đánh chết người, thì lại phạm pháp. Đình được khiêng về chỗ giam. Ông bí thư xem xét lại mọi hồ sơ của Đình, bàn bạc với các ông toà án, đến hôm sau, Đình được thả. Xoá cái án chém mà nhẹ như không, những người già bảo rằng trời còn có mắt.

Không biết đến hôm nào Đình mới lết được về nhà. Làng làng vẫn im ắng, vừa sợ vừa phấp phỏng, mặc dầu bây giờ đương bắt đầu công tác sửa sai. Nhưng đường xá có thành thơi hơn. Các đội sửa sai vẫn áo nâu và ba lô về làng nhưng mặt mũi tươi tỉnh, gặp ai cũng chào và đi xe đạp tới trụ sở uỷ ban xã. Sửa sai mà, sửa sai cái cách, sửa sai phúc tra cái cách, sửa sai chỉnh đốn tổ chức – sửa sai chồng đống cả loạt. Lớp cán bộ mới từ huyện, tỉnh đến trung ương lũ lượt xuống cơ sở. Cán bộ đi cải cách trở về cơ quan, đơn vị. Những chuỗi rẽ đã thành cán bộ đội, không dám trở về làng, hàng trăm con người ở lý các trạm, chờ khắp các tỉnh, không biết rồi các địa phương giải quyết thế nào.

Để ý kỹ, quang cảnh cũng có khác. Buổi chiều một chú bé đội chiếc mũ lá vắt vẻo trên lưng con trâu nhẩn nha lên đê gặm cỏ. Bây giờ người ta mới nhớ ra có con chim chích choè hót sáng sớm. Con chim gáy báo giờ trưa chiều. Con thú thỉ thù thì ầm ừ trong hoàng hôn bên kia sông. Con tu hú về mùa quả vải. Khi hoa gạo nở đỏ khé, hàng đàn sáo đã đến đậu trên cành cải cọ vang vang.

Tất cả những chuyện trên tôi biết được và nhớ lại, vì cái hôn tình cờ tôi gặp lại Đình. Ai có thể tưởng tượng cuộc gặp gỡ kỳ lạ đến thế.

Có đến hơn hai mươi năm sau. không nhớ chính xác. Trên vỉa hè, các nách ngõ và quanh công viên thành phố dạo này người ta ở đâu kéo ra lăm người lang thang dên thề. Gầm cầu, chân tường vợ chồng con cái rúm ró với mọi thứ việc, không thể gọi là việc được. Mỏ rác, ăn mày, ăn cắp, cướp giật. Khi mưa khi nắng vào những kỳ gió bắc thổi, không biết người ta trốn tránh thế nào.

Bao nhiêu bệ rạc hội tụ lại, quần áo rách rưới chằng mảnh mảnh trên hai sợi dây nhựa căng dợt trên dợt dưới giữa hai gốc cây bạch đàn đầu công viên. Những mẫu gạch làm ông đầu rau ám khói đen thui. Chiếc nồi nhôm cơm lên hơi nghi ngút. Một xoong rau muống sào bốc mùi tỏi. Hai đứa bé lấm láp nghịch ngợm chơi tụt dốc trên lưng mẹ đương cúi cời than bếp. Một người con trai mặt sốt rét bùng rử ngồi với một ông lão trên mảnh chiếu đã xạm xám mùi mồ hôi trải sát chân tường. Chai rượu trắng đặt cạnh một đĩa lạc rang ủ trong bọc giấy báo mới lấy ra. Ông lão mặt đỏ lựng ngất ngưỡng chòm râu lờm nhờm không ra để, không ra lâu chưa cạo. Đôi chốc những người trai lại thò chân bôi đồng rác dưới gốc cây. Ngón chân cái chia gạt ra chỗ để giẻ rách, chỗ miếng nhựa, chỗ chai bia, vỏ đồ hộp, ống bơ sữa. Anh ta uống rượu đợi cơm mà vẫn chịu khó lam làm.

Cái mặt lão này, ờ cái mặt nhữ đã gặp ở đâu. Chỉ lạ bộ râu xồm xoàm tuổi tác, còn thì quen lắm. con mắt ốc nhồi, cái mũi đỏ, cái ve đuôi mắt nhấp nháy. Trong đời, mọi giao du hàng ngày, biết đâu mà nhớ xuế,

những những khuôn mặt về già mà vẫn gầy gù thì thường ít thay đổi, không như những người béo phì. Vặt một cái, như óc mở nắp, nhớ rồi: hình như thằng Đình, cán bộ Đình.

Tôi bước tới:

- Đình phải không?

- Đình cũng nhận ra ngay được tôi.

- Bối hả?

Kể ra hai con người tóc bạc da mồi, đã tả tơi cả, vừa nhận ra nhau bởi linh cảm, còn những hoàn cảnh và trường hợp đã trải với nhau thì không thể quên. Cứ ngẫm từ cái thằng tôi, vui buồn chỉ còn lại một nỗi ngâm ngùi. Nhưng Đình thì dường như không. Lũ ăn mày trôi dạt trên vỉa hè mà đình huynh như giữa nhà. Đình cười khớ khớ. Lại nhận ra vẫn cái cười láu tôm bất cần từ hồi ấy. Đình trỏ tay:

- Vợ tớ kia, bà hai đấy. Bà cả mất ở huyện Sông Mã, được mỗi thằng cu nhớn này từ ở làng đem theo.

Rồi Đình hỏi tôi dồn dập:

- Thế nào? Làm ăn ra sao? Quần áo người ngợm coi bộ phờ phạc thế? Bây giờ thống nhất Bắc Nam rồi, phải phóng tay chứ?

- Phóng cái con hươu!

- Còn đèo cơm nhà nước hả?

- Bị đá đít đã lâu rồi.

- Thì xcx như tớ ngày ấy, lo đếch gì. Dạ dày, gan ruột tốt chứ, làm một tộp.

Tôi ngồi xuống mảnh chiếu. Ngõng ngay mình cũng đương lang bạt như bọn nhà này. Đình nhìn quanh rồi chùi chiếc vung nhựa đựng muối, lật ngửa ra như cái phễu, rót cho tôi một vung rượu.

Lại chẳng đợi tôi hỏi, Đình kể một thôi một thốc, từ cái ngày đương ở Chuôm rồi bị bắt. Bao nhiêu chuyện rừng rợn và đau đớn mà cứ liến thoắng bô bô như chuyện ai ở đâu.

Đình chép miệng:

- Đến nước ấy thì chỉ còn chết chứ gì. Ba đời cùng đình mà đấu lên ba đời cai tổng, ba đời mật thám. Toàn những bố lão, bố lão tất.

Tôi cười, chọc tức:

- Cũng bố lão đại khái cái trại đại đồng của mày. Tội giết người thì không có, tao biết mày, nhưng tội hủ hoá thì chắc là sẵn.

Đình cũng cười nhưng nói nghiêm:

- Không được nói bậy, tớ đã bỏ bao nhiêu công sức vào đấy.

Tôi lấy làm lạ về cương quyết đột nhiên của Đình, trong khi Đình kể tiếp:

Được tha chết, nhưng chẳng còn ai nhìn nhọ đến mình, ở làng để chết đói hả, thôi thì chết ở đâu thì chết, không chết ở đất này, vợ chồng tớ với thằng cu này bồng bế nhau lên tận huyện Sông Mã giáp nước Lào. Mấy năm sau dần dần mới có các nơi người ta lên Tây Bắc phá rừng khai hoang, ít lâu thành làng xóm mới.

- Lại làng đại đồng!

Tôi nói câu vô ý ngỡ chạm vào chỗ đau. Nhưng Đình đã cười cười nhả nhúm cả mặt, cả râu ria.

Đại đồng đã suýt toi mạng, chẳng chơi. Mà cũng chẳng ai cần đến mình, chân trắng dân đen mà. Cũng tự nhiên, cũng cái xóm cái làng, nhà nào nhà ấy như dưới xuôi. Tớ kỳ cựu ở lâu nhất, làm trưởng thôn rồi lên chủ tịch xã. Bây giờ miền núi đã cải cách dân chủ rồi cũng nhẹ nhàng thôi, làm chân chủ tịch chân chẳng rợn gáy nữa. Cả vùng Mường, vùng Thái huyện Sông Mã gọi tớ là cán bộ Đình, chủ tịch Đình, thành Nguyễn Văn Đình rồi.

- Oai nhỉ, vẫn oai!

- Oai chứ. Nhưng miền núi ngoài này chó ăn đá, gà ăn sỏi, còn đâu moi ra lấy cái ăn, lại năm nào trời cũng ra tai, khi hạn hán, khi lũ ống, vợ tớ chết bị trận lũ lở núi. Đến khi nghe tin đã thống nhất, tiếng đồn trong Nam đất đai sướng lắm, làm chơi ăn thật, tớ mới cho vợ con...

- Vào Nam?

- Chưa. Mới vừa đến đây.

- Ở lại Hà nội.

- Không, dừng tàu dừng toa thôi chứ ở Hà nội đi ăn mày cũng không được. Trong người thằng Đình này vẫn sôi nửa trăm độ máu cán bộ. Tớ được cả làng trên Sông Mã góp tiền cho đi thăm luồng trước. Nếu làm ăn được thì kéo nhau vào. Tớ tạm trú ở đây để lo xin Hà nội cho cái giấy kinh tế mới đi Lâm Đồng. Có giấy tờ chắc chân mới vùng vẫy. Ái chà chà... Kể ra đất phường phố cũng dễ kiếm gạo. Mấy mẹ con nhà nó, cả hai thằng oắt tỳ kia với thằng nhớn này, với tớ, ngày ngày bới rác cũng ra gạo, ra rượu. Nhưng không, vùng kinh tế mới mới là nơi hoạt động của cán bộ Đình.

Đức tính ấy của Đình mà tôi không có, bây giờ tôi mới nhận ra, có thể nó bắt đầu từ cái trại đại đồng khiến anh suýt nghèo mà tư tưởng anh vẫn đa mang. Đình đậm trò tổ chức, khoái làm cán bộ, đến già vẫn vậy thì thành tích cả đời rồi.

Tôi ngồi chịu trận giữa bãi rác nghe Đình thia lia nói những câu tự tin và quyền hành. Không hiểu sao, mỗi lại thấy ra cả đời tôi là một thằng đụt, thằng hèn, chẳng có may mắn chí khí. Sao tôi không có được cái tư tưởng thanh thoi như nó. Cái thằng Đình suýt chết chém đến bây giờ đầu râu tóc bạc cả rồi mà vẫn cười nhạo rằng, vẫn đi chạy giấy tờ, vẫn mộng lập làng mới.

Đình hỏi tôi:

- Cái Hà nội nhiều cửa quá, mà biết có cửa nào chạy được nhanh.
- Tao chỉ biết có cửa mả thôi. Mà mà không có hộ khẩu ở đây.
- Rồi xoay cũng ra thôi.
- Tao chịu.

Tôi giờ giọng trốn việc. Nhưng tôi có gì, tôi bù ngủ trạnh nghĩ thân mình cũng đang cầu bơ cầu bất. Tôi thở dài.

- Tao chẳng biết.

Hôm sau, hôm nào lò dò qua hồ tôi tránh đi về phía ấy. Nhìn xa xa, tôi thấy ở chỗ gốc cây bạch đàn vẫn còn thấy phơi loi thoi những mảnh quần áo. Chiều chiều, khói bếp um lên. Ở các cây khác cũng thế, phải m lúc mới nhận ra chỗ lão Đình râu Trương Phi ngồi xếp bằng. Vẫn đương uống rượu với thằng con trai như mọi khi. Tôi lủi sang bên kia hè phố.

Nhưng rồi lại cứ tò mò nhìn sang phía ấy. M hôm tôi nhận ra những gốc bạch đàn trơ trọi, vòm lá leo reo. Không trông thấy dây phơi quần áo. Tôi đến tận nơi. Vẫn ba hòn gạch vua bếp trên đặt một ống bơ cơm đương sủi. Một người đàn bà tóc xoã sượt đương nằm đắp chiếu rên khừ khừ ngay bên cạnh. Người ốm thò tay run rẩy những mảnh giấy vụn vào bếp.

Nhà Đình đã đi rồi. Không biết Đình đi kinh tế mới hay đã đổi chỗ đến những xóm liều giữa bãi rác, kiếm nhanh hơn. Nhưng tôi đoán chắc Đình đi Lâm Đồng.

o O o

Thế là tôi sang thôn Chuôm thay “thằng phản động Đình”. Thôn này đã có địa chủ, địa chủ đã đi tù, yên chí anh đội. Duyên là chuối, tổ trưởng dân quân, Đình đã cắt đặt từ trước. Tôi vẫn không đoán được cái đêm rình thằng Đình ở cạnh đèn, Duyên bẫy tôi vào lưới hay là chuyện thật thế. Đẳng nào thì cũng vậy thôi.

Nhưng ông trời khoanh ác không cho cái thẳng lười tôi yên thân. Theo kế hoạch chung, tối nào cũng họp tổ nông hội, họp thôn kể khổ, đôi khi đấu lưng cả địa chủ đã chết tới sáng. Phải soi mói cùng kiệt, không để lọt lưới. Bố mẹ nhà địa xuống âm phủ đã tám hoánh thì moi lên đấu bóng, đấu cho tăng cảm thù đón ngày mít tinh xoá bỏ giai cấp địa chủ toàn xã. Nhưng tổ khổ địa chủ sống vẫn còn sôi sục hơn. Ở ngay cái sân gạch bát tràng mà xưa kia Lý Thìn, đến mỗi vụ thuế hàng năm đã nọc ra đánh không biết là bao nhiêu cùng đình chậm thuế, thiếu thuế. Đêm đêm người ta tính đồ tội. Lý Thìn cời trần, thắt lưng lụa điều, cầm hèo, tổng cộng ngần này năm phó lý rồi lý trưởng trước khi lên làm chánh tổng đánh bao nhiêu người, hai trăm tám mươi bảy cả dằn ông đàn bà, đếm được rõ ràng đến thế. Tôi buồn ngủ cứng mắt, rơi cái bút lúc đương vật vờ ghi chép. Mặc dầu, vẫn chốc lại cố cất giọng khàn khàn: “Bà con ta ai có khổ nói khổ, nông dân ta vùng lên”. Nghe gà đã eo óc gáy dồn, tôi đứng dậy, chỉ kịp nói “bế mạc”, cả đám họp đã cung cúc chạy. Vẫn chưa thoát cái vất vả nữa. Các thôn lại nháo nhác. Có hai đám tự tử, một người đâm đầu xuống giếng, một người thắt cổ. Dưới thôn Đìa- thôn trọng điểm của đội trưởng, nửa đêm cháy hơn chục nóc nhà, người phải ra đồng chất đất cày như xếp ải làm vách lỗ đất hang chuột để ở tạm.

Cuộc hội ý đội sáng sớm vẫn thường ngày. Và từ từ mờ, cái Đơm đã ra đứng đợi tôi trong bụi cây dưới. Đến lúc vào họp, tôi vẫn còn thờ thần, nhớ lúc này hì hục với con Đơm.

Đội trưởng Cự đứng lên:

- Các thôn báo cáo.

Cuối bước hai thôn nào cũng đồn dập, có thôn, cả bốn địa chủ với hai phản động gian ác phá tường nhà tạm giam, trốn mất. Xóm nào cũng mất trộm gà, bốn con trâu bị giắt ra đồng bị đâm lòi ruột, kèn đầy.

Đội trưởng Cự nói, ngay câu đầu đã gay gắt:

- Tổ khổ bước một, bọn địa chủ còn nghe ngóng, bây giờ chúng nó mới mới ra mặt chống phá. Chớ quên thành tích đội ta đã giết được lá cờ đầu đánh địch nên mới được ra làm cải cách vùng đất hai trăm ngày này. Quân Pháp được rút chậm hai trăm ngày ở Hải Phòng cho nên xung quanh thành phố là cái túi đựng mọi loại phản động. Chi bộ xã này, một địa chủ cường hào gian ác đội lốt huyện uỷ viên về thành lập lúc bị tạm chiếm. Ngay khi ấy đã chi bộ hai mang, bí thư hai mang. Khi đội về, chi bộ đã có 47 đảng viên, đoàn uỷ cho ta thanh lọc đã duyệt đuối ra 37 địa chủ, mật thám, quốc dân đảng và các thành phần linh tinh, thế mà chúng vẫn còn uy hiếp nặng nề. Tôi đã lên đoàn đề nghị xử bắn bí thư. Không thế, khí thế nông dân không lên được. Nó làm bí thư ta, lại là bí thư phản động. Tôi đã đi cải cách ba đợt, chưa lần nào gặp nhiều địch như lần này. Các đồng chí đã biết rồi, chúng nó đã chia sẵn ruộng đất trước khi đội đến. Hôm tôi vào nhà bí thư, nó khiêu khích ngay: “Ruộng đất các thôn trong xã đã được chia lại hết. mỗi chủ ruộng, mỗi người được chia đều có hỏi ý kiến của hai bên, thật công bằng. Thế là nhẹ việc cho các anh”. Có gồm không, vậy thì chúng tôi chỉ còn có việc đầu hàng giai cấp địa chủ.

Đội trưởng Cự quắc mắt từng đợt:

- Tình hình nghiêm trọng, các thôn phải tuần phòng cẩn mật suốt ngày đêm. Kế hoạch ba ngày nữa, duyệt xong hết địa chủ. Yêu cầu mỗi thôn lập hồ sơ đề nghị làm án nặng một địa chủ có tội với nông dân, có thể mới đưa được tinh thần nông dân lên.

Hôm sau, mít tinh xử bắn tên phản động đội lột bí thư chi bộ dưới xã Đìa. tôi nhất thấy máu, lại phụ trách toà án. Nhưng tôi đã có được lý do chính đáng. Đội trưởng đã phát hiện ra bọn phản động thôn Đìa- tôi chưa tìm ra cách thoái thác trốn việc thế nào đội trưởng đã nhân phụ trách toà án vụ này và phân tôi huy động dân quân toàn xã bảo vệ mít tinh xử án.

Tháng này các chuôm ngoài bãi chỉ còn xâm xấp nước. Ngoài sông, không có một người mò hến, kéo tôm, văng cả trẻ con lau nhau đi đổ đó. Không biết chúng nó biến đâu, chẳng thấy một mống. Chúng nó đi xem hay chúng nó sợ, trốn ở nhà. Tôi dạo quanh một vòng bãi, gặp các tổ trưởng dân quân, dẫn dò mấy câu kỷ luật rồi trở về, úp quyển sổ tay lên mặt, để cái bút báy mở nắp ngang nan chông. Tôi định ngủ một giấc, nhưng cứ trần trọc. Những tiếng hô khẩu hiệu từ ngoài bãi vọng lại. Tôi vẫn lo sợ vẫn vơ về một người sắp bị bắn mà tôi cũng không biết mặt.

Đến lúc nghe đoang đoàng mấy tiếng súng, tôi bật dậy. Thế là ngoài bãi mít tinh xong rồi. Tôi hí húi thảo một kế hoạch canh gác sát sao. Làm kế hoạch thì tôi quen rồi. chỗ nào cũng để mắt tới, con chim lạ bay qua cũng phải biết. tuần các ngõ, lại lập chen vào những chốt gác bí mật. Cán bộ đội các thôn đi tuần với dân quân. Tôi chạy đi gặp đội trưởng, báo cáo kế hoạch, làm như cả buổi mít tinh tôi vẫn có mặt ở đám du kích canh gác, bảo vệ.

Hôm sau lại một người thắt cổ- một nông dân. cứ có người chết, tôi được phân công viết điều văn. tôi có tiếng là người nhiều “văn hoá” trong đội. Chết đói, chết đuối, điều văn đều xúc động và gọi cảm thù. Hương hồn anh yên nghỉ, tên anh từ đây ghi vào lịch sử đấu tranh máu và nước mắt của nông dân xã ta... Tôi đã chép được ở đây câu ấy, cứ thế, cứ thế, chạy loăng quăng, giữa những việc lút đầu.

Tối nào tôi cũng đi tuần với tổ dân quân Duyên – kế hoạch tôi vạch ra cho dân quân cả xã cơ mà. Vả lại, mấy hôm nay mới có người thắt cổ, Duyên hốt đi quãng ấy. Bây giờ Duyên đi đâu cũng mặc áo lót cổ vuông của tôi, kể cả đêm đi tuần. Tôi lại phải dạo tôi sắp đổi đi thôn khác, tôi dọa không cùng đi tuần với nữa. Con bé vẫn những nhẽo nài: anh cho em mặc ở nhà, mặc tối thôi, cái áo anh có bùa mê, anh ạ. Tôi đành chịu. Mà tôi cũng quen mũi cái mùi mồ hôi cỏ, mồ hôi bùn của Duyên. Vả lại, lũ trẻ đen tối mới công nhau vào nhà không lên đèn. Bố Duyên thì hai mắt lông quặm, phải kẹp tre kéo mí lên từ thuở trẻ. Hẹp xóm, ông ngồi thụp vào một góc, tránh ánh đèn chói, tối đi ngủ từ lúc gà lên chuồng.

Đội tuần thôn chia từng tốp đi khắp. Tay gậy, tay súng, thắt lưng giắt quả lựu đạn điếc, vòng ra tận ngoài bờ tre. quá nửa đêm tụ tập về trạm đầu xóm. Lúc ấy vẫn dần. Đám con trai linh đi, lừa theo những con mái nào không biết. Khoảng một giờ sáng, trở lại trạm gác chỉ còn mấy cô- tối nhụ nhọ, chẳng rõ mặt ai, các cô ngồi đứng xoắn tóc gió thổi như ma đánh đu.

Anh đội và các cô dân quân rúc cả vào túp lều sàn lát mảnh hóp đá, cái giồng hóp mỏng mặt nhưng chắc và mát lưng, nửa chân cột cắm xuống mặt nước ao làng. các cô đẩy nhau nằm cạnh tôi. Duyên quát rít lên: “Tao là tổ trưởng, tao pp xít xao với anh đội “. Rồi Duyên nhảy phắt vào, xô cả tôi dạt sang bên. Duyên nằm xóng xoài ra gối cái báng súng trường lên đầu, làm như ngủ luôn. Không cô nào chen, tỵ nạnh nữa.

Chúng họ xoay sang nói kháy, trêu chọc nhau.

- Mai kia mày vác anh đội phó về Thanh Hà quê chồng mày à?

- Tao để lại cho chúng mày đấy.

- Thanh Hà chẳng đói như ở đây đâu, anh Bối cứ về. Có nước cáy lại đến mùa rươi...

- Bắt rươi vất bỏ mẹ!

- Được lấy một lúc hai chồng, sướng quên chết rồi.

- Cứ dọa làm anh ấy ghê. Anh Bối ạ, chẳng đâu bằng ở đất này, tháng ba ngày tám thì gày giơ xương sườn, teo vú một tý, chứ đến ngày mùa hốc hai ba bữa cật lực thì lại tròn như con cun cút. Béo nắn ra ấy chứ. Anh đi với cái Duyên xuống Thanh Hà hay anh ở đây với chúng em.?

Duyên quát:

- Tao sắp về Hà nội đây.

Rồi rúc mặt vào lưng tôi, cười rinh rích.

Canh khuya, tiếng thở dài thườn thượt khao khát, tiếng cù nhau cười như chuột rúc, tiếng nước bọt nhổ bèn bẹt xuống mặt ao như cá đớp. Chỉ một lát đã chập chờn. Duyên nằm đè lên tôi quấy huỳnh huých, chẳng ra ngủ mê, chẳng ra thức. Tôi thấp thỏm ngạo tiếng rin rít mảnh giát hóp đương lung lay, khéo đổ cái sàn mất. Duyên rên u ử như con chó mê ngủ rồi lăn ra. Những hơi thở nồng nàn hai bên lay tôi tỉnh lại. Nhớ những cuộc tuần đêm khi còn ở trong Nông Cống. Hết thế này. Sao những lúc mơ màng ngái ngủ thì người ta giống nhau thế. ăn nằm với nhau hần hoi mà như ngủ mê. Tiếng thở lả tiếng ngáy rờn rờn nâng cổ tôi dậy, tôi bò sang. Chốc chốc, sàn lều rập rình như thuyền. Chỗ góc ao này chắc lầy lội, con chẳng chuộc, con chẫu chàng càng khua càng uôm oạp inh tai, át cả tiếng kéo kệt mắt nửa, mặt hóp lẫn lộn vào đấy. Tôi lần lần... Thì ra chưa cô nào ngủ cả. Các cô nghiêng răng nín áo tôi lại. Nhưng tôi như con lươn luôn đi, chẳng bao lâu lại rúc về chỗ Duyên.

Tôi như con trâu con bò, không ra sợ không ra liều. Những điều về công tác, về kỷ luật viết trên giấy trong lịch ngày, lịch tuần, lịch bước, lịch đợt. Tôi không hiểu, tôi không muốn hiểu, lỳ. Duyên nói tỉnh khô: “Anh mà ngủ với em khi ngày mùa ấy à, như nằm đệm bông. Bây giờ thiếu ăn hóp cả người thì em phải giữ,

chứ cái bánh xương chè của em mà đâm lên thì anh gãy mạng sườn mất”. Đói mà còn khoẻ thế.

Nhớ lại cái quang cảnh hôm chợ huyện. Chúng tôi húc đầu vào hàng bánh đúc thì xung quanh mình bỗng đói khát. Trong chợ, những căng tay căng chân đi lại như những cành que. Một người đàn bà ở đâu đến ngồi xếp xuống, bồng đứa con gái nhỏ trên tay. Thằng con trai khoảng bốn năm tuổi mặt già cắc bô bên chân. Mỗi lần người mẹ giơ đứa bé cho người hỏi mua, đứa anh lại oà lên khóc. Người mẹ meo mào: “Nó khóc quá, tôi không dám cho”, chốc chốc lại nói lại câu ấy. Một bà nói: “Để tôi đi mua cái kẹo nhử thằng bé thì nó mới nhả em nó được”. Người đàn bà vỗ vỗ lưng con, lặng im. Xung quanh đổ đến mỗi lúc một đông. Cái người tần ngần đứng hỏi mua trẻ con, người ấy cụt một tay. Có người đòi xem thẻ thương binh của anh ta. Tiếng ai kêu lên: “Ồi giờ ơi, cái lúc lung tung này, thằng Ngô Đình Diệm ở trong Nam cho người đi mua trẻ con rồi ném vào bụi, đổ cho ta giết. Đã tìn ra khối đấy. Phải cẩn thận cái thằng địch đồng bào ạ. Mấy người cho mẹ con nhà nọ cái bánh đúc ngô. Hai đứa trẻ nhai nhồm nhem. Người cụt tay hỏi mua trẻ đã bỏ đi từ lúc nào.

Giấc ngủ mê mệt của tôi rối loạn những chuyện đói: Hết cả hơi, tôi cũng đương đói bụng dốc bụng. Tiếng vành bánh xe bò người kéo lộc cộc, các làng đi chợ sớm đã lết quẹt gồng gánh ngoài kia. Tôi uể oải mở mắt. Các cô dân quân đã đi hết, chỉ còn mấy tôi nằm trơ giữa cái lều. Tôi lồm cồm, vớ cái xắc cốt, đứng dậy vươn vai, oằn lưng bẻ khục răng rắc mấy cái rồi về xóm Am hội ý đội... Tôi tránh qua chỗ bụi cây chuối, sợ cái Đơm ngồi rình trong ấy. Tôi bước nhấp nhô trên cánh đồng cày ải, đất xám bàng bạc. Đổ ải những guồng nước kiu kịt, người tát nước nhịp đôi, nhịp ba, nhịp bốn lên đồng cao. Chỉ mấy hôm nữa, đất ngấm nước tươi màu dần, đường bừa ào qua váng nước trắng mặt ruộng. Mạ đx đến tuổi, nhưng chưa biết thế nào. Năm nay chạy đói mới cấy cưỡng, đồng đất vùng này vốn chỉ ăn được một vụ mùa.

Vào họp, đội trưởng Cụ tuyên bố:

- Thảo luận công tác thôn Am, thôn Chuôm.

Thường lệ, các xóm “mọi việc đều tốt”, cả cái hội tôi bối rối ở bên Am, chưa mò ra địa chủ, tôi cũng “thưa các đồng chí... tôi đương lên phương án”. Ai nấy hí hoáy số tay, tôi tần mẩn vòng móc xích những chữ o liên nhau. Mới sáng mà mắt tôi mờ như quáng gà, tôi ngủ gật, ngồi bút rụi xuống xuống giấy, nhoét mực. Nhọc quá, từ đêm chưa được một hột vào bụng.

Nghe tiếng “thôn Am... thôn Chuôm...” mắt tôi bỗng ráo hoảnh, cơn ngủ biến mất, tôi ngẩn người nghe đội trưởng nói:

- Về tình hình thôn Am trước. Khuyết điểm, đồng chí Bối sẽ kiểm điểm sau về việc hai tuần lễ không phát hiện ra địa chủ. Tôi về thay, tôi đọc tài liệu rồi để nửa buổi thăm nghèo hỏi khổ đã lòi ngay ra một thằng địa, đem hồ sơ lên Đoàn được duyệt tức khắc. Suýt nữa con cá chuối lọt lưới. Cái thằng Tư nhờ lù lù đấy chứ đâu. Thằng ấy bảo là học trò trên huyện, về chân lấm tay bùn đã lâu, nói láo. Cái cây tre buộc sợi thép lủng lảng nó bảo là hộp galen để nghe tin tức của đài ta, đồng chí Bối tin thế hả? Không, tôi ở quân

đội tôi biết, nó là cái bắt tin, đánh tin đấy. Thằng Tây đã cho nó lặn lại thì phải cho nó thông tin liên lạc. Mà rõ ràng đấy, cửa nhà nó có cái bảng đề chữ Tây treo to bằng cái hoành phi sơn son thiếp vàng trên bàn thờ bố nó. Rể chuối đã lôi nó ra đấu một đêm, nó gục. Địa chủ Tư Nhữ đã phải ký biên bản nhận tội tay sai phản động rồi. Tôi đã cho dân quân gác không cho nó ra khỏi cửa, đợi lệnh của đoàn. Còn sang đến mục không có lao động, thì nhà Tư Nhữ đã thuê người từ cấy hái đến đánh cây rơm. Người làn nhà nó đã tố hết. Bây giờ nói về rể chuối thôn Am, anh Diệc vốn là cố nông, đồng chí Bối đã bắt rể đúng. Nhưng khuyết điểm là anh Diệc không được bồi dưỡng, chuối rể là cô Đơm con anh Diệc cũng chỉ có tên thế thôi, rể và chuối đều chưa có tác dụng. Địa chủ Thìn thật độc ác, vợ anh Diệc què gầy mù loà thế mà địa chủ Thìn bắt anh Diệc lấy rồi lại phải cày cấy trả nợ. tôi đã chỉ định đồng chí Diệc làm trưởng thôn, đồng chí Đơm làm tốt trưởng dân quân. tôi sẽ phát động đồng chí Diệc, đồng chí Đơm lên ngang mặt đấu địa chủ Thìn hôm toà án xử.

Tội ác địa chủ Thìn thì tôi đã nghe bác Diệc và thằng Vách kể, họp đội tôi vẫn báo cáo, nhưng đến lúc đội trưởng Cự nói thì những việc đội trưởng vừa phát hiện mới đúng. Không hiểu sao, nghe Cự nói tôi lại nghĩ rồi một chuyện nhảm khác: thằng này đã ngủ với con Đơm. Tôi càng đình ninh thế khi cách đây mấy hôm đội trưởng Cự đưa vợ ở Đìa lên chào đội, nói vợ đồng chí sắp đi công tác. Cô “rể” ấy đã được Cự lên đoàn uỷ xin cho đi thoát ly. Cô bé ngơ ngác hôm nào, đã thành người cán bộ áo nâu quần thâm mới, vai đeo túi vải kaki, nhanh nhẹn hoạt bát. Cái ám ảnh mấy đợt cải cách đội trưởng đã chế tạo ra không biết mấy cái rể vợ như thế lại lẫn lộn trong tôi. Vợ mà đi công tác thì cái thằng “Nguyễn Bốn” ấy lại ngủ ngay với người khác thôi. Cái thằng mắt lúc nào cũng đỏ cá chàu thế kia chịu sao được tối nằm không. Ở mà mấy sớm nay không thấy đơm đón đường kéo tôi vào bụi duối. Mọi khi Đơm vẫn liêu lĩnh như con cún đói ngồi rình chụp mồi trong bụi. Đơm núp trong ấy từ lúc chưa tỏ mặt người. Có hôm, tôi chui được ra thì áo toác chỉ lung tung, một bên má bị cắn rở m máu. Đến họp đội, tôi nói bịa vô ý đâm vào cái cộc chạn bát.

Mà Cự đã phân công anh đội khác về Đìa. Cự đã lên ở nhà bác Diệc, văn phòng đội, họp đội cũng lên đây. Tôi mang máng đoán ra. Tôi chẳng ghen tức nổi gì, tôi chỉ phân tích ra thế. Đi họp, tôi chỉ nghĩ quanh quẩn vấn vợ.

Nhưng vài hôm không gần gũi Đơm cũng lại nổi cơn thèm. Cái ngây ngô của Đơm đáng yêu làm cho mình có cái đàn ông hơn trước những thành thạo ngổ ngược của Duyên. Trời đương mưa lẩn phẩn. Tôi vác cái cào như đi đánh cỏ, tôi loạng quạng ra đồng. Xem ngõ may có gặp Đơm. Cánh đồng và gò đồng xa vang trong mưa mù. Nghe tiếng cả bước chân người rào rào trên cỏ. Giá ban ngày nắng ráo mà được lẩn lộn ở đây, vật nhau có rống lên như bò cũng không có đứa nào nghe tiếng. Đương nghĩ thích thú, thấy bóng người trong bụi mưa đi tới. Tôi ngỡ là đội trưởng Cự. Cự thật, Trong trước thấy cái sắc cốt thâm xì nước mưa

- Bội đấy a! Làm gì thế?

- Tôi đi cào cỏ

- Thôi, về đã! Có việc quan trọng. Nghe hai tiếng quan trọng, tôi đã thấy đắng miệng. Tự dưng nghĩ ngay đến cái lúc Cự thì thảo thẳng Đình bị trời nửa đêm đem đi.

Tôi bước theo Cự, chẳng nói chẳng rằng. Cự cũng im. Tôi càng rờn rợn. Vào nhà bác Diệc đã thấy cả hơn mười anh đội các thôn về ngồi đây.

Đội trưởng Cự đứng dưới mái tranh, cất tiếng như hô khẩu hiệu:

- Báo cáo các đồng chí, trên đã duyệt án tử hình địa chủ Thìn.

Những người ngồi quanh vỗ tay đập đập như đập mặt, tôi còn tìm chỗ gác cái cào cỏ và chưa hết cơn hốt hoảng vừa rồi, chưa hiểu thế nào, đến lúc nghe thấy thế lại sợ tiếp. Địa chủ Thìn xóm Chuôm, lại bận bịu lúi thúi đến tôi rồi. Chỗ giam lão ta cũng tại ngay nhà lão, tôi thường đi qua kiểm soát dân quân canh gác. Một lão già tám mươi tuổi heo hắt như cái dây khoai, mắt thông manh mù dờ, khoèo chân không đuổi ra được. Chẳng có ăn thì cũng chỉ dăm hôm nữa lão nghèo thối.

- Tôi phân công đồng chí Bội đội phó phụ trách toà án chịu trách nhiệm hôm tổ chức xử địa chủ Thìn. Các thôn khác huy động triệt để quần chúng đi dự.

Lần nay, tôi không thể lùi đi, đổ việc cho ai. Thế là, cũng đột nhiên tôi cứng cáp, nhanh nhẩu, phát biểu và ghi chép nhay nhoáy nhanh như máy.

Tôi ra họp tổ dân quân. Bọn con gái vừa trông thấy tôi, đã nói to như mách nước cho tôi biết phải theo thế: “Các đồng chí nam vào bắt thẳng tù. Chúng em đứng ngoài canh gác. Cả tổ trưởng Duyên cũng vào hòa với chúng nó và tôi đã cắt đặt theo như thế. Sớm hôm sau, bốn người đeo súng trường vào chỗ giam địa chủ Thìn. Người nào cũng hăng hái, sững sờ khác thường như vừa có chén rượu. Tôi đứng giữa nhà, nhìn bao quát. Hai người mở chốt cũi. Đứng quần lão già đầy kẹp cứt, cả gian âm u ẩm ướt thối không chịu được. Mấy người nhà xúm lại khóc rưng rức, đỡ lão Thìn.

Tôi hét:

- Cút ra đằng kia!

Một dân quân vào bếp lấy ra cái đòn ổng. Trưởng thôn Cối ở đâu xồng xộc chạy vào, cúi xuống, lột cái áo vét đã đen địa chủ Thìn đương mặc, ngẩng lên cười hê hê: “Để cho mày khỏi vướng rồi. Coi xỏ fay vào mặc áo luôn. Lão tự bị buộc tay buộc chân, hai người khoác súng xỏ đòn ổng, khiêng boong beêng đi. Cái lưng áo dạ với hai vai nhấp nhô của Cối, tôi ngờ đây là lão Thìn đã lộn kiếp, nhập sang người thẳng kia.

Bãi mít tinh đông nghịt người. Giữa đám, lại những túm là móc diều, những tàu dừa kết thành mm hàng rào xanh trang trí sau bàn toà án.

Cuộc đấu lên nổ liên tiếp, khi địa chủ Thìn vừa được đặt xuống ngồi tựa vào cái cọc. Người chạy lên

chạy xuống, tới tập.

- Mà có biết tao là ai không?

Thế nào mà tiếng lão già sắp chết này vẫn nói sang sảng:

- Thừa bà nông dân... tôi không biết...

- Tao đi ở cho cháu mày.

- Thế thì tôi không biết thật ạ.

- Mày lấy roi cặc bò đánh tao. Đả đảo địa chủ!

Rồi hốt hải chạy xuống giữa tiếng đả đảo cuồn cuộn trong đám người.

Cái bãi lau chen chúc lồi thoi, dần nước trắng đặng cuối. Những con chim hét đen tuyền, những đàn cò trắng không dám đậu xuống, lượn quanh trên trời với mấy con diều hâu. Thường ngày, trẻ con chăn bò trên bờ cỏ lác đặng kia. Cái sa chăn cá trong hồm sâu vào lạch ruộng, xưa kia đây chỉ toàn bãi rậm. Xa xa, dưới bóng gò đất chơ vơ giữa đồng, những xóm mới, xóm trại nhích lại dần. Tôi vẫn hay đi qua đây, sáng chiều nước ánh lên bóng người tha thui ngoài sông ngoài đồng về lúc chập tối, đã bao nhiêu đời buồn bã thế.

Lát nữa lão Thìn sẽ chết ở cái bãi mà mới năm trước, lão thuê cả lính bớt, hương dưng đốt cỏ lác cày vỡ hoang.

Lão Thìn là người, lăn quay ra giữa bãi đồng vắng, giấy tờ, sổ sách chữ Tây chữ ta trong nhà lão khuôn ra đốt, khói urn lên, tàn than là tả bay như đàn bướm đen. Những tiếng quát xô lên: Không cho nó nằm! Nó nằm sập gụ cả đời rồi! Bắt nó đứng! Bắt nó... Địa chủ Thìn bị xốc lên, trối hăn vào cái cọc đã chôn sẵn. Đầu lão ngật đi. Chốc chốc lại ỉa tháo ra cái quần đã tụt vũng hăn xuống hai đốt chân bằng cái ống nứa.

Tôi ở ghế chủ tọa đứng lên đọc một bản cáo trạng tội ác lão Thìn. Nhà nó đã mấy đời bóc lột, càng ngày càng giàu, càng ác. Nó thu thóc ta cho Pháp, cho Nhật, khi kháng chiến đội lốt làm chủ tịch xã, đến hồi Tây về nó ra làm tổng uỷ - nó là con chó săn của hai, ba đế quốc. Con gái nó đui què, câm điếc, nó bắt nông dân phải lấy, rồi lại phải phải cầy rẫy giả nợ... Đả đảo địa chủ, cường hào ác bá...

Giữa những tiếng láo nháo hô đả đảo, bác Diệc run run bước lên. Mặt tái ngoét như con gà cắt tiết. Tổ dân quân mấy xóm dàn hàng ngang. Đơm khoác súng đứng hàng đầu. Duyên thắt lưng, đeo lựu đạn, vè quắc thước quân sự. Đôi lúc, Duyên mặt đỏ hây, cặp mắt nhìn xuống hai đầu vú đương cương cong tớn. Thấy thế, tôi mới nhớ vẫn Duyên ấy. Đơm thì nước mắt rùng rùng nhìn lên tôi. Có phải những giọt nước mắt nói: ông em ngay trước đây.

Bác Diệc chỉ tay vào địa chủ Thìn:

- Tao thù mày! Tao thù...

Rồi khóc ròng lên, chạy xuống. Đội trưởng Cự Cự xô ngay ra trước loa, quát to:

- Hôm nay là ngày thắng lợi của giai cấp nông dân chúng ta, cấm không ai được khóc.

Ở đám các làng ngòi chen chúc, một bà lão gầy rạc, da mặt đọng từng vũng nhăn nhúm. Bà lão nói choang choác: “Đận đói năm trước, nhà tôi một tháng chết mất ba người. Đến đận này ruộng kiệt nước, đói dài hai năm mà không ai chết. May được bộ đội về đây giồng rau muống, rau lang an trợ thời. Cái khi thắng Thìn làm phó lý, chồng tôi chậm thuế thân, thắng Thìn cho tuần vào bắt cái nôi tư, tôi đương kéo vó bè, nó rở cả vó. Nhờ các ông các ba lên kê khổ hộ tôi.

Lại nghe loác choác, bô bô tiếng lão Côi điếc:

- Bố thằng Tư Nhỡ làm hương kiểm, một đêm, nó sai tôi đi úp trộm cá ngoài ao làng. Khán thủ bắt được trối đánh đau quá, tôi phun ra hương kiểm sai. Khán thủ cũng phải sợ thế lực hương kiểm, nhưng từ bấy giờ hương kiểm thù tôi làm nó bẽ mặt, cứ gặp tôi đâu là đánh. Một đêm có lệnh canh đê trên phủ từ về gấp. Khán thủ cho tôi đem giấy vào hương kiểm. Hương kiểm nhà giàu sợ cướp đã có hiệu trước, không cho tuần đình gọi cửa đêm, hễ có việc quân chỉ được đứng ngoài thối tù và gọi. Tôi đứng bờ ao, rúc từ và từ nửa đêm đến gà gáy sáng, phồng rạt cả hai má, long oc, ret run cầm cập vẫn không thấy ai ở nhà hương kiểm ra. Sau trong xóm nghe tù và điểcc tai quá, phải chạy vào gọi hộ. Hương kiểm vác hèo ra njt: “Sao mày không thối giục chứ thối như đi tuần thế thì bố mày càng không biết. “Rồi quật tôi ba hèo bắn máu dít. Tôi đã ghi cả vào óc rồi. Cha làm con chịu, cái thằng từ Nhỡ bây giờ phải đền tội cho thằng bố, thằng cụ, thằng kỵ nhà nó.

Một người nói:

- Hôm nay mới đấu thắng Thìn, chưa đến lượt tư Nhỡ.

- Ấy chết, tôi cứ tưởng hôm nay đến thắng tư Nhỡ?

Chẳng ai trả lời lão điếc lại say rượu. Không biết có phải vì cái khổ đã đau đớn lắm rồi, lại nghe nhiều rồi, chẳng mấy người muốn nói nữa. Một lát, cái bà lão lúc nãy lại hỏi: “Nó lắm vợ quá, năm vợ, mười bốn con, đã ai lên đấu nó cái tôi bóc lột ấy chưa?” Cũng không ai trả lời cau hoii ngu ngơ. Một người dáng như tổ trưởng, xách cái gậy lảng vảng đến. “Đây không phải cái chợ. Ai xì xào nữa người ta cắt lưỡi đấy.

Cả nghìn con người lại im như tờ. Khi một loạt tiếng súng toả khói xanh um lên, đám đông ở dưới đây nhau chạy. Ai cũng khiếp tiếng nó. Người hãi máu, bịt mắt lại. Người nhốn nháo ra các ngả. Tiếng trống cả rung của đội thiếu nhi nói lên khua rầm rầm, vang vang, thế là địa chủ Thìn chết, chết trước khi phục, chẳng biết địa chủ mà bị xử chậm lại gặp đội sửa sai thì có được tha không, nhưng dầu có may mắn thế,

chắc lão cũng ốm chết trước đấy lâu rồi.

Thế mà ngay tôi ấy lại có họp - một tổ cán bộ đoàn uỷ xuống huyện vận động sản xuất và hô hào đóng thuế nông nghiệp. Việc hoả tốc phải quán triệt ý nghĩa quan trọng vụ mùa tới và định mức thuế tạm thu. Mọi đêm, cuộc họp nào cũng chật cứng ra cả ngoài sân đền. Tối nay mỗi xóm có tổ vài người gom lại. Hơn mấy chục đầu lỗ nhố, đi mít tinh cả ngay lại xem bắn người, khiếp quá chưa lại sức, hay tan tác đầu chưa hoàn hồn về, hay sợ lại phải họp oqr gần cái bãi tha ma ban trưa, người ta hốt hoá ỳ ra. Những việc cấp bách không thể hoãn, tối mai tổ cán bộ huyện đã sang làng khác.

Cuộc họp lèo tèo mà vẫn hỗn dộn triền miên như mọi khi. Một cán bộ đọc to thư của liên khu kêu gọi đóng thuế nông nghiệp, sau phổ biến bốn câu hỏi để lần lượt thảo luận. Vài người - có những người đã thành thói quen ở cuộc họp nào cũng hay nói, nói nhiều, đã quen mặt và nhàm tai, cả đám người khác rúc đầu vào canh tay, làm con vẹt ngủ.

Rồi cán bộ trình trọng phổ biến mức thuế của xã cho xóm: vụ này tạm thu năm tấn. Cán bộ xoè hai bàn tay làm loa nói to kêu gọi mọi người thi đua đóng thuế. Hai tổ trưởng nông hội ngủ từ lúc nào, có người đằng sau đẩy vào đít, bật dậy, ú ớ giơ tay:

- Tôi thi đua!

- Tôi, tôi nữa!

- Đề nghị cho tổ tôi...

Lại một người kêu to:

- Đồng ý, đồng ý.

Ai cũng hô theo: đồng ý...

Vẫn chưa họp xong. Con việc bình cho một nông dân lên huyện học bảy ngày để về làm công tác vệ sinh viên. Có người nói:

- Còn có cụ Cối rồi việc, lại thành phần rẽ chuối, cho cụ ấy đi học vệ sinh viên.

Một người ghé tai cụ Cối, hét lại thế. Cụ Cối cười: “Cấp tiền cho tôi thì tôi đi ngay” - rồi cười giơ hàm răng móm, lão già tai lành tai điếc mà khôn lỏi tù và. Cả làng au rau muống khô cứu đói lại đòi người ta đóng tiền cho lên huyện ăn cơm.

Cán bộ cả tiếng hô hào tương thân tương ái, ủng hộ người đi học vệ sinh là tiến lên văn hoá mới. Chẳng ai để tai. Nghe tiếng lão Cối ngáp to: “Gà gáy rồi, giải tán thôi, có gì mai họp nốt. Mới người ù té về. Cũng chưa ngã ngũ ai lên huyện bảy ngày học vệ sinh viên.

Tôi mệt bã người. Vẫn còn ám ảnh mùi máu, mùi hôi thối bắn ngay. Cổ khan lại, tôi bỏ không nuốt được bát rau muống khô của lão Cối để phần. Vùng này đương vào vụ giáp hạt, nhà nào cũng cơm lẫn cám, với rau lang, rau muống khô trộn muối. Thế mà lại kêu gọi sản xuất, trong khi cây mạ vàng óng mới cấy xuống ruộng, chưa biết thế nào. Lại còn sắp sẵn thuế tạm thu, bổ đầu từng xóm. Tôi không hiểu ra sao, lại nghĩ bài này ra sao thì ra. “Cũng như trong buổi họp, bảo thi đua, người ta giơ tay thi đua bạt mạng. Duyên vẫn cầm tiền của tôi, thấy tôi không ăn cơm được thì mai lại lên chợ mua bánh đúc ngô, cái ngô nướng, chiếc bánh khoai, đem về cho tôi ăn vụng như cái Đơm mấy hôm trước vẫn đi mua thế.

Tôi lẩn vào giường góc nhà nằm gối đầu lên cái túi. Bụng đói cồn cào rỗng không. Những việc bắn ngay dữ dội, việc bắn tối hội họp đến kiệt cùng kẻ ra cũng đã quen qua mấy đợt, chỉ mệt mệt rũ. Chắc Duyên đã đi canh gác. Tôi thiếp đi lúc nào không biết.

Mơ màng như có còn mối hay còn chuột đụng vào chân. Tôi mở mắt, quờ lên cái túi. Không biết đã khuya thế nào, ngoài sân tối om. Trong lô thùng trên mái lá nhà dột, nhấp nháy ánh sao như những con đom đóm bay. Sau trận mưa rào cuối mùa còn sót lại, ngoài chuôm, ếch ương đối đáp nhau inh tai. Thành lĩnh tôi nhìn có bóng người lù lù trước mắt. Nhưng không phải Duyên. Là Duyên thì đã đi xộc vào, không lom khom ngồi xồm thế. Hay là ma, ma lão Thìn, hay là, thằng Cối mặc cái áo vét đến bị hồn địa chủ nhập vào ma đương về trên tôi.

Tiếng thì thào:

- Anh Bối! Anh Bối ơi!

- Hừ!

- Em là Nhỡ, tư Nhỡ đây. Anh sang đây, anh bỏ em rồi. Em sắp phải chết bắn như địa chủ Thìn a?

Tôi ngồi dậy, ngùi cơn hốt. Cái thằng tư Nhỡ bên xóm Am. Nó bị câu lưu tại nhà rồi mà. Chắc nó leo tường lợi tắt ao sang đây, quần áo ướt sột soạt. Tôi rít khe khẽ trong bóng tối:

- Cút ngay! Bỏ mẹ cả lũ bây giờ! Cút!

- Anh bắn em thật ư?

Tư Nhỏ lại lấp bắp. Bỗng có tiếng lên đạn lạch xạch khô khốc lạnh rợn ngay sau lưng. Tổ trưởng dân quân Duyên hiện ra, thúc mũi súng vào cái bóng ngồi dưới đất.

- Bước! Cho ăn một phát đạn này.

Cái bóng rúm lại, chạy ra, tan vào sương đêm. Duyên cất súng trong xó, lúi ngúi xuống đất. Đàn bà, đàn ông ở đây ăn nằm đùa cợt với nhau như gà, chỗ nào lúc nào cũng được. Tôi thấy hợp với tính tôi. Mặt đất đóng hạt trám lổn nhổn mát lạnh như lát gạch mà tôi không cảm thấy. Gian bên, lão Cối ngay pho pho

lẫn tiếng nghiêng răng, tiếng mê ngủ những đứa trẻ đập nhau.

Duyên dúm vào tay tôi, chiếc bánh dày nhân đậu.

- Chiều nay nhịn cơm a?

- ăn sợ mưa, còn tanh quá.

Duyên dứt bánh vào miệng tôi, rồi đưa cắn một nửa, vừa nhai vừa lè đổi cho nhau ăn chung, giữa những cấu lào ào ào rì rầm.

- Anh chết nhé, liên quan rồi, đêm địa chủ mò tới, dân quân bắt được.

- Nó dẫn xác đến chứ.

Duyên lại đe câu khác:

- Từ giờ cấm không được đi tuần đêm.

- Sao?

- Sao trên giờ, sao ở ngoài lều canh ấy. Cứ ư ử như chó lẹo nhau bên cạnh người ta, điếc cả tai. Nói cho mà biết, bận sau thì con nay thiếu đấy.

Tôi hãi cứng đơ cả hàm, không nuốt nổi miếng bánh. Duyên lại nói rành rọt.

- Vài thưa che mắt thánh a? Lại cái con Đơm ở bụi dưới. Cắn cho một cái đứt lưỡi chết tươi này. Chừa chưa?

- Chừa rồi.

- Thật không?

- Thật.

- Thế đi...

Tôi chưa kịp ú ớ đã bị Duyên vật bằng mấy thằng đàn ông lẫn ra. Cái mệt thật êm đềm. Lại kể đàn bà con gái vùng này rõ thật ngổ ngược, lên cơn cứ rần ngứa người ta ra, khiếp quá. Đói toát mồ hôi lạnh thì càng dữ.

Khuya khuya, Duyên thủ thi:

- Em sắp được kết nạp, có phải không?

- Không biết.

- Cả bố em nữa.

- Không biết thật mà.

- Kết nạp em, anh phải đứng tuyên bố.

- Đã bảo không biết thật mà.

- Cái lão đội trưởng mắt cá ngỗng đỏ ngầu, trông đã thấy gớm. Anh không tuyên bố cho em thì em đét vào đầu.

Rồi hai cái môi Duyên lại nóng rực lên. Tôi không kịp nói tôi chưa phải đảng viên. Tôi nghĩ thế thôi, chứ cũng không ở đâu tôi nói vậy. Không phải đảng viên mà tôi đã mấy đợt tổ chức kết nạp cả chục rế chuỗi vào đảng. Không biết trên có biết không, chẳng có ý kiến gì cả. Tôi làm việc kết nạp đảng cho rế chuỗi cũng như đi họp, đi làm đồng.

Tôi cũng có ý đợi xem việc kết nạp Duyên thế nào, có thật không, nhưng đội trưởng Cự chưa nói, rồi công việc lôi cuốn, vả lại, còn đương đói vàng mắt, chắc hãy khoan. Tháng ba ngày tám dần dần lắm nhà thiếu quá. Mấy xã trên, nhiều cốt cán rạc người, thiếu sức, có mấy nơi người chết lẫn ra ở những cuộc đấu địa chủ suốt đêm. Hàng ngày quen mat, nhưng tôi cũng hốc hác, nhìn lại cả thôn nay cũng đói vêu vao cả rồi. Tôi để ý cái xương bánh chè hai bên hông Duyên trời lên thật, mỗi khi ấy Duyên cứ phải co bụng lại cho tôi đỡ đau. Những người như cái xác lướt qua trước mặt, chân tay phù mọng vàng nhợt, đến chỗ họp người ta ngồi xúm lại từng bọn phảng phất chợn như những cái bóng. Có ai vừa nói vừa khóc: biết còn sống được mà đấu tranh, mà trông thấy hạt lúa không.

Một xóm nổi bệnh tả. Mấy ngày thôi mà chết mất mười người. Đoàn uỷ có lệnh cho ngừng công tác cải cách. Yêu cầu các đội cùng nhân dân phòng bệnh, cứu đói. Ở trên cho về mấy xe vôi bột rắc khắp xóm, trắng lốp như chỗ nào cũng có đám ma. Cũng chẳng biết làm thế nào, ai chết thì chết thôi. Tôi cho người xuống thôn Địa quấy thêm mấy gánh dây rau muống. Cái mảnh ruộng cao quanh chân tre đất rắn như sỏi được cuốc ngay lên trồng rau muống vườn. Lại gậy dây mồng tơi, chỗ nào cũng cấy rau sam, rau dền cơm, dền đất, mặt ao thì thả rau rệu – những rau có ấy chỉ nửa tháng đã được, người ăn như con dê nhai lá.

Cả xóm quảy nước, xách nước tưới những vạt ruộng còi cọc, phờ phạc.

Chương 4:

Dai dẳng, ngạc ngoài, thoi thóp, rồi nạn đói cũng qua.

Buổi chiều không còn rào rạc gió ngoài đồng mùa hạ. Mây trắng lơ lửng từng tảng vằn vữa trong nắng nhạt. Mấy chân lúa ba giăng đã lác đác được gặt. Lúa một vụ, mùa trên đồng cao, chiêm dưới đồng trũng với vài miếng ba giăng hiem hoi. Lúa của nhà ai, nhưng mà thế đã trông thấy sống người rồi. Tiếng liềm cắt xoèn xoẹt và tiếng cười phảng phất ở đâu. Trẻ con từng đám ra chân ruộng đã quang nhấc gốc ra tìm cua, bắt chuột.

Những tôi vẫn chưa nguôi cơn hốt hòm xử bản địa chủ Thìn. Tôi là đội phó phụ trách toà án cho nên cái sợ ấy có lẽ chỉ tôi biết thôi. Không thể biết tại sao đột trước tôi lại được thăng chức đội phó. Có lẽ tôi biết làm biên bản và tính toán. Phải đâu tôi thạo con số mà làm được toà án. Thật tôi cũng đoán mò. May gặp cái tính hiếu thắng của đội trưởng Cự, đội trưởng nay nhảy ra làm thay tôi ngay giữa mít tình xử toà án. Có khi Cự làm luôn, tôi khỏi phải tìm cớ lờ, cứ ngồi nguyên.

Sang bước chia ruộng đất, lên phương án xong phải ra đồng lãnh đạo cắm thẻ nhận ruộng. Ôi chao, lại đấu tranh, lại trở lại tính nợ địa chủ, nợ quyt công, nợ lừa đảo, nợ tội ác, trăm thứ nợ chẳng biết đẳng mụ nào. Mà phải có những con số cụ thể mới khỏi lộn lạo, mới chia ruộng được. Nhưng tôi thường nghĩ ra những con số tam toạ, số liệu. Không thể không xong, mà thế cũng được. Bởi cả đội không ai biết, mà họp thôn, họp tổ nông hội thì chẳng ai dám nói khác anh đội - “Thông qua được chứ?”, thế là giơ tay, giơ tay khắp lượt. Cải cách ruộng đất ở đâu cũng đồng loạt có năm đợt, tôi đã được đi ba đợt mà tôi ra cánh đồng vẫn như nhìn vào bức vách. Chỉ thuộc cái tên, tôi không áng chừng thế nào một miếng, một sào, đồng cao đồng sâu, đợt đầu còn chưa trong rõ cay lau, cay ngô, cây mía. Đội trưởng Cự thì không can mở sổ tay, cứ đọc vanh vách. Tôi khen nịnh, đội trưởng Cự nói tở là con nhà bản cổ, mấy đời thềm ruộng như mèo thấy miếng thịt, mà trong nam ngoài bắc, cả trên thế giới đâu chẳng là ruộng cấy lúa, làm gì không nhớ. Lão nói thế, tôi giời ơi đất hời, tôi sao dụi nổi lo được.

Những tôi khéo lựa, tôi lấu cá, chịu khó để ý cho nên ở đội có lẽ chẳng ai biết thực hư tôi giỏi hay dốt thế nào, không ai biết tôi cũng chỉ như một anh ở đội nào đã bị đăng lên bài báo chế diễu: đến bước chia ruộng, chia quả thực, nông hội cái nhau mấy đêm không xong, anh đội chấp tay quỳ xuống giữa cuộc họp: “Em lạy đội, em lạy các ông các bà nông dân, thế này thì em xin về, em chịu không làm được”. Không, tôi đành hoảng, không bán đến thế.

Bản nhất những lúc loạn xạ chồng chéo việc. Vạch thành phần xong rồi, có người được mọi người giơ tay biểu quyết cho làm trung nông, cả tổ nông hội còn ngồi đấy, chẳng đợi điểm danh lần lượt đến, đã hơn

hở chạy xuống bãi giặt con bò bị tịch thu hôm ioj về. Vừa đi lại vừa kêu: “Tôi là bần nông, tôi là bần nông mới đúng”. Mấy người được làm trung nông lúu rúu chuyện. Cái thằng chủ tịch bây giờ thành thằng phản động ấy tao đốt nhà mày rồi đếm hết hạt bụi gio cũng chưa cạn tội. Mới năm kia, tôi thiếu thuế, nó bắt mất con bò, lại còn cho du kích đến khuân đi cái tủ, còn cái vại nữa. Tôi phải tìm cho ra những thứ ấy. Tôi chẳng thèm quả thực của đứa nào, tôi chỉ đòi của nhà tôi.

Tịch thu, trưng thu, trưng mua để đóng rồi chia. Ngoài kia trẻ con đảnnông, rong cờ, tôi càng rồi cả ruột. Các nhà địa chủ đứng ngồi rúm vào một xó, mấy người còn đến xia xói kể tội. Một lát, người ta đi lòng khấp nhà, lấy vôi vạch sẵn đánh dấu cái tủ, cái chum “những đồ này của nhà tôi, tôi đánh dấu sẵn kéo mang đi đâu nữa thì lẩn mất”. Người gánh, người khiêng, ai cũng gầy đói hom hem, nhọt nhọt, mới chỉ đem lên cho tập trung tạm, chẳng biết còn đưa đi đâu nữa mà đã ham hố như đương khuân về nhà mình.

Một ba lão nhặt được trong đồng đồ đạc và quần áo bề bộn một cái cối đồng già trâu, lấy ra nghiền xong một miếng trâu bằm bằm nhai, như còn trâu già đêm đêm trong chuồng trệu trạo nhai lại. Rồi lại xăm xăm đi. Bà lão nay khôn vặt cứ la liếm nhặt những cái yếm, cái thắt lưng, cái ống đũa, chẳng ai để ý.

Ấy là quang cảnh những hôm các thôn rộ rịch lần lượt mít tinh tuyên bố xoá giai cấp địa chủ. Công tác lại tuần tự: chiêu gọi loa, hô khẩu hiệu, tối họp xóm xong từng nhà về còn mạn đàm trao đổi ngày mai là ngày sung sướng nhất của nông dân, ngày mai giai cấp địa chủ bị tiêu diệt hằn toàn ở xã ta và trên cả nước nữa. Mỗi thôn thành lập bốn tổ: tổ đem gia đình địa chủ ra đấu, phân hoá tại chỗ. Tổ sục sạo xem đồ đạc còn dấu diếm ở đâu và tịch thu sổ sách, giấy tờ trong nhà. Tổ vận chuyển quả thực ra để ngoài sân đền. Tổ làm trật tự kiêm ghi chép phân minh. Cuộc mít tinh xử án toàn bộ giai cấp địa chủ làm ở thôn Đìa, các thôn khác đến tham quan rồi về cứ theo thế mà làm hôm sau.

Ở Chuôm, tôi làm trưởng ban, họp đến ba giờ sáng rồi thành lập xong ban tịch, trưng, mua. Hội nghị đã nhất trí phương án mua những gì, cái gì tịch thu, cái gì không mua. Không mua lật vật cái thớt, bó đũa, cái vai cầy. Những tấm ván áo quan thì tịch thu. Địa chủ chết được năm hòm sang trọng a? Tao nhắm mắt chưa biết bó chiếu hay bó cốt đây. Tịch thu cái cũi đựng bát đĩa chứ cái chậu đựng cám lợn thì mua làm thêm vào. Phải làm mọi cái to nhỏ đúng chính sách đã bàn.

Vừa họp xong, gà đã gáy dồn. Thế là lại đi luôn. Từ lúc mờ sáng, trống ngũ liên đã đánh dồn ba tiếng một, như trống hô đề, trống chữa cháy, trống cướp. Cho đến sáng bạch thì hầu khắp trong thôn có cái gì gõ được thì người ta cũng đem gõ, loạn xạ như khi gấu ăn trứng, đập nôi đập chậu cho gấu sợ phải nhả mặt trắng ra. Trống cái, phèng phèng, thanh la, keng thanh sắt, vỏ đại bác, vỏ bom... vang vang bốn phía, những đám người đùn đùn ở các ngõ xóm ra.

Trước tôi còn ở bên Am, tôi đã tổ chức gác nhà thằng Vách để đợi lệnh đoan uỷ cho bắt, nhưng đội trưởng Cự lại về thôn ấy lại cho nó làm chuỗi. Lúc ấy không biết thằng Vách ở đâu chui lên vừa nhón nhác vừa hung hăng. Vách mặc cái áo nâu bạc, đồng cái khố đuôi lươn, dít hóp lại, hai đầu gối nhô ra như hai hòn cuội, tay cầm chiếc đòn xóc chốc chốc lại hoa lên múa. Trong bộ râu quai nón, phún phọt ra những

tiếng hét: hoan hô... hoan hô... Có người hỏi: Đi mít tinh mà lại đóng khố à? - Ấy, ra đây kiểm cái quần địa chủ để mặc, phải cởi truồng sẵn cho đỡ vướng.

Tôi trèo đứng lên cái bàn giữa bãi cỏ đọc một bài diễn văn đã có mẫu in sẵn từ trên đoàn gửi xuống, sau cũng tôi giơ cái loa giấy, nói chớ ra bốn phía “Tôi tuyên bố từ giờ phút này toàn bộ giai cấp địa chủ ở xã nhà đã bị tiêu diệt. Giai cấp nông dân muôn năm!”. Phất cờ lên! Phất cờ lên! Trống lên! Cờ phất và trống ếch rùng rùng nổi từng hồi. Đội sục sạo, đội trật tự, đội ghi chép, đội tịch, trưng mua và cả đám mít tinh nhốn nháo kéo vào nhà địa chủ Thìn. Vách chạy trong đám, vắn múa cái đòn xóc, la to: “Cha mẹ để của cho cũng sướng đến thế này thôi, giời đất ơi!” Cái khố đuôi lươn tháp thoáng rồi lẫn mất.

Trong sân nhà địa chủ, tôi đứng lên trên thành bể, ra lệnh các phía. Thiếu nhi đánh trống sôi nổi nào! Ban trật tự làm việc! Đội khuân vác, đội tổ khố hay sẵn sàng! ở gian bên còn có mấy người nhà ngồi bó gối, đứng ngơ ngác. Ba lão Thìn liệt giường đã nhiều năm, nằm đắp chiếu. Người con dâu và lũ cháu, áo xống lấm như vùi - đấy là người ta chát bùn làm áo đã cũ, mặc cả vào người, xúm lại quanh giường người ốm. Ban trật tự lật chiếu lên: “Xem có dấu cái gì trong chiếu không?”. Mùi thối khảm xông lên, lại phải buông xuống.

Trưởng thôn Cối làm tổ trưởng tịch, trưng, mua nhưng lại mù chữ, lúc đội sục sạo đến báo cáo, tôi phải ghi ngoáy con số vào sổ tay rồi tôi lại trèo lên thành bể, nói to:

- Địa chủ cường hào gian ác Đoàn Văn Thìn có: ruộng 5 mẫu, 1 nhà ngói năm gian, 1 nhà gỗ ba gian, 1 trâu, một nghé, 10 chum, 15 vại, 4 giường, 2 phản, 1 yếm gạo, 2 yếm thóc, 7 cái nồi năm, nồi tám, nồi mười, mâm đồng 2 chiếc, mâm gỗ 8 chiếc... Tổ tịch, trưng, mua quyết định tịch thu toàn bộ nhà ngói, nhà gỗ và diện tích ao vườn. Để lại cho nhà nó ở cái bếp đầu bờ rào. Tịch thu tất cả nồi đồng, xanh đồng, mâm đồng, cùi bát đĩa a, hương án đồ thờ. Trưng mua các phản gỗ, bàn toạ, ghế tràng kỷ, ván áo quan. Không mua thóc gạo đương có, không mua quần áo chăn chiếu đương mặc, đương đắp, không mua nồi niêu ang đất, tôn trọng tín ngưỡng không đụng đến đồ thờ, bát hương. Tôi yêu cầu đội khuân vác làm việc, đem các đồ đạc tịch trưng thu kể trên lên bãi quả thực.

Rồi người ta khiêng đồ lên bãi quả thực trên xã hay đã vác trộm về, tôi nào phân biệt được. Tuyên bố xong, tôi nhảy xuống giữa những lộn xộn. Chẳng biết tổ trật tự lẫn lộn vào đâu cũng chẳng biết ai đội khuân vác, ai hôi của. Có người đội ra cái thớt to như cái nón Chuông trên đầu.

Vách chưa lấy được cái gì, lon ton chạy. “Đứa nào kiểm cho tao cái quần, chọn cái mới ấy. Tao đã đóng khố sẵn để đợi mặc quần mới đây”. Nhưng chẳng khi nào còn để mắt đến Vách. Có người bê ra cái chĩnh, hét vào mặt tôi: “Em xin về đựng nước cáy. Bao nhiêu đời bây giờ mới được cái chĩnh”. Nhiều người chạy ra vườn thúc cái thuôn vào gốc xoan, vào bụi hoa nhai nghi ngo có chôn của. Trong nháy mắt, đồng quả thực chỉ còn lại cái hương án, cái tràng kỷ và cỗ áo quan phải khiêng vác, không ai lôi đi được.

Chợt nhớ còn quên mất một việc, tôi nói to:

- Ai có khổ thì ra vạch tội địa chủ. Dân quân dắt các con dâu nhà nó ra một nơi, đem trẻ con đứng chỗ khác, phân hoá chúng nó, giải thích, yêu cầu chúng nó hàng phục nông dân thì có con đường sống.

Chẳng ai nghe tôi nói, người vẫn dùng dùng khuôn vác chạy qua. Chẳng biết làm thế nào, mà thôi. thế cũng là xong việc ở đây, tôi ra hét người sang tham gia “mít tinh xoá địa chủ” tư Nhữ bên thôn Am. Những người bơ vơ chưa vớ được cái gì ngẩn ra nghe nói còn chỗ địa chủ nữa. Thế là rùng rùng sang bên Am, hàng ngũ trống ếch và cả đám ò ạt chạy.

Bên kia ao dứa không còn tiếng đàn chó ra sủa như mọi khi. Cả nhà Tư Nhữ đã trốn đi từ bao giờ. Có lẽ đã lâu rồi, cứt giun đùn về vệt lên đầu hè từng đông. Ngoài bờ ao, rặng dứa đã bị chặt cả ngọn không còn lấy một quả. Cái cổng tán vẫn buông sùm sụp, bùng nhùng đông đây thép gai và cánh cửa nhà trên nhà dưới cài then trong, giả như vẫn có người trong nhà.

Một người tổ sục sạo nhặt được chỗ xó cột một mảnh giấy đưa cho tôi:

Gửi cậu mợ, các chị, các em Hương, Hiền, Vinh, Phú, Quý

Máu gà lại thấm xương gà

Em đi nam bắc hoàn cầu

Nếu em còn sống ngày sau em về

Tôi bảo: “Truyện đơn này là của mật thám đế quốc bỏ lại” rồi tôi xé vụn tờ giấy. Trong bụng tôi nghĩ: Chắc một đứa con tư Nhữ trốn đi, để lại thư kích động. Những tôi im không nói với ai. Cho khỏi lôi thôi.

Chẳng ai ngờ ngác, trước cả nhà địa chủ bỏ trốn mà nhà cũng sạch trơn, chẳng còn đồ đạc lấy được, người ta nhào ra ngay, chạy theo đồ thô các nhà địa chủ đương được khiêng lên mãi cửa đền. Xa xa, lại tiếng trong ngũ liên trống ếch lẫn tiếng reo à à. Trong khoảnh tre các làng, khói đốt các sách vở và giấy tờ của nhà địa chủ bốc lên đen ngòm như các đám thui bò.

Các thôn đã lần lượt mít tinh tuyên bố xoá bỏ giai cấp địa chủ, tiếp theo tịch thu, trưng thu, trưng mua đúng như kế hoạch. Đội trưởng Cự đi kiểm tra, đến thôn Am, thôn Chuôm thấy mít tinh đã xong ngay buổi sáng bây giờ chỉ còn một đám ở thôn khác chạy đến hôi của và mấy người đứng lẫn quần ngấm cái hương án có về tiếc rẻ giá đem về bổ làm củi, nhưng nặng không ai dám khiêng. Đội trưởng Cự đi tìm tôi. Tôi nằm ngủ trên chõng nhà lão Cối, úp quyển sổ tay lên mặt. Đội trưởng Cự vào dựng tôi dậy, mắng như tát nước. Mặt Cự đỏ tía, mà chắc mặt tôi tím lạnh. Tôi đã học tập làm điểm ở thôn Đìa rồi mà vẫn quá ấu ấu nhất là vừa xong đã về lăn ra ngủ. Phúc mà tôi không bị làm lại, phải lên xa tham quan để “đợt sau làm cho đúng”. Tôi sợ cuống quýt thế chứ còn gì đâu mà làm lại. Tôi cũng không dám nói đã sang định hỗ trợ cho thôn Am. Đội trưởng Cự phụ trách thôn Am, tôi hãi lão lại đổ cho tôi mưu mô cho cả nhà tư Nhữ bỏ đi, tấu tán hết của, nông dân không còn nói cái bát cái nôi để chia quả thực. Tôi cũng không hỏi xem tư Nhữ vẫn

bị giam hay nó đã trốn theo gia đình, tất nhiên không dám hỏi. Đội trưởng Cự nổi lòi đình một lúc rồi bảo tôi lên mít tinh xã kết thúc đấu tranh thắng lợi xoá bỏ giai cấp địa chủ toàn xã.

Hơn ba mươi gia đình nhà địa chủ ngồi một phía đen ngòm bãi như quạ đậu. Các nhà phú nông đại diện được đến tham quan thì ngồi hàng ngoài. Người suốt chín thôn cơm năm cơm đùm từ tỉnh mơ kéo đến bạt ngàn trong tiếng chiêng, trống, tù và inh ỏi. Đã đốt hết dưới thôn rồi thế mà trên xã không biết còn khiêng ở đâu ra những cái tủ đựng sách báo chữ Nho chữ ta chất cao như cây rơm, mỗi lửa đã châm đốt cháy rừng rực như những cây đình liệu.

Các thôn lên chưa đủ. Có thôn cả buổi sáng còn đấu chưa dứt - Còn thì giờ đợi, đội trưởng Cự vẫn mắng tôi: “Phải khơi gợi căm thù đã, chứ để quần chúng dậm đầu vào mấy cái... quả thực à!”

Cuộc mít tinh xử án. Người ta sấn đến chỗ các nhà địa chủ, im lặng nhìn như xem những con vật lạ, con gà mới mua hay cái rọ chuột. Anh đội nói: Mặc kệ, không cần trật tự, cho quần chúng thoải lòng căm thù”. Một đám vây lại cho một bà lão địa, hai mắt cùi nhăn đã loà hăn. Bà lão mặc lồng hai cặp áo nâu da bò, khăn vuông láng thâm mới, nhai trầu thông thả, không biết điếc thật hay giả điếc, dửng dưng không để ý xung quanh. Đằng kia, một lão địa - lão này không có tội ác, không bị giam, lão chút khăn, áo bông dài sa tanh mới, hai tay chắp trước bụng áo như đứng hầu quan. Tiếng ai như tiếng thằng Vách quát: “A ha! Chúng nó mặc tất cả quần áo vào người để khỏi phải tịch thu đây. Lột ra, lột hết ra. Tao có quần rồi, tao cần thêm một cái áo, đưa nào lấy cho tao”. Một người hất tay trật cái khăn vớ của lão địa. Nhưng cũng không ai lột váy, cởi áo lão địa ông, địa ba ấy. Cái khăn bị lệch mà lão địa cũng không dám giơ tay sửa lại, mồ hôi đậu từng nốt trên mũi lão. Chốc chốc, lão lại măm môi ưỡn người đảo mắt nhìn xuống, ngược lên như cố nhìn đáí hay nhìn ỉa chẳng biết.

Các thôn vẫn đương kéo lên cả thôn Am, thôn Chuôm, mà tôi không biết, vì tôi quên không cho lệnh lên. Chỉ là còn người thấy hôi của, người ta gọi nhau đi. Trên bờ tường, trẻ con leo ngồi đánh trống. Dưới kia, loa trõ xuống đầu đồng: A lô, A lô. Năng đã hàng, người đi ồn ào, tiếng tù và ánh ỏi.

Đội trưởng Cự phân công tôi ra kiểm soát các tổ dân quân, đặc biệt gác chỗ bọn địa chủ. Cho đến chiều, liên tiếp người đến kể khổ. Rồi thì đuốc đốt lên, mãi đến nửa đêm đội trưởng Cự mới đứng ra tuyên bố xoá bỏ toàn bộ tiêu diệt giai cấp địa chủ toàn xã.

Tôi về, mệt phờ người. Trông lên trời sao long lạnh bập bồng thần thờ nghĩ đến công việc ngày mai, ngày kia, chỉ những lo là lo. Còn rắc rối đây, sang bước cầm thẻ nhận ruộng, lại bước chia quả thực. Hai bước này ở trong Thanh, tôi đều tránh được. Bây giờ mà phải làm thì nguy vì chưa biết đầu cua tai nheo những gì. Những lần ấy tôi hay khoe khéo nghề kế toán của tôi. Công tác bước cuối dồn mọi việc, mọi ngành gấp rút cộng trừ bảng A, bảng B, chuẩn bị mừng chiến thắng tổng kết. Thế là tôi được gọi lên đoàn ngồi vắt óc nặn các con số, nhân chia bạt tử, rồi cũng xong cả. Nhưng ra đây tôi chưa đánh tiếng được với trên đoàn rằng tôi là cán bộ tài vụ. Bây giờ không rõ còn kịp chào hàng không, khốn nỗi tôi cũng chưa quen ai ở trên. Đến phải vùi đầu vào hai bước rắc rối này, thôi thì có người có ta.

Thôn Chuôm có thể nặng nhất bước này. Địa chủ Thìn nhiều ruộng đất, tôi cũng chưa đếm được nhiều bao nhiêu, ruộng nhà địa rải rác các xứ đồng, lại ruộng xâm canh bên kia sông. Trong thôn lại có bốn thằng phú, sáu trung nông cũng có thể vào diện vậ động san xẻ ruộng cho nông dân. Mà ở đâu, ruộng chia thế nào thì cũng thiếu. Công lao người ta cả tháng hội họp, tổ khổ đấu tranh rồi, cái cây đợi ngày hái quả, bao nhiêu quả. Đương lúc ấy Duyên lại ỡm ờ bảo tôi: “Cắm thẻ nhận ruộng xong rồi em mới về nhà chồng chứ không thì để chúng nó cướp không công em đấu tranh à? Sao im thế? Hay là anh muốn truat phần em để anh chia cho con Đơm cháu địa ác ác? Thề đi, anh không thể chia cho em cho ruộng nhất đồng điền thì từ giờ đừng có đụng vào em mà chết gãy xương đấy”.

Những buổi họp bàn chia ruộng, quả thực, chưa đâu vào đâu, ai cũng té tát, hăm hè tím tái vặc nhau. Ruộng đồng cạn, đồng sâu, và quả thực, cái nhà đầu hồi hay ở gian giữa, cả cái cối đá, cái bắp cày trên gác bếp cũng tranh nhau không ai nhường ai. Hôm sau mới chia thử đã loạn xạ. Chỉ có cái cối đã mà mấy người hét: Vần đi, vần đi. Người khác đá lại. Một người ở đâu tới, thủ sẵn cái thừng, đánh thông lọng xuống lưng cối, khoác thừng vào vai, kéo xềnh xệch cái cối đá. Tôi chặn lại:

- Không được, chưa chia.

- Em chỉ ra xem thử để lúc em được chia thì mang đi cho dễ, em thử thôi mà. Rồi cười khà khà, đi vào. Trong này còn khối thứ, bỏ vào ngờii họp thì đưa khác ra cướp mất. Cứ đứng đây, tôi cái này, cái này. Ôi trời, còn biết đảng nào mà lần. Hai tai nghe quang quác, khoảnh khoạch, át cả tiếng anh đội cổ đã khản đặc nhìn những người nhà có đám phải rặn ra khóc.

Cuộc họp đối đáp chan chát.

- Ruộng tốt, ruộng xấu, ruộng mặn, ruộng chua, lấy ráo. Bần cố chúng tôi đã mấy đời đói ruộng như con đói sữa mẹ.

- Cho tôi cái xưởng mạ, tôi chỉ xin một thứ thế thôi.

- Cả lũ địa còn đánh đổ được nữa là chia cái ruộng đã có trong tay, khoan đã, rồi đâu vào đấy.

- Tôi không có màn. Anh đội ơi! Cho tôi một cái màn mới là thoả mãn bần cố nông.

- Đây là sang mực quả thực. Mấy hôm nữa.

- Mấy hôm nữa thì bàn bây giờ làm mẹ gì cho tốn nước bọt.

Rồi lại nói ngay:

- Nhưng mà tôi cứ nói trước, tôi phải được cái áo ấm. Đáng nhẽ tôi khiêng địa chủ Thìn thì tôi được cái áo bành tô của nó, thế mà trưởng thôn Cối đã nằng tay trên của con tôi. Cả đời mới trông thấy cái cách mà không được cái áo thì rét lắm. Mà tôi là cố nông, cố nông ba đời, bố tôi cần cái hờn đến nơi rồi. Cái hòm

ở nhà địa chủ Thìn là phần tôi, chưa dùng đến thì mùa hè để ông cụ được nằm cho mát cái lưng. Hề, hề, hề...

- Nhà tôi chỉ rất giống nồi đất, đội về mà kiểm tra. Tien nhan đưa nào bảo bà có cái nồi tư đem giấu đi!

Rồi cuộc họp lại lái về ruộng đất, lại lung tung.

- Trung nông nhận ruộng giao canh của địa chủ thì hoa màu tính sao? Tôi chỉ có hai miếng chó ỉa ấy, đổi nước mạ, nước khoai lấy ruộng có được không? Tôi là trung nông yếu, các ông các bà ạ.

- Yếu hay khỏe thì cũng là trung nông, ai cho trung nông đổi chác mà đòi.

- Nói như cái nhà chị thì mấy tháng nay tôi đi đấu công toi à?

- Nguyên canh là thế nào, cào bằng đi, chia lại.

- Ruộng tôi cấy, động chệ đến mồ mả nhà ai mà chia lại!

- Báo cáo đầy đủ này. Tôi chưa có đất vườn, tôi chưa có cái chum, cái vại tử tế đựng nước cấy. Tôi xin nhận chỗ ao dừ nhà tư Nhỡ.

- Tôi phải được chia cái áo bông của thằng Thìn mới là đoàn kết bần cố, thằng Thìn còn cái áo bông dài năm ngoái vẫn thấy nó mặc rét.

- Các người ơi, để mắt đến thằng trung nông ọp ẹp này một tý. Nhà toàn ruộng nuôi giang sếu, bồ nông đồng chua, phải cho lên cầm thẻ đồng cao chứ.

- Đã bảo trung nông thì đợi ngõ ngoài nữa.

- Hay là nông hội tư túi chia cả ruộng cho con mẹ công thương bán bánh đúc chợ huyện?

- Đưa nào bảo ông tư túi, ông gang họng ra!

- Tôi như con chó hóng cứt, từ chập tối điếc cả tai mà chưa được cục cứt nào đây.

Mới thử một ngã ba ngã tư đã rối tinh. Thì giờ vun vút, mỗi buổi sáng hội ý đội về lại tưới bởi tất tả. Thêm khó một nỗi, sổ sách địa bạ đã chất đống đốt sạch sành sanh cho “hết tàn tích địa chủ phong kiến” mất rồi. Bây giờ lần hỏi từng nhà địa, nhà phú. Chỉ có những nhà có ruộng mới thuộc đích xác ruộng nhà mình. Thế nhưng hôm xử bản địa chủ Thìn, cả các nhà địa nhà phú nào cũng bị điệu lên bãi ngồi cho trông thấy, rồi về người thì ốm chết, liệt giường, có người phát điên, có người trốn biệt. Chẳng hỏi được ai.

Lão tư Nhỡ thì biệt tăm. Đêm ấy, tư Nhỡ đội mái nhà giam của xã chui ra. Dân quân đối nhau gác suốt sáng dưới tường mà không biết. Yên trí tường cọc tre nhẵn sạch vấu, cao hơn hai thước, không thể leo trèo

được. Sáng ra, nghe tin báo, đội trưởng Cự đến đứng chấp tay sau lưng, mắt môi nghiền ngẫm, rồi đi quanh mấy vòng, đứng lại, giơ tay phân tích: “Tôi đã biết nó còn trẻ, nó nguy hiểm nhất nên cho biệt giam đợi án. Ở xã này, chân tay nó đã bị tôi chặt hết, không thể nghi ngờ giai cấp nông dân giúp nó trốn được. Có ai nhớ không, nhà nó gài cái máy galen trên cột tre, cao bằng cây cau, nó liên lạc với địch miền Nam được mà. Bọn phản động các nơi còn nhiều lắm. Nhất định địch ở trong Nam đã ra cứu nó. “Nhưng người làng đến xern, thì thào: “Thằng này sợ quá lòi cả cứt, thế là hoá ra nhẹ bụng, nhảy bật lên nóc nhà. Ở đây rồi cũng chết, đằng nào cũng chết, nó liều. Đưa liều thì cái gì chẳng làm được”. Chỗ lỗ hổng cốt mái, máu chảy rùng rùng xuống chân tường, vết giẻ giọt dài ra đến chỗ cột trụ. Dân quân sục vào trong đèn nhưng không thấy dấu vết người ẩn nấp. Nhưng Cự đã bảo là “có địch trong Nam ra cứu nó” thì không ai nói thêm thế nào nữa.

Theo lịch, ngày mai phải xong phương án chia. Mà con số và các loại ruộng vẫn mù mờ gạch xoá trên giấy. Bí thật, nhưng tôi không hỏi ai một câu. Hỏi thì hoá ra lòi đuôi. Khi còn ở bên xóm Am, tôi rồi quá thì lại vào nằm với cái Đơm cho nhẹ đầu. Duyên ở đây không thể, suốt ngày Duyên đi nhổ mạ thuê rồi lại quanh quẩn ra ngắt ruộng, đi mặc cả chia ruộng chỗ ấy tối đến thì đi tuần. Có hôm sáng bạch, tôi bừng mắt, thấy Duyên nằm ngủ vục đầu xuống ngực tôi, đêm qua ngủ với nhau lúc nào cũng không biết nữa.

Thoáng bóng đội trưởng Cự ngoài ngõ. Tôi đương ườn mình lơ mơ, chập chờn trên chõng. Thực sự, lo luẩn quẩn không thể chớp hăn mắt. Tôi nhòe dậy, kéo cái ba lô lên đầu gối, mở sổ tay, đẩy mấy tờ giấy kẻ lung tung ra, như đương làm việc. Cái chòm mũi đội trưởng tái lịm như quả cà tím ló vào. Có lẽ mọi khi mũi Cự vẫn tím đỏ thế, tôi không để ý. Không hiểu sao, mỗi lần đương cái lo, y như rằng, đội trưởng Cự hiện ra như một ông thần, có khi ông ác tác quái, có khi ông thiện ban cho sự nhàn hạ. Tôi hồi hộp không biết lần này thế nào.

Cự cười nhếch mép:

- Anh đội làm gì đấy?

Chưa nghe Cự nói rờn “anh đội” thế bao giờ. Có thể việc tốt lành đến nhưng tôi vẫn y tứ, giữ gìn.

- Tôi viết nốt phương án.

- Số liệu những đâu mà nhanh thế?

- Đương lấy, vừa viết vừa lấy mới kịp được.

- Xong rồi cũng phải làm lại. Thôn Am, thôn Chuôm chẳng còn một mống nao có nhiều ruộng mà bắt nó khai. Chỉ có hợp xóm đấu tranh tố khổ mới ra con số ruộng được, cậu đã làm chưa? Chưa phải không? Rồi còn phát động phú nông, trung nông lớp trên nương ruộng, hiến ruộng. Vẫn chưa làm chứ gì?

Mỗi khi Cự nói lại lòi chuôi cái tôi chưa biết, chưa làm nhưng tôi lại vờ ra được nhiều cái khác không

ngĩ được. Tôi ngớ ngẩn hỏi:

- Bây giờ phải làm lại a, còn lịch công tác...

Đội trưởng Cự ngồi xuống, nhắc cái quai sắc cốt rồi xua tay.

- Không kịp rồi, tớ lại phải ra tay mới được. Nếu không thì vì cậu mà cả đội chạy bết.

Tôi lại cảm tưởng nhẹ mình. Cầu được ước thấy, lúc nguy nan lại được phù trợ, có mà cứu bần, hay thật.

- Tối hôm nay, cậu ra ở nhà trường thôn Cối, tớ lên đây ộp việc. Có thể mới kịp.

Tôi đã đánh hơi được một mùi, cái mùi nồng nồng ở đũng quần Duyên. Nhờ thế mà tôi thoát vất vả. Thăng dè cụ này đến chỉ vì cái mùi đũng quần đàn bà mà thôi. Con vợ dưới xóm Đìa tổng đi cán bộ rồi, lên xóm Am nằm với cái Đơm, bây giờ lại sang tòm tem cái Duyên. Chỉ the, chẳng ba cùng ba càng, chẳng tổng kết, bồ kiếp giới hời gì ở đây. Chắc thế, họ hàng nhà ma, đi guốc vào bụng nhau cả.

Nhưng vậy cũng lợi cho tôi, nghĩ thế, tôi tùm tùm cười. Đội trưởng Cự tỉnh lắm, như đoán được cái cười láu tôm chế giễu của địch thủ. Bất chợt, Cự sừng sộ quát tôi:

- Này này báo cho mà biết tớ lên đây để cứu cậu khỏi phải đi tù đấy, biết chưa. Chẳng tội Việt gian như thằng Đình, tội tù hủ hoá cũng tù ngang thế. Còn nhớ bài báo thằng Bốn Đào Khê chứ. Đi cải cách mà hủ hoá phải ghi lý lịch bị đuổi về cơ quan còn nhục hơn thằng đeo gông. Cái con Duyên chung chạ quần áo với cậu, cả làng chửi rầm lên, cậu vờ điếc à?

Tôi bầm mặt, câm như hến. Bị bầm bồ đào đến tận góc gác âm ti thế còn biết chống chế thế nào. Những điều tôi nghĩ về Cự chỉ là những vu vơ mờ nhạt mà tội của tôi thì sờ sờ ra đấy rồi.

Cự vẫn chưa buông tôi, nhưng đã dịu.

Cậu là tiểu tư sản có công giúp giai cấp nông dân đi cải cách mấy đợt rồi, tớ thông cảm. Tớ con biết cả chuyện cậu lẳng nhăng với cái Đơm, lại mấy đứa dân quân gai đi gác đêm đều phải chết với cậu. Nhưng tớ xúy xoá cho, biết không.

Tay tôi tỳ lên cái ba lô, run bần bật. Mỗi tiếng của đội trưởng Cự như một cái bóp cổ, nếu nó không nói tay thì cầm chắc đứt hơi. Cự ngừng gườm con mắt lòng trắng đỏ ngầu nhìn tôi dò ý.

Rồi bỗng lại nhẹ nhàng sang chuyện khác, tôi mới được nguôi ngoai theo.

- Bàn với cậu nhé.

Tôi lóng ngóng cầm bút lên, mở vu vơ trang sổ tay.

- Công tác chia ruộng, chia quả thực toàn xã, cả thôn Am, thôn Chuôm tớ đã sắp sẵn xong từ bước hai.
- Anh nhanh quá.
- Bây giờ tách riêng đồng chí ra phụ trách lúa thần kỳ - công tác đặc biệt đột xuất.

Khi nào đương cậu cậu tớ tớ mà đổi sang đồng chí, đồng chí thì ấy là tới việc khác thường, lúc vui lúc cẩu gắt không lường được. Lúa thần kỳ, mấy lâu nay bảo trên đã nói, lại được xem ảnh báo chụp ruộng ở nước nào, lúa thần kỳ chín trở bông ken dày, cả lũ trẻ con chạy chơi trên mặt thóc. Lại đã nghe từ độ thẳng Đình ma xó còn ở đây cũng thấy bảo đội sắp làm lúa thần kỳ, thì ra thật. Nhưng làm lúa thần kỳ thế nào, là cái gì.

Mỗi câu của đội trưởng Cự lại gỡ ra cho tôi từng mỗi bản khoản.

— Một ít lúa ba giảng cũng đỡ được đói, nhưng chả ăn thua. Mà đời mùa thì trên hai tháng nữa. Cái thần kỳ này chỉ một tháng đã chắc ăn. Đột xuất là như thế. Làm thử một khoảnh, được thì ta cho cấy lan ra cả đồng. Bây giờ có nơi con quai mạ ba giảng muộn. Lấy một miếng mà thí điểm thì năm thước cũng được. Cho bữa kỹ bừa vữa ra nhn cháo loãng, bón lót cả phân tươi, phân xanh rồi cấy dày, thật dày, liền khít, có thể đến khi lúa trở trẻ con mới trèo lên chơi được. Bón thúc bốn góc ngay, chỉ mười lăm ngày lên đồng. Khi đội ta rút sẽ để lại kỷ niệm và kinh nghiệm ruộng lúa thần kỳ cho làng nước làm theo, từ nay ấm no đời đời. Đã thấy quan trọng, giải chưa?

- Rồi ạ!

Tôi chỉ còn biết ừ hử như thế. Tôi không chịu nổi cơn toát mồ hôi hột lần nữa, dù là mồ hôi phấn chấn hy vọng. Đội trưởng Cự còn nói đi nói lại một lúc về lúa thần kỳ. Dần dần tôi cũng thấy ra cái lúa thần kỳ mới tài tình làm sao. Tôi mà làm thành công ấy à! Ô hay, cũng vẫn cái ruộng cái lúa, sao cả tỉnh, cả nước xưa nay chưa nghĩ được ra. Bây giờ sáng kiến to lớn lọt vào tay cái thằng tôi chưa nhìn ra được mặt thóc tẻ thóc nếp khác nhau, thế mới lạ. Đã bảo đội bảo làm thì làm gì chẳng được. Thôi thì những người ốm uống tàn hương nước thải, biết đâu rồi khỏi bệnh, mà không khỏi cũng không phải chết vì tàn hương nước thải. Tôi hí hửng cái lúa thần tuy chưa ai làm bao giờ nhưng nghe ra để có lẽ hơn việc chia ruộng, chia quả thực.

Tôi không dám đoán mò về sự đội trưởng Cự sang xóm này nữa. Đích xác thế mà tôi lại thấy đội trưởng Cự đương công tác cần kíp. Tôi sợ đội trưởng cả trong ý nghĩ tôi cũng muốn tránh, muốn làm lành đi. Đôi lúc cũng thoáng nghĩ không biết cái Duyên thế nào, nhưng tôi lại tự gạt đi. Tôi hôm ấy, tôi ra ở nhà trường thôn Cối ngoài bãi. Không hiểu sao trẻ con ở nhà, chẳng đứa nào cống nhau vào ngủ nhà ông như mọi khi. Đội trưởng Cự đã đánh dẹp cả chúng nó đi. Nhưng cũng không tò mò hỏi.

Cả lũ năm sáu đứa nằm quènh quàng dưới đất khạp hai gian nhà, kéo gối khò khò chẳng khác trên nhà ông cụ, ai làm gì cũng đổ nghe biết được. Không hiểu vợ chồng Cối nằm xó nào. Sau mới nhớ Cối đi họp, có

thế khuya lại đi gác hay nằm vạ vật đâu. Tôi cũng đi ngủ luôn.

Đương mùa làm, lại thêm công tác cải cách, thêm cái đói, mọi việc đều lật đật. Hồi này tan rã hết lớp học bình dân rồi, mà tôi cũng thôi thúc đẩy. Suốt ngày, vợ Cối làm quần quật, đi bừa về nhào ra nắng phơi dây khoai, dây muống. Quá nửa đêm Cối lù lù về. Cối vợ củi vào đun nước. Cối uống tàn nồi chè xanh vò, đứng lên vác bừa loan đi thì trắng lặn. Nghe tiếng lịch kịch, tôi thức giấc. Tôi lồm cồm bò ra.

- Hượm đi đã.

- Gì thế?

- Có việc cần bàn.

Tôi nói thuộc lòng về lúa thần kỳ như Cự đã nói hôm qua rồi rụt rè hỏi:

- Làm được không?

Tôi có nỗi ngượng của thằng chưa giắt con trâu bao giờ lại huyền thuyên chuyện cấy hái mùa màng với anh thợ cày. Nhưng Cối đã cười nhe hàm răng cái mả.

- Dễ như chơi ấy mà.

- Công tác này để chào mừng thắng lợi cải cách, cả huyện cả tỉnh sẽ nhìn vào thành tích của ta. Xem có phải thì xin thêm dân quân giúp. Bận quá, hồi này thôn nào cũng bận.

Cối lại cười:

- Đi làm mướn, một mình tôi gánh cả mẩu, từ lúc cày ải đến khi ra hạt thóc, chẳng cần ai. Giờ chỉ có năm thước lúa, năm khếnh giơ tay làm thầy cúng bắt quyết cũng xong.

- Mai làm được không?

- Trưa nay tôi về một lúc là thắng lợi ngay.

Tôi cũng không hiểu thắng lợi thế nào.

Cối vác bừa đi. Tôi coi như thế là đã giao xong công tác. Bây giờ trời mới rạng sáng, bốn bên, các nhà gọi nhau tiếng ới ới, tiếng chu chéo. Vợ Cối chạy từ trong góc nhà, tóc túm ngược, bóng mờ qua dưới mái tranh, chị hò hét lũ con con nằm lăn lóc dưới đất. Chúng nó chưa dậy, chị đã vun vút đi, không biết ra đồng hay lên chợ. Cái Cối đổ nước vào nồi dây khoai bữa sáng. Người ta có lúa rồi, nhưng không phải nhà ai cũng có, mới chỉ lác đác nhiều nhà vẫn còn bữa dây khoai, dây muống.

Cối bảo lúc nào làm cũng xong, tôi chẳng rõ nhưng tôi biết các anh đội nói thế nào, nếu để thế có nên

bảo các đội cũng làm không, cái mẩy thước rệu bằng cái vũng bắc gầu tát nước thôi mà. Rồi mọi việc, Cối làm ngay trưa hôm ấy thật. Miếng mẩu năm thước ruộng bé như cái lỗ mũi trâu. Cối cuốc lên, chẳng cần biết ruộng khoai của nhà ai. Đất hẹp chưa ra nổi góc đường cày, con trâu không xoay mông được. Cối cuốc rồi đập đất luôn, xế chiều coi như xong một mảnh đất cả công cày bừa.

Ruộng cao, kê cái chuôm, thế là bắc gầu tát nước làm. Đội trưởng Cự hôm nào cũng tạt qua xem làm đến đâu. Trưởng thôn Cối lại càng hăng. Chỉ ba buổi đã tràn lan nước rồi các thứ phân hổ lốn, phân rác, phân xanh, phân chuồng, phân vách bếp bồ hóng được quấy trong xóm ra quai xuống đúng kỹ thuật đội trưởng. Cối lên chợ huyện hay là xin mua mấy bó mạ, tui ở nhà đẽo cái que tre dài bằng đòn gánh. Một tờ bìa cặp đầu que dán mảnh giấy trắng, đổ thuốc đỏ trộn mực bút máy, đóng khung trang trọng nắn nét kẻ hàng chữ: lúa thần kỳ.

Tôi muốn làm cho làng nước ngạc nhiên. Tối trước hôm mít tinh xem cây lúa thần kỳ mới đem cái bảng ra cắm góc ruộng. Cấy là ngày hội, người các xóm kéo ra. Trẻ con nện trống ếch rình rình. Làng chưa có chủ tịch và uỷ ban xã, chi bộ mới toanh chưa bầu chi uỷ, nhưng đủ tám trưởng thôn và các đội dân quân đến mít tinh. Thiếu có Duyên. Hôm trước, tôi nhờ Duyên cho mấy gánh đất bóc ở vách bếp nhà địa chủ Thìn, vách bồ hóng kinh niên làm phân tốt lắm, Duyên đã gánh đủ. Bây giờ Duyên đi đâu. Tôi vào xóm tìm.

Duyên vẫn ngồi nhà, vẽ dỗi. Duyên vùng vằng:

- Em chưa thấy mặt cái ruộng chia, em còn phải đi sát anh Cự.
- Đi sát cái ấy, thằng này biết rồi.

Duyên sẵn số dí ngón tay vào trán tôi:

- Biết gì, biết cái hủ hoá à? Chỉ được cái đoán bơ vơ. Em mà tố ra thì anh chết ngòm đầu nước chứ không phải ai đâu.

Tôi gượng nhẹ, dàn hoà:

- Tổ dân quân các thôn đã đến cả. Em là người xuống cấy một tay đầu tiên, đã phân công thế rồi mà.

Duyên cười, vẫn nói chuyện khác:

- Nhà em nhớn bé già trẻ mười bốn khẩu, để xem chia bồi thế nào. Đi sát là đi sát thế, chưa chi đã ghen hão. Con này tha đi xe xác đũa khác thì đừng lòi thôi.

Tôi đánh trống lảng:

- Ra ngay đi. Đội trưởng cũng ở đây rồi.

Tôi kể chương trình: Đội trưởng Cự xuống cắm cây mạ làm danh dự. Duyên cấy theo đến hết hàng. Tôi đứng trên bờ lãnh đạo mít tinh hô khẩu hiệu.

Duyên cười tăng tả đi, rồi quay lại:

- Anh phải giúp em cái này.
- Giúp thế nào?
- Tối nay, anh với em đến nhà địa chủ Thìn khuân cái cối đá.

Tôi lắc đầu.

- Sắp chia quả thực, dân quân tuần ngặt lắm. Nhờ một cái.
- Nhờ cái gì! Anh đội tịch thu cái cối nhà địa chủ, dân quân đi bảo vệ. Anh là cán bộ, em là tổ trưởng dân quân, đứa nào dám ho he.

Tôi đương cần Duyên, tôi gật gật, trong bụng thấp thỏm, ừ thì đến tối hãy hay. Duyên lại bắt tôi phải thế. Tôi lúng búng. Duyên nguyền một cái, may quá không quay đi mà Duyên ngoáy thẳng ra đám đông ngoài đồng.

Người các thôn trông thấy trước tiên cái bảng “lúa thần kỳ” càng chen đến. Nhưng chỗ bờ ruộng chật quá, đám đông kín cả lối. Loa phải gọi đứng bót lên sườn đồi. Chỉ có các anh đội với trưởng thôn, tổ trưởng dân quân được xuống quanh mảnh ruộng toen hoản bằng cái vũng trâu đầm. Thôn Đìa đông người lên nhất - cái làng đồng sâu này vừa rồi đói nặng, có người chết, nghe đồn đội đem giống lúa thần kỳ về, một bát cơm ăn no ba ngày, thế là càng háo hức đi xem.

Đội trưởng Cự đeo sắc cột, đứng xoạc chân, ống quần nâu sắn quá đầu gối, tay cầm loa giấy chõ lên đám người đông nghịt lưng đồi.

- Thừa toàn thể đòm bào, đòm bào đã trông rõ cái bảng “lúa thần kỳ” chưa? (Tôi phồng mũi đứng cạnh đội trưởng, nhưng hai tay lại run. Không phải vì lạnh trời, mà vì câu đội trưởng nói tôi cảm như lúa thần kỳ đương thành sự thật). Thừa đòm bào, cuộc phóng tay phát động quần chúng vùng lên tiêu diệt giai cấp địa chủ đã kết thúc, ruộng đất đã về với nông dân lao động, bây giờ ta có lúa thần kỳ...

Lát sau, đội trưởng Cự hích tay vào vai áo tôi làm hiệu nhắc rồi chuyển cái loa giấy cho tôi. Tôi quay loa, hăng lên:

- A lô... A lô... Tôi tuyên bố bắt đầu cấy...

Cự hát cái túi da lên lưng, lội xuống bùn, cắm một bó mạ, tẽ ra từng mảnh, cắm hai dảnh xuống mặt

nước. Rồi lên bờ hô to:

“Cắm liền dảnh! Cắm liền dảnh!”. Duyên bước tiếp xuống, thoát một chốc đã hết ba tay mạ, có khi cả ba bốn dảnh một khóm, khoảnh ruộng dần dần xanh kín như khung bèo tổ ong. Từ trên lưng đê, vang vang tiếng ốc, tiếng trong ếch, tiếng reo, tiếng hô khẩu hiệu. Lại sao, những người cả đời lênh đênh với đồng ruộng thế mà trước miếng ruộng vừa cắm cây mạ lại reo sướng như chưa trông thấy ở đâu như thế bao giờ. Có lẽ người ta tưởng sắp có phép tiên, cái khung mạ kia chi chốc lát sẽ bỗng lên, là lúa nở ra, lên đồng...

Từ hôm ấy, trưởng thôn Cối và tôi ngày nào cũng quần quýt bên mảnh ruộng. Tôi được dịp mải vào đây để lảng những công việc chia ruộng, chia quả thực cứ lặng lẽ sôi sục từ trong làng ra ngoài đồng. Đàng xa xa, chắc lại ầm ĩ tiếng quát tháo. Nhiều người vác cả bó thừng ra sắp sẵn đóng cọc chằng quanh thửa ruộng sẽ được cắm thẻ. Cả một đời bây giờ mới nhìn thấy một miếng ruộng của mình. Những cảnh tre pho phất các góc ruộng. Người vừa được gọi tên ra nhận ruộng, nước mắt ràn rụa quay lại chấp tay vái trời, vái anh đội. Có người lẩm rẩm khẩn ông bà ông vải tổ tiên về chứng giám với con cháu rồi ngồi xuống khóc rưng rức.

Mấy tối, không thấy Duyên đến, rồi bật bóng. Chắc Duyên con đuổi theo đội trưởng Cự, túi bị cãi nhau chọn ruộng.

Nước phân tràn ngập đẩy cây mạ phồng lên. Gốc lúa nở liền xít. Lúa không vàng úa mà xanh lơ rồi xanh thẫm, ngấm sướng mắt. Một hôm khác, trong như khói mờ bốc trong lúa ra. Đến tận nơi, thấy trên chân lúa chen nhau, thân nóng hầm hập, bốc hơi.

Tôi hỏi Cối:

- Thế này là thế nào?

Cối đứng yên. Chẳng biết thế nào, Cối làm thì cứ làm như tôi dặn chứ chưa bao giờ thấy lúa ruộng ở đâu cây sắp hàng liền chân nhau thế này. Cối nhìn tôi, như đợi anh đội đã học được phép là về làm lúa thì cắt nghĩa cho. Tôi là anh đội. Anh đội phải ra anh đội, tôi thản nhiên hỏi như lão nông tri điền thành thạo đồng áng.

- Trong xóm những nhà ai có quạt thóc?

- Sẵn thôi.

- Lúa nóng quá, nó cũng như người ấy mà, phải quạt cho nó hạ hỏa.

Những góc lúa nóng hầm hập như bắp ngô luộc, nhuộm mùi ải thum thum, nhưng tôi không biết. Tôi nghĩ phân tích: con người đứng chen chân thế này còn đổ mồ hôi, lúa cũng như người, lúa do mồ hôi thì quạt cho nó ráo mồ hôi. Có thể thôi.

Cối vào trong xóm, một lúc đã vác ra cả chục cái quạt thóc Cái quạt to bằng nửa chiếc chiếu mộc, nan tre cật, giấy phất cật, xách một tay không nổi. Mấy người đem quạt ra, xúm lại nói:

- Làm quạt kéo quạt lúa, anh đội ạ.

Một lát aau, năm thước ruộng lúa đã hoá ra hiệu cắt tóc có quạt kéo ở đầu phố, như khi tôi còn nhỏ. Khách cắt tóc trời nóng ngồi dưới cái quạt kéo phe phẩy. Chỉ khác ở đây trên cánh đồng trống trải, người ta đem hai dóng tre bắt chéo như ba chiếc cộc gầu sòng nối nhau thành một xà ngang dài, mắc liền bốn cái quạt thóc dày kệp. Bốn người hai bên bờ kéo thường quạt luân tay. Lúa rào rạt, gió quẩn rập rờn trên mặt ruộng. Người xem đông lắm ra vui như cái trạm gác, như quán nước đầu xóm.

Suốt đêm, rộn rã tiếng “ai đi hò lơ”: Địa chủ ta đánh đổ rồi. Hò lơ hó lơ...

Nhưng lúa vẫn nóng hầm hập. Cây lúa chặt cứng như bó mạ cao vồng. Con cào cào rúc không lọt. Quanh chân lúa, đất sùi lên như đóng mối đùn. Thế mà ngày nào cũng vẫn lũ lượt người đến tham quan. Tiếng lành đồn xa, hàng huyện đổ đi xem lúa thần kỳ. Những ruộng khoai, những bãi cỏ từ trên lưng đê xuống, vết chân xéo nhau nát thành lối tắt. Trên đầu đê, đã có người ra dựng nghiêng cái phen ra mở quán nước chè xanh. Nhưng khi thửa ruộng chon von ngả màu úa đỏ như một cái lò gạch nung đã chín thì người về xem cũng vẫn dần. Chỉ ngắm nghía rồi lảng lảng quay ra, không ai nói một câu. Về xa đằng giữa đồng thì cả lũ bưng miệng cười hô hố, rồi chạy biến. Những khóm lúa lả rạt, trĩu xuống.

Dân quân cắt lượt vẫn mãi miết quạt. Trưởng thôn Cối bận bịu việc nhận ruộng cầm thẻ. Chỉ còn mình tôi, với khi nửa đêm trở ra, mấy cô dân quân đi tuần không về trạm gác, mò vào đây bù khú. Chúng tôi thay tay nhau, người ngủ ngay trên bãi cỏ, người quạt cả đêm.

Đuôi mắt tôi đứt kễ, thức toét cả mắt. Những chịu còm cộm xó đồng thể này chẳng biết lúa thần kỳ đi đến đâu, dầu khó nhọc một tý cũng còn nhàn. Trong thôn thì mọi việc lúc khảng táng lúc rối rít, bùng bùng như mớ dây thép gai. Chia ruộng, chia quả thực, mọi cái còn trên giấy thế mà ai cũng đã biết mòn một rồi cãi nhau. Lại họp, lại họp. Những người áng chừng mình chẳng được lợi lộc, đã lảng chân giò, rồi phàn nàn bảo nhiều đêm đi đấu, đi canh gác, đi quấy đồ quả thực nhà địa khổ như con chó, khổ hơn thằng mõ. Thằng mõ ngày trước hầu làng còn được phần miếng xôi. Ủ rồi xem bản cổ làm trò khi thế nào, lão bản cổ Diệc kia mắt toét lông quặm ngồi đèn chói mắt, mồm ngậm hạt thị nói như người hụt hơi. Nông hội không họp được vì chẳng ai ở nhà, vào lúc nông nhàn, còn chạy chợ kiếm miếng, đi rao các làng thuê trò cau trò dừa. Có đấu đá tranh cái chia bồi nữa thì đến tối, đến tối. Lại toàn tin đồn: đội này về mới lấy ruộng của địa chủ, phú nông, mai kia đến đội cào bằng về thì cả làng thành một hộ, bao nhiêu ruộng đem nhập một, bây giờ mới thật đều như nhau. Đâu cũng kẻ lo người đợi, lại nháo nhác, lại thì thảo.

Rắc rối nhất ở những nơi phải bình đi bình lại. Cũng là được chia, nhưng ai cũng tranh miếng ngon, Họp đêm chưa thông đội lại yêu cầu về nhà mạn đàm gia đình rồi báo cáo kết quả với đội. Thế là chỉ trong một nhà mà cũng chửi bới nhau rồi xoè.

Vợ nói: Trung nông là cái thá gì. Quả thực chẳng được một cái cuống rơm, nếu được mua hoá giá cũng phải sắp hàng sau đít người ta, đến lượt thì chẳng còn cái rẻ rách. Đi dân công không được một đồng kẽm mà nay gọi mai gọi trung nông - Nhất định xuống bần nông thôi”

- Nhưng mà...

- Chẳng nhưng nhau gì cả.

Hôm sau họp, ai cũng đã biết nhà trung nông này có những rắc rối ấy. Thế là tổ trưởng tránh lời thôi, gác lại không cho họp. Vợ trung nông chu chéo: “Nhà tôi lên địa để các ông bần cố sắp đem đâu a? Thách đấy, có giỏi gọi cả xóm ra đây mà tố, mà đấu”. Nói cứng thế, nhưng về nhà cả đêm đào hố chôn nồi đồng, bát đĩa. Bốn tối họp rồi mà nào ruộng, nào quả thực chia bồi vẫn chưa đâu ra đâu.

Đêm ấy, lại bàn đến quả thực. Đêm nay, đội trưởng Cự làm khác. Cho gọi hết trung nông cứng, trung nông vừa, trung nông yếu đến họp với cốt cán bần cố. “Được, để cho chúng nó một trận mất vía!”. Nhưng chẳng nể anh đội, cuộc họp tán loạn không khác đêm trước. Có người nói như phát rồ khi thấy Cự đọc sổ sẽ chia cho nhà trung nông ấy chiếc vại. Nhà bà nọ có vại rồi, một mực đòi cái vại ấy. “Tôi là trung nông, những con tôi liệt sĩ. Ty thương binh trên tỉnh về nói thế. Bên kia sông đây, nhà có liệt sĩ được biểu hai sào thương đảng điền”. Cự nói: “Sắp tổng kết thắng lợi rồi”. Bà lão gào lên ngắt lời. “Tôi được cái gì mà tổng với kết!” Cự kêu gọi: Tại sao nhà ta có được ruộng đất như ngày nay? Bà lão xăn váy, té tát: “Không có tiền tậu, tiền chuộc thì các anh đem đất đem ruộng cho tôi đây à?” Rồi mồm miệng: “Đảng nào tôi cũng phải được cái vại ấy, hôm khiêng quả thực c, tôi đã đánh dấu vôi rồi”.

Rồi cứ cò kéo thế. Đội trưởng Cự nổi cáu, đập quyển sổ sừng sộ:

- Nhà mụ lọt lưới đấy, xấp xỉ phá đấy. Đừng có quá lời, chẻ hoe xóm này cho mà xem. Hai địa, hai phú, mười trung, mười sáu bần, tám cố, hai công thương, một kéo vó không có thành phần. Cho trung nông là phúc bấy mươi đời, muốn lên địa phú à? Ai muốn lên thì tôi cho lên. Thoải mái.

BA NGƯỜI KHÁC

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương 5:

Cậu nói nửa rờn nửa dọa của đội trưởng khiến từ lúc ấy đến rạng sáng ai cũng im thin thít. Đội trưởng cứ nói choang choác, nghe rợn trong thanh vắng. Hăng quá, đội trưởng Cự kết luận: “Nhà bà kia tôi cho lên phú, từ nay không được đi họp nông hội”. Tờ mờ sáng, bà lão về đến cổng, ngã lăn ra. Sớm hôm sau, nghe tiếng gõ cá áo quan cạch cạch lẫn tiếng người trèo ngọn cành nhãn hú “ba hồn chín vía...” về nhập quan. Nhà ấy thế là bị phú nông. Chỉ có mấy người họ gần đến khiêng quan tài, đám ma phú địa không được đưa ra phía trước mà đi đằng cổng đồng.

Đội trưởng Cự cũng đi đưa đám, nhưng đến đấy thì dừng lại, đợi đám ma đi khuất. Rồi Cự tạt ra đám ruộng lúa thần kỳ. Đội trưởng chau cặp mày lông nhím, cúi xuống, lấy một khóm lúa.

Hình như cây lúa chỉ đợi tay người đụng, cả khóm lúa ật ra ngả vạ. Rễ đã thối mủn đến bện cây. Bực mình, Cự ngẩng lên rút cái bảng “lúa thần kỳ” quăng vèo vào giữa mặt lúa đã đỏ xuộm như rơm sắp cháy.

Tôi ngạc nhiên, vờ:

- Ô hay, hôm qua con xanh mơn mà.

Tôi nhớ khóm nữa. Khóm nào rễ cũng nát ruỗng. Mấy tay dân quân quạt suốt đêm còn ngái ngủ, mở mắt trông thấy đội trưởng lại ra sức co chân đạp thốc cho những cánh quạt phất liên liến. Đến lúc đội trưởng ném cái bảng chổng gọng vào ruộng, thì tất cả buồng chân khỏi chòng lọng thừng, ngửa cổ cười khơ khớ. Các bọn này ngửi mùi lúa thối từ lâu, mà vẫn ra công quạt, quạt...

Cối ghé tai tôi:

- Em biết là thất bại từ lúc chưa làm. Nhưng anh bảo thì em phải vâng thôi.

Có cay đắng tôi không. Thế nào đội trưởng Cự cũng đổ tội cho tôi. Quả nhiên.

- Cậu thì chỉ biết rúc đầu vào váy mấy con dân quân từ chập tối, còn hơi sức đâu mà nhòm ngó lúa má!

Trời, cái lão quái ác nay cứ bô bô giữa đám đông thế này. Đến từ một gông mất. Lão cũng chỉ suy bụng ta ra bụng người, tôi cong cổ hỏi:

- Đồng chí bảo thế nào?

- Một công tác quan trọng của đội bị thất bại, đồng chí phải chịu trách nhiệm trước đoàn uỷ. Tôi bảo thế,

rõ chưa?

Từng nhát búa giọt vào hai mang tai, điếc đặc con nhĩ. Tôi sắp quỵ xuống, tôi sắp quỵ xuống. Thấy đội trưởng nổi lồi đình, mọi người xung quanh đã bỏ đi. Tôi xuống nước, ấp úng:

- Tôi...

Đội trưởng thao láo nhìn tôi. Rồi hai con mắt đỏ cụp xuống. Nhưng vẫn im lặng nặng nề. Gan bàn chân tôi như kiến lửa leo vào đốt. Cự nói:

- Kiểm điểm trước đội đã, rồi tập thể sẽ quyết định.

Đã biết mà Cự nói tập thể chứ khi nào Cự cũng to mồm hơn mọi người.

Nhưng Cự lại dịu dàng:

- Nó thế chứ, tôi cũng nói cho đồng chí biết, các xã cả huyện này đều thất bại lúa thần kỳ hết, không phải chỉ có ở đây đồng chí biết chưa.

Không đợi tôi trả lời, Cự lại nói:

- Có công tác này gấp.

Tôi lại biết thế là thoát rồi. Cự nói như đương bàn bạc, thế là mọi việc đã bình thường lại, bao giờ cũng vậy. Tôi hỏi thân thiết và lễ phép:

- Thưa, gì đây ạ?

- Việc này cần làm trước cho kịp tổng kết. Giao cho đồng chí tối mai tổ chức kết nạp đảng nốt số rế chuối xóm Am, xóm Chuôm. Những người này: anh em đồng chí chỉ Cối - kể ra ông bố cũng tốt, nhưng phải cái tai điếc, thì thôi. Bố con đồng chí Đơm, có Đơm và ông Diệc. Cả thấy bốn người. Làm tốt công tác này mới có thể xét lại đội đã để chết lúa thần kỳ được.

Dù sao, thế là lại êm rồi. Nhưng tôi còn lúng túng chưa rõ việc kết nạp này cũng không lấy gì làm to tát mà tôi lại được giảm cái tội mất mặt kia. Hay là Cự cần sĩ diện, hay là bởi lúa thần kỳ cả hàng huyện, hàng tỉnh đều chết toi cho nên hoà cả làng, không thành tội lỗi ai. Tôi làm kết nạp đảng viên cho rế và chuối đã hai lần, mặc dầu chưa ở đâu tôi dám hé răng cái nổi mình không phải đảng viên.

Tôi đương nuôi hy vọng rồi sẽ xoay được một giấy giới thiệu về cơ quan, tôi là đảng viên, được kết nạp mới toanh giữa cuộc đấu tranh, quyết liệt. Tôi đem về cơ quan cái giấy ấy. Vả lại, khuyết điểm ngày trước của tôi xảy ra ở cơ quan đã lâu mà các phòng, các ban thì đối xoành xoạch, có khi trở về chẳng ai nhớ, lại nhiều người mới chẳng ai biết cái việc khi ấy. Lần ấy tôi đã được duyệt lên đối tượng. Rồi tôi bị nhà bếp

phát hiện tôi ăn cắp tài sản xã hội chủ nghĩa. Bấy giờ, mì chính còn hiếm như vàng. Cả tháng, được bán phân phối một gói mì chính Thái Lan thật hiệu “cái gạo” đem chia cả phòng hơn hai mươi người, mỗi suất được ba thìa con. Thế cũng đã quý, chỉ vài hạt rắc vào bát canh rau muống, đã ngọt thơm khác hẳn canh không người lái.

Tôi làm công đoàn, được đi mua lĩnh những gói mì chính quý báu về. Tôi nghĩ được cách bóc khéo mép cái giấy eosng gói, nhét đường tây vào. Mì chính và đường đều trắng nhưế nhoá, mà đường lại ngọt sẵn giống mì chính. Đến hôm chia, tôi bày ra cắt từng gói mì chính trước mặt mọi người. Anh em đã dọc giấy sẵn để gói từng suất”. Chẳng ngờ mấy hôm trời trở nồm, bao mì chính đã hở rồi dán lại, đường ướt vón thành cục trong bao. Tôi không thể chối được “thằng ăn cắp đã trộn đường vào mì chính...”, đối tượng đảng của tôi chìm vào bóng tối, đi tong.

Tôi nghe rõ đội trưởng Cự nói rồi, nhưng cũng giả hỏi lại:

- Tối này à?

- Không, tối mai.

- Làm ở địa điểm nào?

- Tận nhà đồng chí Diệc bên Am.

- Tôi có phải đi triệu tập...

- Đã báo cả rồi. Xong việc này, báo cáo lên nhiều công tác một lúc, mới che được cái thói lú. A cả các nơi cũng thế.

Rồi cười hì hì. Rồi lại nói:

- Có việc này tôi dặn trước đồng chí.

- Việc gì ạ.

- Bố con Diệc là con rể, là cháu địa chủ có tội ác.

- Vâng.

- Hôm chôn được ba ngày thằng Diệc còn về cúng cơm bố vợ.

- Ôi, thế thì làm sao kết nạp...

- Nhưng bố con anh ta đều là khổ chủ, đã tố đứt khoát rồi. Có đúng thế không?

- Đúng.

- Đồng chí làm biên bản cứ nói gọn nhà nó là thành phân bản cố, đừng lồi thối chữ nghĩa gì thêm nữa.

Làm việc, làm mưu mẹo đồn dập, tôi dạ nhip rồi ngồi thần mặt cho đến lúc đội trưởng Cụ đội vai đeo sắc cốt, bước ra. Cụ lên khỏi đường bờ ruộng, tôi chưa lại người, vẫn con tù mù như ngái ngủ.

Đội trưởng Cụ chợt quay lại. Hốt nhiên, tôi chợt dạ, không hiểu sao lại trợn hơn lúc này.

Nhưng Cụ chỉ nói:

- Nay bảo thằng Cối ra cuộc ngay cái mả ăn mày đi. Xem dây khoai, dây muống ở đâu thì rấp vào. Để thế người ta đi qua chửi cho thì cậu đeo mo nang vào mặt đấy.

- Vâng, vâng.

Trưa hôm ấy một mình Cối cặm cụi san lấp, trồng mới năm thước ruộng chéo mồm bò lại thành ba luống dây khoai mới gọn ghẽ, một lúc đã hết tang tích cái ruộng lúa thần kỳ vụ vợ.

Chiều hôm sau tôi lo lẽ kết nạp, nói là sửa soạn, nhưng cũng đơn giản. Bấy lâu đi cải cách, theo khẩu hiệu đồng ruộng là chiến trường, ở mặt trận thì tất tạt mọi việc đều giản dị, khẩn trương, từ giấy tờ đến mọi lễ lạt anh đội ở mỗi thôn lo lấy việc lẽ kết nạp, cáng hết từ giới thiệu đến công nhận đảng viên dự bị.

Tôi tính đốt ngón tay từ khi về xã này lần lượt qua các công tác: bắt rể xâu chuỗi, cụng đầu tố khổ, chỉ định trưởng thôn, thành lập dân quân, đấu bá, cầm thẻ nhận ruộng, chia quả thực rồi kết nạp đảng, tiêm máu mới vào tổ chức cơ sở rồi liên hoan xong đội rút về khu tổng kết, xong lại chuẩn bị đi đợt khác. Ở đâu chưa biế, đã có tài liệu và kinh nghiệm các hội nghị, nói và làm đã thuộc. Từng bước tuần tự tuy bận thật, nhưng thật cũng không nghĩ nhiều hơn và lẫn lộn những ăn ngủ thường ngày, kể cả khi hò hét những câu to lớn mà không hiểu nghĩa đến đâu, cứ phán ra đấy.

Tôi đi bảo mọi người, dầu đã rõ ai cũng biết rồi. Tôi làm thế cốt ra vẻ ta đây quan trọng. Bác Diệc ngăn ngừa: “Tôi đã xin với anh đội trưởng tôi cũng như cố Cối điếc lác, tôi nhìn đèn thì lông quặm sụp xuống, loà lảm, ngồi đâu cũng sợ sáng phải chui lủi như con ếch con nhái thì đừng cho chúng tôi lên đảng làm gì”. - Không, trưởng thôn phải vào đảng, trưởng thôn cả nước đều đảng viên, rồi còn lên chi uỷ, lên huyện uỷ, tỉnh uỷ. Bác Diệc cười méo một bên miệng: “Đội ơn anh giúp cho, tôi mà lên quan huyện thì cả vùng này nó đặt vè. - Vè thế nào? - Từ thuở chui trong bụng mẹ ra thằng Diệc chưa biết đường lên huyện đảng nào. - Cờ đến tay ai người ấy phát chữ. Làm rồi khác biết. Tối mai, cứ tối mai đấy.

Tôi tưởng bảo cái Đơm thì có thể khó. Tính nết nó trẻ con. Đơm giận tôi hay là Đơm bết đội trưởng quá, lâu tôi không gặp. Chẳng ngờ lại dễ như đùa. Tôi vừa nói “mai đi kết nạp nhé”, Đơm cắn tôi một phát vào vai. Nanh răng nó lồm một vết, đau như chảy máu trong áo. Dữ như con chó cái ghen con, nhưng tôi biết thế là nó đương sướng, nó đã bằng lòng. Tôi nèo thêm một câu cho chắc: “Tối đến đấy”. Đơm không trả

lời, Đơm xông đếm toan cần nữa. Tôi chạy.

Thế mà khi bảo Duyên lại đâm ra rắc rối nhất. Duyên đương dựa cột ngời thờ trong góc nhà, mắt đỏ hoe. Tôi sà xuống ôm Duyên. Duyên đẩy tôi hự một cái văng bả ra, trán vập vào cái cột. Phải một đòn bất ngờ, tôi loạng choạng. Nếu không vớ được cái cột, chắc đã ngã bổ chửng. Tôi tưởng Duyên rờn, thường ngày Duyên vẫn đùa táo tợn thế”. Nhưng rồi cũng không dám xàm xỡ, tôi chỉ men đến. Bỗng Duyên chửi rống lên:

- Cha tiên nhân bố chúng nó!

Rồi hu hu khóc. Nó chửi bóng tôi à? Không có lẽ. Tôi ngọt nhạt khẽ gọi: Duyên, Duyên ơi. Duyên lại chu lên. Tôi bảo đừng, đừng thì Duyên cang nức nở, lại chửi. Gần chùa gọi bụt bằng anh, oai anh đội ở tôi trong con mắt Duyên bị mờ nhạt, chìm ngấm đã lâu rồi. Tôi ngời im nhìn Duyên. Động lòng, tôi nghĩ vơ vào giá không đỡ cơn khóc cơn chửi chắc nó đã cõn lên tôi rồi. Cái môi rùng rục cong lên thế kia ngoạm vào mặt, như con lợn tháu xốc cám. Nhưng mà Duyên vẫn đương khóc, đương chửi bới.

Tôi đã đoán chừng được những giọt nước mắt của Duyên. Mấy hôm ấy lại một đợt cán bộ thôn đưa người đi nhận ruộng. Từng bó cọc thẻ đan nan đầu như cái vĩ ruồi dựng ngoài bờ dậu. Mọi người xô sang những cánh đồng bên kia sông, đẩy đất gan trâu, không phải phù sa, toàn ruộng lúa tạ. Ngay chia không xong, tối lại họp. Người quát tháo, người chửi, người kêu khóc, người vùng vằng bỏ về, lại rồi lên. Chắc Duyên ở đám ấy ra. Không biết ruộng nương được thế nào, đến đâu rồi, xong chưa.

Duyên hơi ngớt, chỉ còn thút thit, tôi khẽ hỏi:

- Cái gì thế?

- Chúng nó bảo em sắp về nhà chồng, không có khẩu ở đây. Không được chia.

- Đội trưởng Cự biết không?

- Anh ấy bảo phải đi trình bày với nông hội.

- Thế thì được.

- Được là được thế nào. Những quân mới ngời thấy hơi ruộng đã giơ chân nắm tay như bọn trâu điên. Em bắt đền anh.

- Được rồi.

- Những như anh Cự cũng còn co vùi nữa là anh thì ra con quẻ gì.

- Đã có cách.

- Cách thắt cổ chết à?

- Đã biết chưa, tối nay kết nạp. Xong thì em thành đảng viên. Đứa nào dám ho vào thì có mà chết tươi. Đảng viên rồi lên cán bộ, lên chi uỷ, làm gì cũng được.

- Thật thế hả anh?

Hai mắt Duyên đã ráo hoảnh, lại cười tit. Nhà đương vắng. Chúng tôi lôi nhau chui vào xó luồn ở vách sau. Tàu lá dáy cọ đi cọ lại vào mặt gây mùi ngai ngái. Duyên đề ngửa tôi ra, như trả thù chứ không phải phải là đền ơn. Cặp, túi, mũ vứt vung vãi. Lát sau, Duyên cười rúc rích lôi tôi dậy. Tôi đeo túi, đội mũ rồi ngoái cổ lại: “Tối nhé”.

Xế trưa, đội trưởng Cự lại tìm tôi. Trên cánh đồng, những cây thè cằm nhận ruộng lỗ nhổ như quân cờ bỏi. Đội trống ếch rập rờn đằng thôn Địa nghe xa xa dưới đồng sâu lên. Đôi chốc, tiếng tù và rúc như sáo chiêng sáo đầu con điều thi hội các làng ngày trước. Đàn ông đàn bà biết xăm xăm đi không nhìn ngang ngửa, ai cũng cầm một bó thè cằm ruộng như bó chông. A lô, a lô... Bà con nông dân tập trung bên bụi duối nghe điểm danh... A lô, ngày hộ thắng lợi, hát lên, hát lên... Một hai ba... Chủ lực là nông dân ta... Ai đi hò lơ... Hò lơ, hó lơ...

Tôi ra đồng nhưng tôi không túi bụi vào đám chia ruộng, nhận ruộng. Tôi rà rà men bên bụi tre. Ở đấy, mọc đại những bụi hoa mò đỏ sẫm, những cành tầm xuân gai lửa tuả hoa màu đào phơn phớt. Tôi hái hoa mò, hoa tầm xuân, bó thanh bó. Đội trưởng Cự đã biết tới sau lưng.

Đội trưởng Cự cười:

- Trang trí hội trường à?

Rồi Cự nói:

- Vợ tớ sắp được sang đội công tác cải cách bên Thái Bình. Tối nay tớ cho nó lên để cậu kết nạp một thể. Tớ kết nạp nó ở dưới ấy thì không khách quan, quần chúng người ta phê bình.

Rồi đội trưởng Cự tăng tả đi, câu nói và việc việc nhẹ nhàng coi như gài thêm, như tình cờ. Chiếc loa giấy đeo đẳng lưng nho nhộp như con chó con leo dây giật giật. Cũng chẳng nghe câu đệm nịnh của tôi “Anh yên tâm, sẽ kết quả”, đội trưởng đã mãi miết biến vào đám người xúm xít giữa đồng. Tôi biết việc kết nạp vợ Cự đáng lẽ phải nói từ hôm nọ thì bây giờ Cự làm như chột nhớ ra.

Chập tối, bác Diệc đun sẵn nồi nước chè tươi vò. Cái chè voh thật đậm giọng. Tôi uống đậm ra nghiện. Uống ở nhe Cối, được cái Cối cũng uống chè vò sáng sớm. Tôi mới để ý ở đây đi ra đồng ai cũng uống mấy bát nước chè vò rồi đến trưa mới ăn cơm. Gà gáy tan canh bác Diệc đã lúi húi vò năm chè hái chiều qua bỏ vào cái ra con, dội đổ một lượt nước sôi “làm lông chè”. Xong đâu đấy, bỏ chè vào cái ấm đất, đun liền một nồi. Khi ấy, tôi cũng vừa dậy. Tôi chưa dậy bác Diệc gọi to: Nước đương ngon, anh đội, anh

đội ới! Tôi lồm cồm bò trong chõng ra, mắt nhắm mắt mở, hóp từng ngụm. Che tươi vò ngọt chát mà bùi, cái ngái ngủ, cái mệt quần thảo với Đơm cả khuya đêm qua biến hết. Bác Diệc và tôi làm hết liền hai ấm nước. Rồi bác Diệc ra đồng. Vác cày, cuốc, bừa hay cái cào cỏ thì cũng cái giỏ đeo lưng, được con cua, con nhái thì bỏ lên đấy. Ở nhà, có hôm tôi với Đơm lại quần nhau nữa, khi các em Đơm cũng đã ra đồng cả, rồi tôi có đi đâu mới đi”. Đã lâu quá, tôi đi khỏi nhà Đơm, mà vẫn nhớ, nhớ thế.

Bây giờ, trên chõng, bên ấm nước, ngọn đèn hoa kỳ không có bóng hiu hiu lay lắt. Trên gian thờ, bó hoa mò và hoa tầm xuân, trong nhấp nhoáng cũng lạ mắt. Duyên vừa đến, trong thấy bó hoa, nói một câu khiến tôi chưng hửng.

- Cái hoa mò nhiều bọt mò lắm. Bọt mò chui vào căn rốn thì có mà ngứa toác bụng ra.

Tôi chống chế:

- Màu đỏ hoa mò đẹp.

- Đẹp nhưng mà cả đêm chẳng ai gãi rốn hộ tôi.

Duyên bước lại, rón ngón như sợ con bọt mò leo lên tay.

Chẳng cần hỏi tôi, Duyên cầm bó hoa vút ra bờ rào rồi vào bậu cửa ngồi với Đơm. Bà lão loà trong kia đã lẫn vào bóng tối chẳng ai nhìn thấy đâu cả. Muối ở cái chuôm cạnh sau nhà tràn vào vo ve ram ran, tấp vào mặt như vốc trấu ném.

Một người con gái dáng thấp nhỏ đương vào qua bụi duối. Vợ đội trưởng Cự. Một lần nữa lại trông khác hôm nọ. Áo nâu mới có xây vai đeo túi vải ka ki tím. Đầu búi tóc kiểu cán bộ, không chút khăn nâu như mọi cô gái trong làng.

Tôi nói với mọi người:

- Hôm nay kết nạp có cả vợ đồng chí đội trưởng. Duyên đứng phắt lên, rít hàm răng:

- Con đi kẻ Đìa hả?

Vợ đội trưởng Cự bước vào nền đất thềm nhà:

- Chào...

Duyên đã lao ra túm tóc, dìm xuống: “Tiên sư con đi! Bà xé xác con đi!” ả nọ chưa kịp biết thế nào đã bị ngã huỵch lưng vào chiếc cột tre như cây dừa đổ, cả cái nhà rung rảng rắc chao đi. Đơm cũng vừa lăn xả tới. Tiếng chửi, tiếng dấm đạp huỳnh huỵch, tiếng xé quần áo rợn tai. ả nọ chết dí không ngoi đầu được. Duyên ngồi cười lên – Mày mà kêu, thì ba nhét cứt vào mồm!”. Người đàn bà bị hai người nắm tóc dẫn

xuống ngồi phệt vào mặt, cứ xoay như cối xay, tiếng ngạt ú ớ. Ngọn đèn lung lay vì gió đòn, tắt phụt. Tối om om, tiếng dấm, gót chân đập càngh huỳnh huých và những tiếng xé quần áo soàn soạt. Bác Diệc và tôi loanh quanh lính quýnh không biết làm thế nào.

Vụt một cái, bóng người vùng được lên, chạy thoát ra ngõ. Vấp vào trường thôn Cối đã đến từ nãy vẫn đứng ngoài. Cối vắng ra, cũng không kịp nhìn ai. Nhưng Cối cũng không vào nữa.

Buột mất con thù rồi, Duyên và Đơm hỗn hển lên ngồi xuống đầu chõng. Bác Diệc chẳng biết ngô khoai thế nào vào bếp thổi đồng dấm, đem cái đóm ra châm lại đèn. Hai khuôn mặt mồ hôi nhọt nhọt trong ánh đèn chập chờn. Đơm cầm lên cái túi vải đeo vai của vợ đội trưởng. Đơm móc tay lôi toạc cái túi. Chẳng có gì, chỉ thấy lòi ra mảnh rẻ. Duyên đương còn hằm hằm sưng mặt cũng cười ré: “Cái túi cán bộ tổ điều của con đi!” Cái tay Đơm rơm rớm máu. Đơm giơ lên khoe: Tớ dấm mó gãy mấy cái răng... Duyên cũng hớn hở: - Tớ ngồi day dứt thật lực vào mặt nó!

Thế là vỡ hợp. Uống hết ấm nước chè rồi tôi về nhà cả Cối bên Chuôm. Suốt ngay túi bụi ngoài đồng cắm thẻ mới về, đã đến thẳng nhà bác Diệc. Chẳng nên công chuyện gì

Tôi kể chuyện trận dấm đá vừa rồi, Cối cũng lắng yên nghe như vừa mới biết. Cối cười hê hê.

- Ồi giời, có thể mà anh chẳng đoán ra.

- Không đoán ra làm sao?

- Chúng nó đánh ghen. Ngứa ghè đòn ghen

Tôi lờ mờ nghĩ ra. Hmh như cái gì tôi cũng hiểu chậm, nhiều khi có việc tôi chưa tóm được đầu đuôi thì xung quanh đã vanh vách cả. Tôi dấm bối rồi, vắn vớ, một mình lang thang, toii lại đi đến khuya, đầu óc lơ mơ. Hôm sau cả làng lại sôi lên, tất tả, hừng hực những rơi rớt chuyện ruộng và quả thực.

Tôi tìm đội trưởng Cự để nói cái việc tối qua hồng bét, tôi lại thật thà muốn bảo Cự rằng tôi thắm thía cái đuôi câu nói của cả Cối. “Vì anh đội trưởng máu dê cho nên chúng nó đánh ghen. ăn vụng nhiều quá, chùi mép không hết”. Nhưng chỉ nghĩ thì hăng hái vậy thôi, tôi chẳng dám nói.

Tôi đi tìm Cự nhiều nơi, đến tận chiều cũng không thấy Cự. Không hiểu Cự đi đâu. Chập tối, tôi lại ra đi tuần với dân quân, một ngày có buổi đi tuần là vui thú nhất. Khuya, tôi vào cái lều canh trên mặt nước bùn inh tai tiếng ễnh ương như mọi khi. Nghe rào rào người nói và tiếng khúc khích từ xa. Hình như đám con gái đang cong mỏ chuyện đánh ghen nọ. Tiếng Duyên lát xát nỏ mồm nhất. Chúng họ đã trông thấy tôi.

- A anh đội! Anh đội!

Tiếng chào hỏi và những câu nói trống không chót nhả:

- Xê ra, bọn dòì bọ xê cả, xê ra. Rước anh vào với cái Duyên. Cái Duyên được ngồi cạnh anh trước, cái Duyên trước. Thế anh Bối xử kiện đám đánh nhau chập tối hôm qua thế nào? Anh phụ trách toà án giỏi đấy, không có anh thì có án mạng rồi. Tội nghiệp qua, vợ đội trưởng bị đưa nào đâm gãy răng lại chát dít vào mặt, đưa nào thế, hả anh?

Tiếng cười the thé. Cả lũ lại đã nằm thườn thượt chen nhau kín cái sàn hóp đá. Lại nhao nhao.

- Sao anh Bối không vào can? Nhớ để có đưa chết thì làng mang vạ.

Tôi chỉ lặng im trong bóng tối đêm khuya mát trời. Chẳng mấy lúc, đã rập rờn những tiếng ngáy, không biết ngáy thật hay giả. Cái trạm gác vẫn như mọi đêm, cứ nằm đây thì tôi chẳng còn nhớ còn sợ anh đội trưởng đã dọa “mày ngủ với bao nhiêu con dân quân”. Tiếng chầu chàng uôn oạp râm ran rõ lên từng lúc. Chỉ giun dế thì rỉ rả liên hồi. Chốc chốc, dưới nước gầm sàn một con cá chuối quẫy đớp chiếc lá súng kêu chách một cái.

Tôi lần sờ vào cổ Duyên. Duyên hất tay tôi vạt lại ngực tôi huých một cái. Thế là nổi lên tiếng choe choé ở một góc. “Háu thế, trò chuyện cái đã nào!” Rồi các góc cười rộ lên. Cả những đưa lúc này vờ ngáy cũng cười sặc, ho không khọc. Chúng nó cợt nhả, chẳng khác ếch nhái kêu chẳng chuộc dưới gầm sàn, như mọi đêm, tôi đã quen. Và chúng tôi cứ rì rầm trong bóng tối, biết chúng nó đương dòng tai lên nghe cả. Duyên cắn tai tôi, nói: “Đánh cho nó về bảo liệu hồn những thằng đàn ông máu dê này này”. Nhưng rồi Duyên lại dịu dàng vuốt mu bàn tay tôi.

- Anh Cự chia cho em được một miếng ruộng với một gian nhà địa chủ Thìn.

- Về nhà chồng đến nơi, lấy nhà làm gì!

- Cửa giới cho chẳng lấy cũng thiệt. Mà bán ngay rồi.

- Phải cho nó ngủ mấy lần?

- Còn hỏi thế nữa thì thiến.

- Sướng thế mà lại đánh vợ người ta.

- Cứ đánh chứ. Hí, hí...

Đêm dần dần khuya.

Sớm hôm sau, cái chòi canh lại biến hết người lúc nào. Như mọi khi, tôi vẫn rũ rượi ngái ngủ chưa dậy được. Tiếng lạt xạt cỏ, tôi hấp háy nhìn ra. Đội trưởng Cự đương xăm xăm vào.

Cự nói ngay:

- Tôi hôm kia, tứ năm được chuyện hết rồi.

Tôi ngồi dậy, vẫn lúng túng, Cự lại nói:

- Cũng coi như xong, không có gì đáng lo.

- Là xong thế nào?

- Xong là xong, là kết nạp cả rồi. Đồng chí làm báo cáo ngay đầy đủ tên tuổi như tôi đã bảo, tôi ký chứng nhận rồi gửi lên đoàn uỷ cho kịp.

Chẳng hiểu thì cũng như hiểu, thế là được rồi. Tôi đương nghĩ đến cái giấy giới thiệu mai kia tôi sẽ được về sinh hoạt Đảng ở cơ quan, đội trưởng Cự sẽ ký xác nhận, dấu đỏ đoàn uỷ kèm bên. Đội trưởng Cự làm cái gì cũng được, lão này như cú như cáo, có thể nó đã biết tôi không phải đảng viên. Năm đảng chuôi, làm được việc cho lão cái đã, tôi viết báo cáo ngay. Việc của tôi rồi tính sau.

Đội trưởng Cự dừng dừng nói sang công tác khác.

- Các thôn đã cắm thẻ gần xong. Nhân dân đương phấn khởi chuẩn bị liên hoan thắng lợi. Tôi phải lên đoàn uỷ, có công văn triệu tập hoả tốc. Sáng nay không hội ý đội, đồng chí về xóm Chuôm thấy nếu còn thì chia nốt chỗ đồ thô quả thực ở nhà địa chủ Thìn. Cái nhà thì tôi đã cho bốn hộ cố nông. Hôm nào xong đem hết quả thực đi, người ta đến nhận mà. Đây, công tác hôm nay của đồng chí. Chưa xong hôm nay, mai phải dứt điểm.

Nói rồi đội trưởng Cự đi, khoác cái sắc cốt nặng những công việc xô lệch một bên vai áo đại cán.

Tôi lại vào nhà địa chủ Thìn - hôm trước mít tinh xoá bỏ giai cấp địa chủ toàn thôn tôi đã cho đưa lên xã hết qua thực. Có còn mấy cái chum vại, cái khung cửi vải, cái thuyền gang tán thuốc bỏ tuềnh toàng giữa bãi, mỗi đêm lại mất trộm một thứ. Chẳng biết bây giờ có còn gì.

Cái nhà ngói âm thấp, cổ lỗ, như mấy mươi đời nay vẫn lụ khu thế. Những bức tường gạch vồ để mộc không vôi vữa đã lên rêu xanh đen, lại thêm từ mấy lâu nay những dây mã đề, lá mảnh bát, dây bìm trong kẽ gạch mọc ra. Hai lần cổng tán ngoài ngõ mới vào đến cái cửa gạch xây trên rập chông trá chống cướp cao như chòi canh. Năm gian nhà ngói thông thống trước cái sân gạch Bát tràng, cuối sân có một bể nước hứng nước mưa hai cây cau.

Trong nhà ngoài sân tan hoang, sạch như chùi chẳng còn một bóng đồ đạc. Hôm trước những cái còn lại được đem về đến đây rồi đêm hôm người ta đã mang đi, đội trưởng không biết - chẳng ai lạ, chỉ đám dân quân thôi mà. Hàng cây cau liên phòng lùn tịt, không phải mùa quả cũng chưa đến mùa hoa, đũa nào ngứa tay đã chặt trụi hầu hết. Trong nhà, các bậc cửa gỗ, hai gian trái lồng bức bàn thành buồng cũng bị tháo vác đi. Một mái nhà hậu trống hốc, đã dờ mất một mảng ngói. Nhưng hộ mới được chia chưa đến ở nhưng gian nào cũng đã rập rong, những hàng gạch sân được nạy lên xếp phân ranh giới, lại chẳng dây ngăn từng

khoang như rào bờ ao. Tôi không đoán được gian nào Duyên được chia. Nhưng mà nó bán cho người ta rồi, có biết hay không biết, cũng chẳng làm gì.

Không ai lai vãng đến, ở thôn khác cũng đương có chia của người ta kéo đến hôi. Tôi ngồi xuống thềm, định ngồi một lát rồi về, tôi thờ ơ trông ra bể nước. Cả xóm cũng không nghe động tĩnh chỗ nào. Nhiều nhà còn đổ ra đồng xem chỗ ruộng mới được cắm thẻ, không thì kéo nhau đi tìm những nơi còn chia quả thực, rồi lại quay về ngắm ruộng. Những khoảng ruộng đã được rào kín như dàn trầu không, mà vẫn chưa yên tâm. Ngày thì đi quanh xem ngắm cho thuộc mặt ruộng mới, tối còn mò rình có đứa nào nhổ thẻ cắm lẫn bờ.

Một người lừ đừ ngoài cổng tán vào. Thoạt nhìn cái áo da cứt ngựa, biết trường thôn Cối, tôi vẫn giật mình. Cái áo của địa chủ Thìn tôi đã trông thấy Cối lột, vẫn mặc cả ngày cả đêm từ hôm ấy.

Trông thấy tôi, Cối sững lại. Cối ngõ trong nhà không có ai.

- Anh ở đây à?

- Ủ. Quả thực đâu cả mà đây không thấy? Đội trưởng bảo tôi đến chuẩn bị chia nốt.

Cả Cối cười.

- Còn cái quái gì mà chia với tôi. Đội trưởng chỉ còn thấy lúc nghe báo cáo thôi. Chiều hôm qua có mấy cái mẽ lẫn lóc, em định đến đem về, thế mà bây giờ cũng đã biến.

Cả Cối chấp tay ngắm quanh rồi trở cái dây mây, nhìn tôi:

- Cái rơm cái rác này chẳng đáng một tiền, anh cho em nhé.

Rồi Cối cởi cái dây mây hai đầu buộc vào hai cái đinh chốt ở tường, dây phơi xống áo. Cối nhổ cả đinh rồi Cối cuộn vòng tròn lại, cặp lên nách. “Chào anh Bối”, Cối cung cúc ra. Đến cổng gạch ngoài, Cối ngoảnh cổ lại gọi to:

- Anh Bối! Anh cho em...

- Cái gì?

- Cái mê tín này ấy mà.

Cối trở tay vào con chấu đá to bằng hòn gạch chỉ chôn ngập chân cho đầu tường. Cối vừa hỏi vừa lay nạy con chó lên. Không nghe tôi trả lời, cũng không phui đất, Cối cặp con chó đá vào nách bên kia rồi lui lui đi.

Tôi vẫn ngồi thừ đấy. Tôi không biết đi đâu, tôi ngại ra đường nhờ gặp việc lại phải làm. Nhưng ở không cũng không tiện. Lúc nào cũng bận rộn, anh đội không thể ngồi ơ mặt ra thế này. Viết báo cáo kết nạp

đăng mà Cự nói thì trong đầu chưa nghĩ được chữ nào. Bây giờ mở sổ tay ra hí hoáy viết nháp, viết không khó, nhưng nghĩ thì mỗi mắt lăm mà lại không kênh ra ngủ ngay ở vĩa hè này được. Tôi nhớ hay là về nhà bố cả Cối. Cái ba lô kê ra, úp quyển sổ lên mặt. Giả bộ làm việc mệt quá, không ngờ lại chợp đi – thường vẫn thế, mà cũng đương phải nghĩ phải làm thế thật.

Tôi đeo túi lên vai. Bổng Đơm ở đâu nhớn nhác đến. Đạo này Đơm bảnh gái hẳn ra. Chắc đội trưởng đã vắn ra uốn nắn tợn. Màng vá đụp đít qiân hứng cái bắn thấy tháng đã được thay bằng một miếng vải nâu da bò mới vuông vắn. Tầm áo tấc nâu đã riu lại những chỗ sút chỉ, lộ cánh tay trùng trục. Đôi vú tròn vồng ra như hai quả bưởi. Lại hay đỏ mặt cười toe toét. Đơm có chữa rồi cũng nên. Biết nó chữa với thằng nào, với tôi hay Cự, hay thằng nào nữa. Đội không rút nhanh, nó phưỡn bụng ra đứng chỉ vào mặt đứa nào; thì có mà chết mất ngáp. Đơm đến đây làm gì. Có thể Đơm trông thấy tôi, Đơm vào. Chưa đã cơn à.

Nhưng Đơm làm như không thấy tôi. Đơm nhìn xéo trong nhà rồi đi thẳng vào. Tôi ngờ ngợ thế nào, đây là nhà bên ngoài, Đơm đã thuộc cả. Đơm lúi húi trong ấy một lúc chưa thấy ra.

Tôi hỏi vọng vào:

- Ngủ trong ấy à?

Đơm nhón gót bước ra, mặt cau có khác lúc nãy. Đơm lăm bầm một câu, rồi sa hai dòng nước mắt.

- Chúng nó đào mả cha nhà chúng nó hết rồi.

- Cái gì?

- Em chôn chục cái bắt chiết yên ở chỗ găm trạn mà cũng có đứa moi lên.

- Vào xem lại, xem kỹ cái đã.

Đơm lừ mắt, có khi đã đoán không phải tôi nói vào xem lại còn hay không. Nhưng Đơm vẫn đi với tôi vào gian khuất trong bếp. Một thoáng, hai đứa đã nằm rúc chân tường dưới những dây thài lải tía. Ai đi ngoài không trông thấy, nhưng nằm ở đây có thể nhìn sang được bên kia bờ ao, thấy chân người đi vào.

Đơm nói:

- Chỉ được cái này là giỏi.

- Có giỏi hơn đội trưởng không?

Đơm đương nhay tôi tưởng đến sút miếng môi. Bổng Đơm nhả ra nghển lên, lơ lảo nói khe: “Cái cối! Cái cối!” Rồi Đơm đẩy tôi ngã xuống mép tường. Đơm kéo quần, chạy ra. Đơm cứ thế chạy, quên cả tôi vẫn nằm trong bụi thài lải. Nhưng tôi cũng đứng ngay dậy. Bây giờ mới sợ nhờ con rắn dưới ao bo lên.

Tôi thần người, ngồi lên cũng nhìn được vẫn ở đấy cái cối đã lâu đời đã thủng chôn như hòn gạch bot lẫn lóc, chỉ đến mua để đập lúa. Đơm chạy thoát đến bên cối. Đơm bê cái cối nghiêng lên rồi cứ thế Đơm vằn cối ra ngõ. Cái cối đá thủng lẫn như bánh xe. Không biết làm thế nào rồi Đơm vằn được cái cối đá từ bên Chuôm về thôn Am. Vào đến sân, hai tay Đơm nâng hẳn cối lên, đẩy vào giữa nhà. Rồi Đơm lại chạy biến đi. Nhưng Đơm không trở lại chỗ tôi. Đơm lại nhớ ở đâu có cái gì. Mấy hôm ấy ai cũng bận bịu hốt hải đi tìm kiếm vợ vệt.

Người mẹ tàn tật vẫn châu hấu trong xó luồn cuối vách. Có lúc nghiêng đầu như nghe được tiếng chân, tiếng cái cối lẫn thành thịch. Hai con mắt cùi nhăn ngược ra. Người đàn bà như con cóc ngồi gằm giường. Con cóc lúc trở trời kèn kẹt nghiêng răng. Người này chỉ là cái bóng con cóc. Nhưng hôm này bỗng nhiên như biết nghe ngóng. Hai bàn tay chống lên hai miếng gỗ, người ấy bò ra chỗ sang sáng trước cửa, lại lần đến bên cái coi thủng. Bàn tay vêu vào khô đét, đen như đất, rờ lên lỗ hổng miệng cái cối.

Ôi con người đến lúc tỉnh lại. Bao nhiêu lâu nay mọi cái trong lều này người đàn bà ấy có tỏ tường như mọi người ta hay không, chẳng ai có thể rõ được. Cái cối đá, cái cối đá, có bé què đã trèo leo từ tấm bé. Ngay xưa, buổi chiều, cơm nước xong ngày nào chả được chị được em ôm ra ngồi thọt đít vào cái hũm đã thủng. Còn bé cời trường tổng ngồng, mẹ đem ra tắm ao rồi công lên đặt xuống cái lỗ cối đá. Như thằng phồng, như con tò he ai đặt đâu thì ở đây. Hai con mắt đục mờ, hai đầu gối, cái khoeo teo lại như cái sống tàu lá chuối héo. Không biết gì, nhưng cái ngày xưa của con người thì như tranh đám cưới chuột, tranh con lợn tết dán lên cột, nhớ mãi. Ở là vậy, con bé bộ xương ngồi giữa chiếc cối đá thủng trông ra hàng cây cau như những chân còn sếu gió đánh lắc lư. Ngoài kia, mặt nước ao bèo cái xanh om chốc chốc từng đàn cá trắm ăn lên quẫy ùm ùm tưởng như người ngã xuống ao. Chiều chiều, tiếng người ta gọi nhau lao xao bên đường làng, rồi một chùm sao Hôm lấp lánh lên đằng chân tre, đưa con gái ốm yếu lui vào giấc ngủ, vào cơn mê mù mịt đời người.

Nhưng chỉ một bàn tay run rẩy đụng vào mắt cối thì trong khoảnh khắc tất cả thảng thốt nhớ lại. Người đàn bà cúiig, đặt cái đầu tóc rũ rượi trên cối. Hơi mát mặt đá như đưa trẻ ngay xưa ra ngoài cầu ao vốc nước lên mặt rửa cơn ngái ngủ. Thời còn trẻ của ta ở đằng kia, ở bên kia, ở đâu, người tàn tật lồng lên dang xé chạy tới. Cái đầu đập xuống mặt đá, như chày giã, toé máu loã lợ, chúi xuống, chúi mãi xuống ngày xưa.

Tôi đương đi, tính xem về đâu nằm khoèo một giấc hay tìm đội trưởng báo cáo đã chia xong nốt quả thực.

Đơm chạy tới, mặt nhợt nhạt.

- Anh Bối!

Tôi không để ý, dờ giọng cợt:

- Lại đi đâu nào?

- Mẹ em chết rồi.

- Ồi.

- Mẹ em va đầu vào cối đá.

- Cái cối đá em vắn về ấy à? Chết thật à?

Tôi không về nhà Đơm, tôi đi sang bên Chuôm tìm Cự. Có người chết, đảng nào cũng phải báo cáo đội. Tôi đến nhà bố Duyên. Bấy giờ chiều đã xế, nắng vàng nhạt ử ử ngoài cái sân đất. Trông vào nhà không có ai, nhưng nghe tiếng lục súc như gà đập ổ đằng vách trong. Rõ ra tôi vô ý. Có người ở nhà mà không biết. Tôi lúi ra tận ngoài ngõ rồi hỏi vọng vào:

- Đồng chí Cự có đây không?

Cự bước ra ngay. Vẫn cái túi đã như chiếc ấm rỏ trể vai, hai con mắt ngầu đỏ. Còn thoáng tiếng đụng trong vách, Con Duyên vẫn trong ấy. Chắc nó ngủ rồi, cứ làm xong thì nó ngủ ngay vẫn thế. Tôi lại nhớ cái bài báo thẳng Nguyễn Bồn, hay là con nào khác, không phải con Duyên, biết đâu. Nhưng khi Cự cất tiếng hỏi nghiêm nghị thì tôi quên phắt cái chuyện tóm quả tang đội trưởng chơi gái ban ngày.

- Đồng chí Bối đến có việc gì? Rồi nét mặt Cự lại dịu ngay. Nhưng tôi cũng chưa thấy nhẹ nhàng lại được, bởi thói quen chinh tề, khúm núm trước đội trưởng. Cự cười xuề xuòa: “Cả đêm qua tớ viết báo cáo tổng kết thắng lợi mà chỉ được mấy chữ. Dân bản cố đánh vật với văn hoá, phải nhờ đến đảng ấy thôi”.

- Báo cáo đội trưởng vợ đồng chí Diệc chết.

- Sao? Thế nào?

- Va đầu vào cối đá.

- Chết chưa?

- Chết rồi.

- Đồng chí khám nghiệm chưa?

Tôi đáp:

- Khám nghiệm rồi.

- Chết thế nào?

- Chắc là tự tử.

- Tự tử! Người què, đui mắt, tai điếc, lại câm, tự tử sao được. Âm mưu địch, thế là địch vẫn phá ta. Tôi đã bảo mà, xã này có thôn còn phát động chưa lên hết, nhiều chậm tiến làm cho cho địch ăn náu. À chia quả thực xong chưa?

Tôi nói trôi chảy:

- Chia hết, còn mỗi cái cối đá thủng cho đồng chí Đơm vắn về nhà, thế là mẹ đập đầu chết.

- Không phải! Không!

Đội trưởng Cự bứt rút bỏ túi xuống lại khoác lên. Rồi dừng dừng đi. Tôi luống cuống theo. Nhưng ra ngo tôi còn ngoảnh lại xem đứa nào trong vách thò ra. Im lặng, không thấy ai. Tôi lại nghĩ là cái Duyên thì nó ngủ say rồi. Cự bước nhanh nhanh, nói như hét:

- Đập đầu, đập đầu là làm sao. Đồng chí mất cảnh giác đến thế nào nữa! Chỉ có địch, địch phản ứng giai cấp mới thế. Tính xem, từ bước một, mấy người chết. Sắp tổng kết rồi mà nó còn giết đến người nhà cốt cán, làm rối loạn hàng ngũ ta. Thế này thì quá lắm.

Tôi lập cập bước, như người có tội bị giải đi. Mà có tội thật. Tôi nói liều, nào đã trông thấy người chết. Bác Diệc đi đâu vẫn chưa về. Cũng không thấy Đơm. Có khi lũ thằng cò con sếu sợ quá đã chạy hết. Nhà chẳng có ai. Tôi trong rõ cái đầu trên hũm cối một mớ tóc đốm nâu đốm bạc bụi nhùi rũ rượi. Địch là chết thật. Đội trưởng Cự vào trong vách cầm ra cái đòn gánh khêu ngửa mặt người chết. Cổ đã cứng ngắt, vạc xuống lẫn máu tím đen vắn vèo như còn ga bị cắt tiết.

Đội trưởng Cự bảo tôi:

- Trông thấy chưa, những nhát dao đâm vào cổ còn máu đông lại. Vết dao bầu, chỉ có dao bầu mới nhát ngọt thế này. Đồng chí Bối, ngay bây giờ. Một là tìm cho được đồng chí Diệc, đồng chí Đơm. Hai là, gọi tất cả cán bộ đội, các trưởng thôn đến hội ý ngay. Ở nhà đồng chí Cối. Ba là cho dân quân các xóm lập tức bí mật, thật bí mật lùng xem nhà ai có dao phay, dao bầu mổ lợn, mổ trâu thì thu hết. Đi ngay, hơn bốn giờ rồi, mau lên mới kịp, tối còn họp việc khác.

Nhưng nói xong Cự vẫn giữ tôi lại:

- Những vụ giết người bịt đầu mỗi thế này chỉ do tổ chức phản động. Đấy hôm bắt thằng tư Nhỡ, đương ghi biên tài sản cũng có người tự tử. Truy thằng tư Nhỡ nó phải nhận làm chủ mưu, lại khai nó đã làm trưởng thôn hai mang, trước nó đi lính thông ngôn cho Pháp, nhớ không nào? Mấy thôn đã xảy ra ma ném dọa người đi họp, đánh què trâu mất trộm trâu, giết trâu ngoài đồng, trộm gà, đốt nhà, người thắt cổ, người bỏ đi. Chỉ chưa có một vụ nào bỏ thuốc độc. Nhưng thế đã quá đủ, quá rõ. Nếu ở đây không có thì địch chỉ huy từ xa.

Tôi chạy liền đi. Dù vất vả, cũng thấy dễ thở hơn phải loanh quanh đây với Cự, mỗi chốc lại nghĩ ra

toàn những địch.

Chập tối, đội trưởng dân quân Duyên với ba cô nữa vào nhà Vách.

Vách nằm trong xó nhà tối om, không biết đã ngủ hay còn ngật ngưỡng say rượu. Thấy người nhấp nhoáng, Vách đứng dậy. Duyên gõ cách cách đầu súng vào cột mái.

- Anh Vách có nhà không?

- Vách đây. Đứa nào hỏi tao?

- Đội yêu cầu anh nộp con dao bầu.

- Dao bầu nào?

- Dao bầu ấy.

- Sáng mai tao phải đi mổ lợn.

- Đội bảo thế.

Vách đã khuỳnh khoàng ra trước mặt Duyên.

- Đội à? Mày về bảo cái thằng đội nhà mấy rằng thằng Vách không nộp dao bầu. Đứa nào thò mặt đến đây thì ông chọc tiết, bây giờ ông cắt tiết chúng mày trước, lại đây. Không lại thì ông nhảy ra bóp cổ? Này, này...

Duyên và mấy cô hốt hoảng nhào chạy ra.

Vách gọi:

- Duyên! Duyên!

Duyên đứng lại ngoài ngõ.

- Vào đây đã. Cho tao làm một cái, tao không giết đâu. Mấy năm ngựa cho bao nhiêu thằng đội còn được, tiếc gì người làng. Vào đây...

Cả mấy cô dân quân khiếp quá, lẩn vào bóng tối.

Cuộc họp đội với các trưởng thôn và nông hội cả xã ở nhà Cối rộn rịch suốt đêm. Xã này đón bước ba vẫn chưa bầu được uỷ ban, được chi uỷ, lần nào họp rộng cũng ồn ã thế. Nhưng cũng chỉ đội trưởng Cụ bảo đây là có địch phá hoại và chỉ một Cụ lên tiếng át cả. Những bác Diệc, cả Cối, cô Duyên, cô Đơm và cốt cán các thôn khác với cả chục cán bộ đội nhiều lúc ngồi ngây, ngủ gật. Tiếng gá lại đã gáy râm ran.

Cự nói như quát:

- Sắp bước vào tổng kết thắng lợi thì địch tấn công ta. Tên Vách đã phản bội giai cấp, nó không nộp dao, có khi chính nó gây ra vụ án này chưa biết chừng. Tôi yêu cầu dân quân thôn Am, thôn Chuôm gác nhà tên Vách ngày đêm. Sáng nay tôi lên đoàn uỷ xin được lệnh, thì đồng chí Bối đến bắt nó ngay. Có khi cấp bách quá cứ bắt không cần đợi tôi về. Các đồng chí có tán thành không?

Tất cả bật lên “đồng ý” rồi họp tan. Dân quân hai thôn ẩn nấp rình suốt từ ngõ nhà Vách ra bờ giếng. Trong nhà, Vách vẫn im như không. Có người nghĩ ngờ khéo thằng Việt gian trốn rồi. Bảo nhau vào tận nơi xem sao. Vẫn nghe tiếng ngáy rờn rợn trong vách. Lại bò ra, thế là yên chí địch vẫn trong vòng vây.

Trời sáng hẳn, tôi đưa dân quân ập vào. Không thấy ai. Hay là thằng ấy trốn mất rồi, nguy quá. Đương thì ào, Vách ở trong bếp nhảy ra, hai tay hai con dao bầu, múa lên.

- Tránh ra, tránh ra! Đứa nào vô phúc cứ vào gần ông đây thì ông cho ăn cả hai nhát.

Mọi người nháo nhác. Vách ung dung đi ra cổng làng lên đê. Đến chiều cũng không thấy về.

Trên đoàn có lệnh cho bắt Vách. Nhưng thế là nó đã trốn mất

Việc rắc rối tới đâu, cũng như mỗi ngày, rồi cứ qua đi, lại việc khác đến. Một buổi sáng, đội trưởng Cự mặt phùng phùng hớn hở đến nhà cụ Cối gặp tôi. Vừa ngồi xuống đã rút ra một tệp tài liệu, tôi trông thoáng, một tờ in to. Tôi đoán là tờ khẩu hiệu mừng cải cách thắng lợi, sắp được tổ chức.

Cự nói một thôi:

- Như thế, đã vào bước kết thúc. Tôi vừa được lên đoàn uỷ nghe dự thảo báo cáo tổng kết toàn đoàn. Hơn một trăm đội của đoàn rải ra trên một trăm xã. Chỉ có đội trưởng hai xã trọng điểm với đội ta được về đoàn góp ý kiến với dự thảo tổng kết. Chắc chắn ta lại vớ tuyên dương đợt này rồi. Tình hình khắp nơi phức tạp, địch lồng vào tổ chức cũ trăm phần trăm, đâu cũng giương bầy cải cách giả, chính đôn tổ chức giả trước khi đội về. Thế mà vượt hết, thắng lợi lớn, toàn đoàn truy được hơn năm trăm địa chủ lột lột, đến bước ba đưa tỷ lệ từ 5% lên 7,24% đánh đổ hoàn toàn giai cấp địa chủ về chính trị cũng như về kinh tế. Bây giờ vào đợt cuối, tớ đưa cậu. - tôi thật dễ chịu được nghe Cự nói tớ tớ cậu cậu - đây là khẩu hiệu cho treo ở hội trường tổng kết thắng lợi ở các xã, những 12 câu, dài đấy, phải làm sẵn. Mừng cải cách ruộng đất... kẻ câu dài nhất trước. Làm luôn thì vừa cho kịp dự chi bột, dây, đinh, giấy, lên văn phòng lấy tiền mua. Sang bước bốn, các thôn phải từ báo triệt để không một trường hợp tồn đọng nông dân chậm tiến. Ta đã có chủ tịch, có xã đội trưởng còn chi uỷ thì hai cũ một mới cứ thế lên xa cộng lại, tất cả các tổ chức phải xong ngay đầu bước mới kịp tổng kết.

Sáng hôm ấy, tôi hội dân quân lại phổ biến kế hoạch tập đi đều bước duyệt binh trong mít tinh mừng cải cách thắng lợi. Một lúc nhìn lên trên để thấy đồ xuống có đến hai chục cái xe đạp. Những người trên xe

mặc quần áo nâu, ba lô đeo lưng, đập bon bon. Từ hôm nọ đã được nghe có đội sửa sai cải cách ruộng đất sắp về. Có lẽ đây. Chúng tôi cũng có xe đạp, nhưng đã phải để lại trên đoàn uỷ. Từ hôm về, cấm không cho xe đạp vào làng cơ mà. Thế là đội cải cách kém thứ cái đội này rồi. Đội gì đây.

Đoàn xe phóng vào nhà văn phòng đội. Đã tám giờ, nhưng xe và người tiếp theo về nhộn nhịp. Mới chỉ có vài dân quân ra bãi. Tôi cũng không cho tìm thêm, để nghe xem cái gì thế này. Lát sau tôi được gọi về họp. Những cán bộ là những trông quen mặt vì những cái áo đại cán màu xi măng, quần nâu, mũ cát kết tím, xắc cốt da, xắc cốt vải. Dường như mọi người đều đã quen, hay đội trưởng Cự làm ra bộ bất thiếp bắt tay, trò chuyện thế

Cuộc họp không do đội trưởng Cự điều khiển mà một người loắt choắt có cái túi da to bằng chiếc ba lô đặt xuống cạnh cộp kính trắng như ông trưởng phòng nói mở đầu; họp công nhân viên chức cơ quan, vừa trịnh trọng, vừa thân, lại vừa hách.

- Thừa các đồng chí công tác “Sửa sai và tiến lên” do tỉnh uỷ chỉ đạo, huyện uỷ thực hiện. Tôi thay mặt đoàn sửa sai của tỉnh uỷ giới thiệu với đội, đây là đồng chí huyện uỷ viên phụ trách đội sửa sai về công tác xã này.

Rồi người cán bộ tỉnh nói một thôi như đọc lại bài “Cải cách ruộng đất thẳng lợi, sửa sai và tiến lên” tuần trước chúng tôi đã họp đội đọc bài ấy trên báo để thông suốt. Người huyện uỷ viên còn trẻ, bộ quần áo nâu non, hai mắt sâu trũng, mặt phờ phạc như mới ốm dậy hay mới ra khỏi trại giam của đoàn uỷ cải cách. Chỉ mới nói mấy câu đã thở, mặt đỏ lừng, vẻ mệt. Tôi ngồi nghe không, ra chăm chú, không ra lơ đãng. Bởi vì đương sửa soạn tổng kết thẳng lợi, bây giờ lại bảo sửa sai. Cả mấy đợt, lúc nào cũng cảnh giác, cũng đánh địch rồi chia ruộng, chia quả thực, chỉ thấy thành tích trên báo sao làm vậy tôi chẳng thấy sai cho nào, bây giờ lại sửa, biết rồi đến đâu hay là sai cả, lại phải vào ngồi tù không biết chừng. Tôi đâm lo lo, nghĩ chỉ thấy rối tơ vò.

Đội trưởng Cự ngồi yên, mấy lần mấp máy miệng toan nói, nhưng chắc nhớ ra đây là đội trên mới về, lại thôi. Mọi khi người khác đương nói Cự cũng cắt, cũng kết luận và giải tán, chẳng coi ai ra thế nào.

- Chúng ta qua công tác bàn giao sẽ hiểu nhau. Tôi giới thiệu hai đội phó sửa sai.

Hai người ngồi phía ngoài đứng lên. Đội trưởng Cự ngửa ngáy quá, mắt ngầu đỏ. Đến cỡ hai người kia chỉ bằng đội phó Nguyễn Văn Bối tôi mà cũng được đứng lên đi giới thiệu thì đội trưởng Cự không thể chịu được đột nhiên khùng lên. Khác mọi khi, nói đến lúc hăng mới bấm tay bây giờ ngay một lúc cả hai bàn tay Cự vung như gạt ra đỡ đòn mà trước mặt chỉ có chúng tôi.

- Báo cáo các đồng chí, chúng tôi đã kết thúc bước ba để sang bước bốn tổng kết thẳng lợi. Xã này hết sức phức tạp, mới hôm qua địch còn đập đầu giết chết một nông dân giữa ban ngày. Chúng tôi đã báo cáo đoàn uỷ cho truy lùng hung thủ.

Ông cán bộ tỉnh khẽ ngắt lời:

- Đoàn uỷ cải cách đã kết thúc công tác. Từ nay mọi việc phải báo cáo với huyện uỷ.

Cự vẫn nói, mỗi lúc một dùng dằng:

- Chúng tôi đương triển khai, đội nhất định phá tan âm mưu địch. Báo cáo đồng chí, tôi quen tác phong quân đội, quyết tâm đánh đến cùng. Đồng chí huyện uỷ mới được thả trong sửa sai, đồng chí chưa nắm được tình hình.

Người huyện uỷ đứng lên hỏi gắt:

- Đồng chí phát biểu xong chưa?

Cự cụt hứng

- Báo cáo hết.

Người huyện uỷ ngoái tay ra sau lưng lấy khẩu súng lục đặt lên mặt ba lô, lạnh lùng:

- Tôi báo để các đồng chí biết trên huyện đã có đội sửa sai chúng tôi về năm mọi công tác của xã từ giây phút này. Chung tôi sẽ lựa chọn lưu một số đồng chí đội cải cách ở lại công tác. Tôi yêu cầu đồng chí đội trưởng từ giờ tới chiều chuẩn bị, sáng mai đến báo cáo toàn bộ tình hình với chúng tôi.

Đội trưởng Cự đương đứng mà chân khấp khểnh như còn gà què lơ lảo, nhìn khẩu súng lục bóng nhoáng, đen sì trên mặt ba lô. Đằng lưng áo ông cán bộ tỉnh cũng gồ gồ có súng, nhưng không thấy ông rút ra. Tôi lại đoán cái boc nặng chịch mọi khi thấy cộm trong ba lô Cự không phải khẩu súng. Chắc cái cục gì bọc giấy. Mặt đội trưởng Cự sụp xuống.

Tôi không được chọn ở lại làm cán bộ sửa sai. Tôi như mở cờ trong bụng. Nhưng làm bộ mặt ủ rũ, tôi lúi thủi đi ra. Ngay lúc ấy, các đội viên sửa sai phóc lên xe đạp toả ra các thôn, công việc dường như đã sắp đặt trước cả. Không vào nhà tổ chức cũ, tổ chức mới, không đưa rẽ chuỗi nông hội, đội sửa sai ở lung tung các nhà. Sáng hôm sau, đến buổi làm mỗi người một cái cào cỏ, xuề xoà như chúng tôi, người mặc áo, người cởi trần, ai cũng mặc quần đùi, lam lũ như người trong xóm, tất cả oà ra đồng. Thế thì khác gì đội cải cách, sửa sai ở chỗ nào. Các xóm xôn xao: đúng đội cào-bằng về vác cào đi kia kia, cào bằng rồi; cả làng đóng khố đuôi lươn đến nơi. Các anh cải cách cũng phụ hoạ thế.

Bố con Cối với cả chục người nữa lò dò đến. Rối rít người hỏi, người nói, người trả lời lẫn nhau.

- Đội cào bằng hay đội san bằng, hả anh?

- San hay cào thì khác nào!

- Khác chứ, có phải không anh Bối?

- Không, đây là đội sửa sai. “Hoàn thành tốt cải cách ruộng đất, sửa sai và tiến lên” khẩu hiệu thế, đọc kỹ khẩu hiệu mới chưa.

- Thế cải cách sai hả?

- Cái gì sai thì sửa.

- Sửa thế, nào?

- Tôi bắn địa chủ Thìn, bây giờ bảo địa chủ Thìn chết oan, thế tôi có bị bắn không?

- Chưa biết thế nào!

- Ồi ời ơi!

- Tôi được chia một gian nhà thẳng tư Nhỡ, tôi phải dọn đi à?

- Tôi có phải trả hai chân trâu quả thực không?

- Nghe nói đội cào bằng về bắt cả làng này đổi ra chỉ để một họ Nguyễn hay họ Lê?

- Được quả thực mỗi một cái chum, cả làng biết đấy.

- Tôi... tôi...

- Chẳng hiểu ra thế nào.

Tôi cũng không cắt nghĩa được điều nào rõ hơn. Thế là mọi người ì ùng ùng kéo đi tìm đội trưởng. Một mình Cối ngồi lại.

- Chỉ có anh với em, em hơi thật nhé. Đội cào bằng về đuổi đội cải cách đi để làm lại tất cả à?

- Không phải đội cào bằng, đội sửa sai.

- Ủ, đội sửa sai thì cũng là đội đuổi đội các anh. Tôi phải từ chức đảng viên, trưởng thôn, trả nhà, trả ruộng, đội sửa sai dựa vào rế khác chứ ai.

- Không đâu.

- Thế đội sửa sai về làm cái chó gì!

Tôi nói như hô khẩu hiệu:

- Sửa sai và tiến lên!

Câu nói dứt khoát và mạnh mẽ ấy chẳng làm cho Cối để ý, mà Cối lại ra chiều bực bội. Cối lại tắt tả đi. Nhà tối om. Lũ trẻ con vừa nghịch choe choé đấy, đã ngủ khì cả. Không biết nhà này lo quá bỏ bữa tối hay quên, để đói anh đội. Tôi có ý mong Duyên. Duyên vác cả súng, - có thể mới là đi tuần suốt đêm, tôi cứ xó nào Duyên cũng mò được. Không biết đêm nay Duyên có về không, buồn quá.

Từ gà gáy, mấy người vừa được chia ở nhà địa chủ, ở nhà phú nông rộng quá tiêu chuẩn phải nhường lại, họ nạy gạch sân quảy đi. Người nhà phú nông xót của ra cản, đôi bên đánh nhau bằng đòn gánh, kêu rầm rĩ, cả xóm đổ ra đứng xem. Trời đã tảng sáng, ở đâu đi ra mấy tay trung nông lấp lửng chúa hay nói ngang họ chẳng được chia bồi, cũng không mất cái lông chân, cứ vừa đi vừa rên lên như những thằng rồ: ai đi sửa sai lờ, hơ lơ hơ lơ...

Không có lệnh, không ai về truyền đạt, đội cải cách đương rầm rộ sắp tổng kết, bỗng dưng tan như ao bèo gặp mưa to. không còn hội ý sáng sáng, đội trưởng Cụ lúc đi lúc đến lúc nào đi đâu cũng chẳng biết.

Cụ đi ở đâu về, hớt hải:

- Anh công tác thống kê giỏi sao không được giữ lại làm sửa sai, anh bị đuổi về à?

Tôi nói vu vơ:

- Mai kia lên đối công, lên hợp tác, không cần thống kê,

- Thế thì đích xác là cào bằng rồi.

Cối lại ngơ ngác đi ngay. Mới bảnh mắt mà chỗ nào cũng tụ lại từng đám người loang quanh như gà vương tóc.

Đội trưởng Cụ đến. Cối ở đâu lại về hỏi:

- Các anh đi thì chúng em làm việc thế nào?

- Đã có đội sửa sai

- Đội sửa sai có dựa vào chúng em như các anh đâu.

Tôi còn ngái ngủ, ngáp một cái:

- Ồi thôi, mấy tháng bù đầu, cũng phải cho chúng tớ xả hơi một cái.

Đội trưởng Cụ quắc mắt. Một câu nói quen thuộc nhưng nghe lúc nào cũng ghê ghê.

- Không được có tư tưởng nghỉ ngơi!

Dù sao, chẳng nghỉ ngơi thì cũng hết việc, thông thả. Tôi ở nhà như người thừa. Cối đi họp với đội sửa sai, chẳng biết tình hình thế nào đêm về không buồn nói một câu. Tôi nằm dài, hồi này dân quân cũng bỏ gác đêm. Tôi lại mong hôm nào được về đoàn uỷ lấy xe đạp ra chợ huyện đánh một bữa bánh đúc riêu kênh bụng. Tôi được thông báo lên đấy mới thật biết lại đi công tác sửa sai nơi nào hay được về cơ quan. Thế là chúng tôi sắp đi, mọi sự quanh mình cũng khá là điều ngẫm nghĩ. Đội cải cách bị vứt bỏ, mà tôi vẫn không biết cải cách sai ở chỗ nào, chỉ thấy mọi người dừng dừng qua mặt. Bác Diệc, anh Cối vẫn được trưởng thôn, được đảng viên hình như tỏ ra thương hại tôi, đem đến cho xôi ngô, bánh đúc mua trên chợ huyện.

Bác Diệc nói: “Chúng em chưa quen với đội sửa sai, các anh sắp rút về tỉnh có phải không?” Chẳng biết câu hỏi tò mò hay hỏi đuôi. Nhưng nghe tiếng bác Diệc thì không phải thế. Đêm trăng suông, tiếng đập lúa thành thịch, nghe thấy no ấm quanh mình khác những ngày mới về đây. Bác Diệc mau nước mắt, còn mắt viền vài điều đã mòng mòng. Bác nói bao giờ quên được nét ăn nét ở của anh tối hôm anh về nhà này. Có hôm mấy chị em Đơm đương cắt rạ ngoài đồng, tưởng tôi đã đi cả bọn tất tả chạy lên, khóc hu hu. Cô Duyên cũng đỏ hoe mắt, cô về nhà nhìn lên chỗ sợi thừng tôi vẫn vắt áo, không thấy. Duyên bỏ cơm, ra ngõ nhìn lên đường cái tây. Đến lúc thấy tôi về vai đeo cái sắc cột, vẫn anh đội như mọi khi, Duyên chạy ra, lột cái mũ là của tôi, đội lên đầu hí hửng như trẻ con. Tôi hỏi: “Có nhớ anh không?” Duyên bảo: “Anh mà đi thì tháng nào ở cử thẳng cu em bỏ thư cho anh. Anh sờ vào cho rốn em mà xem, thẳng cu đương cựa quậy đập đây”. Tôi có ý nghĩ hay là tôi ở lại đây. Ừ, tôi ở lại đây, tôi về cơ quan hay tôi ở lại cũng thế, hay là tôi ở lại đây với Duyên.

Ven đê dưới kia, trong những khoảnh tre lưa thưa có nhà bác Diệc, nhà bố Duyên, nhà cả Cối, thêm nhà tôi, lại nhà thằng Vách nữa - cái thằng khùng không biết mấy hôm này trốn ở đâu, nghe tin đội sửa sai đánh gục đội cải cách rồi, đã trở về, lại vác còn dao bầu đi mổ lợn thuê.

Trên cánh đồng hôm nào mới cấy màu mạ còn vàng ửng, đã nghe gió rì rào lùa vào chân lúa. Các nhà mới được ruộng chia từ cây lúa bát, nếp voi, nếp vắn, cốt được cái chóng ăn. Đấy, thế thì đội cải cách sai ở đâu, từ khi đi cải cách tôi chỉ biết có thẳng lợi, thẳng lợi “. Cái sợ, cái buồn, cái vui, cái hồi hộp, tôi như con quay ném vào đám chơi, cái dây vật quay tít hay đã còn quay lẩn long lóc, tự tôi chẳng biết ra thế nào. Người ta thường nhớ lâu những cái mình làm được, bây giờ thấy vườn tược, đồng ruộng mỗi hôm mỗi khác, phút chốc thấy như tôi thật có thành tích, chứ chẳng phải... Ôi, mà thôi.

Ngõ nhà Vách, bụi chuối lưa thưa, sần sùi đi qua nhiều lần nhìn đã quen mắt. Bỗng Vách lừng khừng đi ra. Thấy tôi, Vách đứng lại, không chào, nhưng giơ tay vẫy. Trông dị dạng, nó đương lên cơn dở người. Nhưng nó nói tình tường lắm.

- Bây giờ đến lượt tôi bắt, tôi trói anh, tôi đem đi đấu chứ. Mà nói đùa thôi, xuy xoá cả, buồn lắm. Anh Bối vào chơi, tôi bảo cái này

Nhà Vách không có ai. Vách đã đuổi vợ đi hay vợ Vách đã bỏ đi từ dạo Vách bị rình bắt, không thấy về nữa. Mấy con dao bầu của Vách đứng một hàng ở chân vách, trong ghê mắt. Tôi ngồi xuống bậu cửa, hỏi:

- Vợ đi đâu?

- Tôi cho nó đi ăn mày rồi.

Vách lại nói:

- Từ hôm anh về, tôi chưa kể khổ với anh lần nào phải không?

- Anh đã tố tư Nhờ đấy thôi.

- Nhưng mà nông dân chưa hết khổ thì vẫn phải kể ra chứ. Chưa đâu vào đâu, thằng tư Nhờ đã thót trốn mất. Chẳng đi bắt nó, các anh lại chộp tôi, rõ thật, cho ăn thịt chó, các anh định dẫu tôi, bắt tôi. Thằng Tây còn chẳng giết nổi tôi, các anh thì là cái thá gì. Thế mà bây giờ tôi lại không muốn sống nữa, tôi muốn chết,

- Nói đại!

- Tôi mà đại thì cả cái xóm Am này phải ngu như con bò. Lại nói chuyện ngày xưa nào. Nói cả đời chẳng vợ được cái núi khổ đâu. Nói một việc thôi nhé. Thằng hương kiểm, thằng phó lý bồ tư Nhờ đây, cái năm đói 1945 nó bắt tuần đình đêm nào cũng phải đi ra xem có người đói ở đâu đến chết ở đường làng thì khiêng vớt xuống sông cho khỏi phải chôn. Mỗi đêm, tôi đi ném vài xác xuống sông. Tôi vác phải cái xác thối quá, những người còn mềm, bụng thở bồm bộp. Tôi phân vân, nó chưa chết mà ném xuống sông bắt nó chết thì hồn oan nợ máu mấy đời. Nhưng đi một quãng thì trên vai tôi lạnh dần, rồi thằng người chết cóng. Họ chết rồi, tôi quăng cái xác xuống nước. Làm sao mà người tôi vẫn thối khẳn mùi người chết, khắp mình ngứa ngáy muốn phát điên.

Sáng ra nhìn thấy hàng đàn con rận bò đen kịt từng đám trên áo, dầy cả đầu tóc, xuống cổ, xuống mặt. Thì ra tôi còn hơi nóng, đàn rận ở cái xác đã bò sang đổi chỗ trú ngụ từ lúc nào.

- Thôi thôi...

- Kể chuyện khác vậy nhé. Khi đi du kích, mấy lần tôi về tìm giết bố thằng tư Nhờ. Những đêm nó lần lên ngủ bột hương dưng.

- Những chuyện chán bỏ mẹ!

- Thế mà tao vẫn cố nông, cố nông cái mả bố chúng nó. Đội cào bằng có bắt đổi họ, tao bảo tao là họ Cỗ, Cỗ Văn Vách. Tiên sư thằng Diệc, thằng Cối chúng nó bảo tôi có con dao đi mổ lợn kiểm ăn thì tôi là thành phần công thương, không được chia quả thực.

Tôi ngại Vách lại nói bắt quàng về các thứ chuyện cải cách, tôi đứng dậy. Vách bước đến, túm vai tôi. Hai trong mắt nó đỏ như miếng tiết, trông phát hoảng. Tôi phải ngồi xuống.

- Tôi quý anh nên mới mời anh vào đây. Tôi đếch thèm bảo thẳng đội Cụ, cái đội cào bằng ấy à, đem qua họp xóm, trong cán bộ nói hách dịch như quan huyện, tao ngứa mắt lắm, rồi đến phải chọc tiết có thẳng. Nhưng nghĩ lại tôi giết Tây, giết ta, giết ợn nhiều qua rồi, bây giờ giết đến tôi thôi, chả giết ai nữa. Cho nó hết rắc rối. Anh có trông thấy cái gì trong kia không?

Nhìn vào vách thấy một cái thùng buộc trên xà tre, mũi trông lọng hoác ra như đợi người chui đầu vào. Dưới đất, hai chiếc gạc đập lúa xếp chéo. Người đưa đầu vào trông lọng rồi đập cái gạc ấy, thế là boong beong. Tôi đã biết người ta làm thắt cổ tự tử như thế.

Tôi hấp tấp hỏi:

- Cái kia? Cái kia?

- Cái thắt cổ, đã bảo mà.

- Không, không.

- Không phải tôi thắt cổ anh đâu. Em thích anh được xem em thắt cổ, em thắt cổ. Đừng mà đi tố điếu là địch phá hoại nhé, tao thắt cổ tao thôi.

- Không, không được.

- Không có gàn quái. Gàn tôi thì tôi cho cả anh cũng chết chứ không phải một mình tôi.

- Đừng làm thế.

- Cầm cái mồm sẹo gỗ đi. Nói thế chứ chán làm, chúng mày như ruồi, giết ruồi làm gì, tao chỉ muốn có một thằng đội xem tao chết để đừng đi tố điếu là địch phá hoại. Tớ quen đảng ấy từ cái chập tối đảng ấy về làng này mà. nhớ không. Đảng ấy là thằng ma tít biết cái qué gì về mà làm loạn làng, Nhưng cũng còn chơi được, chưa đều bằng thằng đội Cụ, cho nên tớ mới cho vào xem tớ chết.

Vách nói lung tung, gáy tôi dần dần lạnh. Tay Vách nắm chặt cánh tay tôi run bần bật, toát dầm mồ hôi.

- Tớ không đun đảng ấy lên trông lọng đâu. Đừng sợ. Con dao bầu này chọc một cái, thì đảng ấy...

- Lậy anh.

- Ấy chớ! Hèn thế mà cũng đòi đi giải phóng người ta. Đã bảo tớ chỉ gọi đảng ấy vào xem tớ chết, chẳng có mưu mô phá hoại như các đảng ấy hay sai người tố đâu.

- Thế...

- Thế thế. Tổ trèo lên, đưa cổ vào.

- Anh...

- Chỉ dặn anh đội chớ dại mà cắt dây hạ tôi xuống bắt tôi sống. Tôi sống thì tôi tố anh đội hủ hoá với con gái cả xóm này, tôi tố anh đội đập chết con mẹ què rồi anh đội đem thắt cổ tôi để bịt đầu mối. Đã biết thế thì đáng tội thế nào chưa?

Tôi bàng hoàng như ngã xuống nước. Có điều tôi hiểu ngay là chớ có đụng đến thằng Vách. Nó biết tất cả, thế thì cho nó chết. Vách buông tôi, Vách xăm xăm vào bước lên đồng gác đập lúa, chui đầu vào tròng lọng tròn hai con mắt nhìn ra.

Tôi ù té chạy.

Nghe sau lưng cái gác lúa đổ văng, lăn lách cách. Cho đến hôm đi - và đến bây giờ, tôi không dám thì thào với ai về cái chết của thằng Vách.

Chương 6:

Mười mấy năm sau.

Hồi ấy thành phố vẫn bị máy bay Mỹ bỏ bom. Mới chập tối những đoàn xe chở tân binh âm ầm ngang qua trên cầu Long Biên. Tiếng hát vang động những phố xá đi tránh bom đã vắng.

Rồi tôi lại trở về cơ quan. Người đi cải cách lũ lượt về, người công tác sửa sai lại ba lô lên vai. Đã thành nếp mỗi khi nơi nào có công tác quan trọng, mỗi cơ quan đều phải cử từng đợt đi. Ai cũng nhiệm vụ đi, từ anh nuôi, chị tiếp liệu văn phòng, đến các bộ phận chuyên môn. Chỉ có những chánh phó thủ trưởng “không đi được vì công tác lúc nào cũng bù đầu”. Mà cũng không ai đề nghị thủ trưởng đi đâu.

Tôi đã đi cải cách cũng là thế. Những tôi đã đem được giấy chứng nhận và giới thiệu “đồng chí Nguyễn Văn Bối được kết nạp đợt 5 cải cách về sinh hoạt chi bộ cơ quan”. Đội trưởng Cự ký tên rồi đoàn uỷ đóng dấu và chữ ký xác nhận. Cự nói “Chia tay, tớ tặng cậu cái này”. Tôi nghĩ trong bụng: “Lão Cự tài thật, đoàn uỷ giải tán rồi mà vẫn lấy được dấu”. Cự chỉ nói thế, rồi đi ngay. Có lẽ lão cũng ngượng không muốn nấn ná lại trò chuyện thêm về những con vịt, chuyện vịt. Chúng tôi đều nhor nhóp cả, có gì mà nói. Từ đấy, không bao giờ còn gặp lại.

Cái tội trộn đường vào mì chính của tôi cũng đã lâu, nhạt rồi, quả nhiên chẳng còn ai biết hay biết cũng thôi, cơ quan lúc nào chẳng có những thời sự mệt mỏi. Và lại, tôi vừa đi những ba đợt cải cách ngót hai năm trở về với cái giấy ghi chức vụ đội phó phụ trách toà án kèm tờ chứng nhận và giới thiệu đảng viên. Mạnh quá. Thế là tôi đành hoàng phổng mũi.

Một hôm, tôi được phòng tổ chức gọi lên. Á à, có thể chứ... Tôi bắt đầu tưởng tượng ra những kiến hiệu của các thứ giấy tờ.

- Đồng chí ngồi.

Sự trịnh trọng lại kèm câu nói cộc lốc hơi lạ khiến tôi hồi hộp. Tôi ngồi xuống ghế. Quen tay, lấy sổ cộng tác và cái bút máy “oe rơ vơ” ra cầm sẵn.

- Địa phương có đơn về đồng chí.

- Địa phương nào, việc gì ạ?

- Ở xã cải cách, đơn tố cáo.

Tôi được đưa xem cái đơn. Tôi nẩy đom đóm mắt - Những đêm đi gác, ở trong lều, đã chung cha với những ai, nằm ngời thế nào, ai bằng lòng, ai bị đè ra, ôi chao, ở những bờ tường, những bụi chuối... Đơn lại tố cáo tôi đảng viên giả có chữ ký của Cụ - đội trưởng cải cách. Thế có chết không, nó cho húp nước đường lại tổng theo quả lửa. Bao nhiêu tên ký, trông hoa lên những Gái, những Nụ, những Má, những Tôm, những... Chẳng biết trong đám chữ ký tíu tít có Duyên, có Đơm không. Dưới tờ đơn có chữ ký của đội trưởng, đội phó sửa sai xác nhận và đề nghị kiểm điểm một đệp những cuộc họp tố cáo các xóm Am, xóm Chuôm, xóm Đìa và cả những xóm tôi chưa đến bao giờ.

- Ý kiến đồng chí ra sao?

- Tôi... tôi... Tôi không nói được thế nào.

- Thế là đồng chí đã nhận.

- Không, tôi phản đối, tôi...

- Các cấp xác nhận rành rành ra đây, thế là đích xác rồi. Có 10 điều cấm khi đi cải cách, đồng chí đã vi phạm tất cả mà điều 4 nặng nhất.

Tôi ngồi tây ngậy. Những câu dội nước đá, tôi chỉ ập ứng, lấp bấp không ra đầu đuôi.

- Thôi, về.

Chẳng khác đuổi tôi.

Tôi nhìn người trưởng phòng tổ chức, mặt đen gồ ghề, đầu hói. Bên chân bàn có cái xích buộc chiếc điều cày. Tôi ngỡ ông là đội sửa sai, về đây xử tôi, nghiêm quá. Tôi lủi thui ra.

Hội đồng kỷ luật bắt tôi thôi việc vi phạm lỗi nặng về hủ hoá và giả mạo giấy tờ. Có thể bị truy tố, những cơ quan chiếu cố. Không lương hưu, chỉ được lĩnh nốt lương tháng ấy. Tôi chẳng là cái đinh gì, cũng không biết ai thù tôi, chẳng lẽ lại là cái lão trưởng phòng tổ chức mới được điều ở đâu về tôi mới biết mặt. Tôi cảm cúi viết đơn gửi lên cục, lên bộ. Chẳng đâu trả lời. Hồi ấy, tội hủ hoá còn bị coi xấu xa nặng nề hơn cả việc giả mạo giấy tờ. Tôi bị mất việc.

Trong nhà đâm ra lục đục, ai oán làm sao. Lương tôi và tem phiếu cũng chẳng đủ nuôi ai, những cũng là một cọc tiền có ngữ. Con trai tôi đã lên mười. Vợ tôi vốn chân chạy chợ gặp gì vợ nấy. Mua thì cái rau, mớ chè, có khi ngược tàu Phòng lên, lẩn được cán bộ thuế. Có khi chui thoát thúng cá, con mực. Ái kiểm ra miếng mới được thêm thắt đồng ra đồng vào. Bỗng dưng đâm ra hăng. Lại thêm vợ chồng ở với nhau lâu cũng sinh nguy, cãi nhau vặt rồi cãi nhau to, rồi đánh nhau cũng thành thói quen lúc nào không biết, cũng như trông nó cứ bắn mắt dần mà từ trước kia không thấy. Cái môi nó trều nhờn nhợt trề ra gớm chết. Cái áo phơ ngoài dây thép, hai nách thâm xì, lưng áo mồ hôi dầu ăn bạc phếch, sao tởm thế mà ngày trước không để ý.

Mỗi ngày lại thêm một cái khó chịu. Ăn uống thì bốc bãi, hay nói dối vặt, hình như ngày trước tính nết nó khác. Người này nói, người kia vặt lại. Um nhà một lúc, hung lên rồi xông vào thui nhau. Họ cũng chẳng chịu lép, bóp lại tôi ra trò. Tôi xước mặt, toác cả áo. Tôi không thể cạy thế thằng đàn ông được. Đạo trước, thỉnh thoảng có lục đục, lảng giềng sang lồi hai bên ra, cũng khi ban hoà giải khối phố đến phân tích lý lẽ. Rồi đến nữa, vì mới hôm trước hôm sau đã lại loạn lên.

Ngày ngày qua. Những xô xát trong nhà tôi thành trò cười, như hát hay, hàng phố không ai hơi đâu đến cản ngăn. Từ khi mất việc lại càng náo nùng, khi lại chính tôi là thằng xuống thế.

Tôi chẳng biết một nghề ngỗng gì. Nhưng mà ở đất đô hội, có người thì sinh ra việc. Cũng như ở rừng trời cho củ mài, củ nâu, ở phố phường khó khăn mấy rồi cũng tìm ra cái ăn. Đồng rác có người bới nhặt. Rồi thì bó củi, mài dao, móc cống, cái bơm xe đứng ngã ba ngã tư, thêm hòm đồ và xăm lốp. Phải có cách nào kiếm được thì mới đỡ nhục.

Tôi xăm chiếc bơm xe đạp.

Tôi nhảy lên cái cán bơm, mặt cúi vục xuống, không dám nhìn lên. Lâu lâu, đã quen tôi khoan thai ấn cái bơm, trong bụng yên yên một chút.

Máy bay Mỹ ném bom liên miên. Giữa thành phố bom bị rắc hàng thùng vào chỗ cây đa đền Bà Kiệu, rơi lồm bồm xuống hồ Gươm. Người ta lũ lượt chạy khỏi thành phố. Càng nhiều người đi xa, phải bơm xe cho căng, tôi vẫn đứng với cái bơm ở ngã năm. Vợ tôi đem thằng con chạy bom, đi đâu tôi cũng không hỏi. Đêm trước vừa to tiếng, tôi bóp cổ mụ đến lúc kêu ằng ặc tôi mới nới tay, rồi lại đánh nhau tiếp mặc kệ còi báo động với máy bay ầm ừ trên trời. Sớm hôm sau, mụ đi thẳng.

Từ đấy, không còn tăm hơi hai mẹ con. Đầu tiên, tôi cũng tưởng mụ chỉ dỗi bo bo lảng nhãng rồi lại đâu vào đấy như mọi khi. Nhưng rồi bật hăn. Tôi sốt ruột, nhưng cũng không biết thế nào biết hỏi ai. Hàng phố xì xào. Cô ấy đã theo người ta xuống Nam Định, tôi trông thấy ở Chợ Rồng... Cô ấy trốn vào Nam rồi. Có người lại nói như thật: có ấy số đỏ như tiên rồi, xin được chân phụ bếp ở cục phục vụ được sang nấu bếp ở nhà khách sứ quán ta bên Liên Xô. Những cũng chỉ là nghe nói, chẳng thấy tăm hơi đâu. Thế rồi đến năm đất nước thống nhất cũng vẫn bần bật thế. Có lúc nghĩ hay là vướng bom đạn chết đủ đường chết chợ rồi. Trong chiến tranh, biết bao nhiêu người mất tin, mất tích, không phải riêng mẹ con nhà nó.

Tôi ở gian nhà ọp ẹp ấy và vẫn một mình với cái bơm xe. Hiu quạnh, có lúc cũng nhớ cái khi tung hoành ở xóm Am, xóm Chuôm nhưng chỉ nghĩ đến đã xấu hổ, còn ra cái thá gì mà vác mặt về. Lưỡi dao cạo hiểm mà dặt, tôi chẳng buồn cạo, mặc kệ. Râu ria tóc tai bù xù như con gấu vườn Bách Thảo. Tôi cảm thấy mau lão quá, ngoài năm mươi mà lụ khụ, nói nói thở thở. Tôi đo sức bằng mỗi lần bơm xe. Năm trước chỉ ấn một cái được một nhát bơm, bây giờ phải nhảy tẹo mông mấy lần, buổi chiều thì móp bụng lại, đến bốn phát mới xuống được một nhát. Tối về lử lả, xiêu vẹo, xách cái bơm cũng trêu tay, mặc dầu tôi tịnh không chè thuốc, bia rượu. Cái già xốc đến tận đấy rồi. Đàn bà con gái dừng dừng qua mắt tôi và tôi cũng nhìn

người ta thờ ơ như nhắc mắt qua đường.

Một hôm, tôi nhận được giấy bưu điện báo nhận hàng. Lật xem đi xem lại: bưu cục Bờ Hồ báo lần thứ nhất - tôi đi hỏi người ta bảo giấy này gửi từ bên nước Úc. Tôi bỏ một buổi làm, lên hiệu sách xem nhờ tờ bản đồ treo bán từ nước Úc ở đâu. Đêm mất ngủ, hay là bưu điện nhầm. Tôi lại mở giấy xem lại, rõ ràng viết số nhà cái buồng cái lều này và cả ba bốn bên đường phố hàng xóm bảo năm này chỉ có một Nguyễn Văn Bối tôi.

Tôi lên nhà bưu điện. Người ta cho biết hàng nước ngoài gửi về phải có sổ nhận hàng trên thành phố cấp. Tôi bảo tôi không biết về hỏi hàng gì. Có nhân viên chỉ cho tôi trong ngăn tủ bề bộn, một hộp giấy vuông vắn: “Đây, hôm nào đủ giấy tờ, hải quan cho mở ra mới biết hàng gì, bác ạ “.

Rồi tôi cũng lo được từ khối dân phố lên khu, lên thành phố cho có nổi một tờ giấy sổ lĩnh hàng nước ngoài. Tiền mua các thứ phí tổn bạc nghìn. Đến nơi lại bảo nộp phạt tiền lưu kho mất hai nghìn rưỡi. Nặng quá, tôi đã nghĩ toan bỏ. Nhưng đảng nào cũng đâm lao rồi, tôi lại về cào cấu, cả giật nóng, cả vay lãi ngày. Cũng có lúc chột hoảng. Nhỡ một cái lại là cái hộp cứt như trong truyện Trạng Quỳnh thì có mà toi đời. Nhưng không, một gói những lọ, những hộp xinh xinh. Người hải quan xem từng lọ rồi bảo đây là thuốc bổ, được phép nhận.

Tôi ôm cái hộp lên ngực mới gạt được đám người bám ngoài cửa, nhao nhao:

- Thuốc à? Có bán không. Bao nhiêu? Xem nào, xem nào...

Tôi đứng bơm hàng ngày một cụm ngã năm ấy, có người bơm xe lại đã thành quen biết, một vài phút đợi bơm, đã ra khỏi chuyện phố phường. Chỉ hôm sau, tôi đã hỏi biết được toàn thuốc vitamin A, B, C, B6. Thuốc Pháp, thuốc Mỹ, đắt đấy, bán được tiền. Tôi hỏi mỗi người một tý, chẳng lại, đã ước lượng được giá cả. Thế là không dưng trời cho tôi của.

Ai ở nước Úc gửi cho tôi? Không có thư, không tên người gửi. Hàng chữ tên tôi, số nhà, phố thì đánh máy. Người ta bảo ở các nước văn minh, ra hiệu xe đạp, mua cái xe rồi lại thuê gửi, thế là cửa hiệu cứ việc đóng gói và gửi đi, người mua không phải động tay, không cần biết mặt cái xe. Nhưng ai gửi, lục soát đến đâu cũng không ra ai. Không một cơ nào để đoán nổi. Cuối cùng, trong ý nghĩ tôi động lại hai con vợ mất tích kia, mà có lần người ta đồn nó đã đi những nước nào nước nào sướng hơn tiên. Có lẽ là mẹ ta. Lúc khó nhất người ta cũng nghĩ rồi ra có lúc được mở mặt, hay là nó, chỉ có nó mới biết tên tôi, số nhà tôi, mà xét những mối quen biết thì quanh đây cả, chỉ bọn khổ đây, ai mà có được hộp sang này! Đích là nó rồi. Chỉ có con vợ trước ở Tam Mai thấy bảo lấy chồng, làm cut-lít có thể nó về bên Tây bên Mỹ, Nhưng con ấy lại không biết chỗ tôi ở bây giờ. Thế thì ai gửi cho tôi, lại rồi ruột thêm. Tôi có hai vợ, hai đứa con thật sự còn con rơi con vãi ở đâu không kể. Chẳng nhẽ con vợ nào của tôi đã sa chân xuống tận vùng bùn tư sản lại còn hơi sức nhớ đến tôi. Hay là...

Hay là cái này của địch, là âm mưu địch, thằng địch chúa thần lẩn nham hiểm đi cải cách ruộng đất đã

thấy đấy. Tôi mất mũ cán bộ đã lâu, mà vẫn chưa quên cách phân tích địch ta. Thế nhưng ở trên đời này, thằng địch ba đầu sáu tay nào mà lại biết tên tôi là quân tố hữu Nguyễn Văn Bối. Ông bơm xe, ông bán nước, quanh năm không nhìn ra ngoài cái bơm, cái chén, nhưng thoáng mắt đã nghe biết cái khôn đại của bao nhiêu người đời. Nghe nói có nhà có người ở nước ngoài gửi các thứ về cho nhà bạn để ăn, để sướng, tôi cũng đương được “tiếp tế” như thế, chứ có phải địch mua chuộc đâu.

Bao năm nay, trời nắng hay trời mưa, tôi chỉ có cái bơm và lê la quanh mấy gánh cơm dưa cà đậu om, canh đậu, có cái ghế treo trôn, quang khách đến bà hàng mới bỏ ghế ra, sợ ngồi xúm xít thì công an đuổi.

Số thuốc tôi bán dần. Ôi, những chi tiêu thăng hoa khỏi mục hàng cơm gánh. Tôi xuống chợ trời mua bộ quần áo ka ki đại cán cũ. Mới ngày nào, cán bộ thủ trưởng và nhân viên mặc đại cán như nhau, bây giờ có tiền hoạ hoẩn mới có người mặc, anh xe ba gác, xe xích-lô... Dù qua mặt cũng không ai nhìn, việc đời cái gì rồi cũng trôi đi. Đời cán bộ của tôi đã chấm dứt từ bộ đại cán sang cái bơm, tôi vẫn thấy mặc đại cán được và hợp mắt. Chập tối, tôi không đến gánh cơm quán đầu ghế nào. Đã lâu, mới nhớ phải hưởng một bữa có chất. Cuối phố kia mà tôi vẫn biết ở đấy có một hiệu ngoài tử kính bày mấy lọ mắm tôm bán sỉ, nhưng trong nhà làm chui cơm tấm giò chả. Tôi đi đánh chén một bữa cật lực, bội thực không thở được, chỉ còn sức bữa say được về nhà, lăn đùng ra.

Tôi nhét cái bơm vào gầm giường. Nghỉ ít lâu cho khuây khoả cơn sâu đã nào. Nhưng vài ba tháng năm khàn, ăn vỗ béo rồi ngủ, gói tiền to đến bằng cái tải gạo cũng phải toang ngoảng. Rồi hết tiền, lại vác cái bơm ra ngã năm. Tôi chếp miệng. “Tiền bắt được như tiền cờ bạc, của phù vân vẫn vào nhà rồi của phù vân lại đội nón ra đi, thế thôi”. Tôi thở dài, tự an ủi.

Tôi khắc khoải vu vơ mong lại nhận được giấy báo nhà bưu điện. Tôi tính ngày, so sánh năm tháng, đoán có lẽ vào dịp Tết ấy ra. Rồi mấy Tết cũng chẳng thấy đâu. Cái gói tiền đã xa như chiêm bao từ ngày xưa, Tôi lại cảm cúi, vật vờ nhảy nhấp nhô cời lên cái bơm.

Nhưng quái sao, tôi thở dốc: Tôi béo tốt hẳn hoi, râu mọc um tùm đem mỡ ra. Thế mà hai cánh tay rã rời muốn vập mặt xuống cái bơm rì. Tôi không bơm xe được nữa. Tôi đẩy đà ra nhưng tôi kiệt sức rồi. Cái túi tiền đã giết tôi.

Hôm sau, tôi lại vác cái bơm ra. Nhưng cả buổi chẳng được một nhát. Khách quen không có ai. Người lạ trông thấy tôi mặc cái áo đại cán, mặt mắt húp húp, người ta đạp xe thẳng. Rồi tôi cũng được khách, nhưng vừa buông buông cái bơm, tôi ghen cổ không thở được. Ông khách đùa: “Ông béo sung sướng phát phì thế thì đi nghỉ mát, chứ bơm xe là ốm đấy”.

Tôi chết thôi. Cái thằng Vách, thằng Vách chết như đi chơi, lại còn gọi người đến xem nó chết. Thế mà hay. Lẽ nào tôi hèn không bằng thằng Vách. Tôi chết cũng vừa, đủ mùi đời rồi.

Tôi ngồi dậy. Tôi với tay vào góc buồng kéo cái hòm gỗ. Trong ấy, mọi thứ đều được nhặt trữ lại. Người khó nhặt nhanh chẳng muốn vứt đi cái gì. Tôi tìm cái quần rách. Tôi bện thành cái thừng. Tôi chọt

thấy vẫn còn chiếc ruột tượng đựng gạo ở cơ quan trên Thái Nguyên. Mỗi lần ra khỏi rừng đi công tác ai cũng đeo vắt vai một hai bao gạo. Ôi, cái ruột tượng đựng gạo còn lại đến bây giờ, được được đấy.

Tôi đứng lên mặt bàn, buộc một đầu ruột tượng lên xà nhà, ở bên kia thông xuống, thắt nút tròn lọng lại. Tôi ngắm nghía. Chui vào, đập đổ cái bàn dưới chân thì tôi bằng phẳng Vách.

Tôi ngồi thừ một lúc lâu. Không phải tôi ngần ngại mà tôi mỏi như sắp chết, tôi ngồi thế này chắc một lúc nữa tôi cũng chết. Không phải. Tôi nhớ ra tôi sắp lả đi vì đói. Thế thì đi ăn cái gì, chẳng nên làm còn ma đói.

Chiếc tròn lọng ruột tượng trắng nhờ như giải khăn tang lơ lửng giữa nhà. Tôi khoá cửa, bước ra.

Lại biết chỗ ấy có quán cơm mà mặt hiệu là cánh cửa đóng một bên. Mở mảnh ni lông che tường ra, tròn treo cổ lòng trắng, cái cổ hũ trắng phau, có phở, có cháo lòng, tiết canh đủ thứ. Thành phố tiêu điều không phải vì chốc chốc lại báo động máy bay. Bề ngoài thôi, người ta ở trong nhà mà vẫn hàng phở, bánh cuốn, bánh giò, rượu cuộc lủi được gọi nhẹ nhàng là nước mưa...

Vừa đi vừa nghĩ những cái ăn, như người thành phố bom đạn đương thiếu đói, thì chết làm sao được. Tôi cũng tự mang máng thế. Tôi lữ khứ, dật dờ đi. Dãy phố im im. Thế mà cái quán này đèn sáng. Ngọn điện che mảnh bìa cứng, bớt sáng hắt ra, theo lệnh phòng không. Tôi bước qua chỗ của tôi vào sáng đèn, tôi choáng người. Lão chủ quán cái mặt hết thẳng địa tư Nhỡ. Chỉ khác bộ râu quai nón trắng như cước, tóc và râu dài xuống giữa lưng, giữa ngực. Tôi hốt nhiên phấp phồng. Hay là tôi đã thắt cổ tôi chết rồi, tôi gặp hồn thẳng tư Nhỡ ở cửa địa ngục tuổi vàng.

Chủ quán nhác nhìn tôi, hỏi ngay:

- Anh đội Bối phải không? Cũng râu rìa như thẳng địa chủ à?

- Ông... tư Nhỡ.

- Nhớ dai đấy. Anh ngồi chơi.

- Bây giờ ông...

- Thế thôi. Ồ lâu lắm mới gặp. Đánh chén cái đã. Không phải ăn nhà hàng, mà tôi thết ông. Dám chứ?

Tôi vẫn ơn ông không qui tôi là địa; nhưng ông vượt mặt thế nào được thẳng đội Cụ, có phải không ạ?

Toàn việc người sống. Tôi còn biết nói thế nào. Cái anh đội Bối cũng xa xôi hoá thành thẳng bơm xe rồi. Những kiểu cách ta đây cán bộ ra về hiểu biết, đứng nói hăm hứ bầm bầm tay, tôi chẳng còn đâu điệu bộ dờ dang ấy nữa. Quên rồi, cả như chuyện Âm Phủ. Tôi không ngại, cũng chẳng ngượng với tư Nhỡ. Đường như lại quen ngay. Ai cũng chỉ ưa nhớ lâu những cái dễ chịu. Rồi vừa nhớ lại, vừa không muốn nhớ, như mê ngủ. Bây giờ rõ ràng tư Nhỡ mời tôi đánh chén. Ừ, đánh chén. Thẳng bơm xe đạp nhặt từng hào giấy thì

chỉ thêm đánh chén.

- Vào, vào uống chén nước đã.

Nhà tư Nhõ hai buồng, liền phòng trong, cái bếp đã được dênh ra ngay đầu gian bán hàng, đây chỗ ngủ kê vừa chiếc giường một.

Trên màn幔 che, buộc cái mặt to sơn kẻ dòng chữ xanh tròn quanh theo khung: Hutte cent ans kèm chữ quốc ngữ hắc ín đen nhánh “Lều trăm năm”.

“Vẫn cái “động trăm năm“, ông ạ.

Tôi pha trò:

- Có còn tay cán nữa đâu

Tư Nhõ vuốt râu cười:

- Vẫn còn công an, cán bộ thuế mà mình là thằng bán hàng chui. Cái lều ông già trăm năm này có giá trị trình bày lắm. Tôi lão rồi, tôi ốm yếu sắp chết rồi, tôi kiếm ăn cò con, các ông tha cho. Ít người biết chữ Tây nên phải viết kèm chữ ta cho các anh ấy để hiểu để thông cảm. Chỉ có bây giờ mà đội bắt tôi thì tôi chịu chết, không còn sức leo tường nhà giam. Nhưng cũng chẳng cần. Mấy chục năm từ ở cái “động trăm năm” này tôi đã luyện đắc đạo phép tiên.

Tư Nhõ miết ngón tay cái vào ngón tay trỏ, giơ cao bật tanh tách rồi cười khơ khớ: Phép tiên Xìn! Xìn tiền! Tiến! Tôi bây giờ tên là thằng Xìn.

Tôi lơ dờ vẻ không biết, hững hờ hỏi:

- Ông có hay về Am không?

- Tôi biệt xứ từ ngày ấy. Vợ tôi chết tôi cũng chôn ở Văn diễn. Không biết dưới ấy vào hợp tác rồi có cao bằng cả làng thành một hồ không, còn tôi đã từ làng, từ họ rồi. Họ hàng mà đấu nhau đến thế, còn mặt mũi nào. Nhưng mà có phúc có phận cả, nhờ các anh về làm tan hoang lên thế, thằng tư Nhõ có suýt chết mới lại được thế này. Mấy lỵ tôi mà thò đầu về, đứa nào dò được tông tích tôi trên đây, có khi tôi lại ăn đất, anh ạ. Chốc nữa anh lên công ăn khu báo cáo có thằng địa trốn lên đây đội lốt công thương thì tôi cũng rũ tù Hoả Lò ngay. Nhưng mà anh đã thương tôi, nỡ nào, phải không. À mà tôi cũng thay tên đổi họ rồi. Bây giờ họ tên tôi là Tạ Xìn, Tạ Xìn. Tiếng Tàu “xìn” là tiền, “Tạ xìn” là một tạ tiền, tôi thờ than tiền. Khi nhỏ, tôi hay chơi chữ, đã “lều trăm năm” lại hoá ra “tạ tiền”. Tạ Xìn bán phở ngẫu pín dái bò dái dê, lại cả phở không người lái. Bánh phở Tạ Xìn đương có tiếng đấy.

Lão nói toang toang gay gắt một cách từ tốn. Ở đời không rõ đầu lưỡi hay trong bụng, tôi thấy ai cũng tự

tin hơn tôi, tôi cũng đâm ra rúm ró. Tôi mờ mờ những sóng gió thôn Am, thôn Chuôm. Tôi có cảm tưởng tư Nhữ đương là thằng Tề Thiên Đại Thánh đánh cả trời mà tôi như con nhái đứng dưới đất giương mắt chầu, mắt nhái, mồm nhìn lên.

Tôi nhắm nháp chén chè Tân Cương pha bằng nước đun ở cái ấm điện tý hon chỉ vừa vài chén hạt mít. Một lát, thấy một đứa con gái bưng một mâm vào. Trên mâm, hai bát chậu đựng những cánh xương sườn lợn cong lên như cọc bờ rào, khói béo nóng bốc nghi ngút. Xương ninh làm nước phở, ngon nhất. “Bán phở mà tôi cấm có ăn phở. Tôi không thích mâm bát lôi thôi. Tôi chỉ nhắm rượu, gặm xương. Ông chiều tôi”.

Tư Nhữ lại nói, giới thiệu:

- Cái này là út của tôi. Nó làm mậ dịch, nó là cô mậ bán thịt cho nên bố nó mới được cái khoái này. Bây giờ là nhất nhà mậ, nhà mậ được cái chén ngay, rồi mới đến nhì thân, ba thế.

Lúc này nhìn đứa con gái tôi ngỡ con bé con, bây giờ mới nhận ra cô mậ dịch áo vét xanh da trời, hai bím tóc tết buông xuống lưng, đội dép râu, tôi đâm sợ. Ai mà chẳng sợ những cô mậ cong cớn, cô ném ra bán như thí cho bó rau nào thì được nhặt bó ấy.

Tôi uống rượu chẳng mấy. Tư Nhữ thì vén râu tì tì từng chén. Tôi nhắm nháp theo cũng hào hứng dần lên và thế là nhăng mất cả chuyện thắt cổ. Đây, tôi ví thế nào, tôi hèn, tôi bằng thế nào được thằng đồ tể Vách kia, tôi mới chỉ gặm miếng xương mà đã...

- Ông tư ời, ông được mấy người giỏi như có mậ này?

- Mỗi đứa một phen, không đứa nào giống đứa nào.

- À...

- Chẳng giấu ông, nhà tôi có hai thằng xuất ngoại, một ở Liên Xô, một ở Hung.

- Hai đứa đi nước ngoài? Luật chỉ được một thôi mà.

- Đã bảo tên tôi là Xìn, tôi là Tạ Xìn, giới thiệu mãi rồi.

- A.

Thế mà tôi lại nhờ cái thơ ném lại cho “cậu mợ và các em Hương, Hiền, Vinh, Phú, Quý” của đứa nào ngày ấy bỏ nhà đi. Không biết nó là đứa nào trong đám con Tư Nhữ.

Tư Nhữ lại nói:

- Một thằng đi bộ đội, chốc nữa về.

Tôi đáp giữ nhịp:

- Thế à?

- Cũng cho một đứa đi bộ đội cho phải phép. Bộ đội thời đánh Mỹ mà được ngủ nhà, thế mới chúa. Cái đấy phải chạy mệt hơn lo cho những thằng đi nước ngoài.

Từ lúc ngồi ở cái giường trong “Lều trăm năm” ở thành phố này mỗi lúc tôi lại rạp người xuống, tôi lạy phục tư Nhữ, rồi chúi đầu ăn như ma đói. Chẳng mấy lúc say đứ, nằm đờ ra. Cái thân tôi ăn cũng khổ, lúc nào cũng sắp chết vì bội thực. Tỉnh lại, thấy tư Nhữ ngồi nguyên thế, đầu gối rung bành bạch, chốc lại vạch râu tiếp một ngụm.

- Thức rồi à? Làm bát không người lái. Phở nóng, nhiều hành, tỉnh ngay.

- Tôi về...

Về làm gì. Trời mát, tao với ông nằm cái giường này vừa mà nhà mày thì như cái ổ chó!

- Ông biết nhà tôi?

- Tao biết cả mày đứng bơm xe đạp ở ngã năm, biết lâu rồi.

Chưa húp bát phở nóng mà tôi tỉnh tức khắc. Tôi bơm xe đã thành tật cứ lúi húi vặn vặn, lắp vôi, lúc nào cũng rũ mặt xuống hai tay ấn bơm, chứ mấy khi nhìn ai.

- Về đây làm với tao.

Tư Nhữ đứng dậy chênh choáng vịn tay vào tường.

- Ấy cái tội của các ông cải cách đây. Thằng tư Nhữ tụt tường nhà giam trốn ra, què một chân.

Bắt chột, tư Nhữ hét:

- Bối! Thằng đội Bối!

Tôi trố mắt, ngơ ngác.

- Kìa “dạ” đi, lậy ông địa đi. Tao đương bắt chước các ông đội đây. Như mà làm trò chèo tuồng cải lương thế thôi, tao không báo ân báo oán như cái con Thuý Kiều giang há nhà thổ đâu.

Mỗi việc, mỗi câu của tư Nhữ như đâm vào mặt, vào bụng, vào lưng, tôi chỉ biết oằn người ra chịu đòn.

—Nhà nước chỉ cho ăn vãi bo bo, bột mì rán khan, cái bánh phở là quốc cấm, phải chạy nhiều cửa mới có chén rượu, có miếng xương này. Mai đến đây, khối việc. Mày không ra sao cả.

Tôi thì không ra sao từ lâu lắm rồi. Cái vốc tiền dạo trước cũng chỉ nuốt hết chứ có nên trò trống gì đâu. Nghe nói thế tôi coi như ông chủ đang mặc cả công. Được thì gật, không thì lắc, chẳng còn biết đỏ mặt. Nghe nó nói cũng thuận, có khi mà hay, đỡ nắng gió, khỏi phải há mồm nhảy bươm, mà cái của trời ời của tư sản giãy chết kia thì biết bao giờ nó còn rơi xuống nữa. Tôi gật gù, lóng ngóng.

Tư Nhở đập bốp bàn tay bên kia vào tay tôi.

- Mai đến nhé.

Tôi bước len lét, lử khử, râu ria lượp tượp như con chó ốm. Mở cửa trông thấy cái tròng lọng ruột tượng lơ lửng giữa nhà. Tôi mới nhớ lại. Tôi cúi xuống, vút lại vào cái hòm rác rưởi. Quên ngay, tưởng như chưa khi nào đã định chết thắt cổ.

Tôi ngủ say như chết. Hôm sau, tôi cười cái bươm, mồm nhúc lên đến cánh tay. Thật không thể trông vào cái bươm được nữa rồi. Cái bọc tiền đã giết tôi. Nhớ đến những câu chuyện với tư Nhở lại càng đau ê ẩm.

Một buổi sáng, tôi đến nhà tư Nhở.

Tư Nhở cười, vỗ vai tôi.

- Biết anh còn nghĩ đi nghĩ lại mấy hôm mà. Cũng sĩ diện chứ, nhưng mà cái bươm chỉ bằng cái tấm hương ấy mà nặng đấy.

Tôi bắt đầu làm một công việc kỳ quái mà dễ hiểu. Không phải phụ bếp, không lau bàn, bưng bê, không rửa bát hay giết gà, mổ lợn - thịt gà và từng súc thịt lợn sống đã có cái cô út làm nhà mậu mỗi buổi đèo trộm về một túi ni lông rồi.

Tôi đi lấy bánh phở. Hồi ấy, cả thành phố trông vào tem phiếu gạo. Bánh trái, chè cháo hàng quán đều dùng đến gạo, bột gạo đều bị cấm, nhưng người ta vẫn chui lủi, thế nào cũng có cách nhoi ra. Mỗi ngày hai buổi đúng giờ như người đi làm cơ quan, tôi vác một bị bánh phở nặng lệch vai về.

Tư Nhở dặn:

- Chỗ lấy bánh này nghiêm lắm. Anh có bộ đại cán hay đấy, để vào. Những cấm nói, không được nhìn ngang nhìn ngửa. Đêm bánh về đến đây, gặp “cá” thì bảo là giữa đường người ta nhờ bán hộ. Rồi tôi gỡ cho, không được đổ cho tôi.

Mấy lâu này lặn ngụp trong chợ đời, tôi đã hiểu giữa đường ngoài hè còn biết bao những ma quái bằng bạc cụ, những mưu mô và những đòn đánh ở cơ quan tôi ngày trước.

Tôi đến một toà nhà hai tầng có vườn bao quanh ở một phố tỉnh mịch. Các cửa sổ gác đóng kín chắc là

nhà cán bộ to. Tuy to, những chưa phải cỡ có bớt gác cửa.

Tôi đi thẳng vào vườn sau. Bên cái nhà ga ra ô tô có một buồng lửng ngay đầu cầu thang xuống. Trong buồng, một cái nồi ba mươi, bột đường nghi ngút sôi sùng sục. Mấy người xoay trần, tráng bánh cạnh cái công tơ điện xinh xịch chạy máy.

Một người đứng tuổi mặt mũi nhẵn nhụi mặc áo đại cán, ka ki hồng nhạt. Trông thấy tôi, ông bước ra, bắt tay - lại bắt tay, chưa quen đã bắt tay lu bù. Ông ấy bỏ kính trắng, - tôi ngờ là kính giả, ông tỏ tay:

- Cái bọc to nhất đi ngoài cũng là của anh – Người ấy cúi nhìn đồng hồ đeo tay, - Lúc nào ô tô ra đỗ cho kia thì anh vác bọc này đến, lên ngồi ghế trên. Chỗ nào ô tô dừng lại, chú lái mở cửa cho anh xuống. Không được quay lại nhìn, không phải chào hỏi ai cả. Nhớ chưa? Không thì mất lương đấy!

Tôi đã nhớ từ lúc tư Nhỡ dặn, nên cũng chẳng buồn trả lời. Nháy mắt, cái xe đen bóng lừ chui ra, cửa kính sau và hai bên khoang dưới treo miếng vải hoa sặc sỡ như bướm đậu. Người lái xe mở cửa trên, tôi bê bọc bánh bước lên, mắt nhìn thẳng đằng trước. Nghe tiếng người bước lên đằng sau rồi sập cửa. Xe lướt ra cổng loang loáng. Nhớ những lần đi cải cách ở Thanh Hoá, ở Thái Bình, hội nghị tổng kết ở Hậu Hiền, ở Quỳnh Côi có cán bộ trên về dự cũng đi những xe đen kền kền choáng lộn như thế này. Các ông ấy toàn mặc áo nâu, đi dép râu, không biết ông ngồi sau tôi mặc áo nâu hay đại cán. Đường nghĩ loảng quảng, cái xe đã đỗ êm nhẹ. Người lái xe với tay sang mở cửa. Tôi lúi lúi ôm bọc bánh xuống. Chiếc xe lại bon vút đi. Đây là ngã ba, rẽ vào một quãng thì đến nhà Tư Nhỡ.

Mỗi ngày hai chuyến đi lấy bánh như thế, kể cũng nhàn. Được mười hôm, dần dần tôi biết mọi lai lịch những bị bánh tôi lấy về và những túi thịt lợn, mỡ lợn, sườn lợn của cô ả mậu. Tư Nhỡ lại tự vác đi bán các nơi khác. Thảo nào, lão bảo bánh phở Tạ Xìn có tiếng là ý tứ thế và cái hàng vắng, lão cũng chẳng cần.

Tôi lại biết bọn làm bánh không phải người nhà này, cũng không phải nhân viên cơ quan. Có manh mối, người ta đến xin làm đây. Mọi công chuyện và tiền nong tính toán với bà chủ. Làm bánh trong nhà hộ đặc biệt, các ông “cá” đánh hơi được cũng chịu. Lại cái ô tô thủ trưởng ngày ngày tải bánh ra, chẳng dám đụng đến.

Cái ông chủ lò bánh mặc áo đại cán, kính trắng, cái cặp da như chánh văn phòng ngày nào cũng đến xin ý kiến thủ trưởng, ông chuyện với tôi, ông tặc lưỡi:

- Cả làng đều phải kiếm thêm, cán bộ nào chẳng như nhà ông này.

Cái giọng hệt Tư Nhỡ, đùng đĩnh, móc máy, xỏ lá. Hay cũng là địa trốn lên thành phố, bây giờ tên là Xìn, là Tiền. Ai biết được.

Tôi đến lấy bánh chui ở nhà ông cán bộ to nọ, tôi lại tìm được cách nghĩ cho yên lòng hơn về sự an bài

của xã hội bây giờ. Tình cờ tôi được tin cái lão trưởng phòng tổ chức đã sa thải tôi ngay trước, lão bị đi tù rồi. Ông “chánh văn phòng tên là Xìn” ấy một hôm đọc báo rồi kể lại cho đám xay bột, tôi đứng nghe đích xác tên người, tên cơ quan tôi trước. Nguyên do là lão ta sắp về hưu. Lão mưu với thủ kho làm một quần lấy trộm hoá chất.

Sau khi tuyên án, lão được nói một câu “Lậy toà, một đời con công tác - toà án không cho lậy, không cho xưng con, những lão cứ nói thế, con không ăn cắp một tờ giấy, một ngòi bút. Nhưng con sắp phải được nghỉ hưu, con cần kiếm cái dưỡng già, con chỉ kiếm đồng tiền dưỡng già. Xin toà rủ lòng thương”. Lão ấy sáu mươi ba tuổi. Thì tôi lại ngậm ngùi nông nổi đời người. Tôi lại quên cái lão trưởng phòng mặt sắt ngày trước. Ai chả thế, cổ cùng mới chịu đói, ai chẳng thêm no.

Tối tối, tôi ngồi hầu rượu tư Nhỡ. Quan hệ của tôi với lão cứ nửa nạc nửa mỡ. Không ra chủ cũng chưa hẳn đầy tớ. Tôi không còn nhớ mấy về địa chủ tư Nhỡ ở thôn Am. Nhưng lão nhớ ác, thỉnh thoảng vẫn móc tôi vài cú.

- Cái đài Oreông này của tôi khoẻ lắm, nghe được Sài Gòn, cả đài Mỹ, đài Anh. Bây giờ tôi mới là Việt gian toàn nghe đài địch. Cái thằng đội Cụ dốt đặc cán mai như con bò, cái galen kêu ẹc ẹc bắt dây lên cột tre lại bảo là dây điện đài đánh đi liên lạc với địch.

Tôi im, nhai thông thả.

Bát xương sườn lợn bốc khói mỡ béo ngậy. Tôi phải làm bát phở không người lái đã rồi mới uống - cũng giữ ý, kéo lại kênh ra như hôm nào.

Tôi đảo mắt nhìn tư Nhỡ. Lão vẫn đương ừng ực mấy chén cũng như lúc đứng bán phở, lúc đeo túi bánh túi thịt đi, lão nói lão làm phẩm phẩm, hống hách, máu nhà địa chủ và lão đương làm ông chủ, còn thằng Bối thì hủm hoăn như con thằn lằn cụt đuôi. Tôi đã làm xong bát phở không mà từ khi tời thành phố hay có máy bay không người lái của Mỹ vào thám thính, bát phở không thịt cũng thành cái tên “phở không người lái”, chẳng ra cột chẳng ra mĩa nó hay mĩa ta. Tôi nhắc chai, rót lấy chén rượu. Tôi cũng đương làm ra tiền cho nhà này mà.

Tư Nhỡ bỗng đứng hỏi:

- Này cái thằng đội cái cách tên là thằng Cu, thằng Cụ gì nhỉ?

- Thằng Cụ.

- Ủ, Cụ. Nghe cái tên con hốt đến tận giờ. Đêm hôm qua cái đài Sài Gòn nói có hai thằng đại tá Hà, đại tá Cụ người bên ta mới chạy sang nó, hai thằng đi họp chống cộng châu á ở Đài Loan về.

- Cái thằng Cụ ấy hả?

Tôi lơ đãng

- Nào biết được!

Tư Nhở cười hê hê:

- Anh chỉ còn chúm mũi xuống cái bơm, chẳng biết con khếch gì cả. Nói thế chứ tôi có biết đâu thằng Cu, thằng Cự. Chả là tôi mê cái giọng con Hà Thanh rồi con Hoàng Oanh đài Sài Gòn, chúng nó hát cho tê tái lòng người đến như thế mới là hát chứ. Đến giờ đây, đi tìm luồng Sài Gòn... Mà đài nó nói đêm nay các thằng ấy họp báo. Anh nghe xem có phải không?

Tôi lẳng lặng thong thả nhấm nháp mảnh xương sườn lợn. Thằng Cự,, thằng Cự xa lắc chẳng bận đâu đến tôi. Chiếc Oreon trên đầu giường tư Nhở đã lên nước ám khói màu vàng nhợt. Cái nút quay ọ ẹ rỏ ráy như chuột chạy. Tay tôi nhờn mỡ, Tư Nhở phải làm lấy. Tư Nhở áp tai nghe rồi rít rít: đấy, đấy... Cúi xuống... này... này... Tư Nhở đứng dậy ra cài then cửa. Tôi hồ hững ghé tai vào mặt đài.

Tiếng người đương nói:

... thừa đòm bào, chúng tôi đại tá Tam Ha, đại tá Huỳnh Cự... ngày... Đại hội chống cộng toàn châu á ở Đài Bắc về. Thừa đòm bào, tôi xin báo cáo...

Tôi nhồm lên, nhớn nhác:

- Đúng Huỳnh Cự...

Tư Nhở kêu, rồi chửi một câu:

- Ối giời ơi! Đéo mẹ thằng chó đái!

Tôi còn đương ngổn ngang những thằng Đình, thằng Cự ngày nào chưa nghĩ thấu sự đời lộn phộc quái ác này. Tư Nhở choang choác:

- Bên ta có hai thằng chó ra hàng. No cơm ấm cật thì ở bên ta nó cũng sướng chán. Đâu không biết chứ dạo ấy, rẽ chuối ngày nào chả lên chợ mua rượu thịt về cho thằng đội Cự. Anh sai con Duyên; con Đơm ấy đi mua cái bánh ngô, bánh dầy. Người ta đếm đấy, cả hàng huyện biết chứ. Thế ra nó vào B, nó lại mò ra chỗ ăn chơi, trâu đi tìm trâu đấy, các cụ nói không sai. Mà ai chả thích sướng. Bây giờ tôi sướng hơn ông, nhưng đã ra quái gì, bán cái bánh phở mà như thằng kẻ trộm.

Tôi lùi về, tư Nhở vẫn lảm nhảm huyền thuyên một mình đến tận lúc nào. Tôi nằm xuống giường rồi vẫn vang tiếng thằng Cự với những câu chửi rửa của Tư Nhở. Đúng nó, đòm bào, đòm bào. lại nhớ như mới họp, mới mít tinh hôm qua. Nó leo lên cao thế thì tôi cũng chẳng ngạc nhiên. Những mưu mẹo, những trắng trợn khủng khiếp. Nhưng thế rồi mà lại chạy. Nó muốn lên tận đâu nữa? Tôi nghĩ tôi vẫn hơi hướng máu

cán bộ, tôi phân tích.

Rồi tôi lại tơ tưởng đến những hộp đựng thuốc bên Úc gửi về. Ừ làm người ở đời ai chả muốn sung sướng, câu ấy rõ chẻ hoe, khác cái thằng tôi bơm xe, thằng tôi đi lấy bánh. Tôi chớp mắt, những lọ thuốc tây rơi lả tả xuống mặt, gạt ra không kịp.

Cái ô tô đen bóng đồ êm ven hè. Người lái xe trườn đẩy cánh cửa. Tôi bê cái bọc, lù rù xuống. Bây giờ tôi cũng thôi thấy thơm thoảng, thôi thấy êm dít như mấy hôm mới được ngồi lên ô tô. Tôi chẳng quay lại, không biết có ông cốp nào ngồi sau lưng. Tôi đã thành ông Tả Ao, thấy địa lý dặn khi về chỗ ấy không được ngược mắt lên nhìn. Lắm cái nghĩ quá, chông chất những nghĩ, muốn yên không được. Cái xe lại bon bon giữa đường phố đi làm những việc to tát hay tũn mủn, việc vặt vãnh hay việc chui lủi, tôi không thể biết, mà tôi vẫn nghĩ.

Tôi khệ nệ vác tải bánh vào nhà tư Nhở, đặt lên bàn rồi ngồi xuống thở. Có người lơ nhô vào theo. Mấy người, cả người mũ áo công an vàng vàng. Hình như các ông thuế, ông công an đã ngồi chồm ven đường bên kia. Tôi bủn rủn, choáng váng.

- Yêu cầu mở cái gói.

- Tôi, tôi...

- Mở ngay!

Tư Nhở ở trong cái lỗ “lều trăm năm” loạng choạng ra, dụi mắt, đương còn ngái ngủ.

- Chào các ông! Ở thẳng kia, thẳng lưu manh ở đâu chạy vào đây? A nó đem hàng lậu. Mày định đồ vạ cho nhà ông hả?

Tư Nhở xông đến đâm đập liên hồi vào mặt, vào bụng tôi, vừa đánh vừa rên rĩ kêu: “Các ông trói nó lên đồn cho tôi. Mả cha thằng ăn cắp, thằng ăn cắp”.

Trong khi tư Nhở xấn xố đánh tôi, mấy người chức việc ngồi vào ghế mở sổ hý hoáy ghi chép, cũng không ai để mắt đến người bị đòn trước mặt.

Tư Nhở nghe lên với tay lấy cái roi mây phất trần. Tôi ù té vùng chạy thực mạng. Một lúc nhìn lại, chẳng thấy người đuổi. Xung quanh nhộn nhịp qua lại buổi sáng. Tôi hồn hển bước trong đám đông. Không biết đòn thật hay đòn giả, hay nó làm phép đuổi tôi, quýt công tôi. Hai đầu gối tôi như muốn long ra.

Lúc buồn quá người ta hay bịu vào những mơ màng. Những tôi mơ màng phía nào cũng vướng. Lại loé lên thằng Vách và cái thùng tròn lọng. Cái ruột tượng ở nhà tôi hình như vẫn để múi tròn lọng. Nhưng tôi quên cái việc thắt cổ rồi.

Tôi sờ lên môi. Ngón tay dính nhoè máu. Hàm trên, hồng một lỗ lợi không thấy đau. Cái răng gãy văng đi đâu hay đã tụt vào cổ họng lúc thẳng tư Nhỡ đánh quai hàm tôi. Ôi những đứa bị gãy răng đương ra đứng sắp hàng trước mặt, con dĩ kẻ Đìa này, thẳng Đình này, thẳng tôi này...”. Tư Nhỡ cũng khuyết chiếc răng cửa. Ngày ấy nó đã bị ăn cú đòn mất răng chẳng.

BA NGƯỜI KHÁC

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương 7:

Ở xóm Am, xóm Chuôm và cả làng ấy đến bây giờ còn kể một câu chuyện ly kỳ và chắc còn kể mãi, đời này qua đời khác đến mai sau.

Năm ấy, có một đợt tuyển bộ đội. Hai anh em Vó và Cò, con bác trưởng thôn Diệc đều tòng quân. Một năm sau, nhận được thư của hai chiến sĩ gửi từ miền Nam ra. Bấy giờ, cuộc kháng chiến chống Mỹ đang giai đoạn khẩn trương, tuổi trẻ cả nước ra mặt trận, miền Nam xa mà gần. Đôi khi, có thư chuyển tay về nhà, có lần có người qua lại, do vậy ở nhà cũng biết tin tức. Thế cũng là còn rồi theo được hơi hương rồi.

Cò thì vào bộ đội vận tải. Vó thành chiến sĩ đặc công. Ở làng bàn tán thấy bảo Vó là đặc công nước, không phải đặc công bộ. Có lẽ thật như thế, bỗng nhiên một lần kia Vó được về thăm nhà. Cả làng xúm lại hỏi: “Thế thì Vó bơi từ trong mặt trận ra à?” Rồi đầu đầu cũng đồn rằng chiến sĩ đặc công Vó đã bơi từ mặt trận ra. Chỉ có đồng chí Quyết Thắng mỉm cười. Vó là đồng chí Quyết Thắng. Rồi Quyết Thắng lại đi.

Thế mà cái tin đội trưởng Cự vào mặt trận phía Nam rồi ra hàng địch, nghe đài Sài Gòn nói, những người cũng biết. Cự chẳng dây mơ rễ má, chẳng họ hàng bàng sang với nhà ai, họ nào, nhưng bởi Cự đã về làng làm những chuyện động trời xưa này chưa bao giờ xảy ra, cho nên người ta nhớ, nhớ cái hồi làng nước áo xám. Đòn đau nhớ lâu... Mọi người còn biết rõ hơn nữa, không biết là thù dật hay tường tận. Chuyện cứ hết như tận mắt trông thấy. Bên ta đã hạ quyết tâm tiêu diệt bằng được thằng phản bội ấy. Cả một trung đội sẽ tấn công, nhưng chỉ một người trách nhiệm đặc biệt phải bắt sống hay là giết nó tại trận. Nhiều người giơ tay xin nhận lệnh, rồi chỉ có chiến sĩ đặc công đồng chí Quyết Thắng được vinh dự. Quyết Thắng được hơn mọi người, Quyết Thắng nói: “Tôi biết mặt thằng Cự, nó đã ở nhà tôi mà”.

Một trận đánh chớp nhoáng đột nhập vào cơ quan chiêu hồi của ngụy ở giữa Sài Gòn. Quyết Thắng đã rút dao chém đứt cổ Huỳnh Cự trong đám loạn quân tháo chạy. Lại còn xách được cái đầu Cự đem về làm bằng.

Câu chuyện anh dũng cứ được kể lại mãi, không biết thực hay hư thế nào.

Mục lục

•
•
•

BIẾT NÓI THẾ NÀO NỮA

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

:

Tôi đến cơ quan như mọi ngày. Lúc đi qua nhà dưới, chợt để ý trong phòng hành chính hình như có vẻ là lạ. Rồi tôi nhận ra ở góc trong, trên nóc tủ hồ sơ tài liệu có một khay gỗ, mép thép vàng, trong khay bày cái đĩa để bốn chiếc chén hạt mít cạnh một bình hương và một lọ cắm mấy cái hoa giấy đỏ hoe. Tôi gọi cô phụ trách quản trị.

- Các đồng chí làm cái gì thế này?

- Dạ, chúng em cúng thần tài.

- Cơ quan ta có kinh doanh gì đâu, mà giá có...

- Dạ, không cúng thần tài thì cầu ông Phúc, ông Lộc, ông Thọ phù hộ. Chúng em thấy ngày rằm, mừng một, cán bộ công nhân viên các cơ quan đi lễ đông lắm.

Tôi nghiêm mặt:

- Ở đâu tôi không biết, ở cơ quan ta các đồng chí dẹp đi ngay, dẹp ngay. Không được phổ biến mê tín, dị đoan vào cơ quan.

Buổi trưa tan tầm, tôi xuống đi qua, trên nóc tủ đã thấy biến cái khay, chỗ ấy lại là chỗ để úp nón như mọi ngày.

Năm sau, tôi về hưu theo chế độ, đúng sáu mươi tuổi. Có hôm tôi đến cơ quan. Cô quản trị vồn vã:

- Chào thủ trưởng, lâu lắm chẳng thấy thủ trưởng đến chơi.

Tôi thật thà:

- Lắm lúc buồn chân buồn tay, nhưng cũng chẳng muốn đi đâu.

Cô quản trị cười cười bảo tôi: “Cụ ơi! Mời cụ lên đây”. Rồi cô dắt tay tôi lên phòng giám đốc. Phòng khoá, nhưng cô có chùm khoá cả cơ quan, cô mở cửa đưa tôi vào. Căn phòng vẫn như năm trước, chỉ có bàn ghế, tủ thì đã bày biện khác hẳn. À, có thêm cái máy điều hoà.

Cô đứng lên một cái ghế, với tay chỗ hốc tường lật bức trướng thêu chữ Huân chương lao động hạng ba, đằng sau nhô lên dưới băng dán loăn xoăn một cuộn giấy vàng bằng ngón tay.

- Bùa yểm trấn trạch, bùa yểm cụ ơ?

Rồi cô kể: hôm giám đốc mới đến sửa soạn dọn phòng làm việc. Giám đốc đi với ông thầy. Không ai biết là thầy cúng, bởi vì ông thầy bùa này còn trẻ, cũng quần áo cán bộ như ta. Chắc ông ấy cũng làm cơ quan nào đấy, kiêm thêm xem bói, làm thầy cúng. Ông thấp hường, thấp nển linh tinh, vừa rả rượu vừa khẩn hay lắm. Ông yểm bốn lá bùa bốn góc tường này, rồi ông bắt quyết chỉ hướng kê bàn, kê tủ phía nào. Giám đốc đóng cửa, mọi việc đều làm bí mật. Nhưng che mắt thế nào được bọn mẹ ranh chúng em.

Tôi cứ nghe mà vừa giận, vừa ngượng. Cái anh đến thay tôi này chưa hẳn đã hơn nửa tuổi tôi mà sao nó lại u mê lạc hậu đến thế. Còn tôi ngượng chỉ vì xưa nay tôi là tay chửi mê tín vào hạng ác, mà bây giờ mê tín dị đoan lại trùm cả lên đầu tôi đến ngạt thở.

Tôi hăm hăm hỏi cô quản trị:

- Giám đốc đâu? Giám đốc đâu?

Cô đáp dịu dàng:

- Thưa bố, giám đốc đương họp chi bộ bên phòng khách.

Cơn giận của tôi trùng ngay xuống. Thế là ra làm sao? Tôi lò dò qua mấy phòng làm việc, thấy trên nóc tủ, mỗi phòng đều có cái khay cúng thần tài, hoa hương tượng bồng, chắc là chúng nó thấp hường cả ngày - như ở các tủ kính bán thuốc lá hè phố Sài Gòn hồi mới giải phóng.

Cơn giận của cụ Khốt tôi đã nguôi, lại nguôi nữa, nguôi hẳn. Mọi quá, không đủ hơi giận nữa, xin chào thua.

Mùa hè năm ấy, cô quản trị đến nhà tôi, bảo:

- Năm nay mời hai bác vào nghỉ Cửa Lò ba ngày, hai bác đi cùng với cơ quan.

Vợ chồng tôi sốt sắng nhận lời, hẹn giờ giấc cẩn thận. Sáng thứ bảy, cô quản trị đến nhà, thưa lại:

- Hai bác thông cảm, cho hoãn một ngày. Vẫn nghỉ Cửa Lò, chỉ đi lui một ngày thôi ạ. Giám đốc chúng cháu xem lại lịch bảo chủ nhật ngày xấu, giờ cũng xấu. Giám đốc bảo cháu đến thưa với hai bác tám giờ sáng thứ hai có xe đến đón hai bác ở nhà. Ông Khốt tôi bỗng lại lên cơn giận, hoa chân múa tay đùng đùng, cô quản trị đâm hãi, đứng ơ ra, bà lão nhà tôi can tôi cũng không được.

Tôi hét:

- Không đi Không thềm đi!

Chao ôi. Tôi không đi thì tôi ở nhà. Cũng chẳng ai đến mời lại.

Dần dần, những cơn giận vô duyên chẳng cơn có gì càng thừa thốt hơn. Bởi vì cũng có khi tôi tha thân quán nước, chén rượu cốc bia vào “khi xem hoa nở khi chờ trăng lên”, tôi còn nghe vô khối chuyện vĩa hè, lảm chuyện động trời nữa, thế là những cái hồn nhỏ bé kia cũng chẳng đáng gì phải nổi cơn.

Nào là những ông bộ rầy vợ vì cặp bồ nhí, chuyện ông bộ đi cầu tự chùa Hương, đi vào ngày dưng cho vắng ít gặp người. Chuyện các ông cục ông vụ tuần rằm mừng một đi lễ đền chùa ở Sơn Tây những đền Và, chùa Mía, chùa Đá Đen... Có ông đi xa nữa, ô tô lên tận đền Bắc Lệ cuối đường Bắc Giang giáp Lạng Sơn, vàng mã đem theo có ca xe Rim, quần áo giấy gấp lại bỏ vào cốp xe... ông Khốt nào cứ những nghe thế mà lộn ruột thì chỉ có việc lăn đùng ra mà ngất đi cho rồi. Ông Khốt tôi bây giờ dưng dưng.

Bây giờ ông Khốt chọn bạn, ông thấy chỉ chơi với trẻ con, chơi với trẻ là thích hơn cả. Chúng nó ngây dại, hồn nhiên cực kỳ. Người già chơi với con trẻ, vừa được nghỉ ngơi, vừa là dưỡng sinh đấy. Nhưng rồi tôi lại thấy trẻ con bây giờ lại khác xưa không như tôi tưởng. Chúng thông minh lắm nhưng cũng lạ lắm. Nó hỏi, nó nói những câu quái quỷ mà người già phải “động não” đến mấy ngày. Thế là lại hoá ra mua lấy cái mệt, cái mất ngủ.

Cháu bé nhất của tôi bảy tuổi, học lớp ba, cháu nói:

- Ông ơi? Ông xin cho cháu nghỉ hưu.

Tôi trềng mắt:

- Cháu nghỉ hưu thế nào?

Cháu tôi khoanh tay nói:

- Cháu nghỉ hưu như ông ấy, để khỏi phải đi học, khỏi phải đeo cái cặp nặng quá, ở trường về không phải đến học thêm. Cháu chỉ muốn nghỉ hưu như ông thôi.

Tôi làm sao cắt nghĩa được cho ra đầu ra đuôi câu hỏi oái oăm của lứa tuổi ấy. Chuyện về hưu chưa trả lời được thì lại chuyện khác.

Cơm tối xong, tôi bảo cháu:

- Hai ông cháu ra bờ hồ chơi một lúc.

Thằng bé thưa lại:

- Cháu vào hỏi mẹ cháu đã.

Rồi nó nói:

- Cháu hỏi mẹ cháu xem gốc cây nào không có ma. Cháu sợ ma lắm. Mẹ cháu bảo ở gốc cây có nhiều ma

ngồi, ông không biết thì thôi

Chơi với cháu cũng không xong. Những cái nó hỏi oái oăm, thì trả lời đến đời nào cho hết được.

(Tập văn, truyện ngắn Tô Hoài, nhà xuất bản Hội Nhà văn 2004)

BIẾT NÓI THẾ NÀO NỮA

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

:

Tôi đến cơ quan như mọi ngày. Lúc đi qua nhà dưới, chợt để ý trong phòng hành chính hình như có vẻ là lạ. Rồi tôi nhận ra ở góc trong, trên nóc tủ hồ sơ tài liệu có một khay gỗ, mép thép vàng, trong khay bày cái đĩa để bốn chiếc chén hạt mít cạnh một bình hương và một lọ cắm mấy cái hoa giấy đỏ hoe. Tôi gọi cô phụ trách quản trị.

- Các đồng chí làm cái gì thế này?

- Dạ, chúng em cúng thần tài.

- Cơ quan ta có kinh doanh gì đâu, mà giá có...

- Dạ, không cúng thần tài thì cầu ông Phúc, ông Lộc, ông Thọ phù hộ. Chúng em thấy ngày rằm, mừng một, cán bộ công nhân viên các cơ quan đi lễ đông lắm.

Tôi nghiêm mặt:

- Ở đâu tôi không biết, ở cơ quan ta các đồng chí dẹp đi ngay, dẹp ngay. Không được phổ biến mê tín, dị đoan vào cơ quan.

Buổi trưa tan tầm, tôi xuống đi qua, trên nóc tủ đã thấy biến cái khay, chỗ ấy lại là chỗ để úp nón như mọi ngày.

Năm sau, tôi về hưu theo chế độ, đúng sáu mươi tuổi. Có hôm tôi đến cơ quan. Cô quản trị vồn vã:

- Chào thủ trưởng, lâu lắm chẳng thấy thủ trưởng đến chơi.

Tôi thật thà:

- Lắm lúc buồn chân buồn tay, nhưng cũng chẳng muốn đi đâu.

Cô quản trị cười cười bảo tôi: “Cụ ơi! Mời cụ lên đây”. Rồi cô dắt tay tôi lên phòng giám đốc. Phòng khoá, nhưng cô có chùm khoá cả cơ quan, cô mở cửa đưa tôi vào. Căn phòng vẫn như năm trước, chỉ có bàn ghế, tủ thì đã bày biện khác hẳn. À, có thêm cái máy điều hoà.

Cô đứng lên một cái ghế, với tay chỗ hốc tường lật bức trướng thêu chữ Huân chương lao động hạng ba, đằng sau nhô lên dưới băng dán loăn xoăn một cuộn giấy vàng bằng ngón tay.

- Bùa yểm trấn trạch, bùa yểm cụ ơ?

Rồi cô kể: hôm giám đốc mới đến sửa soạn dọn phòng làm việc. Giám đốc đi với ông thầy. Không ai biết là thầy cúng, bởi vì ông thầy bùa này còn trẻ, cũng quần áo cán bộ như ta. Chắc ông ấy cũng làm cơ quan nào đấy, kiêm thêm xem bói, làm thầy cúng. Ông thấp hươg, thấp nển linh tinh, vừa rả rệu vừa khẩn hay lắm. Ông yểm bốn lá bùa bốn góc tường này, rồi ông bắt quyết chỉ hướng kê bàn, kê tủ phía nào. Giám đốc đóng cửa, mọi việc đều làm bí mật. Nhưng che mắt thế nào được bọn mẹ ranh chúng em.

Tôi cứ nghe mà vừa giận, vừa ngượng. Cái anh đến thay tôi này chưa hẳn đã hơn nửa tuổi tôi mà sao nó lại u mê lạc hậu đến thế. Còn tôi ngượng chỉ vì xưa nay tôi là tay chửi mê tín vào hạng ác, mà bây giờ mê tín dị đoan lại trùm cả lên đầu tôi đến ngạt thở.

Tôi hăm hăm hỏi cô quản trị:

- Giám đốc đâu? Giám đốc đâu?

Cô đáp dịu dàng:

- Thưa bố, giám đốc đương họp chi bộ bên phòng khách.

Cơn giận của tôi trùng ngay xuống. Thế là ra làm sao? Tôi lò dò qua mấy phòng làm việc, thấy trên nóc tủ, mỗi phòng đều có cái khay cúng thần tài, hoa hương tượng bìnğ, chắc là chúng nó thấp hươg cả ngày - như ở các tủ kính bán thuốc lá hè phố Sài Gòn hồi mới giải phóng.

Cơn giận của cụ Khốt tôi đã nguôi, lại nguôi nữa, nguôi hẳn. Mọi quá, không đủ hơi giận nữa, xin chào thua.

Mùa hè năm ấy, cô quản trị đến nhà tôi, bảo:

- Năm nay mời hai bác vào nghỉ Cửa Lò ba ngày, hai bác đi cùng với cơ quan.

Vợ chồng tôi sốt sắng nhận lời, hẹn giờ giấc cẩn thận. Sáng thứ bảy, cô quản trị đến nhà, thưa lại:

- Hai bác thông cảm, cho hoãn một ngày. Vẫn nghỉ Cửa Lò, chỉ đi lui một ngày thôi ạ. Giám đốc chúng cháu xem lại lịch bảo chủ nhật ngày xấu, giờ cũng xấu. Giám đốc bảo cháu đến thưa với hai bác tám giờ sáng thứ hai có xe đến đón hai bác ở nhà. Ông Khốt tôi bỗng lại lên cơn giận, hoa chân múa tay ðùng ðùng, cô quản trị ðâm hãì, ðứng ơ ra, bà lão nhà tôi can tôi cũng không ðược.

Tôi hét:

- Không đi Không ðem đi!

Chao ôi. Tôi không đi thì tôi ở nhà. Cũng chẳng ai ðến mời lại.

Dần dần, những cơn giận vô duyên chẳng cơn có gì càng thừa thốt hơn. Bởi vì cũng có khi tôi tha thân quán nước, chén rượu cốc bia vào “khi xem hoa nở khi chờ trăng lên”, tôi còn nghe vô khối chuyện vĩa hè, lảm chuyện động trời nữa, thế là những cái hồn nhỏ bé kia cũng chẳng đáng gì phải nổi cơn.

Nào là những ông bộ rầy vợ vì cặp bồ nhí, chuyện ông bộ đi cầu tự chùa Hương, đi vào ngày dưng cho vắng ít gặp người. Chuyện các ông cục ông vụ tuần rằm mừng một đi lễ đền chùa ở Sơn Tây những đền Và, chùa Mía, chùa Đá Đen... Có ông đi xa nữa, ô tô lên tận đền Bắc Lệ cuối đường Bắc Giang giáp Lạng Sơn, vàng mã đem theo có ca xe Rim, quần áo giấy gấp lại bỏ vào cốp xe... ông Khốt nào cứ những nghe thế mà lộn ruột thì chỉ có việc lăn đùng ra mà ngất đi cho rồi. Ông Khốt tôi bây giờ dưng dưng.

Bây giờ ông Khốt chọn bạn, ông thấy chỉ chơi với trẻ con, chơi với trẻ là thích hơn cả. Chúng nó ngây dại, hồn nhiên cực kỳ. Người già chơi với con trẻ, vừa được nghỉ ngơi, vừa là dưỡng sinh đấy. Nhưng rồi tôi lại thấy trẻ con bây giờ lại khác xưa không như tôi tưởng. Chúng thông minh lắm nhưng cũng lạ lắm. Nó hỏi, nó nói những câu quái quỷ mà người già phải “động não” đến mấy ngày. Thế là lại hoá ra mua lấy cái mệt, cái mất ngủ.

Cháu bé nhất của tôi bảy tuổi, học lớp ba, cháu nói:

- Ông ơi? Ông xin cho cháu nghỉ hưu.

Tôi trềng mắt:

- Cháu nghỉ hưu thế nào?

Cháu tôi khoanh tay nói:

- Cháu nghỉ hưu như ông ấy, để khỏi phải đi học, khỏi phải đeo cái cặp nặng quá, ở trường về không phải đến học thêm. Cháu chỉ muốn nghỉ hưu như ông thôi.

Tôi làm sao cắt nghĩa được cho ra đầu ra đuôi câu hỏi oái oăm của lứa tuổi ấy. Chuyện về hưu chưa trả lời được thì lại chuyện khác.

Cơm tối xong, tôi bảo cháu:

- Hai ông cháu ra bờ hồ chơi một lúc.

Thằng bé thưa lại:

- Cháu vào hỏi mẹ cháu đã.

Rồi nó nói:

- Cháu hỏi mẹ cháu xem gốc cây nào không có ma. Cháu sợ ma lắm. Mẹ cháu bảo ở gốc cây có nhiều ma

ngồi, ông không biết thì thôi

Chơi với cháu cũng không xong. Những cái nó hỏi oái ăm, thì trả lời đến đời nào cho hết được.

(Tập văn, truyện ngắn Tô Hoài, nhà xuất bản Hội Nhà văn 2004)

Mục lục

⋮

CÁI CỐC BÀMƯƠI NĂM

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

:

Bấy giờ khoảng tháng 10 năm 1970. Tôi và Nguyễn Văn Bổng lên Hà Giang chơi ít ngày. Nguyễn Văn Bổng vào chiến trường miền Nam đã hơn ba năm nay, mới trở ra Hà Nội và anh chưa bao giờ tới vùng cao nào ở Việt Bắc. Chúng tôi lên đường tạm biệt Hà Nội bằng mấy cốc vại bia hơi. Sắp hàng mua bia chỗ quán “Chuồng Cọp” bên hồ Thiền Quang rồi bưng cả mấy cốc ra uống ngoài bãi cỏ trông sang hồ. Vừa thoải mái, rộng rãi vừa dễ chỗ tránh máy bay. Uống xong, tôi lĩnh luôn cả hai cái cốc vại không, đem theo. Nghỉ đêm ở thị trấn Đồng Văn, hôm sau sang huyện Mèo Vạc. Năm ấy đường ô tô qua dốc Mã Pì Lèng chưa làm xong, chúng tôi đi bộ sang huyện lỵ Mèo Vạc mất hai ngày.

Giữa trưa, ghé tình cờ vào một nhà ven đường ở Dúng Là trên đầu dốc. Cũng định xin ngụm nước uống. Nhà có một mình ông cụ cời trần, đóng khố, ngồi sưởi lửa, chắc là con cháu đều đi nương, kiếm cái ăn hay đi vác nước. Hôm nay có mặt trời hừng nắng thế này thì phải chiều cả nhà mới về. Ở đây, cả Đồng Văn và dưới Lũng Phìn đều thiếu nước. Vùng cao mưa xong, nước thấm hết, không một con suối nào chảy qua, mà sông Nho Quế thì sâu thăm quanh co tận chân núi, đi cật lực một ngày mới tới. Tôi được chứng kiến mấy năm đã hai lần trên tỉnh thổ xi măng, cốt thép về xây bể hứng nước, chứa nước mưa cho từng xóm. Nhưng chỉ được ít lâu, những cái bể lại nứt nẻ chẳng đựng được một giọt nước. Rồi tính, lại cất công xây, rồi cái bể lại vỡ toác. Hình như mấy lần những cái bể chứa nước cứ vỡ lại xây cho đến bây giờ. Nhà chưa ai vác ống nước về, han không có nước, nhưng rượu thì chắc là sẵn. Quả nhiên. Chỉ vài tiếng Mèo giả cây của tôi cộng với tay chân múa may phụ giúp đã khiến ông cụ hiểu là nước hay rượu uống cũng bằng nhau. Chúng tôi được giải khát bằng hai bát rượu ngô đổ vào cái vầu tre. Đến lúc đưa tiền trả, ông cụ xua tay. Tôi chợt nhớ. Tôi lấy trong ba lô ra hai cái cốc cại hôm trước lấy trộm của quán bia, tôi đưa biếu ông cụ cả hai cái. Ông cụ ngơ ngác như không hiểu, cúi cầm cốc giơ lên, ngắm nghía.

Tôi đã biết ở trên này thiếu nhiều thứ vật vãnh lảng nhãng, dưới xuôi không để ý mà đây thì cần thiết. Người ở dưới thường thồ xe đạp đem lên, bán những cái bát, cái bóng đèn, chai lọ không, kim chỉ, gương lược, túi và dây ni lông...

Rồi ông cụ bắt chúng tôi phải xách đi một ống rượu ngô, ra hiệu bảo là đi đường “uống cho khỏi khát”.

Đến năm ngoái tôi lại có dịp lên Mèo Vạc, qua Dúng Là. Bao nhiêu năm đã qua nhiều nhà trong xóm đã chuyển xuống ven đường ô tô. Tôi nhận ra nhà ông lão cho rượu ngô năm xưa ở chỗ cũ vẫn lụp xụp đen sì vách và mái gỗ. Giữa nhà, một người ngồi bên đống lửa cũng cời trần: đóng khố trông hao hao không khác ông lão mấy.

Hỏi mới biết đây là một người con trai ông cụ. Bố anh mất đã lâu. Lại hỏi cả nhà đi đâu. Anh nói chúng

nó xuống chân núi kiếm miếng nước, đến trưa mới về. Ở vùng núi đá cao này vẫn thiếu nước, không có nước. Ở chợ vẫn bán cái chậu gỗ, chậu đựng nước, ngâm ngô, vo gạo, rửa thịt khô, chùi tay rửa chân cũng một chậu nước ấy. Mỗi sáng ta nhà nào cũng phải có một người đi nửa buổi kiếm miếng nước vác về.

Nhưng tôi cũng nhãng ngay cái buồn thiếu đói mà tôi cũng chỉ xót xa suông, bởi vì kìa mm cái thật lạ lùng vời tôi. Trông vào thấy hai cái cốc vại đặt ở trong chân vách. Đúng hai cái cốc vại bia, mặt thủy tinh xanh xám lỗ đố tổ ong, chỉ đụng mạnh cũng vỡ, mà chắc ở xuôi các quán bia cũng chẳng ở đâu còn cái nào. Thế mà hai cái cốc vẫn kia, để trên nền đất, vẫn xanh bóng.

Tôi hỏi:

- Mua ở đâu cái cốc đẹp thế kia?

Ông nói:

- Ngày trước, có cán bộ cho. Bố bảo phải giữ cẩn thận hai cái cốc để cho con cháu.

Ở đây bây giờ vẫn hiếm cái bóng đèn, cái lược và chưa biết mặt cái cốc to. Nỗi buồn tưởng như vừa khuây khoả, lại trở lại.

(Tập văn, truyện ngắn Tô Hoài, nhà xuất bản Hội Nhà văn 2004)

Mục lục

⋮

CÁI GIẬM

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

:

Mới năm nào, các vùng Nghĩa Đô, Cổ Nhuế còn là làng mạc và cánh đồng. Những gò luống nhấp nhô, con đường đất đỏ, hai bên lúa thừa những cây sòi, đặng xa, có cái cầu ngói dưới bóng cây đề cổ thụ. Người trong làng qua lại thừa thớt. Mùa đông tới gió bắc hun hút thổi trên cánh đồng vắng lặng, có đàn quạ tránh rét bay qua.

Bây giờ đã khác. Bốn phía, không còn đâu những chân tre đồng cổng cuối làng, những xứ đồng cao khi mùa đông tới, những bãi lá khúc mọc hoang nở hoa vàng như hoa cải trong vườn, cái lô cốt nửa chìm nửa nổi của Pháp của thời chiến tranh còn lại mọi khi thấy lù lù ở bên cạnh đìa nước xanh om những đám lá ngổ bây giờ chỉ còn trong tưởng tượng.

Nơi mới mọc lên la liệt những dãy nhà năm tầng, người ta gọi là những khu tập thể. Đó là những phố mới, người ghép đến ở thành tên phố, tên phường có các cửa hàng, cửa hiệu và những chợ cóc, chợ xanh. Quang cảnh tương tự thế này hầu như ở chỗ nào cũng mọc ra ở làng chài Vụng Quất bên biển Đông, ở cửa Chân Mây miền Trung, hay ở Long Hải, ở Mông Dương xa xôi... Buổi sáng, cả quăng hè phố thành những nơi bán cái ăn sớm. Chẳng còn mấy ai ăn cơm rang, cơm nguội ở nhà, người không ra hàng thì mua về, những bánh cuốn, bún ốc, phở, xôi ngô, cháo sườn và đến cả cà phê cũng cho vào túi ni lông mang về được đủ thứ vừa mọi túi tiền, hợp với người già và trẻ con. Cách sinh sống và mọi cái thay đổi theo hoàn cảnh.

Buổi chiều, ra quán bia hơi. Những hàng bia hơi mậu dịch phải xếp hàng rồng rắn đã biến mất từ nhiều năm nay. Bây giờ xó nào cũng có bia hơi. Người ta bảo cái lúa hublon làm men bia tận nước Tiệp nước Đức bây giờ đem sang sẵn lăm. Mà chẳng cần thế, nhà máy hoa quả đóng hộp ở Bạch Mai cũng làm được bia hơi cái men những quả đu đủ, quả chuối, cả sắn, cả ngô cũng thay được men hublon. Tôi đã được uống các thứ bia ấy. Không phải chỉ uống bia suông với củ lạc, cái nem chua mà có cả bè bạn vui, gọi mang đến cả thịt chó thành bữa nhậu đàng hoàng. Sáng và chiều, các phố mới ở cánh đồng xưa đều nhộn nhịp tấp nập, lâu lâu mới ra đường thấy ngõ ngang.

Ấy thế mà cũng vào lúc chiều tà tà đi qua đứng lại thấy trước mặt những bọn các cô gái đi đánh giậm không biết ở đâu về hay ở truyện cô tích ra. Hơi bia làm mắt hoáng tưởng tượng thế thôi, thật thì các cô đi đánh giậm ở những vùng đầm ao còn sót lại bên cạnh những nhà mới xây ngăn đặng kia. Những cô gái trong làng đi đánh giậm về, ra bán chợ chiều. Mỗi cô vác trên vai cái giậm, và cái giỏ con tép, con rô ron, con nhái thì đeo thắt lưng cạnh sườn. Hệt như ngày xưa cái cán giậm nhô ra đằng trước phơ vất cái áo hoa cộc tay cái quần thâm lúc nãy lội bùn. Khi lên bờ, các cô đã thay cái áo sơ mi trắng, quần phăng hồng. Những vẫn vai vác giậm, đeo giỏ. Cả chục cô lẳng lặng đi.

Nhìn quần áo thì ngỡ là mới, nhìn cái giậm và bộ quần áo lội nước phơ trên cán thì tưởng lại gặp những cô nàng trong kỷ niệm mấy chục năm trước. Ai biết quanh đây vẫn còn lạch nước, có ruộng trằm, người trong làng vẫn đi mót đi bòn cái ăn như thừa nào. Có các quận các phường đô thị mới lan ra quanh thành phố vẫn còn thấy những cảnh trái ngược tương tự. Những cái đầm cái chuôm được quây lưới ni lông người ta nuôi ốc mít bán cho các hàng ốc hấp, bún ốc ở Tây Hồ. Còn bao nhiêu người từ Thanh Hoá ra, ở Thái Bình lên ngày ngày xuống hồ Tây mò hến, xúc ốc bươu ốc vặn, đêm đến trên vỉa hè các quán nhậu chân gà nướng, có cả ốc luộc chấm muối gừng nhắm rượu. Những cô đi đánh giậm ở những vùng nước còn lại ở đầm Sét, đầm Linh Đường. Và suốt đêm, những chiếc ba gác người đẩy người làm bò từ Hà Đông ra, trên chất những chiếc bồ nan lồng vào nhau chồng chất dài ngoẵng như những khẩu đại bác “vua chiến trường”. Xe không nặng nhưng kèn càng không được đi ban ngày, đây là những cái bồ, cái bịch, cái nan làm cho ngoại thương đứng dứa, đứng chuối và hoa quả xuất khẩu.

Có khi nào bạn chợt thấy những chiếc xe đạp sau lưng chất một gò ngất ngheo những cái ống đánh lươn, cái lò bẫy cá diếc, xe đạp qua các phố dọc dài nhốn nháo những người những xe bên hồ Hoàn Kiếm. Nếu để ý chắc là ngày ngày vẫn thấy. Cái phong lưu hôm nay mới chỉ là ăn xối. Giàu nghèo và cũ mới còn lẩn nhốn khắp nơi.

(Tập văn, truyện ngắn Tô Hoài, nhà xuất bản Hội Nhà văn 2004)

Mục lục

⋮

CÁI TÚI NILON

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

:

Xin không nói về thời trang và nhà tạo mốt. Sáng tạo mốt thời trang, sáng tạo đường như khó. Nhưng nghĩ cho cùng lại thấy không khó. Như việc viết văn, ai cũng làm được, tôi cũng làm được Chỉ có, mốt của tôi không ăn khách thì vứt đi, mà mốt nào bắt mắt thì phát tài. Có thể thôi. Tôi muốn nói về những cái cứ tự nhiên mà thành mốt. Con người ta sống có văn hoá thì cái gì cũng phải ra nền nếp, ra thói quen, ra mốt. Như cái áo đổi vai. Các bác, các cô gồng gánh nhiều, lưng dầm mồ hôi, vai áo chóng rách. Bèn mua miếng vải, nhuộm nâu non, may đổi cái vai, làm cái áo đổi vai.

Thế là áo đổi vai tự nhiên thành mốt. Nhưng cái áo đổi vai các cô mặc cũng tùy nơi, tùy lúc. Không mặc áo đổi vai ngày tết nhất. Và con nhà khá giả cũng chỉ mặc áo đổi vai đi chợ hay đi gồng gánh, không ai diện áo đổi vai đi xem hội. Ngày nay, áo đổi vai ba bốn thân thành thời trang trình diễn và lên sân khấu - tất nhiên, chẳng ai còn giữ cái áo đổi vai đi chợ hay đặt cái đòn gánh lên vai. Nhưng có làm cho hay mắt tới đâu, hãy giữ nếp cái dáng gốc áo đổi vai là nét đẹp toát lên từ bóng dáng làm ăn. Diện khéo thì hai miếng hai vai so le tượng trưng sự chuyển động đôi vai và không bao giờ miếng vải trên vai dài bằng vạt áo, dài hơn vạt áo.

Mốt do người ta nghĩ ra, như bây giờ. Như có những mốt do mọi nhẽ của đời sống mà nảy sinh cái đẹp hay cái lỗ lã, cái bắt chước. Như cô dâu đi thuê váy trắng tám tầng, như có một đạo học sinh không cặp, cầm túi, sách vở cuộn lại kẹp vào nách. Lại như bây giờ, các sinh viên đeo cái túi nhỏ con con, như túi con cóc trên lưng. Cũng cái túi con cóc ấy, chỉ mấy năm trước chắc chẳng cô cậu nào thèm nhìn.

Ấy mới là thời thượng. Thời thượng và mốt không phải chỉ ở những cái ăn diện, mà cả mọi cái, mọi điều thông thường, hàng ngày. Ý ăn nhẽ ở nếp sống không phải chỉ ở những tính cách, thái độ ứng xử và hành động mà ở mọi nơi, ở tất cả những cái liên quan đến đời sống, kể cả những nhỏ nhặt nhất. Khắc nhổ bậy, ngoáy mũi, nặn trứng cá, vênh cằm lên nhổ râu, gãi rồi ngứa, xia răng giữa đường, rung đùi, bắt tay người lại ngoảnh mặt đi. Và cái nón, cái thúng, cái rổ, cái túi, cái khăn mặt, cái quần lót, cái móng tay, móng chân, đầu đầu cũng bắt đầu bằng những thói quen riêng mà có. Các bà các cô đi chợ cặp cái rổ (Không cặp rá. Cặp rá đi chợ các cụ bảo là điềm đói kém, đi ăn mày) nhưng cầm cái rổ cũng là cái đựng của người đi các chợ ven nội. Cái nhà trong làng chẳng mấy khi đi chợ mua mớ rau. Rau cỏ thường ngày hái ở vườn, nhặt ở bờ rào. Đã đi chợ là có việc mua bán đong gạo đong ngô, sắm giỗ tết, cho nên người ta còn mang quang gánh, đội cái thúng.

Đi chợ chẳng cặp rổ thì ngả nón xuống, mớ rau hay chiếc bánh đa đặt vào lòng nón. Không ai đi chợ chỉ đi tay không. Đã bao nhiêu năm, đã hàng đời cung cách đi chợ như thế. Cái rổ, cái thúng, cái quang gánh, cái nón đã đi vào ca dao, tục ngữ: Qua đình ghé nón trông đình...

Về sau thì thay đổi dần. Bây giờ muốn trông thấy cái rổ, cái thúng có lẽ phải đi chợ xa, lên chân núi Ba Vì hay là đến các thung lũng trong núi Tam Đảo.

Sau thời cái rổ, đến thời cái làn. Cái làn từ phố phường lan về mà lúc đầu người ta nhận xét hơi chế giễu: “Xách làn bắt chước người Kẻ Chợ”. Nhưng rồi cái làn được ưa chuộng và phổ biến. Cái làn đựng được nhiều thứ hơn cái rổ mà vể lại nhẹ nhàng, thanh lịch. Đầu tiên là cái làn mây có quai, nhưng màu sợi mây trắng bóng nhìn hơi rợn mắt, người ta ưa cái gì kín đáo, nền nã hơn. Rồi sinh ra cái làn tết bằng cỏ tế. Làn cỏ tế trông thô, nhưng màu nâu nhạt dịu dàng. Làn cỏ tế thoát mới có tên là làn Hòn Gai vì làn đưa từ các vùng kẻ bể dưới Quảng Ninh lên. Gọi là làn Hòn Gai, chứ cỏ tế mọc trên gò, trên đồi đâu cũng có. Cỏ tế thân cứng, trâu bò không ăn, người trong làng đi cắt cỏ về phơi để đun bếp. Cỏ tế nở đượm lửa hơn rơm rạ.

Thời cái làn cỏ tế rồi cũng qua đi. Đến thời làn nhựa xuất hiện. Làn nhựa sắc sỡ như hoa nở, cái đỏ, cái xanh, cái vàng. So với cái rổ và chiếc làn cỏ tế, làn nhựa đẹp hơn và tiện dụng hơn. Chỗ nào cũng thấy làn nhựa đi phố, đi chợ, đàn ông đàn bà đều xách làn nhựa. Có người đi làm cũng để cái làn nhựa trước xe đạp. Bởi vì làn nhựa thật “đa năng”, nó đựng tài liệu, nó lại chứa được cả cái hộp đựng cơm và thức ăn bữa trưa ở cơ quan.

Đến bây giờ cái làn nhựa vẫn còn dùng nhưng làn nhựa không còn choán hết mọi cách chứa đựng, mà cái túi ni lon ra đời đã làm được tất cả - mặc dù cái túi ni lon mỏng dính, nhéo nhọt, đựng xong một lần thì bỏ sọt rác. Nhưng rất sẵn.

Túi ni lon và dây chun cao su làm lạt buộc. Cái túi ni lon không có kích thước. Túi nhỏ đựng nước chấm đã pha dấm ớt hay đựng mắm tôm, đựng tương. Túi to đựng cả con gà đã làm lông mổ sẵn, đã luộc sẵn hay là con cá một cân, khúc cá mấy cân, lại còn nhét thêm mớ ốc nhồi, một bó hành. Kể ra thì cái túi ni lon được nhiều việc. Nhưng túi ni lon chỉ dùng được từ chợ về nhà. Chẳng ai đeo túi ni lon linh kinh các thứ từ Hà Nội sang tận Bắc Ninh.

Và xách túi ni lon thì quá lôi thôi, lể mể. Ta hãy để ý một chị vừa ở chợ Long Biên ra, hai bên tay lửa tủa những túi ni lon dài ngắn, to nhỏ. Túi này miếng thịt lợn. Túi kia một túm những con nhộng. Rồi túi bánh cuốn, túi nước chấm về cho trẻ con ăn sáng, lại túi cháo sườn, lại linh kinh những túi gì nữa.

Trông tạm bộ thế nào, không ung dung như cặp cái rổ, xách cái làn đi chợ. Thế mà cái túi ni lon cũng tồn tại ít nhất đã ngót hai mươi năm, từ sau khi bắc nam đất nước được thống nhất. Cũng lâu lâu rồi đấy mà vẫn nhếch nhác như người đi xe đạp, xe máy bịt cái khăn tay kín miệng.

(Tập văn, truyện ngắn Tô Hoài, nhà xuất bản Hội Nhà văn 2004)

Mục lục

Chương I:

Chương I I:

Chương I I (Tiếp):

Chương I I I:

Chương I I I (Tiếp):

Chương Iv:

Chương V:

Chương V (Tiếp):

Chương V I:

CÁT BỤI CHÂN AI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương I:

Tôi kém Nguyễn Tuân mười tuổi. Trước kia, tôi không quen Nguyễn Tuân. Quảng đầu thập kỷ bốn mươi, báo Hà Nội Tân văn, báo Chủ Nhật mới in của tôi mấy truyện ngắn: Nước lên, Mê gái (Con gà ri), Bãi ô-tô, Một đêm sáng giăng sông. Hình như Nguyên Hồng đã chỉ cho tôi biết Nguyễn Tuân đương lững thững bên kia hè đường Bờ Hồ. Những tiểu thuyết Thiếu quê hương đương in từng kỳ trên tuần báo Hà Nội Tân văn và những truyện ngắn của Nguyễn Tuân đăng các báo Tiểu thuyết Thứ bảy, Tao đàn, Thời vụ, Bạn đường cũng có phần hơi hương dấu vết trong chữ nghĩa bước đầu đời viết của tôi mà Vũ Ngọc Phan, ở sách Nhà Văn Hiện Đại đã đề tôi nên đề chừng cái giọng khinh bạc học đòi ấy.

Đi bên này hồ Gươm thấy Nguyễn Tuân ngồi trong nhà hàng Hoàng Gia, cái quán rượu kiểu Pháp che cánh sáo ra kín vỉa hè. Nhà văn chơi chưa khác đời. Khăn lượt vớ, áo gấm trần, tay chống dọc chiếc quạt thước thay ba toong, chân bít tất dận giày mồm nhái Gia Định. Năm ấy, Nguyễn Tuân cũng chỉ khoảng trên ba mươi đôi chút. Ngoài đường phố chẳng ai ăn mặc kiểu cách khác thường thế, nếu không phải quan tri phủ, quan thương tá ngồi xe nhà, áo sa phủ áo gấm, áo đoạn, vừa ý tứ vừa khoe chiếc bài ngà dây kim tuyến thấp thoáng trong ngực áo. Quán Tavec Royan này chỉ Tây lui tới. Bên trong, nhảy đầm, dàn nhạc. Nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát vờn cổ cò trên cái đại vĩ cầm cao ngang mặt người chơi, những tiếng nảy ra rên gầm gừ.

Nhưng những con người dị dạng này cũng chẳng làm khác mắt mấy cái thành phố không còn điều hiu, vài năm nay đã nhốn nháo bọn dựa thể Nhật, đầu trục để trần, áo ka ki ống tay rộng vàng nhạt đi ghệt da cao, lấm lì và nhâng nháo. Chẳng đoán được, Nhật thật hay Nhật mỹ ký. Rồi thì tôi xem Nguyễn Tuân đóng vai người đi săn ở kịch Ngã ba của Đoàn Phú Tứ. Tôi thấy Nguyễn Tuân thoáng mấy giây một cái bóng người y tá khiêng cáng trong phim Cánh đồng ma của Đàm Quang Thiện.

Cũng thấy chán. Nhưng đọc bút ký Một chuyên đi viết về Hương Cảng thì băng khuâng nhiều. Mấy lần ở cuộc họp tổ bí mật, nghe Như Phong báo cáo thuyết phục Nguyễn Tuân vào Văn Hóa Cứu Quốc, chưa có kết quả. Nguyễn Tuân bảo Như Phong : ở Hà Nội này, đưa nào Việt Minh, đưa nào tờ-rốt-kít, đưa nào Đại Việt, Quốc dân đảng, đưa nào bố lão cách mệnh mồm khoác lác, đưa nào ăn tiền mật thám, tớ biết cả. Nghe nói tợn tạo trắng trợn, Như Phong mượn một quyển sách rồi ra về.

Những cái biết của tôi về Nguyễn Tuân hồi ấy chỉ mang máng thế.

Đem cái duyên đẹp dễ mọi bề quàng cho Nguyễn Tuân có thể chưa kín nghĩa, mà cũng không hẳn đúng. Về văn và cả về đời. Có người mê Nguyễn Tuân như điệu đố, từng chữ. Có người chỉ lướt một đoạn đã không chịu được cái giọng khùng khiêng, khệnh khạng. Triết lý và câu văn Nguyễn Tuân không giống vị

hoài sơn trong thang thuốc bắc, ghê bố một tý, lại vô thường vô phạt. Cái chơi của Nguyễn Tuân cũng thế. Với người này, không thể thiếu Nguyễn Tuân. Người kia thì không chịu đựng được. Ô hay, người ta ra người ta thì người ta phải là người ta đã chứ.

Nhớ lại năm ấy, ở gian hàng quà chợ Đồng Xuân còn cái bà nạ dòng khăn nhung áo cánh phin nồn đeo chuỗi hạt cẩm thạch phơn phớt xanh - hàng bún thang ngon có tiếng. Chỉ một bát thang con bún lá, giọt cà cuống thơm một cách khó chịu mà lại không có không được, cũng có thể viết lên một cái gì. Nói bằng quơ, chẳng ra nhủ mình, chẳng ra cho người khác. Những cái ấy phải viết, viết. Như những đêm áp tết, năm cùng tháng tận, lại lấy ra mấy cái đĩa hăng Pa-thé mua được ở chợ Giời, mà nghe ả Đàm Mộng Hoàn... Gió hơi gió, phong trần ta đã chán... Cánh chim bằng chín vạn những chờ mong... Thế nào ông ấy cũng lại nói: Cái hơi của Mộng Hoàn thì sang, nhưng không đẹp bằng giọng bà Chu. Phải viết, cái này phải viết thôi. Những năm về sau, Nguyễn Tuân vẫn làm việc cho viết, khắc khoải sự viết, mà không viết bao nhiêu. ở đây nữa, chính bởi hơi sức và trong tâm sự. Phải đến Nguyễn Tuân viết ra thì cũng một vùng phố xá ấy mới thành tên gọi, mới thành Phố Phái - hai chữ của Nguyễn Tuân sáng tạo đặt tên cho tranh Bùi Xuân Phái. Và trong cuộc chơi, ông cửa hàng trưởng Bôđêga, chú nhà bàn, nhà bếp khách sạn Thống Nhất hay bác Chử bán cháo gà gõ ống thổi làm phách hát ả đào giọng chèo ở ngã sáu dốc Hàng Kèn, hay khi lên chơi nhà ông Ba trên Nghĩa Đô thì dầu cho Nguyễn Tuân chưa hề quen, cũng không phải là trùm trò, các chủ quán, chủ nhà đều trân trọng như ông ấy mới là chủ cuộc. Cái duyên ấy xưa nay vẫn như một.

Những năm trước 60, cái dốc ngã sáu Hàng Kèn ban đêm thanh vắng lắm. Những cây sấu, cây sữa cũng chưa như mấy năm sau phải một trận bom Mỹ đánh sập hai ngôi nhà và mấy gốc cổ thụ. Bờ hè dưới hai hàng cây hiu hắt khơi lại cảnh xưa cũ, còn cái bờ tường đắp dòng chữ xi măng nổi Phúc Đình cha, tên hiệu thuốc sốt rét nổi tiếng một thời. Nhớ Cây Thị Hàng Kèn đầu Lê Lợi, cuối Hàng Giò nhiều hơn tên phố mới, đối với chúng tôi. Mấy hàng phở gánh và quán cóc. Nơi ăn đường ăn chợ này không chè chén xô bồ như trên ngô Sầm Công, chim quay Tiểu Lạc Viên, cà phê phin Ca, cà phê đá Lý Hảo... cũng không ví được với cơm tám Tân Việt, Việt Hương quanh chợ Hôm gần đấy.

Dốc Cây Thị không còn cây thị, hàng quán chỉ rải rác có buổi. Ngồi đây, đầu phố Hàm Long nhìn sang sở Văn Tự, tưởng như lão Tàu Bay còn gánh phở bán buổi sớm. Cũng cạnh đấy, bên dãy nhà mà thời tạm chiếm Pháp đặt đài phát thanh Con Nhạn của quân viễn chinh, hồi Tiền Khởi Nghĩa, đội AS (ám sát) của Việt Minh đã bắn chết Thiên Nga, nữ đặc vụ của Nhật trong quán cà phê này. Nhưng không phải chỗ hàng cà phê của ông cắt tóc ở hợp tác xã chỗ ngã sáu mới về mở, đêm B52 ấy, một vỏ tên lửa rơi gãy vông cái mái hiên. Những biến thiên của con người phố xá, chẳng nổi lại mà chỉ có ngòi bút Nguyễn Tuân mới phát hiện cho người đọc thấy được những lằng cằng góc gác, như muôn vật trong trời đất, khác nhau mà lại dính líu với nhau. Những ngã năm, ngã tư, ngã bảy, người đi lại sinh ra đường cái và mọi sinh hoạt, làm ăn, đắp đổi, người hút thuốc Lào thì có người bán đóm, phường chợ thì có người đóng đinh để giày, ông bán hàng nước chè tươi, ông lão chữa giày dép với khách dừng chân.

Phở Tàu Bay - mà bây giờ ở Sài Gòn có vài ba quán của các bà phòng nhất, phòng nhì và con cháu ông Tàu Bay đã quá cố, cũng đôi chút phảng phất mùi vị phở Bắc, gánh phở ông Tàu Bay xưa đổ cạnh dốc bên

gốc cây thì đầu sên vào sở Văn Tự - không biết tại sao người qua đường lại đặt tên công sở ấy là sở Văn Tự. Có lẽ cũng như chỉ tình cờ một câu bông đùa cái mũ da lười trai hơi dài khác thường của ông hàng so sánh với chiếc mũ phi công mà thành tên phố Tàu Bay, một hàng phố gánh buổi sáng. Thời ấy, sáng, trưa, tối đều đặn cho người ăn quà phở mà không phải là dùng phở đến no. Hiếm cửa hàng phở, hiệu phở, rệt phở gánh, chuyên phở nước. Phở hiệu xào ròn, xào mềm, tái lẫn, sấm vang, bát phở bên đĩa mùi, húng và cút rượu trắng. Phở gánh, món quà nhẹ. Ngủ trưa dậy, tối khuya trước khi đi ngủ. Không ai khai tâm chén rượu lúc ăn phở bát. Thịt bò chín từng tảng, cũng chưa rạch rời mấy chỗ nạm, gầu, mỡ hay nhừ. Trong cái bát chiết yêu loe miệng thắt đáy, nước dùng bốc khói mà trong như nước mưa li ti nổi chút váng mỡ vàng, lơ thơ mấy lát hành hoa, rau mùi. Làm bát nào, thịt thái bát ấy. Đáo phở, bánh chồi lên quá, bánh chưng, ăn phải bỏ dở. Nhưng đạo ăn phở của Nguyễn Tuân có cách riêng.

Trong lòng và vỉa hè ngã sáu quang đăng cứ khoảng mười giờ tối trở đi mới lập loè hàng quán. Những tối thứ bảy, từ đầu Hàng Đào xuống Tràng Thi, đến tận chợ Đuối, mọi ngã ba ngã bảy đều kê bục, cắm cờ. Các đoàn văn công nhảy xập rập rập. Tiếng Trần Chất hát Chiếc khăn piêu đến đỉnh tai trong loa. Người xem chen chúc lúc ấy mới vãn. Đội quân cảnh đeo băng đỏ đã bắt đầu đi tuần đêm thiết quân luật. Các gánh lục tào xá cháo gà phải hai ba giờ sáng mới hết hàng. Đã quảy về còn có người gọi theo. Bình yên, chẳng ai nhớ thành phố hãy còn phải quản trị theo chế độ quân sự. Dọn hàng quá khuya đã thành lệ.

Khi có hàng quà, những ngã ba đã vắng vắng lại hiện ra bộ mặt khác. Chốc chốc, thông thả qua một xe đạp lênh khênh, tiếng vòng nan hoa quay gió vù vù. Cái xe trâu Trung Quốc nặng như cùm được người ta vác từ chiến khu Thái Nguyên Việt Bắc về. Gánh cháo gà bác Chữ đã dênh hản xuống mặt đường nhựa. Chiếc chậu nhôm đựng nước, cậu con trai thả chõng bát vào chậu rồi nhặt ra từng cái, khăn lau miết quanh miệng chiếc bát rếch của những khách ăn mở hàng. Rồi bác Chữ thừ ra. Như còn tiếc đám múa xập lúc nãy hay sao. Bác Chữ cầm chiếc ống nửa thối pho pho vào cửa lò mới được cời, mẩu củi hồng rực.

Rồi lại quay ra, ngồi lên bó củi, một tay đấm lưng, tay kia gõ cái ống nửa giả vờ điểm tiếng róc phách, chốc lại tom chát đánh nhịp xuống thành thùng bát, miệng ư ừ giọng mũi như rên :

Nam nhi đứng ở trong trời đất

Quyết ăn chơi cho đủ mùi đời

Sự cùng thông bã thái tự trời

Sông có khúc con người có lúc...

Bộ quần áo nâu dày mo nang dưới ánh ngọn điện chao lắc lư trên dây giữa đường. Mặt nhăn nhó đăm đăm, chẳng biết đương phờn hay buồn nổi hóng khách. Chốc lại cầm ống nửa thối bấp, xong lại rên rĩ: Nam nhi đứng ở.... Tôi không trông rõ thật mặt cái bác cháo gà Chữ ấy ban ngày bao giờ. Như người với ma, nửa đêm đến rạng sáng thì lặn. Bác Chữ nhìn hò háy trước ánh lửa, mắt ấy không viền vải tây điều tất cũng lông quặm. Dần dần người ngợm ở đâu cứ lẩn thẩn ra, như cổ tam cúc phải đủ xe pháo mã với năm

quân tốt hỉn. Gánh lục tào xá lù lù đến ghé cạnh. Cái ông chè đậu xanh lục tào xá thoát hiện ra thật oai. Như đức Quan Ngài hồi tiền nhật còn ở ẩn kết nghĩa với ông cháo gà Lưu Bị dưới gốc dâu cây sữa xoè tán lá ba tầng ba lọng vàng điềm về sau làm vua. Lão râu đen dài, trán nhẵn hói bóng lên nửa đầu, khi chưa gặp thời thì quảy hàng mà thôi. Nhưng ngắm kỹ, chưa chắc lão đã bằng tuổi tôi băm lăm lúc ấy. Có lẽ chỉ mới năm trước còn thói quen nuôi râu giả già để trốn quân dịch, nhiều người mắt đảo như chớp, nhưng râu ria lông thông.

áp chân tường số nhà 81, ông hàng cà phê bít tất. Cũng là trông hình thù mà tưởng ra, cà phê pha vào ấm nhôm, mảnh vải lọc thông xuống như chiếc bít tất nâu. Ngọn đèn hoa kỳ lom đom giữa mặt chõng tre, ngổn ngang mấy cái ghế con đặt quanh. Khách ngồi xuống, trông lên mới thấy mặt ông hàng lom khom, bóng loáng nắng gió đồng chiêm. Bộ quần áo nâu non nhờ nhếch, dáng ngơ ngơ như đương lăm nhăm ai trả tiền, ai lĩnh mất. Nguyễn Tuân không thích cái cà phê hâm nóng đầu đường thế này. Nhưng vẫn thường ghé xe đạp dựng lên gốc cây xà cừ. Không biết có phải chỉ bởi thói quen xưa cũ cứ tối tối, tôi lại rước tôi ra đường!. Những đêm gió lùa rào rạt mặt nhựa, nhồi thêm thuốc vào tẩu, ngồi tránh vào bên gốc xà cừ gồ ghề - Nguyễn không chịu được mùi hoa sữa, ghét lây cả cái cây. Chén cà phê sành nâu lồi lõm, có khi chỉ nhấp một ngụm, rồi bỏ lạnh ngắt. Đường như ngại tôi có thể vì ông ấy mà áy náy không biết cà phê hạt muông hay ngô rang.

Nguyễn Tuân nói: Mặc kệ mình. Cậu cứ việc hồi tưởng. Ông anh nghĩ tôi đương nhắm phía một kỷ niệm đầu đó nên mới ưa lai vãng tới đây, bởi biết tôi vốn cũng lạnh nhạt với cà phê. Vào quãng giữa thế kỷ này thành phố và con người đều trải nhiều quãng đời chẳng mắt xích với nhau. Tôi cũng như vậy. Tôi đến cái ngã năm, ngã sáu này không phải ngẫu nhiên. Mười năm trước, ven hồ đăng kia, còn những toà biệt thự mọc lên giữa những bụi chuối um tùm. Mặt trận đã lan đến đấy, tan hoang cả. Tôi làm phóng viên của báo Cứu Quốc thường qua lại đây, khi xuống tuyến phòng thủ phía chợ Mơ. Có hôm ngủ đêm lại trong ngôi nhà bỏ không. ở chỗ chúng tôi đương ngồi, tiếng súng và người núp ngã xuống bên mỗi gốc cây. Báo Thủ Đô đăng tin chiến sĩ Nguyễn Thành ôm bom ba càng lao vào xe tăng địch từ hồ Thiền Công tới. Quả bom đầu tiên của quân giới ta tự tạo có lẽ được tung ra ở chỗ kia đấy. Thành phố đương tổ chức tìm đào hài cốt liệt sĩ và người chết đường. Ban ngày, trên vỉa hè đặt hàng dãy những chiếc tiểu khói hương nghi ngút.

ở cái ngã sáu đường đời ấy vẫn leo lét ngọn đèn con của lão cà phê 81, ánh đèn chai và lửa bếp thùng cháo bác Chử. Mấy cái xích lô tã chốc lại lạch xạch lượn lờ qua. Trông mặt người đạp xe cũng có thể đoán được tông tích, mỗi người đều hằn nét bộ mặt thời gian và tờ lịch hàng ngày của thành phố. Có lão râu xồm khuya về uống rượu húp cháo rồi nằm vắt người trên đệm xe, sắn xe ngủ bên gốc cây. Đấy là các ông chánh, ông lý tề vừa chạy Tây càn, vừa sợ Việt Minh trả thù đã bỏ các vùng trắng ven nội vào đây. Đám cơ sở ta hốt chết trốn vào thành, trẻ hơn và đỡ lăm lì, có thể lại công tác bí mật, không ác ôn như mấy lão xích lô râu rậm kia. Nguyễn Tuân bảo: Cậu có để ý đường phố bên Bắc Kinh lúc gần sáng, những xe la, xe lừa bánh gỗ cao lênh khênh, những lão đánh xe đầu hói như quả dưa hấu ngồi ngất ngưỡng trên đồng củ cải, vẫn oai phong chẳng khác Tướng Giới Thạch, Uống Tinh Vệ thất thế!.

Tôi bàn theo:

- Lão xế lô, lão lục tào xá này nhất định là tề ngục cũ. Cả lão cà phê bít tất, lão cháo gà dấm dớ thế nhưng trông tay thoăn thoắt nhặt tiền, xếp tiền thế kia đủ biết.

Nguyễn Tuân hỏi:

- Có nhớ Két không?

- Tay Két trình sát tiểu đoàn 54?

- Cứ ngồi đây mình lại nhớ nó. Không hiểu sao.

Khói thuốc trong nõ tẩu phàm phập bốc xanh trắng um lên.

Thì ra, ở cái đầu đường đêm hôm chẳng thú vị mấy chút, chính Nguyễn Tuân mới đương hồi tưởng. ở mỗi cái cùng trông thấy, nhưng từng người lại ngờ khác nhau. Thế nào mà ở đây Nguyễn Tuân lại nhớ tới Két chiến dịch sông Thao mùa hạ 1949. Chập tối ấy, bộ đội qua sông xuống đò bến đền Đông Công gần Mậu A, rồi hành quân suốt đêm vào hậu địch để kịp chiều hôm sau đánh đồn Đại Bực. Tình cờ, chúng tôi gặp lại Két ở Mậu A, Nguyễn Tuân quen Két của Trung đoàn Thủ đô. Chiến dịch ấy, trung đội trưởng trình sát Két đã hy sinh, nằm lại bờ bên kia sông Thao.

Đi và đi thực và mộng cả đời Nguyễn Tuân. Làm thế nào đi được, chỉ cất đi được. Năm 1937, Nguyễn Tuân ra Hương Cảng làm tài tử màn bạc. Phim truyện Việt Nam, chủ Trung Quốc thuê một số người ở Hà Nội sang đóng. Tôi đã xem Cánh đồng ma ở rạp Hiệp Thành phố Hàng Bạc - rạp chèo cải lương, thỉnh thoảng chiếu phim phong thần, kiếm hiệp bán vé một hào đồng hạng. Phim Cánh đồng ma đầu Ngô mình Sở. Nguyễn Tuân đóng một vai phụ - có thể lời người đi ngoài đường vào sắm vai cũng được, đấy là người y tá mặc áo lui trắng, nâng đầu cánh thương, lừ lừ qua ống kính chớp nhoáng một hai giây. Có thể thôi, mà Nguyễn Tuân lặn lội sang Hương Cảng trong lúc năm hết tết đến.

Cũng không phải chơi bời đua đả. Đám hồ lốn đóng phim còn lục đục lừa nhau, chửi bới nhau vì các chủ phim tranh nhau xé đám phụ mộ đóng phim này đã làm thêm phim Trận phong ba tôi quá gửi về nước tranh khách trước nhưng không có người xem. Nguyễn Tuân ở trong đám phụ đóng một phim. Cũng không ăn cánh với ai. Bà phô tô Phú ho lao gày rạc dâm dăng đến quái dị, chùm trò Đàm Quang Thiện và Nguyễn Doãn Vượng, điểm mặt cũng không phải ai tri âm tri kỷ khiến Nguyễn Tuân phải đăm đuổi bóng dưng lênh đênh đi. Mà cái thúc giục vẫn là những cơn đói đi của mình. Không khó không dễ, không biết ai, chỉ biết một mình. Nguyễn Tuân muốn đến Hương Cảng, nặng nề và nhẹ nhàng, thế thôi. Trong đêm trừ tịch ở hòn đảo phồn hoa nhất châu á, hứng thú và buồn với hồn cốt những trang bút ký Một chuyến đi, chỉ có tâm sự ấy đã giục giã nhiều.

Một đời ao ước phương trời với một cung cách đi. Trong tiểu thuyết Thiếu quê hương, cả một chương mười mấy trang về vùng than với những cảnh Rơđông, cửa Điền Công, những cơn gió ngoài vịnh vào đen

nhuyễn màu than trùm lên phố biển Hòn Gai. Hồi ấy, Mộng Tuyết - Đông Hồ trong Hà Tiên ra chơi Hà Nội. Hôm về, Nguyễn Tuân tiễn ngoài ga Hàng Cỏ. Nguyễn Tuân có viết về cuộc tiễn biệt ấy trên báo Bạn Đường ở Thanh Hoá, đã cười tiên sinh Đông Hồ, tàu sắp chạy, mà vẫn cùng bạn bè lắc lư ngâm vịnh thù tạc suông không có chén. Còn cô Mộng Tuyết thì lại khéo tưởng tượng ra như trông thấy con người ấy hôm nào mới ở vùng gió than, bão than còn cuốn theo đến tận sân ga. Trên khuôn mặt cháy nắng của người lữ hành, hai lỗ mũi cũng xám đen những than là than.

Cô con gái làm thơ ở Phương Thành nhìn Nguyễn mà cảm động, bởi từ xưa kia cô đã ước mơ thêm một hơi gió lạ, khát thở một bầu không khí trời, nước lênh đênh hàng tháng trên biển cả để rồi đổ bộ trên một bến bờ xa. Trải qua khắp kinh tuyến, vĩ tuyến của địa cầu, để đi tới chỗ bốn mùa tuyết rơi, băng đóng đến vùng sa mạc gió nắng lửa than, trèo tuyết núi Hy Mã Lạp Sơn lạnh cóng và tắm nước sông Hằng, vượt biển Đại Tây dương, qua Hy Lạp, rồi trên lưng lạc đà xem Kim Tự Tháp rồi trở lại thưởng hoa anh đào trong một ngày hội ở Nhật Bản. Ngày hè thì lưu liên các vùng bãi biển ý Đại Lợi. Thu về thì ngồi xem lá vàng rụng theo các pho tượng của Lúc Xem Bua. Bao nhiêu tiếng gọi của Cao Rộng Xa Xăm đã thúc giục ám ảnh mãi lòng thích sống một cuộc đời bấp bênh có nhiều xê dịch, biến đổi của thiếu nữ. Cô thiếu nữ mà ngày còn thơ đã có ý muốn đi tận chân trời. Thuyền khách sông Hương đêm thất tịch. Lạnh lùng trăng nước khúc nam ai... mà ai cảm chung một mối tâm sự nào ruột của khách Giang Châu Tư Mã (Trịnh niêm nhớ cảnh giang hồ, bút ký, Phương Thành một ngày thu muộn 1939 của Mộng Tuyết).

Cũng một nỗi tình mơ màng như cô Mộng Tuyết, chỉ có rày ước mai ao, thật ra Nguyễn Tuân chưa đi đường bộ quá Mông Dương và đường nước chưa ra khỏi cửa Điền Công tới Móng Cái bao giờ. Phải đến hơn hai mươi năm sau viết trang sách về vùng than, Nguyễn Tuân mới tới Hải Ninh lần đầu, cùng đi với Nguyên Hồng, Vạn Lịch và tôi. Tưởng như khó tin, mà sự thật như thế. Thiên bút ký mệnh mang sóng biển Cửa Đại kia, đọc kỹ thì nhận ra phải nhờ tác giả có người nhà ở Cửa Đại, mới đến được. Ngày ấy, Nguyễn Tuân đã viết một truyện ngắn đăng báo Tiểu thuyết Thứ bảy, trên đề: Tặng ông Đỗ Ngọc Côn, nhà máy đèn Móng Cái. Khi này, Phạm Duy làm thợ phụ nhà máy điện, ở nhờ ông Đỗ Ngọc Côn (Phạm Duy: Hồi ký thời cách mạng, kháng chiến - Californie, 1989). Mà ông bạn làm nhà máy đèn Móng Cái ở phố chính Clamoocgăng ấy cũng chưa lần nào gửi tiền tàu xe rủ Nguyễn Tuân ra chơi thưởng thức cái hiu hắt nơi địa đầu. Hàng chữ đề tặng chỉ là một ao ước. Mà phải đến dịp nhờ xe của cán bộ Vạn Lịch, mới ra được bãi Trà Cổ, xuống lái thán ngược sông Mang lên cầu Bắc Luân - Móng Cái, đến Thán Pún - sự bôn tẩu của chúng tôi có công lệnh và dấu đóng giấy đi đường cẩn thận.

Cầu kỳ và khó tính cũng là tính riêng trong cái thích thú ham đi mà không được đi. ở phương Đông còn có cái chơi đi mà không đi, ngồi nhà ngắm tranh sơn thủy, nuôi muông thú lạ, uốn cây, gảy cái lá trúc rụng xuống thế giới bể nước nho nhỏ rêu nổi hòn đá cây si bên hòn non bộ có ngôi chùa mái cong, có chú tiểu vác củi qua cầu. Cho thoả cái tưởng tượng mà thôi.

Nguyễn Tuân ở về người thứ nhất, không phải các ông ngồi rung đùi chơi trời đất thu nhỏ vào cái bể sành và núi non bộ. Mà đôi khi chơi cây cảnh, một chút chấp nối. Ở hồ, hòn dỗi, bực bội, nhớ thương không đâu gửi vào một nhánh địa lan cánh tím, một con chó đá canh cửa, một quả phật thủ, một hòn cuội

suối, một chiếc gối sứ mới đây được bưng ra từ một tiệm hút chợ Cũ Sài Gòn. Nguyễn Tuân chỉ thích đi, nhưng trong mọi sửa soạn còn kỹ lưỡng hơn đi. Mùa hạ năm 1949, Nguyễn Tuân và tôi theo tiểu đoàn 54 Trung đoàn Thủ đô tiến quân vào mở chiến dịch tiêu diệt một chuỗi cứ điểm hành lang bờ sông Thao án ngữ Tây Bắc, các đồn Đại Bực, Đại Phác, Khe Pịa, Ngòi Mác, Mã Yên Sơn lên đến đồn tiểu khu Phố Ràng. Chuyến ấy, tôi đi cùng Nguyễn Tuân - được làm quen với Nguyễn chuyến đi đầu tiên. Tôi đã ghi lại:

Nguyễn Tuân xăm năm quanh cái bi đông nước bọc dạ xanh của anh. Lần đầu tiên ở mặt trận, đi lâu với Nguyễn, tôi mới thấy quá nhiều đức tính của người lên đường. Khoẻ, vững, hành trang không thừa, cũng không thiếu một cái gì. Trên lưng, gọn gàng chiếc ba lô Nhật. Một sợi dây nhỏ cũng có chỗ để rồi dùng đến sợi dây. Cuối cùng, mọi thứ giấy má có thể lộ liễu của riêng mình đều phải để lại căn cứ, không được đem theo vào vùng địch. Chỉ một cuốn sổ nhỏ, cái áo mưa, bỏ vào ba lô vừa phải. Một bao cơm nắm, thêm cái thắt lưng lương khô cuốn chéo ngang mình. Đây bi đông nước, Nguyễn Tuân đã cẩn thận buộc ghì vào thắt lưng cho khi bước đỡ xóc (Ngược sông Thao, phóng sự, Nhà xuất bản Cứu Quốc 1949).

Trong nghề đi - nghề, chứ sao, cẩn thận đã thành thói quen và cầu kỳ đến đam mê. Sửa soạn cũng là khai thác để thưởng thức được chu đáo. Không phải cứ đứng đắn và khô hài như nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát. ở trường lục quân bên Vân Nam về, anh Khoát dạy tôi thuật đi đường giữ được dai sức của Bát lộ quân. Nhanh mười bước lại thông thả ba bước, cứ thế cả ngày chân không biết mỏi. Cẩn thận, mọi thứ trên mình và trong ba lô đều gọi thành con số. Ví như cả thầy đồ đạc có mười lăm thứ. Sáng ra, trước khi đi đếm chỉ có mười bốn. Thế là còn thiếu một. Rõ thật buồn cười, nhưng nếu cười, anh Khoát không bằng lòng. Mọi cẩn thận của Nguyễn Tuân thiết thực hơn, nhưng không thành con số như trên. Ngòi bút chì gài trên túi áo, ngòi đọc cũng ghi lên sách. Không biết đến thế kỷ nào có cái hơn, chứ bút chì trên giấy thì không bao giờ phai. Một tệp bìa cứng với cái bút chì. Lắm lúc thấy ông bạn đường chịu khó đến vậy, mình vừa để ý, vừa thích vừa ngán ngẩm cho những khó nhọc của nghề đi không biết thế nào là cùng. Lo cho việc đi là yêu đi và biết hưởng thụ đi. Mãi mê quên ngày tháng, nhưng tính đếm sửa soạn cho mãi mê thì phải nhớ từng ly. Cái phóng khoáng của ông ấy không lẫn với buông tuồng, cầu thả.

Mà sự chuẩn bị tỉ mỉ của con người muốn khi ta chết đi, da ta được thuộc làm cái va ly cũng khá khác thường. Năm 1961, Nguyễn Tuân lên Hà Giang dự khánh thành đường Bắc Quang - Hoàng Su Phì. Hoà bình thành thoi rồi, nhưng vẫn lại là về rừng, lại đeo cái ba lô Nhật với những sợi dây dù Mỹ buộc màn, không quên chiếc bi đông chiến dịch sông Thao hơn mười năm trước. Giữa đám các thứ linh kinh, một xếp giấy bản lau chén bát, một quyển sách đang đọc và mấy thẻ hương mua thừa ở hàng quen cửa chợ Đồng Xuân. Khánh thành đường mới trên rừng thì nhà khách cũng là mấy cái lán cắm ven đường. Hương chống ẩm, chống muỗi đây. Hương chống muỗi, chứ Nguyễn Tuân kỵ mùi tỏi và không chịu được mùi thơm ở các thứ hương ấn-độ cứ thoang thoảng rờn rợn như có ma lẫn quất trong nhà.

Quả nhiên là những nơi ngả lưng dã chiến ở Hoàng Su Phì khách nghỉ đêm ở các lán dân công, nền đất và phen vách mới được sửa sang lại đôi chút. Tối đến, mùi hương ở lán ông khách vẫn ngào ngạt ra. Vũ Mí Kê, bí thư huyện Đồng Văn hỏi nhỏ tôi:

- Nó cúng ma hả?

Làm thế nào cắt nghĩa cho ông bạn người Mông này hiểu cho cái thú chơi sưởi mùi hương như thế. Mới như hôm qua, Vũ Mĩ Kê năm trước lần đầu về Hà Nội. Nhiều khê quá, xe liên vận Đồng Văn xuống Hà Giang, lại chuyển ô-tô khác về Phú Thọ. ở đấy, lên tàu hoả. Đoàn tàu xuôi về đến ga Hàng Cỏ, vẫn ngồi thản nhiên ngắm ra phố phường, đường xá, nhà cửa ngoài cửa toa thấy mãi chưa tới Hà Nội. Khi tàu lên đến Bắc Giang mới hỏi ra.

Tôi bảo Vũ Mĩ Kê:

- Không phải bác ấy cúng ma. Bác ấy đốt hương cho ấm như ta ngồi sưởi lửa ở trên quê, lại chết được muối. Mùi hương sưởi thơm cũng như khói củi gỗ thông ấy mà.

Có lần, Vũ Mĩ Kê về Hà Nội, đến chơi uống rượu nhà Nguyễn Tuân. Tôi nhắc lại chuyện hương sưởi ấm ở Hoàng Su Phì. Vũ Mĩ Kê trả lời: Bây giờ nói thế thì mình hiểu ngay.

Hồi ấy, Vũ Mĩ Kê không tin câu cắt nghĩa của tôi. Có những việc...

Nhưng thôi, lại trở về chiến dịch sông Thao mùa hạ 1949. Nguyễn Tuân gặp lại Két - người chiến sĩ trinh sát mà Nguyễn Tuân vừa hỏi tôi có nhớ không, lúc nửa đêm giữa cái ngã sáu bên gốc cây sữa, cây xà cừ này.

Lần đầu tiên, quân chủ lực mở trận đánh phối hợp lớn, mặt trận dài suốt bên kia sông Hồng ở Yên Bái vắt sang sông Chảy, lên Lào Cai. Chúng tôi theo tiểu đoàn 54, đơn vị chủ công của Trung đoàn, Nguyễn Tuân bỗng gặp lại Két, không ngờ, khi qua sông.

Chập tối, tập kết ở Mậu A. Các chiến sĩ quần áo bà ba đen như chúng tôi. Bộ đội được phát như thế nào thì mặc nấy, áo nâu, áo đen, có khi nhuộm lá cối, nhuộm pin xanh sẫm, thâm xịt. Đã xế chiều, người ngồi đen ngòm sân đèn Đông Cuông. Trung đội trưởng Két trong đám chiến sĩ, người hầu bàn nhà hàng Thuỷ Tạ Bờ Hồ năm trước, bây giờ là trung đội trưởng trinh sát đã trông thấy cái ông nhà văn hay uống ực ực, quảng trò xếch ở Thuỷ Tạ lúc chập tối sao ông ấy lại lên tận đây thế này. Mà đội mũ vải ka ki xám, mặt lạnh lạnh như phái viên cấp trên xuống. Két đến trước mặt Nguyễn Tuân:

- Ông...

Nguyễn Tuân giơ cái gậy tre, nắm tay Két.

- Anh Két! Đồng chí Két! Tôi cũng sang sông đêm nay. Đồng chí ở 54 à?

- Vâng ạ.

Chỉ một thoáng, mọi người hồi hả về sửa soạn. Suốt chặng đường vào sâu trong kia, Nguyễn Tuân mong

gặp lại Két. Như còn bao nhiêu chuyện mấy năm qua chưa nói hết. Suốt đêm ấy, mù mịt bóng sương, hơi nước và lầy lội, hầm hập. Liên tiếp, từng chiếc thúng, chiếc tam bản của các vạn chài cả mấy tỉnh từ Vĩnh Yên, Phú Thọ lên Yên Bái đưa bộ đội qua sông. Đi suốt đến sắp sáng, qua mấy làng tề gần đồn Đại Bực, trông lên quả đồi đồn Tây lù lù đây rồi mà tiểu đoàn bộ với các đơn vị trực thuộc vẫn loanh quanh lơnh dưới ruộng chưa tìm ra nơi ém quân. Du kích địa phương dẫn lạc đường! Chúng tôi lồm bồm trên những cánh đồng nước. Sau lưng, anh nuôi quảy nồi cháo va vào nhau lông chông, như nhạc ngựa đồn Tây ra đuổi.

Ban chính trị trung đoàn có nhạc sĩ Lương Ngọc Trác và cả hai người Pháp hàng binh thu được trong trận tiểu đoàn 54 luồn sâu tập kích đồn Bá Giang ở chỗ Phụng ra cửa sông Hát. Hai lính Pháp đã lái xe vận tải chạy ra giữa đồng. Bây giờ họ làm công tác địch vận. Ra trận, mỗi gã đeo một cái loa giấy bìa các tông dài ngoằng như chiếc sừng trâu. Mấy hôm trước đóng quân tập kết ở bàn đạp. Mỗi ngày mổ lợn, các cu cậu được anh em thương tẩm bổ thêm cho miếng gan, quả tim ngoài xuất ăn. Hành quân ban ngày từ Phú Thọ qua dọc sông lên, dưới mưa rào vẫn đi. Hai người Pháp gày nhảnh, tốp lại, cao lêu đêu, tóc ướt bết trán, vai nhô lên, cung cức như con gà chạy mưa.

Nhưng rồi tất cả cũng lên được một quả đồi nửa um tùm, trước khi trời rạng. Vừa tới lưng dốc đã ran tiếng súng dưới ruộng. Tiếng nổ lúc sáng bạch nghe toác toác như cháy rừng nửa. Có người làng ra làm đồng sớm thấy nhiều vết chân lạ dẫm nát lúa mới cấy. Sợ quá, về bẩm chánh tổng, chánh tổng lên báo đồn. Quan đồn đoán đêm qua có du kích về. Sắp đến ngày 19 tháng 5 kỷ niệm của Việt Minh. Đồn cho một tiểu đội lính Thái ra sục các đồi. Bọn lính Thái với người cai Tây cỡi trần, xách súng, bắn vào bụi rậm rồi hô nhau xông lên. Thế nào mà chúng nó lại lên đúng đồi ban chỉ huy tiểu đoàn và cả ban chỉ huy Mặt trận.

Tiểu đoàn trưởng Vũ Lăng cho hai tiểu đội xuống chặn. Lệnh: Tuyệt đối không lộ hoả lực mạnh, chỉ được bắn súng trường, phát một. Nếu giáp lá cà, đánh dao găm.

Chúng tôi ngồi xõm cạnh bụi tre xế đỉnh đồi. Ngón ngang gồng gánh, những càng chân SKG - súng không giật, từng bộ phận súng cối chưa lắp và những đùm lá cọ trong gói từng chồng truyền đơn tiếng Pháp, tiếng Thái. Hai người pháp địch vận mắt xanh nhờ đứng chơ vơ như hai cái cột. Giữa im lặng thấp thỏm, không biết bao nhiêu con người núp trong cỏ, trong bóng lá những quả đồi có thể sắp nổ tung trong ánh nắng. Nguyễn Tuân chống hai tay lên chiếc gậy tre, lom khom nhìn xuống đất. Tôi ngồi không yên chỗ, lại nhấp nhòm đứng. Quái đản, Tây sắp đánh lên đây mà lại có hai thằng Tây lù lù cạnh mình thế này! Đại đoàn phó Cao Văn Khánh - chỉ huy phó chiến dịch đến bên, nói nho nhỏ, trấn an chúng tôi:

- Đạn không bao giờ dính tôi! Các anh ngồi yên đây, không có gì phải lo.

Câu nói nửa đùa nửa thật về cái mệnh con người. Nguyễn Tuân đã gặp Cao Văn Khánh trong chuyến đi Nam Trung bộ giữa năm 1946. Cũng năm ấy tôi vào mặt trận phía Nam cùng Cao Văn Khánh và Thu Sơn đã làm một chuyến đi ngựa từ Tuy Hoà qua Củng Sơn lên tiền tuyến Cheo Reo. Đã biết nhau và câu nói thân mật của con người trải trận mạc có tác động tâm lý. Tôi cảm thấy thảnh thơi hơn, không bị hút vào sự

im lặng ghê rợn. Chỉ còn thấy hai người hàng binh Pháp lớ rớ loay hoay cạnh bụi tre. Họ cũng tự biết chó có loanh quanh đi lại. Chiếc loa giấy khoác bên vách chốc chốc lại đổi bên lắc một cái. Những con ruồi vàng bụng mọng máu to thô lỗ ở ống chân lông lá lăn xuống. Ruồi vàng, bọ chó, gió Than Uyên...

Bỗng súng rộ lên một chập dưới lưng đồi rồi lại tắt ngay. Trong im lặng, liên lạc lên báo ta đã tiếp cận đâm chết một thằng. Tiếng nổ, đây là chúng nó bắn chặn để khiêng xác thằng chết về. Rồi cứ im im thế đến quá trưa. Vẫn quanh như tờ (sau mới biết trong đồn vẫn đoán là sắp đến ngày kỷ niệm sinh nhật Hồ Chí Minh, du kích đến quấy). Đồn Tây ra lệnh phòng thủ và canh gác nghiêm ngặt hơn. Trèo lên cây đồi bên này, tôi trông rõ những người vác hòm đạn vào lô cốt như kiến tha mồi. Chúng tôi lo bữa ăn cho chắc dạ, ăn cơm nắm, thịt rang, các bếp đã chuẩn bị từ chiều qua.

Mặt trời đã ngả vàng khè trong làn sương các khe núi dâng lên. Năm giờ chiều, giờ này máy bay dưới xuôi không lên nữa. Một tiếng âm, vang bốn phía. Đại bác ta nã thẳng nổ xanh lè bên lô cốt. Nhưng chỉ đoànng đoànng được vài quả, nền đặt pháo của ta bị lún, pháo câm. Một khẩu súng, ngay phát đầu đã văng cả chốt đuôi, suýt chết thằng Tây địch vận ngồi đằng sau. Nhưng các khẩu cối thì nhả đạn đều đều, tiếng rền liên tiếp. Lương Ngọc Trác ngồi trên cây nhìn sang phía bên trái, kêu lên: Bên Đại Phác nổ súng rồi.

Bộ binh xông lên đồn, lúc ấy trời đã tối hẳn. Khoảng gần tám giờ tối chúng tôi vào được sân đồn Đại Bực, cái chỗ lúc trưa trông sang thấy lính Tây, lính Thái trần trụi trực vác hòm đạn. Bóng tối và khói mù mịt. Bờ rào dây thép gai tan tác. Thằng đồn Tây mặc váy áo giả làm đàn bà Thái chết dưới chân một lũy đất. Nhưng trên cái lô cốt cao cắm cờ tam tài giữa sân, đạn vẫn nã xuống. Những mũi xung kích chiến sĩ cầm mìn đặt được vào núp ngay bên bờ tường lô cốt, chặn bọn trên chòi thoát xuống. Chúng tôi vào làng tề cạnh cổng đồn đương bùng bùng cháy. Không biết lửa du kích chiếm làng đốt hay đạn trên lô cốt bắn xuống. Chiếm được đồn rồi mà khắp nơi cứ loạn xạ.

Cái trống nhà chánh tổng treo đầu hồi ngoài sà không biết ai đã khiêng ra vứt lẩn lóc đấy. Một đám vác xác người chạy qua. Nguyễn Tuân, quần áo đen như hung thần hiện lên, tay cầm dùi trống, mấy chiến sĩ quay ngược nện báng súng vào mặt trống. Cả đám người đánh trống ngũ liên thúc trận hạ lô cốt cuối cùng lừng lừng trước mặt. Mấy tên lính Thái gan lì vẫn dai dẳng bắn xuống phát một. Nhiều chiến sĩ ta bị đạn tủa chết. Một tổ tiêm kích bắc thang trèo lên thả lựu đạn vào lỗ châu mai. Im lặng hết trong lô cốt. Đã hơn tám giờ tối. Những cái đầu lâu được ném từ trên lô cốt xuống. ở tấm ảnh Hạ đồn Đại Bực trong pho sử Quân tiên phong, giữa hàng quân ta có hai chỗ chấm trắng trên đầu gậy. Đây là vết hai thủ cấp hai thằng trên lô cốt cổ thủ.

Nửa đêm, cả ban chỉ huy lên một cái nhà sà còn sót lại trong xóm xung quanh vẫn cháy rực. Chiếc dùi trống thò một đầu trên ba lô Nguyễn Tuân. Cạnh bếp, một thùng rượu vang to bằng cái vại sành bên gốc cau đã toang một mặt ván. Tiểu đoàn trưởng Vũ Lăng, mới chiều hôm qua ở bên kia sông, mặt mắt còn phẳng phiu, bây giờ hàng râu quai nón đã trở đen ngòm. Tiểu đoàn trưởng giơ bát rượu vang: Đúng hẹn với các anh nhé. Chúng ta vào uống rượu vang giữa đồn Đại Bực. Nào, các anh? Mời ông Nguyễn? Một lúc, Nguyễn và tôi nâng hai bát trước mặt, nhưng không mừng đụng cốc. Chúng tôi vừa được tin về Két, Két đã

ngã xuống ngoài lô cốt. Chúng tôi uống im lặng viếng hương hồn người bồi bàn chiến sĩ trình sát trung đội trưởng Két.

Mấy hôm sau chiến dịch chuyển sang sông Chảy, Nguyễn Tuân vẫn ở lại với 54. Tôi theo đội võ trang tuyên truyền lên các làng Mán Sừng trên rặng núi Vôi rồi xuống với Trần Đăng lên mặt trận Phố Ràng.

Bao nhiêu lâu rồi, chúng tôi vẫn thường có dịp thăm hỏi 54, tiểu đoàn em nuôi. Trú quân ở Kép Le, về Lai Xá, ở Hoà Lạc. Luyện quân ở Định Hóa, lửa trại đêm Hà Nội giữa rừng. Chiến dịch giải phóng Tây Bắc 1952. Lại mới năm trước, cuộc tiến đưa đơn vị tiến vào đánh bao vây Khe Sanh. Lăn lên với đơn vị đóng quân trên Hoà Lạc ở Sơn Tây, thoát đấy mà ba mươi năm đã qua, cả đoàn người chiến dịch sông Thao bây giờ còn lại mỗi một bộ đội Sừu thợ rèn, tự vệ Ô Cầu Dền, nay là chính trị viên trung đoàn.

Cái tình với chiến sĩ và với trung đoàn Thủ đô của Nguyễn Tuân tuyệt nhiên không phải ngẫu nhiên. ấy là thói quen đến nơi đến chốn, chăm chút, ý nghĩa của một kỷ niệm. Người con trai lớn của Nguyễn Tuân đã là một trong những cán bộ chỉ huy đầu tiên của đơn vị từ sáu mươi ngày đêm chiến đấu trong lòng Hà Nội ở Liên khu I. Có khi, đi chơi với Nguyễn Tuân và Xuân Trường, người con trai ấy bây giờ là một tướng lĩnh trong quân đội. Chúng tôi về quê Nguyễn Huy Tưởng ở Dục Tú. Ba cái xe đạp thông dong sang Đông Anh. Thời cụ tú Hải Văn bố dắt con vào nhà ả đào Hàng Giấy, đến thời bác Nguyễn, khác mà không khác, cái tình vẫn một cha con ấy. Cũng như khi gặp lại Két trên bến Mậu A. Ông khách kỳ lạ để nhớ vẫn thường khai vị bằng rượu mạnh.

Hai người cũng vào Đại Bục nhưng không bao giờ còn gặp lại người nhà bàn cũ ấy nữa. Mỗi khi ngồi trông ra sông hồ lẫn tẩn lẫn bóng liễu, bóng chiều, bóng bia hơi và sáng đèn quanh chân cột sàn nhà Thủy Tạ, lại nhớ. Thế mà là thật, những gần bó xưa sau. Vui chuyện, Nguyễn Tuân hay nói một câu, một câu nói đi nói lại:

- ừ! Phải viết chuyện ấy rồi phải viết.

Những từng trải và kỷ niệm cả đời thúc giục, đã viết ra đấy, nhưng chưa được mấy. Mỗi ngày qua trở thành một thăm thía, khi chợt nhớ, đêm nay ngồi quán cóc ông lão 81 lại nhớ người hầu bàn nhà Thủy Tạ Bờ Hồ xưa kia.

Những cái thích và vui ẩm thực của Nguyễn Tuân không chỉ dễ dãi vì miếng ăn miếng uống sang trọng, mà phải là hợp khẩu vị, ngon theo ý mình. Lọ muối vừng, hộp nước mắm chưng, cái gác-măng-dê trữ trên ba lô, thời chiến và thời bình, vẫn thế. Nguyễn Tuân sành ăn và kỹ tính tuyệt nhiên không xô bồ. Năng oi quá, nhắm rượu ướp đắng giải nhiệt, nhưng không xơi ướp đắng mắm tôm như người ta. Không bao giờ đụng đến mắm tôm chợ. Ăn tỉnh đến thế, mà lại kỵ tỏi, mùi tỏi.

Tôi vừa đến, mới ngồi đã bị hỏi:

- Có phải cậu vừa ăn tỏi?

Nếu tôi ừ chắc Nguyễn Tuân sẽ bảo tôi đi đâu mai hãy trở lại. Tôi đáp:

- Không phải.

Cái mũi thính có vẻ bớt khó tính với tôi, nhưng lại lắm bầm:

- ở nhà dưới lửa lên?

Sợ mùi tỏi, ông voi to dùng sợ con kiến. Cũng lạ, cái lạ mà bình thường. Bài bút ký Phở đã đưa tác giả vào hàng những tay cực thạo món quà này. Ít ai biết Nguyễn Tuân chỉ ăn một thứ phở, phở chín, phở thịt bò chín. Không đụng đũa vào bất cứ thứ phở nào khác. Thịt bò chín, nạm hay mỡ, bánh vừa phải không nẫu vồng lên, không thái sẵn và thái máy như Sài Gòn mà Nguyễn Tuân gọi đùa là vằn thắn phở. Xúc bánh xong, thái thịt lồi bày lên rắc hành hoa và hạt tiêu - không ớt, mặc dù thích ớt cay. Ông nào phở xào, tái sách, tái dúng hay tái lăn, sốt vang lại đập quả trứng, thêm một cục mọc thịt lợn, một miếng giò lụa, hay phở thịt gà, thịt ngỗng, thịt chó rửa mặn, thì tùy. Tôi không ăn phở để tẩm bổ. Lửa thật nhanh, ăn thật nóng, lên hết chất phở, thú nhất. Không hành tây, mùi tàu, húng chó, không thêm nước mắm, dấm ớt, tương ớt, không mỡ váng, không mỳ chính, cốt thường thức cái tinh túy của nước dùng xương.

Tập ký Băm Sáu phố phường của Thạch Lam khen cái ngon của một hàng phở gánh đồ cạnh cây hương trong sân nhà thương Phủ Doãn, bát phở rõ mấy giọt cà cuống. Cả thành phố chỉ có một hàng phở cà cuống ấy. Nguyễn Tuân thường cười: cái nước chè tươi nóng bỏng môi, cái bánh đậu xanh ngọt xít cổ, lại đến phở cà cuống, cái sự thích của anh nghiện vừa buông dọc tàu xuống ngon hay không ngon kể cũng đáng viết cho ra nhẽ.

Khoảng những năm 55, đôi lần Nguyễn Tuân còn ăn phở gánh ở tầng trệt nhà Địa ốc Ngân hàng, chỗ quán rượu Hoàng Gia cũ. Hàng phở này mở từ những năm thành phố còn bị chiếm. Rồi đến dạo quà phở thành cơm phở, người thành phố ăn phở lấy no, thì Nguyễn thôi ăn phở. Bút ký Phở cũng là vang bóng một kỷ niệm mà thôi.

Nguyễn Tuân có nhiều cái không thật bất ngờ. Nguyễn chưa bao giờ cười ngựa, không biết ngồi ngựa. Đạo diễn Phạm Văn Khoa làm phim Chị Dậu, Nguyễn Tuân đóng vai chánh tổng cười ngựa đi đốc thuế. Chủ nhiệm phim đi thuê ngựa, phải thuê cả người chủ ngựa đóng vai đồng đứng giữ cương cho ông chánh tổng ngồi trên yên, chưa đến nửa phút. Nguyễn Tuân chỉ đi chơi biển, không tắm biển. Dễ hiểu: Nguyễn Tuân không biết bơi, dù bơi chó hai chân đập tằm phồng. Đọc ký sự Ra đảo của Nguyễn Khải kể về hành trình Nguyễn Khải vượt biển ra đảo Cồn Cỏ, Nguyễn Tuân khoái riêng cái anh nhà văn trẻ này ngồi thuyền ra Cồn Cỏ dưới bom và tàu chiến địch quần xung quanh mà không biết bơi, nhát nước chẳng khác Nguyễn Tuân.

Nguyễn Tuân chẳng thiết cái quán bát nháo của ông lão 81. Nhưng đến đây là một cơ hội để nhớ. Tách cà phê bít tất hay chén rượu có nhạt, cũng không quan tâm, chỉ bởi nó đem lại được cái cố Nguyễn Tuân kéo mẫu ghế ngồi. Dáng ông lão gầy gầy, bộ quần áo nâu non còm cõi, lom đom. Nguyễn Tuân nhớ những

cái khác. Mỗi đêm ngủ sáu, từng người lại tìm về những kỷ niệm của mình. Những năm ấy chưa có mấy quán cà phê, quán nước bán kèm nước trắng. Tôi không được biết Nguyễn Tuân thời xưa kênh kiệu tàn nhẫn thế nào, chỉ thấy bây giờ cũng chịu khó chơi tạp, chỉ có điều là ngồi đối diện đấy, nhưng không nhìn mặt ai. Cái ác khẩu của nhà văn này thì khỏi nói. Tao mà chết, nhớ chôn theo với tao một thằng phê bình, ai đã bịa ra mà kể lại thế, nhưng giá ở dưới âm ty, thằng phê bình chẳng may nào đó bị chôn sống, lại mời ông đi uống rượu rồi đi chơi đảo Cát Hải thì chắc ông cười xoa, làm lành ngay. Vẫn cái khó khăn hay cái dễ dãi chỉ vì mình. Đã thích thì cứ cầm lấy, một quyển sách mượn không bao giờ trả, một nhánh hoa địa lan cắt thẳng ở chậu vừa hỏi chủ nhân vừa cắt.

- Ông 81 mới đổi mặt hàng. Có cái rượu hay lắm.

Trước cái chõng, ngọn đèn hoa kỳ nhoè nhoẹt. Cũng không ai để ý những bày biện mới, lọ lặt rang lại lọ kẹo bi xanh đỏ nhờn nhợt, quả đồ tiền trẻ con. Ông lão đương cù rù, lẩn mẩn bóc củ hành khô. Vỏ hành kêu tanh tách như bật ngón tay. Cái chảo mỡ bắc ngay cạnh. Đậu nghệ chấm muối hay đậu rán, những mặt hàng mới. Thêm mấy cái ghế lồi giấy ép cuộn chỉ nhà máy sợi bên gốc cây đã xây vuông viên quanh thành cái bàn. Bập bênh như chiếc ghế ngất ngưỡng trước quây rượu, cũng hay hay.

Tôi nói:

- Ra cái ông 81 này đã làm bồi cho Grapphoir ở Huế, ông Nguyễn ạ.

Nguyễn Tuân gật gật:

- Grapphoir công sứ Trung Kỳ.

- Tôi mới nghe ông ấy kể.

Chờ đợi sự ngạc nhiên, nhưng Nguyễn Tuân chỉ ừ thế rồi nhìn bộ quần áo nâu bạc của ông lão đồng chiêm xa lạ. Ông lão mọi khi cứ lặng lẽ lúc có khách, tự dưng bỗng bật nói:

- ở Huế làm bồi, tôi kiêm cả chân bếp. Chả là mỗi lần cả nhà nó đi pích ních, Bạch Mã tôi phải lo các thứ, đâm ra thạo. Miếng giăm bông hun khói tôi cũng làm lấy được, khét bỏ mẹ lại khen ngon. Người Tây lăm cái ngược đời, còn An Nam mình thì khôn ngoan, hay xỏ ngầm. Thế mới chết chứ. Tôi làm ăn lương gấp rưỡi. Nấu nướng cho Tây chẳng khó như cao lầu Tàu. Hành mỡ phi thơm lừng, Tây nở mũi, thế là khen buồng. Các ông để ý xem, hèn nhất là cái mặn muối, thế mà Tây ăn cứ phải có lọ muối trắng như bát hương mà tổ nhà nó để giữa bàn. Động một tý lại rắc muối, thế thì mất hết mùi vị, các cụ nhà ta kén đến hàng chục loại nước mắm vẫn còn chưa bằng lòng kia mà.

Câu chuyện của ông lão quê mùa mỗi lúc một sang trọng phố phường, bắt đầu từ Huế lên Bạch Mã đến khi Grapphoir hết hạn ở Đông Dương về Pháp đem theo cả thằng bếp giỏi. Thế là tôi phú bà đầm nhà tôi về quê, bảo là cho tôi đi kiếm cái vốn. Tôi đi xêlibạt ba năm bônông bêông bên Tây. Các ông ạ, nói thực chứ

ngủ với đầm chán bỏ xừ. Nó bắt phải đùa cả đêm, nhọc lắm.

Thế là ông lão hơn đứt chúng tôi rồi. Cao hứng, Nguyễn Tuân chốc lại hỏi một câu về núi Bạch Mã, chén rượu để vào về gốc cây sấu đã cạn từ lúc nào. Phong tục và khách khứa ở những quán cơm côi chủ hàng hay đỏi khéo khách không uống thêm mà còn bẻ nhè, thế mà ông lão vẫn để yên. Những câu chuyện của ông 81 đã làm chúng tôi lẫn lộn gốc sấu, gốc xà cừ, gốc cây sữa với những gốc thông và bậc đá tảng boongalô trên Bạch Mã. Tôi ngồi hớp những chuyện trên vùng núi nghỉ mát ấy và chuyện chơi bời bên Tây mà tôi chưa được biết đến bao giờ, chỉ nghe cũng như thuộc. Ông lão 81 vẫn bóc hành. Bây giờ tôi mới để ý bàn tay bời bấp suốt đời ấy to bè bè, mỗi ngón như trái chuối mắt khác hẳn khổ người thấp bé, gầy úa. Gia vị chuyên có củ hành Cái hành củ già mới hăng, không như hành hoa, hành lá nhạt thêch. Rồi khách hàng cũng đâm ra nghiện hành khô theo chủ quán. Các ông ạ, hôm nay có ngẫu pín. Từ dạo chú khách ngoài phố Huế đóng cửa món cháo ngẫu pín, thỉnh thoảng ông 81 xuống lò mổ mua chui được mấy cái. Da bò, thịt tái và dái trâu dái bò hồi này hiếm hãn. Nghe nói mậu dịch thu mua, da thì vào nhà máy thuộc da, còn ngẫu pín để xuất khẩu đi Hồng Công. Lão 81 hay khoe của lạ, mà không bao giờ vui chén với khách.

Lão chỉ nhìn người ta uống và đợi được khen hành phi thơm sức mũi. Lão giữ đúng quy lát nhà bếp nhà bàn có cái thú ở sự ngắm người ta thưởng thức - Nguyễn Tuân bảo thế. Nhưng vẫn rôm rả chuyện Bạch Mã và bên Tây. Mỗi câu đối đáp như nói cho mình nghe. Lão ấy cũng khoái nhớ chứ! Nhớ vui hay nhớ buồn, nào biết được với lão. Có lần tôi nói với Thanh Tịnh khi đọc những hồi ký ông viết về thời làm nghề hướng dẫn du lịch rằng ông nhớ lâu quá, Thanh Tịnh sáng tác ra một câu ngạn ngữ, nhớ lắm, khổ nhiều. Ôi tội cho những người nhớ lâu.

Chúng tôi đưa một khách Ba Lan ra ngồi gốc cây ở đấy. Nhà văn Dukôpsky đã lên mặt trận Điện Biên nhưng A.Covanepsky, nhà văn Ba Lan này đến Việt Nam khi hoà bình đã lập lại. Ông nhà văn hình thù cổ quái ấy chuyên viết phóng sự về đời sống loài vật. Covanepsky đã ở rừng châu Phi, đã qua suốt mùa hè trên ngọn sông Amagiôn và ở cả năm trong vùng muối rừng đương khai hoang mở đồn điền chuối bên Braxin. Ông đã lặn lội hầu khắp rừng núi thế giới, chụp ảnh và viết về những con vật kỳ lạ. Covanepsky đã bảy mươi lăm tuổi, thế mà bạn đọc ông nhiều nhất lại là thanh thiếu niên.

Ông đến làm khách của Hà Nội cuối tháng chạp. ở lại tết Nguyên Đán, mấy khi được ăn cái tết cổ truyền mùa đông ở một thành phố nhiệt đới, nhưng Covanepsky lại muốn đến xem mùa xuân tận nơi rừng thẳm có muông thú hoang dã. Ông lên Lai Châu. ở tỉnh lỵ, tết xòe Mường Lay trên các nhà sàn cũng không quyến rũ nổi ông. Ông đã cười bốn ngày ngựa lên Mường Tè. Những địa danh Mường Thanh, Lũng Cú, Mường Tè, Mèo Vạc, ngay đối với người Việt Bắc cũng tận đâu đâu.

Trời rét ngọt, gió cuốn dưới lòng đường lên như cắn vào mặt. Chúng tôi vác đến một chai rom Sanh Giam mua ở khách sạn Métropôn. Uống cà phê bít tất pha rượu hảo hạng Nhưng không ai lưu tâm cà phê hạt muông với cái rượu ngon nhất nước Pháp mà là ngồi ở chỗ này để tưởng tượng ra đồng không mông quạnh cho ông nhà văn rừng rú quê ở châu Âu ấy trò chuyện. Ông kêu chán phòng ăn, phòng ngủ khách sạn từ hôm ở Mường Tè về. Ông đòi đổi khách sạn Métropôn cho ông đi ở nhà sàn. Kiểm đâu ra của hiếm ấy ở

đây.

Nhưng rồi vài hôm đã quen lại dần. Cây sáng kiến ăn chơi Nguyễn Tuân nghĩ ra cách tối ấy đưa khách ra ngã sáu. Vừa đẹp trong ý nghĩ chúng tôi. Cái lão nhà văn thế giới Covanepsky này có thể được gọi hứng thú khác. Rằng ở giữa nơi chơ vơ trông nghiêng qua mặt đường nhựa phẳng lặng bóng ngọn cây cao cao đằng xa, ánh đèn lốm đốm như đêm sa mạc. Tôi đã cười lạc đà qua sa mạc Gô bi, vào Mông Cổ. Nhưng chưa được tới nơi nào như Mường Tè - Ông cười, một chiếc răng hồng. Có điều không nơi nào như Mường Tè, ông vừa kể lại và đưa tấm ảnh chụp ở sân huyện uỷ.

Covanepsky vịn vai một con gấu ngựa, gấu thật. Con gấu áng chừng hai ba tuổi cao to bằng người. Hai chân sau đứng, một chân trước đặt lên vai áo. Một tay ông nhà văn, ông già tuyết Nôen để trên đầu con gấu.

- Không phải gấu độn rơm của thằng thợ ảnh ở vườn hoa các nước châu Âu. Gấu thật. Tôi chưa được thấy đâu nuôi gấu trong nhà. Đến bữa ăn, gấu ngồi chầu gầm bàn, nhặt cơm vãi. Lạ nhất thế giới!

Tôi không dám nói, làm ông cụt hứng. ở giữa thành phố này người ta cũng nuôi gấu, mua bán gấu như chó con. ít lâu sau, tôi trông thấy con gấu Mường Tè ấy ở một trang họa báo Ba Lan của một ông nghề chào hàng phụ tùng ô-tô đem đến. Nguyễn Tuân vốn thích tranh áp phích Ba Lan. Ông chào hàng mới quen này lại là một ông Ba Lan. Cũng chuyện thường ngày mà lạ, cái ông chào hàng bỗng nhiên chúng tôi quen. Hôm ấy, sân khấu ngoài trời Nhà hát Nhân dân diễn tuồng hồ quảng tích Lương Sơn Bá Trú Anh Đài của một đoàn hát Quảng Tây sang. Chúng tôi đi xem, tình cờ ngồi cạnh một người Âu. Trong lúc đợi mở màn, ông ấy đã mau miệng tự giới thiệu. Biết tiếng Pháp, tiếng Anh, Mariam Stevensky người của hãng sản xuất phụ tùng ô-tô du lịch chuyên đi chào hàng. Nghe đệm họ Mariam, đã biết là một người Do Thái Ba Lan. Ông nói lần đầu tôi đến Việt Nam. Lần thứ hai tôi đi xem nghệ thuật kịch Việt Nam. Nguyễn Tuân bảo là tuồng Trung Quốc. Ông Stevensky nhất định rằng đây là kịch hát Việt Nam. Hôm nọ tôi được xem rồi. Có những người tốt bụng, nhưng tính ương bướng thế. Không thể lay chuyển được cái điều lão đã định ninh.

Nhưng lão rất vui, nhận lời hôm sau lại gặp nhau để tiếp tục tranh luận xem vở kịch hát là của Trung Quốc hay của Việt Nam

Gặp cái lão gàn dở vô lý cù không cười kiểu Saclo, Nguyễn Tuân tỏ ra thú vị. Chúng tôi hẹn Mariam đến nhà Buda. Buda ở phố Hồ Xuân Hương yên tĩnh, lại ở một mình, tha hồ nói to. Thực đơn: chai rượu vang của Nguyễn Tuân, lão kia sẽ đem đến rượu vốt ca Ba Lan và xúc xích hun khói - đúng khẩu vị Nguyễn Tuân và kết thúc bằng bát cháo gà ở ngã sáu dốc Hàng Kèn gần đấy. Buda không biết lão Mariam, nhưng tôi đến đặt tiệc thế, Buda nhận lời ngay.

Tôi mới quen Buda những ngày ở Thái Nguyên về Hà Nội, nhưng đã nghe kể về Buda từ khi còn trên Tuyên Quang. Làm việc nhà xuất bản Ngoại Văn, Buda đã dịch ra tiếng Pháp Dế mèn phiêu lưu ký và Truyện Tây Bắc của tôi. Giáo sư một trường trung học Sài Gòn, Buda đã trốn ra kháng chiến ở miền Đông

rồi được lệnh vượt Trường Sơn bảy tháng ròng rã ra Việt Bắc năm 1952 để làm việc ở đài phát thanh. Cuộc đời thật dữ, mà anh chàng thì ngờ ngác hiền lành. Bạn bè gọi tắt chữ tên anh là Gioóc Buda-ren! Buda cũng có nghĩa là ông phật, hợp với con người lù đù ấy. Có những tù hàng binh Pháp, thằng An, thằng Bình hay đóng các vai Tây trong các phim Chung một dòng sông và Vợ chồng A Phủ - những bộ phim vỡ lòng của Xưởng phim truyện, bọn này cả ngày loăng quăng xe đạp lượn phố tán gái. Khối cô mê thằng An. Buda thêm lấy vợ mà đành chịu. Anh chàng chỉ thạo sách vở. Một lần, Buda đi thăm Điện Biên Phủ, gặp ở Tuần Giáo một cô gái Thái lai Tây. Buda mê quá. Nhưng cả một buổi tối ngồi uống cà phê cô ấy pha và im lặng. Chỉ say sưa khi về Hà Nội kể lại. Và câu chuyện tình ngậm miệng ấy cũng qua đã nhiều năm rồi.

Chai vang Pháp của Nguyễn Tuân đặt giữa bàn. Lịch sự, chủ nhà mua thêm hai chai Boócđô. Mặc dầu chỉ nửa cốc vang Buda đã bị dị ứng mẩn ngứa đỏ khắp người không chịu được. Tây mà không uống được rượu.

Ai đã tổng kết từ lâu rằng uống vang với phó mát - cách uống cổ điển, ngon nhất. Ông bạn tình cờ đã tự đối thực đơn, tự khen mình và có nhận xét thế. Bởi vì cái ông Ba Lan vui tính bán phụ tùng ô-tô đã mang vớt ca đến với một bọc phó mát và bánh mỳ gối. Ông này cũng không bợm rượu mấy. Thành thử, chỉ còn có hai người chúng tôi không tể nhị. Cái vang Pháp đỏ sẫm sao mà nó chất sượng đến thế.

Một Tây, một Ba Lan khoái chí nâng cốc và nhìn hai tôi cạn cả cốc như uống bia. Ông Ba Lan nói to:

- Tôi đã nghe Dukôpsky nói chuyện về Việt Nam trước khi sang đây. Một người Ba Lan đã có mặt trên chiến trường Điện Biên Phủ. Tuyệt vời. Còn con gấu chụp ảnh với một nhà văn đồng bào của tôi đây này, tôi tặng các bạn tờ họa báo. Rồi lão lại giở chuyện hôm qua.

- Vâng, những tối kịch hát Việt Nam, hay lắm. Không thể thêm một câu nào khác với một người chỉ cho là mình đúng. Nhưng Buda ngờ ngẩn hỏi:

- Đoàn kịch hát Trung Quốc đương diễn ở nhà hát Nhân Dân?

- Không, đoàn nghệ thuật Việt Nam. Tôi đã đến Bắc Kinh, Trung Quốc hát khác.

- Có diễn viên Hồng Tuyến Nữ nổi tiếng.

- Đều là Việt Nam. Tôi biết mà.

Câu chuyện đùa cợt dằng co, miên man, buổi tối không hẹn mà nên. Mariam Stvensky kể bốn giờ sáng mai đã sang sân bay. ở đây về là xếp va li.

- Không sao, phải tranh luận cho đến được sự thật, sự thật chỉ có một!

Chốc chốc lại hura: nghệ thuật muôn năm. Ông Ba Lan ôm tôi đứng dậy nhảy, một tay giơ cái ảnh con gấu Mường Tè. Hu ra, hu ra. Phụ tùng ô-tô, phụ tùng ô-tô cũng là nghệ thuật. Buda hào hứng: Cho tôi uống!

Cho tôi uống! Rồi sẽ nằm gãi một tuần lễ, không sao, không sao.

Mariam tiếng Pháp giọng mũi, giơ cốc trịnh trọng:

- Hãy nghe tôi nói. Người bán phụ tùng không chào hàng đâu, mà nói về triết học. Thứ nhất, chúc con người tiến tới bằng cái ô-tô, nhân loại sẽ đến được thời kỳ trong người hồng hóc bộ phận nào thì thay bộ phận ấy. Thứ hai, bây giờ ở ô-tô cơ thể của các bạn có cái gì cũ, cái gì hỏng hãy cho tôi biết. Hăng tôi sẽ gửi sang, tôi sẽ đi theo, tự tay lắp máy mới cho các bạn, máy liệt, máy hóc lại chạy ngay. Con người bằng cái ô-tô, hơn cái ô-tô. Hua ra... hua ra...

- Nhưng không có bánh mata (°)

(°Bánh mỳ Do Thái mỏng như bánh đa, người Do Thái ăn với súp lạnh trong các dịp lễ lớn)

- Cũng được. Đây là một lời chúc hạnh phúc.

Khuya rồi, chúng tôi mới ra ngã sáu. Không nhớ chốc nữa ông bán phụ tùng ô-tô - và tương lai, bán cả phụ tùng người phải sang sân bay Gia Lâm. Hơi vang đã nhạt, người cười nhiều quá cũng đậm buồn, những cái bóng chúng tôi đi lằng lằng.

Phó mát làm bứ bụng, không muốn ăn cháo gà. Vả lại, các bạn Tây không khoái chén súp đêm. Chúng tôi vào chõng cà phê bít tất của lão 81. Làm như phong tục Nga, khi tiễn đưa, mọi người đặt tay lên đầu gối ngồi im với nhau trong giây lát.

Một bác xích lô về khuya, ghéch cái sà xe rên ken két lên bờ hè. Bên gốc sấu bành rể sù sì, mảnh gỗ làm bàn, những mẫu gỗ, cái lõi cuộn chỉ dựa cây, dựa tường, mỗi người trầm ngâm nhìn đi đâu. Cả cái lão cà phê số nhà 81 kia nữa, chắc đã làm một chén trước khi dọn hàng. Biết đâu ông lão này, bác Chử cháo gà, những ông xích lô đầu hói râu rậm, các cụ ngơ ngác vác cả luỹ tre trong làng về đây, hỏi ra thì lão nào, lão nào cũng đã đi bồi bếp, cho tây đầm ăn ra sao thì chúng phải ăn thế đấy, lại đã sang đánh nhau bên Pháp, bên Ma rốc từ thế chiến thứ nhất. Ai cũng đã bôn tẩu sông hồ bằng mây chúng tôi. Ông cà phê đương lơ mơ trời đất ở đâu. Thấy người lố nhố vào, hai cái đầu gối quần nâu lòng thòng đứng dậy.

- May quá, còn cái ngẫu pín.

Bác xích lô ngồi ngủ gà trên cái đệm xe, chợt tỉnh nói to vào:

- Tôi, tôi, để cho tôi.

- ừ, chứ bảo mấy ông Tây này ăn dái bò thì các ông ấy chết khiếp.

Lão bếp già 81 cười tùm, về thành thạo:

- Cứ bảo xúc xích nhồi, thì cũng nuốt tất.

Bác xích lô lại nài:

- ăy, để cho tôi. Người mình thì phải dùng cái bồ thẳng một lèo mới kiến hiệu được. Ông Chử cho tôi bát cháo trắng, rồi thì tổng vào đấy dái bò, dái dê, dái chó bao nhiêu cũng cần.

- Được được. Ai cũng đủ. Các vị chơi khuya thế? Ông này người nước nào mà trông giống quan công sứ Grapphoi. Các vị dùng cái đen hay cái trắng?

Lại vẫn quan công sứ, quan công sứ với cà phê hay rượu trắng, lần thần ăn người đấy.

- Này cụ bít tất, năm nay tuổi giờ cụ được bao nhiêu?

- Thưa ông, nhà cháu thất thập rưỡi.

- Thế thì cái thẳng quan công sứ của cụ xuống chơi với giun lâu rồi.

Ông cà phê bít tất nói một câu ngắn thôi, nhưng ý nghĩa thì địch được với câu triết lý của ông Ba Lan sắp bán phụ tùng cơ thể con người.

- Các cụ xá cho. Chuyện chiêm bao ấy mà.

Đêm thành phố trên ngã năm ngã sáu bờ hè. Khách đến, khách đi, lủi thủi trong bóng tối, không có báo in, báo tường mà mọi chuyện đâu cũng theo người tụ lại, mỗi người đem đến một chuyện. Những ông Ba Lan và Buda và ông Aki chẳng bao giờ gặp nữa, mà cứ nhớ như hôm qua, như lão 81 lúc nào cũng quan khâm sứ Grapphoi. Vâng, đã là nhớ lại thì dẫu vui xưa kia cũng là nỗi buồn bây giờ.

Shoisi Aki, mà có tên là Nguyễn An Nghệ, cái người Nhật ấy đã ở với chúng tôi suốt chín năm kháng chiến. Aki đến khi chúng tôi ở núi Thượng Yên, trong một làng dân tộc Dao đỏ giữa một cánh rừng rậm bờ sông Lô trên bến Bình Ca.

Chưa bao giờ cơ quan rúc vào một nơi hóc hiểm đến thế. Nguyễn Tuân ngại nơi này nhất. Đến Thượng Yên, trong cánh rừng ẩm ướt Nguyễn Tuân mới thực sự bị những cơn sốt rét hành hạ. Trước, tiếng là yên rừng, nhưng còn ở ngoài đồi chân Tam Đảo và bên sông Thao. ở xóm núi Yên Dã, đi một quãng ra huyện lỵ Đại Từ, đã là Hà Nội nhỏ của chúng tôi. Câu thơ ngao ngán Sớm nay ra khỏi u tù quốc của Xuân Diệu là để lưu niệm nơi này. Thế mà đến khi chui vào rừng sâu Thượng Yên u tù và ma quái nhà thơ Xuân Diệu lại lặng im. Có lẽ đã quen rồi, mặc dầu ở đấy, trong cơ quan, nửa đêm anh Truật làm kế toán quê Thái Bình đã chết sốt rét ác tính. Nguyễn Tuân cứ đi đâu về, chỉ nằm giữa tre nửa âm u mười hôm lại sốt, lại rên rầm thấp khớp. Trần Mai Thiên, con trai Nam Cao, khi bố cháu hy sinh, chúng tôi đón được Mai Thiên, mẹ cháu gửi ở Đại Hoàng hậu địch chiến trường khu Ba ra, cháu đương ở với chúng tôi. Có hôm, cả buổi Mai Thiên ngồi bóp chân cho bác Tuân. Cụ bếp Ban vác củ ngoài rừng về qua, đi xuống bếp, lại lẩm bẩm: Rõ

nhà giàu đứt tay. Mời ông vào rừng với tôi đi vài chuyến củ thì khỏi chân ngay thôi. Chẳng khi nào Nguyễn Tuân bớt nghiêng ngả tôi về cái chỗ mới của cơ quan ở Thượng Yên. Có khi giận cá chém thớt. Tôi ở Tây Bắc về, đem theo trong ba lô một cái sáo Mèo. Sáo Mèo như ống trúc có cái lưỡi gà bằng đồng. Tôi không biết thổi, những chập tối trong rừng sâu hay lấy sáo ra rên rỉ lên độc một tiếng toè... toè... tôi nhớ tiếng sáo vất vèo núi cao trên những thung lũng ruộng bậc thang.

Nguyễn Tuân bảo:

- Ông cất đi cho tôi nhờ. Nghe ông thổi sáo, tôi đau tai hơn đau chân thấp khớp.

Tôi ở bên báo Cứu Quốc đổi công tác về, được phân công tìm địa điểm mới. Cơ quan chuyển ở cây số 7 đường Hà Giang trong xóm Động Móc chân núi Là sang đây. Nguyễn Tuân rủa róc: Chỗ núi Là không đủ kín mà lại phải chui sang rừng Thượng Yên. Theo thằng này rồi thì sốt rét, rồi bụng báng chết hết. Có thể nhiều người nghĩ như thế, nhưng không nói ra. Chỉ Nguyễn Tuân không dứt ca cẩm. ối giời ơi, ông ở Chợ Rã, ở Tùm Tó, ông nằm đất, ông rang bọ hung ăn, ông xơi thịt lợn không muối thối um lên, ông uống rượu men lá cũng khỏi ốm, ông còn thiết, còn nghĩ đến ai.

Bác Ngô Tất Tố chén thịt lợn lừng cụ bếp Ban đã kho riêng cạn khô vẫn tanh đến lợn mỡ. Nguyễn Đỗ Cung ngoài bờ sông vào bắt châu chấu ăn sống. Nguyễn Tuân từ lán ở xuống nhà bếp lừng thường đi sau con kỳ đà ra rình bắt gà. Có con trăn gió nằm phơi mình ở bãi cỏ ven suối trên đám lá cải soong chúng tôi sắp xuống hái. Những cái đó thấm đầu với khi tôi ở suối Lửa trong vùng rừng Yên Thế Thượng, ở Píc Cáy núi Phía Bioc làm báo Cứu Quốc Việt Bắc. Tôi hoá ra máu cá, khi nghe những lời ca thán.

Đến Thượng Yên, Shoisi Aki sốt rét dòng dã, mặt trắng nhợt. Đặng Thai Mai chủ tịch ủy ban Hành chính Kháng chiến Thanh Hoá đã gửi Aki ra cho chúng tôi. ở Tokyo, Aki sang Đông Dương thực tập tốt nghiệp đại học kinh tế. Đương ở Vinh thì Nhật thua trận đầu hàng Đồng Minh. Aki trốn vào trong làng. Đặng Thai Mai nhắn: Aki biết tiếng Anh, có thể dạy Aki tiếng Việt để Aki dịch tiếng Anh. Ai cũng gọi Shoisi Aki là Nguyễn An Nghệ, cái tên Nghệ An kỷ niệm nơi Aki đi với kháng chiến Việt Nam.

Lán chúng tôi ở và làm việc bên bụi nứa rậm rạp góc đồi. Mỗi lán thành một tổ tăng gia. Nuôi gà trồng đậu, rau muống, cải soong. Nguyễn Tuân, Aki với tôi và Nguyễn Đình Nghi. Đôi khi có Phan Khôi Đào Duy Anh, Phan Ngọc bên bến Ngọc sang. Nguyễn Đình Nghi ít tuổi nhất, chủ lực cuộc xới, làm chân tổ trưởng tăng gia.

Mấy năm ở rừng Thượng Yên mà nhớ lại tưởng như đâu một vài ngày. Bởi chỉ khi ra ngoài, đi công tác, đi chiến dịch, quang cảnh và mọi việc mới đổi khác. Trở về trong rừng, ngày ngày lại như thế. Dậy theo hiệu còi, tập thể dục, vác xẻng cuốc xách ống vầu nước tiểu xuống sườn đồi tăng gia rồi lên làm việc, đến giờ sang nhà bếp ăn cơm, họp kiểm điểm cuối ngày, vào xóm người Dao dân vận, dạy học, làm vệ sinh quét dọn nhà, chuồng trâu... Aki nằm phủ phục trong màn, lồm cồm chui ra. Sáng sớm, mở mắt trong đám sương đặc quện. Hình như nằm ngủ, các đốt xương dính lại, bấy giờ duỗi chân tay ra đau ê ẩm.

Aki đã ra ngoài đầu nhà lúc nào. Chắc đã dứt cơn sốt. Mặt vuông bạnh quai hàm, khung xương người cao to gãy rạc. Không phải Aki tập thể dục. Aki ngồi phệt trên mặt đất ẩm. Hai chân xếp bằng tròn, tay đặt trong lòng, mắt nhắm nghiền, mặc mọi người vung tay vung chân, vận mình, nhảy nhót. Đến lúc ai nấy đã xuống vườn sừaon đồi, Aki lẳng lẳng đứng dậy, cầm ống nước đá, bước theo. Thỉnh thoảng Aki lại ngồi như thế. Chưa bao giờ tôi hỏi vì sao.

Suốt ngày, Aki cầm cúi bên cái bàn vĩ tre trước giường nằm. Aki chỉ đứng dậy ra cạnh bụi nửa khi nghe tiếng khu trục Spitphai, kinh cobra cổ ngỗng theo sông Lô lên lướt qua. Aki dịch sang tiếng Anh các truyện anh hùng chiến sĩ của chúng tôi viết về Nguyễn Quốc Trị, Giáp Văn Khương, nữ du kích Nguyễn Thị Chiên, lão nông Hoàng Hanh... Bản thảo giấy tờ ngổn ngang trên mặt đất giường nửa ngổ.

Những hôm trời nắng, Aki ngồi lẳng yên ngoài rừng. Mặt nhợt nhạt màu đau gan. Aki đăm đăm như ban sáng nhập thiền. Một lúc lâu lại vào ngồi trước bàn. Ngày nào cũng thế không nói một câu. Nếu không trông thấy Aki đọc sách, tưởng Aki không biết tiếng Việt. Nghe tiếng gà kêu quét quét, Aki nhòm lên. Aki ra đuổi kỳ đà. Con kỳ đà mồm thếch như con thằn lằn to bằng bắp chân từ hang hốc nào ra cả ban ngày đương rướn cong cổ nghe ngóng. Cái chuồng gà của mỗi người đặt giữa sân trước mặt, tối lại khiêng vào trong nhà. Những khi con cáo, con rắn bò đến Aki cầm cái sào nửa ra đuổi.

ở nhà bếp, Aki ngồi một góc, ăn nhai hững hờ, nhưng bao giờ cũng hết xuất cơm muối vừng. Không có lọ kem nước mắm, ống bơ thịt kho, nhưng thỉnh thoảng, Aki tắm bổ một món đặc biệt: chuối tiêu thái từng khoanh mỏng để vào bát, rồi đập quả trứng gà quấy lên. Món sống sít hồ lốn ấy không ai dám bắt chước.

Thế rồi nghe đồn tù binh ở Điện Biên Phủ được giải về thị xã Tuyên Quang. Chỉ mấy hôm không ra mà ven sông Lô đã san sát một dọc những nếp nhà mái nửa. Thị xã mọi khi ban ngày vắng ngắt bỗng đông như hội. Bọn tù ốm nặng và tù bị thương ngày nào cũng được đưa xuống bè xuôi về nơi trao trả dưới bến Việt Trì. Tây trắng Tây đen đi lêu đêu, ngất ngểu. Người da đen chỉ còn thô lỗ hai con mắt trắng dã. Những tù binh gầy yếu quá trước khi thả được giữ lại vỗ béo cho ít ngày.

Quanh thị xã đổ cả ra xem tù binh. Không còn những máy bay cổ ngỗng, B26 lên bom bắn. Người đi đông như mít tinh. Aki ra thị xã, trở về đứng trước lán, nước mắt ràn rụa. Không biết khóc buồn hay khóc vui. Nhớ chín năm trước, khi chạy vào làng, bây giờ Aki bồi hồi sắp được trở về. Vợ Aki dạy đàn piano. Đứa con gái, khi ra đi còn nhỏ. Nếu được bình yên, năm nay mười một tuổi.

Thế rồi về Hà Nội. Mỗi tháng có một chuyến tàu Nhật vào cảng đón những người Nhật lưu lạc còn sống sót ở Việt Nam. ở thành phố mọi việc mới bận rộn. Một hôm, Aki đến chào mọi người, Aki sắp xuống Hải Phòng. Bây giờ bỗng thấm thía cái xa cách.

Chúng tôi đêm hôm ấy la cà ra ngã sáu. Lui hủi ánh đèn chai, đèn hoa kỳ, gánh cháo gà, chõng cà phê, rượu trắng, đậu nghệ, ngẫu pín, lạc luộc như ngày trước đầu xóm các nhà hát ngoại ô hiu quạnh bên Thượng Cát, trong Ba La Bông Đỏ. ở Khâm Thiên bây giờ vẫn còn lác đác vài nhà tom chát không bỏ đi

Nam. Loáng thoáng tiếng đàn từng từng, tiếng phách... Nhưng chẳng hiểu sao, không phải vì sợ phạm nội quy vào vùng mới giải phóng, chúng tôi chẳng còn háo hức thú chơi như năm xưa. Mà chỉ lang thang tha thần các hàng quán phố đông, phố vắng, quanh các rạp Chuông Vàng, Kim Phụng, đương diễn các vở cải lương diễm huyền La Mã kèm cái kịch ngắn chống di cư chẳng mấy may ăn nhập với nhau.

Tôi bảo ông lão 81, ông này là người Nhật. Ông 81 kêu lên: ối giời ơi, nước ta lắm thứ người quá. Lúc nghe ông Nhật sắp về nước, ông 81, quên cả thói tục dừng dừng của người hầu bàn, đã uống góp một chén với khách. Chúng tôi ra ngồi sưởi trước cửa lò sau nồi cháo đã cạn sôi sùng sục. Dễ đã quá nửa đêm. Gió ào ào lòng đường, sột soạt miếng ny lông trên lưng ông xích lô đầu quả gáo như lão quan tàu Tưởng thất thế vào giờ này tà tà đến làm chén rượu với bát cháo ấm bụng rồi ra ga Hàng Cỏ đón tàu chợ dưới Phòng lên. Lão cà phê bít tất nói vọng ra như khoe cho mọi người biết:

- Ông ấy là người Nhật?

Bác cháo gà Chữ nhón nhó ngược cặp mắt lông quặm kèm nhèm nhìn đám khách muộn. Chắc chẳng rõ ra người nào người nào, nhưng bác gật gù: Nhật à, giô tô nay, giô tô nay. Tự nhiên nhớ mấy chữ cóp nhật chế giấu của người thành phố này mỗi thời kỳ biến động đều vẽ nên được bức tranh thế sự bằng chữ nghĩa, ai cũng xì xồ vài ba câu: mét xì bô cu, măng giê ca ca... hầu sức, tả lố và vài năm có người Nhật đến lại thêm arigatô... giô tô nay... Bác Chữ chấp tay, cung kính: Mời các ông ngồi!. Mấy chiếc ghế con được khớp lại thành bàn. Những mẫu củi trong lò đã vạc than được vét ra mặt đường làm đồng lửa sưởi cho mấy ông khách sau cùng. Bác moi ra cái chai rót đều, lại bưng một chén vào lão 81.

- Chẳng nói giấu gì chư vị, nhà em vừa làm một chén rồi. Lâu lắm mới lại trông thấy ông giô tô nay, em xin hầu chư vị chén nữa.

Gió sờn quanh gáy, không ai biết cơn lạnh thít người. Bác Chữ cất chai vào ngăn kéo lại lôi ra hai thanh tre mà mỗi hôm vừa đặt gánh, thẳng con trai bác đã đi các phố quanh quanh chỗ vào đầu ngõ gõ sức tặc, sức tặc' cho mọi người biết cay hạp trúc sức tặc cháo gà đã đến.

Thanh tre kê xuống mặt đường nhựa, thanh tre sức tặc thành cái phách.

- Nhà em xin hầu cán bộ một khối.

Hãy còn giăng gió gió giăng

Đừng lo lắng thanh xuân bất tái

Biết rằng ai đã hơn ai...

Nguyễn Tuân hứng chí cầm cái ống khói bếp gỗ ngón tay đánh trống châu nhịp. Ông xích lô đầu quả gáo tưởng đi ngay, nhưng đã lại đương thiu thiu lúc ấy cũng nhóm dậy. Mỗi người một tâm sự ở cái ngã sáu đường đời này. Chẳng ai đoái hoài đến Aki ngồi yên, nước mắt lã chã. Aki khóc. Cũng không ai để ý những

câu ư ử rên rĩ bát nháo gió giăng của bác hàng cháo. Im lặng một lúc lâu. Nguyễn Tuân vỗ lưng Aki:

- Mai đã đi rồi, Tokyo đang đợi anh. Tôi hò chúc Aki một bài đường trường từ biệt Hà Nội.

Hãy giữ lâu được nỗi nhớ cái đêm đàm bạc này.

Chiều chiều mượn ngựa ông đồ

Mượn kiệu chú lính đưa cô tôi về

Ngựa ô đi đến quán Lau

Ngựa hồng dừng đình đi sau gò Điền

Không rõ mấy câu ca dao Phú Yên ấy Aki hiểu đến đâu. Tôi thì tôi bồi hồi nhớ xưa kia những khi họp mặt thanh niên hay truyền bá quốc ngữ nghe Trường Đình Thi giọng Bắc lại hò Phú Ơn kể về người đàn ông lặn lội dắt vợ công con vượt đèo xa xứ kiếm miếng ăn. Người đứng cất tiếng hò cũng hốc hác não nề như người tha hương kia. Mỗi khi uống và buồn, Nguyễn Tuân thường bắt chước giọng Trường Đình Thi hò Phú Ơn. Có phải những câu hò ngơ ngẩn não lòng trong đêm lạnh giữa những con người đã trải mấy cuộc đời làm rơi nước mắt xuống đường thành phố như dòng sông miên man, nhớ nhà, mà mừng trở về, không còn lệ ai chan chứa biết đi đâu về đâu như khi ở rừng Thượng Yên, mà khóc cũng chẳng vì lẽ gì. Nguyễn Tuân nhìn Aki. Nguyễn Tuân rút khăn tay chấm mắt. ở câu hò Phú Ơn của con người ấy còn ngổn ngang bao nhiêu hơn cái thẳng Aki trở về. Làm sao hiểu được những giọt nước mắt kia vì nỗi niềm ai.

(Về Tokyo, Shoisai Aki làm tổng thư ký đầu tiên của hội Nhật Việt hữu nghị. Hai năm sau, Aki lại sang Hà Nội. Nguyễn Tuân gửi tặng vợ và cô con gái Aki đang học nhạc viện mấy thước lụa vân tím màu mạn hậ. Chuyến ấy về, Aki bị bệnh gan và mắt).

Cụ tú Hải Văn đã cho cậu con trai mới lên mười theo đến nhà hát ả đào Hàng Giấy. Thơ Đỗ Mục, cụ tú dịch:

Mười năm tỉnh mộng châu Dương

Hời thêm một tiếng phũ phàng ngày xanh

Cụ tú Hải Văn, tác giả bài thơ tám chữ độc vận Ai, mà năm 1981, Nguyễn Tuân in tuyển tập đã viết tay trang đầu để trả lời một người chị có nhã ý hỏi về thơ cụ tú H.V. nhớ Huế, xin chép hầu chị bài thơ độc vận ai.

Những là dặm liễu bay hồn khách

Nào thấy mảnh hoa thoáng bóng ai

Buồm thuận gió xuôi vui mặt bạn

Canh tàn rượu tỉnh giật mình ai

Cầm tay dặn với ba câu chuyện...

Cuộc đời phóng túng và nếp nhà quan các cụ nội đại thần trị nhậm đất Sơn Tây, đã in đậm, đã mờ chồng lên ngày tháng đời con đời cháu từ bao giờ. Nhiều lần Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng và tôi thường lên Sơn. Chúng tôi ngồi bên hào thành, dưới cây sưa. Mặc Nguyên Hồng với bà 'cai ách bán hàng - khuôn khổ người đẹp kiêu của ông ấy. Tôi hỏi Nguyễn Tuân: Chử người tử tù, Đình non Tản và tất cả vang bóng của ông đều phảng phất Sơn Tây, thế ông đã đi ả đào ở Đông Tác chỗ gần chốt Nghệ kia chưa?, Nguyễn Tuân tùm tùm và lặng yên.

Truyện ký Vang bóng một thời, hình ảnh những ngày qua xa xưa. Vang bóng một thời Tây mà Nguyễn Tuân lúc nào cũng định viết, đã công bố trên trang Cùng một tác giả từ khi tập truyện ngắn Vang bóng một thời in lần thứ nhất. Thời ấy, thời Tây, mới thực Nguyễn Tuân, những nông nổi, những vang bóng của Nguyễn Tuân. Cái này tôi phải viết... Cái này ông phải viết... Viết chứ! ở Tuy bút 1, Tuy bút 2, Một chuyến đi hay Chiếc lư đồng mắt cua, hay ở những tùy bút kháng chiến, những cái đã viết và những cái chưa viết mới chỉ là mảnh hoa thoáng bóng ai chứ chưa bao giờ Nguyễn Tuân thực đã viết.

CÁT BỤI CHÂN AI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương I I:

Kháng chiến, Nguyên Hồng và Kim Lân đưa gia đình tản cư lên ấp Cầu Đen trên Nhả Nam. Các họa sĩ Trần Văn Cẩn, Tạ Thúc Bình, cả nhà bác Ngô Tất Tố cũng lên quây quần trên cái đồi thấp bấy giờ còn hoang vắng. Những vùng ở Xuân án (Phú Thọ) hay Quần Tín (Thanh Hoá) cũng tụ hội lại những làng văn nghệ sĩ kháng chiến. Nghe kể họa sĩ Trần Văn Cẩn được xã cấp cả ruộng, anh đi cày đã thạo. Tên cúng cơm ấp Cầu Đen, Nguyên Hồng đặt lại là ấp Đồi Cháy. Chẳng hiểu vì sự tích gì. Các nhà ở đây cho đến khi hoà bình lập lại. Về Hà Nội, Nguyên Hồng và vợ con thuê cái gác hai một nhà ở phố Miriben cũ bên cạnh viện Mắt gần chợ Hôm. Nhớ những lần Nguyên Hồng rủ đến chơi nhà thường vào chiều thứ bảy. Dừng xe đạp ở cái sân chung nhộp nháp nhà dưới rồi lên gác. Nhà một buồng lung cùng ba lô, tay nải. Chẳng khác trước kia ở dưới bãi Nghĩa Dũng. Chỉ thêm trẻ con chạy ra chạy vào lít nhít rồi cả mắt. Chị ấy đã xin được làm nhân viên cửa hàng quốc doanh sách, đứng bán ở quầy góc nhà bách hoá tổng hợp bây giờ, phía cửa đường Hàng Bài.

- Ngồi vào đây lấy chỗ cho mẹ nó kê cái hoả lò. Chả rán phải chén nóng tại chỗ mới hay.

Nguyên Hồng lui cui dẹp quanh cho tôi ngồi tựa lưng vào tường trông ra chẳng chịt dây điện ngoài cửa sổ, lá xà cừ rụng bay rào rào. Nguyên Hồng không nói, nhưng tôi đã biết cái chả rán này rồi. Nguyễn Tuân chỉ nghe, đã lắc đầu, rửa chả rán Nguyên Hồng đãi cái trứng xơi được bọ hung thì nó còn từ cái gì. Nguyên Hồng không khi nào mời Nguyễn Tuân và biết tôi thưởng thức được món tiểu tảo cao cấp ấy, chủ nhà cũng chẳng cần báo trước. ấy là cái nem Sà Goòng nhân rau đàn bà đẻ đã xin hay mua được ở nhà hộ sinh nào đấy. Nguyên Hồng thường ca tụng sức thần kỳ bổ và chữa bách bệnh của rau đàn bà đẻ. Khi bị đày lên Bắc Mê, tao ngồi viết được cả tập bút ký Cuộc sống lại còn sống mà dò được về đến Nam Định rồi lấy vợ cũng là nhờ cái phải gió ấy của trẻ sơ sinh. Mẹ tao ngâm rượu mật ong gửi lên Bắc Mê. Bây giờ thì một cái rau ăn tươi cả nhà được tắm bổ!. Nguyên Hồng cười hể hả.

Miếng chả giò nóng ròn. Bát dấm pha không có ớt - chủ nhà không ăn ớt. Đĩa xà lách trắng ngần. Nhân trộn mộc nhĩ và miến. Kể ra cũng cảm thấy hơi hơi khác vị, nhưng vốn tính dễ ăn, tôi nhắm ngon lành bình thường.

Giữa năm 1957, Hội Nhà Văn được thành lập. Nguyên Hồng phụ trách tuần báo Văn của Hội. Đã nhiều năm làm nghề viết và trong kháng chiến có làm báo, làm xuất bản nhưng cũng là ngồi trong rừng điều khiển đôi quang gánh sách báo đi các chiến khu, chúng tôi bờ ngõ và háo hức những công việc mới.

Chín năm ở rừng, không có lương, quần áo phát theo mùa, xà phòng tắm và giặt cũng lĩnh ở kho từng miếng. Cơ quan sắm dao kéo, tông đơ mọi người húi đầu cho nhau. Văn Cao cắt tóc đẹp có tiếng, chỉ dùng

kéo. Trở lại thành phố, khó đâu chữa biết, nhưng thức ăn và hàng hoá ê hề. Chiều chiều, uống bia Đức chai lùn bên gốc liễu nhà Thủy Tạ. Nhà hàng Phú Gia, vang đỏ vang hồng vang trắng vỏ còn dính rơm như vừa lấy ở dưới hầm lên. áo khoác da lông cừu Mông Cổ ấm rực, người ta mua về phá ra làm đệm ghế. Hàng Trung Quốc thôi thì thượng vàng hạ cám. Kim sào, kim khâu, chỉ màu, củ cải ca la thầu, sắng xấu, mì chính, xe đạp cái xe trâu cao ngồng. Cả xi rô ngọt pha vào bia cho những người mới tập tọng uống bia. Bắt đầu được lĩnh lương tháng. Không nhớ bao nhiêu, nhưng tối nào cũng có thể la cà hàng quán được. Có cảm tưởng cả loài người tiến bộ đồ tiền của đến mừng Việt Nam Điện Biên Phủ.

Chúng tôi ngỡ ngàng một cách khoan khoái. Đất nước như cánh đồng cày vỡ, chưa biết cấy hái ra thế nào. Vết thương cái cách ruộng đất, chinh đồn tổ chức còn đỏ hơn hồng khắp chợ thì quê. Các thành phố đã bắt đầu cải tạo tư sản. Báo chí hô trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng. Chẳng biết căn do của nước người ta ra sao, nhưng nghe khẩu hiệu khá sượng tai. Đến khi thấy nói có hoa thơm, có hoa thối! lại mới ngỡ ra là có hoa thơm, có hoa thối!. Năm 1956, Hungari đề xướng đổi mới. Thủ lĩnh Jmrê Natgiơ bị treo cổ.

Chưa kịp ngỡ ngàng, lại đùng đùng đổi khác lại ngay cả trong thành phố. Nhà máy diêm, nhà máy gạch thời Pháp họ đã để làm trại lính, tanh bành như bãi hoang. Điện Yên Phụ, xe điện Thụy Khuê cổ lỗ 1899, nhà máy rượu cạnh nghĩa địa Tây, Chính phủ phải mua lại của các công ty tư nhân Pháp. Nghe nói mỏ Hòn Gai, đường sắt Hải Phòng Vân Nam ta cũng chuộc mất nhiều tiền. Chiến thắng rồi mà cũng chẳng lấy không được. Các thành phố đương cải tạo tư sản. Cách làm dịu dịu và lặng lẽ. Nhưng cũng xanh mắt. Nhà máy thuộc da Thụy Khuê, nhà máy gạch Cầu Đuống mấy vị có tiền vừa chung nhau tậu, bây giờ lo sốt vó phải lên tư sản. Nhà giàu khoá cửa im ỉm, người ra vào khuôn lén đồ đạc lúc chập tối. Quanh tường, đại sứ quán Pháp cắm tấm biển đất riêng. Cơ quan lãnh sự Mỹ đã dọn vào Sài Gòn, bây giờ chỗ ấy là căng tin của sứ quán và Pháp kiều. Tổng giám mục Đuy-lây ngày ngày sai mấy bồ già đến mua đồ và thức ăn về dùng. Từng bao tải các thức được thuê xích lô kéo sang nhà thờ Hàng Trống.

Bờ ngõ và sôi nổi, những trái ngược và mới mẻ ấy dội vào mỗi chúng tôi. Bây giờ nhìn lại, nghe kể chuyện lại, tưởng như câu chuyện lạ lùng một lúc. Nhưng đường đi và những quanh co bối rối đến mỗi con người lẫn nhằng cả mấy năm trước và sau 1957. Ngại nhất những lần họp chi bộ ở cơ quan. Cuộc chiến đấu lớn đã kết thúc ở Điện Biên Phủ, nhưng chúng tôi lại không êm ả như ở Tuyên Quang. Thêm nhiều tổ chức mới có cán bộ các khu và từ miền Nam tập kết ra. Họp cơ quan, họp chi bộ, tranh luận miên man. Dần dà, hình thành cái nhìn ở một số người, thành một chỉ trích cơ quan cản trở, hạn chế, có thể mới là mới. Mọi việc không phải của cơ quan hình như đều đúng hơn.

Tôi làm nhà xuất bản Văn Nghệ rồi nhà xuất bản Hội Nhà văn. Khi in tiểu thuyết Giông tố của Vũ Trọng Phụng, tôi về Mộc xin phép gia đình tác giả, gặp chị Phụng và bấy giờ cụ bà thân sinh Vũ Trọng Phụng vẫn còn. Mẹ chồng nàng dâu sinh sống gieo neo ngày ngày cặp cái thúng mấy lọ thuốc viên ra chợ Ngã Tư Sở. Bao nhiêu năm, sách của Vũ Trọng Phụng bây giờ lại được in, cả nhà mừng lắm. Quý tôi như bạn bè cùng thời với nhà văn đã khuất. Thật ra, tôi không biết mặt Tản Đà và Vũ Trọng Phụng. Tôi vào nghề viết, các nhà văn này đã qua đời. Khi ấy, các nhà xuất bản Minh Đức, nhà Thép cũng rục rịch in Vũ Trọng Phụng, quảng cáo rầm rộ. Ngay ở cơ quan cũng lây nhau cái cảm tưởng tư nhân in mới phóng khoáng, nhà xuất bản

của đoàn thể gò bó và đường như lối thời. Người ta lên nước và cạnh tranh như thời trước. Nhà Minh Đức yêu cầu được kỷ niệm Vũ Trọng Phụng chung với chúng tôi ở Nhà Hát Lớn thành phố vì lý do nhà ấy cũng in Vũ Trọng Phụng. Chúng tôi định in lại tiểu thuyết Một mình trong đêm tối của Vũ Bằng. Tôi tìm gặp chị Vũ Bằng. Biết tin, lão Minh Đức nhướn mắt trở xộc đến luôn. Chúng tôi in kịch Kim Tiền của Vi Huyền Đắc, Nhà xuất bản Minh Đức cũng in Kim Tiền, đã đưa đơn kiện vi phạm bản quyền tác giả. May, được bác sĩ Vi Huyền Trác, con trai cụ Vi bảo đảm, nhà xuất bản chúng tôi không bị thua kiện.

Chỉ được trôi chảy khi in lại tập truyện ngắn Vàng bóng một thời của Nguyễn Tuân. Cũng ngẫu nhiên không bị giành giật. Nguyễn Tuân không để ý tưởng số nhưng Nguyễn Tuân bảo: Trông mặt thẳng Minh Đức đã thấy khó chịu. Minh cũng đã đả tiền nhiều nhà xuất bản, nhưng chưa cầm của thẳng này một xu. Vả chăng mưu sĩ Nguyễn Hữu Đang của nhà Minh Đức thậm ghét văn Nguyễn Tuân. Văn Nguyễn Tuân, Nguyễn Hữu Đang đọc một đoạn cũng không nổi. Ấu cũng là lẽ đời, các đảng cao ngạo thường không nhìn mặt nhau.

Nguyễn Tuân nhớ lâu và ghét dai. Không biết bao nhiêu năm, Minh Đức đi tù về vẫn ôm mộng xuất bản. Anh phác một kế hoạch chiến lược về xuất bản nhờ tôi giới thiệu với những cơ quan có trách nhiệm. Việc không đến đâu, Minh Đức nở quán cà phê và bán sách cũ trên phố Hàng Bút. Khai trương quán, Minh Đức nhờ tôi mời Nguyễn Tuân, Nguyễn Tuân không trả lời. Rồi Minh Đức mất bệnh, Nguyễn Tuân cứ vặn tôi: Sao ông đi đưa đám thẳng ấy?. Tôi bảo trong đầu tôi không thấy có câu trả lời nào về việc như ông hỏi tôi. Nguyễn Tuân vẻ không tin. Song cũng không vặn nữa, chúng tôi tránh đi bằng cách đụng cái chén hơi mạnh.

Hồi ấy, đến nhà xuất bản Minh Đức, tôi quen Minh Đức và Tô Thủy Nguyễn Văn Kiện, cùng người Thái Bình, một trong những cây bút làng thơ mới, thời kỳ đầu, lúc đó làm thư ký nhà xuất bản. Từ năm 1945, Minh Đức ở Thái Bình lên Hà Nội làm xuất bản. Nguyễn Công Hoan giới thiệu cho tôi làm quen và bảo bố thẳng này ở phố Pi kê buôn đồng nát mà giàu có, chẳng biết thực hay đùa. Nhà xuất bản Minh Đức ở phố Phan Bội Châu. Trương Tửu như chủ nhà ngồi đấy. Tôi cũng chưa được biết Trương Tửu trước kia. Ông Trương mở rượu, đàm đạo. Dễ thường chỉ có tôi uống, cảm thấy dễ chịu. Lững thững về cơ quan. Buổi trưa, trải chiếu, Nguyễn Bính, Hoàng Tố Nguyên và tôi nghỉ lại trong buồng làm việc. Hoàng Tố Nguyên hồng một chân. Nhưng có một chiếc giày đánh bóng lộn, đặt tượng trưng trên ghế - chiếc giày đẹp đẽ, không bao giờ được xỏ chân. Khi đó mọi người tự do ra báo, mở xuất bản.

Trong thành phố nhan nhản báo hàng ngày Thời Mới báo tuần Nhân Văn, Tre Xanh, Trăm Hoa và những tập san định kỳ Giai Phẩm, Đất Mới... Ông Phùng Ngọc Long nhà xuất bản Hưng Văn ngoài khu 8 về tìm tôi bàn mở xuất bản. Ông Long chính là chú Luyện ngày trước ở phố Hàng Mã mà tôi đã xuống ở hai năm, đến khi thi trượt vào trường Cửa Đông mới trở về quê. Nguyễn Công Hoan và tôi đến nhà ông Vũ Đình Long. Những năm về sau, ông yếu bệnh tim, bệnh thở. Vẫn chịu khó ngày nào cũng đi quanh hồ Hoàn Kiếm. Và hằng hái muốn mở lại nhà Tân Dân. Nguyễn Công Hoan bảo: Làm gì thì làm, đừng làm xuất bản, ông ạ. Mặc dầu khi ấy có ông Thuật hiệu sách cũ dốc Bà Triệu, em ông xuất bản Đời Mới Trác Vỹ xưa kia, ông Thuật định làm xuất bản sẽ in mở đầu hai tác phẩm của Nguyễn Công Hoan, thì Nguyễn Công Hoan không khuyên can câu nào. Hai nhà giáo bè bạn lâu năm, Nguyễn Công Hoan nói thật điều mình nghĩ và tính toán hộ ông Long.

Dần dần, ở cùng cơ quan tuy hằng ngày gặp và làm việc, nhưng cách sống của mỗi người cũng úp mở nửa thật, nửa giấu. Chơi với nhau đấy, rồi đi đâu, làm gì không biết. Và xem nhẹ cả những việc tình nghĩa. Tôi đã lo toan cho Lê Đạt bỏ được cô Nguyễn người vợ lấy lúc đi cải cách ruộng đất, Hoàng Cầm êm thấm ra toà dứt khoát với cô hàng xén chợ Hanh. Sự giao thiệp hai mặt và cánh hẩu nầy nở ngay cả trong việc đáng lẽ một lòng và phải trái cần ngang mặt, bởi tôi làm bí thư, Lê Đạt phó bí thư chi bộ Đảng. Nhưng cũng chỉ thế thôi.

Tuần báo Trăm Hoa của Nguyễn Bính mới xuất bản. Nguyễn Bính tập kết ở miền Nam ra. Mấy năm sau ở trong ấy Nguyễn Bính thôi không công tác đâu nữa, nhưng vẫn ở vùng giải phóng Đồng Tháp Mười. Vui thú điền viên nơi kênh rạch và bạn bè qua lại giúp đỡ. Khi đất nước bị chia đôi, Nguyễn Bính được gọi đi tập kết, cũng như cán bộ được phân công ra miền Bắc. Nguyễn Bính về công tác nhà xuất bản, cùng làm việc với tôi. Gặp lại nhau thì hơn mười năm đã qua mà tưởng như mới hôm nào cùng anh em nhà thơ Việt Châu Long ngổng gieo tình và Tân Phương đi ăn cháo cá chợ Cũ. Những người lang thang bất đắc chí ngày ấy như xưa nhưng cũng thật khác xưa:

Có lần tôi xuống Nam Định, đến tìm Võng Xuyên công tác ở thư viện thành phố. Người nhỏ nhắn, già đi nhưng vẫn khoẻ. Tay bắt mặt mừng xong cung cách thì thưa gửi đồng chí, báo cáo anh, đề nghị thủ trưởng, lời thôi quá. Trong khi tôi tưởng như vừa mới đấy, cái thằng Võng Xuyên tên là Truật mở bàn giấy biện sự phòng mà chúng tôi gọi đùa là sinh sự phòng, ông thầy cò chạy kiện tôi không nhớ ở cái phố vắng, phố hàng Nâu hay bến Cui. Thầy cò Truật với Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương đốt thuốc phiện và làm thơ, đọc thơ suốt đêm trong cái phòng hẹp nhà Truật được gọi là lò luyện linh đan. Khách rờng rã ở chơi không chịu nhõ rẻ, hôm nào cũng say thuốc đến bóng môi, bóng mắt. Chị Truật người đầy đà, phúc hậu vẫn cơm rượu đãi bạn chồng ngày hai bữa tươm tất Không hiểu tại tôi hay tại anh mà bây giờ lại ra sự cách bức và khách sáo đến thế. Cái năm Võng Xuyên về hưu rồi, lên ở với con trên Hà Nội tôi mới rõ hồi ấy ở cơ quan, anh chỉ làm việc giữ mấy quyển sách thư viện mà cái ông sinh sự phòng kiếm ăn hồi xưa đương bị đấu cật lực vì ly lịch thầy cò và những chơi bời. Cái vô ý của tôi thật tàn nhẫn.

Khi đó nhiều người còn ăn và ở cơ quan, phòng làm việc cũng là nơi ở. Tính nết Nguyễn Bính thì chẳng khác xưa. Đời là một cuộc chơi dài, mà thiên hạ phải cung phụng nhà thơ. Bọn mắt trắng, hiểu thế không? Những trò ấy nhiều khê, tần phiến, cổ quái lắm. Tôi nghĩ thế. Làm biên tập báo, xuất bản như làm khoán, chẳng cần giờ giấc bàn giấy. Mà cũng vẫn không hợp với Nguyễn Bính. Có mỗi việc giao cho Nguyễn Bính tự tuyển tập thơ Nước giếng thơ - tác giả làm lấy tập thơ cho nên mới có được cái tên sách không phải tên một bài thơ nào trong tập, mà cũng trầy trật mãi. Hứng làm thơ lên thì tung hê công việc, thích đi chơi thì vay tiền, cơ quan lúc nào chẳng có tiền. Cho tao vài ba đồng là bao. Say khướt tối ngày, uống tợn hơn xưa nhiều. Nhà hát lớn có kỷ niệm Nguyễn Du. Nếu tối ấy không có ban tổ chức Hoàng Châu Ký ra can thiệp, còn lời thôi nhiều. Đã muộn, ở cuộc rượu nào vừa đứng lên, Nguyễn Bính ngồi xích lô đến Nhà Hát Lớn.

Những người giữ cửa không cho vào. Thế là Nguyễn Bính làm toáng lên:

- Không phải giấy má gì cả! Giỗ Nguyễn Du mà Nguyễn Bính không vào được a!

Người ta phải lập lại trật tự với người say rượu. Rồi Nguyễn Bính cũng vào được. Chắc được vào rồi cũng ngồi ngủ mà thôi.

Một lần Nguyễn Bính bảo tôi, giọng bình thường không hơi men:

- Mà phải kết nạp hội viên Trúc Đường chứ!

- Nói anh Trúc Đường làm đơn rồi hai thằng chúng mình giới thiệu anh, theo thủ tục.

Nguyễn Bính nổi cáu, hỏi lại:

- Trúc Đường mà phải làm đơn xin vào Hội Nhà Văn à?

Rồi vùng vằng bỏ đi.

Tập thơ Cửa biển của Hoàng Cầm, Lê Đạt, Văn Cao, Trần Dần đã được Hoàng Cầm chọn xong và đưa in. Vẫn phải chòng vòng chèo chống hàng ngày với Nguyễn Bính những chuyện tương tự trên mà chưa xong được Nước giềng thơ. Những cố nhân như Yến Lan và tôi bây giờ đã mất tính, không như các bạn Mai Lộc, Đoàn Giỏi ở miền Đông trong Nam, trên ghe đò hay trong rừng, phải cho chính thẳng mắt trắng ấy một bài học, chứ chẳng phải thiên hạ nào, già cho nó một trận rồi mới lại thương lại. ít lâu sau, Nguyễn Bính cũng thôi, không công tác ở đâu nữa.

Không biết ai đã giúp tiền cho Nguyễn Bính ra những số báo Trăm Hoa đầu tiên. Tôi vẫn đến chơi, hồi này có tiền, tôi được Bính rủ đi đánh chén luôn. Cái cô mọi khi vẫn giới thiệu là người yêu thơ, là thư ký đánh máy, bây giờ đã là vợ. Nhà thuê một tầng dưới rộng rãi, gần phố Hoà Mã treo bảng Trăm Hoa - máy chữ đánh rào rào, người ra vào toà báo nhộn nhịp.

Trên có sáng kiến lấy giấy và tiền nhà xuất bản giúp báo Trăm Hoa. Tôi được giao thuyết phục làm sao ra được một báo tư nhân nhưng có tiếng nói chống những luận điệu ngang ngược của báo Nhân Văn. Công tác không khó khăn đối với tôi, nhưng đã thuộc tính lung tung của Nguyễn Bính, tôi liền kéo cả anh Trúc Đường đến. Nguyễn Bính cảm kích được giúp đỡ. Trúc Đường đã có kinh nghiệm làm báo lâu năm, từ Ích Hữu đến Đoàn Bà và rồi Công Dân ở đồng bằng sông Hồng trong kháng chiến. Chúng tôi bàn về Trăm Hoa lâu dài và cả từng số báo. Tôi mua hộ giấy in, xe đến. Tờ Trăm Hoa rõ ra một vẻ khác. Không về bè với Nhân Văn, như chẳng đi với ai. Trên nhận xét từng số, từng bài cho là vẫn chưa đủ hơi sức hỗ trợ cần thiết. Tôi bàn lại với Nguyễn Bính. Nguyễn Bính cười mỉa:

- Trăm Hoa phải thế mới là báo của Nguyễn Bính chứ. Nếu không thì mà làm quách, cho xong?

Tôi nghe cũng có lý. Có lẽ vì thế tôi không còn hào hứng vận động cho chuyển được Nguyễn Bính. Có lần Nguyễn Bính nhắn tìm tôi. Chắc lại đòi giấy và tiền. Tôi không đến. Máy lỵ cũng không phải tiền của

tôi. Biết ăn nói thế nào. Một buổi tối, Nguyễn Bính rủ tôi ra nhà hàng Lục Quốc, phố Huế. Nguyễn Bính nói:

- Hôm nay ăn cỗ đám ma Trăm Hoa!

Tôi hỏi:

- Trúc Đường đâu?

- Ông ấy không đi.

Có thể vì tôi bỏ Trăm Hoa anh Trúc Đường không bằng lòng tôi.

Mấy lâu sau, Nguyễn Bính được giới thiệu về ty Văn hoá Nam Định. ở Hà Nội một dạo, vài ba tháng hay một hai năm cũng không để ý, thỉnh thoảng gặp chỉ thấy nhăn nhó, rầu rĩ. Xưa nay thì cái thằng này vẫn thế. Những cùng quần tự chuốc, những thương đau vợ vào, mình lại đẩy ả mình, thân làm tội đời, cả những ngày còn lại này mà vẫn không nguôi.

Người con gái ấy yêu thơ tuổi đương thì. Những mối tình như thế của Nguyễn Bính, chẳng rõ khi ở Huế, ở miền Nam thế nào, nhưng ở ngoài này, bạn bè đã biết tính, biết tật Nguyễn Bính, thấy gái như quạ vào chuồng lợn, như ếch vào hoa. Thề bồi đấy rồi lại nhăng cuội ngay đấy. Kiểu như những câu thơ đổ tài hoa: Nhà em ở dưới cây mai trắng (Bạch Mai) Bên gốc mai vàng (Hoàng Mai) cạnh đế kinh (Phố Huế), những người con gái, biết bao nhiêu con gái đã theo thơ đến với Nguyễn Bính. Nhưng cuộc đời hoa thơm bướm lượn không giống thơ, không như thơ. Thế thì lại vứt bỏ. Người con gái đến với Nguyễn Bính khi làm báo Trăm Hoa cũng chẳng ở được bao lâu. Chỉ tội đã có với nhau một mụn con.

Từ lâu, tôi muốn viết một truyện ngắn. Chưa viết nhưng đặt tên trước truyện ngắn: Tên cháu là Hiền. Câu chuyện đôi vợ chồng bỏ nhau. Đã được một con trai tên là Hiền, mới bập bẹ. Mẹ cháu trẻ quá, còn như ở tuổi son rồi, đã đi bước nữa. Mẹ đem Hiền về trả bố Hiền.

Hiền bụ bẫm, phúng phính rồi chẳng bao lâu Hiền còm nhom, ghẻ lở, mụn nhọt ghê người. Ngày ngày bố ẵm vác Hiền trên một bên vai, như mèo tha con. Đến đâu, từng đám ruồi nhặng xanh xám đuổi theo. Một tối kia, bố rượu say rồi bố bế Hiền thần thơ ra phố. Đến ngã sáu Bà Triệu - Ô hay, làm sao mà bao nhiêu tâm sự nước mắt nụ cười của người viết truyện này, trong những năm ấy, cứ quần quanh chỗ cái dốc Hàng Kèn oan nghiệt thế nhỉ?

Chợt nghĩ thế nào, hai tay bố Hiền giơ Hiền ra, đưa Hiền cho một người đàn ông đương đi tới. Trở về, cơn say vật bố thiếp đi. Quá nửa đêm, quờ tay không thấy con. Bố vụt nhớ lại tất cả. Bố lật đật chạy đi đấm cửa nhà mấy người bạn. Chúng tôi đã đi báo hầu khắp các đồn, các trạm công an trong thành phố. Nguyễn Bính thất thểu suốt đêm. Sáng ra, nhột nhột thần thờ bước giữa trống không. Tìm thế nào bây giờ vì không phải là cháu lạc. Chỉ còn cầu mong biết đâu là cái người hốt nhiên được có người dúi cho đứa bé,

lại chẳng là một người đương hiếm trẻ.

Bấm đốt ngón tay, đã trên ba mươi năm rồi. Ai là người đã đi qua ngã sáu tối hôm ấy - nếu trời để cho chứng sống, ông ấy cũng phải đến trong ngoài sáu bảy mươi rồi, nếu vẫn nhớ có người đưa cho một đứa trẻ, thế thì tên cháu là Hiền. Thôi bây giờ viết vào đây câu chuyện thương tâm ngày ấy. Biết đâu, chuyện này - như một cái nhẩn tin tìm người ruột thịt thường đọc trên báo. Chẳng đã có bao nhiêu cha mẹ anh em ly tán những năm đói những năm chiến tranh ngót nửa thế kỷ, mà rồi cũng tìm được nhau. Đột nhiên, tôi hy vọng. Tên cháu là Hiền nhé.

Có lần qua Nam Định, được nghe Kim Ngọc Diệu kể rằng câu chuyện đau đớn ấy, mỗi khi nhắc lại lần nào Nguyễn Bính cũng khóc.

Báo Nhân Văn đã ra được mấy số. Có dư luận báo chống đối. Người thành phố nghe ngóng và tò mò. Nhưng mà những hoạt động gây sự không phải chỉ ở vài bài báo trên Nhân Văn, mà cái chính là ý đồ chính trị rộng ra nữa của một số giới không phải là những người làm báo Nhân Văn trong tình hình nhạy cảm ở các đô thị lúc ấy. Báo Nhân Văn đương hô hào dân chủ và in một số sáng tác phong cách mới. Bạn đọc chú ý và chờ đợi sự đổi mới của văn nghệ. Nhưng không ai lưu tâm những người bỏ tiền cho vốn in báo và những hoạt động chính trị đòi thay đổi và chia quyền lãnh đạo đã âm thầm dấy lên, trong giới tư sản đương bối rối, trong một số trí thức ở vùng mới giải phóng và ở đảng Dân Chủ. Báo Nhân Văn chỉ là một phần bề ngoài và là một thủ thuật chính trị dựa vào trăm hoa đua nở. Mấy cây bút cộng tác với báo Nhân Văn không biết được tình hình thật sự như trên. Đâm ra ngộ nhận tai hại về hoàn cảnh, về văn học và cả về tài năng của họ nữa.

Chiến thuật thâm hiểm ấy gây nên cách nhìn lẫn lộn số đông tác giả với lòng chân thành ở mỗi người và ở tổ chức. Khi còn ở rừng, chúng tôi đã thuộc tính Nguyễn Huy Tưởng, đôi lúc còn chế giễu, những lúc Nguyễn Huy Tưởng tròn miệng tròn mắt thao thao ca tụng khấn vái L.Tônxtôi, Ixten... và ở mỗi người bạn mà anh quý, mỗi cán bộ cấp cao, Nguyễn Huy Tưởng đều tìm ra những ưu điểm tô hồng rằm rộ. Ai nấy đều cười và quen đến độ, Nguyễn Huy Tưởng sắp khen, đã biết khen thế nào rồi. Nhưng về thành phố, từ lúc nào xuất hiện một Nguyễn Huy Tưởng lâm lý, dăm chiêu, ít nói và nói cũng khác mọi khi. Nguyễn Huy Tưởng không bằng lòng mấy anh em quanh mình giấu diếm làm báo Nhân Văn, nhưng Nguyễn Huy Tưởng cho rằng chúng nó cũng vẫn là chúng mình cả thôi, chẳng lẽ chỉ biến đâu một lúc, trở lại là thằng khác à?

Những cơn nghi dày vò Nguyễn Huy Tưởng lúc ấy là tình hình thế giới. Vốn phục Ti tô, Nguyễn Huy Tưởng không bằng lòng với việc nước Nam Tư bị đuổi khỏi cục Thông tin quốc tế - một tổ chức tập hợp lực lượng dân chủ và tiến bộ thích ứng với tình hình mới. Dồn dập, tháng mười năm 1956, xảy ra sự kiện Hungari. Mấy đêm Nguyễn Huy Tưởng không chợp mắt được. Mở cửa trông sang cái hiệu Tàu văn thần mì hôm trước đông khách suốt ngày tới khuya, bỗng có thì thảo: văn thần thịt chuột. Khách vắng hẳn. Buồn thiu như Nguyễn Huy Tưởng. Nguyễn Huy Tưởng nói:

- Nước Hungari trong phe xã hội chủ nghĩa, nhưng trước nhất nước Hungari là nước Hungari đã ông thấy

thế nào? Các ông thấy thế nào? Tôi không hiểu, tôi không thể hiểu.

Nguyễn Huy Tưởng bắn khoản. Nguyễn Huy Tưởng có những ý kiến khác những lời bình trên các báo. Nguyễn Huy Tưởng vốn kỷ luật, chịu khó viết nhật ký và sưu tầm tài liệu. Nhưng chắc Nguyễn Huy Tưởng đã không ghi lại những trăn trở, những khủng hoảng như tôi vừa kể trên. Bây giờ, những ý kiến khác lạ không mấy ai dám nói ra và ghi lại. Thà chôn sâu trong lòng. Trò chuyện với Nguyễn Huy Tưởng cái cười vẫn đôn hậu thế, nhưng khác trước rồi. Có người bảo gần đây bác sĩ Phạm Ngọc Khuê dưới Hải Phòng hay lên chơi với Nguyễn Huy Tưởng. Khi còn trẻ, Nguyễn Huy Tưởng mê và phục thuyết Sinh lực mới của anh bạn có khuynh hướng tởm rởm này. Nguyễn Huy Tưởng thân với Nguyễn Hữu Đang. Chúng tôi đã cùng hoạt động hội truyền bá Quốc ngữ và Văn hoá Cứu Quốc. Nguyễn Huy Tưởng quý bạn, bao giờ cũng phát hiện ra những khía tốt của bạn, nhưng tôi không tin Nguyễn Huy Tưởng thay đổi vì ảnh hưởng ai. Con người chân thành ấy chỉ nghĩ thực, nói thực Có khi tôi đùa:

- Ông là thằng cộng sản dân tộc.

Nguyễn Huy Tưởng cười hiền lành.

- Cậu bảo tớ bắt chước Ti tô? Không phải.

- Nguyễn Huy Tưởng là cộng sản Việt Nam. Nhưng mà nguy hiểm đấy. Chẳng nên đùa nhau thế.

Nguyễn Huy Tưởng nói nho nhỏ, cặp mày rậm rên con mắt hồn nhiên nhú lại, buồn hần. Chúng tôi không bao giờ đùa cợt và nhắc lại như vừa rồi nữa.

Bây giờ Nguyễn Huy Tưởng đang ấp ủ dự định viết tiểu thuyết Sông mãi với Thủ đô. Sự tích hai tháng chiến đấu trong lòng Hà Nội của Trung đoàn 102 những ngày đầu. Đề tài ấy Nguyễn Huy Tưởng theo đuổi đã lâu, từ khi trung đoàn được thành lập giữa liên khu 1 ở nội thành, đến hôm trung đoàn vượt vòng vây ra, chúng tôi đã đi đón ở cánh đồng Gối, Nguyễn Huy Tưởng càng mê. ở Việt Bắc, Nguyễn Huy Tưởng đã có dịp đi nhiều chiến dịch với Trung đoàn Thủ đô. Nguyễn Huy Tưởng vốn có nghị lực và thiết thực, đã chuẩn bị thì phải viết và viết được.

Nhưng từ khi về Hà Nội, Nguyễn Huy Tưởng có hoàn cảnh được về luôn Lai Xá, doanh trại trung đoàn nhà cao cửa rộng ở đấy. Nguyễn Huy Tưởng đã đến ở lâu với trung đoàn. Ngót mười năm chinh chiến, hầu hết các đại đội trưởng, trung đội trưởng đã không còn. Những trận đánh nhanh nhẹn tài hoa phong cách thanh niên Hà Nội của Trung đoàn Thủ đô đã nổi tiếng khắp Việt Bắc trong các chiến dịch Biên giới, Trung du, Hoà Bình, Đông Bắc, Tây Bắc, Điện Biên Phủ. Giữa những cuộc chiến dằng dặc ấy, các chỉ huy đại đội, trung đội đã ngã xuống nhiều. Và cũng biết bao nhiêu tâm trạng phức tạp, éo le, trái ngược trong một con người chiến sĩ. Mấy tháng trời, Nguyễn Huy Tưởng cất công về Lai Xá. Kết quả thu được, Nguyễn Huy Tưởng sẵn hào hứng mới về một tác phẩm khác hẳn bản thảo ban đầu đã viết. Trung đoàn Thủ đô mới được Nguyễn Huy Tưởng phát hiện, khí thế và truyền thống, coi cái chết như không. Bao nhiêu chiến sĩ tín nghĩa, trung thực và cũng thật tàn bạo, - anh hùng và hoang dại, dằng nào cũng đều cực kỳ. Vẫn cái nhìn và

phong cách Nguyễn Huy Tưởng, cái gì cũng tới chuẩn tối đa, nhưng không còn Nguyễn Huy Tưởng lúc nào cũng ngạc nhiên và trở mắt, khen không tiếc lời. Nguyễn Huy Tưởng định xây dựng và sáng tạo lại nhiều mặt cuộc sống mãnh liệt và phức tạp, tinh thần chiến đấu quên mình, sắc sảo tính cách Hà Nội, lẫn lộn và chống chọi với tâm địa hèn nhát, thói mặc cả tình thế. Trung đội trưởng Bạch Ngọc Liễn còn sống sót đến bây giờ đã hiện ra như một nhân vật tiêu biểu và cũng là người cho Nguyễn Huy Tưởng thấy được những góc cạnh u tối trong cuộc đời. ở chiến dịch Sông Thao năm 1949, tôi đã được đọc nhật ký của Bạch Ngọc Liễn. Cái hôm Bạch Ngọc Liễn đứng gác trên sân thượng nhà in Lê Cường phố Hàng Bồ nhắc khẩu trung liên lia một băng đạn vào chiếc phi cơ spitphai vừa xà xuống bản phố Hàng Thiếc khu Đông Thành. Chiếc máy bay ấy rơi ngoài bãi Nghĩa Dừng bờ sông, có lẽ là chiếc máy bay đầu tiên của địch bị hạ trong cuộc trường kỳ kháng chiến. Những người còn sống mà Nguyễn Huy Tưởng đã gặp và những người đã chết Nguyễn Huy Tưởng được nghe bạn bè kể. Kỷ niệm làm sống lại những sự thực đã cho Nguyễn Huy Tưởng những khám phá mới. Nguyễn Huy Tưởng có ý muốn viết lại Sống mãi với Thủ đô.

Một đợt nghiên cứu chính trị của văn nghệ sĩ và cán bộ quản lý văn hoá văn nghệ ở Trung ương. Hai mươi ngày, lên hội trường ở cái gác làm sàn nhảy trên sân thượng khách sạn Rít ở Bờ Hồ. Ngoài cửa sổ, vòm lá sấu xanh rì, thấp thoáng bên kia mặt hồ Hoàn Kiếm. Giữa tình hình ấy, lớp nghiên cứu thật quan trọng. Nhưng chúng tôi không có trách nhiệm đáng kể và thói quen nhờn nhơ của tôi thì vẫn thế. Đường sắt Hải Phòng - Lào Cai vừa khôi phục nối với Côn Minh bên Vân Nam. Tôi đi dự khánh thành trên một đoàn tàu khách, có cả Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Tưởng... Làm thế nào mà Nguyễn Tuân cũng mò đi! Lúc ấy, Nguyễn Tuân đương làm Tổng thư ký hội văn nghệ cơ mà. Có lẽ xưa nay văn nghệ văn nghèo vẫn thế, bảo là cần thì cần lắm, mà là thường thì cũng thường thôi. Dong duỗi đó đây thích hơn.

Những chiếc tà vẹt tám tắc, những thanh ray cổ lỗ nhất thế giới. Chúng tôi muốn được thú vị ngồi trên toa mà đường ray là những thanh tà vẹt bánh tàu đương lăn dưới kia, khi kháng chiến tiêu thổ, người các làng bên Đoan Hùng lên Tuyên Quang ven sông Lô đã sang tận sông Thao dỡ từng chiếc khiêng về làm cầu khỉ, cầu ao, cọc bờ rào. Giữa mùa mưa lũ, đường đất thó sống trâu trơn như đổ mỡ, ở Ao Châu, Gia Điền, Đan Hà, Đại Phạm, Ba Quan, Thịnh Cù, người chống gậy qua những cầu ray nhún nhảy. Những thanh sắt lưu lạc bây giờ được vác về đặt tên taluy mới, các làng ven đường lại đổ ra cắm cờ lên, đắp đất bắc đường cho chóng thấy tàu hoả chạy qua, thật hăng hái làm cũng như khi cật lực đào phá đường tàu. Những kỳ diệu, bây giờ chúng tôi cho là thế cả như trong thành phố, cái tàu điện cải tiến, ông vát man có ghế ngồi không phải đứng lái như xưa. Trong khoang bỏ ghế hạng nhất, chỗ ngồi đồng loạt à thế là dân chủ. Và không biết cái đường xe lửa Hà Nội - Vân Nam này của công ty hoá xa Việt Điền được mua lại hay là ta đã sung công, cứ cho là ta sung công cho oai? Còn thật là sướng mắt khi thấy báo đăng tin kèm ảnh chụp, rồi một hôm nhìn được hần hoi chạy ngoài đường cái ô-tô đầu tiên của quân giới lắp ráp được. Sau đít xe, chiếc biển kẻ ba số 0 rồi mới đến con số một đỏ chói - nhà máy quân đội ta đã sản xuất được cả ô-tô! Những đồ đồng nát đem chữa chạy vá vúi lại mà khiến ta có thể vỗ tay lên được chủ nghĩa xã hội thì đến ngơ ngẩn cả người thật.

Nguyễn Tuân không nhiều tâm trạng và bản khoản thời sự với chính trị như Nguyễn Huy Tưởng. Con

người ấy quan niệm về tự do là không bờ bến không chính trị, nhưng cũng không bao giờ lung tung, đúng nghĩa ra là một lối sống nền nếp. Cùng Nguyễn Tuân, nhiều lần tôi tiếp khách nước ngoài. Nguyễn Tuân chuyện thật vui, mà lại rất nghiêm chỉnh. Cái ngang ngang Nguyễn Tuân một mình một tính làm cho người ta hiểu lầm và dễ vui chuyện phóng đại lên. Những tiệc đứng tiệc ngồi trong dịp các lễ lớn ở một số sứ quán.

Thông thường, khách ăn uống đủ, trò chuyện qua loa với người bên cạnh rồi chỉ còn đợi vị khách cao nhất của ta chào chủ tiệc, thì mọi người lục tục ra theo. Nguyễn Tuân không thế. Nguyễn Tuân làm những sự khác thường, khác thường nhưng tế nhị. Nguyễn Tuân vốn khảnh ăn. Đôi khi sắp đến hẹn đi, Nguyễn Tuân vẫn ăn uống như thường, không bỏ cơm nhà. Nguyễn Tuân thích trò chuyện với mấy người phóng viên thường trú ở Hà Nội của báo Ý, báo Pháp, báo Liên Xô: Cầm đĩa, lấy một miếng thịt sấy, một ít trứng cá. Không cầm rượu rót sẵn ngoài bàn, Nguyễn Tuân vào cái quầy ở phía trong phòng tiệc - mà chỉ khách thạo uống mới khám phá được chỗ góc rượu thân ái ấy. Nguyễn Tuân lấy một cốc rượu mạnh, cô nhắc hay uytky rồi ra đứng một mình. Như nhấp nháp và nhìn ra xem người ta đương xúm xít quây quanh bàn.

Hôm ấy cao hứng - vâng, thật cao hứng mà không phải vì say, ở sân cỏ vườn sứ quán Pháp, khách đã vãn, Nguyễn Tuân vẫn cầm đĩa, lại châm thuốc hút và đứng đĩnh đứng đấy. Cuộc chiêu đãi không phải đã kết thúc sau lúc tiễn khách. Nguyễn Tuân biết kiểu Tây ăn cũng chẳng khác phong tục lâu đời ở quê ta, nhà có cỗ bàn đám cưới, khách khứa đi về gia chủ mới dọn ra một mâm - không phải cỗ vét mâm bát mới hẳn hoi, nhưng là mâm người nhà. Bao giờ những mâm người nhà cũng thật sự vui nhất. Ở sứ quán này cũng thế. Tôi đã được dự mâm người nhà thế tại sứ quán Trung Quốc ở Tân Đê Li bên ấn-độ, và ở Êtyôpi đến bấy giờ ai cũng mới uống say. Cho hay cái ý nhị trong ăn uống vốn là tính người và kinh nghiệm nhân loại từ tiền sử cho đến ngày nay thật phong phú. Người nhà, suốt buổi lo đưa đón, phục dịch, bây giờ mới vào cuộc cho mình. Ông đại sứ đầu trò - cuộc chè chén kéo dài không biết khuya đến đâu. Cái vị khách từ lúc tiệc chính vẫn đứng một mình đặng kia, bây giờ bước lại bàn chủ tiệc người nhà và nâng cốc. Nguyễn Tuân lịch sự cạn một cốc của ông đại sứ Pháp vừa mời lại. Rồi khách mới ý tứ chào, ra về một mình. Đường khuya đã vắng ngắt, chỉ còn người công an đứng trong chòi gác. Những khác người trong lối sống, những tế nhị, kiểu cách mà không ồn ào. Cả trong văn Nguyễn Tuân, từ triết lý đến mỗi câu mỗi chữ. Những ai có trách nhiệm đọc Nguyễn Tuân đã bỏ công soi mói, bẻ hành bẻ tỏi chỉ là thói quen gò ý và trịch thượng. Thời chống Mỹ, Nguyễn Tuân viết một loạt ký về Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi, thế mà vẫn có những bút chì đỏ gạch từng quãng lưu ý cấp trên. Tôi gặp khó khăn bởi những chuyện ấy, vì Hội Văn nghệ Hà Nội đã in lần thứ nhất tập bút ký này. Công việc gọi là theo dõi ấy thật sự là đổ ky và bề trên, khác nào ngày nay người ta dùng lẫn hai chữ theo dõi mà nghĩa một thời của nó không đẹp để lịch sự như bây giờ đài báo cảm ơn bạn đọc và người nghe đã theo dõi. Không, chỉ có mật thám theo dõi người bị tình nghi, đội xếp theo dõi kẻ cắp sắp móc ví. Nghĩa thời trước của hai chữ theo dõi là vậy. Xem lại những bút ký Phở, Tình rừng, Tờ hoa, có thể đọc một lần rồi đọc lại lần nữa. Không vì thích thú mà còn vì ngạc nhiên. Đây chỉ là những áng văn bộc lộ những nét riêng với cái nhìn đáo để và trang nhã, mãi những cái ấy đi thì còn đâu văn Nguyễn Tuân.

Mấy chữ Nguyễn Tuân viết cho tôi, từ Sa pa - không đề ngày tháng. Dấu bưu điện trên cái bưu thiếp ảnh màu rừng thông, mái nhà nhô ra trong sương mù và bóng Hoàng Liên Sơn.

Hoài,

Mình leo Hoàng Liên Sơn cả lên cả xuống mất 5 ngày. Người đang mệt và đau gối. Khoe khoe là xin huyện uỷ thuê ngựa cho và sẽ đi tiếp vào Phong Thổ. Mình ở trên đỉnh cao nhất, được thấy hoa đỗ quyên nở rất đẹp. Đỗ quyên màu hồng điều, cánh sen vàng nở giữa rừng trúc phát trần. Trong đời mình, trong mọi mùa xuân, mình chưa bao giờ thấy mây và hoa nhiều đến như thế. Lên đây lạnh, mưa gió như bão, túi luôn phải có chai rượu mạnh để chống khí núi. Hết 2/3 lạng cao hồ rồi.

Nguyễn Tuân

Khi lên cao, mình có bị ong đốt, mặc dù chẳng có trêu phá gì nó.

Cái câu tái bút ong đốt vu vơ chỉ gửi cho tôi này, chắc nếu đăng báo, in sách cũng lại điều đứng đấy. Ôi là trời, cái tính người ta thế, chứ xỏ xiên gì đâu.

Có một thời, những người theo dõi báo chí, xuất bản và phát hành sách báo được phong làm lính gác. Lính gác thì phải có việc của lính gác, chẳng lẽ ăn lương để đứng không. Nhưng thật ra người ta chỉ đọc a dua rồi đánh đòn hội chợ. Cấp trên hô người ấy, bài ấy có vấn đề. Tự nhiên cảm thấy hình như có vấn đề thật và người ta dò tìm từng câu từng chữ. Thế nào chẳng ra vấn đề! Bỗng khó chịu cả cách diễn đạt khác nhau của mỗi ngòi bút, thế là làm sao. Không biết vì tổ chức đặt ra công tác theo dõi làm cho cái người theo dõi bỗng nhiên được làm thầy thẳng bị (được) theo dõi. Hay là tại vì thuở nhỏ đi học, nhà trường chưa bao giờ giảng cho các vị ấy khi còn là học sinh hiểu bài văn muốn có ý nghĩa, trước hết bài văn phải hay. Khốn thay, người ta viết văn thất bại nhưng vẫn làm cán bộ theo dõi được. Cái nhìn sự sáng tạo cứ lên xuống theo thời tiết. Nguyễn Tuân cáu kỉnh nhẹ nhàng và chua chát:

- Có khi mày bảo chúng nó viết đi, để ông với mày đi chơi, thế là bớt được thẳng công tác theo dõi!

Nói vậy, Nguyễn Tuân vẫn là Nguyễn Tuân thế, không có gì khác.

- Này, chúng nó đồn ầm lên ông mới nói, nếu ông còn trẻ thì ông cũng bỏ đất này ông đi.

Nguyễn Tuân thông thả nói, như cho mình nghe:

- Biết đuổi theo đứa nào mà cãi chính bây giờ!

Những câu Nguyễn Tuân nói thế, Nguyễn Tuân bảo thế đến tai Nguyễn Tuân quá nhàm. Càng khó khăn, càng gay go, khi cả buổi tay khư khư quyển sổ đứng vẫn chưa đong được thàng gạo. Mỗi hôm mua bó rau muống, rau dền, phải sắp hàng dài hơn - may thay, nhà văn già, hay là nhu Nguyễn Tuân đã vỗ ngực xưng với Mộng Tuyết: hàn sĩ đỏ, nhà văn đỏ và cao tuổi ấy đã được bà lão và cô con gái út cáng cho những vất

vả về gạo nước mà ông chỉ trông thấy đã đủ mệt nhọc rồi. Cái đèn điện không chao cú nhè đến bữa ăn chấp tối thì tắt ngóm. Thế là bụng đứa thờ dài ca cẩm, tưởng tượng như bí thư thành uỷ đứng trước mặt:

- Đấy điện khí hoá thành phố của ông ấy đấy. Trong khi vẫn lặng lẽ với tay lên giá sách lấy cây nến đỏ. Và vẫn tuân thủ, làm việc và đọc mê mải. Nửa đêm qua sông sơ tán sang huyện Quế Võ. Tang tảng sáng, vào quán chè tươi uống bán nước sớm xem người ta ăn phở thịt chó rửa mặt. Trở về thành phố, báo động và máy bay còn rền rĩ trên đầu, Nguyễn Tuân đạp xe lên hồ Trúc Bạch. Thấy bảo có thằng giặc lái rơi xuống đấy, nhưng bị xách cổ đi rồi, còn thằng nữa nhảy dù xuống đường Thụy Khuê ven hồ đăng kia. Nguyễn Tuân đội cái mũ sắt khối Nato nông choen hoèn - dạo trước có cái mũ lính cứu hoả có mào của Pháp, mới đổi được chiếc mũ Nato này. Nguyễn Tuân đến dự đám cưới của đội tự vệ tổ chức trên trận địa pháo cạnh cầu Long Biên. Rồi viết bài đăng trang nhất báo Nhân Dân.

Thế nhưng, những câu Người ta bảo ông nói thế này... thế này... vẫn vo ve đến. Cho hay cũng là thói đời. Câu nói mát mẻ, xỏ xiên, các thứ tiểu lâm thời thế ở đâu đâu hay quàng đến mượn tiếng Nguyễn Tuân bất mãn. Nhiều đến độ người nọ thối vào tai người kia, nếu tò mò cộng lại, cũng không thể tin cái ông nhà văn dẫu có tiếng là nganh trê đấy, nhưng chắc cũng không hơi sức đâu bịa ra lắm chuyện đồng giả thế. Nhưng đồn thì cứ đồn.

Nguyễn Tuân lại nói:

- Kể ra mình cũng có tội. Cái tội hay nói bô bô, không kín võ được như cậu. Mà tớ chẳng có võ gì cả. Cũng không biết bơi, không biết cưỡi ngựa. Bởi thế mới sinh chuyện. Nhưng cũng không bức mình vì mọi thứ người ta đổ lên đầu đầu. Mình không nói thì thằng khác nói. Các nhà văn hoá dân gian nên sưu tầm và nghiên cứu tiểu lâm tục ngữ, ca dao thời sự, văn hoá dân gian đấy chứ.

Ông nói vui thế chứ ông cũng không phải người đa ngôn. Cũng như ở những thói quen khác, cái nổi vẫn là, một mình một tính. Khi bức bối, chẳng kể to nhỏ, cái gì cũng vặc. Đuổi một người gõ nhằm cửa. Dừng trước một người mình không ưa, dù người ta giơ tay định bắt tay. Lại thấy cái ông ấy vào cùng buồng trong bệnh viện, nhất định đổi sang buồng khác. Phàn nàn mùa này Hà Nội đến chết sặc vì mùi hoa sữa. Cười những cán bộ các tỉnh gà vịt đội lông công, cũng áo cánh lụa mã gà phe phẩy cái quạt giấy, cười cười như uỷ viên bộ chính trị. Chửi các báo địa phương làm mắng xét hết báo Nhân Dân Trên bảo chúng nó phải làm thế à. Rồi lại khó chịu với cả mình. Mình là cái chó gì mà có thằng cũng bắt chước. Cái tóc cái râu, cái batoong khệnh khạng vào nhà hát lớn. lên máy bay.... Ôi vui nhiều, cáu nhiều quá, bức mình quá.

Nguyễn Tuân nói:

- Thế này thì mình xin ra Đảng.

Nguyễn Tuân hay nói câu ấy khi bức bối. Nguyễn Tuân nhớ và ghi con số không thua Nguyễn Công Hoan thuộc sử. Ngày nào năm nào sở Liêm phóng Bắc Kỳ cho mật thám giải từ Hoả Lò lên cảng Vụ Bản, châu Lạc Sơn vùng rừng núi Hoà Bình, Ninh Bình. Bị bắt ở Vọng Các, tổng về Sài Gòn, xuống tàu thuỷ ra Bắc,

tàu Chantilly ngày mấy tháng mấy. Đi hội nghị hoà bình thế giới ở Henxanhky qua Trung Quốc ở lại bao nhiêu hôm. Những lần lên Lai Châu, lên Hà Giang, năm nào mùa nào...

Chúng tôi ở Lào Cai về, đợt nghiên cứu 21 ngày vừa hết, còn buổi sau cùng. Tiếng vỗ tay bể mạc rầm rầm ngập cái sân thượng. Ông Phan Khôi ngang như cua ứa chơi trội, chống batoong bước ra về trước, còn quay lại phang một câu thể nào đấy, dường như bảo là người đi chợ Hôm sung sướng mua được quả chanh cốm, hỏi ra mới biết chanh xuất khẩu bị ế. Ờ, người trồng chanh phải được ăn quả chanh ngon nhất chứ! Chẳng hiểu lão chửi bóng hay nói vỗ mặt. Nhưng mà cách ngêngh ngáo tợn tạo của ông thì không ai lạ. ở Yên Dã trên Đại Từ, một lần tư lệnh Nguyễn Sơn đến chơi, Nguyễn Huy Tưởng mời anh em họp mừng ông tướng mới ở khu 4 ra và nghe ông tướng nói chuyện Kiều. Quá mười giờ đêm rồi, Nguyễn Sơn vẫn nói và hét toang toang. Phan Khôi nằm trên nhà đồi không ngủ được. Ông xuống, thò đầu vào cửa phòng, quát:

- Nói to thế mà không sợ đứt cổ a?

Rồi quay ra, lại lên chui vào màn.

Chúng tôi bị kiểm điểm qua loa: bỏ lớp học quan trọng đi ăn mừng đường xe lửa được khôi phục, việc không cần thiết. Báo Nhân Văn ra đến số 6 bị tịch thu tại nhà in. Các báo hoan nghênh việc đó. Một số văn nghệ sĩ chúng tôi chẳng biết ai chủ trương cũng ra tuyên bố tán thành sự tịch thu báo Nhân Văn. Nhà xuất bản Minh Đức tự đóng cửa. Hồi ấy, báo in còn ít, chỉ tính số nghìn. Nhưng một tờ báo bị cấm thì âm ỉ ngay. Bấy giờ, cuối năm 1956.

Thành phố vẫn đương âm thầm cải tạo tư sản. Dẫu cho thường được nghe phân tích là ở nơi đô hội, thị dân chỉ có tiêu thụ thì giai cấp tư sản bé bằng con muỗi mắt.

Nhưng làm sao không đụng chạm đến từng nhà. Lại thêm biết bao nhiêu người họ hàng xa gần vừa bị chìm nổi sóng gió dẫu tố ở nông thôn, từ Nghệ An, Hà Tĩnh ra, Hải Dương lên. Nhiều địa chủ đã được sửa sai vẫn chưa dứt cơn hốt, bỏ quê về thành phố. Càng thêm nháo nhác, nhộn nhạo những đồn thổi.

Các đoàn thể tổ chức kiểm điểm và kỷ luật nội bộ những cán bộ tham gia viết và hoạt động chò báo Nhân Văn và tập san Giai Phẩm của nhà xuất bản Minh Đức.

ở hội Nhạc, Đặng Đình Hưng bị khai trừ đảng. Văn Cao, phải cảnh cáo, chỉ được ở hội nhạc không được ở hội văn, hội vẽ. Hoạ sĩ Nguyễn Tư Nghiêm và Dương Bích Liên, tuy chỉ làm có cái bìa sách cho nhà xuất bản nọ nhưng chắc là không khí sát phạt ở các buổi họp khiến các anh ngại, đã xin ra đảng. Trên có nghị quyết không khai trừ, mà đồng ý cho được thôi. Có lẽ đến bây giờ, Nguyễn Tư Nghiêm vẫn giữ cuốn sổ tay ghi số đến thứ bao nhiêu lần những cuộc mời họp mà Nguyễn Tư Nghiêm không đi. Khoe với tôi như thế, anh có vẻ thú về những con số tỉ mẩn ấy. Khác Nguyễn Sáng, Nguyễn Sáng vẽ ký hoạ trên báo Nhân Văn một đầu người ở cổ có vết khía, như cái lá. Người ta bảo đấy là chân dung Trần Dần và cái sẹo còn lại khi anh định tự vẫn. Nguyễn Sáng không được bình huân chương kháng chiến. Những năm sau, trong lúc Hà Nội bị máy bay Mỹ quấy bá động liên miên, Nguyễn Sáng đã lo rất đứng đắn. Rồi giải

phóng miền Nam, tao về thăm quê, họ hàng bà con hỏi chú đi làm Việt Minh, Việt Cộng bao nhiêu năm thế mà trên ngực không có cái mề đay nào? Mày bảo tao trả lời ra sao? Tao buồn lắm. Hoàng Cầm bị ra khỏi ban chấp hành, phải thôi việc nhà xuất bản, chuyển công tác về sở Văn hoá Hà Nội. Phùng Quán nhờ có chú Phùng Thị, chánh văn phòng bộ Văn hoá đưa lên làm ở vụ Văn hoá quần chúng. Nhưng ai cũng bức bối không yên. Hoàng Cầm thì mở quán rượu, Phùng Quán câu cá hồ Tây, hiu hắt, đông dài, cho tới năm về hưu non. Đi Bắc Kinh dự kỷ niệm Lỗ Tấn về, ông Phan Khôi hào hứng viết về chuyến đi. Nhưng rồi nhạt dần. Ông ngồi yên. Ông vẫn được đãi chế độ nhân sĩ lương cao và tiêu chuẩn có người phục vụ, nhưng chẳng ai hỏi tới. Ông nằm yên. Mấy năm sau, lâm bệnh mất. Đám ma bác Phan Khôi, đi sau xe tang, chỉ có bác gái và các con với một mình chị Hằng Phương - cháu gọi bằng cậu. Trần Dần và Lê Đạt ra khỏi cơ quan, chuyên dịch không ký tên cho nhà xuất bản Văn Học. Nhà xuất bản Sự Thật thuê Trần Đức Thảo duyệt dịch sách lý luận kinh điển. Ban chấp hành Hội Nhà văn quyết định truất ba năm hội tịch Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Phùng Quán đăng tin trên báo Văn Học, cơ quan của Hội. Tôi không nhớ việc ở các hội nghệ thuật khác.

Nhưng đằng đằng ba mươi năm không hội văn học nghệ thuật nào lôi ra xem xét lại. Sợ sệt, phấp phỏng không phải chỉ ở tâm trạng mấy ông Nhân Văn cả nước, mà tràn lan đến những Nhân Văn phố, Nhân Văn xóm, chẳng bị kỷ luật gì, nhiều người không phải vì bài văn câu thơ, mà bởi lời nói bông lông, bốc trời chẳng hạn, cũng bị quy chụp luôn. Hữu Loan không ở nhóm nào cũng bỏ làm báo Văn Nghệ về Thanh Hoá. Nghe nói sinh nhai bằng nghề đi xe thồ và vào núi đập đá bán. Những cây bút trẻ, như Vũ Bảo, như Lê Bàu, có mấy truyện in sách, đăng Văn nghệ Quân đội tươi mát lắm, cũng chột luôn. Triền miên lẳng lẳng bề ngoài bình thường như đã xoá đi, nhưng bên trong thì khác. Người có vấn đề thì lo đối phó.

Người canh gác thì cảnh giác. Tập ký của Nguyễn Tuân đưa nhà xuất bản Văn Học lần nào cũng được trả lời : Phát hành người ta chưa lấy được đủ số lượng. Nhà xuất bản có nhã ý gửi tác giả ít tiền ứng trước, thỉnh thoảng lại ứng trước. Nhưng rồi cũng không hẳn yên ổn. Đôi khi lại tòi ra Đống rác cũ, lại Vào đời, lại Cái gộc, lại chuyện Bác Hồ đi tắm bãi Titốp ngoài Hạ Long...

Những người theo dõi lại vất, lại nhộn nhịp. Mấy năm đầu, đôi khi Lê Đạt, Phùng Quán cũng viết ký tên khác cho sách bướm sở Văn hoá, Công Uẩn, Lê Đạt hay Phùng Quán truyện dự thi về Lênin, truyện cho thiếu nhi Tâm Trọc về thăm nhà, nhà xuất bản Kim Đồng in, Trần Dần dịch tiểu thuyết Những người chân đất không ký tên. Chỉ vài người quen có biết. Sau có lẽ cũng buồn, vì tên tuổi chẳng đi đến đâu, các anh thôi. Hoàng Cầm thì vẫn thế. Ai bảo thơ Hoàng Cầm hai mặt, một mặt, không, Hoàng Cầm có thể cắt nghĩa thành ba mặt, bốn năm mặt cũng được. Chỉ có tâm hồn thơ và cái giọng vàng mười hát thơ trên đài Tiếng nói Việt Nam, là không ai quên với vẻ đẹp thơ lấp lánh vàng mã trang kim - nhận xét của Lê Đạt. Đặng Đình Hưng dịch tài liệu cho hội nhạc, buôn rượu lậu và làm thơ. Từ dạo làm cái bài hát theo thời Nông dân là quân chủ lực. Đặng Đình Hưng chán nhạc. Oái oăm như Văn Cao chỉ được sinh hoạt ở hội nhạc, thì lại kiếm ăn bằng vẽ bìa. Văn Cao làm bìa độc đáo, có nét riêng. Đặng Đình Hưng viết một tập thơ Nhân, có chỗ buồn tay làm mấy trang đánh dấu chấm như mưa. Hiện nay, tập thơ ô mai của Đặng Đình Hưng cũng nhiều bài lấy ở tập Nhân thơ đầu tay. Ông cử Hưng - như người làng gọi, túng kiết lắm. Xách bị buôn

chuyển rượu trong quê Chương Mỹ ra để được uống ghé vào đây. Nhưng vẫn những tảng băng bất thường. Đặng Đình Hưng rủ tôi lo đêm Trần Khánh hát. Đặng Đình Hưng biết tôi thích cái giọng sạn sạn của Trần Khánh, người hát hay mà chưa học hát bao giờ và lặn dạn vì lý lịch. Đêm ấy, cả buổi tối, một mình Trần Khánh hát. Hai đứa con lớp năm, lớp ba chi đó ngồi châu hấu dưới này rồi rồi rít giơ tay đánh nhịp theo bố hát. Tôi tặng Trần Khánh bó layơn hồng - Trần Khánh chẳng thể biết tôi không chơi hoa mua hoa bao giờ. Đặng Đình Hưng kèm vào bó hoa một chai rượu. Chắc cái bị khoác vai đeo rượu đi bán để ngoài cửa. Đặng Đình Hưng ôm tôi, thì thào :

- Thành công, thành công, Trần Khánh!

Như chuyện Kim Kiều tái hợp, đời người cũng có hậu, những năm sau này Đặng Đình Hưng được con trai gửi tiền nuôi. Mua một căn hộ 23 thước vuông, thuê một máy điện thoại. Cứ chập tối lại nghe giọng rè rè 44639, 201 C4 Hưng Giảng Võ đây Đặng Đình Hưng bày ra chiếu giữa nhà cả chục hũ thủy tinh rượu ngâm tắc kè, rắn, ba kích, dái dê, quất hồng bì, bắn gớm chết. Hôm này nếm rượu nhà Đặng Đình Hưng về tôi cũng bị tào tháo đuổi. Khách ghé gắm uống nhiều nhiều. Ông chủ đã để những chai rượu chợ ra phía ngoài. Cho người ta uống chặc, ngồi nhìn mà trong bụng khinh. Bây giờ Đặng Đình Hưng lại bỗng thấy trong văn nghệ thì nhất hội họa. Đặng Đình Hưng vẽ lụa, sơn dầu, sơn mài... Đặng Đình Hưng nguệch ngoạc xuống giấy rồi thuê người làm sơn mài. Đặng Đình Hưng bảo tôi :

- Em vẽ ông anh ngồi uống rượu đấy.

Rồi trở vào mấy chấm vàng và một nét nửa chữ V trên nền sơn then. Trần Lưu Hậu và Trọng Kiệm gật gật, giơ chén.

Tiểu thuyết Người người lớp lớp về Điện Biên Phủ của Trần Dần, bắt chước giọng như tiểu thuyết Trung Quốc đương bày bán ở các hiệu sách của Triệu Thụ Lý, của Mã phong, những Anh hai Đen lấy vợ và ánh lửa đăng trước, cũng chương hồi, cũng : Lại nói về chỉ còn thiếu có câu hồi sau phân giải. Và cái kiểu nhân vật tên kép hai ba chữ Hùng Sinh, Trần Hoàng, Ngô Thiên Lý của Trần Dần đã được nhiều người bắt chước theo. Trong khi, theo cách từng thời của văn ta, tên người chỉ một chữ và khi dùng hai, ba chữ đều do những yêu cầu riêng. Đến thời văn chương Tự Lực đã dọn lại thành Mai, Chương, Tuyết, cần lắm mới thêm chữ tú, chữ hai, hay hai ba chữ tiếng lóng. Năm Sà Goòng, Bảy Sẹo... Tên hai ba chữ là trở ngược lại một giai thoại văn học đã qua. Mấy năm ấy, Trần Dần loay hoay với một tiểu thuyết - mà tôi được đọc bản thảo, không nhớ tên, hay là chưa có tên. Kết quả công phu Trần Dần đi vùng phố Khâm Thiên làm quen với những người thời pháp đi lính ngụy và viết về họ.

Cuốn tiểu thuyết ấy như tác phẩm của các nhà văn phái tiểu thuyết mới của văn học Pháp hiện nay, những tiểu thuyết Năm ngoái ở Marinba của A.R.Griê, Người lạ mặt của N.Sarôt, Thay đổi của M.Buto... Các ông này viết khó hiểu, mỗi quyển trên đăng cuối in thêm một trang hướng dẫn người đọc Mới đây, trên một tờ phụ san văn nghệ ở thành phố Hồ Chí Minh, Dương Tường có trao đổi về một bài báo tôi viết về vấn đề những cái dấu trong câu văn. Dương Tường không đồng ý với luận điểm của tôi. Vấn đề này chúng ta còn

tiếp tục bàn nhường tôi đọc của Griê, của Buto loại in phổ thông, thật có tờ chỉ dẫn cách xem ở trang cuối. Tôi không bịa dựng đứng ra đâu.

Lời tựa tiểu thuyết mới này của Trần Dần đại đế: Nông nghiệp nước ta đương tiến lên công nghiệp, những cánh đồng đã bờ vùng bờ thửa, văn tôi cũng bờ vùng bờ thửa. Trang sách bờ vùng bờ thửa của Trần Dần, một chương chữ như kiến bò đều đều từ đầu tới cuối không xuống dòng. Nhân vật trò chuyện và câu văn không có dấu. Người ta nói có ngừng lại để đánh dấu đầu. Rất nhiều tiếng lóng hủi, hủi - Văn tiếng lóng, văn hiện đại nhất. Thơ văn tiền phong hướng về tương lai, phải chôn hết cái cũ để cái mới xuất hiện. Trần Dần bảo thế.

Tuần báo Văn của Hội Nhà Văn mà Nguyên Hồng phụ trách vẫn ra đều. Nhưng hầu như số nào cũng lọt những bài mà các cơ quan trách nhiệm cảm thấy ả ý sao đấy. Kể cả một truyện ngắn của Nguyên Hồng. Truyện rất ngắn ấy, câu chuyện một con hổ người nuôi ở nhà như con chó. Phường săn kia bắt được trong rừng một con hổ bé tí tẹo. Con hổ được đem về nuôi trong nhà, cho đến khi con hổ to đùng. Hổ hiền lành bè bạn với con cún, con mèo, con gà. Nguyên Hồng đã có lần kể cho tôi nghe về nguồn gốc truyện này.

Mẹ Nguyên Hồng đã chấp bút đấy. Có lẽ cụ thấy từ thuở trẻ tới giờ, người con trai độc đinh của cụ quanh năm viết các truyện rồi đem bán được tiền, dễ quá. Ôi chao, một đời cụ, nổi nhà và miếng cơm đã khiến con người đầu sông cuối bến sớm hôm, thiếu đâu chuyện, vô khối chuyện, chôn đi vẫn nhớ, vẫn không hết. Nhưng tội một nổi cụ không biết chữ. Một hôm, cụ kể cho các cháu chép lại câu chuyện tại sao con hổ hoá ra như con chó vàng nằm hiền lành trong xó cửa. Hổ đã như con chó rồi, nhưng cả xóm ai cũng vẫn sợ. Bởi vì nó là con hổ chứ không phải con chó. Thế là các ông phường săn đem hổ thả lên rừng. Nhớ nhà, hổ lại lững thững về nhà, lại phải đem thả. Cụ đưa cái chuyện các cháu đã chép như thế cho Nguyên Hồng. Nguyên Hồng cầm cụ viết lại, đăng trang cuối báo Văn. Câu chuyện nguồn gốc con hổ, tức cười và thực bắt đầu như thế. Nhưng với cách đọc soi lên gạch bút chì đỏ và suy diễn ra thì lại không thấy thế. Đời người thuở nào mà người lại nuôi hổ như nuôi vịt, dễ hơn nuôi vịt. Ông này muốn nói cái gì, nói ai? Xỏ xiên thế nào đây, không hiểu. Không hiểu tức là có vấn đề.

Năm 1956, báo Nhân Văn bị đình bản. Tôi có cái yếu bẩm sinh thường không nhớ ngày tháng của sự việc. Bây giờ viết lại những chuyện này, nhớ đâu viết đấy, nói được năm nào, năm nào, đã là tự cố gắng lắm rồi. Tôi thường cũng được tiếng là chịu khó ghi chép, nhưng thực chẳng bao giờ chú ý đến năm tháng và ghi đều. Năm 1957, đại hội thành lập các hội chuyên ngành. Hội Nhà Văn Việt Nam ra đời. Liên ngay, Hội tổ chức các cơ quan: báo, nhà xuất bản (có Trần Dần, Hoàng Cầm, Nhân Văn vẫn làm việc ở đấy), ban nghiên cứu sáng tác, ban liên lạc văn học nước ngoài (có Lê Đạt) câu lạc bộ (để Nguyễn Tuân nói về Đôtôépky và cười cợt mỉa mai, cứ đà này thành câu lạc bộ Pêtôphi lúc nào không biết), quỹ sáng tác (chẳng khác đánh trống gọi người đến lĩnh tiền, chia tiền)... Trên cho là cơ quan Hội Nhà Văn đã bị xỏ mũi. ở nhà xuất bản Văn Nghệ rồi chuyển thành nhà xuất bản Hội Nhà văn, tôi cùng làm việc với Hoàng Cầm, Trần Dần... Nhiều người tố cáo họ làm cả, Tô Hoài chỉ phống mũi lên ký duyệt. In Kim Tiền (Vi Huyền Đắc), Truyện ngắn và tiểu luận (Thạch Lam), Nước giếng khơi (Nguyễn Bính), Vang bóng một thời (Nguyễn Tuân), tập thơ Hoàng Cầm, Trần Dần, Lê Đạt, Văn Cao... và đã quảng cáo in nhiều tác phẩm phức

tạp khác của Vũ Bằng, của Vũ Trọng Phụng... Những tác giả ấy, người thì có vấn đề người thì đã di cư vào Nam và hầu hết viết trước cách mạng, tại sao đề cao nhiều những cái đã xếp xó đến thế. Tất nhiên là không bình thường, cái gì đây?

Báo Văn mà Nguyên Hồng phụ trách đã in trong nhiều số có những sáng tác còn khó chịu nữa. Kịch ngắn gợi lại vết thương cái cách ruộng đất những vở kịch của Hoàng Tích Linh (Cơm mới), Nguyễn Khắc Dực (Chuyến tàu xuôi), Chu Ngọc (Ngày giỗ đầu). Ca khúc buồn bã và những phát biểu lệch lạc về âm nhạc của Tử Phác, của Nguyễn Văn Tý. Rồi thơ Phùng Quán (Lời mẹ dặn), truyện ký Phan Khôi (Ông năm Chuột) và truyện ngắn Đồng máy của một cây bút trẻ gửi đến. Truyện tả một nhà máy nhập thiết bị nước ngoài rồi để chất đồng ngoài trời đến hỏng nát. Người ta truy ra người viết là một kỹ sư và quy là anh nói xấu công nghiệp ta và tình hữu nghị quốc tế.

Chúng tôi lo lắng thực sự. Mấy bài xã luận của tôi trên báo Văn như Tổ chức phát triển lực lượng sáng tác trước nhất và Góp ý kiến về vấn đề xây dựng con người đều bị nhiều báo và dư luận nhận xét là lệch lạc thứ nhất, phải là tổ chức học tập và đi vào thực tế đời sống và không phải xây dựng con người chung chung mà là con người xã hội chủ nghĩa tiến lên cộng sản...

Lại trước đây, sau đây, truyện ngắn Ông lão hàng xóm của Kim Lân nghi ngờ thành tựu cải cách ruộng đất, những bài bút ký yếu đuối tinh thần đấu tranh thống nhất, như Thao thức của Đoàn Giỏi, Một ngày chủ nhật của Nguyễn Huy Tưởng (°) (°Trong Nhà văn Việt Nam hiện đại in năm 1992, kỷ yếu kỷ niệm 35 năm thành lập Hội Nhà Văn (1957-1992), tuần báo Văn xuất bản 1957/1958 không được nêu tên kể tên là tờ báo đầu tiên của Hội Nhà Văn Việt Nam)

Nhân Văn vẫn sờ sờ ra đấy, chứ đâu. Những người đã đánh Nhân Văn vừa qua khẳng định thế, cộng với những rì rào sang tai nhau, không khí nặng nề, ngao ngán, triền miên, thường hiện ra ở những chỗ này. Cái chuyện nuôi ông ba mươi trong nhà, cụ thân sinh ra Nguyên Hồng nghe được ở đâu từ đời thuở nào. Người đọc tha hồ nghi, nhưng mà sáng tác không có ước ao được người đọc nghĩ ra mệnh mệnh thì cầm bút để làm gì? Một vòng người họp tổ, như các cụ trong làng ngày trước ngồi xếp bằng quanh chiếu tổ tôm. Những lời đao búa truy dồn. Thế là Nguyên Hồng khùng lên, khóc oà.

Năm trước đã nghiên cứu cả tháng rồi, bây giờ báo Văn lại sa vào hữu khuynh tệ hại như thế. Báo Văn phải ngừng xuất bản. Hội nghị bất thường Hội Nhà Văn - nhiệm kỳ mở đầu ngoi ngóp được hơn một năm, tất cả các cơ quan của Hội được chấn chỉnh lại, tuần báo Văn của Hội thay người phụ trách và đổi tên mới là tuần báo Văn Học. Chuẩn bị cho đại hội bất thường, nhờ địa điểm trường tuyên giáo dưới ấp Thái Hà, làm một cuộc thảo luận và kiểm điểm dài ngày. Cái tổ 18 của chúng tôi có Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyên Hồng, Nguyễn Công Hoan, Kim Lân... với một số nhà văn vững vàng làm nòng cốt. Trêu người ai, Kim Lân lại mới in truyện ngắn Con chó xấu xí. Con chó cũng như con hổ hiền lành, không ai tin con chó chỉ là con chó, lại xấu xí nữa, có khi tác giả ám chỉ con người nào cũng nên. Nguyễn Huy Tưởng đã về làm nhà xuất bản Kim Đồng. Đương bị tới bởi kiểm tra nhau mấy cái bản thảo, trong có một truyện đồng thoại ao cá ao rùa chi chi đó của Sao Mai - lại con cá, con rùa, con ba ba, lắm con quá. Cũng chẳng

ai bảo đảm người vào tổ 18 ấy là một bọn hay một cánh, nhưng cứ ang ang biết thế, và cái kiểu hiểu như bên Trung Quốc kiểm thảo nhóm Đinh Linh đã xuất hiện cụm từ đầu mày cuối mắt thì dù chẳng nói một câu, cũng là cánh, cũng cho được vào xiếc một bọn rồi.

Cùng liên quan, liên quan một nỗi buồn mà thôi. Nhiều hôm tan họp tối, đạp xe về trong thành phố, tạt vào cái Hà Nội 36 phố phường ăn chơi cũ, lông bông khuây khoả đôi chút, sáng mai lại lóc cóc xuống lớp học dưới ấp sớm. Chẳng ai dư dật, nhưng thời ấy đồng bạc có giá, hôm nào cũng đóng vai khách hầu của gánh cháo gà lão giải phóng quân, gói cơm rang bọc lá sen quán Tiểu Lạc viên, phở Lâm rồi cà phê lão Ca. Cái khu lúc nhúc này vẫn riêng một phong vị, dầu cho những năm gần đây đã tàn tạ nhiều. Những cao lâu lớn Đông Hưng, Tây Nam, Nhật Tân không còn cái nào. Các chủ hiệu sang trọng này trước kia hẳn là đặc vụ Tưởng Giới Thạch, là cánh Uông Tinh Vệ là mật thám hai mang bên Tàu bên Nhật. Hàng quán và cả con người bị xoá đi theo giông bão của lịch sử. Chỉ còn lại cao lâu Mỹ Kinh mới mở vài năm trước đảo chính Nhật, cùng với những quán cơm tám của người ước Lễ, thì nay Mỹ Kinh đã hoá nhà hàng quốc doanh, được đeo cái tên của thời cũ, còn nhớ thời ấy trộm cắp như rươi, chiếc đĩa đựng bánh ngọt phải bắt đinh vít xuống khay. Mấy năm Tây vừa trở lại, từ quán Siêu Nhiên, Lục Quốc và Nguyên Sinh mới mở. Siêu Nhiên đặc sản món óc đậu nhồi, ngon được tiếng. Chủ đã di cư, cũng như nhà Lục Quốc phố Huế, cánh nhà bàn nhà bếp đứng ra hùn vốn. Nhưng cũng chẳng mấy khi vào Siêu Nhiên, Lục Quốc, chúng tôi chỉ ngồi vỉa hè tường rạp Chuông Vàng, nghe tiếng phèng la tích cái lương La Mã diễm huyền. Như cảnh la cà hàng quán dưới ngã sáu dốc Hàng Kèn mà bây giờ đêm hôm người qua lại nhiều, không ngồi lan xuống lòng đường được nữa, ông 81 thụt hẳn vào trong nhà, gánh cháo bác Chử thì quảy về cạnh cửa chợ Hôm, cũng tan trò.

Nhưng ở vùng ăn chơi lâu năm trên này, hè và đường lẫn lộn, người đi dong đông hơn khách xem cải lương Kim Phụng, chèo Lạc Việt. Tiệm cà phê Phúc Châu như đám chơi gà. Cô Tàu ngồi kết váy đen, thắt lưng to bản đen bóng nhoáng mặt Đài Loan đương thịnh hành. Khói thuốc lá lùa ra cửa sổ như ống khói tàu thuỷ phun xanh mờ. Bốn bên trong nhà cũng như ngoài phố, la liệt lao xao, đàn sáo nhị réo rắt, cò cữ, tiếng rao bát bảo lèng xà, lục tào xá, người nườm nượp, nhiều nhất cán bộ miền Nam tập kết.

Tôi nhớ ngày xưa cũng đông na ná thế. Năm tôi sáu bảy tuổi, ngày Tết, thường theo các dì tôi ra Kê Chợ xem hát bói tuồng đầu năm ở rạp Quảng Lạc - mà ngõ Sầm Công, quen gọi là ngõ Quảng Lạc, cái quán Tiểu Lạc viên bây giờ ở trong hẻm này. Mồng hai, mồng ba tết năm nào rạp Quảng Lạc cũng diễn tuồng tích Giang tả cầu hôn cho người năm sớm bói lấy may. Trên cửa vào trong rạp, bàn thờ thần tài dán giấy điều trang kim khói hương ám đen kịt cả vành khám. Tuồng có vai Quan Công mặt đỏ bờ quân, râu đen từng chòm tuôn xuống. Quan Công ra, cả rạp im rùng rợn, thành kính đốt vàng hương vái lên sân khấu. Khi lớn, tôi một mình đi xem phim kiểm hiệp Tàu chiếu ở rạp Hiệp Thành, rồi rạp Tố Như, bây giờ là Chuông Vàng Thủ đô, trước cửa, gần tấm bảng đá ghi chiến tích đội quyết tử liên khu 1 đã được thành lập ở đây giữa 60 ngày đêm Hà Nội chiến đấu trong vòng vây.

Phía Hàng Da, ngõ Yên Thái, cũng như ngõ Sầm Công, những phố hẻm có nhà chứa, không hiểu tại sao lại gọi là nhà thổ, mà người ta nói lóng tiếng Tây bồi là medông đờ te (nhà đất). Trên tường đầu phố treo

hộp đèn kính sơn đỏ nhoè nhoẹt. Khách chơi biết đấy là dấu hiệu trong phố có ổ gái điếm. Đi nhà thổ trả tiền giờ, nửa giờ, trò tiêu khiển mặt hạn, người đứng đắn không dám bước chân vào cái dãy phản bày bán người ấy. Cô nào cũng lông lá cạo nhẵn, trắng nhể nhại, hãm tài lắm. Bàn cùng, cánh thợ xẻ, thợ nề cũng chỉ thậm thụt chốc lát, chứ chẳng mảy may ham hồ, đắm đuối. Chập tối, các cô nhà thổ quần áo trắng hồ lơ, mặt bệch tròn chầy trề, ngồi một loạt trên cái ghế dài trước cửa ngóng ra, vây vây ời ời người đi qua. Thấy quen thì chạy ra, kéo lại ở làng tôi, những anh thợ còn táo tợn, ngày phiên có tiền xuống phố chơi nhà thổ, hôm sau về phải nghỉ dẹt, nằm chờ cả ngày, con ruồi đậu mép không buồn xua. Tôi không dám lảng vảng đến những cái ngõ nhầy nhụa ấy. Chỉ vì sợ bệnh. Nghe nói thuốc nớp xăng cát tó hiệu nghiệm, nhưng đắt. Cũng chưa thấy bao giờ, chỉ nghe nói phải đâm mũi tiêm vào dái, đau lắm. Thời ấy, tim la, lậ, giang mai, ai mắc những bệnh xấu hổ thì chỉ muốn chết.

Ừ, Nguyễn Tuân hay dạo mấy phố này lại có thể cũng vì những cái nhớ. Nguyễn Tuân được sinh ra và nhớn nhao lên ở Hàng Bạc. Phố Hàng Bạc, số nhà 49, năm 1910 - Nguyễn Tuân ghi lại như thế ở mép một quyển sách Hướng dẫn du lịch Ba Lan, có lẽ vì đương đọc chợt nghĩ đến một kỷ niệm. Trong quyển Đường phố Hà Nội của Nguyên Vinh Phúc tặng, chỗ phố Hàng Bạc và ngõ Gạch, Nguyễn Tuân đề bút chì đình Cổ Lường ngõ số 28 án sát Siêu và câu ca dao về phố phường ấy, dễ chừng ông đã thuộc từ tuổi thơ.

Nên ra thì múa tứ linh

Không nên thì lại nằm đình Cổ Hương

Lão hàng cháo gà giải phóng quân, cũng là cái tên của Nguyễn Tuân đặt cho. Ông Tàu ấy to cao, khệ nệ, đội đúng cái mũ ka ki của Bát lộ quân ố vết mỡ đã úa vàng màu nước dưa. Hàng ông bán muộn, nhiều tôi ở dưới ắp về vẫn còn gánh hàng sáng đèn giữa mấy chiếc ghế xếp lỏng chỏng trên hè. Lão giải phóng quân lằm lì chẳng mấy khi hé răng. Cũng hợp, chúng tôi lặng lẽ. Chẳng ai nói một câu, thế mà lúc nãy ở tổ, gay go đớp chát nhau ra trò. Về mặt mỗi hiện nên nét mặt từng người. Tôi nhận ra Nguyễn Tuân đến hàng cháo gà này còn vì ông giải phóng quân có lọ xăng xấu Nam Ninh chính hiệu thơm và béo ngậy mùi vừng. Bát cháo lót cải cúc của Nguyễn Tuân được lão cầm lọ xăng xấu vảy lâu hơn bát của tôi. Rồi nở nụ cười nhà hàng, lão dứt lọ xăng xấu vào trong ngăn kéo - ai không biết thì thôi chứ chẳng phải ai cũng được nhà hàng cho nếm mùi đâu. Vẫn là chăm chú cái mình thích, mình muốn, một giọt xăng xấu hợp khẩu vị, một câu văn hay gạch dít, một chuyện đi...

Có hôm, vào Tiểu Lạc viên ăn cơm rang bọc lá sen. Ông chủ Tiểu Lạc viên này là tay nhà bàn hảo hạng. Khách đông cũng vì cái duyên lão ta. Hỏi các món khách dùng, rồi nhanh nhanh đưa bát thìa đĩa và gia vị ra bày trước mặt từng người. Đôi mắt kính lấp lánh, cái câu có ngay, có ngay luôn miệng như hát. Thực khách vào bàn, tuy chẳng thấy có ngay ở đâu, nhưng được cái cảm tưởng món ăn món nhắm sắp bưng ra.

Lão Tiểu Lạc viên tri kỷ vì chúng tôi biết thưởng thức món cơm rang bọc lá sen lão khoe nhất Hà Nội, không nhà nào còn làm được đúng kiểu cách thế. Lão chỉ mới ngược kính, chưa hỏi, Nguyễn Tuân đã gạt đầu, đưa thưởng một điều thuốc lá Thủ Đô hiếm. Thế là đã biết khách lại xơi món quen. Lão hô có ngay,

có ngay rồi đặt bát đĩa bày ra bàn. Nguyễn Tuân nói, vừa nghiêm vừa đùa:

- Này, không cần có ngay đâu nhé!

Lão cười, neho mắt. Sang bàn bên, hỏi khách xong, chưa bước vào cửa bếp, đã: Có ngay! Có ngay! Có ngay!

Phải, cơm rang bọc lá sen thì có ngay sao được. Xong một tuần rượu suông, món nhắm mới ra - chỉ gọi độc một món ăn, cũng như nhắm. Kể thì người ăn xô bồ bây giờ chẳng mấy ai thiết chờ đợi các thức lịch kích này. Gạo tám thối niêu đất chín rồi đổ vào chảo rang, được rồi lấy chiếc lá sen khô lột xà xiu, vệt quay gỡ xương chặt miếng rồi đổ cơm rang vào, buộc khéo cái lật. Nhà bàn bưng ra túm lá đặt trên đĩa. Mở ra, hơi cơm, các thứ xì dầu, thức ăn toả lẫn mùi lá sen già đầu thu. Một năm, về Hưng Yên, tham quan đào kênh thấy sân kho các hợp tác xã phơi đầy lá sen, hỏi bảo lá sen khô để xuất sang Hồng Công (Nguyễn Tuân xin về mấy cặp lá). Những chiếc lá sen già sẽ được xuất đi Hương Cảng để gói món cơm rang bọc lá sen ở các hiệu cao lâu.

Cũng có thể ấy là những lúc Nguyễn Tuân nhớ khi xế trưa vắng khách ngồi trên lầu nhà Đông Hưng thang gác vàng giữa phố Hàng Buồm. Nguyễn Tuân kê giấy lên bàn ăn, những tờ giấy trên góc in cánh buồm Gió đã lên. Tiểu thuyết Thiếu quê hương đăng báo Hà Nội Tân Văn của Vũ Ngọc Phan được viết từng kỳ một ở cái bàn ấy. Người tuý phái đến lấy bài đã đứng trực. Nhà in Trung Bắc ở phố này, bên kia đường. Viết xong chữ cuối, người tuý phái cầm tờ bản thảo xuống khuất, cũng là lúc nhà văn gọi phở ky đem đến bữa trưa, be rượu bồ đào uống mấy chén ngữ và gói cơm rang bọc lá sen. Lại một sự mang mang hoài cổ. Cái cơm rang lá sen thơm tối nay ở Tiểu Lạc viên còn có thể bắt đầu từ gói cơm rang thập cẩm ở những quán ăn cò con trên đường Cáo Đạo giữa cái phố khúc khuỷu bậc đá bên Cừ Long Hương Cảng đêm ba mươi tết Đinh Sửu 1938. Chúng tôi chỉ quý và chiều nổi nhớ của Nguyễn Tuân mà chịu khó bắt chước kể cả với các món cầu kỳ ấy. Nguyên Hồng đã sinh sống ở thành phố cảng có cả một phố Khách, tỏ vẻ thành thạo khen mùi lá sen, đoán già là những cái lá sen hồ Tây.

Mỗi đêm dưới ấp về, bộ dạng Nguyên Hồng cũng chẳng khác đi đâu ban ngày. Trên ghi đông đặt cái cặp đúp chứa bản thảo. Sau yên xe buộc một chồng báo Văn. Mọi khi, chỉ kè kè cặp bản thảo, giờ thêm lô báo Văn từ số 1. Nét mặt hăm hở lẫn lộn đăm chiêu với những tờ báo Văn như một lá đơn để trình bày các nơi. Nhiều cuộc phê Nguyên Hồng, tôi không thể nhớ xiết lần nào cụ thể. Chỉ nhớ báo Văn đã phải xỉ vả là hữu khuynh, bị lũng đoạn. ở đâu, họp tổ hay liên tổ hay lên hội trường; Nguyên Hồng từ từ, cẩn thận, trịnh trọng đặt tập báo trước mặt. Nguyên Hồng nói:

- Tôi làm báo không kể giờ giấc, không quản thức đêm thức hôm, tôi bỏ hết sáng tác, cố làm cho kịp. Suốt tuần tôi bận bịu về nó hơn con mọn, bỏ ăn bỏ uống vì nó... thế thì làm sao tôi lại có thể sai... Tôi đấu tranh thực hiện đường lối văn học nghệ thuật của Đảng... Tôi hết tâm hết sức vì nó, tôi không thể, tôi không thể sai...

Như người ộp đồng, không biết đương còn tỉnh bay đã mê, Nguyên Hồng để một bàn tay lên chồng báo, to giọng đến bật khóc, vừa mếu máo vừa nói tiếp, nước mắt rùng rùng, hai tay mê mẩn xót xa vuốt mép tập báo. Cái lý lẽ cùng đường và những dòng nước mắt đã khiến những ai đương phê bình anh cũng không biết tiếp tục phân tích thế nào nữa. Bảo dối trá thì không ai nỡ, không ai dám hạ đòn ấy. Cuộc nào cũng tương tự, những chữ 'boong ke, ngoan cố, không đúng với quang cảnh sâu não thiết tha của người bị phê bình.

Chúng tôi ngồi góc bàn đằng kia. Lão Tiểu Lạc viên đã đem bát đĩa, thìa với tương ớt đến. Lão này vừa là chủ, vừa là tớ trong cái phòng ăn con con kê ba chiếc bàn nhỏ. Chim quay Tiểu Lạc viên cũng được tiếng. Chẳng biết nhà hàng vô tình hay cố ý để những cái bàn khập khểnh tạm bợ. Chắc là cố ý thôi. Các hàng quán này cứ chập chờn chưa biết lúc nào bị đóng cửa. Trễ nải, tàn tạ, người ta chỉ bày biện qua loa, cốt làm ra thế.

- Có ngay! Có ngay!

Lão Tiểu Lạc viên bước ra, bồng im bật, quay lại, nhìn quanh, rồi hỏi:

- Các ông có cái mùi...

Không ai bảo ai, mọi người chú mục vào Nguyên Hồng vừa đặt lên góc bàn mở gói giấy báo bọc thịt chó và lập cập nói:

- Nhắm cái này trước đã! Nhắm cái này đã! Thoạt trông cũng biết không phải là gói nguyên: Chắc trưa nay Nguyên Hồng đã đánh chén ngoài ắp còn thừa thì cầm đi nốt. Hồ lốn thịt luộc, lòng gan trộn với húng, riềng, cả đùm con con muối tiêu.

Lão Tiểu Lạc viên đã nhìn rõ gói thịt cầy. Lão cau có hầy một tiếng, tan biến cả vẻ hớn hờ có ngay vừa rồi. Lão chớp tay, rầu rĩ như khăn:

- Ông ơi, ông mang nó ra ngoài kia, mang ngay ra ngoài kia...

Chúng tôi biết những người buôn bán kỳ cái thịt hãm tài này - nhất là người Trung Quốc.

Dường như thấy nó thì đã đánh hơi được cái mùi con ma xúi quẩy. Lão lại nhăn nhó:

- Giết nhà hàng rồi. Các ông không được, không được ló!

Lúc ấy, hai bàn bên cũng quay sang. Cười nhả nhở rồi họ lại cúi xuống ăn. Lão Tiểu Lạc viên đến góc nhà cầm một nắm hương châm cắm vào men tường trong chỗ dán tờ giấy điều trang kim đã xạm xỉn một nạm chân hương. Khói hương bốc mù căn phòng chật chội. Rồi lão bước lại phía chúng tôi, xốc kính, mặt hầm hầm, không hiểu lão định làm gì.

Nguyên Hồng, đứng lên, giơ tay:

- Phổ ky! Cầm đi!

Nguyên Hồng lật đặt gói lại bọc thịt chó, bỏ vào cặp. Nước mắt lưng tròng, nói:

- Lúc này ở tổ chúng nó đòi đuổi ông, bây giờ thằng Tàu này lại đuổi ông, tui cái nhà ma ló!

Nguyên Hồng cung cúc bước ra, lấy xe đạp. Cũng chẳng ai buồn gọi lại. Đã biết tính nhau nhiều. Mấy năm sau, một lần Bùi Hiễn, Nguyên Hồng và tôi chén thịt chó Chử Hàng Bè rồi vào quán cà phê lão Ca. Vẫn Nguyên Hồng cầm bọc giấy gói mấy miếng thịt chó thừa, đặt lên góc bàn. Lần này, cái gói kín đáo, nhưng tôi vẫn ngài ngại. Lão cà phê Ca không có nhà. Vợ lão trông hàng. Tự nhiên, bà ấy đứng lên đến chỗ cửa vách châm nén hương vào khảm thờ thần tài dán giấy điều. Linh tính tôi đoán người đàn bà Tàu đã đánh hơi thấy mùi lạ. Như chợt nhớ ra, Nguyên Hồng đã tình ý bỏ gói vào cặp.

Mấy hôm sau, trở lại Tiểu Lạc viên, lão có ngay lại ngược mắt kính cười cười, đưa ra bát đĩa và chén tương ớt - Nguyễn Tuân bao giờ cũng gọi là lạp chấu chương. Lão xoay cái đuôi thìa cẩn thận đặt trước mặt Nguyễn Tuân và Nguyên Hồng. Thêm hai miếng chanh cho Nguyên Hồng. Nhà hàng đã thuộc ông khách có thói quen vắt chanh, lại đổ dấm vào đĩa húng rau để sát trùng. Đến tận hồi chống Mỹ, Tiểu Lạc viên vẫn đông khách thế. Một lần kia, đến thầy bà Tiểu Lạc viên mọi khi đương nằm cái giường gấp ở gian trong. Tiếng trẻ mới sinh khóc oe oe. Hỏi thăm thì ra lão Tiểu Lạc viên đã ngất đi, chết nửa đêm giữa lúc máy bay ném bom cầu Long Biên cuối tháng trước. Người vợ đã lấy chồng khác. Ông Tàu này gầy lom khom. Nào biết đứa trẻ ấy con ai. Đã lâu không đến, không tiện hỏi. Trên mặt kính cái tủ con đặt ngoài cửa vẫn ba chữ Tiểu Lạc viên sơn đỏ. Cửa hàng mở, nhưng hiu hắt, vắng vẻ. Đến năm nhiều người Trung Quốc bỏ thành phố đi, bà ấy với người chồng sau ra Cát Hải vượt biển. Nghe nói thuyền chuyển ấy đi bị đắm, chết cả.

Những đêm mưa rả rích gọi cái thú quán cà phê lão Ca. Thường đến lão Ca vào lúc nào, chắc là khi đã ngà ngà ở Tiểu Lạc viên hay hàng bánh cuốn chú Hồng Lâm ra. Nhưng cũng có buổi chỉ đến đây. Trong ngõ ngách này, chúng tôi lui tới mấy quán, không đậu lại đâu. Phúc Châu tiếng tăm, nhưng tạp. Chen vai thích cánh, những võ sĩ đai đen thập đẳng, ngũ đẳng hay các ông cá mú trụ ở góc bao quát, hay một tay cướp ngày lẳng lặng ngồi xuống, rờ túi ngực, túi quần vờ tìm cái bật lửa. Nó đang ngắm cô Phúc Châu thắt lưng đen bóng hay nó sắp rút dao găm dí xế dưới sườn rồi thản nhiên đưa con mồi ra ngách ngõ lên Hàng Đào, hỏi mượn cái ví và cái đồng hồ. Quán Lý Hảo thì ấm cúng hơn. Chỉ phải cái mụ Lý ăn nói đối đáp và cử chỉ như tập thể dục trước mặt khách. Chả là Lý Hảo, đương kim thể thao lướt ván nữ loại một. Hội hè nào cũng giật giải nhất đứng đầu sóng hồ Hoàn Kiếm. Thằng chồng mặt vuông Nhật Bản, như Ai Nguyên An Nghệ. Nhưng nó là người Quảng Châu, chỉ bưng cà phê và cười ruồi. Mất vui, cũng chẳng lý thú, bởi nhà này ít chuyện.

Cà phê Ca chưa mấy quen như rồi sau chúng tôi đến nhiều hơn. Lúc đầu chỉ nghe mang máng trước kia lão Ca ở trên Hà Giang, làm nghề đuổi ngựa buôn cho nhà chúa đất Vương. Còn tôi để ý chỉ vì thấy ngồi trong hàng một người đàn bà luống tuổi, mặt buồn rười rượi. Có hôm thoáng sau chiếc bình phong con

công đồ gặt, cái áo xường xám xa xưa màu cánh chả xẻ tà xoè ngang đầu gối. Cứ hao hao người con gái ngày xưa ở nhà gác đầu đường Cổ Ngư hồ Tây mà sáng nào tôi cũng đi học qua. Ai khi tuổi ấy chẳng trông thấy bao nhiêu bóng đẹp thấp thoáng và mộng mơ. Không hỏi có phải trước kia nhà bà ở đầu ô Yên phụ, tôi chỉ lặng im cho mình được đĩnh ninh. Tưởng tượng vun thêm vào làm cho không phải cũng thành phải. Nếu bà ấy nói: Vâng, tôi là vợ tông Ca. Lại càng khó hiểu, thế thì phải từ Hà Giang xuống. Như vậy, lại hoá ra buồn. Thôi cứ mơ hão vậy. Cà phê phin nhà Ca nhạt đường, hợp chúng tôi mà Nguyễn Tuân khéo tưởng tượng là có vị rừng. Chưa biết rừng Hà Giang có cà phê hay không. Chỉ Nguyên Hồng đã bị hai năm an trí căng Bắc Mê rõ đôi chút chẳng. Nhưng Nguyên Hồng chẳng khi nào kể lại về nhà tù chính trị đi đày ấy. Chỉ nghe một người tù Bắc Mê khác tả Nguyên Hồng đi làm cỏ vê, đi lấy củi cũng đeo mấy cái ống bơ đàng dít, cái đựng muối, cái để cơm nguội và lúi thủi một mình.

Thậm chí, lần ấy, một đoàn địa chất đưa chúng tôi thăm một vùng quặng trong Bắc Mê, Nguyễn Tuân rủ Nguyên Hồng, bảo được dịp trở lại quang cảnh xưa. Nguyên Hồng cũng không đi. Chuyển đi ấy, cái hôm lội qua con suối sau cùng rẽ mê bên này đường về huyện Bắc Mê, tôi đứng tần ngần giữa dòng nước, nhìn mãi quả đồi áp lưng núi. Căng Bắc Mê xưa ở núi Pắc Min kề ngọn sông Gâm lượn dưới chỗ xanh thẳm kia. Suốt buổi chiều, trèo qua cổng trời đỉnh núi thăm dò quặng Nguyễn Tuân vẫn băn khoăn không hiểu tại sao Nguyên Hồng không đi Bắc Mê chuyến này. Nửa đêm, giữa rừng trên cao, con suối mơ hồ đưa lại tiếng nước thờ dài từ phía Bắc Mê. Chúng tôi ngồi trước đám củi sưởi. Nguyễn Tuân nói: Tớ tức cảnh được hai câu ca dao đem về tặng thẳng Nguyên Hồng. Thế này nhé:

Non xanh gỗ hòn đá xanh.

Nửa năm nghe tiếng mõ canh Cổng Giời.

Trở về, tôi viết Pài Lùng cái ký theo thể kịch đăng báo Văn Nghệ, đặt hai câu ấy lên đầu bài. Chú thích nghịch ngợm Ca dao cũ vùng Bắc Mê. Cho nhớ và như Nguyễn Tuân bảo có dùng thì nên đề thế.

Cái bỗng dừng kỳ cục của Nguyên Hồng thường dễ hiểu và cũng khó hiểu. Người ta làm thì Nguyên Hồng lẳng lặng im. Ai cũng nô nức vào Nam khi miền Nam được giải phóng. Nguyên Hồng chưa bao giờ đến Sài Gòn, mà đã sinh ra nhân vật du côn Năm Sài Gòn từ những năm 40 và chưa khi nào trông thấy sông Cửu Long, đã là tác giả bài thơ Cửu Long giang ta ơi. Nhưng không đi Sài Gòn. Ai rủ chỉ lắc đầu. Cái tính thế, thiên hạ vậy thì ta khác.

Cuộc đời đã đưa đẩy ông Ca từ thị xã Hà Giang xuống Hà Nội mở quán cà phê. Những chuyện ông Ca kể về biên giới, Nguyễn Tuân mê lắm. Cũng thú vị như lão giải phóng quân cháo gà có lọ xắt xấu chính cổng Nam Ninh, Hồng Kông gì đó. Cà phê Ca ngon mùi mộc mạc. Hay là cứ nghĩ ra thế. Mỗi lần Nguyễn Tuân tới, ông Ca lại lấy ra chai rượu Rom Pháp vuông bằng đầu gối, đặt lên cạnh cái phin vừa cạn. Lắm khi tôi vào hàng lão Ca không khi nào bê chai rượu mạnh ra. Đám mà có Nguyễn Tuân trong bọn, đám ấy sang lên, thú vị hơn, không phải ông Tuân chi tiền, mà thẳng chủ quán lại hân hạnh, lại trọng vọng vị khách bạt thiệp trịnh trọng mời nhà bàn thuốc lá thơm và xuống tận chỗ xào nấu đưa nhà bếp một đĩa. Chai rom

của ông Ca đã được đặt lên bàn. Vài giọt rượu quý nhỏ xuống tách cà phê bốc khói. Cà phê rom - một kiểu uống theo lối Pháp. Đến lúc cả chủ quán cũng kéo một ghế, nhắc bếp điện lại gần, bày lên một phin nữa. Câu chuyện ầm dần. Nguyễn Tuân đẩy hộp thuốc lá về phía ông Ca. Ca nói, giọng âm thầm xa vắng:

CÁT BỤI CHÂN AI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương I I (Tiếp):

- Tôi ấy a, cái ngày tôi đi đuổi ngựa cho nhà Vương... Ngồi đây, trong cái phòng vừa nhà hàng vừa buồng ở lộn xộn, bề bộn quanh những lá màn, cánh gà mà tường đương lang bạt sông suối đâu đâu Simacai bên Lào Cai sang Xin Mần rồi rong ruổi lên Mèo Vạc sang Bảo Lạc, Cao Bằng. Những đoàn ngựa thồ hàng trăm con lên núi, ông Ca là một người trong đám thủ túc nhà vua Mèo họ Vương trong đám dắt ngựa, đuổi ngựa ấy. Chuyển hàng ròng rã đói khát cả tháng, chẳng bù với mỗi khi người ngựa được trở về dinh cơ nhà Vương ở Sà Phìn, Đồng Văn lại thả sức lu bù chè chén. Cả mấy chục phu ngựa, cơm rượu và khay bàn đèn thuốc phiện rải ra khắp trên sân đá tảng từ trước cửa dinh vào trong nhà.

Được dịp về Đồng Văn, thế nào Ca cũng xuống thị xã. Ca đi làm mướn cho người, nhưng Ca cũng có dây thuốc phiện riêng của Ca. Ca ăn ngủ nhà mụ Tèo me Tây đồn Yên Minh ngày trước, Tây rút rồi mụ ở lại mở quán cơm giữa cánh đồng tranh trên dốc Pác Xum về làng Đán. Mụ Tèo cũng là một mối thuốc của Ca. Quán mụ Tèo chơ vơ cỏ tranh phủ ngập mái nhà, trông sang những ổ cướp nương nấu trên dặng núi Bát Đại Sơn lộ xô trước mặt. Bọn thồ ngựa dừng chân. Từ khi có đường ô-tô lên Phó Bảng, thêm các ông tài đường ngược, đêm đêm trong vách tường trình, quán mụ Tèo rộn rịp đỏ đèn suốt sáng. Chẳng bao lâu, Ca cũng tậu được ngựa và thuê người đuổi ngựa. Lão Ca đã thành ông chủ nhỏ, có khi theo hàng sang tận Phong Thổ, Mường Lay bên Lai Châu.

Quanh tách cà phê giữa những con phố lui hui cụt lủn mà tường đương theo những đoàn ngựa thồ qua đầu núi nào. Quên đi, quên đi ngoài trời đêm thành phố đương sấm rền trận mưa đầu mùa hạ, rồi sáng mai chúng tôi lại đạp xe xuống ấp hợp tổ. Cái say chơi rừng núi biên giới phía bắc đối với Nguyễn Tuân, có phải đã được nhóm bếp ở những đêm cà phê rom nhà lão Ca, trong cái phòng lũng củng, linh kinh rất Tàu. Một dây xích đông trên đầu, mấy cột chần bông xếp đồng. Dưới gầm ghế, cái hoả lò, củi, chai dầu, làn mây và túi gạo, xoong, chảo, chậu, bô men trắng xoá loang lổ có thể là bô nước đá, bô cắt. Nhưng con mắt chúng tôi đắm đắm vào bóng tối mênh mông xa đâu.

ở các ngõ ngách ẩm ướt trông lên nhấp nhô những đầu tường chuôi vồ thời xưa này phải kể thêm quán bánh cuốn ông Hồng Lâm cũng chỗ ngã tư cùng phố với cà phê Ca. Hàng bánh cuốn này không ai biết, bánh cuốn bây giờ được tiếng ngon bán đêm ở phố Huế xế chợ Hôm cũng gần ngã sáu dốc Hàng Kèn. Khách ngồi châu hẩu mấy lượt ghế dài đợi bà hàng không biết sốt ruột cứ nhẩn nha tráng từng lá bánh. Tôi cũng chẳng thú cảnh châu chực đợi lượt nếm chiếc bánh cuốn nhân thịt gốc Lạng Sơn. Thế mà quán bánh Hồng Lâm thì lại hay ghê. ấy cũng là một nỗi.

Một tối, trên vỉa hè tấp nập người, tôi ngắt ngưỡng như con bói cá đậu trên cái ghế xếp gánh cháo gà giải phóng quân. Các rạp đã trống giáo đầu rồi mà hàng quán vẫn dập dìu vì cán bộ tập kết đi dạo bờ hồ

đạo phố là chính. Mấy ngã phố chật hẹp không có điện, đèn đóm lập loè từng khóm. Một ông Tàu gầy còm đội cái mũ xanh một mẩu, má xệ đỏ phừng màu say xuống tận cổ, cứ đứng sững. Tôi tưởng ông ấy nhìn ông hàng cháo gà đồng hương. Rồi ông ấy bước lên hè trước mặt tôi giọng rệu lè nè:

- à, à... Có phải cậu Sen không?

Nghe tiếng hỏi cái tên cứng cồm của tôi, dù chưa nhận ra ai, cũng biết đấy là bà con quê ngoại quê nội. Nhưng tôi không nhớ được ông này là người trên Nghĩa Đô hay trong Cát Động. Tôi đương ớ ra thì ông ấy lại nói lơ lớ:

- Tôi là Lâm. Lâm hàng phở dốc chợ Bưởi. Thuê nhà ông ba Chui ấy mà. Cậu nhớ không?

Thế thì nhớ rồi. Ngược đời, nhà hàng lại đi nhớ khách. Tôi nhớ tên chú ấy chứ không nhận ra người. Mười mấy năm rồi còn gì. Chú khách Lâm ở dưới phố lên mở hàng phở. Nhà hàng kê cái bàn, hai bên chõng tràng kỷ. Tua giấy điều nhấp nhánh trang kim phất phơ trước cửa cạnh những củ hành tây trắng bong và chùm ớt đỏ. Dấu hiệu hàng quán lúc ấy không có bảng kẻ hai chữ Cơm Phở như bây giờ. Phở nước hai xu, đĩa phở xào ròn xào mềm năm xu. Không bạn này có tiền thì bạn khác, ai cũng dễ dãi với nhau được. Tôi nhớ hàng chú Lâm không phải vì phở, mà vì một chuyện oái oăm. Ông trẻ Tám hay đi chơi ả đào. Bà ấy ghen. Nhưng ông Tám đã nghĩ được mẹo. Tắm áo the dài, quần là và chiếc khăn ông Tám gửi trên hàng phở chú Lâm. Chiều chiều, cơm nước xong, tôi sang rủ ông Tám đi dạo mát.

Tôi tuy tuổi chẳng kém ông Tám bao nhiêu nhưng trong họ thì vào hàng con cháu, mặt mũi lại hiền lành, bà Tám tin được. Chúng tôi thùng thỉnh như tình cờ lên đầu chợ. Ông Tám vào hàng chú Lâm, chít khăn, thay bộ quần áo mới rồi bước nhanh lên ngã ba Thành gọi cái xe sắt. Đi chơi bởi ăn mảnh ở các nhà hát quanh Cầu Giấy, ở Mả ông Năm trong phủ, khoảng nửa đêm lại cuốc bộ về. Tôi thường đóng vai lá chắn che đỡ cho các bậc bề trên như thế nên hay được ăn theo các ông Tám, ông hộ Nghĩa, ông bảy Nền đi hát chầu chay cỏ rả vùng phủ Hoài, sang Thượng Cát, hay lên bến Chèm - cũng chưa được ra đến các nhà hát Ngã Tư Sở. Những chuyện lêu bêu nhung nhăng ấy thì nhớ chứ quên hẳn mặt lão Lâm này.

Tôi khen:

- Chú nhớ dai quá.

Lão Lâm khoái trí cười giơ hàm dưới răng vàng choé.

- ồ, ở trong này tôi làm công an mật nên quen nhận mặt người ta. Tôi vẫn gặp ông giáo Thịnh dạy trường Yên Thái ngày trước mà. Hôm nào đến chơi. Chỗ kia kia, nhà bánh cuốn.

Thế thì biết rồi, hàng bánh cuốn ấy gần cao lâu Tứ Kỳ. Chúng tôi đến quán ông Lâm. Nguyễn Tuân chẳng thiết cái bánh nhân thịt này - không chịu ăn tạp, vẫn nhớ thuở bánh cuốn Thanh Trì nước mắm Nghệ cà cuống, không pha dấm, không vắt chanh.

Thế mà Nguyễn Tuân vào quán bánh cuốn ông Lâm. Cũng phải duyên cơ thế nào, như cái ông 81 cà phê bít tất dốc hàng Kèn với quan công sứ Grapphoi và núi nghỉ mát Bạch Mã Bà Nà. Như lão cà phê Ca đem rùng núi Hà Giang về thành phố. Nhưng Nguyễn Tuân bảo tôi:

- Vào đây cho thằng này về Kẻ Bưởi một tý. Hôm nào rủ chúng tớ lên Nghĩa Đô bắt chuột đánh chén nữa nhé.

à ra ông ấy chiều tôi. Nói thế chứ ông chẳng dám xơi thịt chuột. Chả là đã có một năm, mùa tháng mười, ông Nguyễn với Kim Lân lên cánh đồng làng tôi đi bắt chuột với ông Ba Hĩ. Gác ngoài, bà Lâm ngồi tráng bánh. Thấy đi vào nhà trong, những cô cậu mặc xanh công nhân, chắc tan ca nhà máy về. Con cái không để mắt đến cái cửa hàng câu dầm của ông bà già. Bà Lâm gầy khô, đeo kính, mặc áo di lê hoa lốm đốm tím, nửa mái đầu bạc. Ông Lâm bảo:

- Bà nhà tôi cũng người làng Bưởi cậu ạ.

Bà Lâm cười nhợt nhạt, ngược mắt kính, hỏi tôi:

- Ông có biết chú Sồi có bàn thịt lợn ngoài cầu chợ nhà ở xóm Ao Đình không?

- Ngày bé, tôi vẫn xách liễn lên mua nước suýt sáng sớm nhà chú Sồi.

- Bố tôi đấy.

Tôi ngạc nhiên vì cái giọng nói hết tiếng Yên Thái của bà Lâm. Ôi, tôi được sinh ra ở đất Bưởi, tôi ở trong làng đến ngoài hai mươi tuổi mới ra thành phố rồi đi lang bạt, giọng tôi bị pha mất tiếng quê. Thế mà cái bà Tàu này lại hân hoan đặc giọng vùng tôi. Nhà khách Sồi đã mấy đời ở xóm Ao Đình, thế thì con cái y như người làng rồi.

Nguyễn Tuân lặng lẽ hút tẩu thuốc. Nguyên Hồng đã xà đến. Bà xếp cho một chục, nhưng hăng năm cái một, để được nóng sốt. Ông Lâm xách chai rượu thuốc ra. Cái này chữa bách bệnh, giở giời chỉ vài ngụm, khỏi thấp khớp, khỏi cả đau răng - Ông bảo thế.

Tấm bằng của sở Công An thành phố khen tặng ông Lý Hồng Lâm đã có thành tích trong thời gian kháng chiến ở Hà Nội? Ông Lâm ngăm ngía những người khách đương chăm chú xem cái bằng đóng khung treo trên chỗ thoáng nhất mặt tường. Nguyễn Tuân bao giờ cũng là người tài nhìn ra trước những điều mà chưa ai kịp nhận là đáng hỏi. Ông bắt tay ông Hồng Lâm và ông này cười khoái trá thú vị cái người hiểu mình, biết mình.

Ông Lâm nói:

- Bây giờ ở Hà Nội tôi bán phở, như khi ở trên Bưởi ấy. Đông khách thì dễ đi lại. Các anh công an mật ở nhà tôi cả năm, không bị lộ. Tôi là người Tàu mà, thằng Tây không biết đâu.

Giữa chén rượu, câu chuyện trở về những ngày thành phố còn thẳng Tây. Ông Hồng Lâm hào hứng kể tên từng người cán bộ nội thành, nay vẫn thỉnh thoảng đến chơi, có người đi ô-tô com-măng-ca đỗ xích trước cửa. Nguyên Hồng đã chén gọn cả chục chiếc bánh. Chúng tôi uống sông.

Bà Lâm tinh ý:

- Chắc hai ông không thích. Tôi làm bánh mà tôi cũng không ăn nữa. Bây giờ người ta ăn bổ bã lắm. Hôm nào các ông lại chơi, lúc rồi hàng khuya khuya đã. Tôi làm cái bánh cuốn thật như Lạng Sơn ngày xưa các ông nếm thử.

- Có giống lốc bếu không?

- Gọi là lốc bếu hay bánh cuốn Lạng Sơn, cũng tay mình làm ra thôi.

Nguyễn Tuân gật gù. Lốc bếu, lốc bếu. ừ hôm nào trở lại. Thế là cái quán ông Hồng Lâm trở nên hay hay mà Nguyễn Tuân đã tìm dân ra, không phải theo tôi về Nghĩa Đô nữa. Vẫn cái tài gợi cho phải đáng chú ý, chúng tôi a dua theo. Dần dần cảm thấy đầm ấm trong nhà, nhớ những đêm Cao Bằng ở Quảng Uyên, ở Thủy Khẩu và ở Hạ Đồng bên kia biên giới năm 1950 trong chiến dịch. Những quán phở vịt, phở chua, rượu men lá. Những ống tay áo chàm rộng, một chiếc răng vàng kín đáo chẳng biết các chị các em dân công ấy người Nùng hay người Hán. Khách ngủ lại, ăn cơm như bữa cỗ vẫn kèm bát cháo hoa, lại đầm chân nước nóng, như nhà trọ của thím Hằng nhân tình cầu thủ Goòng tản cư ở Ba Giảng trên Đại Từ.

Không phải bà Lâm hẹn đãi tôi. Chúng tôi đến, một tối ở dưới ấp về. Lại mưa, mưa tầm tã ướt lướt thướt, ánh đèn đường nhòe nhoẹt trời mưa, hay là ta cứ nghĩ ra là mưa thế.

Nhà có khách riêng, ông Lâm đóng cửa hàng. Lò than kê giữa nhà, ngay trước bàn. Mặt lò đặt chiếc thạp nhôm to. Hơi nước và mùi bánh chín bốc lên thoang thoang. Giọng nói đặc kẻ Bưởi mà tôi không thể nén được bồi hồi, mỗi khi nghe. Chợt để ý cái người con gái chú Sồi bán thịt lợn ngoài cầu chợ hồi tôi còn xách quang liền đi mua nước suýt bây giờ đã lên bà, nghĩ xa mà buồn.

Giờ mưa thế này, tưởng các ông ngại. May quá. Vui thôi mà.

Chiếc vung thạp được gác hẳn lên tường bếp. Làn hơi trắng thơm khắp phòng. Những chiếc bánh hấp nhân thịt mộc nhĩ được lấy từng đôi đặt lên đĩa tây. Chén nước mắt nhỏ mấy giọt cà cuống. Ông bà Hồng Lâm ngồi cùng chúng tôi. Bà vừa ăn, vừa tiếp bánh và mỗi người nhắm nháp một cách khác nhau. Nguyên Hồng vẫn uống rượu và đánh lăm năm đôi, như lệ mọi khi, một chục chiếc đầy đặn. Bà chủ nhà nhắc ra cặp bánh, ông ấy rót rượu. Nguyên Hồng nâng chén, đầm đìa nước mắt.

- Bây giờ tôi mới lại được chén cái bánh hấp như lốc bếu từ ngày bé ở phố Khách dưới Hải Phòng.

Nguyên Hồng cứ đứng thế, ôm vai ông Hồng Lâm, miệng lập bập hầy hầy hảo lớ, hảo lớ, cái nỉ hảo tố lớ không nói lên lời nữa. Hàng nước mắt đã chan chứa hai gò má, rồi lại ngồi xuống nhồm nhoàm ăn, nước

mắt vẫn lã chã. Chúng tôi đã quen với những cảm hứng giữa đường giữa chợ của Nguyên Hồng. Ông Hồng Lâm cười hề hề:

- Uống rượu mà ra nước mắt thế là phát tài, sắp có bổng, các ông ạ.

Nguyễn Tuân đã ngậm tẩu thuốc. Nguyễn chỉ ăn một cặp bánh.

- Ông nếm thế thôi? Ông chê, phải không?

- Ngon lắm, bà Lâm à. Người biết làm thức ngon như bà bây giờ hiếm, không có nữa đâu. Chốc nữa, tôi xin ông bà mười chiếc đem về, tôi quen ăn đêm như vạc, bà ạ.

- Ông cứ tự nhiên.

Bà Hồng Lâm lấy mảnh lá chuối tươi bọc năm đôi bánh đặt sẵn bên góc bàn. Cho tới lúc ra về Nguyễn Tuân chỉ uống rượu với ông Lâm và ngắm nghía chúng tôi ăn. Có hôm, Nguyễn Tuân nhắc đến cái tối lốc bếu nhà ông Hồng Lâm lại bình rằng quả là ăn bánh cuốn phải chấm nguyên si nước mắm chắt Nghệ mới lên chất, chứ đoảng nhất là đem pha dấm - dấm và muối phương Tây thô, như ông lão 81 đã nhận xét, chỉ biết mặn khác nhạt, trơ ra như con số, người mình không thể. Ông lại chê lây sang chúng tôi chỉ biết hốc.

Nguyên Hồng cãi: ăn được nhiều mới thấy ngon - Cái chủ nghĩa cơm năm bát cật lực của ông, tôi chịu. Nhưng ông biết khen bánh cuốn Lạng Sơn của thím Hồng Lâm, thế là được, - Nguyễn Tuân nói. Quang cảnh hàng quán khu này cũng là một góc thời sự thành phố. Nhiều năm về' sau, hồi người Hoa bỏ đi, mấy người quen thuộc và nghèo nghèo này vẫn cặm cui thế. Nhưng rồi cứ thấp thoáng như ma trận. Tôi vào cà phê Ca, lão cháo gà giải phóng quân trông thấy. Lâu mới gặp. Lão bảo lão đã dọn hàng vào số nhà gần đây. Tôi cười:

- Phát tài, có cửa hiệu rồi?

Lão cười hiền lành:

- Nhà người ta đi mình đến ở thôi.

Có những hôm tự dưng ngỡ như hôm nào vẫn đến chuyện tầm phơ với vợ chồng nhà Hồng Lâm, câu chuyện cũ đến đoảng. Thoắt đấy thôi mà đã ra sương khói. Hàng nhà Hồng Lâm đóng cửa. Ghé vào, thấy mảnh giấy dán niêm phong. Nhà người Hoa bỏ đi. Qua cà phê lão Ca thấy một cái giường kê thò ra tận ngoài thềm. Người khác đã ở. Cái người cả tuổi trẻ đuổi ngựa qua các núi Hà Giang ấy đi, cái bà giống người con gái xưa ở đầu đường Cổ Ngư có cùng đi không? Vợ chồng ông Hồng Lâm, người con gái chú Sồi không biết tiếng Tàu, nói giọng kẻ Bưởi. Mà cũng đi, mà già lão cả rồi, mà đi đâu. Lão cháo giải phóng quân tôi cũng không gặp lại nữa.

Năm trước, tôi qua Tây Beclin. Có hai vợ chồng trẻ gốc Trung Quốc, không biết tiếng Tàu, không biết

quê ở đâu, chỉ biết cha mẹ sinh ra ở thị xã Bắc Ninh. Nghe tin có người Việt Nam mới sang thì đến chơi cho đỡ nhớ nơi sinh. Hôm tết mừng năm, nhà cũng thối xôi, thấp hương rồi đóng cửa, vợ chồng ngồi khóc. Quán ăn Phượng Hoàng, cô chủ hàng Trần Lệ Tương kể chuyện nổi nhà tha hương. Nghĩ người Do thái, người Digan cũng chỉ đến thế, nhưng chưa phiêu bạt vòng quanh trái đất như thế. Lệ Tương chỉ nghe nói quê ở Thượng Hải. Đây là đến đời Lệ Tương nghe kể lại. Rồi sang Xiêm, ở Băng Cốc, vào Phù Kiệt. Lệ Tương được sinh ở vùng du lịch và nghỉ mát Phù Kiệt. Khi lớn, theo cha mẹ sang Mỹ, bồng bênh mấy nơi rồi đọng lại ở Canada. Lệ Tương lấy chồng, hai vợ chồng trôi về Beclin, nhiều năm rồi. Rồi còn đi đâu nữa? Trần Lệ Tương mỉm cười, có phải hình bóng con gái cái bà già chú Sồi ngày trước đây? Âu cũng là nông nổi chia ly thì cũng chỉ mình nghĩ ra thôi. Nổi đi nổi ở của những người không có quê thì đâu cũng vậy. Người Hoa ở đảo Cát Bà đã ra đi như thế này. Cả vạn chài, phố chài hàng mấy trăm chiếc thuyền đậu trong vịnh. Suốt đêm chèn chén, đốt pháo. Gà gáy thì ra khơi. Cái lần tôi qua miền nam ấn-độ, thấy nói gần cảng Madrat có nhiều vạn chài người Trung Quốc, cả thuyền bè đồ nghề, mới đến định cư. Phải những nhà chài ở đảo Cát Hải, Cát Bà dạt sang lập nghiệp ở đây. Có thể.

Hôm sau, mới rõ nguồn cơn những giọt nước mắt Nguyên Hồng rơi xuống đĩa bánh cuốn hấp ở nhà Hồng Lâm. Không biết những điều tôi đoán có hẳn như thế, nhưng mấy hôm ấy tổ 18 bước vào thu hoạch cá nhân. Tự đánh giá công tác sáng tác thời gian qua. Những cái đúng và những cái sai và phương hướng sửa chữa. Thói quen những cuộc họp tập thể này gọi là chỉnh huấn, cái đúng, cái tốt thì nói lướt phớt, rồi người ta dội lên đầu nhau những chữ nhưng, chữ tuy nhiên, chữ mặc dầu đã...

Tôi bị mơ hồ mất cảnh giác mọi mặt. Các cơ quan Hội Nhà Văn và nhiều công tác bị lũng đoạn. Báo Nhân Văn, nhà xuất bản Minh Đức không còn, nhưng tư tưởng Nhân Văn - Giai Phẩm vẫn tồn tại, vẫn làm lệch lạc chúng tôi.

Ngổn ngang tâm sự và tâm trạng chua chát, mĩa mai, lại hài hước. Có người quen thân, có người chỉ sơ sơ, bây giờ moi móc những việc, những lời đã nói, bất kể nói lúc nghiêm trang hay khi vui chén bông đùa, được dẫn chứng bằng cứ ra, phân tích cho nhau rõ ranh giới địch ta. Chỉ Nguyễn Tuân mới nhớ lâu và để bụng những câu góp ý ấy. Có những người rồi Nguyễn Tuân không bao giờ dàn mặt nữa. Đến lượt, ai cũng phải suốt buổi ngồi chịu trận nghe cả tổ mắng xa xả, vi vút. Kim Lân kể dạo ở trên chợ Chu, trong một cuộc kiểm điểm, Ngô Tất Tố bị một anh xưa nay bác Ngô vẫn không coi ra gì, bây giờ phải nghe anh ấy sát phạt lên lớp cho. Ngô Tất Tố quệt nước mũi vào gốc cây, sực sùi nói với Kim Lân:

- Làm người khó lắm, bác ạ.

Khổ một nỗi, có người nghe phê bình, cứ tiếp thu thun thút, còn mình hoá thêm lỗi mình cho to ra thêm nữa. Thế mà cũng không được tin, lại bị tố cáo là hời hợt, trốn tránh. Có người bỗng thật thấy mình sai, nhận ngay cũng lại bị cho là nông cạn, con vẹt, thiếu đào sâu suy nghĩ. Đến lượt Nguyên Hồng trình bày, lại đặt chồng báo Văn ra trước mặt, giở từng số, vừa nói vừa ứa nước mắt. Chịu chẳng ai phân tích ra thế là kể công hay nhận tội. Tôi dự các cuộc chỉnh huấn đã nhiều, có người lo quá, cả tháng không chợp mắt, như ở báo Cứu Quốc, một cậu còn trẻ, đã vào rừng thắt cổ.

Phương châm trị bệnh cứu người là ngồi nghe không được nói lại, đợi đến lúc phát biểu thì tiếp thu. Dao kéo chinh huấn của tôi cũng đã hăng hái mổ xẻ nhiều người lắm. Mùa đông 1951, ở rừng Chiêm Hoá, hai tháng dự lớp đầu tiên chinh huấn gọi là theo phương pháp Hoa Nam. Lớp ấy nòng cốt các ngành các giới và địa phương học xong về toả ra rộng khắp. Trần Dần và Tử Phác phụ trách chinh huấn trong văn nghệ quân đội. Đặng Đình Hưng và Lê Đạt là cán bộ trên ban tuyên nghiên huấn Trung ương về mở các lớp cho giới văn nghệ. Đoàn cán bộ giáo vụ đi học chinh huấn ở Hoa Nam về mặc áo bông xanh Sỹ Lâm. Lớp tôi bế mạc, một số cán bộ vượt Trường Sơn vào làm chinh huấn và cải cách ruộng đất trong khu Năm. Đoàn còn được lệnh vào sâu hơn, nhưng mới tới miền Đông Nam Bộ thì hiệp định Giơnevơ 1954 được ký kết.

Nửa đêm trở dậy, giữa rừng đất hàng trăm bó đuốc lên, lấp loáng bằng khẩu hiệu vải đen chữ trắng... Bộc lộ khuyết điểm... Thước đo lòng trung thành... Trời rét cắt ruột. Rừng đêm tối như mực. Con người bắn thiêu lổ lầm đầy rẫy... Chưa... Chưa đủ thành khẩn, làm lại... lại làm lại. Mỗi lần làm lại, viết lại càng ngày càng áy náy lo. Cái chờ đợi được tổ thông qua cứ xa vời vợi. Chỉ có bộc lộ tội hủ hoá ngu bậy thì cơ chừng nói ra dễ nhất, không có cũng dấm ngực bảo có, nhất là nam giới. Chết rồi còn bị khai trừ, vì tội trốn đấu tranh. Hoạ sĩ Nguyễn Tư Nghiêm tham gia một đợt giảm tô ở Thái Nguyên. Công tác dưới xã xiết chặt phẩm phấp từng buổi, từng ngày, cả đội như một đơn vị ra trận. Hai ngày bắt rể, một ngày xâu chuỗi rồi hợp rể chuỗi, rồi trường thôn mới ở xóm ra mắt... Đội viên giảm tô Nguyễn Tư Nghiêm loay hoay cả tuần không bắt được rể, không xâu chuỗi được một cổ nông nào. Nguyễn Tư Nghiêm hoảng quá phát đại, đi không nhớ đường về xóm. Suốt ngày vợ vẫn ngoài đồng, bắt cào cào, châu chấu ăn. Hoạ sĩ Tạ Thúc Bình được cơ quan cho xuống đoàn xin Nguyễn Tư Nghiêm về. Chưa bao giờ tôi hỏi lại xem ngày ấy Nguyễn Tư Nghiêm điên thật hay sợ phải ngồi chuồng trâu kiểm thảo đã sáng tác ra trò Vân đại ấy.

Chinh huấn xong ở Chiêm Hoá, về tổ chức chinh huấn trí thức và văn nghệ sĩ. Đặng Đình Hưng, Lê Đạt, Nguyễn Minh Tấn làm cán bộ giáo vụ chủ chốt của lớp. Anh em chúng tôi ai đợt trước chưa dự đợt ấy thì làm nốt. Tôi chinh huấn rồi lại dự nữa không làm giáo vụ nhưng được làm tổ trưởng. Tổ tôi có nhiều nhân vật lạ khác nhau: Phan Khôi, Tú Mỡ, Văn Cao, Nguyễn Công Hoan, nhà triết học Trần Đức Thảo, bác sĩ Đặng Vũ Hi... Người khó góp ý kiến, khó đánh đổ không phải bác Phan Khôi ương bướng như tôi tưởng mà lại là bác Tú Mỡ hiền lành, củ mĩ, ít nói.

Có hai việc khó cho tổ trưởng tôi về bác Tú. Bác Tú Mỡ nói:

- Nguyễn Tường Tam phản bội, nó là kẻ thù của nhân dân. Nguyễn Tường Tam lập đảng Đại Việt hại dân hại nước. Nguyễn Tường Tam theo Tàu Tưởng về chống phá cách mạng rồi trốn đi. Tôi kịch liệt lên án nó. Nhưng tôi không quên được Nguyễn Tường Tam đã có ơn với tôi.

Bác Tú tiếp tục:

- Nói thẳng ra là không có Nguyễn Tường Tam thì không có Tú Mỡ. Khi làm báo Phong Hoá, Nguyễn Tường Tam đã khuyến khích Tú Mỡ đi vào thơ trào phúng, chuyên thơ trào phúng, có Nguyễn Tường Tam mới thành Tú Mỡ.

Bác Tú Mỡ không chịu phân biệt chính trị và văn nghệ hai vế, bảo Nguyễn Tường Tam có tội thì được, nhưng Nguyễn Tường Tam đã giúp đỡ Tú Mỡ, làm sao nghĩ khác được, bác Tú Mỡ chưa biết phải nên thế nào. Đến cả Trần Đức Thảo mới ở Pháp về Việt Bắc cũng lắc đầu :

- Không được, không được, không thể gượng nhẹ với Nguyễn Tường Tam được.

Trần Đức Thảo hồn nhiên hăng hái cả trong cách sinh hoạt của anh lúc ấy. Thảo đã đem cho hết đồ Tây. Thảo mặc quần áo nâu, đi chân đất. Tối ngủ không màn, mặc dầu chúng tôi đương ở rừng đầu sông Lô, đêm đến, muỗi ra nhiều như vãi chấu. Về muộn mà, tớ phải tập gian khổ cho kịp với các cậu. Trần Đức Thảo nói đứng đắn thế. Chẳng bao lâu, Trần Đức Thảo run cầm cập sốt rét xanh tái.

Sau cùng, Tú Mỡ đấu dịu :

- Các anh phân tích thế tôi đã nghe hiểu, tôi đã nhận ra được cái mặt thẳng bán nước ấy rồi. Chỉ lo trước một điều, quả đất tròn biết đâu việc đời thường éo le. Chẳng may lịch sử có cuộc xoay vần thế nào, một ngày kia ta bắt sống được thằng chết chém ấy mà tình cờ lại có Tú Mỡ ở đấy. Thì xin chính phủ đừng cử Tú Mỡ ra chém Nguyễn Tường Tam.

Nghiêm nghị, Tú Mỡ nói, không nhìn ai :

- Tôi đề nghị các anh thế.

Việc thứ hai rắc rối hơn. Bác Tú Mỡ, chiến sĩ thi đua ngành văn hoá văn nghệ đi dự đại hội anh hùng chiến sĩ toàn quốc ở Tuyên Quang rồi về nhà tản cư bên Bắc Giang, trên đường Tú Mỡ tạt xuống vùng ven sông Đuống. Đội chèo tỉnh Bắc Ninh đương dựng một vở của Tú Mỡ. Chẳng may, sớm hôm ấy địch bên kia sông tràn sang càn quét, cướp cái ăn. Tú Mỡ bị bắt. Tú Mỡ khai là công chức đi tìm vợ con tản cư trên Thái Nguyên!'. Tú Mỡ nói được tiếng Tây, bột Phù Lưu giữ Tú Mỡ lại cho làm thông ngôn, chưa gửi về giam Nhà Tiền bên Hà Nội như mọi người khí bị bắt trong các trận càn. Chuyện này tôi đã viết ở tập ký Chuyện cũ Hà Nội.

Thằng quan ba sếp bột Phù Lưu bị chết trận. Hôm đưa xác quan ba lên ô-tô về Hà Nội, Tú Mỡ đã đọc tiếng Tây một bài văn tế. Ôi thôi, thế là tổ chúng tôi quần bác Tú đến điều. Cũng không ai khen bác một câu, bởi vì bác Tú Mỡ có thật thà nói ra, chúng tôi mới biết chuyện kỳ cục ấy, chứ Tú Mỡ giấu đi thì nào ai biết được. Lúc đến lượt phát biểu tiếp thu được giúp đỡ, Tú Mỡ cũng không nói câu nào.

Hôm tan lớp, chúng tôi trở lại cơ quan. Trên đường đi, Tú Mỡ mới thủ thỉ tâm sự :

- Nghe các cậu phân tích mình cũng nhận ra cái sai. Nhưng mà... nhưng mà... tớ tính nếu không có bài văn tế, không được thằng quan đồn mới đến thay tin cần hơn, đời nào nó thả cho tớ đi Thái Nguyên tìm vợ con. Có được xỏ lồng thì Tú Mỡ mới về với các cậu được chứ. Thế thì thử bắc cân lên xem thằng Không Minh Tú Mỡ so với thằng phản động Tú Mỡ, thằng nào nặng cân hơn.

Đến lúc ấy không còn vai tổ trưởng, tôi cười trừ. ở lâu với Tú Mỡ, thấy anh cứ vừa ngơ ngác vừa thâm thúy và không biết đùa. Tú Mỡ làm thơ trào phúng toàn đọc bản tin thông tấn xã lấy gợi ý. Về Hà Nội, chi bộ dự định kết nạp Tú Mỡ vào Đảng. Tú Mỡ cũng có nguyện vọng ấy ở trên nhận báo cáo và có ý kiến xuống đồng chí Tú Mỡ chiến sĩ thi đua toàn quốc xứng đáng đảng viên, nhưng nên để đồng chí Tú Mỡ ngoài đảng. Như thế có lợi cho cuộc đấu tranh thống nhất hai miền.

Tôi có trách nhiệm nói lại với anh Tú Mỡ như thế. Tôi đã nói, rồi lại đề nghị Tú Mỡ cùng tôi lên gặp trên. Ra về, anh Tú Mỡ bắt tay tôi, vẻ hể hả. Ôi thôi, bao nhiêu nỗi nùng trăn ai. Ngót hai năm trước, tôi đã đi làm anh đội mấy đợt cải cách ruộng đất. Đợt 3 dưới kẻ bề Hải Yến Tĩnh Gia rồi lên Hậu Hiền tổng kết. Xong về xã Đồng Tiến Nông Công, đợt 4 được thăng đội phó phụ trách toà án. Chẳng phải vì tôi tài ba đánh địch thế nào, mà vì hồi ấy nghe tin chính quyền trong Nam kiện với ủy ban Quốc tế rằng ta vi phạm nhân quyền, bắt giam người không có án. Đoàn uỷ cải cách có sáng kiến tìm ra tôi là nhà văn nhà báo, gọi lên, phong chức cho tôi có cương vị múa bút sửa soạn chữ nghĩa, giấy tờ đối phó, nếu ủy ban Quốc tế kiểm tra đến. Tôi đã làm sẵn nhiều bản án. Mãi không thấy gì. Nhưng dù sao, đội tôi cũng là một đội đánh địch khá, đã hai lần được tuyên dương toàn đoàn. Cho nên, đợt 5 được điều ra Cẩm Bình Hải Dương vùng hai trăm ngày sau tiếp quản mới giải phóng, làm một lèo thăng cải cách ruộng đất không qua phát động giảm tô. Những vùng trắng cơ sở, chắc chắn lúc nhúc mật thám và quốc dân đảng. Tôi làm phó, đội trưởng Huỳnh Cự, nghe nói là đại đội trưởng bên quân đội đã tham gia ba đợt rồi. Huỳnh Cự sát phạt dữ dội mọi mặt. Mới vài ngày xuống xã, Huỳnh Cự đã tổ chức mít tinh hoan nghênh đoàn uỷ duyệt cho bắn một địa chủ để nâng khí thế nông dân lên. Huỳnh Cự lấy một cô rẽ cổ nông. Huỳnh Cự bảo tớ chưa có vợ. Vóc cao lớn, vạm vỡ, dáng đã đứng tuổi, hai con mắt ngầu đỏ, đi đâu cũng đeo ba lô và vắt cái khăn mặt trắng quanh cổ. Tôi nghi ngờ thế nào ấy, chẳng lẽ lão này lại chưa có vợ. Nhưng không dám hé răng. Huỳnh Cự nhốt tôi vào chuồng trâu lúc nào chẳng được. Tôi đã viết bài và làm nhiều ca dao đăng báo của đoàn về tội cường hào ác bá mà tôi nghe ở những cuộc họp kể khổ.

Bao nhiêu năm sau. Một đêm tôi mở đài Sài Gòn. Tôi hay nghe mục Tao Đàn, cái giọng nữ ẻo ọt của cố nhân Đinh Hùng. Hôm ấy, có tin đại tá Huỳnh Cự đi dự hội nghị quốc tế chống cộng ở Đài Loan. Lạ, nhưng tôi tin ngay là Huỳnh Cự ấy. Đến lúc Huỳnh Cự phát biểu với các nhà báo ở sân bay Tân Sơn Nhất, thưa đôm bào... thưa đôm bào... cái tiếng Quảng Ngãi nặng trĩu, nghe dễ sợ vẫn như ngày làm cải cách ở Cẩm Bình.

Thì ra, Huỳnh Cự làm cải cách cuối đợt 5 xong rồi vào chiến trường, rồi ra hàng địch.

Đầu tôi nặng trĩu mưa gió chinh huân. Lúc lặng im vẫn lo vẫn vơ. Không biết nên thế nào, cũng không khuây khoả nhẹ nhàng được. Việc không đáng nghĩ mà đâm ra nghĩ. Xưa kia đi làm, cái nghề bán giày kiếm đồng tiền mua mật ra, rồi viết văn, cũng là đi làm. Tôi theo đuổi lý tưởng từ những ngày bóng tối. Không có cách mạng, tôi làm sao nên người như bây giờ. Làm sao tôi lại có thể nghiêng ngả, có thể bị lũng đoạn được nhỉ? ở rừng ra, đi cải cách rồi về bắt tay vào những công tác rất quen mà cũng rất mới mẻ này, mới được hơn một năm. Tôi hữu khuynh, tôi bị anh em bốc lên phồng mũi Triệu Tử Long, tôi bị bịt mắt, tôi bị xỏ mũi mà không hiểu, chậm hiểu, không tự biết. Phải thế không? Tôi không tin tôi đến nỗi đờ đờ thế. Có lẽ

tôi cũng như Nguyên Hồng, chỉ thấy công phu đã làm báo, đã mất công lo việc thế thì không thể sai. Ngày trước và cả khi ấy, Như Phong vẫn bảo tôi là thằng ngoại ô láu cá, văn chương dẻo gọt. Cái ấy thì có thể. Tôi sinh ra ở nơi thành phố với làng mạc lẫn lộn, thế lực chánh lý không khắc ra lửa như trời đất làng Đại Hoàng của Nam Cao, mà ở quê tôi, túi bạc đâm toạc tờ giấy, có tiền là có cả, bấy lâu tôi lăn lóc trong khoé đời ấy có thể vì thế mà tôi sai chẳng.

Trước bước kiểm thảo, chúng tôi được nghiên cứu và phổ biến lại vấn đề Nhân Văn đã xảy ra năm trước. Sự việc ấy phức tạp cả trong nhiều tầng lớp xã hội ở thành phố, không phải chỉ có mấy cái truyện ngắn, bài thơ trên báo là tất cả. Trong những người dính líu không phải ai cũng đều biết tác động nhuộm màu chính trị lan truyền trong hoạt động đảng xã hội Pháp cũ (Sfio) và những người đang lo lắng lên tư sản hay những người liên quan, con cái và địa chủ các nơi lên về ẩn náu. Lại có ông tùy viên văn hóa Đuy rằng con, tay chơi đồ cổ có hạng, nói tiếng Việt như ta, lại có thư luân lưu tổng giám mục Đuy lây địa phận Hà Nội dạy dỗ giáo dân sống với quỷ ác, biết nhẫn nhục, ép mình, thư luân lưu lan đến những vùng công giáo cơ sở du kích cũ ở Hà Nam - vẫn địa phận Hà Nội của bên đạo. Các nơi ấy, chín năm kháng chiến không có lễ cho người chết cho trẻ sơ sinh, cho các đám cưới, bây giờ cha cố về làm lễ dòng đã mấy tháng qua các làng chưa hết. Cái họ đạo xôi đỗ làng du kích Đại Hoàng của Nam Cao cũng trải những việc đạo việc đòi nhiều khê thế. Những người nước ngoài vi phạm an ninh của đất nước đã bị trục xuất. Người có quan hệ với họ, Thụy An và Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo trên đường xuống Hải Phòng bị bắt ở ga Phú Thái. ở hội trường, được phổ biến thế.

Tiếng vỗ tay rào rào. Tôi ngồi im. Tôi ngậm ngùi nhớ hơn mười năm trước, tổ văn hoá cứu quốc chúng tôi bị giải xuống Nam Định. Mật thám đã xong cung, còn năm nhà giam đợi ra toà. Dối dãi, cả ngày chuyện tào lao, Nguyễn Hữu Đang có một nhận xét chua chát về đàn bà:

- Những thằng ăn nói lém lỉnh như tao, đàn bà không thích. Chúng nó ưa những đứa lờ mờ một chút, dễ sai bảo. Tao có kinh nghiệm thế rồi.

Nguyễn Hữu Đang ngâm thơ giọng thủ thi rất buồn: Nào những ai bảy thước thân nam tử. Bốn bề chí tang bồng... Ngàn mây bay bổng...

Tan lớp ở Thái Hà ít lâu, Phùng Cung bị bắt, Phùng Cung công tác chạy hiệu ở văn phòng cơ quan hội Văn Nghệ từ trên Tuyên Quang. ở rừng, những việc tụn mồn không tên, giấy tờ công văn, giữ sách thư viện, làm sách mới, đi chặt củi, vác gạo, khiêng người ốm ra trạm xá, thui chó liên hoan... Nghĩ đến Phùng Cung, tôi nhớ những việc linh tinh hàng ngày ở cơ quan kháng chiến. Hồi ấy nhiều người ở đâu vào làm cơ quan, tuy khổ song chắc chân hơn long đong dò giang chạy chợ.

Nhưng mà cũng là ở đâu yên thân thì người ta tụ lại không dinh tề về thành, mặc dầu thật ở nơi đèo heo hút gió lại khác. Báo Cứu Quốc Việt Bắc chúng tôi ở Bắc Cạn có anh bỏ cơ quan ra lấy vợ người Tày trong làng rồi đi cắt tóc, đi sơn tràng. Bây giờ anh Ban ra ngoài làng vẫn còn sống, ở vùng chè Tân Cương trên Thái Nguyên. Tết, tôi thường nhận thư. Phùng Cung từ cơ quan nào dạt đến, không nhớ - có lẽ ở ty

thông tin Tuyên Quang. Chơi vui, cũng không để ý, kể cả việc hệ trọng khi tôi nhờ Phùng Cung đạp xe đèo đưa chị Nam Cao xuống Hoàng Đan tìm mộ anh ấy. Đọc truyện ngắn Con ngựa già của chúa Trịnh Phùng Cung đăng trên báo Nhân Văn tôi cũng gật gù.

- Thăng này viết được. Nhưng còn học máu ra mới nên cơm nên cháo đấy, con ạ.

Phùng Cung cũng điệu đóm và tập tành như tôi ngày xưa, đâu dễ mà có sừng có mỏ ngay. Phùng Cung bị bắt khi nhân văn, nhân võ đã được dọn dẹp yên ắng, đã tàn. Nghe nói Phùng Cung hay chén chú chén anh với đám Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, được mấy anh này phong chức tay truyện ngắn nhất Đông Dương. Chắc là la đà chiếu rệu với nhau, ăn nói càng ngổ ngáo ganh nhau, càng bạt mạng. Lại viết tập Dạ ký đã nghe đồn là tài lắm, dữ lắm.

Tôi không thể tưởng tượng ra được một Phùng Cung thế nào mà bị bắt. Tôi vẫn mơ màng về chúng tôi, cây số ba, cây số bảy trên Tuyên, phở Dơi, cà phê Pháo, anh chàng mặt xanh xám vỏ dưa hấu về vết vết nặn trứng cá, cứ ngồi bên bàn đọc sách, có lúc gãi ghè hay lúi húi làm gì, con mắt đỏ đỏ mà tinh, như chú mèo vờ lù rù rình chuột. Về Hà Nội, đôi ba lần chúng tôi lảng tránh cà phê Phúc Châu phố trên. Hình như Phùng Cung quê ở trung du và nổi nhà địa nhà phú thế nào ấy cũng không bao giờ tôi hỏi.

Lại hơn mười năm sau. Chập tối, một người bước vào cửa. Dáng ủ rũ, mặt tái ngoét, không phải Phùng Cung mà là cái bóng Phùng Cung trên tờ giấy tẩy chì mờ mờ.

- Phùng Cung phải không?

- Tôi đây.

- Còn sống về được a?

- Cũng không hiểu tại sao, anh ạ.

Từ ấy, thỉnh thoảng có gặp lại. Trước kia tôi đã không biết, bây giờ chẳng muốn đụng đến vết đau. Lại bình thường. Có hôm Phùng Cung nói chuyện ở tù, cứ như chuyện ai, ở đâu. Hồi ấy, thuốc viên rửa, loại độc bảng A rất hiếm, dù đấy là dược phẩm của ta. Phùng Cung hỏi và kể luôn:

- Anh có biết sao thuốc hiếm không? Trong viên rửa có thuốc phiện. Người ta mua, gửi cho thằng người nhà ở tù hãm nghiện, cai nghiện. Có đưa uống viên rửa, cả tháng không ỉa được, gãi tuột da, phát điên.

Hôm ấy, chúng tôi đi ăn phở, Phùng Cung trả tiền rồi rủ lên cà phê bà Sính ở Cột Cờ. Tết, Phùng Cung đem biếu chai rượu thuốc. Tôi mừng, cái thằng chớm lao ngày ấy - bệnh lao đã nặng lên trong tù tuy ngày nay không phải là bệnh chết mấy nữa, nhưng vẫn là ho lao. Phùng Cung hỏi tôi:

- Anh có biết tôi phải giam bao nhiêu năm?

- Không biết.

- Vâng, mười một năm tù biệt giam.

Đã tù lại biệt giam, lại bệnh lao, thế mà không chết rũ tù. Thế nào, người tù biệt giam mười một năm vẫn hiện được về. Lại lâu lắm không gặp. Ngỡ như Phùng Cung đã làm sao. Nhưng, một hôm, có người sở Công an đến nhờ tôi ký chứng nhận quãng công tác ở cơ quan sau cùng Phùng Cung làm việc, trước khi phải bắt. Các anh phụ trách Hội Nhà Văn bây giờ đều là người các khóa mới không chịu trách nhiệm quãng thời gian ấy. Tôi lại phải làm cái việc qua đã lâu rồi.

Tôi hỏi người công an trẻ tuổi cầm giấy.

- Chứng nhận để làm gì?

- Có liên tục công tác thì mới đủ năm cầm sổ hưu. Thủ tục thế ạ.

- Liên tục cả ở cơ quan nhà tù?

Anh công an cười hồn nhiên, chào cảm ơn bác. Gần đây, nghe Phùng Cung đã chuyển lên ở một xóm trên Quần Ngựa. Nghe nói con cái nên người đã khá khá, làm được nhà mới. Lại thấy báo đương viết, viết hồi ký - hay tiếp tục Dạ ký sau hơn ba mươi năm, hả đời? Báo có hôm nào lên chơi, vẫn chưa đi được.

Tôi ngồi cạnh Nguyên Hồng. Kiểm điểm Nguyên Hồng một buổi chưa xong. Vẫn một chồng báo Văn, vẫn như mọi hôm. Cả tổ với nhiều người tổ khác đến viện trợ cũng không ai hỏi thêm Nguyên Hồng một câu nào nữa. Bây giờ mà đụng đến, lại phân tích, lại bổ sung, lại tôi xin góp với đồng chí thì chắc chắn lại như hôm qua, hôm kia, trông trước kìa kìa Nguyên Hồng xoè bàn tay lên chồng báo, vuốt vuốt, meo mào nói, nước mắt như trút... tôi thức đêm thức hôm... tôi bỏ hết sáng tác, ngày đêm tôi chỉ nghĩ đến tờ báo... bài này đề tài công nhân... bài về kháng chiến... bài này về thống nhất... bài về sửa sai cải cách ruộng đất... tôi không... tôi không... Chẳng mấy lúc Nguyên Hồng lại khóc hu hu.

Thế là không ai nói chen vào được nữa.

Báo Văn nghỉ. Tuần báo Văn Học ra thay. Nhà xuất bản Hội Nhà Văn sát nhập vào nhà xuất bản Văn Hoá, bộ phận văn học của nhà xuất bản Hội Nhà Văn do phó giám đốc Đỗ Phồn phụ trách. Chúng tôi thì được chia vào các tổ đi thực tế lâu dài theo phong trào lúc ấy. Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Tưởng, Văn Cao, Lưu Quang Thuận, Nguyễn Văn Tý lên nông trường Điện Biên. Nguyên Hồng về nhà máy xi măng Hải phòng. Có ảnh đội mũ thợ, đẩy xe goòng đăng báo Nhân Dân. Tôi đi với tổ trưởng Hoàng Trung Thông, xuống Thái Bình cùng văn Hoàng Cầm, Chu Ngọc, Trần Lê Văn, Phùng Quán. Chúng tôi về lao động và xây dựng hợp tác xã một thôn ở Thái Thụy, huyện Thái Ninh. Mỗi xã mới tổ chức hợp tác xã ở một làng làm thí điểm. Đi lâu, chuyển hẳn mọi chế độ sinh hoạt cơ quan và đảng về địa phương.

Buổi chiều ấy, Nguyên Hồng rủ tôi đến chơi nhà. Không phải chiều thứ bảy, khác lệ mọi khi.

Tôi hỏi:

- Lại nem Sà Goòng?

- ừ, mới kiếm được cái rau hay lắm.

Đúng, lại chả giò với nhân nhau thai băm với mộc nhĩ. Vẫn trên căn gác mọi khi. Các cháu, đứa bồ cùi, đứa xuống nhà rửa rau, đứa ngồi học cạnh cửa sổ. Người trong phòng bề bộn hơn đồ đạc. Chị ấy gầy leo khoeo đã chớm bệnh hen, đương lúi húi rán cháo nem trên hoá lò than cám. Chị đi làm về, sao hàng sách đóng cửa sớm thế - tôi hỏi. Chị cười nhẹ nhàng, không trả lời câu hỏi mà sau tôi mới hiểu. Cụ bà bên góc tường đương đùm mụn áo sứt chỉ của cháu nào.

Chúng tôi im lặng một lúc. Lớp học dưới ấp xong đã lâu mà cái rã rời cộng với bao nhiêu buồn bã vẫn vương khác lại chợt đẩy mỗi người chìm vào một xó. Không phải ngẫu nhiên mà vừa rồi mới có cuộc họp về vấn đề tên văn gian tởm kít Vũ Trọng Phụng, do Hoàng Văn Hoan triệu tập chỉ có tổ nòng cốt, cốt cán những người tin cậy. Hai chúng tôi không được dự. Cuộc họp ban chấp hành Hội cũng đã quyết định về chúng tôi. Có hai người hăng nhất, Hoài Thanh và Lưu Trọng Lư đề nghị đưa hai chúng tôi ra khỏi Ban chấp hành, ra khỏi Hội Nhà Văn. Nguyên Hồng suýt lại bị kiểm điểm vì không đi đưa đám Mạnh Phú Tư. Tôi thì được Đỗ Phồn chứng nhận Anh này có đi đưa, có khiêng quan tài ra xe nhà đòn!. Nguyên Hồng bị nhầm là có thái độ chống đối với những người tích cực. Nhưng đến khi Nguyên Hồng nói rằng mấy hôm ấy nằm khàn ở nhà, không đến cơ quan, không đọc báo cũng không ai đến bảo cho biết. Thế mọi người mới thôi.

Đột nhiên, Nguyên Hồng nghiêm nghị nói:

- Tao không chịu.

Tôi ừ hử. Nguyên Hồng nói tiếp, nho nhỏ:

- Tao kiện lên anh Cả.

- Kiện à?

- ừ, tao kiện. Tao tin tưởng đồng chí Sao Đỏ. Không dễ thịt nhau như thế. Tao không có điều gì không đúng với Đảng.

ừ, chúng ta sai làm sao được. Những tự tin ngây dại. Có điều, ở Nguyên Hồng được biểu hiện ra khác mà thôi. Nguyên Hồng kia mà. Có lần, tôi được Trần Quang Huy kể rằng khi sắp chiến tranh thế giới lần thứ hai, bộ phận hoạt động công khai của Đảng chuẩn bị rút vào hoạt động bí mật.

Trần Quang Huy được phân công đưa Nguyên Hồng đi công tác thoát ly. Nguyên Hồng đã ra ngoại ô Hải

Phòng ở bí mật được vài hôm, nhưng mà cậu ta nhớ nhà hay sao ấy, hôm nào cũng khóc!". Thế là lại phải cho về. Ít lâu sau, mật thám Pháp bắt, rồi Nguyên Hồng bị đày lên trại tập trung Bắc Mê trên Hà Giang. Phải, chúng tôi từ những lận lộn ấy ra cơ mà.

Nguyễn Lương Bằng đương phụ trách ban thanh tra Chính phủ. Nguyên Hồng đã cấp cả ôm báo Văn lên ban thanh tra. Nguyên Hồng quý Nguyễn Lương Bằng, có lẽ từ những chuyện vượt ngục dưng cảm. Nguyên Hồng gọi một cách trân trọng đồng chí Sao Đỏ. Huống chi Sao Đỏ lại đương làm Bao Công.

Nguyên Hồng nói đi nói lại:

- Rồi mà xem? Rồi mà xem!

Tôi không nói. Cũng không dám một câu cười cợt cái cả tin hồn nhiên của Nguyên Hồng. Nguyên Hồng lẩm bầm, làu bàu nói một mình. Lát sau, bảo tôi:

- Mà tao đã tính rồi.

Nét mặt Nguyên Hồng rầu hăn lại. Nguyên Hồng thường vui buồn đột nhiên, khó hiểu. Vừa nói đến Sao Đỏ, Nguyên Hồng phẩn chấn lạ thường, bây giờ lại khác hăn.

Tôi đưa tờ báo Nhân Dân ngày 12 tháng ba năm 1958 in bài của tôi đề là Nhìn lại một số sai lầm trong bài báo và trong công tác. Nguyên Hồng cầm xem, chỗ qua loa, chỗ chăm chú.

Sau đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ hai, cũng như tất cả anh chị em văn nghệ sĩ, tôi rất phấn khởi trước sự thành lập của những hội riêng của các ngành.

Tôi thường nghĩ rằng. Đường lối thì đã có ở thư của Trung ương Đảng gửi đại hội, đúng quá, rõ quá rồi. Chúng ta chỉ còn lo liệu sao cho nhau ra sức sáng tác mà thôi, một mặt khác, đối với những tư tưởng chính trị nguy hiểm và những quan điểm nghệ thuật sai lầm bộc lộ trên báo Nhân Văn và các tập Giai Phẩm của Nguyễn Hữu Đang, Phan Khôi, Trương Tửu tôi ngờ rằng trước phong trào quần chúng đấu tranh phản đối như vừa qua, họ phải sáng ra, như vậy là đã giải quyết xong những lệch lạc ấy.

Các quan điểm nhẹ nhàng đến độ vô lý nguy hiểm như trên, đã đưa tới cái nhìn, cùng với những lý luận sai lầm trong chủ trương công tác của tôi. Hội nhà Văn Việt Nam và cụ thể trong một số việc làm, một số bài viết của tôi.

Ngày nay, sau những cuộc thảo luận, phê bình vừa rồi, tôi mới nhận rõ trong năm quan tình hình không phải mọi sự êm đẹp chỉ có việc sáng tác mà trong văn học vẫn có đấu tranh tư tưởng gay go. Tư tưởng xấu của nhóm Nhân Văn Giai Phẩm đã tiếp tục len vào cơ quan của Hội nhà Văn, trên báo Văn, gây nhiều tác hại. Quan niệm mơ hồ của tôi, khách quan đã tạo điều kiện cho khuynh hướng tư tưởng nhóm ấy lợi dụng diễn đàn báo Văn và một số cơ quan khác của Hội Nhà Văn như nhà xuất bản, câu lạc bộ, đã gieo rắc quan điểm chính trị và nghệ thuật nguy hại. Sự yên tâm vô lý của tôi trước hình hình đó là do tôi đã hầu như

không để ý rằng miền Nam còn nằm trong lưới đế quốc Mỹ. Bộ máy chiến tranh tâm lý của Mỹ Diệm ngày đêm tìm mọi cách gieo rắc tư tưởng thù địch để phá hoại sự nghiệp xây dựng miền Bắc của chúng ta. Trong văn học hiện nay không thể quên mỗi tư tưởng đều hoặc có lợi cho ta hoặc có lợi cho địch. Tôi đã hầu như bằng chân như vại để cho những tư tưởng xấu của báo Nhân Văn cũ còn có cơ hội nhoi ra trên sách báo của Hội Nhà Văn, làm cho Mỹ Diệm có cơ hội lợi dụng để gây hoang mang cho đồng bào miền Nam và xuyên tạc sự thật ở miền Bắc.

Một phía khác, tôi cũng chưa nhận rõ miền Bắc đã đương trên quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cách mạng xã hội chủ nghĩa mở ra trên miền Bắc Việt Nam sau cuộc chiến tranh tàn phá khốc liệt trong khi tiến hành cách mạng ruộng đất và cải tạo tư sản. Với đặc điểm xã hội Việt Nam, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta vẫn không thể ra ngoài những qui luật phổ biến mà trước nhất là cuộc đấu tranh giai cấp mới đương diễn ra về mọi mặt. Tất nhiên, trước công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa thì những lực lượng tư bản chủ nghĩa khùng lên, phản ứng, ra sức chống chọi và một lúc nào đó kéo theo được mọi số hoang mang ở những tầng lớp gần cạnh.

Điều đó rất rõ hiện nay trên mọi mặt đấu tranh tư tưởng, chính trị, kinh tế, văn hoá ở thành thị và nông thôn. Do đây, càng thấy rõ những tư tưởng nguy hại của một số người, từ báo Nhân Văn, không phải ngẫu nhiên tồn tại và có cơ phát triển đối kháng, chống lại Đảng, chống lại chủ nghĩa xã hội trong khi giai đoạn cách mạng đương chuyển nhanh, chuyển mạnh.

Những điều trên, trong thời gian vừa qua, tôi hoàn toàn không biết soi lên và cắt nghĩa được trong lĩnh vực văn học.

Cho nên, ở bài tổ chức phát triển lực lượng sáng tác trước nhất và bài góp ý kiến về vấn đề con người mới đăng trên báo Văn tôi đã đưa ra một số luận điểm sai lầm. Đại ý nói rằng:

1. Trong phong trào văn học hiện nay hãy khoan khoan lý lẽ, bởi vì lý lẽ đã cạn rồi, nói tô đen hay bôi hồng gì cũng là vô ích. Mà chỉ có tổ chức, phát triển sáng tác là cần thiết và đáng chú trọng hơn hết, trước nhất? Chủ trương trên đây có phản ảnh hưởng vào hội nghị lần thứ 3 ban chấp hành Hội Nhà Văn và trở nên phương châm công tác của một thời kỳ giữa hai kỳ họp của ban chấp hành. Sai lầm của tôi đã gây nhiều tác hại. Lẽ cố nhiên, nhiệm vụ của Hội Nhà Văn là phải tìm mọi cách phát triển sáng tác nhưng vấn đề là phát triển sáng tác theo phương hướng tư tưởng nào? Không thể phát triển loại sáng tác mang những tư tưởng xấu, chống đối lại chủ nghĩa xã hội, không thể bỏ công sức ra tổ chức, tạo điều kiện cho những sáng tác như vậy ra đời. Mà trái lại phải đấu tranh chống những sáng tác đó. Nhưng trong thời gian qua, báo Văn, nhà xuất bản Hội Nhà Văn lại đem in lên, đăng lên những sáng tác có hại. Như vậy, không thể gọi là phát triển sáng tác. Thế mà tôi đã bảo vệ cho những sai lầm đó. Tôi còn cho là lý lẽ đã cạn rồi, thực ra là cho công tác lý luận, phê bình không có ích, lúc này cứ việc sáng tác mà không cần đấu tranh tư tưởng. Vì thế, chẳng những là không trị được những tư tưởng xấu lại cũng không tìm hiểu, phân tích, biểu dương được những luồng sáng tác tốt.

2. Khi thảo luận về con người mới tôi nêu vấn đề một con người mới Việt Nam là có thật, nhưng vô cùng phức tạp, vì nó sinh ra từ một xã hội phong kiến và thuộc địa nông nghiệp lạc hậu, lại trải qua gần mười năm kháng chiến gian khổ và hai miền chia cắt như ngày nay, cho nên, hiện giờ, nêu biểu hiện con người mới thì dù lấy quy cách nào ra so sánh cũng là công thức cứng nhắc, bất cứ ai cũng không thể định được mẫu cho ai theo. Mà chỉ nên cùng nhận định thống nhất đại khái như trên rồi đi sâu tìm hiểu và biểu hiện, càng muôn màu muôn vẻ càng hay.

Nói cho cùng, về việc biểu hiện con người mới Việt Nam, tới bây giờ tôi vẫn thấy là rất phức tạp là nhiều khó khăn. Nhưng nhận định xoá nhoà như trên đã làm cho tôi lẫn lộn cơ sở của vấn đề con người mới ở đâu mà ra, con người mới là ai, con người mới phải thế nào. Cố nhiên, nhà văn không thể lấy công thức cứng nhắc để thay thế sự nghiên cứu tìm hiểu những con người mới đang sống trong đời. Nhưng khi Đảng ta nêu lên: con người mới là con người lao động chân tay và trí óc phấn đấu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, trước nhất là công nông binh, thì đó là sự thật là nguyên tắc căn bản chứ không thể gọi là công thức. Trái lại, giữa lúc chúng ta đang đấu tranh với lối sống đầu cơ, bóc lột của một số người tư sản, mà chỉ nêu cao con người chung chung, vùi đi mọi ranh giới, như vậy, chỉ là bao che cho những kiểu người bóc lột lỗi thời. Trước đây, chính báo Nhân Văn và các tập san Giai Phẩm cũng núp sau chiêu bài con người mà bôi nhọ chế độ ta và đưa ra những tư tưởng tình cảm cá nhân chủ nghĩa, chọi lại với cuộc sống mới đang được xây dựng. Do quan niệm thiếu căn bản như trên, tôi đã rất coi thường sự mờ nhạt hình ảnh công nông binh trên báo Văn và trong phương hướng xuất bản của nhà xuất bản Hội Nhà Văn. Tôi không trọng việc khuyến khích những tác phẩm đề cập những vấn đề nóng hổi của cách mạng và xem nhẹ nội dung, quá thiên về hình thức, kỹ thuật. Mặt khác, nhận định của tôi bị một số người có xu hướng tư tưởng lạc hậu cố ý núp vào, tô điểm vẽ vờ thêm theo lối của họ để che dấu chủ trương tách rời đường lối văn nghệ của Đảng. Những chiêu bài con người, nhân phẩm chung chung ấy thực ra chỉ để trốn tránh đi vào công nông binh, hoặc nguy hiểm là biểu hiện thực tế nào cũng được. Cho nên, cũng dễ dàng thấy như vừa qua, bên một số sáng tác giá trị, còn những sáng tác ồm ồm, vàng vọt chìm đắm vào những khía cạnh tầm mún, cá biệt, sắc chủ quan, xa rời những nhiệm vụ của thời đại, xa rời đời sống quần chúng. Những sáng tác đó tự cho là tìm tòi nhưng thực chất cũng chỉ lại rơi vào bệnh sơ lược vụn vặt mà thôi. Sự thật tỏ rõ: ai đã thâm thực tế quần chúng, những sáng tác nào đã chuẩn bị trên sức lực của kết quả thâm nhập cuộc sống đều tốt. Những ai sợ thực tế như con dơi sợ bóng sáng, trốn nấp sau cái lá chắn thực tế do mình mà ra đều cùng quẩn không viết được, tự mình thấy trống rỗng một cách xấu hổ và họ đã thất bại thảm hại.

Với quan niệm trên, tôi đã đặt vấn đề sáng tác đơn thuần trên hình thức của công việc sáng tác mà không đặt vấn đề nội dung sáng tác thế nào (thật ra, đầu óc bám đặc tư tưởng lạc hậu mà cứ sáng tác thì cũng chỉ nghĩ ra được những cái tồi cái xấu mà thôi). Tôi không chú ý trạng thái đó đã không may đặt vấn đề tổ chức học tập nghiên cứu chính trị, nghiệp vụ và trầm trọng nhất, đã không tổ chức đi vào thực tế lao động phấn đấu của quần chúng, chẳng những đã không giúp mà còn buông lỏng coi thường khả năng của người viết hoà mình vào quần chúng. Đó chính là một thiếu sót trầm trọng.

Hiện nay cách mạng đã chuyển giai đoạn, nhưng bởi nhận thức và tư tưởng không chuyển kịp, có chỗ lẫn

lộn, tôi đã không lường hết được tầm quan trọng của đấu tranh giai cấp. Vì thế mà đánh giá thấp những hoạt động của tư tưởng chính trị và nghệ thuật kiểu báo Nhân Văn vẫn sống sót, lại nhạt nhẽo dần thêm những rơi rớt lạc hậu của từng người hoặc một phần nào trong tư tưởng mỗi người, vào lúc giai đoạn cách mạng đương chuyển, nó đẩy giũa chống lại bước tiến mới của cách mạng và đã tác hại không nhỏ.

Những khuyết điểm trên đây dẫn tới sai lầm lớn nhất là đã làm tầm thường và hạ thấp tác dụng lãnh đạo tư tưởng của Đảng. Mặc dầu, trong lúc này tôi chưa kiểm điểm công tác của Hội Nhà Văn mà mới bước đầu nhìn lại một số bài báo và công tác của tôi, cũng đã thấy ra được cái nguyên nhân và tác hại cuối cùng của vấn đề là như vậy.

Đành rằng trong một vài sự đánh giá cụ thể về một truyện ngắn này, một bài thơ nọ, có thể nhận thức riêng của tôi còn chưa rõ ràng, nhưng chính yếu là những điều căn bản thu hoạch trên kia đã chỉ ra những sai lầm của tôi, nhất định sẽ càng làm nảy nở sự suy nghĩ đúng của tôi, giúp tôi cùng toàn thể anh chị em đấu tranh kiên quyết chống lại những tư tưởng nguy hiểm còn đương tác hại trong văn học.

Nguyên Hồng buông tờ báo xuống. Rồi Nguyên Hồng xua xua tay, nói như hét vào mặt tôi:

- Tiên sư mày, thằng Câu Tiễn ông thì không, Nguyên Hồng thì không!

Nguyên Hồng quỳ xuống trước tôi, rồi cứ phủ phục thế, khóc thút thít. Chị ấy bỏ chảo nem, chạy đến.

- Thầy nó làm sao? Lại làm sao thế?

Tôi đỡ Nguyên Hồng lên. Bà cụ có lẽ nặng tai, vẫn ngồi rờ rẫm vá víu chỗ áo rách. Dưới sân, trẻ con đùa cười nắc nẻ, lại càn cạch tiếng giã cua. Như không có gì mới xảy ra. Chúng tôi ngồi trở lại, yên lặng như từ nãy vẫn thế.

Nguyên Hồng nói khẽ:

- Tao tính cả rồi. Trông đây này.

Gian phòng vẫn bề bộn màn mùng như mọi khi. Nhưng để ý thì thấy có khác. Mọi thứ đã được gói, buộc lại như dạo trước tôi đã quen mắt thấy sáng sớm các thứ trong các nhà sắp sẵn để quăng ra bờ rào tránh máy bay. Tôi gật gù, nhưng thật cũng chưa hiểu ra như thế nào.

- Tao về Nhã Nam.

- Về Nhã Nam?

- ừ, Nhã Nam. Đủ, đủ lắm rồi. Ông đeo chơi với chúng mày nữa. Ông về Nhã Nam.

Tôi hiểu cái cười lạnh lẽo và lặng lẽ lúc nãy của chị ấy.

Rồi một hôm nghe Kim Lâm nói Nguyên Hồng đã dọn về Nhã Nam. Không biết vợ chồng con cái gồng' gánh như hôm ở Nhã Nam từng bừng trở về Hà Nội hay là thuê xe ba gác đấy. Lại lên ngược, lại lên ngược, tôi chỉ thương chị ấy phải bỏ việc. Không hiểu tại sao, bỗng nhớ lại mùa đông 1950 Nguyên Hồng ở chiến dịch Biên giới từ Cao Bằng về Nhã Nam. Bộ đội tặng nhà văn chiến lợi phẩm: đồ hộp, mấy cái chăn dạ, đôi giày lính... Lại cấp một tù binh đi theo quấy đồ đạc. Dọc đường, Nguyên Hồng mua một con chó mực. Người lính tù, vai đòn gánh, tay dắt chó, rờn rã ngày đi đêm nghỉ, về đến nhà, Nguyên Hồng mời anh lính làm một chầu tuý lúy. Anh ta ngủ lại một đêm, hôm sau, Nguyên Hồng dặn một câu ngớ ngẩn:

- Về nhà nhá, đừng lên trại giam nữa mà khổ.

Bây giờ Nguyên Hồng lại lên Nhã Nam.

Thế ra hôm ấy Nguyên Hồng mời tôi bữa chả chia tay. Tôi vẫn lơ lửng không tin Nguyên Hồng lại lên Nhã Nam. Nhưng mà sự việc đã thật như thế. Nguyên Hồng vốn quyết đoán. Thấy nó mà đã định, thì trong nhà ai nấy chỉ việc làm theo.

Cả tính toán chi tiêu mằm muối, Nguyên Hồng đi chợ lo liệu lấy, nếu không chị ấy cũng bảo các con: Đã hỏi thầy mà chưa.

Trở lại Nhã Nam, trong khi ở đây nhà đã yên nơi ăn chốn ở và trường lớp các cháu đi học, chị ấy đã có việc làm. Nhưng nhất định không ở nữa. Thế là bỏ hết, lại lên Nhã Nam, ấp cầu Đen, ấp đồi Cháy, lại ở cái đồi như những năm tản cư. Gia đình người chị Trần Văn Cẩn, nhà Tạ Thúc Bình, nhà Kim Lâm - khi ấy, bác Ngô Tất Tố đã mất và tất cả các nhà về xuôi đã lâu. Trên quả đồi lưa thưa tre pheo còn lại lơ thơ mấy nhà người làng, cái trường học cấp 1, mái lợp nửa, tường trình ụp xụp, quanh quẽ. Lại vẫn ở cái nhà như từ hồi chạy Tây mới tản cư. Nhà đường đất, bờ rào cắm hàng xương rồng ông, có vũng nước giếng đất trong khe dưới chân đồi. Xa xa, trước mặt, bắt đầu nhấp nhô những cánh rừng thấp trên Yên Thế Thượng. Đi vào đấy, giữa màu chàm âm u, không biết mấy ngày đường qua Cầu Gồ, Na Lương sang đến Tràng Xá, Võ Nhai bắc Thái Nguyên. Những xóm hẻo lánh người Ngái, người Nùng còn sót lại của tàn quân Lương Tam Kỳ và thời Đề Thám mà mấy năm vừa rồi, chỉ khi nào Tây dưới cầu Đuống rập rình đánh lên Bắc Giang, cơ quan báo Cứu Quốc chúng tôi mới phải chui rúc ẩn vào tận suối Lửa gần cửa âm phủ ấy. Nhưng cũng chỉ ít lâu, rừng rậm âm u ngọt ngào quá, lại nhào ra.

Nguyên Hồng về Nhã Nam. Chưa bao giờ nghe Nguyên Hồng trách móc đồng giả chữ ai. Nguyên Hồng không có thói hai ba người tụ bọ bới móc người thứ tư vắng mặt. Thỉnh thoảng về Hà Nội, làm sơ khảo, chung khảo các cuộc thi sáng tác, các giải thưởng văn học và làm chủ tịch hội Văn Nghệ dưới Hải Phòng... Được giao việc thì làm đến nơi đến chốn, nhận tiền công trả đảng hoàng, các thứ của văn phòng lĩnh rạch ròi từng cái ngòi bút, một ram giấy. Hội Nhà Văn Đức tặng Hội Nhà Văn Việt Nam 200 cái xe đạp Diamant mới cứng. Nguyên Hồng được điện khẩn mời xuống công tác. ấy là việc dắt chiếc xe đạp đứng vườn hoa Cửa Nam trò chuyện với người qua đường. Vô tuyến truyền hình của Việt, của Đức quay giới thiệu nhà văn với tặng phẩm hữu nghị quốc tế.

Nguyên Hồng hồi ấy mới để râu, rõ ra phong thái học giả phương Đông. Tuyên truyền thế thôi, cả hội chẳng được sờ vào vành bánh chiếc xe nào.

Hai trăm cái xe lăn cả vào kho bộ Thương nghiệp. Nguyễn Tuân hỏi mắng Nguyên Hồng:

- Đóng trò xong rồi, dắt mẹ nó cái xe ấy đi, đưa nào làm gì được!

Nguyên Hồng cười vuốt râu, đánh trống lảng:

- Tớ lên phim còn nhiều phút hơn cái thằng phiên me vô danh trong Cánh đồng ma đấy.

Nguyên Hồng không làm thế, nhưng lấy công tác phí, đòi trả thù lao công tác đóng phim cẩn thận.

Năm sau, các cơ quan vận động giảm chính, giảm biên chế. Nguyên Hồng ở tuổi 52, đương sức lực, hăm hở. Nguyên Hồng đã hưởng ứng phép nước, xin được giảm biên chế, về hưu ngay. Nguyên Hồng nói:

- Cũng tiện. Khởi phải ngửa tay nhận lương tháng, chẳng phải vờ vẫn bịa đặt báo cáo công tác chẳng phiên ai.

Rượu vào, Nguyên Hồng cười hê hê:

- Ông đồ đưa nào dám ra khỏi biên chế bắt chước được ông đấy?

Quả thật, xưa nay cũng chỉ có một Nguyên Hồng xin về hưu non mà thôi. Nguyên Hồng là thế. Chẳng ghét ai thân ai, tưởng như vờn vờ gần gũi rất vui, nhưng vẫn là xa lánh một mình.

Hồi ấy, được tiền bản quyền bộ tiểu thuyết Cửa biển, Nguyên Hồng chữa nhà. Chúng tôi lên đánh chén khánh thành dinh cơ mới. Vẫn ba gian nhà ở chỗ cũ, nền đất, sân đất, được bó hàng gạch thêm. Dui mè xoan lẫn tre ngâm có chắc chắn hơn. Mái tranh được thay ngói và bức tường hậu đã xây gạch thay tường đất trình khác hẳn. Ngói tây không lót, chắc là mùa hè nóng phải biết. Tường mới mà đã thấm nước mưa hoen ảm lem nhem. Bàn viết vẫn kê dưới nhà ngang - chỉ là cái chõng tre và chiếc chiếu. Nguyên Hồng trải chiếu ngồi khoanh chân xếp bằng, tập giấy, lọ mực, cái bút sắt đặt trên mặt chõng. Từ thuở trẻ, khi ở dưới bãi Nghĩa Dũng tôi vẫn thấy Nguyên Hồng ngồi nguyên thế như bao giờ. Nguyên Hồng cắt nghĩa rất AQ về sự thoải mái của mình:

- Lúc thư giãn, kèn xuống mặt chiếu trải đất, mát bằng mấy xích đu róc-keng-xe. Cái bàn viết không hay bằng cái chõng viết, tha hồ xê dịch, chán cảnh rừng Yên Thế lại bê chõng về đảng này ngắm giàn mướp hương.

Trên mặt tường nham nhở, Nguyên Hồng treo hai bức sơn dầu của Dương Bích Liên. Dương Bích Liên đã cho Nguyên Hồng một tranh sơn dầu hai đứa trẻ gái gây guộc xanh lét cả tóc. Tranh ấy treo cạnh bức sơn dầu Hào. Bức Hào của Dương Bích Liên dự triển lãm năm ấy chỉ được treo ở chỗ tranh bị loại. Tôi

đã mua bức tranh bị loại về biểu Nguyên Hồng. Đưa được bức Hào lên Nhã Nam là một công quả, không biết Nguyên Hồng đã vác bằng cách thế nào. Bức tranh to kín một gian mặt tường. Nhưng ít lâu sau, tranh bị mốc. Nguyên Hồng lại khiêng tranh về Hà Nội, nhờ Dương Bích Liên tân trang lại. Rồi thế nào không đem về nữa, và bây giờ không biết bức tranh Hào lưu lạc ở đâu

Cổ thịt ngan của nhà, lại nổi bồ câu hầm dưới bếp cũng cây nhà lá vườn. Chúng tôi ngồi trên tấm phản bên cửa sổ trông ra sân. Râu Nguyên Hồng lởm chớm cứng quèu, chưa dài hẳn. Bộ râu của Nguyên Hồng nhiều giá trị thực dụng chứ không phải như râu những lão ở ẩn. Lưỡi dao cạo hiểm, chọt cũng không có. Đôi khi, cơ quan phân phối một hai lưỡii. Nguyên Hồng không còn sinh hoạt công đoàn vẫn được chia, nhưng cắt công xuống tận Hà Nội lĩnh một lưỡii dao cạo, ngại quá. Thế rồi bộ râu tự do trở ra. Rồi lại gặp cái tiện lợi khác. Cán bộ thuế hồi ấy khám rượu quốc lủi khá ngặt trên tàu hoả. Nguyên Hồng đi đâu thường đem rượu nhà theo. Bỏ thêm vào hũ mấy cái vỏ quít khô. Nhà thuế khám, Nguyên Hồng hạ chiếc bị trên vai áo nâu bạc xuống, một tay khoảnh lại đấm lưng, một tay lôi hũ rượu. Đau lưng, đau lưng, phải có cái tang thuốc ngâm gia truyền này mới được. Anh thông cảm!'. Đến hồi có thêm bộ râu dài hẳn hoi thì hũ rượu ngâm thuốc bắc vỏ quít cứ để trần ra trên ghế hàng tàu, cũng chẳng ông nhà thuế nào ỡi ỡi đến lão nhà quê ấy. Không mấy ai để ý trên bộ râu nguy trang, hai con mắt còn nhanh như chớp.

Nguyên Hồng vãnh râu, hào hứng:

- Các ông xem cơ ngơi tôi thế nào? Đã hơn dinh Đề Thám chưa? Hai cái tranh của thằng Liên treo thế, đắc địa nhất chứ. Bây giờ mà thằng Dương Bích Liên trông thấy thì nó phải sượng tỉnh người.

Chị Hồng ở dưới bếp, nói chen:

- Thày nó nhà tôi nghe người ta nịnh, lấy hết cả tiền. Chứ đám thợ ngoã bên ấy chỉ khéo nói, nhà với cửa chẳng ra sao đâu. Mưa to, mái hắt, tường thấm nước, mà nắng thì nóng ời là nóng. Cái mái nửa, mái rạ ngày trước mát...

Nguyên Hồng bị cụt hứng, trềng mắt. Tức quá, môi bập bập không nói thành tiếng. Nếu không có chúng tôi đương ngồi quanh mâm, thì không biết có phải câu cắt nghĩa này không. Nguyên Hồng cất giọng hách, lẩn át:

- Xà, mẹ mày biết đâu! Cầu kỳ lắm mới đón được hiệp thợ của người ta. Chỉ nói một câu này là các ông đã phải kinh người rồi. Toàn tay thợ con cháu các cụ đã cất dinh ông Đề, đã xây dựng doanh trại ông Đề Thám ở Cầu Gồ đấy. Có thể tôi mới chịu khó chuốc về.

Chị Hồng im. Nguyên Hồng mà nói đến hơi hướng oai danh ông Đề thì đến chúng tôi cũng chỉ biết lặng im. Có một lúc, tôi sang đầu nhà trông ra góc sân chỗ cây mít. ở đấy có nếp nhà tranh cao ráo phủ kín rạ và lá cọ mới mọc. Tôi hỏi:

- Ông bà định xây nhà nữa à?

Chị Hồng đáp:

- Không, đây là của bộ đội.

- Cái gì của bộ đội?

- Đạn của bộ đội.

Trong gian nhà chật cao ngất toàn hòm đạn. Thế này, chỉ một băng liên thanh, một quả bom vu vơ nào máy bay Mỹ choang xuống thì cả xóm đồi ra tro, kể chi một nhà ông Nguyễn Hồng. Sao không bảo bộ đội làm kho chứa đạn xuống chỗ chân tre vắng vẻ, khuất nẻo bên kia. Tôi chưa kịp hỏi, chị Hồng lại nhẹ nhõm, như không:

- Thày cháu cho bộ đội gửi đây ạ.

Thày cháu đã bảo cho gửi thì thôi rồi. Thày cháu đã bảo mà.

Không bao giờ nghe Nguyễn Hồng nói có khi lại đưa vợ con về Hà Nội nữa. Ở đây cũng vui thú và quen biết. Cả đời nay đây mai đó, lên Hà Nội, xuống Hải Phòng, Nam Định, từ khi đem vợ con về dưa muối ở đất này chốc cũng đã mấy chục năm qua. Cái khắc khoải chỉ vẫn vơ ở những người khách một đôi lần lên đồi thăm chủ nhân thấy heo hút quá mà thôi. Chứ ông chủ thì ung dung thảnh thơi - đến người ta phải khó hiểu. Bè bạn còn băn khoăn, thương cảm nữa, nếu nghe chị Hồng than thở:

- Thày nó nay xuôi mai ngược chứ tôi ốm đau thế này, suốt mùa rét ngồi cuốn sâu kèn hút lá cà độc được chữa bệnh - tuổi đã nhiều, bệnh hen càng nặng, tôi đến chết cũng không bao giờ ra khỏi cái đồi này mất.

Người con gái thành Nam ấy vẫn còn thuộc nhiều thơ Lưu Trọng Lư, thơ Nguyễn Bính. Vợ chồng lấy nhau khi Nguyễn Hồng bị đi phát vãng, vừa được thả trên Bắc Mê về. Cái đạn Mỹ bỏ bom Nhật, hai người ở dưới bãi Nghĩa Dũng chạy bom đem lên Nghĩa Đô gửi tôi chiếc hòm khoá chuông, trong có bộ áo dài lụa vân hoa cau, quần kếp trắng và đôi guốc Phi Mã cao gót.

Có lẽ Nguyễn Hồng nhớ Hà Nội có mỗi một cái thú tắm quất! ở xế cửa ga Hàng Cỏ. Chỗ ngã ba đường trông sang ngõ Túc Mạc, đêm đến, trên vỉa hè và dưới lòng đường, những cái chiếu trải, mấy người đàn ông mắt loà, như cóc ngồi rao khàn khàn mèo gào: tắm quất, tắm quất. Chập tối, rượu vào rồi, Nguyễn Hồng hay ra đẩy tấm quất. Đã quen, Nguyễn Hồng cởi áo, quần dài gói lên đầu. Minh trần, độc trụ cái quần đùi, nằm úp xuống chiếu. Trong ánh điện đường đỏ quạch, người loà sờ sẫm bẻ khục răng rắc đốt chân, đốt tay, đốt lưng, vành tai, sống mũi kêu lên như bẻ bánh đa. Ngoạn mục nhất đến cái mực người tắm quất khề bảo Nguyễn Hồng ông lật người lên nào!. Nguyễn Hồng sững lờ là rên hừ hừ ngồi dậy. Người tắm quất nắm hai cánh tay ông khách lôi quặt lại, thúc đầu gối vào lưng. Đầu tiên còn nhẹ nhẹ, rồi chỉ nghe tiếng hự hự. Không biết tiếng người ư ử hay tiếng gối thúc. Nguyễn Hồng ưỡn oằn người theo từng cú đầu gối như cái đầu chày của người tắm quất. Hự hự, ghê cả tai. Nguyễn Hồng rần xương sống, nắm thẳng căng,

rên ú ớ, dễ chịu quá, sướng quá. Đến lúc mở màng nghe tiếng ông lão loà lại rao tẩm quất, tẩm quất như mèò kêu trên đầu lại cũng như nghĩa là xong rồi, xong rồi ra ý đuối khéo ông khách. Nguyên Hồng lồm cồm ngồi dậy, trả tiền rồi cứ vắt áo quần lên cánh tay, lừ rừ đi. Nguyên Hồng bảo tẩm quất khỏi đau xương, tốt bằng mấy thuốc ngủ. Đấy giấc lắm, mà không phải tống cái chất độc hoá học vào bụng. Có thể như thế. Chưa bao giờ Nguyên Hồng đi bệnh viện. Nguyên Hồng không lĩnh sổ khám bệnh. Tôi còn chứng kiến một đêm Nguyên Hồng tẩm quất kịch liệt ở chợ Kỳ Lừa. Chuyến ấy, Nguyễn Tuân và Nguyên Hồng đi chơi nhờ xe của thanh tra Vạn Lịch. Ra Móng Cái rồi theo đường Đình Lập, Bình Liêu lên Lạng Sơn. Chúng tôi nghỉ trọ ở cái quán cạnh chợ Kỳ Lừa. Xẩm tối, Nguyên Hồng đứng bên cửa sổ tha thần nhìn ra những mái cầu chợ ụp xụp, rêu đen. Bỗng kêu rồi rít:

- Bỏ mẹ rồi, bỏ mẹ! Chỗ khi ho cò gáy cũng có thằng tẩm quất! Đợi tớ xuống làm một quần xúc miệng đã rồi hãy cơm nước nhé.

Nguyên Hồng xông ngay vào cửa chợ. Người các làng bản xa về đêm đợi mai phiên đã đông dần, tiếng vó ngựa đập cộp cộp trước quán phở chua đã lên đèn. Trong cầu, trai gái hát đúm vừa cất giọng. Tiếng đàn tính rơi rơi như nước giọt gianh. Mặc kệ, Nguyên Hồng xà ngay vào một bác loà mắt đương ngồi bó gối mặt tây ngây ngoài thềm. Nếu không đã thạo, có thể nhầm là lão ăn mày. Không có chiếu, khách tẩm quất nằm xuống đất. Nhưng Nguyên Hồng đã cầm xuống sẵn hai tờ báo, trải ra. Lắc cổ, bẻ vai, tấn đầu gối lên lưng, khắp người xương cốt kêu lách tách, chẳng khác ở ga Hàng Cỏ. Hay vẫn là những lão loà ấy đã thuộc tàu các ngã, đúng phiên chợ Kỳ Lừa, lại mò lên đây làm ăn.

Tôi bảo thế với Nguyên Hồng. Nhưng Nguyên Hồng xua tay:

- Không phải, tớ ngấm đòn tẩm quất nhiều rồi, tớ biết. Thằng lão sư tẩm quất thổ mù này tuyệt diệu. Đây gần biên giới, nó lỏng cả võ Tàu vào. Mai phải làm quần nữa.

Chao ôi, có người khoái tỷ được cái tẩm quất tra tấn, cũng là cái thú Hà Nội. Nguyên Hồng ấy chứ còn ai, khi nào tôi cũng cứ ngờ ngợ có thật không. Nhưng tôi lại tin cái khí phách của con người một mình một tính ấy.

CÁT BỤI CHÂN AI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương I I I:

Chuyến tàu hoả từ Nôm Pênh ra đến Poipet vừa chập tối. Bấy giờ vào mùa thu 1930. Đường sắt tà vẹt tám thước Nôm Pênh vừa hội khánh hành đoạn cuối nối với bên Xiêm ở Poipet còn như chạy thử, vài ngày mới có một chuyến không nhất định. Bên Xiêm vẫn tăng bo một quãng chưa nối thẳng được xuống Vọng các. - Những chuyến tàu thất thường này xộc xệch, còn thừa khách. Chỉ có người đi buôn hay phu phen rừng cao su ra. Lắm hôm vào ga thị trấn Poipet, chỉ còn vài người trên tàu xuống. Hôm ấy cả một toa hạng tư, có ba người. Một người luống tuổi xách cái bị, mặc áo bà ba xuyên đen đã bạc, râu ria lởm chởm. Dáng như một người ở đây về trong xứ có việc, bây giờ trở lại. Hay một chủ hiệu tạp hoá, một người cai ở đồn điền cao su ra chợ thị trấn cất hàng.

Đoàn tàu vắng khách dần dần cắt toa bỏ lại ga xép dọn đường. Bác ấy bị dồn ở toa nào mới lên thôi. Chiếc đầu máy kéo vài toa hủn hoen, như con chuồn chuồn cụt đuôi. Bác ấy ngồi một xó đầu góc ghế một bên hàng tàu, lấy trong bị ra một gói giấy và thuốc lá sợi, cầm cúi cuộn thuốc, không để ý ánh mặt trời đã vàng vọt trên những đám lá cao su ken dây xanh xảm loáng thoáng ngoài kia. Người đã thông thuộc thổ ngơi này biết tàu sắp vào ga cũng chẳng buồn ngoảnh mặt ra cửa sổ.

Cuối hàng ghế có hai người trẻ tuổi. Chiếc nón cu li đã sờn vành rấp dưới gầm ghế. Chân đi đất, bụi lấm đỏ bám lên cả hai gấu ống quần cháo lòng. Có thể đoán đấy là những phu đồn điền gần đây. Cũng có thể người tỉnh xa, các đồn điền cao su dưới Chúp tận Côngpong Chàm hay bên Batambang. Nhưng họ đi chơi, hay trốn công ta hay mò ra đây rình chạy sang Xiêm, thì không biết. Hai người mặt non choẹt, chưa chắc đã được hai mươi tuổi. Chốc chốc họ lại thấp thỏm nhìn ra. Còi tàu rúc vang động, tiếng bánh sắt nghiền trên đường ray dồn dập. Tàu sắp vào ga.

Bác đứng tuổi đằng kia ngược lên, điều thuốc lá quăn cầm vênh trên môi, dăm dăm mắt nhìn sợi khói uốn éo tuôn đằng mũi. Rồi bác đứng dậy, thông thả bước lại chỗ hai anh chàng cũng đương tò mò và hình như ngần ngại nhìn bác phập phều thở khói thuốc. Một người hỏi trước:

- Thưa ông, có phải qua ga này thì xuống Poipet ạ?

- Phải đấy.

Bác ta bập môi rít thuốc, nhìn hai người:

- Các cậu xuống Poipet à?

- Thưa vâng.

- Có người nhà ở phố hay các cậu trong đồn điền ra chơi? ở đây nghe nói tiếng Bắc người ta hay hỏi thế. Mới đến Poipet lần này là một à?

Câu hỏi đoán tự nhiên, thân mật và đúng đến thế.

- Thừa thực với ông, chúng cháu làm dưới cao su Lộc Ninh. Nghe nói trên này dễ dàng, có mỏ ngọc Pai Linh kiếm ngày bạc trăm. Chúng cháu rủ nhau lên.

Bác ấy cười khặc khặc, vút cái đuôi thuốc qua cửa sổ.

- Các cậu này to gan, liều quá. Chẳng biết mô tê mà cũng lang thang đồng đất nước người thế này. Không có xứ nào kiếm ra cái bỏ vào mồm dễ như cái đĩa xui khôn xui dại các cậu thế đâu. Lại còn định lên Pai Linh đi đào ngọc à? Có chịu được hai cơn sốt đái ra máu không? Cả trăm người đã chạy chết trên Pai Linh về đấy.

Hai người trai trẻ nọ được một bài học rừng mình càng như từ trên trời rơi xuống. Nhìn nhau phân vân, hốt hoảng, mỗi lúc một dăm chiêu. Họ vừa có ý sợ nhưng cũng lại có phần cố vờ ra như thế một cách vụng về. Chưa chắc họ đã đi Pai Linh. Cứ nói Pai Linh để người ta biết vẫn là trong đất Miên, bởi vì có thể can cước thì đi khắp Đông Dương được. Thật ra, họ đã rắp tâm trốn sang Xiêm.

- Bảo thực, nhưng các cậu có nghe thì mới nói.

- Nhờ ông bảo cho.

- Phải mạnh bạo.

- Chúng cháu đã lần mò lên tận đây.

- ừ, kể ra cũng biết thí mạng đấy.

- Vâng ạ.

Rồi bác ấy nói:

- Nay, có dám sang Xiêm không? Sang hăn Xiêm, mà đến hăn Vọng Các. ở Vọng Các, ăn mày cũng sướng gấp nghìn đời thẳng cu li đồn điền bên ta, ai cũng giàu vù vù lên như đi tàu bay. Tôi đã giúp cho nhiều người sang Xiêm.

- Ông giúp cho chúng cháu.

- Sao bảo đi Pai Linh?

- Pai Linh hay Vọng Các thì cũng thế, đâu kiếm được miếng sống.

- Được, được. Trả công tôi là được. Cứ chẻ hoe ra như thế, ông Khổng Minh, thằng Tào Tháo bây giờ cũng lĩnh lương tháng của Tây chứ không như đời Tam Quốc đâu.

Chẳng biết trả lời thế nào, hai người lúng túng dạ, dạ... vâng...

- Dặn thì nhớ nhé. Đến ga xép này thì xuống. Chứ vào Poipet lính sen đầm nó thộp ngực ngay ở cửa toa, biết không.

- Vâng ạ.

Ba người xuống một ga xép cách Poipet ba cây số. Cũng may, tối lại có trăng. Bác ấy khoác cái bị, điều thuốc lá phập phèo, hai người đi theo, vắng ngắt, chỉ có bóng cây. Họ vào đường qua rừng cao su.

- Đi tắt, một quãng nữa tới biên giới. Tôi sẽ chỉ chỗ lên tàu bên kia. Sang bên ấy rồi thì dễ, không như cái thằng Tây mắt tôm bên này. Lính Xiêm đi tuần cũng lắm nhăm niệm Phật ấy mà. Nếu gặp, cứ dán cho mỗi thằng một tờ giấy bạc vào mồm. Chúng nó cầm bạc rồi lại rì rầm niệm Phật. Hay thế đấy. Các cậu cứ việc đi. Trưa mai thì đến Vọng Các. Có bao nhiêu tiền?

- Chúng cháu còn hơn hai chục.

- Mỗi chuyến thế này người mỗi phải ăn bạc trăm. Nhưng thôi, giới phật phù hộ các cậu gặp tôi, tôi làm phúc, tôi giúp không các cậu.

- Đội ơn ông.

- Còn bao nhiêu tiền, đưa cả ra đây. Sang bên ấy không tiêu được tiền ta, mà cũng chả cần. Tôi cho các cậu tiền Xiêm, cho vé sẵn đến Vọng Các.

- Ông giúp chúng cháu. Ông có quen...

- Không, không. Tôi không quen ai ở Vọng Các. Mà đến Vọng Các cứ ngửa tay ra là có gạo, có tiền thôi.

- Đội ơn ông.

Xa xa, ánh điện ánh lên một vùng.

- Đấy tàu hoả bên Xiêm đỗ chỗ sang sáng ấy. Cứ trông đèn điện mà qua cánh đồng hoang, không vướng làng mạc phố xá gì đâu. à, cậu nào có đồng hồ đeo tay không, có thì phải để lại. Bên Xiêm, tiền khác, đồng hồ khác.

- Chúng cháu không có đồng hồ.

Bác ấy đưa mấy tờ giấy bạc Xiêm và vé tàu. Hai người lục các túi moi ra số tiền còn lại.

- à, để cái nón đây, vứt đi. Không có sen đầm thấy nón biết người bên này sang. Mà nó có hỏi thì bảo ở Poipet. Hai bên vẫn qua lại mà. Bác ấy còn nhìn theo. Hai người đi rồi mà vẫn nghĩ gặp may, được người tốt chỉ vẽ cho. Nhìn phía ánh điện hắt sáng, rào bước.

Hai người trai trẻ vừa qua biên giới sang Xiêm ấy là Nguyễn Tuân và Lương Đức Thiệp. Hai cậu học một lớp năm thứ ba trường Ca rô Nam Định. Lại cùng tham gia bãi khoá. Chả là lão giáo Pôn mũi đỏ mới đổi về, động lên lớp là chửi học trò những câu thậm tệ: mẹt xà lù, côsoong san An na mít (Đồ đều, con lợn, giống An Nam bản thiu). Suốt buổi, Pôn mũi đỏ văng loạn xạ thế. Cả lớp hò hét bỏ ra về, đòi đuổi Pôn mũi đỏ rồi mới học. Rốt cuộc, Pôn mũi đỏ vẫn đến trường và vẫn chửi bới trong lớp. Trong khi nhà trường báo mật thám bắt mấy người học sinh đầu tên đem giam xà lim. Mật thám Tào gọi bọn Nguyễn Tuân lên bàn giấy đe nẹt rồi cả lũ bị đuổi học.

Cuối năm 1944, tôi bị mật thám Nam Định bắt về vụ Văn hoá Cứu quốc. Vẫn còn phán Tào ở đấy. Chúng tôi, đôi khi lẫn lộn điếm lại những mặt người mặt chó, Nguyễn Tuân lại nhớ phán Tào. Lão phán Tào nho nhã, trắng trẻo, áo đoạn khăn xếp, ăn nói mềm mỏng. Nhưng quay điện, ống nước, treo xà nhà, các ngón của phán Tào thì hiểm ác khét tiếng. Cũng như ở ty mật thám Nam Định có tên Đình ác ôn có hạng. Nhưng Đình lại một phép sợ người vợ đồng bóng.

Nguyễn Tuân phải trở về nhà ở Thanh Hoá.

Hai người học trò bãi khoá đã bàn nhau một chuyến phiêu lưu phía tây Cao Miên giáp nước Xiêm La có mỏ hồng ngọc ở Pai Linh Nguyễn Tuân cũng không nhớ ai đã nghĩ ra được cuộc đi mạo hiểm này. Nhưng có thể bởi những uất ức khi bị đuổi học, cuộc sống tinh thần tuổi trẻ tù túng, cùng quẫn. Như cách nghĩ bông bột tưởng tượng, bước chân đến những nơi xa xôi tên là Pai Linh, là Xiêm, là Vọng Các, là châu Phi, châu Mỹ. Ôi chao mộng lên hương đổi đời. Nhưng cái sự bắt đầu cũng chẳng đẹp dễ mấy. Bấy giờ, hai cụ đã cho vợ chồng Nguyễn Tuân ra làng Hạc ở riêng. Để làm lộ phí, Nguyễn Tuân đã phải lấy đi hoa tai, khuyên vàng của vợ. Rồi Lương Đức Thiệp và Nguyễn Tuân vào phía Nam, quãng tàu hoả, quãng tăng bo ô-tô đến Sài Gòn. Bỏ đường lớn đi Nôm Pênh, đạp xe lửa lên Lộc Ninh. Lại vòng về Tây Ninh, qua Sa Mát sang Kông Pông Chàm. Bắt chước những nhà thám tử, những nhà cách mạng bí mật đấu trí đấu tài đọc thấy trong sách. Lặn lội, vạ vật đường trường, vừa ngại ngần vừa háo hức.

Chuyến tàu hoả ấy rầm rập suốt đêm xuống Vọng Các. Họ không chớp mắt được. Hãy còn hồi hộp vì may mắn và tự khen đã khôn ngoan, khéo léo che mắt được mật thám. May mắn, đã bình yên ra khỏi xứ Cao Miên. Đến nửa buổi, tàu vào thành phố Vọng Các. Hai người ngơ ngác đến giữa nơi chưa biết bao giờ. Xung quanh, trong ga lớn, những đám người Xiêm, người Tàu, người Việt hỗn độn, tíu tít. Bốn cảnh sát Xiêm áo quần trắng toát, mũ viền kim tuyến và một đám lính vác súng trường quay đến.

Một người nói tiếng Việt hỏi:

- Chúng mày là thằng Tuân, thằng Thiệp?

Đúng tên cúng cơm. Lính cảnh sát biết rồi, chỉ hỏi làm phép thế. Lúng túng, chưa biết trả lời sao, đã bị thùng trói giật cánh khuỷu cả hai lại. Báng súng thúc vào lưng, đẩy đi bộ qua các phố đông tấp nập.

Đến cả tháng, Nguyễn Tuân và Thiệp bị giam chung với những tội phạm người Xiêm. Không ai vào hỏi, cũng không biết sự tình bị bắt vì sao. Nhà giam, một phòng rộng kín ba phía. Mặt trước không có tường nhưng rập hai lượt dây thép gai mắt cáo. Một chốt lính gác đối diện cách bức ngoài sân xi măng.

Nguyễn Tuân thường kể lại cái cảnh liêu trai quái đản đã trông thấy ngày đêm trên nhà gác trước mặt. Chẳng biết nhà giam hay nhà điên, trong cửa chắn song nhốt toàn đàn bà. Những người đàn bà lùn tròn, trần truồng như nhộng đứng bám song sắt ngó xuống lồng giam rặt đàn ông dưới này. Không hiểu sao không ai có váy áo. Chẳng lẽ bức bối quá, người ta đã cởi hết, xé hết. Chỉ khổ đám đàn ông trong lồng sắt dưới này ngược lên lúc nào cũng thấy trên ấy nong nong trắng phốp, lông lá rậm rạp đen ngòm lượn qua lượn lại. Có thằng dưới này chốc chốc lại gào toáng, dứt phăng quần tung lên. Trên dưới hò hét loạn xạ cơ hồ hoá đại cả.

Một hôm, cảnh sát đột ngột mở cửa buồng giam, cầm dùi cui làm hiệu lừa Tuân và Thiệp ra. Hai người bị xích một cánh tay với nhau, trèo lên cái xe bò kéo, có lính ngồi cùng thùng xe. Xe bò lắc lư qua mấy phố dài, xúm xít người chạy theo xem ra tận ga tàu hoả. Cảnh sát đẩy hai người lên một cái toa đen rồi khoá trái cửa lại. Không có người, linh linh những thùng gỗ, bao bố tải, toa bưu kiện của nhà dây thép. Nhìn hàng chữ tiếng Anh quét sơn trắng cửa toa, đoán đoàn tàu chạy Băng Cốc - Poipet.

Đúng, trở lại Poipet. Chỉ có một việc kinh hoàng mà hai chàng thanh niên mơ mộng chưa tưởng tượng ra được. ấy là lúc được dẫn vào đồn biên phòng Poipet trông ngay thấy cái bác tử tế gặp hôm nọ, cũng đương hút thuốc lá quăn, ung dung trong đám quan lính đồn binh. Chỉ khác bác ta hôm nay ăn vận chững chạc. Râu ria nhẵn nhụi, quần áo tây vàng đầu đội mũ cát, đi giày ba ta trắng.

Bác mật thám ấy bước đến, mặt tươi tỉnh như đã quen. Lại làm bộ nắm cánh tay bên không bị xích và hỏi một câu tỉnh bơ:

- Các cậu đến được Vọng Các rồi à?
- Biết nhõ vào mặt hay biết trả lời thế nào?

Nguyễn Tuân và Lương Đức Thiệp bị giải về Nôm Pênh trong cái ô-tô tải bịt lưới sắt đằng sau - như con vượn, con đười ươi người ta mới bẫy được trong rừng đem về thành phố. Mà cái xe ấy cũng vừa tới Poipet, bụi đỏ xộm tện nóc. Nó là cái xe cây của cảnh sát chuyên để bắt nhốt người, nhốt chó. Buổi sáng ở Nôm Pênh và các tỉnh đều có xe cây và những chiếc xe bò kéo đủng đỉnh, cảnh sát rà vào ngõ ngách các phố bắt chó hoang vút lên xe, ra thả ngoài đồng. Người Miên mộ đạo Phật, không nuôi chó, cũng không thịt chó. Chó hoang ở đường ở chợ lúc nhúc hàng đàn. Ngày lại ngày đội sếp bắt chó đem thả ngoài xa, rồi chó lại linh vào, vẫn lông nhông khắp nơi, ở xó chợ Mới giữa thành phố Nôm Pênh còn nhung nhăng những đàn chó con.

Đến Nôm Pênh, vẫn bị còng tay vào nhau như thế và tống ngay xuống Sài Gòn. Lại cái xe cây khác. Rồi bị giam ở bóp cảnh sát Xóm Chiếu. Đẩy gần bến tàu, hôm sau giải ra Hải Phòng, Tuấn và Thiệp ngồi trong hầm tàu viễn dương Chantilly. Hãng vận tải biển Đầu Ngựa Năm Sao có nhiều tàu đường Macxây - Sài Gòn. Hai chiếc Đactanhăng và Chantilly chuyên đi về Hải Phòng - Sài Gòn, thỉnh thoảng mới ra đại dương. Hồi xuống Hải Phòng tìm việc làm, tôi hay vợ vẫn ngồi mép nước cảng Sáu Kho xem tàu Đactanhăng đỗ ở đấy, trắng toát như cái nhà táng. Chàng mã thượng phong lưu Đactanhăng trong tiểu thuyết Ba người ngự lâm pháo thủ hân hạnh được con tàu đồ sộ mang tên. Hình như còn có cả tàu Tốt, tàu Aramit... Tôi không được trông thấy tàu Chantilly bao giờ. Thế mà lại nhớ Chantilly. Bởi vì thế là đã hai lần nghe nói đến con tàu Chantilly. Chỉ trong câu chuyện mà tưởng tượng ra mình cũng đã tận mắt thấy. Tập Thơ say, Vũ Hoàng Chương bỏ tiền in, nhờ nhà xuất bản Cộng Lực phát hành, có bài thơ Tặng con tàu Chantilly, đấy là bông hoa của một chuyện tình cờ gặp gỡ. Thời kỳ này Vũ Hoàng Chương làm sở hỏa xa Đông Dương. Trong một chuyến tàu suốt Sài Gòn - Hà Nội, người thanh tra kiểm soát viên tài hoa đã làm quen với một hành khách toa hạng nhì sang trọng mà Vũ Hoàng Chương bảo gọi tên nàng là Marie, là Juylie, là Vêronica, cũng đều được. Người đầm ra Hà Nội xuống Hải Phòng đáp tàu Chantilly, chẳng rõ nàng trở lại Sài Gòn hay về Pháp chỉ biết mối tình trên tàu hỏa chỉ ngắn ngủi thế. ấy là trang nhật ký thơ Vũ Hoàng Chương kỷ niệm theo con tàu.

Những câu chuyện tình dài tình ngắn thưở ấy. Triền miên những đêm nhà hát Vạn Thái hay Vĩnh Hồ, những tuyệt vọng và những bài thơ, những chuyện có thật và những tô vẽ cho hoa mỹ. Nguyễn Bính thì cố nhân Hương, Hương cố nhân, Đinh Hùng thì em Liên Hàng Bạc, người đẹp biết thổi acmônica như ngọc nữ xuống trần gian thối sáo gọi nhau. Những búp hoa quý trắng này Liên mang đến mùa hạ, giờ đã sang thu, cuống hoa đã héo quắt trong chiếc độc bình mà em thì, Liên thì đã nằm dưới mộ - thời ấy, quả là trai gái hay chết yếu, không mấy người sống lâu như bây giờ. Vũ Hoàng Chương thì Tố Uyên, Tố Uyên. Tàu Chantilly, chỉ là một thấp thoáng chiêm bao, Tố của Hoàng ơi thì vẫn neo lại trong tâm tình. Nhưng những bài thơ còn đấy mà nàng thì đã lấy chồng. Các chàng lạy nhau, tôn nhau lên thành đấng rồi vừa khóc vừa đọc thơ, nghe tiếng trúc Cao Tiệm Ly thổi khi Kinh Kha qua sông Dịch. Những bài thơ tuyệt vọng cứ tưởng tượng ra như thế.

Tôi mới viết truyện ngắn ông giảng không biết nói đăng tuần báo Tiểu thuyết Thứ bảy. Gã yêu em. Em sắp về nhà chồng rồi mà cứ trơ trên như không. Đêm hội chèo, tay đôi đưa nhau ra ngoài đồng, bên cái giếng khơi đầu xóm. Gã gắng hỏi. Nhưng em lắc đầu bảo không, rồi khóc. Mọi khi thì chẳng dám nói. Nhưng hôm ấy thông thả phiêu chợt tở, lại có chèo hát sân đình, gã hơi ngà ngà một chút. Gã sừng cồ lên:

- Ông biết thừa ra rồi. Ông hỏi thử chơi đấy thôi. Ông biết mười hai tháng sau cưới mày. Đồ khốn nạn!

Người con gái vùng chạy. Gã say rượu khát cháy cổ, cúi đầu hớp nước ngã lộn xuống, chết đuối trong giếng. Thế rồi ngày 12 tháng sau, ả nọ về nhà chồng. Từ đấy, mỗi lần về xóm nhà mình không bao giờ ả dám đi tắt cánh đồng qua lối men bờ giếng. Nào ai biết đâu cái chết thương tâm của người con trai. Nông nổi đêm ấy chỉ có mỗi một ông giảng chứng kiến. Thì ông giảng lại không biết nói.

Trong nhà hát ở Vĩnh Hồ, Vũ Hoàng Chương chấp tay bái tôi:

- Lạy huynh, huynh nhất thiên hạ, huynh đã rõ tâm tình đệ. Ông thử hỏi chơi đấy thôi. Ông biết mười hai tháng sáu thì cưới mày... Ha ha, lạy huynh...

Tôi bảo:

- Mắt ông viền vải tây hay là chữ in sai đấy.

Câu trong truyện của tôi là mười hai tháng sáu, không phải mười hai tháng sáu, không phải....

Vũ Hoàng Chương cãi:

- Không, mười hai tháng sáu mới đúng cái đầu của đệ, huynh đã cho đệ nén hương mười hai tháng sáu, không, mười hai tháng sáu...: huynh cứ cho đệ đọc cái ngày tuyệt mệnh ấy là mười hai tháng sáu của đệ.

Làm thế nào cãi, mà cãi làm gì. Châu hát sông, người ả đào và chú kếp xách đàn sang nhà khác đã lâu. Chúng tôi lại uống bia đen, nghe không biết bao nhiêu lần Vũ Hoàng Chương rên rỉ bài thơ Riêng tặng Kiều Thu:

Trăng của nhà ai? Trăng một phương!

Nơi đây rượu đắng m ưa đêm trường

Ờ đêm tháng sáu mười hai nhĩ

Tố của Hoàng ơi, hồi nhớ thương

Là thế! Là thôi! Là thế đó!

Mười năm thôi thế mộng tan tành

Mười năm, trăng cũ ai nguyên ước

Tố của Hoàng ơi! Tố của anh

Tháng sáu, mười hai, từ đây nhé

Chung đôi từ đây nhé, lìa đôi

Em xa lạ quá, đâu còn phải

Tố của Hoàng xưa, Tố của tôi

Men khói hôm nay sâu dựng mộ

Bia đề tháng sáu, ghi mười hai

Tình ta, ta tiếc, cuồng, ta khóc

Tổ của Hoàng nay Tổ của ai

Tay gõ vào bia mười ngón rập

Mười năm theo máu hận trào rơi

Học làm Trang Tử thiêu cơ nghiệp

Khúc Cổ Bồn ca gõ hát chơi

Kiều Thu hề Tổ em ơi!

Ta đương lửa đốt trời mái tây

Hàm ca nhịp gõ khói bay

Hồ, xừ, xang, xế, bàn tay điên cuồng

Kiều Thu hề trọn kiếp thương

Sâu cao ngục ngút mấy đường tơ khô

Xừ xang, xế, xứ, xang, hồ

Bàn tay nhịp gõ điên rồ khói lên

Kiều Thu hề Tổ hỡi em

Nghiêng chân rốn bể mà xem lửa bùng

Xê hồ, xang... khói mờ rung

Nhịp vương sâu toả năm cung ngút ngàn

Cái tàu Chantilly tải tù Nguyễn Tuân và Lương Đức Thiệp từ Sài Gòn ra. Sự đời đưa đẩy, cũng một con tàu mơ mộng Chantilly ấy mà trước kia đã có lần nhốt hai người phiêu đảng ngồi dưới hầm than. Tối Hải Phòng, lên Hà Nội rồi Nguyễn Tuân bị giải về Thanh Hoá. Giam một năm nữa mới được thả, lại bị quản thúc tại gia, đi đâu phải trình báo quan sở tại. Đây là dư âm cay đắng của chuyến lên đường thứ nhất trong

đời thiếu quê hương của Nguyễn.

Nguyễn Tuân viết sớm mà lại cũng là muộn. Những truyện và ký cuối thập kỷ ba mươi in trên các báo Tiểu thuyết Thứ bảy, tạp chí Tao Đàn không phải những bài đầu. Trên báo An Nam Tạp chí của Tản Đà, báo Đông Tây của Hoàng Tích Chu, Nguyễn Tuân đã in những bài ký, những truyện ngắn đầu tay khi còn ở Thanh Hoá làm phóng viên tỉnh lẻ nhật tin đếm chữ ăn tiền cho báo Trung Bắc Tân văn. Biết đâu, những sáng tác chưa định hình đã thấp thoáng mờ màng từ trường trung học Nam Định. Có thể sớm hơn, khi còn học trường tiểu học Trương Minh Sang phố Hàng Vôi trên Hà Nội. ở những thời kỳ, các cơ quan Nhà Nước đều quần tụ giữa thành phố. Kho bạc ở vườn hoa Nhà Kèn bên hồ Hoàn Kiếm. Sở Tài chính phố Hàng Trống - toà báo Nhân Dân bây giờ. Cả đến nhà lục xì - nhà thương chữa bệnh hoa liễu cho gái điếm và khách làng chơi xây năm 1902 cuối phố Huế, năm 1926, Toà đốc lý cho chuyển nhà lục xì lên phố Trường Thi - bệnh viện C ngày nay. Chỗ cũ thành trường tiểu học Ô Cầu Dền, nhưng người ta vẫn gọi là trường Lục Xì. Trường tư thực Trương Minh Sang mở cuối 1923 nhận học sinh đến lớp 3 đi thi sơ học yếu lược. Năm 1929, một người Pháp mua giấy phép trường này dời lên phố Phủ Doãn, mở mang, đổi tên thành trường trung học Gia Long. Hết lớp ba trường Trương Minh Sang, Nguyễn Tuân về học ở Nam Định. Nay đây mai đó cũng là gia đình theo công việc của cụ tú Hải Văn.

Nguyễn Tuân không khi nào nói lại những sáng tác chập chững mờ nhạt thuở ấy và bạn đọc thực sự làm quen với Nguyễn Tuân khi xuất hiện bài Khóc Vũ Lang trên tạp chí Tao Đàn năm 1936, ký tên độc một chữ Tuân.

Vũ Lang, cây bút mới nổi vài truyện ngắn, mất bệnh năm 24 tuổi. Nguyễn Tuân khóc bạn và Nguyễn Tuân còn thương tiếc một lối văn biên ngẫu diễm lệ của Vũ Lang mà Nguyễn Công Hoan cũng rất chuộng. Truyện ngắn Khóm trúc thêm tuôn dòng lệ cũ của Vũ Lang, mở đầu những câu thánh thót:

Rừng xưa vốn người Kẻ Chợ... Hàng Châu, Hàng Châu có cảnh Tây Hồ. Phong cảnh Tây Hồ có Tam đàn ẩn nguyệt, vài ba tảng đá trên làn nước bập bênh. Làn nước Tây Hồ bập bênh trên tảng đá. Khóm trúc đượm hạt mưa xuân trước gió. Hạt sương rơi rơi tả... rơi tả

Những bút ký, truyện ngắn, truyện dài của Nguyễn Tuân liên tiếp trên các báo Tiểu thuyết thứ bảy, báo Thời vụ, báo Bạn Đường, báo Hà nội Tân Văn, tạp chí Tao Đàn, các tập Giai Phẩm của nhà xuất bản Lượm Lúa Vàng, của Văn đoàn tự lực. Và các tập bút ký, truyện ngắn, truyện dài Vàng bóng một thời. Một chuyến đi, Tàn đèn dầu lạc, Tuỳ bút 1, Tuỳ bút 2, Thiếu quê hương (nhà Anh Hoa in bị kiểm duyệt bỏ một chữ thiếu), Chiếc lư đồng mắt cua, Chùa Đàn của các nhà xuất bản Tân Dân, Mai Lĩnh, Cộng Lực, Anh Hoa, Hàn Thuyên, Thời Đại...

Đầu năm 1946, tôi quen Nguyễn Tuân trong một cuộc họp hội Văn hoá Cứu quốc, chỗ nhà Khai Trí Tiến Đức bờ hồ Hoàn Kiếm rồi sau chuyển xuống đầu phố Ôn Như Hầu gần hồ Thiên Cung. Nguyễn Tuân rủ tôi lên nhà Thủy Tạ. Lúc uống bia, Nguyễn Tuân hỏi tôi:

- Có phải Lương Đức Thiệp chết rồi?

- Tôi không biết.

Nguyễn Tuân vẻ không bằng lòng.

- Cậu làm bảo của Việt Minh mà không biết à?

Tôi không biết thật. Một dạo thấy hay đến chơi với Phạm Ngọc Khuê chỗ tôi ở gần chợ Hôm. Nguyễn Tuân dường như không tin. Nguyễn Tuân thường có những nghi ngờ và quyết đoán chủ quan tương tự. Rồi cũng không nói đến việc ấy nữa. Câu hỏi đột ngột và chỉ có thế.

Đêm Nôen 1972 chúng tôi đi dạo phố rồi nửa đêm về nhà thờ Hàng Trống. Nguyễn Tuân và tôi cùng hai bạn nhà văn Liên Xô đương thăm Việt Nam, Eptuchenkô và Marian Tkchôp, giỏi tiếng Việt.

Tôi đã được xem Eptuchenkô đọc thơ ở Bây-rút, thủ đô Li Băng. Người không biết tiếng Nga cũng phải chăm chú - nói là Eptuchenkô biểu diễn thơ thì đầy đủ hơn. Bây giờ gặp lại, có những việc nửa vui nửa buồn. ở khách sạn Thống Nhất một tối hôm sau Eptuchenkô nói đùa:

- Tôi chưa bỏ vợ, mà đêm qua đã phải lấy vợ mới.

ý nói đêm qua Eptuchenkô ngủ chung buồng với Marian. Manan đã ở khách sạn này nhiều lần, đoán được cái phòng ở tầng một ấy loại mấy và thế là biết cách chủ nhà đối đãi với mình. Marian im lặng. Nhưng đến khi chạy cho hai người được hai phòng, lại gặp rắc rối mới. Nhưng rắc rối vui vui. Eptuchenkô cao quá một thước tám mươi. Phải nằm chéo và ghếch chân lên thành giường. Rồi cũng đối được cho nhà thơ ấy cái buồng giường đôi, anh ta vẫn phải nằm chéo nhưng để được chân xuống. Mấy hôm đầu hầu như không có ai bén mảng đến gõ cửa hai ông khách. Nhưng dần dần thấy trên có vẻ quý trọng, người mới dần dà ùn ùn đến. Rồi sách tặng, sách tặng đầy bàn. Không thể đem đi được, quá cân cước vé máy bay. Marian cẩn thận xé trang đề tặng rồi cho tôi khuôn đi có đến mấy chục quyển!

Một đêm, qua phà Rừng về Hải Phòng. Phà đông, chen chúc xe và người. Trong bom đạn, đường xá tấp nập thâu đêm. Chúng tôi đứng bên thành phà. Người làm ca nô soi đèn bão đến tháo xích cho phà rời bờ, sáng loáng qua chỗ chúng tôi. Bỗng sau lưng tôi, một câu chửi réo:

- Tiên sư thằng xét lại

Marian ghé tai, thì thào:

- Nó chửi tôi, ông ạ.

Tôi không biết chui đầu đi đâu được. ở khách sạn Hạ Long rồi khách sạn chuyên gia ở Hải Phòng, tôi còn được nghe những câu đùa nhả, những câu rửa ráy độc ác của những cô nhà bàn, cô căng tin quầy rượu.

Tôi thật oán cái sôi tiếng Việt của anh bạn lúc lúc lại làm tôi khổ cực vì xấu hổ từ cầu Hiền Lương ra vịnh Hạ Long, về Hà Nội. Tối qua, Mỹ tuyên bố ngừng ném bom đêm Nôen. Chúng tôi có thể đi dạo, bớt phải đề tai lên trời. Nhưng mới quãng tám giờ tối, tiếng nổ như sấm rền dội tới. Nghe như ở chỗ cái túi bom cầu Giẽ, bom lại ném cầu Giẽ. Giữa đồng chiêm Hà Đông - Hà Nam mênh mông, cái cầu Giẽ lơ lửng trên đường số 1, như cầu Hàm Rồng, máy bay Mỹ quyết liệt triệt hạ, quần suốt ngày đêm. Trong nhà thờ Hàng Trống, từ chập tối, những xóm họ đạo ở quanh cầu Giẽ đã lũ lượt kéo lên. Mấy năm nay các nhà thờ vùng đồng chiêm bị bom phá, đêm Nôen dân đạo dưới ấy phải đi lễ nhờ. Cả nhà người già trẻ con trái ny lông, gói quần áo và những túi cơm nắm lổn nhổn lẫn với người nằm hai bên hành lang nhà thờ đợi chuông đóng nửa đêm.

Các bạn Liên Xô chú ý quang cảnh đường. Phố đông vui, người đi chơi, người đi lễ. Vả chăng, đây đã thật xa Bến Hải đầu cầu Hiền Lương trong kia. Eptuchenkô lại nảy ra một cái lo khác. Eptuchenkô hỏi:

- Có người Trung Quốc đi lễ nhà thờ không?
- Không để ý. Mà cũng khó biết, người Trung Quốc ở đây ăn mặc cũng như người Việt Nam.

Nguyễn Tuân nói:

- Có thể không có. Người Trung Quốc theo đạo Tin Lành, như người Mỹ, như Tưởng Giới Thạch, họ không đến nhà thờ này.

Eptuchenkô chưa yên tâm.

- Cho tôi đi giữa và tôi sẽ bước hơi rụt đầu xuống. Nếu bị đánh cũng chỉ trúng bả vai. Cái lo xa của anh chàng cao quá khổ. Nửa đêm, nhà thờ chen lấn ních người. Eptuchenkô lênh khênh hơn xung quanh hẳn một đầu. Nhưng vào cảnh thanh bình khác thường giữa thành phố đương bị đánh phá anh đã quên cúi cổ xuống. Chúng tôi ngọt ngào len được vào một hàng ghế. Trên đài lễ, ông cố đạo giảng một lúc bằng tiếng Việt, tiếng Pháp và tiếng Anh. Có nhiều khách nước ngoài đến nhà thờ. Khi trở ra đường, Eptuchenkô đã nhăng nhảnh cái lo bị đòn. Eptuchenkô bước nghênh ngang.

Hà Nội. Đêm Nôen. Bom Mỹ. Lạ thật. Nhưng ông linh mục nói tiếng Anh không giỏi. Mùa hạ vừa qua Eptuchenkô đi chặt mía cả tháng ở Cu Ba. ở Việt Nam về, Eptuchenkô sẽ sang Mỹ. Tôi tìm được quyển kịch Người chào hàng của A. Mi-lơ nhà xuất bản Văn Học in năm trước. Eptuchenkô hứa sẽ đưa cho tác giả, khi đến Nữ Uớc.

Cái vui kỳ dị đêm Nôen chưa hết. Chúng tôi lên phố Hàng Giầy. Các tiệm ăn uống quốc doanh và tư nhân sáng đèn suốt đêm quanh Bờ Hồ và ở trung tâm - người ta dựa vào đêm nay không có báo động.

-Chúng ta sẽ ăn Nôen ở một quán người Trung Quốc.

-Thật không?

- Anh đã không bị đánh thì cũng không ai bỏ thuốc độc vào con cá ở đĩa của anh. Đêm Nôn, đức Chúa Trời lòng lành...

Nói vui thôi, Eptuchenkô đã tươi tỉnh từ lâu. Quán Tiểu Lạc viên vẫn mở, nhưng ông có ngay đã nghe bom giạt mình chết từ tết năm ngoái. Một người hầu bàn đầu trọc, áo cánh xuyên đen ống tay rộng. Nếu thêm cái nón tu lơ sơn dầu quang mây, thì tưởng vào một cao lâu mới ở Lạng Sơn dọn xuống. Không biết có phải thật Tàu không. Cái năm lắm người Hoa đi, nhiều cửa hàng vắng thẩn, chủ quán quán cái tạp dễ xanh đội lốt làm chủ quán Tàu. Mất ông có ngay, cửa hàng nhạt hẳn. Nhưng Eptuchenkô đâu biết cái buồn thiếu vắng ấy. Năm trước, nhà văn Solukhin và tôi vào hàng nem Cát Tần sắp đóng cửa để tránh nạn bị nhòm ngó lên tư sản. Cả gian hàng trống không, cái cốc cũng không có, chúng tôi uống bia bằng bát chiết yêu. Solukhin gật gù khoái rồi về Matxcơva viết trong bút ký Bưu thiếp Việt Nam: lần đầu tiên trong đời, đến Hà Nội tôi được cầm cái bát phương Đông uống bia Đức.

Chúng tôi uống cốc lủi với chim bồ câu quay. Tôi nói dối đây là chim giẻ, một giống chim mùa lạnh về trú đông ở các cánh đồng nước nhiệt đới. Chim ăn thóc, thịt rất thơm. Marian Tkchốp hóm hỉnh:

- Chim giẻ cũng ngon như chim bồ câu, ông ạ.

Eptuchenkô lại như cắt nghĩa tiếp theo:

- Đừng tưởng chúng tôi không ăn thịt những con chim hoà bình. Cách nói như thế chỉ để hô khẩu hiệu. Khi còn chiến tranh, tôi là cậu bé tám chín tuổi theo bố mẹ tản cư về vùng thảo nguyên taiga ở Trung á. Cẩn đường, lít sữa cũng mua bằng phiếu như các bạn có sổ mua gạo bây giờ. Người lớn bắt chim bồ câu hầm cho trẻ con ăn. Nhưng bồ câu đàn ngoài vườn thịt tanh lắm. Bồ câu mới nở trong ổ bắt trên các khe mái nhà ăn mới ngon.

Không ai hỏi lại và chế giễu tôi về con bồ câu hay con chim giẻ. Mọi người đều biết là nói đùa và những tưởng tượng vui. Chập tối hôm sau, sang sân bay. ở Gia Lâm, hay có khi Nội Bài, khách đi và đến vào chập tối. Xe lửa liên vận biên giới phía bắc ở ga Hàng Cỏ chuyển bánh lúc nhọ mặt người. Qua cái cầu Long Biên giả chết - những nhịp cầu bị đánh gãy vẫn gục đấy, máy bay không người lái chụp ảnh lướt ngang cũng không biết đường sắt, đường ô-tô vẫn sống trong lòng cầu.

Đêm đêm, những đoàn tàu đoàn xe không đèn lẳng lẳng qua.

Eptuchenkô ném hai đồng xu Nga xuống sông Hồng. Phong tục ngồi lại giây lát để ước được bình yên trước khi ra đi cũng như ném đồng tiền xuống sông, ấy là mong sự tốt lành và những cái hẹn có ngày trở lại. Năm sau, tôi gặp Eptuchenkô ở Matxcơva, nghe nhà thơ bốc phét kể chuyện tranh luận với tổng thống Mỹ J.Ca-tơ. Ca-tơ nói ông ta rất yêu L.Tônxtôi, nhưng lại dẫn sai một câu của đại văn hào này. Chắc là tay chuyên gia đăng trí nào đã làm sẵn cho lão nói - Eptuchenkô nghĩ thế. Eptuchenkô đã đưa vở kịch Người chào hàng cho A.Mi-lơ. Mi-lơ chảy nước mắt nhận quyển sách nhỏ bé, bìa quần queo. A.Mi-lơ không thể

tưởng bom Mỹ ném như thế, Hà Nội vẫn in và diễn kịch A. Mi lơ.

Bao nhiêu năm sau, trong một chuyến thăm Thái Lan, Eptuchenkô đã tạt sang Hà Nội chốc lát. Dầu sao, đồng tiền Nga vẫn thiêng, người ra đi có trở lại. Tôi không được gặp để hỏi xem khi Khơrutxốp qua đời đám ma thừa thốt, Eptuchenkô đã đi đưa, viếng độc một bông hoa cẩm chướng. Câu chuyện ấy ra sao, tôi đọc tin tức thấy nói thế.

Đôi lần, tôi hỏi Nguyễn Tuân:

- Anh nghĩ thế nào về tờ rớt kít thời kỳ ấy?

Nguyễn Tuân dăm chiêu rồi sừng sộ hỏi lại:

- Mà muốn chụp mũ tao hả?

- Ông cứ quá lời...

- Tao đi Vọng Các với thằng Lương Đức Thiệp, vậy thì tao cũng là đệ tử. Cách suy luận máy móc của chúng mày là như vậy? - BỐ vợ, tôi bỗng bị Nguyễn Tuân trút cơn bực mình. Bấy giờ tao với nó còn là những thằng ranh con, đã biết tam tứ ngũ lục thế nào đâu. Tao đọc hồi ký Đời tôi của Tờ rớt kít đấy chứ. Mượn ở thư viện. Thư viện Tràng Thi có cả Tônxtôi, Goocky, Giôn Rít, có tuốt. Tây mật thám ăn măm tôm, biết sách vở đỏ đen thế nào. Cái đứa viết báo khoe thời Pháp đã tìm đọc chui Lênôn Tônxtôi là nói láo ra vẻ ta đây cũng cách mạng từ bóng tối. Thằng Việt Minh Như Phong nhà chúng mày thỉnh thoảng lại vờ xuống chơi. Chẳng thấy nó giác ngộ gì tao, lại đưa cho tao tiểu thuyết tự truyện của Sac lơ Pliniê. Mà Pliniê là thằng đệ tam rồi tờ rớt kít. Việc đời lôi thôi lắm. Tao không bài bác, nhưng tao không thích.

- Ông chỉ làm cái gì ông thích thôi.

- Mồm nói thế này, bụng lại nghĩ khác, là thằng đểu. Mày gọi là thằng cơ hội, thì thằng bịp cũng thế. Không ưa mà cứ làm như thích lắm. Tao không sức được các chính khách!

Cứ cái kiểu ấy, một đời còn biết bao gian truân!

ở Thanh Hoá, khi thôi bị quản thúc, Nguyễn Tuân ra Hà Nội, viết để sinh nhai và cho ra nhân vật nào cũng là nhân vật Tôi. Trong sách cũng tương tự ngoài đời, người ấy tên là Nguyễn hay là Bạch cũng thế, trà dư tửu hậu chán chê rồi rời bỏ nơi ăn chơi, nhưng cũng không về nhà, bấy giờ nhà bác Nguyễn đã dời Thanh Hoá ra ở Ngã Tư Sở trên đất Mọc Thượng Đình quê gốc. Bạch về một gian gác nhỏ ở một phố khuất. Trong buồng mắc chéo cái võng day. Không bàn ghế, không hoà lò không be lọ, không trai gái. Chỉ độc chai nước lọc mấy quyển sách dưới sàn với hộp cá sác đin và bánh mì. Có khi nằm võng cả tuần không ló ra đường, không cầm bút, không khách khứa nào gõ cửa cái buồng đã khoá trái. Chủ nhân khước từ mọi trò chuyện, chỉ mình với mình, gần như tịch cốc. Rồi bất thần lại biến biệt đi đâu, chìm đắm trong cuộc truy hoan nào rồi lại về nấu mình ở cái buồng con trên nóc bếp hay ga ra ô-tô.

Cái gác của Nguyễn trong các tùy bút và truyện ngắn, truyện dài cũng na ná cái gác Nguyễn Tuân tá túc ở cuối sân sau một toà nhà bên tay phải phố Hàng Đào. Bè bạn cho Nguyễn Tuân ở nhờ một buồng gác có thể trước là nơi ở của thằng tài xế xe, tầng dưới để xe, trông thẳng ra cửa bên. Một cái thang gác gỗ nhấc đi được dựng đứng góc buồng, người trèo lên rồi sập mảnh ván xuống, đóng kín sà, hết cái bầy chuột. Lên thang nghe gió cuốn âm thầm... Gác trọ không đèn nhớ cố nhân... - như câu thơ Trần Huyền Trân. Có một lần, Nguyễn Tuân đã dẫn tôi đến đứng ngoài vỉa hè nhìn vào hoài cổ cái gác xép ấy. Trải mấy chục năm dâu bể, thế mà khi ấy, bên trong một quán chè tươi, cái gác xép vẫn nguyên. Nguyễn Tuân bảo chẳng khác ngày xưa. Ngồi hàng chè tươi ấy của ông Nghi người làng tôi xuống Kẻ Chợ làm ăn. Ông Năm Nghi bảo:

- Chỗ gác ấy là trạm giao thông nội thành, cán bộ thường đến liên lạc. Chẳng biết thành phố có giữ làm bảo tàng không?

Ông Nghi cũng hoạt động cơ sở quận 1 thời kỳ ấy.

Toà nhà nọ, khi Nguyễn Tuân ở nhờ, là nơi tụ tập bí mật của một nhóm người đảng Đại Việt. Các nhà văn nhà báo Đào Trinh Nhất, Nguyễn Triệu Luật, Phùng Bảo Thạch... hay đến, có người bạn, có người chỉ quen, cả Đỗ Xuân Mai chủ nhà xuất bản Mai Lĩnh in phóng sự hai tập Tàn đèn dầu lạc của Nguyễn Tuân. Có thể, Nguyễn Tuân mới ở được cái gác bỏ hoang kia. Họ ra tờ tạp chí Văn Hoá, toà soạn đóng ở đấy. Báo hàng tháng bìa vàng dưới in trang trí hai chữ V và H trên nền một góc mặt trời đỏ toả tia ánh sáng. Chúng tôi xì xào hai chữ này: Đây là bọn thân Nhật viết tắt chữ Vừng Hồng, mặt trời với tia nắng là vừng hồng đương lên - gần gũi với cái mặt trời tròn đỏ giữa quốc kỳ Nhật. Không hiểu tại sao,

Nguyễn Tuân cực ghét cờ Nhật, mà Nguyễn Tuân bảo là cục mực đỏ trên miếng vải trắng và giễu cợt Tàu Tưởng có cái ru líp xe đạp, bánh xe răng cưa. Hồi ấy tôi đã ở tổ chức Văn hoá Cứu quốc. Tôi để ý tin tức các phe nhóm chính trị thân Nhật, thân Pháp trong thành phố. Nguyễn Tuân cũng biết bọn ấy, Nguyễn Tuân không viết báo Văn Hoá nhưng lại thích cái góc tĩnh mịch hơn, nên đến ở đấy. Chỗ cái sân sau dưới cửa sổ - Nguyễn Tuân kể, tối nào chúng nó cũng tập võ, tập súng khuya lắm. Hình như đánh bốc, đấu gươm, bóp cò tanh tách, ném lựu đạn chai lọ vỡ choang choang. Trên buồng, mình nằm vồng mơ màng, rồi ngủ, mặc kệ. Biết có điều phức tạp, nhưng vẫn đi về một mình, coi như không bận tâm. Chúng nó bảo viết bài thì trả lời ậm ừ. Lão xuất bản họ Đỗ lên buồng, rền rầm lên: ối giời ôi, thời thế này mà ông nằm chổng vó lên được à? Dậy, dậy. Gươm đây, ka ki may áo, may mũ sẵn cả rồi. Không mau lên thì không ai đợi được ông đâu.

Nguyễn Tuân im lặng, lát sau hỏi câu thân tình với nhà mua sách ấy như thế này: Này, ông chủ xuất bản, ông sẵn tiền đấy không, ông cho tôi tiêu một ít. Và Nguyễn Tuân vẫn nằm vồng trong cái gác xép tro tro. Mọi sự xung quanh, không động trệ đến mình.

Một hôm, Phùng xuống tìm Nguyễn Tuân dưới nhà ở Ngã Tư Sở. Phùng nói nhỏ:

- Mật thám quay nhà ấy rồi, đừng lên nữa, cho tao ở nhờ mày ít ngày.

Thế là Phùng ẩn náu ở am Sông Tô. Ba chữ Am Sông Tô chỉ là cái bóng đẹp khéo tưởng tượng mà thôi. Nguyễn Tuân thường để lạc khoản kèm với ngày tháng dưới những sáng tác như thời thượng của người viết. Chữ đầu phải cái am, cái động, cái lầu tranh, cái mái trúc mà chỉ có muỗi đêm túa ra tấp vào mặt bên con sông Tô xanh rờn những bèo rau muống trên dòng nước hơi thổi ở các cống thành phố thả ra. Sau bờ rào cúc tần, một ngôi nhà ngói cổ tọa lạc giữa mảnh vườn con, trông sang nhà ga ra tàu điện đường Hà Đông - Cầu Mới. Nguyễn Tuân đã viết tùy bút Nhà bác Nguyễn xưng tụng công lao thân mẫu ông vất vả từ Thanh ra trông coi dựng nên nếp nhà ở quê. Đại gia đình về an cư nơi gần đầu làng Mọc sau bao nhiêu năm cụ tú Hải Văn - tú tài khoa thi sau cùng, đã bôn tẩu theo công việc chữ nghĩa và dong chơi khắp Khánh Hòa, Phú Yên, Phai Pho, Turan, Huế, Hà Tĩnh rồi cắm lại Thanh Hoá, đến khi về già mới trở về được nơi chôn rau cắt rốn. Tam đại đồng đường ngụ trong ngôi nhà ngói cũ kỹ ven đường này. Thời bị chiếm, Pháp mở rộng đường Hà Đông, ngôi nhà bị ủi đi biến vào giữa lòng đường Nguyễn Tuân bảo chỉ nhớ áng chừng cái am Sông Tô ấy ở chỗ gần cửa nhà máy cơ khí bây giờ. Nhà bác Nguyễn, nhà bác Trương Tửu mất nhà, không được may như nhà bác Tú Mỡ trên Cầu Giấy, tản cư rồi có người trong họ đến ở nhờ trông nom hộ, khi trở về, nhà cửa vườn tược gần như nguyên.

Phùng luẩn quẩn tránh ở nhà Nguyễn Tuân. Lại còn như treu người, như không biết là người đương bị mật thám truy lùng, cứ tối đến, hai người thong dong lên tàu điện vào chơi ả đào Khâm Thiên.

Tôi không được cùng thời yên ba sầu xứ trong cái vỏ ốc thành phố này với các vị. Nhưng những khi đôi ba chén rồi rãi, ngồi nghe kể, lại tưởng ra nguồn cơn vui thú của cái ông trưởng nam mới tỵ tuổi đầu đã được cụ thân sinh dắt theo đến phố Hàng Giấy thưởng thức đàn ngọt hát hay hẳn cũng có khác người, cho nên bóng dáng và tiếng tơ tiếng trúc xóm yên hoa còn dấu vết xa xưa lại trong tâm tư. Nhưng đến thời buổi nơi hát xướng đã nửa cô đầu nửa nhà thổ, bên tiếng hát băng khuâng hồng hồng tuyết tuyết, phách róc lấp lánh lưa thưa như hạt ngọc rơi để khách cầm roi châu gõ ngắt xuyên tâm, lại cộng thêm một lũ đào dĩ hầu rượu giải chiếu mắc màn rồi ngủ với khách, thú thanh tao nọ đã sang một sự vật dục khác cung phụng cho nhiều người khác rồi.

Nguyễn Tuân không chơi như người ta xưa và nay. Nguyễn Tuân trang nhã, thân tình với bà luật sư thượng viện Phước Đại, bà Bảy Nam và cô Kim Cương cả với ca sĩ Hà Thanh, một thời giọng vàng đài Sài Gòn, với Hoàng Oanh mà tôi vừa gặp đã giới thiệu ông quen ở khách sạn Côngtinhantan hôm đoàn kịch Kim Cương ăn mừng một tuổi, thế mà cứ lưu luyến như rồi còn gặp lại. Nhưng chỉ vậy thôi. Nguyễn Tuân hay xỉ vả thói hoa lá cành của Nguyễn Văn Bổng và tôi. Cách mạng thành công năm 1945, Nguyễn Tuân mới ba mươi tuổi. Thế mà đỉnh đặc, chinh tề như đã tuổi tác lắm. Không giăng gió, Nguyễn cũng không thuộc những người liên lụy khôn đến rạc cả người mà đàn bà ngại như cách Nguyễn Hữu Đang xếp hạng.

Năm 1975, Nguyễn Tuân vào Sài Gòn đến ở một nhà quen khó ai biết đích xác, kể cả những Phạm Tường Hạnh, Đoàn Minh Tuấn chuyên làm đầu sai mua giò chả các quán Bắc, rượu đế thịt quay chợ Hoóc Môn và chạy tiền để cụ tiêu. Bà chủ nhà kín đáo ấy, bấy lâu trong chỗ riêng tư. ở trong này vẫn nhận thăm với bạn bè lứa tuổi, bà ta là một bóng chị Hoài, tóc chị Hoài. Hôm Nguyễn Tuân trở ra Hà Nội xe về qua bưu điện Bờ Hồ còn tấp vào ghi xê gửi bức điện khẩn cho ai rằng đồ giang đã thuận buồm bình yên. Chẳng

may, tôi lại cầm đi đánh bức điện ấy nên mới để ý tên người nhận. Bà Nguyễn Thị Thảo. Ôi chắc là cái bà Nguyễn Thị Thảo báo Phụ Nữ ở phố Hội Vũ, trước có Trúc Khê, Lê Thanh cộng tác. Bà Thảo ấy sao? Tôi không hỏi. Tể nhị, người ta đã không muốn nói, thì cũng chẳng nên cố ý thóc mách. Sau chuyến ấy, Nguyễn Tuân thường ra đường, tay cầm gậy song, mặc bộ áo cánh lụa màu cây dướng nhà Phật, bảo là của người ta cho. Khác nào hai câu thơ hoa viết bút lửa trên mặt đôi guốc mộc của Mộng Tuyết gửi biếu bác Nguyễn, những tình bạn đẹp và buồn phương trời.

Phồn hoa tỉnh mộng sương pha tóc

Mà cố nhân còn vẹn sắc hương

Nhưng khác chuyện bà giáo ở Bến Tre gửi thư cho Nguyễn Tuân - cũng trong cái năm 1975, sau bốn mươi năm Nguyễn Tuân mới trở lại Sài Gòn. Bà giáo Bến Tre giọng buồn giọng vui viết thư cho Nguyễn Tuân biết năm xưa bà đã gặp phải một Nguyễn Tuân dởm như thế nào.

Quãng những năm 1940 thuở ấy tôi cũng đương ở Sài Gòn. Tôi cũng biết chuyện có đứa mạo tên của Nguyễn Tuân đi lừa tiền nhiều nơi. Nguyễn Khánh Đàm, em Nguyễn Tuân, chủ hiệu sách Nguyễn Khánh Đàm đường Sabuaranh đã kiện chứa mạo danh lên toà án thành phố. Nhưng tên ăn cắp đã lặn mất.

Bà giáo Bến Tre bị tên Nguyễn Tuân dởm ấy lừa tình thì chẳng mấy ai biết. Bây giờ bà giáo tâm sự với ông Nguyễn Tuân thật, rằng bà muốn được gặp ông. Nguyễn Tuân chống batoong, đi đi lại lại trong buồng khách sạn Bến Nghé. Nguyễn Tuân nheo mắt và nụ cười heo héo. Có cái thanh xuân của người ta thì thằng Tuân giả sức tất cả. Bây giờ thằng Tuân thật đầu râu tóc bạc lụ khụ đến. Hai chiếc quan tài sắp hạ huyệt rồi. Cái trang cuối của thiên tiểu thuyết này không thể tái hồi Kim Trọng có hậu như truyện Kiều được. à cậu viết truyện tình được đấy, tớ bán cho cậu cái cốt truyện này. Một chai Macten thôi, trong này sẵn. Nguyễn Tuân không xuống Bến Tre. Cũng không trả lời thư bà cụ giáo.

Thời la cà dưới xóm mà Nguyễn Tuân đặt tên là những cuộc truy hoan, ở giữa nơi ăn chơi Nguyễn Tuân cũng không dăng dện văn vợ. Trong các tài danh thuở ấy ở Khâm Thiên mà bây giờ các bà Nguyễn Thị Phúc, Quách Thị Hồ vẫn còn nhắc lại giọng tức tưởi âu yếm:

- Ông Tuân với bà Năm, chỉ một bà Năm thôi, cứ gọi là hết nhẽ. Ngoài kháng chiến, ông đi chỗ nào, trong này bà Năm cũng biết. Thế mới tài chứ. Bà gửi cả vàng ra cho ông tiêu. Lo liệu cho nhau đến thế cơ mà.

Cũng thì chơi bời, Nguyễn Tuân chỉ gấn bó với chủ nhà hát và hát hay. Lôi thôi quá, tao định đưa bà Năm về làm bé đấy. Nhân thể rước cả bàn tñnh về. Đảng nào cũng nghiện, hút ở nhà đỡ tốn đỡ đàn dúm. Cụ ông nhà mình tính cho hai bố con thế. Rồi cách mạng, thế là tung hê cả Cái người nặng tình với Nguyễn không phải đào Hồ, đào Phúc, cũng không phải Mộng Hoàn chị ruột của Vũ Đình Hải trình thám tư và làm áp phe cho Nhật mở buyarô trên phố Trường Thi, rất thích truyện Chí Phèo, Đôi lứa xứng đôi của Nam Cao. Mà đây là đào Chu Thị Năm, cũng là chủ nhà hát. Tôi hậu sinh, chẳng biết đâu những đào hoa xa xưa

của vị bồ lão. ở Việt Bắc trở lại, Nguyễn Tuân tìm mua ở chợ Giời được mấy cái đĩa hát của Mộng Hoàn và của Chu Thị Năm. Canh tàn rượu tỉnh, khuya khoắt lắm mới lấy ra nghe như nghe ma hát. Nguyễn Tuân bình: Cùng nhà nòi cả, Mộng Hoàn thì sang, hát hàng hoa bay bướm, nhưng khuôn giọng vào đàn có phần không dụng công bằng Chu Thị Năm. ấy cứ đúng mực với nhau, mà có quá đi nữa, ông sẽ làm như nền nếp thói thường, đưa nó về lạy chị cả - chẳng thể tan hoang đến nỗi nào. Nguyễn Tuân đã nói ra miệng thế. Một bạn chơi cùng thời với Nguyễn Tuân là Vũ Bằng đã viết: Chơi đâu thì chơi, không bao giờ Nguyễn Tuân sao nhãng cửa nhà. Hồi ký về Nguyễn Tuân của Vũ Bằng in báo Văn Học ở Sài Gòn, đến khi đọc tự truyện Bốn mươi năm nói láo của Vũ Bằng không thấy câu ấy, thành thử tôi chỉ nhớ ý. Con mắt tinh đời của Vũ Bằng đã nhận xét ra từ ngày ấy và đúng suốt đời với Nguyễn. Năm kháng chiến, Nguyễn Tuân với một đoàn cán bộ bí mật vào hậu địch hạ lưu sông Hồng. Trong công việc chuẩn bị vào tề, Nguyễn Tuân tự đặt bí danh là Tuệ. Tây mà tóm được thì bác Nguyễn là cụ chánh tổng Tuệ, cụ chánh hội Tuệ, tùy tình hình. Nghĩ trước tới lúc hiểm nguy, vẫn là nhớ về bác gái nội trợ ở nhà. Tuệ là tên bác gái, bác Tuệ. Cả đời bác gái giúp bác trai làm nhà bếp, nhà bàn, nhà phòng nhà nó Những năm sau này, ít đi xa, Nguyễn Tuân hay khoe đùa:

- Chẳng đâu có ôten tốt hơn cái ôten nhà mình.

Những cái đĩa hát chỉ là những cái đĩa hát, những đĩa hát 78 cũ đã nhạt tiếng rồi mất hẳn. Người hoa khôi nơi yên hoa xưa đã yên giấc nghìn thu từ lâu. Tối ba mươi, tôi hay đến Nguyễn Tuân nghe bà Năm hát, nhưng tục lệ ấy cũng đã tàn tạ nhiều năm rồi.

Những đêm này, Phùng và Nguyễn Tuân thường hát ở nhà bà Năm, hát nhà hát nhà. ở nhà hát ấy đã được miêu tả trong Tùy bút 2, có lần bác Nguyễn lưu luyến ở đấy lâu quá, một sớm trở dậy chợt soi gương thấy hai hàng mi dường như đương trắng bệch ra - sắp thành thần Bạch Mi, ông thần cai quản đám ca nhi giang hồ nơi thanh lâu, tửu quán.

Nửa đêm, Phùng về am Sông Tô, Nguyễn Tuân ngủ lại. Mật thám đã rình cửa. Phùng bị còng tay, tông ra xe.

- Thăng Tuân đâu?

Mật thám dẫn Phùng lên đập cửa nhà hát bà Chu. Gà vừa gáy canh một. Nguyễn Tuân chui trong màn ra, tra tay vào còng số tám, về sở liên phóng. Cùm xà lim cả tháng, Nguyễn Tuân bị gọi lên tra và hỏi dòng dả về những đứa nào, chúng mày làm gì trong toà nhà tạp chí Văn Hoá phố Hàng Đầy mà Nguyễn Tuân vẫn về nằm võng. Chuyện thật mà mật thám Tây không thể tin. Nguyễn Tuân không đến nỗi nhát sợ khai lung tung, mà thực sự, không biết đổ vấy cho ai. Nguyễn Tuân không biết mảy may chuyện trong nhà ấy. Giữa năm 1941, hai người mật thám dẫn bỏ Nguyễn Tuân lên trại tập trung ở Vụ Bản vùng rừng núi Hoà Bình, Ninh Bình. Việc đi tù này, Nguyễn Tuân ghi một câu gọn lỏn vào lý lịch để ở cơ quan: Đi cãng một năm vì chữa chắp Phùng. Chỉ một câu mà đậm nghĩ ngợi. Cả khi có tuổi, Nguyễn Tuân cũng không quên.

- Tao không dây với chúng nó, việc gì nó phải dẫn mật thám đi bắt tao. Mật thám hỏi, nó chỉ nói một câu không biết, thì đã sao?

Thời ấy, Nguyễn Tuân còn một ông bạn, khi cần tiền vẫn giựt nóng mấy đồng mà không mấy khi phải trả. Năm tù ở Vụ Bản về. Nguyễn Tuân cho con cầm thư đến bạn mượn tiền, cũng như báo tin khéo: Tôi đã về. Ông bạn thân mọi khi không đưa tiền, cũng chẳng một chữ trả lời. Đến nay Nguyễn Tuân còn cười nhạt qua chén rượu: à người ta ngại dính đến thằng tù đây. Những đợt chỉnh huấn gay gắt, Nguyễn Tuân ngồi im nghe mọi người giúp đỡ, gợi cho nhớ lại những câu đã chửi ai, đã nói ác ra sao mà Nguyễn Tuân không nhớ nói thế bao giờ. Nhưng nghĩ chắc có nói, không phải chúng nó vu. Chỉ không tưởng được rồi có khi người ta lại đem câu giễu cợt ra chỗ nghiêm chỉnh thành chuyện tày trời. Nguyễn Tuân không tiếp thu', cũng chẳng nói lại, rồi cũng chẳng bao giờ nhìn mặt những người ấy nữa. Bề ngoài, tuồng như ở ngòi bút và trong cuộc sống Nguyễn Tuân chỉ có xô bồ và ngang càn bừa. Không, đối đãi với xung quanh, Nguyễn Tuân vừa thành kiến vừa tình nghĩa nền nếp cũ. Hợp nhau mặt nào thì chan hoà mặt ấy, những cái khác thì không lưu tâm. Cuối năm, cẩn thận, đều đặn, Nguyễn Tuân gửi thiệp chúc năm mới những người quen biết cần gửi. Không bất thường và trẻ nải hứng một lúc. Tôi đi Lai Châu hay Hà Giang lâu lâu, thế nào cũng được thư Nguyễn Tuân, khi gửi từ Hà Nội, khi Lào Cai, khi Vĩnh Linh, khi Matxcơva. ở phương này, Nguyễn Tuân nhắm phía chân mây kia mà ông thềm tới.

CÁT BỤI CHÂN AI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương I I I (Tiếp):

Đến việc ăn uống thì thật nền nã và cầu kỳ. Hay bảo là cốt làm ra khác thường cũng có thể được. Nguyễn Tuân lên cốt 400 núi Ba Vì. Trên ấy đạo diễn Mai Lộc đương quay một số thước ngoại cảnh phim Vợ chồng A Phủ của tôi. Lưng núi, xa chợ búa, con bò con lợn mỡ được phải để ăn dần mười hôm. Tổ làm phim thịt bò đón khách linh đình. Miếng xách lược, miếng thịt tái cả da chấm tương gừng. Hồi này nhà mậu dịch gặt gao thu mua da bò da trâu, có ở rừng ăn chui mới được miếng da bò thui quý hiếm. Mấy ông già người Dao ở làng gần cũng xuống vui chung. Nguyễn Tuân khen ở núi hiểm gia vị mà cũng kiếm được rau thơm, ông chỉ nhặt bỏ ra ngoài mâm những lá cỏ dại gọi là lá mùi tàu nhổ ở ven rừng. Nhưng Nguyễn Tuân chén thịt bò có một bữa ấy Những hôm sau, nhờ nhà bếp nấu cho nấu cơm và mở lọ muối vừng, lọ ruốc mang theo từ nhà. Đừng ai nài ông khách kỹ tính ấy ăn thêm miếng thịt kho, một bát nước suýt oi khói hai ba lửa. Nguyên Hồng với Nguyễn Tuân mỗi người ăn uống một khác, thế mà chơi được với nhau. Nguyên Hồng uống tạp, rượu nhắm ổi xanh, hành sống, cà pháo muối xối... Buổi tối, Nguyên Hồng ngủ lại ở cái gác xếp sân sau cơ quan. Chẳng biết cao hứng sao đi tìm tôi rồi ra chợ chiều cạnh bến xe Kim Liên mua miếng thịt bò, mấy nhánh cần tây và mớ rau húng. Thịt xào không mỡ với muối, rau húng chỉ cời lạt, ngắt ăn cả nhánh. Hàng rau người ta rửa rồi mới đem ra chợ bán chứ ăn cả đất dàu mà lo. Khéo vẽ vệ sinh lời thôi Nguyễn Tuân khác hẳn, Nguyễn Tuân uống như các cụ ngày trước, rượu gừng. Bữa sáng hay chiều có nhắm hay uống suông cũng thế, thành lệ mỗi lần một hai chén, quanh năm không khác. Nguyễn Tuân có thói mua rượu, ông ký rượu chợ. Không nát, không to tiếng, say chỉ lừ đừ và lặng lẽ nằm nghỉ. Tặng Nguyễn Tuân với cách thức hương hoa ấy hợp với các thứ uống hảo hạng Chianti của ý, Rôm Giamaich hay Uýtky và Mao Đài. Mùa hè, làm cốc-tay thêm lát chanh với miếng đá, nhắm nháp cả ngày. Không đụng đến rượu ngọt, dù nặng. Cái xa kê ngon ngọt của Nhật thì vứt đi. Có lần, đạo diễn Đình Quang ở Nhật về biểu ông bình rượu xa kê to tổ bố. Ông cho chúng tôi uống cả. Những năm ấy, chuốc dàu ra những của quý như thế mà vẫn kiểu cách của ông. Bời vậy nông nổi còm cõi càng trở khổ tãi ra, mỗi khi có đôi chút phong lưu, nhiều cuộc uống tội tội thế nào ấy. Một miếng pho mát, một cốc votka Ba Lan trên gác nhà bác sĩ Trần Hữu Tước, cũng khá hiếm hoi. Chủ nhân chỉ ao ước có tủ sách chuyên môn, có tiền mua hàng tháng sách nghề của mình tháng nào chẳng có tạp chí, có sách mới, chỉ đọc báo cũng muốn phát sốt. Mà không có tiền mua ông bác sĩ anh hùng này đã dịch tiếng Pháp bút ký Ngõ tây của tôi với nhiều truyện ngắn khác và những phát biểu, tham luận của tôi mỗi lần tôi đi dự hội nghị nước ngoài. Ông dịch thuê và đọc cổ văn Liêu trai chí dị. ở Pháp ngày trước, ông làm bác sĩ tai mũi họng chuyên cho hoàng gia Anh. Một năm, chỉ vài ca khám đã thừa cái ăn chơi. Thuở ấy, xa rồi. Bây giờ, mỗi lần cho con xách cặp lông đến phố Khái 202, chủ quán quý khách thái thêm cho mấy miếng gầu đã cảm ơn, xuýt xoa khen.

Cái cung cách ăn uống phải tính toán nghèo nghèo này, kể cũng hiu hắt và vất vả. Mỗi khi vớ đâu được một chai ngon, henitxy hay cô nhắc, Nguyễn Tuân thường kéo bạn đến, từng người. Họ được uống vào

những lúc khác nhau. Người mở nút đầu tiên và người uống ly chót, chủ nhân đều đã đo đạc cẩn thận. Không biết ai, chỉ biết tôi không mấy khi được vinh dự mở nút chai. Tôi chỉ lĩnh một chén ông dành cho vào lúc nào đấy và đến lúc khoái quá, được Nguyễn Tuân bảo:

- Ông có thể thêm ly nữa, ly nữa.

Tự tay tôi thò vào cái nút be lọ linh kinh dưới giá sách lôi ra chiếc chai quý mà lúc nãy rót xong chén cho tôi, Nguyễn Tuân đã lại cất sâu vào phía trong. Ai, thì đãi rượu nào. Có cái này uống được. Ông đến nhé... Được, hiểu là thượng hạng đấy. Trong lúc tôi liếm môi vị cô nhắc thơm cay mà một bạn người Nga của chúng tôi, anh Vlat nghiện rượu quanh năm tưng bần chỉ nốc có rượu trắng, cứ nói xấu lấy được rằng thằng cô nhắc có mùi hôi con rệp, tôi ghét thì Nguyễn Tuân tự rót cho mình một ly cốc lùi. Nguyễn Tuân xơi cái thường, nhìn khách uống cái sang và hỏi: Thế nào? Tưởng có thêm đến mướt mồ hôi cũng không nỡ nào dám uống thêm, thì Nguyễn Tuân lại tự tay rót ngay ly nữa. Nhưng ông cất lời dạy bảo ngay:

- Uống trâu, mày là thằng uống trâu. Chỉ rượu trắng, người Nga mới hắt vào miệng một tợp chống rét như thế. Rượu có giá phải nhấm nháp và nghĩ để thưởng thức.

Tôi chịu không làm được, tôi cũng không muốn đổi lối người ta nghiện ngấm vị rượu trên lưỡi, tôi nghĩ về rượu trong cổ lên quỹ đạo lằng lằng theo cách của tôi. Tôi cãi chày cối, Nguyễn Tuân không nói nữa, nhưng có vẻ không bằng lòng... Và nhiều cái. không bằng lòng khác. Có khi cả năm Nguyễn Tuân chán chường tôi, không nhìn mặt. Nhưng ông bạn vong niên ấy với tôi không đến nỗi kiêng nhau như bác Nguyễn và nhân vật Mọi trong tùy bút Đồi tri kỷ gượng mà chúng tôi như người nợ nhau, ghét nhau đấy nhưng lâu lâu không được tào lao đôi ba câu, lại thấy vắng vắng. Thật khó nhọc, mà lại cứ thật là cần.

Mấy chữ này của Nguyễn Tuân có thể phác họa ra những khúc khuỷu trái ngược ấy.

Tô Hoài,

Mình thường ít khen ông - về cả con người, cả nhà văn.

Nhưng đọc Sài Gòn Giải phóng, 13 tháng giêng 1985 bài Một người bạn, mình thấy có một cái gì mới ở ông. Nhưng phải khen cái truyện ngắn khá dài khá sâu rộng này. Người thật việc thật trong chuyện này có thật không, hoặc có thì ở mức nào, đối với tôi không quan trọng. Cái quan trọng là nó như thật. Nó hay đấy. Ông còn khoẻ hơn tôi, cứ làm độ một tập như thế này thì ông sẽ phá kỷ lục của Tô Hoài đó.

Nguyễn

Nhưng việc gì ông phải cho truyện ngắn một người bạn đánh vào mục dự thi. Không dự thi thì truyện Tô Hoài giảm giá trị đi à? Hay là người ta xui ông đi thi viết!

Nguyễn Tuân vốn mến và chơi với họa sĩ Nguyễn Sáng. Nguyễn Sáng đã vẽ Nguyễn Tuân những chân dung thật đặc sắc. Nhưng mà cái hóm trong sáng tác, không coi ai ra gì, ai cũng không bằng mình của

Nguyễn Sáng thì Nguyễn Tuân không chịu được. Nguyễn Sáng đến chơi, mừng ba Tết. Hai người uống vui, câu chuyện xoay quanh nghệ thuật. Bốc lên, Nguyễn Sáng hét:

- Chỉ có một thằng Sáng thôi. Còn thì cắt hết!

Nguyễn Tuân giơ tay ra cửa:

- Đi ngay!

Nguyễn Sáng vẫn hăng:

- Nguyễn Tuân à, đừng tưởng bỏ? Ông không biết viết tiểu thuyết. Truyện không có nhân vật, vứt đi?

- Anh ra khỏi đây ngay.

Nguyễn Sáng lập cập xuống thang.

Đến nhà tôi, Nguyễn Sáng nước mắt đầm đìa.

Nguyễn Sáng bảo con gái tôi:

- Người ta vừa đuổi chú. Năm mới mà chú bị người ta đuổi.

Ngồi một lúc coi như uống tiếp lúc nãy, tỷ tê hỏi mới ra câu chuyện những cát tài và cái tai gặp nhau. Nguyễn Sáng nói một câu sắc rợn:

- Nó cũng khinh người bỏ mẹ, lại bảo mình khinh người.

- Lúc nãy có nói thế với Nguyễn không?

- Chưa hết câu, nó đã tổng mình đi rồi. Tức quá đi luôn.

Cả sinh hoạt lẫn xử thế, lắm cái như trẻ con.

Buồn cười, Nguyễn Tuân nhấc tôi:

- Chúa ghét cái thằng bợm bia rượu mà hàng ngày lại uống nước lạnh.

Không mấy khi Nguyễn mời tôi uống chè. Không bao giờ cho tôi thuốc lá.

- Mà hút phí thuốc lá.

Quả là tôi không hút thuốc. Muốn hút chơi thì tôi phải xin ông. Thường nói, ông vừa khô hài vừa mĩa:

- Chó biết thằng này thế nào là thật? Tao ghét cái cười mồm mỉm hiền lành không hiền lành của mày.

Tôi cũng tìm ra cách chọc tức lại. Này ông chửi tôi giả rượu giả thuốc, giả cười, tôi ăn bọ hung, tôi ăn thịt chuột. Ông bảo người ta chỉ thật nhất lúc ngồi với cái chén. Nhưng mà từ thời công nguyên, hai ba nghìn năm nay, thiên hạ thế giới đã luận về cả trăm lối nâng chén đấy, chứ không phải cách riêng của thằng láu cá này đâu.

Tôi chìa trang Sử ký ra trước mặt Nguyễn Tuân.

Tề Uy Vương hỏi Thuần Vu Khôn:

- Tiên sinh uống bao nhiêu thì say?

Khôn đáp:

- Thần uống một đấu cũng say, mười đấu cũng say

- Một đấu cũng say thì sao uống được một hộc? Sao nói vậy?

Khôn nói:

- Nếu cho uống trước mặt đại vương có quan chấp pháp đứng bên cạnh, quan ngự sử nấp sau lưng thì Khôn sợ hãi cúi đầu uống, chỉ một đấu đã say. Nếu cha mẹ có khách quý, Khôn vén áo khom lưng hầu rượu trước mặt thỉnh thoảng được ban cho mấy giọt thừa, lại phải bưng chén chúc thọ, phải đứng lên hầu rượu luôn như thế thì hai đấu đã say. Còn như bè bạn lâu ngày không gặp, bỗng nhiên gặp gỡ, mừng rỡ kể chuyện cũ, đem chuyện riêng ra nói cùng, như thế uống được năm sáu đấu. Nhưng đến như ngày hội ở quê, trai gái ngồi lẫn lộn, mời rượu dằng dai, đánh lạc, ném hồ, kéo nhau tùm năm tùm ba, nắm tay nhau cũng không ai phạt, mắt nhìn nhau cũng không ai cấm. Đứng trước có cái hoa tai đánh rơi đằng sau có cái trâm bị bỏ sót, Khôn trộm lấy thế làm vui, có thể uống tám đấu cũng chỉ say hai phần. Khi trời chiều, tiệc vãn, đồn chén ngồi kê, gái trai cùng chiếu, giày dép lẫn lộn, chén bàn bừa bãi, trên thềm tắt đuốc, chủ nhân giữ một mình Khôn ở lại mà tiễn khách ra, áo là cởi bỏ, thoảng mùi hương thơm phức. Lúc bấy giờ lòng Khôn rất vui, có thể uống được một hộc mười đấu. Vì vậy nói rượu quá hoá loạn, vui quá hoá buồn, muôn việc đều thế. Vua Tề nói: Hay! (°)

(° Hoạt kê liệt truyện. Sử ký Tư Mã Thiên (145 trước CN). Như Thành dịch, lần in thứ tư, Nhà xuất bản Văn Học, 1988)

Chắc hẳn Nguyễn Tuân đã ngâm nga đoạn văn này bao nhiêu lần, nhưng tôi cứ đọc lên. Nguyễn Tuân im lặng, không phải để khỏi cụt hứng người đọc mà Nguyễn Tuân nhấp chút chút rồi gật gù:

- Mấy năm trước, chắc tớ cũng bị theo dõi. Nhưng bây giờ thì hẳn là thôi. Mình hay nói, đũa khác đem nói lại, nó bịa ra chuyện mới, lời bình mới, bảo là Nguyễn Tuân nói đấy. Thời buổi sinh ra ca dao hò vè

lung tung ấy mà. Nhưng xét cho cùng, Nguyễn Tuân có tò mò đôi chút cũng chỉ nghe hơi chứ phải đâu được mắt thấy, được ngồi bàn bạc mà biết. Cái thằng cầm bút viết được chữ nào bán chữ ấy, sức đâu mà làm ca dao cho không. Mà học làm đầy tớ Thuần Vu Khôn để dạy tao. Tao cũng là thầy đây. Thầy này ghét đứa nào uống rượu để nhắm thằng khác uống rượu. Đây, lại mất điện. Tiến lên công nghiệp nặng của ông Lê Văn Lương ở thành phố này là phải trừ cái đèn hoa kỳ.

Năm 1954, về Hà Nội, tổng thư ký Hội Văn Nghệ Việt Nam Nguyễn Tuân và thường trực cơ quan Nguyễn Huy Tưởng ưu tiên hai thủ trưởng mỗi người được phát cái xe đạp, số xe công màu biển xanh. Xe đạp, Nguyễn Tuân cũng làm cho hình thù nó khác của người ta. Khung không sơn lại, để loang lổ đen xám, ghi đồng vuông, xe cỡi trường không mắc gác đờbu. Nhưng thế không có nghĩa là cầu thả. Thoáng trông xấu xí, mà xe khung Pháp, phanh tốt, lốp doonglốp đỏ sẫm.

Nguyễn Tuân đến tiếp khách nước ngoài ở khách sạn Thống Nhất. Đi xe đạp thường ý tứ để xa xa cửa vào, rồi khoá cẩn thận tựa bờ tường bên nhà phát hành sách. Chốc nữa, khách có thân tình tiến ra ngoài cái cửa quay, chủ chỉ việc đi lững thững vài bước. Giả đồ như ở cái thành phố xinh xắn yên tĩnh này không cần đi ô-tô và thư thái tản bộ là một thói quen đẹp. Khách vào rồi, ông chủ ra ngách tường để xe đạp đằng kia, mở khoá và thóc đi.

Nguyễn Tuân đến chỗ giấu xe. Cái xe đã biến mất. Mấy hôm sau, thương nghiệp thành phố biết chuyện đã tặng nhà văn một xe Thống Nhất chưa bóc giấy bóng. Tôi không biết cái xe ấy Nguyễn Tuân đã cho hay bán, nhưng không thấy Nguyễn Tuân cỡi xe đạp nữa. Trong thành phố, ông đi bộ và gọi xế lô. Chẳng mấy lâu, bệnh thấp khớp đã khiến cho đôi chân người phiêu đảng không còn mấy vững, phải có thêm cái gậy đỡ. Nguyễn Tuân vốn chơi gậy, có một ống đựng hàng tá batoong các kiểu. Gậy lim sơn then, gậy lục. Gậy song Sa pa khắc tên những nơi đã đi qua, Matxcơva, Sôphi-a, Vácna... Mới thêm một chiếc nạng thương binh. Lần ấy, vào Sài Gòn, bệnh thấp khớp khéo trêu người bỗng nổi lên ở cái đất khô nhẹ, mà những người quê miền Bắc bị khớp, xưa kia cũng như ngày nay, có điều kiện, đều tránh cái rét mùa ẩm vào trú đông trong Nam. Thế mà Nguyễn Tuân bị sưng chân lên đến gối, ngồi một chỗ. Cũng có thể không lạ, sự dị ứng trái ngược. Khi Nam Cao còn trẻ vào làm ăn trong Sài Gòn, bị nể đến phải chống gậy lên tàu ra. Đôi chân thềm đi của Nguyễn Tuân đã được đắp vô vàn cao hồ, có đến mấy chục cái chân con hồ mà đến lúc cũng quy. ở quán thịt chó Sinh Hàng Lược, Đoàn Giỏi mách:

- Hai cẳng sau con chó, ở trong Nam người ta chữa được nhiều bệnh, thần hiệu nhất cái bệnh đau xương, bệnh khớp.

Nguyễn Tuân ở bệnh viện về. Mỗi ngày, buổi chiều, đạo diễn điện ảnh Phạm Văn Khoa xách cặp lồng lên Hàng Lược mua cẳng chân sau con chó, không biết hai hay bốn. Đến bấy giờ Phạm Văn Khoa cũng hoá ra người khổng lồ chân đất sét rồi, nhưng con người cao lớn lực lưỡng ấy lại ngược đời, kém chân thì đi xe đạp thay. Từ hôm Phạm Văn Khoa mất xe đạp, chàng mới chịu cho các nàng đeo xe máy. Phạm Văn Khoa treo cặp lồng chân chó ở đầu thang gác lên nhà Nguyễn Tuân. Xương hổ, xương chó và bè bạn lo cho cái chân người về già. Cũng nhờ vót vát chịu đựng thế mà khi đã đuối lắm, Nguyễn Tuân vẫn chống gậy

với chiếc vai nhỏ đựng sách và hộp chè, khay chén đến bệnh viện lần cuối cùng. Cả cái chai rượu lẹp lẹp trong lườn áo khoác.

Những năm đầu, các cơ quan từ thành phố lên Việt Bắc, chúng tôi ở xóm Chòi làng Yên Dã huyện Đại Từ chân núi Tam Đảo ngoảnh về đặng Thái Nguyên. Ngày quang trời thấp thoáng thấy Khuôn Chu - một làng người Dao trên lưng núi có lối tắt đỉnh núi sang vùng Tam Đảo nghỉ mát bên kia. Vào mùa mưa, những con lũ tràn ra giữa sườn núi xanh im, xa trông như những giải lụa trắng toả xuống. Nam Cao và tôi ở báo Cứu Quốc trên Tuyên Quang cùng đối công tác về hội Văn Nghệ. Nhưng Nam Cao còn lên Chợ Chu học ba tháng trường Nguyễn ái Quốc - lớp tập trung ba tháng hồi ấy đã là dài và quy mô nhất. Tôi về thẳng xóm Chòi.

Từ khi rời Hà Nội đến đây cơ quan mới ở lại một chỗ ra hồn. Bên báo Cứu Quốc ở nhờ trong làng, lần lần từ Yên Thọ Hoài Đức vào Viên Nội Vân Đình, lên Trung Giáp Phù Ninh trên Phú Thọ. Sang chân núi Tam Đảo, các gia đình đi theo ở quanh trụ sở đông hơn các đoàn văn nghệ kháng chiến trên Nhả Nam bên Bắc Giang, bên Xuân ánh Phú Thọ và Quần Tín trong Thanh Hoá. Cơ ngơi ăn ở và làm việc gồm những ngôi nhà nhiều buồng trên lưng đồi. Kiến trúc sư Võ Đức Diên chỉ huy làm nhà kiểu ánh sáng cột vầu mái rơm vách nứa và ở cánh rừng bên ngoài, trường nội trú Văn nghệ Nhân dân của ông đốc Nguyễn Hồng, mỗi khoá hàng trăm người nhiều nơi về đây học. Các nhà theo cơ quan thì ở nhờ nhà bà con trong xóm. Tối tối, chúng tôi tụ tập ở căng tin Võ Đức Diên. Chị ấy nấu rượu nếp, có bánh đa. Hôm nào phiên chợ Ký Phú bên kia suối thì làm bánh cuốn, bún thang. Phạm Duy và Thái Hắng ở Thanh Hoá ra. Có một hội nghị quốc tế về âm nhạc ở Rumania, Phạm Duy chuẩn bị đi. Tôi không biết hội nghị hoãn hay vì đường xá cách trở, bấy giờ xe lửa Bằng Tường - Nam Ninh chưa có, cuộc đi lại thôi. Vợ chồng Phạm Duy trở về khu bốn. Chỉ có như vậy, không lắm chuyện như Phạm Duy đã viết trong Hồi ký thời cách mạng, kháng chiến.

Đầu năm 1950, chi bộ Đảng quyết định kết nạp hai đảng viên mới, Nguyễn Tuân và Xuân Diệu. Mỗi người được tổ chức ở một buổi họp khác nhau. Bí thư chi bộ Trọng Hứa phụ trách văn phòng cơ quan. Tôi ở báo Cứu Quốc về, được dự kết nạp Nguyễn Tuân. ở rừng, giản dị như một buổi họp. Chỉ thêm một ống nứa cắm mấy nhánh hoa mua, hoa đơn đỏ ngắt ngoài đồi. Hai người giới thiệu, Nguyễn Huy Tưởng và Tố Hữu.

Cái chu đáo của Nguyễn Tuân, theo cách Nguyễn Tuân, nền nếp nho phong, như Nguyễn Tuân giao thiệp với Tố Hữu. Nguyễn Tuân được kết nạp vào Đảng ngày 18 tháng tư năm 1950 - tôi nhớ theo Nguyễn Tuân kể. Có khi, đột nhiên Nguyễn Tuân nhắc đến. Nguyễn Tuân nói: Hôm nay, hai mươi năm trước... hăm hai năm trước... hăm nhăm năm trước... nó quăng mình xuống tàu Chanilly... Tết năm ấy, năm ấy mình ở Hương Cảng... Rồi nói chuyện sách mới đọc hay có việc đương nghĩ, chúng tôi ngồi yên. Khi bực tức một người, một bài báo, người ta nói thường thốt ra, câu nói ác khẩu mà nhiều người hay kể lại: bao giờ tôi chết thì nhớ chôn theo với tôi một thằng phê bình, theo cái nhớ của tôi, thật thì Nguyễn Tuân còn nói đùa thêm để dưới ấy trao đổi cho đỡ buồn. Cũng táo tợn như cái câu của P.Môrăng: Ta muốn sau khi ta chết đi, da ta được thuộc làm cái vali mà Nguyễn Tuân đã lấy đặt lên đầu trang tiểu thuyết Thiếu quê hương khi in từng kỳ ở tuần báo Hà Nội Tân Văn. Mỗi lần câu kinh, Nguyễn Tuân vùng vằng nói:

- Thế này thì tao đem trả thẻ Đảng cho Tố Hữu.

Nhưng chưa bao giờ Nguyễn Tuân làm thế.

Mà chỉ thấy mỗi năm, dịp kỷ niệm ngày vào Đảng, hay tết nhất Nguyễn Tuân đều đến chơi Tố Hữu. Thế nào cũng cầm lên mây bông hồng vàng lòng trứng gà. Trước sau tề chỉnh hầu như đã thành nếp. Cũng là miệng xà thôi...

Không nhớ ở cuộc họp kết nạp Nguyễn Tuân tôi có phát biểu thế nào không, nhưng sổ tay tôi ghi nhật ký ngày 18-4-1950.

Những đám mây xanh mơn mớn đùn lên như mây nổi trên khu rừng già, đâu cũng rừng, cũng rậm rà. Chiều Việt Bắc tối rậm rịt, vướng vít trong cây không biết mờ mờ sương hay khói trải trên lớp núi răng cưa ngang mắt. Con chim bắt cô trói cột kê trong chiều muộn. Tiếng con cuốc khắc khoải. Hoàng hôn cũng buồn buồn như lòng mình, ngồi đây mà nghĩ đâu đâu. Nghe mọi người nói, tôi nghĩ đến những chuyện khác. Buổi kết nạp Nam Cao ở núi Phía Biếc rừng rưng nước mắt. Tiếng súng moochiê của địch từ ngoài Pù giát câu vào. Buổi kết nạp Phúc Mơ, cái dáng Phúc Mơ nhảnh nhúm, đăm chiêu lúc giơ tay thề. Những điều mình dặn Phúc Mơ, trước hôm Phúc Mơ sang giữ kho bị Tây đồn Phủ Thông bắt. Những lễ kết nạp các đồng chí Thổ ở Bản Hậu.

Đây nói nhiều tới mình, tới sáng tác quá. Thế mà tôi lại thấy nó bé nhỏ làm sao! Sáng tác là cái quái gì, nêu không lẫn lộn, phản ánh được chiến đấu.

Mỗi cuộc đời, mỗi trường hợp đến với cách mạng không giống nhau.

ở Nguyễn Tuân, chắc không phải do sách vở, lý luận hay cuộc sống tối ngày, cũng không phải vì tính toán cơ hội, hoặc đua đả. Có thể cảm kích bởi một chén rượu với Tố Hữu ở nhà hàng Thủy Tạ. Có thể vì hai người con lớn trong nhà đã là việt Minh từ bóng tối mà Tổng Khởi Nghĩa rồi ông mới biết. Cũng như tấm lòng của ông với Trung đoàn Thủ đô vì ở đấy có con trai ông, có trung đội trưởng trinh sát Két người nhà bàn quen thuộc ở nhà Thủy Tạ. Cũng có thể vì một suy nghĩ bất thần nào đó.

Không ai như ai.

Năm 1958, một hôm tôi trông thấy đi ra cổng đại sứ quán ta ở Matxcơva một ông già nhỏ bé, gầy guộc như một người Cô-dắc, người Tác-ta ở Trung á hay một lão Di gan lang thang đi xem bói tay thường gặp. Hỏi, mới biết tên ông là Hồng - nhưng ông quên tiếng mẹ đẻ đến nỗi không nói sôi được cả tên mình. Ông từ một vùng thảo nguyên taiga ở Xibêri về chơi sứ quán - đã mấy lần. Ngày trước, ông ở Pháp hoạt động cộng sản rồi trốn sang Liên Xô ông theo phái tởrốtkiết bị bắt đày đi Xibêri. Khi đó, đến cả Tưởng Kinh Quốc, con Tưởng Giới Thạch học ở Liên Xô tham gia tởrốtkiết cũng phải bắt bỏ tù. May có bố đương trị vì nước Trung Quốc có can thiệp Quốc mới được thả về. Cách đây mấy năm, Tổng thống Tưởng Kinh Quốc

trên tám mươi tuổi, chết bệnh ở Đài Loan, có bà vợ Nga già, bà Phaina Varêna lụ khụ, đi đưa đám - người đàn bà mà Quốc lấy ở một thị trấn Viễn Đông từ nơi đi đày đưa theo về. Ông Hồng này cũng lấy vợ ở chỗ cấm cố, mãn hạn tù không trở lại Matxcơva nữa. Bây giờ đã được một lũ con và ông đã già lắm, cũng không có nguyện vọng trở về Việt Nam. Mỗi lần đến đại sứ quán ta, gặp ai, ông cũng chỉ nói được một câu: Tôi buồn quá và khóc rồi đi. Bây giờ, chắc ông đã mất từ lâu. Một lần kia, đi nghỉ ở Nha Trang. Trên bãi biển, bác sĩ Trần Hữu Tước có kể cho tôi nghe một câu chuyện. Chuyện đời của trăm nghìn người trí thức đã đến hay không đến với cách mạng, quả là không ai giống ai.

Năm 1946, cùng chuyến ở Pa ri về Hà Nội - không kể những người cùng phái đoàn ở Hà Nội đi Pháp, có Trần Đại Nghĩa, Trần Hữu Tước và một người quê miền Nam tên là Quang, cùng ngành học với giáo sư Trần Đại Nghĩa. Hơn một tháng lênh đênh trên biển, khi lên cảng Hải Phòng, Quang chào Trần Hữu Tước:

- Thôi, vĩnh biệt mày?

Rồi đi mất. Trần Hữu Tước nói:

- Nó là một trí thức giỏi, cả tuổi thanh niên chúi mũi vào sách và phòng thí nghiệm, nó hết sức timide (nhút nhát). Tối nào anh em mình cũng tổ chức giải trí chơi vui với lính trên tàu, cả bọn vào những cuộc hát nhảy lu bù. Nó rất ngại và khó chịu. Có thể nó thất vọng. Có thể nó nghĩ cách mạng không phải thế. Nó biệt tăm suốt kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Bao nhiêu năm rồi, gần đây, nghe nó ở một thành phố miền Trung, đã già lắm, làm nghề chữa mô tô, xe đạp. Không ai biết nó là ai.

- Anh có nghĩ khi nào tìm đến chơi?

- Không. Người ta đã coi như người ta không còn nữa, mình đến làm gì!

Ôi, những mảnh đời khác nhau.

Một tháng sau, chi bộ kết nạp Xuân Diệu. Mùa thu năm 1950, Nam Cao, Nguyễn Huy Tưởng và tôi lên Cao Bằng tham gia chiến dịch giải phóng biên giới, chiến dịch lớn đầu tiên của quân chủ lực. Nguyễn Tuân với một đoàn công tác khác về đồng bằng liên khu 3. Ngày 13 tháng hai năm 1951, Nguyễn Tuân được công nhận Đảng viên chính thức ở chi bộ sở tuyên truyền liên khu - tôi lại ghi theo trí nhớ con số tuyệt hảo của Nguyễn Tuân. Không biết khi đó Xuân Diệu đã qua Sơn Dương và những vùng rừng thẳm Bản Ty, Đầm Hồng chưa. Bài thơ đăng tạp chí Văn Nghệ có câu Sớm nay ra khỏi u tù quốc Xuân Diệu đã sáng tác ở Yên Dã u tù quốc, đây mới là những nếp nhà tranh lưng đồi trung du, đầu bằng mấy năm sau, đi sâu vào cuộc sống gian khổ, chúng tôi ở Động Móc áp núi Là, ở rừng sâu Thượng Yên bờ sông Lô. Trước mặt, thấy con trăn gió nằm trong bụi nứa và những con kỳ đà mốc thếch bò ra ngẩn đầu rình bắt gà. Đêm nghe hổ về bên suối, tiếng gầm khô rợn.

Rời thành phố, lên đến Yên Dã đã u tù quốc lắm rồi. Tôi quen Xuân Diệu trước 1945. Tôi cũng là người Xuân Diệu rủ đi nghe và cổ vũ Xuân Diệu lần đầu tiên diễn thuyết bài Thanh Niên với quốc văn ở giảng

đường trường đại học Hà Nội. Xuân Diệu nói: Hoài đi ủng hộ Diệu'. Anh Hiến sinh viên mặt tái xanh nhút nhát ra giới thiệu lúng túng. Không sao, Xuân Diệu áo tuyết so lụa mờ gà, cà vạt lấm tấm vàng xẫm, làn tóc rậm đen loăn xoăn trên đài trán đã thu hút người nghe vào ngay câu chuyện. Đột nhiên, Xuân Diệu nói nhịu chữ tâm hồng - như một bà già trong làng bán bánh đúc có tật nói nhịu nhảm. Nhưng Xuân Diệu vẫn tiếp tục sang sảng hùng biện, không ai kịp sừng sốt.

Xuân Diệu và Huy Cận lên Nghĩa Đô, ở chơi cả buổi và ăn cơm. Dịu dàng, âu yếm, Xuân Diệu cầm cổ tay tôi, nắm chặt rồi vuốt lên vuốt xuống. Bốn mắt nhìn nhau đắm đuối. Xuân Diệu gấp thức ăn cho tôi. Cử chỉ thân thiết quá, hơi lạ với tôi, nhưng mà tôi cảm động. Tôi sượng mắt nhìn tập Thơ Thơ khổ rộng in ở nhà in Trung Bắc phố Hàng Buồm. Hai chữ Xuân Diệu nét chữ chì sắc gọn, không phải chữ khắc gỗ đẹp đét. Thỉnh thoảng, Xuân Diệu lại lên nhà tôi. Vẫn nắm tay cả buổi, nhìn nhau tha thiết. Xuân Diệu yêu tôi. Nhớ những tình yêu con trai với nhau, rồi trong làng và ở lớp, khi mới lớn. Học lớp nhất trường Yên Phụ, nói vờ tiếng ồ ồ, mặt sùi trứng cá chúng nó cứ bảo tôi là con gái. Nhiều thằng cặp đôi với tôi đòi làm vợ chồng. Có hôm chúng nó tranh tôi, đánh nhau lung tung. Có đưa xô vào ôm chặt, sờ soạng toạc cả đùi quần tôi. Nhiều hôm đi học tôi không dám đến sân trường sớm. Phải lẩn vào trong ngõ Trúc Lặc, nghe trống mới chạy ù đến sắp hàng vào lớp.

Đương cử mưa rào. Trong thung lũng, có khi cơn nước trắng xóa mù mịt cả ngày. ở Yên Dã, đi chợ Lục Ba, Ký Phú nhớ gặp con lũ lên, phải ngủ nhờ qua đêm bên này suối. Hết mưa rào xối xả, đến mưa dầm tã tơi, còn buồn hơn. Triền núi Tam Đảo cao ngang đầu đổ bóng tối sẫm. Nước mưa giọt ngắn giọt dài, đêm ngày mái nửa rả rích không lúc nào dứt hạt. Dường như trong trời đất chỉ còn cái xóm núi này sót lại chưa bị nạn hồng thủy. Có uống cả vò rượu nếp nhà kiến trúc sư vô Đức Diên cũng không vơi được cái hiu hắt và nỗi nhớ phố phường. Mới xế chiều đã như chập tối, chẳng còn ai thò chân ra đường xóm đá tảng lầy lội. Cơm xong, nhà ăn đóng cửa, mái rạ lẩn vào sườn đồi chơ vơ. Mấy cậu văn phòng ở một mình, xong bữa lại quăng bát đĩa đấy, vào chơi ngủ luôn tại các nhà trong xóm. Có cậu việc gấp, đánh máy đêm một lúc rồi cũng chuồn mất. Dãy buồng ở tập thể không đèn đóm, tối thui. Không nghe tiếng người trở mình, giát giường không ken kết, im như đất hoang. Nhà tôi ở ngoài ven gò giữa đồng. Rượu khuya, đường mưa lội tôi ngủ lại.

Chúng nó sợ, đi bỏ trống cả cơ quan. Cả dạo mưa gió Xuân Diệu ở u tỳ quốc không ra ngoài. Giọt gianh lách tách mái nửa gọi đêm ma quái về rừng rợn, say đắm. Bàn tay ma ở đâu sờ vào. Không phải. Tay người, bàn tay người đầy đặn, ấm ấm. Hai bàn tay mềm mại xoa lên mặt lên cổ rồi xuống dần, xuống dần khắp mình trần truồng trong mảnh chăn dạ. Bóng tối bập bùng lên như ngọn lửa đen không có ánh, cái lạnh đêm mưa rừng ảm lên. Chẳng còn biết đương ở đâu, mình là ai, ta là ai, hai cơ thể con người quần quai, quần quít cánh tay, cặp đùi thường chã trối nhau lại, thít lại, giằng ra. Niềm hoan lạc trong tôi vỡ ra, lên cơn dữ dội, dẫn ngửa cái xác thịt kia. Rồi như chiêm bao, tôi rời rã, thống khoái, im lặng. Nghe mưa rơi xuống tàu lá chuối trong đêm và cái mệt dịu dàng trong mình. Giữa lúc ấy, hai bàn tay mềm như lụa lại vuốt lên mặt. Làn môi và hơi thở nóng như than bò vào mắt, xuống vú, xuống rốn, xuống bẹn... Cơn sượng lại cơn lên cho đến lúc ngã cả ra, rúc vào nhau. Rồi bàn tay dịu dàng lại vuốt lên mặt... Lần này thì tôi lử

lả, tôi chuôi ra rên ư ừ, như con điểm mê tơ không nhớ nổi người thứ mấy, thứ mấy nữa.

Trời rạng sáng. Xuân Diệu trở về màn mình lúc nào không biết. Tôi hé mắt nhớ lại những hứng thú khủng khiếp. Những cảm giác nồng nàn kích thích trong bóng tối đã trở ra khi sáng bạch. Tôi chạy xuống cánh đồng giữa mưa.

Nhưng đêm mai lại vào cuộc kịch liệt hơn. Trong đêm quái quỷ lại thấy mình không phải mình mọi khi, cũng không biết rồi trời lại sáng. Cho đến khi thật thấy rạng sáng mới rờn rợn tởm.

Mọi công việc cơ quan lặng lẽ, nhưng cứ tối đến thì nháo lên, nháo lên một cách âm thầm. Các chàng trai trẻ chạy trốn dạt vào ngủ lang trong xóm. Thăng Đại trắng trẻo, mũm mĩm thì biến là phải. Nhưng cả đến thằng Nghiêm Bình cao to hiên ngang thế, tối cũng lẳng lẳng vác cái ghi ta đi. Bốn bên im như tờ. Chỉ còn cái màn đã buông sẵn của lão trai già Văn Hiến - một tay bốc trời thường khoe trước kia đã nhả mặt ăn chơi xóm Mông-mác bên Pa ri. Không biết lưu lạc ở đâu vào cơ quan, lão Hiến quần nâu vá gối, vá hai bả vai to bằng cái quạt mo, công tác giữ sổ công văn đi đến. Có những đêm quanh đồng củi sủi Trọng Hứa nhún nhảy gãi ghi ta một ca khúc Phần Lan, Đào Vũ dịch lời Trung Quốc: Đây gió, đây trong rừng... thì lão nghệ sĩ Văn Hiến bỗng trợn mắt uốn tay vờn cái ống quần rách nhảy quanh ánh lửa một mình một điệu vanxơ uyển chuyển tả tơi. Chiếc màn một tơ tro của lão Hiến, đôi khi cả màn của Kim Lân, của Nguyên Hồng ở Bắc Giang sang, ngủ tạm đấy. Chẳng biết đêm hôm có ông kênh nào bị bàn tay nhưng sờ vào rốn không. Cuộc kiểm điểm Xuân Diệu kéo liền hai tối. Hồi ấy chưa biết phương pháp chỉnh huấn, nhưng hàng ngày chúng tôi làm việc giờ giấc nghiêm ngặt, mỗi tổ buổi chiều trước giờ tăng gia lại hội ý rút kinh nghiệm, nêu hướng sửa chữa và trình bày công việc ngày mai của từng người. Cả cơ quan họp đến khuya. Chỉ có ông Phan Khôi lên đòi, màn vẫn mắc sẵn, đi ngủ từ chập tối, bỏ ngoài tai mọi việc.

Xuân Diệu chỉ ngồi khóc. Không biết Nam Cao, Nguyễn Huy Tưởng, Trọng Hứa, Nguyễn Văn Mãi, cả lão Hiến, thằng Nghiêm Bình, những thằng Đại, thằng Đắc, Tô Sang và mấy thằng nữa, có ai ngủ với Xuân Diệu không, tất nhiên không ai nói ra. Tôi cũng câm như hến. Lúc rõ lên, trong đêm tối quặng rữ, mình cũng điên kia mà, chứ có phải một mình Xuân Diệu đâu. Không nói cụ thể việc ấy nhưng ai cũng to tiếng, to tiếng gay gắt nghiêm trang phê phán tư tưởng tư sản, tư tưởng tư sản xấu xa phải chữa đi. Xuân Diệu nức nở nói đấy là tình trai của tôi... tình trai...!' rồi ghen lời, nước mắt ứa ra, không hứa hẹn sửa chữa gì cả. Ít lâu sau, trong một cuộc họp ban chấp hành, Xuân Diệu bị đưa ra khỏi ban thường vụ. Và cũng thành một thói quen kéo dài, từ đấy không ai nhắc nhở đến những việc chủ chốt ở ban thường vụ trước kia Xuân Diệu đã phụ trách. Bỗng dưng, Xuân Diệu thành một người có thì giờ chỉ chuyên đi và viết. Mà Xuân Diệu cũng tự xa lánh mọi công tác.

Mỗi khi nhớ, chuyện về Xuân Diệu chỉ buồn thương, buồn cười và đáng yêu, chỉ đáng yêu. Xuân Diệu nhiều nữ tính cẩn thận, từ chi tiêu đến sáng tác nhưng cẩn thận một cách lơ khờ, có khi anh làm gì tưởng kín bưng, kỳ tình ai cũng đoán biết.

Đặt kế hoạch hăn hoi chữ. Xuân Diệu hay đi nói chuyện văn thơ. Xuân Diệu có kế hoạch chăm chút kỹ

lường bảy, tám bài nói, nói khắp nước cũng chuyên tám cái tử ấy. Đã trau dồi đến thuộc lòng, chỗ nào giơ tay, chỗ nào nghiêng phải, nghiêng trái, lên giọng và nhấn mạnh, chỗ nào đợi vỗ tay, đợi cười và mình mỉm cười. Xuân Diệu xuất xoa thú vị:

- Nước ta rất chuộng văn học và cũng là cái mốt. Phục vụ không bao giờ xuể được, nói suốt tháng vẫn kín chương trình.

Thời chống Mỹ, tôi đã đi với Xuân Diệu lên nói chuyện ở trường đại học sư phạm Vinh sơ tán trên huyện Thạch Thành, Thanh Hoá. Mỗi bữa ăn, Xuân Diệu săn sóc thực đơn lấy - Xuân Diệu nói - như thế không làm chủ nhà tốn kém, lại hợp sự cần thiết của mình. Không sang trọng đâu toàn những thứ dễ kiếm, mấy quả trứng, thịt bò hay thịt gà, canh măng hay canh cà chua, canh cà chua hay hơn, cho nhiều hành và nhớ mắm muối đậm một chút. Ngày hai buổi nói, lại tối nữa, phải thế mới có sức. Cả đến viết, Xuân Diệu cũng tính chi ly tức cười. mỗi bài đều có mục đích hai việc một lúc. Bài nói ở đài hoặc bài đăng báo rồi để in sách. Nếu không, không viết. Đã tính trước rồi. Không bao giờ viết bài đăng báo rồi không in vào sách. Xuân Diệu chê tôi viết lung tung, khuyên tôi không nên phí chữ. Năm tháng qua, quyển sách thành hình trong đầu, các bài viết lấp dần vào. Lại từ đấy tính ra sự tiêu pha. ở Yên Dã, cái quần kaki vàng nhạt của Xuân Diệu đã bọt cả hai bên mông. Hỏi sao để trễ tràng thế, sắm quần khác đi. Xuân Diệu nói:

- Không ngờ cái kaki này mau rách, thành thử lỡ kế hoạch. Đáng nhẽ cuối năm mới đến hạn thay quần mới. Chán quá.

Chúng tôi đi công tác thuế công thương ở trung du. Xuống tận Lâm Thao, cách bốt địch ở Việt Trì không mấy chốc. Đã được trên tỉnh dặn gần vùng địch phải gọn. Gọn, nhưng ba lô Xuân Diệu vẫn đủ thứ dự trữ, mỗi chuyến đi đều sắp sẵn thế. Lọ nước mắt kem đặc sệt. Một túi củ hành tỏi đã bóc bóc vỏ cho nhẹ đem từ khu bốn ra. Hộp thịt bò khô ướp lá sả. Cái thịt bò kho khan ấy xào nấu ở nhà tôi, hôm chúng tôi tạt vào Thịnh Cù trước khi xuống Lâm Thao. Lúc đi, tôi chỉ đeo ba lô con cóc, có cái màn và quần áo. Xuân Diệu căn nhắc: Cậu này, có cái ăn mà cũng ầu Thế thì cậu quý cái gì? Nói thế, nhưng khi đến bữa vẫn cho tôi miếng thịt kho và củ tỏi, và ăn nữa cũng được. Nhưng cứ phàn nàn, cãi nhau tôi cầu thả. Tôi cười và chên tự nhiên.

Xuân Diệu cho tôi là đứa khinh bạc, nhưng lại thương tôi, nên hay bảo ban, nhiều khi từ những việc nhỏ. Xuân Diệu khuyên tôi phải biết quý miếng ăn. Xuân Diệu dạy tôi khi nào đứng đái phải cắn chặt hai hàm răng lại, như thế sẽ ăn khoẻ chẳng kém hàng ngày uống vitamin B1. Xuân Diệu bảo bí quyết dưỡng sinh gia truyền ấy, ông thân sinh đã dạy từ khi còn bé. Tôi có cảm tưởng Xuân Diệu ăn uống cũng chẳng bao nhiêu, nhưng anh ăn cố. Không phải Xuân Diệu ăn, mà một người nào khoẻ lắm gắp hộ, nhai hộ, biến Xuân Diệu thành con ma ăn, trông đến thương. Một chuyến chúng tôi cùng nhau thăm nước Lào, ở khách sạn Apôlô. Mỗi sáng Xuân Diệu nhắc: cậu không ăn sữa thì để riêng đấy cho mình, không ăn hết bánh cuốn thì lấy đĩa sẻ ra cho vệ sinh để mình ăn nốt. Cố lên, ăn phết phơ thế không được. Nhà bàn bưng ra nhiều món, Xuân Diệu cứ thông thả vừa nhai vừa ngấm từng miếng và ăn đến hết. Đêm ấy đau bụng phải đi cấp cứu. ở bệnh viện về, Xuân Diệu thở dài:

- Cái miệng làm khổ cái bụng, mình phải tính tham ăn.

Nhưng rồi lại vẫn cứ thong thả quét sạch mâm, như mọi khi.

Tuy vậy, ăn phung phí Xuân Diệu không chịu. Một lần, tôi rủ Xuân Diệu đi nhà hàng Phú Gia, đầu bàn đặt chai bọc rơm rượu ý Chianti. Có cả Nguyễn Tuân và Huy Cận. Tôi nói đùa riêng với Nguyễn Tuân:

- Phải đưa ông ấy lên cao lâu để được xem ông ấy ăn cho thích mắt.

Nhưng Xuân Diệu chỉ gọi có một món bít tết.

Xuân Diệu bảo tôi:

- Đi nhà hàng, có bao nhiêu đĩa đứng xung quanh rình chộp tiết cậu, giết tiền của cậu, ăn làm gì! Một món ở đây nó thiên bằng cả tháng thịt chó. Thịt chó bổ nhất các thứ thịt. Thịt chó, nhưng Xuân Diệu không bao giờ đi ăn hàng. Xuân Diệu mua thịt chó sống, mỗi tuần lễ đánh chén hai lần vào ngày nhất định. Trong thành phố nhiều quán thịt cầy, mà không có hiệu bán thịt chó sống. Xuân Diệu bảo thế là Hà Nội kém, Sài Gòn có nhiều hiệu thịt chó, thịt rừng sống. Nhưng ở Hà Nội Xuân Diệu đã có thói mua quen. Xuân Diệu mách tôi:

- Cái cô bé quang gánh ngồi chỗ cửa sau chợ Hàng Da.

Tôi đã đến mua của cô hàng thịt chó sống bên cái sân bán cua ốc nhớt nháp cạnh nhà vệ sinh khai nông nặc. Bây giờ chợ Hàng Da mới, cô hàng thịt chó phải ra đứng bán rong vỉa hè. Chẳng biết ngày trước cô hàng có biết ông khách quen ấy là nhà thơ của ta không.

Một dạo, tôi làm đối ngoại ở cơ quan. Thỉnh thoảng, Xuân Diệu cho tôi chiếc mùi xoa, đôi bít tất đem đến tận nhà. Tôi cười:

- Hồi lộ à?

Xuân Diệu nói:

- Thăng này tình quái, cái gì cũng đoán được, mà nói ác. ừ, để có gì thì nhớ đến nhau thôi. Làm sao đâu mà tình quái, chỉ hồn nhiên đến như Xuân Diệu mới lấy làm lạ.

Từ thuở trẻ, cái bắt tay như vồ lấy, trán đụng vào nhau, bốn con mắt vuốt ve nhau nghiêng ngả. ở đâu Xuân Diệu cũng đào hoa mỗi tình trai. Buổi chiều đi công tác, trong vắng lặng đã hết lo máy bay lên đánh bom, chúng tôi đặt ba lô nghỉ chân ở ẩm Thượng, xuống sông tắm táp xong lên dạo phố. Đêm nay thị trấn mời Xuân Diệu nói chuyện thơ. Bọn con trai choai choai kháu khỉnh xúm xít quanh nhà thơ. Tuổi trẻ, trai gái thấy nhau như có điện, dù điện yêu hay điện ghét, điện hút lại hay điện đẩy đi, thái độ hiện ngay ra con mắt, nụ cười, cái bĩu môi, dáng xóc cổ áo, cái nhổ bãi nước bọt. Đàng này, con gái đi ngang mặt, Xuân

Diệu cứ dừng dừng như không, nhưng con trai thì xoắn xuýt vòng trong vòng ngoài. Sáng hôm sau còn đến chơi. Xuân Diệu nhìn đôi vào mắt, nắm cổ tay từng đũa, mân mê như chọn đũa mía. Các cậu ấy còn đeo ba lô hộ, tiễn chúng tôi một quãng xa.

Chiều hôm ấy ở Viên Chăn bên cửa sổ buồng khách sạn Apôlô bờ sông Mêkông trông sang lưng phố bến Nong Khai bên kia. Rặng cây may sắc, những chòm hoa đùn lên như dải mây vàng phủ dài. Chúng tôi trầm ngâm cả giờ nhìn sông lũ đỏ ngầu - cách một mảng nước đã là Thái Lan. Mai một dòng sông xuống dưới kia thành Cừu Long, chín con rồng qua chín cửa ra biển Đông. Thời gian, xa cách và sông nước lúc nào cũng không cùng.

Tự dừng, Xuân Diệu nắm tay tôi:

- Chúng mình già rồi.

Nhớ lại những đêm man dại ở Yên Dã, nhớ như in hơn bốn mươi năm trước, cũng tay tôi đây, Xuân Diệu vượt lên, đâm đuối. Bây giờ nhìn nhau lặng yên. Tôi chợt buồn hơn cả câu Xuân Diệu nói. Xuân Diệu không già mà chỉ có tôi mới là ông lão. Xuân Diệu có một tình yêu riêng không khi nào biết tuổi, từ xa xưa đến bây giờ vẫn tơ vương, vẫn thanh xuân, vẫn thiết tha. ở Đan Mạch mới có luật cho người cùng giới lấy nhau. Lão Xen 72 tuổi yêu lão Alyxin 70 tuổi đã trên bốn mươi năm, bây giờ được ra toà thị chính thủ đô Copenhaguen làm đăng ký kết hôn. Nhưng tình trai chàng Xuân Diệu không thuỷ chung như hai lão già nước Đan Mạch kia. Xuân Diệu đào hoa và đam mê, cả đời đuổi theo mộng, nhiều mộng, nhiều mối tình trai. Một bài thơ, những bài thơ, những mối tình trai và tình gái. Thơ tình Xuân Diệu gửi một người lính trẻ rời thành phố vào chiến trường chống Mỹ.

EM ĐI

Tặng Hoàng Cát

Em đi, để tấm lòng son mãi

Như ánh đèn chong, như ngôi sao

Em đi, một tấm lòng lưu lại

Anh nhớ thương em, lệ muốn trào

Ôi Cát! Hôm vừa tiễn ở ga

Chưa chi ta đã phải chia xa!

Nụ cười em nở, tay em vẫy

Ôi mặt em thương như đoá hoa!

Em hỡi! Đường kia vương những gì

Mà anh mang nặng bước em đi

Em ơi, anh thấy như anh đứng

Ôm mãi chân em chẳng chịu lìa

Nhưng bóng em đi đã khuất rồi

Đứt lìa khúc ruột của anh thôi!

Tình ta như mối dây muôn dặm

Buộc mãi đôi thân, dẫu cách vơi

Em hẹn sau đây sẽ trở về

Sống cùng anh lại những say mê...

áo chần em gửi cho anh giữ

Xin gửi cùng em cả hẹn thề

Một tấm lòng em sâu biết bao

Để anh thương mãi, biết làm sao!

Em đi xa cách, em ơi Cát

Em chớ buồn, nghe. Anh nhớ, yêu...

(Đêm 11/7/1965 23 giờ 30)

(Báo Nhân Dân số Tết Kỷ Tỵ (1989)

Ai yêu thơ Xuân Diệu, hiểu được thơ tình tha thiết đẹp đến nao nùng của Xuân Diệu, không danh giới tơ duyên trai hay gái, phải thấu hiểu nỗi niềm và duyên nợ của nhà thơ như thế, suốt đời nhớ thương và chờ đợi mới là biết yêu thơ Xuân Diệu. Khi nào cũng khát vọng, không bao giờ già, mãi mãi ban đầu.

CÁT BỤI CHÂN AI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương IV:

Những chuyện Nhân Văn và thời kỳ hữu khuynh, tư tưởng bị lũng đoạn tôi chôn vùi đi lâu rồi. Nhưng chưa phải đã được dứt. Chuyển đi Lai Châu ấy cũng là cho khuây khoả mà thôi. Bởi vì cuốn tiểu thuyết Mười năm của tôi - một trong những ấn phẩm cuối cùng của nhà xuất bản Hội Nhà Văn. Lập tức, các báo mổ xẻ phê bình. Một đòn đánh mạnh và lý lẽ nhất, bài của Như Phong trong ban biên uỷ báo Nhân Dân in trên báo ấy và bài của Trần Độ trên tạp chí Văn nghệ Quân đội. Đấy cũng là một quyển sách còn sót lại thúc đẩy phải đóng cửa nhanh nhà xuất bản này. Rồi Võ Hồng Cương thường trực Hội Văn Nghệ tổ chức một trận phê bình miệng. Nhà văn, nhà lý luận phê bình, nhiều cán bộ giáo vụ trường đảng và cả tỉnh uỷ Hà Đông tham dự. Mười năm, một cuốn tiểu thuyết bộ ba của tôi viết về quang cảnh và con người vùng Nghĩa Đô nghề thủ công phía tây bắc thành phố vào ba thời kỳ nối nhau. Tiểu thuyết Quê nhà, nhà xuất bản Tác phẩm mới in khoảng thập kỷ bảy mươi sau này. Sự việc cuối thế kỷ trước qua hai lần quân Pháp đánh Hà Nội, các làng ngoại thành nổi lên. Quê người là cuốn truyện dài đầu tay, quãng 1940 tôi viết cùng thời với những Dế mèn phiêu lưu ký, Giăng thề, O chuột. Quê tôi, lĩnh lựa nghề tổ bị lụi bại, người làng phải bỏ đi tha hương đất khách quê người. Tiểu thuyết Mười năm như một tự truyện viết về một đám thanh niên trong làng tham gia Việt Minh nhen nhóm phong trào cách mạng tiến tới Tổng Khởi Nghĩa.

Mười năm được viết ra, những năm đó tôi về ở trên Nghĩa Đô. Văn Cao làm bìa, Văn Cao đã bắt đầu vẽ bìa để sinh sống. Văn Cao vẽ cái bóng làn nước chảy đều hiu chân cầu, ý nghĩa thời gian trôi, Mười năm' mười năm nước chảy qua cầu. Có hai người phát biểu gay gắt nhất. Như Phong:

- Mười năm có thể là một cuốn tiểu thuyết khá, vì đấy cũng là thực tế ở làng quê tác giả và chính tác giả đã sống. Nhưng nó đã được chuẩn bị và sáng tác trong thời kỳ Nhân Văn lũng đoạn nên bị ảnh hưởng xấu. Các nhân vật cán bộ cách mạng đã bị bóp méo đến thảm hại.

Tôi không biết Lưu Quyên bấy giờ công tác ở đâu. Nhưng tôi đã gặp Lưu Quyên khi phụ trách báo Cứu Quốc khu Ba. Tôi ở Việt Bắc về qua Vân Đình, đi vùng Mường trên Đà Bắc. Nghe nói Đình Hùng ở báo Cứu Quốc tôi tìm đến gặp Đình Hùng ở một xóm đồng chiêm gần Chuôn Tre lối ra Đồng Quan. Những câu ca dao in báo Cứu Quốc và bài thơ Cô du kích... Ngày nào trở lại cố đô. Ôi Thăng Long rợp bóng cờ vinh quang... Đình Hùng đã làm và in trên báo Cứu Quốc những ngày ở đấy. Sau Đình Hùng theo Vũ Hoàng Chương xuống Quỳnh Côi dưới Thái Bình, bị Tây quây, rồi về Hà Nội.

Lưu Quyên đồng ý:

- Tôi là người chịu trách nhiệm phong trào Hà Đông thời kỳ ấy. Hà Đông chúng tôi khi đó không phải như trong tiểu thuyết Mười năm. Tôi phản đối người viết đã xuyên tạc sự thật lịch sử.

Rồi sau cũng nhiều khi Như Phong đi với Nguyên Hồng gặp tôi ở quán bia gốc liễu nhà Thủy Tạ. Ông này uống bia pha rượu trắng, tôi để ý thấy màu bia ở cốc ông nhạt hơn các cốc xung quanh. Cái lúc bẻ nhè vẫn hăng hái lý lẽ nhưng Như Phong làm như quên bữa anh đã cạo tôi. Còn Lưu Quyền về sau cứ từ đằng xa trông thấy tôi là tránh sang vỉa hè bên kia. Chỉ có một cuộc phê bình miệng ấy. Người viết không phải nói tiếp thu và hứa hẹn sửa chữa như chỉnh huấn. Tuy vậy, đi làm hợp tác xã mấy tháng dưới Thái Ninh về tôi vẫn loăng quăng, day dứt.

Tôi đi Lai Châu, cho đỡ bận lòng. Cùng đi có Nguyễn Tuân, Văn Cao.

Giữa trưa, xe lửa chạy Lào Cai. Đường sắt này mới chữa lại năm trước. Nhớ cái lớp 18 ngày, tôi bỏ đi dự khánh thành đường Hà Nội - Lào Cai về bị kiểm điểm. Thoáng nhớ thế thôi. Khách vắng, cả cái toa hạng ba, chỉ có Nguyễn Tuân, Văn Cao với hai két bia mang theo. Người nhà tàu vui tính đội mũ lưỡi trai đã chiều khách, không cho ai lên thêm toa ấy. Và cũng uống bia chan hoà với chúng tôi. Mới đựng cốc đã mặt đỏ găng. Không biết uống, nhưng vì anh thích các ông khách nhà văn quá. Hồi ấy còn kiểu thùng bia hơi xù xì như cái chĩnh đại, chai si rô lựu đỏ gắt đặt trên mặt quầy. Chỉ uống cốc con, pha nước ngọt. Người ta còn nhăn mũi chê bia đắng. Cốc vại nửa lít mới trông đã hẫ. Hai két bia hai mươi bốn chai của chúng tôi như hai cái cũi lợn. Người coi toa say bia, đi ngủ từ chập tối. Nhưng vẫn nhớ công việc, anh khoá trái hai cửa đầu toa rồi nằm chúi đầu không biết. Làm thế nào, buồng vệ sinh lại ở cửa toa, phía ngoài. Mà hai két bia Trúc Bạch thì uống cả đêm nay. Thế mà rồi cũng xong. Bởi vì các cửa sổ toa đều vẫn mở được.

Suốt đêm, tàu qua Phú Thọ - Yên Bái đôi chỗ lấp loáng mặt sông Hồng và ánh trăng. Những đồi cọ như đàn voi phủ phục. Chín năm kháng chiến; người xuôi tản cư lên đồi cắt cỏ tế phơi đun bếp. Lại ngắt từng ô lá sắn về muối dưa. Nồi cơm sôi lên, khúc sắn trứa công hạt cơm - củ sắn ba bốn năm còn sót lại vừa mới bới. Những ngày tản cư trong kháng chiến tưởng tượng xanh trong như trung du vào thu, loáng thoáng qua ngoài cửa sổ sáng trắng. Không rõ tàu tới đâu, nhưng cứ tưởng ra chỗ nào cũng ngỡ đấy là những phố ẻn, rồi ngòi Lửa bên kia Chuế Lưu rồi lên đến ga Đan Thượng... Mỗi khi tôi ở Bắc Cạn, ở Tuyên Quang về nhà, xuống phủ Đoan ra Cát Lem đầu lô hay qua bến Ngọc, chợ Ngà, tắt rừng về Đại Phạm ra Đan Hà. Có khi xuống ngã ba Phú Hộ rồi rẽ sang Thái Ninh ra Vũ ẻn ngược bờ sông lên. Làng xóm và hàng quán những ông bủ bà bủ, đi một đơn, đi một tay dao và gió, gió thì gọi là bão, bão rồi, đò ngược đò xuôi sông Lô, sông Thao...

Ký ức theo con tàu chạy đương nổi nhau trở về. Năm 1945, mờ sáng, tôi đi với bộ đội từ Yên Lạc tấn công vào thị xã Vĩnh Yên. Quốc dân đảng đã rút lên Việt Trì đêm trước. Chiếm Phú Thọ rồi truy kích tóm hụt thủ lĩnh Lý Ninh, nhưng cũng bắt được một số đầu xỏ. Đêm, chúng phá trại giam, chạy lên đến Vĩnh Chân bờ sông thì bị bắt lại. Toà án quân sự mặt trận quyết định xử bắn ngay, trong khi các đơn vị vệ quốc đoàn vẫn đuổi theo tàn quân địch dọc đường sắt lên Yên Bái. Một cái đầu tàu chạy quãng này còn lại ở thị xã. Tôi vào bãi bắn ở sân bay. Khói than đỏ hồng trong sương mờ lạnh lạnh. Sân bay cũ cỏ mọc xanh lút đầu gối. Cái đài nước đổ nghiêng như một tảng đá trắng giữa bụi lau.

Sự tích của đám bị bắt lại cũng lộn xộn, khó hiểu như được thua của một trận đánh. Tư ần, một trong ba cụ đầu xỏ bị trói gô lúc đương ngồi xếp bằng uống rượu trong đình Yên Kỳ, xung quanh đã chạy hết. Đặng Văn Mười còn có những tên là Tử Pính, là Hùm Xám. Một lão nhà giáo hơn hai mươi năm trước đã ngồi bảo học ở Phú Thọ. Quái đản nhất, đội Thất, nguyên cai ngục Yên Bái. Đội Thất đã đẩy xe máy chém ra đầu tỉnh, sáng tinh mơ ấy thủ lĩnh quốc dân đảng Nguyễn Thái Học và đồng đội bị rơi đầu. Bây giờ lão theo quốc dân đảng vẫn được gọi là đội Thất. Sáng bạch, bọn tù được dẫn bên đề lao sang, bước loi thoi qua đám cỏ rậm đường bằng. Hùm Xám đi bên trung đội trưởng Luân, lý lấu hỏi:

- Chốc nữa ông làm coup de grace (°) hả?

(° Phát súng sau cùng (còn gọi phát súng ân huệ) bắn cho chết hẳn người tử hình đã bị bắn)

Nếu cái xích tay Hùm Xám không động lách cách dễ tưởng như hai người đi xem tử tù. Trung đội trưởng không nói, nhưng tỏ vẻ bức mình vỗ vào cái súng lục ổ quay bao da đeo lưng lẳng bên thắt lưng. Lại hỏi:

- Súng gì thế, thưa ông! Sanh tiên hay poọc học? Cái lão tử tù này mắc bệnh hỏi.

Giữa bãi cỏ, bên cạnh bảy cái cọc tre mới đóng, hai mâm đồng dọn ra giữa những viên gạch vỡ kê làm ghế ngồi. Xôi đỗ xanh, thịt gà luộc chấm muối. Cả bát nước suýt. Một nải chuối đặt cạnh những chai rượu trắng. Không hiểu sao những sáu bảy chai - giúp cho người ta quên chết hay còn thừa thì chốc nữa vệ quốc đoàn để rửa tay, để uống nốt? Chỉ một loáng, đám tù đã chén tiệt hai mâm xôi đỗ trên lá chuối. Cả những cái chai không lẫn lóc. Từng người đứng ngồi nháp nhô, ai cũng râu ria xồm xoàm, mặt đỏ phừng, mặt tái ngắt phì phèo tuôn khói thuốc lá cuộn sẵn, thanh thảo lạnh lùng như những người xa lạ ngồi đợi tàu ở ga. Hùm Xám lơ lảo nhìn quanh, bỗng cong cổ gào: Đồi đẹp quá! Đồi đẹp quá ít! Lão Tư âm, hai tay xích để trên đầu gối, im lặng. Mặt rượu tím Quan Công, nổi bộ râu ba chòm, con mắt sắc như dao liếc. Lão ngẩng nhìn cái đài nước đổ đẳng cuối bãi. Lão giơ ngang tay xích, cười khềnh, nói: Cái đài nước kia to thật lực mà cũng đổ nh?, ' Rồi lại trầm ngâm. Hùm Xám ngoái cổ lại hỏi trung đội trưởng Luân: Ông cho coup de grace hả? Nhờ ông cho nhanh một tý. Lão cựu giáo học thì cứ thờ hờn hển. Không biết lão say rượu hay lão lên cơn nghiện.

Trung đội trưởng Luân đứng nghiêm, hỏi to:

- Phạm nhân có dạn dò, có nhẵn gì nữa không?

Đội Thất, người đã beng đầu Nguyễn Thái Học năm xưa, hét:

- Việt Nam quốc dân đảng vạn tuế, vạn vạn... ối giời ôi!

Bấy giờ ông cố đạo rửa tội, mới đến. Ông quăng vội cái xe đạp giữa bãi cỏ, bánh trước nghênh lên quay tít. Ông ở tận nhà thờ bên phủ Đoan sang, có lẽ đã đạp xe suốt đêm qua. Quần ông xắn cao trên đầu gối. Ông lấy cái áo choàng đen trong ba lô ra mặc, áo trùng buông xuống, ống quần vẫn xoe trên bắp chân bê

bết bùn. Ông cố đạo còn trẻ, chẳng nghĩ ngợi nửa phút, ông đến trước mặt từng người tù làm dấu thánh, rì rầm, rì rầm. Lão đội Thất được rửa tội sau cùng. Tự dừng, đội Thất kêu lên: Không, không, tao đeo xừng tội với mày! Rồi giơ hai tay xích nện xuống cái mũ lá của ông cố đạo. Ông cố đạo thản nhiên lùi xa, lại làm dấu thánh, cúi đầu đọc kinh nho nhỏ. Toán cảnh vệ bỗng súng chào giữa trời rồi quay lại từ từ quỳ một bên gối xuống mặt cỏ. Cách mấy thước, những người tù đã bị bịt mắt miếng vải đen, trối ngoặt cánh tay, căng chân vào cọc. Phút hốt hoảng khủng khiếp bất thần đến. Tiếng kêu la thất thanh trong tiếng súng vang từng chập. Nghe rõ tiếng lão đội Thất: Chưa trúng tôi? Chưa trúng? ối giờ tôi, tôi oan, hay là tôi oan... Nhưng cái đầu lão đã ngoẹo trên cọc, máu tuôn ồng ọc. Trong làn sương lẫn khói súng, bác sĩ Triển áo ba đồ xuy dạ đen, kính trắng, như thần chết vác lưỡi liềm ra. Chiếc ống nghe dí vào ngực từng cái xác. Trung đội trưởng Luân bước trước, mỗi cái xác bồi một phát súng lục vào gáy.

Mù sớm loăng đăn, nhìn ra đám cỏ xanh eo éo. Ven đồi, những cây cọ bị gió đánh xơ xác rũ rượi, như tốp người nữa đợi đến lượt xử bắn.

Làn sương đêm dày đặc toả vào cửa sổ toa tàu. Chúng tôi ngợp trong sương, ho sặc sụa. Tôi nhớ cảm giác lạnh lẽo u ám sương mù thế này năm trước cái hôm bọn tử tù bị trối trên cọc. Rồi tôi nhớ Nam Cao, Tây đã bắn chết Nam Cao có lẽ cũng tương tự như thế, khi mới chập tối trên đồng nước Hoàng Đan. Rồi nghe Thôi Hữu kể lúc Trần Đăng và Thôi Hữu bị quân quốc dân đảng Trung Quốc đem bắn ở chân núi Nà Lầu trên biên giới. Rồi ở Tuy Hoà, Ninh Hoà hay Nha Trang, lại Trần Mai Ninh tử nạn.

Đoàn tàu đã qua thị xã Phú Thọ. Vầng trăng mười tư lên giữa trời trong veo.

Ngày ấy nhiều vùng đường xuôi tản cư dần lên ngược, cứ cái tên được đặt cho cũng dễ tìm được đường đi, Hà Nội Đồng Quan, Vân Đình, Hà Nội Phú Thọ, Hà Nội Đại Từ, Hà Nội Bắc Cạn, Hà Nội họp chợ lập phố giữa đường. Trận quân Pháp vận động lớn đánh vu hồi khép gọng kìm Việt Bắc mùa đông 1947, những bèo bọt Hà Nội ấy tan đi hay tụ lại, không biết đâu là chừng. Mặt sông vừa tạnh sương lúc mặt trời hé ra, từng đoàn người các bến về đã đổ lên chợ Mè trong thị xã. Nhộn nhịp chợ búa, người ở xuôi tản cư ra chợ, mua bán, hò hẹn, thề bồi nhất quyết đi nữa hay đành dinh tề về thành. Bao nhiêu nông nổi không ai biết đấy là đâu. Sân bay Phú Thọ hôm có cuộc xử bắn vẫn đương còn sầm uất. Pháp lên chiếm Việt Trì rồi mấy hôm sau nhảy dù ban ngày xuống ngay chợ Mè giữa thị xã.

Đoàn cải lương Kim Chung tản cư ra đương diễn ở thị xã. Dãy phố cô đầu Chín Gian cửa hé cửa khép như chưa biết Tây đã lên Việt Trì. Chủ nhiệm báo Cứu Quốc mà tôi đương làm phóng viên, Xuân Thuỷ Nguyễn Trọng Nhâm thuở trẻ hoạt động ở Phú Thọ và để có cái độ nhật đã mở hiệu bào chế thuốc bắc Thọ Xuân Đan, lại xin được chân phóng viên nhật tin vặt cho báo Đông Pháp. Có thể cắt nghĩa được, ở nhà tù Sơn La, trong các dịp vui với bạn tù, Xuân Thuỷ hay đóng vai ả đào óng ả, véo von hát nói, ngâm thơ, có khi lại làm khách làng chơi nghiêng tang trống cầm châu điệu nghệ. Cũng là nhờ xưa kia ông nhà báo lá cải đi chơi che tàn với các thầy thừa, ông lục, ông ký ga, ông chủ sự dây thép. Thỉnh thoảng, lặn lội ở Hạ Giáp trong Phù Ninh ra, Xuân Thuỷ hay đưa tôi đến xóm cô đầu Chín Gian tom chát cùng ông Ba Triệu - một tay buôn và địa chủ có hạng ở ghềnh sông, ghềnh Ba Triệu quãng Lâm Thao lên, giàu có không kém chủ tịch

Mặt trận Liên Việt tỉnh Đào Đình Quang ở đồn điền Thái Ninh. Cũng chẳng mới lạ và ham hố chơi bởi gì, vẫn vui chân thể thôi. Mới mấy tháng trước, ở Hà Nội, không mấy tối chúng tôi vắng mặt dưới Khâm Thiên. Cả toà soạn đi hát. Văn Tân thọt chân cũng có. Văn Tân với tôi ngồi cùng một xe tay. Xe ghé vỉa hè nhà hát, tôi xuống trước, Văn Tân vịn vai tôi, một tay chống batoong bước ung dung vào như người hai chân đi bình thường. Chùm trò Xuân Thuỷ rồi Nguyễn Văn Hải, Nguyễn Ngọc Kha... Roi châu anh Đan - bí danh của Xuân Thuỷ, sáng khoái, hào hoa lắm. Trần Huy Liệu ở cơ quan Tổng bộ Việt Minh tăng trên toà báo. Trần Huy Liệu giơ tay chào, cười cười, mỗi tối thấy chúng tôi đi chơi. Ông anh thêm đi theo. Nhưng các chức Phó chủ tịch nước và Bộ trưởng Bộ tuyên truyền, lại chủ tịch hội Văn hoá Cứu Quốc không cho phép. Đến hồi thành phố căng thẳng, đề phòng Pháp đánh úp đêm phải rời ra ngủ chùa Thông làng Mọc, xâm xẩm chúng tôi đạp xe qua Khâm Thiên. Trong ánh đèn nhấp nháy, các cô ả đào chạy ra nhìn mặt khách quen, gọi ý ới: Anh Mão ới. Anh Thiên ới? Anh ới! Anh ấy ới? Tối hôm sau phải đạp đi tránh quãng đường Sơn Tây ra Cầu Giấy...

Cho nên, cái khi mới tản cư, tạt qua thị xã Phú Thọ, ông Nguyễn Trọng Nhân cựu phóng viên báo Đông Pháp có ôn lại mấy ngón roi châu mà ông ấy và tôi được đi che tàn cụ Ba Triệu, âu cũng là cái thú nghiệp dĩ. Năm 1954, trở về Hà Nội, một dạo ở Khâm Thiên còn có nhà hát. Tiếng tom chát dưới nhà trên gác khêu gợi. Không sợ, cũng chẳng ngại, nhưng tôi không còn hào hứng. Như Nguyễn Tuân hồi ấy lên nằm bàn đèn với ông Hy chả cá. Ông Hy Chả Cá, cũng như ông Mác xen hàng Bạc - những Mạnh Thường Quân của làng báo ngày trước. Ông Hy hút thuốc phiện trong gác xép cạnh gian bán chả cá - sau cái bàn thờ như cây hương. Nguyễn Tuân và tôi nằm ngồi một bên chiếu cạp điều. Nguyễn Tuân nạo sái, hơ thuốc chín nâu sẫm, nhồi vào tẩu, quay dọc tẩu sang mời ông Hy.

Ông Hy trầm ngâm nói:

- Cái tay còn nghề lắm. Vẫn hút hả?

Ông Hy hút rồi nhồi điếu thuốc mới, mời lại:

Nguyễn Tuân lắc đầu. Ông Hy phũ một câu:

- Tiên sư ông, bàn tĩnh tại gia đây, sợ chó gì!

- Không phải, thấy không thích.

Ông Hy thở dài, nghiêng cái đầu hói trên gối, kéo nốt điếu thuốc. Bà Hy ló đầu vào chào rồi hỏi khách: Hồi này các ông anh đóng ở đâu mà lâu không thấy đến? Mấy hôm sau, khối phố gọi ông Hy đi trại cai nghiện. Ông Hy uống một bữa rượu nhắm chả rán, nem Sà Goòng - chứ không phải chả cá, rồi chết trong buồng ấy bên cạnh bàn đèn. Năm vừa rồi, vào Sài Gòn, Nguyễn Tuân cũng chỉ nằm chuyện và tiêm cho Tô Hà hút ở chợ Cũ. Tô Hà là thằng Điều làng tôi, nó hút để chữa đau bụng. Ra về, Nguyễn Tuân xin tiệm hút cái gối sành đem ra Hà Nội làm kỷ niệm. Rồi cái gối sành trắng bóng nghìn năm không vỡ của tiệm hút, Nguyễn Tuân cũng vứt ra ngoài hiên, giữa lũ vỏ chai bia, nước mắt, vang dâu đợi bán đồng nát. Đã bảo

không thấy thích nữa thì chối, thế thôi. Một lần, ở phố Kỳ Đồng, nhạc sĩ Lưu Hữu Phước tổ chức một buổi hát ca trù. Ban tổ chức bày biện như họp hội trường, ghế kê thành từng dãy, không có đánh trống chầu. Xong mỗi khổ hát, người ngồi các ghế đứng lên rào rào vỗ tay hoan nghênh bà Quách Thị Hồ. Nguyễn Tuân lững lờ đi về. Bà ả đào Phúc ra ngoài, nhìn bộ ria đen của Nguyễn, khẽ nói lờm như ngày xưa: Râu với ria, rõ nổi. Về hay sao?! Câu hỏi níu lại tình tứ đấy. Những năm ấy bà Hồ, bà Phúc còn phảng phất đôi nét xoan, chưa phải bà lão tám mươi như bây giờ. Nhưng chúng tôi không thể đủ hứng nán lại ngồi xem hát nhà trò mậu dịch.

Đoàn tàu Lào Cai rầm rập vào khuya. Ngoài cửa sổ, ánh trăng ướt loang loáng trên lưng tàu lá chuối. Hình như đương qua ga Đan Thượng. Tưởng sắp về đến nhà như hồi đi tản cư. Trong bóng tối vườn chuối trong Đại Phạm, mộ bố tôi ở đấy. Bố mẹ vợ con tôi đã tản cư ở lâu vùng này. Con gái lớn tôi sinh ra ở Đan Thượng, tên là Đan Hà. Cũng như Nguyên Hồng có cô con gái tên là Nhã Nam, cái Nhã Nam. Các con tôi đều được đặt những tên để nhớ. Đan Thanh nửa đêm mẹ trở dạ ở túp lều nhà ven đồi Phú Thịnh ra Ba Quanh Thanh Cù, Xuân Đán, Xuân ánh bên kia sông, nơi có trại văn nghệ kháng chiến, Phan Khôi, Thanh Tịnh, Võ Đức Diên, Tạ Mỹ Quật, Nguyễn Nghi, Nguyễn Khang, Nguyễn Xuân Khoát - xưởng vẽ của Tô Ngọc Vân, tiền thân trường đại học Mỹ Thuật, có Nguyễn Tư Nghiêm, Dương Bích Liên... Bố mẹ tôi được Nguyễn Văn Mãi quản lý hội Văn Nghệ về Hà Đông đón lên Vĩnh Chân, rồi sang Xuân ánh ở nhờ nhà ông Cầu trong xóm cùng nhà với anh chị Nguyễn Xuân Khoát. Con Sông Thao sinh ở Hà Nội, chúng tôi vẫn giữ hơi hướng những gian nan và thiên nhiên sông Thao. Khổ thì khổ thật, thế mà nhớ lại vẫn nhớ.

Trăng đã xế bên kia. Tiếng bánh rít ghê ghê, tàu lắc lư xóc người lên. Chúng tôi vẫn uống bia. Mọi rác rưởi thừa ứ trong người chốc chốc được đứng lên tổng ra ngoài cửa sổ, sạch sẽ cả. Đoàn tàu ào ào trong đêm... Có thể Nguyễn Tuân và Văn Cao đương tưởng lại bệnh viện Thuận Châu giữa đường lên nông trường Điện Biên mà hai người mới đi lao động ở trên ấy về. Mới qua Suối Rút, sáng sớm Văn Cao vừa trở dậy xúc miệng đã thùng dạ dày, ngã ra. Chiếc xe tải của quân đội chở người phải mổ cấp cứu leo các dốc Đá, Hát Lót, Sơn La lên châu Thuận... Mỗi nơi có trạm xá lại được y tá ra xe tiêm cho người sắp chết một phát hồi sức. Suốt ngày đường, xẩm tối mới tới Thuận Châu - phúc bấy mươi đời, bệnh viện vừa mới được trang bị đồ mổ và bác sĩ chuyên khoa cũng mới ở Hà Nội lên, chưa đụng đến dao kéo. Nguyễn Huy Tưởng và Nguyễn Tuân phải là người thay mặt gia đình, theo thủ tục, ký giấy đồng ý cho mổ Văn Cao. Phòng mổ căng vải dù trắng như trạm sơ cứu tiền phương. Một đèn măng xông không đủ sáng. Nguyễn Huy Tưởng và Nguyễn Tuân phải đứng cầm đuốc soi cho ca mổ, như Quan Vân Trường đốt đuốc trước xe Cam, My phu nhân. Bác sĩ đánh thuốc mê đến sáu lần, con bệnh mới thiếp đi được. Nguyễn Huy Tưởng kể lại nói chắc là trong máu trắng này từ thuở trẻ đã tích tụ lắm sỏi, lắm cặn quen thuốc mê quá rồi. Văn Cao nằm lại châu Thuận mấy tháng, đến khi về Hà Nội lại phải mổ ra khâu lại. Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Tưởng, Lưu Quang Thuận, Nguyễn Văn Tý thì vào lao động ở nông trường Điện Biên... Rồi sau Nguyễn Tuân ra ở với đội làm đường ở Xuân Tre. Giữa đêm, cháy lán, Nguyễn Tuân mất số tay, lửa lém bỏng cả mu bàn tay: Chắc thấy lửa giữa rừng ma quái quá, con rượu mê mãi ngồi xem lơ đãng đến mức lửa bén cả vào tay mà không biết - tôi nói đùa. Bởi không hiểu sao Nguyễn Tuân lại để cháy đến tận màn và mu bàn tay còn sần sùi một vết sẹo bỏng.

Rồi những lần ra biên giới Việt Lào ở Tây Trang, những chuyến lên các làng dân tộc Mông ở trên núi lòng chảo bọc cánh đồng Điện Biên. Con suối Nậm Rôm vắt ngang Mường Thanh chảy ra suối Nậm Mu sang tận ngã ba sông Mêkông - Nậm Mu phía trên cổ đô Luang Prabang một quãng không xa. Nguyễn Tuân đã dầm chân trên suối Nậm Rôm. Còn tôi, đã có lần ngồi thuyền qua giữa ngã ba sông Mê Ông - Nậm Mu kia. Một cái thư Nguyễn Tuân viết ở lán làm đường Xuân Tre.

Công trường 426 Xuân Tre - Tuần Giáo

Chủ nhật 20 tháng ba.

Tô Hoài,

Cho đến hôm nay mình mới đọc scenario (kịch bản phim) Vợ chồng A Phủ . Thích đấy. Hơn cái facture (xây dựng, cấu tạo) nouvelle (truyện vừa) được giải thưởng. Có lẽ anh scenario này mới là anh ăn đích cái giải thưởng cũ. Những lúc này mình ước giá có Tô Hoài. ở đây rượu suông cũng uống được nửa cây. Hôm đi Than Uyên cũng gặp người quen Tô Hoài. Hôm ngủ Nậm Din, mậu dịch Khôn cũng cứ hỏi mình sao bác Tô Hoài không lên với ông?

ở Tuần Giáo, hôm mình vừa tới lại gặp cả vợ chồng A Phủ. Mình chưa biết Jeuscenique (khả năng sắm vai) cô Hoàn ra sao, nhưng cũng tin là cô đóng được.

Mấy hôm nay gió Lào nổi lên nhức đầu quá. Hôm ở Than Uyên, gió Than Uyên buốt. Hại tiền cao hồ cốt quá. Ông có thì giờ, nhìn hộ tôi mặt mũi Sông Đà (quyển Sông Đà đang in) nó ra sao?

Nguyễn Tuân

Bao nhiêu đường trường. Chỉ trên đường mới cảm thấy thơ thới, trong thành phố tù túng không tìm đâu ra những thanh thoi được. ở trên núi xuống, lại vào giới tuyến. Những lần lặn lội ngược xuôi sông Hiền Lương lên thẩu cột mốc đầu sông lại xuôi Cửa Tùng, hai bên bờ đồn địch đồn ta đóng đăng đối, những chiếc loa vành rộng hơn bánh xe đạp cứ thi nhau chõ qua mặt nước lúc chửi lúc lại hát, như điên.

Nhớ sao những chiều Nguyễn Tuân, Kim Lân và tôi ra tha thẩn ngoài Cửa Tùng đợi đoàn thuyền đánh cá về. Mặt nước, mặt người vàng xuộm. Trên cửa sông, những cái đồn gác con con lợp mái tôn. Mỗi tuần, tốp lính bên Bắc bên Nam lại đổi phiên bờ này sang bờ kia. Tôi đứng một chỗ thấy cát không lún gót, nhận ra cát bể Đông ở Cửa Tùng hạt vàng thô, không mịn như cát Sầm Sơn, Trà Cổ ngoài Bắc.

Những người lính đối bốt hai bên cời trần, lưng đen cháy, cùng nhau chơi bóng rổ trên cát. Không thể tưởng chốc nữa có thể người ta chui vào sau lỗ châu mai ngắm bắn chết nhau. Trên dòng sông óng ánh sóng, những tốp thuyền đánh cá ngoài khơi vào, dần dần mỗi chiếc giạt về một bên. Hai bờ, người tụm lại từng đám. Làm như đi đón thuyền. Không, chỉ là cái cố ra nhìn sang sông cho thấy mặt những xóm giềng cũ.

Mấy hôm sau trở lên Hiền Lương mà cái cảm tưởng buồn buồn Cửa Tùng ấy vẫn đeo đẳng dai dẳng về một sự cách trở bỗng dưng.

Huyện Vĩnh Linh hay quận Trung Lương, hai bên đều không được phép vào khu giới tuyến. Ra vào phải có giấy chứng là người ở đấy và có uỷ ban quốc tế kiểm soát. Nhưng mà làm luật thế thôi, hầu như ai cũng vào, cũng ra được, cả hai phía. Tôi có cái giấy chứng minh làm cán bộ Bình dân Học vụ huyện. Từ quận Trung Lương phía Nam, đằng xa đã nhìn thấy. Bọn người nước ngoài, quần áo quân sự trông rõ dây tua vàng vắt vai, lỗ nhố ra giữa cầu. Ta ở bên này vạch vôi trắng nói loa phản đối - tiếng oang oang to quá như nói với ai đằng xa hàng mấy cây số chứ không phải những người ngay trước mặt. Bên ta ra cầu kín đáo hơn. Khách đợi giờ nhất định xe uỷ ban quốc tế đi tuần qua rồi mới thông thả vào dưới bóng hàng cây sa mu đến một mái lều ẩn dưới chòm bạch đàn bên cầu. Chúng tôi đi lại dễ hơn, nhưng cũng phải giữ trong người chứng minh thư mới, thay tên khác, là cán bộ bình dân học vụ huyện Vĩnh Linh. Cho phải phép mà thôi. Những cái chứng minh thư giả, cái thông hành giả như thế ai cũng biết là trí trá, thế mà cứ nhan nhản các khu vực nóng trên thế giới. ở Bàn Môn Điểm, ở đảo Síp và trên cao nguyên Gôlan ở Syri bị Itxaren chiếm đóng, ở Đông sang Tây Beclin trước kia, tôi đã cầm những giấy giả ấy, mà chẳng bao giờ bị bên nào hỏi.

Chia tay với Nguyễn Tuân, ngày mai tôi trở ra. Hồi ấy, đương một đợt địch ngừng ném bom. Cờ đỏ sao vàng phấp phới trên Hồ Xá. Thị trấn địa đầu giới tuyến trở lại vui ngay, như chưa bao giờ bị bom, chạy bom. Các hàng quán sáng choang, nhộn nhịp. Đêm trên gác nhà nghỉ Hồ Xá sao mà ngẩn ngơ. Cái đêm thấp thoáng cùng ai dờ dang ngậm ngùi chốc lát. Cửa sổ nhìn xuống đường chính chong đèn suốt sáng như đương qua một quãng khác, lẩn lộn trước sau, dòng sông và cửa biển, nhịp cầu nửa xanh nửa cánh gián, tà áo dài trắng với những cây hương, những túp lều, bên kia Trung Lương lau sậy hoang vu, những gập gờ và kỷ niệm, tình cảm trong con người cũng sông có khúc người có lúc như chân đi trên đường.

Vĩnh Linh hoà bình bây giờ khác xưa, nhưng mỗi lần qua tôi vẫn một nỗi băng khuâng ấy. Cuối 1975, chuyển tàu suốt Hà Nội - Sài Gòn vào ga Tiền An cách trên Bến Hải hơn mười cây số. Người đôi bên hàng tàu xôn xao, náo nức vì sắp qua sông Hiền Lương, sắp qua... Những ngọn cỏ sắc lướn rập rờn bên nhịp tàu gập ghềnh, đột nhiên dòng sông trắng mờ hiện ra trước cửa sổ. Sông Hiền Lương đây ư? Những bụi tre mép bờ xoã. cành lá xuống mặt nước phẳng lặng mờ mờ sương chiều. Như mọi con sông miền Trung trong mát trườn trên mặt sỏi không viền cát. Làm sao tôi trở về Hiền Lương, Bến Hải dòng nước bồi rồi đỏ ngầu chảy năm nao. Có phải cái buồn cứ vẫn vương ám ảnh mãi?

Rồi thời gian xa đi, mà vẫn nhớ thế. Trước đây vài năm, một lần Nguyễn Văn Bổng và tôi có dịp đi dọc Trường Sơn - với tôi, là lần đầu, còn Nguyễn Văn Bổng thì đã bốn năm lần vượt Trường Sơn trong hai cuộc kháng chiến, khi đi bộ, khi máy bay chở từng quãng. Các nhà lịch sử quân sự đương bàn cãi đường Trường Sơn - đường Trường Sơn theo lịch sử quân sự bắt đầu từ đâu trong vùng rừng Hoà Bình, Ninh Bình hay đèo Mộc Dã hay nhích ra tận mỏm đầu rặng núi đá vôi rải rác ở Xuân Mai, ở Miếu Môn - nơi đã mọc lên nhiều doanh trại tập luyện vượt Trường Sơn, và vào đến trong kia, đường Trường Sơn xuống Long Thành hay còn xa nữa. Xa đến đâu chẳng được những người chiến sĩ trèo núi vào các chiến trường mịt mù

xa. Những con đường thật ấy cũng như nỗi đau đã qua đi, đường Trường Sơn kháng chiến ngày nay chỉ có thể dựng lại làm kỷ niệm một trạm giao liên, một kho đạn, kho lương, một bãi khách ven suối và một mũi tên chỉ vào ngàn cây. Đường lớn Trường Sơn bây giờ nhiều quãng làm theo đường 13 cũ của Pháp rồi Mỹ trải nhựa mở rộng. Không phải người Pháp ngày trước chỉ là tác giả đường số 1 xuyên Việt mỏng manh lượn bên bờ cát biển Đông mà một viên đạn trái phá ngoài biển bắn vào cũng có thể chặt đứt đôi một quãng ven núi. Con đường bộ, đường xe lửa ấy chỉ là đường làm ăn và trưng diện. Mà ý đồ chiến lược của người Pháp làm đường quân sự số 4 chắn biên giới phía bắc, rồi vòng xuống bao quanh Đông Dương. Từ Trà Cổ lên Mường Tè. Quãng Móng Cái tới chấm Cao Bằng qua Bảo Lạc tới Mèo Vạc Hà Giang, sang Lào Cai, sang Lai Châu vào Mường Tè đã được khảo sát và khởi công bắc nhiều cầu.

ở Mường Tè, vắt sang Lào bắt vào đường 13, Luang Prabang xuống Pát Xế, tạt vào Quảng Bình rồi đến Ba Biên Giới mở ra hai đường, một rẽ Stung Treng vào Campuchia, một lên cao nguyên Lang Biang xuống miền đông Nam Bộ. Đường trong đường ngoài song song đường kinh tế và dong chơi với đường quân sự bọc năm xứ Đông Dương lại. Những năm sau cùng - trước khi bị Nhật quật ngã, người Pháp còn có kế hoạch rời thủ đô Đông Dương ở Hà Nội vào Đà Lạt, - cao nguyên trong sâu giữ thế chiến lược lâu dài.

Chúng tôi qua cầu Hiền Lương rồi nghỉ lại. Cây cầu đã long nhip, những thanh sắt rên rỉ dưới bánh xe. Mới nhớ ra hồi ấy mãi để ý quang cảnh thời sự nơi trở trêu bị chia đôi, quên mất cầu này chỉ là cầu đã chiến, quân đội Pháp lấp vội cho các cuộc hành quân trong chiến tranh 1946-1954. Năm 1946, hơn hai mươi năm trước khi tôi làm phóng viên báo vào mặt trận nam Trung Bộ đây chỉ là cái bến phà. Cái cầu mảnh dẻ bị gánh nặng lịch sử và thời gian đè xuống đã xác xơ, tàn tạ quá. Doanh trại bờ bắc, cỏ xanh om. Phía nam, giữa lau lách chằng chịt ngổn ngang mọc lên một nếp nhà mái ngói ba gian, đấy là cửa hàng bách hoá của hợp tác xã. Chúng tôi mua mỗi người một chiếc quạt giấy. Rồi ra nằm bãi cỏ, quạt nảng chiều. Mấy con bò nhà ai thông thả gặm cỏ quanh trên đầu. Vẻ thản nhiên trơ gan cùng tuế nguyệt của cảnh vật gợi một nỗi buồn thê lương. Ngày trước, trông sang chỗ này cũng cỏ và lau ngập đầu, làng xóm và quận lỵ Trung Lương bị dồn vào trong kia. Cuộc đời và mọi việc đã biến đổi như ánh nắng chiều Hiền Lương đương nhàn nhạt quanh mình.

Thế là đoàn tàu lên Lào Cai chạy thâu đêm.

Chúng tôi cũng thức trắng đêm. Ba người ngồi lim dim mắt. Chai bia thứ hai mươi bốn đã hết lúc nào, tàu lắc, vỏ chai đụng nhau xoang xoảng. Con người và con tàu lơ lửng thức với những nhớ lại Hai cửa toa tàu đã bị khoá mà hồn bay ra ngoài kia đêm trắng trắng bồi bồi. Sáng bạch, tàu vào Cốc Lếu. Bên sông biên giới, rừng cao su của Trung Quốc tốt lá xanh rì. Chúng tôi trọ trên gác ty Bưu điện, hôm sau vào Sa pa.

Người hay đi, những chân đi nhà nghề kiểu kháng chiến Việt Nam từ lâu thường gắn bó với bưu điện. Rong ruổi đường đất, đường ngựa, đường xe đạp rồi tối đến ngủ trọ ở luôn nhà dây thép. Nguyễn Tuân thì dễ chịu vì như thế không phải tìm đến trạm nhờ đóng dấu vào sổ tay và trang viết để được cái thích nhìn dấu ấn nơi đến nơi đi. Tôi đi lên cao nguyên Đồng Văn, Mèo Vạc từ hồi chưa có ô-tô đường Hà Giang -

Đồng Văn sang Mèo Vạc. Người công tác, người buôn mang vác, gồng gánh đường dài một trăm, hai ba trăm cây: số đèo dốc - từ vùng oi bức thị xã lên thung lũng Quán Bạ dưới dốc Cổng Trời, đầu chợ Quán Bạ còn lại cái bảng xi măng thời Pháp đắp nổi dòng chữ khí hậu Pháp (Climat de France) rồi lên nữa đến những vùng cao nhà trường nghỉ đông không bao giờ biết mùa hạ. Tôi đi và ăn nghỉ theo chặng ngựa bưu điện. Trạm trưởng Hà Văn Môn ở Yên Minh đóng gói cái màn, cái chăn dạ của tôi vào bao tải gấn xi như bưu kiện cẩn thận. Bắt đầu lên núi qua Văn Chải, Sà Phìn đến Phó Bảng. Con ngựa thồ bưu kiện lên dốc, anh bưu tá và tôi thong thả theo ngựa. Người nghề đi đã có ngữ chân, vừa tối thì tới trạm trên. Ngủ cánh đồng Phó Cáo, hôm sau lên Đồng Văn. Đến khi sang Mèo Vạc tôi về ở Lũng Phìn, con ngựa trạm phải đeo thêm cái chăn bông to xù của huyện đưa khách dừng. Chuyển đi Lào Cai này chúng tôi được chung nhau cái thú uống bia suốt đêm trên tàu. Như buổi chiều ngồi gốc liễu bờ hồ bên nhà Thủy Tạ. Rồi cũng lại nhờ đường và ở nhờ nhà bưu điện, Nguyễn Tuân với Văn Cao ở lại Sapa. Tôi thì đợi trong Lai Châu ra đón vào Phong Thổ. Cảm thấy chưa hết cái ngọt ngát thành phố, cái buồn nông nổi tiểu thuyết Mười năm, tôi lại đi nữa.

Vào Sapa nghỉ lại trên gác nhà bưu điện huyện. Vùng nghỉ mát Sapa những năm ấy còn heo hút, hoang tàn. Các nhà trọ tối hun hút ở ngay chợ chứa lá buôn đào, mận và người mua hạt giống su hào, hoa lơ. Nhà nghỉ mậu dịch, một dãy nhà sàn lừng cuối phố. Khách có công việc về huyện trọ đấy. Trên đỉnh núi, một khách sạn cũ được sửa sang lại bên đài thiên văn. Chuyên gia Ba Lan ngành này ở và đôi khi người du lịch nước ngoài ghé lên. Tôi đã quen ở trọ các cửa hàng bách hoá, các bưu điện huyện, nhà bưu tá xã - những nơi dừng chân cơ động ở vùng núi, nhưng đây lần đầu một chặng trên tỉnh xuống huyện, Nguyễn Tuân và Văn Cao đi theo đường dây kiểu này. Sapa đượm vẻ yêu kiều cho người đến với thiên nhiên, giữa thiên nhiên. Không heo hút như Mẫu Sơn không giống một thứ đồ chơi bé bỏng như Tam Đảo, Ba Vì. Trước mặt, lừng lừng ngang mắt triền núi Hoàng Liên trải ra màu tím bao la, đôi khi nắng lên như cơn mưa bóng mây hồng xuống xung quanh đỉnh Phanxiphan cao nhất nước. Theo trí nhớ đến nơi đến chốn của Nguyễn Tuân, đỉnh Hoàng Liên đúng 3.142 thước mà năm vừa qua, Nguyễn Tuân đã theo một đoàn cán bộ nghề rừng lên đến chỗ chót vót ấy. ở Sapa, xuống thung lũng có trạm thủy điện cũ thời Pháp, trèo vài bước sang khe suối đã vào nương người Mèo, đối diện với bên phố lát đá tảng mà người xuôi lên ở thành phố đã lâu đời. Ngôi nhà thờ nguy nga hiện ra, ngọn tháp rêu phong xanh mướt như đỉnh núi đá: Đầu thế kỷ này, linh mục Savina đã tu ở đây, cùng thời kỳ cổ Hiền người Pháp ở nhà thờ Xọa Hồ trên núi bên Nghĩa Lộ. Linh mục Savina đã viết quyển Lịch sử dân tộc Mèo và làm bộ Từ điển Pháp Mèo in ở Hồng Công từ 1920. Người Mèo sùng đạo ở Sapa, tôn ông cố Savina là vua Mèo. Chiến tranh thế giới lần thứ nhất 1914-1918, đế quốc Đức đã xúi giục người Mèo ở tây bắc Việt Nam và bắc Lào nổi dậy. Cố đạo Savina làm cố vấn chính trị trong quân đội Pháp đi dẹp loạn. Năm 1918, Savina mời được tất cả các vua Mèo về họp ở Xiêng Khoảng. Tại hội nghị, toàn quyền Đông Dương đã ký với các thủ lĩnh Mèo những văn bản qui định chế độ chính trị và hành chính cho dân tộc này. Từ đấy, người Mèo ở ba xứ Đông Dương đều trực thuộc chính phủ Pháp mà đại diện là quan công sứ đầu tỉnh. Lại đặt ra chức thống lý thống quán cho người Mèo tự quản nhau. Savina tu ở Sapa cho đến khi qua đời. Tới những nơi sơn cùng thủy tận khuất nẻo đến đâu, ai đấy chớ vội nghĩ hôm qua chưa có một bàn chân xa lạ nào đến, mặc dầu con người bao giờ cũng lấy tưởng tượng đó làm một kiêu hãnh.

Suốt chiều, Nguyễn Tuân ngồi ngoài hiên gác nhìn sang Hoàng Liên Sơn. Mơ màng lại chuyển đi năm ngoái, dang tử dương ngắt ngư trong da trời xanh lam, trong mây trắng ngấn ngơ trên kia. Hay là lại muốn lên chóp núi lần nữa, hay là sao... Đêm ấy sương mù trong thung lũng dâng lên như bông giắt vào trong cửa sổ gác. Chúng tôi được nghe một câu chuyện đời người. Ngoài hai mươi năm trước...

Người ngồi trước mặt chúng tôi, y sĩ Tái Sinh trạm trưởng trạm xã huyện. Tái Sinh có nghĩa là sống lại. Cái tên anh tự đặt cho mình. Anh quê gốc dưới Thái Bình. Nhiều bà con công giáo đường bẽ đã lên sinh nhai trên này, có khi di chuyển cả làng cả cha cố đi theo, như ở Bản Hẻo bên Nghĩa Lộ.

Anh yêu cô Đào nhà ngoài phố. Một cố đạo Tây cũng mê Đào. Ông cố dề cụ có điều kiện và hoàn cảnh dễ quyến rũ đàn bà. Nỗi đau, nỗi lo của hai người được cắt bỏ bằng cách làm như người đi săn bắn trong núi là phải giết lão cố đạo. Anh đã đâm chết lão rồi trốn lên gác chuông nhà thờ. Nửa đêm, có người đưa anh lượn rừng chạy ra bờ sông Hồng. Anh chắt chuối ken bè, chiếc bè chuối đưa anh trôi xuống Yên Bái - vùng tự do ngoài kháng chiến.

Anh được đi học y tá. Cũng từ đấy, tên anh là Tái Sinh.

Chiến dịch biên giới 1950, Lào Cai được giải phóng. Y sĩ Tái Sinh trở về Sapa. Thì Đào đã lấy chồng. Cuộc chia tay bờ sông xưa đã phai mờ.

Bên Lai Châu điện báo có người sang đón tôi. Nguyễn Tuân và Văn Cao cuộc bộ tiễn tôi một trường đình dài dài. Chẳng lẽ lại đi nữa, đương thuận chân - Nguyễn Tuân nói. Nhưng cũng không trở về Sapa hôm ấy, hai người với tôi ngủ lại ở một lán lâm trường dưới dốc Ô Qui Hồ. Tiếng suối chảy trong đêm mênh mông, tối đen, đôi lúc lẫn với gió rất rào, như sóng biển. Máy bay xuống đêm Simphêrôpôn thủ phủ bán đảo Crưm, nghe ra xung quanh có tiếng sóng biển Hắc Hải, nhưng sáng sớm mới biết đấy là gió rừng bạch dương quanh nhà ở giữa thành phố. Đây chỉ có gió vào sườn núi, cũng tương tự thế.

Nguyễn Tuân nắm tay tôi mà rằng:

- Cái số tao xưa nay cứ phải đi tiễn mày. Thế thì ra làm sao?

Rồi lại nói vui:

- Nhưng mà trường đình xa quá, những một ngày đường, nửa đường rồi. Từ Ô Qui Hồ mà vào Mường So, ba ngày ngựa chứ mấy. Này, nhớ ngắm những cái chỏm Pu Xam Cáp hộ tao.

Quả thật, chúng tôi có cái duyên thường gặp nhau -cũng như chia tay nhau giữa đường. Khi Nguyễn Tuân ở lại Vĩnh Linh tôi về Hà Nội, khi Nguyễn Tuân đến Tuần Giáo rồi vào Điện Biên tôi lên Tòa Chùa, lại cái lần ở đèo Mã Pì Lèng ra, Nguyễn Tuân về xuôi còn tôi lên Đồng Văn, rồi lại đem nhau đoàn đình trường đình tận phương trời, tình cờ gặp ở Matxcơva, tôi đi Vacsava... Chú liên lạc ở Lai Châu ra dắt ngựa cho tôi vào Bình Lự, ngày mai qua thác Gió. ở ngã ba Bình Lự, cái cột chỉ đường Pháp xây từ năm tôi mới oe

oe chào đời. Dưới con số năm 1920, những dòng chữ chỉ cây số và đường ngựa sang Than Thuộc xuống Tam Đường, đến Thèn Xin, vào Mường So huyện lỵ Phong Thổ. Dây Pu Xam Cáp mà Nguyễn Tuân nhờ tôi ngấm hộ suốt ngày lúc nào cũng chập chờn nhấp nhô bên tay trái.

Có đến hai ba tháng sau, khi tôi ở vùng cao Phong Thổ xuống huyện lỵ ở Mường So, nhận được điện Sapa Nguyễn Tuân đánh vào, tỉnh ủy Lai Châu chuyển. Chắc hôm ấy ông còn ở nhà dây thép, điện đánh nhờ không mất tiền, dài cả trang như thư.

Tôi mới biết sau đấy, Nguyễn Tuân và Văn Cao dọn xuống ở trạm xá với y sĩ Tái Sinh. Câu chuyện tình buồn kia Tái Sinh chỉ kể một lần, nhưng cái day dứt còn lại, hôm nào Tái Sinh cũng hỏi khách: tôi tiêu diệt thằng Tây thế là hành động cách mạng hay là trả thù cá nhân, tôi báo cáo là cách mạng, tổ chức huyện thì nhận xét là không phải, cho nên tôi chưa có huân chương. Các ông thấy thế nào? Nguyễn Tuân bảo tôi thư hay điện trả lời hộ cho hai ông, vì lẽ tôi thành thạo các việc về tổ chức! Nguyễn Tuân đã bảo Tái Sinh thế rồi.

Muốn ở lại ngấm mãi Phanxipăng mà không được Văn Cao ốm sốt. Nguyễn Tuân phải đưa Vua ra Lào Cai, lấy vé tàu cho Vua về Hà Nội một mình. Chúng tôi hay gọi đùa Văn Cao là Vua, là Văn vương. Hợp với cái gã tính thích thú người ngưỡng mộ, ưa ngồi phán và ban phát lời lẽ như sấm ký.

Nguyễn Tuân ở lại một mình làm khách của tỉnh, đợi chuyển vào Bắc Hà.

Gửi đồng chí nhà văn Tô Hoài Lai Châu (Tây Bắc) - nhờ Văn phòng Tỉnh ủy Lai Châu chuyển hộ.

Simacai (Tân Mã Nhai) 8/6/1965

Ông Tô Hoài

Mình có cái may là gặp liền hai phiên chợ. Chợ Bắc Hà và chợ Simacai. Đông, nhiều màu sắc. Đào, mạn, thắng cố v...v... Simacai cách biên giới có 8 km. Tôi không khoẻ, cho nên tới đây rồi lại quay ra Bắc Hà và về Lào Cai và xuôi Thủ đô, sau khi nói chuyện phục vụ. Định lần sau sẽ tua một vòng Bản Lầu Mường Khương Pha Long qua Simacai Bắc Hà rồi Bảo Nhai Phố Lu.

Bắc Hà mát dịu chứ không mát gắt như Sapa. Cảnh Bắc Hà (Pa kha) cũng đẹp hơn Sapa. Anh giao thông bưu điện và đường dây Bắc Hà - Simacai cũng có nhiều đặc điểm vùng núi, viết được. Hôm ông ở công trường 112 Ô Quy Hồ đi Bình Lư thật vẫn còn là may. Ông đi buổi sớm thì đêm ấy mưa to, thác nước xô đá xô cây ngiên thêm nhiều quãng đường.

Văn Cao sưng phổi từ hôm ấy, về đến Lào Cai phải tiêm một Bérie thuốc và bác sĩ bảo phải vào ngay bệnh viện. Văn Cao sợ quá. Tôi cũng ngại. Liền lấy vé luôn cho ông ấy ra tàu xuôi về Hà Nội, về đấy mà vào Việt Xô - tôi thấy còn hơn là nằm ở Lào Cai. Từ hôm Vua về, tôi vẫn nằm ở phòng khách tỉnh uỷ. Thấy lúc xuất phát Hà Nội, chúng ta là một tổ 3 người. Và nay tổ chỉ còn có một mình lính già này. Hôm qua

phải rút luôn một hơi 26 cây số dốc, mỗi chân quá. Nay vẫn còn mỗi và uống gần hết chỗ cao hồ. Chúc ông viết khoẻ và xong. Mong sẽ có dịp đi Lai Châu vào một dịp nào cuối năm. Ông viết thử kể chuyện Ô Qui Hồ Bình Lư Phong Thổ Lai Châu ch o tôi nghe với.

Ng. T.

(Nguyễn Tuân công trường 426 Tuần Giáo khu tự trị Thái Mèo).

1966, chúc mừng năm mới!

Tô Hoài ơi, trên này lạnh quá. Bộ xương đã buốt sã n vì tê thấp mùa này, lên đây càng buốt tợn. Chỗ công trường làm đường mình ở chung quanh lại là núi đá (như kiểu núi đá Bắc Sơn Quỳnh Sơn) nên đêm càng buốt tợn. Chỗ mình ở cách Tuần Giáo khoảng 20 cây, cách Điện Biên khoảng 70 cây. Vậy mà từ hôm lên mình chưa ra Tuần Giáo. Mình đã lên từ sớm thứ hai 7/12. Chín giờ sáng cất cánh, 10 giờ 50 đã ở giữa cánh đồng Mường Thanh (không kể nửa giờ đỗ xuống Nà sản, vậy là giờ bay mất có 1 tiếng 20 phút). Vậy là trong năm mình 3 lần đi Tây Bắc, 2 lần vô giới tuyến.

Tình hình làm đường cũng có những thuận lợi và khó khăn mới. Bây giờ vẫn là đánh nhau với núi non sông suối bằng hai bàn tay con người. Kế hoạch đặt lúc đầu cũng có bốc đồng, nên bây giờ nó mới rõ ra là còn phải vài ba năm mới hoàn bị xong. Các thứ máy dũi, máy húc, máy ngoạm không phải là không có nhưng phải có người lái máy, người chữa máy. Mà các ông lái đó không phải là một tuần một tháng là có ngay. Như thế này là con đường chưa xong mà cuốn sách định viết đã phải cắt băng khánh thành đó rồi. Thôi, mùa xuân lên đây một chuyến nữa, rồi về là viết, cuối năm xong.

Ng. T.

Phố Lu Lào Cai 12/6

Anh Tô Hoài,

Thư trước viết từ Simacai một ngày phiên chợ có nắng. Thư này viết sau ba ngày đi bộ liên 70km, dưới mưa, hôm trước mưa lũ to tắc suối phải vòng lên bản Mèo tránh lũ. Hôm trước mưa, hôm sau mưa, hôm sau nữa lại mưa nữa. Từ Simacai ra Bắc Hà, ngủ Bạc Hà vẫn mưa. Hôm sau từ Bắc Hà ra Bảo Nhai, vượt Cổng Giời (vẫn lại Cổng Giời) và qua sông Chảy. Sớm sau, Bảo Nhai về Phố Lu, ngủ Phố Lu, sớm chờ lâu thì đi tham quan lại chiến trường của Trung đoàn Thủ đô cũ. Người mình vẫn đang hâm hấp sốt, mấy hôm đi trong mưa vẫn sốt tiếp. Cao mang đi hết, phải nhờ địa phương tiếp cao cho m ới rút đường được như vậy.

Mệt, khổ, nhưng hình ảnh lượm về giao thông bưu điện cũng không đến nỗi nghèo lắm. Đường dây Lào Cai như thế là căn bản tôi như tóm được đây rồi. Định đi nốt hai huyện Bát Xát và Mường Khương nữa thì tôi hoàn chinh đường dây của tôi. Lào Cai có 5 huyện tất cả thì chuyến mùa mưa này, như thế là tôi đi xong

được 3 huyện rồi. Một huyện xuôi (Bảo Thắng), một huyện núi nội địa Sapa và một huyện núi biên giới Bắc Hà - Simacai cách biên giới 2 km chim bay.

Người mệt, chân mỏi, năm hôm chỉ ăn cháo và sữa. Mệt mỏi chân tay, lưng nhưng lòng thì có cái lâng lâng của một người chủ nhân ông đất nước tiến lên, đất nước tiến theo mình và mình theo nước và đất mà tiến lên.

Hôm ở Phố Lu tôi nhớ ông và ông Văn Cao quá (Tôi, cái thằng chuyên đi Điện Biên Phủ 1958 nó bị mỗ nằm lại Sơn La, chuyến này là cũng tìm phổi và phải đưa về, bỏ cuộc).

Tôi định đi nốt giường Mường Khương đây. Mong ông đi được Sìn Hồ và nhất là Mường Tè. Cái quà quý nhất ông sẽ kể cho tôi nghe sau này tôi nghĩ rằng phải là những cảm xúc về huyện Mường Tè biên giới và đầu nguồn Sông Đà!

Nguyễn Tuấn

Đ.c Tô Hoài (nhà văn) Tỉnh uỷ Lai Châu (Tây Bắc) - Nhờ các đ.c văn phòng tỉnh uỷ chuyển thư tiếp nếu đ.c Tô Hoài đã xuống huyện. Văn phòng Tỉnh uỷ chuyển bưu điện Mường Lay: đ. c Tô Hoài đã đi Sìn Hồ, đề nghị chuyển.

28/6/1966

Ông Tô Hoài

Hai thư của ông cùng tới một lúc, đến dăm sáu hôm nay rồi. Nhưng tôi lười, nay đấu tranh tư tưởng mãi mới viết được cho ông. Nhất là cách đây một tuần, tôi lại chơi đặng quý quyến, bà nhà ông cũng cho biết là ông ngã ngựa ở Phong Thổ, trên đường đi Đào San. Theo cách hiểu chủ quan của tôi thì bà ấy vừa lo vì tai nạn thương du Bắc Kỳ, nhưng cũng có vẻ lý thú vì những sự rơi ngã trớ tình ấy.

Hình như hôm qua trẻ con nhà ông ngồi xe cơ quan sang địa điểm sơ tán (vẫn cái chỗ đường 18 ấy đấy). Tôi cũng vừa nhận thư ông Hồng khoe rằng viết xong rồi cái trang cuối cùng của tiểu thuyết dài của ông ấy vào đầu tháng 7, ông xuống thanh toán contrat (hợp đồng) với Hội. Và mặt khác, chuẩn bị đi khu 4 khói lửa cùng bạn Tế Hanh. Khu Tư, khu Tư anh dũng! - Chao ôi, nếu nó cứ tiếp diễn xâm phạm bầu trời Hà Nội - quang Xuân Mai, có ngày hai lần cả sớm cả chiều như hôm 25/5 vừa rồi thì Hà Nội là khu Tư chứ gì nữa! Tôi nghe có đến mấy người nói cái câu tôi vừa trích dẫn đó. Như thế thì lúc ấy nên đi đâu? Vẫn vào khu Tư hay đi vào nội ngoại thành anh dũng? Có ý bảo hiện nay Tây Bắc, cụ thể là Sơn La cũng đang không kém gì Vinh, Thanh Hoá. Hầm hào ở Hà Nội độ này làm có vẻ chu đáo hơn. Trần bằng bê tông đúc sẵn lại có ống lỗ thông hơi nữa, xa trông như cái ngói lên của ống khói nhà máy...

Cầu Ninh Bình thế là hỏng đang chữa. Cầu đường quốc Lộ Gián Khẩu Đoan Vỹ hình như cũng bị. Nghe nói cũng đang chữa. Nay mai, tôi định vẫn đi tiếp cho Tổng cục Bưu điện, đi tuyến duyên hải từ Móng Cái

đến huyện Nga Sơn, Hậu Lộc. Thanh Hoá.

Vua hôm nay đi nhổ cái răng hàm. Ông cao lâu nhà thương đau mắt này chuyển thành nghề quốc doanh. Ông lại làm công ngay ở đó, ăn vôi bia theo giờ nhà nước tháng lĩnh 50 tờ như một người bình bút mà không viết bài nào. Quán bia bà cai ách vẫn còn bữa đực bữa cái, nhưng xem ra cũng khó thọ.

Địch nguy vận tôi đang chuẩn bị viết bài thứ hai. Bài đầu được trả đặc biệt (mười đồng) và bài đó đánh máy ra 5 trang, tôi giao bài trước hôm đi Lào Cai Simacai và đêm 9/6 lại được nghe phát lúc 11 giờ đêm ở giữa Bắc Hà mưa thâm gió núi sau một ngày đi mưa vượt suối tắc. Đêm ấy tôi có những cảm xúc yêu đời lắm. Nay ông viết một bài gì cho nó đi. Viết cho nguy vận, tôi thấy rất nên vì nó rõ ràng ra cái efficace immédiate (hiệu quả tức khắc).

Ông cố nhớ hộ nhiều chi tiết Mường Tè - cái nói tôi chưa được đi tới và ông thì đang đi tới.

Chà o hừ hừ gió thổi sông Đà

Ng. T.

Đ.c nhà văn Tô Hoài Hà Giang - Kính nhờ các đ.c Tỉnh uỷ Hà Giang chuyển giúp. Văn phòng Tỉnh uỷ: chuyển Đồng Văn.

Hà Nội 21/11/66.

Tô Hoài.

Tôi vừa nhận thư ông gtn từ Đồng Văn ngày 13/11. Đúng ngày chủ nhật 13/11 ấy chúng tôi mới rời giao tế lúc 14 rưỡi và đi thẳng một hồi về tới Hà Nội lúc 1 giờ 30 đêm ngày 14. Những ngày ở lại chờ xe sao mà dài thế. Mỗi ngày lại cùng uống 10 chai Trúc Bạch.

Tôi đã đặt vấn đề Lào Cai mở đồng Bát Xát và bản đồ địa chất Sa pa với phòng chính trị Tổng cục Địa chất. Họ đang bố trí để xong lễ Nôen là đi được Hà Nội vẫn thương. Từ hôm tôi về không có tiếng súng gì. Mãi cho đến chiều nay mới lại nghe cao xạ của ta phía ngoại thành. Tôi cũng định lần sau ra xuân này lên Hà Giang, thế nào tôi cũng phải đi cái tuyến Hoàng Su Phì lại (đi đường Thanh Thủy, Sìn Chải, Tả Su Phìn tức là men theo sườn Tây Côn Lĩnh 2418 km).

Chắc ông sẽ là đồng hành của tôi. Rồi tôi vẫn vào Bắc Mê cùng ông Nguyên Hồng. Rồi lại phải đi vào Mèo Vạc nữa. Ôi, hai cái xương bánh chè của lão già này còn được một chuyên giới già nữa a!

(Có lẽ trước khi rời Hà Giang ông lại một lần nữa móc tay với ông Thế Kỳ, hẹn cụ thể là cuối giêng sang hai ta, là chúng ta lên ở (ít nhất là một tháng) để làm người Hà Nội mất tích vài dăm tuần).

Chúc ông lượm nhặt nhiều nhân sự để tái tạo.

à, ông nên gặp nhân vật Chúng Thị Phà nhiều lần nữa.

Ng. T.

Ông về, nếu có điều kiện (về thời gian, về hầu bao) mua giùm cho một số cái lật vặt tôi sẽ xin chuộc sau, như đá lửa (vài chục viên), chè Thông Nguyên loại 1 (3 gói), măng khô (loại măng lười lợn là hay nhất). Có lẽ ông nên tạt qua nhà riêng cửa hàng trưởng (Nhà Thai) Phạm Minh Khương thì tay ấy đi tìm được. Khương ở với vợ (hoa kiều) ở số 2 đường Nguyễn Thái Học trên con đường ra chợ tỉnh đầu cầu. Tay Khương này còn nấn ná ở nhà trước khi đi Bắc Mê. Ông có thì giờ tạt qua nhà anh cũng vui đấy. Nhân vật tiểu thuyết đầy loại nhân vật tích cực. Hà Nội rau củ tép cá đều khó, đã và đang khó. Bia vẫn mở hàng, hoạt động mạnh. Duy chỉ có lạc là kiều giá hơn. Một hào mười viên phá sáng.

Ông bà Học Trường vừa chiêu đãi nhân dịp mười năm của trăm năm ông bà ấy. Lại một cây Lúa Mới. Vui nhất là lão Hai lại chệnh choáng như thương lệ.

Ng. T.

Lai Châu 14/6/69

Ông Tô Hoài

Từ hôm chia tay với ông tại biệt thự nhân vật Lê Minh, tôi đi ngay một chuyến lên rừng, do lâm nghiệp mời. Và có đảng đàn nói chuyện ở huyện Cẩm Khê, ở châu Yên Lập, ở phố đồn Vàng và ở công trường Thu Cúc, nói cả ở Thạch Kiệt nữa: Rừng Thu Cúc chỉ sang một cái đèo là tới huyện Phù Yên Nghĩa Lộ rồi. Rồi tất cả lại dặn tôi thế nào mùa khô cũng phải trở lại nữa.

Sau đó là đi Lai Châu. Không phải phà phung gì. Ô-tô sang cầu mới. Cái cầu ô-tô đầu tiên trên sông Đà xã hội chủ nghĩa. Sang Bản Chang (le village des anciens serfs de lex vice - roi Đèo Văn Long (Tiếng Pháp: làng của đầy tớ nguyên phó vương Đèo Văn Long) có gặp một ông cụ Thái trắng 83 tuổi. Nói năm 1907 có về chơi Hà Nội, nghỉ trọ ở nhà trọ số 24 phố Hàng Bạc. Bữa cơm có thịt quay, có rượu, có đậu rán phòng mà chỉ mất có 2 hào chỉ. Ông cụ cùng với mình về uống rượu nhắm cá lăng ở nhà đ/c xã đội xong ông phó chủ tịch lấy thuyền đuôi én của hợp tác xã tiễn mình ra bên đò. Rừng trên thượng nguồn, quả vậy, vẫn có nhiều tình hơn rừng văn Hà Nội.

Ng. T.

Ông Tô Hoài (tiếp theo)

Mình vừa đi thác Lay về. Ba xuồng máy ngược lên thác Lay, cách thị xã 9 km. Ngược 45 phút, xuôi có 15 phút. Sông Đà nước đã to rồi, đỏ lừ. Nhiều người trong các giới am hiểu nói năm nay nước có thể to lắm vì đợt phá rừng Lai Châu đã lên tới điển hình (ví dụ đốt rừng cháy luôn cả Ty y tế trong rừng Tân Tộc v. v...) Thác Lay là một thác dữ, thuyền xuôi ngược sông Đà tới thác Lay đều bốc rở hết hàng hoá, mà kéo

thuyền không. Thác dài mà luồng cong, thác dài 54 m. Mùa lũ, mặt nước thác cao hơn mặt nước sông 4 thước, mùa cạn thì cao hơn 2 thước. Định lần sau lên sẽ sống ít ngày với đội phá đá thác của Lai Châu.

Ngày kia, mình lại lộn về với rừng Hà Nội. Hôm trước có đ. c tuyên huấn tỉnh uỷ Lạng Sơn tới rủ mình lên Lạng Sơn đi Mẫu Sơn và có nói ông đang ở Thật Khê. ừ, để xem, ông còn lâu trên ấy thì mình đi ải Nam Quan. Chúc ông không ốm đau gì.

Ng. T.

à buồn cười nhất là trong cái phong bì những bút ký cũ mang theo lên đây để giảng về bút ký của ty văn hoá Lai Châu mở lớp lại lạc vào hai cái thư cũ của ông viết cho tôi cách đây mấy năm, hồi ông đi Đào San và Sìn Hồ. Đọc, có cái cái dư vị khó tả nên lời thư.

ở huyện lỵ Phó Bảng ít ngày. Rồi trở xuống Văn Chải một làng trên núi đầu dốc Yên Minh lên Phó Cáo. Trước kia tôi đã nhiều khi cả tháng liền ở trên Văn Chải rồi. Lần này bí thư huyện Vũ Mỹ Kê cùng đi. Lái xe Tiến ở lại với xe dưới ruộng khe núi Phó Cáo.

Những dốc, lại dốc. Nguyễn Tuân đã leo núi nhiều nhiều, nhưng sau chuyến Simacai Bắc Hà năm trước và sông Đà sông tuyển thì đi đường nước, cái lần đi dốc bằng hai chân lên Văn Chải này, tôi tính ra là chuyến lên núi sau cùng của đôi đầu gối người lão luyện sông hồ. Chuyến ấy chúng tôi còn lên Lũng Cú nơi biên giới phía bắc cao nhất xa nhất, lại cách bức phải tạt một quãng ngang đồn biên phòng bên Trung Quốc. Tuy vậy, không dốc bằng núi Văn Chải. Nguyễn Tuân chống ba-toong vừa đi vừa nghỉ thế mà rồi cũng tới được dinh cơ nhà thống quán Vàng Vản Ly trên xóm đỉnh núi. Rừng trúc vàng óng bao quanh ngôi nhà ngói cổ. Nguyễn Tuân chống gậy ngược mắt ngắm núi và rừng trúc rồi, như nói cho mình: Mai kia, đây sẽ thành một điểm du lịch, máy bay lên thẳng đưa khách bay nhìn một dải từ Quản Bạ lên đây hạ xuống thì vừa đẹp. Lại có rượu ngô nóng uống chống lạnh. Có lẽ bấy giờ mình sẽ đăng ký mua vé đi chuyến đầu tiên.

Lại một chuyến đi Hà Giang với Nguyễn Tuân, có Hoàng Trung Thông, Trọng Hứa và tôi. Đường đêm qua cầu Việt Trì không yên, chúng tôi lên Liễn Sơn men Tam Đảo sang Đa Năng ra bến Bình Ca, trời vừa sáng. Mưa rào rạt, xe chạy đèn vàng, lao chúi đi như con lợn rừng. ở lại thị xã Hà Giang một đêm đã vất vả. Phố xá đường ngược mà bức bối như ở trong hầm, trưa nắng nóng hầm hập, hơi núi hơi nước đến tận khuya. Lạ, trời sắp chuyển mùa, ở trong cái thung lũng sâu này vẫn có mùa riêng, có khi bên kia sông gió rải đồng man mát, đây vẫn hanh hao gió bắc.

Đêm ấy về cơm rượu ở trụ sở uỷ ban xã Văn Chải. Rồi một mình Hoàng Trung Thông trèo lên xóm nhà chủ tịch Hoà, thối khèn uống rượu đến tận sáng. Cái vui được đến một nơi chưa hề đến. Tôi sang trường, chơi với các thầy giáo cô giáo - hồi ấy công tác diệt dốt và học chữ Mèo đương sôi nổi. Dưới huyện, cán bộ Kinh công tác vùng cao tối nào cũng phải đến lớp học chữ Mèo. Trên núi Văn Chải, thầy Hùng quê bên Thái Nguyên, cô Mai người Tày Bắc Quang với nhiều thầy người Mèo trong huyện, các thầy Chử, thầy Páo, thầy Chúng. Và cô giáo sinh Ly Chờ, cô gái xinh xinh bé bỏng quê Sà Phìn.

Ly Chờ năm ấy còn non tuổi, độ mười lăm. Ly Chờ mới võ vẽ đọc được, viết được, đã quyết xa nhà đi làm giáo sinh xoá mù chữ. Tôi cũng chưa bao giờ hiểu được cô con nuôi của tôi tại sao hăng hái như thế. Người Mèo vốn ít ra ngoài, chẳng thiết công tác, nhất là các cô các chị. Đi cán bộ không được ở nhà trồng lanh, thêu cổ áo, nhuộm chàm đắp sáp ong làm hoa viền gấu váy? Đi cán bộ thì không thể dành dụm và lo liệu được váy áo vòng bạc để lấy chồng. Lấy chồng Kinh không phải sắm sửa thế, nhưng lấy chồng người Kinh khác đâu giờ tay bắt con chim bay mà con trai ở làng không lấy vợ đi cán bộ. Cô nào kiên gan lắm cũng chỉ đi dạy, đứng bán mậu dịch bách hoá được ít lâu rồi bỏ về. Các thầy giáo thì bụng dạ cũng đại khái như thế. Có lần tôi gặp lại Mùa A Gia ở dốc Pác Xúm. Thầy giáo đi với vợ lẽ xuống làm nương dưới yên Minh. Mùa A Gia cười: Lấy vợ lẽ thích hơn đi thầy giáo! Người vợ lẽ che ô đứng cạnh, nghe được tiếng Kinh, mặt đỏ lừ. Tôi bùi ngùi nhớ ở Đào San có một cô Dao lan tiền, văn công ca múa khu Tây Bắc. Một điệu cùi, dây chẳng lên trán lẫn vết, kéo chịu lưng xuống. Tôi gặp cô như thế. Đi cán bộ thì không lấy được chồng làng. Cô văn công đành bỏ về làm nương.

Cuộc đời Ly Chờ chỉ những gập ghềnh. ở Văn Chải, cô giáo sinh Ly Chờ đã đưa tôi đi các xóm khắp núi, từ Sìn Chải sang Túng Quá Sủ, vận động người đi học. ít lâu sau, Ly Chờ được xuống tỉnh học trường dân tộc ba năm. Trở về dạy cấp hai lớp bổ túc văn hoá trường cán bộ huyện. Mỗi khi được những tin vui, tôi lại nhớ những hôm ở Văn Chải, giáo sinh Ly Chờ đứng giảng bài. Và khi tôi ở Sìn Chải lâu, thỉnh thoảng Ly Chờ lại xách đến cho tôi miếng thịt lợn, một ống nửa đựng rượu. Cả tháng mới lại trông thấy rượu thịt. Nhưng con người ta tính trước thế nào được những bước rủi may. Ly Chờ yêu một giáo viên người Kinh, quê vùng biển lên núi dạy học. Mỗi tình chẳng đi đến đâu. Rồi Ly Chờ lấy chồng người Hán bên Mèo Vạc. Không mấy lâu cũng tan vỡ. Năm ấy, Ly Chờ về Hà Nội thăm chúng tôi. Một con gái mẹ dắt theo, lưng đeo một cháu nhỏ mới sinh. Ly Chờ lại lập gia đình mới. Tôi đưa Ly Chờ đến chơi nhà bác Nguyễn Tuân, bác Nguyễn Văn Bổng những bạn đã đến Sà Phìn. Hai mươi tuổi, đã con giắt con bông, bao nhiêu gian truân. Cái đẹp sắc sảo mà bạc phận.

Tôi cũng vun trồng tưởng tượng và ước mong không biết bao nhiêu về cuộc sống và tinh thần người con gái dân tộc hăng hái thoát ly đi công tác từ năm mười lăm tuổi tưởng đã vượt được mọi thử thách và ràng buộc. Đến khi tất cả khác đi, tôi chỉ biết ngỡ ngàng. Những dang dở đã nghiêng ngả cả cuộc đời. Người chồng mới này là cán bộ tổ chức của huyện. Người Mông đi công tác không như ở xuôi, ai cũng muốn vào biên chế. ở đây chẳng để ý mấy đến cái trách nhiệm và tổ chức cơ quan ấy. Lấy vợ rồi anh bỏ công tác về làm nương. Vợ bị đổi xuống nhà trường vùng thấp huyện Vị Xuyên - dạy ít lâu rồi cũng bỏ về. Bốn mươi tuổi Ly Chờ về hưu non. Cũng phải chạy mãi mới được cái sổ hưu. Vì chưa đủ hai mươi năm công tác. Thật ra thì thừa, nhưng không được tính thời gian công tác từ tuổi mười lăm. Bấy giờ Vũ Mỹ Kê còn làm phó chủ tịch tỉnh, tôi lại phải nói với anh ấy giúp cho.

Lại đến những rắc rối tức cười và rơi nước mắt. Một lần, tôi có việc đi nước Tandania vùng dưới Đông Phi. Tôi mua một cái mũ dạ ở hàng bán quần áo cũ. Buôn bán quần áo cũ đã thành một công nghiệp lan khắp các nước đương phát triển và cũng tràn ngập các thành phố nước ta. Bố của Ly Chờ thích một cái mũ dạ. Nhờ năm 1952, lần đầu tiên vào các khu du kích người Mèo ở núi 99 bên Phù Yên, thấy những ông già

mặc áo bông rộng, thắt lưng đỏ, đội mũ phớt, hệt những người chặn cừu ở Mông Cổ và Trung á. Bố Ly Chờ ao ước có cái mũ phớt. Nhưng thằng con rể cầm cái mũ của tôi lại không gửi ngay mũ về cho bố vợ trên Sà Phin. Nó đem đội nghênh ngang đi chợ. Người ta xì xào cái mũ này chỉ bên Trung Quốc mới có. Thằng này chắc có sự mờ ám sao đây. Thế là bị bắt. Lại phải Vũ Mỹ Kê lên tận nơi can thiệp mới xong và rõ ra câu chuyện cái mũ diện.

Bây giờ, Ly Chờ đã có bốn con. Cháu gái ngày nào theo mẹ xuống Hà Nội đã hai mươi tuổi, hơn tuổi mẹ khi mẹ đi làm giáo sinh xoá mù chữ trên Văn Chải. Vợ chồng và hai con nhỏ trở về Sà Phin. Hai đứa lớn không về, thích ở xuôi và phố xá. Mỗi lần được thư chỉ những buồn là buồn. Lại được Ly Chờ cho biết tin bác Vũ Mỹ Kê đã về hưu, cũng về Sà Phin. Bây giờ bác ấy cũng gầy lắm, trồng thuốc phiện cả trong vườn. Chua chát, nhớ Vũ Mỹ Kê đã có nhiệm kỳ đại biểu Quốc Hội được công tác sang đến nước Nicaragua bên nách nước Mỹ.

Làm sao không buồn, bao nhiêu hy vọng rồi lại chỉ như thế. Tại con người hay xã hội, hay còn tại những gì. ảo não thế lương, mỗi khi trở lại những miền hoang vắng đã từng ở xưa kia mà đôi khi đã như nhà mình quê mình, vẫn chỉ thấy bóng người điệu củi, vác nước và tiếng gọi lợn, gọi trâu ời ời trong ráng chiều. Năm trước, được tin trên Bắc Cạn, Bàn Văn Quân người Dao đỏ ở Khui Buồn núi Phía Biếc, chết rồi. Quân đồng tuế với tôi, đã đo cánh tay uống rượu ăn sùng nhận nhau làm anh em. Chập tối, ông lão Quân ra đầu xóm trèo cây lấy tổ ong. Người đi nương về muộn, nhìn nhập nhoạng tưởng con gấu liền giương súng bắn một phát. Ông già Quân rơi xuống như một cành cây gãy. Vẫn thế, sao lại thế?

Chúng tôi đang leo lên dốc Văn Chải. Dưới kia, người tan chợ Yên Minh về. Từng đám đi lẫn ngựa nhấp nhô loáng thoáng cười nói. Cả các thầy cô giáo cũng đi chợ. Ly Chờ đã lên kịp chúng tôi. Ly Chờ đeo hộ bác Nguyễn cái túi dệt. Ngày phiên, cô xuống chơi chợ như người ta thường đi, một tay cầm cái phao đèn hoa kỳ, sợ vỡ nên hai chiếc bóng đã được buộc vào cổ tay. Một cái chai, cái bóng thủy tinh từ dưới xuôi lên quý hơn cái phao sắt tây Cô bé nhí nhảnh đeo túi, từng quãng đứng lại chờ bác Nguyễn chống batoong lần bước. Thế mà hôm sau bác còn leo cao nữa. Tận rừng trúc vàng vòng quanh nhà thống quán Văn Văn Ly. Chúng tôi tạt vào nghỉ chân nhà Sùng Dúng Lù, anh hùng quân đội tiểu phi năm trước. Lúc này đi qua một cái miếu, mỗi người nhắc trộm đi một cái tượng gỗ con con. Đã hỏi Vũ Mỹ Kê rằng lấy được không. Vũ Mỹ Kê bảo: cứ lấy. Nhưng lúc vào nhà Sùng Dúng Lù, Vũ Mỹ Kê bảo phải vắt các túi ngoài cộc rào nó biết trong túi có tượng nó chửi cho. Mới hay, lúc này Vũ Mỹ Kê chỉ nể mà ừ. Vũ Mỹ Kê cũng sợ. Nhà đất tối om phải lom khom cúi đầu chui vào. Giữa nhà, một đồng củi sưởi cháy đùng đùng, mấy người ngồi quanh, hắt bóng nhóng nhánh lên vách nứa. Những cột kèo ám mờ hóng như sắp bắt lửa cháy nhà đến nơi. Dần dần tôi nhìn rõ tấm bằng, cái huân chương anh hùng và những chiếc ảnh được đại hội anh hùng chiến sĩ toàn quốc tặng, tất cả dán rải rác trên vách. Không có khung kính, những cái bằng và ảnh với huân chương ám khói đen xỉn bên chiếc ống tên nỏ bắn chuột và quả bầu lọ đựng hạt giống thuốc phiện treo lưng láng cạnh cột bếp. Sùng Dúng Lù lại mới được mời về dự đại hội anh hùng dưới Hà Nội. Nguyễn Tuân hỏi:

- Về Hà Nội mấy lần rồi?

- Hai lần thôi.

- Lần sau có về nhớ đến nhà mình uống rượu. Rượu Hà Nội cũng ngon như rượu ngô nóng trên Phó Bàng.

Khuôn mặt hốc hác khẽ lắc:

- Hà Nội không có rượu đâu.

- Ngày nào mình cũng uống mà.

- Có rượu thật à?

- Thật.

Sùng Dúng Lù nói:

- Thôi, chẳng về nữa!

Vù Mí Kê kể: Dúng Lù về dự đại hội vào giữa mùa đông. Người ở núi cao quanh năm giá lạnh, đôi khi sáng sớm tuyết phủ trắng lá rau cải thể mà về thành phố suýt chết rét. Thì ra cái rét buốt ẩm ướt khác cái lạnh hanh hao trên cao. Người anh hùng ở núi, gió hun hút thổi mùa đông về. Không lo, đã có củi gỗ thông vừa ấm vừa thơm. Đêm ngày nằm ngồi xung quanh đồng lửa sưởi, không bước chân ra cửa. Xuống Hà Nội, Dúng Lù rét run cầm cập. Đụp vào hai cái áo tả tũn như cởi trần. Bởi vì trong phòng vắng đồng củi. Ban tổ chức cho Dúng Lù cái áo bông bọc vải xanh Sĩ Lâm. Dúng Lù mặc áo rồi vẫn rét quá, đòi về ngay. Đây, cái áo bông đã rách lòi hai vai đương mặc. Chẳng áo nào chịu được cái dây đeo và cái lù cở cọ vào lưng, vào vai. ở nhà Sùng Dúng Lù ra, Hoàng Trung Thông ngẩng mặt lên đỉnh núi, tức cảnh một câu thơ bốn chữ:

- Nhà thằng ăn mày?

Những cái tượng gỗ bé bằng con chó đá nhét trong ba lô. Vết sẹo thô, sơn chàm loang lổ xanh lét. Thợ bên Vân Nam sang để tượng này đặt ở các cái miếu dọc đường trong rừng. Cũng như những hiệp thợ đá làm máng nước bậc đá lên dinh cơ trên núi nhà Dương Trung Nhân ở Mèo Vạc và toà nhà đá tảng của Vương Chí Sình ở Sà Phìn. Tượng gỗ của những tay thợ người Hán. Màu xám chàm hiu hắt, dị dạng. Chẳng biết Hoàng Trung Thông có cất cái tượng nào vào ba lô không. Chuyến ấy về lái xe Tiến ốm lao rồi bệnh đái tháo đường mấy năm trời. Người nhà đi xem bói, nhà thầy bảo là ma làm. Thế thì chỉ có ma đường ngược chuyến đi ấy. Nhưng Tiến không lên núi, chỉ nằm trông xe dưới cánh đồng Phó Cáo và chẳng khuôn trộm ông tượng nào. Lái xe Tiến khắc khừ, mòn mỏi rồi chết. Chẳng biết từ lúc nào, tôi không thấy những cái tượng quỷ dạ tràng xanh xỉn gớm chết, bày trên giá sách ở buồng Nguyễn Tuân và trên lò sưởi phòng Trọng Hứa nữa.

Chúng tôi ở Lũng Cú trở về Phó Bảng. Cán bộ Mông người Tày Cao Bằng phụ trách Lũng Cú đưa đường. Cái chấm xanh rừng cao nhất trên bản đồ đất nước, ở đây cũng có trường học, có trạm xá có một xóm người Lô Lô. Dưới khe sâu, nước sông Nho Quế chảy xiết. Bên kia, đất Trung Quốc. Không nhớ chuyến ấy hay chuyến nào, Nguyễn Tuân và tôi có dịp ở lâu Phó Bảng đã vào chơi nhà bà Sứ, một nhân vật lịch sử của cao nguyên Đồng Văn. Tôi có quen Quỳnh Anh, công tác dưới tỉnh. Vương Quỳnh Anh và Vương Quỳnh Sơn công tác ở khu Việt Bắc, đều là cháu họ Vương. Bấy lâu, tiếng đồn đại về bà Sứ, bây giờ gặp, tuy bà lão đã cao tuổi, nhưng còn một thời tiếng tăm vẫn bóng dáng hoạt bát trong giao tiếp và lời lẽ.

Năm 1948, Thanh Tịnh và Dương Bích Liên đã được lên Phó Bảng, đi với phái đoàn Trần Đăng Ninh. Thời kháng chiến khu vực châu Đồng Văn ở vùng tự do, nhưng phức tạp. Các tầng lớp trên vẫn cầm quyền từ trên châu xuống mỗi xóm, mỗi chòm núi mà sau lưng là đất Trung Quốc còn trong tay chính quyền Tưởng Giới Thạch. Bà Sứ quen biết tướng Long Vân tỉnh chính phủ Vân Nam và cả cánh thổ phi thế lực Hạ Sào Chúng. Trong châu, Vương Chí Sình đem quân đánh Mèo Vạc, đuổi chúa đất Dương Trung Nhân phải bạt sang Trung Quốc rồi chạy về hàng Tây ở Lạng Sơn, cao nguyên Đồng Văn Mèo Vạc trở thành đất cát cứ riêng một mình họ Vương. Vương vẫn kể lại giữa năm 1946, về Thủ đô được chủ tịch Hồ Chí Minh cho vào gặp, lại đưa cho Vương một thanh kiếm Nhật - đi mít tinh, đi họp châu, Vương đều đeo gươm ấy bên thắt lưng. Vương nói: Cụ Hồ bảo tao rằng gươm này chú đem về giữ đất nhà. Bởi thế, lần ấy Vương được đoàn của chính phủ lên thăm hỏi. Thanh Tịnh kể rằng cụ Sứ ra đón, đứng chấp tay vái trước đầu ngựa trưởng đoàn Trần Đăng Ninh.

Bà Sứ người Hà Đông, thuở trẻ lưu lạc lên Hà Giang, lấy viên quản đồn Đồng Văn, thành mẹ tây. Ông quản chết và không biết vì hiềm khích thế nào, quan ba Đồng Văn tổng cổ hai mẹ con bà Sứ sang Vân Nam. Những năm rồi ren, Nhật đảo chính Tây, bà Sứ trở về Phó Bảng. Bà gả cô Đức con gái bà làm vợ lẽ ông Vương. Lẽ mọn nhưng là cả, bởi bà vợ già người Mông suốt năm chỉ quanh quẩn trong toà thành đá ở Sà Phìn.

Năm trước, tôi qua Sà Phìn vào xem dinh cơ nhà Vương, còn gặp bà lão lợm khộm và ông Đức điếc em ông Vương, ông này đã cất công vác được cái xe đạp từ thị xã lên, để bày treo làm cảnh trên trần nhà.

Bà Sứ mở quán cà phê ở phố Phó Bảng - hình như cả phở chua, phở vịt. Lấy nơi chốn ấy cho các mối buôn dễ lui tới. Kỳ thực, bà Sứ để mắt đến cả vùng. Thế lực và mưu đồ nhà Vương đều trong tay bà. Chỉ có bà Sứ mới đủ bạt thiệp đón phái đoàn Trần Đăng Ninh.

Gặp năm ấy, bà Sứ đã ngoài tám mươi. Bộ quần áo Hán nhuộm chàm, đi hải xảo, người khô nhăn nheo như gốc cây cháy dở. Nhưng vẻ mặt quắc thước, ánh mắt tinh nhanh. Chúng tôi ngồi bên cái bàn tròn, kiểu bàn ăn cơm mộc mạc. Nguyễn Tuân và bà Sứ, khách với chủ trò chuyện tràng giang đại hải, đủ các chuyện, những miếng võ Tàu, các vị thuốc bắc, ở Lào hay Quý Châu thuốc phiện đâu ngon hơn, những hiệu cao lâu nào có tiếng ở Hà Nội, ở Mông Tự, ở Côn Minh, các mảnh khoé Tây, Nhật. Quốc dân đảng Ta, Tàu... Đôi lúc, bà Sứ nói lẫn tiếng quan hoả với tiếng tây bồi ba mỗ nhá, sến sảng à, rồi cười hoe hai hàm răng

vàng. Vương làm chủ tịch châu kháng chiến, mà bà Sứu vẫn cười ngửa sang Côn Minh rồi đáp máy bay về Hà Nội chơi. Dưới ấy, bà mới tậu ngôi nhà phố Hàng Đường. Kỳ lạ và đến giờ tôi cũng không hiểu ngô khoai thế nào, hồi ấy mỗi lần bà Sứu đi Vân Nam về Hà Nội, các hãng thông tấn Ru tơ, Arip của Anh, của Pháp thường đưa tin, - khi lòn báo Cứu quốc tôi đã được đọc những bản tin bí ẩn khó hiểu ấy.

Còn hàng bồ chuyện về bà lão thao lược, lịch lãm này. Các kiểu tinh khôn, ranh ma, những mẹo mực đòn đánh ứng biến của bà Sứu, tưởng giá mà gặp thời, chắc chẳng khác các bà ba Đề Thám, Cai Vàng, có khi còn như một tiểu Võ Hậu buông màn trị nước chứ chẳng chơi.

Lần ấy, Thào Mỹ nhắn mời bác Nguyễn Tuân và tôi sang Mèo Vạc. Nhưng chúng tôi không sang được. Mấy năm sau, tôi lên Mèo Vạc, đi với Nguyễn Văn Bổng. Lần đầu tiên, Nguyễn Văn Bổng đặt chân đến Hà Giang. Những năm vừa qua, Nguyễn Văn Bổng đi chiến trường miền Nam, vào hoạt động bí mật trong Sài Gòn. ở Sài Gòn trở ra Bắc đi hộ chiếu giả theo đường bay Nôm Pênh - Quảng Châu - Hà Nội của hãng hàng không Pháp. Lưu lạc đã lắm đường đất thế, nhưng đến Mèo Vạc lại là chuyến xa nhất của anh lên biên giới phía bắc. Thào Mỹ cũng nghỉ hưu đã lâu. Đầu năm 1991 hơn ba mươi năm đã qua. Nguyên Ngọc trở lại cao nguyên Đồng Văn - Mèo Vạc. Nguyên Ngọc kể cho tôi biết Thào Mỹ bây giờ mở ngôi hàng nước ở chợ Mèo Vạc. Ôi, thế mà còn nhớ nhau, còn có lời thăm hỏi một thời sôi nổi và sóng gió. Thào Mỹ bị ép lấy chồng từ thuở bé theo phong tục. Khi lớn, Thào Mỹ bỏ về nhà mình - một việc mà chưa người đàn bà Mèo nào dám làm. Trong chiến dịch tiểu phi 1954, Thào Mỹ đi dịch tiếng địa phương giúp bộ đội. Gặp Nguyên Ngọc lần ấy trên mặt trận. Cũng chưa có dịp nào hỏi xem cái truyện ngắn Mùa hoa thuốc phiện cuối cùng của Nguyên Ngọc có dây mơ rễ má với Thào Mỹ thế nào mà trong sổ tay công tác của Thào Mỹ, giữa một trang giấy thấy ghi một câu gọi thật lạ lùng: Mùa hoa thuốc phiện cuối cùng ơi. Thào Mỹ hỏi thăm tôi về Nguyên Ngọc, về nhạc sĩ Nguyễn Tài Tuệ. Chắc là Thào Mỹ thầm yêu cả hai người một đam mê khác đời của Thào Mỹ, người cầm bút, người cầm đàn ấy đã gặp Thào Mỹ trong trận tiểu phi trên núi. Tôi bảo Thào Mỹ ạ, Nguyên Ngọc đương ở chiến trường miền Nam. Thì đôi mắt xanh nâu của người con gái đẹp im lặng..

Rồi Thào Mỹ trở thành cán bộ huyện Mèo Vạc - một phụ nữ dân tộc Mông tiên tiến. Thào Mỹ cũng như cô Mỹ nhân viên cửa hàng bách hoá ở Lũng Phìn và con gái nuôi Ly Chờ của tôi. Chao ôi, con đường tình của người ta thì mấy ai biết được rồi ra hướng nào. Như quả báo và ám ảnh truyền kiếp, xưa kia Thào Mỹ ruồng rẫy thẳng chồng ranh con, bây giờ Thào Mỹ chỉ đeo đuổi những người trai trẻ ít tuổi. Cái anh chàng mà cô lẩn lóc sau cùng là một cảnh vệ ở huyện đội, người Tày quê Chợ Rã bên hồ Ba Bể Bắc Cạn. Chú cảnh vệ lệch với cô đến mười tuổi. Trong khi ấy Thào Mỹ từ chối người ta làm mối cho một cán bộ Kinh mà cả tuổi trẻ đã để vùi vào công tác rừng núi trên này. Nhưng ở thời ấy, một huyện uỷ viên đương phơi phới hứa hẹn như Thào Mỹ, làm sao đoàn thể lại có thể bằng lòng cho cô đẹp duyên với chú cảnh vệ trống choai kia.

Cái ngày tôi lên Mèo Vạc lần đầu, mọi chuyện về Thào Mỹ đương còn bời bời như vừa xảy ra. Thào Mỹ tháo vát nhanh nhẹn, được làng xóm tin cậy. Thào Mỹ đưa tôi lên những núi trong huyện. Có lần về Nhá Sủ, làng quê Thào Mỹ. Tôi hỏi nửa thật nửa đùa: cho tôi nhìn cái mặt thẳng chồng trẻ con ngày trước.

Thào Mỹ nói : Nhìn nó làm gì, nó có trẻ con nữa đâu. Nó đã có vợ mà mình thì chưa được chồng. Rồi Thào Mỹ cúi mặt, dường như thở dài. Sớm mai, trên đường đầu xóm, một người vác cây vầu trong rừng ra. Người ấy đã đi khuất sang núi bên kia. Thào Mỹ nói: Nó đấy. Nó đấy cũng như mọi người tron làng, tôi làm sao biết được. Tôi vẫn thấy trong tưởng tượng cái thằng lỏi con cỏi trần, đánh quay chơi trước nhà rồi bị vợ bỏ, ngoe ngoáy khóc thút thít. Kể cả ngày Nguyễn Văn Bổng và tôi lên Mèo Vạc lần ấy, nhiều năm đã qua rồi. Thào Mỹ đã làm phó chủ tịch huyện, phụ trách văn xã. Không ngờ rồi gầy yếu đến thế. Có lẽ vốn người nhỏ nhắn, lại xưa kia khi chê chồng đã ăn lá ngón tự vẫn nhiều lần nhưng được giải độc, không chết. Thào Mỹ đã có chồng. Tôi được tin mừng ấy từ lâu. Lại biết được người chồng ít tuổi hơn Thào Mỹ. Thoả lòng nhé. Nhưng nay mới tường mặt. Anh ấy người dân tộc Lô Lô, công nhân lâm trường, chưa biết chữ. Hôm đầu đến, không gặp. Anh lên quê trên Lũng Cú đã mấy hôm. Tôi hỏi: Hôm nào nó về?. Thào Mỹ sa nước mắt. Tôi không hỏi nữa.

Đêm ấy, chúng tôi uống rượu ngô bằng những cái bát mắt vầu. Nhắm với thịt dê nước suýt thẳng cổ. Chảo thẳng cổ bắc giữa gian phòng ban văn xã của huyện. Cái đầu dê nổi lênh bênh, nước sôi lăn tăn xung quanh. Thào Mỹ uống rượu từng bát. Rồi khóc. Lại khóc. Khổ lắm. Nó đánh em. Đánh luôn, vừa đánh vừa chửi: tao đánh con mèo già, tao đánh phó chủ tịch huyện. Ủy ban gọi nó lên. Nó xin chữa, nhưng rượu vào rồi, nó vẫn chửi thế, đánh thế. Biết làm thế nào bây giờ?

Biết làm thế nào? Hôm trở về, Nguyễn Văn Bổng bảo tôi:

- Heo hút, âm đạm quá. Mình đến đây lần đầu, mà chắc cũng là lần cuối cùng thôi.

Không biết ngọn núi Lão Sơn ở cái đất Mèo Vạc Miêu Vương này lạnh lẽo hoang vắng hay là bởi câu chuyện thương tâm đời người. Nhưng không phải đời người chỉ có nước mắt. Cũng vui, nhiều chuyện vui chứ. Cái người mà trong thư gửi theo giữa đường cho tôi, Nguyễn Tuân đã dặn hãy cố lượm nhặt được nhiều nhân sự để tái tạo. à ông nên gặp nhân vật Chúng Thị Phà nhiều lần nữa.

Chúng Thị Phà người Tày, quê ở Tòng Bá. Còn nhớ đêm ấy, trên đường Phó Bảng xuống Hà Giang. Về thị xã thì quá khuya, mà nghỉ lại ở làng Đán nhà người Nùng, người Hoa đêm hôm đột ngột làm giật mình người ta e không tiện. ở đây gần Thập Đại Sơn, nhiều cánh cướp lẩn quất vùng biên giới. Chú lái xe của tỉnh đã thuộc từng gốc cây đường Đồng Văn, hỏi đùa: Hay ta ngủ lại quán mụ Tèo, ngay trước mặt kia kìa. Quán mụ Tèo chơ vơ lút trong cỏ tranh giữa Pác Xum và làng Đán. Tôi không lạ. Đã có một lần tôi đi xe hàng bị hỏng máy, bác tài phải nhờ xe về thị xã lấy đồ chữa, khách đợi có đến ba hôm. Tôi đã nghỉ ở nhà trọ mụ Tèo. Chú lái xe kể: Cái con mẹ Tèo như cột ki lô mét xi măng, mưa nắng thế nào cũng cứ trơ ra. Tôi biết quán này từ khi làm phụ xe, rồi phụ lái, rồi lái chính, cả chục năm nay mụ vẫn thế. Có xe qua, chẳng hỏng hóc cũng ỳ ra nằm lại. Lúc nào quán cũng có khách. Muối Pác Xum, hùm làng Đán cũng chẳng đuổi được những quân quỷ tha ma bắt cổ tình lẩn ra giữa hùm beo rần rết, thổ phỉ bên Thập Đại Sơn sang mụ cũng chẳng coi vào đâu. Mụ Tèo chứa tất. Những quân tứ chiếng đã phiêu bạt lên nơi cuối đất cùng trời này đều thần nanh đỏ mỏ, cái mụ Sứ ở Phó Bảng và mụ Tèo này. Thời trước mụ Tèo cũng là me, vợ một cai Tây đồn Quán Bạ.

Rồi chú tài lại nói: Mà thôi, đừng dính vào của nợ ấy, ta về Pác Xum cho thoải mái. Cung đường Pác Xum có nhà nghỉ, cô đội trưởng Phà cho ăn nghỉ tốt lắm, khách lỡ đường nửa đêm gà gáy cũng phải khen.

Nguyễn Tuân và tôi biết Chúng Thị Phà ở chuyến ấy. Đội lưu động của tổ trưởng Phà đương tu bổ lại quãng dốc Pác Xum. Năm sau lại gặp lại Chúng Thị Phà ngoài Thanh Thủy biên giới, sửa đường ô-tô Thanh Thủy sang huyện Thiên Bảo Trung Quốc.

Các cung đường heo hút, nhiều nơi công nhân rặt con gái. Toàn các cô quê Thái Bình, Nam Định lên. Nơi ở lán tựa vách đá, phen vách cũng treo gương ảnh hoa và tây đầm, chó, lâu đài cắt ở họa báo, dán loè loẹt như vách hiệu cắt tóc. Đường qua các vùng núi xa, chỉ thấy một cô công nhân người Tày này. Chúng Thị Phà quần áo chàm thắt lưng gọn gàng, chiếc khăn vuông kín đáo che nắng vẫn lộ đôi mắt sắc, khuôn mặt trắng nõn nà. Nguyễn Tuân lại nhắc tôi: Đề tài đây chứ đâu, mày phải viết đi, Tôi vẫn chưa khi nào theo được lời khuyên của đàn anh. Có thể vì chưa đủ xúc cảm, có thể vì sức nghĩ còn thấp hơn sự thật ngổn ngang. Có khi không muốn viết...

Sau lần gặp phà ở Thanh Thủy ngoài biên giới chúng tôi về uỷ ban tỉnh kể chuyện thành tích và tắm gương tháo vát của cô gái Tày làm đường Thế Kỳ, thường vụ tỉnh phụ trách tổ chức, tôi quen ở khoá học 1960-1961 trường Nguyễn ái Quốc. Ít lâu sau, Chúng Thị Phà được tỉnh điều về làm cán bộ phụ nữ huyện. Ấy thế mà vẫn lắm oan khiên, làng xóm đồn cô đã bỏ thuốc cho chồng ốm chết để được bay nhảy. Phà buồn lắm. Nhưng rồi những lời thêu dệt đặt điều ấy cũng như gió bay đi...

Một lần nữa, tình cờ Nguyễn Tuân và tôi gặp lại Chúng Thị Phà trên đường vào Bắc Mê - cả ba lần đều không hẹn không đợi mà gặp. Chúng tôi lội qua một con suối, bước lên thấy trước mặt một cô gái Tày mở nón ra cười. Nguyễn Tuân reo to: A cô Phà? Cô Phà! Lại vui đùa lôm bôm mấy tiếng Tày giả cày: Mà lố! Mà lố! Về hả! Về hả? Nguyễn Tuân nắm tay Phà hỏi han như người thân lâu ngày mới gặp. Đi đâu vào đây? Bỏ cung đường, độ đường cho ai? Hồi ấy, chưa có đường xe vào Bắc Mê.

- Em vào Đường Âm công tác.

Chúng Thị Phà đã về huyện hội. Cô cán bộ phụ nữ vào công tác xã Đường Âm. Nguyễn Tuân còn cứ ghê ghê mãi vùng này lắm những chữ Đường Âm, Bắc Mê.

Tôi trở lại Hà Giang, vào nhà Phà ở bên Ngọc Đường. Các cơ quan tránh máy bay đã tản cả sang bên kia sông. Khuya mới trở ra được, cái rượu Dao ở Đường Âm say êm quá. Thì ra chồng cô ấy người Đường Âm cũng công tác ở huyện. Lúc chiều vào huyện đội hỏi thăm mấy cô văn phòng chẳng biết quê xuôi hay ở trên này, nói đùa trắng trợn: Chồng chị ấy hay ghen lắm, anh ạ. Bây giờ tôi hiểu là câu đùa yêu. Mấy ngày ở lại, anh ấy thật vui.

áp tết Nguyên Đán một ngày cuối năm đoàn đại biểu Hà Nội trưởng đoàn Nghiêm Chương Châu, Phó chủ tịch uỷ ban thành phố lên thăm các chốt bộ đội biên giới huyện Vị Xuyên. Chúng Thị Phà đã là hội trưởng phụ nữ huyện (Và mới đây là đại biểu Quốc hội khoá 8 trong đoàn Hà Giang). Tôi kể lại với

Nguyễn Tuân về chuyển đi. Nguyễn Tuân giọng ngà ngà: Có thể chứ,' cuộc đời vẫn sông có khúc, người có lúc. Cái cô Phà ấy mà hay. Nguyễn Tuân cười, nhưng rồi như chợt nhớ, lại buồn buồn: Pác Xúm... Thanh Thủy... Bắc Mê... Đường Âm... Nghe cứ rờn rợn. Xa quá..

CÁT BỤI CHÂN AI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương V:

Năm cùng tháng tận, tết nhất đến nơi mà thành phố vẫn phấp phồng không biết bom đạn trên trời ập xuống lúc nào. Dáng ai cũng vội. Mưa bụi hơi nặng hạt. Tiếng pháo rải rác. Con chuột cống trụi hết lông trong rãnh nước lép nhép ra, gặp ánh điện lại lồm bồm thông thả quay vào. Ngày mừng một, những bộ quần áo mới và những người đẹp loé lên như nắng sớm. Kiểu áo Thái Lan vạt không viền gấu ngổ ngáo được các ông phó may đất Kẻ Chợ làm cho dịu đi, ưa mắt. Thì cái áo đại cán ở Thái Nguyên về chẳng ra sao mà đến Hà Nội cũng hoá nhũn nhặn, dễ trông. Chiếc chả giò Sài Gòn bé bằng ngón út mà ra đây hoá thành cái nem rán nhân cua bể, món ăn quốc tế. Chỉ những mái tóc xun xoắn lên như cô gái châu Phi thì hình như các tay thợ ngôi chịu, vẫn để nguyên mẫu thể trên đầu các cô gái đời mới. Đêm công viên Thống Nhất. Đền treo vòng qua mặt cầu quán Gió. Hoa cúc trắng trong bóng tối. Những quả quất đốm vàng nhấp nhóang. Thoảng mùi thơm hoa hồng. Ôi, sao chưa vào xuân mà đã hồng hoa. Hay là cứ tưởng ra thế. Thành phố đường vắng vẻ thiên nhiên - hay là ở nơi đô hội người ta không để ý, mùi hoa, mùi đất, mùi lá và mùi gió mơ hồ thả xuống lòng đường, những sáng sớm vừa dứt mưa đêm. Trong lùm cây, ghế đá thì rõ ràng cảnh tât tã khác thường. Đôi trai gái xe đạp dừng, nón, ba lô, túi dết, chai dầu, nước mắt đeo túm sau yên. Vừa về tới, đã ngủ đêm trong thành phố, hay chốc nữa đạp ra làng sơ tán tận đâu.

Mới mừng bốn đã lao xao và gay gắt như mọi ngày trong năm. Mụ mắt cú vọ đứng sắp hàng mua cá bể muối từ Hải Phòng đưa lên đã đóng tảng trước quầy cửa chợ. Gần đến nơi, trở tay, hỏi. Cô nhà mậu lạnh lùng bảo cá bán theo phiếu cán bộ. Mụ quay ra giữa hè, mặt phùng lên, vô vô:

- Cha tiên nhân cái mặt này! Sao mày không để ra cán bộ, chỉ để ra thằng nhân dân! Cha tiên nhân...

Những câu chửi, cũng một câu chửi, câu thì mảnh khẻ té tát, câu thì khoe ý nhị, nhiều nhẽ. Bà ở quê ra chơi, cháu bé lon ton chạy tới, bà cười cười: Cha đẻ mẹ thằng cùn kia! Tối mừng sáu, ra ăn mở hàng cháo gà lão Chử ngã sáu.

Năm mới, được ngày tốt, bác hàng cháo chỉ làm một ít bán lấy may. Khoảng mười giờ, nôi cạn đã sôi ục ục. Không thấy cái chú mọi khi lúi húi rửa bát ở chiếc bồn gỗ cạnh bếp lò quây miếng sắt tây. Thằng bé về quê ăn tết chưa ra à? Ông Chử đương ngồi lau bát, ngược lên, cùi tay dấm lưng bùm bụp, rồi khoe khéo.

Cám ơn ông hỏi thăm. Bố đương ốm mà bỏ đi thanh niên xung phong, ông ạ. Vào tận mặt trận Quảng Trị, Thừa Thiên đấy. Cha tiên nhân nó, gần Tết gửi được cái thư về báo cáo gia đình đi có năm tháng đã được tiên tiến, bây giờ phụ trách C đấy, ông ạ. Ông bảo cái ngừ rửa bát chưa sạch thì phụ trách, phụ móc gì mà cũng nên cán bộ cán thuổng?

Ồi chao, cái câu chửi, câu phàn nàn mà âu yếm. Thành phố sôi nổi mà lại như lặng lẽ, khinh bạc, phớt đời. Lại đòn đánh mới, lại sắp bom, lại sơ tán, triệt để sơ tán. Lần nào cũng tưởng đã vợi hết người rồi vẫn cứ thấy trẻ con người già lố nhố ở đầu bờ ra lăm thế. Đám tỵ nhau đeo ba lô, quảy túi lễ mễ trông đến thương - nhân đây là mình nghĩ. Chúng nó bước lon ton, hớn hở, nghếch mắt ra về ta đây.

Cái thói quen đêm giao thừa tụ hội nghe giọng sang của Đàm Mộng Hoàn, giọng đẹp Chu Thị Năm Tuổi ba mươi đã lại dư một vài... Tuổi năm mươi, tuổi sáu mươi... bảy mươi đã lại dư... Chiếc máy hát cũ hỏng đã lâu, cũng chẳng buồn chữa.

ừ đã lại dư... mà đã có người xuống mộ rồi. Ngoài hạ nêu, vào dịp bốn mươi chín ngày, đi Nam Định với Yến Lan, Bùi Hạnh Cẩn và Phạm Lê Văn viếng mộ Nguyễn Bính ở nghĩa trang thành phố. Chúng tôi đặt chiếc bia bên cạnh cái bia đã có. Thế là một mộ hai bia, nhưng chắc hôm đưa đám vào ba mươi áp tết ngày cùng tháng tận chẳng có mấy người. Thơ Nguyễn Bính, tình buồn mà cảnh đẹp, nhưng những lũy tre xác xơ làng Thiện Vịnh, đồng chiêm ngập nước loi ngoi cỏ lẩn lúa xơ xác chẳng mấy may như trong thơ. Con trâu cày đồng sâu chỉ thấy hai lỗ mũi nghếch lên mặt nước. Không có rơm rạ, làng trồng cỏ tranh trên gò lấy cái lợp nhà. Gió ào ào qua rặng tre nghiêng rặng. Những thôn Đoài nhớ thôn Đông và đám rước quan trạng vinh qui qua làng Trang Nghiêm không phải dưới đất có được mà chắc là ở trên cao xanh đẹp để xa kia.

Tôi mơ màng tưởng tượng và cũng thật tôi đương ngồi trong căn nhà ấy. Nếp nhà tranh một gian hai chái, cửa buồng. Trước hiên, giàn đỗ ván đã quần queo còn vương lại mấy quả khô đen như quả bồ kết, thế mà mưa xuân đương độ phơi phơi bay, vẫn nở như một đoá hoa tím ma quái. Mảnh sân đất ngoài đùn từng đồng cứt giun và cạnh bờ rào thưa, hùm xuống một cái chuôm cặm. Cái ao cấy cần của nhà thơ. Mặt đất đầy ao, những khóm cần nhà ai đương lên xanh mơn.

Hỏi ra mới biết năm ấy nhà xuất bản Phổ Thông - nơi Trúc Đường làm việc, in truyện thơ dài Tiếng trống đêm xuân của Nguyễn Bính. Có tiền nhuận bút, nhà thơ nảy ra cái nông về làng quê làm nhà, cái nhà đơn sơ như trong thơ xưa. Nhà tôi có một vườn dâu... Có giàn đỗ ván, có ao cấy cần... Hoa đỗ ván nở mùa xuân. Lúa dâu tháng tháng, lúa cần năm năm... Rồi vợ chồng con cái Nguyễn Bính dời thành Nam, về làng. Chỉ ở được ít lâu, đôi bên lục đục, đánh chửi nhau, chẵn bông xé đôi mỗi người đắp một nửa - báo Nam Hà trong mục thơ châm biếm đã có bài thơ mỉa mai. Rồi cái nhà này, cái sân đất, cái ao hết như trong thơ, phải bán đi. Lại gồng gánh nhau ra phố ở. Buổi trưa ấy, tôi nghỉ nhờ bác chủ mới của nếp nhà ấy - một người làng. Nhìn cái cửa buồng, chiếc then tre treo lắc lư, nghe tiếng bụi tre đưa vông kéo kẹt bên đầu hồi. Nhà tôi không bán vườn dâu. Tháng hai giàn đỗ bắt đầu ra hoa. Sang năm tôi phải về nhà. Đợi xem vườn đỗ ra hoa có nhằm? Trong tôi rỗng không chẳng một ý nghĩ, nhưng mắt thì rưng rưng. Tiếng tàu hoả về Phủ Lý đằng cuối cánh đồng thuôn hun hút vào giữa trưa, có lẽ canh khuya nghe còn thăm thăm hơn.

Đêm về viết bài đi viếng bốn mươi chín ngày Nguyễn Bính cho đài phát thanh buổi gần nửa đêm gửi miền Nam báo tin buồn với bè bạn trong ấy - Nguyễn Bính đã lặn lội mười mấy năm trời ở thành, ở chiến khu, cũng là một đứa con miền Nam.

Các cửa hàng, phiếu thịt chỉ bán mỡ - mà họ hoàn mới có. Người đổ ra đường, suốt ngày nháo nhác sắp hàng, xếp hàng mua từ mỡ rau đay. Bom đánh trên đầu, dưới đất thì kéo dài hàng như thế này, biết sẽ ra sao. Tôi ra nhận làm công tác trưởng khối phố, tôi đi xem xét các nhà thiếu đói để xin cứu tế cuối năm. Vào một nhà, chị ấy làm nghề y tá, chồng li dị. Ba mẹ con cả tháng ăn cháo quấy lẫn rau muống. Nửa phần gạo phiếu đã bán để thêm tiền chi tiêu và mua rau, mắm muối. Ba khổ mặt xanh rớt, sáu con mắt thì trong Tháng hai qua như cuốn đi, đôi lúc nhìn cây cỏ mới nhớ ra. Những cây xoan vẫn khẳng khiu. Cây táo còn sót lại trên cành những quả vàng, rung một cái, rụng lộp bộp lẫn với những giọt sương. Chiếc búp bàng đã rụng đứng như cái tai thỏ xanh. Tiếng con chim vành khuyên bay trong làn mưa mới nhẹ nhẹ nửa bụi nửa hạt. Hoa vông đỏ, màu gắt đỏ hoa vông, đông miến tiết. Bụi mưa vùn vùn quanh người trên đường.

Đêm xuống rồi mà gió dài đồng còn thổi dài mặt hồ Hoàn Kiếm. ánh điện hắt trong lòng tháp hắt ra trông thấy một chiếc thuyền thúng ghép bằng mảnh thiếc dùng đỉnh lượn quanh bờ cỏ tháp Rùa. Người trên thuyền, một bàn tay bơi, một tay thả xuống những cái ống đánh lươn. Hè phố Tràng Tiền, những viên gạch đã mòn trũng, trơ ra cái vỉa viền đá xanh, như con cá giơ xương. Khung cửa sổ trên gác im lặng trong cánh màn buông, một chiếc bóng nhìn ra, tay nâng cái chén. Chén chè ngon hay chén rượu một mình. Êm ả, tĩnh mịch, các cửa sổ ban đêm giữa thành phố phòng không như trong chuyện cổ tích.

Khuya rồi bỗng hiện ra một con quái vật của chiến tranh Việt Nam 1966. Một xác chiếc máy bay không người lái cụt mất một bên cánh, nằm trong thùng chiếc xe bò, một người cầm càng kéo đi. Thằng không người lái này ban chiều vừa lên vào tiếng nó réo lọng óc. Tự vệ quận Đống Đa đón lộng bằng đại liên, đã hạ nó rơi trên bờ đê, bây giờ xe vào đây. Cái lạc hậu tha cái tối tân lủi thủi lọc cọc trong đêm.

Cái nào đi với đặc điểm ấy trong thời chiến. Quán cà phê Miền Nam cạnh bệnh viện Mắt. Chủ vốn lái xe, áo xanh, tay nhỏ, bàn ghế ngổn ngang trong cửa hàng tối hũ nút. Vợ chồng nhà quán cũng đen như bóng tối, hàng dọn lúc ở bờ hè, lúc vào trong nhà, chẳng khác cà phê đá nhạt thếch ở bến xe đi Nam Vang xế cửa chợ Bến Thành ngày trước. Cà phê Trần Hưng Đạo, một tay thương binh chán đời. Những người vắng mặt trong câu chuyện đều bị lão gọi bằng thằng. Khách hàng, áo ka ki đại cán bạc như khuôn mặt thờ ơ của những cán bộ bàn giấy các cơ quan quanh đây. Cà phê Lâm chơi tranh trề tràng, các thứ nam nữ cô bồi, cá chìm, họa sĩ nổi tiếng ngồi lẫn với thợ vẽ Bờ Hồ, những loại đú đờn học đòi, những cặn bã tự cho là nhất thiên hạ tới đây để rồi khoe tàng uống chịu của ông chủ cà phê chơi tem rồi chơi tranh và mua sách của các nhà văn túng thiếu đem gán nợ. Cà phê Lương, cà phê Lâm hàng Da thì đã tàn. Thế mà cái cà phê nhà mật đường Điện Biên lại đương nổi, ngoài cửa xe đạp chồng đống. Chẳng ra gì mà đông như chợ gà. Mới biết bán hàng cốt có cái duyên. Nhưng dù sao, vẫn khác những quán cà phê nhợt nhạt ô Yên Phụ, chỉ được cái ngọt ả mùi hoa xoan trước cửa. Anh cô bồi ngoắc ria mép gọi hai ấm chè. Mỗi lần lên hồ Tây, tôi đến uống suông chai bia Hữu nghị rồi ngồi nhìn xuống lưng đình Yên Phụ kề mặt hồ. Thế mà bận sau, cô hàng đầu ô vẫn nhớ mặt. Khách dị dạng một chút, đã dễ quên.

Đêm Nôn năm ấy, đi chơi với một người khách trẻ măng không biết tên và trong tối sáng nhấp nhem, cũng không hẳn tường mặt. Những ngọn đèn đường chỉ rình tắt, sắp báo động. Suốt chiều, chốc chốc tiếng loa: Máy bay địch cách Hà Nội sáu mươi ki lô mét... ba mươi ki lô mét... hai mươi ki lô mét... Khách trẻ

trung, trắng trẻo vẻ búng ra sữa, giọng Hà Nội nhỏ nhẹ, áo va rơi dạ mặc ngoài, mũ bông có tai ấm. Cũng như chúng tôi, cái bóng bù xù đi trong đêm đông lạnh. Nhưng mà khác chúng tôi.

Những bước thong thả trên đường khuya. Lúc này chỉ còn lại đám người vun quanh khu nhà thờ Hàng Trống và mấy cửa hàng Thủy Tạ, Phú Gia mở cửa trắng đêm đón người chơi Nôen. Đâu ai có thể tưởng cái anh chàng non tuổi ấy là một giặc lái bay cùng tốp với phi công Phạm Phú Quốc vượt vĩ tuyến ra đánh nông trường Tây Hiếu ở Nghệ An. Tin tức Sài Gòn tâng bốc rùm beng phi đội Việt Nam Cộng Hoà anh hùng đầu tiên ném bom miền Bắc. Nhưng câm miệng hến về chiếc máy bay rơi này.

Chúng tôi thường viết bài cho mục phát thanh của quân đội nói với thính giả miền Nam. Đọc tài liệu, giấy tờ bắt được ở chiến trường, trò chuyện với phi công tù binh Mỹ. Có lần, tôi vào làng La Cả uống rượu ăn thịt chó với đại tá Phạm Văn Đính, đại tá Vĩnh Phong - người hoàng tộc đã ra hàng quân giải phóng ở điểm cao Cồn Tiên Dốc Miếu. Hai sĩ quan hàng binh này sơ tán ở một nếp nhà tranh của quân đội ẩn trong lùm cây ổi cây nhãn giữa làng. Thỉnh thoảng, kéo nhau ra thị xã Hà Đông sắp hàng mua bia hơi. Có người đến thăm, khói bếp thịt chó nghi ngút cả ngày

Tôi cũng thường đọc trên đài một Thư Hà Nội gửi nhà văn Quan Sơn ở Sài Gòn. Chẳng mấy ai biết bút hiệu ấy của Doãn Quốc Sỹ ngày trước trên tuần báo Tiểu Thuyết Thứ Năm. Doãn Quốc Sỹ người Cầu Giấy, gần làng tôi. Chúng tôi quen nhau khi mới cầm bút. Một trong những truyện ngắn đầu tiên của Doãn Quốc Sỹ, Đôi mắt của Hiền, cô Hiền ấy, con gái bác Tú Mỡ. Bức thư tình đăng báo mà rồi nên nhân duyên. Doãn Quốc Sỹ theo nhà vợ tản cư ra Bắc Giang ít lâu rồi vào Hà Nội, rồi di cư vào Nam. Báo chí và các nhà xuất bản ở Sài Gòn in sáng tác của Doãn Quốc Sỹ, lại biết Sỹ dạy học ở Hà Tiên, được tu nghiệp ở Mỹ mấy năm. Chẳng biết cách mạng có nợ tiền, nợ máu gì với cái gia đình công chức còm ở một làng làm nghề dệt nghề giấy ngoại ô này không, tôi tin là không, thế mà Doãn Quốc Sỹ viết chửi cộng sản hăng thế. Chắc chẳng khi nào Doãn Quốc Sỹ nghe bài của tôi để biết đến những tiếng nói cùng quê của anh.

Cái cậu giặc lái trẻ tuổi này cũng là một tài liệu sống mà quân đội cho chúng tôi mượn. Anh ta gốc Hà Nội. Nhà Hoả Lò thả cho đi dạo phố đêm Nôen với chúng tôi. Đã hơi khuya, trở lại ngã sáu, ghé vào ông cà phê 81 một lúc đợi đến gần nửa đêm mới lững thững lên nhà thờ Hàng Trống.

Ngã sáu vẫn như mọi khi, những đêm vào mùa lạnh, mặt đường mênh mông ra trong ánh đèn thoi thóp quăng một. Những cây sữa trụi lá đứng trơ trổng. Tôi chợt thấy thú vị nhận ra chưa phải mùa hoa sữa. Tôi không yêu, cũng chẳng ghét hoa sữa. Nhưng bạn bè thường chiều sở thích của Nguyễn Tuân, quên cái mình ưa hay không ưa. Nguyễn Tuân ghét hoa sữa, hoa dạ hương - những mùi đậm quá làm điếc mũi cả đêm. Chối của nào trời trao của ấy, ngay bên cửa sổ gác nhà Nguyễn Tuân, đến mùa, hoa sữa nở từng chùm trắng ngà nồng nàn buông mùi vào ngập cả phòng. Nguyễn Tuân bức bối không ngủ được, lúc nào cũng đóng cửa sổ về phía ấy. Một năm, cây sữa bị chặt, không biết vì mọi người kính trọng bác Nguyễn hay vì các hộ trong nhà thiếu củ đun.

Bỗng anh thanh niên giặc lái nói:

- Thừa bác, ở ngã ba quãng này có nhiều cây sữa. Cháu còn nhớ.

- Cây sữa bây giờ đã rụng lá. Như cây mùa đông bên châu Âu..

- Cháu còn nhớ, mỗi hôm đi học qua. Khi cháu học lái ở tận bên Mỹ vẫn còn ngửi thấy mùi, như cả đời học trò có mùi hoa sữa.

Nguyễn Tuân lặng im. Chắc vì không muốn nói như mọi khi tôi khó chịu cái mùi hoa sữa hắc lăm mà cậu học trò này đương nhớ mùi hoa thuở cấp sách. Chúng tôi ngồi xuống tấm ghế dài. Ông hàng nhô ra bên ngoài cái chụp đèn hoa kỳ. Vẫn ông 81, áo nâu lấm bóng tối. Tôi tưởng ông đã đi sơ tán để đưa cháu nào nán lại trông hàng ~ giữ khách. Tôi hỏi:

- Ô! Ông công sứ Gotapphời còn đây à?

- Thừa, vưỡn ạ. Khốn khổ, cháu đã chạy ra ngoài Vọng. Được ăn mấy trận no bom, mà không chết thế là lại quay về. Cái thằng Mỹ cũng trông gà hoá cuốc, cứ chỗ đồng không mông quạnh nào có cái lò gạch là nó choang bom. Chúng cháu lại ở nhờ cái xóm làm gạch, cả mấy cái lò đồ ổi. Chập tối lúc nãy nó ném nghe gần lắm. ở đâu thế, chứ ông?

- Chắc lại dưới cầu Giẽ.

- Sao bảo lẽ Nôen thì nó cho bên đạo nghĩ - Cầu Giẽ, cầu Hàm Rồng, lúc nào ta cũng xe tàu tải đạn tải người vào Nam, nó im sao được Các họ đạo vùng cầu Giẽ phải lên lễ nhờ nhà thờ Hàng Trống. Chắc năm nay cũng thế. Ông cũng lại nên thu xếp, chỗ ngã bảy thế này không yên đâu.

- Nghĩ thế mà tôi chạy ra Vọng, mới hút chết.

- Thôi, ông ạ.

- Nhưng chỗ này thì yên sao. Tay cà phê Hoà vừa chết bom giữa phố Huế đấy.

Ông đặt cái khay trước mặt chúng tôi. - Chạy đâu cho khỏi số, hả ông? Cái năm thằng Mỹ thả bom Nhật, tôi ở ngõ Hàng Dừa sau ga Hàng Cỏ, bom rơi bốn phía, tôi đứng giữa. Lần này Mỹ bỏ bom tạ ở Vọng, tôi vẫn ở giữa. Hoá tam ba bận, Nam Tào Bắc Đẩu quáng mắt xóa hộ khẩu mình rồi, bây giờ chẳng đi đâu nữa cho nhọc!

Tôi không để ý. Có lẽ những chuyện tàu bay tàu bò thế này không thể làm khuấy khoả được anh giặc lái trẻ tuổi. Anh trầm ngâm nhìn xa xa. Lúc đứng dậy, anh nói nhỏ:

- Nhà cháu trước ở đằng kia, cuối phố Công chúa Huyền Trân.

- Cậu có muốn nhìn lại nhà không?

- Cám ơn bác.

Chúng tôi thông thả ngược lên Bờ Hồ. Một lúc, anh nói một chuyện khác:

- Cháu trông ông cụ bán cà phê, không hiểu sao, cháu cứ ngỡ ông cụ ấy là ông Lý Thường Kiệt.

- Hay nhỉ!.

- Ông Lý Thường Kiệt chắc cũng có nước da bánh mật thế và ông đánh nhau đến già không thua trận nào, cụ cà phê cả đời bị bao nhiêu trận bom vẫn không việc gì.

Nguyễn Tuân cười:

- Mình chỉ thấy ông ấy giống cái pho tượng Nhịn ăn chùa Tây Phương. Ông lão quê mùa thế mà đã có mấy năm ăn chơi ở Pa ri đấy.

Mọi người đều cười. Cậu giặc cái chắc cũng chưa trông thấy ông phật gầy gơ xương trên chùa, thường được gọi là ông Nhịn ăn. Anh ta theo bố mẹ vào Nam từ lúc: mười tuổi, lớn lên sang Mỹ học nghề hàng không, trở về lái máy bay vận tải, rồi máy bay chiến đấu, lần đầu vượt giới tuyến. Tôi cũng chỉ chốc lát với anh ta đêm ấy, như đọc trang tài liệu, không biết tên mà cũng không bao giờ còn gặp lại.

Cái ông Nhịn ăn cà phê bít tất, bị hai đời máy bay Mỹ quần mấy trận mà vẫn trơ ra, ừ cũng có thể như tướng quân Lý Thường Kiệt, lại cũng như cái người nhịn ăn rồi thành phật. Ông lão đã trên tám mươi, mấy năm sau ông mất bệnh già, nhẹ nhàng như người đi ngủ. Ông có thằng cháu được sang học bên Tiệp, lấy vợ Tiệp và ở lại bên ấy. Thằng này chẳng thể biết đời ông nội nó lợi bùn ở đồng chiêm lên Kê Chợ từ năm mười bốn tuổi, rồi làm bồi công sứ Gơrapphơ rồi cà phê ô lê, rồi cà phê bít tất... Anh trí thức mới lấy vợ Tiệp kia, làm sao anh tỏ rõ được ngọn nguồn cái nước An Nam, cái người An Nam Mít... Chao ôi, nói đâu ai, tôi đây tôi cũng không biết tên ông nội bà nội tôi và mù tịt các tên các cụ tổ tông nội ngoại nhà mình, mà tôi cũng chẳng khi nào áy náy cả.

Xế trưa, máy bay ném bom vùng ga Văn Điển. Cao xạ, tên lửa vi vút lên. Một thoáng, trời lại lặng yên trong xanh. Rồi tối đến, phố xá vẫn đông một tối chủ nhật giữa tháng lĩnh lương kỳ hai. Quanh Bờ Hồ và khu hàng Giầy bọn người. Cả mấy quán ăn đều hết chim quay. Cà phê Lâm, cà phê Ca không còn chỗ chen chân. Những cửa hàng thấp đèn dầu nhấp nháy. Lão khách béo chủ hiệu - như lão Sáng nhị mũi, và mấy cô chạy bàn vóc dáng mỡ màng phục phịch, vừa nhàn nhạt, vừa bong bóng. Những đôi mắt đưa đẩy óng ánh khác thường. Dường như không ai còn nhớ vừa mới chập tối một cái máy bay không người lái đã lướt qua lưới cao xạ Ngã Tư Sở sang Phà Đen. Giống cái thằng xác máy bay đêm trước nằm trên xe bò người kéo lênh khênh qua phố Tràng Tiền? Nhưng thằng này bay thoát.

Mỗi buổi sáng, bản khoả của những người còn ở lại thành phố: nó làm gì hôm nay? Đại khái vẫn đánh đấm thế, vẫn như thường ngày chẳng. Người ta vừa khẩn trương, vừa lừ đừ. Cái chòi gác có mỗi khẩu súng

trường trên đê Thượng Cát cũng chăm chăm ngược lên trời. Không thể nhận được ra mới hôm qua làng Ngọc Hồi bị bom rải thảm khắp xóm. Ngoài đồng đương gặt chiêm, ống chân lội xuống thụt nước, tay tóm cổ lúa từng bó cắt trên mặt bùn - lúa chiêm năm nay xấu, hạt vàng xám như răng sún. ở đầu công viên Thống Nhất, trường đại học kiểu kiến trúc hiện đại cao cao thanh nhẹ. Dọc mái bằng trên nóc, bốn ụ đất đắp to lù lù ghếch ra những khẩu trung liên của sinh viên trực chiến. Nhưng cái trận địa giả đầu làng Ninh Sở thì như trò trẻ rờn. Giữa ruộng khoai tốt lá xanh eo éo, một bãi vuông vẫn được rẫy cỏ như cái đầu cạo trọc nhẵn thín. Cả dàn ống tre bôi hắc ín đen nhánh ngóc đầu lên thành một dàn cao xạ nhiều nòng. Cuối bụi tre, hiên ngang một trận địa tên lửa. Bệ phóng đất thó gan gà nện được đắp cao, vàng choé. Giữa mặt phẳng đặt hai cây. chuối đã bóc bẹ nõn nà, bóng loáng như màu trắng thau vỏ tên lửa. Những trận địa trò chơi này bị choảng bom liên tiếp hàng ngày. Chiến tranh, liều lĩnh, tiểu lâm và thương tâm. Phố Yết Kiêu, quầy bán vé xe lửa, đám đông nhốn nháo sắp hàng đi sơ tán. Người đứng đợi, người nằm ngổn ngang. Một người đàn bà tựa cột đèn, mặt rầu rĩ, đăm chiêu giữa đám trẻ con lơ nhố đợi bố mẹ mua vé tàu. Thoáng trông, không biết là mù dờ hơi, mà ngỡ một người yêu trẻ, đương trò chuyện rủ rủ. Nhưng bọn trẻ thì bao giờ cũng khoái chơi với người điên. Một đứa quát khê: Giơ tay lên! Cả bọn trở mắt nhìn kết quả cái mệnh lệnh. Người đàn bà khố sờ từ từ giơ tay. Có đứa nói: Bỏ tay xuống. Mụ ưỡ oải để rơi hai tay. - Cười đi? Người đàn bà ngược hai con mắt nhờ nhếch rồi nhếch mép tự dưng cười mếu máo. - Không phải! Đây là mếu. Cười đi? Cười đi!. Người đàn bà điên lại nhe hàm răng cái mả, nhả nhó. Đám trẻ con và người điên cứ quanh quẩn chơi hiên lành bên chỗ sắp hàng lấy vé.

Bỗng dưng, một bác râu quai nón xồm xoàm như Trương Phi, áo cánh rách sã cả hai vai, không biết ở đâu đi ra. Hai tay hề chèo múa lên, vừa hơi vừa đế, lại vừa trống mõ... Bụng bụng nhóc... bụng nhóc... tất cả ở cái miệng, con mắt và bộ râu đều làm chèo.

- Bố quan viên làng nước, lệnh sức mỗi đình làng: rơm một bó, cỏ một gông, vải hồng để đi rước quan huyện nhá?

Tiếng đế khàn khàn:

- Tháng tư ngày tám, lấy đâu ra rơm?

Hề mõ:

- Thế nhà mày không có rơm ồ chó à?

Đột nhiên, bác rậm râu lúi lúi, nhốn nhác, như trông thấy quan huyện đương khệnh khạng bước tới. Bác nói thầm thì:

- Quan đã ra? Quan đã ra?

Rồi thét to thật lực:

- Nhà ai có gà thì nhốt lại nhá! Nhốt lại nhá!

Bọn trẻ con nọ cười rầm lên xúm sang bác lên cơn rồ hát chèo. Cũng chẳng biết là bác dở người hay là người vui tính thích đùa. Thành phố túi bụi bom đạn đình đoàng tối ngày, sao vẫn lắm người ngẩn ngơ, người chập mạch bông lơ đến thế. Những cành khế lúc lú chùm quả, quả mẹ quả con vàng khé búa vào nhau thành chuỗi. Đêm mưa rào, sáng ra, cây ngâu đầu hè đổi màu lá xanh đậm. Hoa ngâu, hoa móng rồng chín trong nắng sớm thơm nồng nàn. Thường có mưa thì hoa rữa, nhưng những chấm hoa ngâu được mưa lại vàng ròn.

Trên lan can, cửa gác các nhà dọc phố, còi đuốc ghếch từng thanh, từng bó. Mỗi que còi bây giờ cơ hồ được nâng niu như phong lan và chim yến. Các báo hô hào đun than, nhưng nào biết mua than ở đâu. Mỗi tháng, may ra mới xách được về vài cân củi phiêu. Nhà có trẻ nghịch ngợm leo trèo bẻ cành cây khô bờ hè thì lúc nào cũng sẵn củi lửa đun. Đàn ông đâm ra đun bếp khéo, đến tối mà cũng thối cơm được bằng giấy má sách báo vợ ở cơ quan về.

Kho xăng Đức Giang bị ném bom lúc xế trưa. Máy bay nhào xuống, một chiếc trúng đạn lết ngược vào thành phố, rơi xuống vườn chùa Thông làng Mọc - cái chùa mà hai mươi năm trước, ở báo Cứu Quốc, tối tối tôi ra ngủ đấy, để phòng Tây đánh úp Hà Nội ban đêm. Cột khói bốc gồ lên hình nấm, đen đặc, lan ra một dải mây thành chắn ngang chân trời. Chập tối, tôi đạp xe ở lớp dạy viết văn sơ tán bên Thi Xá huyện Quế Võ về qua, nhìn lại còn thấy sáng rực bên kia cầu Long Biên. Hà Nội vẫn lơ lửng nửa hốt hoảng, nửa như không. Các chợ họp từ bốn giờ tối tám giờ sáng và mở lúc chập tối. Tin đồn thiếu tá Mạc Kên lái máy bay Rase, bị bắn rơi xuống hồ Trúc Bạch, khai rằng Mỹ đã định ném bom huỷ nhà máy điện Yên Phụ và cầu Long Biên. Những người ở trên bờ sông và các phố đầu cầu quanh Hàng Than ban ngày chạy tránh xuống phía chợ Hôm. Nhưng đến hôm giữa phố Huế chợ Hôm bị trận bom đổ mấy toà nhà chết nhiều người thì chẳng biết rồi chạy đi đâu.

Kho Đức Giang chồng đồng những thùng đựng xăng cháy đỏ hắt. Ngoài bờ rào, ruộng lúa mới cấy mạ đã bén rễ xanh rờn. Những người đàn bà lúi húi cắt cỏ. Một người đàn ông đặt thùng thóc trên đầu gối, vung tay gieo hạt, hạt lúa giống vãi xuống mặt ruộng xấp xỉ còn sóng sánh đường bờ. Chú bé kia nằm trên lưng trâu giữa bãi cỏ, hai chân cong như móc câu, mắt lơ đãng nhìn ra đường. Những người dừng xe đạp Phượng Hoàng, xe Mipha cười nói tíu tít. Xa xa, hai vế gầu sòng tát nước nhô lên thùng thỉnh đưa đi đưa lại. Trận bom dữ dội cháy kho xăng trước mặt đã ra chuyện hôm qua, hôm xưa.

Bom đạn lẫn lộn với công việc làm ăn nhẩn nại đến khủng khiếp. Trên dọc đê, những khẩu súng trường và trung liên đầu cầu Đuống đã được thay bằng những khẩu đại liên ba nòng. Đơn vị đến nhận trận địa mới, bộ đội đương đứng ăn cơm. Nhưng cạnh ụ súng lớn vẫn nhô lên hai mô đất nhỏ, thò hai đầu ruồi khẩu súng trường của tổ dân quân trong làng ra trực chiến. Hai cô gái - hình như được cắt tua ngày nữ đêm nam, mỗi buổi được ăn mười công điểm hợp tác xã. Sông Hồng báo động số 3, nước chảy réo quanh chân cầu, xoáy tròn từ chân tre ra, xôn xao, đỏ xuộm. Lũ tháng sáu dềnh lên to quá. Bờ rào cây vông ngập, lá héo to bằng chiếc quạt nan rụng vàng mặt sóng. Nước vào ngập lưng vách. Những đàn gà và lợn con trốn lên nóc

nhà kêu tán loạn. Bốn phía xám ngắt rồi tối ụp xuống, tiếng ngũ liên hộ đề chống tràn thốc suốt sáng như xưa trống báo cướp. Những ngôi nhà hai tầng dưới bãi - mà ngày trước không ai dám xây, nước chảy ngang cửa sổ. Người chạy nước lên phố dựng lều suốt vỉa hè bờ sông vào quanh nhà hát lớn. Khói bếp u ám như đốt rác tấy uế. Những người đàn bà mặt vàng nghệ, bông con ru ời ời. Chạy lệt năm nào cũng thế. Chỉ khác, mấy năm nay, phải lo cả giặc trời.

Còi báo động rợn mặt sóng. Một vệt khói đỏ tên lửa ngoảnh lên trong tiếng nổ. Chiếc máy bay bỗng chẳng chịt khói như một cuộn thừng trắng, lại một chiếc không người lái rơi xuống giữa sông Cái. Thế mà quán bia Chuồng Cọp bên hồ Thuyền Cuồng vẫn người xếp rỗng rảnh quanh hàng lan can sắt suốt ngày đến chập tối. Chỉ có những quán bia bán giờ giấc ngoài luật lệ phòng không. Người ta uống bia cho đến lúc trông lên không nhận ra ánh sao hay sáng điện lóng lánh giắt trên lá cây đề. Mùi sen thơm thoảng - lứa hoa cuối vụ, lẫn mùi lá sen già, không còn ngát như sen đầu mùa. Nhưng quái, đã lâu hồ này thả cá mè, có trồng sen nữa đâu. Thế mà rõ ràng mùi sen. Lạ nhỉ. Uống vại bia xong cũng không biết hết báo động chưa. Thế thì chắc lại mơ màng mùi sen mùa hạ trước rồi.

Một chuyến xe lửa toa lộ thiên vào cầu Long Biên. Trên sàn tàu những gióng bệ phóng xếp một chồng cao. Cánh tên lửa nghênh ngang vương thành đầu cầu phải cho lên tàu hoả mới đưa nổi qua sông Cái. Những chú bộ đội xinh xẻo như học trò tan học đứng chỉ trở xuống lòng đường phố Hàng Giấy. Hẳn đương đoán nhà mình chỗ kia, chỗ kia. Cạnh các ống đạn buộc những bu gà, những rọ lợn, một dãy quả đu đủ, buồng chuối xanh, các đồ ăn thức đựng loi thoi khi chuyển quân. Một con chó xích tự nhiên cong cổ sủa ngấn ngờ lẫn tiếng bánh tàu nghiêng ken két, khi tàu chui qua chỗ nóc cầu bị bom xập.

Chợ Bắc Qua đông nghịt suốt đêm, đến chớm ban mai thì tan. Vẫn cái chợ đổi vai mùa nào thức ấy, hành tỏi, khoai sọ, cà chua, rau cải, củ cải bên Bắc sang bán mớ ở chợ này để người buôn đường gần tải xuống chợ Châu Long, chợ Hôm, chợ Hàng Bè và các chợ xanh, chợ cóc góc phố.

Trời sáng ra thì chợ Bắc Qua tan biến hết người, như chợ ma.

Có tiếng gọi giật. Tôi quay đầu lại. Anh Sỗ, chủ nhiệm hợp tác xã trong Bát. Sau xe đạp đeo những bó cải củ cao có ngọn. Hẳn là Sỗ ra Bắc Qua bán vài quả hay bắp cải, dưa hồng đem qua bây giờ tải rau về. Nhưng phía Hà Đông thiếu đâu chợ đổi vai, chợ xanh, chợ ngã tư mà phải lần mò ra đây.

- Đi đâu thế?

- Hôm qua em ra tỉnh có việc, quá chân đến đây mua ít cải về làm dưa thôi.

- Mua rau à? Rõ chở củi về rừng?

- Cải bên Bắc lắm búp, lại rẻ hơn cái cải chết rét quê em.

Chúng tôi vào một hàng nước. Sáng rồi, quán đương dọn về, nhưng có khách, cũng không vội. Ông hàng

cứ tự nhiên lấy cái phun nhựa ra rót hai chén nước trắng. Bảnh mắt, uống rượu súc miệng, hay thật. Chợ Bắc Qua tỉnh ngủ cả đêm, có lẽ nhờ cái thứ nước này. Cái anh Sổ du kích trông như người bố củi thuê. Nếu xách chiếc rìu qua phố, thế nào cũng có nhà gọi ông Thạch Sanh, Trước kia ở vùng tề, du kích Sổ đã thủ tiêu người táo tợn lắm. Sổ đóng quần áo rằn ri giả lính dù vào nhà thổ phố Vân Đình, nã thùng mìn chết cả thằng Tây với con nhà thổ. Sổ mặc váy bà già đi chợ, bắt chọt tốc váy lên, thò khẩu súng trường cửa báng ra lia ngã gục quan ba đồn giữa cầu chợ. Một mật thám ngoài Hà Nội hay về dò la, Sổ tìm biết nhà nó ở Khâm Thiên. Sổ ra tận nơi, bắt sống ban ngày điệu về chém ở cánh đồng Tía. Cấp trên cho lệnh thi hành án chánh tổng Canh Hoạch. Ngày giỗ bố chánh tổng, Sổ giả làm đồng đi hầu. Các quan khách lũ lượt, chỉnh tề tới ăn cỗ. Đột nhiên, Sổ bước vào vùng dao bầu lia đứt cổ chánh tổng. Cái người cụt đầu máu phun, nhảy chồm chồm như con ếch - Sổ đã hiền lành cười hề hếch kể lại những câu chuyện ghê gớm như thế. Còn bây giờ thì:

- Ông ạ, tiện tay em mua vợ ít cái, chứ em ra đây cốt đòi nợ. Có một thằng ở phố Nhà Chung về chợ Đình rủ người đặt tiền mua than. Mình ngỡ nó tử tế, cũng đóng cọc một ít. Nó lặn biệt tăm. Mất không bao lâu, nhưng mà tức. Trốn thế nào được ạ, lên giới em cũng nắm căng lòi xuống. Hôm qua em ra tận nhà, tấn cho một trận lòi tù và cả nhà nó lạy như tế sao, phải nhả tiền ra trả ngay tắp lự. Kìa, mời ông chén nước sớm. Ông đi đâu lên đây?

Sổ đã cho nó một trận lòi tù và thế nào không biết, nhưng tôi hỏi:

- Nó đi lừa mà để cho người ta biết nhà à?

- Che mắt đâu được thằng du kích tám năm này? ối lại báo động...

Rồi Sổ cười hô hô.

Cục địch vận quân đội đưa Nguyễn Tuấn một tập nhật ký lấy được của một lính ngự chết ở trận Đèo Nhông tháng ba 1965. Một quyển sổ nhỏ, tôi chép lại làm tài liệu về cuộc chiến tranh muôn mặt. Trang đầu nắn nót mấy dòng: Nhật ký đời tôi (trong những ngày nghĩa vụ quân dịch, kỷ niệm một đêm mưa ở trại Trương Tân Bửu 1/8/1964 - 24/6 Giáp Thìn - Nguyễn Ích Tắc, số quân 104.229).

Tờ cuối ghi mấy trang những con số chi tiêu: Kim chỉ 3 đ. Sửa bộ quần áo vàng 80 đ. Sửa cái quần trận 30 đ. Mua một mũ vàng 45 đ. Mua cái gương đeo mắt 75 đ. Mua một ca, một muỗng 10 đ. Hai ngòem nguyên tử 16 đ. Bộ chìa khoá 20đ. Săn dây xích 15 đ. Giặt bộ áo quan 7 đ. Hớt tóc 17 đ. Kem đánh răng 10 đ. Giấy và bì 5 đ. Chụp ảnh 65 đ.

Tập nhật ký của một con người vốn làm ruộng trong làng mà thật chịu khó ghi liên từng ngày, từ hôm đi quân dịch đến ngày chết trận.

Đây là những ngày cuối cùng.

15/1 - Một đời binh ngũ, suốt đời lưng mang ba lô, vai mang khẩu súng, ngày ngày đi qua những con đường bị bắn tía đạn veo veo trên đầu, nghe mà tái nước da.

20/1 - Đi qua quán lúc 9 giờ, biết thế nào nó cũng bắn tía, lúc hai đứa chạy qua một khoảng trống bị nó bắn 6 viên. 3 viên bay dưới chân, 3 viên trên đầu, mình chạy đại vào trong một cái nhà.

24/1 - Hành quân bằng phi cơ trực thăng, tưởng đi qua Qui Nhơn ứng chiến thì cũng là đỡ khổ, có nhiều bạn mang radiô đi sửa, nhưng máy bay chỉ qua một cái eo biển và đổ lại một cái làng hiu quạnh không một bóng người. Thế là mộng về Qui Nhơn bị vỡ.

31/1 - Vừa rồi, nó bò vào ném lựu đạn, nhưng may quá, không ai bị. Thế là nằm trong nhà cả ngày đi đâu cũng không được. Như chim lồng cá chậu, ra một bước cũng sợ không biết nó bên lưng lúc nào. Đêm gác hai giờ đồng hồ xanh mặt.

31/1 - Tết đến, người ta vui vẻ đón quân còn mình sống trong tình trạng cầm trại và báo động, mình nằm ở cái trường Toàn Mỹ, đồng bào sợ tản cư hết, mình luẩn quẩn trong cái trường không dám đi ra ngoài nửa bước.

Lại một quyển nhật ký khác lấy được ở mặt trận Plâyme tháng mười 1965. Cũng chép ra sổ tay này làm tài liệu đời người. Một sinh viên quân dịch, trang in chữ Pháp, được điền vào: tên, bí danh, nghề, địa chỉ riêng, địa chỉ liên lạc, số điện thoại, khi cần báo tin cho... Đã ghi: Svsph Hoàng Quang Hiếu 151 Trần Quý Cáp, Sài Gòn, 71 Hoàng Diệu Đà Lạt. Mặt trang sau dán một ảnh người con gái tóc uốn, mặt trái xoan, gò má cao, mắt một mí, môi thườn khêu gợi, áo dài trắng. Sau tấm ảnh viết hàng chữ: Bán mình cho Mỹ! Hoàng Quang Hiếu bị chết ở Pleime khi trung đoàn 40 sư 23 của Hiếu đi tiếp viện. Có lẽ cũng vào những ngày gần tết:

17/12 - Bận rộn vì phải đặt kế hoạch hành quân ngày mai. Ban 3 chỉ có một vào những lúc như lúc này.

18/12 - ở đây gần biên giới. Dân cư ít ỏi. Vài cái quán. Vài mái nhà. Chiều chiều nhìn đàn vlt giới bay về tổ xa xa nơi chân trời, mình có một nỗi buồn day dứt.

23/12 - Có cảm tưởng rằng mọi người quên mình có mặt trên trái đất này.

24/12 - Đêm nay là Nôen. Đi săn kiếm thịt về ăn réveillon (°) (°Tiếng Pháp: bữa ăn đêm như giao thừa) được 4 con heo rừng. Cả đại đội từng bừng nhậu nhẹt. Ngủ ngon vì quá say.

25/12 - Được phép về Pleiku. Sướng quá. Lại được bạc!

26/12 - Chiều, cờ bạc lại thắng..

Chủ nhật 27/12 - Suốt ngày cờ bạc, toàn là thắng. Tối đi nhậu với Trọng, ghé Phụng Hoàng, nhảy vài bản với Quỳnh.

29/12 - Đi chơi với Trọng, đánh bạc và nhảy với Quỳnh. Pleiku ăn chơi bốn mùa chỉ có thế.

30/12 - Còn đúng 400 đ. Hôm nay không đánh bạc, ở nhà ngủ. Tối đi chơi với Trọng và Mai. Đi chơi đêm chót với chúng nó rồi mai' về rừng.

31/12 - Ngày cuối năm dương lịch. Nhưng mình cảm thấy cái buồn của một đêm trừ tịch ở một nơi xa vắng với cảnh núi rừng buồn tẻ. Trong lúc đó ở một nơi khác, thiên hạ đương mở sâm banh vui cười để từ bỏ một năm cũ, đón một năm mới. Không hiểu rồi đây đến cái ngày xum họp gia đình sắp đến của người Việt Nam, mình còn có phải hưởng cái cảnh xa vắng này nữa không? Đời nhà binh không thể nói trước được. Sau một tuần vui tạm bợ ở Pleiku, mình về đây càng thấy chán chường hơn.

Mong rằng Tết này được về thăm gia đình. Thôi già từ năm cũ và hân hoan đón tất niên.

Dĩ vãng dẹp qua một bên...

(Tập nhật ký đến đây bỏ lại hơn 50 trang giấy trắng. Một số địa chỉ ghi ở bìa sau: Nguyễn Thị Thu Thủy 23 Nhà Chung - Đà Lạt, Nguyễn Thị Oanh 58 Lê Lợi - Sài Gòn (số điện thoại ds 20011 xin 40683). Cô Bích Hảo 61 Phan Bội Châu - Huế. Cô Trang Thiên Thu 104/5 Nguyễn Thái Học - Gia Định. Chuẩn úy Trương Văn Hữu, lưu trữ bưu điện Phú Vinh, Vĩnh Bình).

ooo

Đêm nay Hà Nội lại giao thừa.

Chập tối, năm hết tết đến, vẫn loa báo động máy bay địch cách 40 ki lô mét... máy bay địch 20 ki lô mét... trong cái thành phố thương tâm bất cần đời này, cái tết mơ ước vẫn đến như từ bao nhiêu năm qua. Tối rồi, vô khối xe đạp còn hồi hả đi mua hoa - những bó hoa cúc vạn thọ vàng ri ể ẩm, người chơi hoa năm nào cũng khuôn cúc vạn thọ sau cùng.

Cả ngày ba mươi tấp nập. Trở trời, cá úi quẫy như đánh sóng trên mặt nước. ở hồ Hoàn Kiếm, hồ Bảy Mẫu, Ba Mẫu trẻ con vớt cá từng xâu. Từ gà gáy, người ừa ra ven hồ. Gậy, xiên sắt, túi, chậu... Tàng sáng, đám đông quanh hồ chen chân lẫn với công an và những người canh cá. Không ai bẻ cần câu, thu vó, đuổi người xúc, người câu ném như mọi khi. Mặt dầu, đã thành thói quen, tóm được một con cá mè ranh, trẻ con lại len lét chạy ra xa. Quanh hồ, đông đến trưa. Được cá trời cho tất niên mà, ai cũng xoa xuê, vui vui. Rồi từ từ đêm giao thừa về. Hai cô bé tóc buông xoã vừa đi vừa hát ven hồ. Mùa xuân đã trở lại sao? Nửa đêm, người đi chơi đổ ra đông như hội. Trời rét cóng mà các quán bia hơi, bia chai sáng đèn suốt đêm. Mặt bàn lênh láng bia như tuyết tan. Nhiều người nước ngoài lẫn lộn giữa đám đông. Những người Cu Ba da màu vừa nhảy múa vừa vỗ trống. Có thể, họ là bộ đội pháo cao xạ hay tên lửa rời trận địa ra, vui nhộn đến thế. Hôm cuối năm, đi tảo mộ ở Văn Điển trông thấy sáu ngôi mộ xây, để tên các liệt sĩ Cu Ba.

Uống bia trước ga Hàng Cỏ. Những chuyến tàu cuối cùng lúc chập tối đã tải hết những đoàn người về

quê ăn tết, hôm qua hôm kia còn nằm ngồi chờ đợi chồng đồng các phố quanh đây tường chừng không thể với đi được. Thế nhưng trong nhà ga vẫn nhốn nháo người, những cô hồn lang thang và gái điếm không biết có giao thừa. à cái lão Vinh làm vườn và quét vôi bệnh viện ở độc thân trong ngõ phố vẫn giặt xi líp, nịt vú cho bọn này đây. Buồng lão, từ gầm giường ra, lổn nhốn bỏ ỉa đái và bột màu quét tường lấy cặp ở cơ quan. Trên dây dợ chẳng ngang dọc khắp nhà phơi những miếng quần xanh đỏ gồm chết của gái làng chơi. Ai mạnh mẽ cho lão già cái việc kiếm tiền khốn nạn ấy. Lão một thân một mình, đến nỗi nào. Hôm đến kiểm tra, hỏi lão, lão ngồi câm như thóc. Người ta nói như đùa không phải lão Vinh túng túng bán dàu, lão phải gió ấy nghiện hơi đồ lót của đàn bà.

Có lẽ đêm nay yên. Trên sân ga, mấy con đi rồi hơi lại say rượu đương cong cớn tranh nhau xia xói, kể lẽ mắng tưởng tượng cái thằng giặc lái Mỹ đứng trước mặt. Quân chó má kia, mày đã cản trộm quanh năm rồi, cũng phải nghỉ bom cho người ta thông thả nuốt được cái Tết chứ. Xung quanh, đèn thành phố vẫn tù mù thế, mà như tươi tỉnh hẳn. Mới chiều qua, máy bay vun vút lao vào như những con cá chuối bay. Hơi bom phần phật rung cửa hầm, tiếng súng và tên lửa khạc rền rĩ. Người dồn vào quán bán bia. ở Hàng Khay đông ních. Dân bợm bia thấy trú ẩn ở chỗ nhà bia an toàn quá. Có hơi bia, coi thằng đánh bom là cái đinh? Mãi chập tối còn nổ ầm ầm, hàng bia phía Tràng Thi đã lên cái đèn dầu lom đom. Những vại bia và mặt người không biết mờ hơi hay hơi bia nhể nhại.

Các nhà ở đầu cầu Long Biên hàng ngày chạy xuống phố Huế ẩn bị ăn bom dưới ấy. Nhưng mới bị hôm qua, bây giờ đi qua phố Huế đã khó nhận ra cảnh tàn phá thế nào giữa cái phố lúc nhúc những nhà những người.

Cây xà cừ mới trồng còn khoanh đất đỏ trên vỉa hè cháy chết đứng. Mặt đường nhựa lổ chỗ, nham nhở lất bom bi. Cột đèn và đường ray xe điện bật lên oằn queo vô đồ. Một ngôi nhà ba tầng đổ ụp căn chân tường thành một gò vôi gạch, mảnh xi măng. Cả phòng thương nghiệp, phòng giáo dục khu và lão cà phê Hoà chết vùi trong đồng vụn vỡ ấy. Lão Hoà từ ngày vào làm mậu dịch đứng bán giải khát ở quán Gió ngoài công viên. Tự dưng xin về phòng làm chân chạy giấy cho nhàn. Tội nghiệp, đâm ra chết! Những bó hương vẫn nghi ngút, mùi hương, mùi long não dầu xả vừa nhức mũi vừa lạnh lẽo hơi đám ma. Nhiều người còn đương dỡ những tảng vôi gạch hoen máu đen sạm. Sau vì tường đổ, nhà hai bên phố vẫn hầu như mọi khi. Trẻ con đùa nhau ngoài vỉa hè. Cửa hàng chữa đồng hồ lấp lánh ánh điện dưới cái chao đèn ụp. Một ông lão gầy leo kheo đeo kính ngồi trên gác đọc sách trong cái cửa sổ toang hoác đã bằng mắt cả hai cánh. Tôi ngồi vào ghế ông cắt tóc. Cái đinh treo mảnh gương lên gốc cây sữa. Câu chuyện rả rích trong tiếng kéo tí tách. Bình tĩnh, bình tĩnh, ông nhỉ? Bom xuống đâu thì đấy bị, phải không ông?

Tôi biết đáp lại thế nào là phải cái triết lý ông thợ cúp cứ sống sờ sờ nhân tiền quanh đây. Quảng phố phải bom như con thần lẩn bị cụp đuôi. Xưởng tiện - bên kia lại mới xe về một đồng vỏ phuy ét xăng dầu nhờn, chẳng khác những quả bom tạ, bom tấn chưa nổ. Nhưng đấy là những thùng xăng phụ máy bay đeo ngoài cánh. Trong nhà, bàn tiện quay xè xè. Những miếng duy ra vỏ thùng được cắt khéo thành cái lược, hình tháp Rùa, chùa Một Cột - công nghệ tặng phẩm đem kỷ niệm khách nước ngoài làm bằng xác máy bay địch. Ngay ngã tư, các chợ cóc vẫn la liệt những chậu rau muống chẻ ngâm nước, những thùng cua đồng

chất đất cho nặng cân ở ngoài ô vừa vào. Trên thùng chiếc xe tải mới đổ, các ông tài ông ết dỡ củi xuống chất làm bếp thổi cơm chiều ngay trước hè ngôi nhà đổ. Đằng kia lại có hàng bia mới mở, trên những thùng bia chất như lợn con căng lên cái dù ni lông đỏ - như bãi biển Sầm Sơn mọc giữa thành phố - dù đỏ ấy của máy bay Mỹ thả quân dụng và biệt kích. Những bối rối trước mắt, không biết đương trận mạc hay đương bình thường, lộn xộn cái buồn thảm với cái cười. Cửa trong bán rượu, người xúm đông như ngoài hè bán bia. Rượu phiếu, mỗi người được mua nửa lít. Tay đưa phiếu kèm tiền ẩn qua cái lỗ vuông, bàn chân sắp hàng nhích dần vào với cái túi xách đen nhem ấy là chân người mua và túi đựng chai rượu - những khuôn mặt bực rự, lìm lìm. Mấy chú tí nhau và những ông Tàu dõm bán lạc ngọt, lạc mặn trước hàng bia đã kéo đến, đương tranh nhau chỗ ngồi. Cái thùng sắt tây đựng lạc treo trước ngực như chiếc đàn phong cầm - phong cầm lạc rang. Ông Tàu bán phá xa mặt nghiêm như Tưởng Giới Thạch, bộ ria quai nón, đầu quả táo, bắp tay rám đen, chỉ cái dáng ấy cũng toả ra sự kiên nhẫn chịu đựng của con người. Nắng hoe hoe đã tắt trên ngọn cây sữa, tiếng loa trong cái thùng bằng tôn úp treo trên giữa lòng đường... máy bay địch cách... rồi còi báo động lại vi vút từng đợt dài... Nhưng quanh chỗ phố Huế mới bị bom, mọi sự hồ như thản nhiên.

Suốt hôm qua, hôm kia - đã bốn hôm, máy bay vào quấy đảo loạn trời. Chiều, đánh sân bay Nội Bài, sáng sớm lại bom lại. Cầu Long Biên gãy ba nhịp từ phía Gia Lâm sang. Đòn hiểm, địch diệt những nhịp cầu giữa luồng nước sâu. Nhưng ngay trong đêm, đường sắt được chữa lại, những dòng cầu gãy như mái che vẫn để nguyên chỉ vừa lỗ cho con tàu chui qua. Thoáng thấy, tưởng cầu sụp thật thì những đoàn tàu chở khách và chở súng cao xạ, tên lửa vẫn chạy suốt đêm. Cái cầu giả chết lúc nào cũng như ngái ngủ. Bom bi như mưa rơi xuống phố Mới, phố Hàng Vôi, cửa đền bà Kiệu. Hai đứa trẻ núp trên cành đa cạnh đền, bom bi nổ móc lòi ruột. Những phát tên lửa pun pốp thuốn chảy thép lao xuống cạnh chỗ rửa rau vo gạo buổi chiều phố Trần Quốc Toàn, phố Lý Quốc Sư. Vòi nước vẫn ri rỉ chảy, rá gạo và những bó rau muống chờ vợ không có người. Trong làng Giá, hôm nay Sửu nhập ngũ. Nó đeo theo cái giỏ, trong có mảnh ni lông xanh, túi bút và hộp thuốc màu. Ba hôm, xóm giếng họ hàng tới chơi. Bố Sửu trải thêm cái chiếu ngoài hiên, đặt rổ giầu vỏ ra đấy. Hôm qua đem phiếu đến cửa hàng mật địch lấy hai cân thịt, đặt một cỗ lòng. Hai vò rượu cất bên Sầu đem sang. Một mâm tiên thường mời các cụ dưới âm về tiễn cháu, người trên trần thì đánh chén tới khuya. Hôm nay giết hai gà, mâm cúng trên bàn thờ và đặt cả ngoài cây hương.

Hội trường giao quân ở sân phơi hợp tác. Người các xóm kéo đến từ sáng. Mấy chõng hàng nước chè tươi, thuốc lá cuốn đã bày ra. Cả huyện lấy con số tròn năm trăm. Thêm mười lăm nữ tình nguyện. Mỗi đám bước ra, những vòng người hai bên hô hô nói: Đi nhé? Đi mạnh khoẻ nhé! Đi dăm bảy tháng thống nhất thì về nhé. Những chú lính mới bước nhanh như lướt. Có người đeo sẵn hai cái bu trong để viên gạch chỉ đem đến nơi tập đeo vác vượt Trường Sơn. Đi qua rồi quay lại nói to: Nào đi xẻo ít thịt Mỹ về xào. Đám con gái cười ré lên: Không ăn đâu, không ăn đâu.

- Chỉ đợt này nữa đến thống nhất thôi.

- Xem khí thế vui lắm, cơ chừng xong đến nơi.

- Lạy giời...

Mít tinh chấp tối, đoàn tân binh đi luôn trong đêm trăng.

Trận địa 57 đầu bãi Nghĩa Dũng. Mười khẩu cao xạ 57 bóng nhoáng lổ chỗ như đầu rắn mai gầm. Phía này cản đòn cho nhà máy Yên Phụ và cầu Long Biên. Trên bờ đê cao, trông xuống sông Hồng cát bay mờ mờ. Nhà máy điện xám đen lồng vào những nhịp cầu đan thành mảnh như nan bu trên lùm cây sà cừ. Con mắt thần ra đa quay ì giữa những luống hoa cắm chướng xung quanh cắm miếng kền xác máy bay - để gà khỏi vào bới. Báo động, lại báo động. Tất cả vụt vào vị trí. Số 4 tính góc phần tử, máy bay nhào sau hai giây cho lệnh bắn. Chỉ cần một viên đạn, nếu mọi bộ phận điều hoà đúng. Nhưng rồi lại báo yên. Hôm qua, địch thả bom xuống trận địa này, bụi còn bám mù mịt. Hai con bò của đại đội gặm cỏ trong bãi trúng bom bi. Ngà thịt ăn không hết, phải đem ra chợ Châu Long bán bớt. Cấp tốc sơ tán 18 con lợn ra vệ đê. Chỉ riêng đàn gà của mỗi khẩu đội chẳng biết thế nào là sống chết, vùn túc tích quanh quẩn ra vào bên cỗ pháo. Đến lúc bom nổ tối mắt, những con nhép ấy mới biết sợ, chui vào cỏ nằm im phắc.

Trận địa súng cỡ 37 thì lệnh đèn giữa hồ Tây, chỗ chùa Trấn Quốc trông ra. Những thùng đựng tên lửa đã khéo kết thành nền bè phao, lát phen nửa. Tám khẩu 37 xếp hàng đôi dọc bè. Sóng oàm oạp rung rinh đầu súng. Mép bè, những máng vầu đựng đất trồng viền những luống hoa bóng nước rực rỡ hồng. Các chiến sĩ trực chiến đứng giữa hồ trông vào đường Cổ Ngư. Trong ấy, loáng thoáng người ngồi bàn ăn bánh tôm dưới gốc đa. Chập tối, vòng đạp xe của tôi kết thúc cuộc thăm các trận địa quanh Hà Nội về đến ngõ Văn Chương, trong ấy cũng đóng một đơn vị bảo vệ ga Hàng Cỏ. Tiếng chó con lắc rắc sữa hoàng hôn như ở trong làng. Trẻ con lấp ló đầu nhà ngó xem người đi qua. Đại đội 6 này đã bắn rơi chiếc F 105. Thắng thiếu tá phi công Sácơ phải nhảy dù xuống tràn than ngay trong tường nhà máy điện Yên Phụ. Bên kia mặt hồ, nhà ga Hàng Cỏ sáng trưng một vẻ không bình thường, giữa một vùng tối om. Tiếng còi tàu, trong khói hơi nước phụt phụt trắng bông. Những con tàu cả ngày chui lủi đầu bây giờ lừ lừ vào ga, bắt đầu đêm hoạt động. Ngoài đường Khâm Thiên ồn ào như chợ. Tưởng như chẳng ai để ý sau lưng bức tường, có những nòng cao xạ vươn đầu lên.

Nhà máy điện Yên Phụ đằng kia, nghe tiếng máy chạy rền rền, ngày đêm bụi than tuôn ra bám đen kịt những cành cây cơm nguội cổ thụ hai bên hè phố, từ thuở tôi cắp cặp đi học trường tiểu học Yên Phụ.

Thế mà cái nhà máy cổ lỗ này đã chịu mỗi ngày vài đợt bom, không biết bao nhiêu trận dòng dãi. Cái nồi súp de lò hơi, quả tim của nhà máy phía tường trường Yên Thành được bọc đất thó quần rơm như cái áo giáp kỳ quái giữa những hố bom toang hoác thành từng vũng nước ao chuôm. Thế mà chưa một lần lò bị bom. Nhưng ngôi chùa Am bên kia đường, hơi bom đã đánh đổ sập. Quán hàng nước chè tươi trước cửa chùa, thợ nhà máy sớm nào cũng ghé uống bát nước ngon, cả ông hàng nước cùng bay mất tích. Suốt ngày đêm, than được chở vào nhà máy, lúc ô-tô tải, lúc xe trâu kéo. Một dãy người đứng sàng, đổ than lên đường máng đưa vào lò. Các chị sàng than đi giày vải, chít khăn đen chỉ hé hai con mắt, như cô gái Thủy Nguyên kín mít khăn vuông. Cái cột xi măng tròn sừng sững giữa nhà. Lúc còi báo động, mọi người ôm cột tụt xuống. Người leo cả ngày những cái cột đã lên nước bồ hóng đen nhoáng.

Báo động máy bay cách 30 cây số, công nhân trên gác xuống cả tầng dưới. Chỉ còn ba người đã được phân công bám máy. Chết cũng đứng đấy với mỗi một chiếc đồng hồ đo áp suất trơn trượt. Nóc nhà máy chính thùng đạn nham nhở như cái áo tơi rách. Két nước băng mất từ lâu không còn nước trữ, công nhân phải bắc vòi cao su và gánh nước suốt đêm lên. Nhưng sau cái ống khói đen sì vẫn sừng sững. Một ống khói bị quẹo nghiêng như sắp khoác vai ống kia. Cái tuyết bin trên tầng và nôi hơi dưới nằm lợt thỏm trong những lớp rơm nhồi bùn, cao như những gò đất. Miếng bảng đồng gắn trên tuyết bin, tựa con rùa thò cổ trong đồng bùn ra có chữ đề công ty Derlikon Thụy Sĩ 1920. Cổ máy cái của nhà máy điện đã già ngoài nửa thế kỷ rồi. Không thể tưởng tượng được biết bao đơn giản đến thế nào. Nhưng cũng ở nhà máy hiện ngang này lại có cán bộ tài vụ dính vào vụ án tụt tập xem tấp lô ở góc phố Cầu Gỗ. Có phải vì thế mà nhà máy chưa được phong anh hùng. Ba hôm liền, tòa án xử phúc thẩm mấy vụ. Còi báo động nổi lên, không ai chạy ra hầm. Bởi vì tòa nhà xử án của thời Tây để lại, kiên cố hơn hầm trú ẩn nổi hay cái lỗ phòng không cá nhân ngoài kia chẳng. Trưởng ban khối phố, tôi được mời dự. Thành phố muốn cho cán bộ cơ sở biết những tệ nạn xảy ra trong lúc bom đạn để về xem lại an ninh trật tự ở phố mình.

Có một người đàn bà thường ngày bán vé số số ở vỉa hè phố Huế. Chịu không đoán được hạng người thế nào. Chưa hẳn nạ dòng, cũng không còn trẻ. Vẻ hơi quê, nhưng có lẽ cũng ra phố ở đã lâu. Chiếc áo cánh lụa mớ gà cổ và gấu viền đăng ten. Tóc búi, đôi mắt lá dăm đưa đẩy trên những câu thưa gửi chợ búa ngọt xớt. Nhưng đến lúc nghe ông công tố đọc cáo trạng thì những đoán mò của tôi đều quá hiền lành và vu vơ. ả nọ có trong tay 36 cái chìa khoá của 36 cái nhà, cái buồng. Những chùm chìa khoá làm chứng được đặt loảng xoảng trên bàn chánh án. ả đã thuê lại từng giờ những cái nhà, cái buồng vắng người để làm nhà thổ. Thế là ả có 36 buồng trong tay của những người đi làm theo giờ, của người sơ tán, của người độc thân nghèo túng chịu khó vắng nhà một vài giờ lấy ít tiền tiêu.

Còn khoé làm tiền khác nữa. ả đóng vai người mẫu cho bố con một ông chụp ảnh tài tử. Những tấm ảnh cũng được bày chỗ tang vật cạnh vành móng ngựa. ả làm tình với con thì bố chụp, với bố thì con chụp. Các kiểu. Đám lông trên mu được khuếch lên thành một gò cỏ đậm nhạt thơ mộng. Có cái ngậm chiếc tẩu nghi ngút khói, lông xùm xoè như anh chàng râu na quái dị hút thuốc. Lại một đám ăn chơi khác. Đám này có công ăn việc làm đàng hoàng, người thì xã viên tổ mì sợi người làm thợ máy, người tài vụ kế toán. Người nào cũng đến cơ quan và nơi làm việc giờ giấc tử tế. Nhưng tan tầm thì không ai biết ai thế nào. Tối tối, họ tụ bạ trên cái gác ba một toà nhà giữa thành phố mới bị trưng dụng, chủ nhà còn được ở một buồng nhưng bỏ không. Chùm trò là một lão đã đứng tuổi như lão Văn Hiến ở với chúng tôi trên Việt Bắc, trước kia đã từng ở Pari - lão khoe thế. Tôi tin là thực, khi nhớ đến ông Hiến rách rưới, lúc nào cũng đói nhưng đã từng đàn đúm ở xóm ăn chơi Môngmac. Lão Văn Hiến này làm bảo quản phòng máy một trường đại học. Mỗi lần ngồi cả đám, bọn đàn em cứ cong cổ, cong mắt nghe đại ca đấu hót chẳng biết thật hay bịa về những truy hoan ban đêm xóm Môngmac thủ đô hoa lệ nhất thế giới chứ tép riu đầu như cái Hà Nội nhà quê này. Rồi xoắn na lên lão gật gù: Tao bây giờ có trần ai đến thế nào cũng là mãn kiếp, chỉ thương các chú mày đầu xanh tuổi trẻ chưa được ngửi cái mùi mẹ già!.

Sau đó cả bọn tà tà kéo nhau đi săn bò lạc. Chúng nó rà rầm đến bến Nứa, bến Kim Mã, Kim Liên, ga

Hàng Cỏ hóng những người nhờ tàu nhờ xe. Đường thời chiến, thành phố lấy đêm thay ngày, bến bãi quán xá đâu đâu cũng bẽ bộn, ngổn ngang người cơ nhờ. Chúng nó tán tỉnh đèo về được những cô gái không may đương ngần ngợ tìm chỗ trọ. Nhiều cô bị lừa tưởng chúng tử tế cho nghỉ nhờ đã ra toà kể tội bọn chó đéo: Những cô sinh viên trường sơ tán tận Lục Ba, Ký Phú, Mai Sui, Biển Động, những chị công nhân nhà máy đã di chuyển đi tỉnh khác.

Người dự phiên toà được đi tham quan cái tổ quỷ ấy. Trên gác ba, trong một phòng trần trụi, giữa trái một chiếc chiếu. Rải rác, những vỏ bao 3 số như vô tình vứt đâu đấy quanh một cái vại da lươn. Tàn thuốc lá gạt vào trong vại đã cao có ngọn, nhấp nhô như núi non bộ. Góc phòng kê một quầy gỗ giả làm chỗ uống đứng trong quán giải khát. ở giá trên tường bày một loạt chai uýt ky, chai vang nguyên nhãn, cả nút. Nhưng trong đựng nước lã. Những chuyện ăn chơi nghiêng trời được kể lại bên những vỏ chuối lá, cái núi tàn thuốc trong vại và những vỏ chai rượu đất tiền. Để tưởng tượng ra những phá phách thú vị mà đêm nào lão Paridiêng nọ cũng ghéech ria lên kể. Còn những bí mật nữa trong phòng này. Mặt vách trang trí ghép những cây trúc hun khói màu ngà. Giữa mép trúc, mép tường được đục những lỗ chỉ ti hí bằng lỗ khoá cho người đứng ngoài nhòm vào xem tấp lô. ở trong, một gã đương gạ gẫm cô nghỉ nhờ, rồi được bằng lòng hay phải cưỡng hiếp ra sao, tất tấp lọt ra những con mắt dán vào cả chục cái lỗ ấy. Hôm sau chúng nó ngồi cãi nhau, phong chức và cá cược xem đứa nào giỏi hơn đứa nào.

Lại một vụ xử trấn lột, toà dưới làm án nhẹ, phải xử lại. ấy là một bọn cứ chập tối đến châu chực cửa rạp Tháng Tám - cả những đêm báo động. Đã lâu, theo lệnh phòng không thành phố, rạp đóng cửa, nhưng cái vỉa hè ngã tư ấy như thói quen, người dừng lại vẫn đông. Một người đạp xe qua. Một đứa chạy ra, tót lên sau xe, vừa ngồi vừa nói khê: Nhờ một quãng xuống cuối phố nhé? Nhưng vừa qua khuất bóng cây sấu rậm rì, người đạp xe chưa kịp quát hắt nó xuống đã cảm thấy lạnh toát mũi dao thích vào sườn và một tiếng rít nho nhỏ. - Rẽ đằng này! Rẽ đằng này? Mũi dao nhói vừa đủ khiến cho người ngồi trước run rẩy đạp theo lệnh. Đường phố hai bên vẫn nhộn nhịp hơn bình thường. Ai cũng đoán vu vơ là máy bay Mỹ nghỉ đánh lúc chập tối để giặc lái còn ăn cơm, người ta đổ ra đường tấp nập. Đến một chỗ bóng cây tối đen. Đứng lại! Thằng cướp đường nhảy xuống. Mũi dao sáng loáng chĩa ra. Thế là, cái đồng hồ, cái phu la, cái áo len, ví tiền, đôi giày cũng bị lột cả bít tất. Thằng trấn ôm bọc đồ quay lại cửa rạp, cả bọn đã đợi. Chỉ ra đến Bờ Hồ mọi thứ đã bán xong. Rồi kéo nhau lên quán cạnh rạp Kim Phụng đánh chén. Hôm nào hết không được món nào cũng cứ đànng hoành sà vào hàng phở, mì vằn thắn, gọi rượu. Chè chén xong cặp dít đi ra. Các hàng quán bị xúi quẩy này đã thuộc mặt từng đứa. Không dám đòi tiền, cũng không dám báo công an hay mách các hàng bên. Bởi chỉ khác mặt, thì cửa kính, mâm bát và cả ông chủ được xơi gạch củ đậu ngay. ở ngõ hàng Giầy, một chủ quán phở chua đã bị một lần ăn gạch vỡ trán, sợ quá, phải đóng cửa hàng.

Toà tuyên án tử hình tên cầm đầu bằng trấn hai mươi một tuổi. Cả phòng xử lặng im. Nghe tiếng khóc thút thít ở hàng ghế nào. Luật nghiêm thời chiến có khác.

Cũng tiếc ngày ấy tôi không quen cái huyện trung du ven sông Hồng nọ để được về ăn uống lu bù ở cái nhà khách huyện mà chỉ nghe ở phiên toà cũng cảm thấy nơi nghỉ ngơi này dễ chịu chẳng kém khách sạn ở Hà Nội. Bây giờ thì bí thư huyện ngồi án tù 18 năm rồi. Tôi chắc cũng chỉ đến giường lùn kiểu Đức, bàn ăn

trải khăn hoa... nhưng quả là nó càng rực rỡ linh đình trong lúc bàn dân thiên hạ nháo nhào chạy máy bay. Tài liệu ở cáo trạng thì cái huyện ấy như một quốc gia nhỏ. Hai mươi tư chủ tịch hai mươi tư xã. Bí thư huyện trước kia ở làng, vốn là tay cứ mỗi năm đến vụ nông nhàn thì đi buôn gà Bắc Giang về bán chợ Đồng Xuân. Bí thư cựu lái buôn này lắm mưu mẹo đã gọi các chủ tịch, bí thư xã lên cắt tiết gà uống máu ăn thề, làm kế hoạch mỗi xã hàng năm dựng lên công trường thuỷ lợi, ghi con số ma dân công để lĩnh tiền nhà nước. Lăn lợt các chủ tịch, bí thư xã đều xây nhà. Các ngành các giới lên huyện họp được cấp tiền ăn như ăn cỗ gấp mười tiêu chuẩn. Chánh văn phòng giữ sổ sách, chủ tịch, bí thư huyện, cả ban thường vụ không hề biết mặt đồng tiền lương. Kho bạc nhà nước như chĩnh gạo trong nhà. Ai cũng ngáp miệng, cán bộ cả huyện, cả các xã ngậm tằm.

Đến khi phải bắt đi tù vẫn cả huyện uỷ, uỷ ban, thì hàng huyện mới ngã ngựa ra. Trong ban chấp hành chỉ có một đảng viên nữ không dính, bởi sợ nhưng cũng không dám nói ra.

Một hôm, có chiếc máy bay bị tên lửa bắn rơi trên đê. Thăng lái nhảy dù xuống cánh đồng chui vào ruộng ngô, mở điện đài gọi cấp cứu. Một tốp nữ dân quân núp giao thông hào trong xóm xô ra bắn đám máy bay lên thẳng vừa ập đến cứu nhưng chỉ quần đảo trên đầu, không dám bom, cũng không dám thả thang. Cô dân quân đội mũ cát quai ghì dưới cằm, gí mũi khẩu súng trường vào sườn thẳng giặc lái. Cô thấp bé, thẳng tù binh gầy, cao lêu đêu. Bức ảnh oai hùng ấy được truyền đi khắp thế giới. Những con người dũng cảm như thế, như thế, thời chiến, thời chiến mà. ở ngay cái huyện đương hỗn loạn coi trời bằng vung ấy đấy.

Vừa lên đèn, lại một toán giặc lái được dẫn từ sau lưng Nhà hát Lớn ra đi qua phố Tràng Tiền, Tràng Thi xuống Cửa Nam, về Hoả Lò. Năm mươi hai người xếp hàng đôi, áo bà ba xám nhòe, chân đi dép râu, thông thả, mệt mỏi. Cách quãng, một bộ đội kèm. Không lo tù binh chạy, mà đề phòng đám đông hai bên đường xô xuống đánh. ở ngã tư đầu Tràng Tiền, người nhốn nháo giơ tay hô đả đảo đế quốc Mỹ, đả đảo giặc Mỹ? Đến phố Tràng Thi, đám đông càng hò hét loạn xạ. Máy người nhảy ra thui bừa một quả rồi lại chạy vào. Có một bà nạ dòng vào đến hè, cười nắc nẻ: cái gáy thẳng Mỹ nát nhẽo, đâm ghê cả tay! Những bộ đội giải tù chạy lên chạy xuống cản người ừa ra. Không để ý cả tiếng còi báo động trên nóc Nhà hát Lớn đã lại rú lên. Chúng tôi ở cửa hàng Tràng Thi cầm vai bia đứng trông ra đám người túi bụi. Lại một bà phốp pháp tất tả dưới đường lên, tay còn giơ nắm đấm, cười hơ hớ: Cái thẳng Mỹ hộ pháp thế mà bụng nó toàn thịt mỡ bạc nhạc.

Đêm Nôen năm nay lại vào Hoả Lò chơi với tù binh lái. Âu cũng thêm một phong tục thời chiến, Nôen Tết tù binh. Thói quen người Mỹ, bữa ăn thịnh soạn nửa đêm nhà nào cũng có món thịt gà tây - như ta tết ông táo cúng cá chép. Thời Pháp, người Tây đã đem gà tây giống sang, nhưng thô và gà tây chưa thành món quen như gà thiến, gà ta... Không mấy ai nuôi gà tây. Con gà đốm đen, mào đỏ, người đến gần thì cau có, xoã cánh chìa đuôi kêu cộ cộ. Thế mà những năm ấy, nhiều làng hai bên sông Đống, các hợp tác xã đã chuyển ruộng cho xóm khác, chỉ chuyên nuôi gà tây. Đến áp Nôen, hàng đoàn xe tải biển đỏ của quân đội về lấy gà, đem ra cho tù binh Mỹ ăn tết.

Cả hai cuộc kháng chiến, tôi đã gặp nhiều tù binh Pháp, Mỹ sĩ quan các cấp úy, tá. Trong chiến dịch biên giới phía bắc 1950, ở châu Bắc Sơn Lạng Sơn, Nam Cao và tôi đã trò chuyện với tù binh Pháp, đám quân quan thua trận của các binh đoàn Sác Tông và Lơ pa bị bắt trên đường số 4. Đông quá không đủ lán trại, phải lùa cả vào các khe đồi hốc đá. Có đứa khát nước hay khát rượu, nằm rống lên một lúc, rồi thắt cổ. Có đứa phơi lá duối khô nhét vào ống đu đủ làm thuốc lá hút phì phèo tiêu sầu. Bước chân phiêu lưu vào lính, coi như đã cầm cái chết trong tay, người lính binh đoàn Tabo lê dương chỉ còn biết nốc rượu và giết người. Một lần kia, gã da đen gác cửa khách sạn Kônisốp ở Bon, nước Cộng hoà Liên Bang Đức, tên là Rimi người Ma rốc quê ở Casablanca. Rimi hỏi tôi:

- Thưa ông về Hà Nội?

- Phải.

- Tôi xin nhờ ông một việc.

- Việc gì?

- Ông tôi là Rimi Idri, đi lính Pháp sang đánh nhau bên Đông Dương năm 1949, mấy chục năm nay gia đình chúng tôi không được tin tức. Thưa ông, nếu ông có khi nào gặp ông tôi...

Có thể người lính da đen quê ở Casablanca ấy đã đăng lính trong những binh đoàn Tabo bị tiêu diệt, bị bắt sống rồi chết trên rừng núi Lạng Sơn. Dễ thường tôi cũng đã gặp ông nội Rimi hay đã trông thấy năm mồ ông nội nó ở Bắc Sơn. Nhưng lính Mỹ khác hẳn bọn lính Pháp loang toàng bạt mạng. Người lính Mỹ nào cũng từa tựa nhau. Trước cái chết có thể và sự giết người, nhưng mỗi người Mỹ đăng lính đều đã tính toán thành con số. Lương chính, phụ cấp chiến trường gửi nhà bằng tỉnh quê. ăn uống hàng ngày và chi tiêu bằng tiền thưởng, sổ ghi cẩn thận. Không xem báo, chỉ đôi khi đọc truyện trinh thám, đi câu và đi săn. Hết ba năm mãn lính, dành dụm làm sao gom đủ tiền mở được một cửa hiệu trong thị trấn hay tậu một trang trại nhỏ và một đàn bò. Những cái tính cộng trong túi mỗi người đại để thế, bởi vì đi lính kiếm đồng tiền nhanh hơn nhiều nghề lao động khác.

Nhà Hoả Lò, vẫn căn phòng mọi lần, có một chậu cảnh trồng một cây xương rồng châu Phi, cao bằng chiếc đĩa cả, giống xương rồng ông của ta. Một lát, chiếc xe Jeep dít vuông che bạt kín vào sân. Bạt sau mở, một tù lái bước xuống sau người lính. Tôi ngờ người tù binh nọ vẫn ở trong Hoả Lò này. Các ông quản giáo cho bật kín xe, đi loanh quanh một lúc rồi quay về. Tôi ngờ người tù binh biết như thế. Tuy không trông thấy và xe đi qua nhiều nơi mới đến, nhưng những tiếng động ở đây vẫn quen thuộc: tiếng phát thanh ở cái đài ngoài sân, con vạc, con chim lợn kêu đêm bay qua. Sau này, đọc phóng sự Trận tập kích Sơn Tây của một phóng viên Mỹ viết tôi càng tin thế. Người phi công Mỹ nào cũng được học các mật hiệu, nếu bị bắt giam, có thể làm dấu cho máy bay bay qua biết được.

Chuẩn úy Giôn 26 tuổi, chưa vợ, người bang Ôhiô. Bố mẹ chết tai nạn ô-tô. Hai em ở trại cứu tế. Lái A4, bị đạn cao xạ. Thoát ra biển cách bờ khoảng hai cây số phải nhảy dù ngoài khơi Hà Tĩnh, tháng ba

1966. Hàng không mẫu hạm đậu ngoài biển Đông, Giôn chưa đặt chân xuống Việt Nam lần nào. Hai mươi lần đi ném bom, tám trận ra đánh miền Bắc. Đã được đi nghỉ ở Nagasaki, ở Manila, ở Băng Cốc.

Chúng tôi và người phiên dịch, với Giôn ngồi quanh chiếc bàn nhỏ, trên đặt gói thuốc lá Thủ đô bao bạc và một đĩa kẹo. Chiếc ghế đầu của thằng tù thấp - không được ghế mây như khách, mà Giôn vẫn cao lêu đêu ngang chúng tôi.

Tôi rơi xuống nước, thả phao nổi bơi được ngay. Thế mà, không biết vướng vào đâu, một bên đầu gối sái không cựa được. Tôi chưa kịp mở điện đài. Nhìn ra, thuyền và súng đã vây quanh. Bị bắt hơn một tháng, thừa các ông, lúc nào tôi cũng thèm thịt bò. Thèm mãi không có rồi quên đi. Bây giờ, đã hơn ba năm, ba năm hai tháng, một ngày rồi.

(Chiếc áo tay rộng ông màu lá cối. Số 31 in trước ngực và lưng áo. Dạo có những cuộc trao trả tù binh ở sân bay Gia Lâm, tôi đã trông thấy những tù binh phi công Mỹ đội nón lá, cổ đeo chuỗi hạt gạo bằng mắt tre, gộc tre, trong cái túi lưới đeo vai đựng bộ quần áo cánh có số và đôi dép râu, hết quần áo và dép của chuẩn úy Giôn. Họ xin được đem những kỷ niệm ấy về xứ). Chuẩn úy Giôn này lắc cắc, nhanh nhẩu, không ủ rũ, mệt mỏi (như thiếu tá tù binh Mác Tuên năm ngoái gặp cũng ở phòng này).

Lúc ấy khoảng hai giờ trưa. Lên bờ, tôi được cởi trói, mô tô đèo tôi một quãng rồi xe camiong đem đi. Một mình tôi trong thùng xe, với một người gác. Cảm giác đầu tiên: thế là cuộc đời đánh dấu chấm hết. Nhưng đến chập tối, được khai giấy tờ, có bác sĩ đến khám, cho thuốc mỡ bôi cái đầu gối sưng, tôi thoáng nghĩ tôi đương chờ đợi cái gì, cái gì không rõ, nhưng không phải cái chết.

Cho đến hôm nay, tôi còn sống, thế là tốt. Và cái tôi chờ đợi đã rõ. Tôi hy vọng một ngày kia được trở về. Bằng cách nào? Chỉ có Thượng Đế biết được. Còn tôi, tôi cầu mong chính phủ Mỹ suy xét lại về cuộc chiến tranh này. Hai bên thương lượng, cuộc đổ máu sẽ đi vào quá khứ. Nhưng bây giờ thì tôi đương ở trong tay các ông. Tôi được sống hay tôi phải chết, không phải do tôi. (Giôn thở dài rồi chép miệng. Giôn hay thở dài như lấy hơi rồi chép miệng. Giôn lực lưỡng, cao lớn. Tôi nhớ năm 1944 hai mươi năm trước một phi công Mỹ lái máy bay hai thân đến ném bom ga xe lửa thành phố Vinh bị Nhật bắn rơi. Tôi trông thấy người lính Nhật giải tù binh vừa bị bắt sống qua trước ga Vinh mới phải bom sập còn khói nghi ngút. Người tù binh lênh khênh, hai cánh tay bị trói giật sau lưng, người lính Nhật cầm cái thừng dắt đi. Miệng người tù binh Mỹ há hốc, máu đỏ lôm chảy ròn ròn hai bên mép. Không biết bị đánh gãy hết răng hay nhảy dù ngã).

Thưa ông vâng, hoà bình, tôi được trở về. Tôi sẽ được tha.

(áo bà ba của Giôn rộng thùng thình, nhưng không có túi. Nguyễn Tuân cầm bao Thủ đô, kéo một điều ra mời. Giôn cảm ơn. Cầm bao diêm Nguyễn Tuân đưa, Giôn rút một que đánh. Nhưng đã thó nhanh hai que diêm khác, cong ngón tay, gảy vào giấu trong ống tay áo. Tôi trông thấy).

Chính phủ Giônxon đương điều đình với các ông? Tôi cũng nghe loa phát thanh tiếng Anh được biết.

Tôi nghĩ cuộc nói chuyện có thể có kết quả nếu chính phủ miền Bắc thôi tiếp tế cho Việt Cộng. Tôi đã được cho biết từ khi mới đến Đông Dương như thế.

(Ngoài cửa sổ đột nhiên mưa rơi bập bùng xuống lưng tàu chuối như trông đánh. Tiếng nhạc đài oang vào tường, vang đi vang lại vách đá. Không biết ở các buồng giam, có nghe tiếng mưa và tiếng hát mọi khi cũng như thế này)

Thưa ông, ông bảo tôi nên kết luận lấy? Quả thực tôi không biết thế nào. Người ta bảo tôi là chính phủ Hồ Chí Minh không muốn thương lượng nên chiến tranh vẫn tiếp tục.

Vâng, vâng, tôi xin trả lời câu hỏi: tôi chỉ đánh phá xuống những nơi có thể cắt đường vận tải súng đạn và lương thực của miền Bắc cho Việt Cộng. Tôi phải thi hành lệnh cấp trên, vì tôi là lính..

Vâng, tôi ở hạm đội 7. Mĩa mai quá, đây là lần đầu tôi xuống đất liền ở Việt Nam...Các ông là nhà báo hỏi tôi có cảm tưởng thế nào, khi gặp các ông. Tôi ít có báo đọc, tôi nghĩ là các ông muốn biết ý kiến một tù binh Mỹ về chiến tranh và hoà bình. Tôi xin nói: hoà bình tốt, chiến tranh xấu. Một ngày kia không ở đâu còn chiến tranh, tôi mong thế.:

(Mỗi khi nghe xong câu hỏi, Giôn trả lời ngay. Có lẽ bấm tính nó bóp tộp).

Không, không phải độc lập của Mỹ hay của Việt Nam bị xâm phạm. Nhưng nếu Mỹ không chặn lại thì cộng sản quốc tế sẽ chiếm miền Nam Việt Nam rồi chiếm Thái Lan, Miến Điện và những nước khác. Vì thế người Mỹ phải sang đây can thiệp. Ông hỏi nếu tôi được trở về Mỹ mà thấy trong thành phố có biểu tình chống chiến tranh ở Việt Nam thì thái độ tôi thế nào?

(Tôi đã ghi được một ít con số' mỗi ngày ăn của tù binh Mỹ ở Hoả Lò giá là 1 đ. Không có ăn sáng. Ngày hai bữa, mỗi bữa một bánh mì, bát canh rau muống cà chua, đĩa su su xào mỡ. Thỉnh thoảng được ăn món thịt gà tây rán, gà tây nấu như đêm Nôen này).

Nếu tôi được về nước, chắc khi ấy chiến tranh đã chấm dứt. Thế thì không còn biểu tình chống chiến tranh nữa. Nhưng nếu còn chiến tranh mà tôi vẫn là lính, tôi cũng không để ý đến đám biểu tình. Vì chính phủ Mỹ trả lương cho tôi không phải để làm việc ấy. Nếu tôi là thường dân, tôi có đi biểu tình không? Tôi không trả lời được ngay bây giờ, chỉ biết là tôi phải xem hai bên thế nào đã. Các ông bảo tôi lo bị bí mật thu tiếng để các ông phát lên đài, nếu tôi nói về chiến tranh không như chính phủ Mỹ đã nói, tôi có thể mất lương, có thể bị tù, khi trở về. Xin lỗi các ông, tôi không biết, tôi không trả lời được câu này.

Tôi học trường đại học tổng hợp Pensule. Chuyên khoa địa lý, nhưng bỏ dở, năm thứ ba khi 18 tuổi. Vì hoàn cảnh gia đình.

(Nguyễn Tuân cười khẩy: Chuyến này ông sinh viên địa lý biết thêm địa lý Việt Nam).

Tôi đã thưa với ông, tôi chỉ được biết Việt Nam trên bản đồ. Tôi mới học kiến thức chung về địa lý.

Năm thứ ba phải thôi học. Tôi đi kiếm ăn khá vất vả. Bố mẹ tôi chết, khó khăn quá cho chúng tôi.

Một giờ bay đi thả bom, tôi được phụ cấp bao nhiêu? Thưa ông, phụ cấp và tiền thưởng ở chiến trường trả theo cấp bậc và từng chuyến khác nhau, bay làm gì, đi đánh phá, đi yểm trợ, đi cứu đồng đội. Trung bình, mỗi tháng tôi lĩnh trên dưới một trăm đô la, chưa bao giờ hai trăm. Tôi được bay ít lắm. Không hiểu tại sao.

(Nguyễn Tuân bảo: Anh nói dối'. Chuẩn úy Giôn chỉ đáp: Thưa ông rồi im lặng. Sự thực hạm đội 7 vào trận đánh, đồng loạt mỗi phi công phải cất cánh ngày một lần, không kể các chuyến bay ngoại lệ).

Thưa ông, tôi rất thích không quân. Bởi khi giải ngũ vẫn có nghề. Nhưng tôi không muốn bay trên trời Việt Nam làm những việc như vừa qua. Nếu còn làm nghề này, tôi chỉ muốn bay ở nước Mỹ của tôi.

(Nguyễn Tuân nói nghiêm nghị: Nhưng thật thì chúng tôi đương ngồi trước mặt một tên giết người'. Nét mặt hớn hở của Giôn chìm hẳn, Giôn mím môi).

Chiến tranh là tàn khốc, tôi biết, nhưng tôi phải làm theo lệnh chính phủ. Máy bay Mỹ bị các ông bắn, người lái rơi chết, nghĩa là các ông cũng giết người.

(Nguyễn Tuân cười nhạt, hỏi vặn: Giá thử bây giờ anh lái tàu bay từ Bắc nước Mỹ lên ném bom Nam nước Mỹ, thì thế nào?)

Mỹ và Việt Nam khác nhau, Bắc và Nam nước Mỹ không phải là hai nước.

(Nguyễn Tuân gõ gõ đầu gối xuống. Đây là cách lấy lại bình tĩnh. Thế là bực mình rồi. Những tiếng bộp bộp nặng nề của cái gạt tàn thuốc trong đêm thanh vắng, làm những vết nhăn trên trán Nguyễn Tuân dần ra. Nguyễn Tuân nói, thông thả: Nếu được tha, anh hãy về học lại đi. Đại học địa lý rồi mà dốt quá! Ai bây giờ bảo phía nam nước Mỹ là tư sản, phía bắc là cộng sản, anh nghĩ thế nào?)

Thế là điên, thưa ông.

(Nguyễn Tuân đứng lên, hằm hằm trỏ gối xuống mặt Giôn: Anh đương nghe lệnh một bọn điên đấy).

Tôi chỉ làm theo chính phủ tôi. Tôi đã khai là tôi có lái máy bay đi bắn và ném bom miền Bắc Việt Nam. Nhưng tôi chỉ bom bắn cầu đường phá xe của Hà Nội vận tải cho Việt Cộng. Thưa ông, tôi không giết người.

(Giôn ngồi ở cái ghế đánh dấu như chiếc ghế năm trước. Tôi vừa nhận ra con số 2541 quét sơn trắng ở chân ghế, đúng cái ghế năm ngoái thiếu tá tù binh Mác Tuên đã ngồi. Lúc nào Giôn cũng giữ một tay trên bụng áo. Giôn không biết tôi đã thấy nó lấy cặp que diêm nhét vào ống tay mỗi lần được cho thuốc lá hút. Giôn biện bạch một thôi).

Vâng, tôi chỉ được phép phá cầu, phá đường phá xe. Nếu có người chết, cũng là chẳng may người ấy gặp tai nạn, tôi không cố ý. Nhưng dù thế nào, xảy ra cái chết cũng là bất hạnh, tôi không muốn. Đức chúa Trời dạy con người phải thương yêu nhau. Chúa dạy tôi sợ máu, tôi không dám nhìn máu, tôi không dám giết ai. Đức chúa Trời...

(Nguyễn Tuân lắc đầu nhè nhẹ: Giết người mà lại nói con người phải thương yêu nhau! Không hiểu Người tù binh như sợ hãi, nói luống cuống).

'Tôi không giết người, tôi không... Tôi không thù ghét, nước Việt Nam Cộng Hòa hay nước Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa. Những người chết là người bị tai nạn chiến tranh. Nếu trên cầu trên đường lúc ấy chỗ ấy không có người thì không ai chết. Vì người ta đi đến đấy chứ tôi không chủ tâm làm người ta chết.

(Nguyễn Tuân lừ lừ đứng dậy, giơ tay: Nhắc lại này: bao giờ mà được về thì nhớ học lại địa lý Không có hai nước Hoa Kỳ, không có hai nước Việt Nam. Nhớ đấy. Trung úy Giôn, con mắt xanh lơ ngó ngác).

Các ông không phải là nhà báo. Các ông là quan tòa? Các quan tòa lấy khẩu cung tôi. Các ông sắp đem tôi ra xử. Tôi xin hỏi thực các ông?

(Nguyễn Tuân rút hai điều Thủ đô đưa cho trung úy Giôn. Anh này mặt lúc đỏ lúc tái run run cầm thuốc: Cám ơn, cám ơn. Các ông có phải... Không giải thích hay an ủi, Nguyễn Tuân bước ra, mặc câu nói dở dang sau lưng. Nguyễn Tuân trầm mặc, nghiêm mặt và một vẻ ta đây. Tôi thường chứng kiến đáng điệu đỉnh đạc ấy ở Nguyễn Tuân, khi tiếp xúc với người nước ngoài. Nguyễn Tuân lý lẽ và cứng cỏi. Âu cũng lại một thói quen, cái người hay nói tôi không thích chính trị cũng đương chính trị mà không biết).

CÁT BỤI CHÂN AI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương V (Tiếp):

°°° Báo động. Nhưng máy bay địch không vào Hà Nội. Như gắng, cũng lại như bình thường. ở Pa ri, đương xuất hiện hai khả năng mà. Các góc ngách phố vẫn đông. Hôm nào ban bảo vệ khối phố cũng chia nhau đi vận động người sơ tán. Giục đi, nhưng cả người giục cũng nghĩ chỉ khi bom xuống người ta mới chịu đi. Đã nhiều lần như thế, mà cũng chỉ dạt đi ít lâu, nhạt bom lại về.

Bom rền bên kia sông ở ngay Gia Lâm. Rung chuyển nặng nề đến tận gần sáng. Hai tháng im ắng, bây giờ lại rộ những trận bom đêm. Gió bắc đã về buổi sáng mây mù xao xác vẫn vù. Mùa đông lại bắt đầu rồi.

Trong phố lan tràn tin đêm qua những đợt bom B.52 thả dàn từ Giang Biên lên quanh cầu Đuống. Báo động suốt đêm, thế mà sáng ra người xúm xít mua báo ở ngã sáu quanh những gốc cây sữa. Những đợt bom nửa đêm kéo đến sáng. Còi báo động trong bóng tối u ám vừa dứt lại tiếp. B.52 xay thóc ỳ ỳ trên mệnh mông, ào ạt từng làn như gió dải đồng. Mép lửa viền chân trời theo ánh chớp giật. Bom đánh xuống khắp vùng Đuôi Cá phía nam trên ngã ba đường đi Văn Điển. Nhưng vừa sáng bảnh mắt chiếc tàu điện lụ khụ kéo hai toa, cứ đúng giờ ra khỏi xưởng chứa Thủy Khuê lại rình ràng chạy ngang thành phố. Tàu không dừng lại chỗ tránh giữa phố Quán Thánh gần nhà máy điện, ở đấy dãy nhà cao tầng xung quanh cháy đen đã đổ sập cả. Suốt ngày, tàu điện rong ruổi chợ Mơ chợ Bưởi, xuống Kim Liên, vào Hà Đông. Trên các toa tàu lơ thơ người, vẫn nỉ non tiếng hát xẩm của một ông lão loa.

Quán rượu ngã tư chợ Hôm vẫn thế. Hồi này hàng nước nào cũng có nước trắng. Cái bà nạ dòng chủ quán chao chát đôi mắt. Ba ấm giở bày song song, nhưng chỉ một ấm nước chè bán cho khách đầu ghế. Làm phép thế thôi.' Trong nhà, bốn góc tường, người lơ nhố không ai nhìn ai, có người ực một chén rồi đi ngay. Lắm hôm, chỉ có Dương Bích Liên và tôi ngồi suông. Chúng tôi gặp nhau tình cờ lúc xẩm tối, không rủ mà cùng lặng lẽ bước về phía cái vòi máy nước lắp ló trước quán rượu.

Ba người đầm ở sứ quán Pháp bước ra, giữa tiếng bom vang động. Toà nhà chính của sứ quán giữa trưa tháng trước bị bom đánh đổ, chết cả ông đại sứ. Như còn bốc bụi trong ánh điện. Tiếng bom chòm của B.52 không rít khủng khiếp như những quả bom tạc hôm trước tương xuống khu nhà này nên người ta thản nhiên chẳng. Họ ở sân quần vợt về khách sạn hay sứ quán Anh, sứ quán Thụy Điển gần đấy. Vẫn báo động dai dẳng, chốc chốc, lại chớp bom sáng loé nhắng nhít. Nửa đêm về sáng, B.52 bom khu An Dương ven sông rồi quét một vệt lên nóc nhà Bác Cổ, bãi Lương Yên, bệnh viện Bạch Mai. Lại ném bệnh viện Bạch Mai.

Các sở bia Trần Hưng Đạo, Tôn Đản, Chuồng Cọp đông hẳn hơn mọi khi. Đuôi dài đứng sấp hàng quanh bãi, thò ra tận giữa đường. Người nốc từng cốc vại, người còn đương sấp hàng chưa được giọt nào, những

khuôn mặt sốt ruột cũng đỏ phừng. Quanh cốc bia toàn những chuyện thảm. ở bãi Lương Yên, một cô bác sĩ, ngày cưới 24, đêm qua chết. Người nhà liệm cho cô chiếc áo dài kép hoa đào. Mùa cưới đã đến. Trên đường, chập tối thấy phấp phới những dấu hiệu đám cưới: chiếc xe đạp phóng nhanh, sau xe buộc chiếc trống to của ban nhạc. Một người ngồi đèo, tay ôm cái chậu thau men hoa đỏ mừng bọc giấy hồng. Một nhà hé cửa, những hình các thứ hoa thập cẩm rực rỡ mặt bàn. Trên tường chữ L, chữ N bông lên nhau. Bom liên miên suốt đêm quanh phía ngoại thành. Có tin bí mật phổ biến đêm nay Mỹ đánh vào các phố trung tâm. Khi báo động B52, đài truyền thanh sẽ phát khác thường ngày. Khi đài nói liền hai câu giông nhau: Giặc Mỹ có âm mưu đánh phá ác liệt vào Thủ đô... ấy là ám hiệu cho các đội bảo vệ biết B52 đang vào thành

Từ chiều, mấy lần báo động đã nghe cái câu ghê rợn ấy trên đài. Người vào từng nhà xem còn ai thì xua ra hầm. Các phố lại im ắng. Đột nhiên, gần nửa đêm cho tới sáng, từng đợt B52 ào ào ù ù cối xay cối giã trên trời không lúc nào ngớt. Những quả bom đầu tiên rơi xuống bờ hồ Thiền Công. Một khúc đường nhựa cong vồng lên. Hàng cây sanh cây si trước công viên Thống Nhất đương mơn mớn buông rủ chùng, biến mất. Một chiếc ô-tô vận tải đậu ven hè, nhà xe và mấy người khách ngủ nhờ để mai đi sớm, xe và người nổi lều bều mặt hồ. Những đợt bom nối nhau trút xuống Kim Liên, loang sang cả vùng Khâm Thiên phố xá, ngõ ngách chẳng chịt, xuống tận ô Chợ Dừa. Bom rơi ngay trước mặt, gần quá không nghe rền nữa. Tiếng gió hú, tiếng nổ chát chát vào hai mang tai.

Một cái đuôi tên lửa rơi ình xuống mái hiên quán cà phê phố Hàm Long, sau sứ quán Pháp. Người ở đầu các phố tuôn ra nháo nhác: bom bịt cả bốn cửa ô rồi. Một người phong phanh cái may ô, gặp ai cũng bấu lấy kêu ối giời ôi, thùng đầu rồi... tôi thùng đầu... Tôi vít cái đầu tóc rẽ tre xuống. Không sao, không sao, thùng đầu thì không chạy lên được tận đây đâu. Anh ta lại bổ xấp, bổ ngựa chạy và kêu: có phải... ối giời ôi, tôi thùng đầu...

Một con trâu đang cửa ô lồng vào phố chạy nhong nhong như ngựa. Đội cứu hoả các phố xuống Khâm Thiên cứu khối bạn. Chỉ còn lại vài người, nhưng cũng đủ bộ cái xe nước, cái bơm mới sơn đỏ chói, với thang, cáng cứu thương... Tôi cầm một chiếc câu liêm. Qua chẵn xe hoả, bụi bom bụi đường ngập mắt cá chân. Trời dần dần sáng, trông rõ các ngõ ngách lấp đổ từng quăng, mùi dầu xả xông lên, hắc như ở nhà xác. Những ngọn điện chẳng dây vừa mắc ra ngoài tường, sáng đỏ lờm. Tiếng nước vỡ ống chảy rào rào. Bên những dãy nhà đổ thành đồng, còn một mảnh tường đứng. Bốn gian cầu chợ Khâm Thiên tan tành, ngổn ngang, trơ ra cái hầm công cộng nổi lù lù như cái mả. Mà cái mả thật. Cả nhà con ông Thảo đội dân phòng phố tôi phải hơi bom tạt vào trong cái hầm nổi này. Bảy người đứng đầu hầm, chết ngạt cả.

Một ông chệnh choáng rượu ngồi trong đồng gạch chửi lên cái loa phóng thanh còn sót lại đương nói xa xa trên nóc nhà đầu tường đằng xa. - Tắt bố mày đi! Không trông hàng phố chết hết rồi à? Ông say rượu chửi như gào thét với tiếng loa. Một người đứng lên trên đầu tường thò cổ ra - Loa của thành phố tận ngoài kia mà... Ông say lại réo: Tiên sư cái thành phố nhà mày, trông mả nhón mả bé kia kìa...

Trong các ngõ, người lồm ngồm đào, moi dũi ra từng vốc đất. Xe cần trục đứng xếp dãy ngoài phố

không có lối vào được. Khói hương nghi ngút lẫn mùi xả trên từng dãy xác người nằm đắp chiếu một bên vỉa hè. Vừa rạng sáng, ở phố ngoài người ở đâu ra đã sắp hàng đông gạo đông hơn mọi khi. Cửa hàng mua dầu còn xúm xít hơn nữa. Nhiều nhà lục tục dọn đến ở ngay các hầm công cộng. Trong nhà thờ Hàm Long, nhà thờ hàng Trống và bên tường các sứ quán ở phố trên người ta che ni lông ăn ở luôn đấy. Chỉ có sứ quán Pháp, sứ quán Angiêri mới bị bom, không ai dám lai vãng. Dây phơi quần áo căng ra. Tiếng trẻ ho, tiếng nhóc con khóc. Khói thổi cơm vẫn vờ trên bờ tường. Những con bò kéo xe, khoác khổ tải đứng cạnh gốc cây. ở Uy Nỗ, ở Mễ Trì bị bom đêm, các chủ xe đã đuổi bò rừng rừng vào thành phố, qua vùng Khâm Thiên trở trụ hần một bên.

Khâm Thiên cổ kính, xa xưa. Mùa thu canh tuất 1010, ngót một nghìn năm trước, nhà Lý định đô ở Thăng Long, đắp đê La Thành. Từ thời ấy ô Chợ Dừa cuối phố nghiêm ngặt đồn gác của một cổng chính thành Thăng Long - Hải Thượng Lãn ông đã kể trong Ký sự lên kinh.

Phường Đông Tác - ngõ chợ bây giờ, phường Thịnh Quang ở cuối phố, ô Chợ Dừa với khu Thịnh Hào, phường Xã Đàn ở phía nam, phường Bích Câu phía bắc - những phường đông vui nhất kề bên cửa ô. Khu Trung Phụng gần chợ có cầu Muống, rau muống Kê Chợ ngon nổi tiếng. Cung Tả Phụng Thánh, dinh cơ của các thời chúa Trịnh bên cầu.. Con đường nhựa phố Khâm Thiên bây giờ vẫn là đường cái quan xưa từ đầu ô vào Văn Miếu qua Thịnh Hào, Văn Chương, cửa Đại Hưng đến Hàng Cỏ lại lộn về Khâm Thiên giám. Khâm Thiên ngày nay 26 ngõ phố, cũ mới chẳng chịt. Ngõ Liên Hoa vào chùa Liên Hoa. Ngõ Thổ Quan có đền thờ ba chị em họ Đào, tướng của Hai Bà Trưng. Các ngõ đều ra đời theo lịch sử và thời gian. Ngõ Cổng Trắng, một cái cổng thoát nước úng vùng Văn Tân, Linh Quang, Văn Chương ra hồ Ba Mẫu ô Đồng Lầm. Ngõ Sơn Nam, tên nhà triệu phú Bạch Sơn Nam, có dãy nhà cho thuê suốt ngõ. Trần Huyền Trân ngày trước đã ở đấy. Cũng như các ngõ Vạn Lợi, ngõ Tân Châu, ngõ Nam Thái, đều là những tên chủ ngõ.

Khâm Thiên, Hăm Bốn Gian, Vạn Thái, ấp Thái Hà, Vĩnh Hồ, Ngã Tư Sở, những phố ở xa nhau nhưng có nhiều nhà hát ả đào. Tiểu thuyết Sau ánh sáng của Trần Huyền Trân miêu tả lầy lội chui rúc, cái ngõ, động mưa thì ngập nước, lập lờ những mảnh đời tăm tối sau ánh sáng của các tiệm nhảy Rex, Takana, nhà đốc Sao... Cao lâu Trung Sơn tàng tàng của chú khách đầu ô chẳng món gì đáng nhớ, nhưng mà nhớ, vì khách chơi đặt châu mặn và các món nhắm khuya ở đấy.

Ngang dọc hai cây số các ngõ Khâm Thiên xưa và nay bề bộn lịch sử đã tan tành trong đêm bom khủng khiếp. Chợt nhận ra tàu hoả rời ga hàng Cỏ về phía nam, trước tiên ra ô Đồng Lầm qua giữa hồ Ba Mẫu và hồ Bẩy Mẫu. Trong những ngày thành phố bị tàn phá này dường như lịch sử được chú ý nhiều hơn.

Mùa đông năm nay, thời tiết Hà Nội bị B52 giăng xé, cái gió cái mưa thay đổi từng hôm. Đương hanh hao lại chợt nồm rồi lại rét, lại mưa dây mưa rợ. Đồng bào chú ý! Đồng bào chú ý! Máy bay địch cách Hà Nội 60 km... 40 km... 20 km... thế là còi ử, máy bay địch đã vào... có khi lâu cả tiếng đồng hồ, lúc lặng như tờ, lúc bom súng dội lên. Đồng bào chú ý! Máy bay địch đã bay xa. Khi ngót tiếng nổ, chỉ thoáng hai tiếng chú ý, người ta đã đoán hết được. Nhẹ nhàng, thông thả và hai tiếng đã bay xa mới thanh thản sao. Trên hồ Bẩy Mẫu đã biến mất cái bến thuyền và ngôi nhà hàng nổi mới hôm qua bán giải khát và bánh tôm. Các cô

mậu dịch ở bãi bia Chuồng Cọp đã bỏ quán đi cứu sập cửa hàng và bến thuyền này, hôm nào đến lượt bãi bia?.

Sân bệnh viện Bạch Mai điện sáng choang. Những chiếc cần trục hùng hục ngoạm đất. Tiếng hát lẫn tiếng tường đổ rào rào. Ngoài đường trước cửa, ánh đèn dầu le lói, loáng thoáng bánh xe người qua lại. Khay thuốc lá. Cái bơm xe đạp. Bàn phở gà che mái lá. Phố ngổn ngang, nhưng cái chắn xe lửa vẫn còn nguyên. Chì gác barie rút lá cờ đỏ, cầm cúi đẩy cái chắn. Chân chắn đã rít chặt đất, phải đem cuốc chim ra moi. Trong lòng phố vẫn thoảng ra lẫn lộn mùi xả, mùi hương đám ma.

Một hàng nước và ngô luộc lập loè đèn bên vỉa hè chỗ xếp một dãy xác chết đắp chiếu hôm qua. Người ngồi quanh thúng ngô luộc khói nghi ngút, kể chuyện nhà kia ở ngõ Lệnh Cư, có bảy người chết cả, chỉ còn một người thì đang ở chiến trường B. Người ta im lặng nghe đài đọc tin của sở công an về trị an mấy ngày bị bom liên miên. Tên lưu manh Như Bảo lấy trộm chiếc xe Favorit lúc bom B52 đêm hôm kia. Toà án kết án 6 năm tù và 3 năm không được ở Hà Nội.

Lại thì thảo chuyện ở Pari ông Thọ với lão Kít đã ký tắt đình chiến. Không ai tin, vì còi báo động và tiếng bom vẫn ình oàng xuống. Lời đồn đại như một ước vọng. Lại thêm những rĩ tai sốt dẻo. Ngày kia 13 - đúng 13, lão Kít đến Hà Nội... Người ta mách nhau cả bộ dạng thằng Kít: lão ấy tóc mai to, kính trắng gọng vàng, và lại kể vanh vách: Kít sẽ thăm Khâm Thiên, bệnh viện Bạch Mai. Ôi! Thằng bỏ mẹ! Nó đi xem chỗ nó vừa giết người. Kít sẽ dạo chơi công viên Thống Nhất. Kít xem văn công... Thế là thế nào!

Chẳng biết ra thế nào? Nhưng có điều đích xác là các quán bia mấy hôm nay đóng cửa. Người ta kháo nhau rằng công an sợ các bợm bia bốc bên kéo ra chặn xe ném cốc vào mặt lão Kít. Không thể, ai cũng còn đương ngỡ ngàng cái thằng kẻ cướp bỗng hoá ra con mèo hiền lành, sao lại đã sang Hà Nội còn hôi hổi hơi bom của nó thế này! Đám trẻ đùa bên tường hầm trú ẩn. Chúng nó gọi nhau: Kít? Kít! Rồi cười the thé. Một đứa thò đầu vào dây phơi quần áo như cái mảnh mảnh buong. Nhà nó đã ra ẩn ở đấy.

- Bà ơi! Thằng Kitsingior sang hỏi thăm bà đấy

- Con đẻ mẹ mày, kít với chẳng kít!

Thế rồi mọi việc không mong không đợi dường như cứ đến. Có người quả quyết đã trông thấy lão Kít kính trắng gọng vàng ngồi xe qua Khâm Thiên. Rồi tù binh đôi bên được thả ở Lộc Ninh, ở Hà Nội. Sân bay Gia Lâm chín giờ sáng còn sương mù. Một chiếc máy bay quân sự Mỹ hạ cánh cuối đường băng, nhả cái thang dưới bụng. Nhân viên uỷ ban quốc tế xuống trước. Mấy sĩ quan ta và Sài Gòn đi sau. Một người thấp bé, áo quần rằn ri, mũ nồi đỏ, cái cần máy ảnh giơ cao. Phóng viên chiến tranh Phan Nhật Nam, tác giả phóng sự Giữa mùa hè đỏ lửa tôi vừa đọc. Trở về Sài Gòn, Phan Nhật Nam viết báo than phiền Hà Nội buồn lắm, nhưng ăn gà luộc ở khách sạn thì quả là thấy thịt gà ngon đậm như ông Vũ Bằng đã viết trong Miếng ngon Hà Nội. Anh ta xin phép gói mấy miếng bỏ vào cái áo tám túi. Lại ngao ngán nỗi không thấy văn nhân nghệ sĩ nhà báo nào được ra sân bay cho hân thấy.

Rõ hồ đồ, Nguyễn Tuân và tôi từ sáng sớm đã đứng uống bia Trúc Bạch trong quây nhìn ra đám tù binh Mỹ áo xanh lá cối, cổ đeo tràng hạt gỗ tre, cả bọn xếp hàng chui vào bụng máy bay. Và xem chúng mày ngo nguậy lên xuống, giơ máy ảnh.

Ngay chiều hôm ấy, tôi có việc sang Libăng. Rời Hà Nội, vẫn ga trời Gia Lâm. Nhưng đề phòng bất trắc, bay trong chiều thật muộn. Chiếc IL 18 đỗ một mình trên đường băng. Hành khách lèo tèo vài người. Một bà người Hung đương uống cả một cốc to rượu bồ đào. Cô chiêu đãi viên hồng vệ binh Trung Quốc áo xanh công nhân, bật đèn trong khi kéo kín các rèm cửa sổ. Máy bay chưa khởi động đến cánh quạt thứ tư, bà người Hung đã ngủ vùi trên ghế phòng đợi. Bà uống để tránh biết máy bay Mỹ, nếu nó đến. Nhưng quá liều. Người ta phải dìu bà lên máy bay.

Hà Nội sau lưng âm u trong chuỗi đèn vàng vọt. Máy bay bay thấp, ánh đèn lập loè như đom đóm bám ngoài cánh. Chưa cởi dây an toàn, đã đương xuống Nam Ninh thành thoi rồi.

CÁT BỤI CHÂN AI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương V I:

Tôi ở lại Matxcơva mấy hôm. Được tin Nguyễn Tuân và Nguyên Hồng sớm mai tới đây cùng một chuyến bay. Nguyên Hồng dự kỷ niệm một danh nhân văn hoá Nga. Nguyễn Tuân đi nghỉ bạn mời. Hai người sẽ trọ ở khách sạn Bắc Kinh như tôi. Vốn quen thuộc với khách sạn này - một nhà nghỉ và cao lâu bấy lâu cũng chìm nổi theo thời sự. Những năm 1958, khách sạn Bắc Kinh mới khai trương, tôi đã được chứng kiến những ngày huy hoàng đầu tiên và cũng là sau cùng của khách sạn này.

Matxcơva vốn có một phong tục hay. ở đây có quán ăn của các nước cộng hoà và của nhiều nước khác. Mới đây, hãng Mỹ Mác Đô Nan mở cửa hàng bánh mì kẹp nhân thịt ở cạnh quảng - trường Puskin, người xếp hàng dài vào mua cái món ăn quen mà lạ. Cao lâu Grudia, cừu nướng thơm ngát mũi chẳng khác khói mờ các quán cổ kính, hoang dã dưới hầm ở thành phố Tybilitxi. Người nhà bàn, áo sơ mi trắng viền đỏ quanh cổ. Tiếng nhạc grudia như vẫn vương từ thảo nguyên tới. Các phòng ăn cao lâu Bắc Kinh, kiến trúc và trang trí như một dinh thự, một lâu đài, một hành lang bao quanh hồ ở Di Hoà Viên. Cột đình sơn son thếp vàng chói lọi. Những bức lụa quốc hoạ én bay liều rủ. Món vịt quay Bắc Kinh nổi tiếng, nhà bếp bưng cả con vịt lên bàn trước mặt khách, với dao và thớt phụ bếp xách theo. Con vịt vàng hây đã được rút hết xương, dao chặt hoa lên như múa. Hàng ngày, máy bay chở rau, gia vị và các thứ nhà bếp cần dùng, chỉ có bảy tiếng từ Bắc Kinh đưa thẳng tới.

Rồi trải ba thập kỷ, khách sạn Bắc Kinh ở Matxcơva tàn lụi, thoi thóp. Nhà hàng vẫn giữ vẻ bề ngoài, vào bàn có thể cầm đôi đĩa mun đen bóng, có đĩa măng khô và miến xào mộc nhĩ. Mặc dầu, nhà bếp Nga đã thay đầu bếp Trung Quốc, nhưng mà đường xa và thói quen hơi hướng đĩa bát quê hương cũng là một cái thích khiến tôi vẫn mỗi khi qua thì ăn nghỉ ở đây.

Từ năm ngoái, có sự giao lưu trở lại, khách sạn Bắc Kinh đã tươi tỉnh hẳn lên, có thể còn xuân sắc hơn xưa. Kiến trúc sư, hoạ sĩ và các nhà chuyên môn Trung Quốc sang tu bổ nội thất. Những xénh xáng nhà bếp Tàu đội mũ nồi ngất ngưỡng màu xanh, màu hồng lại bưng cả con vịt quay vàng tía bóng mờ lên rồi múa dao chặt thành miếng trước mặt thực khách. Biết tin vui thế, nhưng chưa lần nào còn được trở lại. Những người đi việc công có đôi chút ghé thăm ghé nghiêng ra vẻ du lịch như tôi kiểu nhà nước cấp tiền và nhờ vả, rất những trở trêu và buồn tủi. Miếng ăn, cái uống, nơi nào sao mà tự mình định được. ở Tân Đề li, khách sạn ba sao Giampat mỗi lần tôi qua tầng trệt, các chủ hàng thoáng thấy, vội ra đứng trước quầy cúi đầu cung kính mời vào xem vàng bạc, đồ da, đá quý và các thứ rượu. Nhưng túi rỗng, tôi ngược mắt đi qua không chào lại vờ như còn đương mãi nghĩ. Chả là tôi vừa nhận giải thưởng hội nhà văn á Phi 1969, bà thủ tướng J.Gandhi trao tặng kèm nghìn bảng Anh. Nhưng trong va li tôi chỉ có tờ bằng chứng nhận và chiếc huy hiệu bằng đồng to như cái đĩa. Và mấy chai vôtca các bạn nhà văn Nga cho, ai đến mừng thì nâng cốc vui

sống. à hôm sứ quán ta nhận tiền giải thưởng tôi đưa, có làm một tiệc đứng ăn nem rán mời khách.

Cái năm Nguyễn Tuân và Nguyên Hồng với tôi đến ở khách sạn Bắc Kinh cạnh quảng trường Mai còn hiu hắt. Chúng tôi vẫn còn được uống Mao Đài, kể cũng là cái thú còm. Không biết ai là người trước nhất nhớ ra năm 1978 ấy, nhà văn Nguyên Hồng tròn sáu mươi tuổi. Nên chơi một cuộc chúc thọ ông chứ!. Mọi tốn kém trông vào tiền bài báo tôi vừa nhận của báo Tin tức, bạn thân Misen đưa cho. Tự huyền cho có mẽ, chứ chỉ là bữa chén thường, có của quý Mao Đài với mấy bạn nhà văn và bạn phiên dịch tiếng Việt ở Matxcơva. Phía chúng tôi, Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng và Nguyễn Văn Mãi với tôi, hai chúng tôi đương đợi ngày hẹn tàu hoả đi Vacsava. Phòng ăn lớn đông nhộn. Dân nhạc cuối phòng nổi lên, người ta bắt đầu nhảy. Marik bảo tôi: Này ông để ý nhé, những người vừa làm châu sâm banh xong ra sàn nhảy kia không phải như ông là khách nước ngoài trên phòng xuống ăn tối đâu. Không bọn chó lợn ấy là giám đốc, là người làm cửa hàng nhà nước ở các phố quanh đây. Anh Vlat phiên dịch tiếng Pháp khi còn sống, hay đưa tôi xuống thành phố bờ biển Yanta trong bán đảo Crưm. Lúc đầu tôi không hiểu sao Vlat rất ghét những người có nhà rộng, buồng đẹp hàng năm cho khách thuê mùa hè. Nhưng rồi Vlat nói: Bọn chó này thời chiến tranh thì chạy hết xuống phía nam, đi buôn lậu, giàu lên, có tiền tậu nhà, chúng nó sướng đến tận bây giờ, mà em trai tôi thì bỏ mạng ở chiến hào ngoại ô Matxcơva. ờ mà sân khấu Hà Nội đã diễn vở kịch Câu chuyện ở Iêkut, có hai thanh niên xung phong đi khai hoang đã chửi người chị là nhân viên cửa hàng của nông trang không dám ra khỏi nhà một bước, chỉ bám vào cái quầy bách hoá rình ăn bớt của khách từng đồng xu. Những ti tiện ấy tôi cũng đã chứng kiến ở bistro và các quầy ăn đứng trong khách sạn. Những hôm vắng khách, không phải xếp hàng, có mình tôi mua gói sữa smêtan hay miếng phó mát, thế nào tiền trả lại cũng thiếu vài hào, vài xu. Những bà bán hàng béo ục ịch ấy đã biết tôi không có tiếng Nga.

Đương vui, lại thấy Nguyên Hồng lật đặt ra thang máy. Chốc chốc lại bỏ đi một lát.

Cô Ina Zimônina hỏi:

- Ông Nguyên Hồng quên những gì trên buồng mà cứ phải lên nhiều lần?

Tôi cười:

- Không, ông ấy có bệnh.

- Thế thì phải đi khám. Bệnh gì?

Tôi chạm cốc với cô bạn Nga kỹ tính.

- Không cần. Bao giờ cô được ăn mừng lên lão sáu mươi tuổi thì cô sẽ biết những bệnh của người già, bệnh già.

- áp huyết hay thấp khớp?

- Ina thân yêu, bệnh Tào Tháo đuổi thôi. Không đáng lo!

Bao giờ cô đến sáu mươi... bệnh già... Không khi nào tôi hỏi lại Nguyên Hồng hôm ở phòng ăn khách sạn Bắc Kinh làm sao cứ mỗi lúc lại phải chạy lên buồng. Biết rồi, chẳng đái giắt thì cũng đi trống tràng, mà hôm nay không ra đến phố chỉ ở trong nhà nên hà tiện một viên thuốc rửa. Đã lâu, nghiện rượu chợ, rượu tạp với ớt, với ổi với mướp đắng heo hút ở đồi Nhả Nam, vợ vào ăn và uống lộn xộn đã quen dạ. Đến nổi cái ngon lành lại đâm lạ miệng, rối loạn tiêu hoá. Tôi đã biết từ lâu ông bạn rượu của tôi khoẻ nhưng yếu bụng kinh niên. Trong cái cặp da bản thảo thường cặp theo, lúc nào cũng kẹp sẵn mảnh giấy dầu vỏ bao ximăng Con rồng xanh không thấm nước. Có việc cả đấy, việc cực gay gắt. Đêm ngủ đâu nhờ một cái, mà chuồng xí ở nhà dưới, ở sân sau, đèn đóm không có, khuya khoắt quá rồi thế là người lần ra hiên hay cạnh cửa sổ, trải mảnh giấy dầu ra. Được cái phân tháo tởng thì ít nặng mùi, rồi gói lại kỹ lưỡng bỏ vào cặp. Hôm sau vứt xuống hồ hay đồng rác nào đấy. Có khi tiếc cái giấy còn tốt, lại gột sạch đem phơi. Chẳng coi là sự bẩn thỉu phải giấu diếm, nhiều lần Nguyên Hồng đã cắt nghĩa cho tôi về tác dụng nghệ thuật so sánh hiện đại của mảnh giấy dầu. Nguyên Hồng bảo: Trên máy bay người ta bĩnh vào bọng hồ xí thì cũng thế. Cái kiểu tuôn xuống đường sắt ở xe lửa còn kém văn hoá hơn nhiều. Lý sự đến vậy thì chịu. Khốn khổ, cái lão cãi chày cãi cối cho bệnh già mà lão không khi nào chịu ai chê lão già. Lão thường phàn nàn âm ỉ là vợ lão khéo khư như con mèo hen khiến lão mất cái hứng của Dương Khuê Sớm tình tình sớm, trưa tình tình trưa. Không, nhưng mà cũng có, những tư nhận thoáng thoáng. Nạ dòng, má phúng phính bánh đúc, áo cánh chồi, nhai trầu môi cắn chỉ là ăn ý lắm. Mỗi khi gặp người đáng đáp vợ cai vợ lính xưa mà chúng tôi đều đặt tên là bà ách và ghép tưởng tượng cho lão Nguyên Hồng, bà cai ách bán bia hơi gần chợ Hôm, bà cai ách bia chai ở bờ hào trên Sơn Tây là vậy.

Có một trận tan hoang hơn. Đạo ấy, trên Yên Thế ở cái chợ chân đồi mà Ngô Tất Tố đã miêu tả trong bút ký Phiên chợ trung du ở Tạp chí Cứu Quốc có một mục hàng xén tản cư. Chẳng hiểu ông anh câu được bà mèo già ấy từ bao giờ. Chỉ biết rồi mãi cái kim trong bọc cũng phải lòi ra, có người mách, một hôm bà chị đã kéo cả đại đội binh mã con cái ra đánh ghen một trận. Mục hàng xén bán sổi đi nơi khác. Ít lâu sau, tôi hỏi: Bóng chim tăm cá ra sao, có còn gặp lại nàng Kiều không? Nguyên Hồng nhăn nhó trả lời: Mất mẹ nó cái màn Chẳng biết người ta dọn chạy đôn với cái màn nhà văn gửi bán hay cái màn của ông ấy đem ra mắc để đêm nằm cho đỡ muỗi!

Vẫn chưa hết những chuyện tầm phơ. Có một quán bia hơi gần ngã sáu mà trong một thư của Nguyễn Tuân viết cho tôi lên Lai Châu có nói đến quán bia bà cai ách vẫn còn bữa đực bữa cái - cái tên bà cai ách cũng vẫn là chúng tôi đặt và gán cho ông cai ách Nguyên Hồng. Bà cai ách và lại một câu chuyện gần hương gió bay đâu cũng thấy kể. Nguyên Hồng để ý cái bà nạ dòng phì nộn ấy. Mỗi lần có xe bia về, lão xích lô co chân đạp hai thùng bia lăn xuống hè, bác gà trống cứng cựa Nguyên Hồng tỏ tình bằng cách lau chau ra ghé vai vác thùng bia vào, kê lên bệ cẩn thận. Hôm khác, lão xích lô xe bia về, lót gạch đạp xe lên hè vào sát cửa. Làm cho tình địch Nguyên Hồng mất một dịp ra tay giúp đỡ và gần gũi. Nhưng mỗi lần bia về, Sơn Tinh xích lô và Thủy Tinh Nguyên Hồng khi nào cũng được bà lão người đẹp rót cho mỗi người hai vại bia tươi đầu tiên và chúng tôi cùng được chan hoà hưởng lây.

Một hôm, tôi mách Nguyên Hồng: Ông ạ, quán bà cai ách sắp bị đóng cửa? - Sao? Sao? - Bà ấy bảo

chúng nó đổ cho bà tăng tịu với lão xích lô, tai tiếng ầm ĩ, nhà máy không cấp sổ đại lý cho nữa!. Nguyên Hồng cười hê hê. ối mẹ ời nhà máy bia ô Mền bây giờ kiêm cả công tác bảo vệ đạo đức bà phó Đoan.

ở khách sạn Bắc Kinh, sớm hôm sau, Nguyễn Văn Mai và tôi đi Vacsava. Chia tay, tôi hỏi Nguyễn Tuấn:

- Hôm nào ông xuống nghỉ dưới bãi biển Yanta?

- Không, mình ở đây...

- Đi nghỉ cơ mà?

- Đây cũng là đến nơi nghỉ rồi? Cuối mùa thu, sắp có tuyết, xem tuyết Matxcơva cũng hay.

Tôi chịu. Đó lại là sáng kiến tự gây hứng thú, ai mà cãi được. Khi mùa đông tới, người Matxcơva xuống Hắc Hải tránh cái băng giá phương bắc. Nguyễn Tuấn thì muốn ở lại nơi ban đêm ba mươi độ âm để xem tuyết? Mà Nguyễn Tuấn mới chỉ qua cảng Ôđetxa, chưa đến thành phố thoáng đặng cửa biển và lịch sử Yanta trong bán đảo Gưm lần nào. Cái kiểu nói của một người cả đời thêm đi bây giờ cũng đậm ra ngai đi rồi.

Đến hôm tôi ở Vacsava trở lại, cả Nguyễn Tuấn và Nguyên Hồng đều đã về Hà Nội. Anh bạn Marik kể rằng ông Nguyên Hồng xuống Khackôp đi xem bóng đá thấy những pha đẹp mắt, ông đứng trên khán đài huara huara loạn xạ rồi ôm đại các bà đầm hai bên, nhảy lên. Cô phiên dịch Galina khiếp quá phải điện về hỏi Matxcơva, cô Ina - lại một người đàn bà khác, cũng sợ quá, lập tức bảo đưa ông ấy về ngay. Thế là ở Matxcơva hai ông cùng nhau ngày ngày ngồi uống rượu trông ra cửa sổ xem tuyết rơi. Hôm Nguyên Hồng về, Nguyễn Tuấn cũng về theo - trước cả ngày hết hạn nghỉ.

Tôi đến chơi nhà, Nguyễn Tuấn đứng dậy mở cánh cửa chớp, rồi lấy ra một chai cô nhắc năm sao trong đám hành lý mới về. Một chút nắng chiều đông nhợt nhạt còn rớt lại ngoài cửa sổ, đựng đưa như miếng lụa hoa cau bị xô rách. Không ai nói một câu về mấy ngày Matxcơva vừa qua mà bỗng chốc đâu có thể quên ngay, dẫu cho không có gì vui buồn đến gợi nhớ. Một lúc lâu, Nguyễn Tuấn mới rầu rầu nói: Chẳng ở đâu bằng ở nhà, cái khách sạn nhà tớ, cậu ạ. Không biết thế có phải cái nản chí của người già bạc đến hết cả lông mới nghĩ quần thế chẳng.

Lại còn không biết sao nữa! Chẳng qua đây chỉ là lão giang hồ tự hỏi, tự hận. Cái đau của một người cả đời ham đi mà rồi dần dần không đi đâu cứ quanh quẩn, bức bối, bức dọc, dằn vặt. Trái mãi gió bụi, mái tóc càng thưa thêm. Tâm sự và tóc. (Cao Bá Quát). Hai cẳng chân ngày càng gở chứng, làm mình làm mẩy. Ngày ở rừng Việt Bắc, tôi đã thấy cái người hay nay đây mai đó ấy chịu khó chăm lo cho hai chiếc bàn đạp chân cẳng mình thế nào. Chân Nguyễn Tuấn đã lồi thoi từ những khi ấy. Cái đận ở rừng Thường Yên âm u ẩm ướt, vào tiết đổi mùa, nhiều khi phải nằm bệnh suốt phiên chợ. Cả buổi cháu Trần Mai Thiên lui hụi ngồi xồm trên cái giát tre bóp chân cho bác Nguyễn. Đi đâu, lúc nào Nguyễn cũng trữ miếng cao hồ bọc giấy bản trong ba lô. Cả ngày lội suối, cảm thấy trực trặc, đêm lại ngâm tươi một miếng cao. Không biết

chừng, người ấy đã nuốt xương cốt đến cả mấy chục chú hổ Lai Châu, hổ Xiêm, hổ Lào?

Sức khoẻ dần dà xuống dốc tự nhiên, như nhiệt độ hàng ngày và dự báo mưa nắng. Cái xe đạp mất cặp ở cạnh cửa khách sạn Thống Nhất thế rồi bỏ đi xe đạp. Vài đoạn đường bách bộ với chiếc gậy song Sa pa, hay là một cuộc xích lô. Nhưng cuộc chia tay của Nguyễn với cái máy chữ Baby thì thương và nhiều nghĩ ngợi hơn.

Cái năm mới trở về Hà Nội, Nguyễn Tuân có dịp cùng đoàn đại biểu hoà bình Việt Nam đi Hen sanh ky dự đại hội hoà bình thế giới. Hoà thượng, linh mục, nhân sĩ, trí thức, đại biểu công nhân, nông dân, chiến sĩ quân đội, thanh niên, phụ nữ... Chẳng thích thú gì đoàn, chưa chắc đã nhìn mặt những người cùng đi, nhưng có cơ hội được tới nước Phần Lan trên mồm bắc bán cầu. Rồi lại một chuyến đi xa nào đấy, Nguyễn Tuân sắm cái máy Baby xách tay dấu quốc ngữ. Hay là mua máy ở chợ giời tôi không biết. Bởi vì mỗi khi đối vạc thì bộ mặt thời cuộc thành phố này lại phơi bày đủ thứ ngoài chợ giời. Những đĩa hát của Mộng Hoàn, của Chu Thị Năm năm xưa cũng là những chứng sống của thời thế mà ông đã nhặt ở chợ giời. Tôi thực không biết gốc gác cái máy chữ Baby ấy - vỏ rách một góc vải, nhưng những con chữ còn mới cạnh sắc.

Tháng ngày qua, con người ở vào tuổi triền núi bên này, cứ sớm tối như chiêm bao. Lại nữa, cuộc sống còm cõi, ngòi bút và đồng lương không cho người viết kiếm đủ miếng ăn, cả đến mặt mũi và con mắt cũng mòn mỏi dần. Hữu thân hữu khổ phàn nàn cùng ai, khác nào người sơn tràng cả đời thường chảo, riu búa đi kiếm củi rừng đến khi về già leo dốc thở ra cả hai tai mà vẫn ao ước và tưởng tượng trèo lên lưng cây, mạng sườn quần chảo, lưỡi riu khoác vai. Nhưng chẳng còn một hột sức ôm nôi cái gốc cây. Thì lại thờ dài nhìn cái đứa mạnh chân khoẻ tay hơn.

Môi người viết có một thói quen khác nhau.

Nguyễn Tuân thì cả đời chữ nghĩa và xung quanh người báỉ phục, người điệu đóm, người bắt chước cái ăn, cái mặc và hóng chuyện để đồn thổi. Tiểu thuyết Bốc đồng của Đỗ Đức Thu ngày trước đã vẽ ra được những nho lại làng văn và những khỉ bắt chước người như ở trên. Chẳng cứ chỉ có xưa kia, mà về sau này cũng tương tự thế. Người ta châu tuần và châu rìa quanh Nguyễn Tuân, đợi được sai bảo, được đi chơi với, uống với. Năm cũ ông Văn - tên nhân vật trong tiểu thuyết Bốc đồng mà bạn đọc có người đoán là Mạnh Phú Tư, ông bán cả ruộng hương hoả, ném vào các cuộc chơi, lăn lóc đến phát bệnh sốt rét vì liên miên thức trắng đêm ở nhà hát. Thế mà các cụ vẫn mạnh khoẻ, lại gật gù: Các cụ cho là được! Ông lang Hà Văn Thực phố hàng Cót đánh đu với tinh cũng mở nhà xuất bản Lượm lúa vàng rồi nghiện bẹp hai tai vỡ nợ tan cả hiệu thuốc bắc gia truyền. Ông Lê Trọng Quỹ giọng trầm não ruột, không biết có phải vì nhờ hơi thuốc phiện làm cho tiếng khàn khàn mà ngâm thơ buồn đến thế, rồi ốm phải phát mại cả cái cửa hàng sắt vụn. Ông Lê Đức tập tọng viết văn về nhà cầm đoạn mại ruộng đem năm tiền ra, theo gót đàn anh, chỉ học được mỗi cái trò giắt trong cặp quần lá tọa một cái tẩu thuốc, chiếc ấm mạnh thần với cái chén hạt mít để theo đòi trà đạo. Có người cũng mặc áo gấm trần, chít khăn lượt đi giày Gia Định, tay cầm quạt thước - như Nguyễn. Cả những năm sau này Nguyễn đã cao niên mà cũng chẳng thiếu ông làm dáng theo. Có ông

hoạ sĩ chải ngược tóc như Nguyễn, đến lúc ông Nguyễn xoa mớ tóc bạc phơ sau gáy, cũng lại lẩm ông xoa tóc, như Nguyễn. Ông Nguyễn Tuân rồm ẩy đi nước ngoài, lên máy bay, mặc sơ mi ngắn tay kẻ ca rô, tay chống ba toong nghênh ngáo nhìn xem người ta có nhìn mình như nhìn ông Nguyễn không.

Cũng là cảnh thăm với nhau mà thôi. Thỉnh thoảng, chúng tôi cũng chuyện về những người bất chước dở hơi ấy. Hay gọi một cách kính trọng, những người rồ chữ, chữ thật và chữ giả. Ông anh con nhà báo trong quê ra, hỏi tôi: Này chú, cái lão Xuân Diệu thế nào ấy nhỉ?. Chả là anh tôi làm chủ nhiệm hợp tác xã mà hôm trước nhà thơ Xuân Diệu về huyện nói chuyện thơ, các chủ nhiệm được lên dự. Nhà thơ nói về Kiều. Ai cũng xuýt xoa ông nói hay quá. Nhưng người ta buồn cười vì thấy ông nhà thơ cứ chốc chốc lại đổi chỗ lọ hoa, bê cái đèn nơi này sang nơi kia vẫn chỉ ở trên bàn. Thỉnh thoảng lại quát người nghe: Vỗ tay đi chứ. Tôi lao động thì đồng bào phải vỗ tay khuyến khích tôi lao động. Vỗ tay nào? Tôi nói: Anh Xuân Diệu nói chuyện giỏi lắm, thế là nói theo một Tây đấy, bác ạ. Anh tôi cười: Cũng là rồ chữ, rồ chữ, chú ạ. ừ, rồ chữ cũng có nghĩa đẹp là hay chữ, hay chữ quá hoá rồ. Có ông già nửa đêm thức dậy, ngồi nói từng tràng tiếng Tây một mình. Có ông dạy đàn xưa kia giàu có rồi cái trường nhạc của ông phải đưa vào quốc doanh, bô Duyệt mới chơi trống bỏi lấy một nàng nửa chừng xuân. Bây giờ thì ông trắng tay, nhưng dầu cơm trộn mì, ông cũng dọn lên bàn, cầm thìa đĩa thái, cắt rau muống luộc, và húp bát súp nước rau, cay đắng gậm nhấm sự hoài cổ. Một nhà văn nọ sắm mấy bộ thìa đĩa cho cả nhà. Ông ấy mơ màng, ngờ kháng chiến thành công rồi thì đốt được giai đoạn ăn cơm đôi đầu đĩa và lấy đĩa chùi ngang mép thay khăn mặt, bây giờ hứng phấn sắp bước sang thời nếp sống ngồi bàn thìa đĩa cầm như Tây thì phải sắm đồ Tây.

Nguyễn Tuân tùm tùm:

- Thì cười ngay tao đây chứ còn phải cười thẳng nào. Tao qua Bắc Kinh, gặp Tào Ngụ. Tào Ngụ vỗ lưng tao, - nói tiếng Pháp: Các toa có tự do, thật sung sướng. Moa thèm đi Hà Nội. Chuyến ấy Nguyễn Tuân ở khách sạn với vợ chồng Vercors đương thăm Trung Quốc. Đã ngỡ rồi ra quảng cáo những cảnh tượng bùng, sách của ta bày bán bát ngát trong nước ngoài nước. Hàng năm xách vali đi du lịch bằng tiền túi. Phải có thư ký riêng chứ - thuê một cô hay là luyện cho con gái mình làm thư ký. Nhưng trước mắt ngay lúc ấy thì vẫn túi lép kẹp, đến Bắc Kinh thăm chợ Đông An, hai tay dứt túi, đứng chỉ xem hàng và cố đi nhìn cái hiệu Thôi Tụ Đức thịt quay Bắc Kinh tiếng tăm lừng lẫy thế giới cho biết mặt, chứ làm sao bước chân vào được. Mà mỗi khi ở sân bay Gia Lâm về qua cầu Long Biên, ra ngã sáu dốc hàng Kèn làm cuộc tẩy trần bát cháo gà lão Chử cũng phải nhăm xem trong túi có bao nhiêu. Mới nhớ ra cái vé máy bay, cái tiền ăn và tiền tiêu vặt hàng ngày là của người ta cho, chẳng phải đồng nào của nước mình, của mình. Có ra gì mà vênh? Dần dần đến bây giờ, thế này đây, cái thẳng nhà văn!

Nói thế chứ, đồng tiền phân bạc, Nguyễn Tuân áo rách cũng vẫn đượm màu phong lưu, tiền thì cứ tiêu và chỉ tính thôi chứ không đếm. Nguyễn Tuân, một người ý tứ, trân trọng, thận trọng, khéo thu xếp. Giặt nóng tiền của ai để ra bà hàng hoa quen ở ngã tư Tràng Tiền mua bốn bông hồng vàng lòng trứng đưa đến bữa ăn sinh nhật nhà bà nhạc sĩ nọ. Chỗ này dọn dẹp sang chỗ kia, làm cho những người mình nhờ cậy, những người mình biếu tặng cứ tự nhiên nghĩ mà phải bằng lòng phải cảm kích. Tài nghệ lắm mới sáng tạo, mới tính ra được những khu xử tế nhị đến thế.

Nguyễn Tuấn bảo:

- Lại nói nốt chuyện hôm nọ.

- Chuyện gì?

- Chuyện ta mộng thành nhà văn cỡ quốc tế ấy mà.

Nguyễn Tuấn kéo trong gầm giá sách ra cái hộp nhựa giả da nâu đã sờn góc. Chiếc máy chữ Baby xách tay mọi khi tôi vẫn trông thấy đặt dựng hộp máy trên gờ thềm gạch giữa buồng.

- Hôm nọ đã nói đấy, tớ cũng tồ hòng và ảo tưởng đáng chửi chẳng khác cái thằng sấm thìa đĩa để sắp sửa vứt đĩa, chỉ chén cơm tây. Chiếc máy chữ này, cứ nhìn đến mà sượng cả mặt. Máy chữ để cô thư ký tưởng tượng đánh máy bản thảo hảo huyền. Ông xách nó đi cho tôi. Tôi không gán nợ ông đâu nhé. Dưng mà ông mang đi đâu thì mang. Cho khuất mắt tôi, không có lúc tôi phải đem ra đập nó mất. Mang đi, mang đi giúp tôi. Đả tự khí! Đả tự khí? Thờì các cụ ta gọi máy chữ là cái đả tự khí. Bớ tổng binh Tô Hoài, nhà người hãy mau mau đem trôi sông cái đả tự khí Baby đi cho trẫm. Ha ha? Trẫm ngứa mắt lắm rồi.

Mặt Nguyễn Tuấn đỏ găng. Vua đương ra vai đập cái nậm rượu gỗ, cả rạp cười ngoặt nghèo, nhưng người đóng vai thì bụng lép và vợ ồm nằm nhà. Tôi không muốn điều mai mĩa này làm rầu lòng thêm Nguyễn Tuấn. Tôi lây cái sợ. Tôi lặng lẽ xách cái máy chữ Baby chọt ních mớ ước một thời, tôi bước giật lùi ra cửa. Không biết còn có những ai đem đi giùm anh đôi giày đẹp, những bộ quần áo nhả nhận mùa thu, mùa đông, mấy chiếc bút máy Sappho cho nó tiêu tan xoá sạch giầu mộng kê vàng nhà văn thất cạ vạt đỏ đi du lịch năm châu - như cái câu ghen tức vu vơ của cậu Hoàng Huế cầm bút hồi 1956 đã viết trên tập san Đất mới mĩa Nguyễn Tuấn như thế. Cái máy chữ ấy tôi không biết dùng. Dẫu cho bây giờ người cầm bút trên thế giới ít người viết tay, những nhà sáng tác ở Sinaia, ở Yanta, ở Pitsunda, đem máy chữ mưa rào rào. Nhà văn Colombia, Gabrien Gaccia Mackê, năm 1989, đã viết cuốn tiểu thuyết mới nhất của ông bằng máy chữ điện tử, người nói vào máy, chữ tức khắc hiện lên. Mackê trả lời một nhà báo phỏng vấn: nếu chiếc máy thần diệu này xuất hiện sớm, chắc chắn số tác phẩm của tôi còn nhiều gấp mấy lần. Mackê năm trước đã tới Hà Nội. Tất nhiên, ông ngao du bằng tiền túi của ông. Ông đi chơi với vợ và con trai, vào Sài Gòn qua đường Băng Cốc rồi ra Hà Nội. Nguyễn Văn Bổng và tôi đã đến đánh chén với gia đình Mackê trên gác nhà khách chính phủ gần hồ Gươm. Hai con trai Mackê, một đứa học ở Paris, một đứa ở Nữu ước. Tôi đưa cậu bé học ở Paris đến nơi ở đoàn ca múa Hà Nội phố Hàng Quạt mua cái sáo trúc. Đêm xem biểu diễn, cậu ta mê cây sáo Việt Nam. Makê nói ông có thể biểu ta một tàu chở giấy để in tiểu thuyết Trăm năm cô đơn. Chỉ có một yêu cầu: không được cắt đoạn nào. Liên Xô đã xuất bản Trăm năm cô đơn, tự ý bỏ một số trang. Mackê không thèm đến Matxcơva nhận bản quyền, mặc dầu nhà xuất bản đã mời tác giả nhiều lần.

Những chuyện trời đất huy hoàng đâu đâu của người ta, còn chúng tôi vẫn kỳ thu, cặm cụi với cái bút máy, bút bi, bút chì. Nguyễn Tuấn dùng bút dạ. Đã lâu, cũng chỉ thấy viết những đầu đề bài to thô lỗ lên đầu

trang giấy rỗng ruột cặp vào tấm bảng nghiêng như cái giá vẽ - thỉnh thoảng lại thay cái đầu đề mới, không có được hàng chữ nào ở dưới.

Tôi bán cái Baby cho ông Quý đánh máy ở cơ quan, được hai trăm - đồng tiền thật là phấp phồng khi bom đạn đương trút xuống thành phố. Cũng không biết đắt hay rẻ, chỉ thấy ông lão công nhân đả tự khí ấy cũng thờ ơ, ông bảo chẳng cần cái máy nhỏ này, tôi bán thì ông mua vậy. Năm ấy, không còn quán Tiểu Lạc viên. Ông cháo gà giải phóng quân cũng bỏ cao lầu Tứ Kỳ ra bán hàng vỉa hè, rồi chắc hàng họ ế ẩm, lại sang làm cho quốc doanh Mỹ Kinh, rồi biến đi đâu mất. Bôđêga, Phú Gia, món ăn uống và gia vị loạc choạc. Chim quay chấm nước mắm dấm và nhà hàng chỉ có rượu chanh. Chả cá Sơn Hải đóng cửa đã lâu rồi, Lã Vọng cũng nghỉ hết. Hàng ăn Nguyên Sinh của nhà mậu bán chả cá theo xuất mỗi xuất kèm một chiếc bánh đa, một đĩa bún rối. Có miếng chả nhản được cả xương. Ế chông gọng không có khách. Dưới ngã sáu cũng không còn ai - lão 81 đã về âm phủ làm bồi cho khâm sứ Grapphoi, ông cháo gà Chữ đau lưng cũng ra tha ma đã lâu. Các quán ăn Tàu chỉ còn lại lão Sáng nhị mũi. Ông Sáng không phải nhà bàn, nhà bếp, không nghề gì, nhưng được mẽ người mỡ màng. Cứ đeo tạp dề lươn phươn từ bếp ra chỗ để xe đạp, rồi lại quay vào, nói ề à mấy câu nhị mũi, giọng nhà bàn nhà bếp Quảng Đông hô món đối đáp như hát. Thế là khách có cảm tưởng vào cao lầu Tàu.

Sáng nhị mũi mở quán riêng, vẫn quanh quẩn ở Hàng Giầy. Nhưng phố xá tàn tạ, đường đá lổn nhổn, phơi ra những cái ngõ rác rưởi, nhà đóng cửa im ỉm. Quán hàng như ngọn đèn leo lét. Nhà mậu bán phân phối từng thanh củi và mỗi chục lá dong gói bánh chưng Tết. Ba mươi Tết, quây chợ Hôm bán chân giò còn nguyên cả lông.

Nguyễn Tuân hỏi tôi:

- Mà làm thịt được cái Baby rồi à?

Thì ra ông Quý đánh máy đã khoe với Nguyễn Tuân ông mới mua cái máy chữ của tôi. Tôi cười, không đáp. Chắc Nguyễn cũng chẳng cần tôi trả lời ăn thịt cái máy chữ, chúng tôi đến quán Sáng nhị mũi, hảo, hảo à...

Những chuyến đi vất vả, con sư tử già đã rụng cả răng rồi. Lần ấy ở Sài Gòn ra, Nguyễn Tuân xuống ga Nội Bài, bên vách chống nạng. Bệnh tê thấp kinh niên đã vật Nguyễn cả tháng ngay ở cái thành phố cao ráo mà xưa kia cũng như bây giờ, những người phong lưu ở miền Bắc ưa thay đổi nơi ở ít lâu thường vào đây để tránh bệnh hen, bệnh tê thấp hay hành hạ người ta vào mùa đông ẩm ướt. Sở thương binh Sài Gòn đã biểu nhà văn chiếc nạng đỡ bên chân đau. Về Hà Nội rồi còn phải nằm bệnh viện suốt mấy tháng.

Hồi 1954 mới trở lại thành phố, nhà Nguyễn Tuân ngụ tạm trên đường Hàng Lọng, ít lâu rồi thuê được hai buồng trên gác hai cạnh bệnh viện Đặng Vũ Lạc cũ. Cứ ở đấy tới bây giờ, trên ba mươi năm đã qua. Vùng ấy quanh ga Hàng Cỏ, cuối thế kỷ trước còn là bãi Quần Ngựa giữa cánh ruộng nước. Rồi những nhà có của cất dần lên cả khu phố cho thuê. Chủ hiệu vàng Chấn Hưng Nhà Đỏ Hàng Bạc có nhà cả ngõ, đặt tên

là ngõ Tân Hưng. Cái dinh thự đồ sộ mà nhà Nguyễn Tuân thuê hai buồng ở sâu có đường dẫn qua cổng sắt, ngày xưa, chắc cũng là lối vào ra của xe song mã, xe nhà, xe ô-tô. Toà nhà ấy, các chủ thừa kế chuyển đến điền chủ Phỏng ở Thái Bình thì đem cho thuê từng buồng. Mấy năm đầu, bà Hoàng Yến vợ Hoàng Cầm còn đến thu tiền nhà hàng tháng. Rồi sở nhà đất quản lý, nhà đông dân thành một cái xóm nhỏ trong một số nhà chật chội, bưng bít, ngổn ngang.

Hai bên tường bị coi lẩn, chỉ còn một lối đi góc ngách. Cái thang gỗ vươn lên tầng hai buồng bác Nguyễn màu lim đã lên nước tối sẫm mắt. Tủ sách, giá sách và dãy chai lọ rỗng nhãn các loại rượu nước ngoài - lại cả một tranh áp phích Ba Lan vẽ chai rượu to tướng, có thằng người bơi trong chai. Bầy cho vui mắt, tất cả mọi đồ lễ hồ như tàn tật, buồn bã, mệt mỏi. Đạo ấy, điện hay bị tắt tự dưng thỉnh thoảng có khi mất điện chốc lát, có khi cả đêm, cả ngày. Chiếc quạt nan, cái đèn hoa kỳ đặt trong vỏ hộp bia lon và cây nến đỏ cũng thành những trang trí bên chiếc mâm đồng cổ bát bằng vỏ đạn cao xạ xin được ở một trận địa pháo ngoài Bờ Sông đã đem nhờ lò đồng Ngũ Xã đúc thành cái mâm. Cũng chẳng có của nả nào quý. Nguyễn Tuân không mê đồ cổ. Các thứ bày biện chỉ để cung đốn cho cái thích vật dụng và kỷ niệm. Trên tường, bên tờ áp phích Ba Lan có áp phích của Cu Ba kỷ niệm sáu trăm năm Nguyễn Trãi. Những cái tranh, mẫu tin cắt ở báo ra thay đổi theo lịch hàng tuần bên đoá hoa hồng vàng lòng trứng mua ở hàng hoa ngã tư Tràng Tiền. Có khi, một nhánh lan địa tím tím thơm ngát cắt ở chậu cảnh nhà Kim Lân. Và Tết đến, có một cành đào phai, dáng thế kỳ dị với quả phật thủ của Phạm Văn Khoa, có khi là quả bông trong Canh tôi mua ở chợ Bưởi. Con chó đá và cái tượng gỗ canh cửa chúng sinh không biết lòi ở đình chùa hay nhà địa chủ nào về. Một ống đựng cả chục chiếc ba toong, gậy song, chiếc sơn then cán bạc, chiếc gậy lục. Ngoài hàng hiên, lủng củng dãy vỏ chai sâm banh, bia hộp, vang dâu dưới bóng dây thiên lý leo trên lan can. Những thức bị đầy ải ngoài trời ấy sắp đem tống xuống quang gánh bà đồng nát, mà bây giờ là ai chai lọ, giấy báo cũ ơ... Riêng chiếc gối sành trắng nhể nhại to bằng hòn gạch vồ rỗng ruột vẫn đứng giữa trời nắng trời mưa bên song sắt. Cái gối trong tiệm thuốc phiện ở Chợ Cũ, đã khuôn trong Sài Gòn ra. Rải rác, trên tường, trên giá sách, hòn cuội, hòn đá lẩn lóc mà mỗi chuyến đi bể đi núi về tôi hay đem cho Nguyễn Tuân với những ký họa giấy và sơn dầu, sơn mài, ảnh và tượng đầu Nguyễn Tuân của Nguyễn Sáng, Bùi Xuân Phái, Sĩ Ngọc, Thành Chương, Hoàng Kim Đáng.

Nếu mất trộm, chỉ có một chiếc đài Liên Xô con con đặt đầu giường may ra còn bán được tiền. Nhưng cái đài cũng đã lão lắm, mấy lần Nguyễn Tuân nhờ tôi, nhưng bên Matxcơva cũng không còn đâu bán phụ tùng thay thế loại đài cổ ấy. Chủ nhân hàng ngày mở đài linh tinh các mục. Cho phòng có tiếng người, đỡ vắng. Chiếc mâm vuông gỗ sơn then Sĩ Ngọc mài, làm bàn nước, bàn ăn, bàn viết, bàn khách, với mấy cái ghế mây thấp người Thái ngồi bếp ở Lai Châu, chẳng biết nhặt nhạnh được ở những đâu.

Hôm ấy se se lạnh, từng làn gió nửa dải đồng, nửa heo may rạt rào vào đầu tường. Có cái gió hiu hiu này, ở ngoài đồng chắc thơm đầy mùi lúa cốm đương gặt. Những ngày vào thu ngán ngủ đáng yêu. Nguyễn Tuân khép cửa. Còn 90 trong lọ được đổ ra chiếc đĩa nhôm. Giữa lưỡi lửa xanh rờn, con mực Bắc Hải nâu nhạt mỏng manh như cái lá đề ưỡn dần lên. Nguyễn Tuân cầm chiếc kẹp bông băng lật con mực đã xém cạnh. Và tần ngần, như nói một mình: Cái gió này giục, người ta bồn chồn lắm. Nhưng mà với mình ấy à?

Bây giờ thì Sài Gòn cũng xa lắm rồi. Thất tiểu muội Mộng Tuyết có thư ra bàn triết tự về nét mác đuôi chữ Nguyễn ký vòng lên gông cả chữ Nguyễn vào trong, Nguyễn ngồi tù trong cái gông ấy thì còn đi đâu được. Nguyễn Tuân cười buồn, đến không muốn trả lời người xem bói triết tự cho mình bởi vì thực thì cũng chẳng còn nghĩ đến bay nhảy. Đôi khi mới ra khỏi phòng, chiếc gậy đưa bước chân thong thả trên quảng phố vắng, rồi nhúc nhai và buồn tình vẩy một cái xế lô trở về.

ở nhà Nguyễn Văn Bổng, một bạn bộ đội mời chúng tôi vào Thủ Đức xem phong lan, vườn của bạn ấy nhiều lan lạ và hiếm chỉ có trên núi cao vùng á nhiệt đới. Nguyễn Văn Bổng, Kim Lâm và tôi sốt sắng. Nguyễn Tuân gật gù: cho mình củng cố cái chân đã rồi bảo tôi: Này ông hoả tốc hỏi Lai Châu cho tôi xem thế nào. Trên Mường Tè còn hồ, may ra có của thật. Chứ cái cao Thái Lan, trông nó vuông vắn mượt mà quá, nuốt cả lạng chẳng ăn thua. Không biết cao giả hay mình đã nhầm thuốc quá. Rồi chuyển đi vào Sài Gòn xem phong lan á nhiệt đới cũng chẳng bao giờ có.

Binh đoàn 559 tổ chức Nguyễn Văn Bổng và tôi đi dọc một chuyến Trường Sơn. Một chiếc xe, một cán bộ đơn vị tháp tùng. Bắt vào đường Hồ Chí Minh từ Đông Hà lên Khe Sanh, đến đoạn đường Cuba làm khi mở đầu chiến dịch, rồi cả tháng ruổi qua A Sầu, A Lưới sang huyện Giàng bên Quảng Nam, dọc các tỉnh Tây Nguyên, bám vết đường 13 cũ xuống Sài Gòn. Dọc đường, lắm hôm chúng tôi ước:

- Giá mà có Nguyễn đi chuyến này?

Nghĩ thế thôi, nhưng cả trước khi đi cũng không dám đến chào ông anh. Có lẽ rồi Nguyễn Tuân cũng biết, bởi chúng tôi vắng mặt lâu. Nhưng ai cũng ngại không dám đụng đến tâm trạng của một người thêm đi, mà không đi được mà lại thấy người ta cứ đi. Có Nguyễn Tuân, lắm khi khốn khó vì những sáng kiến dềnh dàng bất thường, nhưng mà chỉ trơ trọi hai thằng nhặt nhèo thì bỗng dưng thấy trống rỗng hàng ngày quá. Cái tài Nguyễn Tuân chọn chữ, chọn cảnh, chọn chơi cũng như mỗi khi trong tẻ nhạt thông thường, Nguyễn Tuân bỗng thấy ra những chi tiết đậm đà hẳn. Có lần, tôi lên vùng rừng quế ở Viễn Sơn trên Yên Bái, bên kia sông Hồng. Khi trở ra qua Đại Phác và Đại Bục rồi lên Phố Ràng - những nơi chúng tôi đã dự những trận đánh đồn trong chiến dịch Sông Thao 1949. Nếu Nguyễn Tuân cùng đi, thế nào cũng dừng đại Mậu A tạt vào đền Đông Cuông để nhớ chụp tối ấy, cái lần gặp Kết trung đội trưởng trinh sát. Kìa cái đồi chúng tôi trú quân với hai thằng Tây địch vận, giữa tiếng súng nổ ran bụi tre trên đầu và cái đồn Đại Bục chụp tối cháy đỏ lòm Nguyễn Tuân đứng thúc trống ở quãng sân đồn phía nào, cái lô cốt đã xảy ra trận đánh khốc liệt cuối cùng có còn dấu vết gì không. Rồi ngược sông Chảy, có còn cái nhà ông chánh Khít dưới chân Phố Ràng. Tôi thì tôi chỉ ngồi yên nhớ lại, giá mà Nguyễn Tuân cùng đi thế nào cũng dùng đỉnh tìm xem và ngâm ngợi một cái gì. Giá mà...

Tôi chỉ ngồi nghỉ chân ở cửa hàng bách hoá trông vào đồi Đại Bục. Trong lòng cũng xốn xang nhớ lại, nhưng không đủ kiên nhẫn và cố gắng tìm tòi, lục lọi theo thói quen chịu khó như Nguyễn Tuân. Tôi thờ ơ nhìn lên dãy đồi trọc trống vắng và những ruộng nước bao quanh. Cũng định kể với hai cô người Tày bán hàng rằng: Các cháu ơi! Ngày trước tôi đã trèo lên đồi kia, bộ đội ta ở bên đồi này bắn sang cháy cái đồn đại Bục. Nhưng lại rụt rè. Bấy giờ cha mẹ chưa sinh ra các cô thì các cô có thể cũng chẳng biết là thế nào.

La cà hàng quán, ngồi tán tửu tượng những chuyển phương trời. Bây giờ thì con người ấy phải bước ra ngoài mọi cuộc rồi. Nguyễn Tuân lặng lẽ giơ cốc: Thôi nhé, chúc cất cánh hạ cánh bình yên. Có khi chẳng nói chẳng rằng, lăm lăm uống một hớp rượu rồi lại ngửa cổ bỏ vào miệng viên thuốc trợ tim. Nguyễn Tuân và Nguyên Hồng, hai người đã chăm sóc về bệnh tật của mình một cách hoang dại, tợn tạo như thế. Nguyên Hồng không làm sổ khám bệnh ở bệnh viện. Ê ẩm xương cốt thì đâm lưng và chửi: Chúng mày đồ ăn hại mới hay đi khám bệnh, chứ ông thì... Ông... Bây giờ, Nguyễn Tuân thêm chứng thấp khớp kinh niên lồi thối đến tim, phải khám định kỳ và uống thuốc phòng. Nguyễn Tuân đã uống thuốc phòng khi nâng chén. Hẳn cho là thuốc trợ tim vào cùng lúc nạp cồn có chất ấm áp thì cản được bệnh? Khi vui chén, Nguyễn Tuân hay chửi yêu tôi: Mày đi lắm, mày đi thật còn tao chỉ được mang tiếng là đi thôi. Vừa nói đùa xong lại trầm ngâm buồn, buồn nhiều. Một đời viết được tuyền vào có hai quyển, nhìn sách mà chẳng nói nên lời. Cho sách tôi, cái câu đề cho đúng như tôi muốn, nhưng cũng chẳng còn biết ý tứ thế nào. Anh không thích sách xén sẵn, nhận bản xồm xoàm mà rọc lấy vậy. Đi đâu, đã không còn bay nhảy được, giờ đây thêm cái day dứt, cái bức bối của con người ngày ngày quanh quẩn mở đóng cửa sổ.

Tôi được Nguyễn Tuân gửi cho một chai hảo hạng Giôn Uackơ, đẳng một lít, bọc giấy báo cẩn thận. Của hiếm này, hẳn hữu mới kiếm được mà có thì Nguyễn Tuân thường chỉ cho nhấp một hai chén. Cái ngon phải chia, còn phần người khác, tôi biết thế và giữ ngữ thế, ít khi dám nài thêm. Tôi uống phí rượu, thường hai ba chén sau cùng Nguyễn Tuân mới để cho tôi. Trong khi ấy, Nguyễn Tuân cầm cái cốc một góc quốc lủi với lát chanh cả vỏ và miếng đá, một thứ cốc tay tự pha. Nguyễn Tuân uống rượu nội hoá để cho khách và nhìn khách sài sang, có vẻ thích thú hẳn hoi. Làm thế nào, chủ rượu nhường cho cái thơm tho ấy cơ mà. Ôi chao, bần bách ngục rượu đến phải tính đếm đong từng chén mắt trâu, nhưng vẫn một cung cách riêng. Nguyễn Tuân uống rượu kiểu các cụ ta xưa. Mỗi bữa thanh cảnh ba đôi chén, hiếm khi mềm môi và không nát. Rượu ngon mua có thổ, không rượu chợ, không đụng đến các thứ lảng nhãng cái chanh, cái dâu, vang mơ, vang mạn. Cả đến sa kê Nhật vị ngọt, Mao Đài có hơi rượu khô cũng không ưa. Những chén khuya, với miếng cơm nắm, muối vừng cũng là cái thú riêng.

Tôi hỏi:

- Ông anh phát tài phát lộc thế nào mà thưởng cho em cả cái hũ chưa bóc tem thế này?

Nguyễn Tuân rót cho tôi một cốc rượu ở chai khác đương dùng dở. Trang trọng, lịch sự, thông thả, lần này Nguyễn Tuân cũng uống rượu quý, mà không ngồi ngắm người khác xơi rượu ngon của mình như mọi khi.

Nguyễn Tuân gật gù:

- ở Paris, người ta mời tôi sang chơi.

- Thăng Buda dạy ở Pari 7 nhỉ?

- Người ta bảo sang giảng cho ít buổi. Không, thăng Buda kiết xác ở độc thân, có gì mà mời? Nhà Việt

Nam của Việt kiều có nhã ý.

- ờ đi đi chứ ông!

Nguyễn Tuấn thông thả lắc đầu.

- Không, không đi. Mình muốn sòng phẳng, đặng nào rõ đặng ấy. Đi chơi hay đi làm việc. Người ta có nói riêng: làm việc chỉ là cái cớ mà mời ông đi chơi là chính. Làm việc khác đi chơi chứ sao lại có cái cớ được.

- Thế thì thế nào?

- Trả lời không đi rồi..

- Bởi thế, có ngụm rượu uống. Đáng lẽ người ta đặt mua vé ở đại lý hàng không Pháp chỗ góc đường Tràng Thi, thì tôi bảo đặt mua cho tôi ở cửa hàng bách hoá quốc tế Giảng Võ. Và cái vé thành những cái của này. Nào ông, mời ông...

Hơi men hôm ấy đưa chúng tôi vào bao nhiêu chuyện đường trường. Không hiểu tại sao bay đường xa máy bay lại hay cất cánh hạ cánh đêm. Những canh khuya, những mờ sáng, xuống Matxcơva, đến Batđa, Đamat, đến Bâyrut... Chín giờ tối từ Tân Đê li ra sân bay Pa lam. Ô-tô đang chạy, một cái chai không của thắng say nào choang vào thành xe, vỡ tan. ở ấn-độ, quốc lễ không uống rượu. Tôi đã nghiệm, đâu mà cấm, người ta uống chui càng khá lắm. Mỗi buổi sáng, một ông nhà buồng rìa vênh đến dọn dẹp. Tôi rót một cốc to vôtca. Ông ấn-độ ấy vén rìa làm hai hơi xong cả cốc rồi lấy đi túi quần áo giặt. Thế mà như không, bên thắt lưng đeo chùm chìa khoá, mở đóng ý tứ, không lẫn cửa nào. Tôi kể với Nguyễn Tuấn trên trời Đà Nẵng có những lỗ hổng không khí, tôi đã bì hẫng xuống một lần như tụt thang máy, chuyển đi Campuchia năm 1962.

Lời từ chối và câu cắt nghĩa không đi Paris của Nguyễn Tuấn không thể bao giờ đầy đủ. Cái tâm sự nát lòng người ta thì không một lời chữ nào thổ lộ và giải bày cho hết được. Hai cái chân đã rỗng cả ống của con người vốn khoẻ đi ấy gây cái khó vô cùng cho sự đi, xoá mờ cả tấm tình sông hồ rồi.

Tháng bảy, tôi ra Cát Bà. Tôi vẫn có ao ước được đến vùng đảo khác lạ này chỉ cách Hải Phòng có nửa buổi tàu ven biển mà chưa khi nào tôi được đặt chân tới. Người bản địa bảo đi mùa thu ra Cát Bà sẽ được ngắm cá heo, hàng trăm con cá heo đùa rồn theo tàu.

Nắng gắt, thành phố oi nóng ngột ngạt. Tôi đến chào khoe với Nguyễn Tuấn một chuyến đi còm, nhưng thú vị. Cuối buổi sáng, xách xôi bánh giò, khoai giò bò mua ở quán quen bên kia đường trước nhà. Cũng như ai và đã thành lệ, phải đoán đình, trường đình một cái chơi chứ. Cụ bà bảo tôi ngồi đợi đấy, có muốn uống thì cứ lấy mà uống, cụ ông đi bách bộ quanh đây, chắc cũng sắp về. Một lát, nghe ba toong chọc chọc lên thang gác. Cái gậy song Sa pa vàng cánh gián, tiếng gậy chống xuống mặt gỗ nghe lura thừa rồi rạc.

Đoán được bước chân khó nhọc, nặng nề. Nguyễn Tuân bước vào, mặt bơ phờ tím tái, không phải mặt rượu đỏ hồng. Nhưng cất gậy vào ống, ngăn nắp vẫn dẫu vào đây. Nguyễn Tuân ngồi xuống tấm phản lim.

- Mới đến à? Có việc gì không?

Tình ý thì biết là câu hỏi của người ngại khách. Muốn đuổi bởi đương mệt, đương khó chịu. Còn việc gì nữa. Đến đây chỉ có việc chơi chứ việc gì. Tôi ngần ngại rồi nói:

- Không, nhưng chẳng thôi.

Nguyễn Tuân ngả lưng, hai tay buông xuống mặt phản.

- Lấy mà uống. Chai nút đỏ ở phía ngoài, cái ấy đậm lắm. Mình phải nghỉ một lát đã.

Rồi Nguyễn Tuân khép mắt. Ngần ngại nhìn quanh rồi tôi lặng lẽ ra về, khi Nguyễn Tuân đương nằm thiêm thiếp. Tôi không dám nói tôi sắp đi Cát Bà.

Cuối phố Cát Bà cũ - bây giờ còn trơ những tảng đá, đám cọc nhà sàn lừng, bên bờ trông ra vịnh. Nhà trọ Chùa Đông trước kia là cái sòng bạc cạnh chùa Đông, nền chùa mờ mờ cỏ còn hình lại chỗ vết đường bằng máy bay lên thẳng của Pháp. Xung quanh đều hiu hiu như chơi với tới chân trời nào. Chập tối, điện chạy máy nổ, đến chín giờ thì thay bằng đèn hoa kỳ. Lúc ấy chỉ còn thấp thoáng sóng nước trong vụng ven đường đá và ánh cây đèn đảo Long Châu ngoài khơi.

Chiều thứ bảy, như có đoàn thám hiểm ập đến nơi hoang vu. Đây là những chuyên gia Thụy Điển làm việc ở xưởng tàu Phà Rừng ngồi ca nô đến, có mấy cô gái điếm đi theo. Một cô khoe với tôi ở ngoài hành lang là cô đã đọc Vợ chồng A Phủ! Các người nước ngoài chơi trên sân gác sáng trăng, quảng vô chai Lúa Mới xuống vịnh, hò hát lắm nhảm suốt đêm. Hôm sau, một đám trai gái từ Hà Nội xuống đi tàu ra đảo. Như những người di gan lang thang. Bạt và màn cuốn trong ba lô, vai đeo những can nhựa đựng rượu. Hỏi ra đều là cán bộ kỹ thuật và văn phòng đi chơi ngày nghỉ, sớm thứ hai lại có mặt ở các sở làm. Các bạn trẻ đều đã học ở nước ngoài về. Cuộc nhảy không có nhạc, nền xi măng lạo xạo ngay trước phòng tôi. Các bạn mời tôi ra chơi rồi xúm lại kéo tôi nhảy. Không ánh trăng, không đèn, không tiếng nhạc, chỉ có tiếng quay mình huỳnh huých, chân lảo đảo như người đi đêm trên bãi cát. Tôi đành kiêu. Nhớ một đêm nhảy múa man dại thế này trong tiếng trống rầm rộ trên bờ biển thành phố Daet Sa lam xé dưới Đông Phi. Chốc nữa, các bạn ấy trở về dãy nhà ngang đằng kia, mười mấy người mà chỉ thuê có một buồng. Tôi ngồi lại đây trông vào mịt mù nhìn thấy xa lắc xa lơ một thời đã qua. Âu cũng là cái nhộn nhạo thuở nào được khuấy động chốc lát. Tôi cũng sợ rồi, tôi ngồi im.

ooo

Buổi sáng có người đến báo Đào Vũ và tôi:

- Đêm qua, nghe đài báo ông Nguyễn Tuân mất rồi.

Tôi nghĩ như vẫn buổi tôi ngồi uống một mình ở nhà ông trước hôm đi Cát Bà, như Nguyễn Tuân vẫn nằm yên từ buổi sáng hôm ấy. Nguyễn Tuân! Nguyễn Tuân ôi. Ô hô? Ô hô!

Bãi tắm Cát Cò, hai bên vách đá thẫm đen, không bóng người. Con kỳ đà đứng đỉnh bờ ra giữa đường hầm, bạnh mang, dưới chân nhìn quanh rồi lại nép vào mép tảng đá. Bỗng lại nhớ rừng già Thượng Yên. Những con kỳ đà mọc thếch như gốc cây ra rình chớp gà tổ gà của Aki. Người bạn Nhật ăn chuối tây trộn lòng trứng. Chúng tôi vào quán ông 81 ngã sáu dốc hàng Kèn... Vết chân người lẫn chân con kỳ đà in vân vân trên cát.

1990

Mục lục

<u>Chương I -</u>	
<u>Chương II -</u>	
<u>Chương III -</u>	
<u>Chương IV -</u>	
<u>Chương V -</u>	
<u>Chương VI -</u>	
<u>Chương VII -</u>	
<u>Chương VIII -</u>	
<u>Chương IX -</u>	
<u>Chương X -</u>	
<u>Chương XI -</u>	

CHIỀU CHIỀU

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương I -

Năm ấy, tôi ở một tổ đi thực tế nông thôn, nửa năm về Thái Bình. Tổ tôi có tổ trưởng Hoàng Trung Thông với các tổ viên: Chu Ngọc, Phùng Quán, Trần Lê Văn, Hoàng Cầm.

Tổ trưởng Thông họp chúng tôi lại, trước khi đi, dịch cái nghĩa chuyển đi dài ngày này là xuống địa phương tham gia lao động cho thấy được, biết được làng xóm sau cải cách ruộng đất và sửa sai đường lên hợp tác xã rầm rầm. Tôi hiểu rằng không có yêu cầu về viết lách, thế là đi cho mở mắt ra. Năm trước, tôi cũng đã về xã ngót hai năm, ba đợt làm anh đội cải cách rồi anh đội sửa sai. Nghe Thông nói thế, tôi cũng lấy làm thường.

Lên hợp tác rầm rầm là nói quen miệng, khoái miệng, chứ thực phong trào hợp tác hóa nông thôn chỉ mới bắt đầu. Xã chúng tôi tới mới có một thôn này được chọn làm thử- thôn ít phức tạp khi cải cách ruộng đất thì cho làm thí điểm.

Lại được dặn thêm: lao động tùy sức, không như “ba cùng” phải lặn vào bó việc ra mà đổ mồ hôi “thổ cải”. Tổ trưởng phổ biến thế chứ có gay go mấy tôi cũng chẳng ngại. Tôi đã hai năm với đồng ruộng từ Thanh Hóa ra Hải Dương, hai cuộc tổng kết ở Hậu Hiền, ở Quỳnh Côi, ba đợt công tác từ đội viên chân trắng lên đội phó phụ trách tòa án rồi làm báo đoàn sửa sai. Trước đây tôi chưa biết mặt cây lúa. Rồi tôi cũng xắn quần khỏi đầu gối ra đồng lội ruộng, vai vẫn đeo cái túi sắc cốt da, vẽ cán bộ. Anh đội chúa chòm một xóm, ngại ra đồng thì mở túi lấy sổ vở nghiên cứu, đói thì bảo cô Đăng con ông rể trưởng xóm ra chợ mua bánh ngô kẹo bột về ăn, có người đến thì đứng dậy cầm cái chổi đưa mấy nhát quét nhà, ăn vụng, kể cả ăn vụng người, và làm che mắt thế gian, anh đội tôi nào biết có ai trên đầu. Tôi chẳng ngỡ những cuộc đi thế này, kể cả khi đương kháng chiến, ở Tuyên Quang làm thuế nông nghiệp với Nam Cao, xuống vùng giáp địch ở Việt Trì, công tác thuế công thương với Xuân Diệu.

Nhưng tôi cũng không đi một lúc với cả tổ. Các anh đã xuống huyện trước tôi. Tôi còn bận ở lại tổ chức cho các đội đi thực tế các nơi. Bấy lâu ở cơ quan, tôi như con dao pha, chuyên làm những việc linh tinh và cụ thể.

Ban chấp hành và thường vụ hội đã bầu lại, sau mấy đợt học tập kiểm điểm, trước mắt hãy đi thực tế, và tôi phải làm những việc này cho xong đã.. Các chuyến đi, trước nhất là anh em công tác ở cơ quan. Nhưng nhiều văn nghệ sĩ ở Hà Nội chưa có việc làm cơ quan nào cũng đến nói muốn được đi. Tất cả mỗi người mỗi vẻ, mỗi nòi. Có những người sẵn sàng đi xa. Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Tưởng, Văn Cao, Lưu Quang Thuận, Nguyễn Văn Tý lên huyện Điện Biên trên Lai Châu- rừng xanh núi đỏ quá, chẳng ai tranh, xếp đoàn đi xong ngay. Các nông trường ở Tây Bắc, Trung Du, miền núi Nghệ An đương là những vùng đất mới kỳ

diệu. Nguyên Hồng, Võ Huy Tâm, Huy Phương, Nguyễn Hải Trường về nhà máy và ra mỏ ở Hải Phòng, ở Hồng Quảng. Kim Lân vác xà beng đi đào sông bên Bắc Hưng Hải... Trang nhất báo Nhân Dân in ảnh Nguyên Hồng đẩy xe goòng nhà máy xi măng và Võ Huy Tâm đội mũ thợ, tay xách đèn bão, đi lò. Còn nhiều đoàn, đội nữa, tôi nhớ đại khái thế. Dầu cho việc đi là được đi hoặc tự nguyện nhưng đều ý tứ, mỗi người cũng có tính toán và thu xếp riêng, ai chả thế. Những người bị kỷ luật của Hội về vấn đề Nhân Văn hay là có hơi hướng với đám này thì coi như nhất loạt thăng cánh đi. Những người trong kiểm điểm có tư tưởng hữu khuynh như tôi phải đi cọ xát thực tế cho thấy được cái đúng ở đâu. Các người lãnh đạo thì chẳng ai nghĩ các anh ấy phải đi. Nhưng cũng có người hăng hái với phong trào cứ thấy nay có bài về nông trường Rạng Đông, mai có bút ký mỏ cốc 6, ngày kia đã có thơ tả cầu Hiền Lương- đi nhanh quá, hăng quá, chẳng biết bằng ô tô hay bằng xe đạp. Các người bấy giờ đương là những cốt cán vững như Đền Phồn, Mạnh Phú Tư, Huyền Kiêu thì ở nhà củng cố cơ quan. Nhưng các anh ấy nói nhún, cũng khoe khéo “tớ ở nhà canh gác cho các cậu đi, khoái nhé”. Chúng tôi đã ở Việt Bắc, ở khu Tư, khu Năm hay Nam Bộ thế nào thì cũng đã quen các đợt công tác về làng xã, nhà máy hay đơn vị quân đội. Nhưng cái khó và cái dễ là đối với anh chị em trước kia ở Hà Nội sau chín năm kháng chiến. Chẳng mỗi chốc đã được mới đi thực tế, được vào học trường Đại học Nhân dân, đấy là dấu hiệu rồi may mắn có thể vào biên chế nhà nước. Lo lo và chờ đợi cái thước tin cây đo đến mình.

Tôi vương vớ khối những cái bấn này chẳng ra đâu vào đâu. Bởi đây không phải cuộc bắt đi nhưng ai cũng nên đi. Có người cần, có người ngại, có người thờ ơ, mỗi người mỗi khác. Bác Tú Mỡ hăng hái đạp xe theo tổ trưởng Đào Vũ mấy tháng ở Vũ La dưới Hải Dương. Tôi đến Vũ La, bác khoe: “Về nhà quê, khí hậu tốt, lao động một tý, ăn khỏe hẳn lên”. Trên có nhắc tôi rủ ông Phan Khôi, nhưng bố bảo tôi cũng chẳng dám đến cái gác phố Thuốc Bắc mời ông ấy đi thực tế. Lão quắc mắt lên, hỏi dồn, rồi xỏ cho mấy câu, chỉ đại mặt.

Họa sĩ Nguyễn Sáng cũng không đi. Tôi đã nói với Hoàng Trung Thông cho Nguyễn Sáng đi với chúng tôi Về làng mà chỉ trần có mấy anh cầm bút thì nhạt trò. Phải có người múa hát, người làm xiếc, người biết vẽ thình thoảng làm cái truyền thần cho bà con thì dễ nổi đình đám. Nguyễn Sáng xua tay: “Vẽ là lao động rồi. Tớ bận vẽ”.

Nguyễn Sáng có đương vẽ vờn gì đâu. Hồi ấy, Nguyễn Sáng mê ăn kem hiệu Tiến Đạt phố Yết Kiêu. Kem que thôi, nhưng Tiến Đạt được tiếng quay ra nhiều thứ kem lạ miệng, kem dừa, kem cốm, lại còn kem mùi ôi, kem mùi mít, mùi na, mùa nào thức ấy. Thật cũng không phải Nguyễn Sáng khoái kem, mà họa sĩ đương phải lòng các cô bán kem. Nhà có mấy cô mười ba, mười bảy hay hay mắt, cái anh chàng trên dưới bốn mươi tuổi này cứ lẩn lóc mê tới.

Hơn mười năm trước, năm 1946, Nguyễn Sáng đã có vợ. Cô Jennen Dobrien, Pháp lai Đức, cùng sinh viên Mỹ thuật. Nhà ở phố Bùi Thị Xuân bây giờ, tôi thường đến nhờ Nguyễn Sáng vẽ cho báo Hồn Nước cơ quan Trung ương Đoàn Thanh niên Cứu quốc Việt Nam. Jerman nhỏ nhắn, búi tóc, mặc áo cánh nâu, quần lửng thâm. Mỗi người đã sẵn một chiếc ba lô xì cút sữa soạn đi kháng chiến. Hà Nội đương vừa bí mật vừa sôi lên sắp sửa cho cuộc chiến đấu. Ngoài đường, người quảy gánh và xe bò đồ đạc tản cư đi bên

những hào lũy các đội viên tự vệ sao vuông của khu phố và cơ quan. Họa sĩ Mai Văn Hiến, Nguyễn Văn Thiện, Thân Trọng Sự, Nguyễn Tư Nghiêm đã ra Ngã Tư Sở ở địa điểm tạm, chờ đi. Trụ sở hội Văn Hóa Cứu Quốc gần bờ hồ Thiền Quang không còn ai. Thâm Tâm đưa vợ con tản cư về Hải Dương, trở lên thì đã nổ ra kháng chiến. Những bài thơ về đường số 5 trong khói lửa của Thâm Tâm có hơi hướng những việc nhà này. Thâm Tâm vào bộ đội ở báo Vệ quốc quân của Lê Tất Đắc. Tôi gặp lại trên đồi Đồng Lư bên sông Đáy gần chùa Trầm, chùa Thày. Nam Cao về quê thu xếp việc nhà rồi ra làm báo kháng chiến của tỉnh Hà Nam. Tôi có giấy tờ ở lại khu II (Hà Nội) làm phóng viên mặt trận của báo Cứu Quốc. Vợ chồng Nguyễn Sáng năm năm, không biết rồi sẽ đi thế nào. Nguyễn Sáng công tác ở nhà in bộ Tài Chính, cơ quan tối mật in giấy bạc, tem và công phiếu kháng chiến. Làng nào, phố nào cũng đương ráo riết đề phòng việt gian, canh cả những giếng nước, vòi nước, sợ việt gian bỏ thuốc, bôi thuốc độc vào vòi nước. Chẳng may ai có bộ quần áo tốpican mép vải viền xanh trắng đỏ tam tài, hay trong túi có cái gương “ám hiệu máy bay” thì bỏ đời rồi. Không thể cơ quan tài chính quan trọng thế mà lại có con đầm mũi lõ mắt xanh đi theo. Nguyễn Sáng và Jermen phải chia tay. Họ xa nhau thế nào, tôi không biết, cũng không bao giờ hỏi. Chỉ đến 1954, trở về thành phố, mới hỏi có tin tức Jermen không. Nguyễn Sáng nói: “Biết đâu mà tìm. Chắc nó về Tây đã lâu”. Rồi đùa: “Mày làm báo hay đi nhiều nơi, dò la hộ tao xem nó ở đâu”. Từ đấy, chẳng bao giờ nhắc đến nữa.

Nguyễn Sáng mê gái hay để ý những cô gái mới lớn. Lý luận vợ vào của anh ta rằng “tình yêu không có tuổi”. Bởi thế hay đến ăn kem que nhà Tiến Đạt. Tôi chẳng còn ở tuổi lằng nhằng thuở nào đi hộ vệ Đình Hùng, Nguyễn Bính ngày ngày vào mua phong thuốc Lào Đông Phát trước cửa chợ Đồng Xuân có cô bán hàng bắt mắt rồi lại đảo qua phố Mới cầm ra quyển Bồng Lai hiệp khách ba xu của ông Tàu Lý Ngọc Hưng viết truyện kiếm hiệp, để được nhìn mặt, đụng tay cô Sính con ông ấy. Nhưng cũng đôi ba lần tôi đến hàng kem Tiến Đạt làm khách đứng ngoài quây, xem Nguyễn Sáng ăn hết mấy que kem mà vẫn chưa dứt chuyện. Nguyễn Sáng không đi thực tế là vậy, cũng chẳng ai để ý. Nhưng tôi thương nhất Nguyễn Khắc Dực viết kịch, xin mấy lần mà không được đi. Tôi quen Nguyễn Khắc Dực trước 1945. Cái khi ở Hà Nội mọi thứ rối ren, từ miếng cơm đến thời sự. Quân Nhật đã đánh vào Lạng Sơn, đổ bộ Hải Phòng. Đường tiếp tế ết sảng Hải Phòng-Trùng Khánh, Pháp cho Tưởng Giới Thạch thuê đã bị Nhật chặn phá. Rồi Pháp-Nhật có khoảng nhau to hơn không, ở những đâu nữa. Các đảng viên thân Nhật mọc nhua nhúa. Trong khi các đoàn thể cứu quốc của Việt Minh đã công khai bán tín phiếu, tổ chức lan rộng, có cả Việt Nam Cứu quốc hội, nghĩa là bao gồm người cả nước cứu quốc. Trong thanh niên, ở các tổ chức công khai và cả bí mật liên miên tranh luận lý thuyết, đến cả ở sân trại giam sở Liêm phóng Bắc Kỳ, mà tôi đã được chứng kiến, người ta cũng sôi nổi cãi nhau chửi nhau quốc gia hay quốc tế, đệ tam hay đệ tứ.

Tôi cũng quen mấy cha theo đệ tứ áng lưá tôi lúc ấy hơn tuổi một chút có Nguyễn Tế Mỹ, Nguyễn Xuân Huy, trên nữa có Phạm Ngọc Khuê, em em tuổi tôi đôi chút cỡ Nguyễn Khắc Dực, Vũ Tăng... Tôi chẳng bao giờ nhớ mạch lạc thế nào, cứ triền miên những câu biện chứng pháp hạt đậu thành cây đậu... cách mạng thường trực, cách mạng phải lên toàn thế giới mới đến thế giới đại đồng... Cũng là những câu nhặt trong sách Phan Văn Hùm, Tạ Thu Thâu nhà xuất bản Tân Việt in. Một thời hoang dại của con người ta, gân cổ cãi cọ những ngược đời và đam mê. ở quãng không còn tuổi thiếu niên của chúng tôi, cũng chưa hẳn đã

thanh niên, dòng đời còn loăng quăng, cái gì cũng vỗ ngực ta đây, nhưng thật thì chưa biết mình rồi ra sao. Có điều, nếu đưa nào làm mật thám Pháp, Nhật ăn lương tháng hay được trả tiền vụ tiền từng việc, thì là quân trộm cướp, bị khinh, bị chửi và mọi người xa lánh. Quốc Dân đảng hay Đại Việt mới mọc ra đây và có quan thầy Nhật cũng coi là lố quố, làm tiền, cơ hội. Chúng tôi thiên về quốc tế mới hơn đệ tam quốc tế mà tôi theo từ thời ái hữu, nghiệp đoàn rồi thanh niên phản đế, bây giờ là mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng Minh, nghe có sự tin cậy và quyết tâm. Nguyễn Khắc Dực cũng như tôi, nhưng nó lại mê cái cách mạng thường trực của tờ-rốt-kít. Cho đến kháng chiến, cũng không gặp lại. Nghe nói Nguyễn Tế Mỹ bị thủ tiêu ở Thanh Hà và Dực bị bắt ở Sơn Tây. Rồi đích xác thế, tôi còn biết Dực bị giam cùng với Nguyễn Hoạt trên khu du kích vùng núi Ba Vì của tỉnh Sơn Tây. Tôi biết như vậy cũng vì Nguyễn Hoạt. Nguyễn Hoạt người làng Đông trên Bưởi. Tôi quen Nguyễn Hoạt ở làng Đông hay Doãn Quốc Sỹ dưới Cót, những đứa trạc tuổi, cùng vùng và có chút chữ nghĩa. Làng Đông có mấy thằng cùng tôi, Hóa, Uẩn với Hoạt. Hòa và Uẩn học với tôi trường Yên Thái. Rồi sau Hòa làm lý trưởng, gọi là lý Hòa. Uẩn thì đi lính không nghề Ons sang Tây. Ấy thế mà năm 1952, trên mặt trận Tây Bắc, tôi trông thấy thằng Uẩn mặc bộ đội đứng ăn cơm tập thể đổi đầu đũa dưới nhà bếp địa phương quân tỉnh Sơn La. Tôi không tin mắt tôi. Tôi hỏi, anh em bảo đây là đồng chí Đông, sắp lên quân chủ lực. Lúc kháng chiến, ta hay đổi tên, gọi là bí danh, nhưng Đông, làng Đông thì đích thằng Uẩn rồi. Tôi chưa kịp gặp, Uẩn đã lẩn đầu mất. Chắc nó đã trông thấy tôi. Không hiểu sao nó lại lánh mặt. Còn Nguyễn Hoạt tôi quen khi tôi đã ra học trường tiểu học Yên Phụ. Nguyễn Hoạt học trường Bưởi, cấp trung học hơn trường tôi. Nó gây còm nhom, hay bị trẻ con làng Thụy, làng Hồ bắt nạt, đón đánh mỗi khi đi học qua. Trong cặp tôi đã trữ sỏi đá đường tàu điện, gạch củ đậu để ném chó, ném sấu và phòng nện nhau. Tôi đã mấy lần cứu thằng Hoạt, tôi đánh bọn làng Thụy, làng Hồ chó cậy gần nhà bắt nạt Hoạt. Thế là chúng tôi thành bạn. Rồi băng đi đến 1945, tôi được tin Nguyễn Hoạt giữ chức “tình chính phủ Quốc Dân đảng” dưới Nam Định. Khi đó, tỉnh nào có quân Tàu Tưởng đóng thì ở đấy có trụ sở Quốc dân đảng Việt Nam núp bóng treo cờ Tàu có hình mặt trăng mà chúng tôi gọi là cái cờ “ru líp” xe đạp. Đến kháng chiến, Hoạt bị tù.

Nguyễn Hoạt và Nguyễn Khắc Dực đều bị bắt ở Sơn Tây. Nói là phải tù, nhưng đều làm công tác- Nguyễn Khắc Dực kể với tôi: “Chúng tớ công tác địch vận. Viết và in đá lặn tay truyền đơn chữ Pháp cho bộ đội vận động lính Âu Phi: Có đến hơn ba năm di chuyển quanh quẩn trong chiến khu Ba Vì. Rồi hai đứa được thả.

Mỗi người đi mỗi nơi. Nguyễn Hoạt “dinh tề” vào Hà Nội. Nguyễn Khắc Dực tìm lên cơ quan văn nghệ kháng chiến. ở tận vùng hậu địch khu hai, khu ba, lẩn mò thế nào, không biết dòng đã bao nhiêu lâu mà Dực tìm được, tới được nơi chúng tôi đóng cơ quan quăng cây số 7 trong chân núi Là đường Tuyên Quang-Hà Giang. Thế là Nguyễn Khắc Dực ở với chúng tôi. Dực lẳng lẽ, nghiêm nghị, chẳng còn hung hăng cách mạng lung tung kỳ cùng như xưa nữa. Có lẽ cũng chỉ có tôi biết cái thuở bát nháo ấy của Dực, chứ Nguyễn Huy Tưởng, Nam Cao, Ngô Quang Châu, Nguyễn Văn Mãi chẳng biết đâu và tôi cũng không nói lại với ai là thằng Dực phản động và ở tù ra. Nguyễn Khắc Dực tham gia phát động giảm tô ở Thái Nguyên, viết kịch Con bò quả thực được giải khuyến khích của Hội Văn nghệ Việt Nam, năm ấy đặt ra giải thưởng văn học đầu tiên. Dực hăng hái và nền nếp chẳng khác chúng tôi. Đời người ta ai ngang bằng số ngày biết trước bao

giờ, - ngấm ra thế. Nguyễn Khắc Dực không viết báo Nhân Văn. Không làm đặc san Giai Phẩm. Cũng như nhiều anh chỉ mới có tên quảng cáo tác phẩm ở bìa 4 sách nhà xuất bản Minh Đức “sẽ in, sẽ ra” cũng bị liệt vào cái bị ấy cả. Nhưng Nguyễn Khắc Dực thì không, dù các anh kia thì cũng ở một cơ quan, hàng ngày gặp. Thế mà Nguyễn Khắc Dực cũng chả chơi, Dực tu tỉnh và biết mình. Cái vạ xảy ra ở trên trời rơi xuống. Bỗng dưng Nguyễn Khắc Dực nhận được cái thư của Nguyễn Hoạt từ Lào gửi về. Không biết Nguyễn Hoạt ở Sài Gòn sang Lào hay nó ở Sài Gòn nhờ người bên Lào gửi hộ. Hồi đó thư từ Bắc Nam không mấy ai viết vài chữ gửi đường bưu thiếp theo hiệp định Giơ Ne. Người ta hay nhờ người quen ở nước ngoài chuyển. Tôi cũng thường có thư cho chị Tư tôi ở miền Nam. Thư sang Pháp, cô Thu Trang ở Pari gửi tiếp cho về Sài Gòn. Tôi không được đọc cái thư của Nguyễn Hoạt viết cho Nguyễn Khắc Dực. Nhưng nhiều người đã được đọc, hay là, chỉ được nghe nói lại rồi thêm râu ria vào thì đúng hơn. Nhưng đã nhiều người biết, có khi cũng bởi Nguyễn Khắc Dực đã khoe chãng. Cu cậu cũng thú vị chứ, các ông viết lách là chúa trống mồm, hay bốc.

Cái thư của “phía bên kia” của địch, giao thiệp với địch sờ sờ ra đấy, lòi thòi hơn biết bao nhiêu những phóng sự “Xiếc khi” của Quang Dũng hay bài ký tả chuyện mất xe đạp trước cửa hàng nhà mậu của Thanh Châu mà lúc ấy có tiếng xì xào. Thư của Nguyễn Hoạt kể anh ta đương tài danh nhất Sài Gòn và có tiếng ra thế giới, ký bút danh Hiếu Chân, đã viết báo lừng lẫy lại địch đăng báo và in Liêu Trai Chí dị. Đi xe hơi có vệ sĩ hộ tống, đương vận động vào nghị viện. (Khi chế độ Ngô Đình Diệm đổ, Nguyễn Hoạt đã làm nghị sĩ trong Thượng nghị viện). Tôi không biết Nguyễn Khắc Dực đã bị kiểm điểm tóa khói hay thế nào. Dực đã về công tác hội Sân Khấu. Việc Nhân Văn Giai Phẩm đã qua lâu, nhưng việc này thì như vết tràm trên trán, không xóa được. Cho nên Nguyễn Khắc Dực không được đi thực tế như mọi người. Nhưng rồi có Vương Lan nhà viết kịch xung phong về giúp sân khấu vùng mỏ, Nguyễn Khắc Dực lại lên xuống xin cơ quan mấy lần mới được đi Hồng Quảng, công tác biệt phái đề tài công nhân. Đi vào các đề tài sáng tác, chuyện tự nhiên với chúng tôi, nhưng đã bị mấy phen vấp vấp, đến lần tai bay vạ gió này thì quá rồi. Xuống vùng mỏ, Nguyễn Khắc Dực đã đi hăn vào núi, viết về người Dao quần ống chẹt. Một lần, Nguyễn Khắc Dực về Hà Nội tìm tôi, khoe: cái kịch dài viết về dân tộc Dao của Nguyễn Khắc Dực sắp được diễn ở thị xã Hòn Gai- tôi không nhớ tên vở kịch. Dực rủ tôi xuống xem. Nhưng tôi không cố gắng đi được. Bẵng đi, nghe tin Dực ốm rồi qua đời. Còn các thằng Hiếu Chân Nguyễn Hoạt làm báo Tự Do ở Sài Gòn, đã viết cái thư giết Nguyễn Khắc Dực kia, tôi được biết nó ở lại Sài Gòn. Có lẽ cũng không ai buồn xách cái tã ấy đi di tản. Thằng Điều bạn người làng tôi ở Sài Gòn lâu năm, Điều kể gặp Nguyễn Hoạt hỏi nó có muốn gặp Tô Hoài không. Nguyễn Hoạt lắc đầu. ít lâu sau, nghe tin nó chết bệnh. Các văn nghệ sĩ ở Việt Bắc, ở khu Năm, ở Nam Bộ ra đều đã quen các đợt công tác thực tế trong kháng chiến. Cái dễ và cái khó nhất là đối với người đương ở Hà Nội bấy giờ. Chưa mỗi chốc đã vào làm việc một cơ quan nào, nhưng được bảo đi thực tế, là dấu hiệu được tin cậy.

Chị Mộng Sơn bảo:

- Tôi xuống lao động nhà máy dệt Nam Định.

Tôi thật tình nói:

- Chị đã quen thuộc thành phố, chị nên...

Mộng Sơn ngắt lời ngay:

- Anh cho là tôi không được đi với công nhân à?

- Không, không... Vâng, vâng... chị đi nhà máy... nhà máy...

ở Nam Định về, mấy tháng sau ở tổ sáng tác, chị không nhờ tôi đọc bản thảo, cũng không cho tôi những quyển sách của chị mới in, như năm trước chị và anh Uyển Diễm đã tặng tôi sách của nhà xuất bản Vỡ Đất của anh chị. Chị cho là tôi thành kiến khả năng sáng tác về công nhân của chị.

Với Hồ Dzếnh thì gọn việc. Tính anh cẩn thận, chu đáo, tính toán, người nhà vào năm bệnh viện Bạch Mai, anh đi chăm nom, lại xin cái giấy giới thiệu viết bài báo về bệnh viện. Anh bảo anh thích đi thực tế, nhưng anh bận việc gia đình, nhà có cháu nhỏ, anh đề nghị đi nhà máy xe lửa Gia Lâm, vừa thâm nhập thẳng vào giai cấp công nhân lại tiện đi về gần nhà. Nhiều người thiết tha đi, phụ cấp tiền chỉ cái hương cái hoa. ở nhà máy xe lửa Gia Lâm, Hồ Dzếnh làm với tổ sơn toa tàu, được trả tiền công khoán cẩn thận - Hồ Dzếnh bảo tôi thế, tôi cũng lấy cái ham thích của anh. Hồi ấy, anh cho tôi những tập thơ Rừng phong của Vũ Hoàng Chương nhà xuất bản Đông Phương của anh in 1953 và tập thơ thiếu nhi Mây vẫn tươi sáng của Trần Trung Phương. Anh nói: "Tôi tặng sách, nhưng tôi không phải người quì lụy đâu nhé". Tôi hiểu câu anh nói. Trước kia, tôi cũng chỉ biết, không quen Hồ Dzếnh. Khi ấy, anh đã thôi đứng bán hàng tơ lụa cho Thượng Hải thương điểm, nhà Phan Thái Thành ở Hàng Ngang. Anh đi sửa mo-rát, trông nom nhà in á Châu xuất bản cục phố Emin Nôly - đường Châu Long bây giờ, chủ nhà in và xuất bản Nguyễn Bá Dĩnh mượn anh, nhưng Dĩnh cũng là bạn anh. Tập truyện ngắn Chân trời cũ của anh in ở đấy. Những hôm cạn tiền đi uống, đi ả đào, Vũ Trọng Can và tôi đứng đầu phố đợi Nguyễn Bính vào nhà in á Châu trả tiền Hồ Dzếnh. Anh thường cho chúng tôi tiền, nhưng cũng như Trúc Đường trong Ngũ Xã, anh không kéo lủ đi đàn đúm với chúng tôi. ý tứ Hồ Dzếnh là "tôi tặng anh sách, nhưng tôi không cầu cạnh anh đâu"..

Nhiều anh em viết trước 1945 ở Việt Bắc về, Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng, Kim Lân... gặp lại người quen, nhưng cũng mỗi anh một cách. Nguyên Hồng chỉ chăm chú quanh tuần báo Văn không gặp lại ai. Nguyễn Tuân gặp Đoàn Phú Tứ ở ngã tư Bà Triệu. Vẫy xe đạp Nguyễn Tuân, Đoàn Phú Tứ nửa đùa nửa thật nói: "Moa là đại biểu Quốc Hội đấy nhé". Trước kia, Đoàn Phú Tứ là đại biểu Quốc Hội Nam Định thật. Nguyễn Tuân không bắt tay, đi thẳng.

CHIỀU CHIỀU

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương li -

Tôi thì giao thiệp với các bạn vì công tác cụ thể, và cũng vì tôi có những quen thuộc góc ngách hơn. Để thường chỉ tôi biết bút danh Sửu (Nguyễn Ngọc) trước kia có sách cho thiếu nhi loại Hoa Mai nhà xuất bản Cộng Lực của Bùi Xuân Tuy có ông phụ trách biên tập Lê Roãn Riệu- cái tên lạ quá, nên cứ nhớ, đã sáng kiến vẽ huy hiệu cái thùng ở bìa sách, mà chúng tôi thường đùa là cái thùng trối người viết vào người xuất bản. Thy Ngọc làm biên tập nhà xuất bản Kim Đồng, một thời gian bị chuyển sang làm mi và vẽ, cái cơ quan “quyền rơm” của chúng tôi chẳng giúp được gì Nguyễn Minh Lang học xong Đại học Nhân dân rồi đi dạy học, chúng tôi xin về làm báo, sở giáo dục thành phố không cho, cũng chịu. Chánh văn phòng Vĩnh Mai đưa các anh Thanh Châu, Hữu Loan, Quang Dũng ở Thanh. Hóa ra vào biên chế báo thì được, vì các anh ở vùng kháng chiến, nhưng cũng như mọi ai mới vào biên chế, phải đứng ở lương biên tập hạng khởi điểm. Hồ Dzếnh đã dịch và in một tiểu thuyết Nhật cho nhà xuất bản Thanh Niên. Nhà xuất bản muốn nhận Hồ Dzếnh vào làm. Những cơ quan có trách nhiệm xem xét thấy có thời gian Hồ Dzếnh làm đại diện bên Nhật của báo Thần Chung ở Sài Gòn. Mọi việc báo và xuất bản của các cơ quan khác, chàng may mắn bạn đến hội, nhưng đến lúc có trắc trở thì bù nhìn chúng tôi được khiêng ra trả lời. Tôi có đọc một bài báo Trần Thanh Địch viết về Hồ Dzếnh có câu trách hội cái sự này. Và Hồ Dzếnh sau đó, đi đường gặp tôi, coi như không nhìn thấy. Cũng như Ngọc Giao đã dự đại hội thành lập Hội Nhà Văn Việt Nam 1957, nhưng đến khi đại hội văn học nghệ thuật toàn quốc, Ngọc Giao không được mời thì cũng không phải do Hội nhà văn cứng rắn đến thế. Trong kháng chiến, trên tạp chí Văn Nghệ in ở Việt Bắc, tôi đã đăng một bài đánh tiểu thuyết Mưa thu viết chữ cộng sản của Ngọc Giao in ở Hà Nội. Đến năm gặp lại, Ngọc Giao bắt tay tôi, thủ thi: “Một đôn rất tốt, rất tốt”. Anh lại đã viết báo lời sám hối về tiểu thuyết đó và kể lại ơn tôi về bài phê bình Mưa thu của anh. Nhưng không được dự đại hội văn nghệ, Ngọc Giao gửi cho tôi mấy câu thơ chữ mĩ mai, cay cú. Biết làm thế nào, những “vạ đá” này. Bây giờ cũng ra những chuyện ngày xưa cả rồi.

Nhưng Sao Mai đi thực tế thì khác, có thể là một thiên tiểu thuyết tự truyện kỳ tình, xã hội, bi hài. Tôi biết tiếng Sao Mai qua mấy mẫu truyện cực ngắn trên tạp chí Văn nghệ in một kỳ: Uất, Căm, Đi, Đối mà Nguyễn Huy Tưởng khen rất hay, đã chọn được trong những bài dưới khu Ba gửi lên và in tạp chí. Đi thực tế người ta đi khắp nơi, Sao Mai xin về làng quê vợ vùng đồng chiêm Nam Định. Vừa tự nguyện, lại tự giải quyết mọi mặt, nhẹ nhàng quá. Sao Mai viết khỏe, đã in ngay phóng sự Trại di cư Pagot Hải Phòng- đến lúc tiểu thuyết Thôn Bàu thắc mắc ra thì “có vấn đề” mà lúc ấy Sao Mai không muốn nhắc đến nữa, nhưng tôi chắc anh này về làng, thế nào cũng viết được cái gì đây, tôi tin khả năng Sao Mai.

Một hôm chúng tôi với họa sĩ Phạm Khanh ăn chả cá ở nhà hàng Sơn Hải- có họ hay quen thế nào với Sao Mai. Trong lúc nhăm nháp, Sao Mai làm vẻ đùa nghiêm: “Báo cáo anh, tôi đi thực tế thành công rồi”. Tôi còn chưa hiểu thế nào, Sao Mai đã cười khà khà: “ ở lại thì phải sạch sẽ chứ. Tôi cắt được cái nợ, tôi

đã cai được". Mới hay Sao Mai vừa cai nghiện. Sao Mai đã chữa bằng một liều thuốc dân gian, mạnh và dữ, phải có nghị lực mới cai được. Sao Mai đã nhịn hút. Cái năm 1945, Nguyễn Tuân cũng đã cai. Khi cảm thấy cồn cào nhớ bữa, Nguyễn Tuân ra đầu ô, làm mấy chén rượu, nằm kênh cang lơ mơ một lúc, rồi về. Cơn nghiện biến, không đến hành nữa. Sao Mai có yếu hơn anh chàng phải cố nhịn, mặc cho cơn nghiện vật dựng người dậy. Cứ thế đến đứt cơn, rồi hết cơn, rồi quên. Tôi hỏi thế anh có phải rượu kênh cang như bác Nguyễn không? Sao Mai cười không ra tiếng. Sau này mới biết anh chàng còn uống thuốc tình tang hãn hoi, không phải chỉ rượu mà bằng mấy bác Nguyễn ấy. Bài thuốc cai của Sao Mai có gia giảm cả vị phụ nữ. Anh không kể cho chúng tôi biết. Anh nói lảng chuyện. "Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng cũng không muốn đi đâu. Nhưng các bố sợ các ông về thì rồi ngoài này không có thuốc. "

Sao Mai đã khỏe, rắn rỏi, trở lên Hà Nội với vợ con và nhà được thêm khẩu bông bế theo cả dì hai nó. Anh khéo thu xếp phòng nhất phòng nhì, sở gốc thì cạnh nhà thờ Tin Lành bên nhà hát thành phố, sở mới ngoài Thanh Trì. Sao Mai đương viết về anh hùng nông nghiệp Đỗ Tiến Hảo ở đấy. Vừa tiện, lại có chỗ bầu vú hờ. Tôi đã được đọc cái bản thảo người thật việc thật ấy cho Nhà xuất bản Thanh Niên, có đến ba trăm trang viết. Nhưng rồi ông anh hùng này đổ vì cái tật hay léng phéng. Ông Hảo đã đến trường Nguyễn ái Quốc nói chuyện về nghề nông, khóa tôi học. Ông nói hay lắm. Một năm tôi vào khu kinh tế mới của Hà Nội ở Lâm Đồng, ông Hảo bây giờ đã hết anh hùng rồi lại đã có phòng nhì mới đem vào, đương đào ao thả cá. Chén bữa cá ao nhà ngon tố hảo. Vừa đây, tôi lại có dịp qua huyện Lâm Hà hỏi thăm thấy bảo rồi lục đục thế nào, Hảo trở ra Thanh Trì đã lâu. Có lẽ lão cũng đã trên dưới bảy mươi rồi mà cứ chạy loạn trong nhà đến nhọc người, thật khổ thân. Sao Mai thì thao tác tinh thông hơn Đỗ Tiến Hảo một cái đầu. Thành phố đương vận động người đi kinh tế mới. Thế là bầu đoàn thể tử kéo nhau lên vùng đồi núi Phú Thọ và trụ lại tới bây giờ. Sao Mai đã được cử về đi khắp các huyện ngoại thành Hà Nội, báo cáo điển hình thành công gia đình đi kinh tế mới. Quê mới ở làng đồi Văn Luông, cả một vùng rừng đồi Thanh Sơn, Đồn Vàng đã thuộc lâu rồi. Cái hay đã nảy ra từ cái bối rối "thôi thì lôi nhau lên rừng, có đánh chém nhau ở xó xinh ấy thì cứ việc". Cái hôm chè chén ở quán chả cá Sơn Hải, anh đương đợt, hay vừa xong báo cáo thành tích đi kinh tế mới của nhà anh cho bà con các làng ngoại thành..

Chốc đã ra quá nửa đời người. Nhưng mà vất vả rồi dần dà lại ăn về hậu vận, kể cả cái hoạn nạn long đong họ Tân bên Tàu, ông Tân Khải Minh Sao Mai cũng vượt được. Sao Mai trong hoàn cảnh nào thì việc viết với anh cũng như một đòi hỏi. Bạn đến mấy Sao Mai cũng cầm bút. Cái nghề chân chính đã là quả phúc của ông. Đến lúc trời mở cửa, trời vẫn thấy ông cầm bút, rồi được tỉnh Vĩnh Phú để mắt đến, anh em kiệu ông ra làm một chân phụ trách văn nghệ tỉnh. Năm trước, gặp ở thành phố Việt Trì. Sao Mai cười lấp lánh mắt, lại bốc, bốc thật chứ không phải bốc phét: "Này ông, ở Văn Luông ấy mà, nhà vườn của các con các cháu Sao Mai bây giờ san sát liền một vệt năm bảy quả đồi chứ chẳng vừa". Tôi mừng bạn một câu rằng: Nhớ đến cái đận ông về dự trại sáng tác ở Quảng Bá, thợ mộc theo về ăn đọi năm chờ ông vay tiền ứng sáng tác để trả công làm nhà thì tôi thật phục cái gan, cái trí của ông. Tôi lại khoái ông có máu đa tình mà lại chung thủy, léng téng với ai rồi cũng lấy người ta. Nghe nói ông mới có phòng mới. Ông lại bán cái đất có thật để ra xây tổ uyên ương trên càn lau ở bờ sông Thao.

Thôi ta trở lại cái hôm chả cá Sơn Hải thời kỳ ấy, uống rồi thì chuyện tử tế bỗng đâm sang nói nhảm. Phạm Khanh nói nhảm đề mề đến ghê người, sồn gai ốc. Nhưng lúc nói đứng đắn thì Phạm Khanh khẩn khoản: “Ghi tên tôi vào danh sách đi thực tế, có lao động cải tạo mới nên con người, đi đâu cũng được”. - Anh đề nghị với hội Mỹ Thuật. Chắc cũng dễ. Tôi sẽ nói thêm với các anh ấy”. Rồi Phạm Khanh lên Lạng Sơn làm đường sắt. Lại thấy nói đến năm về, họa sĩ hàng ngày ngồi thiền và tập yoga. Một hôm đến miếng cây chuối ngược, cây chuối đổ rơi từ sân gác thượng xuống. Cũng có người thì thào: anh tự vẫn. Không biết thế nào.

Thanh Đình đã đứng tuổi, người thấp bé, nói láu táu, hôm nào cũng đến đòi đi thực tế. Thanh Đình là tay viết truyện kiếm hiệp ba xu Người nhận trắng từ thời tôi còn học lớp bét, lớp ba đương mê những Dao bay, Mắt thần của Trường Xuân và Người cá voi của Văn Tuyền Phạm Cao Cung. Những loại truyện ba xu này không được coi là văn học. Vả lại, Thanh Đình bỏ viết đã lâu lắm. Hôm nào anh cũng đứng trước cửa nhà xuất bản Văn Học. Gặp tôi, anh bảo. “Tôi có công tác, đợi anh Thạc”. Thạc là tên cúng cơm của Như Phong, đương làm giám đốc nhà xuất bản này. Thạc và Thanh Đình là bạn học tiểu học trường Cửa Đông. Thấy Đoàn Phú Tứ đến tìm Như Phong đưa bản thảo dịch kịch Ibsen, Thanh Đình nói: “Tao vào thẳng Thạc, tao với thẳng Thạc là bạn nối khố cùng lớp, tao đương viết cho nó một cái trường thiên tiểu thuyết roman neuve!!.. Nhưng rồi anh ấy cũng không năn nỉ đòi đi nữa. Buổi chiều, tôi uống bia hơi cửa hàng ngã tư Bà Triệu-Trần Nhân Tông, thấy anh xách cái làn to bước vào. Anh bắt tay tôi chặt. Anh không uống bia, cũng không trò chuyện sáng tác. Anh đi bỏ mỗi bánh đậu, kẹo lạc cho các hàng nước. Bí nhất cái lần gặp Nguyễn Hoàng Quân. Quân còn trẻ, không thuộc lớp cầm bút trước kia. ở trên rừng, đôi khi đọc báo Hà Nội, thấy thơ Nguyễn Hoàng Quân. Người xạm đen, tóc bù xù tổ quạ, mặt vuông gầy nhưng vóc người có thể lực lưỡng.

Anh tự giới thiệu:

- Thi sĩ Nguyễn Hoàng Quân..
- Chào anh Nguyễn Hoàng Quân.
- Tôi muốn được đi thực tế.
- Vâng, nhiều anh đã đi...
- Anh cho tôi biết các điều kiện đi thực tế...
- Anh có thể xuống lao động nhà máy hoặc...

Nguyễn Hoàng Quân mở to đôi mắt dò dẫm:

- Đi làm cu li á? Tôi đã bảo với anh tôi thi sĩ...

Hình như tôi còn giải thích dài dòng đi nhà máy, đi nông thôn thế nào đấy, nhưng rồi Nguyễn Hoàng

Quân đứng dậy, đi ra. Cái dáng bước kiêu căng khuỳnh khoàng, cái bóng vía thi sĩ kiêu ộp đồng thể, làm thế nào nói cho anh ấy nghe ra được. Nhưng Nguyễn Hoàng Quân không trở lại nữa. Tôi có ý tiếc anh còn ít tuổi, vẻ khỏe mạnh. Nhà anh ở trên gác bên cửa rạp chiếu bóng Hàng Chiếu, cạnh cái ngõ sách vào chợ Đồng Xuân được tiếng các gánh bún ốc, phở chua và chè sen, lúc nào cũng bề bộn người ngồi. Một lần tôi đến, lên hết thang thấy các cửa đều đóng khóa trái. Xuống hỏi thăm bà hàng nước ở gốc nhội vỉa hè, bà ấy nói:

“Anh ấy chết mấy tháng nay rồi, ông không biết à?”

Tôi ngỡ chẳng rõ Nguyễn Hoàng Quân chết thật hay là vì cứ huyênh hoang và to tiếng cãi nhau với xóm giềng, người ta rửa thế.

Người đi thực tế không ai giống ai, lại nổi những tin bối rối xa gần về. Ca sĩ ái Loan lợi bùn chết bệnh uốn ván ở Phủ Lý. Có người ở Hòn Gai lên kiện Nguyễn Hải Trường. Anh đã lấy vợ ở vùng than. Khi địa phương làm điều tra dân số, anh đi khai giấu nhưng đã lộ ra có vợ trong Nam, có con ra tập kết, và anh đã rút tuổi thật xuống gần nửa, hôm làm giấy giá thú. Người nhà nọ cốt báo cho cơ quan biết thôi, không kiện tụng và đòi hỏi gì, cô nạn nhân ấy đã ra tòa ly dị được rồi. Cũng lại anh ấy về sau sơ tán bom Mỹ vào Mỹ Đức, anh “nhảy dù” tai tiếng âm làng, rồi về Hà Nội lại lấy vợ, khi hòa bình lập lại bà ấy ra tòa xin tiêu hôn, tôi lại phải thay mặt cơ quan đi chứng kiến. Lôi thôi quá..

Mỗi ngày loạn xạ một thứ việc, nhưng tôi lo đã ngót, tôi sửa soạn đi Thái Bình. Tôi sắm sổ tay, theo thói quen mỗi chuyến đi và mấy quyển sách đọc: Bàn về thực tiễn và lời nói đầu sách Điều tra nông thôn của Mao Trạch Đông. Bài của Võ Nguyên Giáp tôi đã nghe mấy buổi ở câu lạc bộ quân đội Kết hợp lý luận với thực tiễn trong cuộc cách mạng ruộng đất ở nước ta nói về cải cách ruộng đất, chỉnh đốn tổ chức và sửa sai. Những bài cắt ở báo của Minh Nghĩa (Trần Quang Huy) phân tích sai lầm cải cách ruộng đất. Tôi ghi trên đầu sổ tay của chuyến đi một câu không biết lấy được ở sách nào: Chân lý là quá trình (Lê Nin). Và đem theo quyển phóng sự để đọc lại Tan rã (Kaputt, của C. Malaparte một phóng viên ý trong chiến tranh thế giới lần thứ hai có chương viết về cuộc tàn sát Do Thái ở thành phố Vacsôvi bị chiếm và các trận tuyến phía quân Đức và ý.

Bấy giờ ở Trung Quốc đã nổ ra cuộc đấu tranh trăm hoa đua nở trong văn nghệ, mà sau đấy Đinh Linh, Phùng Tuyết Phong đã phải đi lao động cải tạo trồng kê, đào củ cải ở vùng quê nào. Nhưng chưa phải đảo lộn dữ dội như cách mạng văn hóa mấy năm sau. Còn chúng tôi đi thực tế thì khác, chúng tôi bấy giờ đi với ý nghĩa rằng đất nước đã sang giai đoạn mới, phải lao vào mà bắt kịp tầm nhìn. Mặc dầu tôi đã đi làm cải cách ruộng đất và công tác sửa sai mà khi trở về xảy ra việc Nhân Văn, cái nghĩ và làm của tôi vẫn chất chường, tôi cũng không cắt nghĩa được. Sự tự ti nặng nề bấy giờ đã làm tiêu tan cả suy nghĩ và nghị lực, lắm điều đã biết, đã nghiên cứu hẩn hoi, thế mà nghe nói lại, đọc lại cứ thấy như mới, như chưa tỏ tường bao giờ. Tự nguyện hay không, tôi thấy tôi phải đi mới giải quyết được bế tắc cho mình.

Tôi đáp tàu thủy xuống Thái Bình. ở bến Phà Đen tàu xuôi khi chưa rạng sáng, cho đến lúc trông ra thấy

mặt sông Cái đỏ ngầu mênh mang giữa hai bờ thấp thoáng chân đê, lũy tre, bãi ngô, làng xóm. Những bụi chuối xơ xác vàng rười, những ruộng mới vỡ, những lò gạch- bóng con bò và người cày trên bãi hiện ra gầy cao cao. Mới đi một lúc mà thành phố và mọi công việc tôi như đã bỏ lại ở đâu ở đâu rồi. Cái tàu thủy “màn xê” đỗ từng bến với người các vùng dọc sông quen thuộc đã lâu đời. Người xuống khoang ngồi ràn rạt đầy các hàng ghế, nhà tàu mới đi đếm đầu phát vé. Năm 1958 đã khác trước, làng xóm vào tổ đổi công, đương lên hợp tác xã. Chuyển tàu Trung Hưng, tôi đi ngót một ngày về đến Cầu Bo, người lên xuống các bến nơi nào thì đoán ra quang cảnh ấy. Một bà chít khăn vuông hoa choạc ngón tay chùi mép quét râu, nói: “ối dà, chính phủ đương thu người các nơi về làm ruộng, làng nào cũng đông ời là đông. Bây giờ mới ra cái thời nhất nông nhì sĩ, các ông ạ”.

Nhưng bà ấy thì đương chạy chợ, buôn chuyển. Những khiêng củ nâu không biết từ bến đường ngược nào xuôi về. Bà xuống các chợ Thái lòng mua cau. Đến vùng mía Trình Xuyên thì nhiều quang gánh buôn mật lên bến.

Nhộn nhịp khắp nơi, chẳng phải chỉ có một cảnh người về làng trong tiếng “ối dà” câu nói lộn lười của mấy mục hàng chợ. Tôi nghỉ lại thị xã, trọ hàng cơm trên bến Cầu Bo. Tôi đạp xe lên đầu tỉnh qua phố chính Guyn Pickê ngày trước. Hai bên đường cỏ tranh cao ngập đầu. Bao nhiêu năm đã qua, cái trường tiểu học ông giáo Nguyễn Công Hoan dạy ở chỗ nào. Cái bến ô tô Thái Bình-Nam Định-Hà Nội mà ông lang Dương làng tôi đã từng đứng đầu du côn tranh khách cho hãng ô tô Mỹ Lâm con thỏ chẳng nhận ra đâu nữa. Đầu phố huyện Vũ Tiên, nhà hát bà ký Đường, Nguyễn Khắc Mẫn đã viết truyện ngắn Bà ký Đường đăng tuần báo Ngày nay, có đêm ông lang Dương đã dẫn chúng tôi vào hát. Chỉ còn trong tưởng tượng. Giữa bãi hoang loáng thoáng những vườn dâu.

Hôm sau, đi Thái Ninh sớm. Cái xóm tôi đến là xóm Đồng. Về quê, chỉ những cái tên cũng đã mường tượng được lai lịch làng xóm. Không phải như bây giờ nhà cửa cứ mọc loang ra khắp nơi. Những cái tên ngày ấy đã chỉ ra gốc gác. Xóm Đồng, xóm Trại, xóm Mới, xóm Ao... là những nơi ở mới bên lũy tre rìa làng, bọc quanh các xóm Trung, xóm Giữa, xóm Đình sầm uất của các nhà có máu mặt, các nhà chức việc. Xóm trong lũy, ngoài lũy là nhà thiên hạ đến ngụ cư, nhà mõ, hay là nhà đông người phải san ra, dần dần nhiều năm mới ấm chỗ, có khói bếp, cây cau, cây rơm và đường cứt trâu.

Đứng trên đê trông xuống mênh mông - cả tỉnh Thái Bình đều bốn phía chân trời, không nhấp nhô gò đống, không một chấm núi. Chỉ rợn lên những cánh đồng, những con đê, những bờ tre. Con sông Diêm lừ lừ phẳng lặng. Cái chợ họp hôm họp mai chốc lát đầu bến cũng gọi là chợ Phố, có lẽ vì cũng có lò rèn, lò may, quán nước. Chốc chốc lại đi qua một bọn các cô, ông quần gấu váy túm lên tận bẹn, cặp đùi đen nhánh tròn như cái chĩnh. Đoàn người vác những cái dậm xuống chuôm sâu. ở đồng đất này, đàn bà đi đặt lờ cá, đánh te, cày bừa chẳng khác đàn ông. Gặp khi một bọn đi dưới đồng lên các cô cứ nòng nòng trần truồng ở đầu cống Bắc thì đàn ông cũng không dám bén mảng qua.

Những đồng cao đương làm màu, khoanh bờ cuốc đi cuốc lại, cắm dây khoai. Người ngâm mình dưới đĩa nước vác bùn lên úp vào đầu bờ. Nhưng không phải đắp cho khoai mà đánh đồng phơi ải để ít nữa tãi

xuống ruộng mạ. Mấy hôm sau, được biết mỗi xã viên đương phải quảy ngày năm mươi gánh bùn. Phùng Quán đã đi làm được mấy buổi, mỗi hôm xong gánh bùn khoán lại vớt lá trang, cỏ năn, dong nước về ủ cái hố phân xanh của chúng tôi.

Cổng Trà Linh ngăn mặn, làng xóm và cánh đồng bên kia lợ nước ra tận biển, đến mùa nước, những con rươi hiểm hoai vẫn nổi từng đám. Đường ngoằn ngoèo xuống Diêm Điền có đến mười mấy cây số ngập trong cỏ. Người sang dò về bên Thụy Anh, trong bóng chiều chỉ nghe ánh ỏi, lao xao như tiếng chim chích choè chấp tối hót về tổ.

Vào xóm càng rõ ra cái xóm trại còn tạm bợ. Nhà nhà đều tường đất, những hốc khoét vào trong tường đựng mọi thứ, cái điều cày, bó đóm, năm giẻ rách, rổ đậu dãi, niêu tép kho. Cái bụi nhùi rơm lấy dưới bếp lên, tiếng thổi lửa phù phù. Đâu mà có giẻ rách làm nòm, ở xó xỉnh này cái giẻ cũng được khối việc khác. Một người vục cái bát đàn vào vại nước, vừa uống vừa nhìn ra xem ai lạ vào xóm. ở cái xe đạp của tôi phát ra tiếng kêu tách tách cũng kéo được mấy đứa trẻ tò mò chạy ra, trong đám có Hoàng Trung Thông lực lưỡng cời trần, râu rậm Trương Phi. Tôi hỏi:

- Cánh ta ở xóm này a?

- Rải rác các xóm ở ngoài này. Rách một tý, nhưng thoáng mát dễ chịu.

Tôi đùa:

- Lại ôn nghèo gợi khổ, bắt rẽ xâu chuỗi à?

Thông cười:

- Không, thích nhà nào ở nhà ấy. Tôi đã chọn cho ông một nhà ít người, kề ruộng kề sông. Ông vào xem, mà không vừa ý thì đi nhà khác. Có rẽ sẵn, rẽ cái hăn hoi.

Tôi nói:

- Có phải bắt rẽ tôi cũng xong ngay. Cậu không nhớ tớ đã đội phó cải cách a?

Tôi đi cải cách ruộng đất, hai đợt ở Quảng Xương, ở Nông Cống rồi cả đội chuyển ra Hải Dương, đã dự hai kỳ tổng kết cả tháng trong Hậu Hiền rồi ra Quỳnh Côi ở Thái Bình này. Đến bây giờ vẫn như còn mê ngủ, chưa hết ngạc nhiên, ngỡ ngẩn về đợt công tác dài hạn. Quê tôi, làng nghề thủ công, dệt lĩnh dệt lụa, làm giấy. Tôi không biết ước lượng được một miếng, một sào, một mẫu rộng hẹp thế nào. Thoạt nhìn, cây ngô cũng như cây mía, cây lau. Thế mà tôi đã dạy cho nông dân kể khổ, đấu địa chủ, rồi thống kê sào, mẫu, rồi cầm thẻ chia ruộng, thắt mắc gì cũng giải đáp được tuốt, anh đội phải quán triệt mà, cứ linh binh, tất bật cả lên.

Chương lii -

Nghĩ lại giật mình vì sự bất chước kỳ quặc. Cả nước ta bước vào trường kỳ kháng chiến, có nghĩa là ở đâu cũng có tổ chức của chính quyền, của đảng, được thể mới đánh nổi giặc ở Điện Biên Phủ chứ. Nhưng bây giờ đi làm cái cách về xã coi như không biết, không được phép biết, không chào hỏi không bắt tay - không mảy may giao thiệp với tổ chức sẵn có. Đội viên tôi một mình đeo ba lô lò mò vào xóm. Cứ đoán nhà nào xơ xác nhất thì vào “bắt rế”. Rế ấy “xâu chuỗi” sang những nhà cổ nông khác, cứ thế tôi lập nên trường thôn, chủ tịch, tổ đảng và chính quyền mới toanh. Người chỉ có miếng ruộng loại riêng ra mà chẳng có ruộng đất nhưng bị tố là có tội ác với nông dân thì cũng cùm ngay, gọi là tên cường hào cá biệt. Tài liệu từng chữ dạy thế, khu đoàn ủy Chu Văn Biên lên lớp dạy thế, lại nghe Trung ương Hồ Viết Thắng ngồi ô tô vôn ga đen mặc quần áo nâu về cắt nghĩa thế, “Nông dân là quân chủ lực”, chúng tôi bắt đầu tự gọi chúng tôi là “quân ông Thắng”. ôi thôi kế hoạch công tác phẩm phấp từng ngày, chỉ còn cách trí trá, nói dối mới sản ra các báo cáo kịp được. Hôm đầu đến Đồng Tiến ở Nông Cống, tôi lảng vảng một lượt qua xóm rồi vào liêu một nhà không có cổng ngõ - đến cái cổng ngõ cũng không có thì ăn chắc là cổ nông rồi. Trời đã xẩm tối. Nhà chỉ có ba bố con, cời trần. Thế là hay lắm. Đến lúc hỏi tỷ tê thì anh ấy nói người ta có cái số, số tôi nghèo, trước kia, cũng có mẫu ruộng hương hỏa, rồi bán dần. Tôi nghe mà rối ruột, thế là tại lười, tại không ăn nên làm ra, tại những gì gì nữa, anh này có bị địa chủ đè đầu cưỡi cổ không? Tôi hỏi, anh bảo: Không. Thế thì không phải bần cổ rồi. Gà gáy, tôi đeo ba lô lủi tìm nhà khác, ba bố con còn ngủ ngáy kho kho.

Cái khi xuống Quảng Xương, nhớ lại vẫn còn hốt. Tôi tìm vào một nhà, cái ang đựng nước cũng làm bằng một mảnh tròn vại, nghèo quá. Đúng là rế, mà rế cái nữa. Thấy anh đội ba lô vào nhà mình, sượng tỉnh người, chập tối người chủ nhà cầm ở đâu về một bọc lá chuối.

- Cái gì thế?

- Cái dái trâu.

Rồi anh nói cho biết:

- Các xóm ngả trâu nhiều lắm, giết hết. Sợ bị lên địa chủ mà. Tôi bảo cho tôi cái này về thết anh, được ngay. ấy nhờ oai anh mà tối nay nhà tôi mới được người hơi thịt trâu. Tôi cứ chạy dưng dưng, thằng Tào Tháo đuổi tôi cả đêm. May quanh bờ rào bãi hoang, bình chỗ nào cũng được. Vào nằm rúm ró thở mà không dám rên.

Tôi bảo:

- Anh đi hái cho tôi mấy cái lá ổi, anh ơi!

- Để cho nó cầm à? Không nên đâu. Chốc nữa ăn cơm thì khắc khỏi.

Tôi lử lả, không còn hơi để hỏi tại sao ăn cơm lại khỏi tháo tòng. Hãy còn tối đất, anh chủ nhà đem cái niêu mới bắc ở bếp xuống, tôi sờ tay thấy nóng, nhưng lại ram ráp như bột, không phải cơm.

Anh ấy nói:

- Đã lâu không biết mặt hạt gạo. Cám đấy. Nuốt cái này thì bụng cứng lại ngay, hết đi ỉa. Cỗ ăn một bát, anh ạ.

Cám thì như mặt cửa, mày gỗ, có lẽ cám đã hút tiết phân lỏng trong bụng. Tôi hết đi ngoài. ăn hai bữa cám, cả tuần không đi ra được, bụng réo òng ọc, rồi đau cuộn lên, nổi từng cục. Đến bây giờ trông nhà nào tuềnh toàng, không có bức vách, lại nhớ nhà anh ấy ở Quảng Xương, tôi còn trợn.

Tổ trưởng Hoàng Trung Thông cắt đặt cho tôi với Phùng Quán, hai người làm một nhóm. Quán ở nhà khác, thường ngày đến chỗ tôi, lúc ngủ; lúc ngồi chơi, lúc bối ra việc làm. Quán bảo tôi:

- Anh trông ông lão nhà anh ở có giống ông Phan Khôi không?

Tôi lạ vì cái so sánh của Quán. Một ông dù dờ mù chữ với một ông khinh khỉnh bụng một bồ chữ, giống thế nào được. Nhưng rồi tôi để ý thấy Quán nói đúng, mặt ông Ngải mai mái, không trắng, không xạm. Người suốt đời ở ngoài đồng áng mà da không bắt nắng. Cái nước da nhờn nhọt ấy thì có giống ông Phan Khôi. Quán nhận xét tinh, nhưng chỉ bề ngoài Phan Khôi, tất nhiên. Về cái ngang ngạnh đốp chát của Phan Khôi thì chúa thần lẫn, tôi đã nếm mùi. Mấy năm cùng ông một cơ quan, khi Phú Thọ, khi sang Thái Nguyên, khi trên Tuyên Quang. Còn non tuổi, tôi đã đọc Phan Khôi trên báo Phụ Nữ Tân văn, Phụ Nữ Thời đàm ở Sài Gòn, ở Hà Nội, tôi nhớ bài thơ dài in cả trang báo Chơi thuyền trên sông Tân Bình bài này nhớ được, hay hơn bài Tình già, mặc dầu bài viết thể thơ cũ.

Ông ký Phan Khôi, Chương Dân, có khi ký Thông Reo tôi cũng nhận ra. Văn ông khác thường. Kinh thánh cả Tân ước, Cựu ước của hội đạo Tin Lành, người ta bảo ông dịch thuê, khi ấy ở Hải Phòng, tôi cũng đã đọc. Có chương Nhã ca lời rất thơ, Phan Khôi lại có cái tiểu thuyết Trở vỏ lừa ra in trong Phổ thông Bán nguyệt san nhà xuất bản Tân Dân, nhưng viết nhạt đọc mãi mới hết, như gà ăn cám phải lắc cổ.

Tôi bảo Quán:

- Tôi thích lời Phan Khôi bình bài thơ Cái thước của Nguyễn Xuân Huy trên Phụ nữ Thời đàm. Nhưng sao không thấy in vào Chương Dân Thi Thoại. Có lẽ quyển này ra trước khi ông viết bài đó. Tôi hỏi, ông ý ngồi im không trả lời, chẳng ra khinh người, chẳng ra điếc. Tiểu thuyết Trở vỏ lừa ra đọc chán bỏ xừ. Lý luận Phan Khôi chỉ thú vị lúc nào lời lẽ ngang như cua. Nhưng giáp mặt ông, tôi chỉ nói tâng ông: Văn Phan Khôi ngang tàng. Ông ấy cũng lặng thinh, chẳng nói sao.

- Ông Phan Khôi còn coi ai ra gì! Ông ấy đánh giá tôi là thằng con nít. Ấy thế mà ông lại thích bài Lời mẹ dặn của em.

- Chắc vì bài thơ ấy cũng ngang như cua.

Chúng tôi cùng cười. Tôi kể:

- Mình đọc Phan Khôi nhiều đến thế từ thuở bé, ông phải khoái lắm chứ. Thế mà ông ấy đố một câu:

"Tôi chưa xem bài nào của anh. Chẳng biết anh viết có ra cái gì. Nghe có người nói anh viết truyện con giun, con dế".

Chuyện với ông Phan Khôi khi nào cũng ngại, nhưng lại vui và thích được khích ra những cái ngang ngạnh. Ông tuổi tác, được trên trọng vọng, nhưng ngạo đời, chúng tôi ở liền phải phục dịch ông và hứng những cái khó chịu. ở trên rừng, không có lĩnh lương tháng, ông chén tiểu táo- tiểu táo là chế độ cao cấp, còn chúng tôi ăn đại táo lại là hạng cơm nguội với muối rang. Khi về Hà Nội ông được đãi tiêu chuẩn nhân sĩ, cả khi xảy ra Nhân Văn, ông có dính líu nhưng vẫn được hưởng thế, có người phục vụ là bà vợ bé của ông, cho đến khi ông mất. Các ông Nguyễn Công Hoan, Tú Mỡ, Hoàng Ngọc Phách còn khuya cũng chưa bằng. Cụ Ngô Tất Tố, cái khi bị ung thư gan đã nặng nằm nhà ở đồi Cháy trên Yên Thế còn ngậm ngùi vì chuyện ấy. Anh em xung quanh như tôi, dưới mắt ông, chỉ là bọn đẽ sai phái “những thơ lại của chế độ”, ông dừng dừng như không. Ấy thế nhưng ông lại dễ chuyện các thứ tiểu lâm và có Yến Lan giúp việc thư ký giải thưởng hội Văn Nghệ, Yến Lan tính cẩn thận thì Phan Khôi cũng cẩn thận và chu đáo thế, ông sốt sắng viết báo khi tôi hỏi móc ông những chuyện hiểm: “Có phải năm 1946, ông làm Trung ương ủy viên Quốc Dân Đảng”, mặt ông vẫn lạnh lùng nhợt nhạt thế. Rồi lại những chuyện tiểu lâm. Tôi vẫn trêu:

- Ông Ngô Tất Tố kể là hồi làm báo ở Sài Gòn, ông hay tranh luận sinh sự, nhiều người ghét muốn lánh ông, cho nên ông đi đâu cũng phải xách theo cái ba toong.

Ông Phan Khôi được gài vào chỗ khó chịu, cười khẩy:

- Ông Ngô là thằng lý Đình Dù ra tỉnh mới tưởng thế chớ. Tôi cầm cái gậy song nạm bạc, có đấy. Nhưng cầm ba toong đội mũ phớt là ăn chơi một Tây thời ấy chớ đâu ba toong để đánh nhau, để phòng thân. Đồ nhà quê!

Tôi ngẫm có thể ông Phan Khôi nói đúng. Tận sau này cái thời tôi hai mươi tuổi, ở trong làng đi chơi chúng tôi cũng nhung nhăng áo pigima xanh trắng sáo, viền tím, tay chống ba toong song, trong túi có cái đèn Đe mông hai, ba pin.

Vì cái câu Phùng Quán nói ông Ngải giống ông Phan Khôi mà lại lan man. Quả là Hoàng Trung Thông đưa đến nhà ông Ngải ở xóm Đồng cạnh rìa lũy, thông thoáng ra ruộng, xuống đến lội nước mới lơ thơ mấy bụi tre, bụi hóp be bờ phòng mùa lũ khỏi lở.

Ông Ngải lúi húi dưới cầu ao, đương mổ con vịt.

Thông nháy mắt nhìn tôi:

- Thế nào, ở được chứ? ông chủ nhà giết vịt đón khách đấy.

Ông Ngải đã chùi tay vào mồm cạo cầu ao rồi lên tựa lưng vào bụi tre. Quanh đấy, linh kính ống điều cày, ấm nước, mấy mẫu gộc cây làm ghế cạnh cái bát đàn, như bàn uống nước ngồi chơi ngay bờ ao. Tôi mới để ý cái khóm tre lép. Nói đến tre, người ta tưởng lũy tre, khoanh tre chẳng chặt, lồm chồm gai, trộm cướp và con lợn con gà không lách, không chui được. Chiều chiều, đàn cô bộ đi ăn về đậu ngắt ngưỡng trên ngọn.

Đêm gió bắc, những tay tre kéo kẹt nghiêng vào nhau.

Chẳng ai để mắt đến cái giống tre lép, cao hơn đòn gánh, bằng cây sậy mà không có gai, mọc thành búi trong các xó xỉnh ao chuôm.

Bụi tre lép lá lưa thưa nhợt nhạt. Tên là lép, đã biết là giống tre hèn, vót làm đũa, chẻ cái lạt cũng không xong. Mỗi búi vài mươi cây đầu xóm, bờ ao, ngõ ngang như bờ rào chỉ đường. Trẻ con chơi đánh hú rúc vào giữa bụi. Những con trâu, con bò dưới đồng về, đã thành lệ, bao giờ cũng đứng cọ sườn vào lưng cây. Con đĩa rơi phọt máu tươi, con ruồi trâu mãi hút máu, chết kẹp giữa thân tre. Quanh búi tre, nơi cho người ngồi hóng gió. Ông Ngải luẩn quẩn quanh bụi tre lép, tha việc ra đấy làm, kể cả cái điều, ấm nước

Người đi qua, khách vào nhà, cũng ghé xuống, vui chuyện đưa đà ngồi một lúc.

Chẳng biết từ bao giờ, cái búi tre lép ngoài bờ ao đã thành chỗ dừng chân chẳng khác cái quán dưới cây muỗm đầu làng. Những gộc tre đã lên nước sẫm như củ nâu. Lưng búi, những bó lạt cật quàng vào đấy. Cái rỏ, cái lờ, cái hom lươn ông Ngải đương đan rồi gác lên búi, như mái hiên. Ông Ngải nói: “Đêm hè ngủ ngoài này mát, gió hây hây bằng mấy quạt kéo, quạt điện ấy chứ”. Cả cái xóm Đồng cũng chưa biết mặt cái quạt điện thế nào. Cạnh đấy, trên ba hòn gạch chỉ ông đầu rau, nổi nước luộc vịt đã sôi lăn tăn.

Ông Ngải bảo Thông:

- ở đây chốc nữa chén thịt vịt.

Thông cười:

- Ông thánh quá, đã bói được hôm nay nhà có khách.

- Ông khách số đỏ. Tối hôm qua, con cạc này phải rái lên ngoạm mất cái cổ. Tiết đông cả, mất hãm được tiết canh. May mà nghe tiếng vịt quác, tôi chạy ngay ra, không thì nó tha mất. Ngoài sông, ở những bờ

bụi kia, lắm giống rái cá, cả con rắn hổ mang, hổ lửa nữa. Nhưng cũng chưa lắm bằng ngày trước.

Ông Ngải cầm chiếc đĩa cả lật con vịt trong nồi cho được chín đều. Con vịt cụt cổ, tròn thu lu như cục thịt

Ông Ngải trở xuống bờ ao. Chỗ con rái cá bò trong ráy ra, mặt bùn còn nhẵn dài vết bụng trườn

Thông nói:

- Thì bụng con cạp nong cạp nia, con mai gầm bò cũng hết thế này. Biết sao được, há ông?

- Khác chứ. Có bận tôi chậm lừa vịt về, chập tối rái đã ra rình. Ngày trước còn săn nữa, hôm nào giờ giới đói mồi, rái nổi lên bơi cả đàn. à cái rượu đậm người ngoài Diêm mang vào, tôi vẫn để dành các ông, có dịp...

Thông thoái thác:

- Hôm nay ông cho tôi kiếu. Tôi đưa được ông bạn đến mọi khi tôi đã nói với ông. Bây giờ tôi phải lên xã họp. Chẳng biết việc gì mà mời hỏa tốc.

- Họp thì quanh năm chứ thịt vịt thì chẳng mấy khi...

Thông nói thêm mấy câu bãi ra, rồi mặc áo vào đi luôn, trong khi tôi cởi ba lô trên xe đạp đặt ghé xuống mép búi tre. Tôi không nghĩ xã có việc gấp. Thăng này phàm ăn phàm uống, thế mà có lẽ ghê con vịt bị rái cắn - con rái hay con rắn thì cũng nó cả.

Còn tôi chẳng để ý. Ông ngoại tôi có môn thuốc gia truyền chữa rắn cắn, rắn cạp nong cạp nia độc nhất cũng chữa được, đã cho tôi từ thuở nào cái cảm tưởng không sợ rắn. Ông tôi mất đã từ nửa thế kỷ rồi, ngày còn bé cũng chỉ được ông sai luyện thuốc, mật mai gầm trộn với hồng hoàng, nhựa duối rồi viên lại cho người bị rắn cắn nuốt chửng. Chứ tôi biết bài thuốc rắn cắn thế nào. Có lẽ đã trông thấy nhiều rắn, lẽ cái không biết sợ từ ngày đại khờ mùa hạ mùa đông tha thần các cánh đồng, cái thuở bé sao mà lâu thế, dài thế. Bắt châu chấu bán cho người chơi chim hoạ mi. Bán không hết thì vặt cánh, bóp bụng cứt, rang khan với muối, ăn vã. Rồi thì kéo bọn đi hun chuột đồng, chuột luộc, chuột rán đều ngon. Quả sấu, quả nhót dầm nước mắm ớt, bây giờ đến mùa vẫn nhớ thèm và nói đến còn tứa nước rãi. Hôm nắng hanh thì lùng các bụi tre bắt rắn ráo ra phơi mình, chúng nó là rắn, nhưng rắn ráo, rắn nước, rắn mòng không có nọc độc, thịt mềm như thịt gà con luộc. Đến khi đi công tác, những năm ở rừng trên Tây Bắc, ở Mường Than uống rượu bọ hung sào với Lý Nữ Chu, hôm đến nhà thống lý Mo Chống Lầu ở Háng Chú dưới Phù Yên nhắm thịt ngựa luộc không muối. Có lần ở Bản phải uống rượu gấu tàu- cái rượu để đổ cho ngựa uống lấy sức lên dốc, vừa tợp một ngụm, hai môi đã run bần bật. Cũng bởi cái tính tạp ăn từ tuổi thơ, chẳng phải liều hay nhát, mà cả đời đã ăn tạp, thịt chó đại còn ăn được, con gà con vịt phải rắn cắn thì xá gì.

ở nhà ông Ngải mấy tháng, lại được chén bữa vịt rắn cắn, lần này thì đích con rắn chứ không còn ngờ

rắn hay rái cá bò lên chuồng. Giữa trưa, đàn vịt đang rúc bèo cạnh bờ ao. Một con hồ mang trong hang trên bờ lao thẳng ra. Rõ ràng tôi thấy con vịt bỗng dừng như phải gió, gục cổ xuống, rẫy cánh đành đạch trên mặt bèo. Ông Ngải nói: “Anh này số thật may, toàn được đánh chén, hôm đến thịt vịt, hôm đi lại vịt thịt”.

Thông cho biết công tác sinh hoạt của tổ. Hàng tháng đem tem lên kho huyện lấy gạo, tiền ăn và gạo đưa chủ nhà. Chung với nhà chủ, có gì ăn nấy, việc nào đỡ tay được thì đỡ, nhà nào cũng vui vẻ cả. Tổ trưởng Thông đi họp xã, họp huyện. Chúng tôi tổ viên chỉ họp tổ sản xuất với xã viên. Thông với tôi là đảng viên thì họp tổ đảng ở xóm, họp chi bộ trên xã. Lâu lâu, tổ họp hội ý một lần. Thông la đà rượu nhưng công tác nhanh nhẹn đâu vào đấy, như tỉnh uỷ viên Hoàng Trung Thông ở Nghệ An năm xưa ra với chúng tôi trên Việt Bắc. Cuộc nào quá chén mà rồi có họp, Thông nói hăng hái, mạch lạc và dài hơn mọi khi. Ta đây có ngắt ngừng đâu. Riêng về như thường mà khác thường ấy cũng đã là hơi hơi say rồi. Cuối xóm, lác đác mấy nhà đã ở lan ra ngoài bờ tre, lại sắp lên xóm mới. Đâu đâu cũng thêm người ra, nhà mọc như bèo nhễ. Trước kia, những nơi bị cháy, bị chết dịch, mất mùa, cái năm đói người bỏ đi, cả xóm thành gò hoang, bây giờ thì cứ ngày một chen chúc. Tôi về chưa được bao lâu, đã thấy chỗ gặt chỗ làm mùa, mặt lúa cao ngang bờ lũy. Lại ruộng xếp ải đã nở, đê uốn cong lên. Mùa màng liên tiếp mấy chiêm, mấy mùa, mấy màu, chẳng biết thế nào, trong làng ngoài đồng tất tả rộn rịp, không tưởng được mới vài ba năm trước cũng ở đây đương yên lành bỗng nhiên sôi sục giảm tô, thổ cải, người chết bần, người thất cổ. Có hỏi đến cũng chẳng ai muốn nói lại cái hồi nhớ nhăng ai oán kia.

Về sự tích khi cải cách thì mấy xóm mới này không địa chủ- cộng ruộng đất mà tính ra không nhà nào đến mức lên địa, mà phú cũng không có. Qui theo tỷ lệ khẩu cứ bốn năm phần trăm địa cho mỗi xã mà cũng không moi được ra đủ. Anh đội ấy bị đối, vì bất lực, bao che, nhưng rồi đưa xã lên trọng điểm, cụm về, đoàn về cũng phân vân không tìm được đủ địa. Ai cũng tìm ra địa, qui thành địa, không ai nghĩ rằng ở đồng đất này người ta tự tay cày cuốc khai phá nên cái ăn.

Cả đời ông Ngải cuốc ra miếng ruộng, bây giờ ông vẫn ngồi dưới bụi tre lép nhìn ra những miếng ruộng ấy.

Các tay chức việc mà đội gọi là tổ chức cũ chỉ có mỗi người trưởng thôn chẳng moi ra tội gì thì đã bị cách chức. Tề ngụy thời Tây vừa qua cũng có người ra làm thư ký xã uỷ. Một đêm, du kích ta lội sông sang trói lôi đi chắc bị ngỏm ngay đương lúc ấy. Nhưng ở đất tề gần bốt, lại có người ra làm. Bây giờ khôn, làm hai mang. Ban ngày việc tề, tối bắt mối làm Việt Minh.

Tôi và cả đoàn cũng phân vân, nhưng rồi quyết bắt xã uỷ Khế. Hai mang, thì một mang quốc dân đảng thế cũng là phản động cả. Đến hôm du kích chuỗi rể sắp sẵn thừng chảo đến bắt thì lão Khế hai mang đã lặn mất. Vậy nó là cường hào gian ác cá biệt, tịch thu miếng vườn, cái nhà lá ba gian, đuổi vợ con nó đi. Thế là đủ số địa, lại có cường hào ác bá thêm cả quả thực, đội đương lết đệt hóa ra có thành tích.

Đến sửa sai, đội cải cách giải tán, rút đi, đội sửa sai về tuyên bố cời cái oan, thì lão Khế lù lù ở đâu về. Hóa ra lão chẳng đi đâu, lão núp ở hầm bí mật ngoài chân tre, như hầm cán bộ thời kháng chiến. Ngày lão

nằm hầm, tối thì xóm giềng xách cơm rượu ra cho lão. Có đêm mưa to lão vào ngủ gác bếp nhà nọ, người biết cũng mặc, chẳng trình báo ai cho lòi thối ra. Lão Khế cười hề hề: “Làm cán bộ, làm tề ngụy, nằm hầm mãi đã cả bồ kinh nghiệm, đũa nào mà bắt nổi ông! ”.

Cũng là khỏi vòng cong đuôi, chứ thật đã bạt vía và nghĩ ngợi lắm. Được trả lại nhà, vườn, lão gọi vợ con về ở còn lão kêu chán tình nghĩa cái làng này lắm. Rồi lão bỏ cả đảng viên, lão đi. Lên tỉnh hay đi đâu, có người nói thấy lão dựng cái quán nước ở cầu Bo, lại có người bảo lão ngồi xem bói chui bên chợ Rồng.

Thỉnh thoảng, lão Khế về, vẫn tươm tất bộ quần áo ka ki xi măng đại cán. Có khi vác cái rọ nhót con chó đem về làm thịt, mời các ông đã phúc đức che tội cho lão hồi ấy, đến đánh chén. Hỏi việc làm ăn, vài chén vào rồi, lão cười ha hả “người làm ra của, còn người còn của, đâu chẳng kiếm được”, rồi lại đi. Từ hồi xảy ra những nhố nhăng cây chuối mọc ngược, gà mái đập gà trống, con cái vạch mặt bố mẹ, vợ tố chồng, nhiều người vẫn đâm chiêu, âm thầm như lão Khế. Nhưng tôi chưa được gặp ông Khế về lần nào.

Cái xóm Đồng lặng lẽ, ông Ngải nhà tôi ở chẳng bận những chuyện rối ren ấy. Từ thời Tây thì ông Ngải ở dưới ruộng lên, vẫn ngồi bên búi tre lép, rúc điếu thuốc, uống ngụm nước chè vò. Con sông nhỏ lấp lánh ôm vòng ngoài chân tre. Đến bây giờ có tôi thêm vào, tôi ngồi không rồi rãi cả buổi chiều, ông đan hom lươn, tôi nhìn bóng chiều vàng từ mặt nước lên lan dần vào trong xóm. Đẹp đến ngẩn ngơ, tôi không biết vẽ cũng nghệch ngoạc mấy nét êm ả vào sổ tay.

Nhà cửa trong làng khang trang hơn các xóm ngoài tre. Hũm ao cạn cấy cần đã xanh om, gọi những tháng cuối năm sắp đến. Vườn chè loang loáng từng luống. Trong bóng cây đa ngôi đình có lớp cửa giữa mỗi xông lên tận nóc suýt bị dỡ bỏ hồi cải cách đã được đóng mới, uỷ ban cho các cụ phụ lão và ban văn hoá được ngả cây nhãn cổ thụ đầu làng xẻ lấy gỗ.

Giữa xóm, một ngôi nhà tường xây trên nền cao có thêm bước lên, trông vào thấy lóng lánh chiếc gương tàu in hình con phượng ngũ sắc trong gương, bên cạnh dán những tranh cắt ở báo ra, xanh đỏ rọi mắt. Cụ phó- không biết phó gì, cụ mất đã lâu, nhà có ba mẫu, hai chiêm một mùa, bị lên địa vì nhà tuy ruộng không nhiều nhưng không có lao động chính. Dững, con trai cụ phó, làm chi uỷ từ thời bóng tối, bị tố phản động quốc dân đảng chui vào Đảng, đội bắt giam. Rồi sửa sai, Dững được tha, xuống thành phần trung nông, phục hồi đảng viên, nhưng xem chừng Dững sợ quá, cay quá người ngợm và nhà cửa chưa lại sức. Nhà ngang đã xiêu, phải chống hai cây tre. Một cốt thóc cón con quây lại, như cái chòm tóc trẻ nít. Ngày trước Dững học trên tỉnh, lấy vợ rồi mới về làng. Đi gặt, không biết gánh. Vợ người thiên hạ, dân tỉnh, quần tóc, răng trắng- trắng tự nhiên, không phải răng đen mới cạo, phảng phất chút phong lưu còn lại, không biết còn lại ở cái gì.

Chúng tôi gọi với lên: “Ông Dững ơi! Đi họp”.

Dững ngồi bó gối trong phản nói vọng ra: “Tôi đương lên cơn sốt, không đi được, báo cáo các đồng chí”. Rồi nghe tiếng rũ chiếu phành phạch. Xem chừng còn đau đầu, không biết thật hay vờ. Quốc bảo tôi

thế.

Họp chi bộ buổi tối trong làng. Đi qua bóng tối bóng sáng le lói những cái đèn con đặt giữa ruộng mạ để bắt bướm, nắc nẻ, sâu đo, xa xa gần gần nhấp nháy chớp chớp như ma trời ra đêm mưa ngoài tha ma.

Cùng đi, chuyện với Quốc- một đảng viên kết nạp trong cải cách, vừa rồi bầu ban quản trị được ít phiếu, không trúng. Quốc cho là bị dân thành kiến đảng viên hồi bản cổ. Nhưng Quốc vẫn phụ trách công an xã, lại kiêm công tác phân bón của hợp tác.

Quốc kể trong làng không êm ả như các xóm ngoài ấy mà cũng không phải chỉ có một mình chuyện ông Khế. Những cánh đồng, những bụi tre thì vẫn đều hiu như bao đời vậy. Quốc là người được diu dắt nên cán bộ mà lúc đó nghĩ lại Quốc còn rùng mình. Và dần dần Quốc nói tôi mới hay không phải chỉ có một chuyện đảng viên Khế.

Lý trưởng Vạn bị tố phải bắt, tự nhận là bí thư quốc dân đảng cả vùng. Những người biết nhưng không dám nói. Lý Vạn cũng chẳng đảng phái phản động gì đâu. Tội nó là làm lý trưởng, cán bộ về, nó không bắt, nhưng nó đuổi không cho vào làng. Lại khoe ầm lên làm thế để cho làng nước bình yên. Cái hôm đội vừa về địa chủ Lịch đuổi trâu qua sông, ngã chết đuối. Các tổ rẽ chuối phân tích phát hiện là lý Vạn giết mụ Lịch để trảm đầu mối. Mít tinh mừng chính quyền mới ra mắt, lý Vạn bị đem xử bắn đầu tiên... Nhưng thương nhất bác Đạt người giữ cổng Bắc. Giữ cổng, lĩnh lương của bột, lại được tiền của ta vì đêm thì mở cổng cho cán bộ bơi qua. Việc ấy chẳng mấy người biết, cũng không ai đem tố cho rắc rối.

Con gái bác Đạt là du kích, được đi canh gác, cứ ngựa tay thúc báng súng vào bụng lão địa chủ Vạn. Vạn học ra một đồng máu rồi nói. “Bố mày đã xơi lương của bột, lại ăn tiền của Việt Minh, mày về mà đấu đá khảo đả bố mày ấy”. Không chỉ có một con gái ông Đạt mà cả tổ du kích nữ ở đấy. Thế là cái tin, ông Đạt ăn tiền hai mang loang ngay ra. Đến hôm đấu. Vạn còn rống lên: “Ông nông dân Đạt đã ra cây nhãn đầu làng nhận tài liệu Quốc dân đảng đem về cho tôi, các ông các bà nông dân có biết không”.

Cán bộ đội phụ trách xóm ông Đạt bị gọi về trụ sở đội kiểm điểm để lọt lưới. Đêm ấy, họp xóm, đã thay cán bộ mới. Mọi người đến đông đủ, anh cán bộ mới quát to: “Địch ngồi lù lù với bà con, mà không ai biết à?” Hết chuyện hồi tôi ở Nông Cống, cán bộ Lâm xóm Trúc không phát hiện ra địch, tôi được điều về thay. Tôi tính toán ra được một địa chủ hết như đảng viên Dũng mà Quốc vừa kể, lúc này chúng tôi vừa đi qua nhà. Anh này cũng ở tỉnh về quê trông nom vườn ruộng. Một buổi sớm, dân quân du kích giải anh ta đi. Gặp tôi đầu xóm, anh ta vái tôi rồi sợ sệt lễ phép hỏi: “Ông cho em lên địa chủ ạ?”.

Cả đám họp quay lại nhìn ông Đạt. Ông ấy đứng phắt lên, chạy thẳng ra đâm đầu xuống cổng Bắc.

Mọi cái đều dữ dần, Quốc bảo Quốc kể lại mà còn sợ, nhưng giọng Quốc lại nhẵn nha, dừng dừng, tôi không đoán được tâm trạng anh thế nào. Quốc là cốt cán hồi cải cách, nhưng bây giờ vẫn tích cực và được làm công tác. Quốc phàn nàn làm công an ngày ngày bắt thuốc Lào, bắt rượu, bọn buôn chè tươi, chỉ mua thù chuốc oán. Nhiều lần đã bị ném gạch vào nhà.

"Chắc rồi tôi cũng không đậu được chân hội đồng nhân dân. Nhiều đứa ghét quá. Có nhà giết lợn, tôi bảo để lại cho cân thịt. Vợ nó cặp rổ thịt hân hoi, nói ráo hoảnh: thừa ông công an, hết rồi. Thịt này có phiếu người ta đặt, tôi phải đem lên chợ trả người ta. Nó ghét tôi vì hôm trước tôi hỏi: “Nhà mày không đóng sát sinh à? - Mà nó có đóng bao giờ đâu, nhiều nhà nấu rượu lậu, tôi cũng lờ, thế mà...”

Chi bộ mười lăm đảng viên, chưa kể hai chúng tôi, ngồi họp trên ổ rơm. Chương trình có đến một huyện việc, quá nửa đêm cũng chưa xong, phải dừng lại. Trước lúc họp đã bàn ưu tiên gọi hai mươi người sáu ngày dân công đào sông Diêm chống úng, tiêu chuẩn thì tự túc. Một người nói: Thế thì đả thông khó đấy, điều dân công bảo được tiền thù lao mà". Bí thư Sự nói bừa đi, nhưng át giọng: “Đấy là đi dân công lúc kháng chiến, bây giờ thời bình thì khác. Nào bắt đầu họp, chương trình dài lắm. Một người lơ lửng chép miệng một câu ví von: “Bí thư nói đúng lắm. Sớm đúng, chiều sai, đến mai lại đúng, lúc nào cũng đúng”.

Các việc bàn lần lượt: rút kinh nghiệm họp tác xã thí điểm vụ gặt đương lắm thách mắc; cho các liên tổ đổi công học tập chuẩn bị lên họp tác xã; chuyển thóc lên huyện vấn đề kết nạp đảng viên trong dịp đông xuân; tuyên truyền thanh niên nghĩa vụ quân sự đầu 1959; công tác bán thóc vụ này cho chính phủ quản lý thị trường, tăng cường kiểm soát rượu, thuốc lào, chè thuế sát sinh; hạn chế ăn uống lu bù đầu mùa, các tổ báo cáo làm phân, gieo mạ đúng kỹ thuật...

Chủ tịch xã nói chen chằng vào trật tự mục nào:

- Nhà tôi thì gieo mạ lối cũ, khổ thế.

Nhiều người cười: Ông chẳng quảng bá thì cả làng biết rồi. Bà chủ tịch đã rêu rao khắp xóm: tôi học thế nhưng tôi không làm thế đâu. Giỏi thế thì ông mới làm được chủ tịch.

Đáng lẽ việc họp tác xã thí điểm và tổ đổi công lên họp tác xã lắm ý kiến nhất thì lại êm đềm cho qua vì chẳng ai phát biểu. Có lẽ, ai cũng biết đảng nào rồi cũng lên, nói hay không cũng phải thí điểm phải lên. Còn mấy mục nữa, nhưng khuya quá, mấy người đã rúc vào ổ rơm ngáy rền rĩ vang gian nhà họp.

Bí thư Sự kết thúc, trịnh trọng nhấn một câu:

- Ta tiến lên lập họp tác, ví như cái xe, là cái xe thì việc của cái xe là đi, dù đường còn xấu, còn gồ ghề, nhưng vẫn là có đường cho cái xe lăn bánh, ta phải cố gắng.

Bí thư đã nhớ câu này ai phát biểu ở cuộc họp nào trên huyện.

Một hôm, tôi sang chơi nhà Sự. Những đồng thóc gặt hôm qua đã kéo xong. Sự đã tạm chia ngay cho mỗi nhà mười cân. Đương có nắng, phơi nhanh. Gặt ăn ngay, bây giờ đâm ra giáp hạt từng ngày. Trong làng mà biết, chắc lắm người cười thầm.

Vợ Sự người nhỏ con, đôi mắt lẳng đưa đấy, vẻ như không phải người làng. Hỏi ra cũng nhà bên kia sông, làng bên.

Chị Sự kể chuyện lúc kháng chiến.

- Nhà tôi chạy giao thông rồi sang bộ đội chủ lực huyện, đi cả tháng, cả năm. Đêm tối trời, một trung đội đến trạm chờ trong làng đợi anh ấy dẫn sang sông.

Lúc ra sân nghe ngóng, thấy ở các gốc chuối lung lay nhấp nhô như người nấp. Bị động rồi, làm thế nào báo được vào trong trạm dừng lại. Ra bây giờ thì chúng nó gõ cổ ngay. Tôi mới nói để tôi đi cho. Có lần tôi đã giả làm bà mụ đi đỡ đẻ đi gặp du kích ở xóm trong.

Lần này tôi làm người đi cho sữa. Tôi cầm đòn gánh, khua cả vào bụi chuối, làu bàu râm ran: “Con đói sữa mà nửa đêm gà gáy mới gọi thế này, cha tiên nhân nhà mày”. Trong bụi chuối không thấy nhúc nhích, tôi vào báo được cho trạm, lúc về lại cứ quơ đòn gánh, ca cẩm chửi. Thế là không ai ra đợi sang sông. Nhưng anh ấy vẫn nằm trong nhà, bây giờ đến đợt sợ nhờ cái chúng nó sục vào...

"Đến khuya, có tiếng gọi khe khẽ- Bà chủ ơi bà chủ- Đứa nào thế? - Bà làm ơn cho mượn con dao tôi chặt cây chuối bơi qua sông, pachtidăng nó sắp tuần xuống đây rồi- Cha đẻ mẹ mày, đêm hôm nhà đàn bà con gái, bà thì.. “ Tôi là bộ đội - Bộ đội, đội thúng đội mẹt cái con đẻ mẹ chúng mày. Nhà tề đây có cút không thì bà gọi bảo hoàng nó xuống gông lại. Im lặng. Thế là yên đêm ấy".

Cũng chuyện ngày trước, câu chuyện ma quái này Phùng Quán nghe được có người kể, không phải chị Sự rí tai.

Đêm kia, Sự bơi qua sông về, trời sáng trăng. Sự trèo tường đất vào vách cửa liếp đằng sau. Toan gõ vách làm hiệu như mọi khi. Nhưng trông vào chẵn song, thấy rõ hai người nằm dưới đất. Một cái bóng thì đích là vợ Sự. Người kia là một thằng đàn ông, đen sẫm như mặc áo rằn ri trên bốt. Sự nhấc chót cửa vào, lạng lẽ hai tay bóp cổ thằng đàn ông, lôi ra bờ sông, cho một nhát vờ đôi đầu, ném xuống nước.

Vợ Sự vẫn nằm ngủ, không biết. Sự dựng con dao bầu vào vách, nằm xuống, vờ vợ. Cho đến bây giờ, người ta còn thì thào đoán với nhau. Không biết cái thằng bị beng cổ chết mất xác là thằng nào. Chắc lính trên bốt. Hồi ấy làng không thấy thiếu người. Ai cũng đoán con mụ vờ ngủ. Chuyện đã lâu và cứt trâu đã hóa bùn, con quạ mổ vẫn dĩ tính, chua ngoa, chẳng ai dám dây. Nó chửi cả xóm, cả họ. Vợ Sự bảo chồng: “Nhà là đảng viên, là bí thư, là chủ nhiệm thì phải vào hợp tác cho có thành phần. Tôi ở ngoài, bao giờ làng này lên hợp tác xã hết thì mẹ con tôi cũng lên".

Việc lao động của các nhóm chúng tôi thì cứ nghĩ ra mà làm, hay đôi khi làm đỡ bà con tổ sản xuất

Không thì đi chơi, nằm đọc sách, đào giun cho vẹt ăn. Cũng chẳng khi nào trò chuyện sáng tác tối tác ra sao.

Tổ trưởng đã bảo đợt đi này không có kế hoạch sáng tác, nhưng chúng tôi như có ý tránh những cái đã qua.

Kể cũng tế nhị, cùng một tổ, nhưng mỗi người mỗi nhẽ. Có anh chỉ dính với tập san Giai phẩm có tên ở cái quảng cáo trên bìa bốn của nhà xuất bản Minh Đức. Có anh không viết một chữ sai trái, nhưng bỏ đôi ba câu nói ngang. Tôi đã viết kiểm điểm trên báo để nông nổi tình hình văn học xảy ra thế thì tôi cam như hến là đành một bề rồi. Nhưng tổ trưởng Hoàng Trung Thông vừa qua với bút danh Hồng Vân đã tả xung hữu đột những bài đao búa cùng những bài của nhà sử học Nguyễn Văn Phùng đã phang từ lý lịch Phan Khôi xuống. Trần Lê Văn thường kể những năm về sau, Hoàng Trung Thông đã rệu và yếu nhiều, mỗi khi gặp, hay hỏi: “Ngày ở Thái Bình, mình thế nào, có vấn đề gì không”. Kể ra chẳng có vấn đề gì, nhưng mà lại có vấn đề, có mà không cái hồi ấy nó thế đấy.

Ngoài đồng có ruộng đã cày vỡ, đương cữ nắng, nhiều xứ đồng cao ở gần chân tre đã xếp ải. Vùng này làm ruộng có thói quen xếp ải - luống đất đã được cày lật, bê lên đặt từng dãy, phơi nắng ít lâu rồi tháo nước vào bừa. Làm thế, đất khô thoáng như bón phân. Chúng tôi ngày ngày ra đồng xếp từng tảng đất lên quanh bờ.

Có một việc tôi chỉ nghe kể lại. Khi tôi về Thái Ninh thì đã xong, đã vứt bỏ xó rồi. ấy là tổ trưởng Thông có sáng kiến thử cấy dày, hưởng ứng nước bạn đại nhảy vọt. Mỗi chân mạ không cấy hai ba dảnh, mà nhét bảy dảnh, mười dảnh một cụm. Có báo đã đăng tấm ảnh bên Trung Quốc, trẻ con trèo lên chạy chơi trên mặt thóc ruộng lúa cấy dày đã chín.

Chương IV -

Năm sau, tôi học trường Nguyễn ái Quốc, cùng tổ với kỹ sư canh nông Ngô Tấn Nhơn. Anh Nhơn là người đã cùng đoàn cán bộ đi tham quan Quảng Tây. Bạn đưa đến một cánh đồng thí điểm cấy dày. Nhưng ruộng đã gặt, được nghe báo cáo xem ảnh và trông gốc rạ chi chút liền như trái chiếu. Bạn trình bày có kỹ thuật mới sang năm bình quân mẫu sẽ trăm tấn, bây giờ cho ruộng luân canh bỏ hóa để đất được ngủ, được thở vụ sau càng tốt hơn nữa.

Anh Nhơn cười hiền lành: “Các đồng chí ấy và chúng tôi đều ước vọng như người nông dân xưa nay ước vọng. Đi tham quan về, tôi làm báo cáo và kế hoạch. Trên nhận xét con số chỉ tiêu còn thấp còn bảo thủ. Vừa đi tham quan nơi tiên tiến nhất, không thể xoàng thế. Tôi nâng 4 triệu lên 6 triệu tấn gần gấp ba. Ra hội nghị, nống lên nữa, thành 7 triệu ở các cuộc họp xóm, xã, tổ sản xuất, tôi đã dự lắm cuộc thi đua đặt mức. Cũng như các cuộc họp anh Nhơn kể lại, làm ăn còn trông vào ngày mưa ngày nắng mà đâu cũng thế, cứ sôi nổi nhận văng mạng thật cao, càng cao, ở xã, rồi lên huyện, lên tỉnh lại đùn lên. Thả sức ganh nhau, rồi chẳng làm được cũng thôi. Bỏ vì được hạt thóc còn “trông trời, trông đất, trông mây” cứ ước thế vầy, mất gì.”

Tổ ông Thông mượn được miếng ruộng vài thước vuông rồi xin mạ về cấy liền tù tì. Ngày ngày tát nước, bỏ phân, ú phân xanh, cả phân tươi. Cây lúa chen chân lên, cũng xanh mỡ mướt mà, nhưng lúa xít gốc, nóng hầm hập, hút nước tợn quá. Phải kế hoạch quạt cho lúa mát, vào làng mượn chiếc quạt thóc cánh phẳng nặng như cái cùm- ở trên báo đã nói lúa cấy dày lên, nóng phải quạt, kinh nghiệm canh tác đấy. Quạt vài hôm, lay thử, cả khóm lúa bênh ngã ngửa, lá vàng ửng, thối rữa.

Ông Ngải kết luận hộ. “Các anh chơi trò trẻ ranh”.

Rồi những năm sau, Phùng Quán còn đi lao động dài hạn, ngắn hạn ở những nông trường Đông Hiếu, Tây Hiếu và đâu đâu nữa không biết, nhưng mà đợt này một nhóm có hai chúng tôi, kể ra tổ trưởng Thông cũng khéo xếp. Một mình tôi thì nên cơm cháo sao được, lại chỉ mồm miệng đỡ chân tay. Nhớ hôm ấy có mấy chén rượu suông. Hồi này Thông cũng chưa uống mấy, nhưng máu nát rượu thì sẵn, không vì uống nhiều hay ít, chỉ cầm chén ngùi hơi men đã ngà ngà rồi.

Thông đứng dậy, chân la đà. Phùng Quán giơ tay: Anh để em đỡ. Thông quắc mắt: “Tao vừa công bố mày với ông Hoài một nhóm, tao có say đâu”.

- “Anh cứ vịn vai em cho chắc”. Thông quát: “Ông mà phải để cho Nhân Văn giắt à?” Tôi nhớ một hôm ở cơ quan 84 Nguyễn Du, có liên hoan cuối năm, bấy giờ chỉ có rượu mùi, chẳng biết Thông uống thế nào,

đến lúc ra cửa, Quán dìu một bên. Thông vùng tay ra, cũng nói một câu ấy: Tao mà... tao mà... Chẳng biết Thông nhớ không. Chắc là không, nên mới nói lại đúng thế. Quán ngồi lặng im, vẻ mặt buồn, nhìn Thông đi ra. Chúng tôi bàn việc làm hồ phân. Cái sự người say không cho là mình say, mà cũng không hẳn là say, bởi vì sáng kiến do tổ trưởng Thông nảy ra bảo tôi và Quán làm một hồ phân, không phải chúng tôi đã nghĩ ra.

Hai người một hồ phân xanh. Các nhóm khác hình như cũng làm thế. Hồ phân chúng tôi đào ngoài góc vườn chè. Ông Ngải hỏi: “Các anh làm gì đấy?”

- Hồ phân xanh ạ!

Ông Ngải không nói gì. Quán đi mượn thêm một chiếc mai về cho tôi.

Quán nói:

- Anh thì trình độ hơn em, anh là nhóm trưởng.

Nhưng việc này thì em xin chỉ huy anh. Lệnh của em là: em đào, anh hất đất lên.

Đúng quá, vừa sức chân tay tôi, không thể còn ý kiến vào đâu được. Quán phạt cỏ, làm dấu xới một vòng tròn to bằng cái miệng giếng, rồi bắt đầu thúc lưỡi mai, nhanh nhẹn điệu nghệ. Hai tay nhắc cán, bàn chân dậm lên thành lưỡi, bầy đất lên. Nhưng đất vụn ra, tôi không lùa mai hất được. Tôi lấy tay bốc, nhưng một lúc vẫn chưa được bốc, chỉ đất lẫn lẫn ra nhăm nhở từng đám. Quán bảo: “Không cần bốc vội, đợi đào quanh thế này cho thành miệng hồ đã”.

Thì tôi cũng biết thế và ngồi tỳ khuỷu tay lên đầu gối, đợi.

Ông Ngải đi đâu về, ra vườn, đứng nhìn Quán cời trần hì hục đào. Ông Ngải chép miệng:

- Đào thế thì đến hai phiên chợ Diêm cũng chưa được cái hồ đâu.

Quán hỏi lại, giọng rụt rè, không rành rõ tự tin như lúc nay giảng cho tôi:

- Ông bảo phải đào thế nào?

Hồ ủ phân chỉ như miệng cái thúng, đào đâu to như cái giếng thế. Khoét hùm trước, bằng cái dấu thôi. Xắn ra từng phía mới được.

Rồi ông Ngải cầm mai, đẩy chân một cái, chỉ ba bốn nhát, đất đã lên từng vốc. Quán đứng nhìn ông Ngải, gật gù: “Được rồi, cháu sáng mắt ra rồi, cụ ạ.

Không phải chỉ anh mới có năm xe chữ, em chẳng mệt chữ nào mà cũng sưng cả. Trí thức tiểu tư sản không bằng cục cứt thật. Cụ ra ví dụ thế đủ rồi, để cháu làm tiếp.

Nhưng ông Ngải dương thuận tay cứ đào, hai chúng tôi bốc liên liên lên. Quán cứ tắc lưỡi: trí thức, trí thức...

ông Ngải thúc mai phăm phăm, vừa chuyện vừa hỏi: ông phó cạo ngoài đề bảo ông Ngọc mới được sang nước Tiệp Khắc về.

Đã mấy năm trước, hội sân khấu cử Chu Ngọc đi tham quan nước Tiệp. Chắc Chu Ngọc đã khoe với ông phó cạo.

- Vâng ạ.

- Thảo nào, ông ấy đi cả ngày, không xếp ải, không đào hố phân như các anh. Cán bộ to mới được thế.

Quán nói:

- Không phải đâu. Ông ấy cũng bằng cháu thôi.

- Cán bộ cấp là bác Thông, bác Thông chúng cháu cũng lao động cả ngày đấy. Lao động là vinh quang, ông Ngọc ông ấy lười ạ.

- Thế hai bác đã được đi nước Tiệp Khắc chưa?

Quán cười to:

- ời, ăn thua gì. Chỉ đi nửa buổi đã đến nước Tiệp Khắc, bằng từ đây xuống Diêm, à xa hơn một tý. Bác Thông ngồi tàu bay nửa tháng mới sang đến nước Liên Xô. Hôm nào cụ cứ hỏi chuyện bác ấy xem..

- Ô là vậy! ời a ồ...

Chẳng mấy lúc đã rõ ra cái hố sâu, tròn vành vạnh ông Ngải vào lấy cái sào cho chúng tôi khiêng đất đổ đắp vào các gốc cây chè. Ông Ngải nói: “Đất tường, đất vách ám khói bồ hóng ủ phân chóng ngấu. Săn cái mai, bếp nhà tôi có mảng tương ám khói đã đổ một vò, tôi đợi có rơm thì lấy bùn ao đắp tường mới, các anh đem đất ấy ra mà lót hố phân.”

Quán xua tay:

- Không, không, cụ ạ.

- Đất có hơi bếp, người ta gánh ra ruộng tốt như bỏ phân ấy mà.

- Thôi, thôi. Tổ trưởng đi kiểm tra lại bảo chúng cháu ăn gian đem lót đất dưới đáy cho chóng đầy hố thì chết cha.

- Đất vách bếp khác...

- Các ông cán bộ to không biết đất nào vách bếp vách chuồng trâu đầu. Cháu lạy cụ.

Tôi chen vào:

- Mà hố chóng đầy thì chóng hết việc, lại phải đào hố khác, vẽ chuyện.

Chán chuyện chúng tôi. Ông Ngải cười hiền lành, không nói nữa. Ông ra ngồi hút thuốc bên búi tre lép.

Ông quay mặt vào bảo: “Nghỉ tay ra uống nước”. Rồi ông vào trong bếp bưng ra nôi nước chè buổi sáng còn ông ăn ngũ ba bát cơm. Ông chỉ nghiện thuốc lào và nước chè vò. Sáng sớm, ông làm hết hai ấm chè tươi đặc rồi ra làm đồng, đến trưa về mới ăn cơm. Mặc cả nhà ăn sớm, từ thuở trẻ, ông Ngải cơm nước thế, đã quen lệ.

Chập tối, từ trên đê lộ cộc xuống một cái xe ba gác người đẩy người kéo, người bắt bánh chờ đồ đạc và máy “chớp phim”. Đội chiếu bóng huyện được lệnh cho ưu tiên về phục vụ hợp tác xã thí điểm. Hai cái xe phủ bạt ni lông xanh, dây chằng như buộc con trâu, phía dưới hở ra một hàng dít phuy xăng sơn hắc ín và những cạnh hòm gỗ vuông. Ngoài nóc bạt cài chiếc loa thiếc to bằng cái thùng và một bu gà, tiếng nhiep nhiep cả gà con, không biết là để thịt hay gà đàn nuôi.

Mỗi xe, một người xách lúc lắc cái đèn bão, cứ hô tiến lên, tiến, tiến lên mỗi chỗ đường lồi lõm ổ trâu.

Đội chiếu bóng của huyện, của tỉnh lưu động qua các làng, đem đến những máy móc và phim ảnh các nơi mà nhiều người trong làng chưa bao giờ được xem và cái gì mới cũng thấy là lạ.

Hôm vừa rồi, hiệu chụp ảnh ở chợ Diêm bán được mấy chục chiếc ảnh một nữ diễn viên Liên Xô, ông thợ đã khêu tô mặt mộc thành mặt son phấn, váy áo sắc sỡ. Thanh niên bá vai hỏi nhau: “Mua ảnh em chăn ngựa chưa”, ý nói ảnh cô giáo trong phim Tiếng hát người chăn ngựa mới chiếu mấy đêm ở bãi chợ.

Ba tối liền, các phim Tổng Cảnh Thi, Tiếng hát người chăn ngựa, người các làng về xem ngồi kín mặt ruộng đồng cao. Ông Ngải đi xem, còn tôi nằm trong chõng cạnh bụi tre lép, dưới ánh trăng suông, ngoài chân đê.. nghe loa hát đồng ca Hồ kéo pháo, tiếng máy phành phạch, tiếng người thuyết minh sang sảng, thánh thót.

Giữa mấy đêm vui, ngoài đồng nhiều thửa ruộng vẫn đương gặt và ban quản trị hợp khuya bàn những chuyện gặt. Khi giáp hạt, cái đói và cái ăn kề nhau, nhà nào cũng nháo nhác, nhưng năm nay có hợp tác, có tổ, cái lo được đem ra đình, ra trụ sở.

Hai cái xe ba gác của đội chiếu bóng lạch cạch chuyển sang làng khác rồi. Xẩm tối, các xã viên đã đến đông đủ Chúng tôi đi họp, có tổ trưởng Thông và một cán bộ ban công tác nông thôn không biết huyện hay tỉnh cũng dự. Mỗi một cái đèn hoa kỳ trên đầu bàn đăng kia, cả gian nhà hũ nút tối lem nhem như trong

chuồng trâu. Các bà, các chị bó gối ngồi lổ nhổ dưới đất. Một anh dáng chừng thông tin xã, nói to:

- Các bác văn nghệ ra cho một bài nào.
- Phải đấy! Ai đi hò lơ..

Bí thư Sự hét:

- Đây là các bác nhà văn, nhà báo, không phải văn công.
- Thì cũng là văn báo, văn công cả!

Một người ngồi đằng giáp tường bỗng lên một câu hò lơ lấy Kiều.

- Nhà báo à? Báo cô báo cậu! Đội trời đạp đất ở đời, Ai đi hò lơ. Họ Từ tên Hải vốn người ăn không
Hò lơ hó lơ hò lờ...

Quán ghé tai tôi:

- Tên ấy xỏ chùng mình. Tôi phải ra trở một bài đập lại.

Tôi kéo Quán ngồi xuống. Bí thư Sự tinh ý quát:

- Không được hát mất lập trường. Cầm cái mồm!

Nhiều người vỗ tay, cười ầm. Không biết cười cái gì. Thật quái, rồi cái năm tôi học trường Nguyễn ái Quốc, đi với anh Thử cùng tổ về tìm hiểu một hợp tác xã nông nghiệp ở Trôi Gối vùng các huyện Đan Phượng và Hoài Đức. Chúng tôi qua cánh đồng, Thử có cái đài Orion đeo bên nách, hát eo éo. Một anh đương cuộc ruộng, ngẩng đầu lên, hát đúng cái câu lấy Kiều có chữ “ăn không”. ở đâu cũng có người làm, người chơi, những ví von xỏ xiên sao khéo bay xa thế.

Rồi vào cuộc họp ngay ngắn. Bí thư kiêm chủ nhiệm bắt đầu nói, giọng đều đều như đọc giấy: thóc đương gặt, chưa lên sổ sách, không được hoang mang. Thóc chưa về nhà nhưng thóc đã được quảy về sân kéo đá, thóc chạy đâu, thóc mất đâu mà nháo lên.

Một bà vừa bước vào, nói ngay: “Mua xi măng chưa, trám xi măng vào mồm người ta ấy à? Thấy mùa màng thóc lúa không ra sao thì phải sốt ruột chứ”.

Chủ nhiệm lại nói, xung quanh lại to nhỏ lầm bầm.

Có lúc ồn lên như sắp cãi nhau, nhưng không, cứ vừa to tiếng lại vừa pha trò thể thôi.

Đảng viên Quốc trình bày cái thắc mắc của mình, nhưng nay đã ổn. Trong góc nhà có tiếng chép miệng,

kháy:

- Anh chẳng ổn thì ai ổn. Anh ổn là phải.

Chủ nhiệm Sự nói:

- Năm nay, chắc rồi tôi cũng thiếu, nhưng...

Cái bà nói mua xi măng lúc nãy, đốp ngay:

- Anh thiếu, đổ anh dám thách mắc.

- Tôi không thách mắc lung tung!

- Tưởng tôi thách mắc lung tung a? Có ở đây đông đủ cả nhà, là trong nhà, tôi nói toạc ra thế chứ làm người phải có ăn có nghĩ chứ. Nhà tôi ngay bên đường cái, ai đi qua chẳng tạt vào nhờ điều thuốc, chén nước vờ xem con gà con què dò la. Người kẻ bãi hỏi tôi năm nay thế nào, tôi chỉ vào đồng thóc thuê anh Sự gửi, tôi bảo thóc nhà được chia đợt đầu, chưa kịp cân lại.

Còn nữa, còn nữa. ối, đầu vụ mà hợp tác tổng đến lăm thế. Đứa nào bảo tôi ăn nói phá hoại, hả? Thời này, không phải thời cải cách, vu oan giá họa cho người ta không được đâu.

Lăm cái biết rồi, hỏi không để làm gì, cũng cứ hỏi, như phải có thách mắc, có hỏi mới là đi hợp.

- Chia cho vài hạt thóc thế thì làm sao tôi nuôi con tôi. Không nuôi trẻ con nữa à?

- Nhà ai chẳng cỡ trẻ con, chưa có hợp tác thì vẫn phải nuôi trẻ con chứ!

Bà ấy còn làu bàu nói một mình. Có người thì thào bà lão ban chiều dắt cháu vào ăn cỗ cơm mới nhà ông đảng viên Dũng vừa xuống thành phần không vào hợp tác, chắc lại mới nghe ông ta thối cho mấy câu bất mãn bất mèo.

Mấy khi có cán bộ trên về và thế nào ông cán bộ cũng phát biểu và nói dài. Đã quá mười giờ, lại giờ tay hùng hổ sang mục đích ý nghĩa đông xuân năm nay quan trọng đến kinh tế, chính trị ra sao. Cả loạt người ngồi xa đã tựa vào tường, ngủ từ bao giờ. Có bà ngủ gật gật mình ngồi chồm hồm lên, hỏi:

- Ông này lăm lời nói đến sáng chắc?

Cán bộ nói:

- Không nói đến sáng đâu. Điều thứ năm là...

Cán bộ làm vẻ bình tĩnh nhưng bị câu hỏi sống sượng trắng trợn, cũng mất đà thao thao, nhụt giọng dần,

rồi đột nhiên ngồi xuống.

Cuộc họp cũng phải gác mấy việc, chỉ còn bàn làm mạ. Lại cãi cọ lao xao. Việc làm, việc thi đua bao giờ cũng nói hăng, dầu đương còn thắc mắc bề bề. Và ồn nhất là lúc gấp thăm chia ba chiếc lưới cày 51 chủ nhiệm mới sắm về.

Cái hố chúng tôi đã đào xong, sâu bằng chiếc vại, bây giờ đến công tác làm phân. Quán hỏi:

- Thế nào?

Anh chàng hỏi cốt để khơi ra rồi lại nói:

- Việc này lại đến Quán ra tay thôi. Hôm nọ xuống Diêm đấỵ, Quán đã cắt nghĩa cho mọi người biết ngọn nguồn hạt muối và nghề làm muối. Anh lại quên rồi.

Không phải chỉ tát nước biển lên phơi nắng thì ra muối. Tháo nước mặn vào, vừa phơi vừa pha, đến lúc bỏ hạt cơm vào mặt nước, hạt cơm chìm là được. Lấy nước cái chan lên mặt ruộng xi măng, hơi nước bay dần đi còn lại hạt muối, hạt vuông mặt nhỏ là muối tốt, thế, thế...

- Quán nói thạo thế, chúng ta sẽ ở lại Diêm Điền, xin đi thực tế đợt nữa làm công nhân nghề muối.

Quán cười hớ hớ.

Doạ chơi đấy thôi. Để anh thấy Quán lãnh đạo làm hố phân này là đích đáng. Ngày ở bộ đội, làm cả một trăm hố phân cho đại đội, chả là tăng gia đơn vị riêng mà.

- Tớ vẫn làm theo Quán phân công đấy thôi.

Được rồi. Thế thì bây giờ, tính...

Chúng tôi ngồi hai bên hố, ngắm nghía, còn khoái cái công trình mới, đã quên mất nếu ông Ngải không đào thử và chỉ vẽ cho thì còn loay hoay đến sang năm cũng chưa chắc được cái hố nhép.

- Bây giờ tính... Theo lệnh tôi. Nhóm ta thi đua với các nhóm. Sáng mai triển khai ngay hai công tác: đi gấp phân và bẻ lá ủ phân. Nhặt phân, gấp phân, gánh phân không phải việc của anh, mà anh cũng không làm nổi. Tôi phân công anh đi các bờ bụi bẻ lá ủ. Nhớ cái lá nào ngẫu được, lá rền đất, dây mảnh bát, lá xoan. Đừng rước về lá tre, lá chuối ủ một năm không ngẫu không tươi thì chết dở.

- ừ mà tớ không biết gánh. Tớ như anh cu đảng viên Dũng trong làng đem hai cái vai thờ ở tỉnh về.

- Ai sinh ra mà đã biết gánh, lại gánh phân. Nhưng Quán đã sinh ra là bộ đội thì biết hết, làm hết.

Rồi Quán về, vừa đi vừa hát thật to. Như điệu cợt, như quá vui, không biết bài chòi hay hát dặm, chắc

lại một câu Quán vừa nặn ruột ra- giọng Huế ghé ngo lai lai.

Trời mưa, trời gió ùng ùng

Cha con ông Sùng đi gánh củt trâu...

Sớm hôm sau, tôi ra ngoài tha ma cuối đồng. Đã để ý trên bụi móc điều ở đấy leo bùm tum chẳng chịt những dây lá mảnh bát, mảnh cộng, dây tơ hồng. Ngày còn ở làng, tôi hay đi ngắt lá mảnh bát về nấu canh láo nháo, canh cua, tôi vẫn thuộc rau má, rền cơm, rau sam, mùng tơi- những lá nào người ăn được thì chắc chóng ngấu, không như lá tre, lá duối dai hơn giấy dầu bọc xi măng. Quán ở trong xóm đằng kia đi ra, gánh đôi quang lồng một, hai thanh tre gấp phân đặt trên mặt sọt.

- Không được hả?

- Không được là thế nào! Kết quả buổi khai trương vượt mức. Đổ vào hố rồi. Ra giúp ông anh đây. Bỏ đồng lá vào sọt này, tôi quảy về cho.

Mỗi buổi sáng, công việc nhóm tôi như vậy. Có hôm Quán xong việc ra sớm, tôi còn đương leo trên bụi duối, cắt dây mảnh bát. Quán quăng cái quang gánh, ngồi phệt xuống đám cỏ trên nấp nhà người ta. Quán kể nông nổi đi gấp phân như là đọc một mẫu chuyện trên báo. Các đường ngoắt ngoéo trong xóm trở ra cổng đồng còn tối đất. Những con trâu, con bò ra ruộng làm sớm, thói quen tự nhiên tới rệp cỏ ven hào nước thì đứng lại ỉa. Đến khi sáng hẳn, trẻ con trong xóm mắt nhắm mắt mở lốc nhốc kéo ra, ngồi bình đấy. Hai thanh tre của Quán mở ra gấp lên sọt tuốt cả phân trâu, phân người. Tìm ra những con đường phân này cũng chẳng phải tài giỏi riêng Quán, mà sáng nào cũng có người nhặt phân từ các ngõ xóm ra cổng đồng, đi muộn có khi hết.

- Lá khoai lang ủ phân tốt, xuống lấy thêm vài nắm.

Quán xua tay:

- Đừng mó dái ngựa! Rau lang người ta cho lợn.

Anh chưa bị vố nào à? Cục củt ở trong ruộng người ta cũng không được đụng vào. Sáng nay thôi, tôi hót bãi phân dưới ruộng, một tên đến sừng sộ ngay. Con trâu hay thằng người ỉa ruộng tôi làm là phân của nhà tôi, anh lên đường cái mà hót. Luật đất đai đã nói đất của nhà nước, thằng cha lạc hậu thế mà mình phải chịu.

Chúng tôi làm hố phân cùng lúc với mọi bộn bề của những buổi gặt chính vụ. Rồi ra cái xóm Đồng này hay hay dở không chỉ vì niêu cơm mỗi nhà trông vào, mà cả xã, cả hàng huyện đương nghe ngóng, tọc mạch về cái hợp tác xã thí điểm. Đã lên kế hoạch gặt trước trên ba mươi mẫu. Trời nắng thuận, lúa chín già mặt hạt thóc, đã được mấy mẫu sớm. Đợt này thu tiếp một lèo trên mười mẫu, còn bọn ruộng hom muộn để đến cuối tháng gặt nốt, chỉ ra đồng vài ba ngày là cùng. Công điểm gặt không sổ sách như công cày bừa đầu vụ

mà cân thóc trả tạm ngay cuối ngày.

Cả nhà cơm nước xong từ lúc còn tối đất. Ông Ngải thì ngồi uống nước, hai ấm đã kiệt. Đòn càn, đòn xóc, dây dợ, thùng chảo đã cắm sẵn từ hôm qua ngoài ruộng.

Giá như các năm trước chưa có tổ thì đã đi từ lúc sao mai còn lóng lánh đầu ngọn tre. Bây giờ các nhà gọi nhau í ới, đến sáng bạch ngoài mặt ruộng mới dần dần rộn tiếng cười nói rồi tiếng tay lúa chuyển rào rào.

Tôi cũng ra ruộng với ông Ngải. Ông Ngải dạy tôi gặt như bảo trẻ con chơi. Ông Ngải bảo cách vun cây lúa, cắt quơ liềm, tôi nhận ra lý luận cái liềm, cái hái là những tay máy đầu tiên thay tay người. Hình như ăng Ghen nói tương tự thế. Tôi cười thầm tôi chưa đổ mồ hôi đã ra lý luận. Rồi tôi lại bực tôi tủn mủn hay chế diễu cả những việc giản dị. Đến những động tác phức tạp nữa thì tôi cũng im cắt nghĩa, tôi lại cười tôi. Tôi gặt với ông Ngải, anh Sự và một lũ các cô Lẻn, cô Dăm, cô Vĩnh. Tay con gái thoăn thoắt, không quờ quạng như tôi. Nhưng tôi cũng không thấy ngượng.

Tôi vợ bốn khóm lúa, hai đầu gối khuỳnh đỡ như kiệu quì. Tôi phải nhớ: tay cắt cắt cao, chân cụp lại, đuổi ra, từng hiệp, từng hiệp. Có cô ngoảnh sang tôi, cười như nắc nẻ: “Anh Tư đừng lo, ông Ngải mà dạy cắt lúa thì chỉ nửa buổi anh đã hơn đứt chúng em”. Các cô đùa như nói trêu trẻ con, chứ đòi nào tôi ví được với các cô gặt khoan thai như văn công múa. Tôi nhớ năm trước vào giải phóng Tây Bắc, ngần ngợ nhìn các cô gái Thái gặt ở Phù Yên, lưỡi dao cắt từng bông lúa nếp thu vào ống tay áo chàm, như nhìn cô tiên trên trời sa xuống.

Hôm sau, gặt lúa dâu. Quán lại dạy tôi bài học khó hơn. “Biết gặt, biết bó, biết gánh, gánh không đổ, làm được ba cái biết ấy mới là thợ gặt”. Tôi hỏi:

- Quán thạo mấy biết?
- Gặt và gánh. Còn bó thì chân đạp và đầu gối tỳ còn đuổi, bó chưa chặt.
- Tớ thì ông Ngải mới cho học quơ liềm.
- Anh đích thực “họ Từ tên Hải vốn người ăn không” đã lâu rồi, chính phủ miễn cho anh chức nông dân.

Chuyện vui, chuyện cười lao xao trong ruộng, chẳng mấy lúc đã cao ngọn những xếp lúa đầu bờ. Quán bỏ gặt lăng xang lên chen vào đám gánh. Quán nhanh nhẹn quơ mấy cây lúa thành một khóm, ba bốn khóm ra một gờ, ba gờ một lượm, ba lượm một bó. Một đòn xóc hai bên sáu bó, khỏe thì tám. Một mạch thẳng về đến sân- gánh thóc không được đổ, đổ thì thóc rụng.

Quán gánh con cón, như trai làng, hết thợ gặt. Chẳng quần chân ai chút nào. Ông Ngải nói: “Anh Quán ở đây được. Đã vợ con chưa?

Cô Hến kể: Bố tôi yếu rồi, chứ ngày trước ấy a! Nhà ăn thế anh đã bảo sớm, chứ khi chưa vào hợp tác, mẹ tôi thôi cơm từ canh hai. Hôm nào đi gặt mướn thì đến ruộng mới tỏ mặt người. Bố tôi ra đơm đó, nhắc lờ về, uống xong vò chè rồi đứng dậy ra ruộng còn tối đất.

Buổi gặt về, chiều đứng im. Dòng sông và bóng bụi tre, bụi chuối lẫn vào nhau. Sao hôm vừa lặn, sao vược lên cùng chùm sao tua rua như một quang đèn treo trên đầu khoanh tre. Khéo nhỉ, sao tua rua mọc như thắp đèn đến sang canh đêm kéo lúa.

Ngày trước, nhà giàu thuê thợ hay treo giải gặt đầu mẩu. Chủ ruộng đếm từng quây về trước. Ai chẳng may cắt với ông Ngải thì biết trước là mất giải. Ông Ngải đã ăn giải cả chục gánh một buổi. Làm ruộng giỏi như ông Ngải, ngày ấy, khi ở xóm Đồng về, tôi đã viết một bài học văn cho học sinh lớp phổ thông miêu tả “Ông Sóng vò lúa”. Bàn chân to ngoàm nghiêng từng lượm. Người làm ruộng không cày, không trâu, không kéo đá, cả đời chỉ cái cuốc và hai bàn tay, hai bàn chân với những nét ác liệt". Đến bây giờ tôi vẫn nhớ mùa gặt ấy- mà cô Hến nói bố tôi già yếu rồi, nhưng tôi trông ông vẫn như pho tượng đá không có tuổi, tay liềm thoăn thoắt, một chốc đã ôm cả hàng lúa ra xếp xòe đuôi cá. Rồi ông lên bó, chân đạp đầu gối ấn, chiếc đòn xóc đâm ngọt xuống, nhắc lên, hai bó lúa ôm tròn hai đầu đòn như hai thót cổی đá.

Buổi gặt chiều, nắng nhạt nhuộm phớt vàng lên ngọn tre rồi mờ dần như khói. Phía bờ sông đã ngấn lên một vảy mỏng trắng đầu tháng. Ngoài đồng vẫn người thì trong sân, mùi lúa chín, mùi hôi gà vịt ra rúc xốc thóc rụng, trong vách lom đom lửa bếp. Cơm xong lại hối hả đi vò lúa, kéo lúa.

Tập gặt, quần chân người ta, nhưng tôi đã xếp được, hai tay hai bên đặt bó lúa đều, kiểu vẩy đuôi cá vược cũng như ai. Nhưng chịu không bó được và thử nhắc cái đòn xóc, hai vai như sắp sụn xương. Thế đã là được, cũng không nghĩ thêm được câu lý luận nào nữa.

Vừa buông tay liềm, nhìn xa đặng cánh đồng sâu đã thấy như chênh lên, mép ruộng nước loang loáng nổi hình người vai đeo thùng, tay chống gậy gò lưng kéo bừa. Các xứ đồng cao lại làm màu trồng khoai tây, Có mảnh đã xanh nhu nhú. Tiếng chuông chùa bên sông bỗng ngân lên giữa lặng im. Hai chiếc thuyền bỏ mui trong bến, lửa bếp ánh đỏ mặt nước.

Những mẹt cau bà Ngải mới bồ phơi ngoài sân đã được cất vào nóc chạn. Miếng cau xếp dựng hạt cho nhựa chảy, mai nắng lại bùng ra. Trong bóng chiều mỗi lúc một sẫm lại, tiếng gọi đò, tiếng trẻ cười, tiếng trống báo họp tối, tiếng xe lúa về, bánh xe lạo xạo trên đường ẩm hơn sương. Đến khi đã tối thui thì như có cái vung úp xuống một trời sao long lanh ưỡn rợn lên.

Dầu thế nào thì những ngày gặt hái được trông thấy hạt thóc, đâu cũng rộn rã nhất vụ. Người lo các thứ cho mọi công việc. Hũ mỡ nấu nướng cơm nước ngoài đồng, chai dầu thắp kéo lúa khuya, cân chè hạt, nụ vối, xó thuốc Lào... Và có hạt thóc, con chim gáy trong bụi tre trong giọng hờn, con gà con chó mỡ màng, con người quần quật làm bất kể đêm ngày, nhưng ra được hạt gạo mới, mặt mũi dường như có phổng phao hơn. Cô Vinh nói đùa, mà thật: “Em như con gà, quanh năm gày so vai, đến ngày mùa lại béo ú”.

Chúng tôi bộn rộn ra đồng, nhưng vẫn chăm hồ phân. Có cái hồ phân xanh mà không nên hồn thì còn ra sao- Phụng Quán bảo thế. Cái việc khó nhọc nhất vẫn là quang gánh Quán đi gấp phân sớm, lỡ muộn là bị nhặt tranh hết. Thế mà hôm nào Quán cũng về trước, lại đem quang sọt ra bờ rào giúp tôi khiêng đồng dây dợ, lá lấu về đắp xuống hố. Chúng tôi vừa trể nải lại như siêng năng, cứ lầm lũi, tuần tự và thờ ơ tha thẩn như thế. Quán phải quang gánh đi tư tờ mờ nhưng chưa chắc đã dậy sớm hơn tôi. Chẳng phải tôi mất ngủ bận bịu đọc hay viết khuya mà bởi ông Ngải đã ra búi tre lếp từ lúc sương đêm còn lùa vào nhà, gà vừa gáy tan canh. Lịch kịch, linh kinh ông Ngải dựng cánh liếp lên, đem cái nồi, rổ chè trong bếp ra ngoài bờ ao. Cả đời cạnh búi tre, đã ngồi đấy rồi.

Tôi tan mất giấc, ra với ông Ngải. Ông chẳng quan tâm, chẳng khách sáo. Ông nói cái đêm chỉ làm lười con người, dậy sớm thế mới phải. Đã thuộc việc, tôi lấy rổ hái chè ngoài vườn từ chiều hôm trước vào gác trên bờ tre. Hôm đầu, ông cầm rổ rồi nói: “Chưa biết hái. Phải vứt lá già, ngắt lá đương lứa thì chè mới đậm, mới sánh nước. Ông nhặt bỏ đi đến nửa rổ những lá còi, lá sần sùi mà tôi tiện tay đã tốt trụi cả cành.

Chẳng làm nổi cái thứ dứt bếp. Trong đời, có mấy lúc ủ hồ phân xanh để chơi mà cũng lo, cũng không làm nổi. Thế thì tôi còn biết làm gì, tôi là ai, tôi là thằng thế nào. Việc ấy cũng áy náy một thoáng nghĩ.

Bút mực, bút bi làm trò trống gì. Lớn vờn những câu Nguyễn Bình Khiêm tự mĩa, mà là thật như ông ấy ngồi trong bụng mình, - năm thế kỷ trước, thánh thật.

Không có tài mà được ngộ nhận, ban khen

Nhờn nhờ mà cứ dối là mình vất vả

Vốn học chưa đủ thỏa lòng mong mỏi

Chỉ chuốc lấy hư danh cho người đời chê cười

“Người đời” trước mắt tôi chỉ là ông Ngải thôi mà đã cảm thấy ngượng ngùng, ngượng mà trơ ra không tự biết, nghe như thơ chửi người khác. Bàn tay ông Ngải ngoàm ra, vò nắm chè như mớ rơm rửa bát. Bỏ chè vào rổ, ông Ngải dội nước sôi “luộc” rồi cho vào ấm. Nhấp ngụm nước chè xanh rợn, đắng tê đầu lưỡi. Ấy thế mà rồi cái đắng ấy dần dà hòa ra ngọt đậm quen từ hôm nào, không biết. Mỗi sớm đi làm, chỉ bát nước chè đã no - ông Ngải bảo vậy. Tôi cũng bắt đầu cảm thấy thế.

Vàng trăng cuối tháng còn vệt sáng xiên ngang giữa nhà, bà Ngải đã gọi cô Hến dậy thổi cơm. Cơm đèn, cơm đóm, cơm sáng trăng, ông Ngải dừng dừng. Ba mẹ con quanh cái chõng, lâu nay có thêm tôi, nhà vẫn sớm mai cơm nước giờ giấc thói quen thế. Thường thì cơm khan, chỉ chan nước mưa, nước vối, ít bữa nấu canh. Có đêm ông Ngải đi họp hợp tác về, hỏi tôi mấy giờ tôi bảo ba giờ sáng. Ông Ngải không đi nằm, nhóm lửa đun nước ngồi uống đến gà gáy tan canh rồi đứng lên ra bờ sông đặt đó. Hai bàn chân bàn cuốc, bước huỳnh huých. Đời ông chỉ cuốc, xăn mai, làm vai con trâu kéo. Từ cái năm xây cống Trà, đồng bót mặn khỏi mặn, ông Ngải ra vờ hoang được chín miếng thành ruộng rồi ở luôn đấy, chẳng bao lâu những nhà

khác cũng kéo ra, cái xóm to dần.

Gật đã vãn rồi ông Ngải dò dẫm lại từng góc ruộng, rồi đi nhắc lờ cá. Mẹ con cô Hến thì bắt con chạch, con cua đến nhặt nắng mới về. Con tép bỏ vào chính nước cáy. Mớ chạch vùi nồi kho được thức ăn mai rồi.

Cu ốc thì đi tập dân quân, nằm vạ vật ngoài đình, sớm hôm ra ngay ruộng.

Bên kia sông, trên mặt đê kéo dài nền trời xám chẳng. ra chiều ra sớm. Những quây lúa nhấp nhô, chiếc xe bò lạch cạch, tiếng vọng xuống nước nghe vời vọi. Còn khô thoáng thế này mà chỉ tháng sau đã đến cữ mưa dầm, gió bắc cho đến khi cánh đồng kiệt đã lên sâm sấp nước thì có lúa rươi đầu ngoi lên ngo ngoạ chân cỏ.

Hôm ấy phiên chợ Thượng. Nhà có buồng chuối dấm, bà Ngải đem bán. Chịu khó đi chợ xa quả chuối được tiền hơn quanh quẩn xó chợ Phố của rẻ như rác.

Đò ngang đằng sau chân tre mới gà gáy đã nghe tiếng mái chèo gạt nước sớm hơn thường ngày. Bà Ngải trổ vào giường gọi: “Trời! Trời! Một lát, bà cũng lại đi ngả lưng rồi cái Hến mới ằm ừ ngồi lên. Ông Ngải đã gặt gù ngoài hiên với ấm nước. Hến vào bếp bắc nồi, thối lửa. Cơm đã cạn, Hến ghế nồi, quần mồi rơm rác quanh miệng kín nắp nồi rồi lại mò vào giường.

Bà Ngải cứ như cái máy lại ngồi lên, ra ngả chiếc mâm chõng, lại cất tiếng réo “Trời, Trời” gọi thằng ốc, cái Hến ra ăn cơm. Tôi đương uống nước với ông Ngải cũng vào mâm. Tối mò, chẳng đèn đóm, vẫn cơm chạch kho lại thêm món muối rang như mọi sớm.

Tiếng cút kít, cọt két cái lăn đá kéo lúa đã ánh ỏi ngoài đầu xóm. Ông Ngải uống cạn ấm nước vẫn cần nhần đêm qua ra sân coi lúa, không biết bọn con đĩ đại nào kéo đá cờn như ngựa bật cương, đú đờn nhau đùa nhau để lòi thóc, sút cả cái tai lăn.

Sáng bạch thì cả nhà đã đi hết...

Quán ra bảo tôi: “Bận sau anh chớ có trèo lấy lá xoan ủ phân, cành xoan không có thớ, nó mà khắc một cái rơi thẳng xuống đất, chỉ có gãy xương. Để xem chỗ nào có bèo ong. Cái bèo ong lợn không chén, có khi còn”. Quán nói để khoe nó biết cành xoan tròn chứ tôi có trèo xoan bao giờ. ừ thì mày đi mà tìm bèo ong. Ông đã chén cơm từ tám hoành với cả nhà, bây giờ tức bụng chỉ muốn nằm khểnh, mặc dầu tôi vừa mắng thẳng tôi là ai, tôi là ai thì tôi biết quá chứ.

Tôi ngẩng lên cái nhà ông Ngải mới làm năm ngoái chưa xong hẳn. Một tay ông lo toan cặm cụi, chăm chút từ lúc trồng vườn xoan tơ cho đến năm những cây xoan đầu lứa được ngả xuống cửa, đổ rồi ngâm vào bùn ao. Ông Ngải lại cẩn thận đi lũng cái thuốc bom, thuốc bom chống được mối mọt, ông hòa loãng ra quét vàng khè khắp kèo cột ba gian nhà. Cái sân còn đất nện, nhưng đã lên tường xây gạch con kiến bao

quanh. Sau cổng trồng hai cây cau lùn. Vài năm nay nhà được đủ bữa, đã khác. Một đời người chỉ cầm cuốc, dần dà lên được cái nhà tươm thế này.

Hồi Pháp chiếm, ông Ngải không bị bắt đi đồng, đi bảo an, vì đã hom hem râu ria. Lão xếp bột hương binh quát ra lệnh: “Râu dài quá rốn cùng mặc mẹ nó. Cứ thấy đứa nào vẫn hau háu mắt cú thì biết nó còn nhòm ăn, nhòm gái được thì cứ bắt cạo râu rồi giải cả về đây”. Nhưng không phải ông Ngải nuôi râu chống càn như nhiều người trong vòng tuổi ba mươi, mà hai con mắt ông Ngải từ trẻ đã lèm nhèm viền vải tây điều. Thế là thoát chân lính tráng. Nhưng ông Ngải cũng không đi Việt Minh. Cũng như bây giờ, ông vẫn nói một câu lừng khừng “chẳng ôm rơm nặng bụng”.

Lúc cải cách, cả làng nháo nhào, ông đứng yên. Không ai đụng đến mấy miếng ruộng tay ông cuốc nên. Ông Ngải chẳng tỵ nạnh với đứa nào. Bây giờ có hợp tác ông vào ngay. Cái lý của ông cũng như người ta hiểu. “Cái ruộng nó trần trần ra đấy, làm thì ra thóc chứ ra gạch a? Có ruộng thì có thóc, hợp tác cũng là ta cả thôi”. Ông nói thế, nhưng thật cũng không ai đoán nổi tại sao ông vào hợp tác nhanh vậy.

Ông Ngải được bầu làm chân kiểm soát trong ban quản trị. Ông Ngải hỏi kiểm soát có phải là “củ soát tế vật” như ngày xưa các cụ đi tế ngoài đình. Sự bảo: “Kiểm soát là đứa nào làm sai thì kiểm soát, uốn nắn người ta”, ông Ngải chỉ “ừm” một tiếng.

Tôi cũng lấy làm lạ cái tích cực bất thường của một người chỉ chăm chăm việc làm quanh cái mai, cái cuốc. Một hôm, ông nói tôi mới nghĩ ra. Thì lại thật dễ dàng cái sự nhận làm kiểm soát và vào hợp tác của ông. Ông tính: “Vợ chồng tôi già rồi. Con cái thì có nhớn mà chẳng có khôn. Thì phải dựa vào trên chứ dựa vào ai, trên bảo làm thế thì làm”. Ông vào hợp tác ngay cũng đơn giản cái nghĩ thế. Ông lại cắt nghĩa rằng vào hợp tác ai cũng phải lao động. Lao động được chấm công, ăn thóc, không làm thì nhịn há mồm ra. Ông thích rõ ràng như thế. Ông Ngải ghét nhất đứa lười, quân lười thối thây. Năm trước, có người được chia ruộng, lại ôm đồng quả thực cả giường chiếu, chum vại, quần áo hần hoai, thế mà rồi nhai hết, bán cả lúa non, lại cởi trần nằm ố lá chuối khô. Ông chửi ầm lên, ông bảo cho nó chết. Ông Ngải chửi đứa người lười cũng khác người ta. “Không phải nó chịu hèn nằm ngửa ăn sẵn đâu, những đứa quân thâm hiểm lắm chứ chẳng vừa”. Bọn chúng thâm hiểm thế nào thì ông không nói.

Có việc trên khuyến khích làm bèo hoa dâu bón ruộng. Bàn ở ban quản trị, ông Ngải nói: “Đừng nuôi bèo dâu mà công toi. Bên Quỳnh Côi làm được, còn ở ta đất bãi nên đồng, không hợp bèo dâu”. Chủ nhiệm Sự nhần nhó: “Tôi họp cả ngày nghe huyện dạy làm rồi bảo cho hợp tác xã thí điểm được lên huyện lĩnh một sọt bèo”- “Các ông ấy dạy làm chứ các ông ấy có làm đâu”. Sự nói: “Thôi thì ta cứ đem về thả, có hỏng cũng chẳng chết ai”. Ông Ngải chẳng gắng nữa, mà lại nói hôm nào có bèo để ông đi lĩnh. Sự thì đa nghi, nói khéo: “Bèo là phân bón, công tác phân bón của đồng chí Quốc, bố ạ”.

Ông Ngải lặng im. ấy có lẽ ông lại tơ tưởng với những mảnh ruộng bãi tay ông cuốc. Cứ ai bàn làm ăn, cả lúc ngồi yên dễ thường ông cũng nghĩ về nó. Tôi đã nghe ông nói không biết cơ man nào lần, tôi cứ thành kiến về ông như thế. Nhưng mà một tay một đời làm nên tác phẩm công trình thế, tự hào như ông là

phải chứ. Cả cái thung này ngày trước hoang mận, chông trơ. Từng tảng cuốc lên rồi nhiều người trong làng ra kéo đỡ nhau dần dà vượt qua được cái đất chua đất ác. Cũng bởi mọi nhà sần sần, lại quen vất vả tối ngày, người ta cũng dễ một bụng, đối công hay hợp tác thì cũng ra hạt thóc ăn chia cả.

Nhưng các nơi khác soi mới nhìn vào tò mò và lo lo. Cũng có người rì rầm: “Vừa được chia miếng ruộng, chưa ăn xong bát cơm đã lại cộng lại, rồi còn vằn xoay thế nào”. Nhưng những bản khoán ấy không biết đến đâu, rồi im. Bởi vì chính phủ đã dựng cái hợp tác thì rồi ở đâu cũng phải bước vào. Đạo này, Quán lên tận gần chợ Phố lấy phân. Chẳng biết có trâu bò xóm nào ra đồng đẳng ấy, nhưng Quán đã cáo lăm, đi tìm đồng vắng nơi đã bỏ phân chuồng, đến thuổng một ít. Một hôm, đã chẳng được gặp phân nào, lại bị tên, Quán kể:

Người trong xóm ra hỏi:

- Hợp tác trên ấy gặt hết chưa? Nghe nói hợp tác mắc suốt đêm không xong mà? à, à, đến lấy phân ruộng nhà người ta, không được đâu. Hợp tác trên ấy ăn hết phân rồi á?

Quán lại chuyện:

- Chưa hết, chưa hết, đều lăm. Còn có những đứa ra ngăm tôi rồi chép miệng: hôm mới về các anh trắng trẻo béo tròn thu lu như ông cố đạo, bây giờ nhô vai gầy đen nhẻm. Chân tay học trò của người ta thế kia mà các ông các bà hợp tác bắt con người ta làm con mẹ mũi thung đi gặp phân. Dân ở bờ bãi quen xơi cá cứt có khác. Chúng nó nói nặng hơn chửi, tôi không dám đối đáp lại.

Quán tong tã với cái quanh gánh sọt không. Chúng tôi nhìn nhau cười, chẳng hân cười. Quán hay chửi bọn mỏ quạ ác khẩu. Rõ cái bụng ghét thì con mặt méo nhìn người ta. Làm gì đâu mà đen nhẻm. Bữa nào cũng đánh mấy bát cật lực, ít thức ăn càng tốn cơm gạo mới. Có về đây mấy đốt xương, khớp xương trong người tôi mới được đụng đến. ở cái xóm lam làm đầu tắt mặt tối này, chuyện trong mọi nhà vui buồn chan hoà với mình. Chúng tôi dường như ai cũng cảm thấy thế. Ngày rộng tháng dài tôi cũng không sốt ruột về thành phố.

Tôi thích thú mọi chuyện nhà ông bà Ngải. Bà Ngải lại kể ngày trước ông ấy đi kéo cày mướn thay trâu. Một con trâu thường đi suốt ba sào. Ông kéo một buổi năm sào ruộng dầm gần gấp đôi trâu, chỉ đổi vai thừng một lần. Ngày công cao gấp rưỡi người khác mà các chủ ruộng đều ưa gọi ông, nhiều người đặt hẳn cọc đầu năm. Rồi lại việc sông nước, đi cất vó. Cái năm ra phá hoang, chưa nên đất phải bện cỏ đánh luống để vùi dây khoai. Được ba tháng lá tốt um, mọc lên ngót mắt những củ khoai mập mạp. Rồi ông ấy lợp lều ở luôn, vừa trông vừa làm. Đến khi thành ruộng đã cấy được rồi mà cứ gặt xong lại cuốc, đất ngấu như bãi bồi. Thế là lại cắm luống dưa hồng, dưa gang, được quả to như lợn thầu lẫn lóc cả đồng.

Vừa sửa sang vườn ruộng, trồng rào hóp ra men sông thì xã ủy lập chòi hương dưng, rồi Tây về đóng chốt, đuổi không cho người ở gần. Thế là phải chạy trở vào làng. Nhưng chẳng bỏ vụ nào, vẫn lên ra đánh luống, chỉ phải cái không được ăn. Nhớ làm thì ra làm thôi. Dưa hồng chín vàng bờ.. sông. Hai bát Trá,

bốt Cầu Sắt chúng nó đem xe cam nhông ra khuân tiệt.

Năm bình yên rồi mới làm nhà, làm dần, tưởng như xong mà bây giờ vẫn chưa xong. Sang năm xẻ gỗ mít, đóng cửa bức bàn. Mọi thứ ông đều làm tất tậ. Bà Ngải lại kể với tôi: “Buồn cười quá, khinh cả con trâu cũng chẳng bằng ông ấy, ăn thịt thì còn được chứ kéo lúa thì chỉ biết kéo. Hai bàn chân tôi đây vò lúa khéo bằng mấy trâu kéo đá. Cả lượm tôi vò chẳng rơi vãi một hạt”.

Nhiều cụ già khác ngày trước như thế cả, như mẹ tôi khi sinh thời, người không ăn cháo, có mệt mỏi cũng chỉ ăn cháo nấu như cơm nát. Ông Ngải nói người mà ăn cháo thì liệt giường châu trời đến nơi. Có lần ông Ngải đương lên cơn sốt rét mà nhà còn sào ruộng chưa bừa, đã hện cấy. Ông dậy, dùng dùng vác bừa đi. Ông đặt nghiêng răng bừa trên mặt nước, rồi quàng thùng kéo. Bừa xong cả thửa ruộng, ngồi xuống bờ, không đứng lên được nữa. Ông nghĩ: phen này chết mất.

Không đi được, ông khoác bừa lên vai, lội xuống lạch nước, ông quờ quạng bơi bò về tận bờ rào hóp sau nhà. Ông vào nằm đắp hai cái chiếu, đến nửa buổi, mồ hôi toát ra như tắm, thế là tan cơn sốt. Ông lại ra chỗ ruộng mới bừa xem thợ cấy đã đến chưa.

Người ta hay nói vui với ông Ngải: “Cái lão khộm này thì phải bao giờ cho đi Liên Xô xem máy cày, máy gặt đập, cái tàu hoả, tàu bay thì may ra lão mới biết sợ. Chứ con trâu con bò thì chỉ để mổ thịt, được cái bộ gì phải không?” Ông Ngải cười: “Đúng đấy, nhưng mà biết đến năm thẳng ốc, cái Hến lấy vợ lấy chồng thì tôi còn sống mà được nhìn thấy cái máy cày chưa?”

Ông Ngải nói ví thử thế cho vui miệng chứ cái Hến chỉ khoảng tuổi mười lăm, mà đã sắp về nhà chồng. Chú rể Toàn ở trong làng, cũng học lớp hai lớp ba cho biết mặt chữ như Hến rồi ở nhà. Toàn chắc nhỉnh tuổi hơn Hến, dáng chừng chạc. Mỗi lần ra nhà Hến, Toàn đội cái mũ nan lá cọ bóng dầu, áo sơ mi trắng, quần phăng ka ki xanh nhạt, trong túi quần có cái khăn mùi xoa.

Bố vợ sai xới luống rau, chữa cầu ao, đánh cây rơm. Toàn cời trần, mặc độc cái quần cộc. Thói tục đất này tự nhiên, mới ăn hỏi mà chàng rể đã năng đến nhà vợ. Nhưng tôi chẳng thấy hai đứa trò chuyện, đùa nghịch khi nào. Chiều cơm nước xong thì Toàn về.

Hôm ấy, Toàn với Hến ra vườn cắt hai buồng chuối tây mỗi buồng hơn mười nải. Một góc vườn có đến mấy chục cây chuối, chuối dầm chuối chín chẳng mấy phiên chợ Phố, chợ Diêm không có chuối ra chợ. Mà tôi không thấy nhà ăn quả chuối nào bao giờ. Mai đi chợ Diêm từ lúc sao chưa lặn, thế mà khi Toàn về trong làng, tối mẹ con Hến lại đi kéo lúa như mọi khi đến khuya ngủ một lúc gà đã gáy dồn. Bà Ngải lại gọi: “Hến! Hến.! Trỗi! Trỗi! ”. Tỉnh mơ ông Ngải đã ngồi đầu chõng với cái vò nước, cái điều cày. Cô Hến trở mình, ngái ngủ. Phải vài ba lần bà Ngải quát gọi, cô Hến mới ậm ự ngồi lên. Lại ra nhóm bếp, bắc nồi, tra gạo bà Ngải đã vo sẵn, lúc quần cơm xong lại vào giường lăn ra. Đến lượt bà Ngải bày mâm bát, bắc cơm, lại hò: “Trỗi! Trỗi! ” Cô Hến trở mình, chép miệng, ú ớ. Phải mấy câu giật lên nữa cô mới thật ngồi dậy được và ra chỗ mâm chõng. Rồi vẫn chỉ có ba mẹ con và tôi ăn thầm trong bóng tối.

Tôi nói:

- Tôi cũng đi chợ Diêm. Lúc nào Toàn ra đây?

- Bây giờ thôi.

Bà Ngải đã ăn xong, đứng dậy. Tôi ra mái hiên nhìn trời chỉ còn ông sao mai sáng rợn sau bụi tre. Toàn chưa ra, tôi lại vào uống nước. Ông Ngải kể chuyện ngày trước quãng trời này ông đã đi “đón công” ở chợ Phố. Chủ ruộng đến chọn người mướn đưa ra ruộng, cắt được một gánh, xóc đòn quảy về sân nhà người ta, trời mới sáng.

Ông Ngải vẫn gật gờng, lại hút điếu thuốc. Sớm mai mờ mờ, lạnh đầu ngón tay. Ông Ngải đã đặt đó lúc chập tối qua, bây giờ đợi con rế ra, chúng nó đem chuối xuống chợ thì ông xuống rệ sông nhấc đó. Nhưng ngại đi trễ nhờ tuột cứ cá ra, ông Ngải đứng lên. Đặt đó cũng không phải cứ quăng xuống cửa rãnh, phải bôi đất thó nhẵn mép nước, cá bống vào mới không trơn. Đến lúc Toàn ở trong làng ra, ông Ngải vừa xách đó về đã lại ngồi ngoài bụi tre lép chẻ lạt. Chỉ được một con răn mòng không cá nào dám bén mảng, ông Ngải đem đó về ngay. Quay đi quay lại, mới tỉnh mơ bảnh mắt ông Ngải đã được ổi việc.

Toàn vác đến cái đòn ổng. Hai buồng chuối buộc túm cuống lại, như trói con lợn, mỗi người một đầu đòn. Cái đòn lắc lư đi một quãng, tôi bảo để tôi đỡ một vai. Toàn bảo: “Nhẹ như bấc, có gì đâu”. Từ nhà xuống Diêm, hơn mười cây, đi đã mất ngót buổi. Mọi thứ mua bán đều gồng gánh trên vai, chẳng biết thế nào nặng, thế nào xa.

Hai bên cánh đồng lác đác những đầu bờ cắm đòn xóc, treo cái mồi rơm, ấm nước. Nhiều nơi còn gặt muộn. Nhưng nhiều chỗ đã làm mùa, đương cày dầm.

Rồi có ruộng cày xếp ải quanh bờ, đất đã nỏ, sắp tháo được nước. Chỗ làm mùa, chỗ sang màu, đồng áng chẳng còn phân biệt mùa vụ, lúc nào cũng lật đất kiếm cái ăn.

Đã trông xa xa những bãi sú xanh xanh ngang mặt biển. Rễ sú to hơn thân cây, trồng từng hàng làm bờ rào ngăn sóng. Trên những vùng cỏ bằng phẳng mặt nước lợ, lổm đổm những con cò trắng mỏ ngà, chốc lại bay vòng lên. Đàn vịt nhà hàng trăm con lạch bạch, à à vỗ cánh đùa quần trên mặt nước.

Phố Diêm giữa đường cát, nổi lên lơ thơ tháp nhô mái lá như những chóp nón úp. Nhà cửa, hàng quán vách quét vôi vàng như phố nửa thời tản cư. Một kho gạo, một hiệu bách hóa nhà mậu thì tường gạch trần, lợp ngói.

Ngoài cửa sông, những đồng lưới cao như gò. Mấy cánh buồm nâu. Không biết thuyền sắp ra khơi hay thuyền buôn vào chợ. Nhà ai phơi cá, phơi moi ngay mặt đường. Những đàn nhặng xanh bay từng đám chum lại, tưởng như vốc tay được. Mùi cá, mùi mắm thum thum khắp nơi.

Xóm thừa thớt lẫn với cánh ruộng muối trắng. Biển tím mù ngoài bãi sú bạt ngàn, những mái tôn, mái lá

càng ẹp xuống dưới những tảng đá chặn lên ngăn gió thổi bay. Không một bóng chim. Một vùng tiêu sơ ngày ấy, bây giờ đọc báo được tin đương xây cảng hiện đại Diêm Điền cho tàu viễn dương hàng nghìn tấn ra vào được. Không cắt nghĩa được mà lại thấy ra được, như hồi đầu thế kỷ, ở nơi chơ vơ sóng gió, ăn còn không có lấy đâu ra chữ nghĩa và hiểu biết, thế mà ở đây đã sinh ra người thanh niên Nguyễn Đức Cảnh xuất dương đi hoạt động từ khi cách mạng còn trong trứng nước..

Chương V -

Chợ lều tều ngay giữa phố, gió lùa ùng ùng. Bánh ngô, bánh đúc bị tấp cát, ăn nhai cả sạn, thì vẫn ăn thế. Một chốc chợ tan, các cọc lều được nhổ lên, dàn vệt lại uà vào rúc cái bãi trống. Chỉ còn lại một hiệu ảnh người xúm đông xúm đỏ xem bác phó nháy lúi húi tô màu. Khách chụp ảnh thích ngồi ghế, môi má tô màu đỏ, áo hồng sau lưng có phong chậu hoa và hồ Hoàn Kiếm.

Trong kháng chiến, bộ đội tỉnh đã tấn công san bằng bột Diêm Điền, không biết bột ở chỗ nào. Chắc hỏi thì cái Hến, thằng Toàn cũng chẳng biết. Tây về đóng lại, xây đồn sang Quang Lang. Một lần xuống khu Ba công tác hậu địch đồng bằng sông Hồng, Hoàng Trung Thông- tổ trưởng Thông của chúng tôi đã đi với đoàn cán bộ vào tận Quang Lang này. Thông kể: Quang Lang có tề hai mang, ngày ở hầm, tối lên gặp và họp với cán bộ cơ sở, ngay cạnh đồn. Trông ra biển, ngọn hải đăng Hòn Dấu và đèn điện bên Đồ Sơn nhấp nháy. Hoàng Trung Thông đã bí mật ở Quang Lang cả tháng. Khi trời ra, đóng vai người thuyền buôn các nơi về chợ Diêm.

Đã toan kể cho Toàn và Hến nghe chuyện bác Thông hỏi còn bột Tây, đã công tác bí mật vào Quang Lang, Diêm Điền. Nhưng lại thôi. Bấy giờ chúng họ chắc mới chập chững biết đi, hay là chưa sinh. Cái lạ, chúng nó sắp cưới mà từ lúc đi đen xẩm tối về, toàn nói trống không, nhát gừng rồi lẳng lặng, như phải khó chịu đi với nhau. Hay là tôi không hiểu và tôi làm chúng nó ngại. Tôi về kể cho ông Ngải nghe tổ trưởng Thông đã vào công tác tận bột Quang Lang. Ông Ngải nói: “Việt Minh cao cấp đi bọm nhỉ? ”

Bỏ một buổi lấy lá ủ phân, hôm sau lại ra gò ngoài tha ma sớm. Quán đã về nhanh hơn mọi khi, Quán ra bờ rào đỡ tôi ngắt lá, cắt dây. Các bờ rào gần đã kiệt lá, phải đi kiếm những gò xa.

Tôi hỏi Quán:

- Gặp may thế nào mà về sớm thế?

Quán quăng cái gánh không xuống tử này.

- May rủi quái gì, ra muộn, hết sạch.

- Thức đêm mò mẫm ả nào, con Vĩnh hay con Răm?

- Cái con khi khô. Ngủ say quá, sáng nào cũng phải nhờ chủ nhà gọi. Không khí trong lành mà.

Rồi Quán kể lể:

- Anh không biết cái lệ trong làng chỉ có ông già, bà già mới đi gắp phân. Các cổ ít ngủ, từ gà gáy đã chực đấy. Con trâu vừa cho ra, các cổ chiếm ngay. Mấy bãi thì cắm que giữ sẵn. Thanh niên ở đây không đi hót cứt, dù là cứt trâu.

Tôi lên giọng:

- Chúng ta đi lao động thì việc nào cũng bằng nhau.

Tôi nghĩ sẵn: Thằng này lại sắp chơi mình một câu đại khái anh thử đi gắp cứt như tôi xem việc bằng nhau thế nào. Nhưng Quán giơ tay, cười cười:

- Mưu Gia Cát! Gia Cát Khổng Minh Phùng Quán đương tính ra một kế tuyệt diệu.

Những hôm sau, tôi cũng không hỏi Quán có tranh được phân trâu hay không. Cái hố gần đây, được hay chẳng được cũng thế, chúng tôi đừng đình buổi đực buổi cái. Quán gánh về hai sọt nhoe nhoét bùn.

Tôi hỏi thờ ơ:

- Bùn à?

Quán đặt gánh, giơ tay cắt nghĩa:.

- Anh đừng coi bùn là xoàng nhé. Bùn khác đất vách, bùn mà ngấu với lá làm phân xanh thì tốt bằng mური đất vách bồ hóng nhà ông Ngải.

- Sao cậu biết?

Quán trợn mắt:

- Anh viết văn phải giàu tưởng tượng lắm, mà anh chưa phân tích được bùn là cứt tháo tống của ông trời, cứt của trời ném xuống thì nhất định hảo hạng rồi. Nói đùa chứ tôi đã đi hỏi nhiều người bảo bùn khá.

Rồi Quán lại lấy phân của trời hay phân trâu, phân giun dế, không biết. Những cái dây leo mà mỗi hôm tôi ôm về, dây mỏng tơ, dây tơ hồng, dây lạc tiên, đứt mãi cũng quang cả. Ngoài tha ma gò đồng mả mả trụi hết, phải ra bờ tre đầu đồng. Cái hố của chúng tôi đã cao lùm lùm, lổn nhổn nhoét bùn, đắp ôm lá lên, xanh rã rượi như cái mả mới. Tôi bàn phải đào cái bố khác.

Nhưng Quán gàn:

- Khoan, khoan đã. Hố này cũng chưa biết tiêu thụ thế nào. Hăng đợi chỉ thị của tổ trưởng. Mà gặt hái xong, hợp tác còn khối việc mó. Ta giúp bà con làm gì hơn là làm mãi cái con khi này.

Quả là Quán thạo và thiết thực nhiều. Sáng kiến của tôi đem bỏ sọt ngay được. Những dự định tìm hiểu

vùng này cho ra tấm ra miếng, tôi đem cả số tay đi mà đã làm được đâu.

Vào bên búi tre lép tôi đứng lại. Giống như ông Ngải. Và ông Ngải ngồi tựa lưng vào thân tre từ bao giờ. Hai ống chân lấm bùn đã cọ đen nhoáng. Ông này chân tay bắt nắng mà mặt lúc nào cũng bênh bệch, nắng không bắt, tôi lại so sánh. Như da mặt ông Phan Khôi thật. ở trong bếp, cái Hến đương vùi nôi cá kho, món ăn làm tốn cơm nhất với tôi. Không đâu kho cá ngon bằng đây. Kể cả món cá chuối kho khan, rắc chanh lại lúc ăn phải vắt chanh, như ở Đại Hoàng quê Nam Cao ngày trước, cũng không dễ ăn hơn. Hay là vì cả tháng độc có cơm với muối rang mỡ ngõ thế. Người đi làm đồng về, trong cái rỏ đeo lưng, được con săn sắt, con lươn, con rắn nước, mùa mưa thì xuống ruộng tràn chộp con rô., con chạch, đem mổ moi ngoài câu ao rồi bỏ vào cái nôi đất với củ riềng để cả tảng ướp muối một lượt. Nồi chát bùn miết kín mép vung. Gạt mấy ông đầu rau ra, đặt nồi giữa bếp, quần rơm rồi đắp ụ tro quanh. Ninh suốt đêm, đến bữa mới bưng ra, con cá, con rắn xương đã nục nhũ bột.. Thơm thế, bùi thế.

ông Ngải hỏi:

- Hôm qua xuống chợ Diêm mua được gì không?
- ăn cái bánh đúc ngô.

ông Ngải lại hỏi:

- Đám lá phân xanh đã trương lên mặt hồ. Bao giờ ông Thông đến thu?.
- Chẳng thu đâu, ông ạ.
- Thế thì các anh ủ phân làm gì?
- Học tập lao động ấy mà.

Rõ buồn cười.

- Thật đấy ạ.
- Vậy để cho tôi. à hỏi xin ông Thông đã chứ.

Tôi nói:

- Bác Thông cũng chẳng biết đổ đi đâu. Ông cứ lấy.

ông Ngải rở đất tường bồ hóng ra san lấp lên đồng lá mừng tươi đã óp xuống rồi xúc thêm bùn ao phủ lên, như miết bùn nôi cá kho. Ông bảo làm thế cho thật kín, phân ngấu đều, ra giêng hai ông đem một gốc chè chiết cắm vào, chỉ một năm nhất định ra lá. Thế là nhóm tôi xong được công tác cái hồ ủ phân.

Kể ra thì khối việc của hợp tác, ngày nào chả có việc, như Quán nói- nghề nông quanh năm làm việc, nghĩ ra mà làm chứ đâu có nông nhàn trong tưởng tượng, trong sách vở. Nhưng bây giờ toàn việc chẳng bận đến chúng tôi. Các tổ hợp tác vẫn gay go cung cách chia bôi. Gặt hết rồi, chỉ còn một ít dự. Nhưng những đồng thóc đã kéo xong vẫn còn chất rải rác, ngày ngày có người đến phơi rồi vun lại, vạch vôi đánh dấu. Lão “củ soát” Ngải đảo lại mấy lần nhòm nhòm ngó ngó. Thóc phơi sân nhà mình mà không phải của mình, nghĩ tức lộn ruột. Đã đành được cân tạm về ăn, nhưng chưa tính rành rẽ, những thắc mắc cứ nặng nề thêm. Các bà nhiều lo hơn, cứ nhà nọ thậm thụt sang nhà kia. Chẳng biết có phải người chồng đã nhòm trộm sổ kế toán, về bảo vợ: “Vài ba điểm được mấy cân thóc chết tiệt, phen này bán sới, bị gậy đi kiếm phương khác thôi! ”. Chủ nhiệm Sự nói ang ang: “Sổ công điểm là thế, là thế, lo con bò trắng răng a! ”. Người ta vện là thế là thế, là thế nào... Sự cũng lúng túng không biện bạch kiểu “đến mai lại đúng” được. Vợ chi uỷ Quốc chì chiết chồng thâm đêm. Mọi năm, quây cót chặt buồng ra kín thêm hè, năm nay thóc đi đâu, thóc còn lang thang sân nhà người ta. Đến tối, Sự vào nhà kế toán, mở sổ ra, cộng trừ tính, càng rồi xoè mù mịt. Vợ Sự vẫn giữ một miếng ruộng ngoài, nhưng chẳng dứt nghiêng ngả chồng: bỗng dưng sinh ra cái hợp tác, chỉ phá rồi.

Từ hôm có kế hoạch đổ thóc ra phơi nốt một nắng rồi dồn lại sắp chia thì cũng đỡ ồn. Nhưng lúc nào cũng lại nảy ra lắm cái lôi thôi, lung tung khác. Mấy con gà của nhà Sự ăn thóc đến nghẹn tắc cổ. Sự tưởng gà lên cơn giật chết dây. Đến lúc con gà trống cong cổ ựa ra rãi lẫn thóc, mới biết. Chẳng ai nhìn thấy con gà mổ trộm, vợ Sự cũng cứ bô bô nói trống không: “Ngày mùa, cúng cho con gà con què kiếm miếng, mất của ai”. Sự gánh thóc về, đổ ra sân, đánh dấu chen giữa một hàng gạch. Hai chị em thằng con ở nhà xúc trộm. Sự xem lại thấy mất dấu, chửi toáng lên rồi vào buồng bê thúng thóc nhà ra toan đổ bù. Thằng con với đứa con gái giăng lại, vợ Sự lăm lăm cầm cái đòn gánh, trợn mắt, mắ mồi. Sự đành đứng ơ. Nhà nào cũng lục đục. Chồng đi làm mạ, về hỏi: “ ở nhà nắng thế mà không trang thóc a?”. Vợ chao mặt một cái: "Thóc của thiên hạ đâu vẫn đấy, ai dám mó vào, con hùm chưa vồ mất hạt nào đâu". Không thôi cơm tối, vợ bảo chưa có thóc thì đi cướp gạo ở đâu mà thôi.

Nhiều điều tiếng rên rỉ rêu rao: “Cốc mò, cò xơi”- ý nghi ngờ người này người kia ở ban quản trị, ở những nhà có sân cho phơi nhờ.

Các nơi quanh đấy và trong làng vẫn lảng vảng, dò hỏi. Người ta đồn thế nào nơi nào rồi cũng phải lên hợp tác, lại càng hải những đồn đại. Cán bộ kỹ thuật về hướng dẫn chống bệnh toi gà, cũng xúm lại hỏi đủ thứ. Anh cán bộ quen giải thích tào lao buông một câu: “ôi dào, tôi đi nhiều nơi đã biết hợp tác nào lúc đầu cũng nát như tương, ấy vậy mà rồi đâu lại vào đấy. Yên chí”. Yên chí thế nào, người ta rửa anh cán bộ gà chỉ biết ăn như mổ khoét.

Trong làng, mỗi xóm, mỗi nơi một khác. Các nhà làm riêng, nhất là những nhà được xuống thành phần mấy năm nay, lạng lẽ êm ả gặt hái rồi đợi mai kia đến Tết. Tổ đổi công thì nhộn nhịp gánh thóc về nhà như chọc tức, trêu người. Thóc rơm còn đánh đồng vàng rục ngoài sân, mỗi tổ đã ăn mừng đựng ăn chia một con lợn. Còn để vào vụ cày xong mổ con nũa rồi có phải lên hợp tác mới lên. Có lúc nói: “Sào ruộng tôi đổi công năm nay kém năm ngoái ba gánh, thật đấy” Nhưng lại rỉ tai người khác: nói thế để hợp tác thấy họ

hơn, cho họ sướng. Nhưng ta lại cứ ăn, cứ mừng.

Những nhà làm đối công thì tiếc ruộng tốt, không muốn cộng ruộng vào hợp tác. Cứ rồi xoè lên.

Lại vẫn lôi thôi cấy dày cấy thưa. Cái đạo tổ trưởng Thông thử mấy thước cấy dày, bị cả xóm cười làm trò trẻ con. Còn hợp tác đi trên huyện học cấy dày kỹ thuật mới. Cả Quốc với Sự lên hội nghị. Hôm về, Quốc nói: “Ban kỹ thuật huyện đi ngắt một bông thóc ruộng đối công, một bông ruộng hợp tác. Ruộng cấy thưa được một trăm hai mươi hạt. Ruộng hợp tác mới cấy dày nửa vơi, đếm đã được một trăm tám mươi, tuy hạt nhỏ nhưng đều mặt, cân lên nặng hơn bên kia. Cũng không phải lúa cấy thưa ngon cơm hơn. Cái ấy là tại giống”. Người ta nghe tai nọ sang tai kia, cũng chẳng ai để ý hỏi cặn kẽ cái kỹ thuật mới. Đường như cả chân trong và chân ngoài đều cứ chờ đợi thế nào.

Những đêm sương sa, sáng ngày ra nắng đã hoe nhạt. Chớm vào thu rồi. Cây cau trước sân bỗng rơi xuống nghe ình một tàu lá vàng óng. Ông Ngải nói:

- Tàu cau đã rụng thế vậy chỉ mùa sang năm thì bói được.

Gió giải đồng rạt rào, miên man. Nước sông Diêm trong veo thấp thoáng lúa thưa sau rặng hóp đá, nhìn ra mới ngắm được cái tài tình của những chữ “nước chảy lơ thơ”.

Bắt đầu tính hết công điểm chia thóc từng nhà. Chưa chia đã rắc rối, bây giờ lại rẽ sang những nói ra nói vào khác. Bà Ngải phàn nàn mớ thóc, mớ rơm như cái chổi cùn. Cứ thấy quây lúa về kéo rồi phơi ở sân nhà mình rồi lại cùn cụt đội thóc đi đâu.

- Tôi đi chợ, người ta hỏi. Có phải một mình bà phải chăm mười con trâu? Được ăn bao nhiêu công điểm?

- Thế bà nói hoang mang a? - Không, tôi bảo tôi lên hợp tác rồi thì tôi không biết hoang mang, thắc mắc cái gì cả. Thế là chẳng đứa nào mở mồm hỏi khích bác nữa.

Ông Ngải thì hăng hái một cách rạch ròi. Ai vào bên búi tre lếp ăn thuốc nhờ, ông nói như đọc trong báo ra:

- Có muốn biết thì tôi dẫn cho mà biết. Thóc thuế đóng rồi, phân than, công trâu bò gác ra rồi, tính cộng lại thì sản lượng được chia nhỉnh hơn mọi khi. Có thể mới lên hợp tác xã chứ. Ấy là năm nay còn chưa làm có kinh nghiệm, mà cái dự, cái di, cái hom cấy vật vãnh chưa tính. Con gà con què ngày mùa nhặt vài hạt thóc đã chết ai mà chúng nó đồn láo hợp tác phải giết hết gà vịt để khỏi thắc mắc. Những đứa nào ăn nói phản động thế?

Ông râu vênh nhả khói thuốc:

- Ông dẫn ra vậy thì tôi hiểu ngay. Sắp lên hợp tác cả rồi, tôi phải hiểu biết chứ. Nhưng thế nào, mùa này

sao mức thu nhà ông chỉ nhỉnh thôi. Như mọi khi, mình làm mình ăn cả, thì nhà ông được bao nhiêu ấy cơ.

Nó nói góc gác, ông Ngải im. Rồi sang câu khác:

- Vào hợp tác thì phần tăng phần giảm trông vào lao động. Bao giờ chẳng như vậy, người chịu khó thì chẳng lo. Chết những thằng ngay xương, bây giờ hợp tác làm ăn có chúng có bạn, thằng lười trơ mặt ra. Tôi sướng nhất cái ấy.

ông nọ cũng không còn hỏi vắn vẹo vào đâu, lắng chuyện.

- Rõ rồi. Tối qua, trong làng có đám suýt cháy nhà. Tình nghi đứa ném bùi nhùi, cháy từ ngoài nóc vào, ông biết không?

Sự ở đâu vào, nói chen:

- Lúc đương tiến lên thế này, phải cảnh giác. Thù nhau đốt nhà, bắt đứng ở đối công a? Không được. Mỗi người lại kéo mỗi thuốc, rồi mỗi người đi mỗi việc. Người lừa vịt ra đồng cho xốc thóc mót, người vào tổ cân thóc chia. Người lên quán nước trên đê...

ông Ngải tính nhẩm hình như công điểm nhà ông có dôi ra. Dôi ra thì lợi chứ sao, nhằm lồm vào mới là thiệt. Nhưng không, nhà mình được, nhà khác mất, rồi người ta moi đến thì lòi đuôi. Cứ phân minh trước sau. "Cả đời tôi chẳng ăn không của ai bao giờ". Suốt đến chập tối, ba bố con xướng lần lượt từng điểm, tôi ngồi làm tính cộng, cộng đi cộng lại. Thấy cái lúa dưa hom, con số công gặt của cái Hến vào số hai lần, không biết đúng không.

ông Ngải xách cái đèn chai đến ngay nhà kế toán.

Anh kế toán đương bò chống hông tính sổ dưới ánh cái đèn cày. Kế toán đã vầy mấy chú bé đương ngồi học bài ngoài hiên vào soát các sổ cho nhanh. Xem đến sổ nhà ông Ngải thấy thừa ra mười công ở sổ điểm cô Hến. Ông Ngải gật gù bảo kế toán: "Tôi thế đấy anh biết chưa?"

ông Ngải yên tâm. Nhưng ông Ngải còn băn khoăn:

"Cái bụng mình như chiếc bánh bóc ra mà thiên hạ cứ bảo quản trị ăn cắp. Chè hoe ra đấy nhé". Bà Ngải cần nhắc: "Thèm nhặt đâu vài điểm công với xá. Ngày trước kéo lúa ủng hộ bộ đội cả năm đấy sao". Nhưng cũng lắm cái cứ bực mình. Lúa ruộng tốt ruộng của nhà chia đi đâu, toàn gánh về cái tấp nham của những nhà đứa nào ăn cho.

ông Ngải nói khe khàng với tôi, như tiếng thở dài:

- Thì cũng chỉ vì thằng ốc, cái Hến. Cứ như chúng tôi cả ngày một niêu cũng xong, chứ vào hay ra làm gì cho mỗi chân, có phải không anh?

Mỗi khi ông Ngải dường như nghĩ nổi sau này, hay nói với tôi tương tự câu ấy.

Cũng không nhờ tổ chúng tôi còn ở xóm Đồng bao nhiêu lâu, rồi cả bọn về một lúc hay đi lẻ tẻ dần. Bởi tôi lại một mình trở về, chẳng biết đã ai về trước chưa. Cũng chẳng vì công tác cơ quan gọi. Đợt đi này không có hạn ngày, không biết Hoàng Trung Thông có phải về vì công tác chờ đợi thế nào, còn thì lắm lúc nghĩ tôi cảm thấy tôi cũng như cái đinh long, đóng vào cũng được để vậy cũng thôi- cái nghĩa bề nổi, không chữ nghĩa thâm thúy như câu chèo cổ “nát ván, long đinh” đâu. Tôi đương muốn lên mấy nơi trên Hải Dương có những tổ các anh Bùi Hiến, Đào Vũ rồi về. Tổ trưởng Thông bảo: “ừ, về thì về”. ở lâu, tuy chẳng có gì giữ chân, mà cũng ngại đến lúc rời đi cũng nhớ. Anh em biết tôi sắp về, đi qua, tạt vào, mỗi hôm lại hỏi: “Khi nào về?”- “Cũng chưa định”. Nhưng thấy người cứ hỏi, tôi cũng đâm sốt ruột. Thế là quyết định mai đi. Quán sang chơi. Ông Ngải với tôi đương mổ, làm lòng con vịt dưới cầu ao. Quán tựa lưng búi tre, hút thuốc, hỏi:

- Gà hay vịt đấy?

Tôi nói:

- Hay quá. ở đây làm vài chén “trường đình”.

ông Ngải vẫn cúi, té nước lên lưng con vịt.

- Thịt vịt, con vịt bị rắn cắn. Anh Tư trông thấy con hổ mang trong hang bờ ao vừa nhào ra. Còn đánh tiết canh được cơ mà. Xong hết rồi, chỉ còn bỏ nồi luộc. Vợ họ nắm lá tre dóm bếp. Quét qua chỗ ấy rồi vào bảo cái Hến dọn mâm bát ra. à hũ rượu trong gâm giường hãy còn.

ông Ngải đều quý hai chúng tôi. Nhưng xem ra ông ý tứ với mỗi người một vẻ. Như cung cách và người ngợm tôi, ông Ngải trọng như một ông giáo làng, ông thầy đồ ở trọ. Ông nói thời Tây có cái trường học trên chợ Phố có thầy giáo trông cũng giống tôi, nên ông nhớ. Còn Quán thì mồm miệng chân tay đều xốc vác, có hôm ông bảo Quán vắn trả cái cối đá to bằng cái vại ông Ngải mượn trong làng. Lại chỉ có cái súng gỗ, mà Quán đeo răng cửa, gọt mõ cò dạy dân quân ốc như bắn súng thật. Ông bà Ngải thân tình với Quán như người trong nhà, như thằng Toàn con rể.

Quán bần thần nói:

- Tiếc quá, cháu đã hẹn đụng chó với anh em rồi.

- Bao giờ?

- Chốc nữa chén.

- Nhà ai đấy?

- Nhờ lão quán nước chợ Phố. Ông Ngải biết đấy, lão này chùm chó. Cháu đi nhé. Cái thịt chó là hết cỡ, không thịt nào địch được, đừng để phần cháu.

Rồi Quán đi luôn. Tổ trưởng Thông “chạy” con vịt rái cá cắn hôm trước đã “lặn” đi hạp cũng nhanh như thế. Tôi với Quán ra đầu ngõ. Quán nháy mắt, phân trần:

- Có chó má nào ở đâu. Tôi đã đánh nhau giáp lá cà với các thứ Tây ở mặt trận Huế. Nhưng cái giống gà vịt bị rắn mổ này thì tôi khiếp, anh ạ.

Tôi cười:

- Thôi, đi đi.

Tôi trở vào bắc bếp. Ông Ngải nói như vạch bụng anh chàng ra:.

- Chú Quán sợ thịt vịt rắn cắn. Sợ quái gì!

Tôi không vào chuyện với ông Ngải mà tán về rắn:

- Cái rượu ngâm tam xà, ngũ xà chữa bách bệnh, đau xương thấp khớp, liệt âm liệt dương, khỏi hết.

Rượu rắn bổ nhất trần đời. Ngoài bờ sông bờ ao sẵn rắn, ông nên ngâm vài vò, rồi hũ chôn hũ uống, dùng cả năm.

- Biết thế, mà tôi bỏ rượu đã lâu. Giờ, đứng gần người say ngủ hơi rượu cũng lợm giọng.

Rồi ông Ngải cười khà khà xách ngược con vịt đã rửa sạch bóng.

- Anh xem, da dẻ nó hon hỏn thế này. Đại quá, cái nhà chú Quán...

Những ngày ấy, xa gần mịt mờ như chiêm bao chấp nối trong giấc ngủ đêm qua. Tiếng rằng ở Thái Bình về Quán công tác ở phòng Văn hoá Quần chúng, nhưng cũng là làm vì và đông dài chẳng khác khi ở xóm Đồng.

Rồi lại đi, lại đi. Bị kỷ luật ba năm không hội viên hội nhà văn, nhưng rồi ba mươi năm mới có lời làm lẽ giải hạn. Không cấm sáng tác, nhưng viết thì không đâu in. Những nơi này có cán bộ cơ quan khác đến làm công tác theo dõi, những câu nói cuối cùng của ông theo dõi này về bài báo, về quyền sách, nhất là nếu lại dẫn chứng cấp trên “anh ấy, anh ấy đã bảo thế” thì còn sinh sát hơn quyền hành những người phụ trách nhà xuất bản và tờ báo ấy.

Tôi đã xem mấy bài các bạn Quán viết về Quán tập câu cá rồi câu cá hồ Tây vào loại tay nghề. Một Lã Vọng bất đắc dĩ, trò chơi mà hoá thật. ở thành phố, những năm ấy chẳng phải chỉ có mình Phùng Quán câu cá đợi thời. Khỏi các ông Lã Vọng khác nhau. Những ông chủ bồng trắng tay, thất nghiệp và biết bao những

nông nổi thế nào nữa, chỉ còn trông vào đồng rác, cái cần câu, bắt cóc, bắt chuột... và những cung cách kiếm cơm không nói hết thành tên được. Ông Kỷ cậu họ tôi, nhà buôn sơn ngoại lâu năm có tiếng trong thành phố. Một hôm ấy, Tây ở Hà Nội chỉ còn ngồi đợi rút xuống Hải Phòng. Người được tự do vào thành phố, nhưng có trật tự. Lính Pháp thờ ơ gác, tôi đứng trên đường Mai Lĩnh, trông thấy dòng người nghìn nghịt qua cánh đồng Văn Quán lên thị xã Hà Đông. Ông bà Kỷ lái xe riêng lên thị xã Sơn Tây- tôi đương làm phóng viên báo Nhân Dân đi xuống nhà thờ Phúc Nhạc viết bài về tình hình bà con công giáo di cư vào Nam. Tôi ghé lại Sơn Tây, ông bà lên chơi. Năm sau, Hà Nội cải tạo tư sản, ông âm thầm bán ô tô, bán biệt thự, còn huyện hàng sơn cuối cùng ở Pháp về thì vướng lại cảng Nhà Rồng trong kia. Hết cửa, ông Kỷ thành tay sát cá hồ Tây. Những thung thỏ cá mú vòng hồ chẳng chỗ nào ông không thuộc. Lại các ông Ba, ông Tư trong làng nội, các người hôm qua chủ lò bánh mỳ giàu có chất của lên được, bây giờ mất cửa hàng, mất lò, nhà dọn xuống ở bãi Nghĩa Dũng. Hai ông đóng kho, vác chũm đi đơm đó ven sông, thực sự kiếm miếng hàng ngày.

Những tâm sự trầm uất và cái sức viết đương bởi của lứa tuổi Quán đã vẫn vương tôi. Tôi mà còn bài hoài nữa là. Đi lâu thế, tôi cũng thao tác mọi việc viết, thế mà chẳng tả nổi về cái xóm Đồng một chữ. Phùng Quán vẫn chịu khó cặm cụi mà sau này bè bạn đã tổng kết sáu chữ cho cái giai đoạn bi đát ấy: câu chui, rượu chui, viết chui. Những năm này Quán đương sức viết Không đâu in, nhưng Quán vẫn viết. Nhà xuất bản Kim Đồng in truyện thiếu nhi Tâm Trọc về thăm nhà. Có tiếng xì xào của Phùng Quán ký tên khác.

Chẳng biết nhà xuất bản có ai bị kiểm điểm, bị hạ bậc lương, bị mất việc không. Chắc không. Vì quyển sách mỏng và viết về kháng chiến chống Pháp, mà vốn Phùng Quán xưa nay sở trường tráng ca, anh hùng ca. Phùng Quán gửi bài thi viết về Lê Nin. Truyện của Quán - tất nhiên, lại ký tên khác, được xếp giải nhất. Cũng chẳng biết tác giả có đi lĩnh thưởng không và làm thế nào nhận được cái đồng hồ báo thức quà tặng. Con người chăm viết, viết khoẻ mà chỉ đôi khi in ra được dăm ba chữ. Tâm trạng bức bối kéo dài còn đau hơn sự cảm đoán. Một năm gần đây, Phùng Quán làm nhiều thơ, viết báo và đưa in những bộ truyện đồ sộ như hồi ký Tuổi thơ dữ dội vẫn là nối tiếp một Phùng Quán ba mươi năm trước, một tay sử thi có hạng. Nhưng người thì chưa bao giờ trẻ, mà chẳng còn trẻ trung đâu nữa. Phùng Quán đã vào năm mươi rồi. Thân hình bơ phờ mảnh khảnh, lại ăn mặc kiểu các cụ áo năm thân rộng nhuộm cày màu hoa hiên, bộ râu chuột lửa thưa. Làng văn đã có Nguyên Hồng xống áo và râu ria cũng tương tự. Nhưng tôi chẳng bao giờ nhận ra Nguyên Hồng đã lão thế và không thể thấy cụ Phùng Quán lụ khụ nâu sồng này khác hồi cụ Phùng Quán chạc hai mươi tuổi ở xóm Đồng. Quần áo và bộ râu có việc của nó. Có phải vì tôi hơn Quán cả con giáp cứ thấy người không bằng tuổi mình thì lúc nào cũng vẫn tưởng như ngày xưa. Có thể vậy, tôi cứ nhớ như vừa mới đây. Thật thì chốc đã là hơn ba mươi năm qua - những cách quăng phi hoài đời người của Phùng Quán.

Những lần gặp giữa phố, Phùng Quán bảo tôi:

“Anh lên chơi nhà tôi. Có cái rượu uống được”. Tôi không lên. Chẳng vì ngại đi, mà cứ thế nào. Tôi đánh chén thật chó Hàng Bè với Lê Đạt mà không lên hồ Tây, dù cái máu rượu ông phó bí thư chi bộ cũ của tôi thì chán chết, khề khà với Phùng Quán thú vị nhiều. Rượu vui, rượu buồn đều cần, nhưng phải tùy lúc.

Cho mãi đến hôm mừng Nguyễn Hữu Đang thượng thọ tám mươi tuổi - hai ông em kết nghĩa Phùng Quán, Phùng Cung của Đang bảo tôi, tôi mới lên nhà Quán. Gặp lại bạn Đang già mình vốn qui trọng, thế mà lại buồn. Nhưng cái nhà vườn bên hồ Tây của vợ chồng Phùng Quán hôm ấy đông khách đến mừng cụ Đang quá, có đám đông thì tôi cảm thấy mất vui. Đành vào nhắc hũ rượu, làm một chén chia vui rồi về.

Tôi ở xóm Đồng đi nửa buổi đến cầu Phú Lương. Tổ của Đào Vũ ở thôn Vũ La ven đê bên kia cầu. Buổi tối nhìn lên thấy quầng đèn sáng thành phố Hải Dương. Bác Tú Mỡ ngày ngày chăm chút lau cái xe đạp rồi buộc thừng treo lên, không để bánh xe chịn đất. Lâu nay chỉ còn trông thấy người có tuổi lau xe đạp. Cả Sỹ Ngọc, không nhớ các anh ở cùng nhà hay đến chơi.

Vũ La nhộn nhịp, đông nhộn. Bên trong khoanh tre, những khoảnh vườn mơn mơn cà chua đương vào lứa phấn mỡ. Khác làng mạc Thái Bình, chỉ có mấy cây chè khẳng khiu sau bờ tường đất u ám như tổ mối.

Vũ La cũng đương xếp ải. Nhiều chỗ đất phơi đã được nắng trắng nhạt như làn sóng đất lặn tăn. Các chủ nhiệm hợp tác xã toàn tỉnh đương về họp ở đây.

Cả hội nghị với lớp kế toán hôm ấy cũng đi xếp ải giúp hợp tác xã. Tiếng trống tom tom gọi xã viên đi làm đồng. Cửa hàng hợp tác xã mua bán mở sớm. Vải xanh Sỹ Lâm, vỏ áo bông, chăn bông tiết kiệm trần ô trám. Còn sớm mà người đã ra vào xúm xít. Cả tổ Đào Vũ cũng trong nhộn nhịp này. Tôi cảm như chúng tôi ở dưới kia chênh mảng chẳng nên trò gì. Nghe chuyện cánh Kim Lân đi công trường thủy lợi Bắc Hưng Hải bên Hưng Yên, cả ngày đào đất, gánh đất bằng dân công.

Đào Vũ đi làm đồng trong tiếng trống giục đầu xóm. Đào Vũ khoác bừa lên vai, tay cầm thừng dắt con trâu. Như những người đi cày và mấy con trâu vừa đi qua cổng. Tôi bỗng nhớ Quán, lần thần đoán con trâu này bình trong chuồng chưa, nếu ra đường đồng mới ỉa thì Quán gặp được.

Nhà văn Đào Vũ, một người làm ruộng. Không ngẫu nhiên mà sau chuyến đi ấy Đào Vũ ở lại Vũ La, bắt đầu bộ tiểu thuyết Cái sân gạch miêu tả cuộc đấu tranh sản xuất và con người ở Vũ La những ngày đầu hợp tác hoá.

Nghĩ lại, mình lêu têu ghê. Nhưng biết thế thôi, cũng chẳng ân hận. ở đời mỗi người một mảnh, một tật. Tôi nghĩ lại Hải Dương, Hải Dương cũng tương tự các thị trấn khác, lổ đổ lổm đổm dấu vết thời sự và thời gian: những dãy phố, những căn nhà bị rở cái năm tiêu thổ kháng chiến đã được vá nham nhờ các bức tường và cửa hàng mặt tiền quét vôi, ộp mấy hàng gạch hoa duyên dáng như cô gái trong làng diện áo phin trắng mà lại đi chân đất. Các phố nhỏ, khúc khuỷu vẫn lặng lẽ quê quê. Đương có đợt đăng ký lại các hộ công thương. Đồn ầm lên rồi những nhà nào không được cấp môn bài lại thì phải dọn về quê làm nông dân.

ở đầu tỉnh, đồ sộ một nhà máy làm đồ sứ. Năm trước, đây còn là một bãi hoang. Trong cái cách ruộng đất chỗ ấy là nơi các làng xung quanh lên mượn làm mít tinh đấu địa chủ. Đội tôi ở Cẩm Bình đã đưa dân đi dự nhiều lần. Những chuyện đấu tố chỉ chợt nhớ đến đã thấy sượng mặt.

Nhưng tôi nhờ có lần ấy Nguyễn Công Hoan rủ tôi về Hải Dương, Nguyễn Công Hoan nói: “Trong tiểu thuyết *Đống rác cũ* của tôi anh bảo anh thương cái người đàn bà phải đi làm dâu khổ cực trăm bề, tôi đưa anh về nhà nhân vật ấy”. Chúng tôi xuống tàu hoả rồi qua phố chính vào một cái ngõ lát gạch nghiêng như đường làng. Căn nhà một tầng, mái ngói rêu phủ đen xì. Lỗ tròn mắt bò mở hé, sau cánh cửa, một ông cũng trạc Nguyễn Công Hoan ra mời chúng tôi vào. Ông không cao lớn, mà thấp người, mặt tai tái đến độ không trông rõ bộ ria mép, như một cụ làng bẹp ngày trước. Phán giữa trái chiếu, chủ nhà mở chiếc lồng bàn úp trên mâm đồng thau. Một mâm cỗ thịt gà thịnh soạn. Chủ nhà cười. “Mười giờ chưa thấy các xừ, chưa nghe còi tàu về, đã lo lo”. Ra chủ khách đã có hẹn, và cách nói thân tình.

Trong bữa chén, hai ông toàn nói chuyện dạy học ở Kinh Môn, ở Vũ Tiên, ở Lào Cai. Ông ấy ngày trước cũng là nhà giáo trưởng huyện. Đến chiều về cũng không thấy anh Hoan trò chuyện gì với tôi về nhân vật người đàn bà bạc phận. Anh Hoan hay tư lự những cái anh đương nghĩ, có khi hỏi thì lại trả lời lạc sang điều khác.

Nhưng rồi tôi cũng phải hỏi. Thì anh nói:

- Tôi đã bảo rồi mà. Nhà người ta đấy.

Chẳng hiểu ra sao, nhưng tôi cũng không hỏi thêm.

Hỏi anh lại nói khác nữa, thì chịu, rồi tôi phải đoán lấy Nhưng cũng không nghĩ ra được đấy là nhà người ấy khi còn con gái hay là nhà chồng, hay là nhà ai.

Cứ cho đấy là nhà người ấy trước khi về nhà chồng. Cho đẹp và buồn những kỷ niệm của người viết.

Chương VI -

Nhiều chuyện với Nguyễn Công Hoan cũng lắm bất ngờ tức cười chua chát như những cái kết truyện ngắn của anh. Dự quốc khánh, lễ lạt ở sứ quán nào, Nguyễn Công Hoan đi đôi giày da bóng lộn, tôi chưa thấy khi nào. Tôi tò mò:

- Giày luych này chắc Tết anh mới diện?

Anh giơ tay cắt nghĩa kiểu thầy giáo trình trọng giảng bài:

- Dự tiệc đứng thì hay đi đi lại lại, người ta cứ phải nhìn giày mình, cho nên cần có giày tử tế.

Tôi đùa:

- Rồi về lại đánh xi đặt cẩn thận, bọc giấy bóng, cất đi.

Anh còn nói lạ hơn:

- Không, giày này tớ đi mượn. Cậu nhận xét cũng xoàng. Có là giày đi mượn thì mỗi tiệc mới một đôi khác nhau chứ.

Đã có lần anh kể anh có một người anh em con chú con bác làm nghề vá giày ngồi ở bờ tường cạnh chợ Hàng Da. Người vá giày via hè, trên tường đóng đinh treo bán những đôi giày cũ được mông má lại.

Tôi nhớ chuyện anh kể, nhưng không chấp nối lại được trong tưởng tượng, Nguyễn Công Hoan đã đến mượn trong đám những đôi giày treo bán ấy vào dịp long trọng. Nguyễn Công Hoan có lắm nhân vật bất ngờ trong đời thường như thế. Anh dẫn tôi đến ăn bún chả nhà một ông ở đầu phố Nhà Thương Khách cũ. Nhà ông làm vàng hồ, trang kim hài hán, nhuộm giấy thẻ hương. Hồi ấy còn ngặt về lễ bái lắm, vợ con ông làm hàng mã phải ngồi làm dấm dúi dưới bếp. Ông ấy xoa xoa tay, kính cẩn: “Các bác làm việc dương gian, nhà em thì công tác đường âm, thưa phải không ạ”.

Ồ, kể mọi ly kỳ về Nguyễn Công Hoan thì vô số, vô cùng như những truyện ngắn có kết bất ngờ của ông.

Nhà trọ bến xe Hải Dương chẳng khác dãy lều lá dưới cầu Bo. Cũng thế, người ra vào thậm thụt, người gánh người đội, người đeo, không biết trong tải đựng gì, không đoán được người đi buôn hay quân đầu trộm đuôi cướp, lúc chập tối càng đông.

Cô ấy tóc cún, răng vàng. Mấy cô khác ngồi góc giường trong đương đổ nhau tuổi. Có cô nói bô bô:

"Cái quyền Đồi thông hai mộ hay bằng vạn các quyền mới bây giờ". Một lúc sau thì đoán ra những cô này có những bao tải dép râu nhét dưới gầm giường. ả rằng vàng thì buôn cau khô lên chợ Đồng Xuân. Những thứ ấy, chẳng kiếm được mấy nả tiền, ắt trong thúng mủng kia có thuốc Lào, thuốc phiện. Những cô này mới nứt mắt nảy nòi mà sao giống những mụ nạ dòng già đời đi buôn chuyến hôm tàu thủy xuôi, mà tôi trông thấy và đụng chạm từ thời Pháp thuộc đã từ lâu chết xuống âm ty. Cách nói, dáng điệu, áo cánh trắng quần thâm mới, vẻ trẻ tràn, vừa ta đây vừa bất cần đời, tay các ả đeo nhẫn, cổ dây chuyền vàng, - chắc vàng tây. Tưởng như đàn bà con gái nhà chúng nó đã mấy đời cha truyền con nối đi buôn chuyến thế này.

Nhà trọ một dãy ngăn từng gian, vách dán giấy dầu, ba trăm thì giường chung ba người. Mụ chủ chứa đã hơi luống tuổi, nửa tỉnh nửa quê, cổ tay đeo cái vòng xanh xanh, chẳng biết vòng nhựa hay đá thật.

Cô người làm áo cánh hồ thủy đưa người trọ vào buồng, giao cái màn tận tay. Những cửa chùa này, khuya tý nữa, có thể nháy vào được. Mụ chủ rền rầm phàn nàn: "Cái nghề chứa trọ không biết tội tình ra sao mà các ông công an cứ bắt vác sổ sách lên đồn xuống ải khai báo cũng đủ hết đêm". Tôi nằm một giường, nhưng thuê cả ba chỗ. Tôi lấy cái dây cao su trong ba lô ra buộc đóng khung xe đạp vào thành giường ngay cửa màn, nếu với tay ra có thể nắm được thẳng kẻ trộm.

Hôm sau, đạp xe la cà dọc đường, chiều mới về tới ga Hàng Cỏ. Chỉ ra khỏi thành phố ít lâu, trở lại đã có cảm tưởng vắng mình thì phố xá khang khác, rồi một lúc hay vài hôm mới quen dần và thấy lại chẳng có gì khác cả. Sương mờ thành làn trong ánh đèn đường, người người tấp nập, hối hả. Đi bộ, xe đạp cầm cuốc, cầm xẻng, miệng mũi bật khẩu trang miếng vải trắng, nhiều người quần xắn cao, ống chân bê bết bùn. Tôi trông thấy Hoàng Văn Tiến, đại sứ ở Ba Lan về làm thứ trưởng, năm trước tôi đã quen trên chuyến xe lửa Hà Nội- Bắc Kinh. Tiến cũng ống quần móng lợn, dọc khung xe buộc cái xẻng, đạp veo veo ngược đường hàng Lọng. Những người ấy ở công trường hồ Bảy Mẫu ra. Cả thành phố đương đào đắp vùng ao bùn làm công viên Thống Nhất.

Tôi vào quán phở Hậu, phía trên dốc Hàng Kèn.

Chập tối khách kín các bàn. Ông chủ quán tóc muối tiêu, gầy gù, nhanh nhẹn vừa bốc bánh vừa nói vắn vèo như vi von rồi tâm sự một câu, mà tôi là khách quen nghe đã thuộc: "Làm lắm thì chày vầy ra chứ ăn thua gì. Thời buổi này, đổ mồ hôi nước mắt đủ hai bữa tọng vào họng, được phục vụ nhân dân thế là độc lập tự do, hạnh phúc rồi". Trên tường treo bức ảnh phóng to một chiến sĩ mũ ca lô, thắt lưng da to bản, áo kẻ ô trám "binh sĩ mùa đông" năm 1946. Tôi hỏi, ông bảo: "Cậu em nó". Cũng không muốn hỏi thêm người chiến sĩ ấy đã hy sinh hay còn sống. Mấy năm sau, ông hàng phở khó nhọc mới được hai bữa tậu ngôi nhà hai tầng khang trang tĩnh mịch trong ngõ Tràng An. Hai cô áo dài xanh liêu, vết dạ Hồng Công óng ánh kim tuyến. Tóc đọt đọt sau gáy, đen nhánh, có thể khinh được mọi một tóc đương thời của phụ nữ Hà Nội. Câu chuyện hai người to nhỏ mà như khoe cứ lọt tự nhiên vào tai người bên cạnh chẳng ra vô ý, ra khoe hay không coi ai ra gì. Qua chuyện, biết một cô đã có hai con, một cô có một con. Bây giờ còn hàng nào ăn được, phở Hối hay Tân Tân? Cũng khó ngon lắm. Cái phở thịt trâu thịt "ngầu pín" cuối phố Huế thì mới nghe nói đã mất vía.

Không dừng, bỗng cau có:

- Đáng nhẽ đi Hồng Công rồi. ở đấy sang Anh như đi chợ. Mình đã có passe- port. Chỉ vì sắp ở cũ, cậu mình bảo rồi tính sau, mẹ tròn con vuông đã. Thế là ông bô tính chệch giờ. Bây giờ thì gác hết.

Một tiếng thở dài:

- Cậu mợ mình cũng thế, nếu không tớ đã không được ngồi với đảng ấy ở đây
- Mua được một lúc ngồi với nhau thế này giá đắt quá.

Hai người nhăn mũi cười nhếch mép.

- Này táo hay lê ngon hơn?
- Lê được cái thơm, nhưng hơi chua.
- Bây giờ lê táo nước nào?

Câu chuyện của hai con dĩ ngựa cong cớn không cơn cớ cũng cạn dần với bát phở tái giò hành tây.

Quán cà phê ông lão 81 mọi khi vẫn thế. Mới tối, hàng quán các vỉa hè vừa dọn, nhấp nhoáng đèn đường trong bóng vòm lá cây sừa. Quanh chiếc bàn thấp, đợi ăn uống cái gì mà lơ nhố người. Dưới lòng đường ánh sáng ông Chử, tiếng thổi lửa cái ống nứa pho pho. Giờ này chưa phải buổi cháo gà.

Lão 81 ngẩng lên, vồn vã:

- Ông đi tận những nước nào mà lâu không thấy?
- Nước nào, nước nhà quê nhà ông đấy.

Ông lão cũng hỏi cho có chuyện, lại cảm cúi thái rồi nghiêng cái chảo, tiếng mỡ xèo xèo. Chiếc đèn hoa kỳ lom đom trên nóc tủ hàng, ánh điện lao xao trong bóng lá không hắt tới. Chẳng trông rõ gì cả, nhưng chắc bọn khách đợi món này.

- Gì thế?
- Ngẫu pín ông ạ. à, dạo này mới lại có.
- Trâu hay bò?
- Dê hăn hoi, còn non, tuyệt bố. Ông xơi...

Tôi hãy còn mất vui về hai con đồng đánh ở hàng phở Hậu, tôi uể oải giọng đồng vu vơ:

- Lâu nay ở nhà quê, ăn dái dê, dái chó, nhiều bổ quá rồi. Xin một cái cà phê đen thôi. Cho giải phiền, bớt mỡ. Ông nghe rõ chưa?

- Rõ, rõ. Nhà cháu đang dở tay, ông ngồi chơi một mảy.

- Mấy mảy cũng được, thưa ông bếp Tây.

Chương VII -

Tôi được giấy gọi đi học trường Nguyễn ái Quốc khoá 1961..

Không biết khoá này khối văn nghệ được mấy người, hôm khai giảng chỉ thấy mình tôi. Khoá sau, có Trọng Hứa đương làm chánh văn phòng. Chẳng rõ được chọn hay Trọng Hứa xin đi, hay Trọng Hứa đi “thế mạng” cho ai. Dự lớp dài hạn trường trung cao cấp của Đảng là một vinh dự và nhiệm vụ. Người muốn cũng không được. Nhưng cũng có người trách nhiệm cao tự coi như đương nhiên chỉ ngồi bàn bạc và cử người khác đi học. Có những người như Nguyễn Tuân, không thấy giấy gọi đi học bao giờ mà không biết được mời thì ông có đi không, chẳng thể đoán được. Năm 1950 ở Thái Nguyên, Nam Cao và tôi đổi công tác từ báo Cứu Quốc về hội Văn Nghệ. Trước khi về cơ quan mới, chúng tôi được đi học trường Nguyễn ái Quốc - bấy giờ khoá học lâu nhất cũng chỉ ba tháng.

Nhưng rồi chỉ có Nam Cao được đi. Tôi cứ tiếc mãi.

Ý nghĩ đi học của tôi cũng giản dị. Có dịp sắp xếp lại mọi cái biết lỗm bõm chẳng đâu ra đâu. Từ khi mới cầm bút tôi đã phú cho Dế Mèn, Dế Trũi cái tư tưởng thế giới đại đồng không tưởng của tôi. Chẳng là bấy giờ đương tuổi mới lớn trong thời kỳ Mặt trận Bình dân 1938, chúng tôi hằng hái liên miên tranh luận đệ tam, đệ tứ. Cho đến ngày nay tôi cũng chẳng hiểu gì hơn. Cũng chịu khó đọc bản dịch Chống Duyrinh, và nhiều cái khác, có ghi cẩn thận những câu, những ý cảm thấy hay. Nhưng mà từ đấy vận vào thực tế, vào sáng tạo thế nào. Tôi đi cải cách ruộng đất thì cứ kế hoạch bốn bước mà làm, khi được chỉ ra như thế là sai, lại sang đội đi sửa sai. Tự mình cả đời làm theo, thấy ra, nhận thức, phân tích đều lờ mờ sai đúng đúng sai mù mịt. Tôi thật sự thèm được trình độ hệ thống hoá về lý luận và vận dụng được sự liên hệ và sáng tạo.

Sau vụ Nhân Văn mà tôi có sai sót, tôi đã đề nghị cho đi học trường dạy viết văn Gorky ở Matxcơva. Nguyễn Khải được chấm đi, còn tôi thì xin đi. Tôi nghĩ chỉ bỏ ra ít năm ăn chắc một ngoại ngữ lại đưa hiểu biết và nhận thức của mình tới được một bước mới. Nhưng rồi dự định ấy trên không chấp nhận. Lý do: người sáng tác thì nắm thực tế đời sống đất nước là cần hơn.

Năm sau, Nguyễn Minh Tấn ở viện Văn học được đi học viện Gorky. Tôi thắc mắc thì nghe giải thích: anh ấy làm nghiên cứu, cần đi. Nguyễn Minh Tấn công tác ban tuyên huấn, về khối văn nghệ làm chính trị viên trường Mỹ thuật sau lớp chỉnh huấn văn nghệ sĩ. Cũng như Đặng Đình Hưng về đoàn Văn Công Trung ương.

Tôi cũng dự chỉnh huấn theo phương pháp Hoa Nam cùng Đặng Đình Hưng, Nguyễn Minh Tấn, tôi được

biết trước kia Nguyễn Minh Tấn ở tỉnh đội dân quân Vĩnh Yên. Tôi làm nghề chữ nghĩa hăn hoi, sao tôi không đi học. Nghĩ thế thôi, thói quen thấy mọi cái trên cây nghĩa đều rồi là phải cả, tôi im. ý nghĩ đi học của tôi cứ vừa trẻ thơ vừa đứng đắn.

Tôi sửa soạn cái bàn chải răng, quyển sổ tay mới và sách, như sắp đi đợt công tác dài ngày.

Trường Nguyễn ái Quốc bây giờ vẫn hai tầng dằng dắp ngày ấy. Có thể liệt vào một khu di tích lịch sử văn hoá: cơ quan đào tạo và bổ túc cán bộ chính trị qui mô nhất nước sau hoà bình lập lại. Nhà hai ba tầng, kiến trúc nửa lưu luyến hội trường trong rừng, nửa đại lầu Trung Quốc. Đến bây giờ mà xung quanh vẫn vắng không mấy bóng cây lâu đời. Mới biết các cụ ta xưa nền nếp xây cất đình đền, miếu mạo khi đặt viên gạch móng đã nghĩ ngay hạ thổ trồng cây: những cây đa, cây đề, cây chôi mấy trăm năm trường thọ với toà nhà cho đời sau, như cây mọc trong cổ tích. Kiến trúc sư Hoàng Như Tiếp - người sáng tạo hầu hết các hội trường tre nửa trong rừng thời kháng chiến ở Thái Nguyên, ở Tuyên Quang. Hoàng Như Tiếp nói thế tôi mới biết. Những năm các kiến trúc sư ở với chúng tôi chỉ thấy những bản vẽ nhà tranh nông thôn kiểu nhà ánh Sáng trong cặp các anh Nguyễn Cao Luyện, Võ Đức Diên, Tạ Mỹ Duật... Anh Hoàng Như Tiếp thì làm quản trị lo liệu nơi ăn chốn ở cho các gia đình tản cư, quanh năm đạp xe từ Phú Thọ sang Bắc Giang, vào Thanh Hoá.

Tôi gặp Hoàng Như Tiếp ở ô Chợ Dừa, Tiếp hỏi:

- Cậu đi đâu sớm thế? Tôi đáp: - Đi học - Học trường Đảng a? Tôi gật đầu. Hoàng Như Tiếp nín tôi lại, khoe:

- Tổ kiến trúc trường ấy đấy. Qui mô nhất Hà Nội. Được không?

Tôi nói:

- Tự dựng trên mái hội trường choang xuống một hòn gạch chỉ. May nó rơi ở mép tường, không vào đầu ai. Điều tra thì ra những hòn gạch thợ xây bỏ quên trên đầu tường. Việc người vôi vữa chẳng bận đến nhà kiến trúc.

Câu nói đùa không phải lúc. Hoàng Như Tiếp đẩy vai tôi một cái. Tôi chưa tha:

- Nhà vệ sinh, nhà tắm nước thấm tường mốc rêu rồi vỡ từng mảng. Các ống trong tường lắp chốt gỗ, nó mục ra.

Hoàng Như Tiếp quát:

- Cậu này dốt bỏ mẹ, lẫn lộn kiến trúc với xây dựng. Tổ không phải thằng thợ nề, biết chưa?

Chúng tôi học môn triết cho đến hết tháng giêng. Ba tháng mùa đông ngồi trong cửa sổ hợp tổ và đọc tài liệu. Xa kia, những ngôi nhà năm tầng nhô lên như đánh đai quanh ngoài khoanh tre. Cánh đồng làng tôi

đường thành phường phố, dàn giáo và bụi đỏ lăm lên cao ngất. Những ý nghĩ và mắt tôi nhìn lẫn lộn thấy cả những cái không còn nữa. Con đường đất trong cầu Điều ra, sáng sớm người quảy cặng ngô chỉ trông thấy hai bàn chân đất lướn trên đám lá và hoa bánh khúc vàng long lanh ướt sương. Những gánh cặng ngô đã phơi nỏ ở trong làng Noi đưa ra bán cho các nhà nghề giấy trên Yên Thái, làng Thọ tra bồi can giấy.

Những việc seo can, cái tàu seo, cái bồi, cây ép uốn, cái cối giã bìa, dãi bìa mà trong sách và tài liệu tôi đương nghiên cứu gọi là lao động giản đơn, công cụ và lao động thời kỳ này, thời kỳ này, những cung cách làm ăn cổ sư nghìn năm ấy phải chết đi thì công nghiệp mới lột xác được thành công cụ mới lao động phức tạp và tinh vi, những cái cũ tôi vẫn thấy trong tưởng tượng mà công cụ mới đã hiện ra đâu. Vẫn cây đa bên sân đình làng Nghè, mùa hạ từng đàn yểng bay đến rĩa quả đa chín vàng. Cây đề cổ thụ gốc to mấy người ôm đứng cạnh cầu chợ Bưởi, lá nõn đỏ hây một góc trời. Có bà hàng bánh đa ướt dưới cổng Cót lên, thưở bé tôi theo u đi chợ được ăn bánh với hai miếng đậu rán phồng. Cảnh ấy không còn nhưng cây đề thì vẫn ngày trước, cổ thụ cứ trơ trơ đấy.

Chẳng còn đâu yên tĩnh nữa nhưng mọi cái cứ biến đổi và không biến đổi. Nếu là nơi xa lạ nào chắc tôi không thể nghĩ vẩn vơ quanh quẩn. Ngồi đây, tôi nhắm mắt cũng vẫn nhìn được những cái không còn. Bên kia, Kê Cáo, Kê Đàn, bên này sông Tô Lịch, trước mặt mép nước hồ Tây. Đường cống đồng gốc gạo, hai bờ tre xóm Giếng và làng Dâu vào cầu Điều. Cái cầu, cái quán cho người qua đường, người làm dưới đồng sâu lên nghỉ trưa. Kia, lại hiện về thời sự của thành phố bị chiếm. Một boong ke xi măng cốt sắt, nửa chìm nửa nổi cao như gò, lỗ châu mai bốn mắt dõ ra dưới hàng cây sồi lẻo khoẻo, vành đai lô cốt phòng thủ Hà Nội của tướng Đờ Tasinhi.

Trong tôi vẫn nguyên cái tò mò hồn nhiên như thưở bé buổi sáng cắp sách lên trường đình Yên Thái mà thật ra thì tôi đương mơ ảo trong khu vườn và nhà trường Nguyễn ái Quốc trước kia chỗ này là xưởng làm pháo của chủ hãng pháo điện quang Phú Mỹ. Đã có lần tôi vào đây xin việc làm, nhưng không có việc bàn giấy, đây nhà kho và xưởng pháo giáp ranh các xứ đồng Nghĩa Đô và Cổ Nhuế. Đường trong Noi ra, người quảy đồ may thuê trong thành đem trả, đi một dãy dài lên bến tàu điện Cầu Giấy. Cái đêm 9 tháng ba 1945 Nhật đảo chính Pháp, các làng xung quanh cánh đồng kéo vào hôi của kho giấy hợp tác vạc làng Hồ và nhà pháo Phú Mỹ. Kho thuốc nổ, làng tôi có thằng Cửu và thằng con cậu ba Phát phải bỏng khiêng được về nhà, nằm kêu khóc mấy đêm thì chết. Ngày ấy tôi mà xin được việc vào làm nhà pháo, không khéo tôi cũng toi mạng rồi.

Tôi trông ra cửa sổ bây giờ. Không dứt được ám ảnh những Trăng thề còn đó..., những Dám xa xôi mặt... phảng phất trên đầu lúa rì rào. Lại vừa năm nào, tôi đi với Nguyễn Tuân, Kim Lân và anh Ba Hĩ trong làng ra mùa tháng mười đi bắt chuột, xách những rọ, thuong, mồi rơm, lồng sắt và hai con chó đen. Chúng tôi vào hun tổ chuột tận gò đất đồng Lỗ Vàng, buột mất con “ti ừ” to bằng bấp chân thoát vào bờ rào nhà trường này. Thước phim những ngày qua cứ chõng chất, chõng chất.

Học viên các tỉnh ô tô đưa về trường suốt tuần - học viên bộ, thứ trưởng ở Hà Nội có xe đưa đón. Chế độ xe qui định ngặt, cơ quan chúng tôi chẳng ra bộ, thứ bộ, chỉ có thủ trưởng Nguyễn Tuân và thường vụ

Nguyễn Huy Tưởng được phát chiếc xe đạp công gấn số biển xanh, nhất hội rồi.

Mỗi lần về thành phố tôi đi đường Cầu Giấy - ô Chợ Dừa, hai bên đường này xưa kia tường thành đất, Tây bạt thấp xuống làm đường, từ mặt đất lên mép đường vẫn cao bằng con sào, một quãng lại thấy tun hút giữa lũy tre một lối, trở xuống vào các làng trại ở trong xa. Thỉnh thoảng mới thấp thoáng một quán nước chè tươi, cái lều chữa xe đạp. Bây giờ nhà và người đã mọc ra ở túi bụi, quang cảnh xưa ấy đã vào cổ tích rồi.

Quãng đường trống gió rét căm căm qua cái bia đá nơi quan ba Phờrăngxi Gacniê 1874 chết trận cạnh toà nhà thờ họ đạo vắng hoe. Ngày trước, mộ lão ấy dưới cánh đồng - chắc chỗ lão ngã xuống, không biết đã được đưa lên ven đường thời nào. Và tên lão thì Tây đã đem gấn biển oách nhất vào cái phố vòng hồ Gươm, bây giờ là phố Đinh Tiên Hoàng.

Rồi qua chỗ quan hai Ban Ny cũng chết trong trận ấy ở cửa đền Voi Phục. Người Pháp cũng đặt cho một tên phố, lại cắm cái cọc xi măng trước cổng đền Voi Phục, xây một cái bảng to đề là “Chùa Ban Ny”. Có lẽ chẳng ai để ý cái ngang ngược, cái dốt ấy, chỉ có tôi tò mò.

Cái mộ giả quan tư Hăng ri Rivie bị giết 1884 ở trận Cầu Giấy. Ngôi mộ sắt thép nguy nga giờ chỉ còn một tảng đá to bằng con trâu kền kền. Bà hàng nước bày chõng hàng lên mặt đá lờm nhờm. Tôi ghé uống bát nước chè tươi, hỏi bà hàng: “ ở đây xa chùa Trầm, chùa Thầy mà ai khiêng hòn đá to thế này về làm gì”. Bà hàng nói: “Thấy bảo ngày trước nó là cái nắp mả Tây ấy mà”. Thật thì chỗ này xưa là phố nhà trò phủ Hoài, khách chơi ngồi trong tiếng hát, tiếng đàn trông ra “mả ông Năm” dưới bóng cây bàng, thấy cái mũi ông bằng đồng sáng nhoáng nhọn hoắt đâm lên trong bờ rào sắt.

Khoá học của tôi theo chương trình hai năm lần lượt có các môn và các hoạt động đã được thông báo:

Một- Triết học Mác. Duy vật biện chứng.

Hai- Duy vật lịch sử.

Ba- Chính trị kinh tế học.

Bốn- Sự tất yếu của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa đối với những nước kém phát triển nói chung và đối với Việt Nam nói riêng.

Năm- Các vấn đề kinh tế và cụ thể.

Sáu- Đi thâm nhập thực tế ở một hợp tác xã đã cải tiến quản lý (hoặc nhà máy) để kiểm tra, đối chiếu các môn đã nghiên cứu.

Bảy- Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam.

Tám- Thu hoạch và tổng kết.

Duy vật biện chứng, duy vật lịch sử và các môn chính trị kinh tế học, kinh tế cụ thể có hai thầy Liên Xô và thầy ta phụ giảng ngoại khóa. Khóa này, khóa học cuối cùng có chuyên gia giảng viên Liên Xô. Chỉ những đầu bài nghe đã vừa hấp dẫn vừa ngại. Lại thấy báo đến mục thu hoạch tổng kết câu hỏi và trả lời đều phải viết ra giấy. Cũng chẳng lo vì không phải thi lên lớp, không làm được bài chắc chỉ ngượng ti chút, ôi thôi có người cô ta và không thể đoán trước được cái câu học tài thi phận. Cái năm xưa thi vào trường Bưởi, tôi nộp giấy trắng thì biết trước phải trượt rồi, nhưng những đi thi lấy bằng Sơ học, bằng Cao đẳng tôi làm bài, viết cóc nhảy cho kịp giờ, và rồi vào vấn đáp, một bà đầm hỏi, tôi đứng đực ra không trả lời được. Thế mà đến hôm xem bảng cũng thấy đỗ.

Nhiều bài ngoại khóa, tôi nhớ hơn vì thầy ta nói dễ hiểu. Những báo cáo điển hình minh họa bài học của anh hùng nông nghiệp Đỗ Tiến Hảo, của một công nhân kể khổ... Viện trưởng viện triết Hoàng Minh Chính, nhà kinh tế học Minh Chi thuyết về khoanh vùng kinh tế. Nhanh thật, các anh ấy đã có chuyên môn thành các nhà triết, nhà kinh tế lúc nào. Hoàng Minh Chính giơ tay, cất giọng hùng biện. Mặt anh nghiêm nghiêm, lừ lừ kiểu thủ lĩnh bẩm sinh. Từ lâu tôi đã phục Hoàng Minh Chính tổ chức trận tập kích sân bay Gia Lâm đêm đầu toàn quốc kháng chiến, mà tôi nghe hơi đã viết một tin viết lên trang nhất báo Cứu Quốc là quân ta xung phong chất rơm hỏa thiêu 25 máy bay địch ở sân bay Gia Lâm. Đáng vẽ Hoàng Minh Chính tự tin một cách hồn nhiên. Chứ không thấy dơ như mấy ông tình ủy bắt chước anh Ba mặc áo lụa bà ba ống tay rộng, phe phẩy cái quạt giấy. Minh Chi tôi quen từ trước kia cùng cánh phật tử với bác sĩ Thuyết, bè bạn đồn vì anh phải lòng con gái bác sĩ Lê Đình Thám mà thành phật tử. Dường như Minh Chi là người lúc nào cũng có vẻ vui, đọc khỏe và viết đủ các sách chính trị, kinh tế, lịch sử phổ thông, sơ giải từ thời mỗ ma nhà xuất bản Minh Đức 1946. Tóc Đình Văn Vinh bạc sớm quá. Bây giờ anh giảng về kinh tế khoanh vùng, đúng sở trường hiểu biết mệnh mông của anh chưa. Ít lâu sau có người bảo tôi là anh này “xét lại”. Anh mới mượn tôi một tiểu thuyết Moravia, Cô gái Rô ma.

Chẳng hiểu thế nào. Rồi lại thấy anh dịch kinh Lăng Nghiêm. Đã lâu Minh Chi chuyển vùng vào miền Nam.

Không biết anh có ở chùa với cụ Minh Châu không, nhưng anh viết báo Giác Ngộ, ký cư sĩ Minh Chi.

Tôi chẳng nhớ tên ông thầy Nga nào, mà nhớ tên anh Đậu Ngọc Xuân, người dịch các bài triết và kinh tế cực khó đối với tôi. Thầy triết Xéptôlin khóa trước giảng chức năng mỹ học là tiêu chuẩn hàng đầu của văn nghệ rồi mới đến chức năng giáo dục văn... văn...

Đến thầy dạy tôi thì lại bảo chức năng giáo dục mới là số một. Nguyễn Văn Bổng tha cái chức năng mỹ học vào khu giải phóng trong chiến trường B, thế là bị tai nạn. Tôi thì chức năng giáo dục, chính qui quá, nhưng tôi cũng chẳng phát huy được hơn câu giảng.

Khó lắm, tưởng là đến nghe giảng về kinh tế cụ thể rồi về nhà máy liên hệ, kiểm tra sẽ vỡ ra, nhưng càng

ù ù cạc cạc vệt nghe sấm.

Mà chỉ nhớ, chỉ hải những vớ vẩn. Có anh kể: Khóa trước có một thầy Nga già dạy kinh tế cụ thể vừa lên bục hội trường đã dọa: “Tôi ghét những người ngồi nghe mà nhõ râu. Ai nhõ râu thì hoặc là người ấy hoặc là tôi ra khỏi đây ngay”. Thầy lớp tôi không nói thế. Nhưng tôi nhõ sờ lên cằm, lại rụt tay lại.

Tôi nhìn quanh xem có thấy ông Hoàng Trung Thông nào đương vật râu không. Hoàng Trung Thông hay nghiêng mặt phồng má nhõ râu. Tôi quá hoang tưởng, Hoàng Trung Thông không học khóa này.

Thế thì những cái được của tôi cũng vẫn lại chỉ là chấp vá, khâu rúm, khâu đụp. Tôi chịu khó cóp nhặt nhưng biết đến bao giờ mới được cỗ máy. Vừa học vừa nhớ lảng nhãng, làm thế nào cho có trí thức. Có lẽ chẳng bao giờ. Tôi vẫn chỉ là tôi vậy, vậy thôi.

Thế nhưng tôi đã tỉ mỉ, cẩn thận sửa soạn hai loại sổ. Không bắt chước và cũng chẳng biết thành nếp bởi đâu, từ bao giờ tôi vẫn làm tương tự thế mỗi chuyến đi. Một sổ chép bài giảng, với những ý kiến trao đổi ở tổ. Một sổ những ý nghĩ liên hệ đến cái nghề cầm bút. Bài giảng được phát, tôi đóng thành bộ. Hết khóa học, tôi cho Nguyễn Bá Chính bạn tôi giảng viên Đại học Kinh tế Tài Chính. Chính đồ tú tài thời Pháp, người mực thước như sinh ra để làm thầy giáo, chắc chắn những tài liệu và sổ tay ghi chép của tôi Chính dùng có ích hơn tôi. Anh đã đến nhà tôi ôm cả cái cặp giấy về.

Trước nay, tôi hay ghi thoáng cho tôi đọc. Nhưng lần này, sổ ghi tôi viết nắn nót không trốn nét. Chỉ vì ở bàn trên tôi có một chị ở cấp ủy địa phương lên học, chị ghi không kịp thầy giảng, phải mượn sổ tôi để chép. Chị đã trả ơn, biếu tôi chai dấm làm bằng chuối chín và chị dạy tôi cách làm dấm chuối. Quí lắm, các cửa hàng nước chấm nhà mậu không mấy khi bán dấm. Nếu có chỉ bán ngử một góc lít, không chua mà nhạt như nước lã. Đắng này, có cốt nước sôi tinh khiết, cắt quả chuối chín bỏ vào, nút kỹ để một tuần lấy ra ăn, cũng chua mà lành. Có người bảo tôi ngày trước chị ấy bán rau ở chợ tỉnh, thạo rau cỏ, mắm muối. Chị mặc áo vét ka ki đeo túi tài liệu, nào ai đoán được ai.

Tôi nhớ những dớ dẩn. Tôi không có vốn học cơ bản. Tôi đi học cũng chẳng hơn chẳng khác chị bao nhiêu, chị không biết đấy thôi. Cũng như không rõ mấy trăm học viên tuổi tác lổn nhổn, có các cụ thâm niên Thanh niên Cách mệnh Đồng chí hội, có người học Tây, học Nho, có người đến tháng tám 1945 mới tập ngoáy chữ ký. Nghe giảng thế nào, làm bài kiểm tra ra sao.

Chẳng ai hỏi ai, mà rồi hình như cũng xong xuôi cả.

Cái hôm kiểm tra tổng kết tôi nhận một mớ câu hỏi: triết học, kinh tế cụ thể, lịch sử Đảng... Bắn cả lên.

Nhưng tôi không còn là trẻ con nộp giấy trắng như cái năm thi trượt vào trường Bưởi. Tôi cũng không hiền lành chép bài như chị bạn dạy tôi làm dấm chuối. Thế mà rồi tôi cũng viết được kín vài trang giấy.

Nghe nói khóa trước, nhà sử học Minh Tranh giám đốc nhà xuất bản Sự Thật đã không làm bài kiểm tra.

Không phải Minh Tranh không làm nổi. Mà anh không bằng lòng cái cách thi cử hỏi đáp kiểu trường tiểu học vừa trẻ con lại vừa hình thức không đi đôi với điều kiện. và trình độ mọi mặt khác nhau của những người đi học đầu đã bạc, đương bạc. Không biết những cán bộ mấy chục năm vùi đầu mọi công tác, khi phụ trách chung, khi dân vận rồi nông nghiệp, thương nghiệp, thuế vụ... mà anh ấy xưa kia cũng như từ khi cách mạng, chưa bước chân vào một lớp văn hóa, chính trị nào bao giờ làm thế nào. Có hôm ngồi chuyện tếu, chúng tôi điểm mặt những ông này bà này, ở Trung ương ở các tỉnh thì thấy nhiều người khéo trốn học lắm.

Trốn đến tài, công tác lên đến bí thư tỉnh, phó ban trưởng ban, công tác to thì càng lăm lý do thoái thác vì đột xuất, đột xuất, tiếc quá không được đi học đợt này, nhưng mà bận, đợt sau lại đột xuất. Cho đến tận ngày về hưu mà vẫn đang hoàng cao cấp không lòi đuôi. Ghê không.

Tôi gặp chẳng hay chớ, không táo tợn như Nguyễn Công Hoan ngày xưa đã nhờ bạn vào thi vấn đáp hộ bây giờ thì nhờ viết hộ. Tôi cũng không dám cứng cựa như Minh Tranh. Hết khóa học trở về, Minh Tranh cũng rời bỏ mọi công tác đương làm, hình như để ngồi chơi xơi nước. Nhà Minh Tranh ở khu phố tôi. Tôi lại làm trưởng ban đại biểu khối, mỗi năm ngày Tết chúng tôi đến chúc năm mới nhiều nhà bà con. ít khi tôi được gặp anh ở nhà trong dịp ấy. Nhưng thường thấy anh tha thần quanh hồ Thiền Công. Già đi nhiều, anh vốn nhỏ người, bây giờ càng lúi thủi mình hạc xác ve. Lớp tôi, về tuổi tác, thì tuổi ai phần nhiều cũng đã cứng. Có những vị trong ngoài bảy mươi, các bà Nguyễn Thị Thập, ông Lò Văn Hặc, ông Kha Vạng Cân, ông Lê Văn Hiến... Đi học, ban tổ chức thông báo tiêu chuẩn, chế độ học viên. Cơ quan đảng của ngành đề nghị rồi nhà trường triệu tập. Các cơ quan là cơ sở đưa người đi học. Người thì được đi trau dồi kiến thức, chuẩn bị lên cấp. Người đến trường vài ba tháng lại phải về, vì công tác khẩn ở chiến trường B, ở nước ngoài. Có người lão quá, đi học là một ưu đãi tinh thần rồi về hưu. Nhiều nơi cơ quan hục hặc nhau làm mọo đẩy đi học, tạm hòa hoãn. Có cán bộ chẳng sắp việc nào cho êm, thì hãy gửi đi học cái đã. Bao nhiêu đoạn trường, mỗi người đến đây mỗi tâm sự, mỗi nỗi, làm sao mà tò mò cho thấu.

Ông Canh sáu mươi lăm tuổi. Người cao lớn nhưng béo bệu, không khỏe. Ông làm thanh tra hay nội chính, không biết. Học hết khóa thì về hưu, ông kể thế. Không cùng tổ, nhưng ông hay trò chuyện với tôi. Ông Canh quê Thái Bình. Ông hoạt động từ năm mười lăm tuổi. Ông bị bắt, bị giam Hỏa lò rồi phải phát vãng lên Bắc Mê. Ông bị giam ở Hà Giang không biết bao nhiêu năm. Nó bỏ quên ông ở chỗ ma thiêng nước độc, nếu không có năm 1945, chắc ông đã bỏ xác ở đấy. Ông đọc cho tôi nghe những bài thơ ông làm trong tù. Ông Canh nói những bài thơ ca cách mạng của ông đem đóng lại được mười một tập giấy. Có thể, vì ông làm thơ, thấy tôi nghề văn thì ông làm quen.

ông Canh nói:

- Xong đây thì tôi về nghỉ.

- Trông anh khỏe, mình miễn lắm.

- Tôi tổ chức cơ quan đoàn kết và công tác đầu ra đấy. Tôi về hưu không phải vì chuyện đầu đá. Hoàn cảnh tôi khó lắm. Cả thời trẻ ngồi tù, lấy vợ muộn quá. Bốn thằng con trai, mà nhóc đầu mới mười một.

- Thế chị ở nhà...

- Nội trợ, làm linh tinh. ở tổ đan len, hết việc thì tổ hợp tác lại gọi đi đẩy xe than cho cơm nồi nước sôi...

- Vậy cũng gay.

- Gay lắm. Tôi ở nhà còn đi chợ, vào bếp, hò hét lũ trẻ, chúng nó đánh nhau cả ngày. Chứ cứ đi biên biệt, không xong.

Tôi thở dài, thương ông Canh, lại nói:

- Thế thì gay thật.

ông Canh chỉ ăn bữa trưa ở bếp nhà trường, chiều tan lớp ông Canh cầm cuí đạp xe về. Nhà ông ở gần chợ Hôm. Có họp tối ông Canh cũng không ngủ lại.

Cả những tối có phim Liên Xô, phim Trung Quốc hay có văn công vào, ông Canh coi như không biết.

ông Canh bảo tôi:

Tôi về kể chuyện, mấy thằng con tôi bảo anh viết quyển “Dế mèn” hay lắm, phải không?

- Vâng.

Nó bảo tôi hỏi mượn hay là xin anh một quyển.

Anh có làm thơ không?

Tôi đã thấy đầy đủ hơn cái cơ ông Canh làm quen với tôi. Một hôm ông Canh trả lại tôi quyển Dế mèn phiêu lưu ký. Ông Canh nói:

- Tôi chẳng thấy hay ở chỗ quái nào. Trẻ con bây giờ trình độ không ra sao.

Tôi đành cười ngơ ngẩn: “ừ, trẻ con ấy mà. Tôi viết cho trẻ con, anh đọc làm gì.

- “Trẻ con thì đọc sách cũng phải có mục đích. Anh viết quyển sách này có mục đích thế nào?”. Tôi đưa đẩy qua loa rồi sang chuyện khác. Chúng tôi vẫn trò chuyện bình thường, cũng chẳng lần nào ông nói lại cái chuyện viết sách có mục đích, trẻ con bây giờ chẳng hiểu gì. Việc nhà ông rồi canh hẹ, còn hơi sức đâu mà nhớ con dế, con cào cào... Người ta sợ, người ta xấu hổ “được” nghỉ hưu, còn chạy chọt và giả mạo

giấy má để chậm về, ông Canh thì không.

Ông mong chóng học xong. Có khi ông nghỉ cả tuần không có lý do. Đến lớp thì ông kể bà ấy nhức đầu, ông phải ở nhà đẩy xe than, Tết sắp đến, tổ hợp tác thêm việc nấu bánh chưng.

Một hôm, ở phòng thường trực nhìn tôi ra có người gặp. Tôi trông thấy một người mặc bộ đại cán màu xi măng đã phai nhợt nhạt, ngồi đợi tôi trong phòng khách. Tôi đã nhận ra Mùi Cá. Tôi chơi với vài bạn làm an ninh. Có người tôi quen biết từ hồi vụ Nhân Văn. Có khi tình cờ. Không phải tôi quen thuộc vì các anh nhờ làm tai mắt, tôi cũng không có thói quen rỉ tai khoe khéo tôi là cá, cá chuyển, cá việc, cá vụ. Có lần, Trọng Hứa hỏi: “Người ta bảo ông làm cá, phải không? Tôi nói: “Công an nhân dân thì ai cũng làm cá được”. Những người đã nghỉ thì chẳng biết nói xuể xoá thế có đủ tin hay không, nhưng chơi với cá tôi cũng học được miếng võ còm. Là vào quán cà phê Phúc Châu trên Hàng Giày thường chọn góc ngồi có thể nhìn bao quát. Muốn quan sát được nhiều thì cách ghi nhớ của nghề văn cũng đòi thế.

Không nhớ Nguyễn Tuân hay Nguyễn Minh Lang giới thiệu tôi quen Hùng Cá, rồi với Lý Béó khách sạn Thăng Lợi, lại dây mơ rễ má quàng đến Khải cà phê. Còn Kim Sơn thì Nguyễn Sáng đã bạn từ trước, Kim Sơn hay rủ đến nhà đánh chén. Kim Sơn công tử Sài Gòn đã cùng Hoàng Đạo lặn vào hoạt động Sài Gòn

- Hà Nội mà chiến công kết thúc lúc nửa đêm đánh đắm tàu chiến Amiô Đanhvin ngoài khơi Sầm Sơn. Năm trước, báo Sài Gòn Giải Phóng đăng về sự tích anh hùng trên, tôi đọc biết Kim Sơn con nhà giàu khi ấy mới lấy vợ mà bỏ Sài Gòn đi làm công tác quyết tử, tôi thật bồi hồi... Tôi có nhờ Hùng Cá mua củi, bấy giờ củi đun và mữ nhà mậu đều bán phiếu, nhưng Hùng Cá cũng chưa mua hộ được củi lần nào. Chỉ thỉnh thoảng đi chè chén thì có. Hùng Cá hay đưa sách Pháp cho Nguyễn Tuân mượn. Người ta thì thảo Hùng Cá theo dõi Nguyễn. Tôi nghĩ cũng cứ đồn to chuyện ra thôi.

Mà Nguyễn Tuân nói có lý: tao không đi họp việc quan trọng, tao không biết bí mật quốc gia thế nào, chỉ thỉnh thoảng nói đồng chơi, cá theo tao làm gì cho tốn cơm. Hùng hoạt động nội thành thời Hà Nội bị chiếm. Các khách sạn lớn, khách sạn Mê Tô Pôn là nơi đi về, ăn ở an toàn của Hùng. Bây giờ Hùng thường đưa chúng tôi đến khách sạn ấy, mà anh em nhà bếp, nhà bàn.. đều là cơ sở cũ, chúng tôi đánh chén giá nội bộ không có giá nào. Lưu Thiệu Lý chúng tôi quen gọi là Lý Béó quản lý Thống Nhất rồi lên Thăng Lợi. Cứ đàn đúm cả chủ lẫn khách thật thuận tình cho bộ mặt văn nhân tài tử mà những cái túi thì lép xẹp còm cõi của chúng tôi. Cũng còn hơn bao nhiêu lâu nay đi qua Mê tô pôn Sôphitel chẳng buồn ném vào cái đuôi mắt, mày con dây mơ rễ má gì trong ấy nữa mà nhìn!

Chỉ còn cà phê Khải. Cái hàng cà phê trong hẻm chợ Hôm, bây giờ đã thành cao lầu đặc sản bít tết 202 phố Huế của tỷ phú Khải. Đôi khi, Hùng Cá và tôi đến lấy một bàn khuất, ngồi nhăm nháp lại những mơ màng đã qua. Hùng Cá đương được lo liệu viết lịch sử ngành ở thành phố. Những lần xưa đến đây, còn có Nguyễn Sáng, Nguyễn Tuân, nhưng rồi cũng chán không tới nữa. Bởi vì nhà hàng này độc đáo có cái bít tết, mà hai ông này thì chỉ trệu trạo món cua nhồi “phá xí”. Răng đau, răng rụng cả rồi.

Khải vốn là một thầy giáo hồ lơ ở ngoại ô Thanh Nhân. Rồi lái xe, có xe hàng chạy và cũng có làm đôi ba vụ việc cho an ninh thành phố bị chiếm 1954 rồi lái xe sứ quán Pháp. Nhưng cái ham muốn của lão này lúc nào cũng đình ninh, cả những khi khốn khó chìm nổi vật lộn với tem phiếu và nhà mậu, Khải vẫn đuổi theo cái mộng và thực của mình. Cũng chẳng khác kỳ vọng sáng tạo của người cầm bút. Có điều Khải toại nguyện, tác phẩm nghệ thuật hoài bão lớn của anh đã xây dựng thành công.

Cà phê pha lấy cho khách. Phở thì Khải nấu nước dùng và đứng chan từng bát đến bây giờ Khải đã có nhà hàng bốn tầng lầu, mà mỗi sáng Khải vẫn len chợ Đồng Xuân, tự tay mua lấy bó hành hoa, mớ cần tây và chọn từng súc thịt bò quăng ra xích lô rồi lẻo đẻo đạp xe theo về. Không phải thân làm tội đời, mà cái đam mê của con người ta thì không cắt nghĩa được.

Cũng như hồi phở Khải đông khách nước tiếng phở bò, nhưng Khải không đụng một miếng. Anh hàng phở hay thêm rau muống, đằng này môi sáng xong hàng Khải lên phở Hải con lão Chi làm bát phở cánh gà.

Khải cực khó tính và nề nếp với người làm. Một dạo, mụ vợ lẽ chủ rạp Mê Linh cũ cũng làm bưng bê ở đây. Trên tạp chí ảnh Châu á ở Singapo có hình ông chủ 202 đứng với cô nhà bàn này, tôi những tưởng anh ta chụp được. Nhưng rồi có người Việt kiều “khách biên đình sang chơi” đến đây, đã bê mụ ấy về Mỹ.

Thỉnh thoảng mụ vẫn về và đến chơi. Số phận và may rủi biết thế nào là cùng nhỉ?

Có việc đến công an hay công an gặp thì chẳng mấy khi chuyện vui, nhất là anh công an Mùi này.

Mùi không chơi bời, Mùi không phải kiểu những ông cá chìm cá nổi, cá ươn, cá nửa mùa bè bạn tiêu dao của tôi. Tôi biết Mùi vì công việc. Mùi chất phác. Chuyện với Mùi, tôi đùa: “Cậu làm công tác thuế. đi bắt rượu lậu hợp hơn và chắc là thành công hơn ở ngành văn hóa”. Mùi lành, chỉ cười, không biết giận, lại thật thà hỏi tại sao anh lại nghĩ thế. Tôi bảo tôi quen một anh khu Năm bộ đội phục viên lấy vợ làng Giá. Anh làm cán bộ thuế huyện, trông nom thu thuế chợ Sấu, chợ Giá. Vợ con, nhà cửa, vườn cây, ao cá tươm tất lắm.

Chúng tôi chạy máy bay Mỹ, trại sáng tác thiếu nhi của nhà xuất bản Kim Đồng mở ở làng Giá. Người xa cứ tưởng Sấu, Giá một làng, nhưng là hai làng ở gần nhau. Chỉ rượu bên Sấu cô tiếng ngon, nhưng đương cấm rượu. Anh cán bộ thuế đi bắt rượu bên Sấu, thỉnh thoảng đem một hai bi đông rượu về, đi cửa sau vào bán cho tôi. Tôi thấy anh ấy làm việc phải sức mà ung dung và tôi quen anh vì thế - tôi bảo Mùi. Mùi cười, lúng túng nói: “Tôi không biết uống rượu, anh ạ”

Mùi ít chữ, được cái chịu khó, không lên điệu vừa khoe vừa giấu dốt, như một số cán bộ tôi hay gặp luôn.

Bấy giờ tuyến công an không lấy người thành phố, mà đưa người quê Vĩnh Phúc vào và ở Thanh Hóa ra, có anh chưa trông thấy, chưa ngồi vào cái ghế sa lông bao giờ. Nhiều khi họ tỏ hăng hái nhất lại do một mưu mẹo khác. Cái dạo Kim Lân mấp mé phải lên thớt vì tập truyện ngắn Con chó xấu xí, Mùi hỏi tôi: -

Anh có quen nhà văn Kim Lân không?

- Có.

- Hàng xóm tổ cáo anh ấy nuôi con chó đặt tên là con chó xấu xí, cứ chửi cả ngày, như chửi người, thế thì chửi ai. Nhiều vấn đề lắm.

Tôi bảo:

- Không phải. Ông ấy viết một cái truyện ngắn tên là Con Chó Xấu Xí.

- Truyện ngắn chứ không phải người à?

- ừ

- Anh có truyện ngắn ấy không?

Cái người hàng xóm đi báo Kim Lân nuôi chó, chửi chó thì không phải bây giờ Mùi nói tôi mới biết.

Mà tôi biết cán bộ ấy trong nhiều cuộc họp đã phân tích và lên án dữ dội Con chó xấu xí. Anh là em sinh viên Nhung - người mà báo chí hôm đảo chính Nhật ca tụng Nhung đã cùng quân Nhật đánh thành Hà Nội, bị hy sinh. Em Đại Việt mà bây giờ là cán bộ ta phải giữ bùa hộ mệnh thì chưa biết chính anh ta sẽ làm cho Con chó xấu xí đánh chết được thẳng viết ra nó.

Chẳng thiếu những kẻ lý lịch phức tạp, dối trá công tác lôi thôi đứt đoạn đã lên gân đấu người khác hết cỡ hồi xảy ra việc Nhân Văn. Cũng là vậy thôi. Mùi còn ít tuổi. Tôi thương Mùi vì thật thà. Mùi cũng quen vợ tôi và biết tất cả các con tôi. Mùi đã hỏi tôi những cái mà chắc Mùi không dám hỏi ai. Phở xá đương nhộn lên chơi phong lan, cá vàng. Con cá vàng thì biết rồi, vì con Mùi hay mua cá vàng ở chợ về chơi. Nhưng phong lan thì chưa biết là cái gì. Mùi hỏi. Tôi không thạo chơi phong lan, nhưng ít ra tôi cũng cắt nghĩa cho Mùi về phong lan, lan gió, lan đất được. Một hôm, Mùi giơ cho tôi nhìn cái đầu mục một tờ báo Sài Gòn in to dòng chữ Phần văn luận trên đầu trang. Mùi băn khoăn: “Cái thẳng Phần Văn Luận nghe quen quen, anh có biết nó không”. Tôi nói: “Nó là tên mục, tên bài văn luận, xã luận, không phải tên người đâu”. Mùi lặng lẽ ghi vào sổ tay. Không biết thì hỏi, có người tin cậy để Mùi hỏi, Mùi lễ phép, tự nhiên. Thành thạo Mùi còn nhờ tôi nói về văn học nước ta, văn học thế giới, Mùi lại mở sổ tay và chăm chú nghe.

Mùi hay đóng bộ ka ki đại cán 1954 vàng xẫm may ở Thái Nguyên về tiếp quản Hà Nội, màu đã nhạt trắng. Việc gì cũng chỉ ngồi đến gần mười giờ, Mùi xem đồng hồ rồi đi. ở cửa hàng bia hơi phố Hàng Khay ra, tôi thấy Mùi đứng sắp hàng trước cái xe tải rau muống, rau dền, rau bí đương rở xuống hè phố Bà Triệu. Vợ Mùi làm nhà máy hoa quả, chắc là giờ đi làm của Mùi cao su hơn, có thể đỡ dần vợ được.

Mùi cười cười bắt tay tôi. Thấy công an cười, thế chắc chuyện vui thôi.

- Tôi đến xin hỏi anh một việc.
- Việc gì thế?
- Anh có quyển sách Bác sĩ Givago...
- ừ, nhưng không phải của tôi, mà cơ quan bảo giữ hộ.
- Vâng, cơ quan bảo anh giữ.

Tiểu thuyết đốc tồ Givago của Patecnăc dịch ra tiếng Pháp của nhà xuất bản Galima hay nhà Laphông, tôi không nhớ. Patenăc đã bị gạch tên hội viên hội nhà văn Nga và hội nhà văn Liên Xô. Patecnăc được giải Nôben văn học, nhưng không được ra nước ngoài dự lễ nhận thưởng. Lại ra tuyên bố báo chí “không thèm đi nhận”. Những cái rắc rối ở bên Liên Xô, dầu chưa tỏ tường ất giáp thế nào, nhưng cứ coi thế là có cái phải canh chừng ở đây. Cơ quan tôi được nhận một quyển tiểu thuyết Đốc tồ Givagô do trên phân phối.

Tự dưng lĩnh một quả bom, phải cất giấu sao cái của nợ này đây. Để ở thư viện không tiện, mà cái thư viện con con, không có tiêu chuẩn tiền mua sách, đâu biểu quyển nào thì có, cộng với một số quyển đem trên rừng Việt Bắc về đã cũ nát. Đôi khi, sứ quán Pháp cũng tặng sách, ô tô đưa đến cả ôm. Nhưng họ tinh ý, chỉ biểu các tuyến tập cổ điển Vôn-te, Cooc-nây... Không có sách mới, bây giờ bày của lạ này ra thì chắc thu hút tò mò ngay. Không để ở thư viện, mà cũng không thể cất ở đấy. Nhỡ mất thì khổ. Không biết ai đã có sáng kiến đưa cho tôi đem về giữ ở nhà.

Quyển Đốc tồ Givago li ti chữ dày năm sáu trăm trang, tôi cũng rọc vài tờ rồi bỏ trên giá sách. Vừa dài lại đọc khó, phải tra từ điển luôn.

Anh Mùi kể cho tôi biết:

- Hiện ở Hà Nội có một quyển Bác sĩ Đivago đương truyền tay nhiều người ở đâu ra, bọn phản động đưa lén lút trong Nam ra hay ở vali ủy ban Quốc Tế, tôi đi tìm...

Bây giờ hỏi tôi, chắc có ý nghi ngờ. Tôi nói:

- Tôi giữ quyển ấy đấy, nhưng tôi không cho ai mượn.
- Anh cho tôi mượn nhé.

Rõ ràng cách nói không tin và muốn kiểm tra. Tôi về nhà, hôm sau đưa quyển tiểu thuyết Đốc tồ Divagô cho Mùi. Quyển sách đã lâu để trên giá, bụi bậm cóc cáy mép sách như ám khói. Giấy búp phăng, không xén, tôi mới rọc mấy tờ đầu. Tôi gặt gù khoái ngằm cái nghi kỵ của Mùi, nhưng cũng cẩn thận mở cho Mùi biết và cắt nghĩa thế nào là quyển sách chưa rọc và sách rọc giấy lờm xờm, lại qui hơn sách xén nhẵn.

Mùi nói:

- Cho tôi mượn quyển này vài hôm, anh nhé.

Mùi không biết tiếng Pháp, mà phải báo cáo, cho nên anh cẩn thận kỹ lưỡng hỏi tôi, chứ anh biết làm thế nào. Mấy hôm sau, Mùi đem sách đến trả tôi. Mùi nhìn quanh, trong phòng khách chỉ có hai chúng tôi, Mùi thì thào:

- ở Hà Nội chỉ có hai nơi được cở quyển sách này.

Cái quyển Bác sĩ Divago đương nhiều người truyền tay ấy là quyển sách ở thư viện trường Nguyễn ái Quốc này đấy, anh ạ.

Thế mới quái. Nhưng trước nhất chúng tôi bị nghi ngờ đã - không thể trường Đảng cần mật vững chãi lại để lọt sách xấu ra được. Mùi đưa trả tôi quyển sách chưa rọc. Mùi đã cho tôi biết rõ vậy, mà tôi nhìn mặt Mùi dường như ngờ ngợ chưa hẳn Mùi tin tôi. Có thể lắm. Hay chỉ là cảm tưởng thành kiến và hoang tưởng của tôi. Cũng như, ông cán bộ lập trường cứng cáp đương sửa soạn bài bản đánh truyện ngắn Con chó xấu xí mà tôi lại mách ông ấy là em thằng sinh viên phản động thân Nhật thì ai tin được tôi bởi không thể cái người vững vàng thế lại có liên quan xấu thế, thiếu lô dích tợn.

Mấy năm sau, có những dịp qua Matxcơva, các bạn chỉ cho tôi thấy cụ Patecnăc đến câu lạc bộ Hội Nhà Văn. Cụ già nhỏ nhắn, gầy gù, đội mũ phớt, bước nhanh nhẹn. Cụ uống bia và vào phòng chơi bi a. Về khuya, các người đều chơi bi a ăn tiền. Nhớ đến chuyện vu vơ chúng tôi bị liên lụy vì tiểu thuyết của cụ, lại nghĩ cười, cười buồn. Suýt nữa chẳng phải đầu phải tai, chuyện ở xa thế, cụ không bao giờ có thể tưởng ra được.

Chương VIII -

Những chuyện băng quơ đầu đầu đến quàng vào đời người. Có khi thoáng qua, có khi tự dừng mà đổi đời. Năm 1947, chúng tôi làm báo Cứu Quốc ở châu Bạch Thông trên Bắc Cạn, có hôm chủ nhiệm Xuân Thủy kể với tôi: “Hồi bí mật, có thời kỳ báo Cứu Quốc đóng ở núi Thầy, gần vùng quê cậu. Chúng tớ định tìm cậu đưa đi thoát ly làm báo. Về thăm dò cơ sở Việt Minh ở làng cậu, mấy cô phụ nữ cứu quốc báo cáo cậu giảng hoa lăm” Cũng lại một tình cờ đã xảy ra và không xảy ra. Nếu ngày ấy tôi đi thoát ly, rồi thế nào, tôi có vẫn theo đuổi viết văn không và sau này tôi lên chức gì, tôi là ai, biết được.

Năm trước, gặp cô Phương ở nhà nghỉ Đầm Vạc. Phương hỏi:

- Anh có em gái là Ngọc?

- Vâng. Nhưng Ngọc ốm mất đã lâu.

- Cái ngày tôi với Ngọc sang Quảng Châu chữa bệnh, hai chị em ở với nhau mấy tháng. Ngọc hay kể chuyện về anh, bây giờ mới gặp anh mà tôi ngỡ như đã thuộc cả nhà cửa nhà anh và ngõ giếng, lũy tre quen biết đã lâu. Lạ nhỉ.

Năm ngoái, tôi đến thành phố Quảng Châu, chợt nhớ đã có khi hai cô Ngọc, cô Phương đến đây và ở tòa nhà bên trong bờ tường bệnh viện y học dân tộc kia, hai người bạn gái đã trò chuyện những ngày xa quê. Tôi không có tư vương gì cô em họ ngoại. Khi được tin Ngọc ốm nặng vợ chồng tôi tới thăm. Ngọc nằm nhìn đi đâu rồi nói: “Sao em sắp chết rồi, anh mới đến?”

Hay là cái cô Việt Minh Ngọc ngày ấy đã mách với Xuân Thủy rằng tôi hoa lá. Ôi chao, những tình cờ, những tình cờ chẳng nổi...

Ngọc có người em trai. Chung làm đội xếp ngoài bóp cảnh sát hàng Trống. Chung đã vào tổ chức cảnh binh cứu quốc thời kỳ bí mật. Sau Tổng khởi nghĩa. Chung được điều về làm trưởng ty công an tỉnh ở Phú Lý. Một lần, Chung về nhà ăn giỗ mẹ. Có người đến báo: “Anh về cơ quan ngay, có công tác khẩn”. Chung đi và từ đấy không bao giờ về nữa.

Đã hơn năm mươi năm qua. Khi còn sống, bố Chung và chị Ngọc đã đi nhiều cửa hỏi. Đến bây giờ, thằng em út không biết mặt anh mà nhà tản cư đi kháng chiến, cũng không còn giữ được cái ảnh nào, thằng em vẫn đi kêu cứu và dò la về cái chết của anh. Việc ấy ở Hà Nam có còn ai biết, và ai có can đảm nói ra giải cái oan này?

Chung chết có phải cũng lại là một tình cờ. Trong khóa tôi học, còn có những tình cờ như con muỗi mắt chằng màng bề ngoài, mà rồi hóa oan gia và chẳng ra mặt mũi thể thống thể nào. Có một chuyện người khác kể. Bệnh ăn cắp vặt của người ta khi đã thành một thói quen, một tính xấu thì chẳng cứ ai và không phải chỉ vì túng thiếu. Có một học viên, mỗi hôm sau bữa ăn trưa, ông đi từ phòng ăn ra chỗ căng tin mua chuối tráng miệng. Nhà hàng bày chuối cắt rời từng quả, tãi ra đến hai ba cái bàn, cho người mua đỡ phải xúm xít. Khách học viên ra mua hàng ngày là những người tuổi tác và đứng đắn cả. Lấy mấy quả trả tiền đưa tay hay đông quá thì đặt tiền xuống bàn như nải chuối, củ sắn luộc, quả soài treo trên gốc cây của những quán “tự giác! không người bán hàng thường ngày trước gặp trên dọc đường Sơn La - Lai Châu đầu các ban mừng người Thái. Ông học viên nọ đến bàn nâng một quả chuối rồi quay ra, bóc ăn.

Ông không bỏ tiền xuống bàn. Ông mua quên không trả tiền từ hôm nào không biết, một học viên khác tình cờ để ý. Người ấy hơi lạ và tò mò thấy mỗi hôm ông chen vào thón một quả chuối rồi chen ra, vừa đi vừa bóc vỏ. Rồi tổ trưởng, rồi chi ủy lặng lẽ nhìn cả tháng vẫn thấy sau bữa trưa ông ấy lách vào lách ra nhặt một quả chuối. Đến hôm tôi hỏi để đi xem mặt ông có bệnh ăn cắp vặt ấy thì được biết nhà trường đã đuổi học ông rồi. Nghe nói ở cơ quan ông cũng làm cấp vụ, cấp cục thế nào đó. Ai túng đói đâu quả chuối, ấy là người có tính tắt mắt mà lại có tuổi, chân tay đã rề rà quệnh quàng lại ngỡ không ai nhìn thấy. Cũng không may phải cái ông khác tình cờ trông thấy mà thôi.

Lại vẫn những tình cờ. Lê Lựu là binh nhì ở đơn vị Chiến sĩ Lê Lựu chịu khó làm làm khiêng bàn, quét nhà như mọi người. Chứ không cả ngày ngồi thừ mặt, một tay đỡ vừng trán đương nặng trĩu những suy tư giả vờ, thế thì có khi còn công tác bàn ghế thau chậu đến tận năm nao ông Bành Tổ sống lại mới nhoi ra hay là không bao giờ có được nhà văn Lê Lựu. Lại cũng ở đơn vị như Lê Lựu, Vũ Anh Khanh miền Nam tập kết. Vũ Anh Khanh là cây bút trẻ ở Sài Gòn rồi vào chiến khu. Đoàn nhà văn Việt Nam đi thăm ấn Độ Lưu Qui Kỳ giót thiệu với tổ chức và Vũ Anh Khanh được đi cùng Nguyễn Công Hoan. ở ấn Độ về, Vũ Anh Khanh lại trở về đơn vị. Nhưng cái anh tiểu đội trưởng đội phó Vũ Anh Khanh đã mờ mờ đi đâu mất rồi. Người ta được Thủ tướng Nêru tiếp, người ta dong thuyền chơi sông Hằng. Về đơn vị cảm thấy đây chật chội quá, đây không phải đất dung thân. Nửa đêm, Vũ Anh Khanh đã bơi qua sông Hiền Lương. Vũ Anh Khanh gặp nước cường bị chết đuối hay Vũ Anh Khanh mới ra đến cái bãi cát giữa dòng đã bị dân quân tóm được. Không biết, việc thì tình cờ, nhưng không tình cờ ở con người. Tôi cũng gặp biết bao những tình cờ ở lớp. Rắc rối thật và lồi thối hơn không phải đại khái như cái tiểu thuyết Đốc tờ Divagô. Năm ấy được nghỉ hè, tôi đi biển Sầm Sơn. Tôi đương tranh thủ viết kịch bản phim Kim Đồng, đã hẹn ngày tháng giao cho Điện ảnh. Loay hoay đến hôm đã khai giảng vẫn chưa xong. Tôi viết thư về ban giám hiệu xin phép được ở thêm. Lý do bịa “tôi đi nghỉ muộn”. Nửa tháng sau, tôi về. Tôi “trình diện” với bí thư chi bộ Kim Ngọc. Kim Ngọc người hom hem, lim dim mắt nhìn tôi: “Hôm nay mới đến à? Tổ trưởng cậu vẫn đi học”. Thì ra ban giám hiệu cũng không báo xuống chi bộ việc tôi về muộn. Tôi ngại nhất nhà trường soát sổ cơm thì lòi ra người vắng mặt. Nhưng thấy yên. Tôi lại ngày ngày nghiên cứu, thảo luận tổ, lên hội trường và vẫn nhiều tối chuồn về nhà, sáng hôm sau gò cổ đạp xe vào. Yên trí, mọi cái đều bình thường. Một buổi, Kim Ngọc gọi tôi ra ngoài hiên.

- Tại sao đồng chí...

Lôi thôi rồi. Giọng Kim Ngọc vẫn nho nhỏ như mọi khi, nhưng hai tiếng “đồng chí” ấy là không phải mọi khi.

“Đồng chí về muộn quá. Ban giám hiệu yêu cầu báo cáo lý do.”

Thái độ êm ả của Kim Ngọc khuyến khích tôi chẳng tội vạ gì mà phải giấu. Nói dối nhờ quên chi tiết, lần sau nói lại không đúng thì đâm phiền phức. Tôi kể cho Kim Ngọc nghe tôi ở nán lại viết cho xong cái phim Kim Đồng đã đến hẹn đưa cho xưởng phim truyện.

Kim Ngọc không nói gì. Vẻ như thờ ơ chẳng để tâm..

Rồi hỏi:

- Cậu có viết thư xin phép ban giám hiệu?

- Có chứ, có thì nhà trường mới biết tôi về chậm.

Kim Ngọc cười:.

- Chẳng viết thư thì cũng biết. Xem sổ báo cơm thì ra ngay.

Tôi nghĩ thầm “ờ nhỉ”.

- Thế cậu có báo cáo như vừa kể không?

- Tôi nói tôi đi nghỉ muộn, về chậm.

- Thôi nhé. Ban giám hiệu bảo hỏi, tớ hỏi thôi

Tôi đã quay đi, Kim Ngọc hỏi với:

- Cậu có biết Nguyễn Bùi Vợi?

- Tôi biết. Mới về đài phát thanh...

- Cậu ấy ở với chúng mình hợp hơn.

Những năm ấy Nguyễn Bùi Vợi dạy học trên Vĩnh Phú. Kim Ngọc là bí thư tỉnh ủy. Câu chuyện tôi về muộn không thờ ơ như chuyện với Kim Ngọc và chưa êm ả trong cuộc họp chi ủy. Học viên bí thư Đảng đoàn bộ Nông nghiệp Trương Hùng, một chi ủy căng nhất. Hùng cho là “không thể dung thứ văn nghệ sĩ lãng mạn tự do chủ nghĩa” cần họp cạo một trận cho chữa.

Hôm sau tôi đã biết cái ý kiến sắt thép ấy. Tôi đợi, tôi nghe. Nhưng lặng im. Rồi tôi đoán có thể nhờ cái nhẹ nhàng của bí thư Kim Ngọc như câu nói và thái độ hôm Kim Ngọc gặp, tôi đã thoát một trận bị riêng tới số.

ở nhà tầng trên tầng dưới, tôi hay gặp Trương Hùng. Dường như Trương Hùng cảm thấy tôi biết cuộc họp chi ủy mà lão chủ trương đã tôi. Sắp giáp mặt, tôi chưa kịp lời thì Hùng đã chăm chăm bước đi như không trông thấy tôi. Lão hay mặc quần áo nâu - màu nâu non mới. Để ai cũng phải biết lão công tác nông nghiệp.

Tôi đã đi cải cách, đi sửa sai, tôi đã loạn mắt những bộ quần áo nâu dờm mà Hồ Viết Thắng khoác từng bừng mỗi khi cặp cặp bước xuống ô tô. ấy là chưa kể tôi làm anh đội cũng đã đánh một bộ nâu lên ngôi như thế, bây giờ trông thấy cán bộ mặc quần áo nâu tôi còn ngán và tởm.

Dương Văn Đàm bảo tôi: “Hùng là lớp chánh lý trẻ, học hết lớp nhất trường huyện. Nhà là cơ sở của các cụ, nhờ thế mà thành con nhà nòi. Có cậu với tớ lơ dờ thôi, các bà phụ nữ ở lớp ta tinh lắm. Các bà đã để ý hắt mặt nâu nhưng may ô trắng nõn, đi qua sức nước mùi nước hoa”. Hùng khoảng ngoài năm mươi, vẻ mặt và dáng điệu ấy như sinh ra chỉ để chinh đốn người ta

Dương Văn Đàm biết kỹ, làm sao mà cái ông luật sư này cái gì cũng biết, có lẽ đây là thói quen nghề nghiệp. Nhưng Đàm đã nói như cắt nghĩa cho tôi:

- Cái nghề thầy kiện cãi kiện của tớ phải thạo về tò mò và chi tiết. Tiếc tớ không có khiếu làm văn. Ngày trước, mới tốt nghiệp, tớ tập sự mấy năm ở văn phòng mét Trần Văn Chương, những chuyện loạn luân ở nhà ấy, từ con Lê Xuân, đến mẹ nó thì khủng khiếp.. Dài dài những ngày xưa của Đàm không bao giờ cạn. Tôi hỏi chuyện hôm nay. Đàm cũng nói được ngay.

Dương Văn Đàm nói:

- Tớ đã đến nhà Trương Hùng chơi. Nhà hai tầng, chỉ có hai vợ chồng. Vợ hắt nhai trầu bồm bồm, người trong làng thì trông già thế thôi chưa chắc đã nhiều tuổi hơn hắt. Chả là người anh thỉnh thoảng đến có ý nghi cái cách ở một mình của hắt, mới về quê bàn khéo ra ở với chú ấy cho vui cửa vui nhà". Thế là khuôn được bà em dâu ra chặn cửa. Nhưng bà ra ở được ít lâu, thấy tẻ lạnh thế nào, lại đòi về quê.

Nguyên do ả nọ làm ở một văn phòng cơ quan, có việc nhà khó khăn phải chạy. Chao ôi, cũng lại một tình cờ. Đến nhờ hắt, thế là đôi bên bập vào nhau. Nhiều năm rồi. Đi công tác các tỉnh hắt đều tha ả theo. Cửa hàng cao cấp bách hóa, thực phẩm, phiếu a, phiếu b, bệnh viện Việt Xô, khoa tai mũi họng Bạch Mai hôm xử đều phải ra tòa làm chứng. Hắt đã đưa ả vào các nơi ấy.

Người vợ già chán chường sự lạnh nhạt, thờ ơ của người chồng. Thì cái ả cứng nhân ngãi non vợ chồng kia lại càng sốt ruột vì năm qua tháng lại đã nhiều. Con gái có thì. Anh tính cho em thế nào?

Tôi triết lý vụn với Đàm:.

- Thử thách hai luồng tư tưởng đây. Tư sản bảo: bỏ vợ, vứt công danh vào sọt rác. Ta ra đi hai trái tim vàng... “xây nhà bên suối. Suối mơ... Bên rừng thu vắng...”.

Dương Văn Đàm cười hề hề:

- Đẳng ấy vận dụng lý luận khá đấy, lại văn chương tơ lơ mơ nữa. Nhưng không đúng với trái tim con lợn chứa cả hai thằng tư sản và thằng phong kiến. Tư sản bảo: tình yêu vụn vụn tuế. Đế quốc phong kiến hét: Giữ cái ghế! Giữ cái ghế muôn năm! Tiêu diệt con nái xề, “đưa nàng về dinh”. ấy thế, ấy đấy! ”

Hắn mưu giết vợ. Mấy chục viên thuốc ngủ nêprôbamat đã thử được. Bà vầng vất đầu, hắn pha cả vi thuốc cho uống. Bà ấy ngủ, nhưng thuốc nội không ăn thua, ngủ rồi lại dậy được. Ghê gớm, kẻ rắp tâm giết người lại sửa soạn keo khác, lần này mua được thuốc ngoại của Việt kiều bên Thái Lan về. “ừ thôi, đi chơi biển chuyển giới già rồi về quê”

Xuống đến bãi Cháy thì chấp tối. Cả một ngày đường bà lão say xe lại hâm hấp sốt. Hắn pha một cốc thuốc ngủ cho bà ấy. Bà lão uống thuốc. Quá nửa đêm vẫn li bì. Để cho cốc nữa, tắt thở.

Chẳng may phải cái cảm dọc đường - người chồng kêu lên. Mọi nơi mọi chỗ đều những công tác, những việc bộn bề. Tang ma chôn cất ngay đấy, mọi cái đều người chồng và người lái xe lo liệu..

Chỉ mấy hôm sau, an ninh đã chụp được ảnh tay đôi ngồi bên gốc muỗm đèn Voi Phục.

Tòa xử mấy hôm, xử công khai, tôi có một tò mò oái ăm. Muốn đi nhìn cái mặt người thượng cấp lúc nào cũng nghiêm nghiêm, lạnh lạnh mỗi lần tôi chạm trán hắn ở nhà ăn, ở hành lang, bây giờ xem cái mặt ấy tròn méo thế nào. Tôi vẫn nhớ tôi bị Hùng đòi Kim Ngọc phải choảng tôi vì tội “văn nghệ sĩ lãng mạn tự do chủ nghĩa”. Thù đấy tôi cũng thù nó chứ.

Cái nhà tòa án Tây hơn hai mươi năm trước tôi đã đi với anh Vũ Ngọc Phan đến dự phiên xử nhà xuất bản Cộng Lực kiện tuần báo Hà Nội Tân Văn của anh Phan đã in từng kỳ tiểu thuyết Chuyển tàu định mệnh của Lưu Trọng Lư, trong khi nhà xuất bản đã mua của tác giả cả tiểu thuyết ấy và đương in. Anh Vũ Ngọc Phan thua kiện, phải bồi thường danh dự cho nhà xuất bản một đồng bạc. Thầy kiện Phan Anh cãi cho thân chủ Vũ Ngọc Phan, ông mặc áo thụng đen, tôi cứ nhớ cái câu ông cãi cũng bình thường, nhưng ông hùng hổ giơ tay và quạt mình xuống bụng, hết sức tuồng chèo cải lương.

Vụ xử án giết vợ này ở phòng khác to rộng, đông nghịt người, tôi chưa biết bao giờ. Tôi chen vào. Trông lên bực cao, các vị tòa án ngồi. Nhìn xuống chỗ vành móng ngựa thấy hai người cảnh sát, không thấy hắn ta đâu. Nhìn lại mới thấy hắn ngồi rù rù giữa hai người. Tôi không thể nhận ra ngay vì con người thiếu não chẳng còn mấy may như trong trí nhớ của tôi. Trông thấy rồi mà tôi vẫn ngỡ ngàng. Bộ quần áo xám có số tù trên lưng, thằng người ọp ẹp, như sắp bị đám người lỗ nhố xung quanh giẫm lên.

Tôi lại chen ra. Tôi chen ra vì tôi sợ nhờ lại phải nghe thằng ấy nói lời cuống cù: Tôi đã được Đảng giáo dục... tôi đã... tôi đã...

Thế là tôi hả hê, tôi ân oán xong rồi.

Tôi nghe kể lại - lại ông luật sư cái gì cũng biết Dương Văn Đàm- ả nọ cất tiếng:

- Thừa tòa, tôi là đứa con gái đại dột. Thằng dê già kia đã lừa tôi, chứ tôi có người yêu tôi đây.

ả chỉ một người đàn ông ngồi ghế sau lưng gần đấy. Và chẳng biết có thật đến đâu. lúc tòa cho tên tử tù được nói lời sau chót, hẳn đã nói:

- Tôi mong được tòa khoan hồng để tôi chuộc tội, tôi xin đem hết khả năng ra phục vụ cách mạng.

Hỏi thì Dương Văn Đàm cũng nói nghe có đùa kể lại Không hiểu câu ấy có thật hay là người ta nói mịa.

Chỉ chắc chắn cái án chém là có thật. Cũng như mắt tôi đã trông thấy cái bóng xám của thằng người rữ rượi trong cái vành móng ngựa.

Đây là việc đã xảy ra hơn một năm sau khi tan trường. Chóng quá, sắp mãn khóa. Theo lịch học đã đến đợt đi thực tế, cơ sở nông thôn hay xưởng máy, kiểm tra mọi mặt lý luận và thực tiễn của khóa học. Tôi được tổ phân công đi với học viên Thử về huyện Đan Phượng. ở Phùng được mấy hôm, tôi bảo Thử: “Anh là “nông dân quân chủ lực” anh đi đến làng người ta hay về làng mình cũng thế, anh biết cả. Tôi thì khác. Đất Thượng Hội, Hạ Rội này gần vùng tôi quá, chẳng thấy gì mới. Tôi đi Thái Bình, xa xa một tý cho lạ mắt. Hẹn ngày nào về trường thì ta về cùng cho có đoàn có đội”.

Thử cười, không gật cũng không lắc. Anh tuổi chuột, tên Thử, người loắt choắt, dáng rụt rè tinh tướng con chuột nhắt. Đã nhiều năm Thử ở khung cán bộ bên Lào, gần đây mới được về tỉnh nhà. Công tác sắp xếp dường như khó khăn, nay ở tỉnh mai tỉnh đấy xuống huyện, bây giờ đi học dài hạn, mai kia đi học về rồi thế nào. Có lúc Thử thở dài với tôi: “Hay là tôi về hưu?” Chả trách, tôi đi Thái Bình, Thử cũng chẳng buồn hỏi thêm nữa câu. Những năm sau, tôi cũng hay hỏi thăm tin tức Thử. Có khi nghe anh về công nghiệp vào ban phục trách các lò nung gạch trên tỉnh. Gần đây anh đã nghỉ hưu. Chú em tôi ở thị ủy thị xã Sơn Tây lấy làm lạ sao tôi lại quen anh Thử. Chú ấy hỏi lại tôi như không tin:

“Bác Thử đã học trường Nguyễn ái Quốc với anh à? Bác ấy hiền lắm”

Thế là tôi đi Thái Bình. Có lẽ như thế còn biết cái gì hơn - như tôi đã bảo Thử. Nhưng cái chính là hai năm bó cẳng không đi đâu, tôi muốn đi xa xa, đâu cũng được. Chỉ thế thôi.

Tàu thủy Phà Đen về bến cầu Bo thị xã. Mấy năm rồi, vẫn thừa thớt, vẫn vậy. Chỉ khác các tàu khách đều vào quốc doanh. Vẫn những cái tàu ọp ẹp từ thời thoát bom Đồng Minh ném, vỏ tàu trắng bệch như con càn cạch chết xác đã khô. Trên vách tàu, chỗ bẻ lái, treo cái bảng đề tên kíp lái, kíp trực. Dưới sàn,

không thấy như hồi tàu còn ông chủ, có một mâm mờ lồng bàn ra, đĩa thịt gà, chai rượu, nồi cháo ăn sáng. Hai bên hàng tàu vẫn người xuống đông từ lúc chưa tan sương. Có vài người như cán bộ đi công tác xuống bến cuối. Còn vẫn vài ba bến người xuống người lên hai bên sông, người buôn về thành phố, người đem hàng đi các chợ quê. Những quầy sắn, cả bánh đa, miến dong riêng, phuy dầu tây, nhiều nhất những dép túi đựng quần áo may sẵn mua lại của nhà mậu bách hóa.

Đôi khi cả tay nải lèm những cái nịt vú bằng miếng sộp bọc ni lông đỏ, không biết đã mua ở nhà mậu hay cất hàng ở các lò khâu.

Cái thị xã ngủ yên vẫn bên đường mọc cỏ xanh lì và vườn hoang um tùm, chỉ lác đác nhà. Bến ô tô đã sáng đèn, tôi vào hàng cơm. Tối rồi mà quán nào cũng toàn đèn chóa, sườn chóa treo lung lẳng. Chủ quán nói: “Cả tỉnh đương triệt để chóa mà”. Tôi ăn một bát bún chóa rửa mặt. Lại đến nhà trọ năm trước. Tiêu điều, lụp xụp, những cái mái giấy dầu sắp đổ. Chị chủ trọ lại lấy cái thùng cho tôi buộc cái khung xe vào thành giường. Tôi lại bỏ đôi dép râu vào ba lô để trong màn, cũng như lần trước. Sớm hôm sau, tôi về Thái Ninh.

Đã xế trưa, nắng ảm. ở trên đê nhìn xuống xóm Đồng lõa một đám người đương kéo ra. Như bọn đi đánh đập, không phải người làm đồng. Những cánh ruộng đã gặt quang, một màu chân rạ đen xám. Chưa một khoảnh nào bừa vào mùa.

Đến gần thì trông rõ bọn ấy vác những đồ nghề nấu rượu. Hai chiếc đòn ngang bằng con sào buộc cái mưu, người khênh quàng vai những xâu men rượu trắng như bông ngô. Lại mấy cái nồi ba mươi, chảo gang bông bông, lũ người bước lẩn lộn. Ai cũng hăm hở, đùa cười, đuổi nhau loạn xạ. Ngỡ như họ đổi bếp đem lò rượu sang nấu bên kia bãi. Tôi hỏi, mấy người cười rầm lên: “Bắt rượu! Bắt thẳng nấu rượu nộp lên huyện. Không trông thấy xã đội trưởng đeo túi dết vác cái ống trúc cất rượu đi đăng trước à?”.

Mới nhớ đương cấm rượu bắt rượu dáo diết. Dáo diết nhưng chẳng làm ai khiếp sợ. Ngày trước Tây đoan về khám rượu, cả xóm cả làng đầu gối đất, không ai dám thò chân ra cổng. Bác Cả tôi, thầy đồ ngồi bảo học ở nhà, lính đoan vào thuận lên hóc cột, mái nhà, bói đất luống rau cải, nghi chôn rượu, chôn bã. Rồi được tang vật thì trói đi một xâu người. Bây giờ bắt rượu đem lên huyện như đám rước. Người mang vác tang vật đi lẫn với người nấu rượu, chẳng biết ai phạm pháp, ai đi xem. Như phường chèo đi làng xa hát đám, như lò vật trảy hội.

Bắt rượu rồi phạt rồi lại bỏ đấy. ở Hà Nội làm nghiêm thế mà cũng như trò đùa. Tôi sẵn thành kiến về bắt rượu lậu ơ hờ từ những cái trông thấy ở Hà Nội. Báo đăng tin bắt được rượu lậu cả trong xe cứu thương. Rượu giấu trong xe cấp cứu thì thọ quá. Chẳng biết ở chỗ nào, ông lái đã nếm, cái thềm uống vụng ăn vụng, cứ ngửa ngáy thòm thòm, có thể mới thò đầu ra cười cợt với người gác cầu. Ông lái lên cầu Long Biên, mặt rượu đỏ gay, vẩy tay cười hê hê vẩy anh công an gác cầu. Cái xe bị ách lại. Trong xe kính màu, một ả nằm ngửa trên cáng thương, dưới lưng đệm một bọc rượu. Chẳng phải đọc báo, tôi cũng thường thấy ở quán nước bả hàng cạnh bến xe Kim Liên, có hôm Đảng Đình Hưng đeo bị rượu đến bán, có hôm một cô

quang gánh ở ngoài ô vào, thoát trông tưởng bán miễn dong riêng. Cô hàng cũng như lái rượu Đặng Đình Hưng cứ bước tự nhiên vào gian trong. Rượu đựng vào miếng ni lông Trung Quốc xanh lá cây đóng ra. Lại cái xe cấp cứu màu hàng sữa của bệnh viện huyện in chữ thập đỏ hai bên sườn đậu chỗ rặng cây si bờ hồ đằng kia. Xe rượu đấy, có hôm ở quán 81 lại thấy cô nọ xách tải rượu vào, đặt đấy rồi ra. Cấm thì cấm, người bán rượu các phố cứ như thoi đưa.

Trong đám khuôn đồ nghề rượu có tiếng gọi ra:

- Anh Tư, anh...

Trên dốc trông xuống, thì là ông Ngải. Ông Ngải đeo vai một tràng lưng cụng, lồm nhồm những miếng gỗ quai guốc. Ông Ngải cũng trong bọn vác mướn hay ông bị bắt rượu. Trông ông không khác năm trước mấy nào. Cổ ông xạm nắng nhưng mặt vẫn nhọt nhọt thế.

Ông Ngải luống cuống hỏi:

- Anh về chơi à? Một mình à? ở nhà có cái Hến. Tôi về ngay bây giờ...

Bọn người tất tưởi đem các thứ đồ nghề rượu lên trụ sở ủy ban xã. Ông Ngải nói "tôi về ngay", chắc ông không phải chủ bị bắt rượu. Thiếu đâu người mà lại lôi ông lão làm dân công vác rượu.

Vẫn bụi tre lép giữa mảnh đất phẳng quanh chân tre, lưng tre nhẵn thín lốt người tựa lưng hay con trâu cọ thành bụng vào. Có một mình cái Hến trong nhà. Cái Hến thì khác, năm nao còn là đứa trẻ mới lớn nay đã sồ sề mặc cái áo bộ đội tàu tàu. Người con gái không có thì con gái. Hến ngồi ngoài bóng nắng.

Cái lược bí đương chải chấy dừng lại giữa làn tóc, khi thấy người bước vào. Trong nhà, chiếc võng lắc lư mảnh vải hoa.

- Chào cô Hến.

Tôi chào to thế, nhưng bụng lại thầm mong mình nhầm. Tưởng như mới gà gáy tan canh, bà Ngải vào cạnh giường: "Trối! Trối. Sáng rồi! Sáng rồi!" Quát mấy chập cái Hến mới lạt xạt cửa quây. Có hôm cái Hến nhờ tôi khiêng với nó buồng chuối tây ngoài vườn.

Buồng chuối chẳng nặng, nhưng xách thì cồng kềnh.

Tôi phải gọi "chú Phùng Quán" ở trong nhà ra ghé vai giúp. Bởi cái vai thờ của tôi, nhờ một cái, gãy quả chuối của người ta. Vai thì vai thờ, chân tay thì thừa, người vô tích sự. Cái năm ở Nông Cống, quầy nước làm vỡ nôi. Vội ra chợ Nưa mua đèn cái nôi mới. Quầy thứ, nước vẫn chảy tong tỏng. Cô Đăng soi nôi lên nhìn rõ lỗ châm kim. Cô Đăng nói: "Anh mua nhầm cái nôi thùng. Bận sau mua nôi phải soi lên xem thế này."

Chắc chẳng bao giờ trong đời tôi có lần nào đi mua nôi nữa. Tôi cũng chắc là tôi khác Đặng Đình Hưng, dẫu các nơi sôi nổi văn nghệ sĩ đi thực tế, cũng không ai bảo Hưng đi, Hưng ở nhà buôn rượu kiếm cái sống, cái uống. Hưng không vụng như Trần Đức Thảo chăn bò nông trường Ba Vì. Có thư cơ quan gọi Thảo về, nông trường cho về ngay. Không biết đàn bò gần móp bụng ngày ngày Thảo dồn đi dồn về đã thiếu mấy con, con nào bị hổ vồ, mấy con bị trộm dắt mất.

Nhạc sĩ Đặng Đình Hưng và nhà triết học Trần Đức Thảo không biết nhau, đây là tôi quen hai người.

Họ đã gặp nhau trong tôi, rồi cuộc đời hai người dài dài phí hoài, mà tôi chứng kiến.

Khi đó, ở Trung ương trên Việt Bắc, nhiều cơ quan đương chính huấn, theo cách làm của các tỉnh Hoa Nam - mà chúng tôi gọi là phương pháp Hoa Nam.

Không có chuyên gia nước ngoài, nhưng cán bộ giáo vụ mặc áo bông ngắn bọc vải xanh Sỹ Lâm ra lối ta mới học tập bên kia về. Tôi cũng dự cái khóa ba tháng đầu tiên theo phương pháp ấy. Cán bộ đèn sách khóa này rồi tỏa khắp các chiến khu, có đoàn vào chiến trường miền Nam mới đến khu Nam Trung Bộ thì hiệp định Giơnevơ được ký kết lại quay ra. Đặng Đình Hưng công tác ở ban tuyên nghiên huấn giáo chuyên làm giáo vụ các lớp chính huấn văn nghệ sĩ. Không nhớ Hưng có mặc áo bông xanh Sỹ Lâm không, bấy giờ Đặng Đình Hưng cũng là nhạc sĩ, tác giả bài hát Nông dân là quân chủ lực. Nhưng chưa khi nào tôi nghe ở đâu hát bài ấy.

Về Hà Nội tôi cũng không gặp. Tôi chỉ biết Hưng có rắc rối về chuyện vợ, mà tôi làm công tác đảng ủy, chắc Hưng có ý tránh mặt. Bấy giờ các chuyên ngành văn, họa, nhạc, sân khấu, kiến trúc đã tách ra thành lập các hội riêng. Cũng không biết rồi tại thế nào mà

Đặng Đình Hưng vướng vào Nhân Văn. ở hội nhạc, Đặng Đình Hưng đã bị ra khỏi biên chế, Hưng không đi hay là không được đi họp chi bộ, thế là mất cả đảng tịch. Bấy giờ dịch tài liệu cho cơ quan ăn tiền bài. Khi đó đã giao thiệp với ngoài mấy đâu mà có cái để dịch và Hưng chỉ biết tiếng Pháp. Nghe nói Hưng đi cất rượu quê đem ra bán các quán. Một hôm, gặp Hưng. Khác hẳn trước, không còn râu hùm hàm én, cán bộ tuyên nghiên huấn trợn mắt giơ tay phát biểu choang choác. ở một quán nước bán rượu chui, chỗ trông sang rạp xiếc cạnh công viên Thống Nhất. Một người mặc áo ka ki đại cán cháo lòng, đội cái mũ dạ rúm rỏ. Lầm láp như người đánh dậm ngoài cầu Giẽ vác cả cái dậm lên tận phố. Nhưng không. Người ấy khoác một cái bị cói lẳng lẳng bước vào nhà trong. Thông thường, đây là khách mua bán dấm dúi. Qua trước ghế tôi ngồi, cạnh bà hàng nước, người ấy cất tiếng nghe quen quen:

- Chào ông anh..

Tôi ngẩng lên, nhìn ra Hưng. Hưng ngồi ngay xuống với tôi. Hưng lấy trong bị ra một chai rượu trắng. Hưng nói vừa đứng đắn vừa chót nhả, tự nhiên như vẫn gặp nhau thường ngày.

- Chẳng nói giấu ông anh, dạo này thằng em hết lắm. Lấy cái này tận quê ra, vừa bán vừa ghé găm đôi ba

chén. Để cho ông anh một chai, thật cái tằm Chương Mỹ đấy.

Rồi Hưng đặt kín đáo chai rượu dưới gầm bàn, bên chân tôi. Tôi hỏi bao nhiêu. Hưng nói “chỉ xin giá vốn thôi”. Tôi đưa trả tiền Hưng như xưa nay vẫn sòng phẳng gọn ghẽ thế, chuyện tiền bạc thì Hưng rành rọt tính đếm thạo. Hưng đã kể ngày trước vị Hồ Đắc Diễm quan tổng đốc trẻ Hà Đông đã gọi Hưng làm chân đầu cơm trại lính khố xanh. Và Hưng vẫn nhớ tôi biết ở lớp chính huấn cho họa sĩ trường Mỹ Thuật đóng ở huyện Yên Bình một hôm lên lớp, cán bộ Hưng mất đôi dép râu để dưới thang nhà sàn. Hưng bắt cơ quan phải đền vì “đôi dép đã bị mất khi công tác”. Những chuyện bình thường đã tháo vát lại cũng lơ mơ, như hôm ấy Hưng nhận tiền chai rượu rồi lại ngồi thịch luôn chai ấy với đĩa lạc luộc, quên cả đưa rượu bán, rồi bà chủ quán phải hỏi. Rồi quá chén, Hưng đi khật khưỡng, tôi phải đỡ vai, Hưng bảo đưa về một nhà ở phố Nguyễn Thượng Hiền sau lưng gần đấy, Hưng bước thẳng đến chân cầu thang cuốn lan can gỗ, cả người với cái bị chai không và chiếc mũ bật ra, Hưng rụi xuống ngay chân tường. Nhà quen, Hưng vẫn tá túc ở chỗ ấy.

Tôi quen Trần Đức Thảo ở lớp chính huấn trí thức trên rừng huyện Chiêm Hóa. Thảo ở Pháp về rồi từ Hà Nội lên Việt Bắc. Thảo mặc quân áo nâu, đội mũ lá gồi; đeo xắc cốt vải chàm đã xin hay mua được của bà con người Tày, người Dao trong làng. “Tớ phải thế này cho kíp các cậu” - đôi mắt kính cũng cười lấp lánh.

Chẳng biết rồi còn bao nhiêu đêm Thảo không nằm màn mới kíp chúng tôi để đến được những cơn sốt rét mặt búng rử.

Về Hà Nội mới gặp lại Thảo. Thảo vừa đi công tác Bắc âu về, đội mũ phớt, rõ ra Tây. Nhưng vẫn áo đại cán may ở Thái Nguyên, trước khi về tiếp quản Hà Nội. Bộ ka ki xi măng này tôi còn thấy Thao mặc đến khi sờn cả cửa tay.

Mới gặp, tôi đã lạ và phục Trần Đức Thảo. Vì nghe đồn ở Pari, Thảo đã là bạn và tranh luận triết học với văn hào Giăng Pôn-sác. Lại nghe nói triết của Thảo đã phát hiện và có những phân tích mới về chức năng hai bàn tay trong quá trình từ con vượn lên con người.

Nhưng tôi gần Thảo hơn không phải chuyện nghe hơi tiếng tằm và cái triết lý hai bàn tay vượn người. Chúng tôi chuyện về Hà Nội ngày trước. Thảo bảo thuở bé học trường Cửa Đông, nhà ở phố Hàng Đường. Trường Cửa Đông tôi đã thi vào lớpбет mà trượt, bấy giờ tôi ở Hàng Mã. Rồi sau tôi đi làm hiệu giày Bata. Thảo kể thì tôi nhận ra nhà Thảo là chỗ nhà bưu điện tư, ngoài cửa để ghé cái tủ kính bán tạp hóa và giày Bata. Hàng tháng tôi đi tính sổ các đại lý bán giày ở Hàng đường, Hàng Bông. Thế là tôi ngỡ như đã biết Thảo từ thuở ấy. Tôi bảo: “Tớ còn nhớ ông cụ nhà cậu. Ông cụ người đẩy, đeo kính hay thắt cà vạt đen, ngồi trong quầy bán tem sau tấm kính”.

Tôi hỏi Thảo:

- Bên Thụy Điển, bên Bắc âu có gì hay không?

Thảo nói:

- Mua được cái chăn, tuyệt lắm. Lông ngỗng hay lông chim, nhẹ chỉ độ một cân, đi công tác rất tiện.

Thảo cho xem cái chăn lông chim của anh mà chắc anh lý thú nên mang đến tận nhà tôi. Lại biểu diễn luôn ở trên giường tôi cạnh bàn viết. Anh mở cái chăn màu vàng nhạt, kéo khuy bấm nằm thu lu vào giữa, dưới gáy sấn cái gối thò ra. Trông người nằm gói trong chăn, cái chăn màu vàng tôi nhớ ngày trước, đi đêm trong thành phố Sài Gòn hay gặp người nằm ngủ trong cái nóp trên vỉa hè. Tự nhiên, nghĩ đến cái triết lý bàn tay khi thấy anh hể hả chui vào rồi gấp chăn mở chăn cho tôi xem.

- Cái này để đi công tác.

- Cho mượn nhé.

- Đi đâu cứ lấy.

- Đùa thôi. Bó không chịu được. Tờ hay đập, hay gãi.

Thảo không nói. Thảo không cắt nghĩa thêm cho tôi về những cái tôi ngại, chắc anh biết thế là tôi chê.

Nhưng mà đây là Trần Đức Thảo, cái chăn Na Uy, Thụy Điển gì ở Hà Nội hay bộ quần áo nâu và cái túi chàm ở Việt Bắc thì vẫn một người áy. Lâu lâu mới lại trông thấy Đặng Đình Hưng. Nhưng tôi biết tin Hưng ốm, phải mổ phổi. Ốm đau, bè bạn thì trông vào ai, bản thân thì bị vứt đi rồi nhưng mà có mả cứu bần, đạo này Hưng được Đặng Thái Sơn gửi tiền cho. Đã ra viện và bình thường. Thế nhưng chợt trông thấy cũng không khỏi ngạc nhiên. Hưng ở cái chợ cóc bên đường Giảng Võ đi ra, tay vung vẩy một mớ rau muống. Không còn ốm o mảy may, người mới hiên ngang làm sao. Đầu đội mũ nan cao bồi Nam

Mỹ rộng vành bóng nhoáng, áo sơ mi thể thao hồng xắm có cầu vai, quần bó xắn gấu. Đôi giày da có cổ màu gan gà vàng bóng, gót cao đến năm đốt ngón tay.

Hưng đi đĩnh đạc như thả chân đếm từng bước giày chắc chắn. Mặt đầy đà đỏ dẫn, màu rượu hay là đường thuốc bổ.

Khác lạ thế, nhưng tôi nhận ra Hưng ngay. Tôi chạy sang đường. Mắt Hưng vẫn nhanh loang loáng.

Hưng giơ bó rau muống, reo to:

- A, ông anh. Nhà em gần đây, vào chơi cái đã.

Đặng Thái Sơn mua của nhà nước cho bố một căn hộ mười sáu thước vuông, lại tậu cả điện thoại. Ở tầng hai, trên lưng cửa hàng bách hóa nhà mậu Giảng Võ.

Qua hai ba lần khóa dây, khóa cửa mới vào tới gian hai buồng tối âm thầm có một lỗ cửa sổ trở xuống

đường treo miếng màn màn, tựa cái cửa ngăn ở khoang thuyền. Khách đứng dưới đường gọi. Chủ nhìn trong màn ra xem ai. Không muốn gặp thì không lên tiếng, mặc cho gọi.

Cả sàn nhà trải chiếu mộc. Không bàn ghế. “Như thế này hay. Lăn chỗ nào cũng được”.- Hưng nháy mắt, nói thế. Trên cái bục gỗ áp tường gian ngoài bày bình hương trước bức ảnh truyền thần hình ông già chít khăn, râu ba chòm, chắc ảnh cụ thân sinh.

Trong nhà ra mở cửa, một cô dong dong người. Hưng không giới thiệu, và tôi cũng đã đoán biết đại khái thế, đại khái vậy. Tôi nói thế này;

- Cô để ông ấy đi chợ vác có mỗi mớ rau muống?

Cô cười:

- Người khó tính lắm ạ. Đòi phải mua rau lấy người mới xơi được. Nhưng người khôn lắm, không đòi luộc lấy.

- Nhà nó chỉ biết mua rau muống lợn. Nhà mà luộc thì tôi cũng ăn chiếu cố.

Nàng trầu môi:

- Thế thì chiếu cố cả đời.

Hai người còn nói năng ỡm ở những gì nữa rồi Hưng vào khay rượu trong góc nhà, nhấc ra cái chai trong cùng.

- Có chai đầy chai vơi là ý tứ cả đấy, không lộn xộn đâu. Rượu chợ thì thẳng em bày đấm ngoài cho các bợm uống boóng. Còn anh em ta làm cái này, cũng Chương Mỹ, nhưng mà hảo, tố hảo..

Hưng cắt nghĩa nguồn tiền mua rượu:

- Nhờ nó cả. Nhưng ở bên ấy thì nó cũng phải đi làm chứ có maphia đi cướp nhà băng đâu. Đủ tiền ăn và thuốc men, nó gửi gửi, gửi tháng thôi. Nhưng mà cái gửi, cái tháng của người ta...

Tôi không muốn nghe những chuyện ấy, tôi hỏi:

- Lái đem rượu trong quê ra?

- Chứ em ốm đau đi sao được! Thánh thiên tử lắm, hơn đứt rượu Tây..

Hưng giữ tôi lại ăn cơm. Tôi bảo để khi khác. Hưng trịnh trọng:

- Ông anh, ông là anh tôi. Ông là học trò lớp bát trường Yên Phụ học thầy Đặng Đình Hướng anh ruột

tôi, ông là người nhà tôi rồi. Ông đã có một quyển sách để đời. Còn thằng em ngần này tuổi mà còn đương bơi, không biết bơi vào chừ hay vào màu.

Những câu ấy Hưng cũng hay tụng tôi mỗi lần gặp.

Tôi hẹn, nhưng ngay lúc ấy cũng ngồi làm mấy chén vui. Hưng lại tán cái này rượu quê ngâm củ ba kích.

- Cái trong kia, dái dê với ba kích thì lên một bậc nữa. Ông anh hãy nếm ba kích.

Tôi cười:

- Năm trước, nhạc sĩ Hồ Bằng đã cho chén dái dê ở Sài Gòn. Chẳng ăn thua mẹ gì.

- Không, dái dê của thằng em thừa, đủ tháng đủ năm không già không trẻ. Nhưng ông anh xơi cái nam y ba kích này đã, xem máu huyết dẫn đến đâu rồi hãy sức cái thằng hùng hổ hơn. Em trông tọng ông anh thì ba kích là vừa.

Rượu ba kích hăng hăng, ngái ngái. Hôm sau, cái cô thối cơm bữa trước ở nhà Hưng đèo xe đạp đem cho tôi một bó củ ba kích tươi như mới đào ở vườn thuốc lên. Có củ to bằng củ cải. Tôi hỏi đùa: “Cái này ăn sống có được không, hả cô?”. Cô ấy trả lời ngúng nguẩy: “Những của quý này, em biết đâu”.

Tôi cũng không nhớ mớ ba kích tươi ấy rồi tôi cứ thế ăn sống, tôi bỏ ra phơi khô hay tôi vứt đi. Vài hôm, tôi lại được Hưng gửi cho một bó ba kích. Mỗi lần lại một cô khác đem tới. Và khi đến chơi nhà Hưng, có hôm thấy vắng vẻ, tôi hỏi: “Các nàng ba kích đâu cả rồi?”.

Hôm ấy, tôi rủ Vạn Lịch, chúng tôi đem đến một bọc thịt chó - mua ngay ở chợ Giảng Võ. Hưng cho ăn rồi hay chửi những thằng ăn vọ, tôi giữ ý không đến tay không. Hưng đúng hẹn, lúc chúng tôi tới, cả ả người thanh mảnh đương mỗ con ngan hay con ngỗng dưới bếp. Tối ấy, cuộc chén thêm nhạc sĩ Huy Du, nhà ở gần. Và cả cô đầu bếp. Con gái phường phố bây giờ lắm cô đã đoảng lại hư. Hai cẳng chân lão đã lạnh lên tận đầu gối mà chúng họ vẫn lăn vào.

Chương IX -

Tôi gặp Trần Đức Thảo ngoài cổng bệnh viện Hữu Nghị. Cả thành phố đã thuộc cái ông đi chiếc xe đạp con vịt trẻ con sơn xanh, không phanh, ngồi phải doạng chân cho đều gối khỏi đụng lên ghi đông, đấy là nhà triết học Trần Đức Thảo. Ông dịch sách lý luận kinh điển cho nhà xuất bản Sự Thật để lấy lương ăn. Người biết đôi chút thì thắc mắc: không biết ông có được dạy, ông có được phong giáo sư không. Tôi thì biết bây giờ ông đông dài lam làm chơi chơi thế thôi. Tôi cũng chẳng biết ông có Nhân Văn Giai Phẩm gì không và tại sao ông lại càng ngày càng bị quên lãng dưới đây.

Tôi làm sao biết được, mà tôi cũng không tò mò. Tôi chỉ là một người tẻ nhạt và yếu đuối với những kỷ niệm Trần Đức Thảo. Gặp ai quen, đứng lại chuyện thì Thảo buông cái xe kèn xuống như con chó rô bốt nằm phủ phục bên chân ông chủ, nói như quát.

Thảo đương đi ra chỗ gửi xe đạp. Tôi lại nhận thấy có một vật nữa khiến người ta dễ nhận ra ông Thảo. Ông Thảo đi đôi guốc mộc. Đi guốc mộc và hút thuốc lá cũng đương là cái mết của mấy bác sĩ trẻ trong các bệnh viện. Nhưng đi guốc mộc và mặc bộ đại cán ra đường và đã đứng tuổi thì chỉ có Trần Đức Thảo và bác sĩ Phạm Ngọc Thạch. Ông Thảo đi guốc mộc mọi lúc, mọi chỗ. Bác sĩ Thạch thì lóc cóc đôi guốc và để đầu trần đi chơi buổi tối trong các ngõ rạp hát, các cao lầu phố hàng Giầy, hàng Buồm. Ông Thạch lực lưỡng, béo tròn khác ông Thảo gầy gù, mặt và mắt vàng nghệ màu bệnh gan.

Tôi chào và hỏi Thảo:

- Bệnh gì đấy?
- Vẫn cái gan mọi khi.
- Mới đi Đức về, không chữa ở bên ấy a?
- Ờ, mới về. Người ta mời đi nghỉ, không phải đi chữa bệnh. Về lại phải vào đây xin thuốc.

Rồi cứ giữa đường thế, Thảo nói âm âm một hồi chẳng để ý người qua lại đứng nhìn.

- ở nhà nghỉ trong rừng cả tháng, bảo cho đi xem bức tường Beclin một cái thì không. Chúng nó sợ tao chạy sang bên kia à? Có là con chó.

Thảo nói “chúng nó”, tôi không hiểu đủ, tôi hỏi:

- Ai ngại ông?

- Chúng nó.

- Chúng nó là ai?

- Thăng Đức, thằng sứ quán.

- à ra vậy.

Cũng gần trưa. Tôi có ý nghĩ đi mua cái gì rồi rủ Trần Đức Thảo về ăn ở nhà Đặng Đình Hưng. Có thể cũng hay. Tôi bảo Thảo: “Chúng ta đến nhà thằng...”, mới nghe thế, Thảo đã lắc đầu. Tôi chợt nghĩ ra.

- Không được nhỉ, còn cụ ở nhà?

- Ông cụ mất đã bốn năm rồi.

- Có một mình ở nhà thì đi nhé.

- Đi đâu?

- Đến nhà Đặng Đình Hưng. Đặng Đình Hưng bố Đặng Thái Sơn ấy mà. Nó cũng ở một mình như ông.

Thảo lắc đầu nói:

- Đã lâu, tao không muốn quen thêm một ai trên đời này nữa.

Nghe câu triết lý cùn mà xa xôi, mà lạnh lẽo, tôi đành chịu. Nhưng con người hiền lành này không phải là kỹ tính khó khăn, tôi rủ ra quán cơm đầu ghế thì Thảo đi ngay. Phố Hàm Long, cái quán bia, lòng lợn tiết canh và cơm bát của vợ chồng con gái bà Tân Việt.

Hồi này chưa có nhiều quán bụi, nhưng đã lác đác bia hơi, cháo lòng, bún nem, không đến nỗi chỉ độc có phở mền dong riềng không người lái.

Cũng chưa lần nào tôi ăn với Thảo, không kể hồi lớp chính huấn ở rừng, cơm tập thể ăn đứng, giữ vệ sinh gấp đôi đầu đĩa. Tôi có cảm tưởng buồn cười nhà triết học như vẫn ngơ ngác tròn mắt với xung quanh khác lạ ý nghĩa và không ý nghĩa của quá trình hai bàn tay con người. Anh hay có nhận xét kết luận.

Anh không uống bia. Rượu thì chẳng biết nó có ở trên đời này. Anh ăn cơm, gấp miếng dồi lợn chấm nước mắm, không mắm tôm rau sống, không đụng đến lòng tràng, cổ hũ.

- Lòng lợn nhồi tiết là nhanh nhất. Mà cũng ngon, sống ở trên đời, ăn miếng dồi lợn mà. ở nhà, hồi còn ông cụ, lắm hôm nấu nồi cơm trộn nước mắm, ăn mấy hôm mới hết. Rồi quen, cái thói quen có được hay bỏ được cũng dữ dội lắm, cậu ạ.

Rồi nghe tin Trần Đức Thảo công cán đi Pháp gặp gỡ Việt kiều. Nhà trí thức Trần Đức Thảo đã hoạt động lâu năm bên ấy. Nhưng không ai để ý và thấu nỗi từ cái năm ở nông trường Ba Vi được về, Trần Đức Thảo chỉ tháng ngày quanh quần cơm niêu nước lọ một mình lâu dần đến nỗi không muốn quen thêm một người nào nữa, người đã sợ cả người. Giá mà hồi ấy gặp Thảo thì tôi bảo anh đừng đi. Bà con ở Pari về kể chuyện Thảo được Việt kiều qui mến, lập nhóm giúp đỡ Thảo. Đã vận động được Chính phủ Pháp tặng Trần Đức Thảo một giải thưởng khoa học lớn. Nhưng anh chưa kịp nhận. Trần Đức Thảo ở nhà của sứ quán.

Các bạn đã mượn một bà người Việt bếp núc giỏi nấu nướng cơm nước cho Thảo. Anh ăn món thịt bò bít tết và satôbriăng với rau sà lách dầu dấm mà anh rất khen. Nhưng thỉnh thoảng lại đòi mì ăn liền và nấu lấy. Khi ăn, cầm cả xoong, đỡ một thao tác đổ mì ra bát. Triết lý, triết lý đấy. ôi Thảo!

Đặng Đình Hưng thì ốm ở cái gác trong hũ. Cũng không gặp ai nữa. Người đứng dưới cửa sổ gọi, mặc kệ. Có một đứa cháu trong quê Chương Mỹ ra trông nom ông. Hôm đưa ma, tôi trông mặt anh trong khung kính quan tài, thấy đội cái mũ dạ to vành - chắc anh đã dặn đội cho cái mũ ấy.

Cô Hến ngược mắt nhìn ra sân.

- Anh... anh mới về.

- Tôi chào ông trên đê rồi. Ông bị bắt rượu a?

- Không, bố em khiêng hộ xã đội. Bố thích người ta bắt rượu. Bố em ghét người nấu rượu.

Tôi nhớ ông Ngải chỉ nghiện nước chè vò. Ông Ngải chửi những đứa rượu vào hay lè nè. Tôi hỏi:

- Cô Hến cưới chồng năm nao?

Hến nhìn tôi, đỏ mặt, không nói.

- Cháu ngủ trong vồng a?

Tôi lại hỏi:

- Con giai hay con gái?

- Con giai.

- Anh ấy đâu?

Đi bộ đội.

Có đóng gần nhà không?

Hến lại không trả lời. Ông Ngải đã vào đến đầu ngõ. Ông Ngải nói:

- Chỉ đem hộ ra xã, rồi dân quân vác cả lên huyện.

Hến kêu:

- Bắt với bớ, mấy hôm lại thấy rước về đủ lệ bộ cho mà xem. Anh có ở chơi được lâu không?

- Cũng vài ngày.

- Thế thì vui rồi.

- Quà Hà Nội của tôi đây.

- Cái gì thế?

- Cái ga len.

Tôi lấy cuộn dây đồng trong ba lô ra. Rồi những mảnh thiếc ghép, lò so, cục pin, cái loa con con, một hộp gỗ. Những thứ ấy lắp lại, cái thì đặt trong gầm giường cái thì tròng lọng lên đầu cây tre, cắm ra ngoài bờ rào. Bắt được đài Tiếng nói Việt Nam cả ngày cả đêm, tối đến tiếp âm đài Bắc Kinh, đài Matxcơva. Nghe rõ mồn một. Cái năm mới có người đem ga len về làng, có cụ già sợ: “Nghe như ma xó nói, ghê cả tai”. Bây giờ thì các hàng quán dọc đường từ trên tỉnh về đây và nhiều nhà trong xóm, trước cổng cắm lênh khênh cây tre mắc dây ga len.

Tôi lắp các thứ và cắt nghĩa cho ông Ngải. Ông Ngải nói:

- Tài thật, chỉ có sợi dây thép mà thu được tiếng tận đâu đâu. Anh mua mất nhiều tiền không?

- Cái đài đeo vai mới đắt, mà cũng không mua được. Còn ga len chẳng đáng bao, vì mình làm lấy cả.

Ông Ngải lại hỏi:

- Thấy bảo cái này nó hút sét, có nơi đương mưa sét đánh chết cả nhà.

- Thế là ông thạo ga len rồi. Người ta đồn đại quá đi thôi. Đề phòng dễ lắm, tối nghe xong thì nhổ cây tre đem vào nhà, thế vậy.

- Tôi cũng nghe nói làm vậy. Nằm trên giường cũng được nghe văn công, sướng chưa.

Trong nhà ông Ngải cũng nhiều đổi thay. Ớc đã đi bộ đội. Cả Toàn con rể, ông bà cho ở gửi rể, cũng đi bộ đội. Chỉ ông bà Ngải vẫn ngày ngày nghe keng ra đồng làm. Nhưng ông Ngải ghét nhất cái cảnh ra đầu xóm đứng lố nhố, chuyện râm ran, điểm danh mấy lần vẫn chưa đủ người, đến khi cả tổ ra tới giữa đồng thì

mặt trời đã lên ngang lưng tre. Ông Ngải bực mình chửi làm ăn thế này thì đói rã họng ra đến nơi. Ông Ngải không đi với mọi người. Ông hỏi hôm nay làm gì rồi ông xuống đồng trước. Ông Ngải đi sớm về muộn,

Ông làm theo ý ông, không biết cái kẻo. Ông đã quá tuổi lao động, ông làm hay không cũng thế, nhưng hôm nào không đi làm thì chân tay như uối ra. Cái gì ông cũng tự nghĩ rồi làm. Ông chỉ cho con cái học cho biết mặt chữ. Ông gả chồng cho cái Hến cũng không biết thế là tảo hôn, mà làng nước cũng chẳng ai bắt bẻ ông. Thằng ốc nhà độc đinh ông vẫn cho đi bộ đội. Ông bảo “đi cho biết đó biết đây”. Thời còn trẻ, ông đã đi nếm cơm thiên hạ chẳng thiếu đâu. Tôi lại ngồi bên búi tre lép với ông Ngải. Đến nhà Sự, nhưng Sự đi vắng. Xem ra công tác vẫn bận tối mắt. Về quê chóng đói, hôm nào cũng lại đánh ba bốn bát với con tôm cái tép hầm nồi chát bùn. Ông Ngải không uống rượu. Như năm trước, tôi cũng không uống, chẳng sao. Tôi là con ếch Cu Ba, ở rừng thì da xanh thắm lá rừng, ở ruộng mía thì lỗ đỏ màu lá mía, đến mùa hoa, lưng ếch chấm đỏ, chấm vàng như cánh hoa rơi.

Năm trước, cả làng mới có xóm Đồng lâm thí điểm hợp tác xã. Rồi hợp tác xã cả xóm, rồi khắp các xóm thành một hợp tác xã to. Đâu cũng đồn rồi cả huyện lên như công xã nhân dân bên Trung Quốc mà thôi. Chuyện ấy còn chưa biết, mới chỉ một xã thành một hợp tác xã đã lắm chuyện rồi. ủy ban chỉ giữ cái triện, mọi việc đều qua chủ nhiệm. Hợp tác xã năm nhân lực, cho đi bộ đội, đi học xa, cả các nơi về điều tra lý lịch để kết nạp vào đoàn, vào đảng, lấy người vào biên chế cơ quan chủ tịch xã đóng dấu, chủ nhiệm cũng ký cùng. Trụ sở ban chủ nhiệm đông người ra vào. Bên ủy ban, ngày làm việc mà lắm hôm khoá trái cửa. Ngay ở xóm Đồng, bà con chỉ biết đến tổ trưởng sản xuất, trưởng thôn cũng như anh xã viên chay.

Chẳng bù với nhiều nơi cuối tỉnh cuối huyện, các hợp tác xã điển hình quấy như cá úi. Mỗi huyện, mỗi tỉnh đều thối lên những cái bong bóng hợp tác xã điển hình. Một hình ảnh tưởng tượng hùng vĩ đến ngây ngất, cả nước gồm ba trăm huyện là ba trăm pháo đài đầy đủ mọi mặt như một bang. Cứ đóng dả lên thế, nhưng chẳng ngành nào điều được người về huyện, tài chính, nhà giáo, kỹ sư, bác sĩ... vẫn vắng bóng. Như thế, càng báo cáo phần khởi ăn gian nói dối tràn lan.

Các hợp tác xã được tỉnh, được huyện hay cơ quan, nhà máy đỡ đầu. Suốt tháng nhận nhip, nông nhàn cũng chẳng khác ngày mùa. Ngày chủ nhật, cán bộ, nhân viên làm lao động công ích đẩy những xe phân hổ xí hai ngăn trên các cơ quan tỉnh, huyện về. Nhà máy kết nghĩa thì ủng hộ than để nung gạch, cho bã hoa quả, vỏ cam, lõi dừa thức ăn nuôi ngan, nuôi lợn.

Về đến nơi, xã viên rở bã cam, mắt dừa nhạt riêng, đem ra chợ bán. Hợp tác xã có tổ nuôi ong. Bí thư tỉnh uỷ chủ nhật nào cũng về xã theo dõi điển hình. Ông đã gửi tổ ong của hợp tác nuôi hộ ông một chục đờ. Chủ tịch huyện cũng có năm đờ nhờ nuôi. Ong chết dịch, ong bốc bay mất bao nhiêu thì đờ ong của các thủ trưởng vẫn đông đàn và đến vụ quay mật cứ là tổ hảo, mật nhẩn mật hoa ngô sánh như kẹo mạp. Mọi sự được đắp vào, được tiếng tăm, nhưng hoạn nạn ở đâu cứ kéo đến, trước nhất méo mặt vì nạn khách tham quan. Báo chí càng thối kèn đu đủ bốc thơm thì các nơi lập đoàn, lập đội kéo đến tìm hiểu học tập càng nhiều, huyện bạn, tỉnh bạn ba trăm pháo đài huyện cả nước đổ đến. Các xã lảng giềng phải nghĩ ra mẹo trốn

thành tích. ở hội nghị tổng kết trên huyện, các hợp tác xã theo nhau báo cáo năng xuất đua, không đạt mức thi đua - mới vụ trước thì vun vút vượt chỉ tiêu. Cả các anh điển hình cũng co lại. Chẳng biết đâu thật, đâu vờ, mà cái cố chính thì cũng dễ hiểu. Tôi yếu rồi, thôi thôi đừng ai dòm ngó tôi nữa, tôi không nhất nhưng tôi không bết, tôi cứ tà tà cả làng không lên mâm, không có cỗ với ai cả.

Ông Ngải vỗ vẩy cái ống điếu.

- Lắm nơi rắc rối nhĩ. Nhưng mà nghĩ ra thì ở đây cũng không khác đâu. Hôm nọ ông cán bộ gà lại về dạy làm chuồng, cách cho gà ăn, cách chống gà toi.

Người ta nuôi gà cả đời nào phải học ai. Thôi thì cũng đồng ý, cũng phát cỏ, quét vôi, bắt gà ăn thóc ngâm muối cho phải phép.

Tôi hỏi:

- ở đây có đoàn tham quan đến không? Đạo ấy thôn ta hợp tác xã thí điểm điển hình huyện cơ mà.

Ông Ngải hút một điếu thuốc. Cái nõ kêu ròn tanh tách. Rồi ông bụm môi, thở khói, như cái cười ngậm trong miệng theo khói ra.

- Tôi không biết. Ngày trước thằng Tây đóng chốt trên đê đầu làng, giữa làng, cuối làng, cả hàng huyện này đồn chốt chi chít như đế giày đinh của nó. Thế mà rồi bỗng chốc ta về nhõ sạch. Cho nên, tôi chỉ biết theo ta thôi.

- Nhưng cái gì thấy không đúng phải có ý kiến.

Ông Ngải lơ dờ mắt.

- Tôi chỉ ý kiến thế.

Tôi đã hiểu cái ý của ông Ngải. Ông nói cái gì ông cũng theo, nhưng thật ra xưa nay ông chỉ theo ông, theo bàn tay ông mà thôi. Tôi quý ông cung vì thế, tôi đã bao lần nghe ông Ngải kể về sự tích cái đất và những mảnh ruộng này của ông với cái cuốc, cái mai.

Đã bao nhiêu năm rồi, mỗi hôm ông Ngải lại ngồi tựa bụi tre lép, ngắm nghía cơ ngơi của ông từ vườn ra ruộng xuống bãi sông. Những khi mát trời, ông ngồi đến lúc ngôi sao hôm như một giọt sương sáng long lanh rỏ xuống mặt nước xa kia.

Tôi hỏi:

- Bây giờ đội nào làm mảnh ruộng này?

- Chẳng đội nào cả.

Tôi lấy làm lạ..

- Ông đã làm ban kiểm tra, ông giữ ruộng riêng sao?

Ông Ngải cười hề hề:

- Thế đấy. Mấy vụ tôi để các đội làm đều mất ăn, chỉ được vài gánh lúa lép. Chúng nó nói quàng: bụi tre này óm bóng làm cỏ áy, lúa áy. Nói láo, bóng tre chỉ bằng cái nón, lại ngã xuống ao, đâu ra ruộng.

Tôi gọi anh Sự với cả ban chủ nhiệm ra tận ruộng.

Tôi bảo cái tay tôi đã làm nên đồng đất này, tôi biết nuôi nó lúc đói lúc no thế nào. Các người tưởng ai cũng làm, làm thế nào cũng được sao. Cái cày máy có lia được vào bốn góc ruộng đâu, lại phải cần đến thẳng cày chìa vôi. Để đấy, vụ này tôi làm. Thế là tôi lại vác cuốc ra. Ngày mùa, thóc quảy về chật nửa sân hợp tác, hạt thóc ken nhau, con đá phải lăn hai ba lần mới sạch rơm.

- Các tay hợp tác có hỏi ông kinh nghiệm làm thế nào?

- Tôi làm thế nào thì bày ra đấy, chúng nó biết chứ. Có điều rằng người ta làm ruộng đất thịt trong đồng, không ai thuộc tính nết cái soi bùn, lưỡi cày không lật được tới màu, đục cái lưỡi cuốc mới len lỏi xuống đưa màu lên được. Chỉ có thế.

Tôi hỏi:

- Ông Ngải ngày trước có bao giờ lên tỉnh không?

Ông Ngải nhìn tôi:

Anh ngỡ tôi không đi tỉnh, tôi không biết mặt rượu a? Tôi đã nghiện lâu năm đấy.

- Ông cũng uống rượu?

- Mỗi hôm đánh ngã hai ba chai con hươu, đến lúc sờ thấy nóng tai mới đứng lên.

- Ôi trời!

- Rồi tôi bỏ rượu. Cái ấy hại tiền, chẳng ra gì. Bấy giờ còn đương sức bay nhảy.

- Ông ra tỉnh.

- Xa bằng vạ ra tỉnh ấy. Tôi ra Uông đội than, vào rừng trong Thanh ngã gỗ vùn xuống sông đóng bè.

- Khiếp chưa!

- Hai chân đất, tôi cứ đi. Một đời tôi chưa biết cái tàu, cái xe, không biết cái màn.

Tôi đã ở nhà ông năm sáu tháng, thế thì những cái biết, cái nghĩ của tôi về ông đều phải vứt đi ráo.

Tôi chưa biết gì về ông Ngải. Tôi tưởng người các miền quê ta đâu cũng như quê Thiệu Hưng của lão AQ. Bên ấy đất nước mênh mông, người trong làng chẳng bao giờ đặt chân lên đến trấn, đến huyện. Một nhà ở Hoa Trung chuyển vùng đi kinh tế mới lên Hoa Bắc, vào Tân Cương ngày ngày rông rã thăm thăm mịt mùng biết đâu đường nào về. Làng xóm ta thật khác, như ông Ngải đã tha phương cầu thực đến đâu cũng được.

Người gốc dưới Nam lên khai hoang trên Phong Thổ, Lai châu. Xa nhất thì vẫn đi đi về về một chốn đôi quê. Đường ngược về, đeo dây cao khi, hổ cốt, mật gấu, mật ong. Dưới xuôi thì quảy lên những thứ trên rừng hiếm: lọ thủy tinh, bóng đèn, dây ni lông, gương lược...

Lẽ nào tôi chẳng biết, mà tôi không biết thật. Tôi chỉ trông cái trước mắt. Tôi không biết về ông Ngải, rõ là tôi đã biết gì đâu.

Mấy nhà trong xóm tối nào cũng đến trầm trồ quanh cái tai ga len treo trên cột.

Ông Ngải gật gù:

“Văn công hát chèo như người đứng trước mặt.”

Vợ chồng, cả nhà Dũng đã lên tỉnh mở hàng cơm chứa trọ. Chắc không ở cầu Bo, tôi không gặp.. Sự vẫn không có nhà. Mấy hôm ấy có lớp huấn luyện trên huyện. Sự nhẵn tôi cố ở chơi được đến cuối tuần, Sự về. Vợ Sự và cái Soi đi gánh cỏ tóc tiên về bỏ làm phân chuồng lợn. Mới năm nao, chẳng mấy hôm không bị mẹ đòn đánh, bây giờ cái Soi đã lớn vồng, cao bằng mẹ.

Vợ Sự hỏi tôi:

- Anh mang cái máy hát về cho ông Ngải hả?

Cái Soi nói:

- Cái ga len nói như ma nói.

Tôi bảo:

- Sự về, vợ chồng tối sang chơi nhà ông Ngải, cả cháu nữa.

Cái Soi cười:

- Tối nào cháu cũng vào đấy. Thoạt nghe nó nói lợn cả tai.

Tôi mới nhớ ra cái cô bé mặt ngấn ngò đứng ôm cột nhà, chốc lại ghé nghiêng nhìn lên ga len, là cái Soi.

Tôi về Đan Phượng đúng hẹn với Thử, chúng tôi cùng vào trường vừa chuẩn bị lễ bế giảng. Mỗi tổ được thông tri lịch từng ngày với những việc phải làm. Giấy giới thiệu sinh hoạt lại với cơ quan, thanh toán tiền ăn tháng sau cùng. Có một điều cần dặn mà thoát đầu tôi thấy là kỳ quặc ở cái trường mà học viên đều đã nên ông nên bà và cán bộ cỡ. Không được viết bậy, ỉa bậy ra nhà vệ sinh. Không phơi quần áo dưới sân.

Nhớ khoá xe đạp... Nên cẩn thận và đề phòng những ngày cuối bận rộn dễ mất cắp mất trộm.

Có người thành thạo nói: trường người lớn hay trường trẻ con thì cũng cứ gập bế giảng lại như tháng củ mật áp Tết ở làng. Có người đưa gái điếm đến dọn dẹp hộ, bảo là con nuôi. Cô Ngọc học trường này mất cái đài Mẫu Đơn. Về nhà, về cơ quan không dám hé răng. ở nơi uy nghiêm thế này không thể có trộm cắp.

Nhưng tôi vẫn nhớ đến cái ông ăn vụng quả chuối ở căng tin.

Rồi mọi việc êm đềm trôi qua. Mỗi tối trò chuyện khuya hơn mọi khi. Ngoài vườn, những luống ngô đương trĩu cờ, hoa ngô thơm nồng nàn vào cửa sổ. Các bạn ở xa đi xin chữ ký vào sổ tay. Dẫu già vẫn là cảnh trẻ con đi học.

Tôi làm tổng kết, viết tự nhận xét và nhận lời phê của tổ đảng, của chi bộ.

Bản chứng nhận học tập của tôi:

Đảng lao động Việt Nam- Trường Nguyên ái Quốc

- Bản chứng nhận học tập. Lớp 8 tháng khoá 3. Từ tháng mười 1961 đến tháng bảy 1963.

A- Kết quả học tập.

1- Duy vật biện chứng- ý chính đủ. Thiếu định nghĩa giữa phạm trù chung và riêng. Không nhớ câu Lê Nin nói về chung và riêng. 2- Duy vật lịch sử- Đủ ý chính. Liên hệ thiên về vai trò và đặc điểm văn học nghệ thuật trong phát triển xã hội. Phân tích tác dụng nghệ thuật trong đời sống còn sơ lược. 3 – Chính trị kinh tế học- Đủ ý chính. Thiếu phân tích lao động phức tạp, lao động giản đơn, giá trị và số lượng giá trị của hàng hoá. Sự tất yếu của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa đối với những nước kém phát triển nói chung và đối với Việt Nam nói riêng, đủ ý chính. Thiếu phân tích nguồn vốn, tiến trình. 4- Kinh tế cụ thể- (học thiếu 2 bài kinh tế xí nghiệp vì về dự đại hội Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam và đại hội Hội Nhà văn Việt Nam) 5- Đi công tác thực tế ở hợp tác xã thí điểm đã cải tiến quản lý- Làm được đầy đủ nhiệm vụ tổ giao (Nghiên cứu về chăn nuôi, có báo cáo riêng).

6- Lịch sử Đảng- Đủ ý chính.

B- Tự nhận xét

1- Thời gian học toàn khoá. Nghỉ 10 ngày (Dự Đại hội Văn nghệ và Đại hội Hội nhà văn), nghỉ hè ở Sầm Sơn về chậm 15 ngày (đã kiểm điểm). Những bài không học: 2 bài về kinh tế xí nghiệp (kinh tế cụ thể), 2 bài về lịch sử Đảng.

2 – Kết quả nhận thức lý luận, vận dụng lý luận liên hệ thực tế và nâng cao tư tưởng.

a/ Lần đầu tiên nghiên cứu lý luận dài hạn, lĩnh hội được một cách có hệ thống. Mỗi môn học đều có liên hệ, lại có đi thực tế kiểm tra lý luận trong thực tế. Với tôi, phần học triết và kinh tế nông nghiệp thu hoạch được đầy đủ hơn cả.

b/ Cụ thể kết quả tất cả các bộ môn như sau:

Về duy vật biện chứng- Thấy sâu sắc hơn được sự vật có liên hệ và phát triển lẫn nhau trên cơ sở những qui luật và phạm trù phép biện chứng duy vật, do đấy có cơ sở khoa học và chính xác là xem xét theo qui luật mâu thuẫn, hạt nhân phép biện chứng, mối liên hệ giữa các qui luật. và phạm trù, sự vận động và phát triển. Đặc biệt: phạm trù riêng chung đã liên hệ được nhiều mặt về tính dân tộc và nội dung xã hội chủ nghĩa của xã hội và của đường lối văn nghệ của Đảng.

Về duy vật lịch sử – Thấy được tính tất yếu khách quan của tiến triển lịch sử loài người thông qua đấu tranh giai cấp - động lực phát triển của xã hội. Mối quan hệ thượng tầng kiến trúc và hạ tầng cơ sở với cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đặc biệt liên hệ chức năng của mỹ học trong phạm vi công tác và sáng tạo của văn học.

Về lịch sử Đảng- Thấy được cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng trong quá trình từ khi Đảng ra đời đã phát triển theo quan điểm Mác - Lênin rất khoa học, đặc biệt tốt với vấn đề nông dân và các chủ trương, chính sách liên minh công nông, mặt trận dân tộc.

Về kinh tế cụ thể- Hiểu được hơn cả là các bài về nông nghiệp như: Sử dụng ruộng đất, vấn đề thâm canh tăng năng suất, vấn đề kỹ thuật nông nghiệp (Các bài về lúa, phân, giống đất, các phương thức canh tác, vấn đề chăn nuôi). Tất cả các vấn đề trên được liên hệ, kiểm tra, so sánh, bổ sung trong đợt đi thực tế một hợp tác xã đã cải tiến quản lý ở Đan Phượng (Hà Sơn Bình).

c- Tinh thần, thái độ học tập- Có tinh thần cố gắng, nhưng không đều. Phạm nội qui, nghỉ hè quá hạn đã bị phê bình ở tổ.

d- Nhận xét của tổ, chi uỷ và ban giám đốc nhà trường:

- Đồng ý với tự nhận xét.

- Qua học tập, nhận thức lý luận tương đối tốt, có chú ý liên hệ lý luận với thực tế, nhưng có phần thiếu

hệ thống.

- Tinh thần, thái độ học tập nghiêm túc. Có việc phạm nội qui về thời gian nghỉ hè về trễ, đã tự kiểm điểm.
- Cần hệ thống hoá lý luận, kết hợp tốt việc vận dụng lý luận đã học vào lĩnh vực sáng tác văn học.

Cần nâng cao hơn nữa tự phê bình và phê bình.

Chương X -

ở trường về, tôi lại được bầu vào ban chấp hành đảng bộ, lại tiếp tục như đã làm hai năm trước khi đi học. Đã sát nhập Đảng đoàn Văn hoá và Văn nghệ.

Về Đảng bộ, đã thành lập Đảng bộ Văn hoá Văn nghệ. Bí thư Hà Huy Giáp, chịu trách nhiệm chung, phó bí thư tôi nắm khu vực các hội văn học nghệ thuật.

Một đợt nghiên cứu học tập về bảo vệ Đảng. Yêu cầu là xem xét và đấu tranh đưa ra khỏi Đảng những trường hợp đảng viên phức tạp về chính trị và lịch sử. Trên bàn tôi, những đệp lý lịch xếp từng chồng, tôi đọc, tôi đọc, tôi đọc...

Đã bao nhiêu năm, những quyển lý lịch đảng viên, chẳng mấy khi không có trong cặp, trên bàn. Mỗi bản một đời hoạt động, nhiều lần phải đọc vì những yêu cầu công tác khác nhau. Tất cả đều viết tay và tự khai.

Có thể trông vào đấy thấy ra được biết được thời sự chính trị và quãng đời từng người nhưng chịu không thể biết sự thật được tôn trọng đến đâu - nếu coi mỗi bản lý lịch phải trải qua cuộc đấu tranh vì sự thực viết ra. Quen tay viết, cứ nhà nho thì “nhà nho nghèo”, trung nông thì “trung nông lớp dưới”, địa chủ thì “địa chủ nhỏ”, mà những chữ nghèo, dưới, nhỏ đều không phải những danh từ có vị trí trong lý lịch về ngôi thứ xã hội, theo cách viết hành chính, luật pháp và khoa học. Khi chuyển cơ quan trên Việt Bắc về, xem lại các quyển lý lịch, hầu hết đều thiếu. Không phải thiếu số cái, mà mất những bản kiểm điểm khi chỉnh huấn, khi đi cải cách ruộng đất, những bản tự si vả nặng hết cỡ. Chẳng biết các vị chủ lý lịch đã rút trộm ra từ lúc nào. Nhưng tôi thì còn nhớ, vẫn nhớ, cứ nhớ...

Một hôm, một cán bộ ban tổ chức Trung ương đến.

Anh đã luống tuổi, gầy yếu, mặt xạm màu sốt rét kinh niên. Anh quê ở dưới làng Sét. Anh nói:

- Tôi trao đổi với anh về vấn đề hoạ sĩ Phan Kế An.

Rồi anh trình bày:

- Trên ban phụ trách vấn đề này. Đã gặp anh An nhiều lần, có bản kiểm điểm, có hồ sơ về những sai phạm của anh ấy. Nhưng khai trừ một đảng viên thì do chi bộ cơ sở quyết định. Đảng uỷ các đồng chí có trách nhiệm nghiên cứu tài liệu rồi thuyết phục chi bộ hội Mỹ Thuật, chi bộ này sẽ khai hội thảo luận rồi biểu quyết. Tài liệu và hồ sơ này tuyệt mật, chỉ đảng uỷ được đọc rồi phổ biến lại ở chi bộ.

- Tôi sẽ làm như thế!

Tôi cứ “vâng ạ” và “làm như thế”, nhưng khách đi rồi mà còn chưa nghĩ ra thế nào. Việc khó khăn phải làm, thế nào cũng phải làm. Những khi bối rối tôi hay nghĩ ra và nhớ lại mệnh mang mờ mịt thời còn trẻ con, tôi nằm ngửa trên gò cỏ Mũi Đồng Cân, nhìn lên trời giữa cánh đồng. Đứa nào bịt mắt tôi, à tôi đương chơi trò bịt mắt bắt dê, mở mắt ra thì trông thấy An, à thằng này vừa bịt mắt tao, không phải, tôi đương nghĩ cách giải quyết, tôi muốn chạy trốn mà không chạy nổi, không chạy được. Những việc xảy ra quanh chuyện Hoàng Minh Chính đã qua, tôi chỉ nghe loáng thoáng và cũng không tò mò. Chỉ để ý không có ai giới văn nghệ dính líu thì tôi nghĩ Hoàng Minh Chính có kinh nghiệm hoạt động, về mặt nào đó, bọn này đã móc nối các người làm báo, đài, thông tấn cơ động hơn. Tôi không quen Hoàng Minh Chính nhưng đã có lần nghe nói chuyện về trận tập kích sân bay Gia Lâm sau đêm 19 tháng mười hai 1946 và ở trường Nguyễn ái Quốc vừa rồi, Hoàng Minh Chính đến nói về triết học.

Nhưng Phan Kế An không liên can gì tới Hoàng Minh Chính. Không, An đã tu nghiệp mỹ thuật ở Leningrat. An thân với nhà văn Marian Tkachốp, Marian cũng là bạn tôi, dịch nhiều quyển của tôi.

Tập hồ sơ là bản ghi những lời An đã báo cáo trình bày với ban Tổ chức các cuộc trò chuyện mỗi lần đến sứ quán Liên Xô gặp người công sứ, ông này là Pôgôđin hay Bôchep, tôi quên tên, ông ta có cái đầu bẹp đáng người Trung á. Mỗi dịp gặp tôi ông thường đùa kêu lên một câu tiếng Việt: “ối giời ôi, một trăm năm nay mới lại được bắt tay ông”. Triều đại Goochbachốp, đọc báo thấy ông ta làm đại sứ bên Lào.

Tôi đi báo cáo và xin ý kiến bí thư Hà Huy Giáp.

Anh Giáp hỏi lại tôi thấy thế nào, tôi nói tôi chẳng biết làm thế nào và ngại làm. Anh Giáp chịu trách nhiệm của Đảng mọi mặt bên bộ Văn Hoá, lại trực tiếp làm bí thư Đảng đoàn và Đảng bộ cả bộ Văn Hoá và hội Văn Nghệ. Công tác nhiều và nặng, nhưng làm việc với anh Giáp, tôi thấy thoải mái dễ chịu. Tôi thường tự động làm đỡ anh những việc trong phạm vi tôi cũng có trách nhiệm. Sự gần gũi anh cứ như là tự nhiên đã cho tôi ý thức làm việc thế. Một buổi tối đi tản bộ bên hồ Thiền Công, tôi kể anh nghe ở Mông Cổ, tôi gặp cái cô ấy lấy chồng Mông Cổ, cô chửi chồng như hát, khiếp quá. Anh Giáp bảo: “Cô ấy tên là... phải không? Tôi biết rồi. Cô này ngủ với chồng, thằng chồng không làm hạ được cơn nó, nó xé cả quần, thế còn khiếp hơn”.

Nhưng không phải anh chỉ tiêu lâm, trong đợt học tập này cũng như việc Phan Kế An, anh Giáp chỉ nói một câu mà tôi luận ra mọi công việc:

- Kế hoạch chung anh cứ làm rồi trao đổi với tôi, trao đổi chứ không phải đợi ý kiến tôi. Có điều, một điều thôi, cái gì khó hãy nên gặp tôi.

Miên man đọc tài liệu và đương nghĩ tới cuộc họp chi bộ hội Mỹ Thuật. Đọc những cái ma quỷ này vào lúc đêm khuya ngày rạng gà gáy phảng phất tiếng trẻ hờn, dường như có bóng thằng ba đầu sáu tay Phạm Nhan hiện về trong bụi cúc tần bên kia bờ ao, những sự việc và những sắp xếp ai oán lo toan, may ra mới

hiện lên được. Đường như đã sang canh. Những con chim lợn không biết mới bay ra hay đã đi ăn đêm về tiếng kêu éc éc rời rạc mỗi quãng rơi một tiếng rùng rợn. Tôi đã nghe tiếng ấy quanh năm hay là bây giờ, đêm nay thành phố chỉ còn thăm thiết ngang trời tiếng chim lợn. Xung quanh ngoài thành chẳng còn mấy mặt hồ nước, những đàn con giang con sếu trú đông về không đỗ xuống đây nữa mà những tiếng kít kít gọi nhau rẽ lên hồ thủy điện, hồ Suối Hai, hồ Núi Cốc trên kia.

Tôi mở đến một văn bản. Cuộc trò chuyện hôm ấy về tình hình văn học nghệ thuật Việt Nam. Câu hỏi là: theo ý đồng chí Phan Kế An, ai bây giờ có thể lãnh đạo văn nghệ Việt Nam. An trả lời: có thể là Nguyễn Tuân, là Tô Hoài.

Tôi nhìn trân trân những hàng chữ đánh máy đương bò ra ngoài tờ giấy dưới ánh đèn. Tôi gấp cái tập ấy lại, rồi đi nằm.

Chi bộ hội Mỹ Thuật có bảy đảng viên. Vào họp, tôi tóm tắt những cái đã đọc ở hồ sơ rồi hướng gợi ý những sai phạm như thế thì không thể kỷ luật nào khác là khai trừ ra khỏi hàng ngũ đảng. Mọi người yên lặng một lúc lâu. Vài ý kiến lẻ tẻ. Tôi cũng không sốt ruột, không mong đợi gì. Hoạ sĩ Huỳnh Văn Gấm đứng lên nói: “Những khuyết điểm ấy là nặng, vi phạm điều lệ đảng và tư cách đảng viên. Nhưng đồng chí ấy làm cái sai ở đâu đâu, không ở chi bộ này. Hôm nay nghe tôi mới biết. Tôi không thể có thái độ thế nào được”.

Buổi họp có bí thư đảng uỷ Hà Huy Giáp và anh cán bộ trên Ban quê ở đầm Sét. Không ai nói. Mọi người cũng như tôi, chứng kiến cuộc họp rời rạc quần nhau trong tưởng tượng.

Lúc biểu quyết, Huỳnh Văn Gấm đứng lên. Gấm đứng yên nhìn mỗi người, nhìn An. Nhưng Gấm không giơ tay. An nói câu sau cùng, anh thấy “tôi không có khuyết điểm. Ngày mai, ngày mai, thời gian sẽ ủng hộ tôi”.

Trong vài cuộc chè chén, đôi khi tôi đi với An. Không khi nào ai nhắc lại hôm ấy. Nhưng tôi vẫn nhớ một chuyện vẩn vơ. Mùi Cá kể với tôi: “Cái ông nhà văn Liên Xô này ghê lắm, đã đưa Thanh Tịnh đem các thứ đồng hồ và vải cho vợ Lê Vinh Quốc, Văn Doãn, ông ấy cho Phan Kế An một cái chân vịt to lắm bằng cao su. Chân vịt để làm gì, anh biết không? - Chân vịt để đi bẻ lấp vào chân, bơi khoẻ hơn. Mùi lặng im, rồi nói: “Hay nhỉ”. Vừa lấy làm lạ, vừa như lại chưa tin câu cắt nghĩa của tôi.

Tôi cũng hay trông thấy anh cán bộ tổ chức quê ở đầm Sét, buổi chiều anh ấy đạp xe qua phố Huế, chắc tan giờ, anh về nhà. Anh ấy làm như không nhìn thấy tôi. Tôi chắc anh đã nhìn thấy vì xe tôi lướt trước mặt. Một năm, tôi nghỉ trên đầm Vạc ở Vĩnh Yên. Giáp mặt, tôi chào, anh ấy đáp lại cẩn thận, nhưng như là không nhớ tôi và cũng không hỏi.

Lần này tôi nghĩ anh đã quên tôi thật. Mặt anh mọi khi mai mái bây giờ đổi màu vàng bủng, màu ốm.

Hai con mắt người bệnh nặng cứ thờ ơ thế nào. Có thể không phải không biết, mà không biết thật. Dầu

cho tâm trạng mỗi người mỗi khác, nhưng về việc này chắc cũng giống nhau. Nghiên cứu bảo vệ đảng, thực hiện có việc lớn việc nhỏ, nhưng việc nhỏ nhất cũng liên quan tới cuộc sống và tinh thần mỗi người. Tôi chắc là anh cũng như tôi mỗi khi nhớ còn áy náy về cuộc họp chi bộ hôm ấy.

Anh Nam trong Nam tập kết ra, làm ở hành chính. Anh người Bắc, nói là đi kháng chiến ở Sài Gòn. Nam công tác năng nổ, được bầu vào chi uỷ. Nhưng Nam hay chim chuột lém téng lảng nhăng. Xem lại giấy tờ khi mới nhận về, chỉ có một giấy giới thiệu chung cả chục người. Tên ai cũng đánh máy là đồng chí, đồng chí thì tự nhiên được hiểu là đảng viên. Bây giờ lòi ra không phải đảng viên thì lại nghi quá, có thể. không phải anh tập kết. Rồi Nam biến mất trước khi bị kỷ luật thế nào. Có người gặp ngoài phố, nghe nói bây giờ Nam đi buôn tem phiếu. Hay là thật anh ấy ở đâu chui vào cơ quan?

Phong trào bảo vệ Đảng được phát động rộng khắp các địa phương và các cơ quan, lại kêu gọi mọi người cung cấp tài liệu, ai thấy ai thế nào thì cứ phát hiện, bất kể có biết người bị tố giác, có phải là đảng viên hay không. Có hai cái thư gửi đến tố cáo nhà viết kịch Thế Lữ và nhà thơ Quang Dũng là quốc dân đảng thời kỳ phản động. Thư kể chi tiết, người viết đã có tuổi ký tên và ghi địa chỉ, cam đoan chịu trách nhiệm về những việc đã kể. Vậy phải xem xét kỹ lưỡng, có khi còn phải trả lời, dù các anh Thế Lữ và Quang Dũng không là đảng viên:

Tôi đến hội Sân khấu và nhà xuất bản Văn Học mượn hồ sơ lý lịch của các anh ấy. Không có gì khó khăn, trong lý lịch, Thế Lữ và Quang Dũng đã viết ra những việc tưởng là bí mật chỉ có người tố cáo biết, một cách đầy đủ và rõ ràng đầu đuôi.

Năm 1946, Thế Lữ với đoàn kịch Anh Vũ ở Hà Nội biểu diễn qua các tỉnh vào tới Quảng Nam rồi trở ra. Đến Quảng Nam giữa khi Chính Phủ ta ký tạm ước 6/3 với Chính phủ Pháp, trong nhân dân có người không đồng tình, nói nặng là Việt Minh ký giấy bán nước cho Pháp. Quảng Nam đương là nơi Quốc dân đảng công khai chống đối. Đoàn kịch nói Anh Vũ trở ra đến Thanh Hoá, đêm biểu diễn ở thị xã có một tiểu phẩm về tạm ước 6/3 mà dư luận nói là vở kịch phản động. Công an Thanh Hoá định bắt đoàn kịch. Nhưng cả đoàn đã thoát được lên tàu hoả. Thế Lữ chạy vào trụ sở Việt Nam quốc dân đảng ở thị xã mà thủ lĩnh bấy giờ là nhà văn Tchya Đái Đức Tuấn. ở đấy, Thế Lữ viết thư về Hà Nội cho anh Hoàng Hữu Nam, thứ trưởng bộ Nội Vụ. Anh Hoàng Hữu Nam đã can thiệp. Thế Lữ trở ra được Hà Nội. Thư tố cáo cũng không có gì khác hơn những điều trong lý lịch Thế Lữ. Tôi báo cáo anh Hà Huy Giáp rồi xếp hồ sơ lại.

Những năm đầu 1940, Quang Dũng giang hồ phiêu bạt đến Liễu Châu. ở Liễu Châu, Quang Dũng gặp Nguyễn Tường Tam thủ lĩnh đảng Đại Việt Dân Chính. Quang Dũng không biết về đảng phái, nhưng Quang Dũng yêu văn Nhất Linh với hình ảnh nhân vật Dũng cách mạng phong trần dọc đường gió bụi trong các tiểu thuyết Đoạn tuyệt và Bướm trắng, bởi Quang Dũng cũng đương phiêu lưu bắt chước các nhân vật ấy. Nhưng chỉ ít lâu, Quang Dũng nhìn tỏ mặt thật của họ. Những mưu đồ ám hại lén lút và Nhất Linh bố để nhân vật Dũng nghiện rượu, say rượu, cứ sáng sớm ông Nhất Linh đã phải một cốc to rượu trắng mới đã. Quang Dũng vỡ mộng, lại lang thang rồi trở về Hà Nội. Cách mạng Tháng Tám, Quang Dũng vào quân đội, Quang Dũng được tuyển học sinh quân trường võ bị Trần Quốc Tuấn trên Sơn Tây.

Rồi đi vào kháng chiến toàn quốc, năm 1951 thì ra quân, rồi hoà bình lập lại, anh đương dạy học ở phố chợ Rừng Thông trong Thanh Hoá thì Vĩnh Mai chánh văn phòng hội Văn nghệ, được đi tuyển người, Vĩnh Mai đưa Quang Dũng, Hữu Loan, Thanh Châu ra làm biên tập báo của hội. Quang Dũng ghi lại văn tắt nhưng rõ ràng như tôi vừa kể trên. Cơ nhớ và chìm nổi biết bao những nhận đường tìm đường của thanh niên trên bước đi của cuộc đời và của lịch sử. Việc Quang Dũng cũng được xếp lại.

Trường hợp Đồ Phồn và Nguyễn Đình Lạp thì phải đợi ý kiến trên lâu hơn. Nguyễn Đình Lạp đã mất bệnh trong kháng chiến nhưng vì đây là vấn đề lịch sử, thế nào thì cũng phải xem lại các nhà văn này trước kia cộng tác với nhà xuất bản Hàn Thuyên có khuynh hướng tờ-rốt-kít. Nhưng nhà Hàn Thuyên không phải một nhóm, một đảng chính trị hoạt động công khai hay bí mật. Có tư tưởng hay hoạt động tờ-rốt-kít do cá nhân mỗi người. Các anh ấy về sau, đến thời kỳ trước Tổng khởi nghĩa khuynh hướng mỗi người càng phân tán. Có người đi vào hành động. Có người chỉ “cách mạng thường trực” ở miệng. Có người theo học thuyết khác. Có người vào đoàn thể Việt Minh. Và nhiều người cộng tác với Hàn Thuyên chỉ in sách. Như Đặng Thai Mai, Nguyễn Tuân, Nguyễn Đồng Chi. Hôm tôi nói lại với Đồ Phồn việc kiểm tra đã xong, Đồ Phồn cảm động, trịnh trọng bắt tay tôi. Nhưng tôi lại đùa nhả một câu không phải lúc, tôi bảo: “Ông thì cũng là bần cố nông tờ-rốt-kít ấy mà”. Đồ Phồn chau mày, nói: “Không, không phải thế”.

Trường hợp nhà thơ Trịnh Đường thì thời sự và rắc rối. Trong lý lịch, Trịnh Đường viết rõ như tự thuật: bản thân làm bang tá, là địa chủ. 1945, vào Việt Nam Quốc dân đảng ở Quảng Nam, phụ trách quân sự huyện Duy Xuyên. Ba năm sau, vào đảng Lao Động, hoạt động và sáng tác văn nghệ phục vụ kháng chiến. Trong một đợt Liên khu Năm học tập bảo vệ Đảng, những điểm trên của lý lịch được đem ra phân tích, chi bộ biểu quyết đưa ra khỏi Đảng. Giữa khi ấy là cuộc tập kết chuyển quân ra Bắc. Sự định đoạt về biểu quyết của chi bộ cũng được Khu uỷ đưa ra theo.

Bắt đầu đợt sinh hoạt này, Trịnh Đường không đi họp chi bộ. Có thể anh đã thấy được mục đích của đợt nghiên cứu. Nhưng tôi thì cứ phải thu thập việc và con số. Tôi đến báo Văn Nghệ gặp Trịnh Đường. Tôi hỏi anh:

- Ra tập kết, chi bộ nào giới thiệu anh trở lại sinh hoạt đảng?
- Tôi được tập trung và chỉnh huấn ở Chèm.
- Anh có nhờ người giới thiệu không?
- Một đồng chí người đẩy đà, tôi quên tên.

Anh trả lời miễn cưỡng, thờ ơ. Chi bộ đã biểu quyết cho Trịnh Đường thôi sinh hoạt Đảng. Không khai trừ mà cho thôi, như là nhạt đảng. Mà anh đã tự ý bỏ sinh hoạt từ trước. ở khu vực văn nghệ, cũng đã kỷ luật “cho thôi sinh hoạt đảng” các trường hợp Trần Dần, Lê Đạt, Đặng Đình Hưng, Nguyễn Tư Nghiêm, Dương Bích Liên...

Có một đảng viên trước kia đã bị án nặng về hủ hoá. Đến cuộc học này, chắc anh ngại có thể cái tội cũ lại bị lôi ra. Anh đã đề nghị đi vào tuyến lửa mặt trận mấy tháng. Tôi định đợi anh ấy về, làm cho xong trường hợp của anh rồi viết báo cáo tổng kết nhân thể.

Bí thư Hà Huy Giáp nói:

- Anh không nhớ à, đợt này chỉ tập trung giải quyết vấn đề chính trị, không đụng đến các mặt khác. Thôi, anh cứ làm tổng kết...

Nhưng rồi anh ấy đã trở về cơ quan, lúc ấy tôi cũng chưa đốc thúc xong được sơ kết ở các chi bộ, mà báo cáo thì vẫn còn để đấy. Tôi hay dằn dặt, việc đã ôm đồm lại cứ nườc đến chân mới nhảy. Tôi cũng không phải gặp anh ấy. Anh không ngờ đợt học tập ở cơ quan kéo dài quá, nhưng thế là anh đã thoát nạn, đợt này không truy tội hủ hoá và chắc anh đã biết từ hôm mới về rồi.

Thế mà đến lúc định viết, lại chưa viết được. Lại chuyện bất thường. Nhận được một thư, mở ra thì là một cái đơn viết tay trên đầu tờ giấy đề hàng chữ:

Đơn tự tố cáo của Nguyễn Hải Trường. Việc trình bày đại ý là trong dịp học tập bảo vệ Đảng này, tôi thành khẩn bộc lộ thời kỳ Mặt trận Dân chủ 1938 ở Sài Gòn tôi đã sinh hoạt trong một tổ chức phản động là Quốc Dân đảng. Tổ phản động này gồm ba người là: Mai Văn Bộ, Lưu Hữu Phước, Nguyễn Hải Trường. Mai Văn Bộ đương là đại sứ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tại Pari. Nhạc sĩ Lưu Hữu Phước thì ở chiến trường B phụ trách văn hoá văn nghệ miền Nam. Việc quan trọng và ghê gớm quá. Tôi đi gặp ngay bí thư. Anh Hà Huy Giáp bảo tôi:

- Anh đừng lo. Việc này tôi cũng có thể chứng nhận và giải quyết được. Trước hết, xem xét tự cách và nhân thân anh Nguyễn Hải Trường đã. Nhưng anh cứ gửi đơn này lên tổ chức, rồi tôi sẽ lên trình bày.

Mấy hôm, Ban tổ chức có người xuống, nói:

- Ban đã nhận được thư này.

- Chúng tôi sẽ làm thế nào?

- Lưu hồ sơ, đồng chí ạ.

- Không phải điều tra?

- Không, xếp lại được rồi.

Nguyễn Hải Trường thường hay có ý kiến và nhận xét quái lạ. Một hôm, uống bia ở quầy phố Tôn Đản, Nguyễn Hải Trường bảo tôi: “Từ năm ra tập kết tới giờ tôi chưa được ai mời một cốc bia” Tôi hỏi lại: “Anh cứ nhớ anh đã mời những ai uống bia không?”. Nguyễn Hải Trường lặng im.

Nguyễn Hải Trường đi đâu cũng hay sinh rắc rối, không lường trước được. Đi thực tế ở Quảng Ninh, anh nói dối tuổi, lấy vợ, người ta kiện. Trước khi anh trở lại Sài Gòn, tôi còn phải đại diện cơ quan ra toà dự xử vụ tiêu hôn - ly hôn không có giá thú của anh.

Thình thoảng anh có thư cho tôi kèm cả tranh ký hoạ - anh bảo chỉ có tôi là người anh còn thư từ. Nhưng tôi vẫn biết và được đọc thư anh gửi người khác. Tôi gặp ở Vĩnh Long con trai của anh công tác ở đoàn nhạc sở Văn hoá. Tôi bảo sao cháu không đón ba về Vĩnh Long, dưới này tỉnh mịch lắm. Anh ấy đáp: “Ba con là nhà văn lớn thì phải ở thành phố như Sài Gòn”.

Anh viết thư kể một chuyện đau đớn mà gần đây anh mới biết. Khi anh đi tập kết, chị ấy đã ăn ở có con với người khác. Nghĩ đến nỗi đau lại ứa nước mắt. Tôi gọi điện thoại cho Nguyễn Hải Trường. Một người nào cầm máy quát tôi rầm rầm... không có ai tên Trường... không có ai... không được gọi.. rồi bỏ máy rộp một phát. Sau hỏi biết anh đã để máy ra cửa cho thuê, không biết người thuê tháng hay thế nào. Và hồi này Nguyễn Hải Trường hay xuống ở nhà con gái anh dưới Vũng Tàu. Anh mất bệnh ở Vũng Tàu. Chắc vẫn trong day dứt bất mãn.

Chương Xi -

Một hôm, Khang nhà ở phố ngoài bảo tôi: “Bác ra làm công tác phố cho vui”. Tôi nói: “Cho nó buồn cười thì có”

- Không, bác làm thì hay đấy. Để tôi đi đề nghị"

Khang là đảng viên ở nội thành thời Tây chiếm, sinh hoạt đảng chi bộ đường phố. Nhà anh làm nan hoa, ổ bi xe thồ, xe bò cải tiến. Tổ đảng đường phố ấy có mười đảng viên. Khang đã giới thiệu tôi cứ như cấp uỷ nói: “Đồng chí ấy xung phong làm trưởng ban đại biểu khối ta”. Mọi người vỗ tay nhiệt liệt. ừ, thì làm. Về sau tôi mới biết, có tôi ngẫu hứng

“ừ thì làm”, còn Khang thì cố ý. Gia đình anh sản xuất danh nghĩa tổ hợp tác xã thủ công, nhưng thực thì ở nhà làm, bán cho người đến mua, tức là một tổ ma. Chính quyền ở phố mà bạn bè với anh, có việc thì anh dễ nhờ. Nhưng tôi cũng chưa phải giúp anh ấy việc gì.

Thế là tôi làm ban đại biểu khối 98 quãng từ 1965 tới 1972, ít lâu trước khi thành phố gộp khối phố thành cấp phường như bây giờ. Từ khi tiếp quản, địa giới hành chính và tổ chức chính quyền cứ cộng lại rồi lại chia. Một làng tôi, tên gốc là xã Nghĩa Đô đã bao đời.

Pháp chiếm lại Hà Nội đổi là xã Hoàn ẩn - vì tuyên truyền các báo đảng tin đã tìm thấy cái ẩn vàng của vua Bảo Đại ở đấy, - Hoàn ẩn đổi với Hoàn Kiếm. Ta về, đổi là Nghĩa Môn (cộng với Đoài Môn) rồi Thái Đô (cộng với Yên Thái), loay hoay rồi lại trở lại Nghĩa Đô như cũ, nhưng bây giờ là phường Nghĩa Đô. Tên các làng Nghè, Tân, Dâu, Yên Phú, Bái ân trong xã thì thành những con số xóm 1, 2, 3... Trên thành phố yên vị, còn ở dưới nhốn nháo lộn xộn các cấp khối, tiểu khu, khu, nhưng vẫn chỉ được coi là chính qui bộ máy ba cấp (thành phố, khu, tiểu khu). Thay đổi linh tinh đến quên hay là không, cả những người đương làm việc cũng không biết công tác mới cũ ra sao.

Năm trước, báo Hà Nội Mới đăng một bài nói về trật tự trị an rồi kiến nghị lập đội dân phòng các phường, phân tích đội dân phòng ở cơ sở ích lợi và cần thiết thế nào. Đó là thủ thuật tuyên truyền giới thiệu mào đầu rồi tiến tới tổ chức. Nhưng có lẽ nhiều người công tác ở cơ sở không nhớ để thành phố mắc lờm đã cho biết thành phố ta có đội dân phòng từ ngày mới tiếp quản và chưa giải tán bao giờ. Tôi cũng gửi một thư tương tự. Rồi chẳng thấy báo đăng tiếp về đội dân phòng sắp thành lập. Chắc người ta đã xem lại các văn bản và sửa chữa bằng cách lờ đi.

Trưởng ban đại biểu khối phố cũng như trưởng thôn ở xóm - một hình thức tự quản, nhưng công việc thì lại chẳng khác chủ tịch xã. Có lịch giao ban với tiểu khu, không được có con dấu nhưng cứ ký chứng nhận,

xác minh, giới thiệu đủ thứ: đăng ký kết hôn; xin miễn phí cho người nghèo nằm nhà thương; mua bán nhà; đưa giấy gọi nghĩa vụ quân sự; mở lớp xoá nạn mù chữ, lớp chống tái mù; phụ trách vệ sinh, đánh bả chuột, phun thuốc muỗi; lập danh sách rồi lĩnh và phát tem phiếu lương thực cuối năm. ôi chao, một đồng việc phải mó tay vào. Có hôm đương họp, người chạy vào báo: phố bên kia cho người lấy phân trộn, xe thồ cút thối khắp xóm. Thế là lại phải chạy sang. Tôi không biết mặt chi bộ đường phố, cũng chẳng khi nào chi bộ gặp tôi, không kể chỉ một lần ấy tôi đến họp tổ đảng với Khang. Cuối năm, các trưởng khối được lên họp trên hội trường khu, có thưởng vụ, có chủ tịch thành phố. Ông Mai giải thích cả một buổi tối về ý nghĩa cái Tết, Tết độc lập khác Tết nô lệ và ở đâu có áp bức thì ở đấy có đấu tranh vân... vân...

Các trưởng khối cầm cúi ghi sổ tay để lấy tài liệu về truyền đạt lại. Tôi chỉ ngồi nghe. Ông nói xa xôi quá, chẳng đụng đây chút nào đến bà con ở phố. Có năm thì ông khác về nói, nhưng bài vở cũng đại khái vậy. Tôi nhận công tác cũng không một mảnh giấy tờ lên xuống làm bằng. Anh Thắng cán bộ tiểu khu chấp nhận, báo cáo lên, thế là được. Tôi cũng không vẽ báo cáo xin ý kiến cơ quan hay chi bộ đảng. Cơ quan tôi cũng biết tôi làm khu phố, qua vài mẫu chuyện tôi nói vui, tếu táo với mọi người, cũng không khi nào tôi phải trình bày mà cơ quan cũng chẳng hỏi. Trong những người ra làm việc khối cũng có một số là đảng viên, họ công tác khác nhưng giống tôi, vì nể, vì những lễ gì đó

Công tác kiểu này ở cơ quan cũng là những việc tôi thường làm, lại cũng bởi một thói quen nhìn nhận của người xung quanh. Chẳng mấy khi trong cơ quan từ hội Văn nghệ đến Hội Nhà Văn, trong ba mươi lăm năm công tác tôi không được bầu vào chi uỷ, đảng uỷ, làm bí thư, qua từng thời kỳ, cái tên tôi và Hoàng Trung Thông, Vũ Tú Nam quanh đi quanh lại đậu ở những chức danh trên. Tôi đã kết nạp Đảng và đã làm kỷ luật và kỷ luật đưa ra khỏi Đảng cả chục đảng viên - nhưng chẳng qua cũng là chân chi uỷ cơ sở, chuyên làm đầu sai tẻ nhạt. Tôi chưa thấy Nguyễn Tuân, Nguyễn Đình Thi, Chế Lan Viên, Xuân Diệu làm chi uỷ bao giờ. Không phải vì quá bận hay không làm được. ầu cũng là một thói ỷ lại triền miên ở chi bộ, loại chi bộ cơ quan hành chính chúng tôi. Chỉ có một khoá tôi không được ở cấp uỷ cái lần khối văn nghệ nghiên cứu nghị quyết 9 của Trung ương. Một lần gặp bí thư Đảng uỷ Nông Quốc Chấn, tôi trông thấy trên bàn Chấn có bản danh sách phân loại nhận thức học tập nghị quyết 9. ở mục cá biệt chú thích "lùng khùng, chưa rõ", có mấy tên người, tôi đọc ngược thấy: Nguyễn Tuân, Phạm Văn Khoa và tôi. Nhưng khoá sau, đã nhận nghị quyết 9, lại bầu tôi.

Tôi làm trưởng phố, ông Đại đương trưởng xuống chân phó. Đại nghề mộc ở đội sửa chữa nhà của khu, mà bộ dạng anh ta cũng rõ bác phó mộc. Hai bản tay thô, nước da bánh mật, lúc nào cũng như r ám nắng Đảng sau xe đạp chằng dây thép buộc chiếc hòm gụ đựng cái tràng, cái đục, mảnh giấy giáp đồ nghề, trước ghi đồng thì gài cái cửa. Chiều thứ bảy Đại đạp xe về quê trên Phùng, sáng thứ hai xuống sớnl. Đại cũng đã đứng tuổi. Những người kiểu Đại nếu ra đây đã vài năm có thể ở làng vì sợ Tây càn, sợ du kích ta hay là vướng thành phần thế nào, cải cách xong rồi vẫn không dám trở về h ản. Những năm ấy có nhiều địa chủ, phú nông bị đấu hay bị đấu hụt ở các nơi trốn ra thành phố. Đại ở cái gác xép, như cái cũi mèo, mỗi bề khoảng ba sải chân, đầu thang lên xuống có tấm cửa gỗ vuông sập xuống đội lên, lại tựa cái bẫy chuột. Một thân cặm cũi, quanh mình chỉ có một rổ bát, cái dây vắt quần áo và cái xe đạp treo ngược, mỗi khi đi lại

dòng thường xuống qua lỗ cửa. Đại là loại người nào ở quê ra cũng khó biết. Bởi Đại cũng không trống mồm, hỏi một câu thì nói một câu, chỉ có phát biểu ở cuộc họp thì lê thê không có chỗ xuống. ở cuộc họp hai ban, cán bộ Thăng tuyên bố tôi thay Đại, anh ta cũng dừng dừng. Thì cũng thế, anh với tôi cũng chẳng có mẫu cứ nào bận đến nhau để bằng lòng hay không.

Đại bàn giao cho tôi quyển sổ bìa các tông hoa chép biên bản các cuộc họp. Anh ghi lấy, mỗi buổi họp dài ngắn không rõ, chỉ thấy độ nửa trang líp nhíp, mấp mô. Cuộc họp sau cùng có mấy dòng mà đã quá nửa năm. Nghĩa là muốn ghi thì ghi, ông này cầm tràng đục thạo hơn cái bút.

Cuộc họp ban cũ ban mới dài một khiêng việc. Cũng chỉ một lúc xong bởi không ai nói lại và chỉ xướng lên đầu việc. Các công tác xã hội, y tế, vệ sinh, thông tin tuyên truyền, thống kê, công tác các đoàn thể, bảo hiểm xã hội, quản lý thị trường cải tạo tiểu thương, trật tự trị an, bổ túc văn hoá, phân công các uỷ viên phụ trách 6 tổ dân phố. Tôi phấp phỏng nhất, báo cáo nổi cộm về trị an. Một người phản động tù mười lăm năm. Hai người năm năm Hoả Lò tội tham ô, một thanh niên tù ba năm vì hiếp dâm trẻ con. Còn đương trong nhà giam cả. Ba thanh niên phải tập trung lao động bởi tội ăn cắp, nạn mất cắp vật cái dân, cái phích, bẻ khoá cửa, mất quần áo phơ, phố nào cũng xảy ra.

Một người đánh nhau đâm người phải tù tám năm, đã về rồi nhưng vẫn lừng khừng. Hàng ngày đi nhặt đá ngoài đường về đập lò nung đem bán vôi cho các bà hàng trầu cau trên chợ Đồng Xuân. Đã cảnh cáo, nó vẫn làm. Lại còn cãi bướng: Đá ngoài đường chứ của nhà nào. Tôi không làm thì ai nuôi tôi. Đợt tiểu khu cho phép thì ban bảo vệ sẽ phá cái lò vôi của nó chỉ to bằng cái chõ.

Tôi phụ trách chung và đặc trách các công tác nghĩa vụ quân sự, ban hoà giải và xây dựng gia đình 5 tốt. Khi đi vắng thì Đại thay.

Chỉ hôm sau đã xảy ra hai việc. Việc thì mình khờ, việc thì chưa biết nổi sâu nông. Một cô ở phố ngoài đem sổ hộ khẩu đến làm bằng và tờ đơn xin việc để trưởng ban ký giới thiệu. “Cháu đã hai mươi tuổi, cháu phải tự lập”. Tôi ký luôn. Bảo vệ Dương bảo tôi: Con bé ấy làm gái điếm, tối nào cũng ra đứng ngoài hồ. Anh ký giấy cho gái điếm vào làm cơ quan a?”

Một việc khác. Có người gọi: “Ông hoà giải ời, ông sang ngay cho”. Chị ấy ẵm con vừa đi vừa kể: Thăng bé nhà em đi học mà nó cứ đổ cho thăng bé đá vào nhà tắm. Em nói thì nó đâm em. Vết đâm còn đây này. Nhưng tôi không trông thấy má chị ta hằn chỗ nào.

Vừa về tới, chị xông vào tát anh thuê chung nhà một cái, rơi vỡ kính. Anh ấy bảo tôi: “Báo cáo anh, anh mới ra làm chưa biết, con nặc nô này cốt tát tôi trước mặt anh rồi nó sẽ đi khoe nó tát vào mặt chính quyền đấy Trước lúc nó chạy đi gọi anh, nó cứ réo thăng cán bộ, thăng đảng viên ra chửi, tôi có cho nó một cái đấm, một cái đá thật.

Tôi hoà giải trước mớ bùng bong. Cuộc bàn giao chẳng có gì vẫn chưa xong, mỗi lúc lại thòi ra những việc lắt nhắt.

Không có đồ đạc, không sổ quỹ. Trên cho tiền hay vật dụng để tiêu và dùng ngay. Tiền chè nước họp, ba tháng được một tập giấy và cái bút chấm lọ mực Cửu Long. Tài sản có bảy thước vải đỏ làm băng, cắt chữ dán khẩu hiệu. Trước mười thước, giải luân chuyển các nhà, không biết nhà nào xé trộm mất ba thước, hỏi không ai nhận. Một cái khay, mười chén uống nước, không có ấm - trước cũng có, bị vỡ. Tôi cặp khay chén về nhà, mỗi lần họp lại bưng đến rồi mượn chủ nhà cái ấm tích và nồi đun nước. Thế mà cũng vỡ chén cũng bỏ quên, mất luôn. Hết qui lại xin tiền trên khu, sắm bộ chén mới.

Đại báo cáo:

- Tiền chè cuộc họp thì có biên bản họp trên mới chi. Giấy bút mỗi qui phát năm đồng. Qui này đã tiêu hết.

Tôi biết thế và chỉ biết hơn mỗi khi có việc, cứ im thì thôi, càng hỏi càng lộn xộn ra lắm chuyện. Việc trường thôn thì không thể có kế hoạch công tác, toàn các đầu mẩu trên sai bảo và dồn xuống, có vẻ vời vời thêm rườm rà, lắm đầu việc đấy nhưng chỉ nói xong đứng dậy là hết cũng được. Đại kể ra thì thấy như thế, nhưng đến tôi có thể còn đại khái nhanh hơn vì Đại phát biểu ê a hăm hứ dây cà dây muống dài dòng văn tự.

Tôi đi đường, hôm nào cũng có người gọi. Đứng vỉa hè cũng giải quyết việc. Người ta tố cáo với tôi những ông bà ở ban cũ.

Từ khi giải phóng đã mười mấy năm qua đến tôi trưởng ban là người thứ ba. Đầu tiên là một ông công chức lưu dụng ngành bưu điện. Cả thành phố không ai đeo cà vạt, ông ấy lúc nào cũng thắt cái cà vạt đen. Ông bảo tôi: “Ông là người hiểu biết tôi mới nói. Đứa nào bảo tôi thắt cà vạt đen để tang nhớ chế độ cũ là nó ngu. Cà vạt đen xã giao của châu âu là đứng đắn lịch sự nhất, có phải không ông?”. Người trưởng ban thứ hai là ông Đại rồi đến tôi. Người ta rí tôi.. Ông An dân phòng buôn vàng, hải quan đã đến tận nhà cảnh cáo. Ông Dương bảo vệ thì uống rượu, đã bị bắt vì đánh tổ tôm, ít xì... Ông Đại ăn cắp mùng cửa của cơ quan đem về bán. Ông này ở làng không phải tên ấy, ông thay tên đổi họ chui ra đây. Có người phàn nàn: Nhà nó lý lịch có vấn đề con cái học xong không xin đâu được việc thì đi dạy học, toàn bọn thầy giáo bất mãn, thì dạy dở thế nào. Anh em nhà kia Tết năm nào công an cũng đến giải lên đồn nhốt mấy ngày để phở ăn Tết được yên ổn, khổ thế..

Đội dân phòng đi dự hội thi phòng cháy chữa cháy trên khu. Tập vài tối ở phố rồi đi thi toàn khu trên. Cửa Đông. Việc này bên bảo vệ làm, nhưng chính quyền phải đứng ra đại diện. Người ta bảo ông giám đốc sở công an này trước làm trưởng phòng chữa cháy nên tập chữa cháy hằng năm.

Bảo vệ Dương quảng trên bốn mươi tuổi, làm canh cổng thường trực một cơ quan bộ giao thông. Nhưng hồi này thấy ở nhà đi rà rà trong phố cả ngày. Dương tự giới thiệu:

- Tôi Nam Bộ tập kết. Quê ở Phú Lâm, cạnh Sài Gòn. Anh vào Sài Gòn bao giờ chưa? Anh đã biết Phú Lâm, cả Hanh Thông Tây? Anh ra làm việc hay lắm. Trên cử về a? Tôi có nhiều việc báo cáo riêng với

anh. Phở này thì cán bộ, công nhân viên nhiều, nhưng phức tạp rất phức tạp, mà phức tạp nhất là cái ông Đại trưởng ban đại biểu trước anh ấy. Trên cũng sáng suốt thật, thay anh về. Nó mua chuộc Thăng cán bộ tiểu khu, chiều thứ bảy nào cũng cùng nhau đạp xe về quê nhậu nhẹt, lại mua biếu đôi dẹt râu mới. Anh ta đương cạy cục xin vào đảng ở cơ quan. Được rồi, để đây tôi điều tra đầy đủ sẽ báo cáo anh. Thăng ấy là địa chủ có tội ác chạy ra Hà Nội từ thời Tây. Có khi mà Tây nó cài lại, chưa biết chừng.

- Ông An đội phó của anh thì thế nào?

- Đội viên thôi không phải đội phó. Anh này có người nhà làm tướng ngự quyền Sài Gòn, ta phải cảnh giác, đội phó thế nào được.

- Ông Đinh làm đội phó a?

- Không phải, không phải. Lão này dân tạm chiếm cũ, buôn nhựa lậu, thuốc lậu, bây giờ vẫn buôn. Báo cáo anh tôi không cần phó, một tôi, một tay tôi đâu vào đấy hết. Tối mai mời anh ra dự buổi tập phòng cháy chữa cháy.

Chỉ hôm sau đã lại nhiều người thì thảo với tôi về bảo vệ Dương. Nghe thấy nhiều việc Dương lôi thôi quá, nhưng hỏi lại thì không ai nói được đích xác. Chỉ rõ ràng có việc ngày mới đến đây, Dương cũng đi họp chi bộ. Nhưng rồi giấy tờ không đủ thế nào, Dương không được họp nữa. Dương cũng thôi không cầu cạnh để được họp. Tôi cũng không hỏi Khang.

Cái ông An “có người nhà làm quan to trong Nam” đến nói với tôi rành rọt từng chữ, như nhà chức trách đọc văn bản:

- Ông Dương có án nặng, khu giải phóng trong kia chưa xử xong, đem ra đây, thế nào mà lại sống tù lên làm cán bộ. Trên đương điều tra xem ai đưa nó ra làm bảo vệ. Anh ta thì cứ dọa anh ta là cá chìm. Ông phải xác minh lại, chứ thế này...

ở khối không có mấy may hồ sơ lý lịch người công tác, biết hỏi thế nào mà cần gì phải hỏi. ở miền Nam ra tập kết cũng nhiều vấn đề, nhiều trường hợp tương tự. Đúng là ở Nam Bộ, người vướng án nặng chưa xử xong, và cả những người nếu thấy để ở lại, có thể bên kia lợi dụng đều được đưa ra, như trường hợp Nguyễn Bính. Nhưng các tỉnh ngoài không làm kịp được như thế, nhất là các vùng tự do ta phải trao lại, mà trong khi các tàu Nga, tàu Ba Lan chờ người tập kết vẫn ra vào cảng. Nhiều cán bộ được bố trí ở lại mất tinh thần đã xô xuống tàu, không kiểm soát được, trong khi những người cần đem ra thì bỏ lại.

Các trường hợp Lam Giang, Võ Phiến là như vậy. Ngày đấy người thì làm tỉnh trưởng, người thì viết chống cộng. Nhưng đấy là những việc to tát còn cái anh Dương ban bảo vệ đứng đường này thì đi đến đâu, tôi dò la, hỏi han làm gì. Có thể nó là đứa giết người, tôi cũng chỉ nghĩ để đấy. Lại toàn những bối móc, chẳng thấy người nào tử tế. Soi mói nhau, coi ai cũng không ra gì thì ở cơ quan tôi cũng chẳng thiếu người đeo kính đen kiểu này.

Cái ông Dĩnh “buôn lậu” mách tôi:

- Vợ ông bảo vệ Dương trước làm “mai dồng dờ te” nhà thổ. Tôi ở trong này, lạ gì. Thằng tù vợ được con đĩ, lại lên mặt bà bảo vệ, thối không chịu được.

Đại, phó ban của tôi nói về Dương:

- Báo cáo bác biết ông Dương hay đi dò dẫm bịa chuyện để tống tiền người ta. Trên tiểu khu cũng đã nắm được từ lâu.

Mấy tối nay, tất cả những người bị Dương bảo với tôi là những phản động và ông Dương, ông Đại và các ông An, ông Dĩnh đã bị người ta tố cáo đều có mặt, đều là các chân chủ chốt ra tập luyện, ai cũng hăm hở và cười nói trò chuyện râm ran.

Bộ dụng cụ chữa cháy khá đẹp mắt, từ thùng đến gầu, đến bơm đều sơn đỏ bóng nhoáng. Mười cái gầu sắt, một lô thùng xách nước, oai nhất cái xe hai bánh, trên lưng cồng một thùng tô nô chứa nước với cái bơm phun, mọi người đến vuốt tay lên và xuýt xoa gọi là cái máy bơm, ồ cái máy bơm. Nước đổ vào lòng thùng, hai đội viên dân phòng hùng hổ liên liên bơm, một người cầm cái vòi cao su vẩy nước chĩa lên chiếc vòng vành xe đạp treo trên đầu cái thang. Tia nước phọt được vào giữa vòng, thế là trúng đích. Người được nhắc vòi xả nước trúng vòng phải là đội trưởng, đội phó. Cả đám xách nước, bơm nước chen nhau, mặt phùng phùng như ộp đồng. Cuộc tập dượt làm cho hàng phố nô nức ra xem. Cái gầu, cái bơm, cái xe, cái vòi và có đến một trăm mét ống cao su đều của mọi người ủng hộ. Hội thi, trên khu phát tiền chè nước và một yến gạo, mỗi tối tập đến khuya, tổ phụ nữ đã nấu chín nồi cháo hoa, giải lao húp cháo, mỗi bát rắc vài hạt muối.

Tưng bừng nhất cái tối lên hội thi trên Cửa Đông. Đội dân phòng đồng phục ba mươi người áo quần xanh công nhân, giày vải tím, có người đi bất lừng đầu đội mũ sắt trên chòm có mào con gà của lính cứu hoả Pháp ngày trước, cả mũ sắt nhựa quân đội khối Varsovie nhẹ nhàng bóng lộn, tròn xoe. Trong đoàn có bốn nữ các cô tổ đan len, cô công nhân nhà máy kẹo Hải Hà, cũng mũ sắt quần áo sơ mi xanh hết nam giới. Vừa đi mượn được, mọi khi tập không thấy diện một loạt khéo thế.

Đội viên sắp hàng ba, hai người đi đầu cầm cán bằng vải đỏ dính dòng chữ: Đội dân phòng khối 98.

Trong hàng, chốc lại phát ra tiếng hô một hai, một hai, chỉnh đốn bước đi đều phăm phấp. Tôi và Dương đi đầu hàng, cánh tay đeo băng, ra lối các người phụ trách. Cái còi kèn trắng quàng dây đeo trước ngực, nhưng chưa thấy bảo vệ Dương thối tiếng nào. Nhiều người tận dưới phố tôi, đông nhất là trẻ con đuổi theo nhìn dân phòng đi đều bước, người lớn thì tò mò lên xem thi thố ra sao, kết quả mấy hôm thức đồ mồ hôi tập. Mười bốn đội về hội thi. Đội khối tôi đã được tập trung vào chỗ qui định có tờ giấy treo đánh số. Cả đoạn đầu đường công an ngăn xe cộ qua lại bằng một hàng sáu chiếc xe đạp dựa ngang. Đèn điện mắc sáng chói cả vào vòm lá sấu âm u. Các phố xung quanh đổ ra đông như hội.

Tôi nhận ra cái gác lợp lá sấu đầu nhà kia, ngày trước Huyền Kiều thuê ở đấy, hồi đi dạy lớp tiểu học trường Lui Patstơ. Đình Hùng, Nguyệt Hồ, chúng tôi đến chơi hay ngồi thành cửa sổ, nhìn xuống đường. Hiệu tạp hoá Sinômura của Nhật nhà hai tầng ở gác ngã tư. Đằng kia, phố Thiên Tân, ngày xưa, người ấy ở phố đấy. Chập tối, đứng đợi chỗ ngã ba Cửa Đông này. Rồi hai đứa lên vườn hoa Canh Nông.

Bây giờ tôi đi dẫn đội dân phòng vào. Một thoáng xa, chẳng bận bao giờ đến nhau, nhưng cùng một chỗ này, kể cũng lạ một thoáng ngậm ngùi. Đội phố tôi bị xếp gần cuối. Chờ lâu, càng hồi hộp. Đến lúc giật mình loa gọi... alô... a lô... 98, bảo vệ Dương nhảy phắt ra, thối cái còi kèn tuýt tuýt, tiếng kêu anh ánh.

Cả đội rầm rập đẩy cái xe máy bơm. Rồi xách nước, đổ nước, thay nhau tuần tự bơm, đội trưởng đội phó lần lượt cầm vòi vẩy nước lên cái vành xe đạp bọc giấy thiếc lấp lánh treo giữa bậc thang.

Năm lần vẩy vòi, lần thứ tư cố nhất cũng không lên được cái vành sắt. Cứ gần đụng tới thì ngọn nước lại cong xuống. Thế là thua, thua đứt đuôi rồi. Tôi như ù hai tai. Các tối tập ở nhà lần nào cũng rọi nước vọt tung toé, cả các chị cũng vẩy trúng vòng. Sao lên đây lại đốn mả thế, mà anh em đã cố gắng hết sức.

Ngoài ngã tư, các đội được giải, chốc lại nghe gọi tên, người vỗ tay hoan hô rầm rầm. Không biết phần thưởng thế nào, người tuôn lên chỗ loa réo. Chúng tôi chẳng còn ngồi được đến nơi vinh quang ấy, thua tiu nghỉu, ngoảnh ra ngay.

Tôi nhớ việc của tôi. Tôi trèo lên lưng cái thùng tô nô, bắc hai bàn tay làm loa. Cảm như võ sĩ Bọ Ngựa, vừa ngố vừa oai, tôi hét:.

- Các đồng chí khối 98 trật tự... Cả đội đi đều, bước!

Đội dân phòng tiếp theo... một hai... một hai... Nhưng nghe như đuổi hơi. Tôi còn ngấm dư vị tiếng quát ra lệnh trước hàng quân. Nhưng đến lúc nhìn bánh sắt cộc cộc, cái xe máy bơm đầu nghếch lên như con voi trện, bây giờ vẫn nó mà thấy như cái xe bò tôi tả không ai buồn đẩy.

Về tới trụ sở, xe nước và vòi bơm quăng đấy, nhiều người vào húp vội bát cháo rồi đi ngay, mà hôm ấy cháo bồi dưỡng có thịt lợn băm. Uất quá, bức quá. Phó ban Đại nói nhỏ với tôi:

- Cái anh Dương nó xỏ lá. Bác mới ra làm việc mà nó cũng không kiêng, đều thật.

- Thế nào?

- Những hôm tập ở nhà nó treo vòng thấp, anh em cứ cữ ấy vắt vòi phun lên. Đến đây thì vòng chuẩn cao hơn ba gang tay. Thế là mất đà, mặt mo cả lũ.

- Sao anh biết?

- Thợ mộc chúng tôi đo bằng mắt, con mắt là cái thước, bác ạ.

- Dương cũng vào phun nước cơ mà?

- ấy thế mới thâm!

Đại bảo tôi phải làm cho ra nhẽ. Tôi nghĩ “cho ra nhẽ” cũng chẳng đi đến đâu, chẳng nào cũng thua rồi.

Chẳng bao lâu lại sắp Tết. Công tác ở phố đã được ngót một năm và gia đình tôi về ở nhà này cũng gần mười năm rồi.

Các con tôi đã cọ gạch hoa, mua vôi vàng quét tường trước cửa- như phong tục ông ngoại tôi ở quê ngày trước, sắp Tết lại quét vôi trắng vẽ vòng tròn cánh cung lên mặt tường. Tôi xuống tận chợ Mơ tìm mua cái khánh, con cá đất nung về treo cây nêu, mà không đâu có.

Nhà tôi cách một quãng phố ngăn ra bờ hồ Thiên Cung. Tôi sinh ở nhà ông bà ngoại xóm Giữa làng Nghè xã Nghĩa Đô. Cái nhà tôi ở thuở bé, mẹ tôi và các dì đã bán từ lâu. Trở lại Hà Nội, tôi thuê nhà ngoài phố, đầu tiên ở trên gác gần chợ Hôm. Đan Hà, Đan Thanh và các con chúng tôi mới bốn năm tuổi nghịch ngợm nhảy chơi sàn nhà gỗ, bà chủ phàn nàn quá.

Tôi đi qua cuối phố gần chợ Đuối, thấy một nhà treo mảnh các tông đề “nhà cho thuê” tôi dọn xuống. Ít lâu, Nguyễn Văn Tước - sinh viên mỹ học tôi quen ở Matxcơva tốt nghiệp về đi tìm nhà ở mách tôi trên phố có nhà muốn bán. Trong ngõ hẻm, căn nhà một tầng hơn sáu mươi thước vuông. Chủ nhà, một ông công chức về hưu đã luống tuổi, cũng mới ở nhà này mấy năm muốn ra ở ngoại ô.

Tôi đã mua nhà bằng tiền kịch bản Vợ chồng A Phủ, vừa làm phim lại vừa in sách - cả thảy trên hai nghìn đồng. Văn tự nhà, hai bên thoả thuận viết hạ xuống một nghìn rưỡi để ttánh thuế - ông làm mỗi nhà xui thế. Trong ngõ có hơn mười cái nhà liền một bên, trước mặt là tường một cơ quan. Có mấy nhà tư, lẫn nhà thuê của thành phố. Ngõ cụt, không phải người ở trong ấy thì không ai đi vào làm gì. Bởi vậy, đi tìm phố, có khi hỏi công an trật tự cũng không biết phố này. Trên đầu tường nhà tôi - miếng lá vả trát giữa, hai cột trụ đỡ nôi chữ số 1923 năm xây, mái lợp ngói Satic của nhà máy gạch Tây phố Quan Thánh. Cái năm chữa làm gác xép, dỡ những cột rầm trong lòng tường ra đầu cột bọc giấy trang kim chống mọt.

Các hoạ sĩ Huỳnh Văn Gấm, Trần Văn Lắm trong Nam ra học trường Mỹ thuật Đông Dương đều đã trọ học ngõ này. Các anh còn nhớ trong nhà có cái giếng.

Nhà tôi ở, trần cốt quét vôi còn hai cái móc sắt để mắc quạt kéo. ở sân bếp, một cái giếng mạch ngang, nước sủi váng vàng ố, nước để giặt rũ, không làm nước tắm nước ăn được.

Nhà như cái ống thế mà người ở phố này từ thời Tây nói nhà tôi có đến ba bốn chủ ở. Chồng đồng gồng gánh bán quà sáng, quà tối, góc nhà quây lại nuôi cả lợn ở chung với người. Hôm nay đầu ngõ vẫn còn một vòi nước công cộng trước ở vỉa hè ngoài đường được chuyển vào ngõ, tuổi cái vòi nước ấy phải ngót thế kỷ.

Những năm Mỹ ném bom thành phố, các con đi sơ tán, vợ tôi lăm đêm trực chiến cơ quan, cái giếng làm hầm trú ẩn cho tôi. Nhà toán học Lê Văn Thiêm kể chuyện khi Berlin bị quân Đồng Minh bao vây tấn công, nã đại bác và ném bom cả tháng liền. Ngày đêm, Thiêm và các bạn học đã chui xuống ăn ngủ trong lòng giếng cạn giữa thành phố.

Chúng tôi dọn đến, đồ đạc chỉ một xe xích lô, hàng phố không ai biết. Mỗi người đến một túi, một ba lô còn gọn hơn. Khi ở hẳn, hai bên láng giềng mới biết nhà có chủ mới. Vợ chồng tải bằng xe đạp hay xách bộ, một cái giường nan vầu, một tủ đứng hai ngăn, một bàn gỗ lim dài một thước, mấy túi xoong nồi, quần áo. Những đồ đạc ấy về sắm ở chợ Giời. Đến bây giờ vẫn còn, chỉ vứt đi cái giường vầu gãy nan. Chiếc bàn gỗ lim cứng như sắt, mỗi xông cứng không nhả được, để làm bàn thờ.

Dẫu sao, nhà ở mới cũng thoáng hơn cái buồng bốn thước vuông chợ Đuối. Nhưng hai con gái tôi thì sợ. Những đứa trẻ nhìn cái nhà bằng con mắt hãi hùng như ngày trước tôi ở túp nhà cô hồn như nhà hoang của ông bà ngoại, mà tôi đã nhớ lại trong những trang mở đầu Cỏ dại. Khi nhà vắng, chỉ có hai chị em, chỗ nào cũng thấy ma hiện ra. Không dám ra gần thành giếng, ma dìm chết. Cái cửa nách nhà rêu trơn u ám quá, trong kia, trên tường lù lù dây móng rồng xanh eo éo như con ma xoắn tóc. Đã tan học, bố mẹ đi làm chưa về, ở trường về không đứa nào dám vào nhà, chị em ra đầu ngõ ngồi ngóng.

Có lẽ đến năm tôi làm công tác khu phố, các tổ trưởng tổ phó họp ngay cạnh bàn viết của tôi kín ra đến cửa và rồi có đông các em hơn, mà bấy giờ cũng nhốn nhao rồi, các con tôi mới thấy nhà đỡ u ám.

Người ta nói ngày trước lòng hồ ăn vào tận đầu phố, có cầu ao bắc ra, nước ăn nước rửa đều ở hồ.

Bây giờ hồ lùi ra bên kia đường, nhưng mỗi khi mưa to lại như hồ ngày trước, nước dềnh vào tận các phố, các ngõ, có khi ngập liền mấy ngày. Trẻ con lội chơi, cả lũ kêu loạn xạ, gập con rắn nước ở đầu ngoi ra.

Dáng dấp các phố vùng này cũng là kiến trúc phố cũ thời Pháp mà qui hoạch và bảo tàng thành phố chưa để ý. Không đặt tên phố (rue) mà Tây gọi là khu vườn phố (cité immobilière), không biết ai đã dịch ra là xóm, giữa phường phố có một cái xóm. Các ngõ ngoắt ngoéo, có đến năm sáu lối thông ra các phố bên. Nhà xây đá tảng chống ngập nước một tầng lửng, cột đá cột gạch đỡ sàn gỗ. Xung quanh mỗi nhà, vườn nho nhỏ, cây nhãn, cây cau. ở đây trước xưa khi chỉ có người Pháp ở, thường là công chức các sở Liêm phóng Bắc kỳ, công ty hoả xa Vân Nam, những công sở gần đấy.

Nhà thơ Ngô Linh Ngọc kể ngày trước trong phố có nhà của Jean Marquet mà anh ấy còn nhớ cả số nhà, ông ta làm sở Đoan và là văn sĩ thuộc địa đã viết quyển Năm bông hoa (Bắc, Trung, Nam kỳ, Ai lao, Cao Miên), có bài trích sách tập đọc tiếng Pháp và những tiểu thuyết phong tục ngô nghê của mắt ông Tây xem người bản xứ. Học trò lớp ba lớp tư chúng tôi phải học thuộc lòng, đọc ra rả như cuộc kê, tận bây giờ còn nhớ: Il fait froid! Il fait froid! De longues rafales parcourent le Ton Kin. Les feuilles du banian rougeoient le sol... Trời lạnh rồi! Trời lạnh rồi! Từng cơn gió bắc đã thổi qua xứ Bắc Kỳ. Những lá đa rụng đỏ mặt

đất... Chắc lá bàng, Tây gọi là lá đa.

Những tên xóm Hạ Hồi, phố Nguyễn Du, phố Nguyễn Gia Thiều đều là tên mà ông thị trưởng thời Nhật bác sĩ Trần Văn Lai đã đặt. Năm 1945, phố Nguyễn Gia Thiều, nhưng được gọi chức và tên hiệu là Ôn Như Hầu. Cái nhà ở gần đầu phố, công an đã ập vào bắt hết bọn Quốc dân đảng ở đấy. Tôi là phóng viên báo Cứu Quốc, đã vào nhà này. Hồi ấy, một số toà nhà tương tự, Quốc dân đảng đóng rải rác các phố. ở đây, ở hàng Bún, ở đường Quan Thánh, trụ sở Trung ương Quốc dân đảng đóng ở trường Yên Thành, lại chiếm cả khu các phố trong bán đảo Ngũ Xã hồ Trúc Bạch. Còn nhiều nhà ở kín, khó biết, mà cái nhà hai tầng ở Ôn Như Hầu này cũng là cơ quan bí mật của Quốc dân đảng.

Nhà có một vườn nhỏ đằng sau, liền hai bên hàng xóm. Những người bị giết trong nhà khi đào xác lên còn thấy quang gánh, nón lá. Người sang trọng bị tống tiền, cả người bán phở, cháo gà, bánh giò bánh giò, thức ăn đêm, bọn canh gác gọi vào, ăn rồi quẹt tiền, đánh chết người, vùi xác trong vườn. Nhà ở lán giềng đã phát giác ra tiếng gào khóc đêm khuya. Đây là mấy chục năm trước, hôm nay đi qua chỉ thấy một phố thoáng đàng, yên tĩnh dưới hàng cây phượng lưa thưa. Nhưng mà chỉ cũng là bề ngoài của những sinh hoạt đời thường.

Bỗng có người gọi: “Ông hoà giải ời! ông ra mà can, không thì vợ chồng nhà nó giết nhau kia kìa”. Tôi biết rồi, lão quét vôi thuê đi làm về, say rượu, dọa giết vợ. Trông lão gầy kheo khur, mà bà lão thì to béo như con trâu trướng. Tôi quát: “Im đi! Trật tự! ". Bà lão mếu máo: “Xin ông bắt nó lên đồn công an đêm nay, không có thì nó giết em mất". Lão đã nằm quay mặt vào tường ngáy khò khò. Tôi lững thững về.

Đầu phố đàng này có toà nhà ba tầng, cửa sổ trở ra như những lỗ tổ ong. Mỗi chủ ở một buồng, buồng trong buồng ngoài, túi bụi, nhếch nhác. Dưới sân, người ngồi giặt, người giã cua, người chẻ củi, trẻ con nhảy nhót, những cụ già móm mém nhìn ra đường. Chỉ thiếu cảnh sưởi nắng lần tay áo nhá trứng rận, không thì chẳng khác sân làng quê một ngày nắng hanh. Tôi đi quan sát qua các nhà trong khối phố. Đại bảo tôi nhà này của một ông trước làm quan, cự phú, người ở nhờ không phải thuê, đều là các con cháu được gọi đến cho ở, thành phố không lấy nhà được.

Tôi biết thế. Cô Đàng, công an, bảo:

- Lũ trẻ con phố này hay trêu ghẹo ông cụ ở chỗ nhà ba tầng. Bác dọa chúng nó phải lễ phép với người già. Bác bảo thì chúng nó nghe hơn tôi nói.

Rồi cô Đàng kể:

- Cụ ấy ngồi đá ngoài vỉa hè, chúng nó hét đá đảo. Tôi bảo không được làm thế, chúng nó cãi: ông này đá đường làm mất vệ sinh, cô công an không bắt thì để chúng cháu bắt.

Tôi trông thấy trong nhà thường đi ra một ông lão người nhỏ thó, mặt và râu nhọt nhọt, áo sơ mi trong áo vét tử tế nhưng đã cũ. Cụ ra vỉa hè, ngồi xuống vén ống quần. Mấy đứa trẻ như đã rình đằng kia, vừa chạy

lại vừa la: “Chúng mày ơi! Lại xem cụ đáí... cụ sắp đáí! ”. Nghe chúng nó gọi nhau thế, cụ lại đứng lên, thông thả đi vào trong. Nhưng quả là có hôm khác tôi trông thấy cụ ngồi xuống, vạch quần ra đáí tự nhiên.

Người già cũng như trẻ con, đứng đâu đáí chẳng được.

Ta nhìn nhiều cũng đã quen. Chỉ còn ngỡng, nếu khi nào đưa khách nước ngoài từ sân bay vào thành phố, thỉnh thoảng trông thấy các chị đi trên đê, đương gồng gánh tong tả, lại xắn quần, đứng giăng háng ra. Cô Đàng hỏi:

- Cụ ấy trước là cán bộ cao cấp đấy, bác đã bảo các cháu phải lễ phép chưa?

Cô biết cụ là cán bộ gì...

- Trong sổ hộ khẩu tên cụ là Vi Văn Định.

- à thế thì cụ là quan đế quốc, không phải cao cấp ta.

Tôi nghe tiếng Vi Văn Định từ thuở nhỏ, khi làm tổng đốc Hà Đông. Bây giờ mới biết mặt cụ Vi Văn Định, mà tôi tưởng phải to con, dữ tợn, hách dịch, bởi cứ nhớ nghe chuyện người làng tôi kể Vi Văn Định ghét bèo Nhật, đến làng nào trông thấy bèo Nhật dưới ao, quan bắt nọc lý trưởng, phó lý phạt đánh roi giữa sân đình. Sau này, đi công tác lên Lạng Sơn tôi đã vào Bản Châu huyện Lộc Bình quê ông ấy. Dinh cơ của Vi Văn Định khang trang, như lâu đài, như toà thành, đoàn chuyên gia lão nông tri điền của tỉnh Quảng Tây Trung Quốc sang giúp Lạng Sơn trồng ngô giống mới đã ở cả tháng trong trang trại ấy. Nghe nói từ năm xuống xuôi làm quan rồi lên chức tổng đốc tỉnh Thái Bình thì ông không về quê nữa. Nguyễn Công Hoan kể: ở thị xã Thái Bình, buổi trưa ai lê guốc ngoài đường mà trong dinh nghe tiếng, tổng đốc Vi Văn Định cho lính bắt vào đánh..

Ra cái cụ gầy còm lù khù ấy là Vi Văn Định. Cụ lại ra vỉa hè, lừ đừ thông thả đi.

- Chào cụ Vi.

Ông cụ ngược mặt. Tôi nói:

- Tôi đã đuổi đám trẻ con hỗn với cụ, cụ cứ đáí tự nhiên.

Cụ Vi nói khe khẽ:

- Ông nhặt cho tôi hòn đá, tôi ném vỡ đầu có thằng. Ông trông tay tôi cứng gân thế này.

Cụ giơ cánh tay, cổ tay cụ nổi gân xanh như que đóm, không cứng gân như cụ tưởng tượng. Cụ lại nói:

- ăn thịt mỡ, ăn mỡ cả lá, ăn mỡ thì khoẻ cái ấy lắm, ông ạ.

Tôi quen ông nhiếp ảnh Lê Đình Chữ ở phố trên, người cũng trạc tuổi các cụ Vi, cụ Võ An Ninh. Các cụ già dĩ mồm hay khoe khỏe cái ấy. Cụ Chữ chiều chiều đi ăn cơm bụi rồi uống cà phê đen. Cụ Chữ, cụ Võ cũng khuyên tôi ăn nhiều mỡ, ăn mỡ lá... Các lão kênh tám chín mười lần lộn hoài cổ với hoang tưởng.

Tôi không bắt chuyện ăn nhiều mỡ của cụ Vi, tôi hỏi:

- Cụ có hay về chơi Lạng Sơn không?

Cụ Vi nhìn tôi, lơ dờ mắt và lặng im. Cụ biết tôi biết cụ hay là cụ nhãng tính, nặng tai, hay là cụ vờ nhớ nhớ quên quên không muốn nhắc chuyện cũ.

Chữ ký và chứng nhận, chứng nhận và chữ ký, tôi bận nhiều nhất công chuyện này. Đường như ngày nào cũng có, tờ giấy đơn giản mà phức tạp.

Bà ái kể lể:

- Tôi với bà Lữ lên phố Lãn ông. Chúng tôi đương ăn cái ngô luộc thì cán bộ phòng thương nghiệp ra khám túi. Chúng nó lấy của tôi 9 đồng bạc, nửa cân phiếu đường một cân phiếu thịt, 20 cân phiếu bột mì. Oan ức tôi quá. Bà Lữ ấy mà, về nằm rên suốt đêm, gần sáng thì chết.

- Tại sao bà ấy chết?

- Uất quá mà chết, chết thiệt thân, có bằng chứng giết người đâu mà kiện, có mà kiện củ khoai.

- Thế bà đến kêu việc gì?

- Xin ông cái giấy chứng nhận tôi không buôn bán lẽ đường, tôi đã học tập, tôi không vi phạm quản lý thị trường. Trả cho tôi các thứ...

Tôi nghĩ vài cái lật vạt, bắt cũng chẳng ra thế nào.

Tôi nói:

- Bà vẫn buôn bán lẽ đường nên mới bị thu đấy. Người ta thuộc mặt bà rồi. Tôi chứng nhân cho bà lần này, lần này nữa thôi.

Ông kia mới chuyển đến, xin chứng nhận cho con được học đúng tuyến. Một ông bỏ vùng kinh tế mới trên rừng trở về, chưa nhập lại được hộ khẩu, không có sổ gạo.

Tôi nói:

- Ông thì việc con đi học, ông thì phải có gạo ăn, tôi cho giấy một lần rồi phải đi lo ngay hộ khẩu đấy.

Một chị được sĩ đến.

- Người nhà em bên Pháp gửi quà về. Xin ông chứng nhận cho em mới nhận quà lần đầu.

- Quà gì?

- Một cái xe ca mi ông, một ít thuốc.

Tôi trả lời:

- Tôi chứng nhận cho chị có hộ khẩu ở phố này.

- Em chưa nhận quà bao giờ.

- Tôi không biết, tôi không chứng nhận được.

Ngày mai, ngày kia lại những việc tương tự.

ở rải rác trong phố có mấy nhà có tên gọi là hộ đặc biệt. Hộ đặc biệt khác các nhà khác. Nhà biệt thự, cửa sổ trên gác không mấy khi mở. Có ô tô đưa đón, cửa xe treo rèm vải hoa, không trông thấy người ngồi trong. Cổng trấn song sắt, một tấm tôn che kín, khoá và xích xù xì xoàng, bên trên có nút bấm chuông điện.

Các hộ này không liên quan đến khối phố. Không có tên hộ khẩu ở sổ cái của ban bảo vệ. Hàng năm, không phải bận lên danh sách tem phiếu. Chỉ mỗi dịp bầu cử thành phố hay Quốc hội, chúng tôi phát thẻ cử tri cho các hộ ấy và vị chủ hộ được giấy mời ra dự khai mạc, ngồi ghế danh dự trên hàng đầu và được bỏ phiếu trước. Đã mấy dịp thế, nhưng tôi không biết, cũng chẳng làm quen với ai, chỉ đoán cụ nội chính, cụ thương nghiệp, cụ phó thủ tướng...

Thế mà cũng vẫn có việc phải làm với các hộ này.

Việc thứ nhất là cái chuông bấm. Trẻ con hay với tay lên bấm chơi một cái rồi chạy. Tôi nhận được công văn cơ quan phê bình để “nhân dân cãi nhau mất đoàn kết” và “không giáo dục thiếu nhi để trẻ nghịch bấm chuông cổng mất trật tự.

Đầu ngõ kia, một số nhà có nhiều hộ ở chân tường mà bên trong là một hộ đặc biệt ở cơ quan. Cái số nhà lẫn hộ này chật chội kinh khủng, suốt ngày đùng chạm lũng cụng to tiếng như có bệnh cãi nhau. Nhưng không khi nào xô xát dao gậy., họ loạn xạ chán rồi im dần. Ban hoà giải đã đến mấy lần, chưa có cách nào dẹp được. Cơ quan nọ phê bình, tôi không trả lời.

Lần sau, hàng xóm cách tường cãi nhau, cơ quan cho cán bộ bảo vệ sang tận nơi. Nhưng các người ta chỉ ngồi một chỗ ném lời qua tiếng lại, tức quá thì vắng xa xả, chưa phạm tội an. Không đứng lên nắm tóc, đấm đá, cáo cấu, giằng xé. Đồng chí bảo vệ không biết can thế nào, nói nhỏ nhẹ hay nói xẵng, chẳng ai chịu im

mồm. Mấy lần sau cũng chẳng doạ nổi, thôi không thấy sang nữa. Vị chủ hộ đặc biệt bên kia tường đành chịu đôi khi điếc tai, hay là đã dọn đi, tôi không biết.

Việc thứ là cái chuông bấm thì tôi đánh máy trả lời như công văn, cũng đánh số, đề ngày và ký tên cẩn thận. “Chúng tôi đã cấm thiếu nhi không được nghịch bấm chuông. Nhưng về mặt chủ động, chúng tôi không có điều kiện canh cổng nhà đồng chí 24/24.

Chúng tôi đề nghị đồng chí gắn cái chuông bấm lên cao quá đầu người thì trẻ con sẽ không nghịch được.

Kính chào quyết thắng".

Mấy hôm đi qua cổng, để ý thấy trên cổng sắt, chỗ bấm chuông đã gắn nhích lên lại đặt hõm vào trong tường, trẻ con kiễng chân cũng không tới được. Chắc các nhà có chuông bấm đã rỉ tai nhau, cổng nào cũng lắp chỗ bấm cao hơn. Các chú nhóc đành chịu. Không thấy nhà nào có lời cảm ơn khối phố có sáng kiến. Tôi đương phẩn khởi việc ấy. Thì tổ thanh niên báo cáo con gái vị thứ trưởng kia không hợp thanh niên, mời ra giúp thiếu nhi phố vui hè cũng không nhận, còn trả lời kênh kiệu. Chả là các cô các cậu ở các hộ đặc biệt cũng đi học tiểu học các trường quanh đấy. Chập tối, tôi cùng nhóm thanh niên đến nhà vị thứ trưởng. Tôi bảo một hai cậu thủ cái gậy, phòng nhà này có chó béc giê.

Dương bảo tôi:

- Không nên cho con thằng tù vào nhà hộ đặc biệt, anh ạ.

Ý Dương muốn nói Xuân, con ông Phong, ông Phong là công chức. Ông bị đi tù. Người ta nói lờ mờ ông hai mang, ông đã làm cho Tây thời bị chiếm. Tôi ra làm việc phố, ông Phong vào tù đã lâu. Đến năm ông được tha, tôi cũng thôi trưởng ban rồi. Ông đến chơi, có ý cảm ơn tôi đã đối tốt với con cái ông. Tôi hỏi: “Ông phải vắng nhà mấy năm?” - "Thưa cán bộ, mười năm rưỡi". Ông vẫn chưa quên cách thức thưa gửi trong trại tù.

Tôi trả lời Dương:

- Nó có phải tù như bố nó đâu, nó là thanh niên đường phố.

- Anh làm thế mạo hiểm quá.

Tôi cười.

- Mọi việc Xuân đều đầu tầu. Chôn chuột chết bả, đào sông Tô Lịch, dạy thiếu nhi sáng bè tập thể dục, thiếu nó thì rầy rà.

Dương nói theo ý nghĩ:

- Còn bố nó, còn lý lịch nhà nó. Anh mạo hiểm quá. Anh có phải là Nhân Văn không?

Tôi ngạc nhiên nhìn lại Dương. Dương thì chẳng biết Nhân Văn là thế nào, nhưng có thể có người đã bảo với anh và Dương đã hiểu Nhân Văn là có tội nặng, cán bộ nhà văn nhà báo mà lại phải vào hầm mỏ, đi nông trường, phải về công tác khu phố thì phải là có vấn đề. Buổi họp phố chỉ có các bà nội trợ, trẻ con hay cụ già, nhưng ở nhà thì chẳng thiếu người hiểu biết, cán bộ các ngành, người đi họp về kể lại và Dương.

Chắc đã nghe những lời đồn đoán về tôi. Với Dương, cho một đòn thế này thì hết thắc mắc, và lại phần khởi là cái chắc, tôi nói:

- Tôi làm việc cơ quan, tháng lĩnh lương, hay được đi nước ngoài, nhà treo bằng Huân Chương Kháng Chiến Hạng Nhất, anh trông thấy đấy, anh bảo tôi Nhân Văn ở chỗ nào?

Dương phân trần:

- Có đứa nói láo thế, tôi báo cáo lại với anh.

Xuống đến mọi người thì mọi chuyện đều cứ mơ hồ và cụ thể lẫn lộn lạc ra nhiều nghĩa khác nhau theo mỗi người. Một lần tôi tiếp ở cơ quan một người cháu Nguyễn Bính. Chị ấy là đối tượng kết nạp đảng của chi bộ. Có người phát hiện nhà thơ Nguyễn Bính là Nhân Văn. Hoang mang chẳng biết thế nào, cô đến hỏi cơ quan chúng tôi. Tôi đã trả lời: “Báo Trăm Hoa của chú Nguyễn Bính cháu không phải là báo Nhân Văn”. Rồi tôi phải viết xác nhận, cô mới chịu ra về.

Mục lục

Chuột Thành Phố:

Chuột Thành Phố (Tt):

O Chuột:

Một Cuộc Bế Dâu:

Mụ Ngan:

Đôi Ri Đá:

Con Mèo Lười:

Con Mèo Lười (Tt):

Chim Chích Lạc Rừng:

Chèo Bẻo Đánh Quạ:

Chèo Bẻo Đánh Quạ (2):

Chèo Bẻo Đánh Quạ (3):

Chèo Bẻo Đánh Quạ (4):

Chèo Bẻo Đánh Quạ (4):

CHIM CHÍCH LẠC RỪNG

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chuột Thành Phố:

rong cơn khói lửa, nhiều tập bản thảo của những anh em trong văn giới mà chúng tôi được giữ bị mất mát hết cả, không còn gì. Một sự tình cờ lạ lùng đã khiến cho chúng tôi lại thấy tập này: truyện Chuột thành phố của một cây bút rất quen thuộc trong tuần báo Tiểu thuyết Thứ bảy.

Bạn Tô Hoài hiện giờ còn xa vắng, chúng ta ở đây mà có một quyển truyện như Chuột thành phố để đọc trong lúc này, thật quý.

Chúng tôi xin nói thêm rằng truyện Chuột thành phố của Tô Hoài viết năm 1945 là lúc quân phiệt Nhật đương tràn lan sang đất nước ta.

(Mấy lời của NXB Tân Dân 1949 ở Hà Nội)

I

Từng chằng đèn ở khắp nơi, sáng rực lên. Thành phố Sài Gòn chói lọi trong ánh sáng. Mặt trời vừa khuất sau những mái lầu bên phía tây, đèn điện bật lên như ngăn trở không muốn cho đêm tối bén mảng đến. Người ở các ngã các xó lủ lượt ngổn ngang từng đoàn từng lũ kéo ra ngoài đường. Họ đi hóng mát. Vào các tiệm, uống ly cà phê, ly nước đá chanh, ly bốt la-de. Có người ăn hủ tít, một đĩa bánh hoi, bánh đập... Người ta ăn và uống rầm rĩ, túi bụi lên. Cảnh sống ban đêm của cái thành phố ánh sáng này đông đảo gấp mấy ban ngày.

Cùng với sự sinh hoạt rầm rộ nọ, có một sinh hoạt khác, cũng tấp nập, cũng đông đảo chẳng kém. Ấy là khi đêm lần lần về khuya, người dần dần vắng bớt đi. Ngoài đường, những ngọn đèn nhiều nến được tắt bỏ, đem về cho thành phố những nét dịu dàng mới. Bấy giờ, mặt đường tròn bóng. Người qua lại lác đác. Rồi thỉnh thoảng mới thấy một hai người đi chơi về khuya hoặc vụt qua một bóng xe đạp của thầy mã tà.

Đó, lúc đó, một thế giới hoạt động khác nổi lên. Trong các khe rãnh, các lối cống hai bên vệ đường, họ ra nhiều không thể đếm xiết. Họ đi mò mò. Nhiều lúc, vụt một cái, nối nhau chạy loắt nhөөt, loắt nhөөt vượt qua mặt đường cánh cung, bên này sang bên kia. Đó là khi đi chơi tiêu khiển, hoặc cũng là khi đi uống ly cà phê, ăn đĩa bánh hoi, chững chạc như mọi người ta. Thành phố của loài người nhưng quá nửa phần đêm về sáng nó thuộc về thành phố của họ.

Ấy là loài nào? Thưa, loài chuột, họ chuột chúng tôi. Phải, chúng tôi gớm ghê như thế đó, chứ sao. Chúng tôi thực xứng đáng với cái địa vị được đem ví von với loài người. Này, thử để ý xem: khắp bốn bề năm châu, chỗ nào có vết chân người, tất chỗ đó có vết chân chúng tôi. Người ở đâu, chúng tôi ở đây.

Người ăn gì, chúng tôi ăn nấy. Chúng tôi chỉ hơi khác khác với họ một điều. Như họ thì to lớn, mà chúng tôi thì bé, chỉ bé bằng cái cẳng tay người ta. Tiện đây xin cải chính một điều. Xưa nay, thiên hạ tưởng chúng tôi không biết nói. Xà! Bậy hết sức. Chúng tôi đây cũng biết nói như ai chứ! Chí chí, chúng tôi nói đó. Chúng tôi nói tiếng của chúng tôi. Cũng như người nói tiếng của người. Có cái ngôn ngữ bất đồng, nên cứ tưởng lẫn như vậy. Mà nói về những điểm hơn loài người chúng tôi đây lại còn hơn nhiều. Họ nói, chúng tôi nghe được rõ ràng từng tiếng và họ không nghe được tiếng chúng tôi. Chúng tôi, mới sinh ra đã có râu, có răng. Trẻ con nhà các người nứt mắt đâu đã có răng, đâu đã có râu! Ấy là chưa kể đến cái đuôi dài và nuốt nà rất mỹ thuật của chúng tôi, loài người không bao giờ có thể có được rồi. Kém những chỗ ấy nhé!

Nhưng mà hồi mọi người, mọi người yêu quý của tôi, tôi nói khuếch khoác thế, tất ai đó hẳn đã tức lắm. Chắc có người toan mắng: “Chuột nhép, sống núp bóng người ta, bằng nặng cái gì? Ông lại mua con mèo về thì có mà bỏ đời...” Thôi, thôi xin ai đừng mua ông mèo về. Tôi nói đùa mà chơi đấy. Thực ra xưa nay chúng tôi vẫn tôn phục loài người. Người đã làm nhà để cho chúng tôi có nơi ở kè. Người lại làm ra cái bếp để nấu nướng thức ăn, khiến cho chúng tôi có chỗ ăn kẹ. Thỉnh thoảng, người ta lại nuôi một vài chú gà con, để cho các chuột cụ trổ tài quắp trộm.

Chúng tôi lại biết rằng, loài người cũng chẳng khác loài chúng tôi. Ai ai cũng phải làm việc, để mưu sự sống còn. Biết bao nhiêu chông gai đầy rẫy trong lối đi của con đường đời. Vất vả quá, cực nhọc quá. Nhưng có vất vả, có cực nhọc mới đáng được sống ở trên đời, phải không.

Nói chi ai, như tôi đây. Tôi chỉ là một chàng chuột nhỏ bé trong cái quần chúng chuột ở khắp thế giới. Đời sống của tôi cũng vất vả, cực nhọc lắm nhưng tôi không lấy điều đó làm buồn, trái lại nữa. Tôi vui vì những luân lạc cũ. Tôi vui vì nổi, có lẫn lóc, đời mới dạy cho mình được lắm điều hay.

Tôi chắc bạn đọc yêu quý đương đợi tôi kể cho nghe một cuộc đời phiêu lưu, mạo hiểm chi đó. Bởi tôi biết các bạn thích loại chuyện này lắm. Không, đây chỉ là chuyện của đời tôi. Nó có được như những phiêu lưu, những mạo hiểm thì còn phải hỏi lại xem thế nào đã. Tôi chỉ biết rằng tôi muốn nói về những sự gian nan của một cuộc sống, khi ta phải

tranh sống để kiếm miếng ăn. Và tôi cũng muốn nói tới một sự giác ngộ cao cả mà tôi đã nhận được, sau nửa đời lẫn lóc.

Hôm nay, vui câu chuyện với các bạn yêu quý, tôi xin kể.

II

Khi còn ít tuổi hơn bây giờ, tình tình tôi khá kỳ khôi. Tôi cũng không còn nhớ rành rọt mấy. Nhưng có điều nhớ chắc là tôi rất huỳnh hoáng và rất nóng nảy.

Tôi hay soi bóng vào trong vại nước. Tôi gật gù cho tôi là một trang thiếu niên anh tuấn, là một mã

thượng phong lưu khách chí đó. Ôi chao, này này các chú thử ngắm tôi mà xem. Đầu tôi nhỏ và nhọn hoắt. Những anh chuột đầu nhỏ, thường là thông minh. Tôi thuộc vào hạng chuột nhỡ. Minh tôi phủ một lượt lông mượt bóng như nhung nõn. Hai hàng ria mép của tôi dài vênh lên. Bốn chân tôi nhỏ nhắn. Đôi mắt tôi long lanh.

Cả ngày, tôi soi ngắm bóng mình, tôi lại nhớn đi đàn đúm với một lũ trong xóm, cũng trạc tuổi với tôi. Tôi làm trùm bọn họ. Bởi tôi chạy nhanh, tôi nhảy, tôi khỏe mà lại biết võ. Biết võ? Tôi biết võ. Rồi tôi rong chơi lu bù. Có khi tôi đi mất mặt đến mấy ngày.

Thời đó, tôi ở với anh chị tôi. Mỗi bận đi chơi về, chị dâu thường căn nhắc, rầy la tôi. Tôi lấy làm khó chịu. Tôi cho chị tôi là một ả lắm điều. Có một lần, anh tôi mắng tôi :

- Mày chưa kiếm nổi cơm ăn, thì tao bảo gì phải biết nghe? Sao lại cứ chơi không cho hư thân mất nết đi.

Tôi cãi :

- Anh không được bĩ tôi như thế. Sao anh lại bảo tôi là không kiếm nổi cơm ăn.

- À, mày cũng lý sự giỏi nhỉ? Mày lý sự cùn, biết không? Mày giỏi nói, mày hãy đi mà kiếm cơm lấy, tao xem!

Tôi hếch mõm, cười nhạt :

- Anh đã đuổi, tôi xin đi...

- Mày đừng nói nặng. Tao không đuổi mày, nhưng...

- Nhưng anh đã nghe xúi bẩy mà đuổi tôi thì cũng thế.

- Tao nghe ai?

Tôi đáp lừng khờng :

- Nghe ai thì anh biết.

Anh tôi cười nhạt :

- Tao hiểu rồi. Mày nghi cho chị dâu đã xúi tao. Vì mỗi khi mày đi chơi lếu láo ở đâu về chị thường nói này nói nọ. Đừng ngờ xằng như vậy. Cái gì phải nhìn tận mặt, vạch tận trán hãy nên mở miệng. À, mày cũng khá nhỉ? Tao chỉ nói có thế, mà mày dám bảo rằng “anh đuổi tôi”. Được, đi hay không, tùy ý. Mày đã lớn rồi đấy. Ra ngoài đường, trông cái nọ ngó cái kia, cho rạn bớt kẻ mắt ra. Cũng phải.

Tôi quyết định rồi. Tôi quyết định chẳng ở với anh. Tôi phải đi chứ. Dù sao, tôi cũng cần có một cuộc đời riêng của tôi, không ỷ lại. Hôm sau tôi xin phép đi, tôi đợi ơn công anh chị nuôi tôi bấy lâu. Tôi thành thật nói thế.

- Mày đi thực à?

- Xin anh chị đừng tưởng tính tôi nóng nảy hay tôi giận dỗi gì anh chị. Không phải thế. Tôi đi là vì cuộc sống của tôi.

Anh tôi gật gù, liếc mắt nhìn tôi :

- Được, mày muốn đi thì đi. Nhưng tao cũng cứ dặn thêm mày rằng khi nào muốn về thì cứ trở về tự nhiên.

Chị dâu tôi còn tha đến cho tôi một miếng thịt gà. Có cái ý ngầm rằng chị chẳng lòng nào mà ghét bỏ em dâu. Tôi biết thế. Tôi ơn chị và gặm miếng thịt ngon lành.

Kể từ hôm đó, tôi đi khỏi nhà anh chị tôi. Lòng đầy hy vọng mới mẻ. Việc trước mắt, tôi đi tìm các bạn chơi của tôi mọi ngày. Để báo tin cho họ biết rằng từ giờ thì lúc nào tôi cũng có thể đi chơi với các anh em được. Tôi thấy họ hơi ngạc nhiên. Rồi một anh hỏi :

- Mày bỏ nhà thực chứ?

- Sao lại không thực! Tao đi, một điều chúng mày chẳng vẫn ao ước đó sao?

Tôi đáp thẳng thắn :

- Tao ăn với chúng mày. Chúng mày vẫn thường mong được có tao ăn chung đó sao?

Một thằng đạo mạo, thùng thẳng nói :

- Thừa quý hữu! Bạn bỏ nhà đi như thế, thực là một điều đại dột. Mọi khi, chúng tôi vẫn nói láo lếu thế chứ sự thực làm sao mà kiếm ăn, nuôi thêm được bạn. Các nhà ở xóm này, người ta cất thức ăn kỹ quá. Chúng tôi gầy rục cả lông đi đấy... Bạn hãy trở về với anh chị của bạn. Ăn cho no, ngủ cho kỹ. Rồi thỉnh thoảng, lại đây, anh em ta khiêu vũ chơi, có phải thích biết bao nhiêu.

Tôi tức quá :

- Chúng bay là những đồ tồi. Chúng bay sợ thiệt, đuổi tao đi đó phỏng? Thực tao không ngờ. Nhưng mà, được được. Tao cũng không cần chúng bay. Trước khi tao đi, chúng bay có giỏi, ra đây tỉ thí với tao một keo.

Tôi vỗ một thằng đứng gần tôi nhất, nhay cho nó một miếng. Lập tức, cả bọn chúng xúm lại chiến tôi.

Giá cứ đánh nhau tay đôi, tôi quyết chơi chết có thắng. Nhưng chúng đông quá. Những tên nào xưa kia kể vào hàng thân nhất của tôi, thì bây giờ lại càng giả tôi đau tận. Đau quá, tôi ngã lăn chổng bốn vó lên. Chúng bỏ chạy vào các hang, rồi lần thăng. Giá tôi có chết ở đây, chắc cũng đành là thối mạng.

Bò dậy, tôi nhìn quanh quất, không có bóng vía một tên nào. Tôi buồn và cũng nản hết sức. Buồn cho tình bạn, chán cho cảnh đời, vờ trông tương lai mờ mịt. Chao ôi! Tôi chắc chúng nuôi tôi. Tôi chắc chúng quý tôi. Tôi chắc chúng...

Hảo tất. Chúng lại còn đánh tôi là đẳng khác. Ra tranh sống với thiên hạ, không phải dễ dàng đâu. Anh ơi! Lúc này em lưỡng lự muốn quay về.

Tôi tự gạt ngay đi những ý tưởng đó. Xảy ra sự đáng tiếc này, chẳng qua là bấy lâu nay tôi mù, tôi chọn lầm bạn. Không nên vì một thất bại mà đã ngã lòng.

- Phải đi chứ! Phải đi!

Tôi nghĩ luôn thế. Trong im lặng, tôi lồm cồm chui ra ngoài bãi cỏ trước ngõ.

III

Bấy giờ đương là ban đêm vắng vẻ. Tôi bò đi dễ dàng qua một quãng dài, lần hết phố này tới phố khác.

Tôi quyết đi thực xa. Xa nhà của anh chị tôi. Và xa chỗ ở của lũ bạn xấu kia. Tôi muốn sống riêng biệt.

Trong cái thành phố đồ sộ này, tìm đâu mà chẳng ra một chỗ để nương náu tấm thân. Tôi kiếm, tôi ra kiếm mãi. Nhà cửa, đường sá và bờ bãi thì rộng thực, nhưng tìm một chỗ nương thân không phải dễ. Khắp nơi nơi, chỗ nào cũng đông nghịt. Có lẽ trên ván có bao nhiêu người ngồi thì dưới gầm, trong xó, cũng có gấp đôi từng ấy chuột.

Mãi sau, tôi cũng tìm được một nhà. Nhà này khá lắm, không ngờ mà tôi lại khéo tìm như vậy.

Căn nhà hai tầng, tường vàng hoe, cửa chớp màu xanh nõn. Tôi thông thả bước vào, mát mẻ, thánh mãnh lắm. Nhà ít người ở, mà lại rộng rãi, nên tôi tha hồ sạo sục, chẳng một ai nhòm thấy. Nhưng có một điều lạ, không có dấu vết một nhách chuột nào đã ở đây. Chẳng lẽ mà họ lại chưa tìm tới chỗ rộng rãi này, trong khi ở những nơi khác phải từng đàn mấy chục mống chen chúc? Tôi chạy nhón nhón hết nhà trên xuống nhà dưới. Tôi lại cố ý kêu lên mấy tiếng. Chẳng có ai đáp lời.

Ra sân, vực mồm vào máng bể, tôi uống một ngụm nước lã. Nước bám lên hai bên mép ria tôi. Tôi đứng rún rê, rung hai làn ria, ngấm nghĩ.

- Cha chả là sướng! Chưa ai đặt chân đến chỗ này. Ta là kẻ đến đây trước tiên. Tha hồ tung hoành. Đứa nào đến sau, phải vào hàng tôi tớ của ta. Ta sẽ có biết bao nhiêu là bộ hạ.

Tôi lùng khùng bò vào. Tôi chui xuống gầm cầu thang, đánh một giấc ngủ ngon lành.

Đến chiều, tôi thức dậy, bởi tiếng kèn hát kêu ọ ọ bên tai. À ra bữa cơm chiều đã xong, nhà người ta đương mở máy kèn hát nghe chơi. Nhà này chỉ có hai vợ chồng, hai đứa con và một anh bếp. Có con chó Ki Ki to bằng con bê lúc nào cũng nằm chồm chồm đầu hè. Tôi ở trong khe, trong ngách, dù có trông thấy tôi, Ki Ki cũng chẳng làm gì tôi tốt.

Tiếng kèn hát vui quá. Có lẽ tôi cũng bò ra nghe chơi. Nhưng bụng tôi đã đói. Tôi nghĩ mình cần phải ăn. Giờ ăn của người xong, bây giờ là giờ ăn của tôi. Tôi đứng đỉnh xuống bếp. Còn cái gì tôi chén tốt. Có ai vào đây nữa, mà ăn tranh. Con Ki Ki đã có phần của Ki Ki. Chỉ một mẫu bánh, một miếng thịt là đủ bữa ăn ngon của tôi.

Tôi vào bếp. Ồ, cái bếp lạ dữ! Một căn buồng vuông vắn, chiếc ống khói cao ngút và một cái tủ vuông chẳng thép mắt cáo. Trong tủ, treo lủng lẳng mấy miếng thịt bò, lẫn lóc mấy cái củ đậu. Ngoài ra, trên gạch, trên tường, sạch như lau, không một thứ khả dĩ có thể bỏ vào miệng được. Tôi tìm đến chậu nước vo gạo. Nước vo gạo không có một giọt. Mà thùng đựng rác thì tịnh chẳng thấy đâu.

Tôi đành ôm bụng móp, mò lên nhà trên. Lại đánh mấy ngum nước lã, rồi ngủ kên ở một xó gậm thang gác. Sáng hôm sau, tôi thức dậy sớm. Tôi đánh hơi được một mùi lạ lùng ghê gớm. Hai cánh mũi tôi nở hếch. Cả những chiếc răng nhọn cũng thò ra. Tôi hít vào những hơi thực dài. Ra đó là mùi thịt bò xào hành tây. Thịt bò xào hành tây thì thơm hết nói, thơm điếc cả mũi. Tôi muốn nhảy ngay xuống bếp. Nhưng vừa thoáng có con Ki Ki đi qua ngoài thang gác, tôi phải đứng nán lại. Ki Ki ra ngay ngoài đầu thang, nằm ịch xuống ngủ gối đầu vào hai chân trước. Hết lối ra của tôi. ỨC QUÁ, TÔI LẦM BẦM RỬA NÓ. Nhưng sau tôi cũng tìm được một lối khác trèo xuống bếp. Tôi thấy anh bếp vẫn đương khua hai đầu dũa vào chảo thịt. Khói thơm bốc ngạt ngào. Tôi cứ đứng trong xó mà hít bằng mũi, hít bằng mồm và muốn hít cả bằng mắt, bằng tai nữa. Chẳng bao lâu, anh bếp xào xào đã xong. Anh đổ thịt vào một cái đĩa to rồi bưng lên buồng ăn trên gác. Trước khi bưng đĩa thịt lên, anh đem bỏ cái chảo ra ngoài vòi nước máy, vẩy vòi nước chảy xuống ồ. Không nhẽ tôi lại đi theo anh lên buồng ăn. Có phải người ta làm cho tôi nhầm đâu mà tôi dám đi theo. Cái khôn ngoan của tôi, nếu tôi hiểu, là phải đứng nguyên dưới bếp, đợi khi anh mang đĩa thịt xuống, còn miếng nào tôi chén miếng ấy. Tôi đứng yên mà đợi anh bếp.

Chàng đã xuống, hai tay bưng khư khư cái đĩa. Tôi mừng quýnh, suýt nữa kêu bật ra thành tiếng. Nhưng cái đĩa chỉ còn là cái đĩa không. Một chút nước mỡ, anh ta cũng ngửa cổ liếm sạch. Rồi rửa bát, cất bát vào chạn.

Xét ra, ở trong cái nhà này, cái gì có thể ăn được, họ đều cho vào cái chạn chẳng lưới mắt cáo khóa tách lại. Tôi mất đường làm ăn! Nhà này không có vại gạo, không có chĩnh nước mắm, không có những đồ bếp núc như mọi nhà khác. Thực ra, tôi cũng chỉ mới biết được có cái nhà của anh chị tôi ở, từ tâm bé tới giờ.

Tôi lại bị đói một bữa nữa. Tôi vốn háu đói. Mới chỉ đói thế vậy, mà đã nôn nao, choáng váng cả người.

Đói, lại uống nước lã, lại ngủ. Ngủ cũng là cách để quên đói. Nhưng đói quá, rồi cũng không thể nhắm mắt mà ngủ được. Hai mắt tôi thao láo. Uống mãi nước lã, bụng xót như cào. Cứ thế, liền ba bốn ngày không bói được vật nhỏ gì bỏ vào miệng.

Cho đến ngày thứ tư, tôi đành phải bỏ đi. Tiếc căn nhà rộng rãi, kín đáo, ngăn nắp quá. Nhà đẹp, nhưng không có cái ăn, cũng chẳng thể ở được.

Tôi chui xuống công, lủi thủi. Khốn nạn, còn mấy nả hơi sức mà chẳng bò lủi thủi. Bốn năm ngày nhịn đói. Bụng tôi tóp xuống, giơ hai hàng xương sườn. Tai tôi rụng trắng cả da. Bò được một quãng xa, tôi vừa đứng lại nghỉ, thì đụng đầu với một gã chuột. Anh này cũng trạc tuổi tôi, nhưng béo mập đến cả đuôi. Anh ta hỏi tôi :

- Đi đâu mà cứt rử vậy?

Tôi không trả lời, chỉ dùng đuôi mà trở vào căn nhà hai tầng phía sau lưng. Anh ta cười ha hả :

- Nhịn đói phỏng?

Tôi gật.

- Mấy ngày rồi?

- Bốn.

- Dáng hảnh đàng ấy ở vùng khác đến?

Tôi gật.

- Thảo nào. Vùng này, ai còn lạ cái nhà đó. Nhà gạch, mái ngói nhưng không thể xờ múi gì.

- Tại sao thế?

- Họ ăn com tây chứ sao! Không có gạo. Không có nước mắm. Nghĩa là không có thứ gì ta lấy được. Ở đấy thì chỉ chết đói nhăn răng ra.

- Tôi không ngờ...

- Cũng nên ngờ một chút chứ. Đàng ấy tính, cái nhà gạch đẹp đẽ thế kia, làm sao mà cánh ta không có ai đến ở? Ất cũng vì có gì chớ? Thôi, tôi kuyên bác, từ giờ có đi kiếm ăn, đừng bèn mảng vào những cửa nhà giàu mà nguy hiểm.

Bỗng nhiên, tôi run rẩy khắp người.

- Sao thế?
- Không... hề... gi...
- Nóng lạnh phỏng?
- Không...

- A, bệnh đói rồi. Để tôi cho một miếng.

Nói xong, anh ta chạy miết. Một chốc, anh tha đến cho tôi nửa quả chuối tây. Tôi ngoạm đâu có độ ba miếng, hết nhẩn thì cũng tan cơn run rẩy, dạ đã nguôi nguôi.

- Thưa, tên anh là gì?
- Họ kêu tôi là Chuột Lốc, bởi tôi béo tròn lông lốc.
- Ổn này, không bao giờ dám quên. Em mong có ngày tái ngộ.

Chuột Lốc cười :

- Có hề gì. Anh em giúp nhau là sự thường.

CHIM CHÍCH LẠC RỪNG

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chuột Thành Phố (Tt):

Tôi đã tìm được một chỗ ở mới. Nơi này khác nơi trước, tôi đã biết sợ những cửa cao nhà rộng rồi. Bây giờ tôi mò tới một cái ngõ hơi lầy lội. Tôi nghĩ: đất này ắt có thể dung thân. Tôi vào núp ở một căn nhà trong ngõ.

Địa thế nơi ấy phức tạp. Nhưng đứng ngắm nghía một lúc, cũng có thể nhận được. Đó là một căn dài, chia từng gian một. Một con đường đi vào, rác rưởi nhớp nháp. Tôi đi qua các cửa sau, nghe nhà nào cũng lách rích tiếng chuột và trông thấy lưng cùng những mẩu đuôi thò ra ở các khe chạn. Đông quá. Tôi đã ngán, tưởng có lẽ mình không còn chỗ để ních đủ một bàn chân vào. Nhưng may sao, trong số những gian nhà này cũng có một gian không có tiếng chuột kêu và không trông thấy đuôi chuột ngoe nguẩy. Tôi vào.

Quả nhiên là nhà vắng. Cũng vắng vắng đâu tiếng chuột lách rích tận sau nhà. Như vậy, có thể biết trước rằng chỗ này có thể kiếm cách sinh nhai. Thú thực, kể ra giá có cỗ bò đi nơi khác cũng đã mỏi căng lắm. đành ở lại, muốn sao thì sao.

Chiều hôm ấy, một trận mưa lớn giáng xuống. Nước mưa xối mạnh như nước lũ, chảy cuồn cuộn trong ngõ. Bấy giờ đương là mùa mưa, ở Sài Gòn, thường có những trận mưa dữ như vậy. Nước như đổ từng chậu nước xuống đầu. Chuột tôi nằm he hé cặp mắt, nghe mưa đều đều. Tuy không có cái tâm hồn khác đời, để nghe mưa với một thú vị riêng, nhưng tôi cũng nghĩ rằng trời mưa thì dễ ngủ. Tôi ngủ một giấc li bì trong tiếng mưa ồ ạt.

Tôi chợt bừng mắt. Nước lạnh ở đâu xối vào lưng. Chưa kịp ngóc đầu, nước dội luôn vào tai. Trời, sao thế này? Xung quanh tôi, nước dâng lên mênh mông. Mẹ ơi, lụt rồi. Mà lụt ở trong nhà. Nước ngoài phía cửa tuôn vào ồ ồ. Trời đã tối. Trong nhà mờ mịt, không trông rõ gì cả. Trên chiếc giường giữa nhà, nghe có tiếng ngáy kho kho. Dáng hăn chủ nhà đã ngủ. Tôi không thể trù trù nán lại được. Những đồ đạc nhẹ trong nhà như guốc, như chổi đã bắt đầu trôi loanh quanh, đụng cả vào bụng tôi. Mà nước óc ách vào hai bên tai tôi rồi. Đứng lại đây, chết đuối mất. Tôi co bốn cẳng, bơi lờ lờ đi. Nước lạnh thấm vào người, rét quá. Tôi phải tìm một cái gì để leo lên. Bốn phía những nước. Nước đánh sóng vào bốn bề tường, như tiếng ếch kêu. Tôi vẫn chưa bấu được vào đâu. Tôi leo lên một chiếc guốc, mảnh guốc lộn đi, hất trả tôi xuống nước. Mãi sau, tôi chui lên được một cái bục gỗ.

Vừa lên tới nơi, tôi cụng đầu vào một gã chuột. Tuy trời tối, nhưng tôi quắc mắt, cũng trông thấy rõ. Gã chuột đã đứng tuổi, mình gầy như cái que nứa, đuôi tuột hết cả lông.

Tôi hỏi :

- Bác ở nhà này?

Gã thưa :

- Vâng.

- Ở một mình?

- Trước có cả vợ và con tôi.

- Bây giờ ở đâu?

- Ở đây đói quá, vợ con tôi bỗng nhau đi nơi khác rồi.

- Khổ mà bác cũng cứ ở?

- Đành vậy, chứ biết tính sao. Tôi ốm yếu, không đi được xa. Bác là người đâu ta?

- Tôi ở trên kia, xa lắm.

- Bác xuống làm ăn ở đây?

- Tôi cũng định thế. Bác bảo ở đây khổ sở là nghĩa thế nào?

- Bác muốn biết, thì cứ ở đây ít bữa. Còn bây giờ tôi buồn ngủ lắm.

Nói xong, chuột nhắm mắt và ngủ ngay tức thì. Tôi đứng đờ ra, rồi luẩn quẩn, cũng nằm phục xuống, gặm nhấm, vuốt lông cho đỡ ứt. Rồi cũng chớp mắt lúc nào.

* * * * *

Sáng hôm sau, mặt trời vừa ló ánh sáng vào đầu tường, nước ở trong nhà đã rút cạn hết. Trên nền gạch, đó đây ngổn ngang mấy chiếc guốc bơ vơ. Gã chuột gầy đã đi đâu mất, không biết. Tôi bắt đầu cuộc dò xét trong nhà.

Nhà vắng. Chủ nhà đã vác xe đạp đi đâu từ sáng sớm. Giữa gian buồng, có một cái giường nhỏ. Bên cạnh một chiếc tủ cao khóa kín. Gần đấy, một cái mắc áo, trên tường có một bức địa đồ. Dưới đất, xê cửa, một chiếc bàn con con, trên để mười thứ lặt vặt và lũng cùn mấy đôi giày vải. Trong nhà, chỉ có thế. Không thể tìm ra một vật gì hơn nữa. Chĩnh gạo không. Chai nước mắm không. Đến mấy ông vua bếp cũng không có nốt. Chẳng hiểu chủ nhà này họ sống ra sao? Quái thực.

Tôi lèn ra bãi cỏ, phía cửa sau, thấy gã chuột gầy đương đứng ngẩn ngơ, vêu mồm, nhìn xuống rãnh. Anh ta vừa nói vừa khóc :

- Bác ấy ơi! Đêm hôm qua, tôi mất một người anh em họ... hi... hi... Chú Chuột Chù nhà tôi...

- Chú ta đi đâu?

- Chết đuối. Nước lụt vào nhà, chết rồi.

Chuột Chù không biết leo, phải nước ngập mà chết, có lý lắm. Tôi khuyên anh chuột gầy không nên khóc nữa.

- Chết rồi, khóc cũng bằng thừa.

- Từ đây mà đi, một mình tôi thui thủi trong cái nhà này...

- Có tôi nữa chứ!

Anh ta ngược mắt nhìn tôi, hơi ngạc nhiên :

- Bác bằng lòng sống ở đây?

- Chúng ta nhận nhau làm anh em, ở chung cho vui nhà.

- Ở đây khổ lắm.

- Chả mùi gì. Tôi chịu khổ đã quen. Bây giờ bác dẫn tôi đi kiếm cái ăn. Tối giờ ăn rồi.

Gà dẫn tôi đi. Gã gầy lắm, lại thọt một chân sau.

- Tôi có tật từ khi mới sinh. Bởi vậy, tôi biệt hiệu là Chuột Thọt.

Chuột Thọt tập tễnh đưa tôi đến cái bàn nhỏ, bảo tôi cùng leo qua mặt bàn. Tôi leo. Mặt bàn có một cái đĩa trong đựng một bánh sà boong. Tôi hỏi :

- Thức ăn đâu?

- Đó.

- Bánh sà boong này a?

- Phải chứ.

- Mẹ ơi! Ai lại ăn sà boong!

- Hai năm nay, tôi chỉ ăn sà boong.

- Hèn chi, anh gầy như con mằm. Sà boong để giặt quần áo, ăn vào bụng, nó nạo ruột nạo gan ra, có mà chết toi.

- Ăn mãi cũng quen. Và lại, ở đây chỉ có một thức này để ăn. Tôi chưa biết thịt là gì cả.

Rồi anh cầm đầu xuống miếng sà boong. Hai chân gãi gãi, mồm húc húc, nhai nhỏ nhẻ từng ít một. Tôi cười bảo Chuột Thọt :

- Anh đừng ăn nhảm nhí vậy nữa. Rồi tôi kiểm gạo kiểm thịt cho anh cùng chén.

Nhưng gã cũng đã chén xong bữa sà boong hắc nhức mũi. Tôi đi kiểm. Nhưng trong nhà không có một thức gì ăn, ngoài bánh sà boong đó. Tôi hỏi :

- Vậy chủ nhà ăn gì?

- Họ không ăn cơm đây. Chỗ này chỉ là chỗ nằm ngủ.

Mò mãi không ra một thức gì ăn, tôi cũng phải húc mồm ăn sà boong, cắn miếng sà boong vào miệng, khó ăn thì ít - vì tôi đã quá đói - mà ngượng với anh Chuột Thọt nhiều. Đã trót khoác lác với anh. Sà boong đắng quá mà tôi cũng xơi được đúng một nửa. Thấy thế, Chuột Thọt sợ, bảo :

- Chết tôi rồi! Ăn lắm thế này, người ta biết.

- Sợ quái gì?

- Rồi người ta bắt đi thì mất ăn.

Nhưng mà đói thì không dừng được. Tôi ăn khỏe gấp mấy Chuột Thọt. Buổi chiều, tôi lại đánh hết một góc bánh sà boong, mặt dầu buồn nôn quá và bụng tôi cứ sôi lên ùng ục. Bánh sà boong to, bây giờ chỉ còn như một quả cau. Chuột Thọt sợ xanh mặt, run từ râu xuống đuôi. Hôm sau, chủ nhà, buổi sáng rửa mặt, nhìn đến bánh sà boong. Chủ nhà là một chàng trẻ tuổi, đi làm cho một xưởng máy. Chàng ngắm nghía bánh sà boong có những vết chân, vết răng chuột. Chàng cau mặt, lẩm bẩm :

- À, mấy con chuột nhãi! Phải cất sà boong vào tủ mới được.

Lập tức, chàng ta bỏ bánh sà boong vào tủ và khóa tách lại. Tôi nghe tiếng anh Chuột Thọt tấp tức khóc dưới gầm giường. Chắc anh oán tôi lắm. Mọi khi có một mình anh ăn - anh lại ăn yếu - nên chẳng thấm thía vào đâu. Tôi nhá hai bữa thì bằng anh rì rả mười bữa lợn. Chao ôi, khổ anh chuột tàn tật này. Tôi lại tìm lời an ủi anh. Và để an ủi cả tôi nữa. Vì tôi cũng đang lo lắng về vấn đề ăn không kém gì anh ta. Các nhà bên hàng xóm cũng đông chuột lắm. Và xem chừng cũng nghèo khổ, bữa no bữa đói như nhau. Vì dường như xóm này là xóm của những người đi làm, không mấy ai ăn cơm nhà.

Chúng tôi bắt đầu nhin đói. Đêm đến, nghe tiếng anh bạn nhai giấy ken két. Bỗng dưng, tôi ở đâu mò đến đây để làm khổ anh. Một đêm, tôi gọi Chuột Thọt :

- Đi theo tôi.

- Đi đâu?

- Ăn.

Anh theo tôi liền. Xuống dưới gầm bàn, tôi nhìn đôi giày, nói :

- Những cái này ăn được. Còn ngon hơn giấy.

Tôi ngậm chiếc dây giày. Có đoạn tôi nuốt chửng. Đoạn thì tôi nhả ra cho anh bạn ăn. Ăn dây giày chẳng khác ăn đất. Vậy mà chúng tôi cứ nhấm, cứ nhai lấy được. Song dù sao cũng có vị hơn giấy vụn. Chúng tôi đỡ đói được một phần ngày.

Nhưng, sự đỡ đói trong một lúc lại làm hại chúng tôi nhiều, mà lúc ăn chiếc dây giày nhát nhẽo, tôi không nghĩ tới. Sáng hôm sau anh chàng chủ nhà trở dậy đi làm, vớ giày để đi, thấy đứt mất một chiếc dây. Chàng ta cau mặt, lẩm bẩm “Chắc, lại chuột!”. Nhưng chàng vẫn xỏ đôi giày đứt dây vào chân, rồi đóng cửa lại, đạp xe đi làm như thường.

Ở nhà, chúng tôi lại đói. Bởi vậy, lẽ cố nhiên chúng tôi lôi đôi giày vải trắng ra gầm. Chúng tôi vật giày ra cấn rách toạc mép một chiếc.

Chẳng may, chiều về anh chủ nhà biết ngay. Anh ta gầm lên :

- Lại chuột! Chuột làm hại tôi!

Rồi anh cắt cả hai đôi giày vào tủ, khóa lại. Thôi thế là xong.

Đứng trong gầm, chúng tôi nhìn nhau, ngao ngán. Chúng tôi biết, nếu những đôi giày cứu tinh đó bị cắt đi, không thể còn một cái gì mà ăn cho đỡ đói lòng được nữa.

* * * * *

Anh Chuột Thọt lại khóc ti ti. Tôi yên lặng nghĩ một mưu kế mà chẳng ra mưu kế gì. Đó là cái cách của chúng tôi, hai ngày sau khi chủ nhà cắt đôi giày. Rồi tôi đi cầu cứu các bạn láng giềng. Nhưng ông nào, bà nào cũng nghèo mướp, lo kiếm cơm cho đàn con đông chưa đủ, thừa của đâu mà giúp cho ai được.

Tôi bảo Chuột Thọt :

- Ta phải bỏ cái nhà này, đi nơi khác. Trời đất rộng rãi bao la, chẳng nên chỉ rúc xó nhà mà chịu đói.

Chuột Thọt búi ngủ :

- Một mình anh đi thôi.

Anh giơ cái chân tập tễnh lên. Tôi hăng hái :

- Anh cứ cố đi. Anh cứ tin rằng có thể đi thì đi được. Chúng ta đi ngay chiều nay. Nếu trì hoãn tới sáng mai, thì đến đó là đi mất.

Tôi còn khuyến khích Chuột Thọt nhiều câu nữa. Búi tai và hứng chí, Thọt cũng bằng lòng. Ngay chiều đó, chúng tôi đi.

Đi được một quãng, Chuột Thọt rên la ầm ĩ. Bởi cái chân đau không thể bước được. Chuột khóc :

- Chết đói thì chết, tôi đành quay trở lại. Chân tôi đau thế này, không thể đi được nữa.

Chuột Thọt trở về. Tôi đứng trông theo cái bóng thất thểu cho tới khi khuất hẳn, mới lùng khùng đi. Từ đấy, không còn có lần nào gặp nữa. Không biết anh ta làm sao mà sống được, hay chỉ ngắc ngoải được vài hôm.

V

Tôi còn trải qua trăm cay nghìn đắng, nỗi cơ cực này đè lên nỗi cơ cực kia. Có khi nhịn ăn tới năm bữa. Có khi đói luôn hai ngày. Thế rồi cũng quen. Ra ai cũng sống vì thói quen. Và sở dĩ nên quen được cũng do một đức tính mà tôi đã luyện cho có được, trong bước đường gian nan. Đó là sự kiên gan không nản chí. Bởi nếu không, kiên gan, nếu nản chí, chắc tôi đã quay về với anh trai, chị dâu tôi từ lâu, cho được sự no thân ấm cật. Nhưng không, tôi đã nghĩ trái lại. Tôi cứ đi. Thôi kể chi nỗi khổ sở dọc đường, làm sao chỉ vài dòng mà hết được gian truân.

Trong đoạn đường đã trải qua, chỉ một việc nhỏ này, cũng đủ khiến bạn đọc có thể phải kinh hãi. Bữa ấy, tôi ngủ ở một nhà đầu phố. Chẳng may, lại trọ phải một nhà toàn chuột giặc, chuột kẻ cướp. Nghĩa là chúng nó chuyên phá hại của người ta. cắn quần, cắn áo. Cái gì cũng tha. Cái gì cũng gặm. Thậm chí, chúng đùa nhau, nhảy qua cả ngực người ta đương nằm ngủ. Rồi khi buồn rãnh, muốn gặm nhấm, chúng lẫn lộn kéo ra gặm cả chân những người đương nằm. Người ta triệt chúng bằng mọi cách. Nuôi mèo. Bỏ bả, giăng bẫy không vào. Còn hề trông thấy bác mèo dữ, chúng trốn biệt. Nhưng không phải đi hẳn. Lúc nào trời đất thái bình chúng lại trở về như thường.

Tôi trọ, đúng vào cái đêm người ta sửa soạn một cuộc đánh đuổi chúng kịch liệt. Nghe tiếng ầm ầm. Rồi tiếng chí chí. Chuột bị khua ở các khe nhà, chạy ra hàng đàn. Những ánh đèn rọi theo. Các cửa ngõ đều khép chặt. Chí nguy. Song, chỉ một loáng, lũ chuột ranh đã tẩu thoát, một cách rất nhen. Không một con nào bị chết vì một ngọn roi, vì một cán dao. Chúng đã khoét cái ngạch riêng, dù bít hết cửa, cũng có thể chuồn được.

Tôi luống cuống. Tôi luýnh quýnh. Những ngọn roi của người đập vun vút xuống xung quanh tôi. Tôi đã tưởng phen này thì chết oan. Trong lúc hỗn loạn, tôi nghe tiếng chí chí ở đâu khe cửa bên cạnh. Tôi nhảy phóc một cái.

Vút, một ngọn roi sắt trượt từ lưng tôi xuống. Tôi đau nhói. Nhưng tôi cũng thoát và ngã xoài ra ngoài cửa. Tôi bò dậy, chạy miết, quên cả hình như mình bị thương. Mãi đến khi tôi ngoái lại, mới biết đuôi mình bị ngọn roi giáng xuống xé rách một mẩu. Máu chảy loe loét. Tôi đau thì ít, mà lo lắng thì nhiều. Nhưng lũ chuột vô hạnh kia cứ rồn tôi hoài. Chúng coi sự đau đớn của ai khác là một trò đùa. Bởi chúng đùa với cái chết cũng đã quen. Chúng hô :

- Đặt tên cho anh này là thằng Chuột Cộc.

- Chí chí chí!

Tôi đẩy, biệt hiệu mới của tôi là Chuột Cộc. Tôi mỉm cười. Tôi nghĩ có cái biệt hiệu như vậy, cũng hay hay. Nó gợi mãi cho ta một kỷ niệm. Ngay đêm hôm xảy ra cái tai nạn khiến cho tôi bị cộc đuôi, tôi chia tay với bọn chuột nghịch ngợm kia. Ở đây có khi chết oan.

Tôi đi luẩn quẩn trong các cống ngầm của thành phố. Những ngõ cống của thành phố này dài thăm thẳm, sâu hun hút, không bao giờ cùng đường. Tôi chịu khó lội trong bùn lầy. Nhưng cũng do những nơi bùn lội bẩn thỉu đó mà tôi lòng được một vài thức ăn, những mẩu xương, mẩu bánh gặm cho đỡ đói lòng.

Một ngày kia, tôi tìm được một chỗ ở tốt. Nơi này là một xóm lao động. Mà xung quanh có những đầm nước và công rãnh lầy lội. Tôi đã biết sợ những căn nhà có cái vỏ sang trọng rồi. Bởi vậy, tôi lần đến những nơi nghèo, có đàn bà và có trẻ con ở. Ở những nơi này mới có những vại nước, có chạn thức ăn, có những hạt cơm quăng vãi.

Nơi tôi tìm đến, trước tôi tới, chỉ có vài mống chuột. Cuộc sống êm đềm thong dong. Các bạn tiếp đón tôi rất niềm nở. Tôi kết thân ngay. Một đồng cơm nguội thay cho cái lễ gặp mặt. Mấy anh em ăn uống hể hả.

Cuộc đời tôi, đến quãng này, cũng tạm là êm đềm.

VI

Không những êm đềm, tôi lại còn được nên danh giá nữa. Xóm nhà lá ấy, chỉ có đúng năm mống chuột. Cả năm mống đều hiền lành, xưa nay không biết sinh sự với ai bao giờ. Tôi có vẻ hoạt bát, lanh lợi và khỏe mạnh là khác. Bởi vậy, họ phục tôi lắm. Sau khi giao thiệp qua loa, họ đã biết tôi ít ra cũng là một tay hảo hớn chi đây. Họ có ý muốn tôn tôi làm trưởng thôn. Tôi phải bảo :

- Đừng làm thế. Tôi đây, đối sức ra ngoài thiên hạ chưa đáng kể mùi gì. Xin anh em, có lòng yêu cho được ở đây cùng quây quần giúp đỡ lẫn nhau.

Họ cũng nghe, nhưng không nghe hẳn. Họ quyết tôn tôi làm anh cả, nghĩa là tay đầu đàn. Tôi phải bằng lòng vậy. Nghĩa là từ đây, tôi là anh Hai - nói theo lối Sài Gòn. Còn các chú chuột kia, cứ thứ tự mà gọi, anh hai, rồi anh ba, cho tới út. Sáu anh em ở trong một khu nhà lá rộng, tha hồ đi kiếm mồi, chẳng ai dòm ngó tới. Người ta, những người chủ nhà, thì không làm hại đến chúng tôi. Bởi chúng tôi biết điều. Chúng tôi chẳng ăn uống vụng trộm gì đến quá miệng để người ta phải lên tiếng than phiền, kêu ca. Chúng tôi chỉ ăn cho vừa đủ no bụng thì thôi. Đất này, người hiếm, của nhiều, không ai phải đến nỗi khổ sở bởi miếng ăn ngụm uống.

Chúng tôi sống trong cảnh Bồng Lai. Ngày tháng êm đềm trôi đi. Ngày lại ngày.

Chao ôi! Có thể bình yên như thế mãi? Nhưng cuộc đời không chỉ dễ như ta kể chuyện, đặt thế nào nên thế ấy.

Tôi không nhớ hôm ấy là sau cái ngày tôi tới đây được bao nhiêu lâu. Chú Tư hốt hải báo tin :

- Có một đứa vào nhà.

- Có quen mặt không?

- Chưa trông thấy bao giờ. Nó đương lẫn vẩn ngoài bụi cửa, coi bộ ngơ ngác lắm, anh ra coi...

Tôi chạy ra. Có một gã chuột lạ thực. Gã chuột cũng trạc tuổi tôi và khổ người như tôi. Có điều cái mõm anh vuông bè bè, lông trên mình nhỏ, ngắn và thưa thớt. Cái đuôi cũng hơi ngắn. Tôi cất tiếng hỏi :

- Bác kia, đi đâu?

- Tôi đi chơi lạc vào đây.

Rồi gã cúi hai chân trước, vuốt râu chào mà quay ra. Chúng tôi cũng trịnh trọng đáp lễ và khen với nhau rằng con người ấy lịch sự, nho nhã.

Mười hôm sau, tôi đương nhả mấy hạt thóc ở đằng sau nhà, bỗng chú ba và chú tư, hốt hoảng chạy vào.

- Chí nguy! Chí nguy!

- Có việc gì đó?

- Anh ơi! Đương đánh nhau to ở ngoài kia!

- Mấy đứa?

- Hai.

- Đừng hốt hoảng!

- Nhưng chúng nó khỏe lắm

Tôi lật đặt ra. Đến nơi, thì hai con chuột lạ đã bị bại trận mà chạy xa rồi. Ba anh chuột nhà đánh hăng quá, mồ hôi toát đầm đìa. Câu chuyện đầu đuôi thế này:

Hai nhách chuột lạ lò dò vào trong nhà. Hai con chuột này cũng hình dáng như hai con chuột bữa nọ, mõm vuông và lông thưa, đuôi ngắn. Chúng chỉ hình dáng nho nhỏ mà rất bướng. Hỏi đi đâu? Chúng đáp: đi chơi. Lại hỏi: Đi chơi sao dám dò dẫm vào tận đây? Chúng gân cổ lên, đáp rằng chỗ nào cũng là đất của trời sinh ra, đâu cũng đi được. Chúng đáp xằng như vậy có khác gì chèn gạch vào hòng? Có mà chúng tôi đã liền. Hai thằng kẻ cướp, không thể địch lại với ba anh em chúng tôi.

Quả nhiên rồi bọn chuột kéo đến đông thực. Không phải hai tên thua, mà vô số chuột của cánh chúng nó rầm rộ đến. Con nào cũng như con nào, mõm vuông và đuôi ngắn. Chúng xô vào trong cống, làm nhặng lên. Cả thấy có độ hơn một chục con. Có một con đầu đàn, lớn tiếng gọi chúng tôi. Chúng tôi ra, tôi đi đâu. Con chuột đầu đàn gật gù định nói, tôi đã nhận ra tên chuột mõm vuông vờ lạc đường hôm đầu tiên. Tôi lên tiếng trước :

- Chúng bay vô cớ đến đất của anh em ta, lại còn sinh sự đánh nhau, thiệt là to gan. Có muốn sống thì bước ngay.

- Chúng ta đến đây không có chủ ý đánh nhau đánh nhieếc gì hết. Chỗ này rộng rãi quá, mát mẻ quá. Anh em hãy cho chúng tớ đến ở chung.

Tôi quát :

- Những quân năm cha ba mẹ kia, cút ngay đi, không có thì tan xương bây giờ. Nhà ta ở không phải là cái lều hoang.

Chúng đáp rất vênh :

- Đã đến thì không đi.

Chúng tôi kêu :

- Cút đi! Cút đi!

Biết không thể điều đình được, nhưng bọn kia cũng không chịu lùi bước. Chẳng những thế, chúng lại còn hò nhau xông vào đánh. Chúng tôi quần chúng nó một trận mê tơi. Tuy ít, nhưng cánh tôi lợi thế hơn. Đường vào trong nhà, có mỗi một cái ống nhỏ năm anh em tôi chặn ngay đó. Rút cục, chỉ bùn rãnh bắn tứ tung, tất cả lấm như vùi.

Song quả chúng là những tay can trường. Chúng tôi nhờ cái cửa cống hẹp, chỉ thò nửa mõm ra, giơ hai chân trước lên, đã đủ chơi với bọn hung hăng. Chúng tôi đâm ra khinh chiến. Nhưng phàm cái gì cứ coi thường, hay bị quật lại đáo đẽ. Chúng tôi gặp đúng như vậy. Trong bọn kia, có đứa ranh mãnh, luồn theo mép cống vào tìm được khe hở ở một chỗ nối hai khúc cống. Chúng đã đánh tập hậu bất ngờ.

Chúng tôi thua trận, bị mất đường ra cái cống. Bọn ăn cướp, đã có chỗ tạm ở. Nhưng chỉ ở trong cống. Khi tới bữa nấu ăn, người ta đổ nước xuống cống, chúng nó ướt nhẵn từ đầu đến chấm đuôi. Ấy là, cũng chưa kể, nếu trời đổ mưa, nước tràn cống, nếu không ngoi ra, chắc phải chết đuối cả lũ. Chúng tôi cầu trời mưa. Chúng tôi cầu trời mưa to. Nhưng nắng chang chang, búng trời cũng không rơi được một giọt nước xuống.

VII

Cố nhiên, trời không thể mưa theo ý muốn của chúng tôi, dù rằng độ ấy đương mùa mưa. Một buổi chiều, tôi đương gặm mấy hạt ngô, chợt nghe tiếng lục cục đầu công, lỗ nhố mấy bóng đen. Chúng nó. Nhưng chúng không xông tới như mọi khi. Chúng đứng nấp sau những tảng gạch, nói chớ vào :

- Ra đây nói chuyện phải trái.

- Cho chúng tao vào đây.

Tôi đáp :

- Bay cũng khôn đấy. Ta đã biết tại sao bay kéo vào đây. Ta biết rồi. Mấy bữa nay trời u ám. Ngày mai, ngày kia, thế nào cũng có mưa lớn. Mưa lớn chúng bay sẽ trôi ra sông, chết mất xác hết.

Tôi đã nói một câu trúng tim họ. Không dùng được, một tên nói :

- Không phải vì trời sắp mưa.

Tôi gạt phắt :

- Vậy thì lại đánh nhau.

Sợi dây căng đến độ đứt. Chúng tôi xô ra.

Cuộc chiến lần này thật dữ dội. Bởi một bên thì cố thủ. Một bên thì liều đánh.

Cuộc chiến càng tăng độ nóng. Tôi đánh dụi xuống được một tên. Bị thương, nó không leo lên được nữa, cứ nằm dưới cống kêu chơe chớe.

Chẳng may cho anh em tôi. Chú Năm, chú Sáu lớ quớ bị ngã. Chú út thì chết, chú Năm phải nuôi người ra, giả cách hết thờ, mới thoát chết. Chúng tôi, vừa đánh vừa lùi, lùi mãi vào đến cửa buồng, chúng tôi giữ

thế thủ trong khe cửa. Nhưng chúng cũng không tiến thêm. Bởi, vào được trong nhà là thắng trận rồi, huống hồ chúng lại đã dồn chúng tôi vào buồng. Chúng tôi ôm nhau, khóc chú Út đã tử trận, xác nằm phơi ngoài đầu cổng.

Tôi nói :

- Đứng khóc thế này, nước mắt không đánh chết kẻ địch được.

Tôi đã nghĩ được một kế. Tôi đi một lát. Thừa cùng bạn đọc yêu quý, bạn thử đoán tôi đi đâu? Đến lúc tôi trở về, bốn em reo đón. Tôi hô lớn :

- Ta vào cả đây.

Tức thì, lũ lượt kéo vào một đàn chuột. Ai cũng đã nhận ra đấy là các bạn láng giềng bên phía tây.

Anh em hăng hái quá, toan xô cả ra đánh nhau ngay. Tôi phải cản lại. Tôi nói :

- Chẳng nên ra bây giờ. Đợi khuya một chút, chúng ta đánh bất ngờ, chắc được.

Chúng tôi nán đợi tới nửa đêm mới đổ ra. Tôi định bắt sống vài đứa. Nhưng quả là những đứa lọc lõi trận mạc. Chúng tôi vừa ra, đã nghe tiếng quát :

- Có động! Có động!

Cuộc quần thảo lần này ở giữa nhà, dưới gầm giường, không núp ẩn chi hết. Choảng nhau bằng tất cả sức khỏe, chẳng nhờ khe vách hồ tường được. Giữa đêm, trong nhà yên tĩnh quá. Mọi người đã ngủ yên. Cái đồng hồ treo trên tường vẫn còn thức. Nó đếm tích tắc tích tắc như cầm nhịp cho cuộc chiến của chúng tôi. Nghe như hồi trống thúc quân, càng hăng hái. Bên địch đã bị ngã mấy mạng. Chúng tôi càng hò hét tợn.

Nhưng sự yên tĩnh đã làm hại chúng tôi. Vì yên tĩnh quá, và chúng tôi hò hét loạn xạ người ta thức giấc cả. Đánh nhau loạn xạ ở dưới đầu người ta, làm gì chẳng thức giấc. Một người đàn ông mở mắt ra, lắng nghe. Đầu tiên, tưởng kẻ trộm khoét ngạch. Nhưng sau, gã tắc lưỡi :

- À, chuột chạy.

Chuột chạy lục cục ngay dưới gầm giường, gã không ngủ lại được. Gã trở dậy, cầm cái gậy và bật đèn điện. Ánh sáng vừa lóe, cả đôi bên trận mạc bỏ chạy tan tác. Cho đến sáng, không dám ra tái chiến nữa.

Ở trong gầm phản, nhiều đêm sau còn xảy ra nhiều cuộc chiến kịch liệt nữa, âm ỉ, ôm tòi cả lên. Nhưng đều bất phân thắng bại. Bởi vì, lần nào cũng thế, đương dả nhau hăng hái thì y như rằng có người trở dậy và người ta bật đèn, cầm cái gậy. Chỉ một đầu gậy cũng đủ đập vỡ cả mặt trận đương hung hăng.

Một ngày kia, ở trong buồng vắng vắng vang lên một tiếng lạ lắm.

- Meo... Meo... Meo...

Nhà này mới đem về một lão mèo, một lão mèo mướp. Lão ta dạo khắp quanh nhà, hai mắt sáng như hai hòn bi ve.

- Meo... Meo... Meo...

Chúng tôi chạy rối rít, cuống cuống. Trong lúc hỗn loạn, chúng tôi quáng quàng xô lẫn cả vào nhau. Chúng tôi chạy về phía cuối phố. Văng vẳng sau lưng vẫn vang dội tiếng “meo meo” đuổi theo. Chúng tôi cắm cổ chạy bán sống bán chết. Nhưng, đàn chuột mồm vuông kia đã mau chân, đã chạy trốn lão mèo từ lúc nào. Khi chúng tôi tới căn nhà trú ẩn cuối phố, thì chúng đã vào đó từ bao giờ. Chúng đẩy bọn tôi ra. Chúng tôi không thể vào được, đành ra ngoài bụi cây trú.

VIII

Đêm ấy, ngoài bãi cỏ, bụi cây, chân một bức tường đổ, dọc theo một cái rãnh ăn theo một căn nhà, có cuộc họp to của một phố chuột. Đây là cuộc họp can hệ sống còn, đàn chuột vô lại nọ chiếm nhà đã gây nên, đã khiến cả phố chuột tức giận. Huống hồ lại vì chúng gây chuyện khiến nhà người ta rước về một lão mèo kéch xù.

Tất cả nhường tôi ngồi làm chủ tọa. Tôi từ chối, nhưng một anh nói :

- Chuột Cộc phải ngồi lên. Bởi vì sự xung đột xảy ra ở nhà anh trước. Anh biết rõ hơn ai hết đầu đuôi câu chuyện.

- Hàng phố ta, bao nhiêu năm nay, sống trong cảnh thái bình, không hề xảy ra một cuộc cãi lộn nhỏ nào. Bỗng nhiên, có một lũ ở đâu đến, gây rối ren. Chúng ta phải ghép chặt hàng ngũ, đi bắt sống chúng nó về đây hỏi tội thì mới mong tìm lại được sự thái bình ngày xưa.

Cả mấy đàn chuột kéo ngay vào khu nhà, giữa đêm tối mù mịt. Chúng tôi lặng lẽ đi sát mặt đất, lổm ngổm như những củ khoai biết bò. Đã trông thấy lấp ló mấy kẻ địch chạy thậm thọt phía bên trong. Thế là cuộc vây đánh bắt đầu.

Cuộc chiến không có gì khó khăn. Bởi chúng tôi đông. Cuộc thắng nghiêng ngay về chúng tôi. Chúng chết luôn mấy mạng, hoảng quá, còn lại bao nhiêu, ba chân bốn cẳng chạy. Chúng tôi không đuổi theo, và cũng không chiếm cứ khu đất của chúng. Binh tướng rút lui, đợi bận sau lại đánh nữa. Quyết đánh bao giờ chết đến tên thủ chỏm mới thôi.

Một đêm, chúng tôi lại tới bao vây khu nhà. Nhưng lạ thay, chúng tôi vào tận giữa nhà, sục sạo mọi chỗ mà không thấy mồm mũi một tên nào. Mấy cái xác chuột chết nằm còng queo, mùi hôi thối xông lên nồng nặc. Chúng tôi còn đương ngạc nhiên, bỗng nghe tiếng chí chí ở ngoài rồi một gã chuột chạy tọt ngay vào. Chúng tôi hô lên: “Đây rồi! Nó đây rồi!”.

Chúng tôi chưa kịp xông ra thì đã vang lên ba tiếng “Meo! Meo! Meo!” ghê gớm. Lão Mèo hiện ra. Cả đàn tan chạy.

Tôi đã biết cái cớ tại sao bữa đêm nọ lão Mèo đến đúng vào chỗ chúng tôi. Ra cũng cùng là một mưu của bọn mũi vuông đuôi ngắn. Chúng biết là bọn tôi kéo đến rất đông, một đứa đi báo lão Mèo. Chuột đi tìm mèo, thực là một sự lạ. Nó đã quên cả cái thù truyền kiếp, mèo với chuột, nó muôi mặt giết anh em rồi. Nhưng nó cũng tính toán cẩn thận. Trông thấy Mèo, gã chạy miết. Lão Mèo lập tức đuổi theo. Nó chạy về chỗ chúng tôi vừa kéo đến. Thế thì khác nào nó dẫn lão Mèo đến làm thịt chúng tôi.

Trong khi ấy, mùi thối chuột chết càng ghê gớm. Thế này thì bệnh dịch hạch nguy hiểm phát sinh đến nơi.

Đùng một cái, quả nhiên như thế. Và lão Mèo là nạn nhân đầu tiên. Lão Mèo ồm rên hừ hừ rồi lăn quay ra chết.

Tôi bàn với anh em :

- Phải đi gọi mấy ông chuột Cống tới, để ông vác cho mấy cái xác chết trận kia đi, không thì bệnh cả nút đây.

Anh em bảo tôi đi tìm chuột Cống ở cách đây mấy phố. Cống là một chi họ chuột to lớn khỏe nhất nhà chuột, chuột Cống chuyên nghề khuân vác.

Trời đất ơi! Không ngờ, tôi đi tìm chuột Cống lại thoát một đại họa.

Trong nhà, có một người chết, bệnh dịch hạch. Bao nhiêu đầu cống, ngách tường suốt một dãy phố đều bị bịt lại hết. Các cửa ngõ, dán giấy kín mít. Nghĩa là chuột ở phố, không còn lối nào mà thoát ra được. Bấy giờ người ta mới bơm vào những làn khói vôi tẩy uế. Khói bay đến đâu, chuột ngửi phải, hắt hơi một cái, là lăn quay ra. Người ta tẩy uế các phố, bỏ phố hoang trong hơi vôi độc đúng một tháng.

Bao nhiêu chuột chết ráo. Có mỗi tôi thoát thân.

Sự thảm khốc này, gây ra bởi bọn chuột khốn nạn. Chúng tôi đã sống êm đềm ở phố này bao nhiêu năm nay mà.

Chiều hôm đó, đứng trên một căn gác, vọng về phía dãy phố bị hun khói độc, tôi khóc :

- Thù này không đội trời chung. Cộc tôi xin khắc cốt ghi tâm. Những quân mồm vuông đuôi ngắn kia là kẻ thù số một của nhà chuột.

CHIM CHÍCH LẠC RỪNG

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

O Chuột:

rong nhà, không kể người, thì chó và mèo làm chúa tể. Chó giữ về mặt bộ, mặt thủy. Hẳn có phận sự chạy nhông khắp chốn, để đánh hơi, để hỏi han và để mắng những người lạ đi lơ mơ vào trong ngõ. Có khi cao hứng, hẳn lội xuống ao, tắm; hoặc nếu có ai cầm hòn gạch ném vào nước và huýt sáo mấy tiếng, hẳn cũng động cựa mà nhảy tùm xuống. Một đôi bận, sự đùa cợt của hẳn cũng được việc. Ấy là khi hẳn bơi ở trong ao để dồn vịt về chuồng. Chó hay lèm bèm, ửng oảng, sinh sự nhỏ nhen. Nhưng tính tình lại phôi bò, dễ dãi và thường chóng quên.

Còn mèo, rất khác. Mèo lừ đừ và nghiêm nghị tựa một thầy giáo nhà dòng, trên mình có khoác bộ áo thâm. Hẳn có cái cốt cách quý phái và trưởng giả. Lúc nào cũng ra vẻ nghĩ ngợi như sắp mưu toan một việc gì ghê gớm. Có phải thế chẳng, hời cái gã lừ đừ và nghiêm nghị kia? Gã lại càng làm ra vẻ khó hiểu tợn. Nhưng cái vỏ ngoài chưa thể đủ nói rõ được bề trong. Biết đâu, mèo ta không khó chịu như mình tưởng. Mà vốn hẳn lại lành hiền cũng nên.

Hôm nay, tôi kể chuyện một gã mèo, một gã mèo trẻ tuổi. Y sống lặng lẽ trong một nếp nhà ngói cổ kính, giữa một vườn cây, ở làng Nghĩa Đô, cùng một sân với bọn chó, bọn gà ri, bọn ngỗng.

Y là một chàng mèo mướp. Giống đó, nhà quê người ta nuôi nhiều. Cái bộ lông mèo mướp thực là kỳ dị. Nó vừa trắng màu lụa, vừa xám màu tro, lại vừa đen xít. Khắp mình, ba màu ấy trộn lẫn với nhau, mà trộn rất nhỏ, hòa hợp lại thành một màu đặc biệt như màu cái chăn dạ của các chú lính tập. Chỉ ở dưới bụng mới có một mảng lông trắng mềm mềm. Màu mướp ấy trông bẩn, vì đen ngòm ngòm, nhưng chính ra sạch lắm. Nó sạm như đất, mà không phải là có đất bám. Nó lại mờ mịn như tro ở bếp phủ lên - bếp tro là chỗ ngủ tốt nhất của loài mèo - mà thực ra cái bờm lông xấu xí đó chẳng vẫn một chút tro bụi. Ngắm thì không đẹp mắt, nhưng nếu sờ tay vào, nó mịn mượt như sờ tay trên tấm nhung tơ.

Hai mắt mèo tròn và quắc lên như đôi hòn bi ve để dưới ánh sáng mặt trời. Hẳn không có môi, song hẳn có cái mũi đo đỏ, đẹp như cặp môi son hồng của cô con gái mười tám đương thì. Không ai ưa cái mũi mèo đỏ. Người ta bảo mèo mũi đỏ là mèo hay ăn vụng. Hai bên mép hẳn có hai hàng ria cứng ngắt như ria làm bằng thép nước. Lũ trẻ con, có lúc nghịch đùa ngửa hẳn xuống, lấy kéo cắt trụi cả đôi hàng ria suôn đuột. Nhưng chỉ qua ít ngày, những sợi ria lại trở ra như thường.

Gã mèo mướp ăn ở thì giờ như một người đúng mực. Ban ngày hẳn ngủ hoải; cái dáng mèo nằm, dáng êm, dáng nhanh, dáng lạng, đẹp biết bao. Lúc bấy giờ thân hẳn nhẹ muốt, chỉ như một chút gợn gió phẩy bay một nắm bông gạo nỡn.

Mà giá ban ngày hăn có thức cũng không làm gì; hăn chỉ nằm gù gù. Để đến đêm, trong cái bóng tối mung lung, hăn mới ra tay hoạt động. Hăn đi rà rà thâm canh như người trượng tuần.

Gã mèo có cái vẻ đạo mạo như một ông đứng tuổi, đương bắt đầu để râu. Hăn hiền hiền mà lại ang ác. Nghĩa là trông hăn thì không tài nào đoán được trong óc hăn nghĩ ngợi gì. Mà chừng hăn chẳng tư tưởng chi ráo! Hăn chỉ là một người rong chơi lông bông. Chẳng đã có những bác trông mặt thì ra đáng dăm chiêu tư lự mà thực ra trong đầu không chứa đựng một ý nhỏ nào.

* * * * *

Gã ngồi đây, ở trên mặt giai bể. Hai chân trước đứng thẳng, đôi chân sau gập lại, y lối ngồi xổm. Đôi mắt nhìn xa xôi... Thỉnh thoảng, theo thói quen, hăn đưa cẳng chân phải lên để gãi mép cũng như người ta sờ tay lên vuốt ria cho nó oai vậy.

Trời đã xê chiều rồi. Một chiều thu êm ả. Vài gợn nắng vàng nhạt đọng lại trên những tàu cau rách rưới màu xanh om. Bên nhà ngang tiếng guồng tơ quay đều đều. Trên đường cái lũ trẻ con đi học về, vừa chạy thi nhau vừa la, nghe vang động xa vời vợi. Ngoài giếng khơi, người kéo nước rào rào. Cái gáo mo lạt xạt đập vào thành giếng đá.

Trong bếp lặng tờ. Bây giờ là sau bữa cơm chiều, người ta không dùng đến bếp nữa. Gã mèo mướt ngồi ngấm trời, ngấm đất mãi thì cũng chán. Gã bèn đứng lên, uốn cong cái lưng và nhuôi bốn chân ra để vươn vai, rồi đi về căn nhà hiu quạnh. Hăn bước đi từ tốn và uyển chuyển như một con hổ nhỏ. Khi qua gốc cau, chẳng biết ý định ra sao, hăn leo tót lên ngay, quào quào mấy móng sắc vào cái vỏ cây cau ráp trắng, rồi lại tụt xuống, lại đi lếu đếu, đạo mạo như trước. Hăn thường có những cử chỉ rất đột nhiên. Hăn làm bất ngờ như trong lòng đang khoái một điều gì mà hăn vừa nghĩ đến. Luôn luôn gã mèo mang một nét mặt tư lự.

Y vào ngồi thì lì bên bếp tro. Y nghiêng màng tai để dũi vào một ông đồ rau, to bằng hòn gạch vồ lớn. Lúc nào y cũng ngứa và cũng cần gãi.

Bỗng y đứng im. Y ghéch đầu lên. Hai cái tai mỏng vênh ra để nghe ngóng. Hình như có tiếng lịch kịch ở sau đồng củi. Nhưng khi bước lại thì không thấy động gì nữa. Gã quay đầu ra, ngược mắt nhìn lên đám mạng nhện mắc bờ hóng đen sạm, bị gió đưa lúc lắc trên trần bếp.

Có tiếng động thực. Lần này gã mèo dúm bốn chân lại bước từng bước rất nhẹ vào phía đồng củi. Đồng củi đó người ta để phiền quá, vừa chướng bếp, vừa làm cái rừng bùm tum, chỉ tiện cho quân gian núp náu.

Giống mèo là một giống, đứng ở chỗ nào, không thể chịu có được một tiếng động nhỏ. Đã có khi gã mèo mướt nằm ngủ suốt đêm ở trên đồng củi. Đây là chỗ ra vào của lũ chuột ngày, cái lũ chuột con rất vô danh, hễ tha được một hột cơm nhỏ cũng chạy thọt ngay vào đó để nhấm nháp.

Mèo và chuột là đôi loài có thù không đội trời chung với nhau. Mèo ghét chuột quá, ghét kịch liệt. Ý giả

mèo ta tin rằng giống mình là giống giỏi nhất thiên hạ; những tên chuột, tất cả lò nhà chuột, chỉ đáng đem thân làm nô lệ cho loài mèo thần thánh. Thế mà cái giống thấp hèn ấy không biết điều lại cứ hay tắt mắt, táy máy, bạng nặng làm nghịch mắt và rác tai ông bề trên.

Hai cái tai gã mèo mướp hơi động đậy. Ấy là khi gã đương hết sức lắng nghe. Tai mèo mỏng tanh, gần soi bóng qua được, dong lên như chiếc tai lửa tí hon. Cái vành tai rộng mở và loe ra. Chả trách gã nghe rõ lắm.

Gã khum hai chân trước xuống, nhìn vào gậm đồng củi. Rõ ràng gã trông thấy một cái đuôi nhỏ mà dài thò lò dưới một mẩu gỗ. Đúng cái đuôi chuột. Gã nép về một bên, thon người lại.

Lúc này trông gã mèo quái ác dị thường, thoát hẳn cái dáng lừ đừ, hiền hậu hằng ngày. Y quờ quờ cái chân. Sau y biết là làm thế hấp tấp quá, phải chờ cho cái đuôi chuột lúi ra nữa mới được.

Lại có tiếng rúc rích ở trong. A, có hai thằng chuột rừng mờ đang đùa nhau. Chúng nó hẳn đến ngày tận số. Ai đời chuột lại dám đánh đu ở miệng mèo!

Tuy cáu, nhưng mèo cũng đủ kiên nhẫn để chờ cơ hội tốt đến. Trong kia, hai con chuột vô tình, vẫn đùa cợt vui vẻ. Nhiều lúc, có nhách lại chạy ra tận ngoài, thò cái mõm nhọn ngửi chung quanh. Lộn tiết, gá mèo đã toan chop. Nhưng chuột lại chạy ngay vào mất. Con mèo lại im lặng, chịu khó ngồi rình.

Bóng tối chụp xuống mau nhẹ. Vừa mới nhọ mặt người. Bây giờ đã đêm hẳn. Đêm nay là đêm rằm. Mặt trăng đã nhô tròn ở đằng đầu tường. Một mảnh sáng nhờn nhờn in trước sân bếp.

Trên nhà, người ta đã quẹt diêm để châm đèn sáng cho trẻ học. Tiếng những đứa trẻ ra ao rửa chân, vừa đi vừa khua guốc lóc cóc. Hai chú chuột ở trong gậm củi, đáng hẳn thầy trời tối thì muốn ra ngoài kia lắm.

Cái thằng mèo mướp ốm bệnh hen cò cử quanh năm mà không chết ấy, bữa nay tắt đi chơi đâu vắng; nếu nó có nhà tắt đã nghe thấy nó rên gù gù ở trên đầu ông đồ rau. Chúng mình ra ngoài kia đùa một tí hoặc kiếm chác được cái gì ăn thì hay quá.

Hai cái đầu ló ra. Rồi hai gã chuột bước hẳn ra khỏi đồng củi, đi lẩn về phía bếp. Chúng vui vẻ cãi nhau choe chõe.

Hai cái bóng bé nhỏ quá, chụm lại với nhau chưa bằng được một ngón chân cái của người lớn ta. Đây là hai con chuột nhắt. Chuột nhắt bé hơn chuột chù. Nhưng nó nhanh và hoạt hơn nhiều. Anh chuột chù có cái mõm dài ghê - cứ vác mõm đã đủ mệt - đi đến đâu cũng rụt rụt rè rè. Hề hơi có cái gì đáng sợ là vội hốt hoảng chạy cuống lên, vãi cả đáí và kêu rối rít. Đã thế lại còn chậm và cũng không biết leo tường, leo cột, chỉ ở luẩn quẩn sát mặt đất. Thật là một thứ chuột cùng dân, thấp kém nhất trong xã hội chuột. Vậy mà thiên hạ lại ưa thứ chuột đó. Không phải ưa cái thân hôi hám của nó - chẳng đã có câu mỉa: “hôi như chuột chù”, - nhưng người ta chỉ ưa có cái tiếng kêu: “chuúc... chuúc...”. Các cụ ta nói: Ấy là chuột chù bảo: “túc

túc” nghĩa là “đủ đủ”. Nhà ai, chuột chủ mà cứ “túc túc” luôn, ắt nhà ấy hẳn sắp có việc phát tài.

Và đây chỉ là hai con chuột nhắt. Thân chúng nhỏ nhắn, mõm xinh xinh vừa phải, về sự nhanh nhẹn, phải biết rằng nhờ ở cái thân hình bé bỏng, chúng leo vun vút, chạy nhoăn nhoắt như có phép biến hóa.

Thoạt thấy bóng đôi chuột lúi húi ra khỏi đồng củi, gã mèo mướp mừng khắp khởi. Nhưng rồi gã chán đờ ngay ra. Tưởng chuột chiếc to tát thế nào, chứ nếu biết chỉ là hai chuột nhắt nép ranh ấy thì gã đã bước từ nãy, không phải tốn công, tốn hơi sức mà rình nấp vô ích. Mèo ta cũng khá đại lượng. Song thực cũng tại cái tính lười nhác cố hữu, chả muốn cắt đại công trình mà chỉ được có một tí ti kết quả đấy thôi.

Nhưng đã thế này thì cứ bắt chơi. Hầy! Đùa một mảy vậy. Nghĩ vậy, mèo ta co lưng lại để lấy thế, rồi vươn hai chân ra chộp cả hai cái bóng đen cọt quậy ở trước mặt. Có tiếng kêu “chí... í...”. Một con chạy thoát được. Còn một bị nắm lại. Mèo gầm gừ để thị uy và dọa dẫm. Chú chuột khốn nạn bị tóm lại, nằm ngất trong hai bàn tay sắt đầy vuốt cong và nhọn hoắt của ông mèo, y như cái cảnh rúm ró của chị của nhà quê mà bị cụ đại vương ếch lấy một bàn tay mà vỗ vào mai.

* * * * *

Chú chuột nhắt bị mèo tha ra cửa bếp và được thả xuống đây. Mèo không hề nghĩ đến sự nhảm chú chuột nọ. Dễ thường gã ta ví mình như một người anh hùng cái thế có thêm sát hại lũ trẻ oắt bao giờ đâu! Sinh phúc cho chúng sống còn hơn là tóm lấy chúng mà nhai. Chưa bỏ dính răng.

Nhưng vốn mèo vẫn ác tính. Gã không ăn. Mà gã cũng không thả chuột ra. Cái mùi hôi ở lông chuột khiến cho gã mèo nhớ rằng thịt chuột ngon và loài chuột là cái loài đáng ghét lắm.

Mèo nhả chú chuột xuống đất, rồi ngồi ngây ra mà nhìn. Con vật khổ sở nằm co ro. Mèo ta đặc chí, lấy một chân vờn vờn vào mặt chuột. Bất tỉnh nhân sự từ này, giờ mới lai hồn, chuột khe khẽ thoi thóp thở. Mèo yên lặng, đáng ngẫm nghĩ. Gã không để ý đến chú chuột đương giương đôi mắt lồi như hai hột chà ràng ra nhìn gã. Chỉ tí hí mắt lơn, mà ranh thượng hạng.

Bỗng thoáng một cái, chú chuột chạy vụt vào phía trong. Nhưng gã mèo vẫn nhanh hơn. Gá vươn tay ra. Lại chộp liền ngay lấy gáy chú nhỏ. Ôi chao! Gã ta mới đập cho chú nhỏ một cái nhá! Chú nhỏ kêu “chí... chí...” rầm cả lên.

Có lẽ nhân cuộc chạy trốn ấy, gã mèo bày ra một trò chơi tiêu khiển cho qua thì giờ. Gã đem chuột ra chỗ ánh trăng. Giả vờ để yên chú ta đấy. Rồi mèo yên lặng. Chú chuột sợ hãi, không nhúc nhích. Nhưng chính ra chuột vẫn rình mèo và mèo cũng lại rình chuột. Để hể khác ý là chuột chuồn biến. Còn mèo, mèo cũng chỉ chờ chuột chạy là vỗ ngay lấy. Gã mèo dương oai thả lỏng và chắc chắn chẳng khi nào chú chuột chạy thoát nổi đôi bàn chân nanh móng của gã.

Mà cũng thế thật. Chú chuột tưởng bác mèo hắc lờ, cứ xềnh một chút lại chạy. Có đến mười lần. Nhưng

vẫn không lần nào khỏi bị tóm lại. Mỗi bận chuột động chân, mèo ta chỉ nhoi đi một tí đã tóm lại được rất dễ dàng. Mãi rồi con chuột hóa mệt lử. Nó chạy chậm dần và cuộc chơi cũng dần mất thú vị.

Khi đó, ở trong đồng củi, bỗng lại có tiếng rúc rích. Lại có tiếng lao xao của lũ chuột nào khác. Chả biết là chúng đùa nhau hay chúng định chơi cái lối chó cạy gần nhà, đứng trong ấy chửi đồng ra. Toàn nhảy vào vồ cho chúng chết một mẻ, nhưng mèo lại vướng có con chuột tù binh ở dưới chân. Đã thế, phải mắng cho chúng một trận mới được. Mèo liền gầm gừ, gầm gừ, làm như sắp lặn ngay vào chiến tranh với những quân thù cỏ rác kia. Lũ chuột nhép câm ngay, song chúng cũng không câm hẳn. Hề mèo mà ngót tiếng, là chúng nó lại “chííí chííí” rầm rầm. Làm điệu như sĩ vả mèo.

Bực mình, mèo ta nhảy một bước. Chú chuột nhắt đang nằm yên như chết, vụt vùng chạy. Mèo hoảng hốt, thò dài chân ra, nắm lấy nó. Nhưng chỉ nắm hụt được bóng cái lưng của chú chuột in thoáng trên nền đất giải đầy ánh trăng. Hai mắt mèo long lanh, sáng quắc! Cũng không thể đủ sáng để chọc thủng được bóng tối dày ra mà tìm lấy chú chuột nhắt tí hon.

Gã mèo sục vào đồng củi. Giá gã đâm đến vờ đầu ra, cũng chẳng tóm được một nồm chuột. Mà những tiếng “chíí... chíí” quái ác, rất khó chịu vẫn văng vẳng đâu hai bên lỗ tai.

* * * * *

Gã mèo mướp - mà gã mèo nào cũng thế - không cố ý ăn thịt chuột nhắt bao giờ. Mèo chỉ bắt những con chuột tiểu yêu đó để đùa nghịch và để hả cơn cáu kỉnh; vì loài chuột nhép cứ bặng nặng, rúc rích trong xó bếp, là chỗ nghỉ ngơi của mèo. Chính những con chuột lớn lại đứng đắn, không ầm ĩ đến thế. Chỉ vì bực mình mà mèo bắt chuột nhắt. Nhưng chú chuột nhỏ khôn ngoan vẫn hay chạy trốn được. Đời đời, cái giống chuột nhắt ma quái cứ làm rức tai loài mèo.

Suốt đêm hôm đó gã mèo mướp kia chỉ đi quanh đi quẩn để tìm, để lùng chuột nhắt. Và có những đêm sau, hăn cũng đi tìm chuột, nhưng - vẫn khờ dại như thường - hăn chỉ tìm để đùa chơi một chút. Rồi nó có rông mắt, hăn lại khó chịu, bực dọc, hậm hực mà đi lùng bắt những con khác. Cái loài chuột nhãi cứ làm cho ta rối đầu và ngứa mắt quá.

Cơ chừng gã mèo mướp phải dành tất cả cái hoa niên của mình để mà chỉ luẩn quẩn đi o chuột.

CHIM CHÍCH LẠC RỪNG

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Một Cuộc Bế Dâu:

Y là một tay hảo hán trong đám Gà Chọi - cái loài sống ở trên đời, nhất sinh chỉ có một nghề đi đánh lẫn nhau cho người ta xem. Tay ấy oai lắm. Chẳng thể có đủ chữ mà tả cho hết cái oai lắm liệt của chàng. Ờ, mà có thể gọi chàng là ông Từ Hải. Từ Hải chọc mây khuấy nước, đầu thì đội trời, chân thì đạp đất.

Râu hùm, hàm én, mày ngài,

Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao

Đường đường một đấng anh hào...

Đấng anh hào nọ được phong vương - hay tự xưng cũng thế - ở đất này để cai trị một khoảng vườn. Mà trong vườn có một góc gồm một chuồng gà, một chuồng vẹt, vừa vẹt, vừa ngan, vừa ngỗng và một chuồng chim bồ câu. Đại vương chỉ có mỗi một mắt và mang trên mình bộ mã ô miến tía - cái thứ áo có lông đen nháy, điểm dòng dọc đỏ. Chàng bị độc nhãn là bởi trong cuộc lên sới, phải địch thủ đánh một cái đá mé, lòi bật con người. Từ đấy, người ta không cho hấn ra trận nữa. Để nuôi cho đẹp sân.

Chàng Gà Chọi đứng thẳng người, hai cái cẳng chân cứng và lẫn như hai thanh sắt, phủ những vảy lớn sắp vàng bóng. Đôi bắp đùi chắc nịch, gân lên những thịt. Chàng chỉ có lông trổ ra hai cánh, ở trên lưng, ở đuôi và lơ phơ mấy chiếc quăn queo dưới bụng. Lông ấy được xén, cắt thực gọn. Đầu chàng to và hung dữ như dáng một chiếc năm dăm. Cái cổ bạnh và hai bắp đùi thì để lộ ra. Da chàng đỏ gay, đỏ gắt, đỏ tía, đỏ bóng lên như có quét một nước sơn thắm. Mặt chàng lúi sùi những mào, những tai, những mấy cái ria mép - tím lịm như mặt anh say rượu. Một bên mắt thì lép mịt mờ, còn một bên chớp chớp nháy nháy tròn vàng hoe.

Lúc chàng đi, hai đầu cánh nhô lên thụt xuống, rõ ra điều một anh chàng cường võ, lúc nào cũng chỉ ngứa ngáy chân tay.

Buổi sớm, khi cậu Gà Ri te tái chạy ở trong chuồng ra, dẫn đầu ba chị gà, một bác ngan với một lũ con líp nhíp và mấy thím vẹt, thì, ở nóc chuồng, Chọi ta cũng nhảy xuống, hai cái chân gieo bịch trên nền đất. Chàng không ngủ trong chuồng với những con gà khác. Chúng làm quẩn chân. Bởi vì chàng cao quá, đầu đụng tới nóc chuồng; nếu phải đứng khom khom cô thì chàng chịu, không thể cúi được.

Chàng đưa mắt nhìn quanh sân một lượt rồi vỗ đồm độp đôi cánh, lấy gân thẳng hai chân, cong bạnh cần cổ, phưỡn ngực ra gáy lên một hồi: côôô... côô... cô... cô... ô... Tiếng gáy mới to khiếp. Nghe ồ ồ như tiếng nước mưa rào chảy vào trong một vành cổng hẹp.

Côôô... côô... cô... cô... ô...

Những thím vọt nhút nhát luống cuống đôi chân, nghiêng một bên má để hiếc mắt lên trời, ra điệu nghe ngóng. Có thím hải quá, cạc cạc một hồi ầm ỉ, như muốn kêu: “Ai cứu tôi với! Cạc cạc cạc! Ai cứu tôi với!”. Cậu Gà Ri đương làm bộ làm tịch, đứng diều võ giương oai ở trên đầu mỏm cọc tre cũng giật nảy mình, hai mắt nhớn nhác. Hai khoeo chân đã khum xuống, chực lúi, rõ ra bộ anh hùng rơm.

Loài ngan xưa nay có tiếng là gan góc, lúc nào cũng lỳ lỳ lằm lằm. Thế mà nghe tiếng Gà Chọi gáy, mụ ngan cái cũng vừa kêu kiu kiu, vừa thò ra thụt vào cái cổ, dường như muốn hỏi các bạn cùng sân xem: “Cái gì thế? Cái gì thế? Kiu kiu...”.

Lại đến tình cảnh những nỡm chó con ra ăn vụng cơm của gà mới buồn cười. Nghe tiếng gà ồ ồ gáy, chả biết tiếng người ta chửi, người ta mắng hay tiếng máy móc ghê gớm gì, các ranh cứ nháo mắt lên, đuôi cúp thụt xuống tận bụng, len lét chuồn thẳng.

Cái tiếng gáy mới kinh khủng chứ! Ai mà chả phải sợ ông Từ Hải.

Côôô... côô... cô... cô... ô... ô...

* * * * *

Có những buổi trưa.

Những buổi trưa mùa hè, nắng to. Ngoài vườn, cây cối rủ rượi đứng chịu tội trong ánh nắng lửa. Những mảnh lá mướp to bản đều cụp uốn xuống, để lộ ra những cánh hoa màu vàng gắt. Có tiếng vỗ cánh sè sè của vài con ong bò đen bóng, bay rập rờn trong bụi cây chanh.

Nắng dữ quá. Gã Đực nằm đầu hiên, thè dài lưỡi ra thở hực hực. Lũ ngan, lũ ngỗng thì rủ nhau chúi xuống bờ ao, núp bên những tàu lá khoai sơn hà xanh rời rợi. Ở dưới gấm cụm lá sồi, hai ba chị mái tơ thi nhau dũi đất. Thỉnh thoảng lại rủ cánh phành phạch.

Ấy vậy mà có hai người bạn vàng kia quên cả nắng, quên cả trời đất nóng nực. Đó là hai trái tim: một anh Gà Chọi và một chị Gà mái nạ dòng. Nếu mà đối Gà Chọi với chàng Từ Hải thì phải kể chị ta vào cái độ cô Kiều gặp người anh hùng đó, sau mười lăm năm luân lạc, trên vai nàng đã đeo nặng hơn ba mươi cái gánh xuân. Mà chàng Từ Hải thì trải bao trận thư hùng, đã tàn tạ rồi mà vẫn có mã, vẫn đóm dáng như thường.

Cho nên, trời nắng là thế mà thuyền duyên cũng chịu khó đứng ở dưới gốc cây thầu dầu tía, gần bờ ao. Nàng xù bộ lông vàng, phờ phạc, lốm đốm trắng như mới rơm rửa bát. Vậy mà nàng cũng chớp chớp đôi mắt, rung rung cái mào xám xịt ngả về một bên má.

Nàng ngẩn cổ lên, nhìn sang phía gốc cam - chỗ có anh Gà Chọi đứng; hơi he hé đôi mỏ, chị cất một

giọng oang oác, rất bổng rồi trầm xuống: “Kéééc. .. kééc... kééc... k... éc... k... é... é... é... c...”

Ý như làm duyên mấy câu Kiều lấy.

Cái tiếng éc cuối câu cứ kéo dài, vang động khắp vườn một cách lâm ly và náo nức khiến cho anh Gà Chọi đứng bên kia đường như phải ngơ ngẩn bồi hồi mà nghech một bên mắt lên nhìn lơ lảo. Và chàng vừa kêu cộc cộc vừa đi về phía cô ả.

Ấy thế là khách biên đình sang chơi. Kiều nhi bèn ra bộ làm gái, thấy tình nhân thì không hát nữa. Muốn tỏ với nàng rằng ta đây cũng là tay thiệp đời, gà Chọi xõa hai cánh, đoạn mấy móng chân để bới đất và cúi mỏ xuống, giả cách vừa mổ vừa kêu cộc cộc, làm điệu gọi mái đến ăn chung. Rất tình tứ. Nhưng mà xác anh ta thì nặng, hai cái cẳng chân to lều nghều, khi anh lấy cái dáng đẹp nhất, cái điệu chân dẻo nhất để bới, trông hóa ra ngây ngô và ngượng nghịu, đến hay.

Chị ả còn làm bộ mãi, không chịu đến. Để cho chàng hết rủ rê, tán tỉnh bằng điệu chân, điệu mỏ, lại xòe cánh ra đập phành phạch. Mà cô nàng cứ còn cao giá làm lơ và lại bắt đầu hát kéc kéc ầm ĩ.

Ôn tồn, dịu ngọt mãi không được thì chợt ta tức lắm. Chàng ngẩng đầu lên.

Cái tính hung hăng, nóng nảy cố hữu của chàng ở đâu lại kéo đến ầm ầm. Chàng đỏ mặt tía tai, lộc ngộc chạy đến tận nơi. Chị ả cũng ù té chạy biến phía bờ ao.

Nhưng này, ối ai ơi! Chị ả nỡn nường đó chỉ giả cách khệnh khạng một chút đấy thôi. Đến chỗ khuất bóng cây chanh, nàng đã nằm khụy hai chân xuống. Để đợi người yêu.

Sáng nào chị mái nạ dòng ấy cũng lên ổ để đẻ. Mỗi lần đẻ xong, chị nhảy choàng từ trong ổ ra đứng giữa sân mà cục te cục tác rồn rã. Chừng muốn khoe với làng xóm rằng mình vừa mới đẻ được một cái trứng, công phu khó nhọc nhiều lắm đây.

Được có chín trứng ả đã thôi và bắt đầu nằm ấp. ả ấp ham lắm. Suốt buổi. Quên cả ăn. Cứ nằm sù sù cả ngày thâu đêm trong ổ. Ai động dậy ở đâu gần đấy là ả đã kêu cục cục, lông cánh xù ra, chực những sự vừa chửi vừa đánh.

ả nằm ấp vừa đứng cỡ hai mươi một ngày. Từ đầu tuần trăng lưỡi liềm cho tới những đêm trăng chỉ còn nhô lên lúc gà gáy sáng là tới thời kỳ những cái thai bắt đầu cựa quậy và mổ vỏ ra để tìm ánh sáng.

Nửa tháng sau, xung quanh chuồng gà đã ríu rít những gà con. Bây giờ cái mảnh sân sau ấy vui lắm. Qua một ít bữa, chín con gà nhỏ vỡ lông, vỡ cánh và lần lần trên người chúng, hiện ra những màu sắc của một bộ mã. Mỗi con một mã: hoa mơ, tía, trứng cuốc, mẩn trắng. Cũng có những đứa đeo cái màu vàng bình bịch như mẹ. Đây là một đàn gà pha.

Có thêm những một đàn chín con gà nhỏ, sân và vườn bây giờ trở nên âu tri viên. Cả ngày, rồi lên những

tiếng líp nhíp, líu nhíu. Gà con, chúng kêu luôn mỏ. Nếu không chếp chếp to tướng thì ít ít be bé trong cuống họng. Xô nhau cũng kêu. Mổ hạt tằm, cũng kêu. Đến cả khi mẹ ngồi xuống, xòe cánh ra cho chúng rúc vào bụng, chui vào nách, nhảy lên lưng, cũng kêu í ới.

Còn mẹ chúng nó? Thật là một người đàn bà giỏi giang, đa tình thì nhất mực mà khi phải vào cái bốn phận dạy dỗ, nuôi nấng con trẻ, lại đáng nên bậc mẹ hiền gương mẫu. Luôn đi cạnh các con, mẹ không rời chúng lấy nửa bước ngắn. Mẹ cong chòm đuôi, xù vành lông cổ lên, làm điệu nghiêm khắc và ác. Thật ra, với các con thì mẹ rất ngọt ngào. Bới được một hạt giềng đỏ, mẹ cũng gọi chúng đến, cho chúng ăn. Vừa nhìn các con ăn, mẹ vừa cúc cúc, nói chuyện vui vẻ. Nhưng hễ động một bà ngan đăng trí - những con ngan hay đăng trí, lúc nào cũng bước đi thanh thản, lơ mơ, ngất ngưỡng tới bên cạnh là mẹ Gà nhảy lên như chơi chơi, bao nhiêu lông đuôi lông cánh dựng đứng ngay lên, miệng kêu oang oác, khoéc khoéc, chân thì đập, mỏ thì mổ khiến cho mẹ kia mở mắt không kịp, chúi đầu xuống đưa vòng kiềng hai chân mà lạch bạch chạy.

Mẹ mê mãi chăn nuôi con đến quên cả mình. Chả thế mà trong khi săn sóc trẻ, thân hình mẹ gầy xác, gầy xơ. Bây giờ thì không thể bảo mẹ là cô gái giang hồ gần bạc tóc mà vẫn ưa lá gió cành chim được nữa. Phải gọi mẹ là một bà xã trong làng, một bà xã chỉ biết tảo tần nuôi con cho đi thả chim thả diều và nuôi chồng một ngày hai bữa rượu. Những điều nguyệt nọ hoa kia, giờ tịnh tâm, mẹ không màng tới, mà lại còn ghét là khác. Mỗi khi có cô mái tơ phớn phở đi qua, mẹ đuổi đuổi, mổ mổ, túi bụi.

Còn anh Gà Chọi mã ô miễn tí? Thôi thôi thôi, nói làm chi đến cái quân lang chạ, phát phơ.

* * * * *

Một ngày cuối tháng năm. Mấy hôm nắng dữ dội như muốn hun héo cả xóm làng. Đến hôm ấy, từ buổi sớm, nắng không loe lên như mọi khi. Trời vẫn vù đầy mây trắng. Song không phải là mây trắng đục, báo hiệu cơn mưa. Mây trắng tinh chẳng biết ở đâu trôi lừ đừ đến từng tảng lớn, ngổn ngang cả nền trời xanh ngắt - trời xanh lăm, ở mỗi khoảng không có mây. Mây đến rồi mây đi, mây đến, mây lại đi, mây chuyển vùn vụt. Ấy thế rồi gió nổi lên dạt dào trong các lũy tre. Cái thứ tiếng dạt dào của lá tre rung vào nhau liên miên, tưởng như tiếng heo may cuối thu, mà không bao giờ ngớt, gây nên bởi từng luồng gió rất dài, rập rờn trên sóng lúa, từ ngoài đồng xa về. Người ta gọi gió ấy là gió giải đồng - gió quạt mát cho những người cày dưới ruộng.

Bữa đó, Gà mái dẫn đàn con lách qua bờ tre, ra ngoài ruộng nhữn nhơ chơi. Bởi vì không có nắng nên cả mẹ, cả con mãi bắt nhái, bắt châu chấu, mãi tới xế chiều mới dò về. Về tới chuồng, trời đổ một trận mưa rào. Mưa rào đến đêm thì tạnh. Nhưng còn sập sùi mãi tới lúc sang canh mới dứt hạt.

Sớm hôm sau, khi cửa chuồng đã mở, chỉ thấy chị Gà mái mẹ dẫn có bốn con nhỏ lúi thúi ra. Nhòm vào trong: năm chú gà con kia đã nằm mỗi chú một xó chết còng queo từ bao giờ. Và chỉ từ sáng tới buổi trưa, cả bốn gà còn lại này cũng mỗi con nằm rụi ở một góc vườn. Những cái điều cơm cứng ních lại. Lặc kêu

âm lên rằng :

- Biết ngay mà. Trờ gió! Trờ gió! Trái gió. Trái gió. Gà bên nhà bác xã Khóm cũng lẫn đùng ra thế đấy.

Sẩm tối, ông ngoại tôi sai Lặc hun một đồng bồ kiếp ở trước cửa chuồng, chỗ thang gà leo lên leo xuống. Trong sự tĩnh mặc âm thầm của vườn sau, đám khói hoàng hôn sực mùi bồ kiếp thơm gây gây càng làm cho cái khu gà vịt ở có một không khí ảm đạm như một xóm nhuộm bệnh thời khí. Thế mà sáng hôm sau, lại có ba chị Gà mái tơ nằm chết chổng hai cẳng lên trời.

Một sự đổi đời ghê gớm. Tai nạn chỉ bởi có một thoáng thay thời tiết. Mụ Gà mái mẹ và anh Gà Ri sợ không dám ở chuồng nữa. Tối đến, chúng ngủ cao trên bụi tre. Còn ở lại chỉ có lũ nhà ngan, họ nhà vịt - cái tụi ngu ngơ lúc nào cũng dờ dẩn mà khỏe - và anh Gà Chọi đứng ngang nhiên trên nóc chuồng. Dáng hăn thấy cảnh vật phút chốc bỗng trở nên quạnh hiu, anh không học mỏ kêu kộc kộc như mọi hôm.

Chẳng những chỉ vắng vẻ thế mà thôi!

Một sớm kia, Gà Chọi không cất tiếng gáy. Tay nhà võ đi có dáng lừ đừ, đầu rúc xuống, mà cổ thì hình như nặng nặng. Loài gà không bao giờ ốm bệnh gì, chỉ có bệnh dây. Khi lủ khủ, tất chàng mắc bệnh ghê gớm đó. Chàng bị truyền nhiễm bởi bọn gà chết hôm qua, hôm kia. Chắc thế. Bởi chàng khỏe cho nên chàng không quy ngay. Song cũng khó lòng qua khỏi được. Có sức khỏe, bệnh chỉ kéo dài. Thế nào, một ngày rất gần đây, cũng sẽ đi đời.

Chàng không ăn được nữa. Chỉ uống nước thôi. Mà uống nước luôn luôn. Cái bùi điều cơm rắn lại. Cho đến chiều thì chắc đành, sờ tay không bóp chuyển được. Đêm, chỉ nghe tiếng quéc quéc, như vướng cái gì trong cuống họng. Cái tiếng quéc sắc rợn và lạnh. Nghe ghê người.

Sang hôm sau, mào, bắp chân và bụng Gà Chọi đã xám lại. Chàng bước đi; cái cần cổ gục xuống, hai vai cánh so lên, xiêu vẹo như lão kiết đã nghiện nặng lại thiếu cả sái hút. Đôi chân hiên ngang nọ như sắp không khiêng nổi cái mình to lớn nữa. Thảm hại quá. Ôi! Con Gà Chọi, ôi! Con Gà Chọi! Con Gà Chọi chỉ còn mở thao láo một mắt ra nhìn. Không còn hực hặc đập phành phạch. Không còn gáy cồ... cộ, không kêu cộ... cộ gì cả.

Ngày hôm sau nữa thì đành chẳng thể nào nhấc chân được. Chàng Gà Chọi nằm gục một chỗ, chổng đuôi lên, đầu lả rụi. Người tọp lại, như một người thân thể to lớn, bây giờ chỉ còn làn da, ôm một bọc xương. Buổi chiều thì Gà Chọi tắt thở.

Lặc được nhận việc xách một bên cẳng nó, đem ném ra ngoài đồng xa.

Hời ôi! Ông Từ Hải về với đất.

* * * * *

Cậu Gà Ri không dám bén mảng về đến sân nhà. Trông trước, trông sau chẳng có ai, chỉ còn một mình chị mái già, ra lại vào, ngẩn ngơ.

CHIM CHÍCH LẠC RỪNG

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Mụ Ngan:

ự chết chóc ghê rợn trong họ nhà gà không ảnh hưởng đến các chú ngan, thím ngan cũng cùng ngụ một sân. Loài ngan khỏe mạnh, ít khi trở trời mà bị trái gió.

* * * * *

Xóm gà vịt này có hai con ngan trắng.

Độ nọ cũng còn có thêm một đàn ngan nhỏ. Nhưng bây giờ đã tan tác mất cả. Chẳng phải vì bệnh dây, mà là vì nhiều sự không may khác. Đời sống lẩn dài vào thời gian rộng lớn và cao cả, triền miên đã bao nhiêu năm, trong khối óc tí hon của muôn loài. Với chúng - nhất là những con vật luẩn quẩn xung quanh thì trái lại. Ngày tháng vụn vặt, chỉ có những đau thương nhỏ bé, những xa cách ít đáng để ý. Ấy là cuộc sống tù mủn, bèo nhèo. Chúng chẳng làm hại ai, chẳng hít hốt mất của ai ít khí trời, dù chúng cũng thở ra, thở vào cẩn thận. Như những con giun, cái kiến làm sao mà được nhòm ngó tới.

Đếm đàn ngan con có được sáu cái đầu cả thấy. Sáu cái đầu xinh xinh, sáu cặp mắt tròn xoe, đen láy và ngơ ngác. Chúng luẩn quẩn líp nhíp xung quanh hai bàn chân tõe ngón rất thô kệch của bà mẹ. Mà tâm tính của mẹ chúng thì cũng “thô kệch” như hai bàn chân nọ. Mụ dần dần đến phát ghét lên được. Thực là một thứ đàn bà đoảng. Mặt mũi lúc nào cũng ngẩn ngơ, lúc nào cũng lắc lư như một bà nhiêu ra chợ mà bị kẻ cắp xén mất túi. Mỗi khi cất bước, đôi chân khụng khiêng đi vòng kiềng lại đu đưa tất cả mình lên. Nom đến chặm.

Cũng bởi cái tối dạ, chậm chạp ấy mà vô tình, mụ đã giết một đứa con của mụ.

Một hôm, cu Lặc đem ngô ra sân cho ngan ăn. Mụ ngan xô đến. Đàn con cũng tất tả chạy theo. Chúng len, đùn, tranh nhau trèo vào chậu ngô. Mẹ chúng đứng ngoài xốc cànch cách từng hột một.

Nhưng lũ trẻ leo vào đầy chậu, khiến cho mụ bị vướng, không xoi được hột nào nữa. Tức mình mụ cũng thò chân vào cái chậu sành. Rồi mụ bước nốt cả chân kia vào. Thành ra mụ đứng phè phè giữa chậu, cứ cúi xuống mà xốc, tranh ăn của cả các con. Một bàn chân mụ - cái bàn chân có ba ngón trước tõe ra, mạng liền với nhau - giẫm lên lưng một con nhỏ. Con ngan nhỏ kêu thảm thiết. Nhưng mụ mẹ vẫn chưa biết, vẫn dí chặt chân lên lưng nó mà đóp ngô như thường. Đến khi mụ dịch chân đi để thò mỏ ăn chỗ khác thì con ngan khốn nạn kia không thể đứng dậy được nữa. Nó gãy xương lưng.

Ăn no rồi, mụ vỗ hai cánh dẫn năm trẻ xuống ao lội chơi. Mặc thây một con bị trọng thương, cứ việc nằm rụi, kêu khắc khoải. Mụ lờ tít hay là không biết. Đến chiều, con nhỏ ấy chết. Mụ như không biết có một

đứa con mình vừa mới chết. Thế thì cố nhiên không phải lỗi ở mẹ. Bởi vì mẹ vẫn thò ra thụt vào cái cổ, vẫn lúc lắc bộ đuôi. Những tiếng kiu kiu thốt ra, như vẫn biểu lộ một nỗi vui sướng vu vơ, ngây ngô.

Thế là một ngan con chết. Mười hôm sau, hai mống nữa cũng chết theo. Chúng bơi dưới ao, rúc đầu mò vào ven bờ. Hai con lập tức bị lươn rút vào tổ. Lũ trẻ con trong nhà đi tìm chỉ thấy hai cái đuôi chống vọc lên. Cái đầu kẹt trong lỗ, bị lươn cắn thủng một vết sâu hoắm.

Còn lại có ba nhách lơ lảo.

Lại một hôm nữa, mẹ dẫn ba trẻ ấy ra ngoài ruộng chơi. Mấy bữa trời đổi gió, cả đàn diều hâu ở miền xa đâu trên núi bay về. Chúng dang cánh ra liệng vòng tròn trên đồng lúa. Chúng lửng lơ trong không, lẫn vào từng khoảng mây xanh. Những tiếng kêu rín rít nổi lên như tiếng sáo đấu. Không phải là chúng cứ liệng chơi “xây giếng cho tròn” mãi ở trên trời cao thăm thẳm ấy. Chúng liệng đi, liệng lại thỉnh thoảng sà xuống ở một chỗ quanh quẽ, hoặc để tìm một cái ngòi nước vào mà tắm, hoặc để kiếm mồi. Hôm ấy, có một con diều hâu liệng vòng tròn rất cao. Bỗng nghiêng cánh, đâm bổ xuống. Nó vừa trông thấy mấy cái mồi. Đó là ba con ngan nhỏ cùng với mẹ ra nhón nhờ ngoài đồng. Diều hâu sà xuống tận nơi, thò dài hai cái chân sắt, quắp lấy một con ngan, rồi bay bổng lên, vụt đi. Nó tìm đến một nơi thanh vắng, thả ngan xuống, mổ cho chết rồi ăn thịt. Một lát sau, có một gã diều hâu nữa sà đến cũng quắp một con ngan. Văng vẳng tiếng ngan kêu thảm thiết trên cao.

Mẹ ngan mẹ cũng nghe được rõ ràng những tiếng kêu cứu ấy. Bởi vì mẹ có nghển cổ, có liếc mắt lên trời. Nhưng rồi mẹ lại cúi xuống mổ cỏ và lúc lắc cái đuôi của mẹ. Còn có mỗi một con ngan nhỏ khiếp sợ, chúi vào bụng mẹ. Song mẹ nó cũng vô tâm, không để ý chi. Thế là hai con ngan nhỏ bị diều hâu bắt ăn thịt. Phải tay một mẹ gà thì không bao giờ mẹ chịu im như vậy. Sống chết mẹ cũng xù lông ra, nhảy lên đánh nhau ngay với quân thù. Đằng này, có thể như không bao giờ mẹ ngan nghĩ đến cái điều phiền nhiễu đó. Mẹ đứng đĩnh đạc một con lông chống vể, mỏ và mắt thản nhiên như lúc đi ra.

Cả đàn sáu con ngan, chỉ còn vồn vẹn có một. Cái sân gà vịt vừa bị một trận chết dây kinh khủng, bây giờ lại càng vắng vẻ thêm. Các cổng chuồng bị bỏ trống, không cài then. Những lối bùn đã mọc rêu xanh. Chẳng có mấy vết chân ba ngón qua lại.

Tối đến, nhà ngan ngủ dưới gầm chuồng gà. Con ngan nhỏ nằm bên cạnh, mỏ rúc xuống cánh. Bao giờ chúng cũng ngủ đây. Cái giống ngan luộm thuộm yên trí rằng ngủ ở đây đã là sạch sẽ.

Một đêm kia, có một con rắn mai gầm từ dưới ao bò lên. Thân nó trườn bằng một cái đòn gánh và vằn những khúc vàng, khúc đen. Bởi vậy, rắn ấy còn có tên là rắn cặp nong cặp nia. Nó luồn men bờ ao, đánh hơi thấy mùi tanh ở chuồng gà thì bò vào. Và nó bắt gặp ba con ngan, liền rướn bạnh cổ ra, phun phè phè. Hai ngan lớn lật đật chạy. Bởi rắn ấy là ông Ba Mười, đối với các loài vật trong nhà. Cũng chẳng biết có phải vì sợ mà vợ chồng nhà ngan chạy, có khi chẳng biết sợ cũng nên. Chú ngan nhỏ chậm chân, bị rắn tiếm một nhát vào lưng. Tội nghiệp, chú nằm quay lơ, giãy giữa một lát thì gục xuống chết. Con rắn lừ đừ trườn

đi mất.

Sáng hôm sau, Lặc thấy xác con ngan nằm chết rũ. Nhìn một vệt dài lằn nhẵn trong rãnh bùn ướt từ dưới ao lên trên gậm chuồng, Lặc biết ngay là con ngan kia bị rắn phun. Nó chạy vào nhà, hô hoán ầm lên. Lũ trẻ thập thò ra xem, níu nhau, rón rén bước từng bước một, như sợ con rắn nguy hiểm hãy còn luẩn quẩn đâu quanh ở đấy.

Lặc xách cẳng con ngan lên. Nó ngăm nghía và nói :

- Hoài của. Thế lầy mà rắn cắn chết. Thịt ăn đương mềm lắm. Chốc nữa tôi vào xin ông mang về...

- Ăn?

- Chứ nỳ gì! Hôm lọ, con gà chọi tôi cũng mang về ăn đây. Chỉ phải bỏ cái điều đựng cơm thôi. Ngon đáo để. Tôi gì, thịt ăn chẳng có, có thịt vứt đi.

- Nhưng đằng này rắn phun độc lắm.

- Độc xộc vào mồm. Tôi khiếp sợ.

Lũ trẻ xanh mắt lại. Chúng chắc rằng ăn thịt ngan rắn cắn, thế nào nhà Lặc cũng chết ngay đuôi ra. Lặc mang con ngan về.

Nhưng sáng hôm sau, Lặc vẫn đến như thường. Mặt mũi vẫn hồng hào và cái bụng vẫn như chiếc trống cái. Cả bọn trẻ xúm lại.

- Ăn hết thịt ngan chưa?

- Mấy con lửa cũng hết bay.

- Thế thực anh không sợ nọc rắn độc hử?

Lặc nói nhỏ, ra lối bí mật :

- Sợ quái gì. Núc nuộc gà thì bỏ một cái đinh lăm phân vào lồi. Sắt kỵ nhau với rắn, thế nà nọc rắn tan ra lước. Chỉ phải bỏ đi có lước suýt, còn thì nhắm được tuốt!

Lũ trẻ ngẩn ngơ nhìn nhau. Ra lối phục cái mẹo ấy là đúng.

Con ngan nhỏ cuối cùng chết đi, hết dấu vết của đàn ngan. Không ai nhớ nữa. Cả mẹ và cả đến cha chúng. Tàn mùa hè thì hoa xoan rụng.

Hai vợ chồng nhà ngan lại quanh quẩn. Chồng là một chàng ngan bạch. Thằng cha to gấp đôi vợ. Loài

này, bao giờ đực cũng lớn hơn mái. Toàn thân trắng muốt. Nhưng ở cuối mỏ, sùi lên những mụn đỏ. Nếu nó in ít, có thể tưởng đấy là trứng cá của loài ngan, nhưng đây nó đầy bì bì, đỏ tía như màu hoa mào gà và ngay ở trên trán, mụn đỏ cũng mọc cao lên như một cái nấm. Những cái mụn đỏ ấy làm xấu dáng của ngan, dù là một con ngan trắng muốt. Vì còn có những thứ ngan khác, hoặc đen biếc, hoặc trắng đốm đen, bản như những bà già trong làng đi chợ mùa lạnh mà mặc váy rách vá chum vá đụp.

Nhưng vẫn chỉ vì tính nết của ngan làm cho người ta ít ưa chúng.

Chàng ngan kia bướng bỉnh lạ. Nếu bị người đuổi, chàng chỉ rảo từng bước thùng thỉnh. Và lại còn thò cổ lại “hỏi han” người ta. Nếu chỉ bị đuổi xoàng, chàng còn mỗ lại người ta là đằng khác nữa. Chàng không nhát như mấy anh vịt, lúc nào cũng chỉ đứng ngẩn tò te ra nghe ngóng để rình chạy. Song chắc là vốn bẩm sinh ra thế, chứ thực ngan ta chẳng có tâm tính chi. Đã một lần, có một đứa trẻ ngắt hai chiếc lá khoai san hà. Nó vật hai con ngan xuống và lấy lá khoai chum kín cả đôi bên mắt của chúng. Đôi ngan bưng mắt ra, thấy màu xanh xanh của lá phủ trên mặt thì quên hết cả trước sau. Chúng cho rằng chúng đương được lơ mơ ở trong bụi cỏ. Bụi cỏ non xanh và mát. Thế là chúng cứ nằm chỏng chân lên, im lặng không nhúc nhích, cho mãi tới lúc hai chiếc lá khô cong, hé nhìn lên thấy trời, mới lóp ngóp bò dậy. Lại thùng thỉnh bước một, gieo những bước nặng lạch bạch xuống nền sân.

Một hôm chàng ngan lừ đừ ra đầu ngõ. Hắn đi ngơ ngác lơ phờ, lắc lư cái mình, lắc lư cái chân, mà lắc lư cả đến chiếc đuôi ngắn cùn. Bất đồ gặp một đứa trẻ độ ba bốn tuổi, chập chững đi vào trong ngõ. Ngõ hẹp và sâu, có những cây xoan cao, thân mốc trắng, cành nặng trĩu những chùm quả chín khô, vàng thẫm. Thằng bé cũng trông thấy con ngan. Nó cười trề, cười truông nhưng nó không sợ ngan chút nào. Nó thò tay ra vớ lấy đầu con vật. Chàng ngan cũng chẳng sợ thằng bé, chàng liền rúc một mỏ vào rốn nó. Thấy buồn buồn, nó lấy tay gạt đi. Chàng ngan lại rúc nữa. Lần này chàng rúc xuống phía dưới. Đúng. Thế là chàng cứ bập bập hai cái mỏ, vừa lôi vừa nhay thẳng bé.

Thằng bé giãy giụa, gào “Mẹ ơi! Mẹ ơi!” ầm lên. Mọi người chạy ra thì bé đã cố dứt được cái mỏ ngan tai quái ra rồi. Chẳng ai ngờ là gã ngan dờ dẩn nọ lại vừa đánh nhau với thằng bé. Bởi thằng bé chưa biết nói sôi. Nó chỉ khóc. Mà gã ngan thì vẫn đứng cạnh đấy, thò dài cổ ra “hỏi han” mọi người, với một điệu ngẩn ngơ.

Người ta tưởng có một ổ kiến lửa chi đó ở quanh đấy.

* * * * *

Sau nhà, có một vườn cải. Đây là một khoảng đất tận góc vườn đằng kia, giáp bờ ao, vun xới bón tưới do công trình của Lặc. Cũng là ở trong vườn, nhưng Lặc rào kín bốn phía. Để đề phòng sự tàn phá của bọn gà vịt nghịch ngợm. Chỉ hở mỗi một cái cửa nhỏ. Mỗi ngày hai buổi, Lặc xách vò nước vào tưới.

Bốn luống cải chạy đều một hàng. Màu xanh tươi tắn trải lên trên màu đất vàng sẫm. Có luống vừa bén chân, mới trổ được đôi ba tờ lá bé. Những mảnh lá xanh rờn, có khía răng cưa xung quanh, khum xuống sát

đất. Cải này trồng để ăn vào tết Nguyên Đán. Cũng có luống những tàu lá cải đã vòng cao. Khía lá rách mảnh vào chiều sâu. Ở giữa chòm lá lòa xòa, vươn lên một cái thân dài mụ mẫm và phấn trắng. Đầu thân, lơ thơ có những chùm hoa nhỏ, những chùm hoa của những đóa hoa nhỏ xíu ấy, nở ra những cánh vàng li ti. Đó là những luống cải đã già rồi để làm dưa. Nhưng vườn chỉ đẹp, khi những cây cải già nở hoa vàng. Có không biết bao nhiêu bướm trắng từ xứ mô tê nào rủ nhau đến chơi vườn cải. Chúng họp thành đàn, bay rập rờn trên từng cánh lá. Chỉ bay thôi mà không đậu. Những cánh trắng trắng phấp phới trên nền cải xanh lốm đốm hoa vàng. Lại thêm mưa xuân về sớm. Mưa không ra mưa, mà là trời đổ bụi mưa xuống. Trước gió hiu hiu, những bụi trắng bay loăng quăng, vẫn vơ.

Căn vườn xinh xinh là thế, mà một bữa kia, có kẻ phàm phu nào vào bới tung hết cả lên. Chỉ vì hôm ấy, Lặc tưới vườn nhưng lúc ra quên cài then cửa. Một lúc sau, nghe có tiếng khịt khịt thở mũi. Rồi lại tiếng chân lạch bạch. Rồi thì một cái mỏ vàng to bè bè, hai con mắt lơ lảo và cả cái đầu đỏ khé, thò vào trong phen. Thấy phen ngổ rộng, hai cái chân thấp lùn chũn cũng rún lên nữa: à, chàng ngan được đương ý ạch leo vào vườn. Chàng vừa leo vào xong, còn đứng nhón nhờ nhìn khu vườn man mác một màu xanh ngợp mắt, thì ở ngoài lại có tiếng thờ, lại có tiếng chân đi, lại có cái đầu đỏ nữa thò vào. Con mụ! Mụ ngan cũng nhảy vào vườn nốt.

Ôi chao! Thực là hả hê, thực là phê pha. Mấy khi có được những lá xanh non và mềm thế kia để cho mát ruột. Vợ chồng nhà ngan cảm cúi vật mỗ lá cải. Chúng tia từng lá, xốc ngoem ngoem. Chúng ăn những cây lá cải non.

Chúng nằm xệp cả xuống giữa luống mà xốc xoàn xoạt. Vừa ăn, vừa giày vò, vừa ngoe nguẩy cái đuôi lý thú. Chẳng bao lâu quang đãng hết một góc hai luống cải. Còn trơ lại mặt đất những cái gốc trụi. Ăn một ư? Không, chỉ vỗ cánh đành đạch, đứng nghỉ ngơi một lát rồi lại tiếp tục. Chúng ăn vô hồi kỳ trận. Vườn cải nát hết. Đàn bướm trắng lờn vờn trong bụi mưa. Bụi mưa vẫn phơ phới xuống. Hai cái mỏ, hai cái chân, giẫm và nuốt tan hoang cả.

Cuộc tàn phá đương dữ dội thì có một đứa trẻ đi ra vườn, ghé qua khe nửa, trông thấy, nó hoảng hốt chạy vào trong nhà.

Cu Lặc hốt hơ hốt hải chạy ra. Môi nó mẫm lại. Những bước chân giận dữ vang thành thạch, có thể dẫm chết cả chó. Có đứa cướp vườn cải! Có đứa cướp vườn cải! Làng nước ơi, hại cu Lặc chưa!

Lặc giương to đôi mắt mà nhìn vào vườn, hai con ngan mãi ăn, không biết. Đến lúc Lặc bước vào thì chúng mới nghech mắt lên nhìn, nhưng lại cúi xuống ngay, lại xốc lá cải liên liên. Lặc thì Lặc, nhà ngan ít cần, mà nói rằng chúng chẳng cần mới đúng. Cửa ngõ thì đi vào. Có lá non đấy, tha hồ xơi tự nhiên. Giản dị lắm. Nhưng người ta lại không thể nghĩ giản dị như vậy.

Lặc co căng đá phốc anh ngan được một cái. Thẳng nồm bắn bổng lên, chúi vào khe giậu. Con mụ cũng được ăn một đá tương tự. Chúng lóp ngóp bò dậy, và trong lúc thẳng thốt, không hiểu thế nào ra thế nào cả.

Chúng vươn cái cổ chĩa là là xuống, trợn mắt lên, đồng thanh cất tiếng kêu kiu kiu. Cái gì thế? Cái gì thế hử?

Lạc đá liên liên. Lũ trẻ reo à à. Mỗi lần bị ngã mà lóp ngóp bò dậy, hai con ngan lại càng vươn thưỡn cổ ra, đôi mỏ đánh vào nhau cặp cặp. Như cố ý hỏi rồi kháng cự lại. Chúng quay cổ nghênh địch, không chịu chạy. Lạc đá tới tấp. Loài ngan khỏe thực. Người đá lắm chỉ nghe tiếng bồm bộp. Sau, Lạc xách cổ cả đôi ngan, đem nhốt vào chuồng. Nó cài kỹ lưỡng cả hai cái chốt lại.

Vợ chồng nhà ngan bị bỏ tù. Cho đến lúc ấy, chúng vẫn không hiểu chi, cứ vung cổ ra kêu kít kít, rất bướng.

Ba hôm sau, đôi ngan được thả ra. Chúng vỗ cánh, rướn chân, bay vè vè trong sân. Nhưng bỗng nhiên, chàng ngan đực vù lên cao. Chị vợ cũng nổi cánh. Hai con ngan trắng phau phau bay bổng lên không trung, thấp thoáng trong nền mây trắng. Chúng bay cả ra cánh đồng. Thực là một sự bất ngờ kỳ khôi. Loài ngan có bay biếc trên trời bao giờ đâu. Kỳ tình ngan cũng biết và có thể bay cao lắm. Nhưng ít khi chúng trở tài cho thiên hạ rõ. Chắc là mấy bữa nay cậu mợ quẩn chân lăm, bây giờ đã được tự do thì xê dịch lên trên trời một tí cho sướng cái thân.

Lạc co căng chạy đuổi theo. Hai con ngan hạ cánh xuống giữa cánh đồng. Lạc tóm được và lại xách cổ cả hai, bôngng bôngng lôi chúng về nhà.

* * * * *

Chàng ngan đực bị xử tội chết ngay ngày hôm sau.

Người ta bày ra một cái bát chiết yêu. Một đứa trẻ tóm hai cánh ngan, giơ cao lên. Một đứa khác cầm hai chân, Lạc tóm cổ ngan, vặt nhẵn một tùm lông ở phía mỏ dưới. Nó kê lưỡi dao vào đấy, khía mạnh một cái. Máu đỏ tươi chảy xuống bát. Con ngan giương mắt ra thở khò khè. Nhưng cái màng trắng ở một bên mí kéo lên, khép kín đôi mắt ấy lại. Nó giẫy mấy cái mạnh, rồi nhuôi ra.

Mụ ngan đứng cạnh, nhìn vớ vẩn. Mụ nghĩ ngợi chi? Vẩn thò ra thụt vào cái cổ, như là thản nhiên. Thực mụ cũng chẳng biết người ta đương xúm lại để làm gì chồng mụ. Giống này có nhớ chi biết chi. Một việc qua rồi, được coi tựa như việc chưa có lần nào đã tới. Mụ chỉ nhớ khi có hạt ngô đỏ đỏ, hạt thóc vàng vàng, tàu lá xanh xanh thì xô đến khởi sự ăn.

Mụ chưa bị chết. Mụ chỉ phải xén cụt hai đầu cánh, để từ giờ cụt hứng bay. Nhưng án của mụ cũng đã được tuyên. Ông ngoại tôi nói :

- Còn con ngan này thì đến hăm ba, cho nó về châu ông Công.

CHIM CHÍCH LẠC RỪNG

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Đôi Ri Đá:

t lâu nay, có một loài lạ lạc vào vườn. Anh chim sẻ xưa nay vẫn to hó đứng trong đầu nhà, kêu tặc tặc không được điềm tĩnh và đều đặn như mọi khi. Ra về thẳng thốt. Như thể lo rằng có những kẻ lạ nào đương dò dẫm, tìm kiếm nơi ăn chốn ở trong vườn nhà mình.

Quả đúng như nỗi lo của sẻ.

Có hai con chim ri đá, mấy bữa rày thường lai vãng đến vườn. Chúng nhấm nhocht chuyển từ cây bưởi sang cây khế, đến cành hồng bì. Sẻ ta đứng bắn khoả trên nóc đầu hồi, nhón nhác nhìn, ra điệu ghét lắm.

Bấy giờ là đầu mùa đông. Ngoài ruộng, lúa chín vàng hây. Những bông thóc nếp mập và tươi ong óng, trĩu gù lưng xuống. Màu vàng san sát giải từ cánh đồng làng Nghĩa Đô mênh mông đến tận bờ tre làng Phú Gia.

Theo với mùa lúa, từng đàn chim ri bay về mọi cánh đồng. Và hai con ri đá kia thần thơ vào trong vườn này.

Đó là một đôi vợ chồng. Chàng và nàng. Có lẽ là đôi vợ chồng mới cưới nhau mùa thu vừa rồi cũng nên.

Nếu nói so sánh, ta có thể nói so sánh rằng đôi ri đá ấy tựa như một cặp vợ chồng quê mùa mới rủ nhau lên tỉnh. Họ lờ khờ, ngẩn ngơ - nghĩa là đặc nhà quê! Họ thuộc loài ri đá chính tông. Và có hiệu là ri rừng. Người loắt choắt, bé chưa bằng ri cam, mà lại bé hơn cả chim sẻ. Trông một ri đá chỉ bằng nửa chim sẻ. Vừa như chiếc hạt mít mập mập, có dính chút đuôi. Đôi mắt nâu lơ lơ. Cặp mỏ ngắn, cục mịch thây lấy trước đôi mắt như một viên cuội xám xám. Lông màu nâu, mượt, trơn và mịn. Đôi chân cũng xám như mỏ. Ở con chim ri, có bóng hình một người cù rù nhưng nhẵn nạy, lam lũ và luôn luôn chân lấm tay bùn - người cần lao của đồng ruộng.

* * * * *

Một buổi sáng, vợ chồng ri đá ở đâu sà đến cây bưởi. Chúng kêu kéc kéc nho nhỏ. Thế là, trên nóc nhà, chim sẻ lắng tai nghe tiếng bỗng tặc tặc ầm ỹ. Dáng hăn chàng ta chửi đứa nào dám vào nhà mình. Nhưng sẻ chỉ nỏ mỏ công kích suông thế thôi, không dám xuống tận nơi.

Vợ chồng ri đá điềm nhiên, chẳng để ý đến sự lèm bèm đó. Chàng nghiêng má nhìn cây hồng bì rồi rún cẳng nhảy sang. Nhẹ như một chiếc lá rơi, và cũng lẩn ngay vào lá, không động tĩnh gì hết. Nàng bay theo chàng, dáng bay hơi nặng nề, đôi cánh vỗ sè sè, bởi người nàng có đầy đà chút đỉnh. Không hiểu nàng ri đá

đã có con lần nào chưa, chứ thực trông nàng chẳng được gọn mấy. Đầu bơ phờ. Lòng bụng bạc phếch. Cườm ngực, cườm cổ không đen nhánh và bóng mượt như của chàng. Có cái lỗi của những người đàn bà xười xinh từ khi còn con gái đã ăn mặc xấu xếch, bây giờ chẳng thiết điểm trang gì nữa.

Chàng xáo xác trong cây hồng bì. Cây hồng bì thấp nhưng dày lá. Vả lại, với một anh ri bé bỏng, thế đã là khá cao rồi. Nàng cũng sục sạo trong cây, như kiếm chác một cái gì. Chẳng có lẽ. Họ tìm chi trong tùm lá hồng bì đó? Loài ri đá không biết ăn sâu. Mà đâu có bông lúa vàng ở đây. Kìa, đôi vợ chồng lại bay ra đậu ở một cành cây cụt. Họ nghiêng má nhìn trời. Trời cao và xanh, không cùng. Vụt một cái, bốn cánh bay đi loang loáng.

Người ta thấy ở ngoài đầu xóm, hai vợ chồng ri đá đến đậu trên một mái rạ cũ. Rạ đã bạc trắng và nát mủn. Chị chim ri hé mỏ mổ vào cuống rạ. Anh cong đuôi lên để lồi cuống rạ đứt ra. Khi đã lồi được, anh quắp lấy và bay vụt đi. Cô ả cũng bay liền ngay theo. Họ bay về cây hồng bì. Cây hồng bì ở ngay trước sân, bên cạnh một bể nước. Những lá mùa đông rụng xuống, vàng úa trên giai nửa. Chàng đặt cuống rạ vào một cành hồng bì kín và cao nhất. Rồi họ lại bay đi, vợ theo đuôi chồng, đến lấy rạ ở lớp mái nhà nát nọ, chị mổ và anh kéo. Dù được mẩu dài hay mẩu ngắn, anh không phiền hà, quắp ngay lấy, mang về cây. Công việc như thế, đều đều suốt ngày, như người ta mắc cửi.

Được chừng ba hôm, bác chim sẻ hay qua cây hồng bì, đã thấy trong có lù lù một nắm rạ lòng thông, bắn thủ như một mớ rơm rửa bát. À, ra hai vợ chồng con ri đá đến ngụ cư ở nơi này. Họ đương làm nhà.

Bao nhiêu công việc xây dựng, người chồng phải đương lấy cả. Chàng tha rác liên liên về cây. Chàng xếp đặt cho thực khéo, thực gọn. Trong khi ấy, nàng chỉ biết có việc mổ đứt cuống rạ và việc bay nhón như theo chồng. Thỉnh thoảng nàng lại khẽ hát kéc kéc, như để khuyến khích hoặc nói bông cho chàng được buồn cười. Chẳng hiểu chàng có thấy vui không, nhưng chàng vẫn hậm hùi, cậm cú làm như thường.

Chàng đặt móng cho lớp nhà mới bây giờ một lớp rạ. Rồi chàng đi tìm ở những bẹ cau và bẹ dừa lấy những sợi dây rất nhỏ. Việc tha những sợi dây này vẫn là việc của anh chồng chịu khó. Chàng đem về, đánh đai rất xinh, vòng trong những cuống rạ dựng thành một khung tròn hình lòng tổ.

Cái lòng tổ êm ái đã hoàn thành, sau ba ngày chịu khó.

Bây giờ chàng đi tìm lá khô. Chẳng biết chàng mò mẫm thế nào mà tha về được từng nắm lá duối, đem chất lù lù cả lên xung quanh thành tổ. Mỗi chuyến chàng mang về chừng đôi ba tờ lá nhỏ.

Một chuyến kia, vợ chồng ri đá song song bay từ ngoài bờ giậu vào vườn. Vừa sà xuống cây hồng bì, anh ri đá đã hoảng hốt buông rời mấy chiếc lá, cuống cuống nhào lên, bay tít tắp ra tận ngoài đồng. Chị vợ cũng nhón nhác ruồi theo.

Có gì đâu! Dưới gốc cây hồng bì lộn xộn bao nhiêu là người. Khắp sân, đầy đống những lượm lúa vàng rượi. Người ta kê một chiếc cối đá hồng đáy ra đấy. Lượm lúa chắc nịch được cặp vào hai thanh tre rồi

người ta đập lên cối đá từng hồi, cho thóc rơi vung vãi ra bốn phía. Họ vừa làm vừa cười cười, nói nói ồm ồm, cả đàn ông lẫn đàn bà. Thấy thế, vợ chồng nhà ri đá sợ hết vía. Không dám bén mảng về nữa. Nói của đáng tội, chiều hôm đó cậu mợ cũng về. Nhưng ở sân vẫn còn tíu tít ồn ã những người, nên lại vội vàng bay đi. Sáng hôm sau, chàng lại về. Mỏ ngâm rác cẩn thận. Song người ta vẫn thi nhau đập lúa thành thịch. Chàng lại bỏ đi, để rơi mấy chiếc lá khô xuống đất.

Người đập lúa trong sân, bác sẻ mon men xuống kiểm chác, nhặt những hạt thóc rơi rụng. Không thấy bóng vợ chồng anh ri đá đâu, ý chừng sẻ ta hả hê lắm.

* * * * *

Gió may dạt dào, đánh lúc lắc những cành hồng bì mảnh mảnh. Cái tổ hoang kia, không chim nào ngó đến, những ruộng rạ ở xung quanh đã ải sẵn, cứ trệ xuống dần. Rồi nó chỉ còn là một nắm rác, một nắm bụi nhùi của một đứa trẻ nào gài vu vơ lên đấy Hai con chim sợ người đã bỏ phí mất một cái nhà đương dựng. Nó sắp rơi hoài xuống cỏ mất.

Công việc gặt hái đã xong. Sân vườn lại trở về hiu quạnh như thường ngày. Chỉ còn tiếng chim sẻ rền rĩ trên đầu hồi. Cây hồng bì không phải mùa quả, hoang vắng lạnh lùng như một cây rừng. Đôi chim ri chẳng trở về nữa hay sao?

Không, họ lại trở về. Một hôm, từ lúc mới vừa rạng sáng, đã nghe có tiếng lạt xạt trong cây. Bấy giờ bác sẻ chưa trở dậy. Đến khi trở dậy, ra đứng ngoài đầu ống, thì bác đã thấy vợ chồng ri đá đương nối đuôi nhau tha rác về cây hồng bì. Bác lại trông xuống mà hé cái mỏ, bắt đầu kêu khan kêu vã. Họ tha về những cuống rạ nát. Lại những cuống rạ nát nhũn! Bởi vì họ lại bắt đầu. Nghĩa là vợ chồng chim ri lại kì cục xây lên trên cái tổ dở dang kia, một cái tổ khác, mới nguyên. Lại những cuống rạ mục, lại những dây dợ ở những bẹ dừa, bẹ cau. Lại những chiếc lá duối khô, lá quăn quăn. Và lại vẫn anh chồng còm còm tha rác suốt ngày để cho chị vợ thần thơ bay theo. Có khi, chàng bắt được ở đâu cả một mảng mạng nhện nhăng nhít, cũng lôi thôi tha về.

Chẳng bao lâu, cái tổ đã có lòng trũng xuống, và những chiếc lá khô thì làm thành một vòng tường cao. Ở trên trông vào, tựa hình một cái tổ bé tí tẹo của trẻ con chơi. Giá ở nhiều loài chim khác, như bọn chào mào, sáo sậu ắt hẳn cái tổ kia đã được khánh thành. Nhưng với ri đá, chưa thể gọi thế là xong được. Họ còn tạo tác thêm. Nói là họ, cho ra vẻ có vợ có chồng mà thôi, kỳ thực công việc xây dựng đều do mỏ và chân của chồng. Chàng nện vợ đủ điều.

Chàng đi kiểm ở các xó vườn lạ về những cành lá xoan, cành lá khế đã khô đét. Chàng xếp thành từng lượt ngang dọc trên nóc tổ. A! Anh chàng lượm một cái mái. Cái mái nhà để che mưa che nắng. Chàng lại đi khuôn lá duối, khuôn cành rạ về và xếp một lượt dày lượm lên trên những lượt cành. Xong xuôi đâu đấy cả rồi, chàng loay hoay khoét một cái lỗ. Khi đục xong lỗ, ấy là lúc công cuộc làm tổ đã hoàn thành. Chàng chui vào trong tổ cất lên mấy tiếng ke ke. Ở ngoài, vợ chàng cũng đáp lại như thế. Chàng liền bay ra, đứng

cạnh nàng, tỏ vẻ như âu yếm. Chàng xích lại một chút, chị vợ cũng rún rún đôi chân và rung rung đôi cánh. Hai cái mỏ chiu vào nhau, chịn đuôi vào nhau. Đôi chim hoan hỉ nhìn nhau và cùng xù lông ra giữ phành phạch. Chàng khoan khoái bay tung tăng đi vu vơ đâu một lúc, rồi lại trở về, cùng chui tọt vào tổ. Cái tổ kín và riêng tây như một nếp nhà của người ta.

Thế là tổ đã làm xong. Trông nó xù xì tựa như một mớ rác lộn. Song đó chỉ là cái bề ngoài không quan trọng thôi. Nay, ta hãy đến gần, ló đầu vào một tí xem. Đường cửa tổ tròn, xung quanh nhẵn thín, chui ra chui vào rất gọn, không vướng víu mảy may. Cái lòng tổ thì êm và mịn, vừa chỗ cho nàng ri cái nằm. Ri được chỉ rón rén nằm ghếch bên cạnh. Hai cái mỏ cùng chìa ra phía cửa.

Từ hôm ấy, sớm mờ mờ đã nghe tiếng ri động lạt xạt trong cây hồng bì. Họ đùa nhau chắc? Chị vợ thì nằm xù xù trong tổ cả ngày. Nàng nằm ấp dụn cho những ngày sắp sinh trứng. Đến khi hoàng hôn xuống, thì cả hai vợ chồng cùng chui vào tổ, lại cùng nằm chầu mỏ ra ngoài cửa.

Họ chờ đến ngày đẻ trứng.

* * * * *

Những con chim hét đen chậm chạp mỏ vàng bệch, đã từ phương xa bay về. Những dấu hiệu mùa lạnh sắp đến.

Gió may trở về đã từ lâu, hiu hiu và hiền lành. Nhưng chiều ấy, gió may bỗng đột nhiên nổi cơn đùng đùng. Trời đất âm u sầm lại. Từng làn mây nước lớn xám xịt, chuyển vận theo gió bay xuôi hỗn độn, tới tấp như ở trong một cuộc thay đổi kỳ lạ của trời đất. Sáng hôm sau, trời đổ mưa xuống đều đều nhưng không to lắm, vòm không mù trắng những nước. Và trời cứ mưa đều đều, lai rai, nhỏ nhẻ như thế, hết ngày ấy sang ngày khác. Ông mặt trời đã đi đâu mất để cho nơi nơi thi nhau khóc ra mưa ra gió. Người ta đều phải ở trong nhà. Đường cái làng lầy lội, bùn xám ngập cao tới lưng ống chân.

Đôi chim ri cũng phải ở trong nhà. Chúng nằm ro ró mà nhìn ra xem mưa. Chao ôi! Cái thứ trời gì mà cứ xối mãi nước xuống, xối mãi nước xuống. Mưa vài hôm, đôi chim đã bắt đầu thấy buồn buồn. Mưa được bốn ngày thì lạnh lạnh. Những hạt nước đọng ở trên mái tổ rích vào, thấm xuống, ướt hết cả xung quanh. Nhưng sự lạnh và sự thấm nước đó chưa đáng để ý bởi đôi chim mặc bộ lông dày và họ có hơi ấm của nhau. Song chúng không dám bay ra ngoài. Nằm nhịn đói cũng đã thường quen, không hề chi. Trời vẫn mưa. Bây giờ lại có những giọt nước mới dột đến, lá và cành khô không chịu thấm được hơn. Hạt nước lăn trên mái tổ rồi rỏ tạch tạch xuống đầu vợ chồng gã chim ri. Lại có thêm gió. Gió đu đưa cành cây hồng bì. Từng loạt nước rơi xuống rào rào, liên tiếp. Vợ chồng ri đá xù lông ra lắc bụi nước. Nhưng rồi bụi nước, tuy đã lắc mãi, cũng bám được vào lông chim. Hai cái đầu thấm nước, bết lông vào với nhau, bé tọt hẳn lại. Trông thảm như hai người ốm liệt giường mà bị cạo trọc đầu. Lúc này là lúc mà vợ chồng chim ri không thể nén được nữa. Nếu họ không đi tránh mưa, nước cứ rỏ tạch tạch luôn vào đầu thì đến chết rét mất. Bởi trời lạnh. Buổi sáng, người ta mó tay vào trong nước thấy buốt thon thót. Mưa thì liên miên. Giọt

tranh chảy rình rích xuống bốn bên xung quanh.

Một hôm, hai vợ chồng chim ri đành lòng rời cái tổ ẩm ướt, đi tìm một mái nhà nào để tạm ẩn. Chúng bay đi trong bụi mưa, bốn cánh ướt vỗ nặng nề. Bấy giờ mới xế trưa, nhưng trời đầy mây xám và trắng những nước, tưởng như trời đã sắp tối. Vợ chồng chim ri rời tổ, bác sẻ già kia không biết. Mấy bữa nay mưa gió, bác ta rúc tránh vào trong ống tre.

* * * * *

Nhưng cũng còn cuộc trở về của đôi chim. Ấy là một ngày mùa đông có nắng, sau trận mưa dai dẳng liên miên đến nửa tháng. Mọi vật vẫn chưa khỏi hằn ẩm ướt, nước ẩm nhiều quá. Bức tường ngoài ngõ, thảm rêu xanh om. Tuy nắng, nhưng nắng chưa đủ gây ấm. Không khí vẫn phảng phất hơi giá.

Đôi chim ri lìa tổ ngơ ngác ở đâu về đậu bên cây bưởi. Bác sẻ ở dưới sân, đứng trong ánh nắng để hong lông, hong cánh, trông thấy đôi chim đáng ghét liền bay vù lên nóc nhà và kêu choe choe như bị ai bóp cổ. Chàng ri được liệng vào trong chòm lá hồng bì. Chàng vào thăm lại tổ. Trận mưa cũng có làm hư hại mất đôi chút. Mấy chú nhện lạc lông nơi nào tới đã chăng mạng kín cả cửa ngõ. Ri ta mới tức làm sao. Ri mổ luôn cho mấy mỗ tan hoang cả khung cửu nhện. Vào trong tổ, chàng dùng mỏ và cẳng, bới xếp, dọn lại một lát thì giường nệm lại phẳng phiu và gần được như cũ. Chàng chui ra, nhường chỗ cho vợ vào. Chị vợ lại nằm xem xếp thò chiếc mỏ ngăn ngừa ra cửa.

Và hai vợ chồng lại thay nhau ấp tổ. Mười hôm, ri cái đã đẻ ra một chiếc trứng nhỏ xíu. Trước sau chị đẻ ra được bốn chiếc trứng. Bốn chiếc trứng chỉ nhỉnh hơn bốn củ lạc lớn, màu trắng đục, lốm đốm nâu, nằm đều đặn, gọn thon lỏn trong lòng tổ. Chị ri phải xoè lông bụng ra mới đủ che kín được cho cả bốn trứng.

Trong cái tiểu gia đình này, cứ nửa mừng và nửa lo. Sáng ngày ra, hai vợ chồng hát nho nhỏ. Họ hát ra sao? Chỉ có mỗi một điệu hát ke ke. Và riêng khi nào vui lắm, âu yếm nhau lắm, họ mới rung hai cánh mà làm điệu mỏ ri ri ri... Họ ăn ở dè lén, bình lặng, chịu khó, ít ồn ã. Cuộc đời trôi chảy âm thầm dưới khe lá xanh, y như cuộc đời của những người Nghĩa Đô, cần cù và nghèo khó trên cái khung cửu, trong bốn lũy tre già. Họ ít nói năng, trái hẳn với loài sẻ láu táu, luôn kêu lải nhải.

Bốn trứng đã tới kỳ nở. Những cái mỏ non nứt tự mỗ rạn bốn vỏ trứng để thoát ra. Thế là bốn con ri nhỏ vào ánh sáng. Mẹ chúng nhảy ra cửa, đứng doạng chân, ngó bố của chúng đứng gần đấy. Bốn con mắt nâu đục nhìn nhau lơ lảo.

Bây giờ cái tổ là chiếc giường của người đàn bà con mọn. Bữa bãi đầy những vỏ trứng vỡ, nhóp nhóp như mấy cái tã. Nhóp nhóp bốn nhách chim đỏ hỏn. Mụ ri cái lại càng phờ phạc, đờ đẫn tợn. Anh chồng cũng ra vẻ lo lắng thay. Song giờ đương là đầu tháng chạp. Không còn mưa rớt của tháng bảy như trận mưa tầm tã hôm xưa nữa. Thời tiết lạnh, nhưng hanh và khô cứng.

Bốn con ri cũng đã nhón nhao. Bố mẹ chúng rạc cả người về nỗi kiếm mồi nuôi con. Chúng lớn dần dần cùng với tết Nguyên đán cũng lần lần nghiêng đến với mọi người.

* * * * *

Năm nay, ở Nghĩa Đô, người ta ăn một cái tết Nguyên Đán không vui. Bởi vì làng có mỗi nghề làm lĩnh. Lĩnh, lựa lại ế. Hàng dẹt ra không bán đi được. Chẳng có ai mua. Nhiều khung cử phải xếp lại. Những vày tơ bỏ trống. Văng tiếng lóc cóc ran rì của cái vày tơ. Ngày phiên không có những bác thợ cử say rượu, mặt đỏ gay đi chệnh choạng trên đường cái làng. Công việc chẳng có, bao nhiêu dẫn vốn đều hết cả, người ta đã phải đi quảy đất thuê, đi làm thợ nề và đi lên tỉnh kéo xe. Có những kẻ liều lĩnh đã ký giấy “mộ phu” sang bên “Tân thế giới”.

Cái tết hờ hững đến với mọi sự lạnh nhạt. Giá gạo cao tới ba đồng rưỡi một chục đấu nhỏ. Xưa nay chưa cao thế bao giờ! Túng quẫn quá, người ta không cần và không thể nghĩ đến lo tết lẫn nữa. Hàng lá rong vào làng rao ới ới, rồi lại ê hề quảy ra. Làng mạc buồn teo.

Chiều hôm ba mươi, cả làng vắng lạnh. Ấy là một buổi chiều bồn chồn và khó chịu. Người ta ở cái hoang hôn u uất đó để đợi một năm mới vẫn hằng mong ước sắp đến. Một năm mới đầy những bí mật của hy vọng còn khuất ở bên kia một lần lặn mặt trời và một đêm đen thẫm, nặng trĩu nữa. “Nhờ phép tổ” mà nghề nghiệp có được khá khấm chăng!

Gia đình tôi cũng không còn phong lưu như xưa. Ngày mồng một, không có pháo để đốt. Tôi mặc tấm áo vải chéo go cũ, đi đôi guốc sơn bóng nhoáng, đầu vuốt nước lã lên để rẽ cho được mượt. Tôi thơ thẩn trong cổng, hai tay thủ túi, buồn ngẩn ngơ. Cả làng, chỉ có vài nhà đốt pháo. Nghe lẹt dẹt như gõ mẹt vậy.

Nhưng sáng ngày mồng hai, nhà tôi được có một người đến lễ tết, khách đem theo một bánh pháo. Bác quyền Vực, người bên làng Phú Gia, một học trò “tam tự kinh” ngày xưa của ông ngoại tôi. Bác Vực đi lính, tết được nghỉ phép về chơi quê.

Bác ăn vận rất ngộ. Đầu bác đội chiếc mũ Tây lợp vải vàng và mặc quần áo cũng màu vàng, xù ra. Bắp chân quần xà cạp chặt chẽ lên tận đầu gối. Bác dọn một đôi giày có cổ rất to, da mồi thếch như da cóc. Đi giày nện gót trên sân gạch, nghe kêu kệt kệt, đến ghê.

Lặc cầm bánh pháo của bác Vực, đem ra sân. Bánh pháo dài chưa đủ một gang tay. Hắn treo lên trên cây hồng bì. Rồi hắn cầm một cái sào dài, đầu có mồi lửa, một tay bịt tai, một tay run run châm. Pháo bén lửa nổ xì toạch, xì toạch toang toang. Mười cái xác pháo toản hồng, rắc ra sân như những cánh hoa đào bích.

Con Đực đương luẩn quẩn dưới bếp, đột nhiên nghe tiếng pháo, hốt hoảng chúi cổ cúp đuôi chạy biến ra ngoài đồng. Nó sợ, Lặc phải đi tìm và lôi nó, nó mới dám về.

Nhưng cái gia đình chim ri ở trên cây hồng bì thì không bao giờ về nữa. Sớm ấy, bỗng nghe tiếng pháo

kinh khủng nổ vang động trong cây, cả nhà chim ri cuống cuồng bay đi. Những con chim nhỏ ngã xuống, cố vỗ cánh bay ngoi ngóp. Tan tác mỗi con về một phía. Ai cũng lạc lõng. Tội nghiệp, bốn con chim nhỏ mới ra ràng. Ngày nào chúng cũng đứng chen chân ở cửa tổ để ngơ ngác nhìn ra xung quanh và nhìn lên trời. Bố mẹ chúng thì lượn xập xoè như muốn bay cho các con bắt chước.

Sớm ngày mùng hai tết Nguyên đán ấy, sợ những tiếng pháo nổ một cách rất vô tình ở dưới gốc hồng bì, đôi vợ chồng ri đã chịu khó và nhẫn nại kia, cùng một đàn bốn đứa con thơ dại, tan tác bay đi, không bao giờ còn trở về cây nữa. Chẳng ai biết được cái bầu đoàn khốn khổ long đong bạt đi đâu và về sau ra làm sao.

Đến độ tháng ba năm đó, đương mùa hoa bưởi nở, cũng có một đôi chim ri lảng vảng về vườn - biết có phải những con chim cũ? - song chúng chỉ đậu trong cây hồng bì một lát. Bác sẻ già đứng đầu hồi, ngó cổ xuống, trông thấy, liền kêu tặc tặc rộn rã như muốn khơi chuyện cãi nhau.

1940

CHIM CHÍCH LẠC RỪNG

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Con Mèo Lười:

y (Mèo đen)

- Đốm (Chó trắng đốm vàng)
- Bê - Dê nhỏ (tiếng Tày: tu bê là con dê)
- Bê em (Em của Bê)
- Bốn Bê (Bốn bò con)
- Ông Giăng
- Ông Ké (Tiếng Tày: ông già)
- Bù nhìn diếc
- Vài con ỉn (lợn)
- Vài con gà, ngỗng, vịt

I

Một vườn cỏ vàng úa giữa vườn, bên một hòn đá tảng, có một ổ rơm khô. Lui vào trong, phía tay phải, nhô ra nửa mái nhà sàn. Sau nhà, một bờ rào thưa. Xa xa nổi lên một trái núi xanh.

Vườn vắng. Tiếng nước lăn, nước chảy trên núi xuống, ở một cái máng đầu đấy, rỏ lách tách. Buổi trưa trong góc vườn này càng vắng vẻ hơn.

1

My, một con mèo đói. Lông đen mượt, nhưng gầy lộ một vẻ buồn thảm, tuy vậy, đôi mắt xanh lè tinh quái, láu lỉnh, rình mò. My trèo lên tảng đá, rướn chân, nghển đầu, trông, nghe bốn phía, như chờ đợi gì. Cuối cùng, không có gì cả thì gào lên mày tiếng buồn, rồi rón rén trở vào. Vườn lại vắng. Tiếng nước lăn rơi lách tách. Chim bìm bịp rúc từng hồi, khiến cho người ta biết đã xế trưa.

My lại trở ra, quanh quẩn đánh hơi tìm ăn như lúc nãy My đương đứng trên tảng đá, trông, nghe, chờ đợi.

Bẻ em ra.

2

Bẻ em - (đơn đả) My đừng làm gì đấy? My đừng đợi anh Bẻ tôi phải không? Anh Bẻ tôi đi lâu về quá nhỉ? Tôi cũng đợi anh Bẻ đây.

My - Không, tôi chỉ đợi ai đến cho tôi một ít xương cá, một bát cơm. Anh Bẻ có gì cho tôi ăn không? Anh ấy thì có quái gì mà cho tôi! Tôi đói quá. Ba hôm nay, từ lúc ông Ké đi lên nương, tôi chẳng được một miếng vào bụng. Anh có gì cho tôi ăn ngay bây giờ không?

Bẻ em - Trông thấy người là thấy đói, thấy xin ăn. Sao lười thế, hèn thế, lúc nào cũng phải dựa vào ai khác mới sống nổi!

My - Anh mắng thì tôi chịu, chứ tôi biết làm sao. Từ thuở bé, tôi gầy còm ốm yếu, lại mắc bệnh ho kinh niên, lúc nào cũng rên gừ gừ, cho nên tôi phải ăn cơm với cá, tôi phải nằm bếp tro ấm, chứ đổ cho tôi cái tiếng lười, thì oan đấy.

Bẻ em - Sao đằng ấy không ra suối bắt lấy cá mà ăn?

My - Chân tôi mắc chứng tê thấp, quanh năm phải đi bít tất sù sù thế này, tôi lội nước sao được.

Bẻ em - Sao đằng ấy không đi lên nương bắt chuột, đuổi chuột cho ông Ké?

My - Tôi là giống mèo mũi đỏ, không biết bắt chuột, chỉ biết ăn vụng.

Bẻ em - Đây, thế thì cố đi lên nương với ông Ké, nghe nói trên nương giữa rừng sẵn thức ăn, thức chơi lắm. Hôm qua anh Bẻ tớ theo ông Ké lên nương đấy. Hôm nay tớ đợi anh ấy về xem thế nào. Có gì thú thì chúng tớ sẽ cùng đi.

My - Tôi chẳng đi đâu. Tôi chỉ đi quanh trong nhà được thôi.

Bẻ em - Nói như đằng ấy thì chỉ còn có cách đợi ông Ké về; ông cho ăn cơm với cá rồi nằm ngủ bếp ấm, thế là xong chuyện.

My - Thế thì tôi thích lắm. (Về lo lắng). Đây anh, những ai định đi lên nương? Không ở nhà nữa à? Bỏ nhà này à?

Bẻ em - Chúng ta sẽ đi hết. Đằng ấy tính xem mùa thu này, ở đây cỏ sẽ úa, cỏ úa ăn chẳng lành. Mà trên nương thì có cỏ tốt, chúng ta cần ăn cho chóng lớn để còn đi theo đàn làm việc được. Các anh Ỉn lên đấy cũng gần cây chuối hơn. Bạn Gà, bạn Ngỗng thì muốn đi tìm chỗ có nhiều con giun, cái dế. Cả anh Đốm cũng bảo: “Sẽ lên nương, vì nương mới phá, ông Ké chưa làm được bờ rào, phải canh giữ nhiều. Chúng ta

lên giúp ông Ké. Nhiều lắm, nhiều bạn muốn lên nương lắm”.

My - Thế thì các anh đi hết á?

Bê em - Có lẽ thế.

My - Không còn ai ở nhà với tôi? Không còn ai cho tôi quà bánh nữa à? Bỏ tôi chết đói à?

Bê em - Chỉ còn mình đảng ấy ở nhà thôi. Để đảng ấy tập làm lây cái ăn dần đi chứ. Hay là cùng đi với chúng mình. Thì ở đây đợi anh Bê về xem tin tức trên nương ra sao. Lát nữa, bọn các anh Ỉn, anh Đốm cũng đến đây đợi anh Bê đấy.

My - Để tôi nghĩ đã. (Im lặng). Này, anh có thấy anh em nhà Gà, nhà Ngỗng ra đây không?

Bê em - Cánh ấy hôm nay sang kiếm ăn bên vườn ngô.

My - (Rối rít). Ấy ấy, tôi phải sang xem có xin họ được cái gì ăn tạm cho khỏi nhạt miệng. Đói quá, đói quá.

Bê em - (Tức giận). Đồ tồi. Thôi cú đi.

My lùi thui ra. Bê em đứng lên hòn đá tảng ngẩn nhìn về phía núi xanh. Như ngứa chân, Bê nhảy lóc cóc trên hòn đá, rồi lại xuống xếp lại ô cỏ khô, nằm nghỉ.

Bỗng có bốn chú Bê ồn ào từ bên trái chạy thốc ra. Trên mũi mỗi chú đeo chéo hai cái gạc tre nhọn hoắt.

3

Tiếng bê kêu lộn xộn, bốn Bê cứ chạy quanh.

Bê em - (Đứng dậy). Khổ chưa? Sao thế kia?

Bốn Bê - (Kêu). Mò... Cứu tôi với...

Cứu tôi với... mò... mò.

Bê em - Làm sao khổ thế kia, hử?

Bốn Bê - (Cùng kêu một lượt). Cứu tôi với...

Bê em - Đói hả?

Bốn Bê - (Cùng nói). Đói lắm.

Bê em - Đói thì ăn cỏ. cỏ kia kia. Ai cấm các cậu.

Một Bê - Cỏ đắng quá, không ăn được cỏ đắng.

Bốn Bê - Mẹ ơi! Mò... mò...

Bê em - Ông Ké đóng cái gạc này lên đầu à?

Một Bê - Ông lão Ké độc ác ấy đóng cái gạc này lên mũi em. Không hiểu sao, từ hôm ấy thì mẹ em sợ em lắm. Mỗi lần em nghiêng đầu đòi bú thì mẹ lại chạy. Em đói quá. Mà cỏ thì đắng, không ăn được. Em đành nhịn đói dài. Từ hôm em không được bú, em gầy quá. Bụng em chẳng còn một giọt sữa, bụng em tóp lại, cả ngày cứ sôi bụng ầm ầm. Em lại khóc. Mẹ em thương em, đến liếm sườn cho em. Nhưng không hiểu sao, hễ em đòi bú thì mẹ em lại chạy thật xa. Anh có hiểu tại sao không?

Bê em - Cũng dễ hiểu thôi. Tại cái gạc này nó đâm vào bụng mẹ em (Cười, sờ bộ gạc của từng Bê). Ông Ké buộc chắc lắm. Đánh đai xung quanh, chật nứt đầu ra, còn gì!

Bốn Bê - Thế hả giờ ời? Anh gỡ xuống cho em đi.

Bê em - Chắc lắm. Không gỡ được. Nhưng mà kể ra to xác bằng các cậu mà chưa rời được vú mẹ thì cũng cần phải đóng hai cái gạc như thế vào đầu để được tiến bộ, còn than thở nỗi gì!

Một Bê - Anh không cứu em ư...

Một Bê - Không ai cứu tôi ư, hả giờ ời?

Một Bê - Ồi giờ ời, người ta đóng gông vào mũi tôi. Tôi phải chết đói mà cái gông cứ đeo trên mũi thế này ư?

Một Bê - Mẹ ơi, đói quá. Vú mẹ đâu?

Bốn Bê - Anh ơi! Tại sao lão Ké độc ác lại đóng gông lên mũi em? Lão thù gì em thế?

Bê em - Im cả đi. Tôi kể cho mà nghe chuyện này. Ngày trước, mẹ chúng tôi ở tận bên kia sông xa lắm. Chúng tôi vừa sinh ra được ít ngày, đã phải đeo gạc lên mũi rồi ông Ké sang đem về bên này nuôi, ông Ké bảo: “Cỏ thì ăn không ngon như bú sữa, nhưng ăn cỏ thì sẽ chóng cứng xương, chóng lớn”. Từ đấy, hai anh em chịu khó đi tìm cỏ ăn, có khi leo mấy ngọn núi mới gặp cỏ tốt, rất khó nhọc, nhưng chúng tôi chịu khó, không phàn nàn. Giường cỏ này, vách đá này, đêm ngủ có ông Giăng xuống kể chuyện cổ tích cho nghe vui lắm. Khi mới ở bên sông sang, chúng tôi cũng khóc, cũng oán ông Ké. Nhưng sau nghĩ lại mới biết ông Ké tử tế. Ông ấy không cho bú sữa mẹ, mà bảo ăn cỏ, là vì ta sắp lớn rồi, ta không ỷ lại, ta phải đi kiếm lấy mà ăn.

Bốn Bê - (Nói lần lượt). Nhưng mà củ đắng lắm, không ăn được củ đắng.

Bê em - (Reo lên). Thế thì tôi giúp các cậu cách này. Củ sẽ không đắng, mà củ ngọt như đường phèn.

Bốn Bê - Ở đâu đấy?

Bê em - Ở trên nương mới của ông Ké. Ở trên nương thì đất mát gần rừng, nhiều củ tươi lắm, hôm qua anh tôi theo ông Ké lên thăm nương đấy. Tôi đang ngồi đợi anh ấy. ở đây nhiều bạn muốn đi nương lắm. Các cậu cũng nên đi thôi. Trên nương mới nhà ông Ké, củ ngọt như đường phèn. Đợi anh tôi về thì biết tin.

Một Bê - (Nói với cả bọn). Ta đứng đây đợi anh Bê.

Một Bê - Thế ngày trước, làm thế nào anh bỏ được cái gạc trên đầu?

Bê em - Ăn củ tốt, đầu nó to ra, tự rụng cái gạc gãy, rơi xuống.

Một Bê - Nếu vậy, chúng ta đứng đây đợi anh Bê để lên nương ăn củ tốt.

(Bê vào).

4

Cả Đốm cũng chạy theo. Đốm vừa gặp Bê giữa đường. Đốm tăng tả, rồi rít chạy quanh Bê. Bê thì vui sướng từng bừng từ dáng đi cái vẩy đầu, vẩy tai, giơ chân.

Bê em - (Reo). Anh tôi kìa! Anh.

Đốm - (Hấp tấp). Anh Bê đấy. Nhiều chuyện vui lắm, vui lắm.

(Cả bọn xúm quanh Bê, bốn chú Bê đứng ngây nhìn. Trong câu chuyện nghe Bê kể, nhiều khi cả bọn cùng nhảy, reo lên).

Bê - Các cậu có biết vợ chồng bác Gấu ở trên rừng không?

Đốm - Tôi chưa trông thấy các bác Gấu lần nào.

Bê em - Về mùa xuân, em nghe tiếng gấu gọi nhau trên núi.

Bê - Phải đấy, vợ chồng bác Gấu và lũ Gấu con. Cả nhà Gấu ở trong rừng thẳm. Mùa xuân, Gấu kéo nhau đi bẻ măng và uống mật ong. Mùa thu, Gấu đi nhặt quả hạt dẻ. Gấu bố, Gấu mẹ, Gấu con cùng béo rung rinh, chân nặng những mỡ, bước đi lạch lè, lạch lè. Béo đến nỗi mà khi mùa đông tới, suốt ba tháng rét, cả nhà Gấu đứng tránh gió trong gốc cây không đi kiếm ăn, chỉ mút hai bàn chân mỡ cũng đủ no. Sang xuân ấm áp, cả nhà Gấu lại kéo đi bẻ măng và uống mật ong, mùa thu lại nhặt ăn quả hạt dẻ, qua hai mùa ăn

măng, hạt dẻ và uống mật ong thì Gấu bố, Gấu mẹ, Gấu con lại béo rung rinh, chân nặng những mỡ, bước đi lạch lè, lạch lè... Đấy, cái nường của chúng ta ở trong vùng nhà bác Gấu.

Đốm, Bê em - Chúng ta cũng sẽ béo lạch lè, lạch lè như vợ chồng bác Gấu.

Bê - Có ai biết anh Hươu không?

Đốm - Có, Hươu thì tôi quen. Hươu thì sao?

Bê em - Tôi biết anh Hươu thích ăn quả trám trắng.

Bê - Ở trên rừng thì hươu nhiều như lá cây và hươu sung sướng vô cùng. Hươu uống nước ở những ngọn nước nguồn trong nhất núi. Hươu ăn những quả trám trắng rất ngon vừa rụng xuống. Hươu làm chủ những sườn cỏ mượt, cỏ ngọt, trời xanh rộng thế nào thì những cánh đồng cỏ của hươu bát ngát như thế.

Bê em - Ấy đấy. (Quay lại bốn Bê). Những sườn cỏ mượt, cỏ ngọt, rộng bát ngát như trời xanh.

Bê - Cái nường của nhà ông Ké chúng ta ở trên sườn đồi, giữa những đất Gấu, đất Hươu sung sướng. Hôm qua tôi gặp, mấy anh Hươu đến chơi nhà ông Ké. Quần áo các anh ấy cũng vàng như của các chú Bê này, nhưng mượt mà óng ả, và các anh béo tốt bằng trăm chú Bê. Mắt cứ sáng như hai ông sao mai, tai Hươu cao dong, lá cỏ nở ngoài mười bước còn nghe tiếng, chân Hươu rướn lên như gió. Tôi chưa gặp ai đẹp trai bằng những anh Hươu tôi gặp hôm qua. Trong những cánh rừng thần tiên kia, họ sống, lao động, đói tìm ăn, khát tìm uống, đêm nào cũng vui hát với ông Giăng, ông Sao, mãi tới khuya mới ngủ.

Bê em - Ở nường cũng có ông Giăng à?

Bê - Ông Giăng ở đâu cũng có. Ở nường cao, lên chơi nhà ông Giăng lại càng gần nữa.

Một Bê - Có thật ở nường cỏ ngọt như đường phèn không, hả anh?

Bê - Đúng, cỏ non ở trên nường ngọt như đường phèn.

Bốn Bê - Anh cho chúng tôi lên nường với.

Bê em - Lúc nào thì đi? Hay là ta đi ngay.

Bê - Đi ngay càng hay. Nếu ông Ké trông thấy cả bọn lên nường, hẳn ông Ké ngạc nhiên và thích lắm. Ta đi ngay chiều nay thôi, đi vào lúc có ông Giăng cho mát.

Đốm - Để tôi về tìm cơm ăn cho chắc dạ đã.

Bê em - Đi rủ bọn Ngỗng, bọn Gà, cả nhà bác Ấn nữa.

(Bốn chú Bê cùng cuống quýt)

Bê - Tất cả chúng ta đều đi rủ thêm các bạn cùng lên nương. Hẹn gặp lại nhau ở đây, lúc ông Giăng lên.

Đốm - Ông Giăng lên thì bắt đầu đi.

Bê em - Phải, ông Giăng lên thì bắt đầu đi. (Cả bọn toan đi, mỗi người một ngả. Bốn Bê càng luống cuống).

Bốn Bê - Chúng em thì thế nào?

Bê em - Các bạn cứ nằm đây chờ ông Giăng lên.

Đốm - (Hốt hoảng). Khoan, khoan đã. Tôi nhớ rồi. Còn lão bù nhìn Điếc thì thế nào. Đường lên nương sẽ đi qua vườn ngô, thế nào bù nhìn Điếc cũng biết, thế nào lão cũng cản trở. Chúng ta phải tính lại đi.

Bê - Không nên quá lo. Tôi cũng vừa đi qua vườn ngô đấy. Lão chỉ là bù nhìn canh ruộng ngô, người ta quen vẽ cho lão cái tai thế là lão hóa ra điếc; bọn chim sẻ, chim ri khinh lão điếc thường sà xuống tận lưng lão mà bẻ trộm ngô, chúng ta đã thương lão mà ngày ngày cắt canh gác chim họ. Bây giờ thì lão phải đi đòi lấy tai về mà nghe lây, chứ lão ỷ lại, lão ràng buộc thế nào được ta, cản trở thế nào được ta.

Đốm - Nhưng mà hai cái tay lão ấy dài lắm, hai cái roi của lão dài lắm, lão quất tất cả những ai muốn qua ruộng ngô. Chúng ta đi qua, lại đi đông, thế nào lão cũng trông thấy, lão sẽ đánh chúng ta.

Bê - Không sợ.

Đốm - Nhưng mà lão đánh đau lắm.

Bê - Tôi hỏi lại: có ai muốn lên nương không?

(Tất cả nhao nhao “có, có”).

Bê - Thế là được rồi. Cương quyết chiều nay đi. Chúng ta sẽ tìm cách đối phó với bù nhìn Điếc.

Bê em - Đối phó thế nào?

Bê - Trước nhất, cần chúng ta nhất định đi. Đã nhất định, thế nào cũng đi được. Thôi, mau mau đi rủ các bạn. Đúng lúc ông Giăng lên thì đi đấy.

(Bốn Bê luống cuống).

Một Bê - Chúng em thì thế nào?

Bê - Các bạn có quyết tâm đi không?

Bốn Bê - Quyết. Có, có, quyết tâm...

Bê - Vậy thì các bạn cứ đợi đây. Đến lúc anh em tới đủ, mát trời ông Giăng lên thì ta cùng đi.

Tất cả đi ra, còn lại bốn Bê. Bê nằm, Bê ngồi quanh tảng đá. Có Bê buồn mồm, ra quơ vài cái cỏ nhai, rồi lại nhả ra, lại vào nằm bên tảng đá. Về chờ đợi, buồn buồn, đói đói, sốt ruột. Lát sau My rón rén vào.

5

My - Đi đâu mà cả lũ nằm đây thế này?

Một Bê - Nằm đợi lên nường đây.

Một Bê - Anh có biết nhà bác Gấu không. Bác Gấu uống mật ong, ăn hạt dẻ quanh năm, cứ béo lặc lè, lặc lè...

My - (Tĩnh nghịch). Thế hả, còn gì hay, kể nghe nốt nào!

Một Bê - Có biết anh Hươu không? Ở trên rừng, Hươu chỉ ăn quả trám trắng và ăn toàn cỏ non ngọt như đường phèn, ngọt hơn cả sữa mẹ em, vì thế mà anh Hươu rất khỏe, rất xinh trai. Anh Hươu ở gần nường nhà ông Ké, hôm qua anh ấy đến chơi, anh Bê cũng gặp...

My - Thế hả? Còn chuyện gì hay, kể nốt nghe nào?

Một Bê - Cái nường nhà ông Ké bây giờ rất vui; cấy lúa, lại gieo vừng, trồng mấy trăm gốc sắn. Nhiều người ở trên ấy với ông Ké làm nường cả ngày. Tối đến, đêm nào ông Giăng cũng thắp đèn sáng trưng ở ngay trên đầu, trèo lên chơi nhà ông Giăng gần lắm, lúc nào cũng được.

My - Thế hả? Còn gì nữa?

Một Bê - Ở đây nhiều bạn sắp lên trên nường đấy. Bốn chúng tôi cũng sắp đi.

My - Bao giờ đi?

Một Bê - Chốc nữa, lúc ông Giăng lên.

Một Bê - Trên rừng nhiều cỏ, cỏ rừng mùa đông không chết rét như cỏ đồng, cỏ rừng không đắng như cỏ đồng, cỏ rừng ngọt như sữa mẹ tôi. Chốc nữa anh hỏi anh Bê mà xem, sướng lắm.

My - (Cười), Ừ, sướng. Nay các chú Bê khờ dại, lặng yên tôi kể chuyện thằng Cuội cho mà nghe, chuyện thằng Cuội ngày xưa đánh lừa ông Hồ. Một hôm Cuội đem ở đâu về một miếng thịt. Cuội ngồi nướng ăn, thịt nướng thơm bốc lên, làm cho ông Hồ đi qua mà không đi được, cứ đứng thềm rớt rãi ròn ròn. Cuội

bền chia cho ông Hồ một miếng. Ông Hồ vừa nhai vừa khen, hỏi thịt gì mà ngon thế? Cuội đáp rằng thịt rồn tôi cắt ra đây, thịt rồn ngon nhất trần gian. Ông Hồ tưởng thật, bền mượn Cuội con dao, cúi xuống xẻo một mảng thịt rồn bỏ vào lửa nướng...

Một Bê - Người ta bảo ông Hồ khôn nhất, khỏe nhất rừng mà, sao ông Hồ lại dại thế. Ông ấy có chết không?

My - Sống thì cũng thành tật. Nhưng thế cũng chưa phải là dại, có những đứa còn dại hơn ông Hồ nhiều.

Một Bê - Ai mà lại đi cắt rồn ăn, ai còn dại hơn thế nữa.

My - Thế mà có đứa còn dại hơn đây. Chẳng nói đâu xa, những đứa dại ấy là các chú chứ chẳng ai đâu.

Bốn Bê - Sao anh lại bảo chúng tôi dại?

My - Thế ra bọn này chết đến đít mà không biết. Này nhé lão Ké là người độc ác nên lão mới đóng cùm lên đầu các chú, để các chú không được bú mẹ, các chú phải ăn cỏ và phải học cày bừa. Trên nương cao, làm gì có cỏ tốt. Chẳng qua là trên ấy đương vỡ đất mới, lão Ké sai bọn thằng Bẻ về lửa các chú lên, lên để kéo cày kéo bừa đấy thôi.

Một Bê - Mẹ tôi dặn tôi: “Lớn lên thì con đi cày”, tôi sợ gì cày đâu.

My - Chú mày muốn khó nhọc vào thân thì cũng mặc xác chú. Nhưng mà các chú cũng chẳng đi qua được vườn ngô. Cái gậy lão bù nhìn Điếc dài như thế, nó giáng cho một cái thì chết mất ngáp.

Một Bê - Thế anh không đi? Anh Bẻ không đến rủ anh hả?

My - Không ai động dại lên rừng như bọn các người. Tao đến để cứu các chú đây, biết điều thì tỉnh ngay đi.

Một Bê - Anh cứu em với.

My - Một chú muốn cứu. Chú nào nữa?

Một Bê - Anh cứu em với.

My - Hai chú. Chú nào nữa. (Im lặng). Được, ta sẽ cứu cho. Có gì là khó đâu. Chỉ việc là không đi thì đừng đến đây nữa. Mặc cho chúng đi, các chú ở nhà, đến mùa xuân này, có bác thợ đúc cày người Mèo ở trên núi xuống, bác thợ đúc sẽ lấy búa gõ những cái cùm trên đầu các chú xuống, thì lại tha hồ mà bú mẹ. Như tôi đây, chẳng phải làm gì. Suốt ngày chỉ chơi, đói thì đi lầy cơm, lấy cá nướng mà ăn. Rồi tao ăn trộm, tao chia cho chúng mày, chúng mày ăn trộm cũng chia cho tao. Như thế, chúng ta chỉ còn có việc ăn, ngủ, chơi thôi, thế mới thật thích. Đã nghe ra chưa?

Hai Bê - Chúng em nghe ra rồi.

My - Thế thì đi đâu mà chơi, đừng nằm đây nữa. Tao còn phải đi cứu nốt những đứa khờ dại như chúng mày.

(My ra).

6

Một Bê - Đi chơi thôi.

Một Bê - Không.

Một Bê - Mày còn muốn lên nường à.

Một Bê - Ta không lên nường nữa. Nhưng phải ngồi đây đợi anh Bê để trả lời anh ấy rằng ta không lên nường nữa.

Một Bê - Dốt quá. Cứ đi, cần gì phải đợi.

Một Bê - Mẹ đã dạy ta ở đời phải ngay thẳng, ta chưa biết nói dối, ta chưa sai hẹn với ai bao giờ. Mày quên lời mẹ dặn rồi a?

Một Bê - Đi chơi thôi.

Một Bê ra, một Bê ra theo. Còn hai Bê đứng ngẩn ngơ quanh tảng đá.

Một Bê - Chúng ta trả lời anh Bê rằng sợ lắm không đi nữa. (Nhìn về phía sau). Ông Giăng lên rồi kia.

II

Vẫn ở vườn cỏ ấy. Bấy giờ là chập choạng tối, những cụm cỏ, bóng mái nhà, bóng núi có tối hơn. Nhưng đằng sau núi thì trời dần dần sáng như lụa, chưa trông thấy ông Giăng, nhưng mà ánh trăng đã hắt xuống mọi vật một ánh sáng nồn, êm đềm.

Hai Bê, bên tảng đá, một đứng, một nằm nghe Bê đương nói thì Đốm, rồi Bê em lần lượt ra.

CHIM CHÍCH LẠC RỪNG

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Con Mèo Lười (Tt):

Ốm - (Hấp tấp). Tôi vừa đánh thắng My, tôi đánh nó một trận nên thân. Nó xui bọn nhà Ỉn đừng đi, tôi tức quá, tôi cho nó một trận bò lê kéo càng.

Một Bê - Thế thì ít bạn đi quá.

Bê em - (Đi ra). Không ít đâu. Họ đương sắp tới. Hàng đoàn hàng lũ đây. Đông lắm. Đêm nay ta vừa đi vừa hát, không biết mỏi chân!

Bê - Tốt quá, tốt quá. Hãy đứng lại đây. Tôi đã đi hỏi các người già trong xóm, nghe nói thì tôi hiểu thắng My, tôi hiểu bù nhìn Điếc rồi.

Đốm - Thế thắng My thế nào.

Bê - Các ông già trong xóm bảo My là một đứa lười. Người ta bảo nó phải đuổi bọn Chuột trộm cắp đi thì nó nói: “Tôi là mèo đỏ mũi, không biết bắt chuột, chỉ ăn vụng thôi”. Và nó chỉ toàn đi ăn vụng. Đã hèn làm, lại chỉ muốn ăn ngon. Cơm không cá không ăn, ngủ không có bếp tro ấm, có chăn bông thì không ngủ được. Suốt đời chỉ giả vờ ốm, rúc quanh ống quần người ta. Nhưng mà cả xóm này đều biết nó là thằng lười, không ai tin nó. Bây giờ nó sợ chúng ta lên nương hết, ông Ké cũng lên nương thì không ai ở nhà cho nó ăn, để nó ăn bằm, nên nó không cho chúng ta đi.

Đốm - Nếu vậy, lôi cả nó đi nữa. Bắt nó phải bắt chuột, bắt nó phải làm việc. Để đẩy tôi đi bắt nó cho.

Một Bê - Còn bù nhìn Điếc thì thế nào?

Bê - Lão cũng là một người lười. Lão chỉ tránh việc. Lão không có tai mà lão cứ đứng đấy kêu, không biết đi đòi người ta làm tai cho, lại còn nhờ chúng ta đuổi chim. Chúng ta sẽ mặc lão từ nay, để lão phải đi đòi lấy hai cái tai của lão.

Đốm - Thế thì chẳng sợ bù nhìn Điếc. Không bao giờ chúng ta sợ kẻ lười biếng.

Hai Bê - Không sợ bù nhìn Điếc nữa.

Bê - Các bạn đi gọi nốt những ai đi chậm thì nhanh lên.

Đốm - Tôi về bắt thắng My đi.

Hai Bê - Chúng ta đi tìm Bê.

2

Bê em - Làm thế nào qua được vườn ngô. Cái gậy bù nhìn Điect dài lắm, lão quật xuống được khắp vườn.

Bê - Chúng ta sẽ hỏi ông Giăng. Ông Giăng đương lên kia.

Ông Giăng từ từ nhô lên bên núi. Ông Giăng hiền từ như một nụ cười. Trời trong. Đôi lúc thoáng qua một đám mây.

Bê em - Ông Giăng, ông Giăng đẹp lão lắm.

Bê - Ông Ké bảo rằng ở trên nương núi cao mà, những đêm rằm thì ông Giăng xuống đúng ngay đỉnh đầu chúng ta thế này, tha hồ trèo lên nhảy múa, hò hát.

Bê em - Thích nhỉ, em ở nương thì em sẽ lên chơi ông Giăng luôn, ông Giăng vui lắm, cứ thấy mặt là thấy cười.

Trăng sáng óng ánh. Bóng núi bóng cây in thẫm nét. Nước lã ở máng rỏ lách tách. Bài hát “Trăng sáng trên cao” [1] nghe khi xa khi gần, không biết tiếng hát trong làng hay trên ông Giăng.

Ông Giăng - Các em đứng làm gì đấy?

Bê - Chúng tôi đợi bạn dê đi lên nương.

Ông Giăng - Đi lên với ông Ké trên nương à? Hoan nghênh lắm. Mấy lâu nay, người các làng lũ lượt lên núi vỡ đất phá nương. Hôm qua, hôm kia, hàng đàn trâu, đàn bò với người đeo vai cây lên nương. Lại nhiều người đi đêm, đêm nào ta cũng soi đường cho người đi. Họ vừa đi, vừa hát. Chốc nữa, các em cũng cứ theo ánh trăng của ta mà đi.

Bê em - Nhưng mà lão bù nhìn Điect đánh chúng tôi.

Ông Giăng - Sợ gì!

Bê em - Nhưng chúng tôi qua vườn ngô, thế nào lão cũng giơ roi ra chặn đường, cái tay lão dài, cái roi lão dài, lão không có tai, không nghe tiếng chúng tôi đi, nhưng mà gậy lão nện xuống thì vỡ đầu mất. Làm thế nào, hả ông Giăng?

Ông Giăng - Này nhé. Lão trông thấy các em, nhưng lão không nghe thấy các em đi. Thế thì lúc ấy ông Giăng gọi đám mây bay xuống bịt mắt lão lại, lão sẽ không trông thấy gì nữa. Tha hồ đi qua.

Bê - Thế nào nhĩ? Bao giờ thì ông Giăng bịt mắt bù nhìn Điếc cho chúng tôi đi qua vườn ngô?

Ông Giăng - Để xem lão đương làm gì nào.

Bê em - Lão đương làm gì đây?

Bê - Đừng đi vội. Ông Giăng nhìn xa hộ xem các bạn tôi đã đến chưa?

Bê em - Nhất định phải tìm bạn Đốm. Tôi không sợ. Đã là anh em thì không được bỏ nhau. Biết đâu cái thằng My độc ác lại không lập mưu đánh chết Đốm rồi. Tôi trở lại tìm bạn Đốm.

Bê em, toan chạy ra, giữa lúc Đốm dắt My vào.

3

Đốm - Không đánh nhau nữa. Chúng tôi đoàn kết rồi (Cả bọn reo lên).

Tất cả - Thế nào thế này...

Đốm - Tôi với bạn ấy đã toan choảng nhau. Nhưng vừa gặp lúc ông Giăng lên. Ông ấy phân xử. Ông ấy bảo: “Đốm không được nóng tính. Đánh nhau không thể làm cho My hiểu Đốm, mà lại càng ghét nhau hơn. Bây giờ phải nói với nhau dịu dàng”. Ông Giăng lại bảo My: “My nghe lời ông Giăng đây. Tại sao My đói? Là vì em không chịu làm. Em bảo tại mũi em đỏ nên em không biết bắt chuột, em hãy thử bắt chuột đi đã, xem sao”. Bạn My cãi: “Nhưng mà chúng nó lên nường hết cả rồi. Tôi cũng muốn bắt chuột, tôi cũng muốn giữ nhà, nhưng không còn ai ở nhà”. Ông Giăng cười: “Nếu em muốn chữa bệnh lưỡi của em thì có nhiều cách. Em đừng coi thường Bê, mà em phải bắt chước Bê. Em đi theo các bạn lên nường, các bạn giúp em cùng canh giữ vườn tược, nhà cửa, mà trước nhất là bạn Đốm đây. Các bạn lên nường giúp ông Ké vỡ nường đó là một việc làm có ích”. Nghe ông Giăng nói thế, My bèn bắt tay tôi. Chúng tôi cùng nghĩ rằng: “Tại sao chúng tôi cùng ở một nhà lại không làm lành với nhau. Ai nói câu cãi nhau như chó với mèo, từ nay câu ấy không đúng, chúng tôi phải làm cho từ nay ai cũng phải khen ngợi: thương nhau như chó với mèo”.

My - Anh Đốm nói đúng. Tục ngữ từ nay có câu: Thương nhau như chó với mèo!

Bê em - Chân bạn có bệnh tê thấp phải đi bít tất quanh năm thế kia thì lội nước sao được.

My - Xin đừng chế giễu em! Em sẽ bắt cá bắt chuột được.

Bê em - Tai bạn không chịu được gió, đi đường xa gió thổi thì lộng óc lắm.

My - Xin đừng chế giễu em. Không bao giờ em kêu đói nữa. Chúng em vừa qua vườn ngô, lão bù nhìn Điếc đuổi đánh chúng em không được đấy.

Đỗ - Đây là ông Giăng ông ấy thử quyết tâm của chúng tôi, ông ấy hỏi My: “Các bạn em lên nương đã đi lâu rồi, em có nhất định theo các bạn không? Đi qua vườn ngô một mình em có dám không?”. My đáp: “Em không sợ bù nhìn Địch nữa, em quyết tâm rồi”. Chúng tôi đi qua vườn ngô, sáng trắng vắng vặc, lão Địch quất roi xuống như mưa. My can đảm lắm, trúng mấy roi của lão, bật cả từng mảng lông, mà không khóc vẫn chạy vượt lên tới đây.

Ông Giăng - Đỗ và My là những bạn can đảm.

Tất cả hoan hô, hoa chân múa tay chạy quanh hai bạn.

My - Nhưng mà em còn lạc hậu. Em lười từ thuở bé tới giờ rồi. Lên nương thì các bạn phải giúp em.

Bé em - Xin lỗi bạn, vừa rồi tôi nói đùa, tôi không ghét bạn mà tôi sẽ giúp bạn.

Một Ỉn lùi lùi đi ra: “Tôi mới là lạc hậu”.

Ỉn - (Vừa thở vừa nói). Tôi mới là lạc hậu. Tôi chỉ đi chậm có vài bước mà không theo kịp các bạn.

Bốn Ỉn - Thảo nào, cứ thấy thiếu một...

Tất cả - Hoan hô! Hoan hô!

Bé - Thừa các bạn, gió mát đương thổi, trăng rằm đương trong leo lẻo, chúng ta đương phấn khởi, chúng ta hãy lên đường cho khỏe chân.

Ông Giăng - Các em cứ đi, vừa đi vừa hát cho thật vui. Ông Giăng sẽ soi đường thật sáng cho các em đi lên đến tận nương.

Tất cả - Ông Giăng soi đường cho chúng ta lên đến tận nương!

Bé - Vâng chúng tôi lên đường. Chúng tôi lên đường đi tới quê hương mật ong của bác Gấu rất béo, chúng tôi đến những cánh đồng cỏ ngọt của anh Hươu đẹp trai, chúng tôi tới những đồi nương mới khai phá của ông Ké hiền từ, rất kính yêu của chúng tôi. Chúng tôi giúp ông Ké trông nhà cửa vườn ruộng. Chúng tôi làm việc, mỗi đứa một việc rất chăm, không bao giờ biết mỏi, không bao giờ còn lười. Chúng tôi đương đi tới vùng đồi nương yêu quý và giàu có, lòng vui sướng xiết bao. Ông Giăng ơi! Ông Giăng, ông cùng đi cùng hát với chúng tôi.

Tiếng hát đồng thanh từng bừng nổi lên. Tất cả bọn, dắt nhau, vừa đi, vừa nhảy, vừa hát, quanh một vòng rồi xa dần vào chân núi. Tiếng hát chan hòa. Ánh trăng lung linh. Ông Giăng cũng rún rẩy. Cây núi rập rờn. Tiếng hát xa, dắt cả ông Giăng theo.

Chú thích:

[1] Trăng sáng trên cao: Một bài hát tiếng Tày, bài hát phổ biến ở Cao - Bắc - Lạng từ năm 1940 khi mới ra đời đội Tuyên truyền Việt Nam giải phóng quân.

CHIM CHÍCH LẠC RỪNG

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chim Chích Lạc Rừng:

gày xưa có câu giễu: “Ngớ ngẩn như chim chích lạc rừng”. Câu chế giễu chim chích ấy thế mà đến ngày nay vẫn còn đúng.

Các bạn hãy nghe tôi kể câu chuyện vừa rồi có anh Chích Bông đã lạc rừng như thế nào.

* * * * *

Ở vùng ngoại ô một thành phố miền Bắc nước ta, có một nơi phong cảnh đồng ruộng và làng mạc thật là đẹp. Một làng nhỏ, rất nhỏ, rất xinh. Bạn hãy vào làng chơi. Trong mỗi khu vườn, um tùm những cây hồng bì, mùa đến thì phủ đầy từng chùm quả vàng. Lại có những rặng xoan cao hoa tím tím man mát. Bên ngoài che dài một bờ giậu hồng bụi, hoa nở, đứng thật xa trông vẫn rực rỡ như có một trăm người mặc áo hoa đỏ. Xa kia cánh đồng bằng phẳng liền bên một đầm nước im lặng, làm cho trong làng và trong vườn càng tĩnh vắng. Các đàn chim và trẻ em thường mê chơi ở khoảng vườn xinh đẹp này.

Nhưng nơi vui chơi êm đềm ấy không phải quanh năm lúc nào cũng một màu hớn hởi. Bởi vì một năm có những bốn mùa. Có những mùa đáng yêu. Cũng có mùa không thích mấy. Đó là khi mùa lạnh về. Các bạn nhỏ sợ lạnh, ở trong nhà, đi guốc, rồi đứng thập thò nhìn ra cửa. Không thấy cây, cũng không thấy cánh đồng. Chỉ thấy mù mịt sương mù. Chỉ nghe tiếng mưa rơi lộp độp. Và gió rét buốt lửa vào, làm đỏ cả mũi, làm cóng tay và khiến cho hai hàm răng đánh bài đàn lập cập. Rét mướt càng khiến ai cũng mong mùa xuân ấm trời trở lại.

Lại chán nữa là đến mùa đông giá lạnh thì những đàn chim, những bạn thân thiết của trẻ em không còn dám ở lại nhón nhơ vườn này. Đã thành một lệ quen, mỗi khi mùa phùng, gió bắc về thì những chú chim quanh năm chỉ mặc độc một tấm áo đều phải tìm đi tránh rét, đến những vùng ấm áp hơn. Mùa đông tới, chim bay đi hết, ở đây chỉ còn lại có một mình Bé. Cho nên, mùa rét thì Bé buồn, Bé tha thần đợi mùa xuân trở lại.

* * * * *

Bé hay bấm đốt ngón tay tính. Tính như thế thì hình như thấy sự chờ đợi càng lâu. Nhưng hễ không nghĩ tới, thì ngày giờ lại qua đi nhanh chóng. Bé có nhận xét như vậy.

Thế rồi mùa xuân mong ước đã đến.

Đầu tiên, từ trong vườn, mùi hoa hồng sức nức lên. Không khí còn hơi nước lạnh lẽo. Trong vườn bây

giờ đầy hương thơm và ánh sáng mặt trời. Cây hồng bì đã cởi bỏ hết những cái áo lá già đen thui. Trên cành lấm tấm mọc mầm xanh. Những cành xoan khẳng khiu đương muốn trổ lá. Những cành xoan gầy gù sắp buông tỏa ra những tàn hoa sang sảng, tím tím. Ngoài kia, rặng hồng bụt đã có nụ. Nhiều bạn hàn xóm đa đến rình đợi ngắt nụ hoa hồng bụt đỏ về bày chơi.

Mùa xuân tươi đẹp đã về. Mà sao các bạn chim vẫn chưa về.

Ô hay, mùa xuân năm nay về cùng với nhiều cái lạ, Bé chưa từng thấy.

Trên cánh đồng trước mặt, mọi khi, hễ có gió rét thì sương phủ mù mịt. Năm nay, mùa đông qua đi, cánh đồng vừa tan sương, Bé nhìn thấy cái lò gạch đỏ ối. Buổi sáng, mấy cái lò gạch thi nhau nhả khói lên trời. Bé hỏi bố thì bố bảo đấy là lò gạch của các công trường. Công trường là cái gì. Bé chưa biết.

Cuối cánh đồng, không còn trông thấy nhiều bụi tre xanh mờ mờ như mọi khi. Những bức tường vàng rực dần dần ngẩn lên. Bố bảo tường ấy là tường nhà máy trạm bơm thủy điện. Bé cũng chưa bao giờ biết những trạm bơm.

Thế rồi, dây điện chằng qua cánh đồng chỉ chít như mắc võng. Những đàn chim ri có tính hay hoảng hốt nháo nhào đâm cả vào dây thép. Các cu cậu tưởng mắc lưới, cuống cuồng bay vồng lên.

Vẫn chưa hết chuyện lạ.

Một hôm từ đằng xa kia có hai cánh tay sắt dài phóng tới vươn thẳng vút qua đầu làng. Rồi từ khi có hai cánh tay đường sắt vắt qua thì ngày ngày rầm rộ từng chuyến tàu hỏa kéo hàng chục, hàng trăm cái toa đi. Tàu vừa chạy, vừa hét, vừa hồng hộc thả khói. Trên tàu thật đông người ngồi. Lại cả từng toa tre gỗ, máy, thóc, ngô, cả trâu, bò, ngựa cũng được đứng trên mặt toa tàu.

Hàng đoàn tàu và toa rộn rã miên man nối đuôi nhau đi, không biết đến tận những đâu. Có khi đoàn tàu đi đã xa mà tiếng còi tàu và làn khói tỏa, và những tiếng hát còn văng lại. Bé hồi hộp như mình cũng đương được ngồi trong đoàn tàu đi phăng phăng đến những nơi xa.

Bố bảo Bé: “Trên miền Bắc nước ta bây giờ ở đâu cũng xây dựng nhiều các nhà máy. Bao giờ con lớn, con sẽ được đi xem nhiều nơi”.

Nghe bố nói thế, Bé thích lắm.

Bé mong đợi các bạn chim về để kể chuyện.

Mùa xuân đầm ấm về. Những đàn chim đã trở lại. Bé càng mừng. Thích nhất các bạn về lần này sẽ được xem những cái mới lạ trên cánh đồng nhà.

Xa xa, tiếng chim ríu rít, líu lo. Bè bạn của Bé đã trở về khu vườn vàng nắng.

Mùa xuân đã về. Mùa xuân đã về, ngày ngày có biết bao các con chim bay trên vòm trời rồi xuống các cành cây, tíu tíu thoăn thoắt như đan lưới, như dệt cửu.

Bé nghe tiếng chim trên trời, nghe được cả tiếng lá nở trong cỏ, Bé long tong đi guốc ra đứng trước sân. Bé nhìn lên cây.

Trong các bạn, thân nhất với Bé là Chích Bông.

* * * * *

Bé đứng đợi Chích Bông.

Bé đã vẫy chào Bướm, chào anh Chào Mào, anh Sáo Sậu, với Bồ Cánh, cả Cò và Vạc nữa. Nhiều chim về quá, bay rợp bên phía, đếm không xiết nữa.

Nhưng vẫn chưa thấy Chích Bông. Lại cũng chưa thấy những chàng Sâu cao kêu về mò tìm ăn trong các vùng bùn nước.

Bé có ý nóng ruột đợi Chích Bông. Bé mong là phải, như ai cũng đã biết đấy, Chích Bông là bạn thân, Chích Bông cũng bé bỏng, mà ngoan, như Bé.

Chích Bông là con chim xinh đẹp nhất thế giới loài chim. Hai chân bằng hai chiếc tăm. Tuy nhiên, cái chân tăm ấy nhanh nhẹn, nhảy liên liến. Hai cánh nhỏ xíu, cánh nhỏ mà xoải vun vút. Cặp mỏ Chích Bông tí tẹo bằng hai cái vỏ trấu chấp lại. Thế mà cặp mỏ tí hon gấp sâu trên lá rất nhanh. Nó khéo biết moi những con sâu đục lá nằm ẩn trong thân cây vùng ôm yếu. Chích Bông năng nhặt sâu, bắt mỗi phá mùa màng và cây cối. Cho nên Chích Bông cũng là bạn của bà con làm vườn làm ruộng.

Chích Bông đã có hẹn về sớm để nhặt sâu ruộng rau với mẹ, với chị Bé và Bé. Mỗi ngày, Bé ở lớp học về, Bé tha thẩn ngoài vườn rau với mẹ, với chị. Những ngày đầu xuân chơi ngoài ruộng màu rất vui. Lại giúp được việc người lớn được. Trên trời có chim bay, bướm bay. Cả những con chó nghịch ngợm cũng tong tã theo người ra ruộng, chó sủa oang các bờ bụi. Trẻ con thì cùng người lớn đi làm, lúc nhặt cỏ, vun gốc, bắt sâu, lúc đi chơi.

Phải rồi, bé đã hẹn Chích Bông chóng về những ngày đầu xuân.

Thế mà bây giờ chưa thấy.

Bé ngóng ra đằng xa. Một cô Bướm bay tới. Bé hỏi :

- Bướm ơi! Bướm có gặp Chích Bông đâu không?

Bướm có tính hốt lẻo. Bướm láu táu nói :

- Chích Bông à? Khéo nguy mất. Tôi vừa vùng vẫy mãi mới thoát qua được một cơn gió to lắm. Cánh tôi rách toang cả đây này.

- Thế thì Chích Bông thế nào?

- Bão vui chết rồi chứ còn thế nào!

Một đàn chim Bồ Các bay qua. Bé hỏi :

- Các anh Bồ Các! Các anh có gặp Chích Bông về không?

Bồ Các lắm điều, kể lể một thôi một hồi :

- Úi cha cha! Không biết ở mặt đất bây giờ loạn lạc thế nào mà cứ bụi mù bụi mịt. Cái này mới khiếp, có cành cây khổng lồ, cứ khua khoắng lên trời. Đụng vào những cái cành ấy thì tan xác mất. Bọn tớ sợ quá, phải bay tít cao lên lưng chừng trời. Hú vía!

- Tôi hỏi Chích Bông cơ, có gặp Chích Bông không?

- Chích Bông chỉ bay thấp lè tè không biết bay cao như chúng tớ thì có khi toi rồi.

Bé lại trông thấy một anh Vạc đương xoải cánh nhịp nhàng từ từ qua. Vạc nghiêng mắt nhìn xuống hồ nước, bay về cuối cánh đồng.

Bé gọi :

- Anh Vạc ơi anh Vạc!

- Gì thế?

- Anh có trông thấy Chích Bông ở ngoài hồ không?

- Giời ơi, Bé đã biết chưa, khắp mặt đất bây giờ đỏ rực lên cả đêm, tôi chẳng bắt được con cá nào. Bé trông tôi đây, tôi phải bay thật cao mà vẫn còn nóng quẩn cả lông cánh lên thế này!

Bé lắc đầu không hiểu. Có những cái gì ở các nơi mà khủng khiếp thế?

Bé buồn. Ai cũng toàn nói những nguy hiểm. Có thể Chích Bông đã gặp tai nạn dọc đường rồi. Con đường bay về đây năm nay khó khăn quá. Cả những cậu sếu cao lớn ngụ ở ngoài đầm nước mà cũng không thấy về. Thế thì Chích Bông bé nhỏ, Chích Bông làm thế nào vượt nổi hàng trăm cái tai nạn dọc đường.

Bé muốn hỏi thăm nhiều nữa. Nhưng cũng không còn chim nào về qua để Bé hỏi.

* * * * *

Mùa xuân càng ngày càng đẹp. Nắng ấm rực rỡ làm hồng hào mặt người. Chim đã về tha rác làm tổ, chim hót vang trời.

Một hôm, còn sớm, Bé vừa thức dậy. Trong nhà im lặng, bà đương nhóm lửa dưới bếp. Đàn gà dậy sớm, lao xao trò chuyện đằng vườn sau. Một mảnh nắng sớm đã nhảy vào cửa sổ, giục Bé ngồi dậy. Mắt Bé đùa với mảnh nắng. Bé chưa đoán được ra đây là ánh nắng lung lay hay bóng lá lung lay. Có gì đâu. Bởi vì, Bé chưa ngược lên, Bé chưa trông thấy một chú chim loắt choắt vừa đậu xuống cành trúc đã làm rung cả bóng nắng, bóng lá trong cửa sổ.

Bé nghe tiếng :

- Chiếp! Chiếp! Bé ơi!

Ồ tiếng rất quen. Bé ngẩng lên, thoát một cái, Chích Bông đã sà vào bậu trên cửa sổ. Ôi chao, sung sướng ơi.

Nhưng Bé hỏi, có ý dỗi :

- Sao bây giờ mới về?

- Thế là nhanh đấy. Nếu Bé mà đi thì hết mùa này chưa chắc đã về được!

- Thế là thế nào?

- Ủi chao, một kho chuyện mang về đây.

Thế là Bé cười.

Chỉ vì, nhớ Chích Bông mà hờn dỗi, cơn giận của Bé cũng nhạt ngay. Bé trèo ra đầu giường. Bé vừa cười, vừa bắt Chích Bông kể chuyện cho nghe.

Chích Bông đậu vắt vèo trên bậc cửa sổ, cong mỏ xuống chuyện. Chích Bông kể chuyện dọc đường.

Thì ra, Chích Bông bay lạc đường. Chích Bông lạc xa quá, rắc rối quá.

Mùa đông vừa rồi, cũng như mọi mùa đông trước, Chích Bông bay đi tránh lạnh ở vùng ấm áp đông đúc nhà cửa.

Đường ấy năm nào cũng bay qua, năm nào cũng vẫn thế, Chích Bông đã thuộc lòng. Đây nhé, bắt đầu thì bay qua cánh đồng phang lạng, trên một quãng rừng thưa dốm xanh dốm vàng, qua một dãy đồi đất đỏ, rồi lại một cánh đồng, rồi đến đây nghỉ cánh bên này bờ để lấy hơi rồi cố sức vượt một lèo qua mặt hồ. Thế là sắp tới nơi làng mạc đông người rồi.

Câu chuyện rắc rối đã xảy ra từ lúc trở về đến chỗ cái đầm nước ấy.

Khi Chích Bông ở trong làng trông ra thấy mùa xuân đã thối hơi ấm và ánh nắng về thì Chích Bông nhớ lời bạn dặn trở lại.

Chích Bông trở về. Ngày xuân trong sáng, đất trời đẹp như tranh vẽ. Chích Bông vừa bay vừa nhìn xuống đồng ruộng, xóm làng, rừng thưa, quên cả mọi cánh.

Chích Bông nhìn ra trước mỏ, đã thấy ánh bóng sáng dưới đầm nước. Nghĩ nhẩm: “À đã tới cái đầm mọi năm vẫn bay qua rồi!”

Nhưng, ô hay! Càng xoải tới thì thấy dưới kia mặt nước cứ mở ra mênh mang trắng xóa. Cái hồ nước này to ghê, khác hồ nước mọi năm. Lẽ nào lạc đường? Năm nào chẳng đi qua đây. Tuy nhiên, Chích Bông do dự. Bởi vì thật là có những sự lạ khác mọi năm.

Mọi năm, đứng đây cũng trông thấy rõ cả từ ngọn cỏ phơ phất bên bờ kia. Bây giờ chỉ thấy bên kia mờ mờ xanh xanh. Cánh ngắn như Chích Bông, bay qua thì bị ngã tõm xuống nước mất. Biết làm thế nào bây giờ?

Nhưng rồi Chích Bông nghĩ ra một mẹo. Chích Bông sẽ bay men hồ nước sang. Ai ngờ càng bay càng thăm thẳm. Đổ nghỉ cánh đã hai ba lần rồi mà vẫn chỉ một bờ nước trắng trắng kéo dài trước mặt.

Thế là Chích Bông men theo bờ nước cho mãi đến chiều. Cánh đồng và mặt nước vẫn phẳng lặng, chẳng nói năng gì. Mà chẳng gặp được ai để hỏi thăm. Chích Bông bối rối. Rơi Chích Bông bình tĩnh nhớ ra ở các bụi cây lau bờ nước thường trú ngụ họ nhà Chích Chòe. Nhà Chích Chòe không đi tránh lạnh bao giờ. Ta tìm đến hỏi thăm đường mới được.

Nghĩ thế, Chích Bông liền sà xuống, chui vào một bụi lau, gặp chị Chích Chòe đương đứng run rẩy soi gương trên mặt nước.

- Chị ơi, cái đầm nước mọi khi ở đây đâu?

- Vẫn đầm nước mọi khi đây.

- Dạo trước, tôi qua đây không thấy nhiều nước thế này.

- Dạo trước với bây giờ, cái gì cũng đổi khác rồi. Tháng trước, đây là đám đầm lầy. Bây giờ tôi đã đứng soi gương nước trước nhà tôi được. Người trong làng đã đào một con mương nối ra sông, bắt dòng sông đem nước vào. Con mương dẫn nước vào làm cho hồ nước phình ra to thế này. Như vậy có thể quanh năm lấy nước vào ruộng làm hai mùa ba mùa được.

- À ra thế! Thế thì đi khó quá.

- Chú muốn đi đường nào?

- Tôi sang bên kia.

- Cứ bay một quãng nữa gặp một con mương. Ở đây, trông thấy mặt trời thì bay theo sang được bờ bên kia.

Chích Bông vội vã bay đi.

Mặt trời đã lên trên ngọn đồi.

Chích Bông quên rằng từ sáng đã đi quanh sang hướng khác lối bay ngày trước.

Chích Bông đã qua đồi một đồi thật xa. Trông thấy có những cái lò gạch ở trước mặt. Tưởng là lò gạch mọi khi ở cánh đồng làng. Mừng quá.

Nhưng đến gần thì không phải. Mới nhận ra trong cánh đồng có hàng trăm lò gạch đỏ ối, chứ không phải chỉ một cái lò gạch như ở cánh đồng quê. Đằng sau những dãy lò gạch ấy thì, ôi thôi, miên man trập trùng không biết bao nhiêu là tường vàng, là mái đỏ, là người, là máy. Chàng Chích Bông chỉ quen ở nơi thanh vắng, tĩnh mịch, bây giờ trông thấy lạ lùng thế, cứ hoa cả hai tròng mắt bé nhỏ. Ngày xưa, “chim chích lạc rừng” ngờ ngẩn không biết đẳng nào mà ra, bây giờ chim chích lạc qua công trường thì biết đẳng nào mà bay! Câu chế giễu chim chích đến ngày nay vẫn đúng như thế.

Những bức tường cao dài vàng vàng choáng mắt càng bay càng choáng mắt. Những mái nhà đã cao, thế mà trên nóc nhà còn mọc lên những cánh tay cần trục lêu đêu như những cành cây cổ thụ bằng sắt. Chẳng có bão gió gì, mà cần trục cứ múa lên, quay cuồng bốc gạch, ngói, các thứ từ mặt đất lên xây tường, lấp mái dựng thành nhà, từng dãy nhà. Chỗ nào cũng những người, những máy, những xe tải máy. Anh chàng Chích Bông đi lạc cứ quáng cả mắt, ngỡ trên mặt đất bây giờ không có đêm nữa, đèn điện chói lòa xóa bỏ đêm rồi. Lại không có cây, không có hoa lá thì Chích Bông không chịu được. Càng lo tợn.

Nhưng Chích Bông nhỏ người mà nhanh trí, Chích Bông nghĩ: “Các bạn chim sẽ có thể giúp ta qua được cơn bối rối này”. Chích Bông đã nhớ ra bấy lâu họ nhà sẻ sinh sống, tụ tập, làm tổ quanh các mái nhà tranh, nhà ngói.

Chích Bông nhảy, bay nhẹ nhẹ, để ý, lắng nghe. Một lúc, loáng thoáng có tiếng “tẹt tẹt... tẹt tẹt...” rõ tiếng đùa cười của các bạn sẻ quen thuộc. Chích Bông mừng quá, dò vào một khe tường. Dưới bóng tường, ba bốn chim Sẻ đương đứng rìa lông, chải chuốt, nô giỡn, chuyện gẫu. Chim Sẻ tính hay vui chuyện.

Chích Bông cất lời :

- Các bạn làm ơn chỉ đường giúp tôi đi qua đây. Bên kia hồ nước là quê tôi có cánh đồng.

- Việc ấy không phải dễ, chúng tôi không giúp được đâu.

- Tại sao thế?

- Bạn đương đứng giữa mười cái nhà máy liền nhau đấy. Nhà máy đường... Nhà máy giấy... Nhà máy cao su... Nhà máy sắt tráng men... Nhà máy xay thóc này... Nhà máy điện này... Chúng tôi ở đây cũng chưa thuộc hết tên làm sao có thể mách đường cho bạn đi được.

- Thế thì làm thế nào bây giờ?

Một Sẻ nói :

- Chích Bông ơi! Tớ có thể đưa đặng ấy đi một quãng.

- Rồi phải đi một mình à?

- Không sợ. Bọn ở các nhà khác sẽ đưa đặng ấy đi tiếp.

- Ý kiến hay!

Chích Bông đánh bạo bay theo một anh Sẻ có sáng kiến. Anh Sẻ ấy đã nói đúng. Chẳng chim Sẻ nào có thể thuộc đường đi qua hết các nhà máy được.

Chích Bông phải đi lối bay truyền. Chích Bông như quả bóng, các bạn Sẻ đá truyền cho nhau. Cứ từng quãng đường, tính ra có đến ngót một chục bạn Sẻ đã thay nhau đưa Chích Bông đi như thế. Mà vẫn chưa vượt khỏi được các công trường, các nhà máy. Phải ngủ đêm lại giữa đường.

Đêm công trường sáng trưng như ban ngày. Gọi là ngủ, mà ánh đèn điện mọi nơi cứ chói lói, hai mắt Chích Bông mở thao láo. Tuy nhiên, Chích Bông thú vị được xem nhiều cái vừa lạ vừa đẹp, thấy người ta vừa làm vừa hát.

Chích Bông kể tiếp :

- Rồi sau cùng, một anh sẻ dẫn tôi bay tới một công trường. Tôi trông thấy dưới đất có một cái thang dài vút tít tắp bắc ngang cánh đồng. A, cánh đồng xanh xanh quen quen kia rồi. Sẻ nói: “Anh cứ theo cái thang này, thang bắc qua nhiều cánh đồng lắm. Chắc có thể đến được cánh đồng quê anh”. Tôi cảm ơn anh Sẻ cuối cùng đưa đường, rồi tôi một mình bay theo cái thang dài ghê gớm và kỳ lạ nọ. Một lúc, nhận ra mấy quả đồi nhấp nhô quen quen. Bay nữa thì về đến đầu xóm. Đây, đến tận đầu xóm rồi mà còn suýt lạc. Năm ngoái, ngoài cánh đồng đã làm gì có nhiều lò gạch, nhiều tường cao như bây giờ.

Câu chuyện đã hết. Chích Bông còn băn khoăn hỏi Bé :

- Quái, dạo trước tôi không trông thấy ở đầu xóm có cái thang dài này bắc vào.

Bé cười ngặt nghẽo. Bé cười mai mới nói được :

- Ngốc quá! Cái thang à?

- Thế thì cái gì?

- Đây là đường sắt xe lửa!

Bé cũng khoe rằng Bé đã biết mặt mũi công trường thế nào rồi. Bởi vì công trường và nhà máy, đèn điện đã về đến tận đây. Rồi Bé cắt nghĩa cho Chích Bông, như bố đã giảng cho Bé biết xe lửa đi trên đường sắt, chở đến các thành phố, các làng mạc, các công trường mọi thứ hàng hóa, máy móc và chở người từ nơi này đi nơi khác. Đường sắt và tàu hỏa là như thế. Thế là Chích Bông cũng ngặt nghẽo cười. Chích Bông đã hiểu thế nào là đường sắt và tàu hỏa. Nhưng Chích Bông vẫn cãi :

- Thì nó cũng là cái thang cho xe lửa leo!

- Ủ, thì cái thang.

Rồi hai bên hòa nhau, không cãi nữa.

Mùa xuân năm ấy còn nhiều các bạn chim Khuyên, Sáo Đá đã bay lạc đường. Họ lạc đường, vừa lo lại vừa vui, tương tự Chích Bông. Rồi ai cũng về được.

Ai cũng kể đã lạc qua những hồ đầy nước, những đê nông giang, những công trường đồ sộ chưa bao giờ thấy. Thế là các bạn chim đã về đủ trong vườn, ngoài đồng. Ai nấy đều hơn hớn. Bọn Bướm và Bò Cạp, thì có ý tránh mặt Chích Bông, ít khi vào trong vườn cây. Chắc họ ngượng. Họ ngượng vì sao, chúng ta đã biết cả rồi.

Duy ở ngoài đầm nước vẫn chưa thấy bọn Sếu cao kêu về.

Bé tuy bé người, lại tính tỉ mỉ, cứ muốn hỏi rõ ràng cho ra chuyện. Tại sao họ đã nói sai như thế?

Một hôm, Bé trông thấy Bướm. Bướm vội vã lượn vòng, Bướm lảng. Bé đuổi theo :

- Này Bướm, Bướm đã gặp Chích Bông về chưa?

Bướm nói tránh :

- Chích Bông giỏi thật!

Bướm lại lượn một vòng rồi Bướm bay đi. Bé cười, không đuổi theo chế giễu kẻ đã biết xấu hổ nữa.

Bé gặp Bò Cạp.

- Tại sao Bồ Các bảo là Chích Bông chết rồi?

Bồ Các nói huyền thuyên :

- Tôi bay tít tận trên cao mà còn sợ hoảng cả mắt đấy! Không biết cái gì ở dưới đất khua lên mà ghê gớm làm vậy?

- Công trường, nhà máy... Các cánh tay cần trục giơ lên trời để khuôn các thứ xây nhà. Chích Bông đi qua đã trông thấy cả.

- Thế thì Chích Bông giỏi thật!

Một buổi chiều, Bé gặp Vạc bay qua ngọn tre. Bé gọi :

- Anh Vạc đã thấy Chích Bông chưa?

Vạc ngượng nghịu, nói :

- Nói thật thì ngày ấy tớ cũng chẳng trông thấy Chích Bông. Chỉ bay ban đêm cao tít lưng trời thấy dưới đất đỏ ối. Thì tưởng ai mà còn sống trong lò lửa thế được.

- Không phải. Đèn công trường làm việc suốt đêm. Chích Bông đã đi qua tất cả các công trường về đến đây.

- Thế thì Chích Bông giỏi thật.

Bé về kể lại cho bà nghe chuyện những bạn chim đã xấu hổ. Bà nói :

- Kẻ có tính hốt hoảng thì chẳng bao giờ làm việc gì nên việc.

* * * * *

Rồi đến mùa đông năm sau.

Khác mọi năm, mùa đông về từ hôm nào, không ai biết. Chỉ biết rõ ràng nghe trên trời, gió ùng ùng nổi, chim bay lên cao thì chim bặt cả cánh. Có những buổi sáng sương mịt mù, không nhìn thấy gì, thế mà chưa lạnh mấy.

Mọi khi như thế thì lạnh lắm rồi. Chích Bông gầy bé phong phanh một áo mà vẫn tung tăng nhảy nhót như thường. Bé chưa thấy Chích Bông đi tránh rét, như mọi năm.

Bé bảo Chích Bông :

- Có đi tránh rét thì đi khéo, cho khỏi lạc nhé.

Chích Bông cười :

- Năm nay không đi tránh rét nữa.
- Sao vậy?

Chích Bông cười rồi nói :

- Bé ra đây mà xem.

Bé rủ Chích Bông lên trên bờ đê cao đầu làng, nhìn ra khắp cánh đồng.

Đằng xa, những đoàn tàu hỏa nối đuôi nhau chở theo gạch, gỗ, máy và các anh các chị công nhân xây dựng. Đoàn tàu dài mấy chục toa ầm ầm vừa lao chạy, vừa thở khói, vừa hát trên cái thang dài không bao giờ hết, như Chích Bông nói. Trong cánh đồng mọc lên từng lớp, từng dãy mái cao, tường cao, nhà cao, che khuất cả đầm nước đằng xa, che kín cả viền cây xanh xanh.

Bé đã hiểu: trên cao ù ù gió, mà dưới đất ấm áp không còn lạnh nữa. Nhà máy và người đã che khuất cả gió rét.

Chích Bông nói :

- Nhà máy, công trường đã về đến giữa cánh đồng ta, xua hết cái lạnh đi rồi. Tôi không phải tránh rét nữa đâu.

Bé cười :

- Ủ, mà các nhà máy về nhiều thế này, giá Chích Bông có đi thì lại lạc thôi.
- Bé đi thì cũng lạc nốt!

Bé nói :

- Ta thích đi lạc một chuyến để được trông thấy khắp nơi.

Cả hai cùng cười.

Các bạn đều biết chỉ có bọn nhà Sếu ngoài đầm nước vẫn chưa về, mà lại mùa đông qua rồi.

Chim Sếu chân cao, cánh dài, bay hàng nghìn cây số không mỏi. Hàng năm, Sếu thường đi tránh rét rất xa, xuống miền Nam. Bởi vì miền Nam nước ta không bao giờ có mùa đông.

Nhưng miền Nam nước ta hiện nay đương có đế quốc Mỹ đến thả bom đánh phá.

Không biết đàn chim Sếu bay vào miền Nam tránh rét gặp tai nạn thế nào mà bây giờ chưa về?

CHIM CHÍCH LẠC RỪNG

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chèo Bẻo Đánh Quạ:

Ở đầu nói đầu - Trong quyển “Sưu tầm khảo sát văn hóa truyền thống Liễu Đôi” của Bùi văn Cường và Nguyễn Tế Nhị, nhà xuất bản Khoa học Xã hội Hà Nội 1981, có bài về “Chèo Bẻo đánh Quạ” dài 333 câu. Cụ Đoàn văn Tường 85 tuổi, người thôn Đông Sâu, xã Liêm Túc đã kể lại cho các bạn đi sưu tầm ghi câu chuyện thật lý thú và ý nghĩa đã được đời đời truyền lại không biết từ bao giờ.

Thường ngày, trong khoảng trời trên cánh đồng, trên sông, đôi khi trông thấy chim chèo bẻo đánh nhau với diều hâu, với quạ. Con chèo bẻo bé nhỏ cứ xông lên, như đeo mình vào chân con diều hâu, con quạ to tướng mà mổ, mà rĩa. Không mấy may sợ hãi. Thế mới lạ lùng, câu chuyện lạ lùng mà có thực. (T.H).

I

Ở các vùng quê xa xôi, có nhiều chim, nhiều lắm. Trên cây ngoài vườn, đầu nhà... Ríu ran tiếng chim chuyện, chim hát, chim gọi nhau.

Con chim hét đen sì lừ lừ bay qua bờ đê, kêu: hét... hét... Chim hét báo tin mùa lạnh đã trở về, chim hét xuống đậu lưng trâu bò, nhặt con ve, con ruồi. Nhờ thế, trâu bò đỡ ghẻ ngứa. Các cô bò, cậu trâu cứ thông thả ve vẩy cái đuôi cảm ơn.

Nghe đâu đây tiếng tu hú... tu hú... Thế là mùa nắng đương tới... Quả vải chín đỏ. Con tu hú báo mùa hạ tới, quả vải chín đỏ rực bãi.

Lại nghe những đám sáo sậu, sáo đá cãi nhau chí chóe trên cành đa từ tỉnh mơ. Đến mùa hạ thì con chim dậy sớm hơn cả mặt trời. Đâu đâu cũng vang tiếng chim. Chim với người bè bạn thân nhau. Đến đổi cái câu mắng chú sáo sậu đoảng tính hay buông quăng bỏ vãi cũng như hét câu mắng người ăn bơ làm biếng.

Con chim sáo sậu

Ăn cơm nhà cậu

Uống nước nhà cô

Đánh vỡ bát ngô

Bà cô phải đền

Lặng yên nghe tôi kể chuyện các cụ ở Liễu Đôi làm về sự tích chim Chèo Bẻo đánh Quạ.

* * * * *

Cứ kể muôn loài sinh sống trên mặt đất, chỉ có con chim biết chọn ở những chỗ cao cao đẹp hết ý. Chòm xóm nhà chim nơi nào cũng như thêu hoa từ mặt đất lên.

Quanh ao, rệ cỏ tóc tiên xanh đen buông những chùm rễ trắng muốt vào làn nước trong leo lẻo. Chiếc lá trang mở con mắt biếc tròn xoe cạnh đóa hoa như quả bông trắng muốt vừa nứt khỏi mặt nước.

Vườn tre là làng xóm chim. Trong bụi tre chỉ chít nhà cửa của chim. Ở cây tre chết dóc kia một đốt nghiêng như mái hiên. Trong đốt tre thể nào cũng có nhà chích chòe làm tổ. Trên các ngọn tre là đà, đấy là sân chơi của đàn cò vừa xuống. Vào hoàng hôn, cò bợ, cò xanh, cò lửa ngoài sông bay về nhún nhảy đứng đánh đu.

Chèo Bẻo bay vào vòm tre. Mình nhỏ thon, tấm áo xanh mướt, xanh thẫm. Chèo Bẻo rập rờn trên cây bóng nước xuống làn cỏ tóc tiên. Những hoa những cỏ, cơn gió thổi và những chiếc lá trang càng mở tròn con mắt ngạc nhiên.

Tất cả reo lên :

- A Chèo Bẻo! A Chèo Bẻo!

Chèo Bẻo đã về. Mùa hạ tới, nhà Chèo Bẻo lại trở về vòm tre. Mỏ Chèo Bẻo ngậm một sợi dây vừa tước ở bẹ cây móc diều ngoài kia. Chèo Bẻo vào bụi tre tìm nơi làm tổ. Chèo Bẻo làm tổ thường bay đôi. Sao Chèo Bẻo này đi một mình?

Chèo Bẻo đậu xuống một nhánh tre. Chèo Bẻo nghỉ chân, ngắm nghía chỗ cạnh cây tha rác tới. Ắ Chèo Bẻo đi tận đâu mà xa thế, mà đi lâu thế. Anh chàng nghiêng mặt, liếc hai bên mắt. Kia rồi, chị chàng đã về kia.

Chèo Bẻo vợ đi kiếm thức ăn xa hơn chồng chị đã cất cánh từ cuối cánh đồng bay vào bờ tre. Mỏ ngậm một sợi tơ trắng như khói vương dưới đôi cánh xoải nhẹ nhàng.

Thoạt trông Chèo Bẻo vợ đã ra vẻ đảm đang. Đôi mắt lóng lánh. Vạt áo dài đen mướt chùm xuống đôi chân mảnh dẻ, nhanh thoăn thoắt.

Chèo Bẻo vợ đậu xuống cành tre ngoài. Chèo Bẻo chồng bay tới, xò cánh lượn qua đầu, chao xuống chân, vòng đi vòng lại, cuống quýt cất tiếng :

- Sốt ruột quá... Xa thế à, xa thế à...

Chèo Bẻo vợ nghiêng mỏ giơ sợi tơ nhện lòng thông đương bay phất lên. Ắ đã tìm đến tận rặng dừa đàng kia mới thấy một ổ nhện bỏ hoang. Giờ đang mùa làm tổ, dây khâu hiếm lắm.

Chèo Bẻo vợ hỏi :

- Làm nhà mới ở đâu?

Chèo Bẻo chồng nói :

- Ngay nơi đương đứng đấy. Chỗ này được mắt lắm.

Chèo Bẻo vợ ngắm xung quanh. Bên vầu tre trở ra một cảnh lá xanh om. Như mái nhà, như đan lát tự nhiên. Khuất mắt mà trông ra được bốn phía khe lá lưa thưa. Ai vào nom cũng thấy được từ đằng xa. Vừa kín đáo, vừa thoáng.

- Ủ' chỗ này được đấy.

Thế là, chồng Chèo Bẻo đặt sợi dây móng xuống. Vợ nhanh nhẹn quệt mỡ dán sợi tơ nhện, dính cái kèo, cái cột, cái phen đầu tiên cho căn nhà xuống mặt lá.

Rồi suốt ngày, vợ chồng Chèo Bẻo mê mải làm nhà. Chồng tha thẩn qua các cánh đồng đã gặt, tìm cọng rạ. Những cái rơm trong óng. Những mảnh rác tàu lá móc điều mềm êm. Cũng cái rạ, cái rơm, nhưng mỗi lúc Chèo Bẻo chồng chọn tha về một cái khác nhau. Cái cứng làm vách, cái nỡn đan phen...

Chèo Bẻo vợ sục sạo vào các búi lá rậm, tìm ổ nhện đã bỏ, còn mạng chăng lại. Ả dỡ tơ nhện bay về. Mỏ ngậm sợi tơ lướt thướt. Ổ đã lát xong, đến khâu vách. Những sợi dài khoanh quanh tổ, miết kỹ các khe. Cho kín khỏi mưa hắt, mưa dột, lại ẩm.

Chèo Bẻo vợ nhả bọt dính, khâu khếp, cứ thoăn thoắt lên xuống, nghiêng mỏ, gãi móng chân rào rào, quẩn tơ, kéo tơ. Những sợi tơ nhện dài. Mỗi hôm, lại kiếm được sợi tơ dài hơn.

Vợ chồng cắm cúi đan lát lòng tổ. Chồng đặt mảnh rác vỏ bào giữa ổ. Rồi ra đứng nghiêng trên thành, ngắm nghía. Vợ thả một vòng tròn tơ. Chồng đẩy cọng rơm dính vào rồi bậu xuống theo.

Chèo Bẻo chồng bay lượn quanh cảnh tre, cất tiếng hát huýt huy chiu chiu. Có lúc xô cánh xuống như xòe ô che nắng cho vợ cắm cúi mải khâu.

Lát sau, đôi Chèo Bẻo bay ra.

Vợ chồng xuống một ruộng khoai sọ. Ở một cây khoai đầu luống nhô lên tàu lá tròn trắng ngần vừa nở. Trong nõn, giọt sương đêm còn long lanh. Sương đọng khe lá và trong canh hoa, nước uống ngon nhất của chim.

Chèo Bẻo vợ cúi hút giọt sương mát rượi. Vừa nhả bọt, vừa khâu, ả khát nước, khô cả cổ.

Rồi hai vợ chồng lại mỗi ngả kiếm các thứ về làm nhà. Chồng xuống cánh đồng. Vợ kéo mạng nhện trong

khe dứa.

Từ sáng sớm đến lúc mặt trời le lói, rồi bóng chiều vàng hoe, vẫn đi về mãi miết. Cọng rơm, sợi tơ tới tấp.

Một ngày kia vợ chồng Chèo Bẻo bay về chợt đậu ngoài cành tre trông vào. Ngày nào cũng xây tổ, mà sao đứng nhìn mãi mê thế. Có gì đâu, ngắm công phu sức lực của mình bỏ ra mà, ai chả vậy. Cái tổ đã xinh xinh gọn gàng như cái mai rùa gác ngược. Như chiếc thuyền con có mái gài đu đưa trên cành tre.

- Nhà mới của ta đây.

Sau lưng, bỗng có những tiếng lao xao. Chèo Bẻo vợ ngạc nhiên quay ngoắt lại.

Xung quanh bờ tre vẫn như mọi khi. Hoa bóng nước đỏ hồng mặt nước.

Nhưng Chèo Bẻo chồng đã tươi cười vỗ cánh, xoay tròn, reo lên :

- Kia kìa, cả xóm đương đến xem nhà mới của ta.

Đúng đấy. Cả xóm đương đến xem, đến mừng. Nhanh nhẩu nhất, là bác Tu Hú.

Tu Hú ấy a? Chỗ nào cũng nghe da diết giống giả tiếng tu hú... tu hú... Có việc gì Tu Hú cũng đến trước ngay. Mà đổ ai biết nhà Tu Hú ở đâu. Không ai biết thật. Tu Hú quen tạt ăn tạm ở bộ. Cả đến khi vợ sinh nở... mà cũng đi đẻ gửi trứng tổ sáo sậu, tổ dẻ cùi... rồi con nở ra thì đến nuôi chung. Rõ chúa đoảng!

Nhưng được cái chàng Tu Hú tốt nết. Việc nhà có nhắc, việc chú bác thì siêng. Mới bảnh mắt, Tu Hú đã khua loạn xóm :

- Cô chú Chèo Bẻo lợp xong nhà mới rồi. Đứng đây cũng trông thấy.

- Ồ thế à... thế mà không biết.

Chim Sâu nói ngay. Bởi vì chim Sâu đi kiếm ăn cả ngày, về đến tổ đã tối mịt. Chốc nữa, tảng sáng chim Sâu đã lại ra đồng rồi. Ngày mùa, sâu bọ nhiều, bắt không xuể. Lại đương khi nước lên, cả chim Trạ kiếm ăn ngoài sông nước cũng bận. xẩm tối mới thấy chú mò về ngồi nhòm nhòm cửa hang, hai đầu cánh gầy gò nhô lên ngang mặt.

Tu Hú lại nói bô bô :

- Lên mừng nhà mới.

Chèo Bẻo chồng đã ra nóc tổ đứng từ lúc nào. Trông thấy Tu Hú, Chèo Bẻo cất tiếng chào trước.

Lại phải kể thêm về cái bác Tu Hú. Tu Hú tính ăn xối ở thì thế mà ở đâu ai cũng mến. Bởi vì, khi nghe Tu Hú kêu, như trông thấy mùa màng cày cấy, gặt hái. Tu Hú kêu làm cho ai nấy làm ăn rộn rịp. Tháng ba, tháng tư, vào mùa, tiếng Tu Hú kêu gọi ra từng việc.

Tu hú... Tu hú... Hái cà... Gieo đỗ... Tu hú... Làm mạ... Tu hú... Vải chín... Vải chín...

Đồng áng tấp nập, người người việc việc. Tát nước, làm mạ. Bãi vải ven sông chín đỏ vòng lên như mâm xôi, mâm hoa đầy.

Đấy, Tu Hú đấy, Tu Hú đã lên. Xóm làng nghĩ về Tu Hú như một sự mong đợi tốt lành.

Chèo Bẻo đơn đả :

- Được ông anh đến, được cả xóm đến mừng nhà thế là đón ngõ gặp may rồi.

Có tiếng líu ríu phía dưới. Cô cậu chim Sâu líu ríu bay lên. Chòm xóm nhà chim Sâu ở trong đám cây ngái cạnh bờ nước. Lá ngái to như lá vả. Chim Sâu cuốn lá khô tổ. Tổ chim Sâu lác đác, lủng lẳng treo trong cây ngái như những quả vả xanh.

Đám chim Sâu bay lơ lửng.

- Xuống chơi đã nào.

- Thôi thôi, để khi khác. Chúng em còn bận.

Rồi cả đàn bay vù đi. Chim Sâu lúc nào cũng vội vã thế. Hết bắt sâu ở ruộng, lại vào vườn. Tên tục chim Sâu là Chích Bông, nhưng ai cũng thường gọi là chim Sâu. Chi vì Chích Bông chăm chỉ bắt sâu.

Mùa làm mạ, mùa cấy đương tít tít. Những ruộng mạ đã bén chân. Thế là lại xô bồ đến bao nhiêu việc. Chim Sâu bắt sâu mạ. Rồi chim Sâu vào vườn rau diếp, từng đàn thoăn thoắt, leo lên leo xuống, mắt dăm dăm chăm chú, mổ lòi từng con sâu trong khe lá ra.

Chim Sâu bay rồi, chú Cun Cút bước ra. Đến gần mới nhận được Cun Cút phờ phạc, đỉnh đầu trắng mờ. Suốt ngày, Cun Cút hiền biệt. “Béo như con Cun Cút”, câu ví của thiên hạ độc miệng. Nhưng suốt đời, Cun Cút tìm hạt cỏ ràng ràng, chỉ ăn đạm bạc có thể thôi. Vậy mà vẫn béo thật.

Cun Cút chào vợ chồng Chèo Bẻo rồi bay đi. Đến lượt chú chim Trạ lên hỏi mừng. Cái chú chim Trạ này cũng lặn lội đầu tắt mặt tối lắm. Suốt ngày mò ngoài sông, chập tối mới lần về hang. Chim Trạ thích nhà cửa đẹp mắt, cả đêm thu dọn hang ở, đêm nào cũng lục đục đến khuya.

Chim Trạ nhìn quanh rồi khen :

- Nhà này đẹp đấy.

Vợ chồng Chèo Bẻo nói :

- Nhà vách đất như nhà chú mới đẹp, nhà sàn chẳng ví bằng.

Chim Trá cười :

- Nhà nào mà biết giữ sạch cũng đẹp như nhau. Thôi, tớ còn vội, lúc khác nhé.

Rồi vụt đi.

Chèo Bẻo chồng nói :

- Hôm nay mình ở nhà, tôi đi kiếm mồi.

Chèo Bẻo vợ hiểu ý chồng. Tổ đã làm xong, chị bắt đầu nằm ổ, đợi đẻ trứng.

Chèo Bẻo vợ bước vào tổ. Chị doạng ngón chân, dọn lại những cọng rác. Rồi nhẹ nhàng nằm xuống. Hai bên hông bụng xù ra, như trái cái chẵn.

Chèo Bẻo vợ nằm ổ.

Cả xóm biết việc quan trọng, Chèo Bẻo vợ nằm ổ. Cả cái xóm chim trong bờ tre mỗi cánh cánh bay qua đều nhẹ nhẹ, nhìn lên. Giữ yên tĩnh cho Chèo Bẻo sắp tới kỳ sinh nở.

Hoa bóng nước ánh xuống đỏ hây cả mặt nước. Giống như cái chiếu hồng trải rực rỡ dưới tổ chim. Những chiếc lá tre xanh xanh đan thành những cái ô nhỏ nhỏ che trên đầu. Ngoài kia, làn sương mỏng mờ màng.

Chèo Bẻo vợ nằm ghéch hờ mở lên thành cửa nhìn ra. Đôi mắt dăm dăm, hiêng hiếc. Chị đương nghĩ gì. Chị ngắm xuống màu hồng hoa bóng nước. Chị ngược đầu lên. Giọt nắng đậu trên chiếc ô lá tre lung lay. Chị nhìn xa xa, chăm chú. Có lẽ vợ đương ngóng chồng đi cho chóng về. Chẳng biết có phải thế không. Chỉ biết nàng Chèo Bẻo đương vui.

Chèo Bẻo chồng lượn vào khoảng không, liệng nghiêng. Đôi cánh chéo xuống. Anh múa. Vừa bay múa vừa hát từng nhịp. Huy... huy... Anh vui vì nhà đã làm xong. Vui vì vợ đương nằm ổ. Anh vui...

Giữa trời trong xanh, Chèo Bẻo chao lượn. Dưới kia, cánh đồng mênh mông. Người qua lại tấp nập. Đương ngày mùa. Tiếng giục, tiếng gọi, tiếng người, tiếng trâu, tiếng máy cày...

Bao nhiêu chim về làm lụng quanh công việc với mọi người. Chàng Cò Trắng mỏ vàng chạy theo đường cày vừa lật má đất, tìm con giun quần quai nhô ra. Con trâu cắm cúi kéo cày, trên lưng trâu những chú Sáo Sậu, Sáo Mỏ Ngà chăm chú bắt ve, bắt con mòng cho trâu khỏi ngứa, cày được thong dong. Những con chim chơi chơi nhảy lảng xảng, nhô nhốp...

Đầu bờ, trên chiếc chõng tre, gối ngang nôi còm, chõng bát, chiếc điều cày. Người ra làm đồng cả buổi sáng rồi lên ngả ra ăn trưa ngay bờ ruộng. Ai cũng đương vội ngày mùa.

Mấy chú nghé mãi gặm cỏ bỗng nhảy cõn, nghé ngo... nghé ngo... tru tréo lên. Chỉ vì đàn nghé bông nghé hoa ấy vừa trông thấy anh chàng “trâu đỏ” âm âm xông tới. Guồng xích sắt quật đất bùn bắn lên như mưa. Bác công nhân máy cày đội mũ lưỡi trai ngồi trong buồng lái chăm chú ngo ra.

Mọi việc trong cánh đồng đương vội, đương vui. Chèo Bẻo chồng cũng đương vui. Đôi cánh chấp chới, liệng lên liệng xuống. Hai giẻ lông đuôi tõe nghiêng ngả, đường bay vi vút xuống thấp lên cao.

Nhưng không phải Chèo Bẻo múa chơi cho khoái mắt các bạn đâu. Anh đương làm. Anh bắt mồi, bắt muỗi, bắt kiến cánh. Chèo Bẻo vốn có tài bay chộp mồi.

Những con kiến cánh nhạy cảm với trời mưa, trời nắng. Đám mây nước xa xa phía chân trời. Chẳng có dấu hiệu gì đưa mưa tới, mà họ hàng nhà mối đã cảm thấy hơi mưa. Thế là, từ những động mối sâu tun hút trong lòng đất, những con mối ngày đêm đục ổ phá đê, phá bờ lũ lượt ngoi ra. Mụ mối già bay loạn trời. Đàn mối cánh bay lẫn với kiến cánh. Người trong làng trông lên thấy mối cánh, kiến cánh bay, biết sắp mưa bão đến nơi. Đồng đất tấp nập, lại càng làm nhanh trước cơn giông...

Lượn quanh mấy vòng. Chèo Bẻo chồng đã quơ được mấy con mối bay hớ hênh.

Cái mồi mới đem về đã được bữa sáng. Chèo Bẻo chồng đặt xuống trước cửa. Vợ nằm ổ chỉ việc nghiêng mỏ mổ ăn. Chồng đứng trông vợ chén mối ngon lành, mà cảm thấy mình cũng no bụng rồi.

Một ngày kia Chèo Bẻo tha mồi đậu xuống tổ. Chèo Bẻo vợ ngược nhìn chồng, mắt long lanh óng ánh khác thường.

Chị nhích cườm ngực. Anh thoáng trông thấy quả trứng màu hồng nhạt lốm đốm nâu dưới ổ.

Ngay hôm ấy, Chèo Bẻo vợ đẻ được hai trứng nữa. Chồng vừa tha mồi về, nhưng chị không khoe cho anh thấy quả trứng như lúc nãy. Chị sợ gió lừa. Những cái trứng được mẹ ấp cả đêm cả ngày. Trứng đượm hơi mẹ, trứng chóng nở.

Rồi trời mưa ập xuống. Những trận mưa rào đầu mùa hạ. Gió đùng đùng vít ngọn tre xuống. Hạt mưa to thô lổ tít tít tạt vào bốn phía.

Chèo Bẻo vợ vẫn nằm yên. Lông cườm, lông bụng xù ra, ủ trứng. Chèo Bẻo chồng đứng chẹn cửa tổ, một bên cánh ướt thẫm. Nhưng không một giọt nước mưa lọt được vào ổ nằm.

Chèo Bẻo vợ đẻ ba trứng.

Tin vui mới vang động khắp nơi.

Chim nào qua đây, lại càng nhẹ nhàng không xô mạnh cánh, bay qua rồi còn ngoảnh lại.

Và cổ làng chim trong vùng đều đã biết. Họ bảo nhau: đừng ấp, đừng ai thò đến tận tổ xem nhé. Kiên đấy.

Chẳng nhòm ngó thế mà những chuyện rỉ tai mỗi lúc kể càng tỉ mỉ hơn. Nào nhà Chèo Bẻo ở ngáng tre thứ mấy. Nào chỗ ấy cao ráo mát nhất cây tre.

Tổ Chèo Bẻo, vách ngoài toàn bằng sợi móc lẫn rạ, chắc lắm, mịn lắm. Hai trận mưa rào đã qua rồi, nhà không dột. Những quả trứng vẫn ấm yên dưới cườm bụng mẹ. Vài hôm nữa, trứng nở. Trời nắng, trứng sẽ nở nhanh.

Hoa bóng nước lung lay, mặt nước hồng lên, những chiếc lá trang tròn xoe, những cánh hoa trang trắng muốt, cả làn gió cũng đưa tin Chèo Bẻo nằm ấp trứng. Cả đất trời dường đợi những con chim non ra đời.

Một ngày kia, thoát đầu tưởng tiếng đụng đậy ở đâu rồi mới nhận ra tiếng róc rách ấy ở trong tổ. Những chiếc trứng ngo ngoáy dưới bụng mẹ. Mẹ nghe, mẹ nghe. Mỏ Chèo Bẻo niệ nghiêng xuống, hong hóng. Mẹ hóng cho biết thật đích con đang đập vỏ chỗ nào. Tiếng mỏ cựa, tiếng chân nhúc nhích. Mặt vỏ trứng anh ánh. Mẹ đợi. Tiếng lung lay mơ hồ chỉ có mẹ lo lắng mới nghe mới biết được. Đấy, đấy...

Mẹ cất mỏ, bập xuống một nhát. Cái vỏ trứng tách gọn một miếng. Chiếc mỏ Chèo Bẻo con con trắng hau như cái núm măng nửa vừa nhú, nhô bật lên. Thế rồi, trong khi đầu mỏ con chim non nhoai khỏi vỏ, hai chân như cái tăm tập từng đập tuông ra. Chiếc vỏ xẹp lại, dẹp sang một bên.

Con đập ra. Mẹ mổ trứng giúp con đập, con nhoi. Chèo Bẻo con vừa lột trứng, mình trần trụi trực dưới bụng mẹ, đã ngóc cổ ngoác mỏ đòi ăn. Mẹ cúi, mớm hơi mẹ vào miệng con. Hơi mẹ mớm cho con, hơi mẹ cho con. Đưa con vừa ra đời được hơi của mẹ đẻ. Mẹ đã cho con sự sống như thế.

Một nhóc là anh cả, một nhóc là chị hai, mẹ đã cho ra đời. Ồ, chiếc trứng thứ ba bắt đầu đụng đậy. Mẹ dường mớm hơi cho hai con, mẹ lại lặng yên. Mẹ chăm chú nhìn quả trứng chuyển động. Mẹ lại nghe. Đích xem đứa con út muốn ra khỏi vỏ chỗ nào, phía mỏ hay phía chân. Để mẹ mổ vỏ đỡ cho con ra. Mẹ nghe...

Chèo Bẻo, Chèo Bẻo chồng kia.

Anh chàng nhớn nhác nhìn vào cửa tổ. Nghiêng mắt, nghe nghe nhìn. Đây, đấy, con nó sắp đập chỗ ấy, chỗ kia, chỗ kia...

Chèo Bẻo mẹ lại mổ một nhát. Cái vỏ trứng toác một khía. Chân con thập thò. Rồi chân đập toác mảnh vỏ. Thoắt một cái, Chèo Bẻo con chui trong trứng ra. Mình trần trụi, nhầy nhụa, đôi mắt mở to, ngơ ngác. Con mắt nhìn ánh sáng, run rẩy. Nhưng cả cườm bụng mẹ đã như cái chần ấm trùm lên. Mẹ cúi xuống, mớm hơi nóng hồi vào mỏ đứa con út vừa há.

Chèo Bẻo bố trở mắt nhìn. Bố cứ cuống quýt, quanh quanh. Rồi bay bổng ra ngoài trời.

Chim Trạ đứng cửa hang bờ ao nhìn lên.

- Gì mà vui thế?

- Huýt huy, huýt huy...

- Thăng út, đến thăng út rồi.

Chim Trạ quát :

- Thế thì đi kiếm mồi ngay đi. Nhà nó mệt lắm, đói lắm đấy.

Chèo Bẻo chồng bay đi, múa cánh lên bắt mồi. Chốc lát, đã cặp được một nạm ruồi và cả con chuồn chuồn tương bốn cánh.

Cặp mỏ nặng trĩu mồi ngon, tha về tổ.

Thế là cái xóm hoa bóng nước bên bờ tre từ nay được vào sổ khai sinh thêm ba khẩu.

Nỗi vui mừng lại sôi nổi khắp nơi. Chim Cút, chim Trạ gặp ai cũng báo tin mới. Tu Hú, tận trên vách núi cũng nghe được. Đàn chim Sâu len lỏi đem chuyện đi khắp nơi. Chèo Bẻo sinh nở được mẹ tròn con vuông.

Ri Đá, Ri Cam, Ri Sừng về thăm hỏi, bay hàng đàn trăm con, như cơn gió vụt qua cánh đồng.

Mà chim Ri cũng biết những láng giếng vất vả. Ri nào cũng bé quắt, thế mà lòng tốt thì lo lớn, chắt chiu được mấy hạt gạo cũng đem đến. Nghèo khó mà bụng dạ thơm thảo.

Như câu hát trong bài về ở Liễu Đôi đã khen nhà Ri từ xưa rằng:

Vợ chồng nhà Ri đến chơi.

Có một thúng gạo vơi vơi đặt vào [1].

Nhưng nhà Ri cũng chẳng la cà hỏi han trò chuyện được lâu. Lại nhào đi kiếm ăn ngay. Suốt năm, chim Ri đói móp bụng, đến mùa gặt mới kiếm được hạt thóc rơi vãi.

Vị khách vừa đến ấy là chú Chào Mào. Chào Mào, đáng ăn chơi bạt mạng thế mà lại tử tế. Mới biết chẳng nên chỉ trông bề ngoài mà đặt tính nết. Chào Mào đóm dáng và có phần lỗ lã đấy. Hai má phấn đỏ hắt. Lại dính một túm lông điều sau đít (người hay chế giễu đặt tên là Chào Mào đỏ đít). Mắt mở lúc nào cũng phớn phơ. Đứng đầu cũng nhún nhảy làm điệu. Đã thế, đỉnh đầu lại đội lệch cái mũ nhung đen nháy -

cũng vì chiếc mũ làm đóm lạ kiểu ấy mà Chào Mào lại được bè bạn cho cái tên chế giễu: Công tử Chào Mào.

Chào Mào ở vườn ổi ra, mép còn dính mấy hạt ổi.

Nhưng Chào Mào chợt nhớ nhà Chèo Béo không thích ăn quả chín. Chào Mào lập tức ghé xuống bờ cỏ, quơ mớ túm được một con Bọ Muồm. Chèo Béo xách ngược cả bốn cánh xanh cánh trắng của Bọ Muồm, bay re re vào bờ tre. Như người trong làng ỏm con gà trống thiến đi mừng Tết.

Chào Mào đậu vắt vẻo ngoài đầu cành tre :

- Chích chi, chích chi... Hoan hô... Hoan hô...

Chèo Béo chồng đứng trên nóc tổ - như đợi đón khách, hân hoan nói to :

- Mời chú lên chơi. Gớm, sáng sớm đã bấy đâu được con mời to thế.

- Mừng vợ chồng anh đây. Một con sâu cắn lúa này bằng một thang thuốc bổ đấy.

Suốt ngày, dập dìu khách. Nhưng hôm nay cũng chẳng cần đi kiếm mời. Ai cũng đem theo đến các thức. Vừa cùng chén, lại vừa biếu.

Mặt trời đã gác núi bên kia. Trông ra, vẫn còn bóng chim bay vào vườn thăm hỏi qua ánh mặt trời hắt nghiêng lên ngọn tre.

Chèo Béo vợ trông ra :

- Anh Hét đây! Anh Hét! Anh bây giờ mới về.

Quả thật, Hét vừa tận cánh đồng trên xuống. Đồng gần đã ngập nước cày mùa. Các loài chim kiếm ăn theo đường cày phải đi tìm những ruộng còn xếp ải, còn cày vỡ. Nhưng được con ve, con ruồi, con bọ mạt trên lưng bò cũng thật là khó. Hết buổi cày, trâu bò về trong xóm. Chẳng phải mùa nhàn hạ, trâu bò lang thang gặm cỏ ngoài đồng. Không kiếm được con mòng, con nhặng trên lưng trâu, chim Hét cũng với bụng cả ngày.

Chiều muộn rồi mà Hét vẫn nhớ thăm Chèo Béo. Lại còn quắp theo quà biếu: con châu chấu ma đen xin như cục đất. Quý quá! Quý hóa quá!

Chim Hét đặt miếng mời xuống, rướn cổ thở khurột một cái.

Lát sau, Hét mới lại hơi, nói luôn :

- Để khi khác ở chơi lâu. Khi khác nhé.

Rồi cái bóng đen sì bay đi. Thế mà cũng chưa phải là khách sau cùng trong ngày. Thấp thoáng ai múa lượn đến ngoài kia.

Chèo Bẻo chổng reo :

- A cậu Đuôi Cờ!

Đúng, Chèo Bẻo Đuôi Cờ - một chi họ nhà Chèo Bẻo. Hai chiếc lông đuôi Chèo Bẻo Đuôi Cờ dài lê thê, dáng bay yếu điệu, vừa bay vừa tung cờ. Chèo Bẻo Đuôi Cờ lịch sự hào nhoáng, thế mà nhà nghèo. Đã bao đời đi làm ăn tận trên vách núi đá. Quê rừng xuống quê đồng, phát phối đuôi cờ nhịp nhàng qua bao nhiêu đồng đất. Cũng phải dứt việc mà đi.

Ánh trăng lung linh bóng lá tre. Câu chuyện nhà Chèo Bẻo râm ran đến tận gà gáy. Trong lòng tổ, ba Chèo Bẻo con, lúc lúc lại kêu ngoe ngoe - không biết chúng nó hờn hay chúng nó đang đùa rúc rích quanh bụng mẹ.

Chẳng mấy lâu, ba Chèo Bẻo con đã biết mon men ngấp nghé cửa tổ. Trên lưng lơ thơ mấy sợi lông tơ.

Thật chưa nghĩ ra được câu gì hay hơn những câu về Liễu Đồi nói về mấy chú chim non lần đầu tiên ra đứng cửa tổ.

Lũ con bé bỏng nớt non

Cái mồm vừa đỏ, vừa tròn há ra

Cái đầu vừa bằng quả cà

Cái cổ lẳng ngẳng kéo da tận đầu

Cái ngực thoi thóp lộ hầu

Cái cánh cun cún, cái mỏ ngang đầu rộng đến mang tai.

Suốt ngày, Chèo Bẻo mẹ quẩn quýt với các con. Suốt ngày, Chèo Bẻo bố đi tha mồi, rạc cả người. Trai nuôi vợ đẻ gầy mòn...

Hơi mẹ bố như sữa. Ba nhách con lớn phổng. Nhưng bụng chưa vỡ bọt, con nào cũng béo phình như ba củ khoai lang. Được hơi chóng lớn, nhưng phải ăn mồi mới mau cứng khoeo, cứng cánh được.

Ba con cứ dón cổ lên đòi ăn suốt ngày. Hai cánh nhô ra. Cái đầu thô lô to bằng hòn bi, nghển lên nghe ngóng. Một tiếng rỏ ráy ở đâu. Cơn gió động đập chiếc lá. Cả ba chiếc loa miệng đỏ chót há ra một lượt. Mẹ ơi, ăn. .. mẹ ơi! Cho con miếng... mẹ ơi! Cho con miếng... mẹ ơi!

Từ hôm chim nở, hôm nay mẹ mới đi kiếm mồi.

Xung quanh tổ, lặng im. Những cái cổ run rẩy vêu vao lại rụt xuống. Ba cái đầu lắc lư dựa vào nhau, ngủ gà... Chốc lại ú ớ lảm nhảm nói mê. Nhưng mẹ chưa về. Chẳng người thấy mùi thơm mồi ở đâu. Một lúc, cô lại ngهن, lắc lắc nuốt giả vờ, hai mắt nhắm nghiền. Thèm ăn quá, đói quá.

Một bọn Ruồi bay qua. Những cái đầu ngóc lên, ngoác mỏ kêu: Mẹ ơi! Mẹ ơi! Con miếng... con miếng...

Ruồi bay qua. Bỗng đánh hơi thấy mùi trong tổ chim, nồng nồng ấm ấm. Ruồi lượn vòng quanh lại. Những cái đầu Chèo Bẻo con lại ngóc lên, ngược quanh theo tiếng động cánh.

Ruồi đậu xuống lưng con chim non trần trụi. Rồi thò vòi nhâm nhấm. Ruồi táo tợn thế. Nếu có mẹ chúng nó ở nhà, hẳn Ruồi đã thành miếng mồi ngon của Chèo Bẻo. Nhưng những con chim con không biết Ruồi đậu đấy. Cứ tưởng cái cọng rơm gài vào lưng.

Cả bọn Ruồi đến vo ve trên lưng những con Chèo Bẻo cời trần.

Nhưng những Chèo Bẻo con mỗi hôm mỗi nhón nhao. Bây giờ tai nghe được cánh Ruồi bay, lại trông thấy bóng Ruồi lượn qua rồi đậu xuống.

Ruồi đậu xuống, leo ra mỏm cánh một chú Chèo Bẻo. Chèo Bẻo chị bên cạnh dật dờ nghiêng mỏ sang. Tình cờ, bập một cái. Lần đầu tiên, cặp mỏ bấy biết bắt Ruồi.

Chốc lại chộp được một thằng Ruồi. Đàn Ruồi sợ, bay tan tác. Riêng Chèo Bẻo út chậm chạp, chẳng vớ được mồi nào.

Ngoài kia, nắng hoe vàng. Những Ruồi Muỗi chốc lại vù vù tới. Có cả bọn Kiến lang thang vơ vẩn. Đám này tưởng những Chèo Bẻo con như cái bì thịt, chẳng biết gì, bò vào kiếm chác. Nhưng... Bập, bập... Những con mồi cứ dẫn xác đến cho anh em nhà Chèo Bẻo chén.

Mẹ và bố đã tha mồi về, đông thức ăn bề bộn trước cửa tổ. Vợ chồng Chèo Bẻo cong đuôi, nhún chân, huy, huy... giục giã các con ra ăn.

Lũ con xô quanh chân mẹ. Nhưng lạ không, chưa con nào nhảy vào đám mồi xốc lấy xốc để như mọi khi. Bố mẹ ngạc nhiên.

Mẹ nhìn các con, hỏi :

- Sao có cánh con ruồi dính mép thế kia?

Bố nói :

- Các con biết bắt Ruồi rồi à?

Cả ba Chèo Bẻo cùng đáp :

- Vâng ạ.

Bố nói :

- Thế là các con đã ra giàng. Hôm nào bố mẹ cho các con theo. Rồi cả nhà ta cùng đi kiếm mồi.

Chẳng mấy lúc, những cái mình gồ ghề đã trở lông. Ngộ nghĩnh như trẻ con mới được mặc tấm áo có khuy bấm. Ống lông cánh, ống lông đuôi nhu nhú trắng mờ, rồi lốm đốm đen tuyền.

Ba anh em đã leo lên, nóc tổ chim bằng phẳng thành cái sân chơi. Suốt ngày ba đứa trẻ chơi nhởi trên ấy.

Tha hồ mà ngắm ra xung quanh. Xa xa, những ruộng lúa không còn lốm đốm vàng úa như mọi hôm. Lúa đã bén chân liền màu xanh rờn. Bên bờ, hàng cây bóng nước mới nở thêm lớp hoa đỏ hây.

- Bao giờ biết lượn ra ngoài trời xanh kia thì thích quá!

- Mặt nước sao đỏ thế? Hay trong nước cũng có hoa?

- Bóng hoa trong ao. Có cá quẫy mà.

- Không, hoa, có hoa.

- Không...

- Đừng cãi nhau nữa. Lúc nào được xuống đấy chơi thì biết.

- Hôm nào cứng cánh, ta bay theo bố mẹ.

- Cánh đồng ngoài kia còn nhiều nơi đẹp nữa.

Một chú nghến cổ, nói :

- Có mùi hoa thơm thơm.

- Mùi hoa bóng nước.

- Không phải. Hoa bóng nước mọi khi vẫn thấy mà không có mùi. Bây giờ mới ngửi được mùi hoa mà.

- Ủ, có khi mùi hoa khác.

- Chốc nữa hỏi mẹ xem.

- Phải đây.

- A, a, bố mẹ đã về.

Lũ trẻ con vườn cổ reo lên. Đằng xa, Chèo Bẻo bố, Chèo Bẻo mẹ đang mãi miết bay qua cánh đồng. Trên trời những đám mây trắng thong thả trôi. Những đứa con háu đói đã trông thấy trên vành mỏ bố mẹ ngậm một xâu con mồi - những mẫu cánh kiến, cánh mồi thò nhấp nhảnh.

Vợ chồng Chèo Bẻo vừa chớm vào vòm tre, đã nghe tiếng lao xao trên nóc tổ.

- Chào bố! Chào mẹ!

Cả nhà quây quần. Bây giờ, cái sân nóc tổ chim lại thành nhà ăn. Nhà ăn giữa trời thật hay. Trên đầu, những chiếc ô lá tre xanh mát điểm những chấm nắng vàng. Dưới chân, hoa bóng nước rợp xuống mặt nước. Tâm chiếu hồng trải rộng hơn mọi khi.

Những con chim chưa ra giàng vực đầu xuống, vồng cái đuôi cun cún lên tranh nhau giàng mồi. Mẹ không phải mớm, cả chú út nữa. Út ta đã bập được mồi, bập khỏe.

Vợ chồng Chèo Bẻo đứng im nhìn các con ăn. Con ăn cũng như mình được ăn, không nhớ bụng đang đói. Nuôi con khó nhọc, ai chẳng thế.

Chèo Bẻo tay bế tay bồng

Lũ con thơ đại vợ chồng rén chân

Mai ba buổi, tối vài lần

Tìm mồi rồi lại chuyên cần mớm con

Loáng một cái, những cái điều con đã lạc lè phồng lên bằng quả cau. No kênh rồi. Ba anh em nghiêng ngả gối lên nhau há mỏ thở dốc, no quá. Hai mắt hiu hiu nhắm. Ăn nhanh, ngon miệng mà chưa biết đã no, no rồi buồn ngủ.

Chú Chèo Bẻo út chợt nhớ câu chuyện lúc nãy. Chú mở mắt, hỏi mẹ :

- Mẹ ơi mẹ, mùi hoa gì thơm thế?

Mẹ nhìn quanh, rồi nói :

- Hoa mộc, con ạ.

- Hoa mộc có phải hoa bóng nước không?

- Không, hoa mộc tận trong đầu làng, chỗ vườn cây cửa đình ấy. Hoa mộc bé tí tẹo bằng hạt gạo nếp, thế mà hoa mộc thơm xa lắm.

- Mẹ ơi! Mẹ cho con đi xem hoa mộc.

- Hôm nào mát trời, bố mẹ đưa các con đi xem cây hoa mộc.

Chèo Bẻo bố nói tiếp, như kể chuyện :

- Rồi mai kia các con sẽ bay đi khắp nơi. Ở đâu cũng có vườn, có cánh đồng, có dòng sông.

có đền chùa. Đâu cũng nhiều cây, nhiều hoa, tha hồ xem phong cảnh đẹp.

CHIM CHÍCH LẠC RỪNG

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chèo Bẻo Đánh Quạ (2):

ai kể đến chim ác Diều Hâu. Diều Hâu hay bắt gà con. Ai cũng ghét Diều Hâu.

Một ngày đẹp trời, mùa thu trong xanh.

Có nghe tiếng gì đây không. Tiếng tí o... văng vẳng trên không trung. Bóng con chim thông thả lượn tròn như bồ câu. Nhưng không phải, chim bồ câu không kêu tí o... tí o... Cũng không phải tiếng sáo đầu sáo chiêng của cánh diều. Trời yên, không có gió trên, gió dưới, không ai thả diều.

Thoạt nghe, hơi lạ tai, chưa nhận ra ngay. Bởi chỉ có đến mùa này, Diều Hâu mới từ xa về nơi ấm áp trú đông. ít ai biết mặt Diều Hâu.

Tí o... tí o... chẳng biết là nó ca hát hay nó kêu gào trên thình không. Đây là Diều Hâu lượn tròn, Diều Hâu kêu đói, mắt hau háu đảo xuống tìm bắt gà con.

Tí o... Tiếng kêu lạnh lạnh sắc như lưỡi dao vút ra. Dưới vườn nháo nhác cả lên. Như đã trông thấy cặp mỏ khoằm của Diều Hâu Những chiếc vuốt chân giơ như bàn chông nhọn hoắt sắp úp lên người... Lũ sẽ chui tít vào ống. Chim Bạc Má trốn nép mình dưới quả na sắp mở mắt. Đâu đấy lặng tờ.

Diều Hâu xuống cặp gà đi, cặp gà đi. Tí o... tí o... tí o...

Bọn gà con đương túc tích nhặt ăn đặng cuối vườn, bỗng cuống quýt nhào đi tìm mẹ. Mái mẹ bước ra, xòe cánh, quát toác toác... Đứa nào bắt nạt con tao... Đứa nào bắt con tao... Toác toác... Mái mẹ đã nghe tiếng tí o... trên cao. Mái mẹ sững lại. Lòng bụng mẹ lập tức xòe ra như cái chăn mở. Cả bọn gà con ùa đến chui ngay vào. Mái mẹ ngồi xuống, ủ kín các con dưới bụng. Mắt mẹ hiếc lên, chăm chăm, canh chừng. Miệng la: tác... tác... đánh, đánh...

Diều Hâu bổ xuống. Diều Hâu đã ngửi thấy mùi thịt gà con rồi, thơm quá. Diều Hâu lao tới. Mái mẹ nghiêng mỏ lên... Nào, đánh nhau... Tác tác... đánh, đánh...

Giữa lúc ấy, kéo ra một đám trẻ con. Bọn ỡ trong xóm đã nghe tiếng tí o... tí o... trên trời. Bọn trẻ đã trông thấy đàn gà con tổn tác. Diều Hâu sắp xuống quặt gà con. Thế là lũ trẻ vỗ tay rộp rộp, rồi gõ gậy vào gốc tre tác tác rầm rĩ.

Diều Hâu hốt hoảng nhào lên.

Ai nấy ngửa mặt cười nắc nẻ, rồi hát trêu tức:

Diều Hâu xây giếng cho tròn

Mai kia ta gả gà con cho mày

Một bọn khác hét lên, đuổi theo:

Gà con ta để ta nuôi

Ta gả con chó cộc đuôi cho mày.

Rồi vỗ tay cười râm ran.

Diều Hâu vút lên cao, lảng xa. Tiếng hát vẫn vang động. Bóng Diều Hâu đã mất hút. Có khi Diều Hâu lại bay đi rình bắt gà con ở chỗ vườn khác.

Chưa phải trên đời này đã hết đứa ác đâu!

Bây giờ kể về lão Quạ, lão Quạ Khoang cũng là một kẻ ác. Chẳng khác Diều Hâu.

Hình dạng, mặt mũi với tính nết nham hiểm của Quạ Khoang thì câu vè làng Liễu Đôi đã vẽ ra:

Kia ai mũ áo ngoài kia

Là khà lạ khạ râu ria bờm xờm

Cổ quàng khăn trắng, mình mặc áo thâm

Rõ ràng ông Quạ, ai nhầm được đâu

Ăn thì của ấy nhất châu

Ở thì của ấy đâu đâu cũng lường

Vừa ăn một xác chết trương

Lại gắp cơm trứng giữa đường tha ma

Ăn đến lòi rốn tù và

Mà còn tặc lèm những là khổ kham

Thịt ôi, cá thối nhàm nhàm

Gà con, trứng cuốc thì làm bữa tươi.

Lão Quạ thế đấy. Chỉ thiếu bài về chưa nói về cái tổ quạ. Tổ quạ lấy toàn cành cây, rễ cây bù xù, lộn xộn. Cho nên mới có câu chế cậu học trò nào ở bản, đầu bù tóc rối rằng cái đầu anh kia như cái tổ quạ.

Bây giờ Diều Hâu đã bay khỏi từ lâu. Trời vẫn xanh trong. Bọn trẻ con đã lại trở vào trong sân.

Những nhách gà con rón rén chui dưới bụng mẹ ra. Mẹ con chỉ rủ rỉ quanh quần đáy. Hãy còn trợn, lũ gà con chưa dám đi kiếm ăn ngoài vườn.

Có một lão Quạ bay ngang rồi vào đậu trong vòm tre. Cũng tình cờ lão Quạ đi qua đấy. Lão Quạ ghé nghiêng nhìn bóng hoa bóng nước rập rờn dưới nước. Ngắm nghía cảnh, nhưng lão Quạ chẳng mảy may để ý. Tai Quạ đương chăm chú nghe tiếng gà chuyện túc tắc, túc tắc trong vườn. Thịt gà con xé mềm dẻo để. Lão Quạ hết lão Diều Hâu, khoái chén cóc nhái, gà vịt con, chim non... Nhưng nghe tiếng Mái mẹ tục tục tác tác, lão Quạ ngần ngừ. Cái mỏ con mẹ ấy ghê lắm. Nó bổ toác đầu như chơi. Chẳng đại! Nhưng cứ đợi. Ngộ mẹ nó bỏ đi đâu, có đứa con nào lạc lại đây chẳng...

Quạ lắng nghe. Những con Sâu, con Bạc Má, từ lúc dứt tiếng Diều Hâu, cũng chưa thấy về.

Nhưng trong bụi tre vẫn còn những con chim khác.

Vàng Anh đương soi gương ngắm vuốt, hát khe khẽ. Trông ra, thấy bóng lão Quạ đen ngòm, Vàng Anh núp vào giữa tùm lá. Lá tre chiếc vàng chiếc xanh. Lưng Vàng Anh cũng hết đám tre lốm đốm vàng mùa thu. Quạ chẳng thịt nổi Vàng Anh, nhưng Vàng Anh ghét đứa ác. Vàng Anh tránh vào trong lá mà thôi.

Sẽ chỉ quanh quần cửa tổ. Trông thấy Quạ, Sẻ im thít, chui vào lỗ hổng đầu đốt tre. Sẻ thì sợ Quạ thật.

Thoạt đầu, lão Quạ ngoẹo vai, bẻ khúc cỏ cho khỏi mỏi. Rồi há mỏ à một tiếng:

“Từ sáng, chưa được miếng nào vào bụng. Có gì ăn nào. Đâu có gì ăn nào”. Lão này bị tính hay quên như cụ già người ta. Lắm khi vừa ăn no xong, lão cũng nói: đâu có gì ăn nào...

Nghe Quạ lẩm bẩm, Sẻ sồn dưng lông gáy. Vàng Anh thì xù lông, lúc lắc cổ, khó chịu.

Lão Quạ hiếc má lên. Lão nghe. Lão đánh hơi. Hình như ngửi thấy mùi lạ lạ. Mùi hoi hoi. À mùi trẻ con. Mùi thịt trẻ con. Lão Quạ chỉ mới ngửi thấy mà đã xù khoang cổ trắng, mép tứa dãi.

Lão Quạ đảo mắt lên cây tre. Lão nhìn thấy ngay tổ Chèo Bẻo.

Quạ thúc cánh bay lên.

Ba anh em đương chơi trên nóc tổ. Các Chèo Bẻo con chưa biết mặt Quạ bao giờ. Nhưng thấy một lão to lớn lực lưỡng đen tuyền, cổ quần cái phu la trắng, hai cánh cứ quạt phành phạch, mắt nhâng nháo. Thế là chúng nó chui tọt vào tổ.

Lão Quạ đã trông thấy cả ba. Lão sững sờ trong bụng. Nhưng không xông ngay tới, lão vẫy cánh khe khẽ. Làm như lão cũng đang bay chơi.

Lão lấy giọng ngọt ngào :

- Bố mẹ đi chơi đâu à?

Im lặng.

- Ông đến chơi nhà các cháu. Ra đây, ra chơi với ông...

Chèo Bẻo con đã mạnh dạn hơn. Nhưng vẫn đứng trong tổ :

- Chúng cháu chưa biết ông là ai.

- À, ông là ông Khoang. Ông mắc chứng ho, phải quàng chiếc khăn khoang trắng này Nói với bố mẹ có ông Quạ Khoang đến chơi.

- Bố mẹ cháu đi vắng.

- Thế hả. Thế thì ông chơi với các cháu cũng được. Ông chỉ đứng đây một tẹo thôi. Còn phải đi tìm bữa chứ, không thì đói chết. Các cháu có mấy anh em?

- Ba đứa ạ.

- Ngoan lắm. Đã biết bay chưa?

- Chưa ạ.

- Thế thì ra đây ông dạy. Ông chỉ nhắc khéo mỗi cháu mấy cái là bay được ngay. Biết bay thì tha hồ đi chơi.

Lão Quạ đã gài vào đúng những ao ước của Chèo Bẻo. A, thế thì thích quá. Cả ba đã lần lượt lên đứng sân chơi trên nóc tổ. Học bay, hay ghê. Mẹ đã bảo tập bay chuyền mấy hôm nay. Xem ông này dạy thế nào. Chỉ nhắc chân một cái đã bay được a?

Lão Quạ cười hì hì bước lại. Lão giương mắt quắp ngay cổ một con. Nhanh như chớp, hai chân lao dìm hai con kia xuống. Tiếng kêu oai oái rồi im bật. Máu chảy lổa lổ, giổ xuống như hạt mưa máu.

Ăn thịt hết lèm cả ba con chim no rồi, lão Quạ bay la đà xuống cánh đồng. Lão tìm đến một mô đất trơ trọi. Lão ngả mình xoe một bên cánh, nằm phơi nắng, thiu thiu ngủ.

Huýt huy... huýt huy...

Tiếng hót chim đàn vang lừng khắp nơi. Vợ chồng Chèo Bẻo qua vùng xanh bầu trời, về xóm bờ tre, trên mỏngậm nặng mỗi. Mấy hôm nay càng khó nhọc. Ba cái miệng bé bỏng lúc nào cũng đói, há toang hoác như ba cái phễu. Các con tập bay, đương cần tẩm bổ cho chân cứng, cho lông cánh trở nhanh. Vợ chồng Chèo Bẻo gầy tóp. Nhưng hai con mắt long lanh, hớn hờ. Thấy con khôn lớn, ai chẳng mừng.

... Huýt huy... Huýt huy...

Đã về tới vòm tre. Cành tre lướt thướt vờn quanh trước mặt, gió đưa đây.

Cái mái tổ quen mắt chìa ra ngoài mấy nhánh tre xanh rờn. Ô hay, không thấy những chỏm đầu các con nhấp nhô như mọi khi. Mỗi lần bố mẹ đi kiếm mồi về, lũ con chơi tha thẩn trên nóc tổ, từ xa trông thấy đã riu rít reo lên.

Đến lúc đậu xuống nhòm vào cái tổ trống không. Những vết máu lẫn lộn nùm rác bề bộn. Vết máu như hạt sương đỏ rực. Mới hồi hồi đây thôi. Máu nào thế này?

Các con tôi đâu?

Miếng mồi trên mỏng rơi ra, bay lả tả. Cả hai vợ chồng há hốc mỏ. Chèo Bẻo vợ chúi xuống. Chèo Bẻo chồng ngơ ngác. Xung quanh lặng ngắt. Cả xóm vắng tanh. Đứa nào giết các con tôi? Đứa nào? Con tôi đâu?

Chèo Bẻo vợ ngóc đầu. Trên mình vương lượm tượm những rác dây máu. Như máu trong người đổ ra.

Chèo Bẻo gào lên :

- Các con đi đâu?

Tiếng kêu khóc vang từ vòm tre xuống mặt nước. Xung quanh vẫn lặng lẽ như tờ. Bờ tre êm đềm bóng lá bóng nắng, xưa nay như chưa bao giờ chết lặng đến như thế. Hơi chết lạnh đến rùng rợn. Ngoài kia, nắng vẫn vàng như thêu hoa.

Không phải cái xóm vắng cả. Đằng kia, chú Sẻ vẫn nằm ngất lịm trong ống tre. Cô Vàng Anh nhắm nghiền mắt, từ lúc nghe tiếng kêu của lũ trẻ, tiếng xương gãy rau rầu, tiếng nuốt ừng ực. Vàng Anh tưởng sắp đến lượt mình, mỏng quạ như cái liềm sắt quờ vào cặp cổ. Vàng Anh nhắm mắt.

Nhắm mắt mà vẫn chưa tan cơn sợ. Vàng Anh bàng hoàng. Vàng Anh không ngủ ở đây. Hàng năm, tháng tám bắt đầu mùa thu, Vàng Anh từ trên núi xuống cánh đồng tránh gió bắc giá lạnh trên núi cao. Vàng Anh ở trong bụi tre cho tới sang xuân ấm áp, đợi theo gió mùa vào phương nam. Nhưng mới sáng sớm đã thấy giết chóc đổ máu, trời ơi!

Thế rồi Vàng Anh hốt hoảng bay vụt đi.

Chỉ còn có chú Sẻ. Sẻ vốn cả đời ở các mái nhà quanh quẩn trong làng. Giờ sắp đến mùa lúa. Vài hôm nữa, Sẻ dời ra ngoài hộc tre gần lối xuống đồng để mót thóc rụng.

Sẻ chui vào ống mà cũng mất vía từ lúc lão Quạ nuốt chửng ba Chèo Bẻo con. Sẻ đã sợ Quạ từ lâu. Sẻ không nhớn nhớn như cô Vàng Anh ban đầu. Nhưng Sẻ cũng không đến nỗi bị bạt vía như cô Vàng Anh.

Sẻ bay lên tổ Chèo Bẻo.

Vợ chồng Chèo Bẻo sững sờ :

- Chú có biết các con tôi đâu?

Sẻ nói :

- Lão Quạ Khoang ăn thịt cả rồi.

Sẻ kể tình đầu.

Chèo Bẻo vợ ngã khụy xuống.

Tiếng Sẻ kể vẫn thốn thức, rì rào. Rồi xung quanh lại lặng im, lặng im thảm quá. Xưa nay, lúc nào trên cành tre cũng rộn rã. Nhất là từ dạo đám Chèo Bẻo non nhớn nhao, kháu khỉnh, càng ríu ra ríu rít cả ngày.

Chèo Bẻo vợ, hai cánh sà xuống, rả rời như con chim phải đạn, hấp hối. Chèo Bẻo chồng nói :

- Thôi, khóc thì các con cũng không sống lại được.

Chèo Bẻo vợ nước nở.

- Làm thế nào?

Chèo Bẻo chồng quả quyết :

- Phải đi báo thù cho các con.

Lời nói của Chèo Bẻo như mũi tên bắn đi.

Nhưng đâu phải dễ. Bọn quạ ác, Quạ Đen, Quạ Khoang, những đứa uống máu không tanh, cả vùng đều biết. Chúng nó sức lực như con voi, con gấu lông lộn. Ai cũng ghét mặt đứa ác, lại sợ. Quân tàn bạo ấy mà nổi cơn thèm thịt, hàng xóm láng giềng cũng mất mạng với chúng nó như chơi.

Nhưng không, một khi đã có lòng căm thù thì mọi tính toán so đo đều không ví được.

Trước mắt, vợ chồng Chèo Bẻo chỉ còn vũng máu các con chết. Và đứng đâu, phía nào cũng trông thấy

bóng ác lão Quạ Khoang. Thù này quyết phải trả.

Nghe chồng nó, Chèo Bẻo vợ bình tĩnh lại.

Rồi bồn chồn giục :

- Đi ngay bây giờ, đi...

Sẻ đứng đây, khe khẽ, rụt rè :

- Anh Chèo Bẻo ơi!

Chèo Bẻo nhìn Sẻ. Sẻ chuyên cần bắt sâu nhặt hạt cơm vãi, nuốt được cả con bọ nẹt mình đầy gai mà không ngứa họng.

Chú Sẻ loắt choắt, giơ cặp mỏ đen bóng. Sẻ nói to :

- Cho tôi đi với.

Sẻ thấy Sẻ có thể đâm vào cổ, vào bụng, thủng bụng Quạ. Quái, sao cái lúc lão Quạ xẻ thịt ba đứa trẻ, Sẻ lại nhát sợ đến thế. Có lẽ tại đột ngột, tại bất ngờ. Bây giờ Sẻ khác. Sẻ muốn cùng Chèo Bẻo đi báo thù cho ba đứa trẻ. Nhất định Sẻ đi.

Thế là những cánh chim vụt ra. Qua nóc nhà và bụi cây nào, đến đâu Sẻ cũng gọi bạn theo. Những đàn chim Sẻ à à bay tìm đánh Quạ.

Trên đồng, lúa bắt đầu bén chân, rạp rờn trong gió. Ngày mùa, đâu cũng tấp nập người làm và đâu cũng có người làm, ở đấy tíu tít chim bay, chim đậu. Mùa đông, giữa đồng lúa lên xanh, loang loáng ánh nước trắng bạc. Từng đám người thong thả cào cỏ. Ở xứ đồng cao bên lũy tre quanh làng viền thửa ruộng màu như vá những mảnh loang lổ vãi khác nhau. Luống cà bát, quả to bằng chiếc bát ăn cơm trắng toát. Ruộng tòi xanh mơn. Dừa leo và bí phấn vươn lên giàn rợp hẳn một góc. Đông quá, đàn chim Bạc Má, chim Khuyên chiu chít bắt sâu. Những con Sáo Đá, Sáo Đen vắt vẻo đứng hót trên lưng trâu, lưng bò giữa vạt cỏ xanh. Họ hàng nhà sáo vừa hát vừa bắt bọ, bắt ruồi đến quấy làm ngứa lưng trâu bò.

Ríu rít tiếng chim, quanh công việc đồng áng.

Mọi khi, vợ chồng Chèo Bẻo cũng vui ăn, vui làm như thế trên cánh đồng. Nhưng lúc này Chèo Bẻo nghe tiếng con cà cưỡng non ra tập bay ở đầu cành gạo, ngã bộp bộp xuống bãi cỏ, kêu e é, gọi mẹ, mẹ. Chèo Bẻo ứa nước mắt, lại bay gấp.

Đàn Sẻ rải cánh, cao thấp từng đợt. Sẻ dõi mắt tìm Quạ ở bờ ruộng bờ đìa dưới kia. Chèo Bẻo ngẩng lên cành đa, cành gạo, cành đề.

Cây đa cổ thụ ở đầu làng đã chi chít quả chín. Quả đa vàng mọng như quả duối. Bao nhiêu Chào Mào, chim Yểng về rúc rích ăn. Quả đa rụng chín quá, chú Vẹt bố nhào đuối theo, quắp lên, vừa ria ăn vừa bay.

Chẳng thấy lão Quạ đâu.

Lại tìm sang cánh đồng khác.

Vợ chồng Chèo Bẻo và đàn Sẻ bay quanh mấy cánh đồng. Mặt trời đã lơ lửng xuống bên kia núi. Bóng tối ở các chân tre bò lan ra mờ mờ.

Sẻ nói :

- Tối rồi, hãy về nghỉ.

Nhưng vợ chồng Chèo Bẻo vẫn loang loáng vỗ cánh không nghe tiếng.

Sẻ nói to :

- Ta về thôi.

Chèo Bẻo lắc đầu :

- Không về, không về.

Sẻ hiểu. Chèo Bẻo không muốn trở về tổ mọi khi ở trong vòm tre. Không bao giờ còn muốn trông lại chỗ ấy. Thế là chỉ có đàn Sẻ bay trở lại.

Sẻ kể chuyện nhà Chèo Bẻo đi tìm Quạ cho cả xóm ai cũng thương, đêm hôm rồi, nhà Chèo Bẻo bơ vơ đậu vạ vật chỗ nao...

Vợ chồng Chèo Bẻo bay đến lúc mỏi quá ngã xuống bờ cỏ giữa cánh đồng. Rồi cứ quặp chân, đứng rũ rượi. Đồng làng đã tối hẳn, Chèo Bẻo vợ thút thít khóc.

Mọi khi, vào lúc này, các con đã ăn xong. Các con đã đứng trên nóc tổ nhìn cho đến lúc mặt đất vàng mờ rồi tối hẳn mới trèo xuống. Chưa ngủ ngay, còn riu rít chen nhau rồi mới díp mắt lại. Bây giờ các con tôi đâu? Xung quanh, chỉ có bóng tối bao phủ. Đôi cánh sẽ xuống, rộng không.

Chèo Bẻo vợ thức một đêm như thế. Đến lúc Chèo Bẻo vợ rầu rĩ trông ra chân trời đã dần dần sáng.

Hai mắt Chèo Bẻo đầm đìa nước mắt. Mọi hôm, trời rạng sáng thế kia, vợ chồng sửa soạn đi kiếm mồi. Ba cái đầu ngóc lên chào bố mẹ. Những con mắt hó háy nhìn theo bố mẹ. Rồi cùng nhau trèo lên nóc tổ chơi ngóng bố mẹ tha mồi về.

Chèo Bẻo vợ gọi to như gào lên :

- Các con ơi!

Rồi vợ chồng lại hốt hoảng bay đi.

Nghe rào rào trên đầu ngọn lúa khắp mặt ruộng. Nhưng không phải gió thổi, đấy là đàn Sẻ đương lao tới.

Từ sáng sớm, Sẻ đã khua khoắng khắp nơi: Làng nước ơi, dậy! Dậy! Đi hỏi tội thằng Quạ! Đi hỏi tội thằng Quạ.

Trong các ống tre đầu hồi, trên ngách tường, ai cũng nghe tiếng. Cũng chẳng phải đợi chú Sẻ ấy chiêng làng mới thức giấc. Câu chuyện thương tâm, cả vùng đã thì thào suốt đêm qua.

Những cô, những chú chim bé bỏng, khi đã nổi cơn giận lên, cũng dữ dằn lắm. Sẻ bước ra, xù lông lên, mắt đỏ đục. Cặp mỏ sừng đen nhánh, mỏ ấy mà thúc, có đứa phải thùng bụng.

Sẻ ra tới bờ ao, gắp chim Sâu đương sắp sửa xuống nhặt sâu dưới ruộng cà, ruộng dưa leo.

- Các bạn đi đâu đông thế?

Sẻ ồn ồn :

- Chưa biết à?

Chim Sâu chưa biết chuyện gì thật. Nhà chim Sâu ở cuốn tròn trên những chiếc lá ngái rải rác treo lơ lửng sát mặt đất khuất nẻo chẳng mấy ai tới. Sẻ nói :

- Lão Quạ ăn thịt hết con nhà Chèo Bẻo rồi.

Cả bọn chim Sâu kêu the thé :

- A... a...

Sẻ lại nói :

- Chúng tôi đi tìm hỏi tội Quạ.

Cả lũ Chim Sâu cùng nói :

- Cho chúng em đi với.

Giữa lúc ấy, trong một hốc cành cây gạo trên cao, cái đầu Quạ đen xì từ từ nhô ra. Chả là Quạ đã nghe tiếng léo nhéo dưới gốc cây, Quạ thức dậy. Hai con mắt hấp háy, đảo quanh. Lão đã nghe tiếng tất cả.

Lão Quạ cười khặc khặc.

- Chẳng phải đi tìm đâu. Tớ đây mà.

Quạ nhảy ra. Không biết động cờn hay muốn giương oai, lão Quạ dang cánh ra, vờ xoay quanh, quạt bốn phía gió nổi lên vù vù.

Lũ chim Sâu còn đương giật mình vì tiếng cười khặc khặc rùng rợn, ma quái của lão Quạ, bỗng thành linh bị gió cánh Quạ tạt mạnh đến ngạt hai lỗ mũi, không thở được cả lũ loạng choạng ngã. Đứng lên, gió cánh quạt vẫn như bão, lại lúu chân giúi xuống. Thế là bọn chim Sâu tán loạn, bối rối.

Chú Sẻ đã rõ ràng trông thấy Quạ.

Sẻ vội vã đi tìm Chèo Bẻo.

Sẻ ra giữa cánh đồng, gọi to :

- Chèo Bẻo! Chèo Bẻo!

Vợ chồng Chèo Bẻo đương cúi thủi đầu bờ ruộng. Còn đứng ngơ ngác chưa biết đi phía nào, nghe tiếng Sẻ :

- Lão Quạ trên cây gạo kia kìa.

Chèo Bẻo giật giọng, hỏi lại :

- Đâu? Đâu?

Đàn Sẻ với vợ chồng Chèo Bẻo nhào lên cây gạo. Những đám chim Sâu còn say gió nhưng đã tụ lại được đương ngơ ngác nhìn lên.

Đàn Sẻ lao ngay vào lão Quạ. Những con Sẻ thật hăng. Cặp mỏ như những hòn đá ném dầm dộp vào mặt, vào ngực lão ngái ngủ. Từ nãy giờ dưng dưng lên như thế mới chỉ là lão Quạ múa cánh, vờn vai. Lão chưa hết cơn ngái ngủ.

Lão Quạ thảng thốt bị bọn Sẻ oắt đánh đòn thành linh. Nhưng lão chẳng coi vào đâu, lão vừa cười khặc khặc, vừa lè nhè. Thật lão vẫn còn đói ngủ. Đáng lẽ còn ngủ tới trưa, nếu không loáng thoáng nghe tiếng Sẻ, tiếng Sâu léo nhéo phía ngoài.

Lão Quạ bị cả lũ Sẻ bất chợt dầm vào ngực. Lão lão đảo, lắc lư. Nhưng những móng chân thô lỗ của lão vẫn quặp chặt vào thân cây gạo, không đến nỗi bị ngã ngửa. Rồi lão Quạ chớp chớp mắt nhìn ra.

Lão hét to :

- A, lũ ôn con, ôn con...

Lão Quạ hét chưa dứt tiếng, bọn Sẻ đã lại đâm sầm vào mắt, vào cổ lão. Nhưng lão Quạ đã bình tĩnh lại. Lão rũ lông, lấy thế chân đứng thẳng, nhâng nháo, vênh mồm.

Sẻ lao tới.

Lão Quạ “này” một tiếng, lắc cổ, mỗi tiếng “này” lại một chú Sẻ lăn cù xuống tí xa. Sẻ lại xông vào. Sẻ hăng, nhưng chẳng được mấy hột sức. Như hòn đất ném vào tảng đá. Chỉ mấy lần lao vào, các chú Sẻ đã sã cánh, rơi xuống gốc gạo, nằm la liệt.

Đàn Sẻ ngã lổng chổng dưới bãi cỏ. Vẫn còn vài chú kiên nhẫn chờn vờn tìm cách đánh đòn bất ngờ. Lão Quạ lại cười khặc khặc :

- Vào đây... Vào đây...

Chèo Bẻo chồng bước ra.

Lão Quạ ngược nhìn, hỏi giỡn :

- Nhà mày đi đâu sớm thế?

Chèo Bẻo nói :

- Tao đi đòi mạng con tao.

Lão Quạ him him mắt, gật gù. Trông rõ cái đứa ác đã thành thói quen gớm ghiếc. Rồi lão nói một câu nghe rùng mình :

- Á, thịt trẻ con ngon quá. Vẫn còn thòm thèm.

Vợ chồng Chèo Bẻo rít lên :

- Tội mày... tội mày...

Lão Quạ đùa cợt, lạnh lùng :

- Hỏi tội thì tao phải đền cái gì?

Chèo Bẻo hét lên :

- Cái mạng mày! Cái mạng mày!

Lão Quạ vẫn giỡn :

- Cái mạng tôi a? Tôi đây này, mổ bụng lột xác tôi đi.

Chèo Bẻo xông vào. Những chú Sẻ ngóc dậy lại vào theo. Nhưng lão Quạ đã vỗ cánh rồi mắt lên.

Lão Quạ kêu :

- Mày gây lắm, xương thịt mùi mẽ gì đâu. Con vợ mày đẩy đà hơn, tao ăn thịt trước.

Vợ chồng Chèo Bẻo dùng dùng nhào tới. Trên cây gạo, giữa buổi sáng chan hòa nắng, nhà Chèo Bẻo xông vào đánh Quạ. Những đôi cánh tới tấp liệng như đám thoi. Đầu cánh chao nghiêng, đâm vào ức vào bụng, rồi vút lên. Chèo Bẻo mạnh mẽ, cứng cáp, lại thêm lòng căm uất đến tột độ. Một cánh đánh vào cổ Quạ, cặp mỏ rút lông Quạ. Lại một đầu cánh khác thúc lão đau điếng. Không thể coi thường, lão Quạ chăm chăm đỡ đòn.

Lão Quạ cứ đứng chịu trận. Không phải lão sợ, mà đây là cái mẹo lão mới nghĩ ra. Lát sau, lão Quạ bỗng khùng lên. Vợ chồng Chèo Bẻo vừa xông tới, lão giương bốn ngón chân. Như cả cái bàn chông cắm vào. Chèo Bẻo vợ bị móng chân Quạ quào xước gần đứt cổ. Chèo Bẻo vợ ngã rơi xuống gốc cây gạo.

Chèo Bẻo vợ chết rồi.

Chèo Bẻo chồng đâm vào giữa mỏ lão đương há. Nhưng lão Quạ đã cụp mỏ lại, đập một phát. Nhát búa tạ giáng trúng đầu Chèo Bẻo. Chèo Bẻo chồng rơi xuống bãi cỏ, ngất đi.

Không biết bao nhiêu lâu, Chèo Bẻo chồng mới tỉnh. Xung quanh đã vắng lặng cả. Chèo Bẻo chống hai đầu cánh xuống đỡ, mới đứng lên được. Chèo Bẻo nhìn quanh. Có phải sự thật thế này. Bốn bên vắng vẻ như không. Chỗ chị Chèo Bẻo bị lão Quạ quật ngã xuống, chỉ còn một vũng máu. Máu ai đây? Lão Quạ đã ăn thịt sạch sành sanh cả con, cả mẹ rồi. Chèo Bẻo bàng hoàng như mê.

Mới hôm nào... mới hôm nào..

Mới hôm nào vợ chồng bay vào vòm tre, tìm nơi làm tổ...

Mới hôm nào, vợ chồng bàn nhau cho các con tập bay. Rồi sẽ đưa các con sang chơi bên kia sông.

Nhưng rồi lại tưởng tượng vẩn vơ. Ôi, những ngày vui. Ba con nằm nhô đầu ra cửa tổ. Ba cái đầu tròn tếu. Ba mỏ mọng sữa. Những con mắt thao láo. Mới nghe thoáng vu vơ tiếng động đâu đây - con chuồn chuồn rửa chân dưới mặt nước, con cóc tặc lưỡi, cặp mỏ đã lại há hoác. Nhưng bố mẹ chưa tha mỗi về. Chẳng thấy động tĩnh đến cạnh mình, bọn nhóc lại thiu thiu ngủ.

- Mẹ ơi! Mùi hoa thơm thơm. Có phải mùi hoa bóng nước dưới kia.

- Không phải.

- Thế hoa ở đâu?

- Đây là mùi hoa mộc. Hoa mộc bé li ti bằng hạt gạo mà thơm xa lắm, hoa mộc ở bên cửa đền...

- Mẹ ơi, cho con đi xem hoa mộc.

Chèo Bẻo cúi nhìn vũng máu chỗ vợ ngã xuống còn văng nghe tiếng kêu “quạ... quạ...” cùng rợn xa xa.

Chèo Bẻo vùng bay đi.

CHIM CHÍCH LẠC RỪNG

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chèo Bẻo Đánh Quạ (3):

hông phải Chèo Bẻo đã quá cảm hờn rồi đâm liều lĩnh. Chèo Bẻo nghĩ: Chẳng may kẻ thù gớm ghê đến như thế. Phải tìm cách nào...

Chèo Bẻo nói một mình :

- Tội ác tày trời của lão Quạ, đâu đâu cũng biết. Ta đi tìm bạn. Những ai giúp ta...

Chèo Bẻo đi ngay.

Trên cây đề lao xao, không biết tiếng gió hay tiếng những con Bồ Cu Bồ Các vừa tíu tíu chuyện, vừa cãi nhau tranh nhau quả đề. Cái bọn Bồ Các đến đâu loạn xạ đấy. Nhưng cũng chưa biết nhà Bồ Các hay nhà Liễu Điều trên cây đề. Liễu Điều cũng lăm lờ như Bồ Các. Liễu Điều làm tổ chỗ nào, ở đây như vỡ chợ. Nhưng chắc đây không phải Liễu Điều. Liễu Điều hay lượn lỏi đi từng bọn trong bờ bụi chân lũy tre. Và Liễu Điều chỉ hay lan man chuyện vào chập tối. Nào xem hôm nay kiếm được gì. Nào mai đi kiếm ăn đâu. Đây là Bồ Các, Bồ Cu.

Trong cây đề đương có một đàn Bồ Các. Giữa mùa, quả đề, quả đa chín vàng. Bồ Các ăn béo núc ních. Lưng Bồ Các mượt mà xanh đen. Đậu trên cành rĩa quả, đàn chim chốc lại hoa cánh nhìn nhau, ngắm nhau. Khoe những miếng vá đẹp như mảnh lụa trắng hai bên vai.

Chèo Bẻo vào cây đề. Chèo Bẻo không ăn quả đề bao giờ. Thấy lạ, Bồ Các xúm lại, tranh nhau hỏi :

- Chú đi đâu sớm thế? Sao lại đi một mình?

Chèo Bẻo thở dài kể.

Bồ Các xót xa, ai cũng rơi nước mắt.

Chèo Bẻo nói :

- Các bạn, ai thương tôi cùng tôi đi đánh Quạ?

Bồ Cốc chếp chếp mỏ tỏ vẻ ái ngại. Nhưng lại dường như không nghe tiếng câu Chèo Bẻo vừa hỏi.

- Thương quá.

Chèo Bẻo lại hỏi :

- Ai đi với tôi?

Bồ Các thờ dài :

- Nhưng mà, anh Chèo Bẻo ạ, ở đời cốt cái yên lành...

Rồi lảng ra rửa quả đề... Lại léo nhéo không biết là nói chuyện hay lại cãi nhau đằng kia. Bực mình Chèo Bẻo cất cánh đi thẳng.

Cánh đồng lúa chín vàng rực. Đàn chim Ngói bay đỏ trời, vút xuống, vút lên. Không biết bao nhiêu mà kể. Vun vút như mưa đá.

Chèo Bẻo nghĩ: Đàn Ngói đông thế kia, gọi Ngói đi giúp, chẳng đánh được.

Chèo Bẻo vào chân tre tìm Ngói. Ngói ăn thóc no rồi vào nghỉ ngơi trong ấy cho vơi điều, chốc lại ra kiếm nữa.

Chèo Bẻo tính hay lam hay làm, ngày nào cũng mài miết đi kiếm thóc mà cũng hôm no hôm đói. Đã lâu mới tới một nơi giàu có nhàn nhã như nhà chim Ngói thế này.

Trong bờ tre, chất đầy thóc. Đụn thóc cao ngập đầu. Trông mãi mới nhận ra Ngói nằm lẫn giữa đồng thóc. Màu lông, màu mỏ, màu chân Ngói mỡ màng vàng hây hây như màu hạt thóc. Thiên hạ nói phải: ngày mùa, con cháu nhà Ngói đều trơn lông đỏ da.

Buồn mỏ, lại nằm nhàn thóc. Lười đến nỗi chẳng chịu đứng lên mà ăn.

Ngói ngoảnh ra, cất tiếng :

- Chào anh Chèo Bẻo! Đi đâu thế?

Chèo Bẻo chưa đáp, Ngói đã suy bụng ta nói thêm :

- Đương mùa màng thế này, nổi nào mà đi vay ăn sớm thế?

Ồ, Ngói tưởng Chèo Bẻo đến vay thóc. Mùa này, mùa sinh nở, nhà Chèo Bẻo chả đông miệng ăn mà. Quân bản tiện đã nghĩ thế đấy. Cất lời rủ nó giúp cũng đến toi công.

Chèo Bẻo quay ra ngay.

Chèo Bẻo qua một bờ lau. Trong ngọn lau, râm râm tiếng hót. Nghe biết tiếng Khướu, tiếng Họa Mi.

Khướu và Họa Mi đương vui vút hát thi hát đối.

Khướu chê Họa Mi:

Nhà anh một mái nửa gian

Nửa định làm bếp, nửa toan làm bè

Họa Mi khích lại:

Song le ai khéo kén đôi

Chồng thì mồm ếch, vợ môi cá mè.

Thế là đôi bên cãi nhau um lên.

Chèo Bẻo than :

- Lũ này cả đời chỉ chơi nhờn hò hát đông dài. Thôi ta đi tìm chỗ khác.

Chèo Bẻo bay xuống đồng sâu.

Cái cò cái vạc cái nông

Cùng ăn một đồng, nói chuyện giăng ca.

Ngước mắt trông ra cánh đồng chiêm bốn bề nước trắng mênh mông. Ở đồng chiêm ngập nước, chỗ nào cũng một cảnh làm lụng chân lấm tay bùn. Con chim bới cái ăn trên nước phải gieo neo tận đồng sâu. Mà mò cho được một miếng cũng chẳng dễ dàng.

Bởi vậy, họ Cò và họ Vạc cùng kiếm ăn một cánh đồng mà phải ký văn tự chia nhau đũa mò ban ngày, đũa đi ban đêm. Quan xử nhà Cò được đi ban ngày. Nhà Vạc mặc áo nhuộm chàm nhạt, khur khur cạp trong nách tờ giấy trắng văn tự chia đồng. Lúc nào cũng sợ rơi mất tờ văn tự.

Nhà Vạc phải lặn lội đêm hôm, đến chập tối, nhà Vạc mới từ trong bờ tre lủi thui ra. Mãi miết thâu đêm, khi nghe tiếng gà gáy trong làng mới chợt nhớ sắp hết hạn giao kèo chỉ được đi ăn đêm. Vạc cất đôi cánh ướt thướt dưới đồng bay về. Qua bụi tre, uể oải rời rạc, một mối kêu vạc vạc mấy tiếng. Cò ngủ trên ngọn tre, biết hiệu Vạc đã về, mới bừng mắt ngẩn cổ. Trời sắp sáng. Đến lượt nhà Cò xuống tìm cái ăn trên cánh đồng sâu.

Cái cò là cái cò con

Mẹ đi xúc tép để con ở nhà.

Chèo Bẻo đón Vạc ở đầu đồng nước.

- Anh Vạc ơi anh Vạc!

Vạc hỏi :

- Đói à?

- Không phải.

Đến khi nghe Chèo Bẻo kể, Vạc nói :

- Mỗi cánh mỗi nôi, nhưng mà khổ nhất bây giờ phải kể là tôi.

- Thế anh có cùng em đi đánh Quạ không?

Vạc nói :

- Hẹn với Chèo Bẻo đến mùa nước cả, cá ăn kiếm được dễ hơn. Khi ấy dành dụm được, sẽ rủ nhà Cò đi với Chèo Bẻo đánh cho chết lão Quạ.

Vạc nói rủ tỉ. Chèo Bẻo cúi chào :

- Vâng, đến mùa nước cả...

Chèo Bẻo bay đi.

Một hôm, Chèo Bẻo trông thấy bác Lệnh Đền giữa đồng nước. Chèo Bẻo mừng lắm. Bác Lệnh Đền trông thật oai phong, hùng dũng. Lệnh Đền còn cao to hơn cả Ngỗng! Lão Quạ đứng nghển đầu lên chưa chắc đã tới nách bác Lệnh Đền. Lệnh Đền đẹp mã trắng toát đồng nước, như cái tàu thủy du lịch màu thiếc phau phau nổi giữa biển khơi. Lệnh Đền đang bơi. Lệnh Đền bơi từ từ.

Chèo Bẻo nghĩ bụng hai cái cánh bác Lệnh Đền dài thế kia chỉ quạt thốc một cái, lão Quạ phải đứt hơi rồi.

Chèo Bẻo bay tới.

Lệnh Đền ngẩng lên, hai con mắt lừ đừ ý như hỏi: chú mày đi đâu mà ra tận chỗ đồng trắng nước trong xa xôi thế này.

Chèo Bẻo nói :

- Em có việc hỏi bác.

Lệnh Đền chẹp mỏ, hai mỏ va vào nhau kêu cộp cộp.Ồ, lão Quạ mà bị kẹp vào cái mỏ dữ thế, phải vỡ đầu như chơi.

- Em nhờ bác một việc.

Lềnh Đềnh lắc đầu :

- Tôi không biết việc gì cả. Tôi chỉ biết bơi đi tìm cái tôm cái tép nhét vào điều tôi thôi.

Rồi Lềnh Đềnh lặng lẽ từ từ bơi đi. Chẳng cần biết Chèo Bẻo vẫn bắn khoăn bay theo.

Lúc này trông Lềnh Đềnh oai nghi thế, bây giờ vẫn bác Lềnh Đềnh cao lớn, Chèo Bẻo thấy Lềnh Đềnh ỉu xìu xìu. To xác mà không có hồn, chẳng được tích sự.

Chèo Bẻo thất thểu cánh thấp cánh cao rồi dầm nước vào làng.

Ở một cây gạo, nghe tiếng ríu rít một đàn Sáo Sậu. Không rõ đấy là tiếng ríu rít hay tiếng khóc thút thít. Đương lúc thảng thốt. Chèo Bẻo nghe chẳng ra tai lành tai diếc thế nào.

Sáo Sậu, đúng Sáo Sậu. Sáo Sậu hay trò chuyện ríu ran, có đúng yên bao giờ đâu. Nhưng hình như không phải tiếng cười cợt. Nghe rõ tiếng thút thít nước nở văng ra.

Sáo Sậu tới ghé tai Chèo Bẻo :

- Lão Quạ vừa đến đây phá tổ, ăn thịt mất bao nhiêu trẻ con!

Chèo Bẻo nói to :

- Tôi đang đi tìm đánh Quạ.

Đàn Sáo Sậu tới tấp, nhao nhao :

- Đi đánh lão Quạ.

Tiếng hò hét râm ran cả một vùng.

Sáo Sậu bay rợp một quãng đồng. Thế là được một bọn đi đánh Quạ. Nhưng chưa đủ. Phải nhiều nữa, nhiều nữa. Bay đến đâu lại gọi thêm đây. Mùa hạ đã qua, trời đất lại bắt đầu vào thu. Dòng sông, cánh đồng và đường làng, đường phố sáng trong như gương.

Những cánh đồng lúa chín. Trẻ con đứng bên ruộng lúa trổ ngấp đầu. Phải kiễng chân lên mới chui trong lúa ra được. Cánh đồng chín màu vàng dâng lên, làm cho bụi tre thấp xuống, làng xóm lùn đi, mái nhà chỉ nhô hơn mặt lúa có gang tay thế thôi.

Mặt trời vừa ló ra. Nghe tiếng trẻ reo inh ỏi. Làn sương trắng ngần sợ mặt trời, cứ lảng dần, rồi biến mất.

Một chú Choi Choi tới. Mỗi đợt vỗ cánh, Choi Choi bồng mình lên vút mình xuống, chập chồn qua mặt lúa. Tiếng trẻ lại hò reo kéo dài. Vào mùa gặt, trẻ con dậy sớm, ra đứng chực ngoài ngõ xóm. Đợi tan sương thì ra cánh đồng chơi.

Tiếng reo a a. Tiếng chim ríu rít. Trẻ con với chim lẫn tiếng như nhau. Bao nhiêu chim ở đâu bay đi chơi ngày mùa. Chim Dẽ Giun, chim Hét, đàn Sẻ, đàn Ri Sừng... Tất cả cùng ra đồng. Cánh đồng đương gặt.

Giữa mặt lúa phẳng lì, cổ máy gặt đập như ông Voi. Ông Voi đỏ rực lừ lừ tới đâu, nuốt từng nạm lúa to vào bụng. Voi sắt to kèn mà nhai rất khéo. Bổng chốc, đằng đuôi Voi bĩnh ra từng nạm rạ. Và bên sườn, cái vòi cất lên, suối thóc phun rào rào xuống lưng chiếc xe cải tiến đã quây cót kín bốn phía. Chẳng một hạt thóc lọt được ra ngoài thùng. Voi sắt vừa gặt đập vừa rống ầm ầm, rung cả mặt lúa. Tới tấp vòi thóc phun, đuôi máy nhả rạ...

Nhưng đến những góc ruộng ngoắt ngoéo, voi máy không xoay ngang vào được. Thì những cô thợ gặt ra tấp nập làm thi với máy. Lưỡi liềm nghênh lên, lia xoèn xoẹt. Đuôi lúa ngoắt nhanh nhanh rồi rạp xuống như cá quẫy. Tay người nắm cổ lúa, chốc đã ôm một lượm. Người và lưỡi liềm thoăn thoắt. Ông voi sắt gầm thét ngoài kia. Như tức tối không làm khéo tay được như các cô thợ gặt.

Bọn trẻ xách rá, xách mẹt chạy trên khoảng ruộng trống, nhặt lúa rơi. Đàn chim tỏa xuống mặt ruộng ẩm ướt vừa quang lúa. Có chỗ mạng nhện chằng như đất mốc trắng, còn ngậm sương. Chân đất cớm bóng lúa từ mùa hạ, giờ mới trông thấy mặt. Con bướm ma, con bướm đất cập quạng bay ra. Con nhện lẳng quăng. Đàn kiến đã lâu núp trong bóng lúa, đâm sợ sáng, bò tất tả, rối rít. Thế là Sáo Mỏ Ngà, chim Hét, Chích Chòe xô vào...

Như mọi khi, Chèo Bẻo đã xuống cùng các bạn nhặt con sâu, cái kiến. Lúc ấy Chèo Bẻo chỉ thần thờ đứng trên bờ. Các bạn đương trong ruộng nói với ra :

- Chèo Bẻo ơi! Chú Sẻ đã kể hết rồi. Lúc nào đi đánh Quạ, bọn này đi ngay với Chèo Bẻo.

Chèo Bẻo lại mãi miết bay.

Chèo Bẻo vẫn đi tìm bạn. Tìm cho được nhiều bạn. Nhưng mà thật khó. Có sức dài vai rộng như Lềnh Đênh thì lại nhát như cáy. Các bạn Sẻ bé loắt choắt đã bị lão Quạ đánh đau thế, vẫn nhất quyết đi nữa. Phải rủ cho được nhiều bạn can đảm thế.

Chẳng bao lâu, tới các vườn ven sông. Xa xa, những bờ tre xanh đen mờ màng ngả trên mặt nước trong veo. Cam đã bắt đầu chín. Những khoảng vườn rực rỡ từng đốm như đèn nhà ai thấp ban ngày dọc hai bên sông. Chốc chốc, một chiếc thuyền qua, chở đầy khoang bưởi vàng, bưởi đỏ vừa trảy trên vườn xuống. Bóng người và tay chèo thông thả rờn bóng nước.

Đàn Vành Khuyên vút qua, sà xuống. Mùa quả chín, vườn tược chẳng còn mấy sâu bọ. Vành Khuyên vẫn

sục sạo tìm kỹ lưỡng từng cành.

Vườn ổi đã xơ xác rồi. Mỗi cơn heo may lướt qua, gió bứt lá lả tả rơi. Cây bàng úa đỏ từng chiếc lá. Những cành xoan khẳng khiu. Vành Khuyên ở vườn cam ra lại đậu xuống. Đôi cánh bé bỏng len lỏi cành nọ sang cành kia. Con mắt tinh nhanh giữa hai vòng khuyên trắng.

Vành Khuyên hỏi :

- Anh Chèo Bẻo đi đâu?
- Vành Khuyên có đi đánh lão Quạ.
- Chúng em nghe Sáo Sậu kể rồi. Cho chúng em đi với.

Chèo Bẻo gặp Chích Chòe cạnh bờ đất đầu bụi tre. Chích Chòe cong đuôi, cất tiếng hót. Mặt trời đã lơ lửng xuống ngọn cau, Chích Chòe hót báo hiệu chiều, chiều đã về rồi.

Chích Chòe bảo :

- Anh Chèo Bẻo nghỉ lại đây. Rồi đi đánh Quạ, cả xóm cùng đi.

Sương dăng mờ mờ ngang cánh đồng.

Chèo Bẻo bảo còn đi rủ nhiều bạn nữa. Chèo Bẻo vào bãi vải. Cây vải rậm lá xanh đen. Mùa vải chín qua đã lâu. Bây giờ mỗi cây đều hoang vắng.

Mặt trời đã lặn xuống phía bên kia. Mỗi bóng cây lù lù lên như những đống đất xù xì, ẩm đạm. Thế mà trong bóng tối nhá nhem vẫn còn những con chim lúi húi, đây là mấy chú Chìa Vôi.

Chìa Vôi mảnh dẻ, mỗi lúc cúi đầu tìm con sâu, cái đuôi dài đen trắng nồn nà lại vồng lên. Nom vui mắt như bà cụ móm ngoáy vôi tằm trâu. Vậy mà thành tên là Chìa Vôi chẳng.

Mọi việc cấy hái đồng áng đã xong, chẳng còn cái án ngoài đồng. Chìa Vôi mê mải suốt ngày tìm vào các bụi cỏ. Nhưng bởi mỗi đến rơi gỏi cũng chẳng kiếm ra miếng nào. Tới rệ sông dưới bãi vải, cũng chỉ có mấy đám cỏ bơ phờ. Con trâu vừa gặm, con bò đến gặm lại, bật cả rễ lên. Chìa Vôi gãi đất mấy cái chẳng được gì, lại sang chỗ khác.

Chìa Vôi ngẩng nhìn ra :

- Chèo Bẻo đến chơi tối thế?

Chèo Bẻo đáp :

- Mọi quá, vào nghỉ chân thôi.

Rồi cả hai cùng lặng im. Câu chuyện đau khổ của Chèo Béo ai cũng biết cả rồi.

Đằng kia, tiếng nhịp nhịp âm âm... Bíp... bíp... bíp... bíp... Bìm Bịp đương gióng giả. Bìm Bịp đã trở về cây vải. Ai ở đâu, cứ xê chiều, nghe tiếng bìm bịp, biết là trời sắp tối. Cũng như con Chích Chòe hót chiều, như cái đồng hồ báo thức. Tiếng Bìm Bịp, xa xa, ảm đạm, buồn âm u. Nhưng Bìm Bịp không buồn thế đâu. Cả những hôm kiếm được no bụng vẫn nghe tiếng xa xôi thế. Chỉ tại cái giọng buồn buồn mà thôi.

Bìm Bịp đã về tới dưới gốc vải tối om.

Mắt Bìm Bịp tinh lắm, đã trông thấy đám Chìa Vôi, Chèo Béo lố nhố.

Bìm Bịp hỏi to :

- Được gì ăn hôm nay nào?

Chìa Vôi khép nép :

- Chẳng được gì.

Bìm Bịp chìa trong móng chân ra một mồi châu chấu :

- Cho đây này!

Chìa Vôi rới rít cảm ơn.

Bìm Bịp hỏi Chèo Béo :

- Ở hay, mùa này nhà Chèo Béo đương chơi nhón tận đâu cơ mà?

Bỗng thoáng một bóng lù lù ngoài bãi cỏ luồn vào.

- Cậu Cuốc đấy hả?

Cuốc đen đứng lẫn bóng tối.

Bìm Bịp nói ngay :

- Lại hỏi ăn chứ gì?

Cuốc tần ngần.

Bìm Bịp giơ bàn chân. Một con mồi bọ muỗim giắt dưới móng.

Bìm Bịp lại hỏi :

- Nhà Chèo Bẻo có đói không?
- Không.
- Sao mặt mũi vêu vao thế?

Chèo Bẻo cúi đầu :

- Đáng nhẽ bây giờ mọi năm chúng em đương chơi xa tận đâu đâu...

Bìm Bịp nói :

- Chị cũng biết chuyện tai nạn này rồi. Chị còn trử được miếng mồi nữa. Ăn đi, cố ăn cho có sức. Khỏe thì làm gì cũng nên. Bãi vải này dài suốt dọc sông, còn đông anh em lắm. Ta sẽ tính chuyện cùng nhau đi đánh lão Quạ thế nào...

Đêm ấy, xóm bãi vải không ai chợp mắt. Những tiếng thì ào to nhỏ. Ai cũng nói: Nhưng mà lão Quạ không phải tay vừa. Làm thế nào...

Tiếng Bìm Bịp kêu sớm. Tận làng xa cũng nghe tiếng Bìm Bịp gọi trở dậy. Sáng sớm, thối cơm ra đồng, đi chợ.

Bìm Bịp kêu, Bìm Bịp gọi cả xóm đến với Chèo Bẻo. Tất cả xúm quanh Chèo Bẻo như chập tối hôm qua. Mấy anh chim Trá trong hàng cùng kiệt cuối bãi cũng lên rồi.

Bìm Bịp nói :

- Cả xóm này cùng Chèo Bẻo đi đánh Quạ.

Lúc ấy, Gõ Kiến ở đâu bay vút tới. Chim Gõ Kiến không phải dân ngụ bãi vải. Gõ Kiến quanh năm nay đây mai đó, tài nhảy đã nổi tiếng.

Tất cả reo lên :

- A Gõ Kiến! Gõ Kiến! Võ sĩ Gõ Kiến cứ vác cái bộ mỏ bằng búa tạ kia bổ xuống thì có đến mấy đầu lão Quạ cũng phải vỡ toang.

Mỏ Gõ Kiến to tròn đúng bằng cái kim đen xì, nhờn bóng như lấm láp dầu máy. Cách kiếm ăn của chim Gõ Kiến cũng khác đời. Gõ Kiến tìm một thân cây mục. Trong cây mục có kiến làm tổ. Gõ Kiến bổ mỏ cộc cộc từng nhát. Mỗi nhát rung rinh cả lớp vỏ cây mục. Bọn kiến trong hốc nghe tưởng ngoài kia trời mưa sét đánh vào cây, thế là nháo nhác chạy ra.

Gỗ Kiến nói :

- Các bạn chớ khen tôi. Mỏ tôi chỉ biết dọa kiến thôi. Có việc gì mà xúm đông xúm đỏ thế?

Một lát, Gỗ Kiến nghe thùng chuyện.

- Bìm Bịp nói phải. Ta nên đi tìm bạn nhiều nữa, thật nhiều nữa. Nhưng không phải chỉ quanh quẩn vùng này. Mặt đất bao la, cùng nhau lên rừng xuống bể...

Tất cả nói :

- Đúng đấy.

Gỗ Kiến tiếp :

- Có câu hát rằng: Trên rừng ba mươi sáu thứ chim. Nhưng trên rừng có hàng vạn thứ chim nhiều hơn câu hát. Chim đại bàng, chim phượng hoàng mỏ sắc, móng sắc, còn to khỏe gấp trăm lão Quạ.

Bìm Bịp vẻ lo lắng :

- Ai lên được rừng?

Gỗ Kiến nói :

- Tôi chứ còn ai. Tôi quê gốc trên rừng.

Từ nãy, Chèo Bẻo đứng yên, giờ mới nói khẽ :

- Khi nào anh lên rừng có qua vách đá gặp bác Chèo Bẻo Đuôi Cờ, xin anh kể chuyện nhà tôi cho các bác cháu biết.

Bìm Bịp lại nói :

- Ai biết đường xuống bể?

Các loài chim trong bãi vải, giống chim cánh ngắn, chưa đi đâu xa ra ngoài cánh đồng. Chẳng ai trông thấy mặt biển, không biết biển ở đâu. Ừ, rủ được cả bọn ở biển nữa càng đông. Nhưng làm thế nào?

Anh Vẹt vẫn khoằm mỏ, nghiêng lợi ngẫm nghĩ từ sáng tới giờ.

- Đến mùa gió bắc thổi, có các họ nhà Giang, nhà Sếu trên phương bắc xuống tránh rét ở các vùng cửa bể phương nam. Đợi khi nào nghe tiếng Giang, tiếng Sếu về ta nhờ các bạn ra bể nhắn các bạn chim vào giúp Chèo Bẻo.

- Hay đấy! Vẹt nghĩ hay đấy.

Trước kia, ai chỉ biết bắt chước mà lại hay láo táu, thường bị chế giễu: nói như vẹt.

Nhưng câu nói thông minh của Vẹt đã khiến những cười cợt kia không đúng nữa.

Ai cũng quyết giúp Chèo Bẻo. Bè bạn đổ đến mỗi lúc một đông.

Trên cành gạo tíu tít những Sáo Đen, Sáo Đá, Sáo Mỏ Ngà... Có tiếng kêu. Cả tiếng khóc nỉ non suốt mướt đi tới. Thì ra hôm qua, lão Quạ lại mò vào tổ Sáo Sậu, ngoạm đi mất hai con Sáo non...

Vợ chồng Sáo Sậu rên rỉ :

- Giời đánh thằng Quạ! Giời đánh thằng Quạ. Giời ơi!

Chim Chìa Vôi đi ăn đàn mới về. Cả trăm con ngủ đứng chập chững trên đám lá khô lót luống trong ruộng mía. Suốt đêm, phía nào cũng bàn chuyện đi đánh Quạ.

Sáng ra, Chìa Vôi nói :

- Chúng tôi chỉ quanh quẩn đây thôi. Lúc nào đi đánh Quạ, nhớ rủ nhau cùng đi...

Rồi vút đuôi, bay bổng.

Xa xa, tiếng Bìm Bịp lại kêu giời. Người thối cơm, người đi làm đồng, trẻ em đến trường đều nghe giờ Bìm Bịp. Gà trống, chim gáy cũng là cái đồng hồ, nhưng chị Bìm Bịp đánh chuông nhiều giờ trong ngày hơn. Trời tang tảng sáng, Bìm Bịp gọi. Cơm sáng xong, Bìm Bịp giục người đi làm, nhắc chim đi kiếm mồi. Giữa trưa, đến chiều, đến tối, lại giống giả từng lúc. Bảo người thối cơm, nhắc trẻ con đi ngủ, các bạn ơi, khuya rồi.

Tiếng Bìm Bịp thấp cao vi vút. Khi xa, khi gần. Trong tiếng Bìm Bịp buổi sớm có câu nhắc đi nhắc lại: Ai đây, ai ơi, đuổi lão Quạ đi. Lão Quạ hay giết trẻ con, đuổi lão Quạ

Bìm Bịp kêu đâu đâu cũng nghe tiếng, cùng với tiếng chim Cuốc ở bờ ao, bờ chuôm, đầm nước, suốt ngày, suốt đêm.

- Cuốc! Cuốc! Lão Quạ trộm cướp uống máu trẻ con! Làng nước ở yên sao! Làng nước ở yên sao! Cuốc! Cuốc!

Cả đến những xóm xa xôi cũng đã sôi lên rồi. Nhất là khi biết lão Quạ lại mới ăn mất hai con nhà Sáo Sậu. Thôi thì nó bắn thiu có nuốt thịt thối, cá ươn cũng mặc xác nó, nhưng lại để nó giết hết con cái mình thế à? Không được, không được.

Chim Chích Chòe, chim Sẻ hay mách lẻo, đưa chuyện. Thế mà không đến nổi nhanh nhẩu đoảng đâu.

Chích sang vườn bọm Khướu. Mùi hoa bưởi thơm trong tiếng hót ríu ran. Khướu Mun, Khướu Bạc Má, Khướu Lửa đã tụ hội trong vườn.

Chả trách, có câu nửa chê, nửa đùa: hót như khướu.

Khướu đang líu lo, thi nhau trổ các giọng.

- Các bạn làm gì đây?

- Chúng tôi hót.

- Hót to không sợ người ta nghe tiếng, đem lưới đến bắt à?

- Chúng tôi thích được người ta bắt.

- Lạ nhỉ.

- Có gì lạ. Người ta bắt đem về nuôi thì khỏi phải đi kiếm ăn khó nhọc.

- Quạ mà nuôi rồi Quạ đòi ăn thịt thì sao?

- Không sợ Quạ.

- Đi đánh Quạ nhé.

- Đi đánh Quạ!

Chả biết đến lúc đi, bọm Khướu có đi, hay còn mãi chơi. Nhưng, thế là cả những xóm hẻo lánh, cũng xông xáo bôn đi đánh Quạ.

Kể ra, Chích đã chịu khó và khéo léo. Nhưng cũng chưa giỏi bằng Sẻ. Bởi Sẻ đã tận mắt thấy tội ác lão Quạ. Sẻ đã đánh nhau với Quạ. Mỗi lần nghĩ đến, Sẻ lại hốt hoảng, uất ức nghẹn lên cổ. Sẻ bay đi gọi các bạn.

Có ba cái lồng chim tròn cao đặt giáp nhau. Một đám đông người xúm quanh.

Đây là những lồng chim Họa Mi. Ở một lồng đặt cạnh lồng một Họa Mi mái. Cô Họa Mi cất tiếng huyt xùy... xùy... giục già hai anh kia... Đánh nhau đi... Đánh nhau đi... Xùy xùy... Đánh nhau đi... Xùy xùy... Đánh nhau đi... Hai chàng Họa Mi nhảy lên, xông lên. Đôi mắt vệt vôi xéch ngược. Móng chân cạo rào rào vào nan lồng. Cái mỏ nhọn như lưỡi dao xia xói sang nhau. Phải đánh gãy cổ thẳng kia mới hả.

Ả Họa Mi càng xùy xùy thúc tợn. Hai chàng càng hăng máu, đến lúc thật thềm choảng nhau quá, người

chơi chim mới rút nan cửa lồng. Hai cậu chim ứa phình thò mỏ, thò móng sang xé nhau, đâm nhau. Có cậu ngã quay, lổa lợi máu mép. Có cậu chạy cuống. Xung quanh vỗ tay reo hò. A Họa Mi vẫn xùy... xùy... Đánh nhau đi...

Người xem càng đông. Chàng chim ngã dậy được rồi. Người chơi chim sắp rút thêm nan lồng cửa xáp nhau. A Họa Mi lại khích: xùy... xùy... đánh nhau đi... đánh nhau đi... Cái cô tai ác này vì thế mà thành tên là Mái Xùy.

Sẽ đứng trên mái nhà nhìn xuống cất giọng :

- Các anh có thuộc câu hát: Khôn ngoan đá đáp người ngoài.
- Biết chứ! Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.

Sẽ cười :

- Thế mà vẫn đá nhau a?
- Nhưng cáu không chịu được.

Sẽ nói :

- Này này, khắp nơi đương đồn là lão Quạ sắp đi chén thịt tuốt các loài chim. Mà mắt tôi đã trông thấy lão ấy giết ba Chèo Bẻo con. Hãy để sức choảng lão Quạ.

Hai Họa Mi cũng kêu :

- Cho chúng tôi đi đánh Quạ.
- Đương phải nhốt trong lồng, đi thế nào?
- Tớ bẻ nan... Tớ chui ra...

Cũng không rõ rồi Họa Mi có thoát lồng được không.

Nhưng thế là cả đến những con chim bị nhốt trong lồng cũng đã biết thù lão Quạ rồi.

Chèo Bẻo nhớ :

- Còn bác Đuôi Cờ nhà tôi. Chẳng biết Gõ Kiến đã gặp Chèo Bẻo Đuôi Cờ chưa. Hay là tôi đi...

Chèo Bẻo chưa kịp lên núi đã thấy ngoài kia những chiếc lông đuôi lượn phất lên phất xuống như đàn công múa, rực rỡ cả mặt nước.

- Ô kìa các bác! Các bác biết tin nhà em bị nạn rồi à? Thế là đông đủ. Ai cũng một lòng cứu giúp em...

Nhiều kẻ trước kia nhút nhát bây giờ cũng đổi tính. Chim Sâu, chim Bạc Má, chim Giẻ Quạt chẳng có mấy hột sức cũng nghĩ cách nào đánh được lão Quạ một cái.

CHIM CHÍCH LẠC RỪNG

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chèo Bẻo Đánh Quạ (4):

Mùa xuân trở về lúc nào, làn gió ấm nhẹ cả người thổi đến đuổi cái rét mướt sang bên kia núi.

Mặt nước tự dừng trong veo. Một chiếc thuyền đung đỉnh qua. Nhà chài đi lưới đơm hay vớt đó cá, không biết.

Đã trông rõ chiếc thuyền thúng đi vớt rong. Ở rừng thông, từng đàn bướm bay ra. Bướm vàng, bướm trắng rập rờn quanh các gốc. Những con ngài được hơi nắng ấm, vừa nở thành bướm cánh. Không biết nữa, cánh bướm non chấp chới hay là làn gió rón rén đến rung cho bướm học bay.

Những con Sẻ nhảy chuyền trên cành thông. Mấy lâu, Sẻ tránh rét trong hốc cột. Sẻ ra hỏi thăm ngoài hồ xem các anh Bồ Nông có còn ở đấy không, hay đã trở về phương ấm áp rồi. Hôm trước, Sẻ xuống nhặt thóc rơi trên mạn thuyền, đậu nhằm cả xuống lưng Bồ Nông đứng rình mỗi ven nước. Mà anh Bồ Nông hiền, Sẻ đứng nặng trĩu lưng mà vẫn yên lặng, không rũ mình. Từ đấy, Bồ Nông và Sẻ thành bạn.

Những chiếc thuyền lửa tựa thấp thoáng mặt nước như lá tre rơi. Tiếng bơi chèo đập mạn thuyền gỗ, tiếng gõ cá quăng lưới. Bên kia vang tiếng hát, tiếng trẻ ra chơi. Không phải chỉ có những chiếc thuyền vớt rong cho lợn ăn như lúc này.

Những con tôm, con cá trong lòng hồ, bơi lấp lánh. Lũ Thồn Bơn, cá Thiều đón các bạn mới lên góp môi thở hớp quanh thuyền.

Góc hồ đằng kia, những bồ nông, những giang, những sếu đương sơn sắc bước lên bãi. Tiếng gọi nhau râm ran, lạc đặc, ời ời. Đàn chim trú đông, nghe làn gió ấm thổi lại, đương bay về phương bắc.

Mùa xuân đến, quanh mình tấp nập, rộn rã. Chèo Bẻo cũng biết như thế. Nhưng Chèo Bẻo âm thầm. Mùa xuân này, Chèo Bẻo chỉ có một mình.

Giữa khoảng trời, Chèo Bẻo nghe quanh mình có tiếng gọi: Chèo Bẻo! Chèo Bẻo! Đây là tiếng mùa xuân. Mùa xuân thông cảm nỗi đau.

Cả vùng đã quả quyết đi tìm hỏi tội lão Quạ. Các bụi, các cây trong vườn, ngoài bờ tre vắng hẵn. Hãy để mùa xuân tươi đẹp đây, các bạn vỗ cánh bay rợp trời quanh Chèo Bẻo - có cả Chèo Bẻo Đuôi Cờ.

Bài về Chèo Bẻo đánh Quạ ở làng Liễu Đôi đã nói về khí thế lạ lùng ấy.

Tất cả nước mắt đầm đầm

Run run đứng dậy mà cầm gươm đao

Thù thẳng Quạ độc chất cao.

Oan này chỉ quyết phải lao đao này

Cả đàn, cả lũ, cả bầy

Gặp thẳng Quạ độc đánh ngay giữa vườn

Ao ào cánh liệng mở vườn

Xông vào đánh Quạ như tuôn thác đồng

Trưa ấy nắng ấm rực rỡ từ trong vườn ra cánh đồng.

Trời có nắng, lão Quạ xòe cánh đập kín chân, phơi mình trên tảng đá. Lão lim dim ngủ. Lão mới đớp được miếng mồi, no say rồi, mắt dip lại. Vừa nửa thức nửa ngủ, đã ngáy o o.

Thường ngày, cái lão chúa lười này vẫn nằm gật gờng thế, cho đến chiều nắng vàng hoe mới lò dò lên tổ trên hốc cây muồm. Cũng chẳng bao giờ lão cất công làm cái tổ tử tế. Lão chỉ vơ mấy cây que, gác lên hang, thế là thành nhà. Mà chỗ ấy cũng là cái tổ Bồ Các bỏ đi, sẵn mấy que kèo cột. Lắm hôm lão cũng chẳng buồn về tổ. Lão vạ vật chỗ nào cũng được. Lão Quạ đương hấp hiu mắt. Mơ mơ màng màng vì vu...

Bao nhiêu đàn chim bay rợp trời trên đầu lão, giữa cánh đồng. Liễu Điều trông thấy trước tiên, Liễu Điều hét :

- Lão Quạ! Lão Quạ!

Thế là lao ngay xuống. Cả bọn chim Ri lao theo. Nhà ri, Ri Đá, Ri Cam, Ri Sừng, cặp mỏ khoằm khoằm như hòn sỏi xám ném vào Quạ. Quạ bị luôn mấy chục quả thui vào đầu, vào lưng.

Quạ còn đương sững sốt, bọn Rẽ Giun đã ùng ùng đến. Bấm sinh, lúc nào các cậu Rẽ Giun cũng run rẩy, lên cơn sốt. Thế mà khi ấy thật táo tợn - mặc dầu so với Lão Quạ, Rẽ Giun chỉ như quả trứng chọi hòn đá. Rẽ Giun thấp lùn cùn, lắc mỏ rút đám lông quanh bấp chân Quạ, lôi ra được một nạm lông cổ chân Quạ, Rẽ Giun mất đà, ngã ngửa. Lại lóp ngóp xông vào.

Quạ còn đương đỡ đòn bọn Ri.

Liều Điều, Rẽ Giun vùn tui bụi tới tấp đánh.

Quạ đã bình tĩnh lại, lão bập cái mỏ một cái. Cả năm lông cánh Rẽ Giun bật máu bung ra. Rẽ Giun choáng váng, lặn xuống lùm cây. Đàn Ri vẫn lao tới như ném chấu. Quạ nghiêng mình, Ri đánh hụt, đâm

vào tảng đá, đầu lóa lợi máu. Hải quá, Liễu Điều vụt bay tránh lên cao.

Những đàn chim khác vẫn rầm rộ, hăm hăm tới. Lão Quạ thấy không thể coi thường đám đông này. Quạ đứng hẩn dậy, xòe cánh, quắc mắt. Bồ Các vừa hét vừa lao. Những chàng Bồ Các đã không “mũ ni che tai” nữa. Quạ giơ thẳng mỏ. Bồ Các đâm vào mỏ Quạ. Chao ôi, bằng đâm vào bàn chông. Bồ Các rách xoạc miếng lông bụng, gáy một bên cánh. Bị lạng đi, không một Bồ Các nào đủ sức quay lại. Con ngã. Con bắn đi một quãng. Lại Vẹt, lại Bói Cá nhảy đến. Anh Vẹt vác cái mỏ to như chiếc búa. Quạ giơ đầu cánh lên đỡ. Cặp mỏ Vẹt, mỏ Bói Cá to tướng nhưng chỉ là những thứ dùng thường ngày bắt con tép. Và khoét quả ổi, quả na. Va vào đầu cánh Quạ, mỏ bật ra như đụn cối đá.

Lão Quạ cười khặc khặc :

- Vào làm miếng nữa, vào đi!

Tuy vậy, lão Quạ cũng thấy đã thách lỡ lời. Còn đông nghịt bao nhiêu chim đương lăm le. Quạ lăm bằm không hiểu chúng nó hóa rồ hay thế nào, mà tự dưng chúng nó kéo đến gây sự.

Trông thấy Sáo Sậu và Chèo Bẻo lão Quạ mới biết là chúng nó thù.

Hiệp sĩ Cú đen sẫm như nhọ chảo dưới trôn nôi nhô lên. Cú chuyên đi đêm, không ai ngờ Cú ra ban ngày. Thương Chèo Bẻo, Cú quên cả ban ngày ban đêm. Cú xòe cánh như quăng lưới.

Lão Quạ vẫn nhơn nhơn. Lão Quạ đã biết hiệp sĩ Cú, to con thế, nhưng mắt có bệnh quáng gà, ban ngày không trông rõ đâu.

Cú hùng hổ tới. Mắt cú lóng lánh tròn bi ve. Hai chân móng giơ ra. Mỏ há nhọn hoắt. Như những con dao mở sẵn. Cú bay như gieo mình xuống. Nhưng quả thực mắt Cú hau háu - hau háu như mắt cú, mắt cú vọ, thế mà ban ngày thì quáng gà, chẳng tinh tường chút nào. Quạ đã tránh sang bên mà Cú không biết. Cú đâm đầu vào tảng đá như Ri Đá lúc này. Cú ngã văng xuống.

Lão Quạ cũng chẳng kịp để mắt. Lão còn phải đối phó với một đám đông hơn nữa ập đến. Le Le, Cốc, cả Vạc, cả Diệc... Những cụm móng, những cẳng mò nước, dài như sào gậy. Cái anh Vạc chập tối mới ra, cũng có mặt. Họ nhà Vạc đi ban ngày - lại cũng như Cú, vừa chui bóng đêm ra cứ ngơ ngác, mà tợn tạo, vì căm thù, vì thương Chèo Bẻo.

Đám Le Le, Cốc, Vạc hoa chân giơ mỏ lùa tủa trên đầu lão Quạ. Lão Quạ đã tỉnh hẩn, chẳng bối rối chút nào. Hai cánh Quạ như hai cái quạt sắt. Đám chân chim gầy guộc lêu nghêu kia mà vướng vào, tựa năm đũa bị gãy răng rắc. Cả bọn ngã lộn bộp như sung rụng quanh bãi cỏ.

Những đám họ cò, Cò Bợ, Cò Lửa, Cò Xanh, Cò Bạch, Cò Mỏ Vàng - trông cũng mảnh mai thế mà nhanh lắm. Cò tranh nhau chen vào giơ mỏ rút lông Quạ, ở cổ, ở cánh, ở lưng...

Chim Hét nhảy vào một mình. Chim Hét đen trùi trùi. Mỏ Hét chuyên đào giun dế, to bè như cái bàn cuốc. Lão Quạ xù lông nghênh lên đánh Hét. Hai chiếc mỏ Hét, mỏ Quạ đâm vào nhau rộp rộp. Mỏ Hét cứng ra trò. Rộp... Rộp... Nhưng cũng chẳng thể đối địch được lão Quạ. Hét ngã nghoẹo đầu. Mấy tay Hét tới cứu bạn, lão Quạ tổng văng cả bọn ra.

Rồi còn vô số đàn chim các nơi đến đánh trả thù cho nhà Chèo Bẻo, quần với lão Quạ suốt ngày đến tối mịt. Nhưng chẳng ai rút được thêm cái chân lông Quạ.

Tội nghiệp, vợ chồng nhà Sáo Sậu vừa đánh, vừa hét, vừa khóc. Mỗi rồi, ra nằm thở một lúc, lại lao vào. Không sợ chết, chỉ quyết đòi nợ máu cho con.

Lão Quạ chợt thấy cái tổ tự nhiên lúc lắc quay quay như sắp đứt. Lão Quạ luống cuống hốt hoảng. Lão không trông thấy Chèo Bẻo thoát tới, đâm thẳng vào cổ lão một phát. Lão Quạ giật thót mình. Cái đầu ngật đi. Lão Quạ chột dạ. Bấy giờ mới nhận ra Chèo Bẻo. Thằng này gan lì. Không thể coi nó dưới mắt được.

Các bạn chạy, các bạn ngã, xác xơ, tan tác. Chèo Bẻo vẫn chao lên chao xuống đánh lão Quạ.

Chèo Bẻo xiên vào nách. Chèo Bẻo đâm thẳng mặt. Chèo Bẻo rúc dưới khoeo chân lên. Mỗi lần Chèo Bẻo liệng, Quạ lại loay hoay đỡ. Chèo Bẻo bám luôn, đánh dồn dập cả bốn phía. Quạ đỡ, Quạ đỡ.

Nhưng lão Quạ chống đỡ cả ngày, lử rồi. Có lúc lão bị Chèo Bẻo húc vào đuôi, đội người lên. Lão Quạ mặc kệ. Mệt quá. Ngồi trên đầu Chèo Bẻo, Chèo Bẻo tưởng Quạ lặn quèo xuống nhưng rồi lão Quạ bay thẳng. Chèo Bẻo đuổi theo lão Quạ bay lắc lư. Chốc chốc lão quặc mỏ lại đánh đòn gió. Rồi lại dướn lên, bay biến. Chèo Bẻo vẫn đuổi, cho đến lúc cả hai bóng chim mờ vào làn sương chiều.

Thế mà dạo ấy chỗ nào cũng vắng chim. Trong làng, ngoài đồng lặng lặng như không. Cò gãy chân, phải đi bó bột. Vẹt bị lật cả mảng mỏ đương bó lá náng. Chim sẻ thì sã cánh. Buồn quá! Đánh nhau với mỗi một lão Quạ mà tai hại thế.

Chỉ mong muốn thôi, chưa đủ. Sức yếu thì chẳng làm gì nổi lão Quạ.

Thế nào bây giờ? Thế nào thì thế, Chèo Bẻo vẫn tìm đánh lão Quạ. Chèo Bẻo Đuôi Cờ đi thám thính bay múa giữa trời. Thành linh, thấy lão Quạ. Thế là ào xuống đánh. Một mình cũng đánh.

Pấp, pấp. Vút như một mũi tên, lão Quạ tránh lên. Nhưng lại phải đương đầu với Chèo Bẻo Đuôi Cờ chặn trên ấy.

Cái đuôi cờ của Chèo Bẻo Đuôi Cờ chỉ đẹp mắt, chẳng được mảy việc nào. Quần thảo một lúc, mấy chiếc lông đuôi nuốt nà đã bị lão Quạ cắn cụt lủn. Chèo Bẻo Đuôi Cờ mất đuôi, không lái được, cứ loạng choạng quay tròn, rồi phải đổ xuống đậu bệt trên cỏ.

Chèo Bẻo nói :

- Bác đã hết lòng với em, không bao giờ em dám quên. Bác ạ, cái đuôi cũng như đôi cánh, mất đuôi rồi bác phải nghỉ thôi.

- Anh sẽ về núi thuốc thang ít lâu. Khi nào lông đuôi mọc như cũ, anh lại về giúp chú. Anh đã nghĩ cách giết được thằng Quạ rồi. Anh sẽ mổ thẳng vào mắt nó. Nó phải mù, nó phải chết.

Chèo Bẻo Đuôi Cờ tha thui bay về rừng.

Một mình Chèo Bẻo. Chèo Bẻo vẫn tìm đánh Quạ.

Chèo Bẻo mò thám biết lão Quạ, hay nằm phơi nắng giữa cánh đồng. Lão đương thiu thiu ngủ, bất thần Chèo Bẻo lao đến.

Chèo Bẻo nhắm từ trên cao, quyết đâm thủng mắt lão. Nhưng lão Quạ nằm trên tảng đá, chỉ thấy một đám đen ngòm. Không nhận ra chỗ nào đầu, chỗ nào đuôi. Thế là Chèo Bẻo cứ quạng bừa. Lão Quạ giật nảy mình. Lão thấy trên ức bị cái gì đâm đau chói lên tận óc.

A! Lại thằng Chèo Bẻo. Lão không sợ. Nhưng cũng khiếp. Mỏ nó mà trúng mắt thì mù rồi chứ còn à. Lão không dám coi thường như mọi khi cứ ngồi trên tảng đá hắt mỏ, hắt cánh, lão phải bay lên đỡ đòn.

Chèo Bẻo bám riết đuôi lão Quạ. Chèo Bẻo và lão Quạ đánh nhau loạn xạ giữa trời. Lão Quạ to béo như cái cối xay lẫn ù ù. Chèo Bẻo mỏng mảnh, như chiếc lá, ngọn đuôi nhọn hoắt lái bên phải, quay bên trái.

Lão Quạ thờ hộc lên. Hai mắt đỏ đòng đòng. Chèo Bẻo lao tới. Lão Quạ lẳng một cái. Mỏ Quạ giáng đúng đầu Chèo Bẻo. Chèo Bẻo choáng váng, cánh rúm lại, rơi bộp xuống. Như ai ném toạch cục đất.

Lão Quạ kêu to :

- A ha! A ha!

Lão Quạ toan lao xuống bổ thêm Chèo Bẻo mấy phát. Nhưng giữa xóm đông, Quạ ngại có bầy, có người ra đuổi đánh. Và lại, rơi xuống thế cũng đủ chết, mảy chết rồi. Thế là lão đứng đỉnh bay. Mắt lão nhón nhác tìm tảng đá ở một chỗ vắng. Lúc này, chưa chớp mắt được, thằng Chèo Bẻo đã đến sinh sự.

Lão đã trông thấy tảng đá xa xa và bóng nắng. Lão là là xuống. Đôi cánh xòe rộng, trên bóng nắng tảng đá, lão ngả mình, lim dim mắt. Thành linh, một bóng đen đến sau lưng thoát cái đâm xuyên dưới bụng lên. Lão cụp nhanh cánh. Khiếp quá, cái gì, cái gì... Lão trông lại. Thằng Chèo Bẻo. Ô hay, nó vẫn còn sống.

Phải, Chèo Bẻo không chết, Chèo Bẻo mở mắt ngơ ngác nhìn quanh. Nhớ ra vừa bị lão Quạ choảng vào đầu. Nhưng ta không thể chết. Chèo Bẻo ngó quanh quất.

Trên vòm trời, bóng Quạ nhỏ dần. Chèo Bẻo vươn hai cánh. Hai cánh Chèo Bẻo vẫn cứng cáp, chẳng sao. Thế là Chèo Bẻo cất mình lên, lại bay đi tìm Quạ.

Lão Quạ lộn tiết lên rồi. Lão Quạ nhóm đầu đâm thẳng vào Chèo Bẻo. Nhưng Chèo Bẻo vừa hút chết đã biết đỡ đòn. Lão Quạ khỏe mà không nhanh bằng Chèo Bẻo. Lão Quạ đâm tới, Chèo Bẻo thoát tránh. Quạ hụt đà chúi xuống. Lập tức, Chèo Bẻo bập đám lông đuôi Quạ, rút rút. Lão Quạ buốt lên suốt sống lưng. Lão Quạ chịu đứt chiếc lông đuôi, nhưng quay lại được. Lão Quạ nhảy bổ vào. Chèo Bẻo rơi mình xuống, lách được.

Cứ thế, Quạ và Chèo Bẻo quần nhau giữa trời. Lão Quạ nghĩ bụng: “Đánh nhau cò cựa với nó thế này, nhọc quá. Mà lại thấy đói rồi”. Thế là, Quạ bay thẳng. Chèo Bẻo hấp tấp đuổi theo. Các xóm chim ở bờ nước và trên bụi tre trông thấy Chèo Bẻo đuổi Quạ, cứ ngóng lên hoan hô.

Từ đấy Chèo Bẻo gặp Quạ đâu, Chèo Bẻo xông vào đánh luôn. Có chim bạn, cùng nhau đánh. Có một mình cũng đánh. Đòn như bị bông, cũng không sao tìm được miếng hiểm đánh chết lão Quạ được.

Có dạo trời mưa dầm. Quạ nằm tổ mấy hôm rồi đói bụng, phải lò dò xuống bờ mương rình cá. Chèo Bẻo vẫn đợi sẵn ở đâu đã lao tới. Lão Quạ phải bỏ mồi cá vừa lượn tới.

Mùa đông tới, Quạ tránh gió rét, nằm ro ró trong hốc cây gạo. Thế mà vừa có nắng, lão thò ra, đã bị bộp một cái. Như hòn đá ném trúng sọ. Lão Quạ hoảng hốt dựng người lên. Gió ù ù thổi bạt cánh. Chèo Bẻo đã thúc đầu vào giữa ngực Quạ. Lão Quạ lộn tưng phèo mấy vòng. Nhưng lão gượng ngay, thẳng chân, găm ghè xù lông, lao vào Chèo Bẻo.

Chèo Bẻo bay quanh, xia lung tung lên lưng lão. Cứ đánh nhau liên miên. Có khi lão Quạ mổ vào đầu Chèo Bẻo. Chèo Bẻo ngã ngất, rơi xuống. Rồi lại tỉnh. Chèo Bẻo lại bay lên, lặn vào. Có khi Chèo Bẻo rút được cả mảng lông bụng Quạ. Nhưng Quạ vẫn chẳng sao.

Năm này qua năm khác.

Thường trông thấy về mùa tre mọc măng, những chiếc măng nẩy lộc lủa tủa vút lên nền trời. Chèo Bẻo hay đậu những nhánh măng cao cao ấy. Rồi nhún lên nhún xuống.

Không phải Chèo Bẻo rồi rãi đánh du chơi. Bụng dạ đâu mà chơi nhớn. Cây tre non vút lên, vút lên, đứng một chỗ mà nhìn được xa. Chèo Bẻo trông sang tít bên kia. Xem phía nào thấy lão Quạ...

Chèo Bẻo rình Quạ. Lúc nào Chèo Bẻo cũng tìm đánh Quạ. Trên đời, bây giờ Chèo Bẻo chỉ có việc đuổi đánh Quạ, trả thù. Lão Quạ Khoang, mày phải chết.

Mới hôm trước, trời xanh trong, Chèo Bẻo đánh Quạ ở núi Tam Đảo. Trời đẹp thế này, Quạ hay đi tìm mồi gà con lắm đây. Triền núi Tam Đảo mơ màng xanh xanh. Quả nhiên, lão Quạ Khoang lừ đừ bay qua. Bóng lão đen ngòm. Như có người tinh nghịch vẩy một vệt mực xám xịt lên nền trời xanh núi xanh.

Vọt một cái, Chèo Bẻo ở đâu đến đã đuổi tới, thúc thẳng vào bụng Quạ. Quạ bị đội bóng lên như ai xách cổ. Lão chới với đập cánh. Mãi mới quay đầu lại được. Chèo Bẻo lại lao đòn nữa. Nhưng lão Quạ đã kịp giờ mở đỡ, hất Chèo Bẻo vẹo người. Chèo Bẻo rớt cánh lộn tùng phèo mấy vòng xuống một quãng rồi lại ngóc lên, lại đuổi.

Lão Quạ bay tít vào trong núi. Chèo Bẻo như cái thoi, thúc lên thúc xuống, như đòn gánh đòn càn phang lia lịa. Chèo Bẻo lúc lẩn đi, lúc lại áp vào. Lão Quạ không cách nào dứt ra được. Không biết Chèo Bẻo còn đuổi lão Quạ đến tận đâu.

Lúc ấy, lại một đám đông những Bồ Các, những Vẹt, những Gõ Kiến, cả họ hàng Chèo Bẻo đã nấp sẵn trong khe núi. Trong núi Tam Đảo có bao nhiêu chim, thì hình như bấy nhiêu chim đã xô ra.

Câu vè làng Liễu Đôi kể về trận đánh dữ dội ấy:

Chèo Bẻo kết lại một tầng

Lao vào ngực Quạ như vùng đá to

Quạ kia xông lại muốn vồ

Chèo Bẻo túm lại đánh xơ mặt mày

Quạ kia dùng một dao phay

Xông vào toan chặt cả bấy tan xương

Bẻo càng lao tới như thường

Nhắm hầu mà nện, thái dương mà ghè

Quạ kia dong đôi cánh xè

Ầm ầm chắn lối đánh đè trước sau

Chèo Bẻo kêu thét bảo nhau

Lao vào bụng Quạ thốc đầu ngược lên

Quạ gầm như bị trăm tên

Đập đôi cánh dữ vọt liền lên cao

Chèo Bẻo tới tấp phóng nhào

Quạ càng luống cuống vút vào mây xanh

Tội ác vẫn bay lượn trên người, trên tức. Mà lão Quạ cũng uất đến sắp hộc máu. Bởi vì lão to khỏe, nhưng cũng chẳng xé xác được thằng Chèo Bẻo nhanh như chớp được. đành chịu. Mỗi khi rời tổ, lại cứ đảo diên hai con mắt nhìn quanh quất xem có thấy bóng Chèo Bẻo đâu.

Chèo Bẻo dạo chơi khắp nơi. Chèo Bẻo thăm hỏi những ai đã khỏi đau, những ai đã liền vết thương. Chèo Bẻo bàn bạc. Lão Quạ vẫn nhằng nháo thế đấy. Ta phải tính thế nào.

Mỗi nơi mỗi cảnh khác nhau. Cũng có bọn chột rồi, sợ rồi, như bọn Ngói chỉ biết ăn cho béo và bác Lềnh Đênh to xác ngày trước. Chim Sâu, chim Sẻ lần nào giáp chiến cũng bị ngã trời giáng mà các cô các cậu ấy không biết sợ. Nhưng đôi chân bằng cái tấm hương chẳng chơi được với Quạ. Chàng Bồ Các và chim Ri vẫn hăng. Nhưng cũng chẳng phải là tay đương đầu với lão Quạ.

Chèo Bẻo đã qua bao nhiêu con sông con hồ, bao nhiêu cánh đồng, bao nhiêu cánh rừng. Chèo Bẻo đã bay suốt cả mùa xuân sang mùa thu vàng đất trời. Có khi bay cả ngày nhìn xuống vẫn chỉ thấy mặt nước.

Hôm sau, vẫn bay, lại vẫn bay tìm bạn. Gặp bóng lão Quạ trên mép nước, đánh liền.

Chèo Bẻo vẫn sạo sục khắp nơi.

Chèo Bẻo tìm đến nhà Phượng Hoàng Đất. Phượng Hoàng Đất sồ sề, to bằng chị gà mái nạ dòng. Bộ mã xuống màu xám lông cú. Phượng Hoàng Đất lúc nào cũng đứng một chỗ, ban ngày không ai nhìn ra. Chỉ vì bộ mã Phượng Hoàng Đất lẫn với đất và lá khô.

- Chào Phượng Hoàng Đất. Có thấy lão Quạ đến đây không?

- Có, lão vẫn đi ngoài cửa vườn kia. Ngày trước, đi buổi sáng. Hồi này lão lại đi chập tối. Chẳng hiểu tại sao.

- A! Tôi đương tìm đánh lão đây.

- Mách nhé. Lên tận tổ lão mà đánh. Đâm một mỏ trứng vào mắt, lão không biết đăng nào đỡ được. Lão cũng mắc bệnh quáng gà đấy.

Chèo Bẻo mừng quá.

- Anh đưa tôi đi tìm tổ Quạ.

Phượng Hoàng Đất cười buồn.

- Chẳng may, tôi cũng quáng gà. Mặt trời lặn, mắt tôi cũng lặn theo, đêm tối mắt hóa thông manh có nhìn thấy gì đâu. Nhưng tôi sẽ chỉ đường anh tìm tổ Quạ.

Rồi Chèo Bẻo đi một mình. Rất hăng. Mọi khi đi đón lông, bây giờ đã biết đích xác.

Cái tổ Quạ ở cây gạo. Thần cây đa, ma cây gạo, Quạ ác ở cây gạo cũng phải, hợp với lời thiên hạ rửa sả.

Chập tối ấy sáng trăng. Chèo Bẻo trông thấy lù lù cái tổ quạ. Bóng cây que lô nhô thụt ra thụt vào.

Chèo Bẻo ngắm thật kỹ. Chèo Bẻo quyết đánh đòn bất chợt. Lên tận nơi, cánh bay không động, Chèo Bẻo lao thẳng, cả mỏ cả móng Chèo Bẻo xòe ra đâm vào cái tổ. Này này... Mày không kịp trở mình, mày không kịp mở mắt. Chèo Bẻo húc một cái. Nhưng chỉ là cái tổ không. Những cành khô gãy rãng rắc, rơi xuống.

Chèo Bẻo đương lơ lảo, ngơ ngác. Bỗng nghe tiếng bập mỏ cười khành khạch trong bóng tối. Rồi lão Quạ cất tiếng lè nhè :

- Tìm thấy lão Quạ chưa?

Chèo Bẻo tức điên. Thì ra cái lão Quạ quái quỷ đã phòng xa. Chẳng biết lúc ấy lão đi ăn về, thấy động, không vào, hay lão vẫn đứng đấy, ngủ đứng ở cành cây. Thế là Chèo Bẻo mắc lừa. Đêm hôm, bóng trăng bóng cây, bóng lá lẫn lộn. Biết lão đứng chỗ nào. Không cẩn thận, lão lại phóng cho một đòn thì chết.

Chèo Bẻo đành bay ra. Lại đón lông.

Một ngày kia, thấy từ chân trời, xôn xao hớn hở màu đỏ, màu vàng. Không nhận rõ đấy là đàn bướm bay hay đấy là hoa nở. Nghe xung quanh, trên lũy tre, mái nhà, trong vườn, tiếng chim riu rít mới nhớ ra. Mùa xuân lại đến rồi. Đàn bướm hay những thảm đỏ, thảm lúa đầy đồng cũng thế, khi mùa xuân về cả rừng hoa nở, cả đàn bướm bay ra.

Nhớ cái xóm trong chân tre ngày trước. Bụi tre hồi này đương lên măng. Mặt nước phẳng lặng in bóng hoa bóng nước đỏ hây. Vợ chồng chẳng quản nắng nóng, ngày ngày tha rác làm tổ, niềm vui đến quên cả nỗi khó nhọc.

Nghĩ thế, ruột gan lại đau quặn. Ở đâu, những tiếng chim non kêu róc rách như tiếng suối chảy. Chèo Bẻo muốn khóc hay sao. Không, không khóc. Không bao giờ khóc.

Chèo Bẻo nhảy lên đậu trên ngọn măng tre. Gió đưa ngọn măng uốn cong cánh cung, bật lên vi vút. Chèo Bẻo nghiêng đầu, nhô lên, nhìn xa.

Chợt Phượng Hoàng Đất bay qua.

Phượng Hoàng Đất hỏi :

- Thế nào, đã hả lòng chưa?

Chèo Bẻo kể lại tình đầu cái ma quái tối hôm ấy của lão Quạ. Phượng Hoàng Đất thờ dài :

- Tôi cũng đến chịu. Tôi chỉ biết thế, chỉ giúp được anh có vậy. Anh thử đi hỏi Phượng Hoàng xem.

Phượng Hoàng thật, không phải Phượng Hoàng Đất tôi đâu. Phượng Hoàng Đất tôi chỉ quanh quẩn xó nhà, còn Phượng Hoàng thật mới thật tung hoành khắp nơi khắp chốn.

Chèo Bẻo đi tìm Phượng Hoàng. Phượng Hoàng có phong tục mỗi mùa đi ăn theo một con sông. Cứ đi dọc dòng nước ra đến cửa biển rồi quay trở lại chuyển sang sông khác. Mùa năm nay, chẳng biết Phượng Hoàng đương rong chơi theo sông nào.

Nhưng khi ta đã chuyên tâm, thế nào cũng có khi tới được. Chèo Bẻo lần lần qua các dòng sông, từ ngọn nguồn xuống.

Một năm, đi từ đầu mùa xuân đến cuối mùa hạ thì gặp Phượng Hoàng.

Buổi sáng nắng đẹp. Trên bãi cát trắng mịn, một đàn Phượng Hoàng đương múa. Chim phượng đi đàn, chim tụ lại múa hát. Đã thành lệ vui chơi thế.

Chèo Bẻo gọi to :

- Phượng! Phượng!

Phượng Hoàng ngẩng đầu, mắt long lanh :

- Việc lão Quạ a?

- Ai có thể đi giết lão Quạ?

Phượng Hoàng đáp :

- Có chim Cắt.

- Bây giờ Cắt ở đâu?

Phượng Hoàng trông ra :

- Ngoài cánh đồng kia.

Chèo Bẻo đi ngay.

Cắt đương bay lượn tròn thật cao giữa trời trong xanh.

- Anh Cắt ơi!

- Cái gì thế?

- Lão Quạ...

Cắt nói :

- Tôi biết rồi. Nhưng tháng ba sắp tới, tôi trở về phương Bắc quê tôi có nắng ấm. Đầu mùa thu sang năm, Chèo Bẻo đợi tôi ở cánh đồng này.

Thế rồi chẳng bao lâu mùa thu đã trở lại. Những cây bàng đầu xóm, từng chiếc lá đỏ ả rơi xuống. Từ chân trời dạt dào về làn gió giải đồng. Chèo Bẻo nhớ lời cắt đã hẹn: đợi tôi, đợi tôi, đầu mùa thu...

Chèo Bẻo chẳng phải chờ lâu. Một buổi sáng xanh trong, chim cắt bay từ phía tây tới. Cả đàn Cắt đổ xuống quanh Chèo Bẻo.

Chèo Bẻo cảm động, cắt nhanh nhẹn, vừa trải nỗi khó nhọc đường xa, mình cắt đánh lại. Như chiếc búa, con dao, thanh gươm. Mỗi hiệp sĩ Cắt có thể ra cho kẻ thù một đòn thí mạng.

Cắt nhanh nhẹn nói ngay :

- Nào chúng ta đi!

Câu nói như lời hô, ai nấy hăng hái cất cánh.

Cắt và Chèo Bẻo bay qua các xóm chim trong lũy tre, bên bờ đầm nước và vườn cây ven đê. Những Vàng Anh, Sáo, Bìm Bịp, Cuốc... trong các xóm đều ngước mắt, reo lên: Có thể! Có thể! Chào các bạn! Chào các hiệp sĩ!

Nhưng mà tìm gặp được lão Quạ cũng chẳng phải dễ. Hình như lão Quạ cũng đã biết có cả Cắt, Quạ lẫn không đâu biết.

Một ngày kia thành lình thấy lão Quạ. Đương giữa thu, lão đứng trong cây đa. Chèo Bẻo kêu toáng. Lập tức, nhanh như chớp, cả đàn Cắt vù vù tủa xuống.

Bất thần, Quạ bay vút đi. Cắt và Chèo Bẻo dồn dập đuổi.

Đến một quãng cây rậm rạp dưới kia, lão Quạ đột nhiên cúp cánh. Lão để rơi mình xuống như hòn gạch. Lão Quạ biến mất vào vườn.

Lại đi tìm, tìm nữa.

Xế chiều gập lão Quạ lò dò ra bờ sông rình bắt cá. Nhưng lão Quạ lại bay biến. Đàn Cắt đã đuổi kịp sau lưng. Lão Quạ lại giở mẹo. Đang bay, lão lại đột ngột để rơi mình xuống. Vừa chập tối, mặt đất xám mờ. Không biết lão chui vào vườn cây hay vào cái lỗ chim Bói Cá trên thành đê. Cắt và Chèo Bẻo sục sạo. Nhưng bóng tối ngập nhoang đã bao phủ tất cả.

Chẳng bao lâu, chim Tu Hú đã về đậu trong cây vải, kêu “Tháng ba! Tu Hú! Tháng ba! Tu Hú...”, Cắt bảo Chèo Bẻo :

- Tháng ba thì vùng biển quê tôi ấm áp rồi, tôi trở về. Mùa thu sang năm, nhớ đợi tôi ở cánh đồng này. Chúng ta đi tìm đánh lão Quạ.

Chèo Bẻo bay tiễn đàn Cắt một quãng đường. Rồi Chèo Bẻo nghĩ: ừ, sang năm Cắt lại về giúp ta. Nhưng ta thì không thể cho lão Quạ được thông thả sống trong một cái chóp mắt.

Chèo Bẻo lên vách đá hỏi thăm Chèo Bẻo Đuôi Cờ xem chân bác đã khỏi đau chưa. Lông cánh, lông đuôi thế nào.

- Cảm ơn chú, khỏi cả rồi, vừa bay, đuôi tôi vừa lái được rồi. Chúng anh lại cùng với chú đi đánh lão Quạ.

Nghe Chèo Bẻo kể chuyện chim cắt, Chèo Bẻo Đuôi Cờ nói :

- Hay lắm, Cắt đánh Quạ, đánh Diều Hâu phải sợ, xưa nay ai cũng biết rồi. Nhưng Cắt chỉ về đây có mùa đông. Trên rừng còn nhiều tay giỏi thử đi hỏi xem.

Chèo Bẻo Đuôi Cờ ở rừng đã có kinh nghiệm mách bảo. Phượng Hoàng Đất bảo Phượng Hoàng, Phượng Hoàng mách chim Cắt. Nhiều các bạn chỉ vẽ, thế nào cũng ra điều hay.

- Bác bảo bây giờ đi tìm ai?

Chèo Bẻo Đuôi Cờ nói :

- Ta đi hỏi anh Bắt Tép Kho Cà.

Chèo Bẻo lên nương. Buổi trưa nắng, những chùm sim tím lịm phoi trên lá. Tiếng kêu thánh thót “bắt tép kho cà” rộn rã. Con chim đứng trong bụi sim kêu đến rạc cả tiếng. Chèo Bẻo Đuôi Cờ nói vọng vào :

- Chào chú Bắt Tép Kho Cà!

Bắt Tép Kho Cà đứng ngay đây, chỉ nhích ra khỏi túm lá sim, mà không ai nhìn thấy. Giỏi náu mình thế.

- Chú có mẹo nào đánh được Quạ không?

Bắt Tép Kho Cà dịu dàng trả lời :

- Các anh nghe tiếng em cũng đoán được em chẳng biết trò trống gì đâu. Chỉ mong được “bắt tép kho cà” mà đã được miếng tép, miếng cà nào đâu.

- Chán nhĩ!

- Anh đến hỏi Khó Khắc Phục. Các anh không để ý à. Con chim páng có biệt hiệu là Khó Khắc Phục thế cũng đủ thiên hạ biết tài. Khó khăn thế nào cũng khắc phục. Khó khăn khắc phục. Các anh đến hỏi xem...

Ừ phải, trên rừng có chim táng páng. Táng páng xưa nay chuyên cần kiếm ăn, tha rác làm tổ. Mọi việc làm không biết khó khăn. Thế đây.

Thế đấy, cho nên mỗi khi nghe táng páng hót huyết huy huyết huych, người ta nghe ra bốn tiếng gọi Khó Khăn Khắc Phục... Khó Khăn Khắc phục...

Nhà táng páng ở lỗ cao tít trên cây gỗ chò.

- Chào anh. Xin anh bảo cho cách đánh lão Quạ.

Táng páng đã biết cả mọi chuyện.

- Ừ, đến mùa thu thì Cắt trở lại, nhưng khi ấy thì lão Quạ đã lại hồi sức rồi. Lại phải đánh cho nó ốm dần ốm mòn, nhưng đến lúc nó sắp chết, thì các hiệp sĩ Cắt lại trở về quê. Thế thì mất công đến bao giờ mới chết tiệt được cái ác? Phải choảng cho lão Quạ một phát chết lăn quay ngay ra.

Chèo Bẻo nhìn xa.

- Ai làm được thế? Anh làm được không?

Chim mớ màng :

- Tôi không làm được. Nhưng tôi nghe kể ở thành cổ Bukhara, một vùng đất nước giữa châu Á có chim Đại Bàng mãnh liệt đuổi bắt sống được cả hổ, cả gấu. Một ngày kia, Đại Bàng cùng thợ săn, cưỡi ngựa vào rừng. Đại Bàng đậu trên vai thợ săn, xòe cánh làm ô che nắng cho người thợ săn. Thấy con gấu, Đại Bàng bay tới cất mỗ mỗ một cái. Con gấu chảy máu đầu đứng sững lại. Người thợ săn ruổi ngựa tới chỉ việc trói lại. Gặp con hổ, Đại Bàng cũng bay đến mỗ mỗ một cái vào đầu. Hổ lăn quay ra. Cặp mỗ Đại Bàng ấy mà già lão Quạ thì chỉ một nhát đã toác đôi đầu lão Quạ.

Chèo Bẻo xuýt xoa :

- Biết đâu rồi chẳng có ngày ta được gặp Đại Bàng như đã gặp Cắt.

Không biết đến bao giờ Chèo Bẻo gặp tráng sĩ Đại Bàng ở thành cổ Bukhara.

Nhưng cho tới ngày nay, quanh năm vẫn thấy Chèo Bẻo đánh Quạ. Con quạ to tướng, mà sợ Chèo Bẻo tí hon. Đến mùa thu tới, lại thấy Chèo Bẻo và Cắt vụt lên vút xuống đuổi đánh Quạ giữa trời.

Chú thích:

[1] Các câu vè trong truyện này đều lấy trong “Sưu tầm khảo sát văn hóa truyền thống Liễu Đôi” của Bùi Văn Cường và Nguyễn Tế Nhị sưu tầm và biên soạn (Nhà xuất bản Khoa học Xã hội 1981).

HẾT

CHIM CHÍCH LẠC RỪNG

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chèo Bẻo Đánh Quạ (4):

ùa xuân trở về lúc nào, làn gió ấm nhẹ cả người thổi đến đuổi cái rét mướt sang bên kia núi.

Mặt nước tự dừng trong veo. Một chiếc thuyền dừng đình qua. Nhà chài đi lưới đơm hay vớt đó cá, không biết.

Đã trông rõ chiếc thuyền thúng đi vớt rong. Ở rừng thông, từng đàn bướm bay ra. Bướm vàng, bướm trắng rập rờn quanh các gốc. Những con ngài được hơi nắng ấm, vừa nở thành bướm cánh. Không biết nữa, cánh bướm non chấp chới hay là làn gió rón rén đến rung cho bướm học bay.

Những con Sẻ nhảy chuyền trên cành thông. Mấy lâu, Sẻ tránh rét trong hốc cột. Sẻ ra hỏi thăm ngoài hồ xem các anh Bồ Nông có còn ở đấy không, hay đã trở về phương ấm áp rồi. Hôm trước, Sẻ xuống nhặt thóc rơi trên mạn thuyền, đậu nhằm cả xuống lưng Bồ Nông đứng rình mỗi ven nước. Mà anh Bồ Nông hiền, Sẻ đứng nặng trĩu lưng mà vẫn yên lặng, không rũ mình. Từ đấy, Bồ Nông và Sẻ thành bạn.

Những chiếc thuyền lửa tựa thấp thoáng mặt nước như lá tre rơi. Tiếng bơi chèo đập mạn thuyền gỗ, tiếng gõ cá quăng lưới. Bên kia vang tiếng hát, tiếng trẻ ra chơi. Không phải chỉ có những chiếc thuyền vớt rong cho lợn ăn như lúc này.

Những con tôm, con cá trong lòng hồ, bơi lấp lánh. Lũ Thồn Bơn, cá Thiều đón các bạn mới lên góp môi thở hớp quanh thuyền.

Góc hồ đằng kia, những bồ nông, những giang, những sếu đương sơn sắc bước lên bãi. Tiếng gọi nhau râm ran, lạc đặc, ời ời. Đàn chim trú đông, nghe làn gió ấm thổi lại, đương bay về phương bắc.

Mùa xuân đến, quanh mình tấp nập, rộn rã. Chèo Bẻo cũng biết như thế. Nhưng Chèo Bẻo âm thầm. Mùa xuân này, Chèo Bẻo chỉ có một mình.

Giữa khoảng trời, Chèo Bẻo nghe quanh mình có tiếng gọi: Chèo Bẻo! Chèo Bẻo! Đây là tiếng mùa xuân. Mùa xuân thông cảm nỗi đau.

Cả vùng đã quả quyết đi tìm hỏi tội lão Quạ. Các bụi, các cây trong vườn, ngoài bờ tre vắng hẵn. Hãy để mùa xuân tươi đẹp đây, các bạn vỗ cánh bay rợp trời quanh Chèo Bẻo - có cả Chèo Bẻo Đuôi Cờ.

Bài về Chèo Bẻo đánh Quạ ở làng Liễu Đôi đã nói về khí thế lạ lùng ấy.

Tất cả nước mắt đầm đầm

Run run đứng dậy mà cầm gươm đao

Thù thẳng Quạ độc chất cao.

Oan này chỉ quyết phải lao đao này

Cả đàn, cả lũ, cả bầy

Gặp thẳng Quạ độc đánh ngay giữa vườn

Ao ào cánh liệng mở vườn

Xông vào đánh Quạ như tuôn thác đồng

Trưa ấy nắng ấm rực rỡ từ trong vườn ra cánh đồng.

Trời có nắng, lão Quạ xòe cánh đập kín chân, phơi mình trên tảng đá. Lão lim dim ngủ. Lão mới đớp được miếng mồi, no say rồi, mắt dip lại. Vừa nửa thức nửa ngủ, đã ngáy o o.

Thường ngày, cái lão chúa lười này vẫn nằm gật gờng thế, cho đến chiều nắng vàng hoe mới lò dò lên tổ trên hốc cây muồm. Cũng chẳng bao giờ lão cất công làm cái tổ tử tế. Lão chỉ vơ mấy cây que, gác lên hang, thế là thành nhà. Mà chỗ ấy cũng là cái tổ Bồ Các bỏ đi, sẵn mấy que kèo cột. Lắm hôm lão cũng chẳng buồn về tổ. Lão vạ vật chỗ nào cũng được. Lão Quạ đương hấp hiu mắt. Mơ mơ màng màng vì vu...

Bao nhiêu đàn chim bay rợp trời trên đầu lão, giữa cánh đồng. Liễu Điều trông thấy trước tiên, Liễu Điều hét :

- Lão Quạ! Lão Quạ!

Thế là lao ngay xuống. Cả bọn chim Ri lao theo. Nhà ri, Ri Đá, Ri Cam, Ri Sừng, cặp mỏ khoằm khoằm như hòn sỏi xám ném vào Quạ. Quạ bị luôn mấy chục quả thui vào đầu, vào lưng.

Quạ còn đương sững sốt, bọn Rẽ Giun đã ùng ùng đến. Bấm sinh, lúc nào các cậu Rẽ Giun cũng run rẩy, lên cơn sốt. Thế mà khi ấy thật táo tợn - mặc dầu so với Lão Quạ, Rẽ Giun chỉ như quả trứng chọi hòn đá. Rẽ Giun thấp lùn cùn, lắc mỏ rút đám lông quanh bấp chân Quạ, lôi ra được một nạm lông cổ chân Quạ, Rẽ Giun mất đà, ngã ngửa. Lại lóp ngóp xông vào.

Quạ còn đương đỡ đòn bọn Ri.

Liều Điều, Rẽ Giun vùn tui bụi tới tấp đánh.

Quạ đã bình tĩnh lại, lão bập cái mỏ một cái. Cả năm lông cánh Rẽ Giun bật máu bung ra. Rẽ Giun choáng váng, lảo lúng lùm cây. Đàn Ri vẫn lao tới như ném chấu. Quạ nghiêng mình, Ri đánh hụt, đâm

vào tảng đá, đầu lóa lợi máu. Hải quá, Liễu Điều vụt bay tránh lên cao.

Những đàn chim khác vẫn rầm rộ, hăm hăm tới. Lão Quạ thấy không thể coi thường đám đông này. Quạ đứng hẩn dậy, xòe cánh, quắc mắt. Bồ Các vừa hét vừa lao. Những chàng Bồ Các đã không “mũ ni che tai” nữa. Quạ giơ thẳng mỏ. Bồ Các đâm vào mỏ Quạ. Chao ôi, bằng đâm vào bàn chông. Bồ Các rách xoạc miếng lông bụng, gáy một bên cánh. Bị lạng đi, không một Bồ Các nào đủ sức quay lại. Con ngã. Con bắn đi một quãng. Lại Vẹt, lại Bói Cá nhảy đến. Anh Vẹt vác cái mỏ to như chiếc búa. Quạ giơ đầu cánh lên đỡ. Cặp mỏ Vẹt, mỏ Bói Cá to tướng nhưng chỉ là những thứ dùng thường ngày bắt con tép. Và khoét quả ổi, quả na. Va vào đầu cánh Quạ, mỏ bật ra như đụng cối đá.

Lão Quạ cười khặc khặc :

- Vào làm miếng nữa, vào đi!

Tuy vậy, lão Quạ cũng thấy đã thách lờ lời. Còn đông nghịt bao nhiêu chim đương lăm le. Quạ lăm bầm không hiểu chúng nó hóa rồ hay thế nào, mà tự dưng chúng nó kéo đến gây sự.

Trông thấy Sáo Sậu và Chèo Bẻo lão Quạ mới biết là chúng nó thù.

Hiệp sĩ Cú đen sẫm như nhọ chảo dưới trôn nôi nhô lên. Cú chuyên đi đêm, không ai ngờ Cú ra ban ngày. Thương Chèo Bẻo, Cú quên cả ban ngày ban đêm. Cú xòe cánh như quăng lưới.

Lão Quạ vẫn nhơn nhơn. Lão Quạ đã biết hiệp sĩ Cú, to con thế, nhưng mắt có bệnh quáng gà, ban ngày không trông rõ đâu.

Cú hùng hổ tới. Mắt cú lóng lánh tròn bi ve. Hai chân móng giơ ra. Mỏ há nhọn hoắt. Như những con dao mở sẵn. Cú bay như gieo mình xuống. Nhưng quả thực mắt Cú hau háu - hau háu như mắt cú, mắt cú vọ, thế mà ban ngày thì quáng gà, chẳng tinh tường chút nào. Quạ đã tránh sang bên mà Cú không biết. Cú đâm đầu vào tảng đá như Ri Đá lúc này. Cú ngã văng xuống.

Lão Quạ cũng chẳng kịp để mắt. Lão còn phải đối phó với một đám đông hơn nữa ập đến. Le Le, Cốc, cả Vạc, cả Diệc... Những cụm móng, những cẳng mò nước, dài như sào gậy. Cái anh Vạc chập tối mới ra, cũng có mặt. Họ nhà Vạc đi ban ngày - lại cũng như Cú, vừa chui bóng đêm ra cứ ngơ ngác, mà tợn tợn, vì căm thù, vì thương Chèo Bẻo.

Đám Le Le, Cốc, Vạc hoa chân giơ mỏ lùa tủa trên đầu lão Quạ. Lão Quạ đã tỉnh hẩn, chẳng bối rối chút nào. Hai cánh Quạ như hai cái quạt sắt. Đám chân chim gầy guộc lêu nghêu kia mà vướng vào, tựa năm đũa bị gãy răng rắc. Cả bọn ngã lộn bộn như sung rụng quanh bãi cỏ.

Những đám họ cò, Cò Bợ, Cò Lửa, Cò Xanh, Cò Bạch, Cò Mỏ Vàng - trông cũng mảnh mai thế mà nhanh lắm. Cò tranh nhau chen vào giơ mỏ rút lông Quạ, ở cổ, ở cánh, ở lưng...

Chim Hét nhảy vào một mình. Chim Hét đen trùi trùi. Mỏ Hét chuyên đào giun dế, to bè như cái bàn cuốc. Lão Quạ xù lông nghênh lên đánh Hét. Hai chiếc mỏ Hét, mỏ Quạ đâm vào nhau rộp rộp. Mỏ Hét cứng ra trò. Rộp... Rộp... Nhưng cũng chẳng thể đối địch được lão Quạ. Hét ngã nghoẹo đầu. Mấy tay Hét tới cứu bạn, lão Quạ tổng văng cả bọn ra.

Rồi còn vô số đàn chim các nơi đến đánh trả thù cho nhà Chèo Bẻo, quần với lão Quạ suốt ngày đến tối mịt. Nhưng chẳng ai rút được thêm cái chân lông Quạ.

Tội nghiệp, vợ chồng nhà Sáo Sậu vừa đánh, vừa hét, vừa khóc. Mỗi rồi, ra nằm thở một lúc, lại lao vào. Không sợ chết, chỉ quyết đòi nợ máu cho con.

Lão Quạ chợt thấy cái tổ tự nhiên lúc lắc quay quay như sắp đứt. Lão Quạ luống cuống hốt hoảng. Lão không trông thấy Chèo Bẻo thoát tới, đâm thẳng vào cổ lão một phát. Lão Quạ giật thót mình. Cái đầu ngật đi. Lão Quạ chột dạ. Bấy giờ mới nhận ra Chèo Bẻo. Thằng này gan lì. Không thể coi nó dưới mắt được.

Các bạn chạy, các bạn ngã, xác xơ, tan tác. Chèo Bẻo vẫn chao lên chao xuống đánh lão Quạ.

Chèo Bẻo xiên vào nách. Chèo Bẻo đâm thẳng mặt. Chèo Bẻo rúc dưới khoeo chân lên. Mỗi lần Chèo Bẻo liệng, Quạ lại loay hoay đỡ. Chèo Bẻo bám luôn, đánh dồn dập cả bốn phía. Quạ đỡ, Quạ đỡ.

Nhưng lão Quạ chống đỡ cả ngày, lử rồi. Có lúc lão bị Chèo Bẻo húc vào đuôi, đội người lên. Lão Quạ mặc kệ. Mệt quá. Ngồi trên đầu Chèo Bẻo, Chèo Bẻo tưởng Quạ lặn quèo xuống nhưng rồi lão Quạ bay thẳng. Chèo Bẻo đuổi theo lão Quạ bay lắc lư. Chốc chốc lão quặc mỏ lại đánh đòn gió. Rồi lại dướn lên, bay biến. Chèo Bẻo vẫn đuổi, cho đến lúc cả hai bóng chim mờ vào làn sương chiều.

Thế mà dạo ấy chỗ nào cũng vắng chim. Trong làng, ngoài đồng lặng lặng như không. Cò gãy chân, phải đi bó bột. Vẹt bị lật cả mảng mỏ đương bó lá náng. Chim sẻ thì sã cánh. Buồn quá! Đánh nhau với mỗi một lão Quạ mà tai hại thế.

Chỉ mong muốn thôi, chưa đủ. Sức yếu thì chẳng làm gì nổi lão Quạ.

Thế nào bây giờ? Thế nào thì thế, Chèo Bẻo vẫn tìm đánh lão Quạ. Chèo Bẻo Đuôi Cờ đi thám thính bay múa giữa trời. Thành linh, thấy lão Quạ. Thế là ào xuống đánh. Một mình cũng đánh.

Pấp, pấp. Vút như một mũi tên, lão Quạ tránh lên. Nhưng lại phải đương đầu với Chèo Bẻo Đuôi Cờ chặn trên ấy.

Cái đuôi cờ của Chèo Bẻo Đuôi Cờ chỉ đẹp mắt, chẳng được mảy việc nào. Quần thảo một lúc, mấy chiếc lông đuôi nuốt nà đã bị lão Quạ cắn cụt lủn. Chèo Bẻo Đuôi Cờ mất đuôi, không lái được, cứ loạng choạng quay tròn, rồi phải đổ xuống đậu bệt trên cỏ.

Chèo Bẻo nói :

- Bác đã hết lòng với em, không bao giờ em dám quên. Bác ạ, cái đuôi cũng như đôi cánh, mất đuôi rồi bác phải nghỉ thôi.

- Anh sẽ về núi thuốc thang ít lâu. Khi nào lông đuôi mọc như cũ, anh lại về giúp chú. Anh đã nghĩ cách giết được thằng Quạ rồi. Anh sẽ mổ thẳng vào mắt nó. Nó phải mù, nó phải chết.

Chèo Bẻo Đuôi Cờ tha thui bay về rừng.

Một mình Chèo Bẻo. Chèo Bẻo vẫn tìm đánh Quạ.

Chèo Bẻo mò thám biết lão Quạ, hay nằm phơi nắng giữa cánh đồng. Lão đương thiu thiu ngủ, bất thần Chèo Bẻo lao đến.

Chèo Bẻo nhắm từ trên cao, quyết đâm thủng mắt lão. Nhưng lão Quạ nằm trên tảng đá, chỉ thấy một đám đen ngòm. Không nhận ra chỗ nào đầu, chỗ nào đuôi. Thế là Chèo Bẻo cứ quạng bừa. Lão Quạ giật nảy mình. Lão thấy trên ức bị cái gì đâm đau chói lên tận óc.

A! Lại thằng Chèo Bẻo. Lão không sợ. Nhưng cũng khiếp. Mỏ nó mà trúng mắt thì mù rồi chứ còn à. Lão không dám coi thường như mọi khi cứ ngồi trên tảng đá hắt mỏ, hắt cánh, lão phải bay lên đỡ đòn.

Chèo Bẻo bám riết đuôi lão Quạ. Chèo Bẻo và lão Quạ đánh nhau loạn xạ giữa trời. Lão Quạ to béo như cái cối xay lẫn ù ù. Chèo Bẻo mỏng mảnh, như chiếc lá, ngọn đuôi nhọn hoắt lái bên phải, quay bên trái.

Lão Quạ thờ hộc lên. Hai mắt đỏ đòng đòng. Chèo Bẻo lao tới. Lão Quạ lẳng một cái. Mỏ Quạ giáng đúng đầu Chèo Bẻo. Chèo Bẻo choáng váng, cánh rúm lại, rơi bộp xuống. Như ai ném toạch cục đất.

Lão Quạ kêu to :

- A ha! A ha!

Lão Quạ toan lao xuống bổ thêm Chèo Bẻo mấy phát. Nhưng giữa xóm đông, Quạ ngại có bấy, có người ra đuổi đánh. Và lại, rơi xuống thế cũng đủ chết, mảy chết rồi. Thế là lão đứng đỉnh bay. Mắt lão nhón nhác tìm tảng đá ở một chỗ vắng. Lúc này, chưa chớp mắt được, thằng Chèo Bẻo đã đến sinh sự.

Lão đã trông thấy tảng đá xa xa và bóng nắng. Lão là là xuống. Đôi cánh xòe rộng, trên bóng nắng tảng đá, lão ngả mình, lim dim mắt. Thành linh, một bóng đen đến sau lưng thoát cái đâm xuyên dưới bụng lên. Lão cụp nhanh cánh. Khiếp quá, cái gì, cái gì... Lão trông lại. Thằng Chèo Bẻo. Ô hay, nó vẫn còn sống.

Phải, Chèo Bẻo không chết, Chèo Bẻo mở mắt ngơ ngác nhìn quanh. Nhớ ra vừa bị lão Quạ choảng vào đầu. Nhưng ta không thể chết. Chèo Bẻo ngo ngo quanh quất.

Trên vòm trời, bóng Quạ nhỏ dần. Chèo Bẻo vươn hai cánh. Hai cánh Chèo Bẻo vẫn cứng cáp, chẳng sao. Thế là Chèo Bẻo cất mình lên, lại bay đi tìm Quạ.

Lão Quạ lộn tiết lên rồi. Lão Quạ nhóm đầu đâm thẳng vào Chèo Bẻo. Nhưng Chèo Bẻo vừa hút chết đã biết đỡ đòn. Lão Quạ khỏe mà không nhanh bằng Chèo Bẻo. Lão Quạ đâm tới, Chèo Bẻo thoát tránh. Quạ hụt đà chúi xuống. Lập tức, Chèo Bẻo bập đám lông đuôi Quạ, rút rút. Lão Quạ buốt lên suốt sống lưng. Lão Quạ chịu đứt chiếc lông đuôi, nhưng quay lại được. Lão Quạ nhảy bổ vào. Chèo Bẻo rơi mình xuống, lách được.

Cứ thế, Quạ và Chèo Bẻo quần nhau giữa trời. Lão Quạ nghĩ bụng: “Đánh nhau cò cựa với nó thế này, nhọc quá. Mà lại thấy đói rồi”. Thế là, Quạ bay thẳng. Chèo Bẻo hấp tấp đuổi theo. Các xóm chim ở bờ nước và trên bụi tre trông thấy Chèo Bẻo đuổi Quạ, cứ ngóng lên hoan hô.

Từ đây Chèo Bẻo gặp Quạ đâu, Chèo Bẻo xông vào đánh luôn. Có chim bạn, cùng nhau đánh. Có một mình cũng đánh. Đòn như bị bông, cũng không sao tìm được miếng hiểm đánh chết lão Quạ được.

Có dạo trời mưa dầm. Quạ nằm tổ mấy hôm rồi đói bụng, phải lò dò xuống bờ mương rình cá. Chèo Bẻo vẫn đợi sẵn ở đâu đã lao tới. Lão Quạ phải bỏ mồi cá vừa lượn tới.

Mùa đông tới, Quạ tránh gió rét, nằm ro ró trong hốc cây gạo. Thế mà vừa có nắng, lão thò ra, đã bị bộp một cái. Như hòn đá ném trúng sọ. Lão Quạ hoảng hốt dựng người lên. Gió ù ù thổi bạt cánh. Chèo Bẻo đã thúc đầu vào giữa ngực Quạ. Lão Quạ lộn tùng phèo mấy vòng. Nhưng lão gượng ngay, thẳng chân, găm ghè xù lông, lao vào Chèo Bẻo.

Chèo Bẻo bay quanh, xia lung tung lên lưng lão. Cứ đánh nhau liên miên. Có khi lão Quạ mỗ vào đầu Chèo Bẻo. Chèo Bẻo ngã ngất, rơi xuống. Rồi lại tỉnh. Chèo Bẻo lại bay lên, lặn vào. Có khi Chèo Bẻo rút được cả mảng lông bụng Quạ. Nhưng Quạ vẫn chẳng sao.

Năm này qua năm khác.

Thường trông thấy về mùa tre mọc măng, những chiếc măng nẩy lộc lủa tủa vút lên nền trời. Chèo Bẻo hay đậu những nhánh măng cao cao ấy. Rồi nhún lên nhún xuống.

Không phải Chèo Bẻo rồi rãi đánh du chơi. Bụng dạ đâu mà chơi nhớn. Cây tre non vút lên, vút lên, đứng một chỗ mà nhìn được xa. Chèo Bẻo trông sang tít bên kia. Xem phía nào thấy lão Quạ...

Chèo Bẻo rình Quạ. Lúc nào Chèo Bẻo cũng tìm đánh Quạ. Trên đời, bây giờ Chèo Bẻo chỉ có việc đuổi đánh Quạ, trả thù. Lão Quạ Khoang, mày phải chết.

Mới hôm trước, trời xanh trong, Chèo Bẻo đánh Quạ ở núi Tam Đảo. Trời đẹp thế này, Quạ hay đi tìm mồi gà con lắm đây. Triền núi Tam Đảo mơ màng xanh xanh. Quả nhiên, lão Quạ Khoang lừ đừ bay qua. Bóng lão đen ngòm. Như có người tinh nghịch vẩy một vệt mực xám xịt lên nền trời xanh núi xanh.

Vọt một cái, Chèo Bẻo ở đâu đến đã đuổi tới, thúc thẳng vào bụng Quạ. Quạ bị đội bóng lên như ai xách cổ. Lão chới với đập cánh. Mãi mới quay đầu lại được. Chèo Bẻo lại lao đòn nữa. Nhưng lão Quạ đã kịp giờ mở đỡ, hất Chèo Bẻo vẹo người. Chèo Bẻo rớt cánh lộn tùng phèo mấy vòng xuống một quãng rồi lại ngóc lên, lại đuổi.

Lão Quạ bay tít vào trong núi. Chèo Bẻo như cái thoi, thúc lên thúc xuống, như đòn gánh đòn càn phang lia lịa. Chèo Bẻo lúc lẩn đi, lúc lại áp vào. Lão Quạ không cách nào dứt ra được. Không biết Chèo Bẻo còn đuổi lão Quạ đến tận đâu.

Lúc ấy, lại một đám đông những Bồ Các, những Vẹt, những Gõ Kiến, cả họ hàng Chèo Bẻo đã nấp sẵn trong khe núi. Trong núi Tam Đảo có bao nhiêu chim, thì hình như bấy nhiêu chim đã xô ra.

Câu vè làng Liễu Đôi kể về trận đánh dữ dội ấy:

Chèo Bẻo kết lại một tầng

Lao vào ngực Quạ như vùng đá to

Quạ kia xông lại muốn vồ

Chèo Bẻo túm lại đánh xơ mặt mày

Quạ kia dùng một dao phay

Xông vào toan chặt cả bấy tan xương

Bẻo càng lao tới như thường

Nhắm hầu mà nện, thái dương mà ghè

Quạ kia dong đôi cánh xè

Ầm ầm chắn lối đánh đè trước sau

Chèo Bẻo kêu thét bảo nhau

Lao vào bụng Quạ thốc đầu ngược lên

Quạ gầm như bị trăm tên

Đập đôi cánh dữ vọt liền lên cao

Chèo Bẻo tới tấp phóng nhào

Quạ càng luống cuống vút vào mây xanh

Tội ác vẫn bay lượn trên người, trên tức. Mà lão Quạ cũng uất đến sắp hộc máu. Bởi vì lão to khỏe, nhưng cũng chẳng xé xác được thằng Chèo Bẻo nhanh như chớp được. đành chịu. Mỗi khi rời tổ, lại cứ đảo diên hai con mắt nhìn quanh quất xem có thấy bóng Chèo Bẻo đâu.

Chèo Bẻo dạo chơi khắp nơi. Chèo Bẻo thăm hỏi những ai đã khỏi đau, những ai đã liền vết thương. Chèo Bẻo bàn bạc. Lão Quạ vẫn nhằng nháo thế đấy. Ta phải tính thế nào.

Mỗi nơi mỗi cảnh khác nhau. Cũng có bọn chột rồi, sợ rồi, như bọn Ngói chỉ biết ăn cho béo và bác Lềnh Đênh to xác ngày trước. Chim Sâu, chim Sẻ lần nào giáp chiến cũng bị ngã trời giáng mà các cô các cậu ấy không biết sợ. Nhưng đôi chân bằng cái tấm hương chẳng chơi được với Quạ. Chàng Bồ Các và chim Ri vẫn hăng. Nhưng cũng chẳng phải là tay đương đầu với lão Quạ.

Chèo Bẻo đã qua bao nhiêu con sông con hồ, bao nhiêu cánh đồng, bao nhiêu cánh rừng. Chèo Bẻo đã bay suốt cả mùa xuân sang mùa thu vàng đất trời. Có khi bay cả ngày nhìn xuống vẫn chỉ thấy mặt nước.

Hôm sau, vẫn bay, lại vẫn bay tìm bạn. Gặp bóng lão Quạ trên mép nước, đánh liền.

Chèo Bẻo vẫn sạo sục khắp nơi.

Chèo Bẻo tìm đến nhà Phượng Hoàng Đất. Phượng Hoàng Đất sồ sề, to bằng chị gà mái nạ dòng. Bộ mã xuống màu xám lông cú. Phượng Hoàng Đất lúc nào cũng đứng một chỗ, ban ngày không ai nhìn ra. Chỉ vì bộ mã Phượng Hoàng Đất lẫn với đất và lá khô.

- Chào Phượng Hoàng Đất. Có thấy lão Quạ đến đây không?

- Có, lão vẫn đi ngoài cửa vườn kia. Ngày trước, đi buổi sáng. Hồi này lão lại đi chập tối. Chẳng hiểu tại sao.

- A! Tôi đương tìm đánh lão đây.

- Mách nhé. Lên tận tổ lão mà đánh. Đâm một mỏ trứng vào mắt, lão không biết đằng nào đỡ được. Lão cũng mắc bệnh quáng gà đấy.

Chèo Bẻo mừng quá.

- Anh đưa tôi đi tìm tổ Quạ.

Phượng Hoàng Đất cười buồn.

- Chẳng may, tôi cũng quáng gà. Mặt trời lặn, mắt tôi cũng lặn theo, đêm tối mắt hóa thông manh có nhìn thấy gì đâu. Nhưng tôi sẽ chỉ đường anh tìm tổ Quạ.

Rồi Chèo Bẻo đi một mình. Rất hăng. Mọi khi đi đón lông, bây giờ đã biết đích xác.

Cái tổ Quạ ở cây gạo. Thần cây đa, ma cây gạo, Quạ ác ở cây gạo cũng phải, hợp với lời thiên hạ rửa sả.

Chập tối ấy sáng trăng. Chèo Bẻo trông thấy lù lù cái tổ quạ. Bóng cây que lô nhô thụt ra thụt vào.

Chèo Bẻo ngắm thật kỹ. Chèo Bẻo quyết đánh đòn bất chợt. Lên tận nơi, cánh bay không động, Chèo Bẻo lao thẳng, cả mỏ cả móng Chèo Bẻo xòe ra đâm vào cái tổ. Này này... Mày không kịp trở mình, mày không kịp mở mắt. Chèo Bẻo húc một cái. Nhưng chỉ là cái tổ không. Những cành khô gãy rãng rắc, rơi xuống.

Chèo Bẻo đương lơ lảo, ngơ ngác. Bỗng nghe tiếng bập mỗ cười khành khạch trong bóng tối. Rồi lão Quạ cất tiếng lè nhè :

- Tìm thấy lão Quạ chưa?

Chèo Bẻo tức điên. Thì ra cái lão Quạ quái quỷ đã phòng xa. Chẳng biết lúc ấy lão đi ăn về, thấy động, không vào, hay lão vẫn đứng đấy, ngủ đứng ở cành cây. Thế là Chèo Bẻo mắc lừa. Đêm hôm, bóng trăng bóng cây, bóng lá lẫn lộn. Biết lão đứng chỗ nào. Không cẩn thận, lão lại phóng cho một đòn thì chết.

Chèo Bẻo đành bay ra. Lại đón lông.

Một ngày kia, thấy từ chân trời, xôn xao hớn hở màu đỏ, màu vàng. Không nhận rõ đấy là đàn bướm bay hay đấy là hoa nở. Nghe xung quanh, trên lũy tre, mái nhà, trong vườn, tiếng chim ríu rít mới nhớ ra. Mùa xuân lại đến rồi. Đàn bướm hay những thảm đỏ, thảm lúa đầy đồng cũng thế, khi mùa xuân về cả rừng hoa nở, cả đàn bướm bay ra.

Nhớ cái xóm trong chân tre ngày trước. Bụi tre hồi này đương lên măng. Mặt nước phẳng lặng in bóng hoa bóng nước đỏ hây. Vợ chồng chẳng quản nắng nóng, ngày ngày tha rác làm tổ, niềm vui đến quên cả nỗi khó nhọc.

Nghĩ thế, ruột gan lại đau quặn. Ở đâu, những tiếng chim non kêu róc rách như tiếng suối chảy. Chèo Bẻo muốn khóc hay sao. Không, không khóc. Không bao giờ khóc.

Chèo Bẻo nhảy lên đậu trên ngọn măng tre. Gió đưa ngọn măng uốn cong cánh cung, bật lên vi vút. Chèo Bẻo nghiêng đầu, nhô lên, nhìn xa.

Chợt Phượng Hoàng Đất bay qua.

Phượng Hoàng Đất hỏi :

- Thế nào, đã hả lòng chưa?

Chèo Bẻo kể lại tình đầu cái ma quái tối hôm ấy của lão Quạ. Phượng Hoàng Đất thờ dài :

- Tôi cũng đến chịu. Tôi chỉ biết thế, chỉ giúp được anh có vậy. Anh thử đi hỏi Phượng Hoàng xem.

Phượng Hoàng thật, không phải Phượng Hoàng Đất tôi đâu. Phượng Hoàng Đất tôi chỉ quanh quẩn xó nhà, còn Phượng Hoàng thật mới thật tung hoành khắp nơi khắp chốn.

Chèo Bẻo đi tìm Phượng Hoàng. Phượng Hoàng có phong tục mỗi mùa đi ăn theo một con sông. Cứ đi dọc dòng nước ra đến cửa biển rồi quay trở lại chuyển sang sông khác. Mùa năm nay, chẳng biết Phượng Hoàng đương rong chơi theo sông nào.

Nhưng khi ta đã chuyên tâm, thế nào cũng có khi tới được. Chèo Bẻo lần lần qua các dòng sông, từ ngọn nguồn xuống.

Một năm, đi từ đầu mùa xuân đến cuối mùa hạ thì gặp Phượng Hoàng.

Buổi sáng nắng đẹp. Trên bãi cát trắng mịn, một đàn Phượng Hoàng đương múa. Chim phượng đi đàn, chim tụ lại múa hát. Đã thành lệ vui chơi thế.

Chèo Bẻo gọi to :

- Phượng! Phượng!

Phượng Hoàng ngẩng đầu, mắt long lanh :

- Việc lão Quạ a?

- Ai có thể đi giết lão Quạ?

Phượng Hoàng đáp :

- Có chim Cắt.

- Bây giờ Cắt ở đâu?

Phượng Hoàng trông ra :

- Ngoài cánh đồng kia.

Chèo Bẻo đi ngay.

Cắt đương bay lượn tròn thật cao giữa trời trong xanh.

- Anh Cắt ơi!

- Cái gì thế?

- Lão Quạ...

Cắt nói :

- Tôi biết rồi. Nhưng tháng ba sắp tới, tôi trở về phương Bắc quê tôi có nắng ấm. Đầu mùa thu sang năm, Chèo Bẻo đợi tôi ở cánh đồng này.

Thế rồi chẳng bao lâu mùa thu đã trở lại. Những cây bàng đầu xóm, từng chiếc lá đỏ ả rơi xuống. Từ chân trời dạt dào về làn gió giải đồng. Chèo Bẻo nhớ lời cắt đã hẹn: đợi tôi, đợi tôi, đầu mùa thu...

Chèo Bẻo chẳng phải chờ lâu. Một buổi sáng xanh trong, chim cắt bay từ phía tây tới. Cả đàn Cắt đổ xuống quanh Chèo Bẻo.

Chèo Bẻo cảm động, cắt nhanh nhẹn, vừa trải nỗi khó nhọc đường xa, mình cắt đánh lại. Như chiếc búa, con dao, thanh gươm. Mỗi hiệp sĩ Cắt có thể ra cho kẻ thù một đòn thí mạng.

Cắt nhanh nhẹn nói ngay :

- Nào chúng ta đi!

Câu nói như lời hô, ai nấy hăng hái cất cánh.

Cắt và Chèo Bẻo bay qua các xóm chim trong lũy tre, bên bờ đầm nước và vườn cây ven đê. Những Vàng Anh, Sáo, Bìm Bịp, Cuốc... trong các xóm đều ngước mắt, reo lên: Có thể! Có thể! Chào các bạn! Chào các hiệp sĩ!

Nhưng mà tìm gặp được lão Quạ cũng chẳng phải dễ. Hình như lão Quạ cũng đã biết có cả Cắt, Quạ lẫn không đâu biết.

Một ngày kia thành lình thấy lão Quạ. Đương giữa thu, lão đứng trong cây đa. Chèo Bẻo kêu toáng. Lập tức, nhanh như chớp, cả đàn Cắt vù vù tủa xuống.

Bất thần, Quạ bay vút đi. Cắt và Chèo Bẻo dồn dập đuổi.

Đến một quãng cây rậm rạp dưới kia, lão Quạ đột nhiên cúp cánh. Lão để rơi mình xuống như hòn gạch. Lão Quạ biến mất vào vườn.

Lại đi tìm, tìm nữa.

Xế chiều gập lão Quạ lò dò ra bờ sông rình bắt cá. Nhưng lão Quạ lại bay biến. Đàn Cắt đã đuổi kịp sau lưng. Lão Quạ lại giở mẹo. Đang bay, lão lại đột ngột để rơi mình xuống. Vừa chập tối, mặt đất xám mờ. Không biết lão chui vào vườn cây hay vào cái lỗ chim Bói Cá trên thành đê. Cắt và Chèo Bẻo sục sạo. Nhưng bóng tối ngập nhoang đã bao phủ tất cả.

Chẳng bao lâu, chim Tu Hú đã về đậu trong cây vải, kêu “Tháng ba! Tu Hú! Tháng ba! Tu Hú...”, Cắt bảo Chèo Bẻo :

- Tháng ba thì vùng biển quê tôi ấm áp rồi, tôi trở về. Mùa thu sang năm, nhớ đợi tôi ở cánh đồng này. Chúng ta đi tìm đánh lão Quạ.

Chèo Bẻo bay tiễn đàn Cắt một quãng đường. Rồi Chèo Bẻo nghĩ: ừ, sang năm Cắt lại về giúp ta. Nhưng ta thì không thể cho lão Quạ được thông thả sống trong một cái chóp mắt.

Chèo Bẻo lên vách đá hỏi thăm Chèo Bẻo Đuôi Cờ xem chân bác đã khỏi đau chưa. Lông cánh, lông đuôi thế nào.

- Cảm ơn chú, khỏi cả rồi, vừa bay, đuôi tôi vừa lái được rồi. Chúng anh lại cùng với chú đi đánh lão Quạ.

Nghe Chèo Bẻo kể chuyện chim cắt, Chèo Bẻo Đuôi Cờ nói :

- Hay lắm, Cắt đánh Quạ, đánh Diều Hâu phải sợ, xưa nay ai cũng biết rồi. Nhưng Cắt chỉ về đây có mùa đông. Trên rừng còn nhiều tay giỏi thử đi hỏi xem.

Chèo Bẻo Đuôi Cờ ở rừng đã có kinh nghiệm mách bảo. Phượng Hoàng Đất bảo Phượng Hoàng, Phượng Hoàng mách chim Cắt. Nhiều các bạn chỉ vẽ, thế nào cũng ra điều hay.

- Bác bảo bây giờ đi tìm ai?

Chèo Bẻo Đuôi Cờ nói :

- Ta đi hỏi anh Bắt Tép Kho Cà.

Chèo Bẻo lên nương. Buổi trưa nắng, những chùm sim tím lịm phoi trên lá. Tiếng kêu thánh thót “bắt tép kho cà” rộn rã. Con chim đứng trong bụi sim kêu đến rạc cả tiếng. Chèo Bẻo Đuôi Cờ nói vọng vào :

- Chào chú Bắt Tép Kho Cà!

Bắt Tép Kho Cà đứng ngay đây, chỉ nhích ra khỏi túm lá sim, mà không ai nhìn thấy. Giỏi náu mình thế.

- Chú có mẹo nào đánh được Quạ không?

Bắt Tép Kho Cà dịu dàng trả lời :

- Các anh nghe tiếng em cũng đoán được em chẳng biết trò trống gì đâu. Chỉ mong được “bắt tép kho cà” mà đã được miếng tép, miếng cà nào đâu.

- Chán nhĩ!

- Anh đến hỏi Khó Khắc Phục. Các anh không để ý à. Con chim páng có biệt hiệu là Khó Khắc Phục thế cũng đủ thiên hạ biết tài. Khó khăn thế nào cũng khắc phục. Khó khăn khắc phục. Các anh đến hỏi xem...

Ừ phải, trên rừng có chim táng páng. Táng páng xưa nay chuyên cần kiếm ăn, tha rác làm tổ. Mọi việc làm không biết khó khăn. Thế đây.

Thế đấy, cho nên mỗi khi nghe táng páng hót huyết huy huyết huych, người ta nghe ra bốn tiếng gọi Khó Khăn Khắc Phục... Khó Khăn Khắc phục...

Nhà táng páng ở lỗ cao tít trên cây gỗ chò.

- Chào anh. Xin anh bảo cho cách đánh lão Quạ.

Táng páng đã biết cả mọi chuyện.

- Ừ, đến mùa thu thì Cắt trở lại, nhưng khi ấy thì lão Quạ đã lại hồi sức rồi. Lại phải đánh cho nó ốm dần ốm mòn, nhưng đến lúc nó sắp chết, thì các hiệp sĩ Cắt lại trở về quê. Thế thì mất công đến bao giờ mới chết tiệt được cái ác? Phải choảng cho lão Quạ một phát chết lăn quay ngay ra.

Chèo Bẻo nhìn xa.

- Ai làm được thế? Anh làm được không?

Chim mớ màng :

- Tôi không làm được. Nhưng tôi nghe kể ở thành cổ Bukhara, một vùng đất nước giữa châu Á có chim Đại Bàng mãnh liệt đuổi bắt sống được cả hổ, cả gấu. Một ngày kia, Đại Bàng cùng thợ săn, cưỡi ngựa vào rừng. Đại Bàng đậu trên vai thợ săn, xòe cánh làm ô che nắng cho người thợ săn. Thấy con gấu, Đại Bàng bay tới cất mỗ mỗ một cái. Con gấu chảy máu đầu đứng sững lại. Người thợ săn ruổi ngựa tới chỉ việc trói lại. Gặp con hổ, Đại Bàng cũng bay đến mỗ mỗ một cái vào đầu. Hổ lăn quay ra. Cặp mỗ Đại Bàng ấy mà già lão Quạ thì chỉ một nhát đã toác đôi đầu lão Quạ.

Chèo Bẻo xuýt xoa :

- Biết đâu rồi chẳng có ngày ta được gặp Đại Bàng như đã gặp Cắt.

Không biết đến bao giờ Chèo Bẻo gặp tráng sĩ Đại Bàng ở thành cổ Bukhara.

Nhưng cho tới ngày nay, quanh năm vẫn thấy Chèo Bẻo đánh Quạ. Con quạ to tướng, mà sợ Chèo Bẻo tí hon. Đến mùa thu tới, lại thấy Chèo Bẻo và Cắt vụt lên vút xuống đuổi đánh Quạ giữa trời.

Chú thích:

[1] Các câu vè trong truyện này đều lấy trong “Sưu tầm khảo sát văn hóa truyền thống Liễu Đôi” của Bùi Văn Cường và Nguyễn Tế Nhị sưu tầm và biên soạn (Nhà xuất bản Khoa học Xã hội 1981).

HẾT

Mục lục

⋮

Viết về “nạn cò”, tôi lấy từ điển Từ và Ngữ Việt Nam của cụ Nguyễn Lân tra xem chữ cò đã sinh trưởng ra sao.

Chữ cò gốc nó chỉ con cò. Các loài cò: cò bạch (trắng), cò bợ, cò đen, cò hương, cò lửa, cò quăm, cò ruồi, cò thìa. Và biến hoá đi: con cò (ở khung cửi), bóp cò súng, mua con cò (tem), ông cò, cò trẻ con (dái trẻ con). Miêu tả điệu bộ: cò cửi, cò cưa, cò dò, cò kè, cò quay. Và điệu hát: hát cò lả. Những chữ cò vào thể kỷ và gần đây: Cò súng bóp cò súng (rất nhanh), cò mồi, cò con, cò quay (cờ bạc bịp), thẳng cò, cái cò.

Như chữ ông cò (nói tắt chữ Pháp: Commissaire là đội xếp, thơ Tú Xương: Thành Nam danh giá nhất ông cò, thì còn hiểu được, nhưng con cò tiếng miền Nam là cái tem bưu điện (có lẽ có khi tem bưu chính của Pháp in hình con cò chẳng?), và điệu hát cò lả thì không đoán được nguồn gốc thế nào.

Mỗi chữ sinh sôi ra sao đều bởi hoàn cảnh của người và cộng đồng. Có chữ sống dai, có chữ chết yếu. Có khi cái áo sơ mi ni lông chim cò hết thời thì chữ áo chim cò cũng biến mất. Nhưng chữ thầy cò, cò mồi thì lộn kiếp và tồn tại dài dài.

Có hôm, ở Sài Gòn, tôi bàn với các bạn:

- Mai đi Lái Thiêu chơi vườn nhé.

Về Lái Thiêu mùa này đánh võng giữa vườn, rượu và trái cây, thức nhắm thì chủ vườn vớt đôi thăng ba ba dưới lạch lên. Ở bên thành phố mà chẳng khác đi du lịch vườn ở Vĩnh Long, ở Sa Đéc.

Mấy năm, khách ta khách Tây nhện nhịp chơi vườn Lái Thiêu.

Nhưng tôi đã được trả lời:

- Vườn Lái Thiêu hết khách rồi.

- Năm rồi ngập nước à?

- Phải đâu. Tụi cò vườn tranh khách dữ quá. Khách ngán không đến nữa.

Ở đâu có ăn chơi thì đấy sinh ra cò. Cò đón mồi ra tận ngoài đường lớn, cò đưa khách vào vườn. Đông cò, đông khách rồi cò kéo, chia chác, có khi một lũ cò với cả chủ vườn ẩu đả nhau chí chết. Tây trông thấy cũng ớn, thế là mất khách. Xe vừa lên hết dốc đồi, vào đường thông Đà Lạt. Mấy cái xe máy rồ ra theo hai

bên.

Bên trái:

- Các chú vô khách sạn Ngọc Lan. Đặc sản thú thiệt.

Bên phải nói to hơn:

- Các chú à, vũ trường Rừng Xanh có các em thú thiệt!

Từ đấy vào tới chợ, xe này nhả thì xe khác cò bám, mời chào lao xao tương tự.

Đấy cũng gọi là cò, cò nhiều như kiến. Đến Ninh Bình, vào thắng cảnh Hoa Lư trong núi, một lũ người lau nhau xúm đến bán hương.

- Tao có hương rồi.

- Cháu đưa bác vào đền, nhiều đền cơ mà.

- Tao biết đường cả rồi.

Thằng bé vẫn lảng nhảng theo. Rồi nói:

- Bác cho cháu một nghìn.

- Tiền gì?

- Cháu ăn mày bác. Từ sớm chẳng bán được thẻ hương nào.

Tôi không cho, thằng bé phải bỏ đi. Nhưng mất người tây đầm đi trước thì chúng nó còn lảng nhảng đeo vào tận trong đền.

Ở Hà Nội, không gặp những cò như cò Đà Lạt, cò Lái Thiêu, nhưng các “nhà nghỉ” la liệt hầu hết ở các phố có bến xe, có nhà hàng và nơi khuất vắng đều có treo bảng, thế là chắc chắn ở đấy chẳng thiếu cò. Và lại cái nghề cò giỏi xem tướng lắm.

Những người như tôi, trạc tôi. chúng nó thả lời làm gì cho mất công. Những cái cò ăn mày như ở Hoa Lư thì đâu cũng thấy. Khách ở các tỉnh, khách nước ngoài ở bờ hồ Gươm. Ở đền Quán Thánh đều được cò vây bọc các phía. Hay là quanh quán cá phố Trần Nhân Tông, lên đường thị chó trên Nhật Tân, hay bia Hải Xôm, ốc ông Già. cò lại cò. Nghe nói các bến xe đường dài Hà Nội - Sài Gòn, các hàng quán dọc đường nhốt khách nuôi cả cò du côn... Cò bự hay cò ruồi thì cũng một giống cò. Ở đâu cũng có cò. Có điều cò thật như cò định nghĩa trong từ điển thì bị chết mất giống. Duy có cò biến tướng cò đều cò người này thì càng nhiều.

Mục lục

- Chương 1:
- Chương 2:
- Chương 3:
- Chương 4:
- Chương 5:
- Chương 6:
- Chương 7:
- Chương 8:
- Chương 9:
- Chương 10:

CỎ DẠI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương 1:

... Cỏ dại hoa đồng

Ông bà ngoại tôi có nếp nhà gạch rất cũ. Người ta thường đồn rằng tuổi nó dễ đã đến ngoài một trăm năm. Nhưng kể tuổi thực của nó, cũng chưa lão quá như vậy. Chỉ trong vòng một kỷ, trên hoặc dưới cái quãng người Tây vào tỉnh Hà Nội lần thứ nhất. Không phải ông bà ngoại của tôi làm nên nếp nhà ấy. Nó là cái cơ nghiệp hương hoả. Ông tôi được gánh thừa tự, đèn nhang cho một ông bác mất không có con trai.

Khi ông cụ bác ông tôi còn sống đã lo sợ lắm về sự mất giỗ của mình mai sau. Bởi vậy, tuy đã đặt tự cho cháu, lại còn mua hậu làng, mua hậu họ, mua hậu hàng xã, khiến những mấy nơi phải trách nhiệm cúng giỗ nữa.

Cái hôm Tây chiếm tỉnh Hà Nội lần thứ hai, ông tôi đương trèo đèo dẫn một cây xoan. Nghe phía ngoài thành, tiếng súng nổ ùng ùng. Người trong làng nhốn nháo...

Ngày ấy, ông tôi chưa được ngôi nhà tự kia. Mười năm sau ông tôi mới về đấy.

Khi này, ngôi nhà đã gần như bỏ hoang. Vợ chồng ông bà bác ông tôi khuất núi đã được vài năm. Bấy giờ trong vùng đất cát còn rộng rãi nhiều, người ta chưa biết lo đến chuyện nhà cửa. Vả lại, ông bà tôi nghèo. Cũng không cần có một ngôi nhà thơm tất quá. Ngày xưa, người ta lại sợ, nếu có một nếp nhà gạch tề chỉnh. Ở nhà ngói núp bóng giàu có, chỉ tổ hãi kẻ cướp. Do vậy, ông bà tôi cứ lần lữa nương náu ở túp lều trong xóm Trong. Khi ông bà tôi về ngoài ấy, nhà cửa đã tềnh toàng như cái lều chợ. Bà tôi quấy một gánh nôi niêu thúng đựng áo đụp, ông tôi cời trần khiêng cái cũi đựng bát. Gia sản có bấy nhiêu thứ, quẳng vào nếp nhà mệnh mông càng hoang vắng thêm.

Tuy ông bà tôi dọn ra đây, nhưng những nhà ở nhờ kia vẫn nguyên như thường. Cùng nghèo khó cả, ở quây quần với nhau. Người thì đi gánh đất, người thì đi dẹt củi mướn. Có bác cả ngày nhịn khăn năm dài, tối mò mẫm đi ăn trộm. Trẻ con thả lã cho đi tha thẩn như gà. Trong sân, cỏ mọc la liệt vươn cả lên thềm hè. Phía ngoài, xế bên phải là một cái chuôm nước. Cỏ nước xanh phủ kín, nom cũng như mặt bãi đất liền. Vào nhà, hai ba gian một chủ ở, treo bông bông lủng lẳng mấy cái quang gánh. Không có giường phản, mọi nhà đều nằm đất. Về mùa đông đánh bạn với ổ rơm. Gian giữa, lù lù ba cái bệ bằng đất đắp bậc cao thấp, bệ thờ như kiểu hương án ngoài đình. Hai mặt bệ nhẵn trơn; có một bát bình hương xám bằng sành. Một bên gian buồng cửa đóng kín ghim nghiêm. Mặt đất ẩm nhớp mốc rêu. Cỏ tận ngoài sân leo vờn vào. Buồng trong người không ở, cây cáo đào hầm hố ngổn ngang. Trong bóng tối nổi lên từng ụ gò đồng, thành lũy đất vụn. Quanh năm không ai bước chân đến.

Khi có tôi, toà nhà cổ này hiện ra trong tròng mắt tôi với đủ mọi vẻ kinh rợn. Nó lù lù giữa làng sát bên lối vào xóm. Mái ngói đen kịt gỗ một đường bờ giữa, hai đầu hồi lù lên hai cái trụ. Nó đội cao trên những mái tranh đen sẫm thấp lè tè xung quanh la liệt rừng dâm bụi, rừng xương rồng, cây xoan gầy mà cao lêu đêu. Một lớp tường dài xây bằng gạch vồ không trát, như một dải tường thành. Mỗi năm, vào tết Nguyên Đán, ông tôi sửa soạn một chậu nước vôi và một cái thép lá thông. Ông nhúng thép vào vôi, phết lên mặt tường vẽ thành những đường vòng tròn, to bằng chiếc mẹt mọt. Lạ lắm, nhưng tôi không dám hỏi. Có lần nào đấy, ông tôi cắt nghĩa rằng những cái vòng tròn này để trừ quỷ. Năm mới, lũ quỷ sứ dưới âm ti thường hay lên trần gian cướp của. Vẽ cái vòng tròn này quỷ sợ không dám vào. Nghe thế, tôi hãi lắm.

Tôi ngần ngợ nhìn ông tôi bê chậu nước vôi đi xung quanh tường, quét những hình tròn tròn. Lốt vôi tó mẫm, trắng xoá trên màu tường gạch hung đỏ. Đến bây giờ hãy còn dấu rõ ràng. Những người bạn vào nhà tôi, tưởng như vào một chiếc tàu biển mà bên thành tàu có những lỗ đại bác, hoặc những cửa tròn trong khoang nhìn ra mặt sóng.

Ngoài sân, cây cối um như rừng. Mảnh sân đất dài nhưng hẹp, lúc nào cũng ẩm, vì ánh nắng không lọt xuống đấy. Cây na, cây lựu, một cây cam sành, cây hồng quả, cây ổi lớn chi chít cành. Giữa có cây ngọc lan. Đầu mùa hè, hoa ngọc lan chín trắng muốt, hương ngát ra tận ngoài đầu ngõ. Các dì tôi hay bắc ghế đầu hái hoa lan gài lên mái tóc, lẫn vào đầu vành khăn. Cạnh cây ngọc lan là một cây đào thực to. Cái sân bé hoản mà lũng cùng những cây. Đối với tôi, là cả một thế giới cây cối. Thân cây đào lớn bằng cột đình, đen xù xì, quanh năm phòi ra từng cục nhựa trong óng, dính như cồn. Nó lão quá không đứng được thẳng, phải khom khom ngả dài nghiêng ra tận thành bể. Tôi cứ men men leo được đến lưng chừng thân, rất dễ dàng. Về cuối mùa thu, cây trụi gần hết lá. Sang đầu xuân hoa và lá lại thi nhau trở xanh rờn và đỏ phớt - sắc hoa đào phai, cho đến khi mãn vụ quả, tức là bắt đầu mùa hè.

Năm nào cũng có đôi vợ chồng chim chào mào tha rác đến làm tổ trong một cành đào rậm lá cao cao. Tháng năm, tháng sáu, những con chim mới nở đã mạnh cánh và cứng mỏ, thì vợ chồng con cái nhà chim bỏ tổ, ríu rít mang nhau đi. Tôi háng xem kỹ càng từ hôm chú chào mào đực quặp ở đâu về cành cây từng cuống rạ nhỏ. Khi ấp trứng, chúng hót líu lo suốt sớm chiều. Rồi những ngày tha mồi vất vả. Hai vợ chồng chim cùng gầy phờ người. Buổi sáng mát, mấy chú chim con chen nhau đứng trên thành tổ ngóng ra. Tôi ngồi núp một bên bể nước say mê ngắm nghía. Tôi không thích bắn. Nói cho đúng tôi cũng không dám bắt các chú chim nhỏ ấy. Ông tôi cấm.

Đến ngày chim rời tổ, "bồng bế" nhau đi, tôi ngần ngợ nhớ.

Rồi sang năm, không biết vẫn đôi ấy hay đôi khác, chim chào mào lại đến làm tổ. Ngày ngày tôi lại lom khom nấp bên cạnh bể nước, ngó lên cây đào. Trong cây đào cuối mùa xuân thì có tổ chim chào mào. Trong cây cam sành thì quanh năm có tổ chim gi đá. Có khi mấy tổ nhiều hàng chục con. Loài này ăn ở dè dặt, bay thì không động lá. Ở cũng như đi, yên lặng như không. Chúng xấu xí và bé hơn cả chim sẻ, tôi chả thích mấy. Và lại, chúng cứ bay lẩn trong lá, tôi không ngó thấy mấy khi. Lá cây nhiều quá. Lá cây này búi lấy lá cây khác, ôm lẫn nhau, mặt đất mát rười rượi. Ở tầng thấp hơn la liệt nào xương rồng, mào gà, nào

tía tồ, kinh giới, những nhóm vạn niên thanh mọc lẫn với cỏ tóc tiên. Trong lối đi ẩm ướt các thứ cây nhỏ bé ấy mọc chìa ra lúc nào cũng có những cậu cóc xù xì ngồi châu nhau, ngấm ngấm và nghiêng răng kèn kẹt. Cao nhất ở góc sân, bốn cây cau mốc trắng vút lên trời, đội trên đầu những chòm lá như những chiếc áo tơ xanh. Về mùa mưa gió thỉnh thoảng, một cái mo mèo rớt mạnh, ngã thình xuống sân.

Tay phải thẳng về phía trước mặt, là vườn sau cũng rất nhiều cây. Khế, bưởi. Thêm một bụi chuối tây, một khóm xanh táo phủ kín cả một phía ao nước - một chuôm nước nhỏ xíu ông tôi bảo, nếu lấp cái ao nước ấy, cả xóm sẽ "động".

Chuôm nước bắn xanh đục lờ lờ là cái bể nuôi cá sần sần và cá rô ron của tôi. Và hết thảy một khoảng vườn sau đó, tôi đặt tên là sở Bách Thú. Sở Bách Thú của tôi. Thế này nhé: trên cành dương rủ bên bờ chuôm, tôi buộc vài con xiến tóc vàng. Châu chấu voi và bộ ngựa thì thành thơi nhảy rờn trong bụi xanh táo. Dưới đất, tôi lấy những viên gạch chỉ chặn ngang chặn dọc, phủ đất kín lên trên làm thành những dinh cơ kín đáo để nuôi nhái và ếch. Có những chú ếch bé tôi bắt được ở ngoài ruộng đem về nhốt vào nhà hầm đến cả tháng, mỗi ngày nhét khe tường cho xơi mấy hạt cơm. Lúc rờn hầm ra các chú ngơ ngác, đờ đẫn quên cả nhảy, da dẻ thì trắng bệch như những chú ếch bằng đá. Trại Bách Thú của tôi thích lắm. Có khi tôi mê mãi cả ngày trong bụi cây vườn. Nhưng cứ đến buổi chiều khi mặt trời đã lặn, là tôi không dám men chân la cà ra ngoài ấy nữa.

Biết bao nhiêu chuyện ma quái rùng rợn quanh cái ao. Ông tôi kể. Bà tôi kể. Ngọn đèn khuya liu liu. Những bàn chân chẳng dám thò ra bóng tối. Ma. Ma! Dưới cầu ao có con nam nam, con thường luồng, con rắn cạp nong cạp nia nằm rình rút chân người ta. Phía bên kia, có ông thần đất, ông tôi kể mỗi khi ông tôi ốm, ông thần đất lại bảo cho biết trước.

Cạnh ông thần đất có cái gò vịt vàng. Những đêm mùa hạ tối trời đàn vịt thần kéo đi ăn, vàng rực một góc vườn. Ai có duyên với thần tài thì người ấy sẽ gặp. Nhưng chẳng ai gặp bao giờ. Ở một nhà hàng xóm bên kia ao người ta đắp một cái am nhỏ, xung quanh trồng mấy cây hoa đơn đỏ. Có ý để cúng đàn vịt. Nhưng ông tôi chưa bao giờ trông thấy thần đất, chỉ nằm mơ thấy ông ta thôi. Mà bà tôi cũng chưa hề trông thấy đàn vịt vàng. Nghe các cụ nói lại thế. Lại nghe các cụ nói lại ở ao này có một con ma rất to. Những đêm thanh vắng nó thường hoá làm người đàn bà váy áo trắng lôm lổp ngồi khóc bên bờ ao ti ti. Hễ động tiếng người, ma liền đứng vươn dậy nhảy ùm xuống nước, lập lờ rồi biến mất. Giữa những câu chuyện ghê rợn ấy, tôi ngồi nép khít bên tay áo bà tôi, nhìn ra ngoài trời tối. Thấy chỗ nào cũng thấp thoáng trắng trắng những ma là ma. Tôi nhắm nghiền mắt lại.

Trong nhà lại còn nhiều cái sợ hơn. Nhà gồm sáu gian lớn và một gian xép ngày xưa dùng chứa thóc, hàng hiên chạy dài phía trước, có bậc cửa cao chặn ngang lối vào nhà. Gian nào cũng có những cái gai tre che kín. Bởi vậy, ban ngày mà nhà tối mờ mờ. Gian đầu đằng kia cái chuôi vồ ngày trước đã bị một lần sét đánh, rơi trên nóc nhà xuống. Chắc đấy có con ma dữ nên trời đánh. Đào đất chỗ ấy thế nào cũng tìm được cái lưỡi tầm sét của ông thiên lôi. Ba gian chính, một bên kê bộ tràng kỷ, chỗ khách khứa ngồi chơi. Tôi nhớ nhất hai thứ này: cái ảnh "các bốt tan" nhỏ. Một chụp ông Đề Thám quần khăn tây vớ ngồi khuyên

chân, đặt hai tay xuống đầu gối giữa một đứa trẻ con và một chụp một cảnh đồn canh trong rừng có những người mặc áo dài, thắt lưng bó que cũng đeo một khẩu súng trường oai vệ. Phía trong tường, một bức hoành bằng giấy viết hai chữ nho thái hoà thực to. Kỳ diệu thay, trong lòng chữ, lại mang nhiều hình vẽ. Vẽ ông ngồi câu cá. Vẽ cái cây, cái núi. Vẽ ông cầm quạt đứng bờ sông chơi. Vẽ ông cưỡi ngựa có thằng bé con chạy theo. Vẽ chiếc thuyền. Vẽ đàn chim. Tất cả đều lồng trong hai chữ thái hoà không lồ.

Ngay phía dưới tường, trên đầu trường kỷ, treo một quyển lịch bìa đỏ. Tôi không biết chữ nghĩa nho nhoe gì, nhưng hay táy máy mở ra xem. Ở trang đầu quyển lịch vẽ một thằng bé chồm để cun cút, tay cầm cành tre, tay dắt một con trâu. Trên cao, chiếc mặt trời chiếu tia lửa tủa, có một chữ nhật nằm giữa. Cái lịch cũng tầm thường, chẳng đáng để ý mấy. Nhưng có một việc khiến tôi nhớ nó mãi. Một buổi tối, tôi ngồi tần mẩn, mở lịch ra xem. Thành linh, ông tôi cuốc vào đầu tôi một cái. Tôi sợ run. Tôi không dám khóc, nước mắt cứ trút xuống má. Bà tôi giải nghĩa cái cuốc ấy: "Từ giờ, tối tăm đêm hôm không được mở lịch chữ nho, chữ đức thánh ra xem nhé!". Tôi biết vậy. Và từ ấy, chừa.

Gian bên kia, kê giường bà tôi. Bên trong, một cái hòm phản lớn áp tường. Cái gian này lắm chuyện lạ nữa. Hai cái vòng sắt đóng vào hai mỗ cột để mắc vông như hai vòng càn khôn của ông Na Tra. Ở một chiếc cột sườn có con ma mộc. Con ma mộc là con chim chết trong cây, gặp giờ linh thành con ma mộc, nhập vào cây. Cái cây được đem từ rừng về đứng làm cột nhà, con ma vẫn còn ở trong ấy như thường. Cái cột xế phía trong tường cũng có ma mộc. Những tối khuya u uất nghe tiếng ma mộc gõ mõ nhớ rừng. Bà tôi bảo thế. Trong cột tự dưng bật ra những tiếng cóc cóc rõ ràng như tiếng mõ rao. Nhiều đêm nằm bên bà tôi, tôi cố đợi nghe ma mộc gõ mõ. Nhưng rồi giấc ngủ cứ vụt đến lúc nào không biết.

Cũng gian ấy, hai tấm cánh cửa bị thủng hai vạch dài. Ngày trước, quân Cờ Đen kéo qua vùng đã phá nhà này. Bây giờ, còn lại vết trên cánh cửa và một tấm cánh ngõ bị đốt cháy. Đêm mưa, dưới ánh đèn chập chờn những câu chuyện kể của bà, tôi lại tưởng ra hình thù lá cờ đen to bằng chiếc chiếu đại, lòng cờ mắc chẳng chịt lười câu. Nó chụp xuống mồm người cong lên như con tôm rang. Những người tay cầm mã tấu, mắt to lồi như chiếc chén tống. Dao chém phàm phạp. Đầu lâu tung lên với máu tươi. Trẻ con thì không cần phải giết. Nó cứ cầm hai cẳng chân vịn ngoéo một cái chết ngay được. Đứng trong xó buồng. Cứ nghĩ đã có lần những quân giết người ấy vào nhà này, tôi rùng mình, lạnh ra. Hể nhà vắng người, tôi đành ngồi thu lu trên thềm đá giữa sân, không dám ra ao hay vào trong nhà. Sợ lắm. Mà sợ nhất, nếu phải đến buồng ông tôi nằm. Cái buồng ấy lúc đông cả nhà ai bảo tôi vào một mình tôi cũng hãi.

Trong ấy cũng có một con ma mộc ở hốc cột. Con ma mộc này gõ mõ chơi với con ma mộc ngoài kia. Buồng tối om om không bao giờ trông thấy mặt đất. Cái buồng đây, bao nhiêu năm xưa đã để cho cây cáo ở. Chỉ có mỗi một lỗ cửa sổ đứng cao tận trên áp mái, mà ông tôi đã lấy nửa đan bịt kín lại. Bởi vì về mùa gió, nước mưa thường hắt lùa được vào cửa sổ. Trên nền đất rộng ẩm thấp kê độc trội một chiếc phản gỗ. Từ trên nóc nhà u ám rủ xuống những tua xanh đỏ và những tàu lá dứa đại. Những thứ ấy để trị loài dơi. Dơi bay vướng gai, sợ sẽ không dám vào buồng. Tuy thế, vô khối những con dơi đen sì vẫn tùm vào nhau bậu lú lú như những năm bồ hóng trên xà ngang. Phân của chúng tanh khắn. Sáng nào ông tôi cũng quét, nhưng không bao giờ hết. Chỗ nào cũng sợ. Trong buồng này, đồn ngày xưa các cụ để của. Đâu chôn những

mấy nén vàng, nén bạc. Bây giờ lạc mất dấu thành thử không ai tìm thấy. Đã có khi, mấy năm túng đói, ông tôi đào quanh buồng tìm của. Song lưỡi suốt cắm vu vơ xuống đất, chẳng thể biết đâu là chừng. Mỗi lần, chỉ mới vào đứng lấp ló cửa buồng là tôi đã rờn rợn trong người. Tôi thấy thấp thoáng như có bao nhiêu ma quái chưa bao giờ tôi biết, ngồi chồm hổm quanh quất sau các chân cột. Mấy hòn đá kê cột đáng hẳn cũng sợ, những hôm trời nồm đá cũng đổ mồ hôi ra ướt nhoe.

Và ngày trước, ở buồng ấy đã có người bên đạo đến ở. Có một hồi, ông bà tôi theo đạo Gia Tô. Về việc đi theo đạo, bà tôi thường kể lại một câu chuyện buồn cười. Chập tối, các dì tôi quì cầu kinh giữa nhà. Thầy giáo làm lễ bên cạnh. Thầy để ý nghe lời cầu kinh của dì tôi. Thầy nghe tiếng rì rầm đều đều Đức Chúa Lời... Đức Chúa Lời... có mười cái răng... Đức Chúa Lời có mười cái răng... Đức... Dì tôi quì, hai mắt nhắm tịt, cái đầu gật gờng. Tan lễ, thầy giáo gọi dì tôi đến, bảo đọc lại câu kinh. Dì tôi đọc lại: Đức chúa Lời có mười cái răng. Cả nhà không ai dám cười. Thầy giáo nghiêm trang bảo: "Bạn sau, nhớ cầu Đức chúa Lời có mười điều răn... Đọc lại nào".

Dì tôi đã cầu kinh trong cơn ngủ gà. Và lại, thầy giáo bên đạo người miền bể nói chữ r uốn lưỡi Răn hay Răng thì cũng thế cả. Nhưng đó chỉ là câu chuyện để cười. Tôi cứ nhớ những thầy giáo bên đạo. Không phải những thầy giáo ngày trước ở trong nhà tôi. Ngày đó đã làm gì có tôi. Những nhà thầy bên đạo, thuở nhỏ tôi hay gặp trên đường cái. Cái áo thâm dài bí mật với cái mũ trắng to xum xụp. Đôi mắt hau háu ang ác. Mỗi lần thầy giáo ở làng Đông hay trên Bạc xuống thường đến nhà ông bà tôi. Căn buồng tối này các nhà thầy đã ở. Thầy nào cũng giống thầy nào, cứ ở trong buồng, cửa đóng im ỉm, rất ít ra ngoài. Mỗi buổi chiều, thầy ra sân. Hai tay chắp sau lưng, thông thả đi bách bộ. Trời tối hẳn, thầy lại vào buồng. Căn buồng càng âm u ghê. Bên ngoài, đầu cái lối đi dầy gạch củ đậu lưng cùng là cổng ngõ. Ngoài ngõ, không có ma. Nhưng có chiếc cánh cửa bị quân Cờ Đen đốt. Và có con chó đá bị chôn ngập nửa mình xuống đất, ngồi chầu hầu mồm héch. Tôi ghê ghê cả con chó đá.

Chỗ nào cũng có bóng ma. Có những năm nhà tôi quẩn bách, thường lộn xộn cãi nhau, bà tôi thờ dài: "Cái đất này có con ma cãi nhau. Lúc nào nó chuyển con đất đến là cãi nhau. Cứ nghiệm mà xem". Những chuyện ma quái ở các xó xỉnh những trận cãi nhau, chửi nhau, sợ quá, buồn bã quá. Ngoài ngõ, vườn sau, trong nhà, cái gian nhà kín chôn vàng có ma mộc, có ông thầy giáo bên đạo mặt xanh lợt, bận áo dài đen.

Buổi chiều muộn năm thân ấy, sau tết rằm tháng tám một ngày, u tôi ở cữ tôi ở cái buồng tối mò ấy. Cụ Dè bên lảng giềng sang đỡ cho tôi. Cụ kém mắt, cầm miếng mảnh sành và chiếc que nửa sờ soạng cắt rốn cho tôi. Hai vai tôi nhầy nhớp bắn bết đen xỉn. Lúc bỗng tôi ra tắm ngoài cánh giại, bà cụ nói: "À thằng cu con này tràng hoa quẩn cổ lắm lắm. Giời để cho làm người, ngày sau chim gái ra phết đây". U tôi thường nói lại thế, khi tôi còn nhỏ. Và u tôi hay bảo: "Mới đẻ, mày chỉ bé tí tẹo, bằng con chó con".

Chương 2:

Mới sinh, tôi được gọi là thằng Cu, - cái tên chung thông thường của những đứa trẻ con trai trong vùng. Đến khi tôi biết bập bẹ đòi ăn quà, cả nhà đặt cho tôi cái biệt hiệu là thằng Bòi Cầu. Hai chữ này cũng chẳng lạ. Nó, tên một thằng ăn mày. Bòi Cầu là một người ăn mày ở vùng tôi từ thuở thiếu niên cho tới khi già lão. Ngày còn trẻ, Bòi Cầu làm khuân vác lật vật. Về già, Bòi Cầu đứng lêu bêu ngoài đường vào xin cơm từng bữa. Tôi chỉ nhớ mang máng. Lão thường đi vắn vợ trên đầu chợ. Quần áo rách lượm tượm. Cái bụng phình như cái chum, hùm rốn sâu hoắm. Mặt lão chảy dài, lúc nào cũng nhăn nhó. Đầu lão to như một cái chõ đồ xôi.

Tôi được cả nhà gán cho cái hình dong hao hao giống Bòi Cầu. Bởi đầu tôi to quá. Cái đầu tôi đã to lại méo mó gồ ghề như quả mít. Bà tôi nói rằng trước đầu tôi cũng tròn trịa dễ coi. Năm lên ba tôi đã thôi bú, lên ngủ một giường với bà tôi. Tôi hiền như một cục đất, xa u mà không khóc. Lúc nào tôi có ư ư giục dịch hờn, bà tôi liền dọa: "Kia kìa, con kèng kẹc... Con kèng kẹc cắn chân... Nín đi, cháu?". Tôi im ngay. Bà tôi cất tiếng ru ả ời... Thế là tôi ngủ yên, đầu gối trên cánh tay bà. Gối cánh tay bà mãi, đầu thành méo và lồi dài về phía sau.

Người tôi gầy, chân tay quắt như ống nứa. Cái cổ ngắn dài nghêu. Ấy vậy mà đầu lại to. Cái đầu to choán tất cả. Ở móm đầu sau gáy đã mọc một cái nhọt liền mấy năm trời. Nó bấu gồ như một nắm tay chắp thêm vào đầu. Mỗi năm đến mùa hè cái nhọt lại tấy lên rồi vỡ mủ. Chữa bao nhiêu thuốc cũng không dứt. Ông tôi nói:

- Nó là cái thiên thạch mạch lươn. Đầu đánh có ngòi ăn vào tận óc. Không chữa cẩn thận, có khi khốn. Cái này phải vào Sổng lấy thuốc thì mới may ra. Thuốc cao ông lang Sổng chuyên trị giống mạch lươn.

Tờ mờ sáng hôm sau, ông tôi vào Sổng. Từ nhà tôi vào đến miền Sổng, qua cánh đồng đất ngót hai mươi cây số. Ông tôi mang đi năm hào bạc. Xế trưa, đã về. Mua hết ba hào thuốc cao. Còn lại đủ hai hào, không tiêu hết một đồng chính.

Nhưng cái thuốc cao Sổng danh tiếng ấy cũng chẳng chữa khỏi được. Cái đầu đánh nổi thành gờ gờ, tun hút lỗ ở giữa. Có năm, ông lang Sổng ra tận nhà, cầm dao khoét cái nhọt của tôi. Cái lỗ chảy nước vàng thối rử cho ruồi bu lại.

Đến năm tôi đã biết lững thững ra đứng chơi đầu ngõ, cái nhọt dần dần tẹt đi. Chẳng hiểu khỏi vì thuốc cao, thuốc đồ hay vì lưỡi dao khoét.

Từ khi tôi bé, mới biết nhìn và trong ký ức lẫn lộn mang máng qua bao nhiêu năm này tháng khác, tôi đã

thấy ông tôi già rồi. Lúc nào cũng thấy ông tôi như thế, đều đặn từ cái lật vạt hàng ngày đến những nét nhăn nhoe trên mặt. Đầu ông tôi trọc nhẵn, lơ thơ tóc bạc, ngó được cả lần da bóng đỏ. Độ hơn một tháng, ông tôi lại ra vại nước mài một con dao bồ cau thật sắc, đưa lên đầu cạo lấy. Nhiều lần mấp xuống da, máu chảy dòng dòng. Phía má bên trái ông tôi có một cái nốt ruồi. Ở vết nốt ruồi mọc ra mấy sợi râu dài bạc mờ như cước, quện lẫn cả vào chòm râu thưa bên mép. Đôi mắt lơ lơ. Tuy mắt không kém mấy nhưng có màng gợn trắng trắng và ướt xung quanh mí. Phía dưới mí gồ lên hai cái bọt. Những nếp răn chảy trên má rạt quanh xuống hai bên cằm. Rồi bấp tay bấp chân nhẽo thịt, da teo lại, tưởng có thể kéo chun ra được như cái yếm cổ bò. Hẳn ngày trước ông tôi lực lưỡng lắm.

Buổi sáng, khi tôi bừng mắt, nhìn sang cái ghế dài gian bên đã trông thấy đống thuốc lá sáng phập phều. Ông tôi ngồi bó gối, bao giờ cũng một kiểu ấy, hút thuốc lá, nhìn ra sân.

Suốt ngày, ông tôi ngồi ở đấy. Ngoài việc quét lá rụng trước sân, ông tôi không cất nhắc một việc gì khác nữa.

Những điếu thuốc lá quấn lấy, ngắn và bẹt đuôi như những cái tổ sâu. Hết mỗi điếu, ông tôi lại dán cái đuôi lên hóc cột. Những chiếc đuôi thuốc lá dán nối nhau dài liên tiếp đến hơn một sải tay, mấy hàng song song. Có tới mấy chục hàng đuôi thuốc lá trên cột. Sau này, gia đình tôi kém phong lưu và nghèo dần mãi đi. Vào những ngày mưa sập sùi, ông tôi thường sai tôi giải một tờ giấy phên xuống phản. Ông tôi bóc những đuôi thuốc lá trên cột để tụ thành một đồng rồi xé bụng những mẫu giấy đuôi thừa ấy. Mỗi mẫu, rơi ra một rúm thuốc. Những rúm thuốc nhỏ ám khói đen trộn lại thành đồng thuốc khá to. Ông tôi lại đem hút dần như hút thuốc mới. Giấy thuốc lá không phải mua. đã có những quyển sách chữ nho dọc gọn ghẽ thành những tờ nhỏ. Thỉnh thoảng bà tôi đi chợ lại mua thêm một bánh thuốc. Bánh thuốc ấy, ông tôi lại đem trộn với cái thứ thuốc luân hồi kia mà hút, hút đi hút lại. Mùi thuốc khét đắng cả mũi. Mỗi buổi sớm, những đống thuốc lập loè. Ông tôi ngồi, hai tay xếp vòng, khoanh trên đầu gối, ngược ra sân. Thường cả ngày, không nói.

Buổi chiều, ông tôi uống rượu. Ông tôi uống ngữ, hết áng chừng một cút nhờ bốn xu. Thức nhắm chỉ là bánh đậu phụ chấm mắm tôm. Ông tôi ưa thích thức nhắm lật vạt, linh tinh, ếch, lươn, tép cá. Thịt chó, húng quế thì thú lắm. Tôi được ngồi ăn cơm cùng mâm rượu của ông tôi. Cả nhà mâm khác. Khi cả nhà ăn xong các dì tôi mới dọn rượu. Mâm đặt trên một cánh phản đầu nhà ngang, bên cạnh gốc cây ổi. Ông uống rượu nhấm nháp, cháu ăn cơm. Hai ông cháu ngồi gật gù. Chẳng may, dạo ấy tôi lại chưa biết ăn thịt chó.

Tôi yêu ông tôi nhất, tôi ghét, tôi sợ ông tôi nhất và tôi cũng biết rõ ông tôi, dưới hai con mắt thơ dại của tôi, những khi tôi ngồi bên mâm rượu với ông. Chỉ đến lúc hai ba chén cay vào, ông tôi mới nói. Ông tôi chửi bà tôi. Lúc ấy, ông tôi ngồi rút cả hai chân lên phản. Hai bàn tay ông tôi nắm lại đặt đều xuống hai bàn chân, tựa lổ ngồi của ông Ba Mươi trong những bức tranh thờ. Ông tôi đợi bà tôi nói thêm một câu. Chỉ một câu thôi. Câu gì cũng được, nghĩa là nói lên nghe ngứa hai lỗ tai. Không bao giờ bà tôi im được. Thế là ông tôi vừa hét, vừa đập tất cả những thứ gì vô phúc có xung quanh mình. Ông tôi cũng không phá được mấy. Bởi cứ khi ông tôi sắp nổi nóng, các dì tôi đã cất dọn sạch bốn bên. Ông tôi chỉ quăng ra sân được

mấy đôi đũa, cái bát rếch. Ông tôi ra góc nhà, vớ cái rôi cửa, đuổi theo bà tôi. Bà tôi huỳnh huých trốn ra ngõ. Ông đứng trong đầu tường, quát thêm mấy câu, rồi lại cất gậy cẩn thận vào xó cửa chỗ lúc nãy. Một chốc, nghe tiếng ngáy rền rền bay qua khe giải. Mỗi lần xảy ra những lộn xộn kinh khiếp thế, tôi cứ thất đảm cả người. Tôi chạy đến búi lấy váy bà tôi, van bà tôi đừng nói. Nhưng bà tôi cứ nói toang toang. Đến lúc ông tôi vác gậy, tôi hốt hoảng, chạy nép vào khe tường, hai tay bưng mặt. Nhiều khi, cơn hải đến, tôi nhột nhạt mặt mũi cứ đứng ngơ ngẩn trong góc nhà.

Nhưng cũng có những buổi chiều, ông tôi uống rượu hiền lành. Ông kể cho tôi nghe biết bao nhiêu chuyện ngày xưa.

Không phải là chuyện Tấm Cám, truyện Anh ngốc đi buôn vôi buôn bông, buôn quít. Đây là những chuyện ngày xưa của ông tôi. Tôi nhìn ông tôi, kính phục như là nhìn một ông thánh tướng tượng.

Ngày trước, ông tôi đã từng đi ăn trộm, đi ăn cướp. Ông tôi đã chém đầu kẻ trộm. Ông tôi lại đâm cả kẻ cướp. Ông tôi có đủ các thứ võ. Đấu nhau với ai, ông tôi cũng được. Ông tôi chống một chiếc gậy, dặm chân, vỗ đít đánh đẹt, rún một cái nhảy vọt qua nóc nhà, dễ như chơi. Bàn ông tôi toàn các tay võ danh tiếng. Những quận Vang, quận Tiền mấy tay chặt đầu người ta như củ chuối. Có những ông cứ buổi chiều tối, tụ họp nhau ngoài cánh đồng, bắc loa gọi vào trong làng: "Bớ ba quân thượng hạ... Bớ ba quân thượng hạ...". Làng nào làng nấy sợ cúp hai tai. Rồi các ông chia nhau đi ăn cướp. Có những ông mang nhau lên rừng làm kẻ cướp. Có người kéo cờ làm giặc, chẳng thấy bao giờ trở về.

Ông tôi thường nhắc lại tên từng người. Cũng như ông tôi thích kể chuyện ông Đề Thám, ông đốc Tít. Và ông tôi hay kể chuyện ông đi lính ngày xưa, thời quan ta. Đầu ông tôi đội chiếc nón sơn. Ông tôi mặc cái áo nâu dài, hai vạt loè xoè thắt lưng bó que ngang bụng. Chân thì giẫm đất. Vai đeo khẩu súng hoả mai. Bộ quần áo lướt mướt ấy, mặc mãi cho đến lúc bạc phếch, rồi rách bươm, lại về nhà tảo bộ khác. Có anh quần rách, xé dần cho gọn cụt lên đến khỏi khoeo. Cứ đi đến đâu thì ăn, ở đấy. Nơi nào lằm lợn, ăn lợn. Nơi nào nhiều gà, bắt gà chén. Có những vùng kém đói, lính cứ phải vác liễn rêu rữa đi xin tương. Rồi cơ binh đóng giữa một cánh đồng. Cánh đồng giêng hai ngày mùa, chỉ rặt một giống cà chua ta như hòn bi đỏ choẹt. Lính đành ăn cơm cà chua hàng tháng. Sau chuyến ăn cà chua mấy trăm bữa này, ông tôi sợ cà chua đến tận ngày về già. Hễ ăn cơm trong mâm có bát canh cà ông tôi không dám đụng đũa.

Còn bao nhiêu chuyện lính lặt vặt vừa buồn cười vừa thảm thương không nhớ hết. Trong những ngày xưa kỳ dị mệnh mang của ông tôi còn những chuyện ghê gớm hơn chuyện võ và chuyện lính...

Ông tôi kể ngày xưa ông tôi đã đi phu mộ làm đường trong Phan Rang, Phan Thiết. Ngày xưa, cái ngày mà làng này nghèo xác xơ. Cỏ mọc đầy đường cái. Hai bên vệ bùm tum những bụi găng gai góc. Một năm, đói kém, Tây mộ phu vào miền nam Trung kỳ làm đường. Chẳng sao? Đến xuống Âm Ti cũng đi, miễn là có tiền. Và miễn là được ngay mấy đồng bạc tiền thưởng trước để đem về cho vợ con ăn ở nhà. Ông tôi cùng mấy người làng rủ nhau ra đi. Mấy trăm con người đáp tàu xuống Hải Phòng, rồi từ Hải Phòng đi tàu thuỷ vào miền trong. Đỗ bộ lên quãng Phan Rang, Phan Rí gì đó. Con đường lớn xuyên Đông Dương mới

phá đến quãng này. Rừng núi thăm thẳm, rừng rợn. Người ta lên những cơn bệnh rét cuống cuống ôm lấy nhau, ôm lấy cây, ôm lấy mặt đất. Ban đêm, không dám ngủ, cứ ngồi rúm lại với nhau đợi chết.

Một đêm, ông tôi và hai người nữa băng rừng trốn. Sáng hôm sau, khi mặt trời lên trông ra chỉ còn mỗi mình ông tôi. Hai người kia lạc đâu không biết. Mấy hôm liền chạy trong rừng, không dám ra, sợ người ta tóm lại. Đến khi đoán chắc đã khỏi chỗ làm rồi mới dám mon men lần ra ngoài đường. Từ bấy, hướng về phía bắc, ông tôi cứ theo con đường ấy mà vượt đi thực mạng. Bắt đầu cuộc phiêu lưu nguy hiểm. Chân bước trên đường, chẳng cần biết đâu ngày, đâu đêm. Khi ngủ cầu, ngủ điếm. Khi nằm trên cây giữa rừng. Có những ngày ông tôi lang thang ăn mày từ vùng này sang vùng kia. Ông tôi còn nhớ, kể những cửa Hải Vân, những đèo Cả, đèo Rù Rì... bao nhiêu danh từ kỳ dị gợi nên muôn hình ảnh núi sông lạ lùng trong đầu tôi.

Một buổi kia, tới một xóm chài ở bến đò thì mặt trời vừa xế bóng lảng bóng vàng. Đi cả ngày, đã mệt lắm, muốn nghỉ lại nhưng túi chẳng có lấy nửa đồng gầy. Ông tôi bước thất thểu, ngó vào từng cửa ngõ. Ông tôi thấy mọi người xúm quanh một người đàn ông, một người đàn bà và một đứa trẻ con. Thằng bé chừng bảy tuổi, bị bỏng suốt từ bả vai xuống. Nó khóc ngằn ngặt. Ai mó vào nó, nó giẫy lên. Người mẹ sợ quá cứ gào to. Người cha cúi xuống cố ẵm con lên.

Ông tôi ló đầu vào đám đông. Chẳng hiểu sao, hoặc bởi bộ quần áo và chiếc khăn gói trên vai, người ta xì xào: "Ông lang đây rồi". Ngờ ông tôi là người bên đạo thường che ô, xách bọc đi bán thuốc rong vào những ngày mùa hè khắp các miền quê.

Người mẹ đương khóc cũng ngẩng đầu lên. Trông thấy ông tôi, chị xụp ngay xuống lạy, kêu: "Ồi ông ơi, ời ông ơi, ông cứu con tôi, ông cứu con tôi...". Ông tôi chưa biết phân trần thế nào thì người chồng cũng quay lại: "Ông lang đấy ư? Lạy ông, lạy ông, ông cứu...". Hai vợ chồng hì hụi lạy. Ông tôi càng quýnh quýnh. Nhưng ông tôi cũng chần tĩnh ngay. Ông tôi nghĩ: "Cái này là cái chết đây. Lạy giả người ta mà bước ngay, hay cứ liều. Rồi liệu sau. Đến đâu hay đấy". Ông tôi làm theo cái điều thứ hai, điềm nhiên nói: "Được, tôi chữa cho. Bây giờ các bác hãy ẵm cháu vào nhà cho khỏi gió". Cố nhiên, ông tôi cũng vác khăn gói lủng lẳng mà theo về nhà người ta. Ông tôi bảo cha thằng nhỏ rằng: "Bác tìm đâu vài chiếc trứng gà, đập ngay hai chiếc, cứ nguyên thế mà xoa lên khắp chỗ bỏng cho cháu. Xoa trước, rồi tôi sẽ tra thuốc sau". Tài tình quá, trứng gà phết vào cánh tay thằng bé được một lúc thì nó không kêu nữa. Cái trứng gà vốn mát, bôi dịu da. Hai vợ chồng nhà chài mừng quýnh. Thế là cơm rượu đâu vác ra đùng đùng. Nhà chài ven sông, chẳng lúc nào thiếu cá. Ông tôi đã chén một bữa no say nhất đời. Từ ngày bước chân ra đi, chưa được bữa nào thống khoái như vậy.

Ông tôi uống một ngụm rượu, nhắm một miếng đậu phụ rồi ngồi yên. Tôi ngồi châu hầu, hóng lên miệng ông. Ông tôi mồm mím nói:

- Nhưng còn thuốc, ông lang thì phải có thuốc, thuốc ở đâu mà tra cho thằng bé? Tao lo quá. Phúc làm sao, tao nghĩ ra một mẹo. Tao nằm áp vào vách, lấy móng tay cạo một vốc mùn đất vách. Trên giường thờ

Có hai quả trứng trong bát nước cúng. Tao nhót một quả, đập vào lòng bàn tay, luyện với đất vách, thành một hòn thuốc viên thâm thâm. Gà gáy, tao dựng vợ chồng nhà chủ dậy. Tao bảo thuốc này phải bôi cho trẻ lúc mặt trời chưa mọc thì mới nghiệm. Tao đem “cục đất thuốc” hoà với một ít nước cho nó lỏng sền sệt, bôi lên khắp cánh tay thẳng bé. Thằng bé đau đớn cửa quạ suốt đêm, bấy giờ nó ngủ li bì. "Thuốc" chất đen xin một cánh tay. Nhà chủ có vẻ tin lắm. Rồi tao từ tạ nhà chủ, xin đi ngay, nói là có việc cần. Vợ chồng chèo kéo mãi, cố nèo nhà thầy ở lại xơi cơm sáng. Tao nằng nặc quyết đi. Con vợ nó còn chạy theo ra tận đầu xóm năn nì. Tao phải giằng tay mà đi. Đi khuất đầu xóm tao cầm cổ chạy một mạch. Được đến mấy cây lô mét, giò mới hưng hửng sáng. Bấy giờ mới hơi hoàn hồn, yên chí không thể ai đuổi kịp được nữa.

Rồi một đêm kia, về được tới cây đa cổng đình. Chính ra ông tôi đã về từ trưa, nhưng quần áo rách quá, cứ nằm ngoài đồng.

Ông tôi gọi cửa. Bà tôi ra mở, trông thấy, sợ quá, rú lên tưởng hồn ma hiện về.

Thì ra, khi ông tôi đi độ vài tháng có tin về làng rằng các tàu "đi Tân Thế giới" ra đến giữa bể thì bị cá ông voi ăn thịt cả mấy trăm con người. Đó là một tin đồn hão. Không có tàu đắm, cá voi ăn thịt người, nhưng mấy làng ra đi, chỉ có một mình ông tôi phải mấy tháng trời mới mò về được.

Tôi bần khoản, hỏi ông:

- Rồi thằng bé phải bồng nó có chết không, hả ông?

- Tao biết đâu! Thằng này chỉ hỏi lần thần!

Tôi nín thít.

Ông tôi uống rượu xong, chệnh choạng lên nhà. Ông tôi nằm gối đầu trên một mẫu gối gỗ mít thực cao như cái bao diêm khổng lồ. Đầu giường dựng một cái gậy tre đực. Cuối giường có cái gậy sắt. Trước giải, nằm gác ngang một chiếc thùng lụng, cán tre hun khoanh đốt, mũi sắt nhọn. Như là phòng đêm có cướp.

Đôi khi, tò mò, tôi nhòm vào, hai tay ôm cột, lé một mắt xem ông tôi ngủ.

Sớm hôm sau, khi tôi bừng mắt trông cạnh ghế dài gian bên đã thấy đốm thuốc lá lập loè. Ông tôi ngồi quặp hai chân tay khoanh trên đầu gối. Ký ức tôi, lúc nào cũng in cái dáng ông tôi như con hổ ấy.

Chương 3:

Thầy tôi không phải là người vùng này. Thầy tôi vốn người trong miền vào núi chùa Hương. Cho đến bây giờ tôi vẫn không hiểu vì sao thầy tôi cũng võ vẽ biết chữ tây và viết quốc ngữ, lối chữ ngả đủ cả phẩy móc, nét đều đặn, của mấy ông phán già. Bởi cứ bằng vào những mẫu chuyện mà tôi đã nghe được thì thầy tôi chỉ học được mười chữ nho của ông nội tôi. Thầy tôi học dốt, lại lười và bướng. Thường phải nhảy xuống ao trốn đòn suốt ngày. Rồi bỏ nhà đi lang thang. Có khi mò mẫm xuống Nam Định, ở nhà người bà con học chữa đồng hồ, hoặc vất vưởng ngoài Hà Nội. Lớn lên, ông bà tôi lấy một người con gái làng cho thầy tôi. Tôi không được biết gì về "mẹ già" ấy của tôi. Sau này, mỗi khi nhắc tới, thầy u tôi bảo tôi gọi người là mẹ già. Tôi chắc mẹ già cũng đẹp gái. Bởi mẹ già tôi chê thầy tôi đen đui như cục tam thất. Do đấy thầy tôi thường tức mình và thường trốn nhà ra Kẻ Chợ.

Khi lấy u tôi thì thầy tôi đương làm việc ngồi xe ngựa đi đưa bánh cho một lò bánh mì trong thành phố. Và người mẹ già tôi đã mất được mấy năm ở trong quê nhà. U tôi cũng không rõ được chuyện ấy. Có thể lấy nhau rồi mới biết. Có thể rằng thầy tôi chỉ là người khách lạ. Có người cùng làm ở lò bánh tây mách rồi đánh tiếng, ông mới là ông xã Cánh, rồi xem mặt, rồi hỏi và cưới. Cho tới hôm thầy tôi đi xem mặt, u tôi cũng không biết thầy tôi là ai. Đến ngay cả ông bà tôi cũng mờ mịt. Vậy mà các cụ cứ gả. Cũng chẳng lạ, trong nhà không những sáu cô con gái chưa có chồng, ai rước được người nào là cái phúc.

Người ở Nghĩa Đô nghèo, sự sống loanh quanh buộc vào mấy cái khung cửu mọt. Trong làng, không mấy ai đi ra ngoài.

Một chiếc xe đạp bóp chuông kính coong qua trên đường cái trẻ con cũng chạy đuổi theo xem. Những ngày tết nhất rồi rãi bố mang con lên bến xe điện mua vé đi tàu chạy "keng ầm" vào thành phố đã lý thú lắm.

Thầy tôi đến làng u tôi với phong dạng chàng Kim Trọng du xuân trong truyện Thuý Kiều. Người ăn vận chững như chưa bao giờ trai làng ở đây chững đến thế. Đầu đội nón dứa chóp bạc. Mắt đeo kính rộp, áo sa bóng nuốt, nổi cái thắt lưng điều đỏ hoe, dài loè xoè thò chấm vạt áo trước. Cái quần là hộp, đôi giày Chí Long bóng nhoáng. Tay dắt chiếc xe đạp nhẹ nhàng. Cùng với điệu bộ trang nhã, thêm cái danh làm việc Tây ngoài Kẻ Chợ, ôi thôi nhất làng rồi. Không bao giờ tôi được biết những thứ sang trọng ấy thầy tôi đã đi mượn hay thuê của nhà cầm đồ Vạn Bảo.

Ông bà ngoại tôi được sáu người con, đều là gái. Cũng một lần bà tôi sinh trai, vào nấc con thứ năm, nhưng cậu Hoà tôi chỉ có được ba tuổi, rồi bỏ. Ông tôi uống rượu và mắc nghiện từ ngày cậu tôi ốm chết.

U tôi là con đầu lòng. Tôi biết nói những gì về u tôi trên những dòng chữ yếu đuối này. Những nét ẻo lả, làm sao mà chứa nổi hình ảnh vui thương chìm sâu trong những ngày cũ buồn bã. Ký ức tôi mờ mịt những kỷ niệm một màu trắng sương. Tôi không nhớ rõ ràng một điều gì nhưng thực tôi đã nhớ biết bao nhiêu. Đêm đã nghiêng về sáng, gà chuồng trong lối xóm vừa te te gáy trống canh đầu. U tôi đã đi ngủ từ lâu.

Nhưng tôi buông bút, nhìn ra bốn bên, chỗ nào cũng thấy bóng u. Cái bóng lờ mờ, hoà với bóng tối, vẽ nên một khuôn mặt trắng trắng với đôi mắt nhỏ lòng đen nhuộm một màu nâu đồng. Cái bóng mơ hồ bên cạnh lớp lớp những ngậm ngùi những thắc thỏm đợi chờ dài dặc trong ngần nước mắt và tiếng thở dài. Người ta, nhiều lúc nhàn, quây quần bên người thân không mấy khi lại tử mĩ vẫn vờ nhìn ngẫm những người trong nhà. Thỉnh thoảng, như sức nhớ tôi chợt nhìn u, tôi bỗng giật mình. Tôi ngờ ngợ như người ngồi trước mặt đây không phải là u tôi. Có đâu u tôi lại thế kia. Tóc đường ngôi của u tôi lốm đốm rụng, chỉ còn thưa thưa. Mới năm nào, u tôi thuê tôi nhổ, một chình hai chiếc tóc sâu. U tôi cười, nếp nhăn ở đuôi con mắt nheo lại, xếp lên nhau, đến khi hết cười còn hằn những vết rạn khía quanh xuống hai bên gò má.

Hàm răng trên của u tôi khuyết hai chiếc đã mấy năm nay. U tôi già đi từ bao giờ? Từ lúc nào? Khi tôi ngậm ngùi như thế, tôi lại ngẩn ngơ tưởng tượng rằng có một hôm tốt trời nào đó tôi có tiền. Tôi sẽ đưa bà tôi, u tôi ra Kê Chợ. Rồi vào một hiệu cao lâu, ăn một bữa thực sang. Ăn xong, có khăn mặt ướp nước hoa lau tay. Lúc tính tiền, cho hẵn bồi bàn hai hào bạc. Không hiểu bà tôi, u tôi sẽ nghĩ ngợi thế nào? Chưa bao giờ tôi dám nghĩ rành rọt về cái đoạn kết ngạc nhiên lý thú đó. Mà tôi chỉ tưởng tượng như đây là một cử chỉ rửa một cái gì hằn hận. Cũng như chưa bao giờ tôi đã làm ngon lành được cái việc trẻ con ấy chỉ vì tôi không có tiền. Và cũng chưa có đâu thì giờ của mình. Trong đôi mắt dịu hiền của u tôi, tôi mới có thể là hy vọng của một tương lai mong đợi sáng sủa hơn. U ơi u, chị ơi! chị, cháu(1) hiếu, không bao giờ chị biết đến những hàng chữ tắt mắt cháu đương viết đây. Cái thế giới tân kỳ mà cháu sống, chẳng bao giờ chị tìm biết. Người mẹ kín đáo ngấm đũa con ngày một khác lạ, lạc mãi vào những cuộc sống xa xôi nào. Mẹ âm thầm sống. Mẹ là cái bóng đi bên cạnh tháng ngày của con. Chị ơi! Chưa bao giờ chị dám muốn có một ý đổi thay mong ước. Cái nghề có một của u tôi vẫn là nghề làm giấy phên đem bán rong cho người ta gói hàng. Ngày hanh hao có những đêm đông lạnh lẽo, bên ánh một ngọn đèn hoa kỳ hiu hiu, u tôi ngồi xăm giấy. Tôi nằm trong lòng váy u tôi, mắt ngược lim him nhìn thoáng hai cánh tay u tôi đưa đi đưa lại nhịp nhàng, tai nghe tiếng những chiếc que dò chạy lạt xạt, lẹt quẹt dưới lòng những tờ giấy dài nháng keo. Rồi tôi ngủ khuấy lúc nào không biết.

Cho đến bây giờ, những đêm ngồi viết khuya, trông ra ngoài đầu hè, vẫn thấy u tôi lặng lẽ ngồi xăm giấy bóng đổ chập chờn trên vách. Đã bao nhiêu năm qua.

Thực vậy. Còn nhớ năm nọ, có một buổi chiều, không biết u tôi đi đâu về. Ngoài ngõ chó sủa inh ỏi. Tôi chạy ra, thấy u tôi đương rồi rít xua con chó vận của nhà cứ lẩn xả vào chân. Tôi quát thực to, dọa đánh, nó mới chịu lùi vào trong sân. Con chó vận hoảng mắt bị tôi cho một trận đòn kịch liệt. Nhưng đánh xong con chó, mới biết rằng chó bị đánh oan.

Hôm đó, u tôi mặc cái áo cánh trắng. Từ thuở chó vận lọt lòng mẹ ở trong gấm phan ra, chưa bao giờ

được thấy u tôi mặc áo cánh trắng. Con chó trông mãi màu nâu đã thành quen mắt.

Đến đổi thành linh ngó u tôi mặc áo trắng nó không nhận biết là ai, vội sửa um sùm. Chưa bao giờ u tôi dám có một cái áo trắng. Cái màu cổ hữu trên lưng áo là màu nâu vỏ xó, màu nâu bùn đen sẫm.

Khi sinh tôi rồi u tôi ở hẳn bên ông bà ngoại tôi. Tôi chưa về ăn cái tết nào trong quê nội. U tôi sinh tôi tại nếp nhà của ông bà ngoại tôi. Rồi thì khai sinh, vào sổ làng, mua quan viên, đóng góp phần việc hàng giáp, nhất nhất mọi thứ nhiều khê đều ở làng ngoại. Tôi nghiễm nhiên là một quan viên kẻ Bưởi. Ngày còn nhỏ trong những sách vở học trên chữ tên tôi tôi viết hai chữ Lại phú, Lại Nguyễn. Họ Lại là họ u tôi. Tôi chẳng vắn vác rồi đi lấy phần việc họ, chẳng chặc lẽ bốn lẽ hai vái cẩn thận đó sao. Khi lớn khôn hơn, thấy việc trộn những chữ ấy là ngô nghê quá, tôi phải bỏ bớt chữ Lại đi. Mặc dầu tôi vẫn nhớ, tiếc một mình rằng sao tên tôi chẳng được có chữ Lại kia đội ở trên. Tôi không thích về quê. Tôi tưởng tượng về làng nội như bị ném về một nơi rất người xa lạ. Thày tôi đi vắng biệt hàng bao nhiêu năm, tôi yêu quê tôi sao được. Hơn nữa, khi nào ở làng ngoại về làng nội, thực ra u con tôi đã phải làm một công việc khó nhọc lắm.

Tôi chỉ về quê nội như đi chơi. Tôi thường về quê vào cuối xuân khi làng vào đám hoặc đầu mùa đông, dịp đồng áng gặt hái. Đầu tôi đội cái mũ bắc bọc vải nâu đỏ. Chân tôi đi giày tây có cổ Tắm áo lĩnh đen bóng trong lót vải hoa vàng. Cái áo tết ấy thực quý, bởi bà ngoại tôi hay nói pha rằng: "Áo này hàng sa tây lót màu vàng anh Thượng Hải dệt hoa đại đoá. Bây giờ hết, không đâu có bán thứ hàng ấy nữa". Tôi sung sướng đỏ hai tai mỗi khi được gượng nhẹ xỏ hai bàn tay ếch vào cánh áo lụng thụng, tự hãnh diện với cái giá trị ghê gớm của nó. Không hề hay rằng cái danh giá mặt ngoài nó là cái danh giá của một mảnh lĩnh lẻ nhuộm thâm nhà dệt lấy và mặt trong thứ vải hoa vàng hạng mềng ba hào rưỡi một thước khổ lớn mua ở hiệu tây đen đội mũ lông oản ngoài phố hàng Ngang.

U tôi mặc váy vải thâm thắt lưng nhiều tam giang ra ngoài. Trên đầu kền càng chiếc nón Kê Chuông tròn vành. Bên nách, cặp cái thúng to trong đựng mấy cái quần áo, một cận chè mạn, đôi ba phong bánh khảo với một hộp dầu bạc hà, cái ve dài ngoẵng và một gói trầu cau. U con dắt nhau đi từ tờ mờ sáng ra Bờ Hồ đứng chờ tàu điện trên bến vào Hà Đông. Con tàu kéo những mấy chiếc toa rít u u trên đường sắt, lôi nhau ra khỏi thành phố. Vào đến tỉnh lỵ lại đón ô tô đường Vân Đình.

Chiếc ô tô hàng to như con lợn kéch sù vàng khè, hục hặc qua cái cầu xi măng chạy ra khỏi tỉnh lỵ. Tôi ngồi nép sát bên cạnh u, ngơ ngác ngó ra lỗ cửa sổ, cái lỗ che mảnh vải nâu gió đánh bay tốc lên phật phật. Hai mắt tôi nheo lại, nhưng vẫn ngoẹo cổ nhìn sang bên đường cái. Chẳng bao lâu, đã quên những tiếng chuyển động xình xình của xương cốt cái xe cùng những người ngồi chung quanh. Tôi mê man nhìn cảnh đường sá, ruộng nương, cây cối cứ thay đổi tiếp nhau ngoài cửa sổ. Đến Bông Đỏ, nhà cửa đã thưa thớt. Giữa Ba La, đường cái chia hai, một về chùa Trầm, một sang ngã chùa Hương.

Tôi ngoái cổ lại, xa xa rặng núi Trầm đen sì đầy vẻ huyền bí lờm chờm nhô lên. Rồi thì qua Xốm với hai rặng tre tối um rù bóng rợp kín lối. Đường cái đã xẻ qua cánh đồng chỗ xanh chỗ trắng. Làng Thạch

Bích có cái nhà thờ chót vót hai tháp mốc trắng. Những quán cơm cầu Khâu, cái đuôi chó đen nhầy treo lủng lẳng trong chiếc tủ vuông. Lũy tre bọc đằng xa. Vạt cỏ viền hai bên lề. Con trâu gò vai kéo cày. Có chỗ tùm tùm ba bốn người quẹo cổ kéo bừa thay con trâu. Kìa đến cổng Lỗi - hai thành cầu sắt quét vôi trắng tinh. Cột dây thép liên tiếp, chạy đuổi nhau dạt theo đuôi con mắt tôi lé ngang. Một... hai... ba... bốn... chín... mười một... tôi đếm không xuể. Những cái nùm trắng trên mồm cột bay vun vút. Toe... toe... toe... sắp tới phố huyện Thanh Oai. Đẳng chân trời, lờ mờ màu xanh rặng núi chùa Hương cuối đồng chiêm, gần Hoà Bình. Đến huyện rồi. Đường cái, lác đác mấy chiếc xe sắt chống đuôi lên đồ nổi nhau. Hai bên, hiện ra những căn nhà gạch so le, khắp khếnh. Poste rurale... Ecole de Tha... Mấy quán nước chè tươi... Hai hiệu khách bán thuốc bắc và tạp hoá, ngoài cửa, tòn ten đôi câu đối gỗ màu vàng đất thó. Bụi đường bốc lên, cuốn ào sang hai bên. Lại ruộng. Lại cột dây thép. Một đàn cò nhip nhàng bay ngang cánh đồng chiêm trắng nước. Con chim cà cưỡng đậu trên cành gạo hót riu ran. Đôi chốc, xe vụt qua những bụi tre nhỏ lá lướt có một quán hàng nước tiêu tuy. Toe... toe... toe... Cầu Nấy Cầu Nấy! ông ơi, ông cho tôi xuống Cầu Nấy. Xe đỗ. U tôi bê cái thúng và bế tôi xuống đường. Chiếc xe chồm lên, lại gầm gừ chạy. Con đường hút lòm, xa thăm khuất vào bóng tre với những cột dây thép nhấp nhô.

Bao giờ cũng vậy, vừa dặt chân xuống mặt đường và khi cái xe ô tô đã xình xịch đi khỏi, tôi chợt có một cảm giác lo lắng lạ thường. Tôi vừa qua Hà Nội náo nhiệt, tôi vừa ngồi tàu điện âm ỉ, tôi vừa đi ô tô ồn ào. Bây giờ xuống đây, sao mà hoang vắng. Không một tiếng châu chấu động cánh. Con đường lạnh lùng câm nín một vẻ ghê rợn. Gió dưới đồng sâu đưa lên, những cột dây thép cứ rên rỉ âm ù hằm hừ. Sự lo sợ lẻ loi với nỗi buồn sắp phải đi đâu xa.

Chúng tôi rẽ vào trong cánh đồng. Làng tôi ở cuối xa, bên cạnh bờ tre là một vệt đê dài. Trên con đường gập ghềnh băng qua cánh đồng mùa xuân, u tôi kể cho tôi biết tên những gò đồng, làng xóm xung quanh. Ngay lối gần nhất là cầu Chim. Lối kia rẽ về Nga Mi, làng Nga Mi có cái chợ Mai hạp ven sông. Cứ thẳng lối này thì tới nhà. Con đường mù trắng hoa cỏ may. Về nhà tha hồ được bữa nhõ mỗi, hoa may tua tua bám vào ống quần. Cái gò gì mà đất cát lở tở nằm dài bên lề đường? À, gò ông Đống. Hàng ngày mỗi người qua lại ném vào lưng ông Đống một hòn đất, ông Đống phù hộ cho đi đường được dẻo chân, chóng đến nơi. Ngang trước mặt, lũy tre chạy tiếp ra đường cái tây, là làng Kim Bài. Con đường đi nghiêng dần vào trong cánh đồng. Đến cầu Ngõ, rồi Ba Cây rồi đến Một Cây. Những gốc muỗm thực lão, cành lá xum xuê. Tới Một Cây đã ngó được những mặt ao lấp lánh sáng. Cái tường đất xù xì dưới lũy tre hiện ra. Tôi đã ngửi được mùi đất quen thuộc. Quen thuộc lắm, chỉ thoáng qua là biết sắp về tới quê. Ờ, mà lạ. Không bao giờ tôi biết phân biệt được rõ ràng cái hương vị phảng phất kỳ dị ấy. Nó thoang thoảng trong cánh đồng hoặc vẩn vơ trong rặng ô rô xanh rì. Tưởng như đấy là mùi cỏ khô, mùi đất ải, mùi khói rơm bếp. Không phải. Đích nó là mùi lá muỗm nấu lẫn với lá vối, mùi rau nháy mùi lá trang, mùi lá cải, mùi có bồ mùng, mùi mái rạ chuồng bò. Cơ chừng chẳng rõ ràng mùi gì. Nó là tất cả, từ mùi tóc hôi trên đầu đứa trẻ cho tới mùi nồn cỏ gấu đẳng mới nở hương đồng cỏ nội hoà vào nhau, bốc trên một miền quê. Cái mùi quê đặc biệt, mỗi khi về gần đến làng, là thoảng biết.

Cũng như, đứng ngoài đường cái tây, trông mờ mờ thấy mảng tường đất, tôi đã biết đấy là lũy tre bên

cạnh nhà bà Ba tôi. Quê nội tôi cũng thật là nghèo. Từ khi ông nội tôi mất nhà sút dần.

Bà Ba tôi là bà sinh ra mẹ già tôi. Người vợ trước của thầy tôi - mẹ già tôi - tuy mất đã lâu, nhưng bà Ba vẫn quý mến thầy tôi và yêu chúng tôi lắm. Về quê, bao giờ u tôi cũng mang tôi ra nhà bà. Trong những ngày về quê thuở ấy, tôi chỉ có thể tìm được một chút vui vui dịu dàng, mỗi lần ra ngoài nhà bà Ba. Ông Ba mất từ lâu. Thấy bảo ông đi rừng Hoà Bình về rồi chết bởi con ma gà làm. Rồi đến mẹ già tôi, hình như cũng chết vì con ma gà. Bà Ba chỉ có mỗi mình mẹ già tôi. Từ khi mẹ già tôi chết đi, bà ở quanh quẩn một mình. Một mình một nếp nhà nho nhỏ, đằng trước có căn vườn xinh xinh. Lối ngõ vào, lứa thừa một hàng dâu xanh. Vào nhà cái gì cũng bé bỏng, cái gì cũng xinh xắn. Từ chiếc niêu đất thối cơm cũng bé tí nheo. Chỉ riêng có con lợn trong chuồng là to kềnh, bụng như bụng chum bốn cái chân ngắn cùn, cả ngày nằm ỉn ỉn. Tôi còn nhớ hể cái đầu trọc to thô lỗ của tôi thò vào ngõ thì tôi phải cầm gậy gõ cạch cạch trên tấm phen nữa. Con chó vàng xích tận đằng cuối cối xay. Bà Ba tôi chạy vội ngay ra. Bà cầm lấy tay tôi, dắt vào. Và đến lúc bà ngồi xuống bậc cửa, thì tôi đã nằm gọn lỏn trong lòng váy bà. Tấm váy nâu già, tuy chưa rách, nhưng đã bạc ra màu đất. Mảnh yếm lụa nâu nhờ, hai giải buộc quặt ra đằng sau lưng. Tôi luôn một tay ra nẻo lưng để trần của bà tôi, làn da dịu lạnh mắt ngược nhìn đôi khuyên bạc đánh lắc lư trong hai lỗ tai chảy thông. Thuở trẻ, hân bà tôi vạm vỡ, mặt vuông vắn. Bây giờ mà nước da bánh mật còn đỏ hồng màu hạt vải già. Ở hai bên cánh tay, thịt teo lại, chảy rạt xuôi xuống một phía, mát rượi. Tôi ngoan ngoãn, him hai con mắt, nghe bà tôi nói. Bà nói rằng bà nhớ tôi. Buổi chiều đi chợ về, bà hay đứng ngắm tôi ngoài đầu vườn. Có cái oản lộc chùa hôm thượng nguyên bà cất dưới gầm mâm bông. Lại có bát chè kho tuần rằm bà vẫn dành cho tôi trong hòm phỉ. Ấy, bà cứ để dành đợi hóng. Bao giờ oản và chè kho lên mốc xanh thì bà tôi lại khuôn ra ăn dần. Những bữa cơm ăn với bà Ba ngon trong đời tôi, lắm khi chỉ có rau khoai. Rau khoai tím ngắt, chấm vào bát dấm mẻ cà chua ta đỏ ngòn lấm tấm mấy lá hành xanh rờn. Vậy mà ngon miệng lạ. Cơm nước xong, buổi tối, u tôi và tôi thường ngủ lại ngoài bà. Những buổi tối mùa đông giá lạnh cửa liếp buông xuống kín bưng. Trên cái giát nửa cật trái mấy lượt lá chuối khô. Tôi nằm giữa giường, mặt chiếu bông bênh sóng như mặt đệm bông. Buổi sáng, tôi còn nằm to vo lé mắt nhòm ánh sáng, chốc chốc lại thử thò một tý chân ra ngoài mép chăn xem có còn rét không. Tôi cứ nấn ná oằn oeo như thế cho tới lúc u tôi bừng mâm lên và bà tôi gọi tôi dậy ăn cơm sáng. Cơm xong, bà tôi quấy gánh hàng đi chợ. Hai bồ thuốc Lào và mẹt cau khô lồng vào đôi dây quang mây, bên cạnh gài chiếc ghế cao chân. Bà Ba tôi bán cau khô và thuốc Lào ở chợ làng. Nhưng có tôi về chơi, ít khi bà tôi đi chợ.

Cái thuở xa xôi ấy không còn nữa. Bà Ba tôi mất đã năm sáu năm nay rồi. Khi bà tôi nhắm mắt, tôi không được ở gần.

Mấy năm liền tôi không về quê. Tôi đã xa nhà luôn, khởi đầu những ngày long đong của một cuộc sống vất vưởng. Mùa đông năm ấy bà Ba tôi mất, tôi đang rồi ren về sinh kế ở một tỉnh miền xuôi.

Từ ngày đó, tôi càng thừa về quê nội. Con đường càng ngại. Con đường càng xa. Sao con đường trở về quê lại xa quá thế! Trong đời, tôi đã qua những đoạn đường dài gấp trăm ngàn nó mà không hề nghĩ ngại đến nỗi xa xôi như khi tôi bước trên đường về làng nội. Con đường ấy xa hơn hết và xa mãi mãi. Như vẫn dài thăm thẳm từ thuở tôi còn nhỏ, mỗi lần theo u về quê.

Chú thích

(1) Nhà hiếm sợ ma bắt phải gọi tránh: bố là anh, mẹ là chị và con xưng là cháu.

Chương 4:

Utôi sinh được một em gái tôi. Em kém tôi ba tuổi, tên nó là Hồ. Cái Hồ.

Em tôi đây. Nó đương đứng trước mặt tôi, trong bức ảnh nhỏ mà chúng tôi chụp với u, từ năm tôi lên tám. Bức ảnh xung quanh in hình hoa nổi. Mười mấy năm trước ảnh đã đổi sang màu vàng nhạt. Những vết ố mất thuốc nhuộm nhit xung quanh sắp ăn hoen cả vào hình chúng tôi. U tôi ngồi giữa. Tôi đứng một bên, lễ mễ những áo lĩnh, giấy tây, vòng bạc, cá bạc thừng lẳng đeo cổ. Hồ đứng ngang với tôi, phía tay trái u. Một bàn tay nó đặt trên lòng áo u tôi cho u tôi nắm lấy. Nó thấp lùn chũn, cũng đóng áo thùng lùa chuội đen nghiêm chỉnh, thông trước ngực một chìa khoá bạc. Bộ nó có vẻ thẹn. Vầng trán rộng dưới làn tóc tơ mướt mịn xén đều.

Mặt nó hơi cúi, nhác khuôn mặt nhẹ nghiêng như hình một trái mơ non. Nhưng mắt nó nhìn gườm lên. Đôi mắt đen láy nổi ngời trong khổ mặt rất đối đỉnh ngộ. Đôi mắt quăm quăm rất quái, tôi cũng hãi đáo để.

Cái gì mà tôi chẳng hãi. Tôi sợ cả cái mặt đất lồi lõm dưới hai bàn chân. Lên năm tuổi, tôi chưa dám bước chân xuống đất. Suốt ngày, tôi ngồi nhòm nhòm trên tấm phản trước hè. Ngồi chán, thì nằm. Tôi nằm ngửa, xem những con nhện gầy bé mà chân rất dài, đang rung tơ mạng trong hóc cột.

Những buổi tối, những buổi tối mà ánh sáng ngọn đèn ba dây sáng trưng mọi người trong nhà ngồi quây quần trên ghế và trên phản. Tôi nằm khoèo dưới chân bà ngoại tôi. Tay tôi mò máy xem cái chân của bà tôi một cách hết sức vớ vẩn. Bàn chân bà tôi, kể cái chân cũng quái thực. Gót thì bè ra, nẻ từng khía từng múi như múi quả cà bát. Bà tôi đi chân đất từ thuở bé cho đến già, hèn chi bây giờ có những vết nứt nở. Thế mà những buổi tối mùa đông rét mướt, bà tôi vẫn dầm cả hai chân vào chậu nước lá cải rừng đun nóng để ngâm nẻ. Bàn chân răn reo khô xác, gờ mốc trắng. Hai chiếc ngón chân cái ngoẹo ngang chia đầu sang nhìn nhau. Ông tôi vẫn bảo bà tôi là giống đời cổ, “người đời Giao Chỉ”, nên mới có hai cái ngón chân kỳ quái này. Do hai ngón chân ngang ra ấy, không đôi guốc nào vừa được chân bà tôi. Người đi guốc cuộc cuộc, nửa gót lồng trong quai, nửa gót nằm ngoài đất. Tôi cũng chẳng thấy bà tôi đi guốc mấy. Buổi tối, lúc sắp đi ngủ, bà tôi mới rửa chân. Những khi tôi nằm xem chân bà, các dì tôi hay rang ngô rang để cả nhà cùng ăn nhấm nhót cho vui. Tôi ham ăn ngô rang lắm, nhưng lại không thích nhai. Dì Niêm cứ nhá từng búng ngô lớn, lè ra tay rồi bỏ vào miệng tôi. Tôi há hoác mồm, đớp từng nắm ngô nát nhuyễn như chú quạ con há mỏ nuốt mồi của mẹ mớm. Ngồi bên trường kỷ, ông tôi cười tùm tùm, nói: "Tướng đại lẫn như mày thì ngày sau chỉ đến đi làm cái nghề làm mỗ tay phải đập tay trái thôi, con ạ?" Ăn chán, tôi ngồi tôi hát ngêu ngao:

Con ngồi mày chòi cây cau

Hỏi thăm chú chưa đi đâu vắng nhà.

Chú chưa đi chợ đường xa

Mua mắm mua muối giỗ cha chú ngồi.

Lưỡi tôi ngọng lịu, đến năm lên mười tôi vẫn chưa nói sôi nổi hai tiếng anh em. Cứ ăn nhem, ăn nhem ời! Một hôm u tôi cho tôi nửa xu. Tôi buộc đồng xu vào giải rút, rồi ngồi đầu tường đợi hàng kẹo xóc.

Ngày ấy có những người bán kẹo xóc đi rong các làng. Bác mặc quần áo nâu bạc, mặt mày rám nắng đen thui. Một bên nách, cặp một cái mâm gỗ vuông, trên phủ kín tờ nhật trình. Lưng bác đeo bốn thanh gỗ buộc thường dăng vào nhau như kiểu bốn cái chân ghế tre. Túi bác đựng nhiều mảnh giấy vụn cắt vuông. Một tay bác cầm chiếc ống bằng sắt tây tròn dài tựa ống nứa, trong đựng mấy chục cái tăm tre to, dài thò lên miệng. Vừa đi bác vừa lấy điệu tay nhịp nhàng xóc chiếc ống. Những chiếc tăm nhẹ nhảy lên thụt xuống, rỏ vào đáy ống, phát ra nhiều tiếng xô động, rền rền, ròn ròn, lao xao. Xóc... Xóc...

Tai trẻ nghe đã quen, hiểu. Hàng kẹo xóc, hàng kẹo xóc đã vào. Chúng chạy ra. Bác hàng kẹo xóc còn đứng lại trước ngõ, xóc liên mấy xóc nữa đánh tiếng rõ ràng cho cả xóm thực biết là ta đã đến đây. Rồi bác dứt cái ống vào túi áo: hạ thanh gỗ trên lưng xuống. Bốn thanh gỗ liền khoẹo ra một cái gong. Bác hàng kẹo đặt chiếc mâm gỗ lên.

Mấy cái mặt trẻ ngơ ngác, láu lỉnh đã lấp ló, ngấp nghé xung quanh vành mâm. Bấy giờ bác ta mới mở tờ nhật trình dậy mâm ra. Ôi trời, gồm sao mà lắm kẹo? Các thứ kẹo! Góc bên này ngổn ngang một đàn kẹo vẹt. Những con vẹt trắng viền đỏ, trên lưng còn thêm một nhách vẹt con. Ở giữa, một đồng kẹo bi, kẹo đạn tròn xoe, vàng óng và trong suốt như thủy tinh. Ở bên, rất kẹo dồi chó. Những miếng kẹo vỏ trắng lòng đen, tựa miếng dồi chó, thỉnh thoảng điểm một củ lạc thật bùi, nhá ngọt quánh răng. Kẹo đạn thì ròn tan, kẹo vẹt còn con để ngấm cũng thích, ăn nhấm từng tý lại ngon hơn.

Thứ nào cũng chinh một, xu đôi. Xóc... Xóc... Tôi nghe đích tai lắm rồi.

Tôi chạy ra đầu ngõ, thấy bác hàng kẹo xóc thực. Nhưng bác ta cặp cái bàn kẹo đương lừng lững đi ra, tôi réo:

- Coi coi!

Bác hàng kẹo không biết tôi gọi, cứ đi tự nhiên. Rồi bóng bác khuất bên những bụi cây cúc tần. Tôi chưng hửng. Tôi lụi cụi chạy vào, oà khóc.

- Có thể mà cũng nhè!

Tôi ấm ức không nói được. Có thể mà cũng khóc. Không những thế, còn quá vậy nữa. Một buổi kia, dì Niêm dẫn tôi xuống ao. Dì cháu đứng trên cầu. Dì tôi trở xuống mặt nước:

- Cu kìa, có trông thấy gì dưới nước không?

- Không.

- Cái ngo ngoạy ngoăn ngoèu đấy.

- Con gì thế?

- Con thường luồng.

- Hứ?

- Con thường luồng nó uốn khúc lên cầu ao cắn chân thẳng Cu. Kìa nó lôi chân thẳng Cu kìa.

Con thường luồng là bóng cây dừa. Mặt nước sóng sánh con thường luồng rung rinh, quấy cựa theo đợt sóng. Nó đen trùi trùi dài ngoẵng ngoẵng. Nó đương vào cắn chân tôi. Tôi khóc thét. Hai tay tôi bấu chặt áo dì Niêm. Từ hôm sau, tôi không dám mon men xuống ngắt lá xanh tảo dưới bờ ao nữa.

Ai dọa đem tôi cho con thường luồng dưới ao cắn chân, tôi kêu lên chu chéo.

Cái Hồ thì hóm lăm. Nó lau láu như bà cụ non. Hồ ưa mặc áo dài và rất thích đi guốc. Lúc nào, nó cũng đi guốc. Đôi guốc gỗ bé tí tẹo, gót gỗ lẹt xẹt. Nó bước lù khù, hai bàn tay nắm nhau, chắp ra sau lưng. Khi nào ông tôi cầm chổi quét lá ngoài sân đất, nó cũng đi theo. Nó thơ thẩn hỏi ông. Ông quét đến đâu, nó đứng theo đấy. Lúc ông tôi quét xong, đã vun gọn đồng rác lại. Hồ lễ mễ vác cái chổi sẽ cùn cất ra một góc sân.

Buổi chiều, Hồ đòi u tôi rửa chân tay kỹ lưỡng. Nó đi ra đầu ngõ. Nó nói:

- Cháu ra ngõ đón “anh” cháu đây.

Anh tức là thầy tôi. Chúng tôi gọi thầy u bằng anh với chị. Thường thường các nhà hiem không dám gọi nhận thẳng cha mẹ, sợ ma quỷ bắt nên cho trẻ gọi chệch ra như thế.

Trong nhiều gia đình, con cái kêu cha mẹ là chú, thím, bác... Chúng tôi được bảo thuộc những tiếng anh, chị và xưng là cháu, từ thuở bập bẹ biết nói.

- Anh Cu có ra ngõ đón anh không?

Sâm sâm tối, thầy tôi đi làm về. Hồ đã quen lệ ấy. Nó ra lấp ló ngoài đầu ngõ, ôm hai tay lên bờ tường gạch, nhòm đường cái.

Chẳng mấy khi tôi dám thò đầu ra ngõ. Tôi sợ những đứa trẻ trong xóm. Tôi khiếp nhất con mẹ mìn mà bà tôi vẫn tả hình dạng nó. Nó đội chiếc nón rách. Nó đeo cái bị to, trong đựng toàn kẹo bột. Gặp trẻ con,

nó giơ kẹo, cười cười: "Em ới em, lại chị cho cái kẹo này, ngon thật ngon". Ăn kẹo vào, mê tít, mụ dắt đi đâu cũng theo. Mụ đem sang bên Tàu, bán trẻ con cho chú khách thuốc ê. Khách thuốc ê làm thịt, cắt hai cái tai, quay lên như lợn quay... Cái Hồ đứng ngỗ, tôi chỉ luẩn quẩn trong sân, ngồi bên hòn đá trước hè, nhìn vãn vợ.

Hồ đứng ngoài ngỗ cho tới lúc trong nhà mọi người nghe thấy tiếng guốc nó lạch cạch trên lớp gạch vỡ lớn nhón đầu ngỗ. Ai cũng biết hiệu: thế là thầy tôi đã về. Nó chui đầu vào cái vạt áo sau của thầy tôi, vừa lách cách chạy, vừa reo inh ỏi trong khi thầy tôi cởi áo, trật khăn treo lên mắc. Đến lúc thầy tôi ngồi vào mâm, thì Hồ đã chồm choẹ bên cạnh, nói chuyện tíu tít. Tôi thì ngồi im thin thít ngoài hòn đá. Chán hòn đá tôi vào đứng góc nhà, ngó quanh quất tìm đôi guốc, rồi đem guốc ra sân, dì Niêm đến rửa chân cho. Chân đã sạch, tôi linh linh leo lên giường nằm hát. Con ngồi... con ngồi mày chòi cây cau...

Cái gì Hồ cũng lấu. Ai cũng yêu nó. Động một tý, nó nói: “Nghịch rác sân, ông lại đánh cháu bây giờ!”. Tôi chỉ ngắt lá cây si quăn lại làm kèn thổi te te. Thế mà nó cũng mách. Ai cũng chỉ yêu nó. Chẳng ai chơi với tôi. Tôi chỉ chơi một mình.

Tôi chơi một mình...

Ngày tháng lần nữa, lặng lẽ trẻ con quanh quẩn thế không biết đâu những việc của người lớn.

Cho tới độ ấy, thầy tôi đã thôi việc. Tại làm sao thôi việc hay mất việc hàng "bánh tây ngoài Kẻ Chợ" tôi không được rõ. Hình như thầy tôi sắp đi đâu xa.

Rồi thầy tôi đi. Nhưng đi lúc nào, tôi cũng không biết.

Chỉ còn nhớ như buổi hôm ấy, một buổi chiều mùa hạ. Hồ và tôi rửa chân rồi, hai đứa vào ngồi trong phản. Bên khung cửa đã lên đèn đầu hôm, tiếng thoi đưa lạch cạch. Chiếc đèn ba dây giữa nhà ló ngọn sáng loè. Ngoài sân, muỗi bay như chấu tấp vào mặt, kêu o o vang vào tận trong nhà.

Bỗng Hồ trở tay lên khe cửa hỏi u tôi.

- Cái áo của "anh" cháu treo kia đâu rồi?

Trong hộc cột, trên mẫu cuộn chỉ gỗ, không có tấm áo the thâm. Thường đi làm về bao giờ thầy tôi cũng treo áo vào chỗ ấy, rồi lồng cái khăn xếp lượt lên trên. Bây giờ, lạ, không thấy. Hồ hỏi. U tôi bảo:

- Bố mày đi Kẻ Chợ. Mai về.

Nhưng cứ "mai" mãi, không thấy bố về. Thỉnh thoảng chợt nhớ. Hồ lại trở tay lên khe cửa, hỏi:

- Cái áo đâu?

Rồi cũng quên dần. Hồ mãi mê đi theo, xem ông quét sân. Tôi ngồi bậc đá, quần kèn tổ sâu, thối te te. Vài năm sau tôi mới biết là hồi đó thầy tôi vào làm ăn trong Sài Gòn.

U tôi kể rằng, đêm trước hôm thầy tôi đi, chúng tôi cũng có biết, - nói là Hồ biết thì công bằng hơn, bởi vì tôi đã ngủ lâu rồi. Hồ cứ hỏi: "Mai anh đi đâu?" Thầy tôi trả lời: "Con ở nhà ngoan nhé? Chóng về mua quà cho". Đến lúc đi ngủ. Hồ nằm cuộn tròn ngay dưới chân thầy tôi. "Giữ chân không cho mai đi. Giữ được chân đây rồi?". Một lát Hồ ngủ, hai tay buông chân bố lúc nào không biết.

Gà gáy, thầy tôi đi, chúng tôi đều đã ngủ yên. Thầy tôi nhổ trên lòng bàn tay mỗi đứa một bãi nước bọt. Để đi xa, đỡ nhớ chúng tôi. Thầy tôi xuống Hải Phòng rồi đi tàu thuỷ vào Nam Kỳ.

Năm ấy, tôi lên sáu.

Chương 5:

Sang năm sau, tôi phải đi học. Nhiều khê lắm, cái sự đi học.

Vào quãng tháng ba tháng tư mùa mưa rào, mùa đom đóm và mùa ma trời. Chập tối, lũ trẻ thập thò đầu xóm, đứng búi nhau chơi trò gọi ma. Hú ma trời! Mặt giời đã lặn. Chó cắn đã khuya. Ba thằng râu ria. Về ăn cơm sốt! Hú... ú... oà. Rồi tiếng hú lẫn trong tiếng mưa.

Cái đêm hôm trước tôi đi học buổi đầu tiên cũng có trận mưa thật to. Mà cái việc đi học, đối với một thằng tôi nhát như cáy, cố nhiên là một việc ghê gớm mới mẻ nhất trong tâm tưởng đứa bé bảy tuổi. Bởi thế, mỗi lần nhớ lại thuở ấy, ký ức tôi bao giờ cũng phảng phất cả trận mưa rào.

Những trận mưa lớn đầu mùa hạ. Đột nhiên một buổi những đám mây lớn đen xịt, lổm ngổm vùn vù đầy trời. Gió nam giật mãi, bỗng mát lạnh hơi nước. Đắng xa miên man rạt rào khua động. Mưa đã xuống bên kia sông.

Gió càng điên đảo trong cành cây. Ngoài đường cái, người chạy táo tác. Trẻ con la ới ới. Có lẽ sắp được xem mưa, các chú bé thích quá kêu rồi rít. Cùng chung với chúng tôi một nỗi vui ngơ ngẩn, mấy con chó cũng nhảy cẫng, nhảy xích ống, ăng ăng sủa.

Lẹt đẹt... Lẹt đẹt.. Mưa giào đầu. Những giọt nước to lăn xuống mái phen nửa. Vừa mấy giọt nước lách cách, bây giờ đã bao nhiêu nước rào rào xiên xuống, lao vào bụi cây. Con gà trống ướt lướt thướt hai đầu cánh nhấp nhô chạy tìm chỗ trú.

Mưa buông sầm sập, giọt ngã, giọt bay, bụi nước toả trắng xoá. Trong nhà, bỗng tối sầm. Mùi âm ẩm ngòn ngọt lại như ngai ngái. Cái mùi là lạ, man mác của những trận nước mưa mới đầu mùa. Tiếng giọt gianh đổ ồ ồ, ào ạt ọc lên trong những rãnh nước sâu. Mảnh sân đất đã ngập mấp mé. Nước chảy đỏ bốn bề sân, được một lúc bỗng trong vòm trời tối thâm, vang một hồi âm ừ rền rền. Tiếng sấm, tiếng sấm mưa mới. Ngoài ngõ xóm, nghe có tiếng chân người lép nhép chạy, vác thùng đi bắt cá rô rạch trên các bờ ao.

Trời bớt xám, rạng dần. Đến khi chim chào mào bay ra hót ríu ran, thì lại quang quẻ như lúc nãy. Vòm trời dịu trong vắt, mới mẻ hơn. Mặt trời chói lọi trên chòm lá bưởi ướt lấp lánh. Trận mưa to chỉ còn sót lại ở mảnh sân lênh láng và những giọt gianh vàng khè lách rích nối nhau từ các mái rơm xám rỏ xuống đất.

Những trận mưa mới cho tôi một cảm giác bờ ngờ những ngày đầu đi học.

Việc học của tôi được định từ trong tết Nguyên Đán, có một lá thư của thầy tôi từ Sài Gòn gửi về. Thầy

tôi bảo u tôi cho tôi đi học, nhân tiện đương có một ông giáo quen dạy ở trường học làng trên.

Trước hết tôi cho cái việc đi học làm thường nhưng rồi cứ lo dần. Tôi đã biết có mấy người lớn cùng trẻ con trong làng đi học. Cố nhiên, rồi tôi cũng cắp sách và mặc áo dài. Nhưng tôi ngắm nghĩ, tôi vẫn có điều khác họ vì đầu tôi chưa bờm nuôi để tóc rẽ đường ngôi. Đầu tôi cạo nhẵn xung quanh. Phía đỉnh, xé ra đằng sau, lộ thê một chòm tóc hoa roi dài đung xuống vai. Từ độ biết sắp đi học, tôi mới nảy ra so sánh. Cuối năm ấy, có người thợ bờm đầu xách hòm vào xóm, u tôi gọi vào cạo đầu cho tôi.

Tôi ngồi xoạc chân trên chiếc ghế đầu bắc giữa sân. Lần này, bác thợ không lấy cái bình sắt có quả bóng cao su bơm nước phun phè phè trên đầu, trước khi đưa lưỡi dao cạo sồn sột. Tôi được đổi một mới. Bác xoa phấn quanh cổ tôi, rồi cái kéo tóc tách, chiếc tông đơ tành tạch, tành tạch cùng hai bàn tay uốn éo. Tôi ngồi yên, nghe sự ngạc nhiên mới lạ trên thóp.

Một chốc, bác giơ một miếng gỗ tròn có răng cưa xát thực mạnh, quanh chòm đầu tôi, nhiều không biết là bao nhiêu lần. Bụi gàu bay trắng lổp. Tôi xệch miệng, nhẹ mặt, đầu nghiêng ngả theo đà tay bác xát. Đến lúc bác buông đầu tôi ra, tôi mở mắt, bác lấy cái gương cho tôi soi. Tôi ngỡ ngác dần dần mới nhận được mình. Đầu tôi trọc hếu, rớm mấy vết máu, mất hẳn cái núm tóc quen thuộc trên đỉnh. Tôi sờ tay ra đằng sau gáy, thấy thiếu một cái gì. Luôn mấy hôm bản khoăn vợ vẫn nhớ cái tóc hoa roi.

Qua Tết, chần chừ mãi, ăn hết cả bánh chưng, tôi vẫn chưa đi học. Vì chưa có sách. U tôi bảo còn đợi ông lão "đổi sách, bán sách". Tôi cũng biết lão "sách, sách" ấy rồi.

Lão có chòm râu rườm rà vàng ệch. Lão đội nón mê và cầm quạt mo nang. Tấm áo nâu của lão ngăn ngắn, nhưng rộng thùng thình, có giải bơi chèo buộc hai vạt. Lão quảy đôi bồ lớn sơn đen. Không hiểu ở đâu đến, cứ lâu lâu, lão lại qua xóm tôi. Lão rao: "Ai đổi sách, bán... sách". Nhưng chúng tôi chỉ nghe được hai tiếng "sách, sách" thực to. Có khi, đã đi xa hoặc mới vào đầu xóm, ở ngoài cánh đồng đã nghe tiếng lão văng vẳng:... sách... sách...

Ông lão "sách, sách" quảy đôi bồ bí mật vào nhà tôi, một buổi trưa. Lão đổ xuống, mở cái mẹt nắp ra. Có biết bao nhiêu giống sách. Sách xếp từng lớp cao. Những cuốn sách chữ nho bìa nâu, xung quanh mép đen. Những quyển sách quốc ngữ mới, bìa xanh, bìa vàng, đặt thứ tự, chồng lên nhau. Ông lão cúi xuống bồ, lấy một quyển sách nhỏ, mỏng, đưa cho u tôi và nói giá sáu xu. Nhưng rồi cò kè, ngã đúng giá, chỉ có năm xu.

Cuốn sách vẽ hai cái cột trụ thực to, giữa có đủ mấy mươi trăm học trò đội mũ cặp sách nghiêm chỉnh đứng thành dãy dài, từ hình to bằng ngón tay đội mũ cho đến hình bé chỉ như chiếc tăm.

Cho đến tháng ba tháng tư thì u tôi đã sắm cho tôi được đủ mọi thứ để đi học. Một quyển sách mở lòng. Một tập giấy lớn đóng bìa đỏ choé. Một lọ mực tím vẽ con giời dang hai cánh với một cái bút có ngòi mới tinh tươm. Và, oai nhất là cái mũ. Mũ bọc vải màu đồng bóng loáng từng múi xung quanh chóp. Vành bên trong, lót một lượt vải xanh biếc. Úp mũ vào mặt, ngửi thơm những mùi mới hăng hắc. Mũ ấy, u tôi mua

ngoài Kê Chợ.

Thế là, mấy hôm nữa, tôi đi học. Các dì luôn luôn giễu tôi. Dì này bảo học "a b c không có nhà đi ở thuê". Dì kia hỏi tôi rằng đi học, ngày sau đỗ làm thông phán, ngồi trên xe cao su nhà, trông thấy dì rách rưới đi bên đường, bấy giờ có nhận dì hay không? Tôi nhận ngay chứ. Chẳng những vậy, tôi lại làm cho mỗi dì một cái nhà, dì Niêm cũng như dì Bảy, dì Tư.

Riêng tôi làm cho ông bà và u tôi ở một cái nhà tây ba tầng cao chót vót. Tối hôm ấy, tôi nằm khoe những chuyện "ngày sau, bao giờ cháu làm thông phán"... dớ dẩn. U tôi bảo:

- Tối nay, Cu đi ngủ sớm, mai đi học.

Đêm đó, trời lại đổ trận mưa rào lớn. Sáng hôm sau đường làng còn đọng những vũng nước đỏ ngầu. Trong cái ao đầu xóm trứng cóc chẳng từng dãy dài trắng cả bãi cỏ ngâm nước và các gốc đám cây chút chút. Cóc mẹ ngẩn đầu lên mặt ao, kêu ộc ộc vang ầm.

Cả nhà xúm lại, như ai cũng chỉ có mỗi một việc sắm sửa cho tôi đi học. Làm cho tôi sợ. Tôi đi đôi giày tây có cổ, dây quấn chằng chịt lên tận cẳng. Tay tôi cặp hai quyển sách. U tôi vận áo nâu dài tề chỉnh. U cầm lọ mực và cái bút. Ông tôi bà tôi, các dì tôi và cả mấy người thợ cửi, thợ hồ trong nhà và hàng xóm đều đứng lối ngõ đầu ngõ, như để tiễn tôi đi học, ai cũng cười cười. U tôi dắt tôi. Đôi giày tôi kệt kệt bước ra.

Nhưng, kể từ lúc dì Niêm xỏ hai tay tôi vào cánh áo chéo go và u tôi đội cho cái mũ lên đầu, tôi nghĩ ngợi càng sợ. U tôi đưa tôi đi đâu bây giờ? Học hừ? Học à? Học thế nào? Phải đi lên trường học xa mãi tận trên chợ. Độ trước u bảo đi học, tôi vâng. U mua mũ, lại càng thích đi học. Bây giờ tôi thấy sợ.

Đội mũ, cặp sách, sợ hơn nữa. Đến đi giày bước ra ngõ thì sợ quá. Song tôi vẫn bước theo cánh tay u dắt. U tôi không hay biết nỗi lo sợ của tôi, vừa đi vừa chào hỏi những người quen hai bên đường cái. Ra khỏi xóm là đầu làng, men theo con đường dốc nhỏ lên chợ. Bên trái lũy tre xóm Ngoài. Tay trái con sông Tô Lịch như cái rãnh bùn, trên bờ mấy bụi tre căn thưa thớt. Kề sát mặt sông, túp lều gianh nhà lò rèn ở cầu Dừa. Lão phó già kéo bể phỉ phò và tiếng đập sắt kỳ cạch. Tới đầu chợ, sắp đến trường học. Trường học ở trong tam quan cửa đình. Tôi rụt bước, đi chậm lại. U hỏi:

- Sao thế?

Tôi meo máo:

- Không đi học... Không đi học... hi hi...

U tôi nắm tay tôi, lôi tuột vào trong sân. Nhưng tôi càng hãi, lại cong người lại. Sách rơi lả tả xuống đất. Những người xung quanh đẩy túm lại. U tôi nhặt hai quyển sách, dùng dùng kéo tôi trở về. Kéo về thì tôi chạy theo. Về đến đầu chợ u tôi đứng lại. U tôi dẫn một ngón tay vào trán tôi, nói rít hàm răng:

- Mày không đi học thì tao đuổi lên đường Thành cho đi ăn mày?

Tôi khóc rưng rức.

- Được, cứ đứng đấy mà khóc. Khóc xong, lên đường Thành tìm thằng Bòi Cầu tao cho đi ăn mày từ ngày hôm nay.

U tôi xuống dốc chợ, đi về. Tôi lịch kịch giày tây, chạy theo, vừa chạy vừa kêu:

- Cháu chữa rồi.

- Thế bằng lòng đi học chứ?

Vâng ạ... hi... hi...

Nhưng quay lên, sắp đến cửa trường, tôi lại co lại. Lại khóc rầm lên.

- Thôi thôi, cá không ăn muối cá ươn, bước ngay lên đường Thành kia với thằng Bòi Cầu.

Tôi khóc sụt sùi chạy theo. Hai u con cứ đuổi nhau lên xuống như thế. Đến đầu làng, tôi trông thấy bà tôi ở bờ ao chạy ra. Dáng hằn có ai đi chợ về qua ngõ, mau miệng, đã mách với bà tôi. Thấy bà, tôi bỗng khóc to hơn.

- Đấy, bà lại "binh" nó.

Rồi u tôi bỏ về, mặc tôi thút thít với bà. Nhưng không phải u tôi đi hẳn về nhà. U tôi ra đứng sau gốc đa, ngó lại. Bà tôi nói:

-- Bây giờ đi, nhớ? Bà đưa lên trường học, nhớ.

Tôi mếu máo thở không ra tiếng.

Tôi im, tiêu tiêu vì những lời dịu dàng của bà. Bà cầm bút mực, dắt tôi quay lên đầu chợ. Tôi lại lễ mễ, cắp sách đi.

Chốc chốc, tự dưng mũi lòng, thút thít khóc to mấy tiếng. Bà tôi nhẹ nhàng đỡ. Đã vào quá tam quan đình, bà tôi đứng lại lấy giải yếm chùi mắt cho tôi.

- Nín đi không có vào trường thì thầy giáo cười cho.

Tôi cố nuốt mãi mới tạm nguôi cơn ghen. Bà tôi đưa tôi vào trường. Sau cùng ở giữa là đình làng hai con rồng đá chầu hai bên. Dọc theo con rồng đá xuôi ra ngoài - gần một nền sân gạch rộng - đối mặt nhau thông luôn hai hành lang. Một hành lang để cỗ đèn đám ma sơn thên và một chiếc võng vong gỗ mộc,

những đồ tổng chung của hàng thôn. Bên kia là trường học.

Vừa đến sân, đã trông thấy lối nhỏ học trò áo dài đen trắng ngồi bàn trên, dưới thứ tự, dọc theo hành lang trường học, không có cửa, cũng không có bờ rào. Như cái quán cúng quan ôn.

Bà tôi vừa nhắc tôi lên thềm trường thì, trên các hàng ghế, học trò khoanh tay một loạt, lổm nhổm đứng dậy. Thầy giáo Đức đi ra. Thầy giáo mặc áo the dài, chít khăn lượt đen.

Không bao giờ tôi có thể nhớ được thầy giáo Đức rõ ràng hơn hình ảnh ấy. Từ đấy, mỗi khi ở làng ngoại tôi, trong dịp đình đám hể đêm hát chèo mà phường diễn trò Kiều, cử vai Kim Trọng ra là tôi nhớ đến thầy giáo Đức. Chàng Kim Trọng phong tình, mặt dôi phấn, áo the khăn lượt, tay xoè quạt đủng đỉnh tùm tùm dạo quanh chiếu sàn rạp.

Bà tôi nói gì với thầy giáo Đức, không biết. Chỉ mang máng cái mỉm cười của thầy giáo Đức và tiếng ồn ào cả lớp học đầy hai con mắt thao láo. Bà tôi dẫn tôi lên đầu bàn nhất rồi bảo tôi:

- Cháu ngồi xuống đây.

Tôi phụng phịu trong nếp áo bà:

- Bà có ngồi thì cháu mới ngồi.

Và tôi đứng yên. Bà tôi phải ngồi xuống cùng ghế, tôi mới dám nép một bên. Trống tan học, bà tôi dắt tôi về. Buổi học chiều, cũng lại cảnh hai bà cháu ngồi cạnh nhau. Hôm sau lại những hôm sau nữa, sau nữa. Mỗi sáng, tôi tề chỉnh sách mũi và lọ mực, bà tôi lại đưa tôi lên trường và ngồi cùng một bên. Cái lệ ấy kéo dài đến nửa tháng.

Tuy vậy, tôi vẫn chưa quen anh bạn nào. Tôi nhai hai mươi bốn chữ cái trong miệng đủ cho tai tôi nghe. Bốn mép sách cong dần như những chiếc lá đa khô. Tôi ngồi, mắt gườm mặt bàn, thỉnh thoảng mới dám lé nhìn lên tường có tờ giấy dài kẻ dòng chữ: "Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân" mà đến bây giờ tôi cũng chẳng hiểu nghĩa là gì. Ngoài sân, cây cối um tùm. Ngay chỗ tôi ngồi, qua ngoài mấy bước, mấy cây nhãn lớn. Một cây ngã dài đầy nghiêng cả một quãng tường gạch vồ. Đứng cuối, một cây nhót tây lá to như lá bàng đứng cạnh một cây ngâu hoa li ti vàng lợt lợt. Những anh học trò lớn cứ truyền cành ngâu sang cây nhót nhanh thoăn thoắt. Quá trước cửa bên kia, thon von một hàng cau và mấy cây đại cổ thụ, không lưng, đàn dê ngoài chợ vào trèo lên đứng ngẩn ngơ. Vào những ngày mùa, hoa đại rải rác rụng trắng sân. Nhưng không bao giờ chúng tôi dám nhặt. Vì hoa đại ấy của bà Tú Hin. Bên cây đại già dựa cuối hành lang có một tấm bia đá to, đấy là bia bà Tú Hin. Bà Tú Hin là một con ma to lắm rất hay trêu trẻ con. Không đứa nào dám lãng vãng lại gần bia bà Tú Hin. Góc sân phía ấy, rau sam và cỏ gấu mọc xanh um. Những chiếc hoa đại thơm phức cánh xoè trắng nõn, vàng phớt, mỗi buổi sáng lại rơi đầy trên cỏ. Những lúc học trò vào lớp, sân hết người đứng, từng đàn chim sẻ trên hai mái nhà, trong hốc đình lại riu rít xuống nhảy nhô nhóp đuổi nhau chí choé.

Tôi ngồi đã thuộc những hóc mái nào nhiều chim sẻ hay đứng cãi nhau. Tôi đếm trong sân có mấy cây cau, cây nhãn cây đại. Tuy thế, tôi vẫn chẳng dám quen ai. Một buổi kia ngồi trong lớp, tôi chợt nghe mình buồn buồn đi đái. Ồi, đích thực. Thôi chết! Có những đứa lên khoanh tay, thò đầu bên bàn thầy, thưa xin thầy cho con đi giải. Thầy cho đi ngay. Nó chạy tít cuối sân, phía mấy nhà đầu xóm, đứng dặng xuệch hai cẳng. Tôi chỉ việc lên thưa thầy một câu, cũng sẽ được hả hê như vậy. Nhưng tôi không dám. Tôi ngồi yên, đôi chốc nheo mắt nhìn trộm thầy giáo. Và tôi đành chờ đần nhẩn nhó chịu khổ như thế cho tới lúc trống tòm tòm tan học.

Tôi loi thôi cặp sách về. Thường lệ, đi học về, tôi để sách xuống phản, rồi đứng dang thẳng hai tay. Biết hiệu, dì Niêm chạy lại cởi khuy áo cho tôi. Nhưng hôm ấy, đặt sách trên phản rồi tôi xuống bếp. Dì ngồi quay tơ trong nhà gọi:

- Cu lên dì cởi áo cho nào.

Không thấy Cu lên. Dì xuống bếp thấy Cu đứng bần thần ngó ông đầu rau. Dì nhắc vạt áo sau của Cu thấy ướt sũng. Dì hỏi:

- Sao áo Cu ướt thế này?

Cu ta oà khóc.

- Thằng Cu đái ra quần rồi, cả nhà ơi?

Chương 6:

Dù sao, tôi cũng đã trở nên một chú học trò hăn hoi. Tôi vụt biết chữ lúc nào, tôi không biết. Những ngày chủ nhật, tôi đem sách nằm bò ra phản hè, viết lằng nhằng trên bốn mặt bìa, và suốt ngày tôi nói bì xì rất tiếng tây với cái Hồ. Không kém, nó cũng bì xì tiếng Tây đối lại!

Các dì tôi thỉnh thoảng hỏi xem tôi học được bao nhiêu chữ: Một mẹt chữ? Tôi vâng. Rồi tôi cứ nhân dần mẹt chữ đó lên. Lâu lâu, tôi lại khoe với cả nhà tôi đã học được những ba mẹt, bốn mẹt chữ. Bao giờ tôi học được đầy thúng chữ thì tôi thành thầy giáo. Những ngày nắng, mọi người giục tôi đem chữ ra phơi kéo chữ mốc mất. Tuy không biết phơi chữ ra sao nhưng tôi ưa được nghe nói đùa kiểu ấy. Tôi cũng thích nghe các dì tôi nói chuyện về thầy giáo dạy tôi. Làm sao mà các dì tôi biết được thầy giáo tôi là người ăn chơi. Cũng lại vẫn trong câu chuyện buổi tối bên ánh đèn quay tơ của mấy dì, tôi biết hai con mắt thầy giáo tôi rất lằng. Thầy giáo Đức hay cười...

Thầy giáo tôi có nhiều cô nhân ngãi. Thầy giáo tôi thế này... thầy giáo tôi thế này... Các dì giấu cười thầy giáo tôi. Nhiều lúc bênh thầy, tức quá tôi khóc.

Một buổi sáng, vừa ra chơi vào. Bên ngoài tam quan tiếng ngày phiên chợ Bưởi ồn ào vang động. Trong con đường xế một mé sâu vào cái xóm nách đình, người qua lại tấp nập. Một gánh chuối lệch nhếch. Thằng bé ôm chó đi bán. Gà, vịt kêu quang quác. Bỗng thầy Đức xuống cuối lớp, dặn nhỏ anh học trò lớn, rồi thầy đi ra cửa đình. Ngoài sân lấp ló bên cạnh cột trụ, một người đàn bà áo đen, quần lĩnh, quàng khăn tua đen. Thầy giáo tôi cùng người đàn bà ấy đi khuất ra ngoài đường chợ. Học trò đợi mãi không thấy thầy về. Lớp ồn dần sôi dần. Sốt ruột, một anh ra đánh trống tan học. Có lần người đàn bà ấy lại đến. Thầy giáo tôi lại bỏ lớp, đi theo. Lại được tan học sớm.

Tôi học được ngót một năm thì thầy giáo Đức bỏ đi biệt không trở về nữa. Tôi không biết vì có gì mà thầy Đức bỏ trường. Chỉ nghe phong thanh thầy giáo Đức đi theo một người đàn bà. Có phải cô nhân ngãi quàng khăn tua đen kia chăng? Lại nghe nói, rồi thầy chết ngã nước ngoài Cẩm Phả.

Thỉnh thoảng có thư thầy tôi ở Sài Gòn gửi về. Bác phu trạm tận phủ Hoài vào nhà tôi đưa thư. Bác còn trẻ, hay cười răng trắng tênh. Bác đi bộ suốt ngày hai bàn chân mốc trắng hai vai áo dài thâm bạc rách bươm. Lưng đeo cái túi vải xám có quai vòng lên vai. Mỗi lần vào đưa thư rồi chính bác lại ngồi xuống đầu phản hè bóc phong bì, lấy thư đọc cho cả nhà tôi cùng nghe.

Bác đọc liến láu, độn nhiều chữ i, a, nhi a trong câu. Tôi đứng trông vào tờ giấy, chữ viết nhằng nhịt, chưa hiểu. Tôi mới thuộc các mặt chữ trong quyển sách mở lòng của tôi.

Đọc thư xong, bác trạm uống bát nước vối, hút thuốc Lào sòng sọc. Bác ngồi nói pha trò cười một lúc, đến khi u tôi đưa bác đồng hào bạc trắng, bác mới đeo túi đứng lên, hai mắt chớp chớp đến hay, nhưng bác chưa đj. Bác trạm tráng bắc cái ghế đầu ra sân, hái mấy chiếc hoa ngọc lan giắt vào vành khăn và gài vào khuya cái nón dừa đã rách lợp tướp. Bác kính cẩn chào cả nhà. Bóng bác đã ra ngõ, bên rổ tơ, dì Niêm và dì Bảy còn cười rình rích.

- Người đen như củ súng thế mà lại định chim con gái làng này!

Lần nào có thư, thầy tôi cũng giục u tôi mang chúng tôi đi chụp ảnh gửi vào Sài Gòn.

Nấn ná mãi, đến tháng Giêng năm ấy, u tôi mang tôi và cái Hồ ra Kẻ Chợ chụp ảnh. Bấy giờ tháng giêng, phong vị tết nhất còn phảng phất trong thôn xóm, quần áo tốt chưa dứt vò hay cất vào hòm.

U tôi mặc the thâm đốm hoa lót nền xanh cánh chả. Vành khăn sa tanh láng hoa dâu vắt vẻo rủ tóc lông đuôi gà. Cái yếm cổ xây cát bá trắng bong với cái thắt lưng nhiều thắt ra ngoài, lộ một mẩu lưng bao xanh buồng chùng bộ sà tích bạc reo lích tích. Hôm nay u tôi mặc váy lĩnh xùm xoè, dưới chân lấp ló đôi dép cong. U tôi ẵm cái Hồ. Tôi súng sính bước bên làn sóng váy u.

Từ làng tôi, qua một chặng đường thì lên đến bến xe điện. Trẻ con chúng tôi chỉ mơ được đi xe điện. Trong các làng xóm, trẻ con ru em hát những câu tả cảnh và tán tụng tàu điện rằng:

Ông Tây ngồi nghĩ cũng sành

Sinh ra tàu điện chạy quanh phố phường

La ga ở giữa Thụy Chương

Dây đồng cột sắt tìm đường kéo ngang

Bồi bếp cho chí bồi bàn

Chạy tiền ký cược đi làm sơ vơ

Xưa nay có thể bao giờ.

Có chiếc tàu điện đứng chờ ngã ba.

Liền ông cho chí liền bà

Ai mà sang trọng thì là nhảy lên.

Ba xu cũng đáng đồng tiền

Một thôi về Bưởi bằng tiên non Bồng.

Năm xu ngồi ghế đệm bông.

Hỏi mình có sướng hay không, hờ mình?

Trẻ con thuở ấy thèm đi tàu điện lạ lùng. Đứa nào được đi một chuyến tàu điện về, kể mấy ngày không cạn chuyện.

Tôi đứng đợi xe điện bên cạnh đường cái, dắt tay em Hồ. U tôi nhai trầu tóp tép, chốc chốc lại quết trầu bôi lên gốc cây.

Chẳng bao lâu, xe điện đã tới. Từ đằng xa, nghe những tiếng quẹt quẹt trên lằn dây điện. Bánh tàu nghiêng ken két, lượn nghiêng vào bến, rít u u vẳng lên. Đôi khi, tàu điện lại kéo thêm chiếc toa đằng sau. Cái tàu cái toa cùng sơn màu vàng thẫm, nối đuôi nhau chạy như thể bò con đuổi bò mẹ đòi bú.

Một lát sau, tàu lại chạy trở vào thành phố. Người vát man mặc áo tây vàng đứng đầu tàu vận máy. Trước mặt ông có một cái thùng to như cái bể rền. Hai tay ông cầm hai cái khoá đồng, vận đợ vận lại trên mặt bể. Tàu từ từ đi, khoá đồng mở số 2, số 3 rồi mở 7, chạy nhanh nhất. Vùng tôi có tiếng "chạy mở bảy" là vì thế.

Cái tàu chạy vui quá. Bánh lăn, chuyển rập rình, rập rình. Tiếng gì dài đặc liên miên như tiếng mưa rào. Chuông kéo reeng reeng. Đẳng cuối, còi đáp lại huýt huýt. Gió lùa vào trong cửa phần phật. Ôi chao, tàu đã lượn đến bờ hồ Tây. Gió mát thổi nhẹ người, bay mất cơn buồn ngủ. Ngoài xa, mệnh mang một rừng cây lá rút xanh ngòm. Bên trên, giải dài một lưỡi nước trắng tinh. Trong khung cửa tàu, hiện lên nền trời xanh lơ lửng, ngọn núi Tam Đảo màu lam già, như vừa mới nhô ra. Kề bên mặt nước, lô xô những mái đỏ và mảnh tường sang sáng. Hà Nội ở phía đó.

Lác đác đã hiện ra vài con đường phẳng rẽ ngang, rẽ dọc chập vào nhau. Xe cao su ngấn ngờ cu-li kéo. Rồi những toà nhà hai tầng sát cánh đứng liền dãy. Người đi ùn ùn, xô nhau bước. Cái tường chợ Đồng Xuân lổ chỗ như mặt tổ ong bò vẽ.

Xuống tàu, người lên xuống đông quá, tôi không chen được, đứng bẹp một chỗ, hai tay ôm mũ. Người đầu mà kéo ra lắm thế. Còn gì uôm uôm như ễnh ương ngày mưa. Nỗi vui sướng được ra Kẻ Chợ vờ vẩn với nỗi lo vẫn được nghe nói hàng ngày về những cái tai quái ở nơi đô hội. Kẻ cắp, nặc nô, ô tô, đội xếp, hàng rong, bài tây. Trẻ con Hà Nội trèo me trèo sấu nhanh như chuột. Đủ các thứ sợ. Tôi đi nép bên u, mắt liếc nghếch ngơ ngác. Hồ Gươm xanh rờn như nước lơ, nước rau muống trong chậu. Phố Hàng Đào có đôi giày và cái mũ khổng lồ treo lơ lửng. Cái gương soi vào thì lùn người. Cái ô to tướng, móc lưng lẳng. Con trâu vàng. Cờ xanh cờ đỏ phấp phới. Những tấm bảng cửa màu vàng lớn, nhỏ, nhấp nhô rối mắt. Rừng người nghìn nghịt, xôn xao...

Người thợ ảnh bảo u tôi ngồi ra cái ghế giữa nhà. Chúng tôi mỗi đứa một bên cạnh. Bỗng bác chụp ảnh đấy cái máy to cao lù lù như con trâu, lặn từ đằng góc phòng lại tới trước mặt chúng tôi. Cái Hồ khóc thét. Tôi, bình tĩnh hơn nó, lơ lảo ngó con quái vật. Nó không phải là con trâu. Nó tựa một cái thùng gì bí mật, trù miếng vải đen rủ lê thê xuống hai cẳng chân gỗ có bánh xe. Phía trước lòi ra cái mõm nhẵn nhừ đen xỉn. Đầu mõm, lóng lánh một miếng kính tròn nhìn chúng tôi.

Bác thợ ảnh chui đầu vào trong bụng máy. Mảnh vải đen bụng nhụng trên đầu bác. Bộ như bác sắp làm trò quỷ thuật.

Bác thợ ảnh nhấp nhô nấp trong bụng máy, thò một bàn tay cầm cái chuông đồng. Bác lắc. Bác nói:

- Ê ê Trông vào đây... Loong... coong... Trông vào đây... Loong... coong... Cười đi, cười đi...

Tôi ngoái đầu lại xem. Bác thợ ảnh tung vuông vải đen chui ra, bác cười toe toét:

- Xong rồi. Gớm, phải làm mẹo chuông loong coong mới chụp được nổi cậu này.

Ở hiệu ảnh phố Hàng Bồ ra, u tôi đem chúng tôi ra Bờ Hồ.

Phố đông, cái Hồ không đi bộ được. U tôi ẩm Hồ đi trước.

Tôi nhếch nhái theo sau. Đôi chốc, tôi lại ngó sang hai bên bờ hè ngấm cái tủ gương loang loáng cùng người, xe chuyển vùn vụt. Mắt mãi ghéch, đôi lúc trông lên, thấy u tôi đã bỏ xa một quãng, có đến mấy lần như vậy.

Tới đầu một phố nhốn nháo đông người. Chỗ cái máy nước thùng sắt tây va xoang xoảng, người tranh lấy nước như sắp đánh nhau. Bỗng một gã áo trắng, quần thâm, đầu đội mũ nồi đen xông xáo từ đám đông, trong nháy mắt bước theo u tôi. Trước còn cách một bước, sau sát đến tận nơi. Hai tay gã giơ lên vai u tôi, nắm cái dây khoá bạc trong cổ cái Hồ, gỡ ngay xuống nhanh như lấy cái dây khoá để sẵn trên vai u tôi.

Rõ ràng tôi trông thấy gã bỏ cái dây bạc vào túi áo. Gã quay ngoắt lại, mặt trông nhâng nhâng, thản nhiên trở về chỗ máy nước. Tôi rảo bước chạy theo u. Rồi tôi đi như thường.

Một lúc sau, u tôi nhìn không thấy cái dây chìa khoá bạc ở cổ cái Hồ. Mặt u tôi xám lại, ngơ ngác nhìn tôi. Tôi bần thần bảo u:

- Lúc nãy trông thấy thằng đằng kia lấy cái khoá.

U tôi rồi rít, loanh quanh. Hồ ngơ ngẩn, nước mắt vòng dưới mi. U tôi cuốc tôi một cái vào đầu, nói xít trong răng:

- Trông thấy thằng kẻ cắp sao không bảo?

Tôi hu hu hu hu.

- Cầm cái mồm, không tao giết bây giờ

- Vâng... Hức?

U tôi hỏi:

- Thấy thằng kẻ cắp lúc nào?

- Thấy ở chỗ đằng kia.

U tôi quay lại chỗ máy nước đầu phố.

Xung quanh máy, ràn rạt người. Người ấn vòi. Người đặt thùng. Người quấy. Đâu thằng kẻ cắp? Tôi không biết. U tôi đành ẵm Hồ đi. Tôi cúi mặt như đứa chịu tội. U tôi lau bầu lấm bầm nói, tôi không nghe rõ. Chỉ thoáng văng... về bà bảo cho... Con nhà lơ ngơ như gà toi... bà để tội cho mày về nhà...

U tôi rẽ xuống một phố sâu, đường lầy và rác rưởi, rồi vào một cửa hàng bán đồ vàng bạc. Chỉ một chốc, u tôi ẵm Hồ ra. Cổ áo nó, sáng trắng cái dây chìa khoá bạc, như cái dây mất lúc nãy. Tôi đứng thập thò ngoài cửa hiệu. U tôi dặn dò:

- Về nhà không được nói với ai là mất dây chìa khoá. Ai mà biết, tao đánh mày chết.

Tôi chẳng bao giờ dám nói cái chuyện mất cắp và chuyện mua vòng mới ấy với ai.

Trong kỷ niệm tôi mang bao nhiêu chuyến ra Kẻ Chợ.

Những lần đi Niêm đem đi xem hội Tây, xem rước Săng Ty xem tuồng Quảng Lạc. Nhưng nhớ hơn cả là nhớ lần đi chụp ảnh lấm cái rắc rối đó. Hôm lấy ảnh về, cả nhà xúm vào xem cùng trầm trồ khen là hết. Ai cũng cười cái mặt ơ ơ của tôi.

Riêng tôi, tôi nghĩ luẩn quẩn lấy làm lạ làm sao tôi lại đứng trong ấy, rõ ràng là hình tôi.

Đầu tháng tư, Hồ và tôi, hai anh em cùng lên sởi. Tôi sốt trước, phải nghỉ học. Người tôi mẩn đỏ, lấm mẩn, người như rôm. Được mấy hôm, sởi lặn. Mặt tôi khô se, róc từng đám gãi ra những vảy trắng lả tả. Giữa lúc ấy, bệnh sởi của Hồ bắt đầu.

Tôi không nhớ rành rõ được những ngày đau yếu của Hồ thế nào. Cả nhà ai cũng yêu Hồ hơn yêu tôi. U tôi hay ẵm nó. Nó nói leo lẻo. Mà ông tôi thì mắng tôi chẳng hề bao giờ mắng nó. Tôi biết Hồ ốm nằm trong giường u tôi. Nó vẫn nằm ngủ giường u trong buồng. Nó lên sởi nhưng không ai dám nhắc đến hai chữ “lên sởi”. Tôi cũng không biết nó lên sởi.

Một buổi sáng, mặt trời đã lên ngọn dừa, tôi chạy gọi dì mặc áo cho tôi đi học. Bà tôi khẽ bảo:

- Hôm nay Cu nghỉ học.

Có một cái gì khác lắm. Tôi đem sách ra ngoài đầu hè định đọc. Ông tôi chỉ tay, cấm. Mọi người chạy ra, chạy vào cửa buồng. Tôi cũng lén vào. Nhưng dì Niêm giữ tôi lại. Tuy vậy, tôi cũng ghé được mặt nhìn vào, thấy cái Hồ nằm trên giường. Mắt nó nhắm, như ngủ. Mặt nó trắng xanh xanh hơn ngày thường. U tôi ngồi cuối giường.

Vào quăng mười giờ sáng, cả nhà tôi khóc ầm lên, xúm lại cửa buồng. Bà tôi mếu máo chạy xuống bếp, lại chạy lên.

Ông tôi ẵm Hồ ra nhà ngoài. Ông tôi đặt Hồ xuống đất, ngay gian giữa. Mắt nó vẫn nhắm. Mặt nó xanh như ban nãy. Tôi không hiểu là nó đã chết. Ông tôi vuốt mắt nó, bảo:

- Hồng rồi.

Dì Bảy lật đật công tôi ra ngõ. Tôi cũng khóc. Dì Bảy công tôi vào trong xóm Trong, không cho tôi ở nhà, giữa lúc nhiều người trong xóm chạy đến.

Đến trưa tôi được về. Đến bờ giếng thấy hai người khiêng cái săng gỗ trắng bạch trông hai dẻ mảnh thường ra đăng cổng đồng. Trên nắp áo quan, có bát cơm thắp hương. Dì tôi công tôi, cung cúc chạy. Vừa chạy, vừa khóc rưng rức. Tôi ngơ ngẩn sợ nép xuống lưng dì.

Tôi cứ ngờ ngợ không bao giờ tin buổi sáng hôm ấy, cái Hồ chết. Chết là thế a? Tôi cứ tưởng hình như rồi một buổi chiều nào, Hồ lại lúi thủi trở về. Nó rón rén đi vào đầu ngõ cái mặt xanh xanh hơi cúi, như mọi ngày.

Nằm trong buồng, u tôi quay mặt vào tường, khóc buổi sáng và buổi tối. Được mười ngày, ông tôi kê giường cho u tôi xuống nằm nhà dưới. Gian cũ ấy khiêng vào một cái án thư để làm bàn thờ. Buổi chiều nào cũng thắp hương. Dì Bảy sang bên vùng Bắc gọi hồn cái Hồ mấy lần. Thỉnh thoảng u tôi nói rằng: "Độ đầu năm, mở quẻ Kiều có hai câu: Thiếp như hoa đã lìa cành, Chàng như con bướm liệng vành mà chơi. Nghiệm quá... ời con ơi a...". Lại khóc.

Ở trong Sài Gòn thày tôi gửi thư về, lá nào cũng hỏi con Hồ có ngoan không? Hồ đã biết "xăm" giấy đỡ u chưa?

U tôi nhờ người viết cho thày tôi biết ở nhà trẻ con vẫn ăn chơi như thường. Mỗi lần gửi thư đi, u tôi lại khóc.

Chương 7:

Mấy năm sau, thầy tôi trở về.

Tôi đã vọc vạch, đọc thông được quốc ngữ. Biết làm tính cộng, cũng thử được tính trừ, thầy giáo Đức đi rồi, trường bỏ không. Tôi cất sách bút vào gậm giường thờ, ở nhà. Tôi làm giấy đỡ u. Chiều chiều, đem cái cút con đi mua rượu cho ông ngoại. Trong nhà quê, ông nội tôi cũng mất rồi.

U tôi đem tôi về quê nội mấy hôm. Buổi trưa nghe ngoài cửa ngang vắng tiếng chó sủa. Tôi trông ra ngõ, thấy đi vào một người mặc áo dài đen bóng nhoáng, xương xương, da ngăm đen, mắt đeo kính rộp, một tay cắp một gói lớn bọc giấy nhật trình. Đứng trong cửa buồng, bác cả Gái tôi reo to:

- O, chú Hai?

Trong nhà, bác Cả giai chạy ra:

- Kìa, chú. Chú về. Cháu kìa...

Tôi đứng ngẩn. Bác Cả tôi vốn tính nói nhanh, hấp tấp tiếng nọ cười lên tiếng kia.

- Bố cháu đấy. Bố cháu ở trong Sà Goòng về đấy. Chú về bao giờ? Chú về thẳng nhà hay chú đã tạt lên Bưởi?

À, thầy tôi ở Sài Gòn về. Năm thầy tôi đi, tôi mới lên sáu tôi không nhận lại được. Thầy tôi nói với bác Cả:

- Con vện nhà ta khôn quá. Lâu ngày thế mà nó thấy tôi chỉ cần một tiếng rồi ve vẩy đuôi, lảng vào gốc cam.

Thầy tôi đặt cái bọc nhật trình xuống ghế. Thầy tôi hỏi bà tôi đâu? Rồi thầy tôi bỏ mũ lên trước bàn thờ ông tôi, thì thụp lể. Ở trong buồng bà tôi che vạt áo lên mặt, khóc lu loa...

Hờ anh ơi, anh bỏ nhà cửa anh đi đặng nào, bây giờ con anh về đây cháu anh về đây, anh ở đâu anh không về... hờ ơ ơ...

Nhưng chỉ khóc hai ba câu, rồi bà lập cập đi lần ra ngoài.

Nước mắt tuôn ròng xuống mảnh yếm nâu. Bà nội tôi mắt kém. Về mùa rét, rận bò ra cả áo không biết.

Trên khuôn mặt nhăn nhoe xộc xệch, lèm nhèm hai con mắt lơ dờ cùi nhăn.

Xung quanh vành mắt lầy nhầy, lông mi đã rụng hết. Lông mày thì bạc phơ. Chẳng mấy lúc nhà đã đầy người. U tôi ở dưới bếp lên. U tôi nhòm cửa bếp, biết thầy tôi ở Sà goòng về nhưng nấn ná lên sau thím Ba. Chị Cóc con bác Cả chạy đi gọi chú Ba. Chú Ba ở ngoài đồng. Anh Đột, cũng con bác Cả đằng sau vườn nhào vào. Bà Ba tôi, đến lúc chiều vàng vàng mặt trời, mới ở chợ về, quảy cả một gánh cau khô, thuốc Lào lù lù vào sân. Bà về chợ, thấy người ta nói "Bác Quý nhà ông phó Giáo trên xóm Đồng ở Sài Goòng về". Bà tất tưởi chạy vào chưa kịp về nhà.

Mọi người xôn xao mừng rỡ, tôi lùi ra đằng đầu nhà. Tôi cúi đầu, ngắt những cánh hoa cải vàng. Một ý gì buồn bã đến tôi. Tôi thường có những nỗi buồn vẫn vợ rất đột nhiên. Xỏ tay mặc một tấm áo mới hay một cái quần chúc bầu còn xột xạt hồ tôi cũng tần ngần buồn một lúc thật lâu mới quen.

Thầy tôi ở Sà Goòng về. Thầy tôi đi lâu ngày như thế. Thầy tôi đi từ khi còn cái Hồ mà u tôi thường nói rằng đêm hôm ấy thầy tôi nhổ hai bãi nước bọt vào lòng bàn tay chúng tôi.

- Mày ra đây làm gì?

Tôi ngẩng mặt lên giữa những tiếng cười khúc khích của Đột. Đột đứng cạnh từ lúc nào. Bỗng Đột kêu:

- O, thằng này khóc. Thím Hai ơi, nó khóc...

Tôi cũng không biết tôi đã khóc. Tôi đưa tay lên mắt.

Nước mắt đã đọng sẵn, chảy tràn ngay xuống má. Tôi bỗng oà khóc. Tôi khóc thực to, thảm thiết như là bị ai đánh đòn. Tôi cứ úp mặt vào áo u, gào ngán ngất, lẫn trong tiếng cười nói um xùm của các bà con đến chơi. Bác Cả pha một câu: "Cháu khóc sẵn, kéo sợ thầy đánh đấy. Cháu ở nhà hư lắm, chú Hai ạ?".

Hôm ấy được một bữa khóc vui, u không mắng. Đến chiều, tôi đã quen với thầy tôi. Tối hôm ấy, tôi nằm ngủ ở phản giữa. Tôi nằm bên, thoáng ngửi một mùi thơm lạ mà tôi biết là mùi xà phòng thơm. Ban chiều thầy tôi mở gói giấy nhật trình. Gói đựng nhiều thứ. Một bọc kẹo to, chia đều cả nhà. Có một hộp sữa bò tròn, một cục súc-cù-là hăng hắc đen như bùn gói quanh miếng giấy trang kim bạc. Sữa và súc-cù-là ấy, phần quà cho tôi. Thầy tôi bảo có hòm đồ đạc còn gửi ngoài phố. Thầy tôi có trong bọc một bánh xà phòng màu vàng lợt. Xà phòng sát vào tay, hai bàn tay thơm lừng. Tôi lại rửa hai chân bằng nước xà phòng. Đêm đi ngủ hây còn thơm chân. Mùi xà phòng, mùi băng phiến. Những mùi thơm mới mẻ, tôi nằm chập chờn tưởng đến cái phương xa mà thầy tôi vừa ở đấy về.

Trong những ngày ở quê, nhiều lần thầy tôi kể những chuyện dọn đường cho tôi và Đột nghe. Đột là vai trên nhưng nó cũng bằng tuổi tôi.

Ôi, kỳ lạ biết bao con đường vào phương nam. Sau này nhiều lần, tôi đã qua con đường vào miền Nam xưa thầy tôi đã đi, nhưng tôi không thấy nó giống mấy may trong tưởng tượng có con đường dài hun hút,

qua những núi rừng âm u nhiều ma gấp trăm đường Phan Rang, Phan Rí của ông ngoại tôi Có chỗ tàu hoả. Có chỗ xe ô tô chạy, lại cũng có chỗ phải ra bể đắp tàu thủy. Bể rộng liền với trời và không có đáy. Giữa bể có một cái rốn nước xoáy vào đáy. Thuyền nào vô phúc chèo đến gần rốn bể bị xoáy cuốn mất tích. Đến cái tàu thủy to bằng cả làng tôi, rốn bể cũng hút mất như thường.

Ngoài bể có giống cá ông voi to bằng cái đình làng ta. Ném chum dừa xuống nó nuốt chửng. Ném cái cối đá xuống nó cũng nuốt. Một lần kia, con cá ông voi nuốt cả một cái thuyền và một nhà thuyền chài. Anh chài ở trong bụng cá cứ lấy dao lóc thịt cá ông voi mà chén. Như vậy, sống được một tháng. Cứ đến bữa anh chài xẻo thịt, cá ông voi đau quá, chạy cuồn khắp bốn bể. Rồi kiệt sức, lên nằm chết trên bãi cát. Anh thuyền chài can đảm kia rạch bụng cá chui ra, lại còn kéo được cả thuyền của mình ra nữa.

Hàng tháng vượt bấy nhiêu rừng và bể cá thì sang đến Sà Goòng. Ôi chao, Sà Goòng xa lạ biết bao.

Mấy hôm sau, trở ra ngoài Nghĩa Đô, thầy tôi đem tôi đi thăm mả cái Hồ. Mả nó ở trong đồng sau làng, trên một gò cỏ, gọi là gò Mũ Đồng Cân. Ông tôi đặt những mảnh sành hòn sỏi lẫn vào trong cỏ, mưa không làm trôi được đất xuống. Mỗi gói ông chặn một hòn gạch vồ xám để đánh dấu đầu mả.

Trên chòm mả ông tôi trồng mấy cụm cây ké. Hai bên rải rác mấy cái mả nữa, toàn mả trẻ con. Mả của Hồ to nhất. Hồ thiêng lắm. Đã mấy lần, nó hoá làm con đom đóm xanh lè to bằng cái vỏ trứng lợ lững vào trong nhà, bay xuống đỉnh màn u tôi. U tôi khấn là u đã biết con hiện về chơi rồi. Bấy giờ nó mới bay ra Vừa khỏi lũy tre cuối làng đã trông thấy mả em tôi. Năm mả lù lù giữa gò cỏ nhấp nhô. Phơ phất mấy cây ké, nom như một cái chòm đầu trẻ con có núp tóc hoa roi trái đào trên đỉnh. Qua một lớp ruộng cao khô nước, xơ xác mấy nhánh hoa cỏ may cuối mùa. Một cụm ké căn cỗi, thấp sát mặt cỏ, nở những cánh hoa ké vàng: Thầy tôi đặt lên chốc mộ bốn tấm mía, một gói năm bông trắng với mấy cái hoa hồng. Rồi thầy tôi đánh diêm châm một năm hương tẩm cắm lên mộ, đằng phía có chôn hòn gạch xám. Hòn gạch chỉ đầu em tôi nằm quay về hướng ấy. Thầy tôi ngồi thụp xuống lấy đất lèn chân hương, rì rầm khấn, rồi nói:

- Vào vái em đi.

Tôi xoè hai bàn tay, mắt dăm dăm, vái bốn vái. Tôi nhớ hôm nào ghé khe cửa thấy Hồ nằm trong buồng, mặt xanh mét. Đã mấy năm qua rồi tôi như vẫn chờ nó về. Tôi ngoay đầu lại. Thầy tôi quay lưng trông xuống đồng Cáo. Cái khăn mùi xoa đưa lên mặt. Dưới đèn sâu vắng man mác màu nước trắng không có bóng người.

Cái buổi sáng đi thăm mả em tôi cũng cùng với tất cả những ngày ấy trong ký ức tôi hỗn độn như một giấc mơ chấp nối. Thầy tôi đem ở Nam Kỳ về bao nhiêu truyện lạ, bao nhiêu thứ lạ. Thứ nhất, là cái kèn hát. Cái kèn mà lỵ hát được. Nó là cái hộp vuông bằng gỗ màu vàng, to như một chiếc mâm xếp. Một mặt gắn một cái cửa tròn, lỗ chỗ lỗ nan mây. Một ống sắt sáng loáng to như cái cổ ngỗng mắc bên cạnh là cái cần kèn. Đuôi cần gắn một chiếc loa loe tròn, khía nhiều múi. Đầu cần có kim nhọn. Đuôi cần có loa to. Bên kia nắp, vẽ một con chó tây ngồi trước một cái kèn hát bé tí tẹo. Hai tai chó dỏng thẳng trước loa, ra ý

đương nghe hát. Muốn cho kèn hát, thầy tôi cầm một cái tay ngoạo bằng sắt thò vào một lỗ bên thành hộp, quay một hồi. Trong hộp nổi lên mấy tiếng lục cục, u âm như tiếng cối xay. Thầy tôi đặt một cái đĩa nhựa đen lên mặt kèn, thả chiếc cần nhọn xuống mép đĩa quay xè xè... xè xè... Văng vẳng tiếng chiêng, tiếng trống tiếng hát ở trong cái loa nói ra.

Buổi chiều, tôi rửa chân sạch sẽ rồi lên nhà xem thầy tôi vắn kèn nghe hát. Những buổi tối sáng trăng, đàn ông đàn bà trong xóm lũ lượt đến ngồi nghe đầy sân và ngoài đầu tường.

Xung quanh tôi, không biết từ lúc nào, khắp mặt trẻ con các ngõ đã ngồi la liệt hóng mát lên. Tôi mơ màng tưởng ra một người đàn bà mảnh khảnh mặt áo xanh đứng hát trước một dòng nước chảy. Đến những bài hát tuồng ồn ào thì tôi lại thấy ông tướng "mặt như dồi phấn, môi tựa thoa son" cầm kích vừa đánh phèng vừa đánh trống.

Tưởng tượng của tôi hơn hẳn như một nhánh mầm cây bóng nước. Trong cái rương của thầy tôi lẫn lộn với quần áo còn một chồng sách. Những quyển sách khổ lớn bìa xanh bìa đỏ xếp lên nhau. Một bộ Chinh Tây, tôi còn nhớ Nguyễn Chánh Sắt dịch và một bộ Tam hạ Nam Đường. Hai bộ mấy chục cuốn. Trong một xó hè khuất, tôi giải một mảnh chiếu chặn một bó giấy mộc che phía ngoài. Phía trong liền giáp tường, thế là tôi nằm gọn lỏn vào giữa mà không ai tìm thấy tôi. Suốt ngày, tôi vui đầu vào cái chỗ đọc sách đặc biệt ấy.

Tôi dán mắt từ trang này qua trang khác. Những trang sách nhiều tiếng miền Nam. Tôi đọc, đoán lơ mơ và quen dần dần với những cái miếng chiền bài tòn ten, những cái lục lạc đồng cùng là những cánh rừng tòng bá xum xuê. Trong những trang sách những tiếng khó nghe đó diễn ra bao nhiêu truyện ly kỳ với những nhân vật rõ rệt đến nỗi tôi tưởng như tôi đi đường cũng có thể gặp họ hoặc tôi cũng là họ không biết chừng. Những cái tên đáng yêu, những cái tên đáng ghét lừng vừng trong đầu tôi. Tiết Nhơn Quý anh hùng. Chàng Tiết Đình San hươu cây thiên phương hoạ kích. Nàng Phàn Lê Huê học trò của Lê San thánh mẫu. Lưu Kim Đỉnh lia tới sợi khốn tiên thẳng. Cao Quân Bửu là con Cao Hoài Đức. Rồi những Dương Phàm, Tiết Ứng Luông, những Triệu Khuông Dẫn, Võ Tam Tư, Trình Giảo Kim, tôi nhớ vanh vách, từng tên, từng mặt người.

Buông cuốn sách xuống, mặt tôi dờ dẩn. Trong cái khe cửa đầu ngõ, tôi chứa đủ các thứ “khí giải”. Cây hoạ kích, cái gậy dài nhọn đầu. Cặp “song kím”, hai mảnh tre bạt bôi phẩm tím. Hai quả chuỳ, là hai quả bườì có cầm chuôi. Và một đôi lang nha bổng (Lang nha bổng là khí giải của Tần Hồn trong Chinh Tây, tôi đâu biết là cái gì?) Tôi liền đeo hai cái dải tròn bằng tre. Nhiều khi thích chí tôi đem những thứ ấy ra bờ ao, đứng nói lảm nhảm và múa may một mình. Tôi tập đánh nhau. Tôi tập hoá phép. Có lúc lẫn thẩn, tôi nhắm mắt, đập đầu vào tường côm cốp. Cái đầu tôi hình như rắn hơn trước.

Với bộ Chinh Tây và bộ Tam Hạ Nam Đường, thầy tôi còn mang về hai quyển sách nhỏ: truyện Bà chúa Ba và truyện Lục Vân Tiên. Cái Lục Vân Tiên thế nào nhỉ? Ở những buổi trưa hè nắng chang chang vông đưa kiu kịt, thầy tôi nằm đọc.. Ở Kim Liêng ơi hỡi Kim Liêng. Đẩy xe ngờ ơ cho chỉ qua miềng ừ ừ Hà... ở

Ờ Khê... Anh Vương Tử Trực với anh Hớn Miêng còn yêu được chớ cái thằng Trịnh Hâm tôi ghét lắm lúc muốn đánh cho một thương bể đầu. Tôi không thích đọc sách truyện Bà chúa Ba mà vẫn phải đọc. Thầy tôi bảo đấy là sách nhà phật. Thầy tôi không ăn thịt chó. Thỉnh thoảng, tôi đọc Bà chúa Ba cho cả nhà nghe. Đằng cuối cuốn truyện Bà chúa Ba có phụ thêm nhiều bài kinh tụng phật.

Thầy tôi thường bảo:

- Ba tháng hè, hễ tối nào ai cũng đọc được đủ ba mươi lần những bản kinh kia thì nhà được phúc.

Tối tối, bà ngoại tôi kê một cái chõng ra bờ hè. Bên cạnh ngọn đèn hoa kỳ và cuốn truyện Bà chúa Ba, tôi nằm phục vị chống hông lên đọc kinh. Bà tôi ngồi quạt cho tôi. Những buổi tối mùa hè rục rờ. Vòm không bát ngát đen thẫm lỗ đố cơ man nào đốm lửa sao. Trên trời lung linh sáng rợn, tôi mê mãi thành kính đọc kinh, lướt lướt nối nhau. Song chỉ được mười hôm, rồi chối dần dần. Bởi cứ phải đọc đi đọc lại mấy bài. Tôi giao hẹn với bà tôi từng lướt. Nam vô Quan thâm bồ tát ma ha tát... Nam vô Di lạc bồ tát ma ha tát... Ma ha... tát... tát. Chốc chốc lại trở lại, nhai chữ sái quai hàm. Rồi, cái việc đọc kinh trở nên mệt quá. Một tối, tôi không lấy truyện Bà chúa Ba ra nữa. Thấy vậy, bà tôi cũng bảo: "Đọc bính nhiều tối được rồi". Thầy tôi không nói gì. Dáng hăn mọi người cũng chán.

Cái mùa hè đến lắm chuyện lạ. Một hôm, không biết ở đâu bà tôi đem về một tờ giấy chữ mực tím lèm nhèm. Trong giấy chép rằng: Năm nay độc giời, tháng tư tháng sáu thì thiên hạ chết như rạ. Đến gà cũng toi, chết mất gà gáy. Đức thánh truyền bảo cho nhân gian biết trước như vậy. Ai mà chép được năm tờ thì thoát nạn, ai mà chép được hai mươi tờ thì cả nhà thoát nạn. Đứa nào mà huỷ tờ kinh này thì chết tươi ngay.

Tôi hí húi ngồi chép năm tờ, mất mấy ngày, rã rời năm ngón tay, toan thôi. Nhưng bà tôi sợ cả nhà chết hết, chết cả mấy con gà ngoài chuồng, tôi lại phải cặm cùi mệt mỏi ngắc ngư bỏ từng dòng như vượt thoi đường nắng. Xong mỗi tờ, bà tôi đem đặt lên trên bàn thờ, bên cạnh tán cây nến.

Thầy tôi đem tôi về quê nội luôn. Những năm thầy tôi vắng nhà, ít khi tôi nhớ còn một cái làng nội của tôi ở trong Thanh Oai.

Tôi không nghĩ được ở quê nội lại có những ngày thanh thoi như trong mùa hè đó. Buổi tối, cơm nước xong. Chúng tôi ngồi giữa sân ngắm sao và chơi đếm sao một hơi. Một sao, hai sao, ba sao... một vì sao đổi ngôi vút dài một giọt sáng. Chị Cóc bảo thế là dưới trần gian có một người chết. Chị Cóc lại chỉ cho tôi biết đâu là sông Ngân Hà, là cái mũ ông vua Thần Nông. Con vẹt và cái gầu tát nước thì ở chỗ nào.

Một buổi sớm giêng hai, tôi được đi chùa Hương với thầy tôi và các chị Cóc, anh Đợt. Cả chú Ba nữa. Chúng tôi trảy bộ vào Vân Đình, ngủ đỗ hàng cơm ở đấy một đêm. Sáng hôm sau, mượn một chiếc đò. Nước sông cạn, có chỗ bác lái phải thả thùng lên bờ, kéo đò đi. Năm đò nửa ngày thì vào đến bến đò Suối Lại sang đò Suối vào chùa Ngoài, từ đò Suối mà đi núi cao chập chùng, nước trong leo lẻo. Lá vàng rơi thoáng mặt nước. Cỏ mọc nhô từ dưới lòng suối lên. Đò trôi giữa những quả núi đá lừng lững. Này núi Mâm Xôi, này núi Con Gà. Có núi cây xanh rờn, đàn khỉ leo lên leo xuống. Tôi đến chùa Trong vào buổi

tối mịt mù khói hương xông xao. Sớm mai, trời chưa rạng sáng, cả nhà đã lớp lớp leo núi ra. Bởi chú Ba tôi bỗng đau mắt, tấy sưng húp. Chị Cóc bị mất cái áo bông ở nhà trọ. Từ ngày ấy, tôi không trở lại chùa Trong lần nào nữa. Trên con đường trước mặt thì thấy núi chùa Hương lô xô in hình xanh nhòe.

Một lần ở quê ra, thầy tôi mua được một con chim vàng anh non của trẻ chăn trâu ngoài đồng, và một chú chó con.

Hai con vật mà tôi được nuôi, làm thân và nhớ mãi. Thầy tôi đặt tên chó là con Bô Tô. Bô Tô có bộ lông trắng vá vàng chổng lớn như thối. Thấm thoát ngót một năm đã trở nên một con chó thiến đứng đắn, biết sủa coi nhà đêm hôm. Một hôm Bô Tô đi đâu mất rồi bà tôi tìm thấy Bô Tô nằm trên gò cỏ ngoài đồng. Gọi Bô Tô không đứng dậy được. Bà tôi phải về nhà lấy thúng, bỏ Bô Tô vào thúng rồi đội về. Bô Tô ốm ngắc ngoài mấy ngày. Tôi định nếu Bô Tô mà chết, tôi sẽ đem chôn Bô Tô tử tế, đắp cho Bô Tô một nắm mồ. Chiều đó, tôi không thấy Bô Tô nằm thở khò khè trong xó nhà. U tôi bảo Bô Tô chết buổi trưa. Tôi không nói gì. Tôi biết Bô Tô chết thế nào rồi. Mấy hôm sau thì tôi rõ sự thực. Bô Tô sắp chết thì bà tôi bán Bô Tô cho người ta đánh đưng. Bô Tô cũng được hai đồng bạc thít.

Còn vàng anh thì sao? Ông tôi vót một cái lồng tre để vàng anh ở. Tôi cho vàng anh ăn chuối và đậu phụ. Cho thứ gì vàng anh cũng há mỏ. Tôi lại cho vàng anh ăn cơm trộn muối vừng. Người ta bảo cho chim ăn mặn thì dù thả chim ra chim nhớ mùi không bỏ đi được. Hết mùa hè, bộ mã vàng anh óng ả. Buổi sáng, vàng anh líu ríu trong mỏ. A, vàng anh học hát. Vàng anh học hát, vàng anh tập nói như người. Nhưng đến mùa đông, vàng anh chết. Tôi không được biết vì dạo ấy tôi đã xa nhà. Tôi ra ở nhà chú Tường ngoài Kê Chợ để đợi đi học. Hôm tôi về, vàng anh đã chết rồi. Tôi ra sau nhà, tìm xác nó. Trong cây ngái, chỉ còn mấy cái lông vàng rã rượi và một mảnh xương khô. Tôi đào huyệt chôn cái xương vàng anh bên bờ ao, cạnh gốc cây khế. Cũng đắp nắm và để hòn gạch lên mòm đầu mả. Bắt chước như mả em Hồ tôi.

Rồi thầy tôi lại đi Sà Goòng. Thực tôi không rõ thầy tôi đi hôm nào. Một buổi sáng, tôi chợt thấy như mấy hôm rày vắng thầy tôi. Tôi hỏi u, u tôi bảo:

- Bố mày đi rồi!

Tôi bỗng khóc oà. Tôi khóc thương nhớ, chứ tôi không biết thầy tôi đã đi tìm việc nhiều nơi ngoài Kê Chợ nhưng không đâu có việc. Lại phải đi.

Tháng tám thầy tôi có thư về bảo u tôi đem tôi gửi chú Tường ngoài phố. Chú Tường kèm tôi học, để rồi chú Tường xin cho tôi vào trường nhà nước.

Tôi đã bỏ học từ hồi thầy giáo Đức đi đâu mất. Bây giờ lại phải đi học, Tết rằm tháng tám xong, u tôi đem tôi ra Kê Chợ.

Chương 8:

Chú Tường là bạn đi làm với thầy tôi ở sở bán bánh tây ngày trước. Chú khoảng ba mươi tuổi, người gầy, lom đom như lúc nào cũng đeo bệnh đau bụng sốt rét trong mình.

Ngày thầy tôi ở nhà, tôi có xuống chú Tường vài lần. Nhà chú ở giữa phố Hàng Mã. Một gian bán các thứ linh tinh, mà tôi không thể gọi đúng tên hiệu. Những cái lọ bé như lọ dầu bạc hà. Những cái chai thủy tinh xanh to như cái vò. Lại những cái chuông xe đạp, những hòn bi sắt những mảnh thiếc vụn.

Trên tường, treo các đôi giày tây cũ. Lại mấy chiếc lốp ô tô đã mòn. Các thứ ấy đều để bán cả. Những cái vứt đi, nhưng người mua cần thì lại bán được tiền. Mỗi lần xuống chơi, thầy tôi lại cười nói với chú Tường:

- Tôi cho cháu làm con nuôi chú. Sau này nhờ giời, cháu có được nên người, trăm sự nhờ chú cả.

Bây giờ tôi phải xuống ở nhà chú Tường. Nói sao hết được nhớ thương buổi ra đi. Đứng trong sân thì Kê Chợ ở phía gốc cây dừa. Những đêm tối trời, tôi trông thấy ánh sáng thành phố đỏ sạm đằng góc trời đó. Nào có đâu xa, mà bước chân ra khỏi ngõ, nước mắt đổ hai hàng. Tôi gắng lắm mới khỏi khóc to. Bởi còn níu được chút hi vọng, những phiên u tôi đi chợ thể nào cũng ghé vào và thể nào cũng có quà. Ra khỏi đầu tường, bà tôi dặn u tôi:

- Nhớ vào, nhà?

Tường vào đâu, hoá bà tôi dặn vào rừng Ông Cụt. Đầu làng tôi có một cái miếu trong đám cây ruối bùm tum. Miếu thờ một con hổ bằng đá. Gọi là rừng Ông Cụt. "Ông Cụt" ngồi rùm hai chân sau, nhìn ra, trong cái hang gạch. U tôi cầm cái dùi, thỉnh mấy tiếng công công vào cái chuông bé như chiếc bát úp treo lưng lẳng trên cái rễ si ngoằn ngoèo thò xuống. U tôi xuyết xoa lễ. Tôi ngả mũ, cũng chấp tay lễ. Tôi nhìn ông Cụt. Mắt ông Cụt bằng đá, cũng trắng xanh nhếch nhếch. Ông hổ mà trông xoàng như con mèo.

Thế là tôi ra Hàng Mã. Lúc u tôi ra khỏi cửa nhà chú Tường, tôi dân dân nước mắt. Chú Tường bảo:

- Cháu cắt mũ vào trong nhà mà ngồi chơi.

Tôi ngoan ngoãn đem mũ và bọc quần áo vào để bên khe tủ chè. Cái Hiến đứng cạnh đấy, nói trống không:

- Cắt ở trong nhà cơ?

Chú Tường bảo cái Hiến:

- Hiến dẫn anh vào.

Cái Hiến thấp hơn tôi, kém tôi một tuổi. Người nó quắt queo, chân tay khô khăng như cây hóp. Mặt nó xám, môi cong tớn. Hai con mắt trắng nhả, chô chố. Đầu mới có ba cái tóc ranh mà hay chít khăn vắt vẻo. Nó lại mặc áo dài nâu, hai vạt trước thắt quả găng. Nó đi lấy dáng. Cái tay ve vẩy. Nó là con chú Phúc. Bà cụ sinh ra chú Tường được ba người con trai. Anh cả là chú Phúc. Thịnh thoảng, chú bận áo the dài, lê giày lẹp xẹp xách cái khăn gói vải đỏ về quê. Tôi không thấy vợ chú ra đây bao giờ. Chú mới được có một mình cái Hiến. Người thứ hai là chú Tường. Chú Luyện bé rút. Chú Luyện còn đi học.

Cái Hiến đưa tôi đến một căn buồng dài bày biện đồ thờ đình nển sang trọng. Nhưng chúng tôi chỉ đi qua - đây là nhà khác, rồi lại vào một mảnh sân nhỏ, hôi, ướt lách nhách. Nó đẩy cánh cửa cuối sân, trong buồng kê hai cái phản và một cái bàn bằng thùng gỗ vừa khít. La liệt sách vở quyển to quyển nhỏ chồng đống. Trước bàn, chú Luyện cời trần, đương đọc sách. Nghe tiếng kẹt cửa, chú Luyện ngừng đầu lên. Ngực chú gầy tóp, hằn từng đốt xương sườn. Thoạt thấy chú, tôi có cảm tình ngay. Tường gầy thế này mới ra tường học trò. Chú Luyện hỏi cái Hiến:

- Đứa nào thế?

Hiến đáp: “Thằng cu Bưởi”.

- À!

Rồi chú lại cúi xuống quyển sách. Tự dưng tôi có tên là thằng cu Bưởi. Tôi nhìn Hiến. Nó không biết nỗi ngạc nhiên của tôi. Nó cầm cái mũ và bọc quần áo của tôi nhét xuống gầm bàn. Nó lại bảo tôi ra cửa hàng. Tôi lủi lủi ra.

Cái nhà của chú Tường chia làm ba chủ ở. Giữa hai mặt phố có một gác nhỏ. Ông phán chủ nhà ở cái góc nhỏ ấy với một phòng giữa tôi vừa đi qua vào nhà trong. Thấy đồ đạc lỏng chống với một gian chéo thót ba góc, đó là cửa hàng chú Tường và cái nhà xép này. Cạnh gian đó, hàng nhà bà Thấp. Thành thử, về gian trong nhà chú Tường có hai lối, qua nhà giữa, hoặc vòng hè phố, nhờ cửa hàng bà Thấp.

Bà Thấp, người đúng như tên, thấp bè bè. Mặt bà múp míp như chiếc âu đồng đỏ. Mắt bà tròn, mũi cũng tròn như cục thịt, đến cái miệng lại tròn nốt, gần hết một đồng xu. Tất cả người bà phình phình tựa một cái thúng to. Bà bước vòng kiềng và đưa từng bên người đi một, lặc lè như vịt bầu. Lúc bà nói, mặt bự lắc lư sang hai bên, đều đặn như mặt quân đèn cù máy tóc. Cửa hàng bà bán đồ sắt vụn, sắt gẫy chông chất đầy đống lên đến trần nhà, chỉ chừa một lối đi vào.

Bà Thấp ngồi trên cái giường trong cùng, bên cạnh cối trầu, đen sẫm, lẫn với màu sắt rỉ. Suốt ngày, bà nhai trầu tóp tép. Ngồi bên này, thịnh thoảng mới nghe tiếng bà nói với khách mua, có khi bà mắng cậu

Tịnh. Bà mắng yêu, bao giờ cũng một câu:

- Nay tôi bảo cậu, me nuôi cậu nhớn bằng ngần ấy rồi cậu đã làm được cái tình chung gì cho me nhờ chưa? Ừ, cậu đã làm nổi cái tình chung gì chưa? Hay là ngày hai bữa rồi xe đạp với đánh đàn tàu?

Mẹ mắng, cậu Tịnh chỉ cười rinh rích. Cậu cười, chìa ra cả một hàm răng mái hiên. Mặt cậu đen bóng như bôi dầu. Tóc thì trơn mượt, lật úp ra đằng sau. Đôi khi không chải cánh gà, tóc xoà vòng xuống hai bên mang tai. Bà Thấp được có một mình cậu Tịnh. Cậu Tịnh cũng bằng trạc tuổi chú Luyện. Nhưng cậu không đi học. Sáng ra, vừa bảnh mắt, cậu đã đánh đàn. Nhưng cậu có cái đàn tàu tròn xoe treo trên tường. Cứ đàn cả ngày. Cậu ôm đàn, nghẹo cổ, tay gảy liên liên, tay nhấn dây rồi rít. Tiếng đàn cũng nhảy nhót tính tính rồi rít. Có khi cậu rú một lũ bạn đến. Mỗi cậu một cái đàn tàu cầm tay. Những người đi đường đứng lại, ngó vào xem. Bà Thấp chỉ cười khì. Nhiều lúc cậu Tịnh tay đàn, miệng hát đưa theo tính tình tình tình tình... Tôi nhớ nhất và cũng thích nhất cái bài điệu ma đờ lông hay bình bán gì đó có hai câu: Bưởi, hồng, cam, quít, dứa, na... Táo, dứa, mận, dâu gia hồng bì...

Lúc nào không nghe tiếng đàn cậu Tịnh, thì tôi đoán chắc cậu ra ngấm xe đạp. Tôi hé cánh cửa, nhòm xuống sân bếp. Y như rằng cậu Tịnh đang hí húi với cái xe đạp. Cậu lau. Cậu cho dầu. Cậu tháo vành bánh xe treo lên. Cậu lắp lại xích. Xe cậu là xe cuốc, một tay nhắc lên được. Tối tối, ăn cơm xong, đánh đàn tàu một lúc, cậu vác xe đạp đi tập. Sáng hôm sau, cậu sang nói với chú Luyện những chuyện tối qua trên Bờ Sông cậu chạy đội xếp bắt đèn. Cậu nói cậu đạp rất hay kỳ thi này cậu sung sức ngang cua rơ Bổng. Hồi đó, cua rơ Bổng ở Hàng Đậu đương nổi tiếng nhất Bắc Kỳ.

Có cuộc thi xe đạp vòng quanh Hồ Tây. Cậu Tịnh tập riết, đêm khuya lắm mới gọi cửa. Sắp đến ngày thi, cứ ăn xong cậu lại đi nằm dưỡng sức. Không ai nghe tiếng đàn tàu.

Hôm thi, cậu mặc áo đỏ, quần đùi đen thêm một ông sao trắng và đội mũ nôi trắng có quai buộc xuống cằm. Trước ngực đeo hai bầu nước mang ống cao su bắt lên miệng. Vai quàng vắt đôi sấm mới. Khấp người cậu bôi dầu nhờn, bóng nhảy như pho tượng đồng đen. Cậu dắt xe đi. Chú Luyện cũng đi theo để đẩy xe cho cậu Tịnh lúc các cua rơ sắp hàng bắt đầu chạy.

Độ giữa trưa đã thấy cậu Tịnh tò tò về. Cả xe đạp nằm trên cái xe cao su người kéo. Cậu ngồi trong xe mặt tái mét.

Lúc xe đỗ, anh cu-li phải khiêng hộ cậu cái xe cuốc đem dựng vào trong cửa. Cậu lò rò vào giường, nằm thẳng cẳng, mắt cứ trừng trừng lên trần nhà.

Đâu cậu đạp được có hơn một vòng hồ đã chối tê hai đầu gối. Cậu đuổi, đuổi, đuổi mãi. Cậu cố, cố. Sau lử dần và càng bết hơn, đành phải bỏ cuộc.

Luôn một độ cậu Tịnh không mó đến xe đạp và nhắc tới chuyện xe đạp. Lại chỉ đánh đàn tàu. Dần dà, cậu lại vác xe đi tập đêm và đe với chú Luyện rằng chuyến này cậu chạy hay tuyệt, so với phượng hoàng

Lê Thành Các được.

Sang năm sau, lại có đua xe đạp vòng Hồ Tây. Cậu Tịnh đóng đủ lệ bộ và lại bơi dầm nhón khắp người. Chú Luyện tôi vẫn theo đi để đẩy xe đạp cho cậu.

Lần này, mãi đến tận chiều, cậu Tịnh mới về nhà. Cậu cũng ngồi xe cao su như năm ngoái. Nhưng anh cu-li phải cồng cậu từ ngoài hè vào trong cửa. Hai đầu gối cậu choẹt ra, bê bết máu. Bà Thấp hoảng hốt khóc lu loa.

Cậu đạp được hai vòng hồ thì bị người ta chèn cậu ngã. Cậu không kịp rút chân khỏi cái mồm bê-đan. Cậu ngã giáng hai đầu gối xuống mặt đường đá. Tưởng gãy xương? May, chỉ toét máu.

Lâu lắm không thấy cậu bàn chuyện chơi xe đạp. Cậu lại chỉ đánh đàn bầu. Cái ghi đông cuốc cậu đem mắc cong ngược lên như hai cái sừng trâu. Chiều chiều đạp quanh mấy vòng hồ Hoàn Kiếm, cậu đi hóng mát...

Ông Phán chủ nhà có ba người con, cậu Tuyên và cô Chi. Còn người lớn nhất đã lấy chồng. Không ai gặp ông Phán mấy khi. Bởi ông ở trên gác cả ngày. Gác có cái cửa sổ ngó ra sân bếp. Tôi ngồi rửa bát dưới sân, ngẩng lên nhìn cửa sổ thấy thấp thoáng một người đàn bà. Người đàn bà, tóc xoã đằng sau, mặt lúc nào cũng có vẻ buồn. Người đàn bà thường nhìn lơ đãng sang góc sân bên kia. Nhiều bận cô mang cả gương lược ra đứng cửa sổ chải đầu. Có những buổi tối tôi xuống đứng dưới sân bếp, nghe văng vẳng tiếng hát trong cửa sổ. Tiếng thanh mà trầm trầm, nhẹ thoáng. Một giọng kể chuyện nào nùng thắm thấm thía đến ruột gan. Bao giờ cũng vậy, nghe tiếng hát của người đàn bà tôi cũng chạnh nhớ đến cũng giờ giấc hoàng hôn này bác hàng phở quen, bác Nghĩa đã quẩy gánh vào dốc trước cửa ngõ nhà tôi. Ánh cùi lập lòe: Phở... ơ... ơ... Tiếng bác rao, vang vào hai bên tường, cả phố đều nghe thấy. Cái tiếng ơ cứ kéo dài như tiếng còi. Đây thì những tiếng ngân ngữ chìm lặng của giọng hát nhỏ lìm lìm trong cửa sổ. Tự dưng tôi thương cái bóng người đàn bà. Cậu Tịnh ghé nghiêng nhìn lên cửa sổ cười hểnh hàm răng bàn cuốc, bảo khế tôi:

- À, chú bé này hóm nhì? Biết ra đằng sau nhà nghe hát "ga tuyết".

Cậu Tịnh cười rúc rích. Rồi tôi biết người đàn bà kia là vợ lẽ ông Phán, một cô nhà trò. Chưa bao giờ tôi trông thấy cô xuống nhà dưới. Thỉnh thoảng cô ra sân gác, gọi hàng phở gánh dưới phố rồi dùng một cái quang con đựng bát xuống. Hàng phở đặt bát phở vào quang. Cô kéo lên, như ở nhà quê người ta kéo nước giếng.

Cô Chi và cậu Tuyên thì ở dưới nhà. Trông hai người này tôi vừa sợ vừa ghét. Hễ ông Phán đi khỏi nhà, cô Chi và cậu Tuyên lại chạy lên gác cãi nhau với dì ghẻ. Bà Thấp, cụ hàng Mã, cái Hiến, giả lảng vảng xuống bếp, để đứng nghe. Tiếng cậu Tuyên hét toang toang. Cái gì xô xát, rơi lộp bộp. Cô Chi léo nhéo chửi con dĩ lẩn tiếng gào khóc của người dì ghẻ. Tấn bi kịch bao giờ cũng đến đoạn người nhà trò kêu hàng phở thì buông phông. Cô Chi, cậu Tuyên lại huỳnh huých xuống gác.

Trong cửa sổ chỉ còn đưa ra tiếng khóc ti ti. Bà Thấp lạch đạch, đùng đùng vào, tay vuốt quét trần mếp, nói một mình: "Cha kiếp? Đáng đời con đi. Còn là lụn bại về cái giống nhà trò!"

Tôi tưởng đến lúc ông Phán về tôi sẽ được hả. Chẳng hạn ông Phán sẽ đánh tung hai đứa con lên. Nhưng không, khi ông Phán về, cô Chi vẫn ngồi đan, cậu Tuyên hí húi đánh giấy. Cảnh nhà vẫn im lặng, cho đến hôm nào ông lại đi ra phố. Màn kịch bao giờ cũng chỉ diễn thiếu vai ông. Chắc là ông cũng biết thế. Nhưng tôi chẳng nghe tiếng ông nói bao giờ. Lần nào ông Phán vắng nhà, hai chị em đã chán hành hạ dì ghẻ, cậu Tuyên chạy đi gọi chị, bà ký Cả. Bà ký Cả ngồi xe nhà đến. Mặt bà hầm hầm quát từ ngoài cửa "Đứa nào bắt nạt em bà, đứa nào dám trêu tay bà nào!". Bà trèo thẳng lên gác, hai em đi theo. Thế là cái gác tối lại lâm âm lên. Bà ký Cả vừa nói, vừa nháy cờn cờn hai chân. Tóc bà tụt xoã xuống. Tay bà khum cong, mỗ mỗ ra đằng trước. Bà đứng sát bên cửa sổ, miệng si vả, mắt đá đưa nhìn xuống sân. Như ý khoe tài đánh đá với bà Thấp và mọi người đứng tụ dưới sân bếp. Bà mắng sa sả, bà kể lể ngành ngọn đủ điều. Trước còn nghe người dì ghẻ nói đối lại, sau chỉ có tiếng khóc ti ti. Rồi im. Bà ký Cả nói chán, bà ký Cả về.

Cảnh nhà ông Phán chìm đắm trong cảnh rừng rỗi lục đục. Được ít lâu, người nhà trò lấy trộm quần áo, trốn đi. Bấy giờ ông Phán đã khổ hơn. Ông bán nếp nhà đó, rồi ông thuê lại căn gác để ở. Cô Chi lấy chồng. Cậu Tuyên phiêu bạt lang thang đâu, không biết. Khoảng mười năm sau, tôi gặp lại ông Phán trên một chuyến tàu điện. Mặt ông xỉ, bụng dứ. Đôi mắt lơ lơ nhìn đâu chẳng buồn dịch sang chỗ khác. Ông vẫn mặc tấm áo đoạn ngày trước. Chỉ khác, tấm áo đã phơ ra lần lốt nhiều xanh nhợt. Tay ông vẫn cầm cái ô trắng, vải ô đã cóc đen. Nom ông cũ, mốc, ốm chỉ còn phảng phất lốt xưa mà mỗi mệ hơn thôi.

Được ít ngày, một hôm chú Tường bảo tôi:

- Phải đợi hết hè mới xin vào trường Cửa Đông được. Bây giờ cháu ở nhà học chú Luyện và làm đỡ chú.

Tôi chẳng thấy chú Luyện cho học gì. Ban ngày chú đi học, tối, cơm xong chú lại cặp sách đi học nữa. Tôi không thể ngồi chơi trong nhà, từ cái Hiến đến bà cụ ai cũng làm quần quật. Tôi bắt đầu những ngày mới lạ ở thành phố.

Buổi sáng, chú Tường ra mở cửa hàng. Chú dỡ những tấm cánh cửa xuống. Tôi bê từng tấm, xếp thành một chồng cao. Ở trong nhà, cái Hiến bưng ra hai cái ô gỗ đựng chai lọ đặt lên chồng cánh cửa. Tôi chui vào gầm phản kéo ra mấy bộ khung xe trẻ con bốn bánh đã rỉ hoen. Có khi tôi khiêng một thùng tôn, xách mấy thanh sắt đem đặt trước hai vành ô gỗ.

Những thứ kèn càng thì bày ngoài cùng, kẻ cắp không dễ thó được. Và chúng thay chỗ lần lần mỗi khi có người mua đi. Chỉ có chiếc lốp ô tô hàng là lâu người mua nhất. Nó cao đúng đến ngực tôi, mà nặng, sức tôi không thể nhấc nghiêng nổi một phía. Ròng rã cả năm, sáng nào tôi cũng huỳnh huých vắn cái lốp ô tô ra dựng ngoài mặt tường trước cửa hàng. Tối đến, tôi kê theo mé tường, vắn vào trong nhà, dựng một xó. Sáng mai lại loay hoay lắn nó ra.

Dọn hàng ra xong, chú Tường cho tôi một củ khoai lang luộc tím mắt, ướm nhựa. Bà cụ mua khoai ấy ở

ngoài đầu phố. Chén hết củ khoai không bóc vỏ, tôi lại vào ngồi trong góc nhà, cạnh gầm phản. Chú Tường lấy trên tường xuống mấy đôi giày tây. Chú đưa tôi một mảnh da xám bóng nhẩy vết sì đát. Tôi kẹp chiếc giày vào giữa hai bàn chân. Tôi ngoẹo đầu, tay căng mảnh da, miết liên liền trên mặt da giày. Tôi đánh qua khắp các mặt giày treo trên tường. Đôi to. Đôi nhỏ. Đôi cụt cổ. Đánh xong mỗi chiếc, tôi lại đặt lên phản. Chú Tường đứng móc từng chiếc vào những lỗ đinh trên tường. Tôi lại đánh cả những chiếc ghệt da dây cộp tới lưng bẹn. Đánh hết một loạt giày, và những đôi ghệt, đã gần trưa.

Bà cụ đã đi chợ về. Tôi vào bếp nhặt rau muống với cái Hiến. Chú Phúc thì chuyên thối cơm. Chú thường khoe chú thối cơm nhanh và ngon nhất nhà. Tôi và Hiến dọn mâm. Cơm chín thì chú Luyện vừa hay đi học về. Cả nhà ăn cơm ngay ngoài cửa hàng. Bát đĩa rạch bỏ chậu. Đoạn bữa, tôi vào sân bếp rửa bát. Xong việc bát, tiếp đến cọ chai. Một chậu nước mấy mảnh giẻ và một cái thuôn dây thép, cái Hiến và tôi cọ các thứ chai lọ trên đời - những cái chai của người “chai, bao chè, lông vịt, đồng nát”. Chúng tôi cọ, lau rồi đem bày ra những ô gỗ, lại bán.

Cọ được vài chục chai, đã đến buổi học trò về. Tôi sửa soạn đi phụ thối cơm. Nếu không, tôi đem mảnh giẻ khô ra lau xe đạp cho chú Luyện. Đèn điện ngoài đường phố bật sáng thì trong nhà ăn bữa tối. Rửa bát buổi tối, phần việc của Hiến, chén xong, chú Tường và tôi thông thả dọn hàng. Tôi lại vắn cái lốp ô tô không lồ vào trong xó tường. Chú Tường lên cửa. Chú Tường và tôi ngủ ngay ở ngoài cửa hàng.

Gian nhà ngổn ngang cồng kênh đủ thứ. Một góc, sắt vụn chồng lên nhau cao ngút đầu. Có hai mảng tường. Một mảng mắc toàn giày tây cũ. Một tường đóng khung xích đông đặt xếp hàng một dãy chai thủy tinh xanh béo lùn. Chỗ này nằm một đồng chai lọ. Chỗ kia nhấp nhô một đám những xoong chảo cũ. Không hờ nổi một hòn gạch vuông trong nhà. Một lối đi nhỏ - ai bước không khéo, có thể bị móc rách vạt áo bởi những tay sắt cong queo nhô lên và len vào bên cạnh một tấm phản. Trên phản, chú Tường và tôi nằm ngủ, không màn.

Dưới gầm, đầy chai, nút và bao chè bẹp. Tối nào tôi cũng phải cất mấy ô chai, lọ ra nơi khác mới đủ chỗ cho chú Tường duỗi thẳng chân.

Ở nhà chú Tường, tôi được đọc một quyển truyện hay lắm. Quyển truyện ấy, tôi nhặt được ở gầm bàn học chú Luyện. Quyển sách đã nát và bột mùn mấy tờ lót cuối cùng.

Cuốn Vô gia đình của Nguyễn Đỗ Mục dịch. Tôi đặt quyển truyện vào trong khe phản, chỗ tôi ngồi đánh giày. Buổi trưa cơm xong, tôi ngồi đọc lén mấy trang truyện.

Cuộc đời lưu lạc của thằng bé trong truyện cứ như trông thấy ở mỗi dòng chữ. Tôi mê man theo thằng bé từ lúc nó bỏ nhà đi theo ông già làm xiếc. Cái lúc thằng bé đứng trên ngọn đồi nhìn lại túp lều nhà mình trước còn rõ, sau mờ. Mắt tôi cũng mờ. Rồi nó quay mặt, quả quyết bước theo ông già. Tôi cũng theo nó. Cũng buồn, cũng giận, cũng tủi cùng chung nỗi cảm thương với người bạn xa xôi mà gần gũi đó.

Tôi giấu quyển truyện trong gầm giường, chỉ lo ai lấy trộm mất. Tôi tưởng rồi suốt đời tôi không thể xa

được anh bé trong truyện nữa.

Những đêm nằm cạnh chú Tường, tôi mơ mộng nằm bên anh bạn trong truyện. Ô, quái sao, chỗ tôi ngủ đây đúng chỗ anh ta ở một cửa hàng bán đồ cũ. Trên đầu anh, người ta treo con thiềm thừ to. Gió đập lắc cắc, con thiềm thừ lắc lư như định ngoác mõm xuống cắn anh. Anh thiếp đi trong cơn mơ hoảng. Tôi nằm trên phản này cũng khủng khiếp thế. Bốn bên xung quanh các thứ chai lọ. Trên mảng tường lù lù những đôi giày tây như những cái mặt nạ. Từ trần nhà rủ xuống ba dây xích treo hai cái bồ và một cái quạt điện gãy cánh. Ánh điện ngoài đường bắt nghiêng khe cửa vạch mấy dọc trắng lên nền trần dán giấy nhật trình. Bấy giờ gian hàng biến ra một cảnh thực quái lạ. Không khí ẩm ướt, dầm mùi rỉ sắt hăng hắc. Cánh quạt điện vờn như hai cánh tay vờn in trên trần sáng chập chờn loe dài thêm ra. Những thứ đó hoá thành những con ma, cứ lắc la lắc lư như con thiềm thừ trong truyện Vô gia đình sắp chúi xuống nuốt tôi. Trong gầm và bốn bên, tiếng những con gián động đập cánh bay xè xè. Sao lắm gián thế nhỉ? Nó bay ngả bồm bộp, chốc chốc chuột chạy loạt xoạt, đùng đỗng từng chồng ống bơ. Chuột cắn nhau. Chuột. Chuột rúc chííí... Tôi nhắm mắt, rúc đầu vào cái mền vải nâu. Nhưng vẫn trông thấy con thiềm thừ đá đưa sắp xuống cắn chân. Tôi xoay nghiêng, áp mũi vào lưng chú Tường. Ngoài khe cửa, thỉnh thoảng phào qua một tiếng rè rè... Tìm xẩm bàoo.... những tiếng gõ sức tắc sức tắc ròn tan của một hàng quà đêm. Tôi chợp dần, trong giấc ngủ, chẳng nổi nhiều cơn mơ ghê sợ. Có lúc ngã xuống giếng. Có lúc ma đuổi. Hai chân cứ cuống queo, không bước được.

Cái Hiến với tôi thì như chó với mèo. Lành nhau đấy cũng chỉ choé nhau đấy. Nó tinh ma quá quắt lắm. Nó nói băng quơ:

- Hôm nay chủ nhật, chú Luyện đi xem đá bóng rồi.

Tôi dọa:

- Ông mách chú Tường bây giờ?

Nó trều môi, dờn một hồi:

- Cái gì cũng mách mách! Ai nói mà trạnh lòng, tôi bảo chú Luyện đi xem đá bóng. Chú Luyện đi học. Một sòng bạc. Cho dê đi học. Cho chóc ở nhà. Cho gà ăn thóc. Tôi bảo thế đấy. Bạn gì nào?

Sao lại không bạn đến tôi! Tôi tức chín người đi chứ. Cái Hiến nó nhại tôi. Tiếng Kẽ Bưởi tôi nói thế. Mọi nơi người ta nói óc, ong thì mím miệng sau chữ c, chữ g. Như: lọc cọc, long tong. Vùng tôi, há miệng ra sau chữ c, chữ g lọc chọc, loong toong. Cái Hiến choãi mồm ra chế tôi. Tôi phải tát vỡ miệng nó. Nhưng rồi tôi chỉ lẳng lặng quay ngo.

Hiến giở sang chuyện cái vòng. Nguyên cổ tôi đeo một chiếc vòng bạc. Vòng ấy, tôi đeo từ năm lên bốn. Trước còn có chiếc nhạc và một con cá rủ xuống ngực. Lần lần, tôi gặm cụt hai ngạnh đuôi cá. Con cá mòn méo một mảnh. Cái vòng ấy hợp với tôi. Bao giờ tôi sốt, vòng cũng xám lại. Hồi nào tôi khoẻ, cái vòng

sáng trắng ra. Tôi không được bỏ vòng, bà bảo thế. Nếu tôi bỏ, thầy bói và nhà chùa bảo sẽ bị ốm ngay. Cho nên tôi đeo cái vòng ra tận đất Kê Chợ này.

Cái Hiến, những lúc cọ chai, thường nói động đến. “Anh có thấy ai đeo vòng như anh không? Đeo vòng thế là nhà quê lắm nhé?”. Tôi không thèm đáp. Thú thực tôi cũng không có lời đâu mà trả miếng. Quanh quẩn, hết chuyện con cóóc, sang (huyện cái voòng, lại lộn lại chuyện con cóóc và tiếp theo.

Và thỉnh thoảng, lại xảy ra những cuộc gây gổ tự nhiên. Buổi tối hôm ấy chú Tường và tôi dọn hàng. Mọi khi phần cái Hiến phải bưng vào một ô gỗ dựng chai. Nhưng hễ nó rửa bát thì tôi mang thay. Hôm đó, Hiến rửa bát. Tôi lại tưởng chú Phúc rửa. Lăn xong cái bánh ô tô vào trong xó tường và dọn một ít chai lọ, hết phần tôi, tôi vào rửa chân. Bấy giờ cả nhà đã ra ngoài nhà, bát cũng đã rửa rồi. Tôi đương lúi húi dội nước thì cái Hiến te tái đi vào. Trời tối, lấp loáng ánh đèn trong nhà hắt ra, tôi cũng không trông rõ Hiến. Nó vào giáp mặt tôi. Tôi đứng áp tường. Một bên là chuồng tiêu, một bên là hai cái chum nước của ba nhà. Chum nào cũng có nắp gáo riêng. Cái Hiến hùng hổ đâm tôi hai quả vào bụng. Tôi oằn người, hai tay vịn tường, ngơ ngác. Nó sừng sộ:

- Anh cu Bưởi có dọn cái ô chai vào không?

- Phần... phần...

- Hôm nay ai rửa bát?

- Chú...

- Chú gì? Đây vừa phải đòn oan. Hự...

- Ối!

Nó còn toan bồi thêm cho tôi mấy thui nữa, nếu chú Phúc không chạy ra, quát. Thì ra chú Tường thấy sót cái ô gỗ ngoài thành cửa, tưởng Hiến đùn việc cho tôi, liền bợp cho nó một cái. Vậy mà nó vào nó thui tôi luôn mấy ục. Chú Phúc còn kể chuyện lại nhiều lần nữa. Chú cười tôi nhớn hơn mà để cho con bé đâm luôn mấy quả, đứng ơ mặt, tay ôm bụng, nhăn nhó định khóc. Chú chuyện vui cho cả nhà nghe. Thường tôi lại làm như sợ nó hơn để được mọi người cười.

Nó thực là một con chó, con chó cái dữ và lắm điều. Tôi là con mèo. Tôi chỉ là một con mèo. Nhiều khi cái Hiến không thèm nói chuyện với tôi, tôi chỉ biết chơi cùng con mèo đen.

Nhà nuôi một con mèo đen to. Tôi chưa hề trông thấy một con mèo đen to đến như thế. Nó béo bằng cái ấm giỏ. lông đen tuyền mượt như nhung. Râu mép thì trắng, vuốt chân cũng lại trắng, hai con mắt tròn xanh như mắt thủy tinh. Mèo Kê Chợ cũng có khác, chỉ đòi các ăn cơm cá. Cơm rau, người một cái, rồi kêu ngoao ngoao, lảng đi. Vài hôm, bà cụ lại mua một con cá mè, một mớ tép kho cho mèo xơi dần. Mèo lại không bắt chuột. Trong cống bếp, có một con chuột già, mình mẩy loe loét tuột gần hết lông. Cái đuôi còn mẩu

hùn hoen. Thỉnh thoảng nó chui trong cống lên, ướn rườn rượt, lừ đừ bò đến thùng rác, thò đầu vào. Mèo trông thấy ngó theo mà hai tai không động đậy. Cả ngày mèo ngồi lù lù trên đầu bàn học chú Luyện. Hễ tôi lượn phươn đến, chú mình lại gù gù chúi đầu cọ vào sườn tôi. Tôi vuốt lưng chú mình. Tay vuốt đến đầu đuôi mèo cong gợn lên đến đó.

Tôi hay nhớ nhà nhất những hôm râm trời không có nắng. Tôi nhớ thăm thiết như anh bé phiêu lưu trong truyện Vô gia đình, nhớ con bò và người mẹ nuôi của anh ở xứ quê.

Một khung cửa sổ căng lưới mắt cáo. Ngoài đường, lá sấu vàng rươi rào rào rụng xuống như trút. Ở cửa đình làng tôi gặp ngày lắm gió, lá đa rơi nhiều như thế chúng tôi đem thùng đi nhặt lá về đun.

Tôi đứng trong cửa sổ ngó ra. Người bước trên hè phố, sát bên cửa sổ, trông mập mé chòm đầu. Tôi tưởng tượng như chỉ có mỗi cái đầu lúi lũi. Những buổi ở ngoài hàng, tôi ngồi bên gầm phản, giữa đồng chai lọ và giày tây. Trông ra thấy trên nóc nhà phố bên kia một mảnh trời xám ngắt và những chùm lá sấu đen ngòm. Chẳng bù khi ở làng, lúc nào cũng thấy trời và bóng cây.

Đối hè phố trước mặt là hàng nước và một cửa hàng chữa và cho thuê xe đạp. Bà lão hàng nước quanh năm chít khăn vuông xùm xụp, có cô con gái mặc áo trắng hồ lơ, đội nón kính. Cô cười, ánh loé chiếc răng vàng, xa cũng nom rõ. Không biết cô đi làm gì, thỉnh thoảng lại thấy diện xe cao su về tận cửa Bác chủ hàng xe đạp đã có hai con. Cứ vài ba ngày hai vợ chồng lại đánh nhau một lần. Mặt bác to như cái chiêng đồng. Mà bác lại chịu thua vợ, gầy lẻo khoèo. Hễ đánh nhau, khởi đấm đá túi bụi vài "hiệp", vợ bác cầm cái ghi đông xe đạp nhăm nhăm giơ lên. Mặt bác bỗng tái ngoét, bác lồm bồm nói gì đó rồi lảng ra cái bàn chữa xe. Lại loay hoay rửa, vá lốp bơm, treo bánh xe lên quay thử. Luôn tay làm suốt tối ngày.

Ngoài đường người và xe cộ lườn lướt diều qua dưới khung cửa, như quân đèn cù. Buổi sáng, một cái xe bò hai vòng bánh cao lênh khênh xích một cây gỗ lớn vào giữa. Có tới mấy chục người đẩy xúm bầu xung quanh như đàn kiến tha cái mồi to. Xe lăn rề rề sang phố Mới ra phố Bờ Sông không biết đi đâu. Một chiếc xe cút kít đi qua, ót ét nỉ non.

Vào những sớm thứ ba, thứ sáu quanh năm các ông Tây đen đi lễ. Cuối phố, có chùa Tây Đen. Tây đen ở phố nào vỡ tổ ra lắm thế. Chú mặc váy trắng lụng nhùng. Chú bận áo tây gọn gàng. Chú để râu xồm xoàm. Chú cầm nhẫn thín, mắt toàn lòng trắng. Chú nào cũng chon chỏn chiếc mũ lông oản đỏ. Đôi khi, có cả tua đen rủ từ trên đình xuống. Các chú đi lữ lượt. Trên Hàng Mã đổ xuống, trong ngõ hiệu Tây Cú đi ra. Nhiều lần, tôi đếm. Nhưng chỉ được độ trăm chú đã nhăm lộn không đếm kịp.

Ngày mùa đông thì ngắn. Ngắn nữa là những hôm ảm trời, phố xá âm u như sắp tối. Mưa phùn rây trắng như phấn. Hai bên hè, chòm lá sấu già càng tối thẫm. Những cây dâu da tây cao vút chẳng biết quả hay hoa, gió đánh rụng xuống ruột đỏ hoe. Phố âm thầm, nhây nhóp. Những ngày mưa dầm dề như thế này, ở quê tôi còn quạnh vắng hơn đây nhiều.

Nhưng không buồn. Người lớn xuống bếp rang ngô, những khi trời lạnh thì hạp bọ, mang thuốc, rọ,

xuống đồng sâu bắt chuột về rán với vỏ quít. Trẻ con đi bán kẹo bột rong các xóm. Có những đứa trẻ ra ngoài ruộng nhổ gốc rá đem xếp đồng bên một gò cỏ khuất gió. Chúng hun lên, ngồi rúm vào nhau, sưởi ấm cùng cười rúc rích. Đường phố mưa bay, mưa bụi. Ở nhà quê tôi có mưa thế này không.

Tôi nhớ nhà quá. Nhớ vàng cả người. Vàng cả người là bà ngoại tôi nói thế. Giữa tháng chạp, bà ra đón tôi về quê ăn tết Vừa trông thấy bà, hai mắt tôi đã loá nước mắt.

Ra đường, bà tôi hỏi:

- Độ này, cháu có ăn được cơm không?

- Có ạ!

- Sao cháu vàng cả người đi thế?

Tôi mũi lòng, lại chực mếu. Một lúc lâu, tôi mới nói được rằng tại cháu nhớ nhà quá.

- Con giai mà lại nhớ nhà? Cháu chịu khó ở dưới này, học các chú, rồi sang năm các chú xin cho vào trường nhà nước. Sau này nhớn lên có chữ, đi làm kiếm tiền nuôi bà.

Từ ngày xuống đây, tôi có học được chữ nào đâu! Tôi nín thinh không dám khoe với bà tôi đã biết nhặt rau muống. Ngọn dài, ngắt làm đôi. Gốc cần, lá sâu thì bỏ.

Cuối năm ấy, tôi ở Kê Chợ về nhà được mấy ngày, u tôi ở cữ em gái tôi. Đi đẻ trên nhà thương Cáo, suýt đẻ rơi - nhưng không dám viết thư vào Sài Gòn kể với thầy tôi thế. Ông tôi đặt tên nó là Ngó, "Sen ngó đào tơ..." mà.

Chương 9:

Thấm thoát, đã ngoài mừng bảy, hạ nêu. U tôi lại đưa tôi xuống Kẻ Chợ - Sao mày chóng hết thế, hử mày, Tết ơi! Sang mừng bốn, cảnh tết đã nhàn nhạt. Qua rằm thì đi đứt hẳn.

Nào cũng như đang dở. Vừa xế trưa, đã tối ngay. Loanh quanh, chơi gì cũng tiếc ngày, sợ hết. Càng sợ, càng bủn rủn cái tết lại càng thân nhiên đi qua.

Trước tết năm ấy, u tôi mua cho tôi đôi bút tất nân, cổ khoanh vòng vàng, vòng trắng. U tôi lại sắm cho tôi một cái khăn nhiễu tây. U cứ phàn nàn: Khăn trẻ con có ba hào mà mua những bảy hào. Vì đầu tôi to quá, hạng đầu Bồi Cầu, đội vừa khăn người lớn.

Nhưng buồn hơn cả, là bà tôi không mua pháo. Khi tôi còn bé tí ti, vào những ngày tết cả trong sân nhà tôi xác pháo màu hoa đào ngập lên tận thềm đá. Năm nay, ông tôi bảo đốt pháo chỉ tổ rác sân, không được bộ gì. Bà tôi yên ủi tôi rằng không mua pháo tết, sợ đốt pháo em bé hãi, em bé khóc. Tôi đành vậy, ngẩn ngơ một mình.

Sáng mồng một, vòm trời u ám. Sương bay lớp lớp trong cây mịt mờ như khói. Ăn cỗ xong, cả nhà ngồi trong ghế uống nước. Tôi đứng ngoài hiên, chốc chốc, chạy nhòm ra ngõ.

Đường cái chưa có người. Người ta chọn giờ tốt mới xuất hành. Rồi dần dần, nghe lẹp kẹp lóc cóc giầy dép, tiếng guốc mới và tiếng quần áo nguyên nếp đùng sột soạt.

Ngày nào tôi cũng đi chơi chùa. Tôi theo các bạn trong xóm đi những chùa quanh miền. Có chùa đi đến mấy lượt xem người ta hún đu trước sân. Rồi đánh tam cúc. Rồi chui đầu vào đám thò lò. Và đợi thò lò chiêm miêng thì xô vào ù lò. Chỉ nghĩ khoác lác thế chứ chẳng bao giờ cướp được một chinh nào. Có khi còn bị xô, ngã sây cả hai đầu gối. Mà vẫn cứ thích đứng hóng. Mồng bốn tháng giêng lên quán việc làng. Đến tận mừng bảy hạ nêu mới tan thò lò.

Bánh chưng đã có chiếc chua góc, phải rán. Nồi cá chỉ còn riêng. Hết tết rồi. Trời đã màu thiên thanh và có nắng. Những con chim chào mào bay đến hót xao xác. Một hôm, u tôi nói như hỏi:

- Tết năm nay, nhà có em bé mà chẳng thấy giấy má của "anh" mày gửi về.

Bao giờ tết đến thầy tôi cũng có thư. Năm nay, đã ngoài rằm mà không tin tức gì. Cuối tháng giêng, u tôi bảo:

- Ngày kia u đi bán giấy, cháu xuống Kê Chợ nhân thế. Ăn tết thế là xong rồi.

- U mới ở cữ em bé mà.

- Trong nhà chẳng còn đồng nào.

Tôi như chợt nhớ ra. Bấy lâu mê chơi tôi quên phớ xá rồi.

Nghĩa là, tôi sợ ra Kê Chợ quá. Nhưng u bảo tôi đi. Bà tôi bảo tôi cố học, mai sau cho bà nhờ. Năm trước, thầy tôi viết thư hứa khi nào đi học trường nhà nước, thầy mua cho cái xe đạp con. Tôi lại ngậm ngùi mà đi.

Một buổi sáng tôi trở lại phố Hàng Mã. Tôi ôm bọc quần áo. U tôi quảy một gánh giấy phên đi bên cạnh. Xuống đến chợ Đồng Xuân, u tôi gửi tôi vào một cửa hàng quen. Tôi đứng đợi đấy, để u tôi đi bán giấy. Lúc ở trên tàu điện, tôi đã hẹn: "Phải cho ăn nem, rồi mới vào nhà chú Tường".

Mỗi lần ra Kê Chợ, tôi lại được u tôi cho tôi ăn nem rán.

Đi với bà, với dì Niêm cũng được chén như vậy. Có một hàng nem rán ăn quen. Bà hàng nem ngồi kia, giữa chợ, xung quanh châu ba cái hoả lò than hồng. Một thúng bún lá trắng trần lột từng lớp lá chuối để trước mặt. Hai rổ rau xà lách nõn trộn với húng láng và rau muống chẻ. Một hoả lò nướng chả. Những cặp chả lợn bốc mùi thơm ngạt mũi. Một hoả lò đội cái chảo lớn rán nem. Chảo mỡ sóng sánh, những chiếc nem dài, nổi trên mặt mỡ xèo xèo sủi tăm. Bà hàng vớt từng chiếc chõng đồng lên tấm lượt sắt dăng kín nửa chảo. Ba tấm ghế dài vây bọc ngoài cùng. Trên ghế, khách ngồi sát cánh tút ăn. Bốn bề chợ ồn ào. Bà hàng quạt chả, cắt nem, bốc rau, pha dấm vào nước mắm, rút đũa, nhanh thoăn thoắt. Mặt bà hoa, trắng tròn như nửa bát bánh đúc bột. Bà làm liền tay đồng thời ngẩng mặt mời người qua lại: "Bà cho cậu xơi quà. Bà ơi..."

Tôi ngồi xuống ghế, u tôi gọi cho tôi một mẹt nem năm chiếc, xu một cái. Mẹt nem bỏ lẫn rau xà lách. U tôi thì ăn bún chả. Những miếng nem vàng ngậy, nhân thịt trộn miến chín nục. Tôi chấm miếng nem vào nước mắm dấm rồi đặt xuống lòng bát lột mấy cánh rau xà lách. Tôi và lừa một cái ngồm ngoàm nhai. Vị chua lại đậm, pha giòn ngọt. Những mảnh bánh đa bị vỡ rơi vụn trên đĩa, nhá ròn rau rầu. Tôi chỉ ăn hết năm chiếc. Nhưng hai con mắt tôi trông miếng nem giòn vàng và vào nước mắm dấm vẫn thấy thèm. Một thằng bé bán nước đứng kề đấy rót nước với ra cái cốc bằng hộp sắt tây đựng sữa bò. Một đứa cầm quạt nan xán đến, quạt phành phạch. U tôi phải xua mấy lượt nó mới chịu ra chỗ người khác. Có lão ăn mày xin khách cho ăn những chiếc xà lách thừa và dấm cặn. Lão ngồi phệt, nhai rau, húp nước chấm xì xụp.

Đã đến lúc phải vào nhà chú Tường. Tôi còn nài u tôi đưa đi dạo chơi mấy phố. Nhưng u tôi bảo:

- Phải về sớm. Đi lâu cái đi ở nhà nó khóc.

Tôi nghĩ như u tôi đương điệu tôi vào bóp đội xếp. Trông thấy tôi, bà cụ hàng Mã nhoèn cái cười xám

mai mái. Cái cười mà lại đáng sợ hơn. Cả bà Thấp cũng ngồi đấy. Bà Thấp xoa đầu tôi, bồm bồm nói:

- Thăng cháu nhà bác hiền như đất. Cả ngày chẳng nói một câu.

U tôi chào cả nhà, xách cái dây và đôi quang gánh ra cửa.

Thế là tôi trở lại cuộc đời năm ngoái cọ chai và vằn những cái lốp ô tô vẫn đứng lù lù bên góc tường. Như nó đợi tôi xuống để tôi vằn nó ra bày hàng.

Tôi lại làm các việc như năm trước. Tối, nằm ngoài cửa hàng, ngủ áp mũi vào lưng chú Tường. Chú đưa tôi một cái díp bet. Chú phồng một bên mép. Tôi nhổ ria cho chú. Vài ngày một bận. Những hôm nắng ráo, tắm xong, chú cời trần ngồi giơ một tay lên đầu. Tôi cầm cái díp nhổ lông nách cho chú. Nhổ đến sạch trắng nhể nhại, chẳng còn một sợi. Ngày tháng lặng lẽ qua.

Không mấy khi tôi đi ra khỏi phố. Chú Tường cứ phải giục tôi ra cửa chơi. Một tối có đám rước đèn của nhà binh giễu từ Cửa Đông qua đầu phố. Chú Tường bảo tôi ra xem. Tôi ra thấy đông người quá lại lộn về đứng trong cửa, nghe tiếng kèn toè toè và tiếng trống rầm rộ. Tôi chỉ ngồi nhà nghe mọi cái sự vật chuyển quanh mình. Những câu chuyện chú Tường, chú Phúc, bà Thấp nói chuyện hàng thầu trong tỉnh giá hàng tầm tầm kỳ này cao hay hạ. Đôi khi, lan man đến chuyện người cô đầu vợ lẽ ông Phán trên gác. Cậu Tịnh bàn về xe đạp. Xe đạp cậu Tịnh là xe đạp tài tử, ăn chơi. Không phải xe đạp cửa hiệu gõ kỳ cách kiếm cơm. Cua rơ Bổng đương kim vô địch Bắc Kỳ. Cậu Tịnh quen Bổng, lại quen cả Công nữa. Hai anh em nhà nòi, đạp đường vòng chèn đến Tây cung bỏ hơi tai không lên được. Cậu bảo cậu quen thân Bổng và Công, bắt tay luôn. Hay đi cao lâu, và gọi nhau toa, moa là sự thường.

Chú Luyến tôi chỉ tán về bóng tròn. Chú Luyến lộ yết hầu cổ, ngực lép như mai con cua mận. Vậy mà chú chỉ thích xem đá bóng. Chiều chủ nhật nào cũng phóng xe đạp lên bãi Cột Cờ. Bấy giờ hội bóng "Sì tát" đương danh tiếng lẫy lừng, át cả đội Lạc Long. Tay gôn Nhuận bắt bóng đúng như gấn nhựa vào tay. Mỗi lần đi coi đá bóng về, chú Luyến với cậu Tịnh hùng hổ bàn mấy ngày chưa dứt về bóng tròn, về cái cầu tướng, về môn xe đạp. Tôi ngồi lau giày bên gậm phản tưởng tượng như chính tôi cũng vẫn đi xem thi xe đạp, đi coi đá bóng. Bổng khoẻ như con voi, anh có một chèn đặc biệt. A-ri-e Phay sút cú một thế nào, sút rớt đầu ra sao. Tôi thạo cả.

Tôi lại biết tin tàu Cáp Lay đắm, cô Tuyết Hồng tự tử... Xăm tối những đứa trẻ, nách cặp tập báo, nhón thoắt chạy phố này sang phố kia. Chúng rao rầm rầm Hà Thành Ngọ báo một xu một số ơ, ơ... Các tin quan trọng hay ngộ nghĩnh thường được trẻ rao rành rồ lăm. Tàu Cáp Lay đắm ơ... Đám cưới mất cô dâu ơ... Người đẻ ra lợn ơ... Buồng chuối trăm nải ơ... Tôi đứng trong cửa được nghe không mất tiền những tin tức mọi nơi.

Ngày tháng đều đặn qua. Mùa hạ đến. Chú Luyến đi thi. Chú đi thi vào trường Bưởi. Hai năm, hai lần chú thi. Lần nào, trước khi đi bà cụ cũng pha một cốc sữa bò và mua chiếc bánh tây. Năm nào chú cũng trượt vì thấy chú chỉ đi thi có mỗi một buổi. Hôm sau lại cời trần, lăm lì ngồi nhìn xuống sách. Cả nhà,

không một ai đã động đến chuyện thi cử.

Chú Tường lo việc thi của tôi. Tôi sắp phải thi vào trường Cửa Đông. Chú bảo tôi:

- Chú xin cho cháu vào lớp ăng phăng tanh trường Cửa Đông. Phải thi mấy cái tính. Cháu biết làm tính cộng, tính trừ chưa?

- Có

- Cháu biết làm tính nhân chưa?

- Có Nhưng cháu chưa thuộc cửu chương.

- Thế thì phải học cửu chương.

Tôi học cửu chương. Đã lâu, chẳng học hành gì, không cầm đến cái quản bút, bây giờ bỗng học môn cửu chương khó quá. Đến bây giờ mỗi khi thấy bản cửu chương ở cuối quyển vở của trẻ, đặc xẹt, ngang dọc, lổm ngổm những con số rắc rối tôi còn ngại. Chú Tường không đánh tôi bao giờ. Thế mà tôi học cửu chương, chú cũng phải cốc tôi bươu đầu. Tôi càng lú thêm. Không thể nào tôi thuộc để chú hỏi vặn được, chú chán đành cho tôi thôi. Tạm thuộc thế, cũng đã tốn một tháng. Tôi xếp khoa cửu chương lại, đợi đi thi.

Đến hôm thi, bài thi vào lớp bát, một con tính cộng, một con tính trừ. Tôi cuống quít thế nào, tôi đã biết làm tính trừ hẵn hoi mà lại nhầm làm ngược cái tính trừ từ hàng trái sang phải.

Về xem bài, chú Tường lắc đầu:

- Dẫm vỏ chuối rồi.

Thế là tôi hỏng thi. Từ ấy, việc thi vào trường Cửa Đông của tôi cũng không ai đã động đến nữa. Tôi lại đánh giầy, vắn cái lớp ô tô.

Đã lâu, thầy tôi không có tin tức về. Từ năm ngoái, chẳng nhận được một lá thư nào. U tôi gửi thư. Chú Tường gửi thư. Bác Cả trong nhà quê cũng gửi thư nữa. Đều không có trả lời.

Lần nữa, mùa hạ qua. Mùa thu đến. Cuộc sống vẫn một khuôn quen thuộc. Nỗi nhớ nhà cũng khuây khoả trong công việc hằng ngày. Tôi quên hẳn việc sách vở. Tôi làm khoẻ. Tôi ăn khoẻ. Mỗi bữa, tôi lùa hết ba bát lèn. Tuy vậy người vẫn khéo khur, như con cá rô đực. Một hôm bỗng chú Tường ngám nghĩa tôi, rồi hỏi:

- Đầu cháu làm sao mốc trắng lên thế?

- Cháu không biết.

Ít lâu nay, một bên đỉnh đầu tôi tự dưng nổi mốt trắng.

Tôi soi gương, thấy một mảng nhờ nhờ to bằng đồng bạc. Dần dà, vết mốt loang to. Mỗi hôm, tôi ngắm đầu tôi trong gương càng sợ. Trước thóp, bên thái dương, chỗ nào cũng gờ trắng. Tôi cúi đầu gãi. Phấn bụi bay ra lản tẩn.

Bà cụ hỏi vặn sao đầu tôi giờ chứng như thế. Tôi chỉ biết cúi mặt. Trong khi đó, bà cụ cứ nhìn vào đầu tôi mà tả cho cả nhà nghe. Tôi cũng thấy kinh sợ như bà cụ nói: Nổi từng đám. Cái vảy to như vảy cá. Nó có mùi tanh tanh.... Ruồi muỗi bay theo thẳng bé nhiều lắm.

Tôi càng ngẩn ngơ cả người. Tôi ngồi yên hàng giờ, dăm dăm ngó ra đường phố. Mà không trông thấy chi hết. Tự hỏi không biết anh Khả Dân trong truyện Vô gia đình đầu anh ấy có mốt như đầu tôi không? Tôi nghĩ cầm cái đầu mốt. Giá mà tôi có pháp thuật cao cường như Trần Đoàn lão tổ, như sư phụ Vương Thiền, tôi hoá phép cho cái Hiến hoá ra con chó giữ cửa động cho tôi. Tôi làm cho cái đầu tôi khỏi mốt. Hứng chí, tôi lăm rằm đọc thần chú. Tôi hô một tiếng, nhổ thử một sợi tóc, soi lên trước mặt. Một tay tôi múa như phe phẩy lá cờ phép.

- Ở hay, thằng bé này phát rõ rồi a?

Bà cụ hàng Mã đứng trước mặt từ lúc nào. Hai con mắt quăm quăm. Tôi bối rối quờ quạng vớ mảnh giẻ đánh giầy. Bà cụ bảo chú Tường:

- Từ ngày đầu nó hoá mốt, tao để ý thấy thằng bé thế nào ấy. Ngồi một mình nó cũng rì rầm nói lảm nhảm. Thử xem hay là trả nó về Bưởi.

Chú Tường đáp:

- Nó chỉ phải cái đầu mốt thôi.

Và chú ngó tôi, cười. Đuôi con mắt nheo nheo hiền lành.

Một hôm, cái Hiến đau mắt. Tôi chưa thấy ai đau mắt gớm ghê như nó. Có một đêm, hai mắt phồng như quả nhót mọng hùm hụp. Sang ngày thứ ba, đúng là quả trứng gà đỏ dòng độc lấp kín mắt, sưng đỏ tía cả nửa mặt. Cái Hiến đau khóc ngăn ngắt cả đêm. Rồi chú Phúc mang Hiến về quê bên Bắc. Bố công con đi, một buổi sáng tinh sương. Chẳng biết rồi mắt nó có khỏi không. Tôi không gặp lại nó một lần nào nữa từ đấy.

Cái Hiến về quê, bà cụ hàng Mã thương cháu, thỉnh thoảng lại khóc. Nhưng bà cụ vẫn không quên nói đến cái đầu mốt và nét mặt sắp hoá dở hơi của tôi. Bà cụ cho rằng bởi tôi mà động trệ, cháu bà cụ đau mắt vì thế. Tôi là cái hãm tài, cái vận áo xám nhà này. Chú Tường không thể đem chuyện tầy đình đó để pha trò được.

Bà cụ nhả người xuống đón tôi.

Bà tôi ra. Bà cụ hàng Mã kể lễ ngọt ngào, ngoài cửa hàng. Tôi lặng lẽ thu dọn quần áo của tôi. Tôi, nửa buồn, mà cũng không buồn. Không cách nào lấy cắp được quyển Vô gia đình, tôi bèn để lại bên khe bàn, như là con tàu vào tránh bão ở đấy. Bà cụ hàng Mã đưa bà cháu tôi ra phố vào một hiệu thuốc. Ông lang bắt mạch tay tôi bảo:

- Cháu hoả vượng quá. Nó bốc lên đầu hoá bạch biến. Tôi chữa cái này quen lắm. Hai thang là khỏi.

Tôi về Nghĩa Đô ngay chiều ấy. Bà cụ đưa tôi sang chào bà Thấp. Cậu Tịnh và chú Luyện đi xem đá bóng. Bà Thấp ngồi phề phệ giữa phản, tròn như cái âu đồng đại. Bà nhai trầu bồm bồm. Bà vuốt má tôi, bà cười. Tôi đi qua sân bếp. Cái cửa sổ gác màu xanh đại nắng lợt lợt đóng im ỉm.

Chú Tường đưa tôi ra tận đầu phố. Chú cười, hai con mắt nheo nheo.

- Bao giờ khỏi đầu lại xuống với chú nhé!

- Kìa chú dặn. Vâng đi.

Tôi không vâng được. Tôi vội ngược mắt phía khác. Nước mắt đã ràn rụa xuống. Nước mắt nhớ chú Tường hay nước mắt tôi sợ xuống Kê Chợ lắm rồi.

Chương 10:

Hai năm ở hàng Mã, tôi đem về được mấy hòn bi sắt và cái búa đánh tí hon. Chẳng thêm một chữ nào trong đầu. Các dì tôi ngạc nhiên xiết bao, khi thấy tôi biết nhặt rau muống cọng nõn thối cơm thạo ve vế. Dì Niêm bảo: "Cháu ra ngoài ấy học chữ hay là đi làm thằng ở thối cơm?" Tôi không biết đáp thế nào. "Có cháu học chữ chứ lý". Nhưng thực tình trong các thứ kỷ niệm của hai năm thành phố, chỉ có cái đầu mốc rụng tóc. Chén thuốc ông lang bảo "chỉ hai thang là khỏi" chẳng ăn thua gì. Bã thuốc đã đổ ra rãnh chuồng lợn mà đầu vẫn mốc lại loang to hơn, lấn cả xuống gáy. Thoạt trông như vết con giời leo, nổi gờ một đường vòng tròn. Ở trong da đỏ sần sùi như da cóc. Ông tôi nói:

- Đầu thằng này hắc lào lang ben rồi.

Rồi ông tôi cắt nghĩa:

- Lang ben là cái hắc lào đầu. Nó còn ăn loang xuống mặt kia. Cái này là mày nghịch tình đi chui rúc vào bờ vào bụi phải cái sương độc rơi vào tóc, bây giờ phát ra. Không chữa nó hoá hủi.

Bà tôi bảo:

- Trẻ con như cái rau ghém, thiếu gì bệnh. Nghe ông nói ghê cả thịt.

Có người mách bôi mật lợn thì khỏi. Lập tức ông tôi mang tôi ra đằng sau nhà. Người mài con dao thực bén, lia qua mấy nhát, đầu tôi đã trụi hết tóc. Bà tôi xin trên chợ một chiếc mật lợn. Ông tôi xé lần bóng, đem phiết cả cái mật lên đầu tôi. Tôi ngồi phơi giữa sân. Mỡ và mật lợn nhầy nhụa. Mật lợn gặp nắng, tanh khẳn tanh lợn mửa. Tôi hắt hơi lia lịa, đầu cứ rúc chúi xuống. Tôi mó lên đầu, đầu khô cứng như không phải cái đầu tôi. Không ai dám đứng cạnh tôi. Bữa cơm, tôi cầm bát cơm ăn một mình ngoài bậu cửa. U tôi gọi đầu cho tôi, cọng đến bốn lượt xà phòng rồi. U cầm mảnh lược thưa, bừa đi bừa lại. Tôi đánh hơi, vẫn còn phảng phất tanh.

Ông tôi phiết lên đầu tôi hai chiếc mật lợn nữa. Nhưng đầu vẫn mốc.

Dì Nhâm tôi ở Vân Nam về. Dì Nhâm là em thứ hai ngay sau lưng u tôi. Chồng dì là anh phiếc me cho nhà lãnh sự Pháp bên Vân Nam. Ông y tá lấy dì tôi đã có một đời vợ nhưng bà ký Nhữ này không có con, nên ông ấy bỏ. Dì Nhâm đi Vân Nam đã lâu, tôi không biết mặt. Tôi chỉ nghe kể chuyện dì Nhâm đọc kinh bên đạo: Đức Chúa Trời có mười cái răng. Lần này tôi mới biết dì Nhâm. Dì Nhâm không giống một ai trong nhà. U tôi thì vừa người. Dì Tư, dì Niêm thấp bé. Dì Nhâm béo tròn, da ngăm đen, mặt phình phính. Không một nét gầy. Vẻ đánh đá, đáo đẽ. Dì Nhâm đem cả cái Nhâm và cái Châu về. Cái Nhâm kém tôi hai

năm, nó chín tuổi. Còn cái Châu thì lên bảy.

Chẳng biết Vân Nam tận chân trời góc bể nào, nhưng chắc là ở đấy sung sướng lắm. Cái Nhâm trắng như bột. Hai mắt Nhâm lay láy, óng ánh. Tóc Nhâm đen mượt, xén gọn, rủ đều xuống lưng trán. Cái Châu giống mẹ, béo ục ịch và đen như củ cải. Nghe nói đi chuyến tàu hoả năm xưa lên Vân Nam, dì Nhâm sinh nó dọc đường ga Á Minh Châu. Vì thế, nó được đặt tên là Châu. Qua vài ngày bờ ngõ, tôi hơi quen, rồi thân ngay. Chúng nó có bao nhiêu là quần áo, bỏ chập hai cái hòm. Các quả lê, quả táo, quả hồng hoá dì Nhâm còn đem về những cái lạp xưởng đỏ mọng béo nhờn. Mấy miếng ca la thầu đen sì nhá tròn như cà.

Ở bên Vân Nam, chồng dì Nhâm đã thôi việc nhà thương. Dì tôi có ý về thăm nhà, rồi định ở làng và đi buôn đường Vân Nam. Ở làng, nhà dì cũng có một mảnh đất và một nếp nhà ngoài xóm Trề, vẫn để người ta ở nhờ.

Được ít lâu, bác Phùng chồng dì Nhâm cũng về. Bác Phùng về thì Nhâm và Châu đã ra ở ngoài xóm Trề. Tôi còn nhớ buổi chiều tối, Nhâm vào rủ tôi ra chơi ngoài nhà. Những buổi tối mùa lạnh. Đường xóm chập choạng vắng. Hai anh em cầm gậy, dò từng bước. Gió thổi hun hút trong rừng tre kéo kẹt bên đường cái.

Nhà Nhâm đã lên đèn, đóng kín cửa. Trong nhà, ánh sáng đỏ kạch. Phán giữa, dì Nhâm ngồi khâu. Gian bên, bác Phùng nằm hút thuốc phiện. Bác Phùng nghiện. Ở bên Vân Nam, thuốc phiện rẻ như thuốc lào, ai cũng nghiện hút cho vui bác bảo thế. Ngọn đèn dầu lạc bóng lùn sáng lập lờ. Bác nạo, ngoáy, xoe. Bác hút... ro... o... ro... o... khói toả mùi thơm gây gây Bác nằm thừ giữa làn khói. Mặt bác phảng phất, ẩn hiện, lung lay trong khói mờ.

Chị em Nhâm quen ngồi châu bàn đèn của bố từ thuở lọt lòng. Tưởng như chị em cái Châu đã nghiện khói thuốc phiện. Lê, chập tối, Châu xà đến bàn đèn châu rìa. Chốc chốc, cha lại cho con miếng lê, miếng bánh. Những tối mà Châu không được ngồi vào bữa hút của cha, Châu gật gù hắt hơi vặt. Mẹ bèn cấm không cho Châu ngồi cạnh bàn đèn nữa. Tôi không nghiện khói thuốc phiện mà tôi thèm những miếng kẹo sùu để hãm thuốc của bác Phùng. Lúc nào bên khay đèn bác cũng có một gói kẹo sùu bọc giấy nhật trình. Những thoi kẹo dài, bác Phùng ăn, sau mỗi lần kéo một hơi ro... o ro... o. Bác cho chúng tôi ăn kẹo. Bác lấy một miếng kẹo, bẻ đều làm ba. Mỗi đứa chén một khúc. Kẹo sùu ngọt quánh, thơm và bùi ngấy mùi lạc. Tôi nhắm từng mẩu một, không bao giờ chán.

Điểm vào vị ngọt bùi của kẹo sùu, bác Phùng lại kể cho tôi nghe những chuyện anh hùng nghĩa hiệp bên Tàu. Bác Phùng kể nhiều chuyện ly kỳ ghê gớm. Tiếng bác khàn khàn đều giọng như tụng kinh: "Cháu đã biết truyện Thuỷ Hử chưa? Chưa hả? Trong truyện Thuỷ Hử có hàng trăm anh hùng. Cả nước Tàu có hàng nghìn hàng vạn anh hùng, sao kể xiết được, ở bên Tàu bác quen một người...".

Người nào bác tôi quen cũng khiếp cả. Người ấy giỏi võ như võ sĩ chùa Thiếu Lâm. Một ngày kia ông đi du lịch với một ông nữa, cũng giỏi võ ngang ông ta. Tới một miền nọ nghe đồn có cô con gái kén chồng. À kén chồng một cách oái oăm. Cô thách ai đánh ngã nổi cô, cô sẽ lấy làm chồng. Ông bạn bác tôi hăng máu,

xin vào tỉ thí. Chân tay không hai người đánh nhau ba ngày đêm chẳng phân được thua. Đôi bên tạm nghỉ một ngày. Ông quyết tìm một miếng võ hiểm để hạ cô ả kiêu căng. Ông nhớ ra một miếng đá đà đao. Đấu võ tiếp theo nửa ngày, ông giả cách đâm hụt đà, chúi xuống. Người con gái nhảy theo. Bất ngờ, ông phóng cả hai chân đá hậu vào mạng mỡ kẻ địch. Nhưng dường như đã đoán trước được miếng võ hiểm ả nắm được cả hai chân ông phóng tới. Ông này vận nội công, người cứng như khúc gỗ. Song bàn tay cô gái còn cứng hơn, cứ nắm chặt, giờ ngang cái thân thẳng đơ của ông như thân cây. Đôi bên đứng ngang dọc như vậy hai ngày. Ông nhà võ lại chột bối rối không biết gỡ thế nào. Ông bạn đứng ngoài xem cũng lo thay. Song ông ở ngoài tỉnh táo hơn ông kia. Ông nhớ ra một miếng. Ông máy tay làm hiệu cho bạn. Ông bị túm chân sức tỉnh, liền tung vút người lên. Không kịp phòng bị, ả ngã lăn chiêng. Thế là đôi bên lấy nhau.

Bác Phùng nói chuyện càng khuya càng nhiều, càng hay.

Có lẽ bác hút vào thì bác thích nói, hơn là nói cho chúng tôi nghe. Châu thở khò khò từ nãy. Nhâm cũng ngủ rồi. Tôi gà gà hai con mắt. Câu chuyện trợt ngoài lỗ tai, loáng thoáng tiếng được tiếng chẳng. Rồi tôi cũng ngủ nốt. Sáng sớm dì Niêm ra gọi về ăn cơm những mảnh chuyện đêm qua còn lẫn trong cơn ngái ngủ. Tôi nhìn bác Phùng khiếp phục như chính bác là người trong chuyện. Bốn phương trời trong những núi cao rùng rậm mà tôi chưa được biết, còn nhiều người tài ba tuyệt diệu. Tôi lại vót cái kiếm tre và sửa thanh gươm gỗ. Gáy gươm, bôi mực. Đăng lười bôi vôi trắng. Thỉnh thoảng ngồi chờ mặt, tưởng tượng chuyện luyện phép và nghĩ cách lên núi tìm tiên học đạo.

Dì Nhâm đã bắt đầu đi buôn chuyến lên Vân Nam. Mỗi lần đi, hàng một hai tháng mới về. Ở nhà, chúng tôi tha hồ làm nguy. Tôi đóng vai thủ chỏm và làm tướng trong đám.

Bây giờ tôi còn nhìn thấy trong tưởng tượng một góc vườn vắng mát rượi. Vài cây chuối tiêu lùn tàu lá to uốn cong.

Chúng tôi chơi bán hàng, chơi làng và chơi đình chùa. Tay tôi cầm gươm. Lưng tôi thắt bẹ chuối. Lá chuối tước nhỏ đeo vòng xùm xoè trên miệng giả làm râu. Nhâm đóng vai nữ. Còn Châu thì làm lính, cầm cái que đi hầu. Chúng tôi hát ỉ eo. Mẹ đi vắng. Thầy cũng ra chơi Kẻ Chợ. Chúng tôi tha hồ làm trò.

Chẳng bao lâu, đầu cái Nhâm và đầu Châu cũng lổ đố lang ben hắc lão trắng như đầu tôi. Mới chỉ riêng tôi trông thấy. Bởi vì hai chị em nó tóc xoã kín thái dương, không ai hay biết. Cả ngày chơi ngoài vườn không ai nhớ gọi đầu cho hai đứa.

Mẹ Nhâm đi mấy chuyến hàng chẳng ăn thua gì. Thầy Nhâm không tìm được việc làm. Cái ý định về mưu sinh ở quê nhà không thành. Một hôm, bác Phùng vào uống rượu với ông tôi. Tối hôm ấy, bác ra tàu Lào Cai, lại sang Vân Nam. Bác sang trước, chạy việc. Vả chăng, thuốc phiện ở nhà đắt quá.

Bây giờ, nhà Nhâm thực vắng. Mẹ vẫn đi luôn. Hai chị em, ngày ăn cơm trong bà, tối về nhà ngoài ngủ. Tôi vẫn khoe với chúng là tôi giỏi, tôi có võ và tôi đang luyện phép nữa. Nhưng tôi chưa dám ra ngoài ấy ngủ trông nhà với chúng nó lần nào. Tôi sợ ma.

Có một bận, mặt trời đã lặn sau bụi tre. Cơm chiều xong từ lâu mà không thấy chị em Nhâm vào ăn cơm. Ông tôi sai tôi ra gọi. Tôi rút thanh kiếm tre trong xó ngõ, buộc vào một bên cặp quần. Lối vào nhà Nhâm hun hút giữa hai bờ ao lớn ra sát cánh đồng. Gió đồng quạt vào bụi tre ùng ùng như bão cạn. Bên bụi tre nhô ra một móm đất, người lối xóm gọi là gò Thần Đất. Ông thần đất ấy linh lắm. Tôi nhắm mắt, chạy vù qua.

Tôi rón rén vào ngõ. Tôi kiễng gót, giơ kiếm bước lên đầu hè. Trong nhà tối om. Tôi bình tĩnh dặng hắng một tiếng nhòm vào buồng đầu hồi. Tôi thấy trên giường, chị em Nhâm đang ngủ. Cái Nhâm nằm úp mặt vào vách. Hai tay Châu ôm lưng chị. Mùi đất ẩm mốc xông lên lạnh rợn. Tôi bỗng nghĩ hay là cái Nhâm, cái Châu chết rồi. Thế là tôi quay vội ra. Rồi tôi chạy. Tôi mở hết sức chạy về đến tận đầu sân mới hãm chân lại. Ông tôi hỏi:

- Chúng nó đâu?

- Chúng nó đâu... Cháu không biết... Hờ... hờ...

- Làm gì mà mày thở như bò thế?

Mãi đến tối, dì Bảy mới vác gậy đi xem chị em nó thế nào. Chúng đã ngủ kỹ.

Sáng hôm sau, Nhâm và Châu dắt nhau vào nhà bà sớm. Bà hỏi đi đâu không vào ăn cơm chiều? Nhâm đáp chị em luộc khoai lang ăn, rồi ngủ, quên mất bữa. Hai chị em tha thui như hai con gà con lang thang ngoài vườn. Cha đi rồi. Mẹ vắng nhà hàng tháng. Hai cái đầu tóc bù phờ lên. Dì Niêm hò hét mấy lần chúng mới chịu thay quần áo. Hai mắt Châu toét nhèm, nhoe nhoét như xanh. Phấn mũi vàng nhờn nguyệt rêu lên tận má. Quần áo hôi và khai đến nỗi đi thoáng qua cũng ngửi thấy mùi. Đầu hè xó ngõ, đâu Châu cũng nằm ngủ được.

Chuyển về ấy, mẹ Nhâm thấy Nhâm và Châu nhem nhuốc, bẩn thỉu quá, bèn cho mẹ con nhà thằng Lặc ở nhờ nhà ngoài ấy, nhân tiện, nuôi Nhâm và Châu. Mẹ con nhà Lặc, người dưới Thái Bình, lưu lạc lên quay tơ cho bà tôi. Cu Lặc trạc mười lăm, mười sáu, béo tròn múp míp như con quay. Hai mí mắt nó có ve loãn xoắn. Đây là mi mắt được cặp lên cho khỏi toét mắt. Mỗi khi ăn cơm no, bụng Lặc phưỡn ra phình như bụng chum.

Mẹ con Lặc được ra ở thành thời ngoài dì Nhâm tôi. Nhâm và Châu ăn cơm nhà, ít lượn vườn vào trong bà. Mẹ Nhâm bắt mẹ Lặc cấm không cho chị em Nhâm đi chơi vớ vẩn ngoài đường cái như trước kia. Lâu nay, tôi cùng làm xẩm giấy đỡ u. Muốn đi đâu, tôi phải hỏi u. U tôi nhổ một bãi nước bọt xuống đất, bảo tôi: “Ừ, cho đi chơi một tý. Bãi nước bọt này, đi chơi về mà khô thì chó chết đấy?” Tôi vâng, chạy một mạch ra nhà Nhâm. Rồi bao giờ cũng mãi chơi, quên cả bãi nước bọt khô, chiều cũng chưa mò về. Tôi còn đương hát tuồng ầy ầy ầy. Chợt, cái Nhâm bảo:

- Kìa, u anh ra gọi anh kìa!

Tôi quay lại. U tôi đã vào đến sân, tay lăm lăm cầm cành tre. Tôi rút vôi mấy mảnh râu chuối lua tua trên cằm.

- Có về ăn cơm không?

- Vâng.

Tôi cung cúc chạy về. Bỏ lại cả gươm với kiếm. Vài hôm lại một lần u vác roi đi tìm tôi như vậy. Tôi ở nhà như ở tù sao mót đi chơi như thế. Chỉ chạy ra chơi với chị em nó. Bây giờ thì cả nhà đều biết chị em nó cũng mốt đầu như đầu tôi. Những chỗ khoanh hốc, tóc rụng thưa dần dần, lộ từng khoang trắng. Đầu tôi bị ông tôi cạo từ dạo trước. Rồi ông tôi liếc dao cạo trọc đầu cái Châu. Cái Nhâm không chịu cạo. Ông tôi lấy kéo phớt những sợi tóc còn sót lại trong những khoảng đầu mốt. Thành thử, đầu Nhâm loáng thoáng điểm những lỗ hồng tròn sau tóc. Chiều nào, ba chúng tôi cũng phải gội bằng nước lá cúc tần. Người ta nói lá cúc tần có chất đắng giết chết trùng. Nhưng cũng chẳng ăn thua gì. Mẹ Lặc dìm đầu Châu xuống chậu, cứ móng tay sắc cào sồn sột. Đau quá, Châu kêu. Mẹ Lặc tát Châu, bắt Châu "Câm mồm ngay". Châu phải im cúi đầu cho mẹ Lặc vò.

Mẹ Lặc mặc váy nâu bạc phếch, mặt vàng bệch lấm tẩm rỗ huê. Miệng mụ rộng hoác. Nhưng chẳng bao giờ thấy mụ cười. Mụ neho mắt, méo xệch miệng, dứ dứ ngón tay, định cùn xuống đầu Nhâm. Tôi cũng sợ. Mẹ Lặc thực là ác. Hôm nào mụ cũng đánh thẳng Lặc. Nhưng mụ vừa giơ tay, Lặc đã lu loa, kêu rầm xóm, như con lợn bị chọc tiết. Hôm nào mụ cũng đánh Nhâm, đánh Châu. Mụ mang tơ trong bà tôi về ngoài ấy làm. Mụ đặt rối tơ giữa nhà, ngồi quay. Cu Lặc bên cạnh mẹ, cũng phải gật gờng tập xóc ống. Chị em Nhâm len lét chơi tận cuối vườn. Tôi vào đến đầu hè, nhón nhác ngó mụ rồi chạy vụt ra ngoài vườn.

Trông thấy tôi, mụ hét:

- Thằng quỷ! Thằng quỷ! Hôm nay mà hai con ranh vầy đất lấm áo thì bà bảo cho chúng bay!

Không bao giờ tôi muốn đi ngang sân. Đằng cuối vườn cũng có một lối khác vào. Lối ấy qua gò Thần Đất. Tôi chỉ lách mấy cụm dứa dại đã lọt được đến sân đất. Nhưng vốn sợ ông Thần Đất hơn sợ mẹ Lặc, tôi không dám chui đầu luồn rặng dứa dại. Đành lấm lét chạy qua sân. Mụ cho chị em Nhâm ăn cơm với tép kho, với tôm muối. Bữa nào hết tép thì ăn cơm trộn tương. Mụ da diết than vãn rằng mẹ Nhâm để gạo thiếu không đủ ăn cả tháng. Có hôm, mụ Lặc đánh chị em Nhâm rồi đuổi ra vườn, bắt nhin bữa sáng. Tôi ra chơi thấy hai chị em nó đứng tần mẩn bóc bẹ chuối, thút thít khóc với nhau. Tôi cũng khóc. Khóc chán, chúng tôi bày trò đám ma chôn con mẹ Lặc. Tôi chống cái cangk xoan, một tay bịt miệng cúi khom, bước theo hai chị em. Tôi chống gậy giả cách là thằng Lặc. Nhâm, Châu khiêng cái bao diêm đặt trên mấy chiếc que nứa. Ba đứa cùng gật mắt, vờ khóc hi hi. Nhưng chỉ một chốc, chán cuộc chơi. Không quên được đói, đương khóc bõn, Nhâm và Châu hoá ra khóc thật. Tôi chạy về, xuống bếp, lấy hai củ khoai lang. Ba anh em ăn, nhá gau gáu. Khoai nghệ sống ngọt như mía, lại bùi như lạc.

Mẹ Lặc hành hạ chị em Nhâm đến điều, tôi biết mà không dám mách ông bà. Chị em Nhâm cũng vậy.

Chúng tôi sợ mẹ đánh. Tôi chỉ mong mẹ Nhâm về để xem mẹ Nhâm chửi mẹ Lặc. Mặt mẹ Nhâm đen xám. Mỗi lúc giận dữ, mẹ Nhâm gầm rít, quát rất sang tiếng. Tôi hả hê. Nhưng rồi mỗi lần mẹ Nhâm đi vắng, tôi thêm lo hơn. Càng ngày, Nhâm và Châu càng bị mẹ Lặc đánh mắng. Nhâm, Châu cứ khóc luôn. Đầu chúng tôi với đầu tôi, càng mốc nhiều hơn.

Ông tôi vẫn chịu khó chữa cho chúng tôi. Ông tôi đem điếu hút thuốc lào ra sau nhà thay nước. Ông gọi tôi, bảo:

- Ngồi xuống đây.

Tôi ngồi. Ông tôi cầm cái nõ điếu lòng thông quết lên đầu tôi. Nước điếu xót quá. Tôi cắn răng, nheo mắt, như cả một bó kim châm vào đầu. Muốn khóc mà không dám khóc. Tôi còn sợ ông tôi hơn. Đánh ngồi co vai, xuyết xoa nhắm tịt hai mắt. Một chốc, đỡ đau dần. Nước điếu nham nháp chảy xuống quanh tai. Một mùi hôi nồng nặc, như cóc chết, giống hơi thối tai. Thoảng vào mũi, hắt hơi liền và nước chói óc. Hai tay tôi ôm lấy mũi. Ông tôi đổ nốt nước điếu lên chân tường. Trước khi đi vào, ông dặn:

- Ngồi yên đấy, phơi cho nước điếu ngấm vào trong đầu. Tao thử làm đầu mày khỏi, tao làm cho cái Nhâm, cái Châu.

Hôm sau, ông tôi cạo đầu tôi thực nhẵn bóng, đổ lên một lượt nước điếu nữa. Đầu tôi thâm xỉn như củ nâu. Ông tôi mím mím, gật gù, lại bôi nữa. Khổ tôi, nước điếu hôi quá.

Nhưng đến lúc gội đi, màu mốc sần sùi lại lộ ra. Gãi, vảy trắng rơi lở tở. Nước điếu bám vào đầu, đen đấy. Đến lúc rửa nước, đầu mốc vẫn mốc. Có phần nó lại sùi mặt quỷ, lồi lõm hơn. Mỗi hôm, tôi gội đầu hai lần. Liền nửa tháng mà vẫn như gai gai mũi.

Nhưng ông tôi không nản việc tìm tòi thuốc men vớ vẩn bôi lên đầu tôi để “giết cho hết con lang ben”. Một buổi chiều uống rượu xong, ông tôi bảo:

- Mày ra gọi chị em cái Nhâm, sáng mai vào đây.

Đầu ông tôi ghếch lên chiếc gối cao gồ, nom mặt càng đỏ tía, đến ghê. Sáng sau, hai chị em Nhâm vào trong bà thực sớm, ông tôi đã lị xuống chuôm từ bao giờ. Bê lên một chậu bùn ao đen xám. Tôi mang máng đoán mình sắp bị đem làm gì đây. Có lẽ ờ có lẽ. Quả nhiên thực.

Ông tôi bắt chúng tôi ngồi xếp dẫy ở đầu hè. Lần lượt ông vốc bùn lên đầu từng đứa một. Ông xoa bàn tay mấy vòng đầu chúng tôi biến ra đầu bụt ốc trên chùa. Bôi xong cả đầu ba đứa vừa hay hết chậu bùn. Ông tôi cắt nghĩa:

- Cái trùng lang ben cũng như cái trùng ghẻ, buổi sớm nó ăn ra. Bùn này là bùn non. Bôi vào, con vi trùng đương ăn ra, bị xót, thế nào cũng chết. Chúng mày ngồi đấy, phơi nắng đến trưa cho khô hẳn bùn.

Ba anh em tôi ngồi lù lù đầu hè. Như ba ông đầu rau đen đuôi ngồi trong bếp gio. Giờ đây tôi tưởng lại những buổi sáng thiếu nảo ấy. Nhâm ơi Nhâm! Tôi gọi Nhâm vu vơ dưới ngòi bút, trong ánh đèn dầu đêm mùa xuân này. Có khi nào những dòng ký ức của anh mà em đọc đến, hẳn em không giấu được mỉm cười ngạc nhiên rằng sao anh khéo nhớ ma mãnh thế. Nhâm đã quên và chắc là bây giờ chẳng còn những ngày rầu rĩ như thế. Tôi thì tôi nhớ dai, nhớ lắm, em ạ. Cây viết lê đến dòng kẻ này, mắt tôi nhìn vào bóng đêm câm lặng lẽ vẫn thấy lại buổi sáng chúng tôi ngồi phoir đầu bùn trước hè, bên cạnh bậc hòn đá.

Nhâm, Châu ngồi chồm hổm trước mặt tôi. Mắt Nhâm toét Nhâm nhìn hó háy. Một đường đỏ hoe nhầy nhựa viền quanh mí. Cổ ngẳng, ghét bần bám thây lấy đen vân vân như vẩy tê tê. Hai bàn tay Nhâm ghề tướp. Ngồi một lúc, cứ phải cọ khe tay cho dịu cơn ngứa. Cái Châu cũng ghề, bần và toét mắt như chị, tệ hơn chị nữa. Một bên mắt nó nhử bám tịt chưa mở ra được. Vội chạy vào bà ngay, mẹ Lặc chưa rửa mặt cạy nhử mắt cho Châu. Hai cái đầu đất đắp to bu lu, méo như cái đầu bằng đất thực. Chị em gày gù, bàn tay, bàn chân khô xác. Chúng ngồi rụi vào nhau, ngơ ngẩn như những đứa ăn mày ngồi xó hè xin ăn. Nhớ ngày Nhâm và Châu mới về. Nhâm trắng bột. Mắt nhưng lóng lánh. Tóc Nhâm thơm phức thơm mát. Tôi ngậm ngùi nhìn Nhâm mà nghĩ vẫn vợ như vậy Nhâm nhếch vành mép lở trắng, cười, nháy tôi. Ý như muốn làm hiệu ngầm báo cứ để nguyên cái đầu như thế đến lúc khô, chốc nữa đem gươm và côn ra vườn chơi hát tuồng.

Đầu chúng tôi chẳng khỏi mốc. Bùn ao cũng không ăn thua. Chuyển xuôi Hà Nội cuối năm ấy, mẹ Nhâm ở nhà liền nửa tháng với hai chị em lượp nhóp như hai con mèo ốm.

Mẹ Nhâm bàn gì với u tôi, những chuyện người lớn, tôi không rõ. Tôi chỉ mang máng rằng mẹ Nhâm đi buôn lỗ vốn.

Lần vừa rồi, giữa đường phải vớt hết hàng lậu đi. Mẹ Nhâm phàn nàn hai đứa trẻ bần thủ quá. Mẹ Nhâm túng quăn hay cãi nhau. Có hôm, vào cãi tay đôi với bà tôi. Rồi cãi nhau với khắp cả nhà. Tôi hãi dì Nhâm nói to lắm. Khi dì ở nhà, tôi ít ra chơi với Nhâm. Dì hay mắng Nhâm, đánh Châu. Trông thấy chúng phải đòn, phải chửi, tôi khóc. Một hôm, thấy Nhâm ở ngoài ngã ba xóm. Tôi hỏi sao mấy hôm nay Nhâm không vào. Nhâm bảo:

- Mẹ cãi nhau với bà. Em vào thì bà mắng.

- Bà không mắng đâu? Cứ vào.

Một ngày khác, Nhâm khoe:

- Em sắp được lên Vân Nam với thầy.

Lại nói:

- Mẹ em đem chúng em đi.

Tôi im lặng, bối rối. Một lúc mới hỏi:

- Mà có lên trên ấy, nhớ gửi về cho tao hai đồng bạc Tàu để tao làm đồng cái thủ thường, thủ vạch đánh đáo. Như mọi khi đấy.

- Trên ấy thì khối bạc Tàu.

- Nhớ đấy nhé.

Buổi chiều ấy, tôi ra nhà ngoài thấy mẹ con nhà Lặc đương thối cơm dưới bếp. Trên nhà, không có ai. Tôi thấy nhà vắng vắng khác mọi khi. Tôi ngơ ngẩn, tha thui về. U tôi đi Kê Chợ mãi đến lên đèn, tối mịt mới về. Dì Niêm, dì Bảy, bà tôi - cả ông tôi - xúm lại, thì thào, nhưng tôi cũng nghe tiếng u tôi nói nho nhỏ:

- Tàu Lầu Cai chạy năm giờ sáng, sớm lắm. Bây giờ thì lên tàu rồi.

Tiếng ông tôi ở mâm rượu nói với ra:

- Ủ, tàu Lầu Cai chạy năm giờ.

Tôi nằm chống vộc, úp mặt xuống phản. U tôi ra, mắng:

- Sao lại nằm như thằng dở người thế kia?

Tôi không nhúc nhích. Dì Niêm lôi tôi lên. Tôi ngồi hai tay bưng mặt. Tôi khóc tu tu. U tôi bảo:

- Việc gì mà phải khóc. Rồi chúng nó lại về chơi, tháng sau, tháng sau thôi.

U tôi kể:

- Đứa nào cũng bảo sao không cho anh Sen đi Vân Nam với chúng cháu.

Tôi nằm trần trọc, nước mắt đầm đìa xuống chiếu. Tôi cố thức. Nhâm, Châu ngủ ngoài Kê Chợ. Năm giờ sáng Nhâm, Châu và mẹ lên tàu. Tôi không biết lúc nào là năm giờ sáng mai nhưng tôi biết có những buổi tối vắng lặng nghe xa tiếng còi tàu và tiếng những con tàu rầm rầm chạy vào lòng cầu Long Biên.

Tôi thức dậy, nắng sớm đã loé vào xó cửa. Tôi bàng hoàng nhớ không biết đã đến năm giờ sáng chưa. Ông tôi đi đâu về sớm quá. Ông mặc áo bông dài. Nách cặp cái ô cán gỗ mộc choãi thườn ra. Ông tôi móc ô lên hóc cột, nói:

- Tao ra ga được một lúc lâu, mới thấy mẹ con dắt nhau đến. Chúng nó lên tàu cả rồi, tàu chạy rồi.

Chúng nó lên tàu cả rồi, tàu chạy rồi. Nước mắt tôi lại đầm đìa.

Mùa xuân này, mười lăm năm qua rồi. Nhâm đã đến hai mươi hai tuổi mà Châu cũng mười tám. Từ ngày

ấy, chưa một lần nào nhà dì Nhâm tôi trở lại. Trước, mỗi năm được vài lá thư về. Thư nào bác Phùng cũng hỏi thăm họ nội, họ ngoại “trong họ ngoài làng, đồng dân ta yên ổn. Còn về phần vợ chồng con cái chúng con ở bên này, nhờ giới đi đồng đất nước người cũng được...”. Ít năm gần đây, thư từ ngày một vắng. Rồi vắng hẳn, không nhận được một chữ nào nữa.

Nhâm, Châu đi rồi. Còn mỗi cái đầu mốc trắng của tôi tha thui ngơ ra ngấn vào. Có người mách u tôi nhà bà trạm trắng ngoài chợ có thuốc chữa đầu lang ben tài lắm. U tôi đưa tôi ra. Bà trạm trắng mặt tròn như quả quít sần. Bà vằn nghiêng, ngoẹo đầu tôi, xem xét kỹ lưỡng.

- Con bé nhà tôi phải cái này bốn năm, mới khỏi năm ngoái. Nó là bệnh bạch biến. Bác cháu mua trong nhà thương cho cái thuốc tây, bôi có mấy lần, thuốc của người ta là thuốc thánh chứ chẳng chơi. Tôi làm phúc, bà đưa tôi ba hào, phiên này lên lấy nhé. Bệnh bạch biến lang ben đây mà.

U tôi đưa bà trạm ba đồng hào trắng. Thuốc màu nâu xẫm, nhờn như thuốc nẻ, đựng cái hộp có chữ “thuốc hắc lao tám xu một hộp”. Được ít lâu, những khoanh trắng trên đầu tôi dịu màu, gãi bớt rơi vẩy, rồi khỏi hẳn lúc nào. Tóc lại mọc.

Tôi húi đầu vuông kiểu ca rô. Soi gương thấy đầu tóc cún, mặt tôi thườn như cái lưỡi thưỡng. Đầu tôi hết mốc. Chẳng thấy u tôi nhắc nhảm gì đến chuyện lại xuống Hàng Mã nữa. Mấy năm nay thật không một chữ thầy tôi gửi về. Có người đồn thầy tôi đã lấy vợ bên Sài Gòn. Bà nội ở quê mỗi khi chúng tôi về chơi lại mếu máo bảo u tôi:

- Nó ăn phải bùa mê bả dột, không biết đường nào về nhà nữa. Thôi mẹ mày thương lấy con... thương tao. Hờ... ờ... anh ơi! Anh đi đăng nào... bấy lâu anh bỏ cửa, bỏ...

Có bác cùng làng ở Sài Gòn về kể rõ ràng rằng thầy tôi lấy người ở Hanh Thông Tây làm nghề bánh trắng đã được hai con một gái một gái. Thầy tôi bây giờ loà cả hai mắt, đi phải chống gậy. Bác ta đã đến chơi tận chỗ thầy tôi ở. Thế là đích lắm rồi. Cả nhà quê tôi nhôn nhao. Chuyển ấy, ở quê ra bà nội cho tôi những hai con gà, rồi bà dặn: "Con ơi, ngày sau con có bỏ không nhìn bố con không? Đừng nhé, tội nghiệp quá. Đen đầu thì bỏ, đỏ đầu thì nuôi đây. Bố con ăn phải bùa mê của người ta. Lạy Phật, bao giờ tai qua nạn khỏi thì nó lại trông thấy đường về với vợ con". Ai nhìn tôi cũng ra vẻ ái ngại.

Một hôm, tôi thấy dì Bảy cầm cái que khua vào các bụi vụn niên thanh ngoài sân. Độ ấy đương mùa mưa. Sân đất ẩm, cóc về ngụ cư từng đàn. Trong bụi nhảy ra mấy con cóc to sụ. Dì Bảy lấy que chặn lưng, cóc phình bụng trắng. Dì Niêm hỏi: "Được hử? “ rồi chạy ra, hai dì tôi lấy cái rơm buộc chân cóc Tôi tưởng dì Niêm sắp cho cậu cóc xơi thuốc Lào để xem cóc say thuốc Lào gật gù như mọi khi tôi vẫn nghịch. Dì Niêm xách cái bình vôi ra. Dì cầm que, quét vôi lên lưng cóc. Phút chốc, cóc đen xỉn hoá cóc trắng toát.

Rồi dì Bảy tôi túm đầu rơm xách con cóc chạy ra ngõ. Tôi đuổi theo dì Bảy. Dì đem con cóc bôi vôi quăng ra tận ngoài cánh đồng. Con cóc bôi vôi được buông xuống, nhảy chật chưỡng, rúc vào khe ruộng

nẻ. Tôi hỏi dì Bảy rằng dì làm thế để làm gì. Dì đáp:

- Con cóc bơi vôi ấy mà tìm được đường về nhà, thì rồi bố mày cũng có ngày về được. Để rồi nghiệm xem.

Tôi hỏi lại dì Niêm có thực như vậy không. Dì cười. U tôi cũng cười. Răng của u tôi đã gãy, hỏng mất mấy cái. Ngày tháng êm đềm đi. Mấy năm nay vắng bác trạm trắng răng trắng mặt bồ hóng. Giá thầy tôi trở về, để tôi cũng quên mặt như lần về trước. Có lúc, tôi lẩn thẩn hỏi dì Niêm những câu ngớ ngẩn. Dì lại bảo:

- Bố mày chết rồi.

Tôi hỏi lại u, u tôi gật đầu. Bấy giờ em Ngó tôi đã lên bốn. Tôi phải bế em.

Những hôm u tôi đi chợ bán giấy, ở nhà, tôi trông cái Ngó. Chiều về, u mua quà cho hai anh em chiếc bánh tây vàng. Tiếng là quà cho hai đứa, nhưng mình tôi chén tất. U tôi mang chúng tôi xuống cầu ao rửa chân. Buổi chiều vắng ngắt ngơ, ba mẹ con ngồi rửa chân. Tôi nhìn bóng cây dừa ngoằn ngoèo, không còn sợ như ngày trước. Nhưng tôi dọa cái Ngó: "Kìa con thường luồng. Mày chết, con thường luồng lên căn chân mày". Nó không sợ như tôi ngày trước, nó lại thả chân xuống nước trên con thường luồng.

Cả nhà, ai cũng khen tôi ẵm em khéo, em không khóc. Ông tôi, ngồi uống rượu, gật gù bảo: "Thằng này ẵm em giỏi sang năm cho mày đi ở kiếm tiền được rồi". Ông khen, tôi cũng khoái. Lại càng thích ẵm em tợn.

Tôi ngồi thụp xuống đất. Biết hiệu, cái Ngó đến ôm vòng tay lên cổ. Tôi quặt hai tay ra sau lưng, khoèo hai cẳng nó. Tôi công xốc nó đứng lên. Mồm nó ngoặt vào vai tôi. Nước mắt, nước mũi, nước dãi nó ướt nhè xuống cổ tôi. Tôi công em thơ thẩn đi chơi ngoài cửa đình, trên quán. Tôi thả cửa dong chơi suốt ngày..

Tận chiều về, cái Ngó ngủ thông trên lưng, ngoẹo cổ. Nó tụt dần, tụt dần xuống. Tôi khom người, xốc nó lên, mắt môi thất thểu bước. Con bé sao mà nặng thế. Quần áo tôi ám bụi đất đỏ xuộm. Ống quần dính hoa cỏ may ngoài bãi, ngứa như cả trăm con rôm cùng cắn một lúc. Quần tôi rách toạc một miếng. Nhưng miệng tôi vẫn chum chúm huyết gió huy huy. Tôi bắt chước chim khướu, chim chào mào, chim chích choè...

Tôi đương tập huyết sáo, bạn cùng trẻ con khắp xóm. Bắt đầu những ngày lêu lổng. Tôi đúc đế, tôi chơi nặn nôi “lương mô” đất thó. Lội qua quãng sông Tô Lịch trước cửa đình, tôi sang bãi Đồng Văn bẻ ăn cắp bắp ngô, nhổ trộm ớt tàu đem về giồng bờ ao. Có mấy quyển sách cũ, tôi đem xé từng tờ phát diều hết. Tôi thề không bao giờ đi học nữa. Vài năm nữa tôi sẽ làm thợ cửi như những đứa trẻ khác trong xóm.

Mục lục

⋮

CON KHỈ, CON DÊ

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

:

Ở nước ta, hầu như ở đâu có triền núi đá thì đấy có suối nước khoáng, suối nước nóng. Chỉ ra khỏi Hà Nội ngược lên sáu mươi cây số đã gặp suối nước nóng Kim Bôi, cũng xuống xuôi chừng ấy đường đã đến suối nước nóng Kênh Gà.

Bên nước Gruzia trong dãy núi đá kia chảy ra dòng suối nước nóng còn con mà người ta đã xây dựng ra các nhà nghỉ, nhà chữa bệnh, nào bể bơi, nào bồn ngâm nước, nào bể đắp bùn. Quanh năm, khách trong nước, ngoài nước đến chơi đến nghỉ đông nhiều vô kể, hết bạc vô kể. Ở nước ta chẳng thiếu, nhưng du lịch và y tế chưa mấy nơi với tới. Ở Kim Bôi, nơi có suối nước nóng chảy ra, là Mớ Đá. Bên kia cánh đồng, xóm ở trong đồi, gọi là Mớ Đồi. Có ông khách nghỉ nói giễu: “Bao giờ có thêm suối nước nóng Mớ Đồi nữa thì bấy giờ Kim Bôi mới đầy đủ chỗ chơi, chỗ an dưỡng được”. Bởi tuy rằng nước và thiên nhiên thì của trời cho nhưng phải có người lo toan và đắp tiền vào thì mới ra được mọi thứ lưu luyến khách.

Có một lần kia, nhà thơ Hoàng Trung Thông và tôi đi Sơn La. Bấy giờ má bay cũng hầu như hàng ngày ném bom tỉnh lỵ. Các cơ quan đều tránh vào trong núi. Khách được đưa đến ở lán trong vách núi của người làng chạy vào đấy. Cái suối nước nóng chảy ngang bên chân chúng tôi.

Nước nóng trong hốc đá tuôn ra. Khi lên bờ khói trắng bốc nghi ngút nước chảy một quãng dài quanh sang bên kia núi, hoà vào suối cái. Cá lúc nhúc bơi vào làn nước ấm. Mỗi sớm, người trong xóm chỉ ra một quãng đồng đã được một mẻ cá. Xóm ấy quang năm năn canh cá, cá muối, cá nướng, đàn bà con gái trắng ngần đẹp thướt tha chẳng khác người suối Mường Kim bên Mùa Căng Chải. Cả đến đàn khỉ trên núi xuống, thỉnh thoảng lại được miếng xương cá, khỉ cũng béo tròn như con cun cút. Mấy hôm, ngày nào chúng tôi cũng ra cái hũm đá nằm ngâm nước cả buổi. Chẳng biết được bổ béo thế nào nhưng ở trong nước suối nóng ra, mình mấy “nhẹ nhàng như ở động tiên trở về trần gian”.

Bao nhiêu năm qua, Hoàng Trung Thông cũng về côi âm rồi, tôi chợt nổi hứng muốn trở lại cái suối nước nóng ngày ấy. Đến Sơn La thì dễ đường thông thoáng và xe vào tận cái xóm ngày trước chạy bom. Chỉ có lối vào cái suối nước nóng thì không có đường. Hôm sau: tôi đi với một chú bé trong nhà, quần buộc túm lại mà xà phòng vẫn phải sát lên tận bẹn, không vắt bỏ lên. Lại còn phải bơi xà phòng quanh cổ để “vắt xanh trên cây không nhảy xuống bám được”. Đường này bỏ đã lâu. sẵn các giống vắt lằm”.

Đánh đường vào rừng hoang, chú bé phải vừa đi vừa chặt cỏ tranh, có lát mở lối. Không ngờ vào đến suối bây giờ lại xa thế này. Tôi ngơ ngẩn ngồi trên một tảng đá. Khói nước nóng trắng mờ cả những cành lau ngả quanh. Bỗng thấy đung dẩy trong cỏ, tôi trông thấy mấy cái đầu con khỉ, mắt trố thô lỗ nhô ra. Thấy người: những cái đầu khỉ lại rụt vào. Rồi làn cỏ lung lay dài dài ra phía đằng kia, thì ra một đàn khỉ có

mấy chục con kéo đi - chắc là bắt cá. Chúng thung dung không biết sợ người, con nào cũng mướt lông, béo mẫm - như ngày trước.

Tối ấy tôi ngủ trong xóm. Tôi nói với cụ chủ nhà:

- Ở trong núi có nhiều khỉ quá.

Chỉ có hai người với nhau mà ông già người Thái ấy vẫn nói thì thào:

- Ấy a. Ông đừng nói với với ở đây có khỉ.

- Làng nuôi khỉ à?

- Không, trời nuôi thôi. Nhưng mà ai biết người ta về săn hết mất. Cả chín châu mười mường này có còn con khỉ nào đâu. Ông đừng nói với ai nhé.

Tôi nào biết nói với ai, mà tôi cũng chẳng buồn nói với ai.

Mấy hôm sau, tôi trở về suối nước nóng Mớ Đá ở Kim Bôi dưới Hoà Bình. Tôi cũng chẳng thiết cái nhà nghỉ nửa vời chẳng ra du lịch, chẳng ra công đoàn này, chỉ vì tôi cũng không còn hơi sức đâu để bò theo đám trẻ bây giờ ngày chủ nhật đi cắm trại ngủ rừng nữa rồi.

Cửa buồng tôi trông vào chân núi. Buổi chiều xuống nhà ăn từ lúc tan giờ hành chính để cho nhà bếp còn về. Cơm rượu rồi tôi ra ngồi nhìn lên những mỏm núi đá bắt đầu mờ mờ sương. Tôi lại trông thấy một đám mấy con khỉ đen nhờ nhờ chui trong bụi cây lên đứng trên mỏm đá. Y hệt đàn khỉ trong suối nước nóng trên Sơn La.

Tôi kêu lên:

- Ở con khỉ. Con khỉ

Chú nhà buồng người Mường nhìn lên theo tay tôi trỏ, chú nói:

- Con dê đấy, ông ạ. Ông vừa ăn thịt dê lúc nãy. Bây giờ chẳng ở đâu còn khỉ. Đàn dê xóm Mớ Đá người ta nuôi, tối rồi dê đương về chuồng.

Tôi nhớ năm 1948, cách đây vừa nửa thế kỷ, có lần ở châu Đà Bắc về, tôi đi qua dốc Cun ngoài kia. Dốc Cun rừng lau, có tiếng lẩm hổ, ban ngày không ai dám đi qua dốc Cun một mình. Tối ấy ngủ ở lán với bộ đội, nghe kể chiều hôm qua có con hổ ra vồ ăn thịt mất một anh bộ đội đứng gác. Tôi kể cho anh nhà buồng câu chuyện ngày trước hổ về vồ người ở dốc Cun. Anh im lặng một lát rồi nói:

- Bây giờ ở ngoài dốc Cun chỉ lẩm ô tô, xe máy đâm chết người thôi.

Câu chuyện ngắt quãng ở đây. Từ sôi nước nóng đến con khi, con hổ, con dê, cái ô tô, miên man rồi, xin dừng lại.

(Tập văn, truyện ngắn Tô Hoài, nhà xuất bản Hội Nhà văn 2004)

Mục lục

⋮

CON KHUẾU BẠC MÁ

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

:

Trời đổ mưa mấy hạt, rồi tạnh. Xòe bàn tay thấy mưa bụi lăn tăn. Sáng ra, bụi cây cúc tần bờ rào phủ sương trắng mờ. Đã sang tháng chín, vào thu rồi.

Những đàn ri sừng, ri đá, đàn chim ngói ra ăn lúa sớm. Chúng bay loạn xạ ngang trời... Bây giờ mùa nào cũng có vụ, con chim cũng không biết đỗ xuống, ăn đâu.

Trẻ con đã xếp cần câu. Những cái nơm, cái dó đem gác bếp. Bây giờ lại vót lồng bẫy, vá lưới, đi tìm bãi bẫy chim ngói.

Đây là hình ảnh kỷ niệm tuổi thơ tôi những năm lên chín lên mười.

Mười mấy năm sau, khi thành phố được giải phóng, tôi trở lại. Thấy như lạ mắt, làng xóm và cánh đồng im lặng không bóng người. Một cái lô cốt xi măng đồ sộ há hoác bốn phía trống lổ châu mai. Dấu vết tuyến phòng thủ quanh thành phố của tướng Đờ Lát còn lại bây giờ tro tàn thương.

Chẳng bao lâu con đường dọc ngang khắp nơi, như bàn cờ trên cánh đồng. Những khu nhà năm tầng y hệt nhau mọc lô nhô, đây là những khu nhà tập thể. Người các nơi được đưa tới và các xóm cũ, xóm mới ở chen nhau lẫn lộn.

Những con đường cánh đồng quây lại đã thành phố phường. Người ta không nói xuống phố hay là ra Kê Chợ như trước kia, mà thói quen mới, người phố ta bảo nhau đi Bờ Hồ, đến phố Hàng Ngang.

Con đường vắt qua cái lô cốt Đờ Lát, bây giờ sang bên kia là đường lớn ồn ào người qua lại. Không ai nhớ đấy xưa kia là con đường tắt bờ ruộng, bây giờ xe đạp, xe máy và các thứ ô tô qua. Cái phố náo động tiếng xe đến nửa đêm chưa vãn. Ngày đêm rối loạn trong những tiếng động xé tai. Vừa rồi, tôi đi nghỉ ở suối nước nóng Kim Bôi trên Hoà Bình. Trong rừng thanh vắng có những quán hàng treo bán chim cảnh. Ô những con chim bẫy được, bán cho người thành phố đem về chơi. Năm trước, tôi đã đem ở Sài Gòn ra một con chim gáy ở Đồng Tháp Mười. Bạn dặn con chim kén nước lắm, nhưng thành phố chỉ có nước máy. Được vài hôm con chim chết trong lồng, cồng nước vẫn đầy nguyên.

Tôi thích nuôi một con chim, một con chào mào, một con họa mi một con chim gì đó cho vui nhà.

Mà lại nhớ chỗ xóm này xưa kia chỉ có vườn cây hồng bì, cây na, cây lựu yên tĩnh và tiếng chim tôi muốn mơ màng lại như ngày xưa. Rõ khéo lẫn thẩn thững như ngày xưa, bây giờ làm gì có ngày xưa. Nhưng mà tôi cứ ngờ ra thế. Những con chim cảnh của người Mường nuôi rồi đem bán nhưng vẫn phải

chọn cẩn thận chứ. Nghe nói bây giờ lắm kẻ bắt lương bấy chim rừng ra bán ở dọc đường. Con chim chỉ mới đem về đến nhà đã chết. Không, tôi chọn con đã thuần.

Tôi mua được một con khướu bạc má, con khướu đã dạn người. Có người qua lại khướu vẫn hót râm ran. Ngày trước nuôi hoạ mi chọi hay nuôi khướu hót, khướu nói đều công phu lắm. Nghe đồn thế chứ trẻ con bấy giờ thì chỉ nuôi mỗi con ri đá ăn thóc, con chim vành khuyên ăn chuối. Có đứa bảo con chào mào từ bé cho ăn cơm trộn muối, chào mào quen ăn mặn, không đi đâu xa được.

Con khướu chỉ ăn gạo trộn lòng đỏ trứng gà tốn kém lắm. Những khướu bây giờ thật dễ nuôi. Khướu ăn cám trứng, hàng chim nào cũng có bán cám trứng. Còn những thức ăn cầu kỳ hơn nhiều, bây giờ nuôi cá vàng thức ăn cho cá chuốc tận Hồng Kông, Ma Cao cũng được chứ sao. Con khướu bạc má của tôi ở rừng Kim Bôi về ăn cám trứng. Khướu mổ cám đập đập, khướu cất tiếng kêu quắc quắc. Hay quá, thế là được rồi. Ăn no, khướu bạc má đậu chơi trong lồng dưới giàn kim ngân.

Bây giờ cũng đương mùa thu. Những dây hoá lý đã héo khô cả. Chỉ còn kim ngân lá vẫn xanh trên giàn cho đến giêng hai nở hoa vàng hoa bạc khi có mưa bụi xuống.

Con khướu bạc má nghiêng tai, đứng yên. Khướu trừng mắt rồi lại cất chân kêu quắc quắc. Suốt buổi sáng con khướu chỉ kêu những tiếng rừng quắc quắc như tiếng xe chạy ngoài đường. Quắc quắc...

Tiếng xe chạy rầm rập. Buổi sáng, buổi chiều. Xe tải, xe buýt, xe máy, náo loạn, đình tai. Con khướu trừng trợn, nhảy, lại kêu quắc quắc. Đến tận tối con khướu vẫn chỉ kêu một tiếng nhố nhăng ấy, nó còn quắc quắc có chừng đến nửa đêm. Sáng ngày ra, mới bảnh mắt, khi có tiếng xe rộ lên con khướu trong chuồng lại hét quắc quắc...

Suốt mấy ngày mấy ngày vẫn thế. Tôi mất ngủ vì con khướu. Tôi chẳng bao giờ có thể biết đây là khướu nhớ quê hay là khướu chửi mắng tôi.

Một đêm, bỗng nghe tiếng khướu hót nho nhỏ. Tôi rón rén bước ra ngoài hè. Trời sáng trăng, gió mát lồng lộng, ngoài đường đã vắng hẳn tiếng xe.

Có ai để ý đêm khuya trong bóng cây thường nghe tiếng chim líu ríu. Phảng phất như xa như gần, như tay đôi, như một mình, như nàng chim từ qui rừng này gọi chàng chim từ qui cuối rừng. Đây là lúc bao nhiêu tâm sự, đây là lúc bóng trăng và bóng tối các hình bóng quẩn quít tan rã ẩn hiện như chiêm bao. Có lẽ cũng là những mơ ước kỳ thú của muôn loài trên thế gian. Có phải thế không. Con khướu của tôi đậu ở mặt chuồng, tiếng lâm râm như hót, như tỉ tê. Như con chích choè xuống ngòi nước cất tiếng xa xa mỗi buổi chiều lặng lẽ. Như con vạc đi ăn đêm về vừa trống canh ba, buông từng tiếng vào chân tre, lúc này thanh thoi nhất, có ánh trăng và sáng điện như ban ngày, con khướu thủ thủ nho nhỏ.

Sáng hôm sau, vẫn chỉ nghe tiếng khướu quắc quắc những tiếng quái gở, trong khi các thứ xe từng đoàn rùng rùng rít qua ngoài kia. Con khướu bạc má hình như rạc người ra. Rồi khướu phờ phạc hẳn. Cái đầu nó

trụi dần như hòn bi. Một bên cánh sã xuống. Lông rụng lả tả, mỗi buổi sáng vợ được hàng năm, thật thương. Thế nào đây, con chim có thể chết đến nơi. Con chim mất tiếng hót rồi. Con chim chỉ còn rú lên hai tiếng quắc quắc.

Nhưng ngoài kia, trông lên trời mùa thu vẫn xanh thắm, hoa lộc vùng rụng lẫn tăn buông xuống đỏ hây từng đám trên mặt hồ. Tôi phải thả Con khướu bạc má thôi. Thôi cho nó bay đàn về phương trời của nó. Hôm sau, tôi ra chỗ treo lồng. Chim đã là cái xác chết cứng queo. Những điều tốt đẹp, mơ màng của tôi đều vô ích. Con chim đã chết rồi. Tôi lên đường gần Bách Thao mua một con khướu bạc má khác.

Bác bán chim bảo:

- Ông yên trí. Con khướu này chén được cả thịt bò.

Tôi không dám kể chuyện con khướu ở rừng Kim Bôi về chỉ nghe tiếng động tàu xe ồn ào mà chết. Tôi cho con khướu này một miếng thịt bò tái. Nó xốc hai mỏ, nuốt chửng.

Cả buổi, tôi không nghe tiếng quắc quắc. Nhưng cũng không nghe có tiếng hót. Có lẽ con này đã quen tai với tiếng động thành phố. Có lẽ con chim vốn ăn thanh cảnh, bây giờ lại chén cả thịt. Nó không phải là con khướu biết hót, nó không hót nữa. Tôi lại đâm ra buồn.

10-2003

(Tập văn, truyện ngắn Tô Hoài, nhà xuất bản Hội Nhà văn 2004)

Mục lục

Lời Tác Giả:

Chương 01:

Chương 02:

Chương 03:

Chương 04:

Chương 05:

Chương 06:

Chương 07:

Chương 08:

Chương 09:

Chương 10:

Chương 11:

Chương 12:

Chương 13:

Chương 14:

Chương 15:

Chương 16:

Lời Tác Giả:

Ông Trần Thế Pháp đời Trần viết Lĩnh Nam Chích quái - tập truyện ngắn đặc sắc của văn học cổ Việt Nam.

Truyện dưa hấu là một truyện trong Lĩnh Nam Chích quái. Truyện như sau: Đời Hùng Vương có người bầy tôi, khi bảy tuổi, vua mua được của thuyền buôn đem về làm đầy tớ, sau lớn lên, diện mạo đoan chính, nhớ thuộc các sự vật, vua đặt tên là Mai Yển hiệu An Tiêm, lại lấy vợ cho, sinh một trai một gái. Vua yêu, dùng làm quan, lễ lạt đầy nhà, không thiếu thức gì. An Tiêm sinh ra kiêu mạn, thường nói:

“Cái gì cũng là vật tiền thân của tôi cả”, không nghĩ đến ơn vua. Vua nghe thấy, giận lắm mà rằng:

“Mày là kẻ thần tử sinh kiêu mạn, không nhớ ơn vua, cái gì cũng bảo là của tiền thân, bây giờ bỏ mày ra nơi không có người ngoài bể xem mày có còn của tiền thân nữa không!”. Bèn đầy ra ngoài cửa bể Nga Sơn, bốn bề toàn cát và nước, không vết chân người, chỉ để cho một số lương đủ ăn ít lâu, định cho ăn hết thì chết đói. Vợ An Tiêm than khóc. An Tiêm cười mà rằng:

“Trời sinh ta, tất trời nuôi ta, sống chết ở trời, ta có lo gì”. An Tiêm ở đảo được bốn tháng, bỗng thấy con chim trắng từ phía tây bay lại, đậu đầu núi, kêu lên ba bốn tiếng, sáu bảy hạt quả theo tiếng kêu mà rơi xuống bãi cát. ít lâu sau, những hạt ấy mọc lên cây xanh rì, rồi thành quả. An Tiêm mừng rỡ:

“Cái này không phải vật lạ, chính là cái trời cho để nuôi ta”. Bèn bứt ra mà ăn, thấy vị ngọt và mát, tinh thần sảng khoái. Về sau, mỗi năm trồng nhiều thêm ra, ăn không hết, gắp thuyền buôn đến, đem đổi lấy gạo. Nhân vì chim trắng ngậm hạt từ phía tây bay tới nên gọi là tây qua. Phường chài, phường buôn đều thích thứ dưa ấy: làng xóm xa gần thì đến lấy giống. Lâu rồi, vua nhớ tới An Tiêm, cho người ra chỗ đảo hoang xem còn sống hay chết. Sứ giả về tâu vua, vua than rằng:

“Thế ra cái gì cũng là vật tiền thân, không sai”. Bèn triệu An Tiêm về, phục chức cũ, lại cấp cho nô tỳ. Đặt tên nơi ấy là châu An Tiêm, chỗ xóm ở gọi là Mai thôn... trạng Vũ Quỳnh (1453- 1516) soạn lại tập Lĩnh Nam Chích quái Tưởng như chỉ một câu trong lời tựa của ông cũng đã viết nên niềm tự hào của dân tộc ta: Nước ta khởi đầu từ Hùng Vương, đã thật văn minh, qua Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần đến nay... Tôi hiểu nền văn minh ấy và câu chuyện dưa hấu là tinh thần sức mạnh lớn lao của dân tộc, là truyền thống chiến đấu chống thiên nhiên, chống ngoại xâm, giành quyền sống và phát triển qua tất cả các đời. Đất nước và con người Việt Nam

- Một bản hùng ca sôi nổi từ nghìn năm dựng nước tới nay trên bờ biển Đông. Năm 1925, Đỗ Nam Tử Nguyễn Trọng Thuật viết Truyện dưa hấu thành phiêu lưu tiểu thuyết Quả dưa đỏ. Thừa bé, tôi đọc Quả

dưa đỏ của Đồ Nam Tử, giấc mơ kỳ ảo còn phấp phới đến tận bây giờ. Từ lâu, tôi có cái thích, và tôi ước làm được bài thơ về cái đảo hoang ấy một lần nữa.

Hang Phai Vệ (Lạng Sơn) tháng năm 1969

Chương 01:

Bi... ly... bi... ly... Tiếng chiêng âm vào núi, dội lại; tiếng trống từ mặt nước vang lên. Ông trăng ngoài rằm thành thoi tỏa ánh sáng nhạt xuống, như mỗi chiều ai chợt nhớ, lại thấy ông trăng trở lại chơi nhớn trong lùm cây và trên con đường cát mịn ngoài ngõ. Mon reo: - Ô, tiếng chiêng tập vật nổi rồi đấy. Gái ghé nghiêng:

- Chiêng thối cơm thì cũng thế. Hai anh em nhìn ra, buột miệng:
- Trăng lên rồi. Giữa lúc ấy, mẹ bước đến. Gái nói:
- Mẹ đi thối cơm thi à? Nàng Hoa cười. Gái thưa với mẹ:
- Cho con đi với.

Rồi hai mẹ con cùng đi. Mon chạy tọt vào trong nhà, đi theo bố. An Tiêm và con ra sới vật.

Tiếng chiêng... bi... ly... bi... ly... cùng tiếng người hí, người reo xôn xao suốt đêm trên bờ sông. Hàng tháng nay, vùng Bãi Lở rộn rịch lên. Càng gần ngày về hội đầu năm ở kinh đô, lại càng náo nức. Năm nay, năm đầu tiên Bãi Lở được về hội kinh đô. Các xóm đua nhau tập luyện, cho đến những ngày sau cùng thì cả hai bên sông tấp nập sáng đêm. Hơn mười năm trước, An Tiêm được nhà vua cho ra mở đất ven sông Cái. Nhớ lại những khó khăn ngập đầu lúc ấy, chồng chất không biết bao nhiêu mà đếm xuê! Xưa nay, các đời vua đều cắt cử quan văn quan võ ra trấn bốn cõi, người đi mở đất khẩn hoang đến ở đông đúc, trù m lớp, rộng mãi ra thành phen giậu mới. Vì thế, trải hơn mười triều vua Hùng, đất nước đã rộng ra tới mười lăm bộ. Năm ấy, nước sông Cái đỏ ngầu, lên to. Con sông đương xói nghiêng về một phía, lở âm ầm, cứ đến mùa nước lại khủng khiếp đổi dòng. Vốn là con sông dữ, nó như con trăn vùng lên, cuốn vào lòng những làng xóm, những đồi nương, những cánh rừng, cả trâu, cả người. Và dòng nước chướng cứ mỗi năm một hung hăng quấy về hướng kinh đô. Nhà vua hỏi các quan thế là điềm gì. Mưu sĩ tâu:

- Bỗng dưng loài trâu nước bôn lên, húc lở bờ cõi là điềm gở. Phải yểm cho nó chết đi mới được!

- Ai hộ ta? Trăm quan chen nhau vào xin đi. Nhiều quan ở xa, nghe tin vua triệu người ra ngoài cõi đánh trâu nước phá đất, chen chân kéo vào kinh đô. Chẳng khác hội các cõi về trình việc nước. Trống đồng bắc đóng lên các ngã ba, thúc liên miên theo bước quân trẩy. Suốt đêm, đuốc đốt không dứt quãng. Nhà vua còn ngần ngừ, không biết chọn ai. Bấy giờ miền nào cũng đương mở mang, việc bận như mắc cửi. An Tiêm bước tới.

- Tôi xin đi.

Nhà vua trông ra. Mai An Tiêm. Nhớ lại chuyện An Tiêm ngày trước từng sống ở đất kẻ bể. Sông nước, bể khơi, coi như đồng bãi bằng phẳng. Mình lẫn mình trăm. Đôi mày dựng ngược. Con mắt sắc. Nước da đỏ lịm như đồng hun. Một trang quắc thước, hiên ngang lạ lùng. ừ, An Tiêm có thể gánh vác được việc quan trọng này đây. Nhà vua gật đầu. Các quan đòi đi đánh trâu thần còn dùng dằng, còn xin đi nữa, cho đến hôm An Tiêm lên đường mới chịu lui. Thế là An Tiêm ngược nước lên Bãi Lữ. Con sông lớn vẫn đương vùng lên đối dòng. Đất lở đất bồi lớp lớp đỏ rực như những vạt máu trên chiến trường. Nước thúc đất xuống âm ầm vang động suốt mùa nắng, không lúc nào ngớt. Người ở xa hàng trăm dặm cũng nháo nhác chạy hết. An Tiêm cho người đi gọi dân lại, cùng nhau kéo ra bờ sông.

- Các người trông kìa... Những cụ già thờ dài:

- Đã bao năm nay chúng tôi chỉ biết chạy đi cho đàn trâu diên lên húc hết nhà cửa, cánh đồng xuống sông mà thôi. An Tiêm nói:

- Thế thì sợ a? Các cụ lại nói:

- Con nước sắp quật chết cả mình đến nơi, ai mà chẳng sợ! Rõ ràng mắt chúng tôi đã trông thấy nửa đêm trắng vắng vặc sáng, đàn trâu thần dưới nước nhô lên, xô nhau phá vào bờ, cách mấy dặm còn nghe tiếng trâu thở, còn nghe sừng trâu ồm ồm đánh vào nhau... Cho đến gà gáy thì lặn hết, đến sáng ngày trông ra chỉ còn thấy tan hoang. Công của hàng đời lặn hết xuống nước. Bởi thế, chúng tôi mới phải bỏ đi. An Tiêm nói:

- Nay tôi đến đây để cùng các người quyết một còn một mất với đàn trâu nước kia. Mọi người ngơ ngác hỏi:

- Chủ tướng bảo làm thế nào bây giờ?

- Phải đánh những con đầu đàn!

An Tiêm quả quyết. Lòng quả quyết của An Tiêm dẫn lên trên cái rụt rè của mọi người. Ngay sau đấy, An Tiêm cùng dân làng vào núi, đến chân núi Tản Viên bên kia và sang núi Tam Đảo bên này, vác đá ra. Cứ chỗ khúc sông nào lở nhiều nhất thì ném đá xuống. Dòng sông cuộn nước như nghìn vạn con thú nhe nanh vuốt lên dọa. Nhưng những người ném đá không sợ. Những hòn đá tảng rào rào lặn xuống quãng sông đương giận dữ sùi bọt mép. Lấy đá trong núi, lấy mãi rỗng cả núi, trước còn đi gần một ngày đường sau phải đi tới ba bốn ngày, vào tận trong vùng rừng sâu. Những tảng đá to tướng, đem đục lỗ, bện dây xỏ vào, hàng chục người xúm lại, kéo ra. Suốt năm ném đá chặn nước. Rồi mùa nước lại tới. Những con thủy quái trâu nước lại lồng lên, vượt qua những mô đá mà hàng nghìn người đã công phu đắp suốt năm, tràn ra các cánh đồng, đuổi mọi người khiếp sợ bạt lên tận lưng núi. Những cái nhà sà lại ngập chơi vơi trong nước. Cả đến người không mau chân chạy cũng chết đuối. Suốt mùa nước, nước cứ rướn lên đánh nhau với

người, đuổi người đi. Nhưng mùa nước qua, An Tiêm lại gọi dân làng từ trong núi xông ra vác đá lấp những đoạn sông lở. Lại lặn đá thật gấp để chặn tận cổ nước, ngăn những con lũ tới. Năm nào, người và nước cũng vật lộn quyết liệt chìm xuống nổi lên như thế. Ba năm qua, hầu như sức người đã chuyển cả một dãy núi quanh rìa các triền Tam Đảo và Tản Viên ra đứng cao chênh vênh bên bờ sông. Thế là dòng sông bị những bàn tay đá ngáng mạnh, đã phải đổi tính nết, đổi chiều. Bây giờ, khi mùa mưa tới, con sông Cái chỉ còn sức vùng vẫy vờ vẫn ở đâu bên kia núi đá một quãng rồi lại lừ đừ xuôi và đàn trâu nước cũng không ai thấy tăm hơi. Những con sóng dịu dàng đưa phù sa đắp vào chân đá, bồi thêm làn cát đỏ mịn, nổi thành bãi mới. Mỗi năm, bãi mới lấn ra cho người đến trồng mía và dâu tằm. Làng xóm mọc lên ven sông, xa trông chen như vẩy cá, đông vui san sát. Người ta vẫn giữ cái tên lúc gian khổ, gọi đấy là vùng Bãi Lở. Sông dữ đã chịu khuất phục tay người, trở nên hiền hậu, đáng yêu, hồn nhiên đem về cho hai bên bờ một đời sống trù phú. Tiếng tốt theo dòng loang đi. Con sông Cái dài rộng mệnh mang chảy ngang qua đất nước, đâu đâu cũng nức lời đồn quan lạc tướng An Tiêm tài giỏi trị được trâu nước, trâu thần, lập nên cõi Bãi Lở. Đất lành chim đậu, người các nơi kéo đến lập nghiệp mỗi ngày một đông và mỗi năm Bãi Lở một khang trang, tốt tươi hơn. Chẳng bao lâu, cả một vùng dài hàng trăm dặm ven sông Cái xưa hoang vu, trắng nước, con cày con cáo không biết rúc mũi đâu cho sống, cả đến con chuồn chuồn bay lạc qua đấy cũng đến phải mỗi rã cánh rơi xuống nước mà chết, bây giờ nhà cửa như bát úp. Làng xóm an cư, người ở yên tâm trồng cau, trồng mít, đắp nền nhà, tính chuyện lâu dài. Năm nào mùa màng cũng rờ rở, trên đồng đầy tiếng hát và tiếng sáo. Trong làng, khói bếp suốt ngày đến canh khuya.

Vào dịp cơm mới tháng mười hay ra giêng thông thả, người các cõi dập dìu đi chơi đông như trảy hội. Năm nay, Bãi Lở được nhà vua cho về kinh đô dự hội. Bãi Lở đã được ngang hàng với các cõi trong mười lăm bộ trên đất nước. Mọi việc sửa soạn đã đến mức tất bật hết sức. Hàng trăm đô các lò vật lên sới tập suốt đêm. Từng làng mở hội thối cơm thi, làm cỗ cơm nén để kén người tài cơm thi, cỗ nén. Đô vật và người thối cơm, người làm cỗ giỏi mỗi làng đua tài nhau, chen nhau cho tới khi cả Bãi Lở chỉ còn chọn lấy có một đội vật, một toán cơm thi, một toán cơm nén giỏi nhất về kinh đô. An Tiêm gọi tất cả các làng đến và nói:

- Ta vốn người tứ chiếng đến đây, chỉ vì cùng lòng mở đất lập nghiệp. Bấy lâu nghìn người như một ý chí, sống chết không rời nhau, thế mới nên cơ ngơi ngày nay. Bây giờ lại được ơn vua gọi về dự hội, thế là cả nước đã biết công khó nhọc người Bãi Lở. Chúng ta phải cố gắng làm cho tiếng thơm càng thơm xa.

Ai nấy vui sướng không kể xiết. Đã đến ngày trảy hội. Mỗi làng chỉ có vài người được chọn đi mà đám trảy hội của người Bãi Lở đông vui hàng dặm đường, đám đầu đã khuất mà quãng cuối còn tụ ở đầu cõi. Các lão trưởng cũng trảy hội. Đây là các cụ một đời giỏi cày, tài vác đá chặn sóng, chịu khó đến con cháu cũng không bì kịp, được cả làng kính trọng. Các cụ ông, râu tóc bạc trắng, mặt đỏ bồ quân, tay cầm chiếc quạt mo tre, bước phăng phăng, nhanh hơn cả những cỗ xe trâu tải người và mọi thức ăn vật dụng. Đoàn người và xe cộ đi theo bờ sông Cái. Trong lòng con sông quê hương rực rỡ bóng người và sóng áo màu nâu vỏ sò, quan lục, hồng điều lóa tỏa trong dải nắng nhẹ đầu xuân. Dòng sông hóa tấm the màu trái dài theo chân đám trảy hội. Gái và mẹ ngồi trên chiếc xe trâu đi giữa đám trai gái làng trong đội cơm thi cơm

nén. Đầu tiên còn nom thấy nhau, rồi người người gồng gánh bề bộn tuồn theo, chen lấn lên, tất cả đi đã xa, bụi cuốn mù mịt. Mon trông theo không thấy mẹ và em đâu nữa. Bấy giờ mới đến lượt các đồ vật. An Tiêm và Mon đi với đám tay đô. Mon ngồi gọn lỏn đằng sau xe, bên cạnh cái bồ cỏ, đương ngهن cổ nhìn lại. Chiếc xe lắc lư qua các làng, người ra đưa đứng chen chân bên đường. Mon ta cũng lây cái sung sướng và hân diện như một tay đô được tuyển đi hội, suốt dọc sông nghe tiếng chiêng và tiếng trống, tiếng hò reo cổ vũ. Các cụ lão bà cũng trảy kinh xem hội. Và chỉ có các cụ lão bà ngồi kiệu vì đường xa. Thế nhưng, xưa nay cày cấy thì các lão bà chẳng chịu ai, một tay đã bảo ban con cháu mấy đời cấy hái. Có những lão bà thọ hàng trăm tuổi, không nhớ tuổi mình nữa. Các cụ mặc váy sồi, thắt lưng sồi mộc, đầu trọc, chít khăn vuông điều ngồi ngay ngắn trên cái ghế đòn bốn người khiêng. Đám Bãi Lữ đi đã được một chợ. Dần dần, gặp ngang đường đám trảy hội người các bộ khác, ở Ninh Hải, ở Dương Tuyền, và cả đến các bộ xa từ Hoài Hoan, Lục Hải đã tới, càng ngày càng tập nập. Biết là sắp đến vùng Phong Châu.

Chương 02:

Bi... ly... bi... ly... Bùng... bi... Những cây muỗm lùn đội đầu một mâm hoa như đơm xôi đường vào giữa cuộc tiến hương tiến hoa. Hoa cau, hoa móng rồng tỏa thơm dịu dịu khắp. Kinh đô rung động náo nức trong tiếng chiêng, tiếng cồng, tiếng trống thúc giục. Những cuộc thổi cơm thi, những đám vật của các cỗi về đua tài. Ngày nào cũng từ sớm đến chiều, có hôm mê mải đốt đình liệu sáng rực để thổi cơm và đánh vật thi tuyển cả đêm. Từ bến sông Cái lên, các phường liên tiếp dựng những cột trụ, những cây tre cao treo đèn phất giấy lệnh. ở mỗi góc đường, ở giữa chợ chất những đồng củi cao như gò, những cây đình liệu cháy suốt đêm chưa hết. Tưởng như trời kinh đô lơ lửng hàng nghìn hàng vạn ông trăng tròn cho người chơi thâu đêm. Rồi mới sáng sớm bãi cỏ rộng dưới chân thành đã đông ghế người. Cả đất nước cơm năm cơm đùm kéo nhau về hội xem các cỗi tranh tài. Hôm nay, toán cơm thi cỗi ất bộ Hoài Hoan độ tài với toán cơm thi Bãi Lở. Toán cỗi ất nổi tiếng mười lăm bộ, giữ giải cơm thi đã nhiều năm. Đến nỗi có những người hàng năm đánh cược ăn giải, ai kiên gan đoán cỗi ất được, năm nào hết hội cũng được giắt về nhà mình hàng đàn trâu, đàn ngựa. Nhiều toán các cỗi cố gắng ganh nhau, toán này đề được toán khác thật quyết liệt, nhưng chưa ai vượt toán cỗi ất. Năm nay toán cỗi ất vào thi trận sau cùng với Bãi Lở.

Không ai ngờ sự xuất hiện chói lọi của Bãi Lở. Chỉ vì Bãi Lở mới về hội lần đầu, thế mà Bãi Lở đã lần lần đánh ngã được hết các cỗi rồi ra độ tài với cỗi ất. Lệ thường, đội thắng năm trước ăn một điều lợi là được ra bãi sửa soạn trước. Người trùm toán cơm thi cỗi ất là cháu gái quan lạc tướng đất Hoài Hoan. ả có tiếng tai ác, người ta nói cô ả này nhiều mánh khéo xảo quyết đã khiến toán cỗi ất giữ được giải lâu, chứ cũng không phải vì cỗi ất tài giỏi đặc biệt gì. Có điều là những mưu chước mờ ám và ma mãnh của toán cỗi ất, ai cũng đồn dăng dăng, mà không biết thế nào đối phó hoặc kêu lên nhà vua được. Nhiều toán đã cất công rình

- có khi công phu rình trước hàng tháng, xem toán cỗi ất chiếm bãi trước như thế nào. Nhưng cũng không thấy gì. Mà chỉ ầm ức, bởi vì khi vào cuộc, thường thường địch thủ của toán cỗi ất, nếu không bị tai nạn thì cũng gặp lúng túng. Chết uất đi được mà đành than:

“Bao giờ toán cỗi ất mất quyền ra bãi trước thì may mới đến lượt cỗi ta giật giải”.

Làm sao biết được năm nay toán cơm thi cỗi ất đem mánh khéo gì hại toán Bãi Lở. Cái bãi thổi cơm thi rộng, từ giếng nước đến chỗ đặt đá đánh bụi nhùi, đến chỗ đặt ba ông đầu rau, nơi nọ xa nơi kia, phải chạy nhanh hàng mấy trăm bước. Chỉ một cái lạt gàu tụt, chiếc gáo mo cau xộc xệch hay hòn đá chạm ra lửa, hay bụi nhùi chưa nổ, bắt lửa kém, hay chỗ đám cỏ kê nồi còn ầm chút sương mưa đêm qua, cũng đủ thua cuộc. Nhưng không ai biết đấy là cái sơ ý của toán thổi cơm thi hay họ đã bị kẻ đua tài ganh ghét ngầm hại. Thật ra, toán cỗi ất đã có ý coi thường đút đuôi dân Bãi Lở rồi. Bởi vậy, họ chỉ làm có một cái ác vật. Nửa đêm

trước, cho người bới lùm mảy quăng đất giữa lối đi lấy nước rồi lại trải cỏ lên như thường. Chẳng cần vấp ngã, chỉ hụt vài bước chân, đến sau người ta một nháy mắt, mọi việc chậm hơn người một thoáng, cũng đủ thua trông thấy. Tùng... bi... ly... Người xem đã xúm đen xúm đỏ quanh bãi đợi từ gà gáy. Thoạt đầu, bên nam vào thi có hai người. Bãi Lở là một chàng trẻ tuổi và bé Mon. Hôm nay thì bốn đợt liên tiếp. Anh trai cao lớn lực lưỡng. Bé Mon loắt choắt, nhưng cũng gọn gàng khố bao trong chiếc thắt lưng điều bỏ giọt, như người lớn... Trông thật lạ. Bởi vì trên bãi cớm thi này, chưa bao giờ có cậu bé mười tuổi ra chạy giúp người lớn như thế. Người đứng xem quanh bãi vừa cười vừa chép miệng:

“Hết người hay sao mà phải cho trẻ thò lò mũi ra thế kia! Cánh Bãi Lở phen này đến trôi ra sông Cái về Bãi Lở mất thôi”. Người Bãi Lở, các lão bà, các chị ngồi xúm đặng cuối bãi. Họ đốt từng đồng trầm, từng bó hương đen, lại mổ gà xem bói tỏi gà, chân gà và kể về những bài kể công An Tiêm với sự tích đánh trâu nước lập nên Bãi Lở. Bùng... bi... ly... Mon bước sát theo anh lớn. Trước tiên, nghe trống thúc nhịp một, hai bên hai người cùng ra hai giếng. Mỗi giếng cách nhau trăm bước. Không nhìn nhau, không ai bảo ai mà hai cái gàu mo cau thả đều, kéo đều từ mặt giếng lên. Tiếng reo như sóng quanh bãi. Rồi anh lớn, tay cầm niêu nước giếng, vai đeo túi gạo. Mon bưng lon nước để vo gạo, lại kẹp thêm dưới tay cái rá nhỏ. Anh trai bước nhanh. Mon chạy theo về phía những ống giang. Anh trai nhặt một ống. Mon cúi lấy hòn cuội. Tay cặp thêm mấy thứ mà không cần đặt niêu, anh với đỡ cái rá ở tay Mon. Mon bưng lon nước. Hai người vừa đi như chạy vừa vo gạo, kịp đến chỗ bắc bếp thì gạo cũng đã vo xong. Bên toán côi ất cũng làm thế. Chỗ thối cớm hai toán cũng cách nhau hàng trăm sải chân. Họ đến đều nhau như in bước. Vừa dứt ba tiếng cồng, anh trai Bãi Lở đã bắc xong bếp rồi quay ra, cầm mảnh đá sắc cạo lòng ống giang cho thành lùm lùm từng đồng bụi nhùi rồi đem ủ kịp giữa hai hòn cuội, rắc môi tro lên, đập một cái. Đá tóe lửa, bắt bùng vào đám bụi nhùi. Thế là cả ống giang chứa lửa làm nồm cùng chui tọt vào bếp. Lúc ấy, gạo vo đã ráo nước. Lệ thối cớm thi thối khéo không được đảo, không ghế, không vằn, phải giữ đơm lửa để lúc nước sôi tra gạo thế nào thì cả niêu cớm đến lúc chín đều vẫn nguyên thế. Hôm ấy trời khô quang, nhưng làn gió bắc tai ác mùa lạnh còn sót lại, chốc chốc bỗng lướt qua mặt cỏ. Lệ thối cớm thi không được che gió. Anh trai phải cúi nhanh xuống, tay nhắc thanh giang, vừa chặn chiếc que cơi giữ than khỏi vạc, vừa chuyển thanh giang chia đều lửa dưới trôn niêu khi có gió tạt. Dứt hai hồi cồng, cớm vừa chín. Mà chưa chín thì cũng phải dừng lại đấy. Hai bên cùng đặt niêu cớm vào cái rế nhỏ, bưng chạy lại chỗ dựng đài có các quan chấm giải ngồi. Anh trai Bãi Lở ung dung đi, không nhanh, không chậm. Mon nghiêm trang ngẩng mặt, khuỳnh tay, lon ton bước theo.

Tiếng trống thúc giục người đua tài vẫn giọt nhịp một xuống. Bọn côi ất cũng bước đi, nhưng đã mấy lần giương trố mắt, hồi hộp. Hai đứa Bãi Lở mấy lần bước đúng chỗ hùm cỏ. Nhưng, ô hay, sao chúng nó dường như chẳng lần nào bị hẫng, mặt chúng nó vẫn tươi tỉnh như kia! Bi... ly... bi... ly... Chấm hồi chiêm, cả hai niêu cớm đã được bày lên hai chiếc mâm bông phủ vuông lụa điều. Mỗi bên có một người đứng cạnh mâm bông để canh cho niêu cớm khỏi lẩn. Bé Mon đứng lại. Trong khi hai bên lao vào đợt thối cớm thi nữa thì các quan chấm giải đến nếm cớm, xướng danh cho cả bãi biết cớm ai thối khéo, được cuộc. Lại một cuộc thi mới tiếp luôn. Mỗi bên một người chạy thoát đến, nhảy xuống chiếc thuyền thúng cắm ở lạch nước cạnh bãi. Bấy giờ anh trai Bãi Lở ấy lại bước ra, đọ tài khéo lần nữa. Mọi thứ để thối cớm đã để sẵn

trong khoang thuyền bé: ba hòn đá kê niêu, ống giang, đá cuội đánh lửa, gạo, lon nước vo. Tất cả lủng củng dưới chân. Không khéo thì chỉ lúng túng giẫm linh kinh cũng vỡ cả. Từ trong lạch, người trai Bãi Lở thò tay xuống nước làm bê chèo, bơi mãi miết ra đầm nước. Người côi ất cũng đương ngồi trong một cái thúng như thế, bơi sóng đôi ra. Giữa đầm nước có một gò cỏ. Hai bên đã đặt niêu thối cơm trên bờ gò. Tới nơi chỉ việc bắc bếp, bởi vì mọi việc lo thối nấu đã phải làm ngay trong khi bơi thuyền, cả vo gạo, cả đánh đá lửa. Vừa làm thế mà hai tay lại phải thò xuống nước thay bê chèo.

Cái thúng con con chỉ rình xoay ngang, quay tít. Mà thuyền của bên côi ất lại đương chen ra ve vế lướt vượt qua bên trái, cố ý đánh sóng cho thuyền này ụp hay ít nhất thì cũng trông tránh, chẳng đánh lửa hay vo gạo được. Người trai Bãi Lở không thềm đòn trả miếng hiểm ấy mà cũng không chút luống cuống. Mấy tháng đã ròng rã luyện thối cơm nhiều lần trên dòng sông Cái nước lên cuồn cuộn. Bây giờ chỉ như làm lại, đã quen, lại được nước đầm phẳng lặng, dễ hơn. Bước xuống thuyền, anh ném phăng cái áo và thắt lưng lên bờ. Anh cởi trần, khố điều đóng gọn, không vướng mảy may. Anh cầm củi chèo. Chiếc thúng nhắc cong mũi, vượt bật lên trước thuyền côi ất. Hai bàn tay lia lịa cắt nước. Bàn tay gạt nước gạt thật nhanh, thật gọn, bàn tay chỉ ướm một phía, còn lòng tay vẫn ráo khô, nhắc lên vẫn đánh đá vào bụi nhùi lửa ngay. Rồi một tay chèo, một tay vo gạo, vừa đến bờ gò. Cái thúng áp mạn, các thứ đánh mồi lửa, vo gạo đã xong. Theo lệ, người chỉ được ở dưới thuyền, thối cơm với lên bờ. Anh ném ba hòn đá vào kê niêu. Niêu cơm vừa đặt, mớ bụi nhùi và thanh giang bỏ ra, lập tức trong bếp đã rừng rực lửa. Thế rồi, bếp thì trên bờ, người ngồi trong lòng chảo thuyền với lên thối lửa. Cái thúng nhẹ như lá tre, chốc lại trông tránh quay ngang, lại phải chèo khít vào, rồi tay ướm ấy lại cầm mồi lửa. Có lúc thuyền tuột ra, nhưng sợ tay ướm, không dám thò tay bơi, cứ cố nhào lưng bấu bờ, phải uốn lấy đà mới khỏi ngã sập xuống nước.

Tiếng chiêng tiếng cồng nổi bốn phía, rồi cả ruột. Các quan chấm giải đặt án thư ngồi coi thối cơm thi ngay giữa gò. Còn bao nhiêu bụi nhùi, quần vôi lên đốt niêu như đốt rơm. Lửa vừa vạc, coi như cơm cũng vừa chín. Anh chàng Bãi Lở nhún chân nhảy nhẹ lên bờ, mời các quan ra chứng kiến. Lúc ấy, người thối cơm toán côi ất mới đương quành quàng quần bụi nhùi đốt niêu cơm. Chợt cơn gió chúi đến, đẩy thuyền ra. Người thối cơm cong lưng luýnh quýnh nghiêng vào. Chẳng may, với xa quá, cả người rơi tòm xuống nước, mất giải. Quanh đầm, quanh bãi ầm vang tiếng reo hò chen trong tiếng hô báo tin toán Bãi Lở đoạt giải nhất thối cơm bên nam. Mọi người lại chạy dồn quanh bãi. Bắt đầu cuộc thi thối cơm bên nữ. Không ai còn để mắt đến cái người côi ất vừa ngã xuống nước bị thua cuộc, đương lóp ngóp đẩy chiếc thuyền bơ vơ ra giữa đầm. Toán nữ Bãi Lở ra quân. Nàng Hoa và bé Gái. Bé Gái, váy áo tròn xoe, hết mẹ, như cái bóng mẹ, bước sau mẹ con cón, bé xinh tí tẹo. Nhưng từ lúc này, thấy Mon nhanh nhẹn, xốc vác giúp bên nam được, không ai dám coi thường trẻ con Bãi Lở nữa. Bên côi ất thì ả cháu gái quan lạc tướng bộ Hoài Hoan ra đối địch. Khốn thay, từ lúc không may xảy cái anh ngã lộn cổ xuống nước thì thế thua hình như đã hằn rõ trên nét mặt ngơ ngác của những người toán côi ất. Nhưng mà chưa biết thế nào. Trận đấu nữ này thật rắc rối. Mỗi người phải đu trên lưng một đứa trẻ lạ chưa đầy tuổi tôi mà không quen hơi. Bên cạnh để một chiếc rổ sào, trong có hơn chục con ếch to. Đàn ếch nhốn nháo nhảy nhô nhộp trông tránh cái rổ. Chỉ nhờ cái rổ tránh quá, nghiêng đi, ếch sẽ chồm ra hết. Mà lệ cấm người phụ không được làm hộ. Ai thối cơm thì người ấy phải vừa chăm bếp, vừa đỡ đứa trẻ trên lưng, vừa giữ cho cái rổ sào đựng ếch không có mẹt đập khỏi

nghiêng. Tiếng cồng dài hai hồi báo hiệu cơm phải chín tới. Lại không đợi đưa cơm vào trình, các quan chấm giải nghe hiệu cồng thứ hai còn đương ngân ngừ đã tiến vào xét cả hai bên. Quan chủ khảo đến bếp Nàng Hoa. Nhắc cái rổ, lũ ếch giở chứng, bỗng nhiên ngoan ngoãn kia vẫn ngồi chồm chồm, trô trố nhô lên đủ mười bốn cái đầu đen trũi, bóng nhẫy. Bé con địu trên lưng thì đương giụi mắt muốn ngủ. Nàng Hoa hơi cúi, chân đứng chéo nhún gối tựa đưa vòng ru em bé. Tưởng được vòng đưa, em bé thiêu thiêu vào giấc ngủ. Cơm ai chín mà trẻ không khóc, ếch không nhảy ra mất con nào thì quan chủ khảo cho nổi trống lên. Tiếng trống chấm giải trước nhất từng bừng vang đi từ bếp Bãi Lở. Lập tức, khắp bãi người xem lại rền tiếng reo hòa vào như sấm. Cháu gái quan lạc tướng bộ Hoài Hoan ở bếp đằng kia nghiêng tai nghe. Tiếng trống mới nổi đằng bếp ấy, ả đã quy xuống, ngắt đi. Đổ cả niêu cơm. Đứa bé bị vập đầu, khóc ré trong địu trên lưng. Thế là đàn ếch nhảy tứ tung. Quanh bãi còn đương nhốn nháo, đám này còn hò reo, đám kia còn lao xao khen tài kỳ lạ của Nàng Hoa thì trận thối cơm thi sau cùng đã lại mở ra giữa hai hồi cồng hiệu. Bây giờ hàng loạt trống đồng mới lên tiếng cùng một lúc trong cuộc thối cơm thi quan trọng sau cùng. Cạnh án thư chủ khảo, hai dãy trống đồng bắc gióng song song. Những chiếc dùi trống gỗ mít dài bằng cái đòn ống, đầu đập giập mềm xơ như bông, đầu bọc da báo da hổ cứ nhấp nhô đều đặn, uy nghi đâm xuống mặt trống.

Những hồi trống đồng trang nghiêm nổi lên, bắt đầu cuộc đấu khó khăn nhất. Cái hơi trống đầm đầm, rền rạ lòng báo cho mọi người biết cuộc sau cùng của giải thối cơm thi. Người xem nhộn nhạo hẳn. Chiêng và cồng theo nhau đổ hồi dồn dập, không thông thả nhịp một như lúc nãy. Thình không lúc nào cũng âm vang. Cối ất và Bãi Lở, mỗi bên bước ra đủ một cỗ mười cô gái. Sắp hàng ngang, mười cô mày ngài mắt phượng long lanh, dáng dấp khoan thai, váy xắn quai cồng, tóc búi ngược. Mỗi cô, sau thắt lưng buộc một chiếc cần trúc dài vút lên đầu, có sợi dây đay thòng lọng xuống kéo miếng phen dài làm bàn bếp treo trước mặt. Cái niêu đặt trên tấm phen. Người thối cơm cầm đũa cả, lại cầm thanh giang cháy hơi tròn niêu. Mười cô gái ấy vừa đi vừa vo gạo, đánh bụi nhùi, bắc đầu rau, nhóm bếp thối cơm trên cái phen tre. Lúc bước hụt, cái phen đảo đi, giựt lên ngang mặt. Lúc ấy phải khéo uốn người sao cho khỏi đổ. Rồi lại rảo chân lên kịp đều hàng. Cả mười cô cùng đi về phía cuối bãi, xa tít. Người quanh bãi hồi hộp đến mê người, đợi xem lát nữa toán nào từ đằng kia đi trở lại mà giật giải. Không biết mười cô gái nào qua rừng, lên gò, xuống ngòi, rồi trở lại đến được trước án thư quan giám khảo vừa lúc dứt hồi cồng, lúc ấy niêu cơm trên mảnh phen cũng vừa chín tới. Toán nào giựt giải đây? Lòng mong ngóng của mọi người đã đổ sự tin cậy vào toán Bãi Lở, có thể vượt nốt lèo này nữa thì...

Tiếng cồng, tiếng chiêng dồn dập giữa tiếng trống đồng vẫn đương trầm hùng nổi lên. Người ở Bãi Lở tụ một góc bãi, vẫn đốt trầm và xem bói chân gà cùng hát kể sự tích đất nước. Trời xuân giêng hai bỗng thơm trong trẻo một mùi hoa cau vừa nứt bẹ. Mọi người hồi hộp nghe nhìn phía rừng thưa. Toán nào về trước? Kia kìa đoàn người đương nhô ra khỏi rừng, cả mười cô bước thẳng hàng ngang suốt như kẻ chiếc đòn ống. Váy áo nâu non tươi và khăn vuông điều - màu nâu màu điều chân chỉ quen thuộc trên các cánh đồng, các bến nước. Thoạt trông ai cũng nhận ra ngay đấy là mười cô gái Bãi Lở. Mười cô gái Bãi Lở hớn hờ bước về tới đâu, người xem ở đấy cồn lên như sóng dồn theo. Không ai còn ngồi đến mười cô gái cối ất lùi thui đi sau. Người ta chen lấn lấp cả đi, dù mười cô cối ất chỉ đi cách một quãng. Mười cô Bãi Lở về nhất. Như đoàn quân hùng dũng, nhanh như cánh cắt, ngay giữa nơi trận mạc xung sát mà vẫn đưa được cơm chín

ngon lành ra chiến trường cho ba quân. Cả vùng Phong Châu sôi nổi mừng Bãi Lữ. Lúc ấy, ả cháu gái quan lạc tướng bộ Hoài Hoan vừa hồi tỉnh, mặt hầy còn xanh lét, lại lăn ra, ngất đi lần nữa. Liên hôm sau, đến kỳ tranh giải vật. Bùng... bi... bi... bùng...

Chương 03:

Những lò vật tài giỏi bậc nhất vào giật giải. Từ mấy hôm mới bắt đầu hội, đội vật các cỗi lên kinh đã có đấu ròn, đấu bò. Người ta náo nức đồn năm nay có lò vật Bãi Lữ mới về hội mà đã nổi lăm. Vì là lò mới, phải vật thử sức từ đầu, Bãi Lữ đi khắp các sới, chạm trán với đủ các lò, cho nên, lời đồn ấy, ngay lập tức, được chứng nhận. Lò vật Bãi Lữ có hai mươi đô, hôm nào cũng đấu liên liên, thế mà tới hôm nay, cả hai mươi người cứ trơ như cột đá. Đô tài giỏi các lò, chỉ mới đụng đến đô Bãi Lữ, cùng lăm cũng chỉ chịu được hai lần tỳ cổ tỳ vai và một miếng quết đã phải lặn ra, không ai đứng được trước mặt họ. Tiếng tăm Bãi Lữ càng đội lên. Từ gà gáy, sới vật đã ồn người như mở chợ. Sới vật trên đài cao, có đến hàng vạn người chen lấn như những đợt sóng bao quanh. Lầu xem vật của nhà vua choán một góc bãi. Tất cả các tay đô bện khố lục đứng dàn trên đài. Mặt vuông, cằm bạnh, vai nổi, ngực bè, lưng và lườn, chân tay chàm vằn vèo hình thủy quái, cả trên những bắp vế quấn chảo. An Tiêm đóng khố bao điều. Điểm mặt cả mười đô vật các lò lên sới đấu với lò Bãi Lữ không thấy còn lại một ông quan võ nào. Chỉ có một mình đô An Tiêm làm quan trấn cỗi ngoài. An Tiêm đã đấu tám trận. Tiến đến trận này, An Tiêm đã bốc bồng đối thủ lên rồi vỗ đôm đốp vào rốn cả tám người thua ngã ngựa chông cẳng. Các ông quan võ thay nhau ra cầm chịch. Các ông quan võ đứng trên lầu xem vật. Không phải các quan võ không lên tranh tài. Xướng danh thật nghiêm ra thì có quan cũng là đô vật, nhưng đã thua ngay từ những keo đầu. Chỉ còn lại những tay đô là lính, là thủ túc hoặc con cháu, quanh năm ăn lộc vua để luyện vật, chứ không phải những tay đô được kén từ các lò trong làng như Bãi Lữ. Lý thú nhất, khi đứng dàn trên đài, bên cạnh đô An Tiêm, lại có cả thằng đô cu Mon. Mon ta cũng cỡi trần, cũng đóng khố điều, nòi như bố.

Chỉ khác: tóc Mon còn cùn cùn và Mon mới chỉ đứng cao ngang sườn bố. Tuy vậy, nét mặt nghiêm nghị cũng oai chễm chễm như tay đô chính cống. Bùng... bùng... bi... Tiếng trống nổi liên tiếp. Cả vạn người xem đầy tinh thần thượng võ, cứ nhảy lên, hí vang, rầm rầm múa sức khỏe, như trên đài vật. Cả nước Văn Lang đua tài. Tiếng trống thúc rền. Người xem từng lúc lại hí, lại reo như sấm, mỗi khi có tay đô chèn được miếng hay hoặc một đô nào đuổi tay quai, ngã ngựa chênh ềnh giữa đài. Năm cuộc liên, chưa đô nào vật ngã được đô lò Bãi Lữ. Trận cuối cùng, An Tiêm ra với đô lò cỗi Bính năm ngoái giữ giải. Chàng đô trẻ tuổi cỗi Bính là con trai quan lạc tướng bộ Vũ Ninh. Trống đồng nhịp đôi trầm hùng lên. Lò Bãi Lữ bước vào trận ăn thua này, cái thắng đã cầm trong tay, nhưng người xem lại càng hồi hộp đợi keo vật cuối cùng, chắc phải ác liệt. Thế mà chớp nhoáng quá. Có người còn đương ngơ ngác, chưa kịp trông, hoặc tưởng mình trông nhầm hay sao ấy. Lạ không, rõ ràng hai đô vừa vào sới, vươn cái lưng to bè như cánh phàn, đương vờn lượn mình, cùng móc tay rồi múa lên đình trang trọng, ngón tay vui mừng xoắn vào nhau như hái hoa. Vừa xong, đôi bên lùi lại quờ rộng thành vai ra bái nhau, thế mà chỉ một chớp mắt vừa chớm vào vật, còn đương lừa tay vít vai, chưa tỳ, chưa chèn, bỗng vụt một cái, đô lò cỗi Bính đã ngã quay.

Thảm hại, người bị đột ngột ngã mất đà băng đi, lấy mãi không dậy được, như con cá rô rạch cạn, trong khi ấy cánh tay quai của An Tiêm còn giơ lên chưa hết tầm. An Tiêm đứng thẳng lên, cũng quên không đập vào rốn địch thủ để giao hẹn được cuộc nữa. Các quan cầm chịch, các quan xem vật còn đương giật mình, đã nghe tiếng hô xướng danh chỗ ra bốn phía bãi báo tin lò vật Bãi Lữ giật giải năm nay. Đến lúc ấy, chàng đô trẻ tuổi côi Bính vẫn còn nằm giãy giữa đài. Đến lúc ấy, An Tiêm mới chợt nhớ và cúi xuống lật ngửa chàng ta lên, vỗ tay đét một cái vào giữa rốn anh chàng, đánh cái dấu thẳng trện chắc chắn vào đấy cho thiên hạ bốn phương trông tỏ tường. Không hiểu An Tiêm hạ miếng hiểm đến thế nào mà khủng khiếp thế! Quan lạc tướng Vũ Ninh, vừa ngượng, vừa lo, xám hấn mặt. ạng nhảy từ trên lầu xuống, hét to:

- Không phải mày đấu vật. Mày cầm dao đâm trộm con tao, mày giết con tao rồi! Lúc bấy giờ An Tiêm đã lúi xuống chân đài. Quan lạc tướng bộ Vũ Ninh chồm thẳng ngay vào đầu bố con An Tiêm. An Tiêm tránh một bên, Mon bắt chước bố cũng né người, nhưng rồi Mon lại nhảy thoát lên đài. Xem vẻ thẳng bé thật táo tợn. Dưới kia, quan lạc tướng Vũ Ninh mất đà, ngã chúi xuống. Trên đài, con quan lạc tướng đã ngóc lên được, nhưng đau xương sườn, còn ngồi nghẹo ngọ. Khắp bãi xôn xao, tiếng cười như sấm động còn ra xa. An Tiêm vẫy con xuống. Hai bố con trở về chỗ địa phận lò vật Bãi Lữ. Người xem ủa tới, như một làn sóng kéo theo. Những đêm hội, kinh đô từng bừng sáng như trái lựu. Đuốc và đình liệu trong ngoài nội đô ngọn suốt đêm. Ngờ chừng cả tháng nay, kinh thành hóa ra cả tháng những đêm trắng. Tin côi Bãi Lữ đã giật giải cơm thi lại giật giải vật, làm cho khắp nơi càng rộn rịch hơn. Người ta hể hả thấy côi ất và côi Bính xấu hổ không dám thò mặt nghênh ngang đi đâu. Bấy lâu, những côi này cậy thế, lại nhiều khéo gian để giữ giải. Ai cũng biết, nhưng không dám nói. Người kinh đô lại vui sướng và lạ lùng nữa. Chưa bao giờ một côi mà lĩnh được cả giải vật và giải cơm thi, như vinh quang của người Bãi Lữ được lần này. Đất nước ta nhiều người tài giỏi. Ai cũng mừng đất nước bây giờ ở tận côi Bãi Lữ xa xôi mà dân có sức, có gan to, đàn ông và đàn bà đều xốc vác, mưu lược, đánh vật thì địch thủ chỉ còn biết ngã như chuối đổ, thối cơm thi thì vừa đi vừa nhóm bếp đuổi theo quân trầy mà cơm vẫn dẻo. Có những người ấy thì chẳng còn lo phen giậu côi xa bị giặc giã quấy nhiễu nữa.

Khắp kinh thành, nhà nào, ngõ nào cũng truyền tai nhau dăng dăng những chuyện Bãi Lữ. Danh tiếng An Tiêm lừng lẫy, thối nhanh như gió đưa. Đèn đuốc kinh đô đương vào những ngày hội sau cùng. Còn thi cỗ nén nữa thì giã đám. Đây là cuộc thi khoe của và khéo tay của các bộ. Nguyên vì ngày trước có một lần vua cha cầm quân đi đánh giặc, nửa đêm, người các côi ở Chu Diên đem thức ăn đến dâng tiễn. Toàn thức ăn nguội mà thật ngon. Người côi Chu Diên tâu rằng: quân trầy từ đây lên Lục Hải hay lên Vũ Định đều phải trèo đèo lội suối, mấy ngày đường không kiếm được cái ăn là thường, của ngọc thực này chúng tôi đã nấu nướng theo lễ lối từ đời xưa, để dành ăn dần hàng tháng được. Quan quân nghe lời các bộ lão, ăn rồi còn mang theo làm lương khô. Quả nhiên, hàng tháng mở gói ra ăn vẫn ngon lành như nguyên. Từ đấy, nhà vua đặt lệ thi cơm nén vào hội đầu năm. Nhớ ghi lần ra quân côi xa ấy, lại học được cách của người bộ Chu Diên luyện tích trữ binh lương được phong phú, phòng khi trận mạc. Đấu vật để luyện quân và thối cơm thi cũng là việc phòng vệ sẵn sàng như thế, lâu dần thành phong tục. Nhưng rồi trong lúc thái bình, hội thi cơm nén, thường các côi nhiều của đông người ở cánh đồng hay ven sông, lằm thóc, lằm trâu, lằm cá, lằm mía, nấu nướng khéo, dễ được giải. Dần dần, chẳng côi nào ăn đứt được các phường chuyên nấu cỗ.

Mấy đời rồi, chỉ phường nọ thay chân phường kia nơi kinh đô và các bộ gần được giải. Chưa hề các cỗi ven nội chịu mất giải cho cỗi ngoài, vốn chỉ được coi là dân nơi hoang dã, thức ăn cái uống thô lậu. Bao giờ cũng vậy, cả đến trong một đám hội làng thì cứ đến trước ngày giã đám, những đám hội thường nhộn nhịp hơn. Người người muốn chơi cho đã. Cả kinh đô mở cửa, nhà nào cũng bày biện, mời mọc và rủ nhau ăn uống linh đình thâu đêm. Tiếng sáo, tiếng khèn réo rắt tứ phía. Chiêng, cồng với trống giục không ngớt. Đây cũng là hiệu lệnh cho khắp nơi, khắp nhà làm cỗ ăn mừng, chất thêm củi ngoài đường, dựng nốt những cây đình liệu lên đốt phóng suốt sáng. Hôm nay, ngày nhà vua ra chấm cỗ cho các cỗi vào hội. Mỗi cỗi đóng một phía quanh tám góc vườn ngự. Vua và cả nhà cùng các quan văn quan võ lần lượt đi ngắm cỗ, nếm cỗ từng bọ. Như hội đêm năm mới ở kinh đô mỗi năm, đây lại là dịp cho các cỗi tha hồ khoe mọi thứ quý trên rừng, dưới bể của đất mình. Nhưng nhiều năm về gần đây, và càng gần đây, những cuộc thi cơm nén không giữ được ý nghĩa như xưa.

Chỉ vì các cỗi đua đòi ganh nhau tìm của lạ. Có khi cướp đoạt của nhau, giết nhau cũng vì thế. Rồi các đời vua cũng cứ theo cái cầu kỳ ấy mà đặt giải. Thói quen đã lấp mất cái nền nếp tốt đẹp ban đầu của cuộc thi cỗ nén từ lúc nào, không ai biết. Các cỗi đua nhau tìm chuốc cái mới, cái lạ không phải của đất mình. Thức ăn đem vào giải thì bây giờ không còn là của mình đem nấu nướng ra mà nhiều thứ phải đi tìm mãi tận cỗi ngoài về để khoe hơn, khoe của. Lều các cỗi rải rác quanh vườn ngự. Những đồng gỗ trầm cuộn khói lên xanh cả ngàn cây, ngào ngạt, kín góc tây thành. Làn khói thơm đặc bốc lên rồi quện xuống, khiến cho mặt sông Cái cũng ủ dầy hương. Người ở cuối sông có cảm tưởng nước mùa hoa bưởi chảy qua đám hội kinh đô cũng đượm mùi thơm đưa về tận đấy. Nhà vua và các quan lần lượt đi xem, nếm. Không có đâu khác mọi năm. Cái hợm khoe của đã khiến người ta lú lẫm cả sự thật nhân tiên là thức ăn uống lạ không bao giờ đem lại được cái thích ngon miệng, chỉ lạ miệng mà không ngon cơm. Miếng ăn ngon không phải chỉ vì no đói, mà còn vì nỗi cảm thương nghìn đời đối với đất quê chôn rau cắt rốn của mình. Mỗi năm mỗi cỗi đua nhau làm món mới, nào tề giác khô, nào giao long sấy, thịt tề tề vẩy đỏ, nào tời chim trĩ ướp, nào gan cá nhà táng, nào chả phượng đuôi trắng...

Mọi sơn hào hải vị đều được chuốc từ biển bắc hoặc đem về từ các rừng cỗi ngoài, trông thì lạ, nhưng mùi vị cũng thật khác thường, không có cái ngon lành quen thuộc. Lúc ấy, góc nam vườn xôn xao tiếng dao thớt, tiếng chày giã, tiếng hát ví, tiếng sáo, tiếng cười. Như cả làng đương có cỗ to. ầm ĩ nô cười như đám người cấy, người gặt giữa buổi đem mo cơm ra ăn ngay ngoài ruộng bãi. Vua hỏi:

- Cái gì ồn ào vậy? Các quan thưa:

- Đây là lều cỗ nén của các cỗi ở Bãi Lữ. Vua truyền đến thẳng đấy. Thì thấy quang cảnh lều Bãi Lữ đương nhộn nhịp, khác hẳn vẻ sang trọng mà lại khép nép gượng gạo chỗ mấy lều nhà vua vừa đến. Như ở những quán rượu đương giữa buổi chợ đông! Như quang cảnh chợ bến đồ sung túc ngoài thành đem vào đây. Những nhộn nhịp tấp nập chợ búa đồ giang ai cũng quen mà bao giờ thấy lại cũng vui thích, như nơi làng quê đã biết từ thuở bé mà bao giờ cũng nhớ. Hàng trăm người Bãi Lữ, trai gái vừa làm vừa hát- hát ví ăn giải đấy. Đằng kia, các cụ lão bà đương dỡ ra những nồi đại cơm gạo ré thơm phức. Lá chuối ngự đã hơi sẵn xếp lên những chiếc mo cau mỏng vàng căng như khăn lá mộc. Rồi từng nắm cơm mịn bọc lá chuối mở

ra đặt lên mâm bông chen cạnh một chồng bánh dày trắng mỡ, bên những chiếc bánh chưng vuông chằm chằm cao đều bốn thành góc buộc cặp lại một. Hàng chục cái cối gỗ mít lớn còn đương bì bạch giã thêm bột bánh. Bánh dày ăn với chè kho mật mía ráo như ngói, phảng phất mùi thảo quả.

Cái ngon riêng của bánh dày chè kho rắc vừng của Bãi Lữ còn ở chỗ để dành đến hàng tháng sau, bánh vẫn dẻo, chè vẫn vàng óng, nổi cát, sờ không ướt tay. Chè kho quấy xong đổ ra để nguội trên những chiếc nia lớn bây giờ đương cắt khúc. Phía cuối lều, xế ngoài gốc cây chò lớn, những chiếc chày giã giò của các chàng đô vật lực lưỡng hôm trước, xem chừng đã bịбет quánh, sắp được. Cối giò hoa, giò lụa, giò mỡ, gói thành chiếc, kẹp hai thanh tre nẹp, treo như lợn con lủng liểng đều một chuỗi dài từng trăm chiếc. Chỉ trông màu lạt tươi lạt chín mới phân biệt được giò luộc rồi hay chưa. Còn chả ướp quế thì đặc biệt không rán. Miếng chả quế đắp vòng quanh cái ống bương to như cột. Bếp xếp từng thanh củi núi đá than hoa đượm cả buổi đương rực hồng. Cái ống đắp miếng chả quế cứ quay đều trên lửa cho đến khi màu vàng hoa sẫm rộp lên, tỏa thơm ngọt mùi quế ngậy sánh như mật ong. Không uống chè sấy như thói quen bắt chước, khách đến chơi Bãi Lữ được mời uống chè tươi vò nấu nước giếng đất, như người đồng bãi cối nam. Cái chè xanh nhấm đầu canh cũng ngọt đậm lưỡi, mới trồng ba năm trên bãi bồi mà đã bời vồng như cây chè lưu niên. Hàng thúng cam, loại cam đường trồng vườn ven sông Cái, đã được chiết hãm cho chín theo vụ và khi hái lại đem vùi trong cát, giữ tươi được đến mấy tháng. Nhấp múi cam ngọt lịm, người đi đường nhin nước hằng ngày vẫn bước khỏe như không. Những chàng trai hôm trước tranh giải trên sới vật và thối cơm thi khéo không nhường tài ai, bây giờ giã giò, quấy chè kho, thối cơm, nướng chả quế. Các cụ gói bánh, nắm cơm, gói giò, xem nồi nước, đứng sai bảo cắt đặt cho con cháu mỗi đứa mỗi việc.

Những chiếc cảnh rượu gạo nếp cẩm mở sẵn nút lá chuối khô đứng lù lù trong bốn góc lều, cả dưới gốc cây chò, ai mỗi lúc qua lại cũng uống một bát. Mùi rượu thơm nồng ấm cả dãy lều Bãi Lữ nhận tiếng cười hát. Cũng bày biện như trước lều cối khác, nhưng người Bãi Lữ đem mâm kiệu cổ nén án ngữ gọn gàng phía ngoài, như đem kho lương đặt ra giữa đường quân trẩy. Nhà vua tới, mọi việc bếp núc vừa xong đầu đầy. Mâm ngũ quả đỏ ối cam. Chè xanh đặc khói thơm ngọt. Rồi cơm nén, giò chả, thứ thì bày lên mâm để nếm ngay, có thứ đã xếp từng khăn gói một để biếu khách, như sắp sẵn cho người lên đường, cho quân kéo qua lấy lương ăn. An Tiêm và Nàng Hoa cùng các lão ông xúng xính áo điều, khăn lam đầu rìu, lão bà áo dài nhuộm vỏ sò mới, ra đón vua. Vua, vợ vua- cả mẹ vua cũng vừa đến, con trai con gái vua, quan văn quan võ các cối đều xô nhau ra nếm cơm nén và giò chả Bãi Lữ. Vừa quen miệng lại vừa bùi miệng, cơm và thức ăn, thật ngon. Lại thêm, ai cũng cặn luôn mấy tuần rượu tắm nổi tiếng đất bãi, đều ngà ngà cả. Các bà, các cô thì nhấp rượu nếp cẩm. Thật hay. Thế mà chỉ là thức ăn thức uống hàng ngày được làm cho tinh, cho khéo hơn. Ai cũng sừng sốt thấy ra cái ăn bình thường mà quý và nhận thấy chỉ có thưởng thức cái ăn cái uống của đất nước mình mới thấm thía hết miếng ngon từ tấm bé được. Vua tấm tắc khen rồi ở lại luôn đấy cùng các quan nhấm rượu cho đến chiều. Mấy khi đã ngồi xem dân Bãi Lữ giã bánh, nén cơm, đồ chè kho, thật nhanh thật thạo. Thế là các cối, các phường chuyên cỗ bát cầu kỳ năm nay dậm ra ế, vua không vời đến. Cay nhất là bọn chuộng lạ, nem công chả phượng đến thế mà phải thua mọi thứ bánh trái bình thường ở đâu cũng có. Đến hôm tan hội, nhà vua mở đại tiệc thết các quan trong ngoài và các cối về hội được giải. Hội đầu năm nay cũng khác mọi năm. Chưa bao giờ, kể cả mười lăm bộ trong nước, chưa cối

nào vào dự hội kinh đô mà giật cả ba giải nhất đám. Các cụ lão trong phường đông lân nói:

- Già này đã được xem hội kinh đô từ lúc còn trẻ, thật không bao giờ thấy người ngoài cõi tài đến như ông An Tiêm. Nghe các cụ kể lại thì cả đời trước cũng chưa cõi nào giật được ba giải một hội. Thế mà cõi Bãi Lở năm nay giật giải cả ba! Nhà vua hỏi An Tiêm:

- Người dạy dân thế nào mà giỏi vậy? An Tiêm nói:

- Lúc còn bé theo nhà vua về, tôi thường được nghe người già kể cho biết gốc tích từ khi có đất nước. Đây là lúc mẹ đưa năm mươi con lên ở từ vùng chân Tam Đảo vắt qua sông Cái sang Tản Viên, anh cả làm vua đầu rồi về sau cha truyền con nối, cùng ở một nhà, đời nào cũng hòa thuận, thiên tử và thần dân tắm cùng sông, cày một ruộng, vua tôi chịu khó chịu khổ mới dựng nên được mười lăm bộ nước Văn Lang ta ngày nay. Kịp đến khi tôi vâng lời nhà vua ra trấn Bãi Lở, ngày đêm nghĩ đến công lao lập ra đất nước của các vua cha, lo sợ mà cố gắng noi theo, quyết làm cho đất Bãi Lở chìm rồi phải sống lại, có được thế mới khỏi phụ lòng tin của nhà vua. Vì vậy mà hơn mười năm nay, người Bãi Lở chúng tôi mãi mê không biết thế nào là khó nhọc, ở núi cũng như ở nhà, đi đường đá gập ghềnh, cũng như đi chỗ phẳng. Đến nỗi bọn côi ất định mưu ác để tranh giải, đào hố giữa bãi thối cơm thi, nhưng dân tôi hằng ngày đã quen coi bước hũm cũng giống bước nơi bằng, không thể ngã được. Người Bãi Lở chúng tôi quanh năm vác đá đi đánh nhau với trâu nước, chặn cổ đuối được trâu nước, cho nên không thể đô nào lay nổi những cánh tay đã khiêng đá, dù cho đô côi Bính đã định xía đòn ngăm vào huyết bắp thịt, rốt cuộc những kẻ thâm hiểm cũng đành chịu ngã ngựa bụng trước đô Bãi Lở chúng tôi mà không giở trò ác được. Người Bãi Lở chúng tôi từ đi mở đất đến nay chưa lúc nào biết đến cái thông thả, ăn không kịp ngồi mâm, đêm không biết có gà gáy tan canh, cho nên, ăn đứng thì phải biết thối cơm nhanh, lam làm vất vả đêm ngày rờn rã trên đường thì phải biết nén cơm thạo. Ngày nay, Bãi Lở có hạt thóc, có cây mía, có con lợn, con trâu, lúc khổ cũng như lúc sướng, chúng tôi đều nhớ lời vua cha, khi ngài là công tử Lang Liêu, còn hàn vi, nghĩ ra cách làm bánh chưng, bánh dày, có nói:

“Vật trên trời đất và mọi của quý không gì bằng gạo”, cho nên chúng tôi càng cố gắng khéo tay làm đấy thôi. Chỉ có một lòng tin và hai chữ kiên tâm mà Bãi Lở mở mang lên được, nay được cùng các cõi đem sức, đem của mình làm ra, mừng rỡ về hội... Nhà vua nghe An Tiêm nói chưa hết lời, đã dừng dừng nổi giận, sai đi bắt ả trùm toán cơm thi côi ất và người trưởng lò vật côi Bính. Nhà vua quát:

- Chém! Nhiều người trong hàng quan đứng dậy, ngăn rằng đương tiệc vui, không nên chém người. Nhà vua lại quát:

- Đem bỏ ngục! Lính dẫn ả côi ất và bọn lò vật côi Bính ra.

Chương 04:

Nhà vua bảo mưu sĩ:

- An Tiêm có công to, cần trọng thưởng. Mưu sĩ tâu:

- An Tiêm có tội, phải khép nó vào tội chết mới được. Nhà vua ngạc nhiên hỏi có sao. Mưu sĩ lại tâu:

- Hơn mười năm nay, An Tiêm toàn mưu đồ những chuyện phạm thượng và phản trắc. Đất lở, sóng tràn, nhưng nhờ oai đức nhà vua, đất đã bồi, sông đã lắng, có sao nó vẫn đặt tên là Bãi Lở, nó mong cho đất nước long lở à? Ngăn sông lở làm sao nó dám đắp lên ba ngôi núi đá. Đất nước ta mở ra trên sông Cái, có núi Tản Viên và núi Tam Đảo trấn hai hướng trời, nay nó dám đắp núi lên đọ với hướng trời, thế là nó muốn thế nào? ở kinh đô này và trên cả mười lăm bộ nước Văn Lang nhà vua cũng chưa đắp núi đá, chưa đặt bài về tụng công đức, mà nó dám bắt dân hát kể công, nó dám đắp núi đá cao hơn cả kinh đô, thế là có ý gì? Đất phía ấy có thể chín mươi chín núi, bây giờ nó muốn thêm một ngọn núi nữa để vua tôi phải quay mặt châu về phía ấy. Nó thật có ý hiểm đến nơi rồi. Ngày nay, ơn nhà vua, nó được về kinh dự hội, lại càng càn rỡ quá lắm. Xưa nay, không cớ nào dám để đứa con trẻ vào đứng trước mặt các quan chấm giải, chẳng những thế, nó còn dám xui trẻ lên đài, làm nhục quan lạc tướng bộ Vũ Ninh ngay trước mặt nhà vua, không còn ra thể thống nữa. Lại như hôm qua, giữa đại tiệc vua ban, nó dám nói ngông, bịa tạc, gây tao loạn trong các hàng quan. Xưa rày, đã nhiều người kể nó vẫn thường khoe rằng làm người ở đời chỉ có mình làm nên mình, không biết trên dưới có ai. Không thể còn kẻ cuồng loạn nào đến như thế nữa! Bây giờ cái thế nó đang lẩn tới, được cả ba giải hội, càng ngông cuồng hơn, nếu không tức khắc ngăn chặn đi thì họa về sau không biết đâu mà lường. Chi bằng, nhân nó còn đương ở trong tay ta, như hổ lửa rừng, chim cú cánh, xin nhà vua hãy kịp thời xử trí. Nhà vua thất kinh:

- Bây giờ ta mới nghĩ ra. Rồi bối rối:

- Làm thế nào bây giờ? Mưu sĩ tâu:

- Ngoài bể Đông có dải đất chưa ai đến bao giờ, nó xác xược như thế thì bắt nó phải chung thân biệt xứ ra đảo hoang giữa bể để xem nó có phép biến chết thành sống, để xem nó có thân lập nổi thân như nó thường khoác lác hay không. Vả chẳng, như thế cũng để dứt mối lo về sau. Nhà vua gật đầu. Thế là cả nhà An Tiêm bị bắt bỏ ngục. Mịt mù ngày đêm. Hai buổi, cai ngục mở hé khe cửa đưa cơm. Ngoài cửa nhà ngục xám ngắt mấy lớp tường đá. Mỗi ngày người tù chỉ còn biết trông lên cái khe đầu tường để đoán lờ mờ lúc ấy là lúc nào. Trong nhà ngục gỗ ghề, ngồi nằm trên đá, bốn phía tường đá tảng. Phải khi trời nồm, mồ hôi đá toát nhầy nhụa, lạnh như xăm vào người. Thế mà thỉnh thoảng, trong vòm đá ẩm ướt, nghe văng

tiếng cười khúc khích, lại có khi tiếng thút thít khóc. Mon và cái Gái đấy. Trẻ con thì cứ vui đấy, buồn đấy, như mưa như nắng. Mon hỏi bố:

- Bố ơi! Nhà ta phải ở đây mãi à? An Tiêm đáp:

- Chưa biết. Gái hỏi bố:

- Bố ơi! Nhà ta có về Bãi Lở nữa không? An Tiêm vuốt đuôi tóc con gái. Mon lại hỏi:

- Bố ơi! Không ở đây thì rồi nhà ta đi đâu. An Tiêm đáp:

- Đợi xem, con ạ. Trong bóng tối đầy hơi đá nhớp nháp. Gái nằm vào lòng mẹ, tiu nghỉu. Mon im lặng, vẻ tăm tức. Nhiều lúc, chẳng cười chẳng khóc, hai đứa cứ buồn thiu như thế. Vì không thể hiểu đầu đuôi ra sao, đương ở ngoài nhà trạm, người Bãi Lở quây quần sửa soạn trở về thì đột nhiên có lính đến gọi đi, rồi đuổi cả nhà phải chui vào hầm đá này. Cái gì không rõ thì tức không chịu được! Lát sau, An Tiêm nói:

- Các con ơi, ngồi nhích lại đây bố kể các con nghe chuyện ngày trước. Các con lớn lên chỉ trông thấy Bãi Lở đã thành làng xóm, các con không biết những ngày đầu ra Bãi Lở gian nan chẳng khác mấy hôm nay ở trong nhà đá này đâu...

Chuyện Bãi Lở ngày xưa... Những câu chuyện tung hoành ngày trước của An Tiêm được đem kể lại trong cái hầm đá bức bối, ẩm ướt. Ngoài tường, cái vui ấm giêng hai còn đương giõn qua. Mon và Gái thấy mình ngồi ướp trong mùi thơm hoa dại. Anh em nó đoán ngoài bờ tường đá có cây dại, mùi hoa thì không biết đâu tòa ngang dãy dọc, đâu là ngục tối, mùi hoa cứ ngọt ngào đưa khắp nơi, đến cho tất cả mọi người. Một tiếng chim hót anh ánh trên khe đá. Rồi bóng chiếc lá dại hơi xô động, vờn lên tường một chút nắng nhạt. Một con chim bạc má nho nhỏ vừa nhún chân nhảy qua. Quả nhiên là mùa nầy lộc còn đương hớn hờ thấp thoáng ngoài kia. Câu chuyện kỳ thú bố kể càng mê mải, chờn vờn như bông hoa lấp ló trên vách đá. Ngày ấy, sông Cái chưa hiền như bây giờ. Mùa nước đến, sông cứ réo ầm ầm, thúc lên thúc xuống từng tảng nước, tảng đất. Chỉ một thoáng mà những con nước đã hùng hục ngoạm xuống được cả một cánh bãi. Đất và nước vào trận giáp lá cà. Người cứu đất rầm rầm kéo đi vác đá ném xuống đánh nhau với nước. Có lúc nước thúc dữ, quét sạch đá, đuổi mọi người phải bạt vào núi. Nước vẫn đuổi theo ủa lên, ngập tràn lan. Nhưng con người càng tỏ ra kiên gan. Nước không thể dâng mãi. Đến một lúc nước cũng phải mỏi, nước rút xuống, thế là người lại lũ lượt hò nhau vác đá xô ra, ném xuống chặn sông. Cứ thế, dằng dai năm này sang năm khác, giữ từng sải đất, phải, từng sải đất, mới nên được cái Bãi Lở trù phú bên sông ngày nay. Mon nằm gối lên đầu gối bố. Câu chuyện hay đã xua không cho cơn buồn ngủ đậu xuống. Đôi mắt cứ thao láo. Gái thì thao thức hỏi mẹ: nếu ngày ấy con mà được đi ném đá chặn nước lũ thì hòn đá con vác có to bằng tảng đá vách hầm này không? An Tiêm nói:

- Các con ạ, khổ thế nhưng vẫn sống. Bởi vì con người có lá gan. Mon định hỏi, lại thôi. Cho đến lúc đi ngủ, Mon mới hỏi câu ấy:

- Làm thế nào bố có được cái gan? An Tiêm nói:

- Con ạ, bố sẽ kể chuyện bố ngày xưa cho các con nghe. Lại đến những đêm nghe bố kể chuyện thuở bé của bố. Tiếng trống đồng ập ình xa xa. Đến lúc đã buồn ngủ díp hai mắt lại mà còn nghe tiếng trống và tiếng sóng trong câu chuyện trào lên. ...

Cho đến bây giờ, khi nhớ lại thuở ấy, bên tai An Tiêm cũng còn vang tiếng nước vỗ. Mới sinh ra, An Tiêm ở bờ biển. Những đợt sóng cao lù lù từ ngoài khơi chạy vào, vừa chạy vừa gào, ập xuống, muốn lôi ngay thằng bé ra khơi. Nhưng thằng bé vẫn bám được vào đất. Thằng bé vẫn lang thang sống trên dọc biển Đông. An Tiêm lớn lên, cha mẹ mất từ lúc ẵm ngửa, không biết mình là ai. Những chòm xóm ven biển đã chuyền tay nhau nuôi thằng bé. Mới đầu thì ai cũng có lòng thương. Nhưng sau vì mỗi người đều phải đêm ngày mài miết đi đâm cá, đi gõ hà, gõ ngao kiếm miếng ăn, thế là thằng bé cứ bò đi vợ vắn, người phải đổi tay nuôi, người này vứt cho người khác. Có người không muốn nuôi, đem bỏ nó ra bãi cho sóng liếm đi. Có người thương, lại ra ẵm về. Bồng bênh giữa cái sống cái chết như thế, thằng bé trải gian truân từng ngày, vừa lớn lên, vừa lưu lạc, đi nhiều quá đến nỗi trí nhớ mỏng manh của nó không còn nhớ được hôm qua, năm qua ở đâu nữa. Quãng mười tuổi, trạc như Mon, như Gyi - như tuổi các con bây giờ, bằng tuổi ấy, bé An Tiêm đã dày dạn lắm, khắp mình đã trở chàm vắn vèo, xám xịt, để hằng ngày xuống mò cái ăn dưới nước thì cá mập, cá trình khó nhìn thấy mà đuổi bắt ăn thịt. Có một lần, bé An Tiêm cặp xĩa ra biển đâm cá. An Tiêm bơi một hơi ra ngoài khơi, rồi lặn xuống. Muốn được cá to phải tìm chỗ nước sâu. Dưới nước, mở mắt tìm cá trong ánh sáng vàng chóa. Một đàn cá mập ngửi thấy hơi người, xộc đến. Những cái miệng cá mập hoác ra bằng cái chiêng, đỏ như máu, răng xít lửa tủa nhọn hoắt, có thể cắn đôi, có thể nuốt chửng người. An Tiêm quẫy như con cá măng bé nhỏ, giữa cơn gầm gào của đàn sói nước. Bình tĩnh, An Tiêm vừa bơi lùi, vừa giơ xĩa lên chống đỡ. Một cái miệng cá mập đỏ lừ ngoाप tới, chĩa răng, bị luôn một xĩa. Con cá nghiêng người, nhào ra. Mấy cái mồm máu khác nhâu nhâu đến. Vừa đâm con này trước mặt, con khác đã xông đến đớp đằng chân. An Tiêm thoát co chân, quay xĩa lại, đâm suốt... Cứ vùng vẫy bơi thế, dần dần, An Tiêm lùi vào được chỗ cạn. Đuổi theo mùi máu, bọn cá mập lồi mắt tròn xoe, càng say máu. Nhưng đã vào tới nơi nước nông nổi gờ lưng lên rồi, đàn cá mập không dám theo nữa, cứ đánh sóng ầm ầm té nước lên.

An Tiêm lóp ngóp bò vào bờ. Bị những cái đuôi cá mập tát vào, bấy giờ An Tiêm mới nhìn thấy khắp người bật máu, chảy ròng ròng, đỏ xám. Nhưng tay vẫn cầm cái xĩa. An Tiêm lớn lên giữa những hiểm nghèo ấy. Trong cái chết mà không chết, thì cái sống phải mạnh. Mon và Gái cứ nín hơi, nhịn thở, dán mắt lên nhìn bố, lòng đầy kính trọng, khâm phục. Bây giờ thì quên hẳn mình đương ngồi trong nhà đá. Hai đứa trẻ thả mình vào những tưởng tượng mênh mông tuổi thơ của bố đương kể, có cá mập, có xĩa mũi đồng sắc như nước, có đêm trăng ngủ trên tảng đá mát rượi, có bóng sao như những cái hoa đèn rơi xuống chân trời, có miếng cá tươi ngọt thơm, có bước chân len lỏi đi trên bờ cát mãi đến tận cuối trời. Hết ngày sang đêm, bố vẫn kể chuyện. Tiếng con chim mê ngủ bỗng hót trên vách đá đọng lại trong ánh trăng. Rồi một con chim gáy nào, tưởng trời sáng, tiếng cú cu của nó vui hẳn lên. Đến một ngày kia, vua cha xuống bộ Ninh Hải mở hội thi cày. Nhà vua cũng cày thi với dân các cỗi mới đến đây phá đất. An Tiêm chỉ đứng cao

ngang ngực người lớn, đã đến hội. Chẳng những thế, An Tiêm cày vừa nhanh vừa chắc, được nhà vua thưởng lụa, cho đứng ngang hàng những người cày giỏi. Sau đó, nhà vua gọi An Tiêm đến, rồi cho theo về kinh đô. ... Chợt nghe gà nhà ai le te gáy sang canh ngoài đầu tường đá, Mon hỏi bố:

- Về kinh đô rồi sao nữa, hả bố?

- Vài năm sau, đi đắp núi trị thủy ở Bãi Lữ.

- à đi đánh nhau với trâu thần ở sông Cái...

- Bố chỉ ở bể Đông đến năm ấy nhưng nghĩa câu chuyện gian truân ấy thì còn dài suốt đời, các con ạ. Cái nghĩa làm người, có chí thì nên. Gái ngẫm nghĩ, buông một câu không đầu đuôi:

- Bây giờ, bố ạ. An Tiêm cười, quen tay xoa mớ tóc đuôi bò nhỏ mướt, lura thừa trên đầu con gái. An Tiêm nói như ăn ý với câu nói đứt quãng của con gái:

- Phải, như bây giờ. Trong bốn bức tường đá, mà không buồn, vẫn có tiếng cười, các con vẫn cười. Tường đá có dày mấy cũng không giữ nổi chân con người đâu. Gái bảo mẹ:

- Thế thì mẹ đừng buồn, mẹ ạ. Nàng Hoa cũng phải cười:

- Mới thật bố nào con ấy! Mon nói:

- Bây giờ đến lượt mẹ kể chuyện! Nàng Hoa lại kể chuyện cổ tích trầu cau cho các con nghe. Chuyện kể đến chỗ người em hóa hòn đá, người anh hóa cây cau, vợ người anh thành dây trầu không leo cây cau, thì Mon và Gái đều bùi ngùi thương. Gái rơm rớm nước mắt. Cũng từ lúc ấy, cảm thấy anh em càng quý mến nhau hơn.

Tảng sáng hôm ấy, nghe ngoài tường có tiếng âm âm, rồi tiếng kêu khóc râm ran lúc xa lúc gần. An Tiêm đứng dậy, áp tai ra phía khe hở. Cũng không hiểu chuyện gì đương xảy ra ngoài kia. Khi đó, ngoài các phường dân càng ngày càng xôn xao từ lúc loang cái tin cả nhà ông An Tiêm bị bắt bỏ ngục. Người thật thà như đếm cũng phải nghĩ ra đây là thủ đoạn của bọn độc ác, mà thế nào cũng có bàn tay quan lạc tướng bộ Vũ Ninh và bộ Hoài Hoan, hai ông quan này còn đương cay đắng vì nổi mất mặt trong chuyện giật giải vừa rồi. Chẳng bao lâu, tiếng đồn cả nhà An Tiêm bị bỏ ngục đã dậy khắp. Lại thêm, những người Bãi Lữ tự dưng mất chủ, hàng trăm người ngày nào cũng lang thang đi nghe ngóng. Họ đi ngơ ngác, tiu nghiu như người có tội, như gà con lạc mẹ. Càng làm cho cả trong thành ngoài nội động lòng thương và thêm tức những kẻ hại người. Cơn giận của mọi người mỗi lúc một tăng. Câu chuyện kín không còn ai ghé tai thì thảo và không chờ đợi được nữa. Những tiếng ồn ào đôi lúc văng vào tận khe đá chính là tiếng hò hét, kêu khóc của người kinh đô căm uất vì nỗi oan của An Tiêm. Tưởng như nếu cứ cả hàng nghìn người tụ lại thì chắc không thể mũi mác hay tường đá nào cản nổi. Bọn mưu sĩ bàn nhau:

- Hay là...

- Tâu nhà vua cho đây ngay nó đi.

- Phải.

- Cứ phao tin ngày ấy... ngày ấy... nhà vua cho quan lạc tướng An Tiêm đi nhậm chức ở Cửu Chân.

- ...

Chương 05:

Một sớm kia, Phong Châu còn ngủ im trong làn sương dày. Những người đi mò hến và bắt ốc, hốt tôm sớm trong bờ sông Cái nhìn ra còn thấy từng đoàn thuyền rúc mũi vào nhau, đổ san sát. Thấp thoáng ánh lửa nấu nước uống sớm ở đầu khoang nào đó vừa chột ló ánh lên lại bị vùi ngay vào mù sương trắng xóa vừa xuống tận mặt nước, làm cho cái bến sớm càng hiu hắt hơn. Giữa lúc ấy, có sáu chiếc thuyền to lần lượt rời bến, êm như biển đi. Thuyền nào cũng đốc sào đẩy lẳng lẳng xuôi ra đến giữa dòng mù sương mới động chèo. Đây là đoàn thuyền áp giải cả nhà An Tiêm đi biệt xứ. Vợ chồng An Tiêm và hai con ló đầu lên khoang thuyền nhìn lại cái bến vẫn đang còn ngủ trong làn sương thấp bực hai bên bờ nước, chỉ thấy nhấp nhô người lằm lũi mò hến và những con vạc đi ăn đêm về. An Tiêm cảm thấy buồn, khi nhớ rằng cũng cứ ngược con sông Cái, chèo độ tháng rông thì tới vùng Bãi Lữ. Ba Vĩ núi nhọn hoắt trên đỉnh Tản Viên đối nhau với bên kia ba gờ núi Tam Đảo xanh thẫm, trông cũng đoán biết cứ theo dòng sông Cái này lên sẽ qua Bãi Lữ, dưới chỗ xanh xanh ấy là đất Bãi Lữ. An Tiêm cười, nói:

- Mình ạ, hơn mười năm trước, vợ chồng ta lên ngược đi mở đất, bây giờ thì xuôi xuôi, cũng đi mở đất... An Tiêm vỗ tay bảo hai con:

- Nhà ta trước ở đằng sau làn sương kia. Trong tâm trí hai người lớn, Bãi Lữ hiện ra, lẫn lộn những nét buồn. Mon và Gái đương thích chí. Trẻ con ở cạnh, mỗi khi được cưỡi lên nước, bao giờ cũng vui. Chỉ một bơi chèo đẩy con thuyền xa vài sải, đã ra vẻ phong cảnh đổi khác rồi. Bây giờ, đỉnh cao trời trong, mặt nước còn mờ sương. Mon nói:

- Mọi khi con trông thấy khói thối cơm sớm Bãi Lữ bay xuống sông cũng thành sương dày thế này.

Gái lạ lùng nhìn những đàn vạc đi ăn về bay lẻ tẻ trên dòng sông tan sương, phút chốc đôi cánh vỗ nhịp nhàng đã loang loáng chấp chới đầy ánh nắng, càng bay càng xa. Chẳng bao lâu, sáu chiếc thuyền giương buồm băng băng xuôi trên dòng cứ mỗi lúc một lớn, hai bên bờ càng tít tắp. Bỗng đằng đuôi, hiện ra một chiếc đò dọc nhỏ như chiếc lá tre, vun vút đuổi theo. Đã sang ngày thứ hai rời bến. Đúng ngày mà người kinh đô đã nghe đồn hôm ấy quan lạc tướng An Tiêm đi nhậm chức. Người tiền quan lạc tướng kéo ừn ừn ra bến sông Cái. Đến sáng đã đông đặc khắp ven sông. Nhưng chờ đến trưa, rồi chiều cũng không thấy gì. Bến quan thuyền bè xuôi ngược và ra vào áp mạn chen chúc kín mặt nước. Người ra tiền cứ đi hỏi thăm mãi, cũng không ai biết thuyền quan lạc tướng An Tiêm đi nhậm chức ở Cửu Chân đậu đâu. Các cụ già Bãi Lữ lo lắng:

- Có khi chủ tướng đi rồi. Một cụ nói:

- Tôi dò thấy một người lái đò ngang nói tình mớ hai hôm trước có đoàn sáu thuyền xuôi, nghe đồn thuyền quan trải ra cửa bể.

- Thế thì đúng rồi. Một cụ thở dài:

- Chuyến này chủ tướng đi, lành ít dữ nhiều. Nhưng mới đi hai hôm, chắc không xa.

Thế rồi, một chiếc thuyền nhỏ rời bến, vụt đi như tên bắn. Trên thuyền, một cụ già và một người trai trẻ, có đủ đồ nghề lưới gõ như chiếc thúng câu được con nước đương xuôi mạnh. Chẳng bao lâu đã bắt kịp được đuôi đoàn thuyền chở An Tiêm. Cái thuyền nhỏ khôn ngoan không áp vào hàng thuyền trên đầu, cũng không đến bên thuyền cuối, mà họ chèo ghé tới chiếc thuyền thứ năm, kề ngay dưới đuôi lái. Bấy giờ nước đương cỡ lớn, lại được gió, những cánh buồm cói căng hết góc, còn người chèo thuyền thì được lúc thông thả thả tay, nằm dài cả ra ngủ trên mũi. Chỉ có mỗi người lái phải thức, đương gà gờng đưa đẩy cái cán lái to tướng. ạng già dưới mặt nước gọi vọng lên:

- Chú lính ơi! Người lính choàng trông ra:

- Gì thế, cụ? ạng già nói:

- Già hỏi không phải thì chú bỏ đi cho, có phải ông An Tiêm trên thuyền này? Người lính trợn mắt, đảo nhìn vội lên mặt sông phía trước. Đoàn thuyền vẫn xuôi thẳng băng giữa cơn gió bắc nhạt nhẽo còn sót lại của những ngày cuối mùa hoa bưởi đương lồng lộng trong nắng nhẹ, làm cho con nước cứ trôi đi dậm lại, xôn xao lên một cách kỳ lạ. Người lính hỏi khẽ xuống:

- Cụ già ở đâu?

- Già người Bãi Lữ.

- ...

- Già ra đến bờ sông thì nghe tin chủ tướng đi rồi. Già này đã gần kề miệng lỗ, không biết có còn được gặp chủ tướng lần nào nữa không, chú lính thương già.

Người lính nghe ông già nói thế thì mỉm lòng. Vả chẳng, ai người đã xem hội kinh đô vừa rồi mà không mến yêu người Bãi Lữ! Bèn quăng cái chèo néo xuống cho chiếc thúng con buộc núp vào đuôi lái, rồi đỡ ông già và người trẻ leo lên.

- Tôi đi mời quan lạc tướng lại đây. Nay, đừng ai lên mũi, thuyền quan tuần qua mà biết thì chết cả.

- Dạ dạ... ạng già vừa trông thấy An Tiêm, đã rơi nước mắt. An Tiêm chỉ cười:

- ạng lão chớ lo cho tôi. Gian nan đến như khi Bãi Lữ, thì cũng đến thế mà thôi. Chân cứng đá mềm, ông

lão ạ. ạng già đưa biểu An Tiêm một đôi giày cỏ và một chiếc nón lá cọ.

- Đây không phải của riêng lão mà là của người Bãi Lữ tiền chủ tướng. Vật thì thường, nhưng quý ở lòng, xin chủ tướng giữ cẩn thận, có khi cần đến. An Tiêm toan nói:

“Khi xuống thuyền, đến lúc gà gáy sắp đi, bọn quan quân còn khám gắt khám kỹ từng nếp áo, không cho mang gì theo, cốt hãm ta vào chỗ chết”, nhưng An Tiêm lại không nói như thế. An Tiêm bảo ông lão:

- Những người ấy không hiểu được ta. Khám thì khám, phỏng thử đem đi một mảy thóc, một mảy hạt vừng thì có khó nổi gì! Nhưng ta không mang, ta nhất quyết không khuất tất, không mang. Con người nường tựa ở bàn chân bàn tay này chứ còn ở đâu. Ta chẳng cần một mảy may gì. ạng lão khẩn khoản:

- Vật thì thường, nhưng quý ở tấm lòng người Bãi Lữ chúng tôi, xin chủ tướng biết cho... Nói mãi, An Tiêm phải nhận. Rồi lại cứ tự nhiên và sôi nổi bàn bạc, dặn dò mọi chuyện làm ăn ở Bãi Lữ. Trước sau, An Tiêm nói đi nói lại:

- Phải trông con nước mà chặn lại thì mới có đất sống được, bảo nhau thế.

- Chủ tướng đừng lo, bao nhiêu năm nay người Bãi Lữ ta đã biết ngăn lũ lấy đất sống. Nhưng An Tiêm vẫn khắc khoải. Buồn như chim lìa đàn, như tổ ong vỡ, ong mất chúa. Mặt trời đã gác núi. Chiều mờ mờ trên sông. An Tiêm và ông già cùng người trẻ Bãi Lữ vẫn ngồi trò chuyện, chưa nỡ chia tay.

Bỗng có tiếng quát dưới lòng sông vang lên:

- Thuyền nào đây? Lúc ấy đương buổi tuần chiều. Thấy có cái thúng lẹ buộc vào thuyền lớn, bọn lính tuần quát hỏi. Người lính lái thuyền vội bảo An Tiêm lui vào trong khoang. Rồi người lính cầm hai cái giỏ to, nhúng nước, ném lên vai cho người trai trẻ và ông già. Sau đó, hai người trèo xuống. Như người đánh cá trên sông. Người lính nọ ngồi lái thuyền, thò đầu ra ngoài cửa, đứng đỉnh, tay gạt lái miệng nói vọng ra, trả lời bọn lính tuần:

- Gọi phường chài lên đổi cá để ăn lấy sức chèo đêm đấy!

- Đã bắt quan chưa?

- Chỉ đổi cá ăn thôi, việc gì phải bắt.

- Không được, không được. Chiếc thuyền canh chèo lướt lên, đi báo quan.

Thấy thế, người lính buông ngay tay lái rồi hấp tấp nhảy theo xuống chiếc thuyền của hai người Bãi Lữ. Người lính ấy sợ quan đến khám thì có khi phải tội, đã bỏ trốn. Chiếc thuyền nhỏ được cời dây trôi băng ra giữa dòng, cả ba người cùng chèo lẫn nhanh vào sương mù đã bắt đầu giăng trên mặt sông rộng. Lát sau, ở đoàn thuyền, mấy cái thúng chở lính đã ập tới. Họ lên thuyền thấy vợ chồng con cái An Tiêm vẫn bình

thường ngồi trong khoang cái. Nhưng hỏi đến người lái lúc này vừa đối đáp thì không thấy. Bốn phía mặt nước mù mịt rồi. Cả toán chèo thuyền ấy phải đóng gông vào cổ, lập tức bị điệu sang tù giam trong gian đáy thuyền khác. Đoàn thuyền xuôi rồng rã hơn mười ngày thì ra đến cửa biển. Nhìn ngược lại, không còn biết núi Tản Viên, núi Tam Đảo ở đâu. Rồi có đến mấy ngày nữa, vẫn chỉ thấy nước đỏ xuộm như đi trong sông. Đây là vì phù sa ở cửa sông Cái tuôn ra ngày đêm bồi biển thành những sườn cát non lênh láng màu đỏ son. Xa xa, những vùng nấm đá đỏ hắt như ánh hoàng hôn. Những bãi hầu lờm chờm giống những bông hoa đá vừa nở vừa chuyển động. Cửa sông đã lùi lại, man mác dần dần, rồi có một lúc, trông lại, chẳng thấy đất quê đâu, đến khi ngược ra trước mặt thì chỉ còn một trời một nước với từng đợt sóng nguồn dài như những con trăn quăng mình, và từng đợt con mòng, con sếu bay thành đàn trên trời cao. Bấy giờ đã vào mùa nắng, những đàn mòng, đàn sếu đi tránh rét bay rợp vùng biển trở về phương bắc. Lần đầu tiên, anh em Mon trông thấy biển. Còn đương ngỡ ngác, những cơn gió mạnh đã thổi tới, muốn làm bay người xuống nước. Từ lúc ấy, nỗi nhớ đất cứ băng khuâng day dứt hai anh em. Những dấu vết sau cùng của mùa hoa còn sót lại cũng đã lặng lẽ qua. Mọi hôm, còn ở trong sông, cứ đến chập tối, khi những cánh lính đối bọn chèo thì những tiếng hò lại rộn mặt sóng. Phách nhất chèo mở mái ra Phách nhì chân dậm Phách ba reo hò Phách tư bót dậm khoan chèo Đô ta Đô tà...

Bây giờ, chập tối im bật. Những người lính chèo thuyền ra biển sợ không dám cất tiếng hò nữa. Trên mặt biển, ngày đêm chuyển động những cơn gió lớn báo hiệu trận bão đầu mùa có thể thổi đến, làm vật vã mệt nhọc cả người và thuyền. Vừa một tuần trắng. Đã sang vùng biển xanh như lá và từ đây, chỉ còn những thăm thăm buồn bã thế. Một hôm, thấy bóng chim rập rờn đầu thuyền, rồi bay trở lại. An Tiêm nói:

- Thế là ta ra đã xa lắm.

- Sao bố biết?

- Chim đã bay trở lại đất trong bờ rồi. Suốt đêm, đoàn thuyền vào vùng biển phẳng lặng. Giàn sao lấp lánh cả trên trời dưới nước và tiếng nước óc ách gõ nhịp quanh người. Đột nhiên, gần sáng, Mon đương ngủ say, bỗng mê thấy mình ngã vật mạnh vào bên mạn. Đến khi thật sự thấy đau điếng hằn bên vai, mới biết ngã thật. Lúc ấy, Mon nhìn ra, cả nhà đã nhốn nháo xô giạt về một phía. Chiếc đèn bắc quang treo trên vách khoang xoay tròn. Rồi vụt tắt. Tiếng thành thành đập vào mạn thuyền, như vỗ nện. Ngay trên đầu, chân người chạy liên tiếp xô lên xô xuống ngoài mũi. Tiếng hú, tiếng xô của những người chèo báo hiệu đẩy thuyền cho nhau kéo dài rồi mất hút vào tiếng gió, tiếng sóng và bóng tối gào thét. An Tiêm nói:

- Bão rồi. Vợ chồng con cái ngồi quây một chỗ trong chiếc thuyền đương nhấp nhô nhảy nhót. Có lúc mất đà, thuyền trượt tuột theo chân sóng, người như bị ngã cây, ruột gan hẫng lên. Rồi tự dừng sóng lại ào ào trở lại, quay cuồng, xoay con thuyền chong chóng. Cơn say sóng mấy hôm vừa bót, bây giờ lại nồn nao.

Nàng Hoa gục một góc khoang. Gái nằm lả. Chỉ còn mình An Tiêm ngồi nguyên, có Mon bám hai tay lên vai bố. Như không biết cả bốn phía sóng đương điên đảo đập chiếc thuyền. Một chiếc thuyền đằng sau bị sóng độn nhô vút lên, rồi lao xuống, không thấy ngoi lên nữa. Những cơn sóng ngầm đã lắc vỡ tan cái

thuyền, ngay trước mắt. An Tiêm bình tĩnh nói:

- Các con ạ, lúc nào trông ra bể, các con cứ nhớ câu chuyện Bãi Lở bố kể hôm nọ nhé. Các con cứ nhớ chuyện bố khi bố còn bé, bố ở bờ bể, ngày nào cũng thấy sóng gió thế này, đến khi lên Bãi Lở, ngày nào trời đất cũng thử thách thế này. Đây cũng lại thế, hàng nghìn hàng vạn con trần bể, con rắn bể, con trâu bể đến húc, đến quăn, đến thử lá gan các con đấy. Mon ngẩng đầu, rắn rỏi hỏi bố:

- Bây giờ lấy đá ở đâu ném nó? An Tiêm cười:

- à, giỏi lắm! Nhưng lúc này chúng ta đương ở trong thuyền. Bình tĩnh, nó không thể làm gì được. Nó không thể hung hăng mãi thế đâu.

- Tại sao vậy?

- Sóng to không thể to mãi. Có lúc sóng cũng phải mỏi, phải rút chạy mà ta thì vẫn như thường. Con cứ chú ý mà xem. Trời đã mờ sáng, Mon trông ra ngoài mặt biển, thấy hàng nghìn vạn con thủy quái xám sì hung hăng dựng đứng lên, nhanh vút trắng xóa. Cái thuyền càng bị đe dọa, cứ phút chốc bị nhắc bổng, phút chốc bị ném sâu xuống. Mon khiếp quá, nhắm mắt. Nhưng Mon lại nhớ chuyện bố kể. Những ngày đầu bố mẹ đến Bãi Lở. Những ngày thưở bé trôi nổi của bố. Mặt biển và con sóng ngày ấy cũng hung tợn thế này... mà bố mình vẫn mạnh khỏe. Thế là Mon bảo Gái:

- Đừng nhắm mắt, đừng sợ, em ạ!

Mon cứ mở mắt trôn trôn nhìn qua cái lỗ ống tre cửa khoang bằng bàn tay. Mỗi lần thuyền bị vùi trong sóng, sóng ngằm lặc thuyền kêu răng rắc, nước ào qua mũi, lại phun ộc vào như mở cống. Mon không sợ, Mon cứ nhìn. Mon không sợ! Như bố ngày trước. Không sợ! Quả nhiên, đến chiều, những làn sóng dữ dần dần thu mình lại, biến đâu mất. Biển lại bằng khuâng, hiền hậu. Ồ, sóng cũng phải có lúc mỏi, thế thật. Một hôm, An Tiêm nói:

- Sắp đến đảo.

- Sao bố biết?

- Sóng cứ lặn tăn lúc nhỏ lúc to, sóng vướng bờ đằng kia rồi mà. Đến chiều, thấy nổi lên ngang mặt một vệt đen lờm chờm dài. Mon hỏi bố:

- Đảo này ạ?

- Có nhẽ thế. Mon bỗng thấy cái đảo này cũng thường thôi. Đằng xa, Mon thấy mình đứng lên, cao hơn cả hòn đảo lúc ấy chỉ dẹt dẹt bằng sợi chỉ trên mặt nước. Mon hỏi bố:

- Đảo này có người ở không ạ? An Tiêm nhìn con, ngần ngừ, rồi nói:

- Bố chưa biết. An Tiêm không ngờ ngác, cũng không thơ thới như các con. An Tiêm trầm ngâm. Thế là cuộc đời sắp sang khúc khác. An Tiêm lặng nhìn bờ đảo xám dài, lạnh lẽo dầm chân trong nước và sương mù. Mặt biển đùn lên những cơn gió đột ngột, đẩy đoàn thuyền lướt nhanh vào bóng tối run rẩy, bạt về phía cái đảo hoang.

Chương 06:

Chạng vạng tối, đoàn thuyền đến sát bờ đảo

- vách đá trở ra như tường dựng. Còn ở ngoài mênh mông, Mon đứng trên mũi, thấy bóng đảo chỉ đến ngang ống chân. Bây giờ, ngồi dưới thuyền ngửa cổ nhìn lên, không trông hết được một tảng đá. Rồi, núi đương sẫm tím thoát đổi màu. Núi vừa gần kề trên sống mũi bỗng mù mịt tận đâu. Hoàng hôn vàng ệch dựng cả một rặng núi cắm chân xuống nước, xa trước mặt. Đằng sau, mây cuồn cuộn lan đầy mặt biển như khói hun. Viên quan coi thuyền ra đứng ngoài mũi, nhìn ngang đảo, cơ chừng muốn xem chỗ nào áp mạn được rồi gọi các thuyền lại. Mặt tái ngắt như còn hoảng cơn bão, viên quan dẫn giọng:

- Từ giờ đến tối, phải tìm cách bỏ cho được người ta lên trên kia. Rồi quay ra luôn. Một người lính nói:

- Trời im ắng lắm. Chỉ sợ sắp có gió bốc thôi. Mùa này mà gặp gió cạn còn sợ hơn bão nữa! Viên quan cau mặt, trở tay lên đảo, nói:

- Biết thế nào mà nằm đêm trên núi ma kia! Muốn tao tống một mình mày lên a? Không ai dám cãi một lời. Tất cả đoàn thuyền đỗ lại ngoài vùng nước rắng đỏ. Viên quan tránh mặt không gặp An Tiêm mà chỉ có một cái thuyền đưa vợ chồng con cái An Tiêm từ từ lướt vào mặt nước lẫn đá và bóng tối. An Tiêm trông lại, chép miệng:

- Bọn nhát sợ đã rúm khoeo lại ngoài kia cả rồi!

Nàng Hoa cúi mặt, lặng im. Thấy bố bảo bọn hèn nhát như thế, lúc đầu Mon và Gái cũng có ý sờ sợ. Thuyền vào gần. Bóng đảo đổ sụp xuống trước mặt, mù mịt cả hai phía. Nhưng thấy bố nhìn thẳng vào núi, hai mắt đăm đăm, cầm bạnh suy nghĩ, không nói gì nữa, hai anh em cũng vững bụng hơn. Thuyền đã kề gờ đá. Nhưng không cách nào bám. Những đợt sóng lại đẩy thuyền rập rềnh đập vào thành đá rồi thuyền lại trôi ra. Cố trèo men một quãng nữa, lại phải quay lại. Chẳng tìm ra chỗ nào bám được. Cứ dò dẫm mãi thì tối trên vực mất. Bỗng thấy một vấu đá lừng lững chìa ra. Mấy người lính xuống cái thúng, loay hoay bơi liều vào, giắt theo chiếc chạc lớn. Cái chạc được kéo theo, quàng trên vấu đá. Người đứng trên, lôi thuyền áp khít vào rồi chìa một khúc gỗ ra làm cầu. Cầu tròn thành như cầu noi. Dưới vực sâu im lặng không một tiếng động nước. Người bước cứ bước, không biết thế nào, không dám trông xuống. An Tiêm, lưng công Mon, tay dắt Nàng Hoa. Nàng Hoa công Gái. Khúc gỗ rung rẩy bàn chân. Một người lính kêu ồ ồ rồi xóc nhanh cái Gái lên trước, thế là cả Nàng Hoa cũng bấu người lính theo lên được. An Tiêm còn quay lại, định khiêng hai tay nải bánh dày, nhưng mấy người lính đã nhanh tay cặp đỡ. Tất cả lên đảo chỉ có thế. Họ ngồi lại chon von ngay trên mỏm đá. Chưa tìm được lối nào trèo lên nữa. Trời đã tối thui. Trên đỉnh núi,

mây thấp vùn vụt đổi màu đỏ đậm như những lá cờ điều phất qua. Đám người chụm lại, bật hồng. Có người tìm quanh, quơ được mấy mảnh rêu khô, nhen thành đám lửa. Chưa phải mùa lạnh, nhưng hơi núi gây gây toát ra bóng tối, đã lạnh thít người lại rồi. Đống lửa nhỏ lom đom, run rẩy. Những người lính lại móc ở đâu được mấy nắm rêu nữa, buộc thành cái nôm dài như chiếc đòn vác lên vai. Họ làm đuốc để dò đường trở xuống thuyền. Một người nói:

- Bây giờ chúng tôi theo lệnh quan phải trở lại. Xin chủ tướng biết cho lòng thành của chúng tôi. Có mệnh hệ thế nào đừng oán chúng tôi. An Tiêm cười, nói:

- Không, không, thế là các người đã tốt với chúng tôi quá. Các người công giùm các cháu lên, lại để cho lương ăn.

Lại đốt cho đống lửa. ở chỗ cùng trời cuối đất này, tôi không bao giờ quên được. Tối rồi, hãy trở lại thôi. Bó đuốc rêu trên vai người lính đã cháy đỏ. Bóng những người trở xuống thuyền lẫn vào bóng tối mờ, còn trông thấy mảnh ván nhấp nhô. Họ đã sang thuyền được. Phút chốc, tiếng rút soạt mảnh gỗ rời mái chèo khua oàm oạp trên nước, nghe một lát, thuyền đã ra xa, ra xa, rồi im. Chỉ còn trông cái nôm đuốc đỏ mờ mờ trong sương trên đầu thuyền, biết dưới ấy có người và những người ấy đương rời đảo ra khơi. Hốt nhiên, từ các đỉnh núi, như cùng một lúc, khạc ra một tiếng gầm chuyển động. ấy là một cơn giông cạn xoáy tới, tràn luôn qua các khe đá. Những đầu gió va vào nhau, vập vào núi, phát ra những tiếng kinh rợn. Đống lửa trước mặt vợ chồng An Tiêm bốc lên, xoáy đi mất. Xung quanh tối bưng. Dưới kia, cái nôm đuốc của đám lính trên thuyền cũng đương tan rữa vào bóng tối. Bắt đầu có tiếng sóng hú. Rồi sóng dâng cao lên trên đầu, hình như trông thấy cái thuyền dềnh lên, một bóng đen như núi đổ lao qua rồi chìm xuống, giữa tiếng gầm sóng có tiếng người kêu thét như từ nơi âm ty nào lọt tới. Đoàn thuyền, đoàn người ngoài kia, mới nãy còn thấy thấp thoáng ánh lửa, bây giờ chỉ còn bóng tối và tiếng biển gào. Có lẽ cũng ngụp cả rồi. An Tiêm thét to:

- Búu lấy đá, búu lấy đá, mình ơi, các con ơi! An Tiêm đã nằm rạp rồi lại chồm ngay lên, gạt Mon và Gái và Nàng Hoa lăn vào trong giữa gờ đá. Những cơn gió lại ầm ầm giựt lên, đánh cả những tảng đá to đổ rào rào xuống biển. Trông ra thấy những con sóng trắng xóa bóng đêm. Con sóng khủng khiếp gieo xuống ngay chỗ lúc nãy thuyền mới đặt chân lên. Nếu không búu kịp vào khe đá, cả người chắc bị quăng theo. An Tiêm bảo Nàng Hoa:

- Con sóng này mà lên đến đây nữa thì... Phải cố trèo lên cao nữa mới được. Cứ thế, bò chạy trốn sóng. Những con sóng lên cao lưng chừng trời, ngã vào nhau, vỡ ra xung quanh. Nhưng may, chưa một đợt sóng gieo xuống núi ấy...

- Mình xem thế nào, nghỉ lại đây được chưa.

Cái Gái mới lẫm rồi, tay nó lạnh, đầu nó nóng quá, khéo mà sốt... An Tiêm búu đá, nhón chân bước ra. Lăn thêm mấy bước nữa, rồi đứng lại. Chỗ ấy, có một khoảng rộng, nhưng quanh vẫn chỉ lồi lõm đá. Tiếng

sóng đã ở dưới sườn. Nhưng con sóng dữ nhất, xô lên, nghe như sóng chỉ ghè đầu đập vách ngoài. Tiếng gió xiết quanh rồi cuống cuồng leo lên cao. An Tiêm giơ tay. Cánh tay bị gió hất loạn quàng vào đá. Nhưng chỉ đứng thẳng lên mới bị gió tạt, ngồi xuống, đã khuất hẳn. "Có thể núp đây được. Hãy tạm cho qua đêm nay!"

An Tiêm nghĩ thế rồi toan quay lại chỗ Nàng Hoa và hai con. Nhưng chợt nhớ, cả hai cái tay nải bánh dày đã quên dưới ghềnh đá. Lúc này, cơn gió đột ngột đến, chỉ biết bối rối chạy. Làm sao bây giờ? Phải xuống tìm cái tay nải bánh dày mới được, phải xuống ngay. Sóng còn đánh to nữa. Có thể trôi mất. Mà có khi trôi mất rồi. Phải xuống tìm ngay. An Tiêm có trí nhớ lạ lùng, giỏi như con ngựa đi đêm. Chỉ hai bàn tay bấu đá, hai chân bước mò. Thế mà, tay chân như có mắt, cứ chăm chăm thẳng vào tảng đá đã bấu, cứ thế, lần xuống. Một lưỡi sóng bùng bùng đột lên, tưởng sắp úp xuống kín núi ngay trên đầu. An Tiêm vội nằm xuống. Nhưng những con sóng đâm vào nhau trên cao rồi cùng ngã vật xuống, tiếng nước xiết ghê hai mang tai. An Tiêm đã lần tới mỏm đá lúc này. Đây rồi. Bãi đá ướt nham nhở nhưng sóng chưa cuốn tới. An Tiêm vớ được cả hai cái tay nải. Lập tức, An Tiêm vác bỗng lên một bên vai, bao đằng trước, bao đằng sau. Bấy giờ đã mệt lắm. Nhưng cũng không thể trù trù đứng lại. An Tiêm ré chân trèo thốc lên. Một cơn gió khác lại giựt người xuống. An Tiêm nắm hai cái tay nải. Bấy giờ mới chợt nhớ cái nón lá cọ vẫn buộc úp trên cái tay nải sau lưng. An Tiêm sờ xem nút buộc có chắc không. Nghe có tiếng lăn lọc cộc trong nón, An Tiêm nắn thấy hai hòn cuội to cộm, lại thấy gờ một cục, An Tiêm biết ngay đây là cái sừng trâu. Đá cuội và sừng trâu để đánh lấy lửa. Bất giác, An Tiêm thở dài, nghĩ:

“Ta chỉ biết khinh ghét bọn tầm thường mà không biết lo xa. Người Bãi Lở biết lo xa hơn ta”. Rồi móc trong nón ra hai hòn cuội và mẩu sừng trâu, giắt vào cặp khố, cho chắc chắn. Bỗng giữa tiếng sóng, tiếng gió có tiếng người kêu. An Tiêm vừa hú vừa nhô khỏi gờ đá đã nghe tiếng hú ập vào trước mặt. Thì ra, đã trở lại được chỗ cũ rồi, nhưng vách đá cản tiếng xa đi. Ngay ở trước mặt, Mon hét lớn:

- Bố về à... Mon chạy ra, choàng vào người bố, thật bố. Mon lại hỏi reo lên:

- Cái gì đây?

- Bánh dày. Nàng Hoa hỏi An Tiêm:

- Sao đi đâu lâu quá?

- Bỏ quên cái nải dưới kia.

- ại chao! Trong bóng tối cơn bão, không trông thấy nhau, tiếng nói cứ vời vợi. An Tiêm bảo:

- Tìm được nơi kín gió, chắc chắn hơn, sóng không đến. Thế là lại lần ra gờ đá. Bốn phía có đá chắn cao. An Tiêm xếp cho mẹ con Gái vào trong cùng, kê cái tay nải chắc chắn bên cạnh. An Tiêm và Mon ngồi ngoài. Mọi người lặng im. Vừa lúc chiều còn trong thuyền, bây giờ đã trên đỉnh núi, không biết ở đâu, giữa tiếng sóng, tiếng gió quay cuồng. Nhưng vẫn đủ mặt mọi người trong nhà. Mon cũng không lấy gì làm

lo lắng. Bố con ngẩng đầu lên nhìn trời. Chẳng biết còn sớm hay đã khuya. Trời cũng đen như đá. An Tiêm bảo các con:

- Bão cạn thì không có cơn trận gì đâu. ở những vùng núi đá hay thành linh có bão cạn. Gió lửa vào góc vách núi, quần không ra được, xoáy mãi lên thành bão. Nhưng đến lúc thoát ra được thì chỉ một lúc tan cơn. An Tiêm dỗ các con:

- Các con nằm xuống, ghếch đầu lên cái nải này. Gió chỉ ở ngoài kia thôi, sóng chỉ xô đến dưới kia thôi, không sợ. Ngủ đi, ngủ yên, Gái ạ. Gái thêm thiếp sốt giật, nằm trong lòng mẹ, nghe không rõ lời bố.

Nhưng Mon nghe mỗi câu nói của bố, tin cậy, vững chắc. Mon muốn ngủ mà không ngủ được. Không phải vì lo, mà Mon đương mãi nhìn lên xem mảng trời trên đầu. Bốn phía đã tối đen, hờ một mảng trời lúc mờ lúc sẫm, ào ào chuyển động. Dù sao cũng còn có một mảng trời đặng đây, còn có cái để xem. Mon ngăm lên mãi. Mắt Mon hoa chẳng. Mon vừa thấy lóa một đốm sáng. Không, rõ một đốm sáng. Mon lại nhìn. Nhưng không thấy nữa. Mờ hoa mắt rồi. Một lát sau, lại thấy, lần này thấy một đốm, hai đốm, ba đốm rồi một lúc, những đốm sáng lại biến mất. Lạ lùng, Mon hỏi bố:

- Bố ơi! Cái gì sang sáng trên trời... An Tiêm nhìn lên rồi nói to:

- Sao! Sao đấy! ạng sao đấy! Từ chập tối, nền trời chỉ có đen sẫm, khiến Mon quên rằng trên trời còn có những ông sao. An Tiêm đứng dậy, vươn vai, nói:

- Thế thì bão đương tan. Mây đen đã mỏng lắm, lác đác thấy sao rồi. Hai bố con không ngủ, cứ chong chóng nhìn lên trời, xem bão tan. Những vì sao loáng thoáng sáng rồi lại tối, có lúc còn sẫm hơn, rồi lại thoáng bóng sao. Cứ thế, cho đến một lúc cả bầu trời, như ai vừa cụp cái quạt thóc, các ông sao được rắc lên, lóng lánh, ngời ngời. Sao mai nghiêng về phía ấy, đất quê ở đây kia. Mon lại đếm đủ các thứ sao như đã thấy những đêm mùa nắng còn ở sông Cái, bố trở xem sao, đếm sao. Mon thấy trời sao trên núi này chẳng khác trời sao ven sông Cái. Sao lưỡi cày, sao gàu nước, sao gông cỏ... Cả trời sao rời rời. Sau cơn bão, ánh sáng sao rợn hơn đêm bình thường. Khắp trời bao la, những ánh sao sắc ngọt, những ánh sao đứng im, những ánh sao lung lay, đương rơi. An Tiêm nói:

- Lặng gió rồi, con thấy không? Những ngọn gió cuối cùng nhẹ nhàng rút đi lúc nào cũng không ai biết. Tiếng sóng nào là tiếng sóng cuối cùng vỗ lên ngọn đá, cũng không nghe nữa. Bây giờ, trông đến tận mù mịt cuối trời, chỉ thấy lay láy những ánh sao. Rồi cả nhà bở ngỡ nhìn ra một buổi sáng trên lưng núi. Trận bão cạn đêm qua còn phảng phất như một cơn mê hoảng. Bấy giờ mới nhận ra nơi này chênh vênh ở sườn một dãy núi, hút mắt nhìn sang hai bên cũng chỉ toàn một giồng đá tảng đen sẫm lởm chởm xuống tận mặt biển. An Tiêm để tay lên trán, dỗi mắt một lúc, rồi nói:

- Không thấy cái thuyền nào. Mon nói:

- Thuyền đắm rồi còn gì.

- Sao con biết? Mon dầm dầm nhìn xuống nước, nói:

- Thấy cái cột buồm, bố ạ. Trên mép nước dưới kia, rõ những cái cột và những mảnh buồm cối. Những con sóng hiền lành làm lặn lên lặn xuống những miếng ván gẫy. Những người trở về ấy không bao giờ về nữa. Chỉ thương mấy người lính tốt bụng. An Tiêm còn đương băng khuâng, đã nghe tiếng Nàng Hoa ở trong hốc đá nói ra:

- Minh ạ, con nó đòi uống nước... Bấy giờ, An Tiêm mới nghĩ tới điều cần kíp. Nước uống. Giữa nơi trơ trọi những núi đá, An Tiêm có cảm tưởng không có nước. Tuy lo, nhưng An Tiêm bình tĩnh bảo vợ:

- Tôi ra ngoài kia kiếm nước cho con. Minh hãy xem những gì ta còn mang theo đây. Một tay nải, trong đựng bốn buộc bánh dày, mỗi buộc được chục chiếc, đã khô quắt, sau một tháng thuyền lênh đênh. Một tay nải mấy cái váy áo. An Tiêm lấy trong tay nải ra đôi dép cỏ của ông lão Bãi Lở đưa hôm trước. Của đất quê cho ta có nón cọ và giày cỏ này đây. An Tiêm cởi mảnh mo buộc đôi giày cỏ, thấy giữa hai chiếc giày, ngả ra một con dao, dọng dao dày bằng nửa đốt tay. An Tiêm nói với Nàng Hoa:

- Người Bãi Lở biết ta phải đến chỗ hiểm nghèo nên cho lửa, lại cho dao, những của quý này không gì so với được. Ta không thể chết là nhờ tấm lòng này đây. Rồi An Tiêm đưa cho Nàng Hoa xem và giữ cái sừng trâu và hòn cuội đánh lửa. An Tiêm cầm con dao và nói:

- Minh đánh lửa nướng bánh cho cái Gái ăn. Tôi lên núi tìm nước cho con uống. Mon ơi, mày đi với bố. Hai bố con ra khỏi khe núi.

An Tiêm nhìn cả hai cánh núi. Không thấy đâu một bóng cây. Trèo lên đỉnh cao nữa, nhìn sang bên kia, đầu tiên, ủa đến một nỗi bàng hoàng. Cả hai bên cánh núi chỉ thấy dài một màu đá xám, nhìn đến rợn mắt. Như đứng giữa miệng con hổ, con báo, con gấu khổng lồ đương nhe hàm răng lởm chởm ra. An Tiêm trở tay về một phía:

- Núi đằng kia thấp xuống rồi, có thể đằng ấy có rừng. Mon hỏi:

- Bây giờ ta xuống đấy a? An Tiêm nói:

- Rồi hôm nào bố con mình sẽ đi. Giờ hãy tìm quanh đây lấy nước uống đã. Lời An Tiêm nói đem hy vọng lại cho con trẻ, nhưng cái việc "lấy nước uống đã" tưởng như dễ dàng ấy cũng chưa biết trông vào đâu có. Núi đá trọc không bao giờ có nguồn nước. Mà chỉ từ giờ đến trưa, nếu không nước uống thì người lử là rồi. Cái Gái lại sốt cả đêm, đương khát. Không thể chùng chình đứng lo ở đây. An Tiêm bảo con:

- Trèo xuống chỗ này! Trên núi cao, mỗi tảng đá như một cái tường. Có khi đứng chỗ này kín bưng, nhưng chỉ dịch sang tảng đá bên cạnh, đã trông ra một phong cảnh khác mà ngay sát đấy, không thấy. Hai bố con vừa đặt chân được đến một mỏm đá, đột nhiên trông thấy một đốm xanh xanh cuối ghềnh đá đằng kia. Mon nói to:

- Đẳng kia có cây, bố ạ. An Tiêm gặt đầu:

- May ra thì phải. Phỏng thử vết xanh xanh xa dưới kia chỉ là một lớp rêu đá thì sao. Đá bờ biển thường có rêu thế. Xa nhìn đỏ khé như rặng cây nở hoa, đến gần chỉ là bờ đá rêu đỏ.

Nhưng cũng có thể bụi tre, bụi trúc đấy. Song, tre trúc vào mùa này trong ống cũng không còn nước. Chỉ đến khi trời mưa hết sấm, mới có nước trong ống. Giờ đã sang tiết giêng hai, nước đọng ở ống các giống cây có đốt, đã ứa lên ngọn ngấm vào măng vào lá rồi. Cả đến thân chuối rừng mùa này cũng cạn nước. Thàng hoặc, có còn thì nước chuối cũng đắng lắm. Bây giờ thấy cái đốm xanh đẳng ấy. Dù phân vân, nhưng đấy cũng là hy vọng và chỉ có một cách xuống đấy. Mon bấu đá, xuống thoăn thoắt. Chân tay nó nhẹ như vượn. An Tiêm trông con, nửa buồn nửa mừng. Buồn nỗi con mới dúm tuổi đầu phải vì bố mẹ mà chịu lặn lội, khổ cực. Nhưng cũng mừng nó nhanh nhẹn thế kia, rồi những ngày sắp tới, còn bao nhiêu gian nan chưa biết như thế nào... phải nhanh nhẹn thế mới được... Hai bố con đã xuống tới. Đây có những tảng đá lớn cao vọi vọi, đứng ken khít lấp bóng mặt trời. Giữa những khe, munn đá đọng lại, ẩm ướt, mọc lên mấy cây cọ rừng. An Tiêm đứng ngẫm, chịu không đoán ra cây cọ hay cây móc diều. Chỉ nghĩ:

“Lá này có thể lấy về lợp nhà. Nó là giống cọ rừng. Thế là có được một thứ dùng”. An Tiêm cúi xuống, xem xét chỗ đất cọ mọc. Không thể hy vọng trong đá có mạch nước. Cọ mọc như chui từ khe đá ra, rễ chùm xòe quanh đá đã khô xác. Trong rừng có những loài cây tính nết trái nhau, giống cọ này xem chừng cũng giống ương ngạnh. Bây giờ đương mùa hanh khô thì cọ rừng lại lên tốt, tùm lá già bọc dưới xanh sẫm. Trong ngọn cọ, lá nõn nhú thành búp và trở cả bẹ hoa, như cái măng. Trông cây tốt tươi, thấy mát hẳn. Lúc ấy, Mon nói:

- Con khát nước rất cả cổ, bố ạ.

An Tiêm ngẩng lên nhìn những cây cọ. Màu xanh tốt thế kia! Lá nõn như tơ thế kia! Tưởng như mía, nhá cũng ra nước được. Nghĩ thế, An Tiêm giắt chặt con dao vào lưng, tót lên một cây rậm và cao nhất. Như con nhái bén, chỉ ba bước chân bám, An Tiêm đã đến lưng cây. Mon nói:

- Con lên với! Rồi Mon cũng trèo thoát lên theo bố. Hai bố con rúc cả vào trong đám lá ngọn cọ. An Tiêm vạch từng kẽ lá cọ non, xem. Cọ mùa này đương trở lá mới. Trong mỗi khe, ụ lên những tràng hoa nõn. Bẹ cọ non trắng ngà như cái ruột măng tre. An Tiêm cầm dao, vạch vào giữa bẹ cọ. Một làn nước bành bệch đột ngọt phụt ra. An Tiêm gọi reo lên:

- Mon! Mon! An Tiêm vốc tay hứng nước cho Mon uống rồi lại ghé miệng vào ngọn cỏ. Làn nước ngọt mát đùn ra, uống một hơi thỏa thuê. Đến lúc rút con dao thì mạch nước cọ cũng vừa cạn, chỉ còn rỉ rỉ xuống thân cây. An Tiêm nhớ lại, có cồi người ta đã lấy nước trong cây móc diều và lấy thân cây báng giã thành bột để ủ rượu. Giống cọ rừng này cũng có nước như thế

- mà thế là có nước quanh năm, cả những khi đương ra lá. Cái cây cứu được người rồi. An Tiêm bảo con:

- Cây này là cái tuổi đứng giữa trời. Không còn lo nữa. Rồi An Tiêm lại trèo lên ngọn. An Tiêm đâm dao liềm hai nhát vào nỏn cọ. An Tiêm ngửa nỏn ra hứng. Nước cọ chảy đầy lòng nỏn. An Tiêm bưng ngược cái nỏn rồi hai bố con leo nhanh về. Nước cọ thấm xuống, đầy giàn tay cầm. An Tiêm cởi phăng áo, ắp vào chỗ nước chảy. Bên kia núi, Nàng Hoa chốc lại đứng ra ngoài, ngẩn nhìn quanh. Bố con đi mãi đâu mà lâu! Gái đã thức từ nãy. Mẹ hỏi:

- Con ăn bánh dày nhé? Trẻ con sốt, bao giờ cũng ngoan hơn thường ngày. Gái lắc đầu.

- Con khát nước, mẹ ạ. Mẹ nói:

- Bố đừng tìm nước về cho. Gái nằm yên, thêm thiệp, hai má vẫn nóng ửng. Lát sau, Gái gọi:

- Mẹ ơi!

- Con gọi gì mẹ?

- Con ăn bánh dày vậy. Mẹ nướng bánh dày cho con.

- Con nằm yên nhé. Mẹ ra kiểm củi vào nướng bánh. Rồi Nàng Hoa bước ra ngoài. Ra mãi ngoài mấy tảng đá, nhưng không thấy một cành củi nhỏ. Hết đá tảng, lại đến đá tảng. Nàng Hoa không dám đi xa hơn. Nàng Hoa trở về, bảo Gái:

- Con chịu khó vậy. Bố kiểm củi về nướng bánh cho. Gái ngoan lắm. Gái lại him mắt, nằm lạng lẽ. Chỉ thỉnh thoảng, chiêm chiêm hai vành môi. Nhưng dáng Gái đã mệt lắm rồi. Tưởng nếu không chiêm như thế thì hai cái môi khát nước sẽ khô kiệt đến dính vào nhau mất. Nàng Hoa nhìn con, nước mắt lã chã rơi. Rồi lại ngẩn nhìn ngoài kia. Vẫn chẳng thấy gì. Gái mở mắt, gọi:

- Mẹ ơi!

- Con gọi gì mẹ?

- Bố về chưa? Mẹ không biết trả lời con thế nào. Chốc chốc, Gái lại hỏi lại. Nhưng hỏi mấy câu rồi Gái không nói ra tiếng được nữa, Gái nằm cúi ngoẹo đầu. Miệng Gái đã khô hẳn, chỉ nghe tiếng phao phảo vào tảng đá. Nàng Hoa òa khóc. Nàng Hoa tưởng Gái ngáp hấp hối sắp nhuôi ra. An Tiêm và Mon từ ngoài xộc vào. Tay An Tiêm bưng cái nỏn. An Tiêm nói to:

- Con ơi! Nước đây! Rồi đưa cả cái nỏn vào trước mặt Gái. Gái đương nằm lử lả thế mà Gái ngồi dậy, đỡ nỏn, cúi uống nốt vành nước còn sóng sánh lại. An Tiêm cầm cái áo ướt sũng, đưa cho Nàng Hoa.

- Mình vắt nước áo này ra mà uống. Nàng Hoa kể cái áo vào miệng Gái. Nhưng Gái lắc đầu:

- Mẹ uống đi! Nàng Hoa vắn cái áo, làn nước phòi ra. Chỉ nhấp một chút nước. Nàng Hoa đã thấy tỉnh.

Nàng Hoa lại đưa áo, vắt vào miệng Gái vẫn còn chớp chớp. Gái đẩy tay mẹ, không uống. An Tiêm cầm áo vắt thật kiệt, cho Gái và Nàng Hoa uống nốt cái nước sệt mồ hôi khát. Thế là cả nhà được hơi nước rồi. Cái u ám nặng nề xung quanh suốt từ sáng, giờ đã tan. An Tiêm hỏi Nàng Hoa:

- Nướng bánh dày cho con ăn chưa?

Nàng Hoa đáp:

- Chưa tìm được củi. An Tiêm nói:

- Có nguồn nước rồi, không sợ khát nữa. Bây giờ Mon đi kiếm củi nướng bánh. Bố xuống rừng cọ, mang nước về, cả nhà cùng ăn bánh uống nước. Mặt trời nghiêng trước mặt, đã chiều. Bóng núi in đậm đen trên mặt biển. Những đám mây tụ lại, vàng xuộm trên đầu núi đứng gió, như chiều hôm qua. An Tiêm nhìn quanh, nói:

- Khéo không đêm nay lại có bão nữa. Ráng vàng đương ùn lên kia kìa. Ta phải nướng bánh ăn sớm thôi.

Lúc ấy, cả những mỏm đá cũng ánh vàng chóie rồi. Nhưng không ai có vẻ lo sợ. Người đã về đủ. Gió to thì cũng đến như hôm qua, đã có hốc đá kín. Sóng biển có đến đổ cây nước cũng không ập được lên đây. Sửa soạn nướng bánh. Đói ngấu nghiêng cả rồi. Cạnh tảng đá, đồng củi đã chất cao. Gái đã khỏi sốt. Có lẽ đêm qua sợ quá mà thành sốt thôi. Bây giờ Gái đương cùng Mon khuôn củi vào xếp chồng bên tảng đá. Rồi Gái lấy cái sừng trâu cọ lửa ra. Gái kiếm đâu được bụi nhùi bằng một nắm râu khô, nhồi vào trong sừng trâu. Nhưng lúc ấy lại kéo ra được nắm bụi nhùi nỏ trong sừng trâu. ạng lão Bải Lở cẩn thận đã nhét sẵn bụi nhùi vào đấy. Thế là Gái kéo mạnh hai hòn đá mấy cái, trong mặt sừng trâu bật xẹt một tia sáng xanh, bắt vào bụi nhùi thành đốm lửa vàng như mọi ngọn lửa thường ngày ở các nơi. Gái cầm ra, nhóm vào đồng củi. ánh lửa nhảy nhót trên vách đá. Những ánh lửa đầu tiên của con người nhóm lên ở đây, rực rỡ hắt trên mặt đá, đẩy bóng tối đã xạm hắt lại, lui ra ngoài kia. Nàng Hoa lấy chiếc bánh dày trong tay nải ra. Chiếc bánh dày đã khô cứng, nhưng trắng mịn. Nàng Hoa cắt từng miếng rồi xếp quanh vành ngoài đồng lửa. Mon và Gái được chén trước mỗi đĩa một miếng. Vợ chồng An Tiêm cầm miếng bánh dày nướng, ngửi mùi nếp thơm mà nhớ Bải Lở. Ớn miếng đầu tiên ở chỗ trơ trội này, vẫn công của ở nơi đã sinh sống, bồi hồi nhớ về đất nước - còn thấy gần gũi như mới hôm nào trải hội.

Ngoài kia, trời xuộm vàng rồi đỏ khé, đặc sệt. Cả một vùng suốt từ dưới mặt biển đến chân trời, như vũng máu đỏ lòe. Hốt nhiên, nghe một tiếng hú. Tiếng gió hú đã cất lên, kéo dài thành vạn vạn tiếng từ trong các khe đá ủa ra kêu xé trên đầu. Như trời nứt toác, sắp sập xuống. Hai đứa trẻ ngơ ngác đứng lên. An Tiêm thong thả nói:

- Lại bão như đêm qua. Tiếng sóng còn lên, như sét đánh mặt nước. Trên cao, gió vẫn ùng ùng khủng khiếp. Những cái thuyền quan quân đêm qua có sóng sót, chắc đêm nay cũng đến chìm ngấm tất rồi. Nhưng trong khe đá này có đồng lửa cháy. Góc bên kia, Nàng Hoa và Gái còn lúi húi hơ từng miếng bánh vào mặt than hồng. An Tiêm đương tìm một mảnh đá ghép chỗ dựa để dựng ống nước. Không ai cảm thấy lo lắng

bên cạnh đám ánh sáng bập bùng đương vun cả nhà lại quanh lửa. An Tiêm nói:

- Ta đã tạm có lửa có nước, không sợ nữa. Ngày mai sang ở bên kia núi, chỗ gần đám cây cọ. Mình ạ, lúc trưa tôi lâu về vì tôi mãi dọn cái hang ở ngay đấy. Ta sang ở tạm, rồi liệu sau.

Chương 07:

Cũng phải đi từ sáng sớm đến quá trưa mới sang được sườn núi bên này, khuất biển. Lên tới đỉnh cao nhất, An Tiêm quay lại, nhìn trái núi tun hút xuống mặt nước. Trông lại biển, đằng sau cái ngấn chân trời, có đất quê và con sông Cái. Lát nữa, xuống núi bên này, không còn thấy như thế, có bao giờ trở lại? An Tiêm và Nàng Hoa mỗi người thoáng một vẻ ngao ngán khác nhau. Rồi trèo xuống, cả nhà lúi húi lấp dần xuống khe. Đến chỗ cách đám cọ rừng một quãng, có một hang đá phẳng, phía trên tự nhiên nhô ra như mái nhà. Đây là chỗ An Tiêm đã đánh dấu làm nơi trú chân. Thế là mỗi người mỗi việc. Mon biết đường ra đám cây cọ, Mon đưa mẹ đi kiếm củi. Rồi An Tiêm và Mon, bố con khuân đá lên, lát nền và lấp hai bên vách kín. Thành một vuông nhà tường đá, trông ra những hòn đá tảng bậc bậc xuống phía có ánh sáng xanh những tàu lá cọ. Nàng Hoa và Gái vác về được hai bó củi cọ, đánh lửa lên. Ngọn khói xanh xanh cuốn vào vòm đá, vừa cay mắt, vừa thơm. Người ở đâu đun bếp cũng được khói lừa vào cay mắt, và ở đây, lần đầu cái hang đá thấy có người đến, người ở và người đốt lửa. Buổi tối, Mon và Gái ăn bánh xong, ngồi khơi lửa chơi một tý, rồi ngủ ngay bên cái tay nải. Mẹ kê tay nải vào sườn che lạnh bên ngoài. An Tiêm và Nàng Hoa, hai vợ chồng ngồi bàn tính công việc. An Tiêm nói:

- Trời này còn rét vài cơn nữa mới thôi. Giêng hai rét dài, rét lộc, núi còn lạnh, ta ở đây cho đến khi ấm trời có mưa xuống hãy đi tìm nơi khác.

- Cứ ở đây mà đi kiếm cái ăn về có được không?

- Không được. Dẫn hết đám cọ kia thì hết nước uống.

- Ờ nhỉ, vài cây cọ khô cũng chỉ đốt sưởi mấy đêm thì hết thôi. Cái rét trên núi cao luồn vào khe đá, phả quanh người, cứ thấm dần, nửa đêm về sáng, buốt như châm gai. Chợt có lúc đợi mãi không nghe một tiếng gà eo óc, một tiếng chó sủa, tưởng những tiếng ấy đâu xa từ kiếp trước rồi. Càng buốt lạnh hơn. Đá được lấp thêm kín phía trước mặt, bây giờ vòm thành cái cửa hang tò vò một lỗ vừa người chui. Mỗi đêm, từ chập tối, đồng lửa càng cao hơn mọi khi. Nhưng ban ngày phải hà tiện. Thế mà cũng không đủ. Bởi những cây cọ thân mủn, lửa ăn ngoem ngoém, chỉ mới nửa đêm, đã vạc hết. Cái lạnh bò vào và lạnh từ trong đá toát ra, cứng chân tay, không nằm, không ngồi được. Cả nhà rúc quanh cái tay nải, đợi sáng. Sáng sớm, An Tiêm xách dao đi. Mon hỏi bố:

- Bố đi đâu? An Tiêm đáp:

- Ra rừng cọ. Đi lấy củi, Mon nghĩ thế. Nàng Hoa bảo chồng:

- Đợi chốc nữa tan sương hãy đi có hơn không? An Tiêm đáp:

- Đi sớm mới kịp được. Không hiểu kịp cái gì, Mon chỉ lúi húi đi với bố. Đến đám cọ, trông những cây cọ khô phờ phạc, mấy hôm đã chặt vãn, chẳng còn mấy. An Tiêm bảo Mon: 99 100

- Con vợ những tàu cọ kia rồi buộc lại. Bố dẫn cây cọ này.

- Bố dẫn làm củi à?

- Không, làm giường, làm vách, cho ấm hơn.

Mon không hiểu bố làm giường, làm vách thế nào. Nhưng Mon không hỏi thêm, mà chỉ cầm củi nhặt, vợ lại, rồi lên gối buộc thành một bó. An Tiêm dẫn một lúc ba cây cọ đã chọc nước. Rồi xả ra từng mảnh, chỉ còn cái thân dài, nhẵn cả hai mặt. Loay hoay gõ, tước cộc cộc, đến lúc thấy sương xuống lạnh buốt hai mang tai, biết đã chiều. Cũng vừa xong, bố con ra về, vác theo củi, cả những mảnh thân lá cọ. ở hang, trong khi Nàng Hoa thổi lửa nướng bánh, An Tiêm và Mon lục cục lát những mảnh cọ xuống mặt đá. An Tiêm đặt lá xuống trước, rồi phủ lên từng thanh cọ một. ở cả ba phía vách đá ngoài lại kê ván dựng, trông vào đồng lửa ở giữa, thành hình tươm tất một mặt ván như mặt nhà sàn, có vách tựa. Lửa vừa to ngọn, mọi người ngồi xuống. Mon và Gái thử đặt lưng vào cái giường mới. Nằm lên thanh cọ phẳng thấy ấm, khác hẳn cái lạnh mặt đá. Những tàu lá cọ ở dưới làm bông bênh mảnh cọ, không khắp khếch được. Thế là trong hang đá có sàn tử tế, như ở nhà, cũng đỡ lạnh. An Tiêm nói:

- Dù ở hang thì mình cũng là con người, phải có chỗ ăn chỗ nằm tử tế. Ngọn lửa đương đượm. Khói nghi ngút đầy hang. Những thân cọ đỏ hỏn. Nàng Hoa nói:

- Cái củi ọp ẹp này chỉ một lúc thì tàn. Ngủ sớm đi, còn ấm. Mon nằm trên những mảnh cọ cạnh đồng lửa nhìn vãn vợ lên vách đá. Vách đá có nước hay sao mà thấy cứ nhấp nhánh. ánh lửa càng cao thì đá càng nhấp nhánh vòng rộng ra. Rồi trông thấy nước chảy loang loáng cả đến chỗ đầu ngọn lửa đương bốc lên. Nhưng, không hiểu sao, không thấy giọt nước nào rơi xuống. Mon bảo bố:

- Trên vách đá có nước, bố ạ. An Tiêm nhìn quanh rồi nói:

- Hang này không có nhũ, phải có nhũ mới có nước.

- Nước kia kìa. An Tiêm ngẩng lên nhìn, rồi cười, nói:

- Rắn đấy.

Cả Mon và Gái sừng sốt đứng dậy. Nhưng đứng cao, gần đụng chỗ nhấp nhánh ở mái đá, lại ngồi thụp xuống. Bây giờ mới trông thấy những con rắn đương bò vắn vèo trong khe đá mà mình rắn nhấp nhánh, thoát nhìn cứ tưởng nước chảy. Những con rắn ở các phía vách đá luồn dòn cả đến trên ngọn lửa, chốc, những cái đuôi lại thò xuống, như đuôi chuột. Gái bưng tay lên mặt, không dám nhìn. Rắn đậu tụ thành một mảng to như cả mặt vách đá nhấp nhánh. Mon rút mảnh cọ dưới chân, muốn chọc lên cho nó rơi xuống. Phải đánh rắn. Không đánh, có lúc nó cắn mình. Nhưng An Tiêm đã nói:

- Con trần, con rần mùa rét thì hiền lành, chẳng làm hại ai đâu. Suốt mùa này nó cuộn tròn ngủ khi trong hốc đá. Thấy lửa ấm thì mò đến. Nó cũng rét, muốn sưởi ấm như mình thôi.

Nghe bố nói thế, Mon và Gái ngồi lặng lẽ nhìn đàn rắn bò trên vách đá. Những con rắn đến cả phía trên ngọn lửa rồi nằm im, vết nhấp nháy bây giờ như những cái mắt đá. Không ai nghĩ đến có rắn ở cạnh mình nữa. Mon buồn ngủ, rồi ngủ thẳng một giấc đến sáng. Khi thức, đã thấy bố ngồi nướng bánh. Nhưng đầu tiên Mon trông ngay lên vách đá. Những con rắn được chỗ có hơi lửa ấm, nằm yên, có lẽ những vết nhấp nháy đã thôi lung lay từ đêm qua. Ngày lại ngày, không còn ai ngó ngang đến lũ rắn nằm sưởi nhờ người trên vách đá. Bởi vì, người ta còn những nỗi lo khác, lo hơn. Nàng Hoa nói:

- Ớn hết chiếc bánh này thì chỉ còn ba cặp bánh nữa thôi. Tuy nghe mẹ nói thế, nhưng trẻ con cũng chưa biết lo. Chỉ có An Tiêm và Nàng Hoa, từ hôm trước, đã thường bàn bạc, lo lắng. Cái lo khi chưa đến thì còn nhẹ nhàng nhưng bây giờ cứ mỗi hôm một xiết lại. Nếu ở rừng, có thể tìm ra nơi đất thịt hun làm bánh ngồi ăn tạm được. Nhưng trên khe núi, một nắm đất mùn cũng không có, ngày kia, ngày kia không còn gì ăn, sống bằng cách nào? mấy lần, An Tiêm bảo Nàng Hoa:

- Hết cái rét này, ta sẽ vào phía trong đảo, tìm đến nơi có rừng thì mới có thể kiếm ra cái ăn được.

Nàng Hoa cũng hy vọng thế. Sự tin tưởng của Nàng Hoa vào những tính đếm của chồng cũng làm nỗi lo vơi đi. Nhưng bao giờ mới đến ngày nắng ráo? ở trên núi quanh năm mù mịt trong gió hú, ngày và đêm cuốn đi, nếu ngày nào không có một lúc hửng sáng trong làn sương đục vào lúc xế trưa thì không ai biết có ngày nữa. Mỗi ngày nỗi lo lại ló ra. Lương cạn rồi mà ngày nào cũng âm thầm thế này. Nhưng có một cái lo hơn lại đến trước. Hết nước. Mon xuống lưng núi, chặt cỏ. Chặt đến hai cây cỏ mà nước chỉ ra nham nháp. Mấy hôm trước, nước cây cỏ phun như vòi. Bây giờ không lên nổi một giọt. Không hiểu tại sao. Mon chạy ngay về, báo bố thế. An Tiêm xuống, trèo lên chặt luôn mấy cây. Chặt đến cả ngọn, cả bụi, cũng chỉ có nước nham nháp. An Tiêm nhớ ra bao giờ cũng đến cuối năm khi mùa khô tới, nước ngược từ trong đất lên nuôi cây. Nhưng đến khi bắt đầu măng mọc, chớm có mưa mới và có sấm, nước trong thân cây cũng vừa cạn. Ai xưa nay đi rừng kiếm cái ăn cái uống làm miếng sống đều biết như vậy. Bọn cây cỏ này cũng như thế chẳng? Nhưng, nếu thế thì điềm cạn nước trong ống cây cũng là lúc trời sắp mưa? Trong cái khó khăn nhất, sẽ thấy được chỗ nút còi. Hết nước trên mặt đất và trong cây thì trời sắp mưa. Phải thế chẳng? Đêm núi hoang dại, không một tiếng động - cả tiếng dế, tiếng kiến cũng không nghe thấy ở núi đá. Con kiến, con dế cũng chưa dám đến, ở đây đêm cứ thăm thẳm thế này. Mọi khi cũng biết thế, nhưng đêm nay, đêm không còn nước uống, đêm càng sâu hơn, rợn hơn, khiếp hơn. Quanh trên đầu, những cơn gió ở đâu lại chồm đến, đuổi nhau, chạy phần phật bốn phía rồi gào lên, tuồn đi, hòa với trăm nghìn vạn tiếng gió khác, như kéo cả triền núi bay theo.

Đang âm ỉm, lại bỗng nín im, chùng xuống, nặng chịch. Rét cong sống lưng. Rét lạnh. Bao nhiêu đêm thế rồi. An Tiêm nhìn ra cửa hang, vẫn tối bùng mắt như mọi đêm. Không một đốm sao. An Tiêm ra lấy củi. Đốt nữa, đốt cho trông thấy ánh lửa dập dờn lên, đỡ hiu hắt. Nàng Hoa hỏi An Tiêm:

- Mình vẫn thức à? Nàng Hoa nói to:

- Đá sao mà đổ mồ hôi, ướt nham nháp cả, mình ạ. An Tiêm quờ tay ra. Mọi khi đá khô khốc, lạnh tê, bây giờ đá ướt nhầy nhựa dưới tay. Trở trời rồi. An Tiêm lắng nghe vách đá trên đầu có tiếng rào rào như tay ai cầm một nắm sạn cọ vào nhau. Đây là tiếng trần, tiếng rần đang bò. ánh lửa hắt lên, thấy trong khe những mình rần nhấp nhánh đuổi dài, không cuộn tròn im phắc như mọi khi. An Tiêm bảo:

- Đá đổ mồ hôi, thế là trở trời rồi. Mọi khi, những con rắn có lửa sưởi ấm thì im thít, bây giờ vừa nồm một cái, lửa lên đã cựa quậy, không chịu được nóng, muốn bò đi nơi khác. Mình trông lại mà xem. Nàng Hoa không nhìn đám rắn trên đầu, mà chỉ hỏi:

- Trở trời mà rắn bò xuống đây thì thế nào?

- Không sao. Nàng Hoa cũng chưa đỡ lo, nhưng An Tiêm đã nói câu khác, như mong mỏi, như dè dặt:

- May ra thì có mưa. May ra... Nàng Hoa chợt nhớ ngày trước:

- Kể ra còn ở Bãi Lữ thì dạo này cũng đến cỡ mưa mới rồi. Không ai nói rõ hơn nữa, mà cùng nghĩ: mưa xuống thì có nước uống. Từ đấy đến sáng, thức và lặng im. Mọi ý nghĩ của hai người đều ngóng ra ngoài trời đêm. Nhưng cửa hang như cái miệng giếng, chỉ thấy đen dày, mù mịt. Một lúc, chợt mờ mờ qua cửa hang như một làn bụi sương. Mon nhóm dậy, hỏi bố:

- Sáng rồi, hả bố? An Tiêm đặt tay lên vai con, ngược mặt và hỏi:

- Con nghe tiếng gì đấy không?

- Không.

- Tiếng gió đấy.

- Gió mọi khi hú to lắm mà.

- Không, gió đông, gió đông khác gió bão. Gió đông chỉ vờn khe khẽ, nghe kỹ mới thấy. Có gió đông về thì ấm rồi. Mon lắng tai nghe xem gió đông thổi khác gió đêm qua thế nào. Nhưng Mon lại nghe những tiếng ùng ục nổi từ đằng xa. Mon reo:

- Gió đông đương kêu ùng ục, phải không bố? An Tiêm đứng lên, cười như reo và nói:

- Không! Sấm đấy! Sấm! Sấm mới rền ở bên kia núi. Thế là đương mưa ngoài bể. Đương mưa ngoài bể rồi. An Tiêm bước ra cửa hang rồi lại quay vào ngay.

- Mưa sắp đến đây. Cả cái Gái cũng đã thức. Gái nói:

- Mưa thì có nước uống, mẹ nhỉ! Nghe câu Gái hỏi, ai đương khát nước cũng động lòng, cả nhà xôn xao lên. Bên ánh lửa nhấp nhóa trong hang, người bộn rộn, cứ ngồi đứng lố nhố trông ra. Một làn sương mỏng vẫn phủ cửa hang, nhưng bây giờ nghe và nhìn trong thình không, cảm thấy từ bên kia núi đưa sang một đám mây mỏng mỏng, tưởng như có những ông sấm đương âm ầm chạy quanh. Đám mây nước đã tràn qua hết ngọn núi sang bên này. Mọi người đều cảm thấy một cơn gió vừa mát vừa ẩm hây hây vào hang, khác hẳn cái gió hanh hao mọi khi. Rồi còn những ông sấm đằng xa, mỗi ông lại rền một tiếng ở một góc trời, các ông sấm cũng mừng sắp có mưa mới đầu năm. Tiếng ào ào xa xa gần gần! Mưa rồi, mưa tới rồi, mưa tới ngay cửa hang rồi. Những hạt mưa to lúc đầu rơi chan chát xuống đá bỗng ào ào xối một chập liền. Nàng Hoa và Gái, cả Mon xô ra cửa hang, tíu tít, luống cuống giơ hai bàn tay hứng mưa, vốc lấy mưa. Những hạt mưa lẹt đẹt trên bàn tay, ai cũng mút tay chùn chụt. An Tiêm ra sau, đặt cái ống cọ hứng nước, lại cầm theo cái tay nải không ném xuống bờ đá. Mưa lộp bộp trên cái nải. Mon hỏi bố:

- Bố giặt tay nải à?

- Không, để tay nải thế cho nước thấm, lấy cái mà trữ nước uống tạm.

Hai anh em Mon không có cái lo ấy mà cứ tưởng tượng được mưa to và có lẽ từ giờ ở trên núi cứ mưa to mãi, lúc nào khát chỉ việc chìa tay ra hứng. Mưa mới, mưa to lắm, mưa lâu thật. Tiếng rào rào liên miên đan khít hai bên tai. Cửa hang không tối nữa, mà bây giờ mù trắng bóng nước. Tạnh mưa, ngoài hang lộ ra một miếng trời còn mỏng nước lóng lánh. Trời đã sáng từ bao giờ không biết. Bước ra, thấy trời và 109 110 núi hơn hơn như chú bộ ngựa xanh rờn vừa lột xác, khác hẳn con bộ ngựa già hôm qua. Trời quang rồi, phía nào cũng trông thấy núi đen sẫm, chạy dài hai bên đuôi mắt. Nhưng không còn cảm nổi ghê rợn như những hôm trước. Trong tiếng gió đông giõn qua, mặt trời chói lọi chiếu vào lớp lớp núi đá vừa tắm mưa xong, lấp lánh muôn ngàn vết sáng kỳ lạ. Những ngọn gió đông từ những vùng trời xa xôi nào đến, giõn trên những khe đá, những hang, những vực, tiếng vờn, tiếng vui, khiến con người bỗng nhiên không còn cảm thấy ngập trong nỗi lo sợ tuyệt vọng nữa, mà thấy như đâu đây, thiên hạ đâu đâu cũng có người, tiếng vang tiếng ấm của con người từ trong bờ quê, sông quê đem đến trong tiếng gió những hy vọng khác thường. An Tiêm bước ra đứng trên một tảng đá lớn nhô ngay dưới mái hang. Nàng Hoa nhìn theo, thấy An Tiêm đương vẫy tay. Nàng Hoa và Gái với Mon cùng ra trèo lên. Một niềm vui lạ lùng đến trước mắt: mặt đá hùm chỗ chân đứng đã thành cái vũng đầy nước, lấp loáng ánh mặt trời. Không ai bảo ai, cả nhà cúi uống ngậm nước mưa mát lạnh. An Tiêm trở tay lên bốn phía, nói:

- Chỗ nào có tảng đá to sang sáng là có hùm nước trên nóc. Trời cho ta những cái giếng nước kia đấy.

Mon nhìn mấy tảng đá gần thấy trên nóc đều đọng nước, bóng mặt trời sáng chói. Có hùm sâu như hang, trong có rêu. Đã lâu, rêu khô xác, bây giờ nước xuống, những nạm rêu khô lại xỏa ra, mềm lưa xám mờ dưới đáy nước. Mon và Gái chạy chườn các mỏm đá ra xa, còn thấy nhiều cái giếng trời như thế. Mon về bảo bố:

- Nhiều giếng đá lắm. Chẳng cần cái tay nải thấm được vài ngụm nước của bố đâu. Chiều hôm ấy, An

Tiêm bàn với Nàng Hoa:

- Nhiều nước mưa thế này, lại còn mưa suốt mùa hè nữa, ta khéo giữ thì ta có nước uống quanh năm. Không sợ chết khô trên núi đá như bọn nhà nhái bén nữa. Có cái uống, nhưng ở núi đá thì chẳng kiếm được cái ăn. Ta cũng không thể ở mãi chỗ núi đá trọc thế này. Bây giờ đã sang mùa ẩm, có nắng, ta tìm ra trước mặt xem chỗ nào có rừng. Phải thấy rừng mới kiếm được cái nuôi sống người.

Chương 08:

Thế là, một ngày kia, cả nhà An Tiêm rời đỉnh núi đá, đi tìm rừng. Tan sương sớm đã ra khỏi hang đá - như khi mùa lạnh đã qua, đàn rắn bỏ nơi tránh rét, bò ra kiếm ăn đàn rỏi. Ra đi, tràn đầy hy vọng. Nhưng thật là chỉ cầu may. Vì đi người không.

Chỉ còn lại góc bánh dày đã lên mốc xanh. Bánh đã hết từ lâu, nhưng vẫn cố giữ mấy miếng. An Tiêm đi trước, lưng giắt con dao. Mon theo bên bố. Gái bước cạnh Mon và Nàng Hoa, vắt cái tay nải nhẹ nhàng trên vai. Mỗi bước lại phải chuyễn qua một vong đá. Nhưng Nàng Hoa và Gái muốn đi dấn mau nữa. Trong cảnh khốn cùng, mọi người cứ muốn tưởng tượng như có ở đằng kia những cảnh làm ăn, có đám trảy hội. Ấy bởi từ lúc xuống đến lưng núi, đã trông thấy một lẩn viển rừng xanh đằng xa. Bao nhiêu ngày rờn rã rét mướt ở hang, nằm trong mây mù u ám như dán liền lên trời! Bây giờ, trong nắng hắt, những cánh rừng sáng xanh lơ lửng dưới kia, nghĩ như trong ấy được nghe thánh thót tiếng chim. Nhưng mẹ con Gái không thể chuyễn như sóc chạy trên đá, mới xuống đến lưng núi, bụng chân đã tức anh ách. Rồi mặt trời ngả phía chân rừng, cái lạnh nhuộm vào hai vai áo, mà rừng còn xa, hãy còn lửng lơ giữa dốc. Chỗ ấy không có cây tiện trèo tìm nơi ngủ kín đáo. Cả nhà đi kiếm rêu đá, chất đống cao như gò rơm. Rồi nhen bùi nhùi, đốt lên, rực một vùng ánh sáng, khiến người quên cả bụng đói trong veo. Nàng Hoa bảo các con:

“Mọi khi ở hang, mẹ thấy đá sắp sập xuống, hôm nay ngủ được thấy có trời cao trên đầu, dễ chịu hẳn”. Sáng sớm, lại đi từ lúc còn sương mù. Gái bảo Mon:

- Có mùi thơm thơm trong sương. Mon nói:

- Như mùi hoa tầm xuân. Gái cười:

- ở đây có hoa tầm xuân à?

Mon cũng cười, không trả lời được. Một lúc, trông ngang mắt, thấy đỏ hồng như một rừng đào. Nhớ ngày nào, thuyền ra cửa sông, thấy rêu đá đỏ hắt chân trời. Đến gần, không phải rừng đào, cũng không phải rêu đá. Quả nhiên đấy là những bụi tầm xuân mọc liền thành rừng. Bụi tầm xuân từ bao giờ mọc lên, những khúc dây quấn quít cuộn cuộn cao như tường. Đương vào mùa hoa tầm xuân, khắp nơi, ửng màu hồng nhạt. Hoa tầm xuân, hoa hồng dại, các cỗi đất quê ta, đâu cũng có, từ triền Tam Đảo xuống qua vùng đồng bãi hai bên sông Cái sang đến vườn Tản Viên, ngoài rừng tre rừng mía, những bờ bụi tầm xuân nở đầy. Thế ra ở đảo hoang đây cũng có tầm xuân đến trước người, như ở bờ sông Cái. An Tiêm nhìn Mon, rồi nói:

- Con nhớ được mùi hoa tầm xuân này ở Bãi Lữ, giới đấy. Phải, nơi này cũng như quê mình, cũng có hoa tầm xuân. Hoa tầm xuân nở thì hết mùa lạnh. ở Bãi Lữ, thế là lại sắp đến mùa nước, lại lo đấy. Các con ạ,

sau này ta sẽ đưa người ra đảo mở đất, rồi đây cũng thành như Bãi Lữ ở sông Cái. ừ, có khi sau này... Mon góp chuyện với bố:

- Khi ấy con đã lớn bằng những người theo bố mẹ lên ngược lập làng đánh trâu nước lấy bãi, lấy đất ở sông Cái, con cũng theo bố mẹ... An Tiêm cười:

- Khi ấy thì một mình con đem dân ra đảo được rồi. Từ chỗ gặp cây, đường đỡ quanh quẽ hẳn.

Những bụi tầm xuân rồi lác đác những bụi cây có hoa không biết tên, cái đỏ cái vàng cái tím cái trắng xôn xao chen quanh bước đi và trong tầm mắt. Đã qua những rừng tầm xuân, một lúc sau lại đến trước những cây lớn chen gốc nhau, cành lá và dây leo kín mặt đất. Những tòa cây kỳ lạ, xanh đen, xòe lá như ngòai xồm mà ngửa mặt lên cao xanh, như những cây bứa cành ngang thân thẳng đứng, trông lên đến hết ngọn vẫn chỉ thấy thăm thẳm im lặng. Cây ngòai, cây đứng ken liền. Cả nhà phải đi lên lưng chừng cây. Nàng Hoa và Gái bám chân bám bấu từng cành rồi mới dám men sang cành khác. Vướng. Váy áo mẹ con rách lượp tướp. Sang đến bên kia, xuống được mặt đất, ai cũng lem luốc nhọ cả đến tròng mắt. Hai đầu gối xuống dốc dồn muốn khuyu. Nàng Hoa đứng vịn tảng đá run lấy bầy, một chốc mới gượng lại được. Trời tối ngay ở chân dốc. Trông thấy cảnh rừng thưa trước mặt. Đêm nay đốt nhiều lửa hơn. Những đồng lửa chồng chồng. Khói cuồn cuộn, những ông sao cũng lấp láy muốn trôi theo khói. Nàng Hoa và Gái mệt nằm lả. An Tiêm ngòai đốt củi, nghĩ thương vợ con, cứ chuyện cho khuây.

- Mình nghe tiếng gì không? Nàng Hoa hé mắt, lặng im.

- Tiếng suối chảy trong rừng trước mặt. Ta gặp suối rồi. Mai ta sẽ đến suối, lấy nước suối uống. Ta sẽ làm nhà ở ngay đầu con suối. Nàng Hoa mỉm cười, An Tiêm lại nói:

- Mình ạ, lúc này đi lấy củi, tôi nghe có tiếng hươu kêu. Mon nói:

- Con cũng nghe tiếng, gần lắm. Mon hí hửng tưởng bây giờ có tiếng hươu, có thể đi bắt ngay. ở rừng bắt hươu như thò tay vào xó cửa bắt con gà, làm sao có thể chết bên cạnh miếng thịt được. An Tiêm và Mon còn kể chuyện vui một lúc nữa. Chuyện ngày trước ở Bãi Lữ, khi mới đến. An Tiêm dang tay bá cổ hươu mà hươu cũng không chạy. Chuyện ấy, hôm nọ kể đã nhiều lần, thế mà lần nào kể lại, lần nào cũng thấy lý thú. Nhưng Nàng Hoa và Gái chỉ còn gượng vui trên nét mặt, không thể đáp chuyện. Đồng lửa vẫn rừng rực, đến khuya không còn nghe tiếng người nói nữa. Những cơn ngủ thiếp, lử lả bên đồng lửa. Sớm hôm sau, An Tiêm bảo Nàng Hoa:

- Tôi đốt lửa thêm cho mình nằm đây sưởi. Mình ở đây với con Gái, tôi với thằng Mon đi tìm cái ăn và đem nước về, gần thôi. Trong những đóm cỏ xanh đằng xa có cái gì đưng đậy, nhấp nhô. Mon chớp chớp mắt. Những cái bóng vắn nhô nhố trên tảng đá.

- Bố ơi!

- ...

- Đẳng bãi cỏ... An Tiêm chăm chú nhìn rồi nói:

“Xuống gần nữa mới rõ. Con gì thì hay quá”. Rồi bố con leo xuống. Mon reo:

- Hươu! Hươu! An Tiêm cũng nói to:

- Trời ơi! Của rừng đây rồi.

Trong bụi cỏ có một đàn hươu đang giỡn. Con hươu đực đốm sao, cặp sừng kèn càng trên đầu, hếch mũi nghe ngóng. Mon rón rén. Đàn hươu vẫn vừa giỡn vừa gặm cỏ. Trong đám, rộ lên những tiếng kít kít nho nhỏ mỗi khi hươu chen nhau nhảy quanh tảng đá. Mon đã đến gần lắm. Mùi hươu tỏa ra ấm sục sục. Rồi Mon đứng lên, dang hai tay, đi vào. Mấy con hươu đương đùa nhau bỗng đứng lại. Thoắt một cái, hươu rút chân, chạy như gió cuốn. Cả đàn hươu chạy theo. Mon tưởng hửng, đứng trơ. Hai bố con nhìn nhau. Đột nhiên, không để đâu hết lo. Mẹ và em đương đói lử lả đằng kia, hôm nay nữa mà không được miếng ăn thì... Cả mình nữa, mắt nhìn đã vàng lóe... Bố con tạt sang rừng khác. Tưởng như trong các cánh rừng, những con hươu đã biết tin có người đến bắt hươu - vô khối dấu chân chạy mới chồng lên nhau, dấu chân nặng vết ngăn, sâu hằn, thoạt trông cũng biết nhiều đàn hươu vừa chạy qua đây. Nhưng không thể đuổi được. Mon đã thấy nhọc lắm. Bố vẫn cầm cúi đi. Mon cố theo. Biết Mon mệt, đói, chốc An Tiêm lại đứng lại, đợi con. Mon biết ý bố, nhưng Mon chỉ nhìn bố, rồi lại cố đi. Hai bàn chân dần dần, lải rải... Mon đứng lại. Mon gọi:

- Bố ơi! An Tiêm đứng, cúi xuống.

- Bố trông cây này... cây gì... An Tiêm reo:

- Cây ngót! Mon nói:

- Cây ngót như ở bờ sông Cái ấy a?

- ừ, cây rau ngót như ở bờ sông, nhà mình vẫn nhặt ăn. Trong rừng thưa, đất ẩm kín mùn lá. Những cây lá ngót mọc thành vạt dài, thấp cùn, ken dày, thoạt trông tựa lá han, lá ké, không nhận ra

- nhưng trông kỹ, những cây ngót thật khác. Cây ngót rừng, thân lẳng khăng, lá xanh mờ, mới nhìn đã ngon mắt, biết là ăn được, khác hẳn những lá thuốc hay lá độc. An Tiêm nói:

- Thế là sống rồi! Lấy lá ngót về ăn tạm, con ạ. Hai bố con hái được hai ôm to rau ngót. Lại ngắt lá dong rải ra, lấy dây buộc lại, mỗi người đeo một ôm về. Nàng Hoa và Gái vẫn nằm thiếp cạnh đồng lửa đã vạc. Nhưng nghe tiếng người, Nàng Hoa mở mắt, khẽ hỏi Mon:

- Bố đâu? Mon đáp:

- Bố còn ra suối lấy nước.

- Suối gần hay suối xa?

- Tiếng suối nghe róc rách từ đêm qua ấy. Nàng Hoa nhớ đêm qua có nghe như tiếng gió thổi trên ngọn cây. Mon nói:

- Được cái này ăn rồi. Mon mở gói lá. Nàng Hoa nhìn, nhưng mắt mờ, không trông rõ. Nàng Hoa khe khẽ hỏi:

- Cái gì thế? Mon nói:

- Lá ngót, mẹ ạ. Mon buộc cả ôm lá ngót bọc mấy lần lá dong, lại quấn dây vào. Mon khêu lửa, vùi cả bọc vào giữa đám than đương còn đỏ. Mon hầm lá ngót. Một lát, Mon lôi bọc lá dong đã cháy thui trong đồng than ra. Mon gọi mẹ, gọi em:

- Dậy nào! Dậy nào! Mon xốc Gái lên. Trông mặt em thiếu ngủ quá. Nhưng có lẽ bởi Mon là anh, Mon phải cố thể thôi, chứ Mon cũng đói rét cả bụng đây. Mon mở gói ra. Mon hầm rau khéo quá. Đám lá dong bọc ngoài cháy đen vừa bén đến lá ngót. Cái lá hầm chín nục, bấm ngón tay đã đứt đôi, bốc khói thơm nghi ngút. Nàng Hoa ngồi dậy, tay vén làn tóc xõa và khẽ hỏi con:

- Bố vẫn chưa về à? Vừa lúc ấy, An Tiêm đang bước tới trước tảng đá. An Tiêm quảy trên vai một bó cây trúc, hai đầu buộc hai túm lá dong

- đựng nước suối. Từng giọt nước nhỏ theo bước đi. An Tiêm mở một miệng gói lá như cái gàu nước, đến trước mặt Gái:

- Con uống hớp nước cho tỉnh. Hai mẹ con Gái uống. Nước suối trong mát ngọt như được ăn lẫn mía. Uống rồi mà còn tớp tớp miệng. An Tiêm nói:

- A, nướng rau ngót rồi à? Thơm quá. Rau ngót nướng ăn ngon lắm đấy. Nướng nốt bọc ngót này nữa.

Bữa xuống rừng đầu tiên ăn toàn rau ngót. Thế cũng hay, đi một quãng nữa thì đến đầu con suối, chỗ mình định làm nhà, gần thôi. Khói lá ngót nóng nức, bốc lên mùi bụi bụi. Đói quá cũng không ăn được. Nàng Hoa và Gái chỉ nhấm từng chiếc lá chín. Mon khác, Mon thấy đói ghê, Mon bỏ vào miệng từng nắm to, gần như nuốt chửng. An Tiêm nói:

- Ớn xong rồi chốc nữa ta về nơi ta ở. Chiều hôm nay Gái vào rừng với anh mà kiếm rau, chỗ gần suối nhiều ngót lắm, bố trông thấy rồi. An Tiêm lại cầm bó trúc lên:

- Chỗ ấy có cả rừng trúc này. Thế là có cái làm nhà rồi. Có trúc thì thế nào cũng tìm ra tre. Rồi có mai, có nứa, có vầu. Được những thứ ấy thì nhà mình có đủ tất, đủ cả nồi thối nấu, chẳng khác nhà ở Bãi Lữ. Ớn

hết lá ngót, Nàng Hoa và Gái thấy khoẻ khoắn lại. Thế là cả nhà lại đi. Đã sang rừng phẳng, không phải leo như những hôm trước. Thoạt trông thấy mặt suối óng ánh. Nàng Hoa và Gái ủa đến. Chẳng khác lúc bố con An Tiêm thấy cái suối, chạy vội lại, như bao nhiêu năm mới thấy. Hai mẹ con rồi rút vục tay, hắt nước lên mặt một thôi một hồi. Cho mát lạnh đến cả hai tròng mắt, bấy giờ mới ngẩng nhìn xung quanh. Mon đứng im, chăm chú nghe, rồi hớn hờ hỏi:

- Cả nhà có nghe tiếng gì không? Gái nói:

- Tiếng suối đấy.

- Không phải.

- Chịu.

- Tiếng ve! Tiếng ve kêu! Nghe thấy chưa? Tiếng ve! Mọi người lắng tai, nghe lẫn trong tiếng suối róc rách, nếu không để ý kỹ không biết được, từ nguồn nước xa đưa lại tiếng con ve núi giọng kim kêu lạnh lạnh. Tiếng ve núi giọng kim trong vắt, thường núi nào cũng có ve kêu lúc xẩm tối dưới gốc cây, ve kêu nửa đêm trên lưng cây. Nhưng bao nhiêu lâu nay, Nàng Hoa và Gái với An Tiêm và Mon nữa, mới lại được uống ngụm nước suối, mới lại nghe tiếng mõ con ve. Bỗng thấy lạ quá, sừng sốt, thế rồi lại tưởng vẫn như ở Bãi Lữ ven sông Cái ngày nào. Dù sao, cũng thấy sống rồi. An Tiêm điềm nhiên nói, như mọi việc hằng ngày vẫn thế:

- Con ve kêu có buổi. Bây giờ ve kêu vậy là chiều rồi. An Tiêm lại trở tay:

- Nhà ta sẽ cất trên lưng chừng cây kia. ở đây không phải chỉ có vết chân hươu thôi, mà cả vết hổ, vết gấu, vết trâu. Phải ở cao thế mới được. Ta sẽ cất một cái nhà cẩn thận, mà đẹp. Khác gì ở Bãi Lữ nào!

Năm lá ngót đem cái khỏe lại cho người và cũng làm cho buổi chiều ấy khác hẳn tối hôm qua. An Tiêm vác vè, ném đùng xuống những cây gỗ lớn. Nàng Hoa bắt đầu nhóm lửa. Mon và Gái mỗi đứa kiếm một ôm lá ngót nữa. Lúi húi nhặt, đem bọc vào mấy lần lá dong rồi vùi lửa. Trong khi ấy, An Tiêm hơ lửa thui những đốt trúc. Cây trúc già, cứng đặc ruột, chẳng khác gỗ lim. An Tiêm hun cẩn thận từng đốt rồi vót nhọn một đầu. Cái đầu trúc nhọn hoắt, lại có ngạnh như lưỡi câu.

- Từ mai đi đâu mỗi người có cây trúc cầm tay. Nó là đòn càn, lại làm dao, làm giáo giữ mình và kiếm cái ăn.

†n xong, thì trời vừa tối. Miếng lá ngót nướng còn ngọt miệng, vẫn bùi và thơm lạ. Bọn lá dong thừa bây giờ đem trải ra quanh lửa làm chiếu nằm. Đống lửa lại phần phật reo. Đêm nay vẫn trời trong và lắm sao như đêm trước. Canh khuya, nghe tiếng suối nỉ non ngay trong bóng tối bên cạnh và thỉnh thoảng tiếng ve kim đặng xa lại nổi từng lúc, như tiếng khèn. Mọi người thấy êm ấm lại vui vui. Không còn những đêm lặng ngắt, chỉ có tiếng gió hú như ở núi đá mọi khi. Mon mơ màng nhìn khói cuộn tàn lửa lên trời, lẫn lộn không

biết đâu đốm lửa đâu đốm sao. Những đốm lửa tàn giữa trời, lả tả rơi xuống xung quanh rồi tắt. Để ý nữa, sao lại có những đốm lửa rơi đằng kia tắt rồi lại nhấp nháy sáng. Lại thêm những đốm khác xa gần hiện ra. Bóng nước suối a? Không phải. Cứ nhấp nháy đôi một. Bóng sao đôi ngôi động lại đấy a? Có thấy sao đôi ngôi xuống đâu! Cũng không phải.

- Cái gì đo đỏ đằng kia, bố à? An Tiêm bỗng khẽ kêu:

- Mắt hươu! Mắt con hươu đấy! Mắt hươu ban đêm bắt vào lửa thành hai chấm đỏ. Mắt hổ thì xanh hơn, to hơn, sáng hơn. Mắt cáo, mắt cầy, mắt gấu xanh mờ. Hươu đây. Chắc hươu thấy lửa, tò mò men đến. Cứ ngồi yên cả nhé, yên nhé. An Tiêm cầm một cái lao trúc vừa vót xong, cúi rạp người, bước ra. Bây giờ càng rõ nhiều đốm đỏ, giỡn chập chờn. Mon tưởng có lẽ đàn hươu đã gặp ban ngày. Đàn hươu dường đi vắng quanh, nhìn những ngọn lửa kỳ dị chưa bao giờ hươu được thấy. Tất cả im phắc

- người và rừng đều im. Chỉ có tiếng củi lép bép và những đôi mắt hươu thoang thoáng. Bóng An Tiêm từ từ rướn cao. Ngọn lao phóng vút vào bóng tối. Đằng kia, nghe một tiếng "toác" như tiếng ống nứa nứt đêm mùa hanh. Rồi tiếng ràn rạt trên cỏ. Những đốm sáng biến mất. An Tiêm quơ một chiếc củi lửa, chạy ra. Mon và Gái, cả Nàng Hoa, cùng đứng dậy. An Tiêm đã trở lại. ánh lửa rừng rực, An Tiêm bước vào, kéo theo một con hươu, cái lao trúc còn cắm xuyên chéo trên đầu hươu. An Tiêm cười, nói:

- Khéo quá. Mai khởi công nhà mới, được con hươu ăn mừng. An Tiêm bảo Mon soi đuốc ra ngoài bới một túm cỏ tranh. Cỏ ấy đốt lấy tro ăn với thịt hươu nướng. ở Bãi Lở, người ta thường ăn thịt với than cỏ tranh. Các vùng ven sông không có muối ăn như cách thức của người đường bể. Mon vừa bới nhổ cỏ vừa nghĩ đến cái nhà sắp làm và nhớ hôm trước, ở sườn núi xuống, An Tiêm trở tay trước mặt, bảo Mon:

- Con trông kìa. Một màu xanh đen cánh rừng bạt ngàn. An Tiêm bảo Mon:

- Con ạ, đứng đây nhìn xuống khác nào ở triền Tam Đảo trông ra bờ sông Cái. Các cụ nói ngày trước rừng Tam Đảo liền từ bờ sông vào chân núi. Đến khi có người đặt chân tới, như đất Bãi Lở mình đây, rừng phải giật vào núi, nước dữ phải trở về dòng, rừng núi sông nước kia phải biết kiêng tay kiêng sức người ta đấy. Không biết bây giờ ở Bãi Lở thế nào, lại đương mùa nước lên, mùa này đương mùa nước. Rồi An Tiêm và Mon đến một khoảng trống có đá lẫn vạt cỏ cạnh nguồn nước bên rừng.

- Ta sẽ làm nhà ở ngọn nước này.

Nhưng cái nhà mới của An Tiêm không giống cái nhà nào ở ven sông Cái ngày trước. Nhà ven sông bằng lau sậy, bằng rơm, bằng tre, bằng đất. Nhà ở rừng sâu thì chỉ có gỗ và đá, ở đâu lại nghĩ ra cách làm nhà theo đấy. Chỗ ấy có mấy cây nghiêng mọc chụm quanh tảng đá. Những thân cây, những tảng đá nhỏ, đá vụn lấp chận cả bốn phía, đá liền với thân cây, thành một nền lừng trên có sàn gỗ. Ba phía, lấy thân cây về ken trúc dựng đứng làm vách. Mái phủ tạm lá dong xanh óng. Một phía trống lỗ cửa xuống. Một cây gỗ cao, dẻo từng bậc, làm thang lên. Người vào cả rồi, kéo dựng cái thang lên, thế là túp nhà một mình trú giữa cây, như cái tổ chim to. Chỉ còn con gấu có thể leo cây nghiêng lên được. Nhưng cả bốn phía đều có thân cây để

nấp. Đứng trong nhà mà xía lao xuống, con gấu chỉ có đường chết. Giữa sàn nhà trồi lên một khoảng mặt đá, đấy là bếp. Suốt ngày đêm trên bếp được giữ có lửa. Củi cây rừng chắc không bộp như củi cọ. Những cây củi kiếm về dựng bốn phía, cứ việc thò tay rút. Đống lửa rầm lúc nào cũng lên khói trước mặt. Thế là từ đây lại có nhà ở và đống lửa, được làm người như thường. Trên cột đầu nhà treo sợi dây dài, mỗi ngày buộc một nút, đánh dấu cho biết ngày tháng. Lại bắt được một con rùa ngoài khe đá về, đào lỗ cho rùa ở ngay bên chân cột. Cả nhà ai cũng biết xem điềm rùa, cứ rùa thò đầu ra hay rùa nằm quay vào, biết được sắp mưa hay sắp nắng. Con người ta phải biết tính đếm như thế. Rồi trong vườn nhà, ít lâu sau, các đầu cột đều có lạt buộc thông lòng xuống dài ngoẵng từng miếng thịt hươu. Những miếng thịt hươu ướp tro rể cỏ tranh. Ngày đêm, khói bếp dày đặc, miếng thịt đỏ hắt rồi đen xạm, khô quắt. Thịt ấy, trừ quanh năm. Khi cạn thức ăn, lại xẻo một miếng xuống. Bắt mỗi con thú, được thịt ăn, đem cái xương đầu treo lên vách. Dần dần, trên cột vách lộ nhô những bộ xương đầu hươu có sừng bè ngang bè dọc, những đầu con dê núi, sừng một nhánh cong vắt như đội mũ. Chẳng bao lâu, lại đã vào mùa lạnh. Cái rét về sớm trong rừng. Có khi mấy hôm không ra khỏi nhà, bếp đỏ suốt ngày giữa sàn ở lưng cây. Trong khi làm nhà, tìm thêm được mấy thứ nữa. Gái đi kiếm lá ngót ở một khoảng rừng xa. Chỗ ấy khuất, chỉ thấy tàu lá đen sì trên những thân cây cao vút. Gái đoán cây cao thế thì dưới gốc thoáng, chắc có rừng ngót. Gái lần vào. Đúng như vậy, những đám ngót ken kín mặt đất.

Chỉ có cái lạ: chỗ quanh mỗi gốc cây, đất nhẵn thín, hình như có những quả như quả trám lẩn lóc. Xem kỹ, đúng quả trám. Những quả trám trắng già lố đổ vàng, bên cạnh vết chân hươu và phân hươu. Phải rồi, con hươu nghiện ăn trám. Ngày trước, ở ven sông Cái thành làng đã lâu mà từng đàn hươu còn về tìm trám quanh nhà. Vào cuối mùa mưa, cứ nghe chó cắn động gốc trám, cả xóm lại đem lưới ra chăng kín các lối vào rừng. Có lần bắt được một lúc hàng chục con hươu. Gái nhặt trám, bọc thành từng gói lá rồi bẻ cái gậy, quảy về nhà và kể chuyện thấy vết chân hươu như thế. Cả mấy tháng ăn vã rau ngót và trám trắng vùi lửa với thịt hươu nướng cũng chán miệng và sát răng. An Tiêm nghĩ cách đào lấy đất nặn bát, nặn nồi rồi đốt củi làm than nung. Nhưng những chiếc bát đàn và nồi niêu đều vỡ sập, lẩn ra như hòn cuội. Đất rừng ẩm, sâu ngập quá đầu người mà vẫn chỉ một thứ mùn lẩn cuội. Không phải đất thó, đất nặn không ăn, không làm nồi, cũng không nung bánh ngói được. Lại vẫn rau ngót và trám trắng chén tràn với thịt hươu nướng. Khi những rặng tầm xuân bắt đầu nở trong mưa bay như mưa ra bụi hồng, mới biết cái Tết đã qua. Đầu năm cuối năm bây giờ lại có những thói quen và dấu hiệu mới. An Tiêm từ ngoài rừng về. Vai vác cái gì dài, xa trông như khoác ngồng ngoèo trên cổ một con trăn. Về gần đến bên suối nước, mới nom rõ cây vầu.

- Tìm được một rừng vầu! Nhiều lắm! Đã bảo mà, có trúc thì phải có tre, có vầu, có mai...

Cây vầu của quý này làm được hai việc mà từ khi đến đây không có. Chặt bốn đốt vầu dài liền nhau, lấy cái lao trúc tống đá xuống lòng ống, phá thủng ba mắt ống, chỉ để một mắt sau cùng, thế là Gái được ống vầu vác ra suối lấy nước. Kề hứng một lát cạnh mỏm đá, đã được đầy ống, vác về dựng bên chân cầu thang. Như thế, đêm hôm khỏi nổi lục cục trèo xuống, mò ra tận suối lấy nước. Bây giờ chỉ việc với tay ra ngoài vách, lôi cái ống vào, thế là khối nước uống. Nhưng được ống vầu đựng nước chưa thích bằng ống vầu làm nồi nấu canh, nồi kho thịt. Mọi khi, đành ăn lá ngót nướng, lá ngót hầm, quả trám và lá ngót lùi.

Bây giờ, một khúc vầu, mỗi đầu một mắt, thế là được hai ống để nấu canh. ống vầu tươi đặt nghiêng giữa bếp. Lửa đơm than lên ngọn cả cái vỏ vầu đã ám khói, cháy xèo xèo. Cháy hết lượt vỏ vầu, canh ngót cũng vừa sôi, nhắc liền ống ra. Canh rau ngót thơm mát lạ lùng, trời ôi, cái nước canh ngót. Nước canh ngót này mà có cua, có hến sông Cái... Nửa ống vầu kia để làm nồi kho thịt với trám. Có ống vầu cũng như có nồi, bếp núc làm gì cũng tiện. Rồi thanh vầu vót làm đĩa, mắt vầu làm bát, làm muôi. Giá có gạo thì ống vầu còn làm cái lam cơm. Nhưng bây giờ thì làm thế nào có hạt gạo, bao lâu nay không trông thấy một hạt cơm.

Mùa lạnh nữa lại tới. Đến độ rét mướt ấy thì xống áo vợ chồng con cái bạc và rách như xơ mướp. Người đi cách một quãng, trông đã lẫn cả vào bóng đá. Chỉ cái váy sồi nâu của Nàng Hoa và của Gái còn hơi tinh tươm. Năm trước, Nàng Hoa đã nói:

- Minh ạ, làm sao giữ được xống áo nên hồn.

Cho khi nào trở về được còn có cái mà mặc. An Tiêm cũng vẫn có ý như thế. Cái thắt lưng điều của bố và của con trai với hai cái khăn chàm, không mấy khi dùng đến. Nhưng tai ác cái giống vại, chỉ để không mà cũng tã dần ra. Biết làm thế nào! Gió núi thổi hun hút xoáy vào từng lỗ áo rách, xé thêm ra, cái rét càng như gai châm, người đi cong gập lại, không lê bước nổi. Mới mấy hôm rét mà đã không ai ló được khỏi lỗ cửa, chỉ quanh suốt ngày trong lều với lửa ở lưng chừng cây. An Tiêm nói:

- Mình còn nhớ cái năm ta mới lên Bãi Lữ, chưa ai trồng bông, trồng dâu được, cả làng phải tước sợi bẹ cọ ra làm váy áo đắp thêm cho khỏi rét.

- ừ, cái sợi ở bẹ cọ rừng, nhưng còn cái kim...

- Có thể nghĩ cách làm được kim. Nhưng cọ thì ở cánh rừng này không có. Thôi, mai nắng đi tìm thêm. ối thứ khác làm được cái mặc... Mình để ý mà xem, có phải khi mới ra đây, tưởng không bới đâu được thức gì, thế mà rồi vẫn có. Cả mấy ngày ấy, ai cũng vợ vẫn đi tìm. Một hôm, ở rừng về. An Tiêm mừng rỡ, chưa chui vào cửa, đã nói to:

- Tìm được rồi.

- Cái gì, hả mình?

- Vỏ cây sui.

- à vỏ sui, đây cũng có cây sui à? Vỏ cây sui để làm xống áo cũng không lạ đối với người đã ở Bãi Lữ.

Mới đến Bãi Lữ, người ven sông còn thừa thớt lắm, đàn ông chỉ độc một cái khố, trẻ con thì trần truồng quanh năm. Đến mùa lạnh, các chòm xóm xô vào rừng lấy vỏ cây sui đắp vào người, mùa lạnh nào cũng thế. Khi An Tiêm lên mở đất Bãi Lữ, Nàng Hoa đem theo nghề trồng dâu chăn tằm, kéo kén, dệt sợi rồi lại trồng bông. Từ đấy, người Bãi Lữ có vải, có sợi gốc, biết nhuộm nâu, nhuộm chàm, biết dẫn bùn cho thâm

xống áo. Bây giờ, lại như ở Bãi Lữ ngày nào, vào rừng tìm vỏ cây sui. Không ngờ cuộc đời lại có khi ngược nước như thế. Cây gỗ sui mọc hốc hiểm trong khe ẩm hơi đá tối hốc sâu. Cây sui ấy cao mấy đầu người, lá rộp mặt đá. Không trông thấy gốc, đến gần vẫn tưởng đấy là bụi cây dại. Vì thế, đã có khi trông thấy nhưng chẳng ai hơi đầu mò vào để cho con rắn, con trăn tưởng vào trêu nó. Lại có khi lá han xát ngứa móc thịt ra. Thế mà An Tiêm đã lần mò tìm được. Lấy dao khía vỏ cây sui, bóc ra, đem về. Mẹ con Nàng Hoa, mỗi người quảy một gánh nặng. Vỏ sui phơi trên mỏm đá, những ngày nắng, khô rắn như mo nang. Lúc ấy, lấy đá ghè kỹ như người đập vải. Vỏ sui mềm dần, rụng lần vỏ ngoài, còn lại một lớp sợi tơ ra như sợi bông, bết thành nạm trắng xám, càng phơi, nạm tơ sui càng kết lại. Được mấy nắng. Nàng Hoa đem vào, xé cho cả nhà, mỗi người một mảnh. Xé rồi buộc, Nàng Hoa buộc thật khéo. Miếng nách buộc lên vai, lại khoanh lưng mấy nạm, vắt lại, vạt trước vạt sau không còn một chỗ hở. Riêng vạt trước xòe xuống có miếng vỏ sui dày phủ kín đầu gối. Thừa bao nhiêu, buộc từng mảnh, thế là mỗi người còn được cái chắn đấp. Váy áo vỏ sui trắng bệch, trắng xám, ai trông cũng lúi húi, lom khom như nhà gấu trắng ở núi. Tuy vậy, ấm như khoác cái sưỡi trên người, chỉ một lúc đã quen như mặc xống áo thật. Nhưng, Nàng Hoa nhìn chồng, nghĩ mà thương. Dễ thương người già đi rồi hóa gấu thật. Bao lâu rồi, tóc An Tiêm dài quá lưng, kín tai, chỉ còn hai con mắt lay láy giữa bộ râu quai nón lốm đốm bạc mọc trùm lên cả đuôi mắt. An Tiêm cũng thấy vợ thật đáng thương hại. Mẹ con nhà nó vất vả quá, lam lũ quá. ở Bãi Lữ cũng chỉ gian nan có thoảng có thì. Bây giờ vì mình mà mẹ con phải chịu đi dày đến chốn bơ vơ thế này. Thằng Mon đụp cái áo sui đến đầu gối, lụ khụ như ông cụ. Nhưng nó phóng lao trúc khỏe lắm đấy. Mon cứ ra rừng là y như phải kéo theo về, có khi cày hương, có khi nai, có lần Mon chạy về gọi cả nhà ra khiêng con nai to quá. Khỏi cái lo rét, lại tìm được củ mài. Khi trở nồm có đá đổ mồ hôi, con rắn, con trăn, con gấu đã bỏ hang hốc tránh rét bò ra kiếm ăn, những cánh rừng đại ngàn không còn làm u ám rầu rĩ hai con mắt nữa, rừng đã nở lá non thơm mát mũi, phía nào lá rừng cũng cuộn cuộn xanh lên như khói. Đến một quãng rừng thoảng, An Tiêm ngẩng đầu, thấy một dây nở hoa tím bò ngọn cây. Chiếc hoa tím, cánh cụp thì đậm, cánh nở thì phai, đầu tiên, tưởng hoa của cây ấy, nhưng trông lại, biết hoa trong những dây leo dưới đệp lá chẳng chịt. An Tiêm bảo Mon:

- Hượm đã, con ạ.

- Cái gì thế? Mon rút chiếc lao trúc, cầm sẵn tay, nhìn ra. Chưa biết sao, hãy phòng sẵn, đấy cũng là biết cách đi rừng. Nhưng An Tiêm lại nói:

- Lên xem cái dây kia.

- Chỗ hoa tím tím ấy à? An Tiêm trèo lên, chặt quang mấy bụi cây ngoài, len vào tận nơi. Cái lá to như lá măng bát, không phải dây bìm lá nhỏ lẫn lẫn, nhận ra đấy dây củ mài. An Tiêm quay lại, nói to xuống:

- Củ mài! Củ mài! Mon leo vào tận nơi. Hai bố con hí húi phát quang hết các dây dợ xung quanh, còn trơ lại một gốc dây mài bằng cổ tay người lớn.

- Củ mài này to lắm. Kể ra, phải đến tháng tám ăn mài mới khỏi sợ. Nhưng mấy năm nay chẳng được

miếng mài, cứ đào vè, để ráo nhựa một tý thôi. Đào theo dây xuống, được lưng chừng, đã quá trưa, phải bỏ, mai đào nốt.

Nàng Hoa và Gái thấy nói tìm được củ mài, ai cũng mừng. Miếng củ mài khác nào miếng cơm. Người ở đâu, khi thiếu đói, đều phải lùng rừng nương nhờ củ mài. Ngày tằm bé, An Tiêm còn ở bờ biển ngoài cỏi Ninh Hải hay khi vợ chồng lên phá đất ven sông Cái thì miếng mài, miếng cơm chẳng để ý. Bây giờ bảo sắp có củ mài, bỗng thấy rau ngót, thấy trám, thấy thịt trộn tro cỏ tranh, tưởng như ăn đều xót ruột cả. Bao lâu nay thêm một miếng cơm, một mùi cơm, mùi thơm bụi bột mài cũng đương thêm. Cả nhà cùng vào rừng đào nốt củ mài. Củ mài ấy to bằng bắp chân, dài nửa sải tay, tõe bốn nhánh thành bốn củ. Hai anh em Mon khiêng một củ mài. Củ mài to không biết đã già bao nhiêu năm! Về đến nhà, phải đổi vai mấy lần. An Tiêm cắt cái nùm đầu củ đem trồng bên hòn đá cạnh ngọn suối. Tối ấy đở lửa đến khuya. Cả nhà ngồi quanh cái ống vầu luộc củ mài. Mùi mài tỏa thơm ngậy khắp nhà, hết mùi xôi nếp cái mới. Tự nhiên, ai cũng nhớ cỏi Bãi Lở, nhớ đến làng xóm ven sông Cái. An Tiêm nói:

- Hôm nay tìm được củ mài, càng nghĩ càng thấy không ai đóng cửa cái sống của mình được.

Chập tối hôm ấy, thuyền quan quân đổ cả nhà ta lên núi, tưởng cái chết đến nơi, thế mà rồi lại thấy ra miếng nước ở cây cọ, biết không thể chết. Con cua con cáy bấy thế mà còn biết bò kiếm ăn, con hà phải đóng vỏ vào tảng đá suốt đời đứng một chỗ mà vẫn sống, huống chi con người đầy đủ tai mắt chân tay thế này. "Không thể chết, nhưng cũng không thể chịu khổ mãi, cứ mãi chịu chui rừng thế này, cứ lay lắt thế này. Bàn tay vợ chồng mình đã từng làm cho đất Bãi Lở nên cái ăn, bây giờ chúng mình cũng sẽ làm cho cái đảo này thành cái ăn, sẽ thành nơi có người đến ở đông vui, như đất Bãi Lở. "Mình ạ, ta ở trong rừng cũng được, không còn khốn khổ như ở hang đá núi trọc, nhưng không, ta phải tìm cách mở mang ra. Bây giờ thấy được mài ăn, chắc các rừng quanh đây cũng có mài. Đợi đến qua mùa mưa, ta sẽ đi tìm thêm mài, tích cái ăn chắc bụng đã. Rồi ta lại đi tìm đất mới phen nữa. Cái khi ở núi trọc xuống rừng này tôi đã trông hướng nhiều lần. Sau lưng ta, núi dựng đứng. Không lẽ cả đảo chỉ có núi đứng như thế. Chắc đằng trước mặt, phía gió mát thổi tới phải có bãi, có sông. Không biết đi bao lâu mới tới được bờ đảo đằng trước mặt, nhưng ta trừ được lương ăn rồi, ta lại đi phen nữa. Ta quyết mở mang lên, quyết không chịu sống rúc ráy như con tê tê trong lòng đất đâu. Minh ơi, một ngày kia, có bao giờ nhà vua còn nhớ tìm lại vợ chồng con cái An Tiêm trên đảo, lúc ấy An Tiêm sẽ nói rằng: vợ chồng con cái An Tiêm vẫn sống và đương gây dựng chốn đảo hoang thành cỏi bờ đồng đất quê ta. Đây là sở nguyện của tôi". Tiếng củ nổ vui tai trên bếp rực than. Ớn mài no, Mon và Gái mỗi đứa nằm một góc, cọ quậy trong mảnh chăn vỏ sui. Nhưng không phải đã ngủ. Mắt tỉnh như sáo sậu. Còn mãi hỏi bố các thứ chuyện. Cũng lây cái vui của bố mẹ. Gái nói:

- Bây giờ mẹ kể sự tích trâu cau. Mon nói:

- Nghe bố kể chuyện ông Gióng, ba năm năm chông đá... Mon tưởng tượng bố con mình cũng to lớn như ông Gióng. ừ một hôm nào, cả nhà lại đi, sẽ tới một cánh bãi như Bãi Lở, sẽ tới một con sông như sông Cái. Ta cưỡi ngựa sắt, vùn vụt bay như ông Gióng. Không phải leo rừng, chỉ một chốc đã tới nơi. ở bãi sông ấy, đến mùa nước xuống, bắc cầu noi đưa một dãy trống đồng ra mặt nước giữa sông, tiếng đồng rền

ra gọi các cõi về xem hội. Rồi lò vật mở, các sới vật nhộn nhịp suốt giêng hai... Giấc mơ thú vị theo chuyện ông Gióng đi tìm đất ở ven sông chập chờn đến trên hai mí mắt buồn ngủ của Mon. Trong cánh rừng đêm đen thẫm, gió nổi rào rào rồi im. Phút chốc, lại lặng lẽ ghê. Con ve núi thôi kêu từ nãy. Đã khuya lắm. Dần dần, rừng xa rừng gần im phăng phắc. Một tiếng hươu đột ngột giác, nghe bàng lảng thật xa. Rồi lại vắng, vắng thẫm thẫm. Vắng ời là vắng!

Chương 09:

Mấy mùa nắng rồi, cả nhà An Tiêm ở rừng sâu. Cuộc sống bờ bụi đã khá quen với mọi người và mỗi ngày một nền nếp dần, như ý An Tiêm muốn:

“dù khó khăn đến thế nào, con người cũng phải có chỗ ở, có miếng ăn tử tế, cả nhà mình đây cũng là một chòm xóm, chứ không phải như hươu nai ở hoang trong rừng”.

- An Tiêm hay nói thế. Mon nói:
- Nhà mình còn đi tìm bờ sông làm nhà ở, bố đã bảo thế. Nàng Hoa hỏi An Tiêm:
- Mình thử xem khi nào đi được. Bây giờ ta có thịt sấy để trữ.
- Để tôi xem.

Mùa nắng đã lại đến. An Tiêm bàn với Nàng Hoa: đi nắng thì vất vả quá, đợi hết mùa nắng này sẽ đi tìm ra bãi biển đằng kia. Mọi công việc lặt vặt sửa soạn cho chuyến đi sắp tới. Những buổi chiều mờ như khói tỏa khắp rừng. Trên bờ suối, thỉnh thoảng thấy một đàn rắn đỏ hắt ngoằn ngoèo đến rồi đứng đĩnh, lững lờ như một dòng lửa chảy. Những con ve kim ra rả đến tận chập tối nóng nực. Tiếng ve gióng giả, liên miên, tưởng tiếng ve cũng lặn vào chiều như ánh nắng, như khói nắng, hôm nào cũng thế. Cả cánh rừng u uất đỏ mờ hôi đêm. Tắt hết lửa mà vẫn khó thở, ngột ngạt quá. Sáng ra, trông lại sau núi, cả nửa khoảng trời đứng đen thẫm. An Tiêm nói:

- Thảo nào, cơn mưa trong núi thế kia thì oi là phải. Mọi người dặn nhau đừng đi kiếm ăn xa. Sợ phải mưa không về được. Cả ngày, rừng oi ả như nấu ra, không một tiếng động. Ai cũng về sớm. Không phải sợ mưa, mà vì bức bối, chân tay rã rời, không muốn bước. Nhưng trời như bị hãm, vẫn không mưa. Nửa trời đằng kia mây đen càng tụ lại, không tan, không loang, đen dầy dộp như một rặng núi mới nổi.
- Mây đen còn dọa thế thì còn oi khốn khổ. Đêm ấy, người ngồi không yên chỗ, bốn phía như có lò nung, nhưng vẫn sáng trắng. Một nửa trời bên này, trăng hè trong leo lẻo, trắng rợn trên khe lá. Nửa trời đằng ấy mây đen đứng thành, đen xám, đen kịt. Suốt cánh rừng, không tiếng ve, những con ve cũng mệt rũ, không đánh tiếng lên được. Phía núi, đợt mây thành đen kịt đứng như bóng tối bỗng ngùn ngụt kéo lên cao hơn, rợn hơn. An Tiêm gọi to:

- Ra xem rờng lấy nước! Rờng lấy nước đằng kia. Mon đã đứng cạnh bố, trên mỏm đá. Nàng Hoa và Gái lật đật trèo xuống. Trong đám mây đen kịt nửa đêm toác xuống một làn trắng toát, trắng hơn cả ánh trăng

trên bóng lá. Làn trắng tõe đôi đám mây đen, doãng dần rỗng ra, dài như chiếc ngà voi khổng lồ thúc xuống. Những tiếng ầm ầm nổi lên, rền như sấm. Đột nhiên, rừng mát hẳn. Không phải mưa, mưa gì như đổ núi. Cũng không phải sấm, vì sấm sao sấm ầm dài từ nãy. Tiếng ầm càng xa xa càng dữ. Nhưng ở đây trời đã dịu trở lại trong hơi ẩm thường khi ở rừng sâu. Suốt mấy ngày đêm oi bức vật vã, bây giờ, tất cả ngủ thiếp. Riêng mình An Tiêm vẫn thao thức. Tiếng ầm ầm lạ lùng phía xa, tiếng mưa hay tiếng núi lở? An Tiêm ra góc cột khêu bắc trong ống nhựa trám. ánh sáng lom đom tỏa. Có cái sáng trong nhà, cũng đỡ vắng. Có lẽ khuya đã sang canh từ lâu. Tiếng gầm ào ào đột nhiên đến ngay cửa rừng. Cả nhà choàng thức. Như cả một rặng núi đổ xuống. ống nhựa trám đã tắt từ lúc nào. Gái kêu trước nhất:

- Bố ơi! An Tiêm tìm đánh lửa. ánh sáng nhựa trám lại le lói. Mọi người ngồi rùm lại trong tiếng chuyển động long lở bốn phía, không ai hiểu sao. Nàng Hoa ôm Gái vào lòng, tay cầm bó mo nang bọc xống áo. Lúc nào cũng giữ cái đáng giá nhất trong nhà. Mon đứng dậy, cầm chiếc lao trúc, ngó ra:

- Cái gì... Cái gì... An Tiêm hét:

- Trời ơi! Rừng cuốn nước đến đây rồi. Nói thế rồi An Tiêm đập toang mấy cây gỗ chắn vách nhìn ra. Trong rừng tối như mực, tiếng réo, tiếng đá, tiếng cây khùng khiếp đổ.

- Các con ơi! Trèo lên... Minh ơi, trèo lên... Một con nước xô lên quá nóc lều rồi những con nước ập xuống, cả bóng tối khoảng rừng ngập vào. Mon lật đặt quàng tay ôm cây thang. Nước đánh dựng lên rồi ngã xuống. Mon ngã theo. Nhưng vẫn bám chắc thang gỗ.

- Bố ơi! Tiếng hét sặc trong nước. Trong đêm, hốc núi chìm vào những làn sóng, vùi cái hang đá, nhưng rồi lại nhô ra. Con người mắc vào đá như những hòn sỏi, như những con chuột bị lắc đi lắc lại trong ống. Trong cơn mê hoảng, nhưng trong tiềm thức cả khi mê, con người vẫn không mất hẳn trí nhớ. Nước ộc vào hang, nước ra, những bàn tay bàn chân tưởng chết cứng, vẫn bám gờ đá, vướng chắc vào gờ đá. Mon thấy mình đương trôi trong bụng nước. Bỗng chốc, sóng đánh Mon vấp vào tảng đá. Mon lặn điếng, buông một tay. Tay vừa buông đã ngật ra. Mon lại bấu vào cây thang gỗ. Cho tới lúc trời tảng sáng. Những con lũ trắng xóa đã biến mất. Bỗng nhiên, chỉ còn lại một im vắng. Trời sáng dựng lên trên một quang cảnh ghê rợn. Cánh rừng trước mặt đã băng mất. Suốt một dải dài toang ngoảng, ngổn ngang, những tảng đá lớn, không biết từ đâu vật đến, chồng đống những trái núi mới lổn nhổn trên chỗ hôm qua còn rừng. Đột nhiên, một con rắn mồi trong hốc núi bò ra. Cái sống đầu tiên sống lại, đương đi bơ vơ. Làn da trần rào rào thành tiếng trên đá đến trước cửa hang rồi lại trườn xa. Đây là tiếng động làm An Tiêm tỉnh lại. An Tiêm ngỡ mình chết rồi chiêm bao. An Tiêm thử đứng dậy. An Tiêm không chết. Chút sáng mờ hắt trước mặt. An Tiêm nhớ tức khắc đến vợ con. An Tiêm chạy ra phía mờ sáng cửa hang. An Tiêm cất tiếng hú. Xung quanh vắng lặng, có lẽ chỉ còn độc một con rắn mồi đương luồn qua những rặng cây đổ, nghe tiếng hú. Con rắn tưởng cơn nước ống lại sắp ập đến. Con rắn trườn nhanh. Da bụng rắn sát trên đá, trên sỏi, trên cành cây, tiếng sào sạo vang đến tận đây. Một vùng trời đất này chỉ còn có con rắn ấy sống ư? An Tiêm hốt hoảng quay vào hang, tìm vợ con. An Tiêm đứng im, nghe. Xung quanh tối như bưng. An Tiêm vẫn đứng im. Từ ngoài cửa hang hay từ đâu, tiếng rào rào làn da bụng con rắn đương ngoằn đi. Tiếng sào sào... sào sào đều

đều... Những con trăn... những con trăn... Tiếng đều đều nghe trong bóng tối. Trong hang này chỉ có con trăn thôi... Hình như đâu quanh mình, rờn rợn đâu quanh mình. Có phải không? An Tiêm cúi xuống. Con trăn thở, con trăn bò rờn rợn ngay bên cạnh. An Tiêm sờ tay ra sau lưng. Con dao vẫn nguyên trong dây thắt khố. An Tiêm rút dao, rà rà bước. Một tay An Tiêm quờ trước mặt. Vách đá nhờn như mò vào da trăn. Nhưng không phải. An Tiêm đã có ý định, nếu con trăn ngoắc lại, núc An Tiêm, An Tiêm sẽ doạng chân thật chắc rồi lần tay tìm đúng chỗ da mỏng ở bụng nó, thích lên một nhát. An Tiêm bước, rờ rờ tay. An Tiêm đụng vào một khúc đuôi trăn

- không, một bàn chân, chân người. An Tiêm nhận ra chân trẻ con. An Tiêm cúi xuống, bế xốc nó lên, chạy ra cửa hang. Cái Gái! Cái Gái không chết. Người nó còn mềm ấm. An Tiêm ôm con trong lòng, hà hơi lên mặt con. Một lát, Gái khe khẽ:

- Mẹ... mẹ... An Tiêm nói:

- Con nằm đây... Con nằm đây...

Rồi An Tiêm lại hấp tấp, lập cập vào hang. Nó gọi mẹ nó trong ấy. Hang vẫn hoàn toàn lặng im. Bây giờ mới để ý lúc này tiếng Gái khò khè, không phải con trăn bò. Tay An Tiêm cầm con dao, tay lại quờ ra trước mặt. An Tiêm lần chân giẫm từng hòn đá, bước từ ngoài hắt sáng vào đến tận trong cùng, chỗ cái hốc nghiêng lên ngách thượng, tay đụng vào nhũ đá. Những nhũ đá rụng lách tách, lã chã. Như mưa đá. Nhưng vẫn không thấy gì cả. Xế trưa, An Tiêm cõng Gái trên lưng, bước đi. Gái vẫn còn mệt lử. Nhưng An Tiêm phải đi tìm Nàng Hoa và thằng Mon. Gái nằm trên lưng bố như con nhái, không cựa quậy. Trận bão vỡ nước, con lũ ống chỉ còn sót lại những vũng nước đọng hốc đá. Dòng suối cũng biến đâu mất. Vết sóng nước đêm qua ẩn đổ cả dãy cây thành một luồng rỗng giữa hai cánh rừng âm u. Bố cõng con đi. Đêm qua, Nàng Hoa bị sóng đánh giạt lên một đỉnh đá. Nàng Hoa ngất, ngay đợt nước đầu tiên, cuốn đi. Khi mặt trời lên, Nàng Hoa tỉnh lại. Những cỏ rác ẩm ướt vương bên người bây giờ khô cong, rũ xuống. Nàng Hoa mở mắt, nhưng tóc bết kín mặt. Nàng Hoa lấy tay tõe tóc. Trước mặt, chỉ có trời xanh im lặng, Nàng Hoa cố ngồi dậy. Nàng Hoa thấy mình đương ở trên một hòn đá cao. Hòn đá to như tòa nhà, trông xuống, hoa mắt, xám mặt lại. Nàng Hoa không dám nhúc nhích. Tưởng như hòn đá khắp khênh sắp sụp xuống. Xung quanh, bốn phía, chỉ thấy đá. Không biết đây là đâu. Trận nước cuốn như một cái màng che hết trí nhớ. Mang máng lúc ấy đương giữa đêm, không biết chồng ở đâu, các con bây giờ đâu mà một mình mình lại ngồi trên đỉnh đá này. Nàng Hoa gào khóc cho đến lúc không còn sức há được miệng nữa. Nàng Hoa như một con cá trên cạn, dán mình xuống đá, chỉ còn thoi thóp. Suốt ngày hôm ấy. Nàng Hoa mê trở về ven sông Cái. Những đêm lửa sưởi, kể chuyện sự tích trầu cau cho Mon và Gái nghe. Cuối cùng câu chuyện kể đến lòng chung thủy một nhà đoàn tụ. Nàng Hoa chợt tỉnh, lại nhớ từ khi ra đảo, vợ chồng con cái như chân tay trên một người, bây giờ chân đâu, tay đâu. Nghĩ đến đấy, Nàng Hoa ứa nước mắt.

Chuyện cổ tích kể đến chỗ người em hóa hòn đá. Có lẽ đương chập tối. Bóng đen từ mặt đất dâng lên, chỉ còn thấy mờ mờ trên trời. Hay là Nàng Hoa đã ngất đi, rồi như trong chuyện cũ, em hóa hòn đá, anh hóa cây cau, chị dâu hóa giàn trầu không. Chết rồi mà vẫn quán quít, hòa thuận, Nàng Hoa nghĩ thế. Để

thường chồng mình chết rồi, đã thành hòn đá này. Mình cũng sắp chết trên hòn đá. Chết rồi sẽ hóa cây si, cây cau, cây ngái che lên hòn đá này cũng nên. Hai hàng nước mắt lại ứa ra. Một lúc, như trời sáng. Lẽ nào, vì một câu chuyện trầu cau mà cả đêm không chợp mắt. Nhưng trời đã sáng thật. Khi sáng trời thì người ta tỉnh táo hơn trong lúc đêm tối. Cho đến bao nhiêu năm sau, có một lần nhà vua đi qua... Nhà vua đi qua... Câu chuyện oan khuất được tỏ tường...

Lúc ấy, Nàng Hoa nghe đâu văng lại một tiếng hú. Tiếng người hú. Nàng Hoa không còn sức nhúc nhích được nữa, thế mà tiếng hú lạ lùng kia đã dìu Nàng Hoa nhòe đầu lên. Nàng Hoa nhìn xuống. Con mắt hoa lảo đảo. Nàng Hoa giơ hai tay rồi gào lên một tiếng. Không ra tiếng nữa, tiếng kêu cuối cùng của người hấp hối. Rồi Nàng Hoa nằm vật xuống, ngất đi. An Tiêm không nghe thấy tiếng kêu ấy của Nàng Hoa. Không nghe hẳn thành tiếng, nhưng đi trong chỗ hoang vắng kiết cùng mà lòng đương mong mỏi bồn chồn, thì dẫu cho một tiếng động nhỏ đến đâu cũng gây ra một rung cảm sâu xa ngoài cả tiếng động ấy, không thể đoán tại sao biết được. Trông thấy đồng đá cao chót vót kỳ quái, An Tiêm nghĩ biết đâu trên ấy hay trong các hang hốc quanh đó, có dấu vết lạ, tiếng gì lạ. An Tiêm đặt Gái ngồi tựa lưng vào tảng đá bên cạnh. Lúc này, An Tiêm đã tìm được nắm lá ngót, vò ra cho con nhai sống. Bây giờ Gái tỉnh hơn. An Tiêm trèo lên. Bỗng An Tiêm giật mình. Cái gói mo nang bọc xống áo mà Nàng Hoa đi đâu cũng đeo theo. Cái gói vướng ngang vào khe đá cạnh đấy. An Tiêm leo lên được đỉnh đá. An Tiêm vực Nàng Hoa xuống đến chân đá, nhìn lại cái dốc ngang mang tai. Không biết tại sao đã xuống được. Gái mừng quá, ôm mẹ, lúc ấy đã hơi tỉnh. An Tiêm hấp tấp nói:

- Ra cả ngoài rừng kia! Gái đã lon ton đi trước. An Tiêm cũng Nàng Hoa, cầm cúi bước. Đã ra đến một bờ rừng. Trước mặt, rừng núi đổ nát vẫn ngổn ngang hun hút, nhưng sau lưng, một vệt rừng im lặng. Con bão nước không phá vào đến đây. An Tiêm ở lại. Không tìm thấy suối. Không lo, có nước đọng trên các hũm đá rải rác quanh rồi. Nàng Hoa ngồi lả. Ngoài kia, trên đá lờm chờm còn sót chút nắng vàng rực. ở vùng nước đọng, bốc hơi nóng ẩm ngọt ngào. An Tiêm cởi bọc mo nang ra phơi xống áo, thắt lưng, khăn chàm lên trên mặt đá. Mảnh sừng trâu và hai hòn cuội đánh lửa vẫn giắt trong cặp khố, bấy giờ cũng phơi ra đấy. Nàng Hoa định cất tiếng hỏi An Tiêm, mấy lần mấp máy miệng, không nói được ra tiếng. Con vật vãi còn làm bài hoại rồi rã người. An Tiêm đã cho uống mấy ngụm nước rau ngót, vẫn chưa lại người. Nhưng mỗi lần không nói được thì nước mắt giàn giụa xuống. Biết ý Nàng Hoa muốn nói gì, An Tiêm bảo:

- Ta đốt lửa nghỉ lại đây. Có khi nó cũng giật vào mồm nào quanh chỗ này thôi. Không lo. Mình nghĩ xem, bão đổ cây nước, vỡ núi vỡ rừng, tan tác đến thế mà rồi lại tìm được nhau. Còn sống thì còn tìm được nhau.

Không lo. Sớm hôm sau, An Tiêm ra hũm đá gần đấy vực nước về rồi trèo lên tảng đá cao nhìn ra. Bốn phía hoang rợn, xanh ngắt, vẫn một luồng rừng toang hoác đi tận đâu. Giữa đám cây, đá ngổn ngang, luồng bão cuộn thành ống nước thốc ra, như có một con trăn khổng lồ vừa trườn mình qua, bao nhiêu rừng, bao nhiêu núi lặn lốc cuốn hết theo. Đứng trên núi, An Tiêm hú gọi. Ngay tức khắc, ba bốn tiếng hú đáp lại, từ những núi xung quanh. Tiếng xa, tiếng gần, vang vang như tiếng trống đá. An Tiêm đợi. Nhưng đấy chỉ là tiếng đáp lại của vách đá, của tiếng trống đá tự nhiên. An Tiêm lại hú. Tiếng vọng lại lịm dần, rồi im. Tối

ấy, mọi người uống nước cầm hơi, đợi sáng. An Tiêm đốt mấy đồng lửa to. Ngọn lửa bốc cao, bóng rùng
cao cao. An Tiêm nghĩ: trông thấy ánh lửa này, Mon còn sống đâu quanh tắt biết đường mà về với bố mẹ.

Chương 10:

Mon tỉnh dậy. Đầu tiên, hai con mắt mở ra thấy xám đen. Mon đưa tay lên giụi. Không nhắc nổi bàn tay. Cũng không nhận ra mình đang nằm sấp mặt, cả hai tay luồn vào cái lỗ ở cây gỗ có khắc thang trèo lên nhà lều. Mon cũng không biết, nếu không luồn tay vào đấy, chắc Mon đã buông cây gỗ, đã chìm và trôi dẫu từ đêm qua rồi. Dần dần, Mon nghiêng được đầu. Và dần dần, trí nhớ trở lại. Từ lúc cả cây gỗ xô Mon vào tảng đá nước cuốn, Mon ngất đi. Ngọn nước cứ xô thúc Mon đi mãi. Tỉnh lại, đầu tiên Mon nhớ bố mẹ. Mon vùng dậy. Nhưng chân Mon cứng đờ. Hai tay không còn sức rút được khỏi cái lỗ ở thân gỗ. Mon nằm im, bỗng ứa nước mắt. Mon khóc. Tai nạn ghê gớm không thể lường được đã xảy đến cho nhà mình. Mon không biết Mon đã bị trôi bao xa. Nhưng Mon biết hình như đây không còn cánh rừng quanh nhà. Nằm nghiêng mặt thế, Mon khóc. Rồi Mon muốn gọi bố thật to. Không gọi được. Cổ Mon khé lại. Chỉ có nước mắt ròng ròng xuống má, xuống mặt đất lổn nhổn sạn sỏi. Nước mắt khô rồi, Mon trông nghiêng trước mặt, thấy một lần xanh ngay chân trời, thẳng tắp như sợi chỉ. Không giống rừng cây trước nhà. Tay Mon đã bết ết ẩm, cựa được. Mon co đầu gối. Hai cánh tay từ từ rời cây gỗ, Mon bò ra rồi cố ngồi dậy. Mon ngồi lên, mùi nước biển trong gió mát mà nồng mẩn mẩn ủa lên, bọc lấy Mon, là lạ, ngại ngái như giữa rừng mùa hoa dứa dại chín. Sóng biển lồng lộng trước mặt. Phía sau, còn hình một khu rừng lớn, cây cối đã đổ rạp cả một quãng xuống mặt đất. Gió hây hây đến, nắng càng rực rỡ mặt nước xanh đen biếc. Mon thấy mình đang ngồi đầu một bãi cát. Con nước chỉ đẩy hơi quá tay, Mon đã băng ra biển rồi. Nhưng cũng chẳng hiểu, cây gỗ trôi đến đây, dừng lại ở bãi cát, hay là Mon đã bị trôi ra biển rồi sóng biển hắt lại Mon lên đây. Nhưng đây là đâu? Mon lại trông quanh mình. Chỉ còn quen biết có cây gỗ bước lên thang nhà. Không còn ai nữa. Mon bàng hoàng tui thân, lại khóc. Nắng lên đã rất cả lừng. Mon nhìn vào bờ cây trong xa. Nhưng Mon không đứng lên được. Rồi lại thiếp đi. Mệt quá, lo quá, đói quá. Một đêm qua. Đêm đầy gió nồm đưa hơi biển lên mát rượi. Sớm hôm sau, Mon tỉnh dậy. Mon nhớ hôm qua, trông nghiêng ra biển, nhớ bố mẹ, nhớ em, Mon khóc. Mon bị nước lũ ống cuốn đến đây, xa lắm, xa lắm rồi. Mon lại nghẹn trong cổ, sắp khóc. Nhưng Mon không khóc, Mon đứng dậy. Mon đứng dậy được. Mon thất thểu ra bờ biển xa thoải thoải. Những tảng đá đỏ rêu tựa chỗ cửa sông Cái năm trước, Mon đã thấy, rêu phủ như màu hoa tầm xuân hồng nhạt suốt bờ biển. Bố thường nói:

“Trong rừng dưới bể, con người ở đâu mà biết chịu khó cũng tìm ra cái nuôi sống mình”. Từ khi ở đảo, bố lại hay kể chuyện vì câu nói ấy mà buộc lụy vào thân. Rồi bố lại nói: “Đấy chỉ vì người đời chưa vỡ nổi nghĩa câu nói sâu xa ấy mà thôi. Một đời tao đã lăn lộn vào sông ra bể, tao biết quý câu nói ấy”. Bây giờ Mon một thân ở đây. Từ thuở bé, chưa bao giờ Mon đứng đây một mình thế này. Nhưng nghĩ lại lời nói của bố, Mon tưởng như không phải mình đứng một mình. Mon lội qua bãi lầy ra dãy đá phủ rêu đỏ. Đến nơi, nhìn kỹ thấy chen trong rêu đỏ có những con hà bám khắp, tảng đá xù xì không còn ra hình thù tảng đá. Mon kêu lên:

“à, cái ăn được đây rồi!”. Nhưng không có gì nậy hà ra khỏi đá. Đường nghĩ cách, lại trông thấy trên mép nước sóng đánh, lấp ló, mờ mờ những con ngán đội mai lặn lên lặn xuống theo sóng. Mon cúi xuống, nhặt con ngán, nhặt được một vốc tay những con ngán bằng con trai và những con sò to như nắm tay. Khoeo chân vắn mỏi, lội cát nặng, không nhấc lên được, muốn ngã, Mon phải lom khom bốc ngán rồi chệnh choạng, lồm bồm lội vào bờ. Mon đến ngồi bên một tảng đá. Lúc ấy, lại trông thấy ở bờ cát, vô khối con ngao, con hàu. Nhưng Mon đường đói, Mon còn nhặt hòn cuội đập, hút hết hơn chục con ngán to. Thịt ngán tươi ngọt mát, thịt sò huyết đỏ như son, ăn hết lém cả mà còn thòm thềm. Thấy người khỏe khoắn hơn hẳn lúc nãy. Mon ngồi duỗi thẳng chân, trông ra biển. Trông ra biển, Mon nhớ năm trước bố kể ngày còn nhỏ, bố cũng là người kẻ bể ngoài Ninh Hải. ài, bao nhiêu chuyện bố kể thật kỳ lạ và ghê gớm. Bố lúc ấy chưa bằng tuổi Mon bây giờ mà đã phải lang thang kiếm ăn cả năm ngoài đảo. Ngoài Ninh Hải, đảo nhiều như trấu rắc mặt biển. Chuyện bố bơi ra khơi kiếm cái ăn, phải con cá trình, cá mập đuổi cắn. Bố bơi nhanh hơn cá mập. Bố còn xia chết cả cá mập. Ngày nhỏ, bố mình thật khổ, bố mình cũng thật giỏi. Có một lúc, Mon lại chạnh nghĩ: bây giờ không biết bố đâu, mẹ đâu, còn mình thì đang bơ vơ. Mon thấy mùi lòng. Nhưng Mon nghĩ lại ngay và cầm được nước mắt. Mon muốn đi tìm bố mẹ và em. Phải đi tìm bố mẹ. Phải làm thế nào đi tìm được bố mẹ và không nên khóc, khóc thì chẳng nghĩ được gì. Mon đứng dậy. Đến lúc ấy, Mon mới nhận ra Mon đường ở truồng. Bây giờ Mon chỉ còn nguyên thân hình bố mẹ sinh ra và Mon đường tồng ngồng đi trên bãi. Manh áo và cái khố, sóng đã kéo rách mất tiết từ bao giờ. Lúc này, bạn với mình chỉ còn có cây gỗ bậc thang lên nhà. Cây gỗ nhà mình cứu mình, đưa đến đây. Mon ra bãi, kéo cây gỗ thang nhà vào trong bờ cây. ở đây, chỉ còn có cái thang này thân thuộc, phải giữ nó. Rồi Mon đi theo những bụi cây bờ biển. Bụi cây và cánh rừng bờ biển sáng trắng khác cây cỏ rừng sâu. Biển đây không có núi đá dựng, bờ bãi, thoải thoải vào tận trong mép rừng lô xô những bụi dứa dại bạc phấn xù xì gai. Những cây dứa dại già chết rữa, tàu lá dứa mềm và dai dầy xơ như một đệp sợi. Mon lấy hai tàu dứa khô, bẻ hết gai cạnh rồi buộc úp làm một. Thế là Mon đã có cái khố vừa vặn, có cả hai múi bảnh chọe bỏ đằng trước bỏ đằng sau bẹn, kiểu khố đuôi lươn. Đi sâu vào có đến nửa buổi mà rừng vẫn thoáng. Mon nghe tiếng reo hò xa xa đâu phía trong, Mon ngơ ngác. Nhưng nhìn đi nhìn lại, không thấy gì khác. Mon lặn vào chỗ có tiếng kỳ lạ. Một lúc, gặp một cây thông to. Nước bão cuốn qua đây, thế mà cây thông vẫn đứng và cây thông đường reo. Biết rõ là tiếng thông reo. Nhưng Mon vẫn bồi hồi đứng ngẩn một lúc, ngỡ như có người ở đây. Cây thông này bằng mấy người ôm, trên thân lồi cái vấu có một lỗ trống hốc. Cây thông già tuổi lắm. Mon ngẩng đầu, chăm chú, tưởng nghe được tiếng vi vu ở mỗi vừng lá thông đường bay ra. Mon ra bãi kéo cái 159 160 thang gỗ vào dựng tựa vào cây thông. Mon leo lên, chui vào cái lỗ trống trong thân cây. Mon nằm nghiêng trong hốc, chân duỗi thò ra ngoài. Mon nghĩ: bố đi qua sẽ trông thấy chân mình, biết mình ở đây. Rồi làm một giấc. Ngủ say quá, không biết đã qua một đêm sang ngày khác hay là mới ngủ được một lúc. Mon đứng dậy. Mon nhìn ra cửa cái lỗ trong bụng cây thông già. Giấc ngủ làm cho Mon đã thật lại sức. Đến lúc chợt nhớ bây giờ chỉ có một mình, Mon lại thấy cực thân, nước mắt ứa lên mí. Nhưng Mon giữ ngay được cho khỏi khóc. Phải sống và kiếm được cái ăn để đi tìm bố mẹ. Mỗi lần sắp khóc, Mon lại nghĩ như thế và thế là cơn buồn qua đi. Và lại, rồi ngày lại ngày, bao nhiêu mê mải, lo lắng chồng chất trong việc tìm cách cho sống được. Nghị lực cũng có phép làm tan biến được nỗi buồn. Đầu tiên, Mon có ý tìm ở nơi cao ráo. Bố đã nói:

“Con người khác con vật, trú ngụ đâu người cũng phải có cái nhà mà ở”. Trông thấy cây tre, Mon nhớ bố bấy lâu đi rừng chỉ ao ước gặp cây tre. Mon nhớ bố bảo: phải rồi, tre làm được nhiều thứ cần dùng. Mon đã biết như thế. Tre kéo được ra cả lửa. Mon vào rừng tre. Loáng thoáng rừng tre với rừng trám. Rừng ven biển, thật nhiều thứ làm được, ăn được. Mon trở lại chỗ cây thông, thấy hầy cứ tạm ở đây được. Mon mang theo về mấy cái mo nang lấy ở rừng tre. Mon cặm cùi ngồi tước mo nang thành sợi. Được một đồng bùi nhùi khô, như bùi nhùi đánh lửa ở đám thối cớm thi. Lúc này, qua cái suối đã nhạt về mấy hòn cuội. Cái gì cũng phải có lửa trước đã

- Mon nghĩ thế. Những hòn cuội to, đen bóng, chỉ cọ mấy cái vào kẹp sợi mo nang đã ra lửa, lửa bắt bùi nhùi cháy ngay.

Mon đã đốt được một đồng lửa dưới gốc thông tối hôm ấy. Mấy hôm sau, mỗi lúc đói, Mon lại ra biển bắt ngán, nhạt sò và đập hà ăn rồi lên ngồi mài đá. Không có dao thì phải làm ra dao. Mon tìm được hòn cuội to phẳng bằng cái vồ. Mon mài vạt đi một phía, làm con dao đá. Có lửa mới nên được nhiều thứ nhưng không có dao thì trông thấy cái cây cũng đành chịu, không đem thứ gì về cho mình được. Những năm trước, ở Bãi Lữ, có lần Mon đã thấy cụ già mài dao đá khéo lắm, sắc lắm. Con dao đá mà chỉ bố vài nhát đã dẫn được cây tre. Trên bờ bãi sông Cái bây giờ còn nhiều cuội đá, con lăn đá. Các cụ già quen tay dao đá hơn. Quang cảnh làm ăn ngày ấy, Mon chỉ còn thoáng nhớ và Mon cũng chẳng biết mài con dao đá thế nào. Nhưng, không phải thế là khó. Hòn đá cuội to thì ở đây chỗ nào cũng có, Mon cứ chọn những hòn cuội tựa hình dao và hì hục mài. Mon đã mài được mấy con dao đá sắc. Mon xách dao đá sang rừng tre. Dao đá không chém được như dao thép của bố. Mon phải cưa đẽo từng gốc cây. Nhưng hì hục, chịu khó ngày lại ngày, chẳng bao lâu cũng chặt được cái cây đổ xuống. Mon lại mài đá nữa. Mon thấy dao đá mài kỹ, lưỡi vừa dày cạnh vừa sắc, chặt tre cũng tốt. Mon có cả kho dao để dành trong lòng suối, không lo gì nữa. Có cách sống rồi, thế là trước tiên, Mon đi tìm bố mẹ. Mon chọn mấy cây tre to, đẽo hai đốt một làm ống đựng nước, vác ra suối, vục nước đem về. Buổi sáng, Mon đi về tay trái. Mon nghĩ: ta sắp gặp bố mẹ và em đây. Lưng Mon để trần, Mon đóng khố đơn bằng xơ dừa. Một vai đeo hai ống tre đựng đầy những con ngán và sò tươi. Một bên đeo ống nước. Tay Mon cầm hai cái lao trúc chọn. Lưng Mon buộc hai con dao đá, một nắm bùi nhùi mo nang và hòn cuội đen để đánh lửa. Thế là Mon đi. Càng đi sâu vào trong thì ngày ngày mỗi khác, rừng hoang và đá trọc, đá đứng thành vách thật xa, càng xa. Mon quay lại. ý nghĩ có thể gặp bố mẹ và em lúc ra đi, đã nhạt dần. Mon phải trở lại nơi rừng có cây thông hôm trước. ở gốc thông vài ngày, sốt ruột quá, nhớ quá, Mon lại đi phía tay phải. Phía này, thẳng bãi, chỉ gặp bãi cát. Mon chăm chăm xem đâu có dấu vết của bố, của mẹ, của em. Nhưng chẳng đâu có một dấu chân, một vết dao chém cây, càng đi càng thấy hoang vu. Mon lại tiu nghỉu, phải quay lại. Nhưng Mon vẫn chưa chịu thôi. Mấy hôm sau, Mon cặm cùi theo một con suối vào rừng sâu, lại đi tìm bố mẹ và em. Bên kia gốc thông có một con suối nhỏ, Mon đeo hai ống tre đựng con ngán, một ống nước, hai cái lao trúc, trong mép khố vẫn giắt hòn cuội, nắm bùi nhùi, con dao đá. Nhảy qua cái suối nhỏ ấy, Mon đi. Rừng rừng từng đợt, những dây củ mài chẳng chịt, dây song dây mây, chỉ chít rừng nửa, rừng trúc, xanh mát vân vân trước mặt. Mon đi cho đến hôm ăn hết một ống đầy ngán. Mà vẫn chỉ thấy rừng. Con suối nhỏ đi theo từ hôm trước cũng đã chui xuống hốc đá, lẩn vào lòng đất từ bao giờ, không thấy ra nữa. Bốn phía mù mịt rừng, không thấy đâu một dấu vết.

Thế là chắc mình đã lạc xa lắm. Đi cả ba phía mà không thấy gì. Bố mẹ ở nơi nào? Em ở đâu? Ai còn sống? Làm thế nào tìm được? Nghĩ miên man, buồn quá, nhưng lại nghĩ: thôi bây giờ phải trở lại gốc thông, tìm cái ăn cái ở, đợi một khi nào lại đi tìm. Mon không mất hết hy vọng. Mon nhớ lời bố nói:

“Có khi nào chịu chui rừng mãi thế này! Con người phải biết làm ra cái ăn cái ở”. Bố mình có gan có chí lắm, bố mình đã dựng nên làng xóm ở Bãi Lữ. Không chịu tù trong rừng, phải tìm đường nữa, mở mang ra. Nếu không có trận lũ ống ghê gớm, chắc cả nhà đã đi tìm chỗ ở mới, biết đâu chẳng đã tới được bờ biển này. Ồ, ở đây bao nhiêu tre, có cả rừng hóp đá. Bố tha hồ dẫn tre đực đem ngâm làm cánh nỏ. Trong cơn ngủ chập chờn, Mon mê thấy ngày cùng bố đi chặt hóp đá đem ngâm xuống suối, làm cánh nỏ. Tỉnh giấc, vẫn chỉ thấy một mình nằm vắt trên cây giữa rừng. Hoang vắng quá, Mon lại ghen ngào. Nhưng Mon không khóc, Mon tụt xuống gốc cây và đi ngay. Không, bố ta đã phải bơ vơ lưu lạc từ khi còn ít tuổi hơn ta nữa kia. Trở về gốc thông, Mon cặm cùi làm lều ở. Mon cũng bắt chước như năm trước bố làm cái nhà tựa vào lưng cây nghiêng. Vùng đất chỗ ấy cao, Mon xếp đá cao lên, đến tận gần chỗ chui vào hốc thân cây thông. Lần lần, Mon dẫn về một đồng tre, trúc. Rồi Mon đeo những con dao đá sắc hơn, cưa được cả những cây gỗ bổi. Mon dựng sáu cái cột sần to. Tre bắc làm sàn. Mây và song đan liếp. Cái cột có khắc làm thang nhà mình ngày trước bây giờ đem bắc làm thang leo lên nhà mới. Mỗi lần trèo lên, bước mỗi khắc nhìn xuống, tưởng cái Gái đã giẫm vào khắc ấy, tưởng hôm bố dẫn cây gỗ này về làm thang. Mon chạnh nghĩ, thương thân, không muốn bước lên. Nhưng lại nghĩ bây giờ chỉ có cái cột ấy là thân thiết, ở đây chỉ còn cái cột biết mặt và thuộc bàn chân bố mẹ, em mình. Mon lại bước lên bậc cái thang lên nhà mới.

165 166 Làm xong nhà, vừa hay mùa lạnh đến. Những đêm khí rừng toát ra, ngủ đốt lửa mà vẫn lạnh một bên người. So với mấy năm trước cùng bố mẹ vất vả kiếm ăn trong rừng, ở đây Mon thấy mọi thứ dễ tìm hơn. Ngày nào đi rừng cũng đào được củ mài. Ra ngoài bãi cát mép biển tìm con ngán, con ngao, con sò, con hàu, con hà vô khối, đâu cũng có. Khi nước biển xuống, vét được sạn muối mặn đọng lại trên những tảng đá khô nước, khỏi phải ăn rễ cỏ tranh đắng chát. Đây nhiều thứ ăn nhưng ai cũng biết rằng không phải cứ có cái ăn thì vui. Ở đây buồn quá, lúc nào cũng vắng ngắt vắng ngơ, vắng và buồn không biết đến thế nào. Mấy hôm, Mon tìm dẫn những tàu dừa dại, dọc hết gai rồi phơi lên sàn nhà, trên bờ đá quanh gốc thông. Lá dừa khô ải rửa đi, còn lại một đệp tơ sợi. Sắp rét, Mon tính cách sửa soạn sắm áo, sắm chăn. Năm trước, cả nhà đi bóc vỏ cây sui về, mẹ buộc áo sui cho. Bây giờ Mon bện cái khố lá dừa cũng thấy bền, lá dừa lại dễ lấy và lá dừa cũng thắt làm áo, làm chăn được. Đêm, Mon đốt lửa lên, bóc lá dừa. Ngồi trước một lúc, hai mắt đã díp. Mon ngủ ngay trên đồng lá dừa ấm. Quá nửa đêm, đồng bếp lửa giữa nhà tàn than. Cái lạnh khuya làm Mon thức giấc. Ngoài khe vách, trăng sáng trắng tinh. ánh trăng trổ xuống khe vách mây hờ như những sợi mây trắng muốt cài thêm vào đấy. Mon đứng dậy, trông ra ngoài. Vùng rừng lênh láng ánh trăng. Từ hôm nọ, Mon đã bắt chước bố, thắt nút dây treo đầu cột, đánh dấu ngày tháng, bây giờ biết đến mùa mát đã có trăng trong xanh. Rừng im quá. Cái im lặng trắng sáng trải dài, phủ lên bóng rừng đen thẫm. Mon lắng nghe xa một tiếng hươu giác. Con hươu về rừng đằng ấy. Có đàn hươu về đằng ấy. Mai ta sẽ đến tìm. Đã lâu, không được ăn thịt hươu. Mấy lần đi rừng có trông thấy vết chân hươu, vết chân gấu nhưng chưa gặp con nào. Mai đi tìm hươu. Hươu ở rừng này chắc chưa biết sợ người, có thể đuổi bắt được cũng nên. Mon nhìn phía rừng. Rừng sâu khuất ánh trăng, tối đen. Nhưng sao lại thấy một vệt sáng lao xao dãi trong bóng tối. Không phải chỉ như hai con mắt hươu, mắt cầy, đây là vệt lông lánh dài, dài

lắm. Mà ông trăng đương sắp bóng đằng này. Không thể có một giọt sáng sang phía ấy như thế được. Sáng ở cây gỗ mục hay sáng con sâu đất, con đom đóm. Nhưng mùa này không phải mùa đom đóm. Cây gỗ mục hay đóm sâu đất, thì sáng quanh năm. Đi rừng đêm hay gập cây gỗ mục sáng, Mon đã thấy. Mon nghĩ: Mai ra chặt một khúc đem về để dưới gốc thông làm cái đèn trước nhà cho mình cũng hay đấy. Hôm sau, Mon cầm cái lao trúc đi về phía đêm qua có tiếng hươu. Thấy những vết chân đã hơi khô, có ám sương, biết đàn hươu chỉ đi qua, Mon quay về. Chợt nhớ, Mon tạt xuống chỗ cây gỗ sáng. Tìm khắp quãng ấy cũng chẳng thấy cây gỗ mục nào. Mon lội qua suối về. ở suối lên, Mon trông xuống mu bàn chân mình lấp lánh sạn cát. Quái, đây suối trong vắt, không phải như lội bãi cát ngoài biển mà sao lại có cát bám vào chân. Mon cúi, lấy ngón tay dính sạn cát lên. Hạt cát long lanh lóng lánh. Mon quay lại vốc một nắm cát mịn ven suối rồi khỏa xuống nước. Nước trong leo lẻo lừa cát đi, trong cát lấp lánh những hạt vàng chảy theo. Có lẽ đêm qua cái suối lóng lánh tại thế này. Đây là cái suối chảy ra vàng.

Ngày trước, ở Bãi Lữ cũng có suối chảy ra bạc. Mon không được đi đến những suối bạc, suối vàng ấy lần nào, nhưng Mon thấy người trong các làng cứ mỗi năm, đến mùa lại đem giỏ, đem lưới đi đãi được từng vốc. Vàng ấy, bạc ấy đem về đập mỏng thành lá, để trong nhà, bảo trừu ma. Mon đã thấy những ông già ngồi rèn vàng làm con dao cho các bà, các chị bổ cau và đập thành những cái kim nho nhỏ nhọn để xăm mình. Kim đâm vào người rớm máu rồi mới xoa nước chàm, vài năm phải xăm lại như thế, bằng cái kim vàng. Lại có người lấy cuội đập làm cái khuyên đeo tai thay lõi cuốn chiếu. Bảo đeo vàng cho khỏi ốm và đẹp. Trẻ con thì đeo bạc để kị gió và được khước. Ngày tết, ngày hội ở Bãi Lữ, Mon thấy nhiều người đeo. Mon cũng được đeo cái vòng bạc. Mẹ bỏ cuốn chiếu ở lỗ tai Gái, cho nó đeo đôi vòng vàng to. Mọi khi vẫn đeo, cho đến lần lên hội ở Phong Châu mới bỏ ra. Rồi thì tai biến đến ngày nay, vàng bạc để lại ở Bãi Lữ, không có nữa. Mon nghĩ: có thể lấy vàng này rèn con dao. Ta làm con dao bằng vàng, không có dao sắt, ta có con dao bằng vàng, con dao vàng chắc còn sắc hơn dao đá. 169 170 Mấy hôm, Mon xếp những tàu lá dứa, chắn xuống suối. Nước suối mùa này cạn trong, chỉ róc rách chảy những hạt cát vàng đọng lại trong khe lá. Vài ngày một lần, Mon ra gỡ mạng lá dứa đã rửa ra thành xương lá. Có lần được hắt một bọng cát vàng. ít lâu, đã được một đốt tay. Mon lấy dao đá đập dẹt lại thành một cục vàng chόe. Rồi chẳng bao lâu Mon đánh hắt được một dao vàng. Cái lưỡi con dao vàng to bằng dao của bố. Con dao vàng này thật sắc. Chém tre, chém trúc được. Nhưng chỉ vài nhát thì lưỡi dao oằn lên, phải đập lại. Thôi thế đã là quý. Con dao đá mẻ thì phải bỏ, con dao vàng đem đập lại, lại chém được. Đêm đêm, trông về phía rừng, con suối sáng đêm nào cũng óng ánh. Mon đặt tên suối ấy là suối Sáng. Mon vẫn chắn lá dứa đãi vàng. Mon còn định đánh nhiều dao và làm nhiều thứ bằng vàng. Mon sẽ làm cho cái Gái những chiếc vòng khuyên vàng, làm vòng khuyên vàng cho mẹ nữa, như ở Bãi Lữ. Chắc mẹ và em thích lắm. Vàng dẻo dễ đánh, chỉ hơi lửa rồi lấy dao đá rèn, không phải kéo lò.

Chương 11:

Mon vào rừng tìm nấm buổi sáng. Cái giống nấm cỏ, sau mỗi trận mưa đầu mùa, mọc như nghề. Nấm cũng ngọt như rau ngót, Mon rất thích ăn. Đêm qua mưa to. Nước trong rừng tràn các suối còn in lại trên những làn cỏ giạt xuống, thẳng tắp. Bỗng Mon để ý: có những đám cỏ rồi từng vũng tròn. Đến xem, thấy vết chân gấu. Cỏ gãy còn đương ngóc lên. Một con gấu to vừa đi qua. Thoạt trông biết ngay, chân gấu khác dấu chân con hươu, con hổ. Hai chân trước nó nhỏ, dấu quào lắt nhắt. Chân sau gấu hình cả bàn chân có gót tròn và đậm, như gót người. Có một con gấu nào mới qua đây. Bối cỏ giạt nước vừa bị nén xuống còn đương cựa quậy trong vết chân hằn lại, nước rỉ vào hùm chân chưa đầy mặt lôm. Mon hạ cái lao trúc trên vai xuống cầm tay rồi rón rén theo vết gấu. Một quãng, Mon nghe ở khe đá trước mặt văng ra tiếng kêu kít kít như tiếng con tê tê vừa đào ổ vừa húc mũi vào hít đất. Ờ, trong khe đá có con tê tê. Tiếng sột soạt, những tiếng sột soạt mạnh, như giẫm chân xuống đất, không nhẹ như con cây đưng đậy, con tê tê đào đất mới khỏe thế được. Nhưng lúc ấy Mon trông thấy hai con gấu bé - gấu mới đẻ, có lẽ gấu chưa mở mắt, lông còn xám nhờ, bết từng đám, nằm rúc vào nhau.

Chính những con gấu con ấy đã kêu kít kít lúc nãy. Ngay trên đầu mồm đá, một con trần mốc to như cây chuối đương núc gấu mẹ. Con gấu mẹ ấy mới đẻ, tha con đến đây thì gặp trần. Trần mốc sồn vẩy lên, quãng mình ào ào qua rừng tìm mồi. Mỗi lần vòng núc chặt hơn, xương gấu mẹ gãy răng rắc, con trần mốc quật đuôi xuống đất như vỗ đập, lại núc một vòng nữa. Gấu đã bị trói hằn cả người vào trong mình trần, chỉ còn cái mồm há hốc ngoi lên, cái lưỡi đỏ nhọn hoắt, thò dài ra, như một cục máu đương rơi. Mon nhìn quanh tìm chỗ có thể để mở trận đánh trần rồi Mon trèo lên tảng đá gần đấy, cao hơn chỗ khe đá có con trần đương núc gấu. Đứng trên, nghe tiếng xương gấu gãy mỗi lúc cứ như tiếng cành cây gãy trong vòng núc của con trần, mỗi khi cái đuôi trần lấy đà quật mạnh xuống. Rồi cả mình con trần ngườn lên dồn đẩy dần cái mồi gấu vào mồm. Mồm trần mốc há hoác, sắp nuốt con gấu đã nhũn rũ ra như đồng lá khô. Miệng trần đỏ nhợt, há ra. Chiếc lao trúc của Mon phóng tới, cắm phập suốt. Cái lao ngập gần hết vào miệng con trần. Con trần không ngoạm lại được. Trần vùng một cái, tung mồi gấu ra rồi nó cứ tha cả cái lao trong miệng như thế biến thẳng vào rừng. "Cho mày chạy đi! Thế nào mày cũng chết đứt cổ rồi!". Mon nghĩ bụng vậy. Mon nhảy xuống, đến chỗ con gấu bị nạn. Rớt dài nhầy nhựa ở người trần tiết ra khi nó vạy mình núc mồi, còn hôi sặc sụa. Con gấu mẹ chỉ còn là một đồng lông đen xương trắng lồi lẩn lộn và một vũng máu. Chỗ chân tảng đá, hai gấu con, lỗ mắt ướt nhoèn, nằm uốn tròn - hình nằm trong bụng mẹ, cứ kêu lút nhút như chuột mới đẻ. Mẹ mới đẻ gấu lúc sáng sớm, còn đương liếm con. Những nạm lông xám ướt lờm nhờm. Lúc ấy, con trần mốc đói mồi quãng mình đến. Mon ôm hai con gấu con về lều gốc thông. Mon ngồi vuốt cho gấu khô lông. Rồi Mon đi kiếm quả trám và những nạm cỏ thật non về cho gấu. Bọn gấu con cũng như ngựa con và bê, chúng nó chỉ một lúc ra khỏi bụng mẹ, đã cứng khoeo, hai mắt thao láo, răng trắng tênh và lún phún ria mép cần thận. Những chàng gấu con này cũng thế. Hai hôm sau, gấu con đã lon ton chơi, chạy

trong gốc thông, như hai con chó mới mở mắt. Chẳng bao lâu, gấu con đã lớn phổng thành hai chàng gấu thật sự, đứng cao ngang sườn Mon. Đôi tai ngắn cùn trên cái đầu bẹt, con mắt nâu ti hí, nhanh như chớp.

Bàn chân gấu có năm ngón tõe ra, giống bàn chân người. Con gấu có sáu chiếc răng cửa trắng nhớn, to thô lỗ, thò dài. Con gấu to xác thế m, lúc ngồi rồi chỉ chăm chăm giơ bàn chân tìm kiếm bắt kiến đưa lên miệng nhấm. Mon đi đâu cũng có hai con gấu cùng đi. Mon đặt tên hai thằng là Gấu anh và Gấu em. Niềm vui đầu tiên của Mon không phải chỉ là trong nhà có bạn, nhưng còn cái sung sướng hơn, ấy là từ khi có bạn thì Mon mới được trò chuyện thả cửa. Bao lâu nay Mon cứ lì lăm cả ngày, không được nói. Bây giờ Mon mới được nói. Hai con gấu không đáp được chuyện, nhưng cứ được nói, mình nghe tiếng mình đã thích rồi. Và hai con gấu có thể biết chịu chuyện. Mắt gấu tròn xoe, hình như ánh lên, mỗi lúc Mon cười nói về thích chí. Cái gì làm gấu không bằng lòng, gấu xì mồm ra, gù lưng tòm, vừa đi vừa ngồm ngoàm nhai không, như làu bàu, nhấm nhẩn. Mon đi trước, Gấu anh Gấu em theo sau, lùn cùn. Ba đứa đi hái lá ngót. Rừng này cũng có lá ngót mọc từng vệt dài ngay cạnh suối. Lần đầu, Mon cho anh em gấu đi ngắt rau ngót. Mon cúi xuống, bấm ngón tay, bứt một nắm lá. Rồi quay lại xem gấu làm thế nào. Hai con gấu cũng lúi húi quơ chân trước lên, rút lá ngót, không đợi Mon phải bảo. Mon quát hỏi:

- Chúng mày hái làm sao, tao xem nào. Hai con gấu lẳng lặng không trả lời. Cả hai lại cúi trên những cây ngót mọc là là mặt đất. Về đến gốc thông, Mon ra hiệu cho Gấu em được ngả lưng nằm chơi, còn Gấu anh thì bắt đi vác nước. Mon đem cái ống tre ra đẽo bớt vỏ rồi đổ nước bỏ lá ngót vào, nấu canh. Mon cứ vừa làm vừa quay ra, hét mẳng luôn miệng:

“Thằng này lười hơn thằng em! Lười thườn lưỡn ra thôi! Đi vác nước đi! Mày không vác nổi ống nước thì ông đánh mày. Lại còn vờ vờ hé mắt nhìn cái gì? Đi vác nước!”. Nói to như có mấy người đương cãi nhau. Tuy to tiếng thế nhưng rồi Gấu anh vẫn đứng ì ra. Không biết thế nào, Mon lại phải leo xuống bảo gấu cách làm: này cầm cái ống tre, này vác lên vai đi thử mấy bước, rồi Mon trở tay ra suối. Quát:

- Ra suối, ra đằng kia, suối đằng kia! Làm như hét cho cả trăm người nghe. Gấu anh tỉnh ý lắm. Chỉ có thế, Gấu anh đã hiểu. Có lẽ vì hằng ngày, Mon đi vác nước ngoài suối. Hai con gấu đứng trên sán vẫn trông thấy.

- Được rồi, được rồi!

- Mon nói, Mon vẫn chưa thôi ne nẹt và bắt nạt nó. Cứ Gấu anh vác được ống nước nào thì Mon đổ ngay ống nước ấy đi, lại bắt ra suối lẽ mề vác về ống nước khác. Mon trợn mắt, hét:

- Cho quen đi! Bắt mày vác mười ống, phải vác đủ mười ống mới quen được!

Cả ngày, Mon lăm bằm mẳng mò hai thằng gấu. Không phải vì ghét. Mà vì yêu chúng nó quá. Mà vì muốn được nói cho sướng miệng. Lúc nào cũng nói rầm rĩ, như cả nhà đông người trò chuyện. Hai con gấu này học cách ăn làm chóng lăm. Chẳng bao lâu, sai gì cũng nên. Gấu biết xuống bờ biển bắt con ngao, con sò. Biết ra rừng ngắt lá ngót một mình. Lại biết bới măng tre, măng trúc. Chỉ có thói sáo véo von bằng cái

Ổng hóp đá thì hai con gấu chịu. Hôm ấy ba đưa đi bới măng. Các cánh rừng đều rục rờ nắng. Lại sắp bắt đầu một mùa nắng, rừng sáng xanh lên. Sắp có sấm mới, lại đi tìm măng ngọt. Lấy măng vào cữ sắp có sấm thì măng ngọt như mía lùi. Mon đã thuộc như thế, từ Bãi Lữ. Mon cầm lao đi trước. Gấu anh và Gấu em, mỗi thằng đeo cổ một cái giỏ, bước cung cúc, lưng gấu càng gù xuống hơn. Đến trước một bụi trúc, Mon quỳ xuống, lấy tay với đám cỏ. Mon cầm cái lao trúc đào đất. Chỉ vài nhát đã thấy nhú lên chiếc mầm măng trắng phây. Mon xới quanh rồi bẻ cái măng, bỏ lên chiếc giỏ đeo lưng gấu. Hai gấu đứng ơ mặt xem Mon tìm măng, đào măng. Rồi có một lúc, Mon bới ra một vệt nứt trong cỏ. Gấu anh xông đến, hích lưng đẩy Mon ra. Mon hiểu con gấu muốn tranh làm đấy. Mon né sang bên. Nhanh nhẩu, hai chân trước gấu cứ quào hắt đất như mưa. Rồi quay lại, chân sau vệt đất ngược lại. Hai con gấu bắt chước nhau cùng làm thế. Những cái măng trúc dần dần thò lên. Làm mấy bận, con gấu đào đất lấy măng nhanh hơn cả Mon. Cẩn thận kéo gậy, không được sây xước cái nào đâu. Gấu biết làm khéo thế. Chỉ tìm quanh vài bụi trúc, hai cái giỏ đã đầy ních những măng là măng. Ba thằng thông thả đi về. Nhưng, đến gốc thông, thấy cái nhà đã rụi xuống như một đồng rơm. Ba chân tre bênh hoác ra, những mảnh ván, mặt bếp, sập hết. Mon mò quanh gốc thông, hai con gấu cũng lò dò theo.

Mon thấy có vết chân hổ. Rồi càng thấy nhiều vết chân hổ. Con hổ này to, bàn chân nó tròn bằng cái bát đàn úp. Móng chân hổ quào toạc đất từng mảng sâu. Phía gót, đất nghiêng hẳn xuống. Con hổ rún mình nhảy, hai chân sau nó ấn lún đất. Con hổ nhảy đi đâu? Nó vừa đuổi mồi húc đổ nhà mình à? Có lẽ thế. Chỗ cái cột tre gãy trông thấy vướng đám lông xám ở vai hổ. Con hổ chạy đuổi mồi đâm vào cột nhà. Nhưng tịnh chẳng thấy vết con hươu con nai nào. Mồi gì mà khiến hổ phải cuống cuồng nhảy đụng đổ cả nhà! Trong rừng này, còn có con cầy, con nhím. Những thứ ấy, hổ thò tay ra bắt được, chẳng phải vồ, phải nhảy đuổi vội vã thế. Bỗng Mon nghe tiếng gấu rít sau lưng. Mon quay lại. Cả hai gấu con cùng nằm rạp, dán mũi xuống đất, quào chân ra đằng trước.

Mon trông xuống chỗ ấy, thấy một đám dãi nhoáng nhựa cây. Mon biết ngay. Con trăn vừa quăng mình qua đấy, rớt dãi còn nhầy nhụa trên mặt đất. Con trăn đuổi mồi quăng đến đâu, nhựa da trăn dính đến đấy. Đám nhựa sệt lại ở chỗ con trăn quật đuôi lấy đà. Những ngày đối trời, mưa nắng hấp hơi, trăn đi hàng đàn, khi bò ào ào như những con lũ, khi quăng mình qua rừng, cành cây rung chuyển, tơi tả như rừng gặp gió quần trong núi ra. Mon vẫn gặp luôn. Lúc nào con trăn ăn no rồi quần tròn khúc nằm to xù xụ như tảng đá mốc, lim dim mắt, lúc ấy con trăn hiền như đất, ai đứng chơi trên người trăn cũng được. Nhưng lúc con trăn đói đuổi mồi thì thật khủng khiếp, không loài nào chống nổi. Nó phóng nhoáng như chớp từ trong bụi ra, trườn trên những tảng đá, rồi nằm vắt ngang cành cây thò đầu xuống để hóng mồi. Cả đến con hổ ngửi hơi biết trăn đói đương rình đâu đây, hổ cũng phải chạy tránh ngay. Nhiều khi, hổ chưa kịp chạy, trăn đã quăng mình từ trên cây xuống, quần chặt con hổ. Trăn núc mãi vào cho đến khi con hổ khốn nạn mềm nhũn dài ra thành một cục mồi máu me. Thế là trăn há hoác miệng, nuốt dần, có khi nuốt mấy ngày mới vào bụng hết cái mồi con hổ, đầy đủ móng vuốt. Trông những đám dãi, Mon đoán biết không phải hổ đi tìm mồi mà có một con trăn đuổi hổ, con hổ chạy. Không biết hổ có chạy thoát? Hay đã bị trăn quần chặt, tha đi rồi. Hai gấu con vật vã nằm lại hai bên má áp xuống mặt đất, ngửi vết nhoáng trăn rồi lại quào, lại im, mặt tiu ngịu buồn thiu. Gấu làm hiệu cho Mon biết có con trăn đuổi bắt hổ? Chúng nó sợ lắm. Hay chúng nó

đương nhớ mẹ. Những con gấu ấy nhớ mẹ. Mon không muốn nghĩ hơn. Mon cũng chạnh lòng nhớ. Mon vội nghĩ ra chuyện khác. Phải làm nhà lại. Phải dựng lại cái nhà. Mùa mưa rào đến nơi rồi.

Lần này Mon làm nhà cách khác. Vẫn ở gốc thông ấy, nhưng Mon không chôn những chân cột chên vênh nữa. Mon xếp thành nền đá cao có cái trụ đá ở giữa, trần hay hồ cũng không húc đổ được. Cái cây gỗ để làm thang nhà lúc còn ở với bố mẹ, và nó đã cứu mình, đưa mình đến đây, lại gác cạnh những ống bương đựng nước ở rìa đá làm lối trèo lên, như cũ. Mon làm lại nhà. Tuy vậy, không phải khó nhọc lắm như lần làm nhà trước. Bây giờ ba thằng cùng làm. Bên cạnh Mon, hai bạn gấu vác đá đi đi lại lại, Mon không phải lẻ loi một mình như dạo trước. Mon thành tay thợ cả. Mon đi dẫn tre, lấy mây lấy song, rồi Mon ngồi giữa đồng ngổn ngang tre gỗ với cái ống bật lửa, la liệt những dao đá, những dao vàng và kéo, cột, nan song, mây xung quanh. Bây giờ đã biết cách làm nhà hơn. Mon lấy dây mây buộc cột ngoãm cho chắc chắn, mưa bão cũng khó đánh tung lên được. Đồng đá to dần, tròn đều như cây rơm. Trên đồng đá, tựa vào gốc cây thông, ló lên túp lều nhỏ cao cao, công trình của Mon, một nếp nhà xinh gọn hơn trước. Lỗ cửa bây giờ có liếp che gió, bếp là một khoảng giữa nhà, mặt sàn lát tảng đá phẳng. Để cho bếp mùa lạnh ủ, dù than có vạc, hòn đá lót bếp, vẫn nóng hằm hập đến tận sáng. Cái mái nhà lần này cũng khác. Mon không lợp lá dong lá chuối như ngày trước bố mẹ lợp nhà khi mới xuống rừng. ở Bãi Lữ, lợp nửa bồ đôi, lợp lá mía. Đây có nhiều tre, Mon đem xả những cây tre làm hai mảnh. Mảnh úp, mảnh ngửa ken nhau, thế là được cái mái nhà chắc, không dột, không tốc. Mưa rào xối nước xuống, trắng tinh ngoài giọt tranh, trong này, lửa bếp vẫn đầm ấm đỏ ngon. Từ khi có anh em gấu cùng ở, Mon đỡ thui thui, không như những năm trước, mỗi khi bồn chồn nhớ bố mẹ, không biết thế nào, chỉ muốn ứa nước mắt. Bây giờ trò chuyện, đùa nhả, cãi nhau với anh em gấu như với cái Gái, lắm lúc ngỡ rồi sẽ gặp em, lại cũng đùa chơi và cãi nhau vui thế này. Những khi nhớ em, Mon lại rủ gấu ra tập cho chúng nó biết cách ngồi chõng chân chấp tay như chơi chõng nụ chõng hoa, như những khi trẻ con các xóm kéo ra bờ sông chơi mê cả buổi. Nhưng đến lúc gấu biết chơi thế, Mon lại chán ngay. Vì gấu nhảy cao quá, chấp tay chân cao nhất, rồi đến lúc đứng thẳng người giơ tay lên, anh em gấu cũng nhảy qua đầu như bỡn. Mon lại tập cho anh em gấu biết đánh vật. Phải như mọi người ở lò vật Bãi Lữ. Chẳng chịu kém đâu. Những hôm mê mải chơi dưới gốc thông, ba tay đô này lại thả cửa quần nhau. Dạy cho gấu biết vật thật là khó. Gấu tuy tinh khôn, nhưng chỉ biết làm theo, không biết nghĩ ra làm riêng được. Mon nắm hai tay, vúi vai gấu. Gấu đưa chân trước lên vai Mon. Mon lẳng gấu xuống, gấu bấu chân lại, giữ chặt vai Mon. Những cái vuốt sắc cắm vào vai Mon. Máu rườn rướt chảy khắp người Mon. Mon thét lên, nhảy bật ra. Gấu há hốc mồm, cứ đứng lớ quớ giơ hai tay như thế, như sợ quá, như lạ lùng quá, nhìn những dòng máu đương lỏa lợi hai vai Mon. Nhưng đến lúc khỏi đau vai, Mon lại dạy gấu chơi vật, không sợ. Và cũng chỉ có một lần gấu vô ý thế thôi. Bây giờ nắm hai "bàn tay" lại, những chiếc vuốt nhọn cũng cụp vào. Nắm tay gấu chỉ còn êm mượt lông như hai nắm bông. Cứ thế, chân trước, chân sau tròn thu lu, gấu ghì gấu vật với Mon. Có đêm sáng trăng, ba tay đô còn quần nhau vào khuya, đến lúc cả ba mệt thở phì phò rồi mới dò lên nhà. Chẳng kịp thói lửa đã lặn ra ngủ khì.

Tháng ngày qua lặng lẽ. Mon và anh em gấu vẫn tha thui ở rừng. Mon bây giờ như người có hai cái bóng. Mon đi đâu, hai cái bóng cũng đi theo. Có hôm trở trời, Mon sốt nằm trên sàn, mặt đỏ rừ, hai con gấu cũng quanh quẩn không đi đâu. Làm gì, hai cái bóng cũng cùng làm. Thế nhưng chẳng phải việc nào

gấu cũng chỉ biết bắt chước và lúc nào gấu cũng chịu là cái bóng đầu. Một buổi sáng, Mon thức dậy, thấy như trong nhà quang khác hẳn. Chợt nhìn: vắng hai con gấu mọi khi vẫn nằm ngay chỗ cửa. Mon trông ngoài liếp. Mon nghiêng nhìn ngoài suối Sáng. Cũng không thấy. Không phải gấu đi vác nước, mấy chiếc ống nước vẫn đứng bên gờ đá cạnh cửa. Anh em nhà gấu đi đâu? Từ ngày còn bết lông, Mon cứu gấu về, gấu không đi một mình thế này bao giờ. Gấu vốn thuần tính. Bây giờ gấu đi đâu? Bỗng nhiên, Mon thấy vắng đến ghê cả răng. Hay gấu nhớ rừng, nhớ đời sống lang thang, gấu quen rừng, gấu về rừng sâu rồi. Còn mình về đâu bây giờ? Mình nhớ bố mẹ, mình về đâu? Nghĩ gấu, thương mình, cảm nỗi quạnh hiu rợn người. Mọi khi, mỗi lúc nhớ, Mon đều nghĩ được cách cho khuây khỏa. Bây giờ không nghĩ ra cách thế nào nữa. Đã quen có hai con gấu, cái lều trong gốc thông được êm vui hẳn. Chúng nó như em mình, cũng bằng cái Gái nhà mình. Bây giờ chúng nó đi đâu? Mon không muốn thò chân xuống thang. Mon ngồi lỳ trên nhà. Chẳng đi kiếm cái ăn. Chẳng thổi lửa.

Mon ủ rũ, tựa vách. Mon nhắm mắt nghĩ miên man. Chợt nghe động lách cách dưới chân thang. Mon choàng mắt nhìn xuống. Thằng Gấu anh đương lúi húi trèo lên. Gấu em cũng ngoi ngóp theo. Gì thế kia, một tay gấu ôm vào ngực cái bọc to, ướm rờn rờn. Khó nhọc sao mà cả hai đưa cùng thè dài lưỡi, thờ khặc khặc, chốc lại gạt tay lên qua tai, như người ta gạt mồ hôi. Hai anh em gấu đã lên đến trước mặt Mon. Mon trông rõ mỗi đưa cầm trong tay một cái khoái ong đầy bông. Tổ ong lỗ chỗ nổi sấp vàng mờ, phủ kín mặt. Anh em gấu chìa nạm khoái ong cho Mon. Mon cười cầm lấy rồi cắn từng miếng, nhai cả bã. Mật ong ngọt tê đầu lưỡi. Như thềm từ thuở bé mà chưa được đựng một miếng mật ong bao giờ. Mật ong ngọt lừ. Rồi Mon nhìn hai con gấu. Thế ra hai thằng gấu này khôn bằng người rồi. Mọi khi, nó là đầu sai, bảo gì làm nấy. Bây giờ mới hiểu nó biết đến mùa ong, biết nghĩ ra đi tìm mật ong đem về cho mình ăn. Hôm sau, lại nghe từ tờ mờ sáng cái gì lịch kịch dưới sân, Mon tỉnh dậy. Trông ra cửa, thấy anh em gấu nối đuôi nhau lúi húi đi. Mon nhảy tót xuống theo. Tài thế, không ngoảnh lại mà như biết Mon theo, hai con gấu tự dừng nhe răng ra, tai đập đập cúp xuống. Tổ ý thích cho Mon theo đấy. "Tao biết rồi. Anh em mày lại đi lấy mật. Ong hời này đương cữ mật.

Làm thế nào chúng mày lấy được cả bông mà ong khỏi đốt. Chúng mày đánh nhau được với ong? Tao phải đi xem chúng mày đánh nhau với ong thế nào...". Chúng đi quanh co xa lắm. Mùi mật chín bay tỏa xa từng luồng thơm, cách mấy rừng, gấu cũng đánh hơi thấy. Một lúc, đương đi, gấu chồm lên một cây nghiêng to. Trên lưng cây, có một cái hốc tối đen. Loáng thoáng ong bay ra bay vào. Gấu anh trèo lên cây nghiêng. Gấu em cũng thoát lên nốt. Mon đứng lại dưới gốc cây. Hai con gấu hung hăng leo lên, bấu ngang hai bên cành rồi thò thẳng tay vào tổ ong. Đàn ong đen như chàm bay ra xúm xít quanh. Hai cái đầu gấu vẫn nhấp nhô nhòm vào tìm khoái, không để ý ong kéo về mỗi lúc một đông đặc. Gấu đã lòi được miếng khoái ong to bằng mo cau, vàng chóa, trông xa cũng biết khoái ngập những mật. Rồi hai con gấu cùng thông thả tụt xuống, không cần biết đàn ong vẫn bầu quanh đầu. Lại như lúc nãy, gấu cung cúc đi, thằng anh trước, thằng em sau. Hai chân trước nhô cao, cái lưng gù lên, bàn chân gấu đi lướt lướt quét trên cỏ. Đàn ong lúc nhúc bầu khắp người, hai con gấu như hai cái gốc cây cháy ra than. Mon rợn người. Thế kia mà ong xúm đến thì mình chết mất. Tự nhiên, Mon nằm rạp. Chẳng biết anh em gấu đối phó thế nào, chỉ thấy đàn ong à à lay động theo hai cái bóng gấu vẫn đi. Như cái bụi nhúi, hai con gấu khật khưỡng đi ba chân. Một chân cặp

vào ức, giữ cái khoái ong. Hai vai chân trước nhô cao và hai chân sau liên liền bước trong cỏ. Chẳng khác lúc này. Chỉ khác, chốc chốc gấu giơ "tay" xua lên đầu. Con ong cảm được kim vào đầu gấu, rồi chết rơi lả tả xuống đất. Thịnh thoảng gấu cúi, nhặt xác ong, thè lưỡi, nhấm ăn. Phải, hôm qua về đến nhà chẳng còn con ong nào theo đốt mà tay gấu vẫn xua lên. Các chàng bị ong đuổi, quen tay xua. Mon nằm trên mặt cỏ, nghe xung quanh đã vắng im. Đã biết giống ong không bao giờ tự dừng đốt người, nhưng Mon vẫn tròn trợn. Mon từ từ ngồi dậy, Mon không đi theo hai con gấu, Mon rẽ rừng về lối khác.

Về gốc thông, trèo lên, thấy anh em gấu đã ngồi chồm chồm trong nhà. Không còn một tiếng ong nào vo ve. Không hiểu chúng làm thế nào mà đàn ong phải đuổi mỗi cánh, chịu thôi. Lại thấy hai mảnh khoái ong vàng ngậy để trước mặt. Con mắt gấu hấp háy nhìn Mon. Những bàn chân trước dẫm mật. Con mắt lại hấp háy nhìn Mon. Những bàn chân trước đưa lên, thè lưỡi ra liếm. Như mời cùng ăn. Ba anh em Mon mút no mật ong, hôm ấy. Nhưng hôm ấy Mon thích nhất là lại nhận thêm ra những tính tốt nữa của gấu. Con gấu không bị thịt, không lù đù như có lúc mình tưởng thế. Trông dáng không thể biết hết, phải ở lâu mới hiểu, càng ở lâu càng biết nhau hơn. Thật như vậy. Rồi lại vào những ngày mưa rét. Cái dây thắt nút đánh dấu ngày tháng treo trên vách mỗi năm thêm một nút, thêm nhiều mẫu, lại sắp hết năm rồi. Ngày trước ở với bố mẹ, không biết lo. Bây giờ tính tháo vát phải nảy ra, Mon đã thạo. Mon trông luồng cây, biết hướng có suối. Mon phân biệt vết chân các loài thú. Cả con thú đi chỉ quệt vào lá, chỉ gãy lá chỗ nó ngồi và nó mới ngồi hay bỏ đi đã lâu, đi phía nào, Mon ngấm hương, xem cắt mới cắt cũ, biết cả. Mon lại biết tìm lá dẫu, lá cầm máu, lá chữa rắn cắn. Mùa lạnh đến, Mon ngã xuống tắm da nai, da hươu vẫn dựng đầu vách. Mỗi lần lao được con hươu, con nai to. Mon lột da nhúng nước biển rồi phơi nắng đến khô cong, đem vào gác lên bếp. Tắm da nai, tắm da hươu trải ra thành cái đệm như ổ rơm, ổ lá chuối khô, gió gầm sàn không lọt lên được. Năm nay, đuổi được cái rét ra ngoài rồi. Thức ăn cũng chẳng thiếu. Hôm nào ngại rét, với tay lên xà nhà, xẻo miếng thịt hươu nướng vào than bếp đương đượm. Mấy ngày không đi kiếm miếng cũng không đói được. Nhưng hai con gấu cứ ngửi mùi thịt nướng thơm lại quay đi, nhìn ra ngoài. Gấu vốn thờ ơ với thịt. Gấu chỉ thích ăn hạt dẻ, quả trám và mật ong. Gấu anh him him mắt, nhìn bếp. Gấu em nằm ngửa, nghịch đập bốn chân lên trời rồi thè lưỡi, liếm một bên lòng bàn chân trước. Một chốc, Gấu anh cũng lật ngửa mình như Gấu em. Cũng giơ một bàn chân trước, liếm lia lịa như mài lưỡi vào đấy.

- á... à... Chúng mày mút chân thế đã no chưa? Liếm chân ngon hơn ăn thịt, a? Ai biết đâu gấu liếm chân cũng là gấu ăn thức ăn để dành. Con gấu vốn sợ gió rét. Con gấu có áo bông bù xù, con gấu hung tợn không biết sợ cái gì mà sợ rét. Trong rừng, đến khi gió rét, gấu ngủ đứng trong hốc cây kín đáo, khi thức, lại liếm hai lòng bàn chân trước. Cứ liếm suông thế cũng khỏi đói, lòng chân đỏ hắt lên. Ngủ rồi liếm gan bàn chân, rồi lại ngủ, buồn buồn lại lẩn quanh hốc cây, tìm bắt con kiến. Thằng gấu to như con voi, mà cứ lẩn quanh vách nhấm ăn từng con kiến. Cho tới hôm nào nắng ấm mới lò dò ra rừng tìm ăn. Phong tục nhà gấu xưa rày như thế. Qua mùa lạnh ấy, Mon biết thêm tính gấu. Gấu ngoan, nhưng gấu cũng bướng. Gấu có tính có nét riêng. Gấu không phải con vẹt, chỉ biết bắt chước.

Chương 12:

Chẳng bao lâu, lại sắp bắt đầu những ngày mát trời. Đầu tiên, từ sáng sớm, nghe trên trời mù sương có những tiếng kêu kúu... kúu... bay ngang. Tiếng lạ lùng, bấy lâu chưa hề nghe. Mãi cho đến lúc tan sương mới trông thấy từng đàn chim sếu bay nối nhau như lớp lớp cầu vồng ngang trời. Mon nhớ những đàn sếu, đàn bồ nông chiều thông thả bay rợp trên cửa sông Cái. Bố đã bảo con sếu, con bồ nông ra lúc hoàng hôn là đi kiếm ăn đêm. Lại bảo khi con sếu, con bồ nông bay đàn sáng sớm là sắp hết mùa rét, chim đã về phương khác. Đây là chim trở về quê. Mon bỗng vui quá. Chưa bao giờ Mon được thấy chim bay nhiều đến như thế. Năm trước, thuyền ra biển, con chim bay trở lại bờ, Mon buồn lắm. Đến cả chim hải cẩu khắp thế gian được mà chim cũng sợ không ra nơi hoang vắng này. Nhưng không, thế là ở đây có chim sếu mùa lạnh đến trú chân. Mon băng khuâng cảm như thấy chim bay nhiều như thế, chắc sắp bắt được cái gì sung sướng lắm đây, sắp gặp được bố mẹ và em cũng nên. Một hôm, Mon và anh em gấu bỏ kiếm ăn ở trong rừng, ra biển từ sớm. Vì năm trước, trưa nắng to, Mon đưa gấu ra biển, bước trên cát, chân gấu rất bỏng, cứ giật thon thót. Lòng bàn chân gấu thế mà mỏng mịn, đỏ hây, không chịu được nóng. Gấu sợ rét, gấu sợ ăn thịt, gấu sợ bỏng chân và anh chàng gấu to xác thế, lại thích bắt kiến, bắt mối, nhấm ăn từng con. Gấu nhiều tính nết buồn cười thật. Đi từ đêm, ra tới bãi, trông được thấy vệt biển xa xanh ngắt, chưa sáng hẳn. Mặt trời còn lấp trong những đám mây hồng nhỏ bay nhanh nhanh qua.

Mon mê mãi xem mặt trời lên. Không phải Mon thấy lạ. Mon bỗng dưng nhớ chắc cũng ông mặt trời này, buổi sáng ngày trước ở ven sông Cái, Mon vẫn thấy nhô lên bên núi Tam Đảo, đến chiều thì đỏ rực khắp dòng sông Cái. Mặt trời đương lên đằng ấy. Bãi Lở ở đằng ấy a, đằng ấy có bao nhiêu người nhìn, còn ở đây không có người nào, chẳng có người nào, chỉ một mình mình. ở Bãi Lở, có làng có bãi trên bờ sông, khi mặt trời lên, có chim gáy cục cu rộn ràng, có đàn khướu mun líu lo, có đàn ri đàn sẻ ào ào vừa bay vừa kêu trong gió. ở đây, mặt trời lên, trong rừng chỉ rên rĩ tiếng ve mãi không thôi. Bây giờ, mặt trời lên, bố mẹ mình, em mình ở đâu, có đương thấy mặt trời lên ở đây. Hai con gấu ngơ ngẩn giữa bãi cát, cũng xem mặt trời, vẻ lạ lùng lắm. Như xưa rày chưa được thấy mặt trời như thế bao giờ. Trước gấu còn lom khom nhìn, bây giờ gấu đứng cả hai chân, nhìn lên. ạng mặt trời tròn xoe, đỏ tía tai, một nửa còn ngập dưới mặt nước, đương từ từ nhô ra, rồi đột nhiên nảy lên trên mặt nước, như cái hoa đỏ tự nhiên ai thả trôi lững lờ đằng xa. Khoái chí, anh em gấu vòng hai chân ôm xốc nhau, rồi thành linh tì vai chơi vạt nhau. Gấu vạt với Mon mới chóng được thua. Vì Mon vừa bắt tay đã móc lại khóa và bốt ngã được gấu. Nhưng gấu vạt nhau với gấu có đến nửa ngày, hai thằng cứ rầm rập chèn lên chèn xuống, cát lầm lên giữa đám bụi nắng, chẳng ai chịu thua ai. Các anh chàng này chỉ cậy có sức mà không có mẹo. Cứ đẩy nhau đến chán thì buông ra. Rồi Mon và hai con gấu lại lang thang đà chân thơ thẩn đi luôn theo những bóng cây thưa bờ biển, tối đâu ngủ đấy và lúc nào mặt trời lên cao, nắng đã bốc hơi ngùn ngụt trên cát thì Mon đứng lại, mò ngán, đập hà ăn. Hai con gấu chỉ khép chân lại vờ cỏ, nhìn Mon ăn ngon lành mà không đụng đến các thức tanh tươi.

Đương đi, thấy hiện lên một cái chấm đen nhỏ trên mặt biển. Hay ánh nắng làm lóa mắt? Đến lúc thấy cái chấm nhỏ là xuống mặt nước, bốc lên cao rồi lại xuống thấp, như cái lá cuốn trong gió, mới rõ đây là cái chấm đen thật. Và chỉ một thoáng đã rõ hẳn, Mon nhận ra chấm đen là con chim từ ngoài khơi bay vào. Con chim lạ, không phải con chim sếu. Con chim bay từ ngoài khơi vào, không phải con sếu bay đi. Mon nhồm người lên, reo to:

- Con chim! Anh em gấu đương mãi chạy lon ton đằng trước, cũng nghe tiếng Mon.

Chúng nó vội buông vai nhau ra rồi cùng nằm bệt mồm xuống, thờ phì phò, hơi thở thuôn xuống thành hai lỗ cát trước mũi. Con chim đương bay vào phía người đi. Trông thấy con chim lạ, Mon mừng quá. Không phải chỉ mừng vì thấy chim mà Mon lại nhớ lời bố: chỗ đất lành có người ở thì chim đến, đây có người ở đất lành rồi, nên có chim đến. Người ở là ta với gấu hay chim đến với cả bố mẹ ta, em ta, bố mẹ và em còn ở đâu trên đảo? Con chim bay về, con chim bảo thế ư? Chuyển này về trữ cái ăn, lại đi tìm. Lần này, có anh em gấu cùng đi, ta sẽ đi xa hơn nữa. Con chim đã bay vào ngang trước mặt. Trông rõ con chim biển, mình trắng bạc và mỡ to, béo tròn như con gáy. Chim đương bay mãi miết. Chim như không biết dưới bãi cát có người nhìn lên. Con chim qua chỗ hoang vu không biết sợ người. Đến lúc chim vượt đầu, bay đi nữa, Mon thấy từ con chim rơi xuống cái gì trên bờ cát trắng đằng kia - chim đánh rơi miếng mồi hay chim ỉa, không biết. Chắc là bãi cứt chim. Mon trông thấy, nhưng cũng không để ý. Sau nghĩ lại, tò mò, Mon ra xem cái cứt chim này thế nào. Mon bước ra bãi cát. Bãi phẳng lặng, còn đọng lại những đường gợn lăn tăn sóng nhô đều tăm tắp - vết nước thủy triều trong đêm. Ra đến nơi, Mon trông đoán là bãi cứt chim. Giữa đám dãi nhờ nhờ, trắng bệch, có mấy cái hạt to như hạt bí ử, màu hạt đen láy.

Con chim này ăn quả ở đâu rồi ỉa ra hạt hay những hạt này ở miếng mồi chim đã ăn hết, còn giắt lại ở mép chim, chân chim rơi xuống. Mon cúi xoa cát rồi nhặt xem cái hạt. Mon không biết hạt này bao giờ. Có lẽ cái hạt chim ỉa. Ngẫm nghĩ mãi cũng không đoán ra. Mon nghĩ bụng: hạt gì thì cũng thử trồng xem, cái cây lộn kiếp hay là cây gì cũng được. Mon đi mãi vào bờ, đến chỗ lơ thơ mấy tùm cỏ, con nước có lên cao cũng không tới. Mon tìm một hốc, vùi hạt chim ỉa xuống cạnh tảng đá, chỗ có khe có hơi đất ẩm. Hai con gấu theo lẻo đẻo đằng sau, tất nhiên chẳng hiểu Mon làm gì. Rồi cả bọn lại chạy ra bãi. Mon và hai con gấu xuống ven bờ đá bắt ngán, đập hà. Trời nắng đã gay gắt, những con gấu xù xì, xem ra đã oi bức khó chịu, vừa đi, vừa khặc khặc thở. Gấu biết nhặt sò mà gấu lại không ăn các thứ ấy. Phải nghỉ, cho gấu đi gặm cỏ. Vào đến rừng, thoát nắng rồi mà còn thè lưỡi thở hỗn hển. Anh em gấu bò đến tảng đá cạnh bờ suối rồi quỳ hai chân trước, sát mồm xuống, uồng ừng ực. Lúc này khát, gấu đã uống nước biển. Nhưng chát quá, sặc không nuốt được, lại phải lặc ra. Uống xong hơi nước thật dài, con gấu ngóc đầu lên, ngồi tựa xuống hòn đá, giải thè hai chân sau, để cho nước suối mát lạnh lỏng lỏng chảy xuống đầu mồm. Chúng nó mệt nhọc một vẻ khoan khoái lạ. Lát sau, vào rừng vợ cỏ gặm ăn. Rồi lăn ra ngủ đấy. Mon cũng vào theo và cũng ngủ qua đêm trên bãi cỏ với anh em gấu. Đi chơi mấy hôm rồi về. Ngày lại năm, lại đến mùa mát trời. Mon lại tính việc đi tìm bố mẹ. Thế là lại đi. Trên cổ hai con gấu đeo trĩu vòng xuống những râu thịt khô. Mon vác một ống nước với cái lao trúc. Hai con dao vàng và hòn cuội đánh lửa thì giắt cặp khố. Hôm đầu ngủ lại cửa rừng, thật vui.

Vui nhất là Mon. Lần này có anh em cùng đi. Mon không còn thấy Mon lùi thui như năm trước. Cái vui lại nở trong Mon một hy vọng, tưởng như chắc tìm được bố mẹ. Rồi niềm vui tràn lan sang những tin tưởng khác. Chập tối Mon ăn thịt hươu nướng. Còn bọn gấu thì trèo cây tìm được khoái ong mút mát ngay ở ngang đường. Tối đến, bốn phía rừng như cái chiếu quây lại. Mon đốt đồng lửa to bên tảng đá. Ban ngày nắng, nhưng đêm trong rừng, sương xuống ẩm nặng hai vai, ướt cả tóc. Thế là Mon rúc vào nằm giữa, hai gấu hai bên. Hơi ấm của hai cái chăn gấu đánh bật hết sương lạnh. Cả ba ngủ lúc nào. Cứ thế, đến sáng. Chợt, Mon cảm thấy lạnh lạnh bên người. Hai con gấu đã trở dậy từ lâu. Mon bừng mắt. Trên vòm lá, ánh sáng ban ngày đã lờ mờ, trong khi ở lưng cây, từng làn sương như những cuộn khói luôn qua. Mon ngồi nhồm lên, ngơ ngác. Mon thấy hai con gấu đương ngồi sát vai nhau trên đầu tảng đá, nhìn ra. "Hai thằng này dậy sớm làm gì, lại ngứa chân, muốn đấu vật à?" Rồi Mon len lén đến, chui vào giữa cánh nách hai con gấu. Hai con gấu vẫn ngồi nguyên. Mon nhoi mặt ra dưới cái vai xù xì lông gấu. Mon trông đằng trước mặt, xem gấu đương nhìn gì, thì thấy một quang cảnh thật lạ. Trong cánh rừng thưa có một đàn gấu chó - giống gấu nhỏ con, cùng loài với anh em gấu. Đàn gấu nọ sáng sớm kéo qua rừng, đứng lại. Chúng nó trông thấy anh em gấu bên này. Hai con gấu đương ngủ. Nhưng hơi đàn đi ngang qua nòng nài tủa đến, đã đánh thức hai con gấu thức dậy ra nhìn.

Đàn gấu đông đến mười mấy con, những gấu già, những gấu con loắt choắt bước sau gấu mẹ. Có gấu con đương đi, trèo lên vai gấu lớn, ngồi thu lu, ngó ra bốn phía, những con khi con nghịch ngợm. Cả đàn gấu đứng im, nhìn sang tảng đá. Đàn gấu với anh em gấu im lặng nhìn nhau. Trông con mắt và vẻ ngần ngợ của anh em gấu, Mon hiểu. Những con gấu không kêu, không nói với nhau, tiếng gọi đàn không thành tiếng, thế mà bồi hồi tất cả. Mon bàng hoàng. Mon chợt dạ. Mắt Mon rưng rưng. Mon nói như khóc:

- Gấu ơi! Chúng mày đừng bỏ anh nhé.

- Rồi Mon giũ đầu búi cả hai tay lên vai gấu. ở bên kia rừng, đàn gấu từ nãy vẫn nhìn sang, bây giờ trông thấy người nhô ra, thế là chúng nó lộn xộn kéo đi. Một thoáng đã mất hút, không thấy đâu nữa. Hai con gấu trên tảng đá ngây nhìn theo, nhìn theo mãi. Gấu muốn đi với đàn hay như thế nào, Mon không biết. Mon giơ hai tay, nắm mõm hai con gấu, thủ thủ nói:

- ừ, chúng mày nghĩ phải. Anh em ta đây, anh em mình đây cơ mà. Gấu anh và Gấu em cùng thè cái lưỡi âm ẩm liếm hai bàn tay Mon. Mon cảm động vuốt hai tai gấu bẹp xuống. Lát sau, ba đứa đi sang cánh rừng phía trước. Như hôm qua, mỗi đứa lại đeo vác những thứ lịch kịch, lộm cộm. Vừa đi được mấy bước, hai con gấu ngoảnh lại. Mon cũng ngoảnh đầu lại. Mon thấy đằng xa đàn gấu lúc nãy đương nhấp nhô đi theo. Tự nhiên, Mon lùi lại, đi sau cùng. Mon xôn xao, lo lắng lắm. Thế này là thế nào? Bọn kia muốn rủ anh em gấu này đi theo. Nếu không, chúng nó theo làm gì. Mình đi đâu chúng nó cũng bám, lúc xa lúc gần, không rời. Theo xem gấu đi với mình ư? Chắc không phải. Chúng nó muốn làm ác, muốn cắn xé mình ư? Không, mình có trêu ghẹo bọn nó đâu. Nhưng chúng nó cũng chỉ lơ lửng đằng kia thế thôi. Cứ lúc nào Gấu anh, Gấu em quay đầu thì Mon lại lo. Mon nói như khóc:

- Gấu ơi! ở với tao! Chúng mày ở với tao! Đừng theo chúng nó. Anh mày đây mà! Đừng bỏ tao một mình

nhé.

Gấu anh và Gấu em chỉ nhìn lại rồi lại đi. Nhưng, Mon không thể yên lòng. Đàn gấu lẳng nhẳng theo sau như cái đuôi, và khó chịu như người đi đường sắp bị cơn mưa đập tới. Có lúc, Mon định trèo lên cây rồi phóng lao xuống. Một thằng mà chết thì cả đàn chúng mày phải bỏ chạy. Nghĩ thoáng thế thôi, Mon lại thôi ngay. Gấu chẳng làm hại mình, không nên thế. Và lại, chúng nó có đàn đấy, nếu một con bị ngã, cả đàn sẽ xông đến trả thù thì không xong. Từ khi ở rừng, Mon gặp biết bao loài thú có tiếng ác, cả hổ, cả trăn, cả chó sói, cả cá sấu, cả con giải, nhưng Mon biết rồi, chúng cũng như mình, ai có công việc ấy, không ai bận đến ai, không ai tự nhiên động đến nhau. Đàn gấu kia muốn gì đây. Chúng nó muốn rủ hai thằng này theo. Đúng thế rồi. Làm thế nào bây giờ? Làm thế nào? Nghĩ đi nghĩ mãi không ra nhé. Mỗi lần gấu đương đi lại quay đầu lại, Mon kêu van:

- Gấu ơi gấu! Mon đây mà... Gấu anh, Gấu em có nghe tiếng Mon nói không... Nhưng hai con gấu chỉ quay lại nhìn rồi vẫn cung cúc đi, lưng và cổ đeo lẳng nhẳng những râu thịt khô và Mon vẫn đi sau. Đi xuyên rừng suốt ngày, rừng già rồi rừng thoáng. Chiều đến, khi sương xuống mờ mờ, không thấy đàn gấu đằng sau nữa. Đàn gấu đã lảng hay chúng nó lạc không theo được. Mon thấy dễ chịu hẳn, thế là Mon thúc:

- Chạy nhanh thôi! Rồi Mon chạy. Hai gấu cũng chạy theo. Mon cố chạy vào trong làn sương dày cho đàn kia không trông thấy nữa. Sương đã nặng lắm, tối rồi. Được một đôi xa, Mon dừng lại. Rồi, lại như tối trước, Mon đốt đồng củi. Ngọn lửa bùng lên, Mon ngồi hơ cho tay bớt giá rồi làm thức ăn. Mon nướng thịt. Trong khi Mon lấy cái ống đựng trám, đổ ra, hai con gấu nhặt từng quả trám trắng, nhấm nhót, nhá lốc cốc. Cả ngày hôm nay hai con gấu cứ mê mãi đi, không con nào chùn lại lưng bắt tổ ong như hôm trước. Có lẽ gấu cũng ngại thế nào, không muốn. Gấu sợ ra đằng kia, đàn sẽ dụ dỗ cũng nên. Mon nghĩ thế. Bỗng Mon ngoảnh mặt ra, thấy ngoài trời tối, vô số những con mắt đỏ đục nhấp nháy chạy đi chạy lại. Đêm ta đốt lửa, thường thú rừng hay mò đến xem. Bỏ hay ném lao được những con hươu đến nhìn lửa như thế. Mình cũng đã ném được. Có lần hươu mãi xem lửa, Mon mò ra, kéo được chân bắt sống con hươu nhỏ. Nhưng thoáng trông đây, Mon đoán cũng biết ngay không phải hươu, không phải mắt nai, cũng không phải mắt hổ.

Lại vẫn đàn gấu. Những đôi mắt to. Những đôi mắt nhỏ. Xanh lè. Những gấu to. Những gấu con con. Tất cả đương nhìn lửa. Lại như ban sáng. Gấu anh nhìn ra. Rồi Gấu em cũng nhìn ra. Mon không dám ngủ, cứ ngồi mắt thao láo trông xa rồi lại nhìn hai con gấu. Hai con gấu nằm lim him có ánh lửa ánh lên mắt. Gấu đương nghĩ gì? Đàn gấu cứ theo mãi thế này. Sao chúng nó theo mãi? Ngộ đến lúc anh em gấu ngã lòng thì sao. Những con gấu không nói năng, nhưng Mon biết trong những con mắt im lặng có hơi đàn quần quít, có sự năn nỉ, có sự dỗ dành: hai thằng kia, mày đi đâu, mày đi với ai? Sao mày đi với người ấy? Thằng người ấy giết mẹ chúng mày rồi bắt chúng mày phải theo a? Thế mà chúng mày chịu theo a? Tội nghiệp, nó giết mẹ mày, bắt chúng mày đi theo từ lúc bé a? Mon cũng nghĩ rồi cứ chốc lại lẩm nhẩm kể lể: Gấu! Gấu! Gấu! Chúng mày nhớ không? Mẹ mày chẳng may phải con trăn quần chết. Hôm ấy không gặp tao thì con trăn nuốt nốt cả hai thằng rồi. May mà tao cứu được, tao đem chúng mày về. Lúc ấy chúng mày còn non quá, chưa mở mắt kia mà. Tao vượt từng đám lông cho ráo. Mẹ chúng mày vừa mới đẻ chúng mày ra thì gặp nạn trăn đói. Tao phải đi lấy cỏ cho chúng mày ăn. Cả mảng nữa. Có thể chúng mày mới chóng cứng khoeo lên. Từ

ngày ấy tới giờ... Gấu! Gấu! Biết thế không! Biết thế không! Gấu ơi! Mon tỉnh dậy, thấy hai con gấu thức, nằm nguyên một kiểu như chập tối, từ chập tối vẫn nằm thế. Hai chân trước duỗi dài, mõm kề sát đất, mắt hấp háy nhìn đồng lửa. Trong ánh lửa, mắt gấu hình như càng về khuya càng long lanh. Hay là nước mắt? Chúng nó khóc?

Một lúc, Gấu anh đứng dậy. Gấu em cũng đứng theo. Gấu anh bước ra mấy bước. Gấu em bước theo. Mon ôm mặt, không dám giơ tay, không dám bước ra. Mon cũng không muốn bước ra. Bây giờ thì tùy lòng nhau. Lời nói nào, sự cách trở nào bây giờ cũng không ngăn được nữa đâu. ại chao, chúng nó ra rừng cả rồi ư? Ngoài rừng tối vẫn rối loạn, cuống quýt, đi lại những đốm mắt sáng, mắt to, mắt li ti. Cả đàn gấu ngoài ấy vẫn thức. Cả đàn gấu vẫn ngồi đợi ngoài ấy từ chập tối. Bây giờ Gấu anh và Gấu em, nghĩ đến cùng kiệt rồi, chúng nó sắp bỏ mình, chúng nó ra với đàn. Những con gấu không gọi nhau. Những hơi gấu nồng ấm trong sương, những con mắt lóe sáng trong đêm, những cái ấy biết trò chuyện với nhau. Hai con gấu không bước ra mà đứng lại. Rồi hai con gấu quì hai chân sau xuống, nhìn ra. Như lúc sáng, hai con gấu đã xếp hai chân sau ngồi thế, nhìn ra. Thế là Mon hồi hộp rón rén bước đến. Mon lại lẳng lặng chui vào nách hai con gấu. Như lúc sáng. Mon và chúng nó đã quen hơi nhau, và quen cả cách cứ đứng như thế một lúc, thấy ấm, và thế là lại như mọi khi, hai con gấu nằm ềnh xuống. Cánh tay Gấu anh dang ra cho Mon gối. Đêm lạnh vẫn ngủ thế. Đêm nay cũng thế. Mon và hai con gấu lại lăn ra ngủ say mê mết. Trời tảng sáng. Hai con gấu đã dậy từ lúc nào, lại đương ngồi mê mải nhìn ra, hai chân trước đứng không không. Đẳng kia, đã trông rõ đàn gấu vẫn tụ cả dưới gốc cây. Những con gấu thoăn thoắt trên cây xuống, dáng hảnh mấy con gấu bé vừa mới thức. Nhưng, Mon tin anh em gấu ở với Mon và không đi theo bọn kia. Mon tin thế. Mon nghĩ: ra với chúng nó thì gấu đã ra đêm qua, lúc nó bước khỏi đồng lửa. Nhưng lúc ấy gấu đứng lại rồi ba đứa nằm úp vào nhau, ngủ như mọi đêm. Có thể, gấu đã định ở lại. Mon vui vẻ giơ bàn tay. Hai con gấu hếch mõm, liếm tay Mon. Vừa ấm, vừa mát, nhưng thích. Anh em gấu vừa liếm tay Mon, như nói:

“Anh yên lòng. Chúng em đã ở với anh từ khi mồ côi mẹ. Chúng em không đi đâu đâu. Chúng mình đương đi tìm bố mẹ và em anh đây mà!” Trời đã sáng hẳn. Mon lại khoác những râu thịt khô lên cổ mỗi con gấu, buộc lại cẩn thận. Mon xách lao trúc, đeo dao đá, dao vàng, hòn cuội đánh lửa, cả ba lại bắt đầu một ngày đi. Cẩn thận, Mon vẫn đi sau. Đàn gấu kia cũng công phu, vẫn không chịu bỏ. Lại lẻo đẻo luẩn quẩn theo đẳng xa, như hôm trước. Chốc, Gấu anh và Gấu em lại ngoảnh lại. Mon hơi phân vân, lo lo. Mon nghĩ ra một kế:

“Ta xuống bờ biển, hắt đàn gấu mất theo. Gấu chỉ ở rừng sâu. Gấu không dám ra chỗ trống”. Mon làm ngay thế. Bãi rộng, phẳng tấp, Mon và hai con gấu ra tận tảng đá kề bên nước. Biển im như tờ, ánh nắng hắt màu rong rêu ở đáy nước, làm cho mặt biển đổi màu xanh ngắt. Lặng lẽ, những đợt sóng nhỏ sáng sớm của con nước thấp vừa âm thầm rút xuống, trở lại tảng đá rêu xanh mướt. Làn mây mỏng phủ dài cuối biển. Mặt trời ủ trong mây, giữa trưa mà như chiều êm đềm. Lâu không ra biển, Mon định ở lại đấy. Vừa kiểm sò về nướng, vừa để nghe xem đàn gấu đẳng sau ý tứ thế nào. Hai con gấu đương ngơ ngác nhìn vào. Đàn gấu kia đã đứng lại trong chân rừng. Quả nhiên, không con nào dám ra chỗ trống trải, không con nào dám xuống bãi cát theo ra. Chúng nó ngơ ngẩn một lát rồi quay lại. Cả đàn đã lấp vào rừng sâu. Mon nghĩ: hay quá.

Thế mà gấu sợ bãi cát thật. Ta ở luôn đây vài hôm, chắc chúng mày phải thôi theo. Nhưng không ở chỗ này, ta sẽ chuyển đến đằng kia cho mất đi theo. Anh em gấu còn ngóng vào một lúc nữa. Nhưng đàn gấu kia đã chán, đàn gấu bỏ vào rừng rồi. Đến tối, đốt lửa lên, trông vào không thấy những đốm mắt. Mon ngủ một đêm đầy giấc. Nghe gió biển mơn man qua trên mặt. Nhưng sớm hôm sau, lại thấy đàn gấu nhấp nhô ở chân rừng trong kia. Lại ngay ngáy lo. Hai gấu và Mon cứ ở lại suốt ngày ở bờ biển, không dám vào. Chập tối, trong kia trông ra chắc không thấy. Mon đưa hai con gấu theo bờ, chạy nhanh xuống cách đây một quãng xa. Đêm hôm ấy không đốt lửa. Sáng hôm sau, không thấy đàn gấu trong gốc cây chân rừng. Có lẽ thoát. Nhưng cũng chưa dám vào vội. Cả ngày, Mon đi tìm những tảng đá sần sùi chông chất bám những con hà. Lấy đá đập một cái, thịt hà tứa ra. Mon hút tươi, mát ngọt. Rồi lại ngủ đêm lại ở mép nước.

Nhưng bây giờ lại sang nỗi lo khác. Những cái măng khô đeo trên cổ hai con gấu, chỉ còn gặm một bữa thì hết. Sò tươi ăn ngon, sò nướng vừa ngon vừa thơm, gấu không ăn. Phải vào rừng kiếm măng, mà vào rừng thì biết đâu đàn gấu chẳng trông thấy, lại theo. Khó nghĩ quá. Nhưng, đến khi đói rồi, anh em gấu thấy Mon ăn sò, gấu cũng bắt chước. Mon cứ trố mắt nhìn. Hai tay gấu to xù xì mà thật khéo, bóc gọn, vỏ sò mở toác, màu đỏ tươi sò huyết, rồi gấu thè lưỡi hút. Con sò ứt vừa tọt vào mõm, cả hai gấu lại lắc lắc ra. Gấu cố ăn sò nhưng gấu vẫn sợ tanh, chưa ăn được. Gấu lại ngồi bần thần nhìn Mon hút sò, Mon lại ăn làm mẫu cho anh em gấu, nhai tóp tép cho gấu thèm. Một chốc, gấu lại cầm con sò khác, bóc và liếm rồi lại lắc lắc. Tức quá, Mon bật cười lên. Hai con gấu ngồi ngẩn ti hí mắt nhìn. Nhưng chỉ một lúc, gấu đói quá. Măng khô không khốc như củi. Cũng nhá hết rồi. ở bãi biển, không thấy lá ngót, không có quả trám, không có mật ong. Lẩn thẩn, rồi đâm liều, thế là gấu mon men ra bờ nước, gấu vác đá, đập hà. Mỗi con hà chỉ được một vảy thịt, không đủ dính góc mép. Gấu cúi xuống liếm, nuốt chửng. Hôm sau, gấu thò tay đuổi bắt cáy. Những con cáy tám chân lênh nghênh bé tí. Con cáy có một chiếc càng to, cáy bò như ôm cái khèn. Gấu bắt cả cáy càng to, nhai luôn. Rồi gấu trông thấy trong nước có con ruốc đứng múa, con mực hoa chân bơi toài toài. Gấu quơ ra.

Con ruốc trốn lọt vào lỗ cát. Gấu móc lỗ cát, vớ được con ruốc, quên hết cả cái sợ tanh mọi khi. Giống gấu phàm ăn, khi đã quá đói chẳng kể gì. Cả đến con sam có cái mai to bằng vỏ dừa mà gấu vớ được cũng nhấc lên, ngặm nhía rồi nhá luôn cả vỏ, cả đám chân sam lúa nhúa. Mon nhớ một hôm, nhớ ngày trước nhà ở Bãi Lữ, Mon bắt chước bố mẹ đốt đất nặn bánh ngói đưa cho gấu. Gấu nhai gàu gàu từng miếng bánh ngói bằng đất sấy nhỏ lửa. Mới lại biết tính gấu hễ đói thì quơ tất. Thế là Mon đã biết cách dỗ gấu ăn được thịt mà lúc đầu người, bao giờ gấu cũng lắc lắc. Cái cố giản dị để ở lại bờ biển được hai đêm nữa: bởi vì hai con gấu đã ăn thịt nướng. Tối hôm ấy, đốt lửa. Cũng không thấy trong bóng tối phía rừng có những chấm mắt xanh nhìn ra. Đến sáng, nhìn thấy rừng quang. Đàn gấu đã đi thật. Thật chúng nó không theo rủ rê hai con gấu này nữa. Mon thấy yên trí, Mon và anh em gấu trở lại đi phía khác. Buổi trưa, nghe mấy tiếng quắc quắc trên không. Rồi từ sau rặng cây trước mặt, sà lại mấy con chim biển. Những con chim này giống hệt con chim năm trước thấy, chim to bằng con vịt, lấm tấm trắng, hai đầu cánh chấm đen. Mình nó thon thả, nhưng trông đến cái mỏ thô lỗ thì biết ngay là giống chim phàm ăn. Mấy con chim đương giăng xé cái gì trên kia. Giữa trời mà chúng cướp mồi kịch liệt như ở mặt đất. Đạp nhau, húc cánh. Những cái mỏ chọi dom đốp. Những tiếng quắc quắc rợn lên. Một đám lông tơ tả rơi xuống đầu Mon. Mon đã trông rõ những

con chim đương tranh nhau một miếng đo đỏ, trắng trắng như con cá tươi. Tưởng chúng giằng giựt quá chân quá mỏ thế nào cũng rơi mồi, thế mà không, chỉ trong thoáng mắt, miếng mồi đã được xé biến vào các mỏ. Hết mồi rồi, đàn chim lại xô nhau bay trở lại sau lùm cây. Năm trước, vào mùa này, Mon ra chỗ này. Cũng gặp con chim biển. Mon nghĩ: thấy chim có thể thấy người, khi trở về, ý định đi tìm cha mẹ đã sôi nổi, và bây giờ lại qua đây. Lại gặp chim biển, lần này gặp những mấy con. Đạo ấy, tìm được cái hạt gì trong đám cứt chim đem trồng chỗ hốc đằng kia. Thử lại xem cái hạt lộn kiếp ấy thế nào. Mon nhìn lại, nhận ra hướng rồi đi tìm nơi hốc đá mà Mon đã bỏ cái hạt. Vừa đi, Mon vừa nghĩ. Không phải nghĩ xem còn cái hạt hay không, hay cái hạt lộn kiếp nở cây gì. Mon không để ý, bởi chẳng chắc đâu có cái gì.

Mon đương nghĩ đến đàn chim. Năm ngoái gặp có một con. Năm nay, gặp một đàn tranh nhau giựt mồi. Có chim có người, biết đâu bây giờ chẳng đã có người đến ở, nên có chim đến. Biết đâu chuyến này đi sẽ thấy được bố mẹ, biết đâu chốc nữa sẽ gặp bố mẹ, gặp em. Nghĩ thế, Mon nao nao trong người và tự dừng, chân bước thoăn thoắt nhanh hơn. Mon nhận ra tảng đá ấy ngay trước mặt. Tảng đá cao, bên cạnh há ra cái hốc đen thẫm. Mon đi nhanh đến. Hai gấu lon ton theo. Lạ quá, nghe lao xao như tiếng người cãi nhau trong hốc đá. Tiếng người? Tiếng người cãi nhau to. Không, tiếng gì ào ào. Như tiếng gió quét trên bụi mía, bụi ngô. Rồi lại phảng phất xa. Chưa chắc đã là tiếng người, rồi lại thấy đúng, có tiếng gì như tiếng người thật. Mon chạy vội đến. Mon trèo lên mỏm đá, nhìn xuống. Thấy những con chim lúc này, mà đông hơn nhiều. Đàn chim đương xúm xít vộc đuôi, châu mỏ dưới chân tảng đá. Chúng lại tranh ăn dưới ấy. Tiếng lầm rầm nghe là tiếng đập, tiếng xô cánh, tiếng kêu, tiếng mỏ chọi nhau của những con chim cướp cái ăn, như lúc này ở trên trời. Mon cúi xuống gần tận nơi.

Đàn chim mãi tranh mồi, cũng không hay. Mon lẳng một hòn đá vào giữa đám. Đàn chim lại càng xô vào mổ nhau tợn, mổ xốc lấy cả hòn đá. Chim ở đây chưa biết sợ. Chúng lại mãi tranh ăn dữ dội nữa. Rồi cả hai gấu chạy đến tận giữa đám chim, kêu khặc khặc như quát mắng. Bây giờ chim mới chịu lả tả bay tán ra, thế nhưng vẫn chơi với tiếc rẻ liệng quanh. Mon trông vào hốc đá, thấy lòng thòng mấy cái dây như dây bí, khô trắng. Cái dây bò dài từ mép đá ra. Cái dây hết dây bí, ở mỗi mấu trổ một tàn lá to tròn, đã héo vàng úa. Đến mùa quả chín thì lá vàng giữa dây. Trên đốt dây có quả to - quả bí ử. Quả này thô lỗ bằng đầu gối, tròn vóc và dài con như cái gối xếp gỗ. Vỏ bóng mờ, xanh đen, lẫn với hòn đá sỏi đương giữa mùa nước có rêu phủ. Mới đầu thấy một quả, trông lại thấy một quả nữa. Trông lại thấy một quả nữa. Đếm cả thấy được bảy quả to. Có quả, chim đã ăn hết, chỉ còn cái cuống dính miếng cùi. Có quả chim đương mổ, vệt mỏ khía hết vỏ đen xanh, ở trong có màu cùi trắng bạch. Cái quả lạ lùng, chưa được thấy bao giờ. Nhưng, tưởng như mới ngắm đã thấy đẹp, thật no mắt mát mắt. Chắc ăn được. Mon quay lại, hấp tấp hỏi hai con gấu:

- Chúng mày có biết quả gì đây không?

Hai con gấu chụm chân ngồi im, hau háu nhìn xuống. Mon bước tới, rút con dao sau lưng, rồi nhắc cái dây quả lên. Lưỡi dao vàng ánh xuống, loáng một cái, đã cắt được cuống một quả. Quả tròn và nặng, đã già, mới va vào đá đã nứt tách ra. Mon phải kẹp đầu gối đỡ lấy rồi hai tay bưng, trèo lên chỗ hai con gấu. Mon lại hỏi gấu, tự nhiên:

- Quả lành hay quả độc, chúng mày biết không? Hai con gấu vẫn hau háu nhìn quả lạ.

Mon hồi hộp quá, đã quên hẳn, không nhớ đây là gấu, lại nói:

- Chim ăn được thì chúng mình ăn được, không sợ. Có phải không? Mon nhắc con dao. Con dao vàng ngời sáng trong ánh nắng trên tảng đá. Mon xoa quả lạ một cái, rồi cầm dao lên. Một nhát vàng bổ xuống, quả nứt căng, tách đôi ra. Dưới làn vỏ màu xanh, hé ra một lớp cùi trắng mỏng rồi tầng ruột đặc sang sáng sần sần như cát, đỏ ối, lấp lánh quanh nạm hạt đen nhánh. Mon bổ quả lạ làm bốn. Mon cho mỗi gấu một miếng. Mon cầm một miếng, đưa lên miệng. Mùi nước thơm ngọt mát kể ngay trước môi. Đường cơn khát, Mon chỉ ăn một thoáng đã hết miếng. Trông sang, hai con gấu đã nhá veo cả ruột lẫn vỏ từ lâu. Và Gấu em đương lảng lảng khêu trộm miếng còn lại trên mặt đá bên cạnh Mon. Mon xuống khe, hái nốt mấy quả kia lên, bày la liệt lên mặt đá. Mon bổ một quả nữa. Mon cứ ngấm mãi màu ruột quả đỏ lợt. Lần này, không đợi Mon nhắc hẳn lưỡi dao ra, hai con gấu đã xúm tay bê hai nửa quả nhá gàu gàu. Chẳng mấy lúc, lại chén hết quả nữa. Rồi quả nữa, hai thằng cũng lém hết. Mỗi gấu chén ba quả liền một lúc. Xong, cả hai anh chàng gấu cùng thiu thiu mắt, ngã ngửa người xuống tảng đá. Họng khô khô như có cái gì chẹt cổ.

Mon giật mình. Thôi chết, ăn phải quả độc. Ớn phải quả độc sắp chết. Tiếng khô khô càng to, hai con mắt gấu mỗi chốc lại trợn trắng lên kia. Mon cũng ăn hết một quả, Mon cũng ăn hết cả một quả, Mon cũng chết đến nơi. Nhưng Mon vẫn thấy mình tỉnh. Mon bặm môi lại, vẫn thấy như thường. Mon rút hai con dao sau lưng, Mon múa dao lên trời. ánh lưỡi dao bay vàng loang loáng. Chẳng thấy sao cả, vẫn khỏe thế. Nhưng Mon trợn. Mon muốn móc họng cho nôn. Nước mùi quả lạ trong cổ tứa thơm. Có gì đâu. Nước quả lạ thơm mát thế, chẳng nhẽ lại là quả độc! Mon lại lặng lẽ ngồi xuống, cố bình tĩnh. Hai con gấu nằm ngửa, gà gà sắp chết, như thế đến tận trưa, vẫn chưa chết, Những tiếng thở có lúc rống lên như lúc đánh vật hăng. Rồi, cả hai từ từ lăn mình nằm sấp. Cái bụng đã tộp đi, bây giờ mới nằm sấp được. Có lẽ chỉ tại gấu ăn no quá, chướng bụng nghẹt thở, từ này phải nằm ngửa cho khỏi tắc cổ. Mon ghé tai, nghe tiếng gù đều đều. à, tiếng ngáy, tiếng ngáy. Bây giờ gấu nhắm mắt, gấu ngáy. Bây giờ gấu ngủ say cả rồi. Mon đứng dậy, vỗ đập một cái vào đất, như phúi bụi, cười to.

- Những thằng này sắp chết vì nốc quá mồm!

Rồi Mon cũng nằm xuống ngay cạnh gấu, khoan khoái làm một giấc. Cả buổi chiều và tối, không phải ăn. Sáng hôm sau, còn một quả, chén nốt. Hai con gấu lại nhá sồn sột, ngon lành. Đã quên trận ăn tham đến ngọt cổ suýt vỡ bụng hôm qua. Sáng sớm, những con chim biến lại lảng vảng đến. Đàn chim biến lượn vòng rộng và bay đi dọc dài, nghiêng ghé, ngắm nghía tảng đá. Nhưng chẳng còn cái ăn như hôm qua. Lượn một lát, rồi từng con, lả tả, phấp phới bay về phía xa, rồi mất tăm theo bờ nước xanh ngắt. Mon nghĩ:

“Ta cứ đi theo chim. Điềm lành đã đưa ta gặp quả ngon. Điềm lành đã đưa chim đến”. Mon và hai con gấu tung tăng đi. Biển cát phẳng tằm tấp. Mon vơ hạt quả lạ thành một bọc, đem theo. Cứ thấy chỗ nào có hốc đá ẩm, Mon lại vui vài hạt. Như ngày trước đi theo bố mẹ tra hốc trồng đậu ở bãi ven sông Cái. Cả

ngày đường, Mon rắc hết bọc hạt, chỉ giữ lại một nắm, định đem những hạt giống ấy về trồng ở gốc thông, trước lều. Chẳng bao lâu, đi đến chỗ vường núi chắn ra biển năm trước, phải dừng lại. Lần này Mon quả quyết trèo lên. Nhưng trông sang sau núi đằng kia, vẫn chỉ thấy viền trắng một bãi cát dài. Mon trèo xuống, sang rắc thêm mấy hạt bên bờ ấy. Bỗng nghe những tiếng cười đùa ầm ầm ngoài khơi. Mon vụt ngoảnh nhìn ra. Một đoàn người đang vùng vẫy ầm ĩ ngoài ấy. Những bóng đen nhấp nhô hụp lặn. Người ở đâu đến đùa giỡn chơi được giữa vùng biển mênh mông kia. Mon nghe kỹ, hình như tiếng rít, tiếng thét, không phải tiếng cười. Nhưng vẫn là một đám người đương lênh đênh ngoài ấy. Hay là có một chiếc thuyền đắm? Mon lên mỏm đá để nhìn cho rõ. Bỗng nhiên, tất cả đám ấy biến đi. Mặt biển lại ánh màu xanh rêu xanh đen trầm lặng bát ngát. Nhớ bố nói ngoài Ninh Hải có giống cá lợn thường lên mặt nước chơi đùa như trẻ con. Giống cá này đen trùi trùi mà hiền, người bơi vào vùng vẫy chơi với bọn cá cũng được. Có lẽ đây cũng là đàn cá lợn đi chơi. Ít lâu sau, lại thấy cá lợn chơi đùa trên mặt biển. Bây giờ biết đích xác là cá, không phải người. Càng nhớ bố mẹ. Đi thêm mấy ngày, gặp một vùng bãi lầy có rừng rậm kề nước. Cành lá sát xuống tận đất, chui vào mà không vạch được lối ra. Tối ấy, Mon và hai gấu phải núp lại giữa bụi cây chẳng chặt, trong lòng đá của một con suối mất dòng đã cạn khô, như những con tê tê rúc ráy bới đất làm nơi trú ẩn. Mon nghĩ mẹ, đánh lửa đốt cái bụi rậm bên cạnh. Lửa loang cháy toang ra. Suốt đêm cháy rừng, tàn lửa rực một góc trời, thế là nằm trong bụi cũng được sáng như ban ngày. Mon chuyện với hai con gấu:

- Lần này ta đi gặp may nhiều lắm. Chúng nó rủ rê chúng mày thế mà chúng mày không bỏ tao.

Rồi con chim lại đưa đến chỗ nhặt được quả lạ, ăn đến bây giờ còn thơm miệng. Tuy gặp may nhiều thế nhưng mà cũng chưa gặp được bố mẹ. Bây giờ đi mãi cũng không nên, phải quay lại. Để tao nghĩ xem nên thế nào đã rồi đi đằng khác vậy. Quay trở về, nhưng Mon không buồn. Về qua chỗ bãi mà Mon đã vùi những hạt quả ở đâu bãi, Mon tưởng tượng: sang năm, những dây này ra quả, suốt dọc biển chỗ nào cũng sẽ có quả ngon. Sang năm, chim biển sẽ kéo về ăn quả nhiều nữa. Khi ấy, chắc bố mẹ mình ở đâu cũng thấy có chim bay qua trên đầu. Bố mình sẽ đoán: chim biển về đâu thì đấy có đất và có người ở. Ngày trước, bố đã bảo như thế. Rồi bố sẽ đưa mẹ và em theo chim đến đây. Mình ra hái quả, thế là được gặp. Thế nhưng, mọi việc trong đời không phải chỉ có những gặp may như Mon nghĩ. Mon đương sắp một chuyến đi tìm bố mẹ nữa thì Mon bị ốm. Bước chân xuống bậc đá, hai đầu gối run rẩy. Cả ngày, Mon nằm trong sán. ốm mà phải thui thui thì tủi thân quá. Người gầy rộc, cứ nằm dán mình xuống, không ngóc đầu lên được. Chẳng biết nằm như thế đã mấy ngày mấy đêm hay hàng tháng rồi. Những con gấu cứ lúng túng không biết làm thế nào. Rồi hôm sau hai con gấu hùng hục đi một lúc vác về những rau ngót, măng, quả trám, có khi những con sò, con ngán, bày la liệt mặt sán.

Lại nói về nhà An Tiêm. Lời An Tiêm nói, Nàng Hoa thấy là phải. Phải kiên gan mới có sức sống tới ngày đi tìm con được. Khi nghe ra thế, Nàng Hoa cảm thấy mình khỏe, không lệt bệt yếu như trước nữa. Nàng Hoa ngồi dậy, Nàng Hoa ra gốc cây, xách vào cái ống tre nước. Nàng Hoa đổ nước ra tay rồi vỗ lên mặt. Mặt gầy hóp, nhưng đã khô hẳn nước mắt. Nàng Hoa không khóc nữa. Nàng Hoa vào trong lều, nét mặt Nàng Hoa lặng lẽ và nghiêm. An Tiêm biết câu nói của mình đã thấm ý nghĩa. Nàng Hoa nghe ra rồi. Khóc thương không thể làm gì. Chỉ có mạnh chân khỏe tay mới có hy vọng tìm lại được người. Nàng Hoa

đã hiểu như thế. Từ hôm ấy, cả nhà lại đổ sức vào làm cho được chỗ ở và cái ăn. Phải, làm người phải có cái mái để che trên đầu, dù chỉ trú chân, khác con tê tê chỉ biết bó hang đất. Suốt ngày tản đi rừng, chỉ những lúc về đốt ống tre nấu canh hay nướng thịt, mới quây quần quanh lửa. Những lúc ấy lại không thể đừng được nỗi nhớ. Có khi cái Gái bỗng dưng ngẩn ngơ để rơi miếng thịt đương cầm trên tay rồi òa khóc. Thế là nước mắt lại đầm đìa xuống má Nàng Hoa. Nhưng chỉ những lúc ấy thôi, bởi vì cả Gái cũng đã hiểu nhà mình có lẽ chỉ tạm ở đây, bố mẹ đương lo đi tìm anh Mon. Cái Gái theo bố, theo mẹ biệt vào rừng. Đương mùa măng, mỗi buổi Nàng Hoa và cái Gái đem về từng bó măng, rồi phần để ăn, phần lấy mảnh tre bổ ra phơi khô. An Tiêm đã đeo cái lao tre, phóng được mấy con nai to, đem gác bếp phơi khô để làm thịt ăn đường. Chẳng mấy lâu, trên sườn lều đã lủng lẳng từng dãy thịt nai sấy. Khi những miếng thịt đã khô se, đen như bồ hóng, một hôm, An Tiêm bảo Nàng Hoa:

- Mai ta đi tìm con, mình ạ. Nàng Hoa hỏi An Tiêm:

- Đi thế nào, hả mình? An Tiêm nói:

- Cả nhà ta cùng đi. Trước kia chúng mình đã định thế nào cũng có lần trèo xuyên ngang đảo tìm xem bờ bể bên kia có khác bên này không. Chúng ta muốn đến sinh sống ở nơi bằng phẳng có cá, có đất thì mới còn cầu may có khi gặp được người... có khi còn trở lại đất quê. Ta đương định như thế thì cơn bão nước ập đến, phá tan cả.

Nhưng cơn bão nước đã đổ về đằng ấy, thế là ta biết đất dốc về đằng ấy, đất dốc bao giờ cũng đổ xuống bãi chứ không thể dốc lên núi. Bây giờ đi tìm con, ta đi theo vết con bão nước, cả nhà ta sẽ đi, bao nhiêu ngày không tính, cứ ra tới bể mới thôi. Thế là cả nhà đi. An Tiêm đeo cái ống nước dài như chiếc đòn ống, lưng giắt dao, hai tay xách hai cái lao trúc. Nàng Hoa theo sau, vác những buộc dây thịt khô, những bọc măng khô. Cái Gái đeo thêm cái mo nang bọc xống áo. Đi suốt mấy ngày, đêm ngủ lại đâu thì đốt lên đồng lửa to. ợc Mon còn sống ở rừng nào, trông ánh lửa mà tới. Nhưng, được hai hôm theo vết bão đổ rừng thì thấy không còn nhận được ra đi theo ngã nào nữa. Càng đi, vết bão còn lại càng ngổn ngang, tan hoang, không thành đường ống trơn bằng từng khúc rừng như chỗ gần núi trong kia. Rừng đổ chông đồng và con nước tràn qua mới chỉ ít lâu mà các thứ dây leo đã lại quần quít xanh rợn lên, các sườn rừng cỏ tranh đã lại ngùn ngụt cao ngang người. Không còn dấu tích gì. Cái mong gặp Mon trên dòng nước phá của cơn bão không còn như lúc mới nghĩ. Biết theo lối cây đổ nào mà đi bây giờ? An Tiêm bảo Nàng Hoa:

- Ta cứ đi thẳng vậy.

Vất vả, dò dẫm từng bước. Những buộc thịt khô chỉ để phòng mà thôi. Ngày ngày đôi khi dừng lại, ai cũng ngắt lá ngót, đào măng, bắt hươu, bắt ăn thịt con cầy, con nhím, con lửng lợn, con lửng chó, con kỳ đà. Chỗ thịt khô mang theo để dành, chỉ ăn đến những khi không kiếm được. Thế mà cũng vui dần, biết là đi đã xa rồi. Đêm nào cũng đốt lửa. Có những đêm không ai ngủ. Trông ra bóng rừng chập chờn xung quanh, hồi hộp như sắp thấy Mon đến. Nhưng đến sáng, cũng chẳng thấy. Hôm sau, lại đi. Những đêm mới đi, lúc nào tắt lửa thì trời tối bùng. Bây giờ bóng rừng suốt đêm loang lổ ánh trắng. Rừng đã thưa, cứ mỗi

hôm lại dẫn lên đi nữa. Rừng thưa rồi đến khi thấy rừng thấp xuống, những lớp cây mọc càng rải rác ra, rồi không còn gặp một chòm núi nào. An Tiêm đoán:

- Có lẽ sắp ra chỗ đất phẳng. Nàng Hoa im lặng. Nhưng trong lòng lại ngỡ như ra được chỗ đất phẳng, biết đâu chẳng gặp được con.

Mỗi đêm đến chỗ ngủ, Nàng Hoa chất một đồng củi to hơn, đồng củi nuôi lòng mong đợi ấy cháy thâu đêm. Chỉ thấy hết đêm lại đến những buổi sáng vắng im như tờ. Một hôm, mới bảnh mắt, rừng đã sáng choang. ánh mặt trời lọt lá thưa rỏ xuống tận mặt cỏ. Trước mặt bao la những vùng cỏ tranh còn lên. Trong luồng gió mát, con hươu phồn phơ đi từ đằng xa đã trông rõ. Cảm thấy một điều lạ sắp xảy tới. Tự dừng, ai cũng vui vẻ hồi hộp. An Tiêm đi trước, bỗng đứng dừng. Nàng Hoa và Gái vừa theo kịp. Cả ba người trông ra, thấy một quang cảnh khác hẳn từ khi ra đây chưa được thấy. Dưới kia, tít đến tận chân trời, trải man mác một màu xanh, đôi chỗ loáng một khoảng trắng nước. Từ trong lòng đất các chân rừng, nước chảy ra, nhuộm thành một vùng lầy bao bọc những bãi sậy liên tiếp xen khít chân nước, màu xanh càng mênh mông một hoang vắng. Mọi người đương vui quá. An Tiêm cảm thấy tràn đầy quanh mình hơi nước biển nồng mặn đã quen từ khi tấm bé. Mùi biển ôm quanh mình. An Tiêm tỏ tay:

- Mình trông thấy ngoài khơi kia không, ngoài ấy là bể Đông. Thế là ra đến bờ bể Đông. ở lại đây được rồi, mình ạ. Nàng Hoa đắm đắm nhìn ra xa... Rồi hỏi:

- Chỗ sông Cái, Bãi Lở quê mình có ở bể Đông không? An Tiêm nói:

- Không, quê nhà ta phía rừng sau lưng, quê ta trông ra bể Đông.

Bỗng nhiên, nước mắt Nàng Hoa sa xuống. Ngỡ như đến một quang cảnh khác đi thì có hy vọng thấy Mon, nhưng bây giờ nghe nói thế, biết bể Đông với quê mình hai phía khác nhau, tưởng như lại càng xa hơn. Bao nhiêu lâu nay mong ước... Mong ước lại được như nhà mình ở ven sông Cái. Chao ơi, cái tiếng gà eo óc gáy dồn đêm cuối cùng nghe trong cửa sông bây giờ nhớ lại vẫn thấy như chiêm bao. Một đời đã đổ mồ hôi làm nên nơi ăn chốn ở thành chòm thành xóm thì không bao giờ quên được. Huống chi ở nơi luồng nước dữ dội quanh năm vật vã thay dòng, con sóng cũng quăng mình như con trăn, vào khi giao mùa nước lũ chuyển dữ đến cả rừng con nước ngông nghênh ngóc lên tàn phá. Nhưng người đã chặn lại, giành đất cho người sinh sống. Thế rồi những bãi cây bông cao hơn trượng, quả bông to bằng quả vả, nứt ra từng dẫu bông đẹp như tơ, những bãi mía cây dài bằng cột nhà ép lấy mật trong và ngọt, những bãi vải quả trĩu đỏ như mâm xôi gấc, bờ bãi và nhà cửa chen kín hai bên bờ sông. Mong ước có khi lại được thế - mong ước có ngày lại gặp con. Đến đây, gặp đất phẳng, gặp bể, vừa nghĩ có khi cả nhà ta bỏ sức lại làm nên cơ ngơi như ở Bãi Lở. Nhưng thế là đến đây cũng chẳng gặp con. Đến bờ bể Đông lại xa quê mình hơn. Cái gió mát trước mặt tự dừng hóa lạnh. Gió trong núi đằng sau lưng, gió từ vùng người ở quê thổi ra, gió có hơi người ấm hơn. Thấy Nàng Hoa đương vui lại buồn quá, An Tiêm nói:

- Rồi ta lại đi tìm nữa. Trời mà còn để cho con ta chứng sống, thế nào cũng có ngày gặp nhau.

Nghe An Tiêm nói thế, Nàng Hoa lại nhớ lại có lần An Tiêm đã định ninh nói vậy. Bấy lâu, Nàng Hoa vẫn cố dần làm thế. Không khóc, không than thở, bao nhiêu thương nhớ đưa con đầu lòng đều đổ vào công việc sửa soạn đi tìm con, như lần này. ừ, mới đi, rồi còn đi nữa, trời mà để cho con chứng sống, thế nào cũng có ngày... Nàng Hoa lại thấy lời nói ấy là phải.

- ...Thế nào cũng có ngày gặp con, mình ạ. Đến bờ biển, đêm đầu tiên An Tiêm đốt một ôm lửa trên đỉnh gò. Từ hôm ấy, Nàng Hoa và Gái theo lệ, đêm nào cũng đốt một đồng củi. Không phải sợ ở trong bóng tối thì thú rừng đến vồ mồi lắm lẫn. Mà đốt lên cho thấy bóng sáng, ngộ may Mon ở đâu thấy được ngọn lửa của bố mẹ. Mon lần tới. Từ đây, mỗi đêm trông thấy ngọn lửa cũng là nuôi lòng mong mồi. Lửa đêm đốt trên gò cũng như lửa rấm trong bếp, không bao giờ tắt. Thế là lại bắt đầu những ngày tấp nập, nhộn nhịp ở chỗ mới

- dù cho nhà chỉ còn có ba người. Trước mặt, ngút ngàn bãi sậy liền ra đến biển. An Tiêm chọn gò đất cao, dưới bóng mấy cây vàng tâm. ở chỗ phẳng không cần làm nhà sàn như tổ chim trên cây. An Tiêm dựng một nếp nhà tranh

- tựa những nếp nhà xưa kia ở Bãi Lở. Hôm cái nhà đã lên tường rồi sắp nóc, An Tiêm đứng ngắm, tưởng mình đứng ở giữa đất Bãi Lở, trong xóm ven sông. Không biết bây giờ ở đây thế nào? Hay là nước lũ về cuốn đi hết rồi.

An Tiêm nghĩ mình như ong chúa, ong chúa đi mất, thế là tan đàn. Mỗi lúc nghĩ về Bãi Lở, lại thoáng qua một nét buồn ấy. Nhưng bao giờ An Tiêm cũng cố khuây đi, và cứ lao mình vào mọi việc quanh mình thì tưởng như lại gần gũi Bãi Lở. Cái nhà tranh gọn ghẽ, chắc chắn, cả nền đá và tường đá tảng xếp. Phía nào đứng cũng không trông thấy, phải vào gần đến gốc vàng tâm mới nhìn ra bức tường đá và rõ cái nhà ở trong. Tường đá xếp tròn tròn ốc, xoay xung quanh nhà. Đá to đặt từ dưới lên quá đầu, đến lượt đá dầm bằng nắm tay, như vảy con cá trắm xanh. Cái tường đá dày rộng có đến hơn sải chân. Trèo lên lưng tường thấy hở ra một lỗ. Mỗi ngày, khi người ta đã vào cả bên trong, lại vờn một tảng đá to ra, lấp lại, như rào cổng. Con trăn không lần được lối quăng mình vào, con hổ ban đêm cũng chỉ đi ngoài tường được thôi. Cái nhà ba gian ba mặt vách đất nện. Trong nhà, mỗi góc xếp một ổ cây sậy phơi khô, ngồi vào sậy vỡ lạo xạo. Ngoài đầu nhà đào cái vũng sâu làm giếng. ở vùng biển nước mặn mà ngay sát bờ, chỉ khoát sải tay đất, đã tới mạch nước ngọt - nước chân đồi, ngọt mát và trong. Khác Bãi Lở, cửa liếp đan phen và mái nhà ống sậy. ở sông Cái, mái và phen vách bằng lá mía. ống sậy phơi khô xếp chất ngất chồng cao hơn đầu người, trên cùng phủ một lớp lá dãi. Qua vài trận mưa rào hay mưa dầm rả rích, đồng lá xẹp xuống, bết lại, mốc xám, còn lại một đệp mái dày. Mái sậy bền hơn mái lá mía. Bây giờ mới được nhà ở tử tế có vách, có mái, khỏi chui rúc như chim ngủ cành cây. An Tiêm và Gái ở rừng ra. Văng Mon, Gái đã biết đi rừng với bố, biết phóng thào lao trúc, nhiều lần được hươu. An Tiêm vác bó bẹ móc rừng. Gái đeo trên vai buộc lá ngót. Dạo này được nắng, hôm nào An Tiêm cũng lấy về những bẹ móc già, phơi khắp trên mặt tường.

Hai bố con leo lên lỗ cổng đá, chui vào. Trong nhà, Nàng Hoa đã biết bố con về từ lúc này - dù chưa trông thấy. Vì mỗi khi về đến chân đồi, bao giờ Gái cũng hú gọi mấy tiếng. Bên trong tường đá, Nàng Hoa

hú đáp lại. Nàng Hoa đương lúi húi tõe ngón tay chải ra từng sợi móc. Bẹ móc đã khô, đem hòn đá đập mềm ra. Sợi móc đen, sợi móc nâu, từng sợi cứng như cước, mà dai. Ngày ngày, Nàng Hoa ngồi đập móc rồi gỡ ra, xếp thành một đệp. Từ khi còn ở đỉnh núi, gặp được cây móc rừng, Nàng Hoa đã có ý lấy cây móc tết làm xống áo, dây móc khô cũng tết thành vải được. Nhưng rồi năm tháng qua lại, ở đâu cũng chỉ những vất vả túi bụi kiếm cái ăn, chưa một lúc thong dong mà làm được cái nhà có mái. Đến khi kiếm được bẹ dừa dại đem phơi khô bện lại để mặc và làm khổ, lại thấy cũng tạm được. Bẹ dừa dại, bện chóng tã ra, song không phải khâu. Nhưng đến đây không tìm được dừa dại, xống áo chỉ còn hình thù thế, cái nào cũng rách bươm bướm cả. Vợ chồng An Tiêm bàn nhau phải làm cái mặc bằng dây móc. Làm được cái mặc bằng dây móc thì chắc bền. Vùng này sẵn cây móc điều, tìm rừng nào cũng có. Mỗi lần đi rừng, An Tiêm và Gái lại móc bẹ móc, thỉnh thoảng vác về. Lấy được nhiều sợi móc rồi, đi cắt sậy lợp thêm lên mái phòng mùa mưa tới. An Tiêm cắt sậy dưới bãi lầy. Những hôm xuống bãi biển, An Tiêm lại mò cá, bắt sò, bắt ốc. ở những chỗ trũng, thường gặp từng đàn cá, những đàn cá ngừ, cá bẹ ăn nổi đông như kiến đen trong nước, thò tay bắt chỗ nào cũng được. An Tiêm đem cả về những con ốc xoắn xuýt trắng ngà như bẹ cau nồn. ốc to để làm tù và thổi. ốc nhỏ, cái Gái có một đồng để bày, những vỏ sò, vỏ ngán - cứ đổ ra đấy rồi tự nhiên thành đồ dùng trong nhà. An Tiêm lại nhặt những chiếc ốc đẹp hơn để lên tường đá. An Tiêm thường đứng lặng, ngửa mặt lên trời, nghĩ rằng:

“Đến được đây, trời dần sáng ra rồi, trời mở cửa cho ta rồi. Dù cho cả nhà còn có ba đầu người, ta cũng sẽ làm cho bãi biển này thành như Bãi Lở. Biết đâu, rồi cũng có người đến đây”. Những ý nghĩ về đồng bãi, về làng xóm và người ở nơi hoang vắng, An Tiêm thường xếp đặt, ước thử, trước sau lo làm nên như thế. An Tiêm lội xuống nước. Mùa lạnh cá cũng sợ rét, kéo đàn xuống phía nam. Bây giờ, trời nắng trở lại, những đàn cá về, ăn đứng một nơi, có giống cá mỗi suốt ngày kiếm ăn đáy biển, mãi đến khuya hết nóng mới ngoi lên mặt nước. Lúc ấy, An Tiêm đương lội ra cắt sậy. Trông thấy trong những vũng nước có gì động dậy lồm nhồm luồn ra xa như những làn sóng ngầm gợn trong đất. Thoạt trông, An Tiêm tưởng có cá sấu rúc mồi dưới bùn. Cá sấu và rái cá thường ăn bọn, một lũ cùng cầm đầu xuống bờ bùn, xa trông như làn sóng đất. Những làn sóng ấy cuộn cuộn chạy nhanh thật lực. Khi con cá sấu nhô ra khỏi bùn, quay đầu lại, thì cá sấu đã ở tít xa. An Tiêm đuổi hụt nhiều lần. Lúc ấy lao phóng trúng vào lưng cá sấu, lao bật như đụng vào đá. Chỉ có đâm trúng vào mắt, vào họng, cá sấu mới quy. An Tiêm đứng lại, nhìn quanh. Phải cẩn thận lắm. Vô ý giẫm vào cá sấu phục trong bùn, có thể mất cả ống chân. Nhưng có lẽ đây không phải đàn cá sấu đương đi. Làn sóng đất này nhẹ nhẹ lướt ra... An Tiêm rón rén lội theo. Rồi đứng yên. Đứng yên như thế một lát, những gợn sóng trong nước bùn đục lại ngoằn quay lại, ngoằn đến ngay trước mặt. Rồi sóng nổi lên, trông rõ cái đầu gồ gồ trong bùn. An Tiêm ngấm kỹ rồi dang thẳng cánh tay, thọc cái lao trúc xuống đúng đến ngọn sóng đất vừa gồ lên. Bùn tóe ra. Một con cá lờm đen sì, bụng trắng nhả nhoi lên mặt bùn. Mũi lao đã xuyên ngang mình nó. Con lờm, giống cá không vảy, như cá trê ở trong đầm, nhưng cá lờm sống vùng nước lợ. Con lờm này dài bằng sải tay. Một con ấy, một xách nặng, cả nhà ăn thừa. Thịt cá lờm nướng, thơm điếc mũi. Gái kêu lên:

- Cá lờm ngon quá! An Tiêm bảo con:

- Xương cá lờm thẳng, đem làm kim khâu tốt hơn kim tre. Ồ, mấy hôm rày mẹ mày đương đi tìm cái kim khâu...

Nướng cá xong, cả nhà ngồi cùng xé ăn. Nàng Hoa đương ăn, bỗng ghen ngào trong cổ. Nàng đứng dậy, ra ngoài giếng, lấy cái gàu mo nang kéo nước. Nước mắt Nàng Hoa rơi trong gàu nước. Từ ngày ra đây, hôm nay mới được ăn miếng cá nước lợ ngon ngọt như cá sông, thế mà không có con trai cùng ăn. An Tiêm nhìn theo Nàng Hoa, An Tiêm biết Nàng Hoa đã ra khóc thầm ngoài ấy. Nàng Hoa vào, An Tiêm tảng lờ như không biết, An Tiêm giơ cái xương cá to thẳng nhọn như cái gai tre lên, cười hỏi:

- Đố mình biết cái gì đây? Cái Gái không được nói trước đấy. Nhưng cái Gái cứ nói leo:

- Xương cá lờm! Nàng Hoa cũng lây cái vui của hai bố con:

- Xương cá chứ cái gì! An Tiêm xua xua, cười to:

- Cái xương cá thì trẻ con cũng biết rồi. Còn là cái gì nữa?

- Thế cái gì, hả bố? An Tiêm mới thông thả, cắt nghĩa:

- Vừa bảo lúc nãy mà mày đã quên rồi. Cái xương cá lờm còn để làm kim khâu, xương cá lờm thẳng, chỉ có xương cá lờm mới thẳng thế, thật là cái kim, mà kim tốt lắm. Vừa cứng, chẳng bao giờ gãy, tốt hơn kim tre nhiều. Thế này nhé, mỗi đầu xương đục một lỗ sâu chỉ, một con cá to thế này được mấy chục cái kim. Thế là có kim khâu rồi. An Tiêm mài bẹt cái đầu xương cá lờm, lấy gai tre và dùi đá dùi một lỗ. Cái kim ấy sâu được sợi móc. Nàng Hoa khâu riu thành từng miếng vải móc, buộc túm cặp, thành cái váy khếp. Đầu tiên, Nàng Hoa làm váy áo cho con, rồi khố, rồi thắt lưng cho chồng, rồi cho mình. An Tiêm mặc cái khố buông lá tọa sợi móc. Thôi, bỏ cái khố đây. Quần áo, váy lung nhùng, bùng nhùng, cả nhà đen sì như họ nhà gấu. Có lẽ thật buồn cười, nhưng người trong cảnh thì không ai cười được và chỉ mừng nghĩ đã tìm được cái để đắp vào người, chắc và bền. Đến mùa giá buốt, lúc đi kiếm ăn xa đông lửa sưởi, chỉ phải khoác thêm mảnh vỏ sui lên mình. Mấy cái xống áo cũ còn sót lại từ khi ở quê ra, đã lả tả từng mảnh, từng mụn. Nàng Hoa lấy dây móc vá lành lặn cẩn thận.

Rồi tự nhiên, không ai dám mặc đến nữa. Những cửa quý ấy khác nào các thứ áo mồi để có đi hội mới được mặc. Thế là Nàng Hoa lấy ra mấy miếng vải móc, bọc tất cả lại đem treo lên hốc cột thêm một gói, như năm trước còn ở rừng đã treo thế. Những cửa nả còn lại từ đất quê, giữ cho cẩn thận - vẫn tưởng thấy mình gần gũi với mọi người trong quê và cũng như không lúc nào lòng người nguôi được nhớ thương. Rồi mùa gió lạnh đã đến trên bờ biển. Ngang trời, từng đàn sếu, đàn bồ nông lạng lẽ bay qua. Ở chỗ mênh mông này, ngửa mặt lên, lúc nào cũng nhìn thấy trời nắng, và mưa, và trăng sao, ngày tháng và trời đất rộng rãi, thanh thoi, không âm thầm, ủ dột như trong rừng sâu, nhưng mà hoang vắng quá, cho nên cứ mỗi lần những đàn sếu, đàn bồ nông theo gió bắc lang thang bay qua, đàn chim đến tránh rét ở những cửa sông và bờ biển ấm áp, làm cho người nhìn theo cũng nhộn nhịp nỗi vui được thấy chim bay, nhưng rồi lại buồn ngay vì thấy mình vẫn đứng đây.

Ngày tháng qua. Cái váy khếp mảnh, cái áo bằng dây móc đã bóng nhẵn, và cứ càng lâu ngày càng cứng lênh kệnh. Con người vùi trong cảnh hoang đại, tưởng không còn biết ngóc đầu. Những vất vả hằng ngày, đã ghê gớm đến không còn biết con người có khi còn biết quay mặt nhìn phía nào được nữa. Nhưng lúc nào vợ chồng An Tiêm cũng nhớ con, cũng hy vọng có ngày gặp được, cũng như tin trời đã mở cửa rồi mỗi ngày mỗi sáng ra. Mỗi lần Nàng Hoa khóc, An Tiêm lại khuyên can:

“Mình ơi, ta sẽ đi tìm nó”. An Tiêm lại sửa soạn đi tìm. An Tiêm tính: cơn bão trong núi đã thúc con nước ra tận đây, biết đâu Mon cũng đương ở cùng phía bể này với bố mẹ. Ta sẽ đi cả hai phía, lần này đi xa hơn. Nhưng chưa nghĩ được cách đi thế nào. Một hôm mát trời, An Tiêm và Nàng Hoa với Gái đương ở trong nhà nghe tiếng quàng quạc trên không. Vội chạy ra, thấy mấy con chim đương từ biển bay vào. Những con chim trắng đầu và cánh đốm đen. Tiếng quàng quạc không phải tiếng hót, mà đấy là những con chim đương vừa kêu vừa giăng nhau cái mồi trên không. Chẳng hiểu tha từ đâu đến, chúng nó đương kéo nhau đập nhau đánh nhau giữa trời. An Tiêm biết đấy là giống chim biển, vốn phàm ăn. Tung cả con chuột sống lên, chim cũng đỡ hai chân và rĩa ăn hết cả con chuột trên lưng chừng trời. Chúng nó đã đuổi nhau tranh ăn từ đâu rồi bay quá cánh vào đây. Xâu xé hết mồi, chúng lại nhào ra biển, như đi kiếm nữa. Gái kêu to:

- >! Chim ỉa! Chim ỉa! Rồi Gái chạy ra phía đầu đồi, như đuổi theo. Cả nhà đã ra, cứ dăm dăm đứng nhìn những con chim đương vút ra khơi rồi chập chờn lấp vào sóng biển đằng ấy. Trên mặt An Tiêm ánh lên một nét rực rỡ khác thường. An Tiêm nói:

- Con sếu, con bồ nông chỉ là chim trú chân bay qua thôi, còn chim bể đến đây tất người đến. Có khi sắp có thuyền đến. Có khi đằng kia có người ở cũng nên. Thuyền hay người thì đằng nào cũng là điềm lành đến với ta. Chim đến rồi, có chim bể đến ở đảo này rồi. Giữa lúc ấy, Gái từ gốc cây chạy vào. Bàn tay Gái ngửa lên, giơ ra trước mặt:

- Cái hạt gì, cái hạt gì ấy, đây này. Trên tay Gái lấp lánh mấy hạt, như hạt bí, đen nhánh. Những hạt ấy vừa rơi xuống từ trong đàn chim bay qua. An Tiêm cầm từng hạt miết ngón tay xem đi xem lại.

- Bố cũng không biết hạt này. Nhưng chắc đấy là đàn chim ăn quả rồi để lại cho ta hạt. An Tiêm đem những cái hạt ấy vùi xuống chỗ đất ẩm, cạnh vũng nước giếng đầu nhà. Rồi mùa mưa rét lại đến. Rồi những ngày nắng lại tiếp theo. Có cái ăn, có cái mặc khỏi chết rét, mùa này qua mùa khác lặng lẽ như buổi sáng đi, buổi chiều đến. Một hôm, cái Gái chột nhìn thấy trong đám đất ẩm ven giếng nảy lên xanh tròn mấy cái lá. Gái kéo mẹ ra xem, Nàng Hoa trầm trồ đoán:

- Cây bí! Cây bí! An Tiêm ra, càng đoán rõ hơn:

- Cái lông lá nó trắng bệch, có lẽ bí đao. ại thôi, nếu thế nhất định đằng kia có người ở, lũ chim đã cắp trộm bí của người trồng tha đến đây ăn rồi. Cả nhà còn bàn tán mãi đến chiều. Ai cũng rộn rịch như có người sắp đến nhà mình. Rồi tự dưng, một lúc, thấy cái Gái hót hải chạy từ bờ biển vào. Gái kêu to:

- Có người, có người, bố ơi! Bố mẹ cũng chạy xộc ra.

- Người ở đâu? Người đâu? Gái đứng một lát mới nói được:

- ở ngoài bể. Nhiều lắm, một đoàn. Ba người cùng hấp tấp chạy ra. Đến bãi cát, trông lên cả một vùng trời nước đương vào hoàng hôn vàng rực. Đứng chân nước, lơ nhô những cánh buồm xám, một đám thuyền sắp bóng mặt trời, xám đen. Những cánh buồm to rộng, thông dong giương trên nền trời. An Tiêm lặng người. Nước mắt Nàng Hoa lăn xuống hai má mà không biết. Nàng Hoa nói:

- Minh ơi, đoàn thuyền này nhiều lắm. Làm thế nào cho đoàn thuyền biết ta ở đây?

- Thuyền đương đi thế là thuyền đương vào đảo rồi.

Nhưng giữa lúc ấy, cả đoàn thuyền vụt biến mất trên mặt nước vàng phẳng lặng, không một gợn sóng. An Tiêm kêu lên:

- Không phải thuyền, đấy là đàn cá ông voi. Đôi khi, cá ông voi đi đàn nhô đuôi như những cánh buồm trên mặt nước. Nhưng phải một lúc lâu lắm, không thấy gì nữa, mới ử ử trở về. Khi có những trận mưa lớn đầu mùa, dây bí đầu nhà nở ra trong kẽ lá những cái hoa bằng hoa mướp, năm cánh trắng nhỏ, rồi chẳng bao lâu, hoa héo, dưới cánh nhô lên những quả tròn như quả bưởi, vẫn vèo xanh chỗ đậm chỗ nhạt. Quả lớn dần, to nần nần trong khe đất. Chớm đến độ nhạt nắng, những dây bí vàng hết lá, cả những nhánh dây bò lan trên đất, trên sườn tường đá cũng quắt queo vàng sậm. Những quả bí thô lỗ to, mỗi hôm một xanh đen, mờ bóng, lúc lúc một khác mặt. Vỏ quả xanh như thế, không phải bí trắng, không phải bí ử, không phải dưa hồng. Nhưng cũng chịu không ai biết giống bí gì, dưa gì. An Tiêm chỉ đoán:

- Dây héo thế là quả già đương chắc, sắp hái được. An Tiêm gõ, thấy vỏ quả cứng, tiếng kêu giòn trong. Bấm móng tay, có nước mọng tứa ra. Nàng Hoa cũng ra theo. Chỉ có Gái hôm ấy đương sốt, phải nằm trong nhà, mẹ không cho đi. An Tiêm rút con dao cùn liếc hai lần trên mặt quả xanh đen tròn rồi nói:

- Vỏ bí cứng mà gõ kêu tiếng đã khô thế là quả già rồi. Ta bổ thử một quả xem. An Tiêm ấn hai tay, con dao thút vào, chẻ đôi quả ra. Màu vỏ xanh đen chỉ chớm ngoài rồi đến ngay lẫn cùi trắng bạch và suốt qua bên kia, một lớp ruột đỏ hây xếp vòng tròn ở giữa lẫn nhón hạt đen hạt trắng. An Tiêm nhấc hai nửa quả lên, áp vào mặt mình, rồi mặt Nàng Hoa thấy toát mùi thơm mát lạ lùng. An Tiêm mơ màng nhìn xa, rồi nói:

- Ngày trước, thường nghe người già kể ở ngoài bể Đông, không biết phía nào, có giống dưa đỏ, thơm và mát, một miếng dưa bằng một miếng thuốc, đương trời oi nóng, ai ăn một miếng thì tránh khát được cả một ngày đường nắng. Hôm nay được thấy dưa đỏ, có lẽ dưa đỏ ngoài bể là như thế này đây.

Rồi cắt dưa làm nhiều mảnh, cầm một miếng dưa đưa lên miệng. Mùi thơm ngọt mát ở miếng dưa tỏa ra khiến Nàng Hoa cũng cầm lên ăn ngay. Trong khoảng khắc, hai người đã ăn hết một quả. Nàng Hoa cười, nước mắt rùng rùng xuống má:

- Mình ơi, có khi dừa này của con trai nhờ đàn chim gửi đến cho ta. An Tiêm nói:

- Đàn chim từ bờ bể phía kia bay tới. Ta sẽ đi về phía ấy tìm con. Nàng Hoa mang vào nhà cho Gái một miếng dừa. An Tiêm nói:

- Con ăn đi, dừa này ăn khỏi sốt. Gái cầm miếng dừa ăn hết ngay. Ớn xong, ngủ một giấc, đến chiều đứng dậy, bước ra sân. Mặt đã khỏi đỏ dừ, hết sốt thật.

- Quả là các cụ nói không sai, nhà ta gặp được quả quý rồi. Mùa đầu tiên, hái được bốn quả dừa, ăn hết ngay.

Tất cả hạt, Nàng Hoa đem gieo khắp chân đồi xuống tận dưới bãi cạnh bờ bãi sậy. Chẳng bao lâu lại mọc đầy, lá dừa xanh xanh như ruộng mạ. Từ khi được ăn dừa ngon, Nàng Hoa cảm thấy trong lòng một tin vui mơ hồ mà gần gũi. Quả dừa, chỉ quả dừa thôi, mà sao Nàng Hoa lại tưởng như sắp có người tới, sắp gặp được người. ở đâu đây, Mon còn sống, trên bờ bể này hay ngoài bờ bể này, có phải Mon vẫn sống, có phải Mon đã trồng được những quả dừa ngon đến như thế. Có phải vì lòng cha mẹ đêm ngày thương nhớ con đã xui con máy mắt, nóng ruột, có phải con đã cho những con chim đến đây thả hạt dừa xuống. Những quả dừa ngon ngọt ấy khác nào tin báo cho bố mẹ biết: Con đây, con sống đây, con lạy bố mẹ! Con lạy chào bố mẹ! Nàng Hoa mơ một ngày, vợ chồng đến một bãi biển phương trời kia, bỗng thấy Mon ở đấy. Dù sao, trong mong mỏi, dầu cho mong manh, mơ hồ đến đâu, cũng phảng phất cái hy vọng đợi chờ. Sắp đến mùa dừa đỏ. Trông ra khắp nơi, quanh đồi, mới thấy xanh đậm hôm trước, thế mà bây giờ, dây lá đã vàng xọng, rồi trong đám héo hắt ấy nhô lên những quả dừa thô lổ, nhẵn như những hòn đá cuội to tướng ai vừa khiêng dưới suối lên bỏ đấy. An Tiêm dặn:

- Hôm nào được dừa già, mình với con hái cất vào nhà, ủ dưới cát, để chỗ mát cho khỏi thối, rồi ăn dần. Nàng Hoa ngạc nhiên vì lời dặn, hỏi lại An Tiêm:

- Mình bảo sao? An Tiêm nói, thiết tha:

- Bây giờ sắp có gió bắc, gió bắc đưa được thuyền xuống phía nam, tôi đi tìm con.

- Đợi ăn lứa dừa này đã...

- Không, mưa nắng có thì, không biết thế nào, thấy gió bắc về, phải đi ngay cho được gió... Nàng Hoa mừng rỡ, hỏi:

- Chúng mình cùng đi a? An Tiêm nói như tự nhiên, không để ý câu Nàng Hoa hỏi:

- ừ, tôi đi. Dọc xuống bờ đặng kia, chỗ nào men lên bộ được thì tôi lên, chỗ nào đi thuyền được thì đi. Nàng Hoa buồn hẳn, hỏi khẽ:

- Mình đi một mình à?

- ừ, tôi đi một mình.

- Tôi tưởng...

- Không, tôi đi một mình thôi. Nàng Hoa rơm rớm nước mắt, thế nào cũng có ngày đi tìm con, đây là ý nghĩ nung nấu trong lòng, nhưng Nàng Hoa vẫn ngỡ: cả nhà cùng đi, như lần ở núi xuống, cả nhà cùng đi. Bây giờ An Tiêm bảo đi một mình. Nàng Hoa bàng hoàng. An Tiêm nói:

- Tôi đã tính thế này rồi. Mẹ con mình cứ ở đây. Không nên đi cả ba. Tôi đi rồi tôi về. Nói cho thật đến nhẽ, tôi đi lần này mà có mệnh hệ nào, rồi mình lại đi tìm con. Chứ bây giờ đi cả nhà thì không nên, mình ạ. Có làm sao thì chỉ đi tìm con được một lần thôi. Có thương nhớ, có lo thì để bụng, phải nén cái thương, cái lo để đi tìm được cái mong ước của ta. Đầu tiên, Nàng Hoa kêu lên:

“Thà đi cả nhà, thà chẳng may mà chết cả nhà còn hơn...”, thế là nước mắt lại ròng ròng xuống, nhưng Nàng Hoa đã nghĩ lại ngay. Nàng Hoa im lặng. An Tiêm nói bao giờ cũng phải. Nàng Hoa vẫn không thể tưởng đến rồi ra có một khi hai mẹ con lủi thủi ở lại đây một mình, còn An Tiêm cũng một mình một cây gỗ rỗng, chìm nổi với sóng gió ngoài kia. Nhưng đây là đi tìm Mon. Mà đi tìm Mon thì cái gì làm được cũng làm tất cả.

Thế là Nàng Hoa nguôi lòng, nghe ra và lại lặng lẽ sửa soạn cho An Tiêm đi. An Tiêm vào rừng chặt về những cây vầu đại, dài có đến mấy chục sải chân. Cây vầu đại to đốt bằng mấy dống bương, dống tre. An Tiêm đã nghĩ ra cách đóng bè đi từ lúc còn loay hoay thả cây gỗ trên sóng. Bè nhẹ, chịu được sóng, được gió, trôi nhanh. Mà làm bè cũng chóng, thế nào cũng còn kịp đi nhờ mùa gió này. Chẳng bao lâu, một cái bè ken mười tầng vầu già không óp, nước toàn mây, dài như cả nếp nhà, đã lơ lửng nằm ngoài bãi cát. Trên bè, lại đủ thứ: thịt sấy và nước uống, cả cái tù và ốc to tướng. Tất cả các thứ đều buộc chắc, bọc lá chuối, sóng tràn hay lật bè cũng không sao. Ngày An Tiêm đi, cả Nàng Hoa và Gái, hai mẹ con cũng ra đẩy bè xuống nước cho An Tiêm. An Tiêm lại đi, Nàng Hoa vừa nghĩ thế, không nao núng, không khóc. Phải nén cái thương, cái lo để đi tìm được cái mong ước của ta. An Tiêm cầm cây sào trúc cắm xuống bùn, đẩy bè ra. Mới vài tay đẩy, bóng người đã nhấp nhô trong bãi sậy xào xạc ngoài kia. Bên tai Nàng Hoa vẫn văng câu nói của An Tiêm:

“Mình với con ở lại giữ con dao này, cái sừng trâu lấy lửa này. Phải nén cái thương, cái lo...” Người đã dờn xa trên mặt nước nhưng vẫn trông thấy, làm cho nỗi buồn cứ day dứt, xót xa, mà không dám khóc. Thế nhưng, đến lúc cái bè đã ra khỏi làn nước bùn đỏ ở bờ sậy, đi vào khoảng trời biển nhấp nhô, mới đầu còn lúc tỏ lúc khuất, rồi không thấy gì nữa, cái Gái bật khóc òa kêu to:

- Bố ơi! Nàng Hoa tự thấy mình lúc này phải trách nhiệm như có An Tiêm. Nàng Hoa nói:

- Con nín đi. Bố đi gọi anh con về mà. Làn sương từ cuối biển dâng lên, mờ khắp.

- Bố đâu? Bố đâu rồi? Mẹ vuốt tóc con, dịu dàng nói:

- Bố đi gọi anh Mon về. Con nín đi. Gái nín lặng. Gọi được anh Mon về ư? Ngẩn ngơ. Gái mỉm cười nhìn mẹ.

Chương 13:

Mùa gió bắc đưa thuyền bè và những đàn sếu, đàn bồ nông về phía nam. Mùa gió nồm đưa thuyền bè và những đàn sếu, đàn bồ nông về phía bắc. Bây giờ gió bắc đương thổi về phía nam. Cái bè của An Tiêm, gió đưa xuống phía nam. Mấy ngày bè trôi mà chưa qua hết bờ sậy. Đêm sáng trăng, An Tiêm đẩy bè ra xa bờ cho gió đưa đi suốt đêm. Đến sáng, trông vào bờ, tan sương rồi mà vẫn bát ngát những cây sậy. Phía trong, thoai thoải bãi vào những cánh đồng lúa thừa cây, như cảnh trí nơi cửa sông Cái xanh ngút trời ngày trước khi thuyền đi qua, đã khiến An Tiêm nghĩ mừng thầm: có lẽ hết sậy, ở bờ trong kia chắc có cái gì khác. Ngày ngày An Tiêm vẫn cho bè trôi. Đêm đến, lại đẩy bè rúc vào ngủ trong bụi sậy. Ngày nào cũng trông thấy những ngọn núi lô xô đằng xa, trong giữa đảo mà lung linh như đứng ngay đầu bãi, nước cắt phẳng lỳ ngang bóng chân đá. Nắng to, ánh núi mỗi lúc một loang lổ theo nắng, chiều mới đọng lại một vệt xanh lam sẫm cho đến tối, núi mờ vào trong sương, nhưng núi vẫn không mất bóng. Trông kỹ vẫn thấy những bụi sậy ken dài, xanh nhạt, nối nhau liên biến phẳng lặng. Không một bóng chim. Giữa trời nước này, tìm đâu ra cái ăn! Thế mà, nhiều hôm, An Tiêm vẫn cho bè trôi đều, không phải nướng thịt. Bởi nhiều cá nhảy lên bè, cá nhảy lên bè luôn. Những con vược, đầu và miệng to ngoác. Cá ngừ lừ lừ, cá măng dài ngoẵng. Cá đi từng đàn, có khi lẫn tẩn như sóng cả một vùng biển, có lúc ăn nổi, chọt đụng mạn bè, quăng mình lên cao rồi ngã nhua nhúa vào lòng bè, loang loáng như mưa nặng hạt, như cầu vồng xanh đỏ xuống. An Tiêm nhặt cá, xé ra ăn tươi ngay. Không cần để trừ bữa, chốc nữa lại bắt được khối cá nhảy lên. Chắc mẹ con Nàng Hoa ở nhà đã được hái dưa đỏ ăn rồi. An Tiêm nghĩ mình đi đã lâu. Nhưng đường nước quanh co, biết như thế cũng chưa xa.

Đi mãi cũng phải khác, chẳng bao lâu, bãi sậy nhạt dần. Rồi cái bè bơi xoai xoải được vào gần bờ, rồi sát bờ. Sang đến quãng mép nước có những tảng núi đuối nhau như sắp chúi xuống biển, rồi xô lại đứng soi bóng chông chênh, gập ghềnh. Đêm nay An Tiêm mới được lên bờ ngủ trong một hốc đá. Sáng hôm sau, An Tiêm vào núi, tìm nguồn nước. Miền này đã hết bãi phẳng như bờ biển sậy. Trông xa xa thấy những vệt mỏng trắng xóa thả xuống lưng chừng núi. Đây là những con suối mùa hạ còn sót lại. Quá trưa, An Tiêm xách ra được một con tê tê nướng ăn bữa mai. Hai bên đầu cái lao trúc thì xỏ mấy ống nước suối, quảy xuống bè. Lại đi nữa. Qua một chặng, bờ đảo lẩn nhồn núi khép lại, tưởng đến đây đã tận cùng, nhưng đi vào lại thấy mở ra, rồi bờ nước, rồi đá tảng, rồi rừng lại rừng, cứ lạnh lùng diềm nhiên, mở đóng trên mặt nước trước mặt không ai bao giờ có thể đoán biết hết. Buổi sớm, mù sương vừa tan, An Tiêm trông vào bờ, lại thấy xanh man mát. Lúc đầu, tưởng lại đến những bờ sậy giống chỗ nhà mình ở. Nhưng nhìn kỹ đây là rừng cây. Bè vẫn lênh đênh suốt đêm, An Tiêm ngủ sáng trăng trên biển. Trưa hôm sau mới vào được gần bờ. Đây là một cảnh rừng cây thấp chạy dọc dài, mỗi lúc nhìn kỹ, rõ ra những bãi cỏ bờ rừng xanh rờn lẫn đá đen, kề ngay mí nước. An Tiêm quyết định đẩy bè vào chỗ này, thử lên xem ra sao. An Tiêm ghé bè vào chỗ bờ nước phẳng.

An Tiêm lội xuống mấy bước, tới một tảng đá. Mặt biển không động một vẩy sóng, nước lặng im như bàn tay xòe ra. Cẩn thận, An Tiêm cắp nách cái lao trúc, lại xách cái ốc tù và lừng lừng. Đứng trên tảng đá, An Tiêm nhìn vào bãi. Cái lạ lùng đầu tiên An Tiêm trông thấy ở đây cũng có những dây dưa đỏ - hết những dây mà Gái nhật được hạt của chim biển đánh rơi rồi đem trồng, đã được ăn quả mùa vừa qua. Những dây dưa đỏ ở đây bò lan trên mặt cát, nhưng bây giờ đã tàn mùa dưa, dây đã héo, chỉ còn sót lại đôi ba chiếc lá vàng ấỵ. Nhưng An Tiêm đã bàng hoàng cả người. Bãi dưa đỏ đây rồi. Cả rừng dưa ở đây rồi. Những con chim đã tha miếng dưa từ đây tới. Những con chim đã bay từ đây đến nơi ta ở. Ờ, đây rừng dưa dại hay dưa người trồng? Ngộ chỉ là dưa dại? An Tiêm phân vân.

An Tiêm nhảy xuống, lội vào bãi, xăm xăm bước tới. Vào một quãng, An Tiêm chợt sững lại. Thoáng thấy tiếng vù vù vun vút như tiếng những mũi tên bay. Không phải, đấy là tiếng chim xô cánh. An Tiêm nấp vội vào tảng đá rồi nhìn ra trước mặt. Trên một chỗ bãi trũng đằng kia, có đàn chim liệng lên xuống. Chim giõn nhau, chim chọi nhau, chim xúm xít giằng nhau, đánh nhau. Bỗng một "hòn đá đen" vùng lên. Con gấu. Lại trông rõ đấy là con gấu đương bưng một quả dưa đỏ, nhai sồn sột, tận đằng này cũng nghe tiếng. Đàn chim cứ đâm chúi vào, rúc vào con gấu, chúng sà vào tận mũi gấu. Chúng đậu ngay trên tay, trên tai, trên đầu gấu. Chúng giựt miếng dưa ở tay gấu, ở mõm gấu, táo tợn không biết sợ là thế nào. Mỗi lần cướp được miếng dưa, chim lại quáng quàng bay vội lên không. Chim sợ mất mồi hơn sợ gấu - nhưng mấy con chim khác cũng nhào theo. Giằng nhau hết trên ấy, chúng lại nhào xuống. Con gấu vừa nhồm nhoàm rớt dãi nhai dưa, vừa xua tay đuổi lia lịa. Một tay xua, một tay giữ dưa. Những con chim ghê gớm đã lại luồn xuống tận nách gấu, dứt lấy miếng dưa ở tay dưới. Chim gào quạc quạc, vỗ cánh đập đập, con gấu lăm lỳ như tảng đá đen, chốc lại vung tay lên. An Tiêm lảng lạng quay lại. Con gấu không làm gì nổi con chim, nhưng khi gấu ăn, cũng là lúc nó ghen mồi, đương dữ. Đây không có chỗ lủi, không phóng được lao. Con gấu mà bị thương xô đến, cản trả thù, đây không có chỗ tránh. An Tiêm đã vòng ra phía xa. Trông những tàu lá vàng khè giắt trong khe đá, biết đằng ấy cũng có dưa, thấy những quả dưa đen bóng còn sót lại. Nhưng An Tiêm chưa chú ý. Không phải An Tiêm lo con gấu đến. Trong tay An Tiêm đã có hai cái lao trúc. Gấu nào cũng phải liệu hồn. An Tiêm mãi đi sục tìm cái khác, những dấu vết khác. Đây là dưa dại, dưa rừng tự nhiên hay dưa người trồng? An Tiêm giật mình. Ngay sau một lớp đá tảng, có mấy khúc gỗ cháy dở. An Tiêm cúi xuống, vồ lấy khúc gỗ. An Tiêm giụi tay mấy cái, bóp đầu khúc gỗ, đưa lên mũi ngửi, xem đấy phải than hay đấy là cái gỗ mủn, đấy phải mùi than thật không. Tàn than đen xin lả tả rơi xuống, rõ ràng là tàn than...

Có đồng lửa ai đốt từ lâu. Than cònбет đầu gỗ và mặt đá hoen lửa còn vệt nhạt trắng. Nước mưa mấy mùa đã bào qua, lốt cỏ mọc trùm gần hết mẩu củi dở. Chỉ có con người mới đốt được nên lửa, chỉ con người mới có lửa. Người trên đảo này hay người dưới thuyền lên đốt lửa? Người nào? Có phải Mon? ở đảo hay dưới biển lên, Mon hay ai thì cũng chỉ có người mới đốt được đồng lửa, chỉ người mới có lửa, chỉ con người mới có lửa. ở đây đã có vết chân người đến, đây không hoang dại. Nghĩ thế, An Tiêm hồi hộp nhìn ra. An Tiêm nhìn ra, lại thấy con gấu. Không nhận ra có phải con gấu lúc nãy không? Gấu đen trùi trùi, ngồi im dưới một tảng đá. Con gấu ấy lại đương nhai một quả dưa đỏ, cả quả dưa đỏ. Chốc, gấu lại húc ngập cả đầu vào lòng quả dưa. Không còn một con chim nào xúm đến ăn vọ mồi của gấu. Có lẽ con gấu này khác, chim chưa biết. Gấu này đi mót dưa chỗ khác, chỗ này gần quá. Lúc An Tiêm thấy nó, gấu cũng

nhìn ngay thấy An Tiêm. An Tiêm đứng thẳng lên, một tay giơ cái lao. Nếu gấu xông đến, An Tiêm phóng ngay. Nhưng gấu đã buông quả dừa đương ăn rồi chạy khuất vào chỗ ngoắt ngoéo mấy tảng đá. An Tiêm hạ lao xuống. An Tiêm còn đương nhìn trước, nhìn sau, đã thấy con gấu trở lại. Không phải một, mà hai con gấu đương chạy lại phía An Tiêm. Đích, cả con gấu đương ăn dừa đằng kia. Đàn chim đuổi miếng dừa mỗi vẫn còn trong tay gấu, cứ kêu quàng quạc, bay sát sạt trên đầu gấu. Không thể một lúc đánh nhau với hai con gấu. Hai con gấu muốn hằm hè với người đến tranh dừa. Gấu ghen ăn ác lắm. Nghĩ vậy, An Tiêm nhảy vút trở lại rồi chạy thẳng ra bờ biển. Hai con gấu rùng rùng đuổi theo. An Tiêm chỉ kịp lội ào xuống nước được vài bước thì hai con gấu đã xô đến ngay trên bờ, sau lưng. An Tiêm tưởng hai con gấu sắp bơi xuống nước. Nhưng không con gấu nào dám thò nửa bàn chân xuống. Gấu sợ nước. Hai con gấu cứ nhảy cuồng nhảy quanh trên bờ cát, lúc bò, lúc đứng, bổi rồi múa chân lên, không ra tức tối, không ra sợ hãi. An Tiêm thông thả, lội ra đứng trên bè nhìn lại hai con gấu. Nhưng chẳng lẽ cứ ngồi ở ngoài biển nhìn vào trêu tức gấu. An Tiêm thấy cần phải tránh đi. Có khi vùng trên còn dừa, vùng trên nhiều dừa hơn, nhiều dấu vết người hơn. Biết ở đây thế, ta hãy tìm xem các nơi quanh đây đã. An Tiêm đẩy bè ra. Chẳng mấy lúc, gió lại mơn man hây hây cái bè trôi xa. Trông vào bờ, không thấy gấu nữa. Cố trông cũng không có. An Tiêm đoán có khi thấy người đã bỏ đi, gấu lại vào trong bãi tìm ăn dừa rồi. Không phải gấu vào tìm ăn dừa. Gấu anh và Gấu em đương chạy về.

Hai anh em nó cung cức chạy về. Anh em gấu đương chạy thật nhanh về. Mọi khi, ra bờ biển mót dừa, thường đến tối, có khi tối mịt, gấu mới tha thẩn mò về. Bây giờ non trưa đã về tới gốc thông. Mon cũng vừa ở ngoài rừng về, đương ngồi thổi lửa trong lều. Gấu anh xộc tới, một tay giơ, một tay ôm vai Mon, giựt Mon đứng dậy. Mon không hiểu chuyện gì. Gấu giựt mạnh, móng vuốt xước chảy máu cả vai Mon. Rồi Gấu anh lè lưỡi ra, trong lúc Gấu em rồi rít chạy quanh. Mon biết đấy là dấu hiệu anh em gấu muốn rủ Mon đi đâu, mọi khi vẫn thế, hình như thế. Mon đi ngay. Mon cặp hai cái lao, đeo dao, giắt hòn đá đánh lửa vào cặp khố rồi chạy. Hôm ấy sáng trăng. ánh trăng lơ đãng mình cây, mặt đất loang thành những mảng sáng soi đường, Gấu anh lon ton đi trước. Có lúc chột nghĩ, Mon ngờ ngợ, chậm chân lại. Nhưng một điều Mon tin: đã mấy năm ở chung, người và gấu tuy không nói được với nhau, nhưng hiểu nhau hết, đây chắc cũng chuyện vui thích mà thôi. Chuyện gì vui thích? Xưa nay chỉ có anh em gấu rủ đi chén khoái ong. Nhưng khuya rồi, khoái ong lấy đâu trong ban đêm ra. Mà đi xa thế này. Nhưng Mon vẫn đi. Mon cầm cúi đi giữa anh em gấu, Mon lại bước nhanh, không nghĩ ngợ. Tới bờ biển, vừa nửa đêm. Trăng thượng tuần ngả về chân biển đằng kia, đầm đầm như cây đình liệu rực cháy. Mặt biển óng vàng kéo dài một vệt từ trăng liền xuống ánh nước. Mon đi vờ càn cây và cỏ rác, chắt một đồng, đánh lửa đốt lên. Mon nằm xuống trên tảng đá, Mon phân vân nhìn anh em gấu đứng sững như hai gốc cây. Mon lại nghĩ: chúng nó dẫn mình ra đây làm gì. Có việc gì? Có gì lạ? Chịu không đoán được. Mon bỗng nhớ năm trước có đàn gấu đi theo định rủ anh em nhà này về ở rừng. Mấy đêm, gấu cứ đứng hai chân trước lên, trông ra đàn như thế. Hay là, lại có đàn nào rủ rê? Nhưng Mon tự cười mình ngay: Làm sao có đàn gấu ngoài biển vào rủ chúng nó được. Một chốc, cơn buồn ngủ mơ màng phát phơ đến trong làn gió nhẹ, đậu trên mí mắt, Mon ngủ luôn. Khi Mon thức giấc, trời đã sáng. Nhưng còn sớm lắm. Mặt biển vẫn ử mọng hơi nước trong đêm. Mon vẫn thấy hai con gấu đứng. Hai con gấu đứng cả đêm đấy chắc? Kỳ thật. Nước triều đã xuống sâu, giạt bọt rác theo ra tận xa. Mon nhìn làn nước nổi bong bóng, lẫn cát lẫn bùn, lênh lảng phía ấy. Trông gần cát còn hơi

âm trên bãi, Mon không biết thế nào bây giờ? Hai con quái kia, chúng mày rủ tao ra đây làm gì? Chợt Mon để ý bờ cát, ngờ ngờ. Mon đứng dậy, bước lại phía ấy.

Lạ thật, Mon trông thấy trên bờ cát, chỗ con nước thấp có những vết như cái đầu gậy nhọn đâm lỗ chỗ xuống. Đến gần, thấy vết chân... vết chân người... vết chân người... phải không... Mon chưa tin. Mon chạy xô ngay đến chỗ hai con gấu đứng. Mon nhìn xuống xem lại dấu chân gấu. Chân gấu, chân trước năm ngón có vuốt nhọn, gót tròn. Chân sau, giống chân người, gót gấu cũng dài như chân người, nhưng đầu ngón chân có móng nhọn, mỗi bước đều hằn khoằm xuống đất. Mon trở lại chỗ vết nghi ngờ. Đây chân người thật không có vết vuốt. Bàn dài, năm ngón in hờ đều trên cát, không nặng xuống bằng bàn chân. Mon ngẩng lên, trông theo hướng vết chân trong làn cỏ. Mon đến nhìn làn cỏ, con nước đêm qua không lên tới, thấy rõ ràng cả những ngọn cỏ gãy vệt chân xéo. Mon lần theo cỏ đến một tảng đá. ở đây càng rõ nữa. Tất cả hằn vào mảng rêu trên đá, bàn chân to bè, ngón cái to và choãi chệch ra, bốn ngón kia xít lại. Thật chân người. Chao ôi, vì thế này anh em gấu chạy về gọi, vì thế này mà anh em đi gọi ta. Mon cuống quýt, rú lên:

- Chúng mày ơi! Chúng mày ơi! Rồi đến ôm tai hai con gấu đấy xềnh xệch lại. Mon chỉ tay vào chỗ rêu trên tảng đá có vết chân người, Mon hét to:

- Có người đến đây! Có người đến đây! à ra hai thằng này tinh. à ra hai thằng này khôn lắm! Mày trông thấy người, mày chạy về gọi tao. Thế thì người đến đây đi đâu rồi?

Mày có giỏi thì mày phải biết người ta đi đâu rồi? Trong khi Mon cuống quýt hỏi dồn, hai con gấu cứ im lặng, thè lưỡi. Những con mắt ti hí, nhìn Mon chòng chọc. Không nói, nhưng hình như chúng nó đã hiểu câu nói của Mon và biết tuy Mon sùng sộ thế nhưng không phải Mon câu giện, mà đây là Mon đương sung sướng quá, thế là các chàng gấu cũng lây ngay cái vui rồi rít của người. Bỗng nhiên, hai chàng quay ra, khuỳnh chân trước, bắt kiểu lên đài vật, thế rồi giở miếng tỳ vai chèn vai nhau, đẩy lăn trên cát, như vào sỏi vật ở gốc thông. ấy khi nào những con gấu vui nhất, thường thế. Mon hỏi như quát:

- Người ta đi đâu rồi? Chúng mày biết không? Hai con gấu vẫn vật nhau, lăn lộn, gặm ghè trên cát.

Mon hỏi chán rồi thôi, quay ra nhìn vợ vẫn. Cũng chẳng biết làm thế nào hơn cho chúng nó hiểu, xưa nay vẫn thế. Nhưng Mon chợt nghĩ: cả đêm qua chúng nó đã đứng ngóng ra bể, hay là rồi người ấy lại xuống bể. Có thể vì thế mà chúng nó cứ đứng trông ra. Phải rồi. Đúng thế đấy. Phải rồi, có thể mà mình không nghĩ ra...

Nhưng Mon nhìn ra khơi. Vẫn chỉ thấy một ngấn nước lặn ngang, thăm thẳm như từ sáng sớm. Mon đã nghĩ ra một mẹo. Ngay lúc ấy, Mon chạy vào trong rừng thưa. Hai con gấu thấy Mon đi, vội buông nhau ra, hối hả chạy theo. Mon vác ra bờ biển những khúc cây thật to. Gấu cũng bắt chước ngay, chúng loay hoay tìm gỗ, cành cây, kéo theo ra. Chỉ một lúc đã được đồng to tướng. Mon nói:

- Chúng mày biết không, đốt lửa lên, đốt lên làm hiệu. Nó chưa đi xa đâu, có phải không chúng mày? Mon lẩm bẩm:

“Hồi chúng mày cũng bằng hồi cái đầu gối”, rồi lấy hòn cuội trong cặp khố ra đánh lửa châm vào đồng củi. Lửa bén, cháy lên ngọn. Rồi Mon và hai gấu lại hồi hả vào rừng tìm lấy cây ra, chất thêm nữa. Suốt đến trưa, đến chiều, Mon hí hục vác cây, nhể nhại mồ hôi. Hai con gấu xù xì đen ngòm trông tối cả mắt, không biết trời nóng bức đến như thế nào, chỉ biết tắt tưởi khuôn cây. Đồng củi đã thành gò, khói cuộn cuộn. Cả Mon và hai gấu vào đứng tránh nắng trong bóng rừng, nhìn ra làn khói đen sẫm nghi ngút suốt một quãng bờ biển. Ngọn lửa dướn lên, khói tuôn ngất trời. Lửa và khói, đêm và ngày, cho người xa nhau, người tìm nhau, cho người trông thấy lửa, thấy khói mà đi, mà đến. Ngọn lửa bao giờ cũng đem lại nguồn vui và tin cho người. Tự nhiên, như tình cảm khi mong nhớ, khi buồn khi vui, người ta tìm đến lửa. Lửa sinh ra tất cả đời người. Lửa đem cái ước mong lại.

Ai xa cũng phải nhìn thấy khói ở đây. Ai ở xa cũng nhìn thấy khói. Chất củi nữa! Chất củi nữa cho khói bốc mù mịt khắp gầm trời thế gian này, cho ai cũng biết chúng mình đương đốt lửa mà tìm đến. Đêm ấy cả một gò củi cháy trên bờ biển, đêm càng khuya càng sáng thật xa, tận giữa khơi cũng thấy. Ai lên đênh trên biển, ai lặn lội đâu trong rừng hay trên núi, cũng phải thấy ánh lửa đây. Ai ở đâu? Ai hay là bố mẹ? Mon và hai con gấu nằm trong cửa rừng, đêm xuống êm dịu, ánh lửa đằng kia như trăng sông, thế mà Mon vẫn bồn chồn, đứng ngồi không yên. Hai con gấu mê mãi khuôn cây suốt ngày bây giờ nằm phủ phục, ngủ thở sùi bọt mép như nước sôi. Chẳng phải gấu mãi ngủ đâu, đấy là gấu đã yên trí, gấu ngủ yên. Không đứng suốt nhìn ra biển như đêm qua. Chỉ còn Mon khắc khoải, không ngủ được đây giấc. Chốc chốc, nghe một tiếng củi nổ to âm đằng kia, Mon choàng mắt, tưởng có người bước đến. Mon lại hốt hải lên mồm đá, nhìn ra. Trăng khuya ánh xuống nước rừng rục rục như cục tàn lửa, ngoài khơi. Dải rừng vẫn im lìm, kéo lê thê trước mặt. Mon đứng thừ một lúc rồi lại bần thần ngả mình xuống ngay mặt đá, khép mắt đợi ngủ. Một chốc, lại tỉnh. Suốt đêm như thế. Rồi trời sáng. Sáng mát rượi. Biển lặng trong suốt đến chân mây. Trên mặt nước đượm hơi đêm, còn vờn vẫn như khói lan. Mon nhìn ra biển. Đột ngột, thấy một chấm đen. Hay là hoa mắt. Mon giụi mắt. Mắt tóe ra nhiều chấm, rồi thu lại vẫn còn một chấm đen ấy. Vẫn cái chấm đen. Mon lại giụi mắt. Chấm đen vẫn ở chỗ ấy. Không phải hoa mắt. Cái gì? Ngày trước, bố kể chuyện ngoài biển có cá ông voi, những khi cá ông voi đi ăn đàn, cá ông voi dựng một bên vây lên, dựng đuôi lên, nom xa ngờ một dãy thuyền giông buồm trên mặt nước. Đến khi đuôi cá, vây cá ông voi cụp xuống, mặt biển lại lặng tờ như không.

Đấy là cái thuyền người hay đây là mảnh đuôi cá ông voi nhô lên. Mon đã trông thấy cá lợn còn biết nhô lên đùa giỡn, đây có phải nó không? Chấm đen to dần. Đấy là bè của An Tiêm trở lại. Hôm ấy gió đưa An Tiêm lên xa, An Tiêm lại xuống nhặt dừa. Những bãi trên ấy cũng nhiều chim biển đến tìm. Nhưng An Tiêm không gặp con gấu nào ra bãi. An Tiêm cũng thấy rải rác trên bãi ấy những đồng lửa còn sót lại tàn than, như nơi đầu tiên gặp. Mỗi lần thấy thế, An Tiêm lại bồi hồi. Vẫn là những đồng lửa lâu ngày, hàng năm hàng mấy năm rồi, chỉ còn vết trắng mờ. Nhưng An Tiêm hồi hộp lạ thường. Chắc chắn trên đảo phía này có người, có dấu vết người đến. Những ý nghĩ vui sướng lạ lùng rộn lên. Dù là người dưới biển lên đốt lửa kiếm cái ăn xong lại xuống thuyền đi, hay người ở núi ra, không biết, nhưng biết thế là đây có người. An Tiêm vẫn băn khoăn nghĩ về chỗ bãi có những dây dừa đỏ lần đầu An Tiêm lên. ở đây có cảm tưởng ấm áp vết chân và hơi người, như mỗi khi nhìn phía bên kia núi, biết đằng xa ấy có sông Cái chảy

giữa hai bờ núi, một bên Tam Đảo, một bên Tản Viên, lần nào trông về đất quê, bao giờ cũng thấy như phía ấy có hơi người tỏa ra, ấm áp hơn. An Tiêm muốn quay lại, tìm vào trong núi. Nếu tính cẩn thận, thì đêm xuống ngủ bè rồi ngày lên tìm. Chắc bây giờ con gấu đã đi rồi. Những con gấu lang thang trong rừng và gấu chỉ ở rừng sâu, không phải chỗ trú chân của gấu ở bãi biển. Thế là An Tiêm quay lại. Hai đêm trở lại, nhìn vào vẫn chưa nhận ra chỗ bờ biển ấy. Có lẽ chưa tới. Mỗi lần thức giấc. An Tiêm lại ngửa mặt xem sao. Một đêm, chợt cảm thấy sáng loáng như có cái đuôi sao đổi ngôi quét dài xuống sau gáy. An Tiêm ngồi hẳn dậy. An Tiêm thấy ánh sáng trong bờ xa. Không, có thể là ánh lửa. Không bao giờ ông sao mọc thấp trên mặt biển như thế, mà ông sao cũng không lung lay chuyển động giống ngọn lửa như thế. An Tiêm thức bởi suốt đêm đến sáng. Bè về ngược gió.

An Tiêm khoảng cả lao trúc, cành củi, có lúc khua cả hai tay xuống nước. Được cái trời lặng, bè cứ từ từ đi. Bơi đến trưa, lại gặp những con chim biển lênh bênh nhấp nhô trên sóng. Thật rõ có người rồi, ánh sáng đốm lửa đêm qua bây giờ đã thành một cuộn khói cao, đọng lại như một đám mây đen nhỏ lúc sắp có mưa bóng mây. Phải có người đốt lửa mới nên như thế. An Tiêm náo nức quá. Có người đương ở trong kia. An Tiêm cố bơi... Mon không trông thấy đuôi cá ông voi bao giờ. Nhưng Mon đoán chắc đấy không phải đuôi cá ông voi. Mon trông thấy nhô lên một cái chấm đen lúc thấp lúc cao, như bóng người. Trời xanh trong, nắng sớm đã chói lọi, mỗi lúc một rõ. Mon đứng im. Hai con gấu bấu hai bên vai Mon. Mon không để ý mồ hôi Mon ròng ròng khắp người. Hai mắt cứ thao láo nhìn ra - bây giờ thì chắc là cái thuyền, cái bè to bằng cái vết chàm đương từ từ vào. Nhưng, đến quá trưa, hình như chấm đen ấy lại đứng nguyên chỗ. Từng đợt sóng lăn tăn vào, tưởng cái vết ấy vào theo, nhưng không, sóng qua rồi mà vết đen trên biển vẫn đứng. Mắt trông không thấy thay đổi. Mon lại không tin như lúc này, không tin đấy là cái thuyền. Mon đương hoang mang những ý nghĩ, cái nhìn cứ lúc thế này lúc thế khác. Lúc sau, nhìn lại, nhận ra cái thuyền đứng. Thuyền ở yên đấy. Người trên thuyền cũng đứng chong chóng như cái sào, không nhúc nhích - không biết người hay cái sào đấy? Quả nhiên là An Tiêm đương đứng như thế, không dám bơi vào thêm. Trong kia vẫn mù mịt khói, thật có người, nhưng An Tiêm không thấy người mà lại thấy rõ hai con gấu đứng dựng hai chân nhìn ra.

Hai vệt đen thẫm hệt như hôm nọ. Thế là thế nào? Đẳng kia, vẫn nghi ngút khói. Có người đấy không? Hay là người rừng? Các cụ kể xưa kia người ta cũng ở cả trong rừng lẫn lộn với mọi loài khác, nhưng khi con người còn ở trong rừng như thế thì người hình như chưa biết đốt lửa, không biết nướng thịt, mà cũng không biết thổi cơm nấu canh và lắm khi đói, người rừng còn ăn thịt lẫn nhau. Có lẽ đây là người rừng. Người rừng lông lá như gấu. Thế ra hôm trước ta đã gặp phải người rừng mà không biết. Bây giờ người rừng lại đương đứng nhìn ra. Hóng mồi chắc? Trông cung cách hệt như hôm trước. Người rừng đợi mình, nó đợi mình vào, nó đợi mình vào để ăn thịt mình. Nghĩ thế An Tiêm đẩy bè quay ra. Giữa lúc ấy, từ mặt nước xa xa trong kia vọng ra một tiếng hú... hú... hú ú... a a a... Tiếng vang mặt nước, theo làn sóng chập chờn uôm đến xung quanh bè. Người rừng hú a? An Tiêm đứng lên, quay mặt vào bờ, hai tay nâng cái ốc tù và nghiêng mắt, rúc một hồi dài: Tu... tu... tí... u... tu... Hú... ú... à... Lập tức, An Tiêm trông thấy hai người rừng - hay hai con gấu, tách đôi ra, một con nhảy sang một phía, ở giữa trở lại một người rừng khác.

Người ấy nhô lên, giơ tay vẫy vẫy. Rồi những tiếng hú lại liên tiếp vọng ra. Thế là An Tiêm cuống quýt khoảng tay xuống nước, bơi vào. Những tiếng hú đối đáp chốc chốc nổi lên. Trông đã hơi rõ: hai con người rùng và một thằng người thật. Rõ một thằng người thật. Người thật khác gấu, khác người rùng, một người với hai con gấu, hai người rùng - người biết hú, người này không phải người rùng, người này là người thật nên mới biết hú.

- Hú ú ú... a...

- Hú ú ú... a... Cái bè từ từ vào.

- Tí... u... tu... hu...

- Hú... à...

- Moon... à...

- Böööö... à...

Thế là An Tiêm nhảy ngay xuống biển. Quên hẳn hai con gấu có thể xông ra xé tan xác như chơi. An Tiêm ào ào bơi vào. Trên bờ, Mon luống cuống, luống cuống chạy quanh. Hai con gấu cũng nổi nhau theo Mon. Cả ba đứa cứ chạy quanh. An Tiêm đã lên bờ. An Tiêm đã đến đứng trước mặt Mon. Mon đấy ư? Thằng Mon đấy ư? Thằng này là thằng Mon ư? Thằng Mon lạc nhà bao nhiêu năm nay, bây giờ nó đây, nó là người thế này đây ư? Hai bố con xô lại, níu chặt vai nhau. Nước mắt An Tiêm giàn giụa trên mặt, trong lúc An Tiêm cười như mếu. Bây giờ An Tiêm mới biết đời mình gian truân đến thế mà vẫn còn nước mắt để dành cho lòng thương yêu con. Mon đã cao bằng bố. Tóc nó đen nhánh, rồi một năm dài xuống quá lưng. Lông mày lông má trở ra vàng xuộm như mặt con đười ươi. Trong cái khố trần, bắp chân nó nổi chảo, nó đã trở nên người lớn thật sự. Ờ, nó bây giờ đã ngoài mười lăm, mười bảy rồi, nó cũng bằng những năm An Tiêm đi ở ngoài Ninh Hải. Nhưng bấy lâu một mình trong rừng, quả là nó tinh nhanh, tháo vát. Nó gian nan bấy lâu mà vẫn lớn, nó đã cao hơn mình, thật nó hơn mình. An Tiêm cứ vừa nghĩ vừa cười, vừa đầm đìa nước mắt. Hai con gấu nằm yên. Chúng gò lưng, hai chân trước duỗi thẳng, bệt mồm xuống cát. Con mắt lim him ngược nhìn hai bố con. Những con mắt im lặng, những con mắt đương lay láy cùng nghĩ, chung cái sướng với hai bố con gặp nhau. Thế là bố con dùng dùng dắt nhau đi, quên cả hai chàng gấu nằm đấy. Nhưng hai gấu đã chồm dậy, nhào theo. Chạy có nửa buổi, đã về tới nơi Mon ở dưới gốc cây thông. Mon nói:

- Bố ơi. Cái thang nhà mình có tám khắc ngày trước con vẫn giữ được. Cái thang bố giẫm chân lên đấy. Cái thang này đã cứu con. Từ khi ấy, đi đâu con cũng vẫn giữ cái thang nhà ta. Nửa đêm, con đương khóc, con lại nghĩ đã có bàn chân cả nhà bước lên cái thang này thì con nín và con lại ngủ yên được. Bố ạ, bố xem nhà của con... Cũng một cái nhà ngoãm đáng dấp những cái nhà ở Bãi Lở, dù đây chỉ là cái nhà sơ sài trên lưng cây. Cha mẹ thường ít khi để ý, nhưng con cái đã bắt chước ý ăn nhẽ ở của xung quanh từ lúc nào. Mon học theo bố, làm từ cái ngoãm đẹo. Thật cảm động, An Tiêm trông thấy trên vách trong, những cái

dây lòng thông nút từng nút đánh dấu ngày, dấu tháng, dấu năm - như bố mẹ đã buộc cái dây như thế từ khi ra đảo. ở một góc nhà, có con rùa nằm ngủ im như tảng đá - cũng giống con rùa để xem điềm trời mưa nắng như khi nhà ở rừng hay khi ở Bãi Lở đã nuôi. Nhưng lạ lùng nhất, An Tiêm thấy những con dao to dao nhỏ vàng ngời cắm trên vách. Có con to bằng dao phát, lưỡi dài và cong. Có con nhỏ như dao bổ cau. An Tiêm sờ vào dao, càng ngạc nhiên, hỏi:

- Cái gì đây? Vàng hả? Mon đáp:

- Vàng dải được trong suốt Sáng đấy, bố ạ. Rồi Mon kể cho bố nghe cái đêm năm trước trông thấy con suốt lóng lánh vàng chảy. Sáng ra, Mon khỏa chân có đốm cát vàng trên bàn chân, Mon nhớ người ở Bãi Lở hay đi dải vàng trong cát ở các khe đầu nguồn chảy ra sông Cái. Người Bãi Lở đến đấy lấy vàng làm khuyên tai, đánh vàng cổ hay đi đâu cũng giắt nguyên cả cục vàng trong người để trừ tà lấy khước. Mon dải được từng vốc vàng, lấy đá cuội giọt ra đủ thứ dao. Nhưng dao vàng chóng mòn, chỉ vài lần chặt đã oằn lên tận sống. Dù thế cũng là đã có những con dao, thật tiện lợi. Mon lại còn để dành được mấy hòn vàng, vẫn cất trong góc nhà, vẫn đợi để rồi cho cái Gái làm khuyên tai.

Mỗi việc Mon kể, mỗi lúc trông thấy một vật trong nhà, nút dây ngày tháng, những ngoãm cây, ống đựng nước, chỗ nuôi con rùa để xem mưa nắng, những sọ dê núi và cái gạc hươu, gạc nai treo đầu cột, những miếng thịt sấy khô lủng lẳng trên lửa, cái khố dứa đại, cái gì ở nhà Mon, ở tay Mon làm ra cũng khiến An Tiêm bồi hồi, vừa thương vừa quý con và An Tiêm lại bồn chồn muốn về ngay để kể ngay cho Nàng Hoa nghe chuyện bao năm con lạc rừng, con thui thui ở một mình mà con đã nên người thế này. An Tiêm cười, nói:

- Thế là con có nhiều dao hơn bố. Con ạ, hôm bố đi tìm con, bố để lại ở nhà chỉ còn có cái sống con dao ngày trước thôi. Không ngờ con tôi lại nghĩ ra cách đeo dao đá, làm được dao vàng... Mãi chuyện quên cả ăn, mặt trời đã xuống sau rừng. An Tiêm nói:

- Tính đến hôm nay, bố đi đã ngoài ba tuần trăng. Bây giờ gặp con thì phải về ngay, để mẹ và em con khỏi mong. Sớm mai, bố con mình cùng về. Ta để cái bè lại đây. Đương gió bắc, bè ngược sóng đi khó lắm. Mà bố đã nhìn hướng bè sang đây quanh co lâu thế nhưng đi bộ thì chỉ trèo qua chặng núi kia, chắc đến nơi thôi. Mon hỏi:

- Bố à, còn hai thằng gấu...

- Ạ, hai con gấu tinh như người, khôn quá. Mon khoe:

- Chúng nó cũng là đồ lò con đấy, biết vào sới đánh vật, bố à. Lúc nào nhớ nhà, con lại ra gốc thông mở hội vật với chúng nó. An Tiêm bàn:

- Ta để gấu lại trông nhà. Về bên ấy vài hôm thôi. Cho mẹ con thấy mặt con. Rồi bố con ta bàn xem cả nhà nên sang đây hay ở bên ấy hơn. Bố thấy đất nước chỗ này cũng hay lắm. Con làm thế nào bảo gấu chịu

khó trông nhà, bố con mình đi vài hôm thôi.

- Con bảo chúng nó được, bố à.

- Chúng nó biết nghe tiếng người a? Mon cười:

- Nó phải tội không biết nói, nhưng nghe giỏi tiếng người đấy. Mon chạy đến, dựng hai con gấu đứng dậy. Mon len vào giữa, xoa tai gấu rồi quát to:

- Chúng mày trông nhà cho tao, trông cẩn thận đấy. Rồi Mon nằm sấp xuống sàn đặt cằm lên hai bàn tay duỗi, lim him hai con mắt, giả vờ như gấu ngủ.

- Thế thế... trông nhà thế... Tao đi vài hôm tao về... Mon trở An Tiêm rồi khoát tay ra xa. Cứ như nói với người chưa hiểu hết câu, Mon lại xoa tai gấu, lại nói:

- Bây giờ tao về gặp mẹ tao, em tao đã. Vài hôm nữa, có khi cả nhà tao cũng sang bên này ở với chúng mình cũng nên, bố bảo thế.

Nói xong, Mon nghiêm nhiên coi như hai con gấu đã hiểu. An Tiêm thấy con nói chuyện xong xóc với hai con gấu, An Tiêm thật xúc động và cảm phục. Con mình giỏi quá, thế nào mà hai con gấu quăn quít ở với Mon và trò chuyện với Mon nữa! Đã đành nuôi chúng từ nhỏ, nó cũng chỉ như con chó thôi, nhưng làm sao biết bảo nó cùng đi kiếm ăn, bảo được nó đêm nào cũng biết ngủ trong nhà, bỏ thói quen ở rừng. Mon còn nói:

“Những đêm rét, có hai con gấu nằm hai bên, không phải đắp chăn vỏ sui, bố ạ”.

Mon kể cho An Tiêm nghe thế... và gấu còn biết lấy khoái ong, gấu biết dấu vật kéo tay. Có lúc An Tiêm giơ tay muốn vuốt đầu hai con thú dữ đã ở với con mình bao năm, như người thân thích, nhưng, tay An Tiêm vừa giơ lên lại thôi. An Tiêm chưa quen, Nàng Hoa và cái Gái mà thoát trông thấy bọn gấu này, chắc cũng ngần ngại- có khi còn hãi nữa. Con đã hơn mình thật. Sớm hôm sau, An Tiêm và Mon bước ra. Mon lấy con dao vàng giắt lên thắt lưng, như mọi khi đi rừng. Nhưng hai con gấu không đi theo. Hai con gấu chỉ đứng trong lỗ cửa nhìn ra. Rồi, hai con gấu nằm xuống - như Mon ra cách cho gấu, hai chân trước duỗi dài, mõm kề sát mặt đất, đôi mắt lim him. Mọi khi phải trông nhà, gấu vẫn nằm thế. Hai con gấu đã nằm hệt như Mon bảo. Như để Mon biết chúng mình đương nghe lời đằng ấy đấy. Chúng mình biết rồi, đằng ấy gặp được bố. Đằng ấy đương bận lắm. Đằng ấy cứ làm, cứ đi, đi đâu thì đi, đã có chúng mình giữ nhà cho. Mon cười to rồi cúi xuống, vuốt tai cả hai con gấu. An Tiêm cũng trông lại lần nữa. Rồi hai bố con bước nhanh vào rừng cây âm u. Mon đi sau bố. Lúc này Mon mới nhìn kỹ bố. Từ hôm qua, nằm cạnh bố mà tưởng bây giờ mới nhìn. Nhiều khi, người ta cùng trong một nhà, sinh sống hàng ngày, tự nhiên không bao giờ ai nhìn ai lâu thế đâu.

Sao bây giờ trông kỹ lại, như chẳng phải bố mình. Rồi có lúc lại thấy đúng bố mình. Bố đã già thật rồi.

Bố đã già đến thế à? Tóc bố dài xõa giữa lưng, ngày trước dày đen một đệp, bây giờ chỉ thấy lơ thơ lốm đốm bạc. Hai bên tóc mai đã bạc hần như bông. Ngày trước, chưa bao giờ Mon thấy thế. Râu ria mọc kín mặt bố, cả đến hai bên lông mày cũng đã có như giắt bông. Nhưng khắp mình các bắp tay, lốt xăm chàm mới vẫn vẫn lên và răng bố đen nhoáng, chắc hằng ngày bố vẫn xuống biển săn cá, bước bố đi còn khỏe lắm, nhanh như vượn. Bố con men bờ biển lên hòn núi cao rồi đi theo một triền núi. Trông ra trước mặt, vẫn lại thấy menh mang biển. An Tiêm trở tay phía trái, hỏi Mon:

- Con có thấy xanh xanh đằng xa không?

- Có thấy mờ mờ như mây thôi.

- Đây là bãi sậy bờ biển. Nhà ta ở vùng cạnh bãi sậy ấy. Nói nghe chóng vậy mà mấy ngày trèo rồi mấy đêm ngủ rừng, vẫn chưa xuống được bờ núi phía bãi sậy.

Có lẽ chỉ có làn mây mờ thấp sát mặt biển với lòng mong ước đã thành bóng cái bãi sậy trong mắt An Tiêm mà thôi. Rồi lại trèo núi không biết đến mấy ngày nữa mà trông ra vẫn biển xanh, trước mặt vẫn dốc núi. Đôi lúc cũng thoáng thấy được bóng mờ chân trời. An Tiêm lại nói: chỗ bãi sậy nhà ta đấy. Có hôm mưa núi rả rích, phải nghỉ lại, đào củ mài hay tìm bắt dế núi, sên núi làm cái ăn. Rồi lại đi. Tuy vậy, Mon không sốt ruột, vẫn thấy đi mãi cũng được, Lâu lắm Mon mới lại được trèo núi với bố, vừa vui chân vừa vui chuyện, quên cả ngày và đường xa. Thế rồi, ngày kia cũng xuống được chân núi. An Tiêm đã nhận ra những quãng rừng quen quanh nơi ở. Hai bố con bôn nhanh như chạy. Đến chân đồi cây vàng tâm, An Tiêm ngẩng mặt, hú gọi lên. Nghe tiếng hú đáp ngay xuống. Rồi bóng cái Gái thấp thoáng trong những gốc cây ra. Bây giờ đương giữa trưa, ngoài bãi gió táp lên cát nóng bỏng rộp chân. Bỗng cái Gái quay thoát vào. Gái đã trông thấy Mon. Rồi tiếng gọi mẹ ới ới. Cả Nàng Hoa cũng từ trong bóng mát những đám cây vàng tâm hốt hải ra. Thấy Mon,. Nàng Hoa ngã khuỵu ngay xuống. An Tiêm và Mon chạy vội lên. Mon vực Nàng Hoa dậy rồi ngồi xuống, đặt mẹ tựa vào người, hai tay ôm mẹ. Lát sau, Nàng Hoa mới mở mắt, thều thào nói:

- Con đấy ư?

- Con đây, Mon con đây. Mon con về với mẹ rồi.

Mon thấy nao nao trong lòng. Trông mẹ còn lạ hơn, già hơn bố. Tóc mẹ đã rụng thưa trên đỉnh đầu và bạc xuống cả hai mái. Còn cái Gái thì cao ngồng. Gái mặc cái váy khếp vạt cồng kênh từng nan nâu nan mây vòng trước vòng sau. ại chao, cái Gái đã nhớn thế kia! Mặt nó trắng hồng, hai mắt sáng tươi cười và tóc nó dài mượt xõa kín xuống tấm lưng trần lực lưỡng. Nó là người lớn hần hoi rồi. Mon chưa biết đấy, cái Gái bây giờ toàn đi săn bắt hươu một mình, chỉ đi một lúc đã vác được hươu về. Khi đến mùa hoa, con hươu đực trở lại khu rừng cỏ non kéo theo đàn hươu cái. Hươu đực đi trước, cặp gạc nghênh ngang trên đầu... Gái nấp sau tảng đá. Gái giả hươu, giắc bật một tiếng thật sắc. Hươu đực này tưởng đấy là tiếng giắc của hươu đực khác đến phá đàn. Cơn ghen hăng lên, xông thẳng đến chỗ tiếng giắc. Cái Gái quờ tay nắm

ngay được chân con hươu xỏ quá đà không quay lại kịp. Cái Gái bây giờ nó thế đấy... Mon rút trong bao khố ra con dao vàng chóc. Mon đưa cho Gái:

- Cho mày con dao này mà đi rừng. Tao còn mấy hòn vàng bên kia nữa, để cho mày mai kia làm khuyên đeo. Gái cầm con dao, giơ lên ngắm, mắt sáng long lanh, vẻ lạ lẫm, rồi cười khanh khách, gài luôn vào cặp váy. Mon vào nhà, Mon đi trước. Cả nhà theo sau Mon. Mon ngھn đầu lên lỗ đá. Mon tưởng nhà mình lại vào ở hang đá. Nhưng trèo vào trong, Mon mới biết đây là tường đá và nom thấy cái nhà ở giữa khoảng đất trống, lại có hồ nước thành cái giếng, bên cạnh những dây dưa đỏ đã tàn, héo queo trên mặt đất. Thật giống y như cái nhà mình khi ở Bãi Lữ. Cũng có giếng chân đồi, có dây bí leo quanh nhà. ở gốc thông, Mon cũng đã bắt chước làm nhà thế này, mà chưa giống lắm. Cả nhà cùng ăn, thật vui. Ai cũng mong ngày gặp gỡ, nhưng đến có ngày vui hôm nay thì lại không ai ngờ. Dưa đỏ, nấm hương, thịt nai hun, Mon thích nhất ăn cá lờm nướng. Trong bờ biển bãi sậy, nhiều giống cá, Mon không được ăn bao giờ. An Tiêm cầm mấy hạt dưa, ngắm nghía, rồi nói:

- Những hạt dưa này đã làm cho nam bắc tìm được nhau, cha mẹ con cái gặp nhau. Gái nói:

- Nhờ con chim tha hạt nữa, bố à. An Tiêm gật gù:

- ừ, vì trời mở cửa cho những con chim tha hạt dưa đến, phải rồi. Cả đêm, Mon kể cho bố mẹ và em nghe chuyện năm trước những con chim đánh rơi hạt dưa ngoài bãi. Thật lạ lùng, chuyện Mon kể cũng tựa tựa chuyện đàn chim bay qua đây đánh rơi những hạt dưa trên lưng đồi, chỗ gốc cây vàng tâm ngoài kia mà cái Gái đã chạy ra nhặt được. Nhưng Gái chỉ muốn nghe Mon kể nhiều nhất về chuyện Mon cứu được hai con gấu rồi Mon đem gấu về nuôi, Mon ở cùng với anh em gấu thế nào. Từ lúc mới về, nghe bố kể lại, Gái đã hỏi:

- Sao bố không bảo anh Mon đem hai con gấu về đây? Bố cười, nói đùa:

- Sợ mới thoát thấy thì cả nhà đến phải trèo lên cây hết. Phải về nói chuyện trước đã. Lần sau cho chúng nó về. Mon bảo cái Gái:

- Bây giờ chúng nó còn phải trông nhà cho tao!

Rồi Mon bắt đầu kể lại hôm Mon đi rừng sáng sớm tạnh mưa, thấy con trăn mốc núc chết gấu mẹ, còn hai con gấu mới đẻ chưa mở mắt, bết lông, nằm còng queo dưới khe đá. Kể rồi, lại kể lại. Càng kể Gái càng muốn nghe. Gấu kiếm củi. Gấu vác nước. Gấu bấm lá ngót. Gấu leo cây lấy khoái ong. Gấu nhặt trám. Hai đò gấu tì vai vào sỏi vật khỏe lắm. Gấu đàn đến rù, gấu không đi, gấu chỉ ở với Mon. Đêm rét, ba đứa nằm xúm lại. Mon rúc vào giữa hai thằng gấu... Kể lại, kể lại nữa... Kể nữa... Gái nghe tỉnh hai con mắt, không biết buồn ngủ. Gái thương hai con gấu quá. Gái muốn gặp chúng nó. Lại hỏi: hôm nào anh cho gấu về. Trả lời rồi, lại hỏi nữa. Gái muốn gặp ngay hai con gấu mà anh Mon kể. Những con gấu ngoan quá. Thật khuya, vẫn chưa ai ngủ. Đến khi ve kêu mới biết trời đã sáng từ lúc nào. Mấy hôm liền, khói bếp nghi ngút suốt ngày đêm, ăn uống, trò chuyện, đầm ấm thế. Một sáng, An Tiêm bước ra đầu nhà. An Tiêm lùi

phắt ngay lại. An Tiêm thấy một con gấu đen sì nằm cạnh tảng đá bờ giếng. Hai hòn đá rắp cổng vẫn nguyên chỗ mà không hiểu làm thế nào con gấu đã tìm lối chui qua lỗ hay bò vượt tường đá vào đây từ đêm qua. Thấy An Tiêm bước ra, gấu ngẩn đầu nhìn, nhưng gấu không trỗi lên, mà gấu lại lặng lẽ cúi, nằm nguyên như thế, hai chân duỗi thẳng trước mặt, mõm vục trên đất, như không biết có người đến. An Tiêm ngờ ngờ... An Tiêm vào gọi:

- Mon à, có con gấu. Hình như... Mon nhảy ra bờ hè. Đây là Gấu em. Mon nhận ra ngay. Làm thế nào, xa thế mà Gấu em theo sang được. Gấu theo hơi người đi qua rồi người vết chân cứ thế lần theo, người đi trước mấy ngày đường cũng biết. Thấy Mon ra. Gấu em ngồi ngay dậy, bước lại, giơ chân trước, vịn lên vai Mon, Gấu em vịn vai Mon. Gấu em sang làm gì? Gấu anh đâu sao không thấy? Mon nhìn ra ngoài lỗ tường đá, cũng không thấy Gấu anh. Mon xách hai tai Gấu em, lắc lắc. Có việc gì thế? Việc gì cần kíp thế? Mày sang làm gì? Thế nào mà mày đi theo được, giỏi thế, tài thế. Gấu anh đâu? Đột nhiên, Mon nhìn hai con mắt đen láy của Gấu em. Hai con mắt cũng chăm chăm nhìn Mon. Mon thấy trong hai con mắt lóng lánh đương như có điều gì lo lắng, bối rối - con mắt sáng trong tựa hai giọt nước mắt sắp rơi. Cả Nàng Hoa và Gái cũng đã ra. Mon vẫn nắm tai gấu, quay lại bảo Gái, bảo gấu, rồi rút:

- Gấu em đây. Thăng gấu em đây này. Tao mới kể chuyện đến mày đêm qua. Em tao đây, cái Gái đấy. Gái hỏi:

- Thế thăng Gấu anh đâu? Mon ngơ ngác:

- Chưa thấy. Có lẽ nó còn đi sau. Gái bảo:

- Anh nói tiếng gấu với nó đi. Hỏi xem Gấu anh đâu. Gấu anh đi sau hả? Mon cười:

- Làm gì có tiếng gấu! An Tiêm ngẫm nghĩ, rồi nói:

- Giống vật đã biết ở với người là khôn lắm. Nó không nói được mà nó nghĩ được như người đấy. Anh em gấu đã ở với con từ khi còn tấm bé, nó đã biết trông nhà, bây giờ lại biết tìm đường theo sang tận đây, mà chỉ có một con sang, chắc có điều gì...

Mon choáng váng nghĩ một điều mà từ nãy không muốn nghĩ đến. Mon bối rối:

- Nó sắp khóc kia kìa, bố ời! Con phải về xem sao, bố ời, con phải về bên ấy xem sao...

- Phải đấy, ta về bên ấy, bố cùng đi với con. Nàng Hoa nói:

- Cho mẹ con tôi đi với. Gái nói:

- Bố ời! Con đi với! An Tiêm nhìn Nàng Hoa, nhìn Gái rồi nhìn Gấu em, do dự. Nhưng Mon đã hốt nhiên mừng rỡ hoa chân múa tay:

- Bố cho cả nhà sang nhé!

Thế là tất cả nhà đi. Đi xa đến đâu, qua bao nhiêu rừng, qua bao nhiêu núi bây giờ cũng thành thói quen hằng ngày và thông thường rồi. Mấy cái lao trúc, con dao cùn của An Tiêm, con dao vàng của Mon, và cái sừng trâu cọ lửa. Lúc sau, cả nhà đã chui qua lỗ tường đá rồi An Tiêm bê hai hòn đá tảng lấp lỗ cổng lại. Gấu em tất tưởi đi trước. Mon, rồi Gái, rồi Nàng Hoa và An Tiêm theo sau. Mọi người để ý xem con gấu đi như thế nào. Nhưng gấu đã đi đúng lối vừa đi qua. Con gấu thuộc đường như con ngựa, xa đến đâu cũng thuộc. Nhưng con ngựa còn thua gấu, ngựa phải mất một lần đi qua mới bén lối, còn gấu chỉ việc đánh hơi lướt trên cỏ, trên vệt chân ở lối đi đã theo dấu người được. Gấu em vùn vụt đi trước. Trông nó đi nhanh hơn mọi khi, Mon càng sốt ruột. Mọi khi, qua rừng phẳng lặng, gấu bước thững thĩnh. Chỉ có mỗi một lần anh em gấu đi nhanh, đấy là cái lần gấu về rủ Mon ra bãi biển rồi gặp bố. Không bao giờ gấu đi nhanh thế này. Chuyện gì đã xảy ra rồi. Tối đến, cả bọn ngủ lại giữa rừng. Đến sáng ra, Gấu em dậy sớm nhất. Gấu em lại đi trước. Chẳng bao lâu giữa trưa ấy, bọn người có con gấu đi trước đã từ lưng núi đổ xuống cánh rừng thưa gần nơi Mon ở. Rồi đến gần, rồi đến nơi. Mon trông thấy những tảng đá bên gốc cây thông xù xì đen, đã rõ bên trên có hình túp lều như tổ chim. Nhưng đến nơi thì chỉ thấy những tảng đá không có túp lều. Một cảnh tan hoang hiện ra. Túp lều chỉ còn là những cái cột vầu gỗ đổ lổng chổng, mỗi chiếc ngã giúi một xó. Cả đến những hòn đá kê bếp tro giữa mặt sàn cũng bật lên, lăn mỗi hòn một nơi. Nàng Hoa hỏi:

- Chỗ con ở đây à? Mon ngơ ngác:

- Con ở chỗ này... Nàng Hoa ngạc nhiên:

- Chỗ này thì con ở thế nào...

- Đấy là chỗ cái lều mà con kể chuyện cả nhà nghe. Không biết tại sao... An Tiêm trèo lên, bước dò dẫm vào giữa cái lều đổ. An Tiêm kéo Mon lại cạnh một phiến đá. An Tiêm nói:

- Con trông này, dải trần vấy khắp cả mặt đá. Mỗi tiếng An Tiêm nói, Mon nghe ghê khiếp quá, rợn quá. Mon kêu lêu:

- Trời ơi! Lại con trần! Con trần lại phá lều con ư? An Tiêm nhìn quanh rồi nói:

- Có con trần đi tìm mồi đã quăng mình qua đây. Lúc nó bắt được mồi, nó rún mình, cái đuôi nó quật đổ tất cả cột lều. Con trần này to lắm, nó đập đuôi lấy đà mà bật cả đá lên. Mon bặm môi, nói nho nhỏ:

- Con trần về ăn thịt mất Gấu anh rồi.

Một cảnh rừng mình hiện ra trước mắt. Có một con trần đói quăng mình đi lùng mồi qua rừng. Hai con gấu nằm trên nhà. Con trần đói người thấy hơi lạ. Con trần ngóc lên, thò đầu vào lều. Thế là cái đuôi trần đập xuống lấy đà quăng mình lên. Con trần và hai con gấu vật lộn, vùng vẫy tung cả cái lều. Nhưng Gấu anh đã mắc vào vòng núc của con trần không gỡ ra được, vòng núc con trần thít lại, thít lại. Gấu em thoát

được ra rùng. Gấu em chạy thẳng đi tìm Mon. Mon trông ra đằng lối suối Sáng thấy một vũng máu đã khô đen. Gấu anh đã bị trăn tha ra suối rồi núc nghiền thành mồi ăn ngay chỗ ấy. Mon tưởng lại gấu mẹ ngày trước. Cái lúc mình con trăn siết lại, xương gấu mẹ gãy răng rắc. Mon nhắm mắt, không dám nghĩ nữa. Mon thờ thần quay lại. Gấu em vẫn đứng ngây. Thấy Mon đến gần, Gấu em giơ một chân lên vai Mon. Vậy là gấu đương có điều nghĩ. Gấu đã biết Mon rõ mọi chuyện đau thương vừa xảy ra. Nàng Hoa rơm rớm nước mắt, nói:

“Thương quá! Thương quá. Các con ơi!” Gái bước lại trước mặt Gấu em, Gái cầm một chân Gấu em, đặt cái chân gấu lên vai mình. Hai chân gấu để lên vai hai anh em, cùng chia sẻ nỗi đau đớn. Bóng biển xanh ngắt. Bàn tay gấu đen nhánh trên cái vai người râm nắng đỏ sạm. Câu chuyện đêm trước anh tao kể, anh em thằng gấu thật giỏi, thật ngoan, chỉ muốn đi gặp xem mặt anh em mày ngay, thế mà giờ chỉ còn có một mình mày.

Chương 14:

Thế là lại dọn nhà. Cả nhà bây giờ đưa nhau ra bờ biển gần phía Mon ở, ngay kề đầu rừng trông xuống vùng bãi mà năm trước có những con chim lạ bay qua đánh rơi hạt dưa, Mon đã nhặt ươm vào khe đá. Từ năm ấy đến giờ, đã lan thành bao nhiêu bãi dưa. Chẳng bao lâu, trước cánh rừng trúc cạnh cửa suối Sáng đã mọc lên nếp nhà mới. Nếp nhà năm gian có giại che và cả đến những cái giát phen năm cũng bằng hóp đá. Mái nhà lợp vầu úp, nhà đơn sơ như nhà sàn, nhà đất ven sông Cái. Đây là một cái nhà được vẻ nhất từ khi ra đây.

An Tiêm thường bảo các con: Nghe các cụ truyền lại, đời trước không có dao búa, không biết làm nhà, người ta phải tựa núi ở mái đá chung đụng với mọi loài trong rừng. Bây giờ người đã biết làm nhà, biết cấy lúa, biết nuôi con trâu, con lợn, vậy cái gì cũng phải cho tươm tất. Bây giờ đã thấy Mon, đã thôi nương náu trong rừng, đã đến ở trông ra biển, vậy lại càng phải tươm tất, nền nếp. Nhà ở thật thành thơi. An Tiêm và Mon đắp lò, đào hố lấy đất nung nôi, trã, bát, đọi. Đất đây quánh làm được đồ ăn thức đựng, làm được bánh ngói, làm được cái khánh, con cá treo Tết. Và Tết đến, bây giờ cũng vui hơn trước. Mon đào đất thó, nặn khuôn, cùng Gái chơi đập pháo đất, tiếng pháo đất kêu toác như nửa nổ suốt ngày. Mẹ con lấy cuốn trúc xâu lại lỗ tai để đeo khuyên rồi đi lấy tổ cánh kiến về nhuộm răng cánh gián, nhuộm cả răng đen cho cả nhà. Bố con đi tìm lá chàm về ngâm, đợi ngày nắng thì xăm chàm lại mình. Rồi ai cũng có vòng tay, có khuyên vàng. Nàng Hoa thối lửa rèn vàng kỳ cách được mấy bộ. Hai mẹ con ăn trâu bằm bằm, đeo khuyên, đeo vòng sáng ngời ra đứng xem bố con An Tiêm và Gấu em vào sới, như Tết ngày trước xem đánh vật ở ven sông Cái. Không có trống, Mon thổi ốc tù và. Vừa vật vừa hò la, cuộc vật nhộn nhịp đấy. Nàng Hoa nói:

- Ta chưa có ruộng cấy, chưa nghe tiếng chày cối giã gạo, còn thì cũng chẳng kém Bãi Lở đâu. Chỉ có bốn người và một con gấu, mà tưởng đương đám hội to, ai cũng nghĩ như vậy. An Tiêm nói:

- Nhà ta tưởng vỡ rồi lại lành. Số phận làm người đã khiến cho cha mẹ con cái lại được gặp nhau. Ngẫm lại từ khi ra chỗ hoang vắng, ở mái đá núi trọc rồi xuống rừng, trải cơ man nào khó khăn và tai nạn rồi bây giờ cả nhà đầy đủ lại vượt núi vượt rừng tới được chỗ bờ bãi phẳng này. Đã được diễm lành thế, đã không chết, thì thế nào cũng còn có ngày nhà ta trở về lại đất quê, ngày đêm đình ninh thế thì thế nào cũng về được đất quê. Một ngày kia, An Tiêm bảo Nàng Hoa và các con:

- Tôi nghĩ ra được việc này hay lắm. Ta đã may nhờ con chim đuổi mồi đánh rơi hạt mà nên nguồn gốc cha mẹ tìm được con, lại còn được ăn giống dưa quý. Giống dưa quý này vỏ cứng, cùi dày, vùi cát hàng tháng không hỏng. Để ý mà xem, lúc đương mùa dưa cũng đương mùa gió nồm. Gió nồm từ phía nam thổi vào, ta thả dưa xuống bể thì dưa trôi vào bờ. Dù cho quả thối quả lành thế nào, sẽ có thuyền vớt được, thế

nào cũng có người trong bờ vớt được mà đoán ra ngoài khơi bể còn có nhà ta. Đã bao nhiêu năm bật tin, không thuyền bè nào qua lại, chắc quê nhà đã nhiều thay đổi. Ai còn ai mất, có ai còn biết, còn nhớ có nhà An Tiêm ngoài đảo hoang này không. Càng lâu thì lòng mơ ước trở về càng nung nấu. Những năm trước, ước sao tìm được con, bây giờ Mon đã về, tất cả mọi lo lắng mong mỏi lại dồn vào ý nghĩ trở về. Cả nhà ai cũng một ý nghĩ:

“Xưa kia, ở Bãi Lở, có dân hàng trại biết chặn nước để vớt đất ven sông. Đất này tốt chẳng khác Bãi Lở, chỉ ước được một hạt thóc con chim đánh rơi, hạt thóc sẽ thành cút thóc, cút thóc thành đồng bãi phì nhiêu. Bây giờ chỉ ước trở về. ở nơi làm ăn thật, quờ chỗ nào cũng thấy của, lại càng thiết tha nhớ quê. Chúng tôi muốn trở về rồi đem người ra đây mở đất lấy của nuôi người thật sung túc. Nhớ lại khi nhà mình đến Bãi Lở, làm ăn đầu tắt mặt tối mà ngày đêm như hát như hội. Ớc gì đất này rồi cũng được như vậy. Rậm người hơn rậm cỏ”.

Mỗi năm, quả dưa đỏ già rồi thối rữa ra, mưa trôi hạt đến đâu lại mọc thêm những bãi dưa mới đến đấy. Đàn chim biển nhớ mùa dưa tụ tập lại rập rờn bay về. Nhiều dưa quá, chim không phải tranh ăn đuổi mồi như ngày trước nữa. Rồi, không biết từ năm nào, có lẽ từ khi có mùa dưa đỏ, vô khối các loài chim khác ở đâu kéo đến. Những con bách thanh, những đàn khướu mun, những đàn iêng, những đàn vẹt, đàn gi đá, con bạc má lẻ loi

- những loài chim ngắn cánh, khéo nỉ non tiếng hót mà không bay xa được, không hiểu sao cũng ra đến tận đây. Làm thế nào chim đến tận khơi xa, không biết. Hay là con bọt ọt, con ve đẻ ra con chim, trẻ con cũng không biết. Một ngày ấm trời, bỗng có tiếng khướu đột ngột hót vang. Ai cũng lấy làm lạ lắm. Nhưng không phải đã hết lạ lùng đâu, lại có những con yểng cổ vàng, mình đen biếc bay đến đứng ngơ ngẩn cất tiếng kêu trong gió, nom thật lạ. Rồi sáng sớm thấy dấu chân con chim chơi chơi nước đi kiếm ăn từ tinh mơ trên bãi cát. Tiếng chim thánh thót hay tiếng đàn đã tràn chui lỗ óc ách dưới chân bên mép nước như những ống khèn ai bắt đầu dạo. Những buổi sáng đợi nắng, từng bừng đầy tiếng chim. Nhiều chim hót quá, bây giờ phải lúc thật tĩnh mới nghe được tiếng ve kêu. Tuy thế, tiếng ve núi ngân sớm, ngân chiều, vẫn báo được giấc nghỉ giấc ăn đúng như tiếng kêu của con bìm bịp. Tiếng ve, cái tiếng đầu tiên của vật sống nghe được trên đảo, bao giờ nghe cũng buồn ngủi nhớ lại đêm bão lũ ống khủng khiếp ấy. Rồi ai cũng đoán có nhiều chim thế là vì từ năm đem thả dưa cho trôi vào bờ, con chim nhảy xuống mặt nước tìm khoét ăn quả dưa có chỗ rữa. Mỗi năm dưa trôi về một nhiều, càng nhiều chim ra biển nhảy chuyền ăn dưa, quả này sang quả khác, cứ chuyền dưa bay mãi, có con chết bơ vơ trên sóng, có con ra được tới đây. Đây là đoán vậy, đoán theo mong ước của mình, ước cho những quả dưa trôi vào đến đất, những quả dưa như cái cầu nối, bây giờ chim đi được rồi người cũng đi được, bây giờ người chưa đi được nhưng cứ đến mùa thả dưa trông hút những quả dưa trôi, lại tưởng như hơi người, trầm hương và mùi trầu cau trong kia đương phả ra ấm áp khắp đảo. Cũng có thể các loài chim đã chuyền ra như người đoán. Những quả dưa thả nổi trên mặt biển, đen kênh trên sóng như lưng cá lờm.

Con chim biển đến khoét thủng một lỗ vỏ dưa rồi mổ cùi, mổ ruột. Quả dưa như cái thúng tròn trôi, suốt ngày đêm trên thúng bầu nhâu cả đàn chim, cho đến khi tan hết quả dưa, đàn chim lại đi tìm quả khác. Mỗi

năm, đến mùa dưa, từng gò đồng dưa lẫn lóc như những tảng đá đen. Những quả dưa to, có quả to đến đôi Gấu em khoét ruột ăn hết rồi, no kénh bụng, mệt quá, hai mắt díp lại không kịp chui đầu ra, cứ thế ngã đầu ngủ luôn trong lòng quả dưa rỗng. Suốt men biển, dưa trong bãi đều được cắt đem thả hết xuống nước, những quả dưa đưa tin về. Mỗi mùa dưa tới, công việc gửi hy vọng về đất lại rộn ràng lên. Quả dưa lành bành trôi theo gió nồm đưa vào bờ bến, không biết bờ bến nào, nhưng mỗi quả dưa đem theo bao nhiêu mong ước, bao nhiêu chờ đợi. Mỗi mùa dưa đỏ tới với chiêm bao đất quê phẳng phất. Một sáng sớm, mặt trời chưa lên mà biển đã đỏ rực. Nghe tiếng rào rào ngoài khơi, như có cơn mưa nặng hạt xuống khắp vùng biển dang ấy. Trông ra, thấy giữa trời nước, mọc lên một cánh rừng tre rừng trúc trở lửa tủa trong những tiếng vi vút, tiếng ào ào như xối nước, như chuyển động dằng dài ra trong ánh nước rực rỡ. Gái reo to:

- Nhiều thuyền quá! Nhiều thuyền quá! Nhưng An Tiêm và Mon che tay, im lặng nhìn mãi. Mặt nước gợn sóng rào rào, lửa tủa. An Tiêm cười, bảo các con:

- Đàn tôm rồng đi ăn về trước lúc mặt trời lên đấy thôi. Tôm ăn nổi, râu rồng thò lên chẳng khác rừng cây. Đàn tôm ăn xuống sâu xa sẫm vùng biển, rồi không thấy nữa. Nhưng cả nhà còn đứng nhìn biển một lúc lâu, băng khuâng như nỗi nhớ. Mùa nắng đã qua, sắp hết những trận mưa rào, lại hái dưa mới. Buổi chiều, An Tiêm trông ra biển giật mình. Trời hoàng hôn như ám khói, mỗi lúc một sẫm đặc, rồi những cơn gió đen cuộn cuộn nổi lên. Đứng trên mỏm đá, An Tiêm nghe ồm ồm và thối gọi vào rừng từng hồi dài. Mỗi người đương mỗi việc quanh đây. Nàng Hoa phơi mảnh vỏ sui. Mùa rét này, phải buộc thêm mấy cái chăn đắp. Mon và Gái lúi húi ngoài cửa sổ, be bờ, đãi vàng làm vòng. Tết sắp đến. Tết này định ăn Tết to. Gấu em một mình đi hái lá ngót cho bữa ăn tối, đương lững thững về. Nghe tiếng tù và của An Tiêm, tất cả chạy lại. Trời đen thăm đương lan xuống mặt biển. Rồi từ thỉnh không mù mịt, thông ra những lẫn cột trắng nhợt như những chiếc ngà voi khổng lồ thả xuống. An Tiêm nói to:

- Rồng cuốn nước! Rồng cuốn nước! Rồng về cuốn nước! Cây nước sắp đổ vào đây! Chạy đi! Chạy đi!

Ngay sau nhà ở có cái hốc núi, cũng là nơi trú ẩn. An Tiêm đã định thế. Từ khi đến ở chỗ bờ biển này, mấy phen bão càn, bão nước ập đến, lần nào cũng cầm cái chết trong tay, nhưng rồi qua khỏi cả, nhờ hốc núi ấy. An Tiêm đã sửa sang cái hang. Cái hang được phá cho rộng cửa, càng vào trong càng tun hút ngược lên. Bão nước, bão gió không thể kéo được cả quả núi. Nước dâng không thể lên được hang dốc ngược, cái sống chắc chắn ở trong này. Lúc ấy, cả nhà đã đến ngồi trước cửa hang. Không trông thấy biển trước mặt, xung quanh lạnh toát hơi nước, xa xa, tiếng nước âm âm réo, những cái vòi rồng ghê rợn đương cuốn cả biển lên trời. Rồi cây nước đổ từ trên trời xuống, tan cả núi, cả rừng, tan hoang. Cả nhà chui vào hang, ngồi sát nhau mà không thấy nhau. Mon và Gái nằm co lại, mỗi đứa ôm một bên sườn Gấu em. Lúc lúc một tối, một lạnh, lạnh thít người. Trong chốc lát, quên hẳn trời vừa nắng rát gáy, oi chết được. Từng làn gió đen nổi nhau kéo qua. Cái lạnh lùa vào hang, mỗi lúc một giá buốt thêm. An Tiêm giơ tay quờ lên mặt con. Mặt đứa nào cũng ướt đầm đìa. Mồ hôi toát ra hay hơi nước, hơi sương, hay nước mắt chúng nó. Gió đen cuốn đổ cây nước xuống, sóng biển đương dềnh lên, dâng lên, mặt biển sôi sục trắng xóa, cả cái đảo chao đi. Đến mờ sáng, trời đất bỗng im phắc, ghê rợn, ai cũng vật vờ sắp ngất. An Tiêm chui ra cửa hang, lấy bầy đứng lên. An Tiêm kêu lên:

- Tan bão rồi, cả nhà ơi! Những cơn gió đen cuộn cuộn suốt đêm qua đã biến từ lúc nào. Trời trở lại mờ mờ rồi đỏ ửng như thường ngày rồi trời sáng. Tiếng quăng quặc như sắc nước của những con chim biển bay qua trên đầu đi kiếm ăn sớm, lại giống buổi sáng mọi ngày. Mon đứng dậy, ngơ ngác về nhà. Cái nhà có bốn phía tường đá che vẫn vững nguyên. Mon đi thẳng xuống bờ biển. Không nhớ cơn khủng khiếp đêm qua là mê hoảng hay thật. Gấu em lùn cùn đi theo Mon. Nhưng Mon vừa ra tới mé nước đã chạy ùng ùng trở lại. Mon kêu:

- Dưới bể có cái chảo to, bố ơi! An Tiêm cũng kêu lên:

- Thế thì có thuyền đắm đêm qua rồi. Đêm qua có thuyền đắm ngoài biển! Tất cả cùng chạy ra. Không phải bị hốt hoảng vì ngờ thuyền đắm... thuyền đắm... Mà xôn xao vì có cái gì ở đâu giạt đến, của ai, của người ở nơi khác, một mẫu chảo, một người, gì cũng được, cho ta nhìn thấy một người, một dấu vết của người. Bao nhiêu năm mới lại nghe tiếng có thuyền đắm. Ngày mới ra, bão cạn thuyền đắm, Mon mới hơn mười tuổi. Đêm đầu tiên lên đảo. Cả đoàn thuyền quân quan chết hết, có những cái cột buồm gãy giạt vào bờ. Mon trông thấy. Hay đây lại là đám quân quan nào bị đắm thuyền? Biển đã trầm lại, trong con nước thấp còn thấy những đám bọt sóng lớp nhớp như hàng nghìn con trăn dài vừa quăng mình quần nhau qua đây, bỏ lại tầng tầng những rớt dãi và mồ hôi gấm chết. Xuống tới mép nước, trông thấy trong đám bọt biển đen như đất, có mẫu chảo và mảnh gỗ - không phải cây gỗ, mà những mảnh lớn gỗ dẻo, đích những tấm gỗ mạn thuyền to. Mon nhìn ra:

- Có khi ngoài gờ đá kia còn mắc nhiều thứ. Thế là Mon lội xuống, sai tay bơi ra. Khe đá như những chiếc răng to tướng lổn nhổn chống ngược. Gấu em không dám theo, cứ quay đầu quay đuôi chạy quanh trên bãi cát. Mon đã búi tay nhô lên trên tảng đá. Mon quay mặt vào, gọi to:

- Bố ơi! Bố ơi! Mon vẫy rồi rút. Lập tức, An Tiêm cũng lao xuống nước, bơi ra. Vài sai tay bắt nước đã tới gờ đá. An Tiêm trèo lên chỗ Mon đứng, thấy trước mặt, một xác người nằm úp. Nước thủy triều đã xuống xa. Mỗi cơn sóng nhẹ ọc ách đưa vào, chỉ đu đưa dưới chân đá. Cái xác người nhợt nhạt như khúc gỗ lim 299 300 tuột vỏ giắt vào đá. Xác đàn ông, mình trần. Chiếc quần vải trắng bệch đã toang mất một bên ống. An Tiêm xốc cái xác lên:

- Người còn mềm, có nhẽ còn sống. Rồi An Tiêm công vào bờ. Trên vai An Tiêm, người nằm nghiêng, trong miệng người ấy, nước ra ồng ộc. An Tiêm đặt xuống bãi phẳng. Ngắm kỹ trên mặt xám nhợt còn thấy sáng sáng, thoáng một nét mấp máy từ mắt xuống má. An Tiêm nói:

- Người này còn sống. Chốc nữa thì tỉnh thôi. Rồi An Tiêm trông ra khơi, nói:

- Chắc lúc thuyền đắm còn bơi được, sau mới kiệt sức ngất đi. Mon nói:

- Cho ăn gừng cho chóng tỉnh. Mon chạy ra suối Sáng, bới những củ gừng dại mọc từng bụi trên bờ. Mon đập nát gừng rồi nằm lại trong vốc tay, vắt nước xuống mặt người thêm thiếp. Cả Nàng Hoa với Mon và

Gái và Gấu em xúm quanh cái xác - biết đấy là cái xác hay đấy là người thoi thóp?

Ai nấy phấp phồng hy vọng, cảm giác còn ngạc nhiên như lúc nãy nghe Mon gọi ra xem cái chèo thuyền đắm. Không ai biết ghê xác chết. Bao nhiêu năm nay mới lại trông thấy một người lạ. Sốt ruột, bồn chồn mong cho người ấy sống lại. Con người, thêm thấy con người, không thể nói hết nên lời. Người này còn trẻ. Mắt ti hí mà tóc đen dựng đứng, nước da xám nhợt, hai chân ngắn, nhưng cánh tay và vai lực lưỡng, đáng người sông nước. Đáng hẳn một nhà chài hay một thuyền chở của cải ở cỗi nào qua bể Đông, nửa đêm, thuyền bị lao vào xoáy nước, giông đi, cuốn đến ngoài kia thì vỡ thuyền. Mặt trời đã lên, đem hơi nóng trở lại bãi cát, tự dưng môi người ấy đung đục. Sống rồi! Được thấy một người. Được trông thấy một người! Những con người đơn chiếc như thấy được cái cầu vồng nổi đường đất quê ra. ại, mà người ấy sống, người ấy vừa sống lại... Những đường chuyển động mờ mờ trên môi, trên mặt. Rồi người ấy tóp tép miệng. Cái môi tím bợt hếch lên, như trẻ con cười nụ. Hai mắt từ từ mở. Con mắt nhợt nhạt mở 301 302 ra. Rồi lơ lảo nhìn quanh. Trí nhớ dần dần nổi lại. Đây là đâu? Đây như đâu đâu không phải ở đường sông. Nhưng người ấy vừa nghe chính tiếng mình chếp miệng. Thế là đương sống. Người ấy mở mắt. Không, không phải ta sống. Thế là cơn gió đen lại ngùn ngụt đùn lên, sóng biển cũng đen như gió, như núi. Người ấy hét một tiếng rồi nhắm nghiền mắt, lại thiếp đi. Nhưng dù như thế, người ấy đã sống lại. Bố con An Tiêm công người ấy lên đồi, về nhà. Không thể kể xiết được nỗi vui, từ lúc trông thấy một con người. Người bị nạn còn mê man nằm đấy, nhưng ai nấy đều tíu tít sửa soạn, như chốc nữa, nhà có khách - nhà có khách đến. Mon lại chạy đi bới gừng. An Tiêm bảo Gấu em:

- Đi lấy mật ong! Đi lấy mật ong! Mật ong ăn nóng người thì chóng khỏe lại. Gấu em có nghe thủng câu An Tiêm nói hay không, không biết, nhưng nó bước ngay ra cửa, vừa đi vừa quay đầu lại, lúc lắc hai cái tai.

Nàng Hoa và Gái đi hái lá ngót. Mon lại vắt nước gừng vào mặt người ấy. An Tiêm dặn Mon ngồi trông rồi vác ống ra suối Sánh mức nước. Mon ngồi nhìn người ấy. Ngày ra đây, Mon còn bé. Từ đấy, không trông thấy ai, chỉ thấy bố mẹ và em. Bao năm ở rừng một mình lủi thủi với anh em gấu, có lúc Mon không nhớ trên thế gian này còn có người nữa, mà ngỡ mình bằng như con gấu mà thôi. Kịp khi gặp lại bố, Mon mới nhớ mình còn là người. Người biết làm nhà ở, biết lo, biết nghĩ, biết hát. Và đến bây giờ, Mon mới trông thấy một người, người lạ sống trên mặt đất không phải ruột thịt của mình. Đã bao nhiêu năm nay... Mon ngẫm ngía. Người đàn ông này, da rám nắng, tóc rậm cứng và đen óng. ở đâu giạt đến, không biết có phải người đất quê hay người đâu. Nhưng hai ngón chân cái không chầu vào nhau, không giống chân ta. Cái mặt nó dài ngoẵng, răng nó trắng... Mon bó gối ngồi nghĩ, mắt mơ màng trông xa. Xa kia, mặt biển phẳng lặng, ngăn nước chân biển như sợi chỉ mỏng mảnh căng, tưởng thôi phù một cái thì đứt. Thế mà sao đêm qua biển hung dữ như thế?

Mon không nhìn lại, nhưng lé đuôi mắt, thấy mắt người ấy đương mở. Hai con mắt lơ lảo rồi lại nhắm ngay lại.

- Người này phải có thịt ăn thì mới ngồi dậy được. Có khi nó đói cũng nên. Vào rừng kiếm con hươu,

con ạ. Mon xách hai cái lao, chạy bong vào rừng. An Tiêm ngồi ngấm nghĩa người bị nạn. An Tiêm nghe tiếng người ấy rên khê. Nhưng không thấy mở mắt. Thật thì người ấy lại mở mắt. Con mắt hé hờ dưới cặp mí ướn. Người ấy trông lên, lại thấy cái mặt ma xòm xoàm lông lá ngay ở đuôi mắt. Đây là đâu? Có lẽ An Tiêm đã đoán biết những cái nghĩ bối rối của nó. An Tiêm không quay lại. An Tiêm cứ ngồi trông ra và lẳng lặng nói, như nói chỗ trống không:

- Đừng sợ. Đừng sợ mà. Rồi mày ở đây với chúng tao. An Tiêm nói đi nói lại thế. Nhưng hai mắt người ấy vẫn nhắm nghiền. An Tiêm đứng dậy ra chỗ khác. Có lẽ người ấy quá sợ. Làm sao sợ, thật khó hiểu, có khi vì anh ta không nghe hiểu tiếng mình nói:

- Tỉnh dậy. Đừng sợ mà. An Tiêm nhẹ nhàng ngồi xuống, giơ một bàn tay, sờ lên mặt người ấy. Bàn tay An Tiêm vừa đụng, người ấy vùng lên, chồm dậy. Hai đầu gối người ấy quì rạp xuống, nhưng hai mắt vẫn nhắm. Trông nét mặt nhợt tím, tiếng lưỡi líu lại và cả thân hình người ấy đương giúi xuống trước mặt, An Tiêm hiểu Mon đã đoán đúng: người này sợ. Cái sợ khủng khiếp làm người ấy sắp chết. An Tiêm nói:

- Đừng sợ. Nhưng người ấy vẫn quì gục xuống. Mọi người trong nhà đã về. Nàng Hoa và Gái bỏ xuống những bó lá ngót xanh rợi. Mon chạy sầm sầm đến. Lưng Mon vác cả một con hươu choai. Cái lao phóng ngang ức con hươu, máu hươu chảy đỏ vai Mon và rỏ từng giọt dài theo khoeo chân người chạy. An Tiêm nói to:

- Nhiều thức ăn đây rồi. Thôi đứng dậy. Lại đây tao nướng thịt hươu thật thơm cho mày ăn đấy. Rồi An Tiêm giơ tay nhắc nó, ấn ngồi xuống. Nó ngồi thụt hai chân. Con mắt mở gà gà. Bây giờ người ấy trông thấy những cảnh vây quanh mình còn khiếp hơn nữa.

Những người rừng, mặt sừng sọ, lông lá; những ma rừng trần truồng, đóng khối, cái khối cỏ vàng sạm. Những người đàn bà trần trùng trực, da đen nhánh, không giống da người. Những cái váy bùng bùng, váy da dê núi hay da trăn. Con ma già nhất, râu tóc bấn như trộn đất, quát một câu, giúi xuống, bắt người ngồi một chỗ. Thế là chúng nó xô đến. Ma sắp bắt ăn thịt người rồi. Người ấy úp hai bàn tay lên mặt, dúi hẳn vai lại. Ngoài kia, rờ lên một tiếng hích hích, khặc khặc. Qua khe ngón tay, một cái gì đen kịt như bóng tối xông đến. Đây là Gấu em. Không phải gấu xông đến cấu cắn nó. Mà gấu mang thức ăn về cho nó. Gấu em ôm cái bong khoái ong to về. Gấu mang mật ong về cho người ăn. Nhưng con mắt người khiếp sợ không trông thấy. Người ấy úp hai bàn tay lên mặt rồi nằm sấp xuống đất. Mon buông bịch con hươu xuống. Tay Mon còn nhớp máu hươu. Mon bước đến, giăng bàn tay người ấy đương bịt lên mắt. Thế là người ấy cong cổ hú một hồi ghê rợn, lại ngất đi. Nhưng lần này không ai bối rối vì người ngất. An Tiêm thở dài:

- Nó hoảng hốt đấy thôi. Mon nói:

- Người này hèn quá, người này trong bụng không có lá gan.

Gấu em vẫn đứng yên. Hai con mắt Gấu em ti hí tinh quái đen nhánh nhìn mọi người. Gấu cố đoán việc gì đương xảy ra. Nhưng việc đương xảy ra ấy thật khó hiểu, không giống những tiếng Mon thường nói để

sai gấu đi lấy khoái ong, đi vác nước, đi ngắt rau ngót... Gấu đứng yên, một tay giơ cái khoái. Không biết đưa cho ai. Mật ong rơi từng hạt vàng óng xuống đất. Gái bước đến, đỡ cái khoái trong tay gấu. Rồi ngồi xuống. Gái lẳng lẳng nhá từng mảng, một lúc ăn hết cả bọng. Gấu em lùi lại, đứng tựa tảng đá, thè lưỡi liếm bàn chân trước còn dính mật. Xung quanh im lặng, chỉ nghe tiếng lưỡi gấu mãi miết liếm tức tặc lòng bàn chân. An Tiêm nói:

- Mặc nó nằm đấy rồi nó lại tỉnh. Bây giờ ta đi làm thịt hươu ăn mừng người mới đến. Thế là mỗi người lại tíu tít mỗi việc, chạy lên chạy xuống. An Tiêm và Mon vác con dao vàng ra làm thịt hươu.

Riêng có Gái ăn nhiều khoái ong quá, say lử, nằm ngủ thiếp ngay bên tảng đá. Gấu em vẫn đứng cạnh đấy, một chân vẫn đưa lên mồm. Gan bàn chân gấu đỏ hồng thề mà liếm mãi, vẫn còn dính mật. Thế rồi người ấy lại tỉnh. Người ấy rón rén bò ra. Người ấy rón rén bò ra xa. Bấy giờ đã xế trưa. Những con ve kêu muồn, ánh ỏi trong nắng. Một lúc, Gấu em ngẩng đầu lên. Cái Gái vẫn say mật ong, nằm ngủ thiếp. Gấu em nhìn ra nắng. Rồi Gấu em đến bên cạnh Gái. Gấu em bỗng kêu khặc khặc mấy tiếng. Gái mở bừng mắt. Gái hỏi:

- Cái thằng người đâu rồi? Gái trông ra thấy người ấy đang thấp thoáng lấp vào chân rừng. Người ấy trốn vào trong rừng. Cái quần rách còn có một ống. Đôi lúc, ngã hựt xuống hố, lại ngóc lên. Trông thất thểu thảm hại, chỉ đuổi nhanh vài bước cũng kịp. Hốt nhiên, người ấy quay đầu lại. Trông thấy Gấu em và cái Gái đi sau, người ấy ngã sấp, không ngóc lên được nữa. Gái bước tới, Gái xốc nó lên lưng, cõng về. Có Gấu em lùn cùn theo sau. Tới đầu nhà, vừa hay An Tiêm với Nàng Hoa và Mon đương nhìn xuôi ngược, phân vân chưa biết Gái đi đâu, Gái đã cõng được người ngất ấy về tới. Gái đặt xuống đất. Người ấy đã tỉnh, lão đảo hai đầu gối rồi lại quy xuống. Gái bảo:

- Nó là ma, không phải là người. Nó muốn đi làm con ma trong rừng. An Tiêm nói:

- Ta phải dỗ dành cho nó tỉnh lại. Lạc vào nơi bơ vơ thế này, ai cũng phải sợ thôi. Gái cãi bố:

- Anh Mon cũng lạc thế, anh Mon có sợ đâu. An Tiêm cười:

- Chưa ai bảo cho người này biết có cái gan, để bỏ được cái sợ. An Tiêm xốc người ấy vào nhà, đặt xuống mặt cái giát trúc. Cho tới đêm, rồi sáng, vẫn nằm nguyên một chỗ. Sáng hôm sau, người ấy ngồi dậy. Thoạt trông thấy, lạ lùng không tưởng tượng được. Cái người hôm qua khác hẳn người này. Người này đồ dẫn, mặt trắng bệch ra như mặt nạ gỗ. Mớ tóc đen cứng của người khỏe mạnh thế mà chỉ một đêm đã xám đến tận chân tóc. Hai con mắt hôm qua lim him nhắm, bây giờ cứ mở tráo trâng, không biết nhắm nữa. Mí mắt đã cứng lại, con người đại đi, hai tròng mắt cứ trô trố muốn long ra. An Tiêm bưng cái ống tre đựng nước đến.

- Uống nước này! Người ấy giơ tay, nhưng chưa cầm tới cái ống, tay đã buông xuống. Mỏi quá, hay sợ quá, đại cả tay rồi. An Tiêm đưa cả đầu ống nước vào mặt. Người ấy ngoáp miệng ra ừng ực một thôi dài. An Tiêm mừng, nói:

- Đấy, đấy... Hôm qua mày ngủ. Bây giờ mày uống nước được. Thế là mày sống. Con gấu còn ở với chúng ta được nữa là... Nghe An Tiêm nói, người ấy cứ lẩm nhẩm rồi lại úp mặt xuống đất. Suốt ngày, người ấy ngồi rục đầu một xó. Hai mí mắt lúc này căng rách, muốn rơi con người xuống, bây giờ mới sụp lại, đóng khít lại. Từng nạm tóc rụng xuống quanh chỗ nằm, như những nút bụi nhùi. Cả ngày, cả nhà lại tấp nập. Như một sự lạ, một niềm vui to lớn. Người mới đến đã lại người dần. Chắc rồi còn khỏe mạnh hơn. Rồi cũng bằng mọi người ở đây. Cả đến Gấu em cũng lây vui. Gấu em lại cầm cúi đi đâu từ sáng sớm. Nhưng ai cũng biết Gấu em đi đâu rồi. Một lúc, thấy gấu lại ôm về một cái khoái ong to. Gấu đi, trong ánh nắng, cả nạm lông trước ngực cũng dây mặt óng ánh. Về đến nhà, tay gấu cầm cái khoái mật vàng ngời, lại giơ lên. An Tiêm đã nướng được miếng thịt hươu. An Tiêm cầm miếng thịt thơm còn xèo xèo mỡ, nói:

- Ớn đi, ăn cho sống người, mày biết không? Con mắt nó mờ mịt đừng đừng nhìn miếng thịt, như không thấy. An Tiêm hỏi:

- Mày nhớ nhà lắm, phải không? Người ấy ngược mắt, ngơ ngẩn. An Tiêm nói:

- Bây giờ nhớ cũng không làm gì. Phải tìm cách sống đến ngày trở về, thế mới là hay. Người ấy đứng dậy, lều đếu bước. Mới đấy mà đã tiêu tụy trông thấy, như bộ xương biết đi lẩy bẩy. Cái khiếp, cái lo, cái buồn tàn phá con người ta. An Tiêm ngồi im trông người ấy rồi lắc đầu thương hại. Thằng người ấy thất thế đi. Gấu em lặng lẽ bước theo. Người ấy vẫn mở mắt nhìn mà không trông thấy. Mon tức, nói:

- Bắt nó nhịn vài ngày, đến lúc đói ăn mới cho, xem sao nào. Nói rồi Mon đeo dao, cầm hai cái lao trúc, vào rừng. Gấu em vút cái khoái ong, quay lại, lon ton chạy theo Mon. Đến trưa, Gái đi nhặt trám trong rừng về. Gái trông thấy người ấy vẫn tựa gốc cây đứng như lúc sáng. Đến gần, Gái thấy hai con mắt người ấy nhếch ra. Một bàn tay người ấy chơi với về phía biển. Gái bước lại, giơ tay đập vào vai:

- Này anh ả! Lại có mật ong nữa, anh ả ăn không? Người ấy tự dưng đổ xiêu đi. Gái chạy đi gọi bố. Bố và mẹ đương ở ngoài cửa suối Sáng rũ sợi dứa. Những chiếc kim xương cá lờm và sợi dứa đại mỏng như tơ có thể làm nên mảnh vải dứa, khâu thành xống áo, bền chắc hơn áo vỏ cây sui và áo sợi móc. Mon và Gấu em cũng vừa về đến đấy, nghe tiếng Gái, chạy lại. Gái hốt hải:

- Nó... An Tiêm ngừng tay đập sợi, ngoảnh lên hỏi con gái:

- Nó vẫn đứng chơi đấy à? Gái đáp:

- Nó chết rồi. An Tiêm thở dài:

- Đáng tiếc, ta không làm được cho nó khỏi sợ. An Tiêm đến trước cái xác rũ nghiêng xuống. An Tiêm đứng lặng một lúc, trầm ngâm nhìn. Con người ta lại có thể vì sợ hãi mà đến chết như thế này ư? Cát mịn dưới chân lún dần. Cành cây gió đánh lắc lắc đầu quanh, cảnh hoang rợn, càng hoang rợn khác mọi khi

- bởi vì có cái xác người chết bên mình. Bỗng cái xác rướn lên, thở phì một cái, hai bên mép nhoẻn nhoẻt

cả nước dãi. Hết người thắt cổ, lúc cái dây cổ được nối ra thì cái xác đùn hắt nốt chút hơi động trong người. Nhưng đây hình như không phải thế. An Tiêm ghé áp vào. Hai con mắt người ấy vẫn nhắm nghiền. An Tiêm cảm thấy hơi thở ở mũi người ấy phào phào xuống tóc mình và rõ ràng tiếng dùng đục nhọn nhíp trong ngực. An Tiêm vẫy tay gọi cả nhà lại. An Tiêm nói:

- Nó chỉ ngộ gió thôi, chưa chết đâu. Gái hỏi bố:

- Sợ quá mà như chết thật a? An Tiêm thông thả xốc người ấy lên vai, vác vào trong nhà. Cả đêm hôm ấy, chốc chốc, An Tiêm lại lấy đọi nển trám vào soi. Vẫn thấy ra mặt người tỉnh, không phải mặt người chết. Và trong nhà không có cái rợn hơi người chết. An Tiêm yên tâm. An Tiêm nghĩ: thế thì người này sống, không chết. Các con An Tiêm cứ bắn khoăn không thể tưởng có người lại vì sợ quá đến chết. An Tiêm thì nghĩ rõ ràng: đã là một con người thì không bao giờ có thể chỉ vì sợ mà chết. Thế rồi, những ngày sau, người ấy dần dần tỉnh. Rồi tỉnh táo hẳn. Quang đăng, sáng sủa dần trên nét mặt. Cái quai hàm chốc lại động đập nhai. Lòng mảy mảy co nhúu...

Một con người, một khi đã xua đuổi được cái chết, thì sự sống trở lại, khỏe khoắn, tươi tốt, nhanh chóng - nhất là đối với một người trẻ tuổi, đây là điều rõ ràng như vào mùa mưa thì nước suối đầy. Rồi đến khi người ấy ăn lại bữa mới ghê gớm! Không ai có thể tưởng được đã có khi con người này có lúc không nuốt nổi ngụm nước mà bây giờ thì cái gì cũng vơ vào miệng, nhai ngấu nghiến, lúc nào cũng đói, vừa ăn xong, bụng đã lại sôi ong óc... Cả nhà phải tất tả đi kiếm ăn cho nó. Thế mà có lúc thèm quá, nó nhổ ăn cả cỏ. Cả nhà kiếm về đủ thứ: măng tươi, măng khô, mật ong, hạt dẻ, thịt hươu khô, thịt hươu sấy. Một lon to tiết hươu tươi đông đọc cũng uống đến cạn một hơi mới chịu buông tay xuống. Tóc nó bây giờ không rụng nữa. Tóc óng mỡ ra, cứng lại, tóc mới mọc - từ trong chân tóc, tóc lại thẳng, tua tủa, đen nhánh. Người ấy đứng dậy, bước ra tận bãi cát. Lại không ai có thể tưởng đây là người hôm nào chết trôi, chết hoang. Bây giờ người ấy đi giữa mọi người - đi thanh thản với cả nhà An Tiêm và Gấu em. Có hôm, người ấy nhảy xuống biển, bơi ra khơi xa tít, tay bắt sải nhanh như cánh chim biển lướt trên sóng. Rồi lại quay vào, chạy thoát lên bờ, không một vẻ mệt nhọc, phờn phơ như không, khuyệnh tay làm keo vệt với Mon. Có khi cả buổi cứ nhảy nhót hò hét trên mặt nước với một đàn cá lợn - vùng vẫy tung hoành chẳng khác loài cá. Mon dạy người ấy học nói tiếng mình. Đến khi nói được, người ấy trở tay ra biển:

- Tôi ở hòn đảo ngoài xa kia...

Người trai trẻ ấy ở trên một vùng những hòn đảo giữa biển. Người ở đảo quanh năm sinh sống vừa trên bờ vừa dưới biển, bởi vậy, ai cũng thạo biển như việc đi lại trên mặt đất. Anh kể chuyện một hôm có đoàn thuyền của người ở đảo đi trên biển. Cơn bão cận cuốn đến, giông đoàn thuyền trôi tán loạn ra biển lớn, rồi thuyền vỡ, rồi người ấy giạt đến đây. Người ấy nói:

- Mới đầu, tôi sợ quá... Gái hỏi:

- Bây giờ còn sợ không? Người ấy cười, không trả lời, mà nói câu khác:

- Tôi tên là Ma Li... Cái tên nghe lạ tai. Đất nước ta không ai tên như vậy. Thế nhưng nghe mãi, cũng quen tai, rồi Ma Li thành tiếng thân thuộc. Ma Li gọi An Tiêm và Nàng Hoa là bố mẹ. Ma Li là anh em với Mon, cái Gái và Gấu em. Ma Li hơn tuổi, làm anh nhất. Từ đấy, Ma Li ở lại trên đảo với cả nhà An Tiêm. Có lần, Ma Li bàn với An Tiêm:

- Bố ạ, tôi đóng một cái bè...

- Đóng bè làm gì?

- Ta sẽ đi qua bể, tìm về quê.

- Về quê, về quê à?

- ở quê tôi, ai cũng biết đóng bè đi qua bể, tôi biết đóng... Không, An Tiêm không ngại vượt biển. Ai đêm ngày nung nấu thiết tha với đất quê và muốn trở về nhất, thì phải nói người ấy là An Tiêm. Không, An Tiêm không sợ nguy hiểm. Ra đây được thì phải về được. Chắc như thế. Nhưng từ khi tìm được bờ bãi vỡ được đất trồng dưa và làm nhà ở thì An Tiêm lại nghĩ, nghĩ đi nghĩ lại. ở đây cũng như đất quê, cũng như Bãi Lở xưa kia. Bãi Lở đất hoang đã thành nơi trù phú, đảo hoang này cũng sẽ thành nơi trù phú. Rồi cũng có khi có tin đất quê. Rồi có khi có người đất quê đến, con chim đến được, rồi con người cũng đến được.

Chương 15:

Lại có đến mấy năm nữa qua. Mặt đất phương trời cứ thăm thẳm. Phải đợi mỗi năm, đến mùa dưa, mới lại tấp nập đôi chút. Suốt ven một bên sườn đảo bây giờ đã thành những bãi dưa đỏ. Đến mùa dưa, vợ chồng con cái lại lẫn lộn ngày đêm trên các bãi. Mỗi năm một ở bãi lâu hơn, bởi mỗi năm dưa lại mọc thêm, lại hái, lại xếp, lại đem dưa thả xuống biển. Mỗi mùa mỗi quả dưa xuống biển là tiếng gọi ra chân trời: có chúng tôi ở ngoài này. Ma Li thạo cắt dưa ngay rồi. Cả đến Gấu em bây giờ cũng giỏi hái dưa và biết chịu khó thả xuống biển những quả dưa. Gấu em cắt nhanh hơn tất cả. Một bên chân trước Gấu em kéo về phía mình cái dây có quả dưa nặng trĩu, một chân giơ vượt cửa. Thế là quả dưa chệnh ềnh lăn ra vệ cỏ. Cửa độ nửa buổi, được một đồng dưa, Gấu em dừng lại, ngồi ăn một quả. Rồi, thông thả, Gấu em lẳng lẳng vằn từng quả dưa ra thả xuống nước. Sóng đánh mấy lần lăn lên lăn xuống, rồi chẳng mấy lúc, gió đã thổi đẩy quả dưa nhấp nhô ra xa. Mê mãi suốt mùa dưa, ở luôn bãi, cắt dưa ăn rồi hái dưa thả xuống biển. Đêm đến, tìm một tảng đá, đốt lửa lên, ngủ lại trên bãi. Hôm sau, lại ăn dưa, lại hái dưa, lại thả dưa xuống biển. Trên mặt biển, từng đàn chim đuổi theo những quả dưa, bay tụ thành nhiều đám, trông xa đến tận chân trời vẫn thấy bóng chim nhấp nhô bay lên bay xuống. Những quả dưa được thả xuống từ đảo hoang, theo gió nồm, dưa lênh dênh trôi theo luồng nước hàng tháng trên biển rồi vào đến đất. Người các vùng cửa sông, cứ đến mùa gió nồm, thỉnh thoảng lại vớt được dưa. Từ xưa đến nay, chưa ai trông thấy quả dưa to đến vậy. Lúc bổ ăn, ngọt thơm. Đường cơ nóng bức được miếng dưa thấy mát khỏe hẳn lên, khác hẳn các thứ dưa hồng, dưa gang, dưa bở thường có. Các cụ già sức nhớ ra:

- Ngày trước có người vào cửa sông nói rằng ở ngoài bể có giống dưa vỏ xanh ruột đỏ, hạt đen như răng nhuộm, được ăn một miếng thì khỏi bệnh sốt ác và hết khát cả ngày. Mới chỉ nghe nói mà không được biết, có lẽ nó là quả dưa đỏ này đây.

Từ đấy, cứ đến mùa gió, người các cỗi lại đua nhau lội ra những vùng lầy ngoài cửa sông để đón dưa, tìm nhặt dưa. Sông Cái nhả ra lớp lớp phù sa đỏ mênh mang. Những quả dưa xanh đen trôi vào đến làn nước đỏ xuộm. Các loại cá và chim biển ra khoét ăn mất đã nhiều, thế mà mỗi năm càng nhiều dưa giạt vào. Bây giờ, cả đến người các vùng ở sâu trong dọc sông, nghe đồn đến mùa gió có dưa trôi cũng kéo ra vớt. Tiếng đồn: ra biển thấy được quả dưa to quá phải dìu vào những dừ cá ông voi rồi hai người làm rọ xỏ đòn ống mới khiêng nổi quả dưa to về, đến khi khoét dưa ăn hết ruột, còn cái vỏ ngoài, con lợn nái thấy chỗ mát chui vào trong ấy nằm ngủ giữa trưa nắng. Người ta kể chuyện quả dưa to kỳ lạ đến như thế. Khắp các cỗi trong mười lăm bộ nước Văn Lang đã nghe vang lừng tiếng ngoài cửa sông Cái vớt được giống dưa lạ. Chẳng bao lâu, ở Phong Châu cũng nghe biết. Một năm, quan quân các cỗi ven biển, từ bộ Ninh Hải đến bộ Dương Tuyền, bộ Cửu Chân, bộ Hoài Hoan được lệnh cho nhà chài ai vớt được dưa lạ thì đem vào tiến vua. Tháng bảy năm ấy có một thuyền đầy dưa đỏ của người kẻ bể vớt được, ngược sông Cái lên

Phong Châu. Quan quân ra bến khuan đưa vào thành. Đường mùa tháng bảy, trong vườn vua nuôi nhiều ngỗng. Những con ngỗng cao lênh khênh trắng bạch rìa lông bên ao cũng chỉ đứng đến ngang lưng những quả dưa vừa được khiêng qua. Nhà vua và các quan xúm quanh những quả dưa lạ, to bằng cái thúng, vỏ xanh đen biếc. Rồi, quả dưa được bổ ra, chia cho mọi người trong cung. Mới chỉ đúng một miếng, ai cũng nức nở khen dưa ngọt quá. Một mưu sĩ râu rắng:

- Xin để ý mà xem, cái cuống quả dưa nào cũng có vết cắt phẳng. Con dao cắt dưa sắc lắm nên mới được một nhát ngọt như vậy. Dưa trôi vào nhiều thế thì tất dưa này phải có người hái, phải có người thả xuống bể, quyết không phải tình cờ dưa ở bãi ngập nước đứt dây trôi đến bờ cõi ta. Năm nào cũng thấy dưa về, mỗi năm một nhiều, thật là điềm lạ.

Nhưng điềm lạ thế nào thì cũng rõ được một điều: bên cõi có dưa lạ ấy phải đông vui giàu có thì mới sinh được giống dưa quý thế, to thế, người cõi ấy phải được thành thới lắm mới nên được hội hè có phong tục thả dưa hằng năm thế! ở ngoài khơi xa có còn cõi đất nào phong lưu thử đi dò hỏi xem. Nhà vua có ý như vậy. Trong triều bấy giờ còn mấy người tường câu chuyện ngày trước có nhà ông An Tiêm phải tội bị đày ra ngoài đảo. Các quan ở Văn Lang và ngoài các bộ ngày ấy, có người chết đã lâu, có người già yếu đã về đường lão ngoài cõi. Câu chuyện thật như thế nào cứ bùng bùng như gà mắc tóc, không mấy ai rõ đầu đuôi. Thành thử chuyện trước An Tiêm bị oan cũng chỉ mang máng thế. Nhưng rồi câu chuyện mơ hồ trong mọi người cứ nên hình dân, mỗi khi đến cuối mùa gió nồm, có những quả dưa lạ trôi về. Chuyện bàn tán trong thành ngoài cõi, mỗi nơi một câu góp lại, lan tràn trong những lời nghi hoặc của nhiều người. Những lời bàn tán:

- Có phải trời cho những quả dưa này trôi báo hiệu có gió mùa về. Quả dưa trôi cũng như con rùa biết xem mưa nắng được đấy.

- Cửa cái ở đâu bỗng dưng giạt đến là điềm trời cho bờ cõi ta yên vui.

- Nghe nói các đời vua thường đem đày người qua cửa sông bỏ cho chết đói ở ngoài bể khơi, có phải thế không? Hay người đi đày ngày xưa giờ còn sống, đã làm được nhiều của cải hơn ta, đem thả của cải về cho ta biết.

- Có như thế không, ai biết được! Nhưng các cụ lại kể rằng ngày trước, những người phải đi đày, và cả những toán quan quân giải người đi đày hình như cũng chưa ai đã lần nào đi đến nơi về đến chốn, chỉ thấy đi mà không thấy về. Có lần mới ra qua cửa sông, sóng thần đã nổi như rồng, như cá sấu của trời giáng ghê ghê không ai trị được, không ai thoát khỏi nanh vuốt sóng gió, thế là chết cả. Mỗi khi mùa gió nổi, có những quả dưa giạt về, lại sôi nổi lời đồn đại:

- Có ai còn nhớ những người bị đày ra bể?

- Hình như có cả nhà ông An Tiêm.

- ông An Tiêm là ai?

- ông An Tiêm ngày trước làm quan côi Bãi Lở.

- ông An Tiêm đương trị dân ở Bãi Lở, một năm đem người về hội ở Phong Châu, người Bãi Lở giết được giải đấu vật, cả giải cỗ, giải cơm thi, tiếng đồn xưa nay chưa côi nào được tài thế, không biết làm sao mà rồi lại phải tội, nhà vua đầy cả nhà ra bể. Chỉ còn nhớ có vậy thôi. Những đồn thổi dai dẳng mãi trong dân gian, rồi một hôm đến tai vua. Nhà vua ra hỏi các quan việc An Tiêm ngày trước bị đầy như thế nào. Người mưu sĩ nọ tâu rằng:

- Tôi nghe ngày ấy cả đến đoàn thuyền áp tải cũng không thấy còn về. Tôi cũng chỉ biết có thế. Trước An Tiêm trị dân lâu năm ở Bãi Lở. Các vùng từ ven sông Cái cho vào đến chân núi Tản Viên, ngày nay còn có vẻ kể công đức, chắc người ở đấy có thể biết. Hay là thử cho người đi xem ai còn biết hơn không?

Vua Hùng nghe phải. Bèn cho người về Bãi Lở. ít lâu sau, một hôm quân quan xuôi thuyền từ Bãi Lở về, đưa theo hai cụ già. Một cụ nước da bánh mật, râu như cước, thật đẹp lão. Đôi lông mày đã bạc trắng, nhưng con mắt vẫn anh ánh tinh tường và hai chân bước cứ vững phăng phăng. Hỏi ra, cụ đã ngoài trăm tuổi. Chỉ còn nhớ tuổi ước thế chứ cũng không biết thật mình được trăm bao nhiêu tuổi trời. ạng cụ cùng đi cũng đã ngoài bảy mươi. Nhưng sánh với cụ trên trăm tuổi thì tuổi tác và dáng dấp ông này còn kể là trẻ vậy. Hai cụ già Bãi Lở vào hầu vua Hùng. Nhà vua hỏi:

- ở ngoài côi biết chuyện An Tiêm xưa thế nào?

- Vì chúng tôi biết, nên mới về đây.

- Vậy nói đi.

- Nhà vua có tha tội chết mới dám nói.

- Chuyện cũ ngày trước bỏ qua đã lâu, các người cứ nói tự nhiên. ạng già ngoài trăm tuổi ấy mới nói rằng:

- Bấy giờ tôi hơn bảy mươi mà ông lão này mới còn ngoài bốn mươi. Được tin chủ tướng tôi và vợ con phải tội đi đầy, dân Bãi Lở tôi đưa nhau về kêu oan.

Nhà vua sợ náo động, nửa đêm bắt đoàn thuyền chở tù rời bến, chúng tôi không hay biết gì cả. Dân cho tôi và ông này ngồi một cái thúng đuổi theo. Giữa tuần trăng thì kịp thuyền chủ tướng tôi. Chúng tôi áp cái thúng vào mạn thuyền to rồi được một người lính giúp cho lên thuyền. Chúng tôi dâng chủ tướng cái nón và đôi giày cỏ. Trong nón và trong giày có giấu con dao và cái sừng trâu cọ lửa để chủ tướng tôi phòng cơn hiểm nghèo. Rồi chúng tôi trở về, đem theo cả người lính chèo thuyền sợ quan làm tội phải trốn. Người lính ấy trốn rồi mà vẫn chưa hết cơn lo, đến nửa đường thì lên cơn động kinh, ngã xuống sông chết. Về sau, nhiều lần chúng tôi có người về kinh đô dò la xem tin tức chủ tướng tôi ra sao, được biết đoàn thuyền quân

quan đưa người đi đày chuyển ấy gặp phải sóng thần cũng không còn ai sống sót về được. Chúng tôi chưa tin, lại cho người ra hỏi tận cửa sông. Người ngoài cửa sông cũng kể chuyển thuyền ấy đã chết bão cả ngoài khơi. Từ đấy bật tin. Chốc đấy mà đã ra mấy chục năm trời, nhưng người Bãi Lở chúng tôi không bao giờ quên được công đức to lớn của chủ tướng tôi. Nhà vua sai bố quả dưa cho hai ông già Bãi Lở ăn. Rồi lại hỏi:

- Có thấy giống dưa này ở đâu bao giờ chưa?

- Chưa thấy bao giờ.

- Mỗi năm, cứ đến mùa gió nồm thổi, lại thấy từ ngoài bể có dưa này theo gió trôi vào. Quả nào cũng tròn đẹp, cuống được cắt ngay ngắn, như hằng năm có người ngoài ấy gửi gió dưa dưa về biếu. Chắc hẳn ngoài cõi còn người ở nên mới có người trồng dưa gửi dưa nhiều thế này. ạng già ngoài trăm tuổi ngược mặt lên, long lanh mắt, hất chòm râu bạc ra đằng sau vai, nói to:

- Có phải nhà vua nghĩ có thể chủ tướng tôi còn sống nên gọi chúng tôi về để hỏi tin không?

- Ta có nghĩ thế.

- Vậy xin nhà vua cho người Bãi Lở chúng tôi được ra bể tìm. Chúng tôi xin đi tìm chủ tướng tôi.

- Các người già rồi. Còn sức vượt bể không?

- Người đồng bãi chúng tôi, uống rượu rồi chết như đi ngủ, không biết thế nào là tuổi già. Vả chẳng, chỉ còn có người già Bãi Lở như bọn tôi thì mới được tường mặt chủ tướng tôi.

- Nếu thế thì được. Nhà vua cho một cỗ mành thuyền sắm sửa ra biển. Lại hẹn cho hai ông già Bãi Lở nghe có gió bắc thổi xuống thì trở lại, khi ấy giong buồm về phương nam, thuyền gặp gió bắc sẽ đi như chạy trên sóng. Người ở Bãi Lở lại được một phen xông xáo. Ai cũng tranh nhau:

- Cho tôi đi tìm chủ tướng. Cả những người trai trẻ chưa hề biết mặt An Tiêm cũng đòi đi tìm. Bấy lâu, công đức An Tiêm đã được kể truyền miệng như cổ tích trong những cuộc chơi, tháng giêng tháng tám ở lò vật, ở những buổi đi săn và không nhà nào không thuộc. Có nhiều xóm lập miếu thờ An Tiêm như thờ thần đất. Nhưng ông cụ trên trăm tuổi già nhất Bãi Lở kia đã phát ống tay áo lên, nói:

- Trời tạnh mưa thì trời lại nắng, cho nên hôm nay người Bãi Lở mới được đi tìm chủ tướng. Chúng tao ngày trước đã theo thuyền đưa chủ tướng ra tận cửa bể, bây giờ chúng tao lại ra bể đón chủ tướng. Chỉ hai chúng tao được đi thôi.

Làng trên chạ dưới hãy trông chờ. Đừng nói đại, đi sông nước lạnh ít dữ nhiều, nhưng lần này đi thì ngày ra cửa bể quyết không phải là ngày đưa ma chúng tao. Tinh tướng chủ ta to lắm. Ngày ra cửa bể lần này là ngày đại hồng phúc cho cõi ta, các người ạ. Mười chiếc thuyền chiến đi việc quan không phải nhiều, nhưng

thuyền vượt cửa sông ra khơi, cái sống treo sợi tóc thì đây là sự trọng đại. Người Phong Châu kéo ra xem trên đầu bến sông Cái, đông như ngày hội. Có lẽ còn đông gấp bao nhiêu lần ngày trước, cái khi cánh thuyền đầy cả nhà An Tiêm đã nhổ neo lúc canh hai rồi một sáng ra, người Bãi Lữ và người kinh đô tụ hội kéo tới tìm. Tiếng đồn vua sai quân quan giọng thuyền ra bể tìm quan An Tiêm dậy khắp trong thành ngoài cõi. Thuận gió, hơn tuần trăng đã ra tới cửa sông. Bốn bề, những bờ đá phong rêu đỏ hắt, những bãi cây sậy xanh đặc, thẳng tắp ngang mặt nước đỏ đục từ cửa sông Cái tuôn ra. Rồi đoàn thuyền đi vào nơi mênh mông sóng ngất trời. Phải đến cuối tuần trăng, thuyền mới ra khỏi vùng nước phù sa đỏ bọc quanh bãi biển rồi đoàn thuyền bắt đầu lênh đênh vào màu xanh ngày đêm. Những con chim biển đương tíu tít lượn quanh cột buồm, bỗng hốt hoảng bay trở lại đất liền. Mới lúc nào, bây giờ đã mịt mù không thấy gì nữa. ở nơi rốn biển nào không biết, những cơn bão mùa nắng còn rớt lại, đôi khi còn tới, kéo mặt biển lên cao hàng trượng rồi lại vụt xuống. Những làn mây phần phật bay đưa đến những cơn gió xám đen. Những lúc hiểm nghèo ấy, đoàn thuyền chụm lại, giết gà xem điềm chân, đánh chiêng rền mặt nước, đốt ném từng khiêng trầm xuống biển, rồi tất cả ra nằm phủ phục trên bồng cầu trời cho tai qua nạn khỏi. Suốt cả đêm, những cơn gió đen ngàn ngút qua, tiếng nước đổ ì ầm, nghe rợn lạnh đến tận gáy. Tuy nhiên, tai nạn đã tràn phía biển khác, ở trước mặt. Hôm sau, buổi sáng lại dịu dàng. Cơn khủng khiếp đêm qua biến mất. Đoàn thuyền rụt rè trương những tấm buồm cói vĩ lên, chưa tin hẳn đã tốt trời ngay như thế. Một lát, làn gió phớt phơ đưa thuyền đi trong mưa lấm tẩm như bụi bay và lại nghe những tiếng giã gạo đầm ầm, quen thuộc, yên vui từ cửa khoang sau thuyền vang xuống mặt nước. Trong khi ấy. Ngoài đảo hoang lại bắt đầu những ngày hiu hắt rét mướt mưa dầm. Trên bãi dừa chỉ còn dây và lá khô hôm nào mới vàng xuộm cả một vùng, giờ đã khô sạm. Chim biển hết cái ăn, đã thừa về. Có khi bay qua cũng chỉ đảo cánh lượn một vòng. Lũ khướu sợ lạnh sớm nhất, đã bỏ vùng rừng thưa bờ biển lành vào tránh rét trong những bụi cây chân núi. Những con chim bé nhỏ đi tìm nơi nương tựa trong khe đá, gốc cây cho tới khi nào có gió nồm mới lại phờn phơ ra bay lượn với những ngày ấm áp bờ biển. Mọi loài đều chuyển động khi sắp sửa mùa lạnh tới. Ven rừng, những con trăn to những cây gỗ nhấp nháy, gió may đã đánh se làn mỡ trên da, cũng thôi ra phơì mình hóng mồi trong bóng nắng. Thế là từng đàn trăn lại đã đến độ rời những thung lũng ẩm ướt, những bãi phẳng thoáng dăng, ở đây suốt ngày đêm mùa nắng, trăn đã ra đuổi mồi, bây giờ cả đàn đi tìm chỗ ẩn náu trên hốc đá cao. Chúng nó quăng mình đi rào rào qua rừng như tiếng con lũ đột nhiên réo giữa mùa kiệt. Mấy hôm trở trời, sương mù dâng lên vùi kín đảo, tới khi mặt trời lên cao mới lại thấy chòm núi xanh xa nhấp nhô ra.

Không phải chỉ có loài vật ở đảo mới biết tránh cái rét buốt mà cả nhà An Tiêm cũng phải lo. Sắp tới, mưa rét và sương mù có khi dầm dề, rừng và biển gào thét mù mịt chập vào nhau. Mọi công việc lặng lẽ âm thầm mùa lạnh. Cả nhà đi vác đá về đắp thêm tường, như khi nhà còn ở bên bãi sậy. Cái nhà bây giờ cũng khác trước. Mùa đông năm ngoái có cơn rét khác thường, đắp cả áo, vỏ sui mà vẫn buốt thót lưng, suốt tháng chỉ quanh quẩn quanh lửa. An Tiêm nói:

“Người già thì sợ rét, các cụ nói chẳng sai. Năm nay ta phải nghĩ cách cho ấm hơn mới được”. Ma Li bày cách, An Tiêm bắt chước làm thêm một gian nhà có nền sâu dưới mặt đất. Rét đến, ở lòng đất ấm hơn trên mặt. Đốt lửa sưởi trong lòng đất giữa nhà ấm đượm bốn phía, cả nhà vào ngồi quây quần trong hầm.

Gian nhà hầm vừa được miết xong, bốn bên nhẵn bóng. Thức ăn dự phòng gác la liệt trên đầu, từng miếng thịt hươu, thịt nai xả dài bằng sải tay treo lủng lẳng so le từ gác bếp xuống, có những miếng mới đã ám khói đen kịt. Thường năm nào cũng chén thịt sấy cả mùa lạnh, khi có nắng ấm mới lại xách lao đi rừng. Vừa rồi, tìm được một rừng báng. Cây báng thẳng đuồn, cao hơn cây cọ, nõn lả nước hơn cọ. Thân báng cũng xốp, dẻo ra, bột báng ăn thay củ mài, củ nâu được và ủ lại cho lên men, làm rượu uống còn thơm nữa. Từ năm ấy, mùa rét được ấm bụng. Đã làm được mấy mẻ, còn cất nữa. Cả mấy chiếc bong bóng nai đực và lợn rừng gác trên bếp cũng được lấy xuống đem đựng, thành những bùi rượu. Rét cắt ruột, có cái sưởi, uống vào trong bụng cũng đỡ lạnh. Tất cả chờ đợi cái giá buốt đến. Từ tháng bảy, tháng tám mọi việc đã đầy đủ thế. Mỗi ngày bố con An Tiêm mê mãi ra công đánh hươu lấy thịt để dành, đến chiều mới thấp thoáng từ bóng núi tối sẫm bước ra. Đã nghiệm mỗi lần về muộn thế, sao cũng được con giống. Quả như rằng, nhìn kỹ thấy bố con bước đi lặc lè, một con nai nằm vắt cong lưng giữa cái đòn ống.

Gấu em cung cúc theo sau, người nó đen sẫm, lẫn hằn vào bóng tối. Đàng cuối biển, mặt trời đỏ hỏn như cái bánh xe lăn từ từ xuống gần nước rồi chìm vào khói sóng. Nàng Hoa và Gái nấu thịt xong, giong đuốc ra suối gọi, ba bố con An Tiêm đã xả hết con nai, xách từng miếng thịt đem về. Mon cầm theo miếng gan đỏ thẫm để nướng chén ngay. Chập tối đã chớm lạnh. Cả nhà xuống ngồi quây ở cái nền nhà lòng đất, trong nhà mới êm đêm làm sao! An Tiêm với Mon và Ma Li bày cái bát mắt vầu, cái bát đàn loe miệng múc uống rượu báng. Đàng sau, Gấu em tựa lưng vào bờ đất nhẵn, đưa bàn chân lên liếm hờ như con mèo rửa mặt khan. Lúc rồi, khi trời lạnh, gấu cứ liếm tay thế, mãi miết và cặm cụi như mẹ ngồi khâu. Gái ngồi bên, chất thêm củi vào đồng sưởi. Ngọn lửa bùng bùng rừng rực. Trên tấm giát tre, Gái và mẹ tước lá dứa đại làm vải. Những chiếc lá dứa ngâm dưới suối đã rửa ra, còn một đệp xơ trắng, mang xuống suối rũ rồi chuốt thành từng sợi tơ mảnh, cuộn ống vào những hòn cuội dẻo dài ngoẵng, chất một đồng, đã được mấy chục ống to tơ dứa. Bên ánh lửa bếp, Nàng Hoa và Gái căng ngang sợi dây trên đầu hai gác tre. Mỗi người cầm đôi kim xương cá, làm những con thoi lách thoăn thoắt đưa qua sợi ngang. Năm trước đã dệt được mấy tấm vải bằng sải tay. Thế là có vải dứa. Bao giờ xong được chục sải thì xé ra may mặc cho cả nhà. Công việc tốt sợi dệt tơ dứa tối nào cũng làm bên lửa như thế. Tiếng củi nổ, tiếng lửa ngùn ngụt reo. Từ ngoài, Gái vác đệp xơ dứa mới vào quần ống đá cuội. Gái nói to:

- Ngoài rừng sáng trắng, mẹ ạ. Nàng Hoa hỏi:

- Trời lạnh thì trắng sáng hơn, tháng này tháng mấy rồi, mình ơi?

- Phải xem nút buộc mới nhớ được. Không ai nhớ tháng mấy. Từ khi tìm gặp lại được Mon, cái vui trong nhà tràn đầy không biết thế nào, nhưng cũng sau khi ấy, cuộc sống ở đây lại tựa hồ phẳng lặng tưởng cứ thế không bao giờ còn khác.

Rồi đột nhiên, người đấm thuyền giạt đến. Ớc mong đất quê lại lóe lên, nhưng hy vọng đã triền miên theo mọi công việc phẳng lặng ngày lại ngày. Nhớ thì vẫn nhớ biết bao, nhưng không ai muốn khơi gợi đến nữa. Nếu không có lúc đem cái nút đánh dấu năm tháng, có lẽ không còn biết đời người dài ngắn thế nào. Không biết vì sao An Tiêm cứ nghĩ ngợi bồn chồn. An Tiêm nhìn Mon. Ngày ra đây, nó mới hơn mười

tuổi. Bây giờ, hai vai nó lực lưỡng như hai cái bành tai đá, râu quai nón rậm kín cả cái cằm bạnh. Tóc Nàng Hoa đã bạc, rụng thưa cả đỉnh đầu, con cái Gái đã nên cô gái lớn khôn.

Nghĩ thế, An Tiêm cảm thấy thật nặng nề và thoáng buồn. Nhưng An Tiêm không bao giờ nghĩ vãn vơ. An Tiêm không muốn vợ con nhìn được nét mặt tư lự của mình. An Tiêm đứng dậy, bước ra ngoài. An Tiêm trèo lên đứng bờ tường đá. Bấy giờ đêm xuống đã lâu, trời rùng mát dịu, không một làn gió nhỏ. Thình không, mặt trăng sáng xanh, ánh sáng loãng dần ra. Sương in lên nền sáng trắng, tỏa trắng mờ cả bốn phía chân trời. An Tiêm bỗng bắt một cái rùng mình, thật lạ. Thoảng trong làn sương nghe đâu có một tiếng rền rền. Vừa thoát nghe đã rợn. Tiếng mơ hồ như một vuốt chân sắc cửa vào người, chói lên. Không phải tiếng sấm, không phải tiếng cá lợn đũa, tiếng đuôi cá ông voi đập trên mặt nước, tiếng những chiếc cào tôm rồng bơi xô sát vào nhau. Không, đây nghe trong mơ hồ một tiếng quen đến lạ lùng. Tiếng đưa từ biển vào, rền quen đến nỗi chưa rõ tiếng gì mà cái tiếng đã bắt thẳng vào trí nhớ, dội lại, sống lại cả bao nhiêu những cảnh, những niềm, những tiếng xa xôi ngày xưa mà An Tiêm chưa kịp nhớ rõ, nhưng thật đã thấm cảm. Tiếng mơ màng qua làn sương mỏng, lúc đầu thoang thoảng ngỡ đâu cơn chớp bể mưa nguồn. Nhưng mùa nắng hết đã lâu, không còn mưa nguồn và sấm lạnh mưa rào nữa. Cái tiếng cứ mơ mơ, mỏng tanh, phơ phất theo làn gió xa, khi bên ngày khi bên đêm, khi canh khuya, khi rạng sáng, rồi một lúc, bỗng nổi dồn từng cơn ập ình, tiếng ập ình đổ òa ra thành tiếng rền vọng đi. An Tiêm nhảy vọt từ đầu tường xuống, chạy thẳng vào nhà. Chân An Tiêm chênh choạng, tay vịn vào cột, tưởng không bước nổi. Trong ánh lửa bếp, Mon ngẩng lên, thấy mặt bố phừng đỏ trong làn râu tóc bung ra trắng xóa và mắt long lanh, khác hẳn vẻ điềm tĩnh của bố mọi khi. Lấy làm lạ, Mon đứng dậy, trèo lên mặt đất, đến trước An Tiêm. An Tiêm nói như quát:

- Cả nhà ơi! Tiếng trống! Nàng Hoa hốt hoảng đứng lên. Gái cũng theo mẹ.

- Cái gì thế?

- Tiếng trống! Tiếng trống! Minh ơi! Cả nhà cùng kêu:

- Trống đâu? Trống ở đâu?

Trong im lặng mênh mông, xa xa ngoài mặt biển đương nổi lên tiếng trống rền rền. Nghe đã rõ hẳn tiếng trống đồng. Tiếng trống đồng! Tiếng trống đồng! Tiếng trống đồng uy nghiêm lan trong bóng đêm mặt nước đương gọi lên trong mỗi người, gọi dậy trong mỗi người... Những dải đất xanh rờn. Một con sông nước đỏ, hai rìa bờ cát tõe tựa như con giải, lúc nào cũng lồng lộn đòi đổi dòng. Nhưng trên hai bờ con sông dừ, quanh năm một cảnh làm ăn thành thoi và chiều đến, đêm đến, đêm trăng sáng mỏng mảnh như lụa đã nghe, đã chuội. Những chiếc trống đồng đặt một loạt trên những đôi gióng tre bắc qua bến. Tiếng trống vang xuống mặt nước, lan xa. Tiếng trống hội cơm mới. Tiếng trống các làng vật. Đâu đâu cũng nô nức, mê mải thi đấu khi nhàn hạ, đợi làm mùa có hội mải chơi thâu đêm. Đêm trăng sáng, những tiếng bi ly... những chiếc dùi trống gỗ mít, gỗ chò chỉ cứng mà mịn, bọc da báo, da hổ đập xuống mặt đồng, cứ rung lên ngân lên mãi. Rồi mùa gặt hái lại tới. Làng làng ra vít từng bông thóc, bó tròn từng lượm thóc chồng đồng.

Trong tiếng trống nhịp ba giục giã, lại người uống rượu, người vào sới vật mừng cơm mới. Các lão bà cũng bê hũ rượu nếp cầm ra. Những keo vật suốt mùa mát trời cho đến áp Tết, rền vang tiếng trống trên bờ sông Cái, đương là lúc này đây, đương lúc này đây. Bây giờ, trên bến nước quê nhà, trời trong, thanh vắng. Bây giờ có còn gì không, hay nước lũ cuốn hết Bãi Lở rồi. Trên thế gian này có còn đất Bãi Lở không. Tiếng trống từ xa lấm rền đến.

Tiếng trống này từ trong chiêm bao rền đến... Mọi người bàng hoàng theo tiếng trống giống mơ màng giữa làn sương, tiếng trống lắc lư bay từ đầu con nước xuống cuối con nước khiến cho Mon cũng ngửa chân tay, muốn sắp bước vào sới. Gái quay sang hỏi mẹ ngày trước có phải đến khi hội làng, hội vua, người ta mặc xống váy màu điều màu lục rực rỡ như con cào cào đi trảy hội và cũng nghe tiếng trống như thế, phải không, lâu ngày con quên rồi. Mẹ im lặng. Bố im lặng. Ngày còn trẻ, An Tiêm nhớ lại khi từ Ninh Hải về mới đặt chân đến Phong Châu... Mỗi người một ý nghĩ, những ý nghĩ bề bộn hình ảnh ngày trước đến xóa đi, không biết mình đương lưu lạc ở nơi hoang vắng. Nhưng tiếng trống bỗng im bật. Ai cũng chới với như đương đi, chợt hẫng tay vịn trên cầu noi. Bóng trắng chỉ còn thu lại đỉnh đầu, bốn phía khoảng không đã mù mịt hẳn. Có 339 340 gió, cơn gió nhẹ đưa tiếng trống về phía khác. Hay chỉ là mê thấy tiếng trống. Cũng không tin được ở tai mình, An Tiêm khẽ hỏi Nàng Hoa:

- Minh ơi, phải tiếng trống đấy không? Phải mình cũng nghe tiếng trống ư?

- Có, mình ạ.

- Hay tôi chiêm bao?

- Không phải mình chiêm bao đâu.

- Tiếng trống lại im bật rồi, có phải không mình? Lúc ấy, Mon nhớ lại khi bố đi tìm Mon, bố đứng bè ngoài khơi, Mon ở trong bờ. Mon nói to:

- Đốt lửa lên, đốt lửa lên. Cho ở ngoài bể mà có người thì trông thấy, bố ạ. Có thế mà giờ An Tiêm mới nhớ ra. Năm trước, Mon đã đốt lửa cho bố nhìn thấy, ngày trông khói, đêm trông ánh lửa, Mon đã làm thế. Cái bè vầu của An Tiêm đương phân vân giữa trời nước, thì trông thấy khói trong bờ. Và cái đàn vợ chồng đi theo đường nước lũ phá từ trong rừng ra bờ biển, đêm nào cũng đốt lửa, những mong Mon ở đâu, trông thấy mà đến. ánh lửa! Chỉ có ánh lửa! ánh lửa nuôi người và nói được tiếng gọi nhau của người ra biển khơi... Thế là ngay lúc ấy, cả nhà dỡ luôn những đồng củi quanh bờ đá, khuôn ra bãi cát. Đầu tiên, đốt một đồng lấy cái soi sáng lối đi. Rồi mọi người cứ tấp nập ném thêm cây vào. Cả Gấu em cũng chịu khó. Hai chân trước cặp hai cây gỗ, Gấu em đi đứng người lên, kéo lê lộc cộc theo thêm hai cây gỗ, ra tận bãi lửa. Lửa bốc đỏ khé bờ biển. Trong ánh lửa, cả sương và cả khói cuộn cuộn, tuôn tràn, đưa đi. Ngọn lửa phần phật quăng lên thành gió, tiếng gió hy vọng, tiếng gió phấp phồng, tiếng gió kêu: có chúng tôi, có người trong này đây. Từ lúc ấy, vợ chồng con cái An Tiêm và Ma Li không vào nhà, cứ ngồi cả quanh đồng lửa. Không ai buồn ngủ, không ai cảm thấy sương lạnh xuống đã ẩm tóc và lạnh hai vai. Tất cả cứ chăm chăm

nhìn lửa rồi lại ngược mắt, lại nghe ra phía biển. Bùng... By ly... By ly... By ly... y... y... Bùng... Tiếng trống nổi lên dữ dội đột ngột, râm ran kề bên. Như trống đã vào đến ven biển. Bỗng chốc lại bặt lặng tận đâu rồi bỗng chốc tự dừng lại ập tới.

Nhưng không, rõ ràng lần này không phải khoảng cách, không ngỡ chiêm bao nữa, tiếng trống nổi rền đến nỗi ai cũng đều nghe ra tiếng trống thật rồi. Tiếng trống trầm bổng như người đánh đu tiên trong hội trống, đu tiên và tiếng trống đương gióng lên giữa biển hay trên trời. Người ngồi trong ánh lửa bờ biển hóng tai lên nghe, tưởng có trăm nghìn cỗ xe trâu đồ từ trời cao xuống. Chưa trông thấy gì, nhưng mỗi lúc tiếng trống uy nghiêm gióng lên, âm vang đi, lại tưởng trăm nghìn vạn cỗ xe trâu sầm sập đồ xuống, không lúc nào ngớt. Cả nhà An Tiêm mừng đến nỗi nghe tiếng trống cứ ngẩn ngơ đứng nhìn ra, không biết ngồi xuống nữa. Cho đến sáng. Trời tang tảng, đã vang rõ hẳn những tiếng trống sôi lên khắp mặt biển. Tuy nhiên, bóng nước vẫn mù mịt, không trông thấy gì hết. Rồi mặt trời đỏ rực hoe lên đằng chân nước xa kia rồi. Sương lần lần mỏng rồi tan, như mọi buổi sáng. Những người thức suốt đêm căng mắt nhìn ra vẫn tỉnh như không và lòng mong mỏi cứ tưởng mỗi tiếng trống nện xuống lại rung tan nhanh làn sương. An Tiêm và Mon với Ma Li lấy tù và ra thổi. Khói bốc dày đặc trong tiếng ốc tù và u uất. Bóng những chiếc thuyền như lưng con cá ông voi đen sẫm đã phơi lừng lừng trên mặt nước, lúc đầu còn nhấp nhô như hòn đảo mờ, sau càng nổi hình đoàn thuyền, cả tiếng trống lửa tua rộn rịch, lẫn tiếng reo hò - bây giờ nghe được cả tiếng người reo hò. Mặt trời đã cao quá sải tay, làn sương chỉ còn bặt lặng qua. Mười cái thuyền đã tới gần bờ, nghe tiếng trống, tiếng người lẫn lộn xôn xao, nhưng cũng chưa rõ tiếng. Rồi, từ trên thuyền, những cái chèo như những con trăn quăng mình được ném xuống. Hàng loạt người nhảy theo, có người sải tay bơi, có người hấp tấp nắm chèo lội nước gò lưng cúi một dãy, kéo thuyền.

Những chiếc thuyền vào đã bành hấn lên. Lại từng đám người lú lú tranh nhau nhảy xuống, lội ào vào. Trông rõ thấy ở tay mỗi người vác một ngọn mác, nhiều người khoác vai chiếc nỏ chiến và ống tên, đương xô lên bờ. Có hai cụ già từ trong hàng quân lội ra, lên bãi trước. Đây là hai cụ già Bãi Lở. Từ hôm đoàn thuyền ra qua cửa sông, đêm nào thuyền nào cũng gióng trống suốt đêm trong khói trầm. Tiếng trống cho quân quan đỡ nhớ nhà, tiếng trống đánh tiếng của sự sống. Cả những đêm động biến, thuyền như lao vào vực thẳm, người cứ giết gà xem điềm chân từng lúc, trống vẫn nổi giữa tiếng nước réo. Càng ra xa, tiếng trống càng dồn dập. Một hôm, mọi người ngẩn đầu trông ra, rồi tất cả các thuyền đều hò ran trên sóng: Thấy đảo rồi! Thấy đảo rồi! Hòn đảo nhô lên đằng mép nước, bé như cái chũm cau, đi đến trưa thì thấy hòn đảo to bằng cái chóp nón.

Các cụ già Bãi Lở vốn quen sông nước, các cụ bảo: chèo thuyền vòng quanh, ở đâu có người trong đảo cũng phải nghe tiếng trống mà ra. Thế rồi nửa đêm qua, hốt nhiên thấy có ánh lửa đằng xa trước mũi thuyền. Lúc đầu, ngỡ trăng lên, rồi lại ngỡ sao chổi, nhưng sau biết đấy là lửa, lửa to, lửa rừng rực như lửa cây đình liệu, thế là trống trong các thuyền và cả tiếng ốc tù và cứ rúc lên thâu canh. Nghe kỹ, trong bờ cũng vang ra tiếng tù và... tu... tu... Như người đi rừng tìm nhau. Hai cụ già Bãi Lở xem cả hai chân con gà trống vừa được mổ rồi bước ra, quì xuống sấp đầu mũi thuyền, vái lên trời, khẩn:

- Có phải lửa kia khói kia, tiếng tù và kia báo chủ tướng ta còn sống. Trời xui khiến ta được gặp chủ

tướng. Trời xui khiến cho ta lần này được gặp chủ tướng. Rồi đổ cả một thùng trầm hương cháy thơm xuống nước. Đến lúc những chèo đã neo được thuyền vào, hai cụ cũng nhảy xuống, lên theo. Hàng trăm quân quan đã lên hết bờ. Tiếng tù và rúc ánh ả. Một bọn lom khom kéo thuyền, còn một bọn chạy lên phía đông lửa sáng sớm vẫn còn khói nghi ngút. Không trông thấy gì. Chỉ có một đám lửa tro rơi lờm nhờm trên đồng đá mốc xám. Nhưng, rồi đồng đá mốc ấy rùng rùng đứng dậy. Hốt nhiên, cả bọn quan quân đương tiến, đứng phắt lại, hạ cánh nỏ trên vai xuống. Loạt tên lấp rầm rập xuống máng. ạng cụ Bãi Lở hơn trăm tuổi, xua tay, nói:

- Khoan! Khoan! Người đấy!

- Không phải, người rừng! Người rừng! Con gấu nữa!

- Con gấu to quá.

- Con gấu với người.

- Người rừng! Người rừng!

- Không được bắn!

- Ma! Ma!

- Khoan! Khoan! Không được bắn!

- Người rồi! Tiếng tù và người thối! Người thối tù và! Cả bọn quan quan lặng lẽ nhưng nghiêm, tay giương nỏ, bước lên. Bây giờ, đã trông rõ có ba người đàn ông mình xăm chàm văn vèo và hai người đàn bà váy áo lá lợp tướp. Những mớ tóc dài xuống đến bắp chân và mặt những người đàn ông thì râu rậm rịt quấn lẫn cả tóc, chẳng khác mặt con gấu đương bò thùng thỉnh thoảng sau. Hai ông già Bãi Lở chạy ra đầu hàng quân, hướng về phía trước quì sụp, rạp mặt xuống bãi cát. Cùng kêu to:

- Chủ tướng ôi! Chủ tướng ôi! Phải chủ tướng đấy không? An Tiêm tất tả bước đến, nâng hai ông già lên rồi quay lại, nước mắt đầm đìa, bảo Nàng Hoa:

- Minh ơi, các cụ Bãi Lở nhà ta đây...

- Chủ tướng ôi! Năm xưa, hai chúng tôi đưa chủ tướng ra cửa sông... Thế mà An Tiêm bấy lâu những tưởng đất Bãi Lở đã chìm trong cơn lũ rồi. Bây giờ, chỉ thoát trông thấy hai ông lão, đã có thể biết ngay Bãi Lở vẫn hiên ngang trong cõi đời này. Cả nhà không ai cầm được nước mắt. An Tiêm nói:

- Các con ơi! Đây là cụ già Bãi Lở đã cho ta giày cỏ và nón, chiếc sừng trâu kéo lửa và con dao rửa. Những của báu đó bấy lâu giúp cho nhà mình chống chọi được muôn vàn khó khăn. Đến nay, cái sừng trâu đã mòn một nửa, vẫn còn, con dao vẫn còn cái sống dao và tấm lòng ta thì vẫn định ninh như ngày ra đi.

Cái chết không thể đến được. Ta không muốn chết thì không thể chết được, có nhẽ thế... Viên quan coi đạo thuyền vòng tay bái An Tiêm, cung kính nói:

- Chúng tôi được nhà vua cho ra đón chủ tướng về.

Tiếng trống rền rền vang vang... Bùng... bi... bùng... Nơi hoang vắng xưa rày chưa bao giờ được nghe biết quang cảnh từng bừng kỳ lạ, nhiều tiếng cười nói, tiếng chân chạy, tiếng trống, tiếng vãn cối gỗ, cối đá, tiếng nôi, chỗ xúng xoảng nhộn nhạo đến như thế, lạ thế. Từ trên thuyền khiêng xuống những chiếc chiêng đại, trống đại da đồng đỏ hau, vàng chóa, những chum rượu tằm còn nút kỹ lá chuối khô, từng khiêng thóc nếp, thóc tẻ vàng mượt và những dó cối dựng đầy đồ xanh. Trong khi đó, hai ông lão theo An Tiêm vào nhà. Từ lúc lên bãi, mỗi bước đều khiến tất cả mọi người ở đất quê ra xiết bao kinh ngạc. Tưởng nơi hoang dã, thế mà không! Người ở đến đâu, ra cơ ngơi rõ người ở đến đấy. Những bãi dừa tàn lá úa. Những mỏm đá phơi cá, phơi nước biển lấy mặn ăn. Quanh nhà, những tấm lưới dây móc đánh cá, ngả nghiêng những chiếc cần lưỡi câu vàng chóa. Nhà thật thoáng, nhà ở ngoài nội Phong Châu, chỉ khang trang đến thế. Phen cửa trúc đan trông ra, có mấy con rùa đương nằm sưởi nắng. ống vầu, bùi da hươu và bong bóng đựng nước, đựng rượu, xếp cao ngang góc cột. Những xâu thịt lòng thông tỏa xuống khắp vách. Góc trong, một khung sợi móc dệt đương mắc. Nôi, trã, bát cả chồng, hàng trăm người ăn cũng có đủ. Hai ông già kêu lên:

- Quả như xưa nay chủ tướng đã nói rằng đâu có người thì đấy có tất cả. An Tiêm cười sảng khoái, hỏi hai ông già:

- Có khi nào các già nghĩ rồi một khi ta cho người Bãi Lữ ra mở đất nơi này không?

Mon và Ma Li dẫn lính vào rừng. Một chốc, đã khiêng về bốn con nai to. Cối giã gạo và bếp cơm, chỗ đồ xôi bắc la liệt ngay đầu suối Sáng. Tiệc hạ bốn con nai ở đây linh đình hơn cả tiệc vua mỗi mười trâu đái các cối. Cho đến tối, trong nhà, trên bãi, người ăn uống vẫn ngả nghiêng. Cả quan lẫn lính mừng khôn xiết kể. Mừng lệnh vua ra đã được trọn vẹn, bây giờ chỉ còn tính đường về. Trống đồng nổi, tiếng rền không lúc nào dứt. Đến tận khuya, những đám vật vẫn liên miên quần thảo trên sỏi ngay giữa bãi cát. Trống thúc âm vang, An Tiêm lên sỏi vật. An Tiêm vật với ông đồ già trạc tuổi bảy mươi. Cụ già nhất trên trăm tuổi thì khoan thai cầm trích. Những người đương thui nai ở đầu suối cũng ghé cổ lại xem hai cái đầu bạc phơ phơ, đương xấn tay áo vào sỏi. Hai cụ đứng khuyển ngang chân. Rồi, cái đùi trống ở tay cụ cầm trích thúc xuống mặt trống, đầu tiên còn thông thả. Hai tay đồ từ từ hoa hai cánh tay rám nắng, đẹp như hai cánh phượng. Hai cụ uy nghi bước ra bái tổ, lên đài "quần chỉ", ngón tay quần chéo như hoa lan chín, rồi bá vai nhau xong, quay ra. Tiếng trống thúc vào trận đã say say. Thế là, gân chân và khoeo tay nổi cuộn như rắn quần. Nhẹ như không, An Tiêm đảo nghiêng mình một cái, vai đương tỳ bỗng rút về một phía, ông cụ bảy mươi ở Bãi Lữ kia đã ngửa mặt trên mặt cát. Tiếng reo nổi như sấm. Cụ già trên trăm tuổi nọ buông đùi trống, quì xuống nói:

- Chủ tướng ôi, không ngờ trải bao năm sương gió, chủ tướng vẫn khỏe như ông hổ, ông trăn, thật đại

hồng phúc cho dân chúng tôi.

Những cuộc đấu vật rậm rịch đến tận tối xoay chung quanh hàng chục, hàng chục đồng lửa được đốt lên, soi trên các mâm lót lá dong lá chuối bừa bộn từng tảng thịt, bên những ụ xôi, ụ cơm trắng, những bát đàn đất nung và những ống mắt tre, những ống mắt vầu làm chén đựng rượu đã được bày dàn ra. Không lúc nào dứt tiếng trống thúc hội vật. Đám vật của bọn trai trẻ càng sôi lên nữa. Sức Mon đương độ. Suốt chiều đến khuya, Mon và Ma Li lẳng ngã có đến hàng chục quân quan. Không người nào chịu được một cái khóa tay của Mon, thế là cả người bị hất ngã tênh hênh bụng. Ai nấy trầm trồ sức khỏe hai cánh tay như trăn núc của tiểu chủ tướng. Ai đâu biết được cánh tay Mon ghê gớm đến thế bởi những cuộc vật đã bao năm với anh em gấu. Có một lúc, đương cuộc vật nô nức, Mon chợt nhớ đến Gấu em. Từ lúc nào, không trông thấy Gấu em. "Thằng này đi đâu rồi"

Mon nghĩ. Nhưng rồi, chưa kịp tìm gấu, tiếng trống đã lại giục giã và mùi hương trầm, hơi trầu cau nồng nàn bốc trên đầu, trên mặt mọi người, với tiếng hò reo đình tai thúc người lên sôi, Mon lại mãi mê cuốn vào đám chơi. Tiếng hí, tiếng hò la, tiếng gieo mình xuống cát, tiếng trống, tiếng cồng đến canh khuya, cả đêm, trong ánh lửa rừng rực hòa ánh trăng lạnh trắng. Đôi khi, chợt im, đâu đấy lại vẳng tiếng khèn réo rất luồn trong làn sương pha mỏng xuống giữa đêm. Cuộc chơi vui quá. Bao nhiêu mong mỏi, bây giờ được thấy, lại thấy người, lại được trở về đất quê. Những đêm ấy không biết có đêm. Nàng Hoa cầm miếng cơm xôi nếp đỗ xanh, đưa lên miệng, nước mắt trào xuống. Gái hỏi:

- Xôi ngon thế, sao mẹ khóc? Nàng Hoa cười mếu máo:

- Nửa đời người, bây giờ mới lại được trông thấy hạt cơm. Rồi hai mẹ con cùng ăn ngon lành. Tảng sáng, hai ông cụ Bãi Lở vào nói:

- Thưa chủ tướng, hôm nay rước người trở về, rước người cùng cả nhà về đất quê. Chúng tôi đã đem đủ mọi thức, chủ tướng cho thay xống áo rồi ta lên thuyền. An Tiêm đưa mắt nhìn khắp đảo, rồi nói:

- Con trai ta sẽ cạo hết râu sữa đi cho rõ trang thanh niên, để người trong côi khỏi chỉ trỏ xem lạ mà thôi. Lính đưa dao cạo đến. An Tiêm lại nói:

- Còn thì hãy khoan cả mọi thứ. Chúng tôi không chàm mình, cứ để mình trần thế.

Chúng tôi không ai thay xống áo mới, ngày ra đi thế nào, ngày về vẫn thế. Ớc vọng khi đi thế nào thì ngày về vẫn đình ninh thế. Cả đến cái sừng trâu đánh lửa của hai già cho vẫn còn giữ, chúng tôi cũng biết giặt lưng đem về, tất cả. Bây giờ không phải mảnh sừng ấy đánh ra lửa mà mảnh sừng trâu thành một tình một nghĩa với chúng tôi không bao giờ phai nhạt. Nàng Hoa đỡ hai bọc mo cọ trên mái xuống. Xống áo, váy và thắt lưng, hai ba cái đúc vá làm một, đã bao năm cất đi, thế mà còn ra hình thù, mặc dầu các cửa tay và gấu đã xố bọt như xơ mướp, mặc dầu đã mấy lần, Nàng Hoa và Gái đem vá vú, cố công phơi phóng, rồi lại cất đi, năm này qua năm khác. Xống áo cũng bạc nhạt như râu tóc, nhưng, bấy lâu mọi người chỉ soi gương bằng mặt giếng, mặt suối, thì cái ăn mặc ấy cũng làm thường. Nhưng, thật lạ, hàng hàng quan quân,

áo quần, thắt lưng, khăn mới rộn ràng, thế mà cả trăm người đều kính cẩn quay lại nhìn vợ chồng bố con An Tiêm rách rưới đương tề chỉnh trong hương trầm nghi ngút, một vẻ oai nghiêm,凛冽, đáng kính, đáng phục. Những cái xống áo rách nát kia không ai để ý đến nữa. Viên quan coi đạo thuyền bước tới, vòng tay, bái:

- Thưa chủ tướng, thuyền đã sắp xong, xin đợi lệnh người. An Tiêm quay lại Ma Li:

- Bây giờ con cùng về với cả nhà? Ma Li cười:

- Thưa vâng. Lúc ấy, Mon hoảng hốt kêu:

- Thăng Gấu em đâu?

Cả nhà mới nhớ ra. Hình như từ bao giờ không thấy gấu. Thế là Mon với Ma Li và An Tiêm, cả Nàng Hoa và Gái rồi tất cả quan quân chia nhau đi các ngả rừng. Tìm đến nửa buổi, tiếng ve núi kêu trưa đã ran ran. Các toán trở về đều nói không thấy. An Tiêm bảo với hai ông già và quan coi thuyền:

- Các người ôi! Anh em nhà gấu này đã ở với con trai tôi từ lúc gấu nó còn nhỏ, đã cùng trải hoạn nạn, cái sống cái chết đã nếm mùi cùng người, gấu nó cũng bằng hàng con cái tôi rồi, nay trở về, không nỡ bỏ gấu lại, thế nào cũng phải tìm cho được. Có khi vì nó chưa bao giờ quen người đông đến thế này, nó lại vốn không thích ăn thịt nên nó đi tìm quả trám, tìm khoái ong cũng nên. Các bác giúp tôi, cố tìm được nó cho tôi. Suốt ngày hôm ấy, cũng không thấy.

Rồn lại hôm nữa. Lại tìm khắp nơi. Cũng không thấy. Từ lúc có những chiếc thuyền lớn cập bờ, cả nhà đổ xô xuống. Gấu em thấy không còn mắt ai hay nhìn mắt mình như thường khi. Rồi, cả hàng rừng người đổ lên bờ cùng với những tang trống lớn, chạy đi, chạy lại, rối loạn mắt. Ma Li, Mon và Gái tút tít trong đám mới đến. Những người mới đến cũng quẩn lấy hai đứa, hết bọn này sang bọn khác, lúc đánh vật, lúc ăn uống. Gấu em tha thui về nhà, bò xuống nằm ở cái gian thấp dưới lòng đất. Gấu em đặt mõm lên trên hai bàn chân trước duỗi thẳng, mắt hé mở, buồn bã và dửng dưng nhìn ra, có lúc hóng xem Mon hay Gái vào không. Nhưng chẳng thấy. Tiếng trống cứ rờn rợn, Gấu em sợ tiếng trống ấy. Tiếng rền rung cả hai mang tai. Mỗi lần tiếng trống bắt đầu nổi, Gấu em lại giật mình. Khi tiếng trống thúc, Gấu em bồn chồn. Gấu đứng lên, gấu lại nằm xuống. Gấu quay mõm trông vào tường đất. Phía nào cũng chỉ nghe tiếng ình ình. Trong bóng tối nhấp nhem, ánh lửa ngoài bãi, Gấu em lúi thui bò vào rừng. Gấu em đến chỗ cái hang đá mà cả nhà hôm nọ chạy bão cạn, Gấu em chui vào hang, chui vào tận cùng hang. Gấu em lần thẩn bò lên ngạch thượng, chỗ hai bên đá hẹp lại, chỉ đặt vừa cái mõm. Gấu em nằm im. Trong khi ấy, ba ngày đêm liền, mọi người đi tìm gấu khắp rừng mà không thấy. Thế rồi buổi sáng đoàn thuyền ra khơi. Những cánh buồm cói giông lên. Mon và Gái còn đứng mui bồng cố trông lại. Khi ta ở lâu, cả khi không biết chú ý nơi ấy nhưng đến lúc rời nó thì bỗng nhớ, lại thương. Mon và Gái, chẳng những đương quyến luyến nơi mình đã lớn thành người, mà bấy giờ cả hai anh em đương cố nghĩ, cố hiểu vẫn không hiểu được - bây giờ Gấu em ở đâu. Gấu em đi đâu? Cái Gái òa khóc. Thuyền đã ra xa, càng xa, trông lại chỉ thấy bờ nước phẳng

lặng, nước gần lẫn với rừng và thuyền càng ra xa thì những cánh rừng, những đỉnh núi xanh sẫm cứ nhạt dần, thụt thấp dần xuống ngang mặt nước.

Lúc ấy, ở bãi cát trong bờ, xuất hiện một chấm đen. Rồi trông rõ đấy là Gấu em. Gấu em kia, Gấu em đang đi ra. Gấu đứng trên bãi. Gấu em kia, Gấu em nhìn ra. Gấu em đứng thẳng, như những lúc trông ngóng. Như gọi, như vẫy. Mon và Gái và Ma Li khoa tay rồi rút. Trên thuyền nào cũng có từng đám người đang ra ngoài mũi, rồi thả từng ôm trầm nghi ngút khói thơm xuống nước. Hai ông già người Bãi Lở vừa xem bói chân gà xong, đang cùng bố mẹ Mon quì rạp xuống đầu khoang. Buồm đã ăn gió, bói đã được quẻ, không thể quay lại được, thuyền đi thẳng căng, lướt nhanh ra khơi, trong tiếng trống rền rã. Gấu em vẫn đứng ngóng ra. Đoàn thuyền đã xa hẳn. Gấu em luống cuống lội xuống nước. Gấu em ngẩng đầu lên. Những chiếc thuyền vẫn đi. Gấu em gầm đầu xuống mặt nước. Như thế Gấu em đang há mồm, sắp uống, muốn uống cạn nước biển Đông - ước sao uống được cạn nước bể Đông, bắt đoàn thuyền đang đem đi những người thân yêu của mình kia phải đứng lại đấy, cho mình ra theo.

Chương 16:

Trên các bãi phù sa lầy đỏ cửa sông Cái, vào những ngày ẩm trời, có từng đàn hàng nghìn hàng vạn con mòng, con sếu về tránh rét, lặn lội kiếm ăn suốt mùa đông ở đấy, bây giờ cất cánh lên phương bắc, bay rợp bóng như cơn mưa che cả một quãng sông. Bây giờ lại đương còn những ngày thanh thả đầu năm. Rải rác, trên nguồn đã bắt đầu có mưa mới, sông Cái dâng đỏ, làn nước cuộn cuộn truồi lên truồi xuống. Cảnh ấy lại là thường, mà chưa bao giờ những làng, những bến rải rác ven sông được thấy đoàn thuyền như thế từ cửa sông vào. Thật thì người ta đã trông ngóng, chờ đợi từ khi đoàn thuyền vâng lệnh vua Hùng vượt biển ra tìm xem ngoài ấy nhà An Tiêm có còn sống hay không. Kịp đến khi đoàn thuyền trở lại qua cửa sông Cái, bỗng bèn vào dòng nước đỏ, những cánh buồm cói được gió đông ào ạt rẽ nước đưa lên thì người bên sông cứ đổ ra xem mỗi ngày một nhiều. Những tin vui tin lạ rí tai bay đi nhanh hơn cả những con thuyền ngược gió. Bây giờ đương còn mùa hội hè ở khắp các bộ, các cỗi.

Từ cửa sông lên, dập dìu từng đoàn người thong thả việc gặt hái, đương đi chơi xuân trải hội, đi ăn cỗ uống rượu vùng này sang vùng khác. Bên sông vắng ra, không biết đấy tiếng sáo trúc hay tiếng gió thổi, không biết người đi chơi hay người tò mò ra xem đoàn thuyền. Đám người tất tả, nô nức, xem ngóng. Như bao lâu đã chờ sẵn đâu ở các làng xóm quanh đấy, bây giờ túm tụm ra nhìn những chiếc thuyền lớn đang ngược gió đông lên. Và những câu chuyện truyền lại... Biết bao nhiêu tin tức lạ lùng dồn dập tủa ra như những làn sóng xô vào hai bên bờ. Người ta đồn rằng nhà vua đã cho quan quân ra biển và đã thấy ông An Tiêm ở nơi hoang vu rồi rước ông An Tiêm về. Lạ thay, cả nhà ông An Tiêm ngày xưa phải ra đi bao nhiêu người, bây giờ vẫn bấy nhiêu người trở về. Không ai già đi, chẳng ai biết tuổi. Người ở nơi mặt đất phương trời thần tiên ấy không biết trên đời có cái già, cái tuổi, cái chết. Con trai ông An Tiêm ngày đi chưa được mười tuổi, giờ hiên ngang cao lớn đứng đưng đầu càn cảnh đa. Chàng trai ấy đã nuôi bảo được mọi loài thú trong rừng, dạy cho thú rừng cũng biết thuần người như con trâu, con gà, con lợn. Voi vác củi. Hồ đi kiếm thịt. Khi gánh nước cả ngày. Đêm đến, mọi loài rủ nhau kéo về ngủ bầy quanh nhà người ở.

Còn cô con gái ông An Tiêm thì đẹp đến đôi hai hàm răng đen bóng soi gương được, con gái các cỗi không cô nào có thể ví tày. Hai mẹ con ở nơi thanh vắng ấy mà bố cau bằng con dao vàng, có lông nhím để tằm trâu, miếng trâu cánh phượng, cả đời người không trông thấy mà tay khéo như thần gian có một. Tưởng người đi chỗ hoang vu thì người sẽ khô héo đến chết. Nhưng không phải thế, quân quan đã thấy được ở đảo một cơ ngơi huy hoàng, những lâu đài tráng lệ như ở cỗi tiên. Người đi người vẫn tốt tươi, những con chim đã tha hạt dưa đỏ đến cho người trồng, người được ăn hoa quả mà sống. Rồi mọi loài trong rừng ra thần phục người, cứ vậy cho đến ngày nay. Lại còn biết thả dưa đưa tin vào cửa sông, bảo các cỗi trong bờ biết đấy dưa của ông An Tiêm gửi, ông vẫn mạnh khỏe, ông gửi dưa cho ta bấy lâu. Trong này ta được giống dưa ngon mà ăn, lại đem trồng nên bãi. Đây là những lời đồn cùng những ước mơ của người ta, không ai

biết có thật đến đâu và không biết còn muốn những mong mỗi ấy tốt đẹp đến ngần nào nữa. Chỉ thấy đoàn thuyền rước cả nhà An Tiêm trở về, càng vào sâu trong dòng sông thì những đám người rủ nhau ra các bến xem càng đông. Cả từng bọn đương trần lưng mò con trai, con hến trong những vũng sông đọng đầu bãi cũng ngẩng lên, ngơ ngẩn nhìn ra. Ngày ngày, những chiếc thuyền cửa theo dòng, những thuyền chài, những đò ngang, những thúng câu ve vế xuôi ngược, gặp đoàn thuyền An Tiêm thuyền nào cũng bám theo, đuổi theo, kéo thành bọn dài, đi một lúc mới chịu rời ra. Lắm khi An Tiêm ra đứng khoang cái, có lúc gặp quăng mắc cát hay lúc cạn gió, cả Nàng Hoa và An Tiêm với Mon, Gái và Ma Li cùng xúm xít vào chân chèo chân lái, chân đốc chân mũi, chạy lên chạy xuống rầm rập, lẫn lộn trong đám quan quân chèo thuyền, trong những tiếng hò, tiếng xô cất cao. Đi kênh thì cạn Đi với gió đông Đô ta Đô tà... An Tiêm nhìn ra khoang cái, thấy những chiếc thuyền tíu tít đến, tiếng hí tiếng reo tiếng hò tiếng xô văng mặt nước. Trong lòng man mác cảm động tự thấy trên đời không thể cái tình nào ví được bằng tấm lòng đối với quê hương. An Tiêm bảo Mon:

- ở bãi bây giờ người rậm hơn cỏ, khác hẳn ngày ta ra đi, làng chạ nhiều hơn trước, đông vui hơn ra tận cửa sông. Mon nói:

- Con nhớ ngày ấy đã có những đàn mòng, đàn sếu bay rợp cửa sông như bây giờ.

- Phải, khi ta ra đi cũng vào đầu năm, trời ấm, những con mòng con sếu bay đi... Gái nói:

- Quanh cửa sông trên cát cũng có nhiều bãi dừa kia kìa. An Tiêm nói:

- Có lẽ giống dừa của ta thả về. Nàng Hoa thở dài. Nơi nào đã từng ở qua rồi nhìn lại cũng thường nhớ thương. Nàng Hoa băng khuông nhớ ngoài kia, mùa này, các bãi dừa đương bời, dây mọc lan khắp, lá xanh om. Nàng Hoa nói mơ màng:

- Phải, có khi là dừa của ta. Ngày kia, mặt trời gác núi, mới chập choạng tối, nhìn ra trước mặt, lại thấy chân trời hừng sáng. Tuần trăng đã bắt đầu hôm thuyền vào cửa sông. Không thể trăng non đã lên sớm như vậy. Mon hỏi:

- Cái gì sang sáng đằng kia? Quan coi thuyền bấm đốt ngón tay nhẩm tính rồi nói:

- Cứ được hây hây gió cả đêm thế này, có thể hai đêm nữa thì ta đến được Phong Châu. Mon không còn nhớ cái bến kinh đô ấy thế nào. Mon lại hỏi:

- Bến sông mà sáng đến thế kia à?

- Đây là sáng lửa cây đình liệu. Mon reo lên:

- Lửa đình liệu đốt suốt đêm như hội ngày xưa ấy a? An Tiêm nói:

- Phải đấy! Rồi An Tiêm hỏi quan coi thuyền:

- Bây giờ đương còn hội phải không? Quan coi thuyền thưa:

- Vâng, đương còn hội... Cụ già Bải Lờ nói:

- Năm nay hội kinh đô khác mọi năm, chưa giã đám đâu.

Thuyền qua lại dưới sông mấy hôm nay bảo được tin chủ tướng về, nhà vua còn cho hội ăn mừng dài ngày ra. Chắc có thể, đèn đuốc mới sáng đến như kia được. Suốt đêm, chân trời viền một đường trăng nhòe. Thuyền càng đi lên thì đêm đêm chân trời cứ dần dần đỏ hừng như hoàng hôn lụi vào trong khuya. Trong thành ngoài nội lô xô những cây đình liệu và những đồng củi chất cao như gò nổi nhau rừng rực từ chập tối đến sáng. Tiếng reo, tiếng hí, tiếng trống và tiếng chiêng không lúc nào ngớt. Hội đầu năm ấy, vẫn hội vật, hội cờ thi, hội cỗ nén, vẫn như bao năm trước, nhưng mấy năm nay có thêm ngoài sông thi bơi chải. Nhà vua năm nào cũng cho các đội thuyền tranh giải. Có khi cả đêm, đuốc giông trên sông Cái từng dãy thuyền đua, ngấn nước đỏ ngầu ngoằn ngoèo, vun vút, sùng sục, ầm ầm như rồng lửa uốn khúc. Trên mặt sông Cái nước chảy xiết, những chiếc bè vầu đại đã được ghép néo lại, nổi cao bằng đầu người, dài rộng cả một khoảng. Trên mặt bè, nguy nga, san sát những tòa nhà bóng kè mặt nước cho nhà vua ra xem thi bơi, có gác cao cho các quan lên ngồi chấm giải, có sân châu, sân tiệc, bốn phía đình liệu đốt sáng suốt đêm ra đến giữa sông. Đoàn thuyền đưa cả nhà An Tiêm về cập bến lúc giữa trưa. Thuyền đậu, thuyền bơi, các nhà dò, đến hàng trăm, hàng nghìn chiếc, từng bồng, sôi nổi, từ xa đã xúm xít vây lấy, đông quá, vui quá, làm cho người lạ tưởng như bến kinh đô bây giờ to lớn quá, thuyền bè ngổn ngang dài tới nửa buổi đường nước, quân quan phải khó nhọc lắm mà chỉ dẹp được một đường cho đoàn thuyền An Tiêm vào kề được bè ngự. Những chiếc trống đồng phơi mặt bóng lỳ từng dãy trên những giàn tre bắc sát mặt nước, dài như cầu vồng, như phù kiều ngang sông. Lớp lớp người cời trần vai vắt vuông lưa điều đứng trên gióng thúc dùi xuống mặt trống. Tiếng đồng ầm ỳ ngang dọc vang âm như đẩy mặt sóng đỏ rực cồn lên. Lúc ấy, ba đội thuyền của ba cõi tranh giải đương ganh đua nhau trong đợt cuối. Những đội thuyền thi rời bến xuôi xuống rồi chốc nữa ngược lên vào tranh giải qua dưới vọng lâu. Nhà vua chống gậy trúc, đương mãi sẫm năm ra đón cả nhà An Tiêm.

Con sông Cái mệnh mang chảy qua đất nước này, chưa bao giờ được thấy một quang cảnh vừa lạ lùng, vừa cảm động đến như thế. Ấy là cái lúc ở dưới thuyền lên, An Tiêm đỉnh đạc đi trước, Nàng Hoa và Mon cùng Gái và Ma Li bước sau bố mẹ. Nét mặt già héo của nhà vua bỗng hớn hờ trông thấy. Còn cả nhà An Tiêm bước ra, từng bồng như mặt trời vừa phá toang những đám mây cài, lại rực rỡ như bất cứ lúc nào giữa ban ngày. Vua Hùng nắm tay An Tiêm đưa lên thềm bè. Rồi lại ra dắt tay từng người vào ngồi chiếu miến trải trong rạp. Bốn phía chen chúc những cánh thuyền hân hoan lướt đến xem mặt cả nhà An Tiêm, cùng lúc tiếng chiêng rền dậy mặt nước. Mon trông lại. Bố mẹ đã già, tóc phơ phơ như nạm cước ở con cước mới nhả, nhưng thần thái vẫn quắc thước như ngày ở nơi hoang vu. Mon đương trạc tuổi tay bơi lực lưỡng kia, nhưng Mon đứng cao lớn hơn hẳn một đầu. Có lẽ cái Gái cũng đương chung một ý vui ấy với anh. Gái nhìn mẹ, Gái mỉm cười. Đôi má người con gái đương độ đỏ hồng và trên miệng cười chột hé hàm răng đen rưng rức như hạt na. Người nào cũng sống áo rách bợt hết cửa tay; gấu và dải áo phải buộc túm bằng dây rừng, vai áo bạc mờ như đổ muối. Nhưng da dẻ ai cũng hồng hào đỏ lịm bồ quân, khỏe mạnh đến

tưởng như chưa ai được thấy trên đất nước này có những cụ già, người trai và cô con gái ở đâu sức lực đến như thế. Lúc ấy, xống áo mới vua ban được đưa đến. Bây giờ cả nhà mới thay. An Tiêm và Nàng Hoa cùng các con tuyệt đẹp trong bộ áo điều mới, khăn mới. Váy mới, áo nhiễu mới nổi cát vân lên. Gái bước ra. Lập tức, lại tiếng đồn dậy khắp đất Phong Châu rằng nhà vua mới rước được người tiên ở ngoài bể về. Nhà vua nắm tay An Tiêm, nói:

- Mừng lắm, mừng lắm. Làm thế nào ông được khỏe mạnh đến thế này! An Tiêm vuốt râu, cười:

- Nơi hoang vắng ấy với các cội ta cũng là một đất một nước. Người ta đâu đội trời chân đạp đất, có người có sức thì có của. Tâm sự bao nhiêu năm nay của tôi chỉ có vậy thôi. Nhà vua im lặng rồi nói:

- Chuyện cũ đã rồi, ta bỏ qua. Hôm nay ông về đây... Giữa lúc ấy, ba nhịp trống đồng từ những giàn trống bắc ngang sông cùng gióng một lúc. Những chiếc trống vừa rước lò đúc ra, mới đánh thử rồi đưa xuống đặt vào gióng trên sông, tiếng đánh tiếng rền tiếng ngân như sấm mới thảng ba mừng An Tiêm trở về. Nhà vua từng bừng khoát tay đứng lên nói:

- ... Phường trái thi ngược nước sắp lên đến rồi. Vừa đó, những chiếc thuyền rẽ sông tới trước mặt. Mỗi con thuyền đen trùi trùi tựa hai bên mạn mỗi bên năm chục tay bơi, giữa một tay lái bắt như đuôi cá, cả trăm người lưng trần bóng nhoáng như cá trăm quẫy trên mặt nước, chân duỗi chăm chăm, tay khoa đều tằm tấp như trăm vây cá cùng khỏa một lúc. Giữa khoang cái mỗi thuyền có một ông đầu râu tóc bạc, áo the lam vắt vai, để lộ cái lưng vuông bè như cánh phan lim, đóng khố điều, hai tay hoa lên thúc trống dồn nhịp như giã gạo. Trong khi đó, anh trai ngồi đằng đuôi én ngoáy lái cùng cả trăm mái chèo cắt nước dồn dập theo nhịp trống. Những đội thuyền nối nhau lao đến vọng lâu. Nhà vua đã nhảy xuống chiếc thuyền gỗ chò chỉ bóng mờ. Chiếc thuyền chiến đầu rồng nghển đuôi én cong ngoắt, đầu mạn trở lồi hai mắt cá và hàm răng cá sấu ngay chỗ chân thang lên. Cả mình cái thuyền ngự thênh thang như con ba ba thần nổi trên mặt sóng. Nhà vua đã đưa cả nhà An Tiêm với hai ông lão Bãi Lở cùng xuống thuyền đi đốc giải. Tiếng trống thúc trên các thuyền thi bỗng nhiên im bật giữa lúc chiếc thuyền đốc giải trăm tay chèo của nhà vua vút ra như một mũi lao phóng. Nhà vua mời An Tiêm ra thúc trống cho thuyền vào tranh giải. An Tiêm khoan thai đứng giữa khoang cái, tay cầm dùi, tay giơ chiếc trống khẩu phủ vuông nhiễu lụa. Tất cả các trống trong thuyền rền theo. Các tay chèo ở thuyền đua cứ vun vút qua. Thuyền qua trước bè ngự, trước thuyền An Tiêm đánh trống thúc giải rồi những đội thuyền đua rẽ ngang mặt sông ngay chỗ ấy sang tận bờ bên kia, bơi quanh tròn cái cột cờ cắm trên cọc rồi đảo ngoặt lại, đội thuyền nào trở lại, về được bè ngự trước nhất, đội ấy tranh được giải. Đây là những quãng tranh giải khó nhất, khó hơn cả lúc tranh lèo mê mải ngược nước. Đã chớm mùa nước, sóng sông đỏ ngầu vật vã truôi đi truôi lại, chiếc thuyền dài nhào vào sóng, nhồi lên lún xuống như đồ đồng, con thuyền năm mươi đôi bê chèo, khi đột ngột rẽ ngang dòng nước, khác nào giơ mạn cho sóng cản, thuyền như chui từ trong sóng ra. Chiếc nào ra được, ấy là sống. Nhiều chiếc lật úp giữa sóng. Sôi nổi nhất, rầm rộ nhất là lúc các đội thuyền tạt ngang sông như thế. Nhưng không phải mỗi chiếc chỉ chui ra một mình mà cả đội phải vượt được sóng, toàn vẹn đến trước bè ngự rồi mỗi thuyền cử một cặp chèo đầu bước lên bè lĩnh giải trên khố sóng sông Cái đỏ hồng trong tiếng hí, tiếng hò loạn mặt sông... Những phường chài theo nhau lao vào ngọn sóng như đàn én liệng trong sương mù. Tiếng trống khẩu

của An Tiêm vừa gióng lên, tất cả gióng trống đồng trên mặt nước đều rền lên với tiếng hí như ngựa phi của các tay chèo, rộn rã, sôi sục, mãi miết, hào hứng quá. Những chiếc thuyền cản mạn nhau vun vút. Những mái chèo rẽ nước, gạt sóng bạt khói lên cao ngất, mù mịt. Trong nháy mắt, cả đội thuyền bơi đều như con giải mười khúc đã bỏ xa những đội khác. An Tiêm dán mắt nhìn cảnh tranh đua hào hứng ấy rồi hỏi:

- Giỏi quá, đội thuyền côi nào lên nhanh thế vậy? Quan chấm giải thưa:

- Bẩm, thuyền Bãi Lữ... An Tiêm kinh ngạc:

- Bãi Lữ a? Cụ già Bãi Lữ đứng sau lưng, bước ra, chấp tay:

- Thưa vâng. An Tiêm ngửa mặt lên trời, nói:

- Khi ta ra đi, ngày đêm lúc nào cũng lo đất Bãi Lữ khó lòng sống qua được con nước mới, ngỡ mình như ong chúa, ong chúa bay đi thì đàn vỡ. Không ngờ người Bãi Lữ vẫn đội trời đạp đất hiên ngang giữa côi trần ai.

Ngày ta còn ở đấy, mới trị được nước mà chưa ai thạo nước, bây giờ tài sông nước người Bãi Lữ lại đứng đầu các côi thế này, còn hơn cả khi trước, hơn cả khi trước. Thật cao hơn cái nghĩ của ta.

Cụ già Bãi Lữ cung kính nói với An Tiêm:

- Chủ tướng ôi, chủ tướng còn nhớ khởi đầu côi ta ra sinh sống được trên bờ bãi ven sông, không còn phải ẩn nấu chui rúc vào hang hốc mái đá nữa, chỉ vì đêm ngày người côi ta phải lo nghĩ nạn trâu nước, phải có gan xem mặt nước cũng như mặt đất, có thể mới biết tung hoành mà trị trâu nước được. Người già chúng tôi thường nói lại lời chủ tướng rằng có lặn lội mới thành người được. Tối hôm ấy, trên tòa bè ngự mặt nước, nhà vua mở tiệc mừng cuộc trùng phùng của cả nhà An Tiêm cùng với cỗ thiết phùng chải giặt giải bơi. Từng thuyền chở đầy trai gái các côi về hát mừng. Tiếng hát, tiếng sáo, tiếng khèn réo rắt với thuyền chèo quanh bè tiệc suốt đêm. Thui trâu, nướng rùa, rơm đốt đỏ từng nạm ngay kề đầu bè.

Cỗ cũng làm trên mặt nước ấy. Hàng mấy trăm mâm cỗ bát đống giàn được khiêng ra, suốt cả một dải bè đã kết liền thành sàn giải chiếu dài nhìn đến cạn tầm mắt chưa thấy hết mâm cỗ. Tiếng ốc tù và bốn phía trên sông thổi conga cả sóng nước. Lửa đình liệu đêm nào cũng rừng rực, đêm nay những cây đình liệu càng rực rỡ tàn bay như sao sa. Cách kinh đô mấy ngày đường, người dưới bộ Dương Tuyền về phía nam nhìn lên đêm nay thấy được lửa tiệc vua. Tiếng trống đồng âm mặt nước lên tận nguồn bộ Lục Hải, xuống đến các cửa biển ngoài Ninh Hải, trống gióng tin hội lớn, lửa đốt sáng đêm khắp các côi mừng ngày trở về của những người thật xứng tên là người. Con sông Cái chảy ngang các côi, chứng kiến cả đất nước đoàn viên đương mở hội mừng. An Tiêm cả cười bảo Mon cùng đem chén đến trước chiếu hai ông lão cao tuổi đầu Bãi Lữ. Mỗi lần, cụ này đưa chén mừng cho cụ kia, hai ông lão đổi chén cùng uống cạn lẫn chén của nhau rồi cứ mỗi hơi lại vén râu cười ha hả kể lại từng khúc chuyện đời người từ khi cùng nhau bắc bếp gậy

dựng nên đất Bãi Lữ, đến khi chủ tướng phải ra đảo, lại đuổi theo giấu giếm đưa con dao, cái lửa. An Tiêm vỗ vai ông lão trên trăm tuổi:

- Cho tôi con dao cái lửa, ông lão cao kiến hơn tôi nhiều.

Đôi lúc chợt nghĩ, An Tiêm vẫn ngỡ ngỡ tưởng như tiệc rượu vua ban đêm nay trên bè ngự nổi lại tiệc mừng họp mặt với người Bãi Lữ

- thế thì khác nào đêm năm xưa xuống hội ở kinh đô. Lại có lúc cái vui cái phúc trùng nhau đến thế này! Mon nhìn ra mặt sóng. Trên nước đầu mùa đỏ rực, làn sóng trôi đi trôi lại, bóng núi Tản Viên, núi Tam Đảo xanh sẫm sừng sững hai ven sông. Lúc này, riêng Mon có một tâm sự. Từ lúc quăng trên sông đội thuyền Bãi Lữ đi đầu, nghe ông lão nói đẩy thuyền Bãi Lữ, nghe bố reo:

“Bãi Lữ a?”, lòng Mon bỗng nhiên lại mệnh mang nhớ đảo. Đứng đây, nơi Mon đã đi từ ngày tấm bé giờ trở lại, nỗi nhớ đảo của Mon cứ lẫn lộn với những câu chuyện cổ tích của bố mẹ kể khi ở nhà ngục trong bức tường đá, khi ở thuyền gặp bão, khi những ngày khốn khổ trên đảo. Sự tích trầu cau, chuyện ông Gióng. Đời bố ngày bé lăn lóc trên bờ biển ở Ninh Hải...

Những câu chuyện cũ ấy vẫn in từ lúc trẻ thơ qua khi trải cuộc sống ở đảo, đến nay vẫn như nguyên. Và từ lâu, đã dần dần thành một ước muốn khác, ước muốn riêng của Mon. Mon muốn một ngày kia ngoài đảo hoang xa ấy, tay mình sẽ gây dựng được nên như Bãi Lữ, đất ấy sẽ có những người hiên ngang như những trai tráng đội thuyền phường chài Bãi Lữ mà Mon trông thấy lúc nãy. Năm năm, người các côi ở đảo sẽ về kinh đô dự hội côm thi côm nén, hội vật, hội bơi chải... Nghĩ thế, cảm thấy vô cùng hào hứng. Kể từ khi còn ở ngoài mệnh mông, Mon đã nhiều lần nói ước mơ này với bố mẹ

- ước mơ cứ mỗi ngày một khắc khoải và đến bữa tiệc trên bè đêm nay thì càng tha thiết, càng bồi hồi.

o o o

Năm sau, đến mùa gió bắc thổi, Mon được trở lại đảo, như mong ước. An Tiêm hỏi Ma Li:

- Con muốn tìm về đảo cũ hay thế nào thì tùy ở con. Ma Li nói:

- Cho con đi với Mon. Nhà vua mở tiệc lớn tiễn. Nhà vua nói:

- Ngày trước, Mai An Tiêm đã có công đi mở đất Bãi Lữ ở đầu nguồn. Bây giờ, người hãy nối chí cha, đi dựng phen giậu phía nam cho đất nước.

Mon trở lại đảo cùng một đoàn hơn ba mươi chiếc thuyền. Thật là một đám rước từ sông Cái ra biển Đông mà cả đất nước biết tiếng. Bằng cả một làng ra đảo. Người Bãi Lữ có, lại nhiều người các côi khác được lời rao gọi, trai gái đều hăm hở đi. Nhiều người đem cả nhà cùng đi, cả con trẻ, chó con và gà lợn. Thuyền nào cũng chất chật ba khoang những vò giống, các giống lúa, giống đậu, giống vừng, giống kê. Có

người đánh cả vùng cây cau non, cuộn dây trầu không, hom dâu, trứng tằm, men rượu và lưới mào. Có thuyền lại tải trầu, thoi dệt, nồi ươm và khuôn đúc cày. Chẳng khác nào ngày trước, An Tiêm đem người đi lập làng ở Bãi Lữ. Quá nửa tháng, ra tới cửa sông. Lại đến mùa có từng đàn chim mòng, chim sếu hàng nghìn con bay về động như một mảng mây nước rợp bóng dòng sông. Những đàn chim phương bắc xuống phương nam tránh rét đậu xuống những bãi cát lầy đỏ, những bãi rêu đá đỏ hắt. Đoàn thuyền đã ra khơi. Những loài chim quen ăn ven biển đã đảo cánh trở lại bờ rồi. Chập tối, các tay chèo trên thuyền đương đổi bọn chèo lái, thuyền nào cũng nhộn nhịp tiếng hò. Phách nhất chèo mở mái ra Phách nhì chân dậm Phách ba reo hò Phách tư bớt dậm khoan chèo Đô ta... Đô tà... Mon nhớ đêm ngày trước thuyền ra biển. Chỉ nghe những tiếng đô ta... đô tà... quen thuộc ấy ở trong sông. Đến khi ra giữa trời nước, không còn thấy bờ, thuyền nào cũng ngày đêm âm thầm đi, chập tối và đêm trăng cũng không dám cất tiếng hò hát. Đi vào chốn bơ vơ, ai cũng khiếp đảm. Bây giờ mon nghe tiếng hò thâu đêm trên biển. Không trông thấy bờ, nhưng lúc nào cũng cảm được hơi đất từ trong bờ tỏa sau, ấm áp sau lưng. Cuối tuần trăng ấy, cả đoàn thuyền đã đổ một dây dài kể bãi cát bờ đảo phía nam. Mon và Ma Li cho gọi mấy trăm con người trên thuyền xuống và nói rằng:

- ở đảo này, chúng tôi có một bạn chí thiết chẳng khác ruột thịt. Mon kể cho mọi người nghe câu chuyện anh em gấu từ khi ở rừng, rồi Gấu anh gặp nạn, rồi Gấu em theo cả nhà ra bờ biển, cho tới ngày trở về, không hiểu tại sao tìm mấy hôm không thấy Gấu em đâu, đến khi thuyền ra khơi lại thấy Gấu em đứng trông theo. "Từ bấy tới nay, cả nhà tôi vẫn nhớ thương không nguôi được"

- Mon thở dài. Nghe chuyện, ai nấy đều mỉm lòng và nói:

- Chủ tướng ôi, con vật trong rừng mà cũng có nghĩa đến như thế thật đáng quý, chúng tôi phải đi tìm Gấu em về ở với làng ta. Ngày hôm ấy, Mon cùng một cánh trai tráng đi tìm Gấu em. Mon lặn lội về cả những nơi ở trước, những nơi xưa đã cùng Gấu em tới. Trèo mấy ngày mới đến được mé đảo có núi trọc, chỗ những cây cọ rừng đầu tiên thấy. Đã có khi Mon và Gấu em đến đây lấy cọ về cho mẹ phơi làm vải. Rồi ra đi theo dọc suối, những chỗ anh em gấu cùng đi dạo vàng với Mon. Nhớ những quãng nước trôi ra nhiều mảy vàng, cẳng chân đen sì của gấu vừa mò xuống, mảy vàng đã lấm tẩm lấp lánh lên tận khoeo. Không thấy Gấu em đâu. Mon nhớ còn một nơi chưa lục đến - chỗ cái hang để phòng chạy bão cận gần nhà. Mọi lần đến hang đá. Biết đâu, Gấu em bây giờ chẳng một mình ở hang ấy. Mon và những người đi theo giọng đuốc, soi khắp. Không thấy gì. Đứng im, chỉ nghe tiếng nước ở nhũ đá rỏ tanh tách, càng lặng ngắt. Trờ ra, cả bọn trèo qua dốc núi xuống sườn đá bên này. Đã sang đầu mùa nắng. Khơi xa ngăn ngắt trong xanh. Nhưng chốn này chẳng còn là nơi mà bao năm qua Mon chỉ quen mắt không thấy vết người. Bây giờ đã khác. Những chiếc thuyền đương xôn xao vào đậu bến. Trên cát, những mảng lưới phơi đầu thuyền. Ngoài bãi, mắt lưới lấp lánh ánh nắng. Những chiếc thúng câu cá và mảng đánh cá trôi ve vế như lá tre ngoài kia. Những mảnh buồm cói cánh dơi, như những đàn bướm bướm rập rờn trong nắng. Ngay chân núi, rầm rầm một đàn trâu bồng. Những con trâu chạy nhô nhóp, đương nhớn nghịch, có lúc chột đứng lại, ghé đầu chơi đùa nhau, có lúc khua sừng lách cách như gõ mõ đá. Đèo gỗ, đục đá, làm cột nhà sàn, đục cối, đóng cối, trình tường, những tiếng ký cách quen tai suốt một dọc bờ biển.

Tận mép nước xa tít, những bãi dừa đã lại vào mùa mới, lá xanh lên hơn hớn như khói. Mon dăm dăm nhìn ra một vùng trời nước mênh mang liền nhau trước mặt. Lại nghe cả sườn núi bên này cũng vang động tiếng bò rống, tiếng trâu ghé ngo. Rồi tiếng trẻ cười. Tiếng chó sủa. Con gà gáy trưa, tiếng gáy thật trong óng. Đâu đây, rền lên tiếng trống. Tiếng đồng như giọt nắng vàng long lanh xuống. Những tiếng dội của cuộc sống đảo hoang đương cự mình chuyển thành cỏi đất phì nhiêu mà rồi đây những xóm làng đầu tiên được dựng lên ở bến nước cửa suối Sáng ra biển. Tựa lưng vào sườn núi Mon đương ngồi nhìn xuống. Mon đã đi từ sau hội năm mới ở Phong Châu. Hội năm nào cũng sôi nổi, từng bừng những sôi vật cả nghìn người xem, những đám thổi cơm thi, những lều thi cổ cơm nén, cuộc bơi chải trên sông Cái. Khắp nước ngày đêm vào hội linh đình, tràn ra suốt tháng và các cỏi, hội hè là niềm vui về cái ước muốn của thường tình người ta. Nhưng Mon không may mắn lưu luyến. Thế là Mon cùng Ma Li và mọi người ra đi... Bố mẹ và em tiễn xuống tận đầu bến. Bố bảo Mon:

- ước muốn của bố con ta đã toại nguyện. Con đem người đi lần này phải làm nên công nên của mà bố con ta đã mơ ước từ ngày mới đặt chân lên đỉnh núi trọc ngoài ấy, con nhớ không? Mon lạy bố mẹ và thưa:

- Con xin được nối chí cha mẹ. Gái cứ nhắc đi nhắc lại, mắt rơm rớm:

- Thế nào anh cũng cố đi tìm Gấu em, tội nghiệp nó. Bất giác, Mon nhìn lên bóng trái núi lừng lững xanh. ọ hay, ô hay, Mon để ý sao thấy hòn núi hệt hình con gấu. ờ, hệt hình Gấu em. Bao nhiêu năm nay, Mon vẫn thấy hòn núi này ở đây nhưng giờ mới trông ra thấy núi giống hình gấu, con gấu đương cúi xuống uống nước, như năm ngoái, lúc thuyền đã ra khơi. Hay là cái núi vừa mới giống con gấu? Biết tại hòn núi giống bóng con gấu hay lòng thương nhớ làm cho mắt nhìn núi như con gấu anh em. Lưng núi loang lỗ đá trắng. Mới cách năm mà thương nhớ đã khiến gấu già bạc cả lưng rồi. Bao giờ mới lại gặp được? ánh nắng mờ như sương phủ dưới chân. Nước óng ánh, nước mắt. Gấu khóc từ ngày anh em mình lạc nhau? Từ ngày ấy, Gấu vẫn cúi xuống uống nước biển, cố uống cho cạn biển khiến những chiếc thuyền đương đi phải đứng lại, cho người trở về với gấu?

Biển xanh không cùng, vô cùng, sao mà uống cho cạn được. Kia kìa, Gấu em đứng, hai chân trước phục xuống, mõm vươn dài trên mặt biển. Một làn sương ở đâu thả đến. Làn sương bay qua, vẫn thấy Gấu em quỳ uống nước. Như vẫn uống nước như thế từ năm trước, từ khi mình đi. Mon bồi hồi trong lòng. Gấu đương muốn uống cạn biển. Một cơn khát suốt đời. Uống cho hết nước biển Đông, cho thuyền dừng lại, cho ta gặp nhau. Nhưng bây giờ Mon đã trở về, tha thiết. Sao chẳng thấy em? Không, ta sẽ gặp. Gấu em thích ăn dừa đỏ, có khi đến mùa dừa này ra bãi lại gặp. Lần ấy về, Mon đào vách núi chỗ ấy làm tường, dựng nhà ngay bên sườn núi hình gấu. Những đêm lạnh. Mon đốt sưởi ngồi bên tường đất đến khuya. Hơi đất núi được lửa, cảm thấy được tựa vào gấu, nằm gối đầu trên cánh tay ấm của gấu như những mùa lạnh trước. Nhiều đêm nghĩ vẫn vợ, không chợp mắt được. Mon lại cùng Ma Li vào rừng dẫn vào. Hai người theo suối đi mãi vào một khoảng rừng phía bên kia núi. Một đôi xa, đến một quãng, Mon nhận ra đây gần nơi rừng năm xưa Mon bị bão nước ống trôi sang đây. Trí nhớ trở về những kỷ niệm đầu tiên, dù xa đến đâu, nhưng mỗi khi chợt nghĩ, lại như được phúi bụi đi, mỗi lúc một rõ. Một gốc thông. Một bụi dây bìm leo quấn với dây củ mài. Những lùm hoa tầm xuân hồng nhạt. Những tảng đá đen đá trắng. Đi đến chỗ nào, Mon lại kể

cho Ma Li nghe chuyện cũ như thế. Những vật vô tri cũng có sự tích. Ma Li cũng tưởng mình được sống trong cảnh gian khổ lạ lùng ngày trước với Mon. Mon nói:

- Ma Li à, chỗ bãi cỏ vàng vàng kia... Sáng sớm hôm ấy, vừa mưa xong, tôi vào đây kiếm cái ăn... tôi thấy vết chân gấu... tôi thấy con trăn núc chết gấu mẹ ở chỗ kia... Tôi trông thấy anh em gấu con trong cái khe đá... Lúc ấy, Ma Li chợt đứng lại, kêu lên:

- Vết chân gấu... Vết chân gấu... Mon cũng sững lại, không nhúc nhích. Mon đã nhận thấy hình như có vết chân gấu mờ mờ trong những túm cỏ xơ xác. Hay là mắt mình ngỡ như thế. Mình đương nghĩ chuyện ngày trước mà. Nhưng không phải. Rõ hẳn bốn móng khoằm xuống, móng chân gấu. Một móng sau hơi gẩy bụi lên làm mờ mờ lá cỏ úa, - bụi ấy như mơ màng trải lên cả một vùng bàng hoàng. Hai người rón rén dò theo vết cỏ. Đến trước một cái khe hoắm vào đá thành chỗ ngồi được. Ờ, cái khe đá này ngày trước... Mon đã phóng lao... Con trăn chạy chết vào rừng...

Rồi Mon đến dưới khe ôm hai anh em gấu về nuôi. Mon trông lên vòm đá. Bỗng Mon thấy một con gấu ngồi thu lu trên ấy, ngay trước mặt Mon. Ma Li cũng trông thấy con gấu ấy. Ma Li hấp tấp quay lại, nhảy tót lên cây, chĩa cái lao định phóng xuống giết con thú dữ để cứu Mon. Mon cứ đứng sững sờ. Mon nói khàn khàn rõ tiếng:

- Có phải Gấu em không? Phải em không? Con gấu vườn mình, nhảy xuống, bước ra. Con gấu đến trước mặt Mon, đứng lên, một tay đặt lên vai Mon. Thằng Gấu em đây. Không biết đấy là hai con mắt nó long lanh sung sướng hay đấy là hai giọt nước mắt. Mon cũng cảm thấy nhòa nhòa trên mắt mình, không nhìn rõ được. Chỉ mới ít lâu mà sao Gấu em lại lụ khụ, tha thui hẳn đi như thế. Đám lông bờm mọi khi đen nhánh bây giờ đã rụng trụi xuống, trơ một mảng da bả vai xám ngắt, nhăn nheo - như bóng núi gấu già ngoài kia. Mon vòng tay ôm Gấu em. Im lặng một lúc. Rồi quay lại, gọi Ma Li:

- Gấu em đây rồi, Ma Li ơi! Ma Li loay hoay tụt từ trên cây xuống, bước lại. Chưa hết sững sờ. Tay vẫn nắm chặt cây lao trúc. Mon quàng vai Ma Li, kéo lại. Một bên Gấu em, một bên Ma Li, Mon nói:

- Gấu em của chúng mình đây rồi, đây rồi. Thật là Gấu em đã yếu, một chân phải bước khập khiễng. Nhưng hai con mắt vui sướng cứ long lanh. Gấu em bám lấy cổ Mon. Mon và Ma Li bá vai gấu, bước về phía bờ biển. Dường như tất cả những người trong đất quê ra lập nghiệp ở đảo, đã nghe tiếng đồn bay như gió thổi, lúc ấy đã chạy ùn tới. Tiếng reo hét, tiếng hò la, tiếng ốc tù và rúc gọi nhau về mừng chủ tướng gặp được Gấu em, vang động, ánh ỏi, âm âm cả một vùng từ rừng xuống bãi. Gấu em lại nghe những tiếng kỳ lạ ghê gớm ấy. Nhưng không còn cảm thấy sợ và buồn tủi như lần trước. Không hiểu tại sao.

Cũng như không bao giờ ai hiểu được tại sao Gấu em ốm yếu trở về nằm chỗ khe đá, nơi mẹ chết, nơi ngày trước Mon đã đưa gấu về nhà. Nó trở lại đấy vì tình cờ, hay vì một thoáng nhớ nào. Không ai có thể biết. Tất cả đi về phía biển, chỗ núi hình gấu. Hòn núi đá hình gấu kia như tấm lòng mong nhớ của Gấu em, của Mon - của cả Gái nữa - muôn thuở vẫn sừng sững đấy. Bây giờ lại gặp nhau. Tình nghĩa đi vào trong

thương cảm, mãi mãi như bóng núi. Về sau, Mon cho lập trại, lập làng ở bờ biển quanh chân núi. Mỗi hôm, mặt trời ngả sau núi, bóng núi lại che xanh thẫm trên các xóm. Chỗ doi đá hình mõm gấu vươn dài uống nước, thành cái bến - thuyền bè các nơi đi đến tập nập, nhất là tới mùa trảy dưa đỏ.

Hết

Mục lục

Lời Tác Giả:

Chương I

Chương Ii

Chương Iii

Chương Iv

Chương V

Chương Vi

Chương Vii

Chương Viii

Chương Ix

Chương X

DẾ MÈN PHIÊU LƯU KÝ

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Lời Tác Giả:

Dế Mèn sắp ra Hải Phòng, lại vào miền Nam, rồi đi Sô-phi-a. Năm trước, đã đến sông Đa-nuýp bờ bên này. Bây giờ mới sang Bun-ga-ri. Dế Mèn vẫn mong ước. Dế Mèn có nhiều bạn. Dế Mèn vẫn thư từ với Quảng Nam Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh, U-lan-ba-to, Răng-gun, Tô-ki-ô... Vui nhất được đi nhiều, được nhiều bạn. đất nước tuyệt vời, chân không bao giờ biết đâu cùng.

Một lần kia, tôi thăm trường phổ thông số 5 ngoại thành Mát-xcơ-va. Các lớp ngồi nghe kể chuyện Việt Nam đánh đế quốc Mỹ, rồi hỏi :

- Các bạn có quen Dế Mèn không ?

Tất cả cười ầm, giơ tay một loạt :

Các bạn Mát-xcơ-va gửi tôi một món quà nhớ mang cho Dế Mèn. Cái hộp to, trong đặt chiếc khay nhôm vuông như cái sân gạch, trên có cây chuối, cây tre, quả dưa và tượng bằng nhựa màu, đủ mặt Dế Mèn, Dế Trũi, bác Xiển Tóc, cái Kiến, cô Niềng Niềng, anh Gọng Vó...

Tôi hỏi Dế Mèn :

- Anh đã đi nhiều thế anh học được điều gì ?

Dế Mèn đáp :

- Nhiều lắm chứ. Tục ngữ có câu : Đi một ngày đàng học một sàng khôn cơ mà. Trái đất như quyển sách hay, ai chịu khó xem xét và suy nghĩ đều học được những điều bổ ích.

Các bạn thành phố cửa biển Hải Phòng ! Các bạn Sô-phi-a ! Các bạn ở phía nam đất nước !.... Câu nói ấy của Dế Mèn, xin gửi bạn.

Hà Nội, tháng ba 1986

Tô Hoài.

ĐẾ MÈN PHIÊU LƯU KÝ

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương I

Tôi sống độc lập từ thừa bé. ấy là tục lệ lâu đời trong họ nhà đế chúng tôi. Và lại, mẹ thường bảo chúng tôi rằng : "Phải như thế để các con biết kiếm ăn một mình cho quen đi. Con cái mà cứ nhong nhong ăn bám vào bố mẹ thì chỉ sinh ra tính ỷ lại, xấu lắm, rồi ra đời không làm nên trò trống gì đâu". Bởi thế, lứa sinh nào cũng vậy, đẻ xong là bố mẹ thu xếp cho con cái ra ở riêng. Lứa sinh ấy, chúng tôi có cả thầy ba anh em. Ba anh em chúng tôi chỉ ở với mẹ ba hôm. Tới hôm thứ ba, mẹ đi trước, ba đưa tôi tập tễnh, khắp khởi, nửa lo nửa vui theo sau. Mẹ dẫn chúng tôi đi và mẹ đem đặt mỗi đứa vào một cái hang đất ở bờ ruộng phía bên kia, chỗ trông ra đầm nước mà không biết mẹ đã chịu khó đào bới, be đắp tình tươm thành hang, thành nhà cho chúng tôi từ bao giờ. Tôi là em út, bé nhất nên được mẹ tôi sau khi dặt vào hang, lại bỏ theo một ít ngọn cỏ non trước cửa, để tôi nếu có bờ ngỡ, thì đã có ít thức ăn sẵn trong vài ngày. Rồi mẹ tôi trở về

Tôi cũng không buồn. Trái lại, còn thấy làm khoan khoái vì được ở một mình nơi thoáng đãng, mát mẻ. Tôi vừa thầm cảm ơn mẹ, vừa sạo sục thăm tất cả các hang mẹ đưa đến ở. Khi đã xem xét cẩn thận rồi, tôi ra đứng ở ngoài cửa và ngừng mắt lên trời. Qua những ngọn cỏ ấu nhọn và sắc, tôi thấy màu trời trong xanh. Tôi dọn giọng, vỗ đôi cánh nhỏ tới nách, rồi cao hứng gáy lên mấy tiếng rõ to.

Từ đây, tôi bắt đầu vào cuộc đời của tôi. Cho dù tôi sẽ sung sướng hay khổ sở, cái đó tùy ở tính tình tôi khôn ngoan hay đần độn. Song tôi chưa cần biết đến thế, tính đến thế. Mà hãy lấy sự được ung dung độc lập một mình là điều thích lắm rồi....

Ngày nào cũng vậy, suốt buổi, tôi chui vào trong cùng hang, hì hục đào đất để khoét một cái ổ lớn, làm thành cái giường ngủ sang trọng. Rồi cũng biết lo xa như các cụ già trong họ đế, tôi đào hang sâu sang hai ngã làm những con đường tắt, những cửa sau, những ngách thượng, phòng khi gặp nguy hiểm, có thể thoát thân ra lối khác được. Chập tối, tôi tạm nghỉ tay và ra đứng ngoài cửa, họp cùng anh chị em hàng xóm quanh bờ ruộng, vừa gảy đàn vừa hát một bài hát hoàng hôn chào tạm biệt ông mặt trời. Khi đêm đã xuống hẳn, cả xóm chúng tôi, các cô lão để lụ khụ già cỗi để cũng bỗng nhiên vui tính, ai nấy ra khỏi hang, đến tụ hội thật đông tậ giữa bãi trong đêm tối mát lạnh, cùng uống sương đọng, ăn cỏ ướt và những gã tài hoa thì gảy đàn thổi sáo, cùng nhau ca hát, nhảy múa linh đình đến tận sáng bạch, lúc ông mặt trời quen thuộc lại nghiêm trang ló lên đằng đông mới tan cuộc ai về nhà nấy.

Ngày nào, đêm nào, sớm và chiều nào cũng ngần ấy thứ việc, thứ chơi. Kể đời mà được như thế cũng khá an nhàn, nhưng mới đầu còn thấy hay hay, về sau cũng nhàm dần.

Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu tôi đã trở thành

một chàng rể thanh niên cường tráng. Đôi còng tôi mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đập phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Đôi cánh tôi, trước kia ngắn hủn hoãn bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ lên, đã nghe tiếng phành phạch giòn giã. Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc. Sợi râu tôi dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng. Tôi lấy làm hãnh diện với bà con vì cặp râu ấy lắm. Cứ chốc chốc tôi lại trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu.

Tôi đi đứng oai vệ. Mỗi bước đi, tôi làm điệu dún dẩy cả khoeo chân, rung lên rung xuống hai chiếc râu. Cho ra kiểu cách con nhà võ. Tôi tốn lắm. Dám cà khịa với tất cả mọi bà con trong xóm. Khi tôi to tiếng thì ai cũng nhin, không ai đáp lại. Bởi vì quanh quẩn ai cũng quen mình cả. Không nói, có lẽ họ nể hơn là sợ. Nhưng tôi lại tưởng thế là không ai dám ho he. Ấy vậy, tôi cho tôi giỏi. Những gã xốc nổi thường làm cử chỉ ngông cuồng là tài cao. Tôi quát mấy chị Cào Cào ngụ ngoài đầu bờ khiến mỗi lần thấy tôi đi qua, các chị phải núp khuôn mặt trái xoan dưới nhánh cỏ, chỉ dám đưa mắt lên nhìn trộm. Thỉnh thoảng, tôi ngứa chân đá một cái, ghẹo anh Gọng Vó lấm láp vừa ngơ ngác dưới đầm lên. Tôi càng tưởng tôi là tay ghê gớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi.

Chao ôi, có biết đâu rằng : hung hăng hống hách láo chỉ tôi đem thân mà trả nợ những cử chỉ ngu dại của mình thôi. Tôi đã phải trải cảnh như thế. Thoát nạn rồi mà còn ân hận quá, ân hận mãi. Thế mới biết, nếu đã trót không suy tính, lỡ xảy ra những việc đại dột, dù về sau có hối cũng không thể làm lại được.

Câu chuyện ân hận đầu tiên mà tôi ghi nhớ suốt đời

Bên hàng xóm tôi có cái hang của Dế Choắt. Dế Choắt là tên tôi đặt cho nó một cách chế diễu và trịch thượng thế. Choắt nó cũng chắc trạc tuổi tôi. Nhưng vì Choắt bẩm sinh yếu đuối nên tôi coi thường và gã cũng sợ tôi lắm. Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện. Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn ngủn đến giữa lưng, hở cả hai mạng sườn như người cởi trần mặc áo gi-lê. Đôi càng bè bè, nặng nề trông đến xấu. Râu ria gì mà cụt có một mẫu, mà mặt mũi lúc nào cũng ngẩn ngẩn ngơ ngơ. Đã vậy tính nết lại ăn sổi, ở thì (thật chỉ vì ốm đau luôn luôn không làm được) một cái hang ở cũng chỉ bới nông sát mặt đất, không biết đào sâu rồi khoét ra nhiều ngách như hang tôi.

Một hôm tôi sang chơi, thấy trong nhà luộm thuộm, bẽ bộn, tôi bảo :

- Sao chú mày sinh sống cầu thả quá như thế ! Nhà cửa đâu mà tuềnh toàng. Ngộ có kẻ nào đến phá thì thật chú chết ngay đuôi ! Này thử xem : khi chú chui vào tổ lưng chú phải lồm cồm đụng sát lên tận mặt đất, làm cho ai trên về cỏ nhìn sang cũng biết chú đương đi đứng chỗ nào trong tổ. Phỏng thử có thằng chim Cắt nó nhòm thấy, nó tưởng mồi, nó mổ một phát, nhất định trúng giữa lưng chú, thì chú có mà đi đời ! Ôi thôi, chú mày ơi ! Chú mày có lớn mà chẳng có khôn.

Ngẫm ra thì tôi chỉ nói lấy sướng miệng thôi. Còn Dế Choắt than thở thế nào, tôi cũng không để tai. Hồi ấy tôi có tính tự đắc, cứ miệng mình nói tai mình nghe chứ không biết nghe ai, thậm chí cũng chẳng để ý có ai nghe mình không.

Dế Choắt trả lời tôi bằng một giọng rất buồn rầu :

- Thưa anh, em cũng muốn khôn, nhưng không không được, đụng đến việc là em thờ rỗi, không còn hơi sức đâu mà đào bới nữa. Lắm khi em cũng nghĩ nổi nhà cửa thế này là nguy hiểm, nhưng em nghèo sức quá, em đã lo ròng rã hàng mấy tháng nay cũng không biết làm thế nào. Hay bây giờ em định thế này... Song anh có cho phép nói em mới dám nói ...

Rồi dế choắt loang quanh, bần khoản. Tôi phải bảo :

- Được, chú mình cứ nói thẳng thừng ra nào :

Dế choắt nhìn tôi mà rằng :

- Anh đã nghĩ thương em như thế thì hay là anh đào giúp cho em một cái ngách sang bên nhà anh phòng khi tắt lửa tối đèn có đứa nào đến bắt nạt thì em chạy sang...

Chưa nghe hết câu tôi đã hếch răng, xì một hơi rõ dài rồi, với điệu bộ khinh khỉnh, tôi mắng :

- Hức ! Thông ngách sang nhà ta ? Dể nghe nhỉ ! Chú mày hôi như cú mèo thế này, ta làm sao chịu được. Thôi im cái điệu hát mưa dầm sùi sùi ấy đi. Đào tổ ong thì cho chết !

Tôi về không một chút bận tâm.

Một buổi chiều, tôi ra đứng cửa hang như mọi khi, xem hoàng hôn xuống.

Mấy hôm nọ, trời mưa lớn, trên những hồ ao quanh bãi trước mặt, nước dâng trắng mênh mông. Nước đầy và nước mới thì cua cá cũng tảo nập xuôi ngược, thế là bao nhiêu cò, sếu, vạc, cốc, le le, sâm cầm, vịt trời, bồ nông, mòng, két ở các bãi sông xơ xác tận đâu cũng bay cả về vùng nước mới để kiếm mồi. Suốt ngày họ cãi cọ om bốn góc đầm, có khi chỉ vì tranh một mồi tép, có những anh cò vêu vao ngày ngày bì bõm lội bùn tím cả chân mà vẫn hếch mỏ, chẳng được miếng nào. Khổ quá, những kẻ yếu đuối, vật lộn cật lực thế mà cũng không sống nổi. Tôi đứng trong bóng nắng chiều tỏa xuống ánh nước cửa hang mà suy nghĩ việc đời như thế.

Bỗng thấy chị Cốc từ mặt nước bay lên, đến đậu gần hang tôi, cách có mấy bước. Chừng rớ được món nào, vừa chén xong, chị tìm đến đứng chỗ mát rìa lông, rìa cánh và chúi mép.

Tính tôi hay nghịch ranh. Chẳng bận đến tôi, tôi cũng nghĩ mưu trêu chị Cốc. Tôi cất tiếng gọi Dế Choắt. Nghe tiếng thưa, tôi hỏi :

- Chú mình có muốn cùng tớ đùa vui không ?
- Đùa trò gì ? Em đương lên cơn hen đây. Hừ hừ...
- Đùa chơi một tí.
- Hừ hừ... cái gì thế ?
- Con mụ Cốc kia kìa.

Dế Choắt ra cửa, hé mắt nhìn chị Cốc. Rồi hỏi tôi :

- Chị Cốc béo xù đứng trước cửa nhà ta ấy hả ?
- ừ.
- Thôi thôi... hừ hừ... Em xin vái cả sáu tay. Anh đừng trêu vào... Anh phải sợ...

Tôi quắc mắt :

- Sợ gì ? Mà bảo tao sợ cái gì ? Mà bảo tao còn biết sợ ai hơn tao nữa ?
- Thưa anh, thế thì... hừ hừ...em xin sợ. Mời anh cứ đùa một mình thôi.

Tôi lại mắng Dế Choắt và bảo :

- Giương mắt ra xem tao trêu con mụ Cốc đây này.

Tôi rình đến lúc chị Cốc rĩa cánh quay đầu lại phía cửa tôi tôi, tôi cất giọng véo von :

Cái Cò, cái Cạc, cái Nông

Ba cái cùng béo, vật lông cái nào ?

Vật lông cái Cốc cho tao

Tao nấu, tao nướng, tao xào, tao ăn.

Chị Cốc nghe tiếng hát từ trong đất vắng vắng lên, không hiểu như thế ào, giật nảy hai đầu cánh, muốn bay. Đến khi định thần lại, chị mới trợn tròn mắt, giương cánh lên như sắp sửa đánh nhau. Chị lò dò về phía cửa hang tôi hỏi :

- Đứa nào cạnh khoé gì tao thế ? Đứa nào cạnh khoé gì tao thế ?

Tôi chui tọt ngay vào hang, lên giường nằm khẽnh, bắt chân chữ ngũ. Bụng nghĩ thú vị : " Mày tức thì mày cứ tức, mày ghè vỡ đầu mày ra cho nhỏ đi, nhỏ đến đâu mày cũng không chui nổi vào tổ tao đâu !"

Một tai hoạ đến mà đứa ích kỷ thì không thể biết trước được. Đó là, không trông thấy tôi, nhưng chị Cốc đã trông thấy Dế Choắt đang loay hoay trong cửa hang, chị Cốc liền quát lớn :

- Mày nói gì ?

- Lạy chị, em nói gì đâu ?

Rồi Dế Choắt lủi vào.

- Chối hả ? Chối này ! Chối này.

Mỗi câu "chối này" chị Cốc lại giáng một mỏ xuống. Mỏ Cốc như cái dùi sắt, chọc xuyên cả đất. Rúc trong hang mà bị trúng hai mỏ, Choắt queo xương sống lăn ra kêu vánh. Núp tận đáy đất mà tôi cũng khiếp, nằm im thít. Nhưng đã hả cơn tức, chị Cốc đứng rửa lông cánh một lát nữa rồi lại bay là xuống đầm nước, không chút để ý đến cảnh khổ đau vừa gây ra.

Biết chị Cốc đi rồi, tôi mới mon men bò lên. Trông thấy tôi, Dế Choắt khóc thảm thiết.

Tôi hỏi một câu ngớ ngẩn :

- Sao ? Sao ?

Choắt không dậy được nữa, nằm thoi thóp. Thấy thế tôi hốt hoảng quỳ xuống, nâng đầu Choắt lên mà than rằng :

- Nào tôi đâu biết cơ sự lại ra nông nổi này ! Tôi hối lắm. Tôi hối hận lắm! Anh mà chết là chỉ tại cái tội ngông cuồng dại dột của tôi. Tôi biết làm thế nào bây giờ ?

Tôi không ngờ Dế Choắt nói với tôi một câu thế này :

- Thôi, tôi ốm yếu quá rồi, chết cũng được. Nhưng trước khi nhắm mắt, tôi khuyên anh : ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy.

Thế rồi Dế Choắt tắt thở. Tôi thương lắm. Vừa thương vừa ăn năn tội mình. Giá tôi không trêu chị Cốc thì đâu đến nỗi Choắt việc gì. Cả tôi nữa, nếu không nhanh chân chạy vào hang thì tôi cũng chết toi rồi.

Tôi đem xác Dế Choắt đến chôn vào một vùng cỏ bùm tum. Tôi đắp thành nấm mộ to. Tôi đứng lặng giờ lâu, nghĩ về bài học đường đời đầu tiên.

ĐỂ MÈN PHIÊU LƯU KÝ

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương li

Tôi tập suy nghĩ về mọi hành động của mình. Lòng đoan với lòng rằng từ đây phải biết phân biệt hành vi lỗi lầm với những việc làm có suy nghĩ. Như thế, tôi bắt đầu sống bình tĩnh. Nhưng những ngày phẳng lặng đó cũng chỉ được ít lâu. Bao nhiêu lâu tôi cũng không nhớ. Rồi tình cờ tôi phải trải qua một cuộc phiêu lưu sóng gió và kỳ lạ. ấy là vào đầu mùa hè một năm kia. Buổi sáng tôi đang đứng ngoài cửa gặm mấy ngọn cỏ non ăn điểm tâm. Bỗng đằng cuối bãi tiến lại hai cậu bé con, tay cầm que, tay xách cái ống bơ nước. Thấy bóng người, tôi vội lẩn xuống cỏ, chui nhanh về hang. Bỗng chốc tôi nghe tiếng chân bước thành thạch lộ trên đầu. Và riu rít những tiếng nói, tiếng gọi :

- á này. Này !

- Cái gì ?

- Chỗ này đích rồi. Đất đùn mới tinh !

- ờ ờ đúng. Gõm chứa, bao nhiêu đất mới đùn. Lại vết chân cu cậu mới ra vào còn nhẵn thín. Bé ơi ! Đưa dao đây để tớ khoét lỗ, đằng ấy đi xách nước đi. Nhanh lên.

Lập tức tôi nghe tiếng thọc dao chuyển cả đất và thấy đất rơi lả tả xuống ngay đầu. Biết có biến lớn, tôi vội nhảy lên nấp cao trên vách thượng. Đứng đấy một chốc thì có nước ộc tới. Bọn trẻ đổ nước định lừa tôi ra. Nhưng mỗi đợt nước vào chỉ dâng đúng đến vuốt chân tôi lại rút xuống. Bởi vì khi bình thời, tôi đã cố ý đào ra nhiều đường ngang. Bây giờ nước vào những không có chỗ đọng được trong hang mà nước theo vách thoát cả ra ngoài. Hai đứa trẻ ranh lắm. Chúng không chịu bỏ. Chúng huỳnh huých chạy quanh, xem xét dấu vết các mặt, chúng đoán đích trong tổ này có đế. Nhất cái cậu tên là Nhớn. Mấy lần Bé đổ nước không thấy đế bò ra, đã toan đi, nhưng Nhớn cứ khẳng khẳng :

- Tớ cam đoan thế nào cũng phải có. Mà lại đế to hạng nhất cơ. Cái thứ đế cụ nó bạo nước lắm, ngập cả râu trong nước nó cũng vẫn đứng được, phải ngâm nước đến hàng giờ thì đế cụ mới chịu sặc mà nhoi ra. Bây giờ mình phải tìm cách lấp hết các vách xung quanh cho nước đọng lại trong hang, cu cậu tắc thở, thế nào cũng tuột ra thôi.

Nói như thế là làm y vậy, nghe rộn gáy. Lập tức, tôi thấy hang tối sẫm. Những vách ngang vách dọc vào hang tôi đều bị lấp cả. Chỉ còn mỗi một đường chính để chui ra. Chúng bắt tôi phải xộc ra con đường ấy cho chúng tóm cổ. Bây giờ, nước lừa vào đến đâu, đọng đến đấy và cứ dâng dần dần... Trước đến lưng, sau lúm cả đầu. Chỉ còn hai cái râu thò lên đụng đây. Rồi râu cũng ngập nốt. Nhưng tôi vẫn cố nhịn thở, không chịu ló đầu ra. Tôi nghĩ nước có ngập, nước cũng chỉ ngập một chốc rồi lại thấm sâu vào đất, đất

này là đất cát và tôi nhịn thở được.

Song dù nhờ đất thấm nước khoẻ thế, cũng không phải cách bền vững. Quả nhiên, chẳng mấy chốc, đất cát cũng đã ngấm no nước, không chịu thấm nữa, vậy là nước lại ứ lên. Tôi lo quá, phen này phải bò ra mất. Ôi thôi, nếu bò ra bây giờ, đời tôi còn gì ! Hai đứa trẻ kia sẽ bắt tôi đem về làm miếng mồi béo cho con gà chọi, con hoạ mi, con sáo mỏ ngà của chúng xơi ngon. Bọn cá chậu chim lồng ấy mà vợ được món ăn mỡ màng như thằng tôi thế này thì phải biết là thích. Mà cứ gan liên chôn chân ở đây rồi cũng đến chết ngạt, chết đuối mất. Rồi, tuy không định ra hẳn những mỗi lần nước ộc vào, tôi cứ tự nhiên nhích người ra một mảy, làm như vậy tôi thấy đầu tôi được thò lên mặt nước. Như thế nghĩa là tôi lại hít được một chút không khí. Có dễ chịu hơn. Từ đấy hễ bọn trẻ đổ nước vào, tôi lại hơi nhoi ra một tí, một tí mà không cảm thấy mình đương nhoi dần ra. Không may cho tôi biết bao ! Tôi không biết rằng cứ như thế, có được dễ thở, nhưng nguy hiểm là mỗi lần nhấc chân lên, là nhích ra. Thế rồi một lần nước vừa rút xuống khoeo, đột nhiên ở ngoài cửa hang bọn trẻ trông vào thấy cái đầu của tôi.

- Đây rồi ! Đầu to gộc, bóng quá !

Tôi rút ngay vào. Song đã muộn. Họ trông thấy tôi rồi. Đã trông thấy tất họ phải bắt cho kỳ được. Quả nhiên, nước càng dội vào, tiếng hò hét càng to, có lúc tiếng chân tay vỗ, giậm đoạn rung chuyển cả đất bốn bên. Tôi run người lên, tôi bí thở, tôi vùng vẫy vì bức nước. Rồi trong bụng không định mà chân lại cứ nhấc dần ra. Bỗng nghe một tiếng xoạt ngay sau lưng, như tiếng sét. Quay lại, một thanh nứa, lại cả mũi dao nữa, đã thực xuống chắn ngang đường vào cuối hang. Thì ra, hai đứa trẻ khôn ngoan, trông mặt nước động biết tôi đã chui ra đứng cửa tổ. Họ xiên dao xiên nứa xuống chặn lối sau lưng tôi. Nếu trúng thì đứt đôi người ! Nhưng tôi chưa kịp giật mình, đã có cảm giác cái thanh nứa chẹn lưng đương bẩy tôi ra. Hai đứa trẻ, đứa thì đẩy thanh nứa, đứa thì ngồi gõ vào cái ống bơ đựng nước, mồm kêu thòm thòm giả làm trống ngũ liên doạ nạt, thúc giục vánh cả bãi.

Bị hất mạnh, bí quá tôi liền nhảy ra.

- Anh em ơi ! Dể cụ ! Dể cụ !

- Ha ! Ha ! Bắt được dể cụ !

- To bằng bốn thằng ve sầu !

- Dể cụ mà lị !

Nhớ tóm được tôi. Tôi cắn cho cậu bé một miếng vào ngón tay. Nó kêu thét. Tôi bồi cho cái đập hậu, nó buông rời tôi ra. Được dịp, tôi vội nhảy trốn vào giữa bãi cỏ. Nhưng cả hai đứa trẻ, đứa cầm giỏ, đứa cầm ống bơ, đuổi theo úp tôi. Chỉ loáng mắt, tôi đã nằm chổng vó giữa giỏ. Tôi cố cắn nan giỏ mỏng rớt, nhưng chưa nhảy được mắt nào, họ đã đem buộc túm cái dít giỏ lại khiến tôi không nhúc nhích, cựa quậy được nữa. Họ xếp ống bơ xách nước và các đồ chơi lại, ra bờ đầm rửa chân rửa tay và xách tôi theo.

Họ vui vẻ ra về. Chân bước theo nhịp tay múa. Miệng hát ý ơ. Vẻ khoái tử lắm. Nằm tròn trong đít giỏ, tôi đưa mắt nhìn lần cuối cùng phong cảnh nơi tôi ở. Cỏ non xanh rờn, mặt nước bạc mênh mông. Nắng vàng rải trên lá cây, vàng một màu tươi lạ lùng, lòng tôi đau như cắt. Hai hàng nước mắt tuôn rơi. Dần mỗi bước một xa. Ngoảnh đầu lại không trông thấy nữa, thế là khuất hẳn. Phen này tôi tắt chết.

Hai đứa trẻ đem tôi ra khỏi bãi, qua một quãng đường ngoắt ngoéo bên thành tre rậm rạp, tới một lối nhỏ đi men đến một cái cổng tán. Nhón vào nhà cất mọi thứ đồ đạc "đúc" đế, còn Bé thì đặt giỏ xuống. Biết số phận mình sắp được định đoạt, tôi thấy hồi hộp và lạnh cả sáu gan bàn chân. Sắp làm mồi cho gà, cho chim chẳng ? Nhưng quanh đây, tôi không nghe tiếng móng chim hoạ mi cào vào nan lồng, cũng không thấy con gà chọi mặt đỏ tía tai nào. Tôi hơi yên yên.

Nhón ở trong nhà ra. Bé nói :

- Đem thằng đế này quăng ra ao cho "xừ" vịt bầu của chúng mình "xực" một bữa, Nhón ạ.

Tôi giật mình đánh thót một cái. Nhưng Nhón xua tay bảo :

- Không ! Đúc được thằng đế cụ thể này hiếm lắm. Đế này đế cụ, gan liền tướng quân đây. Thằng Thịnh hôm nọ cũng có một con đế, nó khoe đế nó khoẻ nhất, cho đánh nhau, đánh thằng đế nào cũng phải thua. (Tôi đã hơi nóng gáy và ngứa hết hai cái càng). Chúng ta nên bỏ đế cụ này vào lồng, đem sang nhà Thịnh cho đánh nhau với thằng đế ben ấy. Để xem a...ha..."thắng bại như hà..." ấy ày ày...Tùng xoè... Tùng xoè...

Bé vỗ tay :

- Phải, phải lắm.

Ấy thế là tôi không chết. Điều may mắn này không lường trước ra được.

Hai cậu bé đem giam tôi vào một cái lồng tre gài then chắc chắn. Tôi đành nằm yên, chờ sự thay đổi nào đó mà tôi lại không thể tưởng tượng ra trước được. Tôi chỉ biết thế là tôi sắp phải đi đánh nhau. Nhưng cứ nói đến đánh nhau, tôi lại cứ muốn múa chân lên. Quên cả cái thân tù đáng nhẽ phải tìm cách thế nào cho được tự do. Tâm tính ngông nghênh của tôi muốn hung hăng trở lại như dạo trước.

Buổi trưa, quả nhiên anh em nhà ấy đem tôi sang cho "giáp chiến" với một cậu đế nhà bên cạnh.

Nhón đứng ngoài ngõ gọi :

- Thịnh ơi Thịnh !

Thịn từ trong nhà chạy ra .

- Gì thế ?

- Để cụ tao đây. Có giỏi đem đế mày ra chọi nào.

Thịnh cười khanh khách, vẻ coi thường, quay vào, xách lồng đế ra. Cả bọn rủ nhau đến giữa khu vườn lưa thưa những bóng cây nhãn lùn. Chúng nằm sấp xuống cỏ, lúc nào thích thì cong lên đập không khí. Chúng giấp hai cánh cửa lồng đế làm một cho thật chắc, như đuôi toa nọ kề cửa toa kia lúc tàu hoả chạy, rồi mới rút then ra, để hai thằng đế chúng tôi không muốn cũng phải xông sang lồng của nhau. Chàng đế nọ nhảy tót sang lồng tôi. á chà, vẻ ta đây. Hẳn bé hơn tôi một chút. Nhưng hẳn ngạo mạn và xác xược làm sao ! Bé loắt choắt thế mà đã bắt chước đâu được bộ mặt hờm hờm, khinh khinh từ cái dáng chân đi khụng khiêng, vẻ coi thiên hạ như rác. Thoáng thấy đã lộn tiết. Vừa ngó tôi, hẳn vuốt rung hai sợi râu, nói :

- ờ ờ, chú mày dờ mặt ra thế kia thì liệu có mấy hột sức chịu nổi nửa cái đá song phi của ta không ?

Rõ chối tai ! Tôi đã cáu lắm. Nhưng lạ sao lúc ấy tôi vẫn tỏ ra dịu dàng được. Có lẽ vì lòng quá khinh bỉ.

- Này anh kia ! Làm chi mà ầm lên. Đứa khôn ngoan ở đời thì không nên nói trước.

Hẳn nhe răng ra, hàm hè :

- Mặc kệ! Có giỏi thì ra đây chọi nhau chứ đừng nói xỏ đấy à ?

Máu nóng trong người tôi sôi sùng sục, tưởng nghe tiếng được. Biết quân này không phải quân ăn lời, tôi bèn nhay phắt đến. Chúng tôi bắt đầu đánh nhau giữa những tiếng cười reo, vỗ tay của ba đứa trẻ. Mới quần thảo vài hiệp, tôi đã rõ sức anh đế lếu láo kia, chọi với tôi, không được mấy nả sức. Đúng thế, tôi chỉ thọc mạnh một cái, đập càng, hẳn ngã bổ ngửa ra. Tôi bồi thêm chiếc đá nữa, hẳn ộc máu mồm đen sì, gây một căng, lăn quay. Tôi chẳng thèm đánh thêm, chỉ ghé xuống tận tai hẳn, lạnh lùng bảo :

- Cho mày bài học thuộc lòng về sự hống hách nhé ! Từ giờ chừa đi con ạ .

Hẳn chỉ còn biết có việc run rẩy chắp chân, lạy rồi rít. Nhưng nếu từ đấy chàng đế kia có thể biết chừa cái thói ngông nghênh thì tôi lại ăn phải đũa của hẳn. Bệnh ngông nghênh của hẳn lây sang tôi. Thế mới kỳ quặc cho tôi.

Làm sao mà tôi đâm đốn kiếp như vậy. Thật tôi không cắt nghĩa được hết cái khúc khuỷu của tính tự kiêu và tự đại. Tôi chỉ biết thế là những cái hung hăng gàn bướng và lên mặt hão huyền đầu óc tôi chưa gọi được sạch hẳn. Khi tôi đá ngã thằng đế kia rồi, mắng nó rồi thì tôi nghĩ nịnh tôi rằng : "ồ mình giỏi thật. Chỉ gây khê một cái mà thằng cha kia đã ngã lăn chiêng".

Và chỉ nhờ cái đá xoàng ấy mà trẻ con trong xóm thi nhau đi "đúc" đế, đào đế, săn đế đem về cho chọi với tôi - tôi đã trở nên tay võ khét tiếng. Phải, đế nào tôi cũng phóng vài cái đập hậu, cậu ta đã chạy bán xác. Hồi ấy, tôi đương giữa tuổi thanh xuân, sức lực cường tráng, nhất là thêm cái tính kiêu, tính hợm chẳng coi ai ra gì nên cứ càng làm bộ.

Vì tôi thắng tợn nên hai cậu chủ bé nhỏ của tôi yêu quý tôi lắm. Mỗi bận đá ngã kẻ địch, tôi lại được các cậu ấy tắm bồ bao nhiêu là cỏ ấu rất non. Đêm đến, tôi được các cậu cho lên đứng uống sương trên giàn mồng tơi, nhưng vẫn bị một sợi chỉ buộc vào còng. Tôi có thể cắn đứt sợi chỉ dễ như chơi, mà tôi không cắn, tôi uống từng giọt sương lóng lánh trên lá mồng tơi rồi ung dung ca hát trong ca hát trong cảnh trời buồm như thế. Tệ quá nữa, muốn làm, đẹp lòng hai cậu bé, tôi chỉ quanh quẩn cả ngày cạnh cái hộp diêm, buồng ngủ của tôi, không đi đâu xa một bước. Thỉnh thoảng cao hứng tôi đập hai còng, cất tiếng gáy riii...riii. Ôi, tôi đã quên cái thân bị đem làm trò chơi. Mấy lá cỏ non và thói ngông đã khiến tôi đắm ra ngu tối đến thế.

Nhưng đến một ngày kia, tôi phải cảm ơn một sự tình cờ đã đến mở mắt tôi. Tôi vẫn đi đánh nhau thuê mua vui. Tôi vẫn được đem đi chọi nhau như thế. Đối thủ của tôi lần này là một anh chàng có bộ cánh chưa kín lưng, người mới dài bằng nửa tôi. Vừa bị đẩy vào đứng đối diện, anh ta đã nháo nhác kêu tru tréo :

- Em lạy bác, em lạy bác, bác tha cho em. Bác là người lớn, bác đã có răng có còng to rồi, còn em, em vừa ra đời có mấy hôm, mới hôm qua được mẹ em dắt cho đi ở riêng thôi mà.

Tôi thán nhiên. Tôi xông vào chiến ngay thẳng bé. Nó khóc hu hu rồi chạy quanh lờn. Mấy đứa trẻ xem chọi dễ cười ha hả. Tôi lại càng nổi hăng.

ĐỂ MÈN PHIÊU LƯU KÝ

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương III

Khi đã được thành thoi đứng trong bụi dứa xanh mờ, tiếng hò reo của bọn trẻ nghe đã xa lắm, không còn lo ngại gì nữa, tôi mới duỗi cánh vươn vai thở dài. Tôi gặm vội tí cỏ cho đỡ đói. Mấy bữa nay, quả là tôi cũng vờ ốm thêm để đỡ phải đi chọi nhau, cho nên nhịn ăn, có mệt mỏi đi thật. No rồi, tôi phủ phục xuống chụm chân, đánh một giấc ngủ ngon. Lúc tỉnh dậy, xung quanh và đằng xa, chỉ có cái im lặng chập chờn buổi trưa. Lũ trẻ chắc đã về trong xóm. Nghĩ xa, nghĩ gần trong bụng tôi phân vân. Nửa muốn một phen đi chơi xa lại nửa muốn về thăm nhà. Dẫu sao, trong mấy ngày qua, tôi cũng nảy ra một ý nghĩ rất đẹp là đã được thấy qua mặt đất này bao la, không phải chỉ có cái bờ ruộng, cái đầm nước của quê mình. Có phải trong cảnh trói buộc lại hay có những ao ước phóng khoáng chẳng? Chỉ biết lũ trẻ kia giam giữ mình, nhưng phong cảnh non nước thì bao giờ cũng chờ đón và thúc giục ta hãy vui chân lên, hãy cố đi cho khắp thế gian. Đời trai mà không biết bay nhảy, không biết đó biết đây thì cuộc sống sẽ nhạt nhẽo lắm.

Sau cùng, tôi quyết định trở lại nhà. Tôi nhớ từ ngày mình bị bắt, mình xa nhà đã lâu, Tôi chắc chắn ngày ấy có khi mẹ tôi lại thăm hang tôi, thấy giường màn tan tành, hẳn người đã khóc không biết bao nhiêu nước mắt. Nghĩ thế thì tôi nhớ và thương mẹ tôi lắm. Tôi là con út trong lứa sinh. Mẹ thương tôi, đã cho bao nhiêu cỏ non, lúc đem tôi đến ở hang mới.

Tôi trở về quê hương. Tôi cũng tính thêm rằng : sau khi về thăm mẹ, khi mẹ tôi nhìn thấy mặt, mừng tôi còn sống, vẫn khỏe, người an tâm rồi, bấy giờ tôi sẽ tính một cuộc du lịch xa xôi.

Tôi rẽ cỏ, tìm lối về...

Đường về xa lắc xa lơ...

Một hôm, qua một vùng cỏ nước xanh dài, chợt nghe tiếng khóc tí tê. Tôi lắng tai, đoán ra tiếng khóc quanh quần đâu đây. Vài bước nữa, tôi gặp chị Nhà Trò ngồi gục đầu bên tảng đá cuội. Chị Nhà Trò bé nhỏ lại gầy gù, yếu đuối quá, người bự những phẩn, như mới lột. Chị mặc áo thâm dài, đôi chỗ chấm điểm vàng, hai cánh cô nàng mỏng như cánh bướm non, lại ngắn chùn chùn. Hình như cánh yếu quá, chưa quen mở, mà cho dù có khỏe cũng chẳng bay được xa. Các chị Nhà Trò vốn họ bướm, cả đời chỉ biết vờn vờ quanh quần trong bờ bụi mà thôi. Nhà Trò đương khóc.

Nghe như có điều gì oan trái chi đây, tôi bèn hỏi :

- Làm sao mà khóc đường khóc chợ thế kia em ?

Chị ngẩng đầu lên, nước mắt đầm đìa rồi cúi chào, lễ phép - các cô Nhà Trò bao giờ cũng lịch sự và

mềm mại.

- Em chào anh, mời anh ngồi chơi.

Tôi nói ngay :

- Có gì mà ngồi ! Làm sao khóc nào ?

Thế là chị ta bù lu bù loa :

- Anh ơi ! Anh ơi ! Hu...hu...Anh cứu em... Hu...hu

- Đứa nào ? Đứa nào bắt nạt em ?

- Thưa anh, bọn Nhện. Anh cứu... Hu...hu...

Tôi sốt ruột :

- Nhện nào ? Sao lại cứ khóc thế ? Kể rõ đầu đuôi mới biết làm sao mà cứu được chứ !

Nhà Trò kể :

- Năm trước, phải khi trời làm đói kém, mẹ em phải vay lương ăn của Nhện. Sau đấy, không may mẹ em mất đi, còn lại thui thủi có mình em. Mà em ốm yếu, kiếm bữa cũng chẳng đủ, làm ăn chả ra thế nào, bao năm nghèo túng vẫn hoàn nghèo túng, món nợ cũ chưa trả được. Nhện cứ nhất định bắt trả nợ. Mấy bận Nhện đã đánh em. Hôm nay bọn Nhện chẳng tơ ngang đường đe bắt em, vặt chân, vặt cánh ăn thịt em.

Tôi xòe hai cẳng ra, bảo Nhà Trò :

- Em đừng sợ. Hãy trở về cùng với tôi đây. Đứa độc ác không thể cậy khỏe ăn hiếp kẻ yếu. Đời này không phải như thế.

Tôi dắt Nhà Trò đi.

Một quãng, tới chỗ mai phục của bọn Nhện.

Bọn nhện đã công phu chăng bên đường nọ sang bên kia, chẳng chịt biết bao nhiêu tơ nhện, trùng trùng điệp điệp, một chú Muỗi Mắt nhỏ nhất loài muỗi cũng không chui lọt. Lại thêm, sừng sững giữa lối đi, một anh Nhện canh gác. ý hể thấy bóng Nhà Trò là làm hiệu cho lũ Nhện nấp hai bên đường kéo ra.

Khi tôi gần tới mạng lưới, nhìn vào các khe đá xung quanh đã thấy lũng cùng những nhện là nhện : Nhện mẹ, Nhện con, Nhện già, Nhện trẻ, Nhện nước, Nhện tường, Nhện vồng, Nhện cây, Nhện đá, Nhện ma...đủ họ nhà Nhện. Chúng đứng im như đá, mà coi vẻ hung dữ.

Tôi cất tiếng hỏi lớn:

- Ai đứng chóp bu bọn mày ? Ra đây cho tao nói chuyện.

Từ trong hốc đá, một mục nhện cái to nhất, cong chân nhảy ra, hai bên có hai Nhện vách nhảy kèm. Đáng đây là vị chúa trùm nhà Nhện. Nom cũng danh đá, nặc nô lắm. Vậy thì đầu tiên, tôi hãy ra cái oai của tôi. Tôi quay phắt lưng, phóng càn đạp mạnh vào đầu mục Nhện cái một đạp. Mục nọ hoảng hốt, co dúm lại hãi ngay. Rồi thế là mục cứ rập đầu xuống đất như cái chày giã gạo, tỏ ý hối hận và sợ hãi một điều gì đó - điều gì đó có lẽ mục ta cũng chưa biết.

Tôi thét :

- Cớ sao dám kéo bè kéo cánh ra bắt nạt em Nhà Trò yếu ớt thế kia ? Chúng mày có của ăn của để, đũa nào cũng béo múp mông đít cả lượt như thế kia mà tính đòi nó một tí tạo nợ đã mấy đời rồi là không được. Ta cấm từ giờ không được đòi nợ Nhà Trò nữa. Nó bé bỏng, làm chưa đủ nuôi thân, phải thương nó, xúi xoá công nợ cho nó. ở đời, thù hằn, độc ác làm gì. Thử trông đấy, bay bắt nạt nó, nhưng còn có ta khoẻ hơn, ta mới thử gió mấy cái đá hậu, mà xem ra chúng mày đã thấy đáng nghĩ lắm rồi phải không ?

Bọn Nhện núp phía trong cũng dạ vang và lao xao nói "nghe rồi ạ" rồi rít khe đá.

Tôi ra lệnh :

- Phá các vòng vây đi. Đốt hết văn tự đi.

Lũ Nhện nghe ngay lời tôi, Cả họ nhanh nhẹn chạy ngang chạy dọc, phá các dây tơ chăng lưới. Con đường về tổ Nhà Trò trên cành lá mua có một chiếc hoa tím phút chốc đã rụng hẳn. Rồi vô số Nhện nhấp nhô, tung tăng đến, chân năm chân ả Nhà Trò mà nhảy múa, hát ầm ĩ rất vui.

Họ nhà Nhện còn định mở tiệc thết tôi. Được cái họ nhà Nhện thì lúc nào cũng khéo trữ lắm thức ăn ngon. Nhưng tôi từ chối, nói rằng phải vội đi. Hẹn dịp khác sẽ qua chơi.

Tôi từ giã bọn Nhện và Nhà Trò. Chị Nhà Trò ôm vai tôi cảm động, không nỡ ly biệt, cứ theo tiễn một quãng đường dài. Còn tôi, trong lòng hoan hỉ vì đã làm được việc đầu tiên có ích cho đời.

Mấy hôm sau, về tới quê nhà.

Cái hang bỏ hoang của tôi, cỏ và rêu xanh đã kín lối vào. Nhưng đằng cuối bãi, mẹ tôi vẫn mạnh khỏe. Hai mẹ con gặp nhau, mừng quá, cứ vừa khóc vừa cười. Tôi kể lại từ đầu chí cuối những ngày qua trong may rủi và thử thách mà bấy lâu tôi trải. Bắt đầu từ chuyện anh Đế Choắt khốn khổ bên hàng xóm.

Nghe xong, mẹ tôi ôm tôi vào lòng, y như người ôm ẵm khi mới sinh tôi và bảo rằng :

- Con ơi, mẹ mừng cho con đã qua nhiều nỗi hiểm nguy mà trở về. Nhưng mẹ mừng nhất là con đã rèn được tấm lòng chín chắn thật đáng làm trai. Bây giờ con muốn ở nhà mấy ngày với mẹ, rồi con đi du lịch xa mẹ cũng bằng lòng, mẹ không áy náy gì về con đâu. Thế là con của mẹ đã lớn rồi. Con đã khôn lớn rồi. Mẹ chẳng phải lo gì nữa.

Mẹ tôi nói thế rồi chan hoà hàng nước mắt sung sướng và cảm động. Tôi nhìn ra cửa hang, nơi mới ngày nào còn trứng nước ở đây và cũng cảm thấy nay mình khôn lớn.

Tôi ở lại với mẹ :

- Mẹ kính yêu của con ! Không bao giờ con quên được lời mẹ. Rồi mai đây con lên đường, con sẽ hết sức tu dưỡng như mẹ mong ước cho con của mẹ.

DỄ MÈN PHIÊU LƯU KÝ

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương IV

Bạn đọc hẳn đã biết mục đích tôi về quê chuyển này, vừa thăm mẹ và vừa có ý tìm bạn cùng nhau đi du lịch. Việc hỏi thăm mẹ, thế là đã xong. Giờ tôi đi tìm bạn. Đất này biết mấy ai kẻ tri âm ? Tìm bạn đã khó, huống chi lại là sự đánh bạn với nhau trong cuộc lên đường lâu dài. Lên đường ! Lên đường ! Mỗi bước chân sẽ thấy một đổi thay. Mỗi sớm mỗi chiều ta lại gặp cảnh vật mới. Lúc nào cũng đi tới một nơi xa lạ. Không ai có thể mong ước hơn. Mới tưởng đến cũng đủ nao nức, bồi hồi.

Hỡi ôi ! Còn chi buồn bằng, tuổi thì trẻ, gân thì cứng, máu thì cuộn cuộn với trái tim và lòng thiết tha mà đành sống theo khuôn khổ bằng phẳng : ngày hí húi đào bới đất làm tổ, đêm thì đi ăn uống và tụ tập chúng bạn nhảy múa đông dài. Tôi không muốn cho đến lúc nhắm mắt vẫn phải ân hận chẳng biết là cuối cánh đồng mệnh mông kia còn những gì lạ và cuộc đời ở đấy ra sao.

Tôi có hai anh một lứa sinh, và ba anh em tôi đã được mẹ tôi cùng đưa đi ở hang riêng năm trước. Trong cuộc đi tìm bạn, tôi nghĩ đến ông anh hai tôi đầu tiên.

Tôi đến thăm anh hai tôi.

Thoạt nhìn cửa hang của anh, tôi đã hơi thất vọng. Cửa hang bé và nham nhở, bẩn như lỗ giun đùn, lúc chui vào thì có từng đám rễ cỏ quệt xuống đầu, y như vào một hang hoang, càng sâu càng ẩm mốc, lạnh tanh.

Trông thấy anh, tôi giật mình. Trong bóng tối âm thầm, tôi phải chú ý mãi mới nhìn thấy và nhận ra được mặt anh. Anh tôi gầy kheo như đến nỗi tường sức tôi mà đá thì chỉ phách một cái cũng đủ khiến anh tôi bắn xa mười lăm trượng.

Nghe tiếng chân tôi bước thành thịch, anh hoảng hốt, luống cuống, bối rối cả cẳng lẫn râu rồi cứ quanh quẩn chạy vòng tròn, không biết chạy đi đâu. Tôi phải đánh tiếng mãi, anh mới nhận ra tôi, bấy giờ anh tôi mới yên lòng và đứng im, chỉ còn hơi rung râu. Dáng chừng tôi khoẻ mạnh, cứng cáp và đen bóng như cột nhà cháy bôi mỡ, anh còn sợ. Thế là đôi râu cứ rung mạnh dần lên. Thật đáng cười và đáng thương !

Tôi hỏi :

- Anh ơi ! Anh ốm hay thế nào mà còm nhom vậy ?

Anh nhăn mặt :

- Chú nói be bé chứ không có anh vâng cả đầu. Không anh không ồm, Tạng người anh thế Bấy lâu chú đi làm ăn đâu mà những đứa độc mồm độc miệng bảo chú chết rồi.

Tôi cười :

- Em chết làm sao được ! Đi xa thích lắm. Em về chuyến này, trước thăm mẹ và các anh, sau rủ anh cùng đi xa.

Anh hoảng hốt hỏi lại :

- Đi đâu ?

Tôi đùa, quát to :

- Đi xa ! đi xa !

Thế là ông anh tôi thất kinh, trể cả hai râu mũi xuống. Anh khụy chân ngã giúi và nói lảm nhảm :
"Đi...xa...chết...nó...chết".

Thảm hại quá ! Vì đâu anh tôi mắc bệnh sợ đến như vậy, cái gì cũng sợ, chưa chi đã sợ, sợ đến chết ngất. Không phải bệnh ấy có từ bẩm sinh đâu. Lúc bé, anh em chúng tôi đều khoẻ mạnh như nhau. Câu chuyện bệnh sợ của anh tôi như sau :

Ra ở hang riêng ít lâu, một hôm anh đi chơi tha thần vào vườn rau. Anh đứng dưới chân một cây cải xanh. Trên mép lá, một chim Chích đang nhặt sau. Có thể là vô ý, chim Chích ỉa toẹt một bãi trúng lưng anh. Anh giữ cánh, lăm bắm chửi đứa nào bậy bạ, mà anh không biết đứa nào, bởi vì lúc ấy chim Chích làm xong công việc vô ý ấy rồi diềm nhiên cong đuôi chui vào kheu con sâu trong kẽ chiếc lá cải to.

Nghe tiếng chửi, chim Chích quay ra, Chim và Dế đàm chuyện cãi nhau. Một bên thì chửi đứa ỉa xuống lưng tao. Một bên thì bảo mày vu oan cho ông. (Vì anh tôi đã giữ sạch ngay bãi cứt chim trên lưng rồi).

Không ai chịu nhau thì phải đến đánh nhau vậy. Thằng chim Chích kia thì bằng hạt mít, chân nó leo kheo như cái tấm hương và cái mỏ oặt như sợi bún, còn anh tôi thì nào răng sắc, nào có ngạnh vênh rất hiểm, cứ dấn mạnh lên thì choảng cho nó vỡ mày vỡ mặt ra chứ. Thế mà dù dờ đến nỗi anh tôi thua. Anh tôi co cổ chạy, Nó đuổi theo. Anh chạy thực mạng, nó cứ bay trên đầu, nó mổ xuống. Anh tôi sợ quá, vấp ngã ngửa, nó cũng không tha, nó vẫn đuổi đánh, có lúc anh tưởng chết dọc đường. Rồi phải lê dần, chạy lê thế mà nó vẫn mổ, vẫn đánh, nó đuổi đến khi lẩn được vào trong hang thì khắp người máu me, hai cánh ngoài rách nát cả và nằm chết ngất.

Không biết mấy hôm mới tỉnh. Từ đấy, nghe tiếng gió thổi ngoài cửa hang cũng sợ, tưởng thằng chim Chích lại đến đuổi đánh trên đầu. Không dám đi đâu nữa. Đói lắm mà đến khuya mới dám ra cửa lòi vội mấy cái củ già vào nhấm nháp. Thế là ốm dần. Cứ thế này rồi thì mai kia cũng đến chết vùi thân trong hang

mà thôi.

Một lúc sau, anh tôi mới dần dần tỉnh. Tôi cũng chẳng muốn nói thêm lời nào. Càng không dám đùa nữa. Ngại anh tôi có thể chết ngất mà chết hẳn chẳng .

Tôi ra ngoài bãi, hái mớ cỏ non và tưới nhất đêm vào biểu anh. Tôi lựa nói mấy câu an ủi. Đến lúc anh tôi tỉnh táo như thường rồi tôi mới khéo trách sao hồi đó anh không ngửa mặt giơ cẳng lên vừa đánh vừa đỡ vừa lúi vào hang, phỏng thử thẳng Chích láo lếu đã làm chi nổi ! Anh tôi cũng chẳng tỏ vẻ gì ngẫm nghĩ để hoạ may còn nhớ lại được chút mạnh bạo nào không, anh chỉ lắc đầu.

Tôi lặng lẽ ra khỏi hang anh. Cũng không có một ý nghĩ rõ rệt. Còn nghĩ sao nữa, khi anh ấy đã run rẩy hèn đốn đến nỗi ai nói to cũng giật mình thì có gì mà hy vọng rủ anh đi được.

Tôi đến thăm anh trưởng tôi.

Hang anh trưởng tôi rất khang trang. Coi vẻ phong lưu. Tôi đã biết tính anh thích ăn ngon, ưu phép tắc tôn ti trật tự, hay bắt bẻ vụn. Tôi chào. Mặt anh hăm hăm đương tức tối điều gì. Tôi phải thưa với anh rằng bao nhiêu lâu anh em xa cách, em đã trải những phút gian nan, tính mệnh treo đầu sợi râu, anh có biết không, em lặn lội từ xa về đây để gặp anh, sao trông thấy em, mặt anh cứ lạnh như đá thế kia ?

Anh tôi nói mát :

- Chả dám ! Chú còn nhớ phép lịch sự đến thăm anh. Xin chả dám.

Tôi đáp :

- Thưa anh, đi đâu thì em vẫn nhớ anh em ta cùng lứa mẹ sinh ra.

Anh cười nhạt :

- Hừ, chú bảo chú nhớ anh mà lại vào nhà thằng hai trước khi đến đây, thế thì phỏng thử chú coi gia giáo nhà ta ra cái gì, đuôi lợn lên đầu hủ ?

Thế ra anh tính giận tôi đã quên tôn ti thứ bậc. Thảo nào, mặt anh nặng như cái bị. Tôi định cãi lại một câu. Chẳng gì thì tôi đã đi đây đi đó, tôi không thể cung kính theo được cái thói trên dưới thứ bậc và cái việc chấp nhận nhỏ mọn này. Nhưng chợt nhớ đến đây để rủ anh cùng đi, tôi đã quên tức và từ tốn trình bày :

- Thưa anh, em cũng biết thế, nhưng vì anh hai đau yếu, lai tiện em đi qua nhà, thấy nên vào thăm anh ấy trước. Thế đấy, chắc anh vui lòng rồi.

Anh tôi không vui lòng, anh tôi vẫn to tiếng, hỏi giật giọng :

- Mấy năm nay chú đi đâu ?

- Em đi du lịch.

- Du lịch ? Đi du lịch, đi buôn bán ?

Tôi cười :

- Chẳng buôn bán gì đâu. Du lịch là xem xét các nơi cho mở mang trí óc ra.

Anh tôi cười khẩy :

- Đi không kiếm được món ngon thì chỉ đi mỗi chân, có động đại mới đi như thế. Đi lang thang thất thểu thì ai ở nhà trông nom phần mộ tổ tiên, ai đèn hương cúng giỗ các cụ ? Thời bây giờ đứa nào cũng nống lên với đi ! Quân bất mục bất hiếu là chú, chú biết không ?

Tôi giận lắm, nhưng chỉ cười thầm. Đáng lẽ mẹ tôi nói những câu ấy mới phải. Nhưng mẹ hiểu, mẹ đã vui mừng thấy con bay nhảy sông hồ. Tôi lại nghĩ giá tổ tiên tôi mà biết được việc này hẳn các cụ cũng phát chán cái thằng con cháu cứ khư khư ôm miếng đất đến mòn đời, chẳng làm được gì để lấy tiếng thơm cho cha ông, Anh này mới dúm tuổi mà lụ khụ hơn cả người già lẫn căn.

Đằng nào tôi cũng cần nói rõ ý kiến của tôi. Tôi nói :

- Thừa anh, em cũng biết rằng trên đời này muốn mở mang trí óc thì phải bước chân đi ra bốn phương "một ngày đàng một sàng khôn", tổ tiên ta dạy thế chứ các cụ không khuyên ta ngồi xó đâu. Cho nên em về đây, trước thăm anh, sau muốn rủ anh cùng đi phiêu lưu với em.

Anh tôi hét to :

- Mày chửi tao à ? Mày chửi tao.

Rồi xông đến trước mặt tôi. Nhưng tôi biết dù nổi nóng thế, anh cũng chẳng dám động đến tôi. Bởi tôi lực lưỡng to gấp mấy anh. Quả thế, cái lần anh cũng chỉ dám cụng trán tôi và dừng lại, trừng mắt thế thôi.

Tôi bực mình, song vẫn cố làm vẻ bình tĩnh. Cái bình tĩnh lạnh lùng ngụ ý khinh khi.

Tôi ngênh mặt lên, không chào, lặng lẽ quay ra. Đuôi cánh tôi quay chống vào mặt anh một cách kinh thường. Tôi đã từ già ông anh cổ hủ của tôi một cách ngạo mạn như vậy. Để mặc ông anh tức tím ruột. Tuy vậy anh cũng không dám đuổi đánh tôi, đành ôm mối căm hờn vì có đứa em hỗn láo dám đi phiêu lưu !

Tôi còn đi tìm vài anh em quen nữa. Song xem ra chỉ phường giá áo túi cơm thì lắm lắm. Có anh cũng như anh trưởng đã nói rằng nhà mình con một, không thể nhất đán rời quê hương. Có anh mới nghe tôi nói du du lịch đã xanh mặt lại và vái tôi. Có anh ngần ngại hỏi : "Đi xa thế độ mấy hôm thì về được ?" Tôi

chẳng buồn trả lời.

Một buổi chiều, tôi đứng bờ đầm nước, trông ra. Khi hoàng hôn xuống, mặt nước trời bỗng sáng lên trong giây lát, đượm vẻ bao la khêu gợi vô hạn lòng giang hồ.

Bỗng sau lưng có tiếng ồn ào. Quay lại, tôi thấy một Dế Trũi đang đánh nhau với hai mụ Bọ Muồm. Hai mụ Bọ Muồm vừa xông vào vừa kêu om sòm. Ai đã nói rằng "vừa đánh trống vừa ăn cướp", lúc ấy tôi đã thấy tận mắt cái cảnh thật đúng câu ví vậy. Hai mụ giơ chân, nhe cặp răng dài nhọn, đánh tới tấp. Trũi bình tĩnh, dùng càng gạt đòn rồi bổ sang. Hai càng Trũi móc toé đằng trước, khi hươi lên, coi oai như cặp chùy đồng.

Tôi đứng ngắm và khen thầm. Xưa nay tôi vẫn có ý coi thường các cậu Dế Trũi - Dế Trũi quê kệch, mình dài thuần thuần, bốn mùa mặc áo gi-lê trần. Nhưng bây giờ, nhìn anh Trũi nhanh nhẹn này, tôi hiểu rằng không nên chỉ xem bề ngoài mà coi thường ai một cách hồ đồ như vậy.

Trũi gan góc, một chống với đôi mà mà địch thủ vẫn luôn luôn bị cú đòn đau. Nhưng hai mụ Bọ Muồm cứ vừa đánh vừa kêu, làm cho họ nhà Bọ Muồm ở ruộng lúa gần đấy nghe tiếng. Thế là cả một bọn Bọ muồm lóc nhóc chạy ra. Trũi biết thế nguy, lủi khỏi vòng chiến nhảy bồm xuống dòng nước, bơi sang bên này. Cách nước rồi, yên trí, Trũi lại nghênh ngang đứng hướng về bên kia, giơ chân, giơ càng dọa lại bọn Bọ Muồm vừa kéo tới. Thấy thế, bọn Bọ Muồm tức, bật lên một cử chỉ bất ngờ là chúng bay ào sang rợp cả mặt nước.

Trũi ta không dè bọn Bọ Muồm bay mau thế. Anh ta chỉ kịp giơ hai cái càng răng cửa tròn xoe lên thì đã thấy không biết bao nhiêu răng, móc đánh, chém tới tấp xuống. Trũi ngã quay. Lũ kia xô cười lên. Nhất định có án mạng phen này.

Tôi vội nhảy tới. Bọn Bọ Muồm hốt hoảng bay đi hết. Trũi nằm chỏng gọng, bất tỉnh nhân sự. Tôi vục về cửa hang, lấy nước phun vào mặt Trũi.

Một lát, Trũi tỉnh, còn rên hừ hừ. Bị nhiều đòn đau thâm tím cả mình.

Trũi kể tôi nghe. Vốn trước kia hang Trũi xóm xa bên cánh đồng khác. Một lần sang bên sông, thấy cỏ tốt quá bèn đến ở bên đó. Xóm ấy có Bọ Muồm trú ngụ nhiều. Bọn Bọ Muồm thấy tự dưng có kẻ lông bông ở đâu đến, không ngày nào không có Bọ Muồm đến sinh sự. Chúng cắt lượm nhau suốt ngày vào cà khịa, làm cho Trũi không chịu được. Nhưng Trũi vẫn gan lì. Có khi chúng dọa đánh chết Trũi.

Trũi rất ngang, không sợ. Đứa nào chửi thế nào, Trũi chửi lại thế ấy. Đứa nào muốn đánh nhau, Trũi đánh nhau. Tiếng Bọ Muồm bằng nhặng thế, nhưng dù thế cũng phải kiêng kẻ gan dạ, nên cũng mới chỉ có những cuộc xô xát xoàng thôi. Trận ẩu đả hôm nay là to nhất. Bọn bọ muồm định đánh chết Trũi thật. Chúng cho hai mụ ra sinh sự, lấy cớ rồi kéo cả lò ra. Đây là trận đòn thù chứ không phải cuộc ẩu đả tình cờ như tôi tưởng lúc mới đầu.

Trũi rồi rít tạ ơn. Tôi khuyên Trũi nên ở lại hang tôi mà chữa bệnh cho tới khi khỏi hẳn mới về.

Được ít lâu, các vết thương của Trũi lành dần.

Mấy hôm trò chuyện cùng Trũi, tôi biết tính Trũi rầy vui, hay nói pha trò và yêu đời. Nhưng tôi thích nhất Trũi cũng ưa sự đi đây đi đó, Trũi thường khoe rằng tuy Trũi còn ít tuổi nhưng đã từng đi xa. Tôi ngỏ ý rủ Trũi sẽ cùng đi du lịch. Tôi bảo rằng ở phía chân trời xa kia chắc có nhiều cái lạ, không nên về đồng cỏ cũ nữa. Trũi reo lên, nhận lời ngay.

Chúng tôi kết làm anh em.

Từ hôm ấy, Trũi ở luôn hang tôi và Trũi tôn tôi là anh. Còn tôi gọi Trũi là em. Thề rằng từ đây sinh tử có nhau.

Chúng tôi sửa soạn.

Một ngày cuối thu, tôi và Trũi lên đường. Hôm ấy nước đầm trong xanh. Những áng cỏ mượt rồi rợi. Trời đầy mây trắng. Gió hiu hiu thổi như giục lòng kẻ ra đi. Thế là tôi rời quê hương lần thứ hai.

DỄ MÈN PHIÊU LƯU KÝ

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương V

Đi lùi về phía sau hang tôi, có một cánh đồng lớn. Trèo lên ngọn cỏ lau cao nhất, ngược mắt trông chỉ thấy xa tít tắp mà chẳng thấy chân trời. Khởi đầu, chúng tôi định đi suốt cánh đồng và bãi hoang. Chúng tôi, ngày đi đêm nghỉ, cùng nhau say ngẫm dọc đường. Non sông và phong tục, mỗi nơi mỗi lạ, mỗi bước rời chân mỗi thấy tuyệt vời. Nhìn không biết chán. Mỗi chẳng muốn dừng. Bạn đọc yêu quý, thật có đi, có trải, còn như ro ró cái thân sớm chiều ngơ ngẩn góc bãi cửa hang thì sao hiểu được trời đất, bến bờ là đâu.

Ngày kia, chúng tôi mê mãi đi, tối lúc nào không biết. Một lúc, mặt trăng trắng bạch từ từ nhô lên.

Đêm ấy, trăng sáng lắm. Tôi bàn với Trũi, nhân đêm sáng trăng, trời đẹp và mát, ta cứ đi, không cần ngủ đỡ. Nhưng nửa đêm, nổi cơn mưa lớn. Chúng tôi ẩn lại dưới tàu lá chuối, cả đêm nghe mưa rơi như đánh trống trên đầu. Sáng hôm sau, bừng mắt dậy, trời đã tạnh hẳn. Tôi nhìn ra trước mặt, thấy một làn nước mưa mới chảy veo veo giữa đôi bờ cỏ. Đây là con sông mà đêm qua chúng tôi không rõ.

Tôi bảo Trũi : "Xem như dòng sông này chảy ngoặt về phía bên kia, tức là cũng dọc theo đường mà chúng ta định đi. Mấy hôm chúng mình quốc bộ đã nhiều, bây giờ ta thử xuống sông đi thuyền một chuyến. Trũi nghĩ thế nào ? Cũng phải tập cho quen sông nước chứ !"

Trũi nghe ngay. Trũi bàn mỗi đứa nên đi một chiếc thuyền bằng lá sen thật khô. Mùa nước lớn muện này cái giống sen nhật trôi lang thang mặt nước vẫn vờ như chim vỗ tổ. Mỗi chiếc lá có một bầu phao khô to như quả trứng, cưỡi lên thì nhẹ và êm lắm. Tôi cũng nghĩ thế. Nhưng tôi bàn thêm : lấy vài lá sen nhật ghép lại đóng thành bè đi chung, tiện lợi hơn nhiều. Chúng tôi bèn ghép ba bốn cánh sen nhật lại, làm một chiếc bè.

Bè chúng tôi theo dòng trôi băng băng.

Mùa thu mới chớm nhưng nước đã trong vắt. Trông thấy cả hòn cuội trắng tinh nằm dưới đáy/ Nhìn hai bên ven sông, phong cảnh thay đổi đủ điều ngoạn mục. Cỏ cây và những làng xa gần, núi xa luôn luôn mới. Những anh Gọng Vó đen xám, gầy và cao, nghênh cặp chân gọng vó đứng trên bãi lầy nhìn theo hai tôi, ra lối báỉ phục. Những ả Cua Kênh cũng giương đôi mắt lồi, tình tứ và âu yếm ngó theo hai tôi với muôn vẻ quý mến. Đàn Săn Sắt và cá Thầu Dầu thoáng gặp đâu cũng lẳng xẵng cổ bơi theo bè hai tôi hoan nghênh vánh cả mặt nước.

Mỗi hôm, cứ chừng gần nửa buổi. Trũi lại khoan thai thò cái càng như chiếc bơi chèo thả xuống nước lái bè vào bờ lấy cỏ ăn. Cái cách vừa đi vừa nghỉ ấy cũng mất thì giờ nhiều. Sau chúng tôi định đi luôn một thôi nhiều ngày. Thế rồi có lần ghé vào bờ, chúng tôi chọn bụi cỏ tốt, hái đầy xuống đầy bè cỏ non, tưởng

phải chén đến hai phiên chợ mới hết. Nhưng đi sông nước chóng đói, mới có hai ngày một đêm, đã lại phải tạt vào hái cỏ. Tuy vậy, cũng nhanh hơn trước nhiều.

Đêm ấy, trời tối như mực. Tôi ngồi phục vị, mơ màng nghe nước óc ách chảy như tiếng đàn thanh thời ai gảy dưới gầm bè mà ngủ quên lúc nào không biết. Khi dậy, trời đã sáng.

Nhưng ô hay ! Sao thế kia ? Nhìn xung quang tôi không biết để đâu cho hết băng khuâng. Quay sang bên cạnh, thấy Trũi cũng đương chờ ra. Hai cái râu Trũi hơi đung đậy, chắc cu cậu đương xúc động lắm. Bè chúng tôi không còn ở trong dòng sông xinh đẹp hôm qua với hai bờ cỏ non xanh tươi mà bây giờ chúng tôi đương trôi vào quãng mênh mông, không trông thấy hút bờ phía nào. Như ở giữa bể. Nghĩa là chúng tôi đã từ sông mà trôi ra vùng nước lớn từ đêm hôm qua. Chao ôi những bất trắc gì đang đợi chúng tôi đây ?

Tôi sục tìm trong bè xem có vật nào khả dĩ dùng làm bè bơi chèo được. Nhưng chẳng có chi, ngoài mấy cái xương sống lá và một ít cỏ. Trũi lại thò hau chiếc cào bơi chèo của mình xuống bơi một lúc. Nước to, bè dềnh ngược dềnh xuôi, cái bơi chèo cào kia chẳng thấm vào đâu. Trũi tỏ vẻ chán nản, ngược lên thờ dài. Bây giờ đành lênh đênh giữa nước, không cách gì khác là mặc gió đưa đi đâu thì đưa. Đưa vào bờ nào đó chờ đợi ở chỗ tận cùng ấy. Mà gió thì đương thổi bè đi xa.

Chúng tôi đành nằm yên chờ đổi gió và rui may. Sóng đánh cao quá. Đứng trên bè trông ra thấy sóng nổi nhau nổi lên lồi lõm như núi trước mặt. Bè chúng tôi lao từ ngọn sóng xuống cuối sóng, nhiều lúc tưởng chui ngụp cả vào trong nước. May nhờ được cái bè vốn nhẹ nên tuy nước dữ, chúng tôi bán chặt chắc sóng cũng không lật chết nổi chúng tôi.

Có điều tôi quên chưa nói cùng bạn đọc, ấy là cái dạ dày của chúng tôi vốn rất háu ăn, lại phải xốc vác trên sông nước, cho nên chóng lép ghê. Thường một ngày tôi chén tới ba bữa là ít. Mà bây giờ, dần dần mới vài ngày lênh đênh đã nhẵn hết cỏ. Thế là bốn phía vẫn mênh mang không thấy bến bờ nào hết. Trũi lại nhìn tôi, băn khoăn, buồn. Tôi cố bình tĩnh, vẫn vui như thường. Thấy thế, Trũi cũng hơi yên lòng. Tôi vũ cánh múa cào, vừa múa vừa hát nghêu ngao. Trũi cười. Rồi Trũi cũng múa cào lên. Trong cơn gian nguy, có được sự bình tĩnh cũng đã là có một cố để tin tưởng.

Qua ngày thứ hai thì tôi cũng hết hơi. Mỗi khi há miệng, ruột lép muốn co lên/ Trũi tìm cách gặm lại những mép lá sen khô. Nhưng ăn lá khô khác gì ăn gỗ không nuốt được. Vừa đói vừa mệt, mà chúng tôi lại không dám nhắm mắt ngủ, sợ nếu chợ đi, vô ý không bám vững vào bè, gặp sóng to đánh, bè úp không kịp níu lại, hoặc có con cá lớn đói mồi nào quẫy lên đớp nhắng một cái thì mất mạng như chơi.

Ngày thứ ba, một màu nước trắng

Ngày thứ tư, vẫn một màu nước trắng

Ngày thứ năm, màu nước trắng

Ngày thứ sáu, nước trắng.

Ngày thứ bảy...trắng...

Ngày chín

Ngày mười

Qua ngày mười, cả hai chúng tôi không đứa nào còn có thể đứng lên được. cái đói ghê gớm cứ đánh liệt dần từng bộ phận trong người, bây giờ đến lúc nó làm dúm kheo lại, chân run lẩy bẩy, lại phải nằm móp bụng xuống. Từ chỗ này muốn qua chỗ khác, chúng tôi chỉ lách nhích từng tẹo.

Trũi khề thở dài :

- Chết mất, anh ạ.

Tôi đáp :

- Đừng lo. Xem mây vẫn trời, đêm nay có cơ đổi gió. Anh thấy hình như có cái bóng xanh mờ mờ đằng kia. Có phải đấy là bờ, gió mà đưa được anh em ta về chỗ bờ xanh xanh ấy là tốt rồi. Trũi bảo Trũi không nhìn thấy . Còn tôi, không biết là loá mắt hay đấy cũng chỉ là tưởng tượng trong hy vọng mà thôi. Hơi sức mỗi lúc một khác. Chiều hôm ấy thì đã đến cung cảnh muốn nói đôi câu, chúng tôi phải ghe vào nhau thì thào, tiếng cứ phào phào.

Trũi băn khoăn. Trũi hay nhìn trộm tôi, tôi đoán thế, tôi hỏi luôn :

- Chú sắp có mưu gì bàn cùng anh ?

Trũi lắc đầu. Nhưng lát sau, Trũi nói :

- Thưa anh, em nghĩ anh em mình khó lòng thoát chết.

Tôi gạt :

- Chú đừng nghĩ thế mà nản lòng anh em ta.

Trũi tiếp :

- Anh mắng thì em cũng nói. Em tuyệt vọng rồi, mắt em mờ đi rồi đây này.

Trũi im một lát rồi lại thều thào :

- Em trộm nghĩ chết thì đành chết. Nhưng không nên chết cả, vô ích, ta phải tìm cách...

Tôi hỏi :

- Chú nói như vậy nghĩa là sao ?

Trùi ngập ngừng :

- Nghĩa là...Nghĩa là...ta tìm thứ gì tạm ăn cho sống được. Em có đôi còng...anh...

Tôi ngắt lời :

- Thôi anh hiểu bụng chú rồi. Chú cứ nghĩ rằng không nhẽ anh em ta lại chịu chết lênh đênh cả như thế này, mà phải cứu sống lấy một. Chú định để anh ăn thịt chú, chú chịu hy sinh cho anh sống. Ta khen chú điều thủy chung. Nhưng em ơi ! Tử sinh là lẽ thường mà mạng em cũng như mạng anh, đều quý cả. Huống chi, chẳng lẽ chúng ta chịu nằm chết đói trên mặt nước này ? Dù thế nào cũng không bao giờ nản chí...

Trùi cứ khấn khoản rồi chìa còng lên mời tôi ăn. Trùi gượng cười bảo rằng Trùi cụt cả hai còng cũng không sao, không thể chết, vẫn khoẻ như thường. Trùi đã thấy có anh để cụt còng như thế. Tôi gạt phắt đi và mắng Trùi. Sau cùng anh em tôi ôm nhau mà khóc. Những giọt nước mắt thương nhau ấy đã làm Trùi yên tâm và bình tĩnh trở lại.

Đêm ấy, trời trở gió, chơ vơ giữa trời nước, gió lại thổi nhiều, lạnh quá. Chúng tôi nằm co quắp vào nhau. Trùi ngửa mặt lên trời, gần như ngất đi. Họ để chúng tôi, ai cũng vậy, chỉ có khi sắp chết thì mới chịu phải nằm ngửa. Bây giờ thấy Trùi như thế, tôi đã lo lo. Tôi sờ lên mặt Trùi xem còn thở không, rồi lay gọi, mãi Trùi mới ú ớ tỉnh. Trời nghe trở gió âm âm trên mặt nước. Tôi chợt nảy cái mừng vu vơ: " Có lẽ gió này đưa chúng tôi vào bờ. Có lẽ thế...Có lẽ..." Tôi chợp mắt, cũng chiêm bao thấy thế. Tới nửa đêm, tôi cũng mệt quá, thiếp đi.

Sớm sau, nghe đầu bè có tiếng động rền như tiếng sấm. Tôi thức dâhy, hé cặp mắt nặng nề.

Nhưng mắt vừa hé đã bị chói đầy ánh sáng mặt trời. Tôi nhích đầu lên - cổ đây như bị ai cứa - tôi thấy ngợp mắt một bờ cỏ xanh rì. Thì ra bè chúng tôi, từ lúc nào đã trôi vào gần một bờ cỏ, cái tiếng sấm đằng kia vang lại chỉ là những tiếng động quen thuộc của làng xóm đằng ấy đương rộn rã trong một ngày nắng.

Tôi bò đến lay Trùi. Trùi vẫn nằm nhuôi như chết. Tôi phải nghe và đập vào ngực xem còn thở không. Vẫn còn. Tôi cúi xuống ngậm nước phun vào mặt Trùi. Chốc Trùi hắt xì hơi liền ba cái. Vừa tỉnh, mắt còn nhắm, Trùi đã rên rĩ kêu. Tôi trở vào bờ xanh xanh. Trùi nghe cổ nhìn rồi rú lên. Trông thấy sống. Thế là tự nhiên chúng tôi khỏe hẳn hơn lúc này.

Nhưng cũng phải đến chiều, bè chúng tôi mới giạt vào và bấy giờ chúng tôi mới lên được bờ. Bè vào sát bụi cỏ, tôi túm lấy leo. Trùi cũng làm như tôi, không đến nỗi rơi xuống nước.

Chúng tôi lên bờ, để lại đằng sau chiếc bè trống không nhẹ bỗng, vụt cái, trôi vèo vèo vào gió nước. Bè

ời bè, từ nay già biệt mảy.

Tôi cúi xuống gặm miếng cỏ. Bên cạnh, Trũi húc đầu hi húi ngòm ngòm ngón tự lúc nào. Thứ cỏ đó, cỏ nước. Lá cứng nhiều gân và ngăm ngăm đặng. Phải như mọi ngày, tôi chẳng thèm ghé răng. Ấy vậy mà lúc đó chén ngon đáo để. Thế mới biết, đã đói, nuốt đất cũng thấy được.

Ăn xong, trời đổ tối. Cẩn thận, chúng tôi chạy một mạch vào trong đền phòng nếu đêm có mưa, nước lớn không cuốn chúng tôi đi được. Đến bãi cỏ trên mô đất cao, chúng tôi lăn ra đánh giấc say sưa.

Sáng hôm sau, tôi trèo lên ngọn hoa cỏ xước, ngắm địa thế chỗ chúng tôi bạt phong vào. Đó là khoảng bãi rộng, lầy lội bùm tum toàn giống cỏ nước. Quá phía trên, đất hơi ráo, nhưng cũng chỉ độc một thứ cây ké hoa vàng rươi. Xóm ấy xưa rày sống vất cả trong bùn lầy nước đọng. Dân cư chỉ có vài nhà Cóc, mấy anh ềnh Ương, Chấu Chàng, Nhái Bén, một ếch Cốm và một chú Rắn Mòng. Hoặc giả cũng có thêm một vài giống nữa, nhưng cả cái xóm bùn lội đen ngòm với da dẻ chân tay loài ở bùn cũng om như thế, ít ai mới nhìn đã mới nhìn đã phân biệt ngay ra được.

Xóm ở chơ vơ trong cái cù lao giữa nước, muốn vào đất liền phải qua bãi lầy và một dòng sông nhỏ. Theo thói quen ở bãi, vả lại, đường sá đi lại diệu vợi, mọi nhà trong cù lao không mấy ai ra ngoài, không ai nghe biết tin tức mọi nơi. Suốt ngày bàn tán quanh quần lúc nào cũng vang động tiếng cãi cọ, tranh nhau đoán sông xem bao giờ thì trời mưa. Suốt đời họ mong mưa. Bởi có mưa, đất lầy nhuyễn ra, dễ đào bới, mới được cái ăn. Cứ điều qua tiếng lại, mỗi miện thêm một lời, không ai nhin ai, uôm uôm oang oang mãi lên. Cánh này đã to tiếng thì thì phải biết là ầm ĩ. Mới có cậu ềnh ương căng mép, phình bụng chỉ nói một câu bình thường cũng văngt ai cả xung quanh rồi.

Chúng tôi vào đây, nghe loạn xạ, mà đi một lúc chưa gặp ai. Mãi sau có anh Rắn Mòng trông thấy chúng tôi Rắn Mòng ngoe nguẩy trườn ra - chỉ có trẻ em nhút nhát thì sợ Rắn Mòng chứ thật ra anh Rắn Mòng hiền như cái đụn rạ, Không ai thấy anh nói bao giờ, tưởng câm, nhưng anh ấy chỉ có tính ít nói thôi. Hàng ngày, anh Mòng vơ vẩn trên mặt nước đợi mồi. Một Muối Mất, một gã Bọ Bèo lạc tới, anh tợp ngay. Nhưng thường đợi cả tháng cũng chẳng được cái tợp nào. Mòng đương lúc đói, mới nghe tiếng chân chúng tôi đi tới liền bò ra. Nhưng khi thấy chúng tôi to lớn, chân càng gai ngạnh không thể là mồi của anh thì, thì Mòng lại cúp mắt xuống, nhìn chỗ khác và trườn đi.

Sau có Nhái Bén trông thấy chúng tôi. Nhái Bén tính nhau nhẫu liền ra bảo ềnh ương đi rong khắp nơi đánh lệnh vang vang rao cho cả làng nước biết có người lạ vào địa phận. Thế là, cả xóm lô nhô kéo ra. Trông những cái bụng lép và nét mặt vêu vao, tôi đoán biết họ kéo ra làm gì. Họ ra xem chúng tôi có gì cho ăn hoặc chúng tôi có phải là thức ăn được không. Nhưng thấy chúng tôi sừng bướng, đầu mình bọc giáp sắt, chân mang khí giới nhọn hoắt thì họ lại lờ vờ lảng dần.

Đã lâu trời không mưa, không có nước dềnh vào xóm - nước hồ lâu mưa thì trong vắt, chỉ đẹp mắt mà không có thức gì ăn nên dân cư trong hồ đói lắm. Bao giờ cũng vậy, sự cùng quần hay khiến ta nghĩ ngợi và

giận dữ. Không biết vặc vào ai. Chẳng biết trời ở đâu mà lôi xuống bắt làm mưa - dù cho tiên sinh Cóc có được tiếng là cậu ông trời đi chẳng nữa thì cũng đành chịu, cho nên họ đâm ra nóng tính, động một tí cũng cáu kỉnh, bực tức ầm cả lên. Trong xóm không lúc nào dứt tiếng chửi vãi. Nhà này đòi nợ nhà kia, chỗ này bàn, chỗ kia tán, inh ỏi những uôm oạp, những kèng kẹc ngày đêm không bao giờ ngớt, bởi vì không biết giải quyết thế nào.

Thấy chẳng ăn thua gì, mấy anh nợ lảng đi như Rắn Mòng. Chỉ còn đôi ba bác Cóc ngẩn ngơ đứng lại. Một Cóc tóp tép miệng, như tộp được mồi, vờ nhai cho đỡ thèm. Một Cóc khác bước ra, cất lên một giọng rất văn vẻ (Cóc vẫn nổi tiếng thầy đồ, thầy đồ Cóc trong tranh Tết) :

- Hà có mà nhị vị tráng sĩ du nhàn qua bản thôn ?

Rõ chán, nói chữ mà chưa chắc đã biết nghĩa, tôi bấm bụng nhin cười thầy đồ Cóc rồi dùng cái khoa giao thiệp hoa mỹ khôì hài đó đáp đùa lại :

- Thưa tiên sinh, chúng tôi đi du lịch.

- Kèng kẹc ! Du lịch ! Kèng kẹc ! Du lịch ! Vậy bỉ phu xin hỏi nhị vị tráng sĩ, nhị vị xưa rày là tay dọc ngang nào biết trên đầu có ai, thế thì chắc nhị vị phải nghe tiếng từ lâu rằng bỉ phu mặc dầu thanh bạch ở hang dưới đất nhưng bỉ phu là cậu thẳng Trời đấy ! Nhị vị qua chơi nhiều nơi trên hoàn cầu, nhị vị có gặp thẳng cháu "trời đánh thánh vật" nhà tôi ở đâu không ?

Trùi mỉm cười, dùng càn hích tôi một cái. Tôi nháy, ý bảo phải nghiêm một chút, gặp đứa dờ hơi thì cũng cứ liệu lời cho qua chuyện mới được. Tôi bèn lấy điệu vuốt râu tưởng tượng, làm vẻ đứng đắn trả lời rằng :

- Thưa tiên sinh, chúng tôi có gặp ông Trời.

- Kèng kẹc ! Rất tiếc ! Kèng kẹc ! Rất tiếc không được tương kiến trước. Thế thì nếu như từ nay về sau nhị vị tráng sĩ có còn gặp nó thì hỏi nó cho bỉ phu rằng : Vì lẽ gì mà lâu nay bản thôn không có nước mưa ? Cái thẳng "trời đánh thánh vật" cháu tôi mê mãi tổ tôm xóc đĩa ở đâu mà không biết suốt đêm cậu Cóc nó phải nghiêng rằng kèng kẹc đến nổi đầu đầu cũng nghe như tiếng trống đăng văn ấy chẳng, đến đổi cậu nó đã nghiêng mòn hết cả răng rồi đấy chẳng ?

Suýt nữa tôi bật cười thành tiếng. Giỡn chơi thế chứ nào tôi biết cái lão Trời "trời đánh thánh vật" ấy ở mô tê ! Tôi còn đương bụm miệng nhin cười, nhưng Trùi đã ngửa tai không giữ nổi vai kịch, bỗng choang một câu :

- Trời với đất, cậu với cháu, chỉ vớ vẩn ! Nói thẳng thường là muốn ăn mà chỉ ngửa tay thế thì kêu đến sái cổ, gãy răng, gãy hàm nữa cũng chẳng quả sung nào rụng trúng vào mồm đâu.

Cóc còn đương ngơ ngác nghe chưa thủng câu nói mĩa mai của Trùi, tôi đã chen vào, át đi, tôi cung kính,

lễ phép nói to :

- Thừa tiên sinh, tôi nhớ ra rồi, tôi nhớ dù chưa được tiên sinh dặn thế, chúng tôi cũng đã có tâu hỏi việc lâu nay sao hạ giới không mưa. Ông Trời ông ấy cứ xua tay nhả mặt mà rằng hồi này tôi mắc bận, chưa mưa được, chưa mưa, bận lắm lắm. Việc ông Trời là việc làm mưa mà ông ấy lại kêu mắc bận, chẳng hiểu bận gì, tôi cũng chẳng hiểu ra sao cả, nhưng không dám hỏi nữa.

Tôi nói thế, Cóc ta đã kêu kèng kẹc về mãn nguyện, ầm ĩ :

- Bỉ phu hiểu rồi ! Hiểu rồi ! Hiểu rồi ! Thế ra cháu nó bận quá đến nỗi quên cả cho cậu nó uống nước. Cháu nó bận quá ! Có thể chứ ! à ra thế ! Thảo nào !

Cóc cứ dấm dớ lý sự và lăm nhăm một mình nghĩ, một mình nói thế trong khi cả đàn cóc nhô nhộp nhảy ra lại nhảy vào, vừa kèng kẹc, vừa gật gù : Có thể chứ, à ra thế ! Thảo nào ! Tự an ủi mình bằng câu chuyện tầm phơ của tôi. Các cậu cóc chỉ quanh quẩn xó hang mà khoái cái oai hờ "con cóc là cậu ông trời" là như thế.

Chúng tôi nhắm mắt, nhắm mũi lại lẩn ra cười. Đến khi mở được mắt, không thấy Cóc đâu nữa chỉ thấy đi tới một chàng Nhái Bén gầy, lêu đêu cao, hai cái đùi bé quắt mà dài quá nửa thân mình. Bộ quần áo thể thao của Nhái Bén bó sát người, cứ so le, xộc xệch, càng có cảm tưởng như cái căng chân nó dài thêm ra. Chúng tôi lại toan cười. Nhưng mặt Nhái Bén vốn nhợt bây giờ nghiêm xám hằm lại. Tôi im. Tôi ngờ có điều gì đây.

Quả thật. Lão Cóc có tính khuyếch khoác chứ không phải lão Cóc là cục đất mà ai chửi vào mũi lão cũng được ! Còn có câu ví "gan cóc tía" cơ mà. Lão cũng thâm lắm, cho nên sự chế giễu và nhạo báng lão của chúng tôi không qua nổi ý tứ lão, đến lúc chúng tôi nhắm mắt lại cười vào mũi lão như thế thì lão cau lắm, và thành cái kết quả ngay là các lão đi khắp xóm là có kẻ trộm vào xóm.

Nháy mắt, Nhái Bén nhảy thoát đến trước mặt, nói :

- Đại vương ếch có lệnh đòi.

Chúng tôi theo Nhái Bén đến dưới một bụi cúc tần ẩm thấp, nhớp nháp, trông vào thấy ếch chồm chồm ngồi vênh mồm trên viên gạch vuông như kiểu ngồi trên sập, ra điều uy nghi lắm. Đôi mắt lồi nghiêm nghị của lão ta cứ giương trừng trừng. Hai khoeo chân trước khoanh ra, đôi chân sau xếp tè he lại. Ngực và bụng trắng bóng giống lối cổ áo thầy kiện, cứ phập phồng đưa lên đưa xuống lấy hơi sắp nói, nhưng mãi chẳng thấy nói gì. Đặc biệt trên gáy lão ra điểm mấy miếng xanh ở cổ áo và lưng áo như hạt cốm. Bởi thế, lão cũng có tên là ếch Cốm.

Và có lẽ trong hoàn cảnh đối kém này, lão cậy mình còn to béo khỏe mạnh nhất vùng nên lão xưng là đại vương, đại vương ếch Cốm ! Với chúng tôi, đại vương hay là cái gì thì cũng chẳng bận tâm, qua câu

chuyện tôi chỉ có nhận xét tính lão cũng hết bọn đồ cóc đã dốt lại còn hay khoe chữ, còn cái tính khoác lác của ếch thì một tắc đến trời, hơn Cóc nhiều. Chuyện với anh nói khoác nó chỉ biết nói cho nó nghe và không biết nghe ai nói cả, cứ tức anh ách như bị bò đá.

Ếch Cốm hỏi (hay nói cũng không rõ)

- Chúng bay sang buôn ngọc bên vùng Rùa Rùa trong chân núi...

Tôi đáp:

- Thưa, tôi...

- Biết rồi, ta biết rồi, đây vào đến vùng Rùa Rùa còn xa một phen chợ. Ngày trước ta đã...

Trùi sảng tiếng ngắt lời :

- Không, tôi không đến vùng Rùa Rùa !

- Ta biết rồi... Ngày trước ta đã vào chơi vùng Rùa Rùa trong chân núi ấy...Ngày trước ta...Ngày trước ta...Ngày trước ta...

Nói có mấy câu thì đầu đuôi câu nào cũng "ngày trước ta..." và "ta biết rồi...". Nên cho anh chàng khuếch khoác này thêm cái biệt hiệu là anh "ngày trước ta" hay anh "biết rồi". Cái lão đại vương Ếch Cốm này chẳng biết cóc gì nhưng cái gì cũng nói trước, mình chưa nói hết câu nó đã nói nốt câu mình nói, cái gì cũng tỏ vẻ biết, và cái gì ta cũng giỏi. Bây giờ tôi mới rõ câu tục ngữ "ếch ngồi đáy giếng" thế mà thâm và ý nghĩa sâu.

Không ai chịu được những anh đã dốt lại hay tự đắc và dờ hời. Trùi có tính nóng nảy. Thấy trái tai, Trùi cãi phăng, nói phăng. Rồi muốn ra sao thì ra !

Trùi văng một câu :

- Nay ông hỏi chúng tôi, chúng tôi đã trả lời đâu mà ông biết được, ông chẳng biết cóc gì hết ! Ông là ếch ngồi đáy giếng, ếch ngồi đáy giếng chỉ trông thấy mẫu trời trong miệng giếng đã tưởng nom thấy cả vòm trời ! Ha ha ! ếch ngồi đáy giếng. Hôm nay mới thấy thật ếch ngồi đáy giếng.

Ếch Cốm tức quá, hét ầm ỹ đuổi Trùi, Trùi điềm nhiên giờ càng. Ếch Cốm không dám xông đến. Chúng tôi không chạy, cũng không nói, chúng tôi ung dung đi ra. Làm vẻ ngông nghênh cũng không tốt, nhưng lúc ấy chúng tôi thú vị như thế đấy.

Ếch Cốm gọi cả xóm lại, bàn cách nện chúng tôi. Nhưng buồn cười thay, xóm này mới chỉ rỉ tai bàn bí mật mà đi tận xa xa cũng nghe tiếng uôm oạp. Nói thế này, thế nọ, cứ ầm ỹ rồi xoè. Ai cũng kêu là ghét hai

thằng lếu lảo, giá thấy mặt bây giờ thì phải đánh cho chúng mấy đánh. Những quân lang chạ ở đâu đến rõ bọn đầu trộm đuôi cướp. Phải vặn cổ nó xuống, tức lắm, phải nện cho chúng nó một trận như tử.

Ếch cử ễnh ương và Châu Chàng đi đánh chúng tôi, cả hai anh chàng cùng nhăn nhó là có bệnh đau bụng kinh niên. Ếch bảo Cóc. Đáng lẽ Cóc phải hăng hái đi nhất thì Cóc trả lời rằng với chúng tôi, Cóc là chỗ quen biết, xưa nay có giao thiệp, vả chăng, đã là thầy đồ nho nhã biết ngâm cái bút lông mèo thì không bao giờ thượng cẳng chân, hạ cẳng tay như kẻ tầm thường. Đến lượt Nhái Bén, Nhái Bén ngoạ mình, giơ mạng sườn, làm hiệu và kiểu : tôi gầy lắm, đĩa nào thối mạnh một cái tôi cũng ngã huống chi chúng nó những hai đĩa... Rắn Mòng khước mình vừa lột, xương cốt mình mấy còn mỏng manh lắm, chưa làm việc nặng được.

Đến khi cả bọn Cóc, ễnh ương, Nhái Bén, Châu Chàng, Rắn Mòng đồng thanh cử đại vương ếch cốm hãy tạm rời cái mà ếch mùa đông ở bờ đầm nước và cái sập gạch kiên cố ấy, bước ra, đi trước, bọn họ sẽ theo sau trợ chiến thì ếch cốm ra phòng bụng, phòng mép, trố mắt, quát :

- Như ta đây đường đường một đấng trượng phu hai nhãi ấy chưa đáng mặt đọ sức với ta...

Rút cuộc, ai về nhà nấy và lại làm công việc hàng ngày của mình. Mòng và Cóc đi rình muỗi. Nhái Bén leo cây. Châu Chàng hát nghêu ngao. Những kẻ khác thì ngồi than vãn, khóc lóc hoặc cãi vã nhau cho qua ngày. Còn đại vương ếch Cốm vẫn lặng im tư lự một cách vô tích sự trên hòn gạch vuông - suốt mùa đông lão ngồi ngâm hơi không một lần nhích dít khỏi cái sập oai vệ trong cái mà của lão.

Chúng tôi chẳng muốn gây sự và cũng không lưu luyến gì đất này, đất buồn. Có đáng kỷ niệm đây chỉ là nhớ nơi mà chúng tôi lênh đênh từ ngoài nước lớn giạt vào - một lần thoát chết.

Tôi cùng Trũi đi ngược lên phía những rừng cây ké hoa vàng lấp lánh một giòng sông. Chúng tôi định vượt qua đấy có thể tìm một ít cỏ tốt rồi nghỉ ngơi vài ngày chẳng.

Trũi nhảy xuống nước, bơi sang. Bơi một quãng bỗng nhiên chìm ngấm. Cả hai cái râu cũng không thấy ngo ngoe trên mặt nước, như bị đột ngột rút chân xuống. Chốc, thấy Trũi ngoi lên, kêu vẳng rồi hốt hải quay lại. Tôi định thần nhìn kỹ thấy quanh đấy có luồng sóng cồn đuổi theo. Một đàn cá săn sắt đương rầm rập kéo đến. Những cái đuôi cờ ngũ sắc bay hoa cả mặt nước. Vừa rồi mải bơi, chính là Trũi bị mầy gã Săn Sắt ấy kéo tụt xuống. May, Trũi cố vùng thoát lên.

Bây giờ tôi mới kinh hãi nhìn dần ra khắp dọc sông, chỗ nào cũng thấy đông đặc cá Săn Sắt với những đuôi cờ múa rợp bóng nước. Chúng lượn đi lượn lại, vẻ nghênh ngang, chặn đường. Cái này chắc có âm mưu gì đây. Rồi tôi thấy Săn Sắt kéo đến mép nước phía chúng tôi, hăm hè toan nhảy hẳn lên bờ đòi choảng nhau, rất hung hăng. Thế này phải tìm cách thoát ngay mới được. Ờ ! có thể ếch cốm lập ra mưu này, cái lão khoác lác một tắc đến trời mà cũng mưu lược gớm.

Lại vài mụ Diếc trắng trẻo, béo tròn con quay, lò mò đến. Các mụ tung tăng múa vây, múa gáy. Rồi mầy bác cá Ngõa mắt lồi đỏ, dài nghêu, mồm nhọn ngoác ra, ở đâu bơi chớp nhoáng đến, đỗ kề ngay bờ trước

mặt, há miệng đợi đớp. Ôi chao, nếu không mau chân, bọn này cứ thắt mãi vòng vây, chí nguy ! Trũi lau tau mà đã thấy cuống. Trũi nóng tính, nóng hăng thì cũng nóng nhứt ! Chưa chi cả mà đã hốt. Tôi bảo :

- Khoan khoan liệu việc, nhón nháo thì hỏng đấy.

Bỗng Trũi lại tru lên :

- Kìa kìa.. lũ nữa đến...

Nhìn lên đầu sông thấy mấy bác cá Chuối đương lừ lừ tới. Bóng cá Chuối loáng cả dòng nước, răng nhe trắng như lưỡi cưa, nó lướt vào đến trước mặt thì dòng nước đương trong vắt bỗng đen sạm như nền trời cơn mưa.

Phải tính việc tẩu ngay.

Nhìn sang bên kia sông, tuy xa, nhưng tôi cảm thấy nếu tôi cố thì có thể bay qua được. Tôi sẽ bay qua ngay trên đầu chúng nó. Nhưng đôi cánh của Trũi ngắn thun lùn, không thể bay xa thế. Trong khi ấy, nếu còn trù trừ thì chết. Đàn cá Chuối hung hăng sẽ ngoi lên tận bờ bùn này đớp chân chúng tôi. Hoặc một thằng Chạch, một thằng Lươn có thể độn thổ lên ngay vũng bùn dưới chân chúng tôi đứng đây.

Tại sao nên tai nạn như vậy ? Về sau tôi mới hiểu chỉ vì cái thói nghịch ác và sự coi thường xung quanh của chúng tôi. Chẳng là bị khích thế, cả xóm ếch Nhái đương buồn bã kia bỗng phát cáu lên và các xóm Cá ngoài này nghe phong thanh có hai thằng dễ bơ vơ ở đâu đến làm loạn sông thì cá kéo ra đánh đuổi đi.

Lúc ấy, tôi khom người xuống. Tôi đã nghĩ ra một cách. Tôi bảo Trũi trèo lên lưng. Tôi mím miệng nghiến răng, gắng sức bình sinh công Trũi bay qua sông. Không cất cao mình lên được, tôi chỉ đủ sức bay là là mặt nước.

Cả đàn mấy chục các loại cá đuổi theo, chen nhau đánh sóng và quấy đuôi, ngoáp miệng bắn nước lên đầy mặt tôi, ướt cánh và ướt cả bụng tôi. Tôi chỉ núng cánh một chút, nó mà tọt được chân tôi lồi xuống thì tan xương cả. Lưng tôi nặng như cái cối đá đề. Tôi cố sức, cố sức, cố sức... Cuối cùng, tôi lướt khỏi mặt nước, sang tới bờ bên này bãi cỏ. Tôi lăn kènh ra bãi, trong khi Trũi bị hất tung ngã tít đằng kia.

Trở dậy, trông bờ bên ấy đã thấy cả xóm ếch Nhái kéo ra. Tuy vậy, vẫn không thấy đại vương ếch Cốm đâu. Thêm viện binh ! Bốn bác Cua Núi đen sì như bốn cái xe bọc sắt to kènh, múa lên những chiếc càng rất lớn. Tưởng nếu bị càng đó cặp thì bụng tôi có thiết giáp cũng phải phòi ruột.

Nhưng chúng tôi đã qua được sông. Thách cũng chẳng mống cá nào dám lên bờ đuổi. Nghĩ cứng thế, nhưng tôi lại chột nghĩ thêm : biết đâu ai học được chữ ngờ, như cái lần Trũi bị cả xóm Bọ Muồm bay qua sông sang đánh suýt chết đấy. Tôi vội bảo Trũi cùng nhau chạy trốn ngay. Trũi cũng hiểu, chúng tôi biến rất nhanh.

Tuy vậy, trước khi chạy, vẫn làm oai ta đây, chúng tôi giơ còng lên, ri ri hát một bài. Trũi xỏ hai chân vào hai râu, cong cong râu, làm hiệu giấu còng. Giở trò trên người cái đã.

Nhưng bên kia bọn bên kia sông chưa kịp nổi giận thêm tôi đã kéo Trũi chạy một mạch đến tận hàng cây xanh xanh mờ mờ đằng xa.

DẾ MÈN PHIÊU LƯU KÝ

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương VI

Hàng cây, mà lúc còn ở ngoài bãi chúng tôi trông thấy mờ xanh xanh, là cánh rừng cỏ may. Bấy giờ mặt đất đương mùa hoa may. Chúng tôi đi mịt mờ dưới bóng hoa may. Trông suốt bốn phía chân trời đâu cũng phát lên một màu trắng bàng bạc, xám xám những ngù hoa may. Trong rừng hoa cỏ may ấy ngụ những xóm Chuồn Chuồn.

Đối với Chuồn Chuồn, họ Dế chúng tôi là láng giềng lâu năm. Hang Dế thường ở quanh bãi và gần hồ ao. Chuồn Chuồn hay đậu trên ngọn cỏ cao bên bờ nước. Bởi thế, đã thành thói quen như bức tranh sơn thủy thì phải có núi, có sông, chàng Dế và chàng Chuồn Chuồn cứ mùa hè đến lại gặp nhau ở bờ cỏ, anh đậu ngọn, anh nằm gốc. Trong đám cỏ, có khi nắng chang chang - Chuồn Chuồn thật khoẻ chịu nắng - chúng tôi thường sôi nổi đàm luận việc đời, nhất là những chuyện đường xa.

Xóm ấy trú ngụ đủ các chi họ Chuồn Chuồn. Chuồn Chuồn Chúa lúc nào cũng như dữ dội, hùng hổ, nhưng kỳ thực trông kỹ đôi mắt lại rất hiền. Chuồn Chuồn Ngô nhanh thoăn thoắt, chao cánh một cái đã biến mất. Chuồn Chuồn ớt rực rỡ trong bộ áo quần đỏ chói giữa ngày hè chói lói, đi đằng xa đã thấy. Chuồn Tương có đôi cánh kép vàng điểm đen thường bay lượn quanh bãi những hôm nắng to. Lại anh Kim Kim Kim bấy lấy như mẹ đẻ thiếu táng, chỉ có bốn mẫu cánh tí tẹo cái đuôi bằng chiếc tăm dài nghêu, đôi mắt lồi to hơn đầu, cũng đậu ngụ cư vùng này.

Họ nhà Chuồn Chuồn cứ miên man đi tha phương cầu thực, nhưng hễ khi trời sắp giông gió thì lại bay qua đồng hoa cỏ may tìm về tránh mưa trong chân cỏ.

Chúng tôi vừa đến, đi suốt đoạn đường, thấy các làng Chuồn Chuồn ai cũng hớn hở trong xống áo mới tinh giữa hoa may. Họ đương sắp đi. Tôi hỏi đi đâu. Đáp rằng họ đi xem hội thi võ, trên trời, Chuồn Chuồn bay sát cánh rợp cả nắng. Cậu Kim Kim Kim gầy còm chỉ lượn được dưới thấp, nhưng cũng tung tăng ra đáng lắm. Tôi hỏi thêm thế thì như anh em chúng tôi muốn đi xem hội thi võ có được không. Đáp rằng có.

Thế là chúng tôi đi trẩy hội theo Chuồn Chuồn. Họ bay trên không. Chúng tôi đi dưới. Đôi lúc khoái chí tôi cũng cất cánh bay chơi một quãng. Trên đường còn gặp vo khối khách nô nức trẩy hội. Vui lắm. Cả những ông Niềng Niềng đen nháy quanh năm không ra khỏi mép cái lá sen mặt nước cũng lịch kịch cất bước ra đi.

Sự tích hội thi võ như thế này :

Nguyên vì ở vùng cỏ, hàng năm đến mùa hoa may chín trắng bạc khắp miền thì có hội lệ. Năm ngoái, cụ Bộ Ngựa già yếu đã khuất núi. Năm nay, dân cả vùng, nhân hội hoa may, mở luôn hội thi võ kén ai tài giỏi

nhất để đứng ra coi sóc việc chung trong vùng. Đó cũng là phong tục lâu năm của miền cỏ may này.

Giữa vùng cỏ may, chân cỏ đỏ tía, đầu hoa xám trắng và lông lánh dựng lên võ đài nguy nga cao, toàn bằng gỗ cây lau ngà vàng, đứng cuối bãi trông lên cũng rõ mồn một. Đài võ chắc chắn, đẹp, có ghế ông cầm trịch ngồi, trên lớp lá cỏ mật và treo từng chùm hoa ké vàng mọng buông xuống, lắc lư trong gió.

Những hôm đầu là đấu loại. Nhiều anh Châu Chấu vừa nứt mắt đã băng nhăng lên đài. Ngựa non háu đá, những gã nông nghênh đó thật ra chưa có nổi ba hột sức. Mới tự chân mình đá mấy cái cũng đã run rẩy cả người rồi đứng thở hồng hộc. Vì thế chỉ có các anh ấy tưởng võ mình là tuyệt vời, còn khách xem thì thấy cuộc thi đấu loạc choạc, ngấy, họ đi chơi hội hơn là đi xem võ.

Mấy ngày sau, võ đài mới bắt đầu rầm rộ. Bởi vì những tay võ kém đã bị lọc hết. Bao nhiêu cậu ti toe đều bạt xuống chân đài cả rồi. Chỉ còn lại có hai tay cứng vào đấu vòng cuối là Bọ Muồm và Bọ Ngựa. Hai tráng sĩ trong vùng đấy.

Sáng hôm ấy, trước khi ra xem thi đấu, tôi một mình dạo chơi quanh bãi, nhìn thiên hạ kéo tới xem hội, chật như nêu cối.

Những chị Cào Cào trong làng ra, mỹ miều áo đỏ áo xanh mớ ba mớ bảy, bước từng chân chậm chậm, khoan thai, khuôn mặt trái xoan như e thẹn, như làm dáng, như ngượng ngùng.

Các anh Châu Chấu Ma thì mặt mũi rất xí nhưng chúa hay lơn tơn đón đường co kéo các nàng Cào Cào xinh đẹp vào trò chuyện vãn vơ trong vườn cỏ non - những hàng quán dọc đường.

Tôi thấy bụng đói, tôi cũng tạt vào quán làm vài nhánh cỏ lót dạ. Đông khách quá, Châu Chấu, Cào Cào, Bọ Muồm, Bọ Ngựa rậm rịch vào.

Bỗng mấy chú Châu Chấu Ma đang nhảy nhót khoe tài quanh các nàng Cào Cào, vội né giạt về một bên. Rồi trong cửa hàng chợt im tiếng ồn ào. Tôi thấy trịnh trọng tiến vào một anh Bọ Ngựa. Người ngợm anh Bọ Ngựa này cũng bình thường thôi, nhưng chưa hiểu sao anh làm ra lối quan dạng đến thế, anh cứ đi chân nhấc từng bước cao ngang đầu gối kiểu bước chân ngỗng, cách thức rất ta đây kẻ giờ và hách dịch. Cái khắc cổ vươn ra. Cái mặt ngẩn cùn nhưng cái cằm vuông bạnh lên. Con mắt đu đưa tưởng như ai xung quanh chỉ còn có việc tán phục nhìn anh ta. Hai sợi râu óng ả mấp máy phất lên phất xuống. Hai lưỡi gươm bên mạng sườn, lưỡi có răng cưa, luôn luôn co vào trước ngực, ra lối ta đây con nhà võ đi đứng đúng thế võ, lúc nà cũng giữ miếng.

Trông bộ tịch anh ta như thế, nhưng tôi cũng không để tâm. Bởi vì tôi đã biết thường những anh tính hay khoe thì cái gì cũng ra miệng hết và chỉ có ở miệng chứ trong bụng nhiều khi chẳng có cóc khô gì. Như anh này, chắc có mấy miếng võ xoàng thì đã trở ra tay chân mặt mũi cả rồi, chẳng còn gì phải chú ý nữa. Và chẳng tôi cũng đâu cần để mắt tới cái oai rơm rác và lối bịch ấy. Có nghĩa là lúc đó tôi vẫn đứng đĩnh giữa cửa quán hàng cỏ như không biết có võ sĩ Bọ Ngựa đi vào. Thấy thế, Bọ Ngựa bổ luôn cho tôi một nhát

gướm vào đầu. Tôi đau điếng.

Tôi nhảy trái, đá hậu cú song phi. Hẳn né được và co hai gướm định quạng tôi nữa. Thấy có xung đột, bao nhiêu khách hàng bỏ chạy hết. Các chị Cào Cào hốt hoảng nhảy tung, rách cả vạt áo màu. Chỉ khổ bác Cành Cạch đã cao tuổi, lại to lớn chạy vướng cái áo dài lưng thụng, ngã ngoạ càng, nằm cong chân, xoắn cánh, kêu trời kêu đất.

Nhưng gã Bọ Ngựa không xông vào giữa mà chỉ giơ gướm trở mặt tôi, bảo :

- Có giỏi chốc nữa lên đài.

Tôi cười khểnh, nói lịch sự mỉa mai :

- Rất hân hạnh.

Sau đó Bọ Ngựa, thật tức cười, lại trình trọng khuynh khuynh kiểu bước chân ngỗng đúng như lúc nãy. Nhưng bước ra, đi cút luôn mất. Đám đông dần trở lại, quán cỏ lại chen chân mới vào được. Bây giờ họ xúm quanh tôi, Bác Cành Cạch ngã lúc nãy dạy được, nhô cái mũi nhọn đến, thở hỗn hển nói :

- Chú mình ơi ! Chú mình đại thế ! Chắc chú mình ở xa đến, chưa biết. Ông ấy là cháu đích tôn cụ võ sư Bọ Ngựa, cả vùng này không ai dám đụng đến cái lông chân ông ấy đâu. Ông ấy phen này hẳn tranh được chân trạng võ nổi chức cụ võ sư Bọ Ngựa rồi. Chú mày biết điều thì mau mau tránh đi nơi khác là hơn cả.

Tôi nói :

- Cảm ơn chư vị. Bình sinh trên đời tôi không hề biết sợ lời đe dọa nào cả.

Bác Cành Cạch còn làu bàu phàn nàn cho tôi là gà dở và nói "chú mình gờ chết hay sao ấy".

Tôi ở quán bán cỏ ra. Lời lẽ nhát sợ của bác Cành Cạch nọ làm tôi khó chịu. Tôi phải bước vào rừng cỏ ngấm làn hoa may đương tràn ngập trong gió phơ phới cho tĩnh tâm lại.

Khi trở vào đám hội thì võ đài đương vào cuộc thi tài.

Tôi rất ngạc nhiên khi thấy Trũi đứng sừng sững trên đài, sắp đấu với anh Bọ Muồm. Thì ra chú Trũi nhà tôi bấy lâu vẫn còn cầm nhà Bọ Muồm. Cái trận đòn của các mục Bọ Muồm nanh ác ngày ấy vẫn chưa thể quên ! Còn cầm nặng đến độ bây giờ chỉ gặp một gã Bọ Muồm xa lạ cũng khiến Trũi nổi máu đòn thù. Trũi lên đài ngay.

Gã Bọ Muồm kia đã đánh ngã mấy địch thủ nhép hôm qua, đương nhờn nhờn ra vẻ. Thực ra gã cũng không phải tay vừa. Người gã xanh rục và vạm vỡ, bắp chân bắp cày bóng nhẫy, mập mạp. Lưng gã gờ lên rắn chắc, và đôi cánh màu lá cây làm thành chiếc áo giáp che kín xuống tận đuôi. Đẳng đuôi, mắc thêm

lưỡi gươm cong hoắt. Đầu gã lớn, mút nhọn lại, húc rất khoẻ. Hai vành râu trắng phau. Đôi mắt to hớ như mắt cá. Hai tảng răng thì đen và nhọn khoằm khoằm.

Nếu không có Trũi lên đài thì Bọ Muồm được đấu thắng với Bọ Ngựa để tranh chức trạng võ.

Hai võ sĩ ra đài.

Cụ Châu Châu già lụ khụ đã bạc cả lưng, cái gân đen kẻ nổi gồ trên trán, ra ngồi cầm trịch.

Trũi và Bọ Muồm, sau khi mỗi anh đi một bài võ ra mắt như các tay đô vật múa lên đài rồi đứng lại, ngó nhau một giây, rồi từ từ đưa chân lên vượt râu hàng hoàng mấy cái, rồi bất thành lình ập vào đấu đá liên. Trũi sử đôi càng khéo lắm. Từ ngày ra đi, Trũi học thêm được nhiều miếng võ, đường quyền coi ngoạn mục và kín. Bọ Muồm kia thì không cần võ, chỉ cậy sức, cứ lăn xả vào thọc gươm và cắn lia lịa. Nhưng Trũi uyển chuyển và nhanh hơn, tránh được cả. Loanh quanh một lát, Bọ Muồm đã mệt phờ. Bấy giờ Trũi mới mở sức. Trũi nhảy phóc lên, đưa hai quả trùy càng ép bẹp võ cặp kính bảo vệ mắt của Bọ Muồm rồi thúc thêm một cái đá làm gã kia ngã ngửa, rướn lưng mấy lần mà không dậy được.

Cụ Châu Châu cầm trịch thông thả bước tới dắt chàng võ sĩ được trận ra một bên và tuyên bố kẻ thắng trận. Cả bãi xôn xao. Vừa hoan hô, vừa lạ lùng vì chưa ai biết võ sĩ Trũi tài giỏi ấy ở đâu ra. Cụ Châu Châu già cầm trịch nâng cái loa dài tết bằng lá cỏ ấu, nói xuống đài :

- Võ sĩ Dế Trũi thắng võ sĩ Bọ Muồm. Bây giờ các võ sĩ trong thiên hạ đã đông đủ về đây, ai lên đấu với võ sĩ Dế Trũi :

Tiếng ông cụ gọi loa vang đài, ai nấy lặng yên nghe, lặng yên nghe. Bỗng một tiếng đáp vang động : "Có ta đây !" Rồi anh chàng Bọ Ngựa ban nãy vừa lôi thôi với tôi, nhảy vót lên. Cơ nguy cho Trũi, vì xem anh chàng Trũi đã có vẻ mệt. Vả lại, thấy Bọ Ngựa ngông ngáo, nhớ chuyện ban nãy ở quán hàng, cái bực mình trong tôi tức tức trở lại.

Tôi nhảy phắt lên đài, quát :

- Khoan khoan, đây trước đã. Nhớ hẹn chứ ?

Bọ Ngựa lùi lại rồi "à" một tiếng rõ to, nghênh hai thanh gươm lên - vẫn một điệu tự cao tự đại như thế. Lại như lệ trên trường đấu ngày ấy, trước khi vào cuộc, mỗi bên biểu diễn một vài đường quyền, theo sở trường mình. Bọ Ngựa đứng vươn mình, đi bài song kiếm. Bóng kiếm loang loáng, mù mịt như hoa may điệu bộ khá đẹp mắt. Tôi chẳng cần đi bài gì hết. Tôi đứng nghiêng người về đằng trước, hếch hai càng lên. Cứ hai càng ấy, tôi ra oai sức khoẻ, đập phóng tanh tách liên tiếp một hồi, gió tuôn thành từng luồng xuống bay tốc cả áo xanh áo đỏ các cô Cào Cào đứng gần.

Lúc vào đấu, Bọ Ngựa cao nên lợi đòn. Hai gươm hấn bổ xuống đầu tôi chan chát. Nhưng đầu tôi đầu gối lim tôi lựa cách đã, không vắn gì hết. Còn tôi đoán người, tôi nhè bụng hấn mà đá, khiến có lúc hấn phải hạ

gươm xuống đỡ, mất đà, đâm loạn choạng. Biết không chém vỡ được đầu tôi, hấn liền đổi miếng ác, co gươm, quặp cổ tôi. Hấn định lách gươm nghiêng vào khe họng - chỗ hiểm, cuống họng tôi có khe thịt dễ đứt.

Thấy thế nguy, tôi gỡ đòn, cúi xuống, thúc nhanh một răng rất sâu vào bụng hấn. Choáng người, Bọ Ngựa nhảy lộn qua lưng tôi. Tôi cũng chỉ đợi có thế. Vừa đúng là càn - lừa vào miếng võ gia truyền của nhà Dế, tôi lấy tấn, đá hậu đánh phách một đá trời giáng vào giữa mặt anh chàng. Chàng Bọ Ngựa kêu ngạo rú lên một tiếng, bắn tung lên trời, rơi tọt ra ngoài võ đài, ngã vào đám đông xôn xao.

Tôi đã hạ địch thủ một cách vẻ vang, trong khi dưới đám hội còn đương ồn ào nhốn nháo vì không ai ngờ võ sĩ Bọ Ngựa giỏi võ nhất vùng đồng cỏ lại thua nhanh và thua đau như thế và thua bởi một chàng Dế Mèn lạ mặt ở đâu đến. Còn chưa ai hết lạ lòng thì cụ Châu Chấu cầm trịch lại ra, trình trọng giơ loa lên, ba lần đều đặn, hô vang vang xuống :

- Tôi xin hỏi đông đủ các võ sĩ trong thiên hạ tề tựu quanh võ đài, có còn ai lên đấu nữa chẳng ?

Cả đám hội im lặng. Cụ Châu Chấu cầm trịch lại hô tiếp.

- Bây giờ trận đấu tranh hùng kết thúc. Võ sĩ Dế Trũi đấu với võ sĩ Dế Mèn!

Ơ hay, tôi sẽ đấu võ với Trũi ? Tôi nhìn sang Trũi. Vừa lúc Trũi lại nhìn tôi. Chúng tôi cùng nhau đi đến đất này để đấu võ tranh quyền với nhau ư ? Bất giác, tôi tiến lại Trũi, đứng thẳng hai chân trước, khoác vai Trũi, hai chúng tôi hướng xuống dưới võ đài. Khấp bãi, rờn bóng hoa may, tụ tập hàng nghìn vạn các loài trong vùng đi xem hội võ, tôi nói to lên rằng :

- Thừa chư vị, anh em chúng tôi vừa từ phương xa tới đây. Cái chủ đích của chúng tôi thật không định tranh lèo giật giải gì ở đất này. Đất lành chim đậu, thấy phong tục vui thì chúng tôi đến góp mặt vui chung mà thôi. Bây giờ, cái điều chúng tôi không chờ đợi là anh hùng bốn phương đều đã lui cả mà nhường quyền độ sức cao thấp sau cùng cho anh em chúng tôi. Với sự tranh đua, anh em chúng tôi xin lỗi, không thể. Bởi vì sao, chắc chư vị đã rõ. Còn về ngôi thứ trách nhiệm thì anh em chúng tôi xin lỗi, không dám. Anh em chúng tôi chỉ là hai kẻ giang hồ thấy đất quê đẹp để ghé tới trên đường đi mà không định ý ở đâu cả. Dám xin chư vị xét cho.

Tôi vừa nói xong, ở dưới vang lên tiếng the thé, tiếng ầm ầm. Kẻ thì bảo nhất quyết phải mời chúng tôi ra thi đấu, lệ vùng này nghìn xưa như thế. Kẻ thì rằng thôi. Sau có một ban bô lão thượng thọ của đám hội cắt ra trông nom võ đài - một cụ Châu Chấu, một cụ Bọ Ngựa, một cụ Cành Cạch, một cụ Cào Cào, một cụ Niềng Niềng, các cụ ra nói với chúng tôi rằng :

- Thừa hai võ sĩ, đất lành chim đậu, hai võ sĩ qua đây, lại có lòng lên thi thố tài nghệ siêu quần, thiên hạ không còn ai đối địch nổi, thật là phúc cho chúng tôi.

Hai võ sĩ là anh em một nhà, lại là những tay võ đồng môn với nhau thì càng may cho chúng tôi và như thế, cái lệ đấu có thể bỏ đi được. Nhưng việc chịu trách nhiệm về đứng đầu vùng này thì phải có một trong hai ngài nhận. Đó là phong tục đất chúng tôi hàng bao đời vẫn chọn tài như thế.

Tôi thì hết lời từ chối. Còn Trũi đứng lặng không nói (về sau tôi mới biết sự im lặng của Trũi có một ý nghĩa riêng). Tôi đành phải nhận. Thế là cả đám hội âm vang lời hoan hô tôn chúng tôi lên là chánh phó, thủ lĩnh đứng đầu các làng trong vùng cỏ may. Cả đám hội xô vào làm kiệu rước hai tôi lên, đi chen trong đám đông và hoa cỏ may.

Các chị Cào Cào áo xanh áo đỏ làm duyên đứng nghiêng khuôn mặt dài ngoẵng nhìn theo chúng tôi một hồi rất lâu, tỏ vẻ mến phục. Tất cả tung cỏ, tung hoa may. Đồng dân cử bài hát rầm rộ. Rồi cùng nhau mừng rỡ cầm tay khiêu vũ. Cành Cạch với Châu Chấu, Cào Cào với Bọ Muồm nhảy múa linh đình. Từ trong hang, trong lá ra đến ngoài bãi, ngoài đồng, hoa may trắng suốt chân trời.

Tôi bước lên đài, uốn éo múa càn, rung cánh, trở một bài hát rất du dương. Trũi thì hớn hờ hơn ai hết. Thì ra lúc này cu cậu im không nói gì chỉ sợ tôi từ chối cái địa vị thủ lĩnh. Đến khi thấy tôi nhận lời, Trũi ra hét inh lên, múa rối rít hai càng khiến những bác Cành Cạch nhút nhát, mới đầu cũng sợ đáo để !

Chúng tôi ở lại vùng cỏ may được ít lâu. Ngày lại ngày...

Tôi thì hơi buồn và băn khoăn. Nể quá mà phải nhận lời đó thôi. Tôi vẫn chỉ muốn được thoả chí nguyện của mình là đi đây đi đó, thế đủ sung sướng rồi. Trái với tôi, Trũi rất thú vị. Đứng đâu Trũi cũng tỏ vẻ khoái cứ nghiêng râu mép lên gảy đàn từng từng. Tôi bảo Trũi : "Đừng tưởng thấy an nhàn mà vui ! Huống chi đời ta còn trẻ mà sống chỉ có an nhàn thế này thì buồn tẻ khác nào khi chúng ta còn ở trong hang quê nhà".

Quả nhiên mùa đông năm ấy xảy ra một việc biến lớn.

Cỏ may trên bờ đường đi đã tàn. Những con bò gầy tọp, dũi toét cả mũi cũng chỉ vơ được mấy chiếc rễ cỏ khô. Người trong làng ra đồng gặt lúa. Cánh đồng vàng rượi xưa kia đã được người ta lấy liềm gặt, bó từng lượm, cái đòn xóc đâm ngang thành từng gánh, quấy về sân. Trên mênh mông chỉ còn trơ lại những gốc rạ khô.

Thế là mùa rét đã tới. Cánh đồng vắng ngắt, màu xám trên trời và màu xám dưới đất đã liền vào nhau và ở giữa có gió suốt đêm ngày. Trẻ con ra ngoài đồng thì lạnh tai và đỏ hắt mũi. Rét quá, rúm cả chân. Chẳng ai có thể trốn trên đồng không được. Phải đi tìm nơi tránh rét. Nếu cứ phong phanh giữa trời suốt mùa đông thì đến chết cả.

Bởi thế, đã thành thói quen từ xưa, cứ mùa rét đến thì các loài sống trong vùng này lại bỏ cánh đồng lạnh ngắt lạnh ngơ mà lũ lượt đi kiếm nơi tránh rét. Có khi phải tranh cướp, đánh nhau mới tìm được chỗ. Bởi vì trong mùa rét, nhiều loài áo mỏng khác cũng đi tìm kiếm chỗ ở ấm như thói quen của họ nhà Châu Chấu.

Tôi bảo Trũi :

- Có phải thế không, Trũi thấy nhé. Gió thổi hun hút đến nỗi con kiến chỉ có cái chân bé tạo bằng hạt bụi cũng phải ra sức đào sâu xuống dưới đất mới tìm được tí hơi đất ẩm. Lo cho cái sống cũng gay lắm đây. Kìa bao nhiêu loài phải xô đẩy nhau đi tìm chỗ trú ẩn trong mùa đông tháng giá. Mùa đông khủng khiếp đã đến rồi.

Tôi bảo bà con rằng :

- Cái rét đã đến ngoài đồng, chúng ta hãy kíp đi tìm nơi ấm áp mà trú ẩn.

Chẳng mấy lúc, không còn thấy bóng ai ngoài trời. Bọn Chuồn Chuồn cánh giấy - các cậu Kim Kim Kim ồm ồm biết mình không chịu nổi nửa cơn gió giật đã mò mẫm đi trước. Anh em nhà Niềng Niềng thì lặn xuống bùn nằm với các anh Gọng Vó, bên cạnh những Cua, những Ê'ch lo rét đương vội vã đắp những cái mà đất lô nhô bát úp quanh các bờ đầm ao.

Châu Chấu, Cào Cào, Bọ Ngựa, Bọ Muồm thì đi tìm khe dứa dại. Trong mùa đông, chỉ có những bụi dứa dại xanh nguyên, mỗi chiếc lá dứa vẫn đỏng cái tai cứng lên nền trời xám. Kẽ lá dứa sâu hoắm, ta có thể chúi được vào đấy, nằm chống đuôi ra, bắt chấp mưa gió bên ngoài. Cứ vào đấy, nằm yên đấy, cho đến khi những ngày xuân trở lại, thấy cái ẩm đọng xuống hai vai và nghe tiếng con chim chích kêu vui chanh chách ngoài khe lá, lúc ấy mới bước ra.

Chúng tôi đi tìm chỗ ở mùa đông.

Tìm nơi ở mùa đông là việc năm nào cũng phải làm và bao giờ cũng gian nan. Bởi vì không bao giờ và không có chỗ nào cứ đến là đã sẵn chỗ. Hơn nữa, ai cũng muốn được nơi ở tốt nhất. ấy thế là cái cảnh tranh giành, lắm khi đổ máu, lại thường diễn ra.

Ngoài đồng, mây đen cuộn cuộn, gió thổi tan tác, mặt đất và gió lùa cái giá buốt vào tận ruột gan, không ai muốn cất một bước. Thế mà vẫn phải đi, đi mãi đi mãi chưa tìm thấy đâu chỗ ẩn náu. Khe lá nào, gốc cây nào cũng vô khối các loài áo mỏng vào tránh rét, trốn rét ròng rã nhiều ngày, mỗi sáng ra lại bỏ lại ven đường mấy cái xác bạn chết cóng rất đau thương mà vẫn chưa tìm ra được nơi trú ngụ. Lại phải đánh nhau thôi, một là sống, hai là chết, có đánh nhau mới giành được chỗ ở - tiếng bàn tán và than thở như thế trong đám đông, mỗi lúc càng xôn xao.

Một ngày kia, chúng tôi đến một bờ đê, trông xuống thấy nhiều bụi dứa, trong lòng rất hồi hộp. Mấy anh Bọ Muồm cao cẳng rón chân đi thám thính xem ai đã đến trú chưa. Quân thám thính về báo, các kẻ lá đều ở đầy Châu Chấu Voi.

Cả đoàn sau lưng chúng tôi la ó và kêu rầm rĩ. Họ không muốn đi, họ không đi nổi nữa. Tôi trù trù một lát rồi sau thấy đám đông ùn lên, nhốn nháo, thế là tôi cũng hòa theo, chúng tôi kêu lên "Cứ xông vào, đánh

nhau thì đánh nhau, chết thôi". Thế là chúng tôi kéo đến từng góc dứa, leo lên lách vào khe lá đầy gai phũ ở ngoài, cứ cấn đuôi từng Châu Chấu Voi mà lôi giật lùi. Khó chịu, bọn Châu Chấu Voi nhảy ra. Thế là chúng tôi, một phần tranh nhau nhảy xuống khe dứa hở, một phần thì xúm lại đánh cho Châu Chấu Voi không quay vào được nữa. Bọn Châu Chấu Voi khoẻ lắm. Anh nào cũng hùng dũng và hiên ngang. Chẳng trách họ được tên là Châu Chấu Voi. Một Châu Chấu Voi đương thoát xông tới. Sắc xanh biếc, lưng cao nhọn và ngang ngạnh lên. Hai chiếc râu trở ra dữ như hai cái đinh. Đôi càng đã to, to hơn càng tôi mà quanh bấp vế còn lấp chi chút những mũi móc nhọn như chông.

Chẳng cần biết mình có thể yếu thế, bởi vì mỗi Châu Chấu Voi to gấp mấy lần Châu Chấu thường, nhưng chúng tôi cứ lẩn xả vào vây đánh. Chúng tôi đương liều. Choảng nhau rồi rít đến tận chiều cũng chưa ngã ngũ bên được bên thua. Đám Châu Chấu đã chui được vào chiếm khe dứa sợ quá, lại nhào cả ra. Thế là chúng tôi vẫn long đong ngoài trời rét, buốt lên tận óc. Nhưng có điều đau đớn hơn cho tôi là Trũi đã bị Châu Chấu Voi bắt làm tù binh rồi. Cả đêm tôi trằn trọc lo không chợp được mắt. Mờ mờ hôm sau, chúng tôi đông hàng nghìn lại kéo vào vây rặng dứa. Phải cứu Trũi kỳ được. Nhưng khi xô lên, nhòm vào khe lá, thì lạ thay ! Các khe lá rỗng tuyền, không còn một bóng Châu Chấu Voi ! Họ đã rút đi từ lúc nào.

Có lẽ sợ chúng tôi đông quá và cái hăng thí mạng của chúng tôi, họ đã ra đi từ ban đêm. Thôi thế dù sao cũng là xong nỗi lo mùa đông. Nhưng được chỗ ở ấm rồi mà tôi cứ ngao ngán cả người. Bởi vì, lúc rút chạy, Châu Chấu Voi đã mang đi cả tù binh rồi. Trũi mất tích rồi. Chúng tôi được vào ở kín cả trong bụi dứa. Ngày đêm trên đầu khe, gió hú, gió gào bên ngoài nhưng trong vẫn ấm áp và êm đềm như thường.

Khi nỡ ăn chốn ở đầy đủ cả, tôi mới nói rằng :

- Trong trận xung đột vừa rồi, chẳng may em tôi bị cầm tù, phải Châu Chấu Voi đem đi đày đến tận xứ sở nào không rõ. Ngày trước anh em tôi đã thề cùng nhau sinh tử. Bây giờ cơ sự xảy ra thế này, tôi không đành tâm ngồi lại đây. Tôi phải đi tìm, cùng trời cuối đất nào tôi cũng đi, đi bao giờ gặp được nhau thì anh em tôi lại trở về đây. Ai nấy xúm lại can ngăn, không muốn tôi đi. Nhưng chí tôi đã quyết. Tình em nghĩa bạn, ở yên một mình sao đặng. Vả lại, tù chân một chỗ cũng đã lâu, tôi nóng ruột lắm.

Biết không thể lưu tôi lại, ai cũng ngao ngán. Họ dặn đi dặn lại rằng hễ tìm được Trũi thế nào cũng phải trở về.

Tôi nói :

- Chư vị hãy yên tâm, mặt đất rộng mà hẹp, thế nào chúng ta cũng còn khi gặp nhau.

Chia tay lưu luyến, tôi cũng bịn rịn, tuy không khóc nhưng lòng nao nao, bùi ngùi. Cảnh biệt ly bao giờ chẳng vậy.

Thế là, khăn gói gió đưa, tôi lại bước chân đi. Bấy giờ đã tàn mùa hoa may từ lâu. Trên đồng bãi và bờ ruộng chỉ còn xám mờ nhưng đám gốc rạ và gốc cỏ của trẻ chăn trâu đã nhổ lên, chất đống, để đốt sưởi.

Đám khói cỏ xanh ngắt trong vòm trời gió buốt, càng đượm vẻ thê lương. Trời đông rét run cánh, run râu thể mà cả làng Châu Chấu nhảy ra ngoài khe lá, lũ lượt đội gió tiền tôi mấy dặm đường mới chịu trở lại.

Ngược lên phía Bắc, cứ ngấm những bụi cây trơ trụi xa xa mà đi tới. Bước cao bước thấp, đi hết mùa đông sang mùa xuân. Vào những đêm hè xanh trong, trăng sao vắng cặc, tôi càng cảm thấy mình lẻ loi. Có khi, tôi ngửa mặt lên vòm trời không, gọi to : "Em ơi ! Giờ em ở đâu ?"

DẾ MÈN PHIÊU LƯU KÝ

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương VII

Ròng rã mấy mùa rồi, không nhớ mà cũng không nghe được một tin tức gì về Trũi. Càng đi càng thăm thăm, càng sốt ruột. Đã qua nhiều miền khác nhau, đã hỏi thăm nhiều dân cư dọc đường. Chẳng ai biết tông tích đoàn Châu Chấu Voi bí mật kia. Lủi thủ một mình, chán không ! Nghĩ lại xưa kia, điếm cỏ cầu sương, vui buồn anh em có nhau, gian nan biết mấy cũng vẫn vững lòng tin, mà lúc cùng nhau sung sướng thì càng hể hả, nức lòng. Than ôi ! Giờ một mình tôi lẻo đẻo đường dài, đơn thân độc bóng. Có lúc nhớ lại cái lần cùng nhau trên chiếc bè sen nhật lệnh dênh lạc ra nước lớn, Trũi khẩn khoản đưa cang của mình cho tôi ăn; nước mắt tôi muốn ứa ra. Thấm thoát, lại đã hết một mùa đông. Những ngày xuân mới bắt đầu. Chim hót ới ới đầu cành. A'nh nắng lụa nồn nà phủ trên cây. Những vạt cỏ trở lại non tươi, xanh mơn mơn khắp mặt đất, cỏ xuân nhấm ngọt như đường phèn.

Một hôm tôi dừng chân bên dòng nước nhỏ. Bỗng nghe trên những cây dó đã nở hoa như treo đèn thơm khắp cánh rừng trước mặt, có tiếng ồn ào. Không phải tiếng ong rạo rục tìm hoa làm mật mà những tiếng nhịp nhàng khi xa khi gần, khi réo rắt như ai đàn hát. Trèo lên tảng đá, nhìn sang bờ bên kia thì thấy trên một đám cỏ non, có đàn các cô Bướm Vàng, Bướm Trắng, Bướm Hồng, Bướm Nhung đang nối cánh nhau, nhảy thành vòng. Vừa nhảy vừa hát. Thì ra đấy là tiếng hát ca ngợi mùa xuân.

Cảnh hay như vẽ

Gió hây hây

Đào mím miệng

Liều giương mày

Bướm nặng bay

Trong bụi

Oanh vàng riu rít

Đầu nhà

E'n đỏ hót hay (°)

Có mấy anh chàng Ve Sầu, mặt mũi vắn vèo và sần sùi mà lại ăn mặc chải chuốt, đứng nghẹo đầu cạnh các ả Bướm, đương giơ cái mõ dưới cánh lên kéo bài o o i i dài dằng dặc, hoà nhịp với lời ca trong treo

của các cô Bướm.

Chắc bọn này đương tiệc múa hát mừng xuân mới. Đầu mùa xuân, đâu đâu cũng từng bừng tết nhất. Lòng tôi bỗng vui lây. Tôi bèn leo lên cao để nghe tiếng hát cho được thú vị hơn. Tôi trông thấy bên cạnh các ả Bướm và chàng Ve Sâu còn có những đàn Bướm khác ở các Bãi cỏ phía xa cũng đương múa hát. Tiếng hát mùa xuân trong như nước chảy, ngân vào mãi rừng xanh.

Tôi trông kỹ lại thấy ra đàn Bướm nhảy múa xung quanh một bác Xiến Tóc to gồ, cao lêu đêu. Mỗi chân bác Xiến Tóc nắm một Bướm Trắng, sáu chân bác Xiến tóc nắm sáu chị Bướm Trắng, tất cả Bướm Trắng cùng múa cánh lên như tung hoa. Lúc cái đầu kèn càng của bác Xiến Tóc ngả xuống, khiến cho chiếc đàn tự nhiên xưa nay bác vẫn đeo trong cổ bỗng kêu lên kin kít, thì hai ả Bướm Trắng khác lại đến nghịch ngợm leo lên vít khắc râu cứng quếu của bác. Họ nhảy và hát linh tinh vui nhộn như trẻ nhỏ chơi.

Tôi ghé xem bác Xiến Tóc ấy thế nào, già trẻ ra sao mà nghịch lối con nít thế. Xưa nay, các tay Xiến Tóc vẫn được tiếng đạo mạo cơ mà. Nhìn kỹ... Tưởng ai ! Hoá ra cái bác Xiến Tóc năm xưa. Vẫn nét mặt nghiêm nghiêm và trầm tĩnh, vẫn hai tầng răng đen sặc ghê gớm, xiến đứt cả tóc - vì thế mà bác được tên là Xiến Tóc, và bác đã chỉ xiến một cách nhẹ nhàng mà hai sợi râu tốt đẹp trên đầu tôi đã đứt bég từ ngày ấy.

Tôi xin thưa cùng bạn đọc yêu quý của tôi rằng, từ ngày bị bác Xiến Tóc cắt mất râu, tuy vì thế mà vẻ mặt tôi có già đi một tẹo, nhưng không, tôi chẳng mảy may thù oán bác Xiến Tóc, mà tôi còn phục bác là người giỏi, bụng dạ rộng rãi, đường đường một đấng anh hào côn quyền đủ sức, lược thao gồm tài, tôi đã học được ở bác ấy nhiều điều lắm. Thế mà thật lạ lùng chẳng ngờ cái bác Xiến Tóc gai ngành, khắc khổ, tư lự, mấy năm chả gặp, bây giờ hoá ra ngây ngô, nhí nhảnh nởm đời, đi rong chơi đông dài với lũ Ve Sâu và Bướm. Mà điệu bộ này thì họ tiệc tùng thâm đêm suốt sáng đây. Tôi đã từng chơi những trò phí thì giờ này, tôi chẳng lạ !

Còn đương phân vân, biết có nên sang ra mắt bác Xiến Tóc hay là lủi đi, thì bỗng cả mấy ả Bướm cùng im bật tiếng. Rồi các ả hốt hoảng chạy trốn hết vào nếp im trong bụi. Xiến Tóc lừ đừ ngẩng đầu lên, ề à hỏi :

- Ai đâu mà các em sợ thế ?

Xiến Tóc cũng đảo đầu tìm kiếm, ngờ ngác. Chợt trông thấy tôi, bác ta định thần nhìn kỹ rồi reo lên :

- A Dế Mèn ! Đi đâu thế ? Xuống đây đã nào ! Có phải Dế Mèn đấy không ?

Dáng chơi bời, thức đêm nhiều, mắt Xiến Tóc có phần toét nhoèn, nhìn mãi vẫn chưa nhận rõ hẳn ra tôi. Tôi liền bay sang. Bấy giờ bọn Bướm núp trong bờ cỏ mới ngấp nghé mon men ra gần. Lúc này, đương hát, thoáng thấy tôi lạ, họ sợ xấu hổ, bỏ chạy. Bây giờ biết quen, lại sẵn đến và quá bạo, cứ khoác vai tôi ra nhảy múa. Nhưng tôi từ chối khéo. Cả bọn họ lại chạy ra bãi nô giỡn, những chàng Ve Sâu lại lên tiếng

nhạc mõ o o i i rầu rĩ nhức tai.

Còn lại hai chúng tôi, Xiển Tóc nhìn tôi, hỏi đùa :

- Thế ra bộ râu chú mình không mọc nữa nhì ?

Tôi lắc đầu mỉm cười. Tôi hỏi thăm Xiển Tóc độ rày ra sao mà coi bộ rồi rã nhàn hạ thế. Bác Xiển Tóc thở dài, đàn rằng đàn cổ lên điệu xiển ken kết, rồi im, ra chiều tư lự. Một lát sau bác cất tiếng buồn buồn kể rằng :

- Có phải anh trông tôi bây giờ khác trước nhiều lắm không. Chính tôi, tôi cũng tự cảm thấy khác lắm. Tôi cũng biết tôi đổ đốn đâm ra chơi bởi đông dài, thế mà tôi buồn bã không muốn xoay chuyển nữa. Cuộc đời éo le đã khiến tôi chán lắm, chán quá. Sau ngày gặp anh, tôi đương rất khoái vì ngày ấy tôi đã làm được nhiều việc ngẫm nghĩ thấy có ích. Một lần, tôi đến xóm kia. Không dè ở đấy đương có cuộc săn đuổi do bọn trẻ nghịch ngợm khởi xướng, cũng như cái bọn trẻ đã bắt anh để đem đi đánh chọi và làm giải thưởng bóng đá ấy. Đó là mấy cậu bé trong thành phố về quê mùa hè, chúng đi rình bắt Xiển Tóc về chơi. Chẳng may, tôi bị bắt một buổi sớm trên một cánh đường.

Bọn trẻ đem tôi về thành phố. Đường xa những bao nhiêu ngày, tôi không biết. Vì họ nhốt tôi vào một cái hộp kín bưng cùng với năm bạn xấu số nữa và cứ nhốt mãi như thế. Có bạn tôi chết vì ngạt thở. Vốn quen ăn vỏ cây, giờ bọn trẻ ngớ ngẩn không biết gì về thức ăn Xiển Tóc, cứ nhét đầy cỏ, có khi cả cục cơm, miếng xương, tôi không nuốt được. Tôi nhịn ăn hàng tháng trời mà họ cũng vô tình, không biết nốt.

Rồi may quá, trốn thoát. Bởi vì, tôi để ý xem xét biết cái giam tôi bằng giấy bìa cứng. Từ hôm ấy tôi cứ nhả nước bọt vào một chỗ rồi lấy chân bới, cái tường giấy mủn dần. Một hôm tôi cố lấy tất cả bao nhiêu hơi sức còn lại, húc một cái, thế là cả người tôi bật lọt ra ngoài hộp. Tôi giương cánh, bay thẳng. Phức đức mà tôi vẫn còn nguyên hai chiếc cánh lột lụa. Các bạn khác đều bị lũ trẻ nghịch ngợm bứt cụt hai cánh lụa mỏng ở trong thành thử, dang hai cánh tàu bay vỏ gỗ ở ngoài ra, không thể cất mình lên được, không bay được. Rồi các bạn ấy bò trốn đi đâu tôi không biết.

"Tôi bay bất kể ngày đêm. Ròng rã lâu ngày lắm mới vượt ra khỏi được cái thành phố xù xì u ám gớm ghiếc ấy. Khi ra đến vùng có vườn bãi xanh tươi, thì, vì lao lực quá không cố hơn được nữa, tôi ốm mất mấy tháng. Không hiểu sao lúc ốm khỏi thì tính nết thay đổi dần, tôi sinh chán đời, không thiết gì nữa. Có lẽ vì đã có phen quá sợ, có lẽ vì buồn. Thôi tôi mặc kệ cả. Tôi tìm về nơi am thanh cảnh vắng này. Tôi bỏ ăn vỏ cây, tập ăn cỏ thanh đạm cho dễ kiếm và tự coi như mình đã đi tu. Ngày tháng tiêu dao, bạn cùng mây nước, không gặp ai, không quản ai, chỉ còn biết rong chơi với bôn mùa cảnh, bốn mùa tình, bỏ thói quen soi gương ngẫm mặt, cố quên biết trời đất ngoài kia bây giờ thay đổi vắn xoay thế nào... Từ bấy tới nay..."

Im lặng. Nghe mà não lòng ! Cái lão chán đời này bị một võ đau điếng thì kệch chứ gì. Có thể mà không cắt nghĩa được tại sao, rõ chán ! Rồi Xiển Tóc gật gù hỏi tôi, vẫn giọng rầu rĩ :

- Còn anh, chẳng hay bấy lâu nay anh mưa gió đường đời ra sao ?

Tôi cũng kể gót đầu cho Xiển Tóc nghe. Chốc chốc, bác chán đời lại điểm vào câu chuyện một tiếng thở dài nghe đến phát phiền. Tới đoạn tôi bỏ khe dựa trú đông đi dò la tin tức Châu Châu Voi để tìm Trũi thì Xiển Tóc nói :

- Châu Châu Voi ? Châu Châu Voi ! Nhớ ra rồi. ờ ờ... Cách đây ít lâu. Châu Châu Voi đi qua có tạt vào đây. Ừ` thấy có cả một gã Dế Trũi...

- Thế a ?

- Ừ` Dế Trũi

- Em tôi, em tôi rồi ! Thế bây giờ cả bọn... Khổ em tôi bị bắt...

- Không, Trũi có phải tù đâu. Nó đi đứng cũng như Châu Châu Voi thôi. Phải rồi, không...

- Không thế nào ?

- Không, không... Chà Chà, ít lâu nay tôi hay quên quá. Phải, tôi nhớ ra rồi. Cái hôm Châu Châu Voi và Trũi qua đây, mục đích họ muốn rủ tôi cùng đi làm một công việc. Chao ôi ! Cái công việc tưởng tượng là sẽ đi khắp quê hương các loài trên trái đất. Nghe khó lắm !

Tôi kêu lên :

- Hay lắm !

Xiển Tóc thông thả nói tiếp :

- Tôi xua tay, lắc đầu và bảo với những kẻ viễn vông ấy rằng "tôi xin thôi nghe việc đó". Tôi đã sợ đời rồi. Tôi bây giờ đội mũ ni. Sự đời đã bỏ nó ra ngoài hai cái râu. Sự đời đã tắt lửa lòng, còn chen vào chốn bụi hồng làm chi.

Tôi sốt ruột :

- Thế bây giờ họ đâu ?

- Không rủ được tôi, họ đi.

- Đi đâu ?

- Họ có hẹn đi một vòng cánh đồng bên kia rồi họ sẽ trở lại, qua đây sang phía tây. Anh cứ ở đây mà đợi, chắc sẽ gặp. Trũi không hề gì đâu. Nhưng anh cũng thích bay nhảy thế thì anh thật là ngông cuồng.

Chào ôi !

Bác Xiển Tóc không biết rằng công việc Châu Châu Voi đương mưu đồ cũng chính là điều tôi mơ tưởng. Từ khi mẹ tôi cản dặn lúc ra đi, dần dà tôi đã hiểu rộng ra ý nghĩa cuộc sống. Tôi và Trũi cũng định đi khắp thế gian này. vậy nên, dù chỉ nghe mang máng, tôi đã cảm tình ngay với Châu Châu Voi. Và tôi ân hận quá chừng về cuộc đánh nhau dạo trước. Cũng lại chỉ vì tôi nóng nảy và nóng nổi nên mới nên nổi thế. Nếu tôi chịu khó thăm hỏi trước thì đã chẳng sao. Tuy vậy, tôi cũng đỡ phần áy náy vì chắc Trũi được vô sự.

ở lại đây đợi hay đi ? Tôi phân vân. Tôi có tranh luận việc đời với bác Xiển Tóc mấy lần nữa. Nhưng óc bác Xiển Tóc dễ đã mủn ra thành miếng bột, không gợn một nếp nghĩ. Tuy nhiên nếu ở lại đây mà gặp được Trũi như Xiển Tóc mách thì tôi cũng chịu khó đợi. Thế là tôi dừng chân và nường nấu trong cái lều cỏ của ẩn sĩ Xiển Tóc vừa chán đời vừa đá lẩm cẩm. Ngày ngày bên tôi vo ve lèo nhèo những cuộc ca hát vãn vơ của các nàng Bướm và chàng Ve Sầu. Nghe mãi, và chỉ nghe đàn hát và chơi không thì cũng chối tai. ở đây, không một cái gì đáng gọi là công việc cả. Nói tóm lại, những ngày trú chân chỗ này tôi thấy cảnh sống xung quanh không khác thừa còn bé tí ti khi tôi mới được mẹ cho ra ở riêng, cứ tối đến, mê mải đi nhảy múa hát hò với bè bạn, ngày tháng ăn chơi lêu lổng.

Chơi không thì bao giờ cũng chóng chán - tất nhiên. Tôi không ưa bọn này. Huống chi, tôi là kẻ hay bay nhảy, lại càng lấy việc phải dừng chân là khó chịu. Dần dà, tôi thấy thì giờ tôi với họ thậm vô tích sự. Bướm và Ve Sầu là lũ ăn hại, trốn việc. Bác Xiển Tóc đã từ lâu sinh mất nết, đâm lười, ăn hại nốt. Nếu không mong chút hy vọng ở lại có thể gặp Trũi thì chắc tôi đã cuốn gói đi rồi. Nhưng ngày ngày, nếu đời sống biếng nhác xung quanh càng khiến tôi bức dọc thì ý nghĩ về việc của Châu Châu Voi định đi khắp nơi để kết giao với người tốt càng nung nấu, thấm thía trong tôi, tưởng tượng ra tôi sẵn được đi cùng đoàn bè bạn có chí lớn ấy. Ngày mai, ngày kia hay chốc nữa ? Mỗi buổi sáng, bừng mắt lại thấy bồn chồn và tha thiết muốn đi.

Chẳng còn mấy ngày nữa thì mùa xuân đã hết. Rồi mùa hạ qua đi, bây giờ hoa sen trong đầm nước cũng tàn rồi. Lá xanh bắt đầu úa đỏ. Trời đã ngả sang mùa thu. Buổi sớm ấy, các ả Bướm rủ tôi vào rừng dự cuộc múa hát thi. Tôi lắc đầu từ chối rồi một mình lững thững dạo ra bờ suối, đứng ngẩn trông chờ. Lòng hiu hiu nhớ Trũi và băng khuâng mong ước xa xôi. Bỗng đằng phương tây tràn đến những tiếng reo à à. Một đàn ong bay ào đến đậu trên những bụi trúc và những cây cối xay nở hoa vàng choé. Đi kiếm ăn về, nghỉ chân đấy, ong nào cũng nặng phấn và đầy những tiếng vo ve chuyện vui, những bài hát hùng tráng thúc giục của ngày đường. Không khí yên tĩnh nơi quanh vắng, bỗng nhộn nhịp hẳn lên.

Nghỉ một lát, đàn ong lại bay vù. Tấm lòng náo nức của tôi nhộn nhịp cũng như bay theo. Tôi ngơ ngẩn nhìn. Đàn ong đó hẳn vừa qua một quãng đường dài. Họ đi xây dựng đời sống, họ đổi chỗ ở. Phải sống ở đời có biết đi đây đi đó, biết làm việc thì mới là đáng sống. Tôi bồi hồi, khao khát. Những tiếng : giang hồ hoạt động, đi hết anh em trong thiên hạ, đến nhảy múa trong óc tôi. Chân tôi ngứa ngáy, giậm giậm. Lại đi, lại đi thôi ! Tiếng gọi tôi lên đường mà đàn ong vừa thổi kèn vừa bay tung trời kia đương vang vang trước mắt tôi. Và chẳng, tôi cũng đã chán cảnh, ngấy tình ở đây lắm.

Tôi còn đương suy tính, lưỡng lự khi bước qua rừng thưa. Cạnh bụi trúc, tôi thấy bác Xiển Tóc gật gù trầm ngâm. Bác ta vốn lực lưỡng, vai rộng vuông vắn, rất khoẻ mà nay lúc nào cũng ủ dột, trông thật không khớp với dáng vốn nhanh nhẹn, thành thử nom bác ta đậm ra vẻ buồn cười. Bác ta ngược mắt nhìn vợ vẫn rồi gật gù cất giọng vệt đục ngâm ư ử ?

...Chi bằng

đến thẳng

giậu cúc thơm

Ngồi khểnh

vỗ đàn

gảy một khúc

Cha mẹ trời đất ! Những nghe đã phát ngán. Hai cảnh nối nhau vừa bày ra trước mắt tôi : đàn ong mãi mê rầm rộ; một bác Xiển Tóc to xác, quá lười cứ ra ngẩn vào ngơ. Tôi vốn ít mơ mộng, không thích lối sống phất phơ. Càng thêm ngấy và bức.

Tôi quyết bỏ các bộn vô tích sự này và lại ra đi ngay hôm ấy. Không từ biệt ai, không ai trông thấy, tôi cứ thế đi. Đi mười hôm thì đến chân một con đê. Dốc đê cao, leo mãi mới tới được mặt đê. Đứng nhìn ra sông thấy làn nước đỏ ngòm băng băng chảy. Lắng nghe có tiếng hét "quých quých!" dữ dội ngay trên đầu. Ngẩng đầu thì thấy một lão chim Trạ loắt choắt mà rất diện vừa bay tới. Ôi chao, lão ta làm bộ điệu mới bảnh bao và oai vệ làm sao !

Tên lão là Trạ. Có lẽ vì lão chỉ ăn cá - chả cá và gỏi cá ! Mỗi khi định bắt một con cá, lão vỗ cánh đứng ngẩn ngía trên không rồi thình lình đâm bổ xuống mặt nước, túm cá lên. Vì cách câu cá đặc biệt ấy, lão còn có biệt hiệu là tiên sinh Bói Cá. Tôi trông lão này có nhẽ cũng nhiều tuổi, người đã hom hem quắt lại rồi. Song lão Bói Cá xưa nay nổi tiếng là già mà hay làm đom trái mùa. Đã hóp má rồi lại hay tỏ vẻ hờ hơ trai tơ. Lão sắm đâu được bộ cánh màu sắc sỡ không hợp tí nào với bộ mặt âm thầm của lão. Bụng trắng, lưng xanh thắt đáy, đôi cánh nuột nà biếc tím. Chân lão đi đôi hia đỏ hắt. Lão sẽ đôi chút đẹp trai đấy nếu lão có cái mỏ vừa phải. Nhưng, cơ khổ, lão phải vác giữa mặt một cặp mỏ kéch xù mà đen quá, dài quá, xấu quá. Mỏ lão dài hơn người lão và to đến nỗi trông giống như có ai nghịch ác đem đóng cả một chiếc cọc tre gộc vào giữa mặt lão. Cả ngày, lão nhăn nhó méo mặt vác mỏ chẳng khác gì anh cu Sên suốt đời phải đội toà đình đá nặng trên lưng vậy.

Tôi ngắm cái mỏ lão chim Trạ mà cười thầm là đáng đời cái anh già hay làm điệu mà không thể cất cái mỏ xấu xí kia đi đâu. Nhưng, quả báo, cái mỏ to tướng tôi đương chế nhạo thầm đó sắp sửa đến hỏi tội tôi đây.

Duyên do thế này :

Lão chim Trá đương bay, bỗng sà xuống đậu trên tấm phen nửa cửa cổng trước mặt tôi. Cái phen lung lay, lão cứ ngất ngưỡng đứng lấy đà nhưng vẫn không quên chăm chú trông ra mặt nước rình cá. Gật gù một lát lão chợt trông thấy tôi nhô lên trên đê.

- Đây rồi ! Đây rồi !

Như gặp lại bạn chí thân ! (Rồi tôi mới biết lão kêu lên thế vì đây là lão vừa nảy một ý rất hay của lão).

Hai tròng mắt lão đỏ lòm lộn lên rất nhanh. Lão bay chéo thẳng xuống đầu tôi. Lão giương cặp mỏ to tướng ra. Tôi trông vào thấy cả cái lưỡi lão nhọn hoắt và thẫm như máu. Tôi hơi luống cuống. Nhưng có điều danh dự đáng tự hào này, xin thưa cùng bạn đọc yêu quý : tôi thường đặc ý rằng đã từ lâu, dù trong cơn nguy hiểm, dù chết ngay tôi cũng không hề một lần nào nữa hạ mình lay lục ai, như hồi xưa tôi có lần lay bác Xiển Tóc khi bị Xiển Tóc dọa nạt.

Bây giờ, trước mặt lão chim Trá, tôi loay hoay tìm cách chống đỡ. Lão chim Trá đã có tiếng là cục tính, khi lão phát cáu hoặc khi ham muốn điều gì. Nhưng tôi nhất quyết không sợ. Tôi lấy hết gân, bạnh người, giương cánh, giang chân khuỳnh càng ra. Cả thân mình tôi nở bung, như con cua càng.

Thấy chưa chi tôi đã tỏ ý kháng cự, lão chim Trá gầm lên :

- Hè...hè...Oắt ! Oắt !... Giỏi ! Giỏi !

Lão bổ thượng xuống một mỏ. Chưa bao giờ tôi bị một đòn khiếp thế. Nhưng đầu tôi vốn đội mũ trụ, nổi tảng, cứng lắm. Tôi chỉ đau mà không xây xát tí gì. Thấy không đánh ngã nổi tôi, đáng lẽ phải cáu hơn, nhưng lão chợt nhớ lại cái ý hay mà lão đã kêu "đây rồi, đây rồi" lúc nãy. Lão bèn quắp tôi, bay bổng lên. Chao chao. Gió rú trên cao đến lộng óc. Từ lọt lòng mẹ chưa bao giờ tôi bị tung lên tận lưng trời như thế !

ĐỂ MÈN PHIÊU LƯU KÝ

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương VIII

Nhưng cuộc đời Mèn tôi chưa phải đến đây đã bị phết cái dấu chấm sau cùng. Tôi còn sống. Vẫn sống. Để hôm nay ngồi kỳ khu chép những ngày giang hồ lên trang giấy trắng cho bạn đọc yêu quý cùng nếm với Mèn tôi chút phong vị và ý nghĩa một quãng đời luân lạc. Thế nghĩa là, tôi không chết. Tôi nằm bẹp dí trong cặp mỏ lão chim Trá và bây giờ lão đang bay là là xuống sát mặt dòng sông phù sa đỏ ối. Qua sông rồi, lão đổ vào một bãi dâu xanh lúa thừa. Lão vừa buông tôi xuống đất, tôi đã giơ ngay chân và càng lên gai gạnh thủ thế và nghênh địch, như lúc nãy.

Lão ngoác mỏ ra cười khà khà rồi nói :

- A'i chà ! Diều võ giương oai cứng đấy ! Nhưng thôi, hãy cụp chân xuống mà nghe đây. Tớ vừa tậu được ngôi nhà mới, tớ dương cần quản gia. Đẳng ấy về làm quản gia cho biệt thự của tớ. Bằng lòng không ?

Cái ý hay đã khiến lúc nãy lão chim Trá kêu lên : "đây rồi, đây rồi" là thế đấy. Tôi lắc đầu cãi rằng tôi đương tự do đi trên đường cái, không ai có quyền lấy mất chân tay của tôi, nếu ông có lòng tốt và biết ân hận về sự tình ức hiếp nhau vừa rồi thì chỉ việc ông kệ tôi đứng đây rồi tôi đi đâu mặc tôi, đừng thở ra câu nói trái tai nào nữa.

Nhưng lão chim Trá nheo mắt lại bảo :

- Này này, chớ lắm nhảm lý sự vô nghĩa. Hời chơi thế thôi chứ dù chú mình không muốn, ta bắt chú mình phải muốn.

Tôi cứ thản nhiên, đến khi lão hỏi dồn thì tôi chỉ lắc đầu. Lão liền hé mỏ quắp tôi bay đến cái nhà mới của lão. Cái nhà mới, hay nói cho oai, biệt thự của lão chim Trá là một cái hang sâu hóm vào giữa một mô đất cát trên bờ sông. Cũng không phải tự tay lão đào cái hang này. Lão không biết đào mà lão chỉ có tài láu vật. Nghĩa là cái tài đi cướp nhà của chú chuột.

Chim Trá chuyên tìm hang sẵn. Được cái bỏ hoang thì tốt, nếu không lão rình chú Chuột đi vắng lâu ngày, lão vào giả vờ đào bới khoét tí ti trong ngoài, đến khi chủ hang về, lão chim Trá sinh sự tổng ra ngoài, cứ nói xưng xưng là vào mà xem ! Vào mà xem ! Có phải nhà mày đây không. Chú Chuột nọ bực mình, nhưng cũng ngại lời thôi, thế là bỏ quách. Tuy vậy, không phải chú chuột nào cũng dễ tính. Có chú Chuột còn đến cãi nhau mãi. Thế ra bây giờ lão chim Trá nghĩ cách bắt mình giữ hang và có thể còn cãi nhau hộ đây.

Lâu nay, lão đã có ý tìm một quán gia như thế. Trong cùng hang, lão đã đào thêm một ngách nhỏ vừa cái lỗ con con. Lão đẩy tôi vào đó. Tôi lùi ra, đập hậu vào mặt lão. Nhưng chỉ đập trúng cái mỏ cứng như đá, chẳng ăn thua gì. Lão bèn đưa cả cặp mỏ to tướng, hầy phắt tôi vào. Tôi ngã chúi đầu vào tường cát. Lập tức lão nhét viên gạch, chặn kín cửa ngách. Tôi mất đường ra. Trong ngách tối như hũ nút. Cái khe hở tí ti không đủ thò một chân ra. Lão chim Trá đứng ngoài truyền lệnh vào cho tôi :

- Việc của đảng ấy từ nay là chung thân coi nhà. Làm khá thì được thưởng. Làm không nên thì được ăn đòn. Bây giờ dòng tai nghe tớ dạy cách coi nhà : muốn không cho bọn chuột bọ răn rết nào vào trộm cắp được thì cứ đóng cổ lên hò hét tất cả những lúc tớ vắng nhà. Đứa nào đi ngoài cửa sẽ hiểu rằng trong hang có chủ, không dám vào. Có thể thôi ! Mỗi bữa tớ sẽ đem về các thức cỏ ngon cho mà ăn. Sướng nhé !

Tôi không hát, không hét, không kêu la như lão muốn. Lão rình mấy lần, không thấy tôi động tĩnh. Thấy thế, lão không đem cỏ về cho tôi ăn. Đói quá. Sau tôi nghĩ thế là đại, chẳng nhẽ chịu chết ở đây, ta phải gắng ăn để sống, để có sức tìm cách thoát khỏi hang hùm, thế mới là thượng sách.

Từ hôm ấy, cả ngày tôi hò hét trong hang, nhiều lúc lão có ở nhà tôi cũng kêu âm ỉ, lão không ngủ được phải quát lên, tôi mới thôi. Ngày cũng như đêm, tôi quanh quẩn trong cái hang kín. Ngày cũng như đêm, tôi hát rỗng cò ke chẳng ra đâu vào đâu, như đứa dở hơi. Để bọn đi ngoài kia biết hang có chủ, khỏi vào nhà nhàm. Để cậu Chuột chủ cũ có về tường trong hang lắm thứ chen chúc, nào Đế nào chim Trá lộn xộn, cũng sợ lòi thôi, không vào đòi nữa.

Lão chim Trá đi vắng cả ngày, không mấy khi có nhà. Ban đêm, lão ta ngủ, tôi nghĩ hò la hát hòng thì tôi lại cặm cùi bí mật đào ngách. Nhưng trong cái tường bịt trước mặt tôi, lão ta đã tha đâu về được nhiều hòn sỏi lèn vào đấy, sức móng chân tôi không khoét nổi. Mà đằng sau lưng thì chịu. Tuy vậy, tôi vẫn chịu đựng và nuôi hy vọng. Mặc dầu không biết sẽ ra sao, nhưng vẫn tin và chờ. Lòng tin và hy vọng ở với tôi, an ủi tôi, xua đuổi cái buồn nản trong tôi đi.

Trong cái âm thầm bóng tối ghê gớm ấy, trò hò hát vẫn là công việc bó buộc hàng ngày. Nào ai cần đâu tôi hát hay hát dở, đây lão ta chỉ bắt tôi mở miệng, rồi tôi kêu hay hát, hay quát tháo cũng được, miễn tiếng động ấy chứng tỏ trong hang có chủ. Tôi ngêu ngao hát, tôi gáy. Để tìm cách sống, để nghĩ kế. Tôi cũng tưởng tượng biết đâu mình kêu như thế, ai tò mò vào, rõ nổi oái oăm mình bị cầm tù, có thể tìm cách cứu được mình chẳng. Tôi nghĩ kế, tôi nghĩ...

Bởi vậy, tôi không hát những câu nhảm nhí nữa. Tôi đặt ra các câu hát có hồn. Tôi hát cho tôi nghe. Những bài hát mới, những bài hát ai oán thân phận, những bài hát tâm sự, những bài hát mang hy vọng xa.

Ai làm chi nổi

Có đại mới nên khôn

Nước nước với non non

Năm canh hồn ngơ ngác.

Ngày kia như lệ thường, lão chim Tră bay ra sông kiếm ăn từ sáng sớm. Tôi bâng khuâng hát đi hát lại :

...Nước nước với non non

Năm canh hồn ngơ ngác.

Mình lại nghe tiếng hát của mình chìm vào bóng tối, lòng tôi lìm lìm thấm thía và cứ hát mãi.

Tôi hát lại:

Ai làm chi nổi

Có dại mới nên khôn...

Vừa dứt tiếng, nghe ngoài cửa có tiếng hỏi vọng vào :

- Tiếng ai như tiếng anh Mèn phải không ?

Tôi vội kêu :

- Ai đó ? Tôi đây ! Tôi đây ! Mèn đây !

ở ngoài dội vào tiếng kêu to hơn :

- Ôi ! ối ! Anh Mèn ư ! Trũi đây ! Em Trũi đây. Anh đâu ? Anh đâu ? Anh ở chỗ nào ?

Tôi bàng hoàng cả người. Đúng tiếng Trũi. Dù xa nhau tôi vẫn không quên cái giọng ồ ồ của nó. Cũng như Trũi, bấy lâu dù sơn khê cách trở , Trũi vẫn nhớ ngay tiếng tôi.

Tôi bảo vọng ra :

- Anh ở đây. Anh phải tù trong đáy hang này. Có ai đương đi với em ngoài đó không ?

- Thưa anh, các bác Châu Châu Voi với bác...Em vào cứu anh ngay tức khắc...

Tôi nói lớn :

- ầy chớ ! cứu anh thì đã đành, nhưng đừng vào bây giờ. Tường nhà tù chắc chắn lắm, mà sắp đến buổi lão chim Tră đi kiếm ăn về rồi. Em chịu khó ra ngoài đợi, sáng mai, lúc lão ta trở dậy lại bay đi, lão đi rồi, ta vào thì chắc chắn hơn.

Lát sau, quả nhiên lão chim Tră từ ngoài bờ sông bay về, chui tọt vào hang. Anh em ngoài ấy hẳn đã núp

đầu quanh, chắc là lão ta không biết. Lão ngồi tựa cái tường đất ngay ngoài buồn giam tôi, lão ngủ. Bây giờ đã tối. Tôi chỉ nhắm được tí cỏ, rồi cả đêm lòng rộn rục. Bao nhiêu câu hỏi rối ren trong trí. Làm sao Trũi lần mò qua đây ? Ngày mai mình thoát chốn này ư ? Ôi chao, lại sắp thấy trời, trời xanh, lại thấy ánh sáng, ánh sáng vàng những nắng. Anh em lại gặp nhau. Sao cái đêm chờ đợi lê thê, dài đến là dài.

Sáng hôm sau, lão chim Trá bay đi kiếm ăn từ lúc sương chưa tan. Vào lúc ấy để đón cá đi ăn rạng đông. Tin chắc lão không trở lại bất chợt, lão tính cẩn thận không bỏ quên cái gì bao giờ.

Lão chim Trá vừa ra khỏi, tôi gọi ầm :

- Trũi ơi ! Trũi đâu ?

Tiếng đáp lại ngay : "Dạ..dạ...Em đây..." Hình như các bạn đã nấp quanh đây cả đêm qua. Lập tức, mấy cái bóng lẩn ngổm bò vào hang, hì hục đào bới cật khoét moi đất ra. Lão chim Trá lèn gạch đá cẩn thận lắm, phải bới một lúc mới hở tẹo lỗ. ở trong, tôi nghe các cu cậu thở phì phò.

Nhưng cái lỗ tí tẹo cứ to dần. Tôi thò được đầu... Tôi nhoi được vai...Rồi tôi quờ cả hai chân trước ra. Đến đây tôi giở món sở trường đập hậu phanh phách một cái a lê hấp ! Người tôi bật như bay bổng ra phía cửa hang. Các bạn cùng reo lên. Chợt nhớ đến lão chim Trá, tôi bảo các bạn chạy đi, phải chạy ngay. Được một quãng, đến bụi thài lài kín đáo, chúng tôi đứng lại. Đã lâu bây giờ mới được chuyển chạy và bay, đập thoả hai cái cẳng. Sau tôi, cả lũ theo, tôi chạy nhanh quá.

Cả lũ, có Trũi và các bạn Châu Chấu Voi. Nhưng cái anh chạy nhanh đầu tiên không phải Trũi mà là...bác Xiến Tóc. ản sĩ Xiến Tóc ở lều cỏ đạo trước ấy ! Bác Xiến tóc vừa chạy vừa bay, rất gọn. Không còn chút nào cái dáng đủng đỉnh chán đời bữa nọ.

Tôi chưa kịp ngạc nhiên, bác Xiến Tóc đã vượt sừng cười rộ :

- Tệ quá ! Bỏ đi mà không nói ai biết. Đẳng ấy đi mấy hôm thì Châu Chấu Voi và Trũi trở về. Tôi kể chuyện đẳng ấy đi mấy hôm thì họ hoảng hốt lên. Ô`, bạn Trũi giỏi lắm. Ngày trước Châu Chấu Voi đã giảng giải cho tôi, đến khi đẳng ấy tới cũng nói là đời sống giang hồ thì vui thích như thế nào, tôi cứ u mê cãi lại, tôi tưởng cái số mình lắm tai hoạ, không bao giờ dứt nỗi bệnh chán đời nữa. Thế mà đến khi Trũi nói, bạn Trũi nói có một lần, mình đã tỉnh. Tôi xấu hổ nhận ra trong đời mình chỉ mới khó khăn một tí mà đã sợ. Từ nay tôi hiểu rằng chán đời là tính xấu, kẻ chán đời nghĩ là ta cao thượng, nhưng thật không cao thượng chút mà chỉ là trốn việc rong chơi. Nghĩ được thế, tôi liền tổng cổ bọn Bướm, bọn Ve Sâu lười biếng lại hay kêu ca phàn nàn và cả mấy gã Sên rề rà chuyên ăn bám, tôi cũng đuổi nốt và bảo họ rằng từ nay đi kiếm lấy mà ăn chứ cái thân ăn nhờ ở cậy là xấu xa nhất trên đời. Tôi đốt cái lều cỏ rồi tôi theo anh em đi từ độ ấy.

Trũi giới thiệu tôi với các bạn :

- Anh Mèn tôi đây. Anh Mèn mà tôi vẫn kể chuyện các bạn nghe đó. Anh ơi Từ khi anh em ta xa nhau. Chắc anh tưởng em chết rồi chứ còn đâu ngày nay. Nhưng không, khi em bị các anh Châu Châu Voi bắt rồi mang đi thì em hiểu ngay các anh ấy là bạn tốt thế nào. Hôm đánh nhau, nếu chúng ta đừng hấp tấp và chúng ta đừng bị những đứa nhát sợ và nóng nảy cứ đẩy lung tung lên, mà ta chịu khó, bình tĩnh hỏi han trước thì không thể xảy ra sự đáng tiếc và chúng ta đã hiểu nhau ngay từ lúc ấy. Các anh Châu Châu Voi với chúng ta đều thích giang hồ phóng khoáng.

"Em nghe ra những lời chí lý ấy, em phục lắm. Tuy chẳng lúc nào em quên tình anh em, nhưng em cũng tình nguyện đi với các anh Châu Châu Voi và em tin chắc ngày kia anh em sẽ gặp nhau. Được ít lâu, em cùng các bạn trở lại rừng dừa đại trên đê, định nói với anh, em tin chắc anh sẽ thích ngay, bởi vì em vẫn nhớ anh đã dạy cho em biết ý nghĩa bước phiêu lưu của anh em mình ngày trước cũng giống thế. Nhưng các bạn Châu Châu Voi nói anh đã đi tìm em. Em có trình bày cho cả vùng Châu Châu nghe cái mơ ước mà em đang theo đuổi. Ai nấy vỗ tay, nhảy mừng. Bởi vì nếu mơ ước đó thành sự thật thì không bao giờ trong đời còn gặp rủi ro, chỉ vì đi tìm khe lá tránh rét."

"Rồi em lại đi. Thời gian sau, có lúc chúng em qua chỗ cái chùa, tại gia của bác Xiển Tóc, thấy bác ấy bảo anh đến đây đợi em từ lâu và mấy bữa rày chẳng biết anh đi đâu. Em mừng quá. Nhưng đợi mãi chẳng thấy anh về. Chỉ ở có ít ngày em cũng có thể đoán được tại sao anh đi. Em đã biết tính anh, trước cảnh ăn chơi đông dài anh không chịu được. Thế là không đợi anh về nữa, em lại cùng các bạn Châu Châu Voi đi."

"Chúng em đang trên đường sang vùng Kiến. May mắn biết bao, gặp anh đây..."

Tôi và Trũi nhìn nhau, lúc ấy bỗng nhớ ra và càng thấm thía tâm sự câu thơ ngày trước rằng từ đây sống chết có nhau. Một anh Châu Châu Voi cất tiếng. Tiếng Châu Châu Voi sang sang như chiêm đồng :

- Phải, các bạn đã nói rất đúng rằng chúng ta đang cùng nhau đi khắp thế giới kết làm anh em.

Trũi cảm động nói :

- Em tin đây cũng là bước đường anh em ta đi, chẳng hay ý kiến anh...

Tôi vui sướng thấy Trũi bây giờ khác hẳn trước. Trũi đã hết tính hấp tấp, nóng nảy, xốc nổi. Trũi giờ nói năng điềm đạm, chắc chắn.

Tôi âu yếm ôm Trũi mà rằng :

- Em yêu quý ! Các bạn Châu Châu Voi tri kỷ ơi ! Điều các bạn nghĩ, cũng là điều xưa nay tôi mộng tưởng. Nay tôi xin cùng các bạn đi khắp thế gian, làm cho được những gì ta đang mơ ước.

Cả bọn reo lên. Và lập tức chúng tôi khởi hành.

Có lúc đang đi đường. Trũi dường như lấy làm lạ dừng lại ngắm tôi rồi hỏi tôi :

- O hay ! Sao bây giờ anh trắng trẻo như học trò, không đen trạm trụi như xưa.

Tôi cười :

- Vì anh phải tù trong cái hang của lão chim Trá, lâu không biết mấy mùa sương nắng đã qua, nên thân mình anh mới bệch một vẻ công tử bột như thế. Chắc chỉ dầu dãi ít lâu thì lại như thường thôi, bởi vì sức khoẻ anh thì vẫn nguyên và tấm lòng anh thì đương hăng hái lắm.

ĐỂ MÈN PHIÊU LƯU KÝ

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương IX

Đến đây, tôi xin mở dấu ngoặc nói về Châu Chấu Voi. Đây là những tay có bản lĩnh trước tiên xướng xuất lên những ý nghĩ cao cả về việc đi giang hồ du lịch.

Khi Châu Chấu Voi gặp tôi và Trũi ở vùng cỏ may và khi xảy ra cuộc lưu huyết là lúc Châu Chấu Voi ắt đầu thực hiện chí lớn. Nếu ngày ấy tôi biết thì đã chẳng phiêu bạt đến cái lều cỏ của cư sĩ Xiển Tóc rồi lại đến nỗi phải tù trong hang chim Trả.

Đoàn Châu Chấu Voi ùng Trũi đi đã nhiều đường đất, nhiều nơi. Ở đâu, ai ai cũng đều coi tình bạn tốt đẹp ấy là lẽ phải nhất trên thế gian.

Đã qua nhiều vùng, trò chuyện và bạn bè đã nhiều ai cũng nghiệm ra rằng những ai có lòng tốt, đều thích làm ăn yên ổn. Đâu đâu cũng thế, thật phẩn khởi. Chỉ có cái khó là bàn chân và cả cánh bay, cũng không thể đi cùng trời cuối đất để mau chóng nói rộng những điều quan trọng ấy ra.

Không ai bảo ai, các bạn đều thấy nếu thế thì không gì hay hơn tìm đến vùng Kiến. Chỉ có anh em Kiến vẫn chịu khó cẩn thận- và khắp thế giới, đâu cũng có Kiến. Đó là cái cơ khiến Châu Chấu Voi và các sang vùng Kiến, đi qua cửa hang chim Trả vừa rồi.

Từ đây, trong bọn có tôi cùng đi.

Lại nói về Kiến. Xưa nay, dù cho đây là một họ Kiến to gồ thì Kiến cũng vẫn là bé nhỏ, mảnh dẻ, tuy vậy, kiến lại sống đông đúc nhâts trên toàn cầu. Thử để ý mà xem, từ xó bếp đến bàn ăn, chiếu ăn, mâm ăn, từ đồng ruộng đến rừng núi thành phố không đâu không có kiến. Con kiến rất nhỏ mà ở đâu cũng có, hạt thóc, hạt kê bé li ti là cái nuôi người hàng ngày... Kiến tí hon mà kiến đi khắp thế gian. Nhiều thứ kiến: Kiến Gió, Kiến Mun, Kiến Càng, Kiến Cỏ, Kiến Cánh, Kiến Bọ Dọt, Kiến Đen, Kiến Vàng... trăm nghìn chỉ phái nhà kiến nhiều không kể xiết.

Kiến có nhiều đức tính: chăm chỉ, cần cù, biết lo xa, và cũng bướng bỉnh nhất trần gian, ở đâu cũng vậy, Kiến xây thành đắp lũy kiên cố, riêng biệt một nơi.

Kiến đánh nhau với ai thì chết ngay cũng đánh, không biết sợ.

Nhưng cùng nhau một chí hướng rồi, Kiến sẽ đem những điều tốt đẹp truyền bá đi khắp thế gian. Như thế chẳng bao lâu nữa, đâu đâu cũng sẽ biết hết. Kiến cứ gặp nhau chụm đầu lại, đưa tin rồi lại đi. Bao giờ cũng vậy. Tin Kiến truyền thật nhanh. Chỉ có các bạn đại gian khổ như Kiến Gió mới kham nổi công việc to

rộng như thế. Các bạn Kiến Gió chân cao chuyên nghề đưa tin, nhanh như gió.

Đường vào vùng Kiến xa vắng, rồi lại mỗi thành lũy hiểm hóc khác, cứ phải hỏi thăm suốt dọc đường. Nhưng đi lâu cũng phải tới. Bây giờ chúng tôi đã qua nhiều làng và cánh đồng, trông thấy vùng Kiến trên trái đồi trước mắt.

Trời đất giờ đây lại sắp sang xuân. Gió nhẹ. Thỉnh không cao cao. Mỗi năm gặp lại mùa xuân, trong lòng lại thấy hai câu thơ tự nhiên trở lại, thật xinh tươi thay : Cỏ non xanh rợn chân trời. Cành lê trắng điểm một vài bông hoa. Ai nấy đều ca hát. Riêng bác Xiển Tóc đi cạnh tôi vẫn còn than thở và ân hận về cái thời nhàn cư cho qua ngày ở xó rừng một cách vô lý, thậm chí vô lý. Bây giờ được đi đứng, bốn tấu đây đó, thì lại thay lại thấy khỏe lừ khừ và khỏe mạnh hơn xưa. Mới biết chẳng việc khó nào khiến ta nản lòng được. Kế đâu đến thành bại mục đích ở đời là hoạt động.

Đường đi khúc khuỷu dần.

Chúng tôi leo lên trên lưng một trái đồi thì đến địa đầu vùng Kiến. Chúng tôi dừng lại đưa mắt trông vào thấy một màu đất đỏ trùng trùng nhấp nhô những thành trì nối nhau đi liên tiếp, không biết đâu phân biệt được đường đi. Đáng khen phục kỳ công kiến trúc của các kỹ sư Kiến.

Hôm sau chúng tôi bắt đầu đi vào.

Từ hôm ấy, chúng tôi qua biết bao nhiêu khó khăn. Để bạn đọc yêu quý rõ từng ngày gian khổ ra sao, tôi xin trích vài dòng nhật ký của tôi, ở tập thứ tư, những trang 151, 154, cho đến trang 158 chép về "Những ngày Mèn đi vào đất Kiến" :

"Mùa xuân, ngày 79 - Kiến ở đông quá. Câu tục ngữ "đông như kiến" thật đúng. Đường ngang lối dọc chỗ nào cũng đầy kiến. Đầu tiên chúng tôi trông thấy từng bọn Kiến Gió. Kiến Gió có nghề xây đắp rất giỏi, lại đi nhanh theo cách không phải đi. Kiến nghiêng mình vào làn gió, gió thổi bay. Kiến tự đứng sa xuống chớp nhoáng hơn gió.

Màu áo nâu lẫn với đất, các chàng đi dày đặc quanh chúng tôi. Thấy chúng tôi to lớn, thân hình mỗi Kiến Gió chỉ bằng cẳng chân tôi, nhưng họ không sợ hãi, vẫn thản nhiên ngửa mặt đứng thò hai râu ra nghe ngóng chốc lát rồi lại chăm chú làm. Kiến Gió giỏi khuân vác và xây dựng, đôi khi chạy tin cần kíp.

Một tốp Kiến Lửa quần áo vàng khè, Kiến Lửa lăm lè hì hục đào đất xây hào lũy. Họ dựng lũy đào hào rất khéo. Các đường hầm phủ mỏng đất luyện thật mỏng trên mặt thành đều do Kiến Lửa xây. Cả làng đi trong những đường chìm ấy, ít khi lộ ra. Bởi thế, vào vùng Kiến thoát trông chỉ thấy cao thấp những mảng đất vắng vẻ, nhưng trong đường hầm, làng Kiến qua lại tấp nập chen chúc đông vui suốt đêm ngày.

Tôi hỏi thăm đường. Gã Kiến Lửa nhìn chúng tôi không nói. Vẻ bí mật ghê ! Đã thế, cũng không cần, bọn tôi cứ đi.

Mùa xuân, ngày 82 - Gặp việc rắc rối. Vô tình, Xiển Tóc thụt chân xuống một đường hầm. Mọi hôm đi cả ngày không sao. Dù Kiến đi đông đảo quanh chúng tôi, nhưng không ai đụng vào ai, thì ai cứ việc nẩy, chẳng lôi thôi đến nhau. Bây giờ, bọn kiến dưới đường hầm tưởng có kẻ đến phá hoại nhà cửa của họ. Gã Kiến Kim ngoi lên, chẳng biết nấp tẻ thế nào xông vào đánh nhau liền.

Thám tử Kiến Đen chạy đi cấp báo khắp vùng. Lập tức vô vàn Kiến Lửa rầm rĩ hung hăng kéo đến. Nhưng anh chàng Kiến Lửa nào nhảy tới, vừa nhe răng ra đều bị chúng tôi hất đá ngã. Chúng vẫn kéo đến. Chúng cật đông, vây bọn tôi lại.

Mùa xuân, ngày 83 - Tự nhiên trên trời rơi xuống đầu chúng tôi hằng hà sa số những anh kiến to thô lỗ, áo đỏ và có cánh. Đó là Kiến Cánh nhảy dù. Đoàn Kiến Cánh nhảy dù tới tấp đến. Kiến Cánh rất hăng. Có gã bị cản đứt đuôi, rơi bụng ra mà vẫn chạy ton ton. Trận đánh đương tới bời thì Trũi sa vào đường mai phục, bị bắt sống. Nhưng nửa đêm Trũi trốn được. Chúng giam Trũi vào một hầm đất. Hầm đất của Kiến thì mỏng mảnh thôi. Và chúng không ngờ tài đào khoét ngạch của Trũi. Chỉ dùng hai cào gạt mấy phát đã hổng một lỗ to, Trũi ấy đất, đổ bẹp cậu Kiến gác, thế là ung dung về.

Trũi về nói trông thấy bọn cứu viện kéo đến nhiều lắm. Chao ôi ! Giảng giải thế nào cho những gã đương nóng đầu nghe được.

Mùa xuân, ngày 84 - Như Trũi biết, bữa nay thêm viện binh : Kiến Bọ Dọt. Kiến Bọ Dọt to, khoẻ hơn tất cả. Chỗ nào cũng có Kiến Bọ Dọt chen vào, đi oai phong như bò tót đầu đàn. Lại có Kiến Kim và Kiến Cánh. Đương đánh nhau hăng, bỗng Xiển Tóc đứng sừng lên, giương thẳng cả hai cặp cánh lụa, co múa rồi rít chân và kêu rống từng hồi ghê rợn.

Thì ra, thấy Xiển Tóc mình đồng da sắt, đâm đánh bác ta như đâm đánh bị bông, cứ trơ ra, chẳng mùi gì, Kiến Bọ Dọt lập mưu chui vào trong vành cổ Xiển Tóc. Khấp người Xiển Tóc đều bọ giáp sắt kể cả các khấc bụng. Chỉ có chỗ khe cổ rất hiểm là chỗ phạm. Bị đâm vào đó, Xiển Tóc có thể đứt cổ.

Chúng tôi khiêng Xiển Tóc chạy lùi. Châu Chấu Voi rịt cho bã thuốc, buộc lại. Cổ Xiển Tóc như quàng cái phu la chàm. Không chết, nhưng vết thương tấy, sưng vù. Xung quanh đánh nhau, Xiển Tóc ngồi khư khư một xó. Tuy vậy, cũng chẳng ai làm gì nổi. Thấy Xiển Tóc ốm, có cậu Kiến tưởng bỏ, xông vào, Xiển Tóc giơ chân ra đỡ. Chân Xiển Tóc cứng như cây tre đực, Xiển Tóc cứ để yên cho Kiến cắn. Chẳng ăn thua mà lại có thể gãy răng, kiến chạy."

Trên đây là những ngày gian nan và rắc rối của chúng tôi. Và còn lôi thôi nữa. Mỗi buổi sớm, trông trước mặt, ngó sau lưng chỉ thấy man mác lớp lớp những thành lũy mà Kiến Lửa, Kiến Gió mới đắp thêm, vòng vây càng dày nữa. Đoàn Kiến Đen, Kiến Gió thông tin thì lảng vảng đi ngoài cùng. Chúng chạy, những cái chân lênh khênh phóng đi. Chúng thông hiệu. Anh này đương chạy liên liền, gặp anh khác, đứng dừng phắt, gí râu móc vào nhau ấy thế là hai bên đã báo cho nhau đủ tin hỏa tốc, rồi lại chạy biến. Cứ thế truyền mãi.

Tình hình trước mắt thì quả gay go thật. Chúng tôi biết có Kiến Chúa trong vùng này, cần phải gặp Kiến Chúa. Muốn gặp nhưng không biết đích xác chỗ nào. Đâu cũng coi chúng tôi là thù mà Kiến Chúa thì ở trong thành kiên cố, chúng tôi không biết tìm đến chỗ nào được. Tôi bần cố thủ đây, còn Trũi thì vượt vòng vây ra ngoài tìm về vùng cỏ may gọi các bạn Chuồn Chuồn. Các bạn Chuồn Chuồn đến đây sẽ giúp chúng ta được nhiều : tải lương, đưa tin, đi liên lạc. Chuồn Chuồn sẽ bay đi tìm gọi Kiến Chúa. Chuồn Chuồn vốn tháo vát. Các loài Chuồn Chuồn suốt đời kiếm ăn nơi đầu sông cuối bãi, những tay Chuồn Chuồn giang hồ ấy mà mở hết tốc lực phi cơ thì phải biết.

Nửa đêm. Trũi lên được ra ngoài.

Trong khi ấy, vòng vây càng ngày càng thắt chặt thêm. Vì Kiến đã tin cho Kiến Chúa rằng bọn ngỗ nghịch chúng tôi ở đâu đến reo rắc sự phá hoại. Kiến Chúa tức giận ra xem, thấy đúng hào lũy đồn ải tan hoang như lời báo. Kiến Chúa ra lệnh cho cả vùng vây hãm cho kỳ đến chúng tôi chết đói hay phải bỏ chạy đi mới thôi. Bất cứ kẻ nào, cả đến những tay bọ hung sừng sỏ, lờ chân lạc vào tổ kiến, thường đều có đi không có về, nếu không cũng sợ chết khiếp suốt đời.

Sự hiểu lầm tai hại, càng tai hại.

Chẳng bao lâu, Trũi đã trở lại, kìa !

Trũi báo tin các bạn sắp đến. Chúng tôi sẽ có cứu viện. Chúng tôi vẫn tin tưởng. Nhưng sao chưa thấy vân mòng ! Mà vòng vây kiến thì mỗi lúc một chặt ních thêm. Kiến ở đâu kéo về đông đặc đen sẫm như dòng sông mật quấn quanh trước mặt sau lưng chúng tôi. Ôi ! Chẳng nhẽ chịu chết ở đất này ?

Bạn đọc yêu quý ! Có một biến đổi - tôi hay nói biến đổi quá, nhưng thật có một biến đổi, tôi không biết nói thế nào khác. Xin để tập sách xuống đó, lắng nghe tôi kể cho một chuyện khác. Thoạt nghe bạn sẽ cho tôi là dài lời, nhưng kỳ tình câu chuyện có quan hệ đến cái cảnh đương gay go như lửa cháy này.

Có năm cô bé học trò, tên là cô Mai, cô Diễm, cô Mến và hai cô nữa, không nhớ tên. Cũng như bọn các cậu Nhớn, cậu Bé, cậu Thịnh ngày trước ấy mà, bạn lúc để chòm thì nhiều lắm, ai nhớ hết tên được. Các cô đi học, ngày chủ nhật được nghỉ thì đi chơi. Năm cô học trò đi chơi, có năm cô học trò đi chơi.

Các cô học trò đi chơi đôi khi khác kiểu các cậu học trò. Cũng chơi ngày chủ nhật nhưng các cô rủ nhau vừa đi chơi vừa kiếm củi. Củi sưởi trong mùa đông tới, củi thổi cơm. Một cô nói thêm : hái hoa. Mùa này, bao nhiêu là hoa. Đến đồi trên đầu cây chua me đất bé bỏng và gầy gù cũng đội cái mũ hoa tím tím cơ mà. Vậy thì chúng ta đi chơi, kiếm củi và hái hoa.

Các cô bước qua nhịp cầu bắc bằng hai cây tre ngang lạch nước sang trái đồi bên này. Trái đồi bên ấy đương bay nhiều Bướm Vàng, Bướm Trắng, phấp phới lẫn với hoa hồng bụi đỏ rực và hoa tầm xuân hồng nhạt. cả bọn vừa hát vừa cười, nhảy chân sáo lên đồi. Góc đồi đó là nơi bọn tôi và kiến đương giã nhau túi bụi mấy hôm nay.

Nghe tiếng động lạ, ngẩng lên thấy những bàn chân người đương thoăn thoắt tới. Đối với chúng tôi thì những bàn chân ấy ví như một trận mưa đá, toàn đá tảng, những hòn đá tảng to thật to choáng tôi. Không làm thế nào chống được, phải nhanh chân không thì chết mất ngáp !

Tôi hô lớn :

- Anh em ơi ! Chạy đi !

Bọn tôi nhất tề bay giạt vào nấp trong bụi cỏ ấu.

Các cô vừa tới, vô ý, đương nghech mắt và với tay rón rén hái hoa tầm xuân. Thế là bàn chân loay hoay rồi giẫm vào tổ kiến. Kiến vốn cục tính, như chúng ta đã biết. Thấy động đến là kháng cự liền, bất cứ ai. Phải đương cơn va chạm kịch liệt với bọn chúng tôi, thế là kiến cong đít nhọn hoắt lên, nhè chân các cô bé mà cắn. Cậu Kiến Lửa thì leo lên ngoặt hai làn răng nanh dữ dội vào bắp chân.

Hai cô giật mình, buông cành hoa tầm xuân, nhảy chơi chơi lên kêu, ba cô bạn đằng kia nghe tiếng kêu vội chạy tới. Một cô nhón chân vào dắt hai cô bạn đương lúng túng ra khỏi đám kiến rồi đưa xuống suối rửa chân. Nước mát làm nọc kiến dịu đi.

Hai cô nữa, mỗi người cầm một chiếc nón. Họ tức tốc chạy xuống vực nước suối lên đổ ào ào vào vùng tổ kiến. Những nón nước xối như trời đổ xuống hàng nghìn cây nước khủng khiếp làm ngập lụt khắp thế gian. Thành quách, nhà cửa, của cải và dân cư, trong nháy mắt, trôi vèo mất cả. Chỉ một lát, quang cảnh chỗ đánh nhau ban nãy đã đổi ra khoảng đất trơ trụi, lênh láng nước. Hàng nghìn hàng vạn kiến bị trôi xuôi đương ngoi vẫy trong dòng nước.

Bây giờ là buổi chiều rồi. Các cô bé học trò đi kiếm củi và hái hoa về từ lâu. Đối với các cô, không có gì đáng nghĩ, vì mỗi cô đã làm đủ kết quả, vác về một bó củi với những cụm tầm xuân hoa phơn phớt hồng nhạt xinh. Nhưng ở vùng kiến hôm ấy thì phải nói rằng trận bão lụt qua từ lâu rồi mà tất cả còn bàng hoàng.

Chập tối, trăng lên, trăng cuối mùa xuân, sáng trong và dịu dàng lạ lùng. Chúng tôi đứng nép trong bụi cỏ, dưới chân nước ướt nham nháp. Lúc bị đội nước, nước chỉ ào qua bụi cỏ. Cũng may, nếu chúng tôi bị trúng những cây nước từ nón dội xuống chắc cũng trôi băng ra suối rồi.

Trước mặt chúng tôi, một vùng im lặng ghê rợn. Chúng tôi suy nghĩ đến những khủng hoảng thiên nhiên đầy rẫy quanh mình. Bỗng đâu Chuồn Chuồn bay đến trong ánh trăng. Đây là đàn Chuồn Chuồn Tương bay rất đông, cánh quét cả vào bóng mặt trăng. Cánh nâu chấm đen. Chuồn Chuồn Tương cũng yếu và không bao giờ bay đêm, tuy vậy, Chuồn Chuồn nhiều tình cảm nhất, khi nghe Trôi kể về cái khó khăn nguy hiểm chúng tôi gặp phải dọc đường, Chuồn Chuồn Tương đã bay đi ngay, bay thông thả, nhưng bay luôn và suốt đêm không nghỉ nên đến sớm nhất. Bọn Chuồn Chuồn Ngõ, Chuồn Chuồn Chúa cậy sức khỏe, họ cũng đi ngay đấy, nhưng còn nhớn nhơ đâu chưa tới. (Có khi lạc đường cũng nên - các cậu láu táu nhanh nhẩu đoảng mà !).

Chuồn Chuồn Tương bay tới trong ánh trăng, bốn cánh rập rờn, nhịp nhàng, đương bay bổng quấy lại, rất nhanh và đẹp mắt. Họ lượn đi lượn lại mấy vòng trên ngọn cỏ ấu tìm chúng tôi.

- Chuồn Chuồn Tương đã tới ! Hoan hô các bạn !

- Các anh ơi !

- Bạn ơi ! Hãy bay khắp đồi, các bạn hãy gọi to lên xem Kiến Chúa ở đâu mau mua ra cho chúng mình hỏi chuyện.

Chuồn Chuồn Tương lại thong thả bay đi trong tầng làn ánh trăng chảy lênh láng trên mặt lá, sáng đẹp như ban ngày. Trăng sáng gây cho lòng ta một cảm tưởng dịu dàng và yêu đời - dù đang trong cảnh đau khổ.

Lát sau Chuồn Chuồn Tương quay trở lại, nói to :

- Thấy Kiến Chúa rồi.

- Thế sao ?

- Kiến Chúa hẹn sáng mai đi gặp.

- Ở? đâu ?

- Chúng em sẽ dẫn đường.

Sớm hôm sau, Chuồn Chuồn Tương đã rập rờn bay từ lúc còn tờ mờ. Các bạn trong bọn đã ủy cho tôi làm sứ giả tối quan trọng hôm đó. Trên trời, Chuồn Chuồn Tương bay tầng trên tầng dưới, liệng cao liệng thấp, chao cánh vừa múa vừa bay như mừng như giỡn. Tiếng đồn Chuồn Chuồn Tương hồn nhiên và yêu đời bấy lâu quả không sai !

Tôi ngắt một chiếc lá tre để che nắng và cũng để giơ cao lên đầu, tỏ dấu hoà bình; và tôi bước sâu vào làng xóm kiến.

Phải như mọi khi, có cầm mấy cái lá tre mang hình ảnh yên lành của lũy tre xanh ngô xóm thì bọn kiến cục tính kia cũng có thể lẫn xả ra đả ngay. Nhưng sớm nay, đường ngang lối dọc cứ trống trơn. Trong cảnh trơ trọi ấy, thế mà đã lổm ngổm những anh kiến xây dựng - Kiến Gió và Kiến Lửa, những tay thợ chăm chỉ và cần mẫn, có anh trôi xuôi bơi suốt đêm mới trở về được, mình còn ướt lướt thướt mà đã ra đào lũy mới. Nhấn nạy và chăm việc quá. Mãi miết cầm cúi làm, chẳng anh nào ngó ra. Sự gian khổ và chịu đựng còn in trên từng cái bóng kiến lúi thủi, đều đều vác đất. Và trông vào trong các lỗ, kiến còn kéo ra đi dòng dài tưởng không bao giờ ngớt. Kiến có thói quen đi một hàng, trước sau nghiêm ngặt. Sấm sét mưa gió khủng khiếp tưởng chết hết đêm qua, nhưng không phải, lúc nào kiến cũng kỷ luật nghiêm.

Và bao giờ kiến cũng có hai thành trì để ở. Như đã biết lo xa. Một thành trên mặt đất và một ngầm dưới đất, có lỗ vào hang rất sâu. Bây giờ, trên mặt đất bãi cỏ trống, hàng vạn kiến bị trôi xuống suối mới tìm về được và hàng vạn kiến trong các lỗ các hang bò ra tấp nập và đắp thành lũy. Đông đặc, nhưng khác mấy hôm trước, không ai hăm hè, không ai chú ý tới tôi. Tất cả lặng lẽ đều đặn tha đất, nhỏ bọt đắp lũy.

Chuồn Chuồn Tương chỉ đường cho tôi vào thẳng tận nơi Kiến Chúa. Chỗ lù lù xao ấy là bức tường kiên cố còn sót lại sau trận lụt. Đây cũng là dinh lũy Kiến Chúa. Tôi xưng tên rồi vào. Hai Kiến Càng dẫn tôi đi. Các hang lúc này đều vẫn xâm xấp nước. Tôi thấy bùn lầy ngang khoeo chân Chúa Kiến.

Chúa Kiến cũng đương làm.

Bà Kiến Chúa tất tả khuôn đất đắp lại bờ lũy cửa hang. Kiến Chúa lớn gấp đôi gấp ba Kiến Bọ Dọt, vẻ tháo vát và lanh lợi. Cái đầu đỏ bóng như gỗ gụ, lấp ló trong chiếc khăn vuông lụa nâu nhỏ. Chân dài và cao, nhanh nhẹn lắm. Dưới đuôi, đeo thanh kiếm nhọn sáng như cây kim. Đôi mắt lúc nào cũng long lanh rực rỡ đựng đầy nhô ra như hai mắt cua.

Trông thấy tôi, Kiến Chúa nói :

- Chúng tôi xưa nay chỉ biết làm ăn, sao các ông độc ác đến sinh sự rồi lại dội nước gây lụt lội đánh đuổi chúng tôi đi ?

Tôi ngạc nhiên. Câu chuyện tai nọ sang tai kia cứ lạc đi như thế đấy. Bọn Kiến lầm lì đã gây sự thì có. Tôi bèn trình bày đầu đuôi câu chuyện cho Kiến Chúa nghe, chúng tôi không gây sự, chúng tôi chỉ vụng về không biết hỏi han và để hiểu nhầm. Còn việc lụt lội và việc của người ta, không nên tưởng chúng tôi xui mấy cô bé học trò làm ra mưa gió.

Rồi tôi nói :

- Chị đây lịch lãm, hiểu biết rộng rãi, rất mong thông cảm chúng tôi lặn lội khó nhọc, không quản đi sông về núi, chỉ vì chúng tôi nghĩ đến những việc ích lợi ngoài tầm thân mình.

Nghe tôi nói xong, Kiến Chúa khóc mà rằng :

- Thưa anh, em đã lầm. Em chỉ nghe nói có kẻ cướp đến phá nhà. Mà anh biết, chúng em không bao giờ để ai bắt nạt. Dù là thằng cướp hung dữ nhất có đi qua tổ kiến thì kiến vẫn đốt cho rất đau và đánh đuổi đi như thường. Thế ra không phải các anh đến phá tổ kiến. Chao ôi, việc làm của các anh to lớn khắp thế gian, quý báu thay ! Sức chúng em giúp rập được bao nhiêu, xin chẳng từ nan.

Tôi cười, sung sướng và cảm động :

- Các bạn kiến sẽ làm được tất cả, làm được rất nhiều, thế nào chúng ta cũng thành công.

Tôi kể Kiến Chúa nghe những nơi mà Châu Chấu Voi đã đi qua và mục đích chúng tôi đến đất Kiến. Kiến Chúa gật đầu khâm phục và có vẻ nghĩ ngợi khi hình dung ra cái việc quan trọng mà họ sắp ghé vai gánh vác.

Ngay lúc ấy, Kiến Chúa cho mời cả Trũi, cả Xiến Tóc và các bạn Châu Chấu voi vào.

Cũng ngay lúc ấy, câu chuyện quan trọng đã lọt ra. Các bạn Kiến nhanh thế, cả các làng mạng, hang ổ, thành lũy và ở những nơi đương xây dựng đều đã biết đầy đủ câu chuyện mà Kiến Chúa đương bàn bạc với chúng tôi. Đâu đâu cũng bàn tán sôi nổi, tan hân vẻ buồn u ám như lúc tai hoạ hôm qua.

Chúng tôi còn đương trò chuyện, các bạn kiến ở các hang kéo đến mỗi lúc một nhiều, bỗng nghe ầm ầm bốn phía chân trời. Thì ra cứu viện của chúng tôi do Trũi nhờ các tay Chuồn Chuồn giang hồ bay đi gọi, đã tới.

Rợp trời các loại phi cơ Chuồn Chuồn. Đầy mặt đất những Châu Chấu, Bọ Ngựa, Bọ Muồm. Và cả cái xóm lầy lội những Rắn Mòng, Ê~nh ương, Nhái Bén, Cóc, Ê'ch...Ê'ch ồm ộp, Cóc keng keng, Chấu Chàng chẳng chuộc. Ê~nh ương uôm oạp. Bọn có càng thì khua càng gõ mõ. ầm cả lên. Chưa hết. Trong lòng suối dưới chân đồi, các loài Cá và chú Rắn Mòng cũng đông đủ đi giúp chúng tôi. Đàn Săn Sắt múa đuôi cờ lên tung toé mặt nước. Những anh Cua Núi mắt lồi đen kịt như cái tàu bò, lịch kịch lên bờ, đi tìm cứu chúng tôi.

Khi các bạn tới, đã thấy trên mặt đất không phải là cảnh xô xát nữa mà cả làng Kiến kéo ra chào hỏi niềm nở lễ phép. Một quang cảnh chan hoà thân ái diễn ra khắp vùng đồi đương mùa hoa tầm xuân, đến gió thổi cũng đỏ hồng cả không khí.

Tôi nói ra mấy câu kể lại rồi đọc lời hịch mà chúng tôi vừa thảo ra để cổ động thế giới đại đồng "muôn loài cùng nhau kết anh em" thì họ reo ầm ầm, tất cả lại dẫu kéo về đấy, vừa đi vừa nhảy múa vui chơi.

Chúng tôi già từ đất Kiến.

Cảm động quá, đi mấy ngày, lại mấy ngày, rồi đi nhiều ngày nữa cũng thấy đâu đâu bàn tán công việc các loài bây giờ đã thành anh em. Kiến thông tin tới tấp đi khắp hang cùng ngõ hẻm. Kiến truyền tin ! Kiến truyền tin ! Trên thế giới không chỗ nào không có Kiến - đâu có khí trời thì đấy có kiến ở, kiến đến đâu thì ở đấy biết tin vui lớn.

Chẳng bao lâu, cả mọi loài, từ rừng xuống biển, đều gửi thư nhắn tin về hoan nghênh và hưởng ứng. Tất cả những nơi tôi đã đi qua, đều hoan hô hết cỡ. Cả cô Nhà Trò yếu đuối, các nàng Bướm và Ve Sâu lười biếng trước kia cũng có thư.

Tiếng vang cuồn cuộn khắp trời đất ! Thôi thế đã xong phần công việc quan trọng. Tôi nhẹ nhõm thở một hơi rõ dài. Mấy anh Kiến Kim ngượng và thẹn vì đã hấp tấp choảng chúng tôi để sinh chuyện xích mích

cuối cùng - vâng, câu chuyện xích mích cuối cùng đáng tiếc. Từ đấy, các cậu Kiến Kim xấu hổ cứ lang thang kiếm ăn vơ vẩn ngoài đồng, không muốn giáp mặt ai nữa.

DẾ MÈN PHIÊU LƯU KÝ

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương X

Bây giờ chỉ còn lại có Trũi và tôi. Các bạn đồng tâm đã dời đi mỗi đứa một ngả. Nhưng ai đi đâu cũng không còn cảm tưởng lẻ loi và chỉ thấy rất vui, rất đầm ấm vì đi đâu bây giờ cũng có bạn. Chúng tôi vừa làm được một việc to tát quá.

Tôi và Trũi trở lại quê hương định nghỉ ngơi ít ngày và tôi có ý muốn đưa mẹ tôi đi chơi đây đó giới giã một phen.

Trên đường về, tới đâu, tôi và Trũi cũng được đón mời. Ông Ê'ch Cốm cùng cả xóm ra tận đầu đường tiếp rước. Đám cá ngoài quãng sông cũng bơi vào xin lỗi về việc cũ. Tôi thưa rằng nói về chuyện cũ thì ngày ấy chúng tôi cũng mang lỗi chẳng khác gì các bạn. Chỉ có hôm nay chúng ta đều khác trước rồi.

Ơ? đâu cũng tương bằng rộn rịch.

Về tới quê hương, cảnh vật có đổi khác ít nhiều. Bao nhiêu năm xa cách! Vì câu chuyện của chúng tôi đã được các nhà truyền tin kiến đem đến từ lâu nên nghe biết tôi và Trũi trở về, cả vùng bờ nước đi đón.

Anh cả tôi sướng cuồng lên, vì đã có ông em rất quý (chứ không phải bất hiếu bất mục) như tôi. Ông kể với bốn bên hàng xóm rằng mùa xuân tới ông cũng đi du lịch và phiêu lưu như "chú Mèn nó" cho mà xem ! Cho mà xem.

Ông anh hai ốm yếu thì mất từ lâu.

Nhưng buồn nhất, mẹ tôi cũng đã khuất núi.

Tôi ra viếng mộ người bên đầm nước. Nhớ đến lời người, khi sinh thời. Mẹ ơi ! Lá vàng, thì lá rụng, sự xoay vần tự nhiên, muôn loài chưa ai cưỡng lại được, con vì thế mà buồn, nhưng con vẫn ân hận rằng lần này trở về không còn được quỳ ôm đôi cẳng gầy yếu của mẹ kính mến mà kể lại những ngày luân lạc và những công việc con đã làm ích lợi cho đời để mẹ nghe.

Sau đó, tôi nghỉ lại quê nhà ít lâu. Lòng thư thái, nằm duỗi chân nhìn lên qua khe cỏ ấu, thấy mảnh trời xanh biếc như ước vọng đời mình đương bay xa. Rồi tôi bàn với Trũi một cuộc đi mới.

Ngày nào, cuộc đi mới ấy, cuộc phiêu lưu rời quê hương lần thứ ba ấy xong, bấy giờ, chúng tôi mới thực sự được la đà theo bước chân mình. Đó sẽ là cuộc phiêu lưu hoà bình, chúng tôi sẽ để hết thì giờ xem xét phong tục, nghiên cứu văn hoá và thổ ngơi từng vùng. Chúng tôi có thể thành nhà khảo cổ, nhà địa lý, nhà

kinh tế, nhà thơ nổi tiếng cũng nên.

Trong những ngày còn lưu ở quê hương, tôi chép lại cuộc sống trôi nổi vừa qua. Giờ đương mùa thu. Mùa thu, hoa cúc vàng nở lưng giậu. Lối mòn đầy lá đỏ rơi. Từ hôm vào mùa mới, đất trời u ám mưa phùn. Cảnh buồn mà lòng vui.

Thưa bạn đọc yêu quý. Mèn tôi xin phép chấm hết một phần thiên ký sự. Ước ao trong cuộc đi vô cùng hào hứng đương tới, chúng ta còn được gặp nhau.

12-1941 - Nghĩa Đô

Tô Hoài.

Mục lục

⋮

Bây giờ sang Bắc xuống Phòng hay lên Sơn, bên đường chốc lại thấy trong cánh đồng có một cái đầm nước có hàng rào lũy tre.

Quanh bờ, lác đác những túp lều, như lều kéo cá, nhưng không có gọng vó. Những cái lều con con như thế người ta gọi đùa mà thật là lều câu cá ôm. Tức là tay đôi nào đến thuê lều câu cá, thuê cả cần câu và mồi cần thận rồi dắt nhau trèo lên lều, làm những gì trong ấy không biết, cũng chẳng thấy cái đầu cần câu nào thò ra.

Quanh thành phố bây giờ mới có cái thú thư giãn câu ôm, lều ôm, chứ đã mấy năm trước tôi lên chơi Suối Hai xem vườn cò ở Ngọc Nhị. Vào trong đôi tre, đôi vầu đến những chỗ rậm cây cò đậu cò bay xào xạc, cũng thấy những túp lều lợp lá cọ lấp ló cao cao. Chòi canh cò hay chòi đuổi dơi, không phải, mà chẳng hỏi chủ vườn cũng biết ngay ở chỗ khuất khuất vắng vắng ấy là cái chòi người ôm người xem cò. Và chủ nhật, thanh niên đi chơi thắng cảnh Sơn Tây, ngủ đêm lại ở Suối Hai, ở Ao Vua đông vui lắm, ở Kim Bôi trên Hoà Bình và cả ngoài đảo Cát Bà xa xôi những đám trai gái thành phố múa hát và ngủ với nhau bên rừng như thế.

Cũng là thú giải trí mới cho người đô thị đến với cỏ cây sông nước.

Thương những đứa trẻ thành phố bây giờ, con dê lại bảo là con bò, gà trống gà mái tất tật đều là con gà. Quanh năm chúng nó chỉ trông thấy con kiến, con gián, con thạch sùng và con chuột. Và sợ con chuột lắm. Một hôm, có con chuột dưới cống chui lên phòng trên gác. Cả bố nó cũng hãi chuột. Bố nó đóng cửa buồng rồi ra thuê bác chữa xe đạp ở đầu phố vào đánh. Lũ trẻ ngồi ngoài cửa nghe ngóng, hồi hộp, đến lúc bác ấy xách đuôi con chuột ra, chúng nó ôm mặt không dám nhìn.

Đến chỗ đầm cá, hỏi những cây bạch đàn, cây nhãn, cây xoan, cây hoa hồng bụi, chẳng đứa nào biết là cây gì cả. Chỉ nhớ có cây dừa vì đã trông thấy cây dừa ở tranh truyện Tấm Cám - cô Tấm trèo cau bị mẹ Cám chặt đổ, thì cây cau cũng lưa thưa cao lêu đêu như cây dừa ở bờ đầm này. Và vườn có đầm câu cá, trẻ con gọi cái đầm là cái hồ vì từ thuở bé chỉ trông thấy cái hồ Tây, cái hồ Gươm mà cũng chỉ thỉnh thoảng mới thấy.

Đi câu, chúng tôi đi cả nhà. Xe máy người nọ đèo người kia. Ông cháu, con cái đến hơn chục mống. Những nơi câu cá có cây và đầm rộng đi cũng xa, cách cầu Chương Dương hay Cầu Giấy có đến hơn hai mươi cây số. Và là nơi câu cá thật. Nhưng tò mò và để ý cũng thấy thấp thoáng có những lều con con ở đằng cuối khuất trong giàn mướp bụi trâm bầu. Thời buổi lắm chụp giật này, đâu cũng mở “nhà nghỉ”, đâu

cũng có nhà ngủ, phải nhanh nhẹn lên, một vốn bốn lời, ai mà chịu bỏ. Những cái nhà sàn tre nửa ba gian, chân tre đứng trên mặt nước. Có thể một người mấy người chung cũng được. Chúng tôi thuê cả ba gian nhà thành thơi, trẻ con câu người lớn đi dạo, nằm khểnh. Tôi thì ngồi uống bia, nhìn sang mấy cái nhà sàn lơ thơ cái kín cái hở ở bờ đầu bên kia. Đông người lắm, cũng cầm hờ cái cần câu ngoài đầu sàn, nhưng không có ai ngồi câu. Trong nhà người ta đương xúm xít sát phạt nhau. Không biết tá lả hay xóc đĩa.

Trẻ con nhà tôi thuê mấy cái cần câu, chủ đầm đến móc mồi rồi ném một nắm thính xuống mặt nước nhử cá. Nhưng có lẽ cá cũng biết khinh trẻ con, cái phao nhấp nháy, giật lên thấy mất mồi. Chỉ có cá mai mai, thồn bơn đến rĩa. Có một ông ngồi câu đằng kia, bên gốc dừa. Ông không thuê lều, không giả vờ chỗ cần câu trên sàn ra. Ông ngồi trong bóng cây, ông có đủ đồ câu mà đồ lẽ sang trọng về nhà nghề lắm. Xe máy dựng bên. Cái ghế gấp. Cái túi mồi. Chiếc cần câu Nhật nuốt nà vàng xẫm, nhiều đốt không biết đốt trúc thật hay chất dẻo, từng khúc đánh đai vòng kền. Cái cần câu sặc sỡ như cái gậy trẻ con treo bùa túi chỉ ngũ sắc mừng năm tháng năm tết sâu bọ sắp tới. Nghe nói cái cần câu Nhật này đắt lắm, những hơn một triệu bạc. Ông hút thuốc lá, ngồi chinh chế, ung dung, ông đội mũ vải chốc lại giựt được cá, cá to. Những con trắm cỏ phàm ăn ngoạm mồi rồi lôi miết phao. Mặc dầu chốc nữa ra về, cả cái túi cá câu được nhà chủ đầm đều nhắc đặt lên cân. Bởi vì cá đầm của người ta nuôi. Ông phải trả tiền chỗ cá ông vừa câu được. Không sao mất tiền mà được cái vui câu được cá. Tôi cắt nghĩa với lũ trẻ con là ông ấy sát cá. Có người sát cá, có người vô duyên với cá. Ngày trước, ở trong làng, tao đi câu cả buổi may ra mới giựt được con cá rô ranh. Tao không sát cá. Tôi nghĩ loăng quăng, những con cá trắm cỏ ông kia câu được, chúng nó toi mạng cũng vì mê cái cần câu Nhật chẳng. Tôi lại nhớ năm trước nhà thơ Thợ Rèn cũng hay đi câu ở hồ Thiều Quang. Ông nhà thơ ấy hao hao giống ông này, ông nhà thơ trào phúng đội mũ phớt, đeo kính râm, đi giày vải cái quần soóc có bít tất lửng đủ lịch sự che khéo đôi cẳng ống sậy. Ông cầm cái cần câu Tây, cái cần câu Tây mua bên Paris chứ không phải cái cần câu mảnh tre vót nhà quê ta. Tôi không còn nhớ cái cần câu Tây và bút danh ông ấy là công nhân rèn, chẳng biết những con cá trắm cá chép trong hồ có nể ông, có mê cái cần câu hiên ngang, ông Thợ Rèn có câu được nhiều cá, ông có sát cá như cái ông ngồi dưới gốc dừa kia không. Để hôm nào tôi phải hỏi lại.

Bọn trẻ nhà tôi câu chán rồi đùa chán rồi lăn ra ngủ.

Đã lâu, bữa trưa hôm ấy mới được bữa ăn ngon miệng. Nhà chủ đầm bưng lên cái mâm đồng cổ kính. Chai rượu gạo Mễ Trì, đậm giọng và say êm. Mấy món cá rán, canh cá thơm thơm không xệt xệt mùi mỡ ôi của các cửa hàng đặc sản trong thành phố, người đã lợm giọng. Và các khúc cá trong đầm không dầy u lên và nát nhều như cá chuối, cá trắm nuôi trong bể.

(Tập văn, truyện ngắn Tô Hoài, nhà xuất bản Hội Nhà văn 2004)

Mục lục

⋮

DUNG VÀ QUYỀN

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

:

Phố Hàng Ngang, Hàng Buồm cũng chẳng khác xưa bao nhiêu. Mặt đường, đôi chỗ vẫn cái nắp gang đập cống ngầm còn đề tên sở thời Pháp. Không kể mấy bảng điện nhấp nháy, cái nhà tầng nông lòng đột ngột chon von lên như những đồ chơi của trẻ con. Chỉ có một cái khác. Xe đạp, xe máy liên liên khin khít đan nối nhau. Ngày xưa thì lòng đường, vỉa hè toàn những chân người đi, chân người ngược xuôi như lông vào nhau. Họa sĩ Ngô Thúc Dung vẽ cho báo Hà Nội Tân văn in ở phố Hàng Buồm. Anh Vũ Ngọc Phan bảo tôi: "Anh Dung tốt nghiệp số 1 Đại học Mỹ thuật Đông Dương, anh Nguyễn Đỗ Cung giới thiệu làm cho báo ta đây". Anh Phan muốn gọi sự chú ý và kính trọng của tôi. Thì ra đồ nhất lại bạn của những Nguyễn Đỗ Cung, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Gia Trí, những mét đỉnh rồi. Nguyễn Đỗ Cung đương chùm cubit lập thể vẽ cái chân người như bắp chuối và người đi hai vai ngang như cua bò, tôi phục lắm, dầu chẳng hiểu gì cả. Ngô Thúc Dung minh họa báo, vẽ tay người to hơn đầu người. ồ, trường phái ông Cung mà. Nhưng rồi tôi thấy Dung vẽ cái mu bàn tay nào cũng tròn như quả bưởi, lại để ý Dung không vẽ cho báo nào khác ngoài báo của anh Phan. Về sau quen Dung nhiều hơn, tôi nghĩ: thằng này không biết vẽ, chẳng ai thuê.

Thì tôi thấy Dung cũng hết oai, Dung chỉ vừa vừa như tôi thôi. Vì, giỏi hay dốt cũng là may rủi thế nào đấy. Như ông Thịnh del chỉ có mỗi báo Tiểu thuyết Thứ Bảy mượn ông vẽ cái mặt nào cũng tréo giống nhau, thế mà ông đồ đầu Mỹ thuật Đông Dương, ông làm thông phán sở Canh Nông cả ngày cả tháng ngồi truyền thần phóng to con tằm, con nhộng, con bướm, cái kén. Ông Thịnh del chẳng có bức tranh nào, giới vẽ có lẽ chẳng hề biết ông là ai, mà ông có cần gì đâu.

Dung bảo tôi:

- Bát phố một lúc, được không?

Tôi chẳng có việc gì, để chối là không được. Chúng tôi ở nhà in đi ra và tôi hiểu bát phố là chẳng đi đâu cả, chỉ lê gót hết phố nọ sang phố kia, nhìn nghênh nhìn ngáo rồi nhìn xuống đường thấy chân người chen nhau đi qua đi lại. Người đi xem phố, người đi kiếm ăn, nhiều người quá, chỉ thấy chân, toàn người đi chân đất. Đôi khi, người đàn bà trong làng ra kẻ chợ, có đột dép Kẻ Noi quai ngang và nếu là dân thầy thì có đôi giày vải như chúng tôi. Những người chân đất đi ngoài phố nhiều, nhớ mãi đến tận bây giờ.

Tôi hỏi Dung:

- Chiều rồi. Phải làm cái gì cho no bụng chứ?

- Túi tớ cạn cả có thể mới phải đi phố ăn tiệc nhìn.

- Nhịn a?

- Hôm nào có tiền thì lại ăn, ăn bù.

- Thôi được, đi với tớ.

Tôi cũng chẳng đủ tiền mua hai bát cơm úp. Tôi nói mạnh bạo vì tôi nghĩ đến Quyền. Có thể Quyền có. Chúng tôi rẽ về phố Hàng Trống. Sang phố này đã thừa những bàn chân đi. Mấy nhà bán đồ thuê ren sách cũ. Tắt qua cửa đền vào một góc phố có một gian hàng chỉ bằng vài chân. Những cái chụp đèn bày la liệt như nón úp. Ở trong nhà, một thanh niên vạm vỡ sơ mi trắng cộc tay đang soi gương nắn cái mũi cà vạt đen.

- Giới thiệu...

Quyền nói to:

- Họa sĩ Dung, quen rồi. Đã vẽ chụp đèn cho nhà này.

- à...

Họ biết nhau, tôi nhẹ hẫng người, nói luôn:

- Đang định đi ăn mà chưa trữ được đủ tiền.

- Có đây, có đây.

Quyền chạy sang cửa hàng bên cạnh xem nhờ đồng hồ.

- Năm rưỡi, đóng cửa được rồi.

Chúng tôi giúp Quyền vác những tấm cánh cửa lắp đóng lên kín gian hàng. Tôi hỏi khề Dung:

- Đã cộng tác với Quyền à?

- Có một lần, đã lâu. Thằng cha nhớ dai gớm.

- Cái kiốt đảng Hàng Da của cậu mà treo bán những cái chụp đèn này cũng nên lắm.

- Có thể, có thể. Đảng ấy bảo nó cho mượn mấy cái bày thử.

Đã lắp cửa xong, chúng tôi ra chỗ đầu Hàng Giò, xuống dốc Hàng Kèn, tạt sang ngã hồ Thiền công.

Chỗ ấy có mấy hàng cơm, sau lưng trông xuống bãi cỏ lau. Đằng kia là Vân Hồ, nhưng quãng này lầy lội, phải vòng lên Thế Giao mới có lối xuống. Thành phố chưa bắt điện đến vùng đấy. Trong bụi cỏ lau đen lù

lù, ánh đèn ba dây, đèn hoa kỳ lốm đốm to nhỏ như những con đom đóm. Mấy quán cơm đầu ghế đón người đi làm bên ga Hàng Cỏ về các đầu Ô Thanh Nhàn, Ô Trung Hiền, đôi khi có những xe chở gỗ dưới Phà Đen lên. Ấy vậy mà hàng quán đỏ đèn suốt sáng. Bởi vì những con bạc rúc ráy trong bụi lau lã ra ăn đêm.

Chúng tôi cũng đã nhắm mắt ở đây.

Thấp thoáng một cái đầu chó treo dưới mái tranh.

Tôi hỏi Quyền:

- Vào làm mấy chén mừng gặp nhau, được không?

Quyền nói:

- Không. Tớ là sì cút (°). Và tớ thương loài vật, con chó thân thiết với người nhất, tớ không ăn thịt chó.

- Thế thì ăn gì?

- Cơm, đậu rán, canh cà chua, như mọi khi. Được không?

Hai thằng không có tiền, thế nào mà chẳng được. Nhoáng một cái xong bữa chẳng có gì để kể cà, chúng tôi bước ra ánh điện loáng thoáng ngoài hè phố. Tôi chẳng hỏi ai, cũng không nghĩ đi đâu tối nay. Đứng cửa sổ rạp Hiệp Thành nghe cái lương, lượn nhà thổ ngõ Yên Thái cũng chỉ nghĩ và kể ra thế thôi. Không đi đâu thì đi ngủ vậy. Có ba nơi. Về nhà tôi trên Bưởi thì xa mà đã hết tàu điện. Đến cái kiốt của Dung ở chợ Hàng Da thì ôi thôi, khi sáng ra có thể đã gãy đầu gối. Cái kiốt bốn mặt cửa nhưng hẹp quá, đêm phải đối hai thế nằm. Lúc thì khoanh chân, lúc thì duỗi gác hai chân lên vách. Dung thấp bé người, suốt đêm nằm khoanh hai chân, đêm nào cũng thế. Đến nhà Quyền thì được ngự trên mảnh ván. Rộng rãi, chỉ phải cái không có màn.

Gian bán chụp đèn, đèn bàn, đèn treo trần cũng không phải của Quyền ông chủ. Không biết cửa hàng của ai, chắc của người nhà, Quyền trông hàng, bán hàng ghi sổ. Những khung nan, khung gỗ thợ gò, thợ tiện ở phố Hàng Tiệm đem đến, Quyền dán giấy bồi, lựa hoa, lắp bật điện. Cũng không thấy chủ hàng bao giờ chỉ có mình Quyền, sáng ra xuống bờ hồ rửa mặt, còn ỉa đái chỗ nào thì tùy. Ấy thế nhưng đã phong lưu nhất hội rồi.

Mưa sầm sập cả đêm như xay thóc. Mưa đêm ở làng, trong bóng tối bốc lên mùi rơm rạ ải, mùi hoa lý thơm ửng. Mưa rào, mưa to ở thành phố, tiếng mưa nghe mỗi tai mỗi khác, cứ như gõ thanh la, lại như liên hồi đập cái thùng sắt tây. Nhưng đã dịu được cơn oi bức ban chiều. Nhờ thế, đỡ muỗi, sáng ra mặt mũi không lấm tấm mẩn đỏ.

Quyền cho Dung xách đi mấy chiếc chụp đèn. Cái kiốt của Dung dựng đứng như chiếc thùng gỗ vuông, trông sang bãi cỏ chợ Hàng Da. Trên bãi, thỉnh thoảng hiệu tạp hóa Tây Lùn ra căng bạt mở xổ số cò quay

ăn tiền, ăn thưởng áo may ô, lọ nước hoa Con Voi, khăn mùi xoa. Đôi khi gánh Lê Thành Các về làm xiếc. Có cả ban xiếc nước Anh với hai con la thồ đồ, lưng phủ bạt, đến cắm cọc dựng rạp. Cái kiốt vẫn đứng đấy, bốn mặt sơn xanh tro lổ cửa vuông, phía nào cũng thông thoáng.

Kiốt bày bán lắm thứ linh kinh. Những ống bút, một thếp giấy mới, gói bột màu. Có khi bày tranh phong cảnh. Cũng có buổi cho bà bán quà sáng để nhờ mẹt khoai lang luộc.

Tôi bảo Dung:

- Treo bảng vẽ truyền thần, có khi ăn tiền hơn.

Dung xua tay:

- Mày dốt bỏ mẹ. Họa sĩ không vẽ truyền thần.

Nhưng tôi nghĩ cứ như Dung vẽ cái tay to hơn cái đầu thì có khi Dung cũng không biết vẽ truyền thần. Bốn mặt quang vắng, không biết đồ đạc, quần áo Dung cất đâu. Chẳng thấy cái hòm, cái bọc chỗ nào.

Dung nói:

- Mày nhà quê cũng có khác. ở Hà Nội bây giờ văn minh giống bên Tây. Hết mùa rét thì cái áo dạ gửi nhà cầm đồ Vạn Bảo phố Mới. Giờ đương nắng nóng, chỉ cần nhất bộ, tối đi ngủ thì cởi ra giặt cho tiện.

Tôi đã quen lối nói tiêu lâm chày cối bịa tạc ra cách sống thành phố. Bốn cái chụp đèn Dung để bốn cửa. Hai chụp treo, hai chụp đèn bàn đặt trên mòm hòn gạch nhô cái chóp lên. Đi cả bốn bên đều trông thấy, cũng vui vui mắt.

Một hôm tôi đến chẳng thấy cái chụp đèn nào.

- Bán hết cả rồi à?

- Mất cặp hết thì có. -Không gần được con mắt đằng lưng thành thử cứ trông cửa trước thì nó phổng đằng sau.

Đến năm kháng chiến, phố xá tản cư đi khắp nơi. Người ta như con kiến khi gặp nhau thế nào đôi bên cũng đụng râu chụm lại như chào hỏi, trò chuyện rồi mới lại tăng tả bỏ đi. Cho nên ai ở đâu rồi cũng được tin, mình không gặp thì thế nào cũng có người gặp, người biết. Tôi cũng láng máng biết tin tức bè bạn và người quen, xóm giềng, ai tản cư vùng nào, công tác ở đâu, ai chết bom, ai lại về thành. Nghe nói Quyền đã lấy vợ, vợ chồng đem nhau lên Phú Thọ.

Năm ấy, tôi có việc về Gia Điền. Việc vui và cũng nực cười. Tôi đi dự đám cưới họa sĩ Nguyễn Văn Ty. Anh Ty ở vùng văn nghệ sĩ tản cư trong khu Bốn. Trường Mỹ thuật của anh Tô Ngọc Vân mở ở Việt

Bắc, anh Ty được mời ra dạy. Ty cũng đã cứng tuổi. Chị trẻ hơn, gia đình cũng ở Hà Nội tản cư đi. Tiếng đồn thế nào đấy, có thể bên nhà gái nghi ngờ, mà nhà trai nhà gái đều đương trong cảnh xa lạ không biết đầu mà hỏi han dò la được. Tôi được giao việc đại diện cơ quan đi dự đám cưới. Tôi có nhiệm vụ nói thật nhưng nói khéo thế nào để họ nhà gái tin tưởng tôi là bạn anh Ty từ xưa và anh Ty chưa có vợ bao giờ.

Mọi việc đều xong xuôi, êm đẹp. Hôm về, tôi không ra theo đường bờ sông. Tôi đi đường trong, qua làng đồi chè, rừng sơn, rừng cọ từ Gia Điền sang Ao Châu. Tôi đã được biết Quyền ở Ao Châu.

Tôi vào xưởng giấy Ao Châu hỏi Quyền. Người ta bảo: ông Quyền thôi việc ở đây rồi. Bác ra ngoài đầm, hỏi ông Quyền Chài thì ai cũng biết - Quyền Chài là thế nào? Người ta chỉ cười.

Ao Châu, một vùng đầm nước mênh mông như hồ Tây bọc một dãy đồi ở giữa. Tôi được chỉ vào một cái lều lá gồi bên bờ nước. Quyền cởi trần, da bắt nắng đỏ xạm, vắn cao lớn và để bộ râu quai nón xồm xoàm đen kịt, chòm mũi đỏ sần sùi nhô lên quen thuộc.

Cái lều một gian một chái, một người đàn bà ra chào tôi. Chị mặc quần thâm, áo trắng nhuộm nâu non, cũng như mọi người tản cư thường gặp ở dọc đường và trong chợ.

Quyền nói to:

- Nhà tôi đây. Chúng tớ nghề chài lưới, nên làng nước gọi là Quyền Chài. Nhờ giờ cũng đủ chén, cứ xuống nước thì có cá đem bán.

Chị ấy đi chợ. Quyền bảo tôi ở nhà chơi, Quyền thả cái thúng đi bắt mấy con cá về nhắm rượu. Tôi bảo cho tôi ra hồ với. Cái thuyền thúng, Quyền ngồi đằng mũi, tay cầm bè chèo lái, bàn tay kia bơi. Tôi thả lưới từng quãng ngắn, Quyền vòng thuyền cầm bè chèo gõ xuống đòn ngang. Tiếng cạch cạch xua cá dồn vào mắt lưới.

Trên thuyền, chúng tôi chuyện.

- Bọn tớ đã lấy nhau từ khi còn ở Hà Nội.

- Ờ... ờ...

- Chắc đằng ấy không biết vợ tớ là con nhà thổ ở ngõ Yên Thái. Tớ vớt ra.

Tôi không biết thật. Nhưng cái tình, cái tính khí khái và nghĩa hiệp của Quyền thì tôi không lạ.

- Thế sao lại bỏ làm xưởng giấy?

Quyền cười nhạt:

- à bọn ngồi bàn giấy trong xưởng chữ nghĩa lỗ mỗ, cũng dân thành phố ra, thế mà chó lại chê mèo lắm

lông, chúng nó chửi mình là tiểu tư sản, đội cái mũ sì cút chúng nó cũng bảo là đội cút đế quốc. Lộn ruột, tớ hét vào mặt chúng nó: ông đây học trường kỹ nghệ, công nhân hẳn hoi chứ không như chúng mày đội lốt. Công nhân thì không sợ cái gì hết. Ông đổ chúng mày dám bỏ cái xưởng này ra đi tăng gia, hay chỉ là đồ ôm chân bàn đẽo cơm Nhà nước. Ông không thèm, cái mặt chúng mày chỉ bắn mắt ông.

Quyền đặt bè chèo vào lòng thuyền, nhắc từng mảng lưới lên. Có con cá rô như hạt bưởi, Quyền lại ném xuống nước.

- Thế là tớ ra đây. Tớ chẳng cần đũa nào đâu.

Lát sau, thu hết lưới, được mấy con chép nhỏ. Quyền cười hê hê: "Đầu đuôi để nấu dấm quả dọc, còn chặt khúc ra nướng uống rượu, hay lắm".

Tôi giễu:

- Cậu là sì cút chửi rượu cơ mà.

- ở đời cũng có lúc cần rượu.

Chốc đã mấy chục năm qua. Rồi tôi cũng không gặp lại Quyền ở Hà Nội. Biết có còn sống, vẫn ở Ao Châu hay lại đi đâu.

Họa sĩ Ngô Thúc Dung thì đôi ba khi còn biết tin.

Các cơ quan mới ra khỏi thành phố lên Việt Bắc đều đóng ở Đại Từ trên Thái Nguyên. Có người cơ quan ở xóm bên cạnh - chỗ cục quân nhu đóng, sang hỏi tìm tôi và nói :

- Chúng tôi có đồng chí họa sĩ Dung... - A họa sĩ Ngô Thúc Dung! Tôi có quen... Tôi sẽ sang, tôi sang... Thế ra Dung đã vào bộ đội, lại bộ đội quân nhu... có thể Dung vẽ mẫu áo trấn thủ... Dung cho lính sang tìm tôi... Oách thế, họa sĩ Dung, đồng chí Dung...

Rồi không nhớ tôi bận gì, mấy hôm sau mới sang được xóm có quân nhu ở? Tôi thấy những nhà kho, những lán ở trống hoác. Vào trong làng hỏi, bà con cũng chỉ biết bộ đội đã đi từ nửa đêm hôm kia. Bộ đội thường đi đến bí mật thế. Rồi sau tôi biết thủ trưởng cơ quan ấy là Trần Dụ Châu đã bị bắt vì tội hống hách, tiêu pha tiệc tùng bán giờ không văn tự. Tôi chợt dạ hỏi lại nó là thằng Trần Dụ Châu hay thằng Ngô Thúc Dung. Lắm cảm đâm hốt hoảng mới ngờ cái tai nghễnh ngãng chú Châu với Dung thì nhằm với nhau sao được. Nhưng tôi lại nảy ra cái lo khác. Hay là thằng Dung đã lấy bí danh là Trần Dụ Châu. Đi kháng chiến, nhiều người lấy bí danh tên khác, kể cả tôi...

Đến khi hòa bình tôi mới lại được tin về Dung. Có người trông thấy, có người đã gặp Dung ở Hà Nội. Dung không làm họa sĩ nữa. Mà Dung bây giờ bán vé xe điện, Dung nghiện thuốc phiện nặng, thảm hại lắm!

Ôi Dung. Sao mà tôi nhớ thằng Dung cũng như tôi nhớ cái tàu điện, những kỷ niệm xa xưa của tôi đã già lão, sắp vứt đi cả rồi. Cái tàu điện cũng có sự tích lúc trẻ lúc xế bóng chẳng khác con người sinh ra ở thành phố này. Cái tàu điện mới đi từ Bưởi xuống chợ Mơ. Lúc qua Bờ Hồ thì có đường rẽ về Giám vào Hà Đông. Hơn ba mươi năm sau mới đẻ thêm đường ô Đồng Lâm ở Kim Liên lên ô Yên Phụ. Đường tàu điện đầu tiên ra đời năm 1899 - khi tôi được sinh ra thì tàu điện đã ở tuổi hai mươi, hai mươi tuổi thanh xuân hơn hớn, cái về tàu điện tôi được nghe kể và tôi đã hát suốt thuở tấm bé.

... Thằng Tây ngồi nghĩ cũng sành

Sinh ra tàu điện chạy quanh phố phường

La ga thì ở Thụy Chương...

Cái ngày khai trương tàu, cưới tàu mới linh đình sao, Tây mở tiệc nhảy đầm ở chỗ đình Thụy bên hồ Tây. Các cụ kể: khánh thành đường tàu điện các làng được một tháng đi tàu không mất tiền vé. Cả vùng Bưởi chúng tôi lên ngồi tàu điện xuống đi chơi Bờ Hồ. Cái câu cuối bài về tàu điện chẳng biết là mĩa mai hay ba lơ: Năm xu ngồi ghế đệm bông. Hỏi mình có sướng hay không hả mình?

Thanh niên thì không thèm lên tàu điện khi tàu đổ, mà chúng tôi rún chân lấy dáng lả lướt nhảy tàu xuống tàu khi tàu đương lượn vào hay đã rời bến.

Thế mà cái tàu điện đã rong ruổi đến tận khi Hà Nội chống Mỹ. Báo động cứ việc, tàu chạy suốt ngày, qua các phố Hàng Than, Quán Thánh, cạnh nhà máy điện - trọng điểm máy bay Mỹ thả bom. Cái tàu vẫn chạy. Chỉ còn người lái tàu, người bán vé tàu và mỗi một người hát xẩm, không biết sợ là cái gì, cứ ngắt ngư trong lòng tàu nghêu ngao cất tiếng hát giữa tiếng bánh xe rít trong đường sắt, tiếng chuông leng keng âm âm và tiếng bom rơi.

Rồi cái tàu điện về già. Cái tàu cái toa được tấu tán đi rồi mới bóc đến đường sắt. Nó cũng như cái cầu Long Biên, mấy năm đau yếu sau bao nhiêu trận bom đạn, thì đến cái tàu điện rách rưới, tả tơi nhất. Nó ốm cả tinh thần lẫn thể xác. Chẳng ai thiết nó nữa, chẳng ai ngó ngang chữa chạy cho nó nữa, chẳng biết số phận còn bắt rật rờ thế này đến khi nao.

Những tiếng leng keng âm âm đã hết hơi, không còn giục giã vui tai như thời xưa. Mà nó rè rè như những con cóc đêm kèng kẹc nghiêng răng gọi mưa. Các ông lái tàu thì say bia, say rượu tối ngày. Tay ông cầm cái mở máy bằng đồng đã mòn vát. Tàu đến ngã tư Hàng Khay, Hàng Bài thì đổ. Chỉ vì những nơi ấy ven hè có quan bia hơi nhà mậu. Ông khóa lại số không rồi rút cái trùy đồng xách xuống đứng uống đôi ba vại bia, mặt dần dần đỏ lựng. Có khi đến chợ Mơ, đỗ lâu đợi khách thì cả ông lái, ông bán vé cùng xuống làm chén nước trắng, lại châm điếu thuốc lò ngồi lơ mơ.

Cái tàu điện lại giống như bà lão đã mỡ ra rồi còn làm đóm. Cũng chẳng phải tôi còn nhớ đến Dung đâu. Mà một hôm tôi chợt nghĩ: "Cái tàu đương ốm thập tử nhất sinh thế kia cũng xuống lỗ đến nơi rồi. Ta đã đi

tàu từ thuở bé, thuở trẻ, bây giờ ta đi một chuyến tàu điện đổi già xem sao. Có còn nhảy tàu lên xuống được không nhỉ?". Chỉ nghĩ chơi đã thấy ngượng. Thân già này mà trở tài diệu nghệ thì chỉ có đưa chân vào bánh tàu mà thôi.

Chập tối hôm ấy, uống vài bia ở bờ hè Hàng Khay rồi, tôi làm cuộc du lịch lên cái tàu điện ngàn xưa. Người bán vé tàu như đứng sẵn rình tôi, chớp tôi. Người ấy hiện ra trước mặt tôi, giọng khao khao mơ hồ: "Tiền vé! Tiền vé!".

Trông đích là thằng Dung! Không thể nhìn nhầm không thể sai được mặc dầu đã khác lạ hẳn. Khuôn mặt cháy xị, tái xám, môi nhờn bóng, cửa tay áo về vệt đen nhầy. Rõ một con nghiện già. Chẳng ra thằng Dung một mảy nào, nhưng cái sẹo ở thái dương bên trái thì vẫn đỏ tía như đồng xu úp vào, nguyên như thế như người tù khổ sai chung thân thời trước bị thối chữ lên mặt.

- Dung đấy hả? Có phải Dung không?

Người ấy ngược đôi mắt đục lờ lơ nhìn tôi rồi lại cất giọng cũng rè rè ùng ùng:

- Vé nào! Tiền vé!

Tôi đưa đồng tiền vé. Lão ta bỏ vào túi áo vét rồi lù rù quay vào, trong khi tôi còn hỏi với... Có phải Dung... có phải...

Biết làm thế nào. Chán đến không còn muốn nhận ra nhau nữa.

Tô Hoài

(1) Sĩ cut (Scout): hướng đạo sinh.

Mục lục

⋮

Tôi có việc đến Phnôm Pênh. Thời kỳ 1962 phức tạp, ở Phnôm Pênh có cả hai tòa đại diện ngoại giao miền bắc và miền nam Việt Nam. Gần Sài Gòn quá, nếu lộ tông tích, e xảy ra bất trắc. Phải làm thế nào, nhờ khi la cà quá xá không ai biết là người ở Hà Nội tới. Bộ đồ mùa thu mới pha len xanh nhạt, túi áo vét cài mảnh khăn trắng nhỏ, bắt chước làm dáng kiểu Sihanuc, thời đó thịnh hành ở Phnôm Pênh. Tối ấy, chơi sà n nhảy bè nổi Trăng Sáng trên sông Mê Công. Giữa trời nước, giả vờ thôn dã. ánh điện vụn ra, mờ mờ trắng suông. Từ chỗ này đến chân cầu Chang Va, nhấp nhô, óng ánh những sà n nhảy, những quán ăn trên sóng.

Người ta vừa ăn, vừa nhảy, vừa nằm ngời rủ rủ trong những ngăn buồng vách bên sà n. Tôi ngồi một chỗ, nghe sóng ì ọp dưới chân và ngoài kia sáng trắng- trắng giải lặn tăn như mắt lưới.

Một cô gái nhảy đến ngồi bên. Mụ Tú Bà, chẳng biết người ta hay người Tàu, mặc áo "xường xám" xanh, bước thon thót như con châu chấu ma. Sai phái con em đến với khách, mụ đã sắp cổ cả.

- Mời anh...

- Không nhảy nhót gì đâu. Cút đi nhé?

Nghe mắng yêu và thấy tôi tợp cả ly rượu mạnh không pha đá, cô gái nhảy tỏ vẻ hiểu rồi.

- Em ngồi với anh vậy.

- Cứ đi, lúc nào nhảy mời hăng lại đây nghỉ chơi.

"Anh đuổi em thật à. Cảm ơn nhé?". Tiếng cảm ơn chưa dứt người đã đi thoảng ra đằng trước. Nó chỉ mong có thế. Nó đã lĩnh tích kê ghép đôi với tôi, giờ lại được đi tìm khách, nhận tích kê tiền lần nữa. Có lẽ chúng nó bảo nhau hay mụ áo xường xám đã khéo để mắt, một cô khác vẫn đến.

- Cho em ngồi hầu anh.

- Cứ việc.

Một lát, không thấy tôi nói gì, nó bảo:

- Cho em đi nhé ?

- Cứ việc!

- Cảm ơn anh yêu.

Nó đi luôn. Nhà hàng đã tính một suất, lại được đi tìm khách. Lãi quá. Có đứa vừa ló ra, tôi đã hất tay. Nó cười nheo, đi ngay. Lại đứa khác.

Chẳng sao, đàn cá mại mại đến rìa mồi. Chắc tôi được tiếng chơi sang nhất hội đêm nay rồi.

Cô này khuôn mặt quen như đã gặp ở đâu. Thoáng hiện về như gần mà như xa, dáng dấp một người chết đã lâu. Vong hồn cô Đạm Tiên nào đêm nay theo nhau đến tận chốn sông nước chân mây này. Tôi im lặng. Cô gái mặt trái xoan nhẹ nhõm. Nếu không gặp ở đây không thể tưởng là một cô gái giảng hoa.

- Sao anh cứ nhìn em thế!

- Xin lỗi em.

- Em mới có lỗi. Không biết anh đến, em mặc dơ thế này thì không phải với anh.

- Chẳng sao.

- Anh đưa em về nhà thay đồ rồi em mới dám ra với anh. Anh lái cho em, em ở gần đây thôi.

- Anh mới bên Singapore sang, chưa mua xe.

Tôi đâu biết Singapore chốn nào! ấy là tôi đã được nghe kinh nghiệm đến Phnôm Pênh tỏ vẻ sành sỏi thì phải nào Casino núi Bokor dưới Kampot, rồi bãi tắm Kép, rồi nơi ăn chơi "Kép nhỏ" trên sông cách đây vài cây, rồi ông Sihanuc mới thuê từ Pháp về trưng bày cả phòng ba bức tranh của danh họa Buffet. Rồi bản ca khúc mới nhất của ông Sihanuc về Phnôm Pênh, rồi... Bấy giờ Singapore sống hoa lệ, Hồng Kông không bén gót. Nói ở Singapore về, làng chơi thềm rõ rã, mà gái chơi thì lác mắt. Quả nhiên bài thuốc Singapore nghiệm tức thì, cô gái nhìn tôi, mắt đăm đăm, thuần hơn. Ôi chao, sao mà nhớ ai kia, sao mà nhớ.

- Em ở đây?

- Em mới lên.

- ở Sài Gòn?

Cô gái nhảy mím cười, cúi xuống, nhắc ly rượu của tôi, uống một ngụm.

- Em theo người ta di cư vào nam. ở ngoài ấy, em đi nhảy các đồn biên thù, Tiên Yên ra Hà Cối, Đầm Hà... Anh biết Hà Cối chứ? Đến khi tụi Tây vào Sài Gòn, nó hợp đồng đem chúng em đi. Được ít lâu, Tây

cút về nước, cho rơi luôn, thế là bơ vơ.

- ở Sài Gòn làm ăn còn được.
- Anh chưa biết à? Dưới Sài Gòn nó cấm các "ba" rồi. Anh cũng người ngoài à?
- Bao giờ hết loạn mới được về với mẹ cái hĩm.
- Không che được mắt thánh đâu. Anh ở Hà Nội vào.
- Em đẹp lắm. Em giống một người ngày xưa của anh.

Cô gái lung linh mắt, cười.

- Hay là người ta đấy?
- Người ta chết rồi.

Nhưng cô gái đã khẩn khoản:

- Em có thằng em ở phố Hàng Giày. Hôm nào anh về cho em gửi nó mấy chữ. Đời em gian truân lắm . . .

Lát sau, tôi về cùng với những ông chủ tiệc đã tha tôi đến đây. Tôi ôm người gái nhảy. Chúng tôi hôn nhau, hôn thật. Nước mắt cô ấy mặn mặn trên môi. Cuộc chia tay phút chốc đâm ra não nùng.

Sài Gòn giải phóng được ít lâu, thành phố vẫn còn ngổn ngang những phân vân, những ngõ ngàng. Ngày trước tôi đã từng qua lại nên không lạ mắt lắm. Có vài dinh cơ và nhà cao tầng mới còn thì đại để vẫn thế. Đường xe lửa điện không còn những cột đèn cột điện từ đầu thế kỷ vẫn đứng như những bộ xương người sụn lợm khòm vì bị chằng chịt cơ man từng nạm dây điện vắt qua. Còn nhận ra nhà hàng Thanh Thế xưa đầu tiên bán kem Nhật và cái tiệm cơm chay vẫn chật chội thế ở trước ga xe lửa Mỹ, cánh cửa và bàn ghế xám xịt màu nước dưa.

Tôi rồi rôi, thỉnh thoảng ngồi xích lô rong phố.

Tôi hỏi người đạp xe:

- Quảng Ngãi vô hả?
- Chưa biết Quảng Ngãi ở đâu. Nghe bố con kể quê Quảng Ngãi thôi.
- Làm ăn thế nào?
- Cũng vậy vậy. Bây giờ khó nhiều. Các ông giải phóng không đi xích lô, các ông bảo vì thương người lao động, thế thì chết mẹ con rồi.

Tôi cười ha ha.

Mặc nhiên, cậu xích lô đời bố quê Quảng Ngãi ấy với cái ông Bắc di cư dờm cứ chuyện với lên với xuống thoải mái râm ran cả đường. Tôi hẹn cậu ấy vài hôm lại đến Thanh Đa gọi tôi đi dạo một vài cuộc. Đôi khi, ghé quán làm châu bìa 3 con 3 còm. Tôi rủ, nhưng cậu xích lô không dám vào. Chắc e ngại có thật ông này dân di cư hay thế nào.

ở đường Đồng Khánh, ở chợ Đũi, chợ An Đông, những tiệm nhảy, những nhà hàng đều còn đóng cửa nghe ngóng. Máy quán bìa tạm bợ lấp ló quầng ánh đèn không hắt sáng ra đến vỉa hè.

Quán ấy ở chợ An Đông. Trong tôi có cái chán chường, chán mà vẫn đi, đi chơi kiểu lấp số như thế. Bìa chai con hổ, con báo hay con ba ba, lời mờ quá, nhưng mỗi khách vào thì cứ tự nhiên, một cô em đến bên cạnh, nửa đùa nửa thật làm quen.

- Anh cho em uống với.

- "Con hổ" nhé.

- Dạ.

Cô ấy đã bưng ra chai bìa và ly trà đá. Cung cách thế biết là đi làm quán bìa không công, chỉ ăn vào khách. Chốc nữa, những ly trà rồi tính với chủ thành một chai, hai chai, ba chai... Cũng như cái tích kê vào "ba" ở Phnôm Pênh ấy mà.

Ô hay, tôi lại thấy cái cô gái nhảy ở Phnôm Pênh tối năm trước bảo là có cậu em ở phố Hàng Giày. Cô đến ngồi với tôi. Tôi vẫn nhớ, mà tôi cũng đã quên rồi. Cái khuôn mặt hao hao ai ở tuổi mười tám đôi mươi dường như chỉ tưởng ra thế. Cho được ngậm ngùi thôi.

Hơn mười năm rồi, cô ấy bây giờ ốm hom hèm, mặt phấn nhưng cái cổ để mộc, ngẩng lại, nổi vằn mẩy đường gân xanh. Mùi nước hoa, xà phòng thơm không át được hơi thở tanh tanh. Đêm xưa, cái hôn nước mắt trào xuống, chứ không phải người này.

- Anh mới vô?

- Bên Đa Kao thôi .

- Em cũng ở Đa Kao.

-Người như cua bò biết sao hết.- Rồi tôi hỏi trống không.

- Di cư à?

Cô gái buông một tiếng nhặt thếch.

- Không.

Chuyện tỉ tê, lông bông lảng nhăng. Cô không nhận ra tôi. Khách làng chơi, làm sao nhớ được. Thế cũng nhẹ mình.

Mấy năm sau, đôi ba khi lại vào Sài Gòn. Nhưng không nghĩ đến chợ An Đông. Cũng thường chơi nhởi vậy mà ít đi ăn. Món ăn Bắc ở đây tuy được chuộng nhưng quà Bắc sai vị Bắc, đậm ngán. Thịt rửa mặn phải có da có mỡ, chẳng này là đĩa xương rửa mặn, nước lợ như đường.

Những ngày cuối thu miền bắc hình như cũng làm cho trời đất phương nam dịu đi. Gió hây hây, những đốm lá me vàng rụng lăn tăn. Mát mẻ đôi chút, hay nghĩ đến thịt chó. Chúng tôi đi quán thịt chó Huế ở Lãng Ông- có người mách quán ấy cũng như quán bà cô đầu già ở hẻm đường xe lửa gần chợ Đũi, những nơi còn ăn được. Nhưng thịt chó Ba La, Phủ Lỗ chứ, sao lại Huế? Chậc, thì cứ đi xem nào.

Chữ "Thịt chó Huế" sơn vào mảnh tôn treo bên gốc cây me cổ thụ, trước cái lều vách tôn, mái tôn, lá me rụng xuống đã bao nhiêu năm, dày kệp, mục đen như những mái rạ thời nào ở các làng miền bắc. Cơ chừng mà rúc vào cái hang cái hốc này chén món cầu nhục có khi lại hay.

Nhưng những cái trước mắt đã làm cho chúng tôi ỉu dần. Hai chiếc bàn trống hốc. Bếp núc đằng sau vách, thấy làn khói than đước lên xanh len lét. Dưới gầm tấm ván bên, có đến ba bốn nhóc lằm lụi chui ra. Không biết chúng rúc vào nghịch hay ngủ trong ấy. Toàn con gái, ba đứa, bốn đứa, đứa nào cũng tóc xoăn xù, có đứa da đen nhẻm. Chưa hết, đằng sau nhà, tiếng búa, tiếng dao lạch xạch chặt củi, đụng vào vách tôn, kêu kênh kênh. Có tiếng người đàn bà đương rít lên, rửa: "Chúng bay chết đi! Chết hết đi!".

Biết có khách, bật im. Một người đàn bà bước ra, tay còn cầm cái roi lò ô. Chao ôi, lại người ấy, vẫn người ấy. Đời người ta, nhiều sự đã qua không nghĩ đến thì nó cứ trở lại như những ám ảnh không dứt ra được. Nàng đã tã lăm, lão lăm, không còn chút nào hao hao giống ai, mặt trề xuống, má hõm lõm lõm, mớ tóc phi dê lơ phờ.

Người đàn bà đơn đả:

- Chào các ông, mời các ông.

- Đã bán mở hàng chưa?

- Văng hả? Hôm này rằm. Chỉ có khách tri âm, tri kỷ, khách nghiện mới đến thôi.

- à...

- Thịt chó Huế có gì hay nào?

- Hay lắm. Các nơi khác thì chỉ bảy món, ở đây mười bốn món ạ, thứ thiệt. Chính gốc chứ không phải giả cây như các ông bắc leo cây đậu. Các ông ngồi, mời...

Câu nói dài dòng tưởng không thể chấp nổi kịp về con người, cuộc đời với giọng kể lể. Có thể coi như câu chuyện làm quà, để đưa đẩy, để bán hàng, để lấy cái kiếm sống, biết thế nào. Lúc thì bảo là ở Hà Nội, lúc thì di cư, lúc thì quê đâu đâu, cái mà tôi trông thấy từ năm là gái nhảy ở sòng bè Trăng Sáng bên Nam Vang, rồi cô bia ôm chợ An Đông, rồi bao nhiêu năm sau, lặn lội đến quán thịt chó Huế mười bốn món này. Trước mặt đây, một lũ lĩ con gái, đứa da nhòe, đứa đen bóng, lêu đêu, tóc xoắn tít. Đằng sau con người ấy, còn gì nữa?

Chỉ một thoáng đã lần lượt bày biện các thức ra đủ. Thế mà khoái mắt, người xơi thịt cày thích ăn uống trật tự, quy củ món trước món sau. Lũ trẻ con lố nhố ấy mà được việc. Bưng bê từng món, hơn cả món chó Hà Nội bây giờ xô bồ, khách vừa gọi đã lia ra cả thực đơn, chưa có đĩa bún, đã ngốt mắt bát rửa mặn, đúng rửa mặn. Mỡ và bì tiết ra một thứ nước sền sệt màu mỡ chín quánh như mỡ. Bát sáo bốc mùi xương hầm, không ngọt lợ nước dừa. Đích thị tay nghề thịt chó Cầu Đơ Hà Đông. Chứ kiểu cách nơi khác làm thế nào được. Sáo này thế là xài tốt, vậy cũng chưa vắng người thiện nghệ, người sành. Cái ngày rằm chén thịt nặng thì xúi quẩy, thế mà vẫn có khách tới ngồi bàn bên. Hai ba con chó dự trữ lực đục gặm xương dưới gầm nhà, gầm phàn. Lũ trẻ con - mấy đứa bé nhất đã ngồi lên ván từ lúc nào, trố mắt hau háu nhìn sang khách như thèm ăn, như xem vô tuyến, còn hai nhóc đứng trực cửa bếp, chuyển món vào. Lúc đã bưng đến bát sáo và đĩa bún, thế là xong, mấy mẹ con cùng bước ra.

Tôi bảo:

- Ngồi uống vui với bọn này. Chẳng mấy khi...

Chị ngồi vào ngay. Tôi hỏi:

- Uống tối chứ?

Vẫn nhớ đêm ở sàn nhảy trên sông Mê Công cô đã uống chung với tôi ly "uých ky xếch". Cái hôn nóng nhày nhựa. Tôi cảm tưởng môi cô ấy thế. Nhưng mà môi nào chứ không thể cái môi trề của mẹ gà rù rúm ró này. Sàn nhảy bóng nhoáng khác cái cũ chó, cho nên nhớ mà như không, tội thế.

Tôi nói :

- Thịt chó này được.

- Ba tôi truyền nghề đó.

- Rửa mặn kiểu bắc.

- ông làm như quê ông cái gì cũng nhất. Còn khuya!

Hai con mắt mu bào húp húp chăm chăm nhìn tôi.

Cái tối hôm ở Singapore về, "pôxét" cái "mùi xoa" trắng mốt mới, nhớ không? So với bây giờ thì người ấy đã tã đã gà rù lằm, gà rù lằm rồi, không nhất nữa đâu, đừng có vênh. Tôi lặng người như nghe ai chửi rủa ở đâu. Làm vẻ quên đi, quên rồi, nhưng mà cái câu rủa rói "gà toi, gà rù, gà tã" mà tôi vừa thầm nghĩ về nó, bây giờ nó quăng đập cả vào mặt tôi, tím mặt tôi. Không còn "như con bướm lượn vành mà chơi" đâu nhé, tôi ời là tôi ời. ầy con người có thói thường ít tự biết.

Một chiếc xích lô lọc cọc nhô vào đồ dưới gốc me ngoài cửa. Thành linh thằng bé xích lô quê Quảng Ngãi nhô vào. Nó nhìn tôi, nó reo lên:

- Chào bác, bác đến...

Một ông bạn cầm chén, hướng vào tôi:

- Nhận con, mà nhận con mà đi. Cái thằng này bạc như vôi. Ngủ với người ta rồi quên. Hề, hề, hề... Mà đã nghe hết mẹ mà xỉ vả ba mà về cái tội lòng thông. Đích đáng, đích đáng. Mời các ông, mời bà, mà nữa, một chén tái hồi Kim Trọng nào.

Thằng bé xích lô ngẩn mặt nghe giọng ông say lè nhè. Tôi thấy nước mắt người đàn bà lã chã. Bỗng nghe văng vẳng cái câu năm xưa: "Đời em gian truân lắm" như vừa nói vừa khóc. Tôi tưởng là quả thật tôi đã có ăn nằm với người ta. Chén rượu Hóc Môn hần hoi mà sao vị nó cài cài không đậm như mọi khi.

10-1995

Mục lục

⋮

GIA TRUYỀN, CỔ TRUYỀN, ĐẶC SẢN

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

:

Tối 19-4, khi mới trở về Hà Nội, tôi hay la cà đi tìm lại người quen và vài người bạn cùng lứa tuổi. Tôi đến nhà người bạn ở cuối phố gần chợ Đuối. Cùng đi với Nguyên Hồng. Tới cửa, Nguyên Hồng nhìn vào rồi hỏi tôi:

- Mày quen thằng bồi tiêm này ở tiệm hút nào đấy?

Tôi cười: “Bạn cũ thôi. Không phải nó nghiện đâu” Nguyên Hồng không vào, anh sang ngồi chờ tôi ở quán nước chè tươi bờ hè bên kia. Tôi bảo nó không nghiện cũng như Nguyên Hồng đoán nó nghiện, cũng là trông mặt bắt hình dong, bởi vì trước kia thằng này cũng gầy quắt queo, nước da mai mái như thằng bồi tiêm chuyên hút sái thuốc của khách bỏ lại.

Tôi quen nó từ khi tôi còn ở làng. Nó là con một bác làm đề lại trong phủ lý. Bố làm “lại” là thầy cò, dắt mối kiện cáo. Nó thì làm “nho”, chuyên luân quần quanh công đường, hóng người có việc vào cửa quan viết đơn thuê, ngày cũng kiếm được dăm ba hào. Tôi không biết nó lúc làm “nho” cửa phủ, mà đến khi nó làm thơ và biết tôi có viết văn viết báo, nó tìm tôi làm quen. Ngẩng lên trước nhà, thấy treo cái bảng: “Vân Vân Tử xem tướng tay phương pháp Ấn Độ. 5 đồng một quẻ”.

Bên dưới có cái bảng nửa sơn hàng chữ: Lớp dạy làm thơ. Có nhiều thi sĩ danh tiếng đến giảng. Cam đoan ba tháng làm được thơ đăng báo. 15 đồng một khoá (đóng tiền trước)

Nó nhớ ra tôi ngay.

Tôi hỏi đùa:

- Xem bói và dạy làm thơ việc nào kiếm được hơn?

Biết tẩy nhau từ thời trứng nước rồi, chúng tôi trò chuyện hể hả. Nó nói:

- Việc nào cũng cần thiết. Ấy thế mà nghề bói lại ra tiền hơn nghề thơ.

Nó cho tôi biết ở trong Hà Nội nó làm thơ, ký là thi sĩ Tiên ông, năm ngoái mới in tập thơ Đại Dương Kinh hay “kênh”, tôi không hiểu nghĩa là gì. Tháng sau, tôi lại đi qua phố ấy. Thấy ngoài cửa đã bỏ cái bảng dạy làm thơ. Cái bảng “Xem tướng tay” vẫn nguyên thế với tên của thầy tướng Vân Vân Tử, nhưng sơn đổi một dòng: Xem tướng tay phương pháp học được ở bên nước Tích Lan Tây Trúc...

Tôi bước vào. Người tiếp tôi không phải là nó mà là cái ông to béo, lần trước đến tôi đã gặp. Ông là

người thuê cái buồng liền với nhà ngoài. Ông to béo nói:

- Sừ ấy đi rồi.

Rồi kể: ông ấy xuống Hải Phòng đi tàu há mồm vào Nam.

Tôi hỏi ngra đùa nửa thực:

- Ông dọn ra nhà ngoài theo đuổi nghề Vân Vân Tử?

Ông to béo cũng cười, nhưng cãi:

- Sừ ấy học nghề tôi thì có.

Làm thế nào biết được ai học ai. Có lẽ đoán được vẻ mặt dửng dưng của tôi, lão nói:

- Cho biết tài nhé. Sừ đưa tay đây moa xem. Tay phải.

Tôi ngửa bàn tay phải cho lão ngắm nghía. Rồi lão thông thả phán từng câu:

- Có tướng lên xe xuống ngựa đây. Nhưng là có tiếng hơn là có tiền. Mười năm nữa có cái hạn to. Biết trước thế này thì có thể tránh được.

Tôi trả tiền ông. Ông không lấy, và nói: “Xin nhờ sừ quảng cáo hộ mấy chữ lên báo”.

Tôi băn khoăn không biết anh bạn tôi hay lão này là Vân Vân Tử, nhưng khi ra về tôi cũng quên ngay. Bây giờ lẩm nhẩm làm ăn cũng mưu mẹo một cách ác ôn thế này. Chủ nhà ngoài hay nhà hàng xóm đi Nam nếu trước đây làm ăn khá thì chủ nhà trong ra ở, hay nhà hàng xóm sang trưng bảng tên cửa hiệu và buôn bán y chang nhà ấy. Hàng bánh giò trước cổng công ty nhà Đờ Măng ở gần Cửa Nam không còn. Nhưng một hàng nước cũng ở chỗ gốc bàng ấy gần cái bảng: ở đây bán bánh giò Đờ Măng. Dưới Hải Dương có một hiệu bánh đậu xanh ngon ở Hà Nội có một hàng bánh cốm có tiếng. Bây giờ cả trong phố và ngoài bến xe Hải Dương vô khối nhà làm và bán bánh đậu xanh, và hai bên dốc hàng Than ở đây mọc ra hàng chục hàng bánh cốm tên hiệu ghé gắm chữ Ninh bánh cốm) hoặc ở Hải Dương thì vẽ con rồng vàng bánh đậu xanh) có ghi chú đầy đủ... gia truyền năm đời... cổ truyền ba đời...

Sự lập lờ gia truyền này có gốc gác ra đời từ thời tôi gặp thẳng thầy tướng Vân Vân Tử kiêm thi sĩ Tiên ông và lão béo nhà trong ra nổi nghiệp xem bói khi Vân Vân Tử đi Nam.

Những sự lừa bịp ấy vào thời buổi này vẫn thời sự lại còn múa may biến hoá khôn lường. Lâu lâu tôi mới lại đi qua cái phố ấy gần chợ Đuối. Trông thấy ở cửa nhà ông bạn cũ của tôi treo cái bảng to dài ngang gian nhà sơn chữ đỏ: Phở Tôn Nam Định gia truyền. Kính mời quý khách. Tôi đã biết phở gia truyền chỉ là các người bán phở gánh hay làm thuê chứ phở gốc là “ngưu nhục phần” (thịt bò, bánh) của người Trung

Quốc đem sang. Khi tôi còn nhỏ, gánh phở lên đến chợ Bưởi còn là “phở tân thời” cho nên làm gì có gia truyền, có năm đời phở. Tôi cũng tò mò vào xem cái ông coi tướng tay đã đổi nghề mở hiệu phở. Nhưng anh chủ hiệu còn trẻ lễ phép nói:

- Thưa ông, bố cháu về quê rồi.

Tôi không hỏi lại anh ấy, về quê là về quê hay ông ấy đã chết. Tôi hỏi thân mật:

- Ngày trước ông cụ nhà cháu xem bói tướng tay cơ mà, đã bói cho tở, gia truyền gì cái phở...

Anh trẻ tuổi cười ha ha, tay giơ lên, rồi xòe ngón tay ra như đương to tiếng tranh luận:

- Ông có biết hiệu chả cá Lã Vọng không? Chả cá là món riêng của nhà người ta để ăn chơi. Nhiều người khen ngon, rồi mới ra cửa hiệu. Sách đã nói thế, ông biết không? Phở nhà cháu cũng như chả cá Lã Vọng, còn bằng mấy chả cá Lã Vọng. Đời các cụ nhà cháu làm phở, để trong nhà thưởng thức vào dịp tết nhất. Bây giờ đến thời cơ bung ra thì con cái phải mở mang giới thiệu cho trong nước ngoài nước biết món đặc sản dân tộc của gia đình. Khách Tây vào hàng tôi đông lắm, ông biết không? Ý nghĩa khoa học quan trọng cả đấy, có phải không nào?

Anh nói luyến thoắng, thao thao, đệm những câu bình, những câu hỏi: có biết không, có phải không, có đúng không, đúng chứ, đúng không nào... làm cho tôi chỉ ngồi nghe mà cũng gật gưỡng, mệt mỏi xiêu xiêu ngờ như anh ta nói có lý, nói phải cũng nên. Biết không? Biết không? Anh mời tôi ăn một bát phở bò tái mỡ - không làm tái nạm, anh bảo “Nạm là cái gân chứ cái quái gì, chỉ bịp nhau cả” rồi bưng ra bát phở đầy ú ụ. Cũng như mọi hàng phở đều làm bán phở thay cơm “cơm phở”, chứ bây giờ không còn là quà phở nhẹ nhàng, thanh cảnh nữa. Ăn xong, tôi hỏi, anh bảo xin ông năm đồng và tôi trả tiền, anh cầm tự nhiên.

Ở Hà Nội, cái năm tôi mới khoảng lên mười, ngoài phố thỉnh thoảng mới gặp một hàng phở gánh. Ở các chợ Mơ, chợ Bưởi ngoài ô còn lạ lờ gọi phở là quà tân thời. Và chỉ có phở gánh, chưa đâu có hiệu phở. Thằng phở Tốn gia truyền, cổ truyền Nam Định này chắc chắn chỉ từ cái nghề xem tướng tay học lỏm của bố nó mà ra. May quá, không thấy nó lại treo cái bảng gia truyền nghề dạy làm thơ. Tôi thầm nói lờm lờ thôi chứ từ thời thằng bố nó đã vứt cái bảng dạy làm thơ của thi sĩ Tiên ông đi rồi. Và chẳng kể cả cái thời Tiên ông quảng cáo trên báo về cái lớp dạy làm thơ cũng chẳng có ma nào đến ghi tên học. Nghề thơ văn của chúng tôi, tiếng tăm chẳng đi đến đâu, cái miếng thì cũng không ra gì, ai dây vào cho rách việc.

Bây giờ nói về hai chữ “đặc sản” cứ thấy viết, thấy sơn nhan nhản ở các nhà hàng và đăng trên báo. Tôi hãy kể về Hà Nội ngày trước đã, để soi cái gương sáng gương mờ với bây giờ xem sao. Tất nhiên, thuở ấy, Hà Nội bé tẻo teo với dân số đôi ba vạn người, chẳng nhiều hàng quán như bây giờ, nhưng cũng có những nơi ăn uống quen thuộc, phân minh như thịt chó Hàng Đồng, Hàng Lược, chim quay đầu Hàng Gai, nem Sài Gòn và tái lăn Hàng Quạt, ở đình Hàng Vải Thâm, các cao lâu Tàu ở Hàng Buồm... Những nơi ấy được tiếng vì có món ăn hấp dẫn, đấy là cái tiếng tự nhiên, có khéo có ngon thì khách mới đồn rú nhau đến nhưng không có nhà hàng nào ngô nghê vỗ ngực tự xưng là quán “đặc sản”, vẽ vờ quảng cáo một tấc đến

giời khoe loạn lên như bây giờ.

Những cái trò vè này cũng có nguồn gốc cả, cứ như tôi mắt thấy tai nghe thì dường như nó cũng lại được để đái nây nở từ cái thời ông thầy tướng thầy bói Vân Vân Tử và thi sĩ Tiên ông bạn tôi có tập thơ Đại Dương Kinh mà ra.

(Tập văn, truyện ngắn Tô Hoài, nhà xuất bản Hội Nhà văn 2004)

Mục lục

⋮

GIẤC MỘNG ÔNG THỢ DÌU

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

:

Chuyện đoạn này chưa phải là chuyện giấc mộng.

Cách đây hơn bốn mươi năm. lần ấy tôi đi công tác ở Campuchia. Tối nào các vị chủ cũng đưa khách ra nhà hàng, chè chén xong kéo nhau xuống sàn nhảy trên cái bè nổi bên sông Mêkông. Chẳng phải vì các ông chủ muốn làm đẹp lòng khách mà bởi lẽ khách ba chủ nhà bốn, có một khách thì cả mười ông chủ mới mượn có chè chén tiền chùa.

Đêm nào cũng dập dềnh trên mặt nước. Một cô gái nhảy đến ngồi vào bàn tôi. Cô mời:

- Anh ra đi với em vài pa.

Những cô gái nhảy đều là người Bắc dưới Sài Gòn lên. Ở dưới đó các sàn nhảy bị đóng cửa. Gái già Trần Lệ Xuân nhảy đã tả tơi cả người rồi lại hô hào chấn hưng phong tục, xúi lão Diệm cấm nhảy, thế là các ả này phải dạt lên đây kiếm cơm.

Cô gái cười cười:

- Sàn đây rung lắm, em đưa anh mấy bước mới quen được. Anh biết nhảy chứ?

Một lần ở Leningrat, một cô gái Nga đã dạy tôi: chỉ cần cần bước không dẫm vào chân người ta thế là biết nhảy. Tôi bảo ả gái nhảy:

- Biết chứ không dẫm chân người khác...

Ả mời tôi ra sàn, thì thào:

- Không dẫm chân em đừng thúc đầu gối lên bẹn em, thế là nhảy giỏi rồi.

Rồi sau tôi có cảm tưởng tôi biết nhảy, nhảy kèn là đẳng khác. Nhưng cũng chỉ đến Trung Á, đến Mông Cổ, đôi khi đã lằng lằng mới dám ti toe. Có Platon người Nga đi dịch cho tôi, Platon uốn lượn dẻo như múa. Platon bằng tuổi tôi, tôi bảo Platon:

- Ở Việt Nam người ta thường hỏi tuổi để đoán người. Mà y với tao tuổi khi, chân tay vờn nhẹ nhàng nhỉ con khi.

Thế là tôi chẳng cần biết bài gì điệu gì, kèn trống đàn sáo ra sao, tôi nhảy theo miếng võ không dẫm

chân người ta, không thúc lên bẹn người ta!

Ô hay, chứ sao, thế giới đã chẳng có nhạc sĩ nổi danh chỉ hát cho người khác ghi nhạc và chú thần đồng Trần Đăng Khoa thì đã viết ra thơ từ khi chú chưa biết làm thơ đấy sao!

Câu chuyện đến đây thì tôi đã như mê ngủ, tôi nằm chiêm bao.

Thời buổi này có những chuyện chẳng đâu vào đâu mà ngon ăn. Đọc báo Công an Sài Gòn, thấy ông phóng viên gọi cái tên thợ dìu thật là hay, sáng tạo cực kỳ. Thợ dìu là cái trò dạy nhảy đầm, gọi là ông dìu dắt thì lại nghiêm mà không hẳn đúng việc, chỉ dùng một chữ dìu thì vừa, lại lảm nhĩa đen nhĩa mờ. (Dạ đánh quần vợt cũng là nghề đương đắt khách, giúp cho người ta bớt mỡ, nhưng tên gọi nghề này chưa có chữ hay nhủ thợ dìu). Tôi đương đi thơ thẩn quanh hồ Thiên Quang, lấp lánh nhà hàng, tiệm nhảy một góc sáng đèn, trưng cái bảng to tướng có chữ Ha le cờ-lốp. Trời, con cháu mình sống trong đất nước độc lập mới hơn nửa thế kỷ mà đã nhăng ca sự tích những nông nổi đau khổ. Cái thằng thực dân đốc lý Halais ngày trước ngồi lên đầu ông bà ta ở thành phố này đã bị xóa đi đã lâu lắm rồi, lại ở Sài Gòn: ở Đà Lạt bây giờ mọc ra những tên nhà hàng Tonkin (Bắc Kỳ), Indochine (Đông Dương, Đông Pháp) - những cái tên tũn nhục thòi mất nước. Thôi, nhớ những chuyện này thì buồn, mà tôi thì hình như đang muốn vui. Cái cảm tưởng tôi đương có thể là, tôi vẫn là thợ dìu: tôi vừa trông thấy ánh đèn lóng lánh ông thợ dìu ngày xưa lại trở về ám ảnh tôi, lạ không. Phải, tôi đã từng nhảy, tôi biết nhảy.

Tôi bước vào ánh điện xanh đỏ rối mắt. Trong ấy người đông như nê-m cói. Con mắt “nghề nghiệp” của tôi cũng phải thất kinh. Thế kia thì giẫm vào chân người cặp đôi, giẫm cả vào chân người xung quanh nữa.

Một cô gái váy hồng, môi tím bước ra.

- Bố ơi! Bố đi tìm cậu cả nhà bố hả?

Tôi gật gù về chịu chơi:

- Tao thợ dìu đấy chứ.

Cô gái liền thoảng:

- Thế thì thôi, chín giờ sáng mai bố đến với các ông các bà tập dìu nhau. Bây giờ chỉ có chơi thôi. Bố trông người ta nhảy có loạn hơn thời các bố không?

Tôi ngồi vào cái bàn trống góc ngoài.

- Bố uống gì?

Chắc là ả này vừa làm “hối thánh” vừa quản gia.

- Cho tao cốc Fanta.

Ả nói năng một cách lễ phép ồm ồm, đã khiến tôi hoá ra ngay là cụ chuột nhắt mà nó là con mèo cái, con mèo vờn lão chuột nhắt lử là gần chết. Lại còn nói:

- Bố vào ôn lại vài pa xem thế nào.

Thế là ả xốc ngay tôi đứng lên. Quả là dữ tợn quá. Cả một sàn người cứ hò hét thui nhau, đập nhau, vật nhau chẳng thấy nhảy nhót gì cả. Tôi hắt hơi, nghẹn cổ, ngạt thở. Ả lại lôi tôi ra từ lúc nào. Tôi cố mím môi cười:

- Tao sắp chết đây, biết không.

- Em phải nắm vai bố mới kéo bố ra được đấy, chứ bố mà ngã xuống, chúng nó xéo lên thì bố chết thật. Bây giờ bố chuẩn thôi.

Rồi ả nói lem lém:

- Để em tính tiền đã. 50 ngàn đồng công em làm thợ dìu. 20 ngàn cốc Fanta (mà tôi chưa uống ngụm nào). Cốc bố bao em là cốc nước lã, em không tính em biếu bố. Cả thảy bảy mươi ngàn đồng.

- Tao dìu mày đấy chứ?

- Thôi thôi, trong túi bố có bao nhiêu thì bỏ ra. Đương vội đây.

Tôi vừa giơ ra tờ hai mươi ngàn đồng, ả giựt lấy lờm một cái rồi quay phắt vào.

Tôi ngược mắt. Tôi bỗng lại thấy tôi đương lững thững ngoài bờ hồ. Từ lúc ấy, tôi nghĩ mãi mà không nhớ đã có khi nào tôi đi tìm ông thợ dìu, có phải không?

(Tạp văn, truyện ngắn Tô Hoài, nhà xuất bản Hội Nhà văn 2004)

Mục lục

Lời Tác Giả:

Chương I:

Chương Ii:

Chương Iii:

Chương Iv:

Chương V:

Chương Vi:

Chương Vii:

Chương Viii:

Chương Ix:

Chương X:

Chương Xi:

Chương Xii:

Chương Xiii:

Chương Xiv:

Chương Xv:

GIẢNG THỀ

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Lời Tác Giả:

Tiểu thuyết Giảng thề tôi viết năm 1942, ở Thủ Dầu Một bên sông Sài Gòn vùng đồn điền cao su Dầu Tiếng, khi trên phố chợ khi ở xưởng than Bến Ray.

Tình cờ làm sao mà câu chuyện trong tiểu thuyết này ủ ấp sáng tạo ở quê Nghĩa Đô tôi lại viết ra bên rừng bờ sông Sài Gòn xa xôi.

Thế mà cũng thành một nếp suốt đời tôi trong sáng tác. Nhiều khi sửa soạn viết một cái gì, tôi thường đi nhiều nơi.

Tôi đã viết tiểu thuyết Đảo hoang chuyện Mai An Tiêm và quả dưa hấu, những chương đầu viết ở Phai Vệ thị xã Lạng Sơn. Hang Phai Vệ là quang cảnh nhà An Tiêm bị giam trong hang đá trước khi bị nhà vua đẩy đi đảo xa. Tôi lại đã viết đoạn cuối tiểu thuyết Đảo hoang này ở bãi biển nghỉ mát Yalta bên bờ Hắc Hải. Cái núi Gấu và sự tích núi Gấu ở biển Yalta với bóng con gấu yêu thương mà vợ chồng con cái Mai An Tiêm đã già từ để trở về đất liền, sau bao nhiêu năm bị lưu đầy.

Cũng như gần đây năm 1996, tập hồi ký C h iều c h iều của tôi được viết ở Đà Lạt.

Cả đời cầm bút, cũng thành cái thói riêng làm việc như thế. Còn nhớ khi ngoài hai mươi tuổi, tôi vừa in truyện Con đế mèn (về sau viết tiếp và đặt tên là Đế mèn phiêu lưu ký), ông Vũ Đình Long chủ nhà xuất bản Tân Dân đã hợp đồng với tôi viết truyện ngắn cho tuần báo Tiểu thuyết thứ bảy, truyện cho sách Truyền Bá của thiếu nhi, và tiểu thuyết cho sách P h ô T h ông. Tôi đi đâu thì ông gửi tiền nhuận bút qua đường bưu điện.

Vì thế, tôi đã đến được Sài Gòn rồi đi Thủ Dầu Một. Tôi có anh bạn cùng làng đi làm phu cao su đồn điền Michelin ở Dầu Tiếng.

Nhưng đến Dầu Tiếng thì bạn đã đi nơi khác. Anh theo người ta đi làm thợ dệt ở Kampot bên Kampuchia.

Bà con miền Nam đối với người qua lại, dẫu tôi là một “thầy Huế” từ ngoài Bắc vào cũng thật xởi lởi, vồn vã. Chẳng quen biết mà rồi cũng trở nên thân tình. Thế là tôi lại viết tiểu thuyết Giảng thề - một câu chuyện về làng xóm quê tôi.

Bao nhiêu năm sau, đất nước đã hoàn toàn giải phóng, tôi có dịp trở lại Dầu Tiếng. Tôi ở nhà khách cơ quan nông trường cũng trên sông Sài Gòn. Xa xa, núi Bà Đen bên kia rừng vẫn xanh đen. Nước sông vẫn

trong veo, trông thấy từng con cá bơi nhớn nhơ. Tiếng còi nhà máy vẫn rít lạnh lạnh trong đêm khuya. Những người thân thiết ngày xưa thì chẳng còn ai.

Đầu chợ, những tấm bia ghi tên những người trong thị trấn, những chiến sĩ dân quân đã hy sinh từ đầu kháng chiến chống Pháp.

Tôi trở lại Hà Nội, đưa in tiểu thuyết Giăng thề cho nhà xuất bản Tân Dân.

Bây giờ bên châu Âu, nước Pháp đã thua trận, chính phủ Pétain đầu hàng phát xít Đức. Ở thuộc địa thực dân Pháp bóc lột và đàn áp khốc liệt nhân dân ba nước Đông Dương. Chế độ kiểm duyệt của thực dân được đặt ra khắt khe. Chúng gạch bỏ từng đoạn sách, không cho in cả tác phẩm.

Như tiểu thuyết Đêm mùa của tôi miêu tả một làng bị chết dịch rồi lại chết cháy cả xóm. Thế là kiểm duyệt bỏ. Nói đến đất nước, dân tộc, chính trị là phạm pháp.

Tiểu thuyết Giăng thề cũng bị kiểm duyệt xóa từng đoạn từng chương như vậy.

Tiểu thuyết Giăng thề in lần đầu ở Hà Nội năm 1943. Cho tới bây giờ, đã qua nhiều thời kỳ, nhiều nhà xuất bản ở Hà Nội và ở Sài Gòn đã in lại nhiều lần.

Cũng vì thời gian đã quá lâu và nhiều khó khăn khách quan, tác phẩm in ra có nhiều sai sót.

Xin đính chính:

- Ngay lần in đầu, nhà xuất bản Tân Dân đã in lẫn chương cuối lên giữa sách. Do vậy, đương mạch truyện lại có dòng lưu bút kết thúc: Dầu Tiếng (Bến Ray)... Rồi hầu hết các nhà xuất bản, nhất là ở Sài Gòn và Thành phố Hồ Chí Minh về sau đã in nhầm theo như thế.

- Tên tác phẩm, khi đầu là GIĂNG THỀ (không phải là TRĂNG THỀ). Tác giả viết theo tiếng địa phương.

- Lần in này, in theo bản đầu tiên và đã chữa lại các lỗi trên. Riêng một chương (chương VI) bị kiểm duyệt thời thuộc Pháp xóa bỏ (chỉ chú thích tóm tắt trong truyện vì không còn bản thảo).

Hà Nội tháng năm 2005

TÔ HOÀI

GIẢNG THỀ

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương I:

răng thề còn đó trơ trơ

Truyện Kiều

Những vòng bánh quay lọc cọc, rồi đứng lại. Hai chiếc xe sắt đỗ chống đuôi lên và đổ xuống ba người khách. Họ đi về phía dãy phố có lấp ló ánh đèn sáng. Trời tối mịt. Vào tới ánh đèn mới nhận được mặt ba người. Người đi đầu là giáo Hoạch, tiếp đến giáo Kèn và giáo Câu, hai ông này dắt tay nhau. Ba nhà giáo đi hát ả đào.

Ở trong một nhà đầu dãy nhà hát, các chị em trông thấy, chạy xỏ ra, nhao nhao :

- Chào các quan ạ.

- Các quan vào hát giúp nhà em.

- Ơ kìa anh giáo Hoạch. Lâu lắm mất mặt mất mũi.

Hoạch đi vào, như hướng dẫn cho hai bạn. Ra lối ta đây tay thành thạo nhất. Chị em bâu lại, tíu tít. Một chị khêu cái đèn ba dây cho tỏ thêm. Một chị ra khép cửa, dưới nhà bắt đầu lịch kịch đun nước. Ngọn đèn treo giữa nhà, soi sáng ra chung quanh tỏ tường.

Nhà hát là một nếp nhà ngói ba gian, rất xưa, trước sân có hai chậu si và một cái bể bầu dục đựng quả núi giả. Trong nhà, hai bên cột giữa, móc đôi câu đối gỗ mộc, chữ bôi nhòe sơn đen. Tường bên phải, treo một dãy tám cái tranh Tàu vẽ truyện Chinh Tây, cảnh Tiết Đình Sơn bắn hổ trắng vô tình giết bố, cảnh Phàn Lê Huê cả phá Mê hồn trận.. Bên trái, có một bức tranh thực to, vẽ ông Tô Vũ chẵn dê râu dài chấm đất, mặc quần áo rườm rà cầm chiếc gậy đầu hươu có tua xanh đỏ, đứng dưới gốc cây hoa mai, giữa mấy con dê lụ khụ. Rải rác ở góc tường trên đầu cột, có dán những cái ảnh tàu chiến, ảnh ông tây bà đầm cắt ở các nhật trình ra. Giữa gian nhà trước bên cái tủ chè, kê một bộ tràng kỷ và một chiếc án thư. Hai gian bên, hai chiếc giường ghép vào. Một chiếc hòm phản có bốn chân cao lênh khênh, đứng sát tường, phía trong cùng.

Ba quan viên nhà giáo ngồi hai bên tràng kỷ. Ông giáo Kèn ngắm đôi câu đối, giáo Câu ngó cụ Tô Vũ chẵn dê, ông Hoạch tán khướu với một ả. Vừa hay nhà này có ba cô đào rệu. Một cô, cô Muối thì vẫn là chỗ quen biết tri kỷ của giáo Hoạch. Còn cô Huệ và cô Tình, lúc này Hoạch ta hóm hình chia :

- Tôi giới thiệu em Huệ với anh Câu đấy. Còn chị Tình ra quạt cho anh Kèn tôi đi chứ. Chị làm thế nào cho anh tôi cười túm một cái, thì tối nay có thưởng đấy.

Cô Tình đâm vào lưng Hoạch :

- Phải gió cái nhà anh lờm lày, thấy mặt nà thấy tán nhảm!

Rồi ả cầm quạt sang phe phẩy quạt cho Kèn. Kèn im vẩn một điệu ngấm câu đối. Hoạch cười hô hố. Còn giáo Câu, Câu lé mắt nhìn cái cô Huệ mà Hoạch vừa gắp cho anh. Cô Huệ cũng đứng dịch lại gần Câu, cười nụ.

Dưới nhà, nước trắng đã sôi. Ấm, tách lấy ở trong tủ chè ra. Cô Huệ pha một tuần chè Tàu. Khách đương nhắm nháp thì chú kếp vác đàn bước vào. Rồi cô Muối, cô đào hát - là con của chủ nhà - ở nhà dưới đi lên. Người ra mở nhà hát cũng có nghĩa như mở một ngôi hàng tẩm. Chủ nhà này là một ông, có ngón đàn và nghề hát gia truyền. Nhà ông, ông ở gian nhà lá đằng góc vườn dưới. Hát thì con ông hát lấy, chị phải mướn ba cô đào rệu. Hai người con gái lớn của ông đã lấy chồng, trước kia ở nhà, các cô cũng đều là đào hát. Bây giờ còn có cô gái út là cô Muối. Cô Muối mặc áo the thâm, vắn khăn nhiều tây, mình cô gầy, mảnh như chiếc que dóm...

Cô Muối và chú kếp đàn ngồi phản bên. Trống châu đặt trên ghế tràng kỷ. Cô Huệ mời: “Các anh nghe hát”. Hoạch bảo Kèn: “Anh thường trống trước đi”. Rồi anh xoay cái roi châu và cái trống về phía Kèn. Kèn ung dung cầm roi châu. Nhà giáo Kèn, lúc này nom rõ thực đạo mạo. Anh che vạt áo the dài ngồi vắt chân chữ ngũ, lưng hơi khom khom. Một bàn tay bịt nhẹ miệng trống. Một tay rún rẩy nâng roi châu, gõ “độp độp”. Mỗi một tiếng “độp” nẩy, người anh hơi xiêu về đằng trước theo nhịp. Đó là cái điệu riêng của anh, khi gõ trống. Đào hát đến câu nào mà anh cho là nhất, anh điểm trống đổ hồi khen rứt cả cổ lại. Mắt anh chăm chăm, nhìn thẳng, nghiêm như lúc giảng bài học trò. Anh xưa nay vốn là tay chơi đứng đắn, lịch sự. Cô đầu Tình đứng sau lưng, quạt lệ từng phẩy chậm chạp. Tên cô là Tình mà nom chẳng tình chút nào. Con mắt hiếng, hai con ngươi liếc nhau. Đôi môi cong tớn, cộm lại như hai mép lá cải bắp.

Chú kếp dạo đàn “từng từng từng từng” rồi gò vào bài, khi cô Muối bắt đầu gieo phách. Miệng chú kếp méo, tròn, chúm, dài, cổ chú ngoẹo, lắc và cả cái mặt cũng lung lay theo với bàn tay nắn phím. Chú kếp xử cây nhật cao như cái đòn gánh: “Từng từng từng... Từng từng... Phình phình phình...”.

Giai nhân nan tái đắc... ư... Trót yêu hoa... nên dan díu với tình. Má tây hiện nguyệt dải chên chên... Rầu rĩ mấy xuân về oanh nhớ ở... ở...

Cô Muối ngồi hát, chân xếp bằng tròn, tà áo khép kín hai đầu gối. Đôi tay cô mềm mại gõ phách theo nhịp đàn và câu hát. Tiếng cô e é chua như giấm. Mỗi khi đến một giọng cao, cô vươn cái cổ ngắn nổi cộm chiếc gân đũa, khó nhọc như khắc từng tiếng ra một. Nếu không có hai bàn tay dũa

đàng uốn éo với lá phách, và cái tiếng hát nỉ non, nom cô thiếu nảo như người bệnh rét đương lên cơn. Tiếng nhật, tiếng hát, điểm tiếng phách lách cách và tiếng trống châu nhịp bộp bộp. Nghe vui, giáo Câu cũng lạ tai.

Giáo Hoạch và cô đầu Muối đã dẫn nhau ra đàng sân sau tối om. Họ ra ngoài ấy tri kỷ khô với nhau. Hai anh chị đã bắt nhân tình nhau từ lâu. Hoạch cũng là tay cừ mới chớp được cô Muối. Vì nàng kháu khinh nhất nhà này.

Câu ngồi yên, lắng hai tai. Nếu không thế, anh cũng chẳng biết làm gì. Về đường chơi, vốn anh kém. Cũng muốn tán tằm phơ với cô Huệ ít câu, nhưng anh ngại, không biết dọn chuyện thế nào cho được tình tứ. Bởi vậy, anh cứ ngồi thực thẳng người và ngó trộm cô Huệ tí chút. Trông cô ta được mẹ người phốp pháp. Mặt tròn như đồng tiền, cô bận áo lụa nhuộm thiên thanh, quần lụa trắng. Chỉ ngán nổi, cô nói tiếng ồ ồ như người trĩ mũi.

Tiếng cô Muối hát:

... Nước sông Tương một dải nông chờ

Cho kẻ đấy, người đây mong mãi.

Bứt rứt nhẽ, trăm đường nghìn nỗi

Chữ chung tình biết nói cùng ai

Quản chi ư ư... gần bó một hai...

Phình phình... phình...

Khổ hát xong. Kép buồng đàn. Cô Muối ra uống nước. Giáo Hoạch ở ngoài sân vào, tay cặp cánh tay với Muối, âu yếm như đôi vợ chồng. Hoạch móc túi, lấy một đồng bạc đưa cho đào Tình :

- Bảo nó đi mua hai chai bia. Lấy cái đàng cổ vàng ấy. Một bao thuốc lá “ba tốt” nữa nhé.

Tình ra ngõ. Một chốc vào thưa :

- Người ta hết bia, còn có nước “ô-răng-rát”, các anh xơi vậy.

- Cũng được. Cho ba chai.

Mọi người uống nước cam và hút thuốc lá. Chuyện nở như ngô rang. Nhưng riêng Hoạch nói nhiều. Thỉnh thoảng giáo Kền gật gù chêm một câu, ngang như cua bò. Còn Câu chỉ cười. Các chị em ngồi quây lại, tiếp những đoạn khôi hài vụn. Không khí vui vẻ và đầm ấm. Câu đã thấy bạo hơn lúc mới vào. Anh ngồi xích lại gần Huệ, Huệ đánh diêm, châm thuốc lá cho Câu hút. Hoạch trông thấy,

cười phá lên :

- Á ơ kìa, chóng thân nhau nhỉ? Nom đẹp đôi lắm. Anh tôi hiền lành, chiều vợ lắm đấy, khi nào cho ông mỗi miếng trầu đấy?

Huệ cười tí mắt :

- Dơ cái nhà anh. Hãy báo lấy vợ chồng anh ấy.

Giáo Câu chỉ mუმ mუმ. Hai tai nóng bừng. Tàn cuộc uống, khổ hát khác lại bắt đầu. Vẫn cô Muối hát. Cô Huệ mời Câu thưởng trống. Câu lắc. Hoạnh cướp lấy dùi, nói: “Xui chồng đập trống! Có hư hại đồ cho người ta nhé!”. Rồi anh ngồi vào tràng kỷ, đánh trống. Người ta bảo rằng đập trống như Hoạnh mới là kiểu của kẻ ăn chơi. Anh cầm chiếc dùi ẻo lả, khẽ gõ lướt trên mặt trống, vẻ mặt anh tươi tỉnh. Đôi mắt lẳng lơ đã đưa nhìn cô đào hát, khiến cô này thình thoảng lại mუმ mუმ, hát quay mặt ra đằng khác.

Hồng, Hồng, Tuyết, Tuyết... Mới ngày nào còn chẳng biết cái chi chi ư... ư...

Lại hát. Câu lại ngồi yên như phỗng. Bên góc ghế, giáo Kền cũng ngồi ngây, một tay chống cằm, chăm chú nghe. Câu cũng làm ra vẻ để ý, nhưng thực anh chả thích hát hồng chút nào. Hát như mèo cái gào đực, không rõ ràng câu kệ gì. Nhìn cái này, nhìn cái kia mãi, chán. Câu đi lững thững ra đứng ngoài cửa.

Đây là phố xép, như lối một phố phủ hẻo lánh. Con đường ruột phố rải đá, chia đôi dãy nhà khắp khênh, cái chìa ra, cái thụt vào. Giờ này, thường thường mọi nhà trong phố đã đóng cửa. Đường sá tối thui. Cách mỗi quãng dài, mới gặp một vạt ánh sáng hắt ra, đấy là cánh cửa một lò khâu, hay là một hiệu cao lâu có phở xào. Đầu phố, đứng chết rữ, dùm vào nhau, mấy chiếc xe sắt chống đuôi lên không có đèn.

Sau lưng Câu, tiếng guốc lẹp kẹp. Quay lại, Câu thấy Huệ đương đi ra. Anh đứng yên, khoanh tay, vờ không để ý, nhìn lên đầu phố, Huệ cười, nói ỏn ẻn :

- Đứng đây buồn chết. Vào nhà đi anh.

- Trong nhà hơi bức.

- Em quạt hẫu anh nhé?

Câu cười mუმ, không nói gì. Huệ hỏi :

- Chắc anh mới đi cùng với anh Hoạnh lần này?

- Ba anh em chúng tôi là bạn với nhau...

- Là em nói anh mới lên đây lần đầu với anh Hoành cơ!

- Ừ, mới lên lần này. Anh Hoành lên luôn hử?

- Luôn đấy. Anh cũng dạy học à?

- Ừ

- Trường nào thế?

- Trường Hạ Nha.

- À, trường làng Nha. Làng Nha ấy có anh cả Cang, có anh phó Nghiên, rồi anh Ba gì ấy này...

- Quen hả?

- Các anh ấy lên hát nhà em thường liền. Hôm nào đi chợ, em phải xuống làng Nha chơi mới được.
Trường anh ở chỗ nào?

- Ngay đầu làng.

- Em quên mất, tên anh là gì nhỉ?

- Câu.

- Còn anh kia.

- Anh Kên. Anh ấy dạy trường Yên Thượng.

- Tên là Kên? Buồn cười nhỉ? Hút thuốc lá, anh?

Câu xua tay :

- Tôi kiếu. Hút cay xè cả lưỡi. Hôm nay hút nhiều thuốc lá quá. Chúng tôi mới ăn cỗ khao ông Chánh Rụy bên Phú Gia, rồi lên đây.

- Ờ, phải rồi. Nhà chị Xuân đằng kia hôm nay sang hát đám ông Chánh Rụy.

- Đây có mấy nhà hát?

- Có năm nhà cả thầy.

- Ờ, có tiếng tom tom đằng kia. Sao nghe xa xa như nhà hát ở trong làng?

- Không phải! Các nhà người ta ở tận trong giữa xóm, chứ không ngoài phố như nhà em.

- Trống nhà này nghe “bộp bộp” như chặt thịt!

- Trống nhà gạch mái ngói, không ròn được. Vào uống nước, anh?

- Cứ vào trước đi.

Huệ vào một lát, Câu mới dừng đình vào. Hoành hỏi :

- Ông bà làm gì nhau ở ngoài ấy mà lâu thế?

Câu cười thật thà :

- Làm gì đâu!

Cô Muối lại hát một khổ hát mới. Hoành và Kên chuyềnh nhau thường trống. Câu thỉnh thoảng lại chuyện dăm dẩn nhát gừng với Huệ, qua chén nước. Đào Tình vẫn chịu khó ngồi kề bên quạt cho Kên. Chị em, nhất là cô Muối, nhấm nháy, có ý chế cái điệu đứng đắn “hủ lậu” của Kên. Thì cô Tình lại bênh. Cô nói ngọng đặc giọng “tiểu thuyết”. Đầu mỗi câu, bao giờ cũng phải: “Lời” xin “nỗi” các chị chứ, ở cái thời buổi “lầy”... “Em cam đoan nấy danh dự mà lời rằng...”.

Họ léo nhéo bên tai. Kên vẫn ngồi im. Anh chỉ ngồi nghe hát.

Cuộc vui kéo dài quá mười hai giờ đêm. Cô Muối xin phép nghỉ hát, và mời các quan viên ngủ lại.

Nhưng Kên đứng lên, nói thực to :

- Ai ngủ thì ngủ. Tôi về.

Câu về hùa :

- Tôi cũng về.

Hoành tiếp :

- Thì anh em cùng về cả.

Cô Muối nài :

- Các anh ở lại cho vui. Mọi khi các anh vẫn ở lại mà?

Hoành nói :

- Mọi khi là tối thứ Bảy. Ngủ lại đây bây giờ, mai về không kịp buổi dạy. Để khi khác, thiếu gì lúc.

**Rồi Hoành móc bím, lấy tiền chi chầu hát. Chầu hát mất vừa hai đồng, cả tiền đàn của chú kếp.
Đưa hai tờ giấy bạc cho cô đào Muối, anh còn cố ý tóm tay cô ả một cái.**

Ba anh em, khăn đóng áo chùng, chút khăn đội mũ tề chỉnh, ra về. Mấy chị em riu rít tiễn ra tận ngõ. Cô Muối bận áo tấc bịt tà, đi búi lấy vai Hoành. Tay đôi điu nhau lại ở bóng tối, góc đằng kia. Kền bắt tay Tình và Huệ. Chàng giáo Câu cũng muốn bắt tay như Kền. Nhưng ngại. Nhưng rồi Câu cũng tóm tay Huệ, nói :

- “Ô rơ voa” nhé! [1]

- “Ô rờ voa”!

Chú thích:

1. Tiếng Pháp nghĩa là: Xin chào tạm biệt!

Chương II:

ái bàn thầy giáo thật dị kỳ. Xếp theo dãy dài, nó đứng đầu hàng của mười cái bàn dài và mười cái ghế học trò. Riêng nó, bằng gỗ gì không biết, nhưng đen bóng. Còn mười chiếc bàn ghế kia, xương cốt đều bằng gỗ tạp, trắng bệch. Học trò mài chân mài tay lên cái màu trắng đỏ đã nhiều năm, nên nó đã biến đổi. Nó được phủ một lượt cao của các màu mồ hôi, cứt mũi, cứt mắt và nhiều thứ không tên khác. Một lũ bàn ghế nhôm nhếch, xiêu vẹo dựa vào nhau mà đứng. Cho đến cái bàn thầy giáo là tươi nhất, mà cũng ốm dờ. Nói nó què thì đúng hơn. Bàn chỉ có ba chân. Một chân nữa, là một chiếc cọc tre, mà người ta đem chôn cắm xuống đất.

Nguyên đạo năm ngoái, làng vào đám, mượn cái bàn lên đình, đem hát làm bàn vua cho các ông phường chèo. Vua giả cách chạy loạn trên núi, đứng lênh nghênh trên mặt bàn. Một tay gian thần vừa hét vừa nhảy lên toan chém vua. Cái bàn xiêu và... khắc một cái! Một chân nó oặt xuống. Cả hai ông tướng đều ngã bò chông gọng ra. Từ đấy, chiếc bàn đưa về lớp đã bị tật. Người ta chôn xuống đất cho nó một cái chân giả, như thế, cái bàn chỉ có thể đứng mãi mãi một xó vậy thôi. Không xô đẩy được như các đàn em nó là những bàn ghế của học trò kia. Mỗi năm, đến kỳ thi ở trường phủ, người ta lại khênh chúng quăng lên xe bò, đem vào cho các lớp thi mượn mười hôm. Mỗi năm phải một chuyến du lịch miễn cưỡng, nên những cái bàn cái ghế càng mệt mỏi, ốm yếu và mất mát dần. Cái chân lỏng, chiếc chần ngang tụt chốt. Nhiều khi, học trò đang ngồi, tự dưng hai chân bàn buồn bã, giận dữ thế nào rồi rời ra. Mặt ghế sập xuống như cái bẫy chuột. Cả lũ hết vía. Lại lấy gạch, lấy đá gõ cho mấy chiếc chân vào khớp. May, từ trước tới giờ, chưa có chú học trò nào bị què căng.

Hôm nay thầy giáo Câu ngồi bàn, lúi húi chấm bài. Hơn sáu mươi cái đầu trẻ con, đủ kiểu lối nhố trước mặt. Hơn sáu mươi tên học trò, chia làm bốn lớp: a, b, c,бет, tư, ba và cai trị bởi một thầy giáo Câu. Bấy giờ vừa giờ ra chơi vào xong, ở ngoài sân, bọn trẻ đùa nhảy đã chán chê. Mà bây giờ chúng vẫn nghịch. Trẻ con chẳng bao giờ biết im miệng, im chân, im tay. Chúng nói rì rầm. Chúng đá ngăm nhau dưới gầm bàn. Chúng chen, huých cánh tay. Có những đứa chọi đầu vào nhau, làm như chọi trâu. Chúng văng tục và chửi nhau. Đứa khóc, đứa mếu, đứa cười. Bàn ghế cũng hòa nhịp cọt két rền rĩ lên. Lớp học lúc nào cũng lao xao, rì rào như có một đàn ong bay qua. Chốc chốc thầy giáo Câu gõ cái thước lấy lệ, bởi thầy cũng đã quen cái ồn ồn ấy. Bút mực đỏ vẫn mãi miết gạch, xóa, phê.

Bỗng ở ngoài bàn xế cửa, một đứa đứng dậy :

- Thưa thầy, có...

Thầy ngẩng đầu lên. Anh học trò chưa thưa hết câu, thầy cũng biết là thưa gì. Bởi ngay lúc ấy có một cái

đầu ở ngoài cửa thò vào. Câu bông bút, đi ra. Tưởng người nào, hóa ra vợ anh giáo Hoành. Chị Hoành mặc áo cánh nâu ngấn, quần xắn móng lợn. Một bên nách ẵm thằng bé con. Đầu chị chưa vấn, tóc quăn túm lại, bù xù như cái ổ rạ trên đầu. Giáo Câu hỏi :

- Bác đi chơi đâu xuống đây sớm thế?

Chị ấy khóc meo máo :

- Tôi lại còn đi chơi đâu nữa! Sung sướng thế ư...

Rồi chị vén món tóc lò xo xòa trên mặt. Hai mắt chị đỏ ngầu. Nước mắt có sẵn nhiều quá, cứ tuôn rùng rùng. Vẫn meo, chị kể lể :

- Người ta đi suốt đêm cho đến sáng, rồi về nhà, người ta gây sự với tôi...

Câu sừng sốt :

- Chết chữa! Sao lại như thế? Ra cái anh này...

- Khốn khổ, bác còn vờ, nhà tôi với bác Kên ở nhà ông Chánh Rụy đến chín giờ, rồi đi đâu, đi đâu?

Câu cãi :

- Tôi nào biết bác ấy đi đâu!

- Người ta bảo rằng nhà tôi được xóc đĩa, có tiền, rồi đi chơi cô đầu phở phủ với hai bác. Nhưng bác mà không đi, thì nhà tôi rủ người khác, tôi còn lạ gì. Trời đất ơi... phen này thì đến tan cửa nát nhà mất thôi... hic... hic... hic...

Câu toan nói điều gì đó. Nhưng chị Hoành vừa khóc hu hu, lại ùng ùng chạy ra. Đứa con lóc xóc ngật ngưỡng kêu chơ chơ. Những người đi ngoài đường, thấy lạ, nhìn ngơ ngác. Có mấy đứa trẻ trong xóm đã rủ nhau chạy theo.

Câu nhìn hút chị Hoành, trong bụng tấm tức nghĩ cái về người đàn bà cả ghen và lảm điều. Anh đứng bần thần một lát, chợt quay lại. Thì đã trông thấy sau lưng có đến mười cái đầu lơ lơ thò ra cửa sổ. Có đứa nhút nhát lè một nửa mắt. Có đứa nghịch quá, leo tót lên ngòai chòm chòm trên cửa sổ. Thấy thầy giáo, chúng tụt vào nhanh như biến mất. Cả lớp chợt huyền não tựa một cái chợ đương buổi họp đông. Đứa thì phồng má, trợn mép làm tuồng. Đứa uốn éo làm xiếc. Những đứa trẻ bé bị bắt nạt, khóc om sòm. Được văng thầy một lát, chúng cuống cuồng múa may, hò hống như một lũ rồ. Thầy giáo Câu vào, những cảnh nghịch ngợm đương diễn dở. Anh xách mấy tay đầu bò lên, đét cho mỗi tên bốn thước kẻ bằng vào hai bàn tay. Một lát sau, đã êm cả. Lạnh lạnh tiếng đọc bài.

Thầy giáo vẫn cầm cái thước kẻ dài như cái đòn gánh, đi bách bộ dọc chiều lớp. Anh đi như vậy, không biết bao nhiêu lần. Tai nghe học trò đọc, Đôi chốc dừng lại để bảo mấy đứa đánh vần trắc, nhưng đầu anh vẫn mãi nghĩ loăng quăng chuyện khác. Anh nghĩ chuyện cái nhà chị giáo Hoạch ban nãy. Chắc hai vợ chồng anh ta mới sinh sự to. Anh thấy bùi ngùi, hơi hối hận, và ngượng. Vì sự rắc rối kia sở dĩ mà có, chỉ bởi cái đêm vui thú nhà trò con hát vừa rồi. Đã đành anh chồng nóng và cục đánh vợ là không nên. Nhưng chưa chắc đã phải.

Bởi vì cái máu ghen của chị đã có tiếng ghê gớm ngang máu ghen của cô Hoạch Thư trong truyện Kim Vân Kiều. Đã bao nhiêu lần chị nhảy xuống ao chỉ vì chuyện ghen tuông bóng gió. Khi anh Hoạch lên Phú Gia làm hương sư, chị cũng theo lên và hai vợ chồng đã có với nhau bốn đứa con.

Tưởng mỗi tuổi thì cái tính hổ lửa kia mỗi dịu xuống. Ai ngờ càng ngày càng ghê. Mỗi lần nghe chồng có “tiếng” gì, chị nhảy chồm chồm, chị giãy đành đạch, chị nằm nhuôi đứ đừ như bị bóp cổ. Rồi chẳng ồm ỉe ch hết, chị cũng đắp chiếu, nằm rên ầm ầm. Chị rửa rới chồng ra rả suốt ngày. Suốt đêm, chị khóc chị kêu, chị kể lể, như giá mất tiền mất bạc cũng không bằng. Phải anh chồng là cái thẳng cục, cứ to tiếng là lại nện nhau.

Mà tính anh lại hay lăng nhăng, tự cho là mình số đào hoa có nhiều gái mê. Các nhà giáo quanh đấy cười nhạo và có ý trách Hoạch không biết giữ tiếng cho giới hương sư. Nhưng Hoạch cũng có lý của anh. Anh cho rằng đàn ông ai chả mê gái, chẳng qua là bọn ấy kém, lại làm bộ đạo đức giả. Anh không cần gì hết. Anh cần gì! Cũng như cái trận vợ chồng cãi nhau choảng nhau hôm qua hôm nay, cũng chỉ là những trận đòn đánh quen thuộc. Vợ chồng thì lúc yêu lúc ghét thế thôi.

Song, nếu chỉ thế thôi với giáo Hoạch, lại không với giáo Câu. Vợ chồng Hoạch sinh sự với nhau, nhưng không lôi thôi đến anh lại đi một nhẽ khác. Bởi vậy, từ lúc vợ Hoạch bỗng con đến, nhà giáo ta cứ bần khoản. Gì, chứ rắc rối chuyện đi hát ả đào thì tai tiếng lắm đây.

Mãi suy nghĩ vẫn vợ, đến giờ tan học, vẫn chưa tô vớ xong cho mấy đứa lớp bét. Anh sai đánh trống, và cho tan học. Minh anh ngồi lại, làm nốt. Ngoài cửa, những tiếng reo hò ầm ĩ, tản ra xa, lặn vào các ngõ xóm. Những đàn chim sẻ, qua cơn sợ hãi, lại mon men nhảy xuống cửa sổ kêu tặc tặc. Ngoài sân có tiếng “rắc rắc” một vòng xích xe đạp và tiếng chuông “kính coong”. Câu chạy ra. Giáo Kền đeo kính trắng, mặc áo the, dận đôi giày tây có cổ. Ghếch xe, nhà giáo hỏi :

- Lúc nãy, vợ Hoạch sang anh không?

- Có.

Câu hậm hực kể lại câu chuyện vẫn bực mình từ ban nãy.

Kền cười, nói :

- Người ta ở đời cũng phải biết điều một tí chứ. Chẳng đầu đuôi xuôi ngược thế nào đã nháo đi khóc lóc kể lể, trách móc. Tôi mới đồn cho chị ta một hồi. Tịt rồi lủi. Chắc ở tôi ra thì ả sang đây. Buồn cười thực, làm như anh em mình lôi kéo chồng ả đi chơi không bằng. Mà anh em mình cũng can hãn mãi.

- Tôi chỉ ức cái nỗi ấy. Ờ, làm sao vợ hãn biết được?

- Thế này chứ. Hãn đánh bạc được mấy đồng xóc đĩa nhé. Lúc ba đứa kéo đi, cả đám cổ trông thấy. Cái trò ở đời người ta hay hót chuyện. Đêm họ đi làm cỗ giúp về, chỉ nói qua bờ rào một tiếng với vợ hãn, người ta kháo nhau. Ai còn lạ cái thói ghen tuông của ả. Chồng về, thộp ngực, nói lải nhải. Chồng tức mình mới cho một mẻ. Nghĩ ngầm người ta ở đời cũng hay. Nhưng chỉ buồn một nỗi họ lại ngờ oan cánh mình rủ rê.

- Rồi làng nước người ta biết. Tôi cũng chỉ cáu vì thế!

- Có rồi hơi mà cáu thừa. Ai biết mặc ai! Kia, ta về chứ? Tôi về trước nhá? Kia quên mũ hả?

Câu đáp :

- Tôi đi đầu trần cho mát.

Cứ kể giáo Kền nói câu: “Ai biết mặc ai!” cũng là phải. Nhưng chỉ phải riêng với Kền. Bởi xưa nay thì Kền cũng có cần gì ai. Anh là người vùng xuôi, lên đây dạy học. Anh thuộc lớp giáo làng cổ, có bằng tuyển sinh, đỗ cả chữ Hán và quốc ngữ. Năm nay anh ba mươi tư tuổi.

Hơn ba mươi năm dằng dặc đời anh tóm lại như sau: Ông cha mẹ lấy vợ cho từ khi đầu để nóm hoa roi. Đi thi tuyển sinh, anh mười tám, vợ đã có mang, người quắt như cái que, mà ngẫu nhiên vác cái bụng thúng. Khi sinh, cả hai mẹ con chẳng may chết. Năm sau, nhà cưới cho anh cô vợ khác nhưng lại tính toán lồi trừ hao, lấy người lại lấy việc nhân thế, cô này hơn anh bốn tuổi. Nó ở với chồng được hơn một năm, rồi nó tếch đi mất. Ba năm sau, Kền lại được mẹ cưới cho cô vợ khác. Rõ rã cạp lại đến lần thứ ba, không cưới xin hãn hoi gì. Người vợ này đàn quá. Mẹ Kền chửi đánh suốt ngày. Không chịu nổi, nó lại ăn cắp quần áo, dồng mất.

Ít lâu sau, mẹ chết, Kền đâm ra chơi bời. Có một ít ruộng, anh bán vào chiếu đỏ đen hết sạch. Kền cũng có hai người anh. Nhưng của ai phận nấy, bố mẹ rành ra cả rồi. Kền túng, đồng xu không còn dính túi. Kền buồn, Kền cắt tóc đi tu, trốn côi đời khổ não. Kền tu đâu được hai năm, nhà chùa cho xuống tóc nhưng rồi làm tiểu anh lại vác cái đầu trọc đi uống rượu thịt chó, nhà chùa đuổi về, từ đấy tâm tính anh thay đổi nhiều. Người ta bảo anh cáu hắp. Có người bảo anh gàn có lẽ đúng hơn. Anh sinh làm thơ, rất nói chuyện thơ, làm thơ. Anh xưng biệt hiệu là Tri Mệnh. Nhưng người ta quen gọi anh là anh Kền, xừ Kền hay là ông “Người ta ở đời”. Bởi thường nói câu gì, anh cũng bắt đầu rằng: Người ta ở đời... Ông “người ta ở đời”, bỏ quê, lên Yên Thượng dạy học. Ông ăn cơm trọ. Ông ở một mình. Ông có cái xe đạp tróc sơn như màu đất, thỉnh thoảng đạp đi chơi chỗ này chỗ kia. Lương mười đồng, cũng nhì nhảnh đủ tiêu. Không phải nuôi

ai, chẳng chơi bởi gì, có thể gọi là phong lưu. Ấn sĩ Tri Mệnh có làm một bài thơ tự trào bát cú theo lối “thủ vĩ ngâm” để vịnh cuộc đời ngót nghét bốn mươi, rằng:

Ta cũng như ai, chẳng kém đời.

Cũng xen cười khóc, cũng đầy vơi.

Gia đình tạo lập bao lần mối.

Hoa nguyệt rong chơi thực đủ vời.

Chân cảnh trần duyên theo cửa Phật.

Vui vì con trẻ Khổng môn chơi.

Hỏi ai đã sướng như ta nhỉ.

Ta cũng như ai, chẳng kém đời.

Ừ thế thì giáo Kền còn có cần gì ai. Mà cũng chẳng ai hơi đâu xói móc đến hản ta. Nhưng giáo Câu thực không thể vô lo như thế. Đi hát cô đầu. Vợ Hoành ghen chồng, đánh chửi nhau om sòm. Cái mặt giáo Câu ê lằm. Câu chưa yên bề gia thất như Hoành. Câu không dám nhét thiên hạ vào một bên lỗ mũi như Kền. Ấy chỉ vì nhà giáo ta mới có hai mươi tuổi.

Bấy giờ giáo Câu đã nhẩn nha đi về đến đầu xóm, tay xách cái đồng hồ chấm cầm vuông to bằng cái bát đản. Một bà già ngồi trong cửa, khung cửi đương quay suốt vè vè, ngó thấy nhà giáo đi qua ngõ, liền hét vào trong nhà: “Mười một giờ rồi đấy!”.

Ồ, nhà giáo đi về có buổi cũng như cái đồng hồ của người ta.

GIẢNG THỀ

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương Iii:

iáo Câu không phải là người làng Hạ Nha nhưng đến đất này làm thầy giáo, cách thức ăn ở, cũng không khác giáo Kền đến bên Yên Thượng mấy. Thế thì, tối hôm qua anh đi hát ả đào trên phố phủ, anh cũng chơi bời một chút, đã sao. Không, không, Câu nghĩ, Câu không thể ừ liêu như vậy. Ai biết thì biết, chứ đến cô Miến mà cũng biết thì hồng hét. Nhà giáo thở dài thườn thượt một cái, lòng nao nao khi nghĩ đến chữ “hồng hét”. Cô Miến mà biết? Hồng hét thực.

Câu chuyện cô Miến cũng chẳng có gì nhưng nói lại từ gốc, cũng hơi dài một chút. Nó bắt đầu đã ngót hai năm nay, từ ngày Câu lên Hạ Nha dạy học. Ngày ấy, Câu đương năm nhà. Nói là thất nghiệp cũng chưa hẳn đúng mà cũng là đúng. Thi Sơ học Pháp Việt xong, anh không còn được cấp sách đi trường nữa, và cũng không biết làm ăn nghề ngỗng thế nào. Đương khi lúng túng, có anh bạn cũ, anh Diễm, về đón Câu lên Hạ Nha làm hương sư, làng Diễm đương khuyết chân giáo làng. Nhận lời, Câu lên ngay. Diễm là người làng Nha. Diễm chỉ học dở dang đến lớp nhì, rồi ra Hà Nội học thợ máy. Anh có vợ đã có ba con. Đứa lớn nhất lên bảy. Cả nhà ở với mẹ và một thằng cháu, con người anh của Diễm.

Vợ chồng bác này, mùa hè năm trước, chết bệnh tả, để lại một đứa con nhỏ cho bà và cho chú nó nuôi.

Lên Hạ Nha, Câu ở trọ nhà Diễm. Khi ấy, Diễm còn làm ngoài Kẻ Chợ. Mỗi Chủ nhật, Diễm về nhà một lần. Năm sau, Diễm xin được việc làm tốt tiền hơn, trong sở Ximăng dưới Hải Phòng. Diễm đổi xuống Phòng, đem vợ con theo, nhưng để thằng cháu và thằng con lớn nhất ở nhà với bà. Nhân thế để “nhờ bác giáo Câu dạy cho ít chữ”. Từ khi ấy, Câu ở nhà bà Thiêm - một bà bên họ ngoại. Bà già còn khỏe. Bà cùng hai cháu thối cơm ăn với cậu giáo. Thỉnh thoảng, có thư của Diễm ở dưới Phòng gửi về, nhà giáo lại đọc cho bà lão nghe.

Vợ Diễm là con một nhà khá giả trong làng. Trước cũng nghèo rớt mồng tơi, sau được có máu mặt, là vì một việc tưởng như duyên phận thế nào. Năm đó, nghề làm lĩnh lựa canh củi ế quá, nhà nào cũng bữa đói bữa no. Trẻ con, kém ăn vàng cả mặt ra. Người ta bỏ làng đi cũng lắm. Nhà bác Khán Tịnh lâm vào cảnh nghèo nhóc. Chị Khán để chồng với lũ con mọn ở nhà, lần ra Kẻ Chợ, xin được chân gánh nước máy cho một hiệu khách bán bánh ngọt. Chẳng biết duyên số thế nào, một chú khách làm bánh tăng tịu với chị. Đôi bên ăn ở với nhau tự nhiên. Chị Khán lấy chú khách, cứ y như là gái son rồi, chưa có chồng bao giờ. Chẳng bao lâu, chú khách cũng ra mở một hiệu bánh nhỏ. Nhỏ, rồi lớn, chẳng bao lâu nữa, đã thành ông chủ giàu có. Nghiễm nhiên, chị Khán Tịnh thành vợ chú khách có tiền chục tiền trăm ra vào trong tay. Sung sướng tẩm thân, nhưng lúc nào chị cũng nhớ đến, cũng lo cho đàn con và anh Khán ở quê nhà.

Anh Khán chẳng bao giờ hay biết gì - hay là biết mà cũng cho qua và chỉ biết như trời cho cái nhà anh

Khán Tịnh đương nghèo thăm thê, bỗng hóa ra đủ bát ăn, rồi lại giàu lên. Chị ta đem của cải về nhà. Chị gầy dựng cho mấy đứa con. Hai người con gái lớn cũng ra Kẻ Chợ lấy chồng khách, đều khá giả. Anh con trai ở nhà quê, mua nhiều mua hương hào đảng hoàng, không phải đi phu phen tạp dịch như dân bạch đình. Làng nước trầm trồ, khen chị Khán khôn ngoan. Cái lạ là chú khách bánh ngọt kia vẫn có khi về làng chơi, ngồi ăn cỗ uống rượu với Khán Tịnh. Chẳng biết chú khách có biết nói năng thế nào không, chỉ thấy cười hề hề. Người làng đồn chú bảo chú đem được bác Khán gái đến là lấy được thần tài vào trong nhà, thế là có tất cả, chẳng cái gì hơn được nữa.

Đương vận tía, thế nào mà chị Khán Tịnh ốm, rồi chết. Chị không được đưa con nào với chú khách bánh ngọt. Chú khách làm ma, chít khăn trắng theo phong tục quê, đưa về tận làng. Đám ma có kiệu đựng ảnh, có kèn có đàn sáo và hai con ngựa tràm vải đen kéo xe tang, linh đình to nhất hàng tổng từ xưa đến nay.

Nhà bác Khán Tịnh mất một tay kiếm của. Nhưng cũng không hề, vì sự khá giả đã ngồi vững từ lâu trong nhà rồi. Hai người con gái ở Kẻ Chợ càng giàu. Khi vợ Diễm lấy Diễm, bác Khán Tịnh qua đời đã lâu. Nếu bà ta còn sống, chắc chị này cũng được lối ra Kẻ Chợ, gả cho khách trú. Cái sự tích trường giang của một gia đình kéo dài ra đến ba bốn mươi năm đời này đến đời khác, vợ Diễm cũng chỉ lơ mờ biết về những ngày lưu lạc sung sướng của mẹ mà thôi.

Vợ Diễm là con thứ ba. Sau chị còn một cô em nữa, cô Miến là út. Cô này mới lớn. Trong nhà, bây giờ cũng không còn phong lưu như ngày trước. Miến quay tơ làm hồ. Đôi khi, cũng xách dây đi chợ bán lĩnh, cô làm giúp anh Ba Biên. Cũng có vốn riêng đấy, nhưng cô để dành cho vay lãi. Ông Khán Tịnh đã ngoài bảy mươi vào tuổi già nhàn nhã. Ngày ngày ông che cái quạt nan lên đầu, ra ngồi quán, uống bát nước chè tươi. Thỉnh thoảng, hôm nào vợ chồng Ba Biên hay là cái Miến đi chợ vắng, ông mới nhúng tay vào quay dậm tơ, có khi đánh cái suốt cho thợ dệt cười.

Khi vợ chồng Diễm còn ở nhà chưa xuống Phòng, thường chiều ngày phiên chợ lĩnh thông thả, Miến vẫn hay đến chơi nhà anh chị ở xóm Giữa. Nhà ở xóm Lẻ, qua xóm Giếng xóm Giữa rồi mới ra cầu Phượng qua sông. Vì có đó mà giáo Câu biết cô Miến.

Đầu tiên, nhà giáo cũng không để ý. Thì cô Miến đôi khi lại nhà bà Thiêm láng giềng, cũng như lũ trẻ con bên hàng xóm, thường thậm thọt đến chơi, vốn tính Câu ưa ru rú một mình, lại hay giữ ý tứ không làm bận rộn đến ai.

Một buổi trưa Chủ nhật, Câu nằm trong nhà. Tình cờ, Miến tới chơi. Vợ Diễm và cô Miến, hai chị em đứng nói chuyện ngoài bậu cửa. Câu nghe thoáng vắng đưa vào tiếng cười khúc khích, tiếng thì thảo. Cô Miến nói to :

- Bác ấy nhát như cáy. Trông thấy đàn bà là đỏ hai dái tai.

Vợ Diễm suyt :

- Khẽ chứ, con ranh!

Im bật. Thoáng bóng mờ trên vách Câu biết có người nhòm vào. Anh vội vàng nhắm hờ hai mắt, cố cất tiếng ngáy kho kho.

- Bác ấy ngủ thật mà.

- Câm miệng đi. Mày chỉ hay nói vớ vẩn.

Nằm trong giường nghe thoáng chuyện của hai chị em, mặt Câu cũng đỏ dừ. Giá Miến nhìn vào tận nơi, hẳn bắt được quả tang anh ta đỏ mặt. Đích là họ nói mình. Chao! Anh ta nhút nhát quá, nhút nhát đến nỗi cô Miến cũng phải chê. Cái tính nhút nhát, anh không thể giấu vào đâu được.

Từ hôm ấy, mỗi lần gặp Miến, nhớ đến mẩu chuyện của cô ta nói vụng mình, Câu lại thấy như mặt xạm đo đỏ. Dần dần, Câu cũng nhận được ra cô Miến là một cô gái đẹp. Rồi Câu thấy cô đẹp quá, đẹp lạ lùng, đẹp nhất làng, mỗi khi trông thấy thì mắt hoa lên. Nhất là vào những khi Tết mồng Năm, Rằm tháng Bảy, Miến mặc cái áo vải rộng nâu non, thắt hai vạt trước lại thành quả găng. Má cô đỏ hây hây. Hai con mắt sáng ngời. Khi cười, đôi bên má lúm xuống đồng tiền.

Xem chừng, không phải cô Miến không có cảm tình với Câu. Mỗi lần đến nhà chị, gặp Câu, miệng cô chúm chím, lúng túng: “Lạy bác giáo”. Đôi má hồng phơn phớt. Có khi Câu còn bắt được những khóe mắt cô liếc trở lại, lúc đã đi ra khỏi đầu ngõ hay là những lúc Câu đứng bảo học trong lớp ngoài trường. Trường ở xế bên lối đi lên chợ, chỉ cách một bãi cỏ. Bên kia đường, sông Tô Lịch bèo Nhật và cỏ nước mọc rậm cao ngút đầu. Đứng trong lớp, ai đi bên ngoài, đều nhìn thấy rõ. Gần trưa, Miến thường cắp rổ đi chợ.

Vào quãng giờ giấc ấy, Câu hay thắp thò nhìn ra. Miến đi qua, dáng cao cao, tay cắp rổ, tay ve vẩy dịu dàng. Miến nghiêng nón hơi nhác vào trường. Nếu thấy Câu, nàng làm như trông thẳng nhưng miệng lại mუმ mუმ ra lối chào ý nhị. Câu đứng lui lên đầu lớp, trông theo cho đến lúc bóng Miến đội nón khuất vào lùm cây nhãn bên cầu.

Cuộc tình không lời, qua khóe mắt và miệng cười tươi, mơ màng kéo dài. Cho đến khi hai người yêu nhau thật Không biết lời đầu tiên người ta nói ra với nhau ở trường hợp thế nào. Bởi vì những lời nói, những cử chỉ đẩy hai người vào mến thương nhau, đã đến từ bao giờ.

Họ thân nhau hơn. Một hôm, trong một câu chuyện, Miến cười, gọi Câu bằng cậu. Cậu giáo, tôi bảo cậu giáo... Câu mê mê nghe câu gọi. Trong bụng anh, như cồn cào nhốn nháo, nghẹn cổ không nói được. Ôi, từ nay Miến không gọi ta bằng “bác”, không “chào bác, lạy bác” nữa. Cái tiếng bác quê quê xa xôi nặng chịch... Và Câu cũng đã nghĩ ra được cách gọi Miến thân hơn. Mọi lần thì: cô Miến, cô Miến đến chơi với cháu hả?... Cô Miến có đi chợ, làm ơn mua giùm tôi... cô Miến... Bây giờ anh Câu cứ gọi cộc lốc là Miến. Êm ái biết mấy... Miến này, Miến có đi bán hàng phiên chợ lĩnh này đấy chứ?... Có, cậu ạ... Trên đời,

không còn lúc nào thương yêu hơn, lúc hai người nhìn mặt nhau, khẽ nói những câu vẫn vợ như thế. Nhưng mới chỉ là gọi nhau vụng trộm. Trước mọi người, vẫn cô vẫn bác như mọi khi, chẳng ai dám thốt ra một câu tân thời rằng: tôi yêu Miến lắm, tôi nhớ cậu, cả đêm không chợp mắt.

Giữa khi ấy, vợ chồng Diễm cùng hai đứa con nhỏ xuống Hải Phòng. Ở nhà, chỉ có bà Thiêm, thằng Vật, với đứa con đầu của vợ chồng anh, là thằng Ném. Và Câu.

Cô Miến vẫn đến như mọi khi. Cô đến có ý và cũng có cớ, ấy là những buổi xế trưa, đi chợ qua nhà bà Thiêm, Miến tạt vào cho bà Thiêm gửi tiền, nhờ cô mua rau. Trong một tuần, đã thành lệ, cô gặp thầy giáo Câu ở nhà vào buổi trưa thứ Năm và ngày Chủ nhật. Hôm nay là thứ Tư.

Chỉ trưa mai Câu lại được gặp Miến.

Khốn nỗi, dường như cái chuyện đi hát ả đào tối hôm nọ, đã lan khắp các xóm. Chết một cái, giá vợ chồng giáo Hoạch không làm ốm tởm lên thì cũng chẳng ai đã biết. Bây giờ cả bốn bên làng xóm người ta nói giăng giăng.

Sáng hôm nay, Câu ở trường về, gặp Hương Kiệu. Hắn cười hềnh hếch: “Tối hôm nọ, các ông hát nhà đầu Muối trên phố phủ phồng?”. Giáo Câu trả lời lừng lờ “Phiền quá!”. Hương Kiệu tán gạ: “Cần gì. Thời buổi này, cũng phải chơi bời tí tình chứ? Hôm nào tôi rủ ông nhá?”. Câu cười gượng.

Thế là cái tích chơi bời đi hát cô đầu tai tiếng quá lắm rồi. Ôi chao, ngày mai thứ Năm. Miến đến đây, ngộ Miến mà cũng biết chuyện này, thì thực chết, nhà giáo biết chui đi đâu. Nếu Miến hỏi, thì trả lời thế nào.

Chương IV:

hứ Năm, Câu dạy học buổi sáng, chiều nghỉ.

Buổi trưa, ăn cơm xong, Câu vác cái gáo dừa, thằng Nấm lế mế xách chậu, hai thầy trò ra ngoài cầu ao tắm. Dội ì uàm một lúc, thực mát mẻ thỏa thuê. Nhà giáo về, mang cái ván gỗ và miếng xà phòng ra đầu sân, ngồi cời trần, giặt giũ. Quần áo, anh giặt lấy.

Anh chẳng đem lên phố chợ giặt là bao giờ. Không biết ai đã bảo người ăn chơi có quần áo mà đưa thợ giặt là, nhiều cái hại lẫn. Biết đâu trước khi giặt, chúng nó hãy mặc của mình một tua cho chán chê đã. Thế là các thứ vi trùng lậu, tim la, ghẻ lở của nhà thổ, ả đào cứ việc lây sang hết. Rồi chúng nó đem nhét cả vào nồi, nấu sôi sùng sục. Quần áo có phải là củ măng đâu mà ninh cho dừ! Rồi cứ thẳng cánh vò, cào, chải bằng bàn chải tre bàn chải sắt, chẳng thương gì vải. Quần áo giặt là, hồ bột cứng, mặc cũng oách thực, nhưng được mấy nả là đi đời.

Giáo Câu chưa mặc quần áo là bao giờ. Mới thấy thiên hạ đồn đại thế, chứ cả hàng tổng hàng huyện này cũng không đào đâu ra có một hiệu thợ giặt. Dạo nọ, nghe nói trên phố chợ cũng có nhà treo bảng giặt là nhưng được mười hôm, vắng tanh, lại hạ bảng xuống.

Giáo Câu giặt lấy. Nhà giáo xát xà phòng lên áo, khẽ vò những cửa tay, viền cổ có đống ghét, anh dùng móng tay cái, khẽ cạo gượng nhẹ. Vò xong, anh bỏ đồ giặt vào cái chậu sành, bưng xuống cầu ao. Giũ thực kỹ quần áo cho khỏi hơi xà phòng khét. Khoảng một chút lơ vào chậu. Dúng áo vào cái nước xanh xanh ấy, đem phơi thực căng trên dây mây. Cái quần thì anh lồng miệng cạp vào mảnh tre chữ thập, phơi lên như treo đèn kéo quân. Hết nắng, quần áo thực khô anh lấy xuống, gấp nếp, vuốt thực phẳng. Rồi nhà giáo lót tờ nhật trình, để áo xuống dưới chiếu nằm. Qua một đêm ngủ, quần áo đẹp cứng. Mai đã có bộ đồ trắng bong, đủ nếp gấp ngang dọc đẹp mắt chẳng kém đưa hiệu giặt là cái chắc.

Phơi phóng xong tinh tươm, Câu vào trong nhà, ngó đồng hồ. Hơn một giờ. Câu cuống quýt. Giờ này Miến sắp đi chợ qua. Vội vã, Câu mặc áo. Cái áo sơ-mi vạt ngắn vạt dài, có một túi chéo trước ngực cổ thì vênh ra hai cái tai. Bà Thiêm vẫn cười thầy giáo có cái áo tân thời khác áo khách, áo gì mà hai vạt so le như cái yếm rã trẻ con. Nhưng đấy là tấm áo mời diện của nhà giáo. Ngoài giờ lên lớp, chỉ khi nào đi chơi đâu, Câu mới xỏ tay vào cái sơ-mi ấy. Áo mặc xong, Câu cầm chiếc gương tròn bé xíu, soi mặt. Mấy sợi tóc bông xõa lượn phướn, anh lấy lược miết tóc xuống. Anh ngó ngoắt sang hai bên. Chững lăm. Cái sơ-mi trắng. Cái quần tây đen. Đầu mượt. Chân đi guốc. Anh bước ra hiên, nhìn ngoài ngõ.

Gian hồi bên trái bà Thiêm đương ngồi quay tơ, bà ngủ gà. Chốc bà lại buông ống, trể miệng xuống, đầu

ngật đi một cái. Chiều nay được nghỉ học, thằng Nể đã chạy đầu chơi từ lúc nào. Thằng Vật đến tuổi học làm đã đi ở làm thàng học dẹt cửi, chiều tối mới về. Nhà vắng teo. Thoáng ngoài vườn, nghe có tiếng gà con lích tích kiếm ăn.

Câu vào trong vại gạo, vóc một nắm, đem ra vườn. Chốc nữa, Miến có vào, Câu đã đứng lơ mơ làm như sẵn ngoài vườn. Khuất cái giậu nửa và một giàn trầu không trong vườn chẳng trông được lên nhà.

- Chích chích... Bập... Chích, bập!

Từ bốn góc vườn, trong những bụi sồi, bụi ớt, mấy chú gà con lắt nhắt nhón nhón chạy đến. Sau cùng là một mụ gà mái. Cả mình xám ngắt, hai chân trắng bệch, bộ lông vàng khè. Chắc vừa dũi ở một đống đất nào ra, mụ giữ hai cánh, bụi bay mù. Rồi mụ cong đuôi, cúi xù cái cổ “cục cục” tất tả rảo cẳng tới bên đàn con. Một lũ gà nhỏ, với một gà mẹ, hong hóng vây quanh nhà giáo, đợi bụng cái nắm tay gạo xuống. Con nhóc nào cũng bị bôi phẩm xanh đầy đầu. Đếm chưa đủ gà tới, Câu lại “chích bập” gọi nữa. Không còn một con nào đến thêm. Ban ngày, đàn gà tản mác đi kiếm ăn ở các mảnh vườn xung quanh. Và lại, đây cũng là một bữa ăn bất thường, không phải như mỗi sớm mai. Chúng không quen lệ. Đàn gà của nhà giáo còn đông hơn nữa. Cả thầy, một đàn gà ấp, hai mụ mái đang đẻ, ba mái tơ và bốn chú gà trống choai. Đổ đồng, mỗi tháng cũng được ngót hai chục trứng. Trước kia, đến phiên chợ, Câu lại nhờ thằng Vật đem trứng lên chợ bán. Được hai xu thuê, nó sượng run. Bây giờ, ngày phiên, cô Miến qua, đem trứng bán giúp. Nhà giáo thấy có một cái gì thú vị trong cử chỉ ấy. Thằng Vật ra lối cầu nhàu. Muốn đẹp lòng nó, thỉnh thoảng, có thêm tiền bán gà, nhà giáo lại cho tiền nó như lệ. Chuồng gà đầu xanh - lối xóm người ta gọi thế là vì đầu con gà nào nhà giáo cũng bôi phẩm xanh. Nhà giáo để dành tiền vào ống tre, cửa tréo một vệt miệng. Cuối năm, bồ ra cũng đem được mười đồng về quê. Cứ hòng vào mười đồng bạc lương mỗi tháng thì thừa thôi đâu. Bởi vậy, nhà giáo trông nom, chăn dắt lũ gà kỹ lưỡng lắm. Thứ Năm Chủ nhật, chỉ ra vườn lúi húi với gà quê. Bà Thiêm cũng phải chịu thầy giáo còn trẻ mà chí thú, chịu thương chịu khó.

Nắm gạo đã tung hết. Đàn gà tranh nhau ăn. Con mụ lẩm điều vừa nhặt vừa cục cục ồm tỏi. Lũ con cũng đẩy nhau, kêu chơ chơ. Có khi đương chăm chú nhặt ăn lại quay ra, chọi nhau tay ba tay tư. Nhưng chỉ mỗ láo nháo vài mỗ, chúng lại chống đuôi chúc mỗ liên liên nhặt gạo. Chẳng mấy chốc, cả những hạt tấm giắt vào khe gạch cũng không còn. Đàn gà nhón nhác, dạo loanh quanh. Chúng nghiêng má, nhìn lên bàn tay Câu. Thấy đợi lâu, không còn gì nữa, đàn gà tản dần. Con thì nằm khểnh, phơi cánh. Con thì bắt chước mẹ, kiếm chỗ giũ đất phành phạch. Nếu không, rồi rãi quá, lại chơ vờ chọi nhau sưng.

Nhà giáo đứng ngẩn, nhìn dõi theo từng nhách gà một. Tuy vậy, mắt vẫn liếc ra ngoài ngõ. Xem có bóng người ló vào chẳng.

Đợi hoài, không thấy.

- Nặng đã quá đầu ngõ kia kìa, mấy giờ rồi, cậu giáo?

- Dạ, hai giờ rưỡi.

- Chết! Chiều rồi. Hôm nay chắc cái Miến không đi chợ. Cứ ngóng con này mà gửi xu rau thì có khi mất bữa. Cậu xem hộ tôi thằng Nấm có quanh quẩn ngoài ấy không?

- Nghe như tiếng nó đùa léo nhéo ngoài bờ ao làng.

Bà già ra giậu, ngửa cổ, gọi réo :

- Ồi Nấm... ời...

Chỉ sau mấy tiếng, đã thấy cái đầu trọc tếu loang lỗ vết mực tím, lúi lũi ngoài ngõ chạy vào.

Bà quát :

- Có về mà đi chợ không! Xuống bếp lấy cái rổ. Tiền đây này. Nửa xu rau muống, chọn cái đặng non ấy. Một đồng hành, đồng răm, đồng mắt tôm. Năm xu, bốn bánh đậu phụ. Mau mau, ba chân tám cẳng lên, ở nhà tao nhóm bếp đấy. Hôm nay thứ Năm, cậu giáo ăn cơm sớm.

Giáo Câu vẫn hy vọng Miến đi chợ muộn. Nhưng chiều muộn hơn, cũng chẳng thấy bóng cô ả. Thế là hôm nay Miến không đi. Nhưng cái sự “thế là” tự nhiên ấy không đủ che lấp nỗi lo ngại trong lòng Câu. Cho đến sẩm tối, anh vẫn đi ra đi vào, ngong ngóng ngẩn ngơ. Tới lúc cu Vật đã đi học dật cửi về, vừa đi vừa múa may nghêu ngao hát, nhà giáo mới thực hết trông đợi.

Làm sao Miến không đến? Có sự gì. Cái câu chuyện hát hồng phải gió kia, tất đã bay đến tai nàng. Nàng tức Câu. Nàng giận Câu rồi. Con gái là hay hờn dỗi lắm. Mà cũng tại mình. Câu lo. Câu lo quá. Lại ngay ngày nóng ruột nữa. Bữa cơm chiều ấy, nhà giáo chỉ và qua loa được ba vục bát.

Thôi, đích là Miến giận Câu. Hôm sau, thứ Sáu, lại hôm sau nữa, buổi chiều Miến có đi chợ qua cửa trường học. Câu trông thấy rõ ràng. Thế mà cô ta che nón đi thẳng. Làm như không biết có ai đương chăm chăm đứng nhìn ra. Cả hai hôm nữa cũng vậy.

Câu hoảng. Chàng ta giận mình, phát nhưc đầu lên. Ấy là Miến chỉ mới không nhìn anh, để anh đoán được là cô giận dỗi. Chứ nếu Miến lại nói: “Cậu không phải người tử tế. Thôi, từ giờ trở đi...” mai đây nhà giáo có thể nổi cơn ồm liệt giường cũng nên. Mới biết, say nhau rồi chỉ một cái chẳng bằng lòng xoàng cũng đủ lộn can tràng lên rồi. Anh chàng cáu, không để đâu cho hết giận mình. Anh thở ngắn thở dài về cái buổi tối trót đại nọ. Mà anh trót đại thực. Chén choáng ba chén cay, coi trời bằng vung. Nhất là lại được anh em xốc nách lôi đi. Ai nỡ từ chối. Để đến nỗi bây giờ âm ỉ cả lên. Người ta cãi nhau, người ta ầm con sang tận nơi trách móc. Làng nước khéo chuyện bô bô ai cũng biết.

Xấu hổ quá.

Chủ nhật. Câu nằm khoèo ở nhà. Đáng lẽ như mọi buổi sáng được nghỉ, Câu hay sang bên Yên Thượng chơi với Kền. Bữa nay, anh không muốn ra khỏi ngõ. Anh nằm, chán lại ngồi thờ. Anh bốc nắm gạo ra

vườn rắc cho gà ăn. Cất nhắc việc gì, cũng thấy bải hoải, chán chân, chán tay. Cũng là bởi cái tâm sự ủ ê mà ra. Bà Thiêm đi chơi quanh đâu vắng. Thằng Nểm thì nằm kênh ngoài phản, tập tọe đọc quyển Lên Tám. Tiếng nói bi be u ơ cãi nhau với tiếng chim sẻ ngoài sân. Một chốc, nó đã buông sách xuống, ngủ khoèo.

Giữa trưa, bà Thiêm về. Bà lão, lưng không rạp xuống. Đi như con rùa bò. Bởi ngóc lên nhìn ra trước mặt. Ngày còn con gái, lưng bà gồng gánh nhiều, đã khum khum. Càng về già, cái lưng cong xuống theo tuổi. Bây giờ thì lúc đi cũng như lúc đứng, lưng bà phẳng một lượt với cổ.

Một đời bà Thiêm, cái lưng còng ấy làm chứng cho biết bao nhiêu sự chịu thương khó, vất vả. Chồng chết sớm, một tay bà gây dựng nhà cửa. Bà cưới vợ được cho cả hai người con trai. Anh nhớn sớm ăn cướp công bà rồi, để lại cái thằng Vật đấy. Mẹ nó là một con đàn bà đốn đời. Cái năm bà dựng lại nếp nhà ở bây giờ, bà mướn một bọn thợ mộc. Khi làm xong, bọn thợ đi. Cả nòng dâu bà cũng đi nốt. Đời bà, cay đắng nhất lần ấy. Bởi vì lúc nào bà cũng chăm chăm giữ gìn tai tiếng. Lúc nào bà cũng cố cho được hơn người. Chẳng vậy, Diễm được đi học, rồi bà lại chạy vay thế nào, gửi cho ra Kê Chợ đi học thợ máy. Diễm đã có nghề hẳn hoi. Bây giờ, chẳng giàu có hơn ai, nhưng bà cũng được nhàn nhả rồi. Con bà làm việc nhà máy nhà nước, mỗi tháng gửi về tám đồng. Ở làng này, chẳng có ai kiếm nổi nửa xu của Tây. Thực là điều danh giá. Bà không phải nhọc mình nữa. Bà ngồi quay mướn con tơ cho khỏi buồn tay. Thế mà bà cũng chịu khó ngồi quay tơ liền. Có một ít tiền, bà cho vay lãi vật, một đồng bạc, tháng để lãi một hào chỉ. Có ai trong xóm nhờ nhàng, cầm cái áo the, cái thắt lưng, bà bỏ tiền ra cầm. Người ta ghét bà có tính nói dai, lảm nhảm. Nhưng bà chỉ lảm nhảm xối, mà chẳng để ý chửi rủa thù oán ai.

Bây giờ suốt ngày bà ngồi lảm nhảm, gật gù với cái lồng cái ống. Bởi chẳng có nòng dâu nào ở nhà để mà nói. Ấy là bà nói chuyện thôi, chứ không phải bà mắng chửi. Giáo Câu vốn ít lời, chỉ mở miệng khi nào có việc. Hai đứa trẻ thì chạy nhơnhảnh như chuột cả ngày. Bà lão ngồi buồn, thỉnh thoảng rì rầm nói một mình. Cái tật ấy rồi cũng thành bệnh. Nhiều đêm, Câu thức giấc, bỗng giật mình, có tiếng ai ào ào đâu bên kia vách. Nghe mãi, hóa ra bà Thiêm nói. Bà nói ậm ờ, lảng nhảng, lảm nhảm.

Trưa nay, bà lão đi đâu về, mua được cây mía đỏ. Bà chống lom khom như chống chiếc gậy bột. Vào đến hiên, bà ngồi xuống. Cái lệ quen của bà lão trước khi ngồi, đấm lưng thùm thụp mấy cái. Ngó vào trong buồng, thấy Câu, bà hỏi :

- Cậu giáo không đi chơi đâu à?

- Dạ, không. Tôi váng vất...

- Cậu nhức đầu à, trở trời đấy. Cái lá thầu dầu tía hay lắm. Cậu ra vườn hái mấy lá thực non, đắp lên trán, chỉ một chốc toát mồ hôi, khỏi ngay. Năng mới, ai cũng khó chịu. Từ này, tôi cũng thấy váng vất đấy.

Chợt bà lão như nhớ ra điều gì.

- À này cậu giáo...

Câu nhóm dậy, hốt hoảng. Tâm thần anh lúc này cũng đang hoảng hốt.

- Cái gì, hả bà?

- Tôi vừa nghe người ta nói câu chuyện lạ lắm.

- Chuyện sao ạ?

Bà lão trợn mắt, nói khể, rủ rủ dần từng tiếng - lổn nói một câu quan trọng :

- Chết! Sao cậu dại dột thế. Đầu xanh tuổi trẻ, chớ nghe anh nghe em mà có khi oan gia. Cậu cũng hiền lành như em hai Diễm thì tôi mới dám nói.

- Nhưng cái gì kia ạ?

Bà lão lại lên giọng, gật gù cái đầu như để lấy đà từng tiếng :

- Người ta bảo tối hôm nọ cậu đi lên phố phủ hát nhà trò với nhà giáo Kền, nhà giáo Hoạch phải không?

Bây giờ Cậu mới nghe thùng. Anh thử dài, hoàn hồn. Từ nãy anh vẫn ngờ ngợ câu chuyện có dính dáng đến Miến. Nhưng thế rồi anh cũng lúng túng, không biết đáp sao, chỉ dạ dẹt.

- Dạ... Người ta cứ nói...

- Chỉ vì cô đầu cô đuôi mà vợ chồng giáo Hoạch đánh nhau suýt có án mạng đấy thôi... Khốn nỗi, chỉ sinh oan gia, rồi mang tai mang tiếng, mà lại tan nhà nát cửa. Tôi khuyên cậu, đầu còn xanh tuổi còn trẻ...

Câu cười gượng :

- Có đâu, thiên hạ cứ đồn nhăng...

- Úi chào! Người ta chuyện giảng giảng ở ngoài đường kia. Mười người nói như một.

- Người ta ghét thì nói thế, bà ạ.

- Thôi, chuyện đâu bỏ đấy, tôi chỉ can cậu từ giờ đừng dại nữa nhá. Đánh đu với tình đấy. Chẳng hay hóm gì đâu.

Bà lão quen nói với Câu như nói với con mình. Câu cũng vẫn nghe những câu ấy là thường. Anh cười, nửa cợt nửa thực :

- Tôi chỉ có một ty.

- Một ty mà chẳng chết à? Nhà trò nó bỏ bùa mê vào nước cho mà uống, nó cho ăn cháo lú đấy, u mê chẳng chịt đi. Bán vợ đợ con vì chúng nó. Vùng này đã có mấy ông chánh ông lý liếng xiềng mất nhà mất ruộng với cô đầu cô đuôi đấy.

Rồi bà thở dài :

- Sao đời bây giờ lại lắm cái ma cái quái thế. Ngày xưa, làm gì có. Ăn chơi lắm, chỉ đến xóc đĩa, tổ tôm là cùng.

Và bà bắt đầu ngồi kể các chuyện ngày xưa. Bất cứ ở câu chuyện nào bà Thiêm cũng gài vào được một hai mẩu chuyện xưa. Ngày còn mồ ma ông ấy... ngày còn mồ ma ông nọ... Câu chỉ ừ hử. Bởi anh đương buồn buồn nghĩ: “Chết chữa, từ bà già đến đứa trẻ lên ba, ai cũng biết tối hôm ấy...”.

Rồi anh thiêu ngủ. Bà lão vẫn lải nhải. Anh chợp đi. Nhưng anh chỉ chợp chợp một lát. Khi dậy, hai mắt đỏ hoe, đầu nặng trĩu. Bà lão ngồi im từ lúc nào, đương ngồi quay tơ trong nhà. Tiếng cái vẩy tơ nhảy lóc cóc nhẹ nhàng.

Trưa hôm ấy, Miến cũng không đến mua rau họ. Chẳng khó gì cho bà lão. Không gửi được Miến, bà Thiêm sang bên hàng xóm. Có khi cu Nấm lại lễ mễ cặp cái rổ. Bà không đi chợ. Lưng còng, bà lạch được tới chợ thì đã tối ngày. Nhưng Miến chẳng đến, thì chỉ nóng ruột cho Câu. Chao ôi! Nhà giáo buồn thiêu. Anh loanh quanh ra vào, ấy náy chẳng buồn cất nhắc việc gì. Mãi đến chiều chiều, anh mới ngồi chấm vở cho học trò. Cái bút nằm trong bàn tay trên tấm phản làm bàn, cứ uể oải, muốn rơi.

Bấy giờ nắng đã xế. Bóng mái nhà đổ xuống sân, rợp một khoảng rộng. Ngoài vườn, nắng hoe lên trong lá. Bụi sỏi, giàn trầu không và những tàu lá cau nhuộm nắng vàng rười. Nắng yếu, chỉ có ánh mà không còn nóng nực. Chấm được vài quyển vở, thuận tay, nhà giáo làm việc đã ra ý chăm chú.

Lẳng nghe có tiếng cười rúc rích ngoài đầu ngõ. Và tiếng trẻ con nói lạnh lạnh. Rồi tiếng chân chậm chạp thỉnh thoảng vào. Giáo Câu buông bút, nhìn ra. Trời, anh giật nảy mình. Dễ thường hai bên má anh cũng sờn gai ốc lên. Miến vừa ló đầu vào trong ngõ. Thằng Nấm đương bám một bên túi áo dì. Rồi nó cong người cố kéo. Chắc dì nó đã chiều ý, để cho nó lòi từ ngoài đường ngoài ngõ vào đây. Thằng bé nhăn nhó, nheo mắt, vùi :

- Dì cho cháu một xu... Đi... dì...

Dì Miến gỡ tay cháu :

- Tao mách bà cho nhá?

Nó reo lên :

- Ê, ê, bà đi uống nước ngoài quán rồi. Đi dì... Cho cháu...

Dì nó lại gắt :

- Lúc nào thấy mặt là cũng thấy vùi xu. Thầy giáo kia, có bảo học trò...

Nểm toan nững nịu nữa, nhưng thầy giáo nó đã quát khê :

- Nểm giỏi nhì! Không được hỗn!

Nó nhớn nhác, toan lùi. Giữa khi ấy dì nó dúm vào tay nó một trịnh. Nó cười toét miệng, rồi nhảy tênh tênh, chạy tít ra ngoài đường cái. Thầy giáo Câu, đương đà, còn mắng thêm một câu thực oai :

- Trẻ con, nuông nó, sinh hỗn ra!

Rồi nhìn Miến, anh ta chợt im, quên hửng. Và bỗng trở nên bối rồi. Cô Miến đi đâu mà coi lạ, áo tấc ngắn, đầu chít khăn vuông mỏ quạ. Hai ống quần xoe lên đến đầu gối. Tay cầm cái sào nửa nghênh ngang. Câu hỏi :

- Đi đâu thế?

- Đi hớt bèo ngoài ao đình về cho vịt.

Rồi Miến quay ra. Câu cuống quýt :

- Này..

- ...

- Tôi hỏi cái mà ...

- ...

- Máy hôm nay sao không đến?

- Tôi bận.

- Miến dối tôi đấy hả?

Miến nghiêm mặt, chua chát :

- Ai công đâu mà dối. Cậu muốn đi chơi thì cứ đi chứ. Tôi có dám biết đâu!

Câu nhăn nhó :

- Người ta cứ đồn xuýt ra. Chứ thực tôi...

- Tôi oan hản? Còn biết lắm chuyện lạ nữa kia.

- Chuyện gì?

- Chuyện gì thì cậu biết đấy.

Câu bùi ngủi :

- Miến ạ, từ giờ thì tôi chữa. Thực tôi chữa đến ngày xuống lỗ.

Dáng hản cái nét mặt của nhà giáo lúc bấy giờ coi thiếu nảo, ngẩn ngơ quá, khiến Miến phải bật cười. Cơn hờn đã dịu. Mà biết đâu cô cũng chỉ làm bộ dỗi ít thôi. Nhưng không tỏ vẻ gì khác, cô nói lảng :

- Rõ bèo tôi để ngoài đầu ngõ... Tôi về đây.

- Thứ Năm Miến đến nhá?

Chẳng biết Miến có đáp hay không, Câu không nghe tiếng. Cô ả vác cái sào dùng dùng chạy ra. Nhà giáo bồn chồn nhìn theo.

Trưa hôm sau, Miến cắp rổ đi chợ qua cửa trường. Giáo Câu ngó ra, Miến đương ngả nón, quay mặt vào nhovn hản một nụ cười.

Câu tỉnh người. Yên chí, thực Miến đã hết giận.

Chương V:

, đây, chị ơi!

Có Muỗi nhìn lên:

- Phải rồi.

Cô Huệ và cô Muỗi đứng lại trên cầu Phượng, cười khúc khích.

Họ đã tìm thấy. Bên kia cầu, phía trong gò cỏ lớn, trường học làng Hạ Nha. Gọi là trường học cũng không đúng lắm. Cái ngày trước, hồi các cụ trong làng mua vôi cát gạch ngói về, chưa có dụng ý xây trường học. Trước nó là cái quán làm điểm tuần lại là chỗ cúng quan ôn. Mái thấp, ba bề mặt, đứng sừng hai chiếc cột gạch vuông. Bên trong, một cái bệ long lở, ở trên, trơ trổng bát bình hương vỡ. Đây là quang cảnh của cái quán mấy năm trước.

Bây giờ cũng có đổi khác, theo chức việc và với sự già lão của nó. Một hàng rào tre đan lứa thưa quanh trước cửa, bám hai cột cổng, làm đóm cho cái mặt trường. Trên cổng, tồn ten một tấm biển vuông, kẻ mấy chữ phết sơn đen: École Hạ Nha. Trong sân, mọc thon von hai cây bàng. Trước chỗ ấy có một cây đa to lắm. Về mùa gió, lá và cành đa đánh đập nhau, reo à à. Các cụ sợ lở gió đu mạnh, một cành đa gãy có thể đổ trường dễ như chơi. Bởi vậy năm kia người ta đã sửa một cái lều nhỏ, và nén hương với cút rượu rồi dẫn cây đa. Từ đó, trường chỉ còn hai cây bàng đương bởi tàn lá xanh om. Đủ hiểu, cái trường học to hay nhỏ bé là nhường nào.

Nói đến cái mái của trường mới thực là đặc biệt. Nó như một cái đầu bù xù những tóc và chấy rận gồm chết. Trên mái ngói, chặt những mấy từng rác, rêu và gạch vụn. Ngoài cùng, một lượt cỏ ấu lúa tua xanh um. Cao hơn hết bám vào hai trụ đầu hồi, hai cây si hiên ngang mọc lên. Rể si quấn chằng chịt, lan khắp mái như mạng nhện. Rồi rể si còn chui qua mái, bám vào tường. Có những sợi rể tìm đường tòi qua mái rủ mảnh mảnh vào lớp học.

Đứng xa, ngắm mái trường như một vườn cảnh, có cây có lá. Trẻ con đồn ở trên tường trên mái có nhiều dế mèn và ve sầu. Chẳng biết có không, nhưng dưới mái, lúc nào cũng ẩn nấp chim sẻ, từng họ nhà bọn dơi muỗi, dơi ngựa. Ban ngày, dơi búi trên xà từng chùm lủng lẳng như những quả núc nắc. Chim sẻ thì lúc sinh sự cãi nhau, lúc thì tâm tình rằm rĩ. Để hòa với tiếng trẻ học nghe nga. Trong lớp, các bệ và bình hương đã được triệt bỏ một xó, chỉ có những hàng bàn ghế ốm yếu đứng tựa vào nhau trên kia. Trẻ con ngồi lên, huých, sát hai khủy tay. Trên tường, lơ thơ mấy tờ giấy dài dán các chữ xanh đỏ, viết mấy câu danh ngôn lớp nào cũng có, mà chẳng đứa nào hiểu là câu gì. Ngọc bất trác, bất thành khí. Hàm huyết phún nhân, tiên

ô tự khẩu [1], Thì giờ là vàng bạc.

Cuối trường, đục hai lỗ cửa sổ tròn tò vò. Trong lớp, sặc sụa hơi người và mùi trẻ con. Nhờ có hai cái cửa sổ đục, cái hôi hám tanh tươi cũng thoát ra được một ít...

Hai cô ả đào Muối đào Huệ, tong tả đi vào cửa trường. Bấy giờ đương giờ ám tả của lớp học trò lớn. Những trò nhỏ thì ngoạ đầu viết tô, đánh vần khe khẽ. Thầy giáo ngồi trong bàn, khuất sau mấy vì tre. Tiếng thầy đồng dục đưa ra:

- Xong chưa? Bởi thế mới tên là hồ Hoàn Kiếm “Oong boong ta la linh!”... [2]

Tiếng ngồi bút gãi xuống mặt giấy, như tiếng ruồi bay vo ve. Điếm vào những nhịp đọc, cứ phát ra từng tràng khịt mũi sùn sục. Ngoài cửa, lấp sau cái phen tre, ba bốn đứa bị phạt, quỳ lồm ngồm, úp mặt vào cái cột gạch. Tuy vậy, chốc chốc chúng lại thò chân sang đạp nhau.

Những đứa phải quỳ này đã trước nhất trông thấy hai cô tân thời lấp ló đi vào cửa trường. Hai cô cùng vắn tóc trần, đội nón kinh. Một cô mặc áo màu hoa đào. Quần lĩnh đen óng. Mỗi cô một đôi guốc mới sơn then, gót cao thon thon. Mặt cô nào cũng trắng bệch và môi thì bôi đỏ hoe.

Ba đứa bị phạt quỳ ngoài cửa, làm hiệu nhắm nháy cho những đứa ngồi ở các bàn gần đấy. Mấy đứa ngoảnh ra. Qua lần phen, thấp thoáng cái gì lòe loẹt. Vài đứa nữa ngoảnh ra. Rồi, ra hiệu ngoảnh bằng chân ngấm đá dưới gậm bàn, tất cả lớp cùng ngoạ đầu lác ra hướng ấy.

Trên bàn, thầy giáo ngạc nhiên. Thầy gõ thước cạch cạch. Cũng chỉ lác đác mấy đứa nhìn quay vào. Tức mình, thầy giáo xách cái thước kẻ bằng sừng sộ đi xuống. Thế là thầy cũng ngó ra ngoài. Ngoài sà, cô đầu Huệ trông thấy, reo lên:

- Ở kia, anh giáo Câu!

Nhà giáo cầm cái thước dựng lên như cái đòn gánh, thò cổ ra ngoài phen, tựa con ngỗng đưa cái đầu lắc lư ra ngoài nan bu. Mặt anh ngó ra, khi trông thấy hai người cô đầu đứng ngay ngoài cửa.

Cô Muối đơn đả:

- Chúng em xuống chợ, nhân tiện tạt vào chơi anh. Học trò đông, vui nhỉ?

Câu tái mặt. Anh vẫn đứng chân trong chân ngoài, một tay vẫn cầm cái thước kẻ tay bám lấy cạnh cột. Anh luỳnh quỳnh đáp:

- Dạ. Vâng, đông... Các cô... chợ...

- Một mình anh dạy có đến một trăm học trò?

- Sáu mươi chín đứa.

- Gớm chưa! Nhà ai mà được ngần này đứa con nhỉ?

Cô Huệ pha:

- Có họa một ông ba mươi vợ!

Hai có cười rúc rích. Nhà giáo càng ngượng, vì câu nói nhảm. Anh quay lại. Đằng sau, lớp học đã biến ra cái chợ như hàng cá ném giấy trắng xóa. Có đứa chui xuống gầm bàn, nhòm ra. Có đứa lom khom, hếch mũi ra ngoài phen. Thầy giáo quắc mắt gõ thước.

Cô Muối nói:

- Chúng em về đây để anh còn bận bảo học. Hôm nào các anh lên phố chơi nhá. Đây sang anh giáo Hoành bên Phú Gia cũng gần, anh nhỉ?

Thực thà, Câu đáp:

- Ấy chết, hôm nọ...

- Chị ấy đánh nhau với anh ấy chứ gì? Chúng em biết ngay hôm ấy cơ.

- Thế a?

Câu ngạc nhiên buông một tiếng “a”, thông hàm xuống, và tròn mắt lên, trong khi hai cô ả đào quay ra. Câu vẫn đứng trơ. Cô Huệ liếc nhẵn anh một liếc. Anh không dám nhìn lại và thật hoang mang, anh lừ đừ đi vào. Tai đỏ hắt. Trán mồ hôi toát lâm râm.

Cho đến lúc tan học, anh vẫn chưa hết cơn ngơ ngác. Anh sợ lịm người đi được. Có hai người cô đầu đến tận trường ỏn ẻn hỏi chuyện anh. Cả sáu mươi chín đứa học trò cùng nhìn thấy. Chúng đương rì rầm kháo rằng thầy giáo quen hai cô tân thời. Những đứa học trò gái càng ríu rít tợn. Chúng nhìn trộm thầy, rồi nhe răng sún, cười với nhau. Giáo Câu chấp tay sau lưng, đi đi lại lại, bối rối nguồn cơn. Chưa biết có nên về hay không. Mỗi đứa học trò có một cái miệng để nói chuyện bô bô. Mỗi đứa lại có vài ba người nhà. “U ơi! Bầm ơi! Có hai cô tân thời áo đỏ quần trắng đi guốc cao gót đến trường cười cười nói chuyện chơi với thầy giáo cơ”. Chốc nữa, cả năm xóm làng Nha, ai cũng nghe rõ ràng thế. Cả mấy đứa cháu cô Miến cũng học ở đây. Chúng nó ngồi kia, đứa bàn nhì, đứa bàn năm. Nhất định cô Miến ở nhà cũng biết nốt. Miến cũng sẽ biết tường tận như mọi người ta. Làm thế nào, trời đất ơi! Rắc rối quá.

Quả nhiên. Rắc rối thực. Giáo Câu bỗng vùng vằng đi về. Trường học ở ngay đầu làng. Trên cửa đình, lúc nào chẳng có mấy người ngồi ở bậc đá hóng mát. Bên đầu cầu Phượng, cái quán nước chè tươi, lúc nào cũng nêo người ngồi khít ghế, chuyện gẫu và nhìn người đi qua. Bọn học trò chưa về đến nhà, người ta đã

tổ tường cả rồi. Lại nữa, là ngày phiên chợ. Làng xóm tấp nập ngoài đường như mắc cửi. Hai ả nọ đi vào trường, ắt lượn qua cả mấy nơi ấy. Làng ở khuất, ít người lạ tới. Ai đến, người ta cũng dỗi xem vào nhà ai, huống chi đây lại là hai cô tân thời “đờmi” quần tóc trần, đi guốc gót đầm.

Hôm sau, Câu gặp Hương Kiệu ngoài hàng nước, hắc cười, hỏi ngay:

- Đầu Huệ có về kết ông giáo nhi? Đến tận trường chơi.

Câu phàn nàn:

- Rầy rà quá!

Kiệu làm điệu nói nhỏ ra lối quan trọng:

- Nay ông giáo phải coi chừng... Tim la, nổ ống khói thì chết bỏ mẹ, chẳng hay hớm gì đâu.

Khổ cho Câu chưa! Người ta tưởng Câu chơi bời lắm. Oan này nặng hơn oan Thị Kính. Lại hàm oan với cô Miến nữa, mới cay đắng làm sao. Cái hẹn đi đứt rồi, hơn một tuần nay, Miến không bén mảng qua nhà. Thỉnh thoảng, Câu thoáng thấy nàng đi chợ qua cửa trường. Chiếc nón lại che lệch lấp hắt mặt, chỉ nhận được dáng đi quen.

Một bận, Miến có đến đưa tờ cho bà Thiêm quay. Giáo Câu hôm ấy có nhà. Bà Thiêm hỏi:

- Đi chợ mà không tạt vào cho bà gửi mua rau?

Miến đáp:

- Cháu bận, dạo này cháu không đi chợ.

Biết chắc là Miến nói dối. Câu vờ lảng ra cửa. Miến đi qua không nhìn. Câu đứng vườn, khẽ gọi theo. Nàng đi lừ lừ như không nghe tiếng. Câu chờ đẫn, tiu nghỉu. Cổ anh nghẹn lại. Hai hàng nước mắt râm rập muốn bò ra.

Từ hôm ấy, anh lừ khừ như người ốm.

Ở đầu làng, giáp cầu Phượng, phía bên này bờ sông Lịch, trông sang lũy tre làng Yên Thượng có mấy ngôi nhà tranh dựa vách vào nhau, cái nào cũng ở bên vệ sông, tưởng như nhà cửa sắp ngã ngửa cả xuống dòng nước. Cái xóm xép, có mấy nhà nghèo khó ở đâu đến ngụ cư. Lấn vào đây, hàng nước chè tươi, một quán thịt chó.

Quán này không ra vẻ một ngôi hàng. Mỗi buổi sáng, vào quãng mặt trời lên lưng bụi tre, lũ trẻ trong trường học ra giờ chơi, lại trông thấy lủng lẳng treo ở cái móc sắt một con chó trước cửa nhà. Con chó đã thui rồi, da vàng óng, cái đuôi cong vênh, khung lưng uốn khum. Hai mắt chó trợn xếch, hàm răng trắng nhả

chìa ra, như dọa trẻ con.

Chỉ một lúc con chó đã được chủ quán chặt ra từng mảnh, người trong làng lác đác ra mua. Người ta ăn thịt chó cũng nhiều. Có lẽ vì cái thịt chó ăn bổ bã, rẻ hơn cá. Hai nhà ở cái xóm ngụ cư này bán thịt chó, ngày phiên chợ tơ có hôm hết cả con. Lạ là chó ở đâu đem đến lắm thế. Chó bị đánh bả, chó ốm hay chó chết. Cứ nghi hoặc thế, nhưng người ăn vẫn cứ ăn, ăn thịt chó uống rượu. Chỉ có đàn bà và người đồng bóng không ăn và không nhà ai đặt lên giường thờ cúng thịt chó cả.

Sớm Chủ nhật, giáo Kền với giáo Câu cũng lò dò ra hàng thịt chó đầu cầu Phụng. Hai nhà giáo mặc áo tấc trắng, đi guốc mộc, Kền đội mũ trắng, Câu để đầu trần rẽ lịch. Giáo Kền chui vào quán, hỏi to:

- Chó má thế nào nào?

Ở dưới bếp lão quán chạy lên:

- Chào hai ông giáo. Hôm nay thật cày dòng đấy.

Kền bấm móng tay vào mảnh thịt đặt trên thớt, gật gù:

- Ờ, cho anh em tôi năm hào thịt, hai hào lòng. Nhiều gan vào. Chặt nhỏ nhé. Nhiều húng nhiều mắm tôm...

Lão nhà hàng xẻo thịt chó. Kí cốp chặt, một lát, đã được một vốc thịt, một đồng lòng gan, lù lù. Tất cả, gói vào hai mảnh lá chuối, riêng và năm rau húng quế. Mắm tôm thì đổ vào tàu lá dong, xách riêng. Đã phòng sẵn, giáo Kền lấy trong túi ra mảnh giấy nhật trình to gấp đôi, trải xuống chõng hàng, rồi cuốn cả hai bọc lòng, thịt vào. Câu cặp lên tay như bọc sách vở các nhà thầy cầm cần thận.

Trả tiền rồi, hai người đi vòng lũy tre, ra cánh đồng, sang bên Phú Gia. Vừa đi vừa nói chuyện. Cánh đồng trải ra hai bên đường những thửa ruộng trồng màu, đất trắng bạch. Lác đác mấy củ cải héo, chuột gặm chỉ còn trơ gốc đám cà chua muộn. Những luống khoai lang chuột cũng rũi tẻ, hay là người rở trộm không biết. Cuối đồng, chệch vào những khoanh tre xanh rì, hai cái cột trụ đầu làng quét vôi trắng xóa, cổng làng Phú Gia.

Kền nói:

- Tay Hoành ưa cái khoản cầu nhục này lắm.

- Anh ta bảo ăn miếng giò chó thì đầu óc sáng suốt, nhai miếng thịt chó, tỉnh táo cả người.

Kền cười:

- Mình không đến nỗi mê thịt cày nặng như thế. Nhưng thỉnh thoảng được chén, cũng thú. Hôm nay con

chó ngon đấy.

Câu nói:

- Cứ kể sang bên Hoạch thì tỉnh mạch thực. Mà tôi vẫn ngại vợ ông ta. Từ dạo vợ ông ẵm con sang tận Nha để trách, tôi vẫn khó chịu lại ngưỡng nữa. Có khi chị ta vẫn còn cáu mình.

- Vợ Hoạch bụng dạ phôi bò lắm. Nói đấy, lại quên ngay. Chẳng thế mà hôm nọ gặp tôi ở cửa đình Thượng, lại vồn vã mời tôi sang, lại trách sao lâu không sang chơi. Có thể, hôm nay mới đi, không phải bỗng dưng đâu.

- Vợ chồng ông này cãi nhau, có khi đánh nhau.

- Chuyện! Vợ chồng thui nhau như cơm bữa.

Ngẫm nghĩ một lát, Câu ngẩn ngơ nói ra ngoài chuyện:

- Nghĩ chơi cô đầu cũng hại thực.

- Hại chứ. Đã có câu hát: “Cô đầu, cô đít, cô đuôi. Cửa nhà bán hết ai nuôi cô đầu”. Được cái chúng mình chẳng có gì bán mà vẫn chơi được.

Câu rầu rầu:

- Tôi bơ vợ mà cũng hại.

Kèn cười. Cái cười góp, Kèn không hiểu cái hại của Câu thế nào. Câu chỉ ngậm ngùi với bước chân đi. Đã vào đến cổng làng. Sau nhà trường, cách cái ao bèo tắm đầy rau muống, đến nhà ông giáo Hoạch.

Nhà giáo Hoạch có ba gian. Một gian bên có phen vách. Đây là buồng vợ ông giáo nằm với đứa con nhỏ. Trong ấy còn đồ đạc gì nữa, thì không trông thấy, lúc nào cũng tối om om, mùi đất mốc xông lên rợn người. Gian giữa, một cái phản và một cái chõng kê khít nhau. Phản và chõng vừa làm chỗ ăn cơm vừa làm chỗ ngủ của thằng Biền, cái Gia và có khi của nhà giáo. Nơi đây còn một cái cũi đóng toàn tre đực chắc chắn, để đựng mấy cái quần áo và những thứ vật vãnh bề bộn.

Trên vách, mấy tờ tranh tiền, tranh lợn, dán đã từ mấy Tết nay. Trong vách giữa, choán cả gian, một bức tranh bằng vải sơn đã tróc loang lổ vẽ cảnh đền Ngọc Sơn, cái cầu đỏ, chiếc tháp đá cao và dưới hồ, hoa sen đỏ, lá sen xanh. Tấm vải phong đã ố, nhiều chỗ xơ ra như mướp. Cái mảnh dưới, trẻ con mó vào luôn, đen thui.

Trong nhà không có bàn thờ. Bàn thờ đặt ngoài sân, nó là một cái cọc tre, đứng bên vại nước. Nom như cái bàn cò quay trên chợ ngày phiên, đây là cái cây hương cúng thần Đất. Gian bên trái, trống hốc không có

vách. Dây thài lài, dây bìm ở dưới rãnh bờ ngổn ngang, vươn vào. Chái này, dùng làm bếp. Ông đồ rau gạch vồ ngồi vùi trong đồng tàn tro. Vài chiếc nồi đất cắm cọc treo rải rác ở hóc cột. Dưới mặt đất ẩm, những cụ cóc ngồi châu hâu, thỉnh thoảng lại tép lười bắt con bọ mạt, con muỗi. Nhà này là nhà thầy giáo mà đổ ai bới đâu ra được một quyển sách, lọ mực. Chỉ những giẻ rách và giấy lộn vớ vẩn. Sách vở, nhà giáo để cả lên mái ngoài nhà trường.

Kền và Câu bước vào trong sân, đánh tiếng chẳng thấy ai thưa. Hai người cúi xuống, chui vào nhà. Đương ở ngoài nắng, thò đầu vào đây, hai mắt tối sầm. Đứng một tí, xung quanh mới rạng dần. Hai nhà giáo nhìn đất dưới gầm phản, hai thằng bé con trần truồng nằm ngủ li bì. Thằng lớn là thằng Biền. Hai tay quắp đầu thằng cu Con, môi dưới trề xuống, dài chảy nhờn nhớt. Cu Con đạp một chân lên bụng anh. Cổ chân nó còn bị buộc một sợi thừng gai, một đầu trói vào cái mẽ phản. Dáng hăn mẹ đi vắng, đã giao cho thằng lớn giữ em, nhưng vẫn chưa chắc, nó ngủ nên phải buộc như thế.

Cũng phải. Nhà này, trước cửa có ao. Năm nọ, vợ chồng nhà giáo đã mất một đứa con về nghiệp nước rồi. Thằng bé xấu số ấy là vai sau cái Gia, anh thằng cu Con đấy. Mẹ nó đi chợ, để cu Biền giữ em. Thằng bé bò ra sân, rồi bò xuống ao. Mẹ về chợ, lay Biền dậy. Hai mẹ con nhón nhác tìm thằng bé. Người mẹ ra bờ ao trông thấy trong đám rau muống nhô ra một cái cẳng chân trẻ con. Đã bị cái chọn, nên khi có thằng cu Con, hễ đi đâu, mẹ cũng cột chân nó lại chỉ cho bò quanh gầm giường. Muốn ngủ, cứ việc lăn ra ngủ. Trẻ con nằm đất, các cụ già bảo nằm đất mát và khỏe người, lại lặn được cả rôm sảy.

Hai nhà giáo loanh quanh, chưa biết ngồi vào chỗ nào. Ngoài sân có tiếng chân đi bịch bịch. Rồi một cái đầu búi tóc ngược nhô vào.

- Kìa hai bác sang chơi.

À, bác giáo Hoạch. Bác giáo gái đi tắm ở ngoài ao về. Một tay cầm chiếc gáo dừa. Một bên nách cắp cái rổ đựng quần áo. Tóc bác tóm lại, quấn tròn thành một nùm chon chòn xể đỉnh đầu, như búi tóc bà Trần Đông Sơ, trong tranh ở truyện Nhị Độ Mai. Bác lon ton chạy vào, lấy cái gậy, dựng tấm đại tre trước cửa. Ánh sáng bừng hừng lên.

- Hai bác vừa mới sang?

Kền nói:

- Chúng tôi vừa đến. Bác trai tôi đi đâu ạ?

- Nhà tôi vào trong nhà ông chánh Rụy. Đâu đi tính hộ cái sổ thuế gì ấy. Đi đã lâu, chắc cũng sắp về, hai bác ngồi chơi. Biền ơi! Dậy đi con, dậy đi gọi thầy. Có hai bác giáo sang chơi. Đã lâu lắm, hai bác bận gì mà chẳng thấy sang?

Kền cười:

- Từ độ hai bác vặc nhau ấy mà.

- Ấy tôi cứ như con mẹ điên. Hơi một tí là tôi lên cơn chạy linh tinh. Chắc hôm ấy các bác buồn cười lắm nhỉ?

- Không, nghĩ chuyện người ta ở đời, chúng tôi chỉ giận sao tối hôm ấy không can bác Hoạch.

- Nhà tôi thì có ông Thiên Lôi can. Bác Câu mang cái bọc gì to thế kia?

- Thịt chó, thịt chó. Chúng tôi mang sang khao hội đoàn viên anh Hoạch. Nhà bác phải đăng cai. Có được không ạ?

Mụ Hoạch cười toe toét:

- Được ạ, được ạ. Cái ý thì được. Tôi chứa cơm chứa rượu hử? Cứ thế là phải, tôi bằng lòng quá. Chơi bời cô đầu nhà trò chỉ hại tiền hại của mà rạc người ra chứ được tích sự gì.

Kiên nói:

- Nhà ta đăng cai thôi. Cơm rượu các thứ anh em tôi canh ty nhau cả rồi. Bác chỉ phải lo thế cho.

Có tiếng trẻ con í ới ngoài sân. Giáo Hoạch đã về. Cái Gia đi sau lưng bố, cầm chiếc que đập đập, giả cách được cưỡi ngựa, cười như nắc nẻ. Lúc ấy thằng Biền và thằng cu Con cũng đã trở dậy. Biền cởi thùng buộc chân cho em. Hai đứa ra ngồi bậc cửa. Bốn con mắt ngái ngủ ngẩn ngơ nhìn các ông khách.

Hoạch trông thấy hai bạn, reo lên chạy vào bắt tay. Nghe vợ kể chuyện và nhìn thấy gói thịt chó, anh ta múa hoa cả hai tay lên. Bấy giờ hai vợ chồng nhà giáo và ba đứa con cùng đứng vào một góc, góp thành bức tranh gia đình. Hai đứa trẻ cởi truồng, bụng ỏng rốn lòi ra như hai quả mít. Đứa mặc áo, lại toét mắt, và cả nhà này mẩn đỏ bị muỗi đốt nhiều quá. Thằng Ba, muỗi hoa xoan, nhà lại ở cạnh ao, muỗi bay, quơ tay vốc được. Khắp mặt ai cũng lấm tẩm sần sùi - chỉ trừ hai con mắt. Người lớn, trẻ con luôn luôn ngứa ngáy, hai tay bắt quyết vào nhau đen đét. Những nốt muỗi đương biến ra nốt ghẻ ruồi.

Cũng chẳng sao. Câu chuyện trong bóng muỗi mù mịt cứ râm ran như ngô rang. Hai đứa trẻ bu lại, tò mò nhìn bọc giấy để bên cạnh bác giáo Câu. Thằng Biền lúi vào bếp, nhóm lửa, đun ấm nước, trong khi bác Hoạch trai dạn với ra ngoài ngõ:

- Nhà nó lấy năm bánh đậu phụ. Lấy hai xó chai rượu ty. À nhớ mua ớt, nhá!

Thức chén đã sửa soạn xong. Bác Hoạch gái đặt ấm nước, nhét thêm cái củi vào cho bếp chảy âm ỉ, rồi bưng cái mâm chõng sang gian giữa. Thằng Biền hí húi xới cơm vào cái thùng gỗ. Rồi nó ôm thùng lên, để sẵn ngoài đầu phản. Xong việc, Biền ẵm cu Con, xua cái Gia, ba anh em lếch thếch ra đầu ngõ nặn đất thó chơi bầy đình chùa. Không dám chặn các em đi chơi xa, chỉ quanh quẩn đầu xóm, sợ thỉnh thoảng bố có

gọi gì chẳng. Người lớn đàn ông vào chén rượu, đến sau còn gì thì trẻ con và đàn bà ăn, xưa nay vẫn thế.

Mâm cũng tiêm tiêm được, theo những con mắt của ba nhà giáo châu đầu quanh mâm. Một đĩa thịt. Một đĩa lòng. Bốn bánh đậu phụ. Mắm tôm, riềng, húng để một góc mâm. Lát nữa ăn cơm, thêm bát canh rau muống nấu gừng. Rượu lưng một chai bố, rót ra ba cái chén đàn uống nước. Lúc này chén đã được cu Biền đem chén cọ sạch cần nước với.

Bắt đầu vào cuộc, không ai nói năng gì mấy. Thỉnh thoảng, Hoành khậm khà khen cái thịt cầy hôm nay mềm. Rượu chừng hai chén, bắt đầu có đôi mẩu chuyện vặt qua lại. Câu chỉ ngồi lừ lừ. Đôi chốc nhăn mũi nhấp chút rượu, rồi nét mặt lại lìm lìm. Con mắt như mãi nghĩ chuyện đâu đâu.

Hoành đùa:

- Ngồi như bụt mọc thế? Nói chuyện cho vui chứ? Cơm có sao mà buồn?

Câu mỉm cười, thờ khà một tiếng:

- Không, có sao đâu.

Kền gật gù:

- Nghĩ người ta ở đời cũng nên vui một tí. Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy. Sống thác âu rằng ai cũng một lần.

Hoành cười thực to:

- Khá! Ai cũng một lần.

Hoành lại cười thực to:

- Ai cũng một lần.

Hoành nói:

- Hôm nay ông anh thuyết giỏi. Anh em mình đây mà cứ nghĩ ngợi lẩn vẩn thì lúc nào cũng đến mặt chữ nãi ra thôi, ông chẳng ra ông, thẳng chẳng phải thẳng, chẳng ra làm sao. Cái bài thơ ấy gì của bác Kền nhỉ?

Kền đắc chí, gật gù:

- Không phải của tôi. Của ông Tú Xương. Hờ hờ...

Lúc tưng toan lên bán cả trời

Trời cười thẳng bé nó hay chơi

Ô hay công nợ âu là thế

Mà vẫn phong lưu suốt cả đời.

Hoành nói to:

- Hay, hay. Bác cạn chén rượu thưởng này cho tôi. Cứ kể như anh em mình đây, tiếng thế, cũng còn bằng vạn thẳng khác. Mình khổ thực, mà lắm lúc nghe chuyện chúng nó muốn đổ hai hàng nước mắt. Tôi đã lăn lóc cái nghề này, tôi biết. Nhiều cảnh đau lòng lắm. Có anh dạy học trừ nợ. Có làng chỉ giả được mỗi tháng có ba đồng, cơm nuôi. Ở thì ở, không ở thì bước. Giáo Năng trên Bạc ta biết đấy, mà chẳng đâu xa nữa, cảnh tôi đây thôi. Ngán lắm. Nói ra bảo phụ nghề chứ, bao giờ xoay xỏa được cái khác, tôi cũng xin vái tổ...

Chú thích:

1. Dịch nghĩa: Ngọc không mài, không thành. Ngậm máu phun người, trước tiên bắn miệng.
2. Tiếng Pháp: (un point à la ligne) một chấm, xuống dòng.

GIẢNG THỀ

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương VI:

hi chú:

Kiểm duyệt của Pháp ở Hà Nội năm 1942 đã cắt bỏ chương VI tiếp theo.

Đại ý chương này như sau.

Nhà giáo Kền tính bướng bỉnh hay gây sự với hương lý. Bọn hương lý ghét Kền đã vu cho nhà giáo hay làm thơ chửi đời, lại có âm mưu lập “hội kín” chống nhà nước. Vì Kền chỉ là hương sư, lương tháng do làng trả, nên làng có quyền mượn hay bỏ. Giáo Kền đã bị hương lý làng Thượng sa thải đuổi khỏi làng.

Năm sau, giáo Kền ra mỏ ngoài Ưông Bí, xin được việc làm ngoài mỏ.

Thư từ giữa Kền và Câu, Kền có nói bóng gió với bạn về sự giác ngộ vào tổ chức cách mạng của Kền.

Chương VII:

ấy giờ đã tan học buổi chiều. Ánh nắng xế nghiêng ngoài gò cỏ. Câu lúi húi kéo cái phen nửa, rắp lỏi vào lớp học. Cái phen xiêu vẹo ấy là tấm cánh cửa nhà trường. Mấy cái đầu trẻ con còn lấp ló ngoài cột trụ. Bỗng một đứa hét vào:

- Thưa thầy, có khách.

Nhà giáo giật thót lưng lại. Bởi từ khi tự dừng mà Câu phải tiếp hai con ả đào tai ác kia, hễ nghe ai nói lấp loáng “có khách”, nhà giáo đã nhớn nhác ngay.

Mấy đứa trẻ la lên như thế, rồi chạy biến.

Ngơ ngác nhòm ra, Câu lại thấy một tốp học trò lố nhố đi từ phía cầu Phượng lại. Dáng hăn lữ này bắt gặp khách hỏi thăm, chúng bèn xúm xít, đưa đến trường. Mấy đứa hốt lẻo nhanh chân chạy đến báo trước.

Khách đương đi trong đám học trò, khách đi giữa. Ba bốn đứa dẫn trước. Có đứa đi giật lùi ngăm nghía khách. Mấy đứa riu rít sau lưng. Nom như trẻ con đương chơi đám rước.

Nhưng kể khách cũng khá lạ mặt, khách là đàn ông. Một điều cũng bớt lo cho nhà giáo Câu. Khách đã đi vào đến trong sân. Đó là một chàng mặc quần áo tây, - người mặc quần áo tây thì oai thực. Chàng đội chiếc mũ trắng dẹt vẹt, lại dìm mũ lệch nghiêng một bên. Cái mũ to tướng, dây cột, mà mũ chỉ nằm hờ một góc đầu. Chàng mặc áo sơ-mi cột tay. Áo màu vàng, rộng thùng thình. Hai bên ngực có hai cái túi to. Ở giữa, đáng lẽ là hàng khuy, lại là hai sợi dây vải vàng vắt chéo chân rết, leo cho đến chỗ hai cái tai cổ bé. Quần là ống thẳng đuốn. Chân mang đôi giày, đế kép trắng. Bước êm tờ, lặng như đi chân đất. Lũ trẻ con, nhìn ngần ấy thứ, đã choáng mắt... Giá xem được kỹ hơn, chắc chúng nó còn thấy hai chiếc giày có hai lỗ thùng, lòi ngón chân út xám xỉn, ám bụi cát đường cái.

Khách đã bước vào đến thềm lớp. Chàng ta ngả mũ, cười. Cái mặt thì đen thui, hai hàm răng to trắng lôm lổ. Chàng thò tay ra bắt tay Câu:

- “Bông dưa” [1] ông giáo! Tôi là Răng, Trần văn Răng, mới đến bên Yên Thượng.

- A, ông giáo mới làng Thượng...

Nhà giáo mới làng Thượng cười ha hả:

- Phải, phải, chỗ đồng nghiệp mà. Tôi mới đến hôm qua. Hôm nay đi thăm anh em xung quanh.

- Mời ông vào ngồi chơi trong này.

- Thôi vế. Chỗ anh em cả. Đứng đây cho mát. Xừ [2] cứ gọi tớ là toa, moa [3] cho tiện. Đường đi lại về sau còn dài.

Rồi nhà giáo tên Răng lần túi áo trước ngực, móc ra bao thuốc lá Ba tốt. Chàng lại sờ túi bên cạnh lấy bao diêm.

- Vu [4] cứ ăn tự nhiên với moa một điếu thuốc, vu đừng ngại gì hết. Vu lấy đi...

Bất đắc dĩ, lúng túng lính quỳnh nữa, Câu rút điếu thuốc. Một que diêm xòe. Hai điếu thuốc cùng phập phèo cháy. Khói xanh từng làn mỏng uốn éo. Câu chuyện trao đổi qua lại.

- Vu dạy ở đây từ bao giờ?

- Tính có mấy năm rồi.

Răng trợn tròn hai mắt:

- Mấy năm? Ô là la! Chịu khó quá. Moa mà ở liền cái chỗ nhà quê cơm hẩm này mấy hôm cũng mún người ra rồi. Vu có biết không? Moa đã đi giang hồ du lịch khắp năm xứ Đông Dương. Thôi thì đủ. Từ Nam chí Bắc. Nào Sà-goòng, nào Hà Nội, nào Yên Bái, Lào Kai. Tuốt tuốt...

- Ghê nhỉ?

- Cái tính moa thế. Chỗ anh em moa không nói phét. Ở đâu lâu một chỗ, nóng lòng nóng ruột, không chịu được... ấy moa vừa ở Huế ra. Ở Huế sướng lắm. Nước sông Hương chảy lờ đờ. Con gái đi chân đất, đeo kiềng vàng, cười cứ tít hai con mắt. Thú lạ.

- Thú nhỉ...

- Phải, thú lắm.

- Thế bác vào làm gì trong ấy?

- A moa đi buôn. Moa thì đủ nghề, đủ ngón tháo vát. Làm chủ có. Làm thợ có. Dạy học cũng đã từng. Lại dạy cả võ. Võ moa khá lắm. Chẳng phải nói phét, cái khố người lẻo khoẻo như toa, moa đánh ngã hàng tá. Dạo ở Lao Kay, đã khét tiếng. Bây giờ toa mà lên đấy, toa cứ hỏi xừ Răng Hà Nội ai cũng nhớ. Võ Tàu. Võ ta. Võ Lào. Moa đã tranh giải vô địch Bắc Kỳ rồi đấy.

- Bác là vô địch Bắc Kỳ?

- Không. Đánh hòa thôi. Hai bên cùng chịu nhau.

- Bác tài thực.

- Moa tài lắm chứ... Để hôm nào uống rượu mà nói chuyện vỏ mới hợp. Nhưng ở đây chán thiu người ra thế này.

Thầy giáo Răng lại hùng hổ nói:

- Moa nể quá. Chẳng nhẽ ông chánh Yên Thượng ông ấy nhẩn mãi. Nhưng thôi cũng chẳng cần gì. Dạy chơi ít lâu, chán rồi thì moa lại đi giảng hồ. Moa nó như con dao pha. Nay đây mai đó, leng beng lung tung, mà sướng hơn quan huyện đấy. Không nói phét đâu.

- Dạy học thế này, chắc bác khổ bác ngại lắm?

- À, cái khổ thì moa đã khổ nhiều rồi. Ngọt bùi cay đắng đã nếm đủ mùi phong trần. Chỉ còn ao ước chưa được đi ngoại quốc một chuyến, sang Tàu sang Tây chẳng hạn. Ở cái làng bên trên kia, đi qua cánh đồng là làng gì nhỉ?

- Làng Phú Gia.

- Ở ở làng Phú Gia. Làng ấy cũng có trường?

- Có, cũng có trường. Người bạn tôi dạy bên ấy.

- Moa biết rồi. Từ hôm qua, moa đã đi dạo khắp. Đến đâu phải thuộc thung thỏ ngay nơi ấy chứ. Không nói phét, dất dất vào ăn cướp được rồi. Vùng này ba làng đều có trường. Đây là một. Bên moa là hai. Ở Phú Gia là ba. À, thế cái xứ giáo ở Phú Gia là xứ gì nhỉ?

- Bác Hoành.

- Hoành. Nhớ rồi. Toa là Câu, giáo Câu.

Câu cười:

- Gớm, bác này tài dò dẫm nhỉ?

- Chuyện, nghề phải thế chứ. Còn moa Trần văn Răng đít Cao Sơn các-vi-dit đây. [5]

Răng giở bím, lấy ra một tấm danh thiếp trắng lố. Ở trong, có hàng chữ nửa ta nửa Tây: Trần văn Răng đít Cao Sơn à Hà Nội. Răng đưa cho Câu. Câu đón lấy, ngắm nghía. Trong khi đó, Răng lại nói ba hoa trời đất một lúc. Câu cũng chỉ nghe lơ mơ thôi. Bụng anh đã đói mồm, sôi rong róc. Tính rụt rè lại hay ngượng ngịu, Câu không biết nên nói thế nào để về được. đành đứng ừ hừ, đưa đẩy câu chuyện.

May sao, Răng giở hai tay nói to:

- Ô là la, sắp tối rồi. Moa phải về ăn cơm. Ở đây người ta ăn cơm sớm quá. Toa cũng về ăn cơm chứ?

- Dạ, vâng.

Hai người cùng đi ra. Lũ học trò từ ban nãy vẫn đứng vớ vẩn ngoài cột trụ. Chúng đợi xem ông giáo Răng. Ông Răng và ông Câu thùng thỉnh đi ra. Lũ trẻ lấp ló bước theo sau. Rồi chúng còn chịu khó đi theo sang tận bên kia cầu Phụng, để nhìn theo thầy Răng. Đến chỗ rẽ vào trong xóm. Răng bắt tay Câu nói:

- Chủ nhật này moa sang, toa dẫn moa lên chơi xừ Hoành nhé. Moa cần giao thiệp rộng.

Câu đáp lại, ấp úng.

Chú thích:

1- Bông dua (Bonjour) chào

2- Toa – moa (màu tao) tiếng Pháp , cách xưng hô với bạn bè thân thuộc.

3- Xừ là từ tiếng Monsieur gọi tắt

4- Vu (Vous) Ông hoặc Bà

5- Moa Trần Văn Răng dít Cao Sơn các vi dít đây (Tôi là Trần văn Răng biệt danh là Cao Sơn, danh thiếp của tôi đây)

Chương VIII:

hú Gia là một làng nhỏ, ken giữa mấy cánh đồng làng khác. Không hiểu sao, lại có một làng con con như thế lẻ loi giữa bốn bên đồng ruộng các làng thiên hạ. Số đình trong làng không quá năm mươi tên. Chỉ có vài ba chục nóc nhà lều tèo. Làng cũng không có nghề nào là nghề chính. Mấy nhà theo nghề dệt lĩnh lụa canh cửi đều ở bên làng Nha, làng Thượng. Đây chỉ có nhà làm vườn, trồng rau. Có những nhà chuyên nghề kiếm ăn mò cua bắt ốc ngoài hồ. Bởi thế, người ta thường kể rằng làng này xưa chỉ là nơi tụ họp những người đầu đầu trôi giạt đến, lâu dần lập nên làng xóm.

Đã thừa người, làng lại nghèo. Chân phó lý khuyết mấy năm rồi, mà chưa có ai thay. Ông thư ký trong hội đồng kiêm cả chân tộc biểu. Gọi là đất cò trắng, đến đổi bao nhiêu lâu chẳng có anh mõ nào đến xin việc hầu hạ việc làng.

Ấy thế nhưng cũng may, làng còn có nổi cái trường học. Và như các làng Thượng, làng Nha lương trà ông giáo thì quỹ làng chịu. Vì thế mà con em trong làng được kéo nhau đi học tận suất.

Năm nọ, trường mới mở cửa, có cả những bác đầu to như cái rành, cũng ra nhờ thầy giáo khai sáng cho “ăn mày thánh” mười chữ. Người ta đồn bây giờ chữ quốc ngữ dễ học hơn chữ Nho, chỉ chịu khó nửa tháng đã biết đọc được truyện Kiều, truyện Nhị Độ Mai. Nhưng chỉ háo hức mấy hôm đầu. Rồi cũng bỏ dở cả vì miếng cơm manh áo phải lo. Và lại, con trai lớn đi học hay bị bọn con gái chế giễu. Thà chẳng học thì đừng... Rồi, ra trường học chỉ còn trẻ con lau nhau. Có hơn bốn chục đứa, mấy năm nay, ông Hoạch vẫn dạy mấy chục đứa trẻ ấy.

Những đứa bé đến trường mặc áo hay cởi trần cũng được. Con thầy giáo, thằng Biền đi học. Mực tím nham nhở đầy bụng và đầu. Khắp người chỗ nào lấm tẩm nốt ghẻ, và mảng đầu chốc quết mực vào, - phẩm tím cũng là thuốc chữa ghẻ. Cu Biền cởi trần tròng trọc. Hiếm lắm mới được có khi mặc, cái áo thái của thầy nó mà riêng cái túi áo cũng che lấp cả bụng cu Biền. Con thầy giáo ăn mặc sười sã như thế, cả lớp, quần áo học trò cũng rập theo na ná vậy. Thầy giáo Hoạch là một tay chơi, ăn vận bao giờ cũng chỉnh tề nhưng thầy chả có đâu mà để mắt đến học trò và con cái.

Thầy Hoạch chẵn dất đàn học trò được mấy năm mà đến năm nay, vào tháng sáu tây này có bốn đứa sắp đi thi sơ học yếu lược trên phủ. Kể ra, làng Thượng có được cái trường cũng đã là nhiều khê và khó khăn lắm. Nhưng cũng đã bởi lộc trời. Ngoài lối đi ra ngoài sông có một bãi trồng vải, các cụ trồng vải đã từ đời trước. Năm nào cũng vậy, quãng sang tháng Tư, quả vải đã nhu nhú chớm xanh, làng lại họp hội đồng để bán thầu bãi vải cho lái buôn các nơi! Năm nào cũng được ngót hơn một trăm bạc. Tiền chi vào trường học của làng đều nhờ trông vào bãi vải bán non. Nhưng năm nay, đã xảy ra việc rắc rối.

Bấy giờ đã hết tháng Ba, lá nhãn trên cành đã rợp đường. Trong trận mưa mới, đã có những cơn sấm rền. Hoa nhãn, hoa vải, hoa hồng bì đã rụng từng chùm màu vàng đọt đọt li ti như cánh vỏ trấu, rải đầy mặt đất. Quả non chớm, năm nay chắc được cả mùa vải, nhãn và hồng bì. Cây nào cũng chi chít những chùm quả non xanh.

Đột nhiên, một hôm trời đất u ám. Buổi trưa, gió nồm thổi hây hây. Mây đen kéo về xám nghịt.

Bắt đầu nổi gió to, như muốn bão. Mới vào hè, mà đã có mưa rào dữ, mưa như trống đánh toát tả vườn chuối. Mưa rào rào, dưới ao, nước mấp mé dâng lên vườn. Từng đàn cá rô, theo nước mới ngoi lên bờ, rạch khắp nơi.

Đến lúc tạnh mưa, cây cối phờ phạc tả tơi. Những cây hồng bì rũ rượi, bao nhiêu quả non rụng hết trong trận mưa rào nặng hạt. Và những hoa vải, hoa nhãn, hoa muỗm cũng rã rời cùng chung số phận khốn khổ ấy.

Mười hôm sau, lại một trận mưa tai ác thế. Thế là năm ấy, mất mùa vải. Chim tu hú xa xa kêu ròng rã mấy tháng hè, báo hiệu mùa vải mà suốt cánh bãi chỉ có vài chùm vải muộn, quả sắt se, đen xỉn đầu cuống.

Thế là tiền bán vải cho lái buôn năm nay không có. Tiền là của trời, mà trời không cho, đó là điều không may.

Nhưng các ông trong hương hội, các cụ phụ lão và ông phó lý không phải chỉ lo tiền chi vào trường học hàng tháng. Mà các nhà chức dịch còn một việc nóng hơn. Là cái đình làng, cần tu sửa ngay. Mái hồng, trông qua từng lỗ lên trời. Nước mưa chảy vào trong đình như nước rãnh lội ngoài sân. Mấy cái rui, mấy cái cột lớn đình đã chớm vết mối mục ruỗng cả. Rêu ám xanh om. Ở gậm án thư, mọc từng đám cỏ trắng bệu những cây nhãn, cây vải con con.

Buổi chiều ngày ba mươi, đầu tháng, theo lệ thường, ông từ ra mở cửa đình, vào hậu cung thắp hương. Ông vào, không thấy ông ra. Không ai chú ý vì ông từ vẫn ra ngủ đêm ở bực gỗ ngoài đình. Sớm hôm sau, cái dĩ Con ra ngoài đình gọi ông về ăn cơm. Đến trưa, cũng chẳng thấy ông cháu về. Bố nó bố ra đình. Trông thấy ông từ úp sấp bên gậm bực. Cái dĩ Con nằm nghiêng, mặt tái ngoét, mắt trợn ngược lòng trắng.

Ở trong bụng áo ông lão, con rắn mai găm khúc vàng khúc trắng, to bằng cái cẳng chân người lớn, ngoẵng ra, luồn bụi cỏ giữa bực gỗ.

Trong xóm, nghe tiếng kêu, mọi người đổ ra. Ông lão bị con mai găm cắn từ chiều hôm qua rồi rặn lại chui vào ngủ trong bụng áo ông lão. Đến khi dĩ Con ra đình. Nó tưởng ông uống rượu nằm chơi, nó đến lay ông...

Hôm sau, người ta bới đóng cỏ trong gậm án thư đánh chết được con rắn mai găm dài hơn cái đòn ổng.

Từ ngày ông từ chết, không ai dám lai vãng ra đình, cũng không cụ nào ra thế chân thủ từ đình. Đến rằm

mùng một, phải đốt đuốc, soi các góc đình, các cụ mới dám theo tuần đình vác dao vào thắp hương.

Cần chữa đình lại. Các đàn anh trong làng đã dự trù việc làm đình. Có thể lấy tiền bán các chân chức vị. Một chân “lý hào” sáu chục. Mỗi chân “hương hào” bốn chục. Mỗi tên “nhiêu” thì mười đồng. Phải lúc bình thường, chân “lý hào” ít ra phải chõng một trăm không kể khao vọng. Quên bết hạng như anh “nhiêu” cũng giám ra hai mươi lăm đồng. Nhưng tính rồi cũng chưa đủ. Xem chừng cũng chẳng bán được mấy chân chức việc. Có cái lý, cái hương, anh nhiều khỏi phải đi đê, đi phu, lại được vai quan viên ngồi văn chỉ, nhưng bối đâu ra tiền thêm mà làm đình.

Ông phó lý nói:

- Trên thừa các cụ, tôi thiết tưởng việc chữa đình phải hưng công ngay. Còn một ít nữa, định trồng đờ vào bãi vải. Vải năm nay lại mất mùa. Ta đem hạ làm củi tất cả những cây cối ấy đi, rẻ ra cũng được xấp xỉ trăm bạc. Rồi gọi lái bán non luôn một năm vải sang năm. Cái giống vải bao giờ cũng được mùa cách năm. Các cụ nghĩ sao?

- Còn trường học thì tính thế nào?

- Trường học thì ta đặt lệ...

- Dào ôi! Đình nát thì thánh sai răn về căn chết người đấy. Chẳng có ông giáo cũng đành, đón quách ông đồ, chỉ mất cơm nuôi, cuối năm tiền mười đồng là êm chuyện.

Người ta cho là chí lý theo lời bàn của ông phó và các ông hương hội. Còn nhà nào còn có con em đi học thì tháng tháng phải đóng tiền. Công việc làm đình bắt đầu. Làng đã cắt người ra bến mua gỗ, đi thừa gạch, thừa ngói, tìm thợ ngỗa, thợ xây. Ban hương hội cũng báo cho ông giáo Hoành biết các cụ bàn về trường học như vậy.

Chẳng ai báo, hương hội chưa bàn xong thầy giáo Hoành đã biết cả rồi.

Cảnh trường cứ tiêu điều. Đầu tiên, vẫn đi quá một nửa học trò con cái những nhà ông xót tiền. Tháng ấy, chỉ còn những đứa trẻ nhà ông trong ban hội đồng đương thứ. Tháng sau, con cái nhà các ông chánh, ông phó cũng nghỉ học. Rồi chỉ còn lại bốn đứa, mai kia sắp lên phủ đi thi lấy bằng Sơ học Yếu lược. Cha mẹ có cho con theo thầy, dù mỗi tháng phải tốn một hào bạc với hai xu tiền phần viết bảng.

Tình cảnh giáo Hoành nguy ngập quá. Lương lậu lợt đọt chẳng còn ra thế nào. Cho tới tháng thứ ba... Cả những ông chức dịch như cũng muốn lờ đi. Người ta còn đương tưu tít chạy vào việc làm đình.

Một hôm, giáo Hoành vào nhà ông phó lý. Từ khi có lệ học trò đóng tiền, các ông hương hội không bén mảng ra trường nữa. Ông phó lý nghe, rồi nói:

- Ông giáo ạ, việc này không phải của tôi. Nhưng tôi cũng cứ bàn với ông giáo. Hay là tôi nói với các

ông ấy để ông giáo tạm nghỉ ít lâu. Làng bây giờ thật không còn tiền. Bao nhiêu đổ cả vào đình. Bao giờ xong việc đình đám thì mời ông giáo lên giúp cho làng.

Giáo Hoành thở dài, không nói một câu nào nữa. Đang nghĩ đến vợ và ba đứa con leo neho. Bỏ, anh đi đâu, làm nghề ngỗng gì bây giờ?

Chương Ix:

hế là thầy giáo Hoành dọn về quê. Quê thầy ở Đông Lao. Từ Phú Gia đi vào miền trong chừng quá nửa buổi thì tới nơi. Nói là dọn nhà cho có việc, thực ra chẳng có gì. Cái giường phản đồ và tre gỗ nặng, thầy đã bán và để lại cho người ta cả rồi.

Bà giáo Hoành xách một cái tay nải nâu, ông quảy hai bọc giấy nhật trình buộc dây chuối. Đây là những đồ lặt vặt, cái đèn hoa kỳ, cái bát điều. Còn quần áo của ai, thì người ấy đã mặc cả vào mình rồi. Bà giáo ăn vận như trời rét ngày Tết. Quần thâm, cái thắt lưng có giải yếm mớ ba mớ bảy. Đầu bịt khăn vuông mỏ quạ kín hai tai, quặt ra đằng sau. Tắm áo the nâu mặc răn rúm như vừa lấy trong vó ra. Ba đứa trẻ con cũng đủ quần, không đứa nào cởi trần. Tay xách gói, lưng bà cũng thẳng cu Con. Thằng Biền dắt cái Gia. Con bé mới đi chập chững bước một. Chắc chốc nữa, ra ngoài giữa cánh đồng vắng, bố nó phải công nó đỡ mẹ. Nhưng giáo Hoành mà công con thì hỏng mất bộ quần áo hộp. Bao giờ thì thầy Hoành cũng chừng chạc như thường. Thầy đội khăn xếp nhiều tây, đeo đôi kính râu. Áo the cặp. Quần gấp đầu giường như là quần ống số. Đôi giày tây có cổ bước cộp cộp.

Bấy giờ hãy còn sớm. Mặt trời chưa mọc. Phương đông, sau lũy tre, mây ửng đỏ như có đám cháy lớn. Cả bốn đứa học trò sắp đi thi Sơ học Yếu lược cũng đến nhà chào thầy. Lại cả bốn đứa đi tiên. Thầy giáo Hoành xoa đầu từng đứa rồi nói ngậm ngùi:

- Ngày mai, các anh sang bên Nha học thầy Câu. Tôi đã nói với thầy rồi. Cố học chăm để thi đỗ, khỏi phụ công thầy. Bao giờ làng mở trường, thầy lại ra. Thôi thầy nói bấy nhiêu...

Cảm động, thầy ngập ngừng không nói được ra lời. Bốn đứa học trò mũi lòng, khóc òa. Rồi thằng Biền, cái Gia - và thằng cu Con - cùng nức nở theo. Cả đôi bên lũ trẻ khóc lóc như đàn chim ri kêu.

Bốn đứa học trò đứng ngơ ngẩn trông theo. Những đứa bé mờ mờ đi trước, rồi bóng thầy, bóng cô lẫn vào những vòm tre xanh om. Chúng nó lại meo máo. Trên đường vào làng, người ta gặp bốn đứa trẻ vừa đi vừa khóc sụt sùi.

Từ đấy, không ai biết gia đình nhà ông giáo Hoành rồi ra làm sao. Chẳng lần nào ông giáo Hoành lại vắng ra ngoài này nữa. Cái trường học trước là cái hành lang. Bây giờ, người ta làm chỗ cho thợ nề, thợ mộc che chắn ngủ đậu. Khi đình cất xong, người ta lấy chỗ ấy làm gian chứa đòn khiêng đám ma và cái vồng vong gỗ mộc [1]. Làng không làm lại trường học nữa.

Chiều hôm ấy, giáo Câu sang Phú Gia. Mấy tháng nay, Câu đã biết cái tình cảnh khốn đốn của nhà giáo Hoành. Từ khi vắng Kèn, đôi bạn đối với nhau lại càng gần gũi hơn. Có lẽ họ thấy lẻ loi quá. Giáo Răng

thì không thể hợp tâm tính hai người rồi. Anh ta dạy chữ, lại dạy kèm cả võ. Làng Thượng, ai cũng phục thầy giáo Răng lăm. Nhà giáo văn giáo võ đủ vánh. Những đứa học trò bên Thượng, tự nhiên cũng sinh ra bướng và hỗn. Chúng hay kéo nhau sang đầu đồng đón học trò trường Nha gạ đấu võ. Cái giống trẻ con thích võ.

Câu sang bên Phú Gia, hỏi thăm mới biết Hoạch đã cùng vợ con mới dọn về quê sáng sớm hôm qua. Câu ngạc nhiên. Mặc dầu Câu vẫn biết trước sau thế nào Hoạch cũng phải đi. Anh đã gửi bốn đứa học trò sang trường Câu. Sao Hoạch không cho Câu biết, để Câu sang chơi một hôm. Hoạch giả Hoạch cũng muốn giấu chẳng? Ừ, mà giấu là phải. Một đoàn một lũ cha con vợ chồng loi thôi bỗng bề nhau như chạy nước lụt, đẹp đẽ gì phải nài người đón đưa. Xưa nay, Hoạch lại là tay sĩ diện, ưa cái mã bề ngoài. Chắc Hoạch nghĩ khổ trong lòng lắm.

Tự nhiên, Câu rưng rưng như muốn khóc.

Lùi thui, Câu quay về.

Câu đi về, vòng lối đồng qua làng Thượng, tạt sang cầu.

Ngày mùa hè dài dặc. Mặt trời mấp mé xuống cánh đồng mà còn lóe chói rực rỡ. Những tảng mây trắng nhuộm ánh nắng, đỏ khé. Mây từ từ từng đám trôi qua nền trời xanh. Gió reo rì rào trong ruộng lúa. Đâu đây tiếng diều đồ sáo đầu reo vo vo.

Câu bước nhẩn nha. Sao mà hai đầu gối mỏi, chỉ muốn khụy. Đầu gối mỏi với nỗi buồn tái tê trong lòng.

Vụt chốc, bóng tối xuống. Bấy giờ đã là nhá nhem. Phía tây, mờ mờ một vết mây đỏ xẫm. Cánh đồng bằng lảng tối. Bên đường chỉ chút những tấm hoa cỏ may, giải một nền chì chập chờn. Trong xóm trước mặt, vắng đưa lại những tiếng í ới bọn trẻ con tắm, đùa nhau ngoài ao. Và nhiều tiếng riu rít, tiếng chim kêu, chim hót, không phân biệt được. Đó là tiếng hoàng hôn đương vào cánh đồng, bao la. Mây mờ đi, tan dần với vùng trời bằng bạc xám.

Câu về đến đoạn đường rẽ ba. Một đặng lên phủ. Một lối vào trong làng. Theo đường vào làng, chỉ vài bước chân thì về đến đầu cầu. Đường vắng teo. Câu vẫn buồn rã rời, bải hoải đến rã cánh tay. Gió thổi kéo xõa mái tóc cánh gà của anh xuống hai bên tai. Hai vạt áo khách trắng bay lên phần phật.

Một nỗi buồn mênh mông xâm chiếm lòng chàng. Trước hết, Câu nghĩ đến cái tương lai mờ mịt của mình. Mờ mịt, phải, mờ mịt quá. Bấy lâu, chàng đã sống bấp bênh, tạm bợ, một thân một mình, muốn ra sao thì ra. Một ngày kia, ngộ đèo thêm cái ách vợ con vào như giáo Hoạch thì sao. Chao ơi! Bấy giờ thì còn khổ đến thế nào! Câu thở dài.

Nhưng chàng lại mỉm cười. Nụ cười nhỏ lại tắt ngay. Coi như một cái nhếch mép không phải một nụ

cười. Bởi anh vừa cười vừa tự nhạo mình. Có bao giờ Câu dám nghĩ đến chuyện mơ màng vợ con! Nhất là từ khi mối tình của chàng và Miến lạt phai. Lạt phai vì những duyên cớ mỏng manh không đâu. Bây giờ thì xa xôi quá rồi... xa quá rồi... Nỗi buồn thấm thía, chua chát của bóng dáng một mảnh tình. Rồi chàng lần quần nghĩ rằng giả chàng gặp Miến bây giờ. Ừ, chàng gặp Miến bây giờ, chàng sẽ nói rất nhiều. Chàng níu lấy Miến. Chàng hỏi tại làm sao cô lại quên nhau đến ngót một năm trời nay. Chàng cắt nghĩa cho Miến nghe những thế này... những thế này... Chàng nắm lấy bàn tay Miến. Hai người cùng im lặng nhìn nhau. Cứ đứng lặng như vậy, một lúc thật lâu.

Anh chàng không tưởng tượng được thêm gì nữa, sự thực lại trở về, càng buồn hơn lúc nãy. Điều xa cách đã xa cách quá rồi. Mà sao Câu vẫn nghe như mình vẫn tơ vương. Giá mà Câu gặp Miến bây giờ. Câu sẽ... Câu sẽ...

Những bước guốc của Câu lộc cộc trên đất đá lổn nhổn. Tiếng guốc trong vắng lặng cánh đồng. Trời tối mờ mờ, đằng trước không có ai, cái đầu cầu Phượng trắng trắng bắc ngang sông Lịch.

Câu chợt quay lại. Có bóng người đi đằng sau. Dáng cao cao tha thướt. Hình như sợ tối và vắng vẻ, người ấy đi nhanh, sắp kịp Câu. Đến lúc nghe phía sau lạt sạt bước, Câu quay lại. Câu nhìn trố cả hai mắt. Người ấy là cô Miến.

Phải, cô Miến. Miến chân đi đất, mặc áo dài nâu non thắt quả găng. Đôi ống quần xắn cao hênh hếch. Đầu cô không mang nón. Một tay xách lồng thông hai cây mía đỏ dài ngòng ngoèo. Cô đi đâu mà sao lại có sự gặp gỡ đường đột đến lạ lùng thế này?

Thoạt trông thấy Câu, hình như cô ngượng ríu hai chân. Mà anh chàng tưởng như trời đã đen thẫm lại. Ôi, trời đổ thực. Hai mắt Câu chớp chớp, anh run như đương gậy lên cơn rét. Lưng áo, mồ hôi toát ra từ lúc nào. Dường như anh chỉ thở ra. Muốn nói nhưng nghẹn tắc cổ.

Miến đã đi kịp Câu. Nàng bước tránh sang một bên đường. Rồi nàng đi quá một chút. Vẫn chưa trấn tĩnh nổi, nhà giáo còn luống cuống lắm. Anh càng luống cuống hơn, khi Miến đã đi lên trước anh đến ba bốn bước. Anh cố nuốt nước bọt để nghĩ một câu. Một câu thôi, nếu không thì Miến đi khỏi. Về đến kia đã là đầu cầu. Quá vài bước nữa vào trong xóm rồi. Ở đây, một bên ruộng, một bên bãi sông. Không có ai. Ngại gì nữa. Câu lú lẩn đi mất rồi sao. Trước nhất, nhà giáo măm mê lại. Có lẽ để lấy can đảm. Chẳng gì xa nhau đã lâu và lại xa vì giận dỗi, cũng ngượng lắm. Nhà giáo thốt ra một câu, anh gọi:

- Cô Miến!

Miến nhìn lại. Rồi Miến lại quay đi. Nhưng câu hỏi đã ra khỏi miệng.

- Lại cho tôi hỏi cái này, cô Miến!

- ...

- Tôi hỏi...

Miến đứng và rồi Miến quay lại. Ôi chao, nào Câu biết hỏi câu gì bây giờ? Vừa rồi, nhà giáo chỉ gọi liều một câu. May quá, Miến lại cất lời trước. Miến nói:

- Bác lại còn hỏi tôi làm gì nữa!

Câu ngẩn ngơ:

- Ô hay, Miến giận tôi thực à?

- Nào tôi dám giận... bác!

- Sao Miến lại gọi tôi thế? Tôi có làm gì để cho Miến giận? Mấy tháng nay, tôi vẫn mong Miến đến chơi để tôi...

Câu nói được mấy câu như thế, hình như làm cho Miến đã bớt ngay giận. Miến đứng yên, hai tay vân vê lẫn tròn cây mía, Câu hỏi:

- Miến mua mía ở đâu thế?

- Mua ở trên chợ.

- Sao đi chợ tối thế?

- Không, đi qua chợ thì mua.

- Miến đi đâu về?

- Đưa chị cả Diễm ra bến tàu xuống Kê Chợ ra tàu Phòng.

- À.

Câu hiểu. Từ mấy hôm nay, vợ Diễm đem một đứa con về nhà ăn giỗ. Giỗ cụ sinh ra ông khán Tịnh. Vì không xin được phép nghỉ, Diễm để vợ về một mình. Đáng hắn chị Diễm đem con ra Hà Nội chơi với mấy chị em ngoài ấy, rồi mai mới xuống Hải Phòng. Miến ẩm cháu tiền chị ra bến xe rồi quay về, nhân tiện, vào chợ mua cây mía, xách lồng thông về đây.

Hai người đứng giữa đường. Con đường trắng ngoằn ngoèo mờ mờ trong bóng chiều. Lường lự muốn đi, lại muốn đứng. Nhưng chẳng ai nói, cũng chẳng ai đi. Miến vẫn cúi mặt. Còn nhà giáo lại chưa biết nói thế nào. Đương lúc ấy, từ trong lối ngõ xóm ở ven bờ sông, văng có tiếng đàn bà cãi nhau léo xéo đưa lại. Hai người giật mình.

Câu bảo:

- Miến đứng tránh vào bên một tí. Tôi muốn nói với Miến.

Miến vẫn đứng yên.

- Đi, Miến...

Câu giục lần nữa, nàng ngẩng mặt lên nhìn Câu rồi lại cúi xuống và nhẹ nhàng đi theo Câu. Hai người rẽ xuống ruộng, đứng vào sau một gò cỏ cao. Tuy Miến cúi mặt, nhưng Câu hình như trông thấy hai khóe mắt nàng lóng lánh. Chao ôi, Miến khóc. Câu bối rối quá. Câu luống cuống đi trước đến gò cỏ, chỗ đã khuất hẳn đường phía ngoài. Họ đứng quay mặt vào trong gò cỏ ấu xanh mờ.

Trên đầu gò, phơ phất làn hoa may. Câu nhìn lên. Một ngôi sao chiều sáng long lanh trên ngọn cỏ. Câu bứt vơ vơ mấy lá cỏ ấu.

- Miến...

- Tôi xin lỗi Miến.

Miến nước nở khóc thành tiếng. Nước mắt chảy xuống hai bên má. Nàng lấy giải yếm che mặt, rồi Miến nói khẽ:

- Mấy tháng trời nay, tôi nghĩ ngợi mà buồn về cậu. Ai lại chơi bởi thế bao giờ. Cậu có yêu tôi đâu!

- Miến đừng nói thế. Thực quả tôi...

- Cậu còn mơ tưởng các con nhà trò.

- Tự dưng chúng nó dẫn xác đến, chứ tôi có biết gì.

- Cái nhà giáo Hoạch chẳng còn ở đây nữa mà rủ rê cậu. Nhà ấy đi tôi chẳng tiếc. Tôi chỉ thương anh giáo Kền.

Câu lặng yên, sung sướng mà nghe người yêu nói về mấy người bạn của anh. Nàng đã đứng lại, nàng đã nói, thế là cơn hờn đã tan, chắc thế. Câu nói:

- Tôi đã có lời xin lỗi Miến rồi. Mồm miệng người ta hay thêu dệt ra lắm chuyện. Mà thực có gì đâu!

- Oan lắm đấy!

- Thôi mà.

Câu cầm tay Miến. Miến ngoái người đi. Bàn tay nàng vẫn nắm trong bàn tay chàng. Và miệng nàng mím

mím. Hình như giọt nước mắt vẫn lăn nhẹ trên má. Giọt nước mắt ấy không còn ý nghĩa chi. Con gái chúa là mau nước mắt. Cái gì cũng khóc được thôi.

Câu nói:

- Miến đừng khóc nữa. Ông giăng ông ấy cười cho kia kìa.

Miến ngoảnh lại. Cuối cánh đồng vùng trăng tròn vành vạnh, nhô lên. Hôm nay mười sáu. Bấy giờ ngày cũng chưa hết hẳn. Mặt trăng tròn như chiếc mâm đồng, trắng nhạt. Tuy vậy, ánh trăng cũng đã lan sang sáng mặt đất. Bóng hai người ngã xuống mặt cỏ bên gò.

Miến nói:

- Tôi không hiểu cậu có thực lòng... yêu tôi không?

- Tôi lại còn biết nói thế nào nữa. Có ông giăng kia làm chứng cho. Lúc nào tôi cũng chỉ nghĩ đến sau này lấy được Miến.

Miến ngược nhìn trăng. Mặt trăng nghiêm trang đứng trên vòm trời bát ngát, thăm thẳm.

Miến nói:

- Tôi thực hết lòng với cậu. Sau này mà chả lấy được nhau thì chết chứ chả sống làm gì.

- Chỉ nói đại. Miến nói thế ông giăng nghe tiếng, ông ấy biết rồi.

- Ủ, mà ông giăng ông ấy đương nhìn chúng mình?

- Ông ấy còn nghe tiếng ta nói nữa. Ví bằng sau này chẳng lấy được nhau ...

- ... Thì chết đi.

- Miến chỉ nói đại.

Câu nắm chặt cả bàn tay Miến... Câu quệt yêu vào má Miến, nói: “Từ giờ chừa nói đại nhá”. Má nàng cũng nóng rừ như bàn tay. Câu băng khuâng như nằm mê bắt được cô tiên trên cung trăng sa xuống. Bấy lâu, giận Câu, cũng chỉ vì quá yêu mà thôi. Bây giờ cơn hờn đã tan, như cái gió nồm man mát thoảng qua. Ánh trăng láy vào trong mắt. Đôi mắt Miến ngời lên, bởi chút nước mắt ban nãy còn ánh lại bên khóe. Miến mím cười liếc Câu.

Trên cánh đồng bát ngát, ông trăng túm tùm với hai người.

Chú thích:

1- Những việc về lương các hương sư trường làng tác giả kể trong chương này đều đã xảy ra trước khi nghị định các quan đầu tỉnh cho lương hương sư lấy vào thuế thân hàng năm như “phụ thu lạm bổ ” do trên tỉnh chủ trương. T.H

Chương X:

ăm tháng Bảy. Mọi nhà đều ăn Tết rằm, người ta làm cỗ vào buổi trưa. Các khung cử, lồng tơ đều nghỉ. Cơm nước xong, con trai con gái lũ lượt kéo nhau ra đường đi nhớn nhỡ. Con trai thì ra ngồi tều ngoài cửa đình. Con gái từng đám, đi lễ chùa, đi xem bói “thơ tiên” ở ấp Đông. Cảnh nhàn nhã một ngày Tết tháng Bảy, vui nhất đám trẻ con. Những đứa trẻ trường làng Nha cũng đều được nghỉ. Chúng chạy nhông khắp chốn.

Buổi chiều mười bốn, Câu gặp Miến. Lúc bấy giờ đã nhọ mặt người. Miến vào nhà bà Thiêm. Bà lão với cháu lúi húi trong bếp, đun nấu cỗ. Chuyện hai người thì thào ngoài ngõ mấy câu, Câu đã nắm tay Miến.

Miến nói trước:

- Mai đi chơi nhá?
- Miến bảo đi đâu?
- Đi xem “thơ tiên”. Cậu đợi ở bụi tre đầu làng Thượng. Tôi bảo cậu cái này, tôi có cái này hay lắm kia.

Rồi Miến tắt tả ra, Câu vội chạy theo.

- Ấy!
- Gì thế?
- Thế mai độ mấy giờ?
- Ờ nhỉ. Tí nữa lú mất. Cứ bên này cậu ăn cỗ buổi trưa xong.

Quãng giữa trưa hôm sau nhà giáo đã tề chỉnh tươm tất. Ăn uống nháo nhào, còn thiết gì nữa. Từ dạo ấy, trên mặt Câu không mấy khi vắng miệng cười mủm mỉm. Lại cũng không hay đánh học trò nữa.

Anh chàng huyết sáo miệng, chúm miệng huyết “huy huy”. Nhà giáo vừa chải tóc xong. Tóc đã mượt, anh còn ngả bên nọ, ngoẹo bên kia, miết nghiêng chiếc lược xuống cho tóc thực thẳng, thực bóng. Rồi anh nheo mắt. Giả cách mím một nụ cười tình. Chợt ngượng, quay lại. Nhưng đằng sau không có ai. Anh ngấm lại anh. Cái đầu bóng nhoáng, bao nhiêu công phu mới chải được. Trong áo khách trắng bộp. Ngoài, áo trắng dài nguyên nếp gấp. Quần cũng mới đúng như vậy. Chân xỏ đôi guốc sơn nàu cánh rạn. Tuy hai quai guốc

hơi mốc, nhưng anh đã ngâm guốc xuống nước từ lúc này cho nó đen thẫm lại. Và, không đội mũ. Chải được cái đầu cù thế, phải đi đầu trần cho diện. Và lại đã sang tháng Bảy mát trời.

Bây giờ thì đủ lệ bộ rồi. Anh ngồi đợi cho đồng hồ điểm chuông mười hai giờ rưỡi. Cái đồng hồ để trong chiếc án thư một, khập khiễng một chân, chỗ ấy giáp cái giường tre. Dù án thư đổ, cũng không rơi được. Anh đã để cẩn thận. Cái đồng hồ như một đồ vật cần dùng và quý báu cả làng cũng chẳng ai có. Chiếc đồng hồ chằm cằm. Nó hình chữ nhật như hòn gạch chỉ mà đặt dựng đứng, có một cái quai xách. Đằng sau, hai cánh cửa khi mở nom thấy máy móc bằng đồng vàng chói. Bánh xe răng cưa dây cót tròn một cục. Lại lù lù một cuộn gai như vỏ gấc. Cái cuộn gai này để cho đồng hồ đánh đàn. Ngày đêm cứ mỗi nửa giờ tự dừng đồng hồ đánh đàn một hồi “từng từng tinh tang tàng từng tính...”. Hễ nghe thoáng tiếng đồng hồ gảy đàn, thẳng Nến lại chạy đến, kê ngoặt miệng vào thành bàn, hai mắt thao láo, ngơ ngác nhìn. Nhiều lần bà Thiêm cũng đến nghe và lần nào cũng khen một câu: “Cái máy đồng hồ tài quá”.

Trong yên lặng, bỗng tiếng dây cót chạy sè sè cọt cọt. Rồi một hồi đàn đồng hồ văng lên.

Đấy, mười hai giờ rưỡi. Mười hai giờ rưỡi, chẳng gì cả, chẳng sao hết mà Câu cũng giật mình. Anh ngấm lại một lần nữa, xem đã thực tề chỉnh chưa. Rồi đôi guốc lóc cóc, bước ra ngõ.

Nơi hẹn, đầu làng một bờ tre dài, rủ bóng xuống mặt đường. Mùa này, lá tre vàng lác đác rụng. Một bên, bãi rau muống và phía ngoài, dòng sông Lịch nhỏ bé uốn khúc chảy quanh co.

Giáo Câu tới khóm tre chỗ hẹn, đứng loanh quanh, rồi đi dạo bước một. Hai tay chấp sau lưng, như người hóng mát.

Cũng nhiều người đi chơi ngoài kia. Từng đám trẻ con mặc áo lụa tơ sống vàng khè, lưng áo in dấu son nhà chùa đỏ chói, chạy riu rít. Những cô con gái áo the, áo nâu non đồng lắm mới với những túm thắt lưng thiên thanh, hoa lý, hoa hiên, hoa đào, đi hóp thành từng bọn. Vẫn chưa thấy bóng Miến. Và Miến đi một mình hay là dắt thêm cháu Nấm. Vì cô đã hẹn Câu. Chắc đợi nhau chỗ này cho gặp, rồi sẽ theo đường tắt sang ấp Đông. Con đường ấy vắng, có thể đi tay đôi được tự nhiên.

Từ trong lối xóm đi ra, dáng ai như cô Miến. Miến thực. Miến mặc áo vải rộng không cài khuy, hai vạt áo trước thắt quả găng. Một tay cô dắt thẳng Nấm, miệng nhai trầu, phúng phính. Mặt mày hớn hở tươi như cái hoa.

Nhưng, cùng đi với cô, còn có hai cô bạn. Cô Khuyên và cô Lụa. Cô Khuyên cũng mặc áo vải rộng, thắt quả găng. Miến có giải yếm màu hoa đào, thắt lưng lụa bạch như Khuyên. Cô này, dù ngày Tết mà cũng hay quên, cứ mặc quần cao, hếch ống về đằng trước. Riêng cô Lụa, ăn mặc hơi quê hơn hai bạn. Cô mặc áo the thâm, thắt lưng bao màu hoa lý. Ở một bên cạnh sườn, có chiếc chìa khóa đồng. Mỗi bước đi, chùm xà tích chạm nhau lách cách. Ba cô cùng đi guốc. Tiếng guốc nhộn lên như những nhịp cười ròn rã.

Lúc đi giáp mặt Câu, ba cô cùng kính cẩn chào:

- Lạy bác, bác giáo đi chơi ạ?

Nhà giáo ngượng ngịu:

- Vâng, các cô đi lễ.

Thằng Nấm cũng lạy thầy, nhưng thầy không nghe tiếng. Ba cô đi khỏi. Những vạt áo bay phất phới. Nhà giáo lại bước lững thững. Một lát, một lát, lại đứng sững, ngó lại. Ba cô thấp thoáng, xa dần. Rồi nhà giáo cũng quay lại, từ từ đi theo. Nhưng ra đến đầu lũy tre, vẫn thấy ba cô và thằng cháu đi với nhau. Chẳng lẽ Câu lại theo nữa, theo sang ấp Đông. Không thể được.

Câu đứng nhìn theo hút ba người rồi chép miệng.

Câu bước xuống vệ đường, đi về phía gò cỏ hôm nọ. Ngồi đấy, bao giờ ba cô về, có thể trông thấy rõ ràng từ đằng xa. Lót hai chiếc guốc xuống cỏ, Câu ngẩn ngơ ngồi ngắm ra cánh đồng.

Chương Xi:

hực tình, Miến định đi riêng, mà chỉ dắt thẳng Nấm, để khỏi ai chú ý. Sang tới đầu làng Thượng, Miến và Câu sẽ theo đường tắt lên ấp Đông. Rồi có vào lễ xem “thơ tiên” hay không thì định sau. Vì Miến muốn đưa cho người yêu “cái này” và muốn nói câu chuyện cần.

Nhưng mọi việc tính toán đều sai cả. Bởi vì Miến đã nói trước với ở nhà là rằm tháng Bảy đi xem “thơ tiên”. Thế là Khuyên và Lua đến rủ Miến đi. Là chị em trong xóm và cũng không biết từ chối thế nào, Miến đành cùng cháu Nấm đi sang ấp Đông với hai cô bạn.

Lúc gặp Câu, Miến bản khoăn quá. Song, chẳng lẽ dám thế nào. Câu chuyện yêu đương giấu diếm, ai biết, thì rồi ầm ĩ khắp làng. Miến phải tảng lờ đi. Nàng cũng không dám quay lại xem nhà giáo đi theo hay là lù lũi ra về. Tới lúc đi một quãng xa, mới ghé nhìn lại. Nhưng chỉ thấy bụi tre xanh xanh đầu làng Thượng. Nàng vẫn đi, nhưng trong lòng buồn buồn, thương nhà giáo mất công chờ đợi. Song cái buồn cũng chỉ thoáng qua. Những câu chuyện dí dỏm, ma mãnh của hai cô bạn làm cho Miến khuây đi. Rồi Miến lại bẻm mép chẳng kém Khuyên và Lua.

Chẳng bao chốc, đã tới ấp Đông.

Khắp cả vùng, đàn bà và con gái đồn ở ấp Đông có một cửa điện cô đồng cho thơ tiên hay lắm. Vào tháng Giêng hay là ngày Tết nhất thông thả, người rủ nhau đi xem đồng. Có khối người tận ngoài Kê Chợ cũng chịu khó hời thăm về tận nơi. Khi nào ở đây người ta nói “có người ở Kê Chợ cũng biết”, tất đã là một việc có tiếng tăm.

Đây cũng là một cửa điện như điện “cô” đồng Toàn bên Nha, điện “ông” đồng Mía bên Thượng. Nhưng thẳng Toàn và bác Mía là những nhà đồng nghèo ít lộc, người đi lễ chỉ là những bà con loanh quanh lối xóm. Ở ấp Đông là một ông đồng, ông đồng Điều. Thánh đương cho ông đồng Điều ăn lộc, cửa điện luôn luôn có khách khứa dập dìu. Ông đồng Điều, gọi là ông, theo tên của nhà thánh, nhưng với dương gian, ông đồng là một thị met, đàn bà bắt đồng ông. Ngày còn trẻ, bà Điều cũng đi lang chạ, có nhiều chồng thiên hạ lắm. Đến khi đứng tuổi, không còn chồng nào, thì bà về làng nối đồng ông. Ông đồng Điều mặc áo lụa điều, quần lĩnh hoa chanh. Cái khăn nhiễu tam giang quấn trên đầu, chông búi tóc lên. Miệng ông đồng ăn trầu thuốc cắn chỉ cả hai môi, lúc nào cũng lại ngậm phập phèo môi thuốc lá quấn lấy. Ngày trước, điện đồng Điều chỉ cúng lễ xem bói bằng lá trầu không. Ít lâu nay, đồng Điều đón được một thầy bói sáng đoán số bằng thơ, gọi việc thánh là cho thơ tiên. Người ta càng năng đến lễ và xin thơ.

Ba cô gái làng Nha vào đến nhà đồng Điều đã có nhiều người đương lễ. Đồng Điều tong tả đi lại, nhai

trầu bôm bôm, nói nói, cười cười. Trên bàn thờ điện, khói hương thơm ngào ngạt. Người lễ lể lồm ngồm la liệt. Người đứng trong, kẻ đứng ngoài, cứ lễ lẫn vào lẫn nhau.

Thấy ba cô gái đi vào, đồng Điếu tất tưởi chạy ra. Các cô chào lúu nhúu, “Ông” đồng Điếu nhổ quết trầu rồi cười toe toét:

- Các cô vào lễ thánh.

Ba cô vào lễ. Các cô ngồi xuống chiếu, xếp nghiêng đầu gối, khép tà áo trước sau, rồi chắp hai tay, vái thật dẻo. Mỗi một lễ, khi cúi đầu, chống hai bàn tay xuống chiếu, mắt ngược lên lá màn điều nửa vắt nửa buông. Ở trong, lấp ló một pho tượng nhỏ vàng chói. Không biết bằng giấy trang kim hay bằng gì, chẳng ai dám trông kỹ. Lễ xong, các cô sang ngồi phản bên. Đồng Điếu đã bưng cơi trầu đến:

- Các cô xem quẻ thánh?

- Thừa vâng.

Một thằng bé chừng mười lăm, mười sáu chút khăn lượt, áo the dài, quần nâu, đi chân đất cầm quyển sổ con và cái bút chì. Đồng Điếu hỏi, các cô trả lời câu gì thì biên ngay vào sổ. Thằng bé biên nhoay nhoáy, - Nó đã quen việc nhà đền nhà thánh.

- Cô nói họ, nói tên.

- Cháu họ Lê tên là Miến.

- Lê thị Miến. Bao nhiêu tuổi?

- Cháu mười chín.

- Cô cầu gì? Cầu tài, cầu duyên chứ? - Miến bẽn lẽn, hai má ửng đỏ.

Thằng bé cứ biên lia lịa. Rồi đồng Điếu hỏi các cô Khuyên, cô Lua cũng như hỏi Miến. Ba cô mỗi cô đưa ra năm xu tiền đặt quẻ, rồi ngồi đợi thánh giáng thơ.

Trên điện, đèn nến nghi ngút. Bên phải cạnh chiếc mâm bằng đồng sơn đỏ bày ba nải chuối xanh, treo một dải phướn. Đầu trên, có một con chim tạc bằng gỗ, xòe hai cánh, mỏ quặp dải phướn. Trông không rõ hình thù con quạ, hay con vẹt. Người ta bảo đấy là con hạc thần. Con hạc thần được buộc lưng trên xà nhà thế nào, cũng không ai trông được rõ. Vì ở đấy lại có một cái mảnh màn che, khói hương, khói trầm lúc nào cũng bốc nghi ngút. Đầu dưới dải phướn cắm ngang một que hương.

Ngồi cạnh đấy, một ông lão chút khăn lượt búi tóc, đeo kính, quần áo lụa điều cứ trông vào khói hương mà ê a đọc vanh vách ra thơ. Thánh giáng thơ vào que hương. Thánh sai hạc thần ngậm hương. Rồi khói

hương viết ra một chữ của thánh mà người ta bảo chỉ có cái ông già bói sáng ngời gặt gù đó mới đọc được chữ thánh thôi.

Ông lão cầm từng mảnh giấy của thằng bé con đưa vào. Cứ lần lượt, ông đọc. Ông lại lấy gân cổ, cất giọng nghêu ngao như hát chèo. Ông hát xong mỗi câu, một bác đàn ông cũng khăn áo tề chỉnh ngồi ngoài nhà, hát lấy lại câu ấy. Bác này hát to tiếng gấp đôi ông lão áo lụa điều kia. Bác hát mới ghê, tiếng đã ông ổng, lại điểm thêm những “ê, a, ây, ày” hệt như người kếp tuồng đương ra roi ngựa hát bài đường trường. Mọi người đều lặng yên nghe, trong khi thằng bé lại hí húi biên các câu ấy ra tờ giấy điều. Tờ giấy, đem phát cho mỗi người xem thơ.

Ba cô gái ngồi đợi đến lượt thánh giáng thơ. Ông lão đương đọc to. Bác kia cũng đương hát. Ngoài hiên, đồng Điều đương hỏi tên tuổi những người đến sau.

Chợt ông lão im bật. Có ba tiếng chuông thính lên. Đây là người ta báo hiệu khi thánh thăng. Nghĩa là trong điện ồn ào, tục tũ, thánh giận, thánh về. Cái bác ấy thôi hát, đứng lên quát:

- Các bà, các cô, ngồi im mà nghe thánh dạy. Sao lại nói chuyện bô bô lên thế!

Các bà, các cô ngồi đấy, ngơ ngác nhìn nhau. Rồi không ai dám nói nữa. Chỉ nghe ông lão đeo kính rì rầm khấn... xin thánh. Một lát, thánh lại trở về. Nghĩa là ông lão lại trông vào khói hương, đọc ra thơ. Cái bác ngồi ngoài lại hát lô lô. Thằng bé con lại chép hí hoáy. Chép xong tờ thơ của người nào, nó đưa cho người ấy. Mỗi người cúi xuống, giơ hai tay đón tờ thơ. Lại ngược lên bàn thờ, nâng tờ giấy, vái tạ ơn mấy vái.

Bỗng ông lão đeo kính nói thực to:

- Số thơ tên Lê thị Miến.

Rồi ông cất giọng ngân nga:

- Này Lê thị Miến con ơi!

Bác ngồi ngoài hát lại:

- Này Lê thị Miến con ơi... ư...

Thằng bé cúi xuống viết, ông lão nâng cái kính trề xuống, nhìn làn khói hương, lại đọc:

- Năm nay con hai mươi tuổi trời.

Ơn trên cho được thành thơ,

Này vì ơn trên cho được thành thơ... í... ơ...

Cả hai người nổi nhau đọc to nhiều câu nữa. Nhưng Miến và hai cô bạn, tuy nghe rõ, không hiểu người ta đọc những gì, bởi mấy cô ngượng quá. Cứ thấy người ta gọi réo tên cái cúng cơm ra, rồi lại rành rọt cả tuổi sai lung tung nữa, tuổi cô Miến lại nói tăng lên, các cô luống cuống nghe không rành. Đến lúc ra về, trên mái tóc mỗi cô gài một tờ giấy thơ gấp lại.

Về tới giữa cánh đồng vắng, ba cô cùng bảo thẳng Nấm đọc lại tờ thơ tiên cho các cô nghe. Trên bãi cỏ, thẳng Nấm ngồi giữa, ba cô xúm quanh. Chữ viết ngòong ngoèo lèm nhèm lên tờ giấy hồng điều, nhưng Nấm cũng đọc được rành. Tờ thơ của dì Miến rằng:

Này Lê thị Miến con ơi!

Năm nay con hai mươi tuổi trời.

Ởn trên cho được thành thơ.

Làm ăn thông thả một đời hiển vinh.

Sang năm thì gặp quý nhân.

Đi trồng cây phúc, trời gần không xa.

Rồi Nấm đọc hai tờ của Khuyên và Lua. Cũng na ná như vậy. Ba có ngồi đoán lẫn cho nhau.

- Chị Khuyên thì thánh dạy sang năm lấy chồng.

- Cái Lua cũng thế.

- Cái Miến này là sướng nhất. Một đời hiển vinh. Làm ăn thông thả. À, sang năm lại gặp quý nhân. Chắc cũng lấy chồng nốt, ba đưa lấy chồng một hôm.

- Lấy chồng thì chỉ mua cái khố, ích gì!

- Này các cô ạ. Cái câu của cái Miến, nói lạy thánh, hợp quá. Đi trồng cây phúc, trời gần không xa. Câu này ứng vào chỗ cái Miến sắp được ra Kẻ Chợ trông nhà cho bác Sủi nhà. Bác ấy ở cũ, mà đi trông nhà, là đi trồng cây phúc đấy.

- Thơ thánh nhi? Hôm nào chị Miến ra Kẻ Chợ?

- Ngày kia.

- Hôm nào về nhớ mua quà. Mà nhớ công cả anh nhân tình công tử bột Kẻ Chợ về cho chúng tớ xem mặt.

Miến phát vào lưng cô Lua:

- Chỉ được cái tán nhảm. Mà tờ thơ của tớ sai tuổi, không đúng rồi. Về thôi!

Ba cô tất tả về. Vừa đi vừa riu rít nói chuyện thơ tiên, chuyện Kẻ Chợ và những chuyện trêu chọc nhảm nhí râm ran. Cu Nấm bấu tay dì Miến nhếch nhái chạy theo.

Về đến gần đầu làng, sắp tới lũy tre, cô Khuyên trông ra phía gò ngoài đầu bãi bên dòng sông thấp thoáng bóng người mặc áo trắng.

- Ai như nhà giáo Câu?

Rồi Khuyên nghech nhìn lại:

- Áo trắng dài là đích giáo Câu rồi.

- Sao chịu khó đợi ai thế nhỉ? Dáng ngồi đấy từ lúc chúng mình đi?

Lạ nói:

- Anh ả có tính dờ người rồi.

Miến không nói gì, đôi mắt dăm dăm. Nhưng nghe hai cô bạn nói pha, Miến cũng cười nói góp:

- Dờ người thì cũng mặc người ta. Có bận đến cô nào không đấy?

Chương Xii:

ãi tới lúc xâm xẩm, giáo Câu mới lui thủi về đến nhà. Không biết làm gì, anh ra ngoài vườn, xem đàn gà lên chuồng.

Buổi chiều mùa thu, mặt trời đã khuất vào những làn mây mờ mờ từ lúc xế trưa. Bây giờ bóng tối đến dần dà, chiều và tối lẫn vào nhau, rồi không biết nhá nhem từ lúc nào. Độ quãng chạng vạng đó, gà nháo nhác tìm chuồng. Cái chuồng đan bằng tre, có mái rơm và bốn chân cao lênh khênh, đứng ở góc vườn, bên một cây khế côm.

Từ ban nãy, hai gà gà trống và một chị mái tơ đã nhảy lên, chui vào trong cửa. Một mụ gà mái ấp, lên chuồng rồi còn thò mỏ ra kêu cục cục rầm rĩ gọi đàn con. Đàn gà nhép còn đứng dưới, líp nhíp cục cục gọi nhau lạo xạo.

Giáo Câu đã chịu khó đan cái cầu tre, uốn cầu vòng từ mặt đất lên lỗ cửa. Nhưng chẳng chú gà nào chịu leo. Chúng chỉ định nhảy, định bay. Bay lạch đạch, lạt sạt cánh, ngã huych xuống. Lại kêu, lại bay nữa. Mẹ đứng trên, càng kêu cục cục to hơn lên. Mãi sau, hai con men leo lên cầu, tự nhiên vào cửa tổ, chui tọt vào. Mấy con kia, loanh quanh chạy vài vòng, rồi cũng lên được. Chỉ còn một chú vẫn ngơ ngác đứng dưới.

Nhà giáo vờn con gà nhỏ, muốn bắt nó lên chuồng. Nhưng đồn, nó chạy. Nó chạy luẩn quẩn. Rồi nó chạy vào cầu, leo cuống quýt. Tình cờ, lọt vào cửa chuồng, rúc ngay dưới bụng mẹ. Mẹ chúng nằm ủ lủ con, chốc lại kêu lục cục, như mắng mỏ, như dỗ dành.

Nhà giáo gài chéo cái que chặn cửa. Ở trong, lũ gà con đụng nhau, kêu lích tích, nhép nhép, cứ riu rít như thế suốt đêm dưới bụng mẹ.

Nhà giáo đứng ngẩn, nghe ngóng vu vơ những tiếng gà kêu. Có tiếng chân bước lạt xạt đằng sau. Quay lại, thằng Nấm đương lùi lũi ra. Nhà giáo cũng không để ý. Nấm đến nói ấp úng:

- Thưa thầy...

- Gì?

- Thưa thầy, dì cháu gửi thầy cái này.

Nó đưa giáo Câu bọc giấy bằng cái phong thuốc Lào. Nấm lại nói:

- Dì cháu bảo ngày kia dì cháu xuống Kẻ Chợ.

- Thế hả?

- Dì cháu xuống chơi với bá Sủi. Bá Sủi đẻ.

- Thế hả?

- Dì cháu bảo dì cháu ở dưới ấy lâu một tháng.

- Một tháng à?

- Vâng.

Nhà giáo không nói gì nữa. Mà thằng Nểm cũng hết câu nói khoe về dì nó. Nó chạy ra ngã ba nô đùa với trẻ trong xóm. Đêm nay rằm sáng trăng.

99

Giáo Câu mở cái bọc giấy. Một sợi chỉ se bằng mấy dặm tơ vàng buộc ngang dọc bốn góc. Tờ giấy mở ra. Nhà giáo thấy một cái khăn mùi xoa trắng và một lọ nước hoa bọc giữa chiếc khăn. Khăn mùi xoa bằng vải trúc bâu trắng, rộng độ vừa hai bàn tay. Đưa lên mũi, thoảng trong khăn có mùi vải mới và nước hoa thơm thơm. Lọ nước hoa xinh xinh bằng hai ngón tay chụm lại. Màu nước vàng, ngoài lọ, dán mảnh giấy trang kim óng ánh. Cầm trong tay mấy thứ người yêu tặng, Câu bâng khuâng, dờ dẩn cả người, quên cả chuyện Miến sắp ra Kẻ Chợ. Mãi, mới nghĩ thầm được một câu:

- À, nước hoa, khăn mặt tặng nhau.

Tối ấy, giáo Câu đi nằm sớm. Anh mang cả cái khăn mặt và lọ nước hoa vào màn. Mân mê, xem mãi không biết chán ... Rồi anh để lọ nước hoa trên ngực. Cái khăn mùi xoa thì đắp kín lên mặt. Giáo Câu nằm lơ mơ. Cứ thế ngủ quên lúc nào, không biết.

Nhưng rồi hôm nào Miến xuống Kẻ Chợ, Câu cũng không biết. Bởi Câu cũng chẳng nhớ hôm nào là “hôm kia” nữa, mà đã mấy hôm kia rồi. Đến khi lâu lâu chẳng thấy Miến đi chợ qua, Câu mới giật mình.

Lại đâm ra hoảng hốt.

Một hôm, Câu đi ra Kẻ Chợ.

Một chuyến tàu điện, chẳng bao lâu đã xuống đến Bờ Hồ. Người đi tới tấp. Người đi lùi lượt. Người từng đàn dài lao nhao, ve vè như mắc cửi. Ngược lại xuôi, xuôi lại ngược. Đông ghềnh những người, ở những ngõ ngách nào mà tuôn ra nhiều người lắm thế này. Đôi chốc, từ đằng xa, đoàn tàu điện kéo đến. Chuông keng keng, máy ầm ầm đình tai. Người ngồi trên toa tàu thò cổ ra, nhìn hai bên phố phường. Người ta bảo đất Kẻ Chợ quanh năm như hội, đúng thực.

Trưa hôm ấy, bác hương sư làng Nha đi lần vào những đám người qua lại quảng Hàng Ngang, Hàng Đào, trông ra bốn bên hàng phố và nghĩ ngợi lẩn vẩn ngẩn ngơ như thế.

Từ hôm Miến ra Kẻ Chợ, đã là mấy mươi ngày rồi. Nghĩ mãi vẫn rối tung chẳng ra thế nào. Độ nọ, mấy tháng liền giận dỗi nhau mà không sốt ruột mấy. Sao bây giờ anh bồn chồn thế. Chẳng muốn nhớ rõ ràng ra nữa. Chỉ biết toàn những nhớ, những vui, những giận chùng chất một mình.

Mỗi chiều, ăn cơm xong, Câu ngồi nhìn mặt trời khuất xuống sau bờ tre, lại nhớ. Giáo Câu cũng chỉ qua Hà Nội có một lần ở quê lên. Trong trí nhớ của nhà giáo, cái chợ Đồng Xuân, tường thùng lỗ chỗ như tổ ong. Con gái ăn mặc quần áo tân thời, má phấn môi son ngồi sau cái tủ kính. Rồi đến một cái hồ nước xanh như nước luộc rau muống. Cái cầu gỗ đỏ uốn lượn cong. Lại nữa, Hà Nội bao nhiêu là trai thanh gái lịch. Người ta bảo lắm cô mặc quần trắng áo màu lịch sự lại đi móc túi làm kẻ cắp. Công tử bảnh bao thế kia mà đi cướp giật đấy. Cái đất phồn hoa này nó nhớ nhằng thế. Song cũng chỉ là nghe người ta nói...

Nhà chú Sủi ở phố nào, Câu cũng không biết. Í tứ hỏi khéo bà Thiêm mấy lần, Câu mới biết được nhà của chị của Miến ở phố Mã Mây. Đi đằng Hàng Đào lại thì về bên tay trái. Ngoài cửa có cái tủ kính, bày mấy thứ bánh khảo, ấy là bà Thiêm nghe chuyện nhiều thì nhớ thế, bà Thiêm cũng chưa đến nhà vợ chồng chú Sủi bao giờ. Câu thì nhớ thế đã là định ninh đến nơi được, rồi chàng quyết ra Hà Nội.

Đi gặp người yêu cũng có khác, nhà giáo diện lăm. Cái mũ đánh phấn trưa hôm qua. Đôi giày đế kép vải trắng cũng được đánh mới. Tắm quần vải ta gối đầu giường nếp cứng chẳng kém giặt là. Nhà giáo mặc áo the khuy xương trắng. Áo mới đấy, chẳng mấy khi mặc. Và giáo Câu lại đã chịu sang bên Thượng, mượn giáo Răng cái kính râm gọng trắng, mắt xanh. “Đeo cái kính râm này đi, mới là hơi đá lỏi ăn chơi. Hừ!”.

Bây giờ thì giáo Câu đương đi giữa phố Hàng Đào. Nhưng cái kính xanh, gọng trắng đã phải cất vào túi. Nhà giáo cũng muốn đeo nhưng đeo kính ấy, trông cái gì cũng ra màu xanh lơ. Mà ngộ nhờ phải thẳng du côn nó giựt mất thì chết, kính để trên mắt thì nó cướp dễ quá.

Nhà giáo sợ. Nhà giáo bước thong thả, rình hỏi đường. Phải rình, vì hỏi ai cũng ngại. Câu định tâm hỏi cậu bé nào mặt mũi nhẹ nhõm, có vẻ học trò. Vả lại, hỏi thăm trẻ con, thì chắc là không ngượng. Một bọn mấy cậu bé vừa đi qua. Câu hỏi ghé một đứa đi sau.

- Tôi hỏi thăm phố Mã Mây?

- Ông đi ra chỗ phố Hàng Bạc kia kìa.

Theo lối tay chỉ, Câu ra phố Hàng Bạc. Nhưng cái biển phố đề toàn chữ Tây, chẳng biết có phải Hàng Bạc không. Lại một lần hỏi nữa, mới tới được đầu phố Mã Mây. Nhớ rồi. Đi từ đằng này đến, thì về phía bên tay trái. Ngoài cửa, cái tủ kính bày bánh khảo, chiếc tủ bày phong bánh khảo.

A, có lẽ kia. Đúng rồi. Thôi, đích rồi. Lỗ cửa hẹp. Một cái hòm sơn xanh, ba mặt kính thè lè ra ngoài.

Trong hòm, có mấy phong bánh khảo. Trên nóc, một dây lọ thủy tinh đựng kẹo lạc kẹo sùu.

Câu đứng lại. Anh xốc cái cổ áo. Anh dặng hắng một tiếng lấy hơi. Anh quả quyết, đi qua. Và nhìn vào trong nhà. Chao ôi! Vừa hay, cô Miến ngồi ngay đấy. Nhưng cô quay mặt vào trong, cô không trông thấy Câu. Cô đương đùa với hai thằng bé con. Chắc là con bác Sủi. Chúng nó mặc quần áo Tàu, trông người béo tròn như cái hạt mít. Chúng dấm trộm dì Miến một cái rồi chạy vào nhà trong, vừa chạy vừa cười ồn ả.

Anh đã đi qua. Anh đứng lại, thở phì phò như chạy một quãng. Anh xốn xang cảm động. Lâu quá bây giờ mới lại được trông thấy mặt nhau. Anh đứng đằng xa, trân trân nhìn lại cái cửa hiệu bánh, mà chưa nghĩ đến sự lộn trở lại. Anh khoan khoái. Anh lại nghĩ: “Đã ra đến đây, đứng lẩn vẩn thế này, lại dấm ra ngại”. Ý đó giúp anh bước mạnh dạn. Anh lại đi sát vào tủ kính, toan ho một tiếng.

Miến đã trông thấy Câu, Miến mỉm cười. Câu thì cười ngớ ngàng. Rồi Câu lững thững đi ra đứng đầu phố, đợi. Một lát, Câu thấy Miến ra cửa, đứng cạnh cái tủ bánh, nhìn ngược lên. Nàng tìm Câu. Đứng đằng này, Câu cười. Miến quay vào, rồi trở ra, đi về phía Câu.

Ra Kẻ Chợ có khác, Miến mặc áo dài - tấm áo the nâu cài khuy - lẹp kẹp đôi guốc.

- Cậu xuống bao giờ thế?

- Vừa đến đây.

- Làm thế nào biết được nhà?

- Biết đường thì biết nhà, ở đâu mà chẳng tìm được. Ai lại đi lâu thế!

- Còn phải ở lâu nữa.

- Sao thế?

- Chị ở cử, rồi ốm. Không ai trông hàng. Đấy, cứ phải ngồi nhòm nhòm một mình cả ngày.

- Đi chơi một tí được không?

- Ai trông hàng cho mà đi. Cậu ở đây cả ngày chứ?

- Hôm nay chủ nhật được nghỉ.

- Thế độ bốn giờ cậu lại. May ra đi được. Chết, đứng lâu quá. Bốn giờ nhé!

Chương Xiii:

Âu còn chưa kịp đáp, Miến đã vội vã chạy về. Đến cửa, nàng quay lại, cười. Cậu cũng cười ngơ ngẩn. Rồi anh đi lên phố Hàng Đào. Trong đầu, nghĩ ngợi loăng quăng. Chẳng lẽ đã công trình ra tận đây, lại không được đi với Miến hay sao. Cậu nhớ mãi cái bóng trắng chiều hôm xưa. Đến bây giờ, chốc nữa. Chốc nữa, Cậu lại sắp đi với Miến một buổi chiều tương tự. Mà chiều nay, được đi với nhau giữa phố phường chẳng có ai quen thuộc. Cậu về thế nào được! Trời, Cậu về làm sao được!

Cậu vào một hiệu phở phố Cầu Gỗ bên bến tàu điện Hà Đông.

Cậu xuống Bờ Hồ, lên đứng hóng mát trên cầu. Anh bỏ mũ. Gió thổi lồng lộng vào trong tóc. Mới vào quãng hơn một giờ. Anh chàng đi quanh sang bên kia hồ, tìm một cái ghế. Anh ngồi lâu lắm, Cậu đi nhòm những cửa hàng có đồng hồ mãi mới thấy chiếc kim ngắn xế bên con số bốn. Gần bốn giờ!

Cậu đi lên phố, dạo qua. Miến nhìn ngay thấy Cậu và Miến cười. Cậu ra đứng đợi trên đầu phố, hí hửng. Miến đến, bảo:

- Một lát nữa nhá. Tôi đang giở tay.

Nàng lại chạy nháo về. Không kịp hỏi xem Miến giở tay làm gì. Lại một lúc nữa. Nhưng một lúc phỏng chừng cũng chiều chiều rồi.

Rồi chiều đã ra ý xuống, hơi tối. Phố xá nhuộm vẻ huyền ảo hoang hôn. Một chút nắng nhọt nhạt trên đầu những mảnh tường. Nhưng tất cả đều ẩn một dáng vội vã, hối hả trước lúc lên đèn. Cậu vẫn đứng yên.

“Một lúc nữa” lâu quá. Cậu ngóng về phía cửa. Vừa lúc Miến tắt tả đi ra.

- Khổ quá. Cậu chờ tí nữa vậy. Tôi phải dọn cơm cho chị ấy ăn. Gái đẻ cơm khem, phải ăn riêng mà.

Lại đợi. Lúc đầu cũng không sốt ruột mấy. Vì Miến đã vừa ra. Cậu thoáng thấy má nàng trắng trắng, hồng hồng “A, học một tâu thôi. Bôi kem, đánh phấn!”. Những ngọn đèn điện ngoài đường đã bừng lên. Đường phố ra một vẻ mặt khác.

Bây giờ tay đôi đã đi song song ngoài phố. Miến nói cho Cậu nghe về sự chậm trễ:

- Dọn cơm cho chị ấy xong, phải cho cháu ăn. Thế là đến bữa rồi, tôi cũng phải ăn nhân thế. Nhà đông người, những ba thợ làm bánh nhà chú Sui. Ăn xong lại dọn hàng, đóng cửa. Mọi khi mở khuya nửa đấy. Tôi nói dối đi có việc đăng này một máy. Chết, tối thế này thì rồi cậu về Nha làm sao?

- Tôi ngủ dưới này.
- Ngủ nhà ai?
- Bạn.
- Cậu...
- Ăn cái này.

Câu nhìn xuống. Từ nãy, Câu vẫn thấy Miến thu thu cái gói trong bọc áo. Cô Miến có gói kẹo lạc. Nàng lấy trong lọ đi một ít. Cho người yêu nếm cái quà Kẻ Chợ!

Miến khoe:

- Tôi ăn các thứ này cả ngày. Ăn nhiều đến phát ngấy. Cậu cầm lấy, bỏ vào túi ăn dần.

Phố Hàng Đào, Hàng Ngang sáng choang đủ thứ màu xanh đỏ. Ban đêm, quang cảnh khác hẳn. Những tủ kính bày hàng lồng ánh điện như động tiên.

Miến bảo:

- Đi chơi tối ở đây cũng vui bằng mấy đi xem hội to nhất vùng ta. Tôi mới có mấy chị em bạn, Tôi hay rủ nhau đi chơi đấy.
- Con gái mà cũng đi chơi tối a?
- Ở tỉnh thành phải thế chứ. Tối mà sùm sụp cái mũ trắng như cậu là cổ hủ đấy.

Câu ngượng, muốn vứt ngay cái mũ đi. Anh im, không đáp. Và anh nhìn Miến. Ở tỉnh thành phải thế. Nó quen chứ. Phải, Miến đã ra đây dễ thường đã được một tháng - trước Miến cũng ra luôn, nhưng chưa chuyến nào ở lâu - chuyến này Miến đã khéo học đôi lối phường phố. Cái áo the nâu đóng kín khuy ngực, áo dài cài khuy. Khăn vấn lằn và đầu ngôi rẽ lệch. Rồi má xoa phấn, môi thì bôi son. Có lẽ bóng tối Câu chưa trông thấy, nhưng Câu đoán thế. Lại ăn nói cũng mới mẻ ghê.

- Ta đi dạo một vòng bờ hồ.

Câu trông người ta đi tay đôi tự nhiên như không.

- Cậu có chuyện gì nói thì nói đi.

Câu chẳng có chuyện gì để nói. Hay chỉ là những chuyện vãn vơ. Mấy bữa nay trở trời bà Thiêm đau lưng không quay được tơ. Thằng Nấm ngày nào cũng mong dì Miến chóng đem quà Kẻ Chợ về. Hôm phiên

tơ, nhà giáo gặp cô Khuyên, cô Lua đi chợ.

Hai người bước vào lối cỏ ven hồ. Lắm lúc Câu cũng muốn cầm tay Miến. Nhưng đường cái cứ chỗ tối, chỗ sáng, anh lại không dám. Mỗi lần gặp những tay đôi dắt tay nhau thản nhiên, nhưng anh vẫn thấy mình ngượng. Nghĩa là Câu ta khù khờ, lại nói rất những chuyện chắp nối vu vơ. Dưới hồ, sóng nước óng ánh sáng. Phía bên kia, đèn các phố chi chít hơn sao sa. Chẳng mấy chốc, vui chân đã đi được mấy vòng hồ rồi không biết.

- Khuya đấy. Tôi về nhé.

- Mới tám giờ chứ mấy?

- Tám giờ? Hai mươi giấc tốt, hăm một nửa đêm, hăm một thì trăng mới lên cao thế kia. Mười một giờ là ít.

Trên nóc phố, lơ lửng ông trăng vàng rười, to như chiếc chiêng đồng. Phía dưới, những hình mái nhà nhấp nhô đen xám cắt thành những nét gãy lên nền trời dát li ti trên mái nhà, không ai để ý. Chợt nhớ ông trăng hôm nào, Câu nói:

- Miến nhỉ, ông trăng ở đây không sáng.

- Đèn điện của người ta sáng gấp nghìn ông trăng ấy chứ. Đêm nào chả thế. Thôi cậu về đi. Chết, mai kịp dạy không?

- Chẳng cần. Tôi đưa Miến về rồi tôi về cũng được.

Đường phố vắng. Ánh đèn đỏ đèn đọc ở gần những chiếc xe kéo, xa gần như những con đom đóm bay. Thỉnh thoảng, trong góc phố vang lên câu rao hàng đêm lạ tai. Về đến cửa, Miến cầm tay Câu, hai mắt long lanh:

- Cậu về nhé.

Rồi nàng gọi cửa. Câu quay đi, sang đứng khuất dưới cột đèn điện bên bờ hè. Cửa mở. Một chú khách, đầu tròn như quả dưa, cưỡi trần trùng trục, thò cổ ra. Không biết có phải chú Sủi chồng của chị Miến đấy không. Chú to béo như ông hộ pháp. Hai cái vú xị xuống như đôi vú người đàn bà nạ dòng. Cảnh cửa hé, Miến lọt vào. Chú khách giơ bàn tay hộ pháp khép cái cánh gỗ lại.

Câu chưng hửng, đi về.

Nhưng về đâu bây giờ? Lúc này, nói với khuếch khoác cho xong chuyện đấy thôi. Cũng như Câu chưa nói được với Miến chuyện gì vào chuyện gì. Bao giờ cũng thế, nghĩ lại, anh lại tiếc rẻ như còn những chuyện gì mà chưa nói nốt. Rồi đi một mình, anh lại nhớ ra bao nhiêu chuyện mà lúc này quên.

Nhưng Câu buồn buồn, buồn từ lúc trông thấy chú khách Sủi ra mở cửa. Không hiểu tại sao, khi yêu nhau, những ý nghĩ về nhau, biến đổi nhanh chóng. Tâm sự vui, buồn mông manh như sợi tơ rớt.

Đêm đã về khuya. Đêm tháng tám, có sương muối. Hai vai áo the của Câu đã ẩm, lạnh ngắt. Không nghĩ, anh cứ đi. Từ giờ đến mai, bao giờ về đến Nha thì về.

Một mình một bóng lủi thui. Trên đầu, có ông trăng đi theo.

Chương Xiv:

hà ai dám thứ gì mà đốt bánh pháo dài thế?

- Cưới con gái ông chánh Đặng.

- Lấy ai?

- Lấy cái nhà giáo Răng.

- À...

- Khéo không có mà nó đã có một mớ vợ ở nơi khác rồi.

- Chẳng lo con bò trắng răng!

- Dáng hăn đôi bên cũng có thể nào rồi.

- Hình như có thể. Anh ả chị ả, tay đôi đã đan díu từ lâu, khiếp lắm.

- Thời buổi bây giờ con gái đoảng cả.

Rồi người ta bàn tán lan man về con gái thời bây giờ. Những câu chuyện vặt, chuyện đi đường của mấy người vùng ấy, khi đi qua ngoài lũy tre làng Thượng, nghe tiếng pháo nổ râm ran trong làng. Hôm ấy, cưới cô Tố con gái ông chánh Đặng. Đúng như lời thiên hạ nhỏ to. Cô Tố lấy thầy giáo Răng. Ông bà chánh Đặng lo lắng ngay cho vui vẻ cả. Ai cũng biết chuyện ra sao rồi. Người ta gọi là cưới che mắt thế gian. Bơ vợ, sướng cái anh giáo Răng!

Từ ngày đến Yên Thượng, Răng trọ ngay ở nhà ông chánh Đặng. Ông chánh cũng coi là thường. Nhưng ông chánh đã vụng tính. Ông có con gái lớn, cho người lạ ở khác nào cho rơm gần mồi lửa. Giáo Răng ở nhà ông chánh. Thôi thì bao nhiêu sổ sách, đơn từ, giấy má, bài bổ ông chánh đều giao cho thầy giáo đỡ được công việc. Ông chánh không tính đến, anh chàng Răng bẻm mép, cô Tố lăn lóc ngay. Có một lần kia, ông chánh bắt được đêm hôm rõ ràng thế nào ấy. Ông chánh toan đuổi Răng đi. Nhưng chưa đuổi, Răng đã dùng dùng đi ngay. Cô Tố lăn ra khăn gói theo. Ông biết thế là ông đã tóm phải con dao đằng lưỡi. Ông thu xếp, điều đình với Răng. Ông cho không Răng cô con gái.

Ông nói với mọi người:

- Tôi cho thầy ấy một đứa con gái đấy. Tìm được rể hiền là phúc. Tôi chỉ cầu người hiền thôi.

Nhiều người khen ông chánh về chỗ ông thẳng tính. Nhưng nhiều người bảo ông sợ nhọ mặt, phải làm ra trò về ấy.

Đám cưới linh đình. Ăn uống rả rích mấy ngày. Hôm nay, chú rể Răng mời khách chú rể. Tất cả những ông hương sư ở trong vùng. Và giáo Răng ra Kê Chợ mời cả chục bè bạn. Một dãy xe kéo ở trên tỉnh, trên phú đồ sắp hàng ở cổng làng. Chưa bao giờ có nhiều xe kéo vào đậu trước cổng cái của làng như thế. Bà con làng nước lũ lượt đến làm giúp, ăn cỗ ròn rã, lại đánh tổ tôm, xóc đĩa cả đêm.

Khách khứa xa gần đủ cả, dù ai cũng chửi vụng ông chánh đủ điều:

- Cái lão ăn tơ ỉa tóc. Phải một miếng thế này, đứt từng khúc ruột. Vứt đi hàng trăm bạc, chứ chẳng chơi.

- Hai cái lông mày con Tổ dựng ngược lên rồi.

- Chỉ ba bốn tháng nữa thì nằm ỗ thôi.

Giáo Câu cũng đi ăn cỗ. Chẳng quen thuộc ai, ăn xong anh về ngay. Điệu bộ một ông khách vừa ở đám ra. Mặt đỏ gay như mặt gà chọi. Áo the, tụt trễ một khuy cổ. Cái khăn xếp không đội lên đầu, mà lại tròng lọng vào một bên cánh tay. Nhấp có lưng chén mà đã choáng váng. Nhà giáo này từu lượng xoàng.

Về nhà, Câu nằm dài xuống phản, không kịp cởi áo. Anh nghĩ vẫn vợ về tay giáo Răng. Anh cho là giáo Răng đã gặp được bước may. Phải, Răng may thực Câu đương tưởng tượng cái cảnh của Răng là Câu, là Miến. Chao ời!

Cơ khổ, đường tình của Câu lận đận làm sao. Miến vẫn chưa ở ngoài Kê Chợ về. Cũng không biết rồi ra thế nào.

Câu cũng chưa ra phố thêm được lần nào. Câu đương để dành tiền. Chàng muốn hôm nào ra Kê Chợ chụp một cái ảnh. Để tặng Miến. Và để đổi lại với chiếc mũ xoa, lọ nước hoa của Miến đã cho.

Trong khi ấy Miến vẫn nấn ná ở ngoài phố, Câu tự dưng nóng ruột quá. Câu chẳng muốn Miến ở Kê Chợ. Câu nhớ đến cái đêm đi ở bờ hồ, Câu đội cái mũ trắng, Miến bảo cái mũ trắng hủ lậu. Câu lại buồn thiu.

Một hôm, Câu đương đứng trong lớp, nhận được một lá thư ở nhà dây thép trên phủ gửi xuống. Bóc xem, là thư của Kền ngoài Uông gửi về.

Uông Bí le 30 Mars 193...

Ngô huynh ời!

Từ ngày tôi rời Yên Thượng, hôm nay mới có thư về ngô huynh. Chắc nhiều khi ngô huynh đã nghĩ trách tôi. Nhưng thực không phải tôi cố ý. Chỉ vì tôi muốn giữ gìn cho ngô huynh đây. Để bao giờ anh em ta gặp nhau, tôi sẽ nói chuyện để ngô huynh biết rõ ràng.

Ngô huynh ơi! Người ta ở đời, cũng nhiều bước gian truân, mà cũng nhiều phen sóng gió. Nghĩ như cái ngày anh em ta sum họp thì ai đâu ngờ rằng rồi sẽ có khi phải bó buộc chia tay không một lời từ biệt. Tôi tuy ở xa, nhưng cũng được biết Hoành không còn tại đây. Thế là chỉ còn có một mình ngô huynh ở lại. Than ôi! Kèn tôi đã vắng, ai người nói câu tâm sự, Hoành cũng đi rồi, bạn đâu còn khách tri âm.

Lại nói từ ngày tôi ra đi. Tôi xuống dưới này nhờ người quen xin được vào sở mỏ làm. Thế là nghiêm nhiên đã thay nghề gõ đầu trẻ ra nghề bút chì lọ mực chép sổ. Lương lậu thì được khá hơn cái ngày ở Yên Thượng. Thế mới hay, có ra đến ngoài, mới biết cái cánh anh em ta thiếu thốn nghèo đốn quá. Thế mà... Nhưng thôi nói không tiện. Lại để khi nào gặp ngô huynh, sẽ nói chuyện nhiều cùng ngô huynh.

Ngô huynh ơi! Chẳng hay từ bấy đến giờ, cận trạng của ngô huynh ra sao? Ngô huynh trả lời cho tôi mấy câu tường tận. Tôi mong. Phần tôi, sức khỏe vẫn như thường.

Kính ngô huynh khang an.

Kèn bá

Trống tan học.

Trẻ con trường này, chỉ được cái đánh trống là thạo nhất hạng. Bởi chúng đã ham tập luyện mỗi dịp làng vào đám. Thòm... thòm... Từng tiếng... từng tiếng. Cái đầu dùi nện bâng bâng trên mặt trống, nhịp nhàng. Không ai để ý cái trống vô tình mà những trống tan học vào học, trống ra chơi còn để báo hiệu cho mọi nhà trong xóm biết hiệu mà ra khung cửi, mà sắp cơm nguội nước rau luộc - bữa thợ ăn buổi tối trước khi dệt cửi lên đèn.

Hồi trống vừa dứt, học trò nhao nhao chào thầy. Rồi ôm sách lên ngực, chúng chèn, huých nhau, chạy ào ào, hỗn độn lú lú như một đàn vịt. Chúng tản vào các ngõ xóm. Trong nháy mắt sân trường vắng tanh. Chỉ còn sót lại mấy mảnh nắng chéch trên gò cỏ ấu non rười. Thầy giáo Câu đương cầm trong tay cái thư của thầy giáo Kèn. Câu đương nghĩ ngợi nhiều lắm, chỉ có một mình thầy giáo Câu.

Tháng Hai năm ấy, làng Nha mở hội. Thực ra chỉ là hội lệ như mọi năm.

Hàng năm tháng Hai, vẫn vào đám. Thịt một con bò làm việc làng. Rồi năm nào phong lưu thì gọi phường về chèo hát ngoài sân đình. Bằng không, chỉ có nhà tơ hát hầu thánh hát cửa đình.

Năm nay, làng vừa trù tiền đảo lại lớp ngói nóc. Mua thêm ít ngói mới vào. Vừa xong các việc, vào dịp đám tháng Hai... Cũng vào đám như thường lệ, nhưng to hơn một chút gọi là làng Nha hội khánh thành đình.

Làng mượn phường chèo hát cả hai buổi, buổi ngày buổi tối. Và có thêm mấy trò nữa. Còn đấu võ tây, võ ta việc đấu võ, làng nhờ ông giáo Răng bên Thượng. Giáo Răng thích mê, được dịp khoe tài cho các làng xem. Nhưng ông chánh Đặng lại không bằng lòng. Bởi ông không ưa mấy ông hương hội bên Nha. Lại bởi sang năm làng Thượng cũng có hội khánh thành cái tam quan. Ông muốn chàng rể lập đài đấu võ bên làng Thượng trước.

Việc đấu võ làng Nha không thành, song chỉ riêng cả ngày cả tối chèo hát, hội làng Nha cũng đã vui chán. Nô nức các nơi kéo đến xem. Trong làng, khung cửi nào cũng nghỉ. Ăn uống vui chơi như ngày Tết Cả. Trường học cũng được nghỉ cả một tuần.

Đám hội đương đông.

Trong đình các cụ vừa vào cuộc lễ giữa đám tế. Lố nhố những tấm áo thụng xanh đã bạc phếch. Áo thụng xanh mặc còn khá, còn những cụ chỉ mặc manh áo the vá, chân đi đôi guốc đẽo bằng gộc tre. Không sao. Đủ lễ lạt là được. Hương... báí... Quán tấy sở... Tiếng hô rầm rĩ lẫn tiếng trống lùng lùng, tiếng kèn toe toe. Nhưng chỉ có mấy ông đứng tuổi, sắp vào hàng lên linh lên lão cùng mấy anh trai làng, chịu khó đứng xem. Ý để học cái lễ lối tế lễ của các cụ để sau này còn noi theo. Bao nhiêu người đổ xô cả ra sân.

Ngoài sân, phường chèo đương diễn ban ngày. Rạp chèo dựng ở cuối sân, cạnh góc đa. Bốn chiếc cọc tre cao, đóng bốn góc như cái chuồng lợn. Bên trên, che ba lá cốt. Ở tầng giữa, gióng tre, gióng gỗ bắc khít nhau, kê thành một tấm ván rộng, dưới gầm, trẻ con như chuột chui qua dễ dàng. Sân khấu cũng chia làm đôi có một sọt thờ căng ngang. Trên thờ, vắt một mớ quần áo xanh đỏ lấm láp đã cũ của phường.

Dưới kia, đông ghế người lên. Trẻ con thì không thể lên chân. Người lớn đứng ngẩng mặt. Nhiều anh tình quái, leo lên cây nhãn, ngồi chòm chòm trên hai bên cột trụ và bức tường hoa. Tiếng ồn ào la hét, tiếng chửi bới và trẻ con khóc át cả tiếng hát trên rạp. Tuy vậy, người ta vẫn mê mải. Hàng năm mới được ngày thông thả, lại có chèo hát, tội gì mà chẳng ra xem.

Trên sân khấu, cũng lố nhố những người. Ở bốn bên, mỗi cột có một thằng oắt con, ngồi châu hẫu. Chúng đã leo lên đấy để xem cho được thực gần. Và mé bên tay trái một đàn đàn sáo trống con, trống cơm, đàn, nhị...

Tuy là cả phường, mỗi người mỗi việc, nhưng những anh đánh trống, kéo nhị cũng hát theo với các người ra vai.

Những anh đánh trống, kéo nhị cũng hát ồm ồm hát láy lại nửa câu. Sân khấu hẹp chỉ bằng chiếc chiếu. Đào kếp trong buồng trò ra, chui qua mấy tấm áo xanh đỏ chằng trên chiếc thờ, đứng nhắp nhồm.

Bấy giờ đương diễn trò Kiều. Cảnh này là cảnh cô Kiều nằm mơ thấy nàng Đạm Tiên hiện lên cùng đi thanh minh tảo mộ với chị em Kiều ban ngày. Hiện đương là ban ngày, nhưng người ta giả cách là đương đêm. Cô Kiều mặc áo the ngồi trên cái hòm gỗ, một tay cầm quạt che mặt. Cô đương ngủ. Chợt từ trong

buồng tròn, một người trùm cái áo lụa điều lên đầu, ra chạy quanh một vòng rồi lại chệnh choạng chạy vào. Đây là hôn ả Đạm Tiên. Trong khi, mấy người ban âm nhạc đàn sáo lại khua trống âm ỉ. Cô Kiều buông quạt, ngơ ngác. Ra lối vừa tỉnh dậy, cô Kiều đứng lên. Cô xòe quạt. Cô rún chân bên phải, mắt liếc bên phải. Cô rún chân bên trái, quạt cũng nghiêng bên trái và đôi mắt cũng liếc sang bên trái. Cái quạt uốn éo, đảo một vòng, cô Kiều hát:

- Ồi thương ơi! Ồi hỡi thương ơi!...

Những người ngồi xung quanh cả những người đằng sau rạp cũng rầm rĩ hát vỗ nước theo và kéo nhị một câu ấy ời thương ơi!... Bung bung bập bùng... cò cư... cò cư... Vui quá.

Nhà giáo Câu và nhà giáo Răng cũng đứng trên thềm đình, xem chèo. Đứng lâu đã mỏi chân, hai người rủ nhau đi loanh quanh. Dưới cửa đình, có mấy quán bán nước. Con trai con gái các làng kéo đến xem hội, đi từng đám, từng bọn.

Ban ngày, hát chèo không vui bằng tối, chỉ được cái đông.

Hai nhà giáo vừa đi vừa tán chuyện về đám chèo. Nghe đằng bờ ao làng, nhiều tiếng người reo à à.

- Chơi bắt vịt chẳng?

- Có nhẽ đấy.

Họ rào bước lại. Cuộc vui đương ồn ào. Nhưng không phải đuổi vịt. Mà là trò bịt mắt bắt vịt bày ra từ sáng sớm ngoài ao làng. Có bốn con vịt, các tay lặn nhanh đã lừa bắt được cả. Chỗ này là trò chơi cột mỡ, đông người xem chẳng kém đám chèo trên sân đình. Vòng trong vòng ngoài, nghìn nghịt bên bờ ao. Ở giữa chôn một cái cột xoan đã bóc vỏ nhẵn thín. Người ta đã bôi vào nhiều mỡ và nước xà phòng nhờn. Trên đầu cột, treo lủng lẳng các thứ giải thưởng. Hai chiếc quạt Tàu, bên cạnh hai lọ nước hoa, hai gói giấy đỏ, trong đựng ba hào bạc. Năm sáu người leo, phần nhiều là những trai làng nghịch ngợm. Có những người làng khác thấy ngứa mắt, cũng cời phăng áo, hăm hờ nhảy ra. Nhưng chỉ được mấy cái tuổi, lại trôi tuột xuống. Trơn quá. Mỗi lần có người bị ngã ngửa ra bãi xung quanh lại reo hò loạn xạ. Trẻ con thích quá, vỗ tay, nhảy cẫng lên. Người ta càng cố leo. Nhưng vẫn không ăn thua. Cuộc vui kéo dài...

Hai nhà giáo lên cửa đình vào xem tế. Vừa đi qua quãng tường đầu đình, gặp một toán cô gái. Có một cô tân thời đi cùng với đám cô Lụa, cô Khuyên. Câu choáng người. Đó là cô Miến. Chao ôi! Cô Miến ăn mặc quần áo tân thời kiểu người Kẻ Chợ.

Cô ở trong đình đi ra. Hai tay cô bưng cái tráp sơn đỏ, sơn then - tráp đựng vàng hương, đem ra đình lễ. Đầu cô chít khăn nhung, vấn lẩn vành dây kiêu phường phố. Một bên mái tóc, gài một chùm hoa mộc trắng ngà. Tấm áo satanh đen nhuyền, óng ánh. Ở mỗi bước đi, cái quần lĩnh Sà-goòng bóng loáng ăn với áo satanh trơn, óng ánh xao động nhịp nhàng. Chân cô đi đôi dép Nhật Bản, cũng sơn đen bóng, đế thì bằng

kếp trắng như lụa. Chưa bao giờ Miến tân thời thế này cho nên trông Miến khác hẳn.

Mà sao trông Miến cao cao quá, trắng quá. Cơm gạo và nước máy Kẻ Chợ có khác. Cô bước đi lả lướt, rõ ra lối đi của các tiểu thư óng ả ăn trắng mặc trơn.

Gặp Câu, Miến thoáng nhìn qua rồi, đi tự nhiên, như không biết nhau bao giờ. Giữa lúc ấy, một bà lão bước đến. Miến chào bà lão. Bà lão kêu lên:

- Ủi chao ôi! Tưởng ai, hóa ra cái Miến. Cô tân thời làng ta, năm nay cho bà ăn cỗ đấy chứ?

Miến cười. Nhưng Câu đã thoáng nghe được mấy tiếng chào hỏi người làng của Miến. Cái giọng Miến sửa, Hà Nội đặc.

Giáo Răng hỏi giáo Câu:

- Con nào thế?

- Cô Miến.

- Con nhà xử khán Tịnh phỏng?

- Ủ. Sao anh biết?

- Tớ là thổ công mấy làng này sao lại không biết. Con bé trông kháu quá. Ở đây lâu thế mà toa không tán được nó. Đẳng ấy rõ quých quá. Không nói phét, chẳng phải tay moa...

Câu dờ dẫn cả người. Mắt anh hoa hoa. Đầu anh bỗng váng vất.

Răng nhìn Câu, hỏi:

- Toa làm sao thế?

- Không. Có sao đâu.

- Mặt tái đi đấy.

- Tôi hơi nhức đầu.

Về đến nhà, Câu nằm thẳng cẳng như người chết rồi. Nhưng óc Câu cũng vẫn nghe bà Thiêm nói chuyện. Bà Thiêm vừa đi ăn cỗ đẳng nhà ông khán Tịnh về. Cũng như mọi nhà, làng có đám thì nhà ai cũng thắp hương làm cỗ. Cái tính bà Thiêm chẳng để bụng được việc gì, câu gì có thế nào cũng khoe ngay, không sót một chuyện.

- Cái Miến nó làm thức ăn Kẻ Chợ ngon thần tình, cậu giáo ạ. Nó học lối cao lâu của khách người ta xào

nấu. Con bé năm nay trông cao quá. Lại ăn mặc tân thời, người càng vồng lên. Cái Miến sắp lấy chồng đấy cậu giáo ạ.

Câu nhóm dậy:

- Lấy ai thế, hả bà?

- À lại cái món họ hàng nhà mấy chú khách ấy. Lấy em chú Sủi. Cho ăn hỏi rồi lại cho cưới ngay. Số con bé mà sượng. Chị lấy anh. Bây giờ em lại lấy em. Con chị dắt con em đi. Thế cũng phải. Đời bây giờ cứ no cơm ấm cật là được, phải không cậu giáo?

Miến lấy em chú Sủi, Câu nhớ lại cái buổi tối, khe cửa mở hé. Cái chú khách cời trần đầu trọc, béo đến có mấp ở gáy. Chú khách thò đầu, bàn tay hộ pháp mở cửa cho Miến. Đấy là chú Sủi hay đấy là em chú Sủi, Câu nào biết là ai. Câu chỉ biết Câu địch sao lại anh em nhà chú Sủi. Câu địch làm sao, Câu như con kiến, Câu thấy ruột đau quặn. Bà Thiêm vẫn kể chuyện đều đều:

- Này, cậu giáo. Khách người ta cưới xin hay đáo ể. Dẫn lễ thì đem đến mấy bồ bánh bích quy, cậu giáo ạ. Cậu giáo ngủ đấy hả?

Câu không trả lời. Bà lão tưởng Câu ngủ. Nhưng, Câu nằm quay mặt vào vách, hai mắt Câu vẫn mở rảo trong.

Mấy hôm sau, đương buổi Câu dạy học. Miến đi qua ngoài kia, Miến về Kê Chợ. Vẫn bộ cánh là lượt hôm làng có hội. Chỉ khác hôm nay Miến vấn tóc trần, để đầu ngói rẽ lệch. Nàng bước lên cầu Phượng. Bóng nàng khuất sang mé thành cầu. Rồi lấp sau mấy bụi dứa dại, lá mọc từng đám, gai dứa nhọn khía lửa tủa.

Nàng không đội nón, nàng không nghiêng nón nhìn nhìn vào trường. Làm như chẳng bao giờ người ta biết ở mé đường bên kia, ngay đầu cầu Phượng, có trường học làng Nha, có thầy giáo Câu hôm nào cũng ý tứ đứng nhìn hóng ra. Đàn bà nhẹ dạ dễ nhớ, dễ quên. Thôi, lần này thì quên hẳn rồi. Mảnh tình sông tan với tiếng gió vườn tre, với nước chảy đầu cầu.

Chương Xv:

ột buổi chiều tan học, tiếng trống tong tong nổi lên, rồi xung quanh lại im ắng.

Rắp cái phen cửa rồi giáo Câu, tay cặp mấy quyển vở tay xách cái đồng hồ vuông, lừ đừ đi về. Tiếng guốc lê rã rời trên con đường gạch lung củng. Nắng xiên khoai vàng héo. Nắng này vào những buổi chiều tháng Ba, ông già bà cả hay sinh ra nhức đầu, đau lưng. Không trở trời theo nắng quái, nhưng nhà giáo cũng khó chịu vì nắng tấp vào một bên mặt. Mấy quyển vở được giơ lên che. Mặt nhà giáo xịu xuống, chảy thười ra, nhăn nhó. Có vẻ ốm, có vẻ buồn, cơn buồn ám ảnh từ lâu. Chiều nay, đầu nặng trĩu, về nhà, anh cởi áo dài, nằm xuống giường. Anh nghĩ mình mỏi quá, sắp chết mất.

Bà Thiêm ở ngoài ao vào, nói: “Cậu giáo chưa ra xới cơm à? Cậu giáo ra xới cơm”. Câu lừ khừ ngồi dậy, đi ra. Mâm cơm để ngoài hiên, dưới giàn mướp hương. Cái lồng bàn mở hé, mấy con nhặng xanh vo ve bay tọt ra. Trên chiếc mâm gỗ mộc, lồng chông bát nước rau to nhất. Thử đến bát chiết yêu rau muống, một đĩa cà pháo đầu mùa, trắng nhợt. Cái bát đàn đựng tương lổn nhổn những hạt đậu còn nguyên một nửa.

Câu xúc cơm chan nước rau luộc, lùa vội mấy miếng. Anh cố ăn, như ăn lấy lệ. Tuy chỉ và qua loa, ra vẻ chán cơm, nhưng anh cũng hết được ba vức bát. Dọn mâm cho cậu giáo, bà Thiêm nói: “Mấy bữa rày cậu ăn kém thế?”. Rồi bà lại nghĩ và trả lời lấy: “Tháng Ba nắng mới, ai cũng dừng dừng cơm nước cậu giáo ạ”.

Bây giờ thì nhà giáo đã đương dạo bước một ngoài đồng làng. Cơm xong, mở đến tập vở học trò, định mở ra chăm, ngần ngừ lại thôi. Anh thấy háo đi tản bộ như mọi khi. Vào buổi chiều đi lơ mơ ngoài cánh đồng cũng là một thói quen. Tự dưng nhà giáo trở lại cái hứng nhàn hạ, đi gật gù, hai tay chấp sau lưng, nghĩ ngợi vẩn vơ.

Con đường oằn oại truồi ngang cánh đồng. Trước mắt, làng Phú Gia đằng kia mờ trong sương. Bát ngát khắp nơi, bóng tối dịu dàng. Bất chợt, một ngôi sao lên lấp láy. Câu cúi đầu, thông thả đi như đếm bước.

Khi trời tối, Câu uể oải từ từ quay về.

Tưởng như chiêm bao thấy bóng người. Hôm nay mười rằm. Bỗng Câu đứng lại, ngược nhìn. Một vầng trăng lên sừng sừng trên đầu khoanh tre, mặt trăng tròn xoe. Bấy giờ còn sớm, trăng chỉ có hình mà chưa có ánh. Những cành tre non, gió đu đưa, quét đi quét lại qua mặt ông trăng nhợt nhạt như mặt người ốm ngã nước. Mà ông trăng lại lửng lơ như cái diều tròn bằng giấy bản của trẻ con thả chơi, những buổi chiều có gió dưới.

Trông trắng, Câu chẳng tưởng tượng xa gần gì nhưng ít lâu nay, hễ nhìn trắng anh lại buồn. Anh nhớ như mỗi lần thò tay vào túi, thấy cái mùi-xoa và lọ nước hoa chưa bao giờ mở nút thì anh ngậm ngùi. Những thứ của Miến. Anh nhớ hôm nào... Anh nhớ buổi chiều hôm nào... Ở bên gò cỏ ấu cao đẳng kia. Hai người cầm tay nhau. Cuối cánh đồng, ông trăng tròn nhô lên và cười. Miến đã nói với anh những câu gì gần bó lắm. Miến lại khóc. Những giọt nước mắt đầm đìa xuống má. Bây giờ, đổi khác, cái gì cũng đổi khác từ ngày ra Kẻ Chợ. Vậy mà sao còn có cái ông trăng này. Ông trăng đến mười rằm lại tròn như bát nước đầy. Thôi, Miến cũng đã bảo ông trăng ở ngoài ấy cũng chẳng sáng bằng đèn điện.

- Ủ, giá người ta còn ở lại đây, cũng khó lòng mà mình đã lấy nổi người ta. Ông trăng chẳng sáng bằng đèn điện, mình nghèo quá. Mình đã chẳng lo cho ai sung sướng được thì mặc ai. Mà sao mình lại chịu chết ở đây mai? Ngày trước có khi ta đã định đi bay nhảy làm ăn ở Sà-goòng kia mà.

Nhớ đến có lần xưa kia định đi Sà-goòng, Câu thấy lòng nao nao. Rồi lại tơ tưởng nhớ. Nhớ xa, nhớ gần. Những ngày anh em sum họp rồi sau tan tác. Câu nhìn lên trăng, anh lấy làm lạ, sao mình lại dễ ứa nước mắt vậy. Cơ chừng anh tui thân với ông trăng.

Mấy quyển vở đã chấm xong. Tối nay, lười lỉnh, nhà giáo cầm bút, cứ gặt bừa bãi. Rồi hoa bút lên, nét mực đỏ ngoặc ra những con số điểm đỏ hoe. Song rồi giáo Câu gấp từng vở, để xuống mặt giường. Anh lấy ra một tờ giấy trắng. Chấm mấy lần mực, bần thần nhìn ngọn đèn hoa kỳ có những con muỗi cỏ bay lảng xảng vòng quanh.

Đến lúc bóng trăng đã lọt qua giàn mướp hương, cơ chừng vào nửa đêm, anh viết xong được một lá thư.

Hạ Nha le...

Bác Kền ơi!

Tôi nhận được lá thư của bác từ hôm đầu tháng. Mấy lần đã toan trả lời, nhưng vì công việc không lúc nào nhàn. Hôm nay mới có thì giờ, cầm bút viết mấy hàng này.

Từ ngày anh đi, làng xóm vẫn không có gì thay đổi. Bên anh, anh đi, giáo Răng đến, thì lại có vẻ tấp nập. Răng vừa dạy học, lại vừa dạy võ mấy nhà.

Răng mới lấy cô Tố, con nhà chánh Đặng, anh chẳng lạ gì. Câu chuyện rắc rối, giá anh còn ở đây, tất lại làm được mấy bài thơ hay. Còn bên Hoạch, làng bỏ trường hoang cho cỏ mọc chắc không mở trường nữa rồi.

Tôi hỏi thăm về đường kinh tế quần bách nheo nhóc, vợ chồng Hoạch lại cãi nhau, đánh nhau luôn.

Từ ngày anh đi, về phần tôi, cũng chẳng khác khi anh ở đây. Nhờ trời, anh ra ngoài ấy, làm ăn được ung dung như thế, thực là may mắn lắm. Chứ như tôi ở đất này, chẳng nói thì anh cũng đã biết mà nói thì chỉ thêm buồn khổ mà thôi. Đồng tiền phân bạc chẳng là bao, mà vào miệng cũng chẳng đủ. Khi anh em ta cùng

nhau ly biệt mỗi người một ngã, một mình tôi ở lại, buồn quá. Giáo Răng thì không hợp tính. Chẳng sao còn như thuở xưa anh em ta. Ngày lại ngày, tối về một mình đối ngọn đèn xanh. Huống chi tôi lại có chuyện tâm sự đau đớn khôn xiết tả, để khi gặp anh, xin hầu chuyện anh nghe.

Bởi vậy, tôi muốn có một điều nhờ anh rằng anh xem ở ngoài Uông có công việc gì, sức tôi có thể làm, kham khổ cũng không sao, anh xin cho tôi rồi anh đánh giấy ngay cho tôi biết. Tôi không muốn ở đây một ngày nào nữa. Mong anh nghĩ tình bạn cũ mà để tâm giúp tôi, ơn ấy thực to tày bể.

Chúc anh mạnh khỏe, khang an.

Câu

Câu đọc đi đọc lại ba bốn lượt bức thư. Anh xé một tờ giấy gấp làm chiếc phong bì. Vừa làm, nhà giáo vừa nghĩ đến cái kết quả tốt đẹp của bức thư. Năm bữa nửa tháng, có thư đáp “tôi đã tìm được việc cho anh rồi”. Ấy thế là Câu bỏ đất này, đi ngay.

Đi. Tưởng tượng khiến Câu nhìn ra công việc đương thu xếp.

Của cái nhà giáo có những gì. Thực là một nhà giáo khổ. To nhất có cái hòm gỗ mộc. Ở trong có vài cái quần áo, nhà giáo không bao giờ phải dùng tới khóa.

- Có một cái đồng hồ trăm cầm đánh đàn. Một đàn gà, ba mái, một trống, mấy con gà con. Bán ngần ấy thứ có thể cũng được trên mười đồng bạc. Với tám đồng bạc đã để dành được vị chi ngót nghét hai chục. Đi tàu bè từ đây ra Uông Bí, chắc là cũng ung dung chán.

Bây giờ thì nhà giáo Câu tưởng tượng sang đến cái đoạn vui. Ấy là, vài năm sau khi nhà giáo đã nghiêm nhiên thành một tay thư ký sở mở ngoài Uông chẳng hạn. Một ngày kia, được nghỉ Tết, nhà giáo về Hạ Nha chơi. Thôi thì oách hết chỗ nói. Một bộ tây tuyết-xo mỡ gà thực chiến. Chân dận đôi giày dôn màu da cam có cổ. Cổ tay đeo đồng hồ. Đầu để trần chải lật, trơn mượt. Anh ung dung dắt cái xe đạp vào làng Nha, đến chơi nhà bà Thiêm. Gót giày nện cá sấu, lách cách giòn tan. Chà chà, ông giáo Câu bây giờ bảnh quá, bảnh quá.

Nghe có người nói chuyện lại như thế, cô Miến ấp vạt áo lên mặt, ứa nước mắt.

Câu him mắt, tưởng tượng nữa.

Nhưng đến đấy thì không nghĩ thêm được điều gì khác hơn. Chấm hết dòng văn vợ, anh mỉm cười với cái hoa đèn đỏ thắm. Ngoài kia, trăng đã xế. Chiếc phong bì vuông cũng vừa gấp xong.

Dầu Tiếng - Bến Ray - tháng Chạp 1942

HẾT

Mục lục

⋮

HOA BÌNH BIỂN

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

:

Ông Thái sắp vào Sài Gòn. Những năm mới nghỉ hưu, ông Thái cũng hay đi. Khi Hải Phòng, khi Nam Định. Hồi ấy các quốc doanh, các loại hợp tác xã mở tới tấp người ta cần đến nghề kế toán, tài vụ của ông. Tay nghề đã ngồi xó của ông Thái đâm ra còn dùng được. Lắm nơi sổ sách chồng chất, vài ba tháng lại tìm nhờ ông. Nào quyết toán, nào dự chi, những con số ma. Ông Thái cũng chưa được vào Nam lần nào, từ khi thống nhất. Ông Thái chưa trông tận mắt cái máy bay bao giờ.

Nhưng làm như đã quen, rất thường. Ông Thái nói: "Trong Nam người ta thoáng lắm. Máy bay hay tàu hỏa thì ăn nhắm vào đâu!".

Ông Thái nói hách thế, nhưng cũng không gọi ai tò mò. Ông Thái nói, ông Thái đi đâu cũng chẳng khác ông ngồi ở cái cửa sổ tầng bốn, cả ngày dăm dăm ngóng ra.

Ông Thái đi Sài Gòn. Viết thế này, còn có thể đọc được, nhưng ngồi nghe ông kể, chắc chẳng ai tin. Một hôm, ông Thái nhận ra ngay thư của người con gái bốn mươi lăm năm trước, tên là Vân.

"Kính gửi ông Thới... Tôi có một người bạn thân kể là ngày xưa quen ông. Bạn tôi có ý tìm ông từ khi mới giải phóng, có nhiều người kháng chiến về Sài Gòn. Nhưng không biết hỏi ai. Rồi cũng lại ngại, bởi vì đã bao nhiêu nước chảy qua cầu, cây đa bến cũ chẳng còn như xưa. ẽ quên đi, nhưng rồi lại mong. Vậy cận trạng ông ra sao, gia đình khang an thế nào...".

Chữ ký loảng ngoảng cuối thư. Đàn bà là chúa hay vô ý. Ngày ấy, chỉ Vân gọi mình là Thới. "Muốn lấy vợ Nam Kỳ phải kêu là Thới. Thái, Thái nghe kỳ muốn chết". Thì còn "người bạn thân" nào nữa. Hay là sợ quên nhau, nhắc khéo. Ôi chao!

Ông Thái trả lời, đề thẳng kính gửi bà Huỳnh Thị Vân. Rồi nhận được một thư dài, giấy xanh, khổ giấy như trước kia. Trong thư, Vân nói mừng lắm, mừng anh vẫn nhớ chữ em. Ông Thái buồn cười vì cô ấy vờ như đánh tam cúc lại để hờ bài cho người ta xem.

Rồi thư từ qua lại, hai người kể hoàn cảnh của nhau. Bà Vân lấy chồng người Ấn Độ, có cửa hiệu tơ lụa. Sau khi Tây thua ở éiện Biên Phủ, vợ chồng rời Sài Gòn, nhưng không về Bombay, mà sang Mỹ. Bốn đứa con đều có chồng, có vợ, ở riêng cả. Chồng bà mất đã lâu.

Bà Vân gửi ảnh cho ông Thái và bảo ông cho bà một cái mới chụp. Ông Thái đã không thể nhận ra bà nếu không có dòng chữ đề tặng. Trong hình, một bà già tóc cúp ngắn chấm tai - một của các bà đứng tuổi ở châu Âu bây giờ. ờ, mình bảy mươi ba thì Vân bảy mươi một rồi. "Em phải uống thuốc tiêu mỡ. Tụt cân

nhiều đấy. Nay còn 92". Cái cô Vân học trò trường bà sơ Bồ Câu Trắng ở Sài Gòn, ngày xưa mảnh mai như liễu, tứ nhắc bổng lên được cơ mà.

Cụ Thái lặng lẽ đốt cái ảnh. Cụ cũng không gửi ảnh của cụ. Không phải vì cụ bà hay con cháu tộc mạch. Mà cái ảnh bà Vân kia lạnh ngắt, chẳng một nét nào bận đến cụ.

Một ngày kia, ông Thái nhận được một lá thư rất hay của bà Vân. Thế nào mà cái ông lão hàng ngày ngồi rù rù, người trong nhà đã quen mắt, như nhìn chỗ để xe đạp, cái ghế, cái tủ thuốc. Nhưng ông lão tự thấy khác. Ông thấy ông vẫn sống, mà sống có lửa, ngọn lửa tình đương bốc trong ông. Thư bà Vân hẹn ông tháng ấy ngày ấy ông vào Sài Gòn gặp bà. Cái hẹn còn xa, nhưng đích xác là ngày tháng thế.

Và tấm ngân phiếu bà Vân gửi cũng khiến ông nghĩ. Số tiền đủ mua một vé máy bay khứ hồi. Bà ấy gửi vừa khăm. Thế này là thế nào? Thế nào nữa, bà ấy tặng mình tiền tàu xe. Ta là cán bộ, theo kháng chiến cả đời đến tóc rụng, răng rụng rồi, chứ mình đâu phải người nhà người ta ngồi hóng của.

Đánh giá nhau hay lắm, phải lắm. Nhưng ông Thái cũng không nghĩ thế được lâu. Giá bà ấy cứ gửi nhiều nhiều một chút cũng hay... Không được, thế là coi nhau chẳng ra gì. Bà ấy trọng mình, phải trọng mình chứ.

Chuyện ông đi kháng chiến kể ra cũng vừa bình thường, lại cũng khúc khuỷu như mỗi tình này. Nếu ngày ấy quân Nhật không chiếm Đông Dương, tàu hỏa vẫn thông thương bắc nam, có khi ông đã lấy bà ấy rồi cũng nên. Nói "có khi", bởi hai người chỉ là trai gái lứa tuổi không dừng gặp nhau. Vân ở Sa Đéc, nhà gửi lên Sài Gòn học. Thái làm công nhật cho một hiệu thuốc hoa liễu với các thứ cao đan hoàn tán ở Hà Nội chuyên đi quảng cáo và tính sổ cho đại lý các tỉnh.

Khi bắt đầu kháng chiến, ông Thái đương làm kế toán cho một hãng bảo hiểm nhân thọ ở Hải Phòng. Ông có việc lên Hà Nội. Đêm ấy nổ súng. Thế là nghẽn lại. Vợ ông và đứa con trai bị kẹt dưới Hải Phòng. Ông theo người ta tản cư ra vùng tự do, rồi vào làm cơ quan, vẫn nghề kế toán. Đến tuổi, ông về hưu. Thằng con đỗ kỹ sư đã đi làm. Nó hay nói đùa láo lếu như nhiều người bây giờ: "Giá ngày ấy bố bị Tây bắt đi tù ít lâu, có phải đã làm quan to, lương hưu khá hơn không". Ông không thêm nói lại. Bây giờ và trước kia khác nhau lắm. Khác nhau cả cách nhìn cái ghế. Mà ông thì già rồi. Cháu ông mua về bốn chiếc ghế đẩu. Ông nhận ngay ra là gỗ nhội, đồ dỏm. Đạo cơ quan tránh máy bay Mỹ sơ tán về Bùng, ông thấy người làng đi vác về những cây nhội mới hạ ở đường Sơn Tây mở rộng, đem ném xuống ao ngâm. Vài hôm, vớt lên cửa từng khoanh rồi để thành thớt, đánh bóng đỏ sẫm. Mấy ngày áp tết quảy ra bán ngoài phố - tết nhất, nhiều nhà sắm cái thớt mới. Vô ý vớ phải cái thớt gỗ tươi ấy chỉ thái mạnh vài nhát dao, đã toác. Trông cái gỗ búng nước, biết ngay. Nhưng thằng cháu ông cười như reo lên: "Không cần gỗ lim, gỗ lát. Chỉ cần kiểu mô đéc, giường Đức, ghế Nhật, hồng thì mua cái khác, một khác. Thời buổi gấp gáp, ông ạ".

Có lẽ chúng nó phải. Người cao tuổi như mình, bàn chân cũng khô nứt, giày dép thôi cả long đĩnh, há mồm. áo sơ mi, bao nhiêu năm nay chẳng phải may sắm. Không biết ngoài cửa sổ, các ve cổ áo sơ mi đã to huếch hoác, lại cụp lại, lại hùn hoãn, nhỏ tý...

Ông Thái đi Sài Gòn, quần áo và đôi dép râu cũng vậy như mọi khi. Ông không định khác. Không thiếu thốn, mà quen xuềnh xoàng rồi. Nhưng có lẽ nên đi lắp mấy cái răng giả. Răng hàm chẳng còn cái nào. Nhưng cười huếch mép cũng không hờ. Chỉ rầy rà mấy lỗ hổng răng cửa hàm trên. Soi gương, thấy phiền thật. Nhưng rồi ông lại ngại.

Những cái răng đã gãy từ đời nào, đời nào. Bà ấy cho là ông phát rồ hay sao, tự dừng lại đi làm răng giả.

Ông Thái không lo bà ấy sinh nghi. Nhưng ông tưởng tượng ra một sự kỳ quặc, có thể xảy ra lắm. Thế nào thì ông Thái cũng phải hôn bà Vân. Chao ôi, những cái hôn triền miên đêm đũa đêm xưa bên sông Sài Gòn. Bây giờ mà thế a, nhờ những cái răng giả rời ra, rơi vào họng ai. Chẳng lẽ lại bảo hãy khoan để tháo răng ra đã, rồi hãy...

Thôi thôi, đã mặc mạc thì thế nào cứ thế. Cái hẹn tháng bảy dần dà tới... Ông Thái cứ lúc bỗng bột, lúc lại thây kệ. Nghĩ toàn chuyện cản trở. Ngót hai tháng thư mới tới nơi, thì tin thế nào được ngày hẹn quá xa. Nhưng sự thật như cái đinh tai ác cứ nhô lên dần. Sắp tới rồi. Ông lại nghĩ âm ỉ: Hôm ấy mình cứ bay vào à? Không có bà ấy ra đón thì sao. Ông cũng có người quen, nhưng thành linh dò đến nhà người ta, không tiện...

Rồi ông Thái nhận được một bức điện.

Rồi cháu gái đón ông ở sân bay Tân Sơn Nhất. Bây giờ cháu đương đưa ông về nhà. Không đến khách sạn, nhà trọ. Cũng đỡ rắc rối.

Căn nhà nhỏ trong một hẻm sâu hun hút. Những hình ảnh lảng vảng, ông Thái như lững lờ trôi trong đám mây.

Năm xưa, ông Thái gặp bà Vân ở Sa Đéc. Thầy ký công nhật đi tính sổ đại lý. Thị xã nhỏ bé, Thái dạo qua một cửa hiệu vàng bạc. Thấy trong hàng có một cô gái ngồi bên máy khâu. ở Nam Kỳ hồi ấy, mỗi nhà sắm cái máy khâu Sanhde cũng là một lối chơi. Cô gái xinh quá, đúng dáng những người đẹp mẫu của Thái. Tuổi trẻ đâu cũng xông, thế là Thái bước vào. Cô gái vào nhà trong một thoáng rồi ra ngay. Người con trai đã kịp nhận thấy cô mới thay tấm quần lụa trắng muốt. Anh chàng gà trống tơ nghĩ vợ vào rằng thế là ăn tiền rồi.

o

Ông Thái nhìn qua cửa sổ mở. Bà Vân hết tấm ảnh bán thân nhận được năm trước. Có điều khác, đây là người thật, một bà lão khỏe mạnh, to đùng. Hình như bà Vân đang dở tay làm gì, nhắc cái phích hay bày ấm chén. Bà chưa vội ra mở cửa. Nhận xét đầu tiên ấy khiến ông Thái buồn buồn. Chỉ đến lúc thoáng thấy bóng mình lù rù chiếc mũ cối như cái mu rùa trên đầu, hôm đi ông mượn của thằng cháu, ông mới ngơ ngai và lại hơi ngượng.

Bà Vân nhìn ông, chào ông một câu đột ngột:

- Anh ốm quá!

Ông Thái đã sắp sẵn một câu đùa tình tứ. "Em trẻ, em trẻ lắm". Nhưng bị một câu phủ đầu mất vui, lại nhớ cái răng cửa hổng, ông Thái chỉ mỉm cười.

Chẳng mấy lúc, cũng may, ông Thái đã cảm thấy như ở nhà nhà mình thương yêu êm ấm, không phải căn hộ tẻ nhạt ở ngoài kia bây giờ. Bà Vân và cháu gái lên xuống dọn mâm bát. Nhớ lần về chơi nhà Vân dưới Sa Đéc. Cả nhà vồn vờ, phong tục Nam Kỳ sao mà đáng yêu. Ông Thái đương trở lại cái gia đình tưởng tượng, hai người yên vui về già.

Bức tranh vẽ rồi lại xóa, lại vẽ, lúc hồng rực, lúc đen nhem. Ông Năm lấy trong tủ ra chai rượu ngâm thuốc. Ông Thái cười. Đã quen, không còn ngại hàm răng trống.

- Rượu thuốc à?

- Sâm em mua ở Băng Cốc về biếu anh Năm ngâm.

- Có bia hơi...

Bà Vân nhăn mũi:

- Bia hại thận, nghe. Rượu thuốc...

Ông Thái im, chợt lại thiu thiu như mọi khi ở nhà.

Nhưng ông Thái với bà Vân cũng có phút giây mơ màng.

Bà Vân bảo: - Chúng ta đi vườn Bờ Rô.

Nhớ lúc nãy ngoài đường, xe máy liên hồi tạt qua mặt, ông ngại:

- Làm gì?

- Ôi anh quên rồi rồi sao! Cái năm hội chợ Sài Gòn, đêm hôm đó chơi vườn Bờ Rô.

Ông Thái lúng túng vì câu trách yêu. Ông Năm ở buồng trong góp chuyện ra.

- Bộ cô Ba tưởng vẫn cái vườn Bờ Rô năm cô Ba ở Sài Gòn à? Không đâu. Bây giờ vườn Bờ Rô, vườn Chuối loạn dữ, nhất là ban đêm. Không đi dạo được đâu.

Ông Năm gỡ cho ông Thái một cuộc đi chơi không hào hứng. Nhưng câu chuyện bên bàn nước vẫn lai rai. Tiếng mưa xầm xập xuống mái tôn nhà nào xung quanh, chẳng biết là đương ở đâu. Trời cũng giúp làm

nhặt cái kỷ niệm vườn Bờ Rô rồi.

- Ngày mai đi Vũng Tàu.

- Vũng Tàu à?

- Trước em định nghỉ Long Hải. Nghe nói bên ấy yên tĩnh. Nhưng anh Năm nói Long Hải vắng lắm. ở Vũng Tàu hơn. Anh Năm với các cháu cũng đi.

- Cả nhà cùng đi cho vui.

Bà Vân cười:

- Không, anh Năm không đi chơi. Anh biểu anh Thới là cán bộ cách mạng, phải bảo vệ ảnh, không được lơ là cảnh giác. Ông nói như đọc báo vậy.

- Bảo vệ tôi à?

- Anh Năm biểu thế.

Ông Thái vừa buồn cười, vừa nhớ ra. Nhưng lại thú vị. Ông đã trông thấy ở Hà Nội những cán bộ có người bảo vệ. Ông cán bộ đi bách bộ cũng có người đeo súng ngắn sau lưng áo, đi cạnh. Ông cán bộ may ô quần đùi mặt đỏ lựng chạy tập thể dục buổi sáng bên bờ hồ, có hai thanh niên áo đại cán trịnh trọng, vẫn súng giắt lưng, lồng thông chạy hai bên. Ông Thái như con kiến, ông muốn bò đi đâu thì đi. Bây giờ nghe có người nói đi bảo vệ ông. Cũng sướng.

Bà Vân nhìn ông Thái, neho mắt, tinh nghịch:

- Nhưng mà anh Năm không đi nữa!

Ông Thái cũng rờn:

- Không phải bảo vệ à?

- Em bảo anh Năm là ra Vũng Tàu ở khách sạn, ở boong-ga-lô mới lo bảo vệ, chứ ở chùa thì thôi, cửa Phật mà. Anh Năm thấy thế ưng được.

Rồi bà Vân lại cười:

- Có vậy mới được đi đôi!

Không biết bà Vân mừng thật hay chỉ là nói đùa. éột nhiên, bà Vân nói:

- Anh có còn nhớ chị Hậu không?

- Chị Hậu...

- Có lần anh vô Sài Gòn, em ra ga xe lửa Mỹ đón, có chị Hậu...

Thật ông Thái đã nhớ ra. Không những thế, ông Thái còn đương bản trong đầu khi nghe đến tên người đàn bà ấy. Những liều lĩnh của tuổi trẻ thì vô vàn, nhưng đã nguội lạnh, xếp xó trong ký ức từ nửa thế kỷ rồi.

Vân trọ học nhà Hậu. Hậu hơn tuổi Vân, ở nhà giúp tiệm may của mẹ. Hậu theo Vân ra ga để "ngó mặt thằng Hai". Hậu chưa biết Thái. Nhưng Thái thoát trông thấy Hậu đã cảm giác gờn gợn kỳ lạ. éo! mắt bồ câu lóng lánh đắm như làn nước muốn hút người ta trầm mình vào. Cô Hậu nhìn Thái. Thái đoán được đôi mắt ấy nói gì.

Đêm ấy, Thái nghỉ lại nhà Hậu. Mai, Vân và Thái về Sa ééc sớm. Thái nằm ngoài phòng khách. Vân và Hậu ngủ buồng cạnh đấy, cái giường to kê bên cửa sổ. Nửa đêm, chợt tỉnh, trời vẫn xầm xập mưa như đêm nay thế này.

Thái tha thiết nhớ hai con mắt Hậu. Thái lần ra, thò tay vào màn, mà Thái đã để ý, biết Hậu nằm cạnh cửa màn. Tay Thái vừa đụng vào cánh tay Hậu, thì một bàn tay ai nắm lấy, vuốt từ từ lên mặt Thái. Cái hôn dài vùi vào nhau, tưởng như hai làn môi không bao giờ rời ra được nữa.

Sáng hôm sau, đôi mắt Hậu khác hẳn, lay láy long lanh quang đãng như trời mưa tạnh. Rồi Thái và Vân về Sa ééc. Đến hôm lên đường ra Hà Nội không tạt được vào nhà Hậu. Người trai đào hoa không quên, nhưng cũng chẳng nhớ hơn nữa. Từ đấy, không khi nào còn gặp lại.

Ông Thái hỏi:

- Thế chị Hậu rồi sau ra sao? Giờ ở đâu?

- Cũng chẳng lấy ai!

Người đàn ông đam mê ngày trước chợt bồi hồi vu vơ. Bây giờ lòng yêu thành nỗi buồn ngủi cho ai có lẽ vẫn chờ mình từ sau đêm ấy, mà mình thì đương nhắm nhía cái đau của người ta.

- Rồi thế nào....

- Chị ấy đi tu.

- Cái năm em sang Mỹ, em có xuống chùa chào chị. Em vẫn được thư từ. Chị ở Vũng Tàu.

Ông Thái nhắc lại như trẻ con học nói:

- ở Vũng Tàu.

Bà Vân nói:

- Em được thư thầy nói thầy đau, có khi về người Phật mất. Ta xuống thăm thầy nhân thế.

Ông Thái lễ phép rụt rè:

- Vâng.

- Bây giờ gặp thầy, anh cũng không nhận ra được đâu. Mà thầy quy y đổi tên nhà Phật rồi.

Bãi Dứa ở Vũng Tàu, một bên gồ ghề sườn núi, một bên bờ đá. Chỉ có một bãi tắm nhỏ ở chân dốc sang bãi Sau bên kia. Nhưng lọt giữa những tảng đá lờm chờm, đôi chỗ hùm xuống một vùng cát choen hoèn phẳng lì như manh chiếu cói trắng.

Dọc triền núi, ẩn hiện những ngôi chùa nhỏ, công đức của các nhà giàu trên Sài Gòn. Đã thành phong tục đem ảnh và bài vị người đã khuất lên chùa, tương tự ngày trước nhà có cửa cúng ruộng hậu.

Ông Thái và bà Vân xuống ô-tô ngoài bến rồi đi xích lô về bãi Dứa. Từ lúc gần đến Vũng Tàu, ông Thái đã lẩn thẩn sợ thế nào ấy. Sợ cả cái dáng bà Vân đi phăm phăm, tiêu tiền như vứt đi, tiền xe, tiền ăn sáng, tiền cho ăn mỳ. Được cái trông bà Vân không khác mấy bà luống tuổi. Khăn vuông lụa trắng, áo xuyên đen, quần lĩnh đen giản dị. Chẳng ai có thể đoán được bà ấy đã xa đất nước mấy chục năm qua. Ông Thái ngồi sau bà, lưng tựa đệm xe. Như con cá nằm trong cái kẹp thế lực.

Hai người lên bậc gạch một ngôi chùa, đi dưới đường chỉ thấy thấp thoáng mấy cảnh đại khảng khiu nhô ra. Bà Vân vào thẳng nhà hậu. Ông Thái còn quáng mắt trong căn nhà tối ẩm, bà Vân đã tới trước bộ ván, ngồi sụp xuống đất, chắp hai tay:

- Bạch thầy, còn là Vân, con mới ở Mỹ về.

Trên phản, một người nằm, hai chân nễ nặng trắng bệch. Có tiếng khe khẽ:

- à... Vân...

Một cô tiểu ngoại hiên bước vào. Cô tiểu đỡ người ốm ngồi lên. Bà thở khó nhọc, như con mèo gù, bà tựa lưng vào tường và vai cô tiểu đỡ... Ông Thái đã nhìn rõ. Không thể là cô Hậu năm nao. Cái đầu bà lão bùng vàng như nghệ, phù to ra.

Một cô tiểu bưng nước mời khách, đặt trên án thư bên cạnh. Bà Vân nói:

- Bạch thầy, thầy có nhớ ai đây không.

Nhà sư ngược cặp mắt trắng lơ lơ:

- Ông Thái ngày xưa đó.

Bóng mờ khuôn mặt xị không động đậy.

Các chùa ven bãi Dừa đều có nhà khách, vào mùa nắng, cho cả người chơi biển trọ. Ăn chay theo bếp nhà chùa. Hình như cũng vắng vẻ.

Bà Vân và ông Thái nghỉ ngoài nhà tổ. Gian giữa, một tượng Quan Âm. Mùi hương phảng phất, nằm trông lên thấy cái bệ tòa sen thếp vàng ánh. Bên một kệ đặt những khung ảnh người đã mất được đem gởi hậu. Ông Thái mặc cái màn nâu dưới chân kệ ảnh. Bà Vân nằm trên phản đầu gian bên. Như vợ chồng già vẫn cảnh chùa, đường xa nghỉ lại.

Ngày ngày bà Vân ra bãi tắm. Bà Vân nói: "Em khỏe được là nhờ biển. Nhà em bên kia ở ngay cạnh nước. Hằng ngày cả thành phố tắm biển". Bà Vân rủ ông Thái tắm. Nhưng ông Thái lắc đầu. Bà Vân cũng không ép thêm. Bà Vân lội xuống nước. Ông Thái đội mũ cối, quần áo bộ đội xanh nhợt, ngồi cái quán cóc cạnh gốc dừa trên bờ. Ông ngồi trông quần áo cho bà Vân. Đôi lúc cao hứng, ông lội cả đôi dép râu đi dọc mép nước. Khi về, bà Vân vào chỗ dội nước ngọt thay quần áo, ông Thái cầm cái túi đứng ngoài.

Bà Vân đã ra bãi. Ông Thái ở vườn chùa vào nhà hậu. Ôi, năm mươi năm trước xa với vợ, ở phía nửa trái đất bên kia. Ông Thái vẫn không thể nào tưởng cái cô Hậu ấy là bà sư liệt giường này. Không, không, ngày xưa đã qua rồi. Nghĩ thương thương, ông Thái bước vào.

Cô tiểu đến nâng sư thầy. Nhưng bà không giơ tay. Bà vẫn nằm nguyên đấy. Ông Thái lặng lẽ ngồi xuống ven giường. Ông Thái nghe tiếng thều thào như vắng đâu tới:

- Ông già quá rồi.

Ông Thái đã muốn nói mấy câu gì đó. Nhưng ông không nói được nữa, ông ngồi yên.

Nhà sư từ từ quay mặt vào tường.

Ông Thái lững thững ra bãi. Ông Thái ngồi cái quán bà Vân gửi quần áo. Sóng biển lấn tăn, bà Vân đứng ở chỗ nước ngập ngang vai. Trông thấy ông Thái, bà Vân giơ tay vẫy vẫy.

Ông Thái vẫn chưa dứt cái đau, cái ngán ngấm vừa rồi: "Ông già quá rồi", ông cũng sắp tịch rồi, câu nói thối bay mất hào hứng và lòng thương người của ông. Ông Thái nhìn bà Vân vùng vẫy thành thoi dưới nước. Ông thở dài, bỗng cúi kính: "Hay là cái đêm ấy nó biết. Nó thù đến tận bây giờ nên mới đầy ải mình ra đây". Ông Thái nhấp một ngụm rượu rồi lại nhẹ nhàng nghĩ có thể không phải thế.

Bà Vân đã lên. Bộ quần áo tắm vẫn xanh, cánh tay và bộ đùi hộ pháp phịch đã bơi bắt nắng. Ông

Thái thờ ơ nhìn. Bà Vân giơ ngón tay. Nách bà trắng bạch. Mọi hôm vẫn thấy mà không để ý. Ông lẫn lẩn đoán không biết bà ấy nhớ hay tự nhiên thế.

Bà Vân giơ tay nết đùa:

- Cấm uống bia nghe.

Ông Thái mỉm cười giơ ly rượu.

- Rượu thuốc. Rượu thuốc vẫn uống nhắm với ô mai ở bùng binh chợ Bến Thành, từ ngày xưa đấy.

Vào dội nước ngọt, thay quần áo ra, hai người lững thững về. Bà Vân tự nhiên nói:

- Chúng mình có duyên, nhưng không có nợ.

Có lẽ câu ông Thái vừa nói đã khiến bà Vân nghĩ ngợi. Ông Thái băng khuâng, mũi lòng.

Hôm rời Vũng Tàu, ông Thái nhổ ngoài bãi cát một cái dây cây dại, không có tên. Lá dày tựa lá thai lài, hoa màu xanh nhợt nhạt, man dại như hoa bìm bìm. Ông cắm vào cái vỏ bia 33, đem về.

Mấy hôm sau, ông Thái lại đã ở nhà. Ông lại ngồi ở cái góc buồng tầng bốn trông ra cái cửa sổ mới được trang trí thêm hộp bia trồng dây hoa bìm bìm.

Những nhánh ba lá vào mùa thu đã ngả màu vàng gắt. Không ai biết được cuộc phiêu lưu kỳ lạ ông Thái vừa trải. Ông im lặng như chiếc phất trần dựng xó tường. Cái phất trần thỉnh thoảng bà ấy còn lấy ra phẩy bụi, ông thì chẳng ai đụng đến. Ông lặng lẽ. Ngồi xuống, không có rượu gặm nhấm lại kỷ niệm. Thói quen nghề nghiệp kế toán ông Thái tính một tuần lễ vừa qua mỗi người chỉ nói được ba câu đùa vui. Cứ vậy mà dự phòng, dự chi, thế mà còn hơn. Nếu nợ nhau thì có lẽ chỉ còn cái gắt và im lặng như bây giờ.

Hai cái răng cửa đã rụng nốt. Hàm trên nhẵn thín, môi cúp xát vào lợi. Móm hăn. Đã lâu lắm không nhận được thư của Vân. Ngộ như năm nao Vân lại về có gọi Thới vào, Thới cũng không đi nữa. Ông Thái quả quyết thế. Nhưng rồi cả năm cũng không được tin tức. Có lẽ ở bên ấy bà Vân cũng đương nghĩ như ông Thái. Một hôm, con mèo nhà ai nhảy cửa sổ, làm rơi ụp cái vỏ bia trồng dây hoa bìm bìm. Ông Thái cũng chẳng buồn xuống nhặt lên.

Mục lục

Lời Mở Đầu::

Chương I:

Chương Ii:

Chương Ii (Tt):

Chương Iii:

Chương Iii (Tt):

Chương Iv:

Chương Iv (Tt):

Chương V:

KẺ CƯỚP BẾN BỎI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Lời Mở Đầu::

háng chạp năm Giáp Dần (1854) đời Tự Đức thứ bảy, quan phó lãnh binh Sơn Tây Lê Thuận đi đánh bắt được Cao Bá Quát, đem về chém tại làng.

(Việt Nam sử lược - Trần Trọng Kim)

... Tự Đức phái thêm 500 lính từ Thanh Hóa ra đóng tại Sơn Tây và treo giải thưởng 500 lạng bạc cho người nào bắt được Cao Bá Quát và 300 lạng bạc cho người nào giết chết được Cao.

Quân nhà Nguyễn do lãnh binh Sơn Tây là Lê Thuận và quân khởi nghĩa do chính Cao Bá Quát chỉ huy đã giao chiến tại vùng Yên Sơn, phủ Quốc Oai. Trong lúc giao tranh, Cao Bá Quát đã bị viên đội Đinh Thế Quang bắn chết tại trận. Quân của Cao Bá Quát bị tan vỡ, 100 chết, 80 bị bắt sống. Tự Đức ra lệnh đem đầu của Cao Bá Quát bêu khắp các tỉnh ở Bắc Hà rồi bỏ ra ném xuống sông.

(Lời giới thiệu “Tuyển tập thơ văn Cao Bá Quát” của Vũ Khiêu - Nhà xuất bản Văn Học 1984)

... Cao Bá Quát phải giam ở ngục Sơn Tây, bị đóng cũi đem xuống Hà Nội rồi đem về nguyên quán ở làng Phú Thị chịu án xử quyết.

... Anh em sinh đôi của Cao Bá Quát là Cao Bá Đạt, Đạt đương làm Tri huyện Nông Cống (Thanh Hóa), vì việc liên lụy mà bị bắt giải về Kinh. Đau đớn nổi vạ diệt môn, đi dọc đường cắt đầu ngón tay lấy máu, viết tờ biểu kêu thương để lại, rồi tự đâm cổ mà chết. Cháu gọi Cao Bá Quát bằng chú ruột là Cao Bá Nhạ, con Cao Bá Đạt, bỏ trốn. Tám năm trời Cao Bá Nhạ lẩn lút ở vùng núi Hương Sơn, tưởng đã thoát, không ngờ có kẻ tố giác, Cao Bá Nhạ bị vây bắt đóng cũi đem về giam ở Hà Nội rồi sang ngục Bắc Ninh, sau bị phát văng chết trên đường ngược.

... Cao Bá Quát không bị chết trận, không bị đem về chém ở làng - vì cả làng không ai kể lại chuyện ấy. Còn Cao Bá Nhạ phải về chém ở làng thì ai cũng nhớ ngày 19 tháng 7 âm lịch (1861), bây giờ vẫn còn kể lại và vài chục năm trước vẫn còn giỗ. Đồn rằng Cao Bá Nhạ vừa bị chém xong thì có chiếu vua ra cho ân xá. Hai con Cao Bá Nhạ trốn được. Sau khi Cao Bá Nhạ chết khoảng mười năm thì có một người con về làng ít ngày rồi đi hẳn.

... Về vạ tru di tam tộc như các sách nói thì người làng Phú Thị còn kể rằng quan quân về bắt cả già trẻ lớn bé họ Cao đem ra chợ Sủi đóng cọc, trói lại rồi tra hỏi ai biết Cao Bá Quát ở đâu. Bỗng một đám nghĩa quân ở trên đê tràn xuống. Quan quân chạy hết, mọi người được cởi trói rồi tất cả bỏ làng đi, mấy chục năm sau mới có vài nhà về - trong đó có chị họ nhà thơ Cao Bá Thạo.

... Khi thua trận ở Mỹ Lương, Cao Bá Quát đã một mình chạy về Hà Nội, vào một ngôi chùa vùng Khâm Thiên có người nhà tu ở chùa ấy. Cao Bá Quát thay hình đổi dạng thành nhà sư, rồi đi biệt tích.

(Những mẩu chuyện trên, nhà thơ Thao Thao - Cao Bá Thao đã kể lại theo lời ông thân sinh và nhiều cố lão làng Phú Thị, huyện Gia Lâm, Hà Nội).

KẺ CƯỚP BẾN BỎI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương I:

êm ngồi một mình

(Độc dạ) [1]

Một mảnh đất vừa ồn vừa thấp ở nơi thành thị

Một con người vừa già vừa ốm giữa trời đất

Đem thân ra đời đã thành người thừa

Náu vết hầy chịu lắm than vạ

Nhưng nạn rét nạn lụt cứ liên tiếp phát sinh

Huống chi dân đen bị tai nạn chưa được hồi phục

Không có một sách lược gì cho đời được thái bình

Thẹn mình là nhà nho mà tầm thường đến thế.

Vũ Khiêu (dịch nghĩa)

Trong lúc ốm

(Bệnh trung)

Là một anh đồ hủ, thân tàn mà chưa chết

Cố gượng mang bộ xương mỗi mòn còn phải nhờ người nâng hộ

Nép mình giữa trời đất, thương bàn tay cô đơn

Ngoảnh nhìn con đường mây khói, chí cả chưa được vùng vẫy

Biết bao giờ được về ở yên trong tổ như con chim én

Một ngày kia lại thẹn với đàn quạ đậu nơi vườn tốt tươi

Chú bé con không hiểu cái bệnh Duy Ma của ta

Cứ hỏi luôn rằng: vành đai lưng có gầy đi phần nào không.

Hoàng Trung Thông (dịch nghĩa)

Chải đầu

(Sơ đầu)

Một đời đã phụ cả năm xe sách

Trải mãi gió bụi, mái tóc càng thưa thêm

Tâm sự và tóc cần chi phải so sánh ngắn dài

Đến lúc đã rồi bởi thì cũng rồi bởi như nhau.

Xuân Trang (dịch nghĩa)

Chiều tà, say trở về

(Bạc vân; Túy quy)

Say mềm, đi về không cần người đỡ

Cả một dải sông mịt mờ những khói cùng tre

Lầm rầm khẽ hỏi bông hoa sen

“Có đỏ được bằng mật rượu của ta không?”

Nguyễn văn Bách (dịch nghĩa)

Họa bài thơ thọ 70 tuổi của ông Kinh Doãn họ Nguyễn - Nguyễn Công Trứ

(Phục họa Kinh Doãn Nguyễn Công thất thập thọ, thứ vận)

Một mình ngồi chống tay vào cằm nhìn về núi phía nam

Xa tường đến hồi tiên sinh còn chưa già

Sự gặp gỡ của bậc anh hùng từ xưa vẫn khác thường

Những người tuổi cao đức cả (như tiên sinh) ngày nay thật hiếm

Mùi đời đã nếm đủ rồi rút cục vẫn cần đến rượu

Cấm ngắt hoa sương không cho bén vào râu

Nghe nói người muốn quay về ngọn núi Hồng

Có lẽ sáu mươi chín năm qua đều là sai cả.

Trúc Khê (dịch nghĩa)

* * *

Phải khi mùa hanh hao, gió bắc thổi đêm ngày liên hồi kỳ trận, trời đất mù mịt trên sông Cái, thoát trông sang chẳng thấy Bà Móc, chợ Cầu Cháy đâu, cả đất Kê Chợ vùi vào làn cát đỏ rực. Song để ý kỹ, dần dần nhìn ra những cái nan, cái thúng, người với gồng gánh sang ngang và đôi chốc, một cái mảng, một chiếc thuyền đại tạt vào ăn bến chợ ông Nước, bọn người neo lái phải vừa chèo vừa hò ới ới để lấy đường nước giữa làn cát mờ mờ tấp vào mặt. Tưởng như gió cát triền miên, dò giang cách trở thế, chẳng mấy ai qua lại, thế nhưng mọi đồn thổi thì chỉ một nhất, bên này sông, bên kia sông đã dậy lên.

Cái tin ông giáo thụ Cao bị hại ở Kê đưa về đến Dâu Chùa hầu như ai cũng biết. Dĩ nhiên bởi có người ở các xóm trong bãi dâu này bấy lâu đã đi theo ông. Ai cũng còn mong ngóng tin tức người khác nữa. Nhưng cái hung tin ông giáo thụ bị chém chết, lại nói rõ bị đội Quang đã khét tiếng ác ở Sơn Tây chém ngã ngựa giữa trận thì đích rồi. Có người làng khi vỡ trận chạy từ trên ấy về đã kể được mắt thấy rõ ràng.

Có một người bụng nóng như lửa đốt, ấy là cái nhà Côi ở làng bên. Côi đã cặp sách cặp tráp hầu thầy từ hồi ông giáo thụ còn ngồi bảo học ở làng nhà. Rồi thầy vào Kinh làm quan, chẳng biết phạm thượng phải tù tội thế nào, đến khi thầy về phủ Quốc làm giáo thụ, nhưng làng nước cứ gọi tôn lên chức huân đạo. Thầy về làng ai cũng một điều thưa bẩm quan huấn. Thầy lại gọi Côi lên theo.

* * *

Tháng ba ngày tám, rồi những khi chưa đến kỳ hạn tải dầu xuôi, Côi lại lên phủ Quốc. Thôi thì cặp sách hay cặp tráp, mài mực hay cầm cờ, cầm súng vẫn một dạ vậy. Một ngày nên nghỉa, và chẳng, Côi cũng được đứng hàng môn sinh, đồng môn học trò thầy. Hàng năm, đồng môn thuộc ngày kỵ hai cố sinh ra thầy, hay khi cơm mới và tết nhất, thầy ở nhà trong làng, thầy ra ngoài đình Ngang hay trên hồ Tây, Côi cũng được dự. Gia cảnh thầy thanh bạch, nhưng một nhà có đông đủ học trò bố, học trò con, đồng môn đơn đồng môn kép, thật phúc đức hiếm thấy.

Ngày thầy Cao về phủ Quốc rồi nổi quân, Côi theo ngay. Cái gánh dầu kiếm ăn độ nhật để nhà cho mẹ Côi. Ra đi, chỉ nói: “Này nhà nó, thầy nhặn việc nước như lửa cháy, ta phải đi đây”. Mẹ vợ vùng vằng, lẩm bẩm: cháy thiên hạ chứ cháy đâu nhà mình mà mua việc. Chẳng biết Côi có nghe tường câu than vãn ấy không, nhưng Côi đã đi buột ra ngoài cổng rồi. Vợ Côi gánh dầu đi bán các xóm, hết lại sang đong bên bến

Bà Móc. Bần cùng mới phải lấy xỉ thế, chẳng được mấy lời lãi.

Thỉnh thoảng, đôi khi Côi về, đi cất dầu trên phủ Lâm rồi nhờ bè mảng thả về. Khi đi khi ở, chẳng nói chẳng rằng, cứ lậm lụi thế, nhưng thực thương vợ vất vả, con cái lại muộn mẫn. Người vợ cục tính, có hôm về, Côi phải lui hụi thối cơm lấy. Côi chịu nhịn vì Côi biết mình cũng phũ tính, nó mà cần nhẫn, ý eo thì Côi vật cổ, đòn như tử ngay. Chuyển vừa rồi, Côi về, đã mấy phiên hết dầu, mụ vợ ở lý nhà. Côi cũng động lòng, lại tắt tả lên ngược. Rồi xin chân đẩy bè gỗ, để ghé được cả chục thùng dầu châu. May mà lúc ấy Côi nhớ ra, ngóc dậy, cố neo cái bè ghé được vào đậu bến chốc lát, không đến nỗi trôi thẳng. Chỉ vì mấy hôm Côi lên cơn sốt rét, nằm run trong lều mảng. Rõ lạ, ở trên Kệ, cả tháng trong rừng, leo núi nhón nhóat như con tầu, thế mà chỉ một phiên qua Hưng đã ngã nước. Vừa dứt cơn sốt, lại sốt ruột trên Kệ Sơn. Từ khi rút vào Mỹ Lương thì có cơ dừng chân lâu được. Nhưng mà rồi thế nào chứ, đâu lại chịu ru rú trong xó rừng. Chắc là thầy mong... Cũng vì cứ lo, cứ thao thức thế đâm ra tỉnh ngủ, may mà canh chừng nhớ được bến làng...

Nhưng mà, khi quá gian lao, người ta hay gắng sức, sau rồi mới thấy nhọc. Bước vào nhà, Côi búi tay lên cái cột hiên, hai đầu gối còn run. Con ma làm bệnh sốt rét, càng khỏe nó càng hành, tưởng lại quỉ. Rồi Côi nằm liệt giường cả phiên chợ, mặt hốc hác bệch như mảnh giấy bản. Vừa mới ngóc đầu dậy được thì cái tin thầy Cao chết trận ập về. Côi ngồi lên, tựa lưng vào vách. Côi cứ ngồi như pho tượng, từ chiều cho đến nửa đêm.

Côi còn nhức nhối hơn cả lúc đương cơn sốt. Mới tháng trước, Côi về trong Kệ. Mấy năm đi hầu thầy khắp các trận, từ phủ Thanh Oai vào phủ Ứng Hòa, sang bên Quế Quyền, đến khi ngược lên phủ Quốc lược nữa, chạm trán với quân lãnh binh Sơn Tây rồi mới lui vào Mỹ Lương. Thông thả, Côi được thầy để về lo việc nhà ít ngày. Bấy lâu, thỉnh thoảng thầy vẫn cho thế. Thì Côi lên ngay phủ Lâm lấy dầu về. Định ở nhà vài phiên đi bán đỡ mụ ấy. Thế mà bây giờ nghe thầy bị đụng ở Kệ, thầy đã chết ở Kệ, vậy là ra làm sao?

Côi không thể tin. Vừa mới hôm nào ở Kệ với thầy kia mà. Đến hôm có người trưởng tràng lên đến bảo nhỏ :

- Mai đồng môn cúng năm mươi ngày thầy.

Côi mới nửa tin nửa ngờ. Lừa một lúc mụ ấy đi đâu, Côi chống cái đòn cán, buông cửa, đi đến đấy. Đám đồng môn cúng năm mươi ngày thầy làm kín ở một nhà ngoài đầu đồng. Bọn chức dịch mà biết thì phải mang vạ nên không mỗ lợn, thịt trâu cúng và không ăn uống, mà chỉ thắp nén hương, những nén hương đen châm lên rồi cẩn thận quây cót cho khói tụ bay lên trời, trong xóm không ngửi thấy mùi hương cúng. Hầu khắp các học trò thầy đến. Người trưởng tràng quỳ lạy trước bàn thờ có bài vị thầy, gào hai tiếng: Ô hô! Ô hô! Rồi khóc rưng rức.

Bấy giờ Côi mới ngờ thầy đã mất thật. Côi về, nằm như bị sốt lại mất nửa buổi. Hôm sau, Côi lủ khủ bảo vợ :

- Sớm mai, nhà mày cho tôi một nắm cơm.

- Người còn như con sên thế, đi đâu?

Côi thở dài :

- Phải ra ngoài xem thế nào.

Mụ Côi gắt :

- Xem xỏ cái gì?

- Chưa biết à?

- Làng này còn mấy đứa toi theo rồi. Rõ ở đừng chẳng lành...

- Ông vả vỡ mồm bây giờ!

Mọi khi, thế nào mụ cũng được ăn mấy cái đập, quả thui. Nhưng lúc ấy Côi chỉ trợn mắt, chắc là mắt trắng nhả, trong nhà tối âm sâm, mụ không nhìn thấy.

Hôm sau, Côi còn lấy bấy, cũng chưa đi được. Mụ ấy ở ngoài xóm về, cầm một nắm lá chuối khô lột chông làm ổ, rồi nằm úp mặt, rên ư ử :

- Tôi... lây con ma rừng... Con ma ngã nước...

Chẳng biết thật hay vờ. Thế là mụ nằm một xó. Đến trưa, mụ trở dậy thối niêu cơm rồi lại vào chổng nằm rên rĩ không ăn. Mụ hay giả cách, nhưng cũng có thể mụ bị lây con ma ngã nước Côi đem trên ngược về.

Côi nói :

- Tao đi đây.

Mụ khóc hu hu :

- Giời đất ơi, đi mà chết, người ta đi chết kia kìa.

Hôm sau, Côi đi từ gà gáy. Côi sang bên Sủi xem thế nào. Côi tắt tả đi. Một lúc, ngược nhìn, thấy đỏ xuộm. Không phải mặt trời đã mọc, mà lúc ấy mới tang tảng sáng. Đương mùa cày, không phải lửa đốt gốc rạ sưởi của trẻ chăn trâu bỏ trên cánh đồng còn âm ỉ đến sáng. Cháy, cháy rồi. Cháy làng, cháy cướp đốt làng. Côi ba chân bốn cẳng chạy về phía ngọn lửa bốc trên lũy tre, càng đến gần càng rõ đương cháy ở Sủi.

Chợt nghĩ ra, có thể quân quan về đốt làng, tróc nã họ Cao. Côi vừa lo vừa thấp thỏm, thở hồng hộc.

Cơn sốt mới dứt, tường đứt hơi được. Nhưng một sức mạnh lạ lùng đẩy Côi chạy băng băng.

Côi đã lên đến trên một gò cao ven bờ đê. Đường vào làng trước mặt, Côi đã thuộc lòng mỗi quãng. Côi đứng sững, bởi vì đúng, đường cháy to trong làng Sủi. Quân quan về giết người, đốt làng rồi. Côi bủn rủn tay chân, toát mồ hôi lạnh. Không phải vì gió cũng không phải những cơn sốt làm bại hoại cả người, mà Côi trông vào trong bóng mờ lũy tre, trong ấy tàn lửa vẫn bay đỏ hơn hồng từng mảng. Những mắt tre, mắt vầu nổ ran như pháo lệnh.

Tĩnh không một bóng người. Bao nhiêu người đã chết vùi trong những đám cháy, có lẽ suốt cả ngày đêm qua. Côi dậm chân than nỗi cái mụ vợ đã cản, đáng lẽ Côi về được Sủi từ hôm trước. Thế này là thầy Cao đã mất thật rồi. Người đi làm giặc, quan quân về triệt hạ làng. Khói những đám cháy bốc lên, tỏa ra làn mây đen vần vù.

Chỉ nghe tiếng nổ, tiếng lửa lên thành gió phùng phụt. Cả buổi sáng, một màu lửa đỏ khé máu. Côi cứ đứng ngay đơ như cái cột vách.

Trong con đường cống đồng cuối xóm, thoáng một bóng lười cũi ra. Chưa nom rõ là con chó, con trâu hay là người. Thoắt một cái, từ bóng nhập nhoạng, đã hiện lên trước mặt Côi một thằng bé cởi trần, đóng cái khố một cả người xanh xám như ám khói, như trong bùn chui ra. Thành linh thấy người, thằng bé rụi xuống, chắp hai tay lên đỉnh cái đầu trọc vái khóc thút thít.

- Lạy quan nhớn, lạy quan nhớn...

Côi xốc thằng bé dậy. Da dẻ nó lạnh như đất. Thằng bé chỉ trạc bảy, tám tuổi, đầu cạo trọc lông lốc, nắm tóc hoa roi dài đến vai - rõ cái hoa roi “tóc học trò” như Côi ngày trước.

Côi vỗ cái lưng trần thằng bé.

- Tao không phải quan nhớn, đừng sợ, đừng sợ.

- Thế... Thế... quan là...

- Tao đi chợ Sủi.

- Không có chợ Sủi đâu. Bác chạy đi, chạy đi. Các quan ra bây giờ thì chết hết.

Rồi thằng bé vùng khỏi tay Côi, vọt đi. Không biết thế nào, Côi đuổi theo thằng bé. Đến một quãng khuất bên kia đê, nhìn lại không còn bóng lửa cháy trong chân tre nữa. Côi giữ vai thằng bé, thằng bé cũng đứng lại thở, mặt càng xanh mét.

- Đứng chờ vợ chỗ này cũng không được. Xuống dưới kia, chui vào cây rơm trong cánh đồng khô.

Hai người núp vào chân đồng rạ ải giữa ruộng.

- Làm sao cháu lại phải chạy trốn thế này? Lính đốt tàng hả?

- Mấy hôm rồi, lính bắt người, hôm qua còn trói đi. Người già cũng phải đóng gông vào cổ. Bố cháu đẩy cháu vào ruột cây rơm, bảo ở yên trong ấy. Loa gọi cả xóm ra đình, cả trẻ con nữa. Rồi đi đốt nhà, ai cũng phải nhào ra.

- Thế bố mẹ cháu đâu?

- Bố cháu mẹ cháu sợ loa quá, đi rồi, đi đâu cháu không biết. Bảo cháu cứ đợi đấy, chốc thì về đem theo. Đến lúc thấy lính vào đốt nhà, cháu sợ lính ra đốt cây rơm, cháu mở mắt thấy nhà cháu cháy, cháu chạy lên đây. Bác có gặp bố mẹ cháu không?

Côi toan nói: “Có khi quan bắt rồi, giết cả rồi”, nhưng Côi chỉ nhìn thẳng bé, lặng im.

Thằng bé ho bụi rơm rồi nước nở. Côi nói :

- Im, im để tao nghe thế nào rồi đi với tao.

Đến quá trưa, hai người ra khỏi đồng rạ. Đường sá lạnh tanh. Mọi khi, hôm nào chẳng có ba buổi chợ, cả chợ trưa ở các đầu làng, trên đê, dưới bờ sông. Hai người lại chạy, đã xa lắm rồi, đã qua những bờ giồng đất bèo ong xanh om và vào bờ tre, thấy vẻ êm ả bình thường, thế nhưng vẫn chẳng gặp người, không đâu có khói nóc bếp. Những làng tận bên này gần đường cái quan cũng lây cơn hoảng hốt, bỏ đi hết. Một chốc, vắng vắng tiếng ghé ngõ, con trâu nào có người dắt chạy đằng kia, con ghé bõn theo. Nhưng cũng không trông thấy ai. Rồi lại im như không.

Côi không trở về làng. Côi qua đò ngang bến Ghềnh sang Kê Chợ. Trong phường phố dường như không biết cảnh tao loạn đang xảy ra bên kia sông. Chẳng kể được người tứ xứ xuôi ngược đường đất đường sông ra các đầu ô, những quân trảy, ngựa chạy hỏa bài, lúc nào cũng tấp nập. Côi bơ phờ, gày hom, đi với thằng bé lấm bùn đến tận mắt, đóng cái khố lồng dây bẹ chuối. Cũng chẳng ai để mắt tới.

Côi vào quán nước chè tươi chợ ống Nước gần đền Bạch Mã. Ngồi một lát, đã nghe mọi chuyện. Thế ra bên này cũng đã biết, xôn xao nhất, quân quan đang đốt làng sủi, có cả quân ông lãnh trên Sơn xuống. Các người họ Cao bị đem đi chém hết rồi. Những đồn đại về trận làng Kê trên Mỹ Lương vùn rối như canh hẹ.

Làng Sủi bị triệt hạ, mắt đã trông thấy, mà những tin về thầy Cao bị hại thì thật trái ngược, song chuyện nào cũng rành rọt như thật. Những đồn đại mà Côi chỉ muốn nghe đầu mối những chuyện nhẹ nhàng nhất, không có càn hay. Người kể: lúc thầy Cao cho trống lệnh thu quân, đội Quang đã lập mưu đánh tập hậu. Bất ngờ, quân gia đã về đến xóm Kê ở sâu trong thung thì quân đội Quang đổ ra. Thầy Cao bị chém ngã ngựa. Đội Quang chặt đầu thầy, đem về phủ Quốc. Quan lãnh binh bắt nhiều người lên nhận mặt. Lại có người nói thầy bị bắn đằng lưng lúc quân hai bên giáp chiến dưới cánh đồng Yên Sơn. Thầy đang thúc

quân ủa lên thì bị một tên nỏ thuốc độc xuyên đàng lưng sang ngực. Thế là quân đang tiến, không nghe tiếng trống trận, hậu quân nhốn nháo chạy dạt trước.

Lại nghe chuyện thầy Cao không chết đâu. Hai bên đánh nhau ở đầu rừng, quân thầy Cao núng thế, rút vào Kê. Quân địch đuổi chặn. Thầy Cao luôn về xuôi. Quân nghĩa đã mấy lần xuống chợ Tư đánh Bật, lại còn sang Yên Lạc, sang cả Quế Quyền nên thầy thông thạo đường. Một đêm quân nghỉ, thầy Cao biệt tăm, không ai biết. Chỉ thấy để giấy lại nói thầy đi tìm cứu viện. Bằng như không thấy thầy trở lại thì đừng đi tìm, ai quê đâu về đấy, chí thú làm ăn, đợi thời. Thầy không bao giờ phụ ơn các người bấy lâu theo thầy vì nghĩa cả. Thế thì chưa chắc thầy Cao đã mất. Tuy tin ấy cũng mong manh như mọi tin khác, nhưng Côi bám lấy, ngỡ như thật. Thầy đã đi đâu, bây giờ ở đâu? Thực ra thì mấy lâu nay quân nghĩa các nơi chẳng còn được như xưa. Nhớ có lần rộn rịch xuất quân từ giữa cánh đồng vào chiếm huyện Thanh Oai. Tưởng như chẳng mấy lúc đại quân đã vượt Quán Quạ, Đại Định sang tận Lũ vào lấy cả phủ Hoài, huyện Thọ, hãm quân quan trong Kê Chợ hết đường xoay sở. Thế mà rồi chẳng còn gì. Mấy năm nay xem chừng không mấy nơi nhúc nhích... Chỉ thấy bọn đầu trâu mặt ngựa sạo sục trong phường ngoài trấn, đâu đâu dân tình cũng ngâm bồ hòn làm ngọt, không dám ho he. Tuy nhiên xem kỹ ra thì tấm lòng hướng nghĩa mong mỏi đến đỏ con mắt vẫn nung nấu. Thầy ta giấu quân vào Kê cũng là ngấm ngầm đợi các nơi lại ra quân...

Có người nói :

- Nhà đội Quang đã được thăng quan đổi xuống Kê Chợ, mấy hôm nay có tiệc to. Lính dặt về hàng chục con trâu mộng. Phen này thì quan đội lên quan lãnh đến nơi.

Có người buông một câu mát mẻ :

- Rồi lên cả quan tổng đốc, khao thăng quan chén cả thịt rồng rồi đi làm cỏ cả một huyện người cho mà xem.

Một người quăng đồng kẽm trả tiền nước, nói như quát :

- Ủ, tao vừa đi qua cổng nhà đội Quang. Thấy trong vườn nhà nó khói thui trâu um lên. Ăn tiệc mừng công giết được một thằng thầy đồ, khác nào ăn thịt người. Con chó còn biết không ăn xương chó, quân này không bằng giống chó.

Rồi người ấy đi thẳng. Quán nước lại có bọn khác kéo đến, quanh bát nước, vẫn những chuyện ấy. Trong lòng Côi lại bồn chồn. Tưởng như ở Mỹ Lương vừa qua, nếu có Côi ở đấy thì biết đâu thầy chưa đến nỗi nào. Thật như vậy chứ. Đã bao phen thầy trò một đồng một cốt kẻ hô người ứng giữa mũi tên hòn đạn mà cứ như vào chỗ không người. Nhớ lần kéo ra phủ Quốc cũng thế, giữa ban ngày mà đến đôi bọn đơm đó, đánh giậm dưới đồng sâu, trong khe rộc đến người tứ xứ lái buôn tay nải đi qua, nghe quan giáo thụ đã đưa quản về, tất cả kéo ra lạy mừng. Lương tiền các nơi bí mật tải về cả tháng ăn chưa cạn.

Thế mà chỉ một khoảnh khắc đã sa cơ. Làm thế nào mà Côi về quê có dăm phiên chợ, nhưng khi lên

ngược mấy hôm, lúc trở về lại lẫn ra ốm. Bây giờ thì sao, Côi vẫn phập phồng chưa thể nghĩ là thầy không còn. Thầy còn sống. Phải rồi, vận nước đang như tơ vò thế này, thầy không thể khuất được.

Hy vọng chỉ le lói như ngọn đèn lụi tắt. Cái trận trên Kệ là có thật. Mà hôm nay qua Sủi, thấy lửa đốt làng lan ra tận chân tre, chỉ có mỗi một thằng bé chạy được ra, Côi đã trông tận mắt. Thế là cái chết của thầy đã lụy đến cả làng, cả họ mạc. Thầy sống khôn chết thiêng, chúng con phải trả được thù này, lạy thầy. Có khi cũng bởi thầy run rủi, con lại nhặt được thằng bé có lẽ dòng máu họ Cao. Nhưng hỏi, nó cũng chẳng biết tên nó. Dầu sao, đã cứu được thằng bé ở sủi, như nghĩa thầy trò ta vẫn đây.

Côi và thằng bé theo bến Bà Móc xuống ven hồ Tây. Cái nhà ở đình Ngang cũng gần hồ, đã bán rồi. Vợ con thầy phải trở về làng, chuyển thầy lại vào Kinh. Nhưng Côi nhớ bên vùng Giám có ngôi chùa Xiển. Sư bác chùa Xiển với thầy vốn tâm đắc, trước thầy thường lui tới, có khi cả tháng đàm đạo chưa dứt chuyện thời thế, chuyện quốc sự. Biết đâu thầy chẳng đã về ẩn ở đây.

Chùa Xiển tọa lạc ngay giữa vườn, cạnh mấy miếng ruộng hậu. Cảnh chùa tiêu điều, mái lá cọ cột xoan đã xiêu vẹo. Chùa mà đến cái chuông cũng chả có. Mỗi năm, vào tháng hạ, nhà chùa phải khăn gói thúng mủng đi thập phương khuyen giáo cái ăn bù đắp cho qua tháng ngày. Bấy giờ đã sang cữ cuối xuân, trời còn u ám, suốt ngày mưa phùn nặng hạt rả rích như mưa ngâu, thầy trò nhà Côi về đến chùa thì đã tối, người ướt rũ rượi cả. Côi vừa ốm dậy, hai bả vai lại đau ê ẩm. Nhưng trông vào chùa thấy ánh lửa lui hui, mừng như đã thấy ấm hân.

Côi khua gậy đánh tiếng từ cổng ngoài. Con chó nhà chùa sủa vang dưới cửa bếp. Có người ra mái hiên, đứng trong bậc cửa.

- Ai đấy?

- Con...

- Con là ai?

- Con ạ... Con người nhà thầy Cao...

- Thầy Cao nào? Cao nào? Nhà chùa kém đói lắm, chẳng quen biết ai đâu.

- Con là người nhà...

- Đừng có rỡn, buộc tội cho nhà chùa. Nhà chùa không quen ai cả.

Tiếng cánh cửa đóng ập lại. Nhưng Côi đã bước tới trái bếp. Nhà sư xuống đăng ấy, nhận ra Côi. Nhà sư thì thào :

- Côi đấy a?

Chỉ được câu ấy, hai người nắm áo nhau, có tiếng nước. Rồi sư Thiện Tâm nói nhỏ: “Chú lên nhà hậu lạy sư tổ. Thảo nào mà lúc chập tối chim khách, chim liều điếu kêu râm ran ngoài bờ chuôm, thế mà nghiệm”. Nhà chùa còn vị sư già đã ngoài chín mươi. Nhiều lần đến, Côi đã biết cụ còn minh mẫn, cũng thuộc mặt Côi. Nhất là mấy năm trước đây, khi thầy Cao đã ra thiên hạ dấy quân, cứ quăng tiết tháng bảy lại sai Côi lén quảy gạo về cúng chùa, năm nào cũng vậy, đã giữ lệ. Thầy lại còn gửi lời hẹn sư Thiện Tâm khi nào rồi thầy về chơi, đánh cờ thế.

Nửa đêm, sư Thiện Tâm và Côi vẫn thức. Ngoài kia, đôi chốc, một cơn gió dạt dào qua vườn chuối, nước đọng trên lưng lá rơi lộp bộp như mưa nặng hạt. Bấy giờ Côi mới nói :

- Con xin hỏi thực, quan huấn con đã về chùa nhà chưa?

Sư thầy vẫn như nhìn đi đâu, nhưng câu hỏi lại có vẻ ngỡ ngàng, lạ lùng :

- Nhà người hỏi thế là thế nào?

- Không, con mong vậy, con hỏi vậy.

- Nhà chùa hỏi thử con thôi, những kẻ tà tâm mới hay vu oan giá họa. Con cũng biết đấy, mấy năm nay, quan huấn không về chùa. Mới đây, được tin người đã khuất núi rồi.

- Con cũng nghe người ta nói. Các quan tỉnh cho quân về đốt làng, giết người bên Sủi thì con đã thấy tận mắt, chỉ còn thằng bé này con đem đi được. Vì không trông thấy cho nên cứ ngỡ, cứ mong.

Im lặng một lúc lâu. Tiếng dế rí ran, day dứt trong bóng khuya. Rồi tiếng sư Thiện Tâm như văng vẳng, nói lại :

- Quan huấn không về chùa.

Rồi lại nói :

- Cơ chừng thì hỏng mất rồi.

Câu chuyện hai người đàm đạo cho tới tan canh rồi ngoài sân đã tang täng.

- Nhưng mà hỏng hay không, thành hay bại, con đã định như trình với sư thầy. Thầy con còn sống hay chẳng may thầy đã mất, con vẫn nghĩ vậy. Chúng con đã bàn rồi. Nợ máu thì chúng nó phải đền bằng máu. Chúng con phải trả được cái thù ấy. Con phải đi hỏi cho ra cái tội thằng đội Quang. Côi tôi mà chết, đã có anh em khác, Côi khác.

Tiếng giun dế về sáng râm ran từng đợt, rợn người. Khi Côi đi, thằng bé còn ngủ thiếp. Sư Thiện Tâm cẩn thận mở cổng nhà hậu cho Côi ra.

- Con gửi thằng bé lại nhà chùa. Cháu mà có cơ duyên, xin thầy cho cháu được xuống tóc. Nếu lâu vẫn không thấy con trở lại, thì nhà chùa biết thế là việc trả nghĩa thầy con chưa xong. Rồi nhà chùa kể cho cháu nghe nguồn cơn gia cảnh nhà cháu như thế, phải ghi lòng tạc dạ cái thù của cha ông.

Côi ở chùa Xiển đi từ từ mờ đất thì sang sông về đến nhà cũng xâm xẩm tối. Thầy Cao ngày trước ngồi bảo học nhiều làng trong vùng, mỗi làng có đến mấy lớp môn sinh ăn mày chữ cửa thầy. Có nhiều người đã thành đạt, nhưng cái số quan trường của thầy thì khốn khổ, giữa triều đình rồi mà vẫn còn phải hoạn nạn tù tội, chẳng khác gian nan vào sinh ra tử nơi trận mạc. Cho đến năm phải biếm về làm chân giáo thụ ngồi bảo học ở phủ Quốc, rồi thầy nổi quân, thì lúc ấy cũng là cái thế cùng. Chí lớn không còn thi thố được ở đâu thì phải nổi bùng như vậy, không thể khác. Bảo là bí quá, phản chí, bảo là vết hàu bao ném vào canh bạc cả cơ nghiệp, ai đàm tiếu thế nào cũng được. Chỉ có điều thế là chí tiến thủ đã có cơ hội vùng vẫy, trời đất có ta, còn ta. Nhưng từ năm “ông giáo thụ Cao làm giặc” nhiều người sợ. Nhỡ ai hỏi: có phải học trò thầy Cao, đã chân tay bủn rủn, chối đây đây, việc đồng môn đóng góp thì lánh mặt từ lâu rồi.

Côi không được là con nhà, như ai. Chẳng qua điều dóm hàu thầy, được võ vẽ dăm chữ. Không phải cứ lăm chữ mới là người tử tế. Ai cũng đến lúc có xoay vần mới biết lòng dạ thế nào. Cái tên là Côi cũng không phải tên tự, tên sách ra sao. Bố mẹ Côi cũng không ăn mày đâu được một chữ. Cái năm mẹ đi chợ sớm, đến cánh đồng Côi thì đẻ rơi. Rồi đặt tên thằng bé là Côi.

Côi về đến cổng, thấy ngõ rấp cành rong. Chẳng thấy mẹ vợ đâu. Mới khặc khừ thế mà giờ biến đến tận tối. Mẹ này thất thường, chẳng biết thế nào, có khi ra đầm kéo vó tôm rồi nằm vạ vật ngay ở lều, mà đi chợ thì tha thần la liếm đến tan chợ, là người về sau cùng. Ôi thôi, thằng chồng chẳng có nổi của ăn của để, thì con vợ phải ăn mày ăn nhặt từng hạt cơm. Côi nghĩ qua loa vậy thôi.

Côi xuống xóm dưới, đến nhà Trắt, - một người đồng môn. Trắt cũng chỉ học thầy được dăm ba chữ, rồi phải khi nhà khó, Trắt đi bán dầu độ nhật, như Côi. Nhưng Trắt cũng khác Côi, từ khi thầy Cao “đi làm giặc”, Trắt không theo thầy.

Trắt tự nghĩ: thân phận hèn đốn, chẳng biết đâu những việc triều đình trên đầu trên cổ. Tên là Trắt, có phải con cái cháu chắt nhà ai đâu. Mẹ kể mẹ đi mót lúa về, đương ngồi cấn trắt thì trở dạ, mới đặt nó là thằng Trắt. Ông bà, cha mẹ lặn lội, mấy đời chỉ biết vai buông cái đòn gánh thùng dầu xuống lại vác cái cày lên. Nhưng mỗi khi gặp Côi thì thăm chuyện thầy gặp gian truân rồi nổi tướng, Trắt cũng vừa ngậm ngùi, vừa lo.

Côi đến thấy Trắt ở nhà. Có một mình Trắt, cũng dễ chuyện. Đoán có việc quan trọng, Trắt bảo để rú thêm người nữa, chú này ít tuổi hơn Côi và Trắt, bây giờ làm ruộng, nhưng cũng là học trò thầy khóa sau rồi, lúc thầy Cao về làng chờ trên gọi đi giáo thụ phủ Quốc.

Côi nói :

- Thầy ta không thể chết chém như thế được. Nếu thật vậy thì phải đi giải cái oan cho thầy. Ba chúng ta

đi tìm giết thẳng đội Quang. Kỳ đem cho được cái áo máu, cái đầu, cái tai nó về đặt lên bàn thờ thầy. Các chú cùng anh ăn thề một lời...

Ba người cùng ứa nước mắt. Rồi bàn bạc thâu đêm.

- Thấy bảo đội Quang đã được đổi về dưới này, đợt sắp thẳng quan to.

- Thế thì càng dễ.

- Ta sang Kẻ Chợ dò tình hình đã. Rồi tìm cách len vào nhà nó. Việc mạo hiểm, nhưng không thể không xong. Lính tráng nó như rừng, đi một bước cũng gươm súng đằng trước đằng sau, xưa nay nhà quan nó vẫn thế, vừa cẩn mật lại làm oai.

- Ta đi dò la thử xem. Làm thẳng bán dầu...

- Nhà quan cách người ta mua cả bè dầu thùng chứ ai đóng gáo bán rong bán chợ. Nhưng mà có thể, trong nhà nó còn lính tráng, kẻ ăn người ở.

- Thợ mộc, thợ cối thì dễ ở nhà người ta được lâu. Mà làm gỗ với cái tay luyện đất cứt mồi đập cối, anh em ta cũng thạo cả. Lọt được vào nhà nó thì cũng bằng như sắp túm được sỏ nó đặt lên đĩa này rồi.

- Phải, làm đồ ngỗa, đồ mộc còn có thời buổi, chứ đóng cối dễ tìm việc, nhà nào chẳng có cối xay, cối giã, nhất là những nhà đông người ăn như thế.

- Mai, cả ba chúng ta cùng ra Kẻ Chợ xem sao cái đã.

Cuối cái xóm khuất, cả ba người lúc to lúc nhỏ. Cạn chén rượu thì đập vỡ chén. Ai sai lời thì phải chịu chết tan nát như thế. Tưởng như lời thề độc đã buộc người ta keo sơn lại.

Vừa chớp mắt, đã sáng.

- Ta thôi cơm sớm ăn cho chắc dạ.

Người đồng môn nọ nói :

- Cho em về lấy cái khăn gói.

- Ủ lên nhé!

Cơm chín đã lâu, rồi dần dà nắng lên lưng bụi tre. Những người đi lưới sớm ngoài sông đã vác giỏ cá về chợ mai. Đám trẻ kéo tôm trong đầm đã bỏ vó, nhảy xuống nước bơi đùa loạn xạ. Vẫn chưa thấy chú ấy trở lại. Trắt bảo để đi gọi. Nhưng Cối xua tay:

- Ta ăn rồi còn đi. Nó vừa nói lời đã nuốt lời rồi, gọi làm gì!

Thế là có hai người thợ đóng cối sang Kẽ Chợ. Những khi tháng ba ngày tám rồi rằm, đồng ruộng chẳng còn một hạt việc, các vùng hai bên sông Cái thường khi vào kiếm miếng trong Kẽ Chợ vẫn cả làng. Người xách người đeo cái bị đựng cái tràng, cái vồ, con dao gọt và quàng trên vai mấy vòng mây đã chẻ khoanh tròn như khua nón, thoạt trông cũng biết những bác thợ cối. Để làm hiệu thôi, chứ cái dăm cối còn phải gọt, phải đẽo gốc tre đục, còn cái đất cứt mỗi đùn để đắp mặt thớt thì đến nhà chủ ở, vừa làm vừa đi kiếm.

Chú thích:

[1] Những bài thơ chữ Hán của Cao Bá Quát (1808-1854) được dịch nghĩa in trong tiểu thuyết này đã trích ở Tuyển tập thơ văn Cao Bá Quát, in lần thứ ba, Nhà xuất bản Văn Học 1984.

KẺ CƯỚP BẾN BỎI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương li:

ối nhớ

(Hữu sở tư)

Con nhà ai nho nhỏ

Hai đứa sóng đôi vừa đi vừa nói

Đã mấy người quên hẳn được tình

Ta cũng nhớ đến con ta

Nào lúc bám lấy mẹ kêu đói

Nào khi níu lấy ông học vái

Nay trước cửa nhà vắng đi một nửa

Thấy bay mà sinh lòng nhớ thương

Hóa dân (dịch nghĩa)

Chiêm bao thấy con gái đã mất

(mộng vong nữ)

Cha mẹ xa, mình thì đang ốm

Nhớ con mà vẫn phải nén đau thương

Bỗng nhiên trong giấc mơ lúc nửa đêm

Nhác trông thấy con mà nước mắt giàn giụa

Áo quần đã không đủ ấm, lại rách

Nét mặt buồn bã

(Con ạ) Nhà ta tuy nghèo nhưng dưa muối không thiếu

Dù có tâm khổ thì con hãy cứ trở về.

Nguyễn văn Bách (dịch nghĩa)

Viết hôm tiếp được thư nhà

(Đặc gia thư, thị nhất tác)

Người ta sinh ra không phải là cỏ cây

Có buồn có vui vì có hiểu biết

Ai không có cái lụy gia đình

Nhìn xuống trông lên, nước mắt tràn thấm ngực

Dời ta trót lầm lỡ vì danh hờ

Hàng mười năm chìm đắm trong bút mực

Sau bao khó khăn thi mới đỗ

Tiêu tụy không còn ra hồn người

Lần này gặp vận mà đi

Đã xét mình sửa hết mọi khiếm khuyết

Bỗng trận gió kinh khủng từ đâu đưa đến

Làm cho chim bay phải cụp cánh

Đời thịnh đâu có bỏ phí tài năng

Chỉ có mình lơ đãng, vụng về, tự rước lấy lỗi

Đương miệt mài nghĩ đến bù những điều sai trái

Buông màn chỉ cúi đầu im lặng

Chợt có khách từ quê nhà đến

Trông thấy ta chỉ những than thở

Báo tin rằng: “Ông có sự buồn

Bà chị đã qua đời rồi”

Vội vàng tay mở phong thư

Tình thần bàng hoàng, rối loạn

Than ôi! Tình cốt nhục

Là khách phương xa, lại càng đau thương

Ta mới đi chưa được vài tháng

Mà đã bao nhiêu biến cố không ngờ

Nửa rồi ra ngày còn dài

Ai lại có thể không có sự may rủi

Nỗi buồn dằng dặc như trời đất

Thương cảm biết bao giờ cùng

Trời đã tối, một mình trầm ngâm

Ba lần trở ra, nhìn về phía Bắc thành.

Hoàng Tạo (dịch nghĩa)

Về đến nhà

(Đế gia)

Mái tóc đã bơ phờ rồi mà mình vẫn không biết

Nay là lúc được về trông thấy làng xóm

Đây là điểm Cây Gạo, sương đã tan rồi

Kia là hồ Ngựa Trời, văng ô đương lên chậm

Bạn hàng xóm thành linh gặp nhau, sùng sốt hỏi thăm

Mẹ già chột trông thấy con, mừng mừng tủi tủi

Trước nay đã trải nhiều hoạn nạn, từ đây xin chừa

Đối với người nhà không dám nhắc đến chữ

“biệt ly” nữa.

Nguyễn Văn Tú (dịch nghĩa)

Các phường hội làm ăn ở Kê Chợ đều có quê gốc. Cả đến bọn nhuộm thâm, nhuộm nâu ở Đồng Lầm dưới Nam lên, trú lại bên kia hồ Ba Mau, thế mà đông dần thành một phường, con đường phía nam vào Kê Chợ rồi cũng thành tên ô Đồng Lầm.

Đất Kê Chợ là như vậy. Người tứ xứ đến ở thành phường phố, hàng chục, hàng trăm nhà vẫn giữ tên đất quê. Riêng hai chữ Kê Chợ thì lại khác. Thời vua Minh Mệnh đã lấy của trấn Sơn Tây và của Sơn Nam nhiều phủ huyện ghép vào Kê Chợ lập nên tỉnh Hà Nội, quan Tổng đốc đóng trong thành cũ, gọi là Bắc thành. Bấy giờ sang đời vua Tự Đức, cái tên tỉnh Hà Nội được đặt đã ngoài hai mươi năm. Nhưng chẳng mấy ai để ý, vẫn chưa quen, người qua lại cứ gọi đấy là Kê Chợ.

Trong Kê Chợ, các phường đều có đình miếu thờ vọng thành hoàng làng. Ấy là nói về những nhà thợ nghề đã ngụ một đời, vài đời ở đây. Không kể mỗi mùa mỗi vụ gặt hái xong, người các nơi ra đất thị thành kiếm cái ăn thì các đình, chùa, các đền miếu, am thờ đều là nơi trú chân quen thuộc của mỗi cánh, mỗi nghề.

Chỉ có thợ cối chẳng vùng nào chuyên. Đâu cũng có thợ cối và mỗi nhà hàng năm lại sửa sang lại cối, nhất là từ tháng mười sau tết cơm mới cho tới một chạp áp tết cả. Thợ cối cũng chẳng thành cánh. Thường thì hai ba người hợp lại, đi rong. Ai quen thì hỏi mỗi các nhà đã làm, nhà nọ mách nhà kia. Rồi nằm đợi việc hay có việc rồi, cơm rượu chiều ở nhà chủ xong, ra nằm trọ đình cổ Lương. Cũng thành lệ, tìm thợ cối thì hỏi ông từ đình cổ Lương. Chẳng thế mà từ bao giờ đã có câu vè:

“Nên ra thì múa tứ linh. Không nên thì lại nằm đình cổ Lương”. Mình chẳng được nên gì thì cũng nằm đình cổ Lương. Thợ cối làm mỗi nhà vài ba hôm thì đã xong việc, không như thợ chữ, thợ khắc trọ ở đình cả tháng. Phó hai, phó nhỏ nhận nhíp gạo nước thổi nấu lấy, chẳng giống thợ cối, thợ đấu chỉ tạm bợ một hai bữa thì ăn ghé bếp ông từ.

Đình Cổ Lương cũng như đình, đền các phường, lại như cái chợ tìm việc, hỏi việc. Năm nào, mùa nào cũng đã quen. Cái am, cái miếu phường nào hầu như đâu cũng thế. Một quán chè tươi, có cả rượu trắng dọn ở góc ngoài. Những chân tường, chân cột phía trong, các nồi cơm nghi ngút khói rơm, khói vỏ bào. Tùy hạng người, cái tam quan cũng chẳng khác cái chợ. Chợ Cầu Đông, chợ Ông Nước, chợ cửa Nam họp ban ngày, các cửa đình, tam quan là cái chợ đêm - chợ đêm chỉ rất người ăn uống, người ngủ trọ. Đình Hàng Quạt, đình Hàng Hải, những người lên theo vụ, đeo bản khắc in, nghề giấy, bàn xoay thợ tiện rồi người gánh hàng dầu, thúng than hoa, những bong bóng lợn đựng rượu, không ai biết ai, có người chỉ dựa

tường ngủ ngồi ngoài cửa, không mất tiền cho các ông từ, ông tự.

Côi với Trắt trọ ở đình cổ Lương đã được mấy đêm. Chỉ mình Côi phó cối, Trắt đã ra bến Bà Móc đong dầu rồi quảy thùng dò dẫm đi các phố. Ngày ngày, mỗi người mỗi việc, người gánh dầu, người khoác vòng mây lên vai dạo các ngõ ngách, xẩm tối trở lại ngủ đình.

Côi nói :

- Chẳng được một kềm gãy. Đi rạc cả cẳng, không ma nào gọi thợ cối. Chưa đến tháng mười mà.
- Ủ nhỉ!
- Nhưng mà biết nhà đội Quang rồi.
- Tôi cũng đi qua mấy lần.
- Mới trên Sơn xuống mà dinh cơ đã oai lắm.
- Chuyện! Nhà quan, đâu chẳng đã sẵn.

Côi bàn :

- Chú ở ngoài này xem xét ra sao đến khi tôi ra thì ta tính. Cạn túi rồi. Tôi phải về trữ lương ăn đem ra. Hôm đi không để ý, hai người ăn mà không kiểm ra đồng nào thì hỏng.

- Ủ nhỉ!

Ra bến dò sang Ghềnh, Côi còn quay lại, dặn Trắt :

- Cứ thế, chú ạ.

Trắt cười :

- Được, được rồi.

Suốt ngày, Trắt gánh dầu qua các phố. Tối về nghỉ chân ở đình Hàng Hòm. Kể ra, đình cổ Lương cũng vào những đình giữa phố xá, tiện đi lại, nhưng đêm ngày người nghỉ, người trọ nhiều đâm ra tạp. Bên đình Hàng Hòm tuy nhỏ mà thoáng hơn, lại yên tĩnh. Ở đình Cổ Lương cứ ghê ghê. Chẳng bận đến mình nhưng lỡ chẳng phải đầu cũng phải tai. Ở đấy, trong phường các phố Hàng Buồm, phố Hàng Bạc, Hàng Đào - những phố có hiệu buôn to, người Khách, người ở Trâu Khê lên mở cửa hàng, lại nghề đổi tiền đồng tiền kềm. Hàng Đào thì mua lĩnh Kẽ Bưởi, the La, chồi Bùng, toàn những của một đồng tiền, cái đám thợ ra làm, đám lái đeo dây đi bán, trong lưng ai mà chẳng sẵn của. Dễ bị cướp như chơi.

Không mấy khi trọ đình Hàng Bạc. Có bạc thì chắc mất toi, bằng như khố rách thì chẳng ai ngu mà rước lấy cái đại. Ngay ở đình cổ Lương, những lúc quá chén, có người cũng lè nhè :

- Cứ đong rượu đi, thiếu tiền thì chốc nữa sang chịt cổ vài thằng thợ bạc Trâu Khê.
- Phải, phải, bạc của nó cũng là bạc ăn cắp của chủ hiệu, của thiên giả địa.
- Hay là ra Hàng Đào lột cái váy lĩnh của con mẹ Kẽ Bưởi, bọn lái hàng tơ này hay về chợ sớm.
- Ha, ha!

Ở đình Hàng Hòm thì cánh trọ cũng ăn nói bậm trợn chẳng kém, nhưng đám lam lũ này chắc có kém ngang tàng. Quanh quần, mấy người khố đuôi lơ lửng đi cắt cỏ voi ngựa bán chợ Hàng cỏ. Đến mùa vụ, người Cầu Nôm lên quét mực bản khắc. Dân làng Dũ làm ở Hàng Tiện. Người Giới Tế trọ ở Hàng Mành, uống rượu gừng, cơm bát úp ăn với cà chan nước lã. Ngay bọn ở Hàng Đồng Giọt đập cái mâm đồng, cái âu trầu hay Hàng Hòm thì lỏng chỏng mấy chiếc tráp sơn then, cái hòm gỗ cánh gián nhột như áo quan.

Đốt cả phố Hàng Tiện, Hàng Hòm cũng chỉ ra tro mấy thứ thổ tả ấy với cái bàn tiện. Còn người ngủ đường ngủ chợ có cái tràng, cái đục, cái con lăn, con cóc quăng đan mảnh mảnh thì vứt ra đấy, chó cũng chẳng buồn tha. Cho nên êm nhất là ngã vào đình Hàng Hòm, phải hơn bên đình Cổ Lương hay Hàng Bạc - chỉ có mấy chú phó cối cả năm ra Kẽ Chợ đôi buổi không biết mới chui vào những nơi ấy.

Người hai bên sông vào phường phố cũng là thợ thời không thành nghề như thợ bạc, thợ đồng giọt, mà là người ở đợ, làm mướn, người bán dầu thắp. Gánh đôi thùng tre ghép sơn cánh gián, đựng dầu trầu, dầu sỡ tùy mùa dầu trên ngược về, dầu mẫu đôn gánh gác một sải dầu lạc. Áp tết mới nhiều người mua dầu lạc các nhà khá giả thì quanh năm thắp dầu lạc, nhà nghèo chỉ trữ hũ dầu lạc, đèn thờ những ngày giỗ chạp, tết nhất tìm bắc đèn tinh khiết không bụi khói. Những người bán dầu không điều toa pha phách đều có thể mua quanh năm. Các nhà lấy dầu quen, mua gừng tháng bốn phiên tư ngày một, ngày sáu. Trắt bán dầu ngăn vốn, lại đi có chừng, chỉ gặp khách mua hóng.

Ngày nào Trắt cũng đi. Thường thì ngại ở lang chạ, chiều đến nhiều khi sang sông về nhà, gà gáy lại vào. Nhưng bây giờ gánh dầu đi có ý khác, tối tối rúc ráy vào ghé lưng nhờ các cửa đình, cửa đền. Mỗi ngày, dạo khắp xá, nhưng thế nào cũng qua nhà đội Quang vài lần. Cổng đóng kín, trên vòm có chòi canh như dinh quan, người lính đứng to hó nhìn xuống. Trắt rảo bước đi thẳng, thế là chưa được cái gì khác, vẫn như thế.

Mấy hôm ấy, trời lại sục sùi mưa. Đã sang tháng bảy, mưa ngâu sớm ướt sũng đất. Cả một vùng xám mờ như trời buông xuống những cái màn cửa nhuộm chàm che khuất chiếc bè gỗ, bè nứa, các ông lái đường ngược đương nằm hút thuốc phiện. Tự dưng, đến người cũng bực bội, bứt rứt. Chập tối, Trắt đổ gánh cuối phố Hàng Gai, vào mua năm cốm muối vùng, ăn xong ra vại chiêu ngậm nước lã rồi xuống đình Hàng Hòm. Tối rồi mà còn vắng, mọi khi, vào giờ này, đám thợ tiện, thợ xén sách, thợ khắc ván các phường

quanh quần đã tụ tập. Biết thế nào, vì trời mưa, vì nhiều việc phải làm đêm, hay đã hết lủ hàng, người ta về quê cả.

Trắt để ý, mà không quan tâm. Trắt đặt hai thùng dầu vào góc khuất trong lưng cột rồi ngồi xuống lấp sau bậc gạch, cho khỏi chói mắt, ngạt mũi vì bắc đèn dầu sở khét lẹt ở hàng nước phía ngoài tạt gió vào, khói tuôn cuộn cuộn.

Nhưng rồi cũng chẳng chớp mắt ngay được. Trắt vẫn vợ nhìn sang ngôi hàng nước dần dần đã có người đến xúm xít ngồi kín trên những nửa mặt cây vầu đặt quanh chõng hàng. Hàng nước chè tươi đình Hàng Hòm nước ngon đã được tiếng. Thấy bảo lão quán này kỹ tính. Chè tươi thì thừa chè đồi trong Chương Mỹ đem ra. Nước đun, mua nước giếng đất gánh tận chùa Bà Ngô cạnh Giám. Bát nước múc ra xanh óng, uống đến bồng môi, nhưng đậm giọng, nhiều người đã nghiện chè tươi quán đình Hàng Hòm. Người uống quen là phải, bởi chưng cũng không phải lão quán chỉ bán nước chè xanh. Cái đóm nỏ, cái điều cày lúc nào hút cũng giòn tanh tách thì chẳng kể, và cũng chẳng có là bao mấy thứ khác, nhưng sau lưng lão xếp một dãy vò rượu Kê Mơ. Cái Kê Mơ chính tông mới ngọt giọng làm sao. Uống suông cũng được vài chén, khách ngổ ngáo thì cứ vài hơi đã hết be.

Những khuôn mặt vuông vức nhấp nhóang quanh ánh đèn, trông dữ như mặt thẳng quỷ ở bên vạc dầu chỗ cảnh thiên đường địa ngục trên chùa. Họ đương rượu. Xem ra không phải mấy cánh thợ mọi khi. Có người vắt vèo trên đầu mảnh vải thâm gấp đuôi khăn tai chó, như lái bè lái buôn trâu dưới bến lên hay ở trong cửa rừng ra.

Tường vách, kèo cột cửa đình nhem nhuốc ám khói bếp nấu nước, khói thuốc Lào, hơi người, đã lâu năm kết lại lẫn màu nâu sồng của những khách ngồi quanh, mọi thứ đều đen nhem như trong lòng chảo.

Những câu chuyện cũng lạ tai. Họ cãi nhau về cách bẫy chó, đánh chó, lừa chó.

- Quả mướp, quả nường thui chín nục quăng ra, thẳng chó tham ăn càng hăng càng chết. Thấy khói bốc tường miếng đóp được, ngoặt một cái, thế là hai cái hàm dính lại, rụng ngay hết răng. Chỉ còn nằm mọp, rên ư ử.

- Không xong. Có thù con chó thì làm vậy thôi. Chứ cũng không lọt vào nổi đâu.

- Sao không xong?

- Nó không há được mồm, thì nó cũng rên, cũng rú văng lên chứ. Thế là nó đánh trống ngũ liên báo cướp được rồi.

- Này bảo cho mà sáng mắt ra. Thằng kẻ trộm không đánh bả, không ném mướp nường lừa chó bao giờ. Trò trẻ ranh!

- Mắt tao đã thấy mà.

- Cách vào này thì thần tình lắm. Có ghét con chó thì lúc ra, ném lại ít bả. Thế thôi.

- Ha! Ha!

- Tay này vẫn làm thế đấy.

Trắt đoán bọn này không đầu trộm thì đuôi cướp. Vào giữa phường sầm uất thì làm trộm, ra đầu ô vắng vẻ thì thành kẻ cướp. Tối đến, tù và, ốc, trống ngũ liên loạn xạ. Khắp các phố, những tiếng khiếp đảm hú vào các đầu hồi, các cây bương nứt ống, những ngọn cau tùm hum như có người ngồi rình trên ấy. Nơi nơi im thin thít đợi cơn hoạn nạn đến. Nhà phải người ném mồi lửa. Người bị chém sã vai... Tất cả nem nép trong bóng đêm, mưa ồ ạt rơi trong cơn giông, đêm nay cũng thế, trông ra trời đất thảm xịt như ai bịt mắt. Cái đèn dầu chấu trước điểm canh đầu phường đưa nào đập vỡ đã tắt ngóm từ bao giờ để dễ bề khua khoảng. Trắt đoán bọn này tụ bả rồi đi cướp, hay xé lẻ ra đi thón từng nhà. Bọn này đây. Trắt nghĩ ra một việc, việc khác, việc đương cần.

Trắt lò dò đến ngồi cạnh. Một người quát vào mặt Trắt :

- Thăng tuần phường Hàng Hòm à?

- Trói cổ thằng này, tội vạ đâu tao chịu.

- Không có thì chốc nữa nó cũng gông ta lại. Dem chộc tiết thằng này để tế cờ, anh em ơi!

Trắt vội nói to :

- Em là thằng bán dầu, các liên anh cứ hỏi ông chủ quán nước thì biết.

Một người trợn mắt hất hàm ý hỏi chủ quán. Nhưng ông lão không nói gì.

- Thằng bợm mắt lăm lét thế kia mà đi bán dầu a?

- Đêm nó đào tường khoét ngạch, ngày nó bán dầu.

- Không, nó là thằng tuần đi rình mò...

Trắt vào xách hai thùng dầu lại cho mọi người nhìn. Rồi kể lể :

- Nhà em ở bên kia sông, mấy hôm nay hàng họ ế ẩm quá. Ngủ đây cho gần, mai có buổi chợ cầu Đông.

- Ngày đi bán dầu, tối đi ăn trộm cũng thế. Nhập bọn với chúng tớ được.

- Em không có tài, chứ em cũng thèm.

- Tài tài tài tài, tài tài cái tài bị cắt ấy mà.

- Ngồi xuống đây làm một chén. Hay là mày uống chỗ dầu ế no say rồi.

Một con xọt xành bám trên hốc cột gỗ mõ càn cạch. Con xọt xành kêu hay con mối chếp miệng đớp muỗi, con dế tí tê rên rĩ thâu đêm, cũng thế - chẳng trông thấy con xọt xành đâu nhưng tiếng xọt xành lại thành câu ví von. Mọi người cười khục khục cùng bật một nhịp :

- Xọt xành là anh kẻ trộm! Xọt xành là anh thằng kẻ trộm!

- Thằng xọt xành nhâm nhà rồi. Chúng anh đây đi ăn trộm mà có đứa nào dám đến đây khiêng các hũ rượu của ông quán đi đâu!

Ông hàng nước cầm cúi bê hũ rượu chiết ra từng be, từng ống nửa rồi ra ngửa mặt cười khà. Dích thị! Dích thị! Mọi chuyện lại râm ran. Trắt đã rõ, đám kẻ trộm này chột ngồi đây, chốc lại biến đi.

Một người nói :

- Này các đảng ấy, rượu vào rồi ra ngồi phơi sương, hơi người hả đi nhanh lắm. Mới đêm qua thôi, uống đến nửa đêm ở đây thì tở đứng dậy, ra bãi tha ma nằm ngủ trên một cái mả, đến canh một thì các cụ dưới mồ lên vành mắt dựng tở dậy, người chết đánh thức người sống. Tở đi vào chui cổng chốt phường Hàng Đào đảng kia kìa rồi nậy cửa hiệu cái nhà có tiếng nanh ác ấy, tở khuân một ôm lựa lĩnh như khiêng cây rơm trên lưng, vừa đi vừa thở phì phì, vẫn còn say, thế mà chẳng có một tiếng chó cắn. Chó đuổi theo chỉ người người, hơi người lẫn với hơi sương rồi mà.

- Bây giờ mới biết á? Cụ tổ nghề đã dạy sách ấy từ đời nam nữ kia! Cái rượu nó bốc hơi người đi, không phải cái xương cốt gì đâu.

Trắt tưởng tượng ra chốc nữa ở đây rồi họ phất lên các nóc nhà, bờ tường, xuống ao chuôm, cả rừng chông trà, hàng chục rồi cổng chẳng là gì cả. Tiếng tù và, tiếng ngũ liên đêm nào cũng hốt hoảng thấp thỏm thì biết được trong thành, ngoài cửa ô nhộn nhạo trộm cướp thế nào.

Trắt mon men :

- Nghe các ông anh nói em sướng cả bụng.

- Sướng là làm sao?

- Sướng là cái nổi những đứa nứt đố nổ vách lúc nào cũng bỏ vía, tóc gáy cứ rợn lên thế thì đến rụng trọc đầu mất.

- Ủ, nghe mày nịnh thế tớ cũng nở hai lỗ mũi đấy.

- Đàn anh cho em theo với.

Một người cười ha hả :

- Đội Quang mai về đấy. Rồi mày đi báo đội Quang chém chúng ông, đầu chúng ông là củ chuối để mày xách đi lĩnh thưởng a?

Trắt rụi mắt :

- Không, em nói thật.

Một người khác trầm ngâm :

- Nhưng mà chúng tao không phải kẻ trộm kẻ cướp đâu.

Trắt ngần ngừ.

- Nói thực, em theo học các ông anh.

- Học cái gì?

- Tay không mà đầu cũng vào lọ, như lúc này chứ ông nói.

- Được rồi, tối nay tao uống mày chi tiền rồi tối mai tao cho đi theo.

- Vâng ạ.

Đến lúc Trắt gà gà mắt tựa vào tường thì các tay anh chị nọ tản mát đi lúc nào không biết. Trong tiếng mưa khuya, câu chuyện phảng phất như ngủ mê.

Hôm sau, Trắt lại quảy gánh dầu đi qua cổng nhà đội Quang có đến mấy lần. Nhà đội Quang ở gần đầu ô Chợ Dừa. Một dinh cơ của một quan lớn mới được bổ vào Kinh để lại. Đội Quang chuyển trên Sơn xuống, thấy cơ ngơi khang trang thì ông đội mới có công to cử vừa xin lên trên, vừa ở luôn. Thế lực đội Quang dấy lên, mỗi lúc một hống hách, quan dạng. Xa trông dưới những cây cau, mái nhà ngói bát vằn, giàn trầu không xanh thẫm leo phủ bên bể nước mưa trước hiên. Ra ngoài phường, các dinh thự nhà quan đều xum xuê nhà cửa vườn tược thế.

Nhà đội Quang cũng dinh cơ; lại là nơi xét xử giam cầm người, không biết trên huyện hay Bắc thành cho mở công đường hay cái lệ đội Quang ở trên Sơn vẫn tự tiện vậy, bây giờ được lên chức lãnh binh lại càng ghê. Có đủ lệ bộ như công đường quan án đầu tỉnh. Lính gác, lính tuần, lại ông lục, thầy cai, thầy thừa - chẳng rõ có thật các chức tước ấy không, những người có việc kêu cầu, kiện cáo thường quen xưng hô đội lên chức thầy, chức quan lớn, người ta càng khiếp đảm vì ở nhà đội Quang xử tội rồi giết người được cả: đánh đòn, bỏ rọ trôi sông, đâm chết tươi, đem chôn. Trong các hàng quán ở đất Kẻ Chợ, tuy đội Quang

mới về, cũng chẳng phải quan nhất quan nhì hàng tỉnh nhưng người ta đã thì thào về cái tính cục cho toi mạng người không ghê tay của quan lãnh mới được thăng.

Trắt nhìn hàng rào những cây vông hoa đỏ như tiết, mà ngẫm nghĩ về câu chuyện trộm cướp tối hôm qua ở đình Hàng Hòm. Trắt tưởng tượng có một đêm Trắt ra nằm bãi tha ma một hai trống canh, nhặt hết hơi người rồi Trắt vào leo qua cái hàng rào ô rô, leo khéo thế nào để các chòi canh trên tường không biết, cả đàn mấy chục con chó sủa lung sục suốt đêm quanh tường không đánh hơi ra. Trắt lọt vào tận buồng đội Quang. Bấy giờ mới phải tính thế nào đây, cắt đầu cả con vợ nó, hay chỉ một mình thằng chồng. Thôi, tội ai người nấy chịu.

Trắt đương nghĩ như thế, nhưng đến lúc cảm thấy một bên vai nặng trĩu cái đòn gánh và đôi lúc gió thổi dạt làn nước mưa xuống cái lòng nón sụp trên mặt, như cả vòm trời xám xịt ụp xuống. Mới lại nhớ đương quảy dầu và xưa nay chưa biết trèo leo, nạy cửa, vượt mái nhà như kẻ trộm, kẻ cướp, làm sao chui qua, trèo qua được cái bờ rào ô rô rậm rịt rồi lại xoay xử thế nào những cơ ngũ chỗ ăn chỗ ở ra sao trong ngôi nhà ngói mệnh mông thế kia.

Nghĩ thế, Trắt xịu mặt. Nhưng một lúc, Trắt lại hy vọng, không biết hy vọng gì. Trắt quay lại, qua cổng nhà đội Quang lần nữa. Chập tối, Trắt trở lại đình Hàng Hòm, đòn gánh trên vai như đêm qua. Về đây, Trắt lại có ý mong và hy vọng rành rõ.

Nhưng đêm tạnh ráo mà đến khuya cũng chẳng thấy bóng dáng người nào tối hôm qua. Có mấy đám, bọn thợ cối ở Thượng Thanh lò vờ ra, đi cả ngày chẳng ai gọi tối lại về tá túc đây. Rồi vẫn thợ tiện Hàng Hòm, Hàng Tiện, thợ khắc Hàng Gai. Những bọn này vùi đầu vào đám xóc đĩa trong góc tường, thỉnh thoảng ra làm bát nước, bát rượu lảm nhảm khẩn cho khỏi cơn khát nước, rồi lại nhào vào đồ đen.

Trắt hỏi lão quán :

- Đám hôm qua chẳng thấy tăm hơi nhĩ?

- Dào ôi, đã sang cả bên kia sông lại xuống ô Đồng Lầm, đi như ngựa, có khi gần sáng mới mò về. Có khi vắng cả tháng.

- Các anh ấy đi dặt dặt?

- Hình như bên kia sông, tận trên bến Bôi. Đi ăn cướp mà lại được tiếng tướng cướp. Đã nghe tiếng tướng cướp bến Bôi bao giờ chưa?

Mấy đêm nữa cũng không thấy người nào đến.

Trắt chịu khó chờ, dầu biết chim trời cá nước, khó lòng còn có khi gặp. Có đêm lại rả rích mưa, Trắt vẫn mò về Hàng Hòm, rồi ngày lại ngày, quảy hai thùng dầu qua các phố. Như thường lệ, đi đường nhà đội Quang, Trắt nhẩn nha, thông thả đếm từng bước.

Đến những cây vông trong bờ rào ô rô - cái vườn rộng thênh thang như vườn nhà chùa, rồi tới hai cột trụ cổng vào, những bụi cỏ ấu lầy lội bùn cát pha. Cũng chẳng lạ, lối này ra đường thập đạo, người qua lại, quân trảy chẳng lúc nào ngớt, nếu lâu lâu không mưa thì những cây muỗm, cây đề, cây gạo ngoài ngã ba, bụi đường nhuộm đỏ xuộm cả gốc cây, cả vòm lá.

Đằng sau, tiếng vó ngựa lộp cộp. Nhìn lại, không phải, một người tráng đội nón chóp, giơ cành tre dư lên đầu bốn con trâu chen nhau định bôn, miệng quát “họ... họ...” dồn cho trâu chững lại. Bùn nhóp nhép vết chân trâu, thảo nào bờ cỏ ven đường nhàu nát, ngã rạp thế. Nhưng hôm nay không phải ngày chợ. Mà trâu bò các làng đem vào bán chợ cũng không qua ngã này. Đàn trâu này mẫm mạp, béo nây tròn khoáy mông, dáng trâu vỗ béo, trâu thịt, không phải trâu cày. Lại nhà quan nào có tiệc trong thành...

Bốn con trâu bị quát “họ” loanh quanh đồn lại trước cổng nhà quan đội Quang. Người tráng đánh trâu kéo cái ốc đeo bên vai, nghiêng cổ, phồng má thối tí... u... tu... tí... u..., mấy tiếng ngắn. Lính trên chòi chạy xuống, cũng vừa lúc người trong sân cầm cái chìa khóa tắt tả chạy ra. Hai người cùng rầm rầm cong lưng đẩy cái cổng sang đôi bên. Phía đường lát gạch men quanh khoảng sân rộng liền tới những tòa ngang, dãy dọc, nhà lính tráng, nhà cối xay cối giã với kẻ ăn người ở cạnh nhà bếp châu vào ngôi nhà trên, cơ ngơi nhà quan đại thần cũng còn thua, rõ như thế. Vì mấy đời trước, vua chúa đã vào trong Kinh, đất Kẻ Chợ chỉ còn là nơi đô hội, dầu cho có quan tổng đốc Hà Nội đẩy những lâu đài, thành quách mọi thứ đều hoang lạnh và luật pháp thì tờ lệnh cũng bằng mảnh giẻ, quyền vua phép nước đều lụi bại chẳng ra thế nào. Đâu đâu cũng vỡ đê vỡ đường, đến con châu chấu, con chuột, con cào cào cũng nổi lên thành giặc tụ hội hàng vạn hàng triệu con về phá tan cánh đồng hàng tỉnh. May ra các quan võ còn có quyền chứ văn quan chỉ biết ngậm cái bút lông mèo không há được miệng chẳng ra ngô khoai gì. Bởi vậy, chỉ mới ông lãnh, ông đội ở đâu thì dinh cơ đã ra trò. Lại hung tợn quyền sinh quyền sát như đội Quang thì trong thành ngoài cõi đều một phép, trông thấy thì cúi đầu, đi qua cổng phải bước nhanh.

Đàn trâu thịt được đánh vào trong cổng. Thế là nhà quan sắp có tiệc. Người qua đường chợt thấy thì đoán vậy, nhà quan lãnh mới, tân quan, tân chức phiên nào cũng có tiệc. Khi thì đàn trâu mông, cùng các gánh cá chằm, cá chuối vừa đánh dưới hồ ao hay sông Cái lên được lần lượt quảy theo. Trắt phải đỡ gánh dầu đợi mấy con trâu vùng vằng quăng quả chịu qua cổng đã. Nhưng Trắt cũng không vội. Mà lại ra ý lân la đứng lại. Trông thấy con cá, chẳng hiểu cơn cơ sao, Trắt lại nghĩ thẳng đội Quang ở trong kia cũng bằng con cá nằm trên thớt - quanh quẩn xó nhà thì khác nào trên thớt chốc nữa ông thò tay vào, cầm con dao hạ xuống chặt khúc. Có lẽ sự sốt ruột đã khiến Trắt nghĩ ra thế, như thật. Chứ đã được lần nào nhìn vào, đã biết đội Quang mặt ngang mũi dọc ra sao. Ngay phía trong cổng vừa mở, mới thoát thấy lần đầu. Bọn kẻ trộm ở đình Hàng Hòm nói đúng, phải có người dắt dắt, phải thông thuộc đường trong ngõ ngoài như nhà mình rồi mới hòng. Vậy thì ta chưa ra đâu vào đâu. Trắt lại dùng dằng ngần ngại.

Đàn trâu đã được xua khuất vào vườn sau. Trắt gánh dầu men sang bên cổng, không để ý người lính canh trên chòi đang chăm chăm nhìn xuống. Một tiếng gọi bên trong lanh lảnh :

- Hàng đầu, này hàng đầu!

KẸ CƯỚP BẾN BỎI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương li (Tt):

một túp nhà tranh bên trái cổng có một người đàn bà bước ra. Rõ vẻ người nhà quan, váy lĩnh Bưởi đen nhánh, thắt lưng nhiều tam giang, tay xách cái khóa đuôi chuột, rì sắt đen xỉn to bằng ống tay. Ai gọi hàng đầu? Người này ra khóa cổng mà. Nhưng người đàn bà ấy lại cất tiếng :

- Vào đây, vào đây mua vài cân dầu. Quảy hắt vào trong này để khóa cổng.

Không phải người đàn bà ấy khóa hai cánh cổng lim nặng như hai gọng cùm. Một người búi tóc, chít khăn lượt, dáng ông lại, ông nho trong sân tất tả đi ra, cầm lấy khóa đem móc vào lỗ cổng giữa cái rì sắt rồi cả hai người lính trên chòi xuống đẩy. Cánh cửa cốt kết nặng nề đóng sập lại. Trắt đã vào trong cổng rồi, ngần ngơ toan hỏi cửa khóa thế thì tôi ra làm sao. Nhưng lại nhớ đây tà cửa quan, mà người ta gọi mua dầu, bỗng dưng chợt thấy được may mắn quá.

Trắt gánh dầu theo người đàn bà. Người ấy không còn trẻ, nhưng cũng chưa hẳn đã già. Da bánh mật, đuôi mắt rạn chân chim nhăn nheo, vẻ ủ ê lại như cau có rõ người hay bần tính, hấp tấp.

Người đàn bà bảo cái bác chít khăn lượt :

- Bảo trong ấy có nhà đưa nào hết dầu thì ra mà đóng.

Người chít khăn, áo dài đã đi vào sân. Một lúc cũng chẳng thấy ai ra. Trắt đổ thùng dầu, ngồi lên cái đòn gánh.

Rồi Trắt tự nhiên hỏi như đùa :

- Nhà quan tuyển võ sanh đàn bà gác cổng?

- Cái nhà anh này ăn nói chớt nhả! Liệu giữ cái mồm đấy. Ai lính tráng gì với nhà các người.

Nói như mắng ấy nhưng mặt lại tươi tỉnh, rồi tùm tùm. Trắt cảm thấy dễ làm quen.

- Thấy nhà bác giống cái chòi gác, mà lại ở cạnh cổng.

Người đàn bà chếp miệng, mặt lại iu ngay.

- Ủ, cũng là chòi gác thôi.

- Để tôi về bảo vợ con ra đây xin tuyển lính, ở dưới quê đương đói, nhờ bác giúp cho. Trần đời chưa

trông thấy lính đàn bà như dinh quan nhớn đây.

Hình như người đàn bà ấy gọi Trắt vào để nói chuyện đông dài vậy, không thấy hỏi đến dầu. Hai người đàn bà khiêng ra cái nồi đồng ba mươi, lồng quai vào chiếc đòn ổng.

Trắt hỏi :

- Đựng dầu bằng nồi đồng à?
- Còn bao nhiêu dầu đong hết. Nhà cô việc phải phiên phiên lên.
- À...

Bấy giờ hai người vợ lính cúi đầu.

- Chào bà Tư. Bà cũng đong dầu ạ?
- Tôi gọi hàng dầu cho các người đấy. Trông từ sáng mới thấy. Đờ phải đi đong chợ.
- Đội ơn bà gọi giúp cho.

Những người đàn bà mặc cả nì nèo. Nhưng Trắt cũng chẳng đong bán diết dón, cho nên rồi ngã giá được ngay. Lại cố ý để hời cho người nhà được vài tiền ăn bớt, tới tới nhà quan đều đã thạo mua bán thế. Chỉ để lại cho bà Tư mấy gáo, cả hai thùng dầu đổ vào cái nồi ba mươi còn sòng óc ách, chưa đầy được căn mép nồi. Mấy khi đã gặp may nhường này.

Hai người tong tả khiêng nồi dầu vào. Một mình, Trắt lúng túng :

- Phúc đức quá, bà giúp cho đi chợ được thuận mua vừa bán ngay. Mà lúc này tôi dám hỡn, khí không phải, bà nhớn xóa tội, bỏ quá cho.

Người đàn bà ngẩng nhìn Trắt :

- Chưa rằm tháng bảy, đâu mà xá tội vong nhân sớm thế.
- Bà cứ nói giỡn!
- Anh ở đâu vào bán dầu?
- Nhà cháu ngoài đầu ô.
- Hôm nào cũng đi à?
- Cũng buổi đực buổi cái.

- Đực cái là thế nào?

- Cháu làm ruộng, phải bớt việc nhà mới đi chợ được.

- Nói toạc thế cho dễ nghe, lại đực với cái, rõ con hươu con vượn.

Cứ sa sả, nhưng lại rõ là người vui chuyện. Những câu lọt tai làm cho người ta gần gũi. Trắt cảm thấy bớt e dè.

- Cháu hỏi khi không phải, bà Tư là thế nào?

- Tư là tư, một hai ba bốn chứ tư gì nữa, năm à? Năm, sáu, bảy đến mười mười người ta cũng không thiếu.

Trắt không hiểu thế nào.

- Bà bỏ lỗi cho.

Rồi Trắt im. Người đàn bà lại nói, với người đàn ông chất phác, nhưng giọng chua chát, kể lể :

-Chẳng giấu chú, tôi là con hầu thứ tư trong nhà, nhưng quan nhà này có đến đứa hầu thứ mười lăm, thứ hai mươi kia. Chật chội quá, tôi phải ra ở riêng cho mát mẻ.

Trắt nghe biết vậy, không nghĩ là câu nói xót xa của người đàn bà bị hắt hủi trong cảnh năm thê bảy thiếp.

- Bà ở ngoài này lâu chưa?

- Lâu rồi.

- Quê bà ở đâu?

Người đàn bà nghe hỏi, hàng nước mắt tràn ra mí, đọng lại rồi chảy xuống hai bên má đã rúm. Không nói được nữa, mặc nước mắt cứ rùng rùng.

Một lát mới thở dài :

- Đừng gọi tôi bằng bà. Tôi không phải là bà. Tôi cũng chưa đến tuổi ấy. Nghĩ lắm, cay đắng lắm thì nó rộc người ra như thế này.

Ngoài cổng, tiếng ốc rống lên, xói vào tai, như tiếng ốc rúc cháy nhà. Trắt nhón nhác nhìn ra.

- Chú cứ ngồi, chẳng ai vào đây mà ngại. Tôi gọi nó đem khóa ra. Lại của nhà bếp về đây mà. Không sợ, mặc kệ các thằng tráng xuống đấy cổng.

Người đàn bà thoát vào sân trong. Trắt nhác nhìn nhanh mắt một lượt. Ngôi nhà một gian, hai trái, vách dựng đất trấu. Đằng sau một chuồng gà. Con gà mái đương túc túc gọi con. Vại nước có cái mo buộc vào gốc thân cây chuối, vắng lạnh, gọn như nếp nhà của người già ở một mình. Thế là được biết chị ta là vợ thứ tư đội Quang. Nhưng tội tình gì mà phải ra ở đây. Trắt tắc lưỡi: “Những nhà giàu, nhà quan, vợ nhiều như lợn con. Nếu không phải vì thằng chồng rầy thì cả lũ ở với nhau cũng đủ chết vì nói cười thơn thớt mà bụng bổ dao găm, những toan giết nhau không tanh dao”.

Lại mấy người quảy vào mấy cái bu đại. Toàn là gà Mía trên Sơn đưa về. Những chiếc đòn càn thọc qua nan miệng bu, con gà trống lông mã đỏ tía thò cổ kêu hộc hộc, như nổi khó nhọc đường xa.

Trắt hỏi :

- Nhà có tiệc à?

- Cả tỉnh này đồn mà anh không biết sao?

Lúc này là chú em, bây giờ gọi anh, người đàn bà cứ nói, tình cờ như không để ý.

- Tôi chẳng biết gì cả.

- Nhà làm tiệc khao.

- Tiệc từng nhà quan thì như cơm bữa ấy mà!

- Ông đội Quang cứ mỗi trận đi đâm chém về lại mở tiệc. Nghe nói dạo trước cái trận trên Mường được to lắm, về đã khao ngay ở Sơn, xuống đây lại tiệc, lại tiệc, cơ mà cũng được thăng chức nữa kia.

- Chắc là lên quan lãnh.

Cô Tư chép miệng :

- Nào tôi biết được?

Trắt rùng mình, nóng bừng mặt tai nghe những tiếng “đâm chém”, “trên Mường” mà cô Tư vừa nói. Ngoài đường lại inh ỏi tiếng ốc. Cô Tư lại lúi húi chạy vào sân trong, vạt áo đổi vai tứ thân nâu non lật phất ra sau, chỉ kịp vắt lên một bên vai trần. Trắt nhìn theo, nuốt nước bọt.

Lại đến bọn buôn gạo. Gạo mới ở thuyền lên, hầu như gạo cả dãy chợ Bạch Mã ngoài cầu Đông quảy vào. Thấy tíu tít đông người lại lạ mắt, Trắt ỷ tứ vào đứng sau tấm màn màn nhìn ra đám hàng gạo quảy những chiếc bị cói đại đầy vì buồm, những đôi thúng to, nặng trĩu đòn gánh. Nhìn đám gánh gạo, Trắt nghĩ: cô vợ tư đội Quang đương thù cả lũ chúng nó, có khi có thể tin được. Cứ một việc lọt được vào đây ngồi từ bấy tới giờ, đã chẳng ngờ.

Cô Tư vào. Trong nhà sau bức màn, nồng mùi hói dầu mỡ và hơi người, cô quát khê :

- Chết chữa, đừng thò đầu đòn gánh ra ngoài màn màn thế, khác nào nhà này chứa tù xống. Ngồi hẳn vào trong kia nào!

Trắt thật thà :

- Tôi là thằng bán dầu, có trộm cắp gì đâu.

- Nhỡ cái, có đứa trông thấy thì tôi phải vạ.

Trắt nói :

- Thằng lính trên cổng để người vào mới phải tội.

Rồi Trắt dịu giọng :

- Cô cho tôi đứng xem người ta một mảy. Mấy khi đã được ở cửa nhà quan.

- Vào trong khuất kia mà ngهن cổ lên. Không phải dọa. Đây là cửa quan, đừng giỡn mà chết!

- Tôi, tôi...

- Bọn gánh gạo nữa lại vào mà anh vẫn luẩn quẩn đây. Thằng lính trên cổng đã trông thấy anh ra đâu. Nó tỉnh ma lắm đấy. Chết thôi...

Trắt chấp tay :

- Chẳng phải giấu ai, tôi có việc...

- Ở đây không có ai là ai.

- Tôi xin...

- Lại tiếng chân trâu, chân ngựa nhốn nháo ngoài đường kia.

- Tôi thưa với cô Tư.

Người đàn bà ngơ ngác nhìn Trắt.

- Anh nói thế nào, tôi nghe chưa ra.

- Chuyện dài, không nói hết ngay được.

Cô Tư ghé gần lại :

- Bảo thật, ra ngay, không có không xong. Đẩy lại tiếng ốc, thẳng trắng lại xộc xuống kia. Có chuyện gì phiên sau đến.

- Phiên sau là bao giờ?

- Phiên chợ ngoài ô, ngày tám.

- Lại vào đây à?

- Ừ.

Trắt còn ngần ngợ vì được cái hẹn đột ngột, người đàn bà như đã sắp sẵn câu nói :

- Từ này, đông người ra vào, thẳng trắng khó nhớ được anh đã ra chưa, nhưng anh cứ đi đăng cống cho nó trông thấy hẳn hoi. Phía sau bụi chuối có cây tre bắc qua hào, ngoài ấy có cái chỗ dưới bụi ô rô, cày cáo vên chui. Phiên chợ sau chịu khó chui vào đăng ấy, đừng để ai trông thấy. Nhớ chưa?

- Nhớ!

- Phiên chợ sau, buổi trưa, bây giờ khách đương đông. Thấy người thì nép xuống đám cỏ lau chớ ngẩng đầu lên, nó chém đứt cổ đấy. Rồi lên đây.

- Vâng ạ.

Lâu nữa, Trắt nhìn cô Tư, lại thấy không hiểu. Nét ủ ê lúc này bây giờ thân mật tươi ra, nói vẻ sẵn sàng, dạn dò, như với người trong nhà.

Anh hàng đầu đã ra ngoài trước cửa. Cô Tư lại tắt tả vào sân trong rồi ra cùng người nhà áo the, khăn lượt, cầm cái chìa khóa đuôi chuột.

Cô Tư nói to với Trắt, với bọn lính :

- Tiện cống mở thì ra đi. Nó đợi ra từ này, tôi không dám tàn phiên các ông.

Rồi lại ghé vào tai Trắt :

- Lần sau đi chân tay không, đừng rước hai cái thùng của nợ ấy đến nhè...

Đứng với Trắt, đợi mở khóa rồi hai người trắng khom lưng đẩy cánh cống, cô Tư cứ chuyện băng quơ với mọi người, cô Tư béo lẻo mồm miệng, cứng tuổi rồi mà xưa nay vẫn bẻm chuyện.

- Chú hàng đầu sướng nhè, chưa đứng bóng mà đã bán sạch một lèo cả hai thùng. Sớm nay ra ngõ gặp

giai.

Trắt nghĩ, mà không dám đối đáp “Gặp gái thôi, nhưng mà được cái may”.

Tối hôm ấy, rồi quanh quẩn, Trắt lại lần về Hàng Hòm. Ngồi nín lặng, vẫn nghĩ về lúc sáng vào được trong cổng nhà đội Quang, được chuyện với người vợ lẽ chắc là bị đánh đuổi, hắt hủi ra đấy, lại được cái hẹn. Trắt cứ ngỡ ngàng không thể nghĩ ra trước được. Thế thì những ông đã ngồi đây có thể giúp một tay. Lúc thì bốc lên, nhưng rồi nghĩ lại, phải có cách rõ ràng. Cách thế nào thì cũng phải treo tường lên đỡ ngói.

Nhưng không thấy ai trở lại. Mấy hôm nay vẫn chỉ đông đám thợ cối, thợ khắc, thợ thuộc da bò da trâu cho các nhà chủ ở Hà Trung, ở Hàng Da. Mãi quá nửa đêm mới thấy một người lò dò vào. Trắt nhận ra cái dáng cao lớn, cầm bạnh, cẳng chân dài như những người quen sông nước, chèo lái cả đời, vai ngực vạm vỡ hơn đôi bắp chân. Ngoài trời vẫn mưa sập sùi. Bước vào trong mái hiên, người ấy nhấc chiếc áo tơi lá sọt soạt giống con gà đội mưa chạy vào chỗ ráo, rũ một cái. Nước bắn cả vào đám đương nằm ngủ sau cái gại đầu hiên, mà cứ làm như không, bọn kia cũng ngủ say, không biết.

Vừa vào, đã thì thào với lão quán. Trắt ngồi ngay đấy, nghe rõ, nhưng người kia cứ nói chẳng để ý, như người bên cạnh đã là chỗ quen biết.

- Khuya một mảy, tôi đem đến.

- Cái gì đã?

Khách cười hô hố.

- Cửa giờ cho mà lại biết trước hả?

Lão quán gật gật.

- Cũng phải biết chứ. Nhỡ đem cái đầu lâu về thì để vào đâu, thối hoảng lên.

- Không, không. Gửi cái mới.

- Nói đùa vậy, cái mới hay cái sở người sở lợn cũng được.

Người ấy đứng dậy, toan đi. Trắt giơ chén.

- Ông anh cạn với em một chén cho ấm bụng. Mưa gió thế này.

Người nọ cúi nhìn Trắt rồi cười khà khà.

- À, chú mày, thằng lái dầu! Xem ra chú mày cũng nhớ bọn tớ đấy nhỉ. Nhưng mà tao cũng hỏi lại, mày là

trường phiên khán thủ hay thủ tức lạnh Quang đấy? Khai thực ra, không thì ông xiên cho một nhát ngay.

Lão chủ quán nói :

- Đã bảo rồi, người tử tế mà. Chú ấy mong các ông đã mấy hôm.

Trắt nói :

- Ông anh cho đàn em theo với.

- Chú mày túng đói hay có thù ai?

- Thăng đội Quang...

- Đội Quang mới ở Sơn về được thăng chánh phó lãnh binh ấy a?

- Chính nó.

- Tao phải hỏi lại, mày đi rửa thù hay mày muốn vào ăn trộm nhà nó?

- Em trả thù.

- Cái thăng đội Quang ấy thì cả thiên hạ Sơn Tây, Kẻ Chợ này thù nó. Khéo đến lúc mày lọt được vào nhà nó thì đã có đũa chặt mất đầu nó rồi.

- Em đã vào được nhà nó.

- Có đũa dắt mối a?

Trắt lúng túng, ấp úng. Người kia nói luôn :

- Cái ả Tư phải không? Trông mặt chú mày tao đã biết bà già, gái tơ còn khối đũa chết mệt với chú này. Thăng bán dầu mà chấp chơi đào hoa đấy! Đã thưởng cuộc với ả Tư được chưa?

- Không, em không phải lòng phải bề ai đâu, em còn cái thù phải...

- Bây giờ chú cần gì anh?

- Anh dạy em leo tường, moi vách, cạy cửa... Các ngón...

- Được, gì nữa?

- Thế thôi. Em nạy cửa vào buồng nó, em chặt đầu nó, xách ra.

- Không dễ như mày nói đâu.
- Phải học các anh đã. Rồi em vào nhà nó đương lúc có tiệc này.
- Ủ, nhưng mà mấy hôm, hôm nào nhà nó chả có tiệc.
- Em đã có...
- Cứ hú hí với ả Tư, vài đêm nằm đợi đấy, vội gì.
- Em đã có hẹn.
- Đã bảo có hẹn thế thì càng tốt.
- Lạy anh, em chỉ ước một điều.
- Được tao sẽ hộ mày.

Người ấy đi khỏi, ông lão quán nói :

- Hôm nọ tao đã kể. Trên bến Bôi có một đám cướp tài lăm. Tiếng là đi ăn cướp nhưng không cướp của ai một đồng kẽm, một manh áo rách.
- Lạ nhỉ!
- Gầm giời có một đấy. Chỉ cướp cứu người giúp người.
- Thế lúc nãy bác ấy bảo xồi đem đến gửi...
- À, khi thì gửi tin, khi thì gửi người trợ.
- Chắc bác ấy là người canh cướp trên bến Bôi?
- Biết được!

Trắt đã biết thêm một tin lạ. Ngay từ lúc ấy, Trắt đã phẩn chấn, quên cả chuyện về bàn với Côi. Không, Trắt không quên, mà Trắt tưởng đến một sáng sớm kia, Trắt qua đò về đến nhà Côi, Trắt cời cái tay nải nâu, Trắt ném ra cái đầu lâu đội Quang. Trắt ngỡ như thật.

Trên tường thành Cửa Đông, Cửa Nam những tiếng trống điểm canh vọng lại. Các ông ăn sương, cái gì các ông cũng biết. Cả đến cái cô Tư hay giảng dện. Lại còn thế vậy. Các ông như thầy bói sáng, nói vanh vách. Có thể như thế, không thì sao chỉ chốc lát chẳng quen biết ra thế nào mà người ta đã đậm đà, đã cận kề thế. Nhưng Trắt cũng chỉ thoáng nghĩ vậy. Từ giờ đến đầu phiên sau còn ối cái phải lo tính. Trước nhất được các ông dạy cho mấy miếng nhà nghề. Có lúc định gọi Côi ra, nhưng lại thấy chưa đâu vào đâu, ra

thêm bọn, mà không có cái ăn. Thế này là thấy mới rồi. Để xem đã.

Cái tiệc nhà ông đội Quang mừng được thăng chức chánh lãnh binh mà rộn cả đất Kẻ Chợ. Như làng vào đám, cỗ bàn linh đình trong nhà, rộn rã chèo hát ngoài sân suốt ngày đến đêm. Hai cánh cổng gỗ mở toang, không đóng im ỉm như mọi khi. Ngoài tường, đình liệu đốt suốt sáng. Dây đèn dầu treo quanh các mái hiên thành một chuỗi sao sa. Người các phường quanh đấy nô nức vào xem hát, đông như hội.

Các quan đầu tỉnh, đầu hạt, dưới Đông lên, trên Đoài xuống khắp mặt, chốc chốc lại một đám khách mới. Ngựa đứng trong tàu chen chúc, đá nhau nhảy tung lên, phải buộc cả ra ngoài vườn. Những cái chân giá cằng đỡ vòng nghi xếp chồng đồng hai bên tường. Các quan lớn xuống vòng, có ông áo thụng lam như vào buổi chiều. Những quan võ để râu ria ba chòm oai vệ áo gấm thắt lưng điều. Ngựa hay cằng tới, đoàn tùy tùng theo xách điếu, cầm hèo hoa, lại bưng những cái quả sơn son thếp vàng đựng đồ mừng - không phải buồng cau, trăm hồng Hạc, cam Canh, cam Cáo mà là những xếp bạc nén, vàng lá bọc giấy hồng điều trang kim phủ tấm nhung đỏ màu hoa hải đường, cả vàng bạc và nhung sẫm ở các nhà khách buôn to bên Ô Quan Chưởng. Hai gia nhân chít khăn lượt, áo the, thắt lưng nhiễu bỏ giọt trịnh trọng bưng cái quả lên ngang vai, như khiêng long đình.

Tiếng pháo không lúc nào dứt. Thợ pháo làng Bình! Đà trong phủ Thanh Oai ra túc trực. Những cây pháo: dựng cao hơn ngọn cau, mỗi đêm pháo hoa đốt tua tủa ra ngũ sắc hoa cà hoa cải. Người ta đồn đến hội và những khao vọng ngoài kẻ Mộc kẻ Vẽ đất quan cũng chưa đâu vui bằng đám này.

Mọi toan tính của Trắt không kịp với những thuận; lợi đưa tới. Trắt chưa gặp lại được các ông ở đình Hàng Hòm, các ngón leo trèo, phá cổng, phá khóa chưa được biết thử. Ngày hẹn “phiên sau” với cô Tư đã sắp tới. Trắt lại nghĩ vợ vào. Xưa kia, Trắt cũng là tay quyền cước, tấn trung bình, chảo mã vững rồi phượng hoàng cũng ra miếng được như ai. Và lại, hãy gặp cô Tư xem thế nào đã. Không do dự nữa. Có vào việc lại thấy nhiều cái đã định cứ phải xem lại từng ly từng tý.

Đến đầu phiên chợ rồi, nhà đội Quang vẫn còn ăn uống, nhưng khách đã hết, chỉ còn những đám gia nhân và lính đánh cỗ vét. Bớt ồn ã nhiều, không như những hôm chính tiệc, tuy vậy người ra vào vẫn đông như đi xem chọi gà. Chỉ không còn pháo hoa Bình Đà, nhưng người hàng xứ vào sân xem hát. Ba cánh phường Bắc được đón về thay nhau diễn ban ngày lại cả tối. Trà trộn vào lúc nào cũng được, nhưng Trắt cẩn thận làm như cô Tư đã dặn.

Trắt mặc cái áo chồi năm thân nhuộm cật nâu sẫm, ống tay rộng như áo khách - lẫn với bọn tôi tớ nhà quan, lại như anh lái bè củ nâu, bè đó trên ngược mới về bến Bà Móc, lên dạo phường phố, chỗ nào thấy hay mắt cũng tạt vào. Trắt cốt mặc áo rộng để quần được ngang lưng cái thừng day, nhét được con dao bầu con dao bổ cau. Cứ sẵn sàng thế, nhờ dùng đến đã sẵn. Thấy đông người, Trắt vừa lạ vừa mừng. Trắt đứng lại bên kia cổng, nhìn người ra vào.

Nhộn người thế này cũng tiện, cứ việc lủ lượt vào trong sân, tháo khoán rồi mà, chẳng nghe tiếng quát

hỏi chửi bới nữa. Bọn lính tráng trèo cả lên chòi canh cổng đứng ngoảnh vào xem hát, mặc người chen nhau ở dưới. Một lúc, Trắt lững thững sang chỗ bờ ô rô như mọi người đi. Trắt để ý quả là chỗ bụi ô rô ấy, cày cáo chui đã thành một lỗ trống, thoát trông tưởng tổ mối đục đất đỏ.

Trông trước trông sau, Trắt cúi xuống, ôm hai tay giữ búi tóc, luồn thoát qua bờ rào. Rồi trèo cái cầu noi lung lay vượt hào nước, Trắt lom khom qua bãi cỏ tranh, lên đứng núp vào lưng bụi chuối, ngay cạnh cái chuồng gà. Đứng đấy nhìn ra môn một rõ người đi bên ngoài. Trắt lé mắt vào nhà cô Tư, nhà buồng cửa liếp trong, lại mảnh ngoài, tối như bưng. Cô ấy có trong nhà, hay đã vào ăn cỗ, hay ra sân xem phường chèo hát ban ngày vừa bắt đầu. Nhà đương nhộn nhịp thế này. Bất giác, Trắt thấy trợn. Tự dưng chui vào đây. Ngộ người ta bắt mình thì sao?

Trắt ép mình đến cái vách bên cửa. Trắt mới giơ tay chưa kịp rờ vào, đã nghe tiếng hỏi ra :

- Đã đến à?

Rồi cánh cửa liếp kên lên một bên.

- Vào, vào đi.

Trắt vừa bước qua ngưỡng cửa, chưa đứng vững, cô Tư đã kéo tay: “Dịch vào trong này, để buông cửa”. Rồi cô Tư thở thở, hỏi hỏi dồn. Lú lú như chim liếu diếu hót rì rầm to nhỏ lúc mặt trời vừa lặn, Trắt chưa nghe rành ra câu gì. Bàn tay cô Tư vuốt vào lưng áo Trắt. Một tiếng kêu khẽ :

- Ồi, cái gì thế này?

- Chiếc thùng thôi mà.

- Cả con dao, hai con dao, giời ơi!

Trắt giữ hai tay người đàn bà nóng hổi, đầm mồ hôi, và nói thông thả: “Tôi đã bảo hôm nọ với cô Tư thầy tôi mất mạng để nó được lên quan to thế này, cho nên vào cái lúc nó sung sướng, nó phải đền mạng. Thầy tôi, cũng là giời có mắt. Cái may rủi tôi được gặp cô, cũng là giời xui khiến vậy”. Cô Tư rút tay trong tay Trắt ra. Những tơ tưởng vẫn vơ lúc nãy của cô Tư đã tiêu tan cả. Chỉ còn vang lên cái câu Trắt vừa nói, và những con dao, cái cuộn thùng thế này... Trong bóng tối gian nhà mờ mờ, người đàn bà đột nhiên ngồi gục đầu. Chốc lại ngừng mặt, không biết cô Tư khóc hay đương nhìn bóng Trắt. Những câu Trắt nói mỗi lúc một rợn.

- Tôi sẽ cắt đầu nó đem đi. Cho tôi cái tay nải...

- Anh ạ.

- Chỉ cho tôi biết hôm nay nó nằm buồng nào.

- Không vội được. Vội cũng không xong đâu. Trong nhà bây giờ đang bề bộn, mà cái thằng già ấy hay đa nghi, hay dáo dở, nó lăm chỗ ngủ lăm, mười mấy con dĩ mỗi con một buồng, cả một dãy buồng, phải lần khéo mới ra.

Trắt đã nổi nóng, quên cả những ý định lúc trước khi vào đây, hãy dò la xem sao. Trắt nói rít trong hàm răng :

- Để hôm khác a? Thế thì phí công quá.

- Không phải để hôm khác.

Trắt hăm hở :

- Mình bảo thế nào?

- Tôi đã trử thức ăn đây, đợi đêm. Đến lúc ngoài sân tan hát tối thôi. Người xem về hết, trong nhà chèn xong, lại như mọi hôm, chúng nó lăn ra ngủ như chết. Bấy giờ sẽ vào lần các cửa buồng. Không trông thấy nó vào, nhưng tôi đã biết cái lối, cái lệ nó đóng cửa buồng, đoán thì được.

- Cô đưa tôi vào à?

- Vâng.

- Cô Tư, cô Tư, tôi ơn...

Trên phản, cô Tư đã bày ra đĩa xôi, liền thịt trâu tái bát tương gừng và một be rượu. Hai người ngồi ăn nhẩn nha, như trong buồng cô dâu chú rể. Trời đã tối lúc nào. Chợt, có tiếng gọi ngoài liếp :

- Bà Tư ơi, bà Tư!

“Chui xuống gầm giường nằm yên”, cô Tư thì thảo như thờ. Một lát không thấy gọi nữa. Tiếng chân lạo xạo bước ra. Có lẽ lính tuần định vào nhờ cái lửa hút điếu thuốc. Hay là đứa nào ở đám chèo vừa tan ra định nhập nhoạng vào băng quơ. Họ tưởng cô Tư đã ngủ hay đi xem hát chưa về.

Đợi. Kỳ lạ, oái oăm lúc ấy giữa hai người. Trong gian nhà tối om, thỉnh thoảng người xem hát tối đã ra về, ánh đuốc loang loáng qua khe vách. Tiếng nhị, tiếng mõ, tiếng trống cơm đôi lúc còn inh ỏi như lúc giáo đầu, cả phường hát vỗ nước... bung bung nhóc... bung nhóc... bung nhóc..., nhưng tiếng trống châu thì rời rạc - hát chèo không phải hát tuồng, mà hát tuồng thì cũng thế, ông cai, ông chánh, các ông chức việc rượu vào rồi vênh váo chen nhau ra ngồi cầm châu nhưng chỉ một lúc, tiếng tùng, tiếng cắc đã loạc choạc rồi im, các cùi say khướt, mắt dip ngồi ngật ngưỡng, hay là đã vút dùi trống, chúi đầu loạng choạng đi đâu rồi.

Người đàn bà vẫn nắm chặt tay Trắt, nhưng hễ động đến con dao bầu thì lại run bần bật. Có một người đàn ông, một người đàn bà trong góc nhà. Ai cũng cứ chột mớ màng lại chột tỉnh rồi chỉ còn tựa vào nhau, đợi cái sắp đến cứ nghĩ như xa xôi nhưng rõ ràng là khuya nay. Chốc chốc, Trắt lại ngoái tay rút con dao, chùi lưỡi dao vào ống tay áo rồi nghiêng tai nghe ngóng ngoài vách. Người đàn bà ôm chặt người đàn ông, nhưng mặt cũng lảng ra ngoài, hơi người sức lên ở bàn tay, ở vai áo cạnh cuộn thùng quần quanh bụng, cái lưỡi dao bầu lạnh ngắt. Tất cả, đợi.

Người đi xem vẫn dần rồi vẫn hẳn. Chừng như đã khuya. Ngoài kia, tiếng vó ngựa xa xa rồi dồn dập lướt qua. Ngựa chạy đêm về trạm vào phía Cửa Nam. Chẳng mấy lúc, trên tường, trong chòi canh đã đổ mờ nửa đêm. Bắt đầu lại thanh vắng như khuya mọi khi.

Cô Tư đứng dậy.

- Anh ngồi đây, để tôi lên nghe thế nào.

Một lát, người đàn bà đã rón rén về.

- Nó ngủ buồng con Mười.

Trắt nắm lại cái thùng day rồi rút con dao ra cầm tay. Trắt bước theo cô Tư. Chẳng rõ lối trong nhà này bao giờ, nhưng xăm xăm vội vã, chỉ nghe nói “nó ngủ buồng con Mười” đã như trông thấy, biết rồi. Người đàn bà đành phải đi đằng sau, chốc lại kéo lưng áo Trắt.

Đầu tháng, lại ẩm ướt sương đêm, có lúc Trắt quay lại, chỉ thấy bóng cô Tư, Trắt yên chí như sắp đến nơi, lại cung cúc bước.

Ngôi nhà ngói bát vắn hiện lên lù lù, hai người đi như chui vào bụng con voi, góc ngách, quanh quẩn. Đã hết cơn bối rối, cô Tư len lên trước Trắt. Bây giờ Trắt không hùng hục đi trước nữa. Đến một chỗ tối bùng, cô Tư cầm tay Trắt đặt vào cái cánh cửa. Trắt xòe tay lên mặt cánh cửa đã đóng cài then trong. Trắt đã sẵn cả -thói quen anh thợ đóng cối, cái lạt mà thiếu cũng đành ngồi chơi. Trắt moi trong cái cặp quần lá tọa ra một chiếc que đóm mỏng, lách vào khe, đẩy then.

Đâu đây, ngay sau nhà, những tiếng gà gáy canh một dồn dập. Đến lúc im, trống đầu canh trên chòi, người lính chột tỉnh ngủ, cầm dùi đánh từng tiếng một, uể oải. Chiếc chốt cửa đã ngãng ra, kích một cái xuống đất. Cửa mở hé, nhưng then rơi xuống khác nào sập cái bẫy chuột. Ở đâu bật ra tiếng quát giật giọng :

- Ai?

Tức khắc, tiếng mõ nổi khắp nơi. Những bó đuốc bập bùng lên. Như đã rình sẵn, những đám người rừng rừng xô đến. Cả Trắt và cô Tư bị trói nghiêng lại, không kịp quay lưng.

Lãnh Quang lè nhè ngái ngủ giọng rượu, ở trong buồng như bấy giờ mới thức giấc.

- Cái gì mà bay làm ầm nhà lên thế?

- Bấm quan có động.

Lãnh Quang xộc ra, lưng thắt bó que, tay cầm con dao bảy sáng nhoáng. Dường như nó vẫn ngồi sẵn thế. Ánh lửa đuốc rùng rục. Cả lúc ngủ, quân ác này vẫn phòng xa thế hay nó vẫn giăng bày hàng đêm vậy. Trắt bị trói giật cánh khuỷu, cùng một dây với cô Tư bị đập rụi xuống chân cột. Các tay súng, đại đao, đinh ba xia xuống, như rào chông sắt vây quanh.

Lãnh Quang làm như chưa trông thấy, đồng dặc hỏi :

- Sao, sao nào?

- Cái nhà Tư dặt dặt cho thằng này nậy cửa.

- Cửa nào?

- Cửa buồng quan ạ. Mảnh tre nó lách gảy then ra, con nhặt được để làm chứng đây.

- Á!

Mấy người lính tăng công nhao nhao.

- Con đã nghi từ lúc tan hát cái nhà Tư ngoài ấy có khang khác, con gọi cửa thử.

- Bấm quan con theo chúng nó từ ngoài sân.

Người trên chòi cổng lật ngựa dây trói rồi nói :

- À thằng bán dầu, cái thằng bán dầu hôm nọ đây. Thế có chết không!

Lãnh Quang nói thông thả :

- Hừ, con Tư rước giai vào ngủ rồi đem nhau đi giết tao. Thế thì tao tổng cổ mày đi là phải. Đáng nhẽ phải chém đầu mày, tao chỉ đuổi mày ra ngoài ấy, tao cũng chưa đo hết được bụng dạ mày. Ha! Ha! Bay lấy rượu ra đây.

Một người nói :

- Nó giắt sẵn cuộn thừng trong lưng, nó còn đi ăn trộm nữa, thằng kẻ trộm này táo gan thật.

Trắt quát to :

- Tao không phải đứa trộm cướp. Tao...

Nếu không có lãnh Quang đứng đấy, nhiều người đã cười nhao nhao. Ai cũng há hoác miệng không thành tiếng. Nửa đêm nậy cửa, không trộm thì cướp, chứ còn không với có thể nào.

- Tao chỉ lấy cái đầu thằng đội [1] Quang!

- Á.

- Tao lấy cái đầu đội Quang đem lên Kệ tế thầy tao.

Lần này lãnh Quang “á” một tiếng như hét. Rồi rồi rít quát :

- Bay! Bay đâu! Đem ra hai rọ, nhốt chúng nó vào rồi buộc đá ngay trước mặt tao. Khiêng đi trôi sông lập tức. Nhanh lên!

Lãnh Quang vừa sừng sộ lại vừa loạng quạng, liệu xiêu như hải quá, tưởng tên cướp và con quỷ cái sắp dựng đứng lên, xông đến. Bấy giờ đã sang canh, nhưng còn mù mịt đêm dày. Trên không trung, những con vạc ăn đêm ở ngoài sông bay về ngang qua, buông từng tiếng rời rã. Xa xa, tiếng chim lợn sà xuống mặt nước tìm cá chết nổi đương bay lên, kêu éc éc rùng rợn báo điềm chết chóc đến nơi. Lãnh Quang vung con dao bẫy như đỡ gạt người chém mình rồi cầm be lên tu ồng ộc, lại hét “Nhanh! Nhanh lên!” Bọn gia nhân đã vác tới hai cái rọ tre, ngã xuống, đẩy Trắt và cô Tư, mỗi người vào một rọ, trong bỏ sẵn mấy tảng đá rồi buộc lại.

- Vác đi, bỏ xuống sông Cái, đem ra tận giữa sông.

Nửa đêm, đoàn người khiêng rọ như khiêng cái vồng vong đám ma, xung quanh dáo mác, đóm đuốc đèn đuềng theo. Giữa khuya, vào qua Cửa Nam, ra bến Đá ngoài sông Cái.

Chỉ nghe tiếng nửa đuốc nổ lép bép, tiếng khóc rưng rức. Hai cái rọ bị ném sang chiếc đò ngang. Mấy chiếc đò nữa đã sẵn quanh đấy, xúm lại, cả đuốc cả người xô xuống, những chiếc đò bơi băng băng ra. Đã đến con nước giữa. Sông Cái vào mùa cạn, thành cát cao, nước miên man réo xiết. Không ai nói một tiếng. Nhưng cả ba bốn người ngồi áp đầu đuôi cái rọ. Bỗng thế nào mà Trắt quều được bàn tay sang cái rọ nhốt cô Tư. Một người giơ cái sào, định đập xuống, một người khác kéo vai, khẽ nói: “Mặc nó. Đẳng nào nó cũng sắp chết rồi”.

Cả mấy người ngồi đò đều lằm rằm như khấn :

- Chúng tôi không làm nên tội. Các người đừng oán chúng tôi. Ân trả ân oán trả oán, thiên hạ sinh sự, chúng tôi không làm nên tội. Các người...

Thình lình, hai cái rọ bị đẩy lặn tùm xuống nước. Thuyền quay ngay mũi, vun vút lao vào bờ. Trên thành,

trống vừa điểm canh năm, ngoài sông vẫn tối mờ mờ. Đám lính bước lên bãi, quỳ xuống cát, vái vọng xuống nước.

Lúc này, lãnh Quang luống cuống, bắt đem trôi sông ngay hai đứa không nhớ lột xống áo chúng nó ra xem còn dao búa gì không. Đẳng lửng Trắt vẫn còn con dao bồ cau sắc mũi. Trắt oản người cắt được cái dây trói từ lâu, đã quên vội thò tay ra. May mà những người lính cũng không phải đứa cố tình giết người. Bây giờ ở trong nước, Trắt quơ tay tìm cái rọ cô Tư. Nước réo ào ào, không thấy. Trắt dứt những cái lạt buộc nắp rọ, chui hẳn ra, ngoi lên mặt nước. Bốn phía mờ mờ hơi nước, hơi sương. Trắt lại lặn xuống chỗ đoán là vừa chui rọ ra. Trắt đạp chân, quạng tay. Cái rọ có đá chặn, khó trôi ngay. Nhưng chỉ thấy cát, đáy sông đương mùa kiệt, hai tai ù tiếng nước réo, cát cuốn trôi qua, phủ lên mặt. Thế này có lẽ cái rọ chuồi mất rồi. Trắt nổi lên, thờ thần vào bờ.

Tảng sáng, Trắt lại về đình Hàng Hòm. Ông lão quán vẫn ngồi hàng hay đã tựa vào cái thúng nổi nước mà ngủ ngồi, vừa mới mở mắt, ánh dầu chầu nhấp nhoáng, trông ông gầy đét như pho tượng ông Nhịn Ăn ngồi ở dãy tượng La Hán trên chùa.

- Bố ơi! Có thấy cái ông hôm trước về đây không?

Ông lão hàng nước đứng dậy, trố mắt kèm nhèm.

- Ồi, ông ấy vừa kể đội Quang cho lính đem mày bỏ rọ trôi sông lúc nửa đêm rồi mà.

Trắt rầu rĩ :

- Vâng ạ. Con chui dưới sông về đây.

- Quần áo rách bươm lại ướt như chuột lột thế kia, làm ngum rượu rồi vào nằm cho lại người.

Cũng vẫn người thức, người ngái ngủ quanh chõng hàng, Trắt mặc. Thời buổi này, người cụt đầu, người chém nhau mất mạng, ngày ngày người chết như gà dây, chẳng ai để mắt - mà cũng sợ, bỗng dưng cái ách quàng vào cổ, người ta lảng nhau, ai hỏi thì lắc đầu, nói không biết. Trắt vắt lên dây cái áo ướt, cái quần chỉ còn một mảnh rồi cứ trần truồng tồ hô chui vào ổ, kéo rơm lên kín mặt, ho sặc sụa.

Trắt thở khò khò như ngáy mà không tài nào chợp đi được. Nghĩ lại thương cô Tư chết oan. Oán thù chồng chất thế này, Trắt ghen trong cổ.

Trắt ngồi dậy, ướm cái quần rách, không mặc được mà cũng không thành cái khố. Chỉ còn cái áo chồi nâu xám xịt, ẩm sì như nhuộm thâm. Thế mà vẫn còn con dao bồ cau giắt trong áo. Trắt mặc áo, rồi rút cái khố đuôi lươn của ông quán. Quay ra hỏi nhưng lão đã vào cái ổ rơm bên kia từ lúc nào. Không biết đương nói mê hay ư ử rên quen miệng của người có tuổi.

Trắt ghé tai ông lão :

- Ông nói hộ ông ấy tối nay vào cái chỗ hôm qua đỡ cháu một tay. Nhớ tối nay.

Những ý nghĩ đau đớn giục Trắt đến quên cả suốt đêm qua chỉ đợi chết, đáng nhẽ Trắt đã chết. Trắt không may may còn nhớ thế. Trắt chỉ biết thế là đã thuộc đường đất, biết thung thỏ, nó phải mất mạng. Bác Côi, hôm nào em về thì em trói cái ma nó về, em thề với bác.

Rồi Trắt đi.

Chập tối, Trắt đã trèo lên cây vông rồi chui bờ rào ô rô ngồi giữa đám cỏ tranh. Một lát thấy vắng, Trắt bò vào. Chòi canh hai đầu lặng tờ. Trắt như con nhái bén, đã qua được hào nước. Trắt kiểm lại, trên búi tóc giắt con dao bồ cau, cuộn thừng dây và con dao bầu mới. Ngược lên, chỗ nhà cỏ Tư chỉ còn tà một đồng than âm ỉ khói. Bụi chuối đã bị dẫn trụi. Vại nước vỡ từng mảnh. Cái chuồng gà thì đứa nào đã khiêng mất. Trắt lẩm nhẩm: cô Tư sống khôn chết thiêng, cô Tư...

Trắt men sân đến cuối thềm nhà trên, leo lên núp trong cây nhãn lồng bùm tum góc ngoài bể nước ngay đầu vườn. Cũng đã chạng vạng, nhưng không ngờ vào được tận đây. Có lẽ giờ này những con chó săn, chó ngao canh đêm bọn lính còn chưa thả trong cũi ra. Ẩn trong cây nhãn rậm rạp, người đi lại trong nhà, buồng nào hiên nào cũng rõ mồn một. Kia kia lãnh Quang. Lãnh Quang mặc áo lụa hoa cau, phanh dải áo bụng, ngồi uống rượu trên hiên nhà khách, hai lính hầu đứng dưới sân chốc chốc lại phẩy một nhát quạt lông, ở nhà lãnh Quang chỉ ngồi chén một mình, cả chục người vợ cũng phải dọn mâm một lũ với nhau bên nhà ngang. Cái tính nó khoái chè chén thành thói thế. Tinh mắt, còn nhận ra thập thò hai lính nữa cầm súng, đeo thanh đại đao canh ngoài cửa. Chắc nó mới cẩn thận hơn từ đêm qua.

Lãnh Quang đứng lên, ngất ngưỡng ra. Những đĩa đèn dầu treo một dây trên hiên, ở nhà ngang, ả Mươi đã đứng đợi sẵn, vội bước lên, đỡ lão vào cái buồng đầu nhà. Đến cửa, lãnh Quang đứng lại, rồi ngoắt lưng ra. ả Mươi bước tới. Lãnh Quang giơ chân đạp thốc một cái vào bụng ả. ả nọ ngã lăn xuống thềm rồi cứ nằm úp mặt trong rãnh. Lãnh Quang hét :

- Con Chín đâu!

Một người đàn bà ở buồng cạnh đấy, ra giơ cánh tay dịu lão vào buồng. Cánh cửa khép lại. ả Mươi nằm lăn như chết dưới rãnh một lúc, rồi không biết vì đau không đứng lên được hay ả sợ quá, cứ bò lồm ngồm như con cún, lết xuống nhà ngang. Ngồi trong cây nhãn, Trắt nhìn được hết. Dần dần khuya, đèn các buồng và quanh hiên lần lượt tắt. Cả khu nhà ngập trong bóng tối. Vai áo Trắt đã ẩm. Trắt tụt trên cây nhãn xuống. Từ tối tới giờ, hơi người đã hả lẫn vào hơi sương, người như bóng ma. Các bợm đình Hàng Hòm nói phải. Đêm ở lâu ngoài trời, người lẫn vào sương. Khi này, những con chó dưới sân còn có lúc hích mũi đánh hơi quanh gốc nhãn, có lúc Trắt đã toan tìm cách lủi, nhưng bây giờ người đứng ngay cạnh gốc cây, những con chó vẫn ngồi, không nhúc nhích, mõm hếch ra phía cổng. Không một tiếng chó sủa. Rồi mấy con chó rồi rãi quần đùa nhau huỳnh huych giữa sân. Trắt lướt qua sau lưng cây rơm, đàn chó vẫn mãi vờn nhau.

Trắt bò lên thềm, bấu cái cột hiên rồi lần vào vách buồng. Địch xác cái ả Chín dặt nó vào buồng này.

Quang đèn dầu trầu ngoài kia đã cạn, chỉ còn khói bốc khét lẹt đưa vào. Vài bước cũng tối mò. Người ngủ, tiếng thở, tiếng ngáy, tiếng cựa mình trong các buồng rập rờn thoảng ra.

Trắt ngồi xồm, nghe ngóng, rồi khác đêm trước Trắt nhảy thoát lên cửa buồng ả Chín. Trắt lại lách mảnh tre cật mỏng như cái lạt vào khe cửa, nhẹ nhàng nhích dần chiếc then ở trong.

Xung quanh im phăng phắc. Cánh cửa lỏng then, hũm vào rồi doãng ra. Cho khỏi vướng, Trắt thò hẳn tay, nắm được, đẩy khẽ.

Bỗng hai cánh cửa toang ra. Bất thần, một suýt thì Trắt ngã đâm đầu vào. Nhưng một cái đá thúc, hất Trắt té ngửa ra ngoài hiên.

- Trộm! Trộm!

Lập tức, người ở đâu xô đến ngay. Những bó đuốc bật tức khắc, trong khi bọn lính tuần đêm đã bẻ quặt tay Trắt ra sau lưng, trói ngời vào chân cột.

- A! Lại thằng bán dầu hôm qua!

- Nó chết rồi cơ mà?

Cái thằng bán dầu đêm qua đã đem trôi sông! Khiếp quá, lãnh Quang kêu lên, nhiều người mới la lối theo. Nhưng vừa kêu vừa nhớn nhác :

- Ồi giời ôi, con ma...

- ... Con ma thằng bán dầu.

- Nó chết trôi sông rồi mà...

- Ma à? Còn con ma Tư kia kìa...

- Chết! Chết!

Thì ra, lúc này vào trong buồng, lãnh Quang cũng như ngủ, như rình. Nhảy trong buồng ra, mà không phải áo lụa năm thân phanh bụng ra như chập tối, lãnh Quang áo chèn, thắt lưng nhiều thâm, quần chồi thâm buồng lá tọa, lại giày Tàu cẩn thận, tay lăm lăm con dao bảy. Đủ lệ bộ băng đi trận. Lúc nào lão cũng giữ gậy. Lão ngủ chỉ nhắm một mắt, có nhẽ. Lúc cánh cửa hé, trong buồng ngoài sân vẫn tối thui, nhưng có một làn gió lành lạnh khác thường thoảng vào. Lão hất ả Chín xuống đất, ngồi ngay dậy. Chính lãnh Quang đá tống Trắt ngã ngửa ra, rồi kêu “trộm”.

Lãnh Quang chống con dao bảy, mặt phùng phùng, nhòm xuống Trắt.

Trắt giầy giũa, gào :

- Tao đây, tao không phải ma, tao là người, tao đến lấy đầu thằng đội Quang đem lên Kệ tế thầy đây. Các đồng môn đương đợi tao đem đầu mày về, đầu mày đâu, đầu con chó đội Quang đâu?

Lãnh Quang đứng yên, con dao bầy rơi xuống cách một cái mà không biết. Tiếng hò hét của Trắt như điên, nhưng lãnh Quang còn điên hơn. Lãnh Quang nhặt con dao, tựa lưng vào vách, như sắp ngã.

Không ả Chín, ả Tám nào dám đến đỡ. Mỗi câu Trắt thét “Đầu mày đâu?” lại đẩy con dao bầy trong tay lãnh Quang quờ quạng vung lên, chém chát chát vào cột, vào vách. Lãnh Quang phát rồ rồi. Không ai dám đến gần. Trắt thì cứ nhảy như con ếch bị buộc dưới chân cột. Những cửa buồng quanh đấy đóng lại hết. Bọn lính lùi cả ra sân. Cái hãi, cái hóa dại của lãnh Quang đương cơn, con dao bầy ấy chém loạn lên vào đầu vào tai bây giờ!

Lãnh Quang hỏi to :

- Đứa nào đem qua đem thằng này trôi sông? Ra ông xem mặt, những đứa nào?

Ba, bốn người rúm ró đùn đẩy nhau đến cạnh ánh đuốc. Lãnh Quang nói, lần này nhẹ nhàng tỉnh như không :

- Ba thằng, bốn thằng, còn thằng nào nữa? Hai thằng kia vào đem ra bốn cái rọ. Bỏ rọ chúng mày đã. Mai ban ngày ban mặt, ông xử xem tội sống tù hay thả tù.

Bốn cái rọ được xách ra, bốn người lính bị đẩy vào. Bốn cái rọ khiêng ra treo vào cành cây sau vườn. Lãnh Quang lơ lảo đảo mắt nhìn quanh rồi bỗng hét rền như sấm :

- Đem chôn sống thằng này ngoài vườn. Chôn ngay cho tao trông thấy.

Đèn đuốc ra sáng cả vườn nhãn, một chốc đã đào xong gần bờ rào ô rô, một cái huyệt loang lỗ đất.

Những sợi dây mây trói cả hai tay, hai chân Trắt. Chiếc đòn ổng khiêng bổng lên như vừa bắt con lợn trong chuồng ra. Lãnh Quang quăng cái áo chồi, trần lưng ra, ngửa mặt, tu cả be rượu còn lại rồi quăng be xuống cái hố huyệt, rên hừ hừ, trong khi Trắt nằm ngửa mặt trên đồng đất, vẫn sa sả :

- Ông chặt đầu mày. Mày kẻ cổ ra đây. Thầy ông, anh em ông đương đợi ông vác đầu mày về. Đầu thằng... đầu...

- Chôn ngay! Chôn đứng!

Trắt bị ném huých vào hố. Đất rào rào lấp xuống như dội mưa. Phút chốc con người đã bị vùi biển, mặt đất lại phẳng như lúc nãy.

Mọi người lật đặt về, như sợ ma đuổi. Lãnh Quang nhón nhác chạy trước. Như hời cái hồn người ngoi lên búi lại. Vào đến trong hiên, lãnh Quang lại rớt rít: sao chúng mày chôn nhanh thế hay đây là cái bóng thẳng trôi sông, không phải, nó còn rửa tao đến tận lúc hạ huyết...

Càng khiếp đảm, lãnh Quang đâm vào buồng con vợ nào chẳng biết. Lãnh Quang hét lấy cái khóa đuôi chuốt to, khóa trái lại, khóa trái... Ngoài kia, khu vườn đã tối om sương mờ phủ.

Lúc ấy, hai cái bóng trên cây nhả ngay xuống. Không biết những mũi dao, những nhát thương hay tay bới thoăn thoắt. Chỉ một loáng đã lôi được một cái bóng trong lỗ ra.

- Em... em...

- Im!

Ba người đi về phía mấy con trâu tiệt còn lại buộc đằng góc vườn. Trên chòi canh vắng ra tiếng mõ. Bọn lính tuần, cả đàn chó ngao dường như chưa hoàn hồn từ lúc đào huyết chôn sống người, cả đám xúm lại giữa sân như một đồng rạ. Chỉ những con trâu không biết gì đang đánh sừng cộc cộc vào gốc cây như tiếng ban chiều mõ đặc ở cổ trâu.

Ba con trâu được cởi thừng mũi ra. Người cười cúi rạp, bàn tay vỗ hai bên yếm cổ. Những con trâu lồng dựng đứng, lội ào ào qua hào, nhảy húc đổ một quãng đường đất, bật rẽ chỗ rào ô rô, gãy ngang một thân cây vông. Những con trâu cong lưng băng băng bôn trong đêm, như những con trâu điên.

Bấy giờ, trong nhà lãnh Quang còn điên hơn. Tiếng lội hào, tường đổ ầm ầm ngoài kia đã dựng người dậy. Đèn đuốc lao xao dọi ra vườn. Mấy con trâu còn lại, đã tụt hết thừng mũi bôn lộp cộp cả lên sân gạch. Chỗ vừa chôn người, đất bị bới tung, còn trơ lại cái hố. Thằng bán dầu mới bị chôn đã biến mất. Bọn lính chạy dạt vào rồi lại men ra. Trâu lóa mắt húc cả vào người, vào đuốc. Rồi tỉnh lên.

Lãnh Quang lom khom đứng, mắt trợn căm xuống cái hố đất loang lổ. Rồi, chẳng nói chẳng rằng, như ma đuổi, lại đâm bổ vào một buồng. Lãnh Quang vừa thấy thằng bán dầu cầm con dao xông tới. Ngoài vườn, trong sân, đàn trâu vẫn chạy tứ tung lẫn với người. Lãnh Quang lại nhìn thấy thằng bán dầu, kia kìa. Lãnh Quang đóng sập cửa. Rồi nằm thẳng căng trên giường.

Ánh đèn dầu lặc vừa khêu bắc, lãnh Quang cũng chưa kịp nhìn mặt nó là con vợ nào, lãnh Quang đẩy bắn nó xuống chỗ xó luôn góc nhà. Lãnh Quang lại chồm lên, mở cửa rồi quay lại hét :

- Xách quang đèn ra đây.

Đứng trước thềm, lãnh Quang vung con dao bẫy.

- Cái Ba, cái Năm, lên đây. Vào thành trình quan Tổng đốc, xin quan cho lệnh truy nã thằng bán dầu, hỏa tốc. Bắt được... bắt được...

Rồi thở hổn hển, ngồi bệt xuống. Cô Chín, cô Tám mon men đến, xốc nách lãnh Quang đứng lên.

Buổi sáng ấy, cũng bình thường như mọi ngày, chợ Cầu Dền, chợ Dừa, chợ Cửa Nam tấp nập hơn, vì ngày phiên. Dưa cải, từng bó củ trắng nõn bên thúng cà chua đỏ ối như nhót chín, từ trong làng kiosk kẹt quảy ra. Lại sắp vào cuối năm hanh hao, trên các bãi hoang dưới bờ tre, ở những chân ruộng đã gặt quang, những cây lá bánh khúc đã chớm nở hoa. Thoạt trông, tưởng đàn bướm vàng về nhăm mùa. Sương sớm đọng trên lá khúc long lanh như hạt nước. Lũ trẻ hái lá khúc, sương ướt bắn li ti lên bờm tóc. Người chợ búa, người tắt tả công việc. Gặt hái đã xong, ngoài đồng rặt những đồng khói chân rạ của trẻ chăn trâu đốt hun chuột. Chợ Bưởi chợ Canh lại sắp vào những phiên cuối năm, bán tranh gà lợn Kim Hoàng, có chợ trâu bò cho người mua về đựng thịt ăn Tết. Trong trạm Hà Trung phóng ra một con ngựa chạy công văn hỏa tốc, bụi lấm suốt đường Hàng cỏ ra ngoài ô Đồng Lầm.

Cả ba con trâu được trông chừng vào cổ, đứng nghênh ngang trước thềm đình Hàng Hòm. Nghi lại phường này mấy hôm cũng chẳng bận đến ai. Buộc ra bãi cho gặm cỏ, trâu bò đem bán chợ hay cho đi làm mùa, của nhà người ta hay của ăn trộm đem về qua, thì cũng thường thấy.

- Chú làm nốt bát rượu ấy rồi Lại vào trong đình mà ngủ cho lại sức. Nằm dưới đất khí lạnh liễm vào, dễ ốm. Này lão quán hôm nay dọn hàng sớm, dắt một con trâu ra bờ hồ mà thui. Tùy lão, phần bán phần để chén, tối nay khao.

Hôm sau, lão quán bảo Trắt :

- Hai con trâu kia, các ông ấy nhủ rằng cho mày đem về làng. Trâu này còn làm đồng được, cày bừa được, thịt thì phí.

Chú thích:

[1] Mặc dù đội Quang đã lên chức quan lãnh, nhưng một số học trò của Cao Bá Quát vẫn gọi hằn là thằng đội, tỏ ý khinh miệt.

KẺ CƯỚP BẾN BỎI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương Iii:

ài ca cái roi song

(Đăng tiên ca)

Sau hôm rằm tháng chín, khí trời đã dịu

Mặt trời u ám, ban mai không có ánh sáng

Người bị giam tù đầu gối trên giường gãy

Gió lạnh buốt thổi phần phật vào áo quần

Chợt có lính của bộ đến, tiếng lanh lảnh

Gọi ra thúc giục đến công đường

Đứng dậy mang gông đi theo

Khăn rách xốc xếch chân bước vội vàng

Lúc vào cửa có lính canh ngục kèm hai bên

Người ở kinh đô ngơ ngác đứng xem, vây kín như bức tường

Các quan lớn ngồi trên, dưới có một viên quan nhỏ

Gọi bày những hình cụ bày ra la liệt

Có cái roi song to, dài thật là dài

Da nó tía, mình nó cứng, uốn nó lại thẳng chờ ra

Người bị tội nằm duỗi, sợ hãi xanh xám

Đầu quay nghiêng, mặt lấm lét, như con dê hoảng hốt

Chân tay căng thẳng, hai mắt quáng lên

Lúc đó sau trận mưa, hơi thấp độc xông lên đến bàng quang

Giờ lâu bị tra hỏi, miệng không nói được

Chỉ khan vã kêu: “Oan! Oan!” và gào trời

Quan thét lên như tiếng sét rung cả ruộng nhà

Roi quất nhoang nhoáng bay đi liệng lại như ánh chớp

Lúc giơ lên như hai con thuồng luồng quật vào bờ ao lở

Lúc ngừng như nước lạnh đổ vào nồi nước sôi

Hai cái nọc đứng sừng, có vẻ vững chắc

Tiếng rên rỉ vang quanh dãy hành lang

Than ôi! Cành hoa hải đường đương xuân

Bị bẻ tan nát không kể gì đến hương thơm, ở Xương Châu nữa

Bấy giờ đã muộn, trời sâm sẫm tối

Ở nơi góc đài, những giọt sương trong cũng vì ta mà bay lên

Roi song rũ xuống thôi không hăng hái như trước nữa

Chấp tay đứng, ruột mềm quặn lại như cuốn được vào ngón tay

Được, mất do mệnh là sự thường

Ta cũng mảy mặt như mọi người việc gì mà đau thương

Ởn nhà, nợ nước chưa chút đền đáp

Là người dũng cảm, đâu có chịu chết ở nơi văn tự

Chao ôi, roi song ôi

Mày không thấy:

Ở phía nam sông Đức Giang ở đỉnh núi Nguyệt Hằng

Trên đó cây tùng, cay bách chết một nửa

Nhưng vẫn đứng trơ trơ giữa trời rét mướt

Ví phỏng có người thợ giỏi, biết dùng không bỏ nó

Thì những hạng cây như bồ kết và chương nào kia đáng kể vào đâu

Vậy mà còn đốn chặt nó thì có đáng không.

Vũ Khiêu (dịch nghĩa)

Ngày 17 tháng Mười, sau khi bộ Lễ tra tấn nghiêm ngặt, nhịn đau viết luôn bốn bài

(Thất nguyệt thập thất nhật, thừa Lễ bộ nghiêm tấn hậu, cường bệnh mãn chí tứ thủ)

Sấm găm chớp giật trơ trọi một thân

Bạn quen trông thấy sợ không dám gọi

Khiêng về, bỗng mê man như trong cơn mưa gió ác liệt

Tỉnh lại thấy tiếng nói khác thường

Nửa đời thân phận mỏng manh nghĩ những chuyện gân gà mà thương

Mười phần chết chín, tấm lòng chua xót, tưởng đến râu hùm mà sợ

Đa tạ chú bộc cũ nhà họ Tiêu

Đã khóc lóc đem những lời ôn tồn mà yên ủi thân này.

Nguyễn văn Tú (dịch nghĩa)

* * *

Trắt ở bên kia sông về. Nhưng Trắt còn dắt trâu ra chợ bán. Bán trâu, được tiền, dễ chạy ra việc, chứ bây giờ cũng chẳng bụng dạ nào mà lo đồng áng. Chập tối Trắt mới về đến nhà Côi. Trắt vẫn đóng cái kho một, mặc cái áo nâu đêm trước, bùn rong trâuбет lên tận bẹn, tận mắt, như vừa lội dưới đồng sâu lên. Đã nhập nhoạng tối mà những con chó từ đầu làng xuống cuối xóm đồng chỉ sủa hoảng vu vơ. Cái mùi bùn, phân trâu chó đánh hơi được ở người hàng ngày. Những con chó nhà không nhận được mặt, nhưng cũng là quen thuộc nên chỉ cắn hóng.

Thoạt trông ra, Côi chỉ thấy người giống mang máng.

- Trắt đấy phải không?

Trắt đã vào bên bậu cửa. Những mảnh bùn trên cổ, trên bẹn, ống chân đã khô róc ra. Cả chiều, cả đêm hôm kia đánh chén, ngủ vùi, mồ hôi nhày nhựa trên mặt, những đám bùn bắn lúc lội qua hào, lúc trâu bõn trên đường, lại cả ngày hôm nay lặn lội đuổi trâu, đánh trâu ra chợ, các lớp bùn bết lại rồi khô, lúc bám lúc rơi, bây giờ mới rời ra từng miếng như bóc. Cỗi kêu lên :

- Ô, sao thế này?

Trắt cười :

- Giống thổ công, vua bếp, không nhận ra hả? Bị trôi sông, bị chôn sống, chẳng ngờ hãy còn về được.

- Lấy quần áo tao mà mặc cho khô. Tớ đi kiếm cái nhắm.

- Có tiền đây, cầm đi mà mua.

- Khoan đã. Chui vào ổ rơm đi, run cầm cập kìa.

- Thế bác gái đâu?

- Biết được nó đi đâu!

Lúc ấy, mẹ Cỗi vừa mới về, đứng ngoài mái tranh đang hăng nói trống không cốt cho trong nhà nghe tiếng.

- Lại quân ăn tàn phá hại nào đấy!

Cái mừng Trắt về đã át cơn tức, Cỗi quên cho mẹ ác khẩu một quả thui. Cỗi cung cúc đi. Mẹ Cỗi cũng chẳng nhìn rõ mặt Trắt. Chỉ thấy cái hình thù đen nhẻm, như lội dưới bùn lên, mẹ đoán thẳng kẻ trộm này mò ở đâu về, trơ trọi thế chắc chẳng được cái qué gì. Mẹ lẳng lặng như trong nhà không người, mẹ vào bếp thối đồng dấm. Ánh lửa nhen lom dom rồi mẹ cũng ngồi nguyên đấy.

Một lát, Cỗi về, dựng huych chiếc gậy, lờ cả một mảnh vách trấu. Lúc đi, Cỗi định bụng hỏi nhà ai cho vay con gà - đôi khi vẫn thế, rồi Cỗi trả sòng phẳng. Không thì cũng bất cần, thấy gà chưa lên chuồng thì quơ một con. Cỗi không có thói gà què ăn quẩn, túng quá mới mượn, khi có lại đền, cười hề hề. Nhưng số ăn may, chẳng được cóc khô gì. Đã tối, trời lại trở gió, cổng tán nhà nào cũng buông kín. Mẹ Cỗi ngồi trong bếp, cũng đoán chồng đi mời gà. Mẹ vốn háu ăn. Mẹ đã lấy cái nồi đất, rút rơm đun nước sẵn để làm lông gà. Rõ chưa bắt được ếch đã ngả thối. Cỗi trông thấy lửa lom dom trong bếp, cũng đoán mẹ đun nước làm gà, nghĩ cười thầm con mẹ chết đói, nhưng Cỗi không vào bếp, Cỗi không biết mẹ đã vùi cái ngò nướng trong đồng tro.

Trắt đã rúc vào ổ lá chuối khô, ngủ ngáy khò khò. Cỗi để yên, Cỗi mò xuống bếp.

- Nhà mày ăn vụng cái gì đấy?

Mụ hỏi lại :

- Ai trên nhà thế?

- Chú Trắt.

- Đi biệt tăm mấy phiên chợ mà về tay không à?

- Xà, rõ nhà mày...

Mụ hỏi một câu lửng :

- Bảo đi kiếm cái nhăm kia mà? Được gì không?

- Được cái con bòi đây này.

Mụ cười khành khách. Cõi đùa :

- Tại nhà mày đun nước trước đấy. Đi câu cá mà bảo là đi câu, sẵn lửa củi, thì có mà ăn mày.

Mụ Cõi nghiêm mặt, nói :

- Hỏi thật đấy, tưởng dạo này chú ấy đi ăn trộm? Có thể mới phải tối mò mới về, lại ướt như ngã xuống ao. Khéo nó còn giấu, chứ vác bạc nén về không biết chừng. Hỏi xem.

- Lúc nãy nó cũng bảo cầm tiền mà đi mua cái ăn, chắc nó có. Chuyện còn dài lắm, tao cũng chưa kịp hỏi. Bây giờ có gì ăn không?

Mụ Cõi ngỡ đã đoán đúng chồng biết Trắt có của nả thế nào, mụ đầu dụ :

- Niêu tép mới đánh dậm hôm qua, được không?

- Ủ ờ nhỉ? Thế thì ù đi mua cho xó rượu rồi về bờ rào sờ sẫm quả ớt, cố nhìn mấy quả ổi chiêm ngay đấy, rượu với ổi chấm muối ớt được. Cá dầm, tép kho thì chết cơm rồi. Được, được...

- Chỉ hươu vượn tán ăn. Nhắc niêu cá trong đồng tro ra, để bắc nồi thổi cơm. Mà nhà hết gạo, còn có mẹt tấm mới sảy hôm nọ.

- Tấm cám được tất! Mà thôi, đêm hôm thế này để tao lại đi vậy.

Mụ Cõi nghiêm mặt nguyệt một cái rồi đẩy nằm rạ vào bếp. Không mấy khi mụ dễ sai, lại không nói cục và ngoan làm thế.

Ở vùng đồng trũng cả đời sùng nước này hiếm hạt thóc, nhưng được cái dễ vợ vào. Con nhái, con chẫu, lá mùng tươi, cây dền cơm, đậu cũng sẵn. Ra đồng người nào cũng đeo cái giỏ, cái ống, lại sẵn mấy cái lạt. Khi về, cái lạt xâu con ếch, con rắn nước, ngửa nón ra thấy quả bàng, quả nhót, nắm lá mảnh bát nấu bát canh lá nháo. Cái giỏ đựng con cua, con trạch, bọn mài mài, sẵn sắt thì dốc vào cái chĩnh đập tào lá cọ, trong đã lót muối sẵn. Tháng tháng đổ chĩnh chặt hết cá mú đã ngấu đem bỏ vào nồi, nước cáy với giềng cả miếng, trát bùn quanh nồi, quấn rơm hầm cả đêm. Sáng ra, nồi kho đã nục như bánh đúc ngô. Cái nước cáy ăn quanh năm, ngọt hơn mật. Một tay mẹ Côi làm nên cái ăn cái uống. Thằng chồng nợ đời lúc nào cũng lằm lằm như chó ăn vụng bột, như đũa chết rồi, lại đòi đi ăn trộm gà, cái lông gà chẳng được, về lại hét cơm hét rượu. Nhưng mà có nhẽ thằng Trắt có tiền!

Côi lên gian trên, đã thấy Trắt ngồi bó gối, sột soạt giữa đồng lá khô. Không biết Trắt tỉnh ngủ ngồi dậy hay đương cơn hốt hoảng, như con đồng môi mới ộp, đầu đảo lắc lư. Thấy thế, Côi nán lại, chưa đi vội.

Côi lay vai Trắt. Trắt nhón nhác kêu :

- Ối!
- Mê ngủ à?
- Đây là đâu? Đình Hàng Hòm hả?
- Ở nhà rồi, ở nhà...

“Ở nhà rồi” - Trắt lẩm nhẩm nhắc lại, như chưa tan cơn bàng hoàng. Bao nhiêu khúc sống, khúc chết, Trắt đã về được đến đây, nhưng từ cái đêm chui từ dưới đất lên ấy, đi đâu, làm gì, ăn uống gì, Trắt biết cả lại cũng quên cả. Vẫn nửa tỉnh nửa mê.

Trắt nói :

- Chết ngạt rồi, tắc mũi rồi.
- Vẫn sống nhăn răng ra đấy thôi.
- Nó đã đem chôn tôi, tôi chết rồi...

Nồi cơm gạo tấm mẹ Côi đã bắc lên. Một mình Trắt lùa cơm không, vét sạch. Nóng giã môi mà không biết. Hết cả nồi, chưa đụng đến niêu tép. Ăn xong, Trắt nằm ngửa, vật hai cánh tay xuống, bụng kênh lên, trợn mắt, thờ phì phọc. Như người bội thực chết đến nơi.

Côi như không để ý, bấy giờ mới lúi ra ngoài trời tối. Trắt thẳng cẳng một lát, lại gà gà mắt ngủ. Mẹ Côi lại đã đoán chồng đi đâu. Mẹ đem cái nồi đất đã nhả cơm ra vại múc nước vào bắc lên bếp. Lại nhác mắt tìm cái thớt con dao phay. Mẹ chẳng để ý câu hèm đi câu, đi đơm lúc này chồng nói. Mẹ đã trông thấy cái

hầu bao của Trắt để cạnh ổ lá chuối khô, ló cái bẹ mo cau, hắt vệt những râu tiền kẽm.

Côi lại đã lù lù về. Tay cầm be rượu, tay xách con gà trống đã bị bóp họng, mào liu xuống, nhưng cái mỏ vẫn ngoác như giật mình sắp quang quác vỗ cánh kêu thì bị chịt cổ. Lúc này vào trộm gà nhà người ta thì phải chui rào. Nhưng mục Côi chẳng hỏi, lẳng lặng đun nước sôi vật lông gà. Côi rót rượu. Trắt đã lại ngất ngư ngồi lên. Cơm lèn vào rồi, người thấy hơi rượu, mới thật lại người.

Nửa đêm, vẫn linh kinh chén chú chén anh. Cơm thắng thốt đã nguội hắt, Trắt mới giật mình. Mê man thế mà sao Trắt biết ra chợ bán được trâu, lại lần mò được về đến đây. Nhưng rồi dần dà, chẳng nổi lại, Trắt kể cho Côi nghe từ hôm Côi về, Trắt đi bán dầu...

Đến gà gáy, Trắt lại lăn ra ngủ. Mấy hôm, ăn cơm xong, lại ngủ. Một buổi tối, Trắt nói tỉnh táo :

- Tôi định thế này. Tôi định lại ra đình Hàng Hòm. Ta phải có cánh, cánh to, cánh vững mới được. Tôi mà còn sống là nhờ anh em bên Bắc Bối kia. Nhiều người các nơi theo về với Bắc Bối rồi. Không phải kẻ cướp, không phải tướng cướp như thiên hạ đồn đại, đây là những người cứu nhân độ thế. Anh em ấy sẽ giúp ta.

- Đã đành các ông ấy là người trọng nghĩa. Nhưng mối thù của anh em ta, thì ta phải lo.

- Phải, là việc của ta. Nhưng mà đấy, không có người đỡ một tay thì em đã ngòm rồi.

- Chịu thầy, chịu thầy. Chú biết hơn tôi, vậy bây giờ thì làm sao?

- Như thế này...

Những chuyện tày đình tính đếm giăng co có lúc tức tốc rồi lại phân vân, chẳng khác tháng tám tháng chín ngẩn ngui, không biết trời trở lại nắng nôi hay đã sang mùa gió bắc nổi. Mùa màng sông nước cũng nhấp phồng cái đối ngày ba tháng tám bao phủ xóm làng. Đã sang cuối tháng tám lại như đang còn, không biết ngày mai nóng nực hay mưa dầm, cũng chưa dứt những trận mưa rào. Chỉ còn ẩm áp khoảnh khắc, mà lúa ra giêng ngàn ngút xanh khắp các ruộng cao gần chân tre. Những khóm xương rồng ông lửa tua quanh bờ cái giếng đất trước cửa đền, hoa lốm đốm vàng hây hây như đĩa xôi đậu. Bỗng dưng, tiếng sấm rền chân trời hệt những đêm đầu mùa hạ. Nhưng không phải chớp bể mưa nguồn đâu đâu, một cơn gió ùng ùng tới cây cối diên đảo như phải bão rút, nhưng rồi sấm chớp nổi theo âm âm. Đây là trận mưa cuối mùa hạ còn sót lại, trong đêm tối, vật vờ trên các khoảnh tre, bờ rào và cánh đồng.

Mỗi cơn gió giật những tàu cau đổ ùng xuống, ánh chớp ngoài bậu cửa xanh lè hắt vào. Vẫn thấy hai người âm thầm ngồi. Tất cả những cái đối, cái hốt hoảng như mê như tỉnh của Trắt thì những chén rượu đã đuối bọt từ lâu, từ sau lúc Trắt đã kể ngọn ngành mọi sự việc, lại còn tính xa những việc mới. Be rượu đã lăn lóc giữa đồng xương gà cạnh đĩa muối. Họ chẳng say cũng không buồn ngủ. Những ngày đêm khủng khiếp của Trắt vừa qua đã khiến hai người tỉnh như sáo, cứ dăm dăm nghĩ chưa ra thế nào. Một lần chớp

ngoảng xuống xanh lét, tiếng sét đánh ngay đầu trên ngọn tre.

Cỗi gọi vào trong bếp :

- Mùi khét lắm. Sét đánh ngoài bụi tre đây thôi. Nhà mày dậy chịu khó ra xem có con cò nào sợ sét rơi xuống thì nhặt về ta làm nồi cháo gạo tẩm. Cái cháo cò giã rượu đấy. Dễ đến sang canh rồi.

Mụ Cỗi lồm cồm bò trong ổ ra, đội cái rổ sáo lên đầu tránh mưa, biến ra sân. Cỗi nhìn theo, nói :

- Có nhẽ con mẹ này vẫn nằm nghe chuyện. Nó cứ đòi giữ cái hầu bao tiền bán trâu của chú. Nó mà cầm tiền thì bằng gió vào nhà trống. Mai phải đuổi nó đi đâu, nó là đứa trống mồm lại hay gàn quai. Nện cho luôn mà không chừa. Của nợ!

Trắt vờn vai, ngáp :

- Em chưa có cảnh vợ con, chẳng biết thế nào. Nhưng thế nào thì cũng phải bớt thương căng chân hạ căng tay, ông anh ạ.

Rồi lại nói :

- Tính chẳng ra, ngáp sái quai hàm mà cái ngủ không đến cho.

- Chú cứ đi nằm. Mai lại bàn xem thế nào.

Nói thế, nhưng hai người vẫn ngồi ngật ngưỡng, có lúc tựa vào cột tre, nghe răng rắc trên mái ọp ẹp. Ngoài kia, mưa đã dứt hạt. Từng cơn gió nhẹ lướt qua, nước đọng trên những tàu cau, bụi chuối, ào ào trút xuống. Những bụi tre kéo kệt đưa vông đã chui xuống từ lúc mưa gió to, cái nhà cột tre xiêu xiêu như người rượu say.

- Khi này ấy mà, mò vào cái chuồng gà đầu xóm, tở bóp cổ con gà không kịp quéc một tiếng. Sau lại rút nắm lông cánh, lông cổ rắc ra đằng bờ chuôm, làm như gà bị con cày con cáo tha ra ngoài đồng.

- Mẹo đấy!

- Mẹo thằng trộm gà nào cũng thế thôi, nhà chủ nó biết tởng rồi. Vết chân người hay chân cáo, nó dò chứ. Rồi mai bảnh mắt, có người chửi “đứa nào ăn gà nhà tao” rong khắp xóm cho mà xem.

Cỗi lại như phân trần :

- Nhưng mà nói có quỷ thần hai vai, tao có trộm gà nhà nào bao giờ.

- Mới lúc này thôi.

- Để mừng chú mày về, túng thì phải tính, chứ mai chú đưa tiền tao ra chợ mua con gà, gà to hơn con này rồi nửa đêm tao đem bỏ vào chuồng nhà nó. Tao hay làm thế đấy.

- Lại cao tay nữa!

- Đi học, vẫn nhớ thầy chả đã đánh toét đít những đứa ăn không nói có.

Rồi Côi thì thảo :

- À có cách này.

- Cách sao?

- Thắng đội Quang...

- Không phải cứ nghĩ mà được. Đấy, tôi...

- Hai thằng cùng đi.

- Bác còn ngờ em à?

- Đừng nói nhảm! Nghĩ oan anh thế phải tội, đời mình cũng còn không tiếc cơ mà. Hai người cùng đi, cùng lo thì dễ việc. Lần trước, bởi tôi vụng tính, không có đồng nào giắt lưng.

- Lần này có tiền đây.

- Không, ta tính việc khác.

Trắt nghển cổ lên :

- Bác liệu thế nào?

Côi chậm rãi nói :

- Bây giờ thì nó sợ, nó nghi ta rồi. Lại đang truy nã chú nữa. Thì ta làm hản như thật, cho nó hết đường nghi, cho nó phải tin. Đóng một cái cũi. Chú ngồi vào cũi, tôi trói tay trói chân cẩn thận, ừ tôi trói. Rồi bắn tin cho đội Quang biết làng ta đã bắt được thằng hàng đầu. Nó đang truy lùng mà.

- Tôi không hiểu.

- Ta đóng lấy cái cũi. Tay tôi phỏ cả thợ mộc đây. Mộng mẹo đình lim, đình tre khớp đầu vào đấy, thật chắc, nhưng ta lại tháo ra tháo vào được, chỉ có ta tháo được.

- Thế để làm gì, tôi chưa tường.

- Nó đã đa nghi thì làm cho nó phải tin. Người của nó khiêng cũi, thế nào cũng gõ, cũng thử xem cũi có chắc không. Chắc chứ, lung lay không được, đập không chuyển. Nhưng ở trong ta làm mộng khác, chốt khác, đẩy một cái mở được ra như cánh cửa liếp này, mà chỉ một người ở trong mở được.

- Bác làm thế nào...

- Anh đã cả đời giữ chân phó nhỏ, phó hai hầu hạ cụ phó cả làm đình, làm chùa mà!

- Vâng, vâng.

- Tớ sẽ đi với lính lên hầu quan, tớ được lên nhận thưởng bắt được thằng hàng dầu cơ mà. Cái cũi được khiêng về đặt trước mặt đội Quang.

- À... à...

- Thằng đội Quang cúi xuống nhòm vào cũi, chú tung cũi nhảy ra đâm ngay vào giữa mặt. Thế tất chúng nó bắn cả lên. Tớ rút dao chém ngay cái sỏ nó. Đường đất nhà ấy, chú đã thuộc, phải không? Hãy biết thế đã. Chắc nhà tớ nó sắp về rồi, còn nồi cháo cò. Nhớ giữ mồm giữ miệng, con mẹ ấy mà biết thì sinh lời thôi. Hay là chú cho nó giữ bao tiền, bịt miệng nó lại. Con mẹ ấy mà thấy tiền thì mắt nó đỏ hơn mắt cá chày.

Câu chuyện càng dữ dội, lời cuốn, hai người càng tỉnh ngủ. Vừa lúc, mụ Côi bưng về cả một thúng cò. Lổn nhổn những cò bọ, cò bạch, cò lửa bị ướt sấp chết rét, lông bết tóp lại như những bắp ngô còi, lỗ nhỏ thò đầu lên cạp thúng, nhưng hai cánh đã rúm lại không nhảy ra nổi. Trong khi ngoài trời tối đôi lúc sấm sét lại oang oang, gió ùng ùng quạt ngọn tre rạp xuống trước cửa, những con cò còn lại văng cả vào trong vách. Cò rớt bao nhiêu quá. Mụ Côi đặt thúng xuống, lũ con cò lồm ngồm lẫn với những con cò trong vách vừa dò ra.

Mụ ấy với Côi và Trắt, nước mưa hắt ướt lông vông, xúm xít vật lông sống từng con. Những con cò bị nước ngấm lâu lông bờ bùng bực. Rồi thì mỗ vứt lòng mề, con thui vào đồng rạ, con bỏ vào nồi cháo. Chẳng bao lâu giữa ánh chớp lằng nhằng chốc lại lóe vào như đuốc sáng, mọi người nhòm nhòm vừa nhai, vừa húp xoàn xoạt, như cả ngày chưa được miếng nào. Và Côi lại quên câu mình vừa dặn Trắt, Côi nói bô bô :

- Phải mẹo thế cái thằng đa nghi mới mắc.

Trắt đương hứng như cắt nghĩa lại cho Côi :

- Khôn thế nào thì được người ta khiêng đến tận nhà cái thằng định giết mình cũng phải sướng từng lên. Sướng là phải, xúm lại xem là phải, chỉ có bác mới cao tay thế, em chịu không nghĩ ra.

- Gặp cái đứa thâm hiểm...

- Em chỉ chưa hạ thủ được nó chứ nhà nó em đã vào hai lần, đầu cũng thuộc như lòng bàn tay. Thế thì phen này...

Côi lại to tiếng, vể lên mặt :

- Thế đã thật chắc chưa?

- Cái cũi ta đóng, ta lại có khóa hiểm, yên trí rồi. Nhưng còn điều này.

- Còn cái gì?

Trắt nói :

- Lo nó vẫn phòng bị. Nhờ nó chỉ ngồi trên sập, không bước chân xuống đất, không sờ đến cái cũi. Nó sai lính xĩa dao vào cũi...

- Tính rồi, tính cả rồi. Làm cho nó phải sốt ruột, phải háo ra nhìn cho được mặt cái đứa mà nó giết mấy lần chưa chết. Nó phải trông xem có đích không cái đã.

- Bác bảo rồi làm ra làm sao?

- Trình cho quan biết là đánh nhau suýt chết mới tóm được giặc chứ chẳng phải ngon ăn. Quan cứ ra trông thì biết. Có thể thằng tù mới chịu bị trói nằm ngửa trong cũi. Nhưng nó cũng bị đòn quá tay, đã gãy một chân. Bắp đùi phải quấn lá chuối khô cho cầm máu. Không thì nó nghèo từ hôm nào ấy rồi. Đổ máu lợn vào cho đọng mặt cũi. Trong bọc bẹ chuối ta cặp con dao ba. Chú ngồi phắt dậy, đập cũi, không phải đấm mà rút dao đâm thẳng, phóng thẳng vào giữa mặt nó.

- Em chịu! Thế thì em chịu rồi.

Mọi chuyện ngon ơ như húp bát cháo cò. Rồi lăn ra ngủ. Mụ Côi như cái bóng, sập cửa xuống rồi nhặt các thứ thừa mứa bỏ vào thúng. Mụ thò tay vào mép ổ, kéo cái hầu bao, thấy nặng không xách được. Mụ sờ soạng từng buộc quan tiền. Mụ đẩy lại cái hầu bao vào chỗ mép ổ, nghĩ mừng mừng. Bên ngoài, đằng xa thỉnh thoảng ánh chớp dấy, không nghe tiếng sấm. Đã tan cơn mưa cuối mùa, chẳng khác rót bão.

Hôm sau, Trắt nói với Côi :

- Còn một điều thật cần.

- Gì thế?

- Tôi về được đến đây là nhờ các ông đình Hàng Hòm.

- Chú đã kể rồi.

- Các ông ấy không phải chỉ vài ba người. Người của các ông khắp cõi, có nhẽ ở Kẻ Chợ thì xó nào cũng có. Cái hôm ăn cỗ thịt trâu ở đình, em biết cái tài của các ông ấy. Khắp nơi, trong phường ngoài chợ, động chệ thế nào, biết ngay, chuyện cần thì tin về bến Bôi.

- Bên Kẻ Chợ thì ở hồ Tây theo ven sông Cái lên bến Chèm sang Bôi hay sang Hối, rồi vào đầm Ao cả Vực Đê, phải không?

- Nhưng ở đây lên thì gần, chỉ nửa buổi. Phải, chỗ Chèm sang. Đường khét tiếng có ông tướng cướp lạ lắm tôi đã kể đấy. Cướp mà đêm hôm không đốt nhà, trộm lợn trộm trâu, không giết người lấy của. Các ông kẻ cướp chỉ cất công đi tìm ma, trừ ma ở lẫn với người, lấy được của rồi đem phát chẩn cho người khổ rách, phát hết, rồi về tay không. Hay là thấy đâu trái tai gai mắt thì đến xóa đi. Ngay tôi đây thoát chết cũng nhờ một lời hẹn với các ông ấy. Chỉ một lời hẹn giữa đường giữa chợ mà không quản sống chết, họ hàng máu mủ nào bằng.

- Bây giờ ta nên thế nào? Đêm qua, chú bảo tôi phải có cánh. Tôi thấy là nên, nếu được cánh các ông bến Bôi giúp cho.

- Em đã nghĩ thế. Hai anh em cố sang bến Bôi. Bấm kỹ với các ông việc của ta. Xem có thể thì cậy các ông một tay.

- Được thế thì còn gì! Nhưng phải cẩn thận ngay ở nhà này. Chú đã biết con dĩ rạc nhà tôi, chúng mình mà đi, nhờ nó nổi cơn, nó báo bọn lý hương thì rầy rà.

Bao nhiêu cái kín đáo, đêm qua đã nói toạc ra cả. Bây giờ vẫn nhớ giữ gìn, nhưng lại quên phứt cái hở. Một lúc sau, Côi nói :

- Mặc nó, để rồi tôi liệu. Nghe chú nói, tôi cũng thèm đi. Nhưng nhiều cái gấp quá. Lần này, chú đi một mình. Tôi ở nhà lo thế nào lúc chú về thì ta ra Kẻ Chợ được ngay. Đóng cái cũi giả, chỉ một tay mình tháo lắp được không phải một lúc mà xong. Tôi cũng chỉ biết học lỏm thế, còn phải sang nhờ cụ phó cả chỉ về thêm cho. Cụ đã yếu, ta đem con gà, chai rượu đến nhà, cụ khỏi phải đi. Mà lại kín việc, vả chăng...

- Ủ thế thì em đi một mình. Nhưng ở nhà anh liệu lời bảo chị ấy. Đưa cho chị ấy giữ tiền cũng được.

- Chú mặc tôi, đã bảo mà.

Tối hôm ấy, thế nào mà vợ chồng Côi lại chửi nhau, rồi Côi nện vợ ra trò, mụ vẫn còn lên.

- Nhà này sắp rủ nhau đi giết người hả?

- Giữ mồm giữ miệng nào. Mồm mày như cái tĩ gà, ỉa xoèn xoẹt.

- Biết tổng ra rồi.

- Á! Á! Đi đâu thì ông cũng phải chộc tiết mảy cái đã.

- Ồi giời ôi!

Côi mới để ý mấy hôm mụ chạy lên chạy xuống, lúc đun nước, lúc kín nước, lại lúc ngồi ăn, thế ra nó tỏ tường cả. Không xong rồi. Phải giã một trận cho nó nhớ đời.

Nào Côi có biết gốc gác ả ở đâu. Nằm với nhau thì là vợ ra đường cũng người dưng nước lã, thế thôi. Ngày trước quãng mùa tháng mười, các ả đi thành bọn như phường đánh dấm đến gặt mướn cho nhà người ta. Gặp nhau giữa chợ rồi nên vợ nên chồng. Nghe nói quê dưới đồng chiêm - những miền đất xót như phen, nắng đến con cua con cá cũng chết như rang, người phải trôi dạt ra kiếm cơm thiên hạ. Kể thì, lấy vợ nhặt cũng không ra mặt mũi thế nào. Chẳng gì, Côi đã ngậm cái bút lông mèo theo thầy, nhưng mà cả làng, cả chi họ này không lạ nhà Côi, đời bố đến đời con, chẳng đời nào có đồng gậy giắt lưng. Làm sao lấy nổi vợ. Lấy vợ theo không thì nghĩ tủi thân, chứ làng nước ai trách cứ, ai rủa róc đầu. Người ta lại còn khen - chẳng biết mĩa mai hay thật bụng, kiết xác mà cũng tựu được vợ, lại còn học đòi nghiên bút. Cái nông nổi vợ chồng Côi thế vậy.

- Có cam đi không? Mày mà...

- Sợ chó ai! Thấy trái tai gai mắt thì nói giữa giời đấy. Kiếm mửa mặt không ra hạt cơm, ngửi ấy mà vào lính thì chẳng có nổi hạt gạo làng gánh đi nuôi, ở lính cũng chẳng nên thân, lại còn ra điều ta đây đòi đâm chém ai.

- Con tuyệt tự!

- Ồi ông cả bà nhớn ời! Chúng nó tự bạ đi giết người, ời...

Côi xông đến. ả cũng chẳng vừa. Hai bên dằn nhau ăng ắc, tưởng có đũa gãy xương. Sáng hôm sau, ả nằm trong đồng lá chuối, rên hừ hừ. Mặc kệ, Côi sang làng bên kia đũa, đến nhà cụ phó cả. Không biết chỉ một lúc sau, mụ Côi đã trở dậy, lục hết ổ lá chuối ổ rơm, cả trên các hốc cột, hai bên mái nhà. Nhưng không thấy cái hầu bao đựng tiền.

Giữa trưa, Trắt mãi miết đi một mạch mới lên đến bến Bôi. Sông Cái vào mùa lạnh, hai bên bờ cát nổi cao như gò, ở dưới sâu, những làn nước đỏ lừ vẫn cuộn cuộn như có gió to. Trời quang, trong xanh. Từng đàn chim bói cá bụng trắng cánh đen kêu khanh khách ở đâu đến chốc lại vút lên rồi rơi bồm xuống mặt nước như ai ném mảnh sành thia lia. Bay lên, đã quắp được gáy con thiếu, con thồn bơn trắng nhoáng. Mùa này hai bên bờ, các bến Chèm, bến Bôi quang vắng. Chỉ đến khi nước cả, những bè giang nửa, song mây, bè củ nâu, bè dó hay là vào cuối năm các cửa rừng tải về cho đường xuôi ăn Tết, những thuyền măng khô, măng củ, mộc nhĩ, nấm hương, lại lá dong, cây rế ăn trầu... bấy giờ các bến mới lại nhộn nhịp khách buôn khách lái. Tuy vậy, bến bên này cũng không sầm uất bằng bến Chèm bên kia, tiện xuôi Kẻ Chợ hơn.

Thường vào mùa cạn kiệt, cả những phiên chợ hai bên sông cũng vắng đồ ngang, mà buổi chợ mới có đồ chuyển. Các thuyền đánh cá chỉ đi về có buổi chợ cá eo sèo đôi lúc đầu hôm, sớm mai, mà cũng bắt chọt cái thúng, cái mủng nửa ghé vào, chợ tạm mỗi hôm một nơi mà thôi.

Có người sang bến Chèm, nhỡ buổi, phải chặt cây chuối, ôm thân chuối bơi ghé qua bãi Giữa vào khi vắng đồ, đôi bên sông vẫn quen lợi thế. Nhưng Trắt không sang sông, mà Trắt ngóng thuyền qua lại, để hỏi thăm.

Một cái nan câu lướt nhanh ngoài mép nước.

Trắt gọi :

- Oĩ đồ!

Chiếc nan ghé vào.

- Cho tôi hỏi thăm thuyền bác Bỏi.

- Bác Cả hả? Ở đâu về đấy?

- Ngoài đình Hàng Hòm.

- Xuống đây.

Chẳng biết thế nào, nhưng thấy người dưới nan sốt sắng tự nhiên, lại nói như ra lệnh, cũng chẳng do dự Trắt leo xuống cái thúng câu. Người ấy cúi đầu sải bàn tay. Thúng tạt ra dòng rồi xuôi vun vút. Chắc cái thúng này đi rút câu cắm hay thu lưới về, túm lưới câu cắm với đồng lưới đã xếp bên mạn, những con cá nhảy lục đục dưới cái vỉ tre cật, người ngồi xồm lên.

- Thuyền bác Cả đậu chỗ kia.

Một đám lô nhô thuyền mờ mờ dưới bóng cây ven bờ. Trắt bỡ ngỡ, lặng im. Nhưng người nan câu lại vui chuyện.

- Cả vạ này vừa hội đánh cá tiến ngã ba sông trên ngược về, đã mấy đêm vào đám ăn cỗ đấu võ ở thuyền bác cả.

- Liền anh cũng ở đám à?

- Ừ.

- Hội võ bác Bỏi a?

- Tôi chỉ là thằng cầm bùi nhùi bặt hồng thôi, võ viên đầu thứ tôi.

- Hội võ trên thuyền thì to thế nào?

- Mấy đời các vạ ở bến Bôi là con cháu nhà bác Cả. Nghề cá ở nước thì hội võ các vạ cũng như đình đám xóm làng bên trên bãi. Ở vạ thì chỉ bao giờ có đám ma mới phải đưa lên bờ.

Dần dần, trông rõ nhấp nhô cả chục chiếc thuyền gỗ đồ chèn chực trong hùm bờ lở, dưới mấy cây súng xanh mát như bụi tre và những cây muồm cổ thụ um tùm. Những cái nan len lỏi giữa đám thuyền, ra vào ve vế, như bọn trẻ con chạy quanh người lớn.

Cái nan câu Trắt ngồi, người chèo đã ném sợi thừng vắt lên cọc trước mũi chiếc thuyền rồi quay lại bảo Trắt :

- Bú mà lên trước đi.

Trắt dún chân, nấp mạn thuyền. Người nan câu dận Trắt vào khoang trong. Thấy một người mặt rám nắng màu cát đỏ xạm, chạc trên dưới năm mươi, hàng râu ria ba chòm đen rậm xoa ngang ngực vạm võ để trần.

Trắt đoán đây là bác Cả, bác cả Bôi, ông tướng cướp bến Bôi đã được nghe lão quán nước Hàng Hòm thì thạo.

Ông tướng mà sao cái anh thuyền câu không vẻ sợ sệt, mà lại nói suồng sã vui vui.

- Người Kẻ Chợ về chơi với bác Cả đấy!

Bác Bôi ngẩng lên :

- Mày vẫn trợ đình Hàng Hòm à? Thằng Côi đâu?

Trắt giật mình. Dường như bác ấy đã biết hết.

- Bấm quan, anh Côi con chưa lên được, cho con sang tạ ơn quan. Con là thằng Trắt bán dầu, quan đã ra tay cứu. Bây giờ chúng con có việc lên xin quan chỉ bảo.

- Quan nhón, quan bé, thằng lãnh, thằng đội gì tao. Tao là cả Bôi, thằng chài lưới bến Bôi.

- Vâng ạ.

- Về đây thì cứ thông thả. Ra mui nghỉ chốc nữa vào ăn cơm.

Trắt ra ngồi mảnh chiếu cói ngoài mũi thuyền. Gió mát rượi, ngủ gật được, nhưng không chợp mắt nổi vì người các thuyền nhảy sang, đi như chạy rầm rập. Chỉ một thoáng đã biết đại khái quang cảnh và mọi việc

quanh mình. Bác Bôi đã vào bữa chén, ngồi với mấy tay chân sào, chắt thuyền khách. Các thuyền bên bưng sang cả rối vì cá nướng thơm mỡ còn sèo sèo với những vò rượu nút lá chuối được xách cổ theo. Cũng như vẻ mặt dễ dãi phúc hậu của bác Bôi, tập nập thế nhưng không nghiêm như cửa quan, mà còn rộn rịp, có người vừa đi vừa ê a múa hát. Ngoài sông, gió cát bốc lên đỏ xuộm, những chiếc nan như lá tre bay trong làn bụi.

Lát sau, Trắt được gọi vào. Chén bữa cơm toàn cá với rượu thuốc uống bằng bát. Không biết rượu rắn hay ngâm cá, vị hơi hơi. Về chiều, lại nhiều thuyền nữa chen đến, những chiếc to bản đậu rúc mũi vào nhau ghép liền thành cái sà, người bước thoăn thoắt như trong nhà ra sân. Lúc ấy, thuyền nào cũng như có chén, chẳng biết tiệc hay cơm tối, khói nấu nướng xanh bốc trên mũi. Ánh nước hắt lên lẫn khói, lẫn sương phảng phất, đôi chỗ còn sót lại một vết nắng vàng nhạt.

Dần dần, khói bếp thành làn mờ mịn trên đám thuyền lẫn vào sương tỏa ra mặt nước. Cả đêm, Trắt ngồi xem những trận đấu võ, múa võ, kỳ lạ, hào hứng, không biết mỏi mắt. Khoảng sà như mỗi lúc rộng hơn, những cây đèn liệu sáng rộng tít ra các mép thuyền mới tới, chụm mũi lại, các mái khoang dờ ra hết, neo khít lại rồi đánh đai chèo dây song.

Bác Bôi vẫn trần trụi trực, đứng ra khoang giữa, một tay giơ bồng thanh trung bình tiên bằng cả cây tre được, như dựng cờ. Rồi vỗ bụng độp độp mấy cái.

- Anh em ời, anh em ới! Vụ nước kiệt vào mùa năm nay, các vạ ta ngược ngã ba Hạc được mẻ cá tiến[1], thuyền nào cũng đầy. Có biểu, có tiến ai đâu cá ngon thì làm cỗ ăn chơi, đấy là tục lệ từ thời các cụ ta ở bến Bôi.

Những cây đèn liệu tiếp nối rừng rực sáng chực một khúc sông. Hầu như mỗi thuyền là một lò võ, một môn võ khác nhau, lúc chập tối thì múa võ, khuya thì đấu, sau cùng đánh trung bình tiên. Mắt người xem đã lóa rượu, thấy đậm thấy gạt như múa hoa, không nhìn ra đấy là cây roi tre, cái sào chống hay chiếc bê chèo. Bây giờ mới thấy bác Bôi ra võ thượng thặng, cả bốn ngọn roi chúc lại, bác cả gạt ngang hết ra rồi đâm sang vun vút.

Đình liệu tàn, các tay quyền tay roi nằm lẫn lóc ra sà ngáy pho pho. Trắt vui như mình cũng được là người các vạ đi đánh cá tiến về hội võ, rồi Trắt cũng nằm ngủ ngay trên ván thuyền.

Sáng sớm, bác Bôi cho người ra lay Trắt dậy. Nhà chài thức khuya mấy cũng quen dậy sớm. Bác Bôi hỏi :

- Có việc gì nào?

Trắt kể tình đầu.

Nghe xong, bác Bôi chỉ nói: “Chẳng cứu chúng mày thì cứu người khác, không phải ơn huệ đâu!” Rồi bác

ngồi yên, mặt lạnh không động râu, không nhếch mép, cũng không hỏi thêm câu nào. Bác Cả bảo người nhà thuyền dọn rượu sớm. Rồi bác bảo Trắt :

- Ăn cơm sớm rồi về cho kịp, kéo tối.

Trắt mạnh dạn :

- Chúng con định làm thế, bố bảo sao?

- Đã định thế thì cứ thế mà làm.

Cả thuyền đã xong bữa sáng. Bác Cả im lặng, nhưng dường như bác vẫn nghĩ cả lúc Trắt kể lể, bây giờ bác mới nói một mạch :

- Giá năm trước mà cụ huân Cao kéo quân qua Bôi thế nào tao cũng lên với cụ rồi. Tao vẫn còn tiếc. Bây giờ giúp môn sinh rửa thù cho cụ, thế cũng như tao được làm quân của cụ. Có phúc mới được theo việc nghĩa trời đất chứng giám này. Anh em mày đã bàn, mưu chúng mày thì chúng mày làm, tao có nghĩ ra đâu mà tao được như chúng mày. Bây giờ chỉ còn ở cái trí, cái gan. Hãy nhớ, không được trệch sự hện, việc quân không sai một bước chân, biết chưa. Hện sao giữ hết thế. Ngày nào chúng mày vào nhà lãnh Quang thì tao khắc biết, khỏi phải báo lại. Cứ ngày ấy, ngày ấy, lúc chập tối, người của tao vào trói cả nhà lãnh Quang, gấn sơn vào mồm, không đứa nào kêu được một tiếng. Chúng mày bắt sống thẳng lãnh Quang hay xách cái đầu nó ra bến Đá thì tùy cơ ứng biến. Bấy giờ đã sẵn thuyền đợi ở bến Đá. Được chưa?

Trắt cũng thấy rõ ràng không thể hỏi được hơn.

- Vâng, lạy bác.

KẺ CƯỚP BẾN BỎI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương III (Tt):

ặt trời lên ngọn tre, Trắt đã ra thuyền, vắn chiếc nan câu hôm trước đưa Trắt đến. Như cái nan hòm ấy đã cố tình qua bãi chồ Trắt đợi chứ không phải hắc lờ. Trắt biết mọi việc bác Cả ngồi đấy mà đã sắp đặt trước sau đầy đủ. Bác ấy như có con mắt đằng sau gáy. Trắt định hỏi anh thuyền câu có phải thế, lại hỏi có phải anh đã ngồi đình Hàng Hòm, anh đã biết mặt tôi. Nhưng Trắt không dám tò mò. Bấy giờ những thuyền tụ tập thâu đêm đã tản đi nhiều nhưng vẫn còn một đám dưới gốc sung xanh lưa thưa. Có khi chiều nay lại tụ hội, lại đấu võ như đêm qua. Chưa tan hội cá tiến mà.

Người chèo nan nói như biết được cái nghĩ của Trắt.

- Còn đấu nữa, mấy đêm rồi vẫn chưa ngã ngũ thuyền nào giật được giải.

- Chén hết cá tiến mới tan hội?

- Có năm còn lâu hơn. Giật hết giải mới thôi, bảo là cái hèm thế. Càng lâu mới hết giải là càng lắm trai tráng mạnh khỏe, là điềm được mùa.

Người ấy cười :

- Cả đời, ở sông nước, mong trên đồng được mùa lúa mới có hạt gạo thổi cơm.

- Sao lại có tiếng tướng cướp bến Bỏi?

- Cái tiếng ấy cũng phải. Thiên hạ sợ vạ Bỏi như sợ thành hoàng làng, mới nên cái tiếng dữ dội thế.

- Bác nói như sao?

- Như bác Cả bảo ông sáng nay đấy. Nói thẳng ra bận gì mà bác Cả phải ra tay. Có thể phải không?

Những thuyền lưới đương tấp nập từng quăng sông. Đôi lúc gió lớn như bão cạn thổi cát lẫn phù sa đỏ ngùn ngụt bốc lên ngang trời, những chiếc thuyền qua lại mờ hồ như trong mây. Tiếng gõ cá, tiếng mái chèo va mạn thuyền tiếng chài quăng roàn roạt, nghe vắng vắng trong thinh không. Gió cát và dòng nước nhuộm trời đất đỏ lừ.

Trắt rụt rè hỏi :

- Phải cái đêm anh em cứu tôi ở nhà đội Quang, bác cũng ở đình Hàng Hòm?

Người chở nan cười, không nói.

Trắt về đến thì Cỗi ở bên làng cuối đìa nước cũng vừa về. Quả là học thêm được mảnh nghề của cụ phó mộc - những ngón hiểm chơi khăm khi hiệp thợ dựng kèo cột các nhà giàu độc ác, bủn xỉn. Nhà hờ, cột hờ, cũi hờ, cụ phó đã bảo ban cho.

Thấy Cỗi, Trắt reo lên :

- Bác Cả cho cái hện rồi. .

Có đến mấy phiên chợ, Cỗi và Trắt lúi húi các bụi chọn những cây tre chết róc rần chắc, lại cả tre non về hun khói giả tre già. Bốn cột cọc cũi chắc như gỗ lim, cứng như sắt, mỗi đòn nan bằng ống tay. Các nút chặt chẽ không lay được, lại nước chằng sợi mây. Con hổ, con trâu ném vào cũi này, có quay đến rồi sống từng cũng đến chịu chết nằm co. Chỉ riêng người thợ cả nắm được góc gác của cái cũi bề ngoài vững như cột đình. Cái thừng nằm trong cũi đã tường chỗ hiểm, giựt một nút lạt mây, cả cái cũi lập tức toang từng mảnh. Quả là phàm thợ ngỗa, thợ mộc giỏi đều có đòn phép. Gia chủ không được lòng thợ, cả đời phải vận áo xám vậy.

Nửa đêm, hai người đã bật dậy hì hục làm. Bấy giờ chỉ bào, chỉ tiện vì đêm hôm khuya khoắt, còn đồ nghề tràng đục thì làm vào buổi trưa, khi hàng xóm đã ra đồng, đi chợ, xuống bến. Trắt đã nằm vào cũi, giựt thử. Cả mấy lần, cái cũi đương bề thế phút chốc rụng rời ra. Mà chưa yên tâm, lại chính Cỗi chui vào, đến lúc Cỗi dạy Trắt đẩy nhanh thoăn thoắt thuận cả tay phải, tay trái, mới được bằng lòng.

Có điều Cỗi áy náy, nhưng nói ra e Trắt cản, gạt đi. Nhưng rồi cũng phải thổ lộ rồi mới yên mà làm.

- Cái con mẹ mồm loa mép giải nhà tôi, chú ạ.

- Anh bảo thế nào?

- Thế là đảng nào nó cũng đã biết. Phải thịt nó đi, mới bịt được mồm nó.

- Ấy chết!

- Không có, nhờ một cái, mình chưa động tình mà cả hàng tổng đã biết thì nước lũ ra sông. Chẳng những công cốc mà có khi mình mất mạng.

- Tôi đã nói bác nên khuyên bảo. Một ngày nên nghỉ, thầy cô, cũng như cha mẹ, con cái phải báo đền, nói thế chắc bác ấy phải nghe ra.

- Biết thì nó vẫn biết, tôi đã nói, nhưng nó trống mồm lại cục tính.

- Nhưng mà đánh chết người thì không nên.

Rồi băng đi ít hôm. Cỗi bảo Trắt :

- Nghĩ ra rồi, khi đi thì ta trói nó lại, bảo trước nó vậy, làm thế nào đến hôm nó cởi được thì việc ta đã xong.

Trắt ngần ngừ :

- Tùy bác.

Tùy Cỗi, chứ Trắt biết tính sao. Vợ chồng mới biết nhau và chỉ Cỗi mới làm được thế. Cái trái tính trái nết là những đối xử với nhau, lúc mặt nặng lúc mặt nhẹ, Cỗi nói quá đi vậy chứ không đến nỗi Cỗi ngờ ả có ý phản phúc, nhưng cái thói ba hoa nói hóng nói hớt lại hay nói dối vặt thì có thể khốn đấy. ừ đem trói nó ra ngoài xó vườn, bảo nó rằng làm thế cho hết nhẽ, nhờ xảy ra điều không may, quân quan về tra soát mà thấy nó bị trói, giẻ nhét vào mồm, ắt người ta cho là vô tội, không liên lụy. Nói trước với nó thế, cho nó nghe ra.

Ngày ấy, ngày ấy đã ước với bến Bồi. Cơ chừng đã xong xuôi cả. Trắt đã nói, ta cứ khởi sự, thế nào các ông ấy cũng biết, lại hẹn giờ giặc, như đình đóng cột.

Bây giờ đến việc tung tin. Thối hé ra cho người làng đi chợ, phao rằng nhà Cỗi đã bắt được thằng kẻ cướp vào nhà ông lãnh Quang trốn về đây. Nó bị nhà Cỗi gô cổ lại rồi. Tóm được đứa có tội tày đình phải truy nã thì được thưởng to, phen này nhà Cỗi lên voi ngồi kiệu rồi. Câu chuyện kín đáo ghê thế, chỉ rỉ tai, đã loang ngay, càng được thêm thắt ly kỳ hơn.

Thằng bán dầu kẻ cướp ấy đã mấy lần vào rình nhà ông lãnh Quang. Nó biết ông lãnh Quang mới chém giáo thụ Cao nổi giặc, ở phủ Quảng, được thăng chức, được thưởng hàng chum bạc, lại được đổi ngay về Kẻ Chợ. Cả Kẻ Chợ đã ca dao chuyện nhà lãnh Quang làm tiệc khao, ăn cỗ, xem hát ròn rã mấy phiên chợ liền, khách tận Sơn Tây xuống nườm nượp. Nhà ấy thăng quan được về Kẻ Chợ mà. Chẳng phải chỉ vài chum tiền đâu mà cả cây bạc, cây vàng nữa. Thằng bán dầu mới hóa ra thằng kẻ cướp gan liền. Nhưng nó chưa tính hết nước. Lãnh Quang còn cao mười hơn. Lọt vào mấy lần mà không quơ được cái váy rách, không dắt được một con trâu, lại còn suýt cụt đầu.

Thằng kẻ cướp trốn được sang sông toan lập bọn định làm mẻ nữa. Bị nhà Cỗi vờ theo, đổ cho một trận rượu, thế là trói nghiêng được. Phen này thì vợ chồng nhà thằng Cỗi kiết xác sắp được ngồi vắt chân chữ ngũ, vuốt râu xốc váy mà ăn mấy đời chưa hết của.

Câu chuyện đồn, được bàn tán râu ria thêm mãi. Trói rồi, đóng cũi rồi, đợi quan trên về giải đi thôi. Nhà Cỗi đương gọi người khỏe, táo tợn đến vác thằng kẻ cướp sang Kẻ Chợ để lĩnh thưởng cho nhanh. Có mấy đám đến xin việc bị Cỗi chê ỏng eo là: “Ốm đói sắp chết”, thằng tù này dữ hơn ông ba mươi. Cái giả thối đi, những người thật đến hỏi. Có người thợ cày lực lưỡng, bác Cỗi bĩu môi: “Ngũ mảy chưa khiêng nổi cái cũi qua bờ ao làng”, rồi xua ra. Chuyện bịa, chuyện thật cứ tung lên thế.

Những đồn thổi xuống sông, sang chợ, mắm muối thêm mãi. Đến đổi rồi người ta quá sợ, nhìn chỗ nào cũng thấy cướp, chỉ dám thăm thì sau bức vách, trong cột hàng nước, nấp vào cái mảnh mảnh buồng sập xuống, nhưng như thế cái hải hùng lại càng lan nhanh. Cũng chỉ ghé tai, thật cũng chưa ai tò mò lớn vồn đến nhà Côi xem thế nào. Cái nhà bác Côi mưu mẹo tài ba nhường mấy mà lòi được quỷ sứ dưới địa ngục lên nhốt vào cũi. Xóm nhà Côi rồi vắng teo, khác lệ thường trong làng, động một mảy, đám cãi nhau, người say rượu, người trầm mình, con trâu chết, cứ lũ lượt kéo đi qua, kéo đến xem. Đẳng này, bề ngoài dừng dừng như không, nhưng là sợ.

Mụ Côi te tái hớt hải ngoài chợ về. Mụ nói bô bô từ cổng tán :

- Cả chợ người ta nói dăng dăng nhà này sắp làm giặc, nuôi giặc chết lây đến cả con mẹ này đây, chẳng biết đầu cua tai nheo thế nào.

Côi ngọt nhạt :

- Có gì đâu, nhà mày biết cả rồi. Cái cũi kia kìa...

- Nó đồn các người định đi chọc tiết những ai... những ai... Đã bảo đừng đại...

- Nhà mày đại thì mới nói thế.

- Các người ăn phải bùa mê bả dột thì có. Rước cái cũi về... rồi thế này, thế này... Một đồng tiền của chú ấy đấy, ở yên mà chén chú chén anh nào.

- Chớ đông dài. Kín tiếng cái đã. Hôm nào đáo sự tôi sẽ nói cho mà nghe.

- Chẳng nghe đứa nào. Cái hầu bao ấy, đưa đây không thì chẳng mấy lúc mà hết tong.

- Hôm nọ, chú ấy đã bảo thế.

- Hừm, sao chưa đưa. Đến phải đi báo quan cho trắng mắt ra rồi mới đưa chắc?

Côi nổi cáu :

- Mày mà nho nhoe, ông chặt cổ.

- Rõ ở dưng không lành, ăn cơm không ăn, ăn...

Có lúc, Côi cũng toan nhỏ to bàn bạc với ả, như đã định thế. Nhưng Côi không chịu được ả nói bần mà ả thì mở miệng lại xằng lời. Đáng lẽ bàn chuyện cái hầu bao tiền, Côi lại xông vào ục tới tấp. Mụ Côi cấu xé lại, khóc hu hu. Lúc ấy Trắt đi đâu vắng.

Một hôm, một cơ lính - chưa vào đến nơi đã có người chạy về báo lính quan tổng đốc ngoài Kẻ Chợ, đã

trần cả trên đê. Khắp cả làng nháo nhác sợ đèn đuôi như những cái mắt tre cũng phải giương mắt ra như mắt người. Hơn ba mươi người lính, áo nâu dài, thắt lưng bo que, vác súng vác dao, có ông suất đội cưỡi ngựa đeo thanh gươm - thật đấy là con dao bảy nước sơn then bọc vỏ đã tróc nhám nhở mặt gỗ. Ngoài sông, gió cát đỏ xăm lên cả cánh đồng, bụi lấm vó ngựa và chân người. Mấy cô con gái đi cấy chiêm không dám tiếc rẻ cầm rốn nốt tay mạ, hốt hải chạy núp vào bờ tre.

Bọn lính đến nhà lý trưởng, nhưng cả trưởng phiên khán thủ và tuần đinh cũng trốn tiệt từ bao giờ. Bao nhiêu năm lụt lội, loạn lạc, không biết cánh nào là kẻ cướp, là quân quan, chẳng đâu còn ra lệ luật, thể thống. Huống chi lại từ khi bên Sui bị triệt hạ, đã thấy nhần tiền. Cứ nghe có lính, thế là chẳng biết sao, hãy chạy đã. Các chánh lý, cụ tế chủ, cụ từ giữ đền cũng mất tăm. Con trâu, con chó theo người, cả xóm không một tiếng chó sủa, tiếng nghe ọ. Có lẽ chỉ còn mỗi nhà Côi ở lại.

Không biết đâu đã mách, lính xông xộc vào thẳng nhà Côi. Người người hốc hác, từ mặt xuống hai ống chân, đỏ xạm, loang lỗ từng tảng cát rơi xuống. Ai nấy đói vàng mắt, lã người ra rồi, không lê bước được nữa. Ông suất đội cũng mặc cái áo nâu da bò, khác lính có dải thắt lưng điều bạc nhờ nhệch, đầu quấn vòng khăn lượt che cái búi tóc. Ông vẫn ngồi trên ngựa, nhưng trông cũng khurót lảm. Con ngựa còm nhom, lưng trần, cái yên lót bằng mảnh mo cau, với hai dẻ thường làm cương. Chẳng biết bắt được ngựa làng nào, hay vì phải đi ngoắt ngoéo nhiều xóm tìm người tìm chỗ, con ngựa thở phì phì, mồm rớt rãi rỏ giọt.

Ông suất đội cất tiếng đói thuốc phiện khàn khàn :

- Ối ới! Đinh Ất, đinh Giáp, đinh Bính, nhà này nhà đình nào? Có đứa nào ở nhà không?

Côi chạy ra, hai tay chấp lòng không.

- Bẩm con là đình Côi.

- A, mày là thằng Côi.

- Con là thằng Côi.

- Có lệnh về hạch tội đình Côi cho ra nhẽ. Phải mày là thằng Côi?

- Bẩm quan...

- Quan đem lệnh trên truy nã thằng bán dầu có tội cướp nhà quan. Có phải mày chứa chấp thằng bán dầu?

- Con không biết thằng bán dầu nào. Con chỉ biết con bắt được một thằng ăn cướp. Mời quan vào nhận diện nó.

Suất đội quay đầu lại. Những người lính đương đứng, ngồi xồm lổ nhổ, chống cái mác, khẩu súng dài

ngoãng, ai cũng còn khựng ra hơn thế. Cũng chưa ai biết mặt mũi thằng bán dầu, thằng kẻ cướp thế nào.

- Trói đình Côi lại. Quân ta đóng lại ở nhà nó, nhà nó đây rồi.

Thấy bảo “nhà nó đây, đóng lại”, cả lũ sững ngã ngời ra. Cố quá rồi, cái xương sống không còn sức đỡ được cái lưng nữa. Có người rút cuộn dây mây quàng ở cổ con ngựa ra.

- Ô hay, sao các quan trói tôi?

- Trói cho nghiêm lệnh, rồi mới tra hỏi. Mày chưa biết cửa quan bao giờ a?

Người lính đương trói tay Côi, rí tai :

- Bảo chạy thuốc phiện về cho quan thì mày được nới tay. Mau lên.

Ông suất đội lại hét :

- Tên Côi!

- Dạ.

- Quan nghỉ ở nhà mày. Quân đóng ở nhà mày. Cơm rượu, thuốc hút bưng ra. Không có thì chúng mày giải nó đi tìm...

- Bấm mấy phiên chợ rồi con ở nhà canh tù, con phải nhin đói. Làng này sợ có giặc, sợ các quan về. Chạy hết cả rồi.

- Làm cái thòng lọng, buộc cổ đình Côi lại, giải đi tìm người về.

Chẳng ai nhúc nhích. Một người xách con dao vào.

- Cho chúng con đem cắt tiết thằng này thì mới ra được rượu thịt.

Cái lệ quan quân đi việc công ở đâu cũng bắt đầu dọa một vài câu tù tã thế thì rồi mới tòi cơm rượu ra được. Côi quì xuống vái ông suất đội. Rồi cứ hai tay bị trói, Côi lật đật ra ngõ.

- Thằng kia định trốn à?

- Tôi đi réo vợ tôi về tìm rượu, tìm thuốc cho các quan. Nó biết các chỗ người ta trốn.

Ông suất đội nói :

- Không được cho đàn bà làm việc quan. Mà đình Côi, mày phải đứng yên, quan hỏi đã. Thằng kẻ cướp bán dầu đâu? Có mấy đứa?

- Có mỗi nó. Con đã cũi nó đằng sau nhà.

- Đem ra đây.

Côi dẫn bọn lính ra sau nhà. Ngoài vườn, dưới gốc cây ổi, cái cũi cao lù lù như cái bẫy hổ, bốn chân lênh khênh bằng cây vầu đực. Ở trong, một người cời trần nằm ngửa, đóng chiếc kho một, mình mẩy thâm tím bết bết, một bên bắp đùi buộc cái bẹ chuối. Tưởng như con hổ mắc bẫy. Lại trông ra mảnh vườn hoang, cỏ tranh mọc lút đầu, ngỡ là vẫn có cánh cướp nấp trong ấy cả bọn hoảng hốt khiêng vội cái cũi ra sân trước.

- Làm sao chân nó phải bọc thế kia?

- Bấm phải đánh nhau tợn mới bắt được nó. Tôi đâm một mũi thùng lủng. Không biết nó có gãy xương đùi hay không, nhưng máu nó ra nhiều quá, nhờ nó mà chết thì tôi buột mất tiền thưởng, tôi phải lấy bẹ chuối buộc cho nó cầm máu lại.

Câu rĩ tai lúc này của người lính mà đúng, ông suất đội dịu giọng, nói khác :

- Thế là được. Bây giờ cho hai thằng dẫn nó đi gọi vợ con nó về.

Côi ra đầu ngõ, gọi ới ới một lúc, chẳng thấy bóng mụ vợ đầu. Nó trốn chỗ nào, chẳng biết. Thế là cái việc định trói nó một chỗ chưa biết ra sao. Mà cũng chẳng biết rõ hôm nay hay mai bọn lính mới về Kè Chợ. Thường thế này, quân quan còn nằm hạch sách. Côi ngược nhìn trời, mai hay hôm nay sao cho sang đến Kè Chợ hôm này thì vừa nhọ mặt người, cái hẹn của bác Cả lúc chập choạng tối mà.

Hai người lính lại lôi Côi vào. Đã thấy một lũ, ông khán thủ với bọn tuần phiên lỗ nhố trong ngõ. Biết lính về bắt thằng kẻ cướp ở nhà Côi thì các chức sự trong làng lại mò ra. Chẳng phải vì mẫn cán, đơì việc, mà ai cũng đều thuộc trò về về để ghé gắm, ăn ghe. Cứ rêu rao không có, chết đói đến nơi, đi ăn mày cả làng rồi. Nhưng làng bỏ hoang thì người ta đốt làng mất. Ông lý lại sai gõ vào mỗi đình, rồi cũng biện được đủ. Người đến làm cỗ, đến chực ăn cỗ, người vào xem, chen chúc đông dần. Những người lính xúc xạo đi các nhà bắt lợn. Thoáng thấy trong chuồng hay ở xó vườn có lợn, bọn ấy nhanh như chớp, đuổi túm hai cẳng sau, xách ngược lên. Tiếng lợn eng éc vang động. Những con chó nghe lợn kêu, chạy mất dạng. Rồi chẳng mấy lúc, đã đủ các thứ, gạo nếp thổi xôi, cả liên muối còn rượu thì từng hũ sành, lại bàn đèn và những cồng những ngao thuốc phiện. Chỉ không có khách khứa dập dìu, còn thì chẳng khác đám khao vọng quan cửu, quan bát hàng tổng. Hôm nào tính tráng kéo đi rồi, phờ phạc đến cả những cây rơm, bụi tre.

Ông suất đội đã nằm dài bên bàn đèn, quên cả hạch cái thằng Côi lúc này nói láo là cả làng trốn tiệt. Chưa đủ mâm đã ngả. Ở lại hôm nay, hay còn mấy ngày nữa. Cuộc chén lu bù đến chập tối, rồi cả đêm. Việc khẩn, ông suất đội cũng không dám dùng dằng, hôm sau, làm bữa sáng xong quân quan trả. Tuần đình, trai tráng được ăn ké nhưng cũng một phen khó nhọc, phục dịch rồi lại phải khiêng cũi tù ra tận bờ sông. Côi cũng bị trói tay, thêm cái gông ở cổ rồi đẩy theo xuống thuyền.

Cái cũi thẳng tù buộc gò bốn cọc giữa chiếc thuyền tam bản. Có lính canh bốn phía. Một chiếc nan kéo con ngựa của ông suất đội bơi theo. Một lúc, con ngựa sặc nước, giằng đứt thừng. Ngựa chìm vào làn sóng, không biết nó bơi được hay chết đuối đâu. Chỉ có ông suất đội trên nan, ngẩn ngơ nhìn theo. Cối cũng phải ngồi ngay cạnh cũi. Hai tay trói, cái gông sáu khấc đóng khít cổ, gần tắc thở.

Chẳng sốt ruột sớm tối nữa. Có lo cũng bằng không, cốt sao về được Kê Chợ lúc chập tối, mà liệu. Mặt trời mới xế đỉnh đầu, đã vàng vàng chiều. Những năm ấy, vào mùa này, gió ùng ùng như bão cát. Trời đất vẫn vụ đỏ lừng lừng. Đoàn thuyền rào rạt trôi theo dòng. Tưởng như sắp tối, thế là trong bụng lại như có lửa đốt.

Đám lính dưới các thuyền lên, xúm xít như đàn kiến tha mồi, bò về dinh ông lãnh Quang. Cái cũi khênh cao giữa bọn, đằng sau một dây thừng day lôi theo một người cỡi trần, gông đóng sáu then, những tay tre mới dẫn còn xanh ngắt. Đám rước lạ mắt, kinh hãi đến thế những người đi chợ chiều cũng chẳng ai dám ngược mắt, cả gồng gánh tránh dạt ra ven đường. Lơ láo rồi biết thế nào, nhờ cái thì chỉ có oan gia. Ngày nào ở Kê Chợ chẳng có đám đánh người, giết người, những cũi, những rọ, những tù dây gông đóng tròng mạng, từ trong thành ra, dưới sông lên và ở các cổng nhà quan lãnh, quan chương đem đi trôi sông, đem chôn sống, đem vùi xác ngoài tha ma.

Án này đưa về xử giữa sân nhà quan lãnh. Bấy giờ chưa hẩm tối. Cái sân gạch bát tràng đỏ xẫm như máu khô, thoát nhìn đã hãi. Dinh cơ vẫn thế, nhưng chẳng chịt thêm những bụi chông trà, những quăng hào được đào rộng ra. Trên mặt nước, không biết vì mưa rào cá rạch, hàng đàn rô, trê lúc nhúc ngoi lên ăn nổi như tép nhảy ngoài sông Tô Lịch, ở mỗi góc cất lên một cái lều vó. Từng bọn lính vừa canh gác vừa kéo cá, kiểm cái ăn cái để. Lính ở nhà này vừa gánh việc quan, vừa cày cuốc, đánh cá. Người nào cũng vậy, cả hạn ở lính, các nhà các làng cứ từng vụ theo lệ, quảy thóc, đeo xống áo chần chiếu lên đóng lương lính thì quản gia nhà quan nhận đem cất vào kho. Không ai được biết mặt lương xoạn của làng, của nhà nộp thế nào. Ông lãnh coi đấy là bổng nhà quan, còn lính thì cày ruộng, làm vườn, nấu nước mắm cáy “được quan cho kiểm lấy mà ăn, sướng ưỡn lưng ra rồi” quan lãnh bảo thế, chẳng ai dám ho he.

Cái sân lên nhà trên trước kia sân đất, lát gạch xong thì vừa dịp tiệc khao. Lên quan lãnh rồi quan chương, quan bố đến nơi, như sân đình làng, chẳng khác công đường dinh tổng trấn, tổng đốc. Ở giữa uy nghi án thư sơn son thếp vàng, hai bên giá cắm hương vàng bát bửu. Đằng kia, một đồng cùm, xích, bàn tra gông, gậy song, thừng day, dây mây trói... Người có việc vào đi nem nếp, những viên gạch xẫm gan gà rợn cả mắt.

Đã chiều rồi mà người đầy sân, đám này quan trọng quan xử gấp đây. Mấy người xách những đĩa dầu ra treo sẵn dọc hiên, sắp tối đến nơi, Cối bỗng dưng đỡ nóng ruột, mà lại mong nóng, lo lo. Bọn lính điều dóm, lính canh, lính chạy thư đã ngồi đứng trực quanh. Ông lục khăn lượt quần gấp nếp áo dài the trong lót áo lụa bạch, không biết cái quần bút tháp bút hay cái xiên giữ búi tóc cài trên gáy, các ông đã ra ngồi sau án thư làm vì, bên sập ông chánh lãnh binh. Trên sập đầu hè trái chiếu hoa, ông lãnh áo nhiễu cấm, xếp bằng tròn bệ vệ. Một người lính cặp cái điều ống khám, xe trúc cong vắt đặt xuống. Một lính khác đứng

nghiêm, cầm cái quạt lông, chốc lại phẩy làm phép một cái.

Lãnh Quang khệnh khạng xuống sân, bước lại, nhìn cái cũi, cười khà khà rồi nói :

- Thăng bán đầu, tao tưởng mày trốn lên giời rồi. Lần này thì mày lên giời thật, con ời!

Lãnh Quang đứng ra trước mặt Côi, thản nhiên hỏi một câu rùng rợn :

- Mày nhìn xem tao tháo cũi có đúng cái mộng của mày không?

Lãnh Quang xoe ống tay áo đến khuỷu, nắm hai cọc cũi, lay ngược một cái. Cả cái cũi vững chắc bỗng tung ra từng thanh. Y như hôm trước Côi với Trắt đã kỳ khu lắp những cái mộc chệch. Việc xảy ra như chớp, Côi hốt hoảng không kịp kinh ngạc. Côi vẫn đứng đây, cái gông khoác vào chiếc cọc tre, chệch hai con mắt trở ra xanh lè mắt mèo trước cái cũi vỡ.

Lãnh Quang lùi lên thêm, hét dồn dập :

- Chặt chân, chặt đến ngang bẹn, bắt nó hóa ra con ếch nhảy chồm chồm cho ông xem.

Trắt đã choàng dậy. Nhưng những ngọn xà mâu dẫn Trắt ra. Hai nút thừng trói cổ tay Trắt buộc mẹo đã đứt tung. Mảnh bẹ chuối tuột hết, Trắt lại chồm lên chop cái chuôi con dao bầu. Vừa lúc, cả chục mũi dao đâm xọc vào hai vế đùi. Trắt lại ngã ngửa xuống, máu phun ồng ộc ra như nước cống. Đã đứng sẵn, một người lính vung cái rìu. Hai vế đùi đứt đôi, cái đầu gối quắp lại, hai bàn chân gãy như đuôi con thạch sùng đứt. Trắt lăn lộn trong vũng máu, trên các mảnh cũi vỡ.

Lãnh Quang ra lệnh từng câu như từng nhát búa.

- Cho nó mấy mũi giáo vào cổ. Quán chiếu lại, khiêng ra ngoài tha ma. Đâm cho nó chết hẳn rồi mới chôn.

Các hiệu lệnh rầm rập như đã định đâu vào đấy. Cái chiếu mộc trải sẵn trên sân, Trắt bị hất lăn vào đấy. Bọn lính xúm lại, buộc túm hai đầu. Rồi cứ thế, thảng đâm vào chiếu, như đánh công, hai thằng khiêng ra cống. Rơi xuống những thanh củi, một bên cẳng chân thò ra lỗ chiếu thùng, máu chảy đỏ dòng dọc.

Chiếc chiếu bó người chết đã đem đi khuất rồi, cả cái sân như còn khiếp đảm. Mới vàng mặt trời mà những người lính đã bật bụi nhùi đi chầm bấc các đĩa đầu.

Không biết chúng nó luống cuống quên cả, hay cái lệ ông lãnh làm việc quan buổi chiều phải lên đèn sớm thế.

Thấy ánh lửa, Côi như tỉnh hơn. Cũng đã thành thói tục, chiều đến thì gia nhân dọn mâm rượu ra đặt giữa sập. Khuỷu tay lãnh Quang vẫn xấn như lúc này bây giờ chống lên mặt chiếc gối xếp da bò thuộc, tay nâng

chén rượu.

- Thăng kia, quỳ, quỳ xuống!

Côi vẫn đứng trơ. Côi chỉ cong chân lại, cũng không bỏ chân được. Cái gông tre kéo cổ lên, cổ khò khè như sắp tắt.

- Bướng, không quỳ hả?

Lãnh Quang cầm cái tay thước, rướn người ra, quật vào đầu gối Côi. Côi vẫn không nhúc nhích. Lãnh Quang mới nhận ra.

- À thế thì cho mày bình thân.

Rồi lãnh Quang hỏi :

- Tên mày là Mỗ, là Giáp, là Ất...

Mắt Côi vẫn trợn.

- Những đứa nào xui chúng mày đi giết tao? Đứa nào?

Bè đảng giặc Quát còn bao nhiêu tên, chúng nó ẩn náu, trốn tránh những đâu, khai ra.

Không phải lãnh Quang chỉ cáu tiết mà bức quá đến lú lẫn. Không trông thấy cái gông xiết như treo cả hai con mắt Côi lên, không chớp được. Lãnh Quang lè nhè, càu nhàu :

- À.... bè đảng giặc Quát sai chúng mày về cắt đầu tao...

Côi nhìn như cứng mắt lại, không chớp. “Ra gan mấy thì rồi mày cũng toi thôi, con ạ”. Lãnh Quang làu bàu. Rồi ngoảnh mặt, hét to :

- Con nặc nô đâu, ra quan thưởng.

Mụ Côi ở trong sân bước ra. Đúng mụ Côi, vẫn bước lạnh chanh, căng dài sắp xoạc váy, như mọi khi ở nhà. Cái váy đụp dày mo nang nhuộm vỏ dả đã bạc màu. Vẫn cái váy ấy. Bàn chân to như bàn cước đi vớt bèo thuê cho người ta nuôi lợn, không cần giã, chân chỉ vò mấy nhát, bèo đã nát như tương dằm. Mụ thế kia, mà Côi ngờ không phải. Hai mắt Côi vẫn không cúp xuống được nhưng mặt Côi xám như nhuộm chàm. Cơ sự này tưởng không bao giờ ra thế, mà ra thế. Thật mụ không?

Không biết lãnh Quang đã nguôi ngoai cạm mấy chén rượu rồi, lão nhẹ nhàng hỏi :

- Phải đình Côi chồng mày không?

- Bấm quan, phải.

- Nó cầm hả?

- Mọi khi nó vẫn chửi đánh con cả ngày.

Nghe tiếng the thé giọng đồng trướng mới biết đích con tuyệt tự ấy.

- Bấm quan...

- Quan hỏi mới được nói.

- Bấm... bấm...

- Đứa nào xiên cho nó một mũi dao vào họng bắt nó im.

Lãnh Quang cầm cái gỏi gỗ mít to bằng cái tráp đen quăng thẳng vào mặt mục Côi. Máu mũi mục tóe ra.

Mục khụy xuống, vái lia lịa :

- Bấm...

- Câm ngay! Đứng lên.

Mục đứng, chấp tay. Miệng rì rầm như thường ngày hay lẩm bẩm thế.

- Mày đã có công giết chồng thì bây giờ quan thưởng. Chúng mày đem một cái rọ ra đây.

Hai người lính bê cái rọ tre to cao bằng hai cái chũm úp cá cộp lại, đặt giữa sân.

- Quan thưởng cho mày được ngồi trong cái rọ này rồi bay đâu, đem nó đi trôi sông.

- Bấm... bấm...

Không biết mục định nói câu gì, nhưng một tiếng lãnh Quang quát như sét đánh đã đóng đinh miệng mục lại. Lập tức, những người lính quần tóc mục, ấn thốc cả người vào cái rọ rồi rút cái thừng buộc túm lại. Một chiếc đòn ổng xiên qua mắt rọ, hai người khiêng bổng lên.

- Buộc đá! Buộc ở đây cho quan nhìn đã. Buộc đá cho nó chìm được mát mẻ ngay.

Mục Côi lên cơn hốt hoảng rồi dại. Mục vúi, hai bàn tay cứa vào nan rọ chảy máu lổa lổ, mục gào inh ỏi :

- Ối giời ôi, sao thế này, sao thế này...

Cái rọ đã ra khỏi cổng. Những người lấp ló ngoài bức tường đất, các gia nhân đầy tớ vẫn hay ra xem xử

kiện, bỗng chạy sạch. Không biết người ta sợ kẻ phải đi chết hay họ đã táo gan đuổi theo ra bến xem bỏ xuống sông cái rọ con quạ mồi.

Trong sân, vẫn mọi người chức việc như lúc nãy, nhưng im vắng hồ như con dơi bay qua cũng nghe tiếng gió cánh. Mắt Côi vẫn trợn ngược thế. Đầu gối Côi rúm cong lên như người chết treo. Nhưng cái góc gông vẫn ngáng vào cọc. Tiếng thở hắt dồn dập, cắt cắt.

Tường nốc rượu nhiều thế đã làm lãnh Quang say khướt thế mà vẫn tỉnh. Mới nhìn ra, không phải nó hôn, Không phải nó câm. Cái gông đương thít cổ lại, thẳng tù chết đến nơi. Lãnh Quang quắc mắt :

- Hạ gông xuống cho nó thở!

Rồi lại nhớ ra.

- Đứa nào gông nó?

Suất đội lập cập :

- Bẩm...

- Ông suất hả? Lại đây.

Suất đội hí hửng tưởng sắp có thưởng.

- Ông gông nó nghẹt cổ thế thì đến bố ông cũng chết. Mà nó chết thì mày mang tội thay. Tao thử gông mày xem.

Lãnh Quang nhặt cái gông cạnh đấy quàng vào cổ suất đội, đã tụt cả giải khăn lượt xuống. Lãnh Quang đóng khắc chốt gông sâu nhất, chẹt cổ. Suất đội kêu ặc ặc như đứt lưỡi, lật đặt quỳ mọp xuống.

Lãnh Quang cười hì hì :

- Mới dư một cái mà đã vãi cứt ra quần rồi.

Lãnh Quang tháo bặt cái chốt gông. Suất đội đứng dậy, thở hỗn hển.

Lãnh Quang rót một chén tổng rượu.

- Ông cũng đáng tội chết, cái tội để con ngựa chết đuối, nhưng hãy gác đấy. Thưởng cho ông suất một chén.

Một mình Lãnh Quang ngồi nhắm rượu. Chốc lại nghĩ ra một trò quỷ quái như vừa rồi. Lúc ấy, chẳng biết nắng nhạt vào đến giọt gianh hay ánh trăng non, hay dây quang đèn đã sáng lung lay. Không! có việc

cũng không ai dám nhúc nhích. Những mũi dao, những mặt dao bầy sáng trắng. Mọi người phục dịch đã thuộc tính lão, chẳng cứ rượu vào mới thất thường. Có khi chỉ khác mắt, chỉ muốn nghe tiếng roi, lãnh Quang cũng bắt một thằng lính nằm thẳng căng, nọc ra đánh vun vút hàng chục roi. Không dám kêu, nếu lay van thì còn quất cho đến phải cấm kêu rên mới thôi.

Lãnh Quang gật gù :

- Thằng kia!

Côi đương ngồi sụp xuống từ lúc được tháo gông, nghe gọi, đứng cam như cái cột.

Lãnh Quang nói :

- Ủ, mày không phải cái giống phản phúc thì mày biết nghĩ. Tao cho mày hết đêm nay phải nghĩ cho ra bè đảng mày là những đứa nào, ở đâu. Sáng mai, ông cho bắc sẵn cái nồi ba mươi ở góc sân, mày mà không phun ra đủ ngọn ngành đầu đuôi thì ông xẻo thịt, ông luộc, ông nhắm rượu sớm. Mày nói thì sống, không nói thì chết, thế thôi. Hỏi chúng nó ở đây mà xem, ông đã nhắm tim, gan, bồ dục luộc, toàn những thứ bổ, đã bao nhiêu là thằng, ở cái sân này tao đã ăn thịt cả trăm thằng chứ không ít đâu. Bây giờ đến lượt mày. Nhớ đấy, cứ nhớ con vợ mày đem bán rẻ mày như bán con chó, tao đã giết nó như giết con chó, thì mày phải mang ơn tao.

Vừa tối, Côi bị trói tay, dắt ra sau vườn - cái vườn nhốt tù của lãnh Quang. Ở đấy, sẵn một đồng rọ. Côi phải đẩy vào một cái, mỗi rọ đựng một tù, treo lên cành nhãn.

Trên cao lơ lửng, Côi nằm vật xuống mặt nan. Người rời rã như sắp chết. Chốc chốc lại giật mình. Mọi việc một ngày hôm nay nhanh như bóng nắng, không kịp nhớ. Thế là Trắt chết rồi. Đáng nhẽ Côi chết mới phải. Oan khuất quá! Ai biết đâu chữ ngờ. Tưởng nó chỉ là cái đứa ngồi lê đôi mách, cái tật to nhất chỉ là thèm ăn vật. Thế mà mày đã bán cả tao hòng được miếng ngon. Lạy thầy, cũng tưởng ngày một ngày hai thế mà hóa ra mang lụy một đời.

Bối rồi thế, quên cả cái hận. Mà nhớ cũng chẳng để làm gì. Trắt không còn nữa. Ai biết thằng Côi. Mà bây giờ nằm trong cái lồng treo trên cây vườn hoang. Đành mai chết nốt thôi.

Ở trên chòi canh nghe tiếng trống rồi tiếng mõ báo vào thời khắc đêm hôm. Tiếng trống, tiếng mõ như vây bốn phía tường. Đàn dơi sà xuống lạt xạt trong vòm nhãn. Chưa phải mùa, nhãn còn xanh mắt mèo, đàn dơi đói sục quăng quả vào đêm như tối giữa rừng.

Mỗi khoảng trống canh, tiếng mõ khắc khoải, rời rạc. Dinh cơ ông lãnh Quang cũng chẳng khác doanh trại trong thành, lính võ sanh đi rêu cần mặt trâu đêm.

Mới dứt hai đợt mõ, các phường xung quanh đã im lặng như tờ. Rồi lần lượt, mõ sang canh, trống tàn canh. Những tiếng cầm canh trong thành và các dinh thự cũng đánh hiệu cho các phường, các làng xa gần.

Người già thức giấc, đun nước uống theo tiếng mõ. Người chợ đường xa, người làm đồng dậy thổi cơm sớm, liệu mà nghe trống canh mảy.

Nhưng lạ, đêm ấy trong dinh lãnh Quang chỉ vắng vắng có một đợt mõ, rồi im. Thoạt đầu, phường xã chẳng để ý, vì cũng chưa đến nửa đêm, và chẳng tiếng trống tiếng mõ quanh năm suốt đời cũng quen tai như nghe con dê ri ri thâu đêm. Lúc ấy đã khuya, bỗng đằng dinh cơ nhà ông lãnh Quang bùng lên. Người chạy ra đầu nhà nhìn, không nghe tiếng nổ mắt nửa mắt vầu, không phải đám cháy. Nhưng mà cả hai tòa nhà ngói bát vằn sáng rõ, các gờ tường, những chuôi vồ đầu mái. Chắc có đám cướp đã lọt vào dinh ông lãnh Quang. Vừa xử cướp chấp tối, bây giờ lại bị cướp Cướp quanh Kẻ Chợ ra vào như chợ không người chẳng biết trên đầu có ai. Cướp thật, cướp đã bật hồng rồi. Bụi nhui lên cả trăm cây đuốc nổ sáng như ban ngày. Nhưng bốn bên chưa nghe đâu nổi ngũ liên hiệu ốc, điệu tù và. Cứ bắn khoản mãi sao đuốc đóm sáng ra tận chân tre, mà tuyệt nhiên không một tiếng kêu gào, hò hét nhốn nháo, vẫn tiếng giun dế xung quanh than vãn ri ri như nước rãnh chảy.

Đấy chính đám cướp bến Bồi đã đến theo hẹn của bác Cả với Trắt. Đông lắm, hầu như các tay chèo dưới vạn lên. Bác Cả bảo đêm nay ta xuống hạ thành mà. Một thành chứ mấy thành Kẻ Chợ cũng chỉ vài mồi lửa. Cái hẹn cứu nhau, một lời nói nặng như đá đeo, như ăn thề. Quả là người ngoài Bồi đã vào được nhà lãnh Quang lúc nhập nhoạng tối. Cho quân vào lúc ấy cũng là ý tứ đã chín. Bấy giờ ngoài đường còn lác đác người, lại vào lúc đó, khó nhận. Các nhà hàng phố đương lên cửa, cổng phường sắp đóng, tuần tráng chưa cắt canh, các làng quanh đã ra họp chợ đuổi ngoài đầu ô. Người vào người ra, con trâu và gồng gánh, bó củi, rổ rau vào cổng làng. Dinh nhà lãnh Quang ngay đấy, nửa làng nửa phố, cũng nhộn nhịp trước cổng một quang cảnh ấy.

Những người bến Bồi bất ngờ tỏa ra, rạt dần vào bốn phía bờ ô rô. Vào được trong cây rồi, người hóa con thằn lằn, con mồi bò rướn chân dưới gốc cây rồi leo lên tường, rồi lại trở xuống nước bơi đứng qua hào. Người đàn sông, ở nước còn thạo hơn đi trên bộ, qua mặt hào từng búi chông chà như lùm cây. Lướt nhẹ phơ con thuồng luồng, chẳng mũi chông nào bợn được vào mình. Những con dao và cây đinh liệu bọc lá chuối giơ lên đầu, đẩy trước mặt. Cả mấy chục con người đã lọt vào quanh nhà.

Khi ấy đám xử đã xong, trên sân không còn ai.

Phút chốc, biến bong khắp nơi. Trên chòi canh, người lính đương giơ các dùi mõ, bị khóa tay trói vào cột lều. Miệng vừa há hốc đã bị một nắm bụi nhui bẹ cọ luyện với một cục sơn then tống vào miệng, không đụng dậy được cả lưỡi. Các chòi canh trên tường, trên cổng đã cùng một lúc, im bật. Trên gian chính giữa nhà, ở buồng toàn đàn bà con gái, xuống nhà ngang các gian bếp, gian lính, mấy chục con người đều phải trói như lợn, một miếng râu cọ sơn then trám vào tận họng. Những con chó ngao sợ mùi bả, nhưng lần không kịp. Trong xó luồn, gầm giường, ngoài bờ rào, đã bị tròng lọng bốn chân, chó giẫy lên mấy cái, đã chết thè lưỡi. Chỉ phút chốc, một vùng im phăng phắc.

Nhưng tìm đâu cũng không thấy Trắt. Phá khóa cả dây cửa kho, tường nhà giam, cũng không thấy. Khốn

nổi, chưa ai tường mặt lãnh Quang. Lại tối như hũ nút mà chưa dám động tay bật hồng. Mọi người xô ra giữa sân, bác Cả vẫn đứng đấy từ lúc mới vào, chỗ ấy nằm được động tĩnh nhà trên nhà dưới.

- Thấy thằng Trắt chưa?
- Không thấy.
- Bắt được lãnh Quang chưa?
- Chẳng biết đứa nào là lãnh Quang.
- Thế thì khốn rồi.

Bác Cả rít răng :

- Dẫn những đứa đã khóa mõm đi từng nhà.

Dường như đêm vẫn im ắng, nhưng trong đầu mỗi người thì căng như sợi thừng néo. Đêm càng tối càng thấp thỏm. Chốc chốc, mấy bóng người lại tắt tả qua trước bác Cả.

- Bắt được chưa?

Những đứa đi nhận mặt vừa rập đầu lạy vừa lắc. Trông mê cũng chẳng đứa nào ra dáng thẳng quan.

- Lại tìm nữa!
- Bác Cả cứ cho lệnh không chỉ ra mặt lãnh Quang thì chém hết cả nhà. Có thể mới được!

Bác Cả lắc đầu.

- Không được.
- Tối quá, sờ vào mặt cũng không biết!

Bác Cả nói :

- Bật hồng lên. Bắt được thì giải ngay thằng lãnh Quang về đây.

Rồi chợt nhớ :

- Tìm cho được thằng Trắt!

Trong dinh lãnh Quang lúc này sáng bốn phía, là như thế.

Những người bị trói lại phải lúi đi nhận mặt. Nhưng ai cũng chỉ lắc đầu. Vào các buồng vợ cả vợ bé, đến cả chục người đàn bà cũng cúi đầu lạy, đổ nước mắt ra. Lại khua ngọn dáo vào xó nhà, dưới gầm giường, cũng chẳng đụng cái gì. Không lẽ Lãnh Quang đã trốn được cũng chẳng thể chui ra kịp, ra đằng nào. mà tuyệt nhiên không thấy, cả thằng Trắt cũng mất bóng.

Có những tiếng rú hồng hộc như chọc tiết lợn ngoài vườn. Những bó đuốc được nhào ra, soi ngửa lên cây. Đám dơi ào ào bay ra. Nhiều những cái rọ treo, trong rọ có người cựa quậy, rên hừ hừ.

- Người phải không?

- Người... Người...

- Phải tội treo lên cây à?

Có tiếng hỏi lại :

- ... Các ông... bên Bồi phải không?

- Bồi đây. Thằng Trắt đấy à?

Tíu tíu những tiếng hỏi lên :

- Thằng Trắt đấy à? Lãnh Quang bắt mày bỏ rọ, Trắt!

- Không.

Mọi người lúng túng. Tiếng khóc rưng rức.

- Thì đem nó xuống hẵng hỏi.

Bác Cả đã vào vườn. Bác cả hỏi vào cái rọ vừa được cắt dây buộc, hạ trên mặt đất.

- Thằng Trắt đâu?

- Thằng Trắt chết rồi.

- Mày là thằng nào?

- Bẩm, tôi là thằng Côi.

- A! Côi đồng môn thằng Trắt?

- Vâng.

Ngay lúc ấy, tất cả các rọ người treo trên cây đều được cắt xuống, giắt lạt buộc hom rọ. Có người không đứng lên được, quẽnh quàng bò ra. Côi ngã phũc xuống, hai tay vủu vào cái tay thước bác cả Bỏi đượng chống xuống. Côi chưa biết mặt bác Cả. Nhưng trông bộ râu ba chòm của bác ấy và bao nhiêu chuyện đêm trước Trắtt đã kể. Bầy giờ thành nước mắt cả. Côi khóc rồg lên. Bác Cả quát :

- Không phải lúc vủi nước đái mắt ra. Im ngay!

- Lạy quan...

Hỏi khắp các người tù vừa được cứu ra khỏi rọ.

- Có biết mặt thẳng lãnh Quang không?

- Có, có...

- Đưa đi bắt thẳng lãnh Quang.

- Lãnh Quang... Lãnh Quang...

- Đi, đi ngay.

Bác Cả nói :

- Một thẳng Côi đi thôi. Tất cả ở lại đây. Lúc nào chúng tao về thì cũng tha cho chúng mày về!

Côi đứng lên, lấy bẫy.

- Cõg nó đi. Vào từng gian, nhìn mặt từng đứa.

Lát sau, cả bọn đã ra tụ tập trước sân. Côi chốg cái gậy tre.

- Thế nào?

- Không thấy đâu.

- Có thật mày đã tường mặt nó chưa?

- Con biết rồi mà. Không thấy đâu, không thấy đâu cả. Con đã bảo khua vào các gậm giường, lại dò bụi cây, trong chum bể nước.

- Quái nhỉ?

Bác cả Bỏi nhắn trán, hắtt chòm râu xoa vai, lặg đi một khắtt, rồi nhìn lên :

- Sao nhát thế kia, sang canh rồi. Không thể nấn ná được. Đành vậy.

Một người nói :

- Cho đốt cả mấy tòa nhà này. Mỗi mái một mồi lửa thì xong.

Có khi thằng lãnh Quang trốn chui trong mái nhà phải chết cháy.

- Cháy nhà ra mặt chuột!

- Mỗi cái bụi nhùi một mái!

- Đốt, đốt hết đi!

Bác Cả nghiêm mặt, giơ tay thước.

- Không, không được! Chưa biết thằng lãnh Quang có chết hay không, nhưng chết cả trăm người đương phải trối trong ấy. Thôi, không nên việc thì về.

Tất cả đi dòng dài, chập chờn, lảng lạng ra đằng cổng. Những cây đình liệu tắt rụi rồi. Trời quang, chỉ có đốm sao li ti, nhưng những người đã quen đi đêm không cần biết sáng biết tối. Đã ra đến ngã ba bờ hào. Phía ngoài cổng vẫn tanh bành, trống hốc, im ỉm. Hai người lính gác trên chòi bị trối đứng cả đêm, không biết chúng nó lả đầu ra ngủ hay đã chết ngệt. Cái tai bác Cả như có thần nghe xuống hào nước. Bác dừng lại, hỏi khẽ :

- Đã có đứa nào xuống soát các nhà bè chưa? Nghe tiếng sột soạt, xia dáo vào mà hỏi.

Tiếng nói đêm, ngay bờ nước, nhỏ mấy cũng vang rõ mồn một. Dưới hào, nghe động vó, cái cần gọng vó nhúc nhích. Một bóng người lom khom kéo cái thùng vó bè, nói lên :

- Lạy các quan. Tôi là thằng kéo vó. Các quan đừng...

- Thằng Côi đâu, chúng mày xuống tận nơi.

Côi bước đến bên bác cả, thì thào :

- Nó đấy, tiếng nó đấy. Thằng...

Lập tức, bác Cả với mấy người nhảy phắt xuống. Chiếc bè vó răng rắc nghiêng hẳn lên. Nhưng bóng “cái thằng nó” vừa lom khom ra cầm cái thùng néo gọng vó đã lặn mất tăm. Những ngọn dáo, những mũi đình ba lao xoèn xoẹt xuống nước, chẳng thấy đâu.

Mọi người chừng hửng ngược quanh. Bác Cả đột nhiên nói :

- Đi đốt tất cả các nhà bè nhìn xem nó có còn bám quanh đây không!

Những cái lều vó cháy bùng bùng như con rắn lửa trôi trên mặt nước. Chốc lát, rồi tắt ngấm trong vắng lặng.

Đã ra bờ sông Cái, ngược một quãng. Những chiếc nan đón men sang bãi Giữa, rồi cứ thế, nan bơi ngược nước về Bồi.

Tang tảng sáng, trên chòi canh nhà lãnh Quang, tiếng tù và liên hồi inh ỏi. Bốn bên phường xóm mù mịt sương sớm, vẫn tiếng tù và rền rĩ. Không thấy bóng lửa như lúc nửa đêm, lúc gà gáy. Nhưng vào khi rạng đêm sang ngày thế này mà tù và nổi thì chỉ báo có cướp, có án mạng hay là có việc quan trọng thành. Nhưng việc quan trọng ấy thì chẳng bận đến ai. Người già lại ra đầu hời nghe ngóng rồi vào ngồi chõng thối môi hút thuốc, uống một bát nước chè tươi. Các bên láng giềng đã lục đục trở dậy. Tiếng tù và đánh thức người ta có sớm đôi chút, nhưng thế là cũng đã tan canh. Lửa rơm lập lòe trong bếp. Cái rồi chuông trâu được tháo rơi bịch xuống. Quang gánh buổi chợ mai đã sắp ra ngoài hiên, đầu mái tranh.

Bánh mắt rồi, vẫn không một ai đến gần bờ rào nhà lãnh Quang. Bây giờ đã biết tiếng tù và rền rĩ lúc sáng sớm từ trên chòi canh nhà quan lãnh Quang. Nhưng không ai rõ chính lãnh Quang đã bò dưới hào lên thối tù và. Cứ phồng má, trợn mắt cho đến lúc hết hơi, lãnh Quang là người, sụp xuống cái chân giá gác dáo mác trước chòi. Cứ nằm trơ thế mà không ai biết. Những người mọi khi gồng gánh đi chợ qua cổng, sớm ấy sợ động dụng thế nào đã đi tránh đường khác.

Một làn sương lạnh ướt phả vào mặt, lãnh Quang chớp mắt ngóc cổ nhìn vào trong chòi. Mới trông rõ hai thằng lính bị trói đứng vào cột lều, không biết chúng nó đã chết hay còn đương ngủ. Một miếng sơn then nhỉnh nhoáng đen như mồm chó trám vào miệng.

Lãnh Quang lùng vào các gian nhà trên tất cả mọi người, ông già, bà lão, trẻ con, chỗ nào cũng la liệt người bị trói, bị miếng sơn trám chặt, phải lôi nằm búi nhúi râu cọ ra mới há được miệng.

Những cái rọ nhốt người treo ngoài vườn nhãn đã bị rờ tung. Lãnh Quang lấy bối, run rẩy :

- Cướp bến Bồi! Kẻ cướp bến Bồi! Bay đâu vào thanh... vào... bầm đêm qua kẻ cướp bến Bồi xuống cướp Kẻ Chợ, mau lên!

Chú thích:

[1] Cá anh vũ sinh sống vùng ngã ba sông Cái ở Bạch Hạc, còn gọi là cá tiến, ý nói cá ngon tiến vua. Phong tục cũ, những thức ngon lạ được đặt cho để tiến vua: Nhãn tiến Hưng Yên, chuối ngự Hà Nam, rau muống tiến Sơn Tây.

KẺ CƯỚP BẾN BỎI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương IV:

iễn Nguyễn Trúc Khê ra nhận chức tại phủ Thường Tín, cùng gửi cho ông bạn già là Lê Hy Vĩnh

(Tổng Nguyễn Trúc Khê xuất lý Thường Tín, kiêm trí Lê Hy Vĩnh lão khế)

Cố nhân chia tay trên đường Hà thành

Nghìn dặm lên xe, mắt trông như vũ

Tôi đang ốm không có rượu tiễn bạn lên đường

Trông nơi giang đình xa tít sắc cây sẫm tối

Kể từ lúc bạn cỡi áo vải theo việc văn thư

Trước làm ở huyện Thạch An, sau huyện Phù Cừ

Thạch An rặt núi thì vui với núi

Phù Cừ rặt sông thì ở với sông

Ai cũng muốn yên, đó là bản tính của mọi người

Ta không nhiều dân là mọi việc xong xuôi cả

Hai huyện công việc khác nhau, nhưng chính sự như một

Chỉ năm mà cai trị vẫn đâu ra đấy

Ngày nay phụng mệnh đến đất này

Là “giản” hay “yếu” bạn đã biết rõ

Trước người ta cho đây là nơi văn vật có tiếng

Nhưng nay chủ trương về thuế khóa thì lại có khác

Sông ngòi và đồng ruộng giáp liền ba tỉnh

Thợ thuyền trăm nghề ở lẫn với lính, với dân

Những nhà khoa hoạn, một nửa là dòng dõi thanh bạch

Những kẻ hào trưởng trong làng xóm, phần nhiều là người làm việc cũ

Trong thì lo bộn sai dịch một già, ngoài thì lo đám quan tham lại những

Trên thì sợ phép lệnh nhà vua, dưới thì sợ điều tiếng

Bọn chúng ta có bác Phan làm tri huyện đã có tiếng tốt để lại

Việc ở Ứng Hòa ngày trước cũng chưa xa gì

Bạn là người thành thạo sáng suốt không phải nói nữa

Ba điều châm qui của quan trường đã được dán lên chỗ ngồi.

“Bồi đắp” hay là “bòn rút”, bạn đã thấu suốt đằng nào phải

Làm “chim điều chim cắt” hay làm “chim loan chim phượng” bạn đã nắm chắc đằng nào khó hơn

Tôi nay viết bài tặng bạn, để đưa bạn lên đường

Nhân tiện tôi muốn nói thêm điều này

Phủ đó, xưa đã có tiếng nhiều danh nhân

Tiêu Ẩn và Ưc Trai là hai nhân vật tuyệt vời

Tài trai sống ở đời đã không làm được việc phơi gan bẻ gãy chân song, giữ vững cương thường

Đến lúc tuổi già thì mặc áo gấm ban ngày về bơi nhọ quê hương

Cũng không kham nổi việc mài mực ở mũi lá mộc, truyền hịch định bốn phương

Cúi đầu luôn mái nhà thấp, nhụt cả khí phách

Đến lúc già thì gồi đầu vào vợ con mà chết

Giả sử hạng người ấy xuống tuổi vàng có gặp hai cụ

Thì cũng mặt đầy, trống ngực đánh, thần sắc rũ rượi mà thôi

Ngồi nghĩ đến chuyện ấy mà dạ những bùi ngùi

Than ôi! Tôi già rồi, còn trông mong gì nữa

Bạn về đây, xin đến thăm làng Nhị Khê và làng Cung Hoàng

Bước lên nhà thờ của hai cụ

Vì tôi mà lạy xuống hai lạy, dâng lên chén rượu.

Và cũng báo cho bạn cũ tôi là Lê Hy Vĩnh biết.

Rằng tôi còn khỏe, không chết, chỉ mắc chứng điên mà thôi.

Nguyễn Quý Liêm (dịch nghĩa)

Mọi người phải thay vai công Côi ra thuyền. Về đến Bồi, lại lên bờ. Buông xuống, Côi ngã bật ngựa rũ ra như con mèo ốm.

Bác Cả nói :

- Thằng này chưa lại người. Liệu cơm cháo cho nó.

Côi nằm trong con đò giữa bụi lau. Suốt ngày, trông lên nhón vút những ngọn lau gió lung lay, từng đàn chuồn chuồn ớt đỏ hắt, tưởng như ăn được thì cay xé miệng, cứ con đậu con bay rập rờn như những chiếc thuyền, chiếc nan quăng chài, chằng lưới trên sông ngoài kia mà ở trong bụi nhìn ra như trông qua khe vách. Thoạt mặt nước mênh mang quanh quẽ, thế mà chẳng mấy lúc ngót thuyền đò, bè mảng xuôi ngược. Có hôm cả lũ thuyền như chuồn chuồn cắn đuôi nhau ghé vào - dường như đều là tôi tớ, con cháu, người nhà bác Cả.

Mỗi hôm, sớm sớm, bác Cả lại đâm nan vào ghé lên mạn lau hỏi han Côi.

- Thế nào, đã đỡ chưa?

- Đỡ rồi ạ.

- Khỏe nhanh vào. Khỏe để còn tính việc, có sức mới tính ra việc được.

Nghĩ đến hôm suất đội đem lính về làng, Côi hỏi :

- Ở đây không sợ quân quan dưới Kẻ Chợ về bắt ạ?

Bác Cả cười ha hả :

- Ở sông nước thì đã có ông Hà Bá giữ cửa, không ai vào được. Mà đừng lo, cụ tổ chúng nó sống lại mà bảo cũng không đứa nào dám đụng đến kẻ cướp bến Bồi.

Mỗi hôm, có người đưa cơm đến. Tối rồi, những chiếc nan len lách vào, trò chuyện, ngủ đờ; tỉnh mơ lại mài miết chèo ra. Nan nhỏ, nấu trong bụi lau, tránh được sóng thành lành, ngủ đầy giấc.

Mười ngày, Côi đã cảm thấy chân tay bình thường nhưng trong đầu thì còn u ám như chiều phù sa mờ sương. Cái nổi chỉ trong một lúc mà quay chong chóng, tối tăm mặt mũi. Muốn quên không thể quên, thật khủng khiếp, thật cay đắng, cái con tuyệt tự kia, Côi vẫn không thể ngờ ra cái mà nó lui đi ton hót giết tươi người ta như thế. Đành rằng chẳng qua cũng tình nghĩa giới ời, đồ nát đụng nhau, nhưng sao có thể nên thù oán đến vậy. Cả cái hầu bao mấy chục quan tiền bán trâu của Trắt, nó nằng nặc đòi cầm, đã đưa cả cho. Còn thế nào nữa, nó còn hám tiền của đến đâu nữa mà đành lòng đem bán anh em tôi vào chỗ chết. Biết sâu nông thế nào được nổi đời. Bây giờ thì con cá đã rửa xác nó từ hôm nào hôm nao, ấy nhưng Côi vẫn thắng thốt. Không vì sợ, không vì thù, mà vì vẫn không thể ngờ được, nguôi được. Còn như thằng Trắt mà chẳng may sa cơ cũng vì chúng ta không tính ra cặn nhẽ. Chỉ nghĩ giận mình, chứ nó, chứ ta đã ngậm lời thề như hòn máu, có vì thầy mà phải thế nào đi chẳng nữa, cũng không còn bận tâm. Nhớ hôm đồng môn đèn hương cúng vọng thầy, tự đứng chân năm hương đèn cháy bốc trong bát ra, thì bao nhiêu môn sinh hôm ấy không người nào cầm được nước mắt. Thầy đã về chứng giám cho lòng thành chúng con. Mà chúng con chưa báo đền được nghĩa thầy. Trưởng tràng đâu, những anh trưởng tràng các nơi, cầm đi mỗi người một năm chân hương cháy dở, búng tay lên miệng: Ô hô! Ô hô! Lạy thầy, thế là thầy đã về, thầy đã về với chúng con, chúng con để tang thầy ba năm như con cái trong nhà, chúng con để tang cho đến ngày nào xóa được mối thù cho thầy, năm năm, đồng môn về giỗ thầy chúng con xem ai còn ai mất, ai đã báo đáp được ơn nghĩa thầy.

Không biết các nơi thầy đã ngồi bảo học trong vùng, ở phủ Quốc, bên Kê Chợ hay trên Kê, anh em ấy thế nào. Nhưng ở đây chỉ còn một Côi. Nghĩ thế Côi lại tưởng như vẫn trông thấy Trắt, Côi đứng lên. Hai đứa lại tính việc - như bác cả đã bảo, phải có sức mới ra việc được.

Hôm sau, Côi theo mọi người đi làm. Nghề sông nước, cái thuyền là cái nhà, mỗi nhà kiếm miếng mỗi nơi, đến những ngày giỗ chạp, tết nhất, có công chuyện thì cả vạ lại thành một xóm, một làng trên mặt sóng. Đứa trẻ mới sinh khóc oe oe, người già sắp về côi, cả đời ở dưới thuyền. Nước cả hay mùa cạn, mỗi thuyền rải rác, nhưng vẫn như một bè. Những cái nan len lỏi như những con kiến gặp nhau thì chụm đầu hỏi han, tin tức nan nọ sang nan kia, nhẩn nha công việc cũng ngày ngày theo đấy. Bởi thế, kiếm ăn xa mấy, thuyền với người một bến vẫn như quây quần. Cưới hỏi, ma chay, giỗ chạp, hội hè các vạ dưới nước chẳng khác mọi phường xóm hai bên bờ. Chỉ khác làng dưới nước không có hương lý - chẳng hương lý nào đuổi theo được người tản mác trên nước, có việc quan nha thì lại biện chẻ lá lên nhờ các nhà chức việc làng ven sông. Dưới nước chỉ có người đầu đàn, những bác Cả, chẳng ai phong chức tước mà tự đứng thành. Như bác cả Bôi một đời vùng vẫy, chưa bao giờ biết đến cửa quan.

Chỉ ít lâu, Côi đã thạo việc, cả nan câu, cả thuyền lưới... Những gà gáy thả nan đi gõ mạn đồn cá rồi quãng chài. Khi trở trời, cá chằm ăn nổi thì ngồi thúng đi thả lưới lửng. Hai bên bờ những chợ mai, chợ hôm ở bến ở bãi, các làng ra mua bán, đổi chác. Con chó ngồi đầu thuyền sủa ông ổng khi qua bến chợ

đồng người. Và lúc tan canh, những con gà trống đứng trong bu buộc bên mạn dưới khoang lái eo óc gáy báo giờ giấc nửa đêm rồi chẳng mấy lâu đã rạng sáng. Mỗi cái thuyền, cứ biết lệ mà lên lửa, le lói thổi cơm.

Nhưng việc nhà chài của vạn bác cả làm ăn sinh sống không phải chỉ có thế. Cối đã giỏi đường nước, Cối lại biết nghề lên bờ đi ăn cướp. Chẳng biết vạn đi ăn cướp như thế từ đời nào, mà cả trong Kẻ Chợ cũng nức tiếng kẻ cướp bến Bôi. Chỉ nghe mà khiếp, mà lạ, những đồn thổi. Bởi vì vạn chài bến Bôi mỗi khi kéo quân đi, không phải vì thiếu đói như cướp trộm thường xảy ra tựa cơm bữa mọi nơi.

Đàng này khác. Chẳng mấy hôm mà không có người ra tìm thuyền bác cả Bôi - có người đường xa hàng ngày. Người khốn khổ đến để kể nỗi oan khuất, cái nhục của kẻ lép vế, tội ác của kẻ cửa quyền. Người ta trông cậy bác Cả hỏi han, trò chuyện, bảo ban. Thông thường, tưởng như đây là những đứa dốt nát, nhưng kẻ cướp bến Bôi không đi ăn cướp. Khách về rồi, bác cho người theo chân xem thực hư thế nào rồi mới liệu xử sự. Không phải quan nha to bé mà thực chốn công môn giữa dân gian được các nơi trông đợi đến thế.

Những đêm cánh bác cả Bôi kéo đi cướp, Cối đã được theo. Các tay chèo thoắt nhảy lên bờ, mặt trát nhọ nôi, xách câu liêm, quăm, dao bẩy, thùng lụng, thiết lĩnh, một giỏ đựng râu cọ trộn sơn, lại cả thùng chảo.

Đêm tối trời, ngược mắt ra dòng sông lóng lánh như khuya mùa hạ, vòm sao in xuống nước không biết trời đâu đất đâu. Nhưng đêm ấy tối trời, đêm tối trời mới là đêm của những tay anh chị đã được tên là người đi ăn sương. Thế mà lại một dải hiện ra dòng sông sao sa nhìn kỹ, không phải sao trời, mà là trên mặt nước đương lấp lánh như rắc sao. Ấy là những đàn đóm đóm nhấp nháy suốt hai bên bãi sông, cả vạn triệu những đóm lập lòe sáng xuống nước, ánh lên trên cánh đồng như trăng suông. Gió thổi ánh sáng đóm đóm dạt đi dạt lại những vạt sáng tận dưới đồng sâu vào đến chân tre. Có khi cánh bác cả thâu đêm thung dung đi trong sáng đóm đóm suốt các cánh đồng, như có đuốc soi.

Nhưng dầu có tối như bịt mắt thì chân bước trong đêm đã quen. Cũng có khi bật hồng đồ rục đánh tiếng ngay ngoài lũy tre rồi leo tường, cắt ổ vào tận sân nhà có cửa, những nhà có cửa và sừng sỏ thường ở giữa làng. Những con chó dữ đến mấy cũng bị ống thông lọng siết cổ. Tuần tráng khiếp vía lẫn đi, răng đánh cầm cập như chân chạy. Có điểm canh mới nổi một hồi ngũ liên báo cướp, đến khi nghe loa gọi: “Cướp bến Bôi, cướp bến Bôi đây” thì ông khán thủ cũng quăng dùi trống lủi thoát thân. Có xóm nổi lên tiếng reo hò đón tướng cướp bến Bôi. Trong khi ấy, những kẻ cướp đã lệnh đi các xóm: “Bớ bàn dân thiên hạ! Bớ bàn dân thiên hạ! Đêm nay đốt nhà chánh Ất. Các quan không đụng đến nhà ai, ở đâu ở yên đấy. Đốt nhà chánh Ất. Đốt nhà chánh Ất!” Một đêm khác, ở làng khác “Bớ bàn dân thiên hạ! Vào nhà tổng Giáp! Cho vào nhà phó Đình, nhà hương Tý mà hôi của! Hôi của, làng nước ơi!”.

Những người trong nhà lý Ất, chánh Đình, trùm Lý được dắt ra ngồi quán giữa đồng, cứ đứng ngồi đầy trơ mắt ếch ra mà đợi sáng. Trong ánh lửa đốt nhà cháy rục, người các xóm kéo đến xúc thóc, khuôn hòm

xiềng vắn cả cái cối đá đập lúa trong sân. Quá nửa đêm cánh cướp kéo đi, như lúc lảng lảng đến. Mỗi người ngồi ngoài quán, bị trói tay, miệng trám một miếng sơn then. Ai cũng biết đây là dấu hiệu cướp bến Bôi. Biết cướp bến Bôi, không nhà nào dám đi trình báo, mà có đi thì quan cửa nào cũng làm ngơ.

Sáng hôm sau, những thuyền gỗ cá, những nan thả lưới lại tấp nập ra sông như chẳng dính đến những chuyện đêm qua ở tận làng xa nào. Chẳng một động tĩnh cái tiếng và những chuyện thần tình về kẻ cướp bến Bôi càng âm ỉ bay xa.

Cả những chuyện cướp của cứu người ấy nữa, Côi đã thạo. Đánh võ, vượt tường, lát phen qua chông chà, khóa trái tay, trám miệng cho câm họng... Một hôm, bác Cả gọi Côi đến thuyền. Bấy giờ buổi trưa, không phải chiều thường ngày, các thuyền riu lại vào đậu bụi lau côm nước rồi qua đêm ở đấy hay vào men bãi cát, dưới hõm bờ sông lở. Có việc trọng hay giỗ chạp thì đã biết từ hôm trước, các thuyền gỗ dưới mũi tạc hai con mắt thô lỗ uy nghi bơi về chơi đấu quyền, đấu võ, nếu không đi đánh dẹp đâu làm cứu tinh cho thiên hạ thì các thuyền vẫn hay chè chén, chơi nhởi thế. Côi ở vạ cũng đã lâu, như mọi người, cơ hồ bác Cả cũng nhãng đi rồi, chẳng thấy trò chuyện với - dường như bác Cả chỉ ngồi xếp bằng suốt ngày. Thế mà không ai có thể qua mắt, việc nào cũng đến tay. Bây giờ, nửa buổi, bác Cả bảo đến. Côi phân vân, lo. Trước mặt bác Cả, Côi phủ phục xuống.

- Ổn bác cứu sống con... Từ khi về đây, hôm nay con mới được lạy bác.

- Mày ở đây thì mày tường rồi, cái vạ bến Bôi này mang tiếng kẻ cướp nhưng chỉ đi làm phúc cho người ta, cả cho mày, mày biết đấy. Ngồi dậy, vào uống vài chén rồi ra đi vài đường quyền chơi. Nghe nói dưới làng mày cũng có lò võ được tiếng lắm, phải không? Rồi tao mới hỏi, có chuyện bảo mày.

Côi ngồi vào chiếu, hầu rượu bác cả, mãi đến chiều, đến tận tối. Những thuyền về luyện võ, tấp nập hò reo rộn một quãng sông. Nửa đêm, bác Cả nói câu chuyện đã rao lúc trưa. Không phải chột nhớ lại, mà bác ấy đã nghĩ, đã định.

- Đạo này thế nào?

- Nhiều lần con đã toan thưa.

- Ở đây, theo vạ rồi lấy vợ đất Bôi.

- Lạy bác, không phải vậy.

- Hà hà, lại còn giỏi đào tường khoét ngạch. Thế thì hôm nào cho mày xuống Kẻ Chợ, vào chơi nhà lãnh Quang một cái. Bây giờ thì mày như con thăn lẩn, bò vào nhà nó lúc nào chả được.

- Bác cho con đi. Con chưa dám nghĩ đến đường vợ con nữa.

- Ừ đi thì đi. Hôm nào mát trời đã. Tao bảo mày thành người bến Bôi, nhưng mày còn hãi cái đứa phản

phúc thì thôi, bao giờ hết sợ hãi hay.

- Con biết bác có lòng thương. Nhưng anh em đồng môn chúng con đã thề trước vong linh thầy. Thằng đội Quang được sống trên cõi đời này, chúng con không thể...

Rồi Côi giơ tay gạt nước mắt.

- Được, cứ khóc đi cho hả cơn đau, rồi ta lại chuyện.

- Ơn bác, ơn anh em, con đã khỏe mạnh như mọi khi rồi.

Bác Cả cười mỉm, vuốt râu :

- Từ nãy tao nói mọi sự để muốn nghe mày đấy thôi. Tao quý người, nhưng tao quý nhất cái người biết lo, mày biết lo. Được rồi. Tao không cản cái chí con người biết lo nghĩ. Con muốn thì con ở lại đây, rồi lấy vợ, sinh con như mọi đứa chúng nó. Tao tác thành cho. Nhưng con còn gánh nặng việc thầy con, thì con cứ đi. Hôm nào đi cũng được, ừ, để hôm nào mát trời. Có việc gì thì nhớ về báo.

Một ngày kia, Côi lại khăn gói vào Kẻ Chợ. Vẫn một dạ, một chí ấy. Chỉ ở nơi thanh vắng không bao lâu mà thấy quang cảnh nơi đô hội có dập dềnh, có tấp nập hơn xưa. Kẻ Chợ khác trước thật. Nhìn người qua lại, không phải chỉ vì nông nhàn rồi rảnh, hay ngày ba tháng tám kém đói, người ta như con chim kiếm mồi phải tìm nơi cầu thực. Không biết từ đời nào, đất Kẻ Chợ chẳng khi nào được yên hàn. Lâu lâu lại nghe tin có giặc, chẳng biết giặc già đâu, thế là trộm cướp nổi như ong. Người ta kéo bầu đoàn thể tử quáng quàng chạy loạn sang Bắc, xuống Đông, nương nấu nhờ vả chán rồi nghe ngóng, lại mon men gồng gánh về. Mãi rồi tai lành tai diếc thế nào, lại nghe giặc đã vào đến đầu ô, nhưng cũng chẳng nhúc nhích, vì nháo nhác rạc cả người rồi. Sau, chỉ còn nhà có máu mặt mới sốt ruột của nả, lo thân. Chẳng mấy nhà chạy nữa, chợ búa lại có người rồi đông dần, trông cái chợ thì biết yên hay loạn.

Bây giờ ai cũng bảo: các vùng kẻ quê phải lo sốt vó đủ thứ, chứ ở Kẻ Chợ lại đâm ra đỡ rồi ruột. Trong làng trộm cướp, người như con ngóe, lúc nào cũng bóp cổ nhau được. Thế là lại dòn ra, Kẻ Chợ càng đông hơn. Có nhiều người thì thêm công chuyện, ngành nghề, tiện kẻ mua người bán. Trước kia, ở các vùng đồi trên ngược có nghề ghép thùng, sơn thùng - cây sơn, cây cọ, tre vầu, song mây ngay quanh nhà, các thứ đẩy làm đẩy rồi mỗi chuyến cả chục thuyền, xuôi về bán cất cho các phường. Bây giờ, một dãy bên kia hồ đã hóa ra phố Hàng Sơn, phố Hàng Thùng. Có những cô lo sơn ăn mặt, phải đi tránh không dám qua các nhà bán sơn, bán thùng ghép. Rồi lại cái bàn cuốc cái lưỡi cày, cái cuốc bướm, cái đinh bừa, thườ thường trong Bùng, trong Canh, Diễn quảy ra bán cho người xáo vườn, làm bãi. Giờ ngoài cửa Đông mới dựng san sát lều quán lò rèn, người đến chọn, đến thừa dao phay, dao bầu, đinh đĩa, đặt tên là phố Hàng sắt, phố Hàng Bừa đều như nhau. Lại còn phố Hàng Mụn, mụn vá cũng thành phố, giàu có nhà quê không bằng ngồi lê Kẻ Chợ thật. Không phải phố Hàng Mụn chỉ bán mẫu vải màu làm bùa túi trẻ đeo tết giết sâu bọ tháng năm, mảnh vải vá, miếng chồi sẵn dệt dưới tay, mà cả tấm vải nâu non, cái thắt lưng hầu bao hoa cau. Các cô mua vì thay miếng vải nâu non mới cho cái áo đối vai, trông vẫn tươi, vẫn đom chán. Phố xá càng bộn

người lên đông vui như thế.

Cỗi lại vác cái rìu, tay xách chảo buộc mấy đồ nghề thợ mộc. Người làm mộc đi lẻ thế này không phải các hiệp thợ cất đình cất chùa, mà là người trong làng đi dong. Cỗi đã cẩn thận ngay từ lúc ở Bỏi lên không để lộ người phường chài. Cỗi vào chập tối đến đình Hàng Hòm. Thời buổi nhiễu nhương. Người ra đốc canh, công phường đã buông, sắp cài chốt.

Quả là đương khi ruộng đồng cạn việc, chỗ chứa trọ, người ngồi đầy mái hiên, sang cả dưới hiên, ngoài hàng nước. Đủ thứ, có bọn chân ướt chân ráo tới, nhiều người đã có việc chủ nuôi cơm, tối ra trọ đêm. Bọn thợ ván in ngủ khuất gian trong, nằm gối trên đồng gỗ ván thông mực mua thừa tận cửa rừng, đứa cáo già nào muốn rút trộm mấy miếng làm củi đun cũng chịu. Rồi thì đám đóng cối vào đình cổ Lương không chỗ len chân, lại mò xuống đây. Người nhờ độ đường, chẳng biết người ngủ nhờ thật hay là chú chích, hay lũ dật cướp vờ vịt nghe ngóng, đợi cánh, có khi nửa đêm gà gáy thoát một cái như ma biến.

Nhưng quả là chen vai thích cánh, không ai biết ai, nồng nặc hơi người hơi rượu. Ngoài hàng phố im im. Chốc chốc, điểm canh bên cổng phường nổi hồi tù và làm nhịp, bốn phường bên rúc ốc, điểm trống đáp, tiếng trống, tiếng ốc đối đáp xa dần rồi tại phẳng lặng như tờ. Nhưng trong cái đình thờ vọng ở phố Hàng Hòm vẫn huyền ảo như chợ vỡ.

Cỗi ngồi bó gối, ru rú một xó, chẳng bắt chuyện với ông mãnh nào đương ngả gối, la liệt quanh đấy. Từ lúc vào cái đình này, Cỗi động lòng chỉ buồn, chỉ thương. Hai mắt nhòe nước mắt, nhưng không ai trông thấy. Mới như hôm nào ra đây còn Trắt. Mà nay tan tác cả. Cỗi tựa lưng vào tường, mua xỉ từng chén một, nhấp suông. Đến lúc tà tà nằm nghỉ ghéch đầu lên cái chuôi rìu. Không biết khuya sớm thế nào, ngược ra thấy ông lão hàng nước đã úp cả mấy loạt bát đàn. Ông lão ngả lưng vào cái thúng rơm quần nôi nước. Không biết ông lão ngồi ngủ hay con rượu ngủ.

Những quán nước trên đầu chợ, ở ngã năm ngã ba ngoài đường, các đình đền thờ ở các phường thấp, âm ướt chỉ bằng cái am trong làng. Nhớ ngôi hàng hơn nhớ người, bởi vì chỉ là nơi ghé chân bên đường, cho nên cái câu rằng khách nhớ nhà hàng ví với các tay bán quán đủ loại ở Kê Chợ thì không phải. Lão ấy là ông từ, ông từ vừa quán nước vừa nhà đèn lo sớm tối đèn nhang ngày sóc ngày vọng. Có khi lão là người thiên hạ - cả đất Kê Chợ này ai chẳng là người thiên hạ dạt đến rồi thành quê, người cười cổ làm quan người ngồi dưới đất, ai đâu biết ai. Ở cổng các đình đều có người đến kê cái mâm chõng, đặt chõng bát bên cái thúng quần rơm ủ nôi nước chè tươi. Bán nước chè tươi hay đặt thùng nước vối làm phúc cho người qua lại uống cũng là việc phúc đức. Có khi thấy nơi quang thì dọn hàng, cũng hỏi qua người trưởng tuần thổ công thần đất ở đấy, thì người ta cũng ừ. Bởi đêm hôm mà ra đầu phường được bát nước chè đậm cũng giải nhiệt, cũng ấm bụng. Ngày nắng chang chang, khát rã họng thế mà uống hết bát nước chè tươi nóng xanh đặc, cơn khát vãn mồ hôi, tan hãn.

Khối người nghiện chè tươi, nhưng đun nấu, vò rửa linh kinh, người ta ngày đôi ba bữa ra quán. Đến khi Kê Chợ chen chân thêm nhiều ngành nghề thì các đình chùa am miếu có quán nước chè lại là nơi chứa trọ

trợ thời đêm hôm. Thợ dầu, thợ ngỗa, thợ sơn, cả những người lang thang vô công rồi nghề không biết tông tích thế nào. Các quán nước tiện dụng cho những người này.

Lão hàng nước người thế nào, không hơi đâu tò mò. Những ông bán quán lem nhem nhưng có điều hầu như ai cũng nghi ngờ thế nào. Cái lão mặt mũi sừng sọc ngời cùm rúm như con sâu đo, tay cầm gáo múc nước, mắt nhìn trộm. Lão đấy, người ra người vào, từ câu chuyện dùm rau dùm bắp, đến đáng vẻ con người, khác mắt lão thế nào được. Trông cái lão quán nước đình Hàng Hòm không thể đoán được tuổi, có lẽ vì thiên lôi đánh không chết, chẳng bao giờ lão chết nữa nên cái gì cũng biết như người trên thiên tào. Nhất định rồi, không thế này cũng thế khác, một chuyển mối lái, một câu mách nước, thì bằng công cả tháng ngồi còm còm múc nước ấy mà. Lại còn, biết đâu, những việc quốc sự tày trời. Các quan ngồi trong thành tường cao hào sâu, có tay chân, tai mắt các côi, thế mà đêm ngày còn lo xanh mắt. Làm sao mà quân nghĩa ở đâu cũng phao tiếng sắp kéo về lấy Kẻ Chợ. Những quán nước ông lão giả vờ khù khờ kia là trạm tin, chỗ hẹn, chỗ chấp chân, chỗ tụ quân. Nào ai dò được tổ con chuồn chuồn, những nghe ý tứ ở những quán nước lập lờ, không đầu trộm đuôi cướp thì cũng những tay trọng nghĩa khinh tài. Lão hàng nước nào cũng được lão quán nước đình Hàng Hòm, ai cũng kín bưng như cái hũ rượu nút lá chuối khô.

Sáng hôm sau, Côi bảo lão hàng :

- Ông cho tôi mượn đôi thùng kiếm bữa. May ra có người thuê quây nước sông, chứ vác cái rìu Thạch Sanh này thì xem ra trắng bữa mất. Ông cho tôi mượn thùng rồi tôi xuống quây nước giếng đền bà Ngô đỡ ông.

Ông lão nhìn Côi, nói :

- Bác có nhớ thì tôi đỡ, cứ đem thùng đi. Nước giếng đền bà Ngô thì chỉ có tôi thuộc giờ linh gánh mới được nước ngon lộc thánh cho.

Cái rìu, bó đồ mộc Côi gửi lại. Ông lão hàng nước nhìn Côi, nói :

- Bác này thật vô duyên với cái tràng cái đục. Lần trước ra cũng ế sừng lên rồi.

Côi chấp hai tay vái ông lão. Côi cũng quên cả cái lần đầu đi với Trắt, không biết ngủ đình cổ Lương hay Hàng Hòm. Đích rằng ông lão là người của bác Cả. Nhưng Côi không dám hỏi. Ông lão quán nước lại cử rử nói :

- Đi buôn may bán đắt nhé.

- Lạy cụ, con lạy cụ.

Rồi Côi tong tả trên vai đôi thùng tre ghép. Nhưng Côi không ra bến Đá như bọn quây mướn nước sông - người các phường mua nước sông Cái về đánh phèn cho lắng cát rồi trữ vào chum vại lấy nước ăn hàng ngày. Côi nhẩn nha đi về đảng dinh lãnh Quang.

Hàng bờ rào cây găng, cây ô rô phía ngoài cái lũy đất vẫn xanh om. Thấp thoáng, qua quãng tường lở, thấy bóng mặt hào nước. Cối đã rợn. Mới hôm nào suýt bỏ đời trong kia. Bây giờ lại lù lù đến. Nhưng ở phía trong những khoanh tre pheo phờ phạc, như bị chặt, bị đốt từng búi. Đến lúc qua giữa lối vào, chẳng thấy cổng giả đâu. Chỉ như là lối sau làng đi ra đồng, gồ ghề lốt chân trâu xéo nát những đám cỏ giữa đường. Ở cái hào ngay trong chỗ thẳng lãnh Quang núp giả người kéo vó, một đàn trâu ngâm mình dưới nước đương lớp lớp, ồn ã đánh sừng, quấy đuôi. Trông xa, không thấy tòa ngang dãy dọc nhà ngói bát vằn mọi khi. Cỏ lau mọc lô xô như bãi tha ma.

Nhà lãnh Quang đi đâu? Sao thế này? Cối nhận ra ở đầu hào chỗ trâu đầm cạnh cổng có một túp lều con, giống như Trắt đã kể dạo trước cái nhà cô Tư chết oan đã ở chỗ ấy. Cái lều vẫn tại chỗ ấy... Nhưng Cối đoán không phải lều hoang.

Một người đàn bà trong nhà bước ra sắp đi đâu, lúi húi chống cánh cửa liếp. Cối nhận ra cái váy lĩnh, cái áo chồi dáng hao hao bọn vợ lãnh Quang mà Cối nằm trong rọ bị khiêng qua sân thoáng thấy chúng nó gấp ghé sau tường nhìn vào. Chỉ khác vẻ sao xốc xếch, tiêu tụy. Chiếc váy chồi đụp bạc xơ xác xăn ngang gối, như mụ vợ thằng đồ ngang ngồi bán thúng ốc, thúng hến ngoài chợ.

Người đàn bà trông thấy Cối.

- Bác hàng dầu đấy phải không?

Cối đặt đôi thùng không xuống. Người đàn bà lại hỏi:

- Bán dầu phồng?

- Tôi đi gánh nước mướn thôi.

Người đàn bà chăm chú nhìn Cối :

- Này hỏi khi không phải, bác là cái nhà hàng dầu dạo trước đã vào đây bán?

Cối choáng người. Nhưng Cối cũng thấy ngay người này lẫn lộn không nhận ra Cối là thằng bị đóng gông đi sau cái cũi rồi phải nhốt rọ. Ả nhằm với Trắt đã vào bán dầu. Hay đây là cái người đã vì giúp Trắt mà chết, đây là cô Tư. Nhưng cô Tư đã trôi mất tích đêm ấy, Trắt đã mò cả quãng sông không thấy. Người hay ma? Mà Trắt lần ấy cũng đã về được, biết đâu cái cô Tư cũng về được, là người này.

Nhưng thế nào đi nữa, vừa chợt tới, đã gặp những bất ngờ có lẽ rủi ro. Cối thấy hoảng. Vì, vào đây cứ trần trần thế này, đến nỗi người ta nhận ra như một bọn, đại quá. Nhò đầu đã chui tròng lọng. Tiền đầu bất lợi rồi.

Cối nhón nhác, dé chân, toan chạy.

- Hãy hượm, vào đây tôi bảo.

Xung quanh, dưới đầm, chỉ ồn ào trâu đầm, phát đuôi, đánh sừng, rõ đồng không mông quạnh ở nơi dinh cơ không còn. Mà mặt người đàn bà nhăn nhó, khẩn khoản một vẻ không hiểm ác, mưu mô thế nào. Côi quảy thùng bước tới.

- Lại đi bán dầu há?

- Đã bảo mà, cái thùng rỗng đấy. Tôi ra bến quảy nước mướn.

- Bến nào, bến nào mà mò vào trong này?

Côi lại hớ.

- Không, không...

Côi còn lúng túng, người đàn bà đã cười cười :

- Lại đi giết lãnh Quang há? Khám đặng lưng thế nào cũng có con dao bầu, đích rồi.

Không thể tưởng câu nói ghê gớm đến vậy, nhưng ả vừa nói vừa kéo gấu váy xuống, lại cười. Côi lăm lét nhìn vào xó nhà, cửa sau.

- Sợ hả?

Rồi ả lại hỏi như thật mà lại như đùa. Mỗi câu, Côi cứ giật nảy người.

- Này, chúng nó đã đem trôi sông, đã đem chôn đặng ấy mấy lần rồi, thế mà vẫn sống nhăn răng ra thế này, người hay ma đấy?

- Không, không...

- Không với có gì! Chỉ một điều...

Thật ả nọ đã nhớ, đã nhớ nhầm mà lại dính ninh đúng. Chẳng lẽ Côi lại cãi. Côi đâm lo lo. Nhưng dường như ả có vẻ mau miệng, Côi toan hỏi, mà chưa lựa được lời. Người đàn bà này cũng không như người ta, con mắt quắc như điên điên... Côi vẫn ngồi, tay mân mê cái đòn gánh. ả vắt vèo ở bậu cửa rồi hỏi: “Định đánh người ta đấy à? Đợi đấy. Cho một đòn sặc gạch bây giờ!” Mặt ả, màu ăn trầu đỏ dần lên. ả đưa ngón tay cái chùi hai mép quét trầu, rồi nói :

- Lãnh Quang hỡi chết lại cút về Sơn Tây ngay đạo ấy. Chưa biết à?

Không giữ được bình tĩnh, Côi hỏi :

- Vậy a?

- Cái hôm nó suýt chết toi ấy. Phúc nhà nó còn bằng cái đình. Nó xin đổi về Sơn Tây. Lại lên Sơn rồi, không biết a?

Giọng nói, về chuyện đã khiến Côi được tự nhiên :

- Nhà chị được ở lại trông nom trang trại? Tôi hơi tò mò, chị bỏ lỗi cho.

- Trông nom cái con tườu. Nhưng mà anh có phải cái người bán dầu dạo trước?

- Chị là cô Tư á?

- Tôi không phải chị Tư, là em Tư, là nhà nó ời, nhà anh ạ. Tôi là bà Mươi. Lãnh Quang đương ngủ với tôi, em Tư dẫn anh vào chộc tiết nó. Nó bảo vì nằm với tôi mà tý nữa nó ra con ma không đầu. Vận tôi là vận ăn may, ông thầy số bảo thế. Nó đuổi tôi đi.

Rồi ả cười khanh khách, nói một thôi, như lên cơn dại :

- Tôi không phải cô Tư, tôi là bà Mươi. Đúng anh là con ma thằng bán dầu về báo oán. ừ, ma, tôi ở với ma cũng được. Anh ma cứ ở đây với tôi rồi hôm nào tôi đưa anh lên Sơn, ân oán phải rõ ràng chứ nhỉ. Cất cái thùng, cái đòn gánh đi. Hà hà! Anh ma bán dầu, anh ở đây với em. Thích quá.

Côi hãi ả sắp phát rồ. Côi nhẹ nhàng :

- Nói khê chứ!

Nhưng ả quát tướng lên :

- Ở đây chỉ có con trâu nghe thôi, nói với con trâu thì phải nói to.

- Thế thì tôi về đây.

- Ấy, đừng, đừng. Em nói nhỏ vậy.

Im lặng một lát. Hình như mọi hoảng loạn ở hai người cùng dịu đi. Côi hỏi :

- Chị trông nom vườn trại à?

- Cái anh này rõ ngu. Ngu thế mà ở với tôi thì phải ăn chửi, ăn đòn đánh suốt ngày thôi. Trông cái chỗ trâu đầm, chó ỉa này mà bảo là trang trại. Bầy đoàn nhà lãnh Quang vừa cuốn gói buổi sáng thì một lúc sau, người các nơi xông vào phá, khuôn đi tiệt, con chó đá canh cửa người ta cũng đào mất, không còn cái giống gì. Chẳng qua cái số tôi, giờ đây chẳng đứa nào khiêng, nhưng mà, bây giờ gặp anh...

- Nó đuổi nhà chị sao?

- Nó chê cái mả mẹ nó ọp ẹp, hãm tài, nó vứt đi.

- Như cô Tư ngày trước?

- Con Tư, con Năm, con Bảy, con... ối không đếm được. Ngày ấy, con Tư ghen tức thèm giết tôi, bây giờ tôi là cái kiếp con Tư đây. Tôi đã toan ra sông Cái trầm mình, nhưng tôi phải bóp chết con dê già ấy tôi mới nhắm mắt được.

- Chị một mình ở đây?

- Lại còn mấy mình nữa. À thêm đảng ấy, thế là hai mình.

Rồi ả nói :

- Chưa dám vào nhà ả? Còn sợ cơn chết hụt thì ngồi xuống bậu cửa này - Ắ nhích người sang một bên - Em kể cho mà nghe. Em bây giờ cũng như các ông anh, bao giờ em cắt được cái sỏ thẳng gờ tru đất diệt ấy thì em mới khỏi bệnh dở người.

Ắ hỏi Côi :

- Thế nhà bác bao giờ lên Sơn?

- Lên Sơn Tây quảy nước a?

- Ô hay! Đi cửa cổ cái thẳng cướp ngày ấy, không phải đi quảy nước, đi chơi. Chơi thì ở đây mà chơi chứ đi đâu. Nhưng trông hai con mắt ông anh thế kia thì vẫn vậy đấy.

Côi rùng mình. Câu nói không điên dại chút nào.

Ắ lại trêu :

- Mắt em na ná mắt anh, không soi gương em cũng biết. Phải đến khi đòi nợ xong mới đi được, phải không? Ở đây vài hôm, ta bàn cái đã, rồi cùng lên Sơn.

Côi chột dạ, nói bực :

- Rồi chị đi báo cho nó, để nó bắt tôi bỏ rọ à?

- Cái nhà anh này ăn nói bất nhân! Tôi đi theo nhà anh lên Sơn thì có. Cái Tư đã dắt anh vào nhà này thì ở trên Sơn, dinh cơ nhà nó, tôi đã thuộc như cháo, tôi dẫn anh vào. Nhưng tối nay ngủ đây đã, đi đâu mà vội.

Côi không muốn nói với người sáng, Côi lắng :

- Tôi chỉ đi quảy nước kiếm ăn qua ngày, chẳng biết chuyện vua quan ở đâu.

Ả bấm ngón tay, tính toán :

- Anh đứng ngoài, để em vào trước. Thằng ấy có bùa, nó nhiều mặt lắm, em mới nhớ được, chứ anh chẳng biết hết mặt nó đâu.

- Tôi chỉ đói thôi.

- Nhà còn cơm nguội kia.

- Tôi đói việc, phải đi làm.

- Anh còn nhớ đã có người cứu anh rồi chết vì anh đẩy thôi. Em cũng muốn được thế, quân bạc như vôi Quên rồi sao?

Nghe những chuyện đau đớn, Côi bối rối không yên.

Cái người mê cơn mê trận này cứ nói xưng xưng như thật chẳng ra thẳng thốt. Ôi chao, mớ bòng bong.

Côi đứng dậy.

- Tôi phải ra bến Đá cho khỏi nhớ buổi.

Rồi Côi quăng quả đi. Người đàn bà nín một dẻ quang, Côi giật ra được. Nhưng Côi cũng nói lấy lòng: “Rồi tôi lại về, chốc nữa tôi về”. Người đàn bà nhoèn cười, không giăng quang nữa. - “Chiều về đây nhé!”. Côi lúi lũi đi. Ả đứng trông cho đến lúc Côi ra khuất sau bụi tre ngoài đường. Ả lại sập cánh liếp cửa xuống. Ả nghĩ người này chẳng phải bọn gánh nước, bán dầu. Nhưng mà chưa dám tin ta. Lại một người đi tìm giết lãnh Quang. Lắm người thù nó thế. Anh ấy đã hẹn trở lại, chốc nữa trở lại. Ả vào cái giường chõng, nằm vật xuống, rên rĩ rồi khóc rưng rức.

Côi quảy đôi thùng không về trả ông quán nước đình Hàng Hòm.

- Đi muộn, chẳng ma nào hỏi!

Ông lão gật gù, nói đưa chuyện.

- Ở đất này bây giờ cũng người khôn của khó.

Ông lão sờ thấy mặt thùng ráo khô, không dính giọt nước nào thật, ông lão bảo :

- Uống bát nước đã.

Nhưng Côi chào ông lão rồi vác cái rìu đi. Trên sông Cái, cát bay mù mịt đỏ xạm, không thấy rõ, lẫn lộn dòng nước, bãi ngô, bãi dâu. Ngang trời vẫn vùn vụt màu phù sa. Cả ngày âm u không thật là còn trưa nay đã sắp tối. Người bước co ro trong gió ào ào.

Côi trở về bên kia sông. Lãnh Quang lại lên Sơn, dinh cơ hoang phế, người đàn bà bị ném ra đường hóa dại, ngổn ngang trăm nỗi. Thì bước chân về quê, may ra. Nhưng về cái xó đầu đồng ấy chẳng còn ai, lại thêm nghĩ. Đứng trên đê đã trông thấy làng thầy, thầy ta kia rồi. Lạ thay, mà vẫn hiển hiện như xưa, mặc dù quân quan đã tàn phá, bây giờ không ai đến đất ấy, cũng không dám gọi tên làng nữa. Nhưng trong tưởng tượng Côi vẫn thấp thoáng thấy mình đầu trục để hoa roi kín gáy đi trên đường cái vào làng rồi tạt về phía chợ, cây gạo cổ thụ trước điểm canh, là đình, là xóm nhà mái nhấp nhô bát úp. Nhưng nhìn kỹ lại, một gốc tre cũng chẳng còn. Cỏ lau lên ngút ngàn, mặt đầm nước xanh rợn những cây rút dại. Đương tàn mùa hoa lau, màu bàng bạc hoa lau trắng đục suốt chân trời. Người đi rảo bước vội vội. Sợ cướp đường cũng có, nhưng hãi nhất bao năm nay cả vùng đã là tha ma không có nấm, dưới đất ngổn ngang, người chết cháy, người chết chém ở trong làng, ở giữa chợ, xó xỉnh nào cũng còn nghe tiếng văng vẳng kêu khóc. Côi ngồi trên đường cái nhìn xuống. Đến lúc tàn nén hương Côi đứng lên vái xuống những bụi lau xác xơ: “Lạy thầy, thầy phù hộ cho con...”.

Rồi Côi lại ra bến xuống đò trở sang Kẻ Chợ. Nhưng Côi không đến đình Hàng Hòm tối hôm ấy, cũng không qua dinh cơ nhà lãnh Quang. Côi đương tính xem nên thế nào.

KẺ CƯỚP BẾN BỎI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương Iv (Tt):

ường ra Cửa Nam về Giám trước kia cứ chạng vạng tối, chỉ nghe châu chàng uôm oạp khắp các đồng hoang, bây giờ đèn đuốc rải rác, chỗ là nhà, chỗ người đi, chẳng khác chợ cá nửa đêm ven sông. Mà chợ đêm thật. Các phường trên Hàng Đào, Hàng Bạc, Hàng Điếu, cả đến trong ngõ Hà Trung, các nhà, các cửa hàng thì tối tối, chẳng khác cái hũ nút, tuần trăng đóng cổng phường đốc canh, nhà nhà lên cửa kín bưng rải ra bó chông chà từng chiếc như cái đinh đặt ngược lại còn lẫn lộn mảnh Chĩnh, mảnh chai sắc như lưỡi dao, bỏ khắp từ đỉnh mái xuống chân tường. Ngoài đường thì thoảng mới có bóng người lui hui. Tuần trăng nhìn vào tận mặt hay chỉ nghe đối đáp thoáng qua, đã biết ai, đêm hôm đi đâu.

- Người nhà cụ Ất, cụ Ất đình Ngang ấy mà.
- Đi mua thuốc đau bụng bà lang Bính chứ gì!
- Vâng ạ, đau bụng máu lên cơn lại hết thuốc.
- Không nhớ đi đêm phải mang đuốc à?
- Vội quá. Bác cầm mấy đồng uống nước cho tôi đi.
- Đứa nào kia? Đứng lại.
- Tôi đi gọi bà mụ, nàng dâu nhà ông hương Đình vỡ ối, để đến nơi rồi.
- Được.
- Thằng này sao đi linh kinh thế. Tên gì?
- Mỗ Ất, mỗ Giáp, mỗ con chó. Hỏi lắm thế.
- Tiên sư mày, đi đâu?
- Ông đi tìm rượu.
- Đi đêm phải có đèn đóm!
- Đéo có.
- Nhớ kiểm vài xó đem về điếm.

- Đéo đem!

- Ông gông cổ mày!

- Hà... hà...!

Chẳng ra phép tắc, chẳng ra ỡm ờ. Lơ mơ thế mà vẫn có người yếu bóng vía bị đóng gông ngồi đếm đến sáng vì tội đi đêm không có đuốc. Người nhà phải đem mấy tiền ra chuộc không thì cứ ngồi đấy. Thế mà lúc nào cũng có người vào ra. Ấy là chẳng kể những kẻ không ai biết tông tích, chui chỗ nào cũng lọt, như con chuột rũi. Nhưng không phải ai cũng mưu mẹo được thế. Phở xá đêm ngày cứ nghìn nghịt, trong làng kéo đến Kẻ Chợ mỗi vụ càng nhiều hơn chỉ vì đói, vì rồi việc, vì có nghề thì đổ ra nơi đô hội kiếm miếng. Lâu nay, Côi đã thế, đi bán dầu, đi thợ ngỗ, thợ mộc, Côi biết! Cái ngày còn chưa thạo, đêm hôm bị tuần trong phường bắt nạt, phải dạt ra đầu ô, như Côi vừa thấy lăm đóm đuốc trước mặt. Ở những nơi nửa phường xóm, nửa đồng không mông quạnh này, đến cả trăm kẻ cướp tụ tập cũng chẳng ai biết đâu, hướng chỉ những cái đuốc lập lòe ma trơi hay người đi lủi thủi. Bởi thế, ở các cổng tỉnh còn bọn bề hơn trong phường. Bất giác, Côi thở dài. Những năm gần đây càng lắm người ra tỉnh. Mất mùa, vỡ đê liên miên, người ta đi tha phương.

Côi về đến chùa Xiển thì đã tối mịt. Vừa thấp thoáng lũy tre, ao bèo, con trâu nghênh sừng lẳng lẳng qua, rồi đuốc đóm chấp chới, bây giờ thanh vắng, cứ ang áng nhớ đường mà đi. Tiếng mõ thỉnh kinh, niệm Phật đều đều như nước giọt gianh. Mùa hoa mộc rừng rừng ngan ngát, thơm thanh khiết. Hai cái cột xoan cổng tán đã xiêu, chỉ một trận mưa rào mùa hạ tới thì đổ cả. Cái liếp cành rong đã hạ xuống, nhưng cũng tuông một mảnh, cả người lọt vào được. Nhưng mà chấp tối không ngửi mùi khói bếp, không tiếng gọi lợn, không tiếng cãi nhau chửi rủa léo xéo. Con người đã vào côi khác, u tịch trầm ngâm không như cái nhộn nhạo thường ngày ngoài trần gian.

Gian giữa chùa, trong ánh đèn dầu trám lung lay đỏ bẻm, chú tiểu đương tụng kinh. Mỗi lần thỉnh cái chuông nhỏ trước mặt bằng bàn tay úp, cái đầu tròn xoe cúi rạp, đến khi ngừng lên, tay mõ lại đều đều, tiếng niệm Phật rì rầm thăm thẳm. Côi đã nhận ra chú tiểu là thằng bé trong Sủi chạy ra năm ấy. Bây giờ nó đã lớn. Có còn nhớ làng bị đốt, cha mẹ chết cháy hay chết chém, mày còn nhớ không? Côi cứ đứng yên ngó khe cửa, không bước vào, không muốn động đến giờ giấc của nhà chùa. Và Côi cũng đương chìm đắm trong cái thư thái này. Nhưng lòng Côi thì không yên. Côi cứ nhớ hôm nao thằng bé trần trụi như cục bùn lăn trong đồng lửa ra.

Một lúc, một hồi chuông lạnh lạnh ngân nga rồi vắng lặng, chú tiểu đứng dậy. Trong tĩnh mịch như thế, hồ như cảm có hơi hướng gì lạ. Chú tiểu quay ra, mở then cửa, giơ bát nền khói đen cuộn lên. Chú tiểu đã nhìn thấy người ngồi ghé bậc cửa đứng dậy.

Côi nói khẽ :

- Nhà chùa có còn nhớ tôi không?

- A bác, lạy bác, con... Con quên làm sao...

Hai người vào nhà hậu. Sư tổ chùa Xiển đã về nước Phật lâu rồi. Mấy năm nay, sư ông Thiện Tâm lại hay ốm đau, mọi việc chùa, cơm nước, kinh kệ, khách thập phương lễ bái rồi vào hạ đi khuyên giáo, cả việc đồng bãi lấy ngọc thực nuôi thân nhất nhất đều một tay tiểu Từ Tâm gánh vác lẫn hồi.

Nhà chùa chỉ có sào ruộng hậu vừa cày cấy vừa vườn tược, thầy trò quanh năm quần nâu áo vá. Ấy vậy nhưng sư ông Thiện Tâm vẫn thường nói: thầy ngẫm ra phúc đức cửa từ bi không bao giờ thiếu, thầy đã theo hầu sư tổ được hơn sáu mươi năm đến khi sư tổ khuất núi, bây giờ Phật phù hộ độ trì, có con về...

Bên giường sư Thiện Tâm, chú tiểu Từ Tâm quỳ xuống trước mặt Côi :

- Lạy bác, bác cho con gọi bác là bố, là mẹ, bác là bố mẹ con, bác nhận cho con.

Côi mỉm lòng, nâng tiểu Từ Tâm đứng dậy. Lại nghĩ đến cái làng Sủi đương cháy.

Tối hôm ấy, sư ông Thiện Tâm hỏi Côi :

- Những lo toan của bác được đến thế nào rồi?

Côi chấp hai tay vái sư ông.

- Sư ông có lòng thương hỏi đến. Gian truân lắm, nhà chùa ạ.

Sư ông Thiện Tâm không hỏi thêm, mà nói sang chuyện lúc nãy :

- Bấy lâu nhờ cơ duyên mà bác cho tiểu Từ Tâm về chùa tôi, cái may thật không kể xiết. Thế mới biết đất Phật ở đâu thì có hương khói đấy, không bao giờ suy vi được.

- Công đức thầy dựng nên, đời này mới có đời kia, đời đời thế vậy.

Đêm ấy, ở gian nhà hậu trông ra vườn sau, Côi kể cho tiểu Từ Tâm nghe lúc ban ngày vừa về qua làng, thấp nén hương cúng thầy với oan hồn cả làng. Tiểu Từ Tâm nói :

- Ở chùa năm nào vào hè ra hè, sư ông cũng dạy con cúng cháo giải oan cho chúng sinh, con lại khẩn về làng, con vảy cháo về phía bờ sông.

Trận mưa đầu mùa rào rào trong đêm, như cả nghìn vạn người ai oán khóc. Nhưng Côi không nói một lời về cái đau đớn khủng khiếp những ngày qua. Côi nghĩ đầu sao nó cũng còn là đứa trẻ, lại đã lênh đênh mồ côi thế này, chẳng nên cho nó khổ ải thêm nữa.

Tiểu Từ Tâm hỏi bác Côi :

- Bao giờ bố lại đi?

- Mai.

- Hay là bố ở đây. Thầy con dạo này yếu lắm không biết thế nào. Mai bố lại đi đâu?

Côi ngồi lên, như lắng tai đợi dứt mưa. Rồi nói :

- Đi việc ấy. Bao giờ xong thì mới yên được.

Từ Tâm lặng im. Đứa trẻ mười mấy tuổi đầu, nhưng những khốn đốn đã trải thì óc đã cả nghĩ chẳng khác người có tuổi. Dầu chẳng rõ việc gì nhưng Từ Tâm hiểu câu nói ngăn ngủi mà buồn, mà quả quyết ấy có ý nghĩa đến như thế nào.

Hôm sau, Côi đi sớm. Sư ông Thiện Tâm chống gậy ra tận cổng ngoài.

- Biết khi trở lại có còn gặp nhau không?

Côi chấp tay vái nhà sư.

- Nhà chùa cho lộc cứu vớt tiểu Từ Tâm, không bao giờ con quên được, thì dầu rồi đây thế nào cũng là như ta còn gặp nhau, sư ông ạ.

Sư ông Thiện Tâm không nén được nước mắt lăn chã trên khuôn mặt úa võ vàng.

Chỉ mới mấy ngày ở Kẻ Chợ mà dường như đằng đẳng. Căn do chỉ vì thằng lãnh Quang đã chạy chết về Sơn Tây rồi. Mọi việc phải tính lại cả. Chi bằng hãy lên Bôi cái đã.

Buổi trưa, Côi sang đến bến. Côi đã thuộc nơi vạ trú những giờ giấc các nan thuyền qua lại. Bến Bôi đã là làng nhà, khác nào nơi chôn rau cắt rốn. Mà Côi còn trông vào đây, trong khi phương nào cũng bơ vơ rồi.

Bác cả Bôi với một lũ tay lưới cời trần phơi cá trong những cái nia đại đặt trên mái khoang. Nghề này học được dưới đường bể, tháng sau đã sẵn cá ướp bán cho phường buôn các chợ ven sông để các nhà khó mua về trữ, phải khi mưa dầm gió bắc, ăn cá sông muối khô còn nạc hơn cá mắm bể, mà khéo tay còn làm nước mắm ăn Tết, chẳng kém mắm cáy. Bác Cả rõ ra một nhà chài lão luyện nghề, cả đời đứng chèo chống, hai vai nở lực lưỡng hơn vế chân. Chẳng một vẻ nào là tướng cướp. Cũng hay ở đời, biết bao kẻ như hăm hổ cầm chông, nhưng lại có người như bác Cả mà lắm người sợ, người phục. Bọn quan nha các huyện và ở Kẻ Chợ tảng lờ làm như không biết kẻ cướp bến Bôi, tướng cướp bến Bôi, nhưng trong dân gian thì lũ lượt tìm đến vái lạy, kêu cầu như trước bàn thờ Đức Ông và những ông hộ pháp thiện ác giữ cửa chùa.

Bác Cả trông lên bờ, thấy Côi :

- Đã về đấy a? Công cốc chứ gì!

- Chẳng được một hạt việc. Chán quá.

- Việc gì mà chán! Phải nghĩ nó lại cút ngay về Sơn Tây, thế là nó khiếp chúng mày, khiếp cái gan chúng mày. Về đây nghỉ đã, rồi lại tính, ngày rộng tháng dài mà.

Cái bến dò ngang sang Bồi những buổi chợ vẫn tấp nập.

Vào mùa cạn, các bè luồng, bè gỗ, bè vỏ dó, bè củ nâu, gỗ, bè sơn thùng gỗ mò trên ngược về đàu dài dằng dặc đến tận bến Bà Móc, chợ ống Nước dưới Kẽ Chợ trên bến dưới thuyền vui như hội.

Đến bữa chạp tối, Côi mới biết chuyện vừa rồi Côi đi, ai nấy đều sốt ruột. Bác Cả đã nhả xuống dưới Kẽ Chợ. Trong đám nhốn nháo đêm hôm ở đình Hàng Hòm vẫn có người bến Bồi, cả lão quán nước cứ giả bộ ngơ ngơ ăn nói lửng lơ thế, đã đủ biết, mà không ai thấy Côi đâu.

Côi vái bác Cả :

- Bác cũng là người đẻ ra con, bác thương con.

Bác Cả quát :

- Ô hay, làm thằng đàn ông không được lúc nào cũng vái lạy, lúc nào cũng vãi nước mắt ra. Bây giờ mày muốn sao?

- Con phải lên Sơn.

- Được rồi. Hôm nào ngược, tao sắm cho cái nan tre đực. Nhưng mấy bữa rày được nắng, hãy ở nhà phơi cho xong vụ cá này.

- Dạ.

Việc nhà chài, có vụ có mùa vất vả chẳng khác những nặng nhọc cổ cày vai bữa đồng ruộng.

Suốt ngày dãi nắng, đến tối sáng trắng, thuyền dờ mái khoang, mâm cơm dọn ra như ở giữa sân gạch thoáng mát hây hây gió. Đường vui chuyện, bác Cả hỏi Côi :

- Mày tăng tịu với con vợ thái của thằng lãnh Quang?

- Không, oan cho con.

Bác Cả cười :

- Tao hỏi cợt thế thôi. Chứ thằng người đã có phen những con nặc nô ấn vào cửa Âm Phủ rồi thì phải

biết ketch quân chó má chứ.

Côi chỉ biết cúi mặt, ực một ngụm vào họng như tiếng trả lời câu nói đặng người. Cái gì bác cũng biết, như từ trong bụng người ta đi ra, bác thánh quá.

Hôm sau, Côi lại ra anh thuyền chài. Lúc thì ve vé chiếc nan đi dăng lưới, trưa nắng, cời trần, truyền mái khoang bưng nong nia phơi cá. Chẳng khác mọi người xung quanh, mọi công việc ngày ngày. Không gì sốt ruột hơn chờ đợi, vừa nấn ná lại vừa nhấp nhòm. Mà không dám hỏi. Tính bác Cả thế, chỉ nói như ra lệnh. Chuyện rắc rối, khó khăn đến thế nào cũng hỏi một câu, nói một câu. Rồi lại như dạo nào, Côi đông dài đi bỏ lưới, đi cầm câu, lại có đêm vác thang theo anh em đi ăn cướp. Lắm lúc, cáu bực vu vơ, nằm khàn trong bụi lau, trông lên bờ, thấy xa xa những cây xoan cuối mùa, cành trụi đen, đàn cò trắng bay qua, không biết về tận đâu, như treu người thẳng nằm xó. Nghe sóng óc ách rồi ngủ quên lúc nào.

Bác Cả lay Côi.

- Tao đã chọn được cái nan tre cật nhẹ lắm. Sắm lưới câu, lưới lừng, lưới chũm đủ phòng khi. Cả đồ nghề thợ mộc. Ở dưới nước thì sống nhờ con tôm con cá, lên bờ có cái tràng, cái đục, cái thùng dầu. Thế nào thì cũng không chỉ ở Sơn một ngày. Đi đâu cũng phải cẩn thận cầm cái nan một chỗ. Nan là cái nhà, cái cần câu cơm, chỗ nào cũng kiếm được, cá ăn cá bán, thế là mọi thứ xong. Bây giờ mày đi hôm nào cũng được.

Bác Cả chu đáo, trước sau, định hỏi thì thấy đã đủ, lại không hỏi. Trong bụng mừng khắp khởi, hôm sau, Côi lên lò rèn trên bến làm cái lưới cước, đánh hai con dao - bấy giờ chưa bận rộn thời vụ gặt hái, bố con nhà phó lò chỉ phò phốp kéo bễ, động búa nửa buổi đã xong tất. Côi xách con dao mới ra rẹ sông, thả cánh phat một lúc, đã ngả quang mấy bụi chuối đại Được rồi, những con dao đem lên Sơn làm cỏ cả nhà chúng nó được, phen này thì mày chạy dăng trời.

Tình mơ, sương đọng ngọn lau lộp độp rơi xuống nan như mưa nặng hạt. Những cái thuyền đi cá sớm đã vun vút ra, mặt sông vẫn mịt mù hơi nước và những con gà ngõ chưa sáng còn gáy ran quanh mạn lái.

Đêm qua, Côi đã đến chào bác Cả. Bác cả Bồi nhìn Côi giây lâu rồi “ừ” một tiếng, nét mặt tươi dịu, bộ râu rung rung. Tiếng “ừ” bằng lòng như bảo: được rồi, mày cố làm nên việc.

Mọi thứ linh kinh đã xếp cả lên nan, mà nửa đêm qua Côi vẫn vợ không chớp mắt. Nhớ cái hôm bỗng dưng bác Cả hỏi có giăng gió cái con vợ thái nhà lãnh Quang không. Rồi biết bác Cả nói chơi, thế mà khiến bây giờ Côi áy náy. Nhà chị Tư đáng thương kia bị nó ghét bỏ thì Côi chỉ nghe Trắt kể, nhưng cái ả đương dở đại dở điên đây, có thể nó dám cầm dao chém con dê già lắm. Giọng cay đắng, tròn mắt đỏ đờ, có thể. Thêm một tay hạ thủ được con chó. Hay là cho ả đi theo, biết đâu mà nên việc. Huống chi, ả lại thông thuộc đường đất cái dinh cơ nhà nó trên Sơn.

Nhưng ý nghĩ về người đàn bà ấy cũng chỉ loáng thoáng chớp chờn từng lúc. Cái đau giết người mà con

mụ đồng chiêm gây ra khiến Côi không thể nào để tâm hơn về cái hạng đàn bà bấy giờ. Dầu cho là chưa tình nghĩa một đời, thì đã gần ấy năm trời ăn nằm với nhau, mà nữ nào nó lật mặt không biết góm tay, nó cầm con dao đâm chết tươi cái đứa mới đêm trước ngủ với nó, mà tội nợ, mà oán thù truyền kiếp nào cho cam.

Nghĩ thế, Côi bàng hoàng, Côi không còn tư tưởng đến chuyện có thể đem cái người đàn bà tội nợ kia lên Sơn. Thế mà bản khoán, mà bòn chòn, không dứt nghĩ được, chốc lại ngồi, cái nỏ điều lại kêu giòn tanh tách. Đến lúc nghe những con vạc đi ăn đêm về lác đác qua kêu trong sương ngang đầu, biết đã tang tảng sáng. Côi vớ cái điều cày vẽ một điều hút cho tỉnh hẳn ngủ.

Chiếc nan của Côi đã ra ngoài bụi lau, nhấp nhô giữa dòng nước cuồn cuộn đỏ. Hai tay hai mảnh ván, cái bàn và chém nước như con cá bơi. Từ đây lên Sơn Tây, đồng đất chỉ quá nửa buổi. Nhưng chẳng biết đường sông mà lại ngược nước thì mấy ngày. Gặp nước tĩnh thì cho nan vào men bờ, thả vãi quăng lưới, nhắc lên con măng, con chép có khi gặp con chằm đôi, lôi bằng cả nan đi một quãng. Hôm trở trời, đêm câu cầm trong bờ chỉ được con rắn mòng. Sáng sớm chợ mai, chiều đến chợ hôm, chỗ nào thấy người lố nhố ra bãi thì biết gặp bến, gặp làng, đấy có chợ. Nhưng chợ ven sông bao giờ cũng có thoảng có thì chốc lát. Côi đẩy nan vội vào bán cá, đổi cá lấy gói muối, đóng đầu gạo rồi bẻ củi, dẫn ống nứa, xuống nan đun nấu, làm cơm. Tối tối, vào trú bụi sậy, núp chỗ bờ hoắm bớt sóng, hôm sau lại đi. Ngồi mũi, hai tay như vây con cá, cái nan chống đuôi mãi miết ngược nước.

Cũng một dòng sông Cái, nhưng càng lên, mỗi lúc một khác dưới kia, làng mạc và bãi ngô, bãi dâu đôi khi nhô ra mép cát, mùa nước cả, các nhà phải khuôn dọn chạy lụt vào trong đồng cao. Trên này, suốt ngày trông không thấy một mái nhà, hai bên sông bát ngát lau sậy, hoa lau trắng mờ, lúc nào cũng như sương chiều. Hôm qua, thấy một bến cát đỏ, ghé vào hóa ra có tảng đá ong trồi lên. Rồi đến quãng lác đác bờ tre, tường đá ong xếp, không phải vách đất. Những cây cải đại như dóng ngô, không ai hái, đã xù xì như gốc chuối cụt. Thế mà những đàn bướm vàng, bướm trắng vờ tở ở đâu ra. Mùa rồi, dưới bến Bôi, bướm ra nhiều Nhưng bấy giờ đã tàn các loài hoa, bướm đã vãn rồi vắng hẳn. Trong khi bướm ở trên này vẫn ra nhiều như hoa cải vàng nở trôi trên dòng sông. Đàn bướm rộng cánh như nhung như gấm giỡn theo bè nứa vào bến, như những cái bè chở đàn bướm từ trên ngược xuôi về làm đẹp tận Kẻ Chợ. Đàn bướm vàng phấp phới mặt nước bỗng bay cất cao lên bờ lác đác mái nhà, lá cọ, tường đá tổ ong đỏ hắt. Chắc gần tới thành Sơn. Nhẩm tính, không nhớ được nan ngược đã mấy ngày, sắp đến Sơn Tây, đàn bướm rục rờ như đón rước, chắc là diềm lành. Lúc chia tay với sư Thiện Tâm lại nhớ lời dặn của bác Cả, đến đây thì được những đàn bướm bướm vàng nô nức múa chào. Tự dưng, Côi thấy vững tâm. Trông ra sông, bướm tới tấp bay, như đàn bướm vàng đã theo nan từ Kẻ Chợ lên.

Chẳng mấy lâu, Côi ghé hỏi thăm biết đã đến Phù Sa, trông lên thấy bờ cỏ cao như con dê vào đường cái quan. Bến tỉnh có khác, dò ngang sang Phú Nhi trở người về chợ Nghệ ngày nào cũng có chợ. Gồng gánh qua lại tíu tít, mép nước đậu san sát những bè gỗ, bè nứa lá đợi xuôi Kẻ Chợ. Trên đường, ngựa quan hay ngựa lính hỏa bài phi rầm rập, bụi đỏ lầm.

Đã xế chiều, nan của Côi ghé vào giữa đám bè cây luồng, lá cọ đậu cao lừng lững như những tòa nhà dập dềnh mặt sóng. Những người kiếm ăn sống nước, nay đây mai đó, ai cũng như đã sẵn quen biết. Côi sang bè được kéo vào ngồi ăn uống rồi ngã xuống chiếu xóc đĩa. Toàn những người nghề chở bè, kéo bè - các chủ bè thì từ chập tối đã rủ nhau vào tỉnh chè chén, dú đờn hàng thịt chó, thịt trâu thui trong phường Đông Tác đầu chốt Nghệ, nghe nói ở những nơi ăn chơi ấy có hát phường chèo, hát nhà trò. Những người chở bè thuê chưa bao giờ lên đấy mà cũng chẳng để ý. Các mụ bán quán, gái hàng cơm với chè rượu, bài bạc cả đêm trên bè thế này cũng đã đủ mê tơi. Chẳng biết Côi là thằng nào, ở bè hay ở thuyền, nhưng thấy có giỏ cá, có ống rượu, lại có gạo góp thối cơm, thế là chụm đầu một mâm ngay được. Trong câu chuyện Côi dò hỏi bọn khố rách chở các bè này, đầu đã thuộc nhẵn bến Phù Sa, lại thường có khi xuống các bến dưới kia, nhưng vẫn không hề bước chân lên phường phố đất Sơn Tây, đất Kẻ Chợ, nên cũng không biết gì. Chẳng qua cầm cái cày hay độn vai đẩy cái sào ngược nước cũng thế, người lên khỏi cánh ruộng xuống con nước cũng là moi móc đi kiếm cái ăn cho vợ con ở nhà mà thôi.

Chẳng mấy lâu, Côi đã thuộc bến, lại có hôm lên chợ Nghệ ngồi quán như một chủ bè qua lại Sơn Tây, đã lặn với tay chơi sồi.

Côi cảm nan trong bụi lau, buộc chắc cho sóng to cũng không tuột được. Rồi lên chợ Nghệ, - chợ quê, chợ núi mà người đi chợ đông như kiến cỏ. Chỉ la cà một thôi trong chợ đã biết mọi sự về dinh cơ lãnh Quang. Ông lãnh không ở chỗ cũ. Ông đã lên quan chánh lãnh binh, ông sai lính và đốc thợ trong làng ra làm dinh cơ mới, còn bè thế hơn tòa nhà dưới Kẻ Chợ - ấy người nọ nghe người kia, chưa chắc ai đã nhìn thấy cái nhà ông ở dưới Kẻ Chợ. Bây giờ dinh cơ mới ở đường vào cửa Hậu, mỗi chòi canh cổng một bọn lính gác, cha chả là oai, nhà ông đội thăng lên ông lãnh oai nghiêm khác nào dinh quan tổng đốc dưới Kẻ Chợ, trên Lâm Thao. Mà sẵn lính tráng trong tay, các ông quan võ hét ra lửa, quyền sinh quyền sát gấp mấy ông quan văn ngồi trên cao.

Đi với những gồng gánh các nơi đổ về chợ, Côi đã ra cửa Hậu, qua cổng nhà lãnh Quang. Cũng hết cái nhà dưới Kẻ Chợ. Thế thì càng dễ, nhưng bây giờ thì sao, hầy cốt lọt được vào đã. Đồ nghề mộc xem ra dễ kiếm việc nhưng khó xử. Nghều nghện vác chiếc rìu đi hỏi việc, ai biết được nó là thợ mộc hay là kẻ trộm, kẻ cướp. Cái đinh, cái búa thật lộ liễu, dễ bị nghi. Mà cái nghề làm mộc thì trên này vứt đi. Không thấy ở đâu bóng dáng chiếc hòm thợ mộc. Đất đường rừng không như dưới Kẻ Chợ, đóng cối, làm nhà, thì làng xóm giúp một tay chẳng cần đến mặt anh thợ nhỏ. Nhưng thấy người bán dầu ngồi cả dãy ngoài chợ. Thế thì lại đi bán dầu.

Lại làm thằng bán dầu. Dầu sỏ, dầu trầu, dầu lạc, dầu thắp cũng là nghề thực của Côi xưa nay. Có điều là phải ngửa trước. Đây chẳng phải là Kẻ Chợ, không ai quen, nhưng Côi đã từng vào nhà lãnh Quang, nhiều đứa có thể đã chạm trán Côi, ngộ nó mà nhận ra thì khốn. Cái này khó nghĩ nhất đây.

Côi lại xuống nan. Càng thấy bác Cả cho Côi đi nan lên thì thật giỏi, bác đã bảo “nó là cái nhà” của mình, ở nhà thì không phải nhờ vả, không lộ tung tích.

Côi nằm nghĩ suốt ba đêm.

Rồi Côi điềm nhiên lấy con dao xẻo ra từng miếng má, lại đâm nham nhở vào trán cho chảy máu lỏa lợi. Côi cắn răng, nắm sốt li bì mấy hôm. Cho đến khi hai bên má, trên trán đã thành sẹo, Côi cắt mớ tóc để lòa xòa như người mới ốm dậy, rụng cả tóc, đầu loi thoi cạo dở. Chòm râu quai nón trở ra, rậm rịt lấp nửa mặt. Côi đã thành ông lão dị dạng, mặt rỗ về vệt, bước đi lom khom không còn ra dáng người cày cuốc khỏe mạnh nhanh nhẹn xưa kia.

Hôm ấy, sắm sửa quyết định. Hai cái thùng vầu ghép, một bên đựng dầu trầu, đèn ngoài ống dầu lạc, một thùng không, trong để con dao bầu, dao phay. Bộ quần áo nâu da bò, bạc như mo nang, Côi xé thùng thêm một bên gối cho thật toát tả, thất thiếu. Định dạo qua cổng, có cơ hội vào được thì hay, bằng không thì đến tối, quăng thùng dầu đâu, rồi chui rặng ô rô. Đất lạ, nhưng Côi không lúng túng, bờ ngỡ như cái lần vào đình lãnh Quang dưới Kè Chợ. Bây giờ Côi đã từng là quân cướp bến Bôi, bơi lội như con dái cá, leo tường chẳng khác nhái bén, khóa nào cũng móc được, mở êm ru.

Côi đi qua mấy lần, đã để ý vẫn cái bờ rào ô rô kín mít ngoài cùng, rồi đến tường đá ong. Bên trong, một vòng hào đầy nước bọc quanh, ở giữa, cũng tòa nhà bát vắn hàng chục gian, hai phía nhà ngang, nơi kho đụn, xay giã, nơi bếp núc, nơi lính tráng ở. Gian nào cũng hàng hiên chạy dài. Đằng trước, cái sân gạch mới, cả trăm người ngồi đứng được. Trên hè, lại chiếc sập gụ chân quỳ, ngày ngày có việc quan lãnh Quang ra ngồi đấy, vẫn như mọi khi ở dưới Kè Chợ. Đằng sau nhà, một khoảng vườn cây cối lẫn tre pheo. Có khi lại cũng là nơi treo các rọ tù trên cây. Cái thằng Diêm Vương này ác tuyệt trần đời, không làm nhà ngục, chỉ bỏ rọ người treo lên cây, mặc mưa nắng, khi nào chật quá, hết chỗ buộc rọ thì lại đem vứt trôi sông cho chết bết đi. Côi định đến xế trưa đi qua cổng một lần nữa. Rồi náu vào cái gò mối sau bụi tre, đợi nhập nhạng tối, xé bờ rào ô rô vào sau vườn. Bơi qua hào rồi leo lên cây nằm phơi mình đến khi sương xuống nhạt hết hơi, người như đông cở khô, những con chó và cả đàn ngỗng thính người cũng không thể đánh hơi được. Những việc này đã thuộc như nghe bài thầy giảng.

Côi lên chợ Nghệ. Thường ngày, chợ Nghệ quá buổi đã vắng người làng xa. Nhưng ngày mai phiên, các vùng xung quanh, từ Cần Kiệm ra đến Bún, đến Gạch, người đã về chợ từ trưa hôm trước, đem của rừng, những củ nâu, mật ong, các thứ lá thuốc, rễ cây thuốc hái trong núi và những chiếc bu nhót con trăn, con khỉ, đôi khi người Mường, người Mán trên Ba Trại xuống, khiêng đi chợ cả cái cũi con hổ, con gấu bấy được. Thành thử lại có cả cái chợ Nghệ con con họp từ trưa hôm trước chuyên tay bán đổi vai. Bên hào thành trước cổng chợ có các hàng cơm, quán trọ thơm tất đủ cả.

Côi ngồi ngất ngư vài chén với bánh đậu Nghệ nướng vàng óng, chấm muối. Trông ra, ánh nắng đã xuống chấm ngọn tre. Côi đứng dậy, thông thả quảy đôi thùng đi. Đã đành xưa kia cũng đã quen trận mạc theo thầy kéo quân qua hầu khắp đất Sơn Tây, nhưng đêm nay thì thế nào? Lạy thầy, thầy sống khôn chết thiêng...

Nắng đã xế ngang lưng bờ tre, vàng rợn như sau cơn mưa có cầu vồng mọc lên trong bụi cây. Côi quảy đôi thùng, nhẹ nhàng bước. Tiếng tù và vừa dứt, người lính trên chòi cổng xuống đẩy hai cánh cổng mở

hoác. Có đồ nhà bếp về. Mấy người lính ở trong sân ra, như đã thành lệ, thấy người nhộn nhạo thì canh chừng rồi cùng lính canh đẩy hai cánh cổng lim nặng như tấm phản, khép vào cho thầy đề khóa lại.

Lúc ấy mấy người đánh hai con trâu mộng cùng với một gánh hai bu gà Mía ngon thịt có tiếng. Mấy hôm rồi, đã lân la hỏi chuyện bọn lính lệ, quân gia nhà lãnh Quang ở hàng quán chợ Nghệ, biết được các thói nó ở các buồng vợ và cả những khi lãnh Quang vào chân núi Ba Vì săn nai, lại các dịp nó lên tỉnh trên Lâm Thao. Vừa oai vừa cẩn mật, thôi thì tuần tráng canh đường, đứng đường, tổng lý các làng ven cũng phải vất vả ra túc trực. Quân đi một đoàn, có đến mấy người cùng cưỡi ngựa, đội nón dứa chóp bạc, quần chổi nâu, đeo gươm giống hệt ông chánh lãnh binh. Muốn ám hại cũng khó biết người nào là nó. Từ khi mấy lần chết hụt dưới Kẽ Chợ, lại trở về Sơn, càng phòng bị ráo riết. Côi đã trông thấy mấy con trâu thịt béo tròn, những bu gà Mía, lại tiệc tùng đến nơi, cái tật ham mê chè chén thì nó không giữ gìn được, của ngon vật lạ quảy vào kìn kìn thế kia, chắc là lãnh Quang đương có nhà.

Côi lững thững qua, mặt ngược thẳng, nhưng mắt nhìn xéo vào cổng. Đôi trâu mộng nữa vào rồi, những người nhà người lính tíu tít ra mở cổng, lại sắp đóng cổng nhộn nhịp. Người gác trên chòi canh vẫy cái tay thước, nói chõ xuống :

- Các ông đừng khóa cổng vội!

Rồi gọi ra đường :

- Thăng già kia, vào đây.

Côi quay lại không thấy ai. Nhìn lên cổng, hỏi to :

- Thầy cai gọi tôi?

- Vào đây.

Côi vẫn cái đòn gánh trên vai, đứng ngoài cổng. Người gác trên chòi đã xồng xộc xuống :

- Vào hăn trong này. Các ông đóng cổng lại.

Cả mấy người đóng cổng xong xúm lại, như sự lạ. Côi vẫn điềm nhiên nhìn mọi người, toan hỏi: “Các ông mua dầu?”. Nhưng người gác nọ đã sừng sộ :

- Mà quảy cái gì?

- Tôi đi bán dầu.

- Bán dầu à? Thế thì vào hăn đây, bỏ cái gánh xuống.

Côi đặt hai chiếc thùng ngay ngắn sang bên - ý tứ, cẩn thận, rồi đứng khoanh tay. Người lính thành lính

nặng một tay thước vào bả vai Côi.

Côi kêu :

- Tôi đi bán dầu mà!

- Không giàu với có gì cả. Ông hỏi, thật mà bán dầu a?

Côi lật nắp thùng, mặt dầu châu vàng sẫm, lại lấy ống dầu lạc xuống mở nút ra.

- Dầu châu, dầu lạc, ông mua...

Giữa lúc ấy, cả lũ lính kêu lên :

- Bỏ mẹ mà rồi!

Lập tức Côi bị dẫn ngã ngật xuống. Người lính rút sợi dây mây trên mái cổng, trói ghì cả hai tay hai chân. Côi kèn ra như con lợn sắp đem chộc tiết.

- Ối giời ôi, tôi làm gì mà các ông trói tôi?

- Nằm đấy rồi thì mà biết.

- Cẩn rơm cẩn cỏ lạy các ông.

Người lính nói đồng dục như hiệu thị :

- Quan đã có lệnh cấm ngặt những đứa bán dầu qua cổng nhà quan. Mà không biết thì mà chết. Ông chỉ có việc trói cổ mà lại. Rồi quan cho đánh mà một trăm roi, bấy giờ mà mới rõ mà có còn sống không!

- Quả tình con không biết. Con ở trong Bưng Cấn ra. Lần sau con xin chừa.

- Rồi thì mà chừa, được rồi, còn sống thì còn chừa, nhưng mà đã thuộc chưa, thuộc cái lệ vào cửa quan phải có quà đấm mồm, đấm mồm chúng tao đây này. Mà có bao nhiêu tiền?

- Không...

Người lính cúi xuống nắn hầu bao tức khắc. Trong thắt lưng lão già chỉ có một xâu tiền kẽm.

Người lính định đút vào ngực áo. Một người lính đứng cạnh cười hể hề :

- Ông vừa bảo đấm mồm chúng tao kia mà. Chia ra.

- Mỗi người một hai kẽm cũng là lấy may.

Đưa mỗi người mấy đồng kẽm, hết cả râu tiền, người lính như bức mình, chưa thôi, lại lần lần moi ra được toàn những thứ kỳ quái. Đẳng lưng nó, ép vào cái bẹ chuối lòi ra một con dao sắc. Hèn nào, lúc quật cái tay thước vào bả vai nghe keng một tiếng. Đến lúc đá cái thùng, một bên dầu đổ tung tóe, một thùng kia văng ra cuộn thùng day, con dao phay, một dao bầu. Hai con dao mới đánh sáng loáng, sắc ngọt. Làm sao, thằng bán dầu lại đem những con dao này đi đâu?

- A cái lão kẻ Bường, kẻ Cấn này, đi cướp đường hả?

- Tôi làm đồ tể, mổ lợn, mổ trâu, kiếm thêm ấy mà. Ông cai tha cho tôi, tôi biếu cả cái hầu bao.

Người lính quát như át đi :

- Mày chưa thịt được đám nào a? Cái hầu bao chó không thêm nhá.

- Oan tôi quá. Tôi già cả rồi, trộm cướp gì tôi.

- Tao không biết. Rồi quan ra chặt chân thằng bán dầu.

- Tôi có vào nhà quan bán dầu đâu.

- Đi qua cổng cũng phải tội, lệnh quan thế!

Rồi những người lính đang kể lể gì ấy. Không, họ nói chuyện với nhau.

- Cái nghiệp tổ tông nhà quan lãnh này cứ phải đánh thằng bán dầu.

- Chắc ngày xưa bố quan lãnh chứ, bố quan bị thằng bán dầu nhét cút vào mồm nên đến bây giờ còn thù.

- Cũng vô phúc cái lão Bường Cấn này.

Rồi mấy người lính cầm chìa khóa đi vào. Còn lại người canh cổng. Cõi nói :

- Ông cai tha cho tôi.

- Còn tiền không?

- Chẳng còn đồng nào. Hay là ông cai cầm mấy con dao về.

- Những thằng vừa đứng đây đã vào báo quan rồi, tao chẳng đại, mày trông thấy chúng nó đi vào đấy.

Bắt được thằng bán dầu, tao có thưởng. Vào báo quan thì chúng nó cũng có thưởng. Hê... hê...

- Ông cai tha cho con.

- Bố tao sống lại cũng không cứu nổi mày. Tao tha mày để tao thế mạng à?

Nhưng đến tận tối mịt cũng không thấy quan ra. Suốt đêm, Côi bị trói nằm co quắp dưới đất. Vừa muỗi đốt, rên cần, vừa đau nhức các vết trói, cứ lử lả như người ốm liệt. Thế là lại gặp cái chẳng may rồi. Mấy lần đổi gác, người lính khác đến lại lần túi áo, cặp quần, không thấy gì, lại đập Côi một cái lăn chúi mặt xuống.

Gà gáy, nghe phía trong nhà rộn rịch. Tiếng lợn kêu, tiếng trâu lồng, chắc có tiệc hôm nay. Vừa sáng, Côi đã phải dựng dậy, được cởi dây trói chân. Hai người lính xách cái thùng đựng mấy con dao, tay cầm sợi thừng trói tay, ấn cổ Côi đi vào trong sân.

Côi như quen như lạ. Sân rộng, gạch đỏ tía, hết cái sân làm tội người ở nhà lãnh Quang dưới Kê Chợ. Chỉ khác quanh sân viền đá ong bước gai chân như dẫm vào vỏ gấc và cái tường cũng xếp đá ong vàng như đất thó.

Rồi trên sân lại như in những đao búa bày trong cửa quan để đánh đấm hành hạ người: cái cùm, cái gông, thanh mã tấu, cây đao, cây thiết lĩnh, thùng lưng, chiếc hèo song, cái tay thước. Trên sập trái chiếu hoa đã bày sẵn chiếc mâm đồng vàng chóa và một chõng gối da xếp, cái gối gỗ mít giống như tạc cảnh ở dinh dưới Kê Chợ. Côi đã thấy trọn, nhưng lại nhớ mặt mũi mình bây giờ đã đổi khác. Côi bình tĩnh.

Trong dinh hôm nay có tiệc. Hai bên nhà ngang đã tấp nập người làm ra vào, tiếng chày giã nem chạo, khói thui trâu phía vườn tạt mù mịt lên. May ra, nhà người ta đương bận rộn linh đình thế này, có khi còn được đem nhốt chuồng trâu hay bỏ rọ cũng nên. Côi mơ màng.

Nhưng không, lãnh Quang đã ra xử sớm, định làm gọn trước khi khách khứa đến. Chập tối hôm qua, thấy báo bắt được thằng bán dầu hay thằng kẻ cướp, lãnh Quang đã định ra xem ngay. Từ khi lên Sơn, lãnh Quang cấm tiết đứa nào bán dầu đi qua cổng. Mà có ra đường gặp thằng bán dầu, lãnh Quang lôi ngay lại, nọc ra giữa đường, cho lính đánh một trăm hèo. Cả tỉnh Sơn không ai dám bán dầu rong, chỉ ngồi thành dãy ở chợ. Quan lãnh như lên cơn điên, lại như cái hèm, cho nên người thiên hạ cũng như trong quân gia mới đặt ra những sự tích quỷ quái rằng bố lãnh Quang bị thằng bán dầu... mẹ lãnh Quang bị thằng bán dầu... Cả nhà lãnh Quang bị... ở đất sơn cước này bắt cướp, chém cướp thì hàng ngày. Nhưng chỉ nghe đến thằng bán dầu, có thằng bán dầu lãnh Quang đã sồn gai ốc rồi cho đi tróc ngay, đánh ngay. Thế mà vẫn còn có đứa dám quảy thùng bán dầu qua cổng à? Nhưng đêm qua, đang bữa đến lúc say rồi riu chân lại, các ả nồn nường ra diu vào buồng. Đến nửa đêm tỉnh giấc lãnh Quang nhớ ngay. Quá khuya mất rồi.

Côi thấy lãnh Quang thững thĩnh ra. Vẫn chân bước vòng kiềng, tấm áo the năm thân chuội mộc râu ria lòng thông quét xuống. Sáng sớm, mặt đã đỏ lựng, đỏ rượu hay đỏ cơn cáu kỉnh, bức bội không biết. Đang đi lãnh Quang sững lại, một tay chống mạng sườn, mắt chăm chăm nhìn thằng tù già râu tóc rối bù lom khom dưới thềm, hai tay bị sợi dây mây thít lại đã hằn tím. Lại ngắm đến tròn nứt kẽ mắt cái thùng dầu với ba con dao sắc được bày ra bên thềm hè.

Một ông lục áo the thâm dài, chít khăn lượt đứng nghe lãnh Quang rỉ tai rồi bước ra quát :

- Thằng già kia, ngẩng mặt lên.

Côi ngược cái mặt râu tóc xồm xoàm, lồi lõm những mảng sẹo. Lãnh Quang bỗng hét văng :

- Thằng bán dầu giả cam dưới Kê Chợ. Thằng bán dầu giả cam, đích nó rồi. Nó đem cả dao vào mà đưa nào dám để nó suốt đêm trong nhà. Đưa nào, tội chúng mày tội chết thôi. Trói thằng bán dầu lại, trói ngay lại.

Côi bị xô ngã vấp mặt xuống. Hai cẳng chân bị quấn dây mây lên đến tận cổ, cả người cứng đờ như cái cột nhà. Côi như khúc gỗ nhưng không một lời năn nỉ, van xin như tối hôm qua với bọn lính trạm gác ngoài cổng.

Lãnh Quang rít :

- Thằng này biết bay đấy. Cắt gân chân nó đi. Cắt ngay!

Mấy người lính xúm lại. Hai vũng máu tươi đầm đìa tứa ra sau gót chân Côi. Nhưng Côi không cự quạ, không rên rỉ, Côi yên lặng như người ngủ mở trợn mắt.

Lãnh Quang lên sập, nhưng quên ngồi, cứ đứng lênh khênh.

- Mày có tỉnh không, nghe tao hỏi đây. Mày tìm lên tận đây giết tao. Tao biết. Tao với mày có thù đã mấy đời? Đẳng nào thì mày cũng chết. Tao chưa cắt lưỡi mày, tao còn để cho cái lưỡi mày nói cho hả cái vong linh, có khi tao cho sống đấy.

Côi nằm ngửa mặt, hốt nhiên nước mắt ứa dòng dòng sang hai bên thái dương. Côi hét to :

- Bẩm quan nhớn, con xin nói.

- Tao cho nói.

Côi nói thông thả, nước mắt càng chảy xối ra.

- Bẩm quan, thầy con chẳng may chết ở Mỹ Lương. Thằng đội Quang giết thầy con. Con đi cắt cho được cái đầu thằng đội Quang đem về để đồng môn chúng con giỗ thầy con năm nay.

Mỗi tiếng Côi nói, lãnh Quang giật bắn lên. Đến câu sau cùng “giỗ thầy con năm nay” thì như sét đánh, lãnh Quang bủn rủn ngã đổ xuống, hai mắt ngược xéch lên, cứng hàm lại. Bọn gia nhân rồi rít, tất bật vục lãnh Quang vào. Tiếng chân rầm rập phía trong ấy. Đám lính trong sân chĩa sẵn ngọn giáo quanh Côi đợi lệnh đâm xuống, lại như sợ Côi vùng dựng đứng, cầm con dao bầu đuổi theo lãnh Quang.

Một tiếng nói vọng ra.

- Đẹp hết! Đẹp hết! Để hôm khác xử.

Cái rọ mới dựng người được vác ra treo lắc lư trên một cành cây cuối vườn. Đám thui trâu đã bỏ dở, chạy hết bạt cả đi đâu, không còn một sợi khói. Côi sổng sượt trong rọ, nhắm nghiền mắt, thở òng ọc, ngất đi. Hai bên gót chân máu vẫn nhỏ xuống từng giọt.

Cổng dinh lãnh Quang đóng im im. Cây gỗ dổi cổng chèn ngang, cả cái khóa đuôi chuột khóa trái. Ai gọi, lính canh trên chòi cổng chỉ giương mắt nhìn không trả lời, không xuống mở cổng. Thế là tan đám cỗ.

Đêm đến, chỉ có sự im lặng và bóng tối. Trên nhà, trong trại lính, bên nhà ngang tiếng con dơi bay qua. Buổi tuần đêm đã bắt đầu, nhưng không nghe trống. Rồi từng canh, chỉ có tiếng mõ các chòi lác đác đối đáp quanh bờ tường, ngoài hào nước. Cứ thế cho đến sáng, một hồi mõ tan canh. Mấy hôm liền, cổng cài dổi ngang, không một người ra vào. Và đêm canh nếu ai để ý thấy liền cả phiên chợ Nghệ, không nghe tù và thổi, không cả tiếng trống vào canh, tan canh. Ông lãnh Quang ngã ngất hôm ấy không chết, nhưng không trở mình, cấm khẩu, không nói được. Nghe thoảng tiếng tù và, tiếng trống, cả người lại run rùng rùng như lên cơn chó dại cắn. Không ai dám đánh trống, thổi tù và nữa.

Một đêm kia trong bóng tối giun dế nỉ non không dứt nghe ra ai oán triền miên. Chẳng cơn cố gì người ta cũng đoán được lại sắp đến mùa mưa dầm gió bắc, dầm dề, lạnh lẽo.

Vào khoảng trống canh hai, một bóng người hiện ra, leo thoăn thoắt lên cây dướng cuối vườn, chỗ treo cái rọ nhốt Côi. Hai cẳng chân Côi sừng như hai bắp chuối. Đã mấy ngày không một hạt cơm, một giọt nước. Trong kia, lãnh Quang đã cấm khẩu, liệt giường. Không ai có thù oán với thằng bán dầu, cái việc đem xử thằng bán dầu chẳng còn quan nào ngó ngang tới nữa. Có lẽ quan nha coi như trong sổ sách không có việc ấy. Thằng tù sống hay chết, cũng quên.

Nhưng Côi không chết, Côi nằm đau mà vẫn tỉnh, chỉ không nhúc nhích, động đậy được. Cái bóng bò đến, cành cây dướng hơi rung, Côi biết ngay. Rồi cái rọ được hạ từ từ xuống đất. Côi nghe tiếng thì thào :

- Đã cởi cho hết các rọ tù chưa?

- Chẳng còn cái nào! Chúng nó khuân nhau đi từ đời tám hoánh. Ta ra thôi.

Một người hỏi vào rọ :

- Côi hả? Còn sống không?

- Tôi vẫn còn.

- Vịn tay, ra đây.

- Nó cắt gân chân tôi rồi, không đi được.

Có hai cánh tay xốc Côi lên. Côi đã nằm trên lưng cái bóng, mấy cái bóng. Những người ấy không lội qua hào, mà trèo lên một thân tre, cây tre trĩu sang bờ bên kia. Đã ra đến chỗ tường tổ ong. Trên bờ tường, hai con mỗi người cõng Côi trườn đi rồi luồn xuống chui qua rặng ô rô ra ngoài.

Cái nan cắm trong bụi lau bến Phù Sa, sương đêm còn mù mịt. Côi lại đau ngất đi, không biết chiếc nan đương thuận dòng xuôi vùn vụt. Một lúc, mấy giọt sương lạnh rỏ xuống mặt, Côi vẫn nhắm mắt, nhưng chợt tỉnh.

- Cho tôi xin hớp nước.

Côi oàm oạp uống nước. Nghe óc ách hai bên, Côi biết đương trên thuyền giữa dòng.

Côi thều thào hỏi :

- Thằng lãnh Quang chết chưa?

- Không biết .

- Đi đâu bây giờ?

- Ta về Bôi.

Côi lại thêm thiếp, nhưng không phải lại ngất đi mà những tiếng “về Bôi” đã cho Côi thấy cái sống rồi. Ngoài kia, làn sóng nhối tưởng như đỏ lừng, chiếc nan thấp thoáng băng băng như cái lá tre.

Chập tối, đã về đến bến Bôi. Mấy người xuống bờ cát cõng Côi lên. Côi mở mắt, đã thấy bác Cả ngồi đăm đăm trên sạp thuyền. Côi ứa nước mắt.

- Bác lại cứu con.

- Ừ, con đã về. Còn cái mạng, thế là còn người.

- Nó cắt gân hai chân con rồi. Những con dao đánh ở lò rèn trên bãi, thế là vô dụng. Con thua nó rồi.

- Không, còn người là được. Cho khỏe lại đã, mọi việc ta lại tính sau.

Bác Cả Bôi nói thế, rồi quay mặt đi. Nhìn Côi nằm, hai bàn chân vả xuống, bác Cả rơi nước mắt. Nhưng bác không muốn để ai trông thấy bác khóc.

Buổi sớm đã sang thu, trời cứ tang tảng từ gà gáy mà mãi chẳng sáng. Những con vạc tưởng đã tan sương lả tả bay về, từng tiếng kêu rời rạc rơi xuống đầu thuyền. Đàn cá trôi, cá tiến đêm ngủ trong hốc đất cũng ngỡ trời đã sáng theo nhau lượn ra giữa dòng. Đến khi, trong chốc lát, mặt nước thở hơi lên, trời lại mù mịt sương phủ như mới tan canh, thế là những cá đàn rối loạn, cuống quýt.

Bấy giờ, các thuyền mới ra sông. Người gõ mạn nan đồn cá, bủa lưới cá tạc tứ tung tránh tiếng gõ, mắc lưới lao xao, người đứng ngoài mũi hất vào khoang những mẻ cá nặng lấp lánh. Có một con vạc ăn đêm về muện đổ trú vào bụi lau. Trời đã sáng hẳn, những thuyền cá cũng đã đầy mẻ, thông dong về. Mỗi mùa chỉ có vài buổi nhẹ nhàng mà được nặng cá thế.

Nhưng hôm ấy, sáng hẳn cũng chẳng một con cá nào ra giữa dòng. Chiếc nan xuôi bờ rồi sang ngang, lại dọc về, mảnh tre gõ mạn liên hồi, không một mống cá đồn đến. Mà sớm nay tang tảng từ sớm, rồi lại âm u, đáng lẽ cá phải ra như chấu. Cái gì thế?

Sương muện, cá đã ra sông sớm hay lại có con giải, con thường luồng vào chặn chén hết cá từ nửa đêm rồi. Có hôm, nan Côi đi nhổ cần cắm cá sớm vẫn còn gặp con giải đói tìm mồi. Những con giải, con thường luồng ở sông lớn lập lờ như con trăn dưới nước, dài rộng bằng mấy cánh phan. Có hôm, con giải bơi luồn dưới nan, bóng nó tỏa đen xẫm như nghiêng mực, một chốc mới lượn qua hết. Con giải hay lùng cá gà gáy, lúc sắp hết đêm mà trời chưa rạng. Như người ta khỏe mạnh thì ngồi trên nan xĩa xuống một mũi đinh ba, rồi thả thừng cho con giải cứ kéo thuyền đi. Đến lúc đuối sức, con giải, con thường luồng bị mũi ngành đinh ba cắm vào sườn vào sọ còn cố lồng lộn, đôi khi hất lật cả nan. Thì người nhà thuyền xuống nước bơi đứng, thông thả dường như thờ ơ kéo dần cái thừng lôi con giải lên thẳng bãi cát. Con giải, con thường luồng lọc xương nấu cao tốt như cao hổ, còn thịt xả ra vác vào các chợ bán được tiền bằng con lợn ỷ thờ. Nhưng nan của Côi thì chịu, Côi hèn sức mất rồi. Con giải mà nổi cơn vật vã đánh sóng lật nan thì Côi chỉ có chết chìm. Hai bàn chân mất gân oải gót xuống, không khiến được. Thằng người hồng cái chân mà kiếm ăn ở sông nước, biết tính sao?

Côi cho nan đậu nép vào bờ cho đến sáng hẳn đi. Tự dưng, thấy sóng đồn dập vờn đến. Quả nhiên, từ trong hốc đất bên bờ lở, một con giải đương lững lững ra như một cây gỗ đen nháy lao ngang sắp đội cái nan của Côi lên. Côi mím môi, bấu hai tay vào thành cổ giữ khỏi bị lật úp.

Con giải ấy từ đêm đã xục hết cá trong các hốc bên bờ rồi thành thơi bơi ra. Côi nhìn theo hút con giải nguồn đi tận giữa sông. Bất giác, Côi rười rượi buồn vẩn vơ. Con giải, con thường luồng tung hoành thế, con người như ta thì nên thế nào?

Côi chỉ biết có sông nước. Ngược lên lại thấy sông nước mênh mông. Kể gì khi nước cả, mà vào những ngày gió bắc thổi kiệt nước, dòng sông vẫn một màu đỏ lừ lên hai ven cát và những quãng bên lở bên bồi. Khi chiều đến rào rạt ánh vàng hoàng hôn thì hầu như sông nước rục xẫm cả trời đất. Tối đến, sông Cái thờ lên bao phủ cả vùng Kê Chợ đến sáng tan sương, cảnh vật bừng rựng như người dậy muện vẫn còn ngái ngủ, ấy là vì trong đêm hơi thở dòng sông đọng lại một màn sương dày mãi mới rạng sáng được.

Côi đắm chìm trong màn sương bao phủ ấy.

Thế rồi lại một ngày mới, trên sông tíu tít những thuyền, những nan, những tiếng gõ quây cá từ tỉnh mơ. Côi nhìn ra mặt nước man mác sáng dần ra.

KẺ CƯỚP BẾN BỎI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương V:

goài vườn chùa Xiển, thửa ruộng hậu làm màu cuối tháng ba đương vào vụ cà. Những luống cà bát được vun gốc, lên xanh mơn mớn, chỉ tháng sau đã ra hoa. Cái rét năm nay hết muộn, năm ngoái nhuận tháng tám bây giờ đã chớm sang tháng hạ mà có hôm còn rơi rớt gió bắc, mưa dây mưa dợt mờ mờ bóng cây gạo cổ thụ ngoài kia. Thế mà nụ gạo đã chi chít sớm. Nay mai, hoa cà tím ngát dưới ruộng, hoa gạo đỏ khé ngả ba đường, hàng đàn sáo đá, bồ các lại về ríu ran suốt ngày.

Chú tiểu Từ Tâm thoăn thoắt xới đất, vun gốc cà. Một chốc dừng tay, chống cán cuốc bướm, nhìn ra lúi húi. Không phải trẻ trâu, có lẽ người đi đường vào nghỉ chân. Nhưng ngã ba đường tận ngoài chân tre, tạt vào xa thế. Cũng chẳng phải khách chùa, hôm nay chưa đến rằm. Nghĩ đoán thế, rồi lại cúi xuống, nhắc cái bướm, mài miết làm. Nhưng lâu lâu ngược mắt ra, vẫn thấy người ngồi đấy. Một lúc, khi đứng lên, mới trông rõ ra một cụ già râu tóc bạc trắng, hai bên nách chống hai chiếc nạng tre, nhích từng bước khó nhọc, ông cụ đi vào chùa.

Từ Tâm ghếch cái cuốc bướm lên luống cà, bước ra xem ai. Tới trước mặt, ông lão thẳng người lên, run run tay nạng, gọi :

- Ôi, con.

- Bố! Bố về chùa!

Rồi Từ Tâm bước lại, ôm hai vai ông lão. Ông lão vẫn xúc động, cả cái nạng cũng loạng choạng. Từ Tâm cúi xuống, xốc ông lão lên lưng. Từ Tâm cõng ông lão vào chùa. Vừa đi, vừa khóc thút thít.

- Sao lại nên nông nổi này? Bố chẳng nhẫn người gọi con.

Ông lão nép mặt vào vai chú tiểu, không nói. Mấy gian chùa vắng lặng. Cái trái nhà hậu đã đổ, những chiếc cột tre được bó lại, để làm củi. Nền đất chỗ ấy trồng cây mộc. Chỉ có mùi hoa mộc thơm ngan ngát nhưng cũng chỉ làm bớt cái hiu quạnh nhà chùa.

Ông lão hỏi :

- Sư ông con đâu?

- Thầy con về đã bốn năm nay rồi.

- Bây giờ chỉ có mình con?

- Vâng.

Ông lão rơm rớm nước mắt. Trước kia, bác cả Bỏi hay nói như mắng: “Vãi nước mắt ra thì còn làm được trò trống gì!” nhưng mà rồi những năm về sau này không giữ được nước mắt nữa. Tuổi tác và bao nhiêu thương đau chồng chất, con người như sập xuống, giống hai cái bàn chân chỉ còn thông ra thế, có khi tự dừng nước mắt cũng ứa ra.

Ông lão ngược nhìn quanh, nói như nhắc lại :

- Thế là còn có một mình con.

Ngôi chùa, mái tranh, tường đất, hoang tàn. Ông hộ pháp vẫn đã đổ, chỉ còn cái bệ đất, trên đặt bát bình hương, vẫn được quét tước sạch sẽ, khách đến lễ thì cắm hương, khách có tâm, làng xóm bốn bên quanh chùa tuy nghèo khó, nhưng những ngày có việc thì đèn nhang cũng bày ra đầy đủ. Vậy mà công của không bao nhiêu, đành chịu chùa làng tiêu điều, ông hộ pháp võ bên kia, thanh long đao cũng gãy tụt cả cái chuôi cặp. Ban ngày mà những đàn dơi bay ra bay vào hốc cột như mắc cửi. Bệ thờ Đức Ông thường thì quanh năm được đèn hương nay đã tàn lạnh cả. Cũng là trên đất Kẻ Chợ, ngoài kia dập dìu bề bộn sang hèn, có mấy bước vào trong này mà nhà chùa bần bách tang thương quá.

- Bấy lâu bố ở đâu?

- Bố ở vạ ngoài sông Cái.

- Chân bố đau thế, sao kiếm được ăn...

- Bà con hàng vạ đỡ dần chu tất lắm, chẳng thiếu đâu, bố ở đến hết đời vẫn no đủ, nhưng mà ngày đêm chỉ nhúc nhích trên cái nan, cái thúng bơi quanh quần buồn quá.

- Bố về ở với con.

- Bố cũng định về bàn với con xem thế nào. Bây giờ chỉ còn có hai bố con. Cái hôm con thoát được trong làng ra...

Nói đến đây, ông lão lại nghẹn ngào. Hai người ngồi im một lúc lâu. Như cùng nhớ lại buổi sáng đỏ máu ấy. Từ Tâm chẳng biết gì. Từ Tâm chỉ mang máng không rõ bố mẹ đã chết chém hay chết cháy. Cho đến lúc bố Côi dắt đi. Đã nhiều ngẫm nghĩ, càng lớn càng nung nấu nhưng chưa bao giờ hỏi ai cho biết được câu chuyện thương tâm đến thế nào. Bố Côi thì biền biệt. Từ Tâm không nhớ cả tên họ, không biết mình có tên hay không, về chùa, đến năm được xuống tóc, thầy đặt tên nhà chùa cho. Thầy Thiện Tâm chỉ biết việc chùa. Thầy kể thầy đã được ở chùa và đã xuống tóc từ khi còn bé hơn Từ Tâm. Cũng có khi hỏi, thầy chỉ nói: “Xưa thế nào, thầy chẳng hết chuyện ngoài thế gian rồi con ạ”.

Đêm hôm ấy, bữa cơm ngô với chuối bung nghệ rồi hai bố con ngồi mãi. Trời se lạnh, ngoài kia lại mưa,

mưa dầm thành giọt, chốc chốc những giọt mưa rơi xuống bập bùng lưng tàu lá chuối. Buồn rứt ruột.

- Lần trước về, chân bố còn vững như mọi người ta.
- Cái già, mỗi năm mỗi tuổi, chẳng thể biết!

Đĩa dầu bắc hiu hiu, lúc chột sáng, lúc nhòa đi. Từ Tâm ngồi xếp bằng như niệm Phật. Ông già nằm ghech đầu lên cái gối gỗ. Chừng như đã khuya, nhà ai ở phường ngoài Giám, tiếng gà đã eo óc gáy mỗi lúc một sôi dân lên.

Từ Tâm nhìn bố :

- Bố ơi, con hỏi bố câu này.
- Câu gì thế?
- Con định hỏi bố từ lâu.
- Con cứ hỏi.
- Lạy bố, bố có phải là quan huân Cao?

Ông già ngồi dậy, chăm chăm ngó Từ Tâm, rồi nói :

- Bố không phải là quan huân Cao. Bố là học trò quan huân.

Rồi bố Côi quay mặt, chắp tay lạy vào vách hai lạy cung kính, như chuyển lên thầy cái lạy chào của người trẻ tuổi biết trọng thầy.

Ông già và nhà sư còn rủ rỉ chuyện có đến sáng bạch. Cha mẹ sinh ra ta, thầy cho ta được chữ. Ông lão Côi chẳng có nổi mấy hạt chữ. Đã mồ Côi, nhà lại khó quá. Mài mực, viết phóng, nhai chữ ê a, khi người trưởng tràng bảo nhận mặt chữ, trông thấy thầy cầm cái roi mây lại nhắc cái bút son, đã run. Nhưng mà nhớ không thể quên, nhớ thầy nhớ anh em đồng môn ngày ngày năm, ngồi xúm xít quanh thầy. Những chuyện đồng môn nghe kể như cổ tích đã bao đời. Ngày mùa, đến nhà thầy cày bừa, tát nước, làm cỏ, gặt hái, góp gỗ chạp, tết nhất. Nhớ mà thầy mất, đồng môn đi lại, trông nom lo liệu việc nhà thầy, thầy đã khuất, còn cô, thì đồng môn như con cái trong nhà.

Chẳng được chữ nghĩa là bao, nhưng cứ nhất nhất nghe anh cả trưởng tràng. Người trưởng tràng cũng ví như con trưởng nhà thầy mà thầy đã cắt đặt ra mỗi khóa, mỗi nơi thầy ngồi bảo học. Người trưởng tràng được sự phò thác và cái hãnh diện hồ đồ ai đã được. Thầy ngồi đọc sách tựa tráp trên phản, trưởng tràng lo buổi học. Cũng là người đi học, nhưng lại là người thay thầy bảo ban, thưởng phạt. Dẫu cho mỗi người thay một phận, có không được học thầy nữa, mà người trưởng tràng vẫn trưởng tràng cả đời.

Những chuyện xưa một ngày nên nghĩa ấy đã nhập tâm vào môn sinh bài học chữ hiếu. Đạo thờ thầy, phàm đã là người biết ngậm cái bút lông thì ai cũng thuộc làm lòng từ lúc mới được đến cho thầy khai tâm. Như Côi, như Trắt cũng chỉ ăn mỳ thầy được đôi ba chữ thể mà theo thầy, chỉ biết có thầy. Đã cấp sách đến, trên đầu chỉ biết có thầy.

Cái năm thầy về giáo thụ trên phủ Quốc rồi mưu dấy binh cùng các nhà lang cun Đình Công Mỹ, lang đá Bạch Công Chân, đất Mỹ Lương thầy cho người về gọi quân thì Côi, thì bao nhiêu đồng môn nữa đã gác cày cuốc. Côi bỏ gánh đầu, đồ lễ thợ mộc, đóng cối, khăn gói cơm đùm cơm nắm lên theo thầy. Bây giờ nhớ lại mấy năm xông pha vào sống ra chết, kể đã hiên ngang chọc trời, khuấy nước một phương. Lắm gian nan, nhưng cũng nhiều khi đã nằm trong tay được thiên hạ. Cái lần đưa quân về đánh chiếm phủ Thanh Oan, phủ Ứng Hòa, án ngữ một dải đồng chiêm bọc quanh cả Kẻ Chợ vào đến chân dãy núi chùa Hương trong phủ Mỹ Đức. Đến khi chẳng dè đại quân ra Đồng Dương ngoài Thanh Oai bị thất trận, bèn vượt núi tạt sang Quế Quyền bên Hà Nam định theo sông Châu vào đồng bằng phủ Lý Nhân, nhưng cũng không qua được. Lại trở lên phủ Quốc, thì lần này chiếm được phủ lý. Người Kinh, người Mường, người Mán từ trong Mỹ Lương ra Ba Trại quanh xuống đến các vùng ngoài chốt Nghệ dưới Sơn Tây, làng làng mổ trâu làm tiệc linh đình mừng quân tướng. Thừa thắng, luồn sang Tam Đảo, đánh xuống đốt thành Tam Dương ra đồng tro tàn. Đường giữa từng bừng đến khi trở lại, thì Quốc Oai đã bị quân quan Tổng đốc trên Lâm Thao tràn ngập xuống rồi. Thầy cho rút quân vào thủ hiểm trong Mỹ Lương, vùng rừng núi cát cứ của nhà lang Bạch Công Chân. Định chinh đồn, nghỉ ngơi ít lâu ở nơi sơn cước khuất nẻo cho nên Côi đã được về làng lo việc nhà vào dịp ấy. Thế nào mà quan triều đình đã mạo hiểm vào tận Kệ Sơn. Thầy ta ngộ nạn giữa trận ở đấy.

Cái hôm năm mươi ngày thầy, người trưởng tràng đứng ô hô thầy rồi lạy phục xuống, tất cả môn sinh và khóa trưởng ấy cùng ôm tay lên miệng, ô hô, ô hô khóc dòng. Có rửa được thù này mới là báo đáp được công ơn thầy. Từ ấy tới giờ, người trưởng tràng đi đâu. Những trưởng tràng của thầy ở các nơi đâu rồi. Vì thầy, ai còn ai đã chết, ai đã bỏ mình thảm thương như Trắt, ai giữ được tấm lòng như xưa, ai đã muối mặt đành tâm quên cả, ai phải chịu đau đớn như Côi. Bao giờ đồng môn lại tụ hội ngày giỗ thầy, bác trưởng tràng khẩn thầy được an giấc dưới suối vàng hay chúng con phải tạ tội với thầy. Nào những ai còn, ai mất?

Đêm ấy, bác Côi kể đầu cuối ngọn ngành với cậu bé làng sủi sống sót.

Vừa sáng, sư Từ Tâm cầm cái cuốc bước ra vun gốc luống cà, nhưng vẫn hồi hồi trong đầu những câu chuyện của bố Côi. Có lúc nhà sư buông cuốc, cúi mặt, nghĩ đến bàn tay chai khăng khiu như cái que khô của bố Côi, mà thấy thật bồi hồi.

Cả ngày, sư Từ Tâm mài miết ngoài ruộng cà. Trời đã có khi mưa cơn mưa trận, phải vun vội cho đất kịp mát. Nụ cà đã chúm chím tím mờ từng dải. Đôi chốc, chống cái cuốc bướm thần thờ nhìn vào gian bên chùa chỗ cánh liếp thùng lỗ, mở hé. Bố Côi ngồi trong ấy, cầm cúi đan lát, chốc chốc cái đuôi lạt thoăn thoắt vút lên. Người già chẳng ngơi tay lúc nào.

Sư Từ Tâm vẫn đắm chiêu tư lự. Chưa bao giờ người trẻ tuổi ấy được nghe biết như vậy. Bấy lâu một lòng kính yêu, ơn nghĩa người đã cứu mình. Bây giờ,... hai bàn chân mất gân chúc thông xuống, như người tù ngồi xó trong ngục, cái gông kéo trĩu cổ nhưng câu chuyện bố kể xót như xát muối mà nghe tiếng nói lại như một người vẫn đương ngùn ngụt chí rửa thù. Đến lúc với cầm cái nạng mới lê bàn chân đứng dậy, ông lão râu rĩ thở dài: “Biết đâu đến phải nước này. Bố chết không nhắm được mắt con ạ”.

Một hôm, sư Từ Tâm nói với bố :

- Con xin thưa...

- Bố ơi! Bố để con đi, con xin đi báo thù cho cụ huân. Bao giờ bố yếu, con mà báo được thù thì bố yếu đến đâu bố cũng được nhắm mắt như ngủ. Bố cho con đi...

- Được! Được!

- Bố chỉ đường cho con lên Sơn Tây.

- Con hãy về bến Bôi đã. Hỏi thăm, bây giờ là cụ Cả Bôi. Con lạy cụ, con nói con là con bố Côi.

Sư Từ Tâm đi khuất đã lâu, bác Côi đứng bên cái cổng rong ngoài chùa trông ra. Đã sang đầu hè, cây gạo ngã ba đường đương cữ nở hoa đỏ ối. Dưới ruộng, những luống cà bát hôm nào sư Từ Tâm mới xới, bây giờ quả cà trắng toát, to bằng cái bát chậu, đã hái muối xối được. Những cây gạo xa xa ven đường thấp thoáng rục rờ. Như một niềm mong mỏi.

Từ đấy, ông lão ở lại trông nom chùa Xiển. Ngư làng gọi là ông sãi, ông sãi chùa Xiển. Ông sãi có tật chân, nhưng khéo tay như thợ mộc, cột kèo được bào đẽo nhẵn nhụi, cảnh chùa có phong quang hơn. hỏi thăm thầy Từ Tâm, ông sãi nói xưa rày nhà chùa vẫn phải đi khuyên giáo, ăn mày thập phương. Lâu lâu không thấy về, khách đến lễ cũng không tò mò nữa. Đương thời buổi tao loạn, kẻ gian người ngay lẫn lộn, thầy đi việc nhà chùa hay việc quốc sự, biết nào mà tọc mạch.

Mục lục

⋮

Soan còn nhớ như in cái hôm Triều bỏ nhà đi ra hậu phương (trong kháng chiến chống Pháp, người các vùng bị chiếm thường gọi vùng tự do là “hậu phương”). Mỗi lần nhớ, lại thương.

Hồi ấy đương đồng cạn, đêm nào vợ chồng cũng đi tát nước, gà gáy về lúi húi thổi cơm, ăn xong thì vừa tang tảng, chồng lại sắp gánh cho vợ đi hàng xáo. Hôm ấy, cơm xong, Triều sửa soạn gồng gánh sớm hơn thường ngày. Nhưng vừa rửa bát dưới ao lên, đột nhiên Triều quơ cái thanh tre dựng cửa bếp, không nói không rằng, quật luôn hai cái vào lưng vợ. Soan oằn người, gieo thúng gạo, gieo theo cả người xuống. Triều điềm nhiên phết cho hai cái nữa. Khi đó, Soan đã hết ngơ ngác và bắt đầu nổi giận. Chị lặn ngay ra đấy. Hai chân giẫy như tuồng trẻ đổi mẹ, rồi rũ tóc ra, gào khóc.

Bà Cam, mẹ chồng, đương quét sân, thấy to tiếng, nhưng bà không ngẩng lên, như đã quen những chuyện ấy. Bà vừa lia cái chổi, vừa lầm nhảm: “Sáng mừng một vừa mở mắt ra đã quạc mồm như con quạ khoang”. Ở bên kia rào găng, mụ Nấp đứng chắp hai tay sau lưng, nhìn nghech sang, chép miệng một mình: “Mát ruột, mát ruột. Cái đồ lười vãi thây chỉ mộ ăn không mộ làm thì cũng phải được đòn đánh thế mới bớt rùng mỡ”.

Hôm ấy lại là ngày phiên chợ. Cả xóm trong đi chợ qua, nghe tiếng xô xát, bảo nhau. “Cái anh Triều nom nhu mì thế mà dữ đòn, đánh vợ cứ như đòn mật thám”. Những miệng hớt lẻo ấy loang ra chợ, và chị Soan lại bỏ buổi chợ hôm ấy, thế là cả bốn xóm đều nói dăng dăng: mới sáng mừng một mà thằng Triều nện vợ một trận đau.

Soan gào một lúc rồi ngồi dậy, vén hai mé tóc xoắn xượi, vạch ra cái mũi khóc đã bóng đỏ, khạc mấy cái, đứng lên nhắc hai thúng gạo vào buồng. Rồi không kể lễ, không xụt xịt nữa, lẳng lặng nằm queo xuống giường, quay mặt vào trong vách. Đó cũng là cái thói quen mỗi khi có chuyện dỗi bỏ, Soan vẫn nằm vạ như thế.

Trong khi ấy, Triều cầm cái sào nửa, hăm hăm đi thẳng ra ngõ. Bà Cam quét sân xong, ngẩng lên đã thấy con trai thấp thoáng cặp cái nón mê ra tận giữa cánh đồng. Bà đoán Triều đi mua bèo hoa dâu. Việc ấy đáng lẽ vợ nó đi được, bà càng xót con. Hễ cứ vợ chồng Triều cãi nhau, bà lại cho là thằng Triều hiền lành lấy phải con vợ thần nanh đỏ mỏ. Bà cất chổi vào xó ngõ, rồi quay vào. Thấy cửa buồng đã che cánh cốt, bà biết con dâu lại nằm dỗi rồi. Bà xuống đuổi con gà mái mẹ đương cục cục với lũ con bới đồng dấm trấu vừa vun lên. Mụ gà mái ấp ham con, cứ xòe cánh ra quặc lại. Bà vừa xuy xuy đồn, vừa chửi, không ra chửi gà, không ra chửi người: “Cha đẻ mẹ mày! Gan à? Công bà quét còng cả lưng đấy. Gan à? Tiền trăm bạc chục mua về đấy chứ chả nước lã đổ hồ đâu, ngay xương lắm thì bà chẻ xác ra... Gan à, gan này... gan

này...”. Soan nằm trong buồng, tuy nghe không thủng, nhưng cứ cái giọng to nhỏ tri triết ấy thì Soan đã thuộc, Soan biết bà đương xối móc. Soan ghen đến cổ, nước mắt lại ứa ra. Đau chồng đánh một phần, đau mẹ chồng rức lác còn cay đắng gấp trăm. Nước mắt Soan cứ nổi nhau bò nghiêng một bên má rồi rỏ xuống từng giọt.

Cơn tức cũng dần dần vơi, Soan nằm nghĩ loăng quăng trong cái góc buồng tối. Chợt trông thấy một vệt ánh nắng thả xuống, rọi vào mấy củ khoai dưới gậm giường. Biết thế là mặt trời đã lên cao, nắng ra tới giọt tranh, mất buổi rồi. Con chim chào mào ở đâu bay đến hót trước sân, nghe rõ tiếng chân nó đậu rào rào vào cái sào nửa cọc rào mừng tươi. Như thế là ngoài sân vắng, mẹ chồng đã đi cào cỏ. Soan liền ngồi dậy, quần tóc, ra hè tìm cái rổ sào, bốc đồng khoai lang ngồi đầu hè nhặt khoai hà. Nghe tiếng lao xao ngoài gốc vối bờ ao, Soan đứng lên bậc cửa, nhìn thấy bà Cam cầm cái cào cỏ, đương chuyện với mụ Nấp. Mụ này đưa hai ngón tay vuốt mép râu:

- Cô ả nằm ngựa quen rồi, cái quân làng Trường ấy mà.

Bà Cam gật gật, ừ ào. Thật thì bà cũng không nghe mụ Nấp nói, bà đương kể lại cái chuyện ban sáng “thằng Triều nó đánh vợ nó”. Trong khi mụ Nấp cũng chẳng nghe chuyện bà, mụ cũng cứ “cái con làng Trường nằm ngựa quen rồi”, hai người cùng nói và cũng không ai nghe chuyện nhau.

Đứng xa không rõ, nhưng Soan đoán “họ lại chỉ thối mồm”. Soan bực, cẩu quá, Soan vơ một cây nửa. Soan đập chát chát lên cái cột. Ngoài kia nghe động, hai người bỏ đi hai ngã.

Bà Cam xách cào cỏ, trở về. Soan vội bê sào khoai lủi nhanh vào buồng, lại nhấc cái phen che kín cửa lại như lúc nãy. Bà Cam về lấy túi râu bỏ quên. Thấy cửa buồng vẫn che, bà chếp miệng hai cái, rồi lại vác cào cỏ ra ruộng. Mẹ chồng đi khỏi, Soan lại ngồi dậy, bưng cái sào ra đầu hè nhặt khoai. Ánh nắng lên, mồ hôi xâm xấp ra lưng, Soan ngoái tay sờ thấy hai vết đòn lằn con trạch, đau rát. Soan lại ứa nước mắt. Nhưng Soan không thể ngờ được những roi đòn vũ phu thế. Bởi nửa đêm, nó còn hùng hục như quỷ giầy. Lúc đi tát nước, lại cười đùa ngật ngèo, thế mà giờ mặt chóng thế.

Triều đi hôm ấy không về.

Tan chợ hôm sau, vẫn chưa thấy về. Soan ngờ ngợ, quơ tay lên dây treo áo thì thấy quang hẵn hai cái quần và cái áo nâu cũ.

Sợ quá, quên cả những chuyện mẹ chồng nàng dâu đương giận nhau, Soan chạy ra, môi run không bắt được tiếng:

- U ơi! Nhà tôi nó đi rồi.

Bà Cam vào sờ lại cái thùng vắt áo trong hộc cột. Hai mẹ con ngẩn ngơ. Nhà bỗng vắng hẵn đi.

Một phiên chợ nữa cũng không thấy Triều về.

Một hôm, lúc chập tối, có người ở xóm trên đến. Anh ta gọi Soan và bà Cam lại, nói nhỏ:

- Anh ấy nhắn tôi về bảo cả nhà yên tâm.

Hai người ngơ ngơ không hiểu. Người xóm trên mới kể: anh ấy và anh Triều ra hậu phương đi tòng quân. Vào phòng tân binh khám sức khỏe thì Triều trúng, được nhận ngay.

Người mẹ chồng và nàng dâu nhìn nhau. Bất giác, thấy lẻ loi, cô đơn quá. Những chuyện giận dỗi mấy hôm nay đã bỏ quên đâu tất cả.

Đêm ấy, mãi đến lúc sẩy xong hai mẻ gạo, khuya lắm, vào giường nằm, Soan vẫn còn như chiêm bao mất tiền. Bây giờ mới sáng dần cái việc anh ấy đi.

Ra họ đã ý tứ sửa soạn với nhau từ bao giờ! Nghĩ lại mới tỏ ra. Nhớ có hôm vợ chồng đi tát nước chiều, trông đường cái ù trắng bụi ô-tô, Soan bảo chồng:

- Xe nó bắt lính ở Ninh Giang sang kia.

Triều cười nhạt:

- Rồi nó vào bắt lính làng này ấy.

- Nói đại!

- Đại với càn gì! Nó muốn lừa hết con giai vùng này đi lính mà. Nhưng tao đã có bài của tao rồi. Hừ, ai đi đạo cứ đi đạo, ai đi đời cứ đi đời, chứ trâu hoá ra bò thế nào được. Không bao giờ tao chịu thân phận lính tráng cho chúng nó đâu.

Rồi Triều cười, tiếng cười khô không khốc. Còn Soan thì im lặng.

Ra anh ấy đã nói bóng, cười bóng như thế. Soan bỗng đột ngột giận chồng. Rồi lại tủi. Sao bỗng dưng nó lại đánh mình rồi bỏ đi. Hay là nghĩ mình chọt búa đi hôm về tắt giai gái thế nào... Hay mình cũng muộn măn... Nhưng những ý nghĩ ấy chỉ thoáng qua, mà một nỗi lo khác hiện ra. Lệ thường ở đây có người đi, lý trưởng biết đi ra “ngoài kia”, chúng nó đến hạch, có khi đánh đập, bắt bẻ nộp phạt, vùi tiền. Song nay anh ấy đi, cả bốn bên hàng xóm đều biết là chỉ vì giận vợ, đánh vợ mà đi. Đã rào trước đón sau có mưu mẹo cả rồi. Thế là Soan lại thấy thương chồng. Lấy nhau đã được ba cái Tết, nhưng vẫn còn son rỗi. Bây giờ lại đi, biết bao giờ về? Mà đêm ngày thì cứ dùng đoàn thể này, biết có còn mà về với nhau không. Soan nằm nghiêng qua nghiêng lại trên ổ lá chuối khô, cánh tay Soan duỗi dài, buông xuống giường. Cái giường rộng hơn mọi khi nhiều.

Ăn cơm sáng hôm sau, Soan nói với mẹ chồng:

- U ả, nhà con nó gan quá.

Bà Cam nói: “Tao biết rồi”, rồi buông bát, mếu, ghen không ăn được. Bà đứng dậy, ra bậc cửa ngồi một lúc mới xách cái cào cỏ đi. Soan cũng không ăn nốt được. Chỉ có cô gái bé vẫn ngồi đến no mới đứng dậy rồi cũng cầm cào cỏ theo. Nhưng bà Cam ra đồng quơ quàng mấy nhát, cứ bồn chồn như ai cào ruột gan mình, lại bỏ về nhà người con gái lấy chồng xóm dưới. Chưa hết buổi, Soan đã đi gọi bà về. Soan sợ cái nhà vắng quá. Bà ngồi nhà một lúc, cũng không yên, lại ra đồng cào cỏ. Không đứng đâu ngồi đâu yên hồn. Bà Cam có nhiều con, đứa thì đi xa, đứa thì phải tù trên tỉnh, đứa ở riêng, đứa chết năm đói. Bà ở với Triều là con trai út.

Bà Cam về tới gốc với thì gặp mẹ Nấp. Gốc với ấy ở ngay cổng nhà mẹ, lại là cầu ao. Chỗ ấy cũng gần như cái chỗ chuyện mảnh, chuyện thoáng của các nhà láng giềng, những đầu mối chuyện hủ mắm cáy, bát nước dưa, chuyện mẹ chồng nàng dâu, chuyện làng nước xa gần, ai phải lòng phải bề ai, ai đánh con chửi cái, đều là tin tức ở gốc gốc cầu ao ấy mà ra.

- Này người ta nói thằng Triều nhà bà đi Việt-Minh?

Bà Cam chối đây đây:

- Vợ chồng nó đánh nhau quá nó giận bỏ đi, cả làng biết đấy, bà biết đấy, tôi biết nó đi đâu!

Nhưng, chẳng kịp nghe bà Cam trả lời, mẹ Nấp đã lại nói:

- Chẳng đi thì thằng Triều cũng chẳng thể ở được ở nhà. Cái con ngay lưng ấy mà đáo để! Chứ có ai mà giận vợ đến nỗi phải biệt tích đi tìm cái khó nhọc. Nó là quân Đắc Kỷ chứ không phải con người.

Hôm ấy, bà Cam không bắt chuyện nói xấu con dâu với mẹ Nấp.

Từ khi quận về đóng cái chốt tổng dưng chỗ cây đa đầu đồng, bà Cam càng buồn. Nhà bà gần chốt quá, đứng trong sân cũng trông thấy lô cốt, trông rõ cả thằng lính ngồi gác và cái keng bằng một đóng sắt treo ngoài mái tôn. Cứ tối đến, chốt nó lại gõ, inh ỏi khó chịu như gõ vào tai. Nhưng khổ nhất là, thâu đêm, trên lô cốt thường bắn phóng xuống. Đạn lung tung vào bụi tre, vào sân, vào nhà. Có người đã phải đạn, chết. Các nhà ở dọc bờ tre trông sang chốt, hãi đạn, tối nào cũng phải vào ngủ nhờ trong làng.

Chỉ có việc tối đi ngủ nhờ mà hai mẹ con cũng hay vắng nhau. Nhà mẹ Nấp tường gạch cửa kín, nhà ngang khuất hai lần tường, đạn khỏe đến đâu cũng không phá được. Tối tối, bà Cam và cái Gái cặp chiếu sang nhà mẹ Nấp. Nhưng Soan thì đi nằm nhờ nhà khác. Mẹ Nấp nói mát: “Cô ấy cảnh cáo lá dài. Bà Cam có cô dâu út kiêu kỳ nhì”. Nhưng Soan nhất định không chịu vào nhà mẹ Nấp. Soan ghét “con mẹ lằm mồm hay đưa chuyện”. Bà Cam tức tím ruột, mà không nói nổi con dâu. Vì có đi ngủ đâu, nhưng nửa đêm đi cạy, gà gáy đi tát nước, Soan vẫn lằm lằm làm chẳng thiếu một việc. Nhưng rồi năm này sang năm khác, nhà cửa càng nhật nhèo, cứ gà lên chuồng thì mẹ con mỗi người một nơi. Khi chiều, khi đêm, thật buồn. Soan

nhớ chồng, chẳng biết làm thế nào khuây được.

Có lần Soan lại dời về nhà mẹ bên làng Trường. Vì chuyện gặt ruộng làm của nhà mụ Nấp. Cánh đồng triều, mùa nước cả ngập đến cổ, Soan phải túm từng đầu lúa, lặn xuống mới cắt được mà vớt lên thuyền. Phải năm mất mùa, cắt suốt đêm quang ruộng mà chưa nổi được lưng thuyền thúng lúa. Từ khi Tây về đóng chốt, thóc gặt được, bà Cam cũng đem để nhờ nhà mụ Nấp. Tây đi càn thường lòng xết nhà tranh không hay vào nhà ngói. Gửi thế cho chắc chắn. Soan nói:

- Mùa này mất, chỉ cắt được có vậy thì mang về. U đem gửi, nhờ bà ấy mà trừ nợ thì toi công.
- Mày rõ trứng khôn hơn vịt...

Bà Cam mắng. Soan dời cơm, vào buồng nằm. Bà Cam xách giỏ đi bắt cua. Soan nằm ngoảnh mặt vào vách. Nhưng mà sao năm dời vắng chồng, nó buồn thế, chán thế, lâu thế! Quơ tay lên cái thùng vắt áo trên đầu giường, chỉ có muỗi vo vo bay ra. Thế là Soan trở dậy, đi về nhà mẹ đẻ.

Sang làng Trường, mẹ đuổi Soan cũng không về. Rồi nói mãi hoá nhảm, vả lại vốn mẹ chiều con, cũng thôi.

Một hôm, bà Cam sang gọi Soan. Hai bà dâu da ngồi nhai trầu nhọp nhẹp, thăm chuyện gặt hái, rồi bà Cam khóc, mẹ Soan cũng khóc. Những giọt nước mắt cùng cảnh. Bố đẻ Soan năm trước phải đại bác chết ngay đầu ngõ. Nhà cửa từ bấy giờ hắt hiu như mưa rằm về chiều. Hôm ấy, mẹ đẻ Soan bắt Soan về, bà nói: “Mày phải thương chồng mày...”. Nghe nói thế, Soan trở về. Trước chập tối, bà Cam đương sắp chiếu bảo cái Gái đi ngủ nhờ, bà nghe tiếng chào “u ạ”, rồi tiếng mở cửa liếp buồng. Biết con dâu về, trong bụng đã hồ hởi, nhưng vẫn làm mặt lạnh, không nói. Bà cắp cái chiếu ra ngõ, bà quay lại, đứng ngoài sân, nói vọng vào: “Nhà mày dấm cái bếp rồi hãy đi!”. Cảnh nhà lại như thường, và thế cũng là yên rồi.

Nhưng, cũng chỉ yên thoảng yên thì. Một lần kia, không biết lại vì việc gì, Soan cãi rồi vào nằm góc nhà, che kín cửa liếp.

Chợt một bọn lính quận đi tuần ở đâu xộc vào, bảo bà Cam:

- Gớm cho mụ già! Con cháu đi chui hầm, đêm mới hiện lên chứ gì. Mày là phụ lão cứu quốc thôi cớm tiếp tế, chúng ông khám mà thấy...

Trong buồng, Soan rón rén mở vách - trước nay cái vách vẫn mở sẵn đề phòng khi chạy tháo, Soan chui ra vườn. Soan chạy một mạch về làng Trường.

Thôn xóm ê chề phải chịu luôn mấy trận càn lặn đi lặn lại, cả vùng. Làng nọ đứng cạnh đồng trông thấy làng kia mà không ai dám qua. Bà Cam không dám đi gọi con dâu. Soan thì ở lý nhà mẹ. Bà Cam khóc ngày khóc đêm, lúc chửi thằng Tây, lúc chửi đàn gà hay bới, lúc chửi con dâu, lúc gọi: “Ơi Triều! Thằng Triều ở đâu không về mà cho cái con trời đánh không chết kia một trận”. Cứ chập tối lúc mọi người đi tìm

chỗ ngủ tránh đạn thì những tiếng lằm rằm chửi lại từ căn nhà vắng tanh vắng ngắt cất lên.

Mẹ chồng nàng dâu, hai người cùng đầy đoạ, làm khổ nhau. Những chuyện nhỏ nhen, lật vật không đầu và những giận dỗi, những riết lác, móc máy.

Lại một năm nữa qua.

Rồi một hôm, đương nghe nhiều tiếng súng dữ dội thì có tin ngừng bắn. Mừng quá, Tây còn ở trên bốt, trên tỉnh mà ai cũng cứ đi tênh tênh ngoài đường.

Mừng quá, Soan bỏ cả cơn dỗi mẹ. Soan ở làng Trường về. Soan quấy về thúng khoai riềng và một bu hai con gà nhép. Bà Cam lẳng lẳng coi như không có chuyện gì cả. Bà đem cho con gà một nắm ngô. Mẹ chồng nàng dâu cùng ăn khoai riềng và nhìn ra cánh đồng. Thật thì cũng chẳng khác lạ, nhưng Soan nói: “Hoà bình có khác, trông cánh đồng cũng khác”. Bà mẹ chồng cười nhăn nheo nói theo đuôi: “Ừ, có khác thật”.

Tối ấy, nhiều nhà ngủ yên ở nhà, người phản nọ chuyện trở sang phản kia rất khuya. Trong giấc ngủ đêm mịn màng, không gợn tiếng súng. Soan trở mình qua lại và thở dài, gãi ngón chân xuống chiếu. Soan thao thức lại cái hôm Triều đi. Triều đội nón, cầm chiếc sào, lùi thui giữa cánh đồng kia. Thế mà đã năm, sáu năm rồi. Trong làng, nhiều người đi kháng chiến, rồi cũng lần lượt biết tin. Riêng Triều thì chỉ biết là Triều đi bộ đội, rồi cũng thôi, bắn bắt. Vì thế càng nhớ. Nhưng Soan kín đáo, không bao giờ nói ra. Bà Cam nghe người ta tính: làng ta có bốn anh hy sinh. Có anh thì biệt tích. Có anh về rồi... Anh ấy về rồi, anh kia về rồi, chỉ còn anh Triều chưa có tin. Bà Cam nghĩ: “Phải, còn thằng Triều sắp về”. Nhưng hai mẹ con cùng im lặng, không nói, hồi hộp, lo lắng.

Bà Cam bây giờ tươi tỉnh hơn, song có chuyện gì cũng vẫn kể với mẹ Nấp. Nhiều khi bà cũng giận mẹ Nấp, nhất là cái năm mẹ ấy khẩu mất thuyền thóc thì bà Cam bỏ hai ba tháng không sang nhà. Nhưng rồi phai phai đi, vả lại tuần rằm mừng một vẫn sang đèn hương bên điện - bà Cam đội bát hương ở điện đồng Nấp - thế là rồi lại lân la, lại chuyện, thỉnh thoảng lại đứng to nhỏ dưới gốc vối.

- Ra bà lão này gan to, con giai đi bộ đội mà cấm có cho ai biết. Chuyến này thì bà lên xe xuống ngựa rồi. Tôi có phải lên địa chủ thì đừng quên tôi nhé.

Mẹ lại phàn nàn hộ bà Cam:

- Người ta đi đông đi tây về cả, mà sao anh Triều bên ấy chẳng tin tức gì. Hay là vợ Tây, vợ Tàu đâu rồi. Phải, mà những như cái ngữ vợ ở nhà thế thì anh ấy cũng cầm bằng cớ cái áo rách vứt đi chứ tội gì!

Cứ mỗi lần chuyện với mẹ Nấp, những câu tai ác của mẹ lại thêm chồng chất thật nặng, thật cay trong đầu bà.

Bà Cam vừa quấy bánh khoai về, mẹ Nấp đã sang. Mẹ đảo mắt một lượt, rồi rướn cổ, rà rà ngồi xuống,

khẽ hỏi:

- Đâu rồi?

Bà Cam chép miệng:

- Biết được người ta đi đâu. Bà ngồi chơi.

Thế là hai bà lão lại ngồi cà kê kể xấu con dâu và mọi chuyện làng xóm khác.

Tháng tám năm sau, đội cải cách về xã, Soan được ra làm cán bộ xóm. Tối đến, chưa dứt tiếng kèng gọi họp, người các ngõ đã đổ ra. Tít tít bề bộn những hội ý, họp xóm, họp xã, chẳng mấy lúc Soan có nhà.

Một hôm, Soan về nói với mẹ chồng:

- Từ giờ u đừng sang nhà con Nấp nữa.

- Người ta thế nào mà con nọ con kia, mày ăn nói xô bồ quá.

- Nhà nó thì địa chủ đến nơi, u chưa biết à?

Nghe hai chữ “địa chủ” thì bà Cam im. Phải như mọi khi, nghe Soan nói thế, thế nào là cũng choác lên. Nhưng lúc này bà lặng lặng. Khi Soan lại tắt tưởi đi, thì bà lẩm bẩm: “Phải, chưa biết... tôi chưa biết... chị biết nhiều, biết nhiều... Cứ chạy long lên thế thì rồi có khối cái đổ vào mồm, rồi rã họng ra... Nó mà ở nhà thì nó đánh tuốt xương chứ lại coi người nửa con mắt được à”. Không nghe rõ câu, nhưng Soan đã biết tính mẹ chồng hay nói làm bàm sau lưng. Bà lão lại đương chửi mình. Thế là, Soan tối sầm mặt lại. Trong bụng đương tập nập tính toán việc xóm, bỗng lại lạnh ngắt.

Rồi bà Cam vẫn cứ thì thầm với mẹ Nấp. Vẫn cái tính người già ưa trò chuyện và than thở. Làm sao mà mẹ Nấp khéo thế, cứ những lúc nhà chỉ có một mình bà Cam, mẹ lại dò sang. Mẹ vờ hỏi:

- Chị Soan có nhà không?

- Người ta đi đâu, chắc lại đi họp rồi.

- Chẳng biết tôi gọi thế có được không đấy. Bây giờ, bà biết chưa, ai cũng phải gọi chị ấy là bà Soan. Có người xóm trên chào, chị ấy nghe không thùng, chị ấy bắt chào lại. Con dâu bà hách ra lửa đấy.

- Chết, chết...

- Việc gì mà chết, danh giá mới được thế chứ.

- Giá với rõ chẳng thấy đâu, làng nước người ta chửi cho ửng mả đã. Thằng Triều nhà tôi mà ở nhà thì

nó đánh cho...

- Này thật đấy, thời đế quốc cũng không khinh người đến thế! Mà bà ạ, tôi nghĩ thế cũng chỉ mang tiếng ác chứ được gì đâu. Từ ngày chị ấy ra công tác, xem chừng càng lỏng tay việc nhà. Một mình bà thì bao giờ mới cấy hết?

Bà Cam thở dài. Quả thật, lúa người ta xanh ngọn rồi mà ruộng mình còn trắng nước. Bà Cam bức, nhưng không nói. Dù sao, từ ngày Soan ra làm công tác, bà Cam cũng nề nề, ngại nói, mà chỉ bức bội ngầm. Đêm bà thở dài, rên rầm, thườn thượt, buồn rút. Đi họp khuya về, cũng thường nghe mẹ chồng thở dài. Nhưng Soan cho những chuyện ấy là “lạc hậu”, mẹ chồng là “lạc hậu”. Vì thế, dù có nghe thở dài, chép miệng, Soan cũng chỉ hơi khó chịu, khi nào khó chịu quá thì ra điếm nằm với chị em du kích.

Nhưng, thật thì Soan cũng buồn. Mỗi lần thấy mặt bà Cam chảy chữ nãi, tối như trời mưa, tiếng thở dài rên rầm, Soan muốn đối đáp ngay, nhưng nghĩ đến xung quanh, thì Soan đành bấm bụng. Có khi Soan khóc một mình. Khỏi đưa cùng một cảnh làm dâu mà sao chúng nó tốt số. Nàng dâu đi về quá bữa, mẹ chồng mở rá úp mâm cơm bảo ăn. “Chẳng bù với mình, mẹ chồng chưa mở rá úp cơm đã đi nói xấu nàng dâu mười hôm không hết chuyện”. Soan tiếc cái đời con gái ở với mẹ để chẳng bao giờ có thể trở lại được. Có lúc Soan tha thiết nhớ Triều. Giá Triều mà có nhà, thế nào phen này cũng được cùng nhau làm công tác. Bây giờ Soan không như trước nữa rồi. Nhưng tiếc những cái đã qua thì chỉ càng buồn hơn mà thôi.

Buổi trưa ấy, cơn tức của bà vẫn còn nguyên. Thì Soan bỗng ở đâu về. Cơn tức vì sao thì cũng không rõ. Giận đấy, không đấy, vốn như cơm bữa. Bà Cam nghe tiếng con chó sủa nhùng nhằng nửa quen nửa lạ ngoài đầu ngõ, nhìn ra, trông thấy Soan. Nhưng, cô con dâu cứ vào gần tới đâu thì bà mẹ chồng càng sững sờ. Soan thắt lưng bao da, khẩu súng trường nhấp nhô sau vai. Hôm mới hoà bình, bộ đội ta vào lấy tỉnh, bà Cam đi xem duyệt binh, trông thấy một đội các chị du kích chít khăn vuông, áo nâu mới, đeo súng, cũng oai như thế này. Soan đã vào đến trong sân. Những điều tức giận từ hôm qua, từ lúc nảy của bà Cam cứ phao phào đầu mất. Soan hạ khẩu súng xuống, “chào u”, thì bà Cam nói một câu hiền lành mọi ngày:

- Về mà ăn cơm.

- Con vội đi bây giờ, con mang lẻ gạo đi đường thôi ăn thôi.

Ô hay! Mấy sào ruộng nước còn chan chan, chưa cấy xuống được một cây mạ gọi là, lại “mang lẻ gạo đi”, nghe cái giọng chồng lớn ấy, bà Cam vụt nổi cơn, những toan thốc cho một hồi. Nhưng, ngoài gốc rạ có tiếng lạt sạt, bà nhìn ra thấy cái lão tổng Sa đứng đấy từ lúc nào, hai vai áo xo lên rù rù như con gà ốm. Chánh tổng Sa, nhà ngói bát vền một dãy, ruộng nhà ông chánh rải từ cổng làng rải ra. Là người làng đây, nhưng cả khi còn con gái, bà cũng chưa được tường mặt tổng Sa. Hách dịch sấm sét trong vùng này, bây giờ trông thấy tổng Sa như cái tã rách phơi bờ rào thì bà Cam rất lạ. Bà ngáy nhìn. Soan quát:

- Đứng đấy, ai cho mày đi!

- Thừa...

Tổng Sa lúng túng, lập cập, lẩn thẩn quay một vòng rồi lại đứng yên một chỗ.

Bà Cam sợ sệt khẽ hỏi Soan:

- Đem người ta đi đâu bây giờ?

Rồi bà vào vại, xúc một bát gạo, bọc vào khăn vuông cho con dâu. Lát sau, Soan đeo súng lên, bà Cam bần thần theo ra tận ngõ ngoài. Không phải để chửi nguyền, rửa Soan. Mà bà Cam đương nhìn theo sự thật cái đời con người quyền quý chết rồi, mà nàng dâu mình đeo súng đi kia, đích là người ta đã đến thời “được ngồi ghế cao”. Lúc bà trở vào, mụ Nấp đã đứng trong bờ rào. Mụ Nấp hỏi bà:

- Đeo súng đi thế thì bao giờ về?

- Chẳng biết.

- Cũng bận lắm nhỉ? Ruộng nhà bà cấy hết chưa?

Câu nói kháy ấy kéo bà Cam nhớ thửa ruộng làm rồi chưa cấy được, nước vẫn trắng nhờn, khi ấy khắp đồng, lúa nhà người ta đã bén rễ. Nhớ thế, bà Cam lại chán ngắt và khó chịu. Ấy, từng lúc, bà cứ giận, cứ sợ, cứ lạ, cứ mừng, không ra thế nào.

o

Các xóm đương bầu người đi đại hội nông dân xã. Hai lần trước, Soan đều trúng đại biểu. Tối ấy, hội nghị xóm đã bầu xong, sắp thông qua, thì có người giơ tay:

- Các đại biểu khác thì tôi đồng ý. Nhưng cái nhà chị Soan thì hồi này tôi thấy ra mặt quan liêu lắm. Đề nghị...

Thế là đâm ngang ra. Nhiều người lúc này ngồi họp không để ý, bây giờ cũng đại khái nghĩ: cái Soan ấy ngày trước củ mủ cù mị, bây giờ ra làm việc, ờ mà có vẻ khác, “hình như” cũng lên mặt đấy. Lại hay vừa đi vừa hát, trông thật toe toét. Trong các cuộc họp, thường có khi không ai có ý kiến thì thôi, nhưng, việc gì cũng vậy, hễ có người ngăng ra thì nhiều người hay hồ đồ mừng tượng như thế.

Một người nói:

- Tôi thấy nói có người xóm trên chào, chị ấy không nghe rõ, chị ấy bắt chào lại thật to. À hách ra lửa nhỉ!

Một người nữa giơ tay:

- Mẹ chồng chị ta cũng nói thế.

Lỗi nhớ những cánh tay giơ không bằng lòng Soan đi đại biểu. Soan không cãi lại câu nào được. Lỗi họp thời cải cách, Soan cũng không được cãi.

Soan cứ bàng hoàng rần rứt màng tai. Soan ngồi chúi đầu ở đồng rơm ngoài sân, ngượng quá, tưởng mọi người đang trông cả vào mặt mình. Kỳ thực cái đèn lù mù trên đầu bàn chủ tịch kia chỉ vun quanh một vũng sáng ở đấy. Hội nghị ngồi thăm, cũng chẳng ai biết ai ngồi cạnh. Soan lủi đi.

“Bà Cam cũng nói thế”. Chính người nhà mình ăn không nói có cho mình, cay quá. Đầu óc nhộn nhạo, Soan loăng quăng đi mà không định đi đâu. Trong trạm gác, mấy chị du kích đương ngồi hát. Không nhận được tiếng ai, nhưng Soan đứng lại trước cái đại nứa. Ánh đèn trong trạm ló ra dưới chân. Soan không dám bước vào. Thành linh có tiếng hỏi ra: “Đồng chí Soan đấy à?”. Soan giật mình rồi không thừa, đi thẳng. Nhưng một lát sau, Soan lại quay lại. Soan trèo vào trong cùng cái giường nứa trong trạm gác, nằm cuộn chiếu tổ sâu một mình. Nhiều chị cùng nằm chơi đợi lượt gác, cười khúc khích. Chị ngồi ngoài ánh đèn quay vào, vờ nói: “Có một đồng chí bộ đội tên là Triều có giấy về phép, đồng chí trưởng xóm có cho người ta đi qua không?”. Thế là cả lũ dấm thùm thụp xuống cuốn chiếu tùm hum. Họ tưởng Soan ngủ, càng trêu tợn. Nhưng Soan không ngủ, nước mắt chảy ướt cả chiếu. Sao quanh ta vui thế, chỉ còn riêng ta khổ. Soan cứ mở chong mắt nằm cho tới lúc gà đã gáy sáng, trống canh ba, trời dần dần loăng, Soan mới chui dậy, lủi về nhà.

Đứng dưới mái tranh, Soan nghe trong giường bà Cam trở mình, rên. Mấy hôm nay bà lão giờ giờ. Soan không động lòng, không thay đổi cái ý định từ nửa đêm qua. Giết nhau đến nước này thì không còn mặt mũi nào. Soan đã quyết định. Soan cũng không nhớ gì đến công tác và chúng bạn nữa. Soan nhất định về làng Trường. Soan vào góc nhà, chỉ lấy một cái quần nái, rồi Soan đi tắt qua cánh đồng.

Về đến bên Trường, trời mới tảng sáng. Như mọi khi, người làng Trường lại đoán cô Soan đổi mẹ chồng.

o

Mấy hôm nay, Soan vẫn ở bên làng Trường.

Khi cơn giận nhạt đi rồi, mỗi buổi chiều nghe tiếng cái keng sắt gõ cồng cồng gọi họp, Soan lại bồi hồi nhớ các buổi họp. Những tiếng keng gọi họp, gọi học, tiếng phát thanh, những khi họp tan đầu xóm, tiếng chân chạy, tiếng đùa dấm nhau, tiếng cười, hát lô lô ngoài đường cái, sao mà thúc đẩy tợn. Mẹ Soan đã đi họp về, tiếng lệt xệt mở cánh cửa liếp; bà bước vào, quen miệng, chửi phủ đầu: “Cha đẻ mẹ mày! Rõ cái thân làm tội cái đời!”. Soan ngồi thần mặt, môi cong vều lên, hai hàng nước mắt đổ ra. Mà tui, mà nhớ, mà cực, bối rối không biết nghĩ thế nào.

Nhưng không thấy bà mẹ chồng sang gọi như mọi khi. Cơn giận thì nguôi rồi, song chẳng nhẽ tự dừng lại

lù lù về. Sốt ruột quá, Soan nghĩ: “Hay là cứ về”.

Có người đi tìm lợn giống, tạt đến bảo:

- Bà Cam ốm mấy hôm nay.

Bây giờ thì Soan đã quả quyết. Tuy vậy, cũng phải đợi lúc mặt trời xế hẳn sang bên kia sông, khi Soan qua cánh đồng làng, sương và bóng tối đã lẫn lộn nhòe mắt, những con ếch, con trầu chàng ngồi trên vũng nước mưa mới dưới gốc rạ đã nhảy ra, kèng kặc kêu rồi cả tai thì cũng vừa lúc ấy, Soan vào đến cổng. Đường vắng. Các nhà đương sắp cơm, cũng chưa đổ đèn. Soan không gặp ai. Soan mừng thầm.

Soan đi thẳng vào sân. Trong nhà, thoáng ra tiếng rên, tiếng ú ớ nói mê. Mùi cứt gà, mùi rêu mốc bốc lên, càng vắng như nhà hoang, làm cho Soan xót xa, và thấy mình là tệ.

Hình như bà Cam biết có người vào nhà. Bà thì thào hỏi:

- Ai thế?

Soan thưa:

- Con.

Bà lão lặng ắng một lát, rồi lại rên. Soan hỏi:

- U sốt à?

Không có tiếng trả lời. Biết tính bà, Soan không hỏi thêm. Soan xuống bếp thổi đồng dấm, nấu cháo.

Hôm sau, Soan đi vờn cỏ sớm.

Đến trưa, trở về, anh em đội công tác biết tin, đã vào đây nhà.

- Bà mẹ chỉ tham công tiếc việc. Các cụ ai chẳng tham công tiếc việc. Chị phải vừa công tác vừa tranh thủ mà làm.

Nghe nói “phải tranh thủ mà làm”, Soan lại khó chịu. Còn có lúc nào Soan ăn bơ làm biếng, từ khi Soan về nhà chồng. Nhưng, nghĩ cho cùng thì bà Cam đúng là người tham công tiếc việc. Giá Soan đi họp, và vẫn quấy nước, rút rơm, trưa về đi vờn cỏ, thì mọi việc yên hết. Soan biết tính bà Cam thế, chẳng đợi ai nói mới biết, nhưng Soan hay bướng: chẳng nịnh ai mà phải lặn lội vào làm cho vừa lòng.

Dù sao thì bây giờ Soan đã nghĩ khác. Phải, Soan chỉ chịu khó một chút thì xong cả. Soan đã vừa làm vừa mê mải công tác. Mỗi ngày, Soan đi vờn cỏ với nhóm đôi công. Cánh đồng mới cấy đã xanh biếc. Lá lúa vừa mọc đuôi, gió thổi vào bắt đầu có tiếng thầm thì.

Bà Cam đã khỏi hẳn. Bà đi làm cỏ với con dâu. Câu chuyện đổi bỏ cũng đã qua. Bà chỉ để ý một điều là ở bên Trường về, nó không mặt bùng mặt phiu, và dù có bận họp xóm, họp xã cũng không bỏ việc nhà. Chắc ở bên làng Trường người ta cũng rửa cho một trận rồi. Có thể mới nhào về một mình. Phải, ở đâu bây giờ chẳng có cái cách, người ta chỉ đòn đánh bằng lời nói mà phải ngóc cổ dậy, chứ cứ đắp chiếu nằm vạ mãi được a? Bà Cam yên tâm. Sự thuận hoà lặng lẽ tới với hai người lúc nào, cũng không ai biết.

Một hôm, Soan đi đâu về, thấy một bát hương úp sau gầm giường thờ. Soan hỏi:

- Nhà có bát hương nào thế này?

Bà Cam lúng túng nói:

- Tao vừa sang đem bên điện nhà Nấp về...

Nghe thế, Soan mừng lắm. Bà Cam đã biết cảnh giác phòng mụ Nấp lên địa chủ đã đi lấy bát hương thờ điện về.

Nhưng bà Cam đã nói dối. Thật ra thì vừa lúc chập tối, mụ Nấp sang nhà bà Cam. Mụ xách cái bát hương đặt xuống nói:

- Nhà tôi sắp sửa thất đức, không được ăn mày lộc thánh nữa, tôi xin đem trả bát hương của các ông các bà.

o

Bấy giờ, tết Nguyên Đán sắp đến. Soan nghe đội nói: “Có thể lấy một số cán bộ xã đi công tác. Sẽ đề nghị trên cho đồng chí Soan đi”. Soan cười: “Cho tôi đi thật nhé”, nhưng bụng Soan thì vừa phân vân, vừa mừng.

Tết nhất lại đến nơi. Những ngày cuối năm đầm ấm, người ở nhà hay nhắc người đi xa. “Anh Triều sắp về chứ! Tết hoà bình thứ hai mà chưa về à? Gan thế...”. Soan cứ nghĩ miên man. Soan tưởng tượng từng cảnh thế này: một hôm, Triều về, Soan sắp đi công tác, tình cờ Triều về. Sao mà anh ấy về khéo thế. Vừa trông thấy nhau, mình giơ tay trước bắt tay anh ả một cái. Cán bộ bắt tay nhau là thường. Nào bắt tay, bắt tay rung lên rung xuống...

Nghĩ đến đây, Soan không dám nghĩ thêm nữa. Trong lòng thì man mác chan hoà, nhưng Soan thấy câu chuyện mơ tưởng có vẻ cứ lạ dần mãi. Có gì đâu, bởi vì Soan nhớ lại năm năm về trước. Khi Triều còn ở nhà, nhiều lần Triều đã nghe mẹ chửi đánh mình. Và lại, ngày Triều đi cũng là cái ngày Soan phải chồng đánh trận đòn đau. Dù đấy là đánh che mắt thẳng Tây, nhưng chỉ vì che mắt thẳng Tây mà phải đòn thì cũng là đau lắm. Bây giờ Soan được giác ngộ rồi, lại càng khó chịu. Soan không dám tưởng tượng nữa. Soan lừ mắt, vẻ nghĩ ngợi. “Ừ, để gặp xem thế nào. Xem hẳn ta tiến bộ được bao nhiêu rồi”. Làm như Triều thế nào cũng về. Triều đương đi ngoài bờ ao. Những ngày cuối năm, gió bắc thổi hun hút, nằm ố rơm mà cứ

như đội nước vào người. Trần trọc, lăn đi lăn lại khó ngủ quá. Đêm ngoài điểm tuần, mấy chị du kích cứ quần chiếu tùm hum, chen nhau, cẩu nhau, rúc rích “cậu cậu, anh anh, mình mình”, không nhớ không mong sao được!

Thế rồi, nhớ quá hoá ra thật, buổi sáng hôm ấy, Triều về.

Quần áo và mũ, giày quân đội. Triều to, cao lênh khênh. Gặp người làng, Triều chào. Người làng đứng sững, nhìn đi nhìn lại, rồi mới nhận ra cái mặt, cái cười anh Triều, “cái thằng cu Triều, bà Cam đẻ rơi ở ngoài đồng ruộng triều, đặt tên là thằng Triều”. Cả cánh đồng đương làm chống cuộc chống cào quay về phía xa xa anh bộ đội đương đi vào cổng làng. Có người theo lên tận đường cái nhìn mặt cho được. Có người mau miệng đã báo cho Triều biết Soan đi đào giếng chống hạn dưới đồng sâu, bà Cam đương làm màu khoai đăng kia.

Triều tạt lại chỗ mẹ đương làm. Triều nhận ngay ra mẹ. Nhưng lạ sao, như người mẹ bé nhỏ hơn trước. Từ nãy Triều thấy cái gì cũng bé nhỏ hơn trước. Cả con đường cái chính xứ, ngày bé chạy đứt hơi chưa hết, bây giờ hình như ngắn ngủn, đi ba bước đã qua.

Triều cởi ba lô và túi để đầu bờ, xuống đặt dây khoai với mẹ. Câu thứ hai muốn hỏi về vợ, nhưng Triều cứ nấn ná. Lát sau, đã đặt xong cả ba luống dây khoai. Hai mẹ con xách cuốc về. Đến nhà bà Cam nói: “Bây giờ thì nhà mày nó cũng về rồi”, Triều mới yên trí.

Bà Cam xuống ao rửa chân. Triều đứng nhìn cái nhà mình, vẫn ba gian như ngày trước. Trận mưa đêm qua làm cho cả mái, vách tối đen, như cái ụ đất.

Soan đứng trong đầu bếp nhìn ra. Tiếng đồn Triều về đã bay ngay ra tận chỗ đào giếng. Soan chợt nhớ một điều là nhà hôm nay không có gì ăn. Hết buổi làm, Soan chạy ra lạch bắt quàng một mẻ cua và bây giờ đã lấp ló nắp đầu bếp. Triều đã vào tới gốc vối. Triều mặc quần áo bộ đội màu xanh cỏ ấu, người càng cao càng chỉnh tề, đúng như mình thường tưởng thế. Chẳng còn dấu vết đâu cái bộ áo rách tơi, cái nón mê, cái sào nứa, buổi sáng hôm trốn đi. Thế là, bao nhiêu ý nghĩ của Soan không còn cứng cựa như lúc Triều chưa về, Soan thấy mình luống cuống “không thể nào dám bước ra bắt tay anh ả được nữa”. Và, lẳng lặng trước khi Triều vào sân, Soan đã vội xuống bếp, ngồi quay lưng vờ thổi lửa. Mãi đến lúc có nhiều người đến thăm hỏi, Soan mới bước ra.

Triều nói chuyện, chào hỏi tíu tít và Triều làm như chưa trông thấy vợ. Hai người cũng không hỏi nhau.

Lạ thay, Soan có cảm giác rụt rè như tám năm trước, mới về nhà chồng, buổi sáng đầu tiên dậy sớm quét nhà. Mãi cho tới lúc các chị vào rủ đi hội ý buổi chiều, Soan mới trở lại tự nhiên. Họ cười nói như phá, làm cho Soan tỉnh, nhanh nhẹn và thấy lại được mình đương là cán bộ xóm.

- Tối nay cho anh Soan ngủ nhà, không phải ra điểm gác tập trung nhé.

Soan tự ái:

- Nhiệm vụ nào đi nhiệm vụ ấy chứ.
- Thế tối nay không phải ngủ nhà chắc?

Họ đấm nhau, nhộn ra cả ngoài sân.

- Anh Triều này, tối nay phải phê bình con bé tợn vào. Độ này nó lồng hông lắm.

Triều cứ ngồi cười, vừa thích vừa hơi khó chịu vì câu nói chót nhả. Một chị nói:

- Cái Soan ở nhà tiến bộ lắm. Cuối tháng này được tỉnh cho đi công tác đấy.

Triều cười, miệng mở rộng, nhưng nhạt không thành tiếng.

Mấy chị nữa vừa đến, đứng ngoài sân hỏi vào:

- Cậu Soan đi họp chứ?

Họ vờ như chưa biết Triều về.

- Sao cứ ngồi thu lu thế kia, nhớ chồng à? Ờ kìa, anh Triều mới về đấy à, thế mà chúng em vô ý không biết. Chào anh ạ. Trông anh khác hẳn đi thôi. Chị Soan hôm nay nghỉ họp, hôm nay giờ mưa to.

- Phải gió, họp trên hết chứ!

- Cái gì trên, hả cậu Soan?

Thế là lại đấm, đẩy nhau cười. Lát sau, tiếng cười tiếng chân đuổi nhau đã xa ra tận ngõ xóm. Bọn họ đi họp cả rồi. Triều ngồi lại một mình, nghĩ lảng vảng, tự dưng buồn. Vợ mình bây giờ hay nhí nhảnh, hay chót nhả thế ư? Vóc người Soan có đầy hơn, nhưng cũng lại phảng phất khô hơn trước. Cái heo héo của tuổi. Năm nay Soan hai mươi năm. Cái thì mười tám đôi mươi đã đi qua rồi. Triều lại ra ý tiêng tiếc.

Triều hỏi mẹ:

- Nhà tôi nó sắp đi công tác à?

- Thấy nói thế.

- Công việc ở nhà thế nào?

- Không cho đi thì lại hoá buộc căng nó, mà người ta nói. Mày về thì mày bảo, thôi tùy các anh các chị, tôi thế nào cũng xuôi.

Thật ra thì bà Cam cũng chẳng ưa cái việc Soan đi công tác. Bà Cam không muốn Soan đi, nhưng cũng không thích Soan ở nhà. Bây giờ có ruộng, đủ ruộng rồi, chẳng còn thiếu đói được nữa. Vả lại, cháu gái nhớn, nó với bà làm cũng được. Thì để cho cô ta bay nhảy. “Còn son rồi thì cứ bay nhảy đi”. Tuy lâu nay trong nhà êm ả, không có to tiếng, nhưng bà Cam vẫn cánh nánh chuyện mẹ chồng nàng dâu xung khắc, bà cho là “cái số thế, suốt đời thế”. Cho nên, ai hỏi có phải chị Soan sắp đi công tác thì bà chỉ ừ nhạt. Không ai biết bà bằng lòng hay không.

Triều cũng không hiểu sâu được ý mẹ. Nhưng thấy mẹ nói thế thì Triều phát cáu:

- Công tác gì thì cũng phải đầy đủ việc nhà đã. Phụ nữ nước nào chả thế.

Bà Cam không biết nói thế nào với con trai. Bà thì tiếc việc, tham người. Nhưng bà không muốn, mà cũng không thể giữ Soan. Thời buổi giờ khác xưa, chúng nó như người hớn hờ đi ra đường, mình là cái người già chân yếu, chỉ biết đứng xó trông theo, mình có bảo chúng nó đi, chúng nó đứng, thì cũng như chuyện. Cho nên bà không nói.

Triều lăm lăm im lặng. Bà mẹ không biết con khó chịu, tưởng như tính nó xưa nay cũng thường lăm lì như thế.

Trời tối, rồi trời khuya dần. Lúc này thấy Soan khoác súng đi. Đêm nay ngủ du kích tập trung chẳng? Tất nhiên, Triều không hỏi mẹ. Triều lăm mẩn, sửa soạn chỗ ngủ tỉnh tươm, cẩn thận. Vẫn ở cái góc buồng đầu bếp có phen che, trên ba mảnh phản gỗ, ngày trước, khi mùa đông tới thì Soan trải ổ lá chuối khô và vợ chồng đắp một cái khố tải. Bây giờ, Triều gạt ổ lá xuống đuôi giường, trải ra phản một mảnh bạt. Cái màn thì Triều căng thẳng như kẻ chỉ, rồi vắt gọn lên. Triều rút trong ba-lô một chiếc gối bông nhỏ bọc vải hoa, cùng màu với chăn. Túi ni-lông đựng đồ trải giường thì treo trên góc cột.

Mấy thứ xinh xẻo ấy Triều mới sắm. Rồi Triều lấy trong xác cốt ra một quyển thơ, nằm đọc vè tự nhiên ề a. Nhưng thật đầu óc vẫn vơ nhiều nghĩ, nhiều nghe, khiến mắt Triều không thể trông thấy chữ nữa. Mùi lá chuối khô mốc, Triều đoán ít khi Soan ngủ nhà. Có lẽ Soan ngủ ở những điểm canh. Cái cảm tưởng về Soan nằm lang chạ như thế làm cho Triều buồn buồn. Trong khi ấy thì miếng xà phòng ở túi ni-lông của Triều cứ toả mùi thơm êm đềm, ngòn ngọt.

Triều chợt nhớ mình đương nằm ở cái phản ngày trước vẫn góc phản ngày trước. Nhưng mùi xà phòng, cái quyển sách, cái bút... những gì nữa này, những thứ ấy làm cho Triều thấy mình khác trước. Người cũng còn đôi nữa là, nhiều cái đã khác. Triều bỗng để ý đến đôi dép cao-su đen Triều vừa treo lên đầu cột. Triều nghĩ về đôi dép cao-su đen. Trên đã phát giày vải, đôi giày mình đương đi đây.

Triều suy nghĩ lan man về đôi giày, đôi dép trong khi trời dần dần khuya. Những con chuột cống, con cầy hương, lúc này đường đã vắng, chúng ra tìm ăn, chạy lệt xệt trên những lốt bùn và lá khô, nghe xung quanh càng lạnh, cứ vừa êm đềm lại vừa thao thức. Tựa tựa có người đi vào, rồi lại không phải. Chốc chốc, Triều giật mình.

Bỗng ủa đến tiếng chân rậm rịch từ ngoài đầu ngõ. Rồi tiếng cười, tiếng nói ào ạt qua ngoài vách, nghe rõ mồn một.

Triều nhìn lên dui nhà. Ánh đèn và tiếng cười loang loáng qua trên ấy. Triều cảm thấy mình nằm thu lu lẻ loi, lép vế, Triều trở mình quay mặt vào vách, tay nhấc quyển truyện kê giáp vào bóng đèn, như đương mãi đọc.

Soan bước vào, rồi phịch cái súng xuống góc nhà. Triều không quay ra, nhưng hỏi tự nhiên:

- Về đấy à?

Rồi Triều lại nói:

- Để súng thế là không bảo vệ vũ khí. Mà phải cảnh giác, treo súng vào phía trong giường chứ.

Soan làm theo lời Triều, ra cầm khẩu súng trường đặt vào vách trong, rồi cởi bao da lưng đạn, treo luôn lên đấy. Triều vẫn nhìn vào sách, lại hỏi:

- Đi sinh hoạt về à?

- Anh có nhớ cái Pha không?

- Cô Pha hay giấu truyền đơn vào giỏ cua rồi lộn cánh đồng đăng chợ vào tỉnh chứ gì.

Soan hớn hờ nói:

- Lễ kết nạp trọng thể lắm, anh ạ. Từ thuở bé, giờ em mới thấy cờ búa liềm.

- Cốt ở cái tinh thần chứ cứ gì hình thức. Tinh thần cô Pha thế nào?

- Tinh thần phụ nữ xã ta cao lắm. Cán bộ toàn xã phần nhiều là phụ nữ.

Triều toan nói: “Thôi đi, đừng tự phụ”, nhưng thấy Soan ngồi ghé bên ánh đèn, Soan lật quyển sách Triều vừa bỏ xuống. Soan ngẫm rồi thông thả đọc từng câu, thì Triều không nói nữa. Từ lúc này, Soan như không để ý tới những thay đổi trên cái giường lồi thoi, mà Triều đã mất công bày lại, Soan cứ nhẹ nhàng, nhớn nhơ như không màng tới, Triều đã lạ. Bây giờ thì Triều phục vợ quá. Vì Triều tưởng chỉ có mình bao năm ở doanh trại, mới biết chữ được. Soan vẫn đọc thông thả, rành rọt. Ánh đèn bắt nghiêng lên mặt Soan. Đôi mắt vẫn lừ đừ năm xưa thế ấy. Cái lưng áo cánh nâu chắc nịch bốc nóng rình rịch. Nhưng nhìn thoáng khuôn mặt thì không còn tròn phính như trước. Dưới gò má, quầng một vệt tối, hơi trũng xuống. Nét mặt Soan có nhẹ đi. Sáu năm, bao nhiêu tháng, bao nhiêu ngày, bao nhiêu đêm đã qua rồi. Triều bồi hồi và Triều âu yếm nói:

- Tắt đèn chứ, khuya đấy.

Soan đứng dậy, đặt cái đèn lên mặt hòm phản. Câu chuyện hai vợ chồng lầm rầm dần dà lặn vào bóng tối. Đêm mùa đông ấy, trời khô, vừa rét lại vừa ẩm.

- Anh ở chơi nhà mấy hôm?

- Ngày kia thôi. Ngày, sắp đi công tác đấy à?

- Ừ.

Trước khi Triều về, mỗi lần Soan tưởng tượng chuyện sắp đi công tác thì đầy đủ lắm: túi vải, ba-lô, bút máy gài túi. Nhưng lúc này, mặc dù vẫn hăng diện về chuyện này và những điều nghĩ ngợi về lễ kết nạp chị Pha vào Đảng lúc này vẫn bồi hồi trong đầu, Soan có thể kể cho Triều nghe bao nhiêu chuyện, thế mà khi đó Soan chỉ “Ừ” một tiếng, Triều nghe thấy vừa hiền, vừa ngoan, trong khi hai vợ chồng nằm nghiêng lại với nhau. Triều nghĩ những ngày mới lấy nhau. Soan nết na, hay làm, Triều thì cục tính, hễ trái ý là chửi, đánh. Cả hôm đi tòng quân, lấy cớ che mặt mọi người để ra hậu phương cho dễ, Triều cũng đánh Soan một trận, nghĩ bây giờ còn ngượng. Soan cũng nhớ lại việc ấy một cách tình nghịch.

- Anh còn nhớ cái lần anh đánh em rồi anh ra hậu phương. Thế mà nhà đồng Nấp cũng đi báo đồn xuống đòi tiền phạt “nhà có người đi Việt Minh”.

- Mình chính huấn đã kiểm thảo thái độ đối với phụ nữ rồi.

- Không, em không nói anh đánh em đâu. Em kể chuyện nhà Nấp ấy. À anh ở bộ đội có kiểm thảo cả việc đánh em đấy à?

- Ừ.

Chợt nhớ ra một điều vui lắm, Soan rinh rích cười, cười to, nghe giường ngoài bà Cam cựa mình, mới im.

Triều để ý Soan gọi Triều bằng “anh” và xưng “em” rất tự nhiên. Triều thì chẳng dám “mày tao” với Soan như ngày trước, nhưng vẫn lúng túng chưa biết gọi thế nào, nên vẫn chỉ đối đáp trống không, Triều thấy ở Soan một vẻ chững chạc, mà trước kia Triều không hề tưởng tượng ra. Triều lạ và phục, nhưng cũng thấy tương tức, cảm như mình bị coi thường, dù mới chỉ về nhà một lúc. Triều buông một câu:

- Đi thì ai ở nhà làm?

Soan nói gì về những ở nhà và đi công tác, nhưng Triều không nghe rõ. Sự bức bối và thương yêu cứ lẫn lộn, bồi rối, vẫn vơ. Câu chuyện lảo đảo một lúc rồi im trong tiếng lá chuối sột sạt và tiếng cơn gió đông cứ dạt dào huýt sáo vào cái ống tre trên đầu hồi nhà. Một lúc thật lâu, Triều bảo Soan:

- Ngủ đi.

Nhưng nào ai ngủ được. Chẳng bao lâu, tiếng gà đã nổi lên. Nhìn ra, đêm đã loăng trắng trên khung cửa liếp. Triều quay mặt vào, nhắm mắt. Bỗng khó chịu cái khung cửa liếp làm cho người ta thấy sắp sáng nhanh quá.

Còn tối đất, Soan đã dậy đi bữa. Triều cũng đứng lên, hăm hở ra sân tập thể dục.

Mặt trời lên độ con sào thì Soan về, khoá chân tay ngoài cầu ao rồi vào gác bữa. Triều đương lúi húi với đôi dép râu ở đầu hè.

Triều bảo Soan:

- Xỏ chân thử nào.

Soan đặt chân lên chiếc dép. Triều ngăm, nheo mắt, rút quai, đánh dấu bút chì. Miếng xà phòng và bát nước đã để sẵn. Triều tuốt xà phòng vào quai dép, rồi lần lượt xâu lại.

Đã đoán được việc Triều đương làm, nhưng Soan vẫn cứ hỏi:

- Anh làm gì đấy?

- Cho em đôi dép này... để em đi...

Triều buột miệng một cách cố ý gọi vợ bằng “em”, tiếng nhẹ nhõm, tự nhiên.

- Cho em thì anh lấy gì anh đi?

- Anh đã có giày của trên phát rồi. Rút quai cho ngắn lại vừa chân em, xinh lắm.

Đôi má Soan hây hây cảm động, Soan rất tinh ý. Nghe cách nói, Soan biết đêm qua Triều không muốn cho Soan đi công tác. Nhưng bây giờ Triều đương sửa lại dép cho Soan, thế là Triều bằng lòng rồi. Vừa day tay rút xong được một bên quai dép, Triều ngẩng lên nhìn Soan, và cười.

Thật ra thì Soan chưa đoán hết được nghĩa cái cười ấy của chồng. Thì Soan sẽ đi công tác. Triều đã nghĩ vậy. Nhưng mà Triều cũng đương nghĩ giá lần này mà Soan có mang. Có thể có mang lắm chứ. Triều nhìn đôi má đỏ hồng của Soan và Triều cười. Ủ, Soan có mang thì rồi Soan sẽ ở nhà, Soan đã có con. Cái mong muốn yếu đuối cuối cùng của người chồng chỉ còn âm thầm bám lại.

Soan không biết. Soan cũng hồn nhiên cười chum chím. Ờ, đi công tác mà có dép thì nhất rồi. Soan cúi buông hai ống quần còn lấm tấm bùn, vẫn xoe lên tận bẹn, từ này quên chưa bỏ xuống.

Mục lục

Chương 1:

Chương 2:

Chương 3:

Chương 4:

Chương 5:

Chương 1:

Kim Đồng, tên cha mẹ đặt cho là Nông Văn Dền, quê ở Nà Mạ. Làng Nà Mạ cách Pác Bó một quãng đường. Từ những năm 1940 cho tới Cách mạng tháng Tám 1945, Bác Hồ từ nước ngoài về, đã có khi ở căn cứ núi Pác Bó, lãnh đạo cách mạng cả nước. Phong trào tỉnh Cao Bằng bấy giờ là gương mẫu đầu tiên. Làng Nà Mạ nhỏ bé gần Pác Bó, đã góp phần xứng đáng cho tỉnh Cao Bằng. Làng Nà Mạ, châu Hà Quảng ngày ấy chỉ có khoảng hai mươi nóc nhà dân tộc Nùng. Từ những hội đánh Tây trước kia, cho tới cao trào Việt Minh đánh Pháp đuổi Nhật, cả làng Nà Mạ đã tham gia. Cụ già, em bé Nà Mạ đều vào hội cứu quốc. Nhiều hy sinh thật to lớn. Đồng chí Quý Hiệu, đồng chí Nhất Sơn bị Pháp bắt, chặt đầu, bêu ở chợ Sóc Giang. Các đồng chí Phục Quốc, Phục Hưng gia nhập đoàn quân Nam tiến, hy sinh khi đánh Nhật ở Bắc Kạn. Có nhà bốn anh em thì hai người liệt sĩ, như nhà các đồng chí Ngự Mạn, Bát Ngự. Có nhà, hai anh em cùng hoạt động, đều hy sinh cả, như nhà Kim Đồng. Đương ồn ồn, bỗng lặng im. Những tiếng nháo nhác đã xa. Không ai trông thấy gì nữa. Chỉ nghe chân bước ững ững trong vũng nước hai bên cỏ tranh. Người làng bị lôi đi cả rồi. Các xóm ở Nà Mạ, ngõ nào cũng tụ lại, lơ lơ người, nhưng im lặng. Im lặng như gốc mít, gốc trám, gốc nghiến, gốc vối. Chỉ còn những con mắt chớp chớp lóa nước mắt. Thế là chuyển bắt phu các làng đi làm lô cốt đồn Sóc Giang hóa ra thật rồi, thật. Không ai ngờ làng xóm chẳng được kịp ăn tết rằm tháng bảy. Cuộc bắt phu từ gà gáy. Lính cơ trên châu ập về, như cướp đến. Lính còn vây quanh làng. Sợ người trốn đi. Rồi, lính ủa lên nhà với xã đoàn, kéo từng người. Người xuống thang đành đập như con cá giẫy. Ngựa của châu đoàn ngoài đường cứ chốc chốc lại đập chân, rũ đuôi và chuông cổ coong coong như tiếng nhạc cúng ma. Đàng nào cũng buồn bã thế. Người bị lôi tay xuống thang, buông chân đi mà bụng buồn như còn nghe đoạn hát then "khảm hải" nửa đêm qua. Lúc chuông ngựa châu đoàn réo, Dền mới thức dậy. Ngoài đường đã ồn ã lắm. Trong nhà mình vẫn lặng tờ. Ngoài đường nhộn nhạo, trong nhà im. Nhưng ngoài đường không phải tiếng ới ới gọi nhau đi xem hội hát. Có tiếng chửi réo lên kia. Tiếng rít, tiếng roi đập chát chát. Không xong rồi, Dền nhóm lên. Bố Dền đang nhóm lửa bếp giữa sàn để hơ lá gói bánh gai. Bấy giờ, cả mẹ, cả anh và Dền đã ra ngồi quanh lửa. Sương sớm buông xuống tận đầu nhà. Tháng bảy đưa cái lạnh về sớm thế này ! Mấy ngày vừa qua, mưa dầm nên không phơi lá gai được. Tết đến, nhà nào cũng làm bánh gai - trẻ con thích bánh gai, bánh gai ngọt hơn bánh nếp. Nhưng bấy giờ Dền cũng quên cả ăn bánh gai. Cái lặng lẽ quanh mình đương đầy sợ hãi. Rồi có tiếng động chân ngoài đầu sàn, đã thấy chiếc nón chớp nhoi lên. Kia có lính đến nhà mình. Bố Dền đứng dậy. Bố Dền bước ra. Bếp sưởi trống một chỗ. Còn như lạnh hơn lúc này. Bố Dền quay lại, nói: - Hay là mẹ Dền nấu cơm cho tôi gói đi. Lính quát: - Ra ngay ! Người ta đợi cả ngoài kia rồi. Ngay đó, lính đẩy bố Dền lao đầu xuống thang. Tuy vậy, bố vẫn phải quay lại chỗ cột, bê ra hai hòn đá to đã buộc sẵn, để đẩy rồi bố Dền quảy đi. Mấy lâu nay, xã đoàn đã đến bảo từng nhà: quan hai xây lô cốt trên đồn Sóc Giang, nhà nào có người ở tuổi đi phu phải sắp sẵn hai hòn đá to. Lúc đi, quảy đá lên. Không có hai tảng đá lên theo thì phạt kéo thêm hai ngày phu. Mà cứ gì người đi phu mới phải vác đá xây lô cốt. Dền đã thấy người làng đi chợ Sóc Giang, chợ Nà Giàng, cả người đi chợ

Nậm Những lều tều xa nhất, ai cũng quầy theo một hòn đá. Không có hòn đá tảng đi chợ, không được vào mua muối của cai chợ đứng bán. Không biết trời đất sắp thế nào mà đồn Tây, đồn châu, đồn bang tá phá hết bờ rào tre và tường đất, đắp nên lô cốt đá. Rồi đến các nhà châu đoàn, xã đoàn cũng đua đòi xây tường đá, lô cốt. Chánh tổng Thước ở Thông Nông bắt mỗi người đi chợ qua nhà phải nộp một tảng đá. Người ta nói rủa: Có việc gì mà mày phải đắp mả nhà mày kỹ thế ? Bố Dền quầy hai hòn đá ra tới đầu ngõ. Những người trong làng phải đi phu đã đứng chen chân đấy, đương túi bụi, rồi rít trong tiếng roi quất, tiếng cai cơ quát lính đếm xem đủ số phu chưa. Rồi con ngựa châu đoàn nhong nhong đi trước. Đám lính chạy sau, đồn phu quầy gánh theo, chửi om. Đoàn người bật ra ngõ. Tiếng ồn ào xa dần vào con đường lầy lội trong cỏ tranh cao lấp đầu, không nhìn thấy bọn người đi đâu nữa. Những người đứng đầu xóm, có người òa khóc, rồi cung cức chạy về. Không giữ được nước mắt, nhưng ai cũng cố kìm tiếng khóc. Sợ khóc thế thì sai cho người đi xa. Mẹ và anh em Dền ra bờ suối. Chỗ suối ấy trông thấy bóng người dưới nước. Suối Pác Bó chảy về đến Nà Mạ, từng quãng trong vắt rồi trắng ngần qua hai bên những cây vối già nghiêng nửa mình, tựa vai nhau soi bóng trên mặt dòng nước phẳng như gương. Nhưng không trông thấy bóng người. Bờ suối đằng kia, những cái chày hăng không, chông lên bên cánh cối nước(1) quay vội vội. Cái cọn(2) thì thông thả, cọt két, mức lên từng ố ng nước. Những cảnh hàng ngày ấy, trông đau lòng thêm. Trời Hà Quảng trong xanh, ruộng Hà Quảng đất lẫn đá bốn mùa khô xác, không giữ được một hạt nước, một hạt màu. Mưa lụt, nắng hạn, đất nghiêng đi đâu mà nghiêng mãi, lúc nào cũng chỉ thấy người tháo, người đắp giữ nước ngoài đồng. Tháng bảy rồi mà cọn nước còn kéo kệt suốt đêm mức từng ống vào ruộng. Hạn to rồi. Mới có tháng bảy mà những cái cánh cối đã tắt tả quay sông. Như thế là chẳng còn hạt gạo dính tròn cối. Mẹ quay mặt đi. Anh em Dền không để ý. Cả hai mãi cúi sát mặt cầu, nhìn theo dòng nước, một lúc, bỗng reo lên : - Có bóng người đằng xa kia. Mẹ quay lại, nói như ghen : - Thấy bóng thì chẳng làm gì... Rồi mắt mẹ nhòa nước mắt. Anh tưởng vì mình nói to thế làm mẹ buồn. Hai anh em cuống quýt giục : - Mẹ về, mẹ ạ. Rồi anh chọt nhớ : - Ồ, nhà mình chưa thả vịt. Về thả vịt nào! Mùa này phải cho vịt đi ăn sớm mới được. Nhưng mẹ bảo : - Sáng nay chưa đi chăn vịt đâu. - Sao, hả mẹ ? Mẹ nói : - Nhà còn mấy ống gạo để dành ăn Tết rằm tháng bảy. Có khi mà Tết rằm này bố mày được về ăn Tết. Từ hôm nay đến rằm phải đi đào mại để ăn thì mới dành được gạo tết rằm. Bố mày đương đào dở một bọn mại. Hôm nay không đi rừng sớm, người ta cướp công mất. Bây giờ hai mẹ con phải đi đào nốt. Anh xịu mặt. Không phải ngại đào đâu. Anh đã đi với bố vào rừng đào củ mại nhiều lần. Những củ mại nằm sâu độ sải tay, anh đã đào gọn được. Củ mại hôm qua cũng là hai bố con đương đào. Mại rúc sâu thế là củ to lắm. Không đi đào nốt thì có đứa nằng mất. Chỉ vài nhát mai nữa thôi. Nhưng lại còn lo vịt đói. Vịt cũng cần vỗ béo. Dền nói tự nhiên : - Để em chăn vịt cho. Anh reo lên : - Phải đấy. Mày chăn vịt, tao đi đào mại. Mẹ đau chân, mẹ cứ ở nhà, đừng đi đâu. Nhưng rồi anh băn khoăn : - Không được, mày chưa biết đuổi con vịt. Nó mà xuống suối, đi mất thì... Dền nói : - Biết rồi. Tay cầm cái roi thế này. Vịt đi xa thì giơ lên, gọi : kiu kiu, như anh vẫn làm mọi khi. Em đã biết đào giun cho vịt ăn. Em biết chỗ giun nằm có cứt giun đùn nhiều. Anh cười, vẻ thú vị : - Nói nghe thạo đấy. Được, cứ thử cho mày chăn vịt, tao đi đào mại. Nói phân phát công việc như thế, anh nghĩ mình đã lớn hơn mọi khi và cảm thấy bây giờ phải xốc vác, thay bố đi vắng. Một lát sau, anh đã lồng cả đôi "dậu" , quầy trên vai, tay xách cái thuổng. Nhưng anh ra về người lớn cũng chưa bằng Dền đâu. Kể ra, Dền không biết so sánh. Nhưng, từ lúc nhận chăn vịt, Dền thấy mình bây giờ lớn rồi, khác hẳn, khác nhất bởi vì Dền

chưa chặn vệt bao giờ. Chỉ mới đi xem người ta chặn thôi. Bây giờ Dền đi chặn vệt. Mẹ phải biết thế, anh phải biết thế. Dền sẽ đuổi vệt khéo, không để vệt lạc suối. Dền đã biết chỗ đào được nhiều giun. Lúc anh vác củ mài về, anh sẽ nhìn sương mắt lăm : đây này, điều con vệt nào cũng to tướng, no nê thấy lầy ra, ngang cái đít ngoe ngoáy của nó. Thật đấy. Đàn vệt nằm trong chiếc bu đầu sần vừa được bỏ xuống. Dưới chuồng có ba con vệt to, anh đã tháo chốt cửa. Thoạt đầu, Dền cũng lo vệt chạy tán mạn mỗi con mỗi nơi thì thật khó. Những con vệt to vẩy cánh vươn vai. Cánh vệt quạt lên, như rờn cho gió lộng vào mặt nhau. Ba con vệt càng nhớn thêm, cứ dang cánh quạt quanh ra xa, mãi đầu bờ rào. Đàn vệt con đang sau sợ gió, nhớn nhác, táo tác. Tất cả loạn lên như trêu tay chặn vệt non. Nhưng Dền bình tĩnh. Dền đã đoán cách làm cho có trật tự được. Dền nhón chân lên, xách mai, bước ra. Thế là cả ba con vệt to đều quay đầu, hiếc mắt rồi cụp cánh, lạch đạch chạy theo Dền. Đàn vệt nhỏ cũng tút tút bu lại. Chúng biết hiệu. Có thể chứ, vệt to vệt bé đều phải biết hôm nay đến lượt Dền dắt chúng mày đi ăn đây. Chú vệt con háu đói vừa đi vừa nghe lên mỗ mỗ mảnh đất bám lưỡi mai. Những con vệt tinh quái. Nó biết cái mai sắp thực xuống đất đào giun. Dền đã ra đến đám đất ẩm rêu. Chỗ ấy có nước lặn ở máng trên sần đầu nhà thấm đến, giun để trú ngụ nhiều lắm. Đàn vệt cứ xúm xít, cạc cạc kiu kiu trò chuyện quanh chân Dền. Thế là Dền thành tay chặn vệt. Anh về anh hẳn bằng lòng. Bỏ về thì chắc lạ lắm. Chặn vệt thường thôi đã khó, lại làm sao giữ cho vệt chỉ ăn quanh nhà, làm sao đưa vệt xuống suối qua ruộng không rúc lúa. Chỉ đi men chân lúa, người ta trông thấy, đã chửi réo và bắt đèn. Vệt chẳng biết nghe như người mình nói với nhau. Vệt lại có tính bướng, cứ thả bừa chân, bạ chỗ nào cũng quơ mỗ. Nhất là chỗ ấy có nước. Vệt cúi cổ xuống, thò chiếc mỏ bè bè. Bất kể ra thế nào, hãy cứ rên rẹt rúc thử xem đã, rồi mới chịu lắc lư đi. Cái giống vệt là gàn bướng thế ! Dền đã biết đưa cả đàn qua ruộng mà vệt không la đà rúc lúa người ta. Cũng vẫn chỉ công ở cái mai. Dền xách mai đi. Vệt lớn trông thấy, nháo nhác theo. Chưa được. Phải nhử cho cả lũ vệt con cũng sấn đến đây đủ rồi mới đi. Những con vệt con đã trông thấy cái mai giơ lên. Dền chúc mai xuống làm cho các cu cậu phải kiểng cả chân, cả mắt đóp cong cóc vào mảng đất dính trên lưỡi mai. Thật thì trên lưỡi mai lúc này cũng có miếng mồi giun, nhưng anh chàng vệt lớn nào đã chớp mắt rồi. Tuy vậy, mùi thức ăn ngon vẫn phảng phất. Các cu cậu này cứ mỗ côm cốp rồi quay ra nhìn nhau, rồi lại xô lên, mỗ côm cốp, hăng hơn. Lúc ấy Dền mới cầm cái mai và dềnh dàng đi. Cả đàn vệt chen nhau, chăm chú, nghe cổ đuổi theo lưỡi mai. Chẳng mấy lúc, người và vệt đã ào qua tràn ruộng, xuống tới bờ suối. Bấy giờ Dền mới ngả cái mai xuống vệ cỏ. Những con vệt hích nhau chen vào rúc thật sự, dũi hết mảng đất trên lưỡi mai. Không thấy gì, nhưng bấy giờ đã qua hết ruộng lúa không để mang tiếng vệt rúc lúa nhà ai và rướn cổ nhìn ra, đàn vệt đã thấy làn nước chảy vui vui trước mặt. Đàn vệt đã mắc mọ Dền. Cả đàn vệt à xuống suối. Vệt ăn lần lên lần xuống theo hai bên bờ. Có những lúc đùa nhau, đuổi nhau, lắc đuôi, hụp xuống nước. Mà vẫn trông thấy cả con vệt lặn ve vé trong nước. Vệt lên bờ, rĩa lông rĩa cánh, kỳ cọ rồi nằm im thành một bọn chồng đồng giữa bãi cỏ. Nhưng hể động cái lá rụng, một lũ mắt vệt lại ti hí mở. Tuy thế, cũng là lúc vệt nghỉ ngơi. Lúc ấy, Dền mới lội xuống suối bắt cá. Dền đã xem các anh bắt cá nhiều lần. Hôm nay Dền cũng bắt chước bắt cá suối. Quãng suối ấy có vực sâu. Mặt nước không một gợn sóng. Dền rón rén bơi đến. Xanh trong, đến đổi thấy cả một giọt nắng đọng đáy nước. Những con cá măng lượn đi lượn lại, nhấp nhánh, loang loáng rồi biến đâu. Đàn chép lấp lánh đỏ hồng như những vảy nắng, cũng chui vào khe đá. Vực nước vắng tanh, sóng gợn xanh. Cá động nước đã trốn cả. Nhưng Dền đã trông dõi, biết hết những con cá chui vào hốc đá ấy, chỗ ấy. Màu hồng cá chép thì

không lẫn được với bóng đá. Dền nhẹ nhàng lướt đến. Thật nhanh, Dền thò tay vào hốc. Một chú chép bằng thoát ra. Tay ngoài, Dền được tóm ngay. Buổi trưa, Dền dồn vịt về, xách theo một xâu cá. Có hôm, không đợi anh đi đào mài về. Dền đã mổ cá rồi bắc mảnh chảo xuống. Những con cá rán giòn cong lên. Có khi, anh đã mang về một nắm măng chua. Anh nói : - Để nấu canh cá. Biết thế nào cũng được cá mà. Rồi lại nói : - Mày chăn vịt được đấy ! Lại biết bắt cá. Giỏi rồi. Dền nói : phải chăn vịt cho béo, bổ về ăn răm tháng bảy. Nhưng tết tháng bảy rồi mà không thấy bổ về. Cả làng chuyển ấy đi phu đồn Sóc Giang cũng chưa ai được về. Cái tết chán ngắt. Không có người bưng bánh tẻ bánh gai đi biếu nhau. Mưa suốt đêm, nước suối tràn hết sang ruộng mía, ruộng lúa hai bên đường. Những người nhà đem gạo lên chợ Sóc trở về, thở dài, bảo : bọn phu này phải đến Tết cả mới được về cũng nên. Tường đồn bây giờ mới đương xây móng. Tối mười bốn, ba mẹ con ngồi sân sàn trông ra. Trăng tròn đã đứng đầu núi bên kia. Dòng suối giữa cánh đồng, lấp lánh như con đường cái quan thênh thang. Nhưng không một bóng người. Ba mẹ con ngồi đến tận khuya. Như có ý đợi. Ngày tết sắp đến mà còn người vắng nhà thì ai cũng muốn chờ, dù chờ vu vơ. Rồi hai anh em đi ngủ lúc nào. Mẹ đem guồng sợi đánh vải ra ngồi quay trong bóng trăng. Thế là bố không được về. Tết này mẹ chỉ thổi một đấu xôi nếp "mỡ vịt"(1). Mẹ bảo : - Phiên chợ tới chúng mày cứ đem bán đôi vịt to. Bố về thì vịt con đã lớn rồi. Hôm ấy, phiên chợ Nà Giàng. Bỏ chợ Nậm Nhũng, chợ châu, đợi phiên Nà Giàng. Chợ Nà Giàng, bán vịt được tiền. Anh tính thế. Hai anh em mang vịt đi chợ. Châu Hà Quảng có chợ Nà Giàng to nhất, hơn cả chợ châu lỵ. Chợ Sóc Giang chỉ được cái lắm người ngoài biên giới đem vào các hàng lạ : bát đĩa, gương to, hũ đựng đậu giống và nhiều thợ làm răng vàng bên kia sang. Chợ Nà Giàng ở giữa châu, thuận đường qua lại - cả dưới phủ Hòa An, ở Nước Hai, tận ngoài tỉnh người buôn cũng kéo lên đợi chợ từ chiều hôm trước. Dền thấp lùn chùn mà đeo một vai mấy cuộn thùng bo. Từ tháng trước, anh đã chặt cây bo để tước vỏ vắn thùng. Định khi đi chợ, nhân thể đem bán thùng, kiếm thêm vài đồng tiền. Anh xách đôi vịt bỏ trong lồng mới đan. Hai con vịt trắng, chân vàng chóc. Chốc chốc lại thụt nan bu, con vịt cái kêu cạc cạc vẳng một bên tai. Gần đến chợ, người càng đông. Từ hai bên triền núi xanh, từng đám người Mèo, người Nùng công về chợ những thùng rượu ngô, lại giắt theo con bò lông vàng mỡ. Nhưng mặt người nào cũng bạc xám. Chắc thiếu ăn đã lâu. Những con bò đem bán, bò ăn cỏ tốt trên núi cao, béo bóng lông, có yếm trẻ lắc lắc dưới cổ. Cạnh suối, dưới những bụi mai phấn trắng, đàn ngựa của người buôn ở chợ tỉnh về đã buộc đấy. Có những ngựa con theo mẹ về chợ, đến đây vừa mới chân, nghiêng lưng gài vào sườn đá, lim dim hai mắt. Đầu tiên, Dền thấy những hàng xôi ở đầu dốc. Hai bên, bắc ghế dài cạnh chõng hàng, trên đặt chỗ xôi trắng lỗ chỗ hoa hiên, xôi lại nhuộm lá gì đỏ như mào gà. Dền trông thoáng. Nhưng cái ngon mà không được vào miệng, thì chỉ mới nhìn, bụng đã réo ong óc. Dền không nhìn nữa, Dền rào bước bám theo anh. Mỗi lúc vào, cái chợ lại đông hơn. Người Dao bán giấy. Người Tày cầm từng xâu những con cá chép đỏ hỏn. Trên hiên, một dãy hàng thổ cẩm sặc sỡ như hoa thuốc phiện. Mấy người Nùng cởi trần ngồi trước cái chân cột đá - những người làm nghề đeo đá kê cột. Trông mặt hốc hác thì biết người đói, có lẽ cả đời chỉ đi làm chân cột cho nhà người ta, chưa bao giờ được đeo hòn đá kê chân cột nhà mình. Người chất đồng quanh nơi bán muối. Cạnh chỗ người vào đưa đá để xây đồn, có lính đứng đếm đếm ghi ghi, chốc lại hất ngọn roi lên, gạt người chạy sang chỗ đóng muối. Những người khác ồ lại. Bọn lính kéo ra những người mà nó quát là chưa nộp đá lô cốt, không được mua muối. Thế là người xô, người níu lại, tiếng roi vút, người chửi người hét, rống lên, lung tung lên. Một chốc, có con trâu bồn từ

phía dưới tới. Trẻ con trong chợ sợ trèo cả lên cây. Người bảo trâu điên. Nhưng có người kêu : trâu xô đấy. Bọn cướp đón cướp của đảng kia giết chết cả lái trâu rồi. Thế là cả cái chợ nghiêng ngả, xanh xám đi. Anh đứng lại, bảo em : - Vào chợ đông thế này, có khi bị chen mất cả vịt. Mày đứng đây đợi. Tao đến chỗ hàng xén gửi người ta bán hộ chỗ thùng bo này rồi tao ra. Hai đứa cùng đem vịt vào chợ mới được. Nhớ, giữ vịt thế này này... Anh đặt bu xuống ven đường, bảo Dền ngồi đấy. Anh làm kiểu cho Dền bắt chước, kẹp đầu gối vào hai đầu bu. Tay Dền úp trên mặt bu. Như con gà ấp. - Thế, ngồi im thế. Ngồi im thế, không nhúc nhích. Ai hỏi không nói, không mở tay ra... Anh lấy cuộn thùng bo trên vai Dền rồi đi vào đám người đương túi bụi trước mặt. Thấy anh thành thạo thế, Dền cũng đỡ sợ. Nhưng đầu tiên còn trông thấy anh, anh còn quay lại, cười cười. Dền yên tâm. Sau anh đi vào mãi trong, không trông thấy. Dền mới chột ngơ ngác và cúi mặt. Người qua lại tăm tắp, lườn lượn. Hai đầu gối Dền càng kẹp chặt cái bu. Hai bàn tay Dền tõe ra, muốn che kín cả mặt bu. Đừng ai trông thấy hai con vịt nhà mình nữa. Nhưng con vịt cái cứ quang quác cái mỏ. Chỉ nhích chân, nó cũng làm loạn xạ lên. Người đi qua, ai cũng nghe tiếng, ai cũng ghé nghiêng xuống. Có người khen: "Vịt nhà mày béo quá, béo quá". Có người hỏi xấn xỏ : "Bán vịt không ? Bán vịt không ?". Dền sợ, nhắm mắt lại. Nhưng khi nhắm mắt thì nghe tiếng ồn ào, la hét trong chợ, tiếng bò rống, tiếng gà vịt kêu càng dữ, càng hãi hơn. Dền lại mở mắt. Nhưng không dám ngẩng mặt. Chỉ trông xuống cái bu vịt nhà mình. Thấy những bàn chân đi qua. Bàn chân mọi người đi qua. Chân ai cũng liên liên đi. Thấy chân ai chậm lại, dừng lại, Dền sợ. Người ta đứng nhìn bu vịt của mình. Sao anh đi lâu thế. Càng chờ càng thấy lâu. Bỗng có hai cái ống chân quăn xà cặp xám sừng trước mặt. Dền hé mắt, nhìn lên thấy một người lính đội nón sơn quang đầu vàng nhóng nhánh. Thấy lính, đã trợn. Hôm nọ, lính đã lên nhà, bắt bố mình đi phu đấy. Dền nghĩ : phải cẩn thận mới được. Người lính hỏi : - Vịt nhà mày à ? Dền không nói. Bàn tay giữ mặt bu, cựa quậy. Người lính cúi, đẩy tay Dền, xách bỗng cái lồng : - ạ, hai con vịt béo nhỉ ? Đầu gối Dền bị hẫng ra. Nhưng cả hai tay Dền vẫn búi díu bu, giằng xuống. Người lính cau mặt : - Thằng này hỗn à ? Rồi hất tay Dền đi. Dền hoảng, thằng lính sắp cướp mất con vịt. Thế là, Dền vừa khóc vừa thui vào bụng người lính. Nhưng nắm tay con con chỉ bằng vỏ bụi cái lưng khố lục, cái vạt áo vải vàng dày kệp mà thôi. Người lính cười khàn khàn rồi lại cau mặt: - Vịt béo thì phải bán cho quan. Tao mang biểu quan hai con vịt của nhà mày. Đứng đấy, rồi tao mang tiền của quan về trả cho. Vừa nói, người lính xách bu vịt đi liền. Con vịt cái giẫm thụt chân trong nan bu quạc quạc kêu om lên. Người vẫn nhốn nháo đi qua. Dền khóc nước nỏ. Có người đứng lại. Không ai biết chuyện ra sao cả. Vừa lúc, anh ở trong chợ chạy ra. Dền tỏ tay: - Thằng lính lấy mất vịt kia kìa. Anh nhìn theo tay em. Đảng ấy, lộn xộn người và đảng ấy cũng nhiều lính đương ngổn ngang đi. Có cả ông quan châu tay cầm cái gậy song. Có cả Tây đồn, đội mũ sùm sụp ngang mắt, hai ria vênh ngoắt lên. Dưới bụng có khẩu súng đeo trong cái thắt lưng da to. Người ngồi chợ thấy quan đến, giạt ra hai mép đường, chắp tay vái. Cho đến lúc quan cộ cộ bước qua. Hai anh em Dền quên không biết sợ, vẫn hót hải chạy lên. Nhưng chẳng thấy người lính xách bu vịt đâu. Chỉ sáng nhoáng những nón chóp đồng, những thắt lưng da, những bắp chân quăn xà cặp xám. Đâu cũng lính, lại lính. Hai anh em vẫn đuổi theo. Không biết đến đâu đi đâu, nhưng cứ đuổi. Vừa đuổi, vừa kêu. Không ai nghe những tiếng kêu khóc ấy giữa cái chợ ầm ầm cả trăm người gào hét. Dền cũng chẳng trông thấy những hàng xôi hoa hiên, xôi đỗ mào gà, như mời ăn. Không trông thấy những con ngựa từ núi cao xuống đứng vầy đuôi trong bụi mai. Hai tai nghe đặc tiếng vịt kêu và trong con mắt, vẫn thấy đảng trước có thằng lính xách chiếc lồng

vịt của nhà mình. Rõ ràng thằng lính đi phía trên, nó chỉ mới qua đây thôi. Ra tới quãng trống, có người hỏi : - Cái gì mà các cháu kêu thế ? Anh nói như quát : - Thằng lính cướp cái lồng vịt ! Dền thút thít : - Nó bảo đứng đây nó đem tiền quan ra trả. Mấy người đứng lại đương thương hại hai anh em cũng không nhịn được tiếng cười, càng thương hại thêm. Một người hỏi : - Có nhớ mặt nó không ? Chưa biết trả lời sao thì nhiều người khác đã nhao nhao : "Thôi, cũng bằng gặp quân cướp ngày. Biết mặt hay không cũng chẳng cỏi khổ nó ra được đâu". Rồi, thương xót cũng chẳng biết làm thế nào, mỗi người lại tất tả mỗi việc. ạng thì khiêng đá đến nộp cai cơ để được vào đong muối, ông ôm con lợn con vừa mua được. Những ai có bu vịt, tự dưng đâm sợ, lấy cái túi chàm, cái lá dáy, lá chuối che lên mặt bu cho khỏi ai trông thấy. Anh em Dền vẫn chạy tìm vịt nhà mình. Cái sợ, cái tức, cái tiếc xui chân đi. Chạy đã qua chợ Nà Giàng, lại qua không biết mấy xóm nữa. Dền nghĩ cứ chạy thế này, không thấy thằng lính xách cái bu vịt, đến lúc thấy được cái vực sâu, chui xuống, không phải về trông mặt mẹ nữa cũng được. Dền lại nức nở khóc. Dưới gốc cây nhãn, cái chõng đặt chỗ xôi trắng cao có ngọn, người xúm xít ngồi ăn. Bên cạnh, bà hàng đương xắn tay áo mở cái nút lõi ngô đổ rượu trong hũ ra. Người ngồi xồm uống một bát rồi chùi mép, đứng dậy đi ngay. Đã mệt, anh em bước lải rải rồi đứng lại. Mấy người ngồi hàng và người uống rượu cũng vừa đứng lên. Họ thì thảo gì rồi vào cả trong xóm. Đầu tiên, anh tưởng người ta đi đánh bạc. ở Sóc Giang, ở Nậm Nhũng, Tổng Gọt, Hàng Thoóng hay Nà Giàng đều có sòng bạc. Nhiều người mất ruộng mất trâu lẫn. Anh đương ngao ngán, cứ hỏi băng quơ, cầu may. - Các bá ơi ! Các bá đi đâu ? Một người nói : - Vào xem hội đánh cướp. Hội đánh cướp là cái gì. Nghe lạ tai, và biết đâu lại có thể tìm được vịt ở đấy. Đánh cướp mà. Hai anh em vào ngay. Giữa xóm, trên khoảng đất trống, nhiều người xúm quanh cái phản gỗ mọi ngày vẫn để bán thịt lợn. Đây mọi khi là nơi chợ đổi vai. Trong làng đem ra bán cho người buôn rồi về. Chỗ này họp chiều trước ngày phiên chính. Nhưng lúc ấy chỉ có người đứng, nhiều đàn ông và những cong rượu to. Đàng kia, một ông chít khăn chàm đương nói. Cái khăn xổ xuống vai, mà ông vẫn nói thật to. - Bây giờ kẻ cướp mỗi ngày một nhiều. Làng nào xóm nào ta cũng phải cùng nhau một bụng. Có cướp đến, đánh trống, gõ sần, gõ nôi rồi ra đánh đuổi cướp đi. Các làng đều có hội đánh cướp, xóm ta vào hội đánh cướp. Anh chen vào, nói to : - Các bá ơi ! Tôi vừa mất cướp. Nhiều người trố ra nhìn. Đứa nào ở đâu nghênh ngang vào đây. Nó con nhà ai, sao nói thế, nó mất cướp thế nào! Những tiếng quát hỏi : - Mày mất cướp ở đâu ? - Ngoài kia. - Mất cái gì ? Anh kể : - Tôi mất hai con vịt ở chợ Nà Giàng. - Ai lấy của mày ? Dền nói : - Thằng lính đội cái nón thế này, thắt lưng da thế này, các bá ạ. Mọi người cười to - cười như mếu. Lại những cái cười thương hại anh em nhà ấy mất vịt. Cũng không ai biết trả lời lại thế nào. Mãi sau mới có người nói: - Các cháu ơi, nó là thằng lính, không phải thằng cướp đâu. Anh hăng lên : - Thằng lính đi cướp thì cũng là thằng cướp, hội đánh cướp phải đánh cả thằng lính ăn cướp chứ ! Mấy người đứng gần đấy anh em Dền ra. Rồi sợ sệt, nói khẽ : "Mày về hỏi hội đánh cướp làng mày. Nói ở đây thế mà xã đoàn nghe tiếng thì phải trối đấy. Chúng tao không biết đâu". Hai anh em về. Chợ Nà Giàng nhốn nháo tan tác. Thấy cái nón lính, cái bắp chân xà cạp đi gần, Dền lại giật mình, nắm hai tay. Câu anh hỏi người ta lúc này còn vẫn vơ trong đầu Dền. Sao lính đi ăn cướp lại không dám đánh ? Không được, nếu bao giờ làng Nà Mạ nhà mình có hội đánh cướp thì không thể tha cái thằng lính cướp lồng vịt. _____ (1) Hát then: Một lối hát thờ. "Khảm hải" là tên một bài hát.

Chương 2:

Đường về nhà hôm ấy Dền muốn nó dài mãi, xa mãi. Lại tưởng tượng đường xa đến tận ngọn suối cho đến lúc trông thấy thẳng lính đội nón chóp, xách cái lồng vịt. Mình sẽ giăng lấy cho kỳ được rồi mới chịu về nhà. Những ý nghĩ vẫn vợ đã nguội lúc về tới đầu xóm, trông xuống mặt suối. Thế là sắp đến nhà, sắp thấy mẹ. Dền muốn khóc ngay. Mất đôi vịt, làm thế nào bây giờ ?

Mẹ đón các con về chợ trên đầu thang nhà. Đến chân thang, còn đương rửa chân, anh đã kể lại mọi chuyện ở chợ Nà Giàng. Dền đứng sau anh, giấu mặt vào tay áo. Mỗi câu anh kể, thít lại, như cái roi quật vào người.

Dền nín thở, Dền đợi. Mẹ búi vách, tập tễnh bước xuống.

- Đừng sợ, con ạ. Nhà còn đàn vịt nhờ.

Con chăm cho nó chóng lớn, mai kia bố về. Bây giờ con biết chăn vịt rồi mà.

Dền cúi đầu vào thắt lưng mẹ và oà khóc. Từ hôm ấy, Dền lại ra công chăm vịt.

Những con vịt mây mấy lớn lên trông thấy. Tiếng vịt kêu vang động, sáng sớm người trong xóm đã thấy đàn vịt của Dền bơi trắng suối. Chúng ăn no rồi lặn hụp một lúc, lên bờ vung vẩy rủa lông rủa cánh rồi loay hoay nằm ghếch lên nhau ngủ.

Dền cặm cùi đào giun, ngày mưa còn đi bắt dế cho vịt ăn.

Buổi trưa, các đàn vịt trong xóm ra bơi loang lổ mặt suối. Nhưng Dền biết cách cho vịt ăn no, vịt nhà Dền lớn khác hẳn, không lẫn với đàn nào. Mới hôm nào hai đầu cánh còn trở lông mòng mọng, bây giờ cườm cánh đã xoè biêng biếc và khi con vịt đực cất tiếng kêu, nghe khàn khàn vỡ tiếng, ra kiểu anh chàng lắm. Đàn vịt của Dền lớn nhanh thế đấy.

Dền nghĩ: "Vịt chóng béo chắc chóng ngày bố về". Dền cố chăm cho con vịt lớn.

Một lúc, Dền giơ vịt ở suối lên, trông thấy mấy người trong xóm vội vã từ cầu thang nhà Dền xuống. Anh cũng xuống theo. Cả bọn mãi miết đi, không trông thấy Dền. Dền gọi. Anh không thưa. Cũng không quay đầu lại. Dền nghe trên nhà có tiếng khóc.

Dền lên nhà. Trong nhà, chỉ có mình mẹ ngồi trước bếp. Chậu vôi ngâm vỏ dó để trước mặt. Như mẹ đương tước dó làm giấy. Nhưng mẹ đương khóc. Thấy Dền mẹ khóc to hơn. Dền đứng trông mẹ, không

dám hỏi. Rồi Dền cũng khóc.

Dưới sàn có tiếng lạt xạt. Mấy đứa trong xóm nghe tiếng ồn ào, đã tụ đến. Dền lau mắt, bước xuống, thấy Thàn trong bọn. Thàn là em họ Dền. Bố mẹ nó đã chết cả. Bây giờ nó lang thang, khi ở với bác, khi ở với cô.

Thàn chạy lại, kéo tay Dền ra ngoài suối. Thàn nói hấp tấp :

- Dền ơi ! Anh biết chuyện rồi á ? Bố anh phải cướp chém trên chợ Sóc hả ? Anh ấy lên châu đấy hả ?

Thàn hỏi nhưng rồi Thàn lại kể :

- Người làng đi phu trên châu về nói thế.

Tối hôm qua có cướp về đánh phố, đánh cả vào chỗ phu ở. Bố anh không chạy kịp, chẳng biết phải cướp hay phải lính chém, không biết thế nào bây giờ.

Dền chẳng nghe tiếng Thàn nữa. Dền nhớ lại sáng sớm ấy, bố bước xuống sàn theo người lính đi. Người lính cũng đội nón sơn, thắt khố lục, chân xà cạp. Giống thằng lính xách của Dền lồng vịt hôm nọ. Lại cái thằng lính này. Những thằng lính độc ác. Dền nghĩ điều ấy và Dền không khóc nữa. Những chuyện tức giận làm nước mắt không chảy ra được.

Thàn nói giọng người lớn :

- Mẹ anh bây giờ ở một mình.

Dền cãi :

- Có chúng tao chứ !

Thàn nói :

- Nhưng mà bá phải ở góa.

Dền nói :

- ở góa thì sao ?

Thàn, vẻ thành thạo, kể một thôi:

- Anh không biết rồi. ở góa khổ lắm. Người lớn vẫn kể thế. Nhà góa không có người lớn đàn ông, không ai sợ nhà góa. Nuôi vịt không được ăn đâu. Kẻ cướp, kẻ trộm đêm nào cũng mò. Người đi qua nhà muốn vào lấy cái gì cũng được. Cái "dậu" để trước cửa cũng mất. Có năm thóc đem ra cối giã thì không còn hạt

nào đem về. Trông thấy người đến lấy gạo cối mà không làm gì nổi. Nhà không có người lớn ra đuổi nó mà. Ngày trước bố tôi chết, mẹ tôi ở góa, cả làng đến bắt nạt, bắt trộm hết. Mẹ tôi sợ quá phải chết nốt. Tôi biết cái sợ ấy rồi.

Thàn nói một thôi những chuyện ghê gớm. Nhưng Dền nghĩ khác và không sợ. Dù bố mình chết thật, nhà mình vẫn có đàn ông, có người lớn, như mọi nhà khác. Anh mình thật người lớn rồi. Có lần trông thấy anh nắm hai sừng trâu, mặt anh đỏ tía, anh dìu đầu con trâu xuống. Con trâu chịu phép không ngóc lên được. Anh khỏe lắm. Hôm nọ anh đuổi theo thằng lính. Hôm ấy mà bắt được nó, nhất định anh đã lấy lại cái lồng vịt lại còn đánh gãy cái tay ăn trộm của nó rồi cũng nên. Anh không biết sợ cái gì đâu. Anh là người lớn đàn ông trong nhà. Mình cũng sắp thành người lớn rồi. Anh đi làm vắng, đã có mình ở nhà. Đứa nào đến bắt nạt mẹ, đứa nào đi qua mà đỏ mắt muốn vào ăn trộm, mình đâm cho cái mắt nó tím thâm lại.

Nghĩ thế, Dền bảo Thàn :

- Nhà tao không chịu thua đâu. Đứa nào đến ăn trộm, tao đánh. Tao đeo sẵn cái gậy.

Thàn lại nói theo vào :

- Con dao nữa, anh ạ. Phải có con dao anh nhỉ ? Giá ngày trước tôi biết đánh con dao để trong nhà thì mẹ tôi không phải sợ quá mà ốm chết đâu, anh nhỉ ?

- ừ, con dao. Tao cũng làm người lớn được rồi.

Thàn múa hai tay lên :

- Có dao, có gậy, tôi cũng thành người lớn. Dền nói :

- Mày giúp tao đánh những đứa bắt nạt mẹ, được không ?

Thàn sốt sắng :

- Được, được...

Dền nói :

- Từ nay mày ở luôn nhà tao. Để tối còn rình trộm.

- Anh nói với bá thế nhé ?

- Chắc mẹ tao bằng lòng thôi.

Dền kéo Thàn lên nhà. Tiếng mẹ khóc làm cho Dền nhứt bết cái hăng hái vừa rồi. Tuy vậy, Dền vẫn bước nhanh lên thang. Thàn thập thò theo sau. Dền đến ngồi bên chậu ngâm vỏ dó, trước mặt mẹ.

Dền nói :

- Mẹ ơi ! Mẹ đừng khóc. Mẹ đừng sợ.

Không phải mẹ ở một mình đâu. Không đứa nào bắt nạt mẹ được. Không đứa nào dám vào nhà mình ăn trộm. Con là người lớn đây. Thằng Thàn cũng là người lớn đến giúp nhà mình rồi. Bây giờ, tối mẹ cho nó ngủ nhà mình, nó ở luôn nữa.

Mẹ ngược lên, nhìn thấy hai thằng bé "người lớn đàn ông" ấy lấp ló chưa cao hơn cái thùng ngâm chàm. Dền mới được mười tuổi. Mẹ lại khóc to hơn. Mẹ vừa khóc, vừa gọi : "Con ơi! Con ơi !" Dền không hiểu ý nghĩ của mẹ, chỉ thấy thương mẹ nhưng Dền không khóc như lúc này. Vì cảm thấy bây giờ mình thật là người lớn trong nhà.

Từ hôm ấy, Dền để ý tìm ra việc làm trong nhà nhiều hơn mọi khi.

- Con xuống giặt áo cho mẹ. Chỗ bến đá trơn lắm. Chân mẹ đau, mẹ đừng ra. Cái Tết năm mới qua rồi, Dền bảo mẹ :

- Mẹ cho con nuôi thêm lứa vịt. Bây giờ vịt to vịt bé con nuôi được cả.

Cái Tết năm mới lại qua rồi. Chẳng bao giờ bố Dền về nữa.

Dền nói với mẹ :

- Mẹ ơi ! Sớm mai con lên núi lấy cây dó với anh. Con rủ thằng Thàn đi cùng.

Ba anh em đi lấy cây dó sớm hôm sau. Chưa có người ra đường, những ngọn lau sáng sớm còn đầm sương. Bếp lửa đang đượm ấm khắp nhà, Dền đứng dậy, đeo dao vào lưng. Con dao rừng dài chấm đầu gối.

Dền và Thàn theo anh đi bóc vỏ dó về làm giấy cúng. Mỗi bước, phải lấy que đập trước. Làn sương bụi lau rơi như mưa lả tả trước mặt. Mới lên lưng núi, ba anh em đã ướt đến bụng áo. Rét quá. Phải ngồi đốt sưởi một chốc, mới lại trèo được.

Đã nhiều năm nay, mẹ Dền bị bệnh, không chữa khỏi. Bệnh gì như người lỏng đầu gối. Bố con phải đổ sức đèo chân núi ra mới được một vạt mấy hàng lúa. Mỗi mùa, đến kỳ giáp hạt, cả xóm phải lên rừng. Nhưng mẹ chân đau cũng không theo nổi người ta. Có lần bố lên núi ở Lục Khu, đem về được cách làm giấy bằng cây dó, cây trúc của người Dao. Từ đấy, mẹ Dền ở nhà, khi làm giấy, khi kéo sợi. Vào dịp Tết nhất, làm được giấy đem chợ bán thì có ít đồng tiền ra vào. Nhưng cũng khó nhọc lắm. Rừng gần chẳng còn mấy cây trúc, phải đi tìm cây dó trên núi cao, trong khe đá. Lục lội chặt từng gốc cây, tía cành, rồi bó lại như bó củi, vác về nhà tước vỏ, ngâm thành bột.

Bây giờ người khôn của khó, trong làng cũng đi lấy nhiều, cây dó đã vãn ở các tầng núi thấp. Anh đưa Dền và Thàn trèo lên đọt núi cao sau làng. Lên đến những ngọn đá lởm chởm, vẫn thấy xanh sẫm đằng xa. Trèo tới, lại trèo qua, lại thấy đám núi xanh sẫm trước mặt cao hơn. Núi này mở ra núi khác và người cứ trèo mãi, đầu dồn đầu gối cũng không hết những ngọn núi xanh sẫm. Cây dó cũng ác lắm. Chỉ cao bằng đầu người mà phải vào đến khe đá mới có. Mùa hè, mỗi cành dó rủ xuống những chùm hoa nâu, thơm loang khắp rừng. Tìm núi có cây dó, cứ theo mùi hoa mà đến.

Anh chặt cây xuống, bó lại mỗi ôm. Một lúc đã được hơn mười bó to.

Ba anh em ngồi nghỉ trên mỏm đá. Khói đốt sưởi bốc xanh, hơi đá bớt lạnh hơn lúc này.

Trước mặt, rặng núi Ma Líp kéo dài răng cưa lởm chởm đến chân trời. Bên này, dãy núi Lục Khu chàm thẫm như một đoàn người đi nổi lưng áo chàm xanh biếc.

Anh nói :

- Ngày trước, lúc tao còn bé như chúng mày, mỗi hôm ra sân sà ngựa cổ lên, thấy bốn phía núi, tao sợ lắm. Tao nghĩ thế là suốt đời núi cao đóng gông con người ở một chỗ này, không bao giờ ra khỏi được. Một lần, tao theo bố lên lấy củi, bố trả cho tao biết trèo qua dãy Ma Líp thì đến Thông Nông, đằng ấy có chợ, lên đến bên này Lục Khu cũng có chợ. Tao hỏi bố có đi các chợ ấy được không. Bố nói: Có chứ ! Có chứ ! Tao lạ lắm. Bây giờ thì biết rồi. Là con người thì đi đâu cũng được. Không sợ cái gì cả.

Dền nói :

- Hôm nay em cũng biết thế !

Nghỉ một lát, anh đứng dậy, bảo :

- Chúng mày vác dó về. Một lần không hết thì lên vác lần nữa, phải trèo núi một mình cho quen.

Dền hỏi :

- Anh còn đi dẫn dó nữa à ?

Anh đáp :

- Không.

Dền băn khoăn :

- Anh không về với chúng em à ?

Anh đáp :

- Chúng mày về trước.

Dền lại hỏi :

- Anh đi đâu ?

Anh đáp chúng chẳng :

- Tao trèo lên cao nữa.

- Lên làm gì ?

- Việc người lớn, mày không biết được.

Nhớ một câu dạy trước Dền đã nói với mẹ, Dền bảo anh :

- Chúng em sắp là người lớn rồi.

Anh cười, đập lưng Dền một cái :

- Bao giờ mày thật là người lớn hãy hay.

Dền vật nài :

- Anh trèo lên cao làm gì cơ ?

- Lên cao...

- Bắt chim a ? Trên ấy có tổ chim phượng hoàng đất ? Mọi khi em nhìn thấy đàn phượng hoàng đất bay ra phía này.

- Không, anh không đi bắt phượng hoàng đất.

Rồi khe khẽ nói :

- Anh lên ngọn núi tìm cây gỗ "xưa". Em chưa thấy gỗ "xưa" đâu, hiếm lắm. Gỗ ấy làm quân cờ. Gỗ chắc, lại nhiều vân. Quân cờ gỗ "xưa" mài kỹ, nó bóng hoa lên.

- Anh làm bàn cờ à ?

- Không... à...

- Anh lấy gỗ "xưa" làm gì ?

Anh bảo :

- Không được nói với ai đấy. Tao lấy gỗ "xưa" để làm cái súng.

Dền reo lên :

- Em biết rồi.

Anh ngạc nhiên, hỏi :

- Biết cái gì ?

Dền đáp :

- Làm cái súng "tài lống"(1) như người Mán. Thế thì em biết rồi.

Anh cũng cười, nói : "Phải", rồi kể:

- Chúng mày ạ, ngày trước thằng Tây đến chiếm châu Hà Quảng, có ông người Mán ở Đạo Ngạn là Triệu Phúc Sinh kéo quân ra đập ụ súng "tài lống" ở Tổng Gọt đánh nhau với Tây... đánh Tây mấy năm... giỏi quá...

Bỗng dừng, anh hỏi Dền :

- Có còn nhớ năm trước, phiên chợ Nà Giàng...

- Em vẫn nhớ. Thằng lính lấy mất bu vệt.

- Tao vào trong xóm hỏi hội đánh cướp có đánh lính, đánh quan được không.

- Em còn nhớ. Sao không đánh được lính đi ăn cướp, anh nhỉ ? Em vẫn tức mình...

Anh nhìn em, nói thông thả :

- Bây giờ khác rồi. Bây giờ có hội đánh lính, đánh quan, đánh Tây nữa. Làm người thì cái gì cũng làm được, không biết sợ đâu.

Dền thích trí :

- Thế a ?

Anh nói nhỏ :

- Không được kể lại cho ai biết, nghe không. Bây giờ hai đứa vác dó về đi.

Rồi anh trèo lên sườn đá. Dền còn muốn hỏi nhiều nữa. Nhưng anh đã leo thoát vào sau vĩa núi. Tuy vậy, còn đang thích trí và băng khuâng lắm. Lúc vác bó dây dó, Dền bảo Thàn :

- Chắc anh tao biết cái làng có hội đánh cướp, đánh Tây, đánh quan ấy rồi.

Thàn còn đương mãi nghe tiếng chặt gỗ từ trên cao vang xuống. Thàn hỏi lại:

- Có hội đánh cướp, đánh Tây à ? ở đâu thế ?

Không đứa nào nói nữa. Những bó cây dó nặng đè nghẹo một bên vai, phải bấu lên gờ đá, tránh từng vết rêu, mới bước xuống được. Dốc đá trơn ghê. Chẳng nói chuyện nữa, hai đứa đi im lặng nhưng trong bụng nghĩ miên man, xa xôi, lạ lùng.

o

o o

Làng Nà Mạ ở lọt giữa bốn góc núi. Phía nào cũng trông thấy núi, ngược mắt lên, chỉ thấy núi. Pác Luông, Pác ý, Nà Mạ bên nào bóng núi cũng đè trên mi mắt. Núi đóng gông mình - anh bảo thế. Nếu không có suối Pác Bó chảy qua, làn nước trắng dưới những cây vối già phủ lá xanh rờn, nếu không có mùi hoa vối mùa hạ thơm thoảng mặt nước lan đi xa xa thì không ai biết còn lối nào đi nữa, không biết ở đâu có bao giờ thay đổi.

Nhưng không phải mãi như thế.

Hôm ấy, nghe từ khe núi uôm xuống những tiếng âm như sấm rền. Không phải tiếng sấm. Bên kia núi không có cơn mưa. Trời đương nắng to. Các sườn núi xanh rục không một gợn mây. Có người đoán đấy là tiếng mìn. Đạo này, Tây ở tỉnh đem phu dưới xuôi lên làm đường vào Hà Quảng. Thỉnh thoảng, hay nổ mìn bắn đá như thế. Nhiều người đi chợ đã được xem. Vài hôm sau, có người dưới châu đi mua xương thú lên qua, hỏi các xóm:

- Hôm nọ vỡ chợ Sóc, đây không ai biết à?

Người trong xóm ra hỏi lại :

- Vỡ chợ thế nào ?

Người ấy kể :

- Đương còn sớm, đằng châu Nguyên Bình có tiếng âm ầm, trông lên thấy đàn tàu bay trắng phau như đàn ngỗng trời rồi tiếng nổ bom ầm ầm. Đến trưa, lính trên bốt chạy xuống chợ kêu : tàu bay về ném bom tan Mỏ Sắt rồi còn đứng đây à ? Thế là chợ vỡ, người chạy hết. Chẳng thấy bom, chỉ thấy hôm ấy bọn lính

được một mẻ to. Có thằng hai tay dắt bốn năm con bò béo khoáy đít. Có thằng lính vợ bạc nghìn trong sòng bạc...

Mọi người không để ý chuyện lính ăn cướp chợ mà bàn tán về cái tiếng nổ xuống như tiếng sấm trưa hôm ấy là tiếng bom tàu bay Mỏ Sắt. Của Nhật hay của Mỹ ? Chắc không phải của Tây. Chẳng nhẽ Tây lại đem bom ném vào chân nó. Không biết của ai, nhưng cảm thấy có điều gì đương xảy tới.

Trời đất dường như cũng khác năm trước. Quả lê Đông Khê năm nay mọng nước mà nhạt thềch. Lê châu Hạ Lang thì còi. Mùa lê chưa đến mà suốt ngày sương mù đã cứ từ khe núi đùn ra, trắng cả ngọn cây, thế là mất mùa lê rồi.

Mấy năm trước, làng vào hội chống cướp. Cả xóm mổ gà, uống rượu ăn thề không dặt cướp, không theo cướp, giúp nhau đánh cướp. Thế nhưng đây là nói cướp trên núi xuống, cướp ở biên giới tràn sang. Còn bọn Tây, bọn quan, bọn lính thì vẫn tự nhiên vào xóm, lấy cái gì cũng được, đánh ai cũng được. Quân quan đi ăn cướp thì đâu cũng thấy, ở Sóc Giang, ở Bó Gai, ở Đôn Chương, ở Mỏ Sắt, chỗ nào có đồn, có chốt, có chợ, có quan Tây, có tri châu, bang tá, có châu đoàn, có lính, là có bọn cướp ngày ấy. Người ta bảo nhau : kẻ cướp thì vẫn rồi, quân quan đi cướp của còn đông hơn. Làm thế nào đây ?

Có tiếng thì thảo ngày một nhiều rằng các làng vào hội đánh cướp đã có lời thề mới. Bây giờ thề đánh cả Tây, cả quan. Việc này phải kín, làng nào giỏi lắm mới vào được hội như thế. Tiếng đồn khê. Nhưng tiếng đồn khê cũng như con hổ kêu trong đêm khuya, vang xa lắm, lâu lắm. Thành thử, ai cũng biết. Người ta cảm thấy đây lại là một điều mới lạ đương xảy tới. Bây giờ không như mấy năm trước nữa.

Chập tối, anh Bát Ngư đến rủ anh đi đâu. Hai anh ngồi bên bếp, hút thuốc nói chuyện, có lúc thì thảo. Dền lắng tai kỹ mà không rõ. Lát sau, hai người lục cục ra ngoài sà. Anh xuống trước, rút mấy thanh nứa làm đuốc. Anh Bát Ngư vừa xuống tới đầu nhà, Dền thò ra cửa sổ, gọi khê :

- Anh à...

- Dền đấy hả ?

- Em hỏi cái này, được không ?

Dền ngập ngừng, rồi hỏi :

- Anh đi đâu đấy ?

Anh Bát Ngư đáp :

- Đi có việc.

- Chốc nữa, anh có về nhà em không?

- Có.
- Về cho em hỏi câu này nhé.
- Câu gì thì hỏi luôn nào.
- Câu này phải hỏi lâu mới được.
- Cố thử nhé.

Sau đấy, bọn trẻ ra đầu xóm chơi sáng trăng. Đèn cũng ra chơi. Trong bụng vẫn nghĩ những câu chốc nữa hỏi anh Bát Ngự.

Buổi tối sáng trăng, trẻ chơi ngoài xóm vẫn bàn tán về những cái tàu bay hôm nọ. Trăng sáng như ban ngày. Dưới bờ suối, cây cối đứng như những nùm rơm lù lù. Mặt đất loang lổ. Tiếng hươu giác xa xa. ở gầm sàn nhà ai, con vịt cất tiếng kêu khe khẽ. Những con vịt nhích vào nhau, tránh con rắn luồn qua đường mát lạnh dưới chân.

Trăng đã lên trên chóp núi. Tháng nào cũng thấy một lần thế mà vẫn thấy trăng lên như mới. Đám trẻ vừa chạy vừa reo a a từ dưới suối lên. Cả bọn ngồi lại, nói lao xao một lúc rồi lại chạy chơi. Cái tàu bay, câu chuyện thì thảo các nơi có hội đánh cướp, đánh quan. Nhưng chuyện hay đến thế mấy cũng không giữ chân trẻ con ngồi một chỗ những đêm trăng được.

Dền nói to :

- Này, tao có cái chơi mới.

Nhao nhao :

- Cái gì thế ?
- Chơi tàu bay.

Chưa biết đầu đuôi thế nào, cứ reo to hơn:

- Hay đấy ! Tàu bay !
- Mà bày ra chơi đi !.

Dền bảo một đứa nằm úp xuống mặt cỏ, dang hai tay, cứng người.

- Trông giống cái tàu bay không nào!
- Tàu bay thì phải biết bay.

- ừ, tàu bay phải bay. Được thôi.

Một đứa ra đỡ cánh tay phải. Một đứa nằm bên trái rồi mỗi đứa nâng một chân lên. Thằng "tàu bay" lấy gân nằm cứng đờ trên tay các bạn. Các bạn ầm ầm khiêng đi. Thế là cái tàu bay đang bay.

- A ! A ! Tàu bay bay đi ! Bay đi!

Ba bốn đứa khiêng "cái tàu bay" chạy xuống bờ suối rồi lại rù rù ngược lên, rồi lại lao xuống. Cứ lần lượt, đứa nằm đứa kéo như thế.

Tiếng reo inh ỏi :

- Tàu bay bay ! Tàu bay bay đi !

- Tao cười lên tàu bay tao đi ném bom.

Thằng nào không chạy kịp, tao đâm một cái, thế là nó ăn bom chết rồi, lại phải làm tàu bay cho tao cười.

- Tao cười trước...

- Tao trước !

Rồi cả lên. Nhưng rồi các bạn cũng dành cho Dền cắt lượt. Dền quát to :

- Phải chia đứa nằm làm tàu bay.

Trò chơi tàu bay đến khuya, trăng ngả xuống, bóng núi ủ mờ trên xóm Nà Mạ.

Dền và Thàn về nhà. Mẹ vẫn còn ngồi tước vỏ dó ngâm vào chậu nước vôi. Hai đứa đến bếp, hơ sưởi. Mắt Thàn đã díp lại. Thàn đi ngủ. Dền ngáp luôn mấy cái. Nhưng vẫn ngồi gan. Mẹ giục :

- Đi ngủ thôi.

Dền nói :

- Con chờ các anh.

- Chờ được thịt hươu về ăn cháo à?

- Không.

- Cứ ngủ đi, có thịt hươu về, mẹ gọi.

Dền còn ngồi rồn một lúc. Chưa thấy các anh về. Đành rúc vào chăn với Thàn.

Dền nằm tạt, Dền đợi. Cái chăn vỏ cây sui, thật ấm. Nhưng ngứa và bụi, chốc lại ho sặc sụa. Dền định nằm chơi. Thế mà, lát sau, đã ngáy pho pho.

Chương 3:

Giữa tháng, có một toán lính đi tuần qua làng. Mọi khi, đầu tháng mới có lính đi qua. Đúng là trời đất nóng. Nóng đến tận chỗ tay cầm rìi. Không phải đồng. Tốp lính cơ cẩn thận. Đầu nón, chân xà cạp đi đất. Vai vác súng. Cả bọn bước một dãy con kiến sau đuôi ngựa quan châu.

Bọn ấy vừa qua một lúc, có tốp khác đến, tốp này dài hơn, cũng đi hàng con kiến, thắt lưng đóng khố lục. Giữa bọn, bước thong thả con ngựa, trên lưng ngựa, quan hai Tây đồn Sóc Giang ngồi chễm chệ. Cái mũ hùm hụp kín gáy, sụp ngang mặt, chỉ thấy bộ ria vênh. Khẩu súng lục to bằng bắp chuối trể bên thắt lưng.

Chưa khi nào thấy quan châu và quan hai đi tuần cùng một ngày như thế. Hai bọn đều từ Hòa Mục lên, qua Nà Mạ, lên nữa. Nhưng không thấy quay lại. Dễ mà quan quân vòng về châu đi đặng Nà Sác hay tạt sang Kéo Yên. Không phải đi tuần. Có lẽ đi dò đường. Thấy khác đấy.

Mấy hôm sau, có lệnh bắt phu. Lính vào các xóm. Nhưng xã đoàn đến, nhiều người chạy ra núi. Anh cũng phải trốn ra ở núi. Người ta canh cho nhau trốn đi phu.

Mấy hôm, chẳng có lính đến nữa. Hai anh em Dền lại đi tra ngô ngoài nương.

Anh bổ hố. Em tra hạt. Đã được nửa vạt nương. Trong xóm, tiếng chó sủa ăng ăng. Cả tiếng gà táo tác như gà phải cáo ban ngày. Dền ngó về xóm, hỏi anh :

- Đồn lại xuống bắt phu, phải không?

Anh nói :

- Tao về nghe xem sao.

Dền can :

- Về thì nó bắt đấy.

Nhưng anh nói :

- Việc tao phải về.

Anh đi rồi, Dền tra nốt mấy hố ngô rồi buộc con bò vào gốc vối, cũng chạy về. Vừa tới đầu xóm, thấy châu đoàn Nã đoàn dẫn một đám người ra. Cả anh đi trong ấy. Thì ra, anh mới đến chỗ đầu nương, đã đụng

phải thẳng lính. Thế là nó tóm anh.

Nhiều bà chạy theo, kêu khóc. Châu đoàn nói :

- Các quan đem phu đi làm bột đầu làng, chiều về thôi. Còn khóc nữa, quan đem lên châu giam cho mà được khóc nhiều.

Thì ra, đạo nọ quan thăm đường đất để làm bột gác các đầu làng.

Giữa đường, từ Hòa Mục lên, cái bột đã lù lù. Người Nà Giàng lên làm bột ấy. Phu Nà Mạ thì làm bột Bó Bầm trên cửa suối Pác Bó, mỗi nhà phải giam ra một người, bất kể ai. Lại bắt phu nữa.

Dền đã về nhà, ngồi dưới gầm sàn, giữ đàn vịt. Cả xóm nháo lên như chợ vỡ.

Một lính nhò đầu lên nhà Dền, đập cái roi, gọi to :

- Người nhà này đâu !

Mẹ Dền đứng dậy :

- Bầm ông thương cho, chân tôi đau.

- Đau chân thì phải bỏ đây đồng bạc.

Không có thì phải đi làm bột.

- Con tôi đi lúc này rồi.

- Đi nữa !

Dền trèo lên bậc thang, thỉnh linh đến đằng sau vỗ vào thắt lưng lính. Người lính giật nảy mình, giật cả nón, hốt hoảng nhảy xuống, giơ roi. Dền đứng yên, chấp tay, lễ phép :

- Thưa quan, tôi đi phu cho mẹ tôi...

Người lính không dám đánh và không biết nghĩ thế nào, đẩy thẳng bé đi.

Thế là Dền phải đi phu làm bột. Dền đi, nắm hai bàn tay, như hai quả đấm, như sắp đánh nhau. Hôm nay Thàn mà ở nhà cùng đi thì hăng lắm đây. Có khi được đánh nhau với lính, đánh nhau thật. Nhưng Thàn đã lên núi vác cây dó từ sớm.

Dền ra chỗ đường cái, thấy nhiều người đã phải điệu đến đây. Có trẻ con, cũng có cả bà già như mẹ mình. Nó bắt hết cả làng đi phu rồi.

Bột làng Nà Mạ dựng ngay đấy. Đám phu vét trong làng phải ra làm thêm bột này. Cái chòi cho lính đứng, cho đồng gác, khi chúng nó đi canh đường qua.

Một đám người xuống suối, vác lên những tảng đá, dựng lên làm tường kín ba phía. Tốp khác vào xóm chặt tre. Khó nhọc nhất là những người bị sai đi dỡ những mái ngói lợp quanh nhà, ngói mái cửa. Lính trở roi vào đầu thì phu đến đấy dỡ ngói đem ra. Người ta chửi, xô lại. Không dỡ được. Châu đoàn lại thúc lính húc vào. Người chạy, người vác, tiếng quát với roi lính hoa lên vun vút.

Dền chúi vào đám người đương ngoi ngóp vác đá dưới suối. Nhưng Dền lấy bẫy, nhấc được hòn đá lên, hai ống chân chênh choạng. Một lúc vẫn chưa lê được một hòn. Một bác đến đỡ vai cho Dền. Dền tựa vào bác ấy, đi lên. Lính đứng trên bờ, dư roi, sừng sộ :

- Chúng mày đi rước đá à ?

Bác vác hộ nói :

- Đá to thế này nó chưa vác nổi đâu.

Người lính thừa với cai :

- Cho thằng cóc con này đun nước.

Cai không nói, chỉ quát vào đít Dền một roi. Thế là nó làm hiệu bằng lòng. Lính lôi Dền đến bên gốc vối. Thùng nước đương khói um. Hai người ngồi chống vộc, thối bếp, mù mịt. Mặt thùng nước quẩn khói mà vẫn lạnh tanh.

Lính quát :

- Hai thằng đun một thùng nước không nên ! Vào dỡ ngói !

Hai người nhồm lên, cung cức chạy. Lính quát roi đuổi hục. Nó quay lại, ấn Dền xuống :

- Thối bếp đi ! Thối đi !

Và như còn tức vì đánh hục hai người kia, mỗi tiếng "thối đi", nó thụi Dền một quả rồi lăm bầm : "Đến hết buổi mà không có nước uống thì ông chôn sống mày".

Quá trưa, Dền về nhà. Dền lão đảo bước lên sà. Hai tay đen như năm than. Mặt nhọ tịt mịt, chỉ còn trắng hai con mắt.

Mẹ hỏi to :

- Con ơi ! Con có phải nó đánh nhiều không ?

Dền cười, vẻ tự nhiên :

- Chẳng sao cả, mẹ ạ. Anh về chưa?

Lúc ấy, dưới sàn có tiếng nói lên :

- Anh về rồi.

Dền chạy xuống, thấy anh đương ung dung đứng cho vẹt ăn. ở đâu về, anh bắt được một xâu dế. Trông anh bình thường. Nhưng nhìn cái đầu tóc còn nước chảy ròng xuống mặt, Dền đoán anh mới tắm suối. Chắc lúc này anh cũng nhọ nhem như mình thôi.

Dền hỏi :

- Nó bắt anh đi làm bột tận đâu ?

- Trên Bó Bẫm.

- Xong chưa ?

- Chưa xong cũng trốn cả rồi.

Anh cười. Rồi anh cởi khuy áo cho em :

- Xuống suối tắm đi.

Dền chưa xuống suối. Dền móc con dao rừng của anh treo ở đầu vách. Anh hỏi :

- Lấy dao làm gì ?

Dền trở vào cột sàn :

- Em khắc vào đây.

Rồi Dền hí hoáy vạch một dấu dài vào cột. Dền nói :

- Thằng lính lấy cái bu vẹt, chém cái dấu chỗ này. Thằng lính bắt bố đi cho cướp đánh chết ở chợ Sóc, em chém chỗ này. Hôm nay, thằng lính đánh em, em chém cái dấu chỗ này. Chém thế để nhớ, anh ạ.

Anh nhìn em, mắt đăm đăm. Em đã nên đưa trẻ biết nghĩ. Anh nghĩ : mai kia, em lớn, em sẽ vào đội tự vệ cứu quốc như các anh. Em biết không, bây giờ làng nào cũng có đội tự vệ, có hội đánh Tây. Mai kia, em lớn, em sẽ biết.

Dền đã mang máng biết rồi. Anh vẫn tưởng Dền chưa biết. Dền đương muốn rình cho biết.

Trời tối nay lại trăng. Ngoài đầu xóm, tiếng trẻ con cười như có một trăm con nắc nẻ cùng kêu. Thằng Tinh khập khiễng chân mà khỏe cười thề. Tiếng nó hô hố to nhất. Quên đi những khó nhọc, những bức dọc ban ngày. Tưởng như cái làng bình yên trong bóng núi, bây giờ có ông trăng hiền hậu nhìn xuống.

Nhưng Dền không chơi trăng đêm nay. Và cả Thàn nữa. Hai đứa đương ẩn cạnh mộ đá ở lối vào ngõ. Ngồi im, ngồi im đến nỗi mấy con vịt về chuồng muộn, gọi nhau kiu kiu, chân bước lạch bạch trong bùn, đi qua mà không biết trong ấy có người nấp.

Lát sau, tiếng động sần cạch cạch. Dền bấm Thàn. Hai đứa nhìn ra. Anh Bát Ngự vẫn bước xuống sau, như hôm nọ. Anh chui vào phía trong chỗ bò đứng. Dền lại kéo áo Thàn. Thật như Dền đã đoán lúc này : thế nào anh cũng vào gầm sàn lấy cái súng đeo bằng gỗ "xưa". Hôm trước, chơi ở gầm sàn, Dền đã lục thấy.

Đầu khẩu súng giả đã nghênh ra, anh cầm chúc xuống, như người cầm cái sào đi làm cỏ tháng bảy. Anh bước sau anh Bát Ngự, qua mấy nhà đầu xóm, ra ngoài. Đám trẻ đùa, đã nghe vắng đằng kia. Các anh không đi qua đấy. Các anh lặn vào bóng tối gốc cây gạo rồi men sườn đá, lên núi.

Không biết Dền và Thàn đi theo từ này. Hai đứa đi hết các anh. Cũng núp bóng cây gạo rồi sườn đá lên. Hai anh lủi lủi đi, miên man như bóng tối. Không biết gì phía đằng sau.

Đến quãng rừng trám, trăng sáng loáng thoáng, ai đi cũng thấy rõ. Dền và Thàn phải ngồi đợi hai anh bước xa hơn rồi mới nhò lên. Cứ thế, suốt quãng đá ấy rồi qua rừng mai, nghe gió đẩy lá mai ram ráp, xào xạc. Có lần Dền theo người lớn đi tìm trâu, đã biết đường này. Đàng trước, sẽ đến một bãi đá rồi khoảng cỏ bằng phẳng. Đàn trâu các nhà, khi thông thả hết mùa cày, hay lên nằm ngời ở đây hàng tháng.

Phía bãi đá nghe tiếng xì xào. Dền và Thàn đứng lại. Các anh cũng đứng lại.

Nhưng có thấy ai đâu. Mãi sau nhận ra mấy bóng đen nhấp nhô trên các tảng đá quanh đấy đều là người ngồi. ánh trăng tỏ, thấy rõ đến hơn mười người đương chụm lại. Mỗi lúc lại nhìn thêm ra người đã đến. Họ đứng dậy mới biết. Ai cũng có cái súng hay cái gậy hình như đầu nhọn nhô lên.

Dền nghe lạt xạt đằng sau. Nhưng không phải người. Con cây hương ra ăn sớm. Tuy vậy, cũng làm Dền nhớ ra : có thể có người đến nữa. Dền và Thàn trèo tót lên một cành dâu da. Trên cây, trông thông thoáng trước mặt. Trăng tròn xoe mỗi lúc một trong như lọc. Gió đuổi những ngôi sao bay vùn vụt. Dền chăm chú nhìn ra chỗ có người bí mật.

Thêm mấy người nữa từ phía rừng đến. Quang cảnh bỗng chốc thấy lạ lùng. Những bóng đen, phút chập lại, phút tỏa ra, lom khom rồi đứng thẳng, khi trèo, khi nấp. Thàn nắm áo Dền. Thàn sợ. Thàn nhìn ra cái gì nhảy nhẩy, không phải người. Con ma. Dền ghé tai Thàn, khẽ nói :

- Tập trận đấy. Thàn nhớ rồi.

Chỗ kia, một đám nữa, bóng lổm ngổm bò rồi đứng, bò rồi đứng, lúc lúc một gần lại gốc dâu da. Hai đứa bám chặt cành cây, im thít. Dền muốn co mình lại nữa. Hơi đụng tay cũng sợ ra ánh trăng người dưới nhìn thấy. Nhưng sợ thế thôi. Đám người đã quay lại, lại bò, lại chạy về đằng kia.

Không rõ mặt, chỉ là những cái bóng. Thế mà Dền và Thàn xem không chán mắt. Bởi hai cậu bé hiểu. Các cậu ấy đoán các anh đương tập bắn, tập đánh nhau - để đánh cướp, đánh Tây. Đêm trăng như đêm nay, các làng lên rừng tập trận. Tưởng tượng ra thấy mọi nơi đông lắm ở khắp các làng châu Hà Quảng.

Nhưng hội này chỉ có người lớn, hội của người lớn. Nhưng chỉ tập như thế thì trẻ con cũng biết. Cả một ngày, Dền đã phải đun bếp, lính đá vào đít, thế thì Dền chẳng khác người lớn. Tối mai chúng mình cũng tập bắn súng đánh nhau thế này. Làm ngay ở đầu xóm, chẳng sợ ai. Hội trẻ con sẽ to hơn hội người lớn cơ.

Hai cậu bé ngồi trên cây dâu da đến khuya. Các anh thôi tập đã lâu, nhưng ngồi cả lại quanh tảng đá. Đầu tiên, không biết các anh làm gì, sau, có lúc thoảng nghe nói to, biết đương bàn chuyện. Chẳng có gì xem nữa mà vẫn phải bám cành cây, không dám leo xuống.

Trong ánh trăng có sương, ngồi cây lâu quá, mềm cả tóc và ướt hai vai áo.

Một lát, những bóng đen dưới bãi trước mặt bỗng đứng thẳng tắp. Như theo một lệnh. Rồi đi. Nhưng không đi tản ra. Các anh về một phía, qua ngay gốc cây dâu da. Mùi chàm áo lẫn mồ hôi, bốc lên, hăng hắc. Trông rõ mồn một. Lá cây dâu da thừa thoảng mà trăng thì cứ sáng trơ ra. Dền lại sợ các anh ngược lên. Hai đứa nép chặt vào cây - như con tắc kè trốn lẫn mình vào bóng tối.

Các anh đi hết, hai đứa mới rón rén leo xuống. Tất cả trườn xuống sườn đá, lồi lên lúc nãy. Nhưng lúc này, từng hòn đá ướt nhầy. Có lúc Dền trượt chân, ngã oạch một cái. Cứ nằm yên thế, các anh đi một đôi, mới lúc lúc cúi đuôi theo.

Mà sao không ai về trong xóm. Có lẽ những người ở xóm khác, tận Hòa Mục, Đạo Ngạn cũng nên. Thế thì anh Bát Ngư và anh mình tối nay đi ngủ theo bạn à. Hai đứa vừa đi vừa bắn khoả. Nhưng cũng cứ theo. Dưới kia, làng xóm đã yên tĩnh trong làn sương trắng nhạt. Tiếng trẻ con chập tối reo hò ngoài đầu xóm đã tan từ bao giờ. Lặng im, chỉ nghe tiếng suối rào rào đẩy những cánh cối quay suông, chốc lại đổ nước xuống kêu ùm một cái. Đương mùa đói, tiếng chày giã buông không nghe thấy hơi gạo. Rồi lặng thăm thẳm.

Họ đi cả về phía Nà Kéo. Xuống chỗ chòi canh mới dừng. Đã thấy cái chòi nhô nghênh lên giữa đường. Canh gác chắc. Lẽ nào ! Hội đánh cướp, đánh quan mà lại làm lính canh gác?

Những cái bóng chạy quanh vào chòi canh. Rồi, kỳ lạ, cái chòi sụp ngay xuống. Người người hì hục khuân từng tảng đá ném xuống suối. Có những anh xếp ngói, các thứ nữa, xếp từng đống. Nghe ngói xô lạch cạch thì biết. Một thoảng, không còn bóng cái chòi đâu.

Các anh dỡ chòi canh ! Thế mà không đoán ra. Mấy lần, Dền và Thàn ngửa chân, toan xô đến. Nhất là Dền, giờ chỉ được ra bê vớt hòn đá xuống suối hay vác cái cột tre đi, cũng sướng, cũng bổ cái tức phải cong cổ thối bếp đun nước cho lính uống. Lại còn bị cai cơ đá mấy chiếc vì đun nước oi khói. Bây giờ được ra dỡ cái chòi ! Nghĩ lại, mà Dền không dám ra. Nhưng trong bụng thật thích.

Hôm sau, Dền đi chăn vịt sớm. Vờ dắt vịt lên phía Nà Kéo. Không phải ngủ mê đâu. Biến mất cái chòi canh thật. Mà biến sạch sanh... tài thế. Không còn một tảng đá tường, không một ống tre, một miếng ngói, không nhận ra cái chòi đã dựng chỗ nào ! Người mới đi qua một lần không thể nhớ nơi đâu xóm Nà Kéo đã có khi có cái chòi canh. Dền vào xóm. ạ hay, mấy cái mái ngõ, hôm qua bị dỡ trụi, nay đã lại thấy mái đầy. Như chẳng việc gì đã xảy ra.

Mấy lâu sau, ở Nà Mạ người ta nghe chuyện ông cai cơ đồn Sóc Giang bị bóc lột. Chuyện như thế này : có một hôm, châu đoàn cho lính lên Nà Kéo gác đường trước cho quan hai sắp đi tuần. Lính lên Nà Kéo rồi về thưa quan hai : ở Nà Kéo không có chòi canh, thế thì canh đứng đường hay vào ngồi trong xóm. Quan hét lính : "Láo nào ! Quan sai thầy cai mang lính đi làm chòi phiên chợ trước rồi mà". Lính lại kêu : "Bẩm quan, không thấy. Quan không tin thì quan lên Nà Kéo mà xem". Nhưng chưa quan nào kịp đi xem có chòi canh ở Nà Kéo hay không thì quan hai đồn Tây đã tuần lên đặng ấy, rồi vòng về đặng cửa Bình Mãng. Không thấy chòi canh ở Nà Kéo như trong bản đồ phòng thủ châu Hà Quảng đã vẽ ra. Quan hai mắng lên tận tỉnh. Thế là cả châu đoàn cũng phải quan án tỉnh khiển trách nặng. ông cai cơ bị khép tội vào làng tìm rượu, không làm chòi canh. ạng ấy phải bóc lột cai, ra tù làm cỏ vè ít lâu ở chợ Sóc, ai cũng trông thấy, rồi lại đổi đi xuống làm lính ở nơi khác.

Người Nà Mạ nghe biết, không ai nói ra. Nhưng mỗi người trong bụng cười một cách. Dền và Thàn thì kể cho đám trẻ trong làng nghe hết câu chuyện kỳ lạ đêm sáng trăng ấy.

Dền đương lạch cạch đeo cái gì dưới gầm sàn. Anh đi cày về, treo cày lên ngoẵng rồi ra rửa chân đầu máng nước.

- Làm gì đấy ?

Dền đáp :

- Em làm cái này.

Dền đương gọt một mẫu gỗ. Anh lại hỏi:

- Làm mõ trâu a ?

Dền cười, hỏi:

- Anh xem giống cái súng thật chưa?

Anh hỏi lại:

- Em đeo cái ấy làm gì ?

Dền trả lời:

- Làm cái súng đeo thắt lưng như quan hai đồn Sóc Giang.

Rồi Dền lấy trên hóc cột ra mấy mẫu gỗ đã đeo thành những hình súng ngắn, súng dài. Mẫu gỗ được làm khéo, tròn xoe, nhẵn thín, vân bóng. Dền lần lượt ướm thử từng miếng vào cặp quần, rồi lại bồng lên vai đi ve vạy, như Tây, như lính.

Trông mẫu gỗ, anh ngờ ngợ, liền hỏi:

- Lấy gỗ này ở đâu ?

Dền đáp :

- Gỗ "xưa" trên núi đạo trước anh làm súng đấy. Chúng em lên nhặt được khúc gỗ anh bỏ lại, vác về đeo thành những cái này. Đúng gỗ "xưa", phải không ?

Anh đương băn khoăn chưa hiểu hết trò chơi súng của Dền, Dền đã bước tới, nói nhỏ:

- Hôm nào em làm đủ súng, em cho mỗi đứa một cái rồi chúng em cũng lên núi, chúng em tập.

Anh trợn mắt:

- Em bảo thế nào ?

Dền thích chí, khoe tung ra :

- Em nói anh biết nhé. Chúng em xem các anh tập rồi. Các anh tập hay lắm. Mấy hôm sáng trăng, tối nào chúng em cũng bắt chước tập ngoài đầu xóm, đông ghê. Nhưng chưa có đủ súng. Hôm nào đủ súng, chúng em lên núi !

Anh kêu lên :

- Chết thôi. Không nên đâu. Đế quốc mà biết thì nó đến khủng bố. Các em có sợ không?

Dền đáp, cứng cáp :

- Các anh không sợ, chúng em cũng không sợ.

- Nhưng các anh biết giữ bí mật.

- Chúng em cũng giữ bí mật.

- Bí mật mà em lại khoe với anh là em làm sủng. Bí mật thì phải im hết, không ai biết được.

Dền cười :

- Thế mà anh làm gì em cũng biết.

Anh mắng :

- Chỉ nói lung tung !

Dền lại thích chí, nói luôn :

- Không lung tung đâu ! Người ta nói chuyện cai cơ phải tù, châu đoàn phải phạt vì mất cái chòi canh Nà Kéo, chúng em ngồi im nghe rồi cười thôi. Nhưng vẫn giữ bí mật. Chúng em đã thấy các anh phá cái chòi canh thế này này : ở trên núi tập xong, các anh xuống người thì vác đá, người thì dỡ ngói, một lúc sạch hết.

Anh càng ngạc nhiên và lạ quá. Thế thì trẻ con xóm này biết hết chuyện đội tự vệ. Nghĩ thế, anh giật mình. Nhưng cũng cảm động nữa. Chợt nhớ năm trước, hôm thằng lính lấy mất lồng vịt của nhà mình, ở Nà Giàng, anh thương em lắm. Những câu nói biết nghĩ, biết lo của Dền, anh vẫn nhớ. Dền còn bé, nhưng nó đã tinh. Nó hay để ý. Nó hay hỏi chuyện xa xôi. Mới đây, người ở Hòa An lên kể chuyện dưới Nước Hai bây giờ, nhiều làng có hội cứu quốc. Từ bờ sông Bằng vào đến dãy núi Phia Ngà, nhiều làng có hội cứu quốc hoàn toàn rồi. Cả trẻ con cũng biết làm cách mạng như người lớn. Tây ở đồn hay Tây ở Sở Ngựa ra, trẻ con thấy chúng nó đi đâu cũng báo cho người lớn biết. Trẻ con chơi đùa, tắm dưới sông Bằng, thấy lính tuần sang sông là về báo cán bộ ngay. Dền hỏi mãi : Bác ơi ! Trẻ con dưới ấy vào hội cứu quốc thế nào ? Khách phải lờ đi, nói sang chuyện khác. Thỉnh thoảng, Dền hỏi lại anh : Trẻ con dưới Hòa An có vào hội cứu quốc như người lớn không, anh có biết không, và bắt anh kể chuyện... Việc nước đang khó nhọc, trẻ con cũng biết lo.

Nghĩ thế, anh nhìn em. Nó cũng đương nhìn mình, chăm chú rồi tùm tùm:

- Anh xem em đã vào hội tập sủng được chưa?

Quên cả giữ bí mật, anh thông thả nói:

- Vào đội tự vệ, em ạ.

Rồi Dền nghe anh nói :

- Hôm xưa, anh em ta ở chợ Nà Giàng đuổi theo thằng lính lấy trộm vịt, từ ngày ấy, nhà mình toàn

chuyện buồn. Người các nơi về qua nói chuyện bây giờ trên đất nước mình đâu chỉ có những chuyện buồn thế thôi. Đâu cũng Tây lấy phu, Tây đánh người, làm chết người, như bố chúng mình chịu chết đấy. Các anh cán bộ nói: mọi người phải đoàn kết vào hội đánh Tây, lấy lại đất nước, mới có yên vui được. Nghĩ ra lời nói có lý. Trong châu này, chỉ có một thằng Tây, ba thằng quan, vài chục lính, ta có cả làng, cả người Mán và người Mèo trên núi. Tất cả cùng vào cách mạng, nghìn người như một, kéo anh em đến vây nó, đòi lại đất nước, thế nào cũng đòi được.

Dền hỏi chen :

- Hôm nào ta đi vây chúng nó ?
- Không dễ thế đâu. Nó có nhiều súng.

Người của ta thì chưa về hết với cách mạng.

Dền hỏi anh :

- Anh về chưa ?
- Rồi, em ạ.

Hai mắt Dền lóng lánh nhìn anh, thèm muốn, yêu quý. Rồi gọi:

- Anh! Anh Nội!

Anh nói :

- Anh còn có tên của cách mạng cho nữa.
- Tên cách mạng cho anh là gì ?
- Tên anh là Phục Quốc.
- Phục Quốc là thế nào, hả anh ?

Anh cắt nghĩa :

- Phục Quốc là quyết chí đánh Tây lấy lại đất nước. Cách mạng cho anh tên như thế.

Dền reo :

- Anh Phục Quốc! Anh Phục Quốc! Anh cho em theo cách mạng đi đánh Tây với. Em rủ được trẻ con cả xóm. Em rủ thằng Thàn trước, có được không ?

Phục Quốc lặng lẽ nhìn Dền, khẽ nói:

- Anh đi hỏi cán bộ đã.

- Cán bộ là ai ?

- Cán bộ là người cách mạng về dạy quân sự, dạy khai hội, dạy chữ, bảo ta biết nghĩ điều đúng.

- Có phải anh cán bộ chiều hôm qua mới đến nhà ta ?

Phục Quốc gật đầu. Dền lại cười, nói: - Thế thì em cũng biết rồi. Anh ấy tên là Viễn.

Em chần vọt ngoài tuổi vẫn gặp luôn. Anh hỏi cho em, không có để em hỏi lấy cũng được.

Lúc ấy, ở trên bếp, mẹ nói xuống:

- Mãi chuyện nhiều thế! Quên ăn cơm à?

Dền đương vui, nói to:

- Con lên đây!

Rồi nhảy tót ba bậc thang một, lên nhà.

Một hôm, anh Bát Ngự hẹn Dền ra gốc gạo đợi. Dền không biết có chuyện gì, cứ im lặng đi, nhưng đoán phải có việc bí mật, anh mới hẹn thế. Rồi hai người trèo lên núi. Dốc đá dựng đứng, leo cao lắm mới đến chỗ hơi phẳng. Trông thấy trong gốc cây thông đã có người ngồi - anh cán bộ, Dền đoán thế, đứng người mà Dền hay gặp đi qua suối.

Anh cán bộ ra bắt tay Dền. Như bắt tay người lớn ! Rồi bảo Dền ngồi xuống. Anh Bát Ngự bảo Dền :

- Cán bộ Đức Thanh đấy , Dền à.

Rồi anh nói với cán bộ Đức Thanh:

- Dền thích vào cách mạng lắm, anh Đức Thanh ạ.

Dền hỏi ngay :

- Chúng em muốn làm cách mạng như các anh có được không ?

- Được chứ !

- Em về bảo bọn nó làm cách mạng nhé?

Anh Đức Thanh trả lời :

- Rồi anh sẽ dạy các em vào hội làm cách mạng. Bây giờ cùng nhau hát bài hát cách mạng đã.

Dền cất tiếng theo hai anh, cùng hát. Hai lòng quang... Trăng sáng cao... Hai lòng quang... Ngắm nghĩ tỉnh Bắc Kạn... Trăng sáng cao, ngắm nghĩ tỉnh Bắc Kạn ta... mọi người vì đâu mà đói khổ...

Xuống đến chân núi, trời đã tối. Dền nóng ruột về kể cho Thàn nghe ngay những chuyện mới lạ. Tức quá, lúc ấy Thàn đã ngủ. Cả ngày, Thàn đeo làn giấy đi bán ở chợ Sóc Giang, vừa về. Dền tức, nhưng lại thương thằng bé mới chập, không dám gọi. Mẹ vẫn ngồi bóc vỏ dó. Dền vừa ăn cơm, vừa líu tíu kể, vừa hát cho mẹ nghe. Mẹ cười, không nói. Dền hỏi mẹ:

- Mẹ biết cách mạng rồi à ?

Mẹ vẫn chỉ cười. Mẹ cũng đương vui như Dền. Hình như mẹ biết cách mạng rồi. ở "cả làng, cả châu, cả tỉnh Cao Bằng, tỉnh Bắc Kạn... cả đất nước vào cách mạng..." các anh đã nói thế mà.

Chương 4:

Cuộc họp ấy ở bên xóm Thoong Mạ. Đúng ước mong của Dền : được vào hội như người lớn. Dền sắp vào hội. Dền sẽ có tên mới của cách mạng cho, như anh. Dền sẽ được làm công việc cách mạng. Anh Phục Quốc bảo :

- Thượng cấp đồng ý làm hội cho các em rồi. Chiều mai sang Thoong Mạ.
- Em phải làm thế nào ?
- Em rủ những đứa tốt cùng sang...
- Thằng Thàn có được không ?
- Được.
- Con gái vào hội được không ?
- Được.
- Như cái Xâu nhé.

Dền còn hỏi cho nhiều đứa nữa rồi bồn chồn đợi đến mai. Hôm sau, anh Phục Quốc đi cày về muộn hơn mọi khi. Xung quanh Dền, ai làm cái gì cũng lâu hơn mọi khi. Còn ngày thì dằng dai mãi chẳng đến chiều.

Rồi buổi chiều chờ đợi cũng đến. Mặt trời vừa lặn sau lưng thì bóng núi bên kia suối ngả đè xuống, ánh nắng như những dòng suối đỏ rực chạy ra, chan hòa mặt ruộng. Dền lội lồm bồm dồn vệt về.

Đứng trên sà, mẹ hỏi :

- Sao cho vệt về sớm thế ?

Dền nghiêm trang nói :

- Con có việc phải đi, mẹ ạ.
- Con đi đâu ?
- Đi việc người lớn với anh Phục Quốc, mẹ ạ. Mẹ ngạc nhiên, hỏi lại :

- Anh Phục Quốc là ai ?

Dền mới nhớ ra anh dặn cần bí mật. Nhưng mẹ cũng không hỏi thêm.

Bấy giờ còn trong tháng giêng. Người đi chơi giêng hai theo các đám then còn lẫn lóc, mê tơi suốt ngày sang đêm qua các xóm. Hát then vừa réo rắt vừa buồn, đông người nghe nhất là đến đoạn "khảm hải", đúng nửa đêm. Lúc ấy, hương và nến nhà then được thắp thêm, người nghe then im phắc. Trong bóng tối, giọt nước mắt rơi theo lời hát, thương Sa Dạ, Sa Đồng vượt biển mãi chưa đến nơi. Đời con người, ai cũng có lần nghe then đến đoạn "khảm hải", khóc thương người trong chuyện lại ngẫm nghĩ đời mình cũng lênh đênh như vượt biển mà chưa tới. Mẹ nghĩ anh em Dền đi xem then. Trẻ con chưa biết gì, nhưng trẻ con mà đi nghe "khảm hải", trẻ con cũng sắp phải vào đường khổ như người lớn, người già rồi.

Mẹ thương con, mẹ nghĩ vẫn vơ thế. Nhưng trên lưng tảng đá sau xóm Thoong Mạ chiều hôm ấy, có một đám ngồi bên gốc cây nghiêng xanh rì. Ai trông thấy, chắc tưởng bọn trẻ trâu trên gò xuống chỗ kín đáo để chơi nghịch, - chỗ ấy có mấy tảng đá phẳng. Đúng, bọn trẻ trên gò xuống. Cả người lớn cũng xuống nữa.

Trong bọn trẻ, có thằng Tinh. Tinh bị liệt chân từ thuở bé. Nhưng Tinh vẫn cỡi trâu và đuổi trâu như mọi bạn khác. Vào gốc cây nghiêng vướng đá, trâu không trèo được, thế mà Tinh vào được. Bọn trẻ leo lên tảng đá sau núi. Rồi Dền công Tinh. Thàn thì lúc giữ, lúc đẩy đằng sau, đùn Tinh trèo lên.

Anh Bát Ngự nói :

- Có anh Đức Thanh về dự hội.

Mấy em cùng nhìn anh Đức Thanh. Anh ấy, nhà ở làng dưới, ai cũng đã rõ. Dường như biết các em đương tò mò nhìn, anh Đức Thanh nói : - Đức Thanh là tên đoàn thể cho anh. Bây giờ các em vào hội, các em cũng có tên cách mạng để giữ bí mật cho cách mạng.

Tất cả đều nói :

- Chúng em muốn có tên cách mạng.

Đức Thanh cười :

- Bây giờ anh cắt nghĩa cho các em nghe.

Hội cứu quốc để đánh Tây đuổi Nhật là hai kẻ thù của dân tộc mình. Ai muốn đánh Tây đuổi Nhật đều theo hội cứu quốc của Việt Minh. Các cụ già hội phụ lão cứu quốc. Phụ nữ thì phụ nữ cứu quốc. Thanh niên thì thanh niên cứu quốc. Ai khỏe mạnh vào đội tự vệ cứu quốc tập luyện chiến đấu. Các em đã giác ngộ cách mạng các em được vào hội nhi đồng cứu quốc. Dền làm tổ trưởng, các em muốn không ?

Tất cả nói :

- Em bằng lòng.

Anh Đức Thanh lại nói :

- Dền nhanh nhẹn thế thì tên cách mạng của Dền là Kim Đồng !

Dền thích thú, hỏi lại :

- Em được tên là Kim Đồng a ?

Anh Đức Thanh lại nói :

- Thàn thì là Cao Sơn. Cách mạng như núi cao. Cao Sơn, tên cách mạng của em Thàn là thế.

- Cái này ở nhà tên là cái Xâu. Anh cho nó tên cách mạng là gì ?

- Em là Thanh Thủy, dòng suối trong. Cách mạng như dòng suối trong qua làng.

- Tên em là Nì, anh ạ.

- Tên cách mạng của em là cô Thủy Tiên, hoa thủy tiên quý lắm, hoa cách mạng quý lắm.

- Tên em là Tinh. Có đứa ác, gọi em là Tinh thọt.

- Bây giờ em là Thanh Minh nhé.

Rồi anh Đức Thanh đồng dục nói:

- Các em đã có hai tên. Một tên của cha mẹ cho. Một tên cách mạng đặt cho. Làm con biết kính yêu cha mẹ. Làm người cách mạng thì trung thành với cách mạng. Những công tác cách mạng thế này. Khi giặc Pháp và quan lính chó săn vào làng, các em giữ bí mật của hội viên. Trước nhất, các em phải học văn hóa. Giặc Pháp không mở trường, bắt dân ta chịu đốt, ta phải bảo nhau đi học lấy chữ. Có chữ mới biết đọc sách báo, làm cách mạng giỏi được.

Bây giờ cùng nhau hát bài Trăng sáng cao. Kim Đồng hát trước một lần đi cho các bạn nghe.

ở Nà Mạ đã có sẵn lớp văn hóa của đội tự vệ. Bây giờ thêm lớp bí mật của các em. Không có giấy bút, học thế nào. Cả bọn bàn cách lên núi lấy cây dó về làm giấy. Em nào cũng đã biết làm giấy. Làm ra tờ giấy dày và mịn hơn giấy cúng ma bán ở chợ thì viết được. Rồi đi chợ Nà Giàng mua bút chì. Thế là có sách, có bút. Chỉ còn công thu được chữ về, thế là biết chữ.

Tối tối các bạn rủ nhau đi học. Cả những đêm trăng sáng đỉnh núi, các em cũng đến lớp - một cái lán trong khe đá. Những cục nến trám thắp lên. Các em mở giấy, thì thầm đọc. Ngoài đầu rừng, trăng trải sáng

như tờ giấy phẳng. Thèm chạy nhảy ngoài trăng lằm, nhưng phải cố nhịn. Đến khi tan học, mới ra đùa một lúc bên bờ suối. Tối nào cũng vậy, thật nhộn và mê mải.

Trong bọn có Thanh Minh chăm học và sáng dạ nhất. Thanh Minh biết mình không bằng chúng bạn, Thanh Minh càng chăm. Chân bị bệnh liệt, suốt ngày phải ở nhà. Đương quay sợi hay bóc dó, Thanh Minh cũng cặm cùi tìm cách học. Nghe các anh dạy chữ nào, Thanh Minh thuộc như nuốt chữ ấy. Thanh Minh lấy than viết chữ ra khắp xó cột, quanh bếp. Chẳng bao lâu đã nhớ hết mặt chữ cái, cả lối học quốc ngữ mới, có chữ i chữ t ở bài một. Thanh Minh đã biết đánh vần sách Ngũ tự kinh của cách mạng.

Nước ta bị Tây cướp, Đã bảy tám mươi năm...

Kim Đồng thì nhanh trí và hay có sáng kiến. Kim Đồng nói với anh Đức Thanh : - Anh cho em công tác giao thông. Em đi được.

Anh Đức Thanh im không nói. Rồi anh trở tay ra ngoài trời tối :

- Có khi công tác cần tối cũng phải đi, em ạ.

Kim Đồng nói :

- Em cũng có đi tối rồi. Em đã lên núi xem các anh tập quân sự, đi đêm đấy.

Anh Đức Thanh vỗ vai Kim Đồng, "à" một tiếng, rồi cười : - Được, hôm nào anh cho em đi giao thông.

Anh Đức Thanh đi khỏi. Kim Đồng nghe tiếng chân anh bước ra ngoài lán học khe núi. Đêm lặng lẽ đầy sao. Chân anh giẫm gây một cành khô. Xa, tiếng chó sủa. Một mình trong đêm, chắc giao thông cách mạng cũng đi như thế, chẳng có gì là sợ.

Rồi Kim Đồng được làm công tác mới cho cách mạng. Kim Đồng đi công tác giao thông. Nhưng không phải đi đêm, như Kim Đồng vẫn nghĩ. Hôm ấy, một buổi sáng.

Anh Đức Thanh đưa Kim Đồng một cái thư. Chỉ là cuốn giấy nhỏ tý bằng tổ sâu. Anh dặn:

- Tiếng nói của cách mạng đựng trong thư này. Cứ trông cái giấy phong bì ngoài thư vẽ một ông sao, hai ông sao thì biết đấy là thư có tiếng nói cần, phải đưa nhanh. Hôm nay em đưa thư này xuống Hòa Mục.

Anh dặn Kim Đồng xuống Hòa Mục tìm ai và những điều gì khác.

- Để thư trong mép áo, gấu quần, trong mũ... Kim Đồng hỏi :

- Trong cần câu được không ?

- Đốt trúc cần câu rồng thì dễ được. Nhưng để chỗ nào cũng phải cẩn thận. Tây hay lính khám không thể

biết tìm được để thư ở đâu.

- Gặp Tây hay gặp quan thì làm thế nào?

- Cứ đi tự nhiên. Nhìn trộm nó dễ nghi ngờ. Đi như đi chơi, đi chợ. Thằng quan hỏi đi đâu, bảo đến nhà mo(2). Mẹ ốm, phải tìm người về cúng. Gặp Tây, bảo tôi đi chơi. Hay nói cái gì khác cũng được, cốt nó không biết mình đi việc cách mạng.

- Vâng ạ.

- Ta nói để che mắt địch, làm cho nó đứng trước mặt mà không biết gì.

Từ Nà Mạ xuống Hòa Mục có một quãng đường. Kim Đồng đốt thư vào đốt cần câu, rồi lấy đất thó trít lại. Cái cần câu cầm nơi tay. Có khó khăn, ta vút ở đâu đấy, chốc lại lấy cũng được.

Kim Đồng vừa đi vừa lẩm nhẩm:... gặp Tây này... gặp lính này... gặp châu đoàn này... Lính quát, ... Xã đoàn quát: mày đi đâu ? Tôi đi câu. Tôi đi chơi. Tôi đi gọi mo. Cứ nói tự nhiên, nó không biết gì cả. (Không phải nói dối, đây là cách mạng nói che mắt nó) - anh Đức Thanh bảo thế... Cái gì, ai đi kia ? Tây đồn hả?

Không khéo thì lính đấy, một lũ kia mà. Cả đồn gánh, cả "dậu" ngô, "dậu" thóc. Không, người trong làng đi chợ Nà Giàng mua muối về.

Suốt đường, Kim Đồng nhìn xa và lẩm nhẩm ôn các cách trả lời. Nhưng chẳng gặp cái gì lạ. Có lúc mong cứ thử gặp thằng lính xem sao. Đường vắng vắng tanh. Chỉ có mỗi bọn đi mua muối về ấy thôi. Còn chỉ thấy hoa cỏ tranh bạc trắng vờn hai bên. Những cây vối xù xì, lụ khụ bên bờ suối lại đương trổ lớp lá xanh mơn. Mùa này nước trong, gió hiu hiu, lội xuống bắt cá vực sâu kia, chắc bữa chiều nhà mình có cá rán đấy.

Nhưng thôi, hôm nay đương bận việc cách mạng.

Đến Hòa Mục, vào một nhà tận cuối xóm. Anh Đức Thanh dặn nhà ấy có bụi mai. Bụi mai đây. Bụi mai mọc ngay chỗ máng nước rửa chân lên nhà. Đúng như anh dặn. Đây rồi, Kim Đồng không phải hỏi thăm. Anh Đức Thanh đã bảo : bụi mai, bên máng nước lần đầu nhà... cố nhớ đừng hỏi thăm.

Lên nhà, Kim Đồng thấy một bà có tuổi, đầu quấn khăn chàm trùm hụp, đang thối bếp. Bà này có phải là người của cách mạng không. Người cách mạng mà lại nhảu nhó thối bếp thế kia! Nhưng, anh Đức Thanh đã bảo thế. Ta cứ hỏi. Kim Đồng bạo dạn chào:

- Chào bá ạ.

Bà ấy vẫn thối bếp, không nhìn, chỉ nói lên:

- ừ cháu đến chơi. Cháu chưa lên núi đuổi trâu về à? Nó còn mãi bắt cá ngoài vực kia kìa, bảo mãi vẫn chưa đi. Hừ quá. Cháu ra gọi hộ bá.

Kim Đồng bấm bụng không dám cười. Kim Đồng biết bà nhăm mình đến rủ con bà lên núi đồn trâu về. Kim Đồng đồng dặc nói câu khẩu hiệu để người cách mạng nhận nhau - câu anh Đức Thanh dặn:

- Phiên trước bá đi chợ Nà Giàng, hay bá đi chợ Nậm Nhũng ?

Bà ngẩng lên, giụi mắt, hỏi :

- Cháu là người của cán bộ Đức Thanh a?

- Vâng ạ.

Bà bối rối :

- Cháu... đồng chí... Ngoan quá, giỏi quá... cháu đồng chí... cháu ngồi đây...

Kim Đồng lấy thư ra đưa rồi xin bà cho về ngay. Việc bí mật, bà không dám hỏi con nhà ai, ở đâu, nhà có xa không. Bà chỉ hấp tấp tìm được hai quả trứng vịt luộc, để trên chạn bát, bắt Kim Đồng cầm đi ăn đường. Khi Kim Đồng xuống thang, bà đứng trên sàn, nhìn theo. Trời đất đổi thay đến nơi rồi. Bà nghĩ thế.

Kim Đồng về chuyến ấy, anh Đức Thanh khen. Anh bảo Kim Đồng họp tổ, kể lại các bạn biết cách đi đường và sự đề phòng của Kim Đồng thế nào. Ai cũng nghĩ rồi có khi đến lượt mình đi giao thông như thế.

Thế là Nà Mạ có thiếu nhi biết làm cách mạng. Từ khi Nà Mạ có hội của thiếu nhi thì bạn nào cũng thấy như xung quanh tập nập. Cũng cái chơi như mọi khi, mà bây giờ có ý nghĩa khác.

Chẳng bao lâu, cả hai xóm Pác ý và Pác Luông ở Nà Mạ đều vào hội cứu quốc. Người cả xóm theo cách mạng rồi, bây giờ chỉ khi họp đông mới phải lên núi. Cán bộ và giao thông qua lại đều ở dưới làng. Nhưng Nà Mạ đi từ đằng xa, đã thấy mái nhà. Nà Mạ kê bên đường cái, đường suối. Các làng đi chợ qua, đầu súng của lính tuần quét cả vào giọt mái gianh.

Bởi vậy, khi có họp, có người lạ, phải đặt trạm gác ở chỗ cao ngoài Pò Đoi. Ngoài ấy ới một tiếng, trong này đã biết.

Nhưng lại không phải lúc nào cái thác Pò Đoi cũng chảy hiền lành. Mùa mưa, nước lũ đầy thác đột nhiên réo lên.

Hôm ấy có họp. Đội thiếu nhi cắt gác. Kim Đồng đếm các bạn, thấy đến lượt mình. Kim Đồng dắt đàn vịt ra bờ suối rồi đi chặn bò nhân thể. Đêm qua lại mới có lũ về làm cái thác kêu điếc tai. Cái mõ theo nhịp cổ con bò lắc lư, kêu coọc coọc, phải lắng tai mới nghe tiếng.

Một lúc, con bò ngoạm vào luống ngô. Kim Đồng phát vào lưng nó một cái. Bò chạy lồng ra. Mõ cổ bò coọc coọc inh lên. Kim Đồng chột nghĩ bây giờ nếu treo cái mõ này vào nhà các anh đương hợp rồi dòng dây ra đây thì hay quá. Mõ báo động treo tận trong kia, cái thác Pò Đoi tha hồ gào đến hôm nào thì gào !

Nghĩ thế, Kim Đồng làm ngay. Kim Đồng buộc dây, ném qua bờ suối, chỗ ấy bãi hoang không người đi, rồi chằng dây vào đầu xóm. Cái dây qua ruộng dưa, buộc hờ cái mõ khác ở đấy - lính thấy thì bảo là mõ đuổi chim, rồi dây dòng nữa vào vườn hành, ngay bên cạnh cột sà, đến đấy mới buộc cái mõ thật. Ngoài Pò Đoi có báo động, giựt dây, trên nhà nghe tiếng mõ ngay.

Không phải thế đã xong. Trĩ được mọi tiếng rống thác Pò Đoi rồi, bây giờ đến cái ruộng mới khó. ở đầu xóm, người làng trồng ngô tháng năm xuống ven suối.

Ngô đã cao ngấp đầu rồi. Ngồi ở Pò Đoi mà gác hợp thì đến lúc thẳng lính đi đâm vào người mình mới biết.

Tình hình ấy phải canh hai người. Thanh Thủy đào giun cho vẹt cạnh thác Pò Đoi, có đầu mối giựt dây báo động vào xóm ở đấy. Đào giun hay làm gì thì làm, nhưng phải ngồi nghe động tĩnh phía bờ suối bên ngoài ruộng.

Bờ suối, Kim Đồng ngồi câu. Lúc này, gặp người đi bắt cá nước lũ về, Kim Đồng đã xin được một con cá nheo. Kim Đồng thả con nheo vào giỏ, để bên mép nước. Cái cần câu cắm hờ ở gốc vối. Kim Đồng đứng trên càn vối nhìn ra.

Gió thổi đung đưa rập rờn lá ngô. Từ trên ngọn cây gạo gần đấy, đàn sáo đen liệng xuống. Con đậu, con bay, tiếng hót vang. Tự nhiên, cả đàn lại bay ù lên cây. Tinh ý, Kim Đồng biết có người đi vào, chim sợ bay lên cao. Trông ra, đã thấy nhô nhộp bọn lính cơ đương rẽ tay đi trong ruộng ngô.

Kim Đồng kêu to :

- Được con cá rồi ! To quá ! To quá!

Hét xong, Kim Đồng nhảy xuống, lấy vôi con cá trong giỏ ra. Nhưng con cá đã chết cứng từ lúc nào. Bọn lính xô tới.

- Xem được cá bằng nào mà mày quát to thế. Nếu lính thấy cá chết thì lộ mất. Nhanh thoát, Kim Đồng càu nhàu ném đét con cá xuống bờ đá.

- Nhảy à ! ạng quát chết tươi cho mất nhảy!

Rồi Kim Đồng rút dao lưng, mổ cá luôn. Cả lão châu đoàn tới nữa. Lính hỏi:

- Cá to nhỉ ? Được mấy con ?

- Mỗi con này !

- Đập chết thế, ăn không ngon.

Kim Đồng cười :

- Nó mà tụt xuống suối, mất ăn thì mất cả ngon nữa !

Kim Đồng vẫn ngồi nguyên chỗ cá. Bọn lính kéo vào xóm. Lính đi khỏi, Kim Đồng trèo lên cây với, nhìn theo. Những mái nhà im lặng. Chắc cuộc họp trong xóm đã tan kịp rồi. Tiếng ve kêu buổi trưa râm ran. Lúc lâu, vẫn tiếng ve kêu thế. Thanh Thủy đã giật mỡ báo động rồi. Nhất định thế.

Lát sau, châu đoàn và lính lục tục ra. Kim Đồng nằm úp mình trên cành với, nhìn mặt nước. Như mãi câu. Thật thì chẳng thèm nhìn quan lính nào nữa. Và bọn lính qua cũng không buồn hạch sách thằng bé một câu. Chúng lừ đừ đi.

Từ trong ruộng ngô, tiếng Thanh Thủy hỏi:

- Được cá thế nào mà kêu to thế? Thật à?

Kim Đồng trèo xuống, nhắc giỏ đựng con nheo vừa câu được. Cái giỏ đã biến mất. Thì ra lính đi qua, đã kều cả giỏ và con cá đi rồi.

Vừa hay, trời lộp độp mưa. Hai đứa chạy ù nấp dưới mái cầu. Những chiếc cầu gỗ lợp mái từng quãng qua trên suối cho người đi đường tránh mưa tránh nắng. Kim Đồng nói:

- Tiếc công mổ cá ! Lại mất con cá nheo.

Phải bắt cái suối đèn con cá khác mới được !

Thanh Thủy đi tìm mồi cho Kim Đồng câu. Hai đứa tha thẩn trên bờ suối, đến chiều mới về. Kim Đồng câu được bốn con nheo, bảo Thanh thủy đem về. Nhà nó có em bé, thích ăn cá. Nhưng Thanh Thủy không lấy. Sau chia, mỗi đứa xách hai con.

Một lần nữa, Kim Đồng về đến đầu làng. Trông ra, thấy nước suối cuồn cuộn. Đương giữa tháng sáu, trận mưa sáng sớm chỉ đổ ào một lúc, đã trắng ruộng. Trong đầu ngõ, đàn vịt các nhà kéo ra. Mưa mới, vịt xô nhau chạy tìm con giun, con mối bị ngập nước, chui lên.

Một toán lính bỗng từ phía trên xuống. Kim Đồng vẫn đi tự nhiên. Lính cũng bằng đàn vịt kéo đến thôi. Trong người Kim Đồng không mang tài liệu. Chẳng lo gì, mình cũng giống một trẻ con nào đi chơi đấy.

Đám lính đã đi tuần suốt ngày, qua mấy làng. Có vẻ đói, mỏi lắm. Bây giờ chỗ nào cũng thấy lính. Đồn Sóc Giang lính khổ đỏ về xây lô cốt ra tận chợ. Lính đồng của tri châu đóng lên Háng Thoáng và tận trên

Nậm Nhũng. Từ Lũng Pèng xuống Xí Pài thì tổng đoàn Cừu đem người đi mò suốt đêm.

Bây giờ gặp lính, Kim Đồng có ý nghĩ khác trước kia, khác ngày bị nó cướp cái lồng vịt. Kim Đồng chăm chú để ý. Nó là kẻ thù của cách mạng. Xem nó muốn làm gì. Có thể bọn này muốn bắt vịt. Vịt ra đồng nhiều thế kia, như làm mồi cho nó. Nó tóm cổ con này rồi quơ đầu được chai rượu, vào làng đánh chén. Vịt của những nhà ai, vịt của tổ nuôi làm quỹ cứu quốc thì thiệt quá. Không được. Hay là chạy vào gọi người ra giữ vịt.

Tự dưng, con vịt lại như trâu người. Chẳng biết sợ rắn nước, rắn mòng gì sắp ngoẵng vào chân, đương ăn giữa ruộng cày cứ lạch đạch chạy về phía bọn lính. Rõ đem mồi đâm vào chân nó.

Nhờ nó bắt mất. Con vịt trắng xệ đít, đi lúc lắc.

Một lính nhìn đàn vịt, cười nhả mũi, hỏi trống không :

- Tao lấy một con nhé ?
- Rút thắt lưng đập thì chết ngay. Chỉ việc xách đi !
- Phải đấy.

Một lính hỏi to, như thách :

- Đứa nào xách con vịt này ?

Bọn đằng sau quát giựt giọng :

- Ông ơi ! Thôi, ông ơi !

Tất cả bỗng lủi lủi đi, im lặng. Kim Đồng cũng chưa kịp ra cản cách nào.

Kim Đồng ngạc nhiên. Kim Đồng không biết chúng nó sợ cái gì.

Đi một quãng, một đứa ngoảnh cổ lại, như tiếc rẻ, rồi chép miệng, nói :

- Thôi, trêu vào vịt Việt Minh thì có khi không đem cái xác về được với vợ con.

Những lính khác bàn tán hốt hoảng hơn: - Chạy nhanh lên không thì chết cả bây giờ ! Không biết hôm nọ thằng Lểu chết ở đây đấy a ! Không biết vùng này đã Việt Minh cả rồi a !

- Mình đi thế này, có khi Việt Minh đương nấp trên núi nhìn.

Cả đám lính lếch thếch chạy.

Năm trước, nó lấy lồng vịt của Kim Đồng ở giữa chợ. Hôm nọ, nó bắt trộm con cá nheo. Bây giờ nó sợ vịt. Nó bắt làng nào cũng phải rào ba chặng rào tre nhưng nó sợ không dám vào làng. Kim Đồng thấy vui lạ lùng. Kim Đồng tung cái cần câu. Kim Đồng nhặt cần câu. Kim Đồng chạy vào trong xóm. Phải kể chuyện này ngay với các bạn.

Kim Đồng đi qua gốc gạo. Tiếng con chim lạ kêu trong bụi. Kim Đồng quay lại. Không phải chim kêu. Đây là hiệu người gọi. Anh Phục Quốc đứng núp đấy.

- Anh làm gì đấy ?

Phục Quốc hỏi lại em :

- Còn lính ngoài ấy không ?

- Nó đi xa rồi.

Phục Quốc bước trong bụi ra, kêu "òì" một tiếng, như thờ dài cho nhẹ mình, rồi kể :

- Tao đương cày đặng chân núi. Có đũa trong xóm rung dây mõ báo động. Trông ra đã thấy lính về vàng cả mép đường kia. Tao đuổi bò vào rừng rồi ra đây rình xem nó có vào làng không.

Kim Đồng nói :

- Bây giờ lính sợ cách mạng rồi.

Rồi kể chuyện lúc nãy lính thèm ăn thịt vịt mà phải chạy, không dám bắt vịt.

Phục quốc ngẫm nghĩ, rồi nói :

- Nó sợ, ta lại càng phải cẩn thận. Hồi này, Tây đồn vừa đi sục phá ta, vừa bắt lính nhiều lắm. Bây giờ em đứng đây canh, anh vào cày cho nốt buổi.

Có động thì làm hiệu gọi bò, nghe không. Phục Quốc lại vào chân núi, lúi húi cày đặng ấy. ừ, canh gác. Bắt được con dế cỏ, cầm cái cần câu "công tác", Kim Đồng trèo vắt vèo lên cành vối, thả câu xuống mặt suối.

Nước lóng lánh chảy. Bờ đá xanh mờ rêu. Nhòa nhòa mấy bóng người đi tới.

Kim Đồng ngẩng lên, trông qua khe lá vối. Anh Đức Thanh đi trước. Tay anh cầm lồng chim họa mi, che miếng vải đỏ. Như vừa ở làng người Mèo trên núi Lục Khu xuống. Trên ấy, nhà nào cũng nuôi họa mi, ngày chợ đem chim đi chọi ăn tiền thưởng. Sau lưng anh, có một ông già. Anh Đức Thanh không chơi chim chọi.

Chắc lồng chim của ông, anh cầm hộ. Kim Đồng cũng chưa trông thấy ông này bao giờ.

Ông gầy, cao, tay cầm cái gậy trúc. Nhưng không phải gậy chống. Cái gậy hơi dài, cái sào của người Hà Quảng đi làm cỏ ruộng. Chân ông đi đất, ông mới đi làm cỏ ruộng về. ạng có râu thưa, mặc áo chàm Nùng bạc vai, một bên cửa ống tay rộng đã vá miến to. Mới nhìn, lại ngỡ ông mo đi cúng. Trông cái sào và hai người, lại tưởng hai bố con mới đi chơi chọi chim trên núi về.

Nhưng chắc không phải. Kim Đồng đoán: chỉ có ông đi chơi hay ông đi cách mạng thôi. Kim Đồng tò mò, đoán, để ý.

Anh Đức Thanh đã thấy Kim Đồng ngồi trên cành vối.

- Kim Đồng làm gì trên ấy ? Cậu à ?

Kim Đồng nhảy xuống đất, chấp tay, lễ phép : "Cháu chào ông ạ", rồi mới trả lời anh Đức Thanh :

- Em canh gác cho anh em đường cày đàng kia.

Ông cười, đến bắt tay Kim Đồng. Rồi Đức Thanh hỏi Kim Đồng :

- Có phải lính đông tổng đoàn Tiếp lúc này?

- Phải ạ.

Đức Thanh hỏi dồn :

- Có biết đám cướp hôm qua giết lái trâu trên dốc ?

- Thấy bảo còn đông canh xác người lái trâu trên ấy.

Đức Thanh quay lại, nói gì với ông. Rồi hai người rẽ vào trong xóm. Đoán là hai người lên trạm nghỉ ở hang đá chỗ Nọc én đặng sau nhà. Kim Đồng nghĩ : chắc có lính còn đóng ngoài đường, chưa đi được.

Xế trưa, anh Phục Quốc đi cày về rồi lại đi ngay. Lúc về, dặn Kim Đồng ra sau xóm, chờ ở gốc cây dâu da. Đến nơi, đã thấy anh Đức Thanh đứng đấy. Kim Đồng nói câu anh Phục Quốc vừa dặn nói lại với anh Đức Thanh: - Anh à, bọn đông canh xác người trên dốc núi đã rút rồi.

- Đi hết chưa ?

- Nó bắt dân ra chôn người lái trâu. Cả ngựa cai khố xanh cũng đi rồi.

Đức Thanh lại đi, chốc lát đã cùng đồng chí già xuống nhà anh Ngự Mạn. Đồng chí già hỏi Đức Thanh :

- Kim Đồng đâu ?

Đức Thanh đáp :

- Em đợi ngoài kia rồi.

Đồng chí già bảo anh Đức Thanh gọi Kim Đồng vào. Kim Đồng trông thấy ông vẫn cầm cái sào trúc và hai ống quần xắn. Đức Thanh nói với ông:

- Em Kim Đồng, hội viên nhi đồng, giao thông, liên lạc, canh gác, em đều làm được cả.

Ông hỏi Kim Đồng :

- Cháu bao nhiêu tuổi ?

Kim Đồng đáp :

- Thưa ông, cháu được mười ba.

- Cháu học lớp mấy ?

- Đồng chí Đức Thanh dạy cháu đã biết đọc biết viết.

- Cháu cố gắng học cho giỏi hơn...

- Vâng ạ...

Ông lại hỏi :

- Cháu có hay đi gác cho các anh họp không?

- Thỉnh thoảng ạ.

- Nếu lính đến thì cháu làm thế nào?

- Cháu kêu : Bò ăn lúa ! Bò ăn lúa! Rồi chạy vào, thế là các anh biết có lính tuần.

- Bây giờ ta sắp đi được chưa ?

- Thưa ông, đi được rồi.

- Bây giờ đi đường gặp địch thì cháu nói thế nào ?

- Cháu nói thật to: "Chào quan ạ", để đằng sau các đồng chí biết mà tránh đi.

- Thế chúng nó hỏi cháu đi đâu ?

- Cháu nói: Đi đón thầy cúng. Mẹ cháu ốm đau chân. Nó có bắt đưa về nhà thì cũng thấy mẹ cháu đau

chân, ông ạ.

Ông đứng dậy, nói :

- Nào ông cháu mình đi !

Rồi ông và anh Đức Thanh lội đường suối về phía Pác Bó. Kim Đồng thoăn thoắt đi trước. Trăng đã lên đặng góc núi. Sáng trăng đổ xuống thung lũng bên ấy, như vàng chảy sang bên này.

o

o o

Mỗi con suối đều có cuộc sống, vẻ mặt, dáng dấp và cả ý nghĩ của suối nữa. Khi suối âm thầm vào rừng sâu rồi ào ào xuống vực thác. Khi suối len lỏi cạnh cánh rừng thưa quanh làng. Khi suối nhớn nhợ vui với người qua lại bên mình, qua các bến đá, các nhịp cầu mái lợp có người ngồi chờ.

Dưới vách đá đứng, nguồn lên một dòng nước xanh trong. Chỗ ấy nước từ khe đá, lòng đất tuôn ra, đấy là nơi bắt đầu Pác Bó.

Con suối Pác Bó ấy khác tính lắm. Nguồn nó không phải mạch nước nhỏ. Suối này đã chảy thành dòng từ lâu trong đá, không biết đã qua mấy ruột núi, đến đây, suối nhả ra dòng nước Pác Bó xanh trong.

Bạn đọc yêu quý !

Bác Hồ của chúng ta đã từ nước ngoài về ở hang đá bên suối Pác Bó, trong vùng núi ấy, Bác Hồ đã cùng Trung ương Đảng mở hội nghị thành lập Mặt trận Việt Minh ngày 19 tháng 5 năm 1941, lãnh đạo cách mạng cả nước.

Có một đám trẻ trong xóm ra chơi trên dòng suối chân núi. Thật thì các em vừa chơi vừa làm. Bọn lúi húi đắp đá ngăn nước tát cá. Người làng ở bờ suối, ai cũng biết tay không bắt cá. Mấy cậu buộc dây, thả túm lá bồ quân kết lại, rồi kéo ngược lên. Tưởng tượng thuyền đương xuôi xa lắm, tận Nước Hai, tận Cao Bằng. Chiếc dây đứt, tiếng reo inh ỏi vang mặt nước.

Có một ông già râu dài đi qua. Thấy trẻ chơi vui, ông đứng lại. Lũ trẻ nhìn ông mặc áo Nùng như mình, quần xắn, tay cầm cây trúc. Như ông mình đi làm cỏ ruộng về. Như ông ở trong núi ra. Có lẽ ông làm cỏ ruộng. Năm nay mùa mất to. Trên thửa ruộng ven rừng cấy lúa sớm, trơ những bông lép. Cái loóng(1) năm giữa, đầy nước mưa, chẳng ai buồn tát ra bởi cái loóng đã để không từ tháng năm, chẳng hạt thóc nào đập vào. Lúa mùa mà cỏ cao quá đầu lúa. Cả cụ già cũng phải đi làm cỏ mà không xuể !

Ông già hỏi :

- Các cháu chơi gì đấy ?

Đám trẻ nhìn ông, tíu tít :

- Cháu bắt cá.

- Cháu thả thuyền.

- Ông vào đây chơi với cháu.

Ông cầm gậy trên bờ. Rồi xắn quần cao nữa, ông xuống suối với các cháu. Bọn trẻ thích quá. Cái bờ đã be cao. Càng rồi rít mức tay tát nước. Ông cũng chũm tay, tát nước. Vừa tát nước vừa ngoảnh ra, chuyện với đám bé hơn, đương chơi thả thuyền. Ông hỏi:

- Cháu có biết thuyền đứt dây thì trôi đi đâu?

- Trôi vào bờ, ông ạ.

- Nếu không trôi vào bờ, trôi mãi thì đi đâu, cháu biết không ?

Một em đáp :

- Xuống Nước Hai.

Một em đáp :

- Đi Cao Bằng.

Một em bé nói :

- Cháu không biết, ông bảo cho.

Ông trở tay ra xa :

- Thuyền này đi hết núi thì ra cánh đồng, đúng, xuống Nước Hai. Nhưng còn đi mãi. Thuyền qua hai phủ tám châu đất Cao Bằng rồi xuôi đưa thuyền ra gặp con sông, sông lại đưa thuyền qua các cánh đồng, các thành phố ra tận biển. Các cháu sẽ được ngồi trên thuyền theo cái xuôi và con sông đi xem các nơi khắp đất nước ta.

Tiếng trầm trồ :

- Thích lắm.

Ông lại nói :

- Bao giờ lớn, các cháu muốn đi như thuyền cũng được.

Bọn trẻ lao xao hỏi :

- Làm thế nào đi được, hả ông ?

Ông bảo :

- Các cháu phải biết chữ.

- Thưa ông, làm thế nào cho biết chữ?

Ông mách :

- Nhiều anh lớn trong làng đã có chữ, bảo các anh dạy cho. Biết chữ mới đọc được sách, báo và đi đến các nơi có những cánh đồng, thành phố và cửa biển.

Bọn trẻ cùng kêu :

- Phải rồi ! Phải rồi !

Ông hỏi :

- Các cháu thấy ở trong xóm ông Dương có nhà không ?

- Ông không chơi với chúng cháu nữa à ?

Ông cười.

Một em chắp tay, nói :

- Ông Dương cháu có nhà. Cháu đưa ông về. ông lên bờ, cầm cái sào trúc.

- Các cháu cứ chơi. Ông biết nhà ông Dương rồi.

Ông còn quay lại, cười vẫy tay đùa. Bọn trẻ hỏi theo :

- Ông ơi, nhà ông ở đâu ?

Ông trở vào núi.

Ông vào xóm. Ông đi rồi. Nước suối Pác Bó phân vân chảy tràn trên những tảng đá trắng. Đám trẻ trông ra, tưởng tượng như lời ông, đương thấy được cái suối đem đi xa, to dần ra đến lúc gặp con sông. Qua hết những cây vối to kia đến chỗ hai bên bờ có những cánh đồng...

... Rồi gặp con sông. Rồi qua những cánh đồng, những thành phố, những cửa biển xa xôi của đất nước, chưa bao giờ được thấy.

Bạn đọc yêu quý !

Ngày ấy, công tác cách mạng phải bí mật. Không ai biết ông cầm cái sào trúc - cái sào làm cỏ lúa của người Hà Quảng, đây là Bác Hồ.

Các cháu đã được gặp Bác Hồ, mà các cháu còn được gặp Bác Hồ nhiều lần nữa. Những năm ấy, các cháu gọi Bác là ông "ở núi", ông Thu Sơn.

Lát sau, anh Đức Thanh đi qua. Tay anh vẫn xách cái lồng chim họa mi. Lại kèm cả dây củ mài vừa đào được. Anh vừa tạt vào rừng, kiếm bữa ăn chiều nay. Anh lội ào ào qua suối.

Bọn trẻ mách :

- Anh Đức Thanh à, có ông ở núi vào nhà ông Dương.

Anh Đức Thanh nói : "Thế à ?" rồi đi vội vội theo.

o

o o

Anh Phục Quốc cày xong, đuổi bò về xóm rồi ra suối đợi em. Phục Quốc nhìn ngược lên phía suối, có hai cây vối già tựa vai nhau trên mặt nước, làm cầu cho xóm Pác ý sang xóm Pác Luông và đằng xa, bóng suối Pác Bó lấp lánh lên. Kim Đồng vừa về đến đấy.

Thấy anh, Kim Đồng khoe :

- Hôm qua, em đưa ông già cách mạng đi với anh Đức Thanh.

Hai anh em thông thả về xóm. Cả hai cùng im lặng, mỗi người có một ý nghĩ. Phục Quốc nói : - Người già cũng đi làm cách mạng thế đấy.

Kim Đồng nói :

- Bây giờ em mới thấy.

Phục Quốc nói :

- Ông già rồi mà ông vẫn xa nhà đi.

Phục Quốc đứng lại, nhìn Kim Đồng:

- Em ạ, thanh niên như anh đi cứu nước, còn đi nhiều lắm, đi xa lắm.

Kim Đồng nhìn anh và hỏi :

- Anh đi đâu ?

Phục Quốc lại nói :

- Anh nghe cán bộ bảo con đường đi hết nước ta từ đây về phía nam, một bên là biển Đông, một bên là núi Trường Sơn, dài mấy nghìn cây số. Đường Nam tiến đi cứu nước là đường ấy. Anh sẽ đi.

Kim Đồng lại hỏi :

- Bao giờ anh đi ?

- Anh cày sớm cho xong vụ.

Kim Đồng nói :

- Anh đừng lo. Có hội cứu quốc giúp nhà mình. Mà em cũng sẽ học cày.

Phục Quốc cười :

- Thế thì giỏi.

Rồi Tết rằm tháng bảy đến. Khi mong thì lâu, nhưng đã đến thì lại đi qua chóng quá. Cả châu Hà Quảng lặng lẽ trong cái tết. Ngày nào lính đồn, lính châu cũng tuần phòng trên đường cái. Người ta sợ, chỉ ở làng xa mới có những cô gái mặc áo chàm mới, khăn thêu, lên ngôi hát trên đồi.

Chúng nó tất bật lo đối phó với cách mạng. Đồn bốt và lô cốt đã xây đá xong hết. Đánh hơi thấy đâu đáng nghi, quan quân đi bắt ngay. Chợ Sóc Giang bây giờ vắng hẳn. Phiên nào có tin đồn Tây chặt được đầu cán bộ, sắp đem bêu chợ, không ai đi chợ phiên ấy.

Các làng âm thầm hẳn đi. Nhưng người ta càng ngày càng thì thoả cách mạng đã về khắp nơi. Không còn biết bên trong mỗi làng thế nào. Rằm năm nay, xã đoàn không thu được của dân một cái bánh, một con vịt để đem lên Tết quan. Có thể vì mất mùa. Có thể các làng đã theo cách mạng. Đẳng nào thì quan đồn, quan châu cũng phải làm ngơ như không biết.

Nhà Kim Đồng năm nay lại khác người, làm tết rằm thật to.

To thật đấy. Nấu hai mẻ rượu ngô, gạo làm bún đã đầy đủ, lá gai phơi từ nửa tháng trước -mọi thứ sửa soạn cho tết. Anh Phục Quốc làm thịt một lúc những năm con vịt. Lại gói mấy chục chiếc bánh nếp. Kim

Đồng đoán: có khi Tết xong anh đi xa, đem cả bánh đi ăn đường. Nhà mình ăn Tết to năm nay là phải.

Kim Đồng thềm kể chuyện "anh Phục Quốc đi Nam tiến" với các bạn, muốn khoe "đường ấy dài mấy nghìn cây số, qua hết đất nước.

Hai bên đường có đồn Tây, đồn Nhật. Quân cách mạng có súng, dẹp tan hết các đồn lấy đường đi". Nhưng Kim Đồng không dám nói. Anh Phục Quốc đã dặn : giữ bí mật. Kim Đồng cố nhin, nhưng cũng phải kể với một mình Cao Sơn.

Kim Đồng còn muốn kể cho mẹ nghe. Nhưng nghĩ mẹ thương anh đi, lại thôi. Tuy vậy, Kim Đồng cảm thấy như mẹ đã biết. Lúc ăn, mẹ cứ bảo anh ăn nhiều vào. Mọi khi, bữa có thịt, mẹ chỉ giục Kim Đồng gấp thêm. Một con vịt vừa làm canh bún, vừa cả thịt luộc mà cả nhà ăn không hết, hôm nay nhiều thịt quá.

Đêm tháng bảy, trăng suông mát rợi. Không nghe tiếng trẻ đùa ngoài đầu xóm. Các bạn trong làng đã vào hội cứu quốc, tối nào không đi học cũng đi tập hát, ít chơi không như trước.

Ngoài cửa sổ, có con chim sột sạt gãi mỏ trong cây bo. Đắng xa, tiếng nước thác Pò Đoi khe khẽ rơi xuống đá. Con ve kim kêu đêm trong rừng chọt rít lên rồi lắng im. Tiếng chó nhùng nhằng làm nũng với bóng tối, tiếng trâu bõn rền rền dài ra, xa mãi. Đêm về làm cho mặt đất hình như rộng hơn ban ngày.

Mẹ và anh ngồi bên bếp. Đêm Tết, năm nào mọi người cũng ngồi thong thả như thế. Nhà ai cũng lấp ló vách lửa. Anh nói chuyện rì rầm với mẹ, Kim Đồng nghe lồm bồm... chuyện lấy vỏ dó... cái nương bông, cái khuôn tráng giấy chữa rồi... Nhà mình đã xong vụ cày.... Một chốc, Kim Đồng nghe bên cạnh lưng mình. Cao Sơn đã ngáy khò khò. Rồi Kim Đồng cũng ngủ nốt.

Không ngờ, anh đi ngay đêm ấy. Đáng lẽ Kim Đồng cũng không biết. Đã khuya, hay gần sáng, lúc ấy Kim Đồng đương ngủ say. Mẹ khẽ gọi :

- Dền, dậy con ! Anh đi rồi !

Mẹ chỉ gọi thế, Kim Đồng tỉnh ngay và ngồi lên, Kim Đồng mở mắt. ánh lửa bếp đỏ hỏn, xung quanh còn tối. Cao Sơn cũng nhòm theo, ngơ ngác. Hai đứa thấy anh lúi húi trước bếp. Anh vẫn mặc bộ quần áo chàm cũ khi đi cày, lại đội cái mũ nồi vá. Kim Đồng không thể tưởng đi Nam tiến như thế. Sau nghĩ ra, nhớ khi nghe lỏm các anh học quân sự nói chuyện "đánh du kích, cướp súng giặc, giết giặc". Thế thì phải mặc quần áo cũ mới dễ vào đồn nó được. Có đến mấy gói to bọc lá chuối nặng kệt để ngay cạnh anh. Mẹ phải lấy thêm cái "dậu" nữa mới đựng đủ. Đây là những gói thịt vịt và bánh nếp. Thì ra, mẹ bảo tết này làm nhiều vịt để anh mang đi. Mẹ đã biết anh đi. Chẳng đợi mình phải mách.

Anh Phục Quốc đứng dậy, ra mái, rút cái đòn gánh. Anh xách túi và "dậu" lên. Mẹ bước đến, giơ tay ấn thêm cái mũ trên đầu anh xuống cho ấm. Mẹ sợ ngoài kia trời sương lạnh. Anh ôm cả hai vai Cao sơn. Kim Đồng đương ngồi dưới sàn nhìn lên, cũng đứng lên cho anh ôm vai. Kim Đồng muốn khóc. Anh chưa đi mà

đã thấy nhớ quá. Bây giờ, Kim Đồng lại không muốn để anh đi nữa.

Anh Phục Quốc nói :

- Em ở nhà cho ngoan. Cách mạng thành công thì anh về.

Nghe anh nói thế, Kim Đồng lại thấy hăng hái lên. Anh bước xuống, từng bậc thang kéo kẹt. Bóng anh quảy đôi "dậu" mờ mờ. Tự dưng, Kim Đồng sờ tay, thấy ướt trên má từ lúc nào. Nhưng Kim Đồng nhắm mắt lại. Không, Kim Đồng không thích khóc. Kim Đồng nghe chân anh giẫm rào rào trên những chiếc lá mít khô. Tiếng lạch xạch, ấy thế là anh đã ra gốc cây bo, anh đã ra tới cây bưởi. Có lẽ không phải. Chân ai đang ấy bước lại.

Chợt nhớ Kim Đồng khẽ gọi :

- Anh Bát Ngự !

Có tiếng hú đáp khẽ. Hình như thế. Chắc anh Bát Ngự đứng đợi đấy. Hai anh lúc nào cũng đi cùng nhau. Bây giờ hai anh cùng đi Nam tiến. Như Dền, với Thàn, với Thanh Thủy, đi đâu cũng cùng đi. Hai người cùng đi...

...Con đường đi hết nước ta từ đây về phía nam, một bên là biển Đông, một bên là núi Trường Sơn, còn dài mấy nghìn cây số Đường Nam tiến đi cứu nước là con đường ấy Anh sẽ đi...

Trời vẫn sáng trăng suông. Các anh đi vào bóng trăng. Hai đứa đoán chắc có đông người đương đợi các anh ngoài kia, cùng đi.

Kim Đồng và Cao Sơn ôm cột, áp tai vào cột, nghe những tiếng động kỳ lạ, đâu đâu, tiếng thác Pò Doi, cái cọn rền rĩ, cái cối nước giã vào trống không, tiếng hổ vờn nhau trong rừng thẳm, tiếng sao đổi ngôi rơi, tiếng chân người đi, tất cả, một lúc rập rờn đến, một lúc mênh mang xa, mặt đất ban đêm dài ra theo bước các anh, đấy là tiếng chân các anh đi

(1) Ngũ tự kinh: một tài liệu tuyên truyền của Việt Minh viết lối thơ năm chữ, trước Cách mạng tháng Tám 1945 rất phổ biến ở Việt Bắc và đồng bằng miền Bắc.

(2) Mo: thày cúng.

(3) Loóng: khúc gỗ rỗng ruột đặt ngoài ruộng để đập lúa ngày mùa.

Chương 5:

Vào những ngày cuối năm ấy, đồn bắt khắp châu nhụng nặng hằn lên. Vùng Đạo Ngạn, Nà Giàng có lính của đội Tam, vùng Sóc Hạ thì tổng đoàn Kim. Cả chúa đất Giúng Páo trên vùng Mèo ở Phia Viêng cũng theo Tây đi gác. Chúng phao tin sẽ đem lính Mọi "ăn thịt người" vào Hà Quảng. Nhưng mới chỉ thấy hai đại đội lính khố đỏ và cả lính da đen đóng ở Sở Ngựa dưới Nước Hai và ngoài tỉnh lỵ Cao Bằng kéo thêm vào, đóng rải qua Kéo Yên xuống Sóc Giang.

Trong khi ấy, đoàn thể mở ngày hội văn hóa toàn châu ở ngay bản Hồng. Ban Việt Minh tỉnh và báo "Việt Nam độc lập" đem cờ tặng Đại hội. Lại có phụ nữ hội viên các làng về làm bánh bán lấy tiền treo giải thưởng cho người học giỏi. Có súng canh gác ở Keo Giá. Mấy trăm đại biểu các xã về dự. Thi làm toán, thi đọc "Ngũ tự kinh" và "Lịch sử nước ta"(1), thi bắn súng, thi hát, lấy dây rừng xếp chữ, rồi biểu diễn thể thao kéo co, chõng người.

Đội của Kim Đồng được đi hội, học thêm được nhiều bài hát mới, về kể mãi chuyện không hết.

Cán bộ xuôi ngược khắp nơi. Anh Phục Quốc, anh Bát Ngư đi Nam tiến. Trên đất nước, chỗ nào cũng có người đi. Càng nhiều công tác, cán bộ càng qua lại nhiều. Đội của Kim Đồng mê mãi làm giao thông suốt đến áp Tết. Có khi đi xa tận Phù Ngọc.

Hôm ấy, Kim Đồng lên núi vác dó về sớm rồi xuống Hòa Mục đưa cán bộ lên. Bây giờ, Kim Đồng đã là anh em với các bạn dưới ấy.

Đây cũng có đội thiếu nhi. Nhiều lần, Kim Đồng đã tập hát cho các bạn. Cả đêm mưa, nước lầy lội trắng cánh đồng.

Chắc đường mưa chẳng gặp ai. Tuy vậy, vẫn nhớ những điều cần khi đi công tác. Trong túi đeo, Kim Đồng có bát gạo và cái áo cũ. Chiếc áo rách để treo núi vác dó, vừa cởi ra, bỏ luôn vào đấy. Đi tìm then, tìm mo về cúng cho người ốm phải đem theo cái áo của người ốm và bát gạo để nhà thầy thả hương bói quẻ. Lệ xưa nay vậy.

Anh cán bộ đi cách xa Kim Đồng. Đã dặn nhau trước đến quãng nào có tiếng thác đổ khó báo tin hoặc gặp đường quanh mới đi gần lên một chút. Đi đường phải cẩn thận thế.

Vừa tạnh mưa, bắt đầu quang sương. Trên lưng núi, nương thuốc phiện của người Mèo, người Nùng đã nở hoa, như những đàn bướm li ti bay trong bụi phấn. Ở những tràn ruộng xâm xấp nước trước mặt, đàn vịt nhà ai ra chạy lạch đạch quanh những chân cầu lợp, cái cối nước tất cả quay suông, chẳng rúc tìm được hạt

thóc nào.

Vừa một quãng, gặp châu đoàn, Thế mà ngờ đường vắng ! Châu đoàn cười ngựa, thu mình trong cái áo dạ xám. Người lính đồng chạy sau, nghe không hiểu chân người hay chân ngựa, bì bọp trong bùn. Xem cách đi, Kim Đồng đoán không phải đi tuần. Châu đoàn đi đánh bạc về, hay có việc lên đồn đêm qua, ngủ lại châu, bây giờ về sớm. Nhưng nghề nó như con chó ngựa răng, thấy người thì sủa, châu đoàn dừng ngựa lại, hỏi :

- Mày đi đâu ?

Thế là Kim Đồng kêu tướng lên :

- Trời ơi ! Quan châu đoàn đừng đánh tôi... đừng đánh tôi...

- Tao đã đánh mày đâu. Mày vu vạ cho quan à ?

Kim Đồng quay lại, đã thấy biến mất anh cán bộ. Bây giờ Kim Đồng mới nói bình thường, khe khẽ :

- Không, không...

- Đi đâu ? Đi Việt Minh à ?

- Tôi đi hỏi ma cho mẹ ốm.

Châu đoàn bảo người đồng lời cái túi trên vai thắt bé xuống xem có gì ở trong. Trong túi có bát gạo và cái áo rách. Thật nó đi gọi then. Mà phải, ở Bản Vàng có cô then(2) hay. Thế là ngựa châu đoàn lại co cổ cật vó lội bùn đi.

Kim Đồng thông thả nhìn lại. Anh cán bộ nấp trong bụi lau bờ suối. Tiếng ngựa châu đoàn đã xa hẳn. Kim Đồng huyết sáo như chim hót làm hiệu rồi lại vội vội đi lên trước.

Về đến Nhà Mạ, chưa quá buổi cơm trưa.

Bắc Lạng, ra bí mật trước Cách mạng tháng Tám, 1945 do Bác Hồ sáng lập và viết bài.

Hôm sau, có gói tài liệu to. Cả tập báo Việt Nam độc lập(2) vừa đến. Cần đi ngay. Không thể nhét tập báo vào đốt cần câu. Cũng không cầm tay được. Bàn nhau xong, anh Ngư Mạn và Kim Đồng cùng đi.

Anh Ngư Mạn mặc cái áo rách nhem nhuốc, như người đi phu về. Gói tài liệu bọc lá dong, hệt chiếc bánh tày Tết, Kim Đồng treo trên túi vai.

Thường thì buổi trưa dễ đi. Lúc ấy, lính tuần đã tạt vào đâu cơm rượu và ngả lưng rồi. Đã trông thấy con suối đến chỗ ấy lượn nghiêng, ánh mặt nước, cái cầu cong vênh một bên. Trong cầu, không thấy ai. Tuy

vậy, Kim Đồng vẫn chăm chú nhìn anh Ngư Mạn đi đằng trước.

Anh Ngư Mạn bỗng ngã chúi người. Như vấp hòn đá. Báo động rồi. Kim Đồng nhìn sang bên kia cầu, thấy áo vàng, nón chóp nhảy đến, xúm lại, vừa quát vừa khám, vừa chửi anh Ngư Mạn. Dáng hăn bọn này đi quá buổi, chưa cướp được cái gì vào bụng, càng cáu gắt hơn.

Anh Ngư Mạn phải cởi trần cả cái áo rách cho nó khám. Bên đường, Kim Đồng đến đứng im lặng, chăm chú nhìn bọn lính đương khám anh. Kim Đồng đứng xem. Trên vai, vắt cái túi không. Anh Ngư Mạn nghĩ khen thầm. Kim Đồng gan đến thế.

Một lính quay ra hỏi :

- Mày đi đâu ?

Kim Đồng cười lửng lơ, không đáp. Bọn kia rồi rít :

- Mặc kệ nó ! Đói sắp chết đây ! Đi thôi.

Rồi chúng bôn như trâu chạy về phía trước. Anh Ngư Mạn vào trong cầu, vờ ngồi nghỉ.

Anh lấy cái bật sừng trâu, kéo một cái, lấy lửa. Anh đốt sưởi. Kim Đồng lẳng lặng đến bên anh. Kim Đồng khóa xuống mặt nước rửa chân bùn lấm. Anh Ngư Mạn hỏi :

- Tài liệu đâu ?

Kim Đồng trở vào rệ cỏ. Kim Đồng ra nhặt gói báo to như cái mo, lại bỏ vào túi đeo lên vai. Hai anh em, cách nhau một quãng, lại đi.

Cuối tháng giêng, cái Tết chỉ còn phảng phất. Chẳng còn bánh nếp, thịt lợn, chẳng còn gì. Chỉ còn tiếng hát. Dù trong cảnh ngặt nghèo, vẫn có tiếng hát và niềm mong ước. Trai gái các làng đi từng đám như hội. Trong những chiếc cầu lợp vạt qua các làng hai bên suối Pác Bó, người ngồi đợi nhau đi hội rồi vừa đi vừa hát. Cho đến đêm thì tụ về các nhà then. Và, bao giờ cũng vậy, then hát đến đoạn kể Sa Dạ, Sa Đồng vượt biển xa xôi, nhiều người già cũng đến nghe. Tưởng như tiếng hát đương kể vào kiếp làm con người khổ cực. Cái khổ được kể ra, nước mắt rơi xuống. Năm nay, ở nhiều đám then, có người về hát bài then cách mạng... Trang thiên hạ mì hủ ăn châu... Trong thiên hạ có năm châu: Mỹ, úc, Âu, Phi và á ... Người nô nức đến nghe thật đông. Lạ thật, đời người thay đổi đến nơi rồi.

Thanh Thủy sang rủ Kim Đồng :

- Đêm mai sang Đạo Ngạn xem then nhé.

Cả bọn cùng đi.

Kim Đồng ngồi trong cửa sổ nhìn xuống. Thanh Thủy mặc như cô gái lớn. Tuy cái áo dài thì cũ, đã ngả, nhưng chiếc thắt lưng mới, dấu chàm nhuộm còn xanh trên hai bàn tay, đầu thắt lưng ngoắt như hai sừng bò vắt vào đằng sau. Chít khăn, đầu ngôi mượt rẽ giữa, lại đội nón. Ngày Tết, ai cũng ra vẻ đấy. Kim Đồng thấy náo nức đi với Thanh Thủy.

Nghe rõ rồi nhưng Kim Đồng còn hỏi đùa:

- Đi đâu ?
- Đi xem then bên Đạo Ngạn.
- Có hội văn hóa nữa thì thích nhỉ. Chỉ muốn đi hội văn hóa, học thêm bài hát mới.

Thanh Thủy nói :

- Nghe nói then bên ấy cũng có người về hát bài cách mạng.

Rồi lại hỏi :

- Mai có đi không ?

Kim Đồng lặng im rồi nói :

- Các bạn đi thôi.

Thanh Thủy cau mặt :

- Sao thế ?

Kim Đồng ra thang, xuống trước mặt Thanh Thủy, rồi nói khẽ :

- Anh mình đi công tác rồi, Tết này mình không muốn vắng nhà cách đêm. Mẹ ở nhà mong.

Thanh Thủy nghe ra, nói :

- Chập tối về thôi mà.

Kim Đồng lại nói :

- Anh Đức Thanh bảo mai tổ ta gác.
- Ai gác thì người ấy ở nhà. Họp tổ bảo thế rồi.

Kim Đồng bàn :

- Thôi các bạn cứ đi xem then.

Thanh Thủy bắn khoăn :

- Thế thì Thanh Thủy cũng ở nhà.

- Sao không đi ?

- Không muốn đi nữa.

Hôm sau trong xóm có cuộc họp, anh Đức Thanh đã bảo.

Không biết họp gì, người các nơi về đợi từ đêm.

Có cả các chị. Ai cũng quần áo mới, như đi chơi Tết, như người vào xóm tìm đám then.

Nhưng Kim Đồng trông mặt biết không phải người chơi. Các anh các chị cách mạng đều có vẻ khác, hai con mắt nhìn chăm chú, tươi cười. Rồi Kim Đồng qua mấy nhà, biết thêm:

nhiều người có súng, có dao dài. Biết thế nào ! Hay đội tự vệ sắp ra đánh đồn Sóc Giang.

Có tiếng đồn ở Khuổi Ngươi dưới châu Nguyên Bình có một bọn lính vào dỡ nhà làm bột giữa xóm. Được mấy hôm, người ta lấy củ nâu trắng già nhỏ thả xuống máng nước, bột lính uống nước đều đau bụng kêu cha kêu mẹ, phải cút hết. Từ đấy, lính đi tuần cả châu phải đeo lọ nước sau đít, không dám uống nước máng trong xóm. Các anh còn kể chuyện ở nhiều nơi, Việt Minh đã chiếm được lô cốt. Có nơi lính đồn giết Tây, đi theo cách mạng. Kim Đồng nghe, thèm hỏi, mà không dám hỏi. Giá anh Phục Quốc có nhà thì hỏi rồi.

Từ sớm, Kim Đồng ra ven đường, tìm cái dây mỡ báo động xem chỗ nào đứt sửa lại. Từ mùa lũ năm ngoái, không giựt mỡ. Mảnh dây bìm phơi khô rồi nổi, bền quá, không đứt. Kim Đồng lại kiếm cái đặc trâu đem buộc vào đầu cành nhãn, ngay dưới mái nhà. Nghe thử, anh Đức Thanh bảo : mỡ kêu to đấy. Rồi Kim Đồng xua đồn đàn vịt ra khoảng ruộng ven đường bờ suối. Chẳng thiếu việc, lúc vịt mãi đi rúc đằng xa. Kim Đồng trèo lên cây vối, mở giấy ra học bài, học hát. Cành vối che kín hai bên, như ở cái cửa tò vò nhìn ra. Người phía nào đi tới cũng trông thấy được tận đằng xa.

Suốt ngày, dập dìu người đi qua ngoài đường. Mới trông cũng giật mình tưởng lính tráng về làng. Nhưng rồi quen mắt, biết là người vào các xóm tìm xem nốt mấy chuyến hát then cho tròn tháng giêng. Quần áo mới của ai cũng thắm hơn màu chàm núi. Có tiếng cười. Tiếng hát đằng xa, như nước mưa mới ở khe đá róc rách. Sốt ruột đấy. Thế nào mai cũng rủ cả bọn đi Đạo Ngạn nghe bài then cách mạng một hôm.

Anh Đức Thanh đến nhà lúc chập tối, Kim Đồng hỏi ngay :

- Mai còn họp không, anh Đức Thanh à ?

Anh cười :

- Nóng ruột muốn đi hội rồi, phải không?

Bây giờ có việc cần lắm, Kim Đồng ạ.

- Việc gì thế ?

- Có thư về Pác Bó.

- Em đi cho.

- Mai em còn gác.

- Để Thanh Thủy gác cũng được.

- Bọn nó đi xem then rồi.

- Không, Thanh Thủy bảo nó ở nhà, hôm nào hết gác thì cùng đi.

- à...

Kim Đồng hỏi :

- Em đi Pác Bó, Thanh Thủy gác thay em được không ?

- Được.

Kim Đồng sang nhà Thanh Thủy. Trời tối. Kim Đồng đến dưới gầm sàn. Củi nổ lách tách trên bếp. Đứng im một lát, nghe cũng biết ai trên nhà ngồi chỗ nào. Tiếng Thanh Thủy cười đùa với các em bên ánh lửa, ngay trên đầu Kim Đồng. Chỉ việc giơ tay gõ khẽ lên xà ngang thì Thanh Thủy biết hiệu.

Kim Đồng gõ ba tiếng. Rồi chép miệng như con mồi bắt muỗi. Tiếng cười bật im. Chân người ra ngoài sàn đầu thang.

Thanh Thủy đã xuống.

- Mai gác hộ nhé.

- Đẳng ấy đi đâu ?

- Có công tác.

- Tối về thì đến nhà Kinh xem cúng kỳ yên(4), nhớ đấy.

Rồi Kim Đồng chạy về. Đường tối, không đi chuyền cây với sang suối được, Kim Đồng lội ào xuống nước, hai chân buốt tê. Tối nay còn thức đập nốt chỗ dó ngâm thành bột, cho mai mẹ có cái làm giấy.

Sáng sớm, Kim Đồng đi Pác Bó. Mũ chàm mới, áo và đôi giày vải mới nữa. Vẫn thấp thoáng những người trảy đi các làng nghe hát then. Như trong mái nhà nào cũng văng ra tiếng hát, giục giã chân người.

Các đầu xóm đều có bột gác. Tây đồn bắt làng xóm phải tuần ngày Tết thật nghiêm. Nhưng chẳng ma nào canh ! Có khi người ngồi trong bột, chỉ thấy ngồi ngáy ra. Có khi là người hội cứu quốc ta ra gác vờ hay đấy là đồng,

nhưng ngày Tết, ai cũng muốn ngồi im. Cho khỏi phiền một năm khó nhọc.

Đường lên Pác Bó hôm nay dài quá, càng mong chóng đến càng thấy dài. Con suối ngoằn ngoèo đuổi theo chân đi. Sang mấy cái cầu rồi, đếm rồi lại quên.

Rồi những cây với cổ thụ bóng lá xanh kín mặt nước, đến chỗ ấy hết, lại thấy cây nữa, lại đếm. Càng mong càng lâu. Mong chóng tới, mong về. Sớm mai thì cả bọn cùng nhau sang xem then bên Đạo Ngạn. Tối nay về sớm, chơi đám cúng kỳ yên các bạn đều đến đấy cả rồi mai cùng đi. Đã hẹn mà.

Mong mãi cũng phải được. Đã thấy sườn núi Pác Bó chàm thẫm. Mưa phơn phớt chắn chân lại, nhưng cứ đi vào thì bao giờ núi cũng lại mở ra. Rồi trông thấy xóm Bó Bầm mờ trong sương. Không có khói bếp. Mấy nhà lơ thơ như cái lá khô rơi trong chân núi.

Mà ở các xóm nghèo hết Tết rồi. Chưa vào nhà đã biết. Quanh xóm, chẳng thấy con vịt nào. Vịt đã bỏ vào nồi cả, ra giêng không còn gì. Trên lạch suối đầu xóm, người đương lúi húi bắt cá. Vừa Tết xong, đã phải tát cá suối, trong nhà chẳng còn cái ăn. Mà bắt cá suối mùa lạnh thì mấy khi được.

Đến gần, Kim Đồng nhận ra ông Dương và mấy cháu đương tát cá.

Kim Đồng đứng lại.

- Cháu chào ông Dương.

Ông Dương ngẩng lên, nhìn ra, rồi nói:

-Ồ kìa, cháu đã vào.

Kim Đồng sốt sắng :

- Cháu xuống bắt một tay với.

Ông Dương đứng thẳng đăm lưng mấy cái, rồi nói :

- Không còn con nào nữa đâu. Tao cũng về đây. Cháu đi đâu ?

- Cháu vào nhà ông.

Ông Dương buông tay áo, bỏ ống quần xuống. ống tay ống chân ông bị lạnh cóng, cũng tím như màu áo. Gió núi thổi ra buốt quá mà ông Dương chỉ mặc ngoài có tấm vỏ sui.

Ông Dương cầm cái thư của Kim Đồng đưa. Ngoài thư, vẽ ba ngôi sao. Biết thư này cần lắm. Ông ra cửa gọi cháu. Một lát, thằng bé về, mặt còn dính bùn. Nhưng biết có việc, bé quàng cái túi lên vai. Bé đưa Kim Đồng đi ngay lúc ấy vào sau núi. Đi nhanh quá, một lát Kim Đồng đã trở về.

Kim Đồng để thư bí mật ở hang Si Điếng rồi về ngay. Đã có hẹn trạm thư ở đấy. Nhiều lần, Kim Đồng tưởng đến Si Điếng sẽ gặp lại ông già cách mạng hôm trước. Mà không được gặp. Nhưng Kim Đồng đoán biết các cánh rừng quanh Si Điếng đều có các đồng chí cách mạng ở và chắc cũng có ông ở đấy. Lần nào vào Si Điếng, Kim Đồng cũng nghĩ và để ý như thế.

Bấy giờ đã xế trưa. Trời rét âm u suốt ngày. Trong chân núi, lúc nào cũng như sắp sập tối. Kim Đồng ra suối ngắt một nắm cải xoong vào làm cơm. ạng Dương nướng cá. ận xong, ông Dương bảo Kim Đồng ngủ lại, mai về sớm. "Cháu nhiều bài hát cách mạng hay lắm. Ngủ lại đây, dạy mấy đứa nhà tao cùng hát với". Nhưng Kim Đồng không muốn ở lại. Công tác, và cả những cuộc chơi đi xem then ngày mai, ngày kia đương đợi ở nhà.

Kim Đồng nói :

- Cháu xin về, ông à.

Ông Dương nói :

- Về bây giờ thì tối giữa đường mất.

Kim Đồng trả lời :

- Cháu đi tối cũng quen rồi.

"Cháu đi công tác tối cũng quen rồi", như thế. Năm trước, Kim Đồng vẫn còn sợ đêm. Tối rửa chân ngoài máng, bước lên sàn rồi, ngại xuống thang lắm. Đi ngủ như gà lên chuồng, Thàn và Dền nằm ngay cạnh bếp. Hai đứa nép vào cột nhà, quay lưng ra cửa sổ. Đêm tối có những gì đáng sợ thì có cả ở ngoài ấy. Nghĩ lại, lại cười mình. Bây giờ Kim Đồng đã bước vào đêm, có khi trong đêm rất khuya, nhiều

lần rồi, đâu chỉ nghĩ đến công tác. Không thấy cái gì ghê gớm ở bóng tối ra vỗ mình cả.

Kim Đồng về ngay từ xế trưa. Buổi chiều trên núi đi sang chập tối rất nhanh. Bỗng ngẩng lên, đã thấy đêm trong vắt, lấp lánh ngôi sao giá buốt.

Một tay Kim Đồng cầm chiếc gậy. Nhưng Kim Đồng biết mùa lạnh thì các loài rắn đều ngại rét chúi trong hang, không bò đi ăn đêm.

Ồ, cái sợ và cái vững, cái bạo cứ chập chờn từng lúc. Đường cái ban đêm thăm thẳm, khác hẳn. Chỗ nào cũng lổ nhổ như ma đứng. Nhưng cứ đi qua. Thì thấy đấy cũng là những bụi cây. Nhiều khi, nghe tiếng chim ríu ríu trong đó. Con chim nào ngủ mê, hót cả trong đêm thế kia. Cái gì huỳnh huých ai đuổi đằng sau? Không quay lại. Đấy cũng là mình nghĩ ra thế thôi. Có lúc Kim Đồng thử quay lại. Không có gì. Nhưng quay lại như thế thì đâm ra trợn. Tự dừng chân hấp tấp nhanh hơn. Lại phải lấy gân, cầm ngang gậy, bước bon bon. Không sợ gì. Không sợ gì cả. Những ngôi sao giá buốt trên trời như cũng đương đuổi theo mình.

Ban đêm, xó nào cũng nghe tiếng rúc rích. Con cầy hương ra kiếm ăn sớm nhất. Nếu có đèn sẵn chắc thấy hai cái mắt đỏ. Kim Đồng đập gậy một cái. Nó chỉ là con cầy hương nhút nhát thôi. Nếu mang theo cái nỏ thì bắn được.

Khi nghe tiếng hươu kêu trong núi, Kim Đồng biết đã khuya. Tiếng hươu giác bâng lảng xa rồi gần, hươu từ trong núi ra, kêu cộc lốc như nhát búa bổ. Hươu ra ăn đã gần nửa đêm.

Hươu nai ra ăn rồi mới đến hổ ra. Người đi săn nói rằng con gấu háu đói, tìm ăn cả ngày còn con hổ bao giờ cũng đi ăn khuya nhất rừng. Hổ ở trong khe sâu, đợi khi yên tĩnh mới ra. Thế là con hổ cũng biết sợ đấy. Mắt Kim Đồng không thấy hổ bao giờ. Nghĩ ghê ghê. Nhưng những lúc ấy, nghĩ về công việc lại chẳng được cái lo. Trời nhiều sao thế này, sắp nắng, sắp ấm đây. Hôm nào nắng ấm, ta rủ chúng nó đi lấy đó. ừ, hôm nào ấm thì đi lấy đó...

Về đến đây, đã nghe tiếng thác nước Bản Vàng. Mùa lạnh, nước xuống thác bay nhẹ như gió thổi. Phải về đêm mới nghe thấy. Bản Vàng Bản Hồng, đến chỗ có nhiều nhà rồi. Kim Đồng đã buồn ngủ. Kim Đồng chập chờn, vừa đi vừa ngủ vừa nghĩ loảng quảng. Hai con mắt díp dần. Buồn ngủ ghê.

Đến chân thác, Kim Đồng tạt xuống men nước, vốc nước vỗ lên mặt. Nước lạnh tê hai tay, làm cho hai mí mắt mở rộng. Tan cơn buồn ngủ.

Kim Đồng nhìn về phía trước mặt. Nhà mình phía ấy. Ban đêm, cái gì cũng thấy xa hơn ban ngày. Có phải còn vắng tiếng đàn

cúng kỳ yên. Cả ánh lửa. Nhưng, giụi mắt, nhìn kỹ lại, không thấy. Tiếng đàn và tiếng hát cũng là tưởng tượng. Khuya lắm rồi, đám cúng kỳ yên đã tan. Bọn Thanh Thủy chắc về nhà từ lâu. Thật thì nghe kỹ chỉ có tiếng thác Bản Vàng thì trào sau lưng mà thôi.

Đi một quãng nữa, Kim Đồng lại lắng nghe. Bây giờ, tiếng thác Bản Vàng cũng đã khuất vào lưng núi.

Xung quanh lặng lẽ hẳn.

Tiếng chó sủa đằng xa. Chó sủa ran từ phía Bản Vàng mình vừa đi qua. Chó sủa lắc rắc. Hình như người đi qua, chó sủa theo, kéo dài một vệt trong bóng tối. Ai đi đâu khuya ? ở những đám then, những đám cúng kỳ yên, người xem quá nửa đêm hay ngủ lại. Chỉ có người đi săn đi đêm. Nhưng người đi săn, như đứa ăn trộm, đi rà rà, sương xuống đã ăn nhạt hết hơi người, con thú không đánh hơi thấy, con chó không ngủi ra. Sao chó sủa nhiều thế. Chỉ có người tìm thầy cúng cho người ốm giông được đi, như đánh thức chó dậy, qua xóm nào cũng loạn tiếng chó sủa theo.

Nhưng Kim Đồng đoán thêm : bọn lính đi rình cách mạng cũng có thể làm chó sủa nhiều thế. Đã lâu, lính và quan không đi tuần đêm. Cả ban ngày, chúng cũng đi từng bọn đông. Từ khi đội tự vệ cứu quốc bắt thẳng mật thám Lầu ở Nà Kéo thì không bọn lính tuần nào dám vào làng tìm rượu, tìm vịt nữa. Đi qua, chúng đi nhanh, chân bước thon thót. Khi bất ngờ, chúng cũng tuần đêm, nhưng phải đi thật đông.

Tiếng chó sủa lắc rắc trải ngược lên, lan xa ra, đằng kia, có lúc theo gió, lại chập chờn trở về đằng này. Tưởng như trông thấy bọn lính đương ngậm hơi luồn vào từng xóm đằng ấy.

Nhưng đường về nhà Kim Đồng không qua lối ấy. Kim Đồng đứng im, nghe một lát rồi leo lên đồi, theo lối tắt, về nhà. Hai con mắt lại buồn ngủ, muốn sụp mí xuống, đuối chân bước thật nhanh.

Chẳng mấy chốc đã đến chân cầu thang lên nhà. Nghe tiếng mẹ hỏi vọng xuống :

- Dền à...

Kim Đồng đáp khẽ :

- Con đây.

Rồi lẳng lặng lên thang.

Không biết mẹ mới dậy sưởi hay mẹ vẫn ngồi bếp đợi con từ chập tối. Bấy giờ mẹ bắc nồi và bỏ thêm cành củi vào bếp. Tiếng củi bén lửa nổ tách tách.

Mẹ nói :

- Còn thịt vịt đấy, con ạ.

Mẹ nói thế, biết là mẹ bảo : ra đây thổi lửa lên mà ăn cơm. Nhưng Kim Đồng đã tụt giày ra, hai ống quần ướt sương như người lội suối. Cứ thế, chui vào chăn.

Cái chăn vỏ cây sui, Cao Sơn đã nằm cuộn tròn giữa. Nó ngáy khò khò. Chỗ nó nằm cũng ấm như lửa sưởi rồi. Kim Đồng kéo mạnh một cái mới giăng ra được một góc để đắp. Nhưng lưng vẫn hở ngoài và cái

chấn sui nhiều bụi, Kim Đồng sặc, ho mấy tiếng. Rồi chốc lại ho khúc khắc.

Chập chờn nhớ lại chặng đường lúc này. Vừa đi rét thế, xa thế mà bây giờ đã về đến nhà, nằm ấm.

Kim Đồng nhớ tiếng chó sủa. Tiếng chó sủa kéo dài... Dần dần, Kim Đồng tỉnh ngủ hơn. Kim Đồng chưa ngủ được. Có lẽ nào... Có thể thế không... Nếu không phải là chó sủa người đi gọi thầy cúng thì là lính đi tuần đêm rồi. Cũng có khi lính mò đi đêm... ở Hòa Mục đấy... Nó bắt của ta một người. Con chó cũng ghét lính, đêm hôm làm nó phải khó nhọc, mỗi cả mồm. ừ, tiếng chó sủa lính, có thể...

Lính tuần qua. Có thể đi xuống Nà Giàng, cũng có thể nó lên đây. Lính lên mà lòng ra cán bộ hay người ở nơi khác đến, không xong rồi...

Nghĩ thế, Kim Đồng ngồi phắt dậy. Cơn ngủ đương làm cộm mắt, tan mất. Cũng không thấy rét hai mang tai. Kim Đồng lay Cao Sơn. Cao Sơn ậm ừ. Kim Đồng lại lay. Cao Sơn co lưng rồi lại ngáy. Kim Đồng ghé tai :

- Thàn... Thàn... Có công tác.

Tiếng "công tác" làm Cao Sơn tỉnh ngay, hỏi :

- Công tác à ?

Kim Đồng hỏi lại :

- Lúc này có anh Đức Thanh đến đám lễ kỷ yên không ?

- Có.

- Đi ngay bây giờ. Cùng đi nhé.

- ừ.

Cao Sơn ngồi dậy. Không phải chỉ tại hai đứa thì thảo với nhau mà mẹ biết. Người già vốn ít ngủ. Mẹ vẫn chưa chợp mắt từ chập tối. Mẹ ngồi tựa cột bếp. Mẹ hỏi :

- Lại đi đâu thế ?

Kim Đồng nói với lại :

- Chúng con đi đàng này một tý.

Mẹ ra lấy mẩu củi to, bỏ vào bếp. Cho lửa đượm hơn, cho các con về sưởi. Không biết lúc ấy còn khuya hay đã gần sáng. Mẹ nói:

- Chóng về nhé.

Mẹ nói như mọi khi. Khi đêm, khi ngày, anh em nó vẫn rủ nhau đi như thế, không biết thế nào, mẹ không bao giờ nói.

Kim Đồng và Cao Sơn lặng lặng xuống thang.

Trong gầm sàn, con bò như biết lệ người xuống như mọi khi, thò mõm ra khe thang. Kim Đồng hay nghịch giơ chân cho bò liếm. Con bò nghiện liếm chân Kim Đồng từ lâu lắm, từ năm Kim Đồng chưa biết chăn vịt. Con bò này về nhà mình từ khi bố còn sống. Bao năm nay, tối đến, bò vẫn ngủ trong gầm sàn. Những buổi tập bài hát, đàn trâu bò tụ hội lại, trẻ con ngồi trên lưng chúng nó, cùng lên núi, hát vui lắm.

Cái lưỡi bò liếm sồn sột vào chân, thấy ẩm ran rát. Con bò thường liếm chân Kim Đồng như thế, mỗi khi Kim Đồng đi đâu về, dù nửa đêm như đêm nay cũng thế. Cũng như hai đứa bò và người chào hỏi nhau.

Kim Đồng đã xuống hết chân thang. Sau lưng, tiếng kiu kiu trong góc cột sàn. Những con vịt rất nhát đêm. Động một cái đã mở mắt, nhúc nhích chân, kêu khê khê. Cả đàn vịt nhốt phía ấy, không phải răn cản hay cáo bắt lần nào.

Kim Đồng nghe tiếng vịt gọi. Nhưng không để ý. Kim Đồng và Cao Sơn đã chạy ra đầu ngõ.

Nhìn lên vách nhà Kình, thấp thoáng ánh lửa. Còn người thức thật.

Kim Đồng đến chân thang, có tiếng hỏi xuống :

- Ai ?

- Dền đây.

Một bóng người ló ra. Người gác đầu sàn đã hỏi : "Đi đâu khuya thế, gần sáng rồi mà..." Kim Đồng lên thẳng nhà. Các anh Đức Thanh, anh Ngư Mạn, anh Nhất Sơn còn đương ngồi bếp.

Anh Đức Thanh quay ra, hỏi Kim Đồng :

- Đi Pác Bó mới về à ?

Kim Đồng đáp :

- Về từ nãy. Đẳng kia nghe tiếng chó cắn dài lắm. Khéo mà có lính đi tuần. Em đã về rồi. Bây giờ nghĩ ra, phải vào tìm các anh.

Anh Đức Thanh có ý băn khoăn rồi nói :

- Phải có người ra gác ngoài suối.

Kim Đồng nói :

- Để chúng em ra cho.

Anh Đức Thanh nói :

- Em đi cả đêm rồi...

- Đẳng nào cũng sắp sáng. Mà em ra đây đến sáng rồi về đẳng suối cũng được.

Anh Đức Thanh nói theo, lúc ấy Kim Đồng đã đương xuống thang :

- Ra suối rồi về thẳng nhà nhé. Sáng rồi, các anh cũng sắp đi đây.

Kim Đồng và Cao Sơn đã ra ngoài đường. ánh lửa trên bếp nhấp nháy trên khe vách. Một lúc như rừng tối sẫm, ấy là sắp sáng. Rồi con chim bìm bịp bay ra trên trời mờ mờ. Lát nữa, bìm bịp kêu lần thứ hai thì trời sáng rõ. Suối Pác Bó mùa cạn, nước chảy nghe không biết, chỉ thấy xa xa thác Bản Vàng đôi lúc phảng phất.

Kim Đồng bảo Cao Sơn :

- Đến đây mà im tiếng chó cắn, chắc nó xuống Nà Giàng. Ta ở bên này suối thôi. Lúc bìm bịp ra kêu lần nữa thì ta về.

Hai đứa đứng trên bờ suối. Kim Đồng lại bảo Cao Sơn :

- Đây, rửa mặt cho tỉnh ngủ cái đã.

Hai đứa cùng xuống suối. Kim Đồng đến bờ suối, cúi té nước lên mặt. Thình lình, ngẩng lên, thấy những bóng loáng thoáng bờ bên kia. Không phải bụi cây như trong đêm thấy. Một bóng, hai bóng, ba... lung lay. Lính tuần rồi.

Kim Đồng nghĩ rất nhanh : Thàn vào nấp dọc cây vối, ta chạy xuống. Về xóm báo. Nó bắn. Mặc kệ. Trời còn tối thế này. Mà nghe tiếng nổ, cả xóm biết có lính vào, các anh chạy kịp lên núi rồi.

Kim Đồng tụt giày quay lại, cúi mặt, nói khẽ trong cánh tay :

- Lính đấy, chạy đi !

Cao Sơn choàng lên bờ, lẩn vào gốc cây vối. Kim Đồng lao về bãi sỏi trắng dài theo mép nước. ánh sương lẩn mặt nước, đương tan nhanh.

Bọn lính xuống bờ bên kia đương tụ đấy. Chúng lóng nhóng đợi ông cai bảo lợi suốt sang hay quay lại. Có đứa trông sang bờ thấy thấp thoáng người.

Tiếng quát lao xao :

- Đứng lại ! Đứng lại !

Kim Đồng vẫn vút đi.

- Đoàn !

Trong sương mù.

1973

(1) Lịch sử nước ta: một tài liệu tóm tắt lịch sử nước ta theo thể văn vần, do Bác Hồ viết, lưu hành ở Việt Bắc thời kỳ chuẩn bị Tổng khởi nghĩa.

(2) Cô Then: người làm nghề mê tín, như cô đồng ở vùng xuôi.

(3) Báo Việt Nam độc lập: báo của Việt Minh ba tỉnh Cao

(4) Cúng kỳ yên: lễ cúng đầu năm cầu bình yên.

Mục lục

⋮

LÁ THƯ TÌNH ĐẦU TIÊN

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

:

Cô Mi mười tám tuổi. Đến tuổi ấy, từ mùa xuân trở đi, đôi mắt người con gái trong thắm và đen lay láy. Cô nhìn sang hai bên, con mắt lừ đừ đưa nghiêng nghiêng. Ôi chao là say sưa. Miệng hoa chúm chím. Mỗi khi mỉm một nụ cười nhỏ, đôi má hây khê gợn lúm xuống hạt nét vòng yêu. Mi là cô gái đẹp nhất làng. Tất cả những người con trai đều công nhận thế. Và anh nào cũng ngấp nghé muốn phải lòng. Nàng chẳng kiêu kỳ chi đâu, nhưng yêu được nàng cũng không phải là dư. Bởi vì nàng nhan sắc. Bởi vì nàng lại biết chữ nữa. Sự biết chữ của một người con gái ở làng Nghĩa đô quả là một tài hoa hiếm có. Nàng viết hộ thư những người hàng xóm. Nàng đọc truyện Hoàng Trừu vanh vách. Nàng thông thạo về đường tiểu thuyết lắm. Bởi vậy, đã xảy ra một chuyện tức cười về chữ nghĩa khó khăn ấy.

Có một người con trai khác xóm yêu Mi. Một bữa kia, chẳng biết làm thế nào, anh chàng đưa đến tay Mi một bức thư Mi đọc. Rồi Mi đi nói với các chị em bạn rằng: - Nó không biết chữ, nhờ ai viết cho cái thư, người ta lại hiềm, đi chép ở trong truyện ra. Truyện ấy tôi xem rồi! Đã đốt đặc cán mai, lại còn ti toe, chà sao nổi mình!

Và nàng chép miệng:

-Không biết chữ, nhục thế đấy!

Những lời nói chẳng hay cho người con trai nọ lọt ra ngoài và lan đi khắp ngã ba, ngã bảy. Anh Công cũng rõ câu chuyện như mọi người. Nhưng anh còn biết rõ thêm hơn nhiều. Bởi Công có cô Nghiên, cô em con nhà chú, là bạn thân của Mi. Một lần Công đã được nghe Nghiên đọc những lời thư kia. Nó đọc từ đầu đến đuôi. Nhưng Công chỉ nhớ lôm bôm thôi; thư hay lắm. Đại khái có những câu rằng: "Mợ yêu quý của tôi ơi! Cánh hồng bay bổng, chim xanh tuyệt vời. Mảnh tương lật phất. Gió đàn lung lay. Nỗi niềm ngâm đắng nuốt cay; ai ơi có biết lòng này cho không."

Những nghe mà cảm động. Thỉnh thoảng Công đọc lầm bầm trong miệng những lời văn chương ấy. Cũng bởi rằng anh Công đã yêu cô Mi. Công là một gã trai mới lớn. Tư tình đương phoir phoir nhẹ nhàng. Thường anh vẫn được trông thấy Mi, mỗi buổi chiều, dù hai người ở cách hai xóm. Chiều chiều, Mi sang chơi nhà Nghiên. Cũng chiều chiều, lúc hoàng hôn đã đỏ sạm, mọi người đều rời khung cửa, Công ra đứng gần ngõ trước ngõ. Hư thoảng thấy cái thắt lưng lụa bạch của Mi phất phơ đằng đầu xóm, chàng đã đỏ bừng mặt, chân tay tự dừng lại. Và khi Mi đi sắp đến nơi thì Công lặng lẽ thụt dần vào trong cuối ngõ. Để đến lúc Mi đã đi khỏi, Công mới nhô đầu ra cúi khom khom nhìn theo, nét mặt ra chiều chờ đợi. Giá bấy giờ có ai chợt đi đến trông thấy Công thì Công vội đứng ngay ngắn, hai tay chấp ra đằng sau, mặt ngẩng lên trời, giả như đương đứng tư mớ nghe tiếng diều sáo vo vo trên cao ấy, buổi chiều nào cũng tương

tự như buổi chiều nào Nếu không có một sự gì mới mẻ khác chẳng biết cuộc "tình duyên một vế" này còn kéo dài đến tận bao giờ!

Cuộc đổi thay vào sau những đêm có hát chèo bên làng hượng. Một hôm, Nghiên nói chuyện với anh Công:

-Cái hôm hát trò Lục-Vân-Tiên ấy mà. Em đi xem với chị Mì.

-Ừ, lúc bấy giờ tao lên qua chỗ cửa đình chứ gì?

-Vâng. Lúc chị Mì thấy anh đi qua, lại bảo em thế này chứ: "Anh hấy hay nhỉ?"

Công bưng người, thấy như đương rung từng đốt xương ống một. Anh háp tấp hỏi dồn:

-Sao, Sao thế?

-Em cũng hỏi lại Chị ấy cười, bảo: "Anh có vẻ hay phạm. Chiều nào cũng đứng ngoài ngõ. Trông thấy em lại đi vào"

Anh Công ngơ ngác, lăm lăm chối băng quơ:

-Quái nhỉ Quái nhỉ Tao có đứng ngõ đâu!

Nhưng trong lòng anh nghĩ khác. Trong lòng anh đương có hoa nở. Và anh đã tương tư cô Mì lên gấp trước mười lần rồi. Bởi vì như thế là cô Mì có chú ý đến anh lắm. Đêm hôm đó và mấy đêm hôm sau, anh Công nằm trằn trọc không ngủ được mấy. Chính anh cũng chẳng muốn chợp mắt. Đôi chốc, anh mỉm cười vớ vẩn. Anh nghĩ lập lý rằng:

-Thế là căn câu rồi Bây giờ chỉ thả một cái thư là ăn thua ngay đấy. Nhưng chết một cái, mình lại có biết chữ. Nó mà hỏi đến, mình mót đặc như cái anh cu kia thì bỏ xừ.

Công thờ dài ở đoạn này Anh nghĩ lơ mơ, lơ mơ

-Có lẽ mình phải đi học chữ quốc ngữ!

Một ngày phiên chợ Bưởi, Công xách một con gà lên chợ bán. Con gà hư quá, ăn bún rất nhiều, mà lại đẻ trứng cách nhật, nên Công đem bán tổng nó đi. Nó to xù xù, há mỏ kêu cục te cục tác cùng đường. Bán gà xong, anh đến một hàng xén. Anh có ý tránh những hàng có cô gái ngồi bán. Anh vào hàng một ông cụ già kèm nhèm mắt. Và anh mua một quyển "Lên sáu" năm xu. Anh thu gọn lỏn ngay quyển sách vào bụng áo, chẳng một ai nhìn thấy. Rồi anh ung dung về làng.

Công học chữ quốc ngữ liền từ tối hôm ấy. Thăng Tể là cháu anh, học trò lớp tư ngoài trường làng, dạy anh. Mỗi phiên, anh trả công thăng bémột xu, nó bằng lòng ngay. Bắt đầu anh lăm nhăm những chữ cái to

thô lỗ - gọi là chữ cái có khác - một cách nhọc nhằn và hơi chán nản. Nhưng anh chỉ gắng, chịu khó vài bữa, đã học sang đến nửa vắn bằng "ba be bê bi" rồi. Tối đến, dẹt cửi đầu hôm xong, Cuông mang đèn ra ngoài hiên. Thằng Tể đã đợi sẵn ở đấy. Anh ngồi xổm, chăm chú chỉ từng chữ, theo ngón tay trỏ của thằng bé. Học đuối nhau như vậy một lát, anh đã thuộc. Thằng bé đi ngủ, để anh ngồi lẩm nhẩm gật gù một mình. Khi đã thuộc kỹ, có thể gấp sách lại mà vẫn đọc được, anh mở vở ra. Anh nằm nhoài xuống, cong hai chân lên. Bút và mực đã sẵn đấy. Anh nhắm mắt, nghiêng đầu tô từng cái "gậy" một. Hết hàng "gậy" này xuống hàng "gậy" khác. Cầm thì cầm úp ngòi bút xuống, chấm mực vừa phải và vạch cho khéo. Nhiều khi tức ê ẩm cả ngực mà anh vẫn chịu khó nằm thẳng đuối ra. Viết xong một trang, anh mới bò dậy, thở phào một cái rõ mạnh, rồi gấp sách lại, đi ngủ. Bao giờ trước khi đi ngủ, anh cũng nghĩ đến những chữ nghĩa lung củng, lồi thoi anh vừa học: "Nào t-a-ta, n-g-a-nga, lại n-g-h-e-nghệ.." Và thế nào anh cũng tưởng tượng lan man đến một hôm nào đó, cái Nghiên đưa tờ thư của anh cho Mì. Cô nàng mở ra, vừa đọc vừa chớp đôi hàng mi. Anh không tư lự gì hơn nữa.

Anh Cuông rất chịu khó học. Nhưng anh giấu giếm cẩn thận việc học của anh. Bạn bè không ai biết, anh lại càng kín đáo hơn đối với cái Nghiên. Bởi vì to đầu mà còn đi học, anh rất sợ xấu hổ, và nhất là sợ bí mật đến tai Mì thì hỏng hết cả. Mùa đông đã sang những ngày cuối. Cuông ngồi học phải quàng chân lên tận cổ. Nhưng anh cũng sắp thành công rồi. Bởi anh đã có thể chồm nghẹo mồm đi mà âm ực đánh vần đến u-i-cờ-lét-a-uya, đến u-i-cờ-lét-uê-c-h-uếch, rồi.. Trong giấc ngủ, lẫn với bóng dáng hình ảnh cô Mì yêu quý, lòng anh xốn xang hy vọng. Thế rồi, một đêm đầu mùa xuân. Cái không khí đêm ấm, cái phong thái nhàn nhã hãy còn phảng phất trong mỗi gia đình. Cuông khuôn sách vở, bút mực ra ngoài hiên. Nhưng tối nay không có cụ Tể. Anh ngồi gật gờng, ngả nghiêng cái đầu, mắt nhìn đắm đuối vào ngọn đèn. Thoáng mơ màng một vẻ nghĩ ngợi rất xa xôi. Phải, anh Cuông dường có điều nghĩ ngợi. Anh xếp bằng tròn hai chân ngồi nghiêm như ông Phật, qua hàng giờ im lặng. Rồi anh xé ở cuối vở ra một trang giấy. Anh đặt lên trên bìa sách, vuốt hai mép cho thực phẳng. Chàng từ từ nằm bò xuống. Cái bút chấm vào lọ mực tím, chàng cứ hý hoáy đưa ngòi bút. Chiếc ngòi bút sắt, bên ánh đèn, lấp loáng màu mực, đưa đi theo dòng kẻ, như ngượng ngịu reo lên cồn cọt vì được gặp mặt tờ giấy trắng. Một chữ viết, lại ngừng. Một chữ viết, lại rụt rè xóa. Song Cuông đưa bút rất nắn nót, tề chỉnh. Có khi cố gắng và đam mê công việc quá, Cuông ngoẹo cổ, trợn lồi mắt lên, méo lệch mồm để đẩy chữ "o" cho được thực tròn trặn. Mặt giấy đầy dần dần được ba dòng, rồi bốn dòng, rồi bốn dòng rưỡi thì anh buông bút xuống, bâng khuâng ngó ra ngoài vườn. Bấy giờ đã khuya lắm. Vườn tre và vườn dừa lóng một chút ánh trăng xế dịu dàng. Cuông cúi xuống, hai tay nâng tờ giấy, trầm ngâm nhìn mười hàng chữ nằm gọn ngang, trong những đường kẻ xanh. Nhưng khi anh lấp bấp đọc lại nhỏ thì mắt anh sáng lên. Những tiếng chữ lẫn với tiếng "ư", "à" bật ra miệng và cả ở đôi mắt, một cách rất khó nhọc, nhưng rất kính cẩn, thiêng liêng. Thành thử, những hàng chữ xấu xí và bề bộn cũng được lay ít nhiều khí sống mạnh mẽ, trở nên quý giá và đẹp dễ lắm. Anh Cuông đã đọc lại xong. Ồ, đó là một bức thư ngắn - mà dài cho người viết - để gửi cho người yêu. Thư của Cuông gửi cho em Mì.

Thư rằng:

Em Mì ơi! bấy lâu nay tôi vẫn trộm nhớ thầm mong em lắm. Chẳng biết em có biết cho không. Tôi viết

thư này là chính của tôi viết cho em đấy. Em Mì ơi! gió đưa tờ giấy lên mây; gió đưa thư này bay đến nhà em. Em mà bắt được em nên trả lời. Trăm năm xin quyết cùng nhau chung một lời vàng đá.

Nguyễn Văn Công viết thư.

Thực là một công trình ghê gớm của Công. Anh đọc lại một lần nữa, rồi hơ giấy lên ngọn đèn cho chóng khô mực. Bấy giờ anh mới cẩn thận gập lại làm tư, để vào trong quyển vở, đem nhét xuống gối đầu giường. Đã vào canh một, gà gáy lên te te. Vầng trăng đã khuất hẳn.

Thế là Công cảm cuối học từ ngày vào mùa đông, đến ngoài Tết Nguyên đán thì viết được trọn lá thư đưa cho Mì. Nhưng lá thư tình đầu tiên ấy không bao giờ được gửi cho ai. Bởi vì, ngày đầu mùa xuân đó, cô Mì đi lấy chồng. Cô lấy chồng người bên làng khác. Tất nhiên là Công không hay biết gì trước. Cho đến khi cái Nghiên lại nói chuyện với anh thì đã muộn hẳn rồi. Anh không thể oán ai được. Bởi anh chưa có ai để mà oán hận.

Lá thư tình vô duyên nằm buồn thiu trong mép bím(°) anh được mấy hôm. Những nếp gấp đã lên nước mờ mờ mà đen xỉn lại. Một đêm, anh châm đèn lên, kê tờ giấy vào ngọn lửa mà đốt đi. Đôi mí mắt nặng sụp xuống.

Rồi mọi người xung quanh đều biết rằng tự nhiên mà Công thông thạo đọc và viết nhoang nhoáng được chữ quốc ngữ.

Nhưng anh buồn lắm. Cả ngày anh chỉ giải khuây mỗi hận kín đáo bằng cách đọc truyện Kim-Vân-Kiều. Một hôm, anh nói với cô em:

-Truyện Kiều hay lắm. trong ấy có nhiều câu buồn ghê!

Nghiên cười:

-Độ còn chị Mì ở nhà, chị ấy cũng thích đọc truyện Kiều. Hoài của, giá ngày trước em làm mối cho anh nhỉ!

(1942)

(°)bím: cái ví

Mục lục

⋮

LẤY CHỒNG KHÁC LÀNG

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

:

Một phiên chợ áp Tết, những đứa trẻ phụ việc cho mẹ, chúng lớn lên được hai nhà gả cho nhau, đám cưới trong trận mưa rào đầu mùa, rồi lễ cheo ở đình làng, rồi người đàn ông đi buôn xa bị hổ ăn thịt, người đàn bà vẫn giữ lễ về quê chồng giỗ với đứa con bây giờ "chân nó dài bằng cái sào nữa"... Với bấy nhiêu tình tiết, bấy nhiêu câu chuyện dằng dặc gần cả một đời người, cùng rất nhiều những thói tục của làng Bắc Bộ xưa được gói trong truyện ngắn vẫn thên thang rất thú vị này. °°°

Thật thì cũng làng trên chợ dưới trong hàng huyện, chẳng xa mấy. Đứng gốc cây đề ngoài cổng đồng trông qua bờ đìa, mờ mờ trong lùm cây muôm cổ thụ nhô lên hai cái cột trụ tam quan đình, những hôm quang trời, bên này cũng thấy được lẩn đề chắn ngang tầm mắt. Thế mà ngỡ như đám mây trắng mùa hạ lững thững mãi mới sang đến bên ấy. Nghĩ ra thì là cách trở, cả đời cô Vải cứ tưởng như thế.

Mấy phiên áp Tết, chợ huyện đông như nêu cối. Bà Chồi quảy ống dang ra chợ. Vườn nhà bà có búi dang, tết nào cũng được vài gánh, đỡ tiền chợ. Vừa khéo, vào một chạp, những bụi dang vừa già ống, chẻ lạt được. Tết nhất, mái bếp nhà nào cũng giắt năm lạt, lắm việc phải cần đến.

Ở chợ, có những mặt hàng chỉ Tết mới có bán. Bác tuần chợ xếp cả ra bãi ngoài. Gánh lá dong, ống dang, những quảy thùng mật, lão hàng gạo dừa, chợ Tết người ta sắm bó dừa, cái gạo, cái muôi mới, mấy con bò buộc tận ngoài rệ sông, bò rống ò ò lẫn tiếng lợn eng éc trong rọ.

Chợ trước, gánh ống dang của bà Chồi đến nửa buổi đã hết tiết. Cũng đã đào, chặt ống cả trăm cái, nhưng còn phơi nóc chuồng lợn, chưa se mặt. Phiên này phải đi hai gánh dồn một mới có thể đủ bán. Bà Chồi nhắc gánh rồi nói:

- Cái Vải ra quảy đỡ cho tao mấy được.

Vải buộc thành bốn bó dang nặng. Vải quảy, mẹ chỉ phải vác một bó. Chưa đến nửa buổi, cả gánh dang còn có mấy ống điếc, ống lép. Hàng bên kia, bà bán mật đông không ngớt muôi. Hàng ống dang, hàng mật chạy tay, nhà nào chẳng gói bánh, cột bếp lại lũng liếng miếng thịt bò quăn lạt, rồi nồi chè con ong, chè bà cốt ngọt lừ.

Bà hàng mật hấp tấp sang hàng bà Chồi:

- Nhờ bà để mắt trông giúp hàng nhà cháu một mảy. Quái, cái thằng chết toi, chỉ sai đi chặt mấy cái ống nửa đưng mật mà mất mặt từ nãy.

Rồi bà lão chạy qua đám chơi gà đầu bãi thì thấy thằng con đứng đứng ống nửa bên nách, đương châu hầu xem đá gà - hay là nó cũng đánh gá, người chăm chú, người tíu tít cá cược. Mấy tay chủ gà loay hoay mặt đỏ lựng hay đỏ cay cú.

Con trai bà bán mật ngồi ngây mặt ra. Bà lão kêu "Chết thật! Chết thật!". Rồi, vào lòi ngật nắm tóc đuôi hoa voi. Thằng con phải chống hai tay xuống như con gọng vó mới khỏi ngã ngửa ra. Rồi nó đứng lên vác bó ống nửa cong cổ chạy.

Chỉ một chốc, những ống dang, những ống nửa đựng mật đã hết sạch. Hai bà lão thông thả ăn trầu, môi cắn chỉ nhai bồm bẻm. Thằng con trai xách những thùng mật ra bờ sông té nước gột. Cái Vải nhà bà Chồi đã lồng quang gánh để đấy, vào trong chợ, dạo xem hàng tết.

Bà bán mật vuốt quét trầu bắm mép hỏi bà Chồi: - Cái cháu quảy dang là thứ mấy nhà ta?

- Cháu thứ ba bà ạ.

Bà bán mật hỏi ngay một câu: - Bà cho tôi nhá?

Bà Chồi còn chưa biết thế nào, bà kia quét vôi lấy miếng trầu mời đơn đả: - Cái thằng quảy mật ấy.

Rồi đưa bà Chồi miếng trầu mới tằm. Bà Chồi nhổ bã trầu vào gốc cây, quay lại nhón tay lấy miếng trầu mới của bà bạn hàng. Và nói:

- Ôi chà, con Vải nhà tôi ấy à, có nhón mà chẳng có khôn đâu. Bà xem đấy, mặt trời đã lấp bóng đa rồi mà còn lượn chợ, rõ con nhà.

Bà bán mật lại vuốt mép, nhổ quét trầu rồi cũng nói ời ời:

- Thì cái thằng hai nhà tôi cũng như cái đụn rạ. Đấy, đi theo đỡ mẹ mà lại rúc vào đám chơi gà.

Câu chuyện qua lại mắng vui mắng yêu giữa hai bà về con cái mà rồi nên duyên chúng nó.

Tháng ba năm ấy, cô Vải lấy chồng bên Lở. Bấy giờ đã có mưa mới. Những trận mưa rào đầu mùa như mưa dứ, chốc ào ào chốc tạnh; con ngòi ngoài đìa có lúc nước ngập đến gối, đến bụng.

Họ nhà trai sang đón dâu, các lão ông lão bà, các cô phù dâu thoát chỉ xống áo như người đi làm đồng. Người xắn quần, người ôm váy, bì bõm lội. Sang đến đồng Lở, đám rước dâu ghé vào cái quán gốc cây muồm, như khách đường xa nghỉ chân. Bấy giờ mới lấy trong tay nải ra những buồng cau, những hũ rượu. Rồi thì áo the, khăn vố của ông cầm hương, các bà váy chồi thâm lồng ngoài váy nâu da bò, các cô thì khăn vuông mỏ quạ tua dây hoa đỏ. Chú rể đi lẫn trong đám trai, áo năm thân nhuộm cày.

Đã tinh tươm ra đám đón dâu. Đi vào đường làng, ông cầm hương áo the khăn lượt chút, vừa lội ngòi

quần xắn móng heo, vẫn đi chân không - cả đám rước dâu chân đất, chả cứ một ông cầm hương. Hương đèn thơm nghi ngút trước hai người đội mâm cau, mâm rượu phủ vuông lụa điều.

Vào trong xóm, nhắp nhô người lớn trẻ con các ngõ đổ ra. Trẻ con cuống quýt chẳng dây, vớ được dây mướp, dây gấc, cái thắt lưng dải yếm cũng chẳng ra - chỉ kiêng không được chẳng thùng. Chẳng chịt như mạng nhện, những cái dây cản bước, như không muốn người con gái đi lấy chồng làng xa. Ấy thế nhưng đã có người nhà trai lo sẵn, xong cả. Trẻ mỏ chỉ khó cho thêm vui. Mỗi cái dây nhận một phong bao giấy điều. Mở ra, thấy mấy đồng chinh, đồng kẽm, đứa nào cũng hí hửng, giựt giây mở đường.

Đám đón dâu có lời nói trước, đôi bên đã thoả thuận từ con lợn, thúng gạo, gánh rượu, quan tiền. Nhà trai nhà gái ăn cỗ mỗi bên, bởi vì đường đất cách trở, hai họ chỉ miếng trầu và chén rượu hả hê rồi lễ tạ xin dâu về.

Đám rước dâu đã ồn ào ra đến đầu ngõ. Bà Chồi đứng trong cổng ném vốc muối theo rồi cúi mặt, quay vào. Còn Vải thì cảm thấy đi đâu chưa biết, nhưng thế là xa nhà từ đây. Nước mắt Vải đầm cả hai bên má.

Rước dâu về, hai họ lại tay nải đeo vai, xúm xít hỗn độn như đi chợ tết. Mặt trời đã ngả đằng sau chân tre, sương mờ khắp cánh đồng. Hai bên bờ nghe tiếng nhái, tiếng chẫu.

Vải ngược mặt lên, chỉ thấy bóng tối mờ mịt. Mới vài bước đường mà xa, sao mà thật xa.

Lội xuống ngòi, đã nhá nhem tối, tiếng chân bì bõm, nhưng chẳng trông thấy chân ai. Vải quay nhìn lại bóng tối lần nữa.

Được mấy hôm, ăn cỗ lại mặt rồi, vợ chồng Vải về làng ngoại làm lễ nộp cheo. Lấy chồng làng khác, lẽ phải có lễ cheo mới được làng nhận rể.

Chồng xách cái rọ mới đan nhốt con gà trống thiến, con gà mái rồi ra cổng đồng, như người đi làm, chỉ khác đầu quần cái khăn lượt, lại mặc cái áo năm thân nhuộm cày, như hôm đám cưới. Ra tới cầu ngói thì ngồi đợi vợ. Đến lúc trông thấy Vải trong khoanh tre đi ra thì chồng đứng dậy, lại cung cúc đi. Người đi trước cách quãng người đi sau, vào đến gốc đề đầu xóm Vải mới mở khăn vuông lấy cái áo dài nâu non mặc. Vạt áo thắt quả găng, lật phất bay lẫn hai dải yếm lụa. Áo váy tinh tươm rồi, Vải lại càng đi nán xa. Vải chẳng muốn ai trong làng gặp vợ chồng đi tay đôi. Vào đến cổng ngán, Vải đã thấy chồng cắt tiết xong cả hai con gà, đương nhấc nồi nước sôi ra cầu ao giội làm lông.

Vải vào bếp. Chẳng đợi mẹ bảo, Vải cầm dao cắt tàu lá chuối lột lên cái nong rồi dỡ chõ xôi. Ngả chiếc mâm gỗ đơm xôi, mùi hương nhà trên quện khói xôi ngào ngạt. Con gà thiến đã được vớt từ khi nãy để ghếch trên miệng nồi rồi người khía chân, khía cánh với mỏ, đặt nguyên cả con lên đỉnh mâm xôi để ra miệng vại dưới gốc cau. Trên mỏ con gà, từ lúc nào ai đã cài ngậm cái hoa đơn đỏ.

Bây giờ, vợ chồng lại khăn áo chỉnh tề. Vợ đội mâm xôi, chồng hai tay bưng hũ rượu, hai người đem lễ

ra đình. Vào tam quan, vợ hạ mâm xôi xuống cửa bên. Chồng ấn lại vành khăn lượt trên đầu cho chặt, vợ từ từ đưa mâm xôi lên. Chồng trình trọng đội mâm, một tay nắm cổ hũ rượu nút lá chuối khô.

Vợ bước theo, vào trước bậc cửa đình thì đứng lại đấy, đàn bà con gái xưa rày không được đặt chân vào chốn đình trung. Vợ đứng nhìn băng quơ ra ao làng. Năm xưa mùa này, những hôm nắng to cả lũ đem sào ra bắt ốc nhồi nổi lên tránh nóng trong chân bụi cúc tần.

Nghe tiếng người rì rào, không phải tiếng quát lác. Mùi hương đưa ra có lẽ năm hương chồng vừa thắp thêm. Vải cũng không dám ngoảnh mặt nhìn vào.

Người mõ ở ngoài lều bờ sông tắt tươi bước tới. Đòn gánh xỏ một bên quang có chiếc thúng trong để con dao phay với cái thớt. Chỉ vậy, nhưng bởi vào nơi trang nghiêm phải có ý, không dám khua múa con dao cái thớt.

Chồng hai tay đặt hũ rượu lên hương án cùng với mâm xôi con gà. Rồi quỳ xuống lễ thánh, xong xuôi bước ra vái hai bên các ông chức việc, các quan viên rồi cứ chắp hai tay, cúi đầu so vai lom khom bước lùi qua bậc cửa đình.

Ở nhà, mâm rượu con gà mái đã sẵn sàng. Đám chén mời ông chú, có lão ông cầm hương hôm đưa dâu cháu.

Sáng nắng thế mà giữa trưa đổ cơn mưa. Trận mưa rào đầu mùa ào ạt một lúc lại tạnh. Hai vợ chồng trở về bên Lở.

Có hơi rượu chệnh choáng, chồng chạy cung cúc như ma đuổi. Nước mưa đồng cao dồn về, con ngòi ngập đến thắt lưng. Nhìn lại, chưa thấy vợ, chồng ngồi đợi.

Vải đã ra khỏi cổng đồng. Trông hút đồng sâu, chỉ thấy bóng nước lấp loáng. Chắc là có khi nó lội qua ngòi rồi. Người trong xóm lác đác ra bờ tre bắt cá rô rạch. Gặp Vải, có người chào, có người hỏi chót nhả: "Thím về bên nhà... Sang báo tin cho mẹ Chồi à... cái bụng trông ngon mắt thế kia rồi...".

Vải đỏ mặt cúi xuống vượt cái khăn vuông bọc đĩa xôi và cái tỏi gà. Lại nhớ năm ngoái, năm kia, Vải chạy trốn lên theo chúng bạn ra bờ chuôm bắt cá rạch.

Cánh đồng mù mịt trắng những nước. Con ngòi ngập cả lên bờ cỏ. Đàn đũa trâu, đũa hẹ lượn lên lượn xuống cung quăng tìm chân tay người thò xuống nước.

Vải đã ra đến bờ ngòi. Chồng đương ngồi úp mặt xuống đầu gối, dáng ngủ. Nhưng không, như anh ả đã đánh hơi thấy vợ. Anh ả ngẩng mặt nhả nở cười, hai con mắt rượu vẩn vẩn đỏ.

Hỏi:

- Nhà mày có lợi được không?

Vợ lắc đầu, nhìn lại đằng xa. Chồng cười tủm:

- Công nhẻ?

Vợ lại lắc đầu, vẫn tần ngần ngoảnh mặt trở lại. Chồng đứng lên, xoe ống quần, buộc hai dải áo vào bụng. Anh ta đương nghĩ nói thế nào để dỗ, để dọa, để vợ cho công. Thì vợ đã bấu tay ôm cổ chồng, rún lên, chân đạp như trẻ con chơi hún đu. Hai tay chồng ôm chặt đít váy vợ rồi lội xuống nước.

Chồng nói lờm:

- Này này buông xuống cho đĩa cắn nhẻ!

Vợ đá chân xuống mặt nước, như trêu tức. Những đàn đĩa đói nhao nhao lượn theo. Đã thế, ông dìm cho một cái. Nhưng chị ả đã cong chân lên làm anh ả loạng choạng suýt ngã. Thì vừa sang đến bờ bên kia.

Hai con đĩa trâu bám vào bắp chân chồng như hai quả chuối bột. Máu chảy loã lợ xuống gót, xuống cổ.

Vải tụt trên lưng chồng xuống. Nhìn hai con đĩa lung lảng ở ống chân chồng, ả nguyệt một cái.

- Rõ đáng đời!

Chồng nhìn quanh, chỉ thấy bóng nước bóng cỏ. Chẳng nói chẳng rằng, lẳng vợ một cái ngã bệt xuống. Tốc váy vợ, làm một quần.

Rồi anh chàng ngủ một giấc mê mệt. Đến lúc thấy lạnh bên bả vai mới mở mắt, bốn bên vắng lặng. Ngồi sao hôm lay láy đã lên đằng kia.

Hàng năm, vợ chồng Vải về bên ngoại vào tết nhất hay các dịp góp giỗ. Cẩn thận, giữ lệ. Khi con gà, hũ rượu, lại có khi vác cả bó mía, dựng bên bàn thờ làm gậy cúng các cụ. Khi nào gặp mưa, nước ứ trong ngòi, chồng lại công vợ, rồi công cả con sang bờ bên kia.

Năm ấy, chỉ có hai mẹ con về bên ngoại góp giỗ. Nguyên vì anh theo bạn buôn lên Mường mua mía về kéo mật bán chợ tết. Khi lên theo đường bộ, về thì cho mía lên bè xuôi sông Đà. Năm nào cũng đi thế. Chuyến ấy ngược, dọc đường cả bọn ngủ lại cửa rừng dốc Cun. Nửa đêm, con hổ ra ăn thịt mất anh ấy.

Năm năm, mẹ con nhà Vải vẫn giữ lệ về góp giỗ. Khi qua ngòi, gặp nước đầy hay nước cạn, mẹ Vải cũng công con lội. Cu con đã lên chín, lên mười, "chân nó dài bằng cái sào nửa" - người ta cười thế, mẹ vẫn công con lội sang - người ta lại bảo nhà này chiều con quá.

Mục lục

⋮

MỘT BUỔI TỐI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

:

Đã lâu mới lại có dịp vào cung Hữu Nghị. Quảng sân thật rộng trước quảng trường 1 tháng 5 vừa chập tối, trai gái thanh niên quần áo màu nâu màu đen sắp hàng từng tốp luyện võ. Gió mát lồng lộng lên những cột cao trắng mờ phảng phất kiến trúc Trung á bát ngát vào khắp tiền sảnh.

Chẳng may, cái thói tôi cứ hay để ý những khác mắt lật vạt, tũn mủn. Ngày trước vào cung Hữu Nghị, ngược mắt lên mặt tường lại thấy nhiều chỗ mặt tường lỗ chỗ mất cái nắp ổ điện bằng sứ, cái ấn chuông báo động, báo cháy... ông nào bà nào có thói ăn cắp vặt hay trẻ con nghịch ngợm ngứa tay ở nơi công cộng. Tất nhiên, những thứ nhỏ nhen ấy thật cần thiết nên cơ quan trách nhiệm lại phải lắp ngay cái nắp mới, cái nút ấn mới. Mà rồi lại mất. Lại đưa khác lấy, hay vẫn đưa ấy, cái tính cái bệnh ăn cắp vặt mà. Lăm hôm trông lên tường thấy những chỗ ổ điện chơ vơ, cái lỗ không nắp ở ngay cửa ra vào, tường nhà vệ sinh, ở bậc lối đi, mà toà nhà thì đồ sộ nguy nga mà người qua lại rầm rập, có nhiều khách nước ngoài. Nghĩ cứ ngượng thăm. Bây giờ thì hay rồi. Những bức tường phẳng sáng sủa, đẹp mắt. Chẳng biết cái bệnh thó vạt ở nơi công cộng đã đỡ phần nào chưa, nhưng mà ở đây tụi ấy không thể còn hoành hành được nữa.

Những cái ổ điện đã được lắp chìm vào trong tường. Chắc không có đứa nào mang sẵn cái dùi đi mà đứng lại để loay hoay nạy ra được. Những cái ổ điện, ổ bấm đã sạch sẽ, bóng nhoáng như con mắt hồn nhiên của trẻ thơ. Không ai còn nhớ ở đây trước kia có những cái nắp ổ điện thường bị mất trộm. Trong nhà hát, đèn sáng choang, những hàng ghế đệm vải hay dạ đỏ rực. Có bốn hàng ghế, khách vào sau đỡ phải nghiêng người lách trước mặt nhiều người cải tiến rồi đấy Nhưng tôi vẫn ngờ ngợ có cái gì vẫn như trước. Rồi tôi nhận ra những cái ghế vẫn đóng liền nhau một hàng. Chỉ hơn các hàng ít chỗ ngồi hơn, nhưng vẫn là ghế anh em sinh đôi sinh năm.

(Không được như ở các hàng ghế đầu trong Nhà hát Thành phố, mỗi ghế riêng nhau. Nhưng nhà hát cổ đã cả trăm năm, mặt bằng dốc nghiêng cho đến những chỗ hạng nhất thì trũng hẳn, khi đèn điện chưa bật hết, cái khoảng sang trọng ấy hơi tối. Nhà hát đã được đại tu công phu, vẫn giữ nguyên lối cũ. Các lan can và phù điêu mạ vàng choáng lộn, nhưng ở chỗ hũm ẩy thì chao ôi muối: mà toàn muối dúi đốt chống dít lên vớ một cái toé máu trong lòng tay. Chắc là vài hôm mới có hội, người ta sợ ý không làm vệ sinh xịt muối trước. Chẳng biết bây giờ Nhà hát Thành phố đã phát hiện ra cái nông nổi muối dúi rình đốt khách ở chỗ lịch sự ấy chưa).

Xin trở lại, tôi đương bước vào những hàng ghế phủ vai đo ở cung Hữu Nghị. Và cái sự tôi ngờ ngợ có cái gì vẫn cũ, cái gì ấy đương trở lại nhưng không phải là muối dúi mà là một ông mới đến chỗ ghế đầu, buông mình ngồi phịch xuống. Cái ghế tôi lập tức rung theo. Vẫn là chuyện đã xảy ra từ mấy chục năm trước. Suốt buổi tôi hồi hộp đợi ông ấy rung đùi, lại sẽ rung cả tôi lên như xưa. Nhưng không thấy. Chẳng

biết có phải ông khách nọ không mắc bệnh rung đùi hay bởi là cái ghế tập thể được đánh vít đóng lại chắc hơn trước. Tôi ngồi hạng A, trước mặt không còn hàng ghế nào nữa oách nhất rạp. Trước mặt tôi là một dàn loa cả mấy chục ống phóng thanh to bằng những cái thùng chĩa ra. Một ông bạn tôi ngồi hàng ghế C lúc mới vào đã nháy tôi: “Chuồn xuống đây với tớ ngồi chỗ ấy thì bị tra tấn đến nơi”. Tôi chưa kịp hiểu tiếng lóng “tra tấn” nhưng tôi ngại rắc rối, chen ra chen vào, tôi ngồi yên. Quả nhiên rồi thấy ghê thật, tra tấn chắc là thế này đây. Chẳng biết ở những sàn nhạc lắc, hát lắc, nhảy lắc thì thế nào, ở đây nhạc và hát ca mười cái thùng phóng thanh xõ ra đâm vào tai, tiếng nhạc hò hét đình tai nhức óc, giật cả vào trong ngực khiếp quá. Các ông khách nước ngoài ngồi lảng giềng tôi đã ra về cả. Tôi cố nấn ná, sau cũng đâm hốt, nó rục lên đầu mất, tôi đành phải chuồn. Cũng không nhác mắt vào hàng ghế dưới xem có thấy cái ông xui khôn tôi còn đấy không. Ra cửa lại gió mát hây hẩy thổi qua hàng hiên những cái cột đá trắng thật mát, thật đẹp. Thoát khỏi những đòn tra tấn, tôi lại nghĩ mình thật lạc hậu lạc loài, người ta ngồi xem ca rạp thì sao, nhưng mà ngoài này gió mát trang sáng tôi mới ung dung bình thường lại người, chẳng tiếc rẻ tí nào. Tôi ra bờ hè vẫy cái taxi. Xe bon tới, đỗ xích. Người lái xe nhào ra mở cửa, cuống quýt nói: “Cụ lên nhanh nhanh lên cụ ơi?”. Tôi đã vào xe. Nghe tiếng đập ùng ục đằng cốp xe quay lại nhìn nhìn thấy hai thằng cời trần, áo vắt vai đương hùng hơ chạy theo đá cái xe, lại như toan nhảy lên. Những cái xe đã vút đi. Tôi hỏi:

- Cái gì thế?

Người lái xe nói:

lúc ấy cụ và cháu phóng lên, phúc cháu quá. Lại nói: Chúng nó chẳng có dao, có súng trong người đâu cụ ạ. Đói quá đói khát đi kiếm vật ấy mà. Bây giờ nhan nhản, nhiều lắm.

Tôi bỗng thấy thật ngại. Cái thằng lái xe này cũng sắp quay lại quát tôi nôn ra thì sao?

(Tập văn, truyện ngắn Tô Hoài, nhà xuất bản Hội Nhà văn 2004)

Mục lục

Vào Truyện:

Chương 2

Chương 3

Chương 4

Chương 5

Chương 6

MỤC TÀU, GIẤY BẢN

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Vào Truyện:

Học trò thò lò mũi xanh,

Cầm miếng bánh đúc chạy quanh nhà thầy

(Câu hát trẻ con)

Cả nhà tôi, ai cũng bảo tôi là một đứa trẻ nhút nhát, nhút nhát như con cáy. Động người nào nói đùa một chút cũng đỏ mặt. Hễ đi đến chỗ lạ tôi chỉ đứng thì lì, một ngón tay trở đút vào mồm. Thầy tôi nói: "Con trai con đứa mà nhát như mày sẽ chẳng làm nên được đỉnh đùng gì đâu. Phải mạnh dạn mới được." Thuở đó, tôi không lấy những lời ấy là một điều suy nghĩ. Nhưng sau này tôi nghiệm ra cũng đúng. Nhút nhát thành khờ dại; mà khờ dại thì hay sợ hãi, hốt hoảng, không làm được việc gì đến nơi đến chốn.

Thuở đó, thấy nhiều người bảo mình nhát, song chính tôi, tôi vẫn cho là tôi bạo lắm. Tuy tôi chẳng bắt nạt ai, tôi chẳng chơi với một trẻ nào trong xóm, nhưng tôi cũng có thể bắt nạt được lũ ngan, lũ vịt, mấy con chó tí nhau của nhà tôi. Tôi đá chúng, chúng chỉ biết kêu rồi lảng chạy. Tôi sung sướng, phồng hai lỗ mũi. Và tôi lại dọa được cả em bé tôi. Hễ khi nào tôi ngoặc hai ngón tay vào vành mép, trợn mắt, mồm nói: "ngoaáp oop . . . ngoaáp oop" là em bé tôi sợ nhột mặt, ôm bắm lấy u tôi.

Tôi lại có tài nữa. Tôi có tài hát, suốt ngày nghêu ngao. Tôi học được một bài hát của anh Nhọ, trước làm tá điền cho nhà tôi, bài hát hay lắm. Tôi thường ra sân sau, đứng giữa đám gà vịt vừa giơ chân, giơ tay vừa hát rằng:

- Bồ cu bồ các; (tôi đá cậu gà ranh mãnh một cái) tha rác lên cây; (tôi đá cô vịt lạch đạch một cái) gió đánh lung lay; (tôi đá anh ngan ngẩn ngơ một cái, và cứ mỗi câu hát thì tôi thưởng cho mỗi anh, mỗi chị một cái đá cho đến hết bài) là ông Cao Tổ. Những người mặt rỗ; là chú Tiêu Hà. Tính toán chẳng ra; là thím Lý Bí. Những người vô ý; là chị Hoắc Quang. Ăn no chạy quàng; là người Tào Tháo. Không quần không áo; là chú Trần Bình. Cái bụng tầy đình; là ông Lưu Bị, . . .

Bọn loài vật ngơ ngác, nhìn mắt bên phải, nhìn mắt bên trái, ra lố như thăm phục tôi lắm. Tôi thấy tôi là giỏi và càng làm bộ tợn. Ngày tháng tôi chỉ lẩn quẩn rong chơi với lũ bạn ngợm như thế.

Một hôm đương cao hứng giở các thứ giọng ra hát cho các bạn gà, bạn chó nghe ở đằng sân sau, thì thầy tôi gọi tôi vào trong nhà. Thầy tôi bảo:

- Mày hư lắm. Cả ngày chỉ hát với hồng. Từ giờ phải ăn mặc cho tề chỉnh, cử chỉ cho đứng đắn, để sáng

ngày kia, tao cho sang thầy đồ Biền, bên xóm Giếng, mà ăn mỳ lấy đôi ba chữ thánh hiền.

Đứng đắn? tề chỉnh? Tôi biết đứng đắn, tề chỉnh như thế nào? Xóm Giếng? thầy đồ Biền? Toàn những nơi lạ, những người lạ. Chữ thánh hiền ? Thế nghĩa là tôi sắp phải đi học đây, đi học như bọn thằng Sinh, thằng Má ở trong xóm. Tay cầm quyển sách bià đen, đầu thì cạo trắng hếu và thường có những vết son đỏ hay vết mực đen cứ nằm đuôi áo nhau, giả cách làm ô-tô, chạy toe toe ngoài đường. Cũng vui lắm !

Nhưng tôi chưa biết công việc học hành. Học hành gì ? Học hành ra làm sao ? Thấy thầy tôi đóng sách, sắm sửa bút nghiên, tôi thêm nghĩ ngợi bâng khuâng, và tôi cũng lo lắng. Chao ôi ! cái gì mà lại đi học với đi hành !

MỤC TÀU, GIẤY BẢN

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương 2

- Ngồi xuống đây.

Tôi rón rén ngồi xuống mép phản.

- Mở sách ra. Bắt đầu từ bên tay trái, sách này là sách Tam tự kinh nghe chưa ?

Tôi mở sách ra, bắt đầu từ bên tay trái và cũng biết rằng sách này là sách Tam tự kinh .

- Học đi. Đọc theo nhé, tam tự kinh là sách ba chữ.

-Tam tự kinh là sách ba chữ.

Và tôi đọc thêm mấy lượt giống nhau.

- Nhân chi sơ là người chường xưa. Phải chỉ tay vào từng chữ một thế này.

- Nhân chi sơ là người chường xưa ..

- Tính bản thiện là tính vốn lành. Học thuộc từng câu rồi học cả ba câu làm một. Hôm nay được học cộc giọng thế nhưng từ mai phải bắt chước các anh em mà học cao giọng trầm bổng cho có mạch lạc nghe chưa ? Nhân chi sơ . . . là người chường xưa a...y...a...

Thầy cứ hay hỏi nghe chưa; bao giờ tôi chẳng nghe ! Nhưng tôi không biết học lên giọng cao thấp mà chỉ học ti ti. Tôi ngượng lắm, cứ dán mắt xuống mặt chữ, chứ không thể dám ngẩng đầu lên. Và tôi nghĩ có một điều tức cười.

Là ở nhà, nhiều khi ngoài bài hát "bồ cu bồ các" tôi vẫn hát một bài nữa, ấy là cái bài "tam tự kinh" này. Tôi thường hát rằng: "Tam tự kinh là rình cớm nguội, nhân chi sơ là sờ vú mẹ, tính bản thiện là miệng muốn ăn".

Tuy có khác bài học bây giờ đôi chút nhưng về toàn thể, đại khái cũng vậy. Tưởng là ngêu ngao đùa chơi, ai hay lại là bài học quan trọng. Bài học đó, cũng của anh Nhọ dạy tôi. Biết thế, năm ngoái tôi cứ cố bảo anh ấy dạy cho lấy một ít nữa, bây giờ chắc đã thành học giỏi lắm rồi cũng không biết chừng. Có người nói rằng đi học thì học: nhân chi sơ, nhân chi sơ, mà tôi cứ tưởng là chuyện đùa, không tin hẳn, mình đại thật.

Tôi ngồi cù rù, trỏ tay vào từng chữ một mà học thông thả. Thầy đồ chỉ bảo tôi có một lần, rồi còn bận tưu về bao nhiêu học trò khác, có lúc họ xúm xít túi bụi cả ở chung quanh thầy. Thầy nghe anh này đọc, anh kia kể. Thầy viết phóng, thầy giảng nghĩã, việc cứ vội úi lên. Thầy quát tháo, thầy đập roi mây đèn đẹt xuống mặt phản. Có lúc cái kính trắng của thầy tụt xuống tận lưng chừng mũi.

Cả lũ học trò học à à như tiếng một đàn ruồi bay. Anh này cố gân cổ lên để gào to hơn anh khác. Tất cả bọn đua và ganh nhau như thế ! Đến vỡ nhà thầy đồ ra mất ! Trước tôi cũng chỉ học khe khẽ, mồm đọc vừa đủ cho tai nghe. Sau tôi thấy tai tôi chẳng nghe thấy tiếng nào của tôi hết, tôi đọc to nữa. Cũng chỉ lọt vào tai những tiếng ê a của các anh bên cạnh. Tức mình, tôi cũng gào to tướng. Nhưng cũng vẫn kém họ và chỉ được một lúc, tôi đã khô rát cả cổ. Tôi nghĩ giá các cụ trong dân mà mở cuộc thi hét thì hẳn học trò ở đây phải chiếm được giải nhất.

Tuy chỉ nhai có ba câu, tôi cũng phải học mãi mới thuộc (dù thuộc nhưng cũng chưa nhận được mặt chữ !), nên khi tất cả học trò đã lục tục về gần hết tôi mới được về. Ở đây có lệ hễ ai thuộc bài trước, kể cho thầy nghe gọn gàng, thì được cấp sách về trước, không hạn giờ giấc chi cả.

Tôi về một mình, bởi vì buổi mới, tôi chưa quen ai; vả lại do tính nhút nhát, bẽn lẽn, sợ sệt của tôi, tôi không dám bạo dạn làm quen trước với ai bao giờ.

Đi được một quãng, đã ra khỏi xóm. Qua một cánh đồng nhỏ thì tới xóm tôi. Ở một cái quán gạch ven đường, cạnh một cái ao lớn, có một lũ học trò đương đùa nhau, reo hò ầm ĩ. Hình như trông thấy tôi đi tới, có mấy đứa reo:

- Nó đây rồi anh em ơi !

Cả bọn ngừng cuộc chơi, lên ngồi sắp thành dãy ở bãi cỏ, trước cửa quán .

Hơi chột dạ, tôi nghĩ thầm trong bụng: "Chúng nó rủ nhau đánh mình chắc ?" Nhưng tôi vội xoá ngay đi: "Không có lẽ. Mình mới đi học, có thù hằn với anh nào bao giờ !" Nhưng sao chúng lại nhìn tôi bằng những cặp mắt gườm gườm thế kia ? Hai ống chân tôi bắt đầu run run. Bỗng từ trong đám nhảy ra một thằng. Thằng Má, nhà ở cuối xóm tôi, nó dang hai tay, chặn đường tôi và bảo:

- Cang ! Đứng lại tao hỏi.

- Dạ . . . Anh hỏi gì? . . .

Nước mắt tôi đã chạy vòng quanh mi.

- Tao hỏi tội mày .

- Dạ . . .

Mắt tôi rưng rưng.

- Cố làm sao mỗi khi chúng tao đi qua nhà mày, mày cứ chế báng chúng tao. Mày hát nhân chi sơ cái gì Tội của mày đáng tội chết. Hôm nay chúng ông cho mày một trận.

Chân tay tôi run bần. Nước mắt đã tràn xuống má. Chúng nhao nhao:

- Lột khăn nó rao ! Trói nó vào cột cầu !

- Lột quần, lột áo ! Cho nó cởi truồng.

- Anh em ơi ! Ta đánh nó một trận thích tay rồi ném nó xuống ao.

- Hát xỏ chúng ông à ? Beng cổ !

- Chém đầu ngay tắp lự.

Hồn vía tôi bạt mất. Thì ra trước kia tôi đã chơi dại mà tôi không biết. Những hôm xưa, hễ thấy bọn học trò trường ông đồ Biển đi ngang qua ngõ là tôi đứng thập thò trong cổng, hát bô bô cái bài hát nhân chi sơ. Tưởng là đùa chơi, và tưởng rằng mình đã có lũ bạn gà, bạn vịt thì chẳng bao giờ phải bước chân ra cửa ngõ, để đi đánh bạn với ai. Té ra bây giờ chúng nó hỏi tội.

Tôi phải đứng hai tay lên cho chúng khám. Tuy dọa dẫm thế, nhưng cũng không đứa nào dám lột khăn tôi. Nước mắt tràn đầy mặt mà tôi không được khóc lên thành tiếng. Bởi vì có thằng lăm lăm giơ một hòn gạch củ đậu trước miệng tôi, dọa rằng hễ tôi thút thít là nó "tương" ngay vào tận cuống họng. Thốt nhiên chúng reo ầm lên:

- Anh em ơi ! Nó có năm xu ở dãi rút.

Thế là một đứa cứ việc dứt dãi rút tôi, lấy đồng năm xu, rồi cả bọn ồ nhau chạy mất. Chúng cũng quên đánh và ném tôi xuống ao. Thoáng nghe có một đứa vừa chạy vừa nói:

- Đi mua kẹo vừng chia nhau.

Một mình tôi đứng cởi truồng ra ở giữa đường .

. . . Với cái quần tụt xuống thành hai vòng ở hai bên chân.

MỤC TÀU, GIẤY BẢN

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương 3

Có năm xu của thầy tôi cho để ăn quà dần trong mấy hôm, chúng nó đã bắt nạt tôi lấy mất. Tôi đi về, một tay ôm sách, còn một tay ôm quần .

Nghĩ tẩm tức cả đêm. Tuy sợ chúng lắm, nhưng sáng hôm sau tôi vẫn phải cặp sách đi học. Và đã khá liều lĩnh, tôi đút vào trong mép sách một chiếc đuũa, vót nhọn hai đầu, thành một cái dùi rất sắc. Tôi quyết can đảm một phen nếu chúng còn trêu tôi. Coi chừng cả nút ! mỗi đứa ăn một dùi của "ông" là bỏ đời.

Nhưng đi sang đến trường học thì bao nhiêu tính liều lĩnh tôi đã nuôi được từ nhà đều biến sạch. Tôi lại sợ,ừ - tôi có một cái dùi; song ngộ cả cái bọn ngót một chục đứa thù của tôi, mỗi đứa cũng có một cái dùi thì sao ! Mỗi đứa sẽ chỉ cho tôi nửa nhát thì còn gì là tôi !

Tôi đâm ra sợ cả cái dùi của tôi. Ngần ngừ một lát, tôi rút dùi, vứt tõm xuống ao.

Thầy đồ chưa ra dạy. Học trò mỗi anh làm một việc, anh quét nhà, anh đun nước, anh mài son, anh đứng xúm lại nói chuyện. Những đứa hôm qua bắt nạt tôi đã đến. Chúng nhìn tôi rồi nháy nhau, cười khúc khích. Tôi đỏ mặt, im lặng cúi xuống mở sách ra học lại những câu đã học hôm qua.

- Anh Lại phú Cang .

- Dạ .

Tôi giật mình ngẩng đầu lên. Lại sắp sinh sự gì đây chắc ? Một anh lớn hơn tôi độ ba bốn tuổi, trạc mười lăm, mười bốn gọi và lừ lừ tiến đến bên tôi. Hắn nói đồng dặc :

- Tôi là trưởng tràng. Trưởng tràng là người đứng trùm tất cả các anh. Sau thầy thì đến tôi. Tôi dạy các anh tập viết, tập đọc, tập kể nghĩa để đỡ mệt cho thầy. Tôi nghe nói hôm qua bọn thằng Má, thằng Sinh đánh anh phải không ?

- Dạ, thưa anh, chúng nó định lột quần, lột áo em. Chúng nó lấy mất của em năm xu.

- Những thằng láo thật. Chúng nó cậy ma cũ bắt nạt ma mới đấy, nhưng thôi, từ giờ sẽ không đứa nào dám o oe gì với anh nữa. Đã có tôi.

Tôi sung sướng cảm động :

- Vâng .

- Tôi làm chức trưởng tràng, nghĩa là chức tôi to lắm, khó nhọc lắm, mà tôi lại phải che chở cho anh khỏi chúng nó đánh, như thế, riêng với anh, anh phải chịu ơn tôi rất nhiều.

- Vâng, em biết ạ.

- Tốt lắm. Thế thì tôi bảo anh điều này.

- MỖI tháng anh phải đóng cho tôi ba xu. Ba xu là vào ba việc. Chức trưởng tràng của tôi một xu. Công tôi phải bảo anh học, một xu. Một xu nữa thì vào cái tiền tôi che chở cho anh. Anh nghe rõ chưa ?

Tôi còn ngần ngừ chưa biết trả lời sao, hẵn đã nói tiếp :

- Tôi phải nói rõ để anh biết rằng trong tất cả lớp này, mỗi tháng ai cũng phải góp cho tôi hai xu. Không phải riêng gì mình anh. Anh chỉ phải nặng hơn họ một xu. Mất có mỗi một xu mà khỏi bị chúng nó đánh, chúng nó lột, là còn rẻ chán. Anh đã hiểu như thế chưa ?

Tôi ngần ngừ, làm bộ như chẳng hiểu gì hết, thì hẵn lại truyền cho tôi một cái lệnh rất chắc chắn :

- Sáng mai anh phải nộp ngay cho tôi ba xu .

- Thưa anh, nhưng . . .

Hẵn xăng giọng :

- Nhưng gì ? Tôi hỏi thật anh muốn hay không muốn thế ? Chỉ nói cho "đây" biết một tiếng thôi .

Không dám ngần ngừ gì nữa, tôi buông luôn một câu :

- Vâng .

Hẵn nhe răng ra cười hì hì. Và lại xoa cái núm hoa roi của tôi :

- Có thể chứ. Tốt. Tốt lắm. Mai nhé !

Tôi hậm hực mà vâng lời. Sáng hôm sau tôi phải đem "cống" hẵn đủ cả ba xu - để hẵn chi tiêu vào những ba việc !

Nhưng cũng nhờ thế, từ đấy tôi được yên dạ mà học hành. Lũ "đầu trâu mặt ngựa" kia không dám đụng chạm, hạnh hoẹ gì tôi nữa. Coi ra các cu cậu sợ anh trưởng tràng của tôi lắm. Chẳng biết sợ về những nỗi gì nhưng cứ cái sự hẵn lớn hơn, cao hơn, khoẻ hơn cùng đủ kinh rồi !

Mỗi ngày tôi chỉ phải đi học buổi sáng. Buổi chiều ở nhà học bài. Tôi học rộn cả nhà. Và cả nhà tôi, ai cũng có ý vừa sợ vừa quý tôi hơn trước. Tôi đã đi học rồi mà ! Thỉnh thoảng những người quen thuộc đến

nhà tôi chơi thường hỏi :

- Cậu cả Canh học được mấy thúng chữ rồi ?

Cậu cả ? Ấy đấy, nhờ có sự đi học mà tôi được lên chức to đến thế. Còn hỏi học được mấy thúng chữ, thì nào tôi biết làm sao được mấy thúng ! Nhưng u tôi đã vui vẻ trả lời người ta :

- Cháu nó đã được độ ba mẹt rồi đấy .

À ra tôi đã học được độ ba mẹt chữ. U tôi biết cả. Tài thực, và từ hôm đó, hễ ai hỏi tôi đã học được bao nhiêu chữ, tôi cứ liệu mà nói nhân dần hai cái mẹt chữ của tôi lên .

- Cháu đã học được ba mẹt ạ !

- Cháu đã học được bốn mẹt rưỡi ạ !

Ai cũng cười, tôi cũng cười nốt, hai má tôi bừng đỏ lên tận tai. Bởi vì tôi chắc rằng họ cười để khen mình học giỏi.

MỤC TÀU, GIẤY BẢN

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương 4

Chỉ được mười hôm học mỗi buổi vài chữ khiến tôi thấy sự đi học không khó khăn gì. Nhều nháo mấy chữ, chỉ một loáng mắt đã thuộc lâu. Dễ chịu quá !

Nhưng dần dần thầy đồ bắt tôi học mỗi ngày thêm nhiều chữ. Thầy bảo cho một lần. Bận sau, hễ quên thì hỏi anh trưởng tràng. Không khó khăn mấy đối với tôi, anh đã là chỗ tình thân.

Có những buổi tôi phải học nhiều chữ quá, rối cả ruột và nặng cả đầu mà vẫn chưa thuộc. Cơ chừng lắm chữ to quá, đè trĩu đầu tôi xuống.

Lại thêm anh trưởng tràng bảo tôi :

- Xem chừng anh này học đã chối chữ ra rồi đây, học thế đã mùi gì. Còn bao nhiêu sách khác khó hơn sách Tam tự kinh nhiều. Kia kia . . . (hắn chỉ tay lên cái quang đựng sách, treo lưng lửng ở góc nhà) sách Ngũ ngôn thi, sách Minh tâm, sách Tân thư này . . . Sách Đại học, sách Luận ngữ, sách Kinh thi, sách Trung dung ... Sách gì, sách gì nữa này ... Vô lúng các thứ sách, còn là học mượn người.

Tôi tưởng như anh ta nói đùa. Nhưng nghe nhiều tên các thứ sách gớm ghê như thế, tôi cũng choáng óc, và tôi đã thấy sờ sợ.

Thế rồi tôi sợ thật, lần này không phải sợ bạn, mà là sợ học. Càng ngày càng phải học từng cột dài. Đầu tôi bé thế này, đựng làm sao cho hết.

Một hôm, tôi đọc một bài ngắc ngứ mãi, thầy đồ Biền đã quắc mắt, tôi tưởng phen này đến phải đòn. Nhưng may rồi tôi cũng âm ừ đọc được trôi. Khi tôi cầm sách trở về chỗ, anh trưởng tràng đến nói nhỏ :

- Anh có sợ không thuộc bài mà phải đòn không ?

- Em sợ lắm .

- Anh có muốn không phải học bài không ?

Tôi trợn mắt :

- Không học bài ? Thầy đánh cho tuốt xương chứ lý !

- Ấy thế mà tôi có cách.

- Anh bảo em nhá ?

- Chưa học được ba chữ ranh mà đã học cái tính lười, nhưng tớ cũng không khoanh, tớ bảo cho mà biết cái cách không phải học bài Mai đăng ấy cứ không học bài; thầy không cho đăng ấy ăn roi mây đâu, thầy sẽ bắt quét nhà luôn ba hôm.

Tôi nghe ra cũng lý thú. Phải, phải rồi, hàng ngày vẫn có những anh học trò phải làm các việc linh tinh, mài son quét nhà, quét sân, nhổ cỏ, đun nước. Những quân đó đều tuyển ở các đám đánh nhau, chửi nhau hoặc những anh không thuộc bài. Nếu mình không thuộc bài, mình cũng phải đăng tên vào đội binh ấy. Thầy đồ chẳng đánh một roi, bởi vì hôm nào chẳng phải cần lấy mấy anh để làm những việc vặt vãnh như thế.

Có người dạy cho tôi biết cách để lười, tôi lười ngay. Ở nhà, mới học qua loa vài chữ đã thấy ngáp rốn mấy cái, chảy cả nước mắt, tôi vội gấp sách lại, rông ra vườn chơi. Hôm sau, mang sách lên đọc cho thầy đồ nghe, tôi khoanh tay đứng ỳ trước mặt thầy.

Lườm tôi một cái, rồi quả nhiên thầy truyền :

- Không thuộc bài ! Ba hôm mài son.

Tôi giả cách tiu ngriu nét mặt, buồn bã mang sách về ngồi phản nhưng trong bụng tôi cảm ơn ngầm anh trưởng tràng lắm lắm. Mỗi tháng mất ba xu cũng phải.

Hôm sau, hôm sau, và hôm sau nữa tôi không phải quan tâm đến sách, đến but. Tới nhà thầy, tôi chỉ việc đem cái nghiên son, ra vại lấy nước, rồi để nó ở một đầu hè, tôi vào găm bàn mang ra một cục son to bằng cái chén tống, mài kỳ cạch cho tới khi nước sánh lại một màu đỏ tươi mới thôi. Thầy dùng son để phê, để chấm sách cho học trò. Còn tôi dùng son để bôi đầy cả vào quần, vào áo, vào đầu cho ra vẻ ta đây là học trò. Mài son xong, tôi theo các bạn cùng các bạn ra vườn nhổ cỏ và xới đất để gieo hạt cải. Tiếng là thế nhưng chúng tôi ra vườn chỉ để đùa. Anh này đổ nước đúc đế mèn, anh thì nhổ cỏ ấu, lấy củ của nó đem về cho u ngâm nước giải vào rượu làm thuốc hậu sản. Tính tôi nhút nhát, không ưa sự đánh bạn; tôi ngồi thờ thần một góc vườn, vừa vờ vệt nhổ cỏ, vừa bắt châu chấu để chốc nữa đem về tặng các anh gà. Và miệng tôi khe khẽ hát cái bài Bồ cu bồ các ... rất hay của tôi.

Đến bữa thứ tư, tôi lại không thuộc bài quen cái tính lười mất rồi. Nhưng bữa nay tôi không được cái may mắn thầy bắt phạt đi mài son. Thầy bảo tôi :

- À thằng nồm này quen thân lười. Phải trị cho nó một mẻ, chúng bay đâu ?

Câu gọi ấy là một hiệu lệnh của thầy. Trong đám học trò đương học nhao nhao, có mấy tiếng "dạ, dạ" rồi nhanh như cắt, hai ba đứa chạy ra vật tôi ngã khuỵu xuống đất. Tôi nằm sấp, một đứa tóm đầu, hai đứa túm hai tay và hai đứa giữ hai chân, rút chiếc roi mây trên vách, chậm chạp từng roi một, thầy vút cho tôi đúng mười lăm roi lên hai bên hông. Tôi đau quặn người, kêu váng cả lên.

Tôi về chỗ ngồi, khóc suốt suốt buổi. Ra về, anh trưởng tràng chế tôi :

- Chết chưa ? Con ơi ! Quen mùi thấy mùi làm mãi.

- Tại anh làm em phải đòn.

- Tại tớ à ? Dễ nghe nhỉ ? Sao đằng ấy không bảo là tại đằng ấy lười có đúng hơn không ?

Tôi im chẳng dám nói gì. Anh ta lại cười, nói tiếp :

- Nhưng mà tớ bảo hể đằng ấy gan, có giỏi mai lại cứ không thuộc bài, thầy sẽ không đánh nữa, mà thầy bảo rằng đằng ấy lười quá, thầy bắt phạt quay tơ một tháng.

Tôi không dám tin. Nhưng khổ cho tôi, dù hôm ấy về, tôi học bài suốt cả buổi, sáng hôm sau tôi vẫn không thuộc bài như thường, bởi vì đứng trước mặt thầy đồ tôi run bắn người lên, chữ nghĩa bay đầu mất hết. Tôi chỉ còn nhớ những roi đòn của thầy đánh tôi sáng hôm qua, mỗi lần thành những con trạch tím bầm, đầy cả hai bên mông, thành thử tôi chỉ đứng chờ ra, mặt xám lại dần, hai mắt chớp chớp, nháy nháy đảo điên. Chao ôi ! tôi đành đợi ... mười lăm roi nữa vậy, nhưng thầy đồ lại bảo tôi :

- Ốc thẳng này dễ thường đặc như ốc chó. Chó nó còn thông minh hơn mày. Tao phải phạt cho mày hai mươi hôm ngồi quay tơ mới được. Chúng bay đâu ?

Một anh chạy đến, lôi tôi xuống dưới nhà. Tôi không vào nhà này bao giờ, bởi vì là nhà riêng của thầy. Bước vào, tôi thấy bà đồ đương ngồi quay tơ với bốn đứa trẻ nữa, cũng trạc tuổi tôi. Và chắc chắn cũng là những học trò không được chăm chỉ lắm của thầy đồ Biên ! Họ bày thêm ra cho tôi một cái lồng tơ và bắt tôi ngồi quay. Cái anh dẫn tôi vào đây truyền lệnh cho tôi :

- Từ mai cho đến hết hai mươi hôm, lúc nào anh đến học là phải xuống đây quay tơ, không được thò đầu ra ngoài.

Thế là tôi đi học chữ để biết cách quay tơ. Mà tôi lại thích như vậy, bởi vì cứ không phải đọc bài là tôi mừng rơn. Quay tơ được mấy hôm thì tôi thấy rõ ràng nhà thầy đồ tôi nghèo, bà đồ tôi đi quay tơ mượn cho người ta. Có lẽ học trò lười lĩnh, bà chạy tay thêm được nhiều việc lắm.

Nhà tôi cũng dột lưa, cũng quay tơ nhưng tôi không phải mó đến những việc ấy bao giờ. Lúc chưa đi học, tôi chưa biết quay, phải quay có mười hôm, tôi đã thạo lắm. Nhiều khi tôi cầm thử ống quay tơ ở nhà, u tôi đã ngạc nhiên hỏi :

- Quái, ai dạy mày quay tơ ở đâu mà thạo thế ? Mày đi học hay đi quay tơ hử ?

Nào ai biết được tôi đi học hay đi quay tơ !

MỤC TÀU, GIẤY BẢN

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương 5

Dần dần, tôi làm quen được một anh bạn tên là Kham, cùng bằng tuổi tôi, anh em tương đắc lắm. Vừa quay tơ, vừa nói chuyện với nhau suốt một buổi. Tôi phàn nàn với bạn rằng hôm tôi mới nhập môn, bị bọn thằng Má, thằng Sinh đón đường định đánh và lấy mất năm xu.

Kham bảo tôi:

- Anh dại quá, cứ đánh bừa đi chứ. Chúng nó cậy đông thì ta chạy về mách thầy. Thầy ghét học trò đánh nhau lắm.

- Hoài của, thế mà tôi không biết. Rồi sau nhờ có anh trưởng tràng, anh ấy ...

- Trưởng tràng là anh nào ?

-Ồ anh không biết hả ? Cái anh lớn nhất, mắt hơi toen toét, ngồi bên cạnh thầy ấy mà ?

- Cái thằng để đầu bờm ấy phỏng ?

- Phải.

- Nó là thằng Mục, trưởng tràng, trưởng trùng gì. Nó lớn mà học trước nên được ngồi cạnh thầy, vì nó giúp đỡ nên thầy cũng yêu nó một tí. Thằng ấy là chúa hay bắt nạt, chúng tớ vẫn gọi nó là thằng chó đen.

- Thế mà anh ấy tốt với tôi lắm, anh ấy bênh tôi. Tụi thằng Má sợ anh như sợ cọp, không dám ẬM Oẹ bắt nạt mình nữa.

- Đẳng ấy nói lạ ! Thằng Chó đen mà tử tế à ! Nó là thánh ăn đồ, thánh nói loè. Thôi đích nó ăn đồ của đẳng ấy cái gì rồi ! Tớ nói quyết thế.

- Ăn đồ ?

- Như là ăn đồ tiên, ăn đồ quà chẳng hạn. Có đúng không ?

- Không . Nhưng mà tôi chỉ phải đóng tiền thôi.

- Ấy đấy ! tiền gì nào ?

- Tiền hàng tháng, mỗi tháng ba xu. Một xu vào chức trưởng tràng, một xu công anh ấy dạy học, một xu

tiền che chở.

- Hi hi ! Đẳng ấy mắc bọm già rồi. Đã đóng được mấy tháng ?

- Mới có một, sắp tới tháng nữa. Thế các đẳng ấy không phải đóng hay sao ? Mỗi tháng hai xu mà !

- Chúng tớ à ? Đóng cho nó hai cái đá. Nó loè đẳng ấy đấy, từ giờ không đóng nữa, để tiền mà ăn quà. Nó muốn mè nheo gì, mách luôn thầy là cu cậu bị ăn lươn vào lưng ngay.

Tôi táng đẳng cả người, ra bấy lâu nay tôi bị cái anh trưởng tràng giả hiệu kia lừa dối cũng bởi cái tính nhút nhát khốn nạn của tôi. Tôi phải đi tìm ngay thằng Mực - hay cái thằng chó đen cũng thế - để bảo cho nó biết rằng nó đã ăn đồ của tôi mất ba xu, nó đã "đểu" lắm mà tôi đã khôn người ra rồi. Tan học, tôi vội vã đi tìm Mực. Trông thấy Mực, tôi chưa kịp gì hăn đã hỏi:

- Thế nào ? Mai đóng tiền chứ ?

Nghe giọng hăn oai quá, sự cứng cỏi chốc lát của tôi lại mềm nhũn và biến đi đâu mất ! Tự nhiên, miệng tôi nói ra tuồn tuột:

- Vâng, mai em đóng. Nhưng anh cho em hỏi câu này:

- Hỏi gì ?

- Em thấy thằng Kham nói rằng nó không phải đóng tiền tháng cho anh.

Mực quát to:

- A thằng ranh này lại muốn học lối thằng Kham phỏng ? Nó không phải đóng tiền à ? Tại nhà nó nghèo, mỗi ngày chỉ được ăn có một bữa cơm nên tao thương hại, không lấy tiền của nó. Nhưng mày có biết nó phải trả thuế tao thế nào không ? Nó phải trả thuế tao bằng "đấm", bằng "đấm" nghe rõ chưa ? Mỗi tháng, ba mươi lăm quả, vừa đấm, vừa thui, vừa đập, vừa tát . . . tha hồ. Thế này này . . . (Hắn giơ thẳng cánh ục tôi một ục vào mạng mỡ; tôi méo mặt khóc oà) . . . tao thử cho mày một quả. Mỗi tháng chịu ba mươi lăm quả tổng như thế mới bỏ công tao, sức mày có chịu nổi không ? Thôi thôi mày đừng có o oe cạy cục mà chết bỏ đời đấy, con ạ !

Tôi khóc hu hu, nó thui tôi đau quá .

Hôm sau, tôi tường thuật kỹ càng, tất cả cho Kham nghe. Kham lắc đầu:

- Nó nói thế chứ mưòi nó cũng không dám đụng đến tôi, nhưng mà thế thì nó xử với đẳng ất tệt thật. Cũng đừng nên mách thầy, thầy đánh nó rồi nó lại đánh mình cũng thế.

Nghĩ một lúc; Kham lại xua tay:

- Không, không, anh phải mách mới được. Đã làm thì làm cho thắng cạnh Đến mai, anh đem ba xu lên đưa cho thầy, nói là tiền đóng cho anh Mực. Tất nhiên là thầy sẽ hỏi là tiền gì ? Thì anh nói rõ từ đầu đến dưới cho thầy nghe. Nó sẽ phải đòn. Nếu mà nó đánh anh, tôi sẽ rủ cánh trẻ chẵn trâu ở ngoài đồn làng Nghĩa Đô diệt cho nó một trận. Nghe bạn nói tôi lại hăng hái lắm. Tan học, Mực hỏi tiền tôi, tôi trả lời rất nhũn nhặn:

- Thưa anh, anh để cho em đến mai. Hôm nay thầy em đi ăn cỗ, u em đi chợ bán lụa.

Mực bảo:

- Mai không nộp thì chớ chết.

Mai, tôi nộp. Nhưng làm đúng như lời Kham, tôi đem nộp cho thầy đồ. Tôi ngồi nhà dưới quay tơ - bởi vì tôi vẫn phải phạt ! - nhòm ra, đợi lúc Mực đi lăng quăng ra đầu ngõ, tôi chạy tót ngay lên nhà đưa lên cho thầy ba xu. Thầy đồn ngạc nhiên hỏi tiền gì. Tôi thưa:

- Tiền con nộp cho anh trưởng tràng Mực.

Rồi tôi kể rõ từ đầu chí đuôi, thôi tự hôm bọn thằng Má, thằng Sinh lấy của tôi năm xu đi mua kẹo vừng cho thầy nghe. Thầy đồ tức lắm, lặng người. Mực lò dò đi ở ngoài cửa vào, thấy tôi đứng đấy biết là có biến, mặt hắn tái mét. Thầy chìa ba xu của tôi ra cho hắn trông. Hắn càng cuống quít, không biết nói năng làm sao.

Thầy quát: "Chúng bay đâu ?" Một bọn kéo ngay lên, vật oách Mực xuống. Chúng vật thực khoẻ, nghe nặng như cây dừa đổ. Bởi vì đứa nào cũng đã căm tức Mực sẵn. Hắn thường cậy lớn, chỉ hay bắt nạt, tòi lăm. Được có dịp trả thù tự nhiên, ai chẳng muốn. Lúc Mực đã nằm sấp xuống đất, có anh lại thúi ngấm cho hắn một thúi.

Mực bị thầy giáng cho ba mươi roi đòn. Đánh về hai tội: bắt nạt ăn tiền và tự xưng là trưởng tràng. Ngọn roi mây nhíp nhàng đưa lên đưa xuống vun vút. Tôi đứng nghe mà phát rùng mình. Hễ một roi vụt xuống lưng Mực, cái mồm hắn lại méo xệch lên hắn tận mang tai và khắp người, rung nhồm lên như một lò xo.

Cả bọn thằng Má, thằng Sinh cũng bị đòn. Mỗi đứa ăn mười lăm con trạch vào đít.

Tôi vừa thích, vừa sợ. Thích vì đã trả được thù mà sợ vì từ đây chúng nó thù mình đến già !

Nhưng thù thì thù, tôi cần gì ! Tôi đã có anh bạn Kham yêu quý, mà anh bạn Kham của tôi đã có cả một toán trẻ chẵn trâu hùng hổ ở đồng làng Nghĩa Đô. Cánh chúng tôi to lắm.

MỤC TÀU, GIẤY BẢN

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chương 6

Sắp hết hạn hai mươi hôm phạt quay tơ, tôi bắt đầu lo. Chữ nghĩa tôi chỉ nhớ mờ mờ. Có cái lồng tơ thì tôi nhớ rõ lắm. Quay lên nó kêu lóc cóc . . . lóc cóc . . . Và tôi chỉ thạo có một lối đánh bẫy chuột, nhà thầy đồ tôi có rất nhiều chuột. Có khi bà ngồi quay tơ mà nó rúc rích ra gặm cả chân. Kham và tôi, mỗi đứa mượn bà một cái bát chiết yêu, để làm hai cái bẫy. Tôi úp bát xuống chỗ đất phẳng, lấy cái que đóm, để dựng một mé bát lên hờ thành một cái khe vừa một con chuột nhắt chui lọt. Tôi lấy tơ xe một sợi dây dài một đầu buộc vào lưng cái que, một đầu buộc vào ngón chân cái tôi. Bỏ một mảnh cháy cơm hay một mẫu heo bột - hoặc bất cứ một vật gì chuột có thể xơi được - để làm mồi, ấy thế là tôi đã có một cái bẫy chuột thơm tất.

Cái bát bẫy để tận trong góc nhà, tôi ngồi cách xa tới bốn sải chân. Các chú chuột dập dìu đến nghe ngóng, xem xét từng ly từng tý. Chúng tưởng như chúng khôn lắm, nhưng rồi thế nào, háu ăn quá, cũng có anh men chân vào cạm. Tôi liếc mắt vào xem các anh làm ăn ra sao. Cái anh chuột đã trông thấy miếng mồi, bước mon men, mon men rất rụt rè, hẩn chỉ nhấc chân dịch đi từng một chút. Một mắt trông vào mồi, một mắt trông ra ngoài, xem có người hay có mèo ngó thấy mình không. Cẩn thận lắm, nhưng anh chàng quên không trông lên cái bát úp lừng lững trên đầu. Tôi cứ lờ đi như không biết và không thấy gì, tay tôi càng càng xóc ống tơ cho chạy khoẻ, kêu lóc róc âm nhà. Anh chuột yên chí chui tọt hẳn vào trong bát, tôi chỉ việc hất một ngón chân cái, kéo căng cái dây, đổ chiếc que đóm là cái bát úp chụp ngay xuống. Anh chuột khờ dại rồi rịt, chạy nhặng lên ở trong bát. Mỗi ngày sa bẫy tới ba con là ít; bắt được, tôi đem về nhà tôi cho mèo ăn.

Chơi trò bẫy chuột thích lắm, rất ham. Lắm lúc tôi tưởng thầy tôi cho tôi đến nhà ông đồ để quay tơ và để bắt chuột. Còn việc học hành là việc phụ; muốn thì muốn, không thôi, cũng được - chẳng hề gì. hưng một buổi, Kham tính đốt ngón tay, bảo tôi:

- Ngày kia chúng mình đã phải đọc bài. Tớ học đến ngọc bất trác, bất thành khí rồi. Đăng ấy đến gì ?
- Quên mất, để về thử mở ra xem đã.

Thấy cái sự mở sách ra xem, ra học là một hình phạt nặng nề, khó nhọc làm sao - cái việc đi học. Ai sinh ra chữ nghĩa làm chi, để cho bây giờ tôi khổ thế này !

Một bữa kia tôi vừa thò đầu vào nhà dưới, bà đồ bảo tôi:

- Hôm nay đến lượt anh Cang xách nước.

Tôi "dạ" một tiếng, chạy tốt ra sân. Nhà thầy đồ tôi có mỗi một cái vại đựng nước, hễ khi nào cạn, chúng tôi - những "tên" bị phạt - phải thay phiên nhau đi lấy nước đổ cho đầy. Nhà không có thùng quây, chỉ có một cái lọ, da đỏ như da chum, dài thông lồng như một quả bầu, đem lọ ấy ra giếng mà lấy nước. Được cái giếng cũng gần, ngay lối đầu xóm, nên cũng không khó nhọc mấy, chừng mười lăm, hai mươi lọ thì đầy vại. Nghĩa là dùng cả một buổi học để xách nước thì vừa.

Tôi xách lọ ra giếng, giếng này lấy nước rất dễ, bởi vì là giếng đất. Nó là một cái ao, có xây bậc gạch, ở giữa cắm một cành tre, tôi chỉ việc lội xuống nước, vục lọ xuống, lấy được nước ngay.

Tôi vừa đi vừa chum miệng lại huýt còi, tôi bắt chước con chào-mào đương hót trên cây. Hót tò toe . . . Hót tò toe . . . Vui lắm !

Chỉ một loáng mắt, tôi đã xách được năm lọ. Đã khá mệt, tôi phải ngồi nghỉ dưới bóng mát một cây bàng. Trời cuối mùa hạ, nắng vàng hoe hoe, có gió mát lùa rào rào trong những ngành tre xanh om. Bỗng tôi thấy bóng thẳng Mực đi từ trong ngõ đi ra. Tôi đoán: "Hắn thẳng chó đen xin phép thầy cho đi giải rồi chuồn ra ngoài này chơi mát. Ranh thực !"

Tôi xách lọ xuống giếng vục nước, bởi tôi không muốn giáp mặt Mực. Từ hôm phải đòn tuy chưa dám làm gì tôi, nhưng mỗi khi gặp, nó vẫn nhìn tôi bằng cặp mắt gườm gườm rất đáng sợ.

Chiếc lọ đựng nước có cái cổ loe ra, cho nên muốn xách, tôi phải xoạc căng; bưng hai tay, và đi lặc lặc như con vịt bầu. Vừa đi lên khỏi bờ được mười bước, tôi đổ xuống nghỉ để bưng lại. Tay tôi trơn quá, Mực đã đi quá ngang mặt tôi. Hắn nhìn tôi, hai mắt tròn xoe, hắn xuống giếng, lấy hai tay múc nước uống.

Hai tay xách lọ lên, chân tôi bước lạch bạch. Bỗng tôi nghe đằng sau có tiếng vút vút rồi:

- Ắng ! ắng ! ắng !

Hoảng hốt, tôi giật nảy mình, rụng rời. Thế là:

- Toang !

Thôi vỡ mất lọ nước rồi, tôi rú lên, hai tay ôm mặt. Mực chạy tới. Tôi khóc:

- Mày đánh chó để chó làm cho ông sợ, ông đánh vỡ lọ rồi . . . nào . . . nào nào . . .

Mực múa hai tay, hai chân lên:

- Tình tướm ! I hi hi ! Tình tướm. Mày cầm không vững tay thì vỡ. Con chó nó chạy chứ ông có đánh nó đâu. Chuyện này thì gọi là mày cứ tù một gông ! tù một gông ! Cả nhà thầy có mỗi một cái lọ ! Mà lại cái lọ cổ, rất quý của thầy.

Tôi càng khóc già, Mực hoa cả chân lẫn tay lên mà dọa tôi. Nó lại túm chặt lấy tay tôi:

- Mày chết ! Ông lôi mày vào cho thầy. Đi ! vào . . . vào ngay.

Tôi thun người lại. Trong óc tôi thoáng hiện ra một cái roi mây, một anh học trò mặt mày tái xanh, bị cái gông bằng gỗ lim bọc sắt nặng vô cùng, đeo khur khur vòng quanh cổ. Chao ơi !

Tôi giựt tay thẳng Mực, ù té chạy miết.

Bỏ cả sách vở, bút nghiên, từ đấy tôi không dám đến trường thầy đồ Biền nữa ! Tôi lại sợ, không dám gặp cả những học trò của thầy. Tôi sợ chúng nó lôi tôi về giao cho thầy thì tôi đến phải tù mọt gông.

o o o o

Cho tới ngày nay, tôi đã rời quê hương, đã mài mòn dững quần mười năm trời ở các trường tiểu học, trung học trên Hà Nội, mà tôi vẫn không bao giờ được học hết quyển Tam tự kinh. Tôi hối hận lắm, nhưng còn biết làm thế nào ! Ngày ấy, tôi nhất định không dám đến trường học nữa. Thầy tôi, u tôi, bà tôi đồ đành, nạt nộ tôi hết cách cũng không được. Sau đành phải thôi.

Và chỉ có mười hôm, tôi lại mon men ra đằng sân sau, hát cái bài bồ cu, bồ các cho lũ gà, lũ vịt, lũ ngan, lũ chó nghe. Những bộ hạ trung thành của tôi đấy, tôi có thể bắt nạt được chúng dễ như bỡn.

Nhưng quái lạ làm sao, một con ngan cái, cứ nhìn tôi mà kêu kiu kiu rầm rĩ. Vừa kêu, vừa co ra rụt vào cái cổ. Tiếng nó, tôi nghe khác lạ. Phải, rất khác. Dường như con ngan cái nó bảo tôi rằng:

- Kiu kiu ! cậu là một cậu bé rất nhát và rất lười. Kiu kiu ! Hèn lắm ! Nhát lắm !

Tô Hoài

Mục lục

⋮

NÀNG BA CHÂU LONG

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

:

Giữa tháng giêng, làng Hạ đã gọi phường chèo hát. Cả vùng bảo làng này trốn hội. Bởi vì giêng hai thì đâu cũng còn thông dong hơi hướng đôi chút tết nhất. Nhưng ở đâu thành thói chứ làng Hạ đã lác đác đeo giỏ xách thuổng ra đồng, xuống gò đào chuột. Vừa Tết ra đã phải đi kiếm miếng thịt trời, đi như người ăn vụng, lủi ra đằng cổng đồng. Không để ai trông thấy, như muốn bay biến trong ngọn gió bắc quất vào mặt. Thì cũng lệ là cổ lo tối hát, như ra ngõ gặp trai, ao ước cái may năm mới đến.

Ngoài sân đình, trống gọi trò vừa gióng vài tiếng, đã nghe trong bờ ao, ở ngã ba gốc nhãn trẻ con gọi nhau ới ới, đã rộn rã ra vui rồi.

Làng Hạ chẳng có nổi cỗ kiệu long đình. Hằng năm, đến kỵ thánh, ông từ ra đình thắp bó hương đen. Họa may mới có năm đi chợ xa tậu được con bò dắt về mổ chia ba giáp rồi ngoài sân đình có tối chèo. Thế đã linh đình rồi.

Các cụ kể: ông thành hoàng làng ta hóa thiêng lắm. Nửa đêm, người đi úp cá trộm, người thò tay khoắng vào chũm, phải con rắn lục cắn, người ngã xuống ngay trên cái nơm. Được giờ linh, chỗ ấy mỗi đùn thành gò đến tận bây giờ. Người thiêng lắm, nhà bị mất trộm, bị lừa, hay ai cầu xin thế nào, hay đem lễ ra đình khấn.

Có được thế nào cũng chỉ nghe vậy. Cái làng Hạ chỉ uống nước lã mà chèo hát suông, ai cũng bĩu môi, ấy thế mà rồi nhiều người kéo đến xem đông thế, vui xem hát nhặt xem bói, bao giờ chả vậy.

Phường về lúc xế trưa. Cả bọn qua chợ đã ngã vào hàng cơm. Gồng gánh lội bộ từ sớm mai bên kia sông sang, đến quá bữa mới được lưng cơm. ấy thế mà mới cạn bát rượu, bác trùm đã ngã nghiêng đứng lên.

- Hôm nay được ngày, làng đương mong, trống gọi đấy.

Đã có người ra ngóng cổng làng.

- Hát lấy may, hôm nay tốt ngày.

Mấy cô gánh dâu ở ngoài bãi về.

- Còn hát lấy duyên nữa, các cụ ạ.

Tiếng con trai con gái ở đâu cười vang động. Nhưng trong đám chẳng thấy có nữ. Phường Bắc đã được tiếng kếp nam đóng nữ khéo đến đôi tan trò rồi mà trai các làng còn quanh quẩn nhóm ngó đến khi sáng

ngày ra, trông vào mái lều trong tam quan chỉ thấy toàn đàn ông còn gái ngủ ngồi lổm nhổm.

Có chàng ngơ ngác hỏi:

- Cái cô Châu Long tối hôm qua đâu nhỉ?

Bác trùm cười hề hề nói:

- Con ma gốc gạo bắt cô ấy đi từ tan trò tối hôm qua rồi, không biết à?

Ôi chao, chẳng cứ trai làng mê vai Châu Long đêm chèo để thương để nhớ đến cả cho bao nhiêu cô gái trong làng nữa kia.

Tung, tung... Bung nhóc... Bung bung nhóc... Chiếc chiếu mộc thủng giữa đã được nhà mỗ trải ra sân cửa đình. Đôi hòm gỗ nhà phường kê đằng góc che tàu lá dừa. Đào kép thì đến đằng ấy, ngồi ghé lên mặt hòm cạnh cái đèn hoa kỳ.

Bôi phấn, vẽ râu, kẻ lông mày, thay xống áo xong rồi vào chiếu ra vai.

Nhà mỗ cũng đã đóng cọc chằng thừng, kê chiếc ghế dài ra, một ông kỳ mục chít khăn mặc áo dài thâm ngồi bên cái trống cầm châu. Cũng không ai biết cầm châu thường phạt câu hát, mà chỉ thỉnh thoảng điểm tiếng tùng, tiếng cắc giữ nhịp cho ấm đám, lại còn ra vẽ người bề trên ở chốn đình trung.

Trống và nhị theo tiếng hát vỡ nước đã réo rắt rào rạt nổi. Chung quanh ngoài kia tùm tùm người cha tới đám đã biết tối nay tích Lưu Bình, Dương Lễ - tích trò éo le mà có hậu được hát mở hàng.

Trời đã tối hẳn. Một chiếc đèn ba dây treo lên cạnh nhãn. Người ra vai đứng giữa chiếu mà bốn phía nhìn được, lại thuộc cả tích diễn, cả câu hát. Cái lúc Lưu Bình sang thăm Dương Lễ đồ được bổ về làm tri huyện sở tại. Này này thẳng lính lệ sắp bưng ra cái mâm gỗ có quả cà bát làm bằng nắm đất thó lẩn lóc. Thế mà như thật. Lưu Bình cau mặt phui áo đi. Lưu Bình vừa vào khuất thì nàng ba Châu Long đã khăn gói bước ra, quan Dương Lễ đứng trong hát với ra dặn dò vợ đi nuôi bạn.

Nàng Ba đuổi theo Lưu Bình, đến quán Nghênh Xuân thì gặp Lưu Bình đương dăm dăm nhìn dòng nước chảy, Lưu Bình phần chí định trầm mình chết trôi sao? Châu Long bước vòng qua, hát mấy câu đường trường thì vừa tới kịp.

Châu Long khuyên nhủ rồi đưa Lưu Bình về nhà. Từ đấy, canh củi và đèn sách bên nhau, hẹn bao giờ đại đăng khoa thì tiểu đăng khoa. Chỉ trên mặt chiếc chiếu, quanh quanh với bước đi và câu hát mà đủ mọi sự tình, đêm hôm và mưa nắng, mùa hạ sang mùa xuân, mấy năm qua. Luống những đầu mày cuối mắt mà ra hờ hững, mà lại dường như định ninh một câu thương nhớ ở đâu rơi xuống, đấy là Châu Long tự thán hay là ông trời xanh trong đêm đen kia than thở bỏ lời hộ người.

Những tưởng lúc chiều đông tựa cửa

Ngao ngán thay cho cảnh vợ xa chồng. Ngao ngán thay cho cảnh vợ xa chồng.

ối a... tình bằng... thế mà mê tới lẫn lóc cả cái sân đình. Chị em cái Vối, cái Nụ thương Châu Long quá. Châu Long đẹp thế, mỗi lúc một đẹp hơn, thương hơn. Tắm áo nâu non vạt thắt quả găng, cái khăn thâm mướt mà như cô tiên, cô tiên giáng trần tu duyên tích đức. Thương quá. Nước mắt cái Vối ứa ra lúc nào, đêm tối chẳng ai trông thấy ai, Vối mặc cho nước mắt chan chứa xuống. Chốc chốc, cái Nụ lại kéo áo chị, nhất là đến những khi đêm hôm Châu Long ngồi trong khung cửa, Dương Lễ nằm ngoài trường kỷ đọc sách, chốc lại buông sách xuống đứng lên những toan bước vào. Nụ lại kéo áo Vối, không biết là nó muốn Lưu Bình bước vào buồng cửa hay nó bảo chàng dừng... Mà sao lúc ấy tiếng hát Châu Long trong vắt, hay thế, yêu thế. Chị em Vối cứ như người thất thần cho đến khi trống tan trò, mọi người gọi nhau tìm đóm làm đuốc về, bấy giờ mới như sức tỉnh ra.

Đêm mười sáu, trăng tháng giêng, trời mù mịt trăng suông. Đóm đuốc về các ngã, bỗng rậm rịch bọn người chạy lại.

- Bắt lấy nó! Bắt lấy nó cho ông!

Qua điểm canh, thấy mấy người bị trói giật cánh khuỷu vào chỗ cái giá cắm đình ba, câu liêm.

- Kẻ trộm à?

- Ăn trộm người thôi!

- Thiên hạ đến chim gái làng thì cứ việc gô cổ lại.

Một người nói to:

- Chúng ông công con phường chèo thì bận gì đến nhà chúng mày!

Thì ra lúc tan trò, lũ này háu quá chui vào kéo cô Châu Long. Bọn trai làng xông tới, bắt được trói về đây. Bây giờ không biết thế nào, đâm ra lục đục cãi vã. Người nói chõ vào: "Gái làng chẳng phải, họ hàng cũng không, khéo ghen hão". Cứ thế ầm ĩ, loạn xạ.

- Đứa nào chửi ông? Đứa nào?

Như sắp choảng nhau to đến nơi.

Chị em Vối chạy vội vào trong xóm. Nụ cười rinh rích: "Thế mới rồi hơi, chẳng bận gì đến ai mà cũng nhiều sự". Vối nói:

- Nhưng mà thấy đẹp quá đâm ra đỏ mắt, tiếc của giờ.

Hai chị em tới nhà. Mẹ đã cài cửa liếp. Vách trong, tiếng tăm ăn rồi trên nong nghe rào rào. Với và Nụ chui vào cái giường nan vầu không mề lót lá chuối khô trong bếp. Hai đứa đắp chung cái chiếu đơn, co quắp mãi chưa ngủ được.

Với nói:

- Cái Châu Long đẹp nhỉ, tao cũng mê.

Nụ lặng im rồi thì thảo:

- Nó là thằng kép giả gái đấy, thằng kép thế em mới thích.

- Mà chỉ nói nhảm!

Chị em lại quần quai, trần trọc. Mỗi người một ý nghĩ cũng nên, cái ngủ khó đến quá.

Chẳng mấy lúc đã mờ sáng. Với trở dậy đi hái dâu. Với sắp quang sọt sớm hơn mọi khi, lúc mẹ cha dậy mở then liếp. Nụ để ý. Nụ ngờ phải. Với không xuống bãi ngay. Với rón rén vào góc cột tam quan, đến chỗ bọn phường chèo nằm. Cả đêm không chợp mắt, có lúc mơ mơ màng màng ngỡ Nụ là cái Châu Long. Thế mới bơ vơ!

Nhiều người nhà phường còn vui đầu trong ổ rơm. Một bác đã có tuổi, quần cái khăn tai chó, nhận ra bác ấy đêm qua ra vai lính hầu quan Dương Lễ bưng cái mâm gỗ với quả cà giả vờ. Tần ngần, không biết hỏi thế nào, cứ đứng một lúc rồi Với mới xuống bãi dâu.

Đến bên con đìa cạn trơ bùn, thấy có người lúi húi nhấc cái chũm đơm cá. Sáng sớm còn rét cắt ruột mà anh chàng giơ cái lưng trần tròng trọc, có lẽ đêm ngủ cởi trần. Hai con mắt sắc đuôi lá rằm, cái môi đỏ như đường ăn miếng trầu cay thế kia, trông đích là cái Châu Long đêm qua. Con Nụ tỉnh quá. Với ngây người, buông chiếc đòn gánh xuống mà không biết. Rồi ấp úng:

- Có phải... có phải...

Chàng nọ nhấc cái chũm bê bết bùn lên, nói tự nhiên:

- Phải, cái nàng ba Châu Long ấy mà. Đi đâu sớm thế?

Với nhác thấy trên mặt người ta còn một mảng phấn hay vôi dính chỗ hàng lông mày rậm. Nhưng miệng nhanh nhẩu thì vẫn xinh, vẫn cái duyên đêm qua.

Với che nón lên.

- Em ra bãi hái dâu.

- Ở chỗ này, con châu con chạch cũng chẳng được. Ngoài bãi có đìa nước...

- Có đìa, nhưng chẳng biết có cá không?

- Con nhái cũng được bữa đấy.

Rồi chàng ta xoe quần lên tận bẹn, vẫn cời trần tơ hơ thế vác cái nơm. Tay đôi bước thong dong, như vẫn xuống bãi thường ngày.

Cả nửa buổi trong cánh dâu chẳng úp được con quái gì. Mà Vối thì lại quang sọt về không.

Khuya hôm ấy, Vối ôm Nụ, cời khê: - Nó không phải con gái. ừ...

- Em đã bảo thế rồi mà.

- Sao mà biết, mà là con ma xó à?

- Trông hai cái chân to như bàn cuốc, em biết ngay.

Vối buông Nụ ra. Quả là con bé khôn hơn con ma.

Đêm nay phường ra chèo Trương Viên, ngày mai rã đám. Vối nói:

- Tích Trương Viên buồn lắm, tao chẳng đi xem nữa đâu.

Nụ đi một mình. Một lúc đã về, lạch cạch cậy liếp. Vối vẫn chưa ngủ. Nhưng hai chị em không nằm ôm nhau như mọi đêm. Nụ lẳng lặng xuống ổ rơm cửa bếp. Một lát, đã nghe tiếng thở rờn rờn. Nó đi cày ải cả buổi, ngủ mệt. Vối cũng xuống bãi hái dâu cả ngày, mỏi bã vai. Nhưng Vối không ngủ. Vối không muốn ngủ. Sớm mai, người ta đi rồi. Đã hện gà gáy tan canh ra cổng làng chờ nhau. Rồi bao giờ mới lại gặp? Tiếng gà xa xa mới tha thướt, còn khuya. Hai mắt Vối cứ chong chong.

Trong bóng tối, Vối chợt nghe không thấy Nụ cựa quậy trong ổ lá, im cả tiếng chập chờn. Vối lạ. Rồi Vối giật mình. Vối nhòm dậy. Thấy gian bếp như lạnh hẳn. Vối sờ cái thùng vẫn vắt vác áo. Không thấy chiếc thắt lưng tam giang Vối đã để sẵn ra đấy đợi thắt.

Vối quờ tay vào ổ rơm. Chẳng thấy Nụ đâu.

Vối chạy ra ngõ. Qua điểm canh, vẫn thấy mấy người trai làng khác, không biết có bị trói không, chúng nó ngả vào nhau ngủ ngời rụi đầu vào vách điểm. Đêm rã đám mà vẫn còn đuổi đánh nhau chuyện ghẹo gái.

Cái cổng tam quan lợp lá tối lù lù như mọc cây rơm. Vừa lúc trong chân tre các xóm, tiếng gà gáy tan canh sôi lên. Trong ổ rơm đã có người lúi húi dậy, ra nhóm lửa.

Đám chèo gồng gánh đi sớm. Cho đến lúc đi hết người cũng chẳng thấy người ta đâu.

Vối về dựng cửa liếp. Mẹ ngồi trong ổ rơm, hỏi vọng ra:

- Cái Nụ đấy à?

Vối bật khóc nước nở:

- Cái Nụ đi theo thằng phường chèo rồi.

Tháng giêng năm sau, làng Hạ lại chèo hát như mọi khi. Năm nay có phường xứ Đông lên xin đám, hôm mở đầu cũng ra tích Lưu Bình, Dương Lễ cho làng nước được bói chèo lấy may. Người ta lại cứ việc cười làng Hạ nghèo rớt, năm sớm kỵ thánh chẳng lo nổi con bò chia hàng giáp, chỉ hát chèo uống nước mưa, biết có ma nào đi xem. Thế mà rồi lại cũng như mọi năm, tối nào cũng đông bọn ngồi, và nửa đêm còn rình rập đuổi bọn trai lạ ghẹo gái làng, vừa quát chửi nhau, vừa cười hê hê.

Năm nay có cái tò mò, cái khác mọi khi là nhiều cô con gái trong làng, từ lúc bọn phường xứ Đông vừa ăn uống ở chợ xuống, đã ra nhòm ngó phường này có nàng Châu Long thật hay Châu Long giả.

Câu chuyện cái Nụ đi theo thằng Châu Long năm trước hãy còn râm ran. áp Tết vừa rồi, Nụ cùng chồng ẵm thằng cu con về tạ tội với mẹ. Có chai rượu và một cành cau bỏ trong cái tay nải, chồng đeo trên vai.

Vối vừa quảy đôi sọt lá dâu về đến ngõ. Anh chàng nhác trông đã nhận ra cô này mới phải cô hái dâu cái sáng sớm hôm mình đi đánh chũm ngoài đìa. Có chết không, lúc gà gáy ấy còn tối đất, chỉ nhớ cái thất lực nhiều tam giang, thế là lôi nhau đi.

Nụ bế con ra trước mặt Vối, cầm hai bàn tay thẳng cún chưa đầy tuổi tôi đỏ hỏn hỏn. Nụ cười cười:

- Con lạy bá đi nào!

Mục lục

⋮

Đọc cái phóng sự ngắn trên báo Công an Nhân dân tháng 5 năm 1999 mà cứ thấy mỗi chữ một rợn. Hay là vì lâu nay đêm hôm không mấy khi tôi ra đường nên mới sinh ra cái sợ thế.

Bài báo cho biết rằng bây giờ tối đến, ở ngoài phố có năm loại người ngủ đường ngủ chợ, thường thấy ở các phố, ở đầu ô và trên mặt đê nhiều nhất. Những nơi trú ngụ ma biến không nhà cửa phần nhiều ở quanh chân cầu, gầm cầu và giữa bãi cỏ, chỗ khuất gió. Đủ thứ lều bạt, cọc, dây căng, dựng lên, sáng ra lại rở đi từ lúc chưa tường mặt người. Hạng sang có màn, chiếu hoặc giường gấp giá thuê cao nhất đến bốn nghìn. Tuy vậy hạng nào cũng chỉ như nhau, khách tự do “ba xoa, hai đập” - nghĩa là ngồi đập chân mấy cái rồi lăn ra ngủ và sáng ra đưa tay lên xoa mặt, như con mèo giơ chân rửa mặt khan.

Có hai loại ngủ đường nay đây mai đó, mà số phận mỗi đêm cứ may rủi không như nhau, một cái màn tã, buộc hai múi dây vào mép cửa sắt nhà nào đấy. Sáng sớm, chủ nhà mở khoá trong - có khi chủ nhà ở đâu đến, mở khoá ngoài thấy người lục đục trong màn, thế là đuổi đánh túi bụi. Nhưng cũng có khi gặp vận đỏ, người ta mở cửa lại giúi cho năm trăm một nghìn “công canh cửa đêm hôm”. Lãi quá. Còn ngủ xó tường, những người bạ đâu nằm đấy, chẳng bận đến ai, mặc mưa mặc rét, thì chớ thấy ở đầu ô Kim Mã có một nhà trọ hăn hoai, nhưng mà loại này lộn xộn yêu tinh nhất. Khách có đấy là mấy chục đàn ông, đàn bà ngủ chung. Hai hàng chiếu trải dọc nhà, hai ngọn đèn trên trần sáng suốt đêm. Mọi người nằm úp thìa, đầu đàn ông đầu đàn bà chống ngược nhau, chân hai bên thò ra mép chiếu đằng kia.

Cũng theo bài báo viết, mỗi ngày bây giờ có chừng hai ba trăm nghìn người lang thang các nơi vào thành phố kiếm ăn. Như vậy, cũng độ ngàn ấy người ăn ngủ quờ quạng trong bóng đêm ma quái ấy. Lão ấy tò mò đến các quán trọ đầu ô Kim Mã. Thành phố vừa lên đèn, lão lò dò đi. Cái nhà trọ đàn ông và đàn bà nằm chống đầu vào nhau ở đầu ô hỏi một cái người ta chỉ cho ngay.

Mới chập tối chưa mấy người về, lão chưa trông thấy cái cảnh năm ngổn ngang xuôi ngược như trong bài báo đã viết. Nhưng hai hàng chiếu đã trải, và trong ánh đèn điện lù mù muỗi bâu đã có những người trông nhá nhem chẳng biết đàn ông hay đàn bà, từng bọn ngồi thì thảo rì rầm. Một người đàn ông cời trần ngồi ngay ngoài, cửa. Hăn gầy móp, hai cánh tay như hai ống sậy. Nhưng tiếng hăn quát rất to:

- Thăng già kia, đi đâu?

- Tôi..., tôi...

- Chích..., choác... hả? Có muốn chết không? Cút ngay

Hắn xô đến, đẩy hất lão ra cửa.

Năm trước, tôi có dịp đến thành phố Quảng Châu. Quảng Châu có sáu triệu dân, đông hơn Hà Nội nhiều, cũng là thành phố đang phát triển. Cũng tương tự Hà Nội, số người đến thành phố tìm việc nhiều nhất là người lao động ở quanh vùng các làng quê ra. Thế mà trên đường không thấy đâu có chợ người như ở các đầu ô thành phố ta.

Tôi hỏi:

- Quảng Châu giải quyết vấn đề người trong làng ra thành phố tìm việc thế nào?

Trả lời:

- Chúng tôi có kế hoạch về làng lấy người. Tất nhiên có đủ loại người, loại việc phức tạp, việc tự do ra thành phố.

Tôi đã trông thấy thế và nghe nói thế ở Quảng Châu, xin kể lại.

Nguồn: Cái áo tể (Tập văn, truyện ngắn Tô Hoài, nhà xuất bản Hội Nhà văn 2004)

(Tập văn, truyện ngắn Tô Hoài, nhà xuất bản Hội Nhà văn 2004)

Mục lục

⋮

NHÀ NGHÈO

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

:

Họ thường cãi nhau vì những chuyện rất nhỏ nhen, không có nghĩa. Cái đó cũng đã thành một thói quen. Lúc nào họ ngửa miệng, muốn to tiếng, là to tiếng liền. Hàng xóm bốn bên bị nghe chán cả tai, không buồn nghe nữa. Cũng như thế, hôm nay hai vợ chồng anh Duyệt cãi nhau làm ầm lên. Đầu tiên, có gì đâu! Khốn nạn, câu chuyện rắc rối chỉ chớm như thế này:

Anh Duyệt thì nằm trong nhà, ghếch hai chân lên cột, ư ử mấy câu Kiều lấy: Trăm năm trong cõi người ta. Chữ tài chữ mệnh mấy là ghét nhau. Anh ngâm đương có hứng. Cái cột nhà rung lạch cạch với hai bàn chân. Chị Duyệt ngồi đụp áo ngoài sân. Bỗng nhiên, không hiểu việc gì, chị ta muốn tìm cái Gái. Trông ngoài đầu ngõ không có. Chị gọi:

- Gái ơi!

Không có tiếng đáp. Chị réo:

- Ối... Gái ... ời ời ... Gái ...

Vẫn im. Chị lại réo:

- Ối ... Gái ... Cha đẻ mẹ con chết dẫm, ngã xuống ao xuống chuôm nào rồi !

Đương ngâm vịnh có người làm rầm rĩ, hồng mất thú. Anh Duyệt nói trở ra:

- Làm cái gì mà nặng lên thế! Có im đi không?

Chị không im. Chị nói thêm:

- Người ta gọi nó mà cũng cấm hả?

Chưa thôi, chị lại đay:

- Năm chông lên đấy, hát với hồng, được cái tích sự gì !

Cái chỗ này mới là cái tức. Vợ anh bảo anh năm chông lên đấy, hát với hồng. Ra ý mĩa anh không đi làm bữa nay, vô tích sự đấy. Này, trời ! thực con đàn bà kia ăn nói những điều phụ công phụ của quá đỗi. Cả năm anh đi làm quần quật. Họa có ngày “đăng ấy” người ta hết việc, mới được nghỉ như hôm nay. Rồi rồi thì anh nằm một tý, chứ sao. Nó láo quá. Anh ta bèn mắng:

- Tao bảo cho con què biết rằng hai cái bàn tay này mà rời việc ra độ mười bữa, thì mẹ con nhà chúng mày rã hòng ra! Đừng có...

Anh cũng không biết “đừng có” thế nào nữa. Anh im. Chị Duyệt đáp rằng:

- Người ta làm lắm người ta ăn nhiều chứ! Đây què thì đây cũng làm sao. Thử sờ lên gáy mà xem.

Thế là người ta đã nói cạnh nhau. Chị Duyệt vốn có tật ở chân bên phải từ thuở lọt lòng. Không bước được ngay ngắn chị đi tập tễnh, tập tễnh như con vịt què. Đã mang tật lại là con nhà nghèo, nên ngót ba mươi tuổi chị mới lấy chồng. Mà chồng cũng chẳng được ra hồn chồng. Anh Duyệt nguyên là người ở đâu đến ngụ cư ở đây. Ngụ cư đi làm mướn, chứ cũng chẳng danh giá gì, lại thêm lưng có cái bướu. Bướu đi thực ưỡn ngực mà nom vẫn như đeo thè lè chiếc nệm rượu giữa lưng. Khi anh gặp chị, thì đôi bên đã là cảnh xế muộn chợ chiều cả rồi, cũng dư dãi mà lấy nhau tự nhiên. Và họ sinh con đẻ cái với nhau cũng thực là dư dãi và tự nhiên. Hai năm một, ba năm đôi thắm thoát có mấy lứa mà đã riu rít được những ba đứa. Con Gái, con bé đầu lòng. Rồi thằng Cường, thằng Chân. ấy là bỏ mất hai đứa về sau, nếu không, còn lút nhít những năm đứa. Thêm ba miệng con ăn, cũng đã là khổ lắm rồi. Nhiều khi vợ chồng cãi nhau om sòm lên cũng chỉ vì vấn đề mấy đứa trẻ nhãi ăn không ngồi rồi đó. Con Gái nhớn, đã biết nhiều lần cha mẹ cãi nhau, nó hóc thút thít. Thằng Căng thì dặt thẳng Chân, xúm lại xem. Chúng nó đứng tây ngáy. Mắt nghếch lên, hai tay chấp ngoạt sau hông, ra điều nghe ngóng.

Bữa nay, hai vợ chồng cãi nhau, thì chúng đi chơi vắng. Nhưng đến lúc cơn bão cãi nhau nổi hăng chúng ở đâu lù lù dẫn nhau về. Con Gái công thẳng Chân. Thằng bé ngất ngưỡng ngủ, ngoẹo một bên đầu, dãi và nước mũi chảy lòng thông. Thằng Căng chập chững đi sau lưng chị. Nó giả cách đương làm quan. Cầm cái roi lá nó cứ phết đen đét vào cánh tay chị Gái, và chửi rầm rĩ. Nhưng vào đến trong sân, nghe tiếng bố mẹ nói to, Gái đứng yên mà Căng thì tung hứng, Chỉ có thằng Chân vẫn ngủ khò khè. Lúc ấy, cáu quá anh Duyệt vừa nói nặng vợ một câu.

Anh vừa nói xong, thì người vợ vừa trông thấy lũ con dẫn nhau vào, chị ta liền lu luoa:

- Ấy đấy, chúng mày về mà nghe bố chúng mày chửi tao.

Cáu, anh Duyệt vắng:

- Ủ, ông chửi cha con què đấy.

Lập tức mẹ Duyệt ôm mặt, khóc tí tí. Rồi mẹ lên điệu kể lể. Nhưng không phải là kể lể với chồng, hay với ba đứa con, mà là kể lể nỉ non với cái bức vách trước mặt. Mẹ khóc kể rằng:

- Ồi thiên địa trời đất ơi! ời cha ơi! ời mẹ ơi! tôi ăn ở với người ta chẳng gì cũng năm bảy mặt con, con sống, con chết có, mà nỡ nào người ta réo ông réo cha tôi lên. Cái thân tôi cực nhục trăm đường.

Tôi buộc bụng nuôi con... hu ... hu ...

- Mày đẻ lắm thì mày nuôi nhiều

- Ồi ông cả bà lớn ơi! ... A bấy lâu tôi nằm (ở) với ... chó đấy a ...

Anh Duyệt đừng đừng chạy ra, định thui.

- Chó này!

Nhưng anh chưa thui, vợ anh đã lăn kên ra. Tay chân múa lên đành đạch. Miệng rên rĩ:

- Anh đánh chết tôi đi! Anh đánh chết tôi đi !

Hai đứa con thấy bố làm dữ, sợ quá ôm dúi lấy nhau khóc inh ỏi. Nằm trên vai chị, bị thức giấc, thằng Chân cũng bật khóc theo. Cả một góc xóm vắng lên những con chó, nằm rồi chẳng biết chuyện gì, cũng hóng mồm căn xuống. Anh Duyệt tức lắm rồi, cơn nóng kéo đến đầu anh. Những chiếc gân xanh ở xung quanh trán và cổ nổi chiếc đũa lên. Giậm hai chân bạch bạch, anh quát:

- Ông giết chết cả lũ! Ông giết chết cả lũ, rồi ông đâm cổ ông xau. Những của nợ kia, ông xử chúng mày trước, rồi đến con mẹ chúng mày.

Những của nợ khiếp vía, búa nhau, chạy miết. Chị Duyệt cũng lật đật trở dậy, ôm váy lạch đạch ra ngõ. Duyệt quay vào bếp, tìm được con dao phay hồng học chạy ra, thì cái sân đã không còn ai. Anh quăng con dao đánh “choeng” một tiếng xuống đất.

- Từ giờ đến chiều ông bắt được đứa nào thì ông giết chết tươi. ời trời ời! Chúng mày làm khổ ông! Ông mà đến nỗi thân tàn ma dại thế này, cũng vì chúng mày. Chứ một mình ông đâu đến nỗi.

Ngoài ngõ có tiếng nheo nhéo đáp vào:

- Nào tôi ăn tàn phá hại gì của ai? Nào tôi bòn rút của chìm của nổi gì của ai? Một lời nói một đọi máu, ăn nói còn có trời đất, có quỷ thần hai vai chứ!

Thế này thì Duyệt uất đến chết được. Nó cứ núp ngoài kia mà dội vào từng tiếng. Anh đuổi, nó lại chạy. Anh uất quá, uất quá. Uất run mười đầu ngón tay bần bật. Anh phải đập một cái gì cho đã. Trong nhà chẳng có thứ gì khả dĩ đập được. Cái giường, cái án thư, cái cột, toàn những đồ gỗ đau tay. Có con dao, thì anh đã đập lên đập xuống nhiều bận rồi.

Ngoài cửa, con mụ lắm điều lại la trời, la đất. Trời ở đâu mà la. Đất thì giẫm dưới chân đó. Kêu lắm mồm miệng. Nhưng mà như chọc dao vào trong óc anh. Vụt một ý, anh Duyệt cũng kêu rất lớn:

- À, mày đã khỏe to hòng, ông đốt nhà cho mày xem.

- Anh đốt nhà thì hàng xóm bắt vạ anh.

- Thì ông đi ngồi tù cho chúng mày đi ăn mày cả lượt....

Mụ vợ đứng ngoài bờ rào, ngó thấy chồng hăm dọa, hực hực đi tù lửa, vội kêu chóc:

- Ôi ông cả bà lớn ôi! Nó đốt nhà... Thằng Duyệt nó đốt nhà ... Nó ...

Chẳng có ông cả bà lớn nào chạy đến. Ai cũng đi làm muộn, cửa ngõ đóng trở ra. Nhưng rồi loanh quanh mãi vẫn chưa thấy anh Duyệt đốt được nhà.

Thì ra, bởi vì nhà không có một chút lửa. Đã hai năm nay, chưa mua được một bao diêm nhỏ. Mỗi bận thổi cơm, cái Gái vẫn phải ra tận đầu xóm xin lửa. Và tối thì đi ngủ cùng mặt trời. Biết vậy, chị Duyệt yên trí, lại sắp hờ trời hờ đất. Xong đã nào thôi.

- Mày tưởng ông sợ? Ông đi xin lửa cho mà xem.

Có lẽ anh toan chạy đi xin lửa thực. Và chị vợ cũng sửa soạn kêu nữa. Nhưng trên không trung, từ ban nãy, ông trời bao la đương đau bụng, xám xịt lại. Bụng ông sôi ục ục, reo róc róc. Bấy giờ bỗng nổi gió giật, lạnh ngắt, rồi đổ xuống một trận mưa lớn.

Bấy giờ là đầu mùa hè. Trời đất rất ít mưa. Những đã có trận nào thì mưa rõ cho ra chuyện.

Trận mưa đó thực to. Trời đen kịt. Nước xối xuống rào rào, trắng xóa. ở những vườn chuối, nước dội lũng bùng như trống đánh. Từng cơn gió chạy dài rít lên đập đùng đùng. Những mảng sân thấp, nước ngập lưng thêm. Được độ một lúc lâu, mưa dần dần ngớt. Những đám mây nước tầng mỏng bay nhanh như biển. Mặt trời ló ra. Trời đất sáng ngời. Mầu lá cây xanh mướt. Những con chim sáo sậu nhanh nhẩu bay linh tinh, hót từng hồi véo von thực dài. Mưa tạnh.

Bấy giờ khắp làng bày ra một cảnh lạ mắt. ở các ngõ lối nhỏ chạy ra từng đám người. Đàn ông thì cởi trần tròng trục, đánh chiếc khố đơn. Đàn bà phong thanh cái yếm, đội sùm sụp chiếc nón. Còn trẻ con thì trần truồng như những viên đá cuội. Người ta chạy đổ xô ra các ngạch cổng, các bờ ruộng và các luống vườn. ở tay mỗi người lằm một cái giỏ. Họ chen nhau, chạy tới tấp.

à, trời vừa mưa xong. ở những mặt sân đất, sôi bong bóng. Trong các lỗ giun ngập nước quẩn quại tòi lên. Trong các bụi cây rối và ướt, từng đàn nhái và từng đàn chẫu nháy ra. Nhờ có trời mưa ngập nước, con giun con sâu nhồi lên, chúng ra kiếm ăn. Những con nhái cồm mình lấm tấm xanh. Những con nhái chỉ dòng dọc trắng chạy suốt lưng. Những ông nhái cụ, to và đen nhũ con cóc, nhảy oai vệ và chậm chạp. Chẫu cũng đủ các hạng to nhỏ. Những chúng lớn hơn nhái, da dẻ bóng mỡ, thân hình có chạnh, có góc rõ ràng. Đôi mắt lồi cườm lơ lảo. Vòng chân xếp lại, nhảy thoăn thoắt, rất nhẹ. Chúng đớp kiến và giun nhanh quá. Cái mồm há ra đỏ hồng, tép một cái lại ngậm. Tép, tép, tép. Chúng đớp nhoay nhoáy. Chúng kéo ra kiếm ăn.

Và người ta cũng kéo đi cả đàn cả lũ để bắt nhái và bắt chấu.

Không hẹn, mà cha, con, chồng, vợ nhà Duyên cũng ập nhau trong cái đám đông đi bắt nhái bắt chấu này. Mưa tạnh, chị Duyên chẳng biết trú ở đâu xon xon chạy về lấy giỏ. Thì chị đã thấy khuyết hai cái rổ treo trên đầu bếp. Anh Duyên và cái Gái đi ra vườn rồi. Thằng Chân và thằng Căng đã được con bé nhốt cẩn thận vào bầm phản, bốn bề chắn gỗ kín đáo. hai đứa trẻ loanh quanh cứ bò lổp lỏ như hai con chó con. Chị và bố chúng đi bắt nhái. Anh Duyên đã quên giận vợ, nghĩ đến bữa cơm chiều nhiều hơn. Bữa cơm mà cái thịt nhái nướng thơm phức, chấm với muối ớt, nhai dòn rau rầu, ngon tuyệt.

Chị Duyên cung cúc vác giỏ chạy. Người ta đã đổ ra nhiều quá không bắt mau, hết mất. Chị gặp chồng. Cái thằng phải gió đó chịu khó vồ nhái ra ráng. Mặt nó không sưng sía lên nữa. ấy vậy mà lúc này nó đã hùng hổ định giết con, giết vợ và đốt nhà.

Chị Duyên gặp cái Gái. Nó giơ giỏ lên khoe với u. Cái giỏ đã được lưng lửng. ở trong nhái xô nhau oe oé. Con Gái nhe hai hàm răng sùu đen xỉn, cười toét. Rồi nó lại lư mư vác giỏ xuống một vệt ao gần đấy. Trong khi mẹ nó tất tả đi ra miệt đầu đình.

Gái rón rén bước. Nó vạch xem từng ngọn cỏ. Những cây cỏ nước xanh om, vươn cao ngọn, lò xo cửa vào người, khiến nó ngứa ngáy khó chịu. Nhưng mỗi lần túm hoặc vồ được một chú nhái bẻ gãy hai chân sau bỏ tót vào giỏ, thì nó lại cười tùm một mình. Nó lần theo vệt ao, khuất sau mấy rặng dừa dại lờm chờm. Nhái nhảy lồm bồm xuống nước. Những chòm dừa xòe những cẳng tay gai góc ra xung quanh.

Cuộc bắt nhái đã vãn. Ai nấy ra về. Anh Duyên xách giỏ về trước. Thứ đến chị Duyên. Thằng Chân và thằng Căng phải tù trong gầm phản đang khóc be be. Chị Duyên đưa cái giỏ nhái của mình cho chồng rồi chạy lại gỡ gạch, bế hai đứa con ra. Chị nựng con cho chúng nín. Anh Duyên ngồi ngẩn ngơ nhìn hai giỏ nhái. Nét mặt anh đờ đẫn. Có lẽ anh đang tưởng tượng đến bữa nhắm thú vị chiều nay. Bỗng chị Duyên nói:

- Này, con Gái chưa về nhi? Nhà đi gọi nó xem...

Giọng chị ả dụ lại. Chính anh Duyên cũng không còn tưởng tượng được rằng lúc này mình vừa cãi nhau kịch liệt với vợ. Anh đứng dậy, đi ra ngõ. Vừa đi, anh vừa lẩm bẩm: “Tiên nhân con tuyệt tự, đi đâu thì chết dấp ở đấy”. Rồi anh gọi:

- Ó! Gái!....

ở trong sân, vợ anh nói với ra:

- Nó đi về phía ao nhà ông cả Tràng ấy. Để mẹ con ranh con!

Anh Duyên lội xuống bờ ao nhà ông cả Tràng, về phí có nhiều cây dừa dại, thì anh trông thấy cái Gái. Nhưng anh thấy cái Gái nằm gục trên cỏ, hai tay ôm khư khư cái giỏ nhái. Lưng nó trần xám ngắt. Chân tay

nó co queo lại. Vừa lúc ấy, miệng nó ngoáp ngoáp mấy cái; đôi mắt lộn lòng trắng lên mấy lần. Rồi nhắm hẳn. Chân tay nó duỗi ra. Con bé giấy chết rồi.

Người bố nhìn đứa con giấy chết rú lên một tiếng quái gở. Tuy cuống lắm, nhưng anh cũng còn nhìn thấy ở ngay bên vệ ao trên lớp bùn phẳng mới nguyên một lối bò dài như cái sào lúa còn hẳn lại.

Duyệt cúi lay xác con bé. Anh nghĩ chột rằng bấy lâu nó vào cửa vợ chồng anh, cực khổ trăm đường. Trong người nó có bao nhiêu xương sườn, giờ hết cả ra. Thương ơi! bây giờ nó bỏ nó đi. Hai hàng nước mắt nhỏ ròn ròn. Anh ghé vai, xốc con bé lên. Hai tay nó còn mềm hơi nóng. Nhưng hai chân đã cứng nhẵn. Anh công xác con, chạy về.

Tô Hoài, Bến Ray, Tháng Chạp 1942

Mục lục

⋮

Đi chợ, đi ăn phải chọn, phải mặc cả, hễ giá cao chỗ giá thấp, người mua lúc nào cũng lo bị hớ, người bán thì lúc nào cũng thề bồi, cha chết mẹ chết con chết, ngày nào cũng làm con chó ăn cứt nếu nói điều, nếu gian dối, trong khi đương nói điều, đương gian dối. Ấy là quang cảnh chợ búa hôm xưa và hôm nay vẫn thế.

Ai còn nhớ trên dốc Hàng Than ngày trước chỉ có một cửa hiệu bánh cốm Nguyên Ninh, các làng cũ quanh Hàng Than cũng không có nghề gia truyền về bánh cốm. Ấy thế mà bây giờ thì không những ở dốc Hàng Than mà còn ở nhiều phố cũng quảng cáo “Bánh cốm gia truyền dốc Hàng Than”. Tên hiệu hai chữ thế nào cũng nhái chữ Nguyên hay chữ Ninh hay cả hai chữ, nhưng nhập nhằng là Nguyên Ninh mà nào bánh cốm có ra làm sao. Cái hộp thì in giả lạt đỏ buộc, miếng bánh bọc giấy bóng, còn bánh thì các cụ bữu môi: “Mỏng như cái lưỡi mèo”.

Cái nghề làm chả cá ở phố Hàng Sơn gốc của nhà họ Đoàn, sách báo đã nói rõ nhà ấy, chỉ có nhà ấy, có lẽ vì thế mà không ai lộn sòng, xưng mấy đời chả cá. Nhưng chẳng qua cũng bởi bán món tươi sống, nhờ ế đôi ba hôm thì lỗ vốn chết không kịp ngáp, nếu dễ dàng hơn chắc người ta cũng dễ dàng nhái lắm. Lại còn không có cũng bịa ra, ấy là cái phở “gia truyền Nam Định”. Cái nhà phở Thìn Bờ Hồ cũng thường thôi. Thế mà lắm nơi treo bảng “Phở Thìn Bờ Hồ”. Thật ra ông phở Thìn được tiếng phở chỉ vì cái hồi ấy máy bay Mỹ hay đến giội bom Hà Nội (ông chủ quán chim quay Tiểu Lạc Viên nửa đêm nghe bom ném cầu Long Biên, ông đứt mạch máu não). Người chơi khuya không tìm đâu ra được bát phở ăn đêm, chỉ có quán ông Thìn dám bán phở quá 12 giờ đêm. Có khi đương ăn phải bưng cả bát phở chạy sang bên Bờ Hồ đứng trong hố cá nhân ăn nốt. Tôi cũng đã là người ham ăn, nhiều đêm phải ăn chạy bom ở hàng ông Thìn, trong khi ban chiều máy bay ném bom bi cả xuống cây đa đền Bà Kiệu.

Bánh cốm nhái chữ Ninh, chữ Nguyên, bánh đậu xanh có chữ Hương ở Hải Dương, lại phải kể đến nhái nhãn hiệu nước khoáng. Có hồi, nước khoáng Lavie (La vie, tiếng Pháp: sự sống), thấy nhan nhãn nước khoáng La ville (La ville, tiếng Pháp: thành phố) thật vô nghĩa. Nhưng lại còn vô nghĩa và dã man đến độ nhái bọt mạng: La viol (viol, tiếng Pháp: cưỡng dâm). Cái nước khoáng Viol chỉ thấy lập lờ một dạo rồi biến. Chắc có người chửi thẳng ăn cắp dốt và liều quá.

Chỉ có làm giả bột ngọt Azimato, rượu vang Boócđô thì bị phạt và ra toà, còn pháp luật chưa để mắt tới nhái, trong khi nhái cũng là hàng giả. Lại cái bánh dày Quán Gánh, lại cái tương Bần. Có phải cả vùng Quán Gánh làm bánh dày đâu. Ngày trước, bánh dày nhân đậu Quán Gánh ngon thật. Nhưng chỉ có mỗi một bà hàng nước với ngồi ở Quán Gánh làm bánh dày bán kèm với trứng vịt luộc.

Bây giờ ven quốc lộ qua Quán Gánh dài dài có đến trên hàng cây số treo bảng “Bánh dày Quán Gánh”. Bánh dày xếp la liệt, cao có ngọn mà tuyệt nhiên không thấy khách ngồi ăn bánh dày uống nước với như ngày xưa.

Bởi vì bánh dày bày bán cho khách qua đường ngày nay không phải khách bộ hành, không phải là ông hay tôi đi xe đạp, xe máy qua mà là các xe chở khách, xe vận tải Bắc Nam đổ xuống mua. Khách phía Nam rời thủ đô muốn mua cái gì đặc sản Hà Nội đem đi. Không phải cái báu ngọc gì đâu, mà chỉ là những vật vĩnh mà trong kia hiếm không có, như quả sấu, gói ô mai mơ, thì bánh dày Quán Gánh cũng là một món quà thời thượng. Chỉ có khách xa quý Hà Nội lắm mới tải đi cả phố bánh dày thế được.

Cái tương Bần đựng vào những can xăng vàng choé - vùng Bần có tiếng tương ngon, nhưng cũng không bao giờ có cả phố bán tương Bần như bây giờ. Ngày trước, cả Hà Nội chỉ có một nhà bán tương Cự Đà ở vùng phố cổ. Các ông các bà hàng quán ấy mà có đôi chút lương tâm thì may ra còn được ăn tương tử tế, nếu không thì chỉ gặp những thủ đoạn chợ búa bất nhân. Cũng dễ lắm, bởi vì khách mua tương rồi đem đi xa cả mấy ngày đường. Lại là khuất mắt mà.

Bất giác, nhớ một chuyện đều. Hồi ấy, các ga xe lửa còn cho hàng quà các thức bán lên tàu và đi quanh hai bên cửa sổ. Toa ăn của tàu thì nhà tàu chơi ác, cho mọc ngay sau cái đầu máy, lặn lội trèo qua hàng chục toa người mới lên tới toa ăn thật rắc rối, khó nhọc. Nhiều hành khách cũng như tôi, đành với tay ra cửa sổ, mua cái bánh chưng, bánh dày thế cũng xong bữa.

Chỗ ấy quãng qua ga Đồng Văn. Tôi với tay ra cửa sổ, mua cái bánh trưng. Tàu chạy, bóc bánh ăn, ở trong là một cục đất sét. Cục đất nặn cũng nóng nóng như vừa mới vớt ở nồi ra. Từ cái bánh chưng, bánh dày, lọ tương, lọ nước khoáng còn con đến những chuyện to dự án B, dự án C và những công trình lớn thì thế nào, có ăn cắp, có làm giả không, có chứ, bởi nó cũng là dây dợ họ hàng của những kẻ mua người bán ngoài chợ quen ăn không nói có và cái thói thề bồi xoén xoét đương xảy ra.

(Chữ nhái, tôi vẫn cho là một tiếng thường dùng ở phía Nam. Nhưng tra Tự vị tiếng Việt miền Nam của Vương Hồng Sển không có. Từ điển Từ và Ngữ Việt Nam của Nguyễn Lâm thì viết: Nhái: bắt chước, nhái mẫu hàng, nhái một thứ hàng. Bạn nào biết gốc tích rõ hơn, xin trao đổi).

Mục lục

1. Một Lớp Người:
2. Nguyễn Huy Tưởng:
3. Người Bạn Đọc Ấy:
4. Nguyễn Công Hoan:
5. Nguyên Hồng:
6. Như Phong:
7. Trúc Đường:
8. Nguyễn Bính:
9. Trần Huyền Trân:
10. Vũ Ngọc Phan:
11. Vũ Bằng:
12. Vân Đài:
13. Trọng Hứa:
14. Võ Huy Tâm:

NHỮNG GƯƠNG MẶT - CHÂN DUNG VĂN HỌC

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

1. Một Lớp Người:

Những điều ấy khác nhau như mưa với nắng hoàn cảnh người cầm bút hôm nay với người cầm bút chúng tôi ở lứa tuổi thanh niên. Chúng tôi những cánh bèo vật vờ. Có thể phôi phới ra biển khơi mênh mông. Có thể giạt lên khô héo trên bờ cát.

Ngày nay, lớp lớp các bạn lớn lên, phát triển giữa cuộc sống không phải chỉ bằng vào mong ước, mà ở ngay trong tổ chức, trong đội ngũ.

Ví dụ đơn giản, một nét lớn nét chung về cuộc đời một cây bút ở lớp người cầm bút trẻ. Bạn ấy tốt nghiệp nhà trường phổ thông, trường trung cấp hay trường đại học. Rồi vào thực tế đời sống: đi bộ đội. Vừa qua chiến đấu chiến trường B, chiến trường C, bây giờ trên biên giới hải đảo, hoặc đi làm nhiệm vụ quốc tế bên Lào, bên Căm-pu-chia. Hoặc bạn ấy làm công nhân ở nhà máy, ở xưởng, ở cơ quan, ở công tác nào mà xã hội đòi hỏi và bạn có chuyên môn. Trong khi ấy, bạn thích viết văn, làm thơ, tự rèn luyện rồi viết thử, rồi ham mê dần và viết ngày một khá hơn. Đã lác đác có bài in trên báo, đã có lúc phẩm xuất bản. Rồi thì vẫn cảm thấy chưa đủ tri thức cho người viết, bạn đi học lớp báo chí, lớp chính trị, lớp viết văn, những việc cần để hồ túc cho nghề mà bạn say mê.

Nét chung ấy đang thấy ở những người cầm bút có triển vọng hôm nay. Chế độ tạo ra điều kiện, không phải chỉ cho một ai, mà cho cả một lớp người, một thế hệ. Thật khác chúng tôi ở tuổi ấy trước kia. Không biết có phải người có tuổi thường hay vui buồn nặng về kỷ niệm, nhưng nhìn lại đời văn của một lớp người không bao giờ tôi quên được những hiu hắt, những chua xót, những nỗi niềm những mong chờ dường như vu vơ.

Tôi có biết ít nhiều về nhà văn Nam Cao, từ quãng 1940 cho tới 1951: ngay trước ngày anh hy sinh năm 33 tuổi trên đồng bằng sông Hồng, thì khi đó Nghĩa Đô làng tôi, khi ở Đại Hoàng quê anh khi Hà Nội hay trên Việt Bắc, chúng tôi thường ở cùng nhau.

Chúng tôi cũng mang khá đủ tính nết và tâm tư thường thấy trong lớp người túng bần mà có chút chữ nghĩa ở xã hội ấy. Dân nghèo ở chợ không coi chúng tôi là những người khổ rách áo ôm như họ. Mà cũng không muốn bị khinh rẻ thế, chúng tôi cũng không có tính nết của những người khốn cùng ấy. Những nghĩ ngợi trong đầu óc chúng tôi khó đọng lại một cái gì là khẳng định. Tầng lớp trên nhìn chúng tôi là những kẻ mà họ xia tiền ra, có thể gọi dạ bảo vâng được. Mặc dầu, có khi âm thầm vắt tay lên trán mà nghĩ nước đời đến nông nổi ấy chúng xấu hổ, tủi nhục. Đối với xã hội cứ vừa nhìn ra cái bất công lại vừa loạng quạng mơ hồ. Lẫn lộn thấy và không thấy. Rồi thì tâm trạng vẩn vơ, quẩn quanh và cúi mặt. Rồi thì vừa bức bối, vừa buồn thương. Ở những người nào đó có được đôi chút niềm tin và mong ước, có thể anh ta đã biết bức bối

và chán chường không phải chỉ đối với thời thế, mà cả với chính mình.

Nam Cao lớn lên trong một gia đình khá giả bị sa sút. Nhà anh gốc quê, nhưng ra làm ăn ngoài tỉnh khấm khá nên dọn cả ra tỉnh. Bố anh buôn gỗ và có cửa hàng đồ gỗ tiện ở thành phố Nam Định. Nhưng rồi ông rượu chè, cờ bạc. Tiền kiếm được không lại với ăn tiêu, cơ nghiệp cứ xuống dần. Rồi qua một vài chuyến buôn bán thua lỗ, bị mối lái lừa đảo, đâm khánh kiệt.

Bố anh phải bán cả cửa hiệu, trở về làng, nghèo khó hơn trước và tất nhiên trong nhà lục đục hơn trước. Cứ trông cuộc đời mấy anh em nhà Nam Cao cũng có thể thấy vẽ ra quang cảnh nhà anh và xã hội đổi thay thế nào. Nam Cao, anh lớn nhất, được học đến tốt nghiệp tiểu học lên bậc thành chung, mười một năm. Các em trai anh không biết cửa trường học ở đâu. Người thì gồng thuê gánh mướn, sống đời cố nông. Người đến tuổi, đi sở mộ vào Nam Kỳ làm phu cao su. Riêng có người em trai út, năm 1945 mới là thiếu nhi, đến 1954, khi hoà bình lập lại, được đi học thành kỹ sư.

Nam Cao kể với tôi khi anh đã lớn, biết rõ việc nhà, anh rất ghét bố anh. Tất nhiên ghét theo cách lặng lẽ của Nam Cao. Bây giờ ông cụ mất đã lâu.

Nhưng tôi tưởng ngay cá lúc sinh thời, cũng không bao giờ cụ biết được có lúc người con cả của cụ lại nghĩ về mình như thế. Ghét bố, bởi chỉ vì bố mà gia đình phải tay không về làng. Vì bố mà các em anh không đứa nào biết mặt chữ. Vì bố mà... bao nhiêu tội lỗi ở cái nhà này đều vì ông ấy cả. Có lúc anh dương cười to, chợt nhận thấy hình như mình có cái dáng vừa cười vừa gơ tay, bố anh cũng hay cười và gơ tay thế. Nam Cao cố chữa cho không cười và gơ tay giống vậy. Nam Cao cực ghét người đánh bạc và không biết cờ bạc là gì. Nam Cao kiếm lại những cử chỉ, các sinh sống, cái gì có thể giống bố, nhất định làm khác. Nhưng ngẫm nghĩ, rồi lại thương. Ông ấy phá, ông ấy làm ra, rồi ông ấy phá, công của ông ấy chứ nhà này ai để được đồng tiền nào mà căm ghét gì ông ấy. Thế là lại thương, thương bố, thương mẹ, thương bà nội, cụ ngoại sống lâu quá, thương vợ, thương thân, thương những người đã cùng túng lại cứ căn vặn cấu xé làm khổ nhau trong cái bể khổ đầy vơi khắp thế gian này.

Cứ giận dỗi lại xót xa, lại hối hận như thế.

Nam Cao lấy vợ được chưa đầy một năm thì anh đi Sài Gòn. Cũng chẳng có mục đích gì mà đi. Duyên do vì ông Lễ, một người cậu họ có cửa hàng may đo Tây ở trong ấy. Ông cậu muốn có một người nhà vừa sổ sách, vừa tay hòm chìa khoá, thế là ông về mang cháu đi.

Cũng không phải chàng thanh niên này thất tình, thất chí gì đâu. Vợ chồng lấy nhau do cha mẹ gả bán từ khi còn ít tuổi, theo phong tục thông thường thời ấy. Cũng khó khăn đôi chút, vì chị ấy người bên lương, nhà anh đi đạo, nhưng họ đạo xoi đổ mà anh thì tự nhiên đã nhậ đạo nên rồi cũng nên vợ chồng. Năm ấy, anh ốm, không thi hết bậc học thành chung ngoài Nam Định được đến năm ở Sài Gòn về, anh thi mới đỗ. Vợ anh thì chỉ như đứa con gái được mua bán đem về nhà để cha mẹ anh sai bảo. Với anh, mọi ràng buộc riêng tư chẳng thành vấn đề cản bước anh đi. Làm đời trai thử bay nhảy xem sao. Thế là đi.

Hơn hai năm trời ở Sài Gòn anh làm việc chí thú như mong muốn của người cậu: sổ sách, xuống tàu Tây cảng Nhà Rồng đo quần áo cho khách hàng và trông nhà. Nhưng cũng không phải anh chỉ bằng lòng và yên ổn sống như thế, anh cũng chút ít tìm ra ngoài xã hội.

Anh vào tráng đoàn hướng đạo. Một hôm, đoàn anh đi cắm trại ở Lái Thiêu. Mỗi tốp chia nhau ra chơi trò thả rùa, bịt mắt bắt dê... Sau đó về, từ đấy, anh không đến với đoàn nữa. Bao nhiêu năm rồi kể lại mà anh vẫn không nín được cười: thằng con trai to đầu đến độ có vợ rồi mà lại còn đi chơi trò trẻ trâu ấy làm gì! Anh cũng đến báo Kịch Bóng, xin được cái thẻ làm phóng viên. Rồi có lần phóng viên Kịch Bóng chưa viết được bài nào, cũng đi Nha Trang bằng tiền túi của mình dành dụm được.

Những hoạt động của phong trào Bình dân hồi 1935, 37 sôi nổi khắp thành phố và ngay cả quanh mình anh ở hiệu may Tây trong ngõ hẻm Chợ Cũ. Đêm đêm và buổi trưa anh nằm ngủ trên mảnh ván ghép kê dưới gầm chiếc bàn cắt to đặt giữa nhà. Quanh bàn và cả trên mặt bàn, những câu chuyện hào hứng về đình công, về biểu tình, về hội ái hữu, về nghiệp đoàn Đông Dương miên man đêm ngày không lúc nào ngớt. Ông Ngôn, cậu ruột anh khác ông Lễ cũng là tay hoạt động hăng hái trong ái hữu thợ may.

Nam Cao ngủ dưới gầm bàn, anh không để ý và cũng không ai để ý anh. Có thể có bạn nào nghiên cứu về Nam Cao sẽ nghĩ ra đại loại những câu hỏi: thế thì vì động cơ gì mà Nam Cao lại không tham gia phong trào chính trị lúc ấy rầm rộ đến thế. Tôi thì tôi chịu không cắt nghĩa được. Bởi tôi không thể nào tìm được vì cái gì cả. Nhưng, nếu thế, tôi xin hỏi ngược lại: vậy sao anh lại dừng đứng trước tài hùng biện của tờ-rốt-kít Tạ Thu Thâu, hầu như chủ nhật nào cũng diễn thuyết ở "bùng bình" chợ Bến Thành náo nức Sài Gòn.

Vâng, chỉ có điều dễ hiểu là lúc ấy anh chưa để ý, vậy thôi. Thời cơ chưa đến với tâm tư con người ta.

Mấy năm sau, khi cậu Ngôn bị mật thám Pháp truy lùng và ông ấy phải trục xuất về nguyên quán vì những hoạt động dính líu đến Nam Kỳ khởi nghĩa. Tôi được làm quen với ông Ngôn ở Đại Hoàng. Hồi ấy, những câu chuyện ông kể cho chúng tôi nghe về Tây đốt làng, Tây xâu dây thép vào tay người ném xuống biển, Tây bắt ông ấy... Hình ảnh ông Ngôn tham gia "cuộc phiến loạn ở Nam Kỳ" rồi bị xích tay giải về làng, lại đi làm thuê làm mướn như những ngày nghèo khó năm xưa, hình ảnh ấy đã xúc động Nam Cao nhiều. Nam Cao rất phục ông Ngôn. Trong cuộc đời và trong sáng tác của Nam Cao, tôi nhận thấy qua trò chuyện và ao ước của anh, cậu Ngôn là một hình ảnh sâu sắc mà chưa khi nào anh viết tới, tôi tin có những ảnh hưởng quyết định tới công việc tham gia hoạt động sau này của Nam Cao. Nhưng Nam Cao đã mất sớm, không biết, kháng chiến ở vùng giải phóng khu du kích Đại Hoàng, ông Ngôn bị bắt trong chính đồn tổ chức và bị chết oan.

Hoàn cảnh và tâm sự con người ta thường éo le, khúc khuỷu, nổi chìm như thế.

Rồi cái hào hứng đi cho biết đó biết đây của Nam Cao bỗng biến thành một ân hận suốt đời. Ở Sài Gòn, anh ốm đến phù nề chân tay và phải trở về Bắc.

Một hôm, ngồi ăn cơm ở nhà, anh chợt để ý thấy bàn tay vợ rám nắng. Tôi nghĩ có khi bàn tay người làm

đồng nắng mưa vất vả, dù ở tuổi con gái cũng bị rám nắng như thế từ đời thuở nào rồi, nhưng mà cái bệnh lo nghĩ của anh, anh rất cả lo, lan man lo, đã khiến lúc ấy anh thương vợ và anh giận anh đến thế.

Anh ân hận làm sao anh lại ngu dại đến bỏ đi Sài Gòn để đến nỗi bây giờ hai bàn tay người vợ yêu thương của anh đã nhăn nheo cả rồi anh mới về - tuổi thanh xuân và tình yêu đã qua đi, đã mất rồi, không bao giờ trở lại, không bao giờ vợ anh lại có được bàn tay của người đương xuân.

Bàn tay đẹp không bao giờ anh được thấy đã từ ám ảnh trở thành ước mơ. Cái đầu đề truyện ngắn Bàn tay đẹp ấy của Nam Cao in báo Quân du kích ở Việt Bắc viết về một cô du kích ở hậu địch đồng bằng sông Hồng có hai bàn tay đẹp cầm súng không có gì khác là ở nơi xa xôi nói được một câu về nỗi ao ước ngày trước của mình.

Trong sáng tác, Nam Cao thường viết rất thật - sự thật thông qua sức mạnh sáng tạo của anh. Đọc sáng tác nào của anh, tôi cũng có thể tìm ra và đoán được chuyện này anh thấy ở đâu, anh nghe ai kể, nhân vật ấy là ai. Khi viết xong tiểu thuyết Chết mòn(1) Nam Cao hay nói đùa: "Bao giờ những người trong tiểu thuyết này chết đi, mình mới đem in được sách. In bây giờ thì không dám nhìn mặt ai nữa!". Nói huếch thế chứ tiểu thuyết Chết mòn dài mấy trăm trang, vào thời buổi khó khăn 1943, 1944, cũng chẳng nhà xuất bản nào hỏi đến.

Chỉ có mỗi nhân vật hay trở đi trở lại trong các tác phẩm của anh, thì hoàn toàn anh tưởng tượng. Mà tưởng tượng cũng đơn giản thôi: chỉ việc làm ngược lại Đó là vai "vợ" của các nhân vật thường xưng "tôi" trong truyện ngắn của Nam Cao. Khi nào người vợ ấy cũng nanh ác, lắm điều, luôn miệng rin rít chửi con, dọa đánh chồng, còn chồng thì sợ vợ một phép. Trong cuộc đời vợ chồng, chị ấy đối với anh, hiền như bóng.

Nhưng sáng tác, anh tưởng tượng nghịch ngợm khác đi, "vợ" tác giá thành dữ, thành ác. Có phải có vợ quá hiền cũng buồn, cũng muốn vợ lắm điều đôi chút, cuộc sống hằng ngày đỡ tẻ hơn chẳng. Nhưng nghĩ cho cùng thì lúc nào con người và tình cảm anh cũng đượm buồn thương và một tấm lòng chân thành, thực như đếm được Chúng tôi thường túng chuyện viết. Tháng nào cũng phải có truyện ngắn, truyện dài nộp cho báo và nhà xuất bản thì mới được người ta chi tiền. Khan cái để viết đến nỗi chúng tôi phải đi bói thầy bói Kế đương có tiếng ở Nam Định rồi về Nam Cao viết lại thành truyện ngắn tả quang cảnh và lời thầy bói đã nói tốt thế nào cho anh và người xem bói, anh chỉ sáng tạo ra có cái đuôi khi viết thành truyện ngắn: thầy bói vừa nói tốt số xong, ra khỏi vỉa hè, người xem bói bị ô tô chẹt chết. Túng đến nỗi có lần anh phải lấy chuyện Kinh Thánh ra viết phỏng theo thành truyện cho trẻ em đọc. Như truyện Bảy bông lúa lép(2). Tôi cũng đã tìm báo Nam Phong xem bài của người ta nghiên cứu về đình chùa rồi đem viết lại thành truyện cho thiếu nhi.

Cả đến trong những cuộc chơi, anh cũng chỉ biết thương người. Hồi ấy, cuối năm lại cuối tháng rồi mà chẳng có gì để viết, một đêm chúng tôi cố tình đi chơi bơ vơ một chuyến hóng cái viết. Nghe còi tàu hoả trong đêm, tưởng như đã gọi hứng rồi. Nửa đêm, từ Hà Nội xuống Nam Định. Không phải về quê, nhà Nam

Cao chỉ cách thành phố khoảng chục cây số. Chúng tôi đương giang hồ vật mà. Tìm chỗ ngủ, sục vào nhà trọ, nhà nào cũng chật khách. Chúng tôi đến nhà sầm(3) Đông Phương gần Bến Cui. Nhà này cũng chẳng còn phòng trống. Đã trở ra cửa, nghe có tiếng người gọi lại: "Các anh ở tạm phòng em vậy. Em đi ngủ nhờ nhà bạn cũng được". Trông mặt cô em và câu mời với cung cách bả là nói cười trong đêm hôm khuya khoắt như thế, ả này ắt gái làm tiền loại thuê tháng nhà trọ rồi đi kiếm khách hoặc có người bao.

Chúng tôi bằng lòng ngay. Rồi thì cô ấy cũng chẳng đi ngủ nhờ nhà ai cả. Cô ấy cứ mở chần leo vào nằm giữa hai chúng tôi. Đến nửa đêm tôi nghe tiếng khóc rì rì bên cạnh đầu rồi tiếng Nam Cao rì rầm khuyen, can gì đó, tôi cũng không thủng được câu chuyện đầu đuôi ra sao. Sáng ra, Nam Cao kể lại.

Giọng anh rất xúc động, anh hỏi chuyện tình cờ mà được biết hoá ra trước kia cô ấy là em một người bạn anh ở Sài Gòn. Chẳng may yêu đương lỡ dở rồi cuộc đời chồng con mấy phen đau đớn, rồi giận đời đen bạc, cô cắt tóc đi tu, rồi sa chân lỡ bước đến đây...

Tôi thì tôi không tin. Bởi vì trong đêm tối có một lúc cô điếm ấy đã quay sang cắn tai tôi. Nhưng trông nét mặt cảm động về sùng đạo của anh, tôi không dám nói. Trở về nhà tôi ở Nghĩa Đô, anh hì hục ngồi viết. Hồi ấy, chúng tôi viết khá khoẻ. Thường một truyện ngắn chỉ lia một mạch từ đầu chí cuối. Một truyện dài trên trăm trang cũng dăm bữa nửa tháng thì xong.

Nam Cao viết được một truyện vừa lấy tên là Một đời người, theo câu chuyện cô gái điếm đã kể đêm ấy ở nhà sầm Đông Phương. Chỉ có một việc bịa: anh đặt cho nhân vật chính một cái tên "đằm", là cô Suy-gian.

Rồi đem truyện Một đời người bán cho nhà xuất bản Cộng Lực, được chủ xuất bản ứng trước cho tám mươi đồng. Cuốn truyện này rồi nhà xuất bản đưa kiểm duyệt, bị bỏ. Lão kiểm duyệt Nguyễn Văn Chính vốn là giáo học, nhẵn tôi - như tôi đã có dịp viết trong Tự truyện(4): "Ông, bảo hộ tôi là cái ông Nam Cao thâm lắm, ông chửi Tây bằng cách đặt tên Tây cho nhân vật rồi bắt nó đi làm đĩ. Không được đâu!".

Tám mươi đồng bạc hồi ấy không phải nhỏ đối với những người giật gấu vá vai quanh năm như bọn tôi. Huống chi, Nam Cao còn vợ con nheo nhóc ở quê, tháng tháng đợi chồng gửi tiền về đỡ đần.

Chiều hôm ấy, Nam Cao rủ tôi đáp tàu xuống Nam Định. Nhưng cũng không phải anh về nhà. Tám mươi đồng bạc tiền bản quyền anh đếm ra năm mươi đồng.

Anh đem năm mươi đồng về biếu cô gái điếm, cái cô mà anh cho là em người bạn cũ của anh ở Sài Gòn - mà tôi nghi ngờ chỉ là câu chuyện làm quà của cô điếm với khách làng chơi, mà anh thì thương xót, và anh nói nếu anh sẵn tiền, anh sẽ đưa cả tám chục cho cô ấy.

Nhưng không gặp lại cô gái điếm. Tìm mấy nhà xăm nữa cũng không thấy. Nam Cao ân hận mãi về lần không gặp lại này.

Còn biết bao nhiêu chuyện tương tự như thế.

Những con người chúng tôi trôi giạt lúc ấy. Chúng tôi cũng mang đủ thói hư tật xấu của kiểu người như chúng tôi trong xã hội, những ích kỷ, ganh ghét nhỏ nhen, mọi thứ. Hỏi chúng tôi thích giàu có không.

Thèm đấy, mà không biết làm thế nào giàu được. Cũng bon chen, bon chen chứ, có khi chỉ vì không ngóc lên được thì đâm ra chán chường, nhưng chúng tôi cũng thấy được xã hội bất công. Những mơ hồ cứ dần dần bị bao nhiêu khủng khiếp của tình hình đất nước và thế giới thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ hai và những hoạt động quyết liệt của cả nước sửa soạn đứng lên - những sự kiện lớn lao ấy đã xóa đi cho chúng tôi biết bao mật mù. Chúng tôi đến được với cách mạng bởi phán tốt đẹp còn có trong con người.

Những năm trước tháng tám 1945 cách mạng chưa trở thành không khí bao trùm đất nước một cách tất nhiên, như làn khí quyển bao quanh trái đất, như ngày nay. Những người viết văn ở Hà nội có thể chia thành từng loại:

1) Những người không biết thế nào là cách mạng, hoặc nếu biết cũng ngoảnh mặt đi. Các bạn ấy muốn sống cho đã, chơi cho đã. Các bạn ấy muốn yên thân, bởi làm cách mạng chẳng biết thế nào, dễ bị tội

2) Những người cũng muốn thay đổi, nhưng theo đuổi những con đường khác, anh tở-rốt-kít, anh Đại Việt, anh Phật tử, anh Tin lành...

3) Có người được bè bạn thuyết phục, đọc sách báo bí mật giác ngộ đường lối của Đảng cộng sản và gia nhập các đoàn thể Việt Minh.

Nam Cao là một trong những bạn vào loại thứ ba ấy của tôi.

Nhưng đó mới chỉ là bắt đầu. Chúng tôi mới chỉ bước tới, mà trong mình vẫn mang theo vô khối thứ hành lý cũ lôi thôi. Từ đây về sau, trong tinh thần, cuộc đời tư tưởng và ngòi bút của chúng tôi mới bắt đầu và mãi mãi đẩy lên cuộc chiến tranh đưa công cuộc sáng tạo kịp với thời đại, đòi hỏi cao hơn, mạnh hơn trong đời người cầm bút, khác trước kia.

Con đường đi tới của mỗi người không mấy may dễ dàng. Tôi không biết nhiều về Trần Đăng như tôi đã biết Nam Cao trước kia. Tôi chỉ biết Trần Đăng trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, anh quê ở Đăm (xã Tây Tựu, huyện Từ Liêm) là sinh viên. Những ngày khởi nghĩa lớp sinh viên các ngành này đã hồn nhiên hăng hái đến với cách mạng và văn học cách mạng.

Các bác sĩ Nguyễn Trinh Cơ (Tri Chơn), Nguyễn Sĩ Quốc (Minh Đạo), Từ Giấy. Hồi ấy hành động biểu lộ tinh thần mạnh mẽ nhất là gia nhập Vệ quốc đoàn. Rồi các anh dần dần đi sâu vào các ngành chuyên môn khác. Riêng có Trần Đăng làm nghề cầm bút. Năm 1950, Trần Đăng hy sinh ở Bản Trại trên biên giới phía Bắc. Đơn vị có phóng viên mặt trận Trần Đăng đi theo đã mắc mưu quân Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch, trên đường bộ đội ta tiến lên đón Hồng quân Trung Hoa xuống phía nam. Một số đồng chí trong ban

chỉ huy tiểu đoàn và Trần Đăng đã hy sinh.

Tôi còn giữ được một tập sổ tay của Trần Đăng gửi. Cuốn sổ bằng bàn tay sổ tay trong ba lô chúng tôi đeo lưng thời kháng chiến không thể nào to hơn thế.

Trần Đăng đã ghi đủ thứ trên đường đi, vào quãng từ tháng 8-1948 tới tháng giêng 1949 - mới chỉ năm tháng, mà rất rõ nét, những đấu tranh trong tư tưởng và phong cách làm việc trong con người Trần Đăng. Cuộc đấu tranh bằng hành động, ý thức rõ ràng dứt khoát của nhà văn chiến sĩ.

Có thể tóm tắt nhật ký ghi chép tài liệu của Trần Đăng thành bốn phần như sau:

1. Trần Đăng luôn đi với các đơn vị chiến đấu- Mùa xuân 1948, theo bộ đội vào hậu địch Đông Bắc - vùng Ba Chẽ - Tiên Yên, anh bị phi bắn bị thương một ngón chân. Nhưng khi trở về căn cứ, gặp một đơn vị lên biên giới phía bắc, lại đi luôn.

Trần Đăng có thói quen vừa đi vừa viết trên đường. Trong chiến dịch biên giới thu đông 1950, anh viết bài về chiến dịch Sông Thao 1949 (bút ký Trận Phố Ràng), trong những ngày sắp đi hậu địch Đông Bắc, Trần Đăng viết bút ký Một cuộc chuẩn bị (cũng về chiến dịch Sông Thao).

Trong quãng năm tháng, Trần Đăng đã đi các mặt trận, tháng tám đến Phủ Thông và Đào Lâm, mặt trận Bắc Cạn. Tháng mười từ Việt Bắc về vùng địch Sơn Tây, qua miền tạm chiếm ở Bến Rau rồi xuống đồng bằng khu Ba - vùng hậu địch Ba Thá rồi vào Gián - Khuất.

Sống cuộc sống chiến đấu mãnh liệt, dũng cảm của người chiến sĩ cầm bút.

2. Trần Đăng đọc rất nhiều - Đọc và ghi chép cẩn thận. Mỗi lần Trần Đăng ghé về cơ quan, trước khi đi một chuyến mới, hoặc có lần bị sốt rét phải nghỉ lại, Trần Đăng vẫn mê mải đọc.

Trong có 5 tháng, Trần Đăng ở cơ quan báo Vệ quốc quân hơn một tháng, đã đọc và ghi vào sổ tay: Sách báo ở chiến khu: báo Độc Lập, báo Văn Nghệ. Phóng sự Chặt gọng kìm đường số 4. Chép bài thơ Viếng mộ của Hoàng Lộc. Ghi những ca dao về Đồng Tháp Mười của Bảo Định Giang, ghi các phong tục và bài hát của dân tộc Tày trong tập truyện ngắn Núi Cứu quốc của Tô Hoài.

Sách báo Pháp: báo Ngã tư tháng 12-47, bài của Barjavel viết về các nhân vật của E. Mauriac. Báo Khoa học và Văn nghệ Xô-viết bài của Benjamin Goriely viết về chủ nghĩa nhân văn mới. Báo Nước Pháp trước đã, nhật ký của A. Gide. Đọc các tiểu thuyết của W Walenska (Ba Lan), Jozep Pot (Đức), Ernest Renau, J. Stinbeck (Mỹ), Curzio Malaparte (Ý), Jean Louis Curtis, Gabrielle Roy, Piene Damino. Ngoài ra, không biết lấy ở sách báo nào, còn thấy ghi nhiều câu của Jean Paul Sartre nói về chủ nghĩa hiện sinh. Một đoạn tin về giá vàng, tính theo đồng franc, giá ở Paris, Hồng Kông, Sài Gòn.

3. Trần Đăng thường xuyên chép bích báo các đơn vị- Trần Đăng chịu khó chép bích báo. Sổ tay có trên một trăm trang, thì 72 trang ghi các bài bích báo đơn vị có thể lấy ra in hẳn một bài về các bích báo này.

phản ánh sinh động được thời kỳ đầu chiến đấu và sinh hoạt của quân đội. Trần Đăng chép tỉ mỉ, kỹ lưỡng, đơn vị nào, ở đâu. Ngoài ra, còn những đoạn tóm tắt tổng kết trận đánh các chiến dịch ở Trị Thiên, ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ năm 1948.

4. Trần Đăng luôn luôn chuẩn bị sáng tác - Trong tập sổ tay nhỏ bé thế mà cũng đủ những ghi chép cho chuẩn bị sáng tác và suy nghĩ của nhà văn. Trần Đăng ghi những chi tiết có đặc điểm quan sát được ở mặt trận, ở chiến sĩ, ở những nơi đã đi qua, anh chép những từ lạ, từ mới đã nghe được hoặc đọc thấy, anh ghi ý những bài dự định viết, có chỗ viết hằn dàn bài một truyện ngắn.

Đôi chỗ, Trần Đăng ghi suy nghĩ và việc mình làm. Có chỗ rất ngắn, nhưng thật nhiều ý nghĩa và tâm sự

Ngày 15 tháng 10, Trần Đăng ghi một kế hoạch:

Phát động thi đua 300 trang, à commencer (bắt đầu) tháng hai 1949.

Ngày 11 tháng 11, viết chữ to nửa trang, hai dòng giống nhau: Hôm nay 11 tháng 11, 27 tuổi chẵn.

- Có một đoạn không đề ngày tháng, Trần Đăng viết:

Đêm nay đọc một cuốn phóng sự dự thi Việt Bắc kháng chiến. Một đêm nổi gió. Vẫn là tiếng gọi đi. Đi, trông, thấy. Đã bỏ qua những điều rất tầm thường, nhưng rất sống. Không thể được. Không có tình cảm, không có xúc động, không có tư tưởng chủ quan.

Trong rừng Yên Thế, Lúa mới(5) là những cái xác chết chủ quan. Chỉ có sống, sống cái khách quan và kể lại.

Hãy khoan một tấm sơn mài. Hãy làm nhiều croquis cho thật đúng hết. Giản dị, thành thực và thật".

(Một câu viết bằng tiếng Pháp): "Những tưởng tượng hoang đường, những ám ảnh ma quái, những mơ tưởng nhân đạo hư không, những xúc cảm cá nhân kiêu ngạo và đạo đức giả, những tro tàn ấy hãy tan biến hết đi".

Tình cờ, lần ấy tôi đã gặp Trần Đăng ở Đông Bắc về, trước khi anh lên biên giới và hy sinh ở Bản Trại trên đường Thất Khê ra. Kế hoạch sáng tác của Trần Đăng mà anh đã phác vào sổ tay thành một công trình của cả một giai đoạn như sau:

- Tập truyện ngắn tên là Bạn mới.

- Tập tiểu luận tên là Thư cho Tô Hữu (kinh nghiệm cách mạng tư tưởng và sinh hoạt quần chúng).

Tập bút ký lấy tên chung là Tiền tuyến gồm ba phần:

Phần một: Xuân chiến thắng, có 3 bài: 1 - Tất cả cho tiền tuyến. 2- Nhật ký của Phan Phú. 3- Một trận

vui lớn trên đường số 4.

Phần hai: Sông Thao hè 1949, có 6 bài: 1- Đường đi Tây Bắc. 2- Dóm(6) I. 3- Một cuộc chuẩn bị 4- Phố Ràng. 5- Khe Pịa. 6- Tàn cuộc, Dóm II.

Phần ba: Đông Bắc với chiến dịch, có 5 bài: 1- Vào sâu Đông Bắc, 2- Vân Ca, 3- An Châu, 4- Đình Lập chờ chiến dịch 5- Đoàn quân tiếp tế.

Trong chương trình trên có những sáng tác Trần Đăng đã viết (Một cuộc chuẩn bị, Phố Ràng). Đọc nhật ký Trần Đăng, biết chương trình sáng tác của Trần Đăng, hiểu được công phu lao động sáng tạo của nhà văn từ gốc tới thành hình một sáng tác đã công phu đến như thế nào. Ở đấy, nổi lên tinh thần và tư tưởng của một người cầm bút luôn luôn khắc phục nhược điểm con người của mình bằng cách lao mạnh mẽ vào những nhiệm vụ đang đặt ra cho người cầm bút. Chẳng những chỉ là một phương hướng, một kế hoạch, mà là những hành động cụ thể, chi tiết, chịu thương, chịu khó, từ bài bích báo đơn vị được ghi lại đến một chi tiết hay quan sát được, đến những suy nghĩ thúc giục mình đi sâu nữa, làm việc nhiều nữa, lúc nào cũng cảnh giác và quyết tâm thay đổi nữa, bỏ đi, dìm đi những tàn dư tiểu tư sản thường còn lảng vảng ve vuốt mình.

Cũng như với Trần Đăng, đọc tác phẩm Nam Cao viết trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp - kết quả sau cùng của một lao động sáng tác, thấy được rất rõ bước đường phát triển của con người và nhà văn Nam Cao - từ truyện ngắn Đôi mắt cho đến nhật ký Ở rừng.

Trong các nhà văn nước ngoài mà Nam Cao đã từng đọc, Nam Cao mê nhất Sê-khốp. Tôi nhớ anh cũng chỉ phục có một mình tài năng Sê-khốp, với một số phận cùng cực và mong manh của những con người những nhân vật con con của ông: người công chức già, cô gái ế, cậu bé mồ côi, những luồn quần vụn vặt đến nhức đầu trong gia đình nghèo và những cái rơm đời của những người có máu mặt.

Ấy thế nhưng những lúc cao hứng lên, anh cũng chẳng coi ai ra gì. Nhưng chỉ từng lúc hứng chí mênh mông thế thôi. Rồi lại bần thần nghĩ lại, anh không cải chính và hối hận mình đã lỡ lời, đã bốc tếu, nhưng những việc anh cặm cụi hàng ngày làm đã trả lời rành rở hộ anh, anh sửa mo-rát, anh viết tin, từng tin vặt trên báo Cứu Quốc - tờ báo hàng ngày mà chúng tôi làm phóng viên. Chủ nhiệm Xuân Thủy bảo anh viết cuốn sách giải thích về nhiệm vụ người công giáo kháng chiến (cuốn sách này chưa được xuất bản), anh cộng tác với Văn Tân soạn in những tập Địa lý thế giới cho học sinh phổ thông, anh viết bích báo cho cơ quan, mỗi tuần một tờ dán ở vách bếp ăn, anh viết ca dao, ký tên Suối Trong, khi chúng tôi làm tờ báo hàng ngày Cứu Quốc Việt Bắc. Nghĩa là việc gì thấy có ích, anh đều làm, không nề hà việc to việc nhỏ. Trong khi ấy anh mơ tưởng và thực sự anh đã bắt tay vào cuốn tiểu thuyết dài về làng Đại Hoàng kháng chiến. Cuối năm 1950, mấy chương đầu anh đã viết lại mấy lần, Nguyễn Huy Tưởng và tôi đã đọc những chương đó, rồi anh bỏ, anh chưa vừa lòng...

Nam Cao vốn không phải là người xông xáo, mạnh dạn. Tính anh trầm lặng, hay nhường nhịn và dường

như nhút nhát. Nhưng tất cả những trường hợp không cần phải thế, đều tỏ rõ khí phách ở anh. Chiến dịch thu đông 1950, chúng tôi ghé lại Bắc Sơn rồi về ở Vũ Lăng. Máy bay địch bắn phá Vũ Lăng. Ba lô quần áo chúng tôi cháy hết. Sổ tay của anh bị đạn đâm nát.

Nhưng mặc đấy, anh đi cứu thương. Máy bay quay lại ném bom, anh vẫn cùng dân quân dọn dẹp các đám cháy cho tới tối mịt. Khi chiến dịch giải phóng biên giới sắp mở, chúng tôi vượt đường số 4 quãng Lạng Sơn sang với cánh quân của ta đóng bên kia huyện Thoát Lãng. Đường số 4 bị địch chiếm đóng, canh gác và tuần tra suốt ngày đêm. Chúng tôi đến trạm liên lạc, chờ giao thông vào báo lúc nào vượt đường được.

Người đợi ở các trạm giao thông không phải người của một tổ chức, một đơn vị, nên rất tạp. Không ai biết ai và hiểu ai như thế nào. Cách thức vượt qua đường: theo giao thông và đi hàng một, ai cũng trù trù, không ai muốn là người thứ nhất đi sau người giao thông vượt qua đường. Bỗng dưng, Nam Cao lưng đeo ba lô, bước xuống đứng xếp hàng vào chỗ người đầu tiên sau người giao thông. Tính anh là vậy.

Tôi được nghe kể lại chuyện anh hy sinh(7) ở vùng đồng chiêm Hoàng Đan dưới khu ba, khi vào vùng địch chiếm, cũng tương tự như chuyện vượt đường số 4 mà tôi đã được chứng kiến. Có bảy chiếc thuyền nan lúc chập tối bơi vào vùng địch. Bảy chiếc đi cách quãng thành một hàng dài. Nam Cao ngồi ngay trong thuyền đầu. Hai thuyền đi đầu đã bị địch vây bắt. Nam Cao như thế đấy. Nó biểu hiện mạnh mẽ con người và cuộc sống của anh. Trước sau như thế, khi cần thì tất cả vì nhiệm vụ.

Tôi vẫn trở lại cắt nghĩa con người chúng tôi từng bước biến đổi. Cuối cùng- sự chân thành trở thành niềm tin, đã đưa bước ta đi.

Chúng ta khẳng định sự hình thành những nhà văn thời đại, có nhiều người xưa kia đã góp sức lực thành lớp nhà văn kiểu mới trong lực lượng văn học to lớn hiện giờ. Những người ấy đã dự phần tạo nên thành quả của văn học Việt Nam ba mươi lăm năm qua. Đó là một nét trong đặc điểm văn học ta.

Những chuyện mà tôi vừa kể có thể xa lạ với bạn cầm bút ở các lứa tuổi đang lớn lên hôm nay.

Chú thích:

(1) Tiểu thuyết Sống mòn, đầu tiên, Nam Cao đặt tên là Chết mòn.

(2) Bảy bông lúa lép, truyện của Nam Cao, Nhà xuất bản Cộng Lực 1941.

(3) Nhà sẫm (do chữ Pháp chambre), nhà chứa trọ, phòng cho thuê, thường có gái điếm

(4) Tự truyện, hồi ký của Tô Hoài, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1976 (tái bản 1984, 1997)

(5) Những đoạn văn ngắn của Trần Đăng, in trên tạp chí Độc Lập

(6) Một đồn của Pháp trên một quả đồi tên là Dóm ở bờ sông Thao địa phận tỉnh Yên Bái.

(7) Nam Cao hy sinh ngày 1-10-1951.

NHỮNG GƯƠNG MẶT - CHÂN DUNG VĂN HỌC

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

2. Nguyễn Huy Tưởng:

Năm 1942, tôi quen Nguyễn Huy Tưởng trong một hội nghị ban dạy học hội Truyền bá Quốc ngữ.

Tôi làm giáo viên dạy buổi tối các lớp Truyền bá Quốc ngữ vùng Bưởi. Nguyễn Huy Tưởng có chân trong ban trị sự của Trung ương Hội.

Ở Hà Nội, phong trào chống nạn mù chữ đã nhen nhóm từ 1938, khi hội Truyền bá Quốc ngữ được thành lập, nhưng dần dần phải cho đến những năm 1940 mới phát triển ra khắp thành phố và ngoại thành, cùng nhiều tỉnh. Những người không biết chữ - phần đông là thợ thủ công, người, đi ăn đi ở các nhà giàu và thanh niên trong các làng nghề chịu khó đi học.

Nhưng cả người dạy học và người đi học đều không trong một tình hình bình thường. Hội Truyền bá Quốc ngữ phải công phu hù hào quyên góp thế nào cho có được sách bút mực phát không và kêu gọi đến thế nào cho có được người có tâm huyết sẵn sàng đêm đêm đi dạy học.

Trong những năm ấy, phong trào cách mạng đương lan rộng, tổ chức Việt Minh đã phát triển vào lực lượng giáo viên, học viên ở nội ngoại thành. Bởi vậy, những người có tinh thần tối nào cũng đi dạy học, đã nghiêm nhiên coi đây là một công tác có ý nghĩa to lớn. Điều đó đã được chứng thực ở Hà Nội ngay những ngày đầu cách mạng, tổ chức chống nạn mù chữ trở thành nha Bình dân Học vụ, và hầu hết những anh chị em hội Truyền bá Quốc ngữ đều là cán bộ Bình dân Học vụ và các ngành văn hoá khác.

Với những người đi học, lại ở một cảnh khó khăn khác. Trong chiến tranh, bao nhiêu khắt khe trói buộc của thực dân Pháp, lại thêm Pháp-Nhật ủng oảng, người ta phải hứng lấy đủ mọi tai bay vạ gió. Khủng khiếp nhất, nạn đói ập đến, như một cơn lốc, trời đất mịt mù. Thế mà những người cùng khổ ấy vẫn cắp sách đi học. O tròn như quả trứng gà, Ô là đội mũ, O là thêm râu... Người ta linh cảm những chữ i, chữ t, những lớp học toàn người nghèo, những thầy giáo tận tụy chỉ bảo, có điều gì khác thường. Không phải chỉ cố cho biết chữ, mà rồi còn có thể biết được một cái gì lớn lao đưa con người ta thoát ra ngoài những ngột ngạt khốn cùng của cuộc sống. Ở vùng tôi, cứ tối tối, các lớp học dưới Nghĩa Đô, trên Yên Thái quanh chợ Bưởi, trong ánh đèn le lói, đông nghịt người.

Tình cờ, Nguyễn Huy Tưởng ngồi cạnh tôi ở hội nghị, chúng tôi quen với nhau, anh bắt tay rồi cầm tay rất lâu, anh hơn tuổi tôi, người tầm thước, đỉnh đặc, đôn hậu. Bộ râu được cạo kỹ, chân râu xanh lên lặn má. Tôi kính trọng, khép nép trước vẻ đạo mạo của anh. Nhưng Nguyễn Huy Tưởng lại cười cười và nói: "Nhà văn, nhà văn trẻ quá, tôi rất phục, rất phục". Đôi mắt một mí của anh nhìn người ta một cách triu mến từ lúc thoát gặp. Đôi mắt ấy cũng bộc lộ nét riêng đức tính vốn quý người của anh. Và sự say mê cái đẹp

cao cả thiêng liêng mà về sau, tôi càng hiểu rõ hơn. Đến với anh, người ta thương dễ có cảm tình ngay. Cũng như tình tình anh, con mắt đầu tiên nhìn người không lạnh nhạt, ơ hờ, mà độ lượng và sẵn sàng thân thiết.

Anh thường thấy ở người ta những cái đáng mến trước mắt.

Hồi ấy, tôi mới in được vài truyện ngắn đầu tay trên báo, cùng với truyện Con đế mèn, Đế mèn phiêu lưu ký. Nguyễn Huy Tưởng cũng có truyện dài lịch sử Đêm hội Long Trì đăng từng kỳ trên tuần báo Tri Tân.

Báo này chuyên về lịch sử hoặc khảo cổ, ít người đọc.

Rồi, tôi còn biết không phải đây là những sáng tác đầu tiên của anh. Yêu cái đẹp, đôi khi anh lại thiên về sùng bái. Nguyễn Huy Tưởng đã từng thích thú, thần tượng "triết lý sức mạnh" kiểu Phạm Ngọc Khuê. Để biểu hiện cái tư tưởng "siêu nhân" ấy, anh đã viết lý luận và sáng tác bằng tiếng Pháp. Tất nhiên, rồi cũng vứt đi hết những trang chữ viển vông, và cũng là câu chuyện tự cười mình, mỗi khi kể lại những ngông cuồng chốc lát của tuổi trẻ. Nghĩ là, Nguyễn Huy Tưởng đã có tước muốn cầm hút hần hoi mà chưa tới được đâu. Cho nên, Nguyễn Huy Tưởng mới bảo tôi: Đăng ấy mới là nhà văn. Còn tớ, cũng múa may đấy, nhưng chỉ là thằng "sớm vác ô đi, tối vác về".

Ấy là anh nói theo một cách tính giản dị, vừa đúng mà cũng vừa nực cười chua chát, anh đã ước muốn cuộc đời của tôi, một người thất nghiệp dở, sống còm côi bằng vài đồng nhuận bút. Nhà văn Vũ Ngọc Phan có lòng tốt, đã trả nhuận bút, mỗi khi tuần báo Hà Nội tân văn của anh ấy đăng cho tôi một cái truyện ngắn.

Có lẽ cả Hà Nội chỉ có Vũ Ngọc Phan làm cái việc phúc đức ấy. Báo khác, kể cả những tờ tuần báo Ngày nay, báo Chủ Nhật của văn đoàn Tự Lực nổi tiếng đã in truyện ngắn Mê gái (Con gà mái ri) của tôi lên trang nhất, nhà văn Khái Hưng ra tiếp tôi, bắt tay thật chặt mà cũng không trả tôi xu nào và không cho tác giả được một tờ báo biểu! Bởi vì, không có thể lệ thế. Lý do: tự dưng ông gửi bài cho tôi chứ không phải tôi mời ông viết. Tôi chỉ trả tiền người tôi mời viết. Thế là ông cần tôi, thì không lẽ gì tôi lại phải trả tiền ông. Dẫu cho cả năm ông gửi bài đến và tôi in, cũng vẫn là ông phải cảm ơn tôi. Luật rừng của nghề báo thời ấy.

Những hoạt động chống nạn mù chữ cứ đi vào giữa những trở trêu, những khủng khiếp của tình thế. Nhưng mà phong trào vẫn lan rộng. Chúng tôi xuống Nam Định. Cùng đi với đội kích ban tuyên truyền của Hội.

Tôi nhớ đại khái ban kịch có một vở vui nhộn, cổ động đi học. Câu chuyện vợ chồng Vua Bếp và các thần đất, thần thổ tả hăng hái học quốc ngữ. Bấy giờ diễn kịch còn là một việc rất mới. Nhưng vở kịch này đến đâu cũng được người ta cười ngất ngèo. Chúng tôi góp nhặt anh em lại, đã đi các linh, lần này xuống Nam Định.

Những đêm kịch cổ động Truyền bá Quốc ngữ ở thành phố Nam Định thế nào, không còn nhớ. Chỉ nhớ

trong số người đi với đoàn kịch có Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Huy Tưởng, Trần Kim Xuyến(1) - một công chức trẻ hăng hái. Tôi nhớ nhất những hôm ở Nam Định, anh Sắc bạn của Nguyễn Hữu Đang. Ông bầu Sắc của chi nhánh hội Truyền bá Quốc ngữ dưới ấy chúng tôi đã ăn no kèn bưng và sao mà ăn khoẻ, ăn ngon miệng đến thế. Khốn khổ, ở Hà Nội, nếu không cả lũ, thì ít nhất có Nam Cao và tôi đương đói vêu, ngày có một bữa. Bây giờ được chén cơm thoả thuê, đến đổi chỉ ở Nam Định vài hôm mà có cảm tưởng trong người phồng phao hẳn lên.

Trên chuyến tàu thủy trở về, chúng tôi nằm dõn vào một góc boong tàu áp cái guồng quay rào rào đình tai. Chao ôi, những cái tàu thủy sông Hồng đường Nam Định, Thái Bình hồi ấy. Tàu Long Môn, tàu Bắc Kinh, và còn bao nhiêu con tàu, chủ tàu. Đã có lần tôi, viết về những chuyến tàu thảm hại này mà vẫn như chưa viết.

Con sông sống, con sông chết. Người vùng đói không thấy có cái tàu cứu mình bỏ xứ đi nơi nào đấy, hoạ may bởi đất lật cỏ ở đâu mới ra cái ăn. Mỗi khi nghĩ lại, vẫn thấy lù lù những con tàu năm đói hiện ra những ghê rợn này. Cái tàu cô độc xình xịch giữa sông. Đêm cũng như ngày, trên bờ, đoàn người rách rưới nháo nhác nhìn theo chạy theo, tàu màn xế, người xô ra, ai ngã xuống sông cũng mặc, ai chưa lên được lại đuổi theo. Cái tàu nghiêng đi hất người xuống nước vì người ta trèo lên đông quá. Cái tàu lại đắm vì bị máy bay Đồng Minh đuổi đánh, máy bay Mỹ ném bom tất cả những cái di chuyển trên sông.

Chiếc tàu đem chúng tôi trở về Hà Nội cũng là cái tàu chở người đói như thế. Màn xế vào bến nào, người lao xuống, tàu chòng chành chênh cả chân vịt, cả guồng lên. Tàu không dám vào bến nào nữa. Cứ thế, chạy về Phà Đen.

Trời tờ mờ sáng, trong cảnh bối rối người tranh nhau lên. Không hiểu thế nào, hối há đi tìm cái ăn, không lên nhanh thì chết hay sao. Một tấm ván bắc chênh vênh. Mỗi lán lườn tàu nghiêng đi, tấm ván bập bênh rúm lại, người ngã lộn bộp xuống nước, tiếng rú thất thanh cũng rơi theo. Người cứ chen ra, cứ rơi...

Chúng tôi đứng chụm vào trong boong, rã rời cả người. Đêm qua oi quá. Cái guồng máy lại quay ào ào suốt đêm dưới gáy, ai nấy cởi trần nằm xếp quần áo gối đầu. Thế nào mà sáng ra Trần Kim Xuyến rờ thấy mất cái quần. Cũng chẳng có gì khó hiểu. Chắc là sức trai đương tuổi ăn tuổi ngủ, người nào đi qua đã rút mất.

Ngoài cầu, chốc lại tiếng rú, tiếng khóc. Nguyễn Huy Tưởng thở dài.

- Có khi cái quần của thằng Xuyến cũng ngã xuống nước rồi.

Câu nói đến lạnh rợn. Chúng tôi không ai nghĩ đến chuyện thế nào là ăn trộm, ăn cắp. Nạn đói ghê gớm đương trùm lên tất cả. Rồi Nguyễn Huy Tưởng bàn:

- Nhà mày ở trên dốc Hàng Than gần đây, hay là mày mặc cái quần của tao về rồi lại đem ra cho tao.

Mọi người đương dăm chiêu mà cũng phải cười gượng. Trần Kim Xuyên nói to:

- Có gì mà phái phiền nhiễu. Tớ chỉ lột cái sơ mi ra là chẳng khác gì cu-li xe cởi trần quần đùi đi làm đêm về. Rét bỏ mẹ mà kìa lên đê khối người ở trần.

Trần Kim Xuyên cởi phăng áo cầm tay, và chúng tôi lên bờ. Chúng tôi bước im lặng.

Nguyễn Huy Tưởng nói một câu, như đương nghĩ dờ:

- Đến thế này thì dạy người ta biết chữ để làm gì!

- Phải làm thế nào?

- Những người chúng ta dạy chữ đương chết đói.

Tôi nói:

- Rồi đến chết cả chúng ta.

Nguyễn Huy Tưởng dăm dăm nhìn tôi.

- Chi có đoàn thể...

Tôi nhìn lại Nguyễn Huy Tưởng. Nguyễn Huy Tưởng đã có hoạt động bí mật. Hai chữ “đoàn thể” rất thiêng liêng đối với chúng tôi.

Ít lâu sau, một cuộc họp của một tổ Văn hoá Cứu quốc địa điểm được hẹn ở phố Giắc-canh (Jacquin), một phố khuất sau Chợ Hôm. Đến nơi, mới biết đây là nhà Nguyễn Huy Tưởng. Chúng tôi, như vồ lấy nhau. Điều bất ngờ, điều bất ngờ mà chúng tôi cảm thấy và mừng tượng ra, đã lâu.

Từ đây, Nguyễn Huy Tưởng là người liên lạc giữa mấy tổ, bí mật khác nhau...

Một điều, đặc biệt là mật thám Pháp đến cả những ngày cuối cùng đời thực dân ở Đông Dương, vẫn ráo riết khủng bố cộng sản. Một số anh em chúng tôi bị bắt năm 1944. Thế mà sau đảo chính Nhật 9 tháng ba 1945, đoàn thể cứu quốc các giới ở Hà Nội gần như công khai hoạt động. Tín phiếu của Việt Minh được rộng rãi mua ủng hộ, có người không làm Việt Minh cũng muốn có tờ tín phiếu. Nhiều tay sai mật thám Pháp còn lại, đã bị những đội trừ gian của Việt Minh tiêu trừ. Tên Sinh, mụ Thiên Nga và bọn Cai Long, Ba Lự ở Bưởi đã phải đền nợ máu. Nhật càng điên cuồng, khát máu, chúng bắt và bắn tức khắc. Trên đường từ Phùng lên Sơn Tây vốn nhiều cướp đường, Nhật vào làng lôi người ra, chém đầu, treo lên cây. Phát xít Nhật cùng quần, hỗn loạn.

Trước thời cơ ấy, các đoàn thể cứu quốc trong thành phố đã rộ hẳn lên và ra mặt thị uy. Treo cờ nóc tàu điện. Rải truyền đơn giữa phố Pôn Be. Rạp Tố Như, Hàng Bạc đương buổi diễn, đèn phụt tắt, cán bộ Việt

Mình lên nói chuyện hô hào tổng khởi nghĩa và tung truyền đơn. Kho thóc của Pháp, của Nhật ở làng Mộc ngoại ô bị phá chia cho người đói. Cả đến các kho ở phố Bắc Ninh và dưới Phà Đen cũng bị tan tành. Chợ Canh, chợ Diên, phiên nào Việt Minh cũng mít tinh tuyên truyền võ trang. Người ta thì thảo súng ống đã được đưa từ chiến khu về: suốt đêm tải sang sông.

Những cán bộ nữ Việt Minh, chít khăn vuông, đeo kính đen, tay cầm súng lục, vừa đứng trên bàn diễn thuyết giữa cầu chợ, lại biến ngay đây. Tiếng đồn càng dậy lên.

Chúng tôi gặp nhau luôn. Không phải còn giữ bí mật nghiêm ngặt như mọi khi chỉ tổ ba người biết với nhau. Chị Tường đem các con đi tránh bom Mỹ về quê đã lâu. Một mình Nguyễn Huy Tường ở lại. Chẳng biết cái sở Đoan anh làm có còn ở Hà Nội hay đã đi trốn bom, chỉ thấy anh mặt quần soóc, với cái xe đạp trần trụi không phanh không chuông đi khắp nơi. Chẳng mấy ngày không lên Nghĩa Đô gặp Nam Cao và tôi.

Khi thúc bài cho báo Cứu Quốc, khi đem lên báo Cờ Giải phóng, tạp chí Cộng sản. Căn gác nhà Nguyễn Huy Tường có cửa khoá chữ, anh để số 1789, năm cách mạng Pháp, chúng tôi đều biết, ai đến cứ việc mở vào, lúc ngủ nhờ, lúc hội họp. Nguyên Hồng không còn ở dưới bãi Phúc Xá, anh đã đưa gia đình tránh bom về Thuận Thành bên Bắc Ninh. Thỉnh thoảng, hai vợ chồng đi một chuyến buôn nón và áo tơ. Cả cái xe bò nón lá của Nguyên Hồng cũng được đẩy đến để trước cửa, có khi tá túc mấy hôm rồi lại chồng cầm còng vợ ẩn xe qua cầu Long Biên về bên Bắc.

Những cuộc họp nghiên cứu tài liệu Việt Minh đọc các báo bí mật, có khi chúng tôi ở cùng nhau liền mấy ngày. Hồi này, Lê Quang Đạo, bí thư ban cán sự đảng ở Hà Nội, sau lần bị mật thám bắt huyệt ở nhà Vũ Quốc Uy, phố Phó Đức Chính bây giờ, đã lên chiến khu Việt Bắc. Nhưng các tổ Văn hoá Cứu quốc vừa được sự chỉ đạo trực tiếp của trung ương chặt chẽ và liên tục mà sau này tôi mới được biết cơ quan của thường vụ đóng ở Xuân Đình, Phú Gia, Phú Thượng và các làng ven hai bờ sông Hồng. Trần Độ Trần Quốc Hương và Văn to đầu (Khuất Duy Tiến), các cán bộ phái viên của Trung ương thường đến với chúng tôi. Lúc thì ở nhà Nguyễn Huy Tường, khi vào làng Vạn Phúc trong Hà Đông, nhiều hôm ở nhà tôi trên Nghĩa Đô, có lần ở cái nhà nghỉ hè của nhà Như Phong xóm Cung bên Tây Hồ.

Trong những cuộc họp mở rộng ở nhà Nguyễn Huy Tường, ngoài các anh em, như Trần Huyền Trân, Nguyên Hồng, Nam Cao, thêm Hồng (Thép Mới) là sinh viên. Lưu Văn Lợi cùng làm sở Đoan với Nguyễn Huy Tường và Nguyễn Cộng Mỹ, nhà giáo dạy dưới Hải Phòng cũng lên bắt liên lạc.

Chúng tôi đương sửa soạn in bí mật số 1 báo Tiên Phong, cơ quan của hội Văn hoá Cứu quốc Việt Nam.

Tình hình chuyển biến hết sức khẩn trương. Trong một cuộc họp ở Vạn Phúc trong Hà Đông, Văn hoá Cứu quốc được cử đại biểu trong đoàn trí thức Hà nội đi dự Quốc dân Đại hội ở Tân Trào: Nguyễn Hữu Đang: Nguyễn Huy Tường.

Bút ký Lên chiến khu của Nguyễn Huy Tường in nhiều kỳ trên tạp chí Tiên Phong sau Tổng khởi nghĩa đã kể lại chuyến đi với những kỷ niệm không bao giờ quên của anh về những ngày lên vùng trung tâm cuộc

tổng Khói nghĩa.

Trong những tường lượng hào hứng của chúng tôi ngày ấy, cả nước đã thành chiến khu, và thiêng liêng, bí ẩn vô cùng là các chiến khu biên giới phía bắc. Hình ảnh gương chiến sĩ dũng cảm, hy sinh được đọc trên báo bí mật Cờ Giải phóng, Kèn gọi lính, Cứu Quốc đã tường thuật những trận quân giải phóng phục kích Nhật ở châu Tự Do (Sơn Dương), ở Bắc Cạn: rồi trận tiêu diệt đồn Nhật trên núi Tranh Đấu (Tam Đảo) giải phóng một trại tù binh Pháp ở Hà Nội, chỉ đứng trên đê sông Hồng đã trông thấy núi Tam Đảo xanh biếc.

Tin tức các nơi rầm rộ. Khắp nước, đã thành chiến khu, các Chiến khu Hoàng Hoa Thám. Lê Lợi, Quang Trung, Trần Hưng Đạo, Phan Đình Phùng, Trưng Trắc, Nguyễn Tri Phương, Hà Nội cũng được bí danh là thành Hoàng Diệu. Như đã trông thấy trên núi rừng phía bắc, các dân tộc Kinh, Thái, Nùng, Mán đoàn kết đương sôi sục chuẩn bị khởi nghĩa, cuộc khởi nghĩa sắp bùng nổ, tràn như nước cuốn về đây rồi.

Chiến khu! Chiến khu bí mật, hấp dẫn, mong ước, chờ đợi, tất cả ở hình ảnh chiến khu.

Nguyễn Huy Tưởng và tôi đương đi tàu điện Bưởi xuống Bờ Hồ.

Những cái hầm xây gạch nổi để nấp máy bay, lỗ chỗ, vắn vèo lượn xung quanh hồ Hoàn Kiếm đã bị người đói các nơi về chiếm ở chỉ chút như tổ mối đùn.

Ngày nào cũng có báo động: Máy bay Mỹ đã ném bom xuống nhiều chỗ đông người trong thành phố, chợ Hàng Da, ngõ hàng Dừa sau ga Hàng Cỏ, các phố khu Đấu Xảo và vùng Bưởi, Quận Ngựa... Tôi làm chân "phòng thủ thụ động" đi khiêng người chết không biết bao nhiêu mà kể, từ dưới Bờ Hồ lên dốc vào hàng Đào xe bò chất những bao gạo đóng tải trắng nổi đuôi nhau, người đẩy xe cúi rạp mãi miết. Đây là kho gạo dỡ ra hay đây là gạo Sài Gòn mà những chuyến tàu hoả, tàu thuỷ của nhà binh Nhật mới thoát bom đêm trước, lọt vào ga Hàng Cỏ hay bến Phà Đen. Không biết tải đi đâu.

Nhưng chắc không phải gạo phát chẩn. Lính Nhật đeo súng cưỡi xe đạp canh hai bên hàng xe.

Tiếng còi trên nóc Nhà Hát lớn bỗng rú từng hồi.

Báo động! Những chiếc xe bò gạo thình lình chững lại giữa dốc. Người cầm còi quỳ xuống. Không biết tại đói quá nặng quá hay hốt hoảng quá, không ụt lên nổi nữa. Đoàn xe ụt lại. Người tứ phía nhao nhao ra: Bọn Nhật đã nằm ghếch súng nấp sau những chiếc xe đạp quăng chông gọng giữa đường. Mặc, người cứ xô đến cướp gạo, như sóng đen ngịt...

Máy bay ầm ầm tới, những chiếc phóng pháo hai thân hiện ra phía lông Hồng, rồi một đoàn trắng xoá ba cái một, lừ lừ đến tiếng rú rền ngay trên đầu. Đạn cao xạ nổ ừng ục vào nền trời xanh nhể nhại: người ta đã phân biệt được súng phòng không Nhật khói trắng khác súng Pháp khói đen sì ở pháo đài Láng và Xuân Tảo. Tiếng bom rơi nổ từng chập, dậy đất, nghe như... lại nhà xe lửa Gia Lâm... lại ở Sét, ở Giáp Bát...

Máy bay vẫn rền trên đỉnh đầu, bom xuống đây rồi, bom đến nơi rồi...

Bọn Nhật bỏ cả xe đạp, chạy chết. Những chiếc xe bò gạo đã được đám người đến xúm xít đẩy biến về phía phố Bắc Ninh. Trong chốc lát, giữa dốc chỉ còn lại xác người cầm cày ngã lúc nãy, đã bị lính Nhật đâm chết, máu loang khắp mặt đường. Chiếc xe bò trống không, cái trục gãy rời ra, hai bánh nằm úp như hai cái nong, mấy chỗ gạo lẫn máu - cái gạo máy Sài Gòn hạt tấm hạt gầy trắng nhơn như vôi bột bắt đầu khô đen lại.

Đây là những cánh Hà Nội đau thương cuối cùng, khi chúng tôi chia tay.

Nguyễn Huy Tưởng thì thảo:

- Cậu có biết trên chiến khu bây giờ, một lão đồng chí quốc tế về lãnh đạo cách mạng? Có nghe đồn Nguyễn Ái Quốc đã về chiến khu không? Tổng khởi nghĩa đến nơi rồi.

Rồi Nguyễn Huy Tưởng ghé sát tai tôi:

- Thôi, mình đi nhé.

Tôi cầm tay bạn sắp đi. Tôi không biết đi đâu, nhưng chắc đi xa. Cảm động, bùi ngùi, đau xót. Cái quang cảnh người chết, người cướp gạo vừa rồi đã lấy đi hết cả những câu nói của chúng tôi. Mỗi người không biết ngày mai thế nào. Chúng tôi chỉ nhìn nhau.

Rồi Cách mạng tháng Tám thành công. Trong cuộc họp đầu tiên gặp lại Nguyễn Huy Tưởng, ở nhà Trần Kim Xuyến trên Hàng Than, Tổng bí thư Trường Chinh đã phân công chúng tôi vào mọi công tác báo chí, tuyên truyền, thông tấn, phát thanh, bình dân học vụ...

Bề bọn những công việc mới. Nguyễn Huy Tưởng ở trong ban phụ trách hội Văn hoá Cứu quốc, lại biên tập báo Cờ Giải phóng, cơ quan đảng Cộng sản Đông dương.

Một hôm, Nguyễn Huy Tưởng đến báo Cứu Quốc tìm tôi. Chúng tôi đạp xe lên ô Yên Phụ rồi ra Phú Gia.

Tôi cũng không hỏi đi đâu. Vẫn còn thói quen giữ bí mật công tác như dạo trước. Thì ra, Nguyễn Huy Tưởng rủ tôi đến một nhà cơ sở ở dưới bãi làng Gạ.

Trước khi lên chiến khu, Nguyễn Huy Tưởng đã được giao thông đưa đến đợi liên lạc ở đấy. Rồi, anh để lại áo sơ mi, quần tây thường mặc. Ở trạm anh em đưa cho Nguyễn Huy Tưởng bộ quần áo nâu cũ và cái nón mê.

Anh sang sông, lên châu Sơn Dương. Đò sang ngang chỗ bến Hối.

Chúng tôi lên mặt đê, trông sang Hối. Chỉ thấy một làn dâu xanh mờ. Nước sông Hồng đương cỡ lớn, mênh mang đỏ rực. Nguyễn Huy Tưởng nhìn xa xôi, ghen ngào:

- Những ngày lên chiến khu, mình nhớ...

Nguyễn Huy Tưởng vốn người trầm mặc, dầu gặp việc vồ vập, bồn chồn, anh vẫn thường giữ điềm nhiên.

Nay anh lại sa nước mắt. Cái vui của con người, dầu cho bề ngoài âm thầm, không phải bao giờ cũng lặng.

Nguyễn Huy Tưởng người làng Dục Tú. Dục Tú cạnh Lộc Hà, quê nhà văn Ngô Tất Tố. Những làng ven nội xinh đẹp, cổ kính ở bờ sông Hồng.

Tôi bỗng nhớ một chuyện thật sự thiết tha và tự nhiên của một ngòi bút với đất quê. Nguyễn Huy Tưởng, con người và tình cảm cùng trang giấy trắng trước quê hương.

Những lần về Dục Tú với Nguyễn Huy Tưởng.

Thường những ngày giáp tết hoặc tháng hai, tháng ba, vào buổi xuân sang hội hè, tết nhất ở các làng ngoài thành. Nguyễn Huy Tưởng hay rủ bạn về Dục Tú.

Mưa bụi vùn vùn trên cánh đồng màu. Có những đoàn người trẩy hội đi qua cửa đình. Không phải chỉ loàn những tiếng cười ròn của đám con trai quần phăng áo trấn thủ ô trám và những cô gái sơ mi hoa đào. Mà còn thiết tha nền nã các bà áo bông ngắn mặc ngoài tấm áo the nâu, miệng nhai trầu bồm bẻm. Trong làn mưa nhẹ như sương, xa kia, sừng sững mờ mờ không nhìn rõ là chân tường thành cổ hay những dãy nhà máy đương lên móng phía Đông Anh. Những gợi cảm thật lạ lùng. Trong cái vui xuân trên miền đất phát tích của dân tộc không phải chỉ có một bề hoài cổ, mà còn những nỗi niềm, những khát khao của mỗi người cầm bút hôm nay.

Về Dục Tú, lần nào cũng sang Cổ Loa. Tất nhiên, Nguyễn Huy Tưởng là người thuộc Cổ Loa nhất trong bọn, anh chỉ cho biết nên để ý, nên xem Cổ Loa những gì, như thế nào. Một điều dị thường mà lại bình thường, mỗi khi ta thăm những nơi có di tích từ truyền thuyết đến hôm nay. Làm sao mà được cảm thông từ hồng hoang đến một lúc bây giờ. Vậy mà Nguyễn Huy Tưởng đã có những say sưa ấy. Đi trên những gò cỏ, những bờ thành đất, dưới cây đa cổ thụ, bước thẩn thơ trong đường quanh bờ tre những bãi mía xanh tốt và những làng xóm lá mít xum xuê mà trông ra nghìn xưa.

Nguyễn Huy Tưởng hăng hái làm cho mọi người thấy được bên trong làng xóm, đồng ruộng ấy, xưa kia đã nguy nga những thành quách có một không hai ở phương nam từ thuở ban sơ của đất nước với bạt ngàn chiến trận của vua Hùng, vua Thục, của Ngô Quyền.

Làm cho chúng tôi phải thấy được cả một trung du giáp núi giáp đồng bằng với những kẻ Nhồi, kẻ Vang,

kẻ Chủ, đất nước của những con người mở đầu hiển hách thế nào. Nguyễn Huy Tưởng lúc nào cũng mê mải, say đắm, mỗi lần kể những điều anh mới biết thêm, mới nghĩ ra.

Vết tích của chợ Sa ở Cổ Loa. Chợ Sa là xa gần, chợ Sa là cái sa xe chỉ hay chợ Sa là tên người, tên họ, hoặc cái gì khác. Địa điểm chợ Sa chỗ nào tụ hội giữa thành hay đầu bến, chợ giữa thành và chợ đầu bến, tính chất khác nhau đấy. Những lúc ấy, Nguyễn Tuân - mà nơi sinh và quê gốc anh ở Mọc Thượng Đình huyện Từ Liêm, hào hứng vào chuyện: các anh chắc biết đường tiến quân của Đô đốc Bảo(2) sau khi đánh tan cả vạn quân Thanh ở Đầm Mực rồi tiến ra Đống Đa. Thế thì, cánh quân Đô đốc Bảo phải vu hồi lên Kim Giang, Kim Lũ rồi lập kết ở bốn làng kẻ Mọc chúng tôi chứ?

Chuyện đấy những đoạn ấy bao giờ cũng sáng khoải quanh truyền thống và lịch sử Hà Nội hôm qua hôm nay. Hiểu biết đến thế nào, bàn bạc đến bao giờ cũng không đến đâu cùng. Ý thức và tình cảm đó đã như tự nhiên trong Nguyễn Huy Tưởng. Cả mỗi khi viết cho các cháu đọc. Những tích lũy về vùng quê cổ kính nghìn đời của anh, Nguyễn Huy Tưởng mới chỉ cho lứa tuổi bạn đọc thiếu nhi được thưởng thức chút ít ở một áng văn xuôi như thơ, truyện An Dương vương xây thành Ốc.

Hai mươi năm cầm bút, Nguyễn Huy Tưởng đã sáng tác nhiều thể loại văn xuôi nhiều đề tài khác nhau. Nhưng, với anh, đề tài Hà Nội là tiềm lực sức sống liên tục trong tất cả các giai đoạn và là những tác phẩm chính của Nguyễn Huy Tưởng. Ở mỗi trang Nguyễn Huy Tưởng đều có thể gặp được bóng dáng của Cổ Loa, của Thăng Long, của Hà Nội. Trong đó, cuộc sống và con người, từ truyền thuyết tới ngày nay, qua mọi giai đoạn lịch sử, vẫn là một con người Việt Nam nhẵn lại, kiên cường đương đầu với mọi thử thách, mọi biến thiên và đứng vững. Là cây bút sử thi hùng tráng, Hà Nội của Nguyễn Huy Tưởng bao giờ cũng lộng lẫy và hùng vĩ, ngay từ những tác phẩm ban đầu Có nghĩa là từ khi Người cầm bút chưa hẳn đã có một ý trí và đường hướng rõ rệt, nhưng lăm lòng đối với lịch sử và quê hương từ tiềm thức đã gắn bó và thôi thúc.

Thực tế tình cảm ấy là bộ phận quan thiết xương máu trong cơ thể vốn sống người viết. Một nhà văn phải tạo ra, phải rèn luyện cho có được những vùng quê của sáng tác. Hai chữ "vùng quê" ở đây có ý nghĩa nhắc nhở người cầm bút không được lơ đãng một phút đắm mình trong thực tế để có được những kỷ niệm thiết tha trong đời. Vùng quê sáng tác của nhà văn có thể bất cứ ở đâu, mà những!nguyên quán, sinh quán của người cầm bút chỉ là một trong những trường hợp - trường hợp tự nhiên, nhưng có giá trị to lớn đối với người cầm bút. Nguyễn Huy Tưởng với Hà Nội là như vậy Nguyễn Huy Tưởng viết hai tác phẩm đầu tay trong những năm 1940, tiểu thuyết Đêm hội Long Trì và kịch Vũ Như Tô.

Đêm hội Long Trì, những sinh hoạt xưa ở kinh kỳ mà trong đó, huyền ảo những cảnh lộng hành bạo ngược của chị em bà Chúa Chè người Kinh Bắc. Những đau khổ của người dân phải chịu đựng mọi thói ăn chơi vô độ của các triều đại vua chúa. Nhưng chông chất giữa những oan khiên này vẫn thấy được đời sống người Kẻ Chợ cùng mọi quang cảnh phố phường sinh sôi Đây là sức sống âm thầm mà mãnh liệt của "bách tính" đã làm nên bao đời Kẻ Chợ. Thăng Long nhộn nhịp suốt sáng không biết có đêm trong những đêm hội Long Trì quanh hồ Gươm, hồ Tây. Những hội vật đua tài của đô các lò ở Kẻ Chợ đã có nói.

Những đám rối cạn, rối nước, những cuộc đánh roi rất hiệp sĩ của kinh thành vốn đất thượng võ. Rồi chợ gà, thả chim, đu tiên, chợ thi cây cảnh và những đám rước kỳ ảo, thần tiên. Thôi thì mặc sức, từ ngoài ô vào đến phố phường quanh hồ, đêm ngày nô nức người về hội. Những quang cảnh bộc lộ và biểu hiện sức mạnh truyền thống của dân tộc, các triều đại cứ thay đổi, ân oán và giết chóc cứ lay chuyển tất cả các cung vua phủ chúa, Kẻ Chợ ngày một sầm uất.

Ở kịch lịch sử Vũ Như Tô, Nguyễn Huy Tưởng đã miêu tả một nghệ sĩ lớn thời Lê. Công trình vĩ đại của Vũ Như Tô chỉ còn được một dòng chữ trong sử sách, những muôn đời người Kẻ Chợ ngược trông lên vẫn thấy trên trời nước hồ Tây ẩn hiện bóng cao trăm trượng toà lâu đài cực kỳ tráng lệ. Công trình của Vũ Như Tô - kết tinh tinh hoa đất nước, mơ ước xây Cửu Trùng đài, cũng là khát vọng của người cầm bút làm sống lại nhà kiến trúc thiên tài trong đau khổ sáng tạo.

Một tác phẩm suốt đời xây dựng, không biết bao giờ xong, mãi mãi là một khắc khoải, là niềm tin. Khi mà một người viết lại chùng gân bằng lòng cái đã làm được, thì ngòi bút ấy chẳng còn gì phải nghĩ thêm. Đài Cửu Trùng và Vũ Như Tô cũng chính là quan niệm về tác phẩm của Nguyễn Huy Tưởng. Suốt đời viết đã mơ ước, đã thất vọng, lại mơ ước... Sức lực của Nguyễn Huy Tưởng tập trung vào công phu sáng tác, cùng lúc với mọi công việc ngốn ngàng những ngày đầu của cách mạng, mà anh đam mê. Tuy nhiên, Nguyễn Huy Tưởng vẫn có ý thức sâu sắc được trách nhiệm nhà văn, không thể có gì mạnh mẽ hơn vũ khí ngòi bút.

Nguyễn Huy Tưởng miệt mài viết báo, viết sách. Ở báo Cờ Giải phóng, nhiều bài xã luận tiểu luận ký Điều Tử. Ở tạp chí Tiên phong ký Thao Trường. Viết cho thiếu nhi Nguyễn Huy Tưởng lấy bút danh Vương Như Trang. Chuyện gương chiến đấu Ba anh hàng thịt ở chợ Cái Răng (Nhà xuất bản Văn hoá Cứu quốc, 1946), Bắc Sơn, vở kịch dài Nguyễn Huy Tưởng đã viết liền trong hai ngày hai đêm.

Đề tài truyền thông, đề tài lịch sử trong thời kỳ chuyển biến vốn là sở trường của Nguyễn Huy Tưởng.

Cuộc trường kỳ kháng chiến trên toàn quốc vừa bắt đầu, Nguyễn Huy Tưởng viết Những người ở lại. Kịch dài Những người ở lại miêu tả thái độ và cuộc đấu tranh của các tầng lớp trí thức đối với kháng chiến trong Hà Nội bị chiếm.

Tiểu thuyết Sống mãi với Thủ đô, "đài Cửu Trùng của Vũ Như Tô" Nguyễn Huy Tưởng đã được nghiền ngẫm ngay từ những ngày đầu tiên Trung đoàn Thủ đô chiến đấu trong vòng vây của địch.

Sự tích một sáng tác không biết đâu bờ đâu mốc mà tính được thời gian và công phu sức lực bỏ ra.

Ngày tháng ghi kỷ niệm ở trang cuối chỉ là ước lệ.

Trung đoàn Thủ đô đã ra đời trong những ngày đêm ác liệt giữa Hà Nội. Rồi suốt chín năm kháng chiến, Trung đoàn Thủ đô đã tham gia tất cả các chiến dịch lớn, sau cùng, từ chiến thắng Điện Biên Phủ về Hà Nội giải phóng. Tấm lòng vẫn nguyên như đêm ra đi: các chiến sĩ Hà Nội đã cất lời thề hẹn ngày về, khi

ngoảnh lại nhìn thành phố rừng rực trong lửa cháy.

Một ngày đầu năm 1947, chúng tôi đi đón Trung đoàn Thủ đô, vừa từ giữa lòng thành phố ra. Các chiến sĩ đã bí mật hành quân lườn dưới cầu Long Biên, qua sông Hồng, vào chân núi Tam Đảo. Rồi bất thần, nửa đêm lại trở sang bên này sông. Liên mấy ngày, máy bay địch lùng khắp từng làng, từng cánh đồng phía bắc thành phố. Trong khi đó, Trung đoàn đã lại sang sông về đóng quân ở vùng Gối.

Lễ đón mừng các chiến sĩ Thủ đô ở Thượng Hội.

Hồi này, địch trong thành phố đã nổ ra tới cầu Diễn, trên đường Sơn Tây. Ở cánh đồng làng Thượng Hội trông ra Diễn, đốt lửa to còn thấy vàng sáng, moóc-chê địch thường bắn qua trên đầu. Nhưng địch chẳng thể ngờ lại có cuộc hội quân lớn như thế này ở trận tuyến trước mặt chúng.

Những ngày ấy, tôi làm phóng viên báo Cứu Quốc trên mặt trận Hà Nội. Tôi thường cùng ở với Thôi Hữu tại chùa làng Ân Thọ ở Sống - nơi cơ quan báo Thủ đô do Thôi Hữu phụ trách. Nguyễn Huy Tưởng đến rủ và ba chúng tôi đã ra Canh, rồi sang Thượng Hội đón các chiến sĩ Thủ đô.

Cả vùng các làng Kẻ Gối náo nức. Hai tháng trời ác liệt trong vòng vây địch đã in dấu xám ngắt trong tưởng tượng của mọi người đến dự lễ mừng? Nhưng không, các chiến sĩ thật nhanh nhẹn, rất Hà Nội. Trong hàng quân, có nữ chiến sĩ, ở cả cấp chỉ huy, nữ chính trị viên tiểu đoàn Tuyết Minh. Những cô gái Hà Nội, trong mọi tình huống thật đã tài đảm, thao lược. Các chiến sĩ, hôm qua còn là sinh viên, nữ sinh, là công chức, là thợ đóng giày, đóng thùng, nghề bồi bếp, thợ nguội, thợ điện. Giờ đây như nhau, chiếc mũ ca lô dạ tím, đôi giày có cổ, chiếc thắt lưng trẻ trang một điệu kiểu cách cố ý với bên hông khẩu súng lục, con dao găm, - kể cả những khẩu trung liên, đại liên đặt cảnh giới trên các gò cao ở đầu đồng, hầu hết đều là quân dụng, quân trang, vũ khí nhãn hiệu Mỹ mà các chiến sĩ đã đoạt được.

Không có thể nghĩ những con người thơ thới đáng yêu vừa trải những trận đánh sống còn liên hai tháng qua. Cảm tưởng cứ chập chờn, lung linh hư hư thực thực. Khác nào, đứng đây, vừa nẩy hoàng hôn xuống còn trông thấy trong bóng chiều vàng mờ lạnh buốt cuối đông ánh lửa của người chiến sĩ rút sau cùng đã đốt lên cháy cả kinh thành, báo cho hàng quân đi đầu biết thế là tất cả đã ra khỏi, các phố. Câu chuyện thần kỳ ngoài tưởng tượng.

Trên cánh đồng đầu làng, những đồng sười được nhóm lên. Các chiến sĩ vào Cuộc lửa trại. Nguyễn Huy Tưởng ngồi im. Suốt đêm, anh lặng lẽ chăm chú nhìn mọi người, nhìn lửa, nét mặt hân hoan.

- Vĩ dạ quá! Vĩ đại quá! Cái gì cho xứng được.

Câu nói và diện mạo ấy cũng là tư tưởng triết lý, chủ đề và đề tài về Hà Nội của Nguyễn Huy Tưởng quán triệt cho tới các tác phẩm sau cùng. Đức tính đó ở Nguyễn Huy Tưởng đã có ngay ở bước đầu tiên của công việc sáng tác. Phân tích vấn đề, sự việc con người, thường Nguyễn Huy Tưởng phát hiện từ khía cạnh tích cực. Cả mỗi chữ, mỗi câu, Nguyễn Huy Tưởng cũng đậm đà ở phương pháp trước tác và tình

cảm ấy. Văn phong Nguyễn Huy Tưởng ấm áp, đôn hậu, hùng tráng.

Trong kháng chiến chống Pháp, Trung đoàn Thủ đô mà đặc biệt là tiểu đoàn 54, tiểu đoàn chủ công của trung đoàn đã kết nghĩa làm em nuôi hội Văn nghệ

Có được niềm vui đó không phải tình cờ, mà sự gắn bó quân dân đẹp đẽ này có trách nhiệm và công lao Nguyễn Huy Tưởng. Nhiều người trong chúng tôi đi tham dự cùng đơn vị em nuôi hầu hết các chiến dịch, lớn trên chiến trường miền bắc, từ các mặt trận quanh Hà Nội lúc khởi chiến đến chiến dịch sông Thao 1949, chiến dịch Trung du và chiến dịch Biên giới 1950, cùng với các chiến dịch Đông Bắc, Tây Bắc, Thượng Lào rồi Điện Biên Phủ.

Thực tế lớn lao của người chiến sĩ Hà Nội, cũng như của chúng tôi, cuộc sống thành phố đã trải rộng khắp đất nước, qua vô vàn thử thách gian lao. Không những là người chứng kiến, mà chúng tôi đã là những con người góp phần làm nên giai đoạn lịch sử ấy.

Khi Trung đoàn Thủ đô tiến vào Hà Nội, Nguyễn Huy Tưởng đã ở trong đoàn cán bộ tiếp quản thành phố. Cả thành phố xưa tan cơn chìm đắm chín năm và suốt thế kỷ. Bao nhiêu sự kiện lớn lao của đất nước, của đời người. Phải viết, phải viết cái gì cho xứng đáng tầm vóc thành phố. Như vậy đấy những trải biết của Nguyễn Huy Tưởng tiến lên một bước sáng tạo, đã dần dần rõ nét. Sự ra đời của mỗi chân móng tiểu thuyết Sống mãi với Thủ đô của Nguyễn Huy Tưởng đã nối tiếp thời gian, không gian từ thật xa như thế.

Nguyễn Huy Tưởng thường kể về những chắt chiu, góp nhặt, những dự định cho cuốn tiểu thuyết ước mơ này. Mỗi khi bàn luận về nền văn xuôi Việt Nam đương phát triển anh thích thú hình dung ra hình ảnh cuộc kháng chiến của nhân dân ta. "Tôi thì tôi không thể viết nổi" - anh nói. Nhưng Nguyễn Huy Tưởng ao ước đến một phút đầy cảm thông thiêng liêng đến thế nào đó, ở thế kỷ nào đó, xuất hiện những tác giả dựng lên được cuộc trường kỳ kháng chiến từ nam chí bắc thành những bộ, những pho sử thi biên niên hết sức hấp dẫn, trong đó, mỗi vùng đất nước, mỗi dân tộc anh em, mỗi chiến dịch, mỗi trận đánh, mỗi chiến sĩ, mỗi vị tướng cầm quân, tất cả trở thành một lập thể nhân vật anh hùng, tính cách mỗi con người khác nhau mà lại giống nhau, tiêu biểu cho con người Việt Nam trước thế giới. Và, thế nào và bao giờ Nguyễn Huy Tưởng cũng kết luận: Tất nhiên, trong những trường sử thi hào hùng ấy của dân tộc Việt Nam có người Hà Nội. Đời nay chưa có nhà văn giỏi đến thế, thì đời sau, đời sau nữa phải có tài năng làm được, phải làm được.

Nguyễn Huy Tưởng đã công phu, cẩn trọng cho tiểu thuyết Sống mãi với Thủ đô. Mấy năm đầu trở về, Nguyễn Huy Tưởng đã viết xong tập 1. Những trang bản thảo chữ đẹp rõ nét, đều đặn, được chép ra, đánh máy cẩn thận. Nguyễn Huy Tưởng vẫn để đấy. Hình như ở anh, vẫn còn băn khoăn, lưỡng lự những điều chưa thoả đáng, chưa nghĩ ra được hết xung quanh công trình lớn. Hãy để đấy, rồi Nguyễn Huy Tưởng đi Tây Bắc. Mấy tháng ở nông trường Điện Biên về, Nguyễn Huy Tưởng cho xuất bản tiểu thuyết Bốn năm sau, bốn năm Điện Biên Phủ sau chiến thắng. Nhưng bản thảo Sống mãi với Thủ đô thì vẫn chưa đụng chạm đến. Một mùa luyện quân, Nguyễn Huy Tưởng lại đến với các chiến sĩ Hà Nội thân thiết của chúng tôi. Trung đoàn Thủ đô đã qua ngót mười năm chiến đấu không còn như những ngày mới tập hợp trong

Chiến khu 1 ra.

Hàng loạt gương mặt chiến sĩ mới trong đội ngũ, qua mỗi thu đông chiến dịch, mỗi mùa luyện quân. Những ban chỉ huy đại đội, tiểu đoàn đã vắng nhiều người ở đêm liên hoan Thượng Hội. Nhưng truyền thống chiến thắng nhanh vẫn là nền nếp ngày một phát huy phong cách đánh nhanh của chiến sĩ Hà Nội, từ trận kỳ tập vị trí Bồng Lai ngay bên sông Cái trước mặt Hà Nội đến các trận thần tốc ở chiến dịch sông Thao, ở Nghĩa Lộ đồi, ở Bản Hoa châu Mộc trên Tây Bắc và các trận diệt viện gọn như cắt ở Thượng Lào, ở Điện Biên.

Nguyễn Huy Tưởng ra Lai Xá, lại có dịp đến ở lâu với các chiến sĩ của đơn vị đầu tiên đã chiến đấu trong Liên khu 1. Những người còn sống vẫn tinh anh phong độ ngày ấy, và ai cũng đã dày dạn trận mạc. Cái nhìn lại những ngày non trẻ và hào hùng của các chiến sĩ đã cho Nguyễn Huy Tưởng những hiểu biết, những khám phá mới, khác lạ, vẽ lên những nét sâu sắc riêng, anh hùng có, trượng nước có, hoang dã có. Nguyễn Huy Tưởng được cơ hội hiểu nguồn gốc tính chất người chiến sĩ của các tầng lớp nhân dân Hà Nội trong một giai đoạn lịch sử đất nước. Nguyễn Huy Tưởng cảm kích đến sửng sốt, bàng hoàng. Nguyễn Huy Tưởng rất hào hứng và thấy ra những cái anh đã mô tả về chiến sĩ Hà Nội chưa thể như ý.

Phải viết cho thật xứng với cuộc chiến đấu cực kỳ anh dũng mọi mặt vừa khốc liệt vừa quyết liệt đúng với hiện thực thời ấy. Mười năm trước, ở cánh đồng Gối, khi đón Trung đoàn Thủ đô, Nguyễn Huy Tưởng vẫn lo lắng với câu nói: Vĩ đại quá! Cái gì cho xứng!

Nguyễn Huy Tưởng quyết, định viết lại. Tiểu thuyết Sống mãi với Thủ đô mà chúng ta được đọc, chỉ là cái bản thảo cần phải viết lại ấy của Nguyễn Huy Tưởng.

Thói quen làm việc của Nguyễn Huy Tưởng cũng khá khác thường. Sự cần mẫn, chịu khó bao giờ cũng sẵn sàng ở anh. Và thường để suy nghĩ, để chuẩn bị, đôi khi là việc đổi tay viết một cái khác, Nguyễn Huy Tưởng đã dùng khoảng cách nghỉ ngơi có ích như thế, trong khi sửa soạn viết lại Sống mãi với Thủ đô, anh viết cho thiếu nhi chuyện Trần Quốc Toàn ra quân: Lá cờ thêu sáu chữ vàng. Rồi lại sáng tác kịch bản phim Luỹ Hoa (chữ của Nguyễn Tuân đặt), dựa trên sườn tiểu thuyết Sống mãi với Thủ đô.

Như tay đô vật vào gióng còn đương múa vờn.

Những năm đầu, nhà xuất bản Kim Đồng ở phố Triệu Việt Vương.

Xưa kia đây là nơi bờ bụi lầy lội lau sậy làng Đức Viên, làng Thổ Giao, làng Vân Hồ. Phố xá, những nếp nhà một hai tầng so le, không có cửa hàng buôn bán, chỉ mới mọc lên quanh chợ Hôm khoảng trong ngoài năm sáu mươi năm trước. Vĩa hè còn nền đất và vắng vẻ đến độ người đi dưới lòng đường hay trên vĩa hè cũng như nhau. Phố của các công chức ngày ngày đi làm. Nhà khá giả máu mặt đôi chút có cái cửa nách, lấy lối ra vào cho người culi và chiếc xe tay nhà.

Trong kháng chiến chống Pháp, ở Việt Bắc, công việc xuất bản sách cho thiếu nhi tập trung vào Tủ sách

Kim Đồng Nhà xuất bản Văn Nghệ. Về hoà bình, "Tủ sách Kim Đồng" là một bộ phận của nhà xuất bản Thanh Niên. Nguyễn Huy Tưởng cùng một số anh em chúng tôi đề nghị với Trung ương Đoàn đứng ra xin phép thành lập một nhà xuất bản riêng cho thiếu nhi.

Và giám đốc đầu tiên của Nhà xuất bản là Nguyễn Huy Tưởng.

Hồi này, Nguyễn Huy Tưởng chuyên lo công việc cho nhà xuất bản mới khai trương. Cái ham mê bé nhỏ cũng thật sự hồn nhiên trong sự bận rộn, từ biên tập đến trị sự, lại đọc bản thảo gửi đến, lại sáng tác. Chúng tôi thường nói vui về Lê-ôn Tôn-xtôi khi về già mới sáng tác cho thiếu nhi và ông lấy làm tự hào đã viết cho tuổi thơ những câu trong sáng nhất đời văn. Ông Tôn-xtôi Việt nam của chúng tôi vốn phục luôn Tôn- tôi, lấy chuyện đó làm một sự thú vị.

Những tình cờ của thời gian không gian trở đi trở về, hay là của đời người! Ở vùng chợ Hôm, hầu như mỗi góc đường, anh lại gặp lại những năm tháng đã qua. Căn gác, phố Ngô Thời Nhiệm bấy giờ là tổ ấm ngày ấy của đôi vợ chồng trẻ, của những sáng tác sôi nổi, chỉ hai ngày hai đêm viết xong vở kịch dài Bắc Sơn. Và chúng tôi vẫn thuộc số 1789 ở cái khoá chữ một thời say mê, say sưa với những "thế giới đại đồng" trong những ước mơ cao xa.

Nguyễn Huy Tưởng nói:

- Mới đấy, mà như từ bao giờ. Mà cũng hay. Chúng mình làm việc cho văn học thiếu nhi. Những kỷ niệm trong sáng, những nhớ lại đẹp như tuổi thơ, biết đâu chẳng gợi ra những sáng kiến lớn.

Câu nói của một người lo toan công tác, nhưng cũng là những ý nghĩ, những chờ đợi bất chợt lạ lùng day dứt về những suy nghĩ chưa xong. Tiểu thuyết Sống mãi với Thủ đô lúc nào cũng dày vò anh.

Nguyễn Huy Tưởng không coi đấy chỉ là việc sửa, chữa bản thảo. Một người viết luôn luôn có trạng thái tin, lại chưa tin sức mạnh sáng tạo của mình là biểu lộ một sức bật, một đổi mới. Nguyễn Huy Tưởng đang có những khát vọng lớn, anh muốn thay đổi hết. Mỗi nhân vật, từng tình huống soi trong bóng lồng lộng cửu trùng dài của sáng tạo, cuộc sống chiến sĩ từ hoang sơ Liên khu 1 đến tinh thần một binh đoàn thiện chiến hiện đại, xưa kia và mai sau hội tụ trong một phút giây, tất cả đương là những thực tế uy nghiêm, bắt người viết phải kiểm tra, phải lục soát lại từ quan niệm đến phương pháp, đến việc đưa từng chữ xuống trang giấy.

Mỗi quãng đường, mỗi lúc gặp những năm tháng đã qua, lại thôi thúc.

Buổi sáng ấy trên bờ hè gốc cây nhồi cạnh cửa viện Mắt, có những toán bộ đội cặm cụi đào hố. Rồi nhặt lên từng chiếc xương sườn, xương ống, một sọ người. Trong suốt phố, nhiều đám người đương nhặt xương trong hố lên như thế. Các nhà hai bên đã đem ra thau nước trầm bốc khói ngào ngạt. Từng đống xương được rửa nước trầm cẩn thận rồi bỏ vào tiểu, trên phủ quốc kỳ sao vàng. Thành đội đương tổ chức đào tìm hài cốt các chiến sĩ đã chiến đấu ở Thủ đô những ngày đầu. Mỗi hôm, hoa viếng của những người trong phố

đưa đến, khói hương bay toả trên màu cờ đỏ suốt bờ hè. Đằng kia, vẫn còn những đám người đi nhận dấu tích gốc cây, hòn gạch, hương nhà và các chiến sĩ lại đào Nguyễn Huy Tưởng chôn những nén hương chúng tôi vừa mua ở chợ Hôm về, cắm lên trước chiếc tiểu bên gốc cây nhồi cổ thụ.

- Vĩ đại quá, làm thế nào cho xứng được!

Ngày trước, đón các chiến sĩ ở Thượng Hội, Nguyễn Huy Tưởng đã nói thế. Năm nọ, ở Trung đoàn Thủ đô về bây giờ anh lại đương nghĩ về cuốn tiểu thuyết phải viết lại.

Chú thích:

(1) Sau tháng tám 1945, Trần Kim Xuyến công tác tại đài Tiếng nói Việt Nam. Đầu 1947, đã hy sinh trong trận Pháp tấn công vào nơi phát thanh của đài trong núi Tử Trầm gần thị xã Hà Đông

(2) Đô đốc Bảo, một dũng tướng của Tây Sơn Những phát hiện mới đây được biết Đô đốc Bảo là Đông Lĩnh hầu Đô đốc Đặng Tiến Đông, người xã Lam Điền, huyện Chương Mỹ, hiện có tượng thờ ở chùa Trăm Gian: huyện Hoài Đức (Hà Tây)

NHỮNG GƯƠNG MẶT - CHÂN DUNG VĂN HỌC

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

3. Người Bạn Đọc Ấy:

Ngày 6 tháng ba năm nay(1), Nguyễn Công Hoan sáu mươi tuổi.

Cũng tới năm nay, tập truyện ngắn đầu tiên của anh, quyển Kiếp hồng nhan đã ra đời được bốn mươi năm.

Những con số ngày tháng đơn sơ mà xiết bao cảm động. Tuổi của văn xuôi hiện đại chưa mấy. Tuổi văn Nguyễn Công Hoan, mới tính đến giờ, đã có thể đo được với tuổi đúng của nền văn xuôi hiện đại.

Nếu ta nhắm từ cái hồi mà lời văn bỗng trầm khốc đứng khốc ngồi, đến thời kỳ văn chương sạch sẽ kiểu “Tự Lực”, thì, lực lưỡng như một tay đô vật không có địch thủ, từ Kiếp hồng nhan tới nay, truyện ngắn truyện dài Nguyễn Công Hoan từng từng tạo thành một thế tam đảo ba vì hùng vĩ vượt qua cả hai thời kỳ tiến ngày nay.

Tôi ghi lại những ý trên khi lôi nhớ tới hai ngày sinh của người bạn kính mến thân yêu của tôi.

Tôi đương có công tác về thôn Vân ở Đan Phượng.

Từ cầu Phùng vào Vân, còn hơn mười cây số, mà bóng chiều đã ngả: Ông, mặt trời mùa xuân hiếm hoi lừ đừ màu đỏ ngọt ngào đã xế trên chòm núi Ba Vì. Đê sông Đáy kẻ sọc chỉ mờ trắng tấp nập nhô những luỹ tre xanh nhạt, đôi chỗ chấm tròn một lùm cây vải đen thẫm. Tất cả quen quen như đã gặp nhiều ở đâu.

Cách đây hai mươi năm trước, bước chân trôi giạt của một người làm công nhà buôn đã đưa tôi đến Móng Cáy. Tôi đi tính sổ bán hàng cho đại lý hiệu giày Ba-ta ngoài ấy. Trên bãi bể Trà Cổ, anh bạn nọ tro cho tôi một người và bảo:

- Ông Nguyễn Công Hoan đấy!

Lần đầu tiên tôi trông thấy anh. Không phải như những kẻ phong lưu đi nghỉ mát Trà Cổ mà là anh đương làm công chức "gỗ đầu trẻ" ở ngay làng Trà Cổ.

Một người đàn ông đứng tuổi đặt tay một cô bé gầy gò lưng thưng đi đôi guốc lê trên cát còn hầm hập nóng. Bãi Trà Cổ đã vắng lại càng vắng. (Ngày ấy không phải ai cũng háo hức nghỉ mát Trà Cổ như bây giờ).

Chỉ có mấy cái nhà tây của các quan binh Móng Cáy, Đằng kia, nhà thờ Trà Lộ nhòm xuống bãi biển càng hiu hắt lạ lùng.

Tôi vẫn còn nhớ mãi cái đêm sáng trăng, trên tàu Tây Diết từ Mũi Ngọc về Hải Phòng, anh đứng trên boong nhìn vào Hà Cối. Tôi vừa đọc truyện ngắn Nghĩ người ăn gió nằm mưa của anh ở báo Tiểu thuyết thứ bảy. Tôi không cố ý giữ một hình ảnh tượng trưng.

Nhưng làm sao mỗi khi nhớ lại, tôi vẫn lạc về bãi bể Trà Cổ xa vắng và đêm trăng một mình qua Bái Tử Long ấy. Sự sáng tạo chân chính ở thời kỳ đen tối này, sao mà lớn lao, cũng sao mà cô đơn.

Hai cha con cứ lùi lùi đi về cuối bãi. Vài chiếc vỏ sò, vỏ ngao, vỏ ngán, vỏ hà và bọt biển giạt từ Bắc Hải bên kia tới. Những vật nhỏ bé phương xa đó làm tò mò cô gái. Nhưng đôi mắt người cha đắm đắm theo những đàn chim gì không biết, đương lặng lẽ bay xa, thật xa.

Có lẽ không thể tới Vân được. Trời muốn tối đến nơi. Những tiếng ban ngày ộn ẫ trên cánh đồng giờ nghe mơ hồ vời vợi. Và người đi đường cảm thấy quạnh quẽ hơn, âm thầm hơn.

Nhưng, đằng sau lưng bỗng trỗi lên một liếng xoang xoảng nhộn nhịp. Như trâu bồng, như tiếng quăng lưới gỗ cá trên mặt hồ chưa tan sương. Tôi quay lại. Từ trong làn sương đục phủ mặt đê cao, một chiếc xe ngựa rong ruổi hiện ra, nghe rõ tiếng cười nói xôn xao của những người ngồi trên xe. Xe càng gần tới.

Trước nhất, thấy hai vành bánh cao su đặc to thô lỗ. Ở giữa chất lù lù toàn những mạ, lấp cả hai hàng người ngồi dưới. Đằng trước đánh xe, là một cô gái. Cô lừ lừ nét mặt. Vành khăn nâu non ló sau mũi khăn vuông cao chót vót, lối chít khăn của con gái Sơn Tây bờ sông Đáy.

Chiếc xe vừa lướt tới, tôi thấy cô đánh xe cười. Thì ra, có cái dáng mặt nghiêm lừ lừ kia là vì con ngựa. Cô đương giơ ngọn roi tre lên dư cho ngựa chạy nhanh hơn.

Cô ngoái ra, nhanh nhẩu hỏi:

- Về đâu tối thế?

Câu hỏi cộc lốc, nhưng giọng hồn nhiên và táo tợn.

Xung quanh tôi chỉ còn có cánh đồng và một mình, càng cảm thấy đường xa.

- Về Vân đây.

Mấy cái đầu lấp ló nhìn ra.

- Về Vân à?

Tôi gạn:

- Cho đi nhờ với.

Cô đánh xe nói:

- Được thôi.

- Chứ đi bộ thì sang năm mới đến Vân?

- Ngồi nhích một tý nào, các vị ơi!

Anh Nguyễn Công Hoan à, anh có thể tưởng tượng như thế này không, khi tôi ngồi trên cái xe ngựa lắc lư chạy, trong tôi cứ bập bồng rồi lại thiết tha theo đuổi những ý nghĩ lúc này về anh. Điều đó không phải nhiên và không có lý. Những tưởng tượng về anh ngày sinh của tuổi đời và tuổi tác phẩm nhà văn những bóng xa xa, mờ mờ về Trà Cổ với đêm Bái Tử Long qua Hà Cối. Ý nghĩ tôi khắp khênh theo vòng bánh trong khi tôi trầm ngâm nhìn cô gái đánh xe.

Cái dáng quen, ừ rất quen. Cách đây nhiều năm rồi, gặp năm nước lớn, hương lý làng Nghĩa Đô đốc thúc người đi đê. Trai tráng làng tôi suốt lượt phải hộ đê từ Tứ Tổng lên tận vùng này. Chúng tôi cơm nắm cơm đùm kéo bộ cả đêm đến sáng mới tới điểm canh đê hàng tổng. Nhớ làm sao buổi sáng hải hùng ấy, cái cảnh tôi trông thấy đoàn người chạy nước từ dưới bãi lên lấm vùi như đàn chuột trong hang đang bị ộc nước. (Về sau, một trong những truyện ngắn đầu tiên tôi viết, là truyện ngắn Nước lên in trên báo Hà Nội tân văn của anh Vũ Ngọc Phan, trong đó đã chép lại nhiều hình ảnh đau thương hôm ấy).

Bao nhiêu năm, bây giờ tôi trở về đây. Trở về những làng Vân đất bãi điêu tàn năm nào. Phải, tôi cố nhớ ra cái dáng. Vẫn dáng người con gái xốc vác của những cô thợ đấu tỉnh Sơn, vai chắc lẳn, cổ cứng, đôi mắt rất khỏe. Chỉ khác, không phải người lam lũ từ nước lụt chạy lên. Đây là cô gái làng Vân, bảnh choẹ giọng chiếc xe ngựa

Cái xe lắc lắc đều đều qua cánh đồng. Tay cô ấy dứ roi, mắt nghiêm, rất sắc, rất tươi. Tôi nghĩ đến lớp nhóm trưởng nhóm cấy? Là tổ phó tổ kỹ thuật? Hay đội phó, đội trưởng phụ trách sản xuất, tổ cô ấy vượt diện tích, hết mạ dự trữ, phải đi mua mạ chợ xa?

Trong xe, đang râm ran chuyện. Những chuyện chống hạn, đào giếng chống hạn và linh tinh... Người kẻ Cốc ăn khỏe, con gái Hạ trêu anh cán bộ đến phải bỏ xe đạp mà chạy; trên huyện vừa mở thêm hiệu bào chế đông y, lớp ngô sớm phải hạn khéo đến hồng ăn.

Nhưng chuyện ồn ào nhất là việc cấy phải xong giữa tháng...

- Xong thế cóc nào. Nước đâu kịp!

- Cũng chẳng cần. Năm nay nhuận tháng tư thì tháng hai cũng như tháng giêng, cấy sớm cho nó cong cây à?

- Ấy, còn tính thời tiết trông giời thì không phải "nông dân cải tiến 63" đâu nhé!

Người ngồi cuối cùng hàng ghếch mặt lên khỏi đồng mạ, gọi ra:

- Cô Ninh Bình ơi...

Cô đánh xe quay lại:

- Gì thế?

- Đội cô nhất định cấy xong giữa tháng này a?

Cô đánh xe trả lời bằng miệng cười nhoẻn rồi lạt dư chiếc roi lên cho ngựa chạy.

Sương lam đã vùn vục cả quanh xe rồi. Tôi chợt có cảm giác hồi hộp như trẻ con. Một cái gì xa xôi mà thăm thiết. Không phải vì câu chuyện phong phú và miên man trong xe. Cũng không phải vì làng Vân trước mặt kia dường phảng phất những kỷ niệm thời thanh niên, khi tôi mới cầm bút tập viết văn. Không, chính vì cái tiếng ai ngồi đằng kia vừa gọi “Cô Ninh Bình ơi! Cô Ninh Bình...”. Cô Ninh Bình Cái tên hiền hoà nghe mà như trông thấy hoa nở và yên lành, vừa lạ vừa quen làm sao. Trong tiếng bánh xe, tiếng vó ngựa lọc cọc là lạ trên nền đất mỡ gà ẩm đỏ, giữa làn sương buông mỗi lúc một dày, tôi văng nghe chen nhau những tiếng gọi, tiếng đùa cợt, tiếng cười, cô Ninh Bình cô Ninh Bình ơi, tôi nghĩ đến anh.

Từ ngày anh kể cho tôi nghe chuyện ấy, mỗi khi qua Ninh Bình, hoặc chợt nghe ai nói đến hai tiếng Ninh Bình, tôi không thể nào không trạnh nhớ.

Bấy giờ là mùa hè 1938, anh nhỉ? Hơn hai mươi năm trước, ở Nam Định.

Những truyện ngắn anh viết lúc ấy đăng trên các báo Hà Nội quả thực là những con dao bầu mổ phanh cái bụng giới quan trường và bọn nhà giàu. Cái giàu sang kệch cỡm và bất nhân của chúng, dưới ngòi bút vạch toạc sự thật giễu cợt đả cay của anh, thành những bãi ối thối tha mĩa mai trước mắt bạn đọc.

Thế những cuộc đời kẻ cầm bút bấy giờ chỉ những mưa gió. Chẳng những bởi cái nghề dạy học ăn gửi nằm nhờ lẫn lóc từ Hải Dương, Nam Sách, Kinh Môn, Nam Định, lên Lào Cai, ra Trà Cổ, đã cho anh trải anh thấy. Chẳng những chỉ vì khi tấm bé anh đã ở cái cửa phủ, cửa huyện ở Thanh Oai ở Phù Ninh. Ở Thái Bình, cậu bé Nguyễn Công Hoan đã chứng kiến và băn khoăn vì không thể cắt nghĩa được biết bao nhiêu khốn khổ xám trời, xám đất cứ từ các làng, các xóm ngày đêm lũ lượt kéo lên "công môn".

Và thời ấy, ngay ở thị xã Nam Định này, những hồi còi tầm hút người và nhả người ra chẳng kể gì đầu hôm gà gáy qua những bức tường cổng toà Nhà Máy sợi đen kịt một góc thành phố. Những người nông dân ngày đêm đội rơm, đội gạo đội con cái vượt cánh đồng chiêm trắng nước từ bốn phía cổng tỉnh vào ngồi chõng đống ở chợ Ròng ngay dưới mắt anh, trong suy nghĩ của anh. Không thể một cái gì, một chỗ nào phơi ra nhiều vẻ hơn, trái ngược hơn ở cái chợ thời trước, xã hội thế nào nó bày thế ấy ở chợ. Thôi thì bát cháo kẻ cười người khóc, người đói, người chết đói, nơi kia hằng hà của cải, nơi này núi rác núi ruồi, cái gác nhà ông giáo Hoan thuê ở trông xuống những khổ ải nhất đời ấy. Cửa nhà anh ngó xuống nóc cái địa ngục

người và năng. Hằng ngày, hằng năm anh đi qua, anh lặn lội giữa cái chợ chìm nổi quần quai những người là người, lẽ nào anh không viết, anh không viết không được, anh phải viết, anh đã viết. Có lần anh nói "để trả ơn những cộng sản" đã bồi đắp cho suy nghĩ của anh hồi Mặt trận dân chủ Đông Dương, anh viết tiểu thuyết Bước đường cùng. Tôi muốn nói rằng tiểu thuyết Bước đường cùng của anh đã bắt đầu từ những khổ ải đời người và đời mình mà ra.

Vâng, thân phận anh, một nhà giáo khổ, khổ mọi cảnh. Người đứng bết cùng ở cái hàng người có tên là tiểu tư sản trí thức ấy chưa bao giờ ngớt đi vay nợ. (Tôi không hiểu sao, cho tới giờ, anh chưa viết về cái thảm cảnh âm thầm mà khốc liệt, là nạn vay nợ lãi), anh nợ suốt đời. Anh lo suốt đời. Trong nhà, các em các con lần lượt ra đi hoạt động. Không mấy khi tết đến, đủ người về. Nhà lúc nào cũng có người tù ở Hoà Lò, ở Côn Đảo, có người đi bí mật - kể cả cô gái út mảnh khảnh năm nào anh dắt đi trên bãi Trà Cổ. Và anh, anh theo nghề nay đây mai đó, sống đời lưu lạc bất đắc dĩ.

Lúc này, chính quyền thực dân lại sắp đỏi anh ra Trà Cổ dù anh đã ở tỉnh đường ngược Lào Cai về. (Theo luật lệ của Tây lúc ấy, công chức đã làm việc ba năm ở miền núi, được về xuôi hẳn). Cái hiu hắt kéo lê bóng cha con trên bãi Trà Cổ hoang vắng kia, tôi đã thấy rồi.

Thế nhưng, nhà văn Nguyễn Công Hoan đã cất tiếng. Tiếng nói nhà văn thống thiết nêu lên những khổ ải quanh mình. Không hiu hắt, không tuyệt vọng.

Bạn đọc đã thấm thía với tiểu thuyết Bước đường cùng.

Trong cánh cửa nhìn xuống những mái lợp tôn chợ Ròng, ngòi bút viết ra những nỗi đau đớn đời người.

Buổi trưa nắng hầm hập hơi nước đồng chiêm ngọt ngạt tràn qua cái thành phố ủ ê, lử lả. Cầu chợ Ròng dưới kia, những cái chảo hầm người.

Bỗng có tiếng đập cửa.

Khi mở cửa anh đã nghĩ sẵn điều để ngửa trước.

Bọn mật thám thường đến nhà người ta thỉnh linh.

Nhưng không phải.

Người gõ cửa là một người "nhà quê" - anh không quen biết. Người ấy trạc bốn mươi tuổi. Khuôn mặt to hơn hẳn so với khổ người thấp bé lại gồ ghề, khắc khổ, vừa rám nắng, vừa vàng nghệ, thành màu đất thó xám, không thể đoán được người ốm hay người khoẻ.

Người ấy chít khăn lượt, mặc áo the lửng, tay cầm cái ô vải trắng lơ, đi đất.

Khách nói:

- Thừa ông, tôi ở huyện Yên Mô trong Ninh Bình ra.

Anh chưa hiểu thế nào.

- Tôi muốn thừa với ông một việc.

Anh càng lúng túng nhìn người lạ.

- Ông ơi, đời tôi rất khổ.

Chỉ một câu ấy, nét mặt tằn ngằn đăm chiêu ấy, anh đã hiểu. Một câu nói, một câu nói vào một cánh một tình, có thể mở ra cho nhà văn nhìn thấu suốt trước sau. Thế rồi người ấy đều đều kể ra nỗi khổ chồng chất nghìn đời.

Người ấy nức lên. Khuôn mặt to lớn sầm lại, nhòa nước mắt. Rõ ràng là một người không hề khóc bao giờ: Nhưng người ấy đã khóc, rồi nói:

- Tôi đã thắt cổ mà không chết được. Tôi mới biết thì ra số kiếp tôi còn phải chịu khổ lâu, muốn "đi" cũng không "đi" được. Đã thế, bọn lý dịch còn cho là thắt cổ vờ. Nó lại kiện tôi thắt cổ để dọa quan trên.

Người ấy thở dài:

- Tôi biết làm thế nào...

Rồi im một lúc lâu. Nắng trưa càng nặng nề.

- Bây giờ tôi trông cậy vào ông.

Anh nhìn người ấy. Không ngạc nhiên, con mắt và trái tim nhà văn hiểu ngay sự tin cậy ấy. Nhưng chẳng hay người ấy tin cậy gì ở anh? Anh là thế nào? Những câu tự hỏi và có thể tự trả lời ngay được, tuy nhiên, trong hoàn cảnh xã hội ba đào như thế, anh đã viết một loạt truyện "xã hội ba đào ký" mà - cũng lắm khi con người không biết mình là ai nữa. Số phận khủng khiếp của người nông dân kia và của người cầm bút viết văn âu cũng đương là một. Hai con người cùng khổ ở đời.

Anh vẫn im lặng nhìn người bạn mới.

Người ấy nói:

- Không, tôi không đến nhờ ông làm hộ cái đơn để kêu oan cho tôi. Tôi chỉ thấy khổ như cảnh tôi là khổ đến tuyệt trần đời rồi, cho nên tôi phải kể cho ông viết, ông phải viết thành sách, nếu không thì chẳng ai biết được dân đen chúng tôi cực nhục đến như thế nào, bọn hào lý quan trên độc ác đến như thế nào.

Người ấy tin cậy anh thế đấy. Bỗng nhiên, trong cơn nung nấu đến ngạt thở trên cái chợ người giữa trưa,

nhà văn cảm thấy được sức mạnh ngòi bút mình không sóng gió nào vùi dập được, không thể lực nào địch được. Trước mắt, chỉ có anh và người nông dân khốn khổ.

Tiểu thuyết Bước đường cùng anh viết mùa hè 1938, khi anh còn ở rốn lại Nam Định. Song, từ ngày ấy tôi cũng chưa hỏi xem anh đã gặp người nông dân ở Ninh Bình kia khi nào, có phải lúc anh viết Bước đường cùng không. Nhưng tôi có một yên trí đặc biệt, tôi tin rằng Bước đường cùng có anh ta. Bước đường cùng là người ấy.

Rồi khách không nói gì nữa. Khách đứng dậy. Đến lúc ấy, anh mới bàng hoàng, như chợt tỉnh, anh hốt hoảng hỏi:

- Ông đi à?
- Vâng, xin chào ông.
- Ông về Yên Mô bây giờ?
- Không.
- Thế ông đi đâu?

Người ấy cười nhạt:

- Tôi đi cùng trời cuối đất này, cái số tôi không chết được mà.

Rồi người ấy quay, đi.

Anh không hề biết tên, anh kể chuyện cho tôi nghe đến đấy, chúng tôi im lặng một lúc thật lâu.

Vâng, đấy là người bạn đọc thân thiết, bạn đọc chân chính, nhà phê bình đúng nhất, nguồn sáng tạo và sức mạnh cổ vũ to lớn, mạnh mẽ cho nhà văn.

Tôi chỉ nghe anh kể lại mà cũng không thể quên được. Cả mỗi khi qua Ninh Bình, mỗi khi nghe ai nói hai tiếng Ninh Bình, tôi lại sức nhớ người bạn đọc thiết yếu ấy của anh. Người viết văn trong lúc đen tối như thế này, đã gặp người bạn đọc vĩ đại người bạn đọc và sức mạnh cảm hứng chân chính, quả là một điều mà trước nay trong văn chương không mấy ai đã được niềm ao ước ấy, chiếc xe ngựa về Vân vẫn lóc cóc đi. Con đường đất đỏ trên đồi cao mờ dân dưới làn sương.

Tôi ngồi đầu hàng ghế trong khoang xe: Những bó mạ lắc lư dần dần nghiêng xuống muốn đè lên người.

Vì thế, mở một khoảng cách, nhìn sang cô Ninh Bình, một cảm tưởng man mác, tôi trông cô đội trường đánh xe ngựa, và nhận ra người con gái ấy mỗi lúc một đẹp hơn. Mặt cô đỏ ửng vì chiều muộn đã tắt nắng, mà chân trời Sơn Tây trong sương sa trước xe còn phơn phớt ánh hồng lại. Cô Ninh Bình ơi!

Câu chuyện trong xe cứ càng hoang hôn càng rôm rả. Mọi người đương chế giễu cô đánh xe.

Một thanh niên nhìn ra cánh đồng rồi kêu lên:

- Không về kịp thôi. Tối mất rồi.

Câu nói băng quơ, nhưng hình như cô đánh xe chạnh lòng, đối đáp ngay.

Cô quay lại, cười cười, bướng bỉnh.

- Tối thì ngủ lại?

Người ta lao xao:

- Hoan hô cô Ninh Bình! Hoan hô!

Một người khác nói to:

- Tối ở đâu mà chú rể không mò đi đón được, đừng có là ba chục ki-lô-mếch cũng bằng.

Mọi người lại cười rầm. Tôi cứ nghe, đoán, rồi cũng thủng câu chuyện. Câu chuyện bình thường, chuyện trai lấy vợ gái lấy chồng bình thường. Đối với lớp tuổi ấy thì như cơm ăn áo mặc tự nhiên, nhưng câu chuyện này đã xôn xao tuổi trẻ làng Vân đấy.

Nguyên là tối thứ bảy tới thì "tiệc trà" cưới cô Ninh Bình, đội phó sản xuất làng Vân. Cô đội phó lấy chồng. Nếu câu chuyện yêu nhau rồi lấy nhau của lứa đôi ngày một tốt đẹp, cuộc sống tình cảm hai người cứ đắm thắm lên, thì vụ đông xuân này lại đương qua bước thử thách nặng nề. Hơn hai tháng nay trời không mưa. Những bãi ngô sớm úa rồi vàng quăn hết lá, châm cái lửa đốt cháy được. Đâu đâu cũng khổ công chống hạn, đổ một lúc hàng nghìn người ra đồng.

Trên huyện cho ba máy bơm xuống. Thế là, nước về trắng đồng. Các đội đua nhau cày trâu theo nước về, lên quá mức khoán. Tổ kỹ thuật cất công đi các làng, các chợ lũng mua thêm mạ. Cô đội phó Ninh Bình phụ trách kỹ thuật phải tất bật vào công việc ấy.

Nhưng cái khó không phải việc đi lũng mạ, mà điều “rắc rối” là "tiệc trà" đã định ngày trước rồi, mà ngày nào cũng phải đi thế này.

Chúng ta đã thấy cô Ninh Bình rong ruổi chiếc xe mạ đó.

Tới làng Vân thì trời vừa tối. Chiếc xe vào tận cái sân phơi rộng đầu làng. Mạ được xếp cả xuống đấy.

Cô Ninh Bình bảo tôi:

- Bây giờ sang xóm chủ tịch thì tối quá rồi, anh ạ. Mời anh về nhà tôi nghỉ, mai sớm hãy sang.

May quá! Không phải vì chỉ có tôi đang tò mò cuộc gặp gỡ có thể, mà thật ra, đêm hôm đèn đóm lại không có, lại còn lục đục tìm nhà. Vả chăng, việc tôi không gặp.

Nhà cô Ninh Bình ở bên một bờ ao dài. Những cây chuối xoã lá toả bóng mặt nước trắng suông im lặng. Lui vào trong một căn nhà nhỏ giữa nền sân đất phẳng. Ở đây, có cái tĩnh mặc vẻ chùa chiền, tưởng bao đời nay vẫn thế.

Ông cụ - vâng, bố cô Ninh Bình, anh ạ. Ông cụ đã cơm chiều, uống rượu xong, vừa đi ngủ. Cụ đắp chiếu trùm hụp nằm gian bên, ngáy khò khò - dễ chẳng biết có người lạ đến nhà - ít thấy cụ già ngủ khoẻ thế. Một lát sau mới tỉnh dậy.

Ông cụ có ba người con, anh lớn đi bộ đội: người thứ, hai làm du kích đã hy sinh trong trận giặc càn làng. Cô Ninh Bình là út. Cụ vẫn khoẻ. Những buổi đội cần cày gấp cho kịp thời vụ, cụ vẫn đi cày. Hàng ngày, cụ trông một chuồng trâu cho đội.

Cuối xuân trời ấm, gió nồm giật mạnh. Nằm nghe tưởng như từng cơn gió dào dạt giải trên cánh đồng nước chống hạn nhõn vào tận chân tre đầu xóm quanh đây Gầm sáng, tôi sức thức. Trông sang gian bên, le lói ánh đèn. Nghe viếng nõ điều nõ tanh tách. Bóng ông cụ gập gù lưng lay in trên lườn nhà. Tôi trở dậy.

Ông cụ vồn vã:

- Anh dậy à? Có nước sớm, anh sang đây.

Nồi nước chè xanh vò đặc bốc khói thơm ngạt mũi đã đặt sẵn đấy. Vả lại, cứ trông cung cách đóm điều thông thả lúc gà gáy như thế, tôi hiểu: ông lão dậy sớm đã thành lệ. Tôi đương ngồi trước mặt một cụ già quắc thước. Người vạm vỡ, mặt to chân tay xương đầu gối chắc chắn, thố lỗ, nhưng những chuôi vồ, những lưỡi cày 58, những cuốc bần còn tốt. Chịu không đoán được tuổi. Bảo sáu bảy mươi hay bảy, tám mươi cũng thế - thường khó đoán được tuổi các cụ già khoẻ mạnh.

Ông cụ nói:

- Tôi thì quanh năm, gà gáy tan canh, làm xong tuần nước, là đi lo trâu được no sớm, ngày mùa không kịp cho trâu ăn trước buổi cày sáng. Tôi không ngủ được hết đêm, anh ạ. Tôi không ngủ nổi hết cái đêm, có lẽ thành tật từ lúc còn trẻ kia.

Tôi có cảm tưởng thật khác lạ, nhưng tôi lúng túng chưa biết hỏi thế nào.

- Cụ ở quê ta...

Ông cụ đáp ngay:

- Tôi gốc người trong Ninh Bình. Đây, tên các em nó tôi cứ đặt lung tung, gọi là nhớ quê cha đất tổ, con Ninh Bình, thằng Yên Mô...

Tôi thông thả thở một hơi dài. Như vừa suy nghĩ được một điều hệ trọng. Ông cụ lại nói với theo câu vừa rồi:

- Từ ngày còn trẻ, tôi chẳng tài nào chợp mắt được đầy đêm. Cái đời người ngắn lắm, phải thức mà lo liệu chứ. Đời tôi xưa kia cùng cực quá, ông ạ. Thắt cổ mà cũng không chết được...

Rồi ông cụ cười, trống hốc cả hai hàm móm.

Tôi nén xúc động, cúi uống bát nước chè vò đặc sánh. Ngoài trời còn đầm sương. Tiếng bánh xe lăn tiếng vó ngựa lọc cọc qua. Xe ống bơm chống hạn, xe mạ ra đồng cấy. Những tiếng ban ngày lại bắt đầu.

Anh Nguyễn Công Hoan, anh đoán cũng có thể biết sung sướng đến thế nào, tôi được gặp người bạn đọc của anh. Người bạn đọc trong những bạn đọc cực kỳ đông đảo, nguồn sáng tác suốt đời của chúng ta.

Chú thích:

(1) Tháng giêng 1963

NHỮNG GƯƠNG MẶT - CHÂN DUNG VĂN HỌC

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

4. Nguyễn Công Hoan:

Năm 1963, trong dịp anh Nguyễn Công Hoan lên lão sáu mươi, tôi có viết một bài mừng thọ. Bài bút ký Người bạn đọc ấy, anh Hoan nói vui:

- Tôi đọc bài anh mà rơm rớm nước mắt, khi thế!

Anh bảo tôi như vậy. Cách nói rất Nguyễn Công Hoan!

Tôi xiết bao băng khuâng với nguồn cảm thông của anh trước tâm sự tôi đã giải bày trong bài ký đó.

Anh đã cho in cả bài Người bạn đọc ấy vào tập hồi ký của anh: Đời viết văn của tôi(1). Và cảm động, tự hào khó tả bao nhiêu cho tôi, bài Người bạn đọc ấy, của tôi còn khơi gợi để anh viết thành tiểu thuyết Con trai người bạn đọc ấy.

Bao nhiêu năm nay, những gì anh viết, tôi đều đọc, có thể nói, không sót một chữ. Tưởng như từ tập truyện Kiếp hồng nhan đến giờ, anh viết bài nào ở báo nào, sách nào, người học trò chăm chỉ của anh đều tìm đọc.

Tôi đã nghe anh kể anh cũng chú ý đọc tôi từ những truyện ngắn đầu tay của tôi đăng báo Hà Nội tân văn. Đến bây giờ anh vẫn đọc và thường cho tôi nhiều ý kiến về mọi cái tôi viết ra.

Có lẽ từ hơn nửa thế kỷ làm nghề văn, tới nay, lúc nào anh cũng viết. Những truyện ngắn trong Kiếp hồng nhan anh viết cái năm tôi mới được sinh ra, năm 1920, thế mà tới nay, anh vẫn là người viết hăng hái, siêng năng như vẫn siêng năng, cần mẫn từ bao lâu nay, anh bảy mươi lăm tuổi rồi mà bạn bè không ai hề nghĩ tuổi anh đã cao. Người ta chỉ thấy anh cũng đương viết như chúng tôi, và như chúng tôi. Một nhà văn lúc nào cũng đương viết thì không bao giờ biết già và không bao giờ ai cho là già. Những người lớp tuổi sau kính trọng tuổi anh, ao ước được thân thiết với lao động sáng tác của anh.

Tháng trước, anh phải nằm bệnh viện. Cũng tháng trước, báo Văn nghệ ngày 21 tháng năm 1977, in bài bàn vấn đề Về chữ “ nhà” của anh. Bài anh đề viết tháng 5, viết cả khi ốm nặng. Tôi đọc bài ấy, ghi mấy chữ vào sổ tay để nhớ và tôi nghĩ thêm được những chữ: nhà bàn, nhà tàu... Vẫn định, rồi lúc nào gặp nói đùa "biểu anh thêm mấy chữ này".

Trong bài Người bạn đọc ấy tôi có kể lần đầu tôi gặp anh Nguyễn Công Hoan ở bãi biển Trà Cổ, quãng một năm trước năm 1940.

Hồi ấy, anh dạy học ở làng Trà Cổ. Còn tôi đương làm phụ kế toán cho nhà giày Ba-ta ở Hà Nội. Tôi ra Móng Cái tính sổ hàng của đại lý. Thấy anh ở Trà Cổ rồi tình cờ cùng đáp chuyến tàu thủy chở khách của hãng Tây Đức từ Mũi Ngọc về Phòng. Tôi làm quen với anh. Tất nhiên, anh chẳng biết tôi là ai. Tôi chưa viết văn. Cũng chưa có cái tên như tên tôi bây giờ.

Nhớ hôm ấy anh mặc quần soóc trắng, đội mũ cát dẹt vẹt, hút tẩu thuốc lá, đứng tựa lan can tàu trông ra biển. Tôi mon men đến. Tàu qua Hà Cối, anh trở hòn đảo mà tàu vừa rời xa, nói Tây gọi đảo ấy là Chapeau Chinois. Tôi trông hình đảo nổi trên mặt biển cũng giống núp cái mũ cói rộng vành của người lao động Trung Quốc thường đội. Trên tàu có Trần Trọng Kim hồi ấy là đốc học Hà Nội ra nghỉ mát Trà Cổ. Về đến Quảng Yên thì ông Trần xuống, anh bảo tôi là ông ta xuống chơi với tuần phủ Quảng Yên. Trên tàu có đoàn chị em ái hữu tiêu thương chợ Đồng Xuân đi chơi Móng Cái, sang cả Đông Hưng bên Trung Quốc. Tôi cũng có sang Đông Hưng. Sau chuyến ấy, tôi viết một bài phóng sự về quang cảnh thị trấn Đông Hưng chuẩn bị chống Nhật. Tôi gửi bài vào báo Mới, một cơ quan công khai, của phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương ở Sài Gòn. Chỉ thấy ở mục hộp thư báo đăng tin có nhận được bài mà thôi.

Ngót bốn mươi năm rồi, mà vẫn nhớ nguyên chuyến tàu. Cái tàu thủy cũ kỹ chạy ven biển - hai ngày, hai đêm mới từ Mũi Ngọc về tới bến Bính, guồng tàu quay âm âm, sỏi bọt trắng xóa ngày đêm đằng đuôi tàu. Nhưng phải nói là biết anh Nguyễn Công Hoan, tôi biết từ khi học, lớp cấp ba tiểu học, khi bắt đầu biết đọc sách và đọc truyện ngắn trong tuần báo Tiểu thuyết thứ bảy, số 1, in năm 1933...

Đến hồi đương tuổi thanh niên tôi lại "biết" anh vào dịp anh em ái hữu thợ dệt quê tôi diễn vở kịch Tấm lòng vàng của anh. Kịch kể chuyện một nhà giáo, từ tâm giúp một học trò nghèo. Sau anh học trò ấy làm nên, kín đáo đền ơn tạ thầy. Tôi đóng vai người học trò nghèo trong kịch Tấm lòng vàng. Thầy là Thịnh, thầy giáo dạy tôi lớp 1 ngày trước, lại đóng vai thầy giáo. Con gái thầy giáo là cô Mỹ Anh, một cô đào tuồng rạp Quảng Lạc. Chúng tôi đã xuống Hà Nội thuê cô ấy về đóng, ngày ấy chơi kịch nghiệp dư, khó kiếm được vai nữ thật.

Hồi này, anh đã được đổi về dạy ở Nam Định.

Tôi viết thư xin phép tác giá. Thật ra, tôi ao ước được thấy mặt chữ một nhà văn nổi tiếng hơn là việc xin phép. Tôi đã được như ý. Chữ ký trong thư anh không chân phương như bây giờ, mà loằng ngoằng búi tròn lại thành một đám như con nhện rồi buông một nét sa xuống dài thông, anh Nguyễn Công Hoan vốn tinh nghịch, hay làm ngược. Có phải vì ngày ấy các nhà thơ Xuân Diệu, Huy Cận, Đoàn Phú Tứ ký tên thường phát những nét cao ngất dài mây lên trời mà nhiều người đã bắt chước, thì anh ký thành một cục chữ rồi cho chọc một nét xuống đất.

Tôi giữ cẩn thận cái thư ấy, tới sau tháng tám 1945, đã đưa anh xem.

Thật thì cũng chẳng mấy khi tôi có dịp gần hoặc làm việc lâu với anh, nhưng tôi nhận thấy ở anh lúc nào cũng lạc quan hay nói đùa. Cái vui của một người có nhiều nỗi buồn, không biết có phải thế không.

Trước những khó khăn, những đau khổ, trong mọi hoàn cảnh, anh vẫn tìm ra cách nghĩ, và làm việc tạo niềm tin.

Xin kể đôi ba kỷ niệm nhỏ.

Năm ấy, cuộc kháng chiến chống Pháp mới bắt đầu. Tôi làm phóng viên báo Cứu Quốc mặt trận Hà Nội, anh Nguyễn Công Hoan đã vào bộ đội, ở ban biên tập báo Vệ quốc quân, anh Lê Tất Đắc phụ trách. Báo đóng trong một xóm trên đồi Đồng Lư vùng So Sỡ giữa chùa Thầy và chùa Trầm. Cùng làm tuần báo Vệ quốc quân lúc ấy có Thôi Hữu và Thâm Tâm. Thấy tôi đến chơi, anh Nguyễn Công Hoan giữ lại bảo “ở lại đây làm báo với chúng tớ cho vui”. Thế là thủ trưởng Lê Tất Đắc ký giấy xuất kho cho tôi bộ quần áo bộ đội xanh lá cây, cái mũ cứng, thêm chiếc mũ ca-lô. Tôi ở lại có đến mấy tháng, cho đến hôm cơ quan Vệ quốc quân chạy Tây rời lên Lâm Thao.

Có một chuyện buồn cười, buồn cười khi anh nói lại chứ thật ra, đây là chuyện gay go, suýt chết. Hôm ấy anh Nguyễn Công Hoan cùng Thôi Hữu lên Sơn Tây. Không nhớ đi việc gì, tôi mang máng như cũng là các anh đi chơi thôi, anh Nguyễn Công Hoan mặc quân phục, mũ ca-lô sĩ quan dạ tím có sao vành tròn.

Lưng anh dắt gồ gồ bao súng lục anh Lê Tất Đắc cho mượn - mà tôi chắc anh cũng không biết bắn. Người anh cao lớn, mặt bộ đội, trông oai lẫm.

Chẳng may, đúng hôm ấy, Tây ở Hà Nội tấn công nổi lên tận huyện Phúc Thọ. Một đảng thì Tây đã lố nhố lên mặt dê, bắn loạn xạ vào trong làng. Một đảng thì người ta chạy giặc đường gồng gánh xô xuống bãi.

Anh chạy với mọi người.

Anh bị dân quân hỏi, rồi giữ giấy. Người ta, nghi anh là Việt gian, trói anh lại. Ở ngay mặt trận, địch đang đuổi sau lưng mà bị dân quân bắt, nghi là Việt gian thì chết đến nơi rồi.

Nửa đêm, anh mới mò được về đến Đồng Lư. Bùn lấm lên tận mặt, mất cả mũ ca-lô, cả súng lục. Vết thương còn lằn đỏ hai cô tay.

Chúng tôi theo lệnh chuyển lên Lâm Thao, anh đi theo luôn. Dọc đường, lúc ngồi nghỉ, anh Nguyễn Công Hoan thông thả vui vẻ kể lại chuyện “nguy hiểm chết người” ấy. Rồi anh cười:

- Từ giờ thì kẻch không dám đeo súng!

Một chuyện mới đây. Cục địch vận của Quân đội tổ chức cuộc gặp mặt văn nghệ sĩ bàn việc sáng tác cho địch vận. Các vùng bị chiếm ở miền Nam đường ngấp ngựa sách vở, ta cần tìm cách thổi luồng gió mới vào.

Các anh ấy đề nghị chúng tôi viết những truyện - viết theo lối sách chương, tình báo, lãng mạn đường

thịnh hành nhưng nội dung lành mạnh, khơi gợi tình yêu nước. Và ký tên khác. Để in công khai trong thành hoặc in ngoài chiến khu, đem lồng bìa giả, bí mật đưa vào các đô thị.

Chưa ai làm được gì thì anh Nguyễn Công Hoan đã xong một tiểu thuyết trên một trăm trang bản thảo. Hồi kháng chiến chống Pháp, anh đã viết một truyện như thế, do quân đội in, quyển Sổ cũ, ký tên là Nguyễn Văn Lung (Anh cắt nghĩa: là lung tung thiên ấy mà).

Tôi đọc, rồi nói với anh:

- Những đoạn tả tình yêu chưa được.

- Sao?

- Anh cho trai gái Sài Gòn bây giờ viết thư tình như thư tình trong truyện của anh từ hồi "min-nớp-săng-cà-cộ". Có cả sợi tơ lòng, đài gương, dấu bèo, nhận én thoi đưa, tháng ngày thắm thoát...

Anh im. Rồi vỗ đùi, cười to:

- Ờ nhỉ, lâu nay cái việc ấy mình không có thực tế. Toàn viết theo xú-vơ-lia(2). Hông!

Anh bằng lòng với nhận xét ấy, của tôi và tự giải thích theo cách hài hước riêng. Rồi anh bỏ cả cuốn tiểu thuyết Một kiếp người. Chịu nghe, Nguyễn Công Hoan vẫn trẻ trung như thường.

Năm trước, anh khoe:

- Mình mới nghĩ ra một truyện dài cái truyện dài này thì dài vô tận.

- Truyện gì ạ?

- Truyện " Nhớ gì ghi nấy".

Tôi vẫn chưa hiểu, anh cắt nghĩa: ở tuổi anh ấy bây giờ, những từng trải buổi giao thời, những mắt thấy tai nghe qua mấy chế độ, biết bao chuyện, phải ghi lại cho lớp người sau biết.

Thế là anh đóng từng tập giấy khoảng trăm trang mỗi khi nhớ một việc, anh suy nghĩ thấy nên ghi lại, anh ghi. Hết tập giấy ấy, anh đóng tập khác.

Anh cười, giơ tay, vẽ đặc chí:

- Ờ hay, chẳng phải là chuyện dài vô cùng tận thì là cái gì. Từ nay đến ngày mình chết, chết thì thôi chứ những điều đáng nhớ đáng ghi thì cái bộ đại trường thiên tiểu thuyết này của Nguyễn Công Hoan cũng chưa xong cơ mà!

Những ghi chép ấy của Nguyễn Công Hoan đã có dịp ra mắt bạn đọc một vài đoạn trên tạp chí Tác Phẩm Mới. Có ý kiến cho là anh ghi nhiều điều quý. Có ý kiến cho là có cái không hay, không nên ghi, không nên cứ nhớ gì ghi nấy.

Anh chỉ cười:

- Tất nhiên, phải nghĩ rồi mới ghi chứ, tay mình viết chứ có phải là cái máy viết đâu, nhưng mà đợi người ta bàn xong xem mình ghi hay hay dở thì không còn thì giờ, cứ phải làm việc thôi. Từ khi tôi nghĩ ra cái nhớ gì ghi nấy này, thấy lúc nào cũng bận.

Luôn luôn anh tìm ra nguồn vui, cả trong lúc sáng tác khó nhọc, anh hay pha trò, nhưng công việc anh làm thì không đùa. Lúc nào anh cũng tập trung trí tuệ và nghị lực. Chúng tôi thường nghe anh kể và đã biết về cách anh làm việc, nơi anh làm việc, trước kia cũng như bây giờ. Thật giản dị: một cái bàn, cái ghế, lọ mực tím, lọ mực đỏ, cái kéo, lọ hồ, tập giấy. Mỗi tối thường anh viết xong một chương truyện trên mười trang bản thảo giấy khổ nhỏ. Hôm sau, chữa lại chương ấy bằng mực đỏ. Chỗ nào hỏng, hoặc xê xích câu văn trên dưới thì cắt dán. Đến bữa, đứng dậy đi ăn cơm, ăn thật no.

Anh bảo: Mình ăn khoẻ, quà bánh chẳng tham vào đâu. Phở cứ hai bát mới lửng.

Có lần đi Hải Phòng, tôi thấy anh ăn một lúc hai bát phở. Không bao giờ ăn quà vặt, thỉnh thoảng, dăm bữa nửa tháng, cao hứng mới uống chén rượu chơi. Viết liền sáu hôm được sáu chương, chủ nhật nghỉ, viết hai tuần lễ mười hai chương, cứ thế làm tiếp cả tháng, cho đến khi xong.

Sức mạnh tập trung và thói quen làm việc dữ đến thế là cùng, anh đã kể trong hồi ký Đời viết văn của tôi, anh viết liên tiếp xong tiểu thuyết Bước đường cùng thì bị đau bại một bên vai phải, anh làm liền một loạt truyện ngắn, in báo rồi in thành lập Đoàn kép mới.

Viết xong, đứt kẻ mắt, bị sưng húp lên.

Đến khi có tuổi, cách thức làm việc của anh vẫn khoẻ tương tự, mặc dầu bệnh nghề nghiệp của một người thực sự lao động nghề văn, đã khiến những năm sau này, anh đau bả vai bên phải như tê thấp, không ngồi cầm bút được lâu hơn một tiếng và bên chân trái anh đi thường bị run.

Đời anh từ nhỏ, biết bao ngậm ngùi. Người đọc đã thấy trong Đời viết văn của tôi những chuyện cười cợt về thầy ký rượu phố phủ, về anh nho khúm núm cửa huyện hoặc về tác giả tự giấu mình là cậu bé nghịch tinh, nhưng người đọc đã thấy đằng sau những truyện cười đến giàn giụa nước mắt ấy là nỗi buồn của cậu bé sớm phải xa cha mẹ, là cái lo nhà mình cứ nghèo mãi, bố mẹ lại đông anh em, mà đi thi mấy lần đều hỏng, tốn lên, đau nỗi đau mất nước, anh không thờ ơ với thời cuộc, anh đã giác ngộ và đầu tiên anh hoạt động cách mạng với nhà yêu nước Nguyễn Thái Học, bạn học của anh ở trường sư phạm Hà Nội.

Đời anh, đận nào cũng đầy những âu lo. Từ nhiều năm trước, đến những ngày Tổng khởi nghĩa 1945,

trong gia đình, các em anh rồi đến các con anh lần lượt thoát li đi hoạt động, có người phải mang án chém, án tù đầy chung thân. Sáng tác của anh có quyền bị cấm lưu hành như tiểu thuyết Bước đường cùng, thời kỳ Mặt trận Bình dân. Đến khi phát xít Nhật sắp làm đảo chính, anh bị mật thám Tây cấm viết, anh phải viết ký tên khác, nhà xuất bản mới in. Những truyện viết cho thiếu nhi hồi này anh viết ký tên Ngọc Oanh (chữ Nguyễn Công Hoan viết tắt và xếp ngược), anh đi dạy học, nhưng thực dân Pháp không cho anh được ở đâu lâu. Ngót hai mươi năm làm nghề gõ đầu trẻ - anh đã viết thành tập tự truyện trào lộng có cái tên ngộ nghĩnh: Godautre, - chữ "gỗ đầu trẻ", viết liền và đọc theo kiểu chữ Tây.

Cách mạng tháng Tám thành công. Gia đình anh được niềm vui chung của đất nước. Rồi, bước vào hai cuộc kháng chiến ngót ba mươi năm, trải bao nhiêu gian khổ, nhà anh cũng trong những hy sinh gian khổ ấy. Mẹ anh và nhiều người trong gia đình đã bị bom giết hại. Em anh, con cả anh đã hy sinh trên đường công tác. Con trai anh vào chiến trường miền Nam.

Nhưng đầy nghị lực và tinh thần trách nhiệm trước cuộc sống, bao giờ anh cũng vượt lên. Những đức tính ấy ảnh hưởng quan trọng đến toàn bộ sự nghiệp văn học của anh về tư tưởng, về vốn sống và tài năng sáng tạo.

Tiểu thuyết Đồng rác cũ tập I, có nhiều chương miêu tả gia đình một nhà nho, một gia đình phong kiến điển hình với những thói tục hủ lậu, đã giam hãm và hành hạ người phụ nữ đến tàn đời trong ngưỡng cửa gia đình. Thành công của anh trong biểu hiện và mổ xẻ tâm trạng với khung cảnh những nhân vật phong kiến ấy, tôi hiểu được, do bao nhiêu từng trải và cảm xúc, suy nghĩ của anh. Tôi có được nghe anh kể về người phụ nữ đau khổ có thật ở Hải Dương đã trở thành hình ảnh nhân vật phụ nữ xấu số trong truyện. Tâm sự và cuộc đời người trong truyện cũng là những rối bời trong tâm sự và cuộc đời người viết và xã hội.

Đời viết văn của tôi có nói một chút về cái chết thê thảm của người thiếu phụ đáng thương mà anh dựng thành nhân vật. Đối với nỗi lòng anh, tôi hiểu được sâu hơn những thâm lặng, những xót xa, những nguyên nhân nào khiến anh yêu văn Vũ Lang, văn Vũ Lang viết như thơ - một nhà văn lãng mạn mất rất trẻ hồi ấy.

Bạn đọc anh thường chú ý tính xã hội của nhân vật và tính trào lộng đặc biệt của anh. Tôi thấy ở anh, không phải chỉ có hài hước mà còn có thơ. Chất thơ ấy làm cho cái cười của anh buồn thăm thăm hay bay bổng lên. Những truyện ngắn như Nghĩ người ăn gió năm mưa, Dám xa xôi mặt mà thừa thốt lòng, và những tiểu thuyết Tấm lòng vàng, Tắt lửa lòng, Lá ngọc cành vàng, Tơ hồng. Cô giáo Minh, Bước đường cùng và những bài thơ mà đôi khi anh làm, có đăng báo Tiểu thuyết thứ bảy và cả cuộc đời lúc nào cũng nén đau thương - những điều tưởng không dính líu tới sáng tác, nhưng thật đã ảnh hưởng lớn tới tâm hồn sáng tác của anh. Những cái đẹp, những nét thơ và u uẩn đó ánh lên như hương thơm của chùm hoa mộc tinh khiết đưa thoang thoang rất xa trong đêm hè.

Không phải chỉ do, tôi suy luận từ sáng tác tới cuộc đời anh, mà có những điều tôi trực tiếp hiểu được như thế. Chỉ một bài Người bạn đọc ấy của tôi đã gây ra giông bão trong sức mạnh sáng tạo của anh và anh đã tạo nên tiểu thuyết Con trai người bạn đọc ấy. Phải có cảm xúc thơ, tâm hồn bao la mới chấp cánh được

cho ngòi bút mạnh mẽ được vậy.

Không, bao giờ anh trả lời cho tôi về những suy nghĩ của tôi, như thế, anh có cho là tôi nói đúng không, anh chỉ im lặng. Có khi gõ đầu thuốc. Có khi nhả khói thuốc. Đây là vẻ im lặng và thoáng buồn không bình thường ở một người vốn hồn nhiên như anh, anh Nguyễn Công Hoan đã kể lại trong hồi ký Đời viết văn của tôi: ngày trước anh đọc tuần báo Hà Nội tân văn, anh chú ý những truyện ngắn đầu tay của tôi.

Khi nhà xuất bản Tân Dân ra loại sách Truyền Bá cho thiếu nhi, anh mách ông Vũ Đình Long nên mời tôi cộng tác. Thế là tôi bắt đầu viết cho loại sách Truyền Bá. Những truyện đầu tiên cho thiếu nhi: Con đế mèn, Đế mèn phiêu lưu ký Mực tàu giấy bản, Chuyện cái đầu tôi. Anh nói anh không thích Con đế mèn như nhiều người trầm trồ. Mà anh khen truyện Mực tàu giấy bản, trong đó có nhiều đoạn dí dỏm, ngộ nghĩnh.

Tiểu thuyết Tranh tối tranh sáng, anh viết từ những ngày tháng tám 1945 ở Hà Nội, cùng loạt với tiểu thuyết Đồng chí Tư của anh in trên báo Sao Vàng, cơ quan của Vệ quốc đoàn Nhà xuất bản Sự Thật đương in tiểu thuyết Tranh tối tranh sáng thì bùng nổ toàn quốc kháng chiến.

Anh Nguyễn Công Hoan không giữ được bản thảo viết tay, anh thường nhẹ nhàng, không chăm bẵm mấy với những cái đã viết ra. Vứt đi cái này, viết cái khác, có gì đâu, anh bảo thế. Ở Việt Bắc, một lần tôi lên nhà in Tiến Bộ sửa bài ở bến Chanh sông Lô trong vùng rừng Chiêm Hoá trên Tuyên Quang, thấy trong đám giấy lộn của nhà in từ Hà Nội mang đi có một tập ngót trăm trang tiểu thuyết Tranh tối tranh sáng đã dập bản in thử. Tôi đem về cho anh. Nhờ vậy, khi hoà bình lập lại, anh có cơ sở viết tiếp tiểu thuyết này.

Kể lại mấy việc trên, chỉ vì tôi nhớ có lần anh bảo:

- Tôi với anh có nhiều duyên nợ và hợp nhau.

Rồi anh lại nói:

- Tôi phải truyền nghề viết cho anh mới được.

Anh thường bảo nghề văn có những cách, những mẹo riêng mà ít người biết, anh hay nói là tôi xem ra bây giờ chỉ có anh, anh Quang Dũng và cô Vũ Thị Thường là có thể học được nghề, anh nói lý do là khi nói chuyện với chúng tôi - Quang Dũng và tôi, bao giờ anh cũng thấy dí dỏm lý thú, nghĩ thêm ra được nhiều cái bất ngờ, thế thì anh giống tôi, anh có thể học tôi được. Không phải anh chỉ nói vui, mà nói nghiêm chỉnh.

Anh viết truyện cười, nhưng anh sống mực thước, chu đáo, kể cả trong câu nói, lời hứa và mọi sinh hoạt thường ngày.

Và anh Nguyễn Công Hoan đã làm việc truyền nghề cho tôi, anh không giảng như anh thường đi giảng các lớp bồi dưỡng sáng tác. Mà anh dặn: nghề viết phải học lỏm, học mót, học thế nhớ lâu, người ta nói một, mình hiểu mười, phải tinh mới được. Nay tôi bảo anh... phải láu mới được.

Lúc anh nói thế, hai bàn tay xoè thẳng, giơ ngang, khi mở rộng, khi thu hẹp, anh đương giảng giải làm ví dụ, hết như thầy đứng trước bảng đen. Nghề dạy học lâu năm đã làm anh có thói quen và cử chỉ nghề nghiệp ấy Năm trước, anh có sáng kiến khiêm tốn và chịu khó đi phỏng vấn nhiều nhà văn, nhà thơ: ở mỗi người anh hỏi một khía cạnh sở đắc nhất của cây bút ấy. Tôi cũng được anh hỏi riêng về ngôn ngữ và kinh nghiệm kiến trúc câu văn.

Anh mở máy ghi âm và chúng tôi cứ việc rôm rả chuyện lung tung quanh những câu văn và chữ nghĩa.

Ít hôm sau, anh đưa tôi xem bài anh viết theo máy ghi. Có nhiều đoạn anh đề là tôi nói, mà lại thật là của anh viết. Nhiều chỗ ví dụ cho rõ nghĩa hơn, cả những đoạn tôi tự nhận xét chất thơ trong câu văn của tôi như thế nào, cũng anh viết cả.

Anh nhìn tôi đọc bài anh. Vẻ ung dung, bằng lòng.

Anh đương đoán ý của tôi. Rồi anh nói như đinh đóng Tôi chắc anh phải đồng ý!

"Anh sẽ bằng lòng, anh sẽ thích, vì những điều tôi viết đều như ý anh". Thầy giáo tôi sao dễ tính và chủ quan thế nhưng cũng đúng thế thật. Khi đăng bài ấy trên tạp chí Tác Phẩm Mới và rồi nhà xuất bản sửa soạn in thành sách(3), anh có đưa tôi đọc lần nữa. Tôi nghĩ lại, cũng không có ý gì thêm và khác anh.

Các bài báo, bài bút ký hay truyện ngắn, truyện dài tôi viết, anh đều đọc, khi bản thảo, khi sách in, anh đọc kỹ và bao giờ cũng khen chê rõ ràng như thầy giáo chấm bài. Phần nhiều anh chê, "yêu cho vọt mà"... anh bắt bẻ rồi cắt nghĩa, vẽ ra cách chữa. Nếu không định bảo ban tôi, "truyền nghề" cho tôi, chắc chẳng bao giờ anh bỏ công thế.

Những nhận xét của anh về hai cuốn sách tôi mới xuất bản, tiểu thuyết Đảo hoang và truyện ký Lăng Bác Hồ. Tất cả đều là những câu anh chê. Xin trích vài đoạn ý kiến anh về tiểu thuyết Đảo hoang... Giấy anh viết chi chít trên mặt trái trang bản in hàng ngày dính với nhau bằng hồ.

1 Dưa đỏ mọc ở đâu mà chim đưa hạt ra đảo? Cho rằng nó mọc ở một đảo hoang nào đó. Bố con An Tiên biết lấy hạt để trồng rồi thả cho quả trôi vào đất liền. Vậy sao từng ấy năm ăn dưa mà nhân dân không lấy được hạt để trồng? Linh Nam Chích Quái c chỗ sơ hở, nhưng "Đảo hoang" phải lấp chỗ hở ấy.

5. Giống chim trắng ở biển, các nhà thơ gọi là hải âu thì dân vùng biển gọi là con chim mồi. Chim mồi chỉ ăn cướp cá của các thuyền đi khơi đánh cá. Nó rất bạo người. Nó đậu ngay ở mạn thuyền để rình cướp cá.

Người chỉ đuổi nó, chứ không giết để ăn thịt, vì thịt nó dai hơn thịt trâu. Nó không phải là loài chim ăn rau quả. Anh xem lại xem hải âu có biết ăn dưa đỏ không?

7. Ma-Li là người nước ngoài được cứu sống cho đến hôm nó nói được thì cứ im lặng không nói câu nào cả.

9. Chương 2, chương 3. Gấu được học như người có vẻ xiếc quá, không hợp.

Anh lại tìm ra những cái thiếu, cái sai từng câu từng dòng.

Trang 13 dòng 6 (dưới lên) "Tứ chiếng", tác giả nói tiếng này thì được, An Tiêm nói không được. Vì tiếng này mới có từ thời Lý. Bởi chữ tứ trấn nói kiêng. Tứ trấn là Thăng Long tứ trấn. Có bốn đền thờ bốn ông thần trấn thủ bốn phương thành Thăng Long; đông, đền Bạch Mã (Hàng Buồm), tây: đền Voi Phục, bắc, đền Trấn Võ; nam, đền Cao Sơn ở Kim Liên. Tứ chiêng là dân các nơi đến ở quanh kinh đô, ý nghĩa như khinh bỉ.

Trang 27 dòng 11 (dưới lên) - ở hội vật có cái cử chỉ mà tác giả gọi là "múa lên đình" thì theo tôi đã biết là hai đô vật “lễ” thần trước khi vào keo.

Trang 42 dòng 2 (dưới lên) và những trang khác, con cá nghiêng người... người con gấu... người con trăn phải viết “người” là "mình" mới chính xác.

Có lúc, anh bảo tôi:

- Một năm trở lại đây, tôi tự nhiên thấy khác hẳn trước. Lên gác thư viện, mới được một tầng, đã phải vịn tường. Đi xe đạp thấy tay lái chập choạng, không dám đi nữa. Thường ngày tôi ghét năm, bây giờ chỉ muốn năm.

Anh đã cao tuổi, nhưng anh vốn có sức, anh em chúng tôi chỉ nghĩ như chúng tôi mong muốn: mong sao anh được mạnh khỏe, mong sao sức anh chỉ kém đi bình thường theo tuổi già mà thôi.

Có khi, dường như anh ngập ngừng:

- Này tôi bảo anh (anh hay gọi tôi thân mật, bắt đầu bằng: Này, tôi bảo anh...) tôi còn tồn kho một ít. Anh chữa cho tôi, thế nào cũng được.

Anh đương nghĩ xa. Rồi anh cười nhẹ nhàng:

- Bây giờ thì tôi còn cái thể dếch nào được anh.

Nhưng mà thôi...

Anh vốn không ưa nói điều gì buồn

Chú thích:

(1) Nhà xuất bản Văn Học 1971

(2) Xú-vơ-nia (tiếng Pháp) có nghĩa là kỷ niệm. Nguyễn Công Hoan nhại đùa: Xú-vơ-lia.

(3) Hỏi chuyện các nhà v ăn, Nhà xuất bản Tác Phẩm Mới, 1977

NHỮNG GƯƠNG MẶT - CHÂN DUNG VĂN HỌC

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

5. Nguyên Hồng:

Tôi muốn giới thiệu với bạn đọc về nhà văn Nguyên Hồng, mà không biết nên bắt đầu từ đâu.

Ở sách giáo khoa, từ trung học đến đại học, học sinh các lứa tuổi đã học những đoạn trích giảng của Nguyên Hồng. Có những ai lơ đãng, ít chú ý đến văn học, nhất định cũng đã học văn và biết lý lịch Nguyên Hồng.

Tôi bạn với Nguyên Hồng, mấy chục năm đã qua.

Nhiều khi, đối với người thân, lại không hay chú ý nhau như thế nào. Cũng như lần khi hay đến nhà, đến luôn, lại chẳng không để ý số nhà.

Có điều, có thể nói ngay là, nếu như những năm trước, nhiều lớp bạn đọc khác nhau của Nguyên Hồng, ai đã tình cờ gặp nhà văn - dấu cho bạn có thói quen nhận xét tinh tế đến thế nào, cũng không thể ngờ ngợ một chút - một chút thôi, người vừa gặp ấy lại là một nhà văn. Không thể có một nét, một nét để ta bám lấy làm cơ cho nhận xét của ta, dù chỉ một nhận xét thoáng qua. Bởi ít ra, trong tưởng tượng mơ màng và sáng trong của bạn đọc, nhà văn ấy nhiều từng trải, khi còn ít tuổi đã viết hồi ký Những ngày thơ ấu hay cực, nhà văn ấy đã lặn lội xông pha khắp nơi, ở mặt trận và trong hầm lò. Và bất kể người như thế nào, trước trang bán thảo, theo cách nghĩ của bạn đọc, hình ảnh nhà văn phải liên quan đến bóng dáng bút mực, trang giấy, tập sách, với nét mặt hẳn những ưu tư, vừa đắm chiêu lại vừa thơ mộng, vân vân...

Đừng ai đợi như thế ở Nguyên Hồng.

Tưởng tượng như thế, không bao giờ trông thấy Nguyên Hồng.

Lần ấy, trong kháng chiến chống Pháp, ở một hàng cơm dọc đường, quãng Ba Giăng gần tới Đại Từ, đường đi thị xã Thái Nguyên trên Việt Bắc. Sáng ra, theo thói quen của phố kháng chiến, vách nữa, mái nữa ghép dựa nhau, lèo tèo, vừa bảnh mắt, nhà nào cũng đã dọn đồ đạc giấu vào bụi cây, bờ rào và khách trọ thì sẵn sàng đi sớm. Để tránh máy bay.

Thế mà trong góc cái giường giát nữa lạch cạch ở gian trong vẫn còn có một khách trọ nằm co quắp, run rẩy, rên rỉ. Khốn khổ, người đi đường ấy đương lên cơn bệnh sốt rét.

Một người khách khác cũng nghỉ đêm ở nhà hàng đang soạn ba lô, sắp bước ra cửa. Bỗng ngừng lại nhìn sang giường có tiếng rên trong bóng tối âm trầm.

- Anh làm sao thế? Sốt ngã nước à?

- Hừ... hừ...

- Tiêm nhé. Ki-lô-phoóc(1) mạnh đấy. Nhưng mà dậy đi được ngay.

Người khách sốt sắng nọ hồi nhà hàng lấy nồi đun nước luộc kim. Rồi trèo vào chỗ người ốm nằm, tiêm luôn.

Cái người tốt bụng ấy là nhà văn Nguyên Hồng.

Chúng tôi đã thuộc tính Nguyên Hồng, cạnh chiếc ba-lô con cóc trên lưng, trong cặp đúp(2) da bò nâu xin giữ gìn từ ngày trước cách mạng vẫn được tha đi bất cứ đâu, Nguyên Hồng xếp chồng bản thảo, lại còn lĩnh kinh những hộp tiêm, kim tiêm, nhiều thứ thuốc tiêm, thuốc uống, thứ cho không, thứ bán, phân minh, ai nhờ tiêm, Nguyên Hồng tiêm ngay. Lại còn hỏi bệnh, đoán bệnh và bảo người ta phải để mình tiêm. Như một thầy thuốc, một y tá thực thụ.

Như thế, nhà văn đi đường lẫn vào đám đông. Cái quần nâu, tấm áo cánh mờ hôi muối ăn đã bạc cả hai vai, chiếc mũ lá cọ, đôi dép lốp chẳng khác chút nào với màu sắc, dáng nét những người đi chợ, người nghỉ quán hàng, người trên đường.

Nguyên Hồng chen vai giữa mọi người, như mọi người. Nét mặt lúc nào cũng dăm dăm - không phải khó dăm dăm, mà dăm dăm chăm chú, dường như ít khi rời rã, cả lúc đương đi. Người nhanh nhẩu trò chuyện hay có ý kiến với xung quanh. Cái bà này mắt để đâu, sao mà quang gánh nghênh ngang, sắp đâm vào người ta kia kìa. Nguyên Hồng giơ tay gạt gạt: đi cho ra hàng ra lối chứ. Một người xách bu vệt vào chợ. Vệt của nhà à, đúng rồi, vệt của nhà mới béo nần nần ra như thế chứ. Đám gì mà quần lại như ở sân chơi gà như kia. Sao? Trẻ con đánh nhau. Này các con ơi (các cháu ơi), quá tay mà rách áo rách quần thì rầy rà đấy. Thôi mỗi đứa nhịn nhau một tý.

Chúng tôi ngồi nhìn cửa sổ trên gác xuống đường Hàng Bài. Bỗng chốc, nhà thơ Thế Lữ đội mũ phớt, lững thững qua dưới bờ hè. Nguyên Hồng gọi to: "Thế Lữ! Thế Lữ". Rồi chạy sầm sầm ngay xuống, tay bắt mặt mừng chào anh Thế Lữ, vồ vập như lâu lắm mới gặp:

- Tôi nhớ suốt đời Tiếng sáo Thiên Thai, từ ngày xưa ở Hải Phòng kia.

Rồi cứ nắm tay ông Thế Lữ, Nguyên Hồng cất tiếng sang sảng đọc to một mạch bài thơ Tiếng sáo Thiên Thai, trong khi người đi trên hè phố và cả lũ trẻ con dần dần xúm lại quanh hai người.

Đã nhiều lần chúng tôi lên nhà anh ở Nhã Nam.

Một quả đồi cạnh chân rừng vùng Yên Thế. Đây là nơi tản cư khi kháng chiến, ở cùng chỗ với gia đình các nhà văn Ngô Tất Tố, Kim Lân, họa sĩ Trần Văn Cẩn và Tạ Thúc Bình... Đến khi hoà bình, mọi nhà về

xuôi, Nguyên Hồng cũng dọn về Hà Nội ít lâu rồi bầu đoàn thể tử lại lên, thế là một mình nhà Nguyên Hồng ở đấy, thành quê.

Tôi xin nói về nơi làm việc và cung cách làm việc của nhà văn. Đây là gian nhà ngang vách đất cạnh bếp trống hốc. Đứng ngoài giọt gianh trông xuống chân đồi, thấy mặt ruộng liền vào đến viền rừng xanh sẫm.

Nguyên Hồng thường ngồi yên hàng giờ, lơ đãng nhìn thăm thẳm. Bàn làm việc là chiếc chõng tre, chập tối lại bê ra đầu hè, nhà văn và các con nhỏ nằm chơi xem sao, tìm con vẹt bơi trên sông Ngân Hà.

Mảnh chiếu trải xuống mặt đất thay ghế ngồi. Lúc nào mới, ngả lưng luôn xuống chiếu. Nguyên Hồng ngồi xếp bằng tròn trên chiếu. Mảnh ván gỗ che mặt chõng lổn nhổn những trang giấy học trò có kẻ xanh.

Và lọ mực tím, cái bút quản gỗ. Thứ giấy ấy, mực ấy có lẽ Nguyên Hồng đã dùng quen từ thời xa xưa. Những ngày thơ ấu đến bây giờ. Cứ thế, ngoẹo người, trễ kính, hí hoát viết một thôi một hồi. Đôi lúc, đứng dậy, ra cái sân trước mặt, khua khoảng chân tay máy động tác thể dục. Có khi lấy chiếc thùng, xăm xăm xuống cái giếng chân đồi, xách lên mấy thùng nước giúp chị ấy chốc nữa thổi cơm.

Không phải Nguyên Hồng chỉ mới quen giản dị ở cái khi ai cũng ba lô trên lưng, thời kháng chiến. Từ trước năm 1945, hồi vợ chồng Nguyên Hồng thuê nhà dưới bãi Phúc Xá, đã thế. Ở Hà Nội mà chui rúc ngoài bãi trong màn hình cửa, kê vừa một cái giường, còn hòm xiềng, nồi niêu và mấy cái hoá lò, mấy bó củi nhét cả dưới gầm. Đến bữa, chị ấy lôi các thứ ra nhóm bếp, Nguyên Hồng ngồi trên giường - ngồi xếp bằng từ ngày ấy, hai đầu gối vênh lên, và viết. Đọc Nguyên Hồng, bạn đọc hẳn đã được biết chiếc phản một cạnh vại nước trong gian nhà ọp ẹp với một thanh niên mê mãi cầm cúi ngồi viết, từ thuở ông kể mình đã viết Những ngày thơ ấu như thế nào.

Khi người viết say mê đưa xuống ngồi bút những điều mình ấp ủ, không hề biết đến xung quanh nữa, miễn sao có mực, có bút và chỗ kê được trang giấy lên.

Nghề nghiệp nhà văn bề bộn giữa mọi người, mọi nghề trong xã hội. Nỗi lo suốt đời của Nguyên Hồng là những tập bản thảo.

Hầu như những thú vui, cả những khó nhọc, khi có tiền cũng như xưa kia đói khó, miếng cơm manh áo, tâm hồn và tất cả, chỉ tận tụy gắn bó với những công việc sáng tác.

Những năm gần đây. Nguyên Hồng đã có tuổi, thỉnh thoảng lại khoanh tay dấm lưng thùm thụp.

Nguyên Hồng chữa đau lưng bằng rượu ngâm vỏ quýt và cách dấm lưng như thế. Một người hay tiêm hột cho người ta, tiêm cả lúc đi trên xe hoả, mà không lấy y bạ, chẳng hề biết đến cửa bệnh viện. Thế nhưng, vẫn cộc cạch cái xe đạp thiếu nhi Liên Xô không phanh, màu xanh rờn thủng thỉnh Hà Nội - Nhã Nam. Ấy là nói chuyện gần đây đấy.

Nguyên Hồng thường kể cách thức mình đi xe đạp từ Hà Nội lên. Không phải than thở, cũng không hẳn thích thú, nói vui bình thường thôi. Ngày trước đi một mạch không biết cả đêm tối, lúc nào về đến nhà cũng thế. Bây giờ không "hái hăng" thế được - tiếng nói rộn của Nguyên Hồng. Phải chia ra từng trạm. Nhà trọ ngả lưng, trạm số một ở dốc Vân. Cơm nước nhà hàng này khá. Vả lại đi lâu năm, hàng cơm đã quen khách. Đến Bắc Giang, có nhà thẳng con công tác ở đấy. Từ thị xã lên, còn trạm nữa, trạm nữa, cung đường dài, cung đường ngắn, tùy sức chân đạp và mình phải tính. Đấy, đấy... Cái xe đạp con con, lúc ở Nhã Nam xuống, thồ nào lạch, nào rượu ngâm vỏ quýt, khi lên cũng trăm thứ bà rần. Ghé vào cửa hàng quốc tế phố Hàng Trống mua đôi chiếu. Xách ra, buộc dọc vào khung xe, lại lạch xạch thồ lên Nhã Nam. Lúc đạp, lúc dắt, vẫn vậy.

Đối với Nguyên Hồng, quần lành áo tốt hay áo quần lôi thôi, đều chỉ như vậy. Năm ấy, tình cờ gặp nhau, có cả Nguyễn Tuân, ở khách sạn Bắc Kinh trung tâm Mát-xơ-va. Chúng tôi chén một bữa linh đình, mời cả bạn nhà văn Liên Xô. Mừng thọ nhà văn Nguyễn Hồng sáu mươi tuổi. Nguyên Hồng, đôi giày mới chững chạc, thắt cà-vạt cẩn thận. Nhưng, làm sao mà vẫn thấy trong cái bề ngoài tươi tắn ấy, con người tất bật, luộm thuộm như mọi khi, ở chợ Bắc Qua, ở dọc đường lên Nhã Nam.

Nhà văn Pháp Pier Abraham (1892-1974) chủ nhiệm tạp chí Châu Âu đến Hà Nội, tiếp Nguyên Hồng ở khách sạn Thống Nhất. P. Abraham đã viết trong ký sự thăm Việt Nam về buổi gặp gỡ đó trên tạp chí Châu Âu "Như từ bờ bãi sông Hồng đỏ rực gió cuốn đến đây, nhà văn lớn này là người của đất, thật là người của đất".

Lại kể chuyện đùa về Nguyên Hồng. Như thế, mới hợp với anh ấy. Tính riêng tôi vốn ưa trầm lặng, vui mình vào một xó. Lắm khi, đột ngột, Nguyên Hồng can thiệp ồn ào vui vẻ với xung quanh, mà mình cứ ngỡ ngàng sửng người. Cả những khi thông thả đi chơi cũng vậy. Chúng tôi hay uống bia ở một quán bia hơi gần phố Huế. Những năm ấy, các hàng bia chưa có cốc vại, người Hà Nội mới quen với cốc bia pha nước ngọt si-rô. Khách biết uống, chúng tôi đã thân ngay với nhà hàng. Mỗi lần xe bia về, người xích-lô đẩy những thùng bia xuống đường. Cứ tự nhiên, Nguyên Hồng ra ghé vai vác thùng bia vào. Bà hàng bia béo phúc phích, cũng cứ tự nhiên đứng nhìn, không cười không cảm ơn ông khách tốt bụng. Nguyên Hồng hí hục vác cả bốn thùng, lại còn cẩn thận kê một thùng lên bậc cửa, đặt vào chỗ cho bà ấy mở chốt rót cốc bia đầu tiên, chẳng bao lâu, mọi lần xe bia đến, thấy chúng tôi, người xích-lô đã quen mặt, lại gọi to:

- Ông khách ra đỡ một tay nào!

Thế là Nguyên Hồng lại ra tận xe khiêng thùng bia, người xích-lô khৌi đạp thùng lăn xuống hè. Sau đó, người xích-lô và chúng tôi uống những cốc bia mới nhất vừa rót trong thùng ra. sáng khoái.

Bà hàng bia người đầy đà ở cái phố khuất nẻo nọ không bao giờ biết bạn tôi là ông nhà văn. Cũng như năm trước, người đi đường được tiêm phát thuốc sốt rét và cũng nhiều người khác nữa, đâu biết cái ông dễ tính ấy là ai. Bà hàng nghĩ đấy cũng là bác xích-lô, bác xã viên hợp tác xã nghề mộc: nghề đan lát ở quanh đấy ra uống bia và cũng có ý bõm xớm bà và bà đã lợi dụng sự phải lòng đôi chút quá mùa ấy. Có lẽ

Nguyễn Hồng cũng nghĩ về mình chẳng khác bà hàng bia.

Nghề văn một nghề lương thiện như mọi nghề trong xã hội, có gì mà phải khoe với ai.

Nhất nghệ tinh... Đã gọi là nghề cơ mà. Sự quý trọng: công phu trau dồi, rèn luyện của Nguyễn Hồng đối với nghề, những cái đó mới là điều đáng quan tâm cả đời. Nguyễn Hồng giữ gìn từng trang bản thảo. Cần thận đến độ đi đâu cũng ôm đồm vác theo. Không yên tâm để chỗ nào. Sợ lạc, sợ mất, Nhà văn quá lo lắng về bản thảo còn hay tưởng ra những việc oái oăm bi đát nhất, không dễ gì xảy ra: để ở đấy, ngộ nhà nó cháy thì sao. Thôi, chịu khó đem theo. Cần tắc vô ấy náy...

Nghề văn cũng là trăm nghề lao lực, lao tâm như mọi nghề. Những bản thảo, sự sáng tạo, cái dáng ngồi nghiêm nghiêm vất vả, thật quan trọng, thật nghiêm.

Cống hiến của tác phẩm Nguyễn Hồng vào kho tàng văn học Việt Nam thế nào, nhà phê bình cực kỳ vô tư là thời gian đã lên tiếng và sẽ đánh giá. Nhưng tôi nghĩ thái độ, cách sống hàng ngày về nghề nghiệp, cho nghề nghiệp của Nguyễn Hồng thật tỏ rõ trách nhiệm với ngòi bút.

Làm sao mà quên được chợ Bắc Qua những năm ấy.

Chúng tôi đi chợ Bắc Qua đã bao nhiêu lần, nhưng khi nào nhớ lại cũng nhớ những đêm chợ vào mùa đông thời chống Mỹ. Người ta đi suốt đêm, chợ và phố xá suốt đêm, có lẽ đấy chỉ là tưởng tượng và còn lẫn lộn theo kỷ niệm. Mỗi khi Nguyễn Hồng về Hà Nội, thế nào chúng tôi cũng đi Bắc Qua.

Bấy giờ lại đương độ máy bay Mỹ đánh phá vào Hà Nội. Suốt ngày, trời thành phố rả rích còi báo động.

Loa, đài báo "máy bay địch cách hai mươi, ba mươi ki-lô-mét... mười ki-lô-mét! rồi máy bay địch đã bay xa..." Hồi ấy, tôi cũng đương làm công tác khu phố. Đêm thường cùng ban bảo vệ đi tuần. Nguyễn Hồng thích đi với tôi, đòi đeo băng đỏ cẩn thận. Chúng tôi la cà ra cửa ga - ga Hàng Cỏ thức suốt sáng. Làm cốc bia hơi mật dịch rồi kéo bộ thẳng lên chợ Bắc Qua vào nửa đêm.

Chợ Bắc Qua đêm đông hơn cả ngày, nhất là từ quãng một hai giờ sáng đổ ra. Người các miền giáp ranh Bắc Ninh - Bắc Giang về chợ kìn kìn gồng gánh suốt đêm sang sông.

Nói theo tiếng chợ búa, chợ Bắc Qua, cái chợ đổi vai: Mọi vùng bên sông phía bắc thành phố, từ thật xa trên Cao Thượng, ở Quế võ bên kia bến Hồ, người buôn, người trồng tía đưa xuống thành phố mọi thứ rau quả, mùa nào thức ấy. Xe ba gác cải tiến và người gánh nào cà-rốt, su-hào, nào cải bắp, cải bẹ, cải Lạng Sơn, hoa lơ. Những bó hành hoa, củ trắng nõn xếp chặt cả hai bên thùng sau xe đạp.

Những xe đạp thồ gà, chim câu, chim sẻ. Áp tháng chạp dương lịch, tiếng gà tây kéc kéc kéc kéc loạn gầm cầu Long Biên. Vùng bến Hồ có nhiều hợp tác và nhiều nhà mới biết nuôi gà tây. Gà tây bên Bắc được thồ về, nhà Hoả Lò ra mua làm cỗ lễ Nô-en cho tù binh giặc lái Mỹ - phong tục nước Mỹ, tết năm mới nửa đêm nhà nào cũng chén thịt gà tây. Thế là chợ Bắc Qua mỗi cuối năm lại nẩy nòi ra mặt hàng mới. Và hầu

khắp các chợ nội với các hàng bán rong phố từ trong cầu Giấy lên Bưởi xuống Ô cầu Dền đều ra chợ Bắc Qua đợi mua rau cỏ bên Bắc sang. Đôi vai đòn gánh bán cất bán mớ ở chợ ấy người ta quấy vào các chợ trong, chợ đông vui suốt đêm, khắp các ngả. Đèn đường loáng thoáng và mỗi xó một đốm đèn con le lói, như hội làng ngày trước. Lúc còi báo động, chẳng còn một ánh lửa. Trong bóng tối, tiếng rào rào râm ran. Chúng tôi len vào, kẻ mua người bán xúm xít quanh các hàng cơm bát, gánh cháo lòng tiết canh, thịt chó, thúng bánh cuốn và miến dong riêng. Hàng nào cũng sắp sẵn đôi quang, có báo động một cái, gọn ghẽ ngay.

Những lúc ấy mắt Nguyên Hồng ánh lên, gò má bóng nhẵn chòm râu hất ra như người ộp đồng lấp bắp sắp nói. Những đêm vui, đầm ấm, thú vị của Nguyên Hồng ở chợ. Quang cảnh ăn uống, lẫn lộn quanh gánh với người nằm ngủ úp nón lên mặt, người đương bơm xe sắp sang cầu, một cái bu sắt nhốt chó với cả những thồ hành hoa vừa tới. Tiếng à ầm ầm không ngớt lúu tít bối rối mà lại như rẽ ràng, dẫu ra đây, về lộn xộn lẫn với nền nếp của cái chợ đêm lắm thức mua bán.

Nguyên Hồng ngồi ngất ngưỡng, bắt chuyện với mọi người. Chỗn hàng quán giữa chợ, ai cũng vui tính cả ồ, những người bán quán chợ Bắc Qua, chẳng ai buồn lưu tâm, chắc lại như cái bà bán bia dưới phố Huế, ước đoán già ra cũng chỉ ngỡ đấy là ông lão kỹ tính, theo con cháu xuống chợ. Đứa cháu mới đi thồ lần đầu, ông phải chịu khó đi theo bảo bạn chúng nó.

Ông lão ấy vào hàng ăn uống, vừa gắt với lũ cháu bướng bỉnh rồi lại cười xoà. Những ông lão trong làng ra chợ búa thành phố, nửa lăm cẩm, nửa cẩn thận, hay hỏi dớ dẩn như thế, ở chợ đêm Bắc Qua này chẳng thiếu.

Hồi ấy, Nguyên Hồng đã để râu. Bộ râu rìa lứa thừa mà chúng tôi thường đùa: bộ râu già nua của ông không hợp với hai con mắt lúng liếng nhanh như chớp còn tổng tình được của ông. Nguyên Hồng rung đùi, cười khơ khớ, nói: "Quái quỷ! Quái quỷ!". Chẳng hiểu tự cười mình hay thú vị vì câu nói đúng.

Vậy mà cả đến bộ râu hiểm hoai ấy cũng chẳng phải Nguyên Hồng cố ý điểm trang cho vẻ già của mình đâu. Nguyên Hồng để râu khoảng ngoài năm mươi. Nhưng nói Nguyên Hồng để râu, chữ nghĩa cùng sự việc chưa thật chính xác. Nguyên do là lắm khi Nguyên Hồng ở bên cả mấy tháng trên Nhã Nam, ngày đêm viết miệt mài. Mấy năm, xong cả bộ tiểu thuyết Cửa biển, vở kịch Thái hậu Dương Vân Nga, đôi khi cao hứng, làm bài thơ, hay viết cho thiếu nhi.

Ở nơi khuất nẻo, hết dao cạo râu. Hồi này, lưỡi dao cạo không dễ kiếm. Thế là mặc kệ, rồi đâm quen. Chỉ vậy thôi, thành "để râu".

Những đêm chợ Bắc Qua, những đêm chợ Bắc Qua. Chẳng mấy chốc, ông nhà văn đã như hàng xay hàng xáo với mọi người từ bao giờ. Giá hành, cà chua ra sao. Đem được mấy chục gà tây xuống, ở nhà còn lửa nào không. Đợi tuyến quân trên ấy đã xong chưa, à ra thế.

Lại nói lờm, lại đùa nhả, cấu véo, đẩy vai nhau.

Chuyện cứ nổ ngô rang. Ông bên cạnh vừa nói choang choác đã đập mảnh ni-lông, gói đầu lên chiếc đòn gánh đặt ngang vành bánh sau xe đạp. Tiếng ngáy khò khò hoà tiếng rào rào không dứt của buổi chợ đêm đương đông.

Bỗng còi báo động trên đầu cầu Long Biên rú lên.

Đèn điện và các đóm đèn dầu lập loè, vụt tắt. Bóng Nguyên Hồng khom khom đứng lên.

Nguyên Hồng hét:

- Đâu ngồi đấy nhé, đâu cứ ngồi đấy nhé!

Hai tay Nguyên Hồng dang ra. Nhưng chẳng đợi có người quát lên như ra lệnh thế, cái chợ mới khởi nhốn nháo. Chợ không vỡ đâu. Chợ đêm thời bom Mỹ có qui luật và nền nếp chợ thời chiến. Tiếng ồn vẫn tiếp tục đều đều mọi chỗ, nghe rõ cả tiếng cắt nem, tiếng kéo tanh tách của anh hàng đu đủ thịt bò khô và những lời lẽ ngã giá thúng cà chua. Đằng kia, bọn gà tây bị nhốt trong găm cầu vẫn khục hục, khếch khếch rộn rã. Và, ngẩng đầu, trên mệnh mông trời hung hầm, rét ngọt, long lanh những vì sao. Cái chợ không biết bóng tối và dường như không nghe tiếng còi báo động, nhưng đã ra một vé thích ứng tối mò mò.

Nguyên Hồng rất mê chợ. Chúng tôi cũng nghĩ giống nhau. Cái chợ giúp ta biết nhanh mà chính xác về sự thật tình hình trong vùng. Không phải chỉ những thứ đem ra chợ, mà chính trị, kinh tế, văn hoá, phong tục, đủ vẻ, đều có thể trông ra cái chợ mà luận ra.

Nguyên Hồng nói:

- Học đấy chứ đâu. Người ta nói bao nhiêu chữ cho mà học, mình biết cái mách gì. Cái bà hàng gọi lão nằm ngủ lúc còi báo động: trối, trối, đúng là người chợ Thăng. Trên ấy người ta nói: trối trối. Chứ không nói đầy đủ: trối dậy, trối dậy đâu nhé. Chữ nghĩa hình thức trong sách lại đâm ra thừa.

Từ những nhỏ nhặt bình thường trong ý ăn nhẽ ở hàng ngày, mọi lúc, đã hoà liền như dòng máu cùng trên cơ thể, với tư tưởng và nghệ thuật của ngòi bút.

Thực tế sâu sắc tự nhiên như đời sống con người đã góp phần tạo ra tâm hồn và phong cách sáng tác, một khi quan niệm được cốt cách một tác phẩm nhất thiết phải bắt nguồn từ mọi mặt của xã hội, từ tâm tư tình cảm cuộc sống con người, trong đó có người cầm bút.

Toàn bộ tác phẩm Nguyên Hồng, từ hồi ký Những ngày thơ ấu đến bộ tiểu thuyết lịch sử Núi rừng Yên Thế viết chưa xong, mỗi tình huống được sáng tạo, ở nhân vật nào, vấn đề nào, tinh thần nhân đạo của tư tưởng chủ thể thật đậm thắm, thật thiết tha từ bắt đầu như thế.

Một đời chuyên cần, yêu thương, mãi mê...

Lại thấy ra bao nhiêu điều muốn nói nữa về Nguyên Hồng. Ngỡ như chưa biết đặt bút từ đâu, từ kỷ niệm nào.

Thường thường đêm Nô-en chúng tôi hay đi chơi quanh hồ Hoàn Kiếm rồi vòng vào nhà thờ Hàng Trống. Cả đêm Nô-en 1972, trận Điện Biên Phủ đang ác liệt trên trời Hà Nội. Và đêm Nô-en năm trước, ở hiệu cao lâu ông Khải 202 phố Huế ra.

Chúng tôi dừng lại trên hồ, chỗ ánh điện ngõ Bảo Khánh trông xuống.

Tôi kể với Nguyên Hồng:

- Nhà chị Vân Đài ngày trước ở đầu phố này trên hàng Trống. Chị bảo khi còn nhỏ, bờ hồ còn ăn sâu vào tận đây. Nhiều cầu ao nhà trong phố bắc ra hồ, tắm giặt, vo gạo, rửa rau.

Nghe thế, Nguyên Hồng bỗng sa nước mắt.

Nguyên Hồng vốn mau nước mắt. Chắc câu nói vừa rồi của tôi gợi điều gì Nguyên Hồng đang nghĩ.

Chú thích:

(1) Một thứ thuốc chữa sốt rét

(2) Cặp hai ng ăn

NHỮNG GƯƠNG MẶT - CHÂN DUNG VĂN HỌC

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

6. Như Phong:

Nhà Như Phong ở trước cửa chợ Đồng Xuân, anh thật cũng không rõ nhà mấy đời ra Hà Nội, ở vùng chợ Đồng Xuân. Chỉ biết ngày trước ở trên Yên Ninh, Hàng Than rồi chuyển dần xuống phố chợ búa buôn bán này.

Có thể nói, gốc gác anh người Hà Nội. Nhà anh nòi võ. Cụ nội anh đã từng đi thi võ - cụ bạn bè với cụ cử Tồn, cử võ mà thời chúng tôi cũng còn biết tiếng.

Nhưng rồi Tây sang, cái thuở Kê Chợ trên bến người dưới thuyền mảng vào đậu bến Nứa tự nhiên cũng không còn nữa.

Thời ấy, các phố cũ chật chội, nhưng để ý cũng phân biệt những khác nhau. Chỉ một dọc từ hàng Giấy xuống cuối hàng Đào thấy dần dà mọc lên những nhà giàu mới nổi: Cửu Nghi hàng Bồ, Lê Thuận Khoát hàng Ngang, nhà đồ Chấn Hưng hàng Bạc nhô ra những dinh cơ đồ sộ như những con trâu, con voi giữa đám tường so le dựa nhau của những nhà ở phường cùng nghề phố Hà Trung, hàng Quạt, hàng Mành, hàng Hòm... Vùng buôn bán sầm uất của người Tàu, hiệu thuốc và hiệu cao lâu, chè Chính Thái. Ninh Thái- dâu Đại Quang và hàng Buồm, phố Kiến (Phúc Kiến) Quăng hàng Đường, hàng Chiếu (phố Mới) vẫn có những nhà buôn cổ, nền nếp nhiều đời. Cửa hàng cũ kỹ, thập đường khay chè sơn then mà ngày nay vẫn còn có thể trông thấy những tấm ảnh chụp trong các sách của người Pháp thời kỳ ấy ở các thư viện khoa học. Và những nghìn giấy bản, giấy moi, cửa hàng kẹo bột, kẹo chà, nước hoa bưởi cất, hàng đường cát, đường phèn, hàng chè búp, hàng thùng, hàng củ nâu...

Nhà Như Phong vốn nghề cất bán lẻ những thứ hàng cổ xưa ấy. Hai ben chen những dãy nhà như những bao diêm chồng cạnh nhau, nhà hẹp mà thấp sâu trông vào tối âm sâm, tun hút, không có gió lùa cửa ngách: hơi ẩm đất, ẩm gỗ, ẩm ngói lành lạnh đến gây người.

Những nhà, những phố những cửa hàng cũ kỹ già như tuổi của thành phố.

Những truyện ngắn đầu tiên của Như Phong viết về các mái nhà phố phường Kê Chợ, về mỗi căn nhà và mỗi con người ở đấy. Những truyện ngắn của anh đượm một hơi văn: một tinh thần và quang cảnh vừa trang trọng vừa lịch sự lại là thật hiện đại. Trong cái eo xèo thường ngày của đời sống thành phố, phảng phất một thoáng trong sáng, mới lạ. Đây là cảm tưởng tôi lần đầu đọc truyện ngắn của Như Phong ở Hà Nội, của Cao Thọ Ân ở Hải Phòng in trên tuần báo Tiểu thuyết thứ bảy, quãng năm 1936.

Có khi Như Phong nói vui: "Mình được sinh ra giữa những bức tường và mái nhà, cả đời chưa bao giờ trông thấy mặt trời mọc. Mỗi ngày nhìn lên đã gặp ánh nắng ở trên đầu tường rồi". Dễ thường câu nói nhận

xét ấy cũng phản ánh hình ảnh mơ ước của tuổi thơ, của tinh thần những sáng tác đầu tiên của chàng trai phường phố khi đưa xuống bút những ý nghĩ xa vời của mình. Tôi ngỡ như thế và thông cảm sự ham chuộng cái gì khác thường ngày trong những sáng tác đầu tay của Như Phong. Những suy nghĩ, những khắc khoải, những ước mơ, những tưởng tượng xanh trong như trời xanh trên kia của lứa tuổi nhìn ra cái ô cửa sổ cánh gỗ gạn sát mái nhà, mỗi khi mở then lại phải nhấc tấm màn, mà cũng chỉ thấy gờ lên những mái nhà, lại những mái quanh quần.

Ai từng ở những căn gác hẹp chật chội quanh co giữa thành phố mới nhìn ra được vùng sông quá lạ nhấp nhô những mái nhà, những đầu tường, những mòm chuôi vồ nóc mái cứ xám mờ như làn sóng đất.

Sóng quần, cao thấp quanh quanh, phía nào cũng thấy thế, mái nghiêng, từng miếng chìa ra dưới cánh cửa mắt bò ti hí hé như con mắt ngái ngủ ngỡ ngàng trước làn ngói lô xô vây bọc đời đời, cả đời.

Những mà ngẩng đầu lên trên làn sóng mái ngói u uất ấy, in một khoảng trời xanh. Trời thu thành phố xanh vô cùng xanh. Đấy có phải là biểu tượng một khắc khoải một hy vọng trên cái trở trối tẻ ngắt nổi lên niềm mơ ước đến không cùng.

Trong những cây bút viết truyện ngắn thời kỳ này mà tôi thường đọc, tôi không thích những truyện ngắn nhẹ nhàng của Khái Hưng, Nhất Linh, mà trong lớp trẻ hơn viết truyện ngắn như Nguyên Hồng, Cao Thọ Ân, Nguyễn Xuân Huy, Ngọc Giao, Thanh Châu, Nguyễn Văn Xuân, Phan Du tôi yêu truyện ngắn Cao Thọ Ân và Như Phong hơn cả, mặc dù Như Phong viết không nhiều. Truyện ngắn Như Phong gọn thoắt, mới lạ, khơi gợi nhiều đối với một người đương tìm học và tìm lẽ sống như tôi.

Trong đời viết, Như Phong chỉ sáng tác có độ trên, dưới mười truyện ngắn đầu tay. Sau này, vào kháng chiến chống Pháp, khi ở Gia Điền (Phú Thọ), Như Phong cũng viết một tiểu thuyết, nhân vật chính tên là Tâm và Như Phong cũng định đặt tên tiểu thuyết là Tâm. Có lẽ là một tiểu thuyết tự truyện. Nhưng anh cũng chỉ mới viết được có mỗi một chương.

Những truyện ngắn của Như Phong mang tâm sự và khát vọng của một thanh niên mới lớn ngồi trong ô cửa sổ con con nhìn ra "thềm chân trời mà chưa hề thấy chân giời". Nỗi lòng cùng ý chí và ước muốn của người trai trẻ giữa chật hẹp, bức bối mà xa kia là trời xanh thăm thẳm.

Đấy không chỉ là dáng nét quang cảnh bề ngoài, mà là những con người, những tâm sự. Trong truyện ngắn, Như Phong miêu tả một lớp nhân vật trẻ tuổi. Lớp người, có cả tác giả, có cả bạn đọc, cả lứa luôn chúng tôi lăm lăm quanh quần dưới những mái nhà hũ nút, bao nhiêu đời nay đã thế, có thể còn cứ thế mãi với cuộc sống vật lộn bon chen, nhưng mỗi lúc cực nhọc, u uất quá, trông ra, thấy được mảnh xanh phương trời hình như có đem lại một ý nghĩa khác. Đối với những ai trong khắc khoải, những gì làm cho thấu hiểu thêm nỗi đau khổ cùng lứa tuổi chúng tôi, nhân vật - người viết và người đọc cũng như nhau, tất cả đều cảm thương những người trẻ tuổi ấy cứ xám ngắt lại có cơ cọc cằn, tàn úa đi, nếu chỉ như thế nào ngày ngày...

Những cái như tưởng tượng đó chính lại là hình thù mọi mặt của sự thật cuộc sống và tư tưởng một lớp

thanh niên vào quãng trên dưới thập niên 40 của thế kỷ này, những năm cao trào công khai Mặt trận Dân chủ Đông Dương, cờ đỏ được trưng lên giữa cuộc mít-tinh quần chúng ngày 1 tháng năm 1938 ở khu nhà Đấu Xảo với những đợt chúng tôi hô đến khản giọng, đả đảo tờ-rốt-kít. Tình thế đã khẩn trương thật đặc biệt.

Thế rồi, chiến tranh thế giới xảy ra. Đợt khủng bố ác liệt ập đến. Pháp, Nhật: thực dân và phát-xít đều vắn máu mắt, ra tay bắt và giết. Nhưng sức mạnh nổi dậy đã là một sự thật, như mảnh trời xanh nguyên rất Hà Nội kia, chàng thanh niên Như Phong, lớp tuổi trẻ Như Phong thời ấy, đã có mặt và tham gia Tổng khởi nghĩa.

Dưới mái những nếp nhà cổ xưa ngói lượn lộn xộn, trong ô cửa mắt cáo tối om, những bàn tay con người giờ ra, đã vốc được trời xanh, trời xanh lồng lộng trong mắt, trên tay. Tiếng nói gửi gắm vào những truyện ngắn của Như Phong đã thành sự thật của hiện thực ước vọng của tuổi trẻ.

Cuộc sống chẳng bao giờ đơn giản. Nhìn lại tình thế thời đó, tình thế ở mỗi người, dằng dặc, éo le những khủng khiếp mà người ta đã vượt qua hay đành chết chìm trong ấy. Một bên, đêm ngày khốc liệt những tàn sát đẫm máu của thực dân và phát xít. Một bên, những hoạt động cách mạng đưa từ âm ỉ tới thức tỉnh. Hai làn sóng sôi sục, lay động tất cả. Mỗi con người phải thế nào, sẽ thế nào. Không ai có thể đứng yên, ở yên.

Chúng tôi, những người đương quần quai trong sóng gió ấy, chúng tôi rã rời đi hay là tới được khoảng trời xanh vậy gọi kia.

Khi tôi bắt đầu cầm bút, các nhà lớp trước như Tản Đà, như Vũ Trọng Phụng đã mất, tôi không được biết mặt. Các đàn anh Nguyễn Công Hoan, Lê Văn Trương, Vũ Bằng, Nguyễn Tuân đều ở lứa tuổi trên. Các nhà văn trước kia đã từng sôi nổi hưởng nghĩa như Trúc Khê, Nhượng Tống cũng đã luống tuổi và sống yêu phận ngày ngày đi làm công việc dịch thuật, trước tác lĩnh lương tháng.

Hình ảnh lý tưởng về con người cầm bút khá hấp dẫn lúc ấy đối với tôi là Như Phong và Nguyên Hồng - những người viết gần gũi, xấp xỉ trên tuổi tôi một chút.

Chúng tôi thường gặp nhau tại phố Phạm Phú Thứ toà báo Thế giới, cơ quan Đoàn thanh niên Dân chủ. Ở đấy có Đào Duy Kỳ, giỏi lý luận, có Trần Mai Ninh viết lối văn vừa thơ mộng, vừa khác lạ, cực mới, có Thành Ngọc Quân biết bốc ăng-lê và chúng tôi say sưa bàn về một tờ báo phiêu lưu mà lý thú, toà soạn ở Hà Nội, nhưng in và phát hành ở Sài Gòn. Tôi còn nhớ, cái nhà báo Thế giới, mặc dầu chỉ là một gian hẹp, khác nào cái cửa sổ mở ra trên nóc những đợt sóng mái nhà trước cửa chợ Đồng Xuân. Giữa phòng kê tấm áp-phích to hơn chiếc chiếu liền dán lên cốt ngăn đôi gian phòng. Áp-phích của Đoàn thanh niên Cộng sản Pháp: một đám trai gái giơ nắm đấm kiểu chào mặt trận Bình dân. Tờ tranh khuấy động không khí gian nhà âm thầm. Và ở đấy nhiều khi đã sôi nổi những cuộc tranh luận quanh những gói thịt chó, gói thịt vịt quay và cút rượu mua ở chợ hàng Da về.

Những người viết văn, viết báo ở Hà Nội thời kỳ này sống ồ ạt, phóng túng, làm ăn và chơi bời, không

ai coi như thế là không bình thường. Nhưng chúng tôi cũng không hẳn là những tay ăn chơi đến vực mặt xuống. Sống và sáng tác, chúng tôi vừa ngoi ngóp, lại vừa tự vượt lên. Cuộc sống thời thượng, sa đoạ kề cạnh những hoạt động mải mê, hăng hái. Có khi thức trắng đêm viết một cái truyện ngắn trên gác một nhà ả đào ở dưới Ngã Tư Sở. Không cắt nghĩa mà chỉ thấy thế là ngang tàng, tối hôm trước ngủ xăm đầu phố Sinh Từ, sáng hôm sau xông đi gặp tờ-rốt-kít Nguyễn Tế Mỹ tranh luận một trận lôi đình. Ở một tiệm hút cuối phố hàng Chiếu, âm thầm nghi ngút như trong cửa điện đồng cô, cãi nhau rầm rĩ về H. Bác-buýt, về Phít-ni-ê...

Tôi ngỡ thế mới thật kiểu nghệ sĩ và cách mạng. Nhưng, thời thế biến chuyển hàng ngày, tình hình không phải lúc nào cũng đọng lại, phóng khoáng và miên man như vậy. Trên Hàng Giấy, những hiệu bán đối trướng Tùng Lâm, Tiến Cảnh- cơ quan liên lạc bí mật của Xứ uỷ Bắc Kỳ, đã biến mất. Ô tô mật thám lùng bắt người suốt ngày. Những người ở toà báo của Đảng không biết đã rút kịp hay đã bị bắt: Đoàn thể gọi Nguyên Hồng xuống Hải Phòng định đưa đi thoát ly, nhưng rồi Nguyên Hồng bị bắt, bị đẩy lên cang Bắc Mê, Như Phong bị xích tay giam ở sở mật thám...

Thành phố đêm trong ánh đèn phòng thủ thụ động tối như hũ chum. Những người còn sót lại có cảm tưởng rỗng không.

Mật thám dung dưỡng cho mấy tay tờ-rốt-kít đánh võ mồm mặc sức hò hét "giai tăng vô sản làm cách mạng thế giới". Cánh ấy ra báo, cũng in bí mật dưới tên báo Tranh đấu có dòng chữ "đệ tứ quốc tế phụng sự cách mạng thế giới!". Trên đường phố len lét mấy người mất tinh thần trước cơn khủng bố trắng. Bọn mật thám để yên cho những người ấy trước cũng hoạt động bây giờ đi lang thang. Có người gặp ai cũng xin tiền ăn, hút. Họ viết báo, sáng tác tầm phơ - mà trước đây đã có những bài rất cách mạng đã đi mít tinh đứng trước chị em tiểu thương chợ Đồng Xuân, tay cầm ba-toong, mặc vôi rồng xả nước vào người, vẫn đứng.

Không còn ai nữa. Những sôi nổi đã qua. Chúng tôi bàng hoàng, lập ngụp giữa ngọt nhạt, giữa bế tắc, giữa những tình huống quái ác ấy. Khác nào lại ngồi nhìn làn sóng quần các mái nhà, có trời xanh trên kia. Hoặc là ngạt trong tấm tối ấy, hoặc là mở cửa tới được.

Ở một tiệm thuốc phiện phố Mã Mây. Gác xếp trong ngõ tối tăm, ướm át kiểu này, cứ nhô lên khỏi cái thang gỗ, chỗ nào cũng là tiệm hút. Những ổ rệp rải rác các góc ngách tối tàn. Mấy tấm phản kê đối đầu đối đuôi, vừa bằng hai cái áo quan ghép một, đã nhếch nhoáng mồ hôi lên nước nhả thín, với khúc gối gỗ tro trọi.

Những hạng người nào lui tới đây? Ở tuổi tôi lúc ấy chưa đủ trải biết những lọc lõi đến thế. Tôi trông thấy chỗ nào cũng người ngả lưng âm thầm, lúc nhúc như nhau. Đám áp-phe. Du côn. Me tây. Con bạc.

Người sắp đi tự tử. Những đứa choai choai tập tọng ăn chơi. Đám nhà vắn, nhà báo với bọn đàn em để sai bảo. Quần áo, mặt mũi người nào cũng rầu rĩ u ám. Họ không phải những ông nghiện bóng môi lên như

ông Thạch Lam hay ông Lê Văn Trương. Nhiều người còn thật trẻ cũng không đoán được tuổi tác thế nào. Lại những ông bị đoàn thể bỏ rơi, viết báo nhăng nhít và đi xin tiền. Sợ bọn này hơn cả, có khi họ đã muối mặt làm mặt thám rồi.

Họ là ai? Có phải họ là những người bơ vơ sau cơn dịch khủng bố. Sự trống rỗng đến khủng khiếp. Không, ở Sở mật thám, Như Phong bị đánh, bị tra điện, bị dọa từ giờ phải “chừa làm cộng sản”. Nhưng Như Phong vẫn nghiêm nghị và chững chạc thế. Như Phong vẫn như thế. Chúng tôi gặp nhau, kể lại những tin đồn anh nào, anh nào đã chạy thoát. Nghi ngờ anh nào trước hăng hái thế mà sao bây giờ không phải bắt? Tiếc Nguyên Hồng đã không đi thoát ly, lại bị. Chuyện huyền thoại Thành Ngọc Quân trốn xuống bãi Nghĩa Dũng, chập tối mật thám ập vào Quân chơi miếng bốc hay quá, bọn chó chổng kèn, thế là Quân thoát.

Chẳng biết có thật vậy không, nhưng chuyện cứ rỉ tai mãi như sự tích thần kỳ. Chúng tôi không hốt hoảng. Nhưng mà trống rỗng, buồn đến thâm thẳm.

Phản hút ở góc u ám ấy thật tĩnh, không còn biết mình ở đâu, ai cũng trầm ngâm im như chết. Cả cái gác lỉnh kỉnh giường kê ngang kê dọc, những ngọn đèn dầu lạc trong khay thuốc, lui húi như ánh đèn bên bát cơm quả trứng cạnh những xác người còng queo. Cái chỗ chui lên gác đã được đập nắp gỗ xuống. Những cửa sổ đều kín mít, đến chỗ mảnh kính trên nóc đón chút ánh sáng vào, các ông khách bẹp tai cũng bắt chủ tiệm phải bịt mảnh giấy nhật trình lại. Cho đỡ hả hơi thuốc. Trong nắm mồ lơ lửng giữa trời này cứ khối um lên, người như những cái bóng sợ gió và ánh sáng.

Không biết đương trưa, hay chiều, hay đã tối. Nghĩ gì, làm thế nào. Mỗi thời kỳ khi bước ngoặt lịch sử tiến tới ở từng con người đều tới lui những tâm trạng khác nhau, ai biết ở nơi tàn tạ cùng cực đây, cả đến hai chữ “truy lục” cũng ý nghĩa khác ở mỗi người.

Nghe có người kỳ cạch trèo lên thang gác, rồi tiếng đội nắp cửa lên. Hẳn phải là khách quen. Rồi cũng chẳng ai để ý. Bóng tối vẫn âm u trầm lắng lặng.

Người ấy nhô đầu, nhìn quanh một lát cho khỏi quáng mắt rồi vịn phản đến chỗ chúng tôi. Chẳng rõ mặt mũi, nhưng thấy trên đầu trắng trắng vành khăn ngang. Biết rồi. Lại cái anh đã vung ba-toong giơ nắm đấm hô ủng hộ đám biểu tình của chị em tiểu thương chống thuế, ở cửa chợ Đồng Xuân, mặc vôi rồng đội xếp phun nước vào mặt. Bây giờ thế này đây.

Như Phong "à" một cái, không nghe rõ là thở dài hay tiếng kêu nhận ra hẳn. Người chít khăn ngang ngả vào giường chúng tôi, anh cứ tự nhiên kéo một điều rồi nằm yên thưởng thức hơi thuốc ngấm vào mình. Nghe chừng một lát mới lại hơi, rồi nói rầu rầu nhỏ nhỏ:

- Bố tao chết đã được một tuần. Biết tin thế, mà chẳng cách nào về được.

Im lặng.

Như Phong mở ví, nói:

- Này, cầm tiền về mà làm ma cho bố mày.

Người ấy nhét tờ giấy bạc vào ngực áo, rồi lại ngóc cổ lên, tay đặt vào dọc tẩu, tay xoe tiêm trên đèn sắp sửa làm điệu nữa. Cái môi thườn ra, nhầy lên một màu đỏ khát trong ánh đèn dầu lặc lờ mờ.

Như Phong dăng cái tẩu rồi thông thả nói từng tiếng:

- Mày xin tiền tao để làm ma bố mày đã mấy lần, quên rồi à? Tao bảo cho mày biết lần này là lần cuối tao thí cho, từ nay mà mày còn mở mồm ra xin tiền làm ma bố nữa, ông đập vỡ mặt, biết không!

Người ấy thản nhiên cầm lại cái tẩu, về điệu thuốc, có lẽ là điệu sái, anh ta vừa mới tự tiêm xong. Hút đoạn rồi chiêu một ngụm nước, nằm im, ngửa mặt lên.

Bỗng rên rỉ anh ta ngâm:

Tự quân chi xuất hỹ

Bất phục lý tàn ky

Tự quân như mãn nguyệt

Dạ dạ giảm thanh huy

(Thơ Trương Cửu Linh, đời Đường)

Dịch nghĩa: Từ khi chàng ra đi. Thiếp không còn lòng dạ nào sửa sang lại khung dệt dờ. Nhớ chàng chẳng khác mặt trăng tròn. Từng đêm, từng đêm hao mòn vẻ trong sáng.

Tiếng ngâm thơ hay tiếng rên, tiếng khóc, tiếng ô hô bố chết mẹ chết đằng sau lưng. Hay là tiếng cái thằng chính trị vô một thời viết báo lăng nhăng lại đến.

Không biết tiếng gì, và không liên quan đến câu Như Phong chửi thằng này. Chúng tôi mặc nó đấy. Chúng tôi lật đặt xuống cái lỗ cửa thang dựng đứng.

Rồi có bao lần Như Phong trở lại cái tiệm hút phố Mã Mây ấy, không biết. Nhưng viết về Như Phong mà nhờ tôi không kể lại cái lúc anh đã nói như những câu tát vào mặt đau đớn khủng khiếp đến như thế với cái thằng mất tinh thần “bố chết không biết bao lần”, thì thật không phải với anh.

Đứng trên bờ sông, chỗ cột Đồng Hồ trông xuống bãi, Như Phong hỏi tôi:

- Mày có được tin tức gì không?

Những câu hỏi han như thế thường hay xảy ra sau những chuyện đau lòng tương tự vừa rồi. Chúng tôi vừa kinh rợn quanh mình, vừa mong ngóng, chờ đợi một cái gì, một khoảng trời xanh.

Một hôm, Như Phong lên nhà tìm tôi, anh lấy trong túi áo ra mấy tờ in litô bé bằng bao diêm, bìa đỏ nhạt “Chương trình và điều lệ Việt Minh”.

Chúng tôi nhìn nhau, không nói. Lời nào hơn được khoảng khắc im lặng này. Vẫn là mảnh trời xanh vô cùng chờ đợi ngoài cái cửa sổ gác xếp tù túng của một lớp trẻ trong một tình thế sôi lên giữa cuộc sống thật va cái chết tan rã.

Mùa thu 1944 Như Phong và tôi bị bắt. Bị bắt lần thứ hai, nhưng Như Phong vẫn thế. Bình tĩnh can đảm, không hoảng hốt, không khai. Được tha ra lại lao vào cơn lốc những ngày chuẩn bị Tổng khởi nghĩa ở Hà Nội.

Đêm 17 tháng 8 năm 1945, Như Phong cùng đội tuyên truyền xung phong Hoàng Diệu võ trang đột nhập ba nhà in báo hàng ngày, các tờ Tin mới, Đông Pháp và cả tờ Bình minh thân Nhật. Những đội công nhân cứu quốc các nhà in này đã sẵn sàng. Các báo đều phải in trang nhất bài tường thuật Như Phong viết về cuộc mít-tinh ban chiều của công chức biến thành mít tinh ủng hộ Việt Minh ở quảng trường Nhà hát Lớn.

Cũng trên trang nhất, Việt Minh thành Hoàng Diệu ra lời hiệu triệu toàn thành võ trang xuống đường ngày hôm sau: mười chín tháng tám.

NHỮNG GƯƠNG MẶT - CHÂN DUNG VĂN HỌC

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

7. Trúc Đường:

Trúc Đường, tác giả chín kịch bản sân khấu về đề tài lịch sử: Nguyễn Trãi Hoàng Diệu, Bà đô đốc áo đỏ, Khuôn mặt đời Trần, Tấm vóc đại hồng, Thái hậu Dương Vân Nga, Quang Trung đại phá quân Thanh...

Hơn bốn mươi năm về trước, khi anh Trúc Đường dạy học trường Hà Văn, một trường tư trong thị xã Hà Đông, đây là ông giáo còm, còm tiền và còm gù cả lưng mà lũ đàn em chúng tôi hay đến quấy nhiễu quá nhiều.

Ông giáo dạy tư Nguyễn Mạnh Phác lấy việc gõ đầu trẻ nuôi miệng. Nhưng rồi Nguyễn Bính từ quê lên ở hẳn với anh, sau khi được giải khuyến khích về thơ của Tự Lực văn đoàn. Cái vinh quang ảo ảnh xui chàng thanh niên bỏ làng lên "kinh thành gió bụi" chứ có ăn thua gì đâu. Bọn chết đói dở, Nguyễn Bính, Thâm Tâm, Trần Huyền Trân, lại còn cả một lũ cùng trường phái thơ văn với nhau, nào Trần Nhân Cư ký ga Đầu Cầu, nào Trần Hồi (làm thơ ký là Jeannine Lệ Thủy!) vốn sống nhờ vợ bán thịt lợn chợ Hôm, nào các Tản diệt Nguyễn Tố, Nguyễn Tuất, Phan Như chạy hiệu xuất bản... Chúng tôi cứ đông dài đầu đầu đến lúc không đào ra được một tiếng tử tế lại mò về báo hại anh Trúc Đường.

Tất nhiên, thầy giáo trường tư hay ông ký công nhật nhà in Trúc Đường cũng chỉ có thể đãi được bữa cơm rau dưa hay mỗi người một bát phở trộn cơm nguội, chẳng hạn.

Ba năm trở lại đất Hà Đông

Người cũ cô Oanh má vẫn hồng

Tóc vẫn bỏ lơi răng vẫn trắng

Vẫn ngồi bên cửa liếc qua song

Mã vẫn vô tình với khách thơ...

Cái cô Oanh con cái nhà ai ở thị xã thật tình cũng chẳng quen thuộc và đàng đối gì với cuộc sống khó khăn từng ngày của bọn thất nghiệp dở này. Cả thơ, cả người cũng chỉ phất phơ bóng gió đầu đường mà thôi.

Thế mà như thật. Một hôm, vào lúc chập tối, đương đi ở phố hàng Bông, Nguyễn Bính bấm tôi: "Oanh đấy! Oanh đấy!". Tôi nhòm sang bên kia hè. Trời ơi! Oanh! Thiên tình sử Ngâm miệng nào nùng của Nguyễn Bính đăng nhiều kỳ trên báo Tiểu thuyết thứ năm: Tâm hồn tôi chỉ là bình rượu nhỏ... Rót lẫn lẫn

rót mãi xuống nàng Oanh... Bây giờ gặp Oanh đây... Một cô con gái hình như mặt tròn như chiếc bánh đúc, chít khăn sa tanh đen, kiểu các cô bán cau khô, hàng xén chợ tỉnh, mà cái chàng "khách thơ" Nguyễn Bính đâu có quen người ta cho cam! Hình như chỉ biết là con ông ách, ông quản hay bà giáo, bà ký gì ở tỉnh lỵ. Thế mà cứ rồi cả lên.

Đã có lần tôi có nhận xét trên Tạp chí Văn học về những sự việc và con số không đúng trong một cuốn từ điển các tác gia Việt Nam trong đó có chỗ về Nguyễn Bính. Sách nói Nguyễn Bính đi Nam tiến 1945 rồi tham gia kháng chiến ở Nam Bộ. Đúng, Nguyễn Bính tham gia kháng chiến ở Rạch Giá. Lời bài nhạc Tiểu đoàn ba lẻ bảy thơ Nguyễn Bính mà Quốc Hương đã hát một cách hết sức trầm hùng, cả nước đều thuộc.

Rồi Nguyễn Bính ra tập kết. Nhưng không phải Nguyễn Bính đi Nam tiến thời kỳ Tổng khởi nghĩa, mà anh đã có mặt ở Cần Thơ rồi Rạch Giá và là một trong những nhà thơ kháng chiến có tiếng nhất ở Nam Bộ.

Và ở thời kỳ đầu, trên chiến trường Nam Bộ, thơ Nguyễn Bính có ảnh hưởng nhiều trong hơi thơ Huỳnh Văn Nghệ, Bảo Định Giang, Xuân Miến, Hoàng Tố Nguyễn, Vũ Anh Khanh...

Quãng những năm 1940, đói rách cả rồi, ở lại Hà Nội ăn bám anh em mãi không còn được, đành phải kéo nhau đi kiếm ăn nơi xa xôi. Lúc đầu thì ba người: Nguyễn Bính, Vũ Trọng Can và tôi. Bạn bè lại phải làm một cuộc đưa các Kinh Kha sang Tần ở ga Hàng Cỏ lần nữa. Lần này những ba Kinh Kha! Anh Trúc Đường cũng đi tiễn chúng tôi.

Ghé xuống Thanh Hoá trước tiên. Ở Thanh, lại ăn vạ người ta, đến nỗi bạn bè không kham nổi, phải tổng tiền lo cho ba xuất vé tàu hoả vào Sài Gòn. Nhưng lại xuống Huế. Vào Huế cũng sống vật vờ như ở Thanh.

Thỉnh thoảng, Nguyễn Bính gửi thơ về Hà Nội. Những bài thơ Xuân tha hương, Xuân vẫn tha hương... Nguyễn Bính viết. Hồi ấy, Trúc Đường cho đăng báo Đàn bà rồi gửi liền nhuận bút vào. Nhưng thơ làm sao nuôi nổi người, huống chi lại những ba người. May nhờ có các bạn yêu thơ Lữ bước sang ngang mà chúng tôi vẫn thất thểu dưới nước và trên bờ sông Hương được. Rồi gặp may, có họa sĩ Nguyễn Đức Nùng đương dạy vẽ ở Huế.

Thời ấy, bất cứ ai đi làm cho nhà nước, đem so với nghề còm cõi khác, thì cũng gọi là ung dung hoặc có máu mặt đôi chút. Văn thơ là việc đông dài lông bông, không được gọi là một nghề. Thế là chúng tôi đến ăn bám cô nhà anh Nguyễn Đức Nùng ít lâu. Tôi cũng không nhớ được ai mách báo, một hôm lên chơi với sư chùa Trúc Lâm. Nhà sư trí thức Thích Mật Thể, tu tại đấy. Rồi lại không biết làm sao mà Vũ Trọng Can nảy ra sáng kiến đọc sách Phật rồi cặm cụi viết quyển Tinh thần Phật giáo (Nhà xuất bản Đời Mới ở Hà Nội đã in). Sư Thích Mật Thể nuôi Vũ Trọng Can ngồi tại chùa viết sách Phật. Thế là Nguyễn Bính và tôi cũng được nuôi lây. Chúng tôi ở yên chùa Trúc Lâm có đến hàng tháng, cũng đến ngày phải đi khỏi Huế. Nhưng lần này tôi đã thoái trí lang thang cầu bơ cầu bất, tôi trở về Hà Nội.

Hai người ở lại Huế. Không biết có phải chuyến ấy Nguyễn Bính ghé Bình Định chơi với Yến Lan và hai anh đã cùng viết kịch thơ Bồng giai nhân không. Mới đây, tôi được Yến Lan nói là khi ấy Yến Lan đã

ra Huế vở kịch thơ được viết và diễn lần đầu tiên ở Huế, đông người xem mà bị coi như thất bại vì nhiều nỗi.

Cuối năm 1943, lại gặp Nguyễn Bính ở Sài Gòn - chuyến này tôi lấy vé đi tàu suốt đường hoàng. Ngày ngày ăn cơm thối. Hôm nào có tiền đi uống rượu quán cháo cá Chợ Cũ. Nhưng xem ra Nguyễn Bính có vẻ ung dung. Chẳng cần đoán thì cũng biết bạn bè nuôi thôi.

Không biết bạn còn những ai nữa, nhưng Nguyễn Bính đưa tôi đến làm quen với nhà thơ Việt Châu, người có đạo Hoà Hảo- tác giả tập *Lông ngỗng gieo tình* mới in.

Người anh của Việt Châu đi làm cho hãng buôn Nhật, có tiền và sau này vào đảng thân Nhật.

Chúng tôi hẹn hụt nhau một chuyến đi Hà Tiên, rồi thôi, tôi lại trở ra Hà Nội.

Tôi phải lan man "chuyện ngày xưa" một chút về Nguyễn Bính. Bởi vì làm sao mà hai anh em ấy khác nhau và cũng giống nhau thế. Trúc Đường được học hết bậc trung học thời Pháp. Nguyễn Bính, chẳng biết có ngồi xong cái lớp bét trường huyện không. Mỗi người một tính, một nết, một hoàn cảnh khác nhau.

Trúc Đường đứng đắn, chăm chỉ, mực thước, nhũn nhặn. Nguyễn Bính hoang toàng, khinh bạc, tự cho "tài mình phải được cung phụng", mà đời (bạn) không nuôi thì chửi. Bởi vậy, với Nguyễn Bính chúng tôi thường cứ vừa mến vừa thương lại vừa giận, anh Trúc Đường thì thật bao dung và quý tài em. Không khi nào Trúc Đường đi chơi bởi hát xướng phá phách như em, nhưng bao giờ anh cũng thương yêu em. Vì thế nên khi ở Hà Nội chúng tôi mới theo được với Nguyễn Bính về ăn hại "phá nhà" anh được.

Cái hồi Trúc Đường thôi dạy học ở Hà Đông- tôi không nhớ năm nào, anh ra Hà Nội làm tuần báo Ích hữu của nhà xuất bản Tân Dân với Lê Văn Trương.

Làm báo ở ban biên tập có lương hăn hoi, chứ không chỉ gửi lai cảo ăn tiền bài mà thôi, anh còn dạy thêm chữ Pháp cho một người bà con trên phố Bờ Sông. Bấy giờ, tôi cũng đương ham hố viết văn. Thăng Đào Hanh ở Bờ Sông bảo tôi: "Ông Mạnh Phác làm báo Ích hữu đấy". Tôi đã phục lắm.

Ở báo Ích hữu giữ một mục, như kiểu mục "Lọng cụt cán" của Tam Lang báo Tin Mới. Mỗi kỳ anh phác hoạ chân dung châm biếm, cười cợt một nhân vật xã hội, anh ký tên thật là Mạnh Phác. Thành thạo, có in một truyện ngắn, kịch ngắn.

Ích hữu ra đời được ít lâu thì báo chết. Trúc Đường tìm được việc sửa bài nhà in tại nhà in Lê Cường phố Hàng Bồ. Hồi này anh thuê nhà ở Nam Tràng, chỗ những phố ngắn ngụi giữa cái bán đảo nhô ra hồ Trúc Bạch trong Ngũ Xã.

Tôi quen Nguyễn Bính thời kỳ ấy. Vì thế mới biết anh Trúc Đường.

Tôi nói tôi được biết anh Trúc Đường, tôi chỉ biết Trúc Đường, bởi cho tới khi anh đã về già và tôi

cũng đã già, làm sao tôi vẫn cứ cảm như đối với nhau vẫn như ngày ấy, anh ấy bao giờ cũng là đàn anh bọn chúng tôi. Không bao giờ trong công việc trước tác, anh bàn một câu nào với chúng tôi. Chúng tôi cũng không hề hỏi. Chỉ biết với nhau là anh đi làm, có khi mình túng thiếu, cho mình nương nhờ được, anh là nhà báo, nhà văn, có “học cao”, có nghề nghiệp. Bao giờ cũng nể bậc anh, không kéo bè kéo lũ lông không chơi bời, chẳng khi nào “phùng trường tác hí” với chúng tôi cả. Chúng tôi kính trọng anh từ cung cách ăn, ở, đi đứng. Đi làm đúng giờ giấc. Về nhà, ngồi vào bàn bật đèn sáng, đọc sách, viết văn.

Tôi chỉ biết có thế. Nhưng một điều tôi biết hơn là từ ngày ấy, anh đã viết kịch. Và viết nhiều. Tôi đã trông thấy bản thảo những vở kịch dài từng tập giấy trên bàn anh. Hồi này, Vũ Trọng Can đương viết truyện ngắn. Thấy Trúc Đường viết kịch, anh chàng này cũng học đòi. Nhưng rồi thế nào mà kịch Biển lặn của Vũ Trọng Can được diễn ở nhiều nơi. Vũ Trọng Can lại có cả một cái kịch dài tên là Cái vạ in nhiều kỳ trên báo Ngày nay của Tự Lực văn đoàn. Bài được in báo Ngày nay là sang trọng lắm. Còn kịch Trúc Đường, chỉ xếp trên bàn, chẳng thấy tăm hơi ở đâu in, ở đâu diễn.

Trúc Đường kiếm sống bằng nghề sửa bài cho nhà in Lê Cường, anh còn kiêm làm báo Đàn bà của Thụy An. Cũng là tình cờ mà làm báo ấy. Chỉ vì báo Đàn bà in ở nhà in Lê Cường.

Nói về cái nghề làm báo ở Hà nội mấy năm rồi ren này thật phức tạp và mĩa mai. Phức tạp vì những âm mưu của Pháp, của Nhật, chúng nó chui vào làng báo, có tay chân có mưu đồ khác nhau. Mĩa mai, vì thời ấy phần nhiều làm báo cũng như đi buôn chạy hàng xách mả thôi.

Theo luật lệ của Pháp: có ra báo mới được mua giấy cung cấp theo giá nhà nước qui định (rẻ hơn giá chợ đen). Nhiều người xin giấy phép ra báo, mua được giấy, bán ngay giấy đi: chỉ tìm cách sắp chữ in vài tờ gởi lưu chiếu. Báo Đàn bà của Thụy An không hẳn làm như thế. Nhưng nó cũng chỉ in số lượng ít. Chủ báo đem giấy bán buôn cho lái. Trên báo Đàn bà còn có một mục lạ kiểu hơn tất cả các báo lúc ấy. Đó là mục nhắn tin mua hàng hộ bạn đọc. Các bà các cô đọc báo Đàn bà có thể là người phong lưu. Ở tỉnh xa, gặp thời buổi chiến tranh, cái gì cũng khan hiếm. son phấn vải vóc và mọi thứ trang sức đều khó tìm khó mua. Báo Đàn bà đứng ra làm việc ấy, môi giới hoặc mua hộ rồi thiển tiền hoả hồng. Cái mục mua hàng giúp bạn đọc mỗi kỳ dài mấy cột chữ không ít!

Chủ báo Đàn bà thuê Trúc Đường cáng hai trang văn thơ ở giữa báo. Vì vậy, thời kỳ này, ở Huế hay ở Sài Gòn, nhiều thơ Nguyễn Bính gửi về báo Đàn bà ở Hà Nội. Trúc Đường viết truyện, nhà xuất bản Lê Cường đã xuất bản tiểu thuyết Nhan sắc của Trúc Đường.

Ngày, nay, Trúc Đường là một tác giả nổi tiếng kịch đề tài lịch sử của văn học Việt Nam. Nhưng thời ấy, kịch chỉ là một nghề chơi, dẫu rằng nghề chơi cũng lắm công phu. Ở thành phố, mà cũng chỉ Hà Nội là chính, người ta chơi kịch chứ đâu có nghề kịch, nghệ thuật kịch. Mà nghề chơi, thì đến tay chơi lọc lõi như Thế Lữ, Đoàn Phú Tứ còn chật vật, huống chi lại chân chỉ hạt bột như Trúc Đường thì mọc mũi sủi tăm làm sao.

Có người bây giờ cứ nghe mang máng ngày xưa mỗi năm, những đêm mở đầu mùa kịch (mùa thu, như bên Tây) các tác giả kịch mời bạn bè đi xem tổng diễn tập không khí huy hoàng, từng bừng làm sao? Có phải thế không? Tôi cũng là bạn bè một vài kịch gia như Vũ Hoàng Chương, Vũ Trọng Can, có được hưởng ít nhiều cái “hân hoan” ấy trong đêm mở đầu mùa kịch. Tôi cũng nghĩ bây giờ ta nên cải tiến sao cho những đêm duyệt kịch phải là những đêm làm việc mà vui, thật vui, như đêm chờ đợi đứa con ra đời.

Nhưng tôi cũng phải kể thêm là không phải "ngày xưa" mở màn mùa kịch chỉ có phần khởi rồi rủ nhau "xuống xóm" làm châu hát kỷ niệm. Cái nao nức ấy phần nhiều cũng nằm trong ao ước và tấm lòng của tác giả và bạn bè. Còn phải kể đến một việc tày đình phải lo, đấy là Tây có nhòm ngó và có cho qua hay không, rồi diễn cho khách xem không, hay chỉ đông khách vì giấy mời như đêm Bóng giai nhân ở Huế.

Còn nhớ, năm ấy, anh em chúng tôi ở trong làng hay tổ chức những đêm kịch cón con ở sân đình. Tuy vậy cũng tự đặt tên cho oai là Nghĩa Đô kịch đoàn!

Kịch diễn sân khấu giữa trời người xem không mất tiền nên đứng chật cả cửa đình. Chúng tôi diễn Toà án lương tâm của Vũ Đình Long, Không một tiếng vang của Vũ Trọng Phụng, Tấm lòng vàng của Nguyễn Công Hoan. Năm trước, diễn Biển lận của Vũ Trọng Can và Gái không chồng của Đoàn Phú Tứ. Người xem đông và mọi sự đều ổn. Lần này, quan đồn Bưởi không để yên cho. Đêm ấy mà không buông phông sớm mà chuồn đi (vì có một chú lính khố xanh tốt bụng ra mách), nếu cái nhân vật ông già loà mắt lại ồm nặng của Vũ Trọng Phụng trong Không một tiếng vang mà thẳng Điều đóng cứ nằm còng queo giữa sân khấu kêu khóc, chửi rủa lão chủ đến đòi tiền nhà thêm lúc nữa, thì chắc hẳn là bọn chúng tôi phải vào nhà giam trong đồn đêm ấy. Chỉ có một tên khố xanh đã có thể tóm cổ cả bọn được, còn đến mặt thám duyệt vở, duyệt sách thì bỏ tù như bõn chứ gì.

Ấy mặt nọ còn có mặt kia là thế.

Cái khó nghề kịch ngày nay đã không kiếm ăn nổi, lại còn nói người ta có để yên cho hay không, làm sao có Trúc Đường được. Mà chỉ đến ngày nay Trúc Đường mới trở lại viết kịch và thực sự trở thành kịch tác gia.

Trong kháng chiến, Trúc Đường về quê ở Nam Định, anh làm báo Công dân của Uỷ ban kháng chiến tỉnh. Các bạn làm báo Công dân với Trúc Đường, các anh Lộng Chương, Phạm Lê Văn, Chu Hà, Trần Lê Văn, Bùi Hạnh Cẩn... đã gần gũi và cộng tác cùng anh ở Liên khu Ba.

Mặt trận lan rộng, cuộc kháng chiến trên vùng đồng bằng sông Hồng gay gắt dần lên. Theo đuổi kháng chiến hay trở về các thành phố bị chiếm: mỗi người công dân đương đứng trước một thử thách lớn.

Một số như Vũ Hoàng Chương. Đình Hùng đã về Hà Nội trong những giờ phút quyết liệt này.

Khi ấy, nghe tin Trúc Đường đã thoát khỏi vòng vây những cuộc càn quét của địch vào Thái Bình, anh đưa gia đình chạy lên ngược, vượt đường số 6 dày đặc đồn bốt, tới được Thái Nguyên. Rồi Trúc Đường

cùng vợ con vào cư ngụ trong Khe Mo vùng đồi huyện Đồng Hỷ. Sốt rét, rùng rã ốm cả năm trời.

Nhưng anh Trúc Đường đã ở Đồng Hỷ suốt cho tới kháng chiến thành công. Trúc Đường đã ở với gia đình một người em đã lên đây từ ngày trước cùng làm ruộng sinh sống. Thực sự, anh trở thành người nông dân.

Nhưng ở nơi đồng đất bán sơn địa, không thể mỗi chốc làm chơi ăn thật, như dưới xuôi. Ruộng trầm, ruộng dốc, đất hoang... Bà con trong làng nhường cho một phần, vợ chồng bỏ công khai phá. Nơi cấy lúa nước, lúa nương, nơi trồng chè, trồng thuốc lá.

Cuộc sống ruộng vườn chợ búa qua ngày, nhà tranh vách đất. Có lẽ hai chữ tên biệt hiệu "Trúc Đường" của anh lúc này mới thật đặc ý. Như mọi nhà trong cuộc kháng chiến, Trúc Đường đã gánh vác việc nhà việc nước bình thường, bền bỉ và kiên nhẫn của một người công dân chân chính, cũng như cả triệu triệu công dân từ Nam chí Bắc.

Kết thúc chiến dịch Điện Biên Phủ, Hà Nội được giải phóng, Trúc Đường trở về.

Hình ảnh một người anh chân chỉ, đức độ từ ngày nào ngày nào ở Ngũ Xá, tới hôm nay, tôi vẫn hình dung ra nguyên như thế.

Nhớ như thế, lại nhớ Trúc Đường đã đeo đuổi viết kịch từ thời trai trẻ. Có lẽ những vở kịch ấy, anh đã vứt đi cả rồi. Nhưng, không phải ngẫu nhiên khi có tuổi anh mới viết kịch, anh đã say mê kịch từ khi mới cầm bút. Cái thiết tha và tâm sự ấy ít anh em bạn trẻ bây giờ biết, và chỉ đến khi sân khấu cách mạng đã đưa nghệ thuật và thể loại kịch Việt Nam trở thành một bộ môn văn học và nghệ thuật không thể thiếu, Trúc Đường mới đạt được mơ ước của đời mình. Nếu như trước kia, kịch chỉ là chơi kịch - thật sự ngày ấy chúng tôi nói là "chơi kịch", Trúc Đường cũng chưa chơi nổi kịch.

Trúc Đường, con người với quyết tâm và sự dùi mài của anh và sân khấu đã tạo thành kịch tác gia Trúc Đường của đề tài lịch sử trong nghệ thuật sân khấu Việt Nam.

Còn nhớ một đêm, vở Tấm vóc đại hồng của Trúc Đường diễn ở hội trường Ba Đình. Có lẽ đêm ấy tác giả hào hứng lắm, anh giục tôi phải đi xem.

Nửa đêm ra về, trên đường Điện Biên Phủ lá đa rụng xào xạc thành tiếng lẫn ánh điện và bóng trăng.

Tôi nhận ra sức mạnh sáng tạo của Trúc Đường, sở trường dựng những nhân vật lớn như Trần Thủ Độ, Lê Hoàn, Quang Trung... những quang cảnh lớn: Hội thề Đông Quan, cuộc tụ nghĩa Lam Sơn, điện Diên Hồng.

Đề tài và người viết như cá gặp nước. Trúc Đường đã đặt ra được nhiều giải pháp mới cho lịch sử, nổi bật như vấn đề Dương Vân Nga.

Và ở kịch Trúc Đường, lại còn thấy những vương vấn, băng khuâng, những thiết tha thấp thoáng trong bóng trúc, ngõ tre, trên đò ngang bến nước. Một cô gái canh củi. Một ông tiều. Một quán bên đường. Những vai phụ, những nhân vật không có tên của Trúc Đường đều ý nghĩa lạ lùng. Chỉ một cảnh thoáng qua nhưng lại là một nét phước may của người đàn bà họ Dương vốn tài sắc kiên nghị.

Tôi tưởng như đây cũng là, đây mới là, ở đây có tâm sự người viết. Người viết nào chẳng gửi gắm vào sáng tác niềm vui, nỗi hờn của tâm sự của tấm lòng vào một cảnh, một người, một vấn đề. Cái lớn của sự sáng tạo được góp lại từ mảnh trấu, một hạt kê, và từ những đam mê, những thương cảm đến không bao giờ nguôi của người nghệ sĩ. Với Trúc Đường là cái bóng của hình ảnh vách trúc nhà tranh đơn chiếc... những hoài vọng không bao giờ còn... Khóm trúc thêm tuôn dòng lệ cũ. Con thuyền đấy là Trúc Đường ư?

Một hôm, tôi nói với anh như vậy, anh cười hiền lành như mọi lúc, rồi bảo tôi: "Thằng này thế mà quái". Tôi hiểu có thể là anh có ý khen.

NHỮNG GƯƠNG MẶT - CHÂN DUNG VĂN HỌC

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

8. Nguyễn Bính:

Nhà thơ Thâm Tâm giới thiệu cho tôi quen với Nguyễn Bính. Những năm ấy Nguyễn Bính đã được giải thưởng thơ Tự Lực Văn Đoàn và đương đăng nhiều thơ trên tuần báo Tiểu thuyết thứ năm. Tôi chỉ mới viết vài truyện ngắn đầu tay.

Ở cái nghề báo, nghề văn bát nháo hội này, lắm người vừa cầm bút, lại làm áp-phe, làm du côn, vay chẳng, chơi bừa, tổng tiền, ăn tiền mặt thám, người ở lẫn với ma, người nửa người nửa ma, không biết thế nào, cho nên cách người ta làm quen với nhau cũng lắm sự lạ. Có thể trông thấy thì quay mặt đi, lỉnh ngay. Có thể khệnh khạng không thèm giơ tay đáp lễ. Có thể xông luôn đến cho một cú “thôi sơn” quai hàm, mạng mỡ. Lại có thể sụp xuống, chắp tay "đại huynh mới là thiên tài, hân hạnh... hân hạnh...". Tôi biết như thế thôi. Chứ tôi mới cầm bút, được làm quen với một bạn viết nào cũng là điều mình n jng mới. Và với Nguyễn Bính, cũng thấy dễ chịu ngay, anh nhà thơ này dường như cũng tàng tàng, cảnh mình.

Còn nhớ Nguyễn Bính mặc bộ quần áo tây trắng đã tã, gấu quần và ống tay áo lờm sờm như tóc tai, anh không cặp mấy quyển sách gì đó như một của những người viết trẻ lúc ấy. Nguyễn Bính lại còn cầm một hộp sắt tây màu đỏ lựu- cái hộp đựng bánh bích quy.

Nhưng đây là cái hộp không đựng bánh. Những chiếc hộp này và những cái vo chai thường thấy các bà "chai bao chè đồng nát" mua ở các nhà Tây vứt đi, bồi bếp nhật bán rồi người ta quảy đi bán rong ở các phố ta.

Tôi chưa hiểu Nguyễn Bính có cái hộp bích quy đựng gì.

Bắt tay rồi, Nguyễn Bính hỏi tôi.

- Này, có tiền không?

Như đã biết nhau từ bao giờ. Tôi cảm động được anh hỏi han thân tình như thế. Tôi mỉm cười. Thế là, cũng chẳng đợi tôi trả lời, có lẽ cái cười hiền lành của tôi đã khiến anh thấy tôi sẵn sàng, anh sai luôn:

- Vào nhà bánh giò "Đờ-măng" chỗ kia, mua dăm chiếc nhé, năm chiếc cũng không thừa đâu. Từ sáng, tớ chưa được miếng nào vào bụng.

Hàng bánh giò ngon có tiếng, ở xế cửa toà báo hàng ngày Trung Bắc tân văn gần vườn hoa Cửa Nam, bên cái nhà gì của Tây mà người ta gọi là nhà "Đờ-măng" và cũng thành tên hàng bánh giò cạnh đấy.

Nhưng cũng không phải Nguyễn Bính không có đồng nào trong túi. Buổi trưa oi nắng ấy, chúng tôi đem cả xôi bánh rúc vào một tiệm thuốc phiện đầu phố Nhà Hoả. Nguyễn Bính và Thâm Tâm không ai nghiện, nhưng đi hút, đua đòi đi hút cũng là một thói của thời thượng. Chúng tôi đánh trần ra, ngồi châu rìa quanh tấm phản gỗ trong bóng tối ẩm thấp trần nhà bọc nhật trình thấp gần đụng đầu của cái tiệm hút cà khố, vắng ngắt, thế mà dường như chẳng ai biết nóng bức thế nào. Kéo xong một điếu, Nguyễn Bính nằm gối đầu lên chiếc hộp bánh quy, mắt môi nháy lên, rợn như mắt mèo.

Chỉ một lát sau, tôi đã biết được sự tích cái hộp bánh quy, khi Nguyễn Bính ngồi lên, vuốt ve, xếp đặt lại các thứ trong ấy. Đây là bản thảo những bài thơ của anh và những bức thư tình, một hộp thư tình. Tờ trắng, tờ xanh, vết tay mồ hôi mờ đọc đi đọc lại đã về vệt cả. Bao nhiêu thư của một mối tình, của những mối tình, anh xếp chặt cái hộp. Có điều chắc chắn đây là những cái thư cũ và những người ta ở những đâu đâu ấy đã "cho rơi" anh rồi. Chỉ còn lại những lá thư trong hộp. Cơ chừng, mỗi lúc canh tàn rượu tỉnh, lại lôi những của oan trái giới ời trong cái hộp gối đầu ra.

Bây giờ nghĩ lại những ngày ấy, đứng ở góc nào mà ngắm, khi vui khi buồn cũng thế, chỉ rệt một màu ảo não, mặc dầu khi đó chúng tôi đương vào lứa tuổi đôi mươi và mỗi bài thơ, cái truyện ngắn viết ra, các "thiên tài" lại bốc nhau lên mây, mặc dầu những cuộc chơi nghiêng lệch cả đêm ngày, bằng tiền của ai không biết, như lũ thiêu thân lao vào ánh đèn, chúng tôi đi, cứ đi, không biết đi đến đâu, bởi chẳng biết đi đến đâu cả. Không phải tôi nói bóng gió cao xa về sự nghiệp, về lý tưởng mà tuổi trẻ đi tìm. Tôi chỉ so sánh mọi việc bình, thường ở mỗi con người. Người ta tuổi đương độ, ai mà chẳng ao ước được sống tử tế, trai có vợ, gái có chồng. Nhưng, với biết bao người, đây chỉ là cơn mộng. Không biết nhà thơ Nguyễn Bính tích được đến mấy chiếc hộp sắt đựng thư và thư tình của những ai ai đã tơ vương với anh, để anh cặp nách cả, cái hộp kỷ niệm tha đi từ bắc vào nam, nhưng suốt một thời thanh xuân, tôi cũng chưa thấy anh một lần nào lấy vợ. Dẫu cho những bức thư tình kia là những bằng chứng sống về lời thề sông cạn đá mòn, có lúc dọa cắt tóc đi tu và uống thuốc phiện dấm thanh cho chết, nhưng chẳng có người con gái nào yêu thơ rồi say mê người làm thơ đến bỏ nhà đi theo không. Còn anh chàng thì không làm sao lo nổi tiền cưới, ở cái thời mà những thói tục phiền nhiễu và đồng tiền to hơn nghìn vạn lần tình cảm và tóc thề, trắng thề của con người.

Tôi nghĩ mãi cũng không ra được câu trả lời nào khác hơn là đem cái kết luận dung tục, phủ phàng kia mà phủ lên những mối tình xếp vào hộp gối đầu của kẻ si tình. Nhưng mà tuổi trẻ vẫn nhớn như những gặp ai tìm ai. Chán nằm trong cái ngõ Sơn Nam tiểu thuyết Sau ánh sáng nhà Trần Huyền Trân chỗ Cổng Trắng Khâm Thiên, lại xuống ăn báo một người bạn chài lưới yêu thơ ở đầm Linh Đường, rồi đến nhà Chu Ngọc "mà ai cũng tá túc được" ở phố Hàng Đồng, rồi có khi kéo lên Nghĩa Đô. Những lúc ấy tưng bấn nhất. Chơi bời có bao nhiêu, nhưng ở đâu cũng không vùng vẫy khỏi cái cảnh tương tự ngày ngày ra bờ sông Tô Lịch mua xu rau muống, có hôm xin được mớ rau của cô bơi thúng hái rau sinh hảo tâm bởi đã thuộc lòng cả bài Lữ bước sang ngang.

Mà mãi mê đến thế. Tối đến, hình như mọi việc mới bắt đầu. Chúng tôi với Cường và Lập mấy anh em trai làng lại nhớn khắp vùng đến rạc cảng. Các làng Bưởi làm nghề giấy, từng dây tàu seo đêm seo đèn, từ

đọc bờ sông vào suốt dãy làng Đông sang Cầu Sau, ra hồ Tây. Ánh đèn quang treo giữa lều tàu, những cái đèn chai xách lúc hết seo, như đom đóm bay. Những chàng trai, những Cường. Lập và cả Nam Cao lộ mặt ra trong ánh đèn thấp thoáng, tiếng cái khuôn liếm khua vào thành tàu đã kiệt nước đổ rả rích lẫn liếng cười canh khuya, như xé cơn buồn ngủ của những cô thợ seo. Chỉ có thể mà cứ sẵn đón nhau suốt, đêm nào cũng như đêm nào.

Lại nhớ những hôm rét mướt vào áp Tết, chúng tôi chen chúc ngồi đánh tam cúc trong ổ rơm. Đánh chơi ăn đẹt mũi, búng tai mà thôi. Những cô Tý, cô Mơ, cô Hứa - gái làng canh cửi, thuộc Kiều lạ cũng thuộc cả quyển Lữ bước sang ngang. Khi cười thì cười ngật nghẻo tít con mắt lá dăm. Tưởng như dứt cơn cười, những cô gái đa tình ấy vứt cả lồng tơ khung cửi mà đi theo cái anh làm thơ tài đến thế. Nhưng cũng chỉ vậy thôi.

Những ngày lang thang, những thất vọng và vô vọng bất đắc dĩ. Ở đâu cũng thế. Lại cái lần đi Sài Gòn với Vũ Trọng Can tìm Nguyễn Bính - lại "chữ một đi không bao giờ về". Chẳng phải qua sông Dịch đâm chém ai đâu. Ấy mượn câu thơ xưa để nói bóng cho đẹp và buồn cái nỗi chỉ xoay được tiền vé tàu hoả đủ suất vào đến Sài Gòn mà thôi.

Có lẽ đây là một việc làm ngỗ ngược và ngậy ngô nhớ đời, mà ý nghĩa của nó thật bao thâm thương.

Ở trên tàu bước chân xuống ga xe lửa Mỹ giữa thành phố. Chẳng có người quen đến mức phải ra ga đón và trong túi không đưa nào còn một xu. Chợ Bến Thành với cái bãi Bùng Binh trước mặt, người ăn uống rào rào như tắm ăn rồi. Làm thế nào được bây giờ? Rồi tìm được Nguyễn Bính. Nhưng cũng đương ăn nhờ ở đậu.

Vũ Trọng Can nghĩ ra một kế hay hay. Mắt anh trở ra, ngơ ngác một cách hồn nhiên.

- Ở mà phải như thế. Sẽ làm ra tiền, có tiền hăn hoi. Chúng ta sẽ diễn thuyết thu tiền nhé. Đúng, diễn thuyết thu tiền. Cả ba thằng lần lượt sẽ diễn thuyết. Tổ chức diễn thuyết thu tiền người đến nghe. Được lắm chứ.

Nguyễn Bính hay cợt nhả, như thói quen của anh:

- Ủ, cũng được, như đi hát xẩm. Không phải xẩm mù, mà xẩm chợ. xẩm sáng. Còn thiếu cái nón, cái nón ngựa ra, hay là làm cái nong cho người ta ném tiền thưởng vào.

Vũ Trọng Can không chấp câu mỉa mai, lại hăng hái hơn:

- In vé, in vé. Ta sẽ bán vé. Có người bán vé cẩn thận. Một công việc lương thiện.

Vũ Trọng Can còn cắt nghĩa nhiều lần, trong khi chúng tôi không tỏ ra vồ vập, cũng không phải là ngãng ra. Viết sách, viết báo, bán chữ lấy tiền, thì người ta có thể bán nói. Thế rồi làm thật. Vũ Trọng Can đã tìm được một người bạn làng, anh Nguyễn Văn Tập. May mắn sao anh Tập đã sốt sắng tận tình lo liệu cho

cuộc diễn thuyết kiếm ăn này. Một tập vé từng tờ con con như cái vé chợ, vé xe điện. Trong đó là những hàng chữ in: "Sáng ấy... sáng ấy... từ giờ... tại rạp Thành Xương, văn sĩ Vũ Trọng Can, tác giả truyện ngắn Màu hoàng yến đã đăng trên báo Ngày Nay của Tự Lực Văn đoàn, mới ở Hà Nội vào nói chuyện về... Kính mời... Giá vé...".

Nơi diễn thuyết tại rạp Thành Xương mới ghê! Tuy vậy, những rạp hát vào buổi sáng thường bỏ không. Giá thuê rạp chẳng bao nhiêu. Nhưng bởi vì chẳng có cách nào - nghĩa là không đào đâu thêm tiền, cho nên không thể thuê đăng báo hay in cáo bạch. Chỉ viết được hai tờ quảng cáo rồi thuê chỗ mà dán vào tấm bảng gỗ cổng rạp và ở Bung Binh cửa chợ. Trước giờ sớm hôm ấy, mỗi người chúng tôi cầm một nắm vé, đi các phố xung quanh, từ đường Ga-li-ê-ni sang ga xe lửa, chợ Bến Thành, đường É-t-banh, hễ thấy người nào ăn vận vẻ chững chạc dân thành, bèn chìa xấp vé ra: "Mời thầy đi nghe diễn thuyết... Văn sĩ... Giá vé một cắc, có một cắc thôi mà... Xin mời..."

Tôi không thể hình dung lại được cái quang cảnh cuộc diễn thuyết lấy tiền có một không hai này ra thế nào. Cả đến hôm ấy Vũ Trọng Can nói những gì, cũng không nhớ. Nhưng tôi lại nhớ như nguyên vẹn lộn xộn từ hăng hái đến rầu rĩ của luôn mấy hôm. Chúng tôi chia ra, người đứng cửa bán vé, người soát vé, người mời khách vào. Diễn giả ra đứng ngay trước cửa, tóc chải bi-ăng-tin uốn lượn, thắt chiếc cà-vạt màu hoàng yến. Từ ngày Vũ Trọng Can có cái truyện Màu hoàng yến đăng báo, anh hay đeo cà-vạt màu hoàng yến, mỗi lần lại phải đi mượn, mà cũng cứ cầu kỳ khó nhọc thế.

Diễn thuyết bán vé, kể cũng thật lạ và hình như chẳng mấy người, bước vào. Ở nách rạp Thành Xương có cái trường nữ học, Nhật đã đóng, có lính ngự Ẩn gác cổng mà người ta gọi là lính oản Bô(1). Hai người lêu đêu mặt bồ hóng, đầu quấn khăn thường, tay cầm chiếc côn gỗ, thơ thẩn nhìn người qua lại. Người đi chợ, người đi đường tò mò xúm xem mấy "anh chín" quấn khăn có phần đông hơn người vào rạp. Chốc chốc, hai cái đầu xe lửa kéo lũ toa ngược xuôi chạy rầm rầm ngoài kia.

Tôi chỉ nhớ bằng cái cảm tưởng nhộn nhạo buồn bã như thế. Không nhớ được hôm ấy đông hay vắng, vé còn ế một xấp hay mấy xấp. Nhưng không bao giờ có buổi diễn thuyết thứ hai, thứ ba mà chúng tôi cũng phải đăng đàn như Vũ Trọng Can đã dọa. Chỉ một buổi ấy thôi, một buổi ấy thôi. Đây cũng là một điều quả nhiên không vui vẻ như ý rồi.

Chỉ đi ăn vài bữa cơm thối, bấy giờ cơm thối còn là loại cơm mạt hạng rẻ nhất như cơm đĩa bây giờ, lại đã hết tiền. Ngày ấy, cặn túi lăm mới phải đi quán cơm thối của mấy chú chiệc Chợ Cũ. Cơm thối chưa cầu kỳ lắm món. Có một xu cơm ca la thầu với nửa xu canh cải cúc - như hàng cơm đầu ghế ở các cổng chợ ngoài Hà Nội.

Thế rồi chúng tôi lại chia tay. May mà cũng êm ả, không có xô xát, cũng không cãi cọ to tiếng cẩu xé nhau, đánh nhau như thường cái cảnh bè bạn mỗi người mỗi ngã khi đương cơn túng bấn.

Vũ Trọng Can và tôi lại trở ra Hà Nội.

Nguyễn Bính trôi nổi trong ấy cho tới 1945 rồi đi kháng chiến.

Năm 1976, tôi trở lại Sài Gòn. Năm ấy anh Nguyễn Văn Tập còn sống, anh vẫn nghèo, làm ăn nhí nhằng như ngày trước. Tình cờ, tôi đi nhậu với Nguyễn Quang Sáng và Đoàn Minh Tuấn. Gặp anh trong cái quán thịt chó gần chợ Đũi mỗi tuần chỉ bán có ba buổi ở hẻm đường xe lửa của một bà già người Bắc xưa kia làm ả đào, anh Tập ngồi ăn một mình, cái ô đen dựng cạnh bàn, anh móm hết răng, chỉ còn nhai bằng lợi được món ăn dựa mạn quá lửa. Tôi hỏi vui về cái ngày anh in vé giúp cho Vũ Trọng Can diễn thuyết tang thương ấy. Cũng là bên chén rượu, hoài cổ chơi thôi.

Anh lắc đầu, anh nói anh chẳng nhớ. Có lẽ anh vẫn nhớ - trí nhớ người ta khi trẻ thường nhớ dai, nhưng dường như anh không muốn nhớ; chẳng còn hào hứng nói lại nữa. Cũng như những chuyện bông lông chìm nổi như trên về Nguyễn Bính có thể kể hết đêm, trời sáng rồi trời lại tối, câu chuyện lại bắt đầu, những thương đau của đời người trong xã hội ấy bao giờ cạn được.

Chỉ biết cái thời ấy nó thế. Muốn có miếng cơm tử tế mà không được, muốn yên thân cũng không thể yên. Chứ đâu phải bệnh giang hồ - đấy là những lời đẹp tự trang trí hoa mỹ mà thôi. Chúng tôi chưa ai nghĩ có khi nào có thể có một cái xe đạp. Ôi chao?

Tất cả những điều ấy sống trong mộng mị và đã thành thơ. Từ cuộc đời phũ phàng đến thế, từ những ước ao thực như thế, đã thành thơ. Đấy cũng là tâm sự, là mộng của vô vãn người trong xã hội lúc ấy. Điều đó nói được tại sao thơ Nguyễn Bính nhiều người đọc, nhiều người thuộc. Bạn đọc và người thơ đã gặp nhau, hai người cùng sống trong thơ, cái làng Thiện Vịnh trong thơ Nguyễn Bính cũng chỉ là một bóng mơ. Làng Thiện Vịnh thật có giữa vùng chiêm khô, mùa thối đất Nam Định, đâu đâu cũng xơ xác, nước trắng đồng, gió lùa sóng đồng cồn lên, quẩn lại, lật thuyền mảng, cả đến người ra cứu lúa cũng chết đuối. Mỗi năm, mỗi mùa, biết bao người đã bỏ làng đi tha phương. Nhà thơ bó gối nhìn vào trong đêm. Chỉ nghĩ lại cũng đã se lòng. Nhà thơ tưởng tượng, trên những khổ cực ấy, phấp phới những lúa tuổi đương tơ, hoa cải vàng thàng chập, mưa dây mưa dợ, trang rằm sáng như ban ngày và những đêm chèo hát...

Thơ là niềm khát khao, là ước nguyện của con người. Khi chưa quen Nguyễn Bính, tôi cũng không thật hiểu được những bài thơ viết về đồng quê của Nguyễn Bính và cũng chưa phân biệt được đâu là chút lòng mộc mạc thiết tha của người làm thơ, đâu là cái hoa hòe hoa sói của chàng trai quê ra tỉnh. Rồi mỗi khi gặp chính trong cuộc sống khốn khó hàng ngày tháng như chẳng liên quan gì đến những bài thơ quê đẹp nổi như lụa của Nguyễn Bính, tôi lại rõ ra ý nghĩa sâu thẳm của mỗi câu thơ với quê hương. Chỉ có quê hương mới tạo nên được từng chữ, từng câu Nguyễn Bính. Trên chặng đường ngót nửa thế kỷ đời thơ, mỗi khi những gấn bó mồ hôi nước mắt kia đầm lên, ngáy ngất, day dứt không thể yên, khi ấy xuất hiện những bài thơ tình tuyệt vời của Nguyễn Bính.

Những lịch lãm, những trải biết con người tất bật giữa cuộc sống bon chen cùng với những lặn lội từ tấm bé đã làm cho Nguyễn Bính thành con người như mọi con người, con người của làng xóm cả đời trong lũy tre, nằm mơ có quyền sách ước gối đầu mà những điều to tát nhất cũng chỉ là ba gian nửa lá, giàn đỗ ván,

cái chuôm, tháng chạp chuôm cạn nước thì cấy cần. Mộng đẹp nho nhỏ ấy cũng chưa bao giờ có được cho riêng mình.

Thì trong thơ có cả.

Nguyễn Bính chẳng khác một người tài kể chuyện, cứ nhẩn nha nói về mọi cái quen thuộc quanh mình mà khiến ta phải chú ý. Ở mỗi làng quê, thường thấy những bác thợ cày, thợ cối, thợ rèn, thợ ngoã, bà hàng nước nụ vối, nước chè tươi, hầu như vùng nào cũng có những người giỏi đặt vè, nói tiểu lâm, pha trò kể chuyện khéo đến đôi “con kiến trong lỗ cũng phải bò ra”, ai cũng thích nghe, ví như cuốn truyện hay, đọc chẳng bao giờ muốn thấy trang cuối, Nguyễn Bính là một người tương tự. Cái thần của sáng tạo chính là cũng ở một người ấy, việc ấy, cảnh ấy, ngòi bút đã tìm ra những dáng vẻ riêng biệt, trong khi ta trẻ nải nhác qua, chẳng thấy khơi gợi được điều gì mới mẻ khác lạ.

Con người Nguyễn Bính trông lom lam lăm. Tay chân thô nhám, quềnh quàng, lúc nào cũng lừ đừ thùng thình, như “ông từ vào đền”, như người thông thả đi giữa làng. Lại lam lũ như vừa lướt lướt từ đồng sâu mà lên, dầu cho anh đương mũ áo chững chạc trên đường phố. Khi nào anh cũng là người của xứ đồng, của cái điều bay, của dây hoa lý, của mưa thưa, mưa bụi giữa mọi công ăn việc làm vất vả sương nắng. Bởi đây là cốt lõi cuộc đời và tâm hồn thơ Nguyễn Bính.

Quê hương là tất cả, mà cũng là nơi in đậm dấu vết đời mình. Ở Nguyễn Bính, tình quê là hình bóng đất nước, những nơi anh đã đặt chân với vô vãn kỷ niệm và quê anh cũng là vùng chiêm trũng mênh mông Phú Xuyên, Bình Lục, Ý Yên, Vụ Bản - cái rốn nước đồng bằng sông Hồng, ở đấy, nhà thơ thân thương của chúng ta đã lênh đênh thân con cò, con diệc đồng sâu.

Sức mạnh sáng tạo của Nguyễn Bính cũng từ nơi đồng đất trắng trời, trắng nước này. Làng Thiện Vịnh, làng quê chôn rau cắt rốn của anh, cái làng đồng trũng mà chắc đến mùa nước thì con đường, con đê lên huyện kia chỉ còn là một sợi chỉ mỏng manh bên làn nước giữa gò đất, bờ bụi, tre pheo. Sao mà cái lần tôi về Thiện Vịnh hôm ấy lắm gió thế, gió trên đồng đêm ngày giật lên, gào lên từng cơn. Làng nước xám ngắt, quang cảnh tiêu điều lam lũ, ám đạm, nheo nhóc.

Thế mà:

Bữa ấy mưa xuân phơi phới bay,

Hoa xoan lớp lớp rụng rơi đầy.

Tâm vóc thật, tâm vóc mỗi câu thơ Nguyễn Bính.

Trong cuộc sống triền miên đồng trắng nước trong cả đời người ta vẫn đợi chờ mong ngóng những rộn ràng óng á của một Hội chèo làng Đặng đi qua ngõ. Tinh thần và triết lý ấy, nhìn suốt đáy thơ Nguyễn Bính - thấy được từ mỗi ước vọng hàng ngày của người ta. Tài năng và sức mạnh sáng tạo của nhà thơ là một

với cội nguồn thơ. Từ những dẫn vật, những mơ tưởng nhỏ nhoi đọng lại. Mùa này mất trắng lại mong cho đến mùa sau được thấy mặt hạt thóc. Cái cùi rêu trôi qua ngoài sông, không vớt được, cũng tiếc. Vợ chồng cãi nhau, người vợ ôm mặt, than thở: "Giá như ngày ấy tôi theo cái người dưới Đông thì chẳng đến nỗi nào, khổ cái thân tôi...". Hoa xoan và mưa bay giữa hội chèo làng Đặng đã sinh ra từ những chuyện như thế. Người ta than thân trách phận, nhớ tiếc, ước ao, ở giữa làng mà tưởng như quê mình tận đâu đâu kia.

Được như thế mới là Nguyễn Bính. Thơ và cuộc đời, những con người và cuộc đời. Nguyễn Bính biết làm thơ từ bé. Vừa thuộc mặt chữ đã đọc ra thơ, tài năng thơ bẩm sinh. Cho đến khi thành những bài thơ đầu tiên, những bài thơ hay nhất của. Nguyễn Bính.

Thật rõ ở Nguyễn Bính, năng khiếu trong thơ được khơi từ cuộc sống chân thực, lý trí và bản năng nhà thơ hoà một tấm lòng, khi ấy thơ Nguyễn Bính tuyệt trần.

Hôm nay dưới bến xuôi dòng

Thương nhau qua cửa tò vò nhìn nhau

Anh đi đấy, anh về đâu?

Cánh buồm nâu, cánh buồm nâu, cánh buồm...

Nguyễn Bính kể những câu thơ anh viết ở Thái Nguyên. Cũng chẳng ai chờ đợi, chẳng có dò có bến, chỉ là tưởng tượng ra sự chờ đợi cho được có nỗi nhớ nào viết chuyển này rồi bỗng bênh đi đâu. Tình cảnh tang thương của một lớp người. Chuyển lang bạt kỳ hồ ấy cũng không khác mọi cuộc đi kiếm ăn. Nguyễn Bính có người anh em lên vỡ đất làm ruộng trên Thái Nguyên. Thuở ấy, lên đến vùng chè Đồng Hỷ, Tân Cương đã là vào đất đồng rừng xa xôi và người đồng chiêm tìm lên đường ngược vào ở đời như thế, làng nước xót xa cho con người phải bỏ làng đi quê người.

Thế mà lại còn phải đi theo những người tha phương, xem may ra kiếm được việc, có tìm được chỗ ngồi bảo học kiếm cái ăn. Nhưng mà cũng lỡ, lại đi.

Bỏ đất quê, lại nhớ đất quê, đi đâu cũng lẻo đẻo, thui thủi một nỗi buồn. Những cái gì không tới được thì nhớ. Những ước vọng thiết tha và xót xa ấy gắn bó trong tâm hồn người làm thơ.

Nguyễn Bính làm thơ thật nhiều. Và sinh sống bằng thơ. Dẫu gặp mọi khốn khó, phải long đong chạy vạy, nhưng Nguyễn Bính vẫn lần hồi có cái ăn do tiền bán thơ, chứ không chỉ nhờ bạn bè hoặc phải lấy tay khác nuôi thơ, trong khi nghề viết thời ấy chưa hề được coi như một công việc ngay ngắn, mực thước.

Tinh hoa của tài năng con người nảy nở vào một khi sức lực nhất - có thể chỉ nổi lên ở một bài thơ, thậm chí ở một câu thơ. Một văn tài lỗi lạc đến mấy cũng không thể cả đời lúc nào quanh mình cũng lung linh hào quang những sáng tạo tầm cỡ. Sức mạnh sáng tác cũng ví như sức khoẻ con người, không phải và không thể lúc nào cũng sung sức nhất được.

Nguyễn Bính chỉ thật riêng một góc trời ở những bài thơ với những mảnh đất quê. Trong đời thơ của anh, đáng lẽ đến hết thời kỳ hồn nhiên năng khiếu phải được nâng cao hơn nữa - như bây giờ ta nhận xét hoặc nói cách khác, sự rèn luyện tâm hồn và ngòi bút phải được, cái tài trời phú lên hơn, mới bồi đắp được độ, bền và sức sống của sáng tạo. Nguyễn Bính không tới được cơ hội ấy. Dù trong kháng chiến và cho đến bài thơ cuối cùng, Nguyễn Bính vẫn thường viết về quê hương, nhưng tình hoa chỉ có một thời, và thời ấy đã qua rồi.

Nhưng thôi, chẳng nên nhận xét thơ và công việc làm thơ của Nguyễn Bính với con mắt sắp đặt trong sự việc hôm nay. Tìm ra cái tình hoa của Nguyễn Bính, hãy trở lại cuộc sống và thơ từ ngày ấy.

Khi tâm hồn và sự chân thực đi cùng thơ, Nguyễn Bính đạt tới sự toàn bích. Rồi Nguyễn Bính bôn ba đây đó Hà Nội và Sài Gòn, rồi cuộc sống tự nhiên thế nào, mà Nguyễn Bính trải biết đều phản ánh trong thơ anh.

Nguyễn Bính không cắt nghĩa được số phận đời người và đời mình ở những nơi đó. Nguyễn Bính cũng không bao giờ biết như thế, không bao giờ biết mình đã phí hoài những chân chất tình quê, thơ anh lạc vào những "bụi kinh thành", "vua nước Bướm" "hồn trinh", "mây Tần", "đốt đường sạn đạo". Anh ngỡ đấy là thiết tha, nhưng thật ra, lại là hời hợt. Ở Nguyễn Bính, mỗi khi thơ sa vào câu chữ sẵn lại chính ở những bài thơ tình yêu "một nghìn cửa sổ", "mười hai bến nước", những bài thơ "bụi bậm kinh thành". Tôi nhớ lại. Ở quảng phố gần vườn hoa Cửa Nam, lần đầu tiên gặp anh với chiếc hộp bích quy đựng thơ và những bức thư tình. Bao nhiêu cuộc tình tưởng nào nùng tê tái kia chẳng qua chỉ là hờ hững và nó đã đẩy thơ anh ngoi ngóp vào những đau thương hình thức mà thôi.

Thơ và cuộc đời ràng buộc nhà thơ. Trước sau và mãi mãi, Nguyễn Bính vốn là nhà thơ tình quê, chân quê, hồn quê.

Thơ Nguyễn Bính, một trường thơ. Một khoanh tre trong lũy tre làng thơ. Có thể dễ dàng nhận thấy hiện tượng ấy ở thơ của anh và bè bạn anh trước cách mạng và thơ Nguyễn Bính trên sách báo những ngày đầu kháng chiến tại các chiến khu Nam Bộ.

Đây cũng là thực tế phong trào thơ mới phát triển đa dạng trước và sau những năm 1940. Thơ Việt Nam ở thời kỳ này hoàn toàn đổi mới. Các nhà thơ mới đã nhanh chóng chiếm được trận địa thơ với sự chấp nhận, cổ vũ và tin yêu của mọi người đọc thơ. Không phải bằng chiến công những cuộc tranh cãi, mà bằng sự ra đời những bài thơ dân tộc. Nghiễm nhiên, tức khắc "thơ mới" bay vào quỹ đạo thơ, thơ Việt Nam.

Thơ Nguyễn Bính là một nhánh hoa trong trào lưu cách tân thơ. Và cùng với Nguyễn Bính, xuất hiện một trường thơ, một phái thơ.

Còn nhớ, vào mùa sen, có khi cả phiên chợ Mơ, chúng tôi về ở trong cái lều canh sen trên hồ Linh Đường, phía nam thành phố. Chúng tôi đọc thơ rồi cãi nhau về thơ. Chúng tôi chế giễu cuộc thi thơ bất cứ

có đầu đề và hoạ vần "Nghìn năm văn vật đất Thăng Long" mà rải rác còn có báo đăng, như những bài thơ chết đuối. Chúng tôi công kích những bài thơ son phấn màu mè cầu kỳ một câu cộc lốc và những bài bắt chước "mười hai chân" Tây của Nguyễn Vỹ.

Bài thơ Chân quê của Nguyễn Bính không phải chỉ là đôi lời than thở của anh ả gặp chị ả nào đó. Chân quê đã tuyên bố quan điểm của phái thơ này trong trào lưu thơ đương rầm rộ:

Hoa chanh nở giữa vườn chanh,

Thầy u mình với chúng mình chân quê.

Hôm qua em đi tỉnh về,

Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều.

Tôi đã được thấy như thế ở thơ và hành động trong đời làm thơ của Thâm Tâm, của Trần Huyền Trân, các bạn thơ Nguyễn Bính. "Đưa người ta không đưa qua sông"... và "Nhớ nhau vầy bút làm mưa gió"... Những áng thơ phảng phất "thét roi cầu Vĩ" kỳ thực mang trong lòng hình ảnh tâm sự của người, cầm bút thời đại, giữa khi cả đất nước và dân tộc đương chuyển biến.

Ở trường thơ ấy, mỗi người thể hiện một phong cách. Thâm Tâm và Huyền Trân sừng sững và cũng cô đơn như gốc đa, con đò một mình. Nhưng Nguyễn Bính in đậm ảnh hưởng vào thơ của các bạn bè, vang vọng dư âm trong lòng một lớp độc giả rộng rãi.

Không phải ngẫu nhiên mà Nguyễn Bính đi vào kháng chiến ở Nam Bộ. Bởi đây là triển vọng của những điều mơ ước về quê hương.

Chú thích:

(1) Sanda Bô, bù nhìn Ấn Độ theo phát xít Nhật

NHỮNG GƯƠNG MẶT - CHÂN DUNG VĂN HỌC

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

9. Trần Huyền Trân:

Có lần, trên hồ Tây, Nguyễn Huy Tưởng đã hỏi Trần Huyền Trân:

- Tại sao cậu lại dùng cái bút danh khăn yếm như thế, dấu cho đó là tên một tuyệt tác giai nhân?

Câu hỏi cũng là một nhận xét. Nhà tiểu thuyết lịch sử ấy đã thấy gợn gợn khi xem ra cái tên kiều diễm không hợp chút nào với dáng dấp con người nhà thơ

Trần Huyền Trân, nước da bánh mật, ánh mắt thăm thẳm và cặp này xếch, từ thuở nào tới giờ vẫn dường như khắc khổ, nhưng lại trang nhã và phảng phất vẻ gì giảng gió.

Trần Huyền Trân chỉ lặng lẽ mỉm cười.

- Ô, cái nàng công chúa Huyền Trân nhất thực đa tình nọ nào có bận đất đến nhà thơ của chúng ta.

Người con gái tài sắc phải bán mình sang Chiêm để cho vua cha được người la dăng đất châu Ô, châu Ri. “Nước non ngàn dặm ra đi... Mượn màu son phấn, đến nợ Ô Ly... Thế rồi cái anh chàng tướng trẻ tài hoa Trần Khắc Chung kia phụng mệnh sang Chiêm cứu nàng khỏi bị nạn thiêu sống bởi phải chịu tang chồng, đã dùng mưu đưa được người đẹp từ giàn lửa ra bờ bể làm lễ chiêu hồn ở ven trời". Rồi lại cướp được Huyền Trân thoát xuống thuyền. Con thuyền trở về lênh đènh mãi ngoài khơi qua những cửa Thần Phù, Tuần Vương bao nhiêu tháng, bao nhiêu lần mà cố tình vẫn chưa nhìn ra đường nước vào bến. Đôi trai gái đã để lại thế gian một trang tình sử cực nào nùng.

Ai đếm được, làm sao kể xiết biết bao nông nổi đẹp và buồn trong đời tình của mỗi tuổi trẻ. Thuở ấy có người mê thơ Trần Huyền Trân, nhiều năm ròng, bàn tay yêu kiều ở một thị trấn trung du ủ bóng đời cọ đã thêu những bài thơ Trần Huyền Trân trên lụa, chữ lụa. Năm tháng qua đi, “Mặt nhau chưa từng biết. Tiếng nhau chưa từng nghe” (Trần Huyền Trân) chẳng khi nào ai biết ai. Nhưng biết rằng thế là đã gặp những chiêm bao không gì sánh nổi, không bao giờ có được.

Ai còn nhớ những câu thơ "trở lại vườn Thanh có một mình" quãng 1937 ở cái khi mà những người yêu của chúng tôi chắc hẳn các cô còn vắt vẻo tóc bỏ đuôi gà và chưa biết tía lông mày.

Người ấy thường hay vuốt tóc tôi

Thở dài những lúc thấy tôi vui

Bảo rằng hoa giống như tim vỡ

Anh sợ tình ta cũng thế thôi!

Có lần tôi gắng hỏi Thâm Tâm, nhưng con người bé nhỏ âm thầm mà gai gạnh ấy chỉ nói: "Vườn Thanh là Thanh Giám, chứ không phải xứ Thanh đâu. Lại càng khó hiểu hơn.

Trên gác báo Bút Hà, - Trần Huyền Trân thuê lại báo của ông Bùi Đức Dậu, làm được mấy số - phố Cao Đắc Minh trông sang Thanh Giám Văn Miếu. Bãi cỏ bậc thềm bậc đá, tường gạch vỡ, mái ngói rêu phong, những gốc đề, gốc muỗm cổ thụ và sự vắng lặng. Câu chuyện tình u ẩn mà nhiều báo nhiều thời bàn tán nào Hai sắc hoa ti-gôn, nào T.T.Kh, nào Thâm Tâm và Khánh, là hai người ấy hay là ai. Những éo le mơ hồ, các anh Thanh Châu, Thâm Tâm, Trần Huyền Trân, Nguyễn Bính - những đồng tác giả câu chuyện tình huyền thoại ấy hôm nay cũng còn có bạn có thể kể lại rành rõ được (hay là người ta cứ muốn để mờ ảo mãi như thế), tôi không quan tâm, mà chỉ muốn mách các bạn: không phải chỉ Nguyễn Bính làm thơ về T.T.Kh, mà riêng nhà thơ Trần Huyền Trân có đến bốn bài thơ viết ở "vườn Thanh". Những bài Thưa bà - 1938 (Gửi một bà yêu thơ), Tiếng đàn đôi ta - 1938, Có những mùa đông - 1939 và Trưa ấy qua rồi - 1939, đều viết ở Thanh Giám.

Và bài thơ sau cùng Trưa ấy qua rồi miêu tả tâm sự "trở lại vườn Thanh" của Trần Huyền Trân có những câu:

Bây giờ năm tháng vô duyên quá

Em đã theo những bên cát xa

Đò đã sang sông, chèo lái mới

Sao còn khua bóng mãi thơ ta

Ai vẽ giùm tôi một buổi trưa

Bối, trời mây gió đến đem cho

Một hy vọng lao từ đâu lại

Giấu o trong lòng mấy tiếng thơ

Thanh Giám 1939

Bạn yêu thơ chắc, còn nhớ những "sang sông, sang ngang", "bốn trời", và "bến cát xa" không phải của riêng Trần Huyền Trân. Hình ảnh những chữ mệnh mang man mác ấy cũng thường thấy ở thời kỳ ấy trong thơ và tên bài thơ, tên truyện ngắn của Thâm Tâm, của Nguyễn Bính.

Đó là những câu chuyện thơ mộng có và không có của một thời, của một lứa tuổi, một lớp người.

Cái bút danh Trần Huyền Trân cũng thế, đây là sự tích một thiên trong những pho tình sử náo lòng người thơ. Huyền Trân không bận, không dính dáng chút nào đến cô công chúa nhà Trần đan díu với Trần Khắc Chung mà Nguyễn Huy Tưởng đã hỏi. Huyền Trân này là cái tên của những ngày khốc liệt, oan nghiệt.

Ơi hỡi! Đứa con không có tên

Nằm trong xác bụng mẹ vô duyên

Con lên mầm sống trong lòng chết...

(Cái thai hoang, 1942)

Ngày trước, Trần Huyền Trân có viết một tiểu thuyết tên là Sau ánh sáng. Những cảnh và người quanh phố Khâm Thiên trong tiểu thuyết được miêu tả như một tự truyện, những lều cá, những bè rau muống trên các ao chuôm, cổng rãnh khúc khuỷu cạnh ngõ Sơn Nam, ngõ Liên Hoa qua Cổng Trắng, sau ánh sáng của nơi ăn chơi nghiêng trời.

Thời ấy, những người cơ cực các nơi lên thành phố kiếm cái sống đều tìm chỗ trú ngụ ở vùng bãi sông Hồng và bám vào các rìa phố phường như thế. Sau lưng, phố Khâm Thiên đủ loại trác táng và bài bạc, những lầu xanh chỗ chơi của người phong lưu, nhà thổ đèn đỏ cho người kiết xác, các tiệm nháy Pa-gốt, Ta-na-ka, thời Pháp - Nhật. Nhưng ngay ở nơi mà hai chữ Khâm Thiên dễ làm cho người ta ngày nay tưởng ở đây chỉ rập những cảnh đêm ngày ném tiền qua cửa sổ, không phải, còn vô số những con người lênh đênh giạt đến các nhà hát làm đào rượu, một loại gái điếm chuyên đứng quạt, hầu rượu, ăn ghe rồi mặc màn ngủ vùi tiền khách làng chơi, những gái nháy bị đổ bệnh tim la, mọi số phận cùng đường.

Cô Hiền, cô Trần Nguyệt Hiền không phải gái giang hồ nhưng cũng ở trong cảnh lẽ mọn tương tự đám người có những cái tên hoa lá cành được khách làng chơi đặt cho, nào Mộng Điệp, Mộng Hồ, nào Tuyết Hấp, Tuyết Lành, Nguyệt Lìm, đại khái vậy.

Trần Huyền Trân gặp Hiền ở một nhà hát. Cũng không phải gốc gác "răng xưa vốn là người Kẻ Chợ" mà Hiền đã trôi từ đồng quê ra, có lẽ đã có lần đứng ở phố Mới buôn người đợi kẻ có tiền đến giắt đi làm con sen, con nụ cho những nhà giàu bạc ác. Rồi người ta thản nhiên tổng khứ con ở ra khỏi cửa, Hiền ra khỏi kiếp tôi đòi ở một nhà quyền quý kia với cái thai trong bụng. Xót sa, những con người lặn lội, cơ nhỡ gặp nhau. Hiền trở dạ. Chỉ có anh chứng kiến, một mình anh lo cho Hiền được mẹ tròn con vuông với đủ mọi việc: niêu nước tắm chườm, tiền đút nhà thương làm phúc, cái áo cũ xé làm tã và làm tờ khai sinh cho cháu bé. Chút thương đau chết đuối trong cảnh ngộ ấy của hai con người họ Trần giữa trầm luân đời người, đã khiến cho họ nghĩ ra cái dấu nổi đầm nước mắt. Trần nối với Trân bằng dấu huyền ở giữa là Trần Huyền Trân - cô bé con thiên hạ được khai sinh là con anh và tên là Trần Huyền Trân, đây là đứa trẻ tội nghiệp và là bút danh, tên thơ yêu dấu của anh.

Tên đứa trẻ và tên thơ tuyệt nhiên không ngẫu nhiên. Tính nhân đạo cao đẹp, Trần Huyền Trân tiếp thu

được do anh đã giác ngộ cách mạng. Cuộc đời luân lạc và ý chí, lý tưởng trong thời kỳ đất nước trải qua những hoàn cảnh hết sức lớn lao, mỗi người đứng trước cái sống cái chết trong giai đoạn khẩn trương cả nước, nhà thơ bất giác tự nhận ra mình và dặn đứa con không bao giờ gặp lại.

Rồi lớn lên con mở mắt nhìn

Khóc cùng bách tính sống như đêm

Nhưng không! Đừng khóc! Thán gân cốt

Ta bậc thang đời, con giẫm lên

(Cái thai hoang)

Tên thơ, ba chữ Trần Huyền Trân ra đời xiết bao tình nghĩa như thế.

Bây giờ cô bé Trần Huyền Trân năm xưa ở đâu nếu trời còn để cho chứng sống đến hôm nay, chắc đã nên bà.

Sau ánh sáng và Bóng người trên gác kính là tên những tiểu thuyết của Trần Huyền Trân. Những "sau" những "bóng", những chau mày hồi hộp và tiếng thở dài não ruột, những ảo tưởng, ước muốn.

Bạn tôi được sinh ra giữa thành phố, thật giữa kinh thành - hai chữ "kinh thành" du dương một cách vu vơ của mấy người cầm bút đói khát và lãng mạn, bởi nếu tôi có kể lể một chút về cuộc đời của bạn tôi giữa Hà Nội thì người đọc cũng chỉ thấy như câu chuyện ngổn ngang vướng vất heo hút đồng sâu nào chứ chẳng hề liên quan tới bóng dáng những kinh thành hoa lệ tưởng tượng kia.

Mẹ ở cữ anh ở khu nhà thương thí trong bệnh viện Phủ Doãn. Kể ra, cái năm 1913 ấy, người khốn khó mà được đến đẻ ở cái nhà thương làm phúc, không phải nằm ở trong xó buồng có bà già hàng xóm sang cầm chiếc que nửa soi đèn lên cắt rốn cho đứa trẻ, kể cả như tôi, thì cũng là may. Được may, cũng bởi mẹ anh làm "cu ly san" nhà thương Phủ Doãn. Trần Huyền Trân được mười tuổi thì bố chết, mẹ anh một nách nhếch nhếch bốn con mọn, trai có gái có, nhưng tất cả các em đã chết dần chết mòn hết. Làm thế nào lần hồi qua bước cơ hàn, người đàn bà "cu ly san" ngày ngày đi làm, tối tối đội cái thúng đi rao bán bánh khoai lang rán, mà khách ít tiền ăn quà gọi sang trọng là bánh dừa rán. Tiếng ời ời vào các ngõ phố quanh co đêm đông giá buốt sang đêm hè, quanh năm thế.

Nửa đêm kia, bà bị cảm giữa đường, tình cờ, một người đi làm khuya về nhìn thấy, vực bà lên, giúp tỉnh lại. Rồi bà lấy người đàn ông đã cứu bà. Nhưng oái oăm, cuộc đời vẫn chỉ như bước từ ngoài sân vào cái nhà đột, ông ấy vốn là cu ly khuân vác trên ga Hàng Cỏ, đã có vợ con. Cảnh đồ nát đụng nhau, làm không đủ ăn, lại eo sèo vợ lẽ con thêm, ông ấy đến dựng lều kéo vó kiếm thêm con tép com tôm ở Cổng Trắng sau lưng Khâm Thiên. Bà ở lều thả bè muống quanh cọc kiếm ăn bòn mót những chợ Hôm, chợ Đuối, đầu ô, anh sống lay lắt trên mặt nước với mẹ, cái lều kéo vó trong đầm nước cạnh Cổng Trắng đối với Trần

Huyền Trân chẳng phải chỉ là kỷ niệm buồn tủi một thời thơ dại, mà túp lều còn thực sự là nơi đi về sinh sống hân hoan cả về sau này, khi anh đã biết đi kiếm ăn, đã làm thơ.

Đi đâu thì đi, rồi lại chui lủi rúc ráy về đây. Cái lều kéo vó, hình ảnh hiện thực cuộc sống rách nát đã vào Trần Huyền Trân suốt cả đời thơ.

Mưa bay trắng lá rau tần

Thuyền ai bốc khói xa dần bến mưa

(Thu 1939)

Bạn bè đến với Trần Huyền Trân cũng tụ hội lênh đênh mặt nước, trong cái lều trước mặt có bốn chiếc gong vó chông lên trời. Mỗi lúc đi về lều bám ngón chân vào vấu cọc tre, khoá chân rửa rồi chui vào cái sàn nữa, những ngày gió bắc gió nồm chúng tôi nghe óc ách nước khua bốn phía phen liếp.

Mưa lũ ao bèo mưa trắng đêm

Cây bờ ngơ ngác nước đang lên

Lều tôi kiến đã rời lên mái

Bà lão chài lo chữa có thuyền

Vó nghèo được nước đã lê thê

Đàn cá giang hồ nhảy nhót đi

Cả cụm bèo xanh nằm cạn mãi

Cũng như cất cánh gọi không về

Tôi ở lều gianh Cống Trắng này

Trạnh lòng cá nhảy với chim bat

Đêm sâu kéo kệt ngư bà thức

Dăng phải hồn tôi một lưới đầy

(Một đêm Lều vó, 1940)

Gió ngớt khua lau dưới gập cầu

Người về gió lạnh bước thôi mau

Ngõ hoang đã nở dăm màu bướm

Đây lúc đôi mùa tiễn đưa nhau

Ấy lúc hồn hoa trở gót về

Thả đàn chim mộng xuống thâm khuê

Tôi nghe xa lắm làn mây trắng

Rời bóng kinh thành lững thững đi

(Đôi Mùa, 1940)

Hồi sau, anh thuê được một gác xép ở ngõ cạnh đấy, cùng một lối trổ xuống bến. Các bạn gọi một cách khoa trương là gác Sơn Nam, không phải Sơn Nam hoài cổ, mà các nhà trong ngõ cho thuê là của ông chủ Bạch Sơn Nam, nhiều truyện ngắn và thơ được đề một cách hoa mỹ “Viết ở gác Sơn Nam”, “ở đầm Liên Hoa” cũng chỉ là ở đấy. Những cái tên đẹp để chỉ là chiêm bao gửi mộng vậy, lẫn lộn, thực và mộng, cuộc sông gay gắt và hoạt động đời, đương đến với một lớp người.

Trong những năm Hà Nội dững cảm và quyết liệt sửa soạn Tổng khởi nghĩa, chính ở cái gác "Giường ken chiếu nổi xoay ngang dọc. Xương gối vào xương chằng đủ nằm” (Trần Huyền Trân, 1940) có những chuyển liên lạc của đoàn thể Việt Minh, mỗi giao thông đã đến gửi cán bộ trú tạm ở đấy. Ở mái lều vó ngoài hồ, Trần Huyền Trân đã gài báo và tài liệu bí mật mới nhận đợi chuyển đi. Đã có những lần anh Bé (một bí danh của Lê Quang Đạo, bí thư ban cán sự Đảng ở Hà Nội những năm ấy) đến với Trần Huyền Trân ở lều, ở gác Nam Sơn những ngày thành phố đen tối quẩn quai.

Thơ Trần Huyền Trân càng về sau càng gồ ghề sắc thái thời thế.

Thuở ấy ra quân lớp lớp dài

Mẹ già phẩy áo hẹn tương lai

Lòng con nằng giục mầm hoa lửa

Gió bốn phương lửa lộng chí trai.

(Lòng chiến sĩ, 1939).

Trông lên đèn cũng nở hoa,

Tưởng đâu trong ruột bắc già đượm hương.

Đèn soi giấy mực yêu thương,

Đón sang trang mới mở đường xuân đi

(Đêm trừ tịch, 1943)

Máu bốc lên! Hỡi anh em!

Chân trời đã rạng một nền tự do.

(Những người chưa chết, 1944)

Hiện tượng đó không phải bất chợt, mà đây là tâm hồn, sức sống và hành động đã quyện làm một trong thơ Trần Huyền Trân, ở các bài trên báo chí công khai và báo chí bí mật. Trong giai đoạn Tổng bộ Việt Minh kêu gọi toàn dân "đánh Pháp, đuổi Nhật tiến tới Tổng khởi nghĩa", Trần Huyền Trân đã sáng tác nhiều thơ và ca dao ký bút danh Đỗ Quyên, hoặc không ký tên. Như Phong và Nguyễn Huy Tưởng đến liên lạc lấy các bài ca dao của Trần Huyền Trân đem in trên các báo Cờ Giải phóng của Đảng Cộng sản Đông Dương và báo Cứu Quốc của Mặt trận Việt Minh, phát hành bí mật.

Một vẻ nhọc nhằn vất vả mãnh liệt từ đất đáy lên, nhưng lúc nào cũng vẫn như dang dở. Ở con người cũng như trong sáng tạo. Đây là cảm tưởng mỗi lần tôi nghĩ về bạn, không phải chỉ bây giờ, mà từ những ngày tôi thường lui tới với anh và Thâm Tâm ở ngõ Sơn Nam.

Cuộc đời điêu đứng từ trong trứng của con người lẫn lóc “từ buổi chân làm ngựa” (Trần Huyền Trân) để kiếm miếng sống, từ nghề gõ đầu trẻ tư gia và các trường tư còm cõi quanh quần Khâm Thiên, Ô Chợ Dừa, rồi làm ét thợ chiếu bóng vác cái phim Người kẻ cắp thành Bát-đa đi hầu khắp các tỉnh, tới Sài Gòn, sang Phnom Pênh. Thay đổi công ăn việc làm trên bước đường luân lạc chẳng qua chỉ xoay xoà đến thế, mà cũng không đủ miếng cơm manh áo. Những gian truân ấy càng đưa anh đến với những khao khát đời. Trong đời văn của một người có nghị lực tự học, Trần Huyền Trân đã trải đủ bước và bước lên từ những chập chững. Lúc đầu, anh viết loại truyện kiếm hiệp “tiểu thuyết ba xu”, viết lời ca cho “bài hát ta theo điệu Tây” ký Trần Kim thì cũng vẫn chẳng khác anh dạy trẻ học, làm thợ nguội, làm ét chiếu phim. Rồi dần dà anh viết truyện ngắn, tiểu thuyết, làm báo, làm thơ, hoạt động báo chí trên nhiều mặt.

Từ sau cách mạng cho tới nay, Trần Huyền Trân say mê sân khấu, viết vở và đạo diễn. sau cùng chuyên về nghệ thuật chèo mà tôi đã có duyên với anh trong vở chèo Giáng Kiều, Tô Hoài viết, Trần Huyền Trân chuyển thể.

Trong văn học, không thiếu những người có khả năng, đã thả sức vào hầu hết các lĩnh vực sáng tác. Khi đương xuân, phơi phới đi trong những thành quả, những nghênh đón, đôi khi chỉ một loạt vỗ tay cũng khiến được ta ngây ngất. Thế rồi, một lúc nào đấy nhìn lại mới chợt nhận ra dấu cho đâu cũng có mặt, nhưng

không ở đâu đọng lại được thành tựu thực sự. Mà sức lực đầu óc với tinh hoa sáng tạo thì không phải lúc nào cũng như nhau và thì giờ lúc xế bóng cũng chẳng còn bao năm.

Ở Trần Huyền Trân không có những biểu hiện đến đổi giật mình, như Cao Bá Quát xưa thờ dài "một đời đã phụ cả năm xe sách". Trong thơ và sân khấu, Trần Huyền Trân có đường nét sắc thái riêng biệt và hấp dẫn.

Nhưng mà làm sao tôi vẫn thấy ở Trần Huyền Trân chỗ nào cũng tưởng như đương còn dở dang, chưa hẳn đã tỏ rõ đầy đủ khí thế lẫm liệt có thật của anh, nhất ở trong thơ. Nếu ai đã đọc thơ Trần Huyền Trân dễ thấy có lẽ những bước nhảy vọt trên đường phát triển mà anh chưa sửa soạn, chưa có khai phá mới, luôn luôn mới mà lại tưởng chừng như bị đứt quãng, trong khi thật sự tiềm lực sáng tạo của anh hơn thế nhiều.

Đường thơ Trần Huyền Trân, nhật ký thơ Trần Huyền Trân có thể gọi như thế, với một phong cách tung hoành của người thơ cùng với quá trình phát triển và hình thành bước đường tư tưởng Trần Huyền Trân.

Từ mọi tâm tư giằng xé giữa đời vươn lên thái độ và trách nhiệm của con người trước vận nước Rồi trải hai cuộc kháng chiến. Rồi sự nghiệp xây dựng đất nước. Rồi tình cảm với con người và đất nước bạn bè không biên giới, ở Mát-xcơva, ở Xi-bê-ri, ở Beclin, từ những bài thơ đầu tiên 1938 đến bài mới viết năm 1980 ở Nam Đồng, vẫn một thái độ, một tấm lòng.

Đọc lại bản thảo thơ Trần Huyền Trân cảm thấy thật lạ lùng khi nhắm lại tưởng như mắt trông rõ được thơ anh quán quít với đời, từ đâu thế kỷ tới hôm nay.

Hầu hết cả đời anh đã đi về sinh sống ở một góc thành phố, từ khi lặn lội ao chuôm sau lưng Khâm Thiên sang Ô Chợ Dừa. Bao nhiêu năm rồi, bây giờ anh lại về ở Nam Đồng cũng trong vùng ấy. Ngoài song cửa hôm nay lưa thưa bóng trúc và xa kia nhấp nhô ánh nước ngát mùi hoa sen. Cụ bà sinh ra anh, "bà lão chài" xưa, tuổi ngót một trăm còn mạnh khỏe, cụ ngồi chiếc ghế đẩu ngoài hiên nhà.

Sự kiên nhẫn và thời gian không bao giờ phai mờ có thể là hình ảnh ví được với mạch thơ, hơi thơ Trần Huyền Trân gồ ghề, uy nghiêm. Như lời tựa thơ Trần Huyền Trân của Thâm Tâm:

Hôm nay

Thơ lên đường

Hồn chàng ra thiên hạ

Ta vừa nghe lã chã dòng sương

Ngâm thôi

Quăng bút cười ha hả

Đây một loài hoa khác hải đường.

Những câu thơ Thâm Tâm viết 1942 đề đầu tập thơ Trần Huyền Trân chép tay, tới nay vẫn là bản thảo chép tay đã bốn mươi tư năm, lạ thay.

Nhưng nghe sáng khoái đến tận bây giờ...

Đây một loài hoa khác hải đường.

NHỮNG GƯƠNG MẶT - CHÂN DUNG VĂN HỌC

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

10. Vũ Ngọc Phan:

Anh Phan, chị Phan

"Tôi viết thành cái truyện ngắn Nước lên hôm đi hộ đê ở Tứ Tổng về.

"Truyện ngắn này tôi gửi báo tuần Hà Nội tân văn.

Đây là tôi tả quang cảnh bi thảm của một năm sông Hồng nước lớn.

"Sau này, chị Hằng Phương kể cho biết truyện tôi viết vào giấy lèm nhèm, chữ tôi lại gầy nét rất khó xem. Chị tình cờ lấy trong đám truyện đã loại lên đọc và thấy đáng chú ý. Đây là truyện ngắn đầu tiên của tôi in trên báo mà được trả tiền nhuận bút. Hồi ấy không phải cứ có bài đăng báo thì toà báo đều trả tiền người viết như thế lệ bấy giờ. Toà báo chỉ trả tiền người nào được toà báo mời, còn như mình gửi bài "lai cảo" thì người ta đăng đến bao nhiêu bài cũng thế thôi.

"Vì đây là anh gửi cho người ta, chứ người ta có mời anh viết đâu. Bởi vậy, đồng tiền báo Hà Nội tân văn mở hàng cho tôi vào nghề và những quyển tiểu thuyết Đỏ và đen của Stăngđan, tiểu thuyết của Panai Istrati mà anh Vũ Ngọc Phan khuyên tôi đọc, đó là cái duyên duyên tôi vào nghề văn "(Tự truyện - Nhà xuất bản Văn học (1976).

Bạn đọc hãy tưởng tượng lại quãng những năm 1940 - cách đây gần năm mươi năm. Tôi đương khoảng hai mươi tuổi, anh Vũ Ngọc Phan trạc tuổi bốn mươi - cái so le tuổi tác khá xa xa, nếu anh chị mau mắn, tôi chỉ xấp xỉ đứa con đầu lòng của anh chị. Mà tôi thì chập chững cầm bút. Mà anh Phan thì làm nghề báo từ bao giờ, lâu lắm. Tôi chỉ biết, chỉ lạ lùng rằng cứ như thế mà tôi được làm bạn vong niên với anh và đây là những năm tháng buổi đầu đời người, đời văn của tôi.

Tôi viết, tôi đọc, tôi lại viết đủ thứ thơ, truyện gửi đi, chẳng báo nào đăng nhưng, lại viết. Không biết khó nhọc, mặc dầu ngày ngày phải đi làm, tối sớm mới về đến nhà. Cũng không phải vì chăm chút, vì cay cú một cái tên. Nông nổi cầm bút của tôi gần như một thói thúc tự nhiên. Bởi tôi không có nổi một mẩu có nào để có thể nuôi được mơ ước của mình - mà tôi cũng chẳng có mơ ước xa xôi gì. Bấy giờ tôi đương làm công nhật bán hàng cho hiệu giày Ba-ta bên số lẻ giữa phố hàng Đào rồi sau xuống cửa hàng hàng Khay.

Mấy truyện ngắn của tôi được đăng trên tuần báo Hà Nội tân văn: Nước lên, Một đêm sáng giăng sông, Bụi ô tô... Tranh minh họa của họa sĩ Ngô Thúc Dung, bạn của họa sĩ Nguyễn Đỗ Cung, họa sĩ vẽ cái bàn tay to gần bằng người. Tôi mê mãi ngắm bức tranh, lại đọc lại truyện không biết bao nhiêu lần, lần nào

cũng ngỡ ngàng nhìn dòng chữ mình viết hoá ra chữ in, sờ tay mà vẫn thấy khác thường. Những truyện ngắn của tôi được trình bày trân trọng giữa báo, in cùng với những tiểu thuyết nhiều kỳ: Chuyến tàu định mệnh của Lưu Trọng Lư, Thiếu quê hương của Nguyễn Tuân.

Một hôm, tôi đến gặp anh Vũ Ngọc Phan ở nơi làm việc của báo tại một bộ phận nhà in Trung Bắc đầu phố Hàng Buồm. Không phải đến đưa bài, cũng không phải tìm người "đàm đạo văn chương". Tôi vốn đọc như ngón sách. Không mượn đâu được đủ sách cung đốn nỗi cái đói sách của tôi. Trong thành phố có một thư viện lớn ở Tràng Thi. Nhưng thư viện này chỉ cấp thẻ đọc cho người đỗ bằng thành chung trở lên. Tôi muốn nhờ anh Phan giúp tôi được vào thư viện ấy, một giấy giới thiệu, hoặc anh quen ai, chẳng hạn.

Anh Phan đã kể lại cảm tưởng lần ấy gặp tôi, anh rất ngạc nhiên. Một đêm sáng giảng sông của tôi nói về một cô gái làng quê ra thành phố bị dụ dỗ thành gái điếm... Bụi ô tô tả vợ chồng nhà nghèo kia quảy con đi chợ bán... ít nhất anh tưởng tượng tôi cũng như một Tam Lang, một Nguyễn Công Hoan con con đeo bầu quảy níp làng văn làng báo thế nào. Nhưng tôi chỉ là một cậu bé ngoại ô mặc áo dài thâm, quần vải ta, đi đôi guốc mộc.

Tôi nói:

- Thưa ông, tôi muốn ông làm ơn giúp cho tôi được vào đọc sách ở thư viện Tràng Thi.

Anh Phan người nhỏ nhắn, trắng trẻo, mặc bộ đồ tuxedo lụa ngà hoa cau, đi đôi giày tây màu gan gà, đứng như tôi vẫn tưởng tượng thế, "nhà văn nhà báo phải gầy gò, lịch sự, nho nhã". Bàn làm việc của anh ngay giữa nhà, đối mặt bàn chủ nhà in. Cái nhà in tối như hũ nút, chỉ có khoảng ngoài cùng áp hè không phải thấp đèn điện. Gian sắp chữ, gian máy, ầm ầm rậm rịch như tàu ngoài ga chuyển bánh. Luôn luôn, thợ chữ, người sửa bài đem bản in thử ra.

Anh Phan mời tôi ngồi xuống cái ghế đầu mà người sửa bài vừa đứng lên, anh ra nói nhỏ với bác loong toong ngoài cửa rồi lấy ví đưa tiền cho người ấy.

Trở vào, anh Phan nói:

- Bánh ngọt bên cao lâu Nhật Tân khá lắm. Nhà văn Nguyễn Tuân hay ăn trưa bên ấy.

Lát sau, bác loong toong cầm về một bọc giấy bóng mở ra, đặt bốn chiếc bánh xếp lên cái khay khảm, bên chén và ấm chè. Cả ông Khánh chủ nhà in cũng sang uống nước. Rồi anh hỏi tôi đủ mọi chuyện.

Thế là anh đã biết tôi là người đương bán hàng hiệu giày phố Hàng Đào gần đây. Nhà tôi trên Bưởi, đi làm tôi vẫn qua đầu phố này. Tôi thích viết văn. Tôi thích đọc truyện tiếng pháp, vừa đọc vừa học.

Tôi chỉ nhớ cảm tưởng anh đã biết thật rõ về tôi và có lẽ anh thương tôi. Bởi khi tôi ra về, anh nói:

- Anh đừng phải vào thư viện, nhà tôi có một thư viện nhỏ, nhỏ cũng đủ cho anh thừa sức đọc. Tôi sẽ

bảo anh đọc cho có phương pháp. Chủ nhật này xuống nhà tôi nhé!

Nhà anh Phan ở dưới ấp. Xuống xe điện cổng chùa Đồng Quang rồi rẽ vào. Chỉ tạt vài bước ra đường Ngã Tư Sở ồn ào, vào đây đã ra quang cảnh thôn trang êm đềm. Những bụi tre, hàng rào ô rô dọc bên bờ kênh dài, nước phẳng lặng, cuối xa nhìn lúa cánh đồng Láng.

Ngôi nhà ngói cổ giữa khoảng vườn râm mát. Một tầng xép cửa sổ trông xuống vườn. Ngôi nhà hương hoá của cụ thân sinh anh để lại, anh kể trước kia đây là nhà tiến sĩ Dương Khuê, người Vân Đình. Chỉ một câu ấy, tôi đã mê... "Bác Dương thôi đã thôi rồi. Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta...". Những câu thơ mà lứa tuổi tôi cấp sách đến trường ai cũng thuộc lòng. Nơi đây, xưa kia cũng như bây giờ, liên quan đến ý tình, tâm sự các danh nhân. Riêng tưởng tượng như thế cũng đã cảm đượm một vẻ thơ mộng mơ màng thế nào rồi, mặc dầu cũng chỉ là ngôi nhà cũ kỹ, vườn cây nho nhỏ, nhiều lần anh Phan chị Phan chỉ cho tôi những cây hoa quỳnh, đỗ quyên, đỗ quyên Nhật cánh tím tím và những cây gù nữa, tôi không thể nhớ mà chỉ nhớ khoảng vườn và nếp nhà thanh bạch và ngay bên kia bờ rào ruối lúa thừa là nơi xưởng xe đạp, đập nữa, người ta lao lực cời trần đánh thùng đánh chảo bán đứng bên này thấy rõ mồn một.

Anh Phan chị Phan vốn hiếu khách. Chỉ để ý khách đến chơi cũng có thể thấy ra được bóng thời thế qua số đông trong tầng lớp trí thức, nhà báo, nhà văn vào thời kỳ căng thang trước và sau đảo chính Nhật.

Những bè bạn nhà anh Phan, đến bây giờ, kẻ khuất người còn, nhưng hầu hết đã như anh chị, cùng nhau bước vào chặng đường sóng gió nhất của sự nghiệp đất nước trong thế kỷ. Các anh Nguyễn Công Hoan, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Tuân, Mạnh Phú Tư. Đoàn Phú Tứ, Xuân Diệu, Huy Cận, Đỗ Đức Thu, chị Vân Đài, chị Lê Thị Xuyên... Một số tờ báo mà anh cộng tác đương lung lay, rồi đình bản như tạp chí Pháp Việt của E. Babuýt, một người Pháp có xu hướng Đờ Gôn, anh Phan đem về những quyển sách gáy dày cộp, nói của Babuýt gửi. Babuýt lo có thể bị Nhật bắt. Một hôm, anh nói nhỏ nhỏ: Babuýt bị Nhật bắt rồi. Tôi cũng đã biết mặt Babuýt ở một cuộc mít tinh trong nhà kỷ niệm Quốc khánh Pháp năm 1939. (Sắp chiến tranh thế giới lần thứ hai. Chính quyền thành phố không cho phép tổ chức mít tinh lớn như ở khu Đấu Xảo năm trước).

Babuýt đại diện chi nhánh đảng Xã hội Pháp ở Hà Nội.

Văn Tiến Dũng phát biểu (bằng tiếng Pháp) thay mặt các hội ái hữu thợ thuyền. Nhưng tôi im lặng nghe anh kể. Như chưa được trông thấy cái ông Babuýt râu tóc lụ khụ ấy bao giờ.

Khách đến nhà anh Phan hầu hết là nhà văn và các bạn của anh chị cũng lắm cung cách, lứa tuổi và kiểu sinh hoạt khác nhau. Nhưng với ai, anh Phan chị Phan cũng vui bạn đến nhà, anh Nguyễn Công Hoan dạy học ở Lào Cai, ở Móng Cái, ở Thái Bình, thỉnh thoảng về ở chơi cả tuần, anh Mạnh Phú Tư gặp khó khăn việc vợ con, anh chị giúp đỡ đến nơi đến chốn. Bạt tử như Lưu Trọng Lư vẫn là bạn đến nhà được. Hà Nội tân văn của anh Vũ Ngọc Phan in tiểu thuyết từng kỳ, truyện Chuyển tàu định mệnh của anh Lư. Hồi ấy, các nhà văn đã có tiếng khi viết truyện dài thường chỉ viết từng đoạn, đưa báo in dần, có lúc viết từng kỳ như

Thiếu quê hương của anh Nguyễn Tuân. Báo Hà Nội tân văn in Chuyển tàu định mệnh được vài kỳ, tác giả viết nổi đoạn kết rồi bán cho Nhà xuất bản Cộng lực(, với cái tên tiểu thuyết Em là gái bên song cửa. Nhà Cộng lực kiện báo Hà Nội tân văn in quyền sách mà tác giả đã bán bản quyền cho mình. Tôi đã theo anh Vũ Ngọc Phan hôm phải ra toà. Trạng sư Phan Anh cãi cho báo Hà Nội tân văn, rất hăng.

Anh Phan thua kiện phải nộp phạt một đồng bạc và thôi không được đăng tiếp Chuyển tàu định mệnh nữa.

Anh Phan bảo: "Anh Lư nhắ tôi: cái thằng Cộng lực kiện láo, sợ gì nó. Đoạn cuối Chuyển tàu định mệnh tôi viết cho báo của anh khác sách bán cho nó cơ mà.

"Nhưng thôi..." Giọng anh nhẹ nhàng, anh cũng chẳng để tâm giận anh Lưu Trọng Lư.

Ai người thế nào, một khi đã vào qua cái vườn xinh xắn, lên thềm ngôi nhà nền nếp, thì dầu cho áo quần lôi thôi lệch thếch, người bã ra vì rượu, thuốc phiện, vì bao nhiêu đêm thức trắng, thì những câu chuyện văn chương thanh lịch ở đây cũng đưa anh vào công việc nghề nghiệp và những ước mơ sạch sẽ trở lại.

Thế mà, anh Phan không phải là người hiền lành đâu nhé! Anh nói anh chưa thành nhân vật trong tiểu thuyết Bức đồng của Đỗ Đức Thu tả chân một số văn nghệ sĩ chơi bời, vì tác giả nể anh, mà ngại đấy, anh bảo cho tôi biết các nhân vật Tịnh là Nguyễn Tuân, Văn là Mạnh Phú Tư, và Đoàn Phú Tứ, Đỗ Đức Thu... là nhân vật nào trong Bức đồng. Tôi đến nhà in phố Hàng Buồm, anh bảo tôi: "Thiết Can vừa ở đây ra, bị Nguyễn Doãn Vượng đón đánh. Tôi phải ra, nó mới thôi đuổi đánh Thiết Can. A đừng có đụng đến tôi. Mác sen Hàng Bạc, Hy Chả Cá bạn tôi cả. Tôi sẽ bảo chúng nó nện cho biết tay. Không hỗn được với tôi".

Có lần anh kể:

- Anh ạ, một đêm tôi đi hát cô đầu với mấy tướng ấy. Khuya về, thấy Hằng Phương vẫn đứng đợi cửa. Từ đấy, mình thôi.

Rồi anh cười, vẻ lịch lãm.

Thật ra, những câu chuyện làng văn, làng báo ở trên, phần nhiều tôi cũng chỉ nghe anh Phan chị Phan kể lại. Tôi chưa được quen các đấng ấy và chưa được có cơ hội để khoác lác với bạn: mình mới đứng nói chuyện với nhà văn Giáp, mình vừa bắt tay nhà văn Ất, con người tôi lúc ấy tương tự năm xưa. Ở Sài Gòn, Vũ Bằng viết hồi ký về nghề làm báo, khi chợt nhớ đến tôi anh đã chụp ảnh cho tôi một dòng - "cái anh chàng mặt non choẹt, uống nước lã cũng say".

Tôi cũng không đủ gan học đòi các cha Đình Hùng. "Giannin Lê Thuỷ" Trần Hồi, cả bọn thường ngày ngày cất công kéo kẹt đạp xe hàng một theo từ trường về nhà, thành cái đuôi dài dài sau xe của các nàng tiên Hằng em chị Phan. Bọn này muốn vào làm quen với nhà anh Phan bằng chết, mà không dám.

Chúng nó đâm ra tức tôi, chửi tôi, gán cho tôi...

Nhưng tôi đến với anh chị, là người trong nhà.

Lắm khi có khách anh chị xuống tiếp mình tôi ngồi lại giữa gian sách chất ngất. Tôi thường ăn cơm thêm đũa thêm bát, rau muống, đậu rán, tương ngon. Có gì đâu mà vẫn nhớ. Tôi cũng xấp xỉ bằng trà bằng lửa với những Bê những Tuấn, những Hoàng và các em xinh xắn vừa hiền vừa hóm, nhiều em đã cùng cha mẹ lên chơi nhà tôi trên Nghĩa Đô. Khi anh Phan chị Phan làm nhà xuất bản Hà Nội, một trong những sách đầu tiên của nhà xuất bản in là tập hồi ký Cỏ dại, tôi đã đề trang đầu “Tặng đàn thỏ bạch trang Vũ gia” ấy.

Bởi vì, tôi đến nhà anh để học. Đầu tiên, anh Phan đưa cho tôi quyển Đỏ và đen của Stăngdan, anh bảo:

- Đỏ và đen là mẫu mực tiểu, thuyết Pháp thế kỷ 18. Anh phải đọc kỹ!

Tôi đọc chẳng hiểu mấy. Có lẽ vì nhiều chữ khó, phải tra từ điển luôn tay, mất thú, anh đưa tiếp theo kịch Con chim xanh của Mateclinh in khổ lớn trên tạp chí sân khấu Jnluytxtraxiông. Tôi vừa đăng truyện ngắn Mê con gái (Con gà mái ri) trên báo Chủ nhật của Tự Lực Văn Đoàn, anh bảo: "Có thể cái kịch thần tiên này gợi ý nhiều cho anh về viết truyện loài vật". Một hôm khác, anh cho tôi xem tiểu thuyết của Panai Istrati - nhà văn gốc Rumani, xuất thân làm cu li cảng, viết về những người cùng cực ở các cửa bể Địa Trung Hải, Hắc Hải... anh Phan dặn: “Truyện của tác giả này gần với truyện của anh. Phải đọc thật kỹ”.

Năm này qua năm khác, tôi đến nhà đều đặn. Tôi trả sách, anh đưa sách mới. Dặn cách đọc, cách chú ý.

Anh chị kể cho nghe chuyện làng văn, làng báo. Mọi việc đọc và viết của tôi suốt thời gian ấy đều theo kiểu học trò cấp sách đi học như thế. Và đôi khi tôi giúp anh ghi “phích” cho anh soạn bộ Nhà văn hiện đại.

Anh Vũ Ngọc Phan in cho tôi liên tiếp nhiều truyện ngắn, truyện cổ tích, phóng sự lên báo Hà Nội tân văn. Anh đưa nhuận bút cho tôi. Những tờ giấy bạc quần băng, chữ viết cẩn thận, nắn nót ghi số tiền và tên tôi được viết có chữ “Ông” trên đầu. Truyện ngắn Nước lên được năm đồng. Năm đồng ấy là cây gậy thần của ông bụt Vũ Ngọc Phan cho tôi. Tôi hô thần chú, lập tức thấy nó hiện lên bộ "phô tuytxo" thứ vải rẻ tiền may quần áo tây, nhưng bền. Lại đôi giày vải trắng. Mới chỉ hết có hơn ba đồng, mà tôi đã trút được cái áo dài chéo go thâm và đôi guốc mộc. Lại còn tiền mua cân kẹo sùu về chia cho cả nhà. Lại còn mua cho em gái tôi cái vòng huyền. Mà cũng vẫn còn tiền. Trời ơi!

Thế thì tôi còn đi bán hàng cho hiệu giày làm gì nữa? Ngày cuối bộ hai buổi từ trên Bưởi xuống, đến cửa hiệu, giờ giấc không chệch một phút, từ lúc rờ cánh cửa mở hàng. Tháng được lương sáu đồng, chia ra, một tuần lễ lĩnh hơn một đồng bạc, trong khi vào lúc bảy giờ mỗi đêm tôi có thể khoắng xong một cái truyện ngắn ngon ơ. Thế là tôi vào nghề văn.

Anh Vũ Ngọc Phan chủ bút Hà Nội tân văn cũng chỉ là người làm công cho nhà tư sản Vũ Đình Dy, chủ báo Éppho tiếng Pháp và tuần báo Hà Nội tân văn. Tới khi phát xít Nhật càng dính sâu vào Đông Dương,

thì nhà trí thức cơ hội này đổi màu. Tờ Hà Nội tân văn anh Vũ Ngọc Phan cáng đáng không đáp ứng - có nghĩa là không tán thành chủ trương và thái độ Vũ Đình Dy. Thế là chủ báo không bỏ vốn ra nữa. Báo chết. Sau Vũ Đình Dy theo Nhật sang Chiêu Nam (Xingapo) với Trần Trọng Kim, Dương Bá Trạc.

Nhà anh Phan, chị Phan khó khăn nhất vào thời kỳ này. Nhưng trình độ nghề nghiệp, phong thái nền nếp, cách làm việc chu đáo của anh khiến một nhà xuất bản lớn, nhà Tân Dân, đã ký hợp đồng in trọn bộ 5 quyển Nhà văn hiện đại của anh. Cũng khi ấy, nhà Tân Dân chủ trương loại sách "Truyền bá" cho thiếu nhi, anh Vũ Ngọc Phan giới thiệu tôi viết. Có lần anh Nguyễn Công Hoan cũng kể anh mách nhà xuất bản mời tôi viết "Truyền bá", vì "tôi đọc thấy văn của cậu tinh nghịch, trẻ con chắc thích". Sinh thời hai anh, chưa bao giờ tôi hỏi lại việc đó. Bởi tôi tin là cả hai anh đã giới thiệu tôi, anh Phan tìm việc cho một bạn trẻ bấy lâu anh chần dặt, giúp đỡ, anh Hoan yêu văn tôi dí dỏm - khi ấy tôi cũng chưa được quen anh Hoan.

Bây giờ thoát nghe thấy nhuận bút một cái truyện ngắn hồi ấy mà mua được nhiều thứ như thế, có vẻ dễ dàng, dễ chịu quá, thế nhưng viết văn cho kiếm được miếng thời kỳ này chẳng dễ chút nào. Chợ búa buôn văn bán chữ theo luật cung cầu thị trường. Quyển sách in ra, mà cả năm vốn chưa quay vòng lại được, thì anh hãy linh đi, chớ vác mặt lại nhà xuất bản ấy nữa. Bởi vì thế là anh đang làm sạt nghiệp người ta. Ngòi bút phải múa may thế nào cho có được người đọc bỏ tiền ra mua. Cả trăm nghìn người viết thời ấy, bây giờ còn lại mấy ai. Phải khác thường ngay lập tức, Nguyễn Công Hoan với những truyện ngắn có một không hai. Thanh Tịnh - Quê mẹ. Nguyên Hồng - Những ngày thơ ấu và Bỉ vỏ, Thạch Lam với Cô hàng xén, Đỗ Đức Thu truyện vừa: Ba, Bùi Hiên: Năm vạn... Và Nam Cao. Mở đầu đã phải có giọng điệu không lẫn với ai. Phải thế mới mọc mũi lên được ạ.

Anh Vũ Ngọc Phan giúp tôi hiểu cái vất vả và công phu ấy, anh làm cẩn thận mà hồn nhiên, tự nhiên. Tập truyện ngắn O Chuột in trong tủ sách Những tác phẩm hay nhà Tân Dân, Vũ Ngọc Phan đề tựa, anh cầm bản thảo, và nói:

- Anh viết cả loạt truyện loài vật thế là được, phải viết hàng loạt cho nổi hân. Tôi đề tựa, tôi "lãng xê" anh.

Anh nói, thích thú, sáng khoái như một công trình của anh vừa xong. Khen chê của anh, cũng như sự kèm cặp, tình nghĩa và nghiêm, anh Phan bảo tôi đến học công việc làm báo với nhà in. Tôi được cái sẵn tính chịu khó, tỉ mỉ, anh chỉ tôi cách chữa bông bài, để ý những khâu nối tiếp của bản thảo với sắp chữ, với sửa bài. (Ngày trước, bài đưa thẳng nhà in, ít đánh máy, thợ chữ cầm trang bản thảo mặt sau tờ giấy bị bẩn mực cho nên có thể lệ bản thảo viết một mặt). Cả chữ ký của tôi bây giờ cũng là tôi ký theo kiểu của anh. Thoạt đầu dấu chấm chữ i sau cùng, tôi đưa loảng quảng lên trời bắt chước "đài mây" của Xuân Diệu. Rồi tôi thấy anh ký rõ ba chữ Vũ Ngọc Phan nghiêng nghiêng với cái gạch dài ở dưới. Tôi cũng ký chân phương hệt thế cho đến ngày nay. Chỉ khác, tôi viết ngang dòng.

Mùa thu 1944, tôi bị bắt vì hoạt động Văn hoá Cứu quốc Được thả ở Nam Định về, tôi xuống nhà anh chị Phan. Trông thấy cái đầu trọc lóc của tôi, chị Hằng Phương rơm rớm nước mắt. Anh Phan thì lặng im.

Tôi lại được ăn cơm trưa trên gác làm việc của anh chị như mọi khi. Cho đến lúc về, chị Hằng Phương hỏi nhỏ:

- Thế có nguy hiểm không?

Để thường anh chị muốn bảo tôi nên tránh ở đây ít lâu chẳng. Tôi cười và thưa:

- Tôi đã về nhà rồi, chẳng có gì lo anh chị ạ.

Tôi tự coi anh chị Phan như anh cả chị cả, như thầy cô giáo lớp vỡ lòng cho mình. Dường như anh chị cũng nhìn tôi như thế. Lúc vui, khi bảo ban, khi thương khi giận cho tới bây giờ - dần dà bây giờ tôi cũng đã là ông lão sáu bảy mươi rồi.

Nhưng bao giờ cũng vẫn thế.

Cái năm đi chiến dịch Tây Bắc 1952, về Tuyên Quang ít lâu, tôi gặp anh ở hội Văn nghệ, anh chị và cả nhà mới từ Thanh Hoá chuyển lên Việt Bắc. Có đến bảy năm mới được gặp lại. Tôi đưa anh xem tập ghi chép của tôi về thơ ca Mường, Thái, Mèo mà tôi đã sưu tầm được khi vào hậu địch Sơn La, Lai Châu vừa giải phóng, anh khen rất thầy giáo:

- Ủ! Anh đã biết làm việc có phương pháp khoa học.

Đến khi in Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam, anh đã lấy nhiều bài trong tập ghi chép của tôi vào phần cuối, và với tính cẩn thận minh bạch xưa nay, anh chú thích rõ ràng: Trích sổ tay của...

Anh viết bài phê bình tập truyện Vỡ tỉnh của tôi trên Tạp chí Văn học. Gặp anh, tôi cảm ơn. Nhưng anh nghiêm mặt nói:

- Lâu lắm sao không đến chơi nhà? Hằng Phương rất không bằng lòng như thế.

Tôi chỉ biết lặng im. Tôi không dám nói với anh rằng người ta mỗi tuổi lại cứ thành nét những tính nết kỳ quặc, riêng biệt, dần dần về sau tôi đâm ra lười nhác giao thiệp, ưa lui thủ. Tôi ngờ ngợ có thể anh chưa cần trò chuyện thêm, đã "có ý kiến ngay" rồi. Các thầy giáo thường thế. Quá nhiên; anh bảo tôi, vẫn nghiêm nghị:

- Cái khinh bạc của anh trong văn chương tôi nói ngày trước đã lây sang cả tính nết anh rồi đấy, nặng đấy!

Tôi bỗng nhớ lại, khi đọc bản thảo tiểu thuyết Xóm Giếng với cái tựa Xóm Giếng ngày xưa, anh Phan báo tôi: "Anh viết có nhiều cái mới. Nhưng hơi văn anh có vẻ khinh bạc, mà khi anh mới viết không có. Không nên a dua thời thượng", anh cũng đã phê bình thành chữ nghĩa như thế, về tôi, trong tập Nhà văn hiện đại.

Đến bây giờ vẫn nhắc nhở vậy. Trước mắt anh bao giờ tôi cũng chỉ là anh chàng mới cầm bút, hôm ấy lần đầu tiên đến tuần báo Hà Nội tân văn ở phố Hàng Buồm.

Chao ôi, làm sao thành phố đã lên đèn, mà trời vẫn xanh trong tưởng tượng của tôi hôm nay nhìn lại vẫn trong xanh như thế.

NHỮNG GƯƠNG MẶT - CHÂN DUNG VĂN HỌC

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

11. Vũ Bằng:

" Thương nhớ mười hai"

Vũ Bằng lớn hơn tôi khoảng trong ngoài một giáp.

Anh thuộc lứa các anh Thế Lữ và Nguyễn Tuân. Tôi quen anh lúc tôi viết tuần báo Tiểu thuyết thứ bảy khoảng năm 1940.

Đối với tôi lúc ấy tất cả là mọi công việc bắt đầu của nghề mới. Cái hiệu phở Tàu tái lặn Nghi Xuân góc hàng Nón hàng Thiếc mà Vũ Bằng hay dắt Nam Cao và tôi đi ăn, tưởng như cả đời chưa được thưởng thức phở ngon như thế. Một hôm Vũ Bằng cho tôi mượn một cuốn tiểu thuyết mà anh bảo là hiếm. Không hiểu vì sao anh đã cao hứng khoe với tôi. Người đọc chọn lọc ở Hà Nội bấy giờ hay có thói quen găm sách một mình. Để khoe, để dễ bề “thuổng” mà không ai biết chẳng, tôi không rõ. Vũ Bằng nói:

- Ba hôm phải trả nhé.

Ba hôm, anh xe nhà Vũ Bằng lên Nghĩa Đô tìm và đưa cho tôi mấy chữ đòi sách. Vóc vạc Vũ Bằng to béo phúc phịch, thế mà chữ của anh tròn như hòn bi, ngờ nghệch như chữ trẻ con. Biết sách quý không ai cho mượn lâu, chúng tôi đã truyền nhau đọc cả đêm. Đó là cuốn tiểu thuyết Phố Mèo câu cá của Gian Phônđet, một nhà văn nữ gốc Rumani.

Cái truyện Phố Mèo câu cá cừ thật. Sau này, thư viện Hội Nhà Văn cũng có một quyển, tôi đọc lại thấy vẫn một cảm tưởng thế. Năm mươi năm đã qua mà cảm hết như trước mắt đọc lần đầu đó. Chuyện xảy ra ở Pari, những năm sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất 1914-1918. Trên thế giới nhiều cái đảo lộn, nhất là ở Châu Âu. Bao nhiêu họ hàng hang hốc những ông vua mất ngai vàng ở các nơi mà còn sống sót, đều chạy cả về Pari. Họ không còn đâu quyền thế, chức tước, của cải. Các cô công chúa nước Ý ngày ngày đi làm công nhật đánh máy chữ thuê. Có cô sang hiệu thợ may đứng thay người gõ cho khách ngắm nghía một mốt váy, một chiếc cà vạt. Những chàng phò mã điển trai thành ra thằng kẻ cắp, kẻ cướp. Mỗi sáng sớm, các ông lão anh em vua nước Đức, nước Lỗ lại lụ khụ chống gậy xách túi đã phải nổi quai, ra hàng bánh mì. Như thế còn là tử tế hơn đám họ hàng nhà Nga hoàng đi làm điếm, làm đi đực, đi tù thuê, đánh nhau thuê...

Những rác rưởi sau chiến tranh ấy đọng lại ở cái ngõ, có cái tên không biết tiếng lóng hay để chỉ di tích gì mà bây giờ không ai còn biết, Phố Mèo câu cá, nhưng đường vào không có đến một vũng nước và chấp tối chẳng thấy bóng một con mèo ra đứng gào trên góc nhà. Cái hẻm rặt những nhà trọ tồi tàn, đi ra đi vào những ông hoàng bà chúa mặt bệch như giấy, lúc nào cũng bàn những chuyện trời biển đâu đâu. Ngõ phố hẻo lánh với cái tên Mèo câu cá bỗng trở thành nơi tin tức khắp thế giới dồn lại qua ăng ten thu phát cứ

như ếch ương sau trận mưa. Tin chó chết ngoài phố được nhặt vào cũng thành quan trọng và hình như hôm nào cũng có một cái gì mới về nước Ý, nước Nga mà dưới mắt những người này, các nơi ấy đương tan nát, hỗn loạn đâm chém nhau tới bởi vì ở đấy vắng mặt, không còn vua quan trị vì nữa.

Tiểu thuyết Phố Mèo câu cá phần nào là một tự truyện của Gian Phônđet. Sau đấy, bà cũng còn viết một số tác phẩm khác, nhưng không thành công như Phố Mèo câu cá. Giữa đám người đòi các cũ mà nay những cái phong lưu không còn đã thành nỗi đau hành hạ người ta, ở phố ấy lọt vào một nhà thợ giày quê ở thành phố Bucaret. Cái gia đình thợ thuyền này ra đi không phải vì chiến tranh. Người thợ giày không có số phận trùng với các ông hoàng bà chúa. Nỗi khổ ở đất quê đã đuổi người nghèo đi tha hương, thế nào mà rồi sa vào ngôi nhà trong hẻm Mèo câu cá, chui rúc ở một cái buồng bệ rạc tối om tương tự bóng mờ mọi nhà xung quanh.

Anh thợ giày kiệt xác ấy vừa khâu giày, vá giày vừa đấu chuyện với các bô lão thất thế, khói thuốc lá khét um cả phòng. Ngồi xó Pari mà tin tức ở các nơi khắp Châu Âu cứ tràn đến, rồi câu chuyện biến hoá thành dài ngắn, tròn méo theo tâm trạng, ông thống chế nhớ cái gậy bịt vàng duyệt binh ở Rôm, bà gái già công chúa Nga mơ màng mùa thu thuở trẻ cưỡi ngựa chơi rừng Tula.

Vợ chồng người thợ giày cũng có tâm sự. Họ nhớ Bucaret, ngày đêm nhớ lại Bucaret thành phố quê hương. Trí nhớ và tình cảm, tưởng tượng bao giờ cũng đậm đà, phong phú, thiết tha hơn cái trước mắt. Càng ngày càng nhớ đến không thể chịu được.

Bao nhiêu năm về sau mới dành dụm được suất tiền tàu về Bucaret. Bấy giờ vợ chồng đã luống tuổi, những đứa con đã lớn rồi, chẳng biết đâu là quê quán, có đứa ở lại Pháp, có đứa bỏ đi Mỹ. Vợ chồng trở về với đứa con gái nhỏ nhất. Khi đoàn tàu dừng nghỉ ở cái ga đầu tiên vào nước Rumani, cả hai người bàng hoàng từ trên toa bước xuống. Người chồng nằm rúc đầu vào túi cỏ, nhìn ra khoảng trời quê xanh bồi hồi. Người vợ dằn dụa nước mắt. Rồi về Bucaret, lại khâu vá giày và vất vả, khổ nhọc. Một hôm, bỗng nhiên họ lại nhớ Bucarét, nhớ da diết, Bucaret ở đâu?

Những tác phẩm của Vũ Bằng, nhất là những quyển chính được viết thời kỳ ở Hà Nội và ở Sài Gòn, ngót ba mươi năm, thời Pháp và thời Mỹ, dù là bút ký, hay truyện ngắn hay truyện dài cũng đều thấy được đầy là hơi hướng tự truyện. Bốn mươi năm “nói láo”, hồi ký về nghề báo và những tập bút ký Miếng ngon Hà Nội, Thương nhớ mười hai... một cái gì như là bóng gió hình ảnh cái câu mà chàng Vương Quan khéo mắng chị Thuý Kiều ở bãi tha ma chỗ mồ Đạm Tiên: " ... chị nói hay sao. Một lời là một vận vào khó nghe" như thế nào đấy. Mà thật như thế, mỗi trang của Vũ Bằng là một uẩn, một ước mong không nguôi không tới được, không bao giờ tới được không thể cầu được ước thấy, như Thương nhớ mười hai đương mở trước mắt ta đây. Tôi cũng đã có dịp đọc hồi ký viết về kỷ niệm Hà Nội của Hồ Hữu Tường, của Nguyễn Vỹ, của Bàng Bá Tân và một số cây bút khác. Nực cười, phần, nhiều người đọc và biết đều cảm thấy lối bạch đến ngượng cả mặt. Chắc người ta cho rằng chẳng bao giờ còn gặp lại và trông thấy Hà Nội nữa thì mới dám hạ bút văng mạng như vậy. Ở Vũ Bằng thì khác, trân trọng và giản dị.

Trong phạm vi nhỏ, loáng thoáng đôi chỗ có những câu Vũ Bằng viết về tôi. Tôi không cùng chà cùng lửa bè bạn chơi bời với anh. Nhưng anh đã nói lại thật như tôi bấy giờ ở độ ngọc nghịch “uống nước lã cũng đã say”. Khi Hà Nội sắp được tiếp quản 1954, tôi có viết một thư cho Vũ Bằng. Nguyễn Bắc cán bộ hoạt động nội thành ra họp ở Việt Bắc rồi cầm thư vào.

Nguyễn Kế là đã cho một chú bé cơ sở đi đánh giày đặt thư ấy vào trong giày của nhà văn. Trên báo Bách Khoa ở Sài Gòn, Vũ Bằng đã viết về bức thư này của tôi, và đến khi in lại trong Bốn mươi năm “nói láo” sự việc còn được kể tỉ mỉ, kĩ lưỡng. Nhưng sau đó Vũ Bằng đã không ở lại, anh xuống Hải Phòng rồi đi Sài Gòn.

Thời kỳ ấy, chúng tôi - Nam Cao và tôi, rất yêu và rất lạ truyện ngắn Vũ Bằng. Giờ đây, xem hồi ký làm báo, làm văn của Vũ Bằng mới biết được khi cho in một loạt truyện ngắn với phong cách khác thường độc đáo đó là một chủ trương của Vũ Bằng. Vào những năm giữa thập kỷ 30, Vũ Bằng không còn là một cây bút mới. Tiêu Liêu Vũ Bằng viết nhiều báo, đã in tạp văn Lọ văn, tiểu thuyết Một mình trong đêm tối, thể loại văn xuôi của ta đã phát triển, khác hẳn tình hình khoảng mười năm về trước. Bên những tác giả có cá tính và phong cách, mỗi tuần, báo chí văn học từ nam chí bắc đã cho ra đời biết bao nhiêu sáng tác làm nền cho phong trào văn xuôi vào cơ hội nảy nở. Truyện dài, truyện ngắn của một văn đoàn có tổ chức và mạnh như văn đoàn Tự Lực đã vượt qua lối viết biền ngẫu, khoa trương hoặc nhẹ nhàng và bóng bẩy. Các sáng tác đã đi sâu phân tích cá tính và cuộc sống như những tác phẩm sau này của Khái Hưng, của Thạch Lam. Và những truyện mớ xẻ cái tôi tình vi hơn, như của Đỗ Đức Thu rồi Đỗ Tồn. Và các nhà văn Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân đều nghênh ngang một cõi, có riêng bạn đọc tâm đắc của mình. Vũ Bằng đã góp vào sự phát triển ấy một sức nặng quan trọng.

Những tạp văn và sáng tác đầu tay trước kia của Vũ Bằng chưa thành tiếng vang. Phải đến khi Vũ Bằng cho in liên tiếp một loạt truyện ngắn, truyện vừa trên tuần báo Tiểu thuyết thứ bảy mới nổi cái đặc biệt, cả đến những tên truyện cũng khác kiểu: Có bốn đứa trẻ đi nghỉ mát; Hai nhát dao dưới một trời trăng sáng; Để cho không khỏi khổ... Ở truyện nào, chỉ có hai nhân vật chính tên là Trâm và tên là Hải cứ trở đi trở lại, với hai tên ấy, vẫn cô Trâm vẫn anh Hải, dù là chuyện trong nhà hay một mối tình, Vũ Bằng miêu tả nhân vật hoạt động và nội tâm khăng khít với quang cảnh, có nghĩa là cuộc sống con người quăn quít, dằng co giữa tâm trạng và hình thức, giữa tất cả với xung quanh, đẩy gần hơn nữa nhân vật với sự thật và cuộc sống. Tác giả không chụp ảnh, không ghi lại, không chau chuốt đưa nhân vật ra. Hình như tự các nhân vật với vấn đề triết lý tư tưởng của mỗi số phận với xã hội tác động nhau, nghiêng ngả khi say khi tỉnh trong đau khổ và những niềm vui bé nhỏ của đời người.

So sánh kỹ thuật xây dựng nhân vật của Nguyễn Công Hoan càng thấy cái mới của Vũ Bằng. Mãi đến về sau này, Nguyễn Công Hoan vẫn tuân thủ nghiêm ngặt cách dựng nhân vật không lẫn lộn xen với tả cảnh; nhân vật nghĩ dứt rồi mới hành động; miêu tả nhân vật này nghĩ và làm xong mới miêu tả nhân vật khác... Vũ Bằng thì lẫn lộn, xuôi ngược như cuộc sống gán nhau không tách ra được.

Những năm ấy Nam Cao đương ở với tôi trên Nghĩa Đô. Chúng tôi mãi mê đọc Vũ Bằng. Bấy giờ tôi

vừa viết được một số truyện về loài vật mà sau này in thành tập truyện O Chuột. Nam Cao thì đương loay hoay mỗi cái truyện ngắn, mỗi bài thơ lại đổi một bút danh, từ Xuân Du đến Nguyệt, mà vẫn long đong chưa biết đứng lại ở đâu. Nếu nhà nghiên cứu văn học nào lưu tâm đến những truyện ngắn Vũ Bằng thời kỳ ấy với truyện ngắn của Nam Cao và những truyện ngắn Bụi ô tô, Một đêm sáng giảng suông.... của tôi trên báo Hà Nội tân văn có thể dễ dàng nhận thấy hai ngòi bút này hơi hướng Vũ Bằng. Chính chúng tôi cũng vẫn thường thành tâm tự nhận xét ảnh hưởng ấy với anh Vũ Bằng.

Văn xuôi Việt Nam thời kỳ này đã phát triển sang một giai đoạn mới. Bấy giờ xuất hiện nhiều truyện ngắn với những dáng vẻ khác nhau của từng nhóm tác giả. Vũ Trọng Phụng chua chát, dữ dội. Nguyễn Công Hoan cười cợt, mỉa mai, Nguyễn Tuân tài hoa và câu chữ. Thanh Châu, Thâm Tâm, Ngọc Giao, Nguyễn Xuân Huy thì đẹp và buồn. Những truyện ngắn đầu tiên của tôi in trên tuần báo Tiểu thuyết thứ bảy đều do nhà văn Ngọc Giao biên tập. Nhưng ảnh hưởng có tính nội dung và cả hình thức tôi lại được gợi ý nhiều ở sáng tác Vũ Bằng. Nhân vật Vũ Bằng hùn hoen không thật mình hẳn cũng không thể là ngơ ngẩn, không hẳn cốt cách Việt Nam nhưng cũng không Tây. Vũ Bằng mê Đôt-tôi-epsky và Sêkhốp, anh là một sách, chuyên tìm những tác giả xa lạ như Ch. Phitner với truyện Thông hành giả và Gian Phônđét, Phố Mèo câu cá.

Cái say mê người ta của Vũ Bằng cũng đặc biệt, như nhà phê bình văn học Vũ Ngọc Phan trong Nhà văn hiện đại đã phát hiện Vũ Bằng dùng nhiều từ nguyên si của các tác phẩm hay nước ngoài. Những câu ngồ ngồ về hai nhân vật Trâm và Hải trong các truyện ngắn Vũ Bằng; "bàn tay trắng như đường tây"; "khóc như cái vòi máy nước", "cổ em tròn như cuống huệ"; "ngã như cái tú đố", cũng thường thấy ở truyện ngắn Những con bạc và Những đêm thức trắng của đại văn hào Đốt.

Ở tiểu thuyết Truyện hai người, viết lời tựa, Vũ Bằng nói ông đã đọc một tiểu thuyết hay quá của nhà văn nữ Bắc Âu- tôi quên mất tên, do đấy ông viết Truyện hai người. Không dịch, cũng không phỏng hay bắt chước mà chỉ bởi vì ông mê tiểu thuyết ấy. Kể cũng hiếm nhà văn nổi tiếng mà lại tự sự chẻ hoe như thế của nỗi niềm cầm bút. Ông không dấu diếm và cho thế là thường. Còn nhớ, khi đọc Vũ Ngọc Phan viết bảo mình đã "thuổng" văn của Đốt, Vũ Bằng cười xoa với chúng tôi: "Ồ, của người ta cừ quá, biết làm thế nào?"

Giá trị ảnh hưởng của Vũ Bằng với chúng tôi đã chắt lại ở sự gợi ý to lớn. Đọc cùng một lúc Chí Phèo của Nam Cao với những truyện ngắn Vũ Bằng thời kỳ ấy có thể nhận ra phong cách phảng phất nhau, nhưng không giống nhau. (Và cũng phong cách ấy, Vũ Bằng vẫn giữ được man mác cả trong tập bút ký Thương nhớ mười hai). Sự ảnh hưởng qua lại rồi nảy sinh những sáng tạo khác nhau thường thấy ở những tài năng.

Nhân vật trong truyện ngắn Vũ Bằng và Nam Cao dường như sáng láng, nhưng lại có phần ngẩn ngơ. Họ thường vừa đi vừa nghĩ, có trăng sáng, có tiếng giã gạo, có tiếng gió xào xạc lá ngô và cánh muỗi bay quanh ngọn đèn điện mờ nước mưa, đốm đèn hoa kỳ xanh như con đom đóm. Nhưng ở Vũ Bằng, cái ngẩn ngơ trở lại ngẩn ngơ bằng những nhát bút khinh bạc. Ở Nam Cao là cái gì bi phẫn, cái gì dằng xé. Điểm cuối cùng đi tới ở mỗi người một khác.

Một thời đã qua, những kỷ niệm.

Mỗi khi qua đầu phố Hàng Da từ Hàng Bông xuống, tôi vẫn nhớ như ngày ấy. Trên hè đường bây giờ, bóng những cây xà cừ lạ lẫm vẫn không che khuất được những cây nhồi mốc rêu lồi lõm, khiến cho quãng phố ngắn lúc nào cũng ẩm ướt u sầu thâm căn cố đế.

Không còn những quán ăn Anh Mỹ, quán Sầm Sơn xinh xinh như nụ tầm xuân bé bỏng so với các cao lâu tổ hảo hàng Buồm, hàng Gai, nhưng mà ấm cúng dễ chịu. Cái nhà Vũ Bằng ở đến bây giờ vẫn nguyên - cả hai cánh cửa vẫn thế. Tầng dưới nông lòng chỉ vừa chỗ kê bàn nước và bộ đồ chè. Trên gác, mà cửa sổ kề bên những cành nhồi hoa đỏ kạch dăm dốt. Ngoài chiếc giường lớn còn khắp phòng chồng đống các thứ báo tây báo ta mà khách vừa vượt thoát qua con chó bécgiê to như con bê nhưng dữ dằn có số, nhô đầu lên gác lúc nào cũng thấy chủ nhân hí hoáy quì phục giữa nhà.

Như một ông thợ nấu cực kỳ thành thạo, tay dao tay thớt, mắt để vào món vừa chín, mắt nhìn món bưng ra.

Những chồng báo ấy là thức ăn nuôi bài. Vũ Bằng làm báo, viết báo, thầu báo cai đầu dài ba bốn tờ một lúc: Tiểu thuyết thứ bảy, Truyền Bá, Phổ Thông Bán Nguyệt San, Truing Bắc Chủ Nhật... anh viết đủ thứ, thượng vàng hạ cám, từ cái hộp thư, cái tin vật, cái vui cười cái mục " Biết ai tâm sự" đến truyện ngắn, truyện dài đăng từng kỳ. Một nhà báo kiệt kiệt, Vũ Bằng ký rất nhiều bút danh. Sau này, ở Sài Gòn, có lúc túng bấn, anh ký tên bác sĩ Lê Tâm viết cả những sách kích dục như Gái dậy thì nên biết... Cách làm việc khoẻ nhưng phân tán và tạp nham ấy đã huỷ hoại khả năng và khát vọng của người viết mà anh không tự biết. Cả đời viết của Vũ Bằng chỉ được một hai cái tiểu thuyết, tập truyện ngắn và ký, có lẽ vì thói ôm đồm trên.

Gác nhà Vũ Bằng cũng là nơi chúng tôi thường lui tới, tụ tập rồi mới đi bát phố. Hũ rượu rùa, rượu rắn của anh nó vật người uống, tôi không thể nào quên. Và chị ấy quả là một tài ba nấu nướng. Chị hơn tuổi anh. Thường chít khăn nhung, đeo chuỗi ngọc thạch và trang nhã kín đáo xoa phấn cả mu bàn tay Mãi đến khi hoà bình lập lại, tôi mới gặp lại chị ấy ở Hà Nội khi Nhà xuất bản Hội Nhà Văn định in lại tiểu thuyết Một mình trong đêm tối. Trong kháng chiến chống Pháp, chuyển Nam Cao từ Hà Nam lên Việt Bắc, đã gặp vợ chồng Vũ Bằng đương tản cư ở vùng trung du Quế Quyền trên đường vào Chi Nê.

Nam Cao đã kể lại cho tôi nghe chuyện cuộc gặp gỡ này. Rồi truyện Đôi mắt Nam Cao viết đúng như câu chuyện gặp Vũ Bằng, chỉ có nhân vật chính được đặt tên là Hoàng. Mùa đông năm 1948, báo Cứu Quốc Việt Bắc chúng tôi đóng trên đỉnh Ích Cáy núi Phía Biếc, bên kia Đèo Giàng, xe nhà binh Pháp lên Cao Bằng quét đèn ven sườn núi suốt đêm. Nam Cao viết truyện ngắn ấy ở xóm người Dao bên Vàng Kheo, thoát đầu đặt tên truyện là Tiên sư thằng Tào Tháo, nhưng rồi nghĩ lại - Nam Cao hay nghĩ lại. Khi nghĩ lại thì nhụt dần. Mặc dầu nhân vật Hoàng thốt lên câu chửi vì thích Tào Tháo quá, thích đến phải thốt lên câu chửi mới sướng. Trong câu chuyện thật, chị ấy đọc Tam Quốc cho cả nhà nghe khi trời tối cơm nước xong, vừa lên đèn. Chốc chốc, Hoàng lại gửi gắm ý tứ đẹp vào nhân vật Tào Tháo là câu chửi yêu. Nhưng rồi Nam Cao ngại, rồi đổi ra cái tên hiền lành là Đôi mắt.

Đọc hồi ký của Vũ Bằng viết, biết được Vũ Bằng ở Sài Gòn có nghe người ta kể truyện ngắn ấy của Nam Cao viết về anh và rồi Đôi mắt cũng đến tay anh. Vũ Bằng đã viết rằng anh bằng lòng Nam Cao đã miêu tả anh như nhân vật Hoàng, con người mơ màng bước vào trường kỳ kháng chiến, cái anh chàng nửa chán đời nửa yêu đời, nửa thông minh nửa dờ hời, vừa đi kháng chiến vừa sợ kháng chiến, cứ khật khưỡng trong nước sôi lửa bỏng như thế. Con người ấy bộc lộ tình cảm thương đo cuộc sống cũng đánh giá mình như vậy. Ở với kháng chiến thì ngao ngán, xa đi thì thương nhớ, càng xa càng thương nhớ. Thương nhớ mười hai là một nét anh hoa của tấm lòng với cuộc đời. Vẫn quần quanh đeo đẳng cái Phố Mèo câu cá ngày ấy, ở Paris lại nhớ Bucarét mà thôi.

Người ngồi xó ở cái hẻm Mèo câu cá, nhà anh thợ giày nhớ thương Bucaret khác nào Vũ Bằng lạc lõng ở Sài Gòn quanh năm chói chang nắng nhớ thương bốn mùa Hà Nội. Tâm sự của Vũ Bằng, của người tha hương ám ảnh suốt đời anh. Thương nhớ mười hai, bàn tay giơ lên đếm một tháng, một ngày, một năm, một đời. Đây là cái thiết tha đầu tiên và cuối cùng. Tôi đã đọc những bài thương nhớ ấy từ ngày Vũ Bằng viết dần từng kỳ đăng trên các báo ở Sài Gòn. Đến khi in thành sách, xem ở cuối sách thấy lời ghi biết được tác giả đã miệt mài ròng rã hơn mười năm trời mới viết xong được cái mười hai tháng thân phận một kiếp người.

Từng câu tha thiết với Hà Nội đã làm cho đến cả người đương ở giữa Hà Nội cũng phải thương lây yêu lây.

Sành sỏi và sắc sảo toát ra ngòi bút, sao mà nhớ đến nao nề. Tháng chín cơm mới, chim ngói. Tháng năm, quả nhót đỏ mọng đem xát vỏ phẩn trắng vào tay áo, ăn Tết giết sâu bọ. Đừng quên năm lá móng nhuộm móng tay Tết mừng năm. Và mưa phùn, cái mưa tháng hai những khi rét mùa. Quá đi một chút thành mưa rươi, nhưng không. Bụi mưa giêng hai không ướt áo người đi giữa đường, tre pheo gió đánh ẽo ọt hai bên, ngửa mặt lên cho thấm được phẩn mưa thơm ướp gò má. Sành ăn chơi đến thế nào ở đâu rồi cũng qui tụ vào một nỗi nhớ đất chôn rau cắt rốn. Những ai đương ở phương trời, đọc Thương nhớ mười hai, ai mà không có một cái quê để nhớ.

Khi Sài Gòn giải phóng - mười bốn năm trước đây, tôi đã được dịp trở lại vài tháng sau. Một hôm, tôi đến chơi nhà Nguyễn Điều - tức Tô Hà, bên Khánh Hội - một bạn nối khố của tôi từ khi để chòm còn ở Nghĩa Đô. Vũ Bằng tới. Tình cờ có người mách anh biết tôi đến đây và tôi cũng chưa biết nhà anh ở đâu. Thì ra nhà anh ngoài bờ sông gần đấy, anh lồm cồm lên gác.

Vẫn cái áo "tăng quát" và mũ phớt mưa thu Hà Nội loà xoà như năm nào. Bấy giờ chớm thu, mà người Sài Gòn năm ấy đồn rằng giải phóng đã đem cả cái lạnh ngoài kia vào. Mấy người quê Bắc chỉ đợi được mặc áo ấm, đã nói đùa hơi mát mẻ đôi chút.

Đứng trước mặt tôi là một người đã luống tuổi, tôi chỉ nhận ra mang máng cái dáng quen. Khuôn mặt, anh trẻ tràn, võ vàng, không còn béo mập như trước.

Vũ Bằng nắm vai tôi một lúc thật lâu rồi mới thốt lên:

- Ô này, thật mày đấy à? Chúng mày cứ chửi ông bơ sữa, vậy mà ông thì ốm thế này, bệnh thế này...

Rồi chẳng đợi ai mời, anh cởi áo khoác ngồi vào mâm đánh chén. Vẫn tính xuề xòa thế. Nhưng vừa bị một trận ốm nặng, đã phải bỏ rượu. Tối hôm sau, tôi đến nhà anh. Nhà một tầng, hai buồng rộng như đất bụi, chẳng có tủ có đài gì cả. Chị hai đi họp tổ dân phố. Trẻ con thì chơi đâu ngoài bờ sông.

Vũ Bằng lại xuýt xoa khen tôi béo khỏe. Cơ chừng có sự thèm muốn, sự ghét guồng mà thích thú và sự lạ lùng nữa, ở anh. Vì cái thằng "uống nước lã cũng đã say" bây giờ uống tốt, mà anh là cái hũ rượu thì phải kiêng.

Tôi nói:

- Khó khăn thì nhiều đến độ không đếm được, nhưng lòng người yên tĩnh. Có lẽ khỏe nhờ thế, anh ạ.

- Chí phải, chí phải. Ở cái đất loạn này, cứ nát óc ra hại người thật.

Tôi cười:

- Vả lại, những "Mười hai thương nhớ" nữa, còn gì là người!

Vũ Bằng nhếch miệng, mồm mỉm, băng khuâng:

- Ừ còn gì. Ông cũng đọc đấy à!

Rồi anh trầm ngâm nhìn ra sông Khánh Hội trong bóng trăng.

- Mấy năm nay tao yếu hẳn. Đã thiếu đói lại mới bị một chuyến kiết lỵ tưởng chết, như thằng Nguyễn Dân Giám xưa chết bệnh này ở trên Phú Thọ đấy, nhưng rồi chỉ ốm rộc người thôi. Chẳng phải chỉ có mười hai thương nhớ, đã hơn hai mươi năm ở cái hẻm Mèo cá này, còn gì là người. Mà có thương tao không?

NHỮNG GƯƠNG MẶT - CHÂN DUNG VĂN HỌC

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

12. Vân Đài:

Đời chị Vân Đài

Nhà thơ Vân Đài sinh ngày 9 tháng giêng năm 1903 ở phố Hàng Trống. Tôi phải thêm một chi tiết. Trong bản tóm tắt lý lịch ở cơ quan Hội Nhà Văn, bút tích chị Vân Đài ghi: (theo CMT: ngày 15 tháng ba năm 1909) Nhưng đây là công việc của các nhà nghiên cứu với con số, không bận đến những nhớ lại này của tôi. Ngày ấy, anh Nguyễn Cong Hoan học trường Bưởi có những năm trọ ở phố Hàng Trống. Khi đùa cợt, tôi hỏi: "Ông cùng tuổi với bà Vân Đài, mà khi mười tám đôi mươi ông cùng ở phố Hàng Trống, thế ông có lọt được vào mắt xanh của giai nhân không?", anh Nguyễn Công Hoan cười khơ khớ thật sáng khoái:

- Con Minh ấy mà (nhà thơ Vân Đài tên thật là Đào Thị Minh) ba chị em nhà nó đẹp nhất phố Hàng Trống, nhất cả Hà Nội cũng nên. Đuôi chúng nó dài lắm. Tớ có sắp hàng thì cũng phải đứng vào loại ngoài rìa hàng tá, ăn thua mẹ gì!

Phải rồi, cậu học trò trường huyện lên Kê Chợ thì làm sao hớp nổi cái liếng mắt của những con người nghiêng nước nghiêng thành. Bao nhiêu năm về sau, mỗi khi trò chuyện lông bông về những ngày ấy, nói đến chị Vân Đài, trong chỗ thân tình như tôi, khi nào anh Hoan cũng gọi là "cái" Minh, con Minh, "cái con" Minh và trước mặt mỹ nhân đầu thế kỷ thì anh Hoan thân mật, dịu dàng: cô Minh, tôi đề nghị cô Minh... chứ không gọi là Vân Đài.

Thế nhưng một cuộc tình éo le, cay đắng đã đến với con người hồng nhan mà bạc phận này. Một chàng sinh viên quê Trà Vinh ra Hà Nội học trường thuốc đã chiếm được trái tim người đẹp.

Chắc là các bạn trai gái thanh lịch hôm nay nghe câu chuyện giảng mắc tơ tình ngót trăm năm trước có thể thấy xa lạ như một huyền thoại.

Thời ấy, thông thường, trai gái đến thì đều được cha mẹ gả bán, con cái chỉ biết đặt đầu gối đấy. Lễ thói là thế, vậy mà hai người ấy đã gặp nhau và yêu nhau. Dẫu thế nào, trước miệng tiếng thế gian, cũng là chuyện vụng trộm, xấu xa. Cái chàng sinh viên cao đẳng tận miền Nam ra đây học, dù đã đánh tiếng là công tử Bạc Liêu gia tư bạc triệu phú thì cũng không khác chuyện đầu đầu.

Bên nội bên ngoại không ai bằng lòng, lại còn nặng lời, nữa. Thế rồi hai người trốn đi, đem nhau về Trà Vinh. Một chuyện tày đình. Người sắc nước hương trời con nhà dòng dõi bỏ nhà đi theo trai đã chán động cả một thành phố nền nếp nho phong. Họ Đào là một nhà gia thế lâu đời ở Hà Nội. Chẳng phải chỉ là điều xấu xa riêng cho một nhà, một họ, mà tai tiếng lan khắp. Gia đình đã ra trước pháp luật, từ bỏ đứa con bất hiếu.

Nhưng cuộc tình ấy cũng không hạnh phúc. Mười ba năm đằng đẳng ở Trà Vinh rồi phải "A nh đi đường anh, tôi đường tôi. Tình nghĩa đôi ta có thể thôi" (Thế Lữ). Hai con lớn ở lại với cha. Một con trai thứ ba và cô gái út còn trứng nước với mẹ trở ra Hà Nội.

Nỗi đau mỗi tình tan vỡ đã chôn vùi mãi, nhưng cả đời thơ Vân Đài không khuây được nỗi niềm gắn bó với một phương trời mà người con gái ngót hai mươi tuổi đã lỡ bước tới - một day dứt ngược đời. Hình ảnh những "Trà Vinh thương nhớ", những địa danh xa lạ An Trường, Tiểu Cần Càng Long đã hiện hiện trong mỗi lời thơ. Nhớ thương ấy không chỉ là một trăn nghĩ mà là nỗi đau đời người.

Năm 1954, khi hoà bình lập lại trên miền Bắc, chị Vân Đài nhận được đứa con thứ hai theo người ta từ miền Nam ra tập kết. Huỳnh Tấn Khanh năm ấy đã ngoài ba mươi tuổi. Khanh người nhỏ nhắn, thanh tú.

Khanh mắc bệnh dại bẩm sinh - một chứng điên hiền lành.

Tôi đã làm quen với Khanh. Tôi thường nhận thấy ở người bệnh thần kinh có một tư cách và suy nghĩ lạ, như sinh vật ở hành tinh khác tới. Tưởng như sự im lặng hay mỗi câu nói của họ đều ngoài hiểu biết của ta.

Như em Dũng đương học lớp 1 thì loạn óc, cả ngày đi tha thần. Hơn mười tuổi, em theo cả nhà về Quảng Ngãi. Em nhớ Hà Nội đến độ em cố học lại, viết được thư cho tôi. Tất nhiên, nguệch ngoạc vài dòng. Thư nào cũng hỏi thăm sức khỏe bác Nguyên Hồng, dẫu cho mỗi lần trả lời thư Dũng tôi đều bảo cháu là bác Nguyên Hồng mất rồi. Thư sau lại hỏi thăm bác Nguyên Hồng! Có lẽ người điên được hạnh phúc có cái định ninh vĩnh viễn. Nhiều năm, tôi quen Châu ở vùng ngã năm phố Bà Triệu. Tôi đã để ý cái anh ngớ ngẩn này từ hồi anh ta làm bưng bê cho hiệu nem Cát Tồn.

Trẻ con các trường học quanh ngã năm vừa sợ lại vừa hay trêu "Trâu Điên". Ngày ngày Châu đun nước gội đầu cho các hiệu cắt tóc và rửa bát hàng phở, kiêm húp nước phở thừa. Lâu lâu không gặp tôi, Châu đi các hàng quán và hiệu cắt tóc quen, hỏi: Có thấy ông Tây đến không. Châu gọi tôi là "ông Tây" không phải vọc vạc tôi to như Tây, mà có lẽ vì đôi khi tôi cho Châu tiền. Thấy tôi, Châu chụm chân giơ tay chào kiểu nhà binh. Có hỏi, chỉ trả lời dõng một - Đi đâu - Về, ăn cơm chưa? - Rồi. Lấy vợ chưa? - Chưa...

Vài năm nay không gặp, chắc đã chết ở bờ tường nào rồi.

Còn Khanh thì lúc nào cũng xách cái túi cỏi, trong có mấy cái lá cải bắp. Khanh không chào hỏi, hai con mắt đăm đăm nhìn. Tôi đưa tiền. Khanh lắc đầu. Đã biết tính, tôi mua cho mấy liều thuốc lá, Khanh cầm ngay, rút hút luôn một điếu, rồi đi. Con mắt vẫn nhìn đằng trước, cũng lảng lảng như cái bóng lúc đến.

Chị Vân Đài thương đứa con thứ hai này lắm. Chị thường ao ước bao giờ để dành được đủ tiền chị sẽ sắm một cái máy khâu cho Khanh. Có việc làm vui tay thì thần kinh nó sẽ đỡ ốm, sẽ khỏi - chị Vân Đài thường tưởng tượng thế. Vậy mà, cho đến khi hai tay buông xuôi, chị vẫn chưa lo xong được việc ấy cho con.

Chị Vân Đài mất ngày 31 tháng mười hai 1964, thọ sáu mươi một tuổi. Tôi còn nhớ hôm đưa tang chị, Khanh cũng được đội mũ, đeo băng đen, như Hùng, như Tuyết, các con chị, nhưng Khanh không ngồi trong xe tang với mọi người trong gia đình. Khanh đứng búi vào cửa xe rồi trèo lên ngồi bó gối trước mũi xe linh cữu mẹ. Chốc chốc, rít một hơi thuốc lá rồi lại gục đầu xuống, Khanh thương mẹ, Khanh khóc mẹ, Khanh đưa mẹ về nơi an nghỉ cuối cùng theo cách của Khanh. Rồi Khanh còn sống vất vưởng đến năm nào, tôi không biết.

Cái năm bỏ Trà Vinh về lại Hà Nội, chị Vân Đài ba mươi tuổi. Bốn năm sau, Vân Đài tái giá với Nguyễn Khắc Tường, một công chức chuyên viên ngành vô tuyến điện, anh Tường goá vợ. Cuộc tình duyên của anh chị đã toàn vẹn đến trọn đời.

Xưa nay, tôi hay để ý hồ Gươm, không phải đền chùa cũ, nhà máy điện, toà thị chính, bến xe điện Hà Đông ngày trước, mà những cái nhỏ nhặt, nếu người biết chẳng nói thì không mấy ai tỏ tường được. Đôi khi, những lật vạt ấy lại là điều mà các nhà nghiên cứu không thể bỏ qua.

Cụ Trần Huy Bá - Bờ hè các phố giữa Hà Nội nhiều quăng bọc thềm bằng đá núi Thày, núi Trầm - thời ấy, xi măng và gạch ngói phải tải bên Pháp sang, những vỉa hè đá là vỉa hè đầu tiên ở Hà nội. Bây giờ, nếu có sửa các hè phố Tràng Tiền, phố Hàng Khay, mấy quăng phố Ngô Quyền và một số phố khác, xin thành phố đừng cho bỏ đá ộp xi măng với cát mà nên giữ vẻ đẹp và di tích của đá ban đầu.

Ngày trước, ở vườn hoa Cửa Nam có một pho tượng lớn. Tượng thu nhỏ hình thần Tự Do ở cửa cảng Nữ Ước bên Mỹ. Tác giả tượng là một nhà điêu khắc Pháp. Nước Pháp đã đưa niềm vinh dự của tài năng đất nước họ đi khoe với các nước thuộc địa và đặt tượng này vào một chỗ lộng lẫy nhất Hà Nội, thủ đô xứ Đông Pháp.

Cụ Hoàng Đạo Thuý - Đầu tiên, tượng được dựng trên mái Tháp Rùa. Có ý để cho bốn phía hồ đều trông thấy. Nhưng rồi các báo Pháp ở Hà Nội và Hải Phòng đã kịch liệt phản đối. Họ bảo là: Tượng đặt trên cái tháp mỏng manh dễ bị đổ, vì xứ này hay có bão. Vả lại, tượng người đàn bà nà lại ngồi lên nóc cái chùa thì phạm vào phong tục phương Đông. Ông đốc lý Pháp đã phải dỡ pho tượng trên nóc tháp Rùa xuống, khiêng ra đặt ở vườn hoa Cửa Nam. Người qua đường gọi là tượng "bà đầm Xòe" - có ý mỉa mai làm vẻ đối với tượng đồng "Bôn Be" chỗ vườn hoa Nhà Kèn.

Mặt nước hồ Gươm lặn lặn gợn sóng. Từ bên tháp Hoà Phong qua tháp Rùa sang bờ bên này, những đám sóng đỏ nhấp nhô. Mùa thu, cánh hoa lộc vùng rụng từng đám đỏ hây lững lờ rạt sang bên này hồ. Một con rùa ngoi đầu lên đón những cánh hoa.

Chúng tôi ngồi bên mép nước, dưới chân đã tụ lại từng làn cánh hoa lộc vùng đỏ. Chị Vân Đài ngoảnh nhìn quăng dọc lên phố Hàng Trống.

- Nhà tôi trước ở xế ngã ba đầu dốc ấy. Chị em chúng tôi thường rửa rau vo gạo, giặt giũ ở cái cầu ván bắc ra hồ đầu ngõ Bảo Khánh bây giờ. Những tối sáng trăng còn ra hồ tắm. Bấy giờ, những bụi cúc tần phủ

dây tơ hồng vàng rươi cả một mé bờ hồ bên này.

Thế ra chỗ ghế đá chúng tôi ngồi đây, ngày ấy còn lơ lửng trong lòng hồ. Người Pháp làm đường vòng quanh hồ Gươm đã ngang ngược cắt đôi sân đền Bà Kiệu khiến cho cái cổng vào đền phải đứng mồ côi một mình bên kia đường đến tận hôm nay. Nhưng cũng nhờ con đường mà từ đấy về sau lòng hồ bớt bị lấp thêm.

Chị Vân Đài thông thuộc vùng hồ Gươm như người ta quen cái đầm nước y con đường làng. Những quang cảnh không bao giờ còn nữa, nhưng nghe chị kể thì tưởng như phảng phất chỗ cầu Gỗ vẫn cái lạch nước và từ bờ sông Cái vào, buổi trưa, những bãi dâu và cánh đồng ngô tràn nắng đến tận đầu cầu Thê Húc.

Ai mà nhớ được như chị! Những miếu âm hồn đầu Hàng Giò. Ở bờ hồ chỗ Hàng Trống trông xuống, vào những đầu mùa hạ và tháng bảy, hàng phố làm lễ kỳ yên, cúng chúng sinh, khói vàng mã bốc lên như cháy hồ. Trên mặt nước oan nghiệt vô tình kia, chẳng mấy hôm mà không có người ra tắm mình, người sảy chân, vợ vẫn biết bao nhiêu hồn oan.

- Anh có biết một cảnh thật là quê ngay giữa thành phố này. Chỗ bên kia hồ thôi.

Tôi theo chị đi men hồ đến nơi khác thường ấy và nghe chị nói chuyện về tháp Rùa. Cái gò cỏ nhô giữa hồ, vào những ngày đông hanh hao, từng đàn rùa - thật ra, đấy là một loại ba ba, những con rùa có con to bằng cái nia, lên mặt gò phơi nắng. Một nhà phú hộ, ông bá hộ Kim được phép làm công đức xây một tháp trên gò, tháp được người ta gọi nôm na là tháp Rùa.

Đại lộ Hai Bà Trưng quăng giữa ngã tư Hàng Bài và Bà Triệu, trên vỉa hè um tùm mấy cây nhãn, như lẽ đường các phố cũ, nhấp nhô ngôi nhà cổ rêu phong ẩm ướt. Chèn với những toà biệt thự được xây dựng hồi giữa thế kỷ. Nếp nhà tựa ngôi đền ấy là từ đường ông bá hộ Kim, ngày nay con cháu vẫn đương ở. Quá vào trong, một khu vườn, cỏ loang và bóng cây um tùm sang tận bờ dậu các vườn dinh thự bên đại lộ Lý Thường Kiệt.

Bỗng nhiên, chúng tôi lạc vào giữa vắng lặng. Bao nhiêu nhộn nhịp phố phường đã chìm ngấm ngoài kia.

Giữa cái khoáng đãng thôn dã, một tiếng gà gáy trưa không biết trong các bụi cúc tần hay ở một gốc cây nhãn cổ thụ nào. Tiếng gà gáy trong im ắng, cảnh thôn dã thơ mộng vừa khác thường vừa gần gũi xiết bao.

Chị Vân Đài nói:

- Nghe tiếng gà gáy vang ra tận các ngách tường xung quanh, anh thấy thế nào? Tôi rất ưa những nơi như làng mạc mà bước ra cửa đã gặp thành phố. Trước kia, chúng tôi đã tậu một thửa đất khá rộng ở Xã Đàn, có ý định thực hiện điều mong ước ấy. Nhưng cứ nay đây mai đó, không lúc nào được ở lâu Hà Nội. Đến

khi đi kháng chiến về, tôi đã hiến nhà nước chỗ đất ấy. Có gì đâu, chúng tôi đã cao tuổi, đứng trước mảnh đất hoang, thấy cái mơ ước xưa kia và thực tế của mình bây giờ, thật so le, chẳng còn hào hứng và sức lực nữa.

Tôi hỏi:

- Hình như ngày trước từ khi trở về Bắc, chị đã được đi và ở rất nhiều nơi. Tôi nhớ những bài thơ của chị đăng báo Đoàn bà hồi ấy, khi thì viết ở Luang Prabang, khi ở Cham Bát Xắc. Chị đã đăng ở báo nào những câu "Tiếng đêm":

Tưởng hồn thu theo trong khuya vắng

Rủ rỉ cùng hoa nói chuyện đời

Chị Vân Đài trầm ngâm rồi nói:

- Chúng tôi ở đảo Cát Hải bốn năm. Rồi nhà tôi phải đổi ba năm sang Lào, khi Thượng Lào khi Hạ Lào, có dạo ở trên cao nguyên Bôlaven.

Rồi chị lại nói:

- Nhưng mà những kỷ niệm buồn vui nhất đời đối với tôi vẫn là thời trẻ và những ngày kháng chiến. Trước kia được đi lắm nơi thật, như là con người trong cuộc sống nội trợ gia đình, tất nhiên là đường xa cảnh lạ được biết nhiều. Từ khi cách mạng thành công, nhà tôi tình nguyện nhập ngũ. Ông ấy vốn là chuyên môn vô tuyến điện.

"Thế là tôi cũng vào bộ đội. Bây giờ tôi mới có được một đời sống ý nghĩa với xã hội. Năm 1948, tôi gia nhập Đảng trong quân đội, tôi đã đi bộ đội hầu khắp Việt Bắc. Tôi ở trong Ban văn nghệ liên khu 1 và viết các báo: Xông pha, Bắc Sơn, Quân Tiên Phong. Về hoà bình, làm báo Phụ nữ Việt Nam, báo Văn Nghệ...

"Thôi, bao nhiêu gian khổ thì khỏi nói. Nhưng chưa bao giờ tôi có được những ngày sôi động, gây được ấn tượng nhớ mãi đến như thế. Ở thời kỳ này tôi làm được nhiều thơ nhất".

1954, những năm chúng tôi trở về Hà Nội.

Lại một mùa thu tới, mỗi khi nhớ chị, tôi cứ nghĩ đến mùa thu, không hiểu vì sao. Có lẽ vì bấy lâu chỉ nghe chị nói những chuyện buồn xưa và những xế chiều. Dạo ấy, cơ quan có sáng kiến lập một cái căng tin. Ngôi nhà trụ sở vốn là một biệt thự cả mặt bằng tầng trệt là nơi tiếp khách bây giờ, ghép bàn lại làm cái quầy trên bày một loại chai rượu mùi: chanh, mơ, si rô lựu đỏ bán pha với bia cho người Hà Nội đương tập uống bia. Và mấy tút thuốc lá D'rao rẻ tiền với Thăng Long bao bạc. Khi ấy, ngoài chợ, mậu dịch bán phân phối từng lạng muối, cân bột mì Liên Xô thay gạo phiếu và tôi đã công phu biết nhóm bếp thối cơm

bằng sách cũ giấy vụn, ngoài đường tuyết nhiên không có hàng quán và ai mua bán gì, thì cái căng tin ở này cũng là một niềm an ủi cơn sâu nhiều lắm.

Người giữ căng tin là chị Vân Đài. Ừ, con người đã viết cả một quyển sách dạy ai muốn trở thành Người thanh lịch thì ít nhất ở chỗ này cũng là dịp cho người cầm bút thấy được sự thanh lịch và vang bóng.

Căng tin dập dìu mỗi chiều chiều.

Nguyễn Tuân và tôi hay đến ngồi bên thềm cái bồn nước, trên dàn rủ xuống những dây hoa ớt vàng nhòe.

Chúng tôi uống bia Hữu Nghị - một thứ bia đen quý hiếm hồi ấy có nhìn thấy ở quây, khách sạn "Mêtôbon Thống Nhất" mà chỉ khi nào cùng đi với khách nước ngoài mới được mua uống, thật như lá trong chiều thu mặt hồ yên sóng, người đàn bà thanh lịch ấy bước ra.

Cử chỉ và phong thái Hà nội thuở nào, con người của phòng khách, của các thứ salông dài các và sang trọng xưa kia. Mặc dầu vẫn bộ áo đại cán ka ki màu "be" may đồng loạt trên Thái Nguyên, nhưng quần áo là thẳng nếp. Mái tóc hoa râm, vẻ yếu điệu thanh xuân không còn nữa, nhưng cách thức nhấc, đặt chiếc phin và tách cà phê vừa như hững hờ lại thật như ý tứ. Ôi, điệu thuốc lá - chỉ là điệu thuốc lá mà nói là cầm thì không đủ nghĩa, điệu thuốc lá như một búp ngọc lan chín trắng mịn giữa những ngón tay một thời ngà ngọc của chị.

Chị Vân Đài hút thuốc lá thơm. Chị không uống bia, chị chỉ "giúp đỡ" chúng tôi uống bằng cách đặt cái quyển sổ ghi nợ đã để sẵn đấy. Không biết có còn những ai thế nữa chẳng, còn chúng tôi hôm nào cũng uống biên sổ. Thiếu nợ nhà nước vài ba két bia uống chơi đã ăn nhằm gì, chưa khi nào chúng tôi tính đến chuyện trả. Rồi căng tin của chị Vân Đài vỡ nợ, đóng cửa.

NHỮNG GƯƠNG MẶT - CHÂN DUNG VĂN HỌC

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

13. Trọng Hứa:

"Đây gió... đây trong rừng"

Năm 1950, Nam Cao và tôi được chuyển công tác từ báo Cứu Quốc về hội Văn Nghệ. Rừng Chiêm Hoá trên Tuyên Quang xuống huyện Đại Từ dưới Thái Nguyên. Gặp Trọng Hứa trong xóm Yên Dã, chân triền núi Tam Đảo, đã ở cơ quan trước khi chúng tôi về.

Hơn bốn mươi năm đã qua, vậy mà tưởng như vẫn thế. Nguyễn Trọng Hứa biệt hiệu là Phong Giang - tuổi trẻ mơ ước mây gió sông hồ, ai mà chẳng một thanh xuân như thế.

Bóng núi Tam Đảo âm u xanh ngắt trên đầu. Sau này, có lần trông ảnh Trọng Hứa, lần ấy đi công tác, chụp đứng ven tường Vạn Lý Trường thành ngoại ô Bắc Kinh, phương trời và thời gian khác nhau, nhưng vẫn ngỡ như ở xóm núi Yên Dã, Trọng Hứa ôm cây đàn ghi ta mộc thếch - may mà mối đời chưa xông đến.

Tiếng trầm tiếng thanh và câu hát ngân ngơ của một ca khúc Phần Lan, Đào Vũ dịch lời Trung Quốc: Đây gió, đây trong rừng...

Năm tháng vô tình và độc ác, chúng ta lụ khụ cả rồi. Nhưng lặng lẽ trong ta vẫn những muốn, những ước của mỗi người. Ngày ngày, chiếc bóng tha thui rẽ phải rẽ trái sang đường... Ngày ngày... chúng ta...

Trọng Hứa hay nói: Tôi lúc nào cũng đói sách. Tôi nhèm phố phường. Tôi muốn viết. Tôi sẽ viết... Trên hè đường, chúng ta lút vào những ngốn ngang quanh mình. Kẻ quen nhận ra không phải ở cái mã người chẳng còn đáng vương đuôi mắt ai. Ông già từ tốn giơ tay phải ra cho xe đạp, xe máy biết có người làm hiệu sang đường. Xưa kia thì lướt phăng phăng trong cái đám nườm nượp quanh co ấy chứ!

Những ai mắt trắng, chớ tưởng mảnh giẻ lau bát này chưa khi nào đã là tấm lụa Trữ La. Thời ấy trai Hà Nội mê đến cuồng lên, tìm cách được đầu quân Nam tiến, ai đến huyện Gio Linh viếng nghĩa trang Trường Sơn của hai cuộc kháng chiến trên đồi chính giữa, cả nghìn tấm bia liệt sĩ Hà Nội hy sinh 1946-1947... 1953, 1965... 1979... Trọng Hứa cùng một lớp thanh niên sôi nổi và lãng mạn ấy. Chàng tuổi trẻ về quê ở Bắc Ninh rồi với chiếc đàn ghi ta nhập ngũ vào trung đoàn Bắc Bắc.

Tôi chưa công tác cùng Trọng Hứa thời kỳ đầu ở hội Văn Nghệ, khi cơ quan vất vả chạy giặc chiến dịch thu đông 1947, dịch nhảy dù Bắc Cạn, Cao Bằng, ngược sông Lô lên tàn phá Chiêm Hoá. Cơ quan hội văn Nghệ vượt sông Công, sông Thao, ở Thái Nguyên sang Phú Thọ, rồi Yên Dã sang Gia Diên, Văn Lang, Đan Hà...

Sau mới đến những ngày cùng ở Tuyên Quang, qua đò bến Phao Lồ, chui vào rừng Thượng Yên. Khi lên cây số 7 ở làng Dao trong Động Móc chân núi Là.

Không quên được mấy chuyện tiểu lâm. Con tê tê ở đồi chạy ra thung lũng Yên Dã, ông Phan Khôi cuống quýt hò hét giục người ta đuổi bắt “thịt tê tê ngon hơn thịt gà” ở Thượng Yên, ông Ngô Tất Tố xơi thịt lợn lừng của cụ bếp Ban kho, tanh quá, ông Tố mưa ngay ra bếp. Nam Cao quá chén, chửi Sôlôkhốp ầm lên “thằng ấy viết ra chó gì”... Nhưng ai nấy hầu như vương vấn nhiều về thị xã Tuyên Quang, cái Hà Nội tha hương của chúng tôi.

Thường ra thị xã chơi, ai đi những đâu, chiến dịch lên biên giới, chuyển công tác khu 3, khu 4, có khi vào tận miền Nam rồi trở lại đây, Trọng Hứa, Dương Bích Liên, Nguyễn Sáng, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Tuân và những trang hảo hán ngựa hồng súng côn bạt từ mặt trận về hậu phương, lạnh lùng làm điệu ném cương ngựa vắt lên cửa quán ven đường. Hơi hương thành phố theo chúng tôi từ xuôi lên ngược, qua những bầm sáu phố phường tưởng tượng ở Thái Nguyên, ở Đại Từ, ở Phú Thọ, ở Thanh Cù, Vũ Yên tới Bắc Cạn rồi dừng lại thị xã Tuyên Quang “Ngày nào trở lại cố đô. Ôi Thăng Long rợp bóng cờ vinh quang. Hẹn nhau ý thiếp lòng chàng. Xuân mười phương mộng tuổi vàng đêm nay” (Đinh Hùng).

Nào những phở Đất, phở Dơi bờ sông Lô, cà phê, cô Pháo êm êm, cô Hạ máy chém “Cây đa nước chảy”, thế mà ai cũng muốn kể cổ vào, rồi cốc sữa dê tươi nóng cây số 3 đường Hà Giang, riêng Trọng Hứa và tôi hay lui tới. Bỗng dưng nửa đêm trắng sáng ấy giữa đường tôi gặp lại cố nhân. Cầm tay mà không nói được nên lời... Quả thực, nhớ những giảng gió hẹn hò ngoài làng mạc, phố xá thị xã nhiều hơn ở trong rừng.

Thu đông chiến dịch Trung du, chiến dịch Đông Bắc, Tây Bắc, chiến thắng Điện Biên Phủ, ban ngày rồi cả ban đêm, máy bay Pháp lên bom bắn tới bờ mà không đánh gãy nổi Cầu Chả, cái cầu sắt chơ vơ giữa thị xã. Thì chúng tôi vẫn thế thôi. Vẫn nhơn nhơ và đam mê thế.

Cứ như nô giỡn với sống chết, với mọi trang, nghiêm hàng ngày. Có phải tinh thần niềm vui và nghị lực? Bởi lại nhớ những lần lên bến Ngọc làm công tác thu xe đạp của người qua đường phục vụ mặt trận Điện Biên. Xe đạp sang bến, “mặt trận mượn” hết. Chiến trường trên biên giới đương khẩn trương. Mỗi người bị giữ xe được phát một biên lai chứng nhận. Thế là bằng lòng. Rồi lại đổ đi các làng làm công tác vay thóc cho tiền tuyến - Nam Cao đã viết kịch Đóng góp và tôi viết truyện Tạm vay phát hành ngay trong chiến dịch. Lại những hôm xếp hàng một nghiêm chỉnh ra thị xã tham quan trại tù binh Pháp ốm sắp được thả mảng xuôi sông Lô về trao trả ở Việt Trì. Hai lần chi bộ họp kết nạp vào đảng Nguyễn Tuân và Xuân Diệu. Đảng tử Phong Giang đồng chí Trọng Hứa nhiệm kỳ ấy làm bí thư đã cùng chi uỷ quyết định kết nạp hai đảng viên mới. Tố Hữu, một trong hai đảng viên cũ giới thiệu.

Bao nhiêu cái nghĩ trong hai buổi kết nạp ấy. Rồi chúng tôi liên hoan nhảy “sòn la sòn” trên sàn nhà ông chánh Cuốn. Kim Lân búi vai áo Ngô Tất Tố náu vào nhau nổi theo dòng dài Nam Cao, Nguyễn Huy Tưởng, Ngô Quang Châu, Nguyễn Văn Mai, Nguyễn Hồng... có cô Bích Thuận bên hội phụ nữ đến chơi

cũng nhảy góp vui. Đoàn rồng rắn vắn vào lạt xạt sàn nhà, ai nấy hò sòn la sòn... sòn la sòn... và hát réo lên: Dân Liên xô vui hát trên đồng hoa... Dân Liên Xô vui hát trên đồng hoa...

Tài tử Trọng Hứa một mình uốn éo ôm đàn đứng trước đoàn người hí hửng như trẻ con đồng quê làm trò chơi "rồng rắn đi lấy thuốc cho con". Tiếng ghi ta réo rắt và: Đây gió... đây trong rừng... Đây... cánh đồng...

Rồi chiến thắng Điện Biên Phủ. Sắp trở về Hà Nội, Trọng Hứa bị ốm liệt giường. Bệnh sốt rét viêm gan hiện lên vàng lạnh tận mắt, hai tròng con mắt như bơi nghệ. Trần Phương đạo diễn điện ảnh nghệ sĩ ưu tú bây giờ, với Phùng Cung, hai cậu làm văn phòng, đã khiêng người sắp chết ra bệnh viện ngoài Lang Quán.

Thế nào mà Trọng Hứa mò về được, lại vào đoàn tiếp quản Hà Nội trước cả mọi người. Cái bệnh gan kinh niên không vật chết nổi người, nhưng đã thành cục trai gan dai dẳng hành hạ Trọng Hứa đến tận hôm nay.

Trọng Hứa được phân công sang phụ trách văn nghệ đài Tiếng nói Việt Nam. Tình hình mới, đài và các báo đương cần bổ sung. Nguyễn Văn Bổng ở khu 5 mới ra, cùng Bùi Hiến với tôi về phóng viên báo Nhân Dân. Từ Tuyên Quang, báo yêu cầu tôi xuống thẳng Phúc Nhạc, không qua Hà Nội. Dưới ấy, các vùng công giáo nhiều người di cư đương bối rối.

Giữa năm 1946, truyện ngắn Thăng Bần của Trọng Hứa đăng hai kỳ tạp chí Tiên Phong của hội Văn hoá Cứu quốc Việt Nam ở Hà Nội. Có lẽ vì cái duyên ấy mà vào kháng chiến, Nguyễn Huy Tưởng mời Trọng Hứa cộng tác và Trọng Hứa đương ở báo Bắc Sơn đã được bộ tư lệnh quân khu I cho về hội Văn Nghệ.

Trọng Hứa viết không nhiều. Nhưng đọc thì thiên kinh vạn quyển. Ngày nay vẫn miệt mài, cặm cụi đèn sách thế. Lắm lúc bực mình, tôi bảo: Đọc mãi làm gì?

Trọng Hứa hiền lành, nhỏ nhẹ: thành tật mất rồi.

Thường buổi sáng chỉ đậm bạc chén nước chè, phong lưu đôi chút thì tách cà phê. Nhưng không chịu được đói sách.

Trọng Hứa đọc la liệt. Kể chơi cho thấy màu sắc vài món chữ mà xưa và nay con người ấy đã ngốn.

Của nước ngoài và sách dịch: Đôtôiepsky, A. Môravia, K. Malapac, B. Patecnac, F. Sagăng. I. Ka phu, A. Ka bo, G. Simơnơng, H. Milơ, Kapka, Guê... Liều trai chí dị, Hồng lâu mộng, Sử ký, Đông chu liệt quốc, Anh hùng náo, Hoàng Truyền tam pháp yếu, Đạo đức kinh, Nam hoa kinh, Ánh lửa đằng trước, Thánh Tông di thảo, Khoá hư lục, Thiền học, Tuệ Tĩnh, Tuyển tập Mác (đọc có ghi chép hồi học trường Nguyễn Ái Quốc trung ương).

Của nước ta: Nguyễn Đỗ Mục, Đỗ Đức Thu, Vũ Bằng, Hồ Biểu Chánh, Hàn Mặc Tử, Đinh Hùng, Đỗ Tổn, Vũ Trọng Phụng (Trọng Hứa còn nhớ: Đông Dương tạp chí 1939, Nguyễn Giang chủ bút in truyện

ngắn Sao mảy không vỡ, nắp ới của Vũ Trọng Phụng), Nguyễn Bính, Vũ Quần Phương, Phạm Tiến Duật, Bằng Việt, Xuân Quỳnh, Hoàng Thị Ý Nhi. Vũ Thị Thường, Bùi Đức Ái, Võ Huy Tâm, Đoàn Giỏi, Nguyễn Quang Sáng, Ngô Ngọc Bội, Nguyễn Quang Thân, Nguyễn Văn Chuông, Chu Thiên (Trọng Hứa viết thư cho tôi "đọc được đến đâu, do mọi cách có sách trong tầm tay mà thôi. Nếu điều kiện đủ thì thích nhất nghe nhạc, ngồi chơi xơi nước và đọc lung tung, không phải làm việc, không viết, lúc nào muốn đi chơi phố thì đi, về lại đọc, nhưng..."

Trọng Hứa viết ít, mà kỹ. Và có những cái ao ước tưởng như không bao giờ viết được. Người ta thường theo đuổi những mong muốn, đôi khi cũng đơn sơ, nhưng làm được và tới được hay không lại là chuyện khác. Cái chẳng bao giờ lối được ấy đã trở nên khắc khoải suốt đời. Lúc nào Trọng Hứa cũng thiết tha yêu vùng Vĩnh Yên. Những trang sách phẳng phất Vĩnh Yên, từ Nhất Linh đến Đỗ Tốn và cho tới bây giờ dù chỉ hơi hương khoảng khắc, một bóng dáng mơ hồ Vĩnh Yên đã khiến tâm sự anh bồi hồi rồi. Nhưng chưa khi nào Trọng Hứa viết được một chữ về Vĩnh Yên, nơi đã in hình ảnh tuổi thơ, mà dấu cho đời người vui buồn thế nào cũng không phải mờ. Ở đây, những chập chững, bi bô đã đến với thằng út thứ mười bốn trong gia đình, khi mẹ mới sinh đã "ốm thiếu tháng", đến độ đã nên người, nghe tiếng gió kéo kệt chân tre cũng vẫn ngơ ngác. Ở Vĩnh Yên, năm Trọng Hứa tám tuổi, một chuyện không may trong gia đình đã xảy ra.

Ông thân sinh Trọng Hứa làm quản lý cho một chủ đất người Pháp ở Nam Kỳ. Đồn điền lớn, năm thoảng ba thì chủ mới ra Bắc. Người quản lý tay hòm chìa khoá nghiêm nhiên là một điền chủ giàu sang. Chuyện xa xưa ấy tôi chỉ được biết vang bóng. Năm trước, Trọng Hứa đưa tôi đến may, chữa quần áo ở hiệu Đông Hà phố Huế. Cụ Đông Hà lịch sự thưa gửi với Trọng Hứa một điều cậu, hai điều cậu. Ông phó may này ngày trước đã được thuê riêng may cắt xống áo mọi người trong nhà.

Một ngày kia, người đại diện chủ Tây ở Nam Kỳ ra thăm đồn điền. Không biết ông ta với người quản lý vấp chuyện vặc nhau thế nào, quản lý nóng mắt cầm khẩu súng săn bắn ông kia một phát chết tươi. Mấy năm theo kiện thoát được án thì nhà cũng khánh kiệt.

Đỗ thành chung rồi, Trọng Hứa ở lại Hà Nội, ăn cơm trọ chùa Bát Mẫu, học đàn nhạc sĩ Bùi Công Kỳ, sống nhờ vả bè bạn và lang thang.

Kháng chiến, Trọng Hứa vào bộ đội. Ông cụ làm chủ tịch Ủy ban kháng chiến xã rồi tản cư mất bệnh già trên Thái Nguyên.

Ở hội Văn Nghệ, Trọng Hứa chuyên trách công tác cơ quan. Quanh năm chạy gạo, chuyển địa điểm.

Những khi có chiến dịch, dù chiến trường tận Tây Bắc, Đông Bắc ở cơ quan vẫn phải sẵn sàng đề phòng. Bởi địch đã nhiều phen thành linh nhảy dù xuống đánh úp thị xã Bắc Cạn, chợ Mè Phú Thọ, trường đại học Y ở Liễu Sơn chân Tam Đảo.

Trọng Hứa đã biết truyện vừa Gợi khổ (Nhà xuất bản Văn Nghệ) về cái cách ruộng đất và khi hoà bình, năm 1954 cho in tập truyện Quê ta (Nhà xuất bản Văn Nghệ), lấy tài liệu khu căn cứ du kích chợ Cháy, địa

đầu vùng trũng Hà Đông và Hà Nam. Quang cảnh đồng chiêm Quê ta của Trọng Hứa buồn man mác đến chân mây, như những cánh rừng cần taiga bạt ngàn trong truyện Đồng cỏ của Sêkhốp.

Khi ấy, những người có trách nhiệm đã đánh giá cao truyện Gợi khổ, Nhà xuất bản Văn Nghệ in lần thứ hai hàng vạn quyển, nhưng tôi thì tôi thấy ruộng đất hay đồng chiêm không phải là Trọng Hứa. Trọng Hứa không a dua thời thượng được. Trọng Hứa chỉ viết cái gì Trọng Hứa. Hai tập truyện ngắn Ngã ba cuối phố (Nhà xuất bản Hà Nội) và Ngã ba ngã tư (Nhà xuất bản Tác phẩm mới) mới thật Trọng Hứa. Trọng Hứa, người phố phường.

Nhân vật của Trọng Hứa trong hành động, trong tư tưởng, trong triết lý, con người giữa phố xá, như tác giả, là tác giả. Có lúc nào bạn lại ngồi một quán hàng ngã ba, ngã năm mà trông ra. Các ngã đường đấy là những tác phẩm quyển rũ kỳ thú. Bạn dần dần thấy trước mắt đương phơi bày, đương chuyển động. Cái túi, cái cặp đến cơ quan. Chiếc làn đi chợ. Đôi giày, đôi dép hay đi chân đất. Người bước tất tả, người thì nhẩn nha. Một đám túm tóc chửi nhau. Những cuộc gặp gỡ tình cờ, những câu đầu Ngô mình Sở. Cái ô tô cứu thương ở ngoại thành vào đỗ ven hè, người lái xe xuống lôi ra trong gầm xe mấy bùi ni lông xanh Trung Quốc bọc bong bóng rượu lậu Phú Xuyên lên. Người kia đứng thần mặt là cán bộ thuế? Người vừa mất tiền? Hay người sắp định móc túi? Nếu bạn bắt chuyện mỗi người, mỗi kẻ lẽ bất chợt đều hồi hồi tràn vào tưởng tượng và trang giấy. Làm thế nào chúng ta chỉ biết bái phục cuộc sống sôi sục xoay vần. Vô vàn nhân vật con người ngoài đường không người nào biết người nào, nhưng tất cả là trời đất bao trùm sinh sôi ra sáng tạo.

Nhân vật ngã ba, ngã tư đầu phố, cuối phố của Trọng Hứa như vậy. Bóng mờ làn sương thu trôi trong lòng đường, mờ lung và đáng yêu. Đến cái lão xích lô ngái ngủ vừa đạp xe vừa đái xuống lòng đường, hai đầu gối khoảng loảng ngoảng cho kịp đón tàu đêm dưới Phòng lên cũng chẳng nên ghét guồng lão không nếp sống mới. Những hoàng hôn thành phố trong truyện Trọng Hứa mới khác thường sao. Cô hàng gạo nhà mậu chấp tối vừa xong công việc ở nơi sơ tán ngoại thành về. Còi báo động vẫn “máy bay gần... máy bay xa”. Chạng vạng tối rồi mà, cái bếp thối nấu muện còn chấp chờn. Tay đôi kia vừa dựng vôi xe đạp vào gốc cây ven hồ. Sau xe treo buộc linh kinh cái nồn, chiếc mũ lá, túi bột mỳ và chai dầu. Họ vôi ôm nhau rồi tưởng đi hoá ra lại dừng lại. Chốc nữa, đạp ra đến làng tránh máy bay ngoài kia chắc cũng đã khuya.

Nhân vật truyện Trọng Hứa, những người trong nhà ngoài đường âm thầm nặng trĩu lo toan giữa thoáng chớp bom mà chỉ những năm tao loạn ấy mới thế. Mỗi con người không tên đã nhật ký vào đời sống thành phố.

Giọng văn Trọng Hứa ngắn gọn một cách sáng trong, thâm thúy. Như những thẳng góc, những ả gái điếm, bọn cò bạc cặn bã xã hội lại là những đầu óc minh mẫn, những người trong trắng và cao thượng nhất nước Nga, ở tiểu thuyết của Đôtôiepsky.

Một lần kia, tôi được thư Chế Lan Viên ở Sài Gòn kể vừa đọc xong tập truyện ngắn Ngã ba ngã tư. Những truyện ngắn phong cách rất riêng của Trọng Hứa đã khiến Chế Lan Viên khám phá được một mảng

Hà Nội thực mà không thực, vừa mơ hồ vừa chi tiết đến cận kề, Chế Lan Viên chưa biết bao giờ.

Người viết có được vài ba bạn đọc hiểu thấu mình, tưởng cũng đủ.

Ít lâu sau, Trọng Hứa bỏ đài phát thanh về cơ quan cũ. Ngẫm nghĩ, chẳng khác sự tích và số phận các nhân vật Trọng Hứa. Trước mắt mọi người. sự chuyển đổi công việc ấy chỉ là câu chuyện hôm sớm bên hè đường, thờ ơ trôi qua.

Nhưng với cả cuộc đời Trọng Hứa lại là một ngạc nhiên đến không hiểu nổi. Năm ấy, Trọng Hứa muốn lập gia đình. Nhưng không được cơ quan bằng lòng. Bởi người đàn ông là trưởng ban văn nghệ một cơ quan quan trọng, người đàn bà thì lý lịch không rõ ràng.

Buồn quá không biết làm thế nào. Trọng Hứa giận dữ theo lối riêng của người yếu đuối. Trọng Hứa lặng lẽ trở về với chúng tôi.

Cái anh chàng lom đom như chiếc que đóm, bệnh gan vàng úa mặt, mỗi bước rụt rè khễ khàng như đợi tránh trước người ta. Ấy thế mà những "chuẩn người trong mộng" lại kiêu sa, khắt khe đến kỳ quặc. Giai nhân của chàng phải là bồ liễu, không lệ liễu, phải là một nàng Kiều "khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang". Tôi cũng có căn vặn Trọng Hứa về những điều kiện oái oăm "hết ý" ấy, Trọng Hứa lại chỉ mỉm cười.

Nông nổi nhân duyên, làm thế nào! Cái gì bây giờ cũng đưa được vào máy tính, chỉ có tơ tình thì hình như chưa. Có giờ ngón tay bấm từng đốt chung quy rồi cũng lại qua nhịp cầu dải yếm ngang sông mà thôi.

Những nhớ thương xa vắng của anh chàng kiết xác nọ trong truyện của Đốt, ngồi bên cửa sổ hầm rượu ẩm ướt, bắn thủ, xĩa tiền uống đếm từng cốc bia lại ngỡ mình sắp đi làm phò mã lấy nàng công chúa con vua bên nước Ấn Độ. Điều kiện bên trai thách bên gái của Trọng Hứa là nàng công chúa nhất thiết phải gốc Trung Quốc. Tàu lai cũng tạm được, nhưng người đẹp phải béo tốt phẳng lừ như chiếc chăn bông phủ kín giường. Vậy mà Trọng Hứa đã gặp được như thế.

Cô ấy tên là Lầy, cô Lầy Tán Lầy, làm nhà bàn ở cao lầu Bôđêga phố Tràng Tiền. Nguồn cơn họ quen nhau và rồi dan díu đến nặng tình, tôi chỉ lảng máng.

Nhưng tôi biết Trọng Hứa thân quen với cả mẹ đẻ ra cô Lầy.

Tôi cũng hơi biết cô Lầy. Chỉ bởi cô ấy thì bưng bê, mà chúng tôi là khách quen nhà hàng. Nghĩ lại bấy giờ cũng hay. Tiền nong lương soạn vét túi, mà tối tối vẫn la cà được quanh gánh cháo gà, cháo cá, hàng chè hạt sen vỉa hè các rạp Chuông Vàng, Kim Phụng, Lạc Việt chim quay Tứ Kỳ, óc đậu nhà Siêu Nhiên. Rượu Ý Chianti chai quán rơm ở Bôđêga, cơm rang bọc lá sen Tiểu Lạc Viên, cà phê Phúc Châu...

Cô Lầy làm nhà bàn tầng hai. Không phải vì cô đi đôi giày nhung thấp gót mà đoán được cô là người Thượng Hải. Mái tóc Hỷ Nhi xén la tha trước trán, vừa đi khuất vào góc phòng đã réo rắt bài hát "Nhị lang

sơn". Nét mặt, mái tóc và nụ cười, má tròn trắng, phúng phính mà Trọng Hứa thờng tán về thành thạo rằng người Tàu không để ý về nơi ở, chỉ trọng miếng ăn, cứ trông đôi môi hơi đậm của cô Lầy cũng biết.

Tôi đã làm việc chín năm với Trọng Hứa trên Việt Bắc. Bây giờ Trọng Hứa lại về giữa bề bộn công việc, anh tiếp tục những lo lắng ngày trước. Cơ quan sơ tán sang Quế võ, máy bay ném bom kho xăng Đức Giang, lại chuyển về qua sông Hồng, vào mạn chùa Hương.

Không phải tôi đã biết ngay mối tình dang dở ấy của Trọng Hứa. Anh chàng vốn e dè. Ít lâu sau, Trọng Hứa cho tôi tin không vui: mẹ con Lầy Tán Lầy đã về Thượng Hải.

Quán cà phê nhà Lý Hảo ở góc ngách hẻm Đào Duy Từ. Chỗ này không ai tơ vương ai. Chúng tôi lui tới Lý Hảo để cho anh hàn sĩ Trọng Hứa mê cái đẹp đất Trung Nguyên được dịp trải dài nỗi nhớ thương Hà Nội - Thượng Hải. Lý Hảo là một trong hai cô con gái đẹp của “xinh xáng” Lý Quảng, nhà buôn lớn ở hàng Buồm trước kia. Cứ ví quá đi cho sướng mắt, chị em Lý Hảo như Chiêu Quân, như Tây Thi, như Thuý Kiều, tài sắc lồ lộ ở khuôn mặt trái xoan và đôi má hồng kiêu diễm. Chỉ khác, người đẹp Lý Hảo này vừa sắc nước hương trời làm hoa cho quán cà phê, lại khỏe quá, tuyệt giỏi thể thao, thể dục. Hội thi lướt ván hồ Hoàn Kiếm năm nào danh thủ Lý Hảo cũng đứng quán quân.

Chao ôi, ngấm và mơ mộng. Bông hoa Lý Hảo nhớn nhỡ, chồng là thằng Thái thì pha cà phê và thu tiền. Tách cà phê nhạt đường mà chúng tôi rất ưa, trò chuyện đôi ba câu, khi với nàng, khi với Thái. Tôi chẳng bận tâm đến khoảnh khắc chiêm bao của Trọng Hứa mà tôi thú vị tên Thái kia hơn. Có khách mà Thái vẫn mặc may ô trần, lông nách sum sê, dáng thấp lực lưỡng hết một thằng Nhật, vai vuông, mày chối xế, mắt một mí, mặt lăm lỳ, cười nhếch mép.

Những tưởng cứ năm nào cũng đến hội lướt ván hồ Gươm và nhà thể thao nữ Lý Hảo lại chiếm giải nhất và tay Thái thì cứ đứng pha cà phê để cho các ông khách, người chiêm ngưỡng Bao Tự, người mê lại thời bài hát Hà nhật quân tái lai (Ngày nào chàng trở lại).

Không, đời dữ dằn hơn mọi suy nghĩ nhút nhát, trẻ tràng của ta. Rồi thằng Thái ngủ với một nàng khác.

Lý Hảo lấy chồng mới. Cả Lý Hảo và Thái bây giờ đưa bên Mỹ, đưa sang Canada. Hôm rồi, Thái bên Canada mới về chơi. Tôi tò mò tìm nhưng không gặp. Thái bận lên ngược thăm người cô ruột vẫn còn ở thị xã Hà Giang. Lão Sắn đầu bếp nhà đặc sản Phương kế: “Ông ạ, thằng Thái bây giờ béo bụng xệ, để ria Hoa Kỳ”.

Nhưng tất cả những chiếc bóng có thể làm khuây khoả cơn sầu Thượng Hải đưa con người thất tình bất đắc dĩ, phải kể về cà phê Sính. Cũng không hiểu làm thế nào Trọng Hứa am tường cả đến những nỗi khó khăn, ế ẩm khi quán Sính còn ở phố Hàng Da rồi mới dọn về đường Cột Cờ. Lại biết mỹ nhân đã từng là một trong hàng tá nhân tình của vua hộp đêm Bảo Đại. Sinh đã có phen thuê người đi phục năm tóc, xé quần đánh ghen những con Mộng Hà, Lệ Hà nào đó của Bảo Đại.

Nàng chỉ hút "ba số" và quanh năm dù giữa mùa hạ, nàng đều tắm nước ấm pha nước hoa Mộng Vàng Rêve d'Or Pháp chính cống. Cho hay cái anh chàng bột mọc Trọng Hứa mới tỉnh tể và đa tình làm sao!

Mỗi lần đến quán Sính chúng tôi âm thầm xám xịt như cơn mưa rấp vào một xó khuất. Trọng Hứa im lìm tựa một khách lạ - hoặc bởi quá quen nên thân, như không có mình ở nơi khách khứa thiên hạ. Hay thực cũng là ngỗ ngoài mà những tọc mạch nơi thâm khuê kia chỉ nghe hơi cho phảng phất thêm một giọt nước hoa Mộng Vàng vào mây trời Thượng Hải. Tức rằng là chúng tôi không một chút kinh dịch, tình địch, chẳng dám nhô ra khỏi cái bàn âm u để đối mặt với hiệp sĩ kiêu hùng Từ Chi và tổng binh chạy cờ rập hát Trần Quốc Vượng mỗi khi các "xénh xáng" này từng bừng vào chủ nhân nở nụ cười hàng quán ra thêm đón.

Nhưng mà tôi, tôi ấy, riêng tôi thôi, cũng đôi chút một mình biết tiểu thư Sính ngày xưa. Tôi nhấp lách cà phê pha rượu rom nhấm nháp lại những trang thơ ấy.

Cái mụ Sính đầy đà hôm nay - người trong mộng của Trọng Hứa, vẻ khoan thai đài các của mụ không dính dáng mấy may đến cô Sính ngày xưa nhà ở phố Mới - phố Hàng Chiếu đông ngộn người bây giờ.

Sính chưa hẳn được điểm danh vào hạng người đẹp đầu số như cô con gái nhà thuốc lão Đông Mỹ cửa chợ Đồng Xuân mà các nhà thơ giới đây Nguyễn Bính, Đinh Hùng đương mê mẩn. Ngày ngày viết lách, không thì đi nã liên, chè chén còm rồi phất phơ phố xá xem đâu có cô nào đáng để mắt, thách nhau dám làm quen, chịu khó hơn thì cố vào trong một cái, hỏi một câu băng quơ cũng đã hách hơn thẳng khác.

Nguyễn Bính quê kệt nhưng lại mới in tập thơ Lỡ bước róc sang ngang, đi với Đinh Hùng trắng trẻo, nhỏ nhắn, lắm khi bị các nàng thoát đầu nhằm chàng công tử bột này là người đã làm ra những bài thơ nào lòng ai cũng thuộc. Không sao, họ cũng chẳng hơi đâu mà tức tối nhau. Các cha ném bao nhiêu đồng xu, đồng năm xu không cán trả lại vào cái thúng nhồi đựng tiền của cô hàng thuốc lão. Mỗi bận mua một phong, hai người hai phong, ngày mấy phong, hút thuốc đến tuôn khói ra đẳng nách, vừa hút vừa vút đi rồi lại vào mua.

Để được hỏi "cho tôi phong thuốc" điểm theo đôi mắt ốc nhồi của Nguyễn Bính và cái liếc trai lơ của Đinh Hùng... cô Đông Mỹ vẫn dửng dưng. Mấy chàng suốt mùa rét mặc badờxuy mỏngtanhắc dạ trơ khổ tải cứ sớm tối mua phong thuốc lão, cũng bằng bỏ tiền xuống cống thôi. Rồi người đẹp cửa chợ Đồng Xuân lên xe hoa về với một quan tri huyện trẻ, với cô Sính thì khác. Nhà Sính không buôn thuốc lão, không bán chiếu, bán củ nâu như trong phố. Sính là con gái rượu tiên sinh Lý Ngọc Hưng, nhà dịch truyện kiếm hiệp. Chẳng biết ông dịch hay ông bịa, nhưng ông là người Tàu, chẳng hiểu Tàu nguyên chất hay Tàu lai, chỉ biết bạn đọc cho là người Tàu, thì các pho giang hồ mãi võ của ông được khách hơn. Tôi cũng còn đương tuổi mê Thất kiếm thập tam hiệp, Hoả thiêu Hồng liên tự, Hoang giang nữ hiệp, bộ Bồng lai hiệp khách nhà thuốc cao đan hoàn tán Lê Huy Phách hay thuốc đau mắt Từ Ngọc Liên in, mỗi tuần một quyển ba xu. Bồng lai hiệp khách của Lý Ngọc Hưng còn bán được hơn những truyện đơm đặt quá trời như Người cá voi của Văn Tuyền Phạm Cao Cung, Người nhạn trắng của Thanh Đình hay nặng mùi diễm tình bay bướm, Người đẹp mài gương của Tân Hiến.

Hồi ấy, Sính đã phây phây, phổng pháp, thường ra đứng cửa, thướt tha tấm áo dài màu hoàng yến. Bởi ông "via" nhà cô chơi trội, nội thất toàn màu vàng. Hoành phi câu đối vàng chóa. Khăn bàn vàng. Con gái áo vàng, ông mặc sơ mi lụa chuội vàng. Hoa mi vàng- hoàng yến lồng vàng, chim ăn gạo trộn lòng đỏ trắng gà và kê vàng.

Chỉ bởi vì trong bộ Bồng lai hiệp khách của Lý Ngọc Hưng có kiệt nữ kiệt Hồ Điệp tài sử dụng phi tiêu Phi tiêu Kim Hồ Điệp phóng đi, địch thủ mất vía ngã quay đơ. Kim Hồ Điệp cài vào ngực áo người vừa toi mạng một con bướm vàng - xưng danh Kim Hồ Điệp đã hạ thủ.

Vì thế cả nhà Lý tiên sinh chơi màu vàng. Nhưng vàng hay hồ lơ trứng sáo chúng tôi không để tâm.

Hiềm một nỗi, vào cô thuốc lào chỉ mất một xu một phong. Chẳng lẽ chốc chốc lại kiếm có mua một số Bồng lai hiệp khách ba xu. Mà ba xu, năm xu không nhỏ, chỉ vậy đã gọi được một đĩa phở xào giòn, xào mềm rồi.

Những chuyện xa xưa của tôi dừng lại đấy, như mỗi lần đến thăm lều một góc thế này. Nhưng hẵn cái tên Sính, cũng như Lầy, như Sồi với khổ người phổng phao và cái sự Tàu ở người đàn bà nọ dòng kia đã gợi nhớ cho ai. Còn tôi lơ đãng nhìn sang hiên nhà trên. Nghe nói ông Lý ở buồng ấy. Thỉnh thoảng vẫn trông thấy ra đầu tường tưới mấy chậu lan địa.

Nhưng những chuyện nghìn đêm lẻ ở cà phê Sính không phải chỉ có tráng men thế. Hãy sừng sốt dương mắt lên, những địch thủ của Trọng Hứa. Vợ chồng họa sĩ Linh Chi, anh chị của Trọng Hứa đã lên thăm hỏi nhà Sính. Có một bạn người Hoa đứng ra làm mối Sính cho Trọng Hứa.

Chẳng may, lại không đến đâu. Rồi nhà này cũng biến hết. Sang Tây Đức hay Canada, hay Menbuốc, Sít Nây bên Úc. Những giấc mộng kê vàng dài dài của Trọng Hứa có còn tiếp theo chương hồi chuyện Tàu nào nữa không. Chỉ thấy anh chàng vẫn e ấp, vẫn hồi hộp như vốn tính thế. Và con người đường phố vẫn ngày ngày thần thơ. Từng nhà, từng cửa hàng, chú ý nghe ngóng, quan sát, ngẫm nghĩ. Bà Lìn ngã năm Lò Đức xưng là con dâu quán phở tái lăn Nghi Xuân hàng Quạt. Lại bà Lìn người ta lấy chồng Tàu hiệu văn thần phố Huế. Trọng Hứa thuộc cả. Cái hồi văn thần nước, văn thần khô ở hàng Da, ở Cầu Gỗ, các nhà ấy bỏ đi, mấy ông ta cũng vờ đeo tạp dề xanh, cửa treo bảng hai chữ hán "hoành thánh" kèm dòng quốc ngữ: văn thần, sủi cảo Nhưng không qua mắt được Trọng Hứa. Tàu thật, Tàu lai, Tàu dõm, biết ngay.

Gặp Trọng Hứa giữa phố, tôi hay trêu, hỏi bô bô:

- Thế nào, có con nào, con Nga, con nước đá, con nước mắt, chúng nó còn đến quấy ông không?

Trọng Hứa nghiêng mình chào lịch sự, thoáng nhìn quanh rồi thì thào:

- Khẽ... khẽ chứ...

Tôi vẫn cố ý nói to: "... Có con nào thì khai ra...!".

Chưa kịp hết câu Trọng Hứa đã giơ tay làm hiệu che miệng: "Khẽ... khẽ...". Ở hay, cái ông cụ trai tơ còn nhom như con mèo ốm đã chẵn bảy mươi tuổi rồi mà vẫn còn giữ được nền nếp kín đáo tế nhị. Quý hoá thật.

Nhiều bác đến tuổi thì về hưu, Trọng Hứa cũng thế. Cái bình thường một đời cạo giấy hiền lành, lương thiện, thế mà đâm ra cũng khổ. Bác Vạn Lịch tính: bán cái xe máy Giava, gửi tiết kiệm. Lương hưu cùng với lãi tiết kiệm, làm con số cộng cũng đủ từng liệm hết đời. Tự nghĩ chẳng hơn ai kém ai, một đời chiến trận và công tác từ thuở tóc xanh đến nay đầu bạc, thế cũng là được. Nhưng rồi ngân hàng thành linh đỏi tiền. Một nghìn đồng hoá một, một đồng bạc còn ăn có vài tờ.

Bác Vạn Lịch mất cả xe, cả tiền lãi. Từ đấy, triền miên điêu đứng, con người như cái rác quay cuồng giữa cơn lốc mưu sinh. Chẳng biết xoay sở ra sao. Mùa đông tới, đi tìm ông chữa giày, nhờ thăm lại cho những mép dây khâu đã ải. Bệnh áp huyết phải giữ chân ấm, thầy thuốc dặn thế. Nhưng mấy ông giày dép thường đóng đinh treo giày trên tường các góc phố, mỗi năm một vắng. Thời buổi mới, giày hỏng thì vứt xe rác, không vá víu lôi thôi. Chỉ mỗi việc tìm đâu ra ông chữa giày mà cũng loanh quanh ca cẩm cả đêm, thì còn làm nên nổi gì. Người có tuổi đâm mù mị lắm lắm lúc nào không biết.

Cụ Trọng Hứa về hưu, mỗi mùa đông lại tìm lão vá giày, chẳng có nổi cái xe Giava gửi tiết kiệm như cụ Vạn Lịch để được ngồi chửi cái thằng sinh ra chuyện đỏi tiền. Quá nghèo cũng làm cho người ta được đạo sống thanh thản vậy. Nhìn bề ngoài thế thôi, Trọng Hứa cũng lo, phải lo. Bà chủ rượu trước rạp xiếc và bà lão Có bán nước ở hẻm chợ Hôm. Chúng tôi uống nước và rượu suông ở hàng bà Có từ khi chồng bà còn hay chống gậy ra ngồi đầu ghế. Ông chủ cho thuê xe đò đám ma vẫn mặc áo lụa mỡ gà ngày xưa, cái thời trong nhà từng chen chúc vợ hai, vợ ba, vợ tư chứ chẳng vừa.

Làm sao mà hai bà già hàng nước lại một lúc cũng lo lắng giùm cho ông khách lâu năm đến thế.

- Thuốc lá cuốn hồi này bán được, ông ạ.

Chợ thuốc lá bao đương tàn. D'rao, Sông Cầu, Bắc Sơn... xuống dốc. Thuốc Thăng Long, người bên Đình Bảng, chợ Dầu mua tay trong tận nhà máy cả vỏ với giấy thuốc. Đầu lọc, giấy cuốn thuốc "ba số" chính cống được xe tải bên Thái Lan sang theo đường Lào.

Riêng ruột thuốc sợi vàng trộn lá đu đủ, từng mẹt phơi khắp các nhà hàng huyện Từ Sơn. Người hút đâm ra hãi của giả, chỉ còn điệu thuốc cuốn tay thì người biết.

Nghe bà chủ rượu cửa rạp xiếc kể lại: Trọng Hứa đã thành nhà sản xuất thuốc lá cuốn. Cuốn thuốc lá, làm bánh ngọt đưa các quán nước, chuyện ngã ba ngã tư thường tình.

Ngày tám tiếng cơ quan rồi về nhà kiếm việc làm thêm. Người ta bây giờ soi tờ giấy bạc và chỉ vàng, cây vàng lên nhìn nhau, nguyền nhau, chửi nhau. Nhà kia bỗng dừng xe cúp, cát sét, cửa xếp, chó béc giê -

không buôn lậu thì cũng ăn cắp, đi lừa. Người ta thương hại cô ấy hết giờ ở bệnh viện về, ra cửa ngồi quạt bánh đa. Lúc đầu, cô bác sĩ huyết học còn đội nón che mặt trước xoong than. Nhưng sau quạt vướng, cũng bỏ nón. Xóm giềng cười buồn, thở dài khen cô chịu khó.

Cũng may, còn giữ sĩ diện, ông Trọng Hòa cuộn, dán, đóng gói thuốc lá trong buồng, chỗ vắng ngồi đọc sách. Ông không biết làm thế, nhưng giá có thái kèm lá sẵn, lá đu đủ thì cũng chẳng sao. Lá sẵn vẫn để làm dưa và lá đu đủ, quả đu đủ xanh cho vào nồi sáo chó càng chóng nhừ.

Một hôm, bà hàng cửa rạp xiếc bảo tôi:

- Ông ấy thôi quần thuốc rồi.
- Sao thế?
- Chán quá.
- Ông ấy chán? Bà không bỏ mỗi giùm cho ạ?
- Vườn chứ.
- Thế mà ông ấy lại thôi.
- Chẳng thấy ra dưa.

Bà hàng chép miệng:

- Cũng vất vả. Chắc ông ấy không quen.

Một nhận xét phải và một câu nói khéo. Chúng tôi đã chót cả đời ngay xương dài lưng tổn vải rồi, không mỗi chốc khác đi được. Dù có mua giấy, mua sợi thuốc sẵn về thì cũng phải lăn, phải cuộn, hì hục, cầm cúi, tay chân thoăn thoắt chứ đâu như nằm dài đọc sách và đi bát phở.

Tôi cũng không nói lại, hỏi lại Trọng Hứa. Một lần nào đấy gặp nhau, chúng tôi ngồi quán bia phố Thiềng Công. Trọng Hứa hỏi tôi:

- Anh có biết tôi đương làm gì không?
- Lại cuộn thuốc lá.
- Dẹp lâu rồi.
- Thế thì chịu.
- Gác đêm!

Đi gác đêm ôi cái việc gác đêm xa lạ mà chúng tôi thường đọc thấy trong tiểu thuyết phương Tây, Trọng Hứa làm gác đêm. Tôi hỏi lại, Trọng Hứa gật và kể hai hôm nay đi gác đêm cho một hợp tác xã làm vành xe. Ngồi ở chỗ này cũng trông thấy bên kia ngã ba đường cái bảng treo trên tường nhà xưởng "Quyết Thắng" hợp tác xã cấp cao sản xuất vành xe cải tiến. Ấy đấy.

Tôi chẳng biết thế là tốt lành hay cực chẳng đã, việc đi gác cho cái xưởng làm vành xe. Tất nhiên, chắc Trọng Hứa không dám nửa đêm trèo tường dỡ mái kho. Nhà văn đương làm việc tử tế. Như cô bác sĩ huyết học quạt bánh đa ở phố nọ.

Trọng Hứa cắt nghĩa:

- Tôi khó ngủ, ngủ ít, anh biết đấy. Việc này có thể khá hợp. Một cái gậy. Chiếc đèn tám pin. Mười giờ người ta tan ca, mình gác đến sáng. Sẽ viết được một cái gì cũng nên.

Trọng Hứa ra vẻ khoái. Tôi cũng vui lây như trông thấy bạn có đồng ra đồng vào thêm thắt. Ngày trước, tôi đã biết người Miên người Chà gác đêm ở rừng cao su Dầu Tiếng, ở nhà máy thuộc da Thụy Khuê, nhà bia Ô Mèn. Ông Tây đen quần thường đặt cái tích nước trước mặt, cạnh chiếc đồng hồ chấm cầm gậy đàn báo giờ. Mảnh khố tải khoác cho sương xuống khỏi ẩm vai. Hai chân duỗi thẳng. Chiếc gậy để ngang đầu gối. Ông ngủ ngời hay đang thức, trông vào cái mặt râu xồm tối sẫm, thánh cũng không thể biết. Đồng hồ đến giờ, cuộn gai đồng quay lên những tiếng tính tang. Ông đứng dậy, bỏ vào túi chiếc đồng hồ vẫn đương kêu. Xách tích nước, cầm gậy đi, dạo hai tua quanh tường nhà máy rồi lại về ngồi ngủ đúng cái chiếu chỗ lúc này. Trên Việt Bắc, Trọng Hứa và tôi cũng đã nhiều đêm gác cơ quan. Mới dạo trước, làm công tác khối phố, đêm tôi cũng đi tuần tra với tổ dân phòng. Cái đèn pin, cái băng đỏ, cái còi và rà các ngõ hẻm chỗ tối đèn. Việc gác đêm chẳng lạ, nhưng chỉ từng giờ và chưa khi nào gác suốt đêm được trả lương, như Tây đen, như Trọng Hứa thế này, tôi tìm ra câu an ủi vượt đuôi:

- Ủ, sẽ có cái để viết. Cũng hay!

- Chưa biết thế nào. Hồi đi thực tế vào đường sắt công phu thế, cũng chưa viết được. Nhưng cũng có thể hy vọng.

Nhất định rồi. Thành phố ban đêm, lâu lắm chúng mình không biết.

- Ờ, ờ...

Một ngày kia, tôi gặp lại Trọng Hứa.

Trọng Hứa nói nho nhỏ:

- Được một tuần, xin thôi rồi.

- Sao thế?

Trọng Hứa mỉm cười, rầu rĩ:

- Không phải cứ ai ít ngủ thì làm gác đêm được ông ạ.

Cũng lại chẳng hỏi thêm làm gì. Cái câu ngậm ngùi buồn thiu kia mang tính tổng kết và triết lý đã cắt nghĩa đủ.

Bây giờ, thỉnh thoảng vẫn gặp nhau ngoài phố.

Trọng Hứa nhẩn nha mấy phố quanh nhà. Chẳng đủ sức, đủ tiền đi qua hồ Gươm tung tẩy lên vùng cà phê Lý Hảo Phúc Châu xưa. Nghe biết những nơi ấy các hàng quán lại mở, cả người nước ngoài kéo đến chè chén, đông vui gấp mấy lần trước. Đành chịu.

Từ xa, đã nhận ra, dù trên vỉa hè, các lô quần áo cũ, mới Thái Lan, Đài Loan, Nhật treo bán lấp cả mặt người đi Nhưng thoáng trông đôi ống quần quá quen và cái mồm giầy da cóc đã đoán được Trọng Hứa đương đi tới.

Những mối tình hờ, những lo toan ký cốp, những dự định không bao giờ có, ấy vậy. Trọng Hứa vẫn đương cùng những nhân vật hiu quạnh không tên, đi lẫn vào mọi người. Đây... gió... Đây... trong rừng...

NHỮNG GƯƠNG MẶT - CHÂN DUNG VĂN HỌC

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

14. Võ Huy Tâm:

Một hôm, Đức Lân đưa cho tôi một tập bản thảo: “Truyện này lạ lắm, anh đọc mà xem”. Bấy giờ Đức Lân đánh máy chữ cho cơ quan Hội Văn Nghệ. Đức Lân hiểu biết văn học, đánh máy giỏi cực nhanh. Tôi hay nói đùa: "Ngày trước đây hằng năm mở cuộc thi đánh máy toàn Đông Dương- Cô Hoàng Thị Thế con cụ Đề Thám cũng thi đánh máy ở phủ Toàn Quyền đấy. Cậu mà thi ắt phải đỗ ngoại hạng”. Nhưng làm văn phòng thời ở rừng thì linh tinh mọi nơi, việc văn thư chưa chắc đã chiếm nhiều thì giờ hơn hội ý tổ tam tam, chăm đồi rau cải, rau muống vườn, nuôi bè cải xoong dưới suối và đêm đi săn con chồn, con gà rừng và thui chó. Tập bản thảo viết tay dày mấy trăm trang, không biết bằng đường nào: hình như giao thông bên công đoàn đem sang. Tiểu thuyết có đầu đề là Làm reo hay Đình công người viết là Võ Huy Tâm.

Chữ chân phương, không chôn nél gầy nét, vẽ cổ kính tựa tựa chữ các cụ thời cầm bút chấm mực, hoa tay một cái ướm làm đà rồi mới hạ ngòi bút xuống trang giấy. Lối chữ ngay ngắn ấy Võ Huy Tâm vẫn giữ như thế mãi về sau này. Tôi có đọc nhưng cũng biết vậ theo Đức Lân nói và không chú ý. Tuy chữ rõ, nhưng chữa loảng ngoảng rồi mắt trên tờ giấy Hoàng Văn Thụ xộp đen mờ.

Nguyễn Huy Tưởng hỏi tôi:

- Đã đọc cái tiểu thuyết của Võ Huy Tâm chưa?
- Mới thấy. Đọc qua thôi.
- Đức Lân nó nói đúng. Lạ đấy.

Nguyễn Huy Tưởng thường trực cơ quan và chuyên lo công tác nhà xuất bản Văn nghệ. Rồi tôi cũng không cố gắng hơn, nhưng mỗi hôm Nguyễn Huy Tưởng lại kể về cái hay của bản thảo cây bút mới.

- Nó viết về công nhân, công nhân mỏ. Đề tài này chưa có trong văn học ta, tác giả như nghĩ đến đâu viết đến đấy, có cái hay sốt rẻo, nhưng phải chữa nhiều, chân chỉ hạt bột quá làm thế nào vẫn giữ được đặc sắc...

Nói "làm thế nào", nhưng Nguyễn Huy Tưởng lại nói: vẫn lựa là ấy, ta đem dỡ ra khâu lại, làm thế.

- Mình đã liên lạc với bên công đoàn. Tác giả là cán bộ công đoàn hoạt động hậu địch Đông Bắc. Ra ngoài này chữa bệnh, đương ở Bắc Giang. Ta bàn với anh Lành cho gọi sang đây. Phải chữa kỳ được, không thì phí một tác phẩm có thể hay.

Ít lâu sau. Võ Huy Tâm đến cơ quan với chúng tôi. Người mảnh khảnh, mặt sốt rết tai tái hốc hác con mắt ngơ ngơ như nhìn đi đâu. Cái vóc dáng này ở Võ Huy Tâm cho đến bao nhiêu năm sau, khi sáu bảy mươi tuổi, đã già khô héo đi, tôi thấy Võ Huy Tâm vẫn tương tự thế. Lần ấy Võ Huy Tâm ở với chúng tôi có đến mấy tháng. Ngày ngày ngồi vào cái bàn mặt nữa ở góc gian nhà, như mọi người làm việc giờ hành chính.

Nhưng đây là cậu học trò mà thầy giáo Nguyễn Huy Tưởng chuyên kèm cặp. Nguyễn Huy Tưởng rì rầm nói. Võ Huy Tâm cầm bút, chốc lại hỏi. Hai người cứ nhẩn nha ngày rộng tháng dài như thế, không nghe to tiếng.

Cách làm của Nguyễn Huy Tưởng là thế này: từng đoạn một, nên cắt thế nào, nối chỗ nào, chữa chữ nào.

Cái chính là cắt, cắt, không thêm. Tất cả những việc ấy, Nguyễn Huy Tưởng chỉ bàn khi nào Võ Huy Tâm nghe vờ ra rồi Võ Huy Tâm làm. Nguyễn Huy Tưởng không viết hộ Võ Huy Tâm một câu, một chữ. Võ Huy Tâm kỳ khu chép đi chép lại rồi đóng những quyển vở mới. Đến một hôm nào không biết, thành tập bản thảo tinh tươm, Nguyễn Huy Tưởng đưa cho quản lý Nguyễn Văn Mãi đem lên nhà in Tiến Bộ trên ngã ba sông Lô. Mấy trăm trang trước kia, cô lại còn ngót hai trăm trang, đấy là tiểu thuyết Vùng mỏ mà chúng ta đã được đọc.

Lúc rồi rãi, chập tối cơm nước xong hay khi cuộc xới tăng gia ngoài đồi, lồi dần dần làm quen với Võ Huy Tâm. Tâm kém tôi nửa giáp - sáu tuổi, anh đã lang bạt nhiều, vì miếng cơm manh áo thôi. Làm phu hồ, làm cu li bến bãi, làm thầy bói xem tướng, lắm khi đói dài ốm đứng, lẩn thần bắt con dế, con cào cào ăn như đứa dờ người, cảm hấp, anh cười: “Ốm cái bụng móp thôi, chứ cảm oong cảm đơ đâu”. Anh bảo anh chẳng đến trường bao giờ, cứ “khắc học khắc biết rồi được cái chữ”. Có lẽ vì anh sáng dạ, nhanh trí, lại nhớ lâu và có hoa tay nên chữ viết được nắn nót thế. Cũng không phải anh làm phu mỏ đã lâu. Quê anh ở Nam Định, nhưng từ tấm bé đã lưu lạc ở Hải Dương, sang Bắc Giang. Năm 1945, 19 tuổi gặp tổng khởi nghĩa ở Bắc Giang, anh xin được đi hoạt động công nhân cứu quốc. Kháng chiến, công đoàn tỉnh đưa anh lên khu. Ở khu 12, anh được điều ra Hòn Gai, Cẩm Phả vùng địch chiếm. Cán bộ dùng giấy tờ giả công khai mà hoạt động bí mật. Trước kia anh cũng đã ra đây tìm việc, học việc, nhưng giai đoạn này mới là thợ chính cống.

Anh ở một xóm đạo, vận động bà con công giáo thợ mỏ, anh thuộc Tân ước, Cựu ước sách kinh chẳng khác người có đạo, anh lại đã thuộc lòng từ ấu thơ nhiều kinh Phật, cả kho kinh tề với các truyện văn vần Bà Chúa Ba, Hoàng Trừu, anh nói thành vè, anh kể truyện Kiều Liên Tắt Chánh cả đêm, bà con bên đạo cũng thích nghe.

Tiểu thuyết Vùng mỏ là sự thật xưa và nay xảy ra ở Cẩm Phả mà anh đương là cán bộ cơ sở, hoạt động hết sức căng thẳng, nguy hiểm. Vùng bờ biển Đông Bắc, khu công nghiệp quan trọng lại là cảng quân sự, nơi địch tiếp tế thuận lợi nhất cho cả Việt Bắc, các tỉnh Bắc Cạn, Cao Bằng, Lạng Sơn đương còn bị chiếm.

Cán bộ Võ Huy Tâm hàng ngày cật sức đi làm lấy cái nuôi thân, lại phụ trách một khu vực công tác, có khi đi suốt đêm. Chẳng bao lâu, Võ Huy Tâm bị ngã bệnh. Sốt rét đến phát điên, đoàn thể phải đưa ra vùng tự do ở Bắc Giang.

Cách Nguyễn Huy Tưởng giúp Võ Huy Tâm làm lại tiểu thuyết Vùng mỏ như thế thật tài tình. Chỉ khơi gợi cho đến khi Võ Huy Tâm nghe ra và làm. Học và thực tập cung cách vậy giúp được Võ Huy Tâm phát triển sau này.

Tôi trọng thị cho đến bây giờ những công phu bàn bạc kinh nghiệm viết của Nguyễn Huy Tưởng. Tôi cũng đã giúp đỡ cho một số cây bút. Nhưng chưa bao giờ tôi chịu khó và kỳ công được như Nguyễn Huy Tưởng - có khi cũng chịu khó nhưng ấy là tôi chữa hộ. Cho nên thường nếm thất bại và cũng làm hỏng người viết.

Làm thế tôi cho là tôi đúng. Nhưng cái đúng chẳng mấy ai để tai. Mạc Phi đã đưa tôi đọc bản thảo tiểu thuyết hai tập Rừng động. Tôi nói với Mạc Phi nên dồn lại một tập. Nhà văn nước ta thế lực và sức óc đều ngắn - không phải do người viết sinh ra thế, khó cáng được những cái dài hơi. Ôi chao, bạn ấy đã khó nhọc viết cả nghìn trang rồi, mà tôi nói như chơi: bỏ đi một nửa. Tất nhiên, Mạc Phi chẳng tìm theo đề nghị hời hợt của tôi.

Một lần kia, tôi vào bệnh viện thăm Phan Tứ. gặp anh ở cổng đi vào. Khi có rượu, mặt Phan Tứ trắng bệch, nhưng nói thì vui lắm. Phan Tứ ra uống rượu chui ngoài chợ gần đấy. Chúng tôi ngồi ngoài sân, Phan Tứ khoe với tôi Phan Tứ đang viết bộ tiểu thuyết nhiều quyển có tên khác nhau nhưng sự việc và nhân vật bao trùm cả các giai đoạn cách mạng từ Tổng khởi nghĩa 1945 lấy trung tâm là Quảng Nam, Đà Nẵng. Tôi biết Phan Tứ vốn kỹ tính, sửa soạn cho viết thật chặt chẽ, cẩn thận, anh học tiếng Nhật, vì tiểu thuyết của anh có đoạn tả về sau đảo chính Nhật, anh học tiếng Anh, vì tiểu thuyết của anh... Tôi nói ý tứ rằng người viết người đọc mỗi thời kỳ một khác. Những pho đồ sộ vừa tả cánh vừa biện luận của V. Hugo, thời nay chỉ vài chục trang đã xong. Nhà văn đương thời nổi tiếng của Pháp M. Druon có hai bộ tiểu thuyết Gia đình lớn và Những ông vua bị nguyên rủa, nếu vào tay Ban dắc thuở trước chắc phải cả vạn trang Tấn trò đời. Nhưng M. Druon chỉ viết ba quyển mỗi quyển trên trăm trang, r an Tứ hỏi tôi có các sách M. Druon, cho mượn xem, tôi đưa anh bộ Gia đình lớn, vài hôm sau, Phan Tứ trả sách tôi. Phan Tứ không lạng lẽ như Mạc Phi. Phan Tứ nói: "Tôi viết theo tôi đã chuẩn bị".

Tôi còn biết thế nào? Lại góp ý kiến với tiểu thuyết đương viết của Thái Lăng trên Đà Lạt. Nhưng bây giờ Thái Lăng đã đi ở nước ngoài, chuyện cũ kể lại mất vui, thôi chẳng dài dòng. Lù Dín Xiềng trên Lào Cai viết một tiểu thuyết về dân tộc Dáy quê anh dài cả chục vở viết. Tôi chưa gặp anh Lù Dín Xiềng bao giờ, nhà xuất bản nhờ tôi biên tập. Tôi cặm cụi cắt xén, rút lại còn khoảng một trăm trang. Cuốn sách được nhà xuất bản Tác Phẩm Mới in ra, tôi được nghe kể Lù Dín Xiềng bảo với bè bạn quyển truyện này "không phải của tôi mà của ông Tô Hoài". Nhưng Lù Dín Xiềng cũng chẳng gửi tặng tôi quyển nào và từ đấy không còn thư từ với tôi như trước kia.

Nhiều bạn khác nhờ, tôi cũng chữa, miệt mài chữa, thật mất công mà chẳng nên việc, thường chỉ nhận được im lặng. Có người rồi không viết tiếp được - bởi vì tôi đã làm quá đi, có phải bạn ấy viết thế đâu.

Nhưng cũng không phải chỉ gặp những thờ ơ, anh Nông Văn Lạc năm nay 82 tuổi. Tôi đã sửa giúp anh hai cuốn hồi ký Ánh sáng đây rồi và Tiếng gọi miền Tây. Hai tác phẩm đều được nhà xuất bản Văn Học, nhà xuất bản Văn Hoá Dân tộc in rồi tái bản. Không có gì khác, tôi vẫn làm như với Lù Dín Xiềng. Nhưng vì truyện vốn có chất, tôi đánh dấu câu cho mạch lạc rồi cắt và dán. Mới đây, Nông Văn Lạc ở Thái Nguyên về, hỏi: "Tôi có nên viết nữa không?". Tôi trả lời: "Còn có cái anh thấy cần viết thì cứ viết". "Rồi anh lại giúp tôi nhé" "Được, anh “ạ.

Nhưng với những chuyện của Vi Hồng thì khác. Vi Hồng không như Nông Văn Lạc, “đi cách mạng rồi mới biết chữ”. Vi Hồng là nhà giáo giảng dạy văn học dân gian trường đại học sư phạm Việt Bắc. Tôi cũng đề ra chạy chữa truyện Vải Đàng của Vi Hồng như với Nông Văn Lạc. Vi Hồng lại lấy làm bằng lòng, nhưng tôi cũng chỉ làm thế với một bản thảo đầu tiên của Vi Hồng. Tới nay, Vi Hồng đã cho in cả chục tập truyện ngắn và tiểu thuyết. Nghĩa những là cái tôi sửa trong bản thảo ngày trước chắc là có điều hợp, Vi Hồng đã nhận nó và phát triển theo sức sáng tạo của riêng mình. Vậy là cũng có khi làm được. Nhưng mà trước tiên cũng như trong trò chuyện bên nói thì có bên nghe, nhất định phải có sự nghĩ lại và thấu đáo khác nhau. Những bản thảo có thể chữa được cũng ví như gánh phở sẵn thịt, bánh và gia vị chỉ có thái, nấu thế nào chứ không phải mọi thứ lúc ấy mới chạy mua. Tuy nhiên làm được như Nguyễn Huy Tưởng với Võ Huy Tâm, biết là chỉ có kết quả, nhưng mà ngại. Sau cùng, cuốn tiểu thuyết của Võ Huy Tâm được đặt tên là Vùng mỏ, tôi không biết Võ Huy Tâm hay Nguyễn Huy Tưởng đã nghĩ ra tên ấy.

Hơn bốn mươi năm qua, sau tiểu thuyết Vùng mỏ, Võ Huy Tâm đã in sáu tập truyện ngắn, truyện vừa, truyện dài. Trông vào đầu đề năm in sách thì có ba chỗ cách quãng thời gian xa nhau. Tiểu thuyết Những người thợ mỏ (quyển 1 - Không thấy in tiếp quyển 2) năm 1961 rồi mười năm sau mới ra đời truyện vừa Đi lên (1971), lại từ truyện Rượu chát (1981) tới nay, Võ Huy Tâm không in tác phẩm nào nữa.

Tiểu thuyết Những người thợ mỏ (quyển 1), Trịnh Xuân An (Tập chí Học Tập) và một số cây bút phê bình ở báo khác chỉ trích là có tư tưởng "chủ nghĩa công đoàn". Võ Huy Tâm cười hà hà nói: "Biết thế thì viết thế, tôi có sinh ra được cái chủ nghĩa gì đâu". Câu nói hồn nhiên mà thật. Cũng như hồi Nguyễn Công Hoan in tiểu thuyết Đống rác cũ tập 1 cũng bị Trịnh Xuân An cho là theo học thuyết Freud, Võ Huy Tâm còn bản khoản mình biết thế thì viết thế, có nghĩ ra được đâu, còn Nguyễn Công Hoan thì bảo tôi: "Tớ biết thằng Phờ Rốt là thằng nào?" Nguyễn Công Hoan đã nổi tiếng là người ít đọc tác phẩm nước ngoài - còn Freud thì chắc ông không biết là ai thật. Và tiểu thuyết Đống rác cũ những tập sau mới in ra chỉ toàn tích cực và tích cực. Nếu hồi ấy được in tiếp ngay thì những cây bút đã phê bình chê bai sẽ bị lúng túng đến thế nào. Còn Võ Huy Tâm, không biết có viết tiếp Những người thợ mỏ không, chẳng khi nào anh nói đến nữa.

Có lẽ người vốn liếng viết văn trường đoản cú như Võ Huy Tâm, anh chả cần. Từ 1981 về sau Võ Huy Tâm vẫn viết, nhưng lại vừa viết vừa lên cày cuốc với đất vỡ hoang trên đồi rừng rồi làm lều nương ở luôn đấy mà anh đặt cho nơi kinh tế mới khi ho cò gáy cái tên thơ mộng: Thạch Anh Trang. Thoạt nghe,

cảm như Võ Huy Tâm nặng về lãng mạn và phiêu lưu. Có nhà ở phố hẻm hoi lại chui lên rừng, dẫu cho rừng và mỏ ở Hòn Gai, Cẩm Phả cũng chỉ lên qua cái dốc sau lưng phố.

Nhưng cái phiêu lưu lãng mạn của người lao động Võ Huy Tâm cũng có kiểu của nó, anh nói: "Hai vợ chồng đã về hưu mà các cháu còn đương tuổi ăn tuổi học. Củ sắn, quả dứa, cây chè sinh sôi ra cũng thêm được tí chút lương thực với đồng ra đồng vào". Chẳng biết mồ hôi đổ ra có được như mong mỏi thế không.

Hầu hết các tác phẩm Võ Huy Tâm cũng như tiểu thuyết Vùng mỏ đều khai thác một đề tài, một loại nhân vật: người công nhân mỏ hoặc người cơ nhỡ cố gắng trong xã hội trước kia. Những tác phẩm ấy, giá trị nghệ thuật và trình độ biểu hiện đều na ná tiểu thuyết Vùng mỏ. Với người viết, tác phẩm nổi chìm khác nhau là thường tình, không phải cá biệt ở Võ Huy Tâm, nhưng tìm đến nguyên nhân thì Võ Huy Tâm có những biểu hiện riêng. Võ Huy Tâm không hẫng lẹch lại, nhưng cũng chưa phải đã phát hiện và sáng tạo được những vỉa mới. Tại sao vậy? Võ Huy Tâm chột đi sau tiểu thuyết Những người thợ mỏ. Không phải. Cái người đã nói thật thà tôi chỉ viết được những điều tôi đã thấy thì chắc chắn anh ta cũng lơ đãng với những điều ong tiếng ve, không thể mỗi chốc đã dễ dàng bỏ đi được những cái hiển nhiên đã biết đã sống, mà cuộc đời anh thì chỉ có lẫn lộn và mảy mò, chằng chịt với sự thực.

Một ngòi bút thấm sâu một thực tế dữ dội nhường ấy như Võ Huy Tâm sự sáng tạo đặt ra là những từng trải một đời được thể hiện thật mới mà lại cũng thật xưa, như thế mới thực sự Võ Huy Tâm và bước tiến của anh.

Nhưng Võ Huy Tâm đã không vượt lên được khác Vùng mỏ.

Anh chịu khó, cả lo, lại được nhiều điều kiện hỗ trợ, nhưng cũng chẳng nên. Khoảng năm 1954, cán bộ tại chức chưa đủ văn hoá so với công tác đều được đi học trường bổ túc công nông. Võ Huy Tâm đã đi ngay và dùi mài suốt niên khoá đến tốt nghiệp, anh biết cần một trình độ mọi mặt cho người cầm bút mà xưa nay anh mới chỉ học mót, học lỏm.

Nhưng học cũng không vào. Hay là học được, nhưng sự học không giúp cho nghệ thuật biến hoá được kho báu vốn liếng qua những hiểu biết mới. Thực tế trong sáng tác của Võ Huy Tâm có thể có một không hai, mỗi câu đều bề bộn, la liệt chi tiết đặc sắc. Nhưng chỉ vốn dĩ và ngổn ngang thế thôi.

Võ Huy Tâm cũng biết và băn khoăn về cái yếu ấy. Võ Huy Tâm lo, nhưng Võ Huy Tâm lại cũng tự hào - hay là bị tự hào, vì chữ nghĩa giàu có của anh ở mỗi trang viết. Thừa còn thơ đại và khi hoạt động ở cơ sở, khi chung đụng vất vả với mọi tầng lớp, Võ Huy Tâm hoá thân được với tất cả, là tất cả. Câu nói và chữ của anh tinh túy cô đúc như ca dao, tục ngữ. Tôi hay đùa chơi thách thức "đấu chữ" với Võ Huy Tâm - như chơi kéo tay xem ai được, lần nào tôi cũng chỉ có thua.

Trong khi không thấy ra những cái mới hơn - vô vàn cái mới được khai thác ra ở sự việc cũ, thì những kỷ niệm trong trí nhớ lại là sức cản khiến cho những cái hôm nay không thấm vào được. Trau dồi vốn sống cũng là yêu cầu khách quan của hai mặt như vậy.

Nhưng nói cho cùng, bí quyết này ở mỗi người viết chỉ dần dà tự gờ, khó ai mách bảo tức khắc được.

Không tự biết, nhưng Võ Huy Tâm lại biết cái cũ và cái mới liên quan và cần thiết nhau đến thế nào trong sáng tạo, anh biết thích thú cái mới đến mức đặc biệt. Khi đất nước mới thống nhất, Võ Huy Tâm vào Sài Gòn. Võ Huy Tâm bảo:

- Tôi có một kế hoạch tìm hiểu miền Nam thật nặng ký. Tôi sẽ đi một trăm nhà máy. Tôi lần lượt đi 100 nhà máy khắp các tỉnh. Sau chuyến đi thì mình có thực tế 100 nhà máy, anh thấy thế nào?

Tôi chỉ thấy ngồ ngộ. Không bài bác. Không vun vào, tôi nói đùa đùa: "Thế thì làm đi". Và hỏi thêm "Làm thế nào đi được? ". Võ Huy Tâm cười hiền lành: "Không cần. Đến đâu lo đến đấy". Ôi chao, lúc này cả trăm cái nhà máy trong thành phố đang rối mù. Cái còn việc, cái đóng cửa, cái tư nhân, cái quốc doanh mới chuyển vào, tất cả như nghe ngóng. Tự dưng cha căng chú kiết ở đâu đến, chẳng ra cấp uỷ, loại cán bộ gì, đầu đội cái mũ tai bèo nhột nhột của anh bộ đội thả ra, lưng còng chiếc ba lô con cóc mua ở chợ gời, mặt mũi vàng vọt, ngơ ngơ đưa cái giấy giới thiệu... Công đoàn thành phố... Nhà báo... Nhà văn... Rồi ai cho ăn, phải mất tiền hay được mời, ai đưa đi cái nơi rồi ra sao... ra sao... trăm thứ nhiều khê. Chỉ một khu công nghiệp Biên Hoà, liệu có nổi vài ba xưởng?

Chẳng bao giờ tôi hỏi lại cái kết quả "đi thực tế 100 nhà máy". Võ Huy Tâm cũng không kể lại. Có lẽ sau chuyến ấy thấu hiểu nỗi đời hơn là tích lũy vốn liếng, Võ Huy Tâm về rồi đi vờ hoang. Ở trên rừng đồn về những chuyện kinh dị và khác thường, vừa đồn thổi vừa có thật: Võ Huy Tâm gọi trẻ con xóm núi đến anh dạy võ lòng. Võ Huy Tâm ăn sẵn luộc chấm muối cả tháng. Nằm sàn áp đất, có khi đương đêm rần bò vào màn. Có lần người ăn mày mò lên xin ăn, anh đãi cơm, cho ngủ nhờ, hôm sau lại tiễn cả một vác sắn... Ấu cũng là tiếp tục kiểu mơ màng " 100 nhà máy". Cái mỏ sống Võ Huy Tâm đã có, Võ Huy Tâm vẫn chăm chú làm giàu. Tuy nhiên vun đắp những hiểu biết xã hội mới, những ý thức hoà quyền và trái ngược mà thống nhất của những thực tế ấy trong sáng tạo đã thật mờ nhạt, do vậy ảo tưởng lẫn lộn đã thể hiện ngay trong tích lũy, Võ Huy Tâm đắm chiêu, đắm chiêu nhọc nhằn.

Ngôn ngữ văn anh thật lam lũ mà người đọc phải trân trọng. Và nếu văn cũng là người thì kể ra, trong giao du, Võ Huy Tâm và tôi khó có mặt nào hợp nhau. Ấy thế mà có sách in và bản thảo Võ Huy Tâm thường gửi cho tôi. Võ Huy Tâm tính toán dễ thương và thiết thực: "Anh hay viết bài "đọc sách", anh đọc tôi, có cao hứng thì cho vài chữ. Khen hay chê cũng được. Sách in mà chẳng ma nào để mắt đến thì cũng bằng cái rơm, cái rác người ta dừng dừng bước qua".

Không những thế, đôi khi chúng tôi cũng hay bù khú ăn uống, anh nặng về chén, cơm thì đánh đến no thật lực, tôi cảnh giả và uống nhiều hơn. Thế mà cứ vui. Có hôm nhận được mảnh giấy: Hôm nay tôi có tiền... Mời anh... chỗ... giờ...

Võ Huy Tâm ăn cũng khác người. Mặt mũi hom hem nhột nhột như người mới ốm dậy mới ăn mới ngủ. Hôm ấy, ở hồ Tây, có hàng chuối quây qua, Võ Huy Tâm mua một nải chuối tiêu. "Ở nhà sáng tác Quảng

Bá, được quả chuối trứng quốc này tráng miệng thì tuyệt. Ta ăn thử một quả”. Võ Huy Tâm bẻ một quả "Đương mùa tháng tám hồng cốt, chuối tiêu thơm quá". Rồi ăn quả nữa. Cứ vừa ăn vừa thử, vừa nói chuyện. Một chốc, cả nải chuối chỉ còn đồng vỏ và cái đài trơ long lóc. Chuyện ấy tôi chứng kiến. Còn được nghe kể có hôm, Võ Huy Tâm gọi hàng rượu nếp mua từng bát mà ăn sạch cả rá rượu nếp của cô hàng.

Hồi ấy, đầu phố Hàng Lọng còn nhà hàng Văn Phú. Nhà này được tiếng vì mấy món đặc biệt: ba ba tần, thịt sỏ và chân giò luộc. Võ Huy Tâm ngồi vào bàn trên gác, cửa sổ trông xuống đường vào ga hàng Cỏ táp nập.

- Cũng miếng thịt trong con lợn nhưng cái ngon chỗ này chỗ kia khác nhau, anh thấy thịt lợn thì chỗ nào ngon nhất?

Tôi đáp:

- Chủ quán sắp dọn cái ngon lên cho ta. Thịt sỏ hay chân giò...

- Nhưng cái thật là sướng kia?

- Mình thấy hai thứ cũng thế.

- Không, chỉ cái tai khoái nhất. Cái tai lợn nhá sướng răng đến không chịu được. Cái tai, vâng, cái tai lợn. Dứt khoát nó không phải là thịt, cũng không phải là sụn. Nó không gàu gấu, không sừn sựt... nó... sướng quá

Lát sau, Võ Huy Tâm lại hỏi tôi:

- Anh có bao giờ làm thơ không?

- Thuở trẻ, khi mình mới tập tọng viết.

Võ Huy Tâm cười hà hà:

- Tôi thích làm thơ. Làm thơ cũng như chén miếng tai lợn. Tiểu thuyết, truyện ngắn, văn xuôi là thịt lợn, ai cũng ăn thịt lợn. Kiêu kỳ một tý thì người ta ưa thịt lợn đen, ghét lợn lang, lợn trắng Móng Cái. Nhưng đều vẫn là thịt lợn. Văn xuôi thịt lợn. Còn nhắm cái tai lợn là người biết thưởng thức, đấy là thơ. Tôi... tôi...

- Thôi, thôi... Ông cứ đánh hết đĩa thịt sỏ đi.

- Tôi làm thơ... thơ là tai lợn, tuyệt cú...

Tôi cũng coi chuyện ba lợn ấy làm đùa. Trò chuyện với Võ Huy Tâm lúc nào cũng như ờm ờ, anh có

những tiếng à à... ờ... ờ... cười hà hà. Võ Huy Tâm như một nhân vật ngồi trước mặt cho mình ngắm, ngộ nghĩnh, thú vị.

Rồi những năm gần đây, tôi được đọc rải rác thơ Võ Huy Tâm trên báo. Có bài bốn câu, tám câu, anh nằm nhìn lên trần nhà và gằm trời tối suy nghĩ thành triết lý thơ đêm trông ra vịnh Cẩm Phả. Tôi buồn cười. À thơ tai lợn. Có lẽ báo người ta thấy tên Võ Huy Tâm thì nể đăng mà thôi. Nhưng rồi đọc lại - tôi có thói quen khùng khùng không hề ngán những bài thơ dở, thấy thơ Võ Huy Tâm lại có cái là lạ.

Võ Huy Tâm viết không mạch lạc. Rõ ràng dòng nghĩ có đứt quãng, có khoảng cách được chấp nối lại. Ở văn xuôi Võ Huy Tâm dễ thấy, trong thơ thì khó phân biệt. Thật thế, hay tôi bị định kiến về cái năm anh ở hậu dịch, bệnh hoảng loạn phảng phất di căn, cũng có thể.

Năm ấy, tôi đương nằm bệnh viện. Bệnh thống phong mãn tính, khi trở trời sang thu thì các khớp gối tôi lại như rã ra. Một buổi sáng, cô y tá bảo tôi:

- Nhà văn Võ Huy Tâm vừa vào bệnh viện, bác ạ.
- Ông ấy bệnh gì thế?
- Cháu không biết. Xe cấp cứu đưa vào.
- Ông ấy nằm ở đâu?
- Tầng dưới nhà này, khoa thần kinh.

Tôi xuống tầng dưới. Người bệnh đương trong phòng cấp cứu, không được vào. Nhưng hỏi ngoài trực khoa được biết chuyển xe khách Quảng Ninh lên sớm, có ông khách bị ngất. Người ta xem giấy tờ rồi gọi xe cấp cứu đưa về bệnh viện này. Rồi, tôi cũng ghé, nhìn được vào cánh cửa hé. Đúng Võ Huy Tâm, anh nằm thêm thiếp, mặt xanh lét, nhưng không phải vẻ người hấp hối.

Tôi vẫn lo. Tôi dạo loảng quảng ra ngoài sân. Hay Võ Huy Tâm bị trở lại chứng tâm thần. Hay ngồi trên xe thành linh bị "động kinh". Thì cũng những bệnh tương tự. Có thể anh không chết, nhưng mà cứ ngại. Càng buồn hơn khi tôi trông chỗ cái ghế đá kia năm trước, những hôm trời ấm, ông Ba Du lão nghệ sỹ cải lương lừng danh hay ra ngồi sưởi nắng chỗ ấy. Người bị trọng bệnh, biết mình không qua khỏi, hai con mắt chẳng ra đại, chẳng ra dữ dằn, cứ nhìn, mà không nhìn ai. Có hôm tôi chào ông rồi ngồi ghé vào ghế, ông cũng chẳng buồn nhúc nhích người...

Buổi trưa, trông thấy bà kể cầm bộ quần áo đại cán còn gấp nếp tất tả qua sân. Thấy tôi, bà nói:

- Ông ấy bảo tôi về lấy quần áo...

Tôi theo bà vào phòng cấp cứu. Thì ông Ba đã đi rồi. Trong buồng không có một ai. Bác sỹ ra phòng

giấy ký biên bản. Hai cô y tá xuống nhà xác, lấy xe.

Cái xe tải thương trên có cái xác phủ vải, trắng được đẩy xuống nhà lạnh. Không phải người ốm nằm trên, cái bánh xe xác lăn chồm chồm, bần bật, sao trông ai oán thế. Rồi sau tôi kể cho Đoàn Giỏi chuyện ấy, Đoàn Giỏi thở dài.: "Tài tình chi lắm cho trời đất ghen..."

Thuở tiếng tăm vang dậy sóng cồn, mỗi đêm hàng nghìn người hồi hộp xem, ngắm, nghe từng một câu hát, một cái nheo mắt, thì khi, chết, bị cô quạnh thế"...

Tôi không, nghĩ Võ Huy Tâm lại đi như ông Ba Du

Nhưng mà cứ vẫn vợ. Tôi trở vào, giật mình: Cửa buồng cấp cứu mở toang, không thấy Võ Huy Tâm.

May quá, cô y tá mau miệng:

- Bác ấy về buồng rồi, buồng số 6...

Võ Huy Tâm ngồi nhòm nhòm trên giường. Thấy tôi Võ Huy Tâm nhoẻn miệng, cái cái hiên hiên nhợt nhạt như mọi khi, anh, kể lại chuyện bị ngắt phải khiêng vào đây. Võ Huy Tâm đáp chuyển xe sớm Quảng Ninh - Hà nội đến ga Gia Lâm, trời còn mờ mờ. Mấy thằng đầu gấu, đầu chó bất thần nhảy lên ca bin kề dao vào cổ anh tài, anh lơ rồi đi lẫn lừng từng người. Chúng nó chưa trấn đến, Võ Huy Tâm đã xỉu. Thế mà cũng bị mất cái mũ cà khố, không biết mũ rơi hay chúng nó lấy.

Võ Huy Tâm cười:

- Thôi, của đi thay người.

- Thế bây giờ thế nào?

- Bác sĩ hỏi: Bấy giờ anh đã ăn sáng chưa? Tôi trả lời: Chưa. Bác sĩ bảo: Anh ngắt đi vì bụng rỗng thôi. Tôi bảo: Thế thì cho tôi mua bát phở, ăn rồi xuất viện chứ gì? - Phải ở vài hôm cho lại người đã. Hôm nào về, nhờ xe lại bị trấn thì có sức dự trữ, không ngắt được nữa. Tôi đáp: Cảm ơn bác sĩ. Yên trí lớn.

Sự tình Võ Huy Tâm nằm bệnh viện là vậy. Rồi Võ Huy Tâm ra trước tôi. Võ Huy Tâm lên buồng tôi.

Anh cầm cái túi giấy bóng bọc bốn quả táo, nửa cân đường.

- Mai tôi được ra. Tôi biếu anh, để anh bồi dưỡng.

Lạ nhỉ. Võ Huy Tâm với tôi cũng không phải kiểu bè bạn đãi nhau bát phở rồi áy náy cố tìm dịp trả nợ miệng bằng được. Cũng không phải bạn cần quà cáp nghiêm chỉnh. Thế này là thế nào. Quả nhiên, sự lạ đã tới Võ Huy Tâm ngồi xuống, nói:

- Này ông...

- Gì thế?

- Ông nghe tôi đọc bài thơ: Tôi tính giờ rồi chỉ nửa tiếng.

- Anh còn nhớ cái hôm chén thịt sỏ ở nhà Văn Phú tôi đã nói anh có rồi mà cao hứng thì làm vài câu thơ chơi, còn thì phải để thì giờ lo văn xuôi, anh là nhà văn xuôi.

- Nhưng mà...

- Tôi không nghe thơ anh đâu!

Võ Huy Tâm đứng dậy. Tôi nói:

- Cái này...

- Không, biết anh để bồi dưỡng mà.

Rồi Võ Huy Tâm bước ra. Võ Huy Tâm đã không bằng lòng tôi một cách lặng lẽ, nhưng tôi còn băn khoăn lâu về hôm ấy. Vì định kiến không tin Võ Huy Tâm làm thơ, nên bất chợt sổ sàng thế chứ tôi vốn mát tính, khi còn trẻ thì rụt rè, bây giờ thì nhẹ nhàng dừng dừng chẳng phũ mấy khi.

Nhưng rồi tôi nhận được một cái truyện 56 trang viết tay của Võ Huy Tâm - như mọi khi anh thường gửi cho tôi. Vẫn thế, và muốn thế nào không rõ, không bao giờ anh có thư kèm "nhờ đọc hộ" hay "gửi đăng báo giúp". Chỉ biết, thế là Võ Huy Tâm đã không để ý giận tôi.

Cái truyện này Võ Huy Tâm viết 1993, cũng lạ lùng. Đọc nó, hình như tôi đã trông lại tất cả Võ Huy Tâm, từ cái tiểu thuyết còn tên là Làm reo, là Đình công đến khi bề thế thành tiểu thuyết Vùng mỏ - một tác phẩm góp giá trị vào buổi đầu văn học cách mạng và kháng chiến sau 1945. Và cả Võ Huy Tâm trong những tác phẩm đã in ra sau này, có thể nói là thấy được Võ Huy Tâm toàn tập. Những đoạn văn sắc sảo, cả xa xưa và cả nay, chen lẫn sự ngẫm nghĩ cách quãng của bộ óc kinh dị không bình thường - cái không bình thường hài hoà với những ngời ngời thông minh.

Chẳng rõ đâu là nhân vật, đâu là tác giả, cái truyện và nhân vật xuyên suốt chủ đề đã định hướng: nạn tham nhũng và đũa gian tà phải bị tiêu diệt.

Võ Huy Tâm có đưa truyện này cho báo nào, tôi không biết, nhưng tôi không gửi báo hộ Võ Huy Tâm.

Tôi chắc là báo sẽ yêu cầu Võ Huy Tâm chữa, nhiều nhà xuất bản những năm gần đây thường đòi anh phải chữa bản thảo. Võ Huy Tâm không kiêu kỳ nhưng mà cứ bị bắt bẻ lòng vòng thì tiếc thì giờ. - Võ Huy Tâm bảo thế. Hơn bốn mươi năm trước Võ Huy Tâm đã được Nguyễn Huy Tưởng chỉ vẽ cho cử soát lại

bản thảo từng chữ, nhưng bấy giờ chưa phải là nhà văn Võ Huy Tâm. Mà không chữa thì nhà xuất bản không in.

Chỉ có nhà Kim Đồng biết tôi hay đọc Võ Huy Tâm - hoặc Võ Huy Tâm đề nghị nhà xuất bản thế, các anh ấy hay nhờ tôi đọc và biên tập giúp bản thảo Võ Huy Tâm còn đương bị phân vân - tất nhiên, cái nào của Võ Huy Tâm tôi thấy cũng là in được.

Tôi trích dưới đây một đoạn dài dài về truyện ngắn này. Để chứng minh - nếu có thể được, những điều tôi đã cắt nghĩa ở trên. Một sáng tác thật rõ trạng thái người viết, trạng thái Võ Huy Tâm. Cái tuyệt vời đi đôi với cái ngẩn ngơ, có lúc thật tinh tế, thật mới, có lúc lại như ông lão nông ề ề nói chính sách ở cuộc họp xóm, có lúc lại hăng cách quãng...

Nhân vật chính của truyện tên là Ủi, có trình độ chung cấp kỹ thuật. Ủi là ối, cô Ổi. Nguyên âm "o", nhưng người miền Đông nói chệch thành "u", quả ủi, cái chũi. Ủi là con gái nhà làm ruộng. Không hiểu sao, tác giả đã tả lý lịch cô Ủi là hậu duệ tám đời của một võ tướng. Trong cô có hơi hướng máu Bồ Đào Nha. Vì một bà vợ lẽ con hầu ông tướng nọ đã ngủ bụi với một cố đạo người Bồ.

Khi việc trong truyện xảy ra, Ủi đương công tác thanh niên ở nhà máy. Cô phụ trách tờ báo tường lên là Tiếng thợ.

"Lão Bang đã điều tra nghiên cứu ra hệ của Ủi từ thời các giáo sĩ phương Tây chưa sang thì đi đời. Mà đã đi đời thì các gia đình đại nho cũng có phần theo đạo Phật, mà đã theo đạo Phật thì dù không nói ra được, cái ý thức chống ba nghiệp chứng là thâm, sân, si (trong si có kiêu ngạo và ganh ghét) cũng như giới luật là 5 điều răn về sắc, dâm, đạo, vọng, tửu, đã ăn sâu vào tiềm thức của từng người. Sau này, gia đình Ủi mới tiếp thu nguồn văn minh Do Thái trong đó có mười điều răn của đạo đức chúa Lời. Lý lịch Ủi khai là không tôn giáo, nhưng điều răn "chớ làm sự dâm dục" và "chớ muốn vợ người, chồng người" đã trở thành máu thịt của Ủi.

Từng là gái công trường, cô thường ngủ rất say và hể ngủ thì ngáy vang như sấm, có chàng trai nào đến sờ lưng, bóp vú thì còn có thể được chứ, đụng đến "cống thành La Mã" là cô kêu văng lên. Thời này nghiêm lắm. Hãy chuẩn bị giấy bút mà làm bản tự kiểm thảo. Phải tả rõ động cơ tư tưởng và hành động.

Sau khi ra trường, Ủi được gửi về một nhà máy sửa chữa và chế tạo ra các thứ máy. Tư tưởng cô chỉ thích làm văn hoá chứ không là một nhà chính trị chuyên nghiệp. Nhưng cô lại có tham vọng trước khi sáng tạo ra một nhà máy kiểu mẫu trong tác phẩm thì hãy góp phần xây dựng một xí nghiệp tiên tiến trong hiện thực. Cô được phân công sửa chữa công cụ, rồi máy nổ, rồi đứng tiện hàng loạt chi tiết máy. Cô khỏe và tính lại sáng dạ. Các bác thợ bậc cao có tay nghề giỏi rất thích cô làm cho những việc nặng nhọc. Cô vận động anh chị em góp tiền mua cái máy giặt nhãn hiệu "Yêu vợ" của Nhật để giặt những bộ quần áo lao động. Người ta thì thảo về nhà ở, về cách sinh hoạt nhất là những bữa tiệc của Phật, cô muốn tìm hiểu về thực chất trong bữa tiệc này.

Giá thử xuất hiện ở bữa tiệc thì cô cứ như ngôi sao sáng trên màn ảnh. Nhưng trên đường đi đến gần cửa hàng đặc sản, nghe tiếng nhạc giật gân, quan khách đến đã đông đủ, thức ăn đã được bưng ra bàn, Phật chỉ còn chờ Ủi đến. Thì Ủi bỗng ngoặt trở lại. Cô nghĩ mình đến chỉ để làm cảnh cho họ. Để mua thế. Đứng hòng.

"Tiệc tùng hát xướng quanh năm. Hỏi tiền đó lấy ở đâu ra? Trời lại sắp mưa rồi. Những viên ngói kiểu Pháp đóng ầu bằng cát, xi măng: hòn nào cũng vênh vênh váo váo. Nhà không trần. Trời nắng thì người ở trong đó như trong cái bếp tập thể. Còn trời mưa thì nước cứ giọt như rổ xáo. Mình cứ lui tới những bàn tiệc như thế này thì công nhân họ sẽ ghét đổ nọc. Đảng viên mà xa rời quần chúng thì Đảng sẽ bị tiêu diệt. Gương tầy liếp ra rồi đó.

Cô phải luồn lách trong bóng tối để trở về nhà mình. Hệ chiếu sáng của thị xã chưa được tốt lắm. Trong lúc này mình không phải là bọn trộm cắp hay dĩ thoã mà lại thích bóng tối ư? "Sự vật cái gì cũng tiềm tàng những mâu thuẫn bên trong".

Đúng quá. Sáng hôm sau, một anh công nhân hỏi:

- Tối hôm qua cái Mão nó bảo không thấy chị Ủi đi ăn tiệc. Những con tôm hùm to bằng cái này này - Anh ta giơ cái cổ tay như cái dùi đục gỗ kiêng lên - Lòng đỏ trứng gà đánh thành kem, trộn với dầu, xà lách với muối với hạt tiêu để làm nước sốt chấm tôm hùm. Sâm banh nỗ bôm bóp. Đời người ta có sướng không?

- Tôi nghĩ họ ăn mặc lòng - Ông thợ tiện già nói, nhưng họ phải làm thế nào cho nhà máy phát triển, công nhân không khổ là ở được rồi...

"Hồi này công nhân thiếu việc. Hàng xấu quá, người ta không mua. Nhưng Phật nói: "Làm kinh tế phải tính đến hiệu quả cuối cùng". Phật có lý của Phật.

Độc lập, thống nhất rồi, không còn ai bóc lột của ai nữa, thế thì anh nào nghèo là anh ấy dần, nếu chưa phải là đầu óc ngu si!

Nguyên trước anh ta có cái tên là Dương Thanh Danh. Cái tên đó, ba tiếng đầu là thanh bằng, nghe nó thế nào ấy. Vả lại nó lại là một câu trong sách vỡ lòng của bọn hủ nho. Có người bạn biết Hán Nôm nó bảo thế, anh phải đổi tên mới được. Khi vào Đảng, Danh lấy cái tên (bí danh) là Phạm Bần Phật. Dịch mõ cò là nếu phạm vào cảnh nghèo khổ thì phải phạt.

"Tiếng thợ là một tờ báo lớn, nó lớn đến chiếm gần hết một bức tường của nhà máy. Mới số đầu người ta đã đến xem đông như kiến mà phần lớn là các cô con gái xứ Đông.

"Lúc đầu, tờ báo như không nói về chính trị mà bàn về thời trang. Nguyễn Thị Ủi nêu vấn đề các cô gái xứ Đông nhất là các cô con gái thành Đông có quyền mặc váy ngắn, váy rất ngắn. Các bà, các cụ nhà mình,

các mẹ, các cô mình đã từng mặc váy rất ngắn.

Cô lần lượt chứng minh. Váy quai cồng là một thứ mini giuyp! Ngắn đến độ các bà, các mẹ khi đi cấy, đi gặt thường phải lấy rơm buộc giùm gấu váy lại. Đó là phương pháp tuyệt vời biến cái "quần một ống" thành hai ống. Cái gì cũng có tính lịch sử của nó. Chính vì thế cho nên rằng thì là... Ủi kết luận bài báo bằng một khúc "vĩnh cửu ngâm" đọc hết ngày này đến ngày khác cũng không hết: "Lạ gì con gái xứ Đông. Cái váy thì ngắn cái lông thì dài. Lạ gì con gái xứ Đoài. Cái vú bên ngoài, cái váy bên trong. Lạ gì con gái xứ Đông...".

Người từ đâu kéo đến xem báo Tiếng thợ đông quá. Không có tủ ảnh của đại sứ quán nào ở Hà Nội lại người đến xem đông như thế. Rồi người ta cũng phải xem đến những quảng cáo. Nhà máy có bán và sửa chữa các loại máy làm đất, bơm nước, phun thuốc trừ sâu, đập lúa, tách hạt ngô có bảo hành do kỹ sư tài năng Phạm Bàn Phạt trực tiếp săn sóc, bạn đọc thông cảm, văn kẹo kéo thì thường dùng những khẩu ngữ đưa đẩy ê a như hát chèo ấy mà.

Ủi nhìn bằng con mắt của trái tim. Nhu cầu của chị em hiện nay là chưa cao. Xã hội chủ nghĩa đối với chị em là cái gì? Cơm cá và nước chè! Sự ở và sự mặc cũng như nhu cầu văn hoá khác cũng chỉ cần tương xứng với sự ăn. Nếu không mất cân đối (với sự ăn) thì các nhu cầu khác càng nhiều càng tốt. Các chị đã có con, thì tí son, tí phấn, tí nước hoa không xén vào quà sáng (ở thành thị), vào cơm nguội (ở nông thôn) của các con thì đều có thể chấp nhận được. Càng chấp nhận được, nếu là tối biểu diễn văn công. Mà đã văn công thì phải thật hay, nếu không thà bóp vú đàn ông còn hơn. Thừa các bạn văn hoá nghệ thuật Hải Hưng kính mến ạ.

"Ủi có lập trường giai cấp công nhân của mình.

Bây giờ nói đến "lập trường" thì người ta ngán hơn là phó mát "Bò cái cười". Nhưng đây là lương tri, là tấm lòng như bánh đúc bày sòng của Ủi. Là một đảng viên của đảng cầm quyền sống như thế nào đây? Riêng đối với Ủi thì không ngại vì Ủi chỉ thích làm thơ, làm thợ.

Làm thợ lương sản phẩm, có năng xuất, chất lượng thì mới có lương. Bài thơ nào hay thì được in, không hay thì thôi. Tiền nhuận bút một bài thơ đăng báo, nếu tác giả ngã vào hàng chè chén thì phải bù lỗ! Vụ này có lẽ không cần nhân chứng.

Ta đang theo dõi về báo tường Tiếng thợ. Hãy ước lệ với nhau: Tiếng thợ đương đưa ta vào một thế giới trong thí dụ Tiếng thợ mà không có tinh thần quốc tế thì nó còn ra cái hệ thống cống rãnh gì nữa. Không có bài bình luận thời sự thì phải đi đặt. Đi đặt không có người viết thì phải tự viết lấy. Cái loại hình thức nó là như vậy. Vả lại, viết báo tường như văn tế. Người viết, người đọc, thần nghe, người nghe xong rồi đốt vèo đi, nó có như văn bia đầu mà sợ. Vậy Ủi phải viết bài thơ xã luận:

Lại nuốn nhớ nữa ư

Lá cờ cao quý

và

thiên liêng

của Liên Hiệp Quốc

đã được tẩy uế chưa?

Mà còn định nhuộm nước cống ở Li Bi

Bu triệu người dân thích dòng sông nhân tạo

đe dọa nền hoà bình của siêu cường quốc nào

Lá cờ của Liên Hiệp Quốc

Đang định nhuộm cả nước cống và cả máu

Hỡi những người Châu Phi

Hỡi nhân loại

Chúng ta đang nghĩ gì

Về lá cờ cao quý đó?

Về Li Bi

Li Bi

Ký tên: Người đàn bà Ả Rập"

Sau đây là phần cuối truyện, như có đoạn Võ Huy Tâm đã dặn "Nhiều chi tiết trong giai đoạn sinh động hơn trong hiện thực dù người viết luôn luôn nhắc nhở bạn đọc đang sống trong ví dụ. Nó vẫn chưa hoàn toàn trở thành huyền thoại, nếu cái Ủi không đang quét nhà như lên đồng chùi, như ngày còn bé, cô chèo đò bằng tay".

Truyện tiếp theo là nhà máy làm ăn ngày càng thua lỗ, ban thanh tra về phát hiện những tội lỗi và bịp bợm của phó giám đốc kinh doanh “Dương Thanh Danh - Phạm Bần Phạt”.

Võ Huy Tâm kết thúc truyện như sau:

"Phật xuất hiện trong bộ quần áo bảo hiểm lao động ủ rũ như con cò phải bão đứng trước mặt “lệnh tướng” tay đang cầm cái chổi, không phải cái chổi mới được buộc mà cái chổi mòn bởi lưng còn một cái đai. Trong phong trào chống tham nhũng sẽ để ra những vị tướng chống tham nhũng. Vị tướng đó có thể là ngài thanh tra tài chính có trình độ khoa học và nhất là toán học rất cao và cũng có thể có những vị tướng bình thường như cái Ủi.

- Em có tin trên đời này... - Phật ủ rũ như người thất vọng vì tình giờ lâu mới mở miệng - có tình yêu cao thượng, tình yêu thuần túy về tinh thần không?

- Có thể lắm chứ. - Ủi trả lời - Nếu không có nó thì con người ăn ở với nhau ra cái giống gì được?

- Như thế thì anh đã tham ô, đã hủ hoá và cũng đã yêu em bằng một tình yêu cao thượng.

Nói được câu đó, Phật không ôm hôn, không áp má như đối với những “bồ” tầm thường khác, mà ông quỳ xuống để “chiêm ngưỡng” Ủi. Ông cứ thế bé dần, dần biến thành con cò bão, biến thành rác công nghiệp, rác thương nghiệp, biến thành cọng rác phổ thông rồi tan biến vào trong không gian.

Trước mặt cái Ổi

Chỉ có một cái chổi

Như bức tranh minh hoạ một bài thơ

Mà người ta bảo của

Lê Thánh Tông

Rồi bản thảo truyện này Võ Huy Tâm có gửi cho ai, cho nhà xuất bản nào, cũng chẳng thấy Võ Huy Tâm kể lại với tôi. Nhớ lại nó, tôi chỉ ngẫm ngợi, và mong ngóng vu vơ như cái cảm tưởng mọi khi đọc Võ Huy Tâm. Ý chính, chủ đề, cái tâm của người viết rõ ràng mà lại không rõ ràng vì sự thể hiện cứ loăng quăng như thế nào và tình hoa hé ra, ánh lên rồi lại mờ đi từng chỗ. Làng văn thế giới cũng chẳng thiếu người như Võ Huy Tâm. Như tác phẩm tự truyện người tù khổ sai đã thành biệt danh, phổ biến là Papiông. Câu chuyện kể một người bị án oan và những cuộc vượt ngục ly kỳ. Tác giả, nhân vật chính trong truyện khi về già và đã viết lại đời mình. Nhưng ông viết tác phẩm thứ hai đòi hỏi nhiều tưởng tượng và sáng tạo thì nhạt hẳn. Nhưng Võ Huy Tâm không phải, không giống ngài bút Papiông. Võ Huy Tâm tràn đầy cái để viết xưa cũ đã có và những nóng bỏng thời nay cũng không thiếu. Nhưng Võ Huy Tâm đã cuốn vào những vẩn vơ mà tưởng là đương cất công khám phá. Mỗi người viết đều có thời không phải là lúc nào cũng tình hoa và sức lực nhất, tôi thường nghĩ.

Và Võ Huy Tâm lại làm thơ! Các bạn ở Quảng Ninh nói anh làm thơ nhiều lắm. Võ Huy Tâm không bức tôi đã can anh đừng có thơ thần, nhưng Võ Huy Tâm cũng chẳng để ý lời tôi nói. Võ Huy Tâm vẫn làm thơ, càng làm thơ. Lại viết cả truyện ngắn bằng thơ.

Bài thơ dài đầu đề là " Nhựa sống cây trí tuệ - truyện ngắn có vần của Võ Huy Tâm" đăng trên tạp chí Diễn đàn gần đây. Một đoạn mở đầu:

Tổ kiến! Kiến tổ!

Vừa đổ vừa giáng

Đổ bạn

Quả gì to nhất

Không kể quả chuông

Quả núi

và quả đất

Hoặc trứng của động vật như trứng chim khổng lồ

Cây của nó chính là cây trí tuệ phương Đông

Người Ấn Độ gọi là bla mít sa

Cây đó được trồng từ đời ông đời cha

Người Trung Hoa phiên Bà la mật.

Ta gọi nôm na là cây mít

Đời con ăn quả

đời cháu làm nhà

Gỗ của nó người ta có thể tạo ra toà sen, tượng Phật

Đóng bàn thờ và tiệp đồ thờ

Cả giá nển, cây đèn, bình hương bình hoa

Cả những cái lồng oản có đáy rời

Những cái đài có nắp sơn

son thếp vàng

như đồ mỹ nghệ

Dùng để đựng chén khi tế lễ

dẫn rượu

dâng trà

Lá của nó thường được lót dưới đáy phẩm oản

hoặc gấp cuộn bồ đài đựng cháo hoa

đem phát cho thập loại chúng sinh

Hơn nữa lõi của nó được đẽo thành cái mõ

(Tinh tinh - cúm!)

Rồi những đoạn sau chẳng bận gì đến cái dài dòng mở đầu này. Ấy thế nhưng ở " Nhựa sống cây trí tuệ phương Đông" cũng nhật ra vô khối câu chữ đặc biệt Võ Huy Tâm, những câu chữ dân gian được lấy ra từ cuộc sống. Cách nói như hát đố cổ “ Tổ kiến! Kiến tổ! Vừa đố vừa giảng”. Tục ngữ sinh hoạt và nhận xét " Đòi con ăn quả, đòi cháu làm nhà". Những chữ hay, chữ chính xác (giá nển, cây cây đèn, cái đài, bồ đài, tiện đồ thờ, lồng oản có đáy rời, dẫn rượu...). Và lối kể câu chuyện thật nôm na, lôm lam.

Nhưng thôi, còn đông dài nữa mà chi!

1997

Mục lục

O Chuột:

Tuổi Trẻ:

Truyện Gã Chuột Bạch:

Đôi Gi Đá:

Một Cuộc Bế Dâu:

Mụ Ngan:

Đực:

Cu Lặc:

O Chuột:

rong nhà, không kể người, thì chó và mèo làm chúa tể. Chó giữ về mặt bộ, mặt thủy. Hẳn có phận sự chạy nhông khắp chốn, để đánh hơi, để hỏi han và để mắng những người lạ đi tơ lơ mơ vào trong ngõ. Có khi cao hứng, hẳn lội xuống ao, tắm; hoặc nếu có ai cầm hòn gạch ném vào nước và huýt sáo mấy tiếng, hẳn cũng động cựa mà nhảy tùm xuống. Một đôi bận, sự đùa cợt của hẳn cũng được việc. Ấy là khi hẳn bơi ở trong ao để dồn vịt về chuồng. Chó hay lèm bèm, ửng oảng, sinh sự nhỏ nhen. Nhưng tính tình lại phôi bò, dễ dãi và thường chóng quên.

Còn mèo, rất khác. Mèo lừ đừ và nghiêm nghị tựa một thầy giáo nhà dòng, trên mình có khoác bộ áo thâm. Hẳn có cái cốt cách quý phái và trưởng giả. Lúc nào cũng ra vẻ nghĩ ngợi như sắp mưu toan một việc gì ghê gớm. Có phải thế chẳng, hời cái gã lừ đừ và nghiêm nghị kia? Gã lại càng làm ra vẻ khó hiểu tợn. Nhưng cái vỏ ngoài chưa thể đủ nói rõ được bề trong. Biết đâu, mèo ta không khó chịu như mình tưởng. Mà vốn hẳn lại lành hiền cũng nên.

Hôm nay, tôi kể chuyện một gã mèo, một gã mèo trẻ tuổi. Y sống lặng lẽ trong một nếp nhà ngói cổ kính, giữa một vườn cây, ở làng Nghĩa Đô, cùng một sân với bọn chó, bọn gà ri, bọn ngỗng.

Y là một chàng mèo mướp. Giống đó, nhà quê người ta nuôi nhiều. Cái bộ lông mèo mướp thực là kỳ dị. Nó vừa trắng màu lụa, vừa xám màu tro, lại vừa đen xin. Khắp mình, ba màu ấy trộn lẫn với nhau, mà trộn rất nhỏ, hòa hợp lại thành một màu đặc biệt như màu cái chăn dạ của các chú lính tập. Chỉ ở dưới bụng mới có một mảng lông trắng mềm mềm. Màu mướp ấy trông bẩn, vì đen ngòm ngòm, nhưng chính ra sạch lắm. Nó sạm như đất, mà không phải là có đất bám. Nó lại mờ mịn như tro ở bếp phủ lên - bếp tro là chỗ ngủ tốt nhất của loài mèo - mà thực ra cái bờm lông xấu xí đó chẳng vẫn một chút tro bụi. Ngắm thì không đẹp mắt, nhưng nếu sờ tay vào, nó mịn mượt như sờ tay trên tấm nhung tơ.

Hai mắt mèo tròn và quắc lên như đôi hòn bi ve để dưới ánh sáng mặt trời. Hẳn không có môi, song hẳn có cái mũi đo đỏ, đẹp như cặp môi son hồng của cô con gái mười tám đương thì. Không ai ưa cái mũi mèo đỏ. Người ta bảo mèo mũi đỏ là mèo hay ăn vụng. Hai bên mép hẳn có hai hàng ria cứng ngắt như ria làm bằng thép nước. Lũ trẻ con, có lúc nghịch đùa ngửa hẳn xuống, lấy kéo cắt trụi cả đôi hàng ria suôn đuột. Nhưng chỉ qua ít ngày, những sợi ria lại trở ra như thường.

Gã mèo mướp ăn ở thì giờ như một người đúng mực. Ban ngày hẳn ngủ hoài; cái dáng mèo nằm, dáng êm, dáng nhanh, dáng lạng, đẹp biết bao. Lúc bấy giờ thân hẳn nhẹ muốt, chỉ như một chút gợn gió phẩy bay một nắm bông gạo nỡn.

Mà giá ban ngày hăn có thức cũng không làm gì; hăn chỉ nằm gù gù. Để đến đêm, trong cái bóng tối mung lung, hăn mới ra tay hoạt động. Hăn đi rà rà thâu canh như người trương tuần.

Gã mèo có cái vẻ đạo mạo như một ông đứng tuổi, đương bắt đầu để râu. Hăn hiền hiền mà lại ang ác. Nghĩa là trông hăn thì không tài nào đoán được trong óc hăn nghĩ ngợi gì. Mà chừng hăn chẳng tư tưởng chi ráo! Hăn chỉ là một người rong chơi lông bông. Chẳng đã có những bác trông mặt thì ra đáng dăm chiêu tư lự mà thực ra trong đầu không chứa đựng một ý nhỏ nào.

Gã ngồi đây, ở trên mặt gai bẽ. Hai chân trước đứng thẳng, đôi chân sau gập lại, y lối ngồi xổm. Đôi mắt nhìn xa xôi... Thỉnh thoảng, theo thói quen, hăn đưa cẳng chân phải lên để gãi mép cũng như người ta sờ tay lên vuốt ria cho nó oai vậy.

Trời đã xế chiều rồi. Một chiều thu êm ả. Vài gợn nắng vàng nhạt đọng lại trên những tàu cau rách rưới màu xanh om. Bên nhà ngang tiếng guồng tơ quay đều đều. Trên đường cái lũ trẻ con đi học về, vừa chạy thi nhau vừa la, nghe vang động xa vời vợi. Ngoài giếng khơi, người kéo nước rào rào. Cái gáo mo lạt xạt đụng vào thành giếng đá.

Trong bếp lặng tờ. Bây giờ là sau bữa cơm chiều, người ta không dùng đến bếp nữa. Gã mèo mướp ngồi ngắm trời, ngắm đất mãi thì cũng chán. Gã bèn đứng lên, uốn cong cái lưng và nhuôi bốn chân ra để vươn vai, rồi đi về căn nhà hiu quạnh. Hăn bước đi từ tốn và uyển chuyển như một con hổ nhỏ. Khi qua gốc cau, chẳng biết ý định ra sao, hăn leo tót lên ngay, quào quào mấy móng sắc vào cái vỏ cây cau ráp trắng, rồi lại tụt xuống, lại đi lếu đếu, đạo mạo như trước. Hăn thường có những cử chỉ rất đột nhiên. Hăn làm bất ngờ như trong lòng đang khoái một điều gì mà hăn vừa nghĩ đến. Luôn luôn gã mèo mang một nét mặt tư lự.

Y vào ngồi thì li bên bếp tro. Y nghiêng màng tai để dũi vào một ông đồ rau, to bằng hòn gạch vồ lớn. Lúc nào y cũng ngứa và cũng cần gãi.

Bỗng y đứng im. Y ghéch đầu lên. Hai cái tai mỏng vênh ra để nghe ngóng. Hình như có tiếng lịch kịch ở sau đồng củi. Nhưng khi bước lại thì không thấy động gì nữa. Gã quay đầu ra, ngược mắt nhìn lên đám mạng nhện mắc bờ hóng đen sạm, bị gió đưa lúc lắc trên trần bếp.

Có tiếng động thực. Lần này gã mèo dúm bốn chân lại bước từng bước rất nhẹ vào phía đồng củi. Đồng củi đó người ta để phiền quá, vừa chượng bếp, vừa làm cái rừng bùm tum, chỉ tiện cho quân gian núp náu.

Giống mèo là một giống, đứng ở chỗ nào, không thể chịu có được một tiếng động nhỏ. Đã có khi gã mèo mướp nằm ngủ suốt đêm ở trên đồng củi. Đây là chỗ ra vào của lũ chuột ngày, cái lũ chuột con rất vô danh, hễ tha được một hột cơm nhỏ cũng chạy thọt ngay vào đó để nhấm nháp.

Mèo và chuột là đôi loài có thù không đội trời chung với nhau. Mèo ghét chuột quá, ghét kịch liệt.

Ý giả mèo ta tin rằng giống mình là giống giỏi nhất thiên hạ; những tên chuột, tất cả lò nhà chuột, chỉ đáng đem thân làm nô lệ cho loài mèo thần thánh. Thế mà cái giống thấp hèn ấy không biết điều lại cứ hay tắt mắt, táy máy, bặng nặng làm nghịch mắt và rác tai ông bề trên.

Hai cái tai gã mèo mướp hơi động dậy. Ấy là khi gã đương hết sức lắng nghe. Tai mèo mỏng tanh, gần soi bóng qua được, dỏng lên như chiếc tai lừa tí hon. Cái vành tai rộng mở và loe ra. Chả trách gã nghe rõ lắm.

Gã khum hai chân trước xuống, nhìn vào gậm đồng củi. Rõ ràng gã trông thấy một cái đuôi nhỏ mà dài thò lò dưới một mẩu gỗ. Đúng cái đuôi chuột. Gã nép về một bên, thon người lại.

Lúc này trông gã mèo quái ác dị thường, thoát hẳn cái dáng lừ đừ, hiền hậu hằng ngày. Y quờ quờ cái chân. Sau y biết là làm thế hấp tấp quá, phải chờ cho cái đuôi chuột lúi ra nữa mới được.

Lại có tiếng rúc rích ở trong. A, có hai thằng chuột rừng mỡ đang đùa nhau. Chúng nó hẳn đến ngày tận số. Ai đời chuột lại dám đánh đu ở miệng mèo!

Tuy cáu, nhưng mèo cũng đủ kiên nhẫn để chờ cơ hội tốt đến. Trong kia, hai con chuột vô tình, vẫn đùa cợt vui vẻ. Nhiều lúc, có nhách lại chạy ra tận ngoài, thò cái mõm nhọn ngửi chung quanh. Lộn tiết, gá mèo đã toan chộp. Nhưng chuột lại chạy ngay vào mất. Con mèo lại im lặng, chịu khó ngồi rình.

Bóng tối chụp xuống mau nhẹ. Vừa mới nhọ mặt người. Bây giờ đã đêm hẳn. Đêm nay là đêm rằm. Mặt trăng đã nhô tròn ở đằng đầu tường. Một mảnh sáng nhờn nhợt in trước sân bếp.

Trên nhà, người ta đã quẹt diêm để châm đèn sáng cho trẻ học. Tiếng những đứa trẻ ra ao rửa chân, vừa đi vừa khua guốc lóc cóc. Hai chú chuột ở trong gậm củi, đáng hẳn thày trời tối thì muốn ra ngoài kia lắm.

Cái thằng mèo mướp ốm bệnh hen cò cử quanh năm mà không chết ấy, bữa nay tất đi chơi đâu vắng; nếu nó có nhà tất đã nghe thấy nó rên gù gù ở trên đầu ông đồ rau. Chúng mình ra ngoài kia đùa một tí hoặc kiếm chác được cái gì ăn thì hay quá.

Hai cái đầu ló ra. Rồi hai gã chuột bước hẳn ra khỏi đồng củi, đi lẩn về phía bếp. Chúng vui vẻ cãi nhau choe chõe.

Hai cái bóng bé nhỏ quá, chụm lại với nhau chưa bằng được một ngón chân cái của người lớn ta. Đây là hai con chuột nhắt. Chuột nhắt bé hơn chuột chù. Nhưng nó nhanh và hoạt hơn nhiều. Anh chuột chù có cái mõm dài nghêu - cứ vác mõm đã đủ mệt - đi đến đâu cũng rụt rụt rè rè. Hề hơi có cái gì đáng sợ là vội hốt hoảng chạy cuống lên, vãi cả đái và kêu rối rít. Đã thế lại còn chậm và cũng không biết leo tường, leo cột, chỉ ở luẩn quẩn sát mặt đất. Thật là một thứ chuột cùng dân, thấp kém

nhất trong xã hội chuột. Vậy mà thiên hạ lại ưa thứ chuột đó. Không phải ưa cái thân hôi hám của nó - chẳng đã có câu mĩa: “hôi như chuột chù”, - nhưng người ta chỉ ưa có cái tiếng kêu: “chuúc... chuúúúc...”. Các cụ ta nói: Ấy là chuột chù bảo: “túc túc” nghĩa là “đủ đủ”. Nhà ai, chuột chù mà cứ “túc túc” luôn, ắt nhà ấy hẳn sắp có việc phát tài.

Và đây chỉ là hai con chuột nhắt. Thân chúng nhỏ nhắn, mõm xinh xinh vừa phải, về sự nhanh nhẹn, phải biết rằng nhờ ở cái thân hình bé bỏng, chúng leo vun vút, chạy nhoăn nhoắt như có phép biến hóa.

Thoạt thấy bóng đôi chuột lúi húi ra khỏi đồng củi, gã mèo mướp mừng khắp khởi. Nhưng rồi gã chán đờ ngay ra. Tường chuột chiếc to tát thế nào, chứ nếu biết chỉ là hai chuột nhắt nhép ranh ấy thì gã đã bước từ nãy, không phải tốn công, tốn hơi sức mà rình nấp vô ích. Mèo ta cũng khá đại lượng. Song thực cũng tại cái tính lười nhác cố hữu, chả muốn cắt đại công trình mà chỉ được có một tí ti kết quả đấy thôi.

Nhưng đã thế này thì cứ bắt chơi. Hầy! Đùa một mảy vậy. Nghĩ vậy, mèo ta co lưng lại để lấy thế, rồi vươn hai chân ra chộp cả hai cái bóng đen cọ quậy ở trước mặt. Có tiếng kêu “chí... í...”. Một con chạy thoát được. Còn một bị nắm lại. Mèo gầm gừ để thị uy và dọa dẫm. Chú chuột khốn nạn bị tóm lại, nằm ngất trong hai bàn tay sắt đầy vuốt cong và nhọn hoắt của ông mèo, y như cái cảnh rúm ró của chị cưa nhà quê mà bị cụ đại vương ếch lấy một bàn tay mà vỗ vào mai.

Chú chuột nhắt bị mèo tha ra cửa bếp và được thả xuống đất. Mèo không hề nghĩ đến sự nhảm chú chuột nọ. Dễ thường gã ta ví mình như một người anh hùng cái thế có thêm sát hại lũ trẻ oắt bao giờ đâu! Sinh phúc cho chúng sống còn hơn là tóm lấy chúng mà nhai. Chưa bõ dính răng.

Nhưng vốn mèo vẫn ác tính. Gã không ăn. Mà gã cũng không thả chuột ra. Cái mùi hôi ở lông chuột khiến cho gã mèo nhớ rằng thịt chuột ngon và loài chuột là cái loài đáng ghét lắm.

Mèo nhả chú chuột xuống đất, rồi ngồi ngây ra mà nhìn. Con vật khổ sở nằm co ro. Mèo ta đắc chí, lấy một chân vờn vờn vào mặt chuột. Bất tỉnh nhân sự từ này, giờ mới lai hồn, chuột khe khẽ thoi thóp thở. Mèo yên lặng, đáng ngẫm nghĩ. Gã không để ý đến chú chuột đương giương đôi mắt lồi như hai hột chàng ràng ra nhìn gã. Chỉ ti hí mắt lơn, mà ranh thượng hạng.

Bỗng thoáng một cái, chú chuột chạy vụt vào phía trong. Nhưng gã mèo vẫn nhanh hơn. Gá vươn tay ra. Lại chộp liền ngay lấy gáy chú nhỏ. Ôi chao! Gã ta mới đập cho chú nhỏ một cái nhá! Chú nhỏ kêu “chí... chí...” rầm cả lên.

Có lẽ nhân cuộc chạy trốn ấy, gã mèo bày ra một trò chơi tiêu khiển cho qua thì giờ. Gã đem chuột ra chỗ ánh trăng. Giả vờ để yên chú ta đấy. Rồi mèo yên lặng. Chú chuột sợ hãi, không nhúc nhích. Nhưng chính ra chuột vẫn rình mèo và mèo cũng lại rình chuột. Để hể khác ý là chuột chuồn biến.

Còn mèo, mèo cũng chỉ chờ chuột chạy là vồ ngay lấy. Gã mèo dương oai thả lỏng và chắc chắn chẳng khi nào chú chuột chạy thoát nổi đôi bàn chân nanh móng của gã.

Mà cũng thế thật. Chú chuột tưởng bác mèo hắc lờ, cứ xềnh một chút lại chạy. Có đến mười lần. Nhưng vẫn không lần nào khỏi bị tóm lại. Mỗi bận chuột động chân, mèo ta chỉ nhoi đi một tí đã túm lại được rất dễ dàng. Mãi rồi con chuột hóa mệt lử. Nó chạy chậm dần và cuộc chơi cũng dần mất thú vị.

Khi đó, ở trong đồng củi, bỗng lại có tiếng rúc rích. Lại có tiếng lao xao của lũ chuột nào khác. Chẳng biết là chúng đùa nhau hay chúng định chơi cái lối chó cạy gần nhà, đứng trong ấy chửi đồng ra. Toan nhảy vào vồ cho chúng chết một mẻ, nhưng mèo lại vướng có con chuột tù binh ở dưới chân. Đã thế, phải mắng cho chúng một trận mới được. Mèo liền gầm gừ, gầm gừ, làm như sắp lặn ngay vào chiến tranh với những quân thù cỏ rác kia. Lũ chuột nhép câm ngay, song chúng cũng không câm hản. Hể mèo mà ngớt tiếng, là chúng nó lại “chúú chúú” rầm rầm. Làm điệu như sĩ vả mèo.

Bực mình, mèo ta nhảy một bước. Chú chuột nhắt đang nằm yên như chết, vụt vùng chạy. Mèo hoảng hốt, thò dài chân ra, nắm lấy nó. Nhưng chỉ nắm hụt được bóng cái lưng của chú chuột in thoảng trên nền đất giải đây ánh trăng. Hai mắt mèo long lanh, sáng quắc! Cũng không thể đủ sáng để chọc thủng được bóng tối dày ra mà tìm lấy chú chuột nhắt tí hon.

Gã mèo sục vào đồng củi. Giá gã đâm đến vỡ đầu ra, cũng chẳng tóm được một nồm chuột. Mà những tiếng “chúú... chúú” quái ác, rất khó chịu vẫn văng vẳng đâu hai bên lỗ tai.

Gã mèo mướp - mà gã mèo nào cũng thế - không cố ý ăn thịt chuột nhắt bao giờ. Mèo chỉ bắt những con chuột tiểu yêu đó để đùa nghịch và để hả cơn cáu kỉnh; vì loài chuột nhép cứ bặng nặng, rúc rích trong xó bếp, là chỗ nghỉ ngơi của mèo. Chính những con chuột lớn lại đứng đắn, không âm ỉ đến thế. Chỉ vì bực mình mà mèo bắt chuột nhắt. Nhưng chú chuột nhỏ khôn ngoan vẫn hay chạy trốn được. Đời đời, cái giống chuột nhắt ma quái cứ làm rức tai loài mèo.

Suốt đêm hôm đó gã mèo mướp kia chỉ đi quanh đi quẩn để tìm, để lùm chuột nhắt. Và có những đêm sau, hản cũng đi tìm chuột, nhưng - vẫn khờ dại như thường - hản chỉ tìm để đùa chơi một chút. Rồi nó có rông mắt, hản lại khó chịu, bực dọc, hậm hực mà đi lùm bắt những con khác. Cái loài chuột nhãi cứ làm cho ta rối đầu và ngứa mắt quá.

Cơ chừng gã mèo mướp phải dành tất cả cái hoa niên của mình để mà chỉ luẩn quẩn đi o chuột.

O CHUỘT

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Tuổi Trẻ:

rời sớm chưa rạng hẳn đã nghe thấy tiếng gà te te gáy.

Tiếng gà non gáy e é như một giọng rít hơi đưa từ trong cuống họng đưa ra. Rồi thì cả nhà ai cũng nhắc đến :

-Ồ, con gà gáy đã gọn giọng ra phết đấy!

Một lát sau, cu Lặc ra mở tung hai cái cánh cửa chuồng gà vịt. Lập tức, anh Gà trống te tái chạy ra đầu tiên, sau mới đến mấy mụ Ngan lạch bạch, mười chú Ngỗng khề khà vừa bước vừa thò cái cổ dài nghêu ra nghe ngóng. Thật là một cuộc điểm binh long trọng mà anh Gà giữ địa vị một ông thống soái đi dẫn đầu. Nó nhảy phóc ngay lên cái sàן chạn bát ở ngoài hiên vỗ đồm độp đôi cánh rồi lấy thẳng gân cổ, gáy một câu rõ thật oai: “Kéc... ke... ke... ke...”.

Xa đây chừng hơn một tháng, một ngày phiên chợ Bưởi, u tôi mua về đôi gà nhỏ giá có gần ba hào cả hai. Người bảo: “Có thêm mấy con gà lắt nhắt cho nó vui sân”. Hai con gà - một trống, một mái - còn bé tẹo, đáng như vừa mới lìa đàn, suốt ngày cứ rúc vào một góc sân và kêu chim chíp bằng một giọng thăm thê. Chúng nó biếng cả ăn. Gạo rắc đầy ra chỗ cạnh cái lon nước mà thỉnh thoảng mới mổ vài hạt. Con gà trống đôi khi cũng nhanh nhẹn, chạy chỗ nọ, chỗ kia, ngơ ngác như muốn tìm đường về. Còn ả gà mái dễ thương ốm bệnh nhớ; nó nằm liệt vị trong giữa bụi cây sồi mà kêu ai oán. Rồi được đâu có vài hôm, một buổi sáng, tôi mở cửa chuồng chỉ thấy có một nhách gà trống lò dò đi ra. Con gà mái nằm chết còng queo dưới bụi gỗ. Người ta đem ném xác con gà chết ra đồng và hôm ấy, anh gà trống còn lại sống lủi thủi một mình.

Nó là một giống Gà gi, thấp bé và nhỏ nhắn hơn giống Gà thường. Nó còn nhỏ, chưa vỡ lông vỡ cánh mà lại ủ rũ như một người buồn, cho nên trông càng đáng ái ngại. Lông cánh nó màu đỏ có đốm trắng, đốm đen, nhưng bàn quả thành ra một màu xám xịt. Cái mào nhu nhú tái ngoét ở trên đôi mắt lơ lơ mà lúc nào Gà ta đứng cũng muốn nhắm. Hai cái chân nhỏ quá, thấp quá, xám đen lại, luôn luôn run rẩy như sắp ngã quy xuống, như không chịu được thời tiết, dù đây là thời tiết đầm ấm của những ngày mùa xuân. Nên khi nó đứng ở một góc sân kia, Lặc ném từng nắm thóc ở đằng này cho Ngan, cho Ngỗng ăn mà nó cũng không buồn chạy lại. Nó ngẩn ra nhìn lũ Ngan con bước đi lú lú. Những con Ngan nhỏ mới nở được ba hôm, chỉ to hơn cái trứng một ít. Chúng có bộ lông vàng óng - một màu vàng đáng yêu - như màu những con tơ nõn mới giồng. Nhưng đẹp nhất là đôi mắt và cái mỏ. Đôi mắt chỉ bằng hạt cườm, đen nhánh hạt huyền, lúc nào cũng long lanh đưa đi đưa lại như có nước, làm hoạt động hai con ngươi bóng mờ. Một cái mỏ màu nhung hươu vừa bằng ngón tay đứa bé mới đẻ và có lẽ cũng mềm như thế, mọc ngắn ngắn đằng trước, cái

đầu xinh xinh vàng nõn và ở dưới lũn chũn hai cái chân bé tí màu đỏ hồng. Chúng nó chỉ líp chíp khe khẽ và lẩn quẩn ở dưới chân mẹ. Mẹ Ngan mẹ, lơ dờ như một người đàn bà đụt và hiền, lúc nào cũng như mãi nghĩ ngợi một điều gì ở tận đâu đâu. Thỉnh thoảng mẹ kêu kiu kiu, dụi mỏ vào lũ con và lúc lắc cái đuôi. Lối chần con của mẹ rất vụng.

Anh Gà trống gi bé nhỏ và cô độc lắm lúc đứng nhìn đàn Ngan bằng đôi mắt hó háy rất thèm muốn. Anh ngoe nguẩy cái đuôi ngắn củn khi có mấy con Ngan tí hon sấn đến chân. Và khi chúng hấp tấp chạy lại với mẹ chúng đang lừ đừ đi, con Gà trống khốn nạn cũng lây cái vui sướng cong cóc đuối theo. Nhưng đến gần, mẹ Ngan cái xù xì liền giơ mỏ lên quàng quạc mổ nó. Nó chột tưng hửng. Nó lùi lại, lảng đi một phía, ngẩn ngơ kêu chim chíp, khắc khoải như tưởng nhớ, như đau thương. Có lúc nằm gục xuống vệ cỏ, buồn nghiêng một bên má, màng trắng kéo che kín mắt.

Tội nghiệp con Gà gi bé nhỏ sống côی cút một thân một mình!

* * * * *

Nhưng rồi nó cũng lớn và đẹp, sau đấy hơn một tháng. Qua mấy bữa ồm ồm, tiếp đến những ngày đẹp trời, có ánh nắng dịu lờng đầy bóng sân, thì con gà trống bắt đầu rĩa lông, rĩa cánh, sửa sang bộ mã cho bớt bẩn ướt. Rồi trông nó cũng choai choai đẹp mắt và lớn dần lên. Đến bây giờ ngẫm nó cũng đã khá đường được.

Một buổi sớm, cả nhà đều nghe thấy một tiếng gi khang khác ở đằng sau nhà. Tiếng rít như tiếng ho thùng thảng của một người khản cổ. Một lát, cụ Lặc chạy hộc tốc vào gọi :

- Cả nhà ra xem con gà gi nó học gáy.

À ra đây là tiếng con Gà gi tập gáy. Thảo nào. Nghe như tiếng người ta ọe. Nó đứng ở trên đầu một cái cọc giậu nửa, chốc chốc lại thườn dài cổ, phồng tướng cái điều đưng cơm lên rồi đưa ra một hơi “Quét... ke... ke...”. Cứ một lát lại thế... Gáy rất khó nhọc, nhưng xem ra anh Gà khoan khoái lắm, mỗi khi xong được một tiếng như vậy. Vì thấy lúc tiếng “ke” cuối cùng vừa thoát ra khỏi mỏ, Gà ta nhìn ngang nhìn ngửa, hiêng hiếc hai con mắt tráo trâng ra vẻ lắm! Và lại bộ tịch nữa.

Và rồi ngày ngày lần lần qua, con Gà trống trút được cái dáng điệu buồn thiu, buồn thiu buổi nọ đi. Có lẽ nó quên đàn, quên mẹ, quên con gà em chết hôm mới đây, quên, quên hết rồi. Vì nó đã lớn; khi người ta lớn thì những ý tưởng liên lạc về gia đình có lỏng lẻo dần dần. Con Gà đang ở thời kỳ sấm sửa, thời kỳ ăn chơi của một người thanh niên.

Màu sắc trên bộ má nó sẫm lại, đen thì đen biếc, trắng thanh trắng bạch và đỏ trở nên đỏ khé. Mào nó mọc dài, thắm hoe như dải lá cờ nheo. Đuôi nó uốn vòng lên từng chiếc lông dài huyền bóng. Mỏ nó thắm ngà vàng và rắn chắc, có thể mổ đôm đốp được vào thân một cây nửa tép.

Bây giờ những buổi sớm, cậu Gà trống gi thường trở dậy gáy te te tự lúc chưa tỏ mặt người. Mỗi ngày

cái câu “Kéc... ke... ke...” lại nổi dài thêm tiếng “ke” vào. Bác xã Khóm làm nghề bán cháo rong bên hàng xóm đã phải theo tiếng gà báo thức để trở dậy làm hàng. Bác thường khen con gà gáy đúng giấc lắm!

Nó đứng đắn và hóa ra có bộ mặt khinh khinh ta đây. Nó bắt đầu coi thường mấy chú Ngan nhép cứ quần bên chân, những con Ngan nhỏ nhắn xưa đã làm nó vương nhớ đến mẹ nó. Nó thị uy bằng cách đá cho chúng mấy cái. Bọn trẻ con này sợ, phải lảng ngay ra xa. Nó rất bằng lòng cái sự tấn công đầu tiên mà lại được thắng lợi. Dần dần nó lấn lên một bước nữa, nghĩa là con Gà gi của tôi, một bữa kia mổ ông Ngỗng cao lêu nghêu một cái vào cổ rồi lùi lại rất nhanh để giữ miếng. Ông Ngỗng bại và lẩn. Thế là một lúc sau, con Gà anh hùng và kiêu hãnh ấy nhảy lên, vừa đá vừa mổ vào lưng bà Ngan cái lừ đừ. Lúc này lại khiêm tốn, bà Ngan cũng dờ dẩn làm ngơ đi.

Từ đấy, con Gà trống gi lên ngôi cửu ngũ ở cái sân nuôi gà vịt con con. Mỗi buổi mai, khi người ta mở cửa chuồng, nó bay ngay ra đậu trên một cái sào nửa ngất ngheo, cất cao tiếng gáy trong khi mấy con Ngan, mấy con Ngỗng lần lượt diễn binh qua ở dưới chân.

Ra vẻ tài ba lắm! Cái dĩ vãng buồn teo kia thật là xa, xa lãng lắc.

* * * * *

Đáng tiếc một nỗi, Gà lại là giống Gà gi, một thứ Gà bé nhất trong loài Gà. Cho nên, những khi anh ta làm bộ tịch người lớn thì buồn cười như những anh lùn mà đi cái lối ngoe nguẩy. Gà cũng uống nước, cũng rìu lông, cũng hếch mắt lên nhìn trời những khi nắng to. Chỉ phiền cái nỗi anh chàng bé và thấp lùn chũn. Những bác lùn tịt lại hay dùng bộ điệu của người cao. Có một lần, anh mon men sang bên sân nhà hàng xóm chơi, chợt gặp một bác trống thiện. Chao ôi! Sao mà bác Gà trống thiện kia mới to thế, béo mẫm làm sao! Nó đứng mới đến bẹn anh bạn khổng lồ. Nó chuồn ngay về và từ buổi đó không bén mảng sang bên ấy nữa.

Nó kiếm ăn phương khác.

Và con Gà gi nhỏ cũng đa tình lắm. Nó có cái tật mê gái như cái tình chung của loài Gà khi mới lớn lên. Nó yêu rất ham, mặc dầu con đường tình của nó rất khó khăn và gặp nhiều trở ngại lớn. Là bởi một duyên cớ:

Xung quanh cái khu vực chỗ nó ở, tuyệt nhiên không có đến hai gã Gà gi. Trước sau mỗi một mình. Tìm một người bạn tri âm bằng trạc, không tài nào thấy. Có vài ba chị láng giềng thì đã “nái xề” quá, chỉ biết đẻ trứng và biết “cục ta, cục tác” loạn xạ chứ không thể hiểu những giọng yêu đương tình tứ. Mỗi khi anh Gà trống đến gần, chúng chỉ biết quỳ hai chân xuống cho bạn nhảy lên lưng, làm tình yêu theo cái lối cơm bữa của hai vợ chồng, chẳng hiểu tán tụng xuân tình nửa lời. Anh Gà gi đang ở cái tuổi mơ mộng, nghĩ những chuyện ái ân cao xa. Vả lại trạc vai cũng không bằng các ả mái nọ; có lúc buồn muốn gỡ gạc, anh đến bên cạnh để xòe xòe cái cánh theo kiểu ghe mái, chực tán phỏ-mát một đôi câu nhưng lập tức bị các nàng phản đối và bị các chú Gà trống lớn nhất là ông Gà chọi - đánh cho chạy bán xác không kịp. Anh Gà

gi hoảng. Trong vùng quanh đấy cũng có hai chị mái tơ! Nhưng có lẽ nó đã biết thân phận cho nên không dám há mỏ tán tỉnh. Hai chị thuộc về giống Gà lớn. Tán như vậy nếu gặp những thằng nhân tình của chúng thì thật là một cơn tối đại nguy hiểm của những trận đòn ghen. Anh chàng chịu thua. Đành chịu làm ăn một mình.

Nhưng anh rất bức mình. Những sớm sớm, những chiều chiều, đứng giương cặp mắt hau háu trong một bụi cây, nhìn từng cặp một vui thú tâm tình với nhau, lòng anh rạo rức và phiền muộn làm sao ấy. Chúng khinh anh bé nhỏ quá! Anh rất buồn rầu. Và buồn rầu, ảo não bao nhiêu anh lại càng hay cáu kỉnh, bức dọc với cái lũ Ngan, lũ Ngỗng ngu si bấy nhiêu. Anh đá, anh đập, anh mổ, anh đuổi.

Chỉ khổ cho bọn ngốc nghếch!

Nhưng rồi anh Gà trống gi cũng học đòi đi kiếm ăn xa nhà. Hắn lần thẩn đến những khoảng vườn lạ. Như thế có lẽ lòng đỡ được buồn và trong khi rẽ bước giang hồ từ vườn cây này sang mô đất nọ, được từng trải và hiểu biết nhiều cảnh khác nhau, anh cũng giác ngộ thêm. Và anh còn có hy vọng mong gặp được một người bạn đồng tâm.

Anh hay đi vắng, ít khi phải về bới xó bếp nữa. Bây giờ anh đã tiêm nhiễm cái thú của sự du lịch. Có khi một ngày anh chỉ về nhà có một lần, lúc sẩm tối, khi trở lại chuồng ngủ.

Rồi không ai biết rõ là bữa nào, con Gà trống ra đi. Có lẽ hắn đi theo tiếng gọi của ái tình? Chỉ có một sáng, cu Lặc mở cửa chuồng như thường lệ, thấy vắng anh Gà gi, tìm cũng không có.

U tôi chép miệng :

- Mất con gà ranh con rồi!

Tưởng là mất hút. Nhưng một hôm chúng tôi ra ngoài đầu xóm chơi, lại bắt gặp anh Gà trống gi. Trông anh tang thương phờ phạc quá. Thật là gầy guộc phong trần cả đến lông đến cánh. Khi đó, chú Gà đương mải mê đi theo một chị Gà mái. Đó là một chị Gà mái gi. Chả trách được, bấy lâu nay vắng mặt chàng cũng là có lý và có lẽ lắm.

Bọn trẻ chạy về gọi Lặc. Lặc đuổi theo hai con gà thì thấy chúng chạy xô cả vào một ngõ gần đấy. Người ta bảo rằng :

- Một hôm, tự dưng có anh gà này không biết ở đâu, theo con gà mái của nhà tôi. Chẳng thấy ai trong xóm kêu mất gà nên tôi cũng mặc. Mà anh này thì mê tít con gà mái, ở liền ngày đêm, không rời đi đâu nữa!

Chúng tôi ôm con Gà trống gi về. U tôi bảo Lặc ra ngoài hỏi mua con Gà mái gi kia để cho có đôi. Và cốt là để buộc căng chàng Gà. Nhưng người ta trả lời :

- Ngày kia, nhà tôi có kỵ. Cũng phải giết thịt đến nó.

Thực thất vọng gớm ghê cho anh Gà gi. Và chỉ luẩn quẩn được vài hôm, anh ta lại biến đi đâu mất mặt. Nó đi tìm bạn tình của nó. Nhưng cái nàng Gà gi đã khiến cho gã phải bỏ cửa bỏ nhà, thì chết rồi.

Lần này gã đi biệt hẳn. Song chẳng phải là đi với nỗi nhớ thương con người má đào mệnh bạc ấy ngàn đời. Gã mau quên lắm. Và chắc là gã trẻ tuổi đó lại lần mò đi tìm một vài cái ái tình khác!

O CHUỘT

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Truyện Gã Chuột Bạch:

ó nghe có tiếng rộn nho nhỏ.

Lóc cóc... Lóc cóc...

Như tiếng một cái guồng tơ quay khê khê. Nhưng không đã đúng hẳn. Âm thanh đó bé quá, chỉ vời vời như tiếng tích tắc của một quả đồng hồ trong đêm khuya.

Chẳng phải là guồng tơ đựng đây. Vậy thì tiếng chi dăm dăm và ồn ã ở một góc nhà, phía bên cửa sổ, dưới một giàn thiên lý? Ánh sáng, qua những kẽ lá thiên lý xanh rờn, ủa vào, đóng thành vũng, như một thứ ánh sáng, hư huyền, lơ mơ, chỉ hửng gợn lên mà không có thực. Tiếng gì vui vui trong ấy?

À, ra một gã Chuột Bạch đương quay tơ. Không phải là người. Chuột quay tơ? Phải! Gã quay cái kiểu riêng của gã.

Gã chỉ bé bằng một quả nhót và cũng mũm mĩm như thế. Gã ở trong một cái lồng nhỏ, hình vuông, đan bằng tre. Giữa lồng, người ta treo hai cái vòng tròn bằng thép nhỏ, sát sát từng cánh, như hai chiếc đu tiên tí hon. Chuột ta chui vào đấy. Bốn chân dạo thoăn thoắt trên những sợi thép. Thế là chiếc vòng quay tít theo từng bước đấy. Con Chuột loay hoay chạy tròn mãi mãi trong cái vòng tròn mà không bao giờ hết được đường. Cái đu tiên xoay xung quanh một chiếc chốt. Chính ở chiếc chốt đó nảy ra những tiếng lóc cóc đều đều như tiếng guồng tơ quay.

Gã Chuột Bạch đánh vòng luôn luôn. Chán chân thì gã lại chui ra, vơ vẩn, tìm những hạt gạo tẻ mà người ta rắc vào một cái đĩa để ở đáy ống, cho chuột ăn. Gã rung hai hàng râu tơ, gật gù cái đầu, nhấm gạo. Đôi mắt gã đỏ thậm, như hai hạt gạo đỏ dính lên trên một nền bông nõn trắng. Bốn cẳng chân loắt choắt, ngắn cùn, và trơ da đỏ hỏn. Bờ nổi đánh vòng nhiều quá, bắp chân đã kệp cứng thành chai. Ăn xong, gã nhìn quanh quẩn, ngước cái mũi bé xíu đỏ hoe hoe lên ngửi bên phải, ngửi bên trái. Rồi gã lại làm cái công việc đánh vòng liên liên.

Nếu không thế, gã đi ngủ. Gã đứng vào một góc lồng, dựng hai chân trước lên, đầu chụm vào chân. Hai mắt nhắm lại. Ấy vậy là gã ngủ. Ngủ đứng như cái hộp diêm. Cứ cái kiểu đó, suốt đời.

Gã Chuột Bạch ăn; gã Chuột Bạch đánh vòng; và gã Chuột Bạch ngủ đứng. Đó là tóm tắt tất cả những công việc của một cuộc sống của Chuột ở trong lồng.

Nhưng không phải là gã ở một mình. Bên cạnh cái vòng sắt đu tiên của gã, còn có một cái vòng sắt

đu tiên khác, như hệt cái này. Và ở bên góc lồng kia, cũng có một con Chuột Bạch khác đương ngủ dựng đứng lên. Vợ gã đấy, Cậu và mợ Chuột. Cũng rất có thể gọi được thế, chứ sao.

Dường như cậu mợ ấy cũng khá yêu nhau. Họ yêu nhau thần tình và tài ghê. Hai người cùng bé bỏng, cứ luẩn quẩn chạy ngang chạy dọc xung quanh. Cậu gầy hơn mợ. Bộ lông xù lên và phờ phạc. Mà cậu lại có tính mơ mộng. Thỉnh thoảng, gã thường đứng ngẩn ngơ nhìn lên trên nóc lồng. Qua những chiếc lá thiên lý mỏng mảnh, ngoài kia là trời xanh bao la. Tưởng như chiếc hình hài nhỏ bé chỉ điểm một chút sống còn con này đương giương cặp mắt đỏ, ngui trông ra cái khoảng không bờ bến để mơ một giấc mơ sông núi chi đó. Chao ôi! Ai mà biết được lòng gã.

Cả hai vợ chồng cùng ưa đêm tối. Bởi ban ngày họ thường ngủ. Bốn cái chân trước sát vào nhau; bốn con mắt cùng khép. Chiều đến đã đem bóng về dần dà trong cửa sổ. Ở chênh chếch ngoài khung cửa, vì sao Hôm từ từ lên cao, lấp lánh như một giọt ánh sáng lớn. Bấy giờ vợ chồng Chuột mới bừng mắt. Họ ngơ ngác nhìn hoàng hôn. Gã Chuột đực mò mẫm tìm cái đĩa đựng gạo. Chị vợ cũng nhẹ nhàng đi theo. Họ gậm nhấm mấy hạt. Những tiếng răng nghiền trên hạt gạo, nghe ken két, sần sật như tiếng một con mọt nhỏ cựa mình trong thớ gỗ.

Rồi gã Chuột mon men ra leo lên cây đu, chui đầu vào, đánh một vòng chơi. Chị ả cũng bắt chước, chạy về cây đu của mình. Hai cái vòng quay tít. Rộn lên những tiếng đầm đầm.

Những tiếng đầm đầm trong đêm khuya! Những âm thanh chi be bé, mơ hồ gần như hư không. Lúc chậm, nghe rì rích như tiếng nước giọt tranh. Lúc mau thì bồm bồm như tiếng vầy tơ quay lọc cọc như tiếng bánh xe sắt chạy trên con đường đá trắng dài hun hút, vào một buổi chiều vàng ngáy ngất.

Riêng những đứa trẻ ở nhà, đêm nằm trong màn mà chợt thức giấc nghe tiếng guồng đu của chuột chạy thì sợ lắm. Chúng giương mắt thao láo mà cũng không thể nhìn thấy gì. Chỉ nghe lóc cóc... lóc cóc... như tiếng của ông Ba Bị hoặc của một con ma nào chưa biết tên, rất thường hay ghét giống trẻ con. Chúng hãi hùng, rúm ró, ôm chặt lấy nhau. Đôi mắt khép kín lại. Thế là giấc ngủ cũ của mỗi trẻ lại tới để tiếp theo cho đến lúc mặt trời lên, chiếu ánh sáng qua khe liếp, vào tận trong đỉnh màn.

Còn vợ chồng Chuột chán đánh vòng thì tan ra ăn gạo. Ăn xong, lẫn thần thế nào, lại giờ trò đánh vòng. Cứ như thế, luẩn quẩn cả đêm. Cũng có đến khi trời đã tang tảng sáng, có tiếng chim chích chòe hót véo von dưới bờ ao, hai vợ chồng lại chúi về một góc buồng, dựng đứng lên mà ngủ.

Cuộc đời chung ấy không có ai làm nhộn. Ý như họ mến những ngày tháng đó lắm. Đã một lần, có một đứa trẻ nghịch tình mở cửa lồng xem chuột rồi quên không đóng lại. Đôi vợ chồng nổi đuôi nhau, tha thần bò ra ngoài. Hai cái bóng đi lồm cồm hếch chiếc mõm nhọn hoắt lên, ngơ ngác nhìn quanh quẩn. Như là họ chẳng quen bò giữa nơi khoáng đãng. Và họ lại nổi đuôi nhau, tha thần, từ từ bò vào, cũng như lúc bò ra.

Từ đấy, dù mở cửa, cậu mợ Chuột cũng không buồn đi ra. Họ yếu đuối, ở ngoài làm chi có gạo để

ăn!

Trời đã trở về mùa lạnh. Những cụm lá bánh khúc thấp lè tè, nở hoa vàng khắp cánh đồng làng Nghĩa Đô. Đã không có nắng lớn. Những đứa trẻ nghèo cũng hồng đôi má còm cõi. Mồi chúng khô còng lên, ăn cơm có nước mắm thấy xon xót. Chúng gãi vào da, da nổi lên những làn bụi trắng. Buổi chiều, cậu nào rửa chân cũng ngần ngại, không yêu nước. Và đêm đã phải ngủ chung với chăn bông cùng ố rạ rồi.

Đôi vợ chồng Chuột cũng lạnh. Phong cảnh trong cái cửa sổ lại buồn nữa. Giàn thiên lý đã rụng hết lá xanh. Chỉ còn trơ lại những dây già đen đui, còng queo trên ngách cửa. Từng nắm lá khô, rúm vào nhau, nằm co ro trong giàn, để mỗi buổi chiều đỏ hoe, hể chớm hơi một gợn mây nhỏ, cũng tới tấp rơi lạt xạt xuống mặt đất. Đêm đêm, vẫn có tiếng đánh vòng của Chuột. Những tiếng khô và ròn, cũng như trời khô và hanh. Nhưng ít bữa nay, gã Chuột Bạch không được vui. Ta cứ thí dụ như việc đánh vòng đu là một sự vui làm mực thước, thì thấy gã thừa trèo vào vòng đu. Chỉ hay thấy chị vợ đập vòng. Anh chồng đứng bần thần, mồm vêu ra. Người gã chừng như gầy và bé hơn giao mùa hạ. Gã đi đứng ra lối lữ khừ. Và chỉ ngủ là ngủ nhiều. Đêm ngủ quên cả đánh đu. Mùa rét vào rồi. Tại sao gã Chuột lại buồn? Ý như buồn vì tiết trời sang đông? Ý như buồn vì heo may hiu hắt? Không, gã chẳng có thể là một nhà thơ ưa những điều sâu muộn.

Mà chính chỉ vì những ngày lạnh lẽo tới, gã phải thương yêu vợ gã nhiều quá nên lờ phờ cả người ra. Biết rằng nên buồn, hay nên vui!

Thì gã buồn như một kẻ ốm. Nhiều lần cũng hứng tí đánh đu, nhưng gã lại lười lĩnh chui vào vòng đu của vợ để cho vợ đẩy vòng, mà gã cũng được hí hửng đẩy theo. Hai con Chuột lồng chung vào một vòng. Tiếng lạch cạch đi chậm, nặng và rền ra.

Vợ hẳn vẫn như thường và như thường. Đôi mắt nàng đỏ mà sáng. Bộ lông của nàng trắng nuột, óng ả. Dạo này trời rét, lũ trẻ bỏ vào lồng cho vợ chồng Chuột một rúm tơ rối để làm chăn. Lúc nào đánh vòng đã chán chân, chị ả ra rúc vào những sợi tơ vàng nõn, dựng đứng hai chân lên ngủ với chồng.

Chiều ấy, Chuột vợ thức dậy, bò ra ăn gạo. Gã chồng vẫn say sưa ngủ một giấc ngủ mệt mỏi. Nàng đứng bên vành đĩa, hướng nhìn ra ngoài lồng. Nàng chưa nhìn ra ngoài như thế bao giờ. Nàng vốn không hay có tính vẩn vơ như chồng. Mặt trời đã gác núi, nhưng ráng vàng còn lên đỏ xuộm cả lũy tre. Thực chẳng phải vì bóng hoàng hôn u uất mùa đông mà nàng nhìn ra. Mà vì một cơ mọn khác. Chỉ tại nàng nghe thấy tiếng sột soạt ở bên khung lồng. Thì ra, có một con Bọ Ngựa nhỏ ở đâu lạc lồng tới đậu vào thành lồng. Hình như gió đánh con Bọ Ngựa nhỏ này rơi từ trên cây xoan xuống và bám được vào đây. Bọ Ngựa mới ra nắng được ít lâu. Cánh chưa mọc dài đủ và màu người chưa xanh thắm. Đôi gươm hấy còn mềm, chưa có vuốt đen cứng và nhọn. Cái đầu bẹp của nó lồi ngang hai mắt sang hai bên, đu đưa nhanh nhẹn trên hai khấc cổ dài nghêu. Nó đứng dúm dỏ bốn chân, nghech nhìn,

như để ngắm xem nơi này là nơi nào?

Nàng Chuột bỗng được trông thấy một con vật nhỏ mà xinh. Cái màu xanh mơn mớn ở mình Bộ Ngựa nom đến là ngon. Không ngần ngại, chị rón rén tiến đến mép lồng, thò mõm ra, ngoặt luôn chú Bộ Ngựa. Chú Bộ Ngựa xấu số chưa kịp giơ hai cẳng lên thủ thế thì cái cổ đã bị gãy gục. Và trong khoảnh khắc cả người nó đã trôi vào họng Chuột.

Một mạng lớn giết đi một mạng nhỏ, ôm nhẹ như hơi chiều lặng lơ sang.

Đêm ấy, không có tiếng rộn lóc cóc của cây đu. Cả hai cây đu cùng im ắng. Thiếu những tiếng động quen thuộc, canh khuya mới tẻ làm sao!

Sớm hôm sau, người ta ngó thấy nàng Chuột cái béo tốt, nằm chết còng queo ở bên tùm rác tở. Bốn chân nàng rụt rúm lại. Cái lưng nhỏ cong khum lên. Và mõm nhọn của nàng thì há hoác. Dòm vào trong: còn cái đuôi Bộ Ngựa xanh xanh thò lò ra. Ôi! Cổ họng của nàng Chuột bé quá, không đủ lối nuốt thoát được anh Bộ Ngựa. Nó tắc tị lại. Thế là nàng chết. Nàng chết nhẹ như một người chán cõi đời này, bước lên một chiếc ghế, cho đầu vào một cái tròng lọng bằng cái thừng đay rồi rún chân đạp đổ ghế, cứ vậy mà đu đưa lưng lơ cho đến lúc tắt thở, thè dài lưỡi ra. Để sang tìm ở bên kia (?) một quãng đời vui vẻ nào đó.

Nàng chết từ bao giờ, không ai hay. Gã chồng nàng cũng không biết chi cả. Bởi vì gã còn đương mãi ngủ. Đạo này gã yếu thì gã càng ngủ say tợn. Chim Chích Chòe hót sáng dưới bờ ao, gã cũng không nghe tiếng. Cho mãi tới khi ông mặt trời đỏ gay nhô lên, xua ánh sáng vào nhà, đánh thức lũ trẻ dậy thì gã cũng mới bừng mắt. Ở trong mớ rác tở vàng, gã uể oải thò đầu ra. Gã liền nhìn thấy vợ gã nằm chết ngay dưới chân. Gã nhìn, bằng đôi mắt đỏ thường ngày, lạnh lùng và rất tự nhiên.

Rồi gã chui ra khỏi mớ rác. Gã bắt thần bò đến bên đĩa gạo. Gã nhấm một hạt. Gã chạy quanh lồng vài vòng. Cuối cùng, gã lại men đến, chúi đầu vào mớ rác tở, dựng đứng hai chân lên, lim dim hai mắt, làm một giấc ngủ khác.

Như là chẳng có sự gì là thay đổi ở quanh mình. Tối đến người ta cũng lại nghe tiếng gã đánh vòng đu lóc cóc.

Từ đó, gã ở trên đời một mình. Ở trên đời để ăn gạo, để đánh vòng và để đi ngủ dựng đứng hai chân lên. Gã đã khỏi ốm. Không có đàn bà thì chừng như gã khỏe khoắn lắm lắm. Lông đã mượt bóng và trắng nõn. Một mình đánh cả hai cái vòng - lúc chạy bên này, lúc chạy bên kia - nghe rộn ràng, cũng vui. Mỗi buổi chiều, trước khi xuống ăn gạo, gã vẫn có thói quen nhìn và nghe ngóng ra ngoài lồng. Như là xem và đợi hoàng hôn băng khuâng lẳng đến.

Chính gã cũng không biết mình đã góa vợ. Tôi thì tôi chỉ rõ được rằng bây giờ gã đã khỏe, đã mạnh và hoạt động hơn khi gã có đàn bà ở chung. Gã thậm thọt chạy đi chạy lại, nhanh thoăn thoắt.

Thằng này là một thằng bạc tình chẳng?

Cũng chẳng có lẽ!

O CHUỘT

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Đôi Gi Đá:

t lâu nay, có một loài lạ lạc vào vườn. Anh chim Sẻ xưa nay vẫn to hó đứng trong đầu nhà, kêu tặc tặc không được điềm tĩnh và đều đặn như mọi khi. Ra về thẳng thốt. Như thế lo rằng có những kẻ lạ nào đương dò dẫm, tìm kiếm nơi ăn chốn ở trong vườn nhà mình.

Quả đúng như nỗi lo của Sẻ.

Có hai con chim Gi Đá, mấy bữa rày thường lai vãng đến vườn. Chúng nhăm nhoắt chuyền từ cây bưởi sang cây khế, đến cành hồng bì. Sẻ ta đứng bắn khoản trên nóc đầu hồi, nhón nhác nhìn, ra điệu ghét lắm.

Bấy giờ là đầu mùa đông. Ngoài ruộng, lúa chín vàng hây. Những bông thóc nếp mậ và tươi ong óng, trĩu gù lừng xuống. Màu vàng san sát giải từ cánh đồng làng Nghĩa Đô mênh mông đến tận bờ tre làng Phú Gia.

Theo với mùa lúa, từng đàn chim Gi bay về mọi cánh đồng. Và hai con Gi Đá kia thần thơ vào trong vườn này.

Đó là một đôi vợ chồng. Chàng và nàng. Có lẽ là đôi vợ chồng mới cưới nhau mùa thu vừa rồi cũng nên.

Nếu nói so sánh, ta có thể nói so sánh rằng đôi Gi Đá ấy tựa như một cặp vợ chồng quê mùa mới rủ nhau lên tỉnh. Họ lơ khờ, ngẩn ngơ - nghĩa là đặc nhà quê! Họ thuộc loài Gi Đá chính tông. Và có hiệu là Gi Sừng. Người loắt choắt, bé chưa bằng Gi Cam, mà lại bé hơn cả chim Sẻ. Trông một Gi Đá chỉ bằng nửa chim Sẻ. Vừa như chiếc hạt mít mậ mậ, có dính chút đuôi. Đôi mắt nâu lơ lơ. Cặp mỏ ngắn, cục mịch thây lẩy trước đôi mắt như một viên cuội xam xám. Lông màu nâu, mượt, trơn và mịn. Đôi chân cũng xám như mỏ. Ở con chim Gi, có bóng hình một người cù rù nhưng nhẩn nại, lam lũ và luôn luôn chân lấm tay bùn - người cần lao của đồng ruộng.

Một buổi sáng, vợ chồng Gi Đá ở đâu sà đến cây bưởi. Chúng kêu kéc kéc nho nhỏ. Thế là, trên nóc nhà, chim Sẻ lắng tai nghe tiếng bống tặc tặc ầm ỉ. Dáng hằn chàng ta chửi đũa nào dám vào nhà mình. Nhưng Sẻ chỉ nỏ mỏ công kích suông thế thôi, không dám xuống tận nơi.

Vợ chồng Gi Đá điềm nhiên, chẳng để ý đến sự lèm bèm đó. Chàng nghiêng má nhìn cây hồng bì rồi rún cẳng nhảy sang. Nhẹ như một chiếc lá rơi, và cũng lẩn ngay vào lá, không động tĩnh gì hết. Nàng bay theo chàng, dáng bay hơi nặng nề, đôi cánh vỗ sè sè, bởi người nàng có đầy đà chút đỉnh. Không hiểu nàng Gi Đá đã có con lần nào chưa, chứ thực trông nàng chẳng được gọn mẩy. Đầu bơ phờ. Lông bụng bạc phếch. Cườm ngực, cườm cổ không đen nhánh và bóng mượt như của chàng. Có

cái lỗi của những người đàn bà xười xinh từ khi còn con gái đã ăn mặc xốc xếch, bây giờ chẳng thiết điểm trang gì nữa.

Chàng xáo xác trong cây hồng bì. Cây hồng bì thấp nhưng dày lá. Vả lại, với một anh Gi bé bỏng, thế đã là khá cao rồi. Nàng cũng sục sạo trong cây, như kiếm chác một cái gì. Chẳng có lẽ. Họ tìm chi trong tùm lá hồng bì đó? Loài Gi Đá không biết ăn sâu. Mà đâu có bông lúa vàng ở đây. Kìa, đôi vợ chồng lại bay ra đậu ở một cành cây cụt. Họ nghiêng má nhìn trời. Trời cao và xanh, không cùng. Vụt một cái, bốn cánh bay đi loang loáng.

Người ta thấy ở ngoài đầu xóm, hai vợ chồng Gi Đá đến đậu trên một mái rạ cũ. Rạ đã bạc trắng và nát mủn. Chị chim Gi hé mỏ mổ vào cuống rạ. Anh cong đuôi lên để lồi cuống rạ đứt ra. Khi đã lồi được, anh quắp lấy và bay vụt đi. Cô ả cũng bay liền ngay theo. Họ bay về cây hồng bì. Cây hồng bì ở ngay trước sân, bên cạnh một bể nước. Những lá mùa đông rụng xuống, vàng úa trên giai nửa. Chàng đặt cuống rạ vào một cành hồng bì kín và cao nhất. Rồi họ lại bay đi, vợ theo đuôi chồng, đến lấy rạ ở lớp mái nhà nát nọ, chị mổ và anh kéo. Dù được mẩu dài hay mẩu ngắn, anh không phiền hà, quắp ngay lấy, mang về cây. Công việc như thế, đều đều suốt ngày, như người ta mắc cửi.

Được chừng ba hôm, bác chim Sẻ hay qua cây hồng bì, đã thấy trong có lù lù một nắm rạ lòng thòng, bắn thiu như một mớ rơm rửa bát. À, ra hai vợ chồng con Gi Đá đến ngụ cư ở nơi này. Họ đương làm nhà.

Bao nhiêu công việc xây dựng, người chồng phải đương lấy cả. Chàng tha rác liên liên về cây. Chàng xếp đặt cho thực khéo, thực gọn. Trong khi ấy, nàng chỉ biết có việc mổ đứt cuống rạ và việc bay nhớn nhoe theo chồng. Thỉnh thoảng nàng lại khẽ hát kéc kéc, như để khuyến khích hoặc nói bông cho chàng được buồn cười. Chẳng hiểu chàng có thấy vui không, nhưng chàng vẫn hậm hùi, cậm cùi làm như thường.

Chàng đặt móng cho lớp nhà mới bây giờ một lớp rạ. Rồi chàng đi tìm ở những bẹ cau và bẹ dừa lấy những sợi dây rất nhỏ. Việc tha những sợi dây này vẫn là việc của anh chồng chịu khó. Chàng đem về, đánh đai rất xinh, vòng trong những cuống rạ dựng thành một khung tròn hình lòng tổ.

Cái lòng tổ êm ái đã hoàn thành, sau ba ngày chịu khó.

Bây giờ chàng đi tìm lá khô. Chẳng biết chàng mò mẫm thế nào mà tha về được từng nạm lá duối, đem chất lù lù cả lên xung quanh thành tổ. Mỗi chuyến chàng mang về chừng đôi ba tờ lá nhỏ.

Một chuyến kia, vợ chồng Gi Đá song song bay từ ngoài bờ giậu vào vườn. Vừa sà xuống cây hồng bì, anh Gi Đá đã hoảng hốt buông rời mấy chiếc lá, cuống cuống nhào lên, bay tít tắp ra tận ngoài đồng. Chị vợ cũng nhớn nhác ruồi theo.

Có gì đâu! Dưới gốc cây hồng bì lộn xộn bao nhiêu là người. Khắp sân, đầy đồng những lượm lúa

vàng rươi. Người ta kê một chiếc cối đá hồng đáy ra đấy. Lượm lúa chắc nịch được cặp vào hai thanh tre rồi người ta đập lên cối đá từng hồi, cho thóc rơi vung vãi ra bốn phía. Họ vừa làm vừa cười cười, nói nói ồm ồm, cả đàn ông lẫn đàn bà. Thấy thế, vợ chồng nhà Gi Đá sợ hết vía. Không dám bén mảng về nữa. Nói của đáng tội, chiều hôm đó cậu mợ cũng về. Nhưng ở sân vẫn còn tíu tít ồn ã những người, nên lại vội vàng bay đi. Sáng hôm sau, chàng lại về. Mỏ ngâm rác cẩn thận. Song người ta vẫn thi nhau đập lúa thành thịch. Chàng lại bỏ đi, để rơi mấy chiếc lá khô xuống đất.

Người đập lúa trong sân, bác Sẻ mon men xuống kiểm chác, nhặt những hạt thóc rơi rụng. Không thấy bóng vợ chồng anh Gi Đá đâu, ý chừng Sẻ ta hả hê lắm.

Gió may dạt dào, đánh lúc lắc những cành hồng bì mảnh mảnh. Cái tổ hoang kia, không chim nào ngó đến, những ruộng rạ ở xung quanh đã ải sẵn, cứ trệ xuống dần. Rồi nó chỉ còn là một nắm rác, một nắm bụi nhùi của một đứa trẻ nào gài vu vơ lên đấy Hai con chim sợ người đã bỏ phí mất một cái nhà đương dựng. Nó sắp rơi hoài xuống cỏ mướt.

Công việc gặt hái đã xong. Sân vườn lại trở về hiu quạnh như thường ngày. Chỉ còn tiếng chim Sẻ rền rĩ trên đầu hồi. Cây hồng bì không phải mùa quả, hoang vắng lạnh lùng như một cây rừng. Đôi chim Gi chẳng trở về nữa hay sao?

Không, họ lại trở về. Một hôm, từ lúc mới vừa rạng sáng, đã nghe có tiếng lạt xạt trong cây. Bấy giờ bác Sẻ chưa trở dậy. Đến khi trở dậy, ra đứng ngoài đầu ống, thì bác đã thấy vợ chồng Gi Đá đương nối đuôi nhau tha rác về cây hồng bì. Bác lại trông xuống mà hé cái mỏ, bắt đầu kêu khan kêu vã. Họ tha về những cuống rạ nát. Lại những cuống rạ nát nhũn! Bởi vì họ lại bắt đầu. Nghĩa là vợ chồng chim Gi lại kì cục xây lên trên cái tổ dở dang kia, một cái tổ khác, mới nguyên. Lại những cuống rạ mục, lại những dây dợ ở những bẹ dừa, bẹ cau. Lại những chiếc lá duối khô, lá quắn quắn. Và lại vẫn anh chồng còm còm tha rác suốt ngày để cho chị vợ thần thơ bay theo. Có khi, chàng bắt được ở đâu cả một mảng mạng nhện nhăng nhít, cũng lôi thôi tha về.

Chẳng bao lâu, cái tổ đã có lòng trứng xuống, và những chiếc lá khô thì làm thành một vòng tường cao. Ở trên trông vào, tựa hình một cái tổ bé tí tẹo của trẻ con chơi. Giá ở nhiều loài chim khác, như bọn chào mào, sáo sậu ắt hẳn cái tổ kia đã được khánh thành. Nhưng với Gi Đá, chưa thể gọi thế là xong được. Họ còn tạo tác thêm. Nói là họ, cho ra vẻ có vợ có chồng mà thôi, kỳ thực công việc xây dựng đều do mỏ và chân của chồng. Chàng nện vợ đủ điều.

Chàng đi kiểm ở các xó vườn lạ về những cặng lá xoan, cặng lá khế đã khô dẹt. Chàng xếp thành từng lượt ngang dọc trên nóc tổ. A! Anh chàng lợp một cái mái. Cái mái nhà để che mưa che nắng. Chàng lại đi khuôn lá duối, khuôn cặng rạ về và xếp một lượt dày lợp lên trên những lượt cặng. Xong xuôi đâu đấy cả rồi, chàng loay hoay khoét một cái lỗ. Khi đục xong lỗ, ấy là lúc công cuộc làm tổ đã hoàn thành. Chàng chui vào trong tổ cất lên mấy tiếng ke ke. Ở ngoài, vợ chàng cũng đáp lại như thế. Chàng liền bay ra, đứng cạnh nàng, tỏ vẻ như âu yếm. Chàng xích lại một chút, chị vợ cũng rún

rún đôi chân và rung rung đôi cánh. Hai cái mỏ chiu vào nhau, chiu đuôi vào nhau. Đôi chim hoan hỉ nhìn nhau và cùng xù lông ra giũ phành phạch. Chàng khoan khoái bay tung tăng đi vu vơ đâu một lúc, rồi lại trở về, cùng chui tọt vào tổ. Cái tổ kín và riêng tây như một nếp nhà của người ta.

Thế là tổ đã làm xong. Trông nó xù xì tựa như một mớ rác lộn. Song đó chỉ là cái bề ngoài không quan trọng thôi. Nay, ta hãy đến gần, lộ đầu vào một tí xem. Đường cửa tổ tròn, xung quanh nhẵn thín, chui ra chui vào rất gọn, không vướng víu mảy may. Cái lòng tổ thì êm và mịn, vừa chỗ cho nàng Gi cái nằm. Gi đực chỉ rón rén nằm ghé bên cạnh. Hai cái mỏ cùng chìa ra phía cửa.

Từ hôm ấy, sớm mờ mờ đã nghe tiếng Gi động lạt xạt trong cây hồng bì. Họ đùa nhau chắc? Chị vợ thì nằm xù xù trong tổ cả ngày. Nàng nằm ấp dón cho những ngày sắp sinh trứng. Đến khi hoàng hôn xuống, thì cả hai vợ chồng cùng chui vào tổ, lại cùng nằm chầu mỏ ra ngoài cửa.

Họ chờ đến ngày đẻ trứng.

Những con chim hét đen chặm chui mỏ vàng bệch, đã từ phương xa bay về. Những dấu hiệu mùa lạnh sắp đến.

Gió may trở về đã từ lâu, hiu hiu và hiền lành. Nhưng chiều ấy, gió may bỗng đột nhiên nổi cơn bùng bùng. Trời đất âm u sầm lại. Từng làn mây nước lớn xám xịt, chuyển vận theo gió bay xuôi hỗn độn, tới tấp như ở trong một cuộc thay đổi kỳ lạ của trời đất. Sáng hôm sau, trời đổ mưa xuống đều đều nhưng không to lắm, vòm không mù trắng những nước. Và trời cứ mưa đều đều, lai rai, nhỏ nhè như thế, hết ngày ấy sang ngày khác. Ông mặt trời đã đi đâu mất để cho nơi nơi thì nhau khóc ra mưa ra gió. Người ta đều phải ở trong nhà. Đường cái làng lầy lội, bùn xám ngập cao tới lưng ống chân.

Đôi chim Gi cũng phải ở trong nhà. Chúng nằm ro ró mà nhìn ra xem mưa. Chao ôi! Cái thứ trời gì mà cứ xối mãi nước xuống, xối mãi nước xuống. Mưa vài hôm, đôi chim đã bắt đầu thấy buồn buồn. Mưa được bốn ngày thì lạnh lạnh. Những hạt nước đọng ở trên mái tổ rích vào, thấm xuống, ướt hết cả xung quanh. Nhưng sự lạnh và sự thấm nước đó chưa đáng để ý bởi đôi chim mặc bộ lông dày và họ có hơi ấm của nhau. Song chúng không dám bay ra ngoài. Nằm nhịn đói cũng đã thường quen, không hề chi. Trời vẫn mưa. Bây giờ lại có những giọt nước mới đột đến, lá và cành khô không chịu thấm được hơn. Hạt nước lăn trên mái tổ rồi rỏ tạch tạch xuống đầu vợ chồng gã chim Gi. Lại có thêm gió. Gió đu đưa cành cây hồng bì. Từng loạt nước rơi xuống rào rào, liên tiếp. Vợ chồng Gi Đá xù lông ra lắc bụi nước. Nhưng rồi bụi nước, tuy đã lắc mãi, cũng bám được vào lông chim. Hai cái đầu thấm nước, bết lông vào với nhau, bé tọt hẳn lại. Trông thảm như hai người ốm liệt giường mà bị cạo trọc đầu. Lúc này là lúc mà vợ chồng chim Gi không thể nén được nữa. Nếu họ không đi tránh mưa, nước cứ rỏ tạch tạch luôn vào đầu thì đến chết rét mất. Bởi trời lạnh. Buổi sáng, người ta mó tay vào trong nước thấy buốt thon thót. Mưa thì liên miên. Giọt tranh chảy rinh rích xuống bốn bên xung quanh.

Một hôm, hai vợ chồng chim Gi đành lòng rời cái tổ ẩm ướt, đi tìm một mái nhà nào để tạm ẩn. Chúng bay đi trong bụi mưa, bốn cánh ướt vỗ nặng nề. Bấy giờ mới xế trưa, nhưng trời đầy mây xám và trắng những nước, tường như trời đã sắp tối. Vợ chồng chim Gi rời tổ, bác Sẻ già kia không biết.
 Mấy bữa nay mưa gió, bác ta rúc tránh vào trong ống tre.

Nhưng cũng còn cuộc trở về của đôi chim. Ấy là một ngày mùa đông có nắng, sau trận mưa dai dẳng liên miên đến nửa tháng. Mọi vật vẫn chưa khỏi hẳn ẩm ướt, nước ẩm nhiều quá. Bức tường ngoài ngõ, thảm rêu xanh om. Tuy nắng, nhưng nắng chưa đủ gây ấm. Không khí vẫn phảng phất hơi giá.

Đôi chim Gi lia tổ ngơ ngác ở đâu về đậu bên cây bưởi. Bác Sẻ ở dưới sân, đứng trong ánh nắng để hong lông, hong cánh, trông thấy đôi chim đáng ghét liền bay vù lên nóc nhà và kêu choe choe như bị ai bóp cổ. Chàng Gi đực liệng vào trong chòm lá hồng bì. Chàng vào thăm lại tổ. Trận mưa cũng có làm hư hại mất đôi chút. Mấy chú nhện lạc lổng nơi nào tới đã chăng mạng kín cả cửa ngõ. Gi ta mới tức làm sao. Gi mổ luôn cho mấy mỗ tan hoang cả khung cửu nhện. Vào trong tổ, chàng dùng mỏ và cẳng, bới xếp, dọn lại một lát thì giường nệm lại phẳng phiu và gần được như cũ. Chàng chui ra, nhường chỗ cho vợ vào. Chị vợ lại nằm xêm xếp thò chiếc mỏ ngăn ngừa ra cửa.

Và hai vợ chồng lại thay nhau ấp tổ. Mười hôm, Gi cái đã đẻ ra một chiếc trứng nhỏ xíu. Trước sau chị đẻ ra được bốn chiếc trứng. Bốn chiếc trứng chỉ nhỉnh hơn bốn củ lạc lớn, màu trắng đục, lốm đốm nâu, nằm đều đặn, gọn thon lỏn trong lòng tổ. Chị Gi phải xoè lông bụng ra mới đủ che kín được cho cả bốn trứng.

Trong cái tiểu gia đình này, cứ nửa mừng và nửa lo. Sáng ngày ra, hai vợ chồng hát nho nhỏ. Họ hát ra sao? Chỉ có mỗi một điệu hát ke ke. Và riêng khi nào vui lắm, âu yếm nhau lắm, họ mới rung hai cánh mà làm điệu mỏ ri ri ri... Họ ăn ở dè lén, bình lặng, chịu khó, ít ồn ã. Cuộc đời trôi chảy âm thầm dưới khe lá xanh, y như cuộc đời của những người Nghĩa Đô, cần cù và nghèo khó trên cái khung cửu, trong bốn lũy tre già. Họ ít nói năng, trái hẳn với loài Sẻ láu táu, luôn kêu la nhải.

Bốn trứng đã tới kỳ nở. Những cái mỏ non nứt tự mỗ rạn bốn vỏ trứng để thoát ra. Thế là bốn con Gi nhỏ vào ánh sáng. Mẹ chúng nhảy ra cửa, đứng đoạng chân, ngó bố của chúng đứng gần đấy. Bốn con mắt nâu đục nhìn nhau lơ lảo.

Bây giờ cái tổ là chiếc giường của người đàn bà con mọn. Bữa bãi đầy những vỏ trứng vỡ, nhóp nhóp như mấy cái tã. Nhóp nhóp bốn nhách chim đỏ hỏn. Mụ Gi cái lại càng phờ phạc, dờ dãi tợn. Anh chồng cũng ra vẻ lo lắng thay. Song giờ đương là đầu tháng chạp. Không còn mưa rớt của tháng bảy như trận mưa tầm tã hôm xưa nữa. Thời tiết lạnh, nhưng hanh và khô cứng.

Bốn con Gi cũng đã nhớn nhao. Bố mẹ chúng rạc cả người về nỗi kiếm mồi nuôi con. Chúng lớn dần dần cùng với tết Nguyên đán cũng lần lần nghiêng đến với mọi người.

Năm nay, ở Nghĩa Đô, người ta ăn một cái tết Nguyên Đán không vui. Bởi vì làng có mỗi nghề làm linh. Linh, lựa lại ế. Hàng dẹt ra không bán đi được. Chẳng có ai mua. Nhiều khung cử phải xếp lại. Những vày tơ bỏ trống. Văng tiếng lóc cóc ran rì của cái vày tơ. Ngày phiên không có những bác thợ cử say rượu, mặt đỏ gay đi chệnh choạng trên đường cái làng. Công việc chẳng có, bao nhiêu vốn đều hết cả, người ta đã phải đi quảy đất thuê, đi làm thợ nề và đi lên tỉnh kéo xe. Có những kẻ liều lĩnh đã ký giấy “mộ phu” sang bên “Tân thế giới”.

Cái tết hờ hững đến với mọi sự lạnh nhạt. Giá gạo cao tới ba đồng rưỡi một chục đấu nhỏ. Xưa nay chưa cao thế bao giờ! Túng quẫn quá, người ta không cần và không thể nghĩ đến lo tết lắm nữa. Hàng lá rong vào làng rao ới ới, rồi lại ê hề quảy ra. Làng mạc buồn teo.

Chiều hôm ba mươi, cả làng vắng lạnh. Ấy là một buổi chiều bồn chồn và khó chịu. Người ta ở cái hoang hôn u uất đó để đợi một năm mới vẫn hằng mong ước sắp đến. Một năm mới đầy những bí mật của hy vọng còn khuất ở bên kia một lần lặn mặt trời và một đêm đen thẫm, nặng trĩu nữa. “Nhờ phép tổ” mà nghề nghiệp có được khá khấm chăng!

Gia đình tôi cũng không còn phong lưu như xưa. Ngày mồng một, không có pháo để đốt. Tôi mặc tấm áo vải chéo go cũ, đi đôi guốc sơn bóng nhoáng, đầu vượt nước lả lên để rẽ rẽ cho được mượt. Tôi thơ thẩn trong cổng, hai tay thủ túi, buồn ngẩn ngơ. Cả làng, chỉ có vài nhà đốt pháo. Nghe lẹt đẹt như gỗ mẹt vậy.

Nhưng sáng ngày mồng hai, nhà tôi được có một người đến lễ tết, khách đem theo một bánh pháo. Bác quyền Vực, người bên làng Phú Gia, một học trò “tam tự kinh” ngày xưa của ông ngoại tôi. Bác Vực đi lính, tết được nghỉ phép về chơi quê.

Bác ăn vận rất ngộ. Đầu bác đội chiếc mũ Tây lợp vải vàng và mặc quần áo cũng màu vàng, xù ra. Bắp chân quần xà cạp chặt chẽ lên tận đầu gối. Bác dận một đôi giày có cổ rất to, da mồi thếch như da cóc. Đi giày nện gót trên sân gạch, nghe kêu kệt kệt, đến ghê.

Lặc cầm bánh pháo của bác Vực, đem ra sân. Bánh pháo dài chưa đủ một gang tay. Hắn treo lên trên cây hồng bì. Rồi hắn cầm một cái sào dài, đầu có mồi lửa, một tay bịt tai, một tay run run châm. Pháo bén lửa nổ xì toạch, xì toạch toang toang. Mười cái xác pháo toàn hồng, rắc ra sân như những cánh hoa đào bích.

Con Đực đương luẩn quẩn dưới bếp, đột nhiên nghe tiếng pháo, hốt hoảng chúi cổ cúp đuôi chạy biến ra ngoài đồng. Nó sợ, Lặc phải đi tìm và lôi nó, nó mới dám về.

Nhưng cái gia đình chim Gi ở trên cây hồng bì thì không bao giờ về nữa. Sớm ấy, bỗng nghe tiếng pháo kinh khủng nổ vang động trong cây, cả nhà chim Gi cuống cuống bay đi. Những con chim nhỏ ngã xuống, cố vỗ cánh bay ngoi ngóp. Tan tác mỗi con về một phía. Ai cũng lặc lỡng. Tội nghiệp, bốn con chim nhỏ mới ra ràng. Ngày nào chúng cũng đứng chen chân ở cửa tổ để ngơ ngác nhìn ra xung

quanh và nhìn lên trời. Bố mẹ chúng thì lượn xập xoè như muốn bay cho các con bắt chước.

Sớm ngày mùng hai tết Nguyên đán ấy, sợ những tiếng pháo nổ một cách rất vô tình ở dưới gốc hồng bì, đôi vợ chồng Gi Đá chịu khó và nhẫn nại kia, cùng một đàn bốn đứa con thơ dại, tan tác bay đi, không bao giờ còn trở về cây nữa. Chẳng ai biết được cái bầu đoàn khốn khổ long đong bạt đi đâu và về sau ra làm sao.

Đến độ tháng ba năm đó, đương mùa hoa bưởi nở, cũng có một đôi chim Gi lông vàng về vườn - biết có phải những con chim cũ? - song chúng chỉ đậu trong cây hồng bì một lát. Bác Sẻ già đứng đầu hòi, ngó cổ xuống, trông thấy, liền kêu tặc tặc rộn rã như muốn khơi chuyện cãi nhau.

Một Cuộc Bế Dâu:

Y là một tay hảo hán trong đám Gà Chọi - cái loài sống ở trên đời, nhất sinh chỉ có một nghề đi đánh lẫn nhau cho người ta xem. Tay ấy oai lắm. Chẳng thể có đủ chữ mà tả cho hết cái oai lắm liệt của chàng. Ờ, mà có thể gọi chàng là ông Từ Hải. Từ Hải chọc mây khuấy nước, đầu thì đội trời, chân thì đạp đất.

Râu hùm, hàm én, mày ngài,

Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao

Đường đường một đấng anh hào...

Đấng anh hào nọ được phong vương - hay tự xưng cũng thế - ở đất này để cai trị một khoảng vườn. Mà trong vườn có một góc gồm một chuồng gà, một chuồng vẹt, vừa vẹt, vừa ngan, vừa ngỗng và một chuồng chim bồ câu. Đại vương chỉ có mỗi một mắt và mang trên mình bộ mã ô miến tía - cái thứ áo có lông đen nháy, điểm dòng dọc đỏ. Chàng bị độc nhãn là bởi trong cuộc lên sới, phải địch thủ đánh một cái đá mé, lòi bật con người. Từ đấy, người ta không cho hấn ra trận nữa. Để nuôi cho đẹp sân.

Chàng Gà Chọi đứng thẳng người, hai cái cẳng chân cứng và lẫn như hai thanh sắt, phủ những vảy lớn sắp vàng bóng. Đôi bắp đùi chắc nịch, gân lên những thịt. Chàng chỉ có lông trổ ra hai cánh, ở trên lưng, ở đuôi và lơ phơ mấy chiếc quăn queo dưới bụng. Lông ấy được xén, cắt thực gọn. Đầu chàng to và hung dữ như dáng một chiếc năm dăm. Cái cổ bạnh và hai bắp đùi thì để lộ ra. Da chàng đỏ gay, đỏ gắt, đỏ tía, đỏ bóng lên như có quét một nước sơn thắm. Mặt chàng lúi sùi những mào, những tai, những mấy cái ria mép - tím lịm như mặt anh say rượu. Một bên mắt thì lép mịt mờ, còn một bên chớp chớp nháy nháy tròn vàng hoe.

Lúc chàng đi, hai đầu cánh nhô lên thụt xuống, rõ ra điều một anh chàng cuồng võ, lúc nào cũng chỉ ngứa ngáy chân tay.

Buổi sớm, khi cậu Gà Ri te tái chạy ở trong chuồng ra, dẫn đầu ba chị gà, một bác ngan với một lũ con líp nhíp và mấy thím vẹt, thì, ở nóc chuồng, Chọi ta cũng nhảy xuống, hai cái chân gieo bịch trên nền đất. Chàng không ngủ trong chuồng với những con gà khác. Chúng làm quẩn chân. Bởi vì chàng cao quá, đầu đụng tới nóc chuồng; nếu phải đứng khom khom cô thì chàng chịu, không thể cúi được.

Chàng đưa mắt nhìn quanh sân một lượt rồi vỗ đồm độp đôi cánh, lấy gân thẳng hai chân, cong bạnh cần cổ, phưỡn ngực ra gáy lên một hồi: côôô... côô... cô... cô... ô... Tiếng gáy mới to khiếp. Nghe ồ ồ như tiếng nước mưa rào chảy vào trong một vành cổng hẹp.

Côôô... côô... cô... cô... ô...

Những thím vọt nhút nhát luống cuống đôi chân, nghiêng một bên má để hiếc mắt lên trời, ra điệu nghe ngóng. Có thím hải quá, cạc cạc một hồi ầm ỉ, như muốn kêu: “Ai cứu tôi với! Cạc cạc cạc! Ai cứu tôi với!”. Cậu Gà Ri đương làm bộ làm tịch, đứng diều võ giương oai ở trên đầu mỏm cọc tre cũng giật nảy mình, hai mắt nhớn nhác. Hai khoeo chân đã khum xuống, chực lúi, rõ ra bộ anh hùng rơm.

Loài ngan xưa nay có tiếng là gan góc, lúc nào cũng lỳ lỳ lằm lằm. Thế mà nghe tiếng Gà Chọi gáy, mụ ngan cái cũng vừa kêu kiu kiu, vừa thò ra thụt vào cái cổ, dường như muốn hỏi các bạn cùng sân xem: “Cái gì thế? Cái gì thế? Kiu kiu...”.

Lại đến tình cảnh những nỡm chó con ra ăn vụng cơm của gà mới buồn cười. Nghe tiếng gà ồ ồ gáy, chả biết tiếng người ta chửi, người ta mắng hay tiếng máy móc ghê gớm gì, các ranh cứ nháo mắt lên, đuôi cúp thụt xuống tận bụng, len lét chuồn thẳng.

Cái tiếng gáy mới kinh khủng chứ! Ai mà chả phải sợ ông Từ Hải.

Côôô... côô... cô... cô... ô... ô...

Có những buổi trưa.

Những buổi trưa mùa hè, nắng to. Ngoài vườn, cây cối rủ rượi đứng chịu tội trong ánh nắng lửa. Những mảnh lá mướp to bản đều cụp uốn xuống, để lộ ra những cánh hoa màu vàng gắt. Có tiếng vỗ cánh sè sè của vài con ong bò đen bóng, bay rập rờn trong bụi cây chanh.

Nắng dữ quá. Gã Đực nằm đầu hiên, thè dài lưỡi ra thở hực hực. Lũ ngan, lũ ngỗng thì rủ nhau chúi xuống bờ ao, núp bên những tàu lá khoai sơn hà xanh rờn rọi. Ở dưới gậm cụm lá sồi, hai ba chị mái tơ thi nhau dũi đất. Thỉnh thoảng lại rủ cánh phành phạch.

Ấy vậy mà có hai người bạn vàng kia quên cả nắng, quên cả trời đất nóng nực. Đó là hai trái tim: một anh Gà Chọi và một chị Gà mái nạ dòng. Nếu mà đối Gà Chọi với chàng Từ Hải thì phải kể chị ta vào cái độ cô Kiều gặp người anh hùng đó, sau mười lăm năm luân lạc, trên vai nàng đã đeo nặng hơn ba mươi cái gánh xuân. Mà chàng Từ Hải thì trải bao trận thư hùng, đã tàn tạ rồi mà vẫn có mã, vẫn đóm đáng như thường.

Cho nên, trời nắng là thế mà thuyền duyên cũng chịu khó đứng ở dưới gốc cây thầu dầu tía, gần bờ ao. Nàng xù bộ lông vàng, phờ phạc, lốm đốm trắng như mớ rơm rửa bát. Vậy mà nàng cũng chớp chớp đôi mắt, rung rung cái mào xám xịt ngả về một bên má.

Nàng ngẩn cổ lên, nhìn sang phía gốc cam - chỗ có anh Gà Chọi đứng; hơi he hé đôi mỏ, chị cất một giọng oang oác, rất bổng rồi trầm xuống: “Kéééc. .. kéééc... kééc... k... éc... k... é... é... é... c...”

Ý như làm duyên mấy câu Kiều lấy.

Cái tiếng éc cuối câu cứ kéo dài, vang động khắp vườn một cách lâm ly và não nuột khiến cho anh Gà Chọi đứng bên kia đường như phải ngơ ngẩn bồi hồi mà nghech một bên mắt lên nhìn lơ lảo. Và chàng vừa kêu cộc cộc vừa đi về phía cô ả.

Ấy thế là khách biên đình sang chơi. Kiều nhi bèn ra bộ làm gái, thấy tình nhân thì không hát nữa. Muốn tỏ với nàng rằng ta đây cũng là tay thiệp đời, gà Chọi xỏ hai cánh, đoạn mấy móng chân để bới đất và cúi mỏ xuống, giả cách vừa mổ vừa kêu cộc cộc, làm điệu gọi mái đến ăn chung. Rất tình tứ. Nhưng mà xác anh ta thì nặng, hai cái cẳng chân to lều lều, khi anh lấy cái dáng đẹp nhất, cái điệu chân dẻo nhất để bới, trông hóa ra ngây ngô và ngượng nghịu, đến hay.

Chị ả còn làm bộ mãi, không chịu đến. Để cho chàng hết rủ rê, tán tỉnh bằng điệu chân, điệu mỏ, lại xòe cánh ra đập phành phạch. Mà cô nàng cứ còn cao giá làm lơ và lại bắt đầu hát kéc kéc ầm ĩ.

Ôn tồn, dịu ngọt mãi không được thì chợt ta tức lắm. Chàng ngẩng đầu lên.

Cái tính hung hăng, nóng nảy cố hữu của chàng ở đâu lại kéo đến ầm ầm. Chàng đỏ mặt tía tai, lộc ngọc chạy đến tận nơi. Chị ả cũng ù té chạy biến phía bờ ao.

Nhưng này, ối ai ơi! Chị ả nỡn nường đó chỉ giả cách khệnh khạng một chút đấy thôi. Đến chỗ khuất bóng cây chanh, nàng đã nằm khụy hai chân xuống. Để đợi người yêu.

Sáng nào chị mái nạ dòng ấy cũng lên ổ để đẻ. Mỗi lần đẻ xong, chị nhảy choàng từ trong ổ ra đứng giữa sân mà cục te cục tác rồn rã. Chừng muốn khoe với làng xóm rằng mình vừa mới đẻ được một cái trứng, công phu khó nhọc nhiều lắm đây.

Được có chín trứng ả đã thôi và bắt đầu nằm ấp. ả ấp ham lắm. Suốt buổi. Quên cả ăn. Cứ nằm sù sù cả ngày thâu đêm trong ổ. Ai động dậy ở đâu gần đấy là ả đã kêu cục cục, lông cánh xù ra, chực những sự vừa chửi vừa đánh.

ả nằm ấp vừa đứng cử hai mươi mốt ngày. Từ đầu tuần trăng lưỡi liềm cho tới những đêm trăng chỉ còn nhô lên lúc gà gáy sáng là tới thời kỳ những cái thai bắt đầu cựa quậy và mổ vỏ ra để tìm ánh sáng.

Nửa tháng sau, xung quanh chuồng gà đã riu rít những gà con. Bây giờ cái mảnh sân sau ấy vui lắm. Qua một ít bữa, chín con gà nhỏ vỡ lông, vỡ cánh và lần lần trên người chúng, hiện ra những màu sắc của một bộ mã. Mỗi con một mã: hoa mơ, tía, trứng cuốc, mã trắng. Cũng có những đứa đeo cái màu vàng bệnh bạch như mẹ. Đây là một đàn gà pha.

Có thêm những một đàn chín con gà nhỏ, sân và vườn bây giờ trở nên âu tri viên. Cả ngày, rồi lên những tiếng líp nhíp, líu nhíu. Gà con, chúng kêu luôn mỏ. Nếu không chếp chếp to tướng thì ít ít be

bé trong cuống họng. Xô nhau cũng kêu. Mổ hạt tằm, cũng kêu. Đến cả khi mẹ ngồi xuống, xòe cánh ra cho chúng rúc vào bụng, chui vào nách, nhảy lên lưng, cũng kêu í ới.

Còn mẹ chúng nó? Thật là một người đàn bà giỏi giang, đa tình thì nhất mực mà khi phải vào cái bốn phận dạy dỗ, nuôi nấng con trẻ, lại đáng nên bậc mẹ hiền gương mẫu. Luôn đi cạnh các con, mẹ không rời chúng lấy nửa bước ngắn. Mẹ cong chòm đuôi, xù vành lông cổ lên, làm điệu nghiêm khắc và ác. Thật ra, với các con thì mẹ rất ngọt ngào. Bới được một hạt giեն đỏ, mẹ cũng gọi chúng đến, cho chúng ăn. Vừa nhìn các con ăn, mẹ vừa cúc cúc, nói chuyện vui vẻ. Nhưng hễ động một bà ngan đáng trí - những con ngan hay đáng trí, lúc nào cũng bước đi thanh thản, lơ tơ mơ, ngất ngưỡng tới bên cạnh là mẹ Gà nhảy lên như chơi chơi, bao nhiêu lông đuôi lông cánh dựng đứng ngay lên, miệng kêu oang oác, khoéc khoéc, chân thì đập, mỏ thì mổ khiến cho mẹ kia mở mắt không kịp, chúi đầu xuống đưa vòng kiềng hai chân mà lạch bạch chạy.

Mẹ mê mãi chăn nuôi con đến quên cả mình. Chẳng thế mà trong khi săn sóc trẻ, thân hình mẹ gầy xác, gầy xơ. Bây giờ thì không thể bảo mẹ là cô gái giang hồ gần bạc tóc mà vẫn ưa lá gió cành chim được nữa. Phải gọi mẹ là một bà xã trong làng, một bà xã chỉ biết tảo tần nuôi con cho đi thả chim thả diều và nuôi chồng một ngày hai bữa rượu. Những điều nguyệt nọ hoa kia, giờ tịnh tâm, mẹ không màng tới, mà lại còn ghét là khác. Mỗi khi có cô mái tơ phớn phở đi qua, mẹ đuổi đuổi, mổ mổ, túi bụi.

Còn anh Gà Chọi mã ô miễn tía? Thôi thôi thôi, nói làm chi đến cái quân lang chạ, phát phơ.

Một ngày cuối tháng năm. Mấy hôm nắng dữ dội như muốn hun héo cả xóm làng. Đến hôm ấy, từ buổi sớm, nắng không loe lên như mọi khi. Trời vẩn vự đầy mây trắng. Song không phải là mây trắng đục, báo hiệu cơn mưa. Mây trắng tinh chẳng biết ở đâu trôi lừ đừ đến từng tầng lớn, ngổn ngang cả nền trời xanh ngắt - trời xanh lẫm, ở mỗi khoảng không có mây. Mây đến rồi mây đi, mây đến, mây lại đi, mây chuyển vùn vụt. Ấy thế rồi gió nổi lên dạt dào trong các lũy tre. Cái thứ tiếng dạt dào của lá tre rung vào nhau liên miên, tưởng như tiếng heo may cuối thu, mà không bao giờ ngớt, gây nên bởi từng luồng gió rất dài, rập rờn trên sóng lúa, từ ngoài đồng xa về. Người ta gọi gió ấy là gió giải đồng - gió quạt mát cho những người cấy dưới ruộng.

Bữa đó, Gà mái dẫn đàn con lách qua bờ tre, ra ngoài ruộng nhữn nhơ chơi. Bởi vì không có nắng nên cả mẹ, cả con mãi bắt nhái, bắt châu chấu, mãi tới xế chiều mới dò về. Về tới chuồng, trời đổ một trận mưa rào. Mưa rào đến đêm thì tạnh. Nhưng còn sập sùi mãi tới lúc sang canh mới dứt hạt.

Sớm hôm sau, khi cửa chuồng đã mở, chỉ thấy chị Gà mái mẹ dẫn có bốn con nhỏ lúi thủi ra. Nhòm vào trong: năm chú gà con kia đã nằm mỗi chú một xó chết còng queo từ bao giờ. Và chỉ từ sáng tới buổi trưa, cả bốn gà còn lại này cũng mỗi con nằm rụi ở một góc vườn. Những cái điều cớm cứng ních lại. Lặc kêu ầm lên rằng :

- Biết ngay mà. Trờ gió! Trờ gió! Trái gió. Trái gió. Gà bên nhà bác xã Khóm cũng lần đùng ra thế đấy.

Sẩm tối, ông ngoại tôi sai Lặc hun một đồng bồ kiếp ở trước cửa chuồng, chỗ thang gà leo lên leo xuống. Trong sự tĩnh mặc âm thầm của vườn sau, đám khói hoàng hôn sức mùi bồ kiếp thơm gây gây càng làm cho cái khu gà vịt ở có một không khí ẩm đậm như một xóm nhuộm bệnh thời khí. Thế mà sáng hôm sau, lại có ba chị Gà mái tơ nằm chết chổng hai cẳng lên trời.

Một sự đổi đời ghê gớm. Tai nạn chỉ bởi có một thoáng thay thời tiết. Mụ Gà mái mẹ và anh Gà Ri sợ không dám ở chuồng nữa. Tối đến, chúng ngủ cao trên bụi tre. Còn ở lại chỉ có lũ nhà ngan, họ nhà vịt - cái tội ngu ngơ lúc nào cũng dờ dẩn mà khỏe - và anh Gà Chọi đứng ngang nhiên trên nóc chuồng. Đáng hắn thấy cảnh vật phút chốc bỗng trở nên quạnh hiu, anh không học mỏ kêu kộc kộc kộc như mọi hôm.

Chẳng những chỉ vắng vẻ thế mà thôi!

Một sớm kia, Gà Chọi không cất tiếng gáy. Tay nhà võ đi có dáng lừ đừ, đầu rúc xuống, mà cổ thì hình như nặng nặng. Loài gà không bao giờ ốm bệnh gì, chỉ có bệnh dây. Khi lử khử, tất chàng mắc bệnh ghê gớm đó. Chàng bị truyền nhiễm bởi bọn gà chết hôm qua, hôm kia. Chắc thế. Bởi chàng khỏe cho nên chàng không quy ngay. Song cũng khó lòng qua khỏi được. Có sức khỏe, bệnh chỉ kéo dài. Thế nào, một ngày rất gần đây, cũng sẽ đi đời.

Chàng không ăn được nữa. Chỉ uống nước thôi. Mà uống nước luôn luôn. Cái bùi điều cơm rắn lại. Cho đến chiều thì chắc đành, sờ tay không bóp chuyển được. Đêm, chỉ nghe tiếng quéc quéc, như vướng cái gì trong cuống họng. Cái tiếng quéc sắc rợn và lạnh. Nghe ghê người.

Sang hôm sau, mào, bắp chân và bụng Gà Chọi đã xám lại. Chàng bước đi; cái cần cổ gục xuống, hai vai cánh so lên, xiêu vẹo như lão kiết đã nghiện nặng lại thiếu cả sái hút. Đôi chân hiên ngang nọ như sấp không khiêng nổi cái mình to lớn nữa. Thảm hại quá. Ôi! Con Gà Chọi, ôi! Con Gà Chọi! Con Gà Chọi chỉ còn mở thao láo một mắt ra nhìn. Không còn hực hặc đập phành phạch. Không còn gáy cồ... cồ, không kêu cồ... cồ gì cả.

Ngày hôm sau nữa thì đành chẳng thể nào nhấc chân được. Chàng Gà Chọi nằm gục một chỗ, chổng đuôi lên, đầu lả rụi. Người tọp lại, như một người thân thể to lớn, bây giờ chỉ còn làn da, ôm một bọc xương. Buổi chiều thì Gà Chọi tắt thở.

Lặc được nhận việc xách một bên cẳng nó, đem ném ra ngoài đồng xa.

Hời ôi! Ông Từ Hải về với đất.

Cậu Gà Ri không dám bén mảng về đến sân nhà. Trông trước, trông sau chẳng có ai, chỉ còn một

mình chị mái già, ra lại vào, ngân ngơ.

O CHUỘT

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Mụ Ngan:

ự chết chóc ghê rợn trong họ nhà Gà không ảnh hưởng đến các chú Ngan, thím Ngan cũng cùng ngụ một sân. Loài Ngan khỏe mạnh, ít khi trở trời mà bị trái gió.

Xóm Gà Vịt này có hai con Ngan trắng.

Độ nọ cũng còn có thêm một đàn Ngan nhỏ. Nhưng bây giờ đã tan tác mất cả. Chẳng phải vì bệnh đây, mà là vì nhiều sự không may khác. Đời sống lẫn dài vào thời gian rộng lớn và cao cả, triển miên đã bao nhiêu năm, trong khối óc tí hon của muôn loài. Với chúng - nhất là những con vật lẩn quẩn xung quanh thì trái lại. Ngày tháng vụn vặt, chỉ có những đau thương nhỏ bé, những xa cách ít đáng để ý. Ấy là cuộc sống tù mủn, bèo nhèo. Chúng chẳng làm hại ai, chẳng hít hốt mất của ai ít khí trời, dù chúng cũng thở ra, thở vào cẩn thận. Như những con giun, cái kiến làm sao mà được nhòm ngó tới.

Đếm đàn Ngan con có được sáu cái đầu cả thảy. Sáu cái đầu xinh xinh, sáu cặp mắt tròn xoe, đen láy và ngơ ngác. Chúng lẩn quẩn líp nhíp xung quanh hai bàn chân tõe ngón rất thô kệch của bà mẹ. Mà tâm tính của mẹ chúng thì cũng “thô kệch” như hai bàn chân nọ. Mẹ dần dần đến phát ghét lên được. Thực là một thứ đàn bà đoảng. Mặt mũi lúc nào cũng ngẩn ngơ, lúc nào cũng lắc lư như một bà nhiều ra chợ mà bị kẻ cắp xén mất túi. Mỗi khi cất bước, đôi chân khụng khiêng đi vòng kiềng lại du đưa tất cả mình lên. Nom đến chậm.

Cũng bởi cái tối dạ, chậm chạp ấy mà vô tình, mẹ đã giết một đứa con của mẹ.

Một hôm, cu Lặc đem ngô ra sân cho Ngan ăn. Mụ Ngan xô đến. Đàn con cũng tất tả chạy theo. Chúng len, đùn, tranh nhau trèo vào chậu ngô. Mẹ chúng đứng ngoài xốc cànch cách từng hột một.

Nhưng lũ trẻ leo vào đây chậu, khiến cho mẹ bị vướng, không xoi được hột nào nữa. Tức mình mẹ cũng thò chân vào cái chậu sành. Rồi mẹ bước nốt cả chân kia vào. Thành ra mẹ đứng phè phè giữa chậu, cứ cúi xuống mà xốc, tranh ăn của cả các con. Một bàn chân mẹ - cái bàn chân có ba ngón trước tõe ra, mạng liền với nhau - giẫm lên lưng một con nhỏ. Con Ngan nhỏ kêu thảm thiết. Nhưng mẹ mẹ vẫn chưa biết, vẫn dí chặt chân lên lưng nó mà đóp ngô như thường. Đến khi mẹ dịch chân đi để thò mỏ ăn chỗ khác thì con Ngan khốn nạn kia không thể đứng dậy được nữa. Nó gãy xương lưng.

Ăn no rồi, mẹ vỗ hai cánh dẫn năm trẻ xuống ao lội chơi. Mặc thay một con bị trọng thương, cứ việc nằm rụi, kêu khắc khoải. Mẹ lơ tít hay là không biết. Đến chiều, con nhỏ ấy chết. Mẹ như không

biết có một đứa con mình vừa mới chết. Thế thì cố nhiên không phải lỗi ở mẹ. Bởi vì mẹ vẫn thò ra thụt vào cái cổ, vẫn lúc lắc bộ đuôi. Những tiếng kiu kiu thốt ra, như vẫn biểu lộ một nỗi vui sướng vu vơ, ngây ngô.

Thế là một Ngan con chết. Mười hôm sau, hai mống nữa cũng chết theo. Chúng bơi dưới ao, rúc đầu mò vào ven bờ. Hai con lập tức bị lươn rút vào tổ. Lũ trẻ con trong nhà đi tìm chỉ thấy hai cái đuôi chổng vọc lên. Cái đầu kẹt trong lỗ, bị lươn cắn thủng một vết sâu hoắm.

Còn lại có ba nhách lơ lảo.

Lại một hôm nữa, mẹ dẫn ba trẻ ấy ra ngoài ruộng chơi. Mấy bữa trời đổi gió, cả đàn Diều Hâu ở miền xa đâu trên núi bay về. Chúng dang cánh ra liệng vòng tròn trên đồng lúa. Chúng lừng lơ trong không, lẩn vào từng khoảng mây xanh. Những tiếng kêu rin rít nổi lên như tiếng sáo đầu. Không phải là chúng cứ liệng chơi “xây giếng cho tròn” mãi ở trên trời cao thăm thẳm ấy. Chúng liệng đi, liệng lại thỉnh thoảng sà xuống ở một chỗ quanh quẽ, hoặc để tìm một cái ngòi nước vào mà tắm, hoặc để kiếm mồi. Hôm ấy, có một con Diều Hâu liệng vòng tròn rất cao. Bỗng nghiêng cánh, đâm bổ xuống. Nó vừa trông thấy mấy cái mồi. Đó là ba con Ngan nhỏ cùng với mẹ ra nhón nhờ ngoài đồng. Diều hâu sà xuống tận nơi, thò dài hai cái chân sắt, quắp lấy một con Ngan, rồi bay bổng lên, vụt đi. Nó tìm đến một nơi thanh vắng, thả Ngan xuống, mổ cho chết rồi ăn thịt. Một lát sau, có một gã Diều Hâu nữa sà đến cũng quắp một con Ngan. Văng vẳng tiếng Ngan kêu thảm thiết trên cao.

Mẹ Ngan mẹ cũng nghe được rõ ràng những tiếng kêu cứu ấy. Bởi vì mẹ có nghén cổ, có liếc mắt lên trời. Nhưng rồi mẹ lại cúi xuống mổ cỏ và lúc lắc cái đuôi của mẹ. Còn có mỗi một con Ngan nhỏ khiếp sợ, chúi vào bụng mẹ. Song mẹ nó cũng vô tâm, không để ý chi. Thế là hai con Ngan nhỏ bị Diều Hâu bắt ăn thịt. Phải tay một mẹ Gà thì không bao giờ mẹ chịu im như vậy. Sống chết mẹ cũng xù lông ra, nhảy lên đánh nhau ngay với quân thù. Đằng này, có thể như không bao giờ mẹ Ngan nghĩ đến cái điều phiền nhiễu đó. Mẹ đứng đĩnh dẫn một con lông chổng vể, mỏ và mắt thản nhiên như lúc đi ra.

Cả đàn sáu con Ngan, chỉ còn vòn vẹn có một. Cái sân Gà Vịt vừa bị một trận chết dây kinh khủng, bây giờ lại càng vắng vẻ thêm. Các cổng chuồng bị bỏ trống, không cài then. Những lối bùn đã mọc rêu xanh. Chẳng có mấy vết chân ba ngón qua lại.

Tối đến, nhà Ngan ngủ dưới gầm chuồng gà. Con Ngan nhỏ nằm bên cạnh, mỏ rúc xuống cánh. Bao giờ chúng cũng ngủ đây. Cái giống Ngan luộm thuộm yên trí rằng ngủ ở đây đã là sạch sẽ.

Một đêm kia, có một con rắn mai gầm từ dưới ao bò lên. Thân nó trườn bằng một cái đòn gánh và vằn những khúc vàng, khúc đen. Bởi vậy, rắn ấy còn có tên là rắn cặp nong cặp nia. Nó lườn men bờ ao, đánh hơi thấy mùi tanh ở chuồng gà thì bò vào. Và nó bắt gặp ba con Ngan, liền rướn bạnh cổ ra, phun phè phè. Hai Ngan lớn lật đật chạy. Bởi rắn ấy là ông Ba Mươi, đối với các loài vật trong nhà.

Cũng chẳng biết có phải vì sợ mà vợ chồng nhà Ngan chạy, có khi chẳng biết sợ cũng nên. Chú Ngan nhỏ chậm chân, bị rắn tiêm một nhát vào lưng. Tội nghiệp, chú nằm quay lơ, giãy giụa một lát thì gục xuống chết. Con rắn lừ đừ trườn đi mất.

Sáng hôm sau, Lặc thấy xác con Ngan nằm chết rũ. Nhìn một vệt dài lằn nhẵn trong rãnh bùn ướt từ dưới ao lên trên gậm chuồng, Lặc biết ngay là con Ngan kia bị rắn phun. Nó chạy vào nhà, hô hoán ầm lên. Lũ trẻ thập thò ra xem, nín nhau, rón rén bước từng bước một, như sợ con rắn nguy hiểm hãy còn lẩn quẩn đâu quanh ở đấy.

Lặc xách cangk con Ngan lên. Nó ngăm nghía và nói :

- Hoài của. Thế lầy mà rắn cắn chết. Thịt ăn đương mềm nằm. Chốc nữa tôi vào xin ông mang về...

- Ăn?

- Chứ nry gì! Hôm lợ, con gà chọi tôi cũng mang về ăn đây. Chỉ phải bỏ cái điều đựng cơm thôi. Ngon đáo để. Tôi gì, thịt ăn chẳng có, có thịt vớt đi.

- Nhưng đằng này rắn phun độc lắm.

- Độc xộc vào mồm. Tôi đếch sợ.

Lũ trẻ xanh mắt lại. Chúng chắc rằng ăn thịt Ngan rắn cắn, thế nào nhà Lặc cũng chết ngay đuôi ra. Lặc mang con Ngan về.

Nhưng sáng hôm sau, Lặc vẫn đến như thường. Mặt mũi vẫn hồng hào và cái bụng vẫn như chiếc trống cái. Cả bọn trẻ xúm lại.

- Ăn hết thịt Ngan chưa?

- Mấy con lửa cũng hết bay.

- Thế thực anh không sợ nọc rắn độc hử?

Lặc nói nhỏ, ra lối bí mật :

- Sợ quái gì. Núc nuộc gà thì bỏ một cái đinh lăm phân vào lồi. Sắt kỵ nhau với rắn, thế nà nọc rắn tan ra lước. Chỉ phải bỏ đi có lước suýt, còn thì nhắm được tuốt!

Lũ trẻ ngẩn ngơ nhìn nhau. Ra lối phục cái mẹo ấy là đúng.

Con Ngan nhỏ cuối cùng chết đi, hết dấu vết của đàn Ngan. Không ai nhớ nữa. Cả mẹ và cả đến cha chúng. Tàn mùa hè thì hoa xoan rụng.

Hai vợ chồng nhà Ngan lại quanh quẩn. Chồng là một chàng Ngan bạch. Thằng cha to gấp đôi vợ. Loài này, bao giờ đực cũng lớn hơn mái. Toàn thân trắng muốt. Nhưng ở cuối mỏ, sùi lên những mụn đỏ. Nếu nó in ít, có thể tưởng đấy là trứng cá của loài Ngan, nhưng đây nó đầy bì bì, đỏ tía như màu hoa mào gà và ngay ở trên trán, mụn đỏ cũng mọc cao lên như một cái nấm. Những cái mụn đỏ ấy làm xấu dáng của Ngan, dù là một con Ngan trắng muốt. Vì còn có những thứ Ngan khác, hoặc đen biếc, hoặc trắng đốm đen, bản như những bà già trong làng đi chợ mùa lạnh mà mặc váy rách vá chum vá đụp.

Nhưng vẫn chỉ vì tính nết của Ngan làm cho người ta ít ưa chúng.

Chàng Ngan kia bướng bỉnh lạ. Nếu bị người đuổi, chàng chỉ rảo từng bước thùng thình. Và lại còn thò cổ lại “hỏi han” người ta. Nếu chỉ bị đuổi xoàng, chàng còn mỗ lại người ta là đằng khác nữa. Chàng không nhát như mấy anh Vịt, lúc nào cũng chỉ đứng ngẩn tò te ra nghe ngóng để rình chạy. Song chắc là vốn bẩm sinh ra thế, chứ thực Ngan ta chẳng có tâm tính chi. Đã một lần, có một đứa trẻ ngắt hai chiếc lá khoai san hà. Nó vật hai con Ngan xuống và lấy lá khoai chum kín cả đôi bên mắt của chúng. Đôi Ngan bưng mắt ra, thấy màu xanh xanh của lá phủ trên mặt thì quên hết cả trước sau. Chúng cho rằng chúng đương được lơ mơ ở trong bụi cỏ. Bụi cỏ non xanh và mát. Thế là chúng cứ nằm chỏng chân lên, im lặng không nhúc nhích, cho mãi tới lúc hai chiếc lá khô cong, hé nhìn lên thấy trời, mới lóp ngóp bò dậy. Lại thùng thình bước một, gieo những bước nặng lạch bạch xuống nền sân.

Một hôm chàng Ngan lừ đừ ra đầu ngõ. Hắn đi ngơ ngác lơ phờ, lắc lư cái mình, lắc lư cái chân, mà lắc lư cả đến chiếc đuôi ngắn cùn. Bất đồ gặp một đứa trẻ độ ba bốn tuổi, chập chững đi vào trong ngõ. Ngõ hẹp và sâu, có những cây xoan cao, thân mốc trắng, cành nặng trĩu những chùm quả chín khô, vàng thẫm. Thằng bé cũng trông thấy con Ngan. Nó cười trần, cười truông nhưng nó không sợ Ngan chút nào. Nó thò tay ra vớ lấy đầu con vật. Chàng Ngan cũng chẳng sợ thằng bé, chàng liền rúc một mỏ vào rốn nó. Thấy buồn buồn, nó lấy tay gạt đi. Chàng Ngan lại rúc nữa. Lần này chàng rúc xuống phía dưới. Đúng. Thế là chàng cứ bập bập hai cái mỏ, vừa lòi vừa nhay thằng bé.

Thằng bé giẫy giụa, gào “Mẹ ơi! Mẹ ơi!” ầm lên. Mọi người chạy ra thì bé đã cố dứt được cái mỏ Ngan tai quái ra rồi. Chẳng ai ngờ là gã Ngan dờ dẩn nọ lại vừa đánh nhau với thằng bé. Bởi thằng bé chưa biết nói sõi. Nó chỉ khóc. Mà gã Ngan thì vẫn đứng cạnh đấy, thò dài cổ ra “hỏi han” mọi người, với một điệu ngẩn ngơ.

Người ta tưởng có một ổ kiến lửa chi đó ở quanh đấy.

Sau nhà, có một vườn cải. Đây là một khoảng đất tận góc vườn đằng kia, giáp bờ ao, vun xới bón tưới do công trình của Lặc. Cũng là ở trong vườn, nhưng Lặc rào kín bốn phía. Để đề phòng sự tàn phá của bọn Gà Vịt nghịch ngợm. Chỉ hở mỗi một cái cửa nhỏ. Mỗi ngày hai buổi, Lặc xách vò nước vào tưới.

Bốn luống cải chạy đều một hàng. Màu xanh tươi tắn trải lên trên màu đất vàng sẫm. Có luống vừa bén chân, mới trổ được đôi ba tờ lá bé. Những mảnh lá xanh rờn, có khía răng cưa xung quanh, khum xuống sát đất. Cải này trồng để ăn vào tết Nguyên Đán. Cũng có luống những tàu lá cải đã vòng cao. Khía lá rách mảnh vào chiều sâu. Ở giữa chòm lá lòa xòa, vươn lên một cái thân dài mụ mẫm và phấn trắng. Đầu thân, lơ thơ có những chùm hoa nhỏ, những chùm hoa của những đóa hoa nhỏ xíu ấy, nở ra những cánh vàng li ti. Đó là những luống cải đã già rồi để làm dưa. Nhưng vườn chỉ đẹp, khi những cây cải già nở hoa vàng. Có không biết bao nhiêu bướm trắng từ xứ mô tê nào rủ nhau đến chơi vườn cải. Chúng họp thành đàn, bay rập rờn trên từng cánh lá. Chỉ bay thôi mà không đậu. Những cánh trắng trắng phấp phới trên nền cải xanh lốm đốm hoa vàng. Lại thêm mưa xuân về sớm. Mưa không ra mưa, mà là trời đổ bụi mưa xuống. Trước gió hiu hiu, những bụi trắng bay loăng quăng, vẩn vơ.

Căn vườn xinh xinh là thế, mà một bữa kia, có kẻ phàm phu nào vào bới tung hết cả lên. Chỉ vì hôm ấy, Lặc tưới vườn nhưng lúc ra quên cài then cửa. Một lúc sau, nghe có tiếng khịt khịt thở mũi. Rồi lại tiếng chân lạch bạch. Rồi thì một cái mỏ vàng to bè bè, hai con mắt lơ lảo và cả cái đầu đỏ khé, thò vào trong phen. Thấy phen ngó rộng, hai cái chân thấp lùn chũn cũng rún lên nữa: à, chàng Ngan được đường ỳ ạch leo vào vườn. Chàng vừa leo vào xong, còn đứng nhờn nhờn nhìn khu vườn man mác một màu xanh ngợp mắt, thì ở ngoài lại có tiếng thở, lại có tiếng chân đi, lại có cái đầu đỏ nữa thò vào. Con mụ! Mụ Ngan cũng nhảy vào vườn nốt.

Ôi chao! Thực là há hê, thực là phê pha. Mấy khi có được những lá xanh non và mềm thế kia để cho mát ruột. Vợ chồng nhà Ngan cảm cúi vật mỗ lá cải. Chúng tia từng lá, xốc ngoem ngoèm. Chúng ăn những cây lá cải non.

Chúng nằm xệp cả xuống giữa luống mà xốc xoàn xoạt. Vừa ăn, vừa giày vò, vừa ngoe nguẩy cái đuôi lý thú. Chẳng bao lâu quang đãng hết một góc hai luống cải. Còn trơ lại mặt đất những cái gốc trụi. Ăn mệ ư? Không, chỉ vỗ cánh đành dạch, đứng nghỉ ngơi một lát rồi lại tiếp tục. Chúng ăn vô hồi kỳ trận. Vườn cải nát hết. Đàn bướm trắng lờn vờn trong bụi mưa. Bụi mưa vẫn phới phới xuống. Hai cái mỏ, hai cái chân, giẫm và nuốt tan hoang cả.

Cuộc tàn phá đương dữ dội thì có một đứa trẻ đi ra vườn, ghé qua khe nứa, trông thấy, nó hoảng hốt chạy vào trong nhà.

Cu Lặc hốt hơ hốt hải chạy ra. Môi nó mẫm lại. Những bước chân giận dữ vang thành thạch, có thể dẫm chết cả chó. Có đứa cướp vườn cải! Có đứa cướp vườn cải! Làng nước ơi, hại cu Lặc chưa!

Lặc giương to đôi mắt mà nhìn vào vườn, hai con Ngan mải ăn, không biết. Đến lúc Lặc bước vào thì chúng mới ghé mắt lên nhìn, nhưng lại cúi xuống ngay, lại xốc lá cải liên liên. Lặc thì Lặc, nhà Ngan ít cần, mà nói rằng chúng chẳng cần mới đúng. Cửa ngõ thì đi vào. Có lá non đấy, tha hồ xơi tự nhiên. Giản dị lắm. Nhưng người ta lại không thể nghĩ giản dị như vậy.

Lặc co cẳng đá phốc anh Ngan đực một cái. Thằng nỡm bắn bồng lên, chúi vào khe giậu. Con mụ cũng được ăn một đá tương tự. Chúng lóp ngóp bò dậy, và trong lúc thảng thốt, không hiểu thế nào ra thế nào cả. Chúng vươn cái cổ chĩa là là xuống, trợn mắt lên, đồng thanh cất tiếng kêu kiu kiu.

Cái gì thế? Cái gì thế hử?

Lặc đá liên liên. Lũ trẻ reo à à. Mỗi lần bị ngã mà lóp ngóp bò dậy, hai con Ngan lại càng vươn thườn cổ ra, đôi mỏ đánh vào nhau cặp cặp. Như cố ý hỏi rồi kháng cự lại. Chúng quay cổ nghênh địch, không chịu chạy. Lặc đá tới tấp. Loài Ngan khỏe thực. Người đá lắm chỉ nghe tiếng bồm bộp.

Sau, Lặc xách cổ cả đôi Ngan, đem nhốt vào chuồng. Nó cài kỹ lưỡng cả hai cái chốt lại.

Vợ chồng nhà Ngan bị bỏ tù. Cho đến lúc ấy, chúng vẫn không hiểu chi, cứ vung cổ ra kêu kít kít, rất bướng.

Ba hôm sau, đôi Ngan được thả ra. Chúng vỗ cánh, rướn chân, bay vè vè trong sân. Nhưng bỗng nhiên, chàng Ngan đực vù lên cao. Chị vợ cũng nổi cánh. Hai con Ngan trắng phau phau bay bồng lên không trung, thấp thoáng trong nền mây trắng. Chúng bay cả ra cánh đồng. Thực là một sự bất ngờ kỳ khôi. Loài Ngan có bay biếc trên trời bao giờ đâu. Kỳ tình Ngan cũng biết và có thể bay cao lắm. Nhưng ít khi chúng trở tài cho thiên hạ rõ. Chắc là mấy bữa nay cậu mợ quần chân lắm, bây giờ đã được tự do thì xê dịch lên trên trời một tí cho sướng cái thân.

Lặc co cẳng chạy đuổi theo. Hai con Ngan hạ cánh xuống giữa cánh đồng. Lặc tóm được và lại xách cổ cả hai, bông bông lôi chúng về nhà.

Chàng Ngan đực bị xử tội chết ngay ngày hôm sau.

Người ta bày ra một cái bát chiết yêu. Một đứa trẻ tóm hai cánh Ngan, giơ cao lên. Một đứa khác cầm hai chân, Lặc tóm cổ Ngan, vật nhả một tùm lông ở phía mỏ dưới. Nó kê lưỡi dao vào đấy, khía mạnh một cái. Máu đỏ tươi chảy xuống bát. Con Ngan giương mắt ra thở khò khè. Nhưng cái màng trắng ở một bên mi kéo lên, khép kín đôi mắt ấy lại. Nó giẫy mấy cái mạnh, rồi nhuôi ra.

Mụ Ngan đứng cạnh, nhìn vợ vẫn. Mụ nghĩ ngợi chi? Vẫn thò ra thụt vào cái cổ, như là thản nhiên. Thực mụ cũng chẳng biết người ta đương xúm lại để làm gì chồng mụ. Giống này có nhớ chi biết chi. Một việc qua rồi, được coi tựa như việc chưa có lần nào đã tới. Mụ chỉ nhớ khi có hạt ngô đỏ đỏ, hạt thóc vàng vàng, tàu lá xanh xanh thì xô đến khởi sự ăn.

Mụ chưa bị chết. Mụ chỉ phải xén cụt hai đầu cánh, để từ giờ cụt hững bay. Nhưng án của mụ cũng đã được tuyên. Ông ngoại tôi nói :

- Còn con Ngan này thì đến hăm ba, cho nó về châu ông Công.

O CHUỘT

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Đực:

ó một hôm nó trốn đâu từ lúc đương cơm chiều. Cả nhà đi tìm quanh quẩn khắp xóm mà cũng chẳng thấy. Không thường con quái lại chạy tít ra tận ngoài cánh đồng!

Nó tinh quá. Mới giờ có cái xích ống ra rung rung mà nó đã chạy phát nhọc lên. Có gì đâu! Người ta chỉ muốn làm cái việc trường cừu cho nó thôi.

Nó là chó. Nhưng ở nhà gọi tên là Đực. Trước kia, hồi nó còn nhỏ, thấy tôi đặt tên là con Bô-Tô. Phải cái trí nhớ của cu cậu kém quá, chỉ có việc nghe gọi: “Bô-Tô Bô-Tô” mà cứ quên khuấy, đang chạy cũng nhặng cả quay cả lại. Nếu lại hò cái tiếng thông thường: cún cún ừ cún ừ, thế thì nó sẽ ve vẩy cái đuôi, sán lại ngay đấy, song nghe thế mới tặc tặc làm sao! Có khi chỉ phải tặc tặc cái đầu lưỡi, nhớ một bãi nước bọt là chó ta cũng mon men đến.

Nên cả nhà tôi gọi nó là Đực. Nghe tiếng gọi “đực đực” cũng gần giống tiếng tặc tặc cái lưỡi. Thế là dung hòa cả đôi cách. Có đâu vài ba bận nó đã quen được tên.

Mẹ nó quê ở gần bên kia sông - chẳng ai có thể biết được bố nó là dòng dõi nơi đâu. Cái loài chó má vô luân làm gì có sự giao kèo vợ chồng! Một lần ông ngoại tôi sang Phú Gia chơi với cụ Nhiều Vạng. Nhân nhà có một chị chó cái giống tốt đẻ được một đàn năm con, cụ Nhiều bèn biểu ông tôi hai con lớn nhất: một đực, một cái. Ông cụ bỏ đôi chó bụi bậm, mỗi chú vào trong một cái rọ tre. Bữa ấy, tôi chọc hai đầu gậy vào cặp rọ mà quấy thung thăng đôi chó về bên nhà. Đi đường, chúng kêu nhặng nhặng như kiểu chúng chửi bới tôi.

Về bên nhà tôi, hai con chó chỉ biết có một việc hực đầu ăn no kênh, đi lục lặc cái bụng phình chắc nịch, trĩu cả sống lưng xuống, và đùa giỡn nhau suốt cả ngày.

Chúng chóng lớn quá. Nhất là con Đực ăn xong, nó lại lê cái mõm ướt át đi tìm chỗ phóng uế. U tôi lấy màu rơm đo vào đuôi nó rồi quăng lên nóc nhà. Để làm phép cho cu cậu không có tính ể rầy.

Chó nhỏ vui chơi chẳng khác gì trẻ nhỏ. Hốc đấy, nô đấy, lại cũng ngủ ngay đấy. Con Đực thật hết một đứa trẻ bướng bỉnh và anh hùng rơm. Nó hay bắt nạt con chó em. Nó vật cổ con kia ra, cắn một miếng chơi vào bụng rồi chuồn mất, để cho con bé cứ nằm chống bốn vó lên mà kêu ăng ăng. Nó lại cọt với cái chổi dựng ở đầu hè. Nó lấy chân khều khều, làm như cái chổi là một bạn tri kỷ của nó. Nó nhá chổi và nhá quai guốc của trẻ con bỏ quên ở ngoài sân, nghe cồn cọt. Chán, nó lại chạy ra đằng sân sau dọa dẫm lũ Gà và Ngỗng làm cho bác Gà trống vừa phải nhảy hậu vừa nhón nhác kêu quéc quéc rộn rã. Ông Ngỗng thì gan hơn. Ông thò vươn cái cổ, nói khàn khàn trong cuống họng. Ông xử cặp mỏ dài và răn, bổ đập một chùy

vào sọ con chó như một người mẹ độc ác lấy tay cốc xuống đỉnh đầu đứa bé. Con chó nhai nhép vừa chạy vừa la om sòm.

Hễ có một khách lạ vào nhà, cả hai con chó cùng xổ ra sủa ồm ồm. Nhưng người ta đi tiến lên thì chúng lại lùi sâu vào. Sau hết, cả hai nồm cùng lẩn vào gậm phản để giữ thế thủ với nhau và sủa hóng ra.

Thường giữa ban ngày chúng cũng ngủ lẫn lóc. Chúng gối vào nhau mà say giấc. Con thì nằm úp mồm, đuôi thẳng bốn chân. Con thì nằm khoanh người lại, đầu vắt xuống đuôi. Nhiều khi chúng mê hoảng, đang nằm cũng nghiêng răng kêu ư ử. Cũng có những bận chúng đá dẫm nữa. Đường ngời bình yên - dấm hăn chợt mơ màng tưởng mình đứng tận ngoài đầu vườn - chúng đá tè tè ra ướt đầm thành một vũng nước. Thực là những đứa trẻ nằm mơ, những đứa trẻ con khoai củ ở nhà quê.

Nhưng chúng càng lớn lại càng nằm xa nhau; cho đến khi thật đứng đắn thì không còn ai thấy lần nào chúng nằm ngủ vắt lên nhau mà ngáy nữa.

Trong vòng mấy tháng trời - từ độ ngoài tết mừng mười cho đến cận tháng Ba - đôi nhách chó tí tẹo đã trở nên hai con chó trẻ tuổi. Chúng vỡ da, vỡ thịt để nhón. Cái giọng cắn the the đã đổi sang giọng trầm trầm, nhát một. Cũng ở cái thời mười sáu, mười tám ta bắt đầu lang mặt và vỡ tiếng nói ồ ồ.

Bộ lông của hai anh em nó rất giống màu nhau. Đó là cái màu vàng lợt lợt, không ra sẫm hăn mà cũng không hăn trắng bạch. Chân cao. Đuôi chổng lên trời. Khi bước đi, nó nghiêng ngả như cái cán cờ. Các người sành chó bảo giống này là giống chó thường, chẳng dữ mà cũng chẳng hiền. Cái thứ chó vừa tầm người, không cao, không to mà ở hầu khắp các vùng nhà quê người ta vẫn nuôi. Chả hiểm nên không quý. Chúng dốt bắt Chuột, nhưng cũng hiểu việc đánh hơi và cách hít. Một con mũi hung hung đỏ và một con mũi xám ngắt.

Những sớm tinh sương, anh Đức hay ra ngóng ở ngoài cổng tán. Đã biết cái khéo chơi của một gã trai tơ rồi đấy. Cậu đứng đợi người yêu.

Ở đâu, ở loài nào, khi cuộc đời đương độ, người ta cũng thở hít thấy rất những không khí ái tình. Cái hương vị mơ hồ và băng khuâng ấy đã làm cho con Đức đang trẻ con láu táu bỗng trở nên người lớn đứng đắn và có lễ độ. Dáng đi của nó ra điệu gọn dẻo, từ tốn, khoan thai. Và nó ít đùa nhả nữa.

Đôi mắt ốc nhồi của nó linh hoạt như có dầu trơn trong cặp con ngươi màu nâu dùng đục. Chả biết bộ mắt ấy có phải là lẳng không, thế mà vô lũng các chị em láng giềng cảm Đức ra phết.

Con Đức yêu hăng lắm. Nó có hàng tá nhân tình. Bởi nó bảnh bao, phì nộn và cũng bởi nó tài năng, khỏe mạnh. Nó là một ông tướng, một ông đại tướng. Nó phải hành động rất lắm việc.

Nó đi chim các Chó nhà người ta. Nó vợ vét mọi nơi. Nhưng nó vẫn không khỏi không có cái tính ích kỷ nhỏ nhen. Con em Cái nó cũng đương tuần cập kê. Nó lại kiêm cả việc ở nhà để trông coi riết.

Nó không muốn em nó hư hỏng vì sự đua đả bạn bè. Còn không bao giờ nó nghĩ đến sự hư hỏng của mình và hỏng vô khối kẻ khác. Con bé cứ thập thò ra ngõ chực đi rong là nó lại cản cho một chặp. Và hễ cậu nào có lượn lơ, lảng vảng qua cửa, nó cũng nhảy ra cản luôn.

Lúc nào nó cũng lo nghĩ bận rộn. Đi ve vãn các chỗ lại còn rào giậu ở nhà. Bao nhiêu công việc! Phải biết rằng khi trẻ tuổi nó chẳng chịu làm ăn chi cả, chỉ có nghĩ đến sự ái tình. Mà thực cũng buồn, nếu những con chó trẻ trung không có những chuyện ma chuột ấy thì tuổi thanh niên của nó còn biết dùng làm chi nữa!

Cho nên nó chiến đấu một cách mạnh mẽ. Sau những trận chơi bởi dữ dội, nó mệt nhọc về nằm ở cổng ngõ. Nhưng dù nằm nghỉ đấy, thoáng có bóng một chị cái nào lờn vờn, nó lại ve vẩy đuôi, thè cái lưỡi dài và đỏ, chạy theo. Chỉ một ít lâu, người nó tọp hẳn lại. Thân thể nó dài thượt và ngheêu ngao. Cái bộ mã vàng lợt có chỗ mất cả một mảng lông, để lộ làn da xám xám.

Một buổi kia, cả nhà đã cơm nước xong, đến bữa cho chó. Thằng cu Lặc lấy bát chặt nước vo gạo, đổ đầy cơm vào lon rồi gọi ồn lên mà cũng chẳng thấy bóng con nào về ăn. Đi tìm: cậu Đực, trong bụi tre sau vườn. Còn cô Cái cũng mãi đú đờn bên gốc cây rơm.

Thằng Lặc vác cái gậy to thô lỗ ra phết cho cậu Đực của nhà những roi đòn kịch liệt. Thế là tan. Còn cái đôi có con Cái, biết đấy, nhưng Lặc không “khủng bố” tới, Lặc nghĩ: “Cho nó đi lấy giống”. Hừm! Thằng Lặc ác độc quá lắm. Cái phương pháp nó đem khu trị giống chó quả là không cân và ức hiếp trái hẳn với sự xét nhận loài người, nó dung túng cho phái khuyến yếu mà đi trừng trị bọn đàn ông. Chẳng ai người ta thừa cơm mà nuôi một con chó điểm đàn. Ông ngoại tôi bảo rằng :

- Con Đực tốt nết lắm. Tao muốn để nuôi nó. Nhưng phải cũi nó lại, không được cho nó đi lang thang như thế mà nó rạc đi.

Con Đực bị nhốt cũi. Nhưng làm sao đối được tính nết nó! Chẳng nhẽ nhốt được mãi. Mà cứ thả ra là lập tức nó chạy biến. Và bị kìm hãm như thế mỗi lần sổ lồng nó lại la cà hơn bao giờ hết.

Thấy vậy, ông cụ bèn bảo thằng Lặc :

- Mày sửa sẵn lấy cái xích ống. Tao phải thiến nó mới được. Đến tuổi rồi. Chưa kịp thiến, cứ nhông nhổng lên thôi.

Lặc đem dao ra vườn chặt một đốt tre. Nó đánh chòng lọng một đoạn thừng đay rồi xâu vào cái đốt tre ấy. Con chó sống đi từ hôm qua. Lặc rình. Nó ở một rặng cây ô rô. Lặc giả cách đi lừ đừ tới, giấu cái xích ống đằng sau lưng. Thấy người nhà, Đực ve vẩy đuôi, cúi mồm xuống. Nhưng chừng như nó đoán hẳn nó có tội gì. Nếu không, ai bỗng đứng lại đi đến gần nó làm chi? Quả thế, kia kìa cái đầu gậy thò lò ở sau lưng thằng người. Tới gần Lặc giơ cái xích ống lên. Thế là Đực xoài chân ra chạy thẳng. Bữa cơm chiều cũng không dám tưởng đến về ăn.

Người ta định bắt thiến con chó. Thiến nó thì còn gì là đời thanh xuân của nó? Nhưng bản tâm người ta chỉ định cái việc lâu dài, cái việc trường cửu cho nó. Bởi có thiến thì con chó mới bó buộc phải sống lâu năm được. Ở đời, người ta chỉ chuộng có giống khỏe khoắn thôi chứ.

Đã muốn thì rồi cũng được vậy. Một buổi, thằng Lặc lừa bắt nổi con Đực. Tay nó vẫn lăm lăm cái xích ống. Đực hoảng hốt.

Nhanh như cắt. Lặc quàng vội chiếc vòng thừng vào đầu Đực rồi đẩy cái ống tre xuống cho rút lại. Nó kéo con chó đi. Kéo một lại được cả hai! Con chó rít lên và kêu gâu gâu ồm ồm... Thằng cha vô lương tâm, thấy thế, lại cười ằng ặc.

Nó bị nhét đầu vào gập cái bậc cửa dưới nhà ngang. Lặc lấy chiếc ghế nhỏ chặn lên cổ con chó và giữ chặt lấy. Ông tôi kéo dài hai cẳng sau, lật ngửa tênh hênh bụng nó lên. Con chó cố cự nhưng không quay được một mảy, cố kêu nhưng chỉ ồm ồm ở trong họng. Ông cụ cầm sẵn con dao nhỏ, xẻo rất nhanh... Lặc nhét vài hột muối và quét một ít đầu ta vào chỗ vết cắt. Thế để cho đến lúc se máu, vết thương không bị cứng dấu và đóng vẩy được ngay. Máu tuôn đỏ lôm. Đực kêu thất thanh. Ôi chao! Buốt biết mấy!

Cái công việc đó ông tôi làm nhanh lắm. Dễ chừng chỉ một vài giây đồng hồ đã xong hẳn và buông được con chó ra. Thật là một hành động chóng vánh, chỉ trong có một ly đã biến đổi cả một đời.

Con chó được buông lỏng, hống lên, hực hực chạy đi. Nó đến nằm rấp ở một xó bụi ô rô mà rên hừ hừ. Chẳng biết nó tiếc xuân, tiếc đời hay là tại đau quá? Bữa ấy cậu cả bỏ cơm.

Nhưng đa dè loài chó rất chóng liền vết. Nên được độ một phiên chợ nó khỏi hẳn và đã đi lại nheo nhéo.

Có lẽ bởi thế, con Đực mới nghĩ ức trong lòng. Mấy hôm Đực buồn thiêu, buồn thiêu, đi lừ khừ, quên cả ăn cả uống. Chắc hẳn cu cậu ứa nước mắt ra mà sầu cái sự đời éo le.

Cái xó vườn cỏ dại đằng sau nhà không còn oanh yến dập dìu như xưa nữa.

Có một hôm, Lặc đang đứng cầm cái sào nửa dài để dồn vịt vào chuồng. Con Đực đi qua đó, trong thấy thằng cha đã hại mất nửa đời mình, liền chồm lên, cắn một miếng vào bắp chân dưới Lặc. Thằng Lặc bị miếng đòn thù bất ngờ, không kịp kêu, vội vàng lấy sào đập con chó, vết cắn ấy sâu lắm, in rõ hẳn hai cái răng nanh dài ngoắc, ấn lõm vào trong thịt, máu tuôn ra đầm đìa.

Lặc lấy môi thuốc lào và cạo một ít rêu cau rịt ngay lại cho cầm máu rồi vác gậy đi tìm con chó hỗn láo. Ai cũng biết mà đoán ngay rằng con chó tinh ma ấy trả thù kẻ đã thiến nó. Nhưng cũng biết trông mặt mà rửa hờn nên nó chỉ dám dả có thằng Lặc.

Lặc lùng được con chó. Lặc xích cần thận lại rồi đánh Đực một trận như tử. Những cái gây to bằng đầu cái chầy đâm riêng nện vun vút xuống lưng, xuống sườn, xuống hông, xuống đầu chàng Đực.

Kêu chán rồi chàng chỉ đành nằm mọp. Cái giống chó chịu đòn giỏi hơn cả người.

Về sau, biết thân kém hèn, nên không một lần nào Đực dám nghĩ đến sự thù hằn nữa. Nó yên phận thủ thường. Và đối với kẻ thâm độc, than ôi! - Hỡi cái sự ngôn ngữ bất đồng - ý như nó chỉ dành ở riêng với trời cao.

Từ đấy, bắt đầu những ngày tháng buồn tênh.

Thôi còn gì nữa! Hết cả rồi! Dù chẳng là tù nhưng thân con Đực có khác chi thân một tội nhân phải vĩnh viễn giam cầm bên trong cái cánh cửa sổ, kiếp kiếp đóng chặt lại, không thể có khóa nào mở được. Mà ngoài kia thì này là trời xanh, này là nước bạc, này bướm, này chim, vạn vật sinh linh như rạo rực lên trong một nguồn sống mãnh liệt.

Loài người mình, khi thất vọng một điều gì, thường hay cáu kỉnh và đâm ra liều lĩnh. Hoặc yếu linh hồn một chút, liền trở nên rầu rĩ, chán nản. Nhưng hần cái kho trí khôn mờ tối của con chó không có, không biết đến những sự phiền phức ấy. Nó chỉ biết có một điều cáu kỉnh. Nó cáu kỉnh đập thẳng Lặc một miếng. Người ta đã trả lời cuộc báo thù của nó bằng một trận đòn dữ dội quá thì nó chừa hận thù rồi. Nó chỉ còn bực mình suông thôi. Nó bực mình với phía khác, với em nó, với đồng bào nhà nó. Bởi vì thế là nó hết cả rồi! Đời có còn chi?

Trước tiên là cáu với con em. Mấy hôm ốm vì bị thiếu phải nằm lử một xó. Đực nhận ra rằng: cái con em dốn mặt đã chẳng thương xót gì anh thì chớ mà nó lại còn kéo đàn, kéo lũ ở ngoài đường ngõ với bọn bạn hữu giăng hoa. Cho nên đến khi khỏi, suốt buổi Đực chỉ chuyên có việc cắn vặt em. Gặp chỗ nào cũng gừ. Luôn luôn nó hếch môi lên, nheo mắt lại và chìa cả hai hàm răng trắng tênh như ngà có đôi nanh nhọn hoắt mà gặm ghè, làm bộ như sắp giết em đến nơi. Chị ả sợ hãi, cúp đuôi lẩn ra chỗ khác. Nhưng kể con Đực cũng quá quắt lắm. Nó bực em nó cả ngày. Cái trò bị đánh mãi thì coi thường đòn, con Cái không biết sợ nữa. Nó cũng gâu trả lại, mỗi khi thẳng anh bắt lương đả nó.

Sau con Đực chắc cũng biết hực hực như thế là vô lý. Nó thôi. Bởi nếu mà cáu thì cứ còn cáu cả đời. Ở cái tuổi trẻ măng măng của con bé, nó đề nén làm sao được sóng tình dào dạt. Đực lại bỏ đi gây sự đánh nhau rắc rối với người ngoài. Nó sinh ra rất ghét tất cả những cuộc tụ bọ ở các ngã ba, ngã tư đường. Nó tưởng như lũ chó chưa thiếu chỉ đứng đấy để chế diễu nó. Cho nên, nếu người ta còn trông thấy nó ra đó, là nó ra là choảng nhau. Nó cắn tuốt, không trừ một con nào. Thằng hoặc đôi khi, nó thấy một con chó mơn mơn quá, động tình, nó cũng hít hít... nhảy nhảy. Nhưng cái thời xuân xưa đã đi đâu mất rồi!

Nó mới ngán ngấm ra. Nó mới tộp cho chị ả một miếng nặng. Thế là cả họ, cả tụi nhà con chó Cái mỹ miều nó kéo đến gặm gừ, khởi một cuộc xung đột tan hoang.

Nhưng rồi anh cắn nhau mãi cũng buồn. Đời đã sẵn buồn, như thế lại càng buồn, chán hơn.

Con Đực thôi không hay táo tợn nữa. Nó tìm kết bạn với một vài anh chó già hoặc cũng đã hết xuân như nó. Thiến lại chơi với thiến; đồng bệnh, người ta sẽ hiểu nhau hơn.

Quả nhiên thế thật. Những bác chó chán đời này thân mật với nhau lắm. Nhưng sớm mùa hạ, trời mới hồng ửng chứ chưa có nắng, cả bọn quần nhau, đùa nghịch thung thăng ở ngoài cánh đồng lúa xanh.

Đực không chơi bởi - hay là muốn cũng không chơi bởi được nữa - thì người hăn béo ra. Những chòm lông mọc dài, óng ả và mỡ màng. Dáng đi của nó đàng hoàng và bệ vệ; những gióng chân bước đều đặn, đôi con mắt lừ đừ như trong đầu nó đang nghĩ ngợi xa xôi hay triết lý một điều gì. Thân nó chắc nịch, và chỉ trong có đôi, ba năm trời nó đã to bằng một con lợn hạng nhỏ.

Cái tính hung hăng thuở trẻ của nó mất hẳn. Nó lừ đừ và hiền hậu trở lại. Nếu có khách vào nhà, nó cũng chỉ cấn oang oang mấy tiếng làm hiệu chứ không xố đến tận chân người ta như trước nữa.

Nó thường nằm ở gầm phản hè, lối trông ra ngõ. Ngày nó nằm, đêm nó đi mò suốt canh. Nó tuần phòng. Con chó khôn quá! Khi người ta kéo nó ra khỏi con đường tình ái thì nó mới trông thấy con đường nghĩa vụ. Bởi vì giống chó sinh ra đời chẳng là để làm cái chức việc giữ nhà hay sao?

Bây giờ con chó Cái đã chửa. Nó vác cái bụng đi khạng nặng như thế trông xấu đi nhiều, mất cả cái vẻ tự nhiên. Được ít lâu nó đẻ ra lóc nhóc bốn năm mún chó con. Cái đàn chó nhỏ ấy cứ rúc đầu vào bú tằm tộp cả ngày. Những chiếc vú xinh xẻo của mẹ Cái dài ra, to và mẫm như những chiếc củ cải non. Mỗi bước đi, một chùm tám chiếc vú lại đánh lức lắc sang hai bên, làm thốn thển cái bụng.

Ra vẻ nạ dòng quá.

Con Cái cứ đẻ năm một xòn xòn. Mỗi lần nó ở cữ, các nhà bà con láng giềng có tình tới chơi, thấy những con chó xinh xinh lại xin một nhỏ.

Năm tháng lần trôi, con chó Cái gầy rạc và xấu xí mãi đi. Mà anh Đực vẫn như nguyên. Có phần anh lại càng béo đầy thêm. Thằng em con nhà đi tôi, mỗi khi nghịch tinh, thường túm cổ con chó, cười lên lưng nó như người ta cười lưng ngựa. Chân thằng bé vừa xệt đất. Con Đực có thể mang trên lưng thằng bé lên tám tuổi ấy mà đi chậm chạp từng bước một, từ đầu sân nọ tới đầu sân kia.

Bọn trẻ thích Đực lắm. Chúng nô đùa với nó cả ngày. Chúng buộc dây và đeo chuông vào cổ con Đực mà giả cách tưởng nó làm ngựa, cho nó chạy nhong nhong. Mỗi bận, những đứa bé sờ tay vào đầu, vào tai Đực, Đực lại sung sướng lim dim đôi mắt lại và ngoe ngoài cái đuôi. Nó hiền như bột đất.

Và nó ăn ở có giờ giấc hẳn hoi. Ngay đôi bữa ăn rồi lại nằm ườn bụng mà thờ phập phồng. Ban đêm, nó mò mẫm. Nó dạo trên đường sân; mỗi một bước, những cái móng nhỏ, sắc và khoằm đập xuống mặt gạch, nổi lên những tiếng lách tách như âm thanh ở một thứ nhạc kim. Chốc chốc nghe

hơi đầu có tiếng động, nó cần vọng gâu gâu.

Đã đến ngoài mười mùa đông rét mướt đi qua. Thấm thoát mới ngày nào, giờ đã mười mấy năm trời.

Con Đực sống dưới mái gia đình tôi đã hơn mười năm, từ cái ngày tôi còn có ở trên đầu một núp hoa rơi dài lê thê xuống tận sống lưng và mặt một bộ quần áo nâu da bò có hai tay áo bóng nhẫy những quết mũi.

Đã nhiều đổi thay. Ông ngoại tôi khuất núi từ một sớm mùa đông năm Canh Thìn. Cái người đem nó ở bên kia sông sang đây đã bỏ các cháu mà ra đi mãi mãi rồi. Bà ngoại tôi, thành lưng cao ngày một gục còng xuống, không cất nhắc được mấy nỗi công việc nữa.

Mấy đứa em con nhà đi tôi, thằng bé nhất cũng đã biết cắp sách đi học trường làng.

Còn Lặc, cái kẻ thù số một của con Đực già cũng đã lớn ngót ba mươi tuổi. Hắn không ở cho nhà tôi nữa. Sống mãi ở một nơi cũng chán. Nhưng có lẽ nó chán hơn cả là ở đâu cũng thấy cái xiềng nghèo kiệt đóng đai vòng quanh cổ. Năm vừa đây theo với chúng bạn, Lặc nhập vào bọn phu mộ sang vỡ rừng, ở một miền cao su đất đỏ tận trong xứ Nam xa xôi.

Riêng phần con Đực, con Đực chỉ lạnh lùng trước cuộc đời và lạnh lùng với tháng ngày. Thỉnh thoảng nó phải nổi lòng vào vài tiếng cần hoảng lên trời.

Các bạn nó cũng tan tác hết. Con em chết đã lâu. Đẻ nhiều quá, thân thể gầy nhòm, bữa kia người ta liền cho nó một cái chày vào đầu để làm một nồi rựa mặn. Con Chó Nhôm bên hàng xóm, một tết Nguyên Đán, sợ pháo mà chạy mất tích, không thấy trở về. Con Vàng có tính hay cắn trộm, ghẻ lở đầy người cũng qua đời đã bốn năm nay. Những anh đồng niên với Đực mà không thiến thì chết từ lâu lắm, để có đến ngót mười năm. Nếu chẳng thiến thì thọ làm sao được! Một hai mùa chơi bời, gầy mỡ xương ra, ai còn buồn phí cơm nuôi một con chó trụ lạc, còm xạc xơ đến tận răng!

Câu chuyện của nó đã ra chuyện ngày xưa. Thời gian làm ly tán cả. Trở đi, trở về, kẻ chết, kẻ giang hồ mất, kẻ bị bán đi nơi khác. Lại còn có những kẻ xấu số mắc vào những bẫy cò ke của tụi ăn trộm giăng ở bờ giậu để đến nỗi chúng bắt được, đem bán cho các tưu quán. Họ đem làm thịt, lôi lòng gan ra và móc vào chiếc móc sắt, treo cong cái lưng chó vàng ngầy ở cửa các hàng cơm ở những dọc đường.

Mòn mỏi trong đám chó hậu sinh bây giờ, một mình con Đực lặng lẽ sống cái cuộc đời tàn cực buồn thiu.

Đực nằm ở đầu ngõ vào, trên vành ổ rơm cuộn tròn, lồm trong một mảnh nắng mỏng của mùa đông hanh ráo. Cái đuôi nó cuộn lại, ba chân thò vào, còn một chân để tỳ dưới chiếc mõm khép kín cho

hếch lên cái sống mũi xám xám. Những chòm lông trắng đẹp ngày xưa bây giờ quăn lại và kết thành từng đóm bù xù.

Qua thời kỳ trai trẻ chơi bời, đến lúc tỉnh ngộ với cái thân hình trắng kiện rồi lần lần bước sang tuổi già, con Đức cũng héo hắt dần.

Đức không còn thính tai nhanh chân như thuở trẻ. Ăn cũng nhấm nháp in ít. Cả ngày chỉ nằm tròn. Được mấy hôm nay hưởng trời, không có mưa bụi phấn bay lăn phăn, con Đức tìm ra nằm sưởi nắng ở đầu tường.

Nó lão lắm, chả còn kham nổi việc coi nhà đêm hôm. Mà nhà có vườn rộng, không được con chó khôn ngoan, lanh lẹ, trong những đêm dài, người ta cũng chẳng dám tròn giấc.

Hôm qua, tôi đi mua ở trên chợ Bưởi về một con chó, lông vàng sẫm như lông bò. Anh này mới ra đời được gần một tuổi, khỏe và béo lẳn. Chắc nhanh trai lắm.

Nhưng phiền một nỗi, chàng ta lại chưa bị thiến.

Cu Lặc:

hành tên là cu Lặc, chính bởi cái bụng của hăn.

Thực ở trên đời này, có thể nói rằng không có cái gì vĩ đại hơn cái bụng phì nhiêu của thằng cu Lặc vậy. Nó trương phình ra; nó nhẵn thín; nó tròn múp míp; nó choáng lấp cả ngực thằng Lặc và khum khum vòng từ cổ xuống tận háng. Trên đường cong ấy, xẽ một chút về phía dưới, nổi lên như cục thịt. Nom như cái nút ở lưng vò rượu. Đó cũng gọi cái nút, nhưng là cái nút rốn; nó mọc thây lầy ra, đứng trơ trên và lơ lảo giữa sa mạc bụng. Nếu mới nhác thấy, người khéo tưởng tượng, có thể ví như một gã ma lanh nào tinh nghịch, lại đi thò đầu ngón tay... từ trong bụng thằng bé ra.

Cu Lặc đeo cái bụng tầy đình, phưỡn phệ, đi lặc lè... lặc lè...

Bao nhiêu người ngắm nghía nó đi, và đều cười mồm mĩm, phê bình nhỏ với nhau. Những lời phê bình của cái quần chúng tấp nham đó đúc lại, tạo nên một câu chắc chắn như thế này :

- Chà! Ta gọi nó là thằng cu Lặc Lè!

Rồi người ta gọi bớt đi một chữ đằng sau. Thế là thành tên.

Hăn không có quê quán gì. Một người đàn bà ở phương mô tê nào chẳng ai biết, đến Nghĩa Đô làm nghề quay tơ mướn, rồi chẳng may ốm mà chết, bỏ lại cho thiên hạ một đứa con. Thằng bé được người ta nuôi làm phúc, nó vào ở gia đình nhà tôi từ một ngày xưa lắm, tôi cũng không được rõ gốc tích nguyên do ra sao. Ngày còn bé cón con, thoát mới biết nhìn và biết nhận thì tôi đã nhìn và nhận thấy cái bụng cùng cái rốn gớm ghê của cu Lặc. Và hăn đã lớn hơn tôi nhiều.

Người trong làng tả cu Lặc bằng mấy nét thực đơn sơ:

Bụng nó to hơn bụng ông phổng. Rốn nó vừa bằng cái bát mộc. Nó ăn như đánh trống.

Quả thật là cu Lặc ăn khỏe vừa ngoai ngạch mà vừa vô địch. Hình như chẳng bao giờ hăn no miệng. Ăn lắm vào, cái bụng tích trữ bị phình ra quá cỡ, thì phải thôi đấy, chứ cu Lặc chẳng hề biết thế nào là no đâu. Lúc ngồi ăn, hai chân hăn soạc ra, để chỗ cái bụng được tự do thở và chứa. Rồi thì hăn múa đũa lên để và để húp soàn soạt. Cơm quện với nước canh cứ trôi xuống cuống họng ọc ọc như nước chảy xuống lỗ cống. Hăn ăn lấy ăn để, ăn ăn thờ thờ, như ăn cướp.

Nhưng thực tính hăn lại mụ mị, hiền hiền. Mà dường như lại đá lăm cẩm. Bởi vì, có một ngày tết,

đương ngồi đông đủ cả nhà, u tôi xẻ vào bát cho một ít canh miến gọi là ai cũng có chút của thơm ngày tết. Hân húp súp một cái, rồi há hoác mồm ra, tru lên :

- Úi chà! Tơn tơn quá. Chưa nuốt đã tụt vào củ tí!

Từ ấy, ngày tết mà ai xe món canh miến cho cu Lặc, cu Lặc cũng lắc đầu. Hân sợ những sợi miến trơn và lạnh, chưa kịp nuốt, đã dám trôi tuột xuống tận cuống họng!

Trẻ con trong nhà thân với cu Lặc lắm. Bởi vì cu Lặc vừa là con bò, cu Lặc lại là con voi. Hân cúi khom khom, đứa nào cũng có thể tự do trèo lên lưng và bấu lấy hai tai hân. Cu Lặc lại vui tính, và có nhiều trò chơi kỳ lạ.

Tôi hãy kể đại khái một trò: hân nằm thẳng xuống đất thì cái bụng của hân vòng cao hơn mặt. Hân bảo một kẻ cười lên. Hân liền trợn mắt mím môi, thót lúm bụng xuống rồi thở phè ra một hơi dài. Thằng bé ở trên bụng cứ theo nhịp thở mà nhảy lên nhấp nhồm, nhấp nhô.

Ăn cơm no rồi, cu Lặc phanh áo, để lòi bụng. Hai tay hân vỗ vào bụng, mồm hân làm điệu trống cơm bung bung bập bùng, bung bung bập bùng. Ấy là cái hiệu cho lũ trẻ gọi nhau :

- Anh em ơi! Lại xem cu Lặc hát.

Cu Lặc sắp hát thực. Mặt hân méo nhếch như cái bị nát. Nhưng lại hát một câu rất là hữu tình. Trăm lần cũng như một, hân chỉ hát độc có mỗi một câu ấy, đến nỗi lũ trẻ chúng tôi cũng sắp thuộc và bắt chước được điệu gần bằng. Hân hát rằng:

Đào niếu, em ơi! Buông mình,

Con oanh học lói trên cành mai mĩa mai.

Em nghĩ mình em cái cúc bạc nư tai,

Cúc bạc tình chung thời có, cái trâm cài vốn không.

Một duyên, hai lợ, ba tình;

Ấy cái tang tình, ngày hai tình mười một,

Cái tình mong xong hồi tình!

À nên một, nên hai, nên ba, nên bốn.

Nằm con mẹ cha nên chín, nên mười,

Soi gương tình chung nà đánh phẩn,

Tang tích tịch! Tang tình tang!

Cho lớ đẹp, em sắp ra nấy chồng.

Ồ ý e... ò e ý ò...

Trẻ con thích nhất đoạn này. Chúng reo lên để tán thưởng. Và cu Lặc cũng góp một hồi cười hề hề.

Cu Lặc là người như trẻ con... Bởi vì, ngoài những thì giờ phải làm, hăn chỉ đùa với trẻ con. Nhưng giá hai đứa trẻ trong nhà có công kên nhau lên, chắc cũng chỉ mới mó đến mũi cu Lặc. Trẻ con yêu nhất cái bụng trống của hăn. Rồi yêu đến câu hát ò ý e kia.

Nhưng bỗng một hôm, không nhớ có việc gì, một đứa trẻ gọi :

- Cu Lặc! Cu Lặc!

Hăn trừng mắt.

- Lầy tôi bảo. Từ giờ cấm không được gọi tôi nà cu Nặc.

Hăn nói câu ấy với một giọng khá nghiêm nghị. Mặt hăn sầm lại, làm ra lối đứng đắn. Hăn tiếp :

- Phải gọi tôi nà... anh Nặc nghe không?

Lũ trẻ chẳng nói gì. Và cũng không dám cười. Song thốt nhiên thấy hăn trở nên đứng đắn thế, chúng nhìn cu Lặc bằng những đôi mắt là lạ, ngẩn ngơ.

Một ngày kia, lại có một sự lạ hơn thế nữa.

Ấy là một buổi chiều, tôi nghe u tôi nói chuyện với thầy tôi rằng :

- Thằng cu Lặc lấy vợ rồi đấy.

Thầy tôi sửng sốt :

- Thế hử?

- Nó lại xin ra ở riêng...

Từ hôm sau ấy, mỗi chiều chiều, lũ trẻ thấy Lặc xách guốc xuống ao, rửa chân xong, lạch cạch đi lên, chào cả nhà rồi bước ra ngõ. Lặc đi về nhà của Lặc. Hăn ở với vợ của hăn. Việc đó là một việc

hết sức mới mẻ và lạ lùng, khiến chúng tôi phải bàn tán với nhau đủ lắm, trong nhiều buổi sáng và buổi chiều.

Và từ khi nghe nói Lặc có vợ thì bọn trẻ trong nhà thường hó háy nhìn trộm Lặc. Lặc trường long ngong ra để lộ xuống ao vớt bèo hồ cô ả.

Thế mà đã có một ngày tốt lành, hai con người đó lấy nhau, về với nhau. Họ mượn của làng một mảnh đất ở ngoài đầu xóm, làm nên một túp nhà nhỏ. Chỗ ấy chỉ có cỏ dại tự do mọc hoang. Nhưng Lặc ta cũng chịu khó dọn được ở trước cửa một khu cỏ để làm sân và hẩn lại rào giậu bằng nửa đan chéo, như kiểu của những nếp nhà ngăn nắp. Trong sân, hẩn trồng mười cây đu đủ. Cái thứ cây xóc nổi, chóng được ăn quả nhất.

Bây giờ Lặc không ăn cơm ở nhà tôi nữa. Cuối tháng hẩn xin hai đồng rưỡi tiền công. Hẩn mang tiền về đóng gạo ăn chung với vợ. Vợ chồng ăn cùng một mâm. Cu Lặc, lần thứ nhất đã gặp một địch thủ thật là lợi hại. Cô ả cũng ăn khỏe không kém gì chàng. Cái nghĩa là cho đến khi vét còn cật cũng chẳng còn sót lấy một hạt cơm thì phải đứng dậy dõ. Mỗi lần xong bữa cô vợ khệ nệ đứng dậy, vươn vai. Nếu cái bụng của nàng phưỡn ra to phềnh thì cái bụng của chàng cũng thế, không kém. Có phần lại hơn nữa. Cặp vợ chồng mới liền nhìn nhau mà cười. Chàng cù nàng một cái. Ôi! hạnh phúc thay!

Nhưng ở đời, hạnh phúc vốn là một sự chẳng bao giờ có; người ta chỉ đặt ra hai chữ ấy để nói cho hoa mỹ mà thôi. Cho nên họ ở với nhau được hơn một tháng thì cả hai người cùng khám phá ra được một điều sâu lắm: là họ cùng ăn khỏe đến bậc nhất nhì trong thiên hạ cả.

Tuy sức chứa của bụng Lặc vào hạng nặng tấn, nhưng chưa khi nào Lặc biết rõ mình ăn nhiều đến độ nào. Bởi hẩn chưa hề phải đóng gạo. Làm cho nhà người, hẩn chỉ có việc ngày đánh ba bữa no kênh. Bây giờ tiền túi bỏ ra thì hẩn thấy rằng một tháng công của cả hai người, cộng lại, không đủ cung cho miệng hai người ăn đủ. Thực là một nỗi buồn rầu. Nếu họ cùng không ăn khỏe, thì họ yêu nhau biết bao nhiêu!

Bởi cũng ăn khỏe nên họ không thể yêu nhau. Một hôm, người vợ hơi cáu một mảy vì phải ăn đói. Người chồng không nói gì, nhưng mà cũng không cười. Một hôm nữa, người vợ vét gạo để đi thối cơm, thấy ít quá, văng ra một câu không được hay. Anh chồng nghe tiếng, cũng văng ra một câu không được hay. Thế là họ xông vào đâm đá, cào cấu nhau liền. Hăng quá. Con mụ vừa cào vừa kêu làng. Nhưng chẳng một ai đến can. Ở đây không có tứ bề hàng xóm. Họ đánh nhau chân tay, rồi thôi. Người đàn bà ngồi ôm mặt khóc bu bu. Người đàn ông bỏ đi. Nhưng đến chiều họ lại ăn cơm với nhau như thường. Và họ lại cùng cười hề hề.

Song không thể còn yêu được nữa. Cái thói đánh nhau như đã thành tính và thành lệ. Không mấy ngày là họ không réo năm đời mười đời nhau, cho ông bà ông vải của nhau ăn toàn những của ngon vật hiếm và, để kết liễu cuộc đấu khẩu, họ thụi nhau từng trận cật lực. Sức vóc cùng tương đương

cả, nên không ai hề gì.

Một buổi chiều nọ, vợ Lặc ở nhà chủ về nhà. Buổi sáng, hai vợ chồng đã đánh nhau to lắm. Mụ về nhà gói ghém quần áo, đôi nón và bỏ cả đôi guốc mộc vào bọc cẩn thận. Rồi mụ đánh lên một que diêm. Que diêm xòe lên thì mụ tiếp vào một bó đóm. Cái mặt đỏ của mụ quặm lại, nom đến ghê, Mụ châm liền bó đóm ấy vào mái bếp, về phía trong. Lửa đỏ bùng bén và cháy lên.

Mụ cướp nón, đi mất.

Lúc ngọn lửa bốc cao gần bằng ngọn tre mới có người biết. Người ta chạy đồn cả đến. Nhưng khi trông thấy lửa đang hoành hành ở một cái nhà chơ vơ giữa bãi hoang thì không ai xô vào chữa.

Người ta lại nhăn nhẽ ra cười.

Mãi sau cu Lặc mới hay tin. Hắn học tốc chạy về. Thì nhà của hắn chỉ còn là một đồng than hầy còn hồng rực và còn ba cây đu đủ cháy đỏ hắt, chong chóng giữa sân. Hắn đứng chấp hai tay ra sau lưng, tần ngần nhìn đám khói đen.

Rồi Lặc huỳnh huých chạy đến nhà bà hương Khoai tìm vợ. (Tội nghiệp, hắn chẳng biết gì hết!) Người ta bảo vợ hắn về từ lâu. Hắn liền cầm một cái gậy tre lớn, đi lùng vợ khắp xóm trong làng Nghĩa Đô. Nhưng không thấy con mụ đâu cả. Đến tận sáng hôm sau cũng vẫn bật âm tín con người nội trợ không được tốt ấy.

Bây giờ Lặc lại trở về cuộc đời xưa.

Lặc làm rồi Lặc ăn cơm và lại đi ngủ ở nhà tôi. Còn có nghĩa nữa là Lặc ta lại về đánh bạn với lũ trẻ. Mọi khi, ở với vợ, hắn chỉ lăm lẽ cuộc vườn cả ngày, đợi đến lúc mặt trời tà tà, hắn cung cúc về nhà ngay, quên cả các bạn tí nhau. Lũ trẻ cũng lảng đi chơi với nhau, lờ cái anh cu có vợ ấy đi.

Giờ lại chơi với nhau như thường rồi. Và hắn lại dễ dàng như trước. Anh nào muốn gọi hắn là Lặc, là cu Lặc cũng được, không hề giận dỗi chi. Ai hỏi gì về vợ hắn, hắn chỉ mỉm cười vu vơ rồi lắc cái đầu. Nếu có vui chuyện lắm, Lặc mới nói :

- Ló gớm nám. Ló vừa đánh, ló vừa bóp. Tôi phải thua đấy.

Một hôm, lũ trẻ nghe có tiếng bập bùng bung ở trong vườn. Chúng vội chạy vào thì thấy Lặc ta đương giơ hai tay vỗ bụng và gân cổ lên hát cái bài “ò ý e” quen thuộc ngày trước. Đã lâu mới lại được nghe hắn hát, vui lạ. Hát xong, hắn nheo mắt, cười. Và hắn lại làm cái trò phập phồng bụng.

Cu Lặc lại còn có thêm nhiều trò mới nữa. Hắn có một câu đố rằng :

- Cái thúng mà thúng hai đầu. Bên ta thời có, bên Tàu thời không. Đố nà cái gì?

- Không biết.

- Chịu.

Có thằng hóm hình.

- Là cái bụng anh Lặc.

Cả bọn cũng cười. Nhưng Lặc nói :

- Không phải. Ló nà cái váy.

Hắn giảng tỉ mỉ nhưng tại làm sao mà lại là cái váy. Chúng tôi nghe, lấy làm phục lắm. Hắn hắn mới học mót được của vợ. Tôi hỏi. Hắn nhìn tôi, mặt bỗng xịu lại. Tôi gặng :

- Có phải anh Lặc học của vợ anh không?

Buồn buồn, hắn nói :

- Không phải. Tôi nài hát câu thế này cho cậu nghe nhé. Mà hát trống quân cẩn thận cơ!

- Anh Lặc hát đi...

Lặc phồng bụng, xòe hai bàn tay ra vỗ:

Thình thùng thình... yêu nhau thời lém bỏ giàu, ghét nhau thời chứ lém đá vỡ đầu nhau ra... Thính thùng thình...

Tiếng reo hoan hò vang động cả khu vườn.

Mấy anh chích chòe đương vênh đuôi, cong cánh lên hót véo von, chẳng biết cà kê ra sao, vỗ cánh bay mất.

Cái câu hát lạ này, ý hắn Lặc cũng mới học được của vợ. Đàn bà tài thực!

Một năm, đói kém quá. Hàng lựa ế đến nỗi ai đặt chân vào làng Nghĩa Đô đều thấy vắng tanh không nghe tiếng một con thoi chạy. Nhà tôi cũng phải nghỉ dệt lựa.

Lặc không còn việc gì để làm. Ngày kia hắn bỏ đi đâu mất. Không có ai biết. Được ít lâu, có kẻ nói là nghe phong thanh thấy người ta đồn cu Lặc đã nhập với bọn phu mộ đi sang Tân-Thế-Giới làm ăn.

Ba năm sau. Vào khoảng tháng Hai, gia đình tôi nhận được một lá thư xa. Ngoài bì thư có đóng dấu ở Thủ Dầu Một, Nam Kỳ. Thư như sau này:

Dầu Tiếng le 8 tháng Giêng.

Tên con là Lặc. Hôm nay là tháng Giêng năm mới, con có lời về mừng hai cụ, ông bà cùng là các cậu, năm mới đều được phát tài bằng năm mươi năm ngoái. Con ở bên này lấy đều làm mừng lắm lắm. Từ ngày con ra đi làm ăn xa xôi, nhờ ơn thiên địa trời đất cũng vẫn được như thường.

Thư bất tận ngôn

Bấy nhiêu chữ viết bằng mực tím nhòe nhoẹt bỏ cao thấp, lổm ngổm vừa kín cả một mặt mảnh giấy con, dính đen xạm những chất nhờn của mồ hôi tay. Không thấy đề rõ chỗ ở. Đáng hản Lặc ta nhờ mãi, nói khó mãi mới có được một ông bạn tốt bụng viết cho ngàn ấy chữ quý hóa.

Nghĩa Đô năm 1941

HẾT

Mục lục

⋮

TẮM ĐÊM

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

:

Văn bắt đầu kể câu chuyện như sau: Nghỉ hè năm ấy, Hiếu rủ tôi và Căn, Bích, Hiền về quê anh ta nghỉ mát. Nhân thể vừa thi trượt xong, chán không buồn ở Hà Nội nữa, tôi nhận lời ngay. Quê Hiếu ở ngay bên bờ sông Đuống, cách núi thiên thai độ hơn một cây số.

Đang ở Hà Nội đông đúc được thả về quê mát mẻ, tôi thấy người khỏe hẳn lên, quên khuấy ngay cả cái buồn hồng thi. Lại thêm được một lũ bạn đùa như quỷ sứ làm cho tôi giá có khóc cũng phải cười.

Làng ven sông có một phong cảnh khá nên thơ. Chiều chiều rợp nắng chúng tôi thường ngồi thuyền đi dạo mát trên sông Đuống. Dòng sông đào lờ lờ chảy giữa hai bên bờ chen nhau những hàng dâu mát rượi những rặng tre lả ngọn quện trên mặt nước. Đàng xa nổi lên nền lá xanh một dịp cầu tre mảnh khảnh. Cảnh trí như hết một bức tranh thủy mặc.

Nhà Hiếu ở gần một bến nước. Người vùng ấy gọi là bến Đá vì ở đấy có mấy phiến đá rất lớn. Bến Đá là một chỗ rửa ráy giặt giũ của cả xóm. Bởi thế chúng tôi thường được ngắm những cô gái làng ra bến quẩy nước. Gái sông Đuống xinh chẳng kém gì gái Lim lại thêm được cái tính chua ngoa thì không đâu bằng! Tụi Căn - Bích - hai kiện tướng trong làng môi mép cũng phải chịu thua. Họ ví von rất khéo đến nỗi không mở mồm nói vào đâu được nữa. Thế nào cũng bị chặn cứng lưỡi. Một là các cô giỏi biện bác, hai là giọng của các cô rất hay. Chúng tôi đành đứng ngẩn ra cả lũ nghe các cô ví. Họ xỏ xiên cay độc mà chúng tôi cũng đành khóa miệng. Nhưng sự thất bại của chúng tôi phần lớn tại Hiếu vì Hiếu là người hiền lành sợ các cô. Anh thường ngăn cản chúng tôi trong các cuộc đấu khẩu. Mà chúng tôi cũng nể Hiếu nên lắm phen cũng phải nín thít. Ở xóm có độ bốn năm cô chúng tôi phải kiêng mặt.

Độ ấy vào khoảng trung tuần tháng 5 một đêm trăng sáng. Trừ Hiếu hay đi ngủ sớm còn chúng tôi bắc ghế ra sân ngồi chơi. Bỗng lắng nghe tiếng cười đùa từ bờ sông văng lại. Căn lò mò ra cửa nghe ngóng. Một lát Căn hốt hải chạy về rủ chúng tôi đi chơi. Tôi hỏi đi đâu? Anh để ngón tay lên ngang miệng làm dấu bí mật và dẫn chúng tôi ra khỏi ngõ đi về phía bờ sông chỗ có tiếng cười ban nãy đưa lại.

Anh bắt ai nấy đều phải im lặng và theo mệnh lệnh của anh vì anh tuyên bố sẽ có cuộc vui rất lý thú. Chúng tôi ngậm miệng kẻ trước người sau đi nường vào bóng những cây trúc mọc sát vệ đường về phía bờ sông. Không biết là trò quỷ quái gì nhưng cũng cứ đi. Chừng hơn trăm thước đã trông thấy Bến Đá. Một dịp cười giòn tan từ dưới nước hắt lên. Chúng tôi tiến mấy bước nữa rồi đứng lại. Trời ơi có anh nào nào đoán được chúng tôi trông thấy những gì không? Bích Hiền và tôi đứng ngây người. Căn có vẻ ranh mãnh leo tót lên một cây khế tơ dòm xuống. Trên mặt sông bốn cô gái đang tắm các cô đang đùa với sóng. Cho đến hôm nay trông mặt Hồ Tây này tôi còn nhớ cảnh ấy như tối hôm qua.

Những thành vai trắng nõn tóc buông lòa xòa trên mặt nước gợn những vòng vàng vì ánh trăng phau trong những truyện thần kỳ hay ít nhất cảnh này cũng chỉ ở trong mộng. Nhưng nghe tiếng nói thì tôi lại nhớ là gái làng và đây là sự thực như tôi và các anh. Các cô đùa nghịch tự nhiên vì không biết có ai nhìn trộm. Cô nọ té cô kia đuổi nhau í ới cả một góc sông. Đến khi các cô rục rịch sắp lên chúng tôi lùi về hết. Chỉ còn Căn nấp trên cây khế. Các cô kéo về qua cửa nhà Hiếu. Chúng tôi nhận mặt được cả bốn đều là "của" ngoa ngoắt nhất xóm.

Căn thao thức không ngủ. Thỉnh thoảng đang nằm chúng tôi lại bị hấn dựng dậy vừa lay vừa nói rít lên:

Chúng nó đẹp như tiên sa.

Rồi hấn vùng chạy ra sân. Trăng sáng trong im lặng. Căn chắp tay sau lưng ngửa mặt nhìn trăng nhìn trời rồi lại quay vào. Suốt đêm cứ lòng cùng như thế! Có lẽ anh chàng bị "cảm" nặng quá! Ngay hôm sau Căn chơi gì cũng chán chỉ mong chóng đến tối. Câu chuyện đêm qua Căn yêu cầu chúng tôi đừng nói gì cho Hiếu biết vì nếu Hiếu biết thì thế nào hấn cũng gàn.

Đến đêm khi nghe tiếng cười í ới phía sông nhưng chúng tôi không anh nào muốn đi... xem cả. Vì chúng tôi sợ người trong xóm biết thì ê mặt. Rồi chúng tôi không đi. Chỉ có Căn không bỏ. Năm sáu đêm liền đêm nào hấn cũng mò mẫm.

Một đêm chúng tôi còn thức chỉ có Hiếu đã ngủ Căn vừa đi... xem một lúc thì có tiếng huỳnh huých từ phía sông chạy lại và văn g vắng tiếng cười rít lên.

Chúng tôi còn đang ngơ ngác chợt cánh cửa mở tung. Căn ướm lướt thướt chạy vào. Anh vừa thở vừa bảo Hiếu ra đóng cửa. Chúng tôi nhìn Căn không nhận được cười đầu tóc quần áo chỗ nào cũng ướm như chuột lột.

Hiếu và Bích xúm lại hỏi. Căn không trả lời và đứng im chỉ tay ra ngõ. Một lát sau có tiếng cười dữ dội và ồ ạt như muốn ném vào trong này. Căn tái mặt vào thay quần áo. Một câu hát bóng nói lên giữa tiếng cười.

Lạ chi mà phải đi dòm

Để người quân tử lăn tòm xuống sông

Căn tức ngậy người. Anh rù rì kể chuyện. Ô thì ra cái anh chàng ma quái ấy trèo lên cây khế cho rõ mới trèo lên tận ngọn để thỏa lòng nhìn hoa. Chẳng ngờ cành khế giòn. Đang leo... leo... bỗng cành khế gãy ném thẳng anh chàng xuống nước. Người quân tử lăn tòm xuống sông vội lội vào bờ quàng chân lên cổ chạy một mạch về.

Căn cay đến tím ruột. Mấy đêm sau tuy các cô vẫn đi tắm như thường mà Căn không dám đi... xem nữa. Chúng tôi nói pha anh chỉ mỉm cười. Từ buổi ấy anh đi ngủ rất sớm. Có lẽ để tránh những tiếng cười câu ví

như ném muối vào mặt mỗi khi các cô đi tắm về.

Và chừng như anh suy nghĩ lung lăm thì phải!

Bằng đi một dạo trời tối không có trăng các cô không đi tắm đêm. Căn đã nguôi ngoai lại vui vẻ như thường. Và ngược lại tâm tính lúc trước Căn có phần nô giỡn hơn xưa. Quá nữa anh lại mong đến tuần trăng để lại đi... xem. Chúng tôi thường hỏi Pha:

- Thế mà vẫn chưa chừa?

Anh chỉ mỉm cười vợ vẫn nói một câu mà anh thường nói:

- Cóc cần!

Đến tuần trăng các cô đêm khuya sau những buổi giã gạo hay dệt vải lại ra bến Đá tắm. Một buổi tối Căn bỗng nhiên nói luôn mồm:

- Sướng quá! Thì... nghĩ ra rồi!

Câu nói không đầu không đuôi khiến cho Hiếu cũng phải lấy làm lạ hỏi chúng tôi. Tôi không biết hơn Hiếu cả Bích Hiền cũng vậy. Đêm ấy Căn không đi ngủ sớm với Hiếu giống như mọi tối. Chúng tôi hỏi:

- Thức để đi chắc?

Căn cười mĩa mai:

-Mấy chẳng đi đã bảo tôi cóc cần mà!

Bích hí háy:

- À ra thế kia đấy.

Hiền lấy giọng hát nhại:

- Lạ chi mà phải đi dòm

- Để người quân tử lặn tòm xuống sông.

Căn phá lên cười:

- Để rồi anh xem đứa nào lặn tòm xuống sông.

Tôi nói kháy:

- Thách đấy!

Không phải thách tối nay có đũa biết tay tôi!

Đợi xem tối nay đũa nào biết tay anh Căn!

Đêm ấy trăng sáng quá. Vì sáng quá chỗ nào cũng trắng ánh trăng nên phong cảnh nhuộm một vẻ rờn rợn.

Bây giờ vào khoảng nửa đêm. Vừa nghe tiếng ầm ì ngoài sông, Căn đã lùi lùi đi. Chúng tôi nhìn nhau cười. Nhưng rồi Căn về ngay khoác đi một cái áo dài trắng. Chúng tôi càng lạ nữa. Không hiểu ra anh làm trò gì.

Thế chỉ mười lăm phút sau Căn lại lù lù về lần này về với một bọc to tướng. Chúng tôi ra xem. Ô hay! Một đồng những áo những quần những thắt lưng. Chúng tôi đã trông thấy cái thâm ý của anh rồi.

Thì ra anh chơi khăm. Lúc các cô mãi đùa nhau tíu tít dưới nước không ngờ ở trên bờ có kẻ ma mãnh đã nhẹ tay dỡ mất tất cả đồng áo. Thật là không ai ngờ Căn lại cẩn thận khoác áo trắng lẫn ánh trăng. Mà ngờ thế nào được!

Đây cũng giống như chuyện chú tiểu ăn cắp cánh tiên nhưng đàn ông này chú tiểu phu không được nhả sự và "sự thực" mất một tí. Căn lật đật dắt chúng tôi lại ra trèo lên một cây nhãn to ngay trước cổng để xem "thế sự xoay vần ra sao".

Đường đi từ trong xóm ra đến Bến Đá là một con đường cụt đến bến là hết không rẽ đâu cả. Từ nhà Hiếu ra bến hai bên đường có mấy nếp nhà nhỏ và vườn rau. Thế mới rầy rà nấp trong cây nhãn bùm tum không ai ngó thấy chúng tôi có thể nhìn ra xa đến bến được. Tuy anh nào cũng phàn nàn về lối chơi ác nhưng ai lại cũng ngầm bằng lòng vì sự trả thù đích đáng ấy.

Trăng sáng vằng vặc như ban ngày. Các cô vẫn đùa ì ùm dưới nước. Lúc sau 1 cô lên trước bồng kêu thất thanh rồi nhảy tùm ngay xuống. Rồi bốn cái thân hình trắng nhể trắng nhại lướt thướt chạy lên.

Như những nàng tiên trần truồng tìm cánh các cô lẳng lẳng đi hết gốc cây này qua bụi cỏ khác. Sau chừng hiểu chắc có đũa nào nghịch ác các cô đứng lặng nhìn nhau.

Bấy giờ trời trong xanh không gợn mây. Ánh trăng tha hồ tò mò. Các cô khép nép nhưng khép nép cũng vô hiệu. Các anh cứ tưởng tượng giản dị như thế này. Trên một phiếm đá lớn kê ngang trước mặt nước trong trăng sáng nước dưới ánh trăng cũng sáng bốn thiếu nữ trắng như ngà loay hoay cô nọ dựa cô kia. Các cô muốn tránh ánh trăng sáng quá nhưng ánh trăng hóm hình chỗ nào cũng có!

Chợt một cô chỉ tay về phía cổng chỗ cây nhãn của chúng tôi bốn cái mặt đều ngó về phía ấy. Bỗng mấy tiếng rú nổi lên các cô ôm mặt nhảy đại cả xuống sông.

Tôi tưởng các cô trông thấy chúng tôi. Nhưng Căn đã ôm bụng mắt môi nhin cười và chỉ tay xuống bờ giậu phía sau lưng: thì ra cái áo trắng dài đã được cắm vào một cọc giậu dưới bóng cây ban đêm xa trông hết như hình người đứng. Các cô cứ bì bõm dưới nước không dám lộ mặt lên nữa. Chúng tôi nghĩ thương hại bảo Căn cất cái áo bù nhìn đi. Căn cười:

- Mấy khi đi được dịp thế này. Mà giá bây giờ có cất cái áo đi dù thính các cô cũng chẳng dám lên để dẫn xác đi qua đây về nhà.

o o o

Văn ngừng kể. Cả bọn cười rũ rượi

Thịnh hấp tấp:

- Thế sao nữa hở anh?

Văn:

- Chúng tôi cũng không biết ra sao nữa. Vì bấy giờ đã khuya quá khuya hơn thế này nhiều. Đến gần hai giờ sáng chúng tôi buồn ngủ đến díp cả mắt lại mà trông xuống sông vẫn thấy những cái bóng người lập lờ và lặng im.

- Tội nghiệp dễ thường các cô phải ở đến sáng?

Hải trợn mắt:

- Ồ đến sáng? Đến sáng thì chết. Sao nữa?

- Rồi chúng tôi về đi ngủ cũng lấy cả cái áo dài trắng về. Đời nào các cô dám ở tồ hổ đến sáng. Nó lại ác một cái trừ con đường độc đạo đi qua nhà Hiếu - mà cố nhiên các cô sợ người rình không dám đi qua. - muốn vào trong xóm không có lối nào khác. Có lẽ rồi các cô lội qua dọc sông xé rào vườn rau nào đó chui lên rồi lẩn vào đầu xóm trên vì thấy chó trong xóm cứ cắn đồ xô về một phía. Hôm sau mụ chủ vườn neho neho chửi mãi đứa kẻ trộm chui qua vườn giẫm nát mấy luống rau.

Trúc đoán:

- Có lẽ các cô bò?

Văn reo lên:

- Chính thị. Vì sợ sáng trắng mà đi cao lênh khênh quá!

Chúng tôi ra xem: mấy luống cà luống cải đồ có cả vết chân lẫn vết tay. Từ đấy các cô kệt không dám

đi tắm đêm mà cũng chưa ví von với chúng tôi nữa. Có lẽ các cô đoán ngờ ngợ. Hề gặp đâu mặt các cô đỏ như cà chua chín rồi lẫn mất.

1942

Mục lục

Cái Áo Tế:
Cây Mía Đỏ:
Con Cua Tám Càng...:
Đón Giao Thừa:
Gấu Đi Chơi:
Kỷ Niệm Chim Gáy:
Mỗ Bốn:
Ngày Cuối Năm:
Những Thương Những Giận:
Cần Những Hương Ước Đời Nay:
Cây Cổ Thụ Và Vườn Hoa:
Chịu Không Đoán Được:
Chơi Hoa:
Chuyện Phiếm:
Giàn Hoa Kim Ngân:
Hà Nội Với Hà Tây:
Hội Làng:
Khu Du Kích 99:
Lại Chuyện Về Cái Túi Nilon:
Loăng Quăng:
Mai Châu:
Mãi Rồi Cũng Đâm Quen:
Mỗi Người Một Khác:
Qua Miền Trung:
Quán Cây Si:
Quán Cóc:
Rồi Thì Người Ở Một Mình:
Suối Bình Châu:
Tạnh Mưa:
Tết Rằm:
Thịt Rừng, Chim Trời Và Con Bướm:
Tôi Lại Chơi Để Mèn:
Trên Sông Hồng:
Tức Nhau Tiếng Gáy:
Via Hè:

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Cái Áo Tế:

Lúc nào lão Đợ cũng cời trần, đóng cái khố một, bằng mảnh bẹ chuối khô quần đuôi lươn. Ngày trước lão cao lực lưỡng, bây giờ hai hõm vai nhô ra như cái mấu đòn gánh. Người ta hay đùa lão Đợ kiếp trước ông là ông Thiên Lôì phải trời đầy xuống trần nên mới khỏe chịu nắng chịu gió thế.

Nghe dễ là gần sáng. Tiếng sấm đầu đông ùn ục như trời sôi bụng. Áp tháng chín, sấm cạn. Thế này là trái tiết, người ta dễ ốm, con cua con ếch thì lo xa tránh rét nghe sấm đã ẩn vào trong hang cả rồi.

Bao nhiêu năm đến giờ chẳng nhớ, chẳng buồn nhớ. Thuở ấy, nhà Đợ có hai cái nan, một nan vợ một nan chồng. Nan vợ thêm thằng con trai mới lên ba. Hai cái nan xuôi ngược, tối đâu ghé đấy, cũng quanh quẩn chẳng xa hơn quãng sông con. Năm kia, chẳng may nhà nó ốm rồi chết. Người chồng lên bờ, xin làng một nắm đất đắp ngôi mộ. Rồi làm túp lều lẩn sang bên cạnh. Lại vờ thêm mảnh đất, vun luống cải, luống rau. Chỗ ấy hôm vào một quãng bờ, như cái đìa nước. Trong vũng nước sinh sôi mọi thứ cá mú, thế là không phải lần hồi ngoài sông nữa.

Chẳng bao lâu, tháng Nhôn đã xốc vác được. Nhôn đi kiếm ăn theo nước lên ngược. Có chuyến đẩy về cả bè củ nân đem xuống bán dưới bến Nửa ngoài Kẽ Chợ. Từ ngày ấy vẫn nửa lều nửa nhà, với mảnh vườn rách đầu vá đấy, chẳng bao lâu và bây giờ bác Đợ đã thành lão Đợ.

Lão Đợ ngồi dậy, ưỡn lưng vươn vai. Trở trời mưa nắng với con cá, cũng lắm khi bận tới con người. Tiếng sấm muộn này có khi có chuyện đây, lão lấy cái giỏ giắt vào lưng khố. Chiếc nan chân liền của lão vẫn cắm ngoài mép nước. Hai tay như hai cái vây cá ve vẩy đẩy nan lướt ra. Suốt dải bờ, tiếng óc ách, óc ách như dế kêu, nháy nháy trong tai. Như đã trông thấy trong bờ có đến hàng trăm, mấy trăm con chạch chấu đương ngoe nguẩy đào bùn làm lỗ ẩn vào hang.

Lão Đợ cúi xuống, nghiêng cái nan vào bờ. Bắt chạch dịp này dễ ăn. Chẳng phải câu kéo, nơm vó, chỉ việc quơ tay. Chốc lát đã được lưng giỏ. Bỗng có tiếng gọi trên bờ, sau cái nan khuất chống đuôi.

- Bố cu Đợ đấy phải không?

Đứa nào lếu láo dám réo tên cái lão ra. Chắc chỉ lại lão từ Hoả mới dám chột nhả thế. Lão Đợ quay cái nan, nhìn vào thì đúng ông từ Hoả. Hắn ông thủ từ ra đình thắp hương. Hôm nay mồng một. Ông thủ từ giữ đình. Khi nào ra đình, ông từ cũng xách đôi guốc mộc gốc tre, ông chỉ xỏ guốc nghiêm chỉnh khi đi vào đình.

Ông từ Hoả ra bờ đầm, ngồi thụp xuống, thì thào:

- Nhích cái nan vào về nhà, nói cái này.

Gì thế, cái này là cái gì, cả năm cả đời lão Đợ chẳng có cái gì phải nói ghé tai, lão chẳng hay nghĩ ngợi loăng quăng. Lão Đợ vẫy tay, quay cái nan vào, thò tay móc lôi ra một con chạch chấu chúi trong bùn.

Lão Đợ làm rốn bắt mấy con chạch nữa rồi lão cũng tạt nan về sớm. Lão Đợ vác ngựa cái nan lên đồ chạch vào thúng sơn, được vừa lưng thúng, có con nhảy cả ra ngoài. Lão chọn mấy con chạch to, đem xuống cầu ao.

Con chạch vàng nhảy, chỉ mổ moi rồi xuyên vào mấy đọt tre tươi. Ông lão vào nhà chất củi rồi cời bếp than, đặt cá lên nướng.

Ông từ Hoả bước tới, kêu:

- Cái giống chạch phải được nước mưa cuối thế này, ăn mới lắn thịt, thơm điếc mũi!

Một mảnh lá chuối đựng muối với mấy quả ớt vàng chóc. Hũ rượu nút lá chuối đặt cạnh. Hai cái bát đàn ăn cơm uống rượu lắn lộn, tất cả bày ra mái hiên. Ông Đợ và ông Hoả đều cười nói ồn ào: “Khéo vẽ! Bày ra rồi lại phải dọn. Cứ thế này, ăn xong chỉ việc đứng dậy”.

Nhưng ông từ Hoả cẩn thận, xuống cầu ao khoả cái chân, nhưng rồi lại chân đất đi lên. Ông ngồi vào đầu mẩu cái ống bương kê làm ghế, trong khi lão Đợ mở nút vò rượu.

Ông từ Hoả chép chép miệng:

- Rượu nhà nấu, cá muốn ăn lúc nào thì đi bắt. “Anh hùng tiếng đã gọi rằng”, cái lão này phong lưu đến nơi rồi.

- Phong lưu có hơn thẳng mỗ không?

Ông Hoả trợn mắt:

- Ấy chết, ai lại ví von giồng cây chuối ngược thế. Phải nói ngay thế này. Sáng hôm qua, tôi ngồi chẻ đóm, tôi nghe rõ ông ổng. Mà các cụ vặc nhau như mỗ bò, ngoài cửa đình còn nghe à uôm như đất vào tai. Có cụ bảo, cái lão Đợ mà làm chủ tế thì cả làng này đi ăn mày. Có cụ nói ác nữa: cái thẳng chết trôi sông phải lên bờ chôn nhờ đất thiên hạ mà bây giờ làm chủ tế à. Ấy vậy mà các bố ấy cứ bàn quần đầu bắt đuôi, có nhẽ phải xuống tận bể Đông hỏi ông Hà Bá thế nào mà vẫn chỉ thấy lão Đợ vẫn chỉ còn lão Đợ làm được chủ tế.

Lão Đợ ngậy mặt ra:

- Thế còn ai làm được?

Ông từ Hoả gật gù:

- Chỉ còn lão Đợ thôi. Tính chẻ hoa ra rồi, cấn cái rồi. Đếm mặt năm sáu mươi thì đã xuống lỗ cả. Thế mà lão Đợ dư sáu mươi vẫn lội ao lội sông ừm ừm, được là thế ấy. Bảo rằng lão thẳng ngụ cư, thế thì tông tích cả làng này ai chả là thàng ngụ cư, ai chả là ở dưới sông bò lên, chứ cứ đâu cái ông lão Đợ. Có cụ chết cười lại bênh ông. Độ nhà ấy song toàn, trên thuận dưới hoà. Người ta đốp cho, bà lão ấy ngòm từ đời ông ba mươi, lấy ai ra mà cãi nhau, đánh nhau, làm sao mà chẳng song toàn. Cứ lý sự kéo co cả buổi...

Ông từ Hoả tợp một ngụm rượu, cười khè khè:

- Thế là ông lão được chân chủ tế. Sướng chưa?

Lão Đợ buông sông:

- Chẳng thấy sướng chỗ chó nào.

Ông từ Hoả uống cạn bát rượu, đứng dậy hét:

- Không được láo, nói thế thánh vật đấy!

Lão Đợ lẳng lẳng ra xé mảnh lá chuối, gói nốt mấy con chạch nướng, đưa cho ông từ Hoả. Ông từ vẫn hăm hăm mặt giận lão Đợ báng bổ thần thánh nhưng vẫn cầm gói cá, lập cập bước ra. Hai ông lão này hay đối nhau từng lúc, quá trẻ con.

Lão Đợ ngồi lại một mình. Trước mặt, chỉ còn mấy cái que xiên cá nham nhỏ. Lão Đợ cắn cả nửa quả ớt rồi uống nốt bát rượu, sau lão nằm kênh ra nền đất. Cái đầu lơ thơ tóc một búi túm đằng gáy gối lên mấu tre vừa ngồi.

Lão không say, cũng không buồn ngủ. Lão đương nghĩ vấn vợ về cái việc chủ tế, tế chủ không biết ra làm sao.

Xem rước, xem tế thì lão xem rồi, xem nhiều rồi khi sang tháng ba rồi tháng chín, ngoài đình có kỵ thánh đều có lễ, có tế, có năm lại rước chạ. Chốc đã mấy chục năm qua. Đến cái năm Đợ được vào làng được cắt chân đình vác cái thùng lưng theo bác khán thủ đi tuần, đi hộ đê, đóng hàng giáp, việc làng, lấy phần, đấy mới thật ra trai làng. Xem hội đưa nào làng lạ bằng nhẵn, đánh nhau ngay.

Thế mà có điều là đình đám làng này chẳng ra gì Xem hội to thì rủ nhau lên phủ, sang tỉnh khác. Những miền lằm của, voi gỗ ngựa đá thờ, đao đình vảy rồng, cột trụ có con nghê sành. Làng này chỉ có đình cột xoan, cột mít, mái lá cọ. Năm gian đình bày mỗi cái cuốn thư, chiếc kiệu long đình sơn then đã loang lỗ tro gỗ mộc cả bốn chân. Không thắm vào đâu với những cột đình sơn son thếp vàng, những dải y môn buông tua điều quanh long đình kiệu bát cống, lại con ngựa bạch có bánh xe...

Chuyện về của cải những đình chùa nhà hàng xứ người ta thì biết thế nào kể xiết. Thạo đi xem hội thiên hạ rồi. Đi xem hội thiên hạ mà nô nức chen chân, có khi cơm nằm cơm đùn trầy hội vài ba ngày mới tới mà vẫn nô nức.

Ấy như hội làng thanh bạch mà vẫn có cái nghiêm hội làng. Trong gian ở hậu cung thấy bảo có các đạo sắc phong thần của nhà vua, nhà chúa. Mọi người đều thuộc sự tích ông thánh làng ta. Thánh cũng như người làng, ai cũng cỡi trần, đeo giỏ đi bắt ếch. Thánh làng ta thấy bảo cũng thế. Rồi ngài nổi tướng theo vua đi đánh giặc. Gặp giờ linh, ngài hoá.

Ngài thiêng lắm. Đến ngày kị, hàng giáp mổ lợn, mổ trâu, mặc lòng, bao giờ trên bàn thờ, dưới tay ngài cũng phải buộc đôi ếch - phải vào tận chân núi kiếm ếch hương về nuôi vỗ béo hàng tháng. Làng lại kiêng những huý. Con ếch được gọi là “ông ộp”, mà phải nói nhẹ nhàng như khấn, sợ to tiếng, ngài quở.

Lão Đợ đương gờ gờ mắt nghĩ lơ mơ về đức thành hoàng. Lão nghĩ cũng lạ: ông thánh cỡi trần, ông thánh đeo cái giỏ, thế thì ta là ông chủ tế tế ông thánh là phải rồi. Cứ nghĩ về ông thánh, về ông chủ tế, lão Đợ tan mất cơn buồn ngủ. Lão Đợ đứng lên đẩy tàu lá chuối lên mặt cái thúng sơn, ở trong đám chạch chấu đương ngoi lúc nhúc. Lão cặp thúng cá đem ra chợ hôm ngoài bến, như mọi khi đi nan về. Một lúc, lão Đợ bán hết cá, đã úp cái thúng không lên đầu, đội về. Trông thấy ông từ Hoả đang cầm cúi bấm chân gánh thùng nước. Chiếc đòn gánh lắc lư, hai cái thùng tre ghép, mặt đập hai chiếc lá bàng, nước sóng sánh nhẹ nhẹ. Cơn say ban trưa còn lại hay chân lão vốn chân vòng kiềng cho nên thùng lắc.

Lão Đợ đã quên chuyện bực bội. Lão hỏi bô bô:

- Gánh nước cúng à?

Ông từ Hoả nhìn lên cũng trả lời mau miệng:

- À nước tắm đình.

Rồi lại thì thào:

- Sắp đến rằm.

Chẳng biết quên hay chợt nhớ ra, lão Đợ cười khơ khớ:

- Ờ nhỉ?

Lão Đợ rút trên đầu, cái râu mấy con chạch nhét trong đít thúng, lại đưa cho ông từ:

- Cầm về tối uống rượu nhé.

Rồi ông tự nhiên chuyển sang chuyện khác, như hỏi giữa giờ:

- Chẳng biết làm chủ tế nó ra thế nào...

Ông từ Hoả cầm xôi cá, nói:

- Đã có ông bồi tế giúp một tay. Không thấy mọi khi đấy à.

Ông từ Hoả đã gánh nước vào khuấy chân tre cổng đình. Lão Đợ vừa đi vừa gõ ngón tay lên nóc cái thúng sơn trên đầu, bắt chước như đánh trống tế. Đã có ông bồi tế? Đã có ông bồi tế giúp một tay. Lão bước nhấp nhảnh. Cái lạt xôi tiền bán cá buộc bên mép khố kêu róc rách, róc rách.., tế chủ tế chủ..

Một hôm, có mấy cụ hương kéo đến nhà lão Đợ. Bác khán thủ đi với hai trai tuần, một người bưng cái mo cau, trong đựng mấy miếng trầu, một rẻ cau, một be rượu, bác khán hai tay ôm cái tráp gỗ mộc. Ông từ Hoả đã mách cho lão Đợ biết làng đem rượu và trầu cau với áo tế đến, thế là làng đã có lời mời rồi.

Bác khán đặt cái mâm chõng xuống giữa nhà rồi để ra cái tráp, hết cái hòm thợ mộc. Rồi mở cái mo trầu cau đã tẽm sẵn lên trên mặt tráp phủ vuông vải điều. Cụ hương hai tay nhắc vuông vải, mở tráp.

Trong tráp, gấp sẵn cái áo tế. Hằng năm, mỗi hôm tế ngoài đình, ông tế chủ được mặc áo tế, làng nước ai cũng biết cả. Áo thụng tế không phải áo nâu da bò, không phải áo lương áo kép nhà giàu đâu, áo thụng của làng là của thần, của thánh chỉ ông tế chủ mới được xỏ tay. Làng chỉ sắm được có một cái. Cụ nào lên lão được kén vào chân chủ tế được lộc mặc. Quanh năm, cái áo tế được cất trong tráp để vào hòm gian ở hậu cung.

Tráp vừa mở, mấy con gián cuống quít bò ra. Anh trai tuần giơ gót chân day con gián. Cụ hương kêu to:

- Ấy chết. Lạy thánh. Không được! Không được làm thế.

Cụ hương nhẹ tay rũ cái áo tế rồi xóc lên. Cái áo thụng the quuyến hoa chanh nhuộm lam, đã ngả bạc, nhưng gấu áo, gấu tay còn đứng nếp.

Cụ hương vuốt áo như nói một mình, nhủ khán:

- Lạy thánh xá cho, áo lễ làng ta lắm nào cũng mới nguyên như năm nào.

Rồi cụ nói với ông Đợ:

- Hôm kị thánh có chạ dưới lên góp lễ, cụ chủ tế mặc áo thụng đứng lên cho chạ anh chạ em người ta trông vào.

“Ồi dào, mấy chục năm nay tớ vẫn giữ chân đánh trống tế đến bây giờ mới được lượt chân chủ tế Chẳng lạ gì cái chạ dưới mà phải trông vào trông ra. Bất quá lại khiêng cái long đình gẩy chân, có bó nhang đen, có nải chuối xanh để bàn thờ, với đấu xôi nén, năm nào cũng cỗ chay. Chẳng có gì mà phải lo, được rồi!”.

Lão Đợ quen miệng hay nói “được rồi”, mà cũng chẳng để ý được cái gì. Khi mọi người đã về, lão Đợ ngồi chờ ra một lúc. Lão cầm cái áo tể đưa lên mũi ngửi, lại nói “được rồi”. Lão không để áo ra mặt đất mà trải lên đồng lá chuối khô vuốt từng tà áo, gấu áo nhăn nheo. Không biết áo tể đã bao nhiêu đời các cụ xỏ tay có chỗ lồng tay ào. Áo nhẹ như bấc, rộng thênh thang, giơ hai tay lên đỉnh đầu hạ hai tay xuống, những vạt áo lam mờ phất lên như làn gió mát. Lão có cam tưởng như ông quan, lại như ông thần.

Lão Đợ vẫn đứng nghiêm, hai bàn tay đặt trước bụng. Lão đương nhớ lại những lần ra đình xem tế.

Ông từ Hoả ở đâu đến, chưa thấy người đã thấy tiếng.

- Tế một mình à? Lão này tập tế. Rồi có người đến tập cho, ra đình thử mới hết.

Lúc ông từ Hoả vào đến trước cửa, hấp háy mắt ngấm lại, ông từ kêu choang choác:

- Ồi giời ôi, tế cõi trường. Chết chết, phải tội, phải tội lỗi con người ra.

Cái lão nửa đời này chỉ được cái vu vạ. Lão vẫn đóng cái khố đuôi lươn đấy thôi. Nhưng mà nhìn lại, lão Đợ cũng giật thót mình. Lão trông xuống cái vạt áo thụng thừa như mảnh mảnh, rõ ra cái cẳng chân, cái đầu gối như gốc tre, cái ống nứa. Thế này thì khác nào chưa mặc quần! Ông từ Hoả ngồi xuống, rút đăng sau lưng ra một cái quần. Ồ cái quần mồi của ông từ vẫn mặc những ngày sóc, ngày vọng lên đình thắp hương. Ông từ nói:

- Phải mặc cái này nước được. Chứ đến chỗ lễ bái mà tô hô ra thế kia thì hàng chả ngả vạ đấy. Mặc thử xem nào.

Cái quần lá toạ của ông từ Hoả, quần vai gốc dấn bùn rồi nhuộm cày, màu bùn màu cày như cái mo nang, chó cắn phải gãy răng. Không bước của con cái đùa nào biếu hay là của làng may cho ta năm ông ta giữ chân thủ từ, ông từ Hoả chỉ mặc cái quần này ngày tết nhất và những hôm làng có việc mà thôi. Thế là ông từ tốt bụng với lão Đợ lắm.

Lão Đợ đút ống quần luồn cái khố vào trong, ông từ Hoả toan quát lên, nhưng lão Đợ đã mặc cả quần cả áo thụng rồi lão quạt đầu xuống hỏi:

- Tôi mặc mất quần ông rồi, hôm làng vào đám ông mặc quần nào?

- Không phải lo, không lo.

Rồi ông sửa sang cái quần chùng cho ông Đợ. Ông từ Hoả đã vứt cái dây chuối khô làm dải rút. Ông thắt vạt hai lá toạ quần lại. Ông làm thoăn thoắt như bác phó may thử áo. Lão Đợ cứ đứng giơ hai tay áo thụng, có ý kính nể vẻ tháo vát của ông từ. Lão thủ từ lo việc lễ bái đã mấy năm, bắt con cá con mú thì lão vụng nhưng việc đèn hương lão co chùng khéo. Đăng nào cũng được được rồi. Lão Đợ cười:

- Đứng ngay lưng lên xem nào?

Lão Đợ đứng ngay người. Hai vai áo thụng nhô ra, cong cong như cánh con dơi. Thành thử trông lão hốc hác to lớn, oai lạ. Lão Đợ không nhận thấy, thế nhưng ông từ Hoả ngấm ngấm ông bạn già đóng bộ vào rồi cũng phải nghĩ thâm: ông này đứng chân tể chủ, lạy thánh mới bái, thánh phù hộ đây.

Lão Đợ sốt ruột:

- Thế nào, xong chưa?

Rồi lão thông hai bàn tay xương xẩu gầy khô xuống cái vạt trước áo lam, nhăn nhó:

- Rậm quá, như có đàn rệp bò trong bẹn.

Ông từ Hoả cười khe khẽ:

- Cả đời có mặc áo quần đâu mà biết con rận con rệp. Đừng nói nhảm, việc đình chùa nhà thánh không dám khuất mắt đâu, người ta phải đập rồi phơi mấy nắng rồi đấy.

Ông từ Hoả kéo cái quần sồi lão Đợ đứng mặc đem gấp lại, đặt cẩn thận xuống dưới cái áo tể trong tráp, lão Đợ cứ đứng trơ ra cho ông từ lột, lát sau như chợt tỉnh, lại hỏi lẩn thẩn:

- Ông từ cũng phải vào hậu cung thắp hương mà không có quần mặc thì...

Ông từ Hoả nhăn nhó vẻ khó chịu:

- Cứ lo con bò trắng răng, đã bảo đâu khắc có đấy rồi.

Cũng chẳng biết “đâu khắc có đấy rồi” là thế nào, lão đâm ra cuống, đến lúc lại nghe yên tâm nói thế, ông Đợ lại yên tâm vu vơ, lại thấy ông từ Hoả mới là tay tháo vát.

Bỗng nhiên lúc này, lão Đợ có ý mong thằng Nhõn. Đã biết là thằng Nhõn đi, năm nào đến kị thánh làng thì Nhõn cũng nhớ về. Nó bảo: “Ông thánh làng ta thiêng lắm phải về lễ tạ thánh mới cho ăn lộc”. Chả cứ nó, nhiều người đi làm ăn xa cũng về hội làng. Cái lệ, cái nết làng nước thế. Năm nay, lão Đợ được giữ chân chủ tế, lão càng có ý ngóng con. Mấy lần ra bến, lão Đợ lại nhìn người buôn bè đường ngược. Rồi chiều chiều tha thẩn ra bờ sông. Lão Đợ càng mong.

Cái ngày thằng Nhõn còn bé, ông lão cũng đã đi kiếm ăn trên rừng. Bây giờ Nhõn lại theo nghiệp ông. Vào rừng kéo gỗ mướn, đến vụ thì đẩy bè củ nâu xuôi bến Nửa dưới Kẻ Chợ. Con sông này chỉ lên một ngày đường nước đã sang đồng đất đường rừng. Xẩm tối, từ ngoài bến, hôm ấy Nhõn về. Cái đòn ổng buộc cái bu đựng hai con gà trống. Những con gà, gà nhà làng Mường cũng chẳng khác gà rừng, mã tía, đuôi xòe dài như đuôi công, chốc lại cong cổ gáy the thé.

Từ bờ rào ngoài đường cái trông vào nhà, Nhõn đã oang oang:

- Lạy bố. Nhà ta có cái tráp đẹp thế kia.

Lão Đợ ra đến trước mặt Nhõn, thì thào quát khế:

- Làm gì mà réo như đánh mõ thế. Cái áo tể, nghe ra chưa, cái áo tể.

- Người lên bến trên ấy đã khoe cả vùng biết bố làm tể chủ rồi. Tối nay thịt gà cúng cụ.

Lão Đợ nói:

- Chỉ thiếu có cái quần, thì ông từ Hoả cho mượn. Phúc đức chưa.

Nhõn nói:

- Được rồi. Mai kia lên Mừng nhuộm đôi quần vải chàm, cái quần chàm mới hợp với màu áo lam tể.

Ông lão như khoe, lại như đánh đố con:

- Lại còn đi tập tể, ối cái rắc rối quá.

Nhõn cứ nói dễ như bỡn:

- Không phải đi đâu cả. Tôi biết rồi. Ra ngoài ông đồ Bùn, hỏi các thứ. Trẻ con xem tể cũng đã thuộc cả. Hương..., báí... Cúc cúng báí... Năm nào chẳng thế.

- Lạy thánh, thằng này chỉ bố lão!

Nhõn cười ồm lên. Một mình Nhõn đã nhộn cả nhà.

Lão lại ngồi nhăm từng thứ. Cứ linh kinh mà rối cả ruột. Mà phải đi mượn chứ, ai lại đi sắm để ngày sau làm tể chủ, rõ rõ. Quần cái khăn lượt, mượn đâu ra cái khăn lượt. Rồi mai kia thằng Nhõn lên ngược, may cho ông đôi quần chàm, à cái thắt lưng chàm nữa.

Còn đôi hia, các cụ tể chủ mọi năm đi hia, nhuộm bùn rơm rồi tết bện lại, như cái chổi lúa, thế thì trông không được mắt, không được. Không, không, ta sẽ làm đôi hia cho ra hồn.

Lão Đợ xuống ngắm nghía dưới bờ tre. Lão chọn một cây tre chết róc đã vàng ửng xác xơ. Lão cúi xuống tận gốc rồi đào bặt cả chòm rễ cây tre chết đứng, bửa đôi ra.

Chỉ nửa buổi, đã đẽo xong đôi guốc gộc tre, gọi là đôi guốc, đôi giày, đôi hia gộc tre cũng được. Nó không cần quai, thúc vào mũi nó hùm hụp như cái gáo dừa. Nung cái đinh lên, dùi một bên một lỗ, như hai con mắt trố ngoài mũi thuyền. Cái gót thì đẽo tròn, để nguyên cả tảng. Thế là được đôi hia vạn đại.

Xong rồi, lão Đợ đem vùi đôi hia gộc tre còn mộc xuống bùn ao.

Hôm ấy, trống đình đánh liên hồi từ sáng sớm. Tế ở đình có chạ dưới lên góp lễ - như mọi năm. Trẻ con các xóm đã nháo nhác từ hôm qua. Các bác hương, bác nhiêu, chú trai tuần mặc áo năm thân, búi tóc chít khăn xúm xít giải chiếu mộc, chiếu hoa khắp các gian trong đình, cả hai bên tả vu hữu vu, vào tận hậu cung. Mái lá tối như hũ nút, chỉ thấy những chấm hương đỏ ngòn, cây hương đen thơm ngào ngạt.

Các bác, các cô cũng ra đông. Cả những chị con mọn cũng vừa xốc con bú vừa chạy te tái. Đàn bà con gái không được vào đình, không được lượn phướn nhòm ngó chống mộng vào cửa đình. Tất cả đứng tụ lại thành đám ngoài gốc đa, xem cái long đình của chạ dưới vừa lên. Những bà già ở các xóm ra, chốc lại lăm nhăm chấp tay vái vào trong cánh cửa đình đã mở toang, khói hương lửa ra xanh rờn từng đám.

Ông chủ tế ra ông chủ tế, lão Đợ đã như đồng thuộc. Chả là lão cao lêu nghêu lại to xương, quai hàm, bả vai nhô, cái áo thụng phơ phất như cánh phướn nhà chùa. Lão chít cái khăn lượt vênh từng vố Cái quần nhuộm cây buông lửng xuống trên đôi guốc gộc tre lênh khênh như ông lão đi cà kheo. Cả đám tế chỉ mỗi một mình cụ chủ tế được mặc áo thụng. Rõ ra đáng ông tướng, ông quan hầu thánh, quan hầu thành hoàng.

Lão Đợ xách đôi guốc gộc tre vào đến sân đình rồi đặt xuống, đi vài bước làm phép, rồi lại tụt ra bước chân không.

Cái trống cái kê nghiêng đã nổi ba hồi một. Kiệu long đình của chạ dưới rước lên đã đổ gốc đa ngoài mái hiên.

Nhõn hôm nay ăn mặc bảnh chọe, không như mọi khi cời trần vác cái đòn ống đẩy bè.

Nhõn chít khăn lượt. Nhõn mặc chiếc áo nâu năm thân đứng ngay sau lưng ông chủ tế. Chẳng phải đã được cắt đặt thế nào, Nhõn cứ tự nhiên đứng lẫn vào với chân ba bốn người bồi tế. Tối qua, Nhõn còn dặn bố. “Bồi tế người ta xướng thế nào thì ông mặc kệ, ông cứ nghe tôi nói sau lưng ông mà làm. Người ta bảo bái thì tôi xướng quỳ xuống. Người ta bảo bình thân thì tôi bảo đứng chấp tay ngay người, người ta lại xướng hương thì nghe tôi bảo đứng lên, ấy cứ thế mà làm...”

Người đông xướng: Tiên tước. Nhõn giục: Buộc lên. Lão Đợ ngay người thùng thỉnh bước lên. Người tây xướng: Độc chúc. Nhõn nói sau lưng bố: Đưa văn tế cho nó đọc. Cụ chủ tế cầm một tờ giấy lệnh gấp đôi, vái rồi đưa cho bác đồ Bùn đọc văn tế.

Giọng bác đồ lạnh lạnh... Từ Liêm huyện, Hoài Đức phủ...

Trong đình, ngoài đình im phăng phắc. Một hồi trống, một câu xướng: Nghệ ẩm phục vị. Đến câu này, thẳng Nhõn chưa giục, ông Đợ đã thuộc. Ông Đợ quỳ xuống. Hai người bồi tế hai tay bưng chén rượu và coi trầu. âm phúc... Cụ tế chủ nhận chén rượu, vái một vái lên bàn thờ rồi ngửa mặt uống một hơi. Lại vái một vái, cầm miếng trầu ăn. Uống rượu ăn trầu, không biết từ lúc nào, ông Đợ đã thuộc ngay.

Lễ tất. Nhõn nói vào sau lưng ông Đợ: “Xong rồi”. Rồi lại nói: “Nhớ đi ra thì phải lùi, không được đi chống dít vào. Thế thế”.

Lão Đợ đã biết rồi, lão Đợ lùi đúng đến chỗ lão xếp đôi guốc gộc tre.

Suốt buổi tế hương đốt nghi ngút trong hậu cung ra ngoài các án thư. Chốc chốc, tiếng trống rền rĩ từng hồi. Tiếng đông xướng tây xướng, tiếng độc văn, giọng kim giọng thổ ồn ào. Người tế, người xem tế từ trong ra ngoài, ai đứng đâu nguyên đấy, có lúc im phăng phắc. Trẻ con thao láo mắt nhìn vào Có tiếng trẻ bỗng khóc thét. Người mẹ bế xốc lên, chạy huỳnh huỵch.

Ông tế chủ đã xong việc đi sang gian bên, ngồi với các quan viên chạ dưới. Mỗi cụ xơi một miếng trầu rồi uống ba tuần rượu chay. Năm ngoái có con gà, ván xôi nhưng năm nay làng dưới đã lên có lời trước, chạ em đuổi quá, không lo được, mà lệ làng thì phải giữ, quan anh đánh cho chừ đại xá. Ở đằng sau cái long đình có tiếng gọi:

- Ông tế chủ! Lạy ông tế chủ!

Lão Đợ ngẩn mặt ra nhìn mấy người khiêng kiệu. Lố nhố một bọn chân đất, vai trần, trai kiệu đóng cái khổ bao. Lão Đợ nhận ra các quan viên chạ dưới. Lão nhớ mặt cái người già hơn lão, ngày ngày vẫn chỉ đào chuột, đi đơm cá. Những người bạch đình, chân trắng này vẫn phải đi khiêng kiệu, cũng là giai già mới được cắt đấy. Hôm nào lão Đợ chẳng đụng mặt với các lão ấy cắt vó, xách giỏ đi dưới bãi.

Lão nói:

- Cụ được chân tếch, hơn đàn em rồi, sướng nhỉ?

Sướng chứ. Nhưng mà bắt con chạch chấu dễ nhả hơn, có cái be cay đấy không?

Lão kia cười khì khì, lôi trong đáy long đình ra một vò rượu.

- Lạy cụ, trông khăn áo đi hia gộc tre thế cũng biết là cụ khó nhọc mướt mồ hôi rồi. Cụ làm một ngụm giải cảm.

Lão Đợ, hai tay áo thụng xắn lên, bưng vò, ừng ực liền mấy hơi. Rồi quệt tay chùi mép. Lão kia cú ngóc lên nhìn rồi chớp tay vái: “Trông cụ có tướng lắm!”. Lão Đợ nói: “Tướng cướp à?”, rồi lại giơ cái ống tay áo lên chùi mép lần nữa rồi mới thùng thình vào đám các chạ trong đình cũng đương tíu tíu rượu suông.

Cái long đình bốn người khiêng. Bốn người chân trắng đi túc trực đám rước, lại lũng thông về làng bên. Tuy năm nay chẳng bày vẽ nhưng chạ nào có cái lễ, thì phải có rượu rồi chẳng biết người ta biện rượu ra ở đâu, cả đến những người khiêng cũng lắc lư, như kiệu bay. Cái long đình gỗ mộc tả tơi như cái vồng vong đám ma mà cũng bay, cũng bay. Chốc chốc trống đánh tong tong, tế trong đình rồi, bây giờ người bay kiệu

bay.

Lão Đợ bảo ông từ Hoả:

- Đóng cửa đình rồi về vào nhà tôi nhé!

Ông từ Hoả cười khì khì:

- Xong ngay đây.

Ông từ Hoả cầm cái bầu khoá đuôi chuột to bằng quả mướp, đặt vào then rồi rút khoá, buộc thắt lưng. Thăng Nhõn đi trước, hai tay cung kính bưng một xâu những con ếch thờ của cụ tế chủ được phần. Nhưng lúc nãy Nhõn đã bẻ cả xương đùi cho những con ếch mất giãy. Cả mấy người đều chệnh choáng.

Lão Đợ, mỗi tay cầm một chiếc guốc gộc tre. Cái áo thụng đã cởi vắt lên vai. Ông từ Hoả rút cái áo thụng, gấp lại cặp xuống nách, nhưng lão Đợ không biết.

Lão Đợ nhìn mấy con ếch bóng nhảy thăng Nhõn xách trong cái lạt tre. Chốc nữa, những “Ông ộp” này được hoá kiếp đi rồi thành thần. Ông thánh làng ta đi bắt ếch rồi theo vua đi đánh giặc. Thành hoàng làng ta hàng trăm năm hàng nghìn năm có công rồi hiển thánh, bói ra khoa thấy lầy lừng. Ông thành hoàng làng ta hiển thánh sinh ra cái hèm thịt ông ộp. Hôm hội nhà ai cũng có một giò ông ộp, cả làng ăn cỗ om, cỗ rán ông ộp. Ông thành hoàng làng cũng ăn tiệc ông ộp. Vừa hay, gió heo may nổi, con chạch chấu chúi xuống bùn, con ếch vào ngủ trong mà, ếch đi tránh rét nằm ngủ đông như cua, tha hồ nhà nào cũng có cỗ “Ông ộp”.

Lão Đợ đã về đến trước đồng rơm. Lão ngược mắt lên mới thấy vàng mặt trời. Bỗng dưng lão trông thấy một ông râu quai nón đi vào. Ông lão râu quai nón đóng khố bao, lại đeo cái giỏ bên hông, tay chăm chăm con dao bẩy sáng nhoáng ông lão đi nhanh như gió nổi dào dạt qua đồng rơm, rồi lại biến mất.

Đích là người về rồi, người về rồi. Lão Đợ giật cái áo tể ở nách lão từ Hoả, cuống quýt mặc vội. Lão lúng túng quên cả chít khăn.

Lão Đợ giục Nhõn:

- Nhanh lên! Đền nhang lên! Ngài về! Ngài về!

Lão Đợ đi guốc gộc tre, mặc áo thụng nằm phủ phục xuống giữa cổng. Ông từ Hoả cũng ngھn đầu lên rồi cũng thụp xuống sau lưng lão Đợ. Thăng Nhõn ra rút một nắm hương đen đặt vào đồng rằm. Hai ông lão cúi móp xuống đất. Mắt ông lão trừng trừng nhìn lên rồi nhắm lại, hai người cũng nói lẫn lộn, loác choác, như ngủ mê, lại rì rào như khẩn:

- Đấy, đấy Ngài cởi trần thắt lưng điều, ngài cầm con dao bẩy, ngài chỉ dao về đằng kia, đưa quân ngài

trả về đằng kia. Nhõn ơi! Mày đem thả ngay xâu con ộp xuống sông, cho ngài lấy lương ăn. Ngài đang đánh giấc to lắm. Ông Hoa ơi, trong bếp còn mấy vò rượu ông khuôn ra cho tôi. Ngài đi ngoài kia, đấy tiếng tù và, lại tiếng tù và... đấy đấy.

Hai ông già cứ nghi ngóp rót rượu ra bát lồi ừng ực uống, rồi lại ngóc đầu lên. Ông từ Hoa ơi? - Đấy, đấy ngài...

Lúc ấy, Nhõn đi ném cả xâu ếch xuống sông. Nhà tối om, Nhõn nhóm lên một đồng củi. Nhõn cũng trông thấy loạn cả mắt trong ánh lửa nhảy nhót. Thánh đã biết ta bẻ hết chân những con ếch thờ rồi. Nhõn quỳ xuống, sợ dựng tóc gáy. Rồi Nhõn rà rà vào bếp cắp một hũ rượu. Nhõn lại chạy xuống bến. Cái bè củ nâu ba cây luồng vẫn nẹp đấy Nhõn cời chèo néo đẩy cái bè băng ra giữa dòng. Không biết Nhõn lại ngược hay xuôi Kẻ Chợ. Xâu ếch chết rồi. Nhõn sợ đánh mất xâu ếch của thánh. Nhõn vẫn thấy quân đi ồn ào trên kia.

Bây giờ thì xung quanh đã im ắng. Ông từ Hoa định về ngoài đình, ông vẫn nhớ đường. Người say bao giờ cũng nhớ đường về nhà, về đến nhà ngủ thiếp đi lúc trở dậy mới không biết ở đâu. Ông Hoả lại vẫn trông thấy cái áo thụng rớt dải ọe ra ướt hết ngực áo lão Đợ. Thế thì ông phải đem về, giặt ngay. Chẳng có thì cái áo thụng ố ra, nó bị chuột cắn, nó bị gián nhấm, cơ chừng mà thánh vật chết, mà phải làng bị vạ.

Ông từ Hoả lò lồm cồm đến chỗ lão Đợ. Ông run rẩy lần tay cời cái dải áo.

Lão Đợ nhắm mắt nói khao khao:

- Đứa nào?

- Từ Hoả đây.

- Thằng kẻ trộm à?

Ông từ Hoa rên hừ hừ:

- Áo thụng ố hết rồi phải đem ra ao đình giặt.

Lão Đợ ngồi dựng lên:

- Áo này áo thánh, tôi là chủ tể tôi phải rước áo về đình cho ông từ người ta giặt. Phải thế mới được.

Lão Đợ cời trần, hai tay bưng cái áo tể lên trước mặt. Lão Đợ cũng không nhận ra ông từ Hoả vẫn đi sau lưng.

Đã ra tới đầu ao làng tối om. Nhưng con đường này, tảng đá, hòn gạch bờ bụi các người đi cả đời đã thuộc nhãn.

Hai người say vẫn đi. Rồi lão Đợ giơ cái áo nâng lên ngang mặt, đưa cho ông từ Hoa.

Rồi lão Đợ quay về tay không. Hai ông lão đường đi đường về như đi trong đường mê mà ai cũng về được cả.

Đến ngõ, lão Đợ trông thấy cây rơm, cây rơm là đến nơi rồi. Lão lăn ra ngủ dưới chân cây rơm. Mờ sáng hôm sau, ngoài đình viếng đập cửa chan chất:

- Từ Hoả ơi, từ Hoả!

Ông từ Hoả mắt nhắm mắt mở ra mở cửa. Nhòm ra, lão Đợ cái mặt rượu bây giờ nhọt nhọt bệch ra. Lão Đợ lơ lảo thì thào.

- Mất cái áo tể rồi. Lạy thánh mớ bái hay là quân ngài lấy tôi gọi thẳng Nhôn hết hơi. Mất cái áo tể mất...

Ông từ Hoả lẳng lặng vào, lão Đợ bước theo đến chỗ cái mái vẩy chỗ cái sân đất bên hậu cung. Ở mảng sáng chỗ sợi mây chằng ra, cái áo thụng vừa được ông từ phơi lên, nước còn nhỏ giọt. Lão Đợ quỳ xuống vái cái áo tể. Ông từ Hoả nói như phân trần, lại như phàn nàn:

- Dốt dãi cả ra áo phải giặt ngay, không có thì phải tội chết.

Lão Đợ thở dài thượt một cái:

- Thế mà lo sốt vó từ gà gáy.

Lão Đợ dừng dưng bước ra, lão nói:

- Tôi phải ra sông bảo thẳng Nhôn lấy cái nan xuống địa kiếm mấy “Ông ộp”, hôm nay mới được làm cỗ kị thánh.

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Cây Mía Đỏ:

Nhà nào cũng gói bánh chưng hôm hăm bảy tết. Nồi thịt bò quăn lạt kho chín nục, đã treo lên cột chạn bếp rồi. Những chùm khế đất trên cây nêu reo leng keng trong gió ngoài vườn.

Năm nào bà cũng đi buổi chợ tết cuối năm - có khi hăm chín bắt làm ba mươi, ngày áp Tết thật túi bụi, tất bật. Hầu như chẳng còn việc gì bận bịu đến chợ búa, bà vẫn đi phiên chợ tất niên. Bà đi với cháu. Thằng bé năm nay đã lên tám.

- Bé lon ton đi sắm Tết với bà. - Bà ơi? Bà lại đi mua cỗ ăn Tết à? Bà mua những gì nữa?

Bà nói:

- Không. Bà chỉ còn đi sắm gậy cho cụ. Đường xa mà mưa phùn lầy lội cả ngày thế này các cụ phải có gậy chống mới về kịp ăn cỗ tối ba mươi được Mai đã ba mươi rồi.

Hai bà cháu đã đi đến cây đa đầu làng. Mới hôm nào, giữa trưa nắng hè, những quả đa chín vàng rụng lộp độp, rơi cả xuống đầu. Nhưng không phải tự dưng có quả đa rơi đâu. Trên cao cao kia, những con chim bồ câu đứng len lỏi rúc trong những đám lá đa tìm ăn quả đa chín. Thế mà gió bắc về lúc nào không biết. Cây đa cổ thụ kia đã trơ trọi cả lá chỉ còn nghe tiếng gió à à. Những con quạ phờ phạc trong hốc đa tung cánh bay ra thế là lại đến Tết.

Bà vào hàng mua mía ngay đầu chợ. Cô hàng mía chút khăn vuông kín mít chỉ còn thấy hai con mắt to hỏ, cô đã đặt gánh xuống hai bó mía. Cô cời ra từng cây, dựng đứng ngoài tường. Những cây mía mỗi đốt đỏ lựng màu mận, trên ngọn để búp lại như cái bắp ngô xanh xanh. Rõ là cây mía thờ bán chợ Tết.

- Bà ơi? Bà mua mía làm gì?

- Đã bảo mà. Gậy của các cụ chống, các cụ về ăn Tết.

Bà chọn hai cây mía. Cô bán mía lấy cho bà lão hai cây mía mầm hơn, rồi bó lại. Bà xách đuôi cho cháu vác ngọn mía. Cháu nghênh ngang đi trước. Cái chợ ồn ào đằng sau lưng như không còn gì.

Một quãng xa.

Đã lại về đến gốc đa, gió rét thổi ràn rạt. Chẳng biết vẫn con quạ ban nãy hay những con quạ rét quá vừa ngủ dậy, bấy giờ mới bay ra gió sởn cả lông lên. Bà cháu đã mau chân về đến nhà. Cái mâm chõng làm bàn thờ đã được kê bốn hòn gạch vồ đẩy lên cao. Trên mâm, bên cạnh ống hương, cái mâm bông ngũ quả nhô

ra nải chuối xanh. Nén hương đèn dài khói lơ lửng khắp gian nhà cũng được bố thắp từ sáng sớm.

Cháu đã thuộc mọi việc bày bàn thờ Tết. Cháu vác hai cây mía ra chum nước rửa. Bà thắp một tuần hương nữa rồi xếp cây mía vào bức vách hai bên giường thờ.

Bà ngoảnh ra sân mưa phùn rồi bảo cháu: Các cụ phải đi nhanh mới về kịp giao thừa được chiều ba mươi rồi.

Cháu nhìn lên giường thờ, nói:

- Thế thì các cụ đã có cây mía làm gậy đây rồi.

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Con Cua Tám Cẳng...:

Ông lão đang ngồi lơ mơ. Bỗng thoáng một cái gì đưng dậy ngoài sân đất. A, con cua, con cua bò lổm ngổm dưới bờ ao lên. Lại một con nữa. Hai con cua, cái càng giơ lên ngêu. Ngoài đồng bây giờ chẳng có bóng một con cua. Người ta bỏ cái thuốc sâu, như thuốc mỗi thuốc mọt ấy mà, đến thẳng nhện nước loãng quăng cũng chết mất giống. Những con cua sống sót này ranh ma thế. Nó khôn bằng mấy người già đấy, biết chạy chết vào các ao trong làng.

Ông lão cúi ngăm nghía con cua đồng như chưa trông thấy con cua bao giờ. Cái càng cua hươ lên định quắp. Con cua tám cẳng hai càng, một mai hai mắt rõ ràng con cua. Con cua có tám cẳng, con cua đến lăm chân. Cứ đương bò ngang con cua lại bò dọc, hu riu chẳng chân nào bảo được chân nào. Phải rồi, cho nên người đời mới mắng nhau: Ngang như cua, ngang như cua bò.

Chẳng phải đứa nào đâu xa, bà lão nhà này vẫn nhiec tở, tở chỉ được cái nói ngang, ngang như cua. Chẳng biết bà lão hay lăm bắm về tở như thế từ bao giờ. Ở với nhau cả đời, sao mà cứ ngày lại thấy ra một cái tật, một cái chẳng hay ho ra làm sao. Bà lão bảo lão ngang như cua, lão chỉ thấy cái miệng bà lão nói đối dựng đứng. Nó đi chợ về, nó bảo nó ra bến. Nó ngờ nếu nói là đi chợ thì lão này lại cho là bà lão đi chợ ăn quà. Không biết lão có nghĩ thế không, nhưng lão đoán có phần có khi đúng, không phải lão ngang như cua.

Thế là lão bực, lão dúm một cái. Bà lão ngã ngồi xuống. Nhưng bà lão đã nhồm lên, đẩy ông lão một cái ông lão lăn chiêng ra, hay là ông lão nằm ăn vạ ông lão quờ quạng như con cua bò thế rồi lại rên phê phê như con rắn hổ mang.

Bà lão lập cập bước ra ngõ, nói trống không:

- Đứt đuôi con nòng nọc, đứt đuôi con nòng nọc, từ đây cơm ai người nấy ăn.

Mấy hôm sắp trở trời hay sao, cái mảnh mìn giắt trong bắp chân làm ông lão lại nhức nhối. Ông lão được trợ cấp thương tật, nhưng có đứa bảo đấy là ngày trước tại lão đi vô ý giẫm phải. Không biết mìn ta hay mìn Tây, ông không cãi lại với ai bao giờ. Chỗ ấy là ven đường thẳng Tây qua lại, chỗ nào Tây gài mìn thì đấy là mặt trận, có là du kích cảm tử như tao mới dám ra đấy biết chưa. Bà lão dối thật. Cả ngày hôm sau, cái bếp im ắng. Đúng là bà lão dối thật rồi. Mặc kệ. Có lúc ông lão muốn lên tỉnh chơi với thằng giáo. Nhưng mới nghĩ đến nó, ông lão đã bực mình. Trẻ con bây giờ hỡn. Đời ông, cầm súng cũng có, cầm cuốc cũng có, ông chẳng phải đi học trường thấp đẳng, cao đẳng gì cả. Nhưng cái gì ông cũng biết, cái gì không đúng “quy lát” cũng không qua được mắt ông. Mày cậy mày có đôi ba chữ, mày cũng bảo ông nói

ngang như cua. Mày bảo ông im đi, ông đừng nói nữa. Con nhà lão đầu mà lão thế. Cái con mẹ mày cả đời chỉ biết dựa cột cũng vào hùa với mày. Chúng mày ếch ngồi đáy giếng thì có. Mẹ mày bảo từ giờ mỗi người một niêu. Ông sợ gì. Ông lên nhà thương nhà nước trên huyện ông ở cho mà xem. Ông có số ồm, ông đi bệnh viện lúc nào cũng được. Nhưng mà ông cũng nghĩ dọa chúng nó thôi, có bản cùng mới đến cái chỗ chứa người bệnh, người chết cho nó ồm đau sâu não người ra.

Ông cũng có việc của ông. Đến mùa hanh hao, ông đi mua những cây tre chết dóc. Tre ấy chẳng bán thì cũng dẫn bỏ cho măng mọc, người ta bán như cho không. Ông vác tre về, chặt từng đốt, ngâm bùn phơi rồi chẻ ra vót đũa cả, đũa quấy bánh đúc. Cái tre chết dóc, lại tre cật, trông đôi đũa chưa gác bếp đã muốn mua rồi, mà nhà nào cũng phải có đũa, có đũa cả, chưa dùng đến thì cũng cắm vào rọ cho đẹp bếp, đẹp chạn, cho vẻ nlla phong lưu. Nó là cái đũa cả, đũa đầu họ nhà vua bếp. Ông chỉ vót đũa cả. Cả chợ gọi ông là cụ “đũa cả” ông cười.

Chẳng qua ông lão nghĩ ồn ào thế chứ anh giáo có dám lão, hỗn gì với cụ đầu. Anh giáo chỉ ngượng mỗi cái gì ông cũng bảo ông biết, ai cắt nghĩa ông cũng có ý kiến. Cái radiô, cái truyền hình ấy a, chỉ hơn được là trông thấy cái thằng người chứ nó cũng ở cái galen mà ra. Chỉ được cái không phải dựng cây tre ngoài sân, không lo bị sét đánh, chứ nó cũng eo éo thế thôi, có gì đâu... Hội hè à, ngày trước, ông mà đi hội Lim ấy a, con gái Lim có mà theo ông hàng đàn. Chúng mày bảo tham ô là thế nào, đũa nào cầm tiền trong tay chẳng muốn tiêu, ngày xưa việc vua quan việc thằng Tây cũng vậy thôi. Ông đã bảo mà.., mày thấy tao nói cái gì không đúng. Ông không biết à? ông biết tất... Rồi cả mấy hôm nay không có khói bếp. Cơ mà bà lão bỏ bếp thật. Thế thì ông đi. Ông đi cho mà biết tay cho mà thấy là ông đi đâu cũng được. Nhưng ông không lên nhà anh giáo trên tỉnh. Ông lại lên bệnh viện. Cái số ồm của ông lão và cái chân ông đau, cả hàng huyện người ta đã quen mặt, quen bệnh ông rồi. Từ hôm lên đây lão không nhìn thằng giáo, nó không biết mà về thăm ông đã đành, nhưng cũng không thấy mặt bà lão. Thế là ra sao nhỉ, ông mà có thế nào ở đây, ông mà chết ở đây cho chúng mày trắng mắt ra. Ông lão nói quở mình thế, nhưng mấy hôm nay ông lão cũng e ẩm cái chân thật. Có người thấy ông vắng nhà, hỏi thì bà lão nói: “Ông lão đi ăn cơm hà nước rồi”. “Ông ấy đi ăn cơm tù hay sao mà cơm nhà nước ạ?”. Biết người ta trêu, nhưng bà lão cũng chửi: “Quân này xác nào? Nhà nước mời ông ấy lên trên nhà thương, không phải chuyện đùa đâu” - “À ra thế... Thế thì bà cũng lên huyện ăn cơm nhà thương một thế, tội gì!” – “Ăn cơm nhà thương ghê chết được”.

Bề ngoài thì cứ như thờ ơ, như đủng đỉnh, chả biết ông bà khinh khỉnh với nhau từ bao giờ. Cái lúc còn trẻ chẳng biết thế nào, mà lúc còn trẻ bao nhiêu chuyện, thì nói làm gì. Vả chẳng, ông lão ba hoa cứ ba hoa ông lão vẫn vót đũa bán được tiền, bà lão chỉ để ý có thế. Rồi đôi khi ông lão hay vặc nhau với thằng giáo trên tỉnh về - nhưng thằng giáo mà giảng giải, mà đưa tiền biếu, lão cũng im. Nhiều lần như thế bà lão mới nhận ra quả là ông lão hay nói ba hoa như tướng thế mà cái số ông lão sướng. Ông lão là tướng xó nhà. Nhưng bà lão không như thằng giáo, mà bà lão thấy ông trái mười cũng chẳng biết nói thế nào, bà lão im, bà lão nhin. Cái khó chịu nhau lịm vào trong từ bao giờ.

Ừ cứ để nằm như con gà rù ở đấy vài hôm cho bớt rác tai. Bà lão bảo thế, nghĩ thế nhưng rồi cũng sốt ruột. Buổi chợ hôm ấy có người dưới bãi đem lên chợ bán cái mía bãi mềm và ngọt. Bà lão mua hai cây.

Chốc nữa tan chợ, tạt sang bệnh viện.

Bấy giờ ông lão vẫn đứng nhìn con cua ở ngoài sân. Ông đi bắt cua từ thuở bé, mà cũng không bao giờ tẩn mẩn nhìn con cua như hôm nay. Những cái chân cua, càng cua lú, rú xô ngang đằng này, xô dọc đằng kia, tám cái mỗi cái một phách làm cho cái mai cua cứ xoay ngang xoay dọc. Buồn cười đấy Nhưng mà cái thăng giảo bảo ông ngang như cua thì không được. Con cua là con cua, con cua bò ngang con cua bò dọc, thì nó là con cua chứ nó có phải là ông đâu.

Ông lão đã ra ngoài thềm, ngồi xuống, tay cầm cái túi nilông. Con cua bò nghênh càng lên định cắn, ông lão chộp chộp..., hai ngón tay nhón xuống, nhấc mai con cua, ông lão thấy ông vẫn nhanh vẫn thạo chẳng khác ngày trước đi bắt cua ngoài đồng. Ông lão đã nhón được mấy con cua bỏ vào túi. Những chân cua quào quào trong cái giấy bóng mà không leo lên được. Còn ở khe gạch thập thò mấy con cua nữa. Ông nhấc gạch bắt nốt. Chốc nữa, ông xuống nhà bếp. Hái vài cái rau dền cơm, thế là được bát canh cua ngọt. Hay là đem nướng ăn chơi, cua nướng chấm muối nhắm rượu, nghe cũng được đấy

Bên kia bờ ao, thoáng bóng người đi vào. Hình như trên tỉnh người ta sắp về khám, cho nên nhà thương đã đuổi không cho đám người nhà thối cơm ngoài hiên, lại che mắt cán bộ đem chậu vôi quét trắng nham nhở lên những góc tường ám khói bếp. Thôi, nghỉ tay cái đã. Ngộ nhớ các cô y tá vào, thấy ông bắt cua phê bình ông “đau chân mà đi bắt cua, cụ khỏi rồi ạ” rồi bảo ông bác sĩ cho ông đem sổ ốm về thì rầy rà. Ồi, mà cũng phải ngả dưng. Chỉ cúi xuống nhặt con cua mà cái sống lưng đã lục cục tê tê như bị ai dấn xuống.

Ông lão nghiêng đầu nhìn ra. Người nào lù rù đi vào như cái bà lão đụn rạ nhà mình. Không, không phải. Nhận ra người nào, nhận ra ai rồi. Cái bà lão ngày trước ở dưới bãi đây mà, chỉ thoang thoáng cũng nhận nhau ngay. Thuở con gái, ả này mê mình, mê tôi, đã thề không lấy được nhau thì nhảy xuống sông trầm mình, thì uống dấm thanh thuốc phiện mà chết. Thế rồi mỗi người lại đi một ngả. Cho đến bây giờ, dường như đã quên nhau. Bây giờ làm sao lại biết ta ở đây mà mò vào. Vào đây có việc hay là bà lão thăm ai, nhưng mà ông lão cứ bỗng nhiên thấy mình như ngày xưa, như ngày xưa. Đẳng ấy biết tớ ở đây, ư, gái phải hơi trai như thái lài gặp cứt chó, đi đâu cũng đánh hơi được Thánh thiên tử thật. Mà đã bao nhiêu năm nay ai biết ai thế nào, nó đi lấy chồng xa tận đâu, tít tận đâu chẳng biết. Ông lại càng thấy ông đương trở về ngày trước. Mà đến chấp chơi tao.

Thế đấy... Thế đấy...

Bà lão đã bước lên thềm.

- Ông đấy à?

Bà lão cất tiếng trước. Ông lão làm như bây giờ mới nhìn ra và im lặng, ông lão thật thấy bà lão nhưng bởi vì cái giọng rề rề của người già lại làm cho cái thuở trẻ mơ hồ kia nhàn nhạt đi. Không phải cái bà lão rồi... Bà lão lại kêu lên trước:

- Ôi giời ôi? Sao lại hom hem mỡ ra thế kia?

Tiên sư con quạ mỡ, ông chúa ghét cái đứa độc miệng. Đã kêu giời, lại rửa hom hem mỡ ra là thế nào. Ông lão bực mình, ông lão lăm lì không hỏi lại một câu. Ông cảm như thóc. Nhưng bà lão dường như thương hại ông gầy yếu quá, bà lão tần ngần ngồi ngay xuống đầu giường.

- Ông ốm đến thế cơ à?

Ông lão lại cúi nữa. Bà lão nói:

- Tưởng ông đi đông đi tây ông lên xe xuống ngựa thế nào chứ ông lại co quắp mốc meo thế này à?

Con mẹ này nói đến thế thì ngu quá. Thôi chấp gì cái đứa lú lẫn đến nỗi cái lưng còng như con rùa cả đời nằm trong xó luồn bắt muỗi thế kia mà. Nhớ rồi, con này ngày ấy là cái đứa ăn nói ba toác, bạ gì nói đấy. Đàn bà ti hí mắt lơ, chúa ở, chỉ khỏe nhìn trộm. Bây giờ mà cái quần vẫn bê bết bùn như lội dưới ao lên. Cái đũng sút chỉ xuống đến đầu gối mà vẫn để toác tè he như thế. Mà mới là con mẹ mỡ già, mà mới là con mẹ sắp xuống lỗ.

Nghĩ thế, tưởng như đã hả, lão ra ý thương hại. Lão dịu giọng hỏi:

- Làm sao biết ở đây mà vào?

Bà lão cười nhe hai cái lợi nhọt nhạt chẳng còn chiếc răng nào. Ông lão cúi mặt, ghê cả người, không nhìn.

Thì bà lão nói nhỏ:

- Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo... Nói đùa chứ, nghe ở ngoài chợ họ rửa cái lão “đũa cả” lên nằm nhà thương rồi.

Ở ngoài chợ cũng phải đồn về tở. Ông lão khoái bởi cái câu bà lão nói, nhưng ông chỉ thích nghe ra cái nửa câu nỉ non véo von Yêu nhau tam tứ núi... ông lại hỏi khe khẽ, đã nhãng những khó chịu từ nãy.

- Người ta nói láo thế à?

- Chúng nó còn bảo nhà lão ấy bây giờ hai niêu. Thế mà lão cứ bốc vụng cơm, bà lão tức không thối nữa. Đói quá phải lên xin cơm nhà nước. Nghe thế cũng chạnh lòng, thử tạt vào xem thế nào?

Hai tiếng “chạnh lòng” làm cho ông lão nghĩ lại cái đời mình, cũng thấy ngậm ngùi, ông quên cả những lời đồn ác. Nhưng ông lại tỏ ra cứng cựa ngay. Ông hét:

- Xà! Mồm thiên hạ như cái đít trẻ con?

- Năm chong gọng một xó thế này để người ta bêu xấu oan đấy?

Ông lão không nói gì nữa. Chẳng nhẽ lại đi cãi nhau với cái đứa lảm lờn này. Bây giờ ông mới tần mẩn nhìn mặt bà lão, hai hàm răng rụng tiệt, cái cằm móp dẹt lại, trông như mặt con tườu. Ông lão nhớ ông có cái thú thỉnh thoảng ông ngồi đếm tay xem ngày trước đã có bao nhiêu đứa con gái mê ông, lần nào cũng đếm lẫn, ông thích đếm lẫn. Nhưng mà tở phải cái tính dễ tặc Lười, gái nào cắn câu cũng tặc lười. Chứ người như con khỉ con tườu thế kia, đâu đã đáng lọt vào đuôi mắt, thì lão phải lòng phải bẽ nổi gì. Trong khi lão rửa thềm, lão chê bà lão thì bà lão thở dài:

- Ngỡ những thế nào rồi mà bây giờ ngồi vót đũa...

- Xà Mày thì..., mày thì... Câm đi

- Ờ, cái gì sột soạt... Cái gói kia, cái gói gì đấy>

Ông lão nhìn chiếc túi nilông treo trên đầu giường ngay bên chân bà lão. Ông nói ơ hờ:

- Mấy con cua...

- Đồng áng nước trong như mắt mèo thế này mà bắt được cua, giỏi nhỉ?

- Mày thì biết gì! Cua thằng chủ nhiệm biếu... Người ta biếu?

- Thì vườn!

Ông định nói có ăn cua thì mang về. Mỗi con cua bây giờ cũng bạc trăm, mà phải lên chợ, chứ ra bến đâu dễ đã chuốc được. Ông lão định bảo bà lão thế, bởi ông lại nhớ cái tính ông huếch, ngày trước hay đi bẫy con gáy, có khi vác cần đi câu được con cá con chim lại đem cho các cô nhân ngãi. Ôi chao, bây giờ thì ông nói: Của thằng chủ tịch, thằng chủ nhiệm.., nghe cũng oai oai.

Bà lão nói: “Vào cữ này cua đồng ngọt thịt. Ngày trước, chỗ cánh ruộng nào cũng ối cua...”. Ông đương nói: “Này có...” thì có một bà lão xách hai cây mía, tò tò vào. Bà lão ở trong vắn ngồi vắt chân lên đầu giường. Ôi chao, mắt toét nhoèn mắt quáng gà hay sao.

Bà lão kia chống hai cây mía đứng ngoài hiên. Rồi nói vào như quát:

- Có nuôi được nhau thì đem nhau về.

Rồi vác hai cây mía, cung cúc đi ra. Ngoài cổng, các cô y tá ở ngoài chợ về, thấy bà lão đi xăm xăm, nước mắt nước mũi giàn giụa. Các cô hỏi:

- Cái gì hả bà? Ông ấy làm sao, hả bà?

Bà lão đứng xững lại, không nói. Mấy cô hốt hoảng chạy vào, xem ông lão làm sao.

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Đón Giao Thừa:

Chẳng nhớ đã mấy năm qua, mùa nước năm ấy đương nửa đêm, sóng ngoạm cả cái xóm bãi xuống sông. May, người còn chạy kịp. Thế là cái xóm tan tác, nhà thì phiêu bạt, nhưng vẫn có người còn bám vào mặt nước. Vợ chồng nhà ấy ôm đứa con đỏ đem nhau xuống ở thuyền. Từ cái đêm nước lên khủng khiếp ấy thế mà chốc đã ba mặt con, ba con vịt giòi. Mới chỉ có cái Gái đỡ đàn được, hai nhóc ba năm đôi kia thì mới chỉ biết ăn chưa biết gì.

Mấy năm gần đây, cá mú trong sông biến đâu vẫn cả. Có hôm bơi lên đến cửa sông Hát, cả buổi mò mẫm chỉ kéo được mấy con thồn bơn. Rồi cái chợ Long Biên mọc lên ngay bên chân cầu Cửa chìm của nổi các tỉnh xuôi về thành phố lên đậu cả vào chợ. Thì thuở xưa xa đã là vậy. Bởi thế mấy cái phố mép sông mới có tên từ thuở nào là Hàng Khoai, Hàng Đậu, Hàng Nâu và các chợ Gạo, cái bến Nứa mới trên bến dưới thuyền.

Nay vẫn thế. Cửa rừng đổ về, con người kiếm cái ăn quanh công việc vận chuyển đó. Sông Đà, sông Lô vào sông Thao xuống sông Hồng, rừng đồi đưa các thức về đồng bằng. Sắn khoai, trứng gà, buồng chuối, sọt dừa, xa nữa đến mùa có muỗm châu Yên, mận Bắc Hà và những bè gỗ, bè vầu. Nhưng mà nhà mình xác xơ, chỉ trông thấy của người ta.

Chồng bảo vợ:

- Nhà nó này, tôi lên chợ Phương kiếm cái Tết.

Hôm trước, vợ chồng đã bàn chuyển này lên chợ Phương Lâm tải củ mài về bán. Tết nhất người ta ngán mỡ, chè củ mài hần dặt hàng. Ở nhà, mẹ con cái Gái lại như mọi ngày lội xuống bãi đón thuyền, những lái thuyền vào thuê người vác, người đội, người xách hàng lên chợ. Những cuộn lá dong thì vác vai, những giỏ trứng và bu gà thì công. Có những cái thùng nhôm, thùng thiếc bọc lá chuối khô, chẳng biết là sơn ta hay thùng mỡ, chủ hàng mặc cả quấy một lèo không được đỡ.

Chập tối, vẫn chưa thấy mẹ và chị Gái về. Hai đứa thức dậy, khóc váng một lúc rồi mồm rồi im. Trông lên, ánh điện trên đường đã sáng viền suốt thành đê và trên cầu. Không rõ tiếng nước vỗ óc ách hay tiếng chân người lội. Những cái thuyền to mọi đêm vẫn về đậu trong bóng cầu, bây giờ mờ mịt đã lẫn vào bóng tối. Có lẽ tiếng người, hình như chân mẹ. Nhưng sao mãi không thấy vào. Hay là cứ mong thì tưởng ra như thế. Lúc sau tối hẳn, mẹ và chị mới lên đến chân cầu thật. Nghe tiếng khoả chân nước róc rách.

Đêm ba mươi, ở cái bến chân cầu cũng chẳng khác mọi khi tối om. Lúc nào cũng chỉ nghe tiếng nước nói thì ào. Các thuyền đã đi ngủ cả rồi. Mùi hương ở thuyền nhà ai cũng thơm ngát trong gió heo rào rạt. Ba

đứa trẻ vẫn ngồi nhòm sáng điện ở lưng đê hắt xuống. Mẹ bảo:

- Chúng mày ngủ đi chứ.

Cái Gái nói:

- Còn đợi xem pháo bông giao thừa.

Mẹ dỗ:

- Nằm xuống cho ấm chỗ. Lúc nào có pháo bông tao gọi.

Hai đứa em thì nói một câu mọi tối vẫn nói:

- Đợi bố về mới đi ngủ chứ.

Vừa hay, một ánh đuốc lóe lên chân cầu. Rồi trông thấy bóng bố cao cao đi chập chờn tới.

Lũ trẻ đứng cả lên reo to.

Bố hỏi như quát:

- Chưa đứa nào ngủ à?

Lũ trẻ tranh nhau nói:

- Đợi bố! Đợi bố về!

Bố cầm đóm đuốc, buông bịch một buộc sấn xuống đất. Minh bố bóng nhoáng không biết là quần áo ướt hay là bùn ướt.

Bố nói:

- Chẳng mua được chó gì. May quá, được người ta thuê chở đá. Neo dưới bến rồi, đến mừng hai tốt ngày người ta mới ra lấy bấy giờ mới trả công mở hàng nhân thế.

Người vợ làu bàu:

- Nhỡ cái...

- Chẳng nhỡ gì cả. Đá là của mình, mình giữ trên bến rồi.

Bọn trẻ con ngờ bố chở đá uống nước đá, có đứa thít lên tưởng tượng làm vẻ ghê rợn. Mẹ chúng nó đã biết đấy là những tảng đá người ta tải trên ngược về bày ở ngoài chợ Long Biên, để bán cho người chơi

cây cảnh.

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Gấu Đi Chơi:

Theo thống kê của các cơ quan có trách nhiệm, cho đến tháng 12- 2000 ở Hà Nội có 697 con gấu nuôi trong nhà. Cách đây 3 năm (1997) mới có 62 con.

(Tin các báo)

Bé tha thần chơi trong phòng một mình. Bé đương xếp các thứ để bày cỗ. Mẹ bảo Bé bày cỗ đón năm mới, cũng như bày cỗ tết trung thu ấy mà. Bàn vuông trên cao, phủ khăn hoa. Có quả bông tròn xoe, vàng hây to tướng đặt giữa, hai hộp súc cù là giấy bóng vàng nhấp nhánh và bao thứ màu xanh đỏ vui vui. Giá có các bạn đến chơi bày cỗ thì hay biết mấy. Hình như có tiếng bước nhè nhẹ. Bé ngẩng đầu nhìn ra. Bé không kịp giật mình. Một chú gấu lừng lững vào. Con gấu đã trông thấy trong chuồng trần song sắt ở vườn Thủ Lệ. Con gấu đen sì, lông xồm xoàm to ngang cánh phản gần vừa cái cửa. Gấu đã trông thấy Bé, gấu bèn đứng hai chân lên. Gấu ra điệu hai chân ve vẩy như hai tay người đi làm dáng.

Bé hốt hoảng. Bé lấy hai bàn tay bịt mặt.

Gấu nói:

- Đừng sợ tớ. Gấu đây mà.

Bé hé mắt trong kẽ tay. Gấu lại nói, như phân trần:

- Tớ to con thế này nhưng chưa bằng tuổi ấy đâu Tớ mới được lên ba, chẳng ấy thì đã lên tám rồi chứ chẳng chơi.

Bé đã bạo dạn hơn:

- Tớ lên bảy.

Gấu cười he he:

- Thế thì ấy là anh tớ rồi.

Từ lúc nào, Bé đã hết sợ, lại như Bé đương mong bạn đến chơi thì bạn đến. Bé hỏi:

- Đẳng ấy ở vườn Thủ Lệ về đây à?

Gấu xua một tay.

- Kém quan sát. Kém quá. Không, không, tớ là hàng xóm ấy thôi.
- Sao tôi không biết nhỉ?
- Không biết cũng là phải. Lão chủ cũi tớ ở trong buồng cả ngày cả đêm.
- Làm thế nào mà lần sang được đây?

Gấu nhe hai hàm răng trắng tênh cười khé khé.

- Người ta nhớ đến thế nào thì cũng có lúc quên chứ. Lão chủ vội đi, quên cài then. Thế là tớ đẩy then chuồng, vượt cái khoá xuống đất, tớ đi chơi. Hai đứa dần dần trò chuyện rôm rả.

Bé hỏi:

- Đẳng ấy cứ bị cùm thế thì cuồng căng lắm nhỉ?

Gấu kể:

- Lâu lâu lão ta lại giơ lên cái kim thực dài. Tớ chẳng có tội gì mà lão điên ấy cũng đâm tớ. Tớ vừa giơ tay định gạt cái kim thì tớ đã ngã lăn ra nằm mê luôn.

- Lạ nhỉ?

- Không lạ đâu. Người ta bảo đấy là lão đánh thuốc mê để chọc kim vào bụng tớ lấy mật của tớ. Tớ chẳng biết gì cả, mà cũng không thấy đau. Đến lúc tỉnh dậy, thấy lão cười cười, tay cầm một túi khẩu mía. Lão ta bảo: ăn đi, ăn đi, ăn tẩm bổ. Mía cũng ngọt thật tớ nuốt cả bã. Lúc nào tớ cũng đói.

- Quả trên bàn kia là quả gì mà to thế?
- Quả bông để bày cỗ tết.
- Cho tớ nhé. Tớ chén hết quả bông ngay.
- Hôm nay là ba mươi, ăn bánh chưng trước đã. Mẹ bảo thế.

Gấu lắc đầu:

- Tớ ăn bánh chưng rồi. Nhai dính răng bỏ mẹ!

Bé như chợt nhớ ra:

- À tôi cho đẳng ấy cái này. Đẳng ấy đã biết kẹo súc cù là chưa?

- Chưa biết.

- Các bạn tôi đều thích súc cù là ghê?

Bé quay vào bàn, lấy một miếng súc cù là nâu bóng nhoáng. Bé đặt súc cù là vào cái đĩa, chìa ra phía Gấu:

- Ném thử xem.

Gấu cúi xuống, thè lưỡi, nuốt chửng một phát cả miếng súc cù là. Rồi Gấu ngẩng mõm, hai con mắt hấp háy như thèm ăn nữa.

Bé hỏi:

- Ngon không?

Gấu kêu to:

- Ngon quá! Ngon quá! Ngon hơn mật ong trên rừng. Cho tớ miếng nữa.

- Chốc nữa, mẹ tôi về, tôi xin cho.

Thế thì tớ nằm đây đợi mẹ ấy.

Lúc ấy, ngoài cửa có tiếng chân người rậm rịch. Rồi nhiều người chạy ra.

Lao xao tiếng kêu: “Con gấu chạy đi đâu rồi? Có ai trông thấy con gấu nhà tôi không?”

Người ngoài đường nhốn nháo cứ vừa xúm xít lại vừa tản ra, ai cũng rối rít, hốt hoảng. Nó mà gặp, nó mà vồ, nó mà tát cho một cái thì chết cả. Con gấu nhà đứa nào xỏ ra thế. Phố phường cũng hoá ra đường rừng rồi. Đồi bên hàng phố đóng cửa rào rào. Phút chốc, suốt dọc phố vắng tanh. Bé nhìn Gấu:

- Người ta đang đi tìm mày đấy. Về đi.

- Tớ còn đợi ấy xin mẹ cho tớ miếng súc cù là.

Bé nói ngẩn ngơ:

- Người ta sắp vào lô ấy về.

Gấu cười nhe hàm răng trắng phau.

- Chẳng sợ. Vào đây, cứ vào, có đứa nào chịu nổi cái tay bàn vả của tớ không. Tớ mà tát một cái thì bật má.

Thong thả, Gấu khoanh hai chân trước, nằm kề mõm lên. Hai con mắt Gấu lim dim, lúc ngược lên nhìn Bé, lúc lúc lại nhìn ra cửa. Vẻ tình nghịch, Gấu chờ mẹ Bé về.

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Kỷ Niệm Chim Gáy:

Ngày trước, chỗ này vắng hoe, hoang vắng từ bao giờ hay nghìn xưa vẫn thế, không rõ. Con chích chòe bay vào bên bờ ao cạn, chim nhảy một cái, rún đuôi, hót một tiếng chòe ngân nga giữa buổi chiều lặng im. Con được gọi con mái về tổ. Chích chòe thịt gầy, mà tanh. Nhưng bấy được đem chợ bán cũng có người mua chơi. Chích chòe khó nuôi, có khi rĩa ăn con châu chấu cũng ghen đứt hơi. Đợi phiên chợ, lắm khi chim đã toi bấy đời.

Con chim gáy, con gáy béo nùng nục, chim mùa tháng mười bay vào, là là giữa vòm tre. Ngon mắt quá. Tôi cũng sành bẫy chim gáy. Lại hay nghĩ đùa một mình: sao chỉ có con gáy được mắc bẫy, con mồi cũng được rửa, con đàn bà mượn tay ta hại ta. Còn tao lừa cả hai, thẳng vào tròng thì bây giờ già rồi tao mới nhớ ra tội tao.

Tôi vót nan, đeo cột đem gác bếp làm chiếc lồng quả vả. Cái lưới dây đay căng trước nan lồng trên cành chuối - Ở trong Nam, cái cầu máy chém này là lưng tàu lá dừa.

Con mồi trong lồng cất giọng, tiếng gọi con cái. Một thằng nhào tới, đậu xuống cái cầu định mệnh, thò ngay mỏ vào đâm tình địch. Lưới bủa xuống, thằng ấy ngã ngửa, giãy lùng nhùng trong lưới. Tôi bóp cái thẩn. Cánh đồng đương gặt, lắm thóc rơi rụng, đuôi về con gáy nào cũng nần nẫn. Tôi vật lông, nướng chim ở vườn tre bên gốc những cây chàng ràng. Con nào ra mẽ, đầu tím, cổ cườm, về tài tử gáy hay, tôi bỏ vào lồng đợi phiên đem lên chợ bán.

Tôi đã sang tuổi thôi chơi nhặt hạt chàng ràng vờ làm tiền. Tôi biết bẫy chim có tiền thật. Lại hay nghĩ ngợi lằng bằng về anh chàng, chị chàng chim gáy. Tôi cũng như chim và tôi cũng có con mái. Khoảng vườn hoang này cũng là cái cội của tôi, trong Nam gọi nơi thanh vắng chim gáy hú hí nhau gọi là cội. Cái Răm thường ngày vào quét lá tre về đun bếp. Bố nó nói đặt tên Dăm là có ý ước ao lúc nào trong thắt lưng cũng rung rinh dăm ba đồng xèng sai nó đi mua cút rượu, nhưng những quân chết tiết cứ réo cái Răm, cái Răm. Bọn rồi miệng lại tán: “Cái rau răm hạ hoả. Nhà chùa thì phải hái răm ăn đêm, chứ ở đời có miếng dồi chó lại kiêng thì có mà đại hơn con chó. Nhưng cái con Răm này thì ăn lại ngon, thế mới chết!”.

Cái Răm có hai con mắt lá răm, đuôi mắt dài ươn ướt, nhìn ai cứ như sắp tứa nước ra. Tôi chẳng tha, nó vương bẫy cò ke tôi rồi. Nhưng tôi lại mất của về nó. Răm thích chén thịt chim gáy nướng. Tôi sĩ diện, có hôm không bẫy được, tôi đã đem ra cả con gáy ở nhà định đợi bán chợ. Răm nhanh tay vật lông chim, mổ moi. Tôi trở tài nướng chim cả con trên đồng than que củi nó vừa kiếm được một bó. Ngày ấy, tôi chưa biết mùi rượu. Mà chỉ nhá thịt chim gáy cũng say. Tôi nhìn cái Răm ăn như đũa chết đói, con mắt lá răm long lanh đầm đìa lên thế kia thì tôi phải say rồi.

Tổn mỗi thế mà nào có ăn thua. Cuối năm, Rằm lấy chồng. Một thằng ở làng trên chài được nó. Chẳng biết người mỗi lái hay gặp nhau ở phiên chợ, ở hội hè, ở bờ bụi nào. Thằng ấy làm vat man tàu điện. Làng tôi lam lũ thế này thì thằng vat man lái tàu, thằng sơ vợ bán vé tàu được tiếng đi làm việc Tây ngoài kẻ chợ, có lĩnh lương tháng, có ngày chủ nhật nghỉ, tôi sao địch nổi.

Nghề canh củi làng tôi long đong quá. Tơ Tàu bên Hồng Kông không bán sang nữa, mà tơ tằm thì chết đã lâu. Xưa rày, lưa Hà Đông lái vẫn buôn vào Sài Gòn, bây giờ đường xe lửa bị nhà binh Pháp rồi Nhật sung công. Người làng bỏ đi cao su đất đỏ, sang tận xưởng dệt ở Kampôt bên Cao Miên. Nhiều người chẳng bao giờ về.

Tôi cũng bơ vợ đi. Thoạt đầu vào Sài Gòn. Có người mách trên Bến Cát mới mở Sở Củi đang cần nhiều người vào rừng hạ cây, đốt lò, tải than ra sông xuôi Sài Gòn. Tôi lên Bến Cát, xin được một chân chấm công. Ngày ngày cắp rổ vào rừng, ra các lò than, xuống bến điểm công cho cu li làm cả ngày, nửa ngày, làm đêm.

Xảy ra một chuyện không may chẳng bận gì đến công việc. Ông Tây chủ Sở Củi, lão già bao nhiêu tuổi không đoán được. Đầu tóc, râu xồm tua tủa tro kín mặt, nhô ra cái mũi nhọn hoắt, đỏ tím. Lúc nào lão cũng kè kè bình toong rượu. Đến khuya, lão xuống nhà dưới chỗ tôi nằm. Lão dựng tôi dậy, kéo tụt quần tôi. Tôi khiếp quá, đẩy lão, biến ra rừng. Sáng hôm sau đã thấy lão ngồi bàn giấy, cái bình toong để trước mặt. Lão đưa quyển sổ chấm công, lão không nhìn tôi, như không phải con dê đêm qua.

Tôi vẫn công việc như thường ngày nhưng đêm đến lại bị lão mò xuống. Tôi lại chạy vào rừng. Hôm sau, lại như mọi ngày bình thường, khi lão cầm củi sổ sách, khi lão cầm gậy hò hét, đuổi đánh cu li. Và vẫn thản nhiên đưa tôi quyển sổ chấm công. Mấy đêm tôi phải ngồi gốc cây, không dám chớp mắt. Sương rơi xuống lá khô tí tách như hạt mưa, như tiếng con thú, con rắn đương ngoằng tới. Có thể, con sói, con beo rình tha tôi đi.

Tôi ra ngủ nhờ nhà thằng Gạc Rang dưới bến. Gạc Rang hàng ngày chạy thư trên huyện về xã. Ở làng tôi người trạm trảng thường được gọi tôn lên là bác Đội trạm. Đây gọi là gì, nhưng chắc Gạc Rang không phải tên người, không phải tên việc phát thư. Có lẽ trước kia nó gác rừng trên Dầu Tiếng, còn lại cái tên “Gạc Rang” hay là tên gốc Miên thế. Gạc Rang cao lớn, mắt lồi đen như củ gừng. Gạc Rang ở một mình. Một gian nhà che ván như lều chợ. Gạc Rang đeo cái túi dết bao bố, khi cỡi trần đi chân không.

Tôi ngủ đêm yên tĩnh ở nhà Gạc Rang, hôm sau vào bàn giấy, lão râu xồm chủ sở lại đưa cho quyển sổ chấm công cu li. Cuối tuần lĩnh lương, ngày ngày uể oải triền miên thế.

Một buổi, tôi vào cửa, lão đứng dậy. Lão hếch râu thở phì phì rồi giơ cái gậy song lên, hét một câu tiếng ta thật sôi:

- Mày vô, tao đập bể sọ, nghe không?

Trong bàn giấy, một người ló ra. Dáng hăn lão đã mộ thẳng này thay tôi. Mặt nó búng beo, không biết cái mặt bệnh ngã nước hay thẳng này bị lão Tây hành cho đến xanh rớt như thế.

Gạc Rang bảo: Thầy ở xứ xa đến, không biết thôi. Vùng này đã khiếp vía thẳng Tây dụ khị.

Gạc Rang thật tốt bụng. Có tôi, Gạc Rang hay thối cơm ở nhà. Tôi chỉ còn vài đồng bạc trong túi nhưng Gạc Rang cũng không bao giờ hỏi tiền. Mấy hòn đá bắc làm ông đầu rau, cái “tay cầm” đất nung... Gạc Rang xách về một ôm bánh mỳ, có hôm ăn trừ bữa cả túi quả bơ, vú sữa.

Tôi nằm khàn cả ngày xem kiến bò, đếm đi đếm lại, tai nghe tiếng chim bay, chim hót. Dưới sông tiếng người í ới qua đò bến Cùi. Đứng trông thấy chỏm núi Bà Đen, từ đây lên Tây Ninh rậm rạp, toàn đồn điền cao su. Rừng cao su dày lá, bí hơi, cỏ cũng không mọc được quanh gốc, chim chóc lạc vào thì chết ngạt trong vòm âm u. Thành thử, các dải ven sông Sài Gòn, những rừng tre, cây dừa, cây capốc và mặt nước thành thơi, bao nhiêu thứ chim ra tụ hội nhảy nhót tưng bừng. Tiếng chim gáy, chim gù, giọng chuông, giọng thổ ngân rền tới ngày. Tôi bỗng động lòng, bảo Gạc Rang:

- Chim gáy nướng, ăn ngon lắm.

Gạc Rang hỏi: Khoái gác cu à?

- Ngoài quê tôi bắt chim gáy được cái ăn lại bán được tiền.

Gạc Rang cười hềnh hếch: ở đây mà mần nghề gác cu đất.

Gạc Rang xin ở đâu về mọi đồ nghề bắt chim. Một chiếc lồng gậy nan, cái nẹp gác bếp đã lên nước hồ bóng. Thoáng trông con cu môi tôi đã ưng. Vừa đặt lồng, chim đã gật gù: cuc cu... cuc cu... Trong tôi như còn hơi hương bóng vía cu đực, thẳng môi gáy khích nhau chắc? Thế là, cũng chẳng khác quê tôi, dầu cho lạ nước lạ cái, xa xôi đường đất, tôi đã quen ngay, tôi gánh chiếc lồng bắt cu ra rừng tìm cội, nơi có chim đôi tụ tập. Cửa lụp mở sẵn, tôi gác lên đầu tàu dừa, mỗi sổng lá thành hai cái cầu tự nhiên.

Cu môi cất tiếng. Lập tức, nghe cánh chim liệng tới. Con cu đực đi đánh nhau đậu xuống kèo, xù lông cổ, dang hai cánh, cà mỏ, xông vào cửa lụp. Khốn nạn, chưa được mỏ nào đã nằm chổng gọng trong lưới.

Mỗi hôm, tôi quảy về cả chục con cu đất mập ú. Gạc Rang cũng khéo nướng. Gạc Rang giã lá sả với muối ớt hiểm, lại có nước mắm một tĩn ướp thơm rồi cặp cả con lên cái vỉ thép. Củi than hồng rực, mơ cu xèo xèo vàng nhẫy chảy xuống, than càng đượm. Gạc Rang còn ngắt về cả một đồng ớt hiểm. Mỗi miếng thịt nhai kèm quả ớt, cay xé lưỡi, ăn ngon lành. Chúng tôi chén cu đất nướng đều đều, nhiều hôm khỏi thối cơm.

Có lẽ số phận đã bày ra thế, khi tôi có thịt chim gáy ăn thì lại có đàn bà mò đến ám ảnh, gỡ gạc. Cái con Rằm ở quê lại hiện ra. Ở Bến Cùi này, nó là con Bảnh. Bảnh chờ đò dưới Bến, cách lều Gạc Rang mấy bước chân. Mọi khi, đôi lúc rồi, Bảnh ghé vào. Hồi này có thịt cu đất hôm nào Gạc Rang cũng gọi Bảnh

lên.

Bên kia Bến Cui vẫn rừng thưa, nửa ngày đường xe thổ mộ mới ra tới Trảng Bàng, chợ huyện Bến Cát lại ở bên này, có hôm cả buổi chỉ một chuyến đò sang. Cái Bảnh vào xin than trong lò của Sở Cui lên ngồi chầu quanh chiếc vỉ nướng chim.

Gạc Rang nói ghẹo Bảnh: Rồi cho con nhỏ này theo thầy Huế ra Bắc đi gác cu.

Cái Bảnh cười, má phúng phính. May mà bấy được nhiều, lúc nào cũng có cả chục con gáy trói căng treo trên mái. Bảnh ăn tốn hơn cả hai chúng tôi. Thịt nướng vĩa dầm nước mắm, nó nhá cả xương cứ răng rắc như con beo xé thịt nai, thịt hươu. Từ hôm có Bảnh ở Bến lên ăn cu nướng, tôi lại thấy say say, thịt chim mà say như rượu. Tôi mơ màng nhìn đôi má bầu bĩnh đỏ dần lên của Bảnh. Nó đã no nê, nó vươn tay nhấc cái bê chèo. Trong ống tay áo cộc, nách nó mây mây, trắng trắng, tròn tròn. Có khách đâu mà Bảnh xuống Bến. Đồ chừng no rồi ả cũng say, ả xuống nằm ngủ dưới đò.

Gạc Rang nheo mắt: Tối nay cho thầy Huế xuống Bến ngủ với con Bảnh, nghe không!

Nhưng lẽ nào tôi lại ở đây vui đời đi bẫy chim gáy. Tôi đã gặp những người phu cao su xưa quê ngoài Hà đông, Thái Bình đi cu li mộ vào rồi trốn đồn điền. Không có thẻ thân, không dám ra đường cái, đã vào làng ở đợ rồi lấy vợ, có vợ con rồi ở luôn trong làng rừng đã mấy chục năm. Nông nổi tôi rồi cũng thế à? Tôi đi gác cu bị beo vồ, bị bệnh, chết bỏ thân ở xó rừng này?

Hôm tôi đi, Bảnh bỏ buổi đò, lội bộ theo ra tận Trảng Bàng. Tôi nói:

- Anh về Sài Gòn kiếm được việc làm, anh sẽ lên rước em xuống.

Câu hứa vu vơ thế thôi. Những chạy vạy nhốn nháo nơi đô hội thật bộn bề, mà cũng chẳng moi đâu ra việc làm, đến chỗ ở cũng không còn nơi ghé lưng. Thành phố đang kinh hoàng, mỗi hôm lại có máy bay Mỹ đến ném bom. Các phố quanh chợ Bến Thành, ga xe lửa Mỹ đã bị trúng bom, người chết, nhà đổ từng dãy. Chẳng lẽ cứ loanh quanh nơi khủng khiếp thế này? Lần hồi, tôi trở về được quê, nhưng làng tôi cũng đang trong tình cảnh tao loạn, tan tác. Cái vườn tre bị bom chỉ còn lại một gò đất lở lói, những xác người chết đói đem chôn ở đấy. Ai còn sống thì tha phương. Nhiều người bí mật vào Việt Minh đi cướp kho thóc, ra chợ mittinh kêu gọi khởi nghĩa. Tôi vào thành phố theo anh em lập Hội Cứu quốc.

Đôi khi tôi viết thư cho Bảnh. Viết thế, nhưng tôi chẳng bao giờ nghĩ còn trở lại cái Bến Cát, Bến Cui phương trời ấy. Có hôm, nhận được thư, xem dấu bưu điện Bến Cát, đoán thư của Bảnh nhờ ai viết. Chỉ có mấy câu hát cũ, ngâm ngùi:

Rồng chầu ngoài Huế

Ngựa tể Đồng Nai

Nước sông trong chảy lộn sông ngoài

Thương người xa xứ lạc loài đến đây.

Một hôm khác, tôi nhận cái thư, mở phong bì thấy tờ giấy nguệch ngoạc chữ viết liền không dấu. Mấy dòng thật kinh hãi: “Thằng thầy Huế Tây, mày mà viết thơ thọc đ. con Bảnh là vợ tao thì thằng Gạc Rang này ra giết mày không phải hăm mà thiệt đó”.

Hơn ba mươi năm sau, tôi trở lại Sài Gòn. Không còn một quang cảnh, một tâm trạng thế nào giống thời ấy nữa, cả tôi và cả thành phố.

Một hôm tôi đi đám cưới với Đoàn Minh Tuấn tại nhà một người bà con anh trong Chợ Lớn. Ăn cỗ, ngồi cạnh một ông bộ đội đứng tuổi đã ngót bốn mươi năm đi đánh Pháp, đánh Mỹ, đi nhiệm vụ quốc tế. Chân tóc người lính Nguyên Phong đã lưa thưa bạc trắng. Ông không chơi chim, nhưng kể rạch ròi các chuyện nuôi chim, nghe đến mê. Ở thành phố bây giờ nhộn lên cái thú chơi chim. Người ta ngày càng ép mình trong những vì tường cao, tường thấp lại thích nhốt theo con khướu, con chích chòe để nghe chúng nó hót giả như trong bao la.

Tôi hỏi:

- Ông có thấy người ta nuôi chim gáy không?

- Chim cu à? Nhiều chó.

Ông kể có một ông già treo lồng cu khắp nhà. Tới khuya cu vẫn gáy từng chập - “Chả đèn điện sáng mà”. Không cần đồng hồ, chỉ nghe cu gáy mà biết giờ giấc.

Bỗng tôi lên cơn nhớ con chim gáy, chim cu với từng mảng đời đã qua.

Ông già nuôi một nhà cu ở một hẻm vùng chợ Đũi. Thời trẻ có nghề lái xe tải. Bây giờ thỉnh thoảng vẫn có nơi gọi đi chữa máy. Ông già nuôi rõ nhiều lồng chim. Nhiều hơn cả trong tưởng tượng tôi lúc nghe ông bộ đội kể. Đứng chỗ nào đâu cũng đựng lồng chim. Trong bếp, trong nhà cầu, gầm ván, cả trong cánh cửa. Chim cu còn thính tai hơn con ngỗng, có tiếng giày bên ngoài đi tới, tiếng gõ cửa, con chim treo trong lồng cửa mắt bò đã cú cu đánh tiếng. Chốc lại nhộn nhịp cuc cu... cuc cu... như cả tá đồng hồ cùng nổi chuông, tiếng trầm, tiếng dang, tiếng thanh. Toàn những cu đực, mấy chục thằng sa bẫy phải về tù ở đây, tiếng gáy dường như u uất, mà hay.

- Sao ông nuôi lắm chim thế này?

- Đến mùa thì về quê đi gác cu, đôi con ốm, con bệnh. Có khi cả tháng nghe khắp rừng ruộng mới gặp được cái cội, những con dữ dằn khó kiếm thì khi nào cũng tốt tiếng. Người ta bảo phải miệt vườn Vĩnh Long mới nhiều chim cu, không đâu, quê tôi, trên rừng cũng cả bầy cu bay rợp trời.

- Quê ông ở đâu?

- Trên gần Bến Cát, gần thôi. Mùa tới, bác về Bến Cát đi gác cu với tôi.

Lúc ấy tôi chẳng nghe ông tài già nói gì cả. Kỷ niệm trong sương mù, cái đò ngang Bến Cui tưởng như mới hôm qua...

- Coi bộ bác cũng giỏi nghề gác cu? Ngoài Bắc đi gác cu nhiều lắm a? Bác cầm mấy con về làm cu mồi.

Tôi xin ông già một con cườm cổ dày long lanh, hai chân đỏ tươi. Tôi xách cái lồng bước đi mà con chim vẫn cuc cu... cuc cu... như ở bụi tre.

Ừ, có khi mùa này tôi theo ông tài về Bến Cát bắt chim. Rồi qua Bến Cui xem mọi người bây giờ ra sao. Nhưng thằng Gạc Rang đã dọa giết tôi. Có thể lắm, thằng chết dịch ấy. Mà không thì nó bỏ thuốc sâu vào nước mồi tôi uống. Tôi ngần ngừ nghĩ mọi chuyện như mới đây. Cái yêu và cái ghen chẳng khi nào biết mình già. Gạc Rang mà trời còn để cho chứng sống thì cũng gấp ghé tuổi ngoài tám, chín mươi. Có thể Bảnh bỏ đi từ lâu rồi. Con cu mái không bao giờ thấy con cu đực vì mình mà bị sa lưới, những người đàn bà thờ ơ và khôn ngoan.

Ừ, một chuyến đi. Tôi cùng ông tài già lên Bến Cát. Đoàn Minh Tuấn sẽ cùng đi với tôi. Tuấn tháo vát, lại khỏe. Văn võ được cả. Cứ phòng xa. Tôi lại lú lẫn, lại quên tôi rồi. Ấy nghề đời cứ buồn mà ưa quên thế.

Con gáy Bến Cát tôi đem về dạn dĩ, dài giọng và trong hơn những chú chim đực ở cánh đồng ngoài này. Một lần, tôi đi đâu vắng, đến hôm về, nhà tôi bảo: “Con chim gáy của ông châu trời rồi”. Nhìn chiếc lồng trống trơn đầu nhà. Cóng thóc vẫn vàng óng. Cóng nước đầy nhưng đục vẩn. Tôi quên dạn ở nhà hằng ngày thay nước cho chim. Chim gáy uống nước đục thì chết ngay. Đã lâu, tôi chẳng cách thức nuôi chim gáy rồi.

Tôi cũng không trở lại nhà ông tài già chợ Đồi lần nào.

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Mỗ Bốn:

Bác Bốn ở tận đâu đến không biết. Có người tình cờ trông thấy bác một mình từ cổng đồng đi vào. Cái khác mắt một chút, đương giữa ngày mùa, xóm làng quấy mạ, vác gầu nhện nhện, bác Bốn gánh, một bên hai hòn gạch vồ, một bên cái rọ lót rơm, trong đặt đứa bé độ lên ba. Đứa bé ngồi nhòm nhòm, hai tay vúi mép rọ, mắt thao láo tròn xoe nhìn ra.

Đây là bác Bốn và cái Muống. Bác nhặt được con bé ở gốc cây nào. Hay là vợ bác bỏ bác, hay là vợ bác chết, vợ bác ra làm sao, nào ai biết được ngọn ngành cái người đàn ông quấy đứa bé với hai hòn gạch vồ cho cân, người ấy đi đâu, đến đâu. Người ta ai cũng có cái phận, cái may cái rủi, cái được, cái hẵng, bác Bốn cũng thế. Đầu làng có con sông chảy qua, những gò rác lù lù nhô lên mấy cái cọc cột phơi lưới tôm hay là cái khung mái lều chợ. Thế là bác Bốn thấy được, dầu sao cũng trông thấy cái sống cái ăn. Bác Bốn dễ tin vậy. Tre pheo bốn bên xanh ngắt. Trong dòng nước, trong bùn có con mài mài, con lươn, con trạch. Thì ta đan cái nơm, cái đó, thì ta vớt cái cần câu. Bác Bốn đặt gánh rọ. Bác Bốn ở lại chỗ ngoài cổng đồng. Nơi hoang vắng đầu đồng, trong làng chẳng nhà nào dám ra chỗ trống không ở với ma đói cô hồn. Bác Bốn cảm que như đánh dấu chỗ. Rồi vào tam quan đình tìm chỗ ẩn trong chùm rễ đa xù xì cái đã.

Bác Bốn nhòm vào cửa đình. Thấy ngoài bậc thềm một ông lão búi tóc củ hành chon chón, gầy lồm hai xương bả vai. Ông lão đương cầm cúi đan cái lờ cá.

Bác Bốn nói to:

- Lạ cụ từ, cụ cho bố con cháu ngả lưng nhờ gốc đa ngoài kia...

Ông lão vẫn giơ tay giữ cái lạt. Bác Bốn đã trở ra, ông lão mãi làm - hay là lão nghễnh ngãng. Bác Bốn cũng chỉ ở tạm gốc đa tam quan một đêm rồi ra gò rác cầm cái cọc và bác đi làm mọi cái bác đã định hàng ngày. Bác đan đó, bác tết ống lươn. Vợ vẫn dần dà rồi cũng kiếm ra miếng ăn. Năm tháng đi qua không đếm được, chỉ biết mỗi ngày nào cái Muống còn ngồi trong rọ, chẳng bao lâu Muống đã nhỉnh dần, đã đẹp gái. Rồi cứ chập tối cái Muống đi đặt ống lươn trong cửa cổng rồi cả ngày Muống ra bờ đìa thả trùn hót tôm muối. Bác Bốn đã thông thuộc các xóm, trong làng, các nhà ở túm tụm vào nhau, cả làng tứ phía vây um tùm những khoanh tre kiên cố chống cướp. Ngoài kia, dọc sông chỉ có cái chợ hôm chốc lát. Không một cái lều giạt đến. Đàng cổng đồng có cái bãi tha ma của làng.

Cứ đến tháng ba, làng cúng thần có hội lệ. Làng thịt trâu chia cho các giáp. Xóm đình có một giáp, chiều hôm trước, trưởng tuần đã dắt về một con trâu què, đem buộc vào búi rễ đa.

Bác Bốn hỏi:

- Bao giờ thì xóm ngả trâu?

Trương tuần chép miệng:

- Tối mai thui.

- Đã gọi thợ thui chưa?

Trương tuần lại chép miệng:

- Vẽ chuyện, chúng tớ mỡ lấy.

Bác Bốn cười, xun xoe nói:

- Cho tớ một tay. Chỉ xin công một cái vó què thôi.

Trương tuần nói:

- Trưa mai vật trâu, thui ngay ở bãi cỏ bờ sông này. Làm được không?

- Đã bảo tớ là đồ tể mà.

Trưa hôm sau, bọn trai làng khuân ra tấm ván, con dao bầu, cái chĩa đựng tiết, lại cả mấy gánh rơm chất lên. Mọi người xúm lại xem bác Bốn mỡ trâu đông như đám trong sân đình đang đào lỗ cắm cờ kỳ, đánh trống ngũ liên giục giã râm ran.

Có một lũ kéo ra bờ sông hóng thuyền phởn chèo Bắc.

Bác Bốn buộc tròng lọng chảo vào rễ đa, kéo một cái con trâu ngã chông bốn vó. Cái rọ buộc mõm khuỷp sừng trâu xuống, bác liếc má dao lên cỏ, rồi chọc tiết, con trâu rống ò ò. Giội nước, cạo lông, làm lòng xong đầu đấy, bác Bốn đội cả con trâu đã mỡ phanh lên giữa bãi, chất rơm thui. Một mình bác làm tất, gọn như mỡ con ếch.

Hàng giáp được chia thịt, ai cũng khen thợ thui khéo, các mảng nách chân, khoeo đùi, khoanh cổ chín vàng đều như nhau. Cỗ trâu các giáp không bao giờ được ngon mã thế.

Một hôm, cụ từ ra bảo bác Bốn:

- Làng đương khuyết chân mõ, cụ chánh cho gọi mày đấy. Bố con sướng rồi, từ giờ được vào ở sau đình, khỏi lo chạy mưa nắng ngoài bãi.

Từ đấy, bác Bốn làm chân mõ làng, mõ Bốn. Mõ Bốn vẫn chạy vạy sắp ngựa đơm đó, chợ búa như mọi khi, chỉ thỉnh thoảng quét rác, mở cửa đình cho cụ từ. Làng có việc thì đánh cái mõ tre đi rao các xóm...

Chiềng làng nước... Chiềng làng chiềng chạ... Bác Bốn cũng không nghĩ trong đời lại có khi đi làm, mỗ nhưng cũng chẳng sao. Người ta làm gì mà chẳng được.

Có điều Cái Muống đã lớn như thổi. Có hôm bố bận chạy việc làng, Muống xách giỏ cua, mớ ốc, một mình ra chợ chiều, mừng nó đã đỡ dần được. Nhưng bác Bốn có nỗi lo khác. Cái lo âm thầm mà nặng trĩu, không như cái lo đói. Trai gái đến tuổi thì bố mẹ phải lo toan dựng vợ gả chồng, làm con người thì phải lần lượt đến những đặn như thế.

Nhưng mà cái thân con cua con cáy bây giờ lại công cái đời thằng mỗ đi hầu thiên hạ thì tính sao được vuông tròn cho thân mình, khi cái con người ta sai đi đâu được đến đấy. Bao nhiêu năm đến ngụ đất này bố con bác Bốn chưa hề được bước chân vào cửa nhà ai.

Nhiều khi, bác Bốn với cái Muống đi chợ - chỉ ở ngoài chợ thì mới không ai biết ai, lại có khi sang tận chợ tổng bên kia. Chợ vẫn người hay chợ đông, đi như hóng cái may mà cũng chẳng khi nào thấy gặp phúc bắt được của rơi. Nhưng mà cái Muống thì đã nhớn rồi. Nghĩ vu vơ càng lo. Nhớ những năm 1940, tôi lại nhớ đến Khổng Văn Cu(1) - thật tên cái anh mỗ ở làng đồng chiêm thế, đi làm mỗ mà có họ với ông Khổng Tử, người mỗ cuối cùng làng Nghĩa Đô. Anh Cu đã đứng tuổi, vóc dáng bảnh bao, khoẻ mạnh thế mà cũng chưa bao giờ kiếm được một mún vợ.

Lại nhớ dạo ấy thường về chơi quê Nam Cao ở làng Đại Hoàng, làng vùng ven sông cuối tỉnh Hà Nam. Chúng tôi nghe chị Nam Cao kể chuyện con gái lão mỗ làng này còn dễ trông hơn nhiều cô gái đương thì trong làng. Có hôm tôi ra bờ sông, qua lều nhà mỗ, thấy một cô gái mảnh dẻ, trắng trẻo mặc áo cánh chồi vắn khăn nâu non đỏ hoe như con gái làng hay chít khăn đỏ, cô ngồi trước cổng bán mía cây. Chị Nam Cao bảo cô ấy đấy. Đã ngoài ba mươi rồi, chắc là ế, con nhà mỗ mà. Truyện ngắn Tư cách mỗ của Nam Cao viết bấy giờ không đã động đến người con gái cao số ấy, nhưng rõ ràng anh miêu tả và lý sự về những thân phận người đi làm mỗ.

Làng Hạ còn một tối hát chèo ngoài sân đình đêm nay. Dường như các xóm đồ cả đi xem kéo rồi lại phải đợi sang năm đến dịp mới lại có chèo hát. Nhiều người rón dứng đến tan chiếu hát gần nửa đêm.

Đương còn trăng cuối tháng. ánh trăng sông quện sương mờ bàng bạc trên bóng lặn tằm cành tre non mới nở lá. Người từ cánh đồng vào đầu xóm cười nói xôn xao. Chẳng biết trong đám có những bọn ở đám xóc đĩa cuối xóm ra, có những tay đôi từ chập tối đã lên xuống bờ tre bây giờ tan hát mới nhập nhòa lẫn vào đám người về các xóm. Người ta còn đương bàn tán, bắt chước và kể lại những đào kép vừa ra vai. Nàng Châu Long con mắt chín lừ. Chú tiểu đồng cầm roi giả cách dắt ngựa khéo quá. Ông Lưu Bình vinh quy xênh xang bước vào cổng nhà quan huyện họ Dương...

Bỗng nhón nháo một đám đặng kia chạy lại.

- Những tiếng cười nói, bỗng hoá ra những tiếng kêu hốt hoảng. Cái gì, cái gì thế? Kẻ trộm à?

- Quân ăn sương khéo chồm vào lúc cả làng vắng nhà?

- Không, không...

- Thế thì cái gì?

- Giai gái!

Có một người cất giọng hát tuồng:

- Giai trên gái dưới ra sao nào, quân bay!

Tiếng cười hô hố.

- Không phải! Không phải!

- Thế thì cái chó gì mà ầm làng lên thế?

- Bắt được con nhà hương Sạ với cái Muống.

- Cái Muống nhà mỗ Bốn ấy à?

- Lại còn cái Muống nào nữa!

- Thế thì loạn rồi. Đem trôi sông thôi.

Cả xóm người chạy lộn ra ngoài điếm canh. Sau bờ tre đã rừng rực ánh đuốc. Chen vào trong điếm, rõ ràng trông thấy mỗi bên cột trói đứng một người. Thằng Sạ mặt xanh lét, cái Muống tóc bết kín mặt, đứt một bên cổ yếm váy bê bết bùn, hai đứa lấm như vùi chắc chúng nó trốn xuống địa nước, mới bị lôi lên.

Lệ làng không có điều khoản cấm trai gái son rồi tặng tịu với nhau. Chỉ ngả vạ đứa lộn chồng, đứa chùa hoang. Những dính với nhà mỗ lại là cái điều xấu xa xưa nay không ai dám phạm. Dây đến đồ mỗ, đến đứa ngụ cư cha căng chú kiết thì tội nặng tội nhẹ không biết đến thế nào. Tuy ở quan làng. Thế nhưng cũng lại trưng phiên khán thủ bắt tội bắt vạ thế nào cũng được lắm khi chẳng phải bận đến các quan làng.

Ấy thế vẫn cứ phải hỏi lấy lệ. Ngay lúc ấy khán thủ vào nhà ông chánh. Ông chánh ở cuộc rượu tan hát về vừa ngất ngưỡng nằm lên cái tràng kỷ. Ông chánh hờ mắt mơ màng nghe người khán thủ lẩm bẩm "trình cụ". Ông chánh ngóc đầu lên quát:

- Làng này bắt lính còn chưa xong bắt ngay thằng Sạ đi chuyến này. Được được, con dĩ nhà mỗ Bốn thì đem trôi sông, tổng hãn đi cho khỏi bẩn làng. Cút về mà làm thế.

Tuần tráng lục đục hồi hải suốt đêm.

Bác khán thủ cầm gậy đến ngõ nhà ông hương, đứng ngoài cổng, hét vào:

- Trên huyện truyền thẳng Sạ phải lên ngược đi lính chuyến này. Ở nhà lo xống áo lương ăn ba tháng cho kịp ngày đợi lên huyện.

Bác mõ Bốn ở nhà thì chẳng biết gì cả.

Nhà ở sau đình, trước sân có chiếu hát mà bác rượu vào đã đi nằm từ chập tối.

Tuần đình dẫn tre, chẻ lạt, chặt cả chục cây chuối đóng bè. Phải thả bè cho nó trôi sông từ mờ đất, không được để người nào trông thấy. Mấy ông chức dịch đã chạy ra quát như thế.

Gà gáy sang canh ba. Mấy người tuần trở dậy vào điểm bật hồng đốt đuốc lên. Chỉ thấy hai cái cột chơ vơ. Những nút thừng rơi loảng ngoảng dưới mặt đất. Chúng nó cắn đứt cả dây thừng.

Cái Muống, thẳng Sạ đã trốn mất.

Nửa đêm kia có hai bóng người len lén vào tam quan trong đình. Nén hương đen cả đêm thơm thoảng như mùi mật. Đèn đèn dầu lạc đã lụi tắt còn leo lét xanh loè. Cụ từ ngồi tựa lưng vào cột, không biết cụ thức hay cụ vẫn quen ngủ ngồi.

- Lạy cụ từ.

Tiếng rè rè hỏi lại:

- Đứa nào?

- Lạy cụ từ, bố cháu đâu?

- Thằng mõ Bốn hả?

- Vâng ạ.

- Nó ra nằm tha ma ngoài cổng đồng rồi.

Giữa cơn mưa rào ào ạt đầu mùa hạ, thấp thoáng những đốm ma trời xanh lơ trên các ngôi mả mới ngoài cổng đồng. Hai bóng người quỳ trong cơn mưa nặng hạt, chắp tay vái vào bóng tối bãi tha ma.

Chú thích:

(1) Khổng Văn Cu - Chuyện cũ Hà Nội của Tô Hoài - Nhà xuất bản Hà Nội 2000 (trang 132)

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Ngày Cuối Năm:

Cõi đất hoang cuối làng Hạ ngay bên bãi tha ma. Chỗ đất trống ấy bỏ um tùm vì nhà nào có mồ mả cũng không muốn để sát vào lũy tre bên xóm có người ở trong. Chỗ này mọc lên những bụi cây ké, cây lá cối xay, cây dương và bụi lau. Đôi khi, con trâu đi qua quơ mõm chẳng có cỏ rả nhai được, lại lảng ra.

Thế mà vẫn có người ở. Chỗ tận cùng nào chẳng có người ở. Nhưng trong làng không bao giờ coi đây là xóm, là ngõ, kẻ đến kẻ đi không biết thế nào. Chỉ những người lưu lạc đến đây ngụ cư, trai tráng không có tên trong sổ đinh, không được đóng hàng giáp. Thằng mõ làng còn được chia phần ngòi một mình ngoài cửa, chứ người ngụ cư thì chưa được bằng cu mõ. Ấy thế nhưng hàng năm khi nước sông Cái lên to, trên phủ sức về lấy đinh đi hộ đê thì ông phó lý lại tróc đến cái xóm hoang này. Mà đến nương nhờ đây, mà uống nước giếng đầu làng đây thì mà phải làm thân con lừa công việc quan sai. Lão ta trôi giạt đến bãi hoang từ bao giờ. Người ta gọi lão là lão, tên lão là lão hay đấy là cái tiếng để gọi người già mà lão già từ khi nào lão cũng không nhớ.

Chẳng mấy lúc đã đến ba mươi tháng chạp. Phiên chợ áp Tết, tiếng à à chợ búa nháo nhác đăng cây đa bên kia cánh đồng đã vang động từ sớm. Tiếng vịt cạc cạc, tiếng bò rống, tiếng người chửi nhau... Có xào xạc thế mới ra ngày chợ Tết. Bởi vì sớm mai đã mừng một năm mới rồi. Ai dư dả tiền thì chúng họ thông dong đi sắm sửa từ những ngày chợ trong năm. Phiên chợ này của người cố cùng mới chạy được vài tiền, vội nhoáng nhoáng đi vợ cút rượu, thẻ hương, miếng thịt lợn cúng, lè gạo nếp... Lão cũng chẳng đào đâu ra đồng nào mà mó đến những thứ sắm sửa ấy. Lão chẳng màng đến phiên chợ. Cái Tết, lại cái Tết, rồi lại cái Tết, những tết nhất thờ ơ qua đi.

Khốn khổ, ấy thế mà lão, chỉ có lão, lão thuộc tất cả ruộng lúa, ruộng màu, ruộng đồng cao, đồng xa của mọi nhà trong làng. Bởi vì lão quanh năm đi làm thuê đã cày bừa tát nước tháo nước nhả các mặt ruộng.

Bây giờ thì lão đi cuốc. Ruộng trồng màu phải cuốc mới kỹ được đất. Để cắm dây khoai lang, khoai nghệ, lại cải thìa..., lăm giống mới quá. Ruộng huệ hoa trắng lôm lổp như đĩa chít khăn đại tang. Chúng nó hoá rồ đến nơi, trồng các cái ăn cái uống linh tinh. Chẳng bận đến lão. Lão chỉ biết bổ nhát cuốc, lão mong được có việc làm suốt giêng hai. Nhưng đến năm cùng tháng tận thế này thì cũng chẳng nhà nào còn mướn cuốc ruộng nữa. Lão không làm đối, mà có lẽ bởi lão cuốc chậm. Cái già đã hắt miếng cơm của lão. Nhưng chẳng cần, lão có việc khác, lão ối việc, có người thì có việc. Nhà kia gọi sửa bờ rào, đóng cổng ngăn, đào cái rãnh tát nước dưới ao, lại đánh gộc tre và không đi làm thì lão đi đặt đó, đánh lờ, kéo vó tôm, câu ếch, lão không đi chợ, nhưng thấy người ta đi chợ Tết thì lão cũng nghĩ có khi ta nên đi chợ đóng lè gạo nếp, mua thẻ hương, khốn khó đến thế nào thì cũng phải lo nhớ đến các cụ. Nhưng chỉ nghĩ chứ chưa Tết nào lão đóng được bát gạo, mua được thẻ hương, rồi cái nghĩ nhạt dần, rồi thôi, mà cứ mừng một Tết,

lão múc bát nước mưa đem vào đặt lên hòn gạch ông đồ rau trong bếp cúng ông vải và vua bếp, lão cúng chay.

Ở thì cũng phải đi chợ một cái xem làng nước họ chợ búa ra sao. Cái phiên chợ chửi nhau, đánh nhau, cướp giật của nhau cũng vui mắt đấy. Vẫn còn hàng lá dong, lạt giang bởi vì cũng chẳng thiếu nhà tối ba mươi mới luộc được đôi bánh chưng. Bác hàng dừa bày lên mặt gánh một đồng gáo dừa có chuôi cả sọ, có cái đã dẻo thành muôi, chỉ một chốc đã bán hết nhẵn. Thiên hạ mua gáo, mua muôi làm gì mà đổ xô vào thế. Tết nhất lắm thứ phải đông, phải múc, phải khảo chẳng. Có đứa bảo sọ dừa già gọt làm quân xóc đĩa còn nảy rền trong bát hơn quân vỏ diêm. Chẳng biết thế nào, chỉ biết vào những tháng củ mật tháng ăn chơi thế này thì đâu cũng có đám thò lò, đám xóc đĩa.

Dãy hàng tranh lơ thơ chỉ còn mớ tranh tiền rẻ nhất. Tờ giấy hồng điều đỏ khé in từng chuỗi hình mười đồng tiền. Một chinh Khải Định được lấy mười tờ tranh tiền.

Có năm lão đã mua chơi tranh tiền. Lão dán các cột lều, ngoài cửa, trong bếp. Để bói xem năm mới có tiền vào nhà không. Nhưng không khi nào có tiền vào nhà, cũng không có tiền đội nón ra đi, chẳng thấy gì cả.

Lão vào bãi bán trâu bò. Lúc này chắc có nhiều trâu, nhiều bò, bởi cái bãi lầy bùn còn in vết móng trâu, lại lắt nhắt móng dê hay móng chó. Lúc này thì chợ trâu bò vắng tanh, chỉ còn mỗi một người mỗ bò thuê đương cọ mấy con dao trong cái xảo thả dưới ao làng. Trong cái xảo còn có bốn cái móng bò đen gỗ ghè nổi lơ lửng trên mặt nước.

Lão nói:

- Nay dâng ấy cho tứ bốn cái móng bò nhé. Tứ xin cái móng chứ không xin cái vó đâu!

Bác đồ tể mặt còn đỏ lựng. Dáng hăn lúc này vừa mỗ, vừa xả thịt vừa nốc rượu. Bác đồ tể nói to:

- Có cái bong bóng nữa. Định đem vớt cho chó gặm, người có tết thì cũng phải cho chó cái tết chứ. Lão giơ hai tay như can đôi bên đánh nhau. Ấy chết. Ấy chết, đừng phí của giờ. Cái móng bò ninh lên cũng được nôi nước xuyết. Cái bong bóng thì đem phơi nắng may ra bán cho con mẹ hàng rượu. Một đồng tiền cả đấy. Ông ơi!

Người đồ tể cười hề hề:

- Ở thì cái bong bóng để đẩy chốc nữa bán cho con mẹ buôn rượu. Còn cho bố cầm cái guốc bò này về, của thằng con rể sêu tết đấy nhé.

Câu tán đại đâm ra mất cái bong bóng. Phải mau mau kéo nó không cho cái móng bò nữa thì có mà ăn mày. Lão vợ đâu được cái giỏ mất hom, nhét cả bốn cái móng bò còn dính lầy nhầy lông và bùn lấm. Rồi tất tả đi ngay.

Ra khỏi chợ, lão nhìn lại cái giỏ móng bò mới thực yên tâm. Chẳng có đồng mố nào, đi chợ cũng được những thứ này. Cái xương, cái móng cứ đun mãi tất phải ra sụn ra nước xuyết. Thế là có tết rồi.

Đến cái quán giữa đồng, lão ngồi buộc lại giỏ. Bà hàng nước đã nghỉ dọn hàng quán trống gió thổi ào ào vào lều. Lão trói vào lại tháo ra, lại cầm từng cái móng bò lên ngắm, ngắm chán rồi lại đâm nghĩ ngợi lẩn thẩn. Khốn nạn thân ông, cái móng bò không phải là cái vó bò, cái vó bò thái ra chấm tương gừng, nhai rau ráu, cái móng thì... thôi thôi ông cứ đắp bùn hầm cho mấy ngày mấy đêm thì đến sừng trâu móng trâu cũng phải chảy ra nước xuyết. Thuở xưa thằng vua còn ninh mầm đá ra ăn cơ mà...

Ngoài ruộng, một đàn quạ khoang xúm xít trên một luống đất cày ải. Bọn chim chóc trộm ngày này đương chơi trò tranh nhau cái gì đây. Lũ quạ thoáng thấy người ra bay rào rào lên, lão trông thấy trong luống đất một chiếc bong bóng lợn, à mà không phải bong bóng lợn cái bong bóng trâu mới to ngồn ngộn lên thế. Không biết bọn quạ tha ở đâu về hay là đứa nào ném ra đây.

Thằng mố bò kia không cho ông thì ông cũng được giời cho, giời cho ông cái bong bóng trâu còn to bằng mấy cái bong bóng bò. Thật là của giời cho.

Những con quạ chết đói lại tấp xuống. Có con nhảy vào mố cái bong bóng. Có con táo tợn đậu xuống vai ông lão, như toan quào vào mặt cái thằng người đến cướp cơm của nhà quạ. Những những con quạ khoang địch sao được lão ông mà túm được con nào thì ông cũng cho chúng mày vào nồi tất. Tết này ông ăn tết thịt bò ông ăn thịt quạ. Lập tức, lão hươ tay lên. Những con quạ khôn ngoan đã đọc được cơn giận nổi bùng bùng trên mặt lão. Cả lũ bay biến đi. Thế là lão nhặt cái bong bóng nhét vào giỏ. Lão nhổ cái cỏ xước tết làm lạt buộc những cái móng bò xách một bên tay.

Lão chột lẳng tai. Tiếng chuột kêu chí chí ở góc tường đất. Không phải tiếng chuột nhắt đuổi nhau. Hình như tiếng chuột nhút nhít mới đẻ chưa mở mắt, đương chen nhau trong ổ, lão rón chân bước lại. Lão nhắc hòn gạch vồ.

Một ổ chuột tý nhau lúc nhúc đỏ hon hồng. Con chuột mẹ nằm giữa chưa kịp ngoái đầu lên, bàn tay lão đã chít cổ lôi ra. Con chuột mẹ giãy được mấy cái, tắc thờ. Thế là cả chuột mẹ chuột con lão dốc tuột vào giỏ. Đã có thịt bò, lại thêm thịt chuột, được quá

Lão về đến những túp lều cái xóm người ngụ cư. Cái lều của lão như đông rạ lờm chờm. Gió rét ngăn ngắt. Tự dừng, lão lẩm bẩm một câu bơ vơ: "À à thế này mới là Tết" lão đương hả hê ta đây. Mấy cái lều ở ngoài chưa thấy hơi hướng ai về. Gió thổi kéo kẹt như có ma ở các ngôi mộ đằng kia lên đánh đu trên bụi tre.

Người ta đi đâu, lão không biết, lão cũng chẳng để ý. Chúng nó trốn tết hay chạy tết, có khi kéo nhau bỏ đi luôn cũng nên. Ở ngoài tha ma có nhà nào đi sửa mộ cuối năm. Gió tạt vào mùi hăng hắc hương đám ma. Nhưng trong đầu lão chỉ đương có những cái mừng. Nước xuyết luộc bò, cho thêm cái bong bóng này vào

thì ngon ngọt đứt đuôi rồi. Lại còn xó rượu đầy, rượu nhắm với thịt chuột bao tử nướng.

Lão đã tưởng ra tiếng pháo xa xa, tiếng trống đình, tiếng chuông chùa nổi lên. Ba ngày tết qua rồi, đã có người gọi hẹn mừng tuổi lão từ trong năm, mừng bốn vào dọn vườn động thổ. Hôm ấy thì được chén tuý lúy thẳng thường rồi.

Lão nhìn cái bờ rào cúc tần. Để những thức ăn sống sít này chỗ cao ráo cho khỏi con kiến bò vào, không khéo thì có khi cả con chó đến ngoạm mất. Nhìn trước nhìn sau, rồi lão gài cái giỏ chuột vào hốc thân cây dương. Bốn cái móng bò và cái bong bóng trâu thì treo trên cành cây đường ở ngay cửa lều, trông ra thấy ngay.

Lão vào bếp thổi lửa, vợ mấy cái que củi đốt sưởi rồi ngả người xuống ổ rơm.

Lão cứ nghĩ vợ vẫn toàn những cái vui, tưởng như vừa được một buổi sắm sửa bận rộn rồi lại đã cơm no rượu say ngoài chợ. Hai con mắt lão gà gà díp lại trong tiếng pháo lạch tạch đâu đây.

Lão chớp mắt một lúc. Tiếng gió lùa rào rạt trong vòm trời âm u, trở dậy không biết sắp tối hay còn ban ngày. Lão ngồi dậy lò dò ra đem các thứ vào bếp.

Trong hốc cây dương để cái giỏ chuột. Bốn cái móng bò, cái bong bóng trâu thì treo trên. Nhưng chẳng thấy các thứ ấy đâu cả. Đứa nào đã thốn mất. Hay con cây, con cáo tha rồi.

Lão nhìn quanh xem như còn có cái gì rơi xuống đất. Không thấy. Lão đứng tần ngần, cũng chẳng nghĩ ngợi ra sao.

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Những Thương Những Giận:

Cái năm Tây về lập bốt ngay đầu đình, nhiều nhà phải bỏ làng tản cư đi các nơi. Đến năm Tây thua ở Điện Biên Phủ rút chạy vào Nam thì những nhà ngày trước đi bây giờ lại lần lần trở về.

Bác Thặng về muộn nhất, mà về một mình. Những đứa trẻ chạy theo, đổ nhau đoán xem ông ấy là cán bộ hay là bộ đội. Đứa nào tò mò thì đến đếm xem trên áo ông có mấy cái huân, cái huy, ông mặc áo đại cán bốn túi hay áo lính trơn hai túi, thắt lưng da.

Thặng với tôi là anh em họ. Thặng bậc trên. Thặng trở về làng nhưng Thặng ở đâu hay công tác đâu, tôi không biết. Chỉ thấy Thặng vẫn cao to, mặt gồ ghề xương hóc. Thặng mặc áo cổ Tôn Trung Sơn, ka ki màu xi măng, đi đôi giày tây đen, đầu đội mũ cát kết tím, lưỡi trai bóng nhoáng. Thặng dắt cái xe trâu Trung Quốc, quan trọng là cái xe đạp đeo biển sơn xanh, xe biển xanh là xe cơ quan, xe của nhà nước. Cán bộ cỡ nào mới được cấp trên cho đi xe đạp công. Thế là Thặng đã là cán bộ khá rồi.

Tôi hỏi:

- Bác công tác tận đâu mà bây giờ mới về?
- Ở trên Việt Bắc. Bận quá, không lúc nào dứt ra về chơi được.

Rồi Thặng hỏi lại tôi một câu thân mật:

- Cái lão thịt chó ở gốc cây đại trên chợ còn chứ?
- Còn.

- Hay đấy! Tớ thết chú. Chẳng mấy khi. Chợ quê vẫn tàn mát thế, chỉ đông vào ngày phiên. Chủ quán gầy gò ngồi lù lù sau cái mâm thông. Thịt luộc xả ra bày lên những tàu lá chuối. Chậu mắm tôm, cái bát đàn riềng ớt thái sẵn, một rổ rau ngổ, húng quế, mơ tam thể bề bộn cạnh một lũ vò rượu nút lá chuối.

Tôi hỏi Thặng:

- Nhớ lão quán này không?
- Nhớ chứ, quán rẻ nhất, lão bán tinh chó chết bả.
- Tây bắn ông lão ấy chết năm kia rồi. Thằng này là thằng con cả ngồi nôi ngồi đây.

Thậm nhìn lại chủ quán rồi im lặng như biết rồi. Lát sau, Thậm hỏi tôi:

- Chú có gặp anh cán bộ hồi bí mật... anh gì nhỉ?

- Cán bộ Bản.

- Phải rồi, cán bộ Bản. Có gặp không?

- Thấy bảo rồi ngày ấy anh Bản đi Nam tiến.

Tôi cũng ngạc nhiên nghe Thậm hỏi thăm cán bộ Bản. Bởi tôi còn nhớ một việc xấu hổ cho Thậm hồi sắp Tổng khởi nghĩa.

Trưa hôm ấy, cán bộ Bản vừa đi vào làng thì một bọn lính khố xanh với lính Nhật thành lập về vây ngoài lũy. Bí quá, tôi đưa cán bộ Bản sang nhà Thậm. Đằng ấy xóm vắng có lối trốn xuống đồng thoát ra được Thậm đương vác cái giậm, sắp ra ngoài địa càn cá. Thấy tôi và người lạ, Thậm đoán được ngay. Thậm hạ cái cán giậm, quỳ xuống chấp tay:

- Lạy các ông, các ông đi ra ngay không thì chết cả bây giờ.

Hôm sau, Thậm chửi tôi:

- Mày dắt hội kín về, định gieo vạ vào nhà ông à? Tiên sư mày?

Thậm uống hết chén rượu, rồi nói như kể chuyện:

- Tớ quên thế nào được cán bộ Bản. Gay go thế thì chuyện phải nhớ đời chứ. Lúc ấy tớ vạch trở bờ tre sau nhà, rồi lấy cái thúng bơi đưa cán bộ Bản sang bên kia sông an toàn. Bọn Nhật vây đẳng đầu làng trở mắt châu ra, không biết. Thế Việt Minh mới tài chứ! Ha, ha...

Chốc chốc, Thậm lại hỏi:

- Chú có nhớ không? Chú có nhớ không.

Câu chuyện dựng đứng thật ly kỳ mà thật cụ thể khiến cho tôi đâm ngờ ngờ cả trí nhớ tôi, hay là thế thật, tôi quên cũng nên.

Từ đấy, đôi khi bác Thậm thường về nhà tôi.

Bây giờ thì bác Thậm với tôi đã thân hơn, tôi đã quen lối chèn suồng sã và kiểu ăn nói phét lác của bác và cũng được biết bác thật hơn.

Tôi hỏi Thậm:

- Các người tản cư đã về làng cả, bác còn nấn ná trên ấy mãi sao?

Bác Thậ nói:

- Mười mấy năm công tác rừng xanh núi đỏ lặn lội đến ngã nước, chết đi sống lại nên trên mới ưu tiên, các anh ấy cho được về nghỉ sớm. Lại nghĩ đã quen thung quen thổ, thôi thì đất nước đã độc lập, đâu cũng là nhà, ở đâu chẳng được.

Tôi đã có lần lên chơi nhà bác Thậ. Kể ra nhà bác cũng chẳng xa xôi núi đỏ rừng xanh tận đâu, chỉ qua huyện Chương Mỹ sang đầu huyện Lương Sơn đã đến. Bác gái chuyển đi rừng kiếm măng về ngâm lại buôn chè tươi ngồi bán ở chợ huyện. Thằng con cả bác lái xe tải thỉnh thoảng có chuyển Sơn La - Hoà Bình lại lại bố đi chơi.

Nó bảo tôi:

- Tính bố cháu hay huếch một tắc đến giờ, cho người đi đây đi đó một chuyến về khoe cả tháng chưa hết chuyện.

Rồi dần dần tôi hiểu hơn cái nông nổi bác Thậ không muốn về ở làng. Bác hay đi vắng, xóm giềng thì thảo bác là công an chìm, có tuổi rồi mà vẫn phụ trách công tác đặc biệt. Thật ra, bác thạo chạy chợ, các chợ nửa quê nửa đường ngược. Bác Thậ buôn thường, chảo ở ô Cách đem vào các mối bán chợ Bắc Qua, có khi ngược chợ Phương Lâm, chợ Bờ mua gang, nửa, đay, tre..., tải về cho các thổ đánh thùng ở ô Cách. Sắp Tết lại thồ ống gang về các hàng làm lạt gói bánh chưng, bánh giò. Thằng con tài xế phối bò đã thuộc tính bố, lại nói giễu: ấy chỉ thương nghiệp dân doanh vậy mà bố tôi đi đâu cũng đóng đại cán, cái xe đạp biển xanh. Khi về đến nhà lại chững chạc cái kính đen bí hiểm, cái túi da đeo vai làm túi tài liệu kỳ tình trong để mấy tờ báo. Đôi khi bác Thậ đạp xe thông dong như cán bộ trung ương về quê chơi.

Một hôm bác Thậ khẩn khoản mời tôi. Bác nói lý do:

- Phiên chợ này có việc vui với mấy ông bạn ở địa phương. Chẳng là sắp bầu lại hội phụ lão, anh em muốn giữ ở lại khoá mới. Tiếng là nghỉ mà đã được nghỉ đâu. Một quá. Thế nào cũng lên chơi với tớ nhé.

Tất nhiên, chẳng nói tôi cũng biết là bác Thậ có việc cần tôi thế nào chứ chẳng phải chơi không. Hôm ấy đánh chén thịt vịt. Đương mùa vịt Bàu Bể béo, cái xương cũng như cái sụn mà đánh tiết canh thì tuyệt cú. Mấy ông khách đến chơi, nghe loáng thoáng mỗi lúc bác Thậ giới thiệu với tôi ông uỷ ban, ông đảng uỷ, người này người này, tôi lờ mờ đoán được ý bác Thậ.

Rồi Thậ nói về tôi, chỉ một câu như đinh đóng cột:

- Báo cáo các đồng chí, chú em tôi đây, anh em chúng tôi đã cùng nhau hoạt động từ bao nhiêu năm còn bóng tối, nằm ổ rơm, ăn sẵn trừ bữa, rải truyền đơn, đánh Pháp đuổi Nhật.

Tôi nghĩ ngượng và bức. Nhưng chẳng nhẽ nói thế nào. Hôm sau, đưa tôi ra bến xe buýt, bác

Thậm nói:

- Thế là ăn chắc chân chủ tịch, chú ạ.

Ít lâu sau, bác Thâm lại về chơi. Bác bảo bác đi công tác, nhân tiện tạt vào. Bác cưỡi ở xe đạp ra một bọc bún lá với gói nilông mắt tôm đồng, cả củ sả, gừng, tíá tô. Bác bảo: “Thịt chó chính cống Cầu Giẻ đấy!”. Cái chảo còn quần chồm cả lên yên xe với hai vành bánh bunn đã khô lở từng mảng. Chắc là bác vừa tải chuyển thùng chảo về ô Cách rồi qua đây có việc chẳng phải tình cờ.

Quả nhiên thế.

Mấy chén vào rồi, bác Thâm cười khớ khớ, bảo:

- Chú biết đấy, tôi đã đi rải truyền đơn, tôi đã hoạt động từ ngày bóng tối với cán bộ Bản. Thế mà phần thưởng lão thành, thưởng tiền khởi nghĩa, tôi chưa có cái gì cả. Thiệt thòi lắm, phải không chú? Tôi nghe mà gai cả người. Tôi nghĩ bụng, dạo trước mà tôi chẻ hoe với bác sự thật về cái hôm chạy mật thám Nhật ở làng thì tôi đã rảnh thân. Nhưng tôi đã trù trù, rồi tôi câm miệng hến. Tôi nghĩ giật lùi thì nó lại cứ xưng xưng ra thế này rồi tôi đâm ra quên cả tôi. Tôi chỉ còn hăng máu lúc tôi một mình.

Thậm thì thào:

- Bây giờ xin chú chứng nhận cho tôi, chỉ có chú mới chứng nhận được cho tôi.

Tôi không dám làm chứng không phải vì tôi biết Thâm không hoạt động và tôi dám lật tẩy Thâm. Mà tại chỉ vì tôi biết thể thức chứng nhận hoạt động cách mạng phải có hai người cùng hoạt động ở thời kỳ ấy ký vào làm chứng thì mới bảo đảm giá trị. Biết thế, nhưng tôi lại chỉ lờ mờ hoãn binh. Để tôi nghiên cứu các văn bản thế nào rồi tôi nói lại với bác.

- Cần lắm, chú cố gắng cho. Chả là có bạn tôi đương làm tổ chức trên huyện uỷ, cả trên tỉnh uỷ.

Tôi cũng dớp mấy chén rồi, tôi lại đương hăng:

- Tôi đã bảo mà. Bác vô tư đi.

Tuần sau, bác Thâm lại xuống. Tôi lo, nhưng lo thế nào thì cái câu trả lời cũng phải có, mà tôi không còn lối nào để huênh hoang được.

Tôi thở khurột một cái:

- Em chẳng có cách nào giúp được bác.

- Sao thế?

- Luật đã ra là phải có hai người cùng hoạt động, cùng ký chứng nhận, một người không ăn thua.

Nói được thế rồi, tôi được đà, tôi chửi vu vơ:

- Bây giờ lắm người chữa lý lịch, khai man, xoay xoà gian dối lắm.

Tôi trông thấy bác Thập nhăn nhó, rúm lại, bàn tay run bần bật. Thế là tôi mất hứng lại sinh ra động lòng và thương bác Thập. Có thể giá lúc ấy có ai ký cho bác Thập thì tôi cũng cầm bút ngoắc một cái theo cũng nên. Bác Thập thần thờ một hơi như người nhả khói thuốc lào.

- Thế là tôi tay không, tôi công cốc. Chú bảo tôi làm thế nào?

Tôi chỉ còn biết một câu nói lại lời mờ:

- Tôi đã báo cáo cả với bác rồi.

Thập ngồi thừ một lúc, rồi như nhớ ra:

- Bây giờ chỉ làm thế nào mà gặp được cán bộ Bản thì mới xong được. Có phải không chú?

Tôi lặng yên.

Thật ra tôi đã gặp Bản. Nhưng lúc này tôi đâm ngại, không muốn vẽ chuyện mà sinh sự vơ vào mình làm gì, cái thằng tôi cả nể.

Chuyện tôi gặp lại Bản cũng là tình cờ. Lần ấy tôi sang ô Cách, ngồi nghỉ chán uống bát nước chè tươi ven đường... Tôi trông thấy đi qua ngoài kia một ông lão dường cũng chưa già mấy nhưng lưng đã còng, bộ quần áo và cái mũ bộ đội đã xám xỉn. Ông xách bốn cái lồng chim gáy. Trời hơi lạnh, mỗi lồng phủ vuông lụa điều như các cụ ngày trước chơi chim gáy hay bọc cái lồng quả vả vào mùa rét như thế. Cái ông gánh bốn chiếc lồng chim gáy đã là lạ, nhưng với tôi càng thật ngạc nhiên, bỗng nhiên mà bồi hồi.

Tôi nhớ chim gáy ở miền Nam thì bay rợp trời, nhiều vô kể. Cái ông lão quấy chim đang đi ven sông Đuống này chẳng khác những bác già sành điệu gác cu đương thần thơ mà mãi miết chăm chú lợi ruộng qua các cánh đồng liền bờ ở Vĩnh Long, ở Bạc Liêu. Không phải các tay chơi này bầy cu, gác cu đem bán chợ, đem nướng chả. Không, các lão này gác phải con cu dờ thì thả ra, thì ném xuống sông, được con cu tướng mạo hay, mỏ nhọn đuôi thon, gáy như hát thì nuôi luyện thành cu mồi - có những con cu mồi đã ở cả đời với người gác cu, trường thọ đến ngoài năm mươi năm.

Ông lão gác cu, cái tai lúc nào cũng khoái tiếng cu cao thấp, giọng đồng giọng chuông, giọng thổ lại mê man nhìn hai con vờn nhau trước cửa cùp, trên đồng mênh mông cánh cò, hai chân bước giữa trời đất giữa

đồng không, chỉ tràn đầy tiếng cu gáy. Những cái điều còn làm tôi đến ngân ngơ cả người. Ấy là ô hay trông cái ông lão gánh bốn lồng chim gáy ở quãng đường này sao giống cán bộ Bản thể. Đã đành ngày ấy Bản, khỏe mạnh, tầm thước, nhanh nhẹn, không gầy còm thế này, nhưng mà cứ hao hao. Đến lúc ông gánh chim ngược mặt bước lên tam quan đình cạnh gốc đa, thì dẫu cho đã bao nhiêu năm cách xa rồi, tôi vẫn trông ra ra anh Bản thuở ấy.

Tôi bước đến, chấp tay:

- Chào ông. Ông đi chơi.

- Chào ông.

Ông già cười đáp:

- Người đi chơi thì cũng cho chim được đi đôi không khí chứ. Thê mới công bằng, có phải không?

Tôi rụt rè:

- Xin lỗi ông, tôi hỏi điều này khí không phải, ông có phải là cán bộ Bản cái hồi Việt minh không?

Ông nhìn tận mặt tôi, rồi giơ bàn tay gồ ghề, xương xẩu nắm vai tôi, lắc lắc:

- À anh... anh... - Rồi ông ôm chầm lấy tôi - Nhớ rồi, nhớ cái hôm chạy Nhật... Nhớ rồi...

Thế là anh Bản với tôi ngồi chuyện suốt cả trưa sang chiều bên hốc cây đa. Vậy là anh đi Nam tiến rồi ở lại chiến trường miền Nam cho đến khi đất nước thống nhất.

Nửa đời người chiến trường khi thì ở chủ lực, khi sang địa phương quân là cán bộ tổ chức du kích huyện là bộ đội tỉnh. Giải phóng rồi, trở về miền Bắc và giải ngũ. Ở ô Cách. Vùng đây cũng chẳng phải quê anh mà chỉ là nơi có khi đóng quân lâu từ ngày trước khi đi Nam tiến. Ông đại tá về xin làng đất làm nhà, rồi ở đấy như quê. Anh Bản nài tôi đến nhà anh chơi ngay hôm ấy ở mấy hôm cũng được, nhưng tôi hẹn khi khác. Thế rồi nấn ná lâu lâu đâm ra ngại. Đã mấy lần định đi rồi lại thôi.

Ấy thế nhưng rồi việc lại chẳng dừng. Bác Thạm lại về chơi. Đã thành lệ, xe của bác thế nào cũng đèo cái bọc, cái gói. Lần này bọc lá chuối tươi to lù lù. Mở ra thì là mấy gói quà, quà rẻ thôi nhưng không phải mấy khi đã dễ kiếm mà bác vùi tôi là dân ưa nhắm nháp với đôi ba chén. Ấy là gói bún lá, hai chục cái đậu phụ nghệ nướng. Bây giờ chỉ có mấy nơi chợ búa quê xa mới còn bán cái món lôm lam ngày xưa này. Đậu phụ nghệ vàng nướng để nguội uống rượu chấm với muối, cắn ớt cả quả.

Và thế nào bác Thạm cũng có chuyện mới, chẳng khi nào không. Bác Thạm thườn mặt ra một lát, rồi thì thầm như thờ ơ nói một mình:

- Tôi vận rập quá. Có đưa tố cáo tôi khai man lý lịch, tôi không phải đảng viên. Chúng nó đòi đầu tôi.

Quả là việc nghiêm trọng. Tôi hỏi:

- Thế thì bác thấy thế nào?

Bác Thập quắc mắt, quát:

- Chú lại hỏi anh thế nào? Chú cũng nghi anh à?

Tôi nhẹ nhàng:

- Là em hỏi bác đã giải quyết như thế nào ấy mà.

Bác Thập xắn một bên tay áo, sừng sộ.

- Tôi phải cho chúng nó biết tay. Tôi phải giết, giết hết.

Nghe bác Thập nói trợn trợn thế mà trong bụng tôi lại êm ả. Thật tình, cả tôi cũng ý ngờ bác chứ chẳng phải ai. Bác vào đảng khi nào mới được chứ? Thiên hạ bây giờ cơ man người man trá, tôi chẳng tin mấy ông tự nhận, lại có cả người chứng nhận nữa, đã "tham gia" từ năm tuổi mười ba mười bốn, bây giờ là cán bộ tiền khởi nghĩa, là cán bộ lão thành. Những năm ấy nước ta chưa có cơ quan lưu trữ, chưa có nghề lưu trữ. Cái năm tôi hay anh chuyển công tác, thường chỉ là cầm lý lịch đem về nộp cơ quan mới. Thì tội gì mà tôi chẳng mở ra xem, chẳng chữa, chẳng thêm bớt. Ở chỗ khai sinh, tôi chữa chữ số 0 sang số 8, ở mục khác thì khéo thu xếp cho khớp, kéo thêm 8 năm hay 18 năm mới đến tuổi hưu. Ngon ơ. Ấy là tôi còn ngu ngờ, chứ ma mãnh như bây giờ người ta còn vá lắp được khối chỗ, tôi còn giật được mấy cái bằng trình độ chính trị trung cấp cao cấp và bằng các thứ chuyên môn nghiệp vụ nữa chứ chẳng chơi. Tôi ấy chứ không phải ai, kể gì bác Thập.

Ngĩ thế tự dưng tôi lại đâm ra thương cho thân phận bác Thập. Cả đời loay hoay vừa bốc phét lại vừa đối trá, mà cũng là người làm ăn tử tế mình nai lưng ra xoay sở lấy miếng cơm manh áo chỉ có cái là cứ lúc nào cũng muốn cao cao thì bây giờ lại ngã ngửa ra, thế cũng là khốn khổ thôi.

Tôi thương bác Thập thật, bác chưa được là cái đình, khối đũa còn táng tận, còn muối mặt gắp vụn bác. Bác Thập ơi, bác Thập, tôi thương bác.

Tôi gật gù bật nói:

- Bác ạ, tôi đã gặp cán bộ Bản, ừ cán bộ Bản tôi đã gặp.

Bác Thập để rơi bịch cái chén không xuống chiếu, trợn tròn mắt, kêu:

- Ối giời ôi?

Rồi hét:

- Thế thì phen này chúng mày chết rồi.

Tôi không để ý cơn giận dữ sung sướng đến phát rồ của bác Thập. Tôi nói thông thả những việc sắp làm:

- Tôi đưa anh đến chơi nhà cán bộ Bản. Chắc là bác ấy mừng lắm, bác ấy đã có hẹn tôi mà. Bác ấy và tôi sẽ viết giấy xác nhận cho anh. Tôi đã nói phải có hai người cùng hoạt động chứng nhận cho lý lịch cho thành tích.

Ngồi giữa chiếu rượu mà bác Thập cứ thở hổn hển như người đương chạy cật lực. Còn tôi trong lúc rượu vào, tôi thấy tôi đương thông cảm với anh em, tôi vẫn được, tôi chẳng mất gì. Phiên chợ sau, bác Thập xuống nhà tôi. Đằng sau xe chẳng thùng đầy một cái lọ, trong có đôi gà trống tơ, một buộc chè Thái, bọc cái lá gồi, lại một quả mít chín cây vừa mở mắt vàng hây.

Nhưng mà cái hôm tôi bốc đồng muốn đưa ngay bác Thập đến nhà cán bộ Bản, lúc ngủ dậy lại tần ngần không còn hăng như đang khi ở trong chén rượu. Đến lúc trông thấy bác Thập xăm xăm đi vào thì tôi nhụt hẳn chẳng còn được như hôm trước nữa. Thế là cái vạ miệng đã đưa việc đến đấy rồi, không lùi đi đâu được.

Bác Thập đẩy cả cái xe đạp thồ linh kinh như thế đi với tôi dật dờ sang ô Cách. Đến quán bà bán nước chè tươi hôm trước, rẽ vào làm bát nước nhân tiện hỏi thăm đường.

Bà hàng như nhận ra người quen, lại nghe hỏi thế, mặt bà tươi tỉnh hẳn lên. Bà giơ cái gáo, chỉ ngay:

- Cái ông vẫn gánh lồng chim đi chơi phải không? Hai bác sang qua bờ ao đình rồi vào xóm hỏi nhà ông đại Gáy thì trẻ con lên ba cũng biết. Rồi lại biết thoát đầu người làng chào hỏi ông là đại tá chim gáy, sau rồi thân hơn thì đâm nhờn, bây giờ quen gọi tắt là ông đại Gáy. Ông đại Gáy chỉ móm mém cười đùa lại: "Đứa nào rủ được ả ấy ả ấy về ở với ông đại Gáy thì hay đấy". Đàn bà con gái ô Cách cũng chẳng vừa, còn nói lỡm nhả hơn mà chắc bà hàng nước này cũng được một mũi. Bà kêu: "Giời ơi là trời, đứa nào đến ở nhà ông để nghe chim ông gáy cả đêm thì còn ngủ nghê lúc nào nữa".

Nhà ông đại Gáy không ở ngay xóm Đình nhưng quả là ai cũng biết. Trẻ con ríu rít hội nhau chạy theo dẫn đường chúng tôi.

Nếp nhà một gian hai chái mái lá cọ, mặt ao bên kia vườn tha bè củ ấu lẫn rau muống. Lối cổng vào đầu ngõ kê rải rác những hòn đá tảng mặt phẳng vừa bước, phòng những hôm mưa ngập. Hai bên giàn thiên lý và kim ngân treo chim gáy, có đến hàng mấy chục, hàng trăm lồng quả và không đếm hết được. Mỗi khi người đi qua, những con chim gáy rồi rít cong cổ dạng chân cúi đầu cất tiếng gáy. Như những chiếc đồng hồ quả lắc, cứ đúng giờ thì nhả chuông liên liên. Ái chà chà, tiếng đồn thật không ngoa về ông đại tá chim

gáy, ông vua chim gáy.

Trong nhà, bàn khách ẩm chén tình tươm, sạch bóng nhưng ngăn nắp, gọn ghẽ quá mà lạnh lạnh: có thể đoán được nhà người i có tuổi ở một mình với vùng trời và mặt đất toàn chim gáy.

Ông đại tá đương rửa cái cuốc, rồi ông từ cầu ao bước lên sân. Cả trăm con chim từ ngoài đầu ngõ vào hai lên vườn lại nhao nhao gáy rập rờn...

Trông thấy, ông đại tá nhận ra tôi ngay reo to:

- Ô mày! Tao đợi mày mãi!

Rồi ông đại tá nhìn bác Thập. Ông đại tá bỗng mở chừng mắt, dựng ngược ca lông mi, lông mày:

- Nam, thằng Nam? Ồi giời ơi, thằng Nam!

Ông đại tá nắm hai vai Thập lắc lắc, hai hàng nước mắt đổ lã chã. Ông nói đứt quãng không la đầu không ra đuôi:

- Mày chết rồi kia mà. Chỉ có một mình tao nhảy ra khỏi hầm được. Ồi giời ơi, tao thả nhang cho mày kia. Có phải thằng Nam? Thằng Nam: mày là con ma hay mày là thằng Nam?

Rồi ông lập cập kéo chúng tôi sang bên vườn. Trong giữa luống đất có một bụi gừng và một cây bằng lăng rợp bóng đang ra hoa tím từng đám như cây rừng miền Đông trong kia. Bên gốc bằng lăng là một cây hương cao ngang mặt. Một cái lư hương đắp hình con chim gáy đồ sộ, trên lưng con chim khoét thành cái đỉnh thả hương. Hai bên dựng hai hàng bia đá nho nhỏ. Ông đại tá nói:

- Bao nhiêu năm, đánh bao nhiêu trận, tao nhớ được thằng nào hy sinh thì tao khắc tên vào bia đặt lên cây, anh em thờ nhau ở đây. Chiều nào tao cũng thả hương thỉnh một hồi chuông chiêu hồn chúng nó.

Ông đại tá đánh diêm châm một nén hương cắm vào hình lưng con chim cu chi chút chân phượng. Ông nhắc một tấm bia. Trên mặt bia khắc dọc dài những hàng tên người. Nước mắt ông đại tá nhỏ cả xuống mặt bia ông miết ngón tay cái chùi vào hàng chữ khắc: Liệt sĩ Nguyễn Văn Nam hy sinh ngày... ấp Sóc Đồn, xã Hùng Hội...

- Tên mày. Tên mày đây... Anh em nào mà tao nhớ được, tao khắc vào.

Rồi đột nhiên ông đại tá cười to, cười sảng sặc như người lên cơn. Ông vừa cười, vừa khóc:

- Nam ơi. Mày! Mà thật còn sống à? Thế mà tao cứ tưởng mày đây kia mà, làm sao mà mày sống được?

Ông đại tá tức tốc rồi rít la lệnh:

- Chúng mày với tao dồn mấy con gà đặng chuồng, bắt mấy con cũng được. Chúng mày làm gà. Tao buộc cái chũm, xuống ao kéo mấy con cá. Ở đây, ở đây mấy hôm... ở với tao vài tháng, ở mãi cũng được. Mày kể cho tao nghe hết, nghe hết từ trong hầm ở ấp Sóc Đồn, nó thả lựu đạn xuống, rõ ràng mày chết rồi mà mày lại về được tận đây là ra làm sao?

Bác Thập mặt tái ngoét, run lẩy bẩy:

- Cho tôi ra..., mua thuốc...

Tôi hỏi:

- Bác mua thuốc gì, tôi đi cho.

Bác Thập lắp bắp: "Không, không", rồi bác Thập lật đật lom khom chạy ra chỗ để xe đạp. Cân chè, quả mít và đôi gà vẫn buộc sau xe. Bác Thập dừng dừng lồi cả cái xe ra cổng. Ông đại Gáy giật giọng hỏi tôi:

- Nó đi đâu thế?

Tôi nói:

- Nó lên cơn động kinh ấy mà.

Tôi lúng túng không nói hết câu. Ông đại tá cau mặt, buồn hăn, rồi trầm ngâm:

- Thăng này đã nhiều phen hụt chết lắm rồi, tôi biết, tôi đã chứng kiến. Cái dạng thần kinh này không bao giờ lành được. Có khi còn điên nữa. Anh chạy theo xem nó mua thuốc gì mua cho nó. Hay là dỗ nó, đưa nó vào Trâu Quỳ. Đây gần bệnh viện Trâu Quỳ, người ta có thuốc chuyên trị thần kinh.

Tôi lúng túng chưa biết nên thế nào, ông đại tá lại gọi tôi:

- Anh không đi một mình được. Tôi phải đi với anh ra giúp nó mới được.

Tôi vội can:

- Anh mặc tôi, tôi thuộc bệnh nó rồi. Anh cứ ở nhà, còn thịt gà, còn chũm cá chứ.

Ông đại Gáy nghe tôi, vác cái chũm xuống ao. Bác Thập mắt hút từ hôm ấy. Cũng không lai vãng xuống nhà tôi nữa. Còn tôi cũng lẩn thẩn, đâm ra ngày một nhát như con cáy. Cả đầu hôm ngồi bó gối, nghe tiếng ô tô chạy trong phố ra qua đầu nhà hay có khi chỉ một tiếng ai gọi cũng hốt hoảng giật mình. Không biết tại sao.

Nguồn: Cái áo tể (Tập văn, truyện ngắn Tô Hoài, nhà xuất bản Hội Nhà văn 2004)

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Cần Những Hương Ước Đời Nay:

Cuộc vận động nếp sống văn minh gia đình văn hoá ở khu dân cư không sôi động như năm trước. Người lạ quan thì nhận xét cuộc đấu tranh đã phát triển xuống tận cơ sở. Người uế oải thì chép miệng: có cóc khô gì đâu, đánh trống trên trời xong rồi.

Tôi không có họ với mấy ông uế oải. Nhưng tôi lúc nào cũng thấy băn khoăn, cũng thấy là khó. Lấy hai việc cưới và đám ma ra mà bàn. Xem ra về bề mặt sự hưởng ứng chưa được đều, ở phố có đôi chút nhúc nhích, ở làng thì chưa mấy, còn nhiều lơ lửng lắm.

Ở phố, đám cưới ít ăn ở nhà, người ta đặt ở nhà hàng,бет ra cũng vài chục mâm. Hoang phí và hủ tục này có cơ lại rầm rộ lên. Giá có báo nào cử phóng viên kinh tế xã hội đi điều tra các khách sạn, nhà hàng trong thành phố xem một tháng họ đã làm bao nhiêu cỗ cưới, chừng nào bàn, bàn loại tiền nào. Thiết tưởng cũng là những con số hải hùng có ý nghĩa chê trách người rồ tiền góp phần xây dựng nếp sống mới đấy.

Lại nói về đám hiếu. Cũng như việc hỉ, dạo đương cuộc vận động, cũng khá nề nếp. Đưa đám rồi ai về nhà nấy. Đến cúng 50 ngày hoặc 100 ngày thì tùy nhà, không phải là lệ trả nợ miệng, gia chủ làm cơm cúng làm vài ba mâm mời họ hàng, bà con, bạn bè.

Bây giờ lại tràn lan và nhiều khê. Ở phố, ở khu tập thể còn giản dị, bởi lẽ dễ hiểu: không mấy ai quen biết và họ hàng đông như ở các phường có làng cũ.

Nhiều đám ăn uống, đánh tổ tôm từ hôm linh cữu còn ở trong nhà. Rồi thì kèn trống, lại cát xét mở băng khóc than, băng tụng niệm hát chầu văn suốt đêm cả xóm phải nghe.

Ấy là chưa kể những hủ tục được cho sống lại mà không ai dám gàn quải, bởi “nghĩa tử là nghĩa tận”, nào xem ngày giờ đào huyệt, hạ huyệt, chuyển cữu rồi bùa chú dán yếm mọi nơi, rồi vàng giấy, cả tiền thật rắc dọc đường đưa đám. Nhiều năm đã bỏ được cái nhà táng, bây giờ lại thấy nhà táng con con che trên quan tài, rồi cái nhà táng trang kim vàng mã sẽ to, to hơn ngày xưa, có thể thế. Hủ tục đương sống lại. Ma chay hay cưới xin, nhà có thì mượn cỗ mà khoe dõm, nhà nghèo thì méo mặt. Lại nảy ra cái thói tính lỗ lãi trong việc hiếu hỷ. Có nhiều địa phương đã có phong trào và bình bầu làng văn hoá. Nhưng bền bỉ làm đến đâu đến đâu để thành nếp thành thói quen, thành phong tục mới thì vẫn còn là khó. Câu tục ngữ nghìn đời “phép vua thua lệ làng” hiểu theo nghĩa tích cực của nó là cái lệ làng được quy định thiết thân ấy là những tín điều người ta bảo vệ, người ta thực hiện hàng ngày

Ở phường, ở xã, ở tổ bây giờ phải có lệ làng kiểu mới. tinh thần mới. Gọi là phường ước, xã ước hay là những điều tự nguyện quy định về nề nếp văn hoá ở xã, ở thôn, ở tổ.

Từ quy định chung đến cụ thể là hai công tác nối tiếp nhau. Cũng như những phường có các phố, có khu tập thể và ở thôn xóm cũ thì chi tiết và đặc điểm càng khác nhau. Thành phố theo địa giới hành chính. nội thành có quận rồi phường, phường rồi các tổ dân phố. Ở ngoại thành có huyện, các thị trấn rồi xã với các thôn.

Ngày nay thành phố càng mở rộng. Nhiều xã các huyện đã nhập vào nội thành, thành phường, thành tổ dân phố.

Nhà nghiên cứu dân tộc học người Pháp Papin, tác giả cuốn Lịch sử thành phố Hà nội (nhà xuất bản Fayard, Paris 2000) trong tập nghiên cứu có một câu rất đáng chú ý.

Nhận xét về làng Đại Yên phường Ngọc Hà quận Ba Đình ông viết: Làng Đại Yên có một ngôi nhà rất đẹp nằm trên một khoảng sân rộng, nhắc cho ta nhắc cho ta nhớ rằng Đại Yên là một ngôi làng trong thành phố.

Những con số cụ thể có thể dễ dàng hình dung được vấn đề trên. Nội thành Hà Nội có 7 quận:

1. Quận Hoàn Kiếm 18 phường, 17 phường là phố cổ, phố cũ đời xưa. Phường Phúc Tân dưới bãi sông Hồng mới có người đến ở thành phố trong ngoài 50 năm nay.
2. Quận Hai Bà Trưng 22 phường. 10 phường trước 1954 là làng xã ngoại thành.
3. Quận Ba Đình 12 phường. 4 phường trước 1954 là làng xã ngoại thành. Phường Phúc Xá dưới bãi sông Hồng trước kia là bãi cát và cánh đồng mới có người ở thành phố trong ngoài 50 năm nay.
4. Quận Đống Đa 21 phường. 6 phường trước 1954 là làng xã ngoại thành.
5. Quận Thanh Xuân 11 phường. Cả 11 phường trước 1954 là làng xã ngoại thành.
6. quận Tây Hồ 8 phường, 8 phường trước 1954 là làng xã ngoại thành.
- 7- Quận Cầu Giấy 7 phường. 6 phường trước 1954 là làng xã ngoại thành. Phường Nghĩa Tân trước kia là cánh đồng bây giờ là các hộ ở nhà tập thể.

Các nhà tập thể sinh hoạt như mọi phường ở trung tâm, như quận Hoàn Kiếm.

Ở cùng phố, chỉ có dịp gặp nhau trong cuộc họp tổ. Các làng hợp lại thành phường thì không như thế. Dẫu cho bấy lâu nay nhiều người ở phố ra ven nội tậu đất làm nhà và có nhà máy, trường học cơ quan xây dựng chen vào, nhưng các làng xóm phần đông vẫn là bà con, họ hàng đã ở với nhau lâu đời. Cho đến bây giờ, mọi cái tết trong năm vẫn giữ được - nhất là ở các nhà còn các cụ trong ngoài 60 tuổi Từ tết “giết sâu bọ mừng 5 tháng 5” đến tết “cơm mới mừng 10 tháng 10”. Có thịt con gà, thổi chõ xôi, thật ra phong tục ấy cũng đi đôi với thói quen cũ quanh năm thường ngày ăn uống tán tiện “chứ chúng em ở trong làng đâu được

như các bác ở ngoài phố thứ bảy lại có bữa ăn tươi”.

Bây giờ tôi vẫn hàng năm về làng ăn giỗ tổ họ. Tục lệ cũ - có điều tiếp tục nên phát huy, có những cái phải xoá bỏ, trong sự chuyển động ấy rất dễ phát sinh lẫn lộn, như đã thấy bấy lâu nay về ma chay và cưới xin.

Một cái lệ làng kiểu mới thật cần thiết. Ngày trước, không phải làng nào cũng có hương ước, mà làng có làng không. Cái quy củ, trật tự của hương ước thì không có danh giới, thấy hay thì người ta bắt chước, người ta tự nguyện làm theo.

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Cây Cổ Thụ Và Vườn Hoa:

Xưa kia ở vùng tôi có nhiều cây cổ thụ không ai biết tuổi không đoán được tuổi bởi ai cũng thấy nó từ bao giờ. Như cây đề ở cạnh chợ, khi tôi còn bé u tôi thường dắt tôi lên ngồi ăn ở hàng gánh đa ướn cạnh gốc người Kẻ Cót, ngày ấy cây đã cao lưng trời - trẻ con ngược mắt lên nhìn đã khiếp, bây giờ cây đề vẫn cao vẫn rườm rà thế.

Cây gạo ở ngã ba cuối làng rẽ ra cánh đồng đã biến mất từ bao giờ không biết. Nghe nói cái bớt Tây ở ngoài đồng đã vào chặt để quang mắt cho đại liên nó lia được lên tận bờ đề chặn du kích ở bên kia sông kéo sang. Tôi cũng chẳng ngần ngại ra sao về nỗi không còn cây gạo. Bởi “thần cây đa, ma cây gạo” đã làm cho tôi sợ sẵn hướng chi chỗ ngã ba gốc gạo ấy lại là nơi mỗi khi làng có đám ma, nhà táng được khiêng đến đấy thì người ta lại gõ một hồi sinh cho đồ tùy nghi vai chỗ này là cái độ dừng lại sau cùng của chỗ xác chết hồn người còn ở trên mặt đất, các tay đồ tùy uống chén rượu, ăn miếng trầu xong tiếng sinh lại cất lên, các tay đồ lại ra đứng vào nâng đòn nhà táng lên vai đi chặng đường cuối ra đến huyết. Những cái ý nghĩ vẩn vơ con ma, cái hồn, người chết, đám ma đã làm cho trẻ con sợ từ thừa bé.

Vẫn còn cây đa đầu làng, thật ra là hai cây đa, hai cây đa vắt rễ sang nhau như người khoác vai. Mùa hạ tới, con yểng, con vàng anh về chui vào trong lá mổ những quả đa chín vàng hây. Bây giờ cây đa vẫn còn, có lẽ vì câu “thần cây đa” nên không ai dám đụng đến. Và đến mùa, quả đa chín vàng ối rồi mà chẳng thấy con yểng, con chim vàng anh về. Chỉ thỉnh thoảng có mấy con chào mào lảng vảng qua.

Ba cây muỗm đại thụ trên quán chỉ còn một. Hai cụ muỗm kia cũng là chết oan. Đội cải cách bàn vấn đề về trường học. Mấy năm Tây đóng không cho làm trường học, bây giờ ai cũng sốt sắng, nhưng đóng tiền học cho trẻ con thì được, còn làm trường thì tiền đâu ra. Một cán bộ đội phát biểu hăng hái: “Cái cây là phong kiến không nên để mai kia làng nào cũng có điện, đất nước điện khí hoá rồi cái cây bóng cây này mát thế nào được bằng quạt điện chạy vù vù. Thế là hai cây muỗm bị hạ xuống, vừa bán gỗ bán củi để mua gạch ngói, vừa xẻ ra làm bàn ghế cho lớp học.

Chỉ còn trơ trọi một cây, không biết cái cây lo nghĩ gì mà cũng phờ phạc. Những cây cổ thụ mất đi, chẳng thêm được cây bóng mát nào nữa. Có một cây bóng mát không phải dễ. Người trong làng cũng đi trồng cây vào dịp tết, một phong tục hay.

Nhưng người ta chỉ chú trọng đến cái có ăn liền và lấy thành tích. Cây điền thanh lấy lá bón ruộng, cây sa mộc, cây xà cừ lấy củi đun.

Các cụ ngày xưa đã bao đời trồng cây cho mai sau lấy bóng mát. Các cụ trồng những cây đa, cây đề cây

muối. Quanh hồ Hoàn Kiếm nhiều cây cổ thụ được trồng từ đời xưa như thế. Mười năm nay đã có những cây đã chết. Một cây đa lông chỗ cổng nhà máy đèn trông sang. Một cây sanh đứng chết khô khuất trong lòng hồ. Và một cây gạo ở lối đi vào cầu Thê Húc chết bệnh già.

Cây gạo ấy ở chỗ nhiều người qua lại, mỗi năm đến mùa hoa nở đỏ ối, thành phố đã trồng vào đấy một cây gạo mới, đánh từ huyện Thanh Oai đem ra. Cây gạo mới đẹp mơn mớn, nhưng cho đến lúc cây có bóng mát, cây có hoa thì phải tính từ vài chục năm trở ra mới lên hoa lên quả được. Trên thế giới, nhiều nơi có những hội Xanh “bảo vệ môi trường”, thành phố Bắc Kinh có cơ quan phụ trách cây và công viên, mỗi cây có lý lịch và bệnh lịch từng cây cổ thụ. Hà Nội vẫn còn nhiều cây cổ thụ, đến bao giờ Hà Nội mới trông nom, giữ gìn những đồ cổ sống này?

Lại nói về vườn hoa. Trong Nam ngoài Bắc, nhiều cơ quan, các nhà máy, khu công nghiệp đã xây dựng khang trang, xung quanh bao bọc những công viên: có những hàng cây, những luống hoa được cắt tỉa gọn gàng. Có cây xén cầu kỳ như những mâm xôi, như con hươu, như cái búa cái liềm. Đấy là cây và hoa trông trang trí ở những nơi công cộng theo kiểu công viên Pháp. Thời xưa, các cụ ta ở nhà chỉ chơi cây và hoa trong vườn, đến khi Pháp đô hộ ta mới có công viên ngoài đường phố. Vườn hoa kiểu Pháp, các vòm cây đều xén tròn, xén vuông kỳ quặc. Ở thủ đô Addis Ababa nước Ethiopi bên Đông Phi có hàng cây hai bên đường đều cắt vuông trông lên như con đường lợp mái xanh.

Trên thế giới có một số vườn hoa được bắt chước vườn hoa Pháp gọn ghẽ cắt tỉa và những luống hoa màu rực rỡ. Vườn hoa kiểu Anh như thiên nhiên cây cỏ hoa lá bao phủ tràn lan. Vườn hoa Nhật có suối chảy, có cầu tre, có hòn đá tảng làm ghế ngồi bên bụi trúc và cây liễu hoa đỏ.

Ta cũng có vườn hoa kiểu Việt Nam. Tiếc rằng chưa bao giờ người ta bàn bạc và chỉnh đốn cho ra nếp truyền thống và chưa có cơ hội thành công viên quốc tế một kiểu vườn hoa Việt Nam. Đã bao đời tổ tiên ta chơi cây cảnh và vườn hoa. Vườn cảnh của ta. Ở mỗi nhà hay ở đình ở chùa bao giờ hoa lá cũng đi đôi với màu và mùi, màu hoa và mùi hoa, màu đi đôi với mùi. Vườn nhiều màu đẹp của hoa hồng hoa sen, hoa ngâu, hoa lý, hoa móng rồng, hoa nhài hoa mộc và lan chẫu, lan treo ngọc lan, những loại hoa này đều toả mùi hương, những khi tĩnh mịch hay trong đêm khuya hương hoa đưa càng ngát, càng dậy mùi.

Các tay chơi cây cảnh của ta cũng có nét riêng, lối riêng. Đặt một cây giả cổ thụ trên hòn non bộ tí hon, cây cũng bé bỏng bên cầu, như ở cửa đình, cổng chùa đây là những cây lộc vùng, cây si, cây sanh già lão lắm. Nên nhớ điều nghề nghiệp mà các cụ uốn cây, gò cây cảnh mà không cắt cành, không xén cành như những cái cây làm thành hình con nai, con voi ở các công viên Bờ Hồ, công viên Thống Nhất hiện nay. Cho rằng cắt xén như thế làm cho đau cây.

Tôi đã nhiều lần vào Quán Gió chuyện chơi với những người công nhân săn sóc cây và hoa bên hồ Bảy Mẫu. Những cây ngâu, cây hoa giấy ở đây được uốn thành những con hươu, con chim phượng hoàng rất khéo. Những công nhân sở ươm cây bây giờ hầu hết đều là cháu chắt các cụ ở Ngọc Hà ngày trước thời Tây cũng làm nghề này ở sở “La Pho”, bây giờ là Sở ươm cây hay là Công ty cây xanh. Sở này làm việc

ươm cây trồng cây trồng hoa các công sở, các công viên các đường phố. Đến nay, những công việc ấy vẫn tiếp tục công nhân trồng cây làm vườn ở đây hầu như cha truyền con nối. Các ông thợ cây này cũng đều cho rằng cái vườn cảnh của các cụ ta truyền lại có cây thì có hoa, mà hoa thơm. Ở ngay chỗ bờ hồ Bảy Mẫu, các ông thợ đã làm như để chơi một giàn hoa thiên lý.

Bốn cột vầu to trên đan nan tre cột, không chằng dây thép, sợ mùa hè nắng to héo lá. Những dây thiên lý leo lên xanh thắm một góc bờ hồ, những chùm hoa vàng rực, phảng phất mùi hương thoảng rất xa. Biết thế, nhưng không làm thế. Ngày ngày vẫn đi cắt cành, xén lá và trông những bồn hoa có màu nhưng không có mùi hương.

Một ông lão, tuổi về hưu đã lâu, vẫn làm hợp đồng cho công ty ông lão đã đi theo bố vào làm sở “La Pho” từ thời trước.

Ông lão nói:

- Những hoa này đều hoa Tây cả, tên Tây khó gọi, chúng tôi mới đặt tên theo hình dáng là cây lá đốm, cây lá đuôi lươn, cây hoa đồng tiền, hoa loa kèn, hoa giấy, hoa mồm chó... Những hoa Tây này chúng tôi đã trồng cả đời, bây giờ các anh các chị đi học trồng hoa bên Tây về, cũng vẫn những hoa ấy mà thôi.

“Còn như hoa của ta có màu có mùi biết là đẹp đấy, cũng chịu. Có trồng giàn hoa lý kia cho vui một tí. Chứ bây giờ có được hoa đơn trắng đơn đỏ, hoa ngâu, hoa lý, hoa hồng ta, hoa tầm xuân, hoa sói, hoa nhài, hoa kim ngân, hoa móng rồng có mà đem ươm rồi trồng cả vạ cây ra các công viên thì lại phải có chủ trương, có kế hoạch, có tổ chức, có tiền chứ chẳng phải chỉ trồng vài ba cây, bỗng dưng mà có”.

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chịu Không Đoán Được:

Chiếc máy bay sáng hôm ấy từ Đà Nẵng vào thành phố Hồ Chí Minh.

Hai mươi sáu năm trước, hồi mới giải phóng, tôi cũng đi một chuyến Đà Nẵng - Sài Gòn thế này. Bấy giờ máy bay B6, bây giờ là 320 chỉ bay có 50 phút. Còn cái B6 năm ấy, khi lên trời, rên ục ục như cái xe bò bay. Nhiều khách ở Đà Nẵng ra sợ B6 đã bỏ vé. Tôi cũng đã thấy ở sân bay Nha Trang bấy giờ cũng tương tự như thế.

Tôi không nhớ cái máy bay ọc ạch năm xưa mà tôi nhớ một chuyện khác. Chuyến máy bay ấy có vợ chồng một anh y sĩ vào thăm bà con ở miền Nam. Anh ngồi ghế cạnh tôi, nhìn quanh rồi đứng dậy. Anh chỉ trỏ cắt nghĩa cho vợ biết mọi thứ xung quanh. Cái túi để nôn, cái bật đèn đọc báo, cái công tắc quạt thông gió, rồi anh lại ra chỗ cô chiêu đãi viên ngồi, anh mó vào cái cửa thoát hiểm, lại giải thích. May sao, cô chiêu đãi viên đứng lên nói: Máy bay sắp cất cánh, mời quý khách về chỗ, cài dây an toàn.

Anh về chỗ. Nhưng anh không biết cài dây an toàn. Cô nhà tàu đã cài dây hộ hai vợ chồng. Tôi đã ngỡ anh ấy đã ngượng mất thớ. Nhưng không, ông A. Q. cười với tôi, nói:

- Người ta phải phục vụ mình hết ý chứ, có phải không đồng chí.

Hơn hai mươi năm đã qua rồi.

Lần này, ngồi cạnh tôi trong khoang là một người hơi đứng tuổi, đội mũ phớt, giày da đen, thắt cà vạt hoa, gài giữa chiếc ghim vàng choé. Anh lên sau, tôi nhắc trông chân anh đi vòng kiềng chữ bát. Lốp trẻ bây giờ không bị mẹ bế xốc nách, không ai đi chân vòng kiềng nữa. Anh này không phải là lốp người bây giờ. Tôi nghi ngờ ngay ý tứ và lễ phép của anh. Anh ngồi xuống, oải người ra vẻ tự nhiên rồi cầm tờ báo tôi vừa cầm ở ngoài quầy vào Chăng hỏi tôi một câu. Tôi nhắc khéo: “Báo tôi vừa lấy ngoài quầy”. Anh không nói gì, mở báo chăm chăm đọc.

Lát sau, nhìn sang, tờ báo đã úp lên mặt, vừa rơi xuống.

Nhưng rồi anh mở mắt, hỏi tôi:

- Bác đi Nhật bao giờ chưa?

Tôi nhìn lại anh và không nói gì. Anh chép miệng:

- Nước Pháp, nước Nhật tôi đi tất tạt rồi. Chán bỏ mẹ?

Một chốc, lại thấy anh nhắm mắt hờ hờ, ngáy khò khò.

Tôi không đoán được anh là cán bộ từ thời bao cấp nào, là kiều bào Tân Đảo hay là giám đốc công ty hữu hạn. Chỉ nghe giọng nói đa đá Nam Định.

Máy bay xuống Tân Sơn Nhất. Anh hỏi tôi:

- Bác về đâu?

- Tôi xuống Vũng Tàu.

Anh nói:

- Hay đấy. Bác đi ô tô hay tàu cánh ngầm?

- Tôi đi tắc xi.

Anh lại nói to:

- Hay đấy. Tôi cũng về Vũng Tàu.

Anh và tôi đã ngồi trong tắc xi. Anh bảo lái xe:

- Bật máy lạnh lên chứ?

Lái xe lắc đầu:

- Không có.

Anh nhảy xuống. Không chào tôi, nhưng nói:

- Không có máy lạnh, không chịu được.

Lại ngất ngưỡng mũ phớt, cà vạt cài ghim vàng, chân đi vòng kiềng trên vỉa hè. Tôi vẫn chịu không đoán được anh ta là hạng người nào, thời nào.

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chơi Hoa:

Các cụ ưa chơi hoa cây. Cây ngọc lan búp hoa trắng ngọt đến cuối xuân. Những cây ngâu cổ thụ hoa vườn, người chơi cảnh chỉ tia, ít chặt cành, bẻ cành, bởi thương cây tránh làm đau cây Vườn chùa ấy trồng cây mẫu đơn có hoa đẹp.

Còn nhớ tích xưa cô tiên Giáng Hương ngoài cửa bể Thần Phù vào chơi hội chùa và vô ý làm rơi bông mẫu đơn, bị tuần làng ngả vạ trói vào gốc cây, quan huyện Từ Thức phải cởi tấm áo lương làm tiền chuộc mới cứu được cô tiên. Cái hoa trên cành rơi mà quý, đến phải phạt nhiều thế?

Có lần tôi thấy trên sân khấu diễn đến đoạn vua Quang Trung cùng đại quân vào giải phóng Thăng Long giữa tết Nguyên Đán. Nhà vua sai quân quan vác một cành đào hoả tốc ngày đêm vào kinh đô đem tin mừng thắng trận đến công chúa Ngọc Hân. Chỉ băn khoăn không biết ngày xưa có chặt cành đào mừng xuân như ta bây giờ không?

Hình như không.

Người ta cũng ít chơi hoa bó - chỉ có mỗi hoa huệ thì bó từng giò, mà hoa ngắt từng đoá là hoa để cúng. Trên bàn thờ tổ tiên và ở đền chùa, đĩa hoa cũng có mấy đoá hồng ta nhỏ nhỏ đôi ba cánh, có chùm hoa sồi, hoa ngâu với lá trầu không gói hờ trong mảnh lá chuối tươi buộc lạt.

Thời người Pháp còn ở Hà Nội trên thành phố thường có người gánh hoa bán. Người gánh hoa ở làng Ngọc Hà còn có tên là trại Hàng Hoa - đất trồng hoa vùng 13 trại xưa ở kinh đô. Các nhà mua hoa cúng, có người đặt tiền trước ngày rằm mừng một sáng sớm cô hàng hoa đem đến treo gói hoa vào cái đinh trước cánh cửa. Các nhà người Tây thì mua hoa về để cắm bình. Hoa hồng, layơn, hoa loa kèn, hoa đồng tiền, hoa mồm chó (người trồng hoa đặt các tên hoa theo tên gốc hoặc hình dáng, bởi đây là hoa Tây nhập nội).

Trong vườn hay trước giại bể nước trồng cây trà đỏ, cây trà bạch, cây đào bích, đào phải có khi hồng đậm, hồng nhạt, trắng tinh và bụi hoa mào gà đỏ chói. Người chơi lan chậu, địa lan. Sau này, lan rừng, phong lan treo đầu tường từng giò man mác hương bay.

Trên mặt đất, kiếp hoa và cây cảnh này cũng lưu lạc sông hồ chẳng ở yên lâu. Hãy xem lý lịch cây lục bình. Lục bình đến nước ta từ thế kỷ trước.

Đầu tiên có tên là sen Nhật Bản, cây cảnh hoa cảnh mới được chiều chuộng hết cỡ. Ngày ấy tưởng tượng một cái bát thủy tinh nước trong veo thả vào bát những cái phao trắng nõn, lá xanh mơn mớn, màu hoa tím tím ngấn ngơ, tao nhả biết bao. Nhưng rồi cái cây hoa ấy mọc nhanh quá - nhanh hơn ốc bươu vàng? Mặt

nước hồ Tây mênh mông, mới đây còn quang đãng, chỉ dăm hôm đã xanh om, những đám rêu bám dày đặc dưới mặt nước, cá mè cá chép ngạt thở chết cả. Xưa kia, nhà thầu cá hồ Tây phải thuê dọn quanh năm. Cái gì nhiều quá cũng đâm rêu rúng, sen Nhật đã thành bèo tây để nuôi lợn. Nhưng đời cây húng lại khác. Cây húng gia vị rau xanh ta ăn với thịt chó, thịt vịt tiết canh, tên nôm na là cây húng chó, mà gọi kiểu cách là cây húng quế. Nhưng đi ra phương trời xa thì cây húng đổi đời ở Cuba và các nước Nam Mỹ mỗi cốc rượu cốc tay (cook-tail) phải thả một nhánh húng quế vào thì rượu uống chơi mới lên hương. Ở thủ đô Kabul nước Afghanistan, ở Addis Abeba nước Ethiopie, cả Trung Đông và Đông Phi, các công viên với những bồn hoa vòng tròn như mặt trăng đều trồng húng quế. Vẫn cái húng quế tro hoa tím tím li ti, dậy mùi thơm hắc mùi húng chó ở quê ta. Mới đây trên mặt trận Afganistan nhờ có cây húng quế hái được ở công viên mà món mỳ ăn liền của các phóng viên chiến tranh báo An Ninh thế giới từ Hà Nội tới có được món rau thơm hợp khẩu vị.

Đến cây xương rồng lợn kiếp vào nước ta thì lại khác. Ở nước ta cây xương rồng làm hàng rào vườn. Xương rồng ông cắm quanh các giếng đất, ven góc mộ ở nghĩa trang. Xương rồng bà để rào ngõ, chắn vườn rau và tha gai ngăn ruộng mạ cho vịt khỏi rúc. Ở châu Phi, xương rồng nhử chai lọ vứt đi, như qua lê thối lăn lóc trên sa mạc.

Bây giờ ở châu Âu, xương rồng thành cây cảnh loang thấp nơi, lợn kiếp lần nữa đến Việt Nam, xương rồng không phải rào bờ rào, mà xương rồng ngồi trong chậu cảnh. Có hàng trăm, mấy trăm giống xương rồng kỳ lạ được nâng niu trong bát, trong cốc, trong chậu đặt giữa phòng khách, phòng ngủ và thư viện.

Gần đây, người ta hay chơi hoa giấy. (Phân biệt cây hoa giấy với hoa bằng giấy làm để trang trí. Cây hoa giấy là một cây hoa người Pháp đem ở Tân Đảo sang thường trồng làm bờ rào các công sở. Bởi hoa cũng như lá, hoa tím nhưng không có mùi người ta gọi là hoa giấy). Hoa giấy để trang trí này là hoa gia bằng lựa bằng ni lông, làm hoa hồng, hoa cúc, hay là lung tung, cũng xanh xanh đỏ đỏ hoa gì cũng được. Hoa giấy lan mọi nơi, ở bàn thờ, bàn nước, hoa làm khéo đến độ ai tò mò phải mó tay mới biết hoa thật hay hoa giả.

Cái xứ sở có người chơi hoa giấy - chỉ ở phương Tây, nhưng ở đây, hoa giấy bày ở những chỗ xa xa, cho có bóng và màu cây hoa mơ màng. Không cắm hoa giấy ở bàn uống nước, bàn làm việc như ta ở ta khách có hói:

- Việt Nam bốn mùa hoa, chơi hoa giấy làm gì?

Thì cũng khó trả lời.

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Chuyện Phiếm:

Có anh bạn trẻ cho tôi biết có bài báo viết rằng bây giờ nếu có hội những người không xem vô tuyến truyền hình thì có thể cất nhắc tôi làm hội trưởng được.

Cũng có thể dễ phong cho tôi cái chức mất vui ấy. Bởi vì chỉ trong việc viết bản thảo đã qua mấy thời kỳ bạn bè tôi viết bằng đánh máy, đánh chữ và bằng những gì gì nữa, còn tôi cả đời vẫn cày, vẫn cặm cui bới từng chữ trên giấy. Bảo sao không tụt hậu đáng chế giễu được.

Nhưng người ta đồn nghịch thế thôi. Tôi vẫn xem vô tuyến đều đều. Có điều tôi xem theo ý thích của tôi. Ai chả thế, có gì lạ đâu. Tôi nghe lịch thời tiết trong ngày. Tôi xem mục phong cảnh đất nước, các phóng sự về đời sống các con vật trên rừng dưới nước, trong nhà. Tôi không xem thời sự - vì đã đọc báo. Tôi không tập thể dục theo đài được vì các động tác nhanh quá sức với tôi. Tôi không xem tiết mục văn nghệ vì tôi thích đọc sách để tưởng tượng ra hình ảnh hơn là trông thấy hình ảnh. Tôi không thích người đóng phim như người diễn kịch. Thế đã là xem nhiều rồi và tôi chắc cũng nhiều người xem vô tuyến như tôi.

Vậy là mình cũng không đến nỗi quá ngán ngợ. Nhưng mà tôi đương có nỗi buồn và sự lạc hậu còn hơn cả cái tật ít xem vô tuyến. Ấy là mỗi hôm mở trang báo hàng ngày, có những chữ nước ngoài không đọc được, có những câu, những bài chẳng hiểu mô tê thế nào. Báo hàng ngày là thời sự, thời sự mà không biết, chao ôi là thật lười. Những máy vi tính, công nghệ thông tin, công nghệ phần mềm, tin học, internet cà phê, truy cập mạng, các thứ gen... và bao nhiêu chữ lạ tai nữa. Tôi chịu. Tôi chưa mó đến cái điện thoại di động bao giờ. Trong khi ấy thì người đi đường, người ngồi họp, người trên tàu xe chốc chốc lại áp máy vào tai nói nói nghe nghe, sao người ta ngày nay lắm chuyện gấp gáp thế. (Nhưng tôi để ý cũng có khi chẳng gấp gáp gì cả. Tôi ngồi đợi máy bay ở ga Tân Sơn Nhất, một ông ngồi cạnh, chốc chốc lại nói vào máy: Máy bay sắp bay, em ơi? Hôn một nghìn cái nhé!. Ôi thế thì nói máy di động cũng chẳng ra chó gì, tầm phào quá.

Trên mọi ngã đường quanh ta và ở mỗi chúng ta, quang cảnh và con người cứ cũ cũ mới mới rồi rít tang bồng như thế. Nửa đêm ở Sài Gòn, nghe ngoài cửa sổ nhà trọ tiếng gõ thanh tre. Đây là người bán mỳ gõ rao hàng.

Cái này ban đêm ta đã nghe từ hơn nửa thế kỷ trước ở thành phố này. Bây giờ gọi là gõ sức tắc, sức tắc, sức tắc, tiếng Tàu là ăn được, ăn được. Đây là tiếng báo hiệu xe hoành thánh (văn thẩn), xe hủ tếu, xe bò viên đã tới đầu phố, ai mua thì ra mà mua.

Bây giờ tôi chẳng còn thói quen ăn khuya.

Nhưng mà không ngủ được, tôi cũng xuống đường. Đã quá nửa đêm. Những nhà mái ngói một tầng, những bức tường loang lổ ngày trước không còn nữa mà chỉ thấy liên liên những bức tường cao thẳng đuốn, những cánh cửa xếp hạ xuống và cái phố dài như mím môi lại. Thế mà ngoài vỉa hè vẫn còn rải rác người nằm người ngồi suốt đêm hết như ngày xưa những người ngủ núp trên vỉa hè. Thỉnh thoảng, có cái xe máy ghé rồi lại đi ngay. Không biết thì thảo cái gì hay đã dúm cho nhau cái tép trắng.

Trước tam quan chùa Xá Lợi, mấy người nằm trùm mảnh vải vỏ chăn kín đầu, chẳng biết chui ở trong là đàn ông hay là đàn ông với đàn bà. Tiếng mỳ gõ gần gần rồi qua trước mặt tôi. Không phải như ngày trước thằng bé con đi thoăn thoắt như chuột chạy mà một thanh niên cao dong dong, điển trai, mặc bộ quần áo ngủ sọc xanh sọc tím, hai tay cầm thanh tre gõ đều đều. Hồi này quần áo rẻ, không ai mặc vá mặc rách nữa.

Rồi anh chàng ấy ngồi xuống một hàng hiên trái mảnh chiếu. Đây là cái chiếu tấm quất. Thì ra anh chàng tấm quất này vắng khách, đi gõ rao gọi.

Mỗi vùng đều có thói quen riêng, những thói quen lâu đời. Ở Hà Nội hay ở Sài Gòn bây giờ vẫn có, vẫn thế. Ngoài Hà Nội, ngày đêm nghe tiếng rao, giọng cất lên như hát. Xôi, bánh giò, cơm nắm đây. Tào phớ đây... Bánh rán nóng đây... Bánh cuốn bánh nếp, khoai nóng đây... Bánh khúc đây... Lại có người rao như hò hò: chữa khoá đây... Ai giấy báo, quạt điện, công tơ, xe đạp hồng... Cái gì cũng rao. Ai mua cóc. Ai mua rắn không. Có dạo một người đi xe đạp bán thuốc bả chuột không rao, lại mở băng cho cả phố nghe bài nhạc vàng thảm thiết. Thì lại không ai ra mua bả chuột cả. Ít lâu sau thấy biến anh chàng. Ở đây người ta nghiện tiếng rao. Ở phía Nam lại chẳng nghe tiếng rao hàng trong phố. Cái tiếng mỳ gõ kiêm gọi khách tấm quất cũng vẫn chỉ là tiếng gõ. Ở Vũng Tàu, cái xe bán kem chốc lại nổi lên một tiếng nhạc như một hồi khèn Mèo.

Thành phố đương hiện đại, vẫn nghe tiếng rao, tiếng gõ, ngày nào.

Sáng sớm, ngồi uống cà phê vỉa hè với bạn Đoàn Minh Tuấn bên đường Thiện Chiếu. (Trời, mới như năm nào ngồi uống trà với sư Thiện Chiếu ở chợ trung tâm bên Bắc Kinh, nay đã thấy ông ngồi trong tấm bảng tên phố bên đường). Cả lúc quên lúc nhớ xa xưa này mà vẫn cứ mới mới cũ cũ ngổn ngang trước mặt. Hè bên kia, có đũa rục của nào đang xây nhà. Hàng rào bao quanh cấm chắn song sắt tua tua cao đến hơn chục thước, cái nhà bọc trong lồng sắt. Có thể nó còn thả điện chống trộm cũng nên. Rõ thật thằng kẻ cướp lại sợ thằng ăn trộm.

Sáng rồi mà mấy người đắp mền ngủ đặng tam quan chùa Xá Lợi vẫn chưa dậy, tiếng xe qua lại âm âm rền rẹt bên tai. Cũng những cái xưa cái nay khác nhau mà lại sóng đôi với nhau.

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Giàn Hoa Kim Ngân:

Trên mép tường xám, có mấy cái cọc giàn dây kim ngân. Mùa hanh hao, đám cỏ gà cũng xơ xác, nhưng kim ngân thì ngược đời. Thảng chập khô héo, hoa kim ngân rưng rưng nở vàng từng bụi.

Khi hoa kim ngân rụng rở góc sân thì mẹ con bà bán lá ngoài chợ vào hái hoa về phơi làm thuốc. Đã đặt tiền cọc từ trong năm cho trẻ con bỏ ống lợn để dành. Hai mẹ con bắc cái ghế đầu đứng hái xuống từng chùm hoa vàng trắng.

Con chim gáy quanh đầu quanh đuôi trong cái lồng quả vả dưới giàn kim ngân kia. Tưởng như cả đời nó chỉ vẩn vơ thế rồi chốc lại bới, lại nhặt hạt kê trong cái vầu tre. Không, cuộc đời con chim trong cái lồng con con cũng lắm éo le chẳng tưởng được đâu

Con gáy này được đem về từ trong thung Kim Bôi trên Mường. Nó uống hết một cống nước. À trên đường ngược nhiều sông suối, người thì uống rượu, mày thì uống lắm nước thế. Đến lúc vàng mặt trời, con chim đứng xù ra, lông bay như bướm bay. Sáng ra, thấy nó rụi mỏ vào thành nan, ngả mình chết trông lên đình lồng.

Con gáy lách nan lồng bị nghẹt cổ. Có phải thế không? ông lão lật xác con chim rồi nói:

- Nó chết bệnh ngã nước đây mà.

Ông lão bảo con người cũng bằng con chim, nhặt hạt thóc hớp hùm nước đều quen có chốn có nơi. Từ thửa biết bay chuyền ở rừng, về đây phải uống nước lạ, không gặp đâu hạt nước đọng trên mặt đá, không có ngọn nguồn chảy trong khe đá ra, thì đành mang bệnh ngã nước phải về đường ma thôi. Con chim mảnh dẻ, khác nào con kiến bọ giọt, con bọ net có đốt ngứa chân người ta dấy thì rồi màu xanh cỏ úa cũng lẫn vào lá rụng, vào lòng đất. Quên đi, rồi ông sẽ kiếm con chim khác về. Ông lão đem đến cái lồng tròn xoe. Con chim gáy ngó nghiêng nhìn ra. Cái lồng gác bếp, bồ hóng đã lên nước.

Tàu lá thiên tuế và một mảnh vải điều che trên nóc. Như những ông lão trong làng ngày trước xách lồng chim đi chơi.

Con gáy mới này quê gần ở trong khoanh tre bên kia sông. Những tưởng dưới đường xuôi không đâu còn chim gáy trú ngụ. Nhưng thi thoảng để ý kỹ vẫn thấy chim gáy liệng xuống ruộng. Có điều bây giờ cánh đồng quanh năm có mùa gặt hái, con chim cũng bỏ thói quen chiêm mùa ăn đôi, ăn đàn tháng năm tháng mười như xưa kia.

Con gáy này hợp thổ ngơi, chẳng mấy lâu đã béo mồm, cườm lổm đổm biếc. Chẳng ai dạy bảo nó. Con chim tha thui trong lồng thì biết bắt chước ai. Thế nhưng con chim vẫn giữ nếp các cụ họ nhà gáy, sớm sớm chiều chiều, gáy lên ba hồi đầy đủ. Tiếng cú cu cu giục giã. Phải ta đây có dọn giọng cất tiếng, thì người thợ cày mới thức dậy kịp tháo cái dôi chuồng trâu, và ai ai gồng gánh lặn lội ngoài đồng xa nghe tiếng chim mới nhớ chiều về. Con chim gáy đậu trên cầu trong cái lồng quả vả và dưới giàn kim ngân. Con cu cườm... cú cu cu cũng phách lối ta đây lắm chứ.

Thế mà rồi thằng cu cườm cũng phải một trận ốm sắp chết.

Buổi sáng không nghe cú cu dồn dập như mọi khi. Bao nhiêu lông tơ lông cánh con gáy lả tả từng đám quanh chân. Hai bên mí mắt nó lộn vành trắng, nhắm lại gật gờng. Ông lão nhìn rồi nói:

- Thôi thôi, thằng này bệnh chấy rận, bệnh chấy rận?

- Sao lão biết?

- Con chấy con rận ở người lây sang con vật thì biết chứ sao. Nó rĩa thế kia rụng hết lông, cơn ngứa điên lên, toi đến nơi rồi.

Nó vẫn đứng được kia. Quanh năm nó đứng mà. Con chim hơn thằng người ở chỗ suốt đời chỉ mặc một cái áo, cả đời không cần tắm. Con chim hơn thằng người Ha... Ha... ông lão cầm một nắm vôi bột rắc lên mình con gáy trần trụi:

- Tao tẩy uế cho mày được mát mẻ đi kiếp khác.

Con chim gáy hoá ra cục vôi.

Bỗng dưng, gáy ta chớp chớp mỏ. Báo hiệu hấp hối chẳng. Lại gáy như mọi khi chẳng. Rồi tiếng cú cu mịn màng, mượt mà. Con gáy ốm lúc này biến mất. Gáy ta lại nhặt hạt kê, nhặt ăn hạt sỏi. Con chim gáy không chết, có phải nhờ cái vôi bột chẳng.

Từ hôm khỏe, gáy thêm một tiếng gáy. Ông lão vừa lò dò đến. Con gáy đã đứng mép lồng hai chân riu lại chen nhau như chọn chỗ đứng. Rồi chim cất cổ cái đầu và con mắt bồ xuống cú cu... cú cu... Con gáy chào ông lão. Con gáy nhớ mặt người, con gáy biết ơn người. Một vệt chân người lên núi Mớ Đá. Lưng núi, gió thổi ngả nghiêng nương ngô và những cây chuối. Người trong xóm đi kiếm bữa hái quả ớt gió, đào củ gừng đại. Đàn dê ăn trên núi về chuồng đi trong ánh nắng nhạt còn rớt lại.

Có con khướu mun đậu trên lưng con dê nẹ. Tiếng chim thánh thót theo dê con lùn cùn đi từ ngoài núi vào đến đầu xóm rồi lại bay về núi. Dưới giàn kim ngân thêm cái lồng chim khướu. Ai bắt được con khướu mun đen về đây cho hai con chim hót nhớ rừng. Con khướu mun đen tuyền, má ngăm ngăm màu mun. Con khướu mun, không biết có phải con khướu mọi khi vẫn đậu trên lưng con dê trên núi Mớ Đá? Con khướu mun trong cái lồng bầy nhảy hốt hoảng như lưới bầy vừa sập.

Lồng khướu mun có lọ nước, có công cắm trứng lúc nào khướu mổ ăn cũng sẵn. Đã quên mùi những con nhặng, con ve nhặt được trên lưng con dê trên núi.

Con khướu hót cả ngày. Con gáy ở cuối giàn thì gáy có buổi. Nhưng xem ra đứa nói tiếng ta, đứa nói tiếng Tây, việc ai nấy làm. Con khướu nghiêng mắt, lắng nghe tiếng động ở đâu ngoài kia.

Dây kim ngân bốn mùa không biết màu úa, cả giàn không một chiếc lá héo. Lá kim ngân sáng đôi, xanh mơn, lông tơ vân vân như lá được tro trong bụi mưa. Cả giàn nở hoa vàng xôn xao. Giữa tháng chạp khô héo, cây kim ngân có giêng hai hoa lá của mình. Bọn trẻ đi chơi chợ Tết rồi. Ngoài chợ có cả trăm cái lồng chim, nhưng trẻ con bây giờ thiết gì chim với cò. Chúng nó đòi mua cái mũ đỏ của lão Nô-en ở xứ sở nào tới và chúng nó chỉ thích nhai kẹo đắng súc cù là. Chẳng đứa nào biết tên con chim gáy, con khướu mun. Chúng nó bảo chỉ có con gà gáy con chim thì biết nói như người. Cứ nói lung tung thế. Chúng mày không biết rồi, ngày trước ông lão đã nuôi một con yểng xanh lơ. Con yểng bị xích chân đậu trên cành đuối làm cảnh. Con yểng nói tiếng người, nghe rợn cả tai. Ai đấy! Nhà có khách. Nhà có khách. Mà trông trước trông sau chẳng có ai. Ông lão sợ như nghe tiếng con ma nói. Lão thả con yểng. Chẳng biết về được trên rừng, con yểng có còn nói "Nhà có khách, có khách" nữa không.

Bỗng nhiên, buổi chiều lặng im. Tiếng động thành phố xa xa đọng lại ở bên kia những chóp mái nhà ngất ngưỡng. Không phải lão đứng một mình. Con khướu mun đương hé mở lúu rúu khe khẽ. Chốc chốc lại to tiếng quát quắc quắc. Nó còn nhớ cái tiếng man dại trên núi? Con gáy thì lặng lẽ lại cục cu cục cu chào ông lão.

Ông lão cố đoán, nhưng không đoán ra những con chim nói gì. Con khướu mun, con chim gáy đương reo hò quát lác hay đương chửi, nó đương khóc, đương cười, nó bảo mày bỏ tù tao cả đời thế này, mày đang tâm thế sao. Lạ mày, tiên sư mày. Ôi, con chim hót, con chim gáy, con chim nói. Nào biết được. Hoa kim ngân vàng rực. Đã lâu, không thấy mẹ con bà mua lá thuôn vào hái, mà hoa kim ngân không ngắt bây giờ thì chỉ đến khi ngoài giêng có mưa dây mưa dợ, cánh hoa trắng rã ra, không còn lấy hoa sao thuốc, sắc thuốc được. Lão bắc chiếc ghế đầu, lão hái hoa. May ra, mai còn được nắng. Lão phơi hoa hộ mẹ con bà hái hoa khỏi hoài của.

Trên thình không, những đàn sếu trú đông đã xuống đến đây. Đàn sếu bay hàng ngang, bay hàng dọc đều đều. Tiếng vỗ cánh ràn rạt. Ở xa tận đâu, đàn sếu bay qua những cơn bão tuyết cuộn cuộn suốt đêm. Nhưng sáng ra, ở đây chỉ thấy một làn nắng phẳng lặng vàng óng. Những đốm tuyết còn giắt vào chân vào cánh những con giang, con sếu về trú đông trên mặt hồ.

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Hà Nội Với Hà Tây:

Hà Nội và Hà Tây, Hà Nội với Hà Tây- Chữ với khác chữ và. Với là ta với nhau, tôi cố gắng cắt nghĩa chữ với, ta với nhau, ta với mình, Hà Nội với Hà Tây.

Quan hệ giữa Hà Tây và Hà Nội lâu đời như cùng trên cội đất phát tích của dân tộc, bởi nó là một miền đất không thể kể sự khác nhau của mỗi thời kỳ theo tên gọi và theo địa giới hành chính. Hà Nội là thủ đô Thăng Long nhiều triều đại. Ngót một trăm năm trước Cách mạng Tháng Tám 1945, Hà Nội là thủ phủ xứ Bắc Kỳ và Thủ Đô của ba nước Đông Dương, Hà Nội là đất nhượng địa cho thực dân Pháp giữa xứ Bắc Kỳ bảo hộ. Hà Nội chật hẹp theo địa giới hành chính, phía bắc đến bãi Giữa dưới cầu Long Biên đã thuộc tỉnh Bắc Ninh, các phía khác thì cuối phố Huế bây giờ đã ra ngoài thành, đến Ngã Tư Vọng đến sau trường Chu Văn An và ra ô Yên Phụ đã sang tỉnh Hà Đông. Hà Nội chỉ chu vi trong thành và khu phố cổ, khu phố cũ với một dân số khi đông nhất cũng mới trên dưới 20 vạn người.

Dân số Hà Nội, trong từng giai đoạn lịch sử và do tình hình, cả nước di cư đến nhiều khi từng đợt, vì con người cả nước mà tạo nên thủ đô, nhưng có một hiện tượng thú vị là chắc chắn trong thống kê dân số ở Hà Nội thì mục nguyên quán ở Hà Đông và Sơn Tây là con số lớn nhất. Hà Nội là trung tâm, là thủ đô thời nào cũng có những ràng buộc, gắn bó với cả nước; các quan chức và binh lính đến Thăng Long theo chức trách, những làng nghề về nơi đô hội làm ăn và buôn bán. Ở lâu rồi định cư cả đời, nhiều đời. Hà Tây và Hà Nội cũng không ra ngoài quy luật trên. Nhưng khác tất cả các nơi, Hà Nội với Hà Đông và Sơn Tây còn là láng giềng liền vách, có thể nói là cùng ở một vùng, một thổ ngơi. Hà Nội là thị thành thì sức hút của nơi đô hội tất nhiên là to lớn mạnh mẽ mà trước nhất sự hấp dẫn chỉ có một chiều ấy đã tác động tới mọi tầng lớp, mọi giới ở lân cận.

Giới trí thức, cho tới ngày nay, đời nào cũng có những quan chức ở Thăng Long rồi nhiều người có trang ấp, nhà cửa toạ lạc các làng xóm xung quanh. Từ Chu Văn An ở Thanh Trì, Nguyễn Trãi ở Thường Tín, đến Phan Huy Chú ở Quốc Oai, Đặng Trần Côn ở Thanh Trì, Hà Tông Quyền ở Thanh Oai, cho đến cuối thế kỷ vừa qua, khi ra đời văn học quốc ngữ các cây bút tài danh thừa ban đầu như Phạm Duy Tốn, Nguyễn Văn Vĩnh ở Phú Xuyên, Phan Kế Bính ở Thụy Khuê, Nguyễn Khắc Hiếu ở Khê Thượng. Tôi chỉ kể một vài nhân vật tiêu biểu làm ví dụ.

Nhưng tôi muốn nói đến số đông. Số rất đông, đó là người ở những làng nghề, những người thợ khéo mà hầu như cơ sở nòng cốt của thủ đô được tạo nên chủ yếu phải do lớp người này, đã cha truyền con nối từ bao giờ cho đến tận bây giờ. Thậm chí, khi nhà Nguyễn thiên đô vào Phú Xuân đã phải đem một số làng nghề và nghệ nhân vùng Hà Nội, Hà Đông vào Huế. Thời nào cũng vậy, trong thành các quan lại đến và đi theo chức trách, chỉ có ngoài thị mới là người ở lại lực lượng này đã sinh hoạt, đã phục vụ đời sống phố

phường, thành hình thù đáng vẽ, cốt cách người Hà Nội. Đó là những làng nghề xung quanh thành phố như Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Nam Định, Thái Bình, nhưng Hà Đông và Sơn Tây đông đảo nhất, có điều kiện khách quan là ở cùng vùng với Hà Nội.

Trong 36 phố phường Hà Nội, những phố nghề và phố buôn bán, cùng với những phố người Hưng Yên, người Bắc Ninh thì số nhiều các làng nghề khác nhau là người các làng xung quanh. Phố Hàng Bạc có thợ kim hoàn Thanh Trì, phố Hàng Lược, Hàng Nón là người Thường Tín, phố Hàng Khay, thợ khám Phú Xuyên, phố Hàng Trống, phố Hàng Tàn làm lồng người Thường Tín, phố Hàng Bừa là thợ rèn Từ Liêm.

Có biết bao nhiêu người, bao nhiêu làng ở Hà Đông ra Kẻ Chợ hàng ngày làm ăn. Ngày trước, cứ đến mùa hanh hao, gặt hái đã xong, lại có từng bọn thợ đầu ở Phùng, ở Đan Phượng vào các làng ven nội đào ao đắp nền nhà. Cả phố Hàng Quạt, quạt nan làng Lủ - Thanh Trì, quạt thóc ở Vẽ - Từ Liêm, quạt lông ngỗng trong Đơ Đình, quạt Vác ở Canh Hoạch.

Cũng nghề vót nan làm quạt bây giờ phát triển linh hoạt, thức thời, ấy là nghề làm lồng chim làng Vác. Ở các chợ chim, phố chim ngoài Hà Nội hôm nay, các lồng xịn mà đúng kiểu cách cho mỗi thứ chim đều là lồng Vác. Có người chơi cầu kỳ không mua lồng chợ mà đã về thừa lồng tận nơi sản xuất. Và cũng đến bây giờ, các cơ quan xuất khẩu nông sản và thực phẩm, đến dịp đưa hàng đi nước ngoài, có chuối có dứa, có chanh quả, khi đóng gói đều phải cần đến sọt Huyền Kỳ. Xe bò kéo sọt ra thành phố cả ngày, sau cấm xe ban ngày vào thành phố thì xe bò đi cả đêm, bây giờ cấm cả đêm, thì không biết sọt xuất khẩu đưa ra Hà Nội bằng phương tiện gì. Từ xa xưa, phố Sinh Từ - nay là phố Nguyễn Khuyến, là phố bán dao kéo Đa Sỹ và Phùng Xá, bây giờ dao kéo Phùng Xá và Đa Sỹ vẫn tấp nập và đặc dụng. Mặc dầu dao kéo Thái Lan đẹp mã cũng không thay được các kéo đại ở các xưởng may xuất khẩu của người thợ rèn trong Bùng hay là con dao phay, dao rựa lò rèn Đa Sỹ vẫn được dùng hàng ngày ở các bếp nhà hàng, khách sạn Đại U, Sô Phi Ten sang trọng. Còn biết bao liên quan rất đặc điểm nữa, cả cái rễ cây quăn quanh tảng đá, nhỏ nhưng chắc, đốt thành than hoa để nướng chả, quạt bánh đa, đun thuốc sắc thuốc trong nhà máy ngành dược, cũng được tải từ chân núi Ba Vì về chợ Long Biên.

Sự liên quan mạnh mẽ và sâu sắc của Hà Nội với Hà Tây có thể nhận xét cả trong tiếng nói. Tiếng nói là một minh họa của sự liên quan và phát triển. Tiếng Hà Nội, giọng Hà Nội rành rọt và thanh lịch ngày trước chỉ nghe ở trong vùng tụ hội người tứ xứ, cái giọng cái tiếng trộn lẫn không giống bất cứ vùng nào, không của địa phương nào chỉ thường nghe phổ biến trong phạm vi nội thành, ra tới làng Thụy đã bắt đầu giọng ngoại ô, giọng kẻ Bưởi, và đi quá chợ Mới Mơ đã sang vùng kẻ Mơ, nói ngọng. Bây giờ tiếng Hà Nội đã lan khắp. Tiếng Sơn Tây nhạt hẳn, đi chợ Nghệ chỉ còn nghe phảng phất ở mấy cụ lão bà trên Bát Bạt xuống chợ. Tiếng Hà Nội đã tràn lan. Không cần phải bắt chước phải sửa giống người ta cứ nói khác đi lúc nào mà không tự biết.

Hà Nội với Hà Tây đó là sự gắn bó và phát triển trong một vùng.

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Hội Làng:

Trong làng, không kể nhà giàu nhà nghèo, người có cái ăn hay người không một đồng xu, cũng không tính các ngày giỗ và đám ma, đám cưới, bốc mộ, “dưng” sao giải hạn, đặt tự ở đền chùa và ốm đau phải cầu cúng, từng nhà cũng như việc làng, việc xã và những ngày giỗ tổ của họ, chi họ, việc hàng giáp, chòm xóm - nghĩa là những dịp phải đóng góp và có động đũa động bát, và cứ kể riêng cái thứ lo tết nhất trong một năm, mỗi nhà theo cho có được bát nước cúng và nén hương, cũng đã vất vả, đã khurót, huống hồ lắm khi lại phải kiếm ra lẻ gạo nếp, miếng thịt lợn và chút rượu đặt lên giường thờ.

Con người ta làm ra cái ăn đều khó nhọc cả. Hãy đếm những cái Tết trong một năm. Trước tiên, tết Nguyên Đán, tết cả. Kể cho kỹ trước và sau cái tết lớn này, còn có những ngày râu ria mà nhà nghèo rớt mồng tơi cũng phải lo cho có được gói hoa, nén hương. Hai mươi mốt giỗ tổ - tổ nghề giấy, tổ nghề lụa, chẳng biết tổ là ông bà nào nhưng mọi nhà vẫn phải đầy đủ giỗ chạp. Hai mươi hai, ngày sắp ần. Các quan làng cất triện, nghỉ việc. Làm người bạch đình chân tràng thì chẳng bận gì thế mà nhà nào cũng cúng lễ sắp ần. Hai mươi ba, tết ông công - vua bếp hai ông một bà. Chiều ba mươi, lễ tiên thường rồi tối cúng trừ tịch. Cúng trừ tịch tiền năm cũ và lễ tiên thường khẩn mời các cụ dưới âm về sớm sớm kịp mừng một ăn tết với cả nhà con cháu. Thế rồi, mừng một, mừng hai, mừng ba, đến mừng bốn lễ hoá vàng, mừng bảy hạ cây nêu và động thổ, nhà nhà vào khung cửi đưa máy nhát thoi lấy may. Đến rằm tháng giêng, ngày Phật lên chùa "lễ Phật quanh năm không bằng ngày rằm tháng giêng", mới thật cạn hết những cái tết trong tháng đầu năm.

Sang mừng ba tháng ba - tết bánh trôi nước, bánh chay cúng ông Giời Tử Thôi bên Tàu chết cháy trong rừng, ngày hôm ấy các nhà phải kiêng lửa. Mừng năm tháng năm, tết Đoan Ngọ, mừng hoa quả mới. Và đến mùa hè nắng nôi oi ả, trời đất toàn những cái khiếp đảm. Cửa đền cửa miếu cứng quan ôn, nấu cháo vảy ra bờ bụi cho các âm hồn bơ vơ lang thang đói khát được hớp nước ngũ cốc, ngọc thực. Kịp đến tháng bảy, tết rằm vong nhân xá tội. Rằm tháng tám, trung thu của trẻ con và của cả người lớn. Rồi gió heo may thổi giải đông, vào tháng mười, mừng mười gặt hái đến, làng không có một miếng ruộng cũng mừng tết cơm mới. Kể ra đếm đầu cái tết, chứ còn có lo được mọi tết đủ các việc làng, việc họ, việc nhà cùng là các thứ giỗ chạp như thế, không phải nhà nào cũng chạy vạy bằng nhau được. Nhưng mà "sống ở làng, sang ở nước", đến ngày tết ngày ky, thấy hàng xóm bốn bên rộn rịch cũng áy náy, không yên. Rồi phải vay mượn, giựt nóng, bán tào bán huyết. Cùng quá không trông vào đâu được, đành nhịn. Nhưng thế thì là thẳng liều không còn mặt mũi nhìn ai, rồi phải đến bỏ làng, tha phương. Những tang thương ấy, các làng ở đâu thế nào thì người thiếu thốn khó khăn ở làng tôi cũng tương tự. Lệ làng, giỗ tết và hội hè đình đám vừa mong ước vừa nghiêm ngặt. Mỗi năm, làng nào cũng có một dịp việc làng. Tế thành hoàng, mở hội hay không, còn tùy. Có làng hội hè linh đình. Cho là có hèn, đói cũng cố phải làm vậy. Có làng chỉ xôi gà qua loa cho xong

rồi ông từ đóng cửa đình, cửa đền. Người ta cho là cũng vì cái "sự tích ông thánh" thế. Nhưng thật ra chỉ vì từ xa xưa đã làng thì có, làng thì chẳng bằng ai mà thành lệ. Làng tôi không có hội, kể từ khi tôi biết, cả đời chỉ đi xem hội làng thiên hạ.

Dưới làng Mộc Cự Lộc, Mộc Quan Nhân tháng giêng vào hội to, có cả đánh cờ người. Sắm sửa xống áo quân cờ cũng phải nhà khá giả mới lo được. Các làng này giàu có nhiều quan to và người đi làm việc nhà nước. Cả vùng cốm đùm cốm năm trảy hội Mộc từ gà gáy, nửa buổi đã tới cổng Mộc. Tháng giêng, tháng tám hội đền Ghềnh bên kia sông. Hàng quà có khế cốm không chua không ngọt, bánh đa đường gắp, bà đồng khăn châu áo ngự về đền, người xem hội càng nô nức. Đền Trại ở Thủ Lệ thì rước kiệu bò. Kiệu bát cống sơn son thếp vàng nguy nga. Mười tám trai kiệu thông dong bốn bên. Người đô tùy nào cũng lực lưỡng cởi trần, đóng khố điều, đầu chít khăn nhiễu tam giang, mắt đeo kính râu. Một tay mở quạt tàu lụa bạch. Lúc cất tiếng hí, kiệu bay kiệu bò, một tay lại xòe quạt che miệng. Nhiều nơi rước xách, song chỉ đến đền Trại mới được xem kiệu bò. Đám rước kiệu bò từ cánh đồng lên cái gò dài song song với hồ nước trước đền mà người ta bảo đấy là lưng con rồng. Rước đến chỗ kiệu bò lên đồi mới là lúc hay nhất, thiêng nhất. Các đô tùy nghỉ ở chân gò được nhấp một chén rượu, mặt đỏ phừng phừng cùng một loạt nhắc đòn kiệu lên vai, cất tiếng hí ran như cả đàn ngựa động đực rồi nâng “kiệu bay” xoay tròn trong cánh đồng.

Các trai kiệu lần lượt người quỳ người đứng giữ bát nước cúng trên mâm bông không đổ một giọt, cái kiệu từ từ bò lên mặt gò. Người xem hội đông nghịt khắp đến các chân tre. Trên gò cao đứng xa đến đâu cũng nhìn được cái kiệu bát cống bò được lên gò rục rỡ lộng lẫy, thật sướng mắt.

Các làng quanh làng cũng có hội. Những hội nhặt nước ốc, chẳng mấy nô nức. Hội bơi ở Đăm, mấy chiếc thuyền đã tróc sơn bơi rào rạt trong cái đầm đầu làng. Vui xem hát, nhặt xem bơi là thế. Hội làng Noi thì, quan viên đi rước quần nâu xắn móng heo. Chỉ đáng xem có mỗi cái kiệu bát cống mà cái năm Tây hạ thành, người Noi đã vào trong thành Cửa Bắc khiêng ra được. Hội làng Đông, làng Hồ được chờ đợi hơn cả.

Hội Đông Hồ khoảng từ rằm tháng tư trở ra, kéo dài một phiên chợ Bưởi. Nhưng làng Đông cũng chỉ có tế thần và mấy tối chèo hát sân đình. Bên làng Hồ vui hơn.

Làng Hồ có rước to. Rước về đình từ đền Voi Phục bên kia cổng Đỗ hay từ cái miếu ở xế cổng xóm Đông Lân không nhớ. Chỉ thấy người xem người cứ đông ngùn lên. Các cô gái làng khiêng long đình. Mỗi cô một cái quạt đào. Chốc lại xòe quạt che miệng, khẽ hí đều một tiếng. Các cô kén đầu được khăn sa tanh, áo dài hoa đào, quần lĩnh tía giấy cườm. Con trai cầm tán, che lọng. Các ông trạc năm mươi, vừa mới lên lão, áo the hoa khăn lượt, bưng đồ bát bửu dùi đồng, phủ việt thông thả bước sau phường bát âm, tiếng trúc thánh thót sinh tiền réo rắt, tiếng nhị cò cử, người gõ cảnh đánh tiêu...

Trẻ con xúm quanh xem anh đánh trống.

Chiếc trống cái hai người khiêng. Người thủ hiệu diện khăn nhiễu tây nón dứa chóp mạ kền, quai lụa

điều. Mắt đeo kính râm, áo the hoa cặp. Quần là ống sở. Chân bít tất lụa đào xỏ trong đôi giày Gia Định mồm ngóe đen nhoáng. Tay lót mùi xoa lụa mỡ gà viền chỉ hồng, cầm cái dùi trống sơn đỏ. Khi đánh trống, múa dạo mấy vòng, đổi bên tay mùi xoa, rồi giơ cao, quay người uốn éo, nhô lên cúi xuống thấp thoáng qua lại, mắt kính nghiêng ngả nhìn ra hai bên người đương trầm trồ, tấm tắc khen thủ hiệu múa dẻo. Thế rồi, một tay chống nạnh, nghiêng nghiêng thông thả buông một dùi vào mặt trống. Xong lại lúi ra, hoa dùi lên múa mấy vòng rồi mới đứng yên. Rồi lại đổi mùi xoa lót tay bên kia cầm dùi, bắt đầu múa lại. Tiếng trống nổi. Đẳng kia, tiếng chiêng nhịp nhàng đáp. Tùng.., bi.., li... Tùng.., bi.., li.., bi.., li...

Những người xem càng đông hơn quanh đám phường chèo đóng đường. Các đào kép phường hát đón bên Bắc về đi diều ban ngày giữa đám hội. Môi son má phấn, mũ giáp, cờ cắm tua tủa sau lưng. Có người đóng ông phĩnh đeo chiếc mặt gỗ to bằng cái mẹt điệp bạc, áo thụng tay phe phẩy chiếc quạt mo. Trẻ con và bọn con gái thì xán đến trước mặt hai anh trai làng mặc giả gái làm "con đĩ đánh bông". Áo the đôi vai cánh sen, vạt hoa lý thắt qua gàng, quần lĩnh tía, khăn vuông láng thâm, cũng má phấn môi son trai lơ. Đôi vú độn to bằng cái ấm giở phồng lồi trong yếm, vai đeo quai chiếc trống cơm dài ngoằng. Các "cô đĩ bước núng nính, hai bàn tay toẽ cong ngón, đập khe khẽ vào mặt cái trống. Tiếng trống cơm bùng bùng, xầm xập, ngân ngơ. Những cô gái làng càng chen xô vào nhìn tận mặt "con đĩ đánh bông", như chưa biết bao giờ, rồi dấm lưng nhau cười rinh rích. Hai anh trai làng đóng đĩ đánh bông, vẫn thản nhiên núng nính hai tay vỗ bập bùng hai mặt trống cơm, "các anh ả mặt chín lừ" - mấy cô cười tít mắt bấm nhau thế.

Trẻ con chạy theo à à. Đám rước rồng làng Hồ cuốn hút người hơn cả. Con rồng nhấp nhô mỗi khúc một người đỡ, có đến hơn chục khúc. Người cầm đuôi, người cầm đầu, người múa ngọc và người đánh trống, bốn người được cắt chân quan trọng nhất đám, diện bảnh chọe giống hệt nhau. Khăn nhiễu thiên thanh, áo cánh lụa thâm, thắt lưng điều quần tùm ống vào trong xà cặp hoa đào. Chân đi đôi giày tàu vải thâm. Lại như những chàng trai ăn diện đương thành mốt, mỗi người một đôi kính râm, mắt kính đen kịt.

Chiếc xe trống cái một người kéo thông thả. Người đánh trống xe, một tay chống nạnh lấy điệu, ngả người nện liên hồi. Con rồng vươn lên vờn ngọc, đầu bắt đuôi vẩy vùng, rồi đuối ngọc, nhấp nhô trong tiếng trống cái dồn dập.

Trong sân đình làng có hội thi cây cảnh. Cây cảnh người đem về thi treo quanh hiên ngay cạnh các giải thưởng: vuông vải điều, bánh pháo, chùm dừa. Những quả hồng, quả na, quả bưởi, quả cam bằng sáp nhuộm khéo như thật. Người xem tha thần, ngắm nghía. Gần đấy, bên góc sân đình, cánh đu tiên tròn xoe cao hơn ngọn cây ngọc lan. Những người đánh đu trai lẫn gái ngồi trong vòng quay bồng lên, trầm xuống như guồng vè cây suốt. Tiếng mây tre trên đu cọ vào nhau cọt két, kiu kịt giữa tiếng hát inh ỏi. Rạp chèo rung trống từ lúc lên đèn đến nửa đêm. Người chen ra chen vào, đông như nêu cối.

Mấy ai biết mỗi năm, bên trong đám hội diễn ra biết bao cảnh ganh đua, tranh giành, những cái khổ công đóng góp hàng phe hàng giáp nặng nề đến từng nhà. Người chững chạc vai vế thế nào mới được kén vào cầm bát bửu, cái kích đồng, quả chùy... Con trai nhà ai vào chân thủ hiệu đánh trống, con gái được khiêng kiệu vai trước hay vai sau. Cũng phải ngời thứ mới được cầm tán, cầm lọng và người được chọn múa đầu

rồng, cầm đuôi rồng cũng khác những chân cầm độn các khúc giữa. Anh trai bạch đình kéo xe trống khác với anh thủ hiệu đánh trống, giàu nghèo cách bức trời vực rồi. Chỉ có mấy gã đeo mặt nạ làm ông phềnh, cầm quạt mo, và người đóng làm dĩ đánh bông, đấy là những anh ả trơ trên ăn chơi đã có tiếng, thì không kể thứ bậc gì. Và những người lép vế mới phải cẳng chân khiêng trống, cầm cờ ngũ hành đuôi nheo. Lại còn công phu sắm hay đi mượn, đi thuê đầu kỳ được, xoàng ra cũng phải có tấm áo the mà xỏ tay. Chẳng may phải là người chân trắng, không ai ngó ngang tới, đóng vai phất phơ len lén đi xem thì thật xấu hổ.

Tôi được đi xem hội làng Đông, làng Hồ từ khi còn năm váy bà, đòi bà cống. Chín mười tuổi thì theo các dì đi hội. Lớn nữa, cùng bạn bè đua đả đi nhông nháo, chim gái, đánh nhau. Trong ngày đám, con trai thường gây gổ như những con gà chọi hay con hoạ mi sĩ diện có mái xùy. Trai làng choảng trai lạ đến ve vãn gái làng. Làng này đánh nhau với làng khác. Chẳng tối nào không có tiếng hô hoán, người chạy ầm ầm. Nhưng ác nỗi vác gậy đi giữ mình, khác nào bảo chúng mày đi ra đây đánh nhau với ông. Như thế, có thể vừa tới cửa đình đã bị ăn đòn vỡ đầu. Thế là chúng tôi thủ thân trong túi mấy hòn đá đường tàu, hòn gạch củ đậu. Hay để sẵn gậy gộc ngoài bờ bụi đường cái. Nghe đầu ồn ào, xô đến. Không bận đến mình cũng đánh hôi. Chẳng biết thắng ấy là thắng nào. Đòn hội chợ, phang lung tung, không phải đầu cũng phải tai.

Nhưng các trai làng cứ đi hội, không biết hãi. Còn tập võ để đi đánh nhau là đẳng khác. Trong vùng có nhiều lò võ, ở làng tôi có lò ông lang Dương, đêm nào cũng đông người đến tập. Đình tấn, trảo mã tấn, tối tối đá vào bẹn rồi bóp cho săn gân, tập cả mấy tháng vững vàng thế đứng tấn rồi mới đến các món quyền cước. Tôi cũng đi tập võ. Nhưng tôi theo ông Tâm đi tầm sư học đạo bí mật tận lò xa. "Để cho chúng mày thấy ông giỏi võ lúc nào mà không biết", thế mới đặc biệt. Tôi xuống học lò võ ông Hồ ở Thế Giao, cái xóm giữa đầm lầy cạnh hồ Bảy Mẫu.

Hội quanh vùng chỉ như thế.

Thế mà làng tôi chẳng bao giờ có hội hè gì. Chỉ mang máng nhớ đã lâu, tháng hai dưới làng Dầu, Yên Phú các quan viên khăn lượt áo the lên chạ Nghè, chạ Tân rước thần, khênh xuống cái long đình. Mỗi năm vào mừng mười tháng hai, làng "có tiệc", ông từ ra mở cửa đình. Anh mõ Tư Mít vào vườn tre bà hương Nhâm xin cây tre, chặt về, phần đóng cọc, phần làm cột cờ. Lá cờ may bằng vuông ni đỏ có chữ thần to tướng, bay lất phất trên bờ sông. Trẻ con đầy sân đình, đánh trống tòm tòm cả ngày. Năm trước, còn có tế, có việc làng. Mỗi năm mổ lợn, có năm tậu bò về thui mổ, chia phần. Những năm sau đói kém thiếu ăn quá, rồi cũng bỏ. Rồi còn kém nữa, sơ sài nữa. Cái năm mất trộm bộ áo thánh, làng chẳng sắm nổi cái áo mới cho ông thành hoàng. Lạy thánh mới bái, phải lấy vạt cờ đuôi nheo trùm lên ngai làm áo khoác cho thánh. Năm có chèo hát, năm không. Làng Tân, làng Dầu chẳng mấy khi gom nổi tiền đóng phường chèo, chỉ đi xem kẹ chèo hát hội làng bên. Làng Yên Phú đứt nút phường tuồng vào cái cầu giữa làng. Phường kiết xác, không đủ hơi ra diễn rạp giữa trời. Một bó giáo thanh gỗ đã tròn vệt dầu, tróc hết sơn. Có mỗi một cái hòm mộc phải đựng quần áo, mũ mấn. Anh kếp gánh đồ, quảy một đứa bé một bên cho cân.

Chúng tôi chen hẳn vào trong cầu lúc chập tối đã rung trống giáo đầu rồi. Thế nào mà chui ngay chỗ buồng trò nhìn ra. Không biết đương diễn trò gì. Thấy một bác kếp đóng, tướng nách cài hai miếng gỗ, cầm

sáu lá cờ con con, sắc sỡ như trẻ con đeo bùa túi ngày tết mừng năm tháng năm. Bác kếp vừa nghỉ vai, nhảy phắt một phát vào buồng trò che cái chiếu. Bác ấy cởi phăng giáp trụ lôi thôi, hở trần lưng mồ hôi nhễ nhại. Bác vội rút miếng gỗ cắm cờ đằng lưng, gỗ lạch cạch mấy cái xuống mặt hòm. Một lũ rệp đói lép kẹp to bằng móng tay đen mờ rơi lả tả trong ánh đèn hoa kỳ nhạt nhẽo. Rệp đã đốt bác từ lúc còn đứng múa hát ngoài kia.

Nguồn: Cái áo tể (Tập văn, truyện ngắn Tô Hoài, nhà xuất bản Hội Nhà văn 2004)

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Khu Du Kích 99:

Khu du kích chống Pháp trong kháng chiến có mật danh là 99. Một vùng rừng núi hiểm trở bắt đầu từ huyện Phù Yên, Bản Thái xuống qua sông Đà quanh đến bến Pac Lừm và Pac Ngà. Vùng Pac Lừm và Pac Ngà bây giờ ở trong vùng sẽ xây dựng thủy điện Sơn La. Khi ấy, giấy tờ trong giao thông thường viết tắt hai chữ PP, người đọc quen nhầm là 99 rồi thành tên. Đường giao thông bí mật khu 99 từ Phú Thọ, Yên Bái vào Sơn La, Lai Châu suốt qua hậu địch Tây Bắc, các làng và các chiến khu người Mường, người Thái, người Dao, người Mông.

Bấy giờ là năm 1952 bộ đội ta đương tiến quân vào giải phóng Tây Bắc. Trận đầu tiên tiêu diệt quân khu Nghĩa Lộ rồi sang giải phóng Phù Yên. Đại quân tập trung ở cửa Vạn, vượt sông Đà tiến sang châu Mộc.

Các khu du kích tập nập đi tải lương, tải đạn, tải thương phục vụ mặt trận. Là phóng viên báo, tôi cũng tham dự mọi công tác phục vụ chiến trường. Tôi đương đi đồn đốc dân công trên các làng người Mông trong những rặng núi khu du kích 99. Suốt ngày, máy bay địch bắn phá, ném bom hai bên sông trong khi ở trên núi người Mông ăn Tết Nguyên Đán.

Theo phong tục cái Tết đầu năm của người Mông thật ngày rộng tháng dài có khi hàng tháng. Bấy giờ trên nương đã gặt xong, thóc và ngô đã cất vào kho rồi. Thế là cả xóm cả làng nhà nhà mổ lợn làm cỗ uống rượu, các đầu làng rộn rã những người chơi, thổi sáo, nhảy khèn, đánh pao. Những cuộc vui và những đám cỗ được ăn lần lượt từng nhà. Hôm nay nhà này ăn Tết, ngày mai đến lượt nhà khác lại mời khắp xóm đến, ăn thịt uống rượu rồi vui chơi cả ngày cả đêm cho đến khi ngoài trời có mưa mới, các ruộng quanh núi ngập trắng nước, bấy giờ mới cày nương làm mùa. Và bấy giờ mới hết Tết.

Nhưng cái tết năm ấy khác thường. Máy bay địch bắn phá suốt cả đêm. Trong đêm tối âm u, máy bay điên cuồng thả bom. Cứ chỗ nào có ánh lửa là bom dội xuống. Nhưng đêm rét buốt giữa rừng thì không thể làng xóm nào vắng được lửa sưởi những cây gỗ phơi mu làm củi sưởi thơm ấm khắp nơi. Bom ném xuống nhà cháy rừng rực. Cả các xóm Xín Vàng, Háng Chú, chớp bom sáng trắng vách đá.

Ngoài dốc đầu núi, từng đoàn ngựa thồ người dắt lùi lùi xuống. Những con ngựa thồ đi lặng im trong chớp bom như sét đánh. Người ngoảnh lại không biết lửa bom vào rừng hay lửa cháy nhà. Tờ mờ sáng bỗng nhiên im phăng phắc. Không nghe tiếng đàn vượn trên núi gọi sáng như mọi khi. Bốn phía sương mù như mây trắng mù mịt. Bỗng tiếng chó sủa tang tang. Trong các khe cạn, người trốn bom lũ lượt chạy ra. Cùng lúc ấy, đàn ngựa bên mép núi đá lũ lượt đi lên. Những con ngựa trẻ tràn trên lưng chất cao những bao tải không còn một túi ngô, bây giờ là những cái tải xếp không, dẹp dẹt, mấy người rúc vào, ngồi núp

trong tải tránh rét, những con chó cũng ẩn vào đây. Chó sủa lắt rắt trong bước chân móng ngựa vấp đá.

Suốt ngày hôm ấy không một tiếng bom.

Được tin bộ đội đã sang sông, nửa đêm chiếm được đồn Bản Hoa, đại quân đã tràn qua châu Mộc rồi.

Ngoài đầu xóm, các sân chơi pao, chơi quay có người đã ra lúi húi dọn đá nham nhở. Người già nhìn lên trời, nói:

- Nước mưa chưa về. Ta lại ăn Tết nốt thôi.

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Lại Chuyện Về Cái Túi Nilon:

Cuộc đời miếng ni lông khá chìm nổi, phiêu lưu. Mấy chục năm trước, ai có áo ni lông màu vẽ hoa lá - phải là được người ở nước ngoài về cho hay được biếu. Thật ra, trong khi ấy ở các nước người ta thì cái ni lông đã xuống dốc rồi. Người nghèo kiệt mới mặc áo quần ni lông. Cái thần tình là ni lông có thể đem giặt rồi ngồi chờ trần phơi một lúc nó đã khô, lại mặc vào ngay được. Nhưng thời đó cũng đã qua lâu rồi và miếng ni lông lộn kiếp đương biến hoá ba đầu sáu tay. Bàn ghế nhựa ni lông đã đánh quỵ các đồ mộc thông dụng và các túi ni lông to nhỏ thì bóp chết tươi mọi thứ rổ rá, thúng mủng, túi đay, túi cối rồi. Để xem một bà, một chị đi chợ, chợ xa thì xách cái làn nhựa, chợ gần thì hai tay cầm túi ni lông to nhỏ mà bên trong còn có túi ni lông nhỏ nữa, đựng mắm tôm, dưa muối, khúc cá tươi, lòng lợn, cà muối, dấm ớt... đủ thứ, đủ thứ.

Cái túi ni lông thì nhà hàng sẵn quá, đã biếu không, coi như giấy gói, lá gói. Ni lông cần thiết nhưng đem về đến nhà, bỏ các thức ăn ra rồi vứt ni lông vào thùng rác, cái rác ra xe rác, ra bờ bụi, cống rãnh nào đấy, mỗi nhà mỗi phố mỗi làng cả nước hàng ngày thải bỏ vô vàn túi ni lông, hàng gò đồng túi ni lông.

Túi ni lông không như cái rổ, cái lồng bàn, cái ghế hỏng đem làm củi đun, cái túi ni lông không tiêu, ni lông trơ ra, ni lông có tan biến cũng phải mất hàng trăm năm? Tôi đã trông thấy trên đường số 5 Hà Nội - Hải Phòng, công ty làm đường Hàn Quốc lấy cát đắp thay đất làm nền đường. Lót tấm ni lông ở dưới, xe đổ cát lên trên rồi trên làn cát phẳng lì thì lát đá, trải nhựa, có tấm ni lông đỡ sau cùng, đường không bao giờ lún sụt, lồi lõm. Ni lông được dùng vào công trình vững chắc đời đời. Nhưng mà cái túi ni lông không bao giờ chết ấy vứt lung tung khắp nơi khắp xó. Không phải ở đâu và ai cũng có ý thức tìm cái thùng để bỏ rác. Ni lông đùn lại trong cống làm tắc cống, ni lông lẫn vào đất tắc mạch nước ngầm làm chết cây và hoa màu. Triệu triệu cái túi ni lông ném ra hàng ngày thành tai hoạ ni lông. Tai hoạ ni lông là tai hoạ môi trường mỗi đất nước và toàn cầu, nước ta cũng trong vòng báo động ấy. Vài năm trước đây chỉ có người thành phố đi chợ về là xách túi ni lông, bây giờ túi ni lông đã lây lan khắp chợ cùng quê.

Trên thế giới, nhiều nước đã có kế hoạch, đã xây dựng cả nhà máy diệt ni lông thải. Ở ta chưa có phong trào và quy mô như vậy. Nhưng có những sáng kiến thích ứng rất hay.

Báo Hà Tây số tháng sáu 2001 đăng một tin: Tái chế túi ni lông góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường. Ở làng Thượng Hiệp xã Tam Hiệp ông Trần Nghĩa Đàn có cái máy tái chế túi ni lông thành các đồ dùng hàng ngày: dây buộc hàng, ni lông lát cặp học sinh, lưỡi trai mũ, khay, hạt nhựa... và những vật dụng còn con khác. Túi ni lông do người các làng xung quanh nhặt nhạnh đem đến bán. Mỗi tuần tái chế được một tấn Mỗi năm tiêu thụ hết hơn 40 tấn nguyên liệu túi ni lông.

Làng Thượng Hiệp có nghề may gia công. Làng nông nghiệp này không chỉ độc canh mà nghề phụ may gia công đã đưa làng Thượng Hiệp trở thành một làng nông công nghiệp giàu có, nhà nhà sản xuất có xưởng có cửa hàng may mặc và bán sản phẩm. Thượng Hiệp trở thành phố làng và được tỉnh công nhận làng văn hoá Thượng Hiệp. Ở một làng kinh tế và văn hoá đang phát triển sáng kiến cái máy tái chế ni lông có một ý nghĩa đặc biệt ngoài cái nhỏ bé trong phạm vi gia đình.

Bài báo nói ông Trần Nghĩa Đàn đã mua các thiết bị về lắp máy, tiền vốn hết 50 triệu (không cho biết cái máy có mẫu mã sẵn hay sáng chế của ông Đàn). Cái máy tái chế ni lông của ông Trần Nghĩa Đàn ở Thượng Hiệp là một công cụ có lợi ích và thiết thực có thể nhân rộng mọi nơi.

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Loãng Quảng:

Tôi đã viết đại khái: mỗi năm mình một già không phải soi gương hay đôi khi gặp người ta than hộ mấy câu mất vui “dạo này sao xuống thế”, mà chỉ cần lặng lẽ đi ra ngoài phố. Phố xá người qua lại nhiều, mấy năm trước đôi khi còn có người chào hỏi, bây giờ thì đi cả hàng phố, cả mấy phố, cả buổi cũng chẳng gặp ai ới ới, chẳng có người nào bắt tay, ngả mũ gì cả. Biết rằng ta đã vào cái lớp người sắp xuống đất với giun, tụ dừng xa lạ với xung quanh. Thế là tự dừng đối tâm đôi tính cứ mỗi ngày một đâm ngại, chẳng muốn ra đến cửa nữa.

Thôi chuyện loãng quảng cho đỡ buồn nào, đôi khi sau tiếng thở dài lại sinh ra cái cười cũng nên. Hôm mới rồi tôi đi qua hồ Thiền Quang. Buổi sáng, sắp đến giờ làm việc, lòng đường vĩa hè tấp nập người. Tôi lững khờ đi. Có một cô đẩy đà, đứng tuổi quần phăng áo vét xanh nhạt, cái mũ vải mềm như mũ đương mốt, chiếc xe đạp Trung Quốc mới cứng, cái làn mắt cáo trước ghi đông trong để cái túi. Không đoán được người ngành nghề nào, nhưng chắc là người cơ quan đi làm. Cô ấy dắt xe lên vĩa hè lại tôi. Thoạt tiên, tôi ngỡ người sắp hỏi đường. Nhưng nhìn lại cách ăn mặc của người quen thuộc đường phố thì chắc không phải.

Cô ả hỏi tự nhiên:

- Anh đi đâu đấy? Anh có đi không?

Tôi biết ả hỏi việc gì và gạ đi đâu rồi. Tôi yên lặng, không nhìn và vẫn lững khờ đi. Dáng chừng ả đã nhìn lại lão già, ả đẩy cái xe đạp xuống đường rồi lại điềm nhiên đạp đi giữa những làn xe cộ tấp nập. Câu hỏi thật dễ dàng như nhờ thiếu tiền thì hỏi mượn mấy đồng mua rau, mà mới sáng ngày ra.

Đến chỗ họp, tôi kể với Vũ Cao cái chuyện gặp xúi quẩy Vũ Cao hỏi tôi:

- Năm nay ông bao nhiêu tuổi?

- Tám mươi mốt.

- Mình cũng hơn bảy mươi. Vẫn đạp xe từ nhà đến đây, đi ngang thành phố mà chưa lần nào được có đứa hỏi như thế.

Ồi, ông mặc áo bốn túi lại người to xương hóc thế kia thì nó hỏi ông để làm cái gì, con điếm hay đứa có tính điếm thì nó xá gì tuổi tác. Nhưng thôi để yên cho nhà thơ bản khoăn và băng khuâng, còn tôi thì buồn, buồn đời.

Chắc rằng cái chuyện thăm ấy cũng hiếm, có phải không? Tôi xin kể những mắt thấy tai nghe vui vui vậy. Ngoài đường bây giờ chỗ nào cũng nhốn nháo, chỉ chốc lát có ngồi trên bờ trông ra hồ, mặt nước hồ Thiền Quang hay hồ Tây cũng được, thì tai mắt và trong bụng có lẽ mới có thể yên yên được. Bởi vì chỉ có mặt nước, mặt nước sáng trong, mặt nước xa xa gần gần mới thấy như muôn thủa. Nếu ai còn nhớ, hãy nhớ ngày trước hay trông thấy con chim bói cá, đốm trắng đốm đen, chim đương bay trên thình không bỗng rơi tòm mình xuống mặt nước, quắp lên con cá mương trắng loáng. Vâng, ở nơi trống không nay mới được mơn màng với tưởng tượng.

Cứ nhìn ra mặt hồ kia, chữ ngoảnh lại đằng sau lưng thì bên phải bên trái phía nào cũng ngổn ngang, rầm rập những xe đạp, xe máy rối mắt, các kiểu ô tô không lúc nào dứt. Cái hè, con đường không còn dành cho chân người nữa. Vía hè cũng không yên, người đi mua bán, đi ăn uống vào cửa hiệu hàng hàng xe chất đông như đắp đê cao cao. Người đi bộ hoá con kiến, nhưng phải là con kiến gió thoăn thoắt nhanh chân lúc chui lúc tránh, nếu không thì xe quệt, không thì đâm vào xe. Có một cụ chỉ đưng nào cái ghi đông xe để trên bờ hè, cũng quy xuống, gãy xương ống chân. Có một lão đầu hói sáng sớm đi tập dưỡng sinh ở công viên Pát-tơ, quả bóng trẻ con đá rơi xuống đỉnh đầu, cụ ngã, cụ chết.

Bất giác, tôi nhớ lạc hậu ví những xe cộ bây giờ lênh kênh như đám củi rêu trôi ngoài sông Cái mùa nước lên. Nhưng nước lũ to đến đâu cũng không có củi rêu trôi ngược. Chỉ có cái gậy thần của Từ Đạo Hạnh đi đánh sư Đại Điền thì mới dựng đứng lên trôi ngược sông Tô Lịch, mà cũng chỉ trôi từ Láng lên Cổng Vĩ thôi. Bây giờ những cái xe lúc nào cũng phát cuồng chạy loạn xạ khắp nơi.

Người nước ngoài thường khen Hà Nội xanh và êm đềm. Hãy nghĩ thêm về những lời nói khen, câu viết khen. Ông ấy chưa đến Hà Nội, thấy cái thành phố này mới vào công nghiệp và thị trường hiện đại chưa rồi rít bằng cái thành phố quê ông ấy, hoặc chỉ là câu khen đãi bôi "dạo này trông ông khoẻ quá" và "phở Hà Nội ngon hơn phở gia truyền Nam Định" chứ người châu Âu nếu phải ăn "súp" phở điểm tâm sáng sớm thì còn lâu họ mới quen được. Cũng như khách nước ngoài trước kia ngày Tết cổ truyền của ta họ đều ngán tiếng pháo vì tiếng pháo chẳng khác tiếng súng, nhưng có hỏi cảm tưởng thì các bạn chỉ mỉm cười.

Chao ôi, thương nhớ những cây bằng lăng mùa hạ nở hoa tím thắm và những rặng liễu thướt tha ven hồ. Bây giờ đương vào mùa hạ, hoa bằng lăng tím ngan ngát thế kia, những cành liễu rủ mơn màng quanh ta, có dở hơi mà đi thương với nhớ, nhưng mà như những người già đi đường mới có thể cảm được nông nổi, còn sức đâu mà nhìn mà ngắm được nữa, đấy chỉ là tư tưởng cái đã qua. Chợt nghe chim chích choè vi vút khoan thai từng tiếng đầu đây. Ô hay chim chích choè về giữa thành phố con chim vốn hay nhảy dưới bờ ao buổi chiều. Bỗng dưng nó lạc loài vào nơi đô hội thế này. Trông lên dưới cái mái tôn đầu hè mới biết. Không, đấy là những con chim chích choè mắc bẫy về phải tù trong những chiếc lồng người ta treo bán dưới mái hiên. Con chim chích choè, con cà cuống con khướu mun, khướu bạc má... không biết chúng hót vui hay hót buồn, ai có nghe được tiếng chim thì mới hiểu ra đấy là con chim đương than khóc hay là đương chửi rủa người nhốt nó. Ngồi nhà mà viết loăng quăng như thế này, chữ ra đường thì còn bụng dạ đâu mà để mắt đến cái cây và con chim. Chỉ lo bước nhanh bước chậm và đứng dừng tránh xe đã hết hơi rồi. Lão họa sĩ Mai Văn Hiến có một cách vượt qua ngã tư rất đúng luật đi đường. Cụ đứng nghiêm trên bờ

hè, hai bàn tay chấp lại rồi giơ thẳng ra trước mặt như sắp nhảy "pờ lông đông" xuống hồ. Nhưng không, cụ cứ giơ hai tay như thế và từ từ qua đường mặt chăm chăm không cần nhìn hai bên. Đứa nào dám đâm vào cụ Cụ đi sang đường khí thế lắm. Nhưng bây giờ cụ Hiến đã bệnh, chỉ lết được trong nhà, không chắc khi nào còn cần phải bơi cựa sang ngang nữa rồi. Nhà thơ Trần Lê Văn đồng tuổi với tôi thì đi đường, sang đường còn khoa học hơn nữa. Anh dắt xe đạp ra phố. Đương nhiên có xe đạp thì đi xe đạp nhưng anh chỉ đạp xe quãng đường nào vắng. Còn chiếc xe đạp kèn càng, để dùng làm cái lá chắn. Cái xe đạp làm hiệu cho người ta biết có xe có người đương dắt đây, thẳng xe máy, thẳng ô tô, chúng mày phải lùi lại, hãy tránh ra cho ông đi, mà ông chỉ đi từ từ thôi, chúng mày la hét thế nào mặc kệ, rõ ràng có cái xe đạp, dắt đi cũng qua có vững tâm hơn.

Còn tôi, tôi hèn hơn hai ông có mẹo sáng tạo ra luật đi đường. Có khi tôi đứng cơ hồ cả nửa tiếng mới sang được ngã tư, mà vẫn phải nhón nhác mắt trước mắt sau. Từ khi các ngã ba ngã năm có đèn xanh đèn đỏ thì ai nấy cũng cảm thấy người đi đường được thành phố tôn trọng và thương người ta hơn trước. Nhưng đôi khi vẫn thót rốn. Ấy là có lúc cả trên hai bên cột đã bật đèn xanh có hình thẳng người chạy qua hần hoi, thế mà có đứa mất dạy vẫn lao xe chui qua mép đường. Chẳng lẽ cái luật đi đường lại còn có khe hở định giết tôi à? Dù sao, chập tối hôm ấy chúng tôi lóp ngóp qua giữa các thứ xe rồi chúng tôi cũng đến được cái quán ăn quen. Một ông Trần Lê Văn bữa nay không dắt xe đạp. Một ông Thợ Rèn Phạm Lê Văn, người đẹp đét như con rệp dói, đi ra đường cứ nem nép tựa con cò gặp bão. Vào được đây cả, ngồi ghế có bàn, có chai rượu, thơ văn lại cong cớn lên rìa rồi.

Tôi cất tiếng mừng công trước:

- Ấy này các ông ạ, nhiều bài thơ của Nguyễn Bính ngày trước hay ghi nơi viết ở "gác Sơn Nam". Có cái gác Trần Huyền Trân trọ trong ngõ Sơn Nam thật. Nhưng không phải Nguyễn Bính đã hoài cổ cái trấn Sơn Nam của hai ông quê Nam Định đâu. Cái phố hẻm Sơn Nam cạnh Cổng Trắng ở Khâm Thiên ấy, cả dãy nhà là của triệu phú Bạch Sơn Nam, lão lấy tên lão đặt cho tên ngõ. Như ngõ Tân Hưng là ngõ toàn nhà của cụ Chấn Hưng hàng Bạc đấy.

Biết cả rồi.

Đã nhạt hết những cái hú vía đi đường, câu chuyện miên man sang thơ.

- Nay có ông nào nhớ bài thơ "Nhạc xuân" của Nguyễn Bính khai bút năm Canh Thìn 1940, trong bài có bốn câu kết, mà bây giờ in lại, báo sách nào cũng in sai.

Sai thế nào?

- Huyền Trân ơi! Mùa xuân, mùa xuân, mùa xuân rồi. Giờ đây chín vạn... Không phải thế. Tết năm ấy, Nguyễn Bính có viết bài thơ chữ như rồng bay phượng múa vào một tờ giấy lệnh treo trên tường nhà tôi ở Nghĩa Đô. Những câu kết bài thơ ấy như sau:

Huyền Trân

Huyền Trân

Huyền Trân ơi!

Mùa xuân

Mùa xuân

Mùa xuân rồi.

Mùa xuân chín vạn bông trời nở.

Riêng có tình ta khép lại thôi.

Ông Thợ Rèn tán:

- Tôi cho là ông nhớ đúng. Bài thơ này dài, mạch câu đều bảy chữ. Cả bài câu bảy chữ mà một câu ba chữ mở đầu thì khập khiễng. Thơ Nguyễn Bính cũng đá Nho, không bao giờ chịu hẫng thế, lại còn cái tình nữa, đến đoạn cuối tác giả xuống thang lên thang thăm thiết gào lên nhưng cũng vẫn chỉ trong vòng bảy chữ.

Ông Trần Lê Văn cũng gật gù. Câu chuyện thơ càng làm chúng tôi tạm khuây cái lo đường xá phố phường. Nhưng đôi lúc cứ phảng phất lúc ra về, không biết đường còn vui hay lại nhón nhác, lo ngay ngáy.

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Mai Châu:

Mai Châu, một vùng du lịch của tỉnh Hoà Bình. Ở huyện Mai Châu sinh sống các dân tộc Mường, Thái, Kinh, Dao, Mông. Đông nhất là Thái và Mường, chỉ có hai xã Mông O, Mộc Hạ di cư xuống đã lâu đời.

Trên bốn mươi năm trước, lần đầu tôi đưa các bạn nhà văn Ấn Độ thăm các làng Thái, làng Dao ở Mai Châu. Rồi các nhà văn Nga, Pháp, Trung Quốc...

Hôm nay mới có dịp trở lại. Huyện đã có quy định ba thôn được đón và tiếp khách du lịch. Khách trong nước và nước ngoài đến Mai Châu, tha hồ đi khắp nơi nhưng khi ở lại hay nghỉ ngơi thì trở về ba thôn: các làng Bản Lác, Bản Vần và Phong Chóng.

Vào trong xóm, những tấm thổ cẩm màu lam màu điều dịu mắt vắt từng lớp trên dây, căng trên bờ rào, quanh gốc cây. Có thể mua làm quà lưu niệm - những chiếc mũ lưỡi trai hoa văn đương là cái đội thời thượng của thành phố. Hay là ta hãy vào dưới sàn xem những cô gái dệt thổ cẩm, cánh tay trần dịu dàng đưa thoi, so le mảnh áo ngắn ngang lưng, rồi hãy ra chọn hàng.

Vào trong thôn, khách có thể ở bất cứ nhà nào, nhưng có đủ tiện nghi thì mỗi thôn chỉ có một hai nhà. Những nhà này là những ngôi nhà sàn lớn, có nhà vệ sinh, vòi nước tắm và điện thoại. Trên sàn, góc ngủ xếp đệm hoa và chăn gối mời khách qua đêm như phong tục cũ ở những nhà khá giả. Sàn nhà rộng thênh thang ta ngồi chề chén rồi cùng nhau xoè múa và thi hút rượu cần. Tôi vào Bản Lác đến nhà cụ Hà Công Nhấm - nhà cụ Nhấm bây giờ cũng là ngôi nhà to, cột gỗ nghiêng sáu cạnh. Năm xưa, tôi đã có dịp đưa khách đến nhà cụ. Khi đó, nhà chỉ có ba gian, lợp tranh, nhưng cũng thật nền nếp. Giữa nhà, trên bếp đặt cái ninh sôi đêm ngày không bao giờ tắt lửa. Khách nằm chơi ở gian ngoài, gối đầu lên thành cửa sổ trông ra chân cột sàn và ao cá nước chảy trước mặt. Trên mặt nước, những khóm lúa nếp cao cao. Mời cơm khách, ông chủ chỉ việc đem cái vớt ra chao xuống là được con trắm, con chuối, nhanh hơn bắt thịt con gà. Đã thành tục ngữ Mường, lâu đời câu “cơm trên, cá dưới” trên cây lúa dưới con cá miêu tả cái phong lưu cơm sôi và cá nướng của người phong lưu thích vui là như vậy. Cụ Nhấm đã yếu, lại đau dạ dày phải ăn kiêng và bỏ rượu rồi. Cụ Nhấm vẫn nấu rượu, nhưng chỉ để mời khách rồi xem khách uống và hỏi chúng tôi cái rượu của cụ có được không. Tôi muốn ở lại trò chuyện với cụ về những Mai Châu Đà Bắc ngày xưa. Nhưng hôm ấy Bản Lác đã đủ khách, không thể ở thêm. Trông sang cửa sổ nhà bên, những Tây đầm tóc vàng, tóc bạch kim và đầu trọc ngồi lố nhố. Dưới sàn, Tây ba lô dắt xe đạp khăn gói con cóc đeo lưng, đi nghênh ngang. Còn nghe kể chẳng mấy khi ở đây vắng Tây ba lô và sinh viên ta lũ lượt cưỡi xe đạp xe máy ở Hà Nội lên. Cụ Nhấm hẹn tôi dịp khác.

Chúng tôi trở lại bản Phong Chóng, đã được đặt chỗ nghỉ dưới ấy. Ngôi nhà sàn ở đây cũng thênh thang

chẳng khác nhà cụ Nhấm. Chập tối, cơm rượu đã dọn ra, mỗi mâm cũng thịt luộc, cá không thui, mà cá rán xào cà chua chẳng khác đám nhậu ngoài phố. Nhưng gói xôi nếp bọc lá chuối, người ta về bốc từng nắm và uống cái rượu gạo men lá nặng giọng còn hơi hướng biên giới miền tây.

Rồi các cô trong bản đến hát múa. Thấy bảo chị em hàng ngày làm đồng dệt cửi và đi rừng kiếm củi, tối có khách gọi thì đến “giao lưu” được trả công. Chỉ tiếc các cô Thái hát tiếng Kinh. Dầu tôi không biết tiếng Thái, tiếng Mường nhưng chắc là nghe những giọng lạ tai riu rít, lú lo lên, hẳn là được mơ màng hơn. Và cũng chiêng cũng phách đệm lại thêm đàn mặng đô lin và ắc coóc, nghe trống xuôi kèn ngược những cái bà con tự biên tự diễn này. Lại nực cười, có cái khèn Mông rờm không có lỗ thổi chỉ cần trang trí, một anh chàng Mường nhảy lò cò.

Ở đất du lịch còn hoang sơ này cũng giống ở bản Thanh Lương trên Điện Biên, trong làng có ông già Thái ngày trước lái bè vốn tháo vát cũng cất cái nhà sàn to đón khách. Điện Biên đặc biệt có nhiều khách Pháp. Những ông tù binh thừa nào vẫn hay đem vợ con đến thăm lại nỗi khủng khiếp buồn. Huyện cũng chẳng có hoạt động du lịch, nhà ông lái bè được tiếp Tây, cho Tây ngủ đêm. Thanh Lương cách cửa khẩu Tây Trang sang nước Lào có mười bước đường, tôi hỏi Tây lên đây có đòi hút hút không, chủ nhà lắc đầu, cười nhún nhó, khó hiểu.

Đêm gió man mác dưới khe sàn lọt lên lạnh một bên má, tiếng gà gáy xa xa eo óc, trong cái ao trát xi măng, chốc chốc con cá chuối quẫy đuôi đen đét và tiếng sàn cọt kẹt dưới lưng mới nhớ được đường trong đêm làng rừng. Buổi sáng Mai Châu vào thu băng khuâng. Làn sương mờ ảo băng lảng qua triền núi thấp thoáng xanh đậm xanh mờ, mà ban ngày đi trên Thung Khe nhìn xuống nhìn rõ từng ô ruộng ô nhà thị trấn Phố Vãng giữa vệt đường sang Quan Hoá bên rừng Thượng Thanh.

Vào quán uống tách cà phê vị mặn - chứ không phải cái đắng quen thuộc. Có phải vị cà phê nông trường Cao Phong như thế hay là cà phê bã của đêm qua, cũng ở quán này có karaôkê hát hét từng bừng, phố huyện núi cũng mới thêm trò này. Khách trong ngoài nước biết Mai Châu đã trên bốn mươi năm nay. Ấy là chưa kể xưa kia, trai gái tết đi chơi các hang đẹp, các quan Tây quan binh, quan phìa, quan lang đạo, lang cun đã biết chơi hang, tắm suối dưới chân thác. Thế mà đến bây giờ du lịch Mai Châu vẫn chỉ tự phát, được sao hay vậy. Cảnh và người thì nồn nà, tổ chức thì sài đẹn, những cái xộc xệch chàng đáng có mà chẳng cấp nào để mắt đến.

Nghe nói đầu năm vừa rồi tỉnh Hoà Bình đã ra quyết định đưa đất trời Mai Châu vào ngành công nghệ không khói hái ra tiền. Người yêu Mai Châu mong tin ấy chóng chóng từ công văn sang công việc. Đã ngót nửa thế kỷ qua rồi.

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Mãi Rồi Cũng Đâm Quen:

Ban ngày và cả ban đêm, ở ngoài phố, chốc chốc lại nghe rao "Khúc ơ! Khúc ơ!". Cái xe đạp thồ bánh khúc nóng đã kéo kẹt lẩn vào bóng tối, vẫn còn văng vẳng... Khúc ơ..., khúc ơ... Chắc cũng chẳng mấy ai còn biết cây lá bánh khúc thế nào. Cây lá khúc, khi mùa đông tới, chỉ chút mọc hoang ở những thửa ruộng đồng cao bên chân tre. Lá non mọc trắng, hoa khúc li ti vàng, như hoa cải. Gió bắc đã thổi, thế là đến mùa làm bánh khúc rồi. Người trong xóm ra hái cả lá cả hoa ôm về bỏ vào cối đá giã như giã cua, rồi trộn với gạo nếp, nhân đậu xanh với miếng mỡ lợn, nặn từng cái bánh để vào chõ đồ lên.

Người ta hay nấu ngô bung và làm bánh khúc ăn chơi vào những ngày mưa dầm rét mướt. Nhưng bây giờ các ruộng cao trồng màu quanh làng đều đã xây làm lò gạch hay đắp nền xây nhà ở cả. Có lẽ chỉ những nơi xa lắm mùa rét mướt dài ngày mới còn cây lá khúc, bánh khúc. Thế mà ở Hà Nội cứ quanh năm rao “bánh khúc”. Mùa hè nóng vãi mồ vẫn bánh khúc, bánh khúc. Cái bánh khúc vẫn còn nhân đậu xanh như cũ, nhưng miếng nở đã chảy đâu mất và lá khúc thay bằng cọng rau muống già, nghiền ra.

Đáng lẽ gọi là bánh rau muống mới đúng nhưng cái tên bánh khúc đã quen và người ăn cũng chẳng biết lá khúc và lá rau muống khác nhau như thế nào, rồi cũng quen.

Ngày trước, trong bát vằn thắn (hoành thánh) nhất thiết phải rắc lá hẹ và cũng chỉ có lá hẹ làm gia vị mới nổi mùi vằn thắn. Bây giờ các vườn rau quanh thành phố chẳng ai trồng lá hẹ, người ta thay lá hẹ bằng lá củ kiệu, lá củ kiệu cũng lẩn tẩn xanh như lá hẹ. Kiệu trồng để lấy củ, củ kiệu muối, kiệu ngâm giấm ăn với thịt quay. Cây hẹ chỉ có lá, nên không "kinh tế", thế là lá kiệu thành lá hẹ.

Cô hàng vằn thắn bảo: Lá hẹ đấy! Tôi nói: “Lá kiệu thôi, không phải lá hẹ”. Thấy ông khách đứng tuổi, có vẻ “người ngày xưa” cô bán hàng cười hiền lành: "Nói thực, cháu cũng chẳng trông thấy cái lá hẹ bao giờ. Khách có hỏi, cháu cứ nói bừa là lá hẹ, người ta cũng ăn tất!”. Tôi cũng ăn tất, tôi ăn lá kiệu đã lâu, hôm ấy hỏi chơi thế thôi. Còn như bây giờ muốn biết mặt lá hẹ có lẽ phải lên tận các làng người Nùng ở huyện Chợ Rã cạnh hồ Ba Bể ngoài sân ảng mỗi nhà bắc một mảnh vầu trong trồng mấy khóm hẹ, đôi khi ngắt vào ăn với tiết canh lợn. Nhưng ai mà cất công đi và về mấy trăm cây số lên hồ Ba Bể, lên thác Bản Giốc hái vài lá hẹ về bỏ vào bát vằn thắn.

Cái lá mùi tàu vốn là cỏ, lên Tam Đảo thấy cỏ này mọc từng đám khắp các bãi. Bây giờ người ta ăn phở ở Hà Nội thích lá mùi tàu hơn cả húng Láng lai húng Sơn Tây và rau mùi. Ở Sài Gòn khách ăn bỏ cả cành lá mùi tàu vào bát phở. Tài thật không biết từ bao giờ ông tổ sư nghề rau nào đã hoá phép biến cái cỏ thành cái rau và đặt tên nó là mùi tàu

Rau cũng như cỏ, rau cỏ mà, rau thề thì thịt cũng đại khái thế. Mấy năm trước, người ta ăn thịt vịt chỉ chén tiết canh vịt, khinh thịt ngan chê thịt ngan tanh, xương ngan rắn. Bây giờ thịt ngan đã lên ngôi, các quán đã treo bảng: phở ngan, miến ngan, cháo ngan tiết canh ngan. Người vào ăn đông lắm.

Có gì đâu, chỉ vì ngan thì nuôi đàn, ngoài chợ có ngan bán quanh năm. Còn vịt lệ thuộc vào mùa vụ cấy hái, ruộng gặt quang rồi mới thả vịt và vịt chỉ được ra đồng khi ruộng xếp ải, cày bừa, cho nên con vịt ra chợ có lứa, không phải lúc nào cũng sẵn. Bây giờ người ăn sáng, người ăn tối lắm quá, các nhà hàng làm ảo thuật cho vịt biến thành ngan, thực khách xơi tuốt.

Một hôm, tôi ăn phở trưa, một hàng phở bình thường ngoài phố. Đã qua lúc đông khách, cửa hàng vắng không còn ai. Một cái xe máy tã thừa xe "cá vàng" phanh phạch đổ. Một người mũ cát, áo ka ki như ở trong làng ra, anh ta bê vào một túi ai lông, đổ ra hai cái rổ sảo thịt và xương bò.

Người bán thịt đã đi rồi, tôi hỏi chủ quán:

- Xương trâu hay xương bò?

Chủ quán chép miệng:

- Lẫn lộn cả, trâu hay bò thì cũng thế.

Tôi nói đùa:

- Mà vẫn cho tao ăn phở thịt trâu à?

Anh ta cười:

- Ai lại dám hỗn với ông, ông đã ăn các thứ phở ở phố này từ thời còn sống phở Chí với cà phê Hoà ở gốc si kia mà.

Tôi không được dị tượng như bác Nguyễn, mà nhà hàng cũng nhớ, kể cũng quý.

Thế rồi anh ta tổng tộc ruột ngựa nói luôn với khách thân:

- Chẳng phải chỉ thịt trâu mà thịt ngựa cũng có. Trâu già, ngựa ốm ngựa què, bọn lò mổ tận trong Thanh Oai đem ra đây cũng thành thịt bò cả.

- Thế khách có biết không?

Anh hàng phở kêu lên:

- Ồi giời ôi, bây giờ người ta ăn như mưa rào. Mà cái gì cũng đâm ra quen hết.

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Mỗi Người Một Khác:

Báo Thế giới mới số tháng năm 2000 đăng một tin ngắn: “Ông Hồ Ngọc Mỹ quê ở Quảng Điền (Thừa Thiên) lên dạy chữ cho người dân tộc Tà Ôi trên vùng núi phía tây Thừa Thiên từ 1947. Năm 1957, cũng ở vùng ấy, ông Mỹ lại lên chuyên dạy đào tạo giáo viên cho địa phương. Ông giáo Mỹ có tên tiếng Tà Ôi là ông Ku Nô. Ông đã soạn được bộ chữ tiếng Tà Ôi la tinh hoá. Bộ giáo dục đã cử cán bộ về giúp ông hoàn chỉnh bộ chữ này để dạy người Tà Ôi”.

Có nghĩa là ông giáo Ku Nô Hồ Ngọc Mỹ, khi ở vùng bị chiếm, khi thì là vùng giải phóng, đã trên 30 năm dạy học ở với người Tà Ôi. Báo không đưa tin cho biết ông giáo lấy vợ người Tà Ôi hay có vợ ở quê. Tôi thật phục cái chí và can đảm của ông giáo Hồ Ngọc Mỹ Ku Nô.

Tôi đã đặt tên bài này là “Mỗi người một khác”, ấy là tôi cũng có một anh bạn có chí, nhưng lại là cái chí khác, cái can đảm khác. Đó là tấm gương mờ. Anh bạn chơi với tôi nên tôi biết anh nhiều hơn là chỉ được đọc cái tin trên báo về hành động dũng cảm và kiên trì của nhà giáo Hồ Ngọc Mỹ. Tên anh là Phạm Nhân. Chữ Nhân chỉ bỏ dấu thì thành tên Phạm Nhan, cái tên con ma hay quấy rầy trẻ hờn đêm. Ngày trước, cứ trẻ con mà khóc dai thì có cái hèm là người mẹ cầm một con dao rựa ra chém vào bờ rào mấy cái, quát to: “Thằng Phạm Nhan! Thằng Phạm Nhan. Mà mà về quấy con bà thì bà chém mày chết”. Không biết có phải vì đòn phép thế mà ma Phạm Nhan phải bỏ chạy hay là vì trẻ con khóc làm mỗi mồm thì im, nhưng bấy giờ người trong làng hay dỗ trẻ con bằng cách ấy.

Anh Nhân bạn tôi hiền lành - hay ít ra là những cái tôi thấy tôi biết về anh đã khiến tôi nghĩ như thế. Tôi chỉ nghĩ có cái đầu húi cua của anh. Những người mới già thường hay để tóc ngắn. Ai còn nhớ cụ nhà thơ Thanh Tịnh, khi cụ chạc ngoài 60, cụ rất chăm cắt tóc, mà cắt thật cao. Chỉ rồi đến những năm già quá cụ chẳng buồn tân trang nữa, cụ mới lười lo chuyện cái tóc ngắn, cái tóc dài. Chỉ bởi vì để tóc ngắn thì người ta chỉ trông thấy người mới cao tuổi lấm tấm bạc ở chân tóc, không ngờ là cả cái đầu đã trắng phơ. Tôi không rõ anh Nhân húi tóc cua để làm gì, trong khi tôi biết tóc anh đã bạc cả.

Tôi cho là Phạm Nhân hiền lành, vì thấy anh chơi với bọn bợm bia, rượu, mà anh chỉ mới làm chưa hết góc vại, mặt đã đỏ lựng. Anh ngồi xem họ uống mà lấy làm vui. Không những thế, còn phục vụ tận tình là đằng khác.

Cứ khi nào lão hoạ sĩ Mai Văn Hiến mà cơ sắp xin thì nhất định phải đến tay Phạm Nhân đưa về. Đỡ nhau đi bộ từ phố Huế đến giữa phố Hàng Đào, Hiến bước chệnh choạng - anh Phạm Nhân phải giúp Hiến đi lảo đảo tựa vào vai mình, không có thì Hiến đến vồ ếch mất. Tây Hiến mũi lõ cao to thế mà đồ giữa đường thì ê chệ quá đôi. Phạm Nhân chưa hết khó nhọc đâu. Hiến say rồi Hiến lại hay vừa đi vừa can

thiếp mọi sự xung quanh, còn hăng hái hơn nhà văn Nguyễn Hồng nhiều. Đến vườn hoa Cửa Nam, thấy trẻ con đá bóng, ông cũng vào làm chân giữ gôn. Thấy một bà đương mặc cả xe xích lô, ông đến cắt nghĩa đường xa đường gần và mặc cả hộ. Có ông công an trên vỉa hè, ông nói “đề nghị đồng chí đứng ra giữa đường mới là chỗ chỉ huy xe cộ được”, và vân... vân... Cứ nhẩn nha như thế, có lần nửa đêm mới dìu được lão họa sĩ tới nhà, lại còn phải dắt đưa vào tận buồng, tận giường, kéo ông đi nhâm nhâm. Nào đã xong, cái điếu đầu, tìm mãi không thấy, cậu Nhãn xem hộ mình cái điếu...

Phạm Nhãn thật chịu khó với bạn. Và tận tình, như tôi đã kể trên.

Một hôm, Phạm Nhãn bảo tôi:

- Mình sắp đi Hà Lan.

- Đi làm gì?

- Về hưu rồi, đi ít lâu kiếm cái vốn con con. Vả lại, mình cả đời công tác dịch tiếng Pháp mà sắp xuống lỗ rồi vẫn chưa biết châu Âu ở đâu thì buồn quá.

Tôi cũng thông cảm cái băng khuâng lãng mạn và thực dụng xưa nay của Phạm Nhãn, tôi hỏi:

- Đi bằng cái gì?

- Khi còn công tác, tôi quen nhiều bạn ở nước ngoài đến đây. Sẽ bảo một thằng ở Hà Lan viết thư mời sang chơi. Cầm cái có ấy đi xin giấy tờ thì xong ngay. Bây giờ dễ. Còn tiền thì sẽ tự xoay.

Anh kể anh sẽ mua một số tranh lụa gửi bán và đem theo, vừa tiền tàu xe vừa làm cái ăn đường. Tôi chịu những tính toán thiết thực và táo bạo của anh. Phạm Nhãn đi thật. Rồi anh viết thư về, khoe: đã tìm được việc làm hợp khả năng, khối việc. Đã thuê được nhà ở, có điện thoại. Lại gửi ảnh cho xem, đã đi Thụy Sĩ, đi Pháp, đi Anh, đi Tây Ban Nha... tài quá. Có điều chắc anh phải mưu mẹo thế nào, mới may mắn thế mà tôi không biết. Nhưng rồi Mai Văn Hiến nói thì tôi mới rõ được những ma mãnh của anh. Sang tới nơi, anh đã làm đơn xin nhà nước Hà Lan cho cư trú chính trị. Chẳng là nếu đơn thất nghiệp, đơn kêu ốm, đơn bị tai nạn giao thông thì không ăn thua bởi thế thì anh chỉ là người qua đường không dính dáng gì đến nước người ta. Nhưng cái tị nạn chính trị, lôi thôi đến nhân quyền và tự do, mấy nước ú ớ này nhận đơn và bảo đợi trả lời.

Trong khi đợi, một năm chưa trả lời thì hai năm, đến bây giờ sáu năm qua rồi vẫn chưa được trả lời, mà người ta vẫn trợ cấp cho người đưa đơn có tiền để thuê nhà ở, có tiền ăn, có tiền đi giải trí và có thư anh đã hỏi tôi “có muốn sang Hà Lan chơi, mình sẽ bày cách cho, dễ ợt, sang chơi nhé”. Rủ tôi thế, là chắc Phạm Nhãn đoán tôi đã biết cái khôn, cái mẹo của anh. Anh viết thư giải thích cho tôi biết xin tỵ nạn là biện pháp tình thế, cái có để ở lại và có tiền tiêu, chứ cái điều anh đã tâm sự năm trước rằng đi vài năm kiếm cái vốn con con và được dịp đi chơi nữa, thì anh vẫn đình ninh, anh đã có kế hoạch chi tiết cho một

ngày thắng lợi trở về.

Tôi cũng tin anh nói thật, với những mơ màng ấy. Chỉ có điều tôi không hiểu thì vẫn không hiểu. Phải chăng cái đó thuộc về tâm tư con người, mỗi người một khác. Anh không giàu, nhưng cũng không bao giờ thiếu. Khi về hưu, những công việc dịch tài liệu, dịch ở các hội nghị hội thảo, lúc nào cũng bề bộn và kiếm ra tiền, anh đi chơi vung vênh vào Nam ra Bắc như con thoi. Lại không bia, không rượu, ngồi với anh em chỉ chén đầy cơm và thịt, có nhắm (chứ không uống) vài củ lạc, miếng bánh đa. Thế thì đi mấy năm, chẳng biết mấy năm nữa mới “kiếm cái vốn con con về” để làm gì. Tôi hỏi Mai Văn Hiến, Hiến cũng chịu không cắt nghĩa được Chỉ nói thêm: “Thằng này có máu com-mec (commerce: buôn bán). Và chỉ có máu thôi

Một hôm, đọc chỗ đuôi trang tư Báo Hà Nội mới thấy gia đình Phạm Nhân đăng tin buồn. “Ông Phạm Nhân đã tạ thế ngày... tháng... năm ở nước Hà Lan”. Cũng không nói ông tịch ở thành phố nào, tại sao ông chết. Có lẽ ở nhà cũng không biết. So ngày mất với ngày đăng tin buồn thì thấy cách nhau hơn bốn tháng?

Thế là toi cái mộng và cả người chủ mộng.

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Qua Miền Trung:

Núi Chứa Chan

Người qua cực nam Trung Bộ thường hỏi núi chứa Chan ở chỗ nào, mà không mấy ai biết. Hầu như những vùng núi cao, thung lũng và cánh đồng đầu cũng là núi Chứa Chan, từ dọc dài bờ biển cực nam khuất khúc lên Tây Nguyên. Ai đã đặt tên cho núi? Chứa Chan là tiếng thở dài ngạc nhiên hay niềm mơ ước của người thợ rừng đèo đá, người sơn tràng gặp được của đột ngột, hay là tâm sự người chiến sĩ ra chiến trường bao nhiêu éo le chan chứa đời người.

Trong sách "Từ điển tiếng Việt miền Nam" của cụ Vương Hồng Sển có kể ở khe Dạ Lao trong núi Chứa Chan có nhà sư Ngô Chân tu ở hang đá. Thế thì cái nghĩa Chứa Chan đã đến được hư không trong khổ hạnh. Cái nghĩa chứa chan biết sao là cùng. Sớm nay, trời mưa trắng núi trắng trời từ lúc ra khỏi thành phố. Ai cũng hỏi:

Tới núi Chứa Chan chưa? Chắc là qua rồi. Hay là chưa qua, bạt ngàn rừng cao su miền Đông, trong mưa như vẩn cả trăm nghìn con lũ xả xuống. Tây Nguyên! Tây Nguyên? Nhớ lần ấy chiến dịch giải phóng Tây Bắc 1952, quân đi vượt đèo Khau Vác, sắp vào trận đánh Nghĩa Lộ. Trú quân nửa đêm ở Sài Lương, trông sang nham nhở lửa đèn đồn địch bên kia, tôi được nghe một câu nói trầm ngâm khác thường của vị tướng cầm quân đang lâm trận:

- Anh có biết trong cuộc kháng chiến trường kỳ này phải cho đến khi nào ta tới được chiến dịch giải phóng Tây Nguyên, giải phóng Tây Nguyên mới là toàn thắng.

Câu nói mơ màng trên đỉnh Khau Vác năm xưa cứ làm tôi ở Hà Nội bao nhiêu năm sau khi đã hoàn toàn thống nhất đất nước, mỗi lần máy bay lướt qua Tây Nguyên trập trùng hạ cánh xuống Tân Sơn Nhất giữa vùng sông nước Sài Gòn xanh rờn bóng dừa, lại nhớ lời đỉnh ninh chiêm nghiệm chứa chan tin tưởng ngọt ba mươi năm chinh chiến của vị tướng cầm quân giữa chiến trường.

Tạnh mưa, trời quang hẳn.

Cả trời cả biển Long Hải đương vun vút bên kia. Vùng Xuyên Mộc núi và rừng nhấp nhô liên tiếp như những dòng thời sự và lịch sử như mới hôm qua. Những ngày đêm du kích Bà Rịa Vũng Tàu phá kho hậu cần của nguy Pác, nguy Úc, chúng phải bỏ chạy về thị trấn đã qua rồi những đám người di tản đi đâu trên bờ xuống biển trong đêm tối thê thảm biết sống chết thế nào.

Bây giờ, con đường như đại lộ ra các bãi biển từ Mũi Né đến rừng tràm nước nóng khu du lịch Bình

Châu bên kia. Trời xanh trong, xoá đi những đêm chiêm bao trắng núi trắng trời, rừng Chứa Chan lại thăm thăm xanh xanh. Xe tải chở sắt thép, xi măng, cát và đồ đạc nội thất. Và những xe chồng chất từng bó lá buông cao ngất. Mỗi chiếc lá buông to như tàu lá cọ, người quanh vùng ngày ngày vào rừng chặt lá. Lá buông tải vào thành phố để người ta làm đồ xuất khẩu chơi cảnh và làm nón, đan chiếu bày bán ở các siêu thị nước ngoài.

Trong khe Dạ Lao hang đá núi Chứa Chan, không biết nhà sư Ngô Chân có còn ngồi thiền hay đã xuống rừng chặt lá buông

NINH THUẬN

Mỗi khi qua Bình Thuận, Ninh Thuận lại nhớ Tế Hanh khi đi vào hậu địch những ngày đầu chống Pháp tháng bảy 1951, viết bài trường ca:

Tôi gặp chị một chiều Ninh Thuận

Vai mang gùi đầu quấn khăn tang.

Người đàn bà Ninh Thuận.

Những ngày kháng chiến của người cán bộ ở cực nam thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ đâu đâu cũng gay gắt, gian nan. Ôi cực Nam Trung Bộ ba mươi năm ác liệt, bây giờ chúng tôi lại đang được đi qua trên những con đường cái chính xứ, ngày đêm xe cộ nườm nượp. Phan Thiết, Phan Rang vẫn những cánh đồng phờ phạc, cằn cỗi, những bờ ruộng mấp mô đá tảng” vờn lên xa xa mòm tháp Chăm như một dấu chấm đỏ lịm vừa thần thơ, vừa sừng sững. Cánh đồng đá lổn nhổn, những giàn dây thanh long vào mùa sang đông trơ trụi như những cây xương rồng hoang.

Ven đường đột ngột dừng một cái bảng lớn kẻ chữ Pháp, chữ quốc ngữ: “Nhà máy nước suối Vĩnh Hảo”. Một quãng đường nhựa xếp dãy một hàng xe tải cỡ lớn, chắc là nước khoáng đem về thành phố. Nước suối Vĩnh Hảo đã được khai thác từ thế kỷ trước. Thuở ấy trên báo hàng ngày ở Hà Nội và Sài Gòn, trên những tấm pano dọc đường đề quảng cáo nước suối Vĩnh Hảo, nước khoáng Vĩnh Hảo hay hơn, bổ hơn nước suối Vichy bên Pháp. Thế mà cái ông tư sản này len lỏi nhanh thật, nước suối Vĩnh Hảo bây giờ, lại đầu thai ra ngay ở cái vùng núi đá hẻo lánh mà quen thuộc này. Trong triền núi đá nhô ra, chưa trông thấy rõ đàn bò hay đàn dê lon ton, chen chúc trên đồi ào xuống, đen đũi như bó rạ ở ruộng ải. Rồi nhìn ra là đàn cừu. Những con cừu như con chó con đi đông đặc như cả mảng gốc rạ. Những đàn cừu, cả trăm nghìn con cừu đang chạy thông dong trong nắng gió đất Ninh Thuận.

Hốt nhiên trông thấy con cừu, tôi nhớ lại kỷ niệm những chuyến đi xa. Ở Mông Cổ, khi mùa đông về, trên đồng cỏ hanh hao sông suối cạn kiệt nước. Những đoàn xe tải bịt bùng kín những nhà lều chuyển hàng nghìn vạn con cừu đi tìm chỗ trú đông ở những thung lũng có cỏ, có nước. Ở Đông Phi hay quanh vùng đất ẩm Địa Trung Hải, ngay ở đường phố Bâý rút nước “Thụy Sĩ Phương Đông” khi chiều đến, lũ lượt người ra

ngoại ô công những con cừu ngoài bãi cỏ về chuồng. Quanh sân bay ở sa mạc Sahara, người chăn cừu nhấc chiếc gậy lên, đàn cừu đi rùng rùng như sóng đất. Người và cừu ở đây thật gần gũi, tấm da cừu trên vách nhà lều ấm như vách sưởi, cả con cừu thịt treo ngoài hiên lều như ướp lạnh, mỗi bữa ra xẻo một miếng vào nướng. Mùi cừu nồng thơm, phảng phất món cà ri nghệ mua ở chợ Đồng Xuân, chợ Bến Thành về nấu giả cầy, làm nhựa mận cũng đỡ thêm rồi.

Khỏi phải chờ, ở Hà Nội bây giờ đã có cao lầu đặc sản cá hồi sống Nhật Bản và quán cà ri Ấn Độ một quán sang trọng bên kia Hồ Gươm, một quán nhỏ nhỏ chen chúc giữa phố Mã Mây. Ông chủ Ấn Độ này kinh doanh hoặc làm quản lý của hãng buôn nào đấy hay ông làm nghề xẹt ty (chetty) cho vay lãi, ngồi bán hàng tơ lụa ở Hàng Ngang - Hàng Đào, cũng na ná như quán ăn Bôđêga cho tới Hà Nội 1954 ta còn thấy. Ông này cũng lấy một người vợ Hà Nội và mở quán thịt cừu giữa phố cổ 36 phố phường buôn bán sầm uất - Ông làm một công đôi ba việc và người làm chạy bàn, tiếp phẩm, tính tiền khách ăn đều là người nhà vợ. Ông bảo:

- Những người nấu thịt cừu ở cửa hàng tôi đem bên Ấn Độ sang.

Ông đưa tôi vào tận bếp cho tôi thấy một ông tây đen râu xồm quàng cái tạp dề xanh lơ, rõ thật hạt cái khăn của ông tây đen quần thường.

Tôi hỏi:

- Thịt cừu thì lấy ở đâu?

- Thịt cừu hàng tuần có chuyến bay Hà Nội - Cancutta. Có khi phải mua dê Mộc Châu. Thịt dê Mộc Châu cũng ngon như thịt cừu.

Chuyến này về tôi sẽ mách ông ấy vào Bình Thuận, tha hồ kén cừu chính cống. Nhưng mà rồi tôi phải chào thua những tay tứ chiếng thương hồ.

Tôi khoe:

- Vào Ninh Thuận có thể mua cừu không phải làm cà ri dê Mộc Châu nữa đâu.

Ông cười cười:

- Biết rồi, tôi biết cừu Nha Trang đem ra Hà Nội, đem vào Sài Gòn cũng được. Tôi xin báo để ông mừng cho tôi, tôi mới mở thêm một quán thịt cừu ở Sài Gòn. Thịt cừu ở Nha Trang vào Sài Gòn cũng gần hơn Hà Nội.

Làm sao tôi còn phải mất công đi mách nước cho những người buôn bán tài ba khắp thế giới như những ông Ấn Độ này. Thánh Găng Đi lúc thiếu thời đã từng đi bán vải các thành phố cảng quanh châu Phi kia mà.

Tôi lại mơ màng về những con cừu Phan Rang, Phan Thiết, những con cừu trên cánh đồng và bãi đá bao đời ở đất nước tôi đã quen thổ ngơi cái nắng cái gió nhiệt đới, bộ lông cừu cũng xoắn ngăn lại chỉ bằng cái áo gilê.

Những cái tháp Chăm chơ vơ chân trời. Có phải những đàn cừu còn lại từ khi cái tháp đo lịm nghìn năm vẫn ở đây. Con cừu và cái tháp vùng Châu Sa nói rằng các nền văn hoá văn minh của nhân loại là nối tiếp trên mặt đất khắp thế gian.

Ở sa mạc Di da ngoài thành Kê rô nước Ai Cập có tháp Kiôp vĩ đại. Những tảng đá đồ sộ kỳ lạ quanh chân tháp dường như miết ngón tay thành vệt được. Thế thì khác nào đá ong núi Ba Vì đào trong đất thì mềm phơ ra nắng thì mãi mãi hoá đá với thời gian. Mới đây một nhà khảo cổ Pháp nêu ra một giả thuyết về đá Kim Tự Tháp được thế giới đương bàn tán. Đá tháp Kiôp không phải đá tảng mà đá luyện có khuôn đóng. Cũng như tháp Chăm xây đá liền như ghép lại, cũng như đá ong mềm mà cứng?

TUY HOÀ

- Sông Ba! Sông Ba!

Qua cầu sông Ba. Cái cầu đã chiến mà chiến tranh đã tàn phá bao phen, những mố cầu rêu mốc nước chảy rào rào bên bờ lau. Tôi ngoảnh lại nhìn bên kia Đồng Bò. Cái nơi tôi đã nghe ngót nửa thế kỷ mặc dầu Đồng Bò chưa bao giờ tôi được đến mà tôi đã vừa đi qua. Bởi vì trên đường số 7 từ Tuy Hoà đi, nhưng tôi đã cùng đi với đoàn quân Nam tiến những ngày ghi nhớ:

Giữa năm 1946, hơn nửa thế kỷ trước, tôi làm phóng viên báo Cứu Quốc đi vào Nam. Mặt trận đã tới Nha Trang đương lan ra Tuy Hoà. Ở Đồng Bò bên kia sông Ba đã nghe tiếng đại bác rền tới. Thị xã Tuy Hoà mở hội chợ, những ngày ấy đương nô nức vui đất nước độc lập. Dường như mỗi người vẫn mỗi việc, không ai bận tâm đến tình hình cực kỳ khẩn trương. Chúng tôi lên mặt trận đường số 7. Dự định lên Củng Sơn, Cheo Reo. Trong đoàn đi có trung đoàn trưởng Cao Văn Khánh - sau này là tướng cầm quân cả hai cuộc chống Pháp, chống Mỹ và trung đoàn phó Thu Sơn - người dân tộc Tày - sau này là tỉnh đội trưởng tỉnh Tuyên Quang.

TÊN ĐƯỜNG SỐ 7

Giữa năm 1953, quân Pháp đương bị vây hãm đến kiệt cùng trong lòng chảo Điện Biên Phủ. Trong thế nguy, quân Pháp phải rút một binh đoàn đương giúp Mỹ tham chiến ở chiến trường Triều Tiên. Binh đoàn tinh nhuệ này tức tốc trở về Việt Nam dự định mở kế hoạch Ất Lãng tấn công các vùng tự do ven biển nam Trung Bộ, đỡ đòn cho Pháp ở Điện Biên Phủ.

Đội quân cứu nguy này đóng dọc dài trên đường số 7, từ đèo An Khê trở lên. Quân và dân khu Năm đã khoá đường số 7, phục kích tấn công suốt đèo An Khê. Trên một trăm xe tăng, xe bọc thép bị phá huỷ, hàng trăm địch bị tiêu diệt. Cả một binh đoàn tan tác, kế hoạch Ất Lãng vỡ.

Vẫn trên đường số 7.

Hơn hai mươi năm sau, mùa xuân năm 1975, đại quân ta điểm huyết Buôn Ma Thuộc thành phố mở đầu mặt trận Tây Nguyên. Cả Tây Nguyên rung chuyển. Bao nhiêu binh lính địch cả năm tỉnh Tây Nguyên dồn lại, chạy xuống đường số 7, tan tành cả ở đấy. Chiến dịch lịch sử Hồ Chí Minh giải phóng miền Nam bắt đầu.

Năm 1952, ta đương tiến vào giải phóng Tây Bắc trên địa đầu tổ quốc, nhưng phải cho đến khi nào giải phóng được Tây Nguyên mới là toàn thắng - tôi còn nhớ lời tiên tri hơn hai thập kỷ trước của vị danh tướng cầm quân ngày ấy, khi qua đèo Khau Vác. Ngày ấy, chúng tôi không đến được Cheo Reo. Máy bay địch từ Kon Tum xuống bắn phá Củng Sơn. Chúng tôi phải trở về Tuy Hoà. Nửa đêm về tới. Những đám cháy ban chiều thị xã Tuy Hoà bị máy bay giội bom phá hội chợ, tàn lửa còn đỏ rực. Con ngựa thuộc đường trong bóng tối vẫn lù lũi đi.

QUẢNG NGÃI

Tôi vội đi cho kịp chuyến bay Đà Nẵng mà cơn bão số 2 còn đương rập rình bên ngoài biển Đông. Không biết ghé lại thị xã Quảng Ngãi có kịp không.

Bởi vì tôi còn phải gặp cháu Dũng ở thị xã.

Dũng bây giờ đã trên ba mươi tuổi rồi. Những năm ấy Hà Nội đương bị Mỹ ném bom, thành phố cứ đông vắng từng lúc. Cơ quan đã đi sơ tán cả, chỉ để lại hai ba người thường trực hoặc ra bưu điện, hoặc đi nhà in. Nhưng loanh quanh rồi lại có mặt cả Cũng như hàng phố người ta chỉ đi khỏi nhà những khi bom bắn căng nhất. Lúc nào cũng thấy Dũng ngồi ở gốc cây sữa trên hè phố. Bấy giờ Dũng mới chỉ khoảng tám chín tuổi. Tôi hỏi:

- Cháu không đi sơ tán với nhà trường à?

Dũng ngẩn ngơ lắc đầu. Về sau, tôi mới biết mẹ và anh em Dũng ở cơ quan bên cạnh. Ba Dũng vào chiến trường B đã mấy năm rồi. Một năm, Dũng bị một cơn sốt rồi sau đấy, người như ngơ ngẩn khi quên khi nhớ. Dũng phải nghỉ học, ngày ngày tha thẩn, thường ngồi ở cửa cơ quan tôi. Mỗi khi chúng tôi ở nơi sơ tán về, có quả ngô nướng, khoai luộc, bánh đa chợ quê, ai cũng chia cho Dũng. Nhất là khi bác Nguyễn Hồng ở Bắc Giang xuống, thế nào bác cũng có bọc lạc luộc của nhà, bác cho Dũng một nắm, có khi bác lấy cái nắp bi đông, rót cho Dũng một chén rượu ra nắp. Dũng lắc đầu, cười, bác đùa. Bác lại cầm chén rượu uống cho Dũng xem. Dũng quá quen ngồi chơi trong phòng, có khi ngủ trưa trên bàn, có còi báo động lại chạy xuống cái hố trú ẩn dưới gốc cây thông đuôi ngựa um tùm. Chẳng bao lâu, Dũng đã thuộc cả tên chúng tôi. Ở văn phòng, bác Tiểu, cô Hường., và bác Nguyễn Hồng, bác Tế Hanh...

Thế rồi đến ngày thống nhất tiếng pháo đốt vang động thành phố. Công việc bề bộn, tôi cũng không biết nhà Dũng đã về quê lúc nào. Nhưng đôi khi hỏi thăm cơ quan bên ấy cũng được biết tin. Ba Dũng ốm bệnh

mất rồi, má Dũng đã về hưu. Dũng vẫn lẩn thẩn hiền hiền như thế, và đã biết làm vườn.

Một hôm tôi nhận được cái thư gửi từ Quảng Ngãi. Trong thư có một tờ giấy trắng to nguệch ngoạc mấy dòng: "Cháu Dũng hỏi thăm sức khỏe bác cho cháu hỏi thăm bác Nguyên Hồng, cô Hường, bác Tiểu có khỏe không. Cháu nhớ cái hồ Hiền (Thiên) Quang...". Thư cụt ngắn không ký tên, không đề ngày nhưng tôi đã biết thư của ai. Thế ra Dũng đã biết, chữ, đã viết được. Bao năm đã qua ngoài mười năm rồi, bác Hồng, bác Tiểu, cô Hường đã mất cả Dũng vẫn hỏi thăm. Tôi viết thư cho Dũng ngay. Từ đấy thỉnh thoảng tôi lại thư cho Dũng tôi viết ngắn và nắn nót từng chữ. Tôi lại nhận được những cái thư mất dòng như thế. Nhưng bì thư thì chữ khác, đủ địa chỉ tới cần thận. Chắc Dũng nhờ người viết. Trong thư Dũng lại hỏi thăm sức khỏe bác Hồng, bác Tiểu, cô Hường...

Tôi làm thế nào để cho Dũng biết là bác Tiểu, bác Hồng, cô Hường không còn nữa, để kể cho Dũng nghe cô ấy, bác ấy đã đau yếu như thế nào. Tôi chột nghĩ ra tôi cứ kể như thế, má Dũng hay các anh các chị Dũng có thể cắt nghĩa được cho Dũng.

Quả nhiên, lần này được thư Dũng vẫn chỉ mấy chữ ngòeng ngoè, nhưng mấy chữ khác các thư kia... Cháu Dũng có lời chia buồn với bác Hồng, bác Tiểu cô Hường., cháu mong bác Hoài được sức khỏe...

Tôi vẫn nhận thư Dũng, nhất là vào dịp Tết, thư chỉ có vài chữ, nhưng bao giờ cũng chia buồn với bác Nguyên Hồng, bác Tiểu, cô Hường và cháu mong bác sức khỏe... (Nhớ cái hồ...) Dũng chỉ viết được có thế, Dũng chỉ định ninh chữ và một vài hình ảnh những ý nghĩ ấy trong đầu. Đã hơn hai mươi năm bây giờ tôi mới có dịp qua Quảng Ngãi.

Cơn bão vẫn đe dọa ngoài kia, giữa trưa mà trời u ám, tôi đã đến Quảng Ngãi thị xã xinh xắn phố xá quang đãng, tôi dễ tìm ngay được nhà Dũng.

Một bà người nhỏ bé đã có tuổi ngồi trong cửa trước mấy thập gao.

- Bà các tôi hỏi thăm nhà cháu Dũng.

Bà chột ngạc nhiên rồi thốt lên.

- Ông là ông Tô Hoài...

- Vâng.

Rồi bà bối rối đưa tôi đến cái cổng khoá trong ngõ phố. Tôi trông vào đã thấy ngay Dũng. Đúng vẫn là Dũng lên tám lên chín khuôn mặt trẻ đại trắng trẻo, nhưng bây giờ Dũng đã là một người đàn ông đầy đà, có râu ria.

Dũng cũng trông thấy tôi. Dũng gọi ngay:

- Ông Tô Hoài!

Rồi Dũng ngã ngất xuống gầm ghế.

Cả nhà hốt hoảng gọi Dũng, kéo Dũng ra, trong lúc hốt hoảng đi gọi bác sĩ, may Dũng đã dần dần tỉnh. Má Dũng nói dạo này Dũng yếu, hay ngã. Các em kể:

- Dũng học đến viết thư được cho ông. Nhất định không cho ai viết hộ. Dũng lại đem ra bưu điện, bưu điện không đọc được địa chỉ, bấy giờ mới để cho chúng tôi viết phong bì hộ.

Tôi ôm má Dũng, Dũng bám chặt vào vai tôi.

NHA TRANG

Năm trước, ở bến Đá, gặp ông chủ Trí Nguyên, người khai sinh ra cái hồ cá Trí Nguyên ở Nha Trang thời cũ. Ông khoát tay ra ngoài khơi, nói: Vùng biển này tôi định rồi tôi ngăn lại để nuôi cá voi Khách chơi trên nhà sàn, ăn uống và ngắm cá voi. Ông Trí Nguyên được giữ lại làm công nhân trông hồ cá. Ông có mấy người con chưa có việc làm và ông phàn nàn người xem ném rác xuống hồ bắn quá, cá chết. Ông lão móm mém nói không ra mếu không ra cười:

- Thưa ông, tôi vẫn còn bản đồ, và phác thảo thiết kế các điểm chơi, các vùng nuôi cá voi đây. Ông lão chí thú với du lịch chắc là đã khuất núi ở chân trời góc biển nào, con cái ông có người nào xin được việc làm ở hồ không, như hồi ấy ông mong ước bây giờ tôi thấy trên có biển Trí Nguyên, cũng như bên vùng biển Nha Phu, cả ngày những ca nô, tàu nhỏ tấp nập người đi xem những hồ cá, những đảo khi những lưới nuôi ngọc trai. Nhưng chưa thấy cái mộng hùng vĩ nuôi cá voi của ông lão nằm mơ được có.

Qua Nha Trang thành phố ven biển bây giờ chỗ nào cũng loang lổ xây dựng. Có còn tiếng chuông văng vẳng nửa đêm chùa Long Sơn, bây giờ ngược mặt chỉ thấy bóng trắng trắng toát trên tượng phật bà Quan âm cao cao. Những đàn cò trắng trên các cánh đồng Diên Khánh đã phiêu dạt đi đâu để lấy chỗ cho con đường đỏ ối lên chùa Bồ Đề. Bãi biển từng quăng, được đóng cọc, rào giậu, che ni lông, ván. Chắc là chia ô để thành phố cho thuê những bãi khơi, bãi tắm, nhưng bây giờ thì còn lổn nhổn. Hàng dừa dọc bên bờ mọi khi xanh mát mắt, nhưng mùa này bụi đường và lá úa tươi tắn. Người ta bảo năm nay hạn nắng cháy cả lá, bọ dừa ra nhiều đục rơi cả từng tàu lá. Mỗi đường phố Nha Trang đều mở ra biển. Buổi sáng buổi chiều mọi người thành lệ tấp nập tắm biển.

Chỉ có tôi ngồi tựa gốc dừa nhìn ra khơi. Mấy cái tải bắp ngô luộc người ta bày ra bán. Bên mép nước, một lũ trẻ đương đùa với mấy con chó. Trẻ con và chó không biết sợ nước. Sóng đánh vùi cả lũ, tiếng chó vẫn sủa tang tang. Tôi được biết có người nước ngoài cũng đến đây mở quán. Không ở Hà Nội, ở Sài Gòn, ở Đà Lạt mà ở thành phố biển này.

Quán rượu Bitt rô Cá Mập ở ngã tư phố gần biển. Phố nhỏ, có những quán kang trang, đông khách nhưng

quán này chỉ có một gian sâu tối mờ mờ, bàn ghế gỗ giản dị, vách trang trí mấy cái rá làm chao đèn, bên cạnh cái niêu đất, cái rế, mảnh chiếu hoa, tàu lá buông lót vách như đan phen, to nhất là cái bảng quán rượu " Bittrô Cá Mập" treo trước cửa.

Mấy cậu chạy bàn ra mời khách. Các cậu bé nhỏ, áo lụa vàng màu da cam, da mai mái. Có cậu mặt láu lỉnh đeo đôi tai vòng bạc. Nước da xám nắng.

- Ông chủ có nhà không?

Một cậu khoanh tay lễ phép:

- Dạ, ông con đi dạo ngoài biển.

- Tối không bán hàng à?

- Ông con hay đi dạo biển chiều thứ bảy.

Vừa hay một cậu khác nói:

- Ông về kìa.

Một người âu gầy và cao, mặc quần ngắn, cái áo sơ mi cộc, hai mắt sâu hoắm nhìn hau háu, đầu hói hết tóc. Nếu ông ta mặc áo choàng đen, có dáng một linh mục.

Ông nói tiếng Việt sôi và hóm quá. Chúng tôi vào bàn bia hơi Đức ngay gần cửa. Tôi hỏi:

- Quê anh ở đâu? Beclin hay ở Ham bua?

Tiếng ông nói như con yểng nói:

- Dạ, quê em ở Vĩnh Phú.

- Nói đùa.

Nói thật thì em tên là Phong, Nguyễn Văn Phong. Quê em ở Laixich.

- Vẫn nói đùa đấy.

Anh cười.

- Cán bộ bắt khai lý lịch như công an hộ khẩu à? Tôi là Genke F., 40 tuổi. Tôi có một người bạn cùng quê ở Vĩnh Phú. Anh ấy học ở Laixich mà quen. Chúng tôi kết làm anh em. Anh là Kiến, đặt tôi là Phong, Nguyễn Văn Phong. Chúng tôi chống phong kiến mà.

Nói rồi lại cười. Tôi hỏi:

- Sao lại đến đây?

- Tôi đi Tây ba lô lang thang thôi. Đến Việt Nam mười năm rồi. Hà Nội, Sài Gòn đã ở cả. Nhưng tôi thích Nha Trang.

- Mở quán ăn.

- Vâng, quán rượu Cá Mập.

- Tên quán hay là có bán món Cá Mập thật?

Anh nói to:

- Cá mập thật. Cá mập ăn thịt người thì người phải ăn thịt nó. Tôi kén thịt cá mập ngon. Không mua ở chợ Đầm, cầu Bống, tôi xuống Cầu Đá chọn cá mập chỉ nhỏ bằng con cá hồng. Ngon lắm, ăn thử. Anh ta chuyện hay quá. Anh kể tôi cũng muốn ăn ngay:

- Cá mập nướng, uống với bia Đức, đã lắm.

Tối hôm ấy, tôi chén một bữa cá mập. Cũng chẳng biết cá thật hay rơm, bởi vì cá đã xay nhỏ rồi rán chả béo xèo xèo. Lại uống vodka liên doanh Nga Mỹ thì chẳng biết thịt nướng hay cá nướng nữa. Chủ quán cũng đến nhắm chơi và chúc rượu.

Tôi vuốt một cái vòng bạc tròn ten trên tai cậu chạy bàn đến rót rượu. Chủ quán nâng rượu cười rung cả mặt, nhìn con mắt tò mò của tôi, trịnh trọng nói chận:

- Tôi chỉ đồng tình thôi, không đồng tính đâu, ông khách đừng phê bình.

Rồi chủ quán lại cười to, hàm răng trắng muốt, chắc là răng giả.

Sớm hôm sau, tôi ra biển. Thấy chủ quán đã cời trần vừa đi vừa hút thuốc lá.

Rồi mời:

- Sáng sớm đi Cầu Đá lấy cá mập rồi. Tối đến nhé. Tôi cũng rời Nha Trang hôm ấy.

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Quán Cây Si:

Quán Cây Si, quán Cây Dừa, quán Vườn Trúc trước đây có đôi ba lần tôi đến với Hoàng Trung Thông. Nếu bây giờ quán nào còn chắc vẫn nhớ ông Hoàng. Còn tôi thì như cái bóng, cái bóng chẳng có gì để người ta nhớ. Tôi cũng hay lượn lờ quán xá vỉa hè thích lai vãng hàng quán, nhưng phải cái tội là ở đâu đông đông thì tôi lẩn dần. Ở quán cóc, ngồi ghế băng cả năm bảy người một dãy, được bạn uống lảng giềng hỏi han thì tôi nói tôi về hưu đã lâu, trước làm kế toán ở cơ quan x, y - không hẳn tôi nói dối, vì xưa kia tôi cũng vẽ vẽ làm phụ kế toán. Như thế, câu chuyện bao giờ cũng tràn lan và tha hồ bốc phét. Nhà phê bình văn học Nguyễn Văn Lưu có tả tôi thường uống một hai chén rồi lui. Cũng không hẳn như thế. Tôi ngồi quán cóc cốt hóng chuyện thiên hạ, không được thế thì mất cái thú. Tôi nghĩ như nói về tôi thế này thì có thể là tả thực hơn. Ở quán cụ 71 mà gặp những ông nhà văn có tuổi và nhà văn trẻ thì tôi uống và ngồi im. Nhưng đến đây mà có ông xích lô, mấy ông bác sĩ viện Mắt đi uống rượu vụng mà uống khỏe lắm, mà tôi là lão kế toán về hưu, thì tôi cũng ba hoa chích choè lắm chứ. Chẳng biết thế là thói quen, là tật hay bệnh mãn tính. Còn như uống, có khi đến năm bảy chén suông rồi biến thì phải kể loại nhất thì tôi biết là họa sĩ Dương Bích Liên - cái người lúc nào cũng sợ người, tránh người. Đã lâu mới lại đến quán Cây Si - thật có cây si cây si thả rể loăn xoăn lòng thông xuống trước mặt chứ không phải thân già này còn nờm đời mà trồng cây si trước cửa nhà mụ nào, con nào và mong ngóng ai ai bây giờ.

Nhưng tay long tay hổ đi với tôi hôm nay không phải hai ông bạn văn nhớn nhác giờ tay xin đường qua ngã tư ngã năm hôm trước, cũng không phải cụ Kim Lân mà có hôm được các cháu nhà hàng gọi hỗn đáng yêu mà cụ lại cứ muốn chúng nó gọi láo lếu là "anh Hạc", "anh Hạc" lão Hạc cũng máu phất phơ hàng quán và uống vẫn tợn. Nhưng anh Hạc này mới bị treo cái đĩa cột sống ngay trên mông đít đã hay đi đá giặt cứ thỉnh linh không ngóc được lưng lên, còn ông bạn chí cốt Nguyễn Văn Bổng của tôi thì nằm ngửa trên giường đã vài mươi năm nay rồi. Ôi chao, còn ai nữa... Những cái quán cóc vẫn lèm nhèm, lúi húi như thừa trước. Nhưng trong ruột xôm trò hơn xưa nhiều. Có những khách không phải hạng lép túi, nhưng họ thú vị với cái ú ớ xuềnh xoàng thế này. Trước tiên là quốc lủi, cái rượu quốc cấm ngày nào phải đựng trong bong bóng ni lông cất kỹ dưới gầm giường thì bây giờ được bày lên một loạt vỏ da lươn như những cái vại con, chẳng biết thừa ở Hương Canh hay Phù Lãng. Đậu phụ, đậu nướng thì ê hề. Lại mới thêm mặt hàng đương ăn khách: vó bò và chân gà, ngẫu pín, giải dê tương gừng nhà hàng mở tủ lạnh bưng ra cả mẹt, tha hồ chọn. Các thứ mì ăn liền, bò hay gà thì cũng một mùi hăng hắc như nhau, ra đời từ cái ngày giải phóng miền Nam, bây giờ là món ăn cổ điển như là bún. Kể cũng tiện, ngắt ngưỡng rồi làm một gói vừa bụng và cũng là xong bữa.

Các chủ quán, bà Hai hay ông 71 đã về nhà lạnh cả rồi. Nhưng ánh đèn hoa kỳ lom đom với bó đóm gỗ diêm, và cái ống điều cày thì vẫn để dưới gầm bàn - chỉ khác nó không còn phải xích vào chân cột. Thì

vẫn tích cũ, "con nhà chùa thì quét lá đa" vậy. Bà bán xôi ngô hè phố Nguyễn Du cũng về với các cụ rồi thì con trai con dâu bà mỗi sáng lại ngồi xích lô chở xôi ngô từ phía chợ Mơ đến ngay chỗ ấy và khách hàng ăn quà sáng vẫn chen chúc kẻ đứng người ngồi. Cụ phở Chí đi rồi thì thằng Hải con cụ nói nghiệp "phở gà Chí", dẫu vợ chồng Hải đã tậu nhà đổi đi phố khác, nhưng con người cũng như con mèo, con ngựa giỏi đánh hơi đường cũ vẫn được khách theo. Bãi cỏ cứ đi mãi thành vệt đường, người ta ăn uống cũng theo vết kỷ niệm. Lâu lắm tôi không đến quán Cây Si - có lẽ từ khi ông trạng Thông châu trời nhưng cái dáng người nho nhỏ dật dờ của tôi bước vào, cũng cho tôi tự cảm thấy tôi đã là người của mọi khi rồi. Tôi cùng đi với một thằng lạ. Nó cao lớn mặt sạm nắng gió, trong bóng tối như thằng mắc bệnh gan. Chưa hẳn đã già, mà không thể đoán được tuổi, bảo là gần bằng tôi thì cũng đại khái tương tự. Nó mặc cái áo cộc tay vải đen vân trắng cũng như mọi người qua đường bây giờ quần áo loạn các kiểu, các màu thế, chẳng đáng để ý.

Nhưng đời nó và cái sự nó đi với tôi thì không ai có thể tượng tượng ra được. Nó ở thành phố Hồ Chí Minh ra. Chưa đến Hà Nội bao giờ. Nó đi khỏi Sài Gòn tháng 4-1975 từ lúc thiếu niên. Chẳng có thân thích nào ở Sài Gòn. Nó xuống Vũng Tàu, chỉ vì ngày trước nghe mẹ nói đã sinh nó ở Vũng Tàu. Nhưng cũng chỉ đi trông lại thành phố và bãi biển mà nó không nhớ cái gì cả. Nó là con của chị vợ tôi. Bà chị lang bạt vào Nam từ thời trẻ. Vợ tôi không biết mặt nó, chưa thư từ với nó bao giờ. Nó thành linh đến. Cô và cháu phải xưng tên mới biết nhau. Nó bay ra Hà Nội, xuống máy bay rồi xe taxi đưa về đâu thì ở đấy. Nó lần ra điện thoại tôi mà nó cũng chỉ ở Hà Nội có hai đêm một ngày, mai về Sài Gòn rồi bay luôn.

Một ngày một mình lang thang đi phố. Chụp mấy cái ảnh đèn Ngọc Sơn, ảnh Lăng Bác. Tôi hỏi:

- Mà làm gì ở bên Mỹ?
- Đi bỏ mối nhà ạ.
- Ở Sài Gòn cũng có nghề mối lái nhà.
- Vâng, trên thế giới này đâu chẳng có người bán nhà, người mua nhà, có thế cháu mới sống được.
- Đủ sống không?
- Được mỗi tốt thì cả năm chỉ việc ăn chơi.

Cách ăn nói thế, chắc nó cũng dân bụi bên Tây. Nó lại biết ông Võ Phiến. Nó chửi ông Phạm Duy chỉ nói phét. Có mấy bài hát khá thì làm khi theo kháng chiến, đến khi về thành ông ta đổi hết lời, thế mà vẫn vênh. Có nghĩa là thằng này cũng biết về văn nghệ văn nghèo đôi chút. Đưa nó ra cái chỗ bụi lau vào Lương Sơn Bạc này được.

Nó nói, như tuyên bố.

- Cháu không hút, không rượu, không đờp, chỉ có nghiện cái món đàn bà.

Đến quán cây Si, nó hỏi:

- Đi ăn “bittrô” ă?
- Không phải quán ăn nhanh đâu, ngồi cả đêm được.

Quán còn vắng, khách ngày thì hết rồi mà khách đêm thì chưa tới lúc. Tôi hỏi nó uống gì. Tôi kể có rượu bán chui, gọi là quốc lủi, có lạc luộc, có đậu phụ đậu nghệ mỡ tôm, đậu nướng muối ớt, có mực nướng, có thể có cả bia Mỹ- để tôi hỏi. Nó bảo nó sợ mỡ tôm, nó ngửi mùi nước mỡ thì hắt hơi còn bia Mỹ thì như mùi hôi nách, không chịu được. Nó uống quốc lủi, nhắm nháp hột lạc luộc. Ở gian trong, cố ghế một không ghế băng như ngoài này, khuất cái vách ni lông, chỉ thấy thấp thoáng. Cũng biết có hai cô gái chắc là gái làng chơi ra hóng khách sớm. Thằng này khoe là cháu đàn bà nhưng không thấy nó ngó nghiêng gì.

Chúng tôi ngồi im lặng.

Chỗ tôi ngồi chếch vào trong, trông rõ. Loại mắt xanh mỏ đỏ này cũng thường gặp. Nhưng hai ả xanh đỏ này có kỳ quái hơn thường. Đầu tóc mặt mũi cứ tía như đầu con gà chọi. Cái môi vàng nghệ và cái tóc hun rục như lửa, đã thấy ở Karachi, ở Tây Béclin mấy chục năm trước bây giờ mới lan đến đây.

Câu chuyện của hai ả không nói tiếng lóng, nhưng lạ tai. Và họ trò chuyện bô bô như không có chúng tôi ở vách ngoài. Cái mụ chủ quán đầu xù như con chó bông, thỉnh thoảng lại vào góp mấy câu nhấm nhẩn.

- Cho tao mấy vé Hàn Quốc ấy, bao nhiêu cũng cần.
- Nhưng không bèo như chuyến trước đâu. Đây toàn tay chủ cờ bạc.
- Hôm nào vô trông? Chuyến 9 giờ, đêm nay thôi. Thế thì...

Chuyện đến đây, hai ả giơ hai tay ngón tay thoăn thoắt làm hiệu. Như đài truyền hình đến mục phát cho người cầm điếu. Rồi cả hai cười rinh rích, đứng lên uống cạn cốc bia Các-bớt. Họ đi ra qua mặt, cũng chẳng thèm để nửa cái đuôi mắt lại. Có thể vì cái mã chúng tôi cũng cú thôi và bọn này không phải những quân đi quán, đi lường.

Thằng cháu gật gù:

- Bọn chúng nó buôn người.
- Ở Mỹ cũng có à?
- Buôn người, buôn nhà đâu chả có. Nhưng ở đây...
- Ở đây sao?

- Ở Mỹ thì hai con này bị bắt rồi. Chủ quán gọi điện thoại, lính đến tóm ngay chủ quán được tiền thưởng. Tôi toan nói: “Ở đây người còn rẻ, ế nhiều lắm!”, nhưng lại thôi và ngồi im. Thằng kia cũng không nói gì nữa. Nó vẫn uống rượu và bóc lạc, rồi lại trầm ngâm. Tôi cũng không hỏi, không gợi chuyện khác. Thằng này hay chuyện. Quả nhiên thế, và lại là câu chuyện mới.

Nó kể:

- Ở Cali có nhiều ông già Việt mắc bệnh mất ngủ, rồi chết, nhiều lắm, như gà chết dịch. Ông ấy đi Mỹ hợp pháp với con cháu ung dung lắm. Nhà bốn buồng. Ở tầng 15. Chúng nó đi làm cả ngày, trẻ con đi học vắng nhà suốt tuần. Một mình ông ăn sáng, ăn trưa đã có thức ăn sẵn trong tủ lạnh ăn xong, ông ngồi trước ấm chè cho đến tối mới có người về. Một năm, mấy năm, mười năm. Một hôm, các con về thấy ông ngồi trên ghế. chết rồi: trước mặt vẫn cái chén và ấm chè.

- Nhớ nhà quá.

- Nhớ hay không, không rõ. Nhưng cái thang máy không biết xuống, mà xuống thì đi đâu. Cứ ngồi thế cả năm thì cũng chỉ nghĩ mà chết thôi.

Trưa hôm sau, ở sân bay Nội Bài. nó gọi điện về chào chúng tôi. Nó bảo:

- Cháu không muốn mắc bệnh chết ngồi đâu. Cháu sẽ về, về ở Sài Gòn.

- Mà là thằng Mỹ rồi, chết sao được!

- Thằng Mỹ dờm, cũng chết ạ.

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Quán Cóc:

Không biết cái quán cóc gốc là từ năm Sài Gòn giải phóng người ta hay la cà vỉa hè uống rượu lậu - tiếng lóng là nước trắng, nước mưa, hay là "bia xanh" nhằm với quả cóc chấm muối mà thành tên là quán cóc, - chợ cóc rồi cái tên về sau lan ra Hà Nội thành quán cóc là những hàng rượu chợ như thế, và tên quán cóc, chợ cóc là như vậy chăng?

Bấy giờ tôi hay uống ở quán cóc bà Xiếc. Gọi quán bà Xiếc chỉ bởi cái quán nước của bà ở cạnh bến tô Kim Liên trông sang rạp xiếc bên vườn hoa Thống Nhất ở đường bên kia. Bà là người Hà Nội cũ. Bà bán hàng cho vui - mà cũng có thể là kiếm được. Trông cái tay bà đếm lóng cồng tồng đồng hào giấy, cùng biết không phải là người bán quan. Rượu bà Xiếc cũng là quốc lủi tạp nhưng được cái đều giọng. Chỉ vì bà lấy rượu một thổ quanh năm - cái thổ rượu hiểm hóc mà thật chắc đấy. Rượu đồng chiêm trũng nào chò chỉ, nào Phú Xuyên... Cứ lâu lâu lại có một xe cứu thương ở phía nam lên. Xe lừ lừ không bóp còi toe toe, hai bên sườn xe có hai chữ thập đỏ, cứ thế mà bon bon. Đến chỗ mấy cây si bờ hồ Thiền Quang của vào Công viên Thống Nhất, cái xe cứu thương ấy đỗ từ từ. Bác lái xe mặc áo đại cán chỉnh tề xách ra một cái bọc nilông xám bước vào hàng bà Xiếc. Bà cất ngay vào nhà trong cái bọc nilông ấy. Nó là cái bùi đựng rượu chui đồng chiêm lên. Người nghĩ ra được cái xe cứu thương đựng rượu lậu đã là mưu mẹo hơn một đầu các tay bắt rượu bấy giờ.

Thình thoảng bà Xiếc cũng lấy rượu của ông Đặng Đình Hưng. Bà cười: "Ông này vừa bán rượu vừa uống rượu. Nhưng cái rượu Chương Mỹ quê ông, khách khen cái Chương Mỹ đậm".

Ngồi quán cóc như ngồi xem sách, có khi ham hơn xem sách vì cứ ngồi mà đoán ra lắm kiểu người. Cứ đến buổi tan cơ quan, đi làm về buổi trưa, buổi chiều người đi xe đạp tít tít qua. Người vào quán lẳng lẳng, bà hàng đã biết lệ, rót ngay cho một chén, hai chén. Ông ghéch xe, uống đứng, rồi đạp xe bay luôn. Chắc ông này uống rượu vụng, nhà đương đợi cơm. Có hôm thấy thằng Viễn con ông Đoàn Giỏi làm ở Công ty Cây Xanh bên Công viên Thống Nhất. Nó chào lễ phép, mời tôi uống. Khác Nguyễn Đình Chính có hôm nhác qua quán đi ngay, làm như không trông thấy. Cũng như cái quán ở gần rạp Đông Đô, Lưu Quang Vũ vào mua chai rượu con con rồi lủi ngay.

Cũng như uống rượu với cụ Nguyễn Tuân ở nhà hàng trước cửa ga Hàng Cỏ, cụ Tuân bước sang bàn bên kia chào cụ Cao Xuân Huy. Hai cụ bắt tay nhan. Tôi biết cụ Cao có con rể là nhà nghiên cứu văn học Văn Tâm, nhà ở phố gần đấy. Cụ Cao ngồi một mình, uống một cốc bia gừng nhỏ. Cụ khê ho. Cụ lẳng lẽ lấy mảnh báo trong túi ra khạc đờm rồi gấp lại, bỏ vào túi áo vét. Có lẽ cả thành phố chỉ còn cụ Cao giữ vệ sinh công cộng lịch sự đến thế? Thành phố ngày ngày báo động, có lúc bị bắn, bị ném bom, chiều chiều người ta la đà uống bia. Trên phố Tông Đản, quán bia thường mở sớm. Người mua bia xếp hàng dài lẳng lẳng. Cụ

Nguyễn hay đạp xe lên uống bia ở đây vì ở đây thường có bia mới rót ở thùng ra. Mà cụ đi đâu chẳng có người phục dịch vô tư. Cụ vào ngồi trong sân cơ quan có cây đại cổ thụ, cán bộ miền Nam tập kết ở, cụ cứ việc ngồi đấy. Có người kẹp hai ngón tay xách vào hai vại bia trước tiên. Cụ ưa cái quán này uống được hơn cái bia Chuồng Cọp bên hồ Thiên Quang. "Bia Chuồng Cọp" hay "phở không người lái" là tiếng lóng thời sự chớp nhoáng, thời sự chiến tranh cả đấy. Ở ngoài Côn Đảo mấy phóng viên nước ngoài ra viết phóng sự về tù binh ngoài ấy đã mày mò tìm ra được những khu xà lim giam đặc biệt các chiến sĩ Việt Cộng bị án nặng, chúng tôi đặt tên chỗ ấy là "chuồng cọp". Sự việc được phanh phui lên tin tức và báo chí thế giới. Các ông háu bia ở Hà Nội cũng đặt tên chỗ xếp hàng mua bia là cái "chuồng cọp" chỉ vì nhà mật đóng song hành hai vành gỗ như vành móng ngựa để người sắp hàng phải lên lĩnh bia lần lượt không thể chen ngang được. Trong kia bia không rót ở thùng mà bia đổ ra cái bểximăng, cô nhà mật lấy cái gáo nhựa mục bia ở bể ra cho nhanh. "Phở không người lái" có sự tích ác liệt của Thủ đô và của chiến trường miền Nam trong kia đang ác liệt cả đấy. Ngày ngày máy bay Mỹ không người lái vẫn do thám trời Hà Nội, người ta bèn đặt tên cho hàng phở ban không thịt là phở không người lái, và canh không người, cơm cũng không người lái!

Những hôm bia nhạt, các cô nhà mật pha nước lã liều lượng quá tay chẳng, tôi phải đến các quán cóc ở cạnh rạp Đông Đô. Vì mềm môi, rồi hay rủ rê nhau, tôi cũng uống lân ở quán này. Cái quán chẳng ra cái hàng quán gì cả. Vào một ngách nhà như vào trong lối đi của phu đối thùng phân mỗi nhà ngày trước. Thế rồi lọt một cái buồng con. Bà bán rượu chít khăn lượt, đầu bạc, bà lôi rượu ở những chai đã đóng sẵn ở bịch nilông ra. Bà chỉ có thức nhắm lạc luộc, mấy bị lạc treo quanh tường.

Cái bà bán rượu trong hẻm này người Công giáo, sáng chú nhật bà đi lễ nhà thờ Hàm Long. Trong gian buồng chỉ có cái phản gỗ ba miếng ván. Bà lấy chai rượu và đĩa chén ở gầm giường ra. Chúng tôi đều ngồi cả trên phản, người bó gối, có người thông cả hai chân xuống. Như ngồi xem bói tướng tay. Không còn nhớ ngồi trên cái phản chỉ có một hai tấmván ấy thì rồi mùa hè tới, mùa đông qua thế nào. Chỉ nhớ mỗi khi gió thổi hun hút như ống sao đầu tường, chúng tôi vẫn dựa vào tường, nói, cười ầm ĩ.

Có cái anh Hùng viết kịch. Tôi chỉ thấy anh ngồi uống rượu trong quán cóc này. Có lẽ thấy nhiều người văn thơ đến uống thì anh tương là viết văn, viết kịch thì phải uống rượu, hôm nào Hùng cũng đến, ngồi lúc nhúc với mọi người. Vóc người anh tợn tạo, uống bợm lăm. Ít lâu không gặp, lại lâu lắm không gặp. Có người bảo anh chết rồi, người ta cãi anh chết vì ốm, không phải vì uống rượu.

Ở đây tôi cùng gặp lại anh Nghĩa làm ở cơ quan thông tấn, quê trong Quảng Ngãi. Nghĩa uống rượu như uống nước. Nghĩa hay dắt cả vợ đến cùng uống. Chị ấy cũng uống ra trò. Lúc về, chồng đèo xe đạp đi thong thả như không. Mấy năm, khi đất nước đã thống nhất, Nghĩa có ra Hà Nội chơi. Bà bán rượu đã mất, chị ấy cũng đã mất. Nghĩa già quăn queo, lúc nào cũng đội mũ nôi, vì tóc rụng trọc cả đầu. Nghĩa chịu khó đi tìm đến chơi với bạn rượu. Nhưng Nghĩa chùa rượu từ lâu. Ở các quán gần chợ Hôm này, tôi cũng hay gặp Nguyễn Thế Phương. Ấy là những hôm tôi thường cùng Dương Bích Liên, khi đã uống vài vại tà tà ở bãi Chuồng Cọp rồi đến làm thêm đôi ba chén trắng cho khỏi nhạt miệng ở cái quán trước cái may nước cụt vôi ở ngã tư chợ Hôm.

Bấy giờ cũng gần lên đèn. Bà chủ quán, như người Đình Bảng chợ Dầu đã cứng tuổi chít khăn nhưng đen, đôi mắt sắc như dao. Hàng nhà bà chỉ kê chiếc ghế dài, đặt hai cái ấm giở. Khách uống nước chè có chén bên cạnh. Khách dùng cái trắng thì chén cất vào trong, rồi bà chủ lấy ra rót ở ấm khác. Ông thuê chỉ bắt rượu. Chúng tôi đến quán này khi nào cũng đã sẩm tối. Nhà hàng chưa bật đèn, ở góc tường có cai đèn hoa kỳ cho người hút thuốc lào.

Hôm nào ông Phương cũng ngồi ở góc tường trong, chốc lại cầm cái điếu cày hút thuốc lào, lúc ấy mới chỉ có một ngọn điện le lói. Cái mặt rượu lừ đừ của ông như trông thấy tôi mà cũng như không trông thấy tôi. Mấy năm nay, Nguyễn Thế Phương đã viết những truyện ngắn và mấy truyện dài. Ông hay uống bia pha cái trắng. Không biết ông nghiện hay không, ông ngồi từ chập tối đến lúc lên đèn, cạnh cái ấm giở đựng rượu và cái điếu cày. Cứ một chỗ như thế.

Ít lâu, nghe nói Nguyễn Thế Phương lại về Thanh. Rồi nghe tin ông mất. Cái quán cóc có hai cái ấm đựng nước chè và đựng rượu, đi qua không thấy và các mảnh gỗ đóng kín Cái quán ở phố Bà Triệu ngày trước có bà hàng hay có đậu nghệ nướng, đã có hôm cụ Nguyễn tuân nhớ bánh đậu nướng có mùi nghệ chấm muối cũng mò đến. Cụ Nguyễn ngồi cái ghế dài ngoài cửa hàng, ngồi uống chen vai với khách. Thế là cụ đã chịu khó lắm. Những mặt các người quen lại tụ tập cả. Hoàng Trung Thông, Nguyễn Sáng, Dương Bích Liên, Trọng Hứa... Nhưng một cái phiền khác lại đến, gần đấy có một bệnh viện. Các thầy thuốc vẫn việc ra uống rượu, mặc cả áo trắng. Các nhà thuốc uống nhanh và uống nhiều. Hồi này có một ông thầy thuốc trẻ đi guốc mộc hút thuốc lá, đi nghênh nghênh. Tôi đành bỏ ông ngẫu pín.

Tôi được mách ông giáo Xưởng ở Sinh Từ. Cụ Nguyễn tuân cũng hay dùng rượu ở quán ông giáo. Cụ cho là rượu ông giáo uống được. Nhưng cụ cũng chỉ cho cậu Đảo con cụ đi mua về uống thôi.

Ông giáo là người Cầu Giấy. Ngày trước tôi có quán ông giáo Mai, hoạt động phong trào Mặt trận bình dân ở dưới ấy nên ông giáo với tôi biết nhau ngay. Tôi nói tôi về hưu, làm kế toán Bộ Văn hoá - ngày xưa tôi cũng biết làm sổ sách nhà giày ba ta mà! Cái rượu của ông giáo Xưởng được đấy. Đầu phố nhà ông buổi sáng có một bác phở gánh đông khách. Sáng sớm ngà ngà rồi điểm tâm bát phở chín cũng hay. Rồi lại không lui tới được rượu ông giáo Xưởng. Một hôm, cậu con trai đi dạy học về, trông thấy tôi cậu chào vồn vã. Thế rồi, ngay bấy giờ ông Xưởng lập cập đem trong nhà ra cho tôi một quyển vở, ông nhờ tôi đọc hộ mấy bài thơ Lamáctin của ông dịch để kỷ niệm bà ấy mất. Họa sĩ Nguyễn Sáng ưa cái rượu hơi khô khô của ông giáo. Cũng tiếc. Nhưng Sáng bảo cái rượu ở quán Thủy Hử mới đặc biệt. Sáng kết nghĩa với chủ quán. Một hôm, tôi đến rủ Sáng. Nguyễn Sáng đương mặc quần áo sắp đi đâu. Nghe tôi nói, Sáng nói như quát: “Đi chỗ khác thôi! Tao vừa đánh nhau với nó”.

Làm sao mà Nguyễn Sáng đánh nhau được với người ta. Không biết cái tay còn cái hồn vẽ không, chứ cái miệng đã rưng hết răng, chỉ đi ăn cháo tiết ở chợ cửa ga Trần Quý Cáp cho khỏi phải nhai thì còn hùng hổ với ai. Nhưng cái tính hùng hổ bất thường của ông này thì biết rồi. Có lần người yêu của ông đến chơi, không hiểu trò chuyện hay cãi cộ ầm ầm thế nào, Nguyễn Sang đuổi cô ấy hốt hoảng chạy xuống cầu thang

gác rơi cả mũ mà không dám quay lại nhặt.

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Rồi Thì Người Ở Một Mình:

Dạo trước, trên báo Người Hà Nội tôi đã báo động ở vùng Đồng Tháp Mười trong Nam bây giờ người ta bầy chim bằng cát xết, tiếng chim đã được thu bằng, mở cát xết ra chim kêu chim hót líu lo. Đàn chim bay qua ngõ chim gọi đàn, sà xuống bờ nước, hàng trăm hàng chục con mòng két, con cu gáy, con ngói lao xuống, sa cả vào lưới

Mỗi ngày cả ngàn con chim hoá ra chả chim, xáo chim trong các quán nhậu bên kênh rạch, ven đường, các lái chim còn tải chim lên Sài Gòn - Chợ Lớn bán vào các nhà hàng sang trọng. Bây giờ cái cạm chim ghê gớm có tiếng chim hót ấy đã được đưa ra đến Hà Nội. Cái đầu đề trong một số báo Hà Nội Mới vừa đây: có những xâu chim đem về chợ chim ở đường Hoàng Hoa Thám. Thoạt đầu tôi lấy làm lạ con chim sâu, chim chích thì nuôi sao được mà người ta cũng đem bán. Đọc bài mới biết xâu chim đây là cái dây, cái lạt, xâu dây thép buộc con chim lại thành một xâu đem đi bán

Tôi vẫn băn khoăn nổi ở ngoài này đâu có nhiều chim như ở các cánh đồng và vườn, rừng phía Nam. Ở Hà Nội, đêm đêm chỉ còn nghe con chim lợn kêu rùng rợn mà người ta bảo chim lợn bay qua đâu mà kêu là ở đó sắp có người chết, còn muốn trông thấy con cò bay, con diều hâu miệng "xây giếng cho tròn" thì phải tìm đến lưng chừng núi Tam Đảo, núi Ba Vì may ra mới trông thấy được. Thế mà bây giờ có người đem cả xâu chim đi bán?

Chủ nhật, tôi đến đường Hoàng Hoa Thám có những cửa hàng chuyên bán chim và cây cảnh. Hai bên đường bóng cây mát rượi, đầy nhan nhản những chim là chim, không phải chim trên cây mà chim trong lồng nan tre, nan nhôm những con sáo, con khướu, con hoạ mi..., ca trăm thứ chim. Những chưa thấy xâu chim nào ở đâu. Hỏi thăm mới biết người bán chim ăn thịt, ở tận cuối đường đằng kia, dạo trước, người ta xách xâu chim đi bán rong, nhưng rồi những hàng chim trong lồng trông thấy những người cứ vác chim chết lượn lơ đi, đâm ra sốt ruột. Biết đâu những con chim sống trong lồng thấy những con chim bị xâu, bị trói, nhờ cái nó biết sợ, biết chạnh lòng, nó cắn lưới chết cả thì sao. Thế là người ta đuổi bọn bán chim chết không được lượn phươn đến mà phải đứng một chỗ.

Những người xách xâu chim túm tụm lại một nơi. Năm trước, tôi thường trông thấy mỗi chiều chủ nhật có ông đi xe máy vai đeo súng săn phóng xe từ các vùng đầm nước ở Suối Hai, ở Đại Lải về: buộc đằng trước xe những xâu chim bắn được, nào con le, con mòng, nào vịt trời. sâm cầm. Đây là những ông đi chơi săn chim và "cải thiện" đôi chút. Nhưng bây giờ trông những người đi bán xâu chim thì thiếu não, vất vả nhiều. Chiết xe đạp méo mó và cả người như vùi trong bùn lên. Họ vắt trước ghi đông những xâu chim chết, thôi thì chào mào sáo đá, cả con choi choi bé tí tẹo. Trông thấy mà thương tâm. Thế nào thì xung quanh thành phố người ta tiêu diệt hết các giống chim đến nơi.

Tôi hỏi băng quơ:

- Không bán điều hâu à?

Người bán chim lật xát chim lên, có con điều hâu mình vẫn máu, mỏ khoằm nằm chết rũ ở dưới.

Tôi lại hỏi:

- Điều hâu bay cao thế, sao bẫy được?

- Mở băng tiếng điều hâu kêu la, xuống ngay chứ?

- Thu được băng điều hâu?

- Ông ơi? Cụ giời trên thiên đình mà nói cũng thu được tiếng cả cụ giời. Nào ông mua đi, điều hâu nướng lên thơm chẳng kém gì gà gô. Cháu lên Lương Sơn nhiều, có chục con điều hâu vào bẫy cũng hết băng, chim rừng mà.

- Điều hâu này bắt ở tận đâu?

- Chân Tam Đảo đấy.

Tam Đảo và Ba Vì, những vùng rừng quốc gia, nghe uy nghiêm lắm, thế mà người ta đương phá đến kiệt cùng mà cũng chẳng ai cấm đoán, bắt bớ gì. Những con chim con cò này còn thấy có lúc nó bay trên sông, có lúc nó lội dưới ruộng, chứ còn bao nhiêu thứ của rừng, trong rừng, giữa rừng mà người ta đã bòn mót quanh năm đến hết sạch, mất sạch. Tôi đã từng viết về nạn tiêu diệt bướm ở Tam Đảo. Tôi đã mắt trông thấy những người châu Âu, người Nhật chơi Tam Đảo vào rừng tay cầm vợt vợt bướm và đeo những cái lồng đựng bướm. Đã nhiều năm rồi, người lớn và trẻ con các làng quanh núi đã hành nghề đi bắt bướm cho Tây. Không mấy ai để ý khi mùa xuân về, rừng Tam Đảo chỉ còn những đàn bướm trắng và bướm ma đập chồn bay ra, chứ những bướm rồng, bướm chúa, bướm tiên quý hiếm chẳng thấy đâu nữa.

Mới đây, tôi lại biết thêm có nghề lấy phong lan ở Tam Đảo và Ba Vì. Thật ra tôi chỉ mới được biết, chứ nghề này đã sinh ra từ mười mấy năm nay, mà toàn người tỉnh xa về hành nghề. Cũng như ít ai để ý việc mò ốc bươu, ốc vặn ở hồ Tây phần nhiều người Thanh Hoá ra, ở Nam Định lên. Nghề lấy phong lan cũng thế, nhưng công phu và bán được nhiều tiền hơn mò ốc. Người ta nói bây giờ người đi rừng kiếm phong lan ngày một nhiều, những năm trước chỉ cái rìu với cái dao, vào rừng nửa buổi đã vác về hàng giỏ, bây giờ phong lan còn mọc la liệt trong hẻm núi, ở gốc cây. Bây giờ người kiếm phong lan phải đi thành bọn vào rừng sâu mang cả bạt, đeo cả gạo và xoong nồi đi vài ngày. Mà đồ lể lấy phong lan bây giờ không chỉ có chiếc rìu, con dao mà phải đem cửa, thang dây, có cả cửa máy chạy điện quay tay, còn nhiều khê hơn thợ sơn tràng đi rừng. Bởi bây giờ chỉ còn phong lan trên lưng chừng cây, phải trèo lên cửa cây, hạ cây xuống thì mới lấy được một vừng phong lan có nghĩa là phải phá rừng mới lấy được phong lan.

Ở bên Nhật có núi Phú Sĩ ngoại ô Tôkyô, ngọn núi thiêng liêng, trong mỗi bức ảnh phong cảnh Tôkyô nhất định phải có núi Phú Sĩ nên thơ. Ở Hà Nội, đứng bờ hồ Tây cũng trông thấy núi Tam Đảo, núi Ba Vì nổi lên bên kia ngấn nước, đẹp lạ lùng. Chẳng biết núi Phú Sĩ có nạn bắt bướm, nạn phá rừng lấy phong lan và săn chim, bẫy chim đến kiệt cùng như ở ta không? Ở thủ đô Tân Đê Li bên Ấn Độ, đứng đợi xe buýt trên hè, trông lên cây thấy mấy con chim vàng anh đang nhảy lao xao. Ở ta, chúng mày đậu thế thì chết với ông rồi.

Và ở ta, chỉ nghe khẩu hiệu hò hét trên báo về bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường chứ chẳng thấy người để mắt đến tác hại cụ thể, tỉ mỉ ấy. Rồi một ngày kia, trên mặt đất, trên bầu trời sẽ hết chim, hết hoa thì con người ở với ai.

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Suối Bình Châu:

Từ bờ biển Vũng Tàu đến Bình Châu hơn sáu mươi cây số. Bình Châu cách Sài Gòn hơn một trăm cây. Tôi từ Vũng Tàu lên Bình Châu, cưỡi ngựa xem hoa một ngày.

Đường qua Long Đất, Xuyên Mộc đường mở lớn song song với những bãi biển mênh mông từ Vũng Tàu sang Long Hai rồi liên tiếp tới Bình Châu. Cơ ngơi tương lai vùng nghỉ mát và an dưỡng này không còn tính một Bãi Sau, một Long Hải mà là cả trăm cây số trải dài một bên là biển Đông, sau lưng trùng điệp rừng núi miền cuối Đông Nam Bộ giáp với Nam Trung Bộ lên Tây Nguyên.

Vùng rừng biển núi nguyên sinh đại ngàn Bình Châu, chân rừng ra tới mép biển sâu vào những bãi hoang ngập nước mọc những cây trắc đại vỏ trắng loang lỗ, giống cây lai sức này chịu nắng chịu nước mới có thể trỗi lên từ trong bùn thành đại thụ.

Suối nước nóng Bình Châu được hình thành có lẽ cũng khác thường. Không như những dòng nước nóng từ các hẻm núi đá tuôn ra thành suối như ở Lai Châu. Ở Sơn La hay suối Kênh Gà ở Ninh Bình, suối Kim Bôi ở Hoà Bình. Mang trong lòng đất vùng này, dưới chiều sâu cả chục nghìn thước có những dãy núi lửa, nước nguồn chảy vào sông rồi lại trào ra theo mạch suối nước nóng lên mặt bùn. Suối nước nóng ở Bình Châu ẩn hiện từng quãng, từng quãng như những mỏ nước giữa rừng hoang nước lợ. Bây giờ người ta đào cho nước nóng dâng vào lòng giếng. Rồi những lạch nước có bờ đê cao hai bên đưa nước chảy đến các nhà nghỉ, các hồ bơi các bến ngâm chân, các phòng tắm bùn. Có một vùng hoang vắng hôm nay và mai kia sẽ nguy nga lên cả trăm, mấy trăm cơ ngơi an dưỡng. Đã đến vườn rừng nước nóng Bình Châu. Thoạt trông cũng chẳng khác dọc đường, nếu không có cái cổng chào đồ sộ tét lá hai chữ Bình Châu to tướng.

Một cái nhà con con như cái lô cốt, cái chốt gác, nhưng đây là trạm thu lệ phí xe và người vào cổng, trong khi trông ra quanh mình chỉ là rừng là rừng. Rồi lác đác nhà mái gỗ một tầng - nhà nghỉ, nhà trọ, nhà bán hàng lưu niệm. Nhưng đồ này quá sơ sài ở Sài Gòn, ở Vũng Tàu cũng chẳng thiếu những thứ ấy. Đặc sản Bình Châu có mỗi cái mũ lưỡi trai vải trắng in hai chữ Bình Châu. Ai cũng mua để mang kỷ niệm khoe ta mới ở Bình Châu về.

Trên bãi có, mấy chiếc xe ngựa gỗ hóng khách, xe độc mã xe song mã. Người lác đác từng bọn đi chơi. Chẳng trông thấy người nào quần đùi cởi trần, khoác áo tắm như ở bãi biển. Vào một bể tắm cửa đóng, khoá xích, treo bảng “nghỉ”. Không có ai mà hỏi. Thế thì tha thần ngắm phong cảnh trời nước và rừng cây. Có những con đường nho nhỏ trong lùm cây chỗ xếp đá, chỗ lát gạch quanh co khúc khuỷu một cách cố ý có chỗ lại cheo leo qua chiếc cầu nhỏ. Những con đường hữu tình này chắc dẫn đến các nhà nghỉ.

Chẳng buồn đi tìm bể tắm nữa, chúng tôi đến một nơi mà ai tới Bình Châu cũng phải biết chỗ ấy. May, nơi vui chơi này không "nghỉ" đóng cửa và không phải trả thêm lệ phí. Ấy là một cái giếng giữa bãi ngập nước, thành giếng cao tròn, đường kính ước khoảng một thước. Người ta mua sẵn trứng gà mang đến, bỏ vào cái giỏ để đẩy rồi dùng dây xuống giếng. Những người đã đến chơi đây bảo chỉ bảy phút trứng chín, kéo lên, đập ăn “la cooc” rất được.

Tôi trông những cái giỏ đặt xếp hàng dưới đáy giếng trong làn nước lặng tờ, không biết nước nóng hay nước lạnh mà chỉ bảy phút trứng ăn được.

Nhiều người cũng có vẻ nghi ngờ như tôi. Quãng bảy, tám phút, ai cũng kéo giỏ trứng lên xem sao. Rồi đem trứng ra cái chòi lợp lá cạnh đấy, cái chòi giả cổ, ghế và bàn bằng gốc cây, thân cây, tự nhiên như giữa rừng. Ấy thế mà thật những quả trứng đã nóng hổi ăn được. Tôi khẽ đập hai đầu trứng, dúi lấy hạt muối, hút tụt vào miệng. Đặc biệt, lòng đỏ chín trước, lòng trắng còn lơ lơ, ăn thế đương ngon. Nhiều người bóc vỏ trứng, húp từng thìa.

Rồi ra ngồi trên bờ thành suối thả chân xuống làn nước nóng chảy ra. Nước nóng hần hoi. Mấy chục người ngồi ngâm chân, Mặt nghiêm nghị như ngâm nước thánh, tưởng bệnh gì trong người cũng đương khỏi. Lại nhớ ngày nào nước suối Kênh Gà, trông thấy ở ga Hàng Cỏ cả trăm người xếp hàng mua vé tàu vào Ninh Bình, vai đeo sẵn cái vò đựng nước, nước suối Kênh Gà chữa bách bệnh, có người quảy cả đôi thùng.

Đây là chuyện trẻ con một thời.

Tôi ước ao và tôi tin một ngày kia Bình Châu sẽ có bệnh viện ngâm tắm bùn nóng chữa bệnh. Nước suối nóng và bùn suối nóng chữa được nhiều bệnh, nhiều nước trên thế giới được sông suối thiên nhiên ưu đãi đều có những nhà nghỉ, nhà an dưỡng, bệnh viện quý như vậy. Vùng Bình Châu của Bà Rịa Vũng Tàu đương hên doanh xây dựng với Du Lịch thành phố Hồ Chí Minh, chắc sẽ đến một ngày đẹp như thế. Nhưng mà đến được ngày ấy, của cải và sức người còn phải bỏ ra không biết bao nhiêu. Những nơi có thắng cảnh trở thành của báu đều phải có công sức lớn lao của người mới nên được. Bình Châu tuyệt đẹp còn đang hoang dã. Rừng Bình Châu có hơn mười loài thú, có beo lửa, gấu chó... rắn cạp nong, hổ mang chúa... Con hổ con voi trong rừng sâu không dám lai vãng ra, nhưng bây giờ đi vào những bãi cỏ lau, những đồng hoang ngập nước chắc cũng vẫn sẵn những con hổ mang hổ lửa.

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Tạnh Mưa:

Tôi ghé vào chơi nhà Nhung tối hôm ấy. Trước kia, Nhung ở Hà Nội, rồi chuyển vào Đà Lạt, đã mấy năm nay. Những bạn cùng trang lứa kháo nhau cô ấy chuyển vùng tìm người yêu, tìm chồng, ở ngoài này người đông mà đậm ra của hiểm, mà tuổi ấy cũng cứng rồi.

Trong phòng khách lúc ấy chỉ có hai người, cậu Tuấn và cô Hạnh, các bạn cùng cơ quan.

Trời đổ mưa, mưa Sài Gòn hay mưa Đà Lạt hầu như cũng tương tự, cứ thành linh ào ào rồi lại bỗng dứt hạt. Chỉ khác, ở thành phố dưới kia mưa rơi vào tường, vào mái bằng lặng im hay là có khi hạt mưa đập vào mái tôn cứ thì thùng như trống ngũ liên, sốt cả ruột mà không biết việc gì. Nhưng mưa Đà Lạt, mưa to hay mưa thưa cũng rì rào trong cây.

Hạnh đứng lên:

- Chào cả nhà. Em phải về có việc, đợi mưa tạnh thì nhờ mất.

Rồi Hạnh xuống nhà.

Hạnh ra khỏi, Nhung bảo Tuấn:

- Cậu cầm cái ô xuống cho Hạnh. Mưa chưa dứt hạt đâu, nó ướt hết mất.

Lúc ấy mưa chưa tạnh, nhưng đã ngớt. Tuấn mở ô, bước ra. Nhung nhìn theo và bảo tôi:

- Bà mỗi đương vun vào cho hai đứa. Anh thấy có được không?

Tôi không đáp. Vì cũng không biết nói thế nào. Năm nay tôi lại vào Đà Lạt, đến chơi nhà Nhung. Tôi thấy Nhung đã lập gia đình, hồi ấy tôi đã nhận được thiệp báo hỉ. Nhung lấy Tuấn, đám cưới làm năm ngoái.

Nhung cười cười hỏi tôi:

- Em lấy Tuấn, anh thấy có lạ không?

Tôi nói:

- Chẳng lạ đâu. Tôi biết từ năm trước, cái lúc trời ngớt mưa cô đưa cái ô cho Tuấn. Hình như bao giờ cũng thế, không thiếu những bà mỗi vợ vào.

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Tết Rằm:

Ban tổ chức hội thảo bảo tôi tham luận về vấn đề: Tết Trung thu độc lập đầu tiên của thiếu nhi ở Hà Nội. Trung thu năm ấy tôi cũng có ở bên hồ Hoàn Kiếm. Vui quá, nhưng tôi không thể viết nổi một bài văn miêu tả dài dòng được về cái buổi tối trăng nước huy hoàng của hàng vạn thiếu nhi của thủ đô đất nước vừa độc lập, mà tôi chỉ có một ý nghĩ và một đề nghị.

Cái tết Trung thu lâu đời của ta, cần duy trì và phát triển làm cho các cháu thấy được và có kỷ niệm cả đời về trung thu cũng có nghĩa giáo dục ý thức truyền thống tốt đẹp. Mỗi năm các cháu có hai ngày tết. Ngày 1 tháng 6, các cháu vui hát nhìn ra phương trời thấy được cả thế giới thiếu nhi quây quần. Ngày rằm tháng tám âm lịch các cháu vui tết trong trăng thanh gió mát đầu thu mà đời cha mẹ, đời ông bà đã có tết trung thu như thế. Những câu vừa viết đã khiến tôi nhớ lại những tết rằm tháng tám quê tôi xưa ở cái xóm nhỏ ven thành bên hồ Tây, tết trung thu sôi nổi, thật là của trẻ con. Người ta gọi thân mật là tết rằm, không cần là tết Trung thu, tết rằm tháng tám, đã biết rồi. Tết Nguyên Đán tết long trọng của mọi người, tết mừng năm cũng tết trẻ con, được đeo bùa túi, nhuộm móng tay móng chân đỏ bằng lá móng rồi bôi vôi vào rốn và chén quả mận, quả dưa, uống nước dưa tha hồ. Nhưng mừng năm tháng năm chỉ có một buổi sáng, tết chóng quá. Tết rằm tháng tám có những mấy tối gió mát trời sáng trăng, tết rằm được mong đợi nhất. Tôi kể ra đây cả các thứ trong tết rằm. Ngày ấy không phải nhà ai cũng có tiền sắm đủ các thứ ấy, nhưng cứ kể cho đủ lệ bộ mà trẻ nào cũng mong ước. Trước nhất là cái trống. Không phải trống cái, trống đình mà cái trống chỉ nhỉnh hơn cái đấu, cái thùng. Mặt trống mới, da bò người còn mùi khét thú vị, lại có miếng da làm quai xách, tang trống bôi phẩm vàng nghệ. Cái dùi trống vót lấy chỉ to hơn chiếc đũa.

Trống được mẹ mua từ phiên chợ trước. Hầu như nhà nào cũng có trẻ nhất là có con trai đều có cái trống. Tiếng gõ tong tong khắp xóm, rộn rã vui tai suốt ngày đến tận tối. Rồi con sư tử. Không phải sư tử to như cái xảo đại, cái thùng đại có người chui vào múa, có người cầm vạt đuôi, có người múa ngọc như đám rước sư tử, đêm rằm giật giải ở chợ. Mà đây là cái đầu sư tử giấy bồi, chụp lên đầu như úp cái rổ. Ấy vậy mà cũng nhấp nháy trang kim, hai mắt lồi long lanh với bộ râu trắng không biết bằng rễ cây gì. Chập tối, tụ tập đầu xóm, những đứa có sư tử đem ra múa vờn nhau trong tiếng trống đánh giục giã.

Ông tiến sĩ mẹ mua về chỉ bằng cái khay con con. Nhưng cũng áo thụng giấy vàng, thắt đai, mặt gỗ trắng phếch, ông tiến sĩ đội mũ cánh chuồn có cờ đuôi nheo cắm đằng trước, lọng che sau lưng. Cả xóm chẳng mấy nhà mua ông tiến sĩ về chơi vì chẳng nhà nào có trẻ con đi học. Cả nhà tôi chắc chẳng ai biết ông tiến sĩ là ông gì, nhưng thấy ông đội mũ, đi hia thế thì phải là ông quan, là ông quan học trò. Mẹ mua cho tôi ông tiến sĩ có ý cầu mong cho tôi học hành tấn tới cho ngày sau thành ông tiến sĩ.

Trên chợ bán nhiều đèn lắm. Đèn ông sao, đèn củ ấu, đèn trống, đèn mũ ông sư, đèn con thỏ. Mẹ mua

cho hai cái đèn xếp rẻ tiền. Cái đèn này bằng giấy đỏ, gấp tròn được, nên gọi là đèn xếp. Ở giữa cắm cây nến đỏ (kiêng chơi nến trắng). Chập tối, đứa nào cũng đem đèn ra ngõ. Tiếng trống múa sư tử các kiểu đèn chập chới như sao sa. Có đèn củ ấu nhà làm lấy, trắng phếch. Chúng tôi chơi rước đèn, trông trăng múa sư tử mấy tối trước đêm rằm.

Nguy nga nhất là cái đèn kéo quân. Trong xóm chẳng nhà ai sắm được đèn kéo quân, mặc dầu có loại đèn kéo quân mỏng manh bốn mặt cũng không đắt mấy. Chập tối chúng tôi kéo lên chợ xem nhờ ở các hàng xén, hiệu tạp hoá.

Cái đèn kéo quân đồ sộ được bày ở trước cửa hàng, trên một bàn cao. Đèn lục lăng sáu mặt dán giấy tàu bạch. Ngọn nến đỏ ở trong giữa được châm lên, có đèn thả bằng đĩa dầu lạc có bắc. Lửa lên làm gió thổi quay các hình trên vòng ở trong. Có lẽ vì quay vòng thế mà đèn này còn có tên là đèn cù. Ô kìa, hình lên mặt giấy tàu bạch bóng con voi, con ngựa, người quảy lúa, người dắt trâu, nhiều nhất hình người lính tập đội nón chóp, lính nhiều quá, có lẽ vì thế mà đèn này cũng tên là đèn kéo quân. Chợ tết rằm mới có hàng bán bánh dẻo, bánh nướng. Bánh nướng làm ở đâu đem ra bày bán. Bánh dẻo thì nhào bột, đóng bánh cho người ta mua ngay đấy. Mẹ mua hai chiếc bánh dẻo về bày cỗ.

Mỗi nhà một mâm cỗ trên bàn hay mâm chõng. Mâm cỗ nhà tôi bày trên án thư. Chẳng có mấy thứ, nhưng thừa ấy trông đã sướng mắt. Cái đèn xếp vẫn xách đi chơi được treo lên vách, ngọn nến đỏ sáng le lói. Lại đốt mấy xâu hạt bưởi phơi khô cháy như liến, chỉ phải cái khói và khét, nhưng mà người ta đương thích thì chẳng để ý.

Giữa bàn cỗ, ông tiến sĩ ngồi chễm chệ. Cái trống để dưới chõng, chốc lại gõ mấy tiếng tong tong vui vui. Hai chiếc bánh dẻo phong giấy điều đặt hai đầu bàn. Bốn quả bưởi vỏ đỏ bốn bên, hai quả bưởi đào đã bổ sẵn bóc cùi chốc nữa phá cỗ thì chén. Trên bàn la liệt những mía đỏ đã được tiện khẩu lại bổ đôi như cái mũ ông tiến sĩ, chỉ thiếu hai cánh chuồn.

Đấy, mâm cỗ tết rằm, chốc nữa khi trăng lên đến ngọn cau thì phá cỗ được nhai mía, lại ăn bánh, vừa gà gà mắt ngủ, ngoài kia tiếng trống. tiếng hò reo và ánh trăng rằm sáng trắng bạch. Thấy nói ngoài Kê Chợ, chỗ phố Hàng Thiếc bán nhiều đồ chơi tân thời lắm. Có nhiều tàu thủy, chiếc ô tô bằng sắt, lên dây cót rồi thả vào chậu nước, tàu thủy bơi xinh xịch như tàu thật. Nhưng trẻ con cá xóm chỉ nghe đồn, chùa trông thấy bao giờ. Những cái vừa kể là tết rằm của trẻ con. Người lớn có tết Trung thu không? Có chứ. Nhà nhà mua thịt lợn, giết gà, thổi xôi, trên giường thờ thắp hương cúng. Nhà tôi quấy nồi bánh đúc lá giềng xanh lét. Mẹt bánh đúc đặt ra giữa sân. ốc nhồi hồ Tây tháng tám đương béo, mẹ mua về bung một nồi với chuối xanh. Bữa cỗ tết rằm, cả trẻ con người lớn cùng vui chơi trăng.

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Thịt Rừng, Chim Trời Và Con Bướm:

Hôm ấy, trời hiu hiu, tôi bỗng nổi máu ăn thịt chó, đã hẹn được một bọn. Nhưng gặp nhau thì việc thịt chó đâm ra hỏng.

- Mát trời, đi đá khuyến kama hay lắm.

(Chữ kama, sáng tạo của họa sĩ Tô Ngọc Vân, trong kháng chiến ở Việt Bắc. Ka ma là bốn chữ đầu: “không ai mời ai”, có nghĩa là canh ty tiền đi đánh chén).

Tôi bị hỏi lại:

- Hôm nay ngày mấy, biết không?

- Mừng một dương lịch.

- Âm hay dương, mặc giời, phiên chợ đầu tháng, chẳng ma nào bán cái xúi quẩy ấy đâu.

Nhưng tôi chưa thất vọng. Có bạn nói.

- Ta đi chén thịt rừng.

Cả bọn hoan hô.

Ở chợ Bưởi hay chợ Mơ đôi khi cũng có thịt rừng - thịt rừng rơm. Cánh gà công nghiệp chặt ra, nướng cháy vàng, chủ quán bảo là thịt gà rừng. Cũng chịu. Bởi nó thơm thơm, khen khét, lại rắc đôi chút ngọt mì chính. Cãi với nhà hàng thì không cãi nổi, đánh nhau thì chắc thua, đành ngồi ăn lặng im vậy. Thịt rừng thứ thiệt, ở trên Lương Sơn kia. Hà Nội lên Lương Sơn (Hoà Bình) hơn bốn mươi cây số, áng chừng bằng đi Sơn Tây, chỉ trong ngoài một tiếng xe ôm.

Ở phố huyện này có hai ba quán treo bảng: thịt tươi hươu, nai, gà gô... Nơi địa đầu sơn cước mà nhà hàng khá vui mắt, bàn ghế Xuân Hoà và phòng riêng, rèm trướng sáo. Nghe nói khách thành phố thường ô tô biển trắng, biển xanh dập dìu. Hàng quán ở cạnh rừng và núi đá, có thể tin là thịt thú rừng thật.

Chủ quán mừng rỡ. Các ông may quá, hôm nay có thịt rồi, con rúi mới mua được của phường săn, có tiết canh, rượu tiết. Ngày trước, ở cánh đồng Mường Lò mùa gặt, tôi đã được ăn thịt rúi đào được ở chân đồi thịt nướng thơm như thịt con nhím. Chúng tôi gọi món thịt rúi, nhưng cũng cẩn thận ăn món giả cầy, không gọi thịt lộc. Cái rượu tiết chẳng biết tiết gà hay tiết ngan. Còn giả cầy thì bì dai như da trâu. Con rúi hay

con gì, nào biết được. Mới tỉnh ra một điều. Các thứ thịt quen thuộc con gà, con chó, con bò cũng có con béo, con bệnh, có con chết rồi người ta đi bán chui. Mà các bà các cô ở nhà đi chợ mua đều phải nắn lườn, xem chân, xem mỏ chứ đâu phải con nào cũng béo tốt. Huống chi con vật hoang dại trên rừng đâu phải lúc nào cũng ngon thịt cho ta chén.

Mới đây, nhiều báo đăng tin báo động: rừng quốc gia trên núi Tam Đảo người các làng ở quanh kéo vào rừng bắt bướm, từ bướm ma cho đến bướm rồng, bướm nào cũng bắt đem về bán cho khách du lịch người nước ngoài. Có loại bướm quý được trả đến 200 đô la một con. Cho nên, ở bốn phía Tam Đảo từ Vĩnh Phúc sang Thái Nguyên người ta vào rừng bắt bướm nhiều lắm, chẳng ai ngăn cấm như rình bọ trộm gỗ, nhưng thấy bán được nhiều tiền thế cũng đâm sợ, cho nên cứ bán ngay cho Tây đã đợi ở cửa rừng mắt trước mắt sau như bán ma túy.

Núi Tam Đảo sắp hết giống bướm. Tôi tin ngay như thế. Bởi vì cách đây đến mười mấy năm tôi đi nghỉ trên Tam Đảo, lần nào cũng gặp có người nước ngoài, người Pháp người Anh, người Nhật họ leo núi tay xách lồng tay cầm vợt với một lũ trẻ con vác sào chạy theo. Thấy bảo đấy là trẻ con đi bắt bướm, mỗi con bướm được Tây cho bao nhiêu tiền đấy.

Việc xảy ra đã từ nhiều năm nay rồi đến bây giờ còn rầm rộ hơn thì bướm chẳng tiệt giống thì cũng sắp mất giống.

Xin trích tình cờ một cái tin vặt về bướm đã đăng trên báo nước ngoài: Bướm họ Tridơ Alôtây (Troide Aliotei) ở quần đảo Salômôn nam Thái Bình Dương được người chơi bướm cho là loại bướm đẹp nhất thế giới. Năm 1966, một con bướm Tridơ ướp hộp kính bán đấu giá ở Paris, những nhà sưu tập bướm các nước đến tranh nhau đặt giá mua, sau cùng, xác con bướm hoa nọ được giá lên tới 9000 phơrăng pháp

Ở trong thành phố bây giờ khó lòng còn nghe tiếng chim hót, chim kêu - không kể mấy con khướu bị giam trong lồng. Nửa đêm về sáng cũng không còn tiếng vạc đi ăn đêm về kêu xa xa tiếng một. Hoạ hoản chỉ nghe tiếng chim lợn bay kêu éc éc rợn tai- con chim lợn báo điều không tốt lành sắp đến, ai cũng sợ.

Kể ra, người giết chim cũng đã nhiều, nhiều lắm. Mấy năm trước, mùa nào chim ấy, chim được đem bán hàng thúng những con ngói, con sẻ, con nhạn nước đã làm lông, moi bụng sẵn. Chim ngói người ta đặt lưới bắt ở những cánh đồng vừa gặt. Chim sẻ thì bẫy ở cái bãi rác. Con nhạn nước thì chăng lưới các gốc cây ở bờ hồ Hoàn Kiếm và đường Thanh Niên, hai bên hồ Tây, hồ Trúc Bạch, sáng sớm mùa đông sương mù, cả nghìn cả vạn con nhạn nước lượn về mắc lưới.

Lại dạo ấy, thỉnh thoảng thấy cái xe máy buổi chiều chủ nhật đi từ ngoại ô vào, người trên xe, vai khoác khẩu súng săn, trong túi trước mặt quàng một xâu dài các thứ chim và con cò, con diệc, con sâm cầm, con đen con trắng. Họ ra các ven hồ đầm ngoại thành bắn chim về “cải thiện”. Mấy năm nay không thấy nữa. Chắc phải đi quá xa, mà đi xa quá thì lại gặp người ở Phủ Lý, ở Sơn Tây cũng đi bắt chim “cải thiện”.

Những chìm nổi đời chim ngày một tàn tạ. Đọc cái truyện ngắn của Nguyễn Quốc Trung ở tạp chí Văn

nghệ Quân đội thấy đời con chim, con người cứ vui ít buồn nhiều như thế.

Chuyện rằng ở Sài Gòn bây giờ, bà con đi chùa cũng bắt chước bên Nôm Pênh hay mua chim rồi thả phóng sinh lấy khước, lấy phúc. Người nhà giàu nọ đi chùa lễ cầu tài, cũng mua chim thả, lại muốn mua cả cái lồng về cho con chơi. Nhưng ông lão chỉ bán chim, không bán lồng. Người nhà giàu mắng thẳng già gàn sắp chết đói lại làm phách. Ông già gàn xách cái lồng về, đi cùng với người viết lại câu chuyện, lên nhà ngồi uống nước trên sân thượng. Mấy con chim vừa bán đã bay về xúm xít vào cái lồng quen thuộc. Sớm mai ông già lại xách cái lồng chim ra ngồi cửa chùa, đàn chim được người mua phóng sinh lại bay về. Mẹo kiếm ăn còm, thì cái lồng chim cũng là cái cần câu cơm của ông lão.

Thuở bé, tôi nuôi chim chào mào, cho con chào mào chén cơm muối, chào mào đâm nghiệm thức ăn mặn. Có thả ra, chim cũng chỉ bay quanh quẩn rồi lại vào lồng.

Nhưng những vui buồn con con ấy với con chim cũng tan nát đến nơi rồi, không còn nữa. Mới đây, được tin dữ, mới đây thôi, khủng khiếp quá. Dạo này, ở Cần Thơ, ở Sóc Trăng, tận các thành phố huyện hẻo lánh, thế mà cũng có nhiều nhà hàng bán buôn cò, vạc, diệc và nhiều quán nhậu đặc sản thịt cò, cò ấu bún, cò rán chả, cò nướng nhậu lai rai.

Bẫy được cò nhiều lắm, ấy bởi người ta vừa sáng chế ra cái máy bẫy chim hiệu nghiệm cực kỳ. Máy gồm có: bộ lưới dài có thể úp được cả đàn chim hộp cát xét chạy pin có băng thu được tiếng chim, cò kêu, bìm bịp kêu, cuốc kêu, chim kêu thứ thiệt. Người đánh chim căng bẫy, giăng lưới, rồi mở băng. Trong đêm hay giữa ban ngày, tiếng chim trong loa gọi líu lo, đàn chim đương bay liệng xuống với đàn bạn, thế là toi mạng. Đồng bằng mệnh mang cánh đồng, lạch nước và chim sa lưới một mẻ có khi được đến trên năm trăm con vạc, con mồng két, con cò lửa...

Đài tiếng nói Việt Nam, mục “Thị trường giá cả phát lúc 5 giờ sáng kể ở các chợ thị trấn đồng bằng sông Cửu Long bán những bộ máy bẫy chim như thế, cả lưới và cát xét mỗi máy giá 3 triệu. Thế thì sắp tiết giống chim rồi. Cả những con chim lợn kêu eng éc báo điềm xấu cũng chẳng thoát. Người ta mở băng có tiếng chim lợn mái kêu, mày ngõ vợ mày gọi, mày sà xuống thì mày bỏ đời.

Ca dao mới:

Con cò con vạc con nông.

Ba con cùng béo vật lông con nào

Vật lông tuốt tuốt cho tao.

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Tôi Lại Chơi Đế Mèn:

Ngày xưa ngày xưa tôi đã chơi đế mèn. Bây giờ lại chơi con đế mèn với một sự tình cờ và rất thời sự.

Đầu xuân 2001, tết âm lịch năm nay, trẻ con có thêm một đồ chơi mới. Ở cổng vườn Bách Thảo- cả chỗ vào vườn Thủ Lệ, vườn Thống Nhất, đều có cái xe máy đồ ghếch via hè, sau yên đặt một chiếc thùng gỗ mở nắp. Thoạt trông tưởng người ta bán con tò he nặn bằng bột xanh đỏ ngày trước lại mới mọc ra. Không, đây là hàng bán đế mèn. Mà đế sống, như đế ở bãi cỏ nhảy vào, không phải đế con bằng nhựa, vụn dây cốt, đế nhảy nhảy - đồ chơi Thái Lan, mà tôi cũng có một con như thế đặt trên giá sách. Đằng này là đế thật, đế mèn đang hoàng. Một đám khách hàng trẻ con xúm lại bên cái thùng gỗ như mặt bàn, trên bày những chiếc lồng đế bằng những bao diêm xếp chồng lên nhau, trong mỗi lồng nhốt một con đế.

Con đế bây giờ hình như nhỏ hơn những con đế thừa xưa, thời tôi còn là trẻ chơi đế. Mình đế đẹp đét, bóng nhoáng, lung lay hai sợi râu dài. Loại đế này dữ lắm đấy. Mỗi hộp đế, mặt trên che một mảnh lưới sắt. Dưới đáy, gài then, đây là cửa đưa thức ăn, và cũng là cửa đấu võ khi hai mặt hộp áp lại, đế nhảy sang thành cái đấu trường cho hai võ sĩ lên đài tỉ thí.

Trong thùng có tới hàng trăm lồng đế, hộp đế. Người bán đế bảo tôi mua hai hộp và hai con đế lại cắt nghĩa: “Đế chơi phải nuôi đôi cho chơi nhau. Chơi đế phải bắt chúng nó choảng nhau mới khoái chứ”. Tôi mua tám hộp, tám con đế. Mỗi hộp đế giá hai nghìn. Tám hộp là bốn bộ, 16 nghìn. Ba đôi tôi cho bọn cháu tôi đương choai choai tuổi chơi cho biết, ở thành phố các cháu chưa biết mặt con đế bao giờ.

Tôi giữ chơi một đôi. Người bán đế đã bảo cách cho đế ăn, tôi mua một củ đậu, thái miếng, đút vào hộp. Trước kia mày ăn cỏ, bây giờ thời mới được ăn bánh mỳ cơm hộp. Cũng hay.

Tôi ghép hai hộp, mở then cửa cho chúng nó xông sang võ đài. Nhưng hai con đế chỉ đứng im. Có lẽ còn lạ chuồng - tôi nghĩ thế. Tôi đóng cửa lại, đặt hộp lên thành cửa sổ. Cả đêm lặng lẽ. Sáng hôm sau, hai con đế vẫn đứng im. Tảng rằng mỗi con ngậm trong miếng củ đậu. Chúng nó nhấm nháp củ đậu. Nhưng sao im thế. Hay là chết rồi, chúng nó chết giữa lúc còn đương ngoạm răng vào miếng ăn. Tôi nhớ thằng đế mèn lúc nào cũng hay đụng đậy sợi râu. Tôi lấy chiếc tăm gầy gầy. Cái râu nhúc nhích. Không phải con đế chết. Hai võ sĩ đều khoẻ mạnh, nhưng chẳng con nào hung hăng đánh nhau cả.

Tôi hỏi tụi đế ở nhà cái cháu. Có ba con đã châu trời ngay đêm ấy. Hôm sau, đế của tôi cũng nghèo một con. Nhưng con đế còn lại một mình lại sống dai. Đế nhấm cả ngày hết miếng củ đậu bằng đốt ngón tay, đế là cứt vụn đen như cứt gián. Hôm mới mua đế tôi đã thấy cái đồ chơi đế này chẳng dính mảy may đến chuyện ông đế ngày xưa của tôi đi chu du thiên hạ đến đôi sang Thái Lan người ta phải lưu luyến làm đồ

chơi kỷ niệm. Chẳng phải thế đâu. Bởi tôi đã xem vô tuyến truyền hình thành phố Quảng Châu bên Trung Quốc chiếu phim giới thiệu cái nhà máy làm đồ chơi, có một xưởng nuôi để hàng chục công nhân săn sóc để ăn, để ngủ, để đẻ, để lột xác, để được ở trong nhà hộp, những lồng nan nhựa xanh đỏ sặc sỡ, con để coi thật bảnh bao công tử. Rồi những chuyến xe tải cả nghìn cái lồng hộp đựng để đem ra chợ, bày ở các cửa hàng ngoài phố. Người mua để về cho trẻ con chơi rất đông vui.

Chắc chắn là có người ở trong Chợ Lớn- Sài Gòn đã xem phim Quảng Châu bắt chước làm rồi đem để từ trong Nam ra bán trong dịp tết này. Tất nhiên, so với cái xưởng sản xuất để bên Quảng châu thì mình còn cò con, nhếch nhác, mới thấy như cái hòm đựng để ở công viên Thủ Lệ. Một đêm kia, con để của tôi bỗng kêu vang. Mùa đông, phòng tôi đóng cửa kính, tiếng để kêu đình tai. Không biết để khóc hay để cười, nhưng thật chưa bao giờ tôi thấy ở đâu có tiếng để kêu dữ dội đến thế. Vì, có lẽ con để ngoài trời xưa nay vẫn tiếng to mà tôi không biết. Cũng như những người làm ruộng nói với nhau ở ngoài đồng không mong quạnh, cũng oang oang, khác người nói nhỏ nhẹ ở trong phố, trong nhà.

Tôi nghĩ rồi cũng đến phải cho con để này ra ngoài mới hợp. Tôi thả con để lên giàn hoa kim ngân bên cửa sổ.

Đêm ấy nghe tiếng để ong ong trên giàn kim ngân, nhưng chỉ xa xa thoang thoảng. Nhà tôi ở đây xưa là cánh đồng làng, nhưng nhiều năm rồi cánh đồng đã thành phố phường, không khi nào còn tiếng giun tiếng để nữa. Bây giờ trong bóng tối và ánh điện giữa tiếng ô tô, xe máy gầm gừ qua lại, có tiếng con để ri ri phảng phất, cũng lạ mà cũng buồn. Đêm sau, chẳng nghe tiếng để nữa. Con để bò đi đâu. Con để đi đường nào giữa những vỉa hè xi măng, những bờ tường bê tông xám mênh mông.

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Trên Sông Hồng:

Có người hỏi tôi sông Hồng với Hà Nội quan hệ như thế nào? Câu hỏi rộng quá, mà tôi chẳng chuyên môn ngành nào về cuộc đời non Sông và thành phố, tôi chỉ có thể có cảm tưởng và kỷ niệm về cái nơi tôi đã được sinh sống. Dưới bến Phà Đen hàng ngày bây giờ vẫn có thường chuyển tàu xuôi các bến xuống Cầu Bo dưới Thái Bình. Ngày trước, vào mùa nước còn có tàu huỷ ngược lên Sơn, lên Tuyên.

Và hôm nay thì ở bến đầu cầu chân cầu Long Biên ngày ngày có tàu du lịch xuôi ngược sông Hồng đến hết địa phận Hà Nội, khách ngồi trong tàu ngắm lên thành phố. Chưa bao giờ có thuyền chơi đêm sông Hồng như đêm sông Châu ngày rước và đêm Việt Trì cũng như đêm sông Hương rước kia và hôm nay.

Tôi đã thường ngược xuôi Sơn Tây, Thái Bình xưa kia và bây giờ có khi ngồi tàu du lịch trên sông Hồng. Sông Hồng và thành Hà Nội thế nào, sông Hồng đã chứng kiến ra đời Thăng Long từ nghìn năm. Sông Hồng hùng vĩ từ giữa lòng châu Á ra biển Đông, sông Hồng không cùng số phận hẩm hiu của sông Thiên Phù đã bị chui vào lòng đất và sông Hồng cũng không bị phai mờ như sông Tô Lịch, sông Kim Ngưu chỉ còn cái tên hoài cổ. Sách viết tên là sông Hồng, là Nhĩ Hà, Hồng Hà đoạn qua Hà Nội nhưng người Hà Nội xưa kia đều gọi nôm là sông Cái. Hầu như khắp mặt đất trên thế gian những trung tâm đất nước có sông lớn chảy qua đều gọi là sông Cái, sông Mẹ, sông Mê Kông, người Lào gọi là sông Mẹ (Mẻ Khoỏng) sông Nin người Ai Cập gọi là sông Mẹ. Tiếng cổ Việt Nam bố là cha, cái là mẹ, con sông Cái thân thiết và thiêng liêng đời đời.

Sông Cái là sông dữ. Màu nước quanh năm rực đỏ, con sông cả đời quần quai giữa hai bờ. Trăm năm trước, dòng sông nghiêng về bên thành phố. Nước mấp mé ven đê mới có Bến Nứa và phố Hàng Nâu thì ở chân cổng ô Quan Chưởng- củ rừng được bè tải về Kê Chợ đổ lên đấy.

Trông cái bãi Giữa chân cầu Long Biên theo năm tháng bốn mùa có thể thấy được nguồn cơn vùng vẫy của con sông.

Thủa nhỏ, tôi học trường tiểu học Yên Phụ, buổi trưa thường lên cầu Long Biên chơi trông xuống bãi ngô xanh xanh ẩn hiện xóm cát, có cái thang tre làm lối lên cầu của người bãi Giữa. Chẳng bao lâu, bãi Giữa lại lặn cả vào làn nước cuộn cuộn đỏ. Và bây giờ cái bãi Giữa lại đương xanh tốt hơn hờ bãi ngô và mọc lại đôi ba lều của người các nơi về làm màu khi mùa nước rút. Các xóm đất bãi đã sống trong những hải hùng và những phẳng lặng ấy, không phải chỉ đến khi chạy lụt nước lên, mà sông Hồng quanh năm nước ngoạm lở đất, mất nhà, mất vườn rau và cây cối, mất người. Bây giờ vẫn khủng khiếp thế.

Thời Hà Nội thuộc Pháp trước 1945, chính quyền Tây không cho làm phố, làm nhà xây dưới bãi. Người

làm cu li khuôn vác, người ăn mày tụ tập dưới bãi ở nhà lá, lều lá. Có những năm vợ chồng nhà văn Nguyên Hồng về ở phố đã trú ngụ ngoài bãi. Nhà xây dưới bãi bắt đầu khoảng 1947 khi Pháp trở lại chiếm Hà Nội. Người Pháp chưa hoàn hồn, chưa chắc chắn, nhiều việc hành chính bỏ bê còn lo đối phó với kháng chiến, dân hồi cư xuống bãi ở tràn lan chen chúc. Đến bây giờ nửa thế kỷ đã qua thì nhà xây, nhà tầng nổi ra đến tận mép nước.

Đợi cho đến bao giờ trị thủy sông Hồng sang giai đoạn hết lụt mới thật là yên tâm, chứ còn thử tưởng tượng như hôm nay, đến kỳ nước lên, nước lúc nào cũng sẵn sàng đánh sóng đẩy cả dãy nhà dãy phố xuống lòng sông. Cái cảnh sục đất và chạy lụt vẫn diễn ra, là còi báo động đấy chứ đâu. Sông Hồng có vẻ đẹp hùng tráng của con sông dữ. Trên máy bay nhìn xuống bờ bãi và con nước đỏ không có cây cỏ nào có thể mọc sát mép nước trên đất bãi chuyển động. Chẳng như các con sông miền Nam lúc nào cũng lơ thơ cụm lục bình trôi như từ trong lạch vườn ra, không như sông Hương mảnh mai, yếu điệu, cây cỏ la đà quét xuống mặt nước xanh trong êm đềm.

Con sông dữ đượm vẻ nên thơ riêng của sông dữ. Tuy nhiên ngành du lịch và các dịch vụ chưa mấy phát hiện ra vẻ đẹp khác thường ấy của sông Hồng. Chơi trên sông Hồng, tham quan các làng mạc và đình chùa hai bên sông, còn ít ai biết. Tàu ngược rồi tàu xuôi, khách trên tàu người đi chơi giữa sông một quãng - hết như cái “thuyền rồng” trên Hồ Tây lừ đừ từ bờ ra giữa hồ rồi lừ đừ quay về, thế gọi là tham quan Hồ Tây. Tàu đổ bờ sông, lên làng gốm Bát Tràng, lên đền Chử Đồng Tử, lối đi ngổn ngang lầy lội chẳng khác đường sau làng ra làm đồng.

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Tức Nhau Tiếng Gáy:

Làng tôi vào đám.

Ngày trước, tháng ba có hội lệ. Thịt con bò, chia phần bốn giáp. Vài ba năm lại có rước chạ, cắt lượt chạ trên chạ dưới. Nhưng các chạ đều nghèo, không làng nào sắm nổi cỗ kiệu, đám rước chỉ khiêng cái long đình gỗ mộc.

Không phải xưa nay đám thứ đều giống nhau. Cứ như tuổi tôi, từ thừa còn để chỏm tới ngày nay đã thấy bể dâu lắm nỗi. Cái năm kháng chiến, ngôi đình bị phá san phẳng theo lệnh tiêu thổ kháng chiến. Chỉ còn ba cây muỗm cổ thụ và một bờ rào dưới đằng hậu cung. Đến khi Tây lại đóng đồn, sợ du kích về ẩn nấp, đã chặt nốt bờ rào dưới, thế là cái đình cái sân nhẵn nhụi. Chỉ không biết cái long đình biến đi đâu. Có người đã lội xuống ao làng mò, hay là người ta đã giấu xuống đấy. Người không thấy.

Hoà bình lập lại, ngôi đình không dựng lại được nữa. Nhưng rồi làng cũng đóng góp xây lên được ba gian lợp ngói. Không có ông từ, nhưng tuần rằm mừng một, cũng có các cụ ra thắp hương. Đến cái năm cải cách ruộng đất, cái đình con con được cất lại ấy cũng bị bỏ hoang. Máy người hay ra thắp hương cũng bị quy là mê tín dị đoan. May chỉ là “mấy ông lão lạc hậu” mới kém hiểu biết, mới chậm tiến thế, nên được châm chước chứ nếu còn tuổi trung niên chắc đã bị đem ra đấu ở xóm rồi.

Nhưng bây giờ đã khác, tôi nghe người trong làng ra kể ngôi đình đã được xây lại. Chỉ có cây muỗm cổ thụ thì không thể sống lại được nữa không biết ai có sáng kiến đem về trồng hai cây xà cừ cho chóng có bóng mát.

Làng vào đám năm nay tôi về được trông thấy đình mới. Cũng vẫn trong khuôn khổ ngôi đình ngày trước, nhưng quét vôi vàng và vôi màu đỏ loè loẹt sắc sỡ. Không còn bức tường rêu đằng hậu cung và con nghê sành đắp nổi trên cột trụ ngoài sân đình ngày trước của một bà con gái làng lấy chồng xa, vợ chồng về làng nộp treo, người rể làng có máu mặt đã cung tiến con nghê. Người ta thường nghĩ theo kỷ niệm, chẳng vui chẳng buồn, thế mà cũng nhớ.

Trong đình lúc ấy rộn rã người đi lại, trống đánh từng hồi. sắp tế thần. Cả loạt hơn chục ông, áo thụng xanh lam, mũ phốc, quần lụa mơ gà hoa chanh, đi hia đế trắng xộp mũi hia bọc nhung đỏ. Thoạt trông lạ mắt, nhưng rồi nhìn dần nhận ra, toàn mặt quen. Nhiệt ông trong làng, cũng có nhưng ông người thiên hạ, lấy vợ làng này hay tậu đất ở đây trạc trên sáu mươi, bảy mươi, cán bộ về hưu. Chà chà, xống áo tế lễ đẹp quá, sang quá. Ngày trước, năm ấy ông ngoại tôi đến tuổi đến phiên được làm chủ tế. Cả cỗ tế hơn hai mươi người chỉ có một ông tôi được mặc áo thụng xanh. Mọi người khác đều áo the, khăn lượt chút như

thường ngày có việc đi đâu. Cái áo thụng lam ông tôi mặc cũng là của làng, của công, ai đến lượt làm chủ tế thì được mượn.

Ông chủ tế ra tiếp tôi. Ông ấy trước công tác ở bộ Nông nghiệp về hưu. Máy người nữa xúm xít ra. Tôi lâu ngày mới về làng, chứ đều là quen biết trước kia, có khi còn có họ và tất cả đều là cán bộ là bộ đội về hưu - có anh ở tỉnh có anh trên ngành ở trung ương. Nói đùa có thể hội ý chi bộ hay tổ đảng ở đám tế được.

Hầu hết các ông này vẫn còn thua tuổi tôi. Như tuổi tôi mà còn ở thời ngày trước, hội hè thế này, bấy giờ đương là trai tráng trong làng. Những cuộc tế lễ như hôm nay mới chỉ được các cụ cắt ra những chân cầm cờ, che tán - gươm vàng, bát bửu thì chưa phải mặt, chưa đến lượt được vác. Ngoài ra thì khiêng long đình, kéo xe trống... Còn các anh hôm nay áo thụng đi hia ra bắt tay chào rồi ngồi chơi với tôi đây lúc ấy cũng chỉ khoảng lên mười, đầu để hoa roi, mũi thò lò, cứ ngó nháo nhác đi xem rước và ngồi châu hầu xem tế mà thôi.

Tôi hỏi một người ngồi cạnh:

- Các cậu cũng biết tế à? Giỏi nhỉ.

Mấy người cùng cười.

- Mỗi thời một khác. Mời bác ngồi chơi xem, em vào việc thánh.

Trống đánh nhịp, chủ tế ra đứng giữa chiếu hoa, các ông bồi tế bước lên, kẻ đứng ngồi quỳ chắp tay theo thứ tự. Các ông bồi tế lặng yên, kính cẩn. Ở ngoài, hai lên đứng lấp sau cột, xa hai mép chiếu, các ông bồi tế khác lần lượt xướng tế: Hương... Bái... Tiến tước... Quán tẩy sở... Tiết tửu...

Theo lời xướng, các ông bồi tế trong chiếu lóp ngóp quì xuống đứng lên, có lúc cúi đầu, có lúc hai tay bưng hai chén rượu như ông chủ tế, trịnh trọng bước lên.

Các ông đứng ngoài không mặc áo thụng đi hia mà áo sơ mi quần phẳng, dép lê như tôi. Mặt mũi còn non lắm, chỉ được cái tiếng hô to. Và vì không mặc quần áo tế, các ông đứng nép vào cột. Ở ngoài của không trông thấy.

Phần nào, tôi đã đoán ra. Tôi hỏi một người ngồi xem bên cạnh:

- Đám thợ tế là các cậu thuê ở đâu?

Người ấy nói:

- Phải vào gọi tận Mễ Trì, xa lắm. Hẹn trước cả tháng đấy mà cơm rượu, lại phần phò, lại tiền nong tốn kém ghê. Đạo này vùng mình hội hè tế lễ nhiều mà.

Đến trưa, vào ngồi ăn việc làng, tôi nói với chủ tế - cái lão trước làm ở bộ Nông nghiệp:

- Làm gì mà khổ thế. Mà bát nháo cả. Làng mình xưa kia chẳng có tế thì đã sao.

Ông chủ tế mặt rượu đỏ lựng:

- Làng nó có làng mình cũng phải có chứ. Ông mà về làng, ông cũng đóng vai chủ tế thuê tế như tôi.

Tôi cười:

- Một chữ nho bẻ đôi không biết, tớ cũng chẳng biết tên cụ thành hoàng làng ta.

Ông chủ tế xua tay:

- Chẳng cần, chẳng cần!

TẬP TRUYỆN NGẮN TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

Via Hè:

Xưa nay cắt tóc theo thói quen, đôi ba tháng một lần. Ngồi đâu cũng thế, gốc cây, bờ tường và anh phó cạo, phó húi nào đề đầu tôi ra cũng được.

Lâu nay, cắt tóc cho tôi là một cậu trạc tuổi cháu tôi. Cái hộp thiếc đựng đồ nghề và cả sách vở. Làm việc chỗ gốc me, đóng sẵn cái đỉnh treo miếng gương. Trò chuyện, nghe lý lịch trích ngang cậu ta tự kể: Quê Thanh Hoá. Cả nhà bảy anh em và bố mẹ anh em đều ra ở Hà Nội. Mỗi người một nghề (không nói nghề gì). Cậu là con lớn nhất. Học năm thứ ba Đại học Giao Thông. Kết luận: “Nhà cháu nghèo lắm. Cháu lo lấy ăn học, lại phải giúp nhà đôi chút”.

Tôi nói:

- Dạo nọ chẳng thấy còn cái chợ cóc ở đây.

- Vẫn đấy, ông ạ. Chỉ có trời mưa mới đuổi được thôi. Còn các ông ấy có đuổi thì cũng là đóng kịch trên sân khấu thôi ạ.

Tôi chẳng hiểu thế nào.

Tôi vừa tới, cậu cười, chào:

- Ông ra cắt tóc.

Lại nói ngay:

- Ông đợi cháu một tý.

- Có khách đâu mà phải đợi?

- Các ông công an sắp đi dẹp vỉa hè. Các ông ấy đi qua thì cháu mời ông ngồi. Hay là ông vội thì ông vào góc tường kia, cháu đứng cắt cho ông ngay.

“Góc tường kia” là chỗ các bộm bia hay ra đứng đái. Tôi nói:

- Tao chẳng vội gì cả.

Via hè chỗ ấy là cái chợ cóc. Thường buổi sáng đứng vài cái xe đạp thồ rau muống, hành hoa, bó mía. Có hôm thấy người ta đem đến treo lên cột đèn con trăn rồi lóc thịt, lại chặt khúc ra bán. Ông công an hỏi,

người bán trần bảo trần nhà nuôi, “không phải vật quý hiếm”, thế là ông công an cũng mua một khúc xương trần về ngâm rượu chữa bệnh đau lưng.

Cái chợ chính của quận quản lý thì ở cuối đường. Năm cái cầu chợ mái ngói đỏ, trông khang trang, đẹp mắt. Có chợ to, nhưng các chợ cóc vẫn lớn vồn ở đâu đây. Hôm nay tôi mới được chứng kiến các nhà chức trách dẹp cái chợ cóc. Người ta đều đã biết trước cả. Các chị hàng hoa, hàng rau ôm rau, ôm hoa vào gửi quán bia. Cái xe đạp thồ mía đương giả vờ lững thững đi tôi đương đi chứ tôi không đứng bán. Chị bán thịt gà bê cái mẹt vào gửi nhà nào không biết.

Xong đâu đấy rồi một chiếc mô tô có thuyền ba bánh ùng ùng tới có cái loa gọi cẩn thận. Những người hàng rong chẳng còn ai. Bên gốc cây. không biết người nào dùng cái đòn gánh thế là đã bắt được đem về đồn chắc để làm tang vật đã dẹp chợ. Cái xe mô tô ầm ầm qua thế là dẹp chợ cóc xong.

Xe đi khỏi các chị rau, hàng hoa và mẹt thịt gà, cái xe mía ở đâu lại ra tụ tập đứng như lúc nãy. Còn tôi thì ngồi xuống chiếc ghế bên gốc me của cậu cắt tóc vừa vào góc trong buồng ra với cái hộp thiếc đồ nghề.

Tôi hỏi chú bé:

Hôm nào cũng dẹp mà chưa hết chợ cóc à?

- Hết thế nào được ạ. Chợ chính thì quận thu thuế, chợ cóc thì lấy lệ phí, quận hay phường cũng đều cần tiền tiêu, cho nên cứ đóng kịch quanh quanh thế thôi.

Nguồn: Cái áo tể (Tập văn, truyện ngắn Tô Hoài, nhà xuất bản Hội Nhà văn 2004)

Mục lục

1. Mùa hạ đến, mùa xuân đi:
2. Những người thợ cửi:
3. Đi làm:
4. Hải phòng:
5. Một quãng đường (1):
5. Một quãng đường (2):
6. Những năm 1944 - 1945:
7. 1947:
8. Ông già ở Agra:

TẬP TỰ TRUYỆN - TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

1. Mùa hạ đến, mùa xuân đi:

Nhớ lại ngày ấy, tôi còn thấy cái trường tôi như hòn non bộ chon von giữa đám chậu cây cảnh. Hồi bấy giờ tên là trường Nordemann, nhưng ai cũng gọi là trường Yên Phụ.

U tôi đưa tôi đi men Hồ Tây lên ô Yên Phụ. Khỏi một cái dốc, dừng lại, trông xuống bên tay phải thấy cái sân sâu và rộng ra tận hai mép hồ Trúc Bạch, có cây lạc tây, cây mít, cây sung và ngổ ngang những mái đình cong. Nếu không thính tai nghe trong ấy vang ra tiếng đập thước gỗ nhịp cho học trò đọc đều không thể ngờ đấy là trường học.

Đã lâu tôi ở nhà, bấy giờ quá tuổi phải làm khai sinh giả bớt ba tuổi mới vừa vào học lớp bét. Ông trưởng phố Yên Quang ở phố Quán Thánh được đứt năm đồng nên ông đóng cái triện khai sinh giả rút tuổi tôi xuống.

Tôi đã lớn. Tôi biết làm đỡ nhiều việc nhà. Ông ngoại tôi đưa chiếc bút đại tô kim nhũ ra cho tôi ngồi tập đồ giấy. Ông bảo ông truyền nghề vẽ giấy sắc của họ Lại cho tôi.

Họ Lại làng Nghè ở Nghĩa Đô có nghề làm giấy sắc tiến vua. Ngày xưa, các triều vua đều thừa giấy sắc họ Lại để phong thần. Những tờ giấy dó khổ rộng, quét nước hoa hoè vàng thắm. Khi tôi biết, chỉ còn thấy cái huy hoàng nghề giấy sắc họ Lại trong những câu chuyện bà tôi kể mà thôi. Từ đời nào đời nào nhà vua không thừa giấy sắc phong thần nữa.

Dưới đáy cái cũi tre đựng xống áo tả trong xó nhà tôi còn lũng cụng những miếng khắc nẹp, những mẫu gỗ tròn in con long con ly, con quy, con phượng...

Tuy vậy, những nhà có nghề giấy sắc vẫn kiếm được chút ít Các hàng tranh dưới Hàng Phèn, Hàng Mành đôi khi đặt giấy lệnh - giấy vàng vẽ rồng làm tranh thờ. Ông tôi lại có việc và tôi cũng được giúp một tay.

Tôi biết đồ những chỗ dễ, vẽ kim nhũ vào vẩy con quy râu rồng, đuôi phượng, còn mây rờn chùm hay cánh phượng múa, mình ly vắn vèo, tôi đưa bút còn ngượng.

Dù sao, những việc khó ấy cũng không khó như phải đi học. Bây giờ lại phải đi học. Không biết tại sao lại phải đi học. Thật là khổ cực.

U tôi bảo:

- Mai đi Kê Chợ.

- Đi Kê Chợ làm gì, hả u?
- Đi học.
- Lại xuống nhà chú Tường ạ?
- Không, thầy Lâm đã xin học trường công cho con không phải thi.
- Không đi đâu

Nhưng rồi không đi không được. Năm ấy, vào quãng năm 1930, tôi lên chín tuổi.

U con tôi lên bến tàu điện từ tỉnh mơ. Thầy Lâm đã đứng đón ở đền Quán Thánh rồi dắt xe đạp đi đằng sau. Như trong chuyện cổ tích, tôi đương phải cố nhớ đường về có các lối rẽ để có lúc còn trốn yêu tinh mà về.

Đi qua hồ đến cái dốc, ngổn ngang ngã tư, rồi vào cái cổng cao xuống cái đình hay cái chùa, ấy là trường Yên Phụ đấy. U tôi đứng lại đợi. Thầy Lâm dẫn tôi vào.

Một ông ra ngoài thêm gặp thầy Lâm. Ông ấy có bộ ria vênh, hai con mắt nhau nháu nhìn người nói chuyện. Tay ông cầm chiếc roi quăn đuôi da lòng thòng như roi của người dõ-kề vục ngựa khi phóng ra roi, mà tôi đã thấy những hôm đi xem thi ở Quần Ngựa. Bởi vậy, tôi không thể ngờ đấy lại là ông giáo.

Tôi ngồi bàn đầu. Trước mặt tôi, một hàng dài những chiếc chén mực tím nhoè nhoét. Cái bàn thấp, lưng bọn học trò cao như con bò có bướu vai. Chúng nó còn nhớn hơn tôi nhiều. Có lẽ cũng lậu tuổi như tôi cả. Đứa nào cũng mặc áo dài thâm, áo the, chít khăn lượt, như thầy giáo. Tôi sợ dờ người ra, không dám khóc, cũng không dám nghĩ trốn về.

Trống tan học nện bần bật từng hồi, rung mái đình. Các lớp trong sân, nhốn nháo, inh ỏi, la hét trong tiếng trống.

Xung quanh như cả học trò và bàn ghế cũng nhấp nhồm sắp à lên. Nhưng khoan khoan, cái roi da thầy đã phất đuôi roi hất vút vút. Tất cả im, đứng dậy, khoanh tay. Thầy đập một roi xuống đầu bàn. Trăm miệng bật kêu vánh:

- Giơ mơ le vớơ...(1)

Đầu roi lại đập xuống. Trăm cái miệng tròn vo lại réo đình tai:

- Ô rơ-voa mông mét-tờ-rơơ...(2)

Rồi đầu roi trở ra cửa. Đàn rỗng rảnh học trò xếp lại, tuồn lên cổng trường. Ra tới bãi cỏ chân đê, cái cảnh vỡ chợ mà tôi tưởng lúc này bây giờ mới thật sự loạn xạ. Bên gốc bàng những cái cặp, những quyển

sách với mũ, nón, áo và quần nữa, tất cả quăng lung tung. Nhiều đám trần truồng ra. Đánh nhau vật nhau cời trần truồng như thế không sợ rách quần áo - bố mẹ không biết. Đằng kia, bác hàng bánh tôm đương co kéo bắt mũ, bắt cặp của chú học trò ăn chịu. Có chú sợ hàng quà, khôn hơn, trèo tường cổng sau ra. Nhưng, vừa nhảy xuống đất, đã trông thấy ngay bác hàng kẹo đứng chăm chăm ở chân tường, giơ tay nhắc luôn chiếc mũ của cậu bé còn nợ, lẳng lặng nhét đáy hòm rồi nói: "Bao giờ có tiền trả thì chuộc mũ".

Cái cảnh ấy cũng có tôi sau này, bởi chẳng bao lâu, tôi cũng từng trải cung cách trèo tường trốn nợ hàng kẹo, hàng bánh tôm hay là có hôm ngồi hóng cửa trường đợi thằng bạn nào ăn bánh tây xin ngọam một miếng, có khi ngọam cả vào ngón tay nó đặt làm cờ.

Tôi loanh quanh giữa đám hỗn độn. Không thấy u tôi đâu. Tôi bối rối đến nỗi thầy Lâm đứng trước mặt mà không trông thấy.

Thầy Lâm bảo:

- Cháu ra đây tôi đèo...

Tôi khóc to:

- Không... không...

Rồi rống lên. Thầy Lâm dỗ:

- Đèo xe đạp về nhà mà.

Thấy nói được về nhà, tôi thôi khóc và quên ngay cái cảnh sợ hãi đám học trò vừa rồi.

Thầy Lâm đèo tôi mấy buổi đi học như thế. Tôi chỉ nhớ ngồi trước mặt thầy trên khung xe đạp, lưng tôi gò xuống. Về đến đầu chợ Bưởi, thầy buông chân xuống đất làm phanh hãm, hai đầu gối thầy thúc lên dít tôi. Cái xe đạp “pi-nhông” đứng khựng.

Cái nhà thầy Lâm ấy, chẳng phải người làng, người họ nhà tôi đâu. Tôi biết thầy dạy học, chỉ vì thấy cả nhà gọi là thầy giáo. Nhưng không biết là thầy giáo bên đạo hay thầy giáo, thầy đồ ngồi bảo chữ nho, chữ quốc ngữ ở các làng. Cũng không biết tại sao dì Niêm tôi quen... Nhà thầy ấy ở đâu không rõ. Hình như là người Kẻ Chợ. Và hình như thầy Lâm và dì Niêm gặp nhau ở hội làng Hồ tháng tư rồi phải lòng nhau. Bây giờ thầy giáo Lâm xin học cho tôi để có cớ đi lại.

Vùng tôi chưa có trường sơ học. Làng trên có trường vỡ lòng, tôi đã học hết chữ của thầy giáo Đức, thầy giáo Cộng thầy giáo Thạch từ lâu. Nhưng xin học ngoài phố không phải dễ. Năm trước định vào trường Cửa Đông, tôi phải ra ở phố Hàng Mã. Thi trượt vì chẳng may cuống quýt làm ngược cái tính trừ đấy?

Thình thoảng, thầy Lâm lại đón đường đưa tôi một cái thư.

Tôi chẳng phải tò mò xem trộm. Bởi vì rồi dì Niêm sẽ bảo tôi đọc hộ, dì tôi sẽ ngồi kể cho tôi viết trả lời. Những lá thư tình bao giờ cũng bắt đầu vài ba câu Kiều lấy Sen tàn cúc lại nở hoa. Sầu dài ngày ngắn... rồi mới đến: Cậu ơi! Ngày sáu khắc đêm năm canh... thư nào cũng một câu như vậy, dì tôi chưa đọc, tôi cũng cứ viết sẵn. Cậu ơi! Ngày sáu khắc... rồi ngồi đợi.

Một hôm chủ nhật, dì Niêm cho tôi đi Kê Chợ. Lần đầu tiên, tôi được vào xem tuồng Tàu ban ngày trong đình Hội quán phố Hàng Buồm. Tiếng thanh la nhức óc hơn tiếng hét "lốc bốc xoảng... lốc bốc xoảng... xoảng xoảng...". Tôi ngơ ngẩn vào nhìn. Thầy Lâm và dì tôi đứng đằng xa. Tôi chưa hiểu đó là cách hai người yêu hẹn nhau trong đám xem tuồng Tàu lạ lùng như thế, để tránh gặp người quen, khó ai bắt gặp.

Đến trưa, dì cháu tôi ra về, đứng đợi tàu cửa chợ Đồng Xuân.

Một người đàn bà ngồi trong bọn những người làm nghề đổi tiền cửa chợ, bỗng đứng dậy, xăm xăm tới. Mặt xám ngoét, vành khăn vấn hất lên quá nửa mái tóc, cái đuôi gà chống ngược. Vẻ cong cớn, táo tợn lắm. Mụ cặp cái thúng nhồi đến trước mặt dì tôi, chống nạnh bên sườn, xĩa tay luôn một thôi:

- Con đi Bưởi, con đi Bưởi kia, mày quyến rũ thằng Lâm đi đâu? Mày là con mẹ mìn à? Trêu tay bà, bà xé xác mày ra... Con đi Bưởi kia!

Mấy mụ khác cũng te tái, xô ra. Những người làm nghề đổi tiền có tiếng nặc nô cửa chợ.

Tôi lo quá. Tôi nhìn quanh không đâu có hòn đá hay cái que, cái gậy... Mấy mụ chơi với tay vít tóc dì tôi. Nhưng họ còn vướng trong tay cái thúng tiền. Lúc ấy, tàu Bưởi đã xuống, tàu lên bắt đầu chạy. Hai dì cháu tôi ù được lên tàu. Cửa tàu hẹp, không toang hoác như cửa toa. Cái tàu "leng keng huý huý" lăn bánh.

Mấy mụ đổi tiền đuổi theo bám lên chỗ tay vịn bằng đồng ngoài cửa. Dì Niêm tôi đã lần được vào trong. Giữa đám bễ bọn người vừa lên, tôi cứ cào phứa vào tay các con mụ. Tiếng chu chéo. "A, thằng ranh con? Thằng ranh con..." Nhưng tàu đã chạy. Chắc mụ nọ sợ nhỡ buổi chợ hoặc mất cái thúng tiền hơn là đi đánh ghen thuê, thế là tụt xuống. Cũng chưa thôi họ còn rảo theo, trở lên tàu, réo:

- Cha tiên nhân con đi Bưởi... Bà để tội cho mày...

Tôi định nếu thầy Lâm mà còn đón tôi nhờ đưa thư, tôi sẽ ném cái thư xuống đất. Nhưng từ hôm ấy, không gặp lại cái nhà thầy ấy lần nào nữa.

Mà tôi quen đường đi học rồi. Từ làng tôi ra trường Yên Phụ xa bảy, tám ki lô mét. Thế mà tôi chỉ toàn chạy. Chẳng mấy khi tôi chịu về kém tàu điện. Có hôm tôi chạy về tận Quán Ngựa, nhìn xuống đường dưới Thụy Khuê, thấy chiếc tàu điện lúc này gặp ở Quán Thánh bấy giờ mới ló lên đến cổng Đồn, đương ken két ầm ỉ vào chỗ tránh "qua di mạng" ở Cổng Rong. Có khi gặp cái xe bò đi không, chúng tôi được người kéo xe cho bám - kéo xe không thì nhẹ quá khó kéo.

Thế là đưa ngòi, đưa đẩy, thay nhau về đến đầu dốc đường Thành, trời chưa tối.

Tôi đi học từ tờ mờ đất. Ra đến Hồ Tây vẫn còn mù mịt sương. Trên đường gặp đến lắm chó đi rông. Trong cặp tôi đựng toàn những hòn đá vừa tay. Chẳng bao lâu, tôi đã thạo ném chó. Chó chạy nhanh, chạy chậm tôi có thể ném đón, tôi định cho trúng vào mõm hay vào bụng, trúng cả.

Mỗi sớm tôi đem theo một nắm cơm u tôi đã nấu chiều hôm trước. Buổi trưa ăn cơm nắm với một xu thức ăn miến đậu rán hay vài cái kẹo bột. Có khi, dùm muối vừng, miếng cá, con cua mặn. Ăn nhẹu nhạo xong, chạy ra cái máy nước đầu ngõ Trúc Lạc nghiêng cổ tu một hơi rồi lên bãi đá bóng.

Tôi ném bộp nụ hoa gạo, ném sấu vườn Bách Thảo, ném con cánh quít ẩn trong kẽ lá bàng trên đê, chém nhựa đa đường Cổ Ngư làm bóng. Mùa nào thứ ấy, bốn mùa chơi.

Ngày ngày đi học, chẳng nhớ bài, chỉ nhớ những chơi bởi đông dài như thế.

Tên thầy giáo tôi là thầy giáo Tỏi. Tôi nghĩ không phải tên thầy. Ai lại tên là Tỏi. Nhưng đứa nào cũng bảo đích tên thầy là Tỏi. Chúng nó kể: trong ngăn kéo trên bàn thầy lúc nào lục trộm cũng thấy nhiều củ tỏi, thầy nghiện ăn tỏi từ thuở bé nên được bố mẹ đặt tên cho là Tỏi, thầy giáo Tỏi. Tên trường là Nóc-đơ-man mà ai cũng gọi là Yên Phụ. Vậy thì tại sao thầy giáo tên là Tỏi cũng thế. Vả lại cái roi da thầy Tỏi lúc nào cũng cầm ở tay không phải là thầy chỉ dứ roi trên đầu mà thầy còn quất thật lực vào đít, vào lưng chúng tôi.

Mỗi hôm vào lớp, một anh lớn cầm quyển sách đã có bài chép sẵn từ những năm học trước, anh ấy trông sách rồi chép lên bảng. Còn thầy giáo thì cầm roi đi đi lại lại không phải làm gì cả. Buổi nào cũng thế. Tôi lại biết thêm tính thầy, đứa nào có tội thể nào thầy cứ quất phủ đầu cho mấy roi rồi thầy mới bảo. Nếu ngờ ngác chưa hiểu, thầy lại quất nữa. Suốt cả buổi học, tiếng roi da khô khan cứ đen đét. Đầu lớp, cuối lớp chỉ có cái roi làm việc. Trông vào ánh nắng các khe cửa, bụi quần áo ăn đòn, bốc mù mịt khắp lớp.

Thấm thoát, đã áp Tết. Thầy giáo tôi dặn cả lớp:

- Hôm nay hai mươi ba cúng ông Táo công lên châu giời. Còn bốn hôm nữa thì nghỉ. Năm nay thầy về quê ăn Tết, đứa nào tết thầy thì đem tiền đến, đừng biếu bánh trái, thịt thà như mọi năm...

Thế là lễ tết thầy tôi năm nay đưa bằng tiền. Nhưng tôi không dám xin tiền u tôi. Những ngày cuối năm, thường nhà tôi u ám những trận cãi nhau, mặc dầu tôi sợ thầy mà đành hậm hực buồn bã, không hỏi xin tiền ai ở nhà.

Ra giêng khai trường, cứ nghĩ đến ngọn roi da của thầy giáo, tôi thót lưng, buồn đặng cả miệng. Có thể, không có tiền lễ tết, thầy đánh cũng nên.

Mùng bảy tháng giêng khai trường, bồn chồn quá...

Rồi tôi phải đòn thật. Năm mới, đã đen quá. Nhưng cả lớp tôi cũng phải đòn. Đầu tiên, thầy giáo gọi một đứa ngồi đầu bàn lên. Thầy quệt mạnh ria mép một cái như muốn kéo soạt bộ ria đi. Đây là lúc thầy giận

lắm.

Thầy dang thẳng tay, tát thẳng ấy một cái. Rồi thầy lại tát ngược bàn tay lại. Tôi trông thấy mặt thẳng bé lật lên chao đi giữa hai cái tát độp độp nảy đom đóm mắt.

Thầy ra lệnh:

- Về chỗ. Tát thẳng bên cạnh như thầy vừa tát ra mẫu thế, nghe!

Thầy đứng xem cả lớp tát nhau, đứa nọ tát đứa kia từ bàn đầu đến bàn bết, kiểu như thầy đã làm ra mẫu. Phút chốc, lớp tôi vang lên những tiếng bốp bốp khô khốc. Tôi tê dại cả hai má. Thẳng hàng xóm không thù tôi, nhưng hấn không dám tát khế. Đứa nào tát nới tay, thầy giáo đến tát lại cả hai đứa. Những đứa vẫn đợi dịp đòn thù nhau thì khác. Chúng bặm môi, giơ tay tát trái như đâm quai hàm, có đứa toé máu cam xuống bàn.

Cả lớp lại im phắc. Chúng tôi đợi nghe xem đầu năm mà đã có tội gì. Tiếng thầy rề rề, đều đều như có dây cót vận của cái đồng hồ chấm cầm báo thức:

- Đứa nào... lấy cái roi... của thầy?

Thì ra thầy tôi mất cái roi. Năm mới, thầy tôi mất cái roi da mọi khi vẫn dắt đằng sau mặt bảng đen. Đứa độc ác nào lấy cái roi da của thầy. Nó không nghĩ rồi thầy hành tội cả lớp. Có thể đứa lớp khác sang lấy trộm. Có thể trong lúc nghỉ Tết, trẻ con ngoài đường vào ăn cắp. Nhưng đằng nào cũng mất cái roi của thầy tôi và chúng tôi đã phải ăn đòn.

Lớp vẫn im phắc. Giọng thầy lại lên rề rề:

- Mỗi đứa đóng một xu để thầy mua roi mới. Nhớ nghe mỗi đứa một xu. Nhớ nghe, mỗi hôm trước khi chép bài, cả lớp lại phải đòn như hôm nay, cho đến hôm nào có roi mới mới thôi nghe.

Thế mà cũng phải mất mấy hôm những thẳng đầu bàn mới thu đủ tiền. Đứa nào cũng sợ đòn, nhưng có đứa bảo: “Mấy khi được tát nhau, thích thật”. Nó nói liêu thế, chắc vì một xu nhà cho đóng tiền mua roi đền thầy đã chót chén quà mất rồi. Đành chịu. Học trò đi học, gặp thầy dữ đòn hay thầy giáo hiền cũng như người đi đường gặp mưa gặp nắng, không biết thế nào mà tránh.

Rồi mùa xuân đi, mùa hạ đến. Ngày tháng nhạt nhẽo, oi ả, khó nhọc. Chúng tôi đá bóng suốt trưa trên bãi ven đê. Nhiều đứa xa nhà cũng ở lại, lang thang vợ vẫn bờ bụi hè phố.

Một dạo, tôi thôi đá bóng. Tôi đeo chạc ổi, mua dây cao su làm được cái súng chạc cao su. Suốt đường Cổ Ngư, vàng ổi những quả đa. Chim vàng anh về từng đàn, đậu lẫn trong quả đa, rúc ráy mỗi quả đa, nếu cái đầu chim không đụng đập, không ai biết. Nháy mắt, tôi đã bắn được một con, hai con, ba con.

Rồi đưa đi vợ rác, đưa vật lông, tôi lấy mảnh sành rạch bụng chim, làm lồng. Thui một tí, đã thơm phức. Vàng anh hay con sáo sậu, chúng tôi đều thui rồi xé thịt chim chấm muối ăn. Vừa ăn vừa hò hát: Vàng anh, vàng anh, có phải vợ anh thì chui vào tay áo... Sáo sậu là cậu sáo đen, sáo đen là em sáo sậu...

Hương sen thơm suốt quãng đường hai bên hồ. Những chiếc lá sen tròn đồng tiền, mơn mớn ngھn lên khỏi mặt nước. Chúng tôi lội xuống hái những nụ mới nhú bằng ngón tay. Nụ sen ăn giòn ngọt. Rồi trải lá sen lên bờ cỏ, chúng tôi nằm ngủ dưới gốc đa, trong gió hồ buổi trưa hây hẩy bát ngát.

Tàn mùa quả đa, cây cũng vẫn tiếng chim. Tôi vào tìm bắn chim trong Bách Thảo. Nhưng những cây sấu rậm lá kín bưng, chim chui vào không thò được, chẳng thấy con nào.

Một hôm, đương ngồi trong lớp, nghe những tiếng chệc chệc hai bên tai. Từ hôm ấy, tôi nhận ra ở trường có nhiều chim sẻ. Dễ thường chim sẻ nhiều hơn cả học trò. Chúng nó ở đây cả ngày cả đêm, cả chủ nhật và khi học trò vào lớp, chim sẻ xuống chơi đầy sân, bay từng đàn nâu loang loáng. Những lúc khác, chim sẻ đứng đầu tường, cãi nhau hay trò chuyện làm sao mà biết được. Chỉ biết nó cứ ra rả chệc chệc. Chim ngủ ngay trên khe ngói, hóc cột. Sáng nào chúng tôi cũng phải dọn cứt chim cứt dơi trên mặt bàn ghế ngồi. Cả trong nách, trong bụng, và sau vành tai hai ông hộ pháp đứng sừng sững chỗ cửa lớp ba trông xuống cây sung ở sân dưới cũng có chim sẻ ngủ và ỉa đêm.

Chúng tôi rình bắn chim sẻ quanh tường để nướng ăn thịt.

Tan học, người gác trường vừa quăng cái xích sắt khoá cánh cửa gỗ, tiếng nhốn nháo của đám học trò sắp hàng đã đồn ra ngoài cổng, tan loang trên đê, đàn chim sẻ sà xuống nhảy loạn cả vào các cửa lớp.

Vào giờ chơi buổi sáng. Bên cây lạc tây to ở cửa sân trên đứng thay cái cột gôn tự nhiên, có đám chơi đá cầu. Nắng vàng choé một mảng tường sát đường cái, vươn lên cái cột xi măng có bậc. Những đứa đi học muộn, cửa trường đã khoá cứ trèo cột đèn này vào sân.

Bỗng tôi trông thấy một cái đầu người nhô lên trên cột. Những con chim sẻ đương đứng vụt bay vào tường chùa. Người trèo cột đèn ném theo. Nhưng không phải ném chim. Những mảnh giấy trắng lả tả rơi xuống bọn đá cầu và khắp sân trường. Thế là đám học trò chạy tóa ra.

Cả cái sân trên nhốn nháo, người sân dưới cũng đồn hết lên.

Tiếng lao xao:

- Giấy hội kín, anh em ơi!

- Đâu? Đâu?

Nhiều đứa xô đến, đương nhậт xem. Trên cổng con, xô vào mấy người đội xếp Tây và đội xếp ta lơ nhố xuống theo.

Sân dưới, sân trên, cổng trước, cổng con, mỗi cửa lớp một người đội xếp đứng. Tự dưng, trống ra chơi vào sớm. Cái sân trường phút chốc vắng ngắt. Cả lớp im phắc. Không còn biết những gì xảy ra ngoài sân. Những đàn chim sẻ dạt vào góc tường kêu chặc chặc. Như vậy, tôi biết dưới sân còn người - chim sẻ xuống, thấy động, lại bối rối bay lên.

Chúng tôi vào lớp hôm nay không phải đọc đều những tràng tiếng Tây như mọi khi: Chúng tôi đã vào lớp... Chúng tôi ngồi xuống... Chúng tôi ngồi im... Mặc dù lớp trật tự thế, thầy giáo Tôi cũng nói một câu. Giọng thầy dịu dàng nhưng vẫn rè rè, người ta bảo người nghiện rượu khản cổ, khi nào tiếng cũng rè rè thế.

- Hội kín ném giấy cộng sản vào trường ta. Ngồi im, cứ ngồi im đấy. Thôi không học bài hôm nay, bài mới thì chiều chép nhân thế.

Im đến nghe cả tiếng muỗi ro ro trong xó tối, thì phải biết là im thế nào. Câu thầy tôi nói đầy bí hiểm và ghê ghê.

Không biết chúng tôi còn phải cúi mặt chăm chăm như thế đến bao giờ. Thầy giáo cũng ngồi im lặng trên ghế. Cái roi da đặt ở mặt bàn. Thầy nhìn ra cửa chờ đợi, chốc chốc lại nháy rìa mép. Điều gì sốt ruột, nhưng chẳng biết điều gì cả.

Tan học, nghe tiếng trống, các lớp cứ tự nhiên tan.

Không còn gì ngoài sân trường; không thấy những tờ giấy lúc nãy ở chân tường. Bọn đội xếp đã biến mất. Các thầy giáo trông cho học trò xếp hàng qua cổng rồi chạy theo ra giữa phố đuổi bọn đứng tụ lại, ngấp nghé, bàn tán. Nhưng đuổi quãng ấy, chúng tôi lại tụ tập đàng xa.

- Tao trông thấy thằng đội xếp xích tay thầy Bảo?

- Cả thầy giáo Tân?

- Nói phét?

- Chẳng tin ra hỏi cái thằng lớp nhì mà xem.

- Anh Kính con thầy Tôi lớp mình cũng bị xích tay.

- Nói phét quá!

- Chẳng tin đến chiều hỏi xem.

Buổi chiều, tôi nhòm vào lớp, thấy cả hai lớp nhì thầy Bảo và thầy Tân đều vắng thầy thật. Thế mà lạ sao, học trò đông đủ trong lớp ngồi im, không nhúc nhích. Tôi trông thấy nhiều đứa mắt đỏ hoe. Chúng nó thương thầy giáo bị Tây bắt.

Nhà thầy giáo Tôi ở một gian gần cổng sau trường. Hai gian thông luôn, trước cửa có bụi cây hoa hồng che kín. Qua bụi cây thì trong nhà có gì cũng trông thông thoáng thấy hết.

Cô giáo thường ngồi tằm trầu ở phản trong. Anh Kính cời trần, quay mặt ra, chăm chú đọc sách ở cái ghế đẩu bên cạnh cửa. Mọi khi, hôm nào cũng thấy thế.

Hôm nay, chúng tôi đi qua, nhón nhác nhìn vào. Sau bụi hồng, gian nhà vẫn toang cửa như mọi hôm. Nhưng không thấy một ai. Cái thanh vắng cứ rờn rợn. Những bông hồng ta đỏ hoe, rửa cánh, như hoa hồng ma. Có lẽ anh Kính bị Tây bắt thật. Cả cô giáo cũng bị bắt rồi, chưa ai biết cũng nên.

Buổi trưa, vẫn những buổi trưa, trường tôi lại bình thường oi ả như mọi trưa hè. Đàn chim sẻ than vãn ra rả, mở há khát nước trong ánh nắng mới gay gắt đầu mùa. Trên đường đê, những người kẻ Sù, kẻ Gạ quấy đôi sọt dừa hồng vào thành phố, tiếng dép kẻ Noi lê quèn quẹt, mồ hôi nhỏ giọt xuống mặt đường đá. Ven bãi cỏ, bọn học trò nhà xa, mặt cháy nắng, cời bắt những con cánh quạt trong kẽ lá bàng xanh non và trong cỏ. Chúng nó mãi đá bóng, hò hét, một chốc, đã khản đặc cổ, lại chạy ùng ùng xuống máy nước.

Rồi mùa hạ đã tới. Gần đến kỳ nghỉ hè. Trong sân trường, lúc vào học, tan học và giờ chơi vẫn tấp nập những quen thuộc hàng ngày.

Sáng thứ hai, bao giờ cũng có những đám xúm xít dưới gốc mít và trên thềm cửa lớp, khoác lác kể lại chuyện ngày chủ nhật: đá bóng, đánh nhau, thi xe đạp, xem “xi-la-ma” và những chuyện lông bông khác nữa. Tôi ở trong làng, ngày chủ nhật đi bẫy chim, đi bẻ trộm nhãn, đi hun bắt chuột đồng. Chỉ đứng nghe chúng nó nói, tưởng cũng biết cả chuyện khắp thành phố.

Sân trên, rồi rít hai đám đá cầu, đám của lớp nhất, giữa hai cây lạc tây. Học trò lớp nhất lớp nhì cao lênh khênh chút khăn mặc áo the chẳng khác thầy giáo. Nghe nói có đứa cũng có vợ bằng thầy giáo rồi. Sân dưới hẹp, lở nhổ những bọn đánh đáo lỗ, đáo tường, gieo tiền đánh “rời” lại có đám đánh bắt, đám đánh ít xì xúm xít sát phạt nhau ngồi tặn trong gốc chuối. Dưới bóng cây sấu, la liệt mấy thúng quà của người nhà bác gác trường. Mỗi mùa mỗi thức, khoai lang luộc, mận dừa chuột, sấu chín, mẹt mớ với một bát muối trắng rắc những miếng ớt đỏ tươi... Chỗ chơi, chỗ gọi ăn, chỗ chạy, nhón nháo.

Thầy giáo Tôi cầm cái roi vung vẩy, đi bách bộ sân trên xuống sân dưới. Chẳng phận sự gì, nhưng thầy vẫn quen đi thế, cũng như thầy đã quen cầm cái roi da. Chỗ nào có xô xát cả chỗ đá cầu trong đám học trò lớp nhất cao lêu đêu, thầy cũng quất roi tiến vào. Thầy đánh tốt.

Chúng nó kể rằng thầy giáo Tôi dạy lâu nhất trường này và ngày trước thầy mình dạy lớp nhất. Sau có nhiều thầy giáo tốt nghiệp trường “Nóc-man”(1) ra thì thầy giáo mình lùi xuống dạy lớp nhì rồi xuống lớp ba, rồi lùi mãi cho đến khi tụt xuống dạy lớp bét như bây giờ.

Thầy giáo không được dạy lớp nhất nữa, đã lâu. Nhưng thầy giáo tôi vẫn mặc áo ma-ga tơ đen, tấm áo từ ngày dạy lớp nhất, lại chúng nó bảo thế, - chỉ khác, đôi ống tay rách đã thay nhiều lần. Dù sao, vẫn là cái

áo ma-ga tơ đẹp ngày thầy dạy học trò lớp nhất kia.

Buổi trưa, nóng nực, im ắng. Tôi rình bắn chim sẻ. Những con chim sẻ bị đạn nhiều, biết bảo nhau khôn hơn hoặc vì bờ tường dài nắng quá, chim chỉ nhón nhác đến, lại vù bay đi. Bắn mấy phát, toàn bắn đuổi không trúng. Những hòn đạn cuội tròn xoe, tôi phải công phu tìm tận trên đường sỏi vườn Bách Thảo. Mà mấy hôm chẳng bắn được mống chim nào.

Tôi đương nấp nấp, hớ háy mắt lên tường. Bỗng chừng hừng, tôi đứng thẳng. Thầy giáo tôi đã mở cái cổng con ra từ lúc nào. Sau lưng thầy giáo có một người Tây lực lưỡng cởi trần. Mình người Tây lông lá và đỏ hắt như thằng người lên sỏi. Người Tây trở tôi, nói một lô xích xô, tôi nghe ù ù cạc cạc.

Thầy giáo tôi hất đầu roi vào tôi, quát:

- Lại đây!

Tôi từ từ bước lại. Tôi nghiêng nghiêng lưng. Tôi biết tôi có tội gì rồi nên toan có cách đỡ. Tôi giơ sẵn cái lưng tôi. Roi da nện vào lưng, đỡ buốt hơn bị quất vào đít.

Thầy tôi quát:

- Sao mày bắn chim làm rơi gạch xuống mái nhà, làm cho Tây người ta không ngủ trưa được?

Tôi còn biết trả lời thế nào. Cái súng cao su tôi cầm trong tay đây, ăn nói làm sao.

- Thưa thầy... thưa thầy...

Thầy giáo tôi vút cái đuôi roi lướt phụt phụt qua mặt tôi.

Tôi chớp mắt lia lịa. Thầy tôi nói, từng tiếng, rè rè, dịu dàng:

- Lại đây... lại đây.. thầy bảo. Từ giờ... buổi trưa... muốn bắn chim... thầy cho vào trong sân trường mà bắn...

Tôi lạ quá, bắn ở đầu tường còn rơi đạn xuống nóc nhà Tây cơ mà. Bắn trong sân trường nhất định hòn cuội vẫn rơi xuống nhà Tây. Có thật thầy tôi vừa nói câu ấy không. Hay tai tôi nghễnh ngãng? Từ bây giờ... muốn bắn chim... vào sân trường... thầy cho... Thầy tôi vẫn nói. Thầy giơ dựng đứng chiếc roi đang ve vẩy như đuôi trâu. Như trả lời cho cái lo trong bụng tôi.

- Nhớ nhe, sang phía này bắn thì đạn chỉ rơi lên mặt đê mà không xuống nhà Tây được. Mà kệ bố nó? Thầy sẽ rào cái cổng đằng bờ hồ, thằng Tây này không sang hoành hoạ được nữa.

Rồi thầy tôi vút vút ngọn roi lên:

- Còn đứa nào nữa? Vào cả trong sân mà bắn? Chúng mày bắn chim cho thầy nhắm rượu, ư? Cái giống chim sẽ đem rán phi tôi, phi thật nhiều tôi, hay đấy, ư?

Thầy giáo tôi cứ vừa vút roi, vừa nói. Thằng Tây nọ có lẽ tưởng thầy tôi đương chửi tôi, sắp đánh tôi về tội dám bắn chim làm đạn rơi vào nóc nhà nó, khiến nó không ngủ trưa được Thằng Tây đứng im. Mồ hôi nhễ nhại trên cái ngực lông lá mẩn đỏ. Nhưng nó cũng không đứng im được lâu. Nó còn phải ngủ trưa. Nó cũng không thể đứng bêu nắng thế được.

Nó lại xà lù... cu song(1) mấy câu gì, rồi nó cung cúc xuống men hồ, đi về nhà.

Trưa hôm sau, một bọn chúng tôi được vào sân trường bắn chim, thật sự. Trống tan học, thầy giáo vẩy roi ra hiệu một cái. Chúng tôi xuống nhà thầy. Rồi ra sân bắn chim.

Được chim, chúng tôi làm thịt rán biếu thầy. Có khi chúng tôi ngồi mở cơm nằm ra cùng ăn thịt chim rán với thầy. Lại thay từ hôm ấy, thầy giáo tôi vẫn cầm cái roi da nguyên như mọi khi mà tôi thấy thầy giáo không ác tý nào.

Thầy tôi treo cây roi lên sợi thép phơi quần áo trước cửa. Đã lâu không thấy cái quần áo nào phơi. Thầy giáo tôi bây giờ chỉ ở một mình.

Mấy hôm, bạo dạn hơn, tôi hỏi:

- Thưa thầy, cô con đi đâu ạ?

Thầy giáo nói:

- Cô mày đi “ hí hí”.... “ hí hí”...

Rồi thầy dang tay ra, giơ lên giơ xuống cắt nghĩa, vẫn như lúc đứng giảng bài:

- Thế là lên đồng, ư. Cô mày đi kêu "tam phủ ngũ huyệt" cho nhà thầy được tai qua nạn khỏi, ư.

Thế ra ai mách chỗ Cửa ông, Thác Bà linh thiêng ở những nơi bóng nước phương trời nào, cô giáo tôi đều đi đến đấy cầu cúng.

Thầy nói khàn khàn:

- Cậu Kính phải Tây bắt rồi, con biết chưa?

Tôi lễ phép, sợ sệt:

- Con biết rồi ạ!

Trưa hôm ấy, chúng tôi đi quanh sân, tìm chim sẻ bắt một lúc rồi mới xuống nhà thầy. Tôi không thấy thầy lúi húi thổi cơm trong bếp như mọi khi. Thầy nằm đắp chiếu trên giường, rên hừ hừ. Vừa rên, thầy vừa nói trong chiếu ra:

- Con đấy à?

Chúng tôi tranh nhau thưa:

- Thầy xơi cơm để con thổi?

Rồi lúi túu kể:

- Được chim rồi, thầy ạ. Chúng con chỉ giã có bốn phát mà được ba con, thầy ạ.

Thầy vẫn rên trong chăn ra:

- Đừng thổi... thầy sốt... Thầy không ăn cơm. Rán chim đi... nhiều tỏi, nhiều tỏi nhe? Đứa nào chạy mua cho thầy cú rượu chai chỗ kia. Tiền thầy để trên cái thắt lưng ở cột trong...

Chúng tôi vặt lông chim, rồi thui, rồi rán phi tỏi, nhiều tỏi, như mọi khi, cố làm ngon hơn mọi khi. Tôi đã biết cách rán chim không cần mỡ mà thịt chim không bị sát chảo. Hôm trước thầy đã khen tôi ngày sau thằng này đi làm bếp cao lâu thì tốt. Chỉ loáng mắt, đã thơm ngào ngạt.

Tôi rón rén đến đầu giường:

- Con mời thầy dậy xơi rượu ạ?

Thầy giáo dậy tựa lưng vào hòm phản. Tôi ngẩng ngó thấy thầy giáo tôi già quá. Ngày nào tôi cũng nhìn thầy giáo thế mà hôm nay nhìn lại không nhận ra thầy mình mọi khi.

Thầy bỏ cái khăn lượt xuống, tóc thầy đã ngả màu muối tiêu. Hàng rìa vênh chên vênh vàng ám khói như ai đánh vào đấy. Thầy nhom nhem gầy rộc, thầy chỉ còn hơi giống thầy mọi khi. Ngồi cạnh, tôi ngửi thấy mùi tỏi, mùi rượu nồng nặng, mùi hôi ẩm quần áo lâu không thay và cái hơi người ốm sùng sùng từ hai bàn chân mọng nề ra.

Chúng tôi mở gói cơm nắm. Tôi ra lấy chiếc đĩa ngoài trạn. Phần chúng tôi chia nhau cái đầu, cái cổ, cái chân. Cứ thẳng thùng ra thì cả chỗ chim rán ấy mỗi đứa chỉ làm một đống biến cả xương. Thế mà tôi đã chặt riêng rẽ từng miếng lườn, từng cái đùi chim ngay ngắn đặt lên đĩa, lại vun tú ụ đám tỏi vào một góc.

Thầy giáo nhấp từng ngụm rượu. Thầy lấy tay xé thịt chim, thầy từ từ nhai và mắt thầy lại nhìn đi đâu. Thầy xơi thêm một miếng cơm nắm của chúng tôi. Thấy thầy nhai cơm chúng tôi nhìn nhau, nhìn thầy, sung sướng cung kính. Tôi bỗng thương xót thầy với một tình cảm lạ lùng, tôi muốn khóc.

Thầy tôi bảo:

- Chúng mày rửa kỹ bát, gài mớ rửa bát lên cọc, gài cẩn nhận nhé. Úp bát vào trạn, úp khéo chũa vỡ. Treo chảo lên cái đinh thứ ba ngoài tường bếp rồi xuống sân sau chơi cho thầy nghỉ, nhé.

Lát sau, ở dưới sân sau lên lấy cặp học bài, thấy thầy giáo vẫn ngồi tựa mép hòm như thế.

Buổi học chiều, thầy ra dây thép xách cái roi đi lên lớp.

Thầy tôi lủ khủ đi. Cái roi ve vẩy. Tôi có cảm tưởng mới mẻ: thầy đương cầm chơi cái que và không có gì đáng sợ.

Sau nghỉ hè năm ấy, tôi không thấy thầy giáo tôi dạy nữa. Thầy đi đâu, thầy chết hay thầy bị mật thám, bị thằng Tây cạnh trường sang bắt đi, như anh Kính. Hay thầy dạy học kém cứ tụt mãi, không còn lớp nào để tụt, người ta đuổi thầy giáo ra khỏi trường rồi. Bây giờ nhớ lại chuyện thầy giáo, nhớ lại anh Kính bị bắt, nhà thầy tan nát, còn biết bao nhiêu chuyện thương tâm nữa. Nhưng ngày ấy tôi không hiểu gì hơn.

Cái nhà thầy ở, về sau nhà trường lấy một góc làm chỗ để xe đạp của thầy giáo các lớp. Vài cái xe đạp ra vào mấy hôm đã rập cả bụi hoa hồng. Mấy hôm nữa, rụi nốt bụi sỏi, thế là trống hốc ra.

Một thầy giáo khác đến dạy lớp bét, cũng về ở đấy. Thầy giáo Hương, Đặng Đình Hương. - bao năm sau, tôi mới biết thầy Hương là anh ruột nhạc sĩ Đặng Đình Hưng. Thầy Hương ở một mình, chỉ có tấm phản kê lẩn bên những cái xe đạp. Thầy mặc áo the dài, đội mũ trắng, thầy nói thầy là người bên đạo Tin Lành. Thầy bước tất tả, cầm cái quạt, tay che miệng, hay thì thào một mình. Có khi đương đi, thầy bỗng đứng im một lúc lâu, mắt nhìn lơ lảo hai bên, như tìm gì trong suy nghĩ.

1970

Chú thích:

(1) Tiếng Pháp: Tôi đứng dậy.

(2) Tiếng Pháp: Tôi chào tạm biệt thầy giáo tôi

(3) Tiếng Pháp: trường sư phạm.

(4) Tiếng Pháp: những câu chửi rửa.

TẬP TỰ TRUYỆN - TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

2. Những người thợ cửi:

Dạo ấy, phong trào Ái hữu đương bùng nổ và tôi đã tham gia phong trào ở làng tôi. Nhưng cuộc vận động Ái hữu thợ dệt ở Vạn Phúc nổi nhất trong tỉnh Hà Đông. Làng Vạn Phúc có cả chủ và thợ vào hội Ái hữu. Chủ và thợ các xóm La, xóm Mỗ đều bảo nhau đóng tiền, đến trụ sở đọc sách báo Mặt trận Dân chủ. Có những ngày chợ Đơ người các nơi về, tận Bùng và Trinh Tiết gần chùa Hương cũng ra. Người ta hỏi về thể lệ lập Ái hữu trong các làng thợ cửi. Điều này chúng tôi đã không làm nổi khi trụ sở Ái hữu thợ dệt Hà Đông còn đặt ở đầu chợ Bưởi ngoài vùng tôi.

Đất Vạn Phúc đã từng sôi sục phong trào đưa yêu sách của chủ và thợ nghề tơ lụa tỉnh Hà Đông cho thanh tra lao động Gô-đa, ở bên Pháp sang. Rầm rộ nhất là cuộc đi đón Ônen, đại biểu Đảng Cộng sản Pháp. Hầu như cả làng kéo đi.

Rồi mấy trăm thanh niên Vạn Phúc trối tay mình ra thị xã chống thuế, đứng trước cửa toà sứ... Tiếng đồn những chuyện như thế ở Vạn Phúc, chúng tôi cứ kể truyền đi. Thế mà làng Tây Mỗ còn rầm rầm phong trào hơn nữa..

Người giỏi như anh Khánh, anh Hiền - anh Hiền mà nói về chủ nghĩa cộng sản và Liên bang Xô-viết thì đêm này qua đêm khác ai cũng còn muốn nghe.

Các làng La, làng Mỗ và Vạn Phúc đã đứng lên chống thuế.

Ở ngoài Bưởi, chúng tôi cũng chống thuế, chống phù thu lạm bổ bắt chước Vạn Phúc. Nhưng không sôi nổi hút vào như vùng trong.

Cái trụ sở lâm thời của hội Ái hữu thợ dệt Hà Đông đã chuyển từ dốc chợ Bưởi vào chợ Mỗ. Tôi và Điều cũng theo vào Cái xe tay bánh sắt lộc cộc chở chiếc bàn gỗ kê biển, tôi ngồi ôm cái thành nó.

Nghề cửi dệt thoi tay hồi ấy đã đổi sang dệt máy “dắc-ca”, đương sầm uất. Làng nào cũng đông vui thợ thuyền.

Nhưng ở đâu cũng thế, người thợ dệt vẫn chỉ cái quần mài mòn dít trên đòn ngùi. Phong trào Ái hữu lên, chúng tôi hô hào học chữ, có học chữ mới tiến tới được nghiệp đoàn, mới đấu tranh lên “thế giới đại đồng” được. Anh nào cũng ham học chữ. Tôi được thêm chân dạy học. Như ông đồ ngồi bảo trẻ con trong xóm. Nhờ vào tiền đóng học, tôi có lương ăn. Tôi đã đi và ở vài nơi khác, nhưng đi đâu rồi cũng lại quay về ở Vạn Phúc. Vạn Phúc lúc nào cũng sôi nổi, cho mình thấy hăng hái.

Năm đó, tôi mười bảy tuổi. Từ khi đến Vạn Phúc cũng là thực sự những ngày lang bạt và cảm thấy xa xa cái gia đình u ám của tôi.

Tôi trọ một nhà đầu cầu Am. Nhưng không thật còn nhớ quang cảnh chỗ cầu Am rẽ xuống làng Vạn Phúc ngày ấy như thế nào.

Trong tưởng tượng, mờ mờ có một cây đa sần sùi. Những lết trâu cọ mình làm cho gốc cây mòn vẹt như bị ai buộc cho thót lưng lại. Rồi tiếng những bụi tre phờ phạc nghiêng ken kết dai dẳng suốt mùa đông, làm cho buổi chiều, xám ngắt trông ra các cánh đồng làng La, làng Mỗ càng buồn bã hơn.

Một câu hát ru con trong vách nhà ai vừa cất lên, như lời đồng dao, cứ ngẩn ngơ và mệnh mang ý nghĩa gì không biết.

Con cò mày đậu cành tre

Thằng tây bắn súng cò què một chân...

Những đêm đi vận động lập Ái hữu, từ vùng Vân Đình trong Bùng ra cầu Am, trời rét buốt đến nỗi những mảnh sao sáng trên trời cũng long lanh nhọn hoắt, như cứng hẫng lại.

Để tránh giá và cho người ấm lên đỡ rét, chúng tôi hò nhau đẩy hộ những cái xe bò ngất ngưỡng chở nón Chuông, chở nồi niêu Canh Hoạch, như cả cái nhà đi nghênh ngang giữa đường.

Ra tới cầu Am vừa nghe gà gáy. Tiếng gà gáy bật đi giữa tiếng gió hú, như những chấm đèn đóm vừa nhấp nháy lên.

Hàng tráng bánh cuốn le lói lửa bếp trong vách. Lão hàng bánh này dậy sớm nhất các nhà. Lão thật khác thường. Lão mặc yếm, búi tóc, chít khăn vuông. Người ta gọi lão là "cô".

Những người đàn ông "mình cao số nặng" này không lấy vợ đi hầu cửa đền cửa phủ, làm đồng cô, thường như thế.

Việc đồng bóng là việc của lão, chúng tôi không để ý.

Chúng tôi chui vào vách ngồi sưởi đợi bánh và trêu lão, đánh cuộc xem lão là đàn ông hay đàn bà, đòi lão cho bóp xem có phải là "cô" thật không. Lão ta làm điệu ngoáy đi, rồi vừa múc bột lên cái vải lọc đặt trên miệng chậu, vừa giả bộ dừng đứng và ư ử đọc những câu không đầu không đuôi, như cách nói thơ tiên(1) của những người đồng cô bóng cậu.

Tôi cũng còn nhớ trên cầu Am có mấy ngôi hàng nước một lò may, hàng cắt tóc và những túp lều nổi vách đứng dựa vào nhau của những người đi làm thuê ngoài thị xã Hà Đông suốt ngày cài cửa im im, cứ xẩm tối mới thấy dò về lập loè đèn lửa.

Bác chủ nhà tôi trọ làm "cu-ly san"(2) nhà thương tỉnh.

Bác gái ở nhà thối cơm và có khi có người gọi đi làm mướn những việc tạp trong làng.

Những tối phiên chợ lúa thường đông thợ cửi trong làng ra cho tôi bảo học. Họ dẹt cửi bấm bố cả ngày, tối nào cũng lên đèn đầu hôm đến khuya gà gáy sang canh đã lại dậy lao vào khung. Năm hôm quần quật cả đầu hôm gà gáy, chỉ nghỉ mỗi tối ngày phiên. Thế mà tối ngày phiên lại chịu khó ngồi chúi mũi quanh ngọn đèn tù mù học chữ, đọc sách báo.

Chúng tôi lúc ấy thích hiểu biết, ham chơi, thật hăng và táo tợn. Những cuộc bàn cãi và đọc sách báo ồn ào suốt đêm những cuộc đi chơi lang thang ngoài đường cũng suốt đêm.

Những việc làm say sưa. Ở Bưởi, chúng tôi chống mê tín tối nào cũng đi trêu những đám lên đồng. Chúng tôi khiêng trộm, bỏ lên đầu chợ những con voi giấy, ngựa giấy hàng mã đầu chợ làm cho các đám làm chay. Lấy chuông, lấy hài, lấy nón trong "rừng ông Cự" đem treo lung tung các nơi. Thăng Tiếp, thăng Hĩ với tôi, nửa đêm đem cứt trát vào mặt các tượng gỗ vừa đẽo xong ở chùa Ký Bo, ngôi chùa của một nhà giàu. Mạo hiểm, nghịch tình, thật thích.

Vào Vạn Phúc, đêm đến, cả bọn kéo lũ lên thị xã, đi rình gây sự với đội xếp. Chân tay lúc nào cũng ngứa ngáy muốn đánh đấm ai đây. Trước chưa giác ngộ chẳng mấy phiên tơ mà người Vạn Phúc không ra tỏ vẻ anh chị ngoài chợ Đơ. Có khi trai Vạn Phúc thách đánh nhau giữa chợ, rồi chung tiền thuê hẳn một chuyến xe hàng đi hơn ba chục cây số vào Bùng, đánh nhau với trai làng ấy rồi lại ra ô tô về.

Bây giờ hiểu biết rồi, gặp ai cũng châu đầu lại, bàn chống thuế, vào hội Ái hữu, làm cách mạng, lên thế giới đại đồng!

Những ngày cầu Am sôi nổi, hăng hái của tôi.

Một hôm, Hồ đưa một anh thợ cửi đến cầu Am.

- Giới thiệu với các đảng ấy, cậu này là cậu Đảng muốn học quốc ngữ. Đồng chí Đảng cũng giác ngộ giai cấp công nhân như chúng mình.

Có lẽ cái tên là Đảng mà trông anh ta đờm vẻ hiu hiu vậy Thợ dẹt vùng gần tỉnh như Vạn Phúc, Nghĩa Đô, khác thợ vùng trong. Tuy lắm khi một xu không dính túi, kiết lổ đít, nhưng chúng tôi ăn mặc vẫn bánh công tử như thường.

Các cô thợ tơ bộ cánh hồ lơ, ác lót phin trắng khoét cổ tròn. Những cô không cổ xẻ thì yếm cổ xây, thắt lưng lụa đào và đội nón kinh. Thanh niên hay trắng sơ mi lụa mỡ gà vạt so le, quần gấp nếp ống sớ, - tuy là gấp đầu giường và mặc áo the dài sáu khuy, đầu chải tóc uốn sừng. Một hồi có một đi tối cầm ba toong song và cầm đèn "đe mông" hai, ba pin. Còn cái anh cu Đảng này, người thấp lè tè, da mai mái. Tắm áo nâu da bò bạc trắng hai vai mỡ hôi dầu. Quần buông cạp lá toạ rộng thùng thình, đúng như kiểu quần

thợ cửi mài đòn ngời, phải đập hai lần vải gốc dầy kếp như mo nang mà bọn thợ cửi vùng ngoài không ai mặc thế nữa. Anh thật thà, chậm, hỏi cái gì mới nói, không ma mãnh, như mọi người quen đi nếm cơm thiên hạ.

Đành bỏ Bùng ra đây, mới xin được chân dệt trong làng. Anh quen Hợi, Hợi nhờ Hồ đưa đến xin học tôi và đóng tiền vào Ái hữu. Tuy lù đù đập rạ thế nhưng Đành thích đọc sách báo bao giờ cũng chăm chú nghe bàn cãi về chính trị, ham những chuyện về Liên bang Xô viết, chuyện Mặt trận Dân chủ Đông Dương và Đành quả quyết Ái hữu thợ dệt phải tiến lên nghiệp đoàn thợ dệt Bắc Kỳ gia nhập liên đoàn thợ dệt Đông Dương... Anh đã đọc, viết được, tôi bảo học đỡ khó nhọc.

Mấy cậu thợ cửi ngoài này, tán như khướu, diện ngắt, nhưng học buổi đực, buổi cái a, b, c... ra rả như cuốc kêu mà chưa sang được vần trắc. Rồi lại biết Đành đã đi trong đoàn thể thợ dệt Hà Đông ra Hà Nội dự mít tinh 1 tháng, 5 ở nhà Đấu Xảo Đành hay đến báo Tin Tức nghe các anh toà báo nói chuyện.

Đành không phải vừa.

Chúng tôi hy vọng Đành sẽ là tay hoạt động. Ái hữu phát triển đang cần người. Như thế, dần dần, trông Đành thấy mất vẻ quê kệch mà đã là người đứng đắn, kín đáo.

Một hôm, Điều sừng sộ đến. Vừa thấy mặt tôi, đã chửi:

- Mẹ cái thằng Đành!
- Gì thế?
- Thằng ma bần thế mà thằng Hồ dám tha nó ra đây.
- Thế nào?

Điều vẫn đóng một:

- Nó làm phình bụng con nhà người ta rồi nó công nhau đi.

Tôi hơi hiểu.

- Ồ, mà trông cái thằng dù dờ.
- Mày dù dờ thì có? Nó ôm gái đến ký ngay cạnh vách mà không biết.

Quả thật, tôi cũng để ý có một ả vừa đến ở gian trong ngôi hàng nước sát vách nhà này. Nhưng không ngờ... Chúng tôi đâm ra bực thằng Hợi, thằng Hồ - những đứa đưa Đành đến. Cái thằng Hồ lơ mơ bao giờ cũng đoảng vị.

Tôi biết Hồ cách đây ít lâu. Vùng tôi năm ấy chớm có phong trào thanh niên. Chúng tôi thích tìm bạn, kết bạn. Ở Nghĩa Đô không có cơ sở cách mạng cũ, nhưng khi trào lưu bình dân đưa những tư tưởng mới đến, thanh niên bắt rất nhạy. Chúng tôi thèm nghe những chuyện xa lạ, những lý luận mới, những tin tức thợ thuyền, dân cày hoạt động và tình hình thế giới - tất cả những gì khác cái tẻ nhạt, cái khốn đốn cái ốm mòn thường ngày.

Hồ mặc áo "tanh quát"(3) trắng. Người dong dong dáng nghiêng nghiêng, gầy gầy. Chúng tôi thì thầm đoán Hồ là một người chính trị cao và bí mật. Hồ hay nói chủ nghĩa cộng sản. Nhưng cũng lại hay bàn kinh Phật và nói về chùa chiền.

Hồ hay ngâm bài thơ Trường tình của Tchya, giọng buồn náo nùng... Gặp em đêm ấy em xinh lắm. Em mỉm cười duyên với thế gian. Cảnh đổi nước trôi em vẫn trẻ. Cái già như sợ cái hồng nhan... Ngày nào anh cũng đi, nhưng đi đâu, đến đâu không ai biết. Mỗi lần gặp anh lại thấy một cái lạ mình chưa hiểu. Và anh cũng khéo giữ lâu với mọi người cái vẻ khác thường ấy. Lúc đầu chúng tôi rất phục. Rồi tôi cũng được vài lần đi lông bông với anh. Những cuộc đi kỳ quặc, tôi theo anh, lòng hồi hộp, kính cẩn "tâm sư học đạo". Khi đã đi với anh mấy chuyến, mới nhận ra rằng dù đi đâu, xa tận tỉnh khác, Sơn Tây hay Bắc Ninh, lần nào chúng tôi cũng tìm đến chui vào nhà người mỗ đầu làng.

Những nhà mỗ tiếp đãi chúng tôi rất quý, có khi thịt gà cơm rượu cần thận, ở nhà mỗ này vài bữa, chúng tôi lại sang nhà người mỗ khác, làng khác, vùng khác.

Tôi biết Hồ là người quê Đốc Tín - làng Đốc Tín gần chùa Hương, có tiếng là làng nhiều người thường bỏ quê đi thiên hạ làm mỗ kiếm ăn. Người ta lại bảo rằng đất Đốc Tín có cái hèm, chi họ nào cũng phải có người đi ăn mày, đi làm mỗ thì trong họ mới khấm khá được. Chẳng biết có phải thế không chỉ thấy có người đi làm mỗ, rồi kiếm ăn được, lại buôn bán ngoài Kẻ Chợ giàu có, đem tiền về tậu ruộng, làm nhà ở quê.

Như các cụ nhà bà Niêm Mỗ được gọi là hiệu buôn Tín Mỹ (Đốc Tín Mỹ Đức) người thiên hạ đến làm mỗ rồi sinh cơ lập nghiệp ở vùng tôi.

Người mỗ trong làng vốn bị khinh thường nhất mà nhà mỗ lại có khách, có "cậu Hồ" mặc áo "tanh quát" vai vuông long đình đến chơi thì nhất định là gà quê phải lăn ra rồi.

Cũng dần dần, tôi nhận ra Hồ có nhiều cái trái ngược, vẫn khó hiểu. Hồ hay nói về xã hội và thế giới. Anh cắt nghĩa cho chúng tôi nghe Ái hữu khác nghiệp đoàn thể nào. Nhưng anh không hoạt động Ái hữu. Anh giải thích về ngày quốc tế lao động mà anh lại không ra Hà Nội biểu tình ngày 1 tháng 5 ở Đấu Xảo. Anh bảo anh viết sách chính trị. Tôi chưa thấy đâu chỉ biết anh viết cho chùa Hương quyển Trỏ nẻo chùa Hương quảng cáo, giới thiệu cảnh đẹp với khách chơi chùa. Không rõ có phải anh viết thuê cho nhà chùa không. Anh hùng hồn đọc thơ của Hồ Xanh đăng trên báo Tin Tức, nhưng anh cũng thuộc bài Trường tình lâm ly. Hồi ấy, chúng tôi cũng thường gặp có những anh chàng bí hiểm và phất phơ "rũ áo phong sương"

như Loan Dũng trong tiểu thuyết Nhất Linh và những thằng cha xưng là đệ tử quốc tế cử hùng hực, cử hung hăng, mặt đỏ đờng đọc, cái gì cũng chửi tuốt.

Những thanh niên thích hành động đương háo hức như chúng tôi dần dần nhìn Hồ một cách chế diễu. Chúng tôi đã hạ xuống gọi anh là "thằng Hồ". Tuy vẫn quý, nhưng anh đã hết thiêng.

Lại lần này. Nhưng giá thằng Điều có bực lên mà chửi đánh Hồ thì cũng thế vậy. Cái khó là phải lo thế nào việc thằng Đành đây. Bởi đối với Đành, lại khác. Chúng tôi đã quen, bắt đầu mến. Đành là thợ cửi giỏi, rất tốt, chắc chắn hiểu biết, chăm học, chịu khó. Đành là một người tin cậy được Chúng tôi thương Đành. Nhưng việc này rồi thì rầy rà.

Chúng tôi thường bàn nhau phải giữ cho đoàn thể Ái hữu trong sạch, không tai tiếng, cả làng cả vùng phải phục, có thế mới đúng tinh thần giai cấp công nhân như các anh ở toà báo Tin Tức thường nói. Thế mà xảy ra việc này? Chưa biết sao nhưng ai nấy đều tưởng rồi sẽ lòi thối, những lòi thối khác sự doạ nạt của lão Nguyễn Hữu Trí, tri phủ Hoài Đức hôm chúng tôi vào xin phép lập hội Ái hữu. Chúng tôi lo...

Vào những chiều tối, cả xóm cầu Am bao phủ cái rét xám ngăn ngắt. Trong nhà bên, đi ra một người con gái, đầu trùm hụp chiếc khăn vuông lấp xuống gần kín mặt. Thế mà cơ hồ chưa yên tâm, sợ người ta có thể giăng ra xem mặt, người ấy còn đưa một bàn tay xanh rớt lên giữ cổ áo. Tôi đoán đấy là ả người yêu của Đành. ả đi rờn rợn như ma đi trong câu hú của trẻ gọi ma, khi mặt trời đã lặn: Mặt trời đã lặn, chó cắn đã khuya... ả đi đâu, ả tìm Đành hay ả đi ra bờ ao nào, ngồi than khóc. Đến lúc ả về, trời đã tối hẳn, tôi phải nhận mãi mới ra cái bóng đen lúi thúi nhòa vào bóng tối.

Nhưng sao trông bụng cô ta không khác. ả chưa hoang cơ mà. Có lẽ vì cô mặc tấm áo dài vải đồng lằm, thắt vạt quả găng, lại thêm cái chiếc áo bông lửng, thêm nữa, mớ thắt lưng nhiều mộc chuội hoa cau loè xoè ngoài cùng. Tuy nhiên, cái dáng len lét vội vã đi như phải đội xếp đuối, và nước da xanh nhợt sắp đem nhuộm nghệ được kia đã phơi bày sự thể thế nào rồi. Lại có lúc tôi cho là chúng nó đoán mò. Sao người chữa mà bụng không to?

Thế rồi, những việc rắc rối cứ dần dần xảy tới. Ngày kia tôi thấy ở nhà bên có thêm một bà, trông dáng dấp và váy áo như mấy bà trong Bùng vẫn đeo tay nải lụa ra chợ Đơ. Tấm áo sồi nâu với hai vạt túi cứng cành cành bên cái hầu bao đuôi tơ sống xum xoè trên tấm váy nải rườm rà đủ mười vuông vững chãi. Dầu cho đấy là người có năm khung cửi mười mẫu ruộng, ra chợ chưa bán hàng mà tiền giặt theo đã chặt hầu bao thì cũng quê kệch cục mịch khác người nghề tơ cửi tỉnh thành ngoài này.

Thằng Hợi đã dẹt cửi ở Bùng, nó biết bà ấy là mẹ lão lý đương, nhà giàu nứt đổ đổ vách. A, mẹ lý đương. Hay là mẹ đi tìm con. ả kia là em gái lý trưởng làng Bùng. Chẳng lẽ thế ư? Nếu không thế, bà lão ra đây làm gì?

Không biết bà ấy đến từ hôm nào. Có một hôm, tôi tình cờ ra sau nhà, mảnh sân sau vừa bằng sải chân, che phen kín trên vừa bếp vừa làm cầu rửa, tối mò một đường cống tháo xuống ao thông luôn suốt mấy

gian. Tôi nghe bên sân nhà hàng nước có tiếng thút thít khóc.

Người con gái đương ngồi trước mặt bà lão. Ở trong nhà người con gái ấy chít khăn vuông. Trông mờ mờ khuôn mặt trắng trẻo, rõ ra gái nghề canh cửi, quanh năm không bắt mưa bắt nắng. Con gái các làng dệt, nước tiếng tay chân trắng như ngó sen. Bởi các cô chỉ ở trong nhà tối ngày quay tơ, đánh suốt, mắc cửi, đến phiên chợ lụa đeo đầy hàng đi chợ. Gái nghề nông chân lấm tay bùn bao giờ cũng thèm, cũng ghen với cái nhàn hạ tưởng tượng của các cô làng tơ cửi.

Một hôm khác, tôi lại trông thấy người mẹ ngồi trước mặt con. Hai tay người con gái bưng cái gì tựa cái chậu - đúng, cái lon da lươn, như lon cho vịt. Hai mẹ con ngồi trong bóng tối nhạt nhẽo âm thầm từ bao giờ, tôi không biết lúc ấy người con gái cúi mặt, khuôn mặt trắng xanh, bột như giấy và cả hai mảng tóc rẽ đường ngôi cũng xoắn ra che kín cái lon. Người con gái vực mặt như thế một lúc thật lâu, cho đến khi buông cái lon, ngẩng lên, hầu như hai tay cùng quăng rũ xuống đất còn người thì lơ lơ ngất ra, ngã vào vách. Người mẹ vẫn yên lặng, mặt nghiêm như đá.

Hôm sau tôi rón rén nhòm sang, chứng kiến lại nguyên cái cảnh ấy.

Có hôm, đã tối, vẫn còn thấy người con gái bưng cái lon rồi vực mặt xuống. Người con gái cứ uống ừng ực hàng lon nước như thế uống hàng lon như thế, không biết ngày mấy lần. Mà lần nào người mẹ cũng ngồi trước mặt trông cho con uống, lạnh ngắt, như tượng, như người ngây.

Có một lúc, người mẹ cúi cúi, loay hoay cời thắt lưng con cời hết lần ngoài, cả hầu bao, và bên trong vẫn quần bao nhiêu lần gì nữa. Rờ ra, đẩy một đồng dây dợ, lùm lùm trước mặt. Người mẹ sờ hai tay vào nắn bụng con gái. Một lúc, bà lại buộc bụng lại cho con. Bà ném gá một đầu thắt lưng vào cột, rồi bà đứng vồng lên, đè ấn cả người xuống như néo cửi làm cho cái lằn thắt lưng người con gái thít lại, thít chặt ngang bụng. Lúc ấy, người con gái cứ dưới lên, có lúc tay cũng nén ấn vào bụng, có lúc đau quá, quờ quạng quào quào vào vách phen nửa, tiếng nước ghen trong cổ. Người mẹ vẫn lẳng lặng thít qua thít lại, buộc cần thận mấy chục vòng quanh bụng con, cuối cùng mới nhẹ nhàng thả đến cái giải yếm, cái hầu bao cái thắt lưng nhiều loè xoè ngoài cùng.

Mỗi ngày, ngày nào mẹ cũng rờ thắt lưng ra nắn bụng nén bụng con gái như thế. Và hàng ngày người con gái uống hàng chậu, hàng chậu nước cho ra thai như thế.

Thằng Điều nóng tính hăng hái, cái gì cũng muốn tức khắc. Anh em hay chế nó tính hăng máu vịt tờ rớt kít. Nó sốt ruột, kêu: "Cứ ngồi bàn bạc với tiểu thương, tiểu chủ thế này thì đời nào lên được thế giới đại đồng. Nếu đứa nào nói: "Mày là thằng tờ rớt kít", nó tổng quai hàm ngay. Nó bảo nó cũng ghét bọn tờ rớt kít hay nói phét.

Trong việc này, Điều lại sôi nổi:

- Chờ anh Hiền về thì lâu quá.

Nhưng nếu không chờ anh Hiền, cũng không biết làm thế nào?

Từ hôm người mẹ trong Bùng ra tìm được đến tận nơi, thằng Đành không dám dấn mặt bà lão, cứ chập tối nó ở trong làng ra đón đường gặp ả nọ ở đầu xóm.

Rồi Đành đến khóc với chúng tôi. Chúng tôi bối rối thương bạn. Làm thế nào nghĩ được cách giúp cho Đành dứt người con gái ra khỏi tay mẹ rồi công nhau trốn biệt đi. Hay thuyết phục thế nào để bà lão nhà giàu gả con gái cho Đành.

Biết trước là không ăn thua, ai cũng ngại. Còn trốn đi ư, cái khó bó cái khôn, không đứa nào trong túi có nổi một xu. Tôi cũng chỉ hơn anh em một dúm chữ, chứ tôi còn kiết hơn tất cả.

Cứ bàn rồi lại thôi, chẳng xoay chuyển gì được.

Điều nói:

- Tao nghĩ phải vào việc mới xong.

- Vào việc thế nào?

- Vào việc mẹ con nhà ấy.

Chưa ai hiểu.

- Chúng ta sẽ thuyết phục cho mẹ già trọc phú này hiểu được tình hình thế giới, phải biết rằng thời buổi này chủ nhà gả con gái cho thợ dệt là một việc cách mạng, không có gì xấu.

- Nghe được đấy.

- À, thế là ăn thua, có phải không? Rồi chúng ta sẽ làm nhà trai, đứng ra xin cưới cho thằng Đành. Đám cưới không mất một đồng gậy. Một đám cưới hoàn toàn mới.

- Hay đấy!

Thật tình cũng chưa ai hiểu cái hay cái dở trong mưu kế của Điều. Nhưng cứ thấy nói sẽ đi thuyết lý, đi giảng giải, thế là đứa nào cũng hăng hái. Chúng tôi thích tranh luận, thích cãi cọ thích thuyết lý. Ở đâu có như thế, tìm đến ngay. Người nào cũng háo hức mong mỗi một sự giải quyết gì ngoài cuộc sống này, tâm lý chung của chúng tôi.

- Sang luôn bây giờ nhé. Tao với mày thôi à?

- Tao với mày thôi. Cứ đầu thế đã, rồi còn nghe, mới kế hoạch tiếp tục. Ta cứ làm tự nhiên, đừng nói cho Đành biết vội.

Chúng tôi sang ngay. Ngôi nhà hàng nước hàng xóm, lều tều trên mặt chõng dăm nải chuối trứng cuốc, một xâu bánh gai, nồi nước chè tươi ủ trong cái khố tải, sau lưng bờ đất thấp, đặt ngang mảnh vầu làm ghế khách ngồi.

Bác hàng nước ấy với mẹ con bà trong Bùng kia vốn chẳng phải họ hàng bàng sang với nhau. Vợ chồng bác hàng nước chỉ "cứu nhân độ thế" mà chứa "cái của nợ" ấy. Nhưng cũng phải tốn kém đấm mồm nhiều mới được, chắc vậy.

Chúng tôi vào thẳng ố rơm trong bếp. Bác hàng nước mau miệng, đơn đả:

- Các anh ấy sang chơi, bà ạ.

Người mẹ quay mặt, vái ra:

- Con lạy chư ông...

Điều nói luôn:

- Chúng tôi sang thưa với bà về việc anh Đành.

Rồi Điều trở một thôi những lý nhẽ đông dài mà cứ trông cái cung cách hai người chịu chuyện cũng biết chẳng ai hiểu gì cả Người con gái ngồi tựa vách nửa, không ngẩng mặt.

Trông bóng gian nhà âm thầm, thấy lù lù biết chỗ ấy có người mà thôi. Còn bà già cứ như người dở điên, dở dại, vừa chấp tay lạy, vừa mếu:

- Thằng Đành nào kia ạ? A thằng Đành ăn cháo đá bát ấy à? Thằng Đành nó giết cả nhà chúng con. Thằng Đành rồi thì tù một gông. Cẩn rơm cẩn cỏ lạy chư ông, chư ông tha cho mẹ con nhà con.

Câu van xin ấy đay đi đay lại, giọng cầu khẩn mê muội ngẩn ngơ như lên đồng, mà cái ý nghĩa thật của câu nói là một lời rửa ráy đau đớn độc địa đến thối xương.

- Thằng Đành giết cả nhà chúng con.

- Thưa bà, thời thế ngày nay, xã hội đấu tranh giai cấp.

Bà lão lại nhắm mắt:

- Con cẩn rơm cẩn cỏ lạy chư ông.

Như bà lão dương van lạy bọn cướp đã lọt vào nhà. Sợ hãi cay đắng lẫn lộn với sự thù hằn quyết liệt khiến bà lão u mê sắp phát rồ. Bà lão cứ vừa van nài vừa rửa xả liên liên như thế, chúng tôi không chen được hết một câu. Sau cùng, sốt ruột, bức bối, không nhẽ cứ ngồi trơ ra đấy, hai đứa lẳng lặng ra.

Mọi dự định đều tắc tỵ. Người con gái nọ vẫn hàng ngày uống ừng ực hàng lon lá lấu gì đó cho ra thai. Lại càng uống nhiều, uống gấp hơn trước. Bà lão cời thắt lưng nắn bụng con rồi lại gò người lên, thít bụng con lại. Không dám kêu, người con gái quẩn quại, chới với, tay quơ lên vách.

Bác chủ trọ nhà tôi và bác hàng nước chốc chốc lại sang thì thảo với nhau. Họ không nói với bọn tôi. Nhưng những con mắt phân vân nhìn cũng như thông cảm sao đó với tình bạn và nỗi khó khăn của chúng tôi.

Câu chuyện kín đã bắt đầu hở. Người ở cầu Am và người trong làng ra, ai đi qua cũng có ý ghé nghiêng hoặc tạt vào vờ mua bát nước. Lão đồng cô tráng bánh lân la sang ngồi bồm bẻm nhai trầu. Cả cái xã hội con con ở đây tò mò như muốn rửa rớt bươi câu chuyện xấu ra.

Tôi giữ ý không nói với Đành. Nhưng Điều bộp chộp đã kể lại tất cả. Đành chỉ khóc. Điều lại càng cáu. Không làm gì được ai, trông thấy Hợi, nó quát: “Mày phải đem thằng Đành đến tận mặt con mẹ ấy mà tể cho nó một mẻ! Cười trừ à? Đồ hèn! Phải rủ cả thằng Hồ đến tranh đấu nữa!”

Giữa lúc ấy, Hồ nghiêng nghiêng vai áo "tanh quát", bước vào, Điều hét lên:

- Mày tha thằng Đành đến đây, mày phải ở đây cùng chúng ông tranh đấu cho nó.

- Gì mà rối lên. Phải có phương pháp...

- Phương pháp của tao là hô hào anh em Ái hữu thợ dệt làm mít tinh chống hủ tục, vạch mặt mẹ giết con. Thuyết không được thì phải tranh đấu. Mày lại sắp bàn ngang chứ gì?

Hồ lúng túng:

- Được rồi, phương pháp...

- Phải mít tinh, phải lên đả đảo.

Tôi nói:

- Việc vận động anh chị em thợ ta phải đợi anh Hiền về không được nóng nảy.

Tôi đã gạt đi như thế. Tôi nghĩ, không thể bạ gì cũng mít tinh được.

- Bàn với anh Hiền đã.

Điều có dịu. Còn Hồ bám lấy lối thoát thân quen thuộc khen tôi nói phải. Tuy Hồ vào hòa với tôi, nhưng tôi lại khó chịu vì cái ý trốn tránh của Hồ mà ai cũng thừa biết. Tôi mát ruột nghe Điều quay ra vắng tục, chửi Hồ. Tưởng Hồ giận nhưng Hồ chỉ cúi xuống lấy cái điếu cày. Và trong lúc ngửa mặt lên thở khà khói thuốc lào. Hồ cất tiếng rên rỉ câu thơ mà anh hay ngâm:

Lệ non tươi mãi bể tình

Mắt xanh khóc mãi ngày xanh cũng mờ.

Rồi vừa ư ử thế, Hồ đã xốc vạt áo "tanh quát", đứng lên đi thẳng.

Chúng tôi nóng ruột đợi anh Hiền về. Không phải chỉ bàn chuyện Đảng. Hồi ấy, những ngày 1938 sôi nổi đã qua. Chiến tranh thế giới chống phát xít đã nổ ra rồi - dù rằng đến phút cuối cùng, sứ thần Nhật Bản mang cờ hoà bình giả, giở đòn bịp đi ngang Sibêri sang châu Âu thuyết khách, lừa cho thế giới tưởng phát xít cũng chỉ muốn yên ổn hoà bình.

Ngày đêm bàn bạc chính trị mà chúng tôi không biết Đức nổ súng tiến vào Ba Lan lúc mấy giờ, ngày nào. Nhưng chiến tranh châu Âu đã nhanh chóng phả hơi độc sang đây và cứ liếm dần vào đời sống con người Đông Dương - thật đen tối thật khốn khổ. Tơ lụa Hà Đông trước kia, nơi tiêu thụ chính là ở Nam Kỳ. Bây giờ tàu hoả vào Sài Gòn nghẽn, rồi tắc. Nhà binh Pháp, nhà binh Nhật sung công hết tàu hoả. Tơ Tàu bên Quảng Đông cũng không sang được. Những ngày chợ tơ đông vui đã tàn. Các nhà giàu Hàng Ngang, Hàng Đào Hàng Gai buôn lụa, buôn tơ bấy lâu năm cái sống của các làng tơ cử, bây giờ chuyển vốn sang buôn gạo, buôn xi măng và dây thép gai bán qua biên giới phía bắc cho Tưởng Giới Thạch trên Trùng Khánh. Phiên chợ Đơ, người đeo đẩy vào chợ, dù cho lụa tốt mấy, lái buôn cũng cứ đo nát hàng ra rồi trả lại. Vài ba phiên hàng ế, thế là những nhà một hai khung cử vỡ nợ, trắng tay.

Khấp các làng, từ Bùng ra Mỗ, La, Vạn Phúc tới vùng Bưởi Cầu Giấy, công việc cạn như ao mùa đông kiệt nước. Thợ cử thợ tơ chạy nháo đèn cù đi moi việc, đào việc, càn khan việc.

Đám anh em thợ cử đối việc bỏ đi vẫn trông thấy. Cái bảng Ái hữu treo trong chợ Mỗ tự dưng bị đội xếp thị xã vào vác đi mất. Giá bây giờ là năm trước, chắc đã đánh nhau.

Nhưng tình thế đã khác. Bây giờ lính Tây ở thị xã đeo súng lấp lười lê đi tuần đêm thay đội xếp ta. Toà báo Tin Tức ngoài Hà Nội bị đóng cửa đã lâu rồi. Không còn chỗ đi lại, hỏi han nữa. Ai cũng ngơ ngác.

Thằng Điều đã nói đến chuyện bỏ đi đâu đi đâu. Anh đồ Địch trong Vạn Phúc, nhà Điều dệt cử, chỉ còn vốn mắc cử ngẩn, dệt ba ngày đã vét cuốn cử. Rồi Điều xuống Hải Phòng vào sở mộ phu đi Nam Kỳ. Còn Hợi, tự nhiên thấy ăn tiêu ung dung hơn mọi khi, không hiểu tại sao. Có bạn, tôi chưa đưa được tiền ăn đầu phiên chợ cho bác "cu-li san" chủ nhà Hợi mở cái ví da răn vắn vắn mới sắm, rút một tệ bạc, lấy hai đồng cho tôi. Một lần khác. Hợi cho tôi hăn tờ con công(4) mới.

Hợi dặn:

- Đem ra chợ Đơ mà đổi. Nhớ đổi ở chỗ đông.

Tôi nhìn lại tờ bạc rồi hỏi khê:

- Giấy giả phải không?

- Không phải.

Nói xong, Hợi lấy tay ấn vào miệng tôi.

Sự thế gay go đến nơi rồi. Cuộc sống xung quanh đều trở nên hốt hoảng, không cứ gì việc thăng Đảnh.

Chờ anh Hiền về xem nào.

Anh Hiền đã trở nên một mong mỏi và chờ đợi của mọi người. Anh Hiền không có chân trong ban “lâm thời Ái hữu”.

Nhưng chúng tôi tin một cách tự nhiên và nghiêm nhiên coi anh là người chỉ bảo cho chúng tôi. Bởi vì anh Hiền là chính trị phạm. Những người chính trị phạm ở các nhà tù được tha về thời kỳ ấy, trong con mắt háo hức của những thanh niên mới lớn ham hiểu biết là một hình ảnh thiêng liêng. Chúng tôi hay đọc đi đọc lại những câu thơ không biết thơ của ai nhưng thật đã tỏ nỗi lòng và mơ ước mệnh mông của mình:

Từ thuở quãng thân vào gió bụi...(5)

Quang thân vào gió bụi...

Gian nan cách mạng gió bụi đường đời!

Anh Hiền vẫn chưa về. Chúng tôi biết anh đương đi làm công việc bí mật. Từ khi có chiến tranh châu Âu, anh thường hay đi vắng lâu.

Xẩm tối, bác hàng nước bên cạnh sang, thì thảo bảo tôi:

- Bà ấy nhắn cậu sang chơi.

- Tôi à?

- Phải.

- Liệu bà lão có xiêu không?

- Biết được - Thế bác có vun vào hộ thăng Đảnh không?

- Nhưng mà...

- Sao?

- Thôi cậu cứ sang thì biết, sang ngay nhé.

Tôi sốt sắng sang luôn, ờ, sao những chuyện buồn khổ đời người lại hay xảy ra vào lúc chiều chiều thế này. Bóng tối mờ, cái xó bếp có người ở mà cứ lạnh như không. Tôi lại thấy người con gái ngồi một kiểu như từ mấy hôm trước vẫn ngồi nguyên thế, ở trong xó, mặt gục xuống đầu gối.

Người mẹ cất tiếng hỏi tôi:

- Anh đã sang à?

Giọng bà khác hẳn. Cũng một tiếng nói của bà già hôm trước, một người cố chấp đến ghê người, bây giờ vẫn bà già ấy, mà khác hẳn, dịu dàng, mềm mỏng, yếu ớt...

Bà vờn vờ tôi:

- Anh ngồi xuống. Tôi hỏi thăm các bác ở đây, tôi cũng biết gia cảnh anh rồi. Bây giờ, nói gần nói xa, chẳng qua nói thật, tôi cho anh con Bảy đấy.

Tôi chưa kịp đôi hồi thế nào, bà lão cứ lặng lẽ, đều đều nói tiếp:

- Nó là cái út nhà tôi. Nói để anh biết, anh em nó đều làm vô làm việc, nên ông nên bà cả. Rồi vợ chồng anh muốn làm ruộng, tôi lo cho ruộng, hay muốn bay nhảy chợ búa tỉnh thành tôi bắc cho một khung, hai khung cửi. Anh thích trông nom nhà cửa hay muốn ngồi bảo học ở ngay làng nhà. Anh lý đương nó bảo ban thu xếp cho. Anh muốn thế nào cũng được.

Tôi thật sự lúng túng về những lời mặc cả rành rẽ, đầy đủ, thật khêu gợi, và đột ngột. Bà lão mỗi lúc một rì rầm khẩn khoản:

- Anh ời, anh rửa mặt cho chúng tôi. Tôi nói có quỷ thần hai vai, cứu nhất nhân đắc vạn phúc, anh thương mẹ con tôi anh thu xếp đi. Ngày mai vào chợ tỉnh mua bán sắm sửa đến chiều ta ra xe ô tô hàng về, anh ạ.

Người con gái vẫn ngồi nguyên như thế giữa cuộc đặt giá.

Tôi nghĩ làm thế nào bây giờ? Tôi choáng cả người. Trong cái xã hội mà nén bạc đâm toạc tờ giấy, nhà giàu và đồng tiền lúc nào cũng trói người ta, từ trong cách đối xử với nhau hàng ngày tới mọi thói quen, thì một con người đương bơ vơ vẫn như tôi, bỗng dưng đương thẳng nên ông, có nhà ngói cây mít có của ăn của để, có ngôi thứ, và cái chuyện lấy vợ chưa sẵn thì cuối cùng chỉ đem tiền ra bôi son đánh phấn là xóa đi được tất cả, êm đẹp tất cả. Cái hoàn cảnh vừa hiếm lại vừa dễ mà biết bao người rộng túi thêm nhặt bỗng bắt được của rơi.

Có thể tắc lưỡi được.

Còn như cái lý tưởng mà tôi đang mơ ước, thật sôi nổi mà cũng thật mệnh mang góc biển chân trời trong

khí hàng ngày chỉ kiếm sống trợ thời này thì sao. Nghe miên man lắm. Bác gái " cu-ly san" thối cơm cho tôi, mà việc Ái hữu bác ấy thường cho là chuyện đàn đúm trai gái và chuyện thiên đường âm phủ đâu đâu. Thường ngày, bác khuyên nhủ, như rủa rới tôi:

- Cậu mà cứ ngồi a, b, c giắt dê đi ỉa giống ông đồ vườn thế này thì dài lưng tổn vải thật, cậu ạ. Cậu phải đi dẹt cửi hay cậu có dăm ba chữ như thế, đại gì mà chúi xó ở đây.

Ngày nào bác cũng nói đi nói lại như thế.

Tôi ở trọ đây với Điều. Thằng Điều dẹt cửi trong nhà anh đồ Địch. Anh đồ Địch vừa thích cách mạng cũng vừa hay thơ. Thịnh thoảng, cứ gà gáy nhà hàng đầu cầu Am giết lợn đi chợ, anh ra mua lòng tiết canh về dựng chúng tôi dậy đánh chén, gật gù ngâm thơ "thời thế". Tuy vậy, ăn cơm chân liền ở đấy thì không tiện, Điều ra trọ với tôi ở nhà bác " cu-ly san".

Điều phục phịch, tôi thì mảnh khảnh. Lúc đầu, bác chủ nhà khen tôi tướng học trò. Sau thấy tôi lẻo khoẻo mà lại ăn nhanh ăn khoẻ, bác đặt tên tôi là cậu "gầy thầy cơm". Bác trai làm cu-ly nhà thương mỗi bữa xoáy về một miếng xà phòng giặt dờ. "Nếu cậu được chân thầy ký hay loong toong thì lấy được nhiều thứ của Tây chứ không phải chỉ miếng xà phòng đen thế này đâu" - Bác gái bảo thế. Tính bác gái vừa vui vừa lắm nhời.

Mỗi phiên chúng tôi đưa tiền ăn, mọi việc vẫn như thường. Duy cái điều bác hàng ngày vừa khuyên bảo vừa diếc móc kia gây cho tôi những day dứt và tôi càng đo được đồng tiền phân bạc cùng cuộc sống bấp bênh còn so le bao nhiêu với những hy vọng của tuổi trẻ mà chúng tôi mong mỏi.

Những ý nghĩ buồn bã chỉ thoáng qua. Bởi vì lòng tôi chứa chan tình bạn đối với Đành. Lý tưởng và những mơ ước của tuổi mười tám đương rạo rực thật cao, thật xa, những rắc rối, quanh quẩn lèo nhèo thế này không thể đem so sánh được.

Tôi đứng dậy bước ra.

Tôi không nói lại chuyện ấy với Đành. Tôi sợ Đành tủi.

Hôm sau, Đành đến, nước mắt ràn rụa:

- Nó đau bụng lắm, chết mất, anh ơi!

Tôi nói cho Đành yên lòng. Tôi bỗng xót xa, thương yêu Đành hơn hẳn mọi ngày. Tôi nói: "Yêu nhau thì phải lấy được nhau. Người thanh niên có tư tưởng không chịu để phong kiến bóp cổ". Tôi nói cứng thế, nhưng trong lòng cũng dường như còn cái gì khó nói, cái gì phải chống trả chứ không mỗi chốc đã khước từ, đã bỏ qua ngay được. Những điều ấy đương dầy vò cả chính mình.

Câu chuyện tự dừng dính tôi vào đấy lại trở thành xích mích giữa hai người hàng xóm. Bác hàng nước

thậm thọt sang thì thảo với tôi, bác "cu-ly san" ghét lắm. Về việc này mỗi bác một ý.

Bác "cu-ly san" bảo:

- Có chữ, có mẽ như cậu, quơ đâu chẳng được vợ, đại gì phải ăn thừa lại mang tiếng cướp vợ người ta. Nay cậu bảo thật, cái giống chữa hoang này nó cũng như đĩa ăn vụng ăn một lần rồi quen thân ăn mãi, chết cũng không chữa đâu.

Bác hàng nước thì nói:

- Tôi tính chẳng mất đi đâu, cậu ạ. Danh giá có, tiền của sẵn, ta như người đi đường nghỉ chân, hãy cốt lấy chỗ dựa đã. Phấn xoa mặt rồi phấn xoa chân cũng thế. Sau này có tí toáy món của chua vợ lẽ thì có quyền, chẳng ai nói vào đâu được.

Bác "cu-ly san" cười mũi nói chua:

- Người ta thu xếp khéo nhỉ!

Bác hàng nước như không để ý, vẫn tính toán trước mặt tôi.

Về trong ấy, cưới xin xong lại cho nhà nó ra đây. Trơn lông đỏ da rồi mới về hẳn, còn đĩa hài nhi để tôi nuôi làm phúc cho.

Bác "cu-ly san" hỏi kháy:

- Cậu để người ta thu xếp cho thế có được không?

Tôi gai người nghe những tranh cãi, tính toán, sắp đặt số phận con người thành từng đồng bạc, từng việc. Tôi đâm ngại cả mỗi lúc bác hàng nước sang, cũng như khi nghe bác "cu-ly san" mát mẻ người lảng giềng. Tôi càng sợ cứ đôi chốc, phía phen vách lại vắng nghe đến rộn gáy tiếng người ỳ ọp vừa thở vừa uống những lon thuốc, trong khi tôi tưởng cũng đương nhúng tay vào tội ác ghê gớm này. Tôi không dám nhìn sang, nhưng không thể nào lơ đi. Có nhắm mắt, có bơ đi thì trong óc tôi cũng thấy hiện lên cái người mẹ tai ác cởi thắt lưng bụng con, rồi một đầu buộc ghé thắt lưng vào cột, bà dè cả người xuống để thít thật thẳng bụng con lại và người con gái đau quá, cứ dưới lên, hai tay chơi vơi quào vào vách. . Mà ngoài kia là cả một trời đất bao la âm u, những con người "có tội" ấy không biết chạy trốn vào đâu được.

Giữa lúc ấy, có người của anh Hiền mang về một bó truyền đơn in thạch. Từ hôm đội xếp vào rở cái bảng Ái hữu ở chợ Mỗ, anh Hiền đi chưa về. Chúng tôi mang máng cảm, thấy một tình hình mới, vừa sốt ruột chờ đợi, vừa hoang mang và đến hôm nay, trông thấy tờ truyền đơn của Mặt trận dân tộc phản đế, bé bằng bàn tay. Truyền đơn phân tích thực dân Pháp ở Đông Dương, ngoài mặt làm bộ cứng, nhưng bên trong nó hèn hạ, đã xẻo đất Cao Miên cho quân phiệt Xiêm và nó lại đương sửa soạn quỳ gối dâng Đông Dương cho phát xít Nhật... Nhân dân ta phải chịu hai tầng đè nén... Mặt trận dân tộc phản đế ra đời.

Đọc truyền đơn xong, trông ra đâu đó chỗ nào cũng thấy cách mạng. Tờ truyền đơn len lỏi trên đồng lúa, trong xó nhà giữa chợ, khắp nơi, cả thế giới... Khí thế cách mạng, với sức tưởng tượng của chúng tôi làm cho cảm thấy cách mạng không tan vỡ mà thật sự to lớn.

Chúng tôi nhìn nhau.

- Đây là công tác bí mật!

Công tác bí mật? Người của anh Hiền mang truyền đơn về bảo cách dán. Chúng tôi náo nức nghe anh nói. Mẩu chuối xanh phết lên mặt tường, ập tờ truyền đơn vào, nhựa chuối xanh dính chặt hơn hồ nếp.

Ngay đêm sau, chúng tôi chia nhau đi rải truyền đơn.

Bọn ra thị xã Hà Đông, bọn đi La, Mỗ. Tôi và Điều đem truyền đơn về Bưởi. Nhưng Điều không thể bỏ được buổi làm.

Bây giờ một mình Điều đóng xuất ăn cho cả tôi. Anh em ra học loạc choạc, không đủ tiền cơm cho tôi.

Rồi chỉ mình tôi đem truyền đơn về. Tôi buộc bó truyền đơn vào trong lưng, cuốc bộ ra tỉnh, rồi tắt đường Thanh Xuân, qua quán Bún chợ Mọc. Không có động tĩnh gì khiến phải tránh đường lớn, nhưng theo phương án giữ bí mật mới học được, tôi làm thế. Tôi không ra Cầu Giấy, mà men bên này bờ sông Tô Lịch, về làng. Truyền đơn được phân phối cho các cậu Miễn, cậu Hợp, hai anh em ấy và cả Hộ nữa.

Qua một đêm rải truyền đơn khắp nơi, ném vào tận trong Vọng, Cả vùng biết có Mặt trận dân tộc phản đế rồi. Có anh còn lấy truyền đơn bọc vào hòn sỏi, "cả cái" như đánh đáo lỗ xuống chân người lính khố xanh gác cổng đồn Bưởi. Lính khố xanh cũng phải biết Mặt trận dân tộc phản đế của nhân dân Đông Dương đã ra đời.

Tôi làm một cuộc mít tinh bí mật lúc chập tối trên dốc Luỹ, đầu làng Bái, tuyên truyền Mặt trận dân tộc phản đế.

Cũng làm đúng cách thức tổ chức mới biết. Một anh chàng khênh tôi lên nói. Ba Hĩ và anh nữa cầm gậy tự vệ hai bên.

Một anh ra gác tận đầu tường đồn, lúc ấy, vừa cơm chiều người ra đường, thợ chưa vào khung cửi dệt tối. Xóm Luỹ xóm Cầu Sau bên Yên Thái cũng đổ ra, xúm đông lại ngay.

Mấy hôm sau, tôi trở lại cầu Am. Bao nhiêu chuyện hoạt động tương bừng kể lại.

Bác hàng nước vẩy ngay vào:

- Cậu ơi, cái nhà cô Bảy đi trăm mình rồi.

Đêm trước, người con gái nọ đã lên ra nhảy xuống cái ao sau nhà thương tình. Người ta kể, nghe tiếng cô ấy ngồi khóc trên bờ ao làng đến gần sáng, cứ ngỡ để kêu. Hôm sau, chỗ cỏ cô ngồi, còn hằn rõ vết chân.

Cả xóm thì thảo ao này có ma, trẻ con không đứa nào dám chơi gần sợ ma rút chân, bởi vì lâu lâu lại có người đến trầm mình.

Nhớ lại những ngày ở cầu Am, tôi chỉ nhớ phảng phất những nét xoáy vào kỷ niệm cứ như những nhát khía.

Tiếng bụi tre nghiêng rặng. Cái gốc đa xù xì, con trâu cọ lưng.

Câu hát ngân ngơ... Thằng Tây bắn súng... cò què... Người con gái tùm hụp chiếc khăn vuông, bàn tay trắng xanh chỉ trông thấy hiện ra vào lúc sấm tối. Lão đồng cô bán bánh cuốn, bác hàng nước. Mọi người đều tốt bụng đều khổ và có người khổ đến phải đi trầm mình vào cái ao có ma đằng sau nhà thương tình. Nhà bác hàng nước vẫn cãi nhau với vợ bác "cu-ly san", nhưng đôi lúc lại rơm rớm nước mắt. Lão đồng cô mua vàng hương đem ra bờ ao cúng, làm cái thang bằng bẹ chuối thả xuống nước, bắc cầu giải oan cho người chết trèo lên...

Anh Hiền(6) về nghe chúng tôi kể lại chuyện ấy. Anh nói:

- Chúng ta phải làm cho sau này không có người chết uất ức thế nữa.

Đành nghe anh Hiền nói rồi Đành ra nhà bác hàng nước vào cái ổ rơm bên cạnh vách nửa mọi khi người con gái nằm.

Đành ở một đêm rồi hôm sau, theo anh Hiền đi mất. Không bao giờ tôi gặp Đành nữa.

Được ít lâu, mật thám Hà Nội về vây làng Vạn Phúc. Đồ Địch bị bắt, phải án đày đi Côn Lôn. Cơ quan bí mật ở Ngọc Trục bị lộ. Ô tô mật thám bắt người, mang ra được hai mảnh in đất, những lọ mực đầu đen, một bó giấy - Kiêm cũng bị bắt lần ấy.

Chúng tôi mỗi đứa tan tác mỗi nơi và thời gian cứ qua.

Điều xuống Hải Phòng, vào sở mộ phu cao su Dầu Tiếng. Hợ bị Tây tóm ở chợ Đơ, về tội tiêu tờ giấy bạc giả. Anh Hiền bị bắt ở thị xã Hà Đông. Mật thám Tây lai Luyt tra điện anh suốt đêm. Một lúc, điều thuốc lá đương hút nó dí vào mặt anh. Không thấy anh nhúc nhích. Anh đã chết trong xà lim sở Liêm phóng Hà Nội, - sau này, Xuân Thuỷ đã kể cho tôi biết như thế.

Chú thích:

(1) Ngày trước có lối "bói thơ tiên". Thầy bói thắp hương rồi nói thành thơ để đoán số.

(2) Người làm việc quét dọn trong bệnh viện.

(3) Một kiểu áo khoác ngoài, thường bằng vải ka-ki trắng nhạt, thời ấy thịnh hành.

(4) Giấy bạc năm đồng, thời thuộc Pháp, có vẽ hình con công.

(5) Câu đầu bài thơ Trăng trời (1940) của Tố Hữu. Nguyên văn: Từ thuở ấy quăng thân v ào gió bụi.

(6) Anh Hiền tên thật là Nguyễn Hữu Hưng, người làng Tây Mỗ.

TẬP TỰ TRUYỆN - TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

3. Đi làm:

Cuộc mít tinh lớn ngày Quốc tế lao động 1 tháng 5 năm 1938 ở nhà Đấu Xảo, tôi đi trong đoàn những người thất nghiệp. Có chăng băng đỏ, đề như thế hân hoan.

Đoàn thất nghiệp chúng tôi đông nhất, dài nhất, rầm rập gấp trăm các đoàn thể có nghề. Nếu các đoàn khác trưng các khẩu hiệu đòi lập hội Ái hữu tiến lên nghiệp đoàn - những quyền lợi về tổ chức và chính trị của người thợ, thì đoàn thất nghiệp đòi công ăn việc làm. Thiết thực và cũng thấm thương dẫu đội biết bao nhiêu. Đoàn thất nghiệp xếp hàng mười, cứ một khối vài chục hàng lại có một anh đeo băng đỏ. Tôi cũng được đeo cái băng đỏ làm trật tự đầu hàng. Đen ngòm những người là người, dài ngập đầu suốt phố Gầmбет ta(1) kéo vào khu Đấu Xảo(2).

Bấy giờ thất nghiệp là một sự vô cùng. Nhiều học sinh còn đi học cũng đi sẵn trong đoàn thất nghiệp như tôi. Mà cũng chẳng lạ. Cái gương tôi đẩy, từ lớp học đến thấp nghiệp, tự nhiên như bước trong nhà ra cửa, không có quãng giữa nào khác.

Người ta chẳng thể nhai được chữ ra ăn. Huống chi chỉ có một vài chữ, huống chi ở những làng ngoại ô làm thủ công nghệ giấy, nghề dệt lĩnh dệt lụa quê tôi trẻ con đã phải làm giúp nhà sớm. Bởi vậy, không ai thiết cho con cái đi học làm gì.

Dù sao tôi cũng có dăm bảy chữ giắt lưng, khác những đứa trong xóm cùng lứa không hề biết mặt chữ. Cho nên tôi phải xoay cho ra công việc chữ nghĩa mà làm, chứ lại đành chui xó nhà, đâm đầu vào dệt cửu như chúng nó chẳng cần đi học cũng làm được thì nhem quá.

Nhưng đào đâu ra việc?

Có người mách nhà sách Tôphanh đương cần người. Tôi chưa nói được gãy gọn một câu tiếng Tây. Học trường Yên Phụ, ở lớpбет được đứng đầu, lên đến lớp nhất thì tôi đội số. Có học hành gì đâu? Nhưng cũng không sợ bằng phải làm bài thi ấy. Vào làm nhà in, nhà bán sách cũng phải thi. Đầu bài thi của ông Tây chủ nhà in Tôphanh chỉ đọc có một câu hỏi quái quỉ: “Anh thích nhất cô đào chiếu bóng nào? Tại sao?”.

Mấy chục cái đầu hí húi làm bài. Người ngồi chật cả gian phòng rộng, mà chủ nhà in chỉ lấy có hai người làm.

Tôi nghĩ mướt mồ hôi mà không viết được một chữ. Cũng chẳng ân hận gì. Vì đến năm ấy, tôi cũng chưa lần nào được biết cái cửa rạp chiếu bóng, làm sao mà thích được cô đào chiếu bóng nào. Tôi mới chỉ được xem hai bộ phim câm chiếu thí phim Bà Đế, phim Kim Vân Kiều, từ lúc còn bé, ở giữa sân đình làng

Thọ.

Những ngày thất nghiệp dài đằng đẵng.

Mỗi phiên chợ, người ta đeo trĩu vai năm bảy chục thước một hai trăm thước hàng đi chợ, nhà tôi có một khung cửi mà cọc cạch dệt ba chục thước lụa một phiên không xong.

Nhà người ta, phiên chợ bán được hàng thì vui, nhà tôi ngày chợ, không sinh chuyện này thì chuyện khác. Hàng ít lại xấu, không đều, mặt hàng gùn gút lên, không ai mua. Thế là xảy ra những trận xô xát giữa bà ngoại tôi và các dì tôi.

Ông ngoại tôi ngồi uống rượu. Cuối cùng, bao giờ ông tôi cũng vác gậy đuổi đánh tất cả. Mọi người chạy tán loạn, đến đêm mới về. Có khi cả nhà cãi nhau vào khi ông tôi chưa uống rượu. Lúc chưa uống rượu, thì ông tôi không nói một câu. Thế là lúc ấy tôi lại thay ông, tôi vác gậy vừa khóc vừa đuổi đánh tất cả. Cũng tạm yên được một lúc. Sáng hôm sau, lại vẫn cãi nhau làm ầm cả xóm.

Cũng đã lắm phen tôi thử xốc vác lo lắng. Tôi quyết làm ăn và dọn dẹp mọi việc trong nhà. Nhưng nhà tôi cũng như người ốm sài mòn không thể chữa khỏi. Nhà tôi còn êm ấm làm sao được, trong khi sự túng thiếu càng gò cổ mỗi con người lại, mỗi người cứ ngày càng bắn gắt hơn, càng lúc thương lúc ghét nhau, hết sức thất thường.

Vả chẳng, sức vóc tôi cũng không ngồi dệt cửi nổi hàng tháng. Nói sao thì cũng là tôi có một ít chữ rồi. Tôi không thể làm thợ dệt. Dệt cửi thì không cần biết chữ và chẳng bao giờ cần học hết lớp nhất. Dù tôi biết rằng với dùm chữ ấy, bây giờ chạy chọt một chân hương sư dạy trẻ con trong xóm cũng không được.

Nhưng tôi vẫn hy vọng một cái gì khác cái thoi giắt dít của những đứa đi dệt cửi mướn.

Tôi vào thành phố lang thang lẫn thẩn suốt ngày đêm không muốn về. Đêm khuya chỉ còn sương xuống ầm vai áo.

Những đàn chuột chạy rào rào qua mặt đường, trút xuống cống. Đến gần sáng, tai nghe đồng hồ quả lắc đánh liên liên cùng giờ tường nhà này sang tường nhà khác suốt dãy Hàng Ngang, Hàng Đào đóng cửa im ỉm. Dần dần trời sáng, thế là qua một đêm.

Trong quyển Sách dạy 40 nghề ít vốn của Thư quán Nhật Nam xuất bản có nói đến nghề đánh máy chữ. Sách bảo học ba tháng đã có thể thành nghề.

Tôi đi học đánh máy chữ ở căn gác một góc phố gần chợ Cửa Nam.

Lớp học đánh máy, một cái gác ngoài ọp ẹp mười cái máy chữ, đặt thành ba hàng. Mỗi người đến học, mặt ai cũng vậy hể ngồi vào bàn, cứ dăm dăm hăm hăm, không rời mắt khỏi cái máy. Họ cố học vì xót tiền. Mỗi buổi một giờ, mỗi tháng mất một đồng hai. Chạy tiền học đánh máy một tháng gần bằng lo suất thuê

thân cả năm, phải tập cho nó ra nhẽ đồng hai bạc. Dạy chúng tôi đánh máy, một thầy người còm nhom mặt choắt chéo như hai ngón tay kẹp. Tuy thầy có để hai sợi ria nhọn ngạnh trê trên mép, nhưng trông chỉ buồn cười và thật khó biết thầy ấy chạc tuổi bao nhiêu.

Nhìn ông thầy lần thứ hai, tôi nhận ra hai cửa tay áo ông ta đã sờn tròn và cái mũi cà vạt đen nhờn bóng mờ hôi chỗ tay nắn. Bộ quần áo “phô tích xo”(3) là thẳng nếp. Giữa lưng áo đã bị ăn mấy vết mực tím - chắc lại mấy ông học đánh máy đánh dấu xem thầy có mấy bộ đồ thay đổi. Tuy thầy ấy bé và gầy, nhưng vẻ mặt đạo mạo, trịnh trọng, không nhếch mép cười bao giờ. Lại hay nói tiếng Tây, cái chúng tôi ghét nhất là cứ hết giờ, ai còn đánh dở vài dòng, ông ta như cái máy biết đi, lạnh lùng, lẳng lẳng đến khoá tách ru lô lại rồi vẩy tay ra hiệu cho người đứng đợi ngoài cửa, - những người học lớp giờ sau chen ngay vào.

Tôi tập ở cái máy ngoài cùng - vài hôm sau mới biết dãy bàn máy ngoài cùng này cà khổ nhất. Ba cái máy tôi hạng bét dành cho người mới tập. Chiếc máy chữ như cái cũi mèo lụ khụ cao to, lại như cái trạn gác mănggiê chẳng nâu chẳng đen, đã tróc hết sơn. Năm đầu ngón hai bàn tay tôi chỉ mới một ngày ấn một hàng chữ a z e r mà đã sưng vù. Người ta bảo thoát đầu tập đánh năm ngón, đừng mỗ cò, cố chịu đau thì sau sẽ đánh được mười ngón, mới có thể đi thi đánh máy nhanh nhất Đông Dương tranh chân thư ký đánh máy phủ Toàn Quyền. Lời an ủi tưởng tượng ấy nhiều chua chát với tôi, hơn là sự thật.

Tôi nghĩ tôi khó lòng học được đánh máy. Mới vài hôm mà đã chối lăm, thấy mình quả tối dạ và chân tay vụng về.

Tôi ước tính không thể ba tháng, như trong sách bảo, mà phải nhiều tháng, hoạ may mới leo được vào hàng trong, được tập những cái cùm máy nhẹ hơn. Mà chạy tiền được ba tháng ăn học đã là quá rồi. Trong khi ấy, mỗi sáng sớm thò tay xuống mặt bàn chữ, rợn như châm kim. Những cái chân con chữ cao quá, ấn xuống đau thót đầu ngón, mà nào nó có chịu tụt xuống hết cỡ cho.

Cái tay tôi - mỗi ngày phải quật một giờ vào máy, chỗ đau chưa kịp dịu, đã phồng hơn hôm trước. Hai người ngồi bàn máy cạnh, đại để cũng như tôi. Một anh quần giẻ vào ngón tay rồi ngồi ngăm ngía, nhăn nhó, chốc chốc rón rén mỗ một phát rồi lại im. Nhưng rồi chợt nhớ ra, sốt ruột vì một phút một tiền, anh lại cắn cổ, bặm môi đập, đập, đập ráo riết, đập... Cái máy chữ rên lên thành thịch... thịch thịch... cái máy chữ... cái máy chữ, ôi cái cùm máy chữ, nó đích thực là cái cùm máy chữ. Cái máy chữ già lão cũng khổ. Chúng tôi đập nó, nó rên rĩ thành thịch... thịch thịch...

Nhưng bầm bố cũng chỉ được một chốc. Đau quá, anh đứng phắt lên, văng ra:

- Tiên sư nhà máy!

Chửi xong, tưởng thế nào, lại hằm hằm ngồi xuống, lại nhăn, lại đập, đập gò cả hai ngón út, cho đúng “phương pháp mười ngón”. Biết làm sao, mỗi phút là một tiền. Và có nghề đánh máy thì mới có thể thấy được công việc làm, những công việc tốt có lương tháng dương chờ ngoài kia.

Tiếng chuông leng keng báo hết loạt một giờ tập. Thầy máy chữ lắc chuông. Suốt giờ, chỉ thấy thầy đi bách bộ, bây giờ lắc chuông. Dạy mình thì mỗi hôm chẳng báo quá hai lần. Cái anh đau tay lúc này, tuy đau, nhưng nỗi tiếc của còn đau hơn, anh mắt môi hí húi, đập máy.

Thầy máy chữ lừ đừ đến thò tay đóng máy. Anh kia đứng phắt lên, lưng khum khum, trợn ngược mắt, hai nắm tay buộc giẻ to xù giơ ra, làm kiểu đánh “bốc”. Anh sừng sộ:

- Mày nói gì nào?

Thầy máy chữ lý nhí. Anh ấy quát to:

- Này tiếng Tây! Này tiếng Tây? Vulêvu đờ la bốc avéc moa(4).

Anh ta tiến lên, đưa nghiêng đầu gối giữ thế thủ, rồi giơ tay quạng thầy máy chữ. Cứ mỗi nhịp câu “này tiếng Tây” thầy lại ăn một cái quai hàm. Thầy lếu đếu, thầy chẳng có mấy nả sức, thầy ngã chúi xuống. Tiện đầu gối, anh ấy hất đổ luôn cái máy. Những người xung quanh xôn xao, như đã tức sẵn, xông lên, đánh đòn hội chợ. Ông thầy chưa kịp ngóc đầu cứ kêu văng: Ôi, ông đội xếp ơi, kẻ cướp, kẻ cướp...

Phần tôi, tôi cũng cúi xuống cái cùm máy chữ, tôi lẳng nó lăn chiêng xuống sàn. Bao nhiêu thù ghét, bao nhiêu căm giận, và cay đắng của nỗi cùng-thì-làm-người-đội-trời-đạp-đất mà sao khổ ải thế, những oán hờn đâu đâu, chúng tôi trút vào cái máy khốn nạn, trút cả vào lão thầy máy chữ ma tịt...

Tôi quyết phá cái máy chữ rồi tôi cũng cho lão thầy bằng chẳng một quai hàm, một quả tổng đích đáng vào mạng mỡ.

Giữa lúc ấy, từ buồng trong bước ra, một mục lặc lè, mặt xam xám như mặt những mục béo ngồi trước những thúng nhồi đổi tiền ở cửa chợ Đồng Xuân. Mục hất cái mảnh lừng. Hằng ngày mục vẫn ngồi từ trong buồng ấy trông ra. Bước chân vào nhà này, mắt mũi chăm chú luôn sáu mươi phút vào máy chữ, tôi không để ý có người ngồi trong ấy.

Mục rít:

- Này anh ba, anh biết điều thì chắp tay lạy sống các ông ấy đi, không có thì tôi tổng cổ anh ra khỏi nhà này ngay lập tức.

Mặt thầy dạy máy chữ xám đen như cái mặt sần gỗ. Hai con mắt, vì sợ quá, đã trắng bóng lên như mắt mèo. Không không phải thầy sợ những người học đánh máy vừa choảng thầy, mà trông hai con mắt thất kinh và thấy thầy lồm cồm bò dậy đứng run phần phật hai ống quần nhìn bà chủ, đến nỗi quên cả chống đỡ những người còn xông đến đánh mình thì chúng tôi hiểu sự thể đau khổ thế nào rồi.

Lập tức, quang cảnh khác ngay. Tôi động lòng nỗi đau đớn của ông thầy. Cả cái anh buộc giẻ vào tay đã đánh quai hàm thầy, bây giờ cũng ỉu mặt xuống. Những người khác đứng xa, có người đã lùi ra, nhường chỗ

cho bọn đến học giờ sau đương đứng ùn lại ngoài hiên vì cuộc ẩu đả trong này..

Tôi không ngờ trên thày lại còn có cái bà chủ béo mà chắc chắn bà không biết đánh máy chữ tý nào. Tôi đâm ra thương thày máy chữ.

Mọi người lẳng lẳng xuống thang gác trong tiếng quát chửi thày máy chữ của bà chủ mỗi lúc một hung hăng, không biết té tát đến bao giờ và còn xảy ra việc gì thêm.

Tôi không đến học đánh máy chữ. Tôi không nỡ nhìn thày dạy máy chữ một lần nữa. Đành bỏ nửa tháng đóng tiền trước.

Ít lâu sau, tôi xin được chân bán hàng ở hiệu giày Bata số nhà 89 phố Hàng Đào.

Những người bán hàng trong cửa hiệu gọi ông quản lý cửa hàng còn trẻ này là cậu Quáng. Người nịnh thì gọi nhẹ nhàng là cậu chủ. Cậu Quáng đầy đà, mặc sơ mi lụa mờ gà.

Một bên cổ tay cậu lúc nào cũng xắn, để khoe của, vì tay ấy có quần cái dây xích vàng. Ngực cậu Quáng đeo một chữ “Phúc”, có lẽ to đến hơn cái bao diêm, cũng bằng vàng. Mặt cậu Quáng trắng bệch bệch và hơi bệu, nom cậu như người khách lai.

Cậu Quáng thích ăn bún chả. Cứ xế trưa, quãng giờ nghỉ cuối tầm làm, bà hàng bún chả quảy gánh đến, chúng tôi lại bưng vào cho cậu Quáng ba mẹt hai lượt chả miến, một gấp chả băm.

Cậu Quáng nhận tôi vào làm, xem vẻ không vui, không buồn. Như nhận về loại giày vải đế da lúc ấy không đắt khách nhưng cũng không đến nỗi bán câu dầm.

Ở cửa hàng Hàng Đào có ba người đứng bán hàng. Các anh ấy mặc áo the dài, quần vải ta tàu tàu và đội cái mũ phớt.

Bán giày mà mỗi anh lại thắng một đôi guốc mộc. Đây là ba anh em ruột quê ở Nam Định. Một điều lạ là ba anh em nhà này đều không biết chữ. Họ thuộc mặt mười con số, thế mà ký hiệu mã số giày toàn bằng con số dài dằng dặc. Và họ đã bán hàng cả ngày, đọc số hàng vạn rất thành thạo.

Người anh Cả, gầy khéo khur, mắt toét, lúc nào cũng hó háy, nhìn lên. Anh xấu mã, nhưng có duyên. Anh chạy đi chạy lại, từ giá bày giày tới ghế khách ngồi, anh thử giày, rồi gói, rồi đưa hàng, rồi nhận tiền. Ngày nào anh cả cũng bán được nhiều nhất. Chỗ anh Cả bán cứ như có ma khôn đưa khách, khách chỉ vào đấy. Anh đứng đâu thì y như rằng khách đến chỗ anh. Ngoài số giày bán mà cửa hiệu đã quy định, ai khéo bán bội lên thì được thưởng tiền hoa hồng. Anh Cả bảo tôi: “Chú là người có chữ nghĩa, cứ chịu khó vài hôm thì thạo ngay đấy mà”.

Nhưng thật ra cái vốn liếng dăm ba chữ cộng với sự bờ ngờ lóng ngóng của tôi khi cầm đến đôi giày cho khách thử lại là trò cười, làm mọi người thương hại.

Hàng ngày, tôi nhờ các anh dạy những ký hiệu bằng số giày to, giày bé, giày da, giày vải, giày màu nâu hay màu đen.

Ví dụ: từ số 5 trở xuống mà hàng cuối là giày trẻ con. Số 4 hàng hai là chỉ giày da. Số 6 màu trắng, số 8 màu ghi. Và vô vàn các con số rắc rối nữa. Các anh ấy vừa bảo tôi vừa chế nhạo: “Chữ của chú cất kho à?”. Chữ nghĩa của tôi không để làm gì trong công việc thế này thật. Chẳng bao giờ tôi có thể bán hàng nhanh và khéo như anh Cả. Chẳng bao giờ tôi được lương, được hoa hồng bằng anh Cả. Buổi trưa nghỉ, chúng tôi ở lại cửa hiệu. Anh Năm chạy sang Hàng Buồm mua một gói lá sen tú ụ thịt lợn quay và xá xíu. Tôi vờ đi chơi, lỉnh ra ngồi Bờ Hồ, mở gói cơm nắm với cua mận ra ngặm. Làm sao mà tôi bằng được họ.

Cơ chừng cậu Quáng cũng thấy tôi vụng về. Tay chân tôi cứng quèu, và tuy tôi đọc thạo con số, nhưng lại hay quên. Hoặc vì có gì khác tôi không rõ, cậu Quáng đã sai tôi làm kèm một việc chẳng dính gì đến nghề bán giày.

Cậu Quáng bảo:

- Bây giờ anh còn đương tập bán hàng.

- Thưa vâng.

- Việc bán hàng dễ mà lại khó. Nó như nghề thợ mộc, có bắt đầu từ phó nhỏ rồi mới thành phó hai, phó cả. Phải từ từ. Tôi cũng bán hàng mãi rồi có tiền ký quỹ mới lên được ông chủ.

- Thưa vâng.

- Phải ngoan, phải kiên gan, đừng nhấp nhồm nóng đít. Đấy anh Cả, anh Năm, anh Sáu kia, làm năm bảy năm rồi mà cũng chỉ mới biết bán. Tôi đứng cửa hàng trên mười năm mới thành ông chủ, anh biết không?

- Thưa vâng.

- Tôi khuyên anh chịu khó, sai việc gì làm việc ấy. Người ngoan ngoãn thì ai, cũng mến.

- Vâng ạ.

- Thế này nhé.

- Vâng.

Thế này nhé, anh cứ bán hàng như mọi hôm. Nhưng từ giờ anh phải đứng góc này. Khi có khách đông, anh không cần phải bán. Tôi sẽ chia thêm tiền hoa hồng cho anh. Đã có các anh Năm, anh Sáu đứng trong. Còn anh phải để ý kỹ đến những người ra vào. Lúc bề bộn là lúc lắm kẻ cắp, lúc ấy ông phật cũng như con

ma. Phải trông từng người một, trong nách trong bụng có thu thu cái gì không.

- Vâng ạ.

- Vâng khách thì anh cũng cứ đứng đấy, anh để ý ra cửa. Lại có việc khác.

- Vâng ạ.

Cậu Quáng cười:

- Là tôi nói để anh để ý sang cửa nhà bên kia phố. Cái nhà bán tơ lụa trước cửa hiệu mình ấy.

Tôi còn ngờ ngẩn chưa hiểu cậu Quáng đã lại tươi cười cắt nghĩa mạch lạc, vui, rành rõ, cứ xừng xừng như lúc chào bán giày:

- Các cô bên ấy mê cậu Quáng lắm. Nhưng sức cậu Quáng chỉ kham nổi một cô thôi. Đấy, đấy... cái cô Bích mặc áo dài lụa Vân lại vừa lượn ra. Nỡm chưa, cứ ưỡn ẹo ra liếc trộm người ta cả ngày. Mê gái tốn tiền lắm. Bỏ xu hay vất cổ chày ra nước thì không chơi được. Bắc thang lên hỏi ông giời. Đem tiền cho gái có đòi được không. Anh đứng chỗ này, vừa trông hàng vừa trông sang bên ấy, lúc nào thấy cái cô Bích áo dài lụa Vân ra cửa thì anh huýt sáo khê một tiếng cho ở trong này tôi biết chừng.

Lần này, tôi không buông nổi một nhịp “vâng ạ” quen miệng. Vì tôi hiểu mọi công việc cậu chủ đương giảng cho tôi nghe ấy là vào cái loại công việc của bọn bồi xăm dặt gái, của thằng hề đồng của chàng Kim Trọng trong vở Kiều cải lương mà tôi là người tập bán hàng, lại kiêm cả những việc thằng bồi xăm và thằng hề đồng, cậu Quáng dặn thêm:

- Còn việc nữa.

Tôi khe khẽ thở dài, lặng im.

- Đây là việc làm ăn trong nghề. Vào làm ở đây, anh phải học cho thuộc nền nếp làm ăn và sự tích gốc gác hãng giày Bata. Ai cũng phải thế. Ông chủ người Tây Tiệp là chúa hay hỏi vấn đáp bất thành linh. Phải cố học. Còn như ăn cơm nhà Bata thì phải hùn vốn cho hãng và thuộc sự tích hãng, bất kể ai cũng phải thế.

Từ hôm ấy, tôi đâm ra nhiều việc phải nghĩ.

Bán giày thì anh Cả và các anh Năm, anh Sáu thạo quá. Học hết được các mảnh khoé của họ cũng còn khuya, tôi chưa thể thạo ngay thế được. Vậy phải từ từ, như cậu Quáng nói. Nhưng trước sau gì rồi cũng học được.

Còn việc huýt sáo ra hiệu cho cậu Quáng biết mỗi lần cô Bích ra cửa hàng thì cũng dễ. Chắc cậu Quáng tưởng tôi lù đù nên sai tôi việc này. Nhưng chỉ vài hôm thôi, tôi đã đánh giá được cái mỗi tình một vẻ có

thể tính thành đồng xu đồng hào của cậu Quáng ấy rồi.

Toà nhà sâu tun hút trước cửa hàng bên kia là một nhà giàu sụ, kiểu nhà giàu lâu đời ở Hà Nội. Chiều thứ bảy, ô tô về đậu đầy hè. Con cháu họ, những tri huyện, tri phủ các tỉnh về chơi. Mấy cô gái cấm cung tuy tuổi tác cũng có phần hiu hiu rồi, nhưng giá các cô có ế thật, mà bố mẹ họ phải gả bán hạ giá đến thế nào, chắc cũng chẳng phần đâu đến cậu Quáng hiệu giày, dù cậu đã nạm vàng ở ngực và cổ tay.

Tôi trông cậu Quáng, đã thấy giàu, đã thèm, thế mà đem đối chiếu với nhà trước cửa vẫn rõ ra một sự chênh hàng mấy con sào. Cho nên, nghe cậu Quáng dặn việc, tôi cũng dừng dừng, tôi không giận, không xấu hổ, không thiết tha. Cái thế của tôi không tiện bày tỏ niềm vui ra làm sao cả. Và thế là hôm ấy, mỗi lần cô Bích ra cửa, tôi lại chum miệng khê huýt một cái. Chẳng ngượng nghịu, cũng coi như mình vừa đi đường vừa huýt sáo chơi mà thôi.

Lần thứ nhất, tôi huýt.

Cậu Quáng xỏ ra. Cô Bích vừa bước lên chiếc xe nhà kiểu “Ô mịch” sơn đen lùn tịt. “Người mê cậu Quáng” ấy không biết cậu Quáng đứng trơ mắt ếch ra ngó theo cho đến lúc cái xe bóng nhoáng lẩn vào đám đông xuống phía Bờ Hồ. Các anh Cả anh Năm, anh Sáu lại nhìn tôi, nháy mắt. Họ đã tỏ tường cái mê gái của cậu Quáng. Trông vẻ mặt tinh nghịch và cái bĩu môi của họ, tôi hiểu trong bụng họ đương nghĩ đùa mớ chòi mâm son. Có lẽ cũng chẳng đặc biệt riêng cho tôi, chắc anh Sáu, anh Năm đã nhiều phen làm chân huýt sáo báo hiệu cho cậu Quáng như vậy.

Rồi mỗi lần cô Bích áo lụa Vân ra cửa, tôi huýt sáo, lại coi như mở màn kịch mà trong đó kẻ buồn người vui, người hời hợt và riêng tôi hay buồn vẩn vơ, khi thấy anh Cả nói mĩa cậu Quáng, tôi lại nghĩ thương hại cậu Quáng. Cậu Quáng chủ hiệu trả lương tôi và có quyền thải tôi mà còn có những người không thèm để cái đuôi mắt tới, rồi mọi kẻ ăn người làm đều cười cậu, chửi cậu, tôi cũng lạ và lại đâm ra bùi ngùi cho sự hờn hờ của cậu ta.

Còn chuyện học sự tích làm giàu của nhà Bata cũng là việc hàng ngày. Tôi chăm chỉ đọc. Có cả quyển sách in nói về việc ấy Tôi đọc như đọc truyện, thuộc ngay, cũng dễ dàng thôi.

Tôi học thấy đại khái rằng ở bên nước Tiệp, chủ nhất hãng giày Bata bây giờ là cháu nội ông Bata ngày trước. Đại chiến thế giới 1914-1918, ông tổ Bata nghĩ ra nhiều kiểu giày đi êm chân lính. Rồi ông được đầu thầu giày lính của nước Tiệp và cả nhiều nước châu Âu đương đánh nhau. Thế là ông trở nên nhà triệu phú, được khắp nơi suy tôn là vua giày, có cửa hiệu bán giày trên năm châu, nổi tiếng ở nước Tiệp và cả thế giới.

Tôi lại phải học cho biết vua giày Bata giàu sụ mà cũng lắm mẹo vặt thần tình. Cái tên nó đặt là giày Bata cũng chẳng phải tiếng dân tộc nào ở nước Tiệp. Nó chỉ là cái tiếng đặt ra cho dễ đọc, người không biết chữ dễ nhớ, người bất cứ nước nào, chỉ cần biết mặt chữ cũng đọc ngay được, trẻ con mới bập bẹ đã đọc đúng. Còn cái giá hàng nhà Bata bao giờ cũng lẻ 9 hoặc lẻ 1, cùng lắm lẻ 5. Mua đôi giày đồng chín

người mua không nghĩ đến sắp mất hai đồng. Và nếu giá đôi giày là năm đồng một, người ta cũng coi như nó chỉ quanh quẩn năm đồng. Triệu phú mà láu vặt, giỏi thật.

Tôi lại phải học cho biết hãng Bata có một đội tàu bay riêng để tải hàng, có mấy cái tàu bay sang trọng để ông chủ đi kinh lý các cửa hàng trên toàn cầu. Ông chủ Bata có cả một thành phố nhà máy làm giày, thành phố Zlin ở nước Tiệp. Nhiều nước, như nước Pháp, ông chủ Bata cũng có nhà máy. Tư sản Pháp hùn vốn, thế là giày Bata vào nước Pháp và thuộc địa Pháp chỉ trả thuế theo hàng nội địa, không phải thuế nhập khẩu. Cái giày vải Bata làm ở Pháp. Cái giày da là giày Bata làm ở Tiệp. Hãng Bata có chi nhánh trên khắp trái đất. Tiền lãi nó thu chẳng cần biên giới nước nào. Trụ sở chi nhánh ở Hồng công và Tân gia ba có chân rết cửa hàng ra khắp các nước Viễn Đông. Ở Đông Dương, từ Huế trở vào, cả Sài Gòn và Nông Pênh, thuộc chi nhánh Tân gia ba, Hà Nội và Vinh Chấn thì sở chính đóng ở Hồng công.

Tôi lại phải học cho biết cả đến một nhân viên bán hàng còm mạt hạng như tôi tháng chỉ được sáu đồng bạc lương lĩnh xé ra làm bốn lần, tôi cũng “được” vua giày Bata bên nước Tiệp cho phép “vui lòng” hàng tháng trích phần trăm tiền lương của tôi để góp vào vốn cho hãng, làm giàu cho hãng chính. Cứ đến kỳ lĩnh hơn một đồng bạc lương của tuần lễ sau cùng, ông Xá chánh kế toán lại khấu của tôi năm xu để đóng góp vào quỹ hãng Bata bên tận thành phố Zlin nào ở nước Tiệp xa xôi. Hàng triệu con người làm nhà Bata trên thế giới đều bị vui lòng hùn vốn thế. Người ta cắt nghĩa đấy là tiền của thợ góp vốn vào nhà máy, rồi sau này thợ cũng thành chủ và khi về hưu có lương hưu to? Ở bên nước Anh bây giờ đã có nhiều thợ có cổ phần thành chủ - trong sách lịch sử nhà Bata bảo thế. Những chuyện xa quá với tôi.

Được ba tháng, tôi rời cửa hàng cậu Quáng, về cửa hàng giày ở phố Hàng Khay - chỗ hiệu ảnh Quốc Tế bây giờ.

Ông chủ nhất người Tiệp thấy tôi vỗ vế tiếng Tây bèn cho xuống bán hàng dưới ấy. Đây là một cửa hàng sang, nhà lát đá hoa và khách hàng phần nhiều là tây đầm.

Tôi đi khỏi Hàng Đào, cũng như khi đến, chẳng gây xúc động gì cho cậu Quáng và mọi người. Cậu Quáng cười cười bước ra, giơ cái cổ tay có chiếc xích vàng choé. Tưởng cậu tiền tôi, kỳ thực mắt cậu ấy lạc sang cửa nhà cô Bích và cậu ấy cố chìa cái xích vàng cho cô ấy trông thấy. Ba anh em nhà bán hàng vẫn thế. Con mắt toét nheo nheo của người anh Cả. Vẻ mặt ái ngại nhìn tôi của người em út. Họ vẫn nửa thương nửa chế nhạo tôi, mặc dầu tôi đã được lên làm việc ở cửa hàng chính.

Quả thực, cửa hàng này nhiều khách sang. Những người bán hàng đều ăn mặc lịch sự, thắt “nơ” hay đeo cà vạt cẩn thận. Không ai đóng áo the, đi guốc gỗ mộc như các anh dưới Hàng Đào, như tôi.

Cái khó nhất cũng không phải chỉ có một việc ấy. Đến chỗ mới, tôi lại phải có bài học mới. Bài học nghề là cách đi giày, cách buộc dây giày và gói hàng cho khách - khách sang trọng phần đông là người nước ngoài.

Cửa hiệu Hàng Đào lắm khách, nhưng khách tạp, chỉ mua giày vải. Dưới Hàng Khay toàn khách nhiều

tiền sắm giày da.

Một “bà đầm” khệ nệ bước vào. Bà đến thẳng ghế ngồi kê chân lên, đợi thử. Tôi chạy vào dây bày giày nữ. Có đến hơn ba chục kiểu giày nữ bốn mùa khác nhau. Nếu tôi giỏi biết lựa ý khách, tôi chỉ mới bưng ra một thứ có thể bà khách đã ưng liền. Biết bao giờ cho tôi được cái giỏi ấy. Tôi không thể biết cách nào, tôi cứ cầm hộp vắng mạng ra.

Bà khách nọ muốn thử đôi giày trắng da “pô đờ danh” gót thót có một hoa nhỏ viền đầu mũi mà tôi vừa mở hộp giơ cho bà xem. Bà toét miệng cười bằng lòng. Tôi hồi hộp quá.

Bây giờ đến cái khó thử giày.

Tôi ngồi chiếc ghế đầu thấp nhỏ trước cái ghế bành khách ngồi. Tôi đã được anh Cả ở Hàng Đào dạy cho cách bán và thử giày cho Tây đầm. Phải ngồi ý tứ, khép nép và ky nhất, không được cúi xuống, nhìn ngược váy. Bà khách đã từ cái ghế bành tựa lưng, giơ thẳng bàn chân nung núc sang miếng cao su đệm nghiêng trước ghế tôi, để cho tôi, tay cầm sẵn cái đốt nhẹ nhàng đặt giày xuống, khéo sao cho cái đốt chưa đụng đến gót mà chân khách đã lọt êm vào chiếc giày thử, khéo sao bàn tay dường như chưa mó đến cái cổ chân béo hay gầy, trơn mịn hay mụn lở của khách mà đã thử xong. Rồi cách buộc dây giày chéo cánh bướm mà không tụt, cách dứt sợi dây gai buộc gói hàng cho gọn như không. Đây là những việc quan trọng của nghệ thuật bán giày mà hai bàn tay lấy bấy của tôi lúc nào cũng ngần ngại lắm.

Và cao hơn nữa là cách tán, gạ khéo léo đến độ dù giày chật hay giày rộng, dù mép có vướng chai chân mà khách cũng phải thích mua. Tài nghệ đến thế thì vô cùng.

Tôi chưa dám mơ màng chút nào tới nghệ thuật cao siêu vậy. Tôi còn ở mức lo đưa giày cho khách ưng, thử giày, thắt dây giày, dứt dây gai buộc hàng. Mới chỉ vài cái vật ấy đã làm tôi lo rủ cả người ra và chỉ trông chờ ở may rủi nhiều hơn.

Tôi càng phục ba anh em bán hàng ở cửa hàng Hàng Đào. Tôi đâm ra oán tay chân tôi vụng dại. Tới mà đi bán giày thế này từ những năm trước, ví như tôi bỏ học từ năm lớp ba lớp tư mà đi bán giày, chắc giờ tôi cũng đeo cà vạt, thắt nơ, mặc quần tây là cứng nếp, đứng bán hàng chính giữa cửa hiệu.

Tôi lúng túng và tủi thân.

Một hôm, bà chủ hiệu giày - chủ hiệu giày Hàng Khay là một bà, bà Hiếu gọi tôi đến bàn giấy.

- Tôi bảo anh nhé.

- Vâng ạ.

Tôi hồi hộp. Tôi mang máng một điều không may đương chờ. Tôi ngờ lại có một việc lờm lợm tương tự việc cậu Quáng bảo đứng huýt sáo ngoài cửa cũng nên. Cứ lo lắng cho cái thân phận mình bấy lâu, tôi đâm

ra có thói quen mê tín hay đoán, hay xem tướng. Trông nét mặt, dáng người hoặc chuyện với ai mà câu đầu đã ngắc ngứ vớ vẩn, tôi cảm thấy là sai rồi.

Lúc này, nét mặt bà chủ nghiêm lắm. Làn da trát phấn mà vẫn nhợt nhạt, cặp môi bà đỏ dừ.

- Thường ngày anh mặc quần áo ta?

Tôi không hiểu bà Hiếu hỏi thế là ý thế nào. Tôi không trả lời được. Bà lại nói:

- Thôi thế anh lại cứ mặc áo ta như thường ngày. Ở đây tây thì ra tây, đừng mặc thế này mà bắn mắt khách hàng của tôi. Mà cũng không phải vì anh mặc áo ta mà tôi đuổi anh đâu!

Tôi ngượng quá, chắc trông cái quần tây tôi đi mượn, bà Hiếu chán lắm.

Chỉ vì tưởng lên đây phải mặc tây nên tôi mới phải cố thế.

Cái thắt lưng lỏng, lúc lúc lại tụt, lại phải xoay người, núc lại. Gấu quần đã xố hết, lại lấm và lứt mướt - thật bẩn, thật không lịch sự với khách và có lỗi với bà chủ.

Đến lúc về nhà soi gương, tôi mới biết tôi còn phải xấu hổ cả vì hai cái tai cổ áo. Nó vốn là áo cánh, di Niêm đã nhanh chóng biến thành áo sơ mi, chỉ việc khâu vào cổ áo hai cái tai vắt vẹo.

Rồi tôi cũng không đậu lâu ở cửa hàng phố Hàng Khay.

Vì tôi ăn mặc làm bắn mắt bà chủ hay vì bán hàng vụng cũng không biết. Tôi chỉ biết tôi được gọi về làm ở bàn giấy hăng ở phố Giảng Sô le - Hàng Bông Thợ Nhuộm. Làm cậu ký thì có vẻ, nhưng không được tiền hoa hồng như đứng cửa hàng.

Công việc bàn giấy ở hăng của tôi khá buồn tẻ.

Bàn giấy hăng có ông Xá chánh kế toán, ông Dị chánh thủ kho, ông phó thủ kho và một lũ phụ kế toán, phụ quản trị, cái kho và lão Tây đen gác kho. Ông Xá có cái xe nhà sơn cánh gián đi làm. Chắc ông ấy giàu, mà nom ông ấy gầy nhom. Thỉnh thoảng, ông hay khạc ra đờm lẫn máu quệt vào một mảnh giấy, xong ông giơ lên nhìn tận mắt rồi mới vứt vào sọt rác. Ông bảo không phải ông ho lao. Còn ông khạc ra máu vì bệnh gì thì không biết.

Khuất trong vách tường ngoài phòng, đối mặt vào một cánh cửa đã đóng đinh vít kín, tôi ngồi vào một cái bàn ở trong xó.

Hôm mới về làm ở sở chính, tôi đã thấy đầu bàn có một gã trạc tuổi tôi. Nhưng mặt nó sừng sỏ, đen rám. Bên thái dương, có một cái sẹo to bằng đồng bạc đồng. Thoạt trông cũng biết là một thằng bướng. Nó ngồi làm theo kiểu mà không bao giờ tôi dám bắt chước.

Hai chân Long ghếch ngược lên, cao hơn cái máy tính như hai cái cọc. Lưng Long ngả ra như người nằm. Một tay Long đen đét vỗ muối, một tay Long ung dung và trễ nải y cái máy cộng. Giống muối trong xó tối bụng vằn, to lằm, đốt đau như người ta châm diêm làm “muối Sà goòng” vào bẹn.

Hàng ngày ông Độ phụ kế toán đưa cho Long một chồng những giấy chi chít lòng bông từng cột số. Long làm việc phụ của ông phụ kế toán, cả buổi chỉ có việc ngồi quay cái máy cộng. Cộng chưa khớp con số đúng thì cộng lại. Nó cởi trần rút chân xuống. Tưởng Long mãi làm, nhưng Long hạ chân vạch đùi ra, bầy muối đến đậu để đập cho khoái tay.

Việc càng túi bụi, Long càng làm mọi cách cho ung dung.

Nó bảo: “Phải thế chứ? Mày bắt ông khổ suốt đời vì cái thằng Bata à?”. Long còn dạy tôi quay máy, đưa tôi cộng hộ để nó chống tay lên má ngồi ngủ mà không ai biết.

Tôi đến sớm, tưởng Long cũng đến sớm. Nhưng tôi ngồi hì hụi làm một lúc vẫn chưa thấy Long. Lệ đi làm ở sở Tây rất chặt. Đi chậm giờ phải phạt tiền, có khi bị đuổi, tôi ngờ nó ốm. Tôi lại ngờ nó láu cá, xỏ tôi, bắt tôi đến trước làm hộ.

Bỗng nghe ngoài cánh cửa văng tiếng gõ “cạch, cạch”. Rồi tiếng gọi khê: “Mở cửa tao. Nhắc cái đình ra? Nhắc sẵn rồi đấy? Nhắc ra?” Tôi kéo nhích bàn rồi hạ cái máy cộng và sổ sách xuống. Thì ra cái đình vít cửa đã tụt nỡ từ bao giờ. Long đã nạy sẵn.

Từ đấy, chúng tôi có cái cửa bí mật, thật tiện. Không cần qua cửa chính, chúng tôi thay nhau đi muộn. Không cần lo đi làm trễ bị Tây đen gác cửa kho hay bô báo, cứ trông giờ muộn cúp lương.

Việc của tôi khác Long. Tất cả việc tôi nằm trong một đệp dày những chiếc bìa cứng. Vác hai ba vác bìa lên bàn, chồng đồng, lấp cả mặt, vẫn chưa hết. Mỗi ngày tôi ôm ngoài bàn giấy vào từng tập các thứ báo ta, báo Tây, báo Tàu, báo Anh ở Hà Nội, ở Hồng công. Tuy nhiều báo các thứ tiếng vậy mà công việc tôi chẳng dính đến chữ nghĩa nào cả. Hễ số báo nào đăng quảng cáo của nhà Bata (nhận ra, vì thấy hình vẽ hoặc ảnh đôi giày và chữ Bata) thì tôi cắt ô quảng cáo ra, để ngày tháng lên mép giấy rồi dán vào tập bìa. Hết bìa này bìa khác, ngày nào cũng có báo mới, ngày nào cũng cắt và dán dán hàng chục quyển dày cộp, để gửi đi Hồng công, để gửi về nước Tiệp, đại khái biết thế.

Cắt và dán vậy không cần khéo tay, tôi không phải học ai. Chỉ riêng nấu hồ dán, Long dạy tôi một mẹo. Buổi sáng tôi đi lĩnh bột, cho muối vào, đun một xoong hai thăng cùng ăn như ăn bánh khoái. Đến xoong thứ hai mới cho phèn vào bột, xoong ấy mới là hồ dán.

Tiếng ve mùa hè kêu long óc trong hàng sấu âm u quanh cái vườn cây nhỏ tựa lưng tường nhà Hoả Lò trước mặt tôi.

Công việc càng nhặt nhều, nếu không thỉnh thoảng có ông chủ Tiệp ở trên gác xuống bảo đi lấy quần áo

giặt hoặc sai dặt con chó của ông ra ỉa đái ngoài vườn hoa.

Việc tôi làm không gấp rút gì cả, tôi thường được ông Độ phụ kế toán cho đi lấy, đi đưa đồ giặt là và dặt con chó lại ra vườn hoa ngửi cỏ.

Đi lấy quần áo thì dễ, nhưng lại tay xách nách mang, rất linh kinh. Thường một tay bưng chõng nệm trải giường, khăn bàn, khăn tắm, cả sơ mi và quần áo ngủ, một tay cầm nạm mắc quần áo, trên treo từng bộ. Tôi cứ phải giơ thẳng cánh tay lên như bà vãi cầm phướn đi cầu ở cái đám ma, đám rước tháng bảy.

Dặt chó thì tôi đã có phép. Con chó tây này cao lêu đêu ngang lưng tôi. Suốt ngày nó bị nhốt trong xó cạnh nhà tắm, chỉ khi chủ dặt đi chơi mới được theo. Hôm nào chủ không đi, tôi phải giải chó ra vườn hoa ngay trước cửa, cho chó dạo vài vòng ngửi cỏ và cho khỏi cuồng chân rồi chó ghếch chân đái vào gốc cây.

Tôi cứ cầm hờ hờ cái xích dong con chó đi. Giống chó hãm cũi thường hung hăng lắm? Tôi khiếp con chó hãm cũi. Coi chừng! Chó có thể cắn lòi mỡ, què gãy ngay lập tức. Nhưng tôi đã có mẹo của tôi. Tôi định hể con chó nổi giận sắp đập tôi thì tôi buông mẹ nó cái xích ra. Cho nó chạy đâu thì chạy, còn tôi sẽ ra sao thì ra. Tuy vậy, con chó to mà lại dần. Việc tôi lo không xảy ra lần nào.

Dần dần những công việc sai bảo trên dâm ra buồn chán cũng không gợi hứng thú thay đổi chút nào cho tôi. Mà càng tẻ nhạt, mĩa mai, chua xót.

Rồi ngày ngày còn lại đối với tôi và thằng Long, hai con người thừa ngời trong xó nhà và quả là chúng tôi chỉ thấy cuộc đời ở đâu ngoài đường phố, chứ không phải ở xó tổ muỗi này.

Hình ảnh quyền rũ khơi gợi nhất đối với chúng tôi vẫn là ông còmprado của hãng. Ông còmprado đi chào hàng tên là Cung. Ông chạy hàng xách, không lương, sống bằng tiền hoa hồng. Chào bán giày, đặt giày ở hiệu tạp hoá các nơi. Luôn luôn đi, ông Cung quanh năm đi chào hàng các tỉnh ngoài Bắc - không vào Nam, vì trong Nam, các cửa hàng thuộc chi nhánh hãng ở Tân gia ba, đã có bao nhiêu còmprado khác.

Ông Cung cặp cái cặp da màu nước dưa đã cũ, toạc cả bốn mép, trong đựng mười đôi giày vải cùng ít sách quảng cáo kiểu giày. Ông Cung thắt cà vạt đen, đeo kính đen, như kiểu cách ăn mặc thời ấy của những người hay chơi chùa, coi đời không bằng nửa con mắt, cà vạt và kính đen để tang cuộc đời.

Mỗi lần về hãng, quần áo nhàu bẩn, đôi giày trắng đen xỉn và sồn lõ ngón út. Nhưng sự xuất hiện của ông Cung như một làn gió đổi mùa. Tất cả những cái xấu xí nghèo túng ở mẽ ông, từ nơi xa xôi nào đến trong con mắt tôi, trở thành sức lôi cuốn khác thường.

Những kẻ chưa bước chân đi đâu bao giờ như tôi, đã trông thấy trên người ông Cung những thứ không ai trông thấy. Cặp kính đen bí mật, vẻ khinh khỉnh, cũng như đôi giày thùng vệt gót giang hồ hay tờ giấy đi đường của ông Cung nộp cho sở để lấy lộ phí ứng trước, bao nhiêu tên thị trấn, tên thành phố bao la “gió bụi dọc đường” mà tôi thềm biết. Chúng tôi mơ ước được thấy Hải Dương, Hải Phòng, được đi Móng Cáy

hay tới Luang Prabang, Viêng Chăn, Tà Khét trên bờ sông Mê công và thị trấn Sầm Nưa trong rừng thẳm, mà ông Cung chào hàng vừa ở đấy về đây. Mới nghĩ đã thích rồi.

Long hoan nghênh cái thích ấy theo cách riêng. Một hôm Long đến bắt tay tôi.

- Tớ đi đây.

- Đi đâu?

- Vào lính.

- Đi lính? Sao lại đi lính?

- Đi cho nó biết đó biết đây.

Long không nói nhưng tôi biết Long còn đói khát lần hồi hơn cảnh tôi. Trả lời chót nhả và mĩa mai thế thôi. Long tính phải làm bước liều hơn sống mòn mỏi thế này. Rồi Long có vào lính hay không, vào lính chào mào khố đỏ hay khố xanh chân chì không biết. Cũng không bao giờ tôi gặp lại Long.

Ngoài kia, khắp nơi trên đất nước đâu đâu cũng nhốn nháo đổi thay. Long đã bỏ đi rồi. Chỉ còn một tôi ngồi lại.

Không đi muộn được vì không ai mở cửa hậu hộ. Không ai nhìn đến tôi, tự mình cũng cảm thấy người ta càng coi mình rẻ rúng hơn, vì mình không đủ can đảm bay nhảy đi đâu (ít nhất cũng như Long). Cho nên mới đành phải chịu ngồi đóng đinh câu rút trong cái xó này.

Ông chánh kế toán bảo tôi đi các tỉnh tính sổ đại lý. Đại lý nhà Bata đặt ở những hàng tạp hoá tại nhiều tỉnh. Lệ thường, thỉnh thoảng có người của hãng đến tính sổ hàng bán được, xem xét giày xấu, giày hỏng, để loại ra bán “xon” rồi thu tiền gửi nhà băng ở đấy.

Tôi ra bàn kế toán xem qua loa cách tính sổ, làm anhvăngte. Rồi nhiều lần đi Hải Dương, Thanh Hoá, Vinh và Móng Cáy. Nhưng chỉ đi tính sổ ít lâu, tôi đã thấy tất bật chán ngắt. Ô hay, dạo trước chỉ mong được bay nhảy như ông Cung còmprado, bây giờ được đi như ông Cung, mà sao tôi lại vẫn nhớ một ông Cung giang hồ nào đó như con bướm mơ hồ kia.

Mỗi chuyến đi, tôi cặp bọc quần áo, xách một lô báo Tiểu thuyết thứ bảy mua ở cửa hàng sách cũ, nhà Hương Sơn phố Hàng Bông. Những số báo Tiểu thuyết thứ bảy năm ngoái năm kia, từ số 1, số 2 ra năm 1933, khi tôi còn mài đũng quần ở lớp ba trường Yên Phụ. Báo đã hỏng, mất bìa, rách ruột, nhà báo đem bán cân làm lễ giấy. Mua báo cân thì rẻ chỉ kém vui là phải đọc chậm vài năm trở ra. Báo mới, báo cũ cũng thế thôi, tôi mãi mê đọc, không để ý điều đó.

Trên tàu hỏa tốc hành đi Vinh hay trong khoang tàu thuỷ Tây Diệc đi Móng Cáy, qua đường đồi Đồng

Giao tràn lan cỏ tranh hay vào vùng bể Bái Tử Long đêm trăng sáng, tôi nghiêng ngầu hàng chồng báo Tiểu thuyết thứ bảy bán cân.

Không phải tôi ham những chuyện tình nước mắt mòng sâu của Hán Thu Nguyễn Tiến Lãng hay cái “xã hội ba đào ký” của Nguyễn Công Hoan, mà tôi mãi đọc Hoang Giang nữ hiệp, in đều kỳ ở báo. Bởi tôi cũng đương viết truyện “kỳ tình võ hiệp”. Tôi muốn xem cách người ta làm truyện kiếm hiệp thế nào. Tôi còn học cách viết “trường thiên ái tình tiểu thuyết” chống xã hội của Chàng Sếu (Nguyễn Đức Quỳnh) đăng trên báo Loa mà tôi thích nhất chương “Bọt bể”, nhật ký của người lính thủy.

Tôi vừa viết xong một truyện võ hiệp. Viết theo lối nửa Thủy Hử, nửa Càn Long du Giang Nam. Đúng ra là tôi bắt chước truyện kiếm hiệp ba xu một số, quyển Người đẹp mài gương của Tân Hiến và truyện Gươm cứu khổ mà tôi mê từ hồi học trường Yên Phụ. Các tay kiếm khách giang hồ của tôi không phép thuật hoang đường. Truyện của tôi có quán rượu có đánh chén, có trọng nghĩa khinh tài, các kiếm khách nhảy từ trên gác tửu lâu xuống đánh nhau, rồi nhận nhau, rồi kết nghĩa, hẹn nhau cùng đi trừ gian làm phúc cho đời...

Tôi không nhớ cuốn truyện kiếm hiệp của tôi tên là Tráng sĩ Rừng Thông hay Sơn Lâm hiệp khách nhưng tôi nhớ đã viết nhiều đoạn giang hồ mãi võ trong lúc tôi còn ngồi dán quảng cáo giày Bata lưu trữ ở góc buồng bàn giấy, từ hôm vắng Long.

Tôi đem bản thảo quyển Tráng sĩ Rừng Thông đưa cho cửa hiệu nhà thuốc Đại Quang được phòng phố Hàng Ngang.

Năm trước tôi đã đọc truyện Gương vỡ lại lành và vỡ cái lương Kiều đi Thanh Minh in trong sách quảng cáo của các nhà thuốc Nhị Thiên Đường, Đại Quang được phòng. Tôi chưa nghĩ đem truyện đi đăng báo, đăng báo chắc khó. Tôi đoán đưa in kèm ở các sách quảng cáo thuốc có thể dễ hơn.

Một chú khách xệ bụng, áo may ô trắng, quần ngủ kẻ sòng sọc, đứng trong quầy hàng, bốn phía tủ gương choáng lộn, hỏi tôi:

- Mua gì?
- Tôi gửi chú cái này.
- Cái gì?
- Cái quyển in sách quảng cáo.

Nửa tháng sau, tôi lại qua phố Hàng Ngang. Vẫn chú khách béo bệu nhợt nhạt ấy. Trông thấy tôi - gớm, chú khách nhớ thế, chú rút ngay cuốn truyện vẫn cuộn tròn nhét ở khe tủ, và nói:

- Cái “lày” không được, cái “lày” không được đâu.

Không hiểu vì sao không được, không bao giờ tôi hiểu.

Rồi ông Xá chánh kế toán lại không cho tôi đi các tỉnh làm sổ. Chỉ vì sổ tiền đi đường đã quy định cho người đi tính sổ, tôi thường tiêu mức nhiều nhất. (Là bịa thêm ra vài ba hào để mua báo bán cân) có thằng Sửu ở bàn giấy cũng đi làm sổ thế nhưng tiêu ít hơn tôi. Thế là tôi bị thằng Sửu đoạt mất chân lông bông các tỉnh.

Nhưng tôi cũng không phải trở về ngồi xó buồng dán giấy lưu trữ quảng cáo... Tôi đổi sang chạy đi tính sổ cho các hàng tạp hoá bán kèm giày Bata ở Hà Nội. Có độ mười nhà. Mỗi đại lý có vài chục đôi giày, hàng tháng đảo qua, lên sổ một lần, nhoáng một cái đã xong.

Tôi đi dong phố cả ngày. Thì giờ nhiều nhất tôi cuốc bộ lên ngồi dưới bóng những cây sấu âm u, trong tiếng ve sầu ảo não vườn Bách Thảo. Tôi lại đọc những tờ Tiểu thuyết thứ bảy bán cân, đọc báo Loa, xem truyện Sống mà yêu, tiểu thuyết ái tình chống xã hội của Chàng Sếu. Đọc hết lại nghiền lại Không phải vì thích, mà chỉ vì không có báo mới, mà tôi thì lúc nào cũng khát đọc.

Ông chánh kế toán gọi tôi:

- Ông chủ cho anh xuống làm cửa hàng Nam Định.
- Nhưng tôi không có tiền ký quỹ.
- Cứ đi! Hăng dương cần. Cũng là dịp may cho anh.

Chao ôi, thế là tự dưng mà tương lai tôi có thể bước tới chỗ của cậu Quáng chủ hiệu Hàng Đào, của bà Hiếu sang trọng cửa hàng Hàng Khay. Tôi sắp được đi làm chủ cửa hàng Bata ở Nam Định. Người quản lý cũ, lão Quế, là một gã chơi bời. Lão ta ăn cắp bằng cách đánh tráo sổ sách. Sở chính biết mà chịu. Chỉ có cách đuổi lão đi.

Nhưng tôi cũng chỉ có sổ ở Nam Định làm chủ hiệu chưa được nửa năm, rồi lại lủi thủi về. Chỉ vì, mỗi lần, trên sổ chính xuống soát sổ, khám hàng, thấy trong giá nhiều hộp giày chỉ còn một chiếc. Người ta làm biên bản. Tôi ăn cắp giày hay người quản lý cũ? Cái tội tôi đã vô ý, những cái hộp đựng một chiếc giày ấy vẫn thế, lúc nhận bàn giao của lão Quế tôi chưa đếm đến. Nhưng tình ngay lý gian. Hay vì tôi bán hàng bị mất cắp. Hay vì sao, vì sao... Tôi chỉ biết thế là tôi mất tong chân chủ hiệu hờ và phải về nai lưng ra đi làm đền.

Tôi về Hà Nội, ngày ngày đi làm. Tôi không được ở bàn giấy nữa. Tôi phải phạt, phải vào làm kho, khuôn vác nhật nhật, cũng từa tựa cu-li kho. Mỗi tháng sáu đồng tiền lương, chủ Tiếp trừ ba đồng. Có lẽ phải vài ba mươi năm mới hết nợ.

Ông chánh kế toán bảo tôi:

- Anh ăn cắp hay anh mất cắp, người ta không biết, không cần biết. Đằng nào thì hãng cũng mất của. Nhưng ông chủ không bỏ tù, lại cho đi làm trừ nợ, thế là phúc nhà anh to lắm.

Ông ấy kể suốt nữa ông ấy cũng phải vạ. Vì đã có công bầu chủ cho tôi. Ông chánh kế toán cốt cho tôi hiểu cái tử tế của ông chủ, ông ấy không đánh tôi, ông ấy chỉ vạy tay tôi một cái và tôi không bị tù. Tôi may lắm, nhờ được ông kế toán, che, đỡ cho. Nhưng tôi cũng hiểu cứ tháng bị khấu nghiền đi nửa lương thế, phải bao nhiêu năm nữa mới đủ bù hết nợ chỗ tiền giày hựt. Không biết rồi làm thế nào?

Ngày lại ngày.

Tôi vui đầu trong kho. Bên trong cánh cửa nào cũng toàn những đồng giày xếp chất ngất áp trần nhà. Giày ôi là giày mùi cao su, mùi hộp giấy của các loại giày cao su, giày vải giày đế kép, giày nhựa giả cao su, giày da, giày giả da, giày than đá giả da, dầu lửa giả da, miên man các thứ giày đang dìm người ta chết ngạt trong những nhà kho dài như con đường hầm tức hơi kín bưng từ bên phố Hàng Khay đâm sang phố Ca-rô. Những người cu-li vui mình nằm ngủ lén trong đồng giày chẳng khác những người chết đói trên đồng rác.

Giày ôi là giày, thế nhưng ở giữa lù lù những gò giày, núi giày, cái hơi sơn, hơi da, hơi thuốc kỳ quái và những hàng con số, những chữ lạ lùng, tôi lại nhìn ra trong bóng mờ mờ ngập đầu, hiện hình những đất nước và sông núi xa xôi quá. Tôi thấy thành phố Zlin tấp nập thợ đóng những đôi giày khổng lồ phải đến ba bốn người trèo lên mũi giày mới khoan được một lỗ kim để xỏ dây khâu, kỳ quái như trong truyện Du ký Guylive, thành phố Zlin bên nước Tiệp có những khoảng trời xanh và những cột ống khói phun ra cả nghìn vạn đôi giày.

Không bao giờ có thể tưởng được ngót ba mươi năm sau có lần cái người làm công hạng bét cho hãng Bata ở xó xỉnh Đông Dương này tôi được có dịp đặt chân đến thành phố Zlin thủ đô giày, có trường đại học giày ở nước Tiệp.

Những ý nghĩa và tưởng tượng vừa kỳ quặc, vừa đau khổ những truyện thế giới đại đồng rất say sưa hồi trước, bấy giờ chúng tôi lại ngồi kể lại với nhau trong cái kho giày tối om.

Bởi vì tôi gặp lại trong kho giày nhiều anh em thợ, những phu khuân vác có chân Ái hữu thợ giày hồi phong trào Bình dân. Chúng tôi ngấm nhiên coi như đã hiểu nhau, mặc dầu trước kia không quen biết. Chúng tôi cảm thấy những chuyện thế giới đại đồng bây giờ mờ mờ như chuyện cổ tích, không còn sôi nổi như năm trước. Xã hội tương lai của người ta ở đâu trước mắt chỉ thấy chiến tranh tứ phía rồi ai cũng cảm thấy và không biết còn nhiều chìm nổi đến thế nào.

Một hôm, tôi đương dọn kho, vớ được tờ báo Đông Pháp. Tin nói bên Tây quân Pháp đương đánh nhau với phát xít Đức ở vùng chiến lũy Maginô. Tin từ bao giờ mà tưởng mới hôm qua.

Tôi băng khuâng, mừng mừng lo lo. Chiến tranh lan rộng nghĩa là một cái gì đổ vỡ, đổ vỡ lung tung, có

thể làm tan biến những cái tù túng, cái khốn khổ khốn nạn này. Có lẽ thế. Có lẽ thế.

Từ dạo còn ở dưới Nam Định, tôi đã thấy ban đêm có bóng đèn xanh phòng thủ, có tàu bay bay tuần, thế mà ở đây có thay đổi gì đâu. Cuộc đời trong kho hàng cứ ngày một rúc ráy... Một tháng trừ nợ ba đồng, mất đứt nửa lương.

Tôi ngao ngán quá. Một chiều kia, tôi quyết trốn khỏi cái kho giày phố Hàng Khay hắc xì mùi cao su và mùi giày hộp.

Tôi bỏ việc. Nhưng tôi chỉ bỏ việc được mấy ngày, rồi lại loanh quanh lẫn thần nghĩ “Không có ba đồng một tháng đưa cho nhà thì cũng chết dở, thế là tôi lại lù lù đến. Hôm ấy tôi mới thấm cái lo của người mất việc. Ông chánh kế toán đẩy tôi ra tận thềm hè, xua xua tay:

- Tôi xoá sổ lương anh rồi. Ông chủ mà trông thấy bây giờ thì anh tù mọt gông. Anh còn phải ra toà nữa. Cút ngay đi!

Thế là tôi mất việc, có khi còn phải ngồi nhà đá nữa. Hai chữ “mất việc” rùng rợn ùng ục trong đầu. Đầu tiên tôi không dám nghĩ rõ ra thế.

Không phải ông chánh kế toán dọa tôi. Mà lão Tây Tiệp chủ hãng còn gửi giấy đòi tiền và báo sẽ đưa ra toà vì thiếu nợ. Bấy nhiêu lâu tôi làm nhà Bata, có góp vốn sang tận Tiệp cho hãng chính mỗi tháng năm xu trừ vào lương cẩn thận, mà tôi cũng chưa từng hăn mặt lão chủ Tây Tiệp ở đây. Cái thư dọa bỏ tù ấy là kỷ niệm cuối cùng.

Tôi không sợ. Tôi không sợ bị kiện bằng sợ mất việc. Tôi đương phải đối phó trăm nghìn cái lo khác, chỉ vì mất việc.

Bởi vì sự thực là đương mất việc rồi.

Cái lúng túng nhất là mất việc mà không dám nói với ai ở nhà. Vẫn đóng vai đi làm, ngày hai buổi vẫn đi đều.

Ngày ngày, tôi cuốc bộ vào thành phố, tha thần các vườn hoa. Tôi xem kiến bò đến tận hôm tôi có thể phân biệt rạch ròi ra từng loại kiến xây tổ khác nhau. Quả sấu từ ngày rụng mắt cho tới khi vàng vàng, quả sấu chín. Nước phun ở vòi và nước phun ở mõm con cóc ra có khác nhau tý nào không. Tôi ngồi chơi cách cái lưới sắt với hổ, với khỉ. Nhìn ông hổ nhe răng gầm ghè mà không làm gì mình được. Tôi thăm thía người ta đặt tên cho người thất nghiệp lang thang là thằng “xỉa răng cộp”. Có lần tôi trông thấy người thất cố bụng chân lơ lửng trên ghế xi măng ở vườn Bách Thảo. Tôi đứng xem cái xác một người đàn bà mặc áo the dài trăm mình chết nổi dưới những tàu lá sen Hồ Tây, cho đến lúc người ta khiêng đi.

Ở vườn hoa Con Cóc, vườn Canh Nông, vườn Bôn Be vườn Đầm Xoè lượn lờ ngồi cả buổi cả ngày thì chỉ có là mật thám hoặc người thất nghiệp mới thông dong ngoài đường vào lúc đương giờ làm như thế.

Tôi lại muốn viết truyện kiếm hiệp. Nhưng trong lòng bối rối không yên. Có hôm ngồi cả buổi trên đỉnh cái núi đất vắng vẻ trong Bách Thảo cũng không viết được một chữ. Thì giờ trống rỗng, không nghĩ ra điều gì, cũng không đọc được. Dần dần chỉ còn chổng chất lại những lo sợ, những hốt hoảng không đâu. Nhưng lo thế nào cũng chẳng nảy ra đồng tiền và chẳng đổi khác nổi những ngày rồi rã đằng đằng đi được.

Buổi chiều ấy tôi vừa về đến nhà, ông lý Sùng đem tờ giấy sức gọi tôi lên hầu phủ.

Cả cái xóm nhỏ xôn xao. Quan phủ có trát đòi việc gì.

Đến chỗ công môn bao giờ cũng chỉ là có chuyện bất trắc - xưa nay vẫn thế. Bà ngoại tôi đã lại kêu khóc lu loa lên rồi. Có người ngờ là giấy bắt lính. Có người đoán: dạo trước bên Tây đánh nhau, bên ta cấm các hội Ái hữu. Bây giờ quan phủ mới bắt những đứa trước làm Ái hữu lên hỏi tội.

Tôi cũng bản khoản tất cả các việc ấy như mọi người.

Nhưng tôi lại cũng không nghi ngờ gì cả. Tôi đương như người trôi sông, không còn sức quẫy, trôi đến đâu thì trôi.

Vào đến phủ Hoài, mới biết là giấy sức gọi lính thật. Bây giờ, các nơi đương bắt lính sang Tây. Lính khổ đỏ, lính “bị ban”(5), lính “thợ không chuyên môn” lũ lượt kéo đi đã nhiều chuyến rồi. Chuyến này gọi đến người có học lớp nhất ra đi lính “thợ không chuyên môn” ONS, ônet.

Mấy chục người các làng trong phủ đến. Quan phủ ra vừa hiểu dụ vừa rũ tay:

- Trên tỉnh bảo tôi sức giấy gọi các anh, chứ tôi chẳng biết việc gì đâu nhé. Đây là việc quan giám binh. Các anh có muốn kêu cầu thì vào tỉnh mà xin quan giám binh. Không muốn đi, người ta cũng tha về thôi. Không có việc gì ở đây.

Xe ô tô vận tải có lính áp giải chúng tôi đi ngay. Không ai để ý những câu thoái thác mập mờ của tri phủ Nguyễn Hữu Trí ấy đâu. Có lẽ người ta đã nhàm với cách quan dưới sợ việc đổ cho quan trên và quan ta quan Tây đẩy việc như thế rồi.

Vào đến tỉnh, vừa bước chân xuống bãi cỏ, đã thấy ông Tây giám binh rìa vãnh cầm chiếc roi da, từ trong cổng bước ra đến trước mặt, tuôn một tràng tiếng Tây, tôi nghe đại khái:

- Các anh vào lính đương lúc Nhà nước cần. Dịp tốt cho chúng ta bày tỏ lòng biết ơn Tổ quốc Đại Pháp. Và cũng là một cái may. Ở Đông Dương bây giờ kiếm việc làm không phải dễ. Các anh ra đi, khỏi mắc nạn thất nghiệp, khỏi phải về quê làm ruộng. Các anh có chữ, các anh sẽ được làm thông ngôn. Thông ngôn là một nghề có tương lai. Các quan An Nam ngày trước xuất thân đều làm thông ngôn cả.

Nói xong, lão giám binh vãnh rìa, đi thẳng. Mọi người bị lừa ra ngoài sân đứng xúm xít ăn bữa cơm nhà

bình đầu tiên thổi bằng chảo, thức ăn chỉ có thùng nước xuyết lược lòng và muối trắng.

Hôm sau, nhà thương Hà Đông vào khám sức khỏe.

Người ta đồn chiều mai đi ngay Hải Phòng. Một tuần đợi dưới Phòng rồi xuống tàu thủy sang Tây. Cứ rối rít cả lên.

Tôi gầy quá. Hai bên mạng sườn vêu vao như sườn tượng ông Phật “nhịn ăn” trên chùa, nhưng tôi vốn gầy thế thôi.

Ông “đốc tờ” bắt tôi cởi trần ra. Mới chỉ nghiêng mắt kính lên nhắc nhìn tôi, ông ta đã cúi xuống, đánh cái gạch chéo chì xanh vào hồ sơ. Tôi đoán thế là tôi được loại.

Nhưng tôi tò mò và tinh nghịch hỏi:

- Gạch chì xanh thế là tôi vào loại gì ạ?

Lão “đốc tờ” già, có bộ ria “ghi đông” nhọn, bỏ kính ra:

- Mà hỏi ai? Thằng này ở đâu nhằng nháo vào đây?

- Thưa ông...

- Ông cái tiên sư mà ả?

Một người thì vào gáy tôi:

- Bấm cụ lớn... Nói đi...

Thật tình, tôi không biết người ta hàng ngày ở đây gọi lão bác sĩ này là cụ lớn đốc tờ. Làm sao mà tôi biết được người bệnh nào cũng cung kính “bấm cụ lớn đốc tờ”. Tôi còn ngượng miệng lúng túng chưa nhắc lại được như người ta mách, lão “đốc tờ” đã đồn luôn:

- Mà muốn đi à?

- Không... không...

- Thì tao cho mà đi. Cho chết bỏ mẹ mà!

Rồi vẫn cầm cái bút chì ấy, ngược đầu đỏ lại, lão từ từ khuyên một khuyên tròn thật to lên trên cái gạch chéo ở tờ hồ sơ sức khỏe có tên tôi.

Tôi bị đưa ra cạo trọc đầu ngay giữa bãi cỏ rồi được phát một bộ quần áo vàng. Cánh tay tôi đeo cái băng vàng. Cái băng ấy chỉ tôi là lính thông ngôn. Người ta chia cho tôi bảy người lính. Một lính thông

ngôn cho bảy lính. Không ai bảo tôi hiểu thế, lại cũng không biết có phải thật thế không. Chỉ biết rồi đi Hải Phòng, rồi ở đấy xuống tàu thủy sang Tây.

Xung quanh trại lính khố xanh, bên ngoài mấy tầng mắt cáo dây thép gai, lỗ nhố người kêu khóc, người lách rào đưa nải chuối, gói cơm nếp, lại có người treo lủng lẳng cả cút rượu trên sợi dây thép cho người nhà ra lấy. Trong này ném ra bọc quần áo cuộn tròn vừa cỡ lúc này, cho người nhà đem về.

Lính khố xanh gác ngay ở bờ rào. Chốc chốc, người cứ xô đến, lính đánh túi bụi. Đám người nhà lại kêu khóc, lại chửi rửa ầm ĩ. Mỗi hôm người kéo tới mỗi đông. Đến tối, thì có hàng nước chè tươi và đám hát xẩm mò ra kiếm ăn. Như cái chợ con quanh đám bị bắt lính.

Một buổi chiều, tôi trông ra, thấy bà ngoại tôi đã chen được vào tận hàng rào dây thép gai.

Thấy tôi, bà tôi gọi to:

- Cháu ơi! Cháu ơi! ông Tây chủ nhà giày có xin được cho cháu về không? Ông Tây chủ nhà giày ấy mà...

Tôi sắp khóc mà phải mếu máo cười. Cái cửa hiệu Hàng Khay, Hàng Đào, cái kho giày kín hơi hắc xì, cái lão chủ Tây Tiệp mà tôi chưa bao giờ tường mặt lắm, cái thành phố Zlin xa vời, cậu Quáng và con chó tây bị hãm cũi. Tất cả, mờ mờ trong đầu tôi. Lâu nay họ có còn vương vịu gì đến đời tôi đâu.

1969

Chú thích:

(1) Phố Trần Hưng Đạo hiện nay.

(2) Khu vực quảng trường 1-5 bây giờ.

(3) Một thứ vải thô, rẻ tiền.

(4) Một câu tiếng Pháp ý là: Ông muốn đánh bốc với tôi không?

(5) Lính bị ban: lính đã giải ngũ, lại gọi ra.

TẬP TỰ TRUYỆN - TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

4. Hải phòng:

Tôi nhớ đến Cự. Ở trường Yên Phụ ngày trước, anh em đặt tên cho nó là thằng hộ pháp Cự. Vì Cự to lớn nhất lớp. Mỗi ngày không làm ăn gì bây giờ thật là dài. Đây là những người bạn cuối cùng mà tôi điếm mặt. Dù thế nào nó vẫn có giá trị của cái bọt, cái ván mục lều bều trước mặt người trôi sông, lẽ nào tôi không hy vọng.

Tôi đi tìm Cự. Qua cái ao nhỏ, xanh cứng những đám sen Nhật. Một gốc cây gạo to chắn giữa ngõ càng thêm chật chội lối đi. Những chiếc hoa gạo đỏ chói mắt, những con quạ, con sáo rìa hoa rụng xuống, làm cái ngõ lầy lội thêm. Đây là cuối phố Ngọc Lâm bên kia sông, lối vào nhà Cự.

Thằng Cự ở nhà một mình. Nó cởi trần, đánh cái quần đùi đen. Tôi chưa biết mặt bố nó, mà sao tôi trông nó thật giống hệt bố nó. Sự kỳ lạ đó xảy ra chỉ vì mặt nó vẫn bạnh quai hàm như thằng Cự năm trước, nhưng trên mép nó lại lún phún tý rìa. Nói cho đúng, những sợi râu ngô hoe đỏ mọc loảng quảng. Nó già hẳn đi, tiếng nó vỡ, ồm ồm, rề rề, chậm rãi. Không còn cái vẻ thoăn thoắt lúc nó đá cầu, đá bóng đứng “arie”(1), đập cái nào thì gãy “tybịa”(2) người ta như chơi.

Tôi kể với nó là tôi định đi Hải Phòng tìm việc.

Cự bảo:

- Không phải đi đâu cả, mày cứ ở đây. Ổn trên xuống khắp hoàn vũ xa gần. Ổn trên...

Tôi chưa hiểu câu cách ngôn học hiêm nọ. Cự đã lại nói:

- Chúa Giêhôva sẽ cứu mày. Vì lỗi tôi ngài phải hạ trần mày biết không?

Nghe đặc giọng đạo, như thầy giáo Đặng Đình Hương.

Tôi đã hơi hiểu.

- Chủ nhật này mày đi với tao. Mày lĩnh sách nhà thờ đem bán ăn tiền hoa hồng, lấy cái sống đã.

Tôi ngờ ngợ, hỏi:

- Đi có xa không?

- Hàng Da.

Đây là cái nhà thờ đạo Tin Lành cạnh chợ Hàng Da, trên đầu tường có xây quyển sách to bằng gạch, ai đi qua cũng trông thấy. Tôi chưa vào bao giờ. Nhưng tôi biết cái nhà thờ ở đây. Lại cũng biết nó là cái nhà đạo, vì nhiều khi đi ngoài bờ tường hay nghe bên trong có tiếng hát than vãn ề à lẫn tiếng đàn. Thăng Viên bạn lớp tôi ở trường Yên Phụ cũng được đi kéo đàn viôlông ở đây.

Tôi cũng biết những người bán sách đạo Tin Lành thường gặp họ trên xe điện. Người bán sách đạo nào cũng có nước da mai mái, gấu quần và cửa tay áo cẩu ghét về vệt, tóc gọng kính, mặt dăm dăm. Khi nói huyền thiên ba ngôi trời đất cao siêu xong đâu đấy, người bán sách đạo lần lượt đi chìa sách ra hai bên hàng tàu nài người mua. Ít khi lắm mới nhặt được vài ba xu. Khách đi tàu đường Bưởi, đường Hà Đông người đeo dây tơ, người gánh rau muống, gánh giấy, gánh nước vo gạo, còn tất bật lo chen lên chen xuống, chẳng ai rỗi tai mà nghe rao sách đạo. Bây giờ Cư rủ tôi đi bán sách đạo.

Thăng Cư còn nói như đọc lăm nhảm, thì thầm mắt nhìn đi đâu cho đến lúc tôi về. Ra đường, tôi vẫn còn bần khoản.

Tôi không tưởng được sao Thăng Cư lại đi đạo Tin Lành chóng thế. Tôi không thể nghĩ một cái gì đứng đắn về việc ấy bởi vì xưa nay tôi cứ ngỡ việc đi đạo là việc của mấy người lẩn thẩn, bí hiểm thế nào ấy. Lớpбет trường tôi năm trước, thầy giáo Đặng Đình Hương cũng đi đạo Tin Lành. Đến giờ ra chơi, thầy đứng một góc sân, quyển sách che miệng, cứ thì thào nói một mình.

Thầy giáo Hương hiền lành thế mà một hôm cũng có người vào tận trường đuổi đánh thầy rách cả cái áo the. Đây là người bên đạo Gia Tô, đạo có cổ tây, họ bảo Thăng đạo Tin Lành là đạo dối họ đến “đánh chết Thăng đạo dối”(3).

Tôi cứ nghĩ tôi ôm một chồng sách nhảy lên tàu, kể lể những câu bên đạo rồi chào mọi người hai bên mua sách, mà phần nhiều là bà con trong làng tôi xuống Ké Chợ. Tôi thà chui đâu thì chui.

Thế là hết, thế nào tôi cũng phải đi Hải Phòng. Bạn bè cũng đương giúp tôi chuyển đi. Các bạn vừa muốn tôi tìm được công ăn việc làm, vừa đỡ phải cưu mang. Bởi ai cũng đại khái túng kiết sơ mướp như nhau cả.

Lại Phú Cường cho tôi một đồng bạc lấy vé đi tàu. Trước hôm đi, tôi đến phố Bắc Ninh tìm Hồ. Hồ mở màn nhìn ra đường, nói một câu kiểu cách quen thuộc. Nếu mọi khi nghe dễ ghét, nhưng hôm ấy tôi lại thấy cảm động.

Hồ nói:

Lên đường thôi! Thời đại này quả là thời đại của những người lên đường!

Chẳng qua vì tôi không bầu víu vào đâu được nữa tôi phải “lên đường” đi cầu may. Hồ biết cả. Cái tật của anh hay nói khuếch trương thế thôi. Nói xong câu bóng bẩy ấy, Hồ lấy trong cái hòm gỗ khoá chuông

ra, đếm được hai mươi quyển Ái tình luận. Đưa cho tôi, Hồ nói:

- Cái này là cẩm nang tràng sinh. Bao giờ cần, đem nó ra, nó cứu được mình.

Tôi đã hiểu câu nói theo lối sấm Trạng Trình ấy của Hồ.

Hồ đã thường cắt nghĩa cho tôi nghe về cái thuốc tràng sinh này. Ái tình luận là sách của Hồ viết. Ái tình luận, tác giả Song Hồ. Quyển sách tám trang in, kể cả tờ bìa mỏng như tờ giấy thường. Sách giấy màu xanh, trong có những câu châm ngôn của danh nhân đông tây mà Hồ sưu tầm, in lẫn với những câu nhạt như nước ốc của Hồ bàn về tình yêu. Làm thế nào Hồ in được quyển Ái tình luận và in bao giờ, tôi không biết. Quyển sách không đề ngày tháng soạn, ngày tháng in.

Do vậy, lúc nào nó cũng mới. Tôi biết giá trị của Ái tình luận là lương ăn như bánh dày khô. Mỗi lần đi xa, anh giặt lưng theo ít quyển. Có lần anh mang một trăm quyển Ái tình luận, chỉ bán cho khách trên tàu, mà đủ tiền vé tiền ăn vào tận Sài Gòn. Như bán sách bên đạo ấy mà...

Hồ cho tôi hai chục quyển Ái tình luận để hộ thân. Tôi cảm động câu nói văn hoá của anh là vì thế.

Một ngày nọ, thế là tôi đi Hải Phòng. Nhiều bạn lên tiễn ở Đầu Cầu. Kẻ ở người đi đều hao hao cái hào hùng bi tráng rất tuồng về tâm sự Kinh Kha và người vĩnh biệt Kinh Kha mà cái ga Đầu Cầu này là bờ sông Dịch.

Thái tử Đan và tân khách mặc áo trắng đưa Kinh Kha đến bờ sông Dịch. Cao Tiệm Ly gảy đàn trúc. Kinh Kha cất tiếng hát, ai nấy khóc, hát rằng:

Gió hắt hiu chừ sông Dịch lạnh lòng ghê

Tráng sĩ ra đi chừ không bao giờ về.

Những người đi tiễn đều trợn mắt, tóc dựng đứng xiên lên mũ. Thế rồi Kinh Kha lên xe, không ngoảnh lại.

Kinh Kha ngày xưa sang Tần để giết người và biết trước không bao giờ về nữa. Còn Kinh Kha - Tôi chỉ đi Hải Phòng không giết ai, nhưng ra đi không có tiền về. Cho nên phải quyết tìm được cách sống ở đấy. Quả tình, Cương cũng muốn xoay cho tôi thêm đồng bạc giữ mình mà không đào đâu ra. Chỉ đủ tiền mua vé tàu đi và đi chân tay không mà thôi.

Thế mà cũng có thơ đi thơ tiễn. Tôi nhớ hai câu trong bài thơ hơi hướng Thế Lữ của tôi gửi lại các bạn ở ga Đầu Cầu:

Nắng mưa thuộc xem da lừ lạc

Vành mũ phong sương cát bụi đầy

(Nhưng thật thì đi đâu trần không có mũ).

Lúc tàu sắp chạy, thấy Cư đến. Thăng Cư ôm một bọc sách, chắc là sách bên đạo. Dáng hảnh Cư muốn cho tôi đem đi những quyển sách Tin Lành. Cũng để làm lương ăn đường.

Lúc ấy Hồ cũng vừa đến, Hồ đem cho thêm mấy quyển Ái tình luận. Thăng Cư đứng im đằng kia không bước lại. Đến lúc tàu chuyển bánh, Cư vẫn xa xa một góc, không ai biết đấy là người quen tôi. Chồng sách ôm trên ngực, tay Cư che miệng, lẩm nhẩm, mắt lơ dờ, sao hết thầy giáo Hướng trường tôi làm vậy.

Tôi hỏi thăm đến đường Cát Dài, tìm được nhà Cần.

Cần là bạn đã làm ít lâu với tôi ở nhà giày Bata trên Hà Nội. Năm ngoái, tình cờ gặp lại. Cần nói bây giờ Cần làm ga Hải Phòng. Lương công nhật, ngày chín hào, thôi thế đã gấp ba lương hiệu giày Bata. Mơ ước cao nhất của chúng tôi cũng đến thế là chót vót rồi.

Câu rủ rê ấy khiến bây giờ tôi xuống Phòng với Cần đây.

Sau này, mỗi khi nhớ đến vợ chồng bạn, bao giờ tôi cũng bồi hồi và ghen ngào không biết chữ nào nói hết được cuộc sống chúng mình ngày ấy. Trong nghề viết của tôi, ví như ai khuyên tôi dựng nhân vật phải theo quy luật cuộc sống - họ nói thế, nhân vật phải gồm hai mặt tốt và mặt xấu. Nếu có khi nào viết về Cần, về một người như Cần, tôi đành chịu có muốn cũng không thể làm theo lời khuyên ấy được. Lòng tốt của Cần và tình thương của vợ chồng anh đối với tôi không biết có “quy luật hai mặt” ấy.

Cần cười hề hề, bảo tôi:

- Nhà chúng mình đây, cứ ở. Bao giờ kiếm được việc hăng tính sau.

Thuý - vợ Cần, nói:

- Anh đừng lo, có thể nào ở thế ấy, có gì ăn nấy.

Nhưng tôi đã thực sự lo. Không lo sao được! Có gì ăn nấy thì chưa biết, nhưng có thể nào ở thế ấy thì tôi không hiểu ra sao.

Vào nhà, lên đến chỗ Cần ở phải đi suốt cái gác hai, rồi qua một hành lang nhiều kê lắm mới tới. Có lẽ đây là cái buồng tắm cũ. Kê vừa vặn được chiếc giường nhỏ. Thò chân ra ngoài thành giường, đã đụng vào tấm cánh sáo che hiên.

Vợ chồng Cần có hai hòm khoá chuông để dưới gầm. Mọi thứ, quần áo và cả gạo, thức ăn đều đựng trong hòm. Cái hoá lò thối cơm cũng nhét gầm phản. Buồng không cửa, chỉ có chiếc cánh sáo mà tối đến,

lúc ngủ mới buông xuống được.

Bấy giờ đã sang tháng tám, đêm se se lạnh.

Tôi đã ở với vợ chồng Cần trong cái xó xỉnh tí tẹo như thế, thật kỳ lạ và oái oăm, thật gian nan mà mỗi lần nghĩ lại bao giờ cũng ngậm ngùi.

Ngày ngày tôi đi dạo trong thành phố tha thần tìm việc rồi cứ liệu đến bữa về ăn cơm, tối thì rúc vào nằm trong cùng cái giường ấy. Cần nằm giữa. Vợ Cần nằm ngoài. Những tháng sau, khi trời rét hắt rồi tôi kéo ghé một tí cái chăn dạ.

Ngày lại ngày, tôi đi tìm việc. Thấy cái giấy dán ở đầu tường nào tôi cũng đến đọc, thấy cửa hiệu to, tôi ghé nghiêng nhòm vào rồi hỏi. Chẳng đâu ăn thua.

Đôi khi, quẫn quá, tôi không dám về. Tôi ngủ đêm ngoài bến tàu Tây Điect, chỗ vườn hoa chợ Sắt hay ngay ở Sáu Kho - hôm sau, sĩ diện, nói phét là gặp bạn nó rủ về nhà chơi và mời chén cơm cần thận.

Tôi đã ăn hết tiết cả hơn hai chục quyển Ái tình luận. Mà ngủ đêm ngoài đường thì rồi cũng có ngày đội xếp bắt. Mỗi hôm mỗi lo. Trong thành phố, ở các vườn hoa hay bất cứ một bãi cỏ rộng nào, đều đen ngòm những thùng tông ét xăng.

Hồi ấy, người Pháp để cho Tường Giới Thạch đưa ét xăng vào Hải Phòng, rồi lại cho thuê đường tải lên phía bắc. Trên biên giới, từ các cửa quan Chi Ma, Pò Mã, Phục Hoà, Tà Lùng hay Bình Mãng, Bình Nghi trở ra đất Trung Quốc, các xe ô tô chở ét xăng cho Tường Giới Thạch bị máy bay Nhật đuổi, bom bắn suốt ngày đêm. Lái xe từ Hải Phòng lên, rồi vượt biên giới là những tay cảm tử, nhưng kiếm bầm. Cô đầu, nhà thổ tiệm nhảy, cao lâu ở Hải Phòng bấy giờ, người ăn chơi những chốn ấy chỉ riêng có hai hạng lắm tiền, là các tay tài xế chí tử và những nhà giàu bên Tàu chạy loạn Nam Kinh, Thượng Hải sang.

Loanh quanh, tôi lại về nhà Cần. Tôi cứ ngần ngại, chứ Cần thì bao giờ cũng chỉ cười hề hề. Vài hôm, Cần lại khoe với tôi: "Thế thì đúng mình là cháu cụ Đặng Trần Côn, chi mình là Đặng Khắc, cụ là Đặng Trần". Nhưng nghe tôi cắt nghĩa thế, Cần biết thế, chứ Cần cũng chẳng biết Chinh phụ ngâm là quyển sách gì - tôi đoán vậy.

Ngày nào Thuý cũng đi chợ. Suốt tháng chúng tôi ăn toàn giá luộc, rau luộc. Thỉnh thoảng, đi dạo phố. Có khi Thuý hẹn mấy cô bạn, hình như làm gái nhảy ở tiệm nhảy nào đấy, cùng đi chơi. Tận khuya mới về và mỗi người làm một bát phở thay cơm. Hôm ấy là tiệc chủ nhật.

Ở tầng hai có nhà ông phán Quý, đối diện cái hang của chúng tôi. Nhà ông Quý rộng gấp mười nhà chúng tôi. Ông ở ba buồng, một buồng để làm bàn thờ tổ tiên oai nghi những đồ đồng và các thứ sơn son thếp vàng. Ông lại chiếm thêm cái hành lang đi vào bếp với hai buồng xép con con như cái cũi đựng củi. Những nhà ở trong cùng, khi ra phải đi qua hành lang và trước cửa nhà ông phán.

Hàng ngày tôi ra vào qua nhà ngoài, qua hiên, trông xuống sân sau nhà dưới, đi trên những đám khói bếp bốc đặc sệt, cay đến chảy nước mắt, trong tiếng dội nước ào ào, mọi người các nhà cãi nhau liên miên, tưởng không bao giờ ngớt nghe mãi hoá nhàm tai vì tiếng chửi bới cũng giống tiếng nước chảy rào rào mà thôi.

Tôi đi đều đặn giờ giấc như người đi làm - chỉ khác là chẳng đi làm gì. Đầu tiên, tôi dạo một lượt khắp các phố. Bao nhiêu lần mà vẫn không nhớ phố nào phố nào. Trong lòng rối như tơ vò, còn biết được đi đâu về đâu. Tôi có cảm tưởng đây không phải thành phố Hải Phòng trong tưởng tượng, khi tôi chưa đến. Cả đến cái nhà ông phán Quý cũng chẳng có gì lạ.

Đường phố Hải Phòng cũng như quang cảnh nhà ông phán Quý chẳng bận đến tôi.

Nhưng rồi tôi cũng phải để ý nhà ông phán Quý, vì những chuyện kỳ quái. Trước nhất, hai cái buồng xếp để củi đối diện trước cửa bếp không có cánh cửa. Ông phán Quý đã đặt ở đấy những cái dãi dài như dãi cửa cũi. Khoá cẩn thận. Y như thế, mỗi lần đi qua, nếu nghe phía sau cái màn trúc nhà ông phán Quý có tiếng cãi nhau, chửi nhau, có khi là tiếng thét, tiếng đập phá đồ đạc gì đó, thì lúc về thế nào tôi cũng trông thấy trong hai cái buồng đối mặt có người ngồi trong đấy. Mỗi bên có một cụ già, gầy gò, nhăn nhoe không biết tuổi thế nào. Hai cụ đều đầu trọc nhẵn. Nếu một cụ không có bộ râu bạc tua tủa, chẳng thể biết cụ ông hay cụ bà ở cũi bên nào. Cụ bên này ngồi nhìn ra, cụ bên kia quay mặt vào tường. Chưa bao giờ thấy được hai cụ ngồi nhìn sang nhau. Như xấu hổ với người qua lại, lại vừa như ghét nhau.

Ông phán Quý đi làm, có xe nhà đưa đến sở. Rồi anh xe quay về, kéo bà phán đi chợ. Ngày nào cũng thế, mỗi khi bà phán Quý đi chợ hay đi đâu, bà lại đưa gửi Thuý hai cái chìa khoá.

Bà phán nói:

- Có ai gọi đi ỉa đi đại thì tôi nhờ mợ mở hộ.

"Ai" đây tức là hai cụ già. Biết tôi mới đến, ông phán Quý cắt nghĩa cho tôi nghe:

- Người già lắm cấm chúa hay cãi nhau đánh nhau, loạn quá. Bây giờ các "lúy" đương cơn tức nhau, "moa" mà thả các "lúy" ra thì lung tung, đổ các "vu" ở nổi cái buồng ấy. Cứ phải tổng vào nhà pha vài hôm thế mới xong.

Tôi được biết đấy là hai cụ thân sinh của ông phán và ông phán đã nghĩ ra mẹo ngăn các cụ cho khỏi cãi nhau đánh nhau bằng cách phạt giam bố mẹ mình vào cũi như vậy.

Tôi vẫn mãi miết đi tìm việc.

Con đường Cát Dài dài dặc. Bụi bốc trắng bay là là mặt đường đá trắng. Mỗi hôm gió may càng thổi sâu vào mùa đông. Trở giấc, tôi nghe gió quét rào rào ngoài kia. Cái lạnh cứ tê dần từ các ngón chân lên hai đầu gối.

Những lúc ấy không thể ngủ được. Có khi chúng tôi còn thức, nói huyền thuyên đủ các thứ chuyện.

Cần băng khuâng hỏi trong bóng tối:

- Không biết đời chúng mình cứ thế này đến bao giờ?

Tôi không hiểu Cần băng khoăn về cuộc đời theo nghĩa đen hay nghĩa bóng, còn tôi thì đương nghĩ đến một cái gì mơ hồ buồn lắm. Ngoài bến Sáu Kho, đậu những con tàu trắng toát, những con tàu xám ngắt, thỉnh thoảng những con tàu ấy từ ngoài biển vào đỗ giữa những đám thuyền tam bản rách nát, đen xỉn, lơ lờ bơi quanh bờ nước. Vài hôm, con tàu đại dương lại rời cảng ra khơi. Tôi đứng trông theo, ước cái thân được như con tàu. Viễn vông thế thôi, chứ mình đương khác nào đám thuyền buồm rách, cuộc đời ngập trong vũng nước của bến sương mù buổi sáng từ mặt đất bốc lên, không trông xa quá vài bước.

Mỗi ngày qua, chồng chất những nghĩ và nghĩ. Làm sao ở yên mãi được trong cảnh cái giường một mà ba người nằm thật oái oăm này. Bây giờ còn lạnh, ít nữa, mùa hè nóng nực tới thì sao. Vợ chồng Cần lặng lẽ và bình thường đến nỗi tôi tưởng tôi có thể ở một cách thản nhiên thế mãi và tôi chỉ giật mình khi tự xét thấy làm người mà phải nằm ngòai rúc ráy đến như thế thì tủi nhục quá. Tôi có cảm tưởng mọi người ở nhà dưới, nhà trong đang căng mắt nhìn "cái thằng ba người một giường" đi qua... Làm sao không tò mò và kinh tởm nữa.

Mà Thuý thì bụng đã khặng nặng gần tới tháng đẻ. Tôi nóng ruột, phấp phỏng, như một việc gì ghê gớm có thể xảy ra.

Tôi vẫn may rủi hàng ngày vẫn vợ đi tìm việc, mà việc vẫn xa lắc xa lơ đâu không biết.

Một buổi sáng, chúng tôi còn ngồi cả trên giường, nghe tiếng bà phán Quý léo nhéo ngoài đầu tường.

Cần nói:

- "Sừ" phán nhà ta lại thua bạc rồi.

Đã thành lệ, đầu tháng nào ông phán thua bạc không đủ tiền lương đem về, bà phán lại chửi dong suốt mấy ngày, chửi dong như thế, như chửi, lại như hát, không biết chửi ai, chửi người hay chửi ma, lúc giọng cao lúc giọng thấp. Tôi trông xuống thấy ở đầu cầu thang có một đồng giấy đương cháy trong khi, bà phán, mặt xám ngắt, khệnh chân bước lại bước qua đồng lửa.

Thuý cũng nhìn xuống, rồi quay lại, che miệng, cười khê:

- Bà ấy đốt vía?

Buổi trưa, tôi ở ngoài phố về đến đầu hiên, ông phán Quý đột ngột gọi tôi lại, sừng sộ:

- Nói thế này "vu" = Vous (các ông,) đừng giận nhé, làm cái giống tôm cút lộn lên đầu như các "vu" thì đến bên Tây cũng chưa có thể đâu?

- Ông nói gì tôi không hiểu.

- Vợ "moa" (moi = tôi) nó đã nổi tam bành lên đấy. Nó bảo các "vu" chơi trò quái quỷ thế, đâm ra súi quấy nhà "moa", "moa" thì thua rền, hai cụ nhà "moa" lớp này giở chứng nện nhau luôn thiệt hại quá lắm.

- Ông nói cái gì chứ?

- Vả lại, "en" to bụng, các "vu" phải...

Lúc ấy, chắc mặt tôi tái đi, tôi run lên:

- Ông không được nói...

Phán Quý cười nhạt:

Nếu các "vu" cứ "phót" thì đây đã có cách. Báo trước cho mà biết.

Vợ chồng Cần nghe to tiếng đã chạy ra, Thuý khóc bủn rủn lấy Cần, mới can được Cần khỏi xông vào đánh phán Quý.

Mấy hôm, Cần gác sẵn thanh củi tạ lên thành hiên. Tôi biết ý, lại vọt vào gầm giường. Chúng tôi bỗng buồn hẳn đi.

Cần không hay cười hề hề, không hay nhắc lại cho tôi biết Cần là cháu ông Đặng Trần Côn nữa. Những lời nghi kỵ và xúc phạm kia không gây một điều nghĩ ngợi nào trong chúng tôi nhưng đã khiến chúng tôi đau đốn, nhức nhối trong lòng.

Tôi vẫn miên man mãi miết, qua từng phố. Thấy cửa hiệu nào có quầy trà tiền, có người đứng bán hàng, hay có người ngồi ghi ghi, chép chép, tôi hiểu là ở đấy có việc làm, có thể mượn người làm, tôi vào hỏi.

Nhưng vẫn không có việc ở đâu đợi tôi.

Bà phán càng quá hơn, ngày nào cũng chửi. Bây giờ ai cũng biết là bà chửi chúng tôi. Bà lên xuống, giọng thánh thót. Bà réo thẳng bọn "ba thằng ngô con đĩ", không úp mở nữa.

Tôi càng bồn chồn. Trong cung cảnh đáng điên tiết như vậy, tôi cứ tưởng như bất chợt có thể phải đổ máu gãy chân gãy tay không biết chừng. Càng sốt ruột, càng lo.

Một hôm, giữa phố Khách chật chội chen chúc người đi có cái xe bò chở rác lộc cộc qua. Người phu lục lợ lắc chiếc chuông đồng buộc bên càng xe. Hai bên phố nghe tiếng chuông, chạy xô ra, xúm xít bủn

quanh xe đổ rác. Người phu lặc chuông lúc này đứng cầm cái rĩa sắt, thấy tý rác nào dùng được, một miếng vải cũ, một cọng rau muống còn chiếc lá tươi, một cái lọ con con, người ấy xọc rĩa, nhấc lên, lấy ra, bỏ vào cái giỏ riêng của mình treo dưới thành xe.

Tôi để ý một anh đường khom khom trong nhà bùng sọt rác chạy qua. Anh mặc bộ quần áo nâu bạc. Sao mà giống cái thằng Tường hồi cùng học lớp tư trường Yên Phụ với tôi. Giống đến nỗi tôi phải buột miệng gọi:

- Tường?

Nó quay lại. Tường thật. Tường cũng nhận ngay ra tôi.

Nó hất vôi sọt rác lên xe rồi bước lại trước mặt tôi, hỏi:

- Mà đi đâu xuống đây?

Tôi không đáp, tôi hỏi lại nó:

- Nhà mà dưới này à?

Tường nói:

- Không, tao xuống đây làm thôi.

Tôi hỏi:

- Mà làm gì?

- Đấy?

Nói xong, Tường chép miệng:

- Cũng là trợ thời qua ngày để tìm việc khác.

Tôi đã nhận ra câu hỏi hớ, khiến Tường phải che đậy sang chuyện đường xa. Tôi vội chữa:

- Tao cũng đương chết dở, cần việc chẳng có đấy!

- Thế thì mà cứ đến cửa hiệu, tao đem trình chú ấy xem xem. Làm với người Khách chỉ phải cái việc tạp, nhưng mà được ăn vật cũng no. Chịu khó vậy.

Tôi còn nhiều lần đi qua cái phố Khách. Mấy phố khách lũng cùng người và xe hàng, toàn những hiệu buôn của người Trung Quốc. Tôi trông thấy Tường ở trong cái cửa hàng chất đầy bao bì phòng to. Đây là cửa hàng đường. Suốt ngày rậm rịch những người phu khuân vác, đầu trục, cả đến vương vãi lót vai cũng

ướt đường và đầm mồ hôi. Những bì đường cao hơn đầu nằm nghiêng trên vai, họ chạy rầm rầm vào kho, ong bay theo à à, ai trông thấy cũng phải tránh dạt ra.

Tôi thấy Tường, khi quét nhà, khi quấy nước, có khi cời trần bố một đồng củi tạ ngay trên bờ đê - công việc hàng ngày của thằng nhỏ hầu hạ chủ nhà.

Có lúc tôi đi vòng quanh cửa hiệu ấy mấy lần rồi quả quyết vào. Nhưng cứ sắp bước sang hè đường, tôi lại thôi. Có lần bạo hơn, đã sang hẳn bên thềm, đặt chân vào nhà rồi, tôi trông thấy thằng Tường chăm chú cúi húi trước cái chậu đựng nước bẩn và cái giẻ lau để rửa quầy đặt những cái cân tạ, mà ruồi, nhặng, ong cứ vù vù bay. Tôi toan gọi Tường, nhưng rồi tôi lại hốt hoảng lùi ngay vào đám người đang nhốn nháo qua trên hè phố, chốc chốc lại xiên ngang một tốp phu hùng hục khuân những bì đường.

Tôi đã tự thấy tôi không dám bắt chước thằng Cư đi đạo Tin Lành. Tôi cũng không theo được Tường đi ở cho hiệu Khách. Không phải tôi chỉ xấu hổ, mà tôi không đủ can đảm.

Một hôm Thuý hỏi tôi:

- Anh đã tìm ra việc gì chưa?

Từ ngày đến ở nhà bạn, chưa bao giờ Thuý hỏi tôi như thế. Tôi chột hiệu. Thuý có điều gì nghĩ về tôi. Tôi sợ sệt như một kẻ có lỗi. Bấy lâu, vì tôi mà vợ chồng Thuý mang tiếng.

Tôi bậm môi, ngượng ngịu thờ dài. Nhưng Thuý đã cười vẻ nghịch ngợm:

Tôi bảo anh cái này nhé. Mấy cô bạn tôi làm "cavalie"(4), anh biết đấy, chủ nhật này ta đến chơi chỗ chúng nó, chúng nó nghèo, nhưng tốt. Cứ tán sạt sạt nhé. Cô nào mà bằng lòng "bao" thì cũng được, đỡ hơn cái cảnh thất nghiệp nhiều. Phải chịu khó thế. Đến lúc có việc hãy hay, anh ạ. Nhưng anh phải mạnh bạo lên. Chúng nó tự nhiên lắm. Mình "alaxô"(5) gấp đôi mới ăn thua.

Tôi sẽ mạnh bạo lên. Alaxô! Alaxô! Vâng, tôi sẽ mạnh bạo lên. Ô hay, tôi đã cảm kích về cái kế xoay xoả cho tôi có thể sống tạm như thế, của Thuý. Tôi sẽ làm... Thuý đã dạy khôn cho tôi nhiều lắm. Mạnh bạo lên, xông vào, mạnh bạo lên.

Tiếng thúc giục, rền rĩ.

Chiều chủ nhật, vợ chồng Cần và tôi ra phố. Họ dẫn tôi đến chỗ phải thử thách. Tôi nhớ mang máng cái gác nhà các cô bạn Thuý ở gần chợ Cột Đèn. Vừa nhô lên khỏi mấy bậc thang gỗ ở góc nhà, đã trông thấy bốn năm cô nằm ngổn ngang, ngay đầu sàn. Trước mặt tối om, suýt bước qua mà không biết. Đến lúc trông đã tường thì thấy có cô ngủ, cô cời trần, cô mặc coóc-sê. Có cô chỉ có cái xi-lip nồng nặc. Mới vào tự nhiên là thế đấy. Tôi cũng bình tĩnh, chẳng lo lắng quái gì.

Tôi đã quyết rồi.

Các cô ngóc đầu như tắm đờn dẫu và reo lên, rồi lao xao hỏi rất ngổ:

- Chú em nào thế này?

Thuý cười:

- Biết rồi còn vờ. Anh đây trông thế mà tài lắm nhé.

- Tài gì nào?

- Tài lấy cái ghê.

Lập tức, các cô nháo nhào xông đến trước mặt tôi và cả mấy cô xoè tay cùng một lúc "Anh nhể cho em con cái... Anh làm ơn... Em trước... Em trước...". Thế là, tuy mới chân ướt chân ráo, nhưng đã được các cô vật nài, khẩn khoản như thân tình từ bao giờ. Thuý cứ cười nháy nháy mắt nhìn tôi, ý giả Thuý đương đánh giá cho điểm và thấy được bước đầu như vậy là khá thuận buồm. Tôi vẫn tự nhiên, lặng lẽ, bình thường. Bởi vì tôi cũng thạo tìm đường ghê ăn trên bàn tay, ở cả kẽ chân, tôi biết nhể cái ghê thật.

Sau lúc các cô ồn ào xếp hàng tay để tôi mượn cái đánh ghim lần lượt khêu ghê cho cả hai bàn tay năm cô, mọi việc êm ả trong căn buồng nhỏ giáp mái, bí hơi nặng trĩch những mùi phấn sáp, mùi biăngtin "Con voi" ba hào, mùi mồ hôi, hôi nách và mùi quần áo trong thay chưa giặt, khai nồng.

Tôi vẫn biết Thuý có quen mấy cô gái nhảy. Hay Thuý trước cũng làm nghề ấy, tôi không biết. Trong con mắt người đối việc, nhảy đầm cũng là nghề làm ăn bình thường. Và khi Thuý nói, tôi nghĩ đến những tiệm nhảy Pagốtdông hay Phêgát, Pécgôla hoặc xoàng ra, cũng Tài Á hay Lục Cảnh ở giữa thành phố mà đêm đêm các cô gái mỹ miều trong ánh đèn xanh đỏ với tiếng nhạc rập rình. Nhưng những cô gái nhảy nhà gần chợ Cột Đèn này không có được cái tốt mã và tốt số (Hay là tại tôi chưa được trông thấy giữa ban ngày một cô gái nhảy nào). Tôi có cảm tưởng các cô này cười cười nói nói đấy, nhưng sau tiếng cười, nét mặt đã ủ ê ngay lại. Cô nào cũng hốc hác hoặc sệ ra, vẻ mệt mỏi. Cô nào cũng già úa. Lúc nầy, họ gọi tôi là "chú em" cũng có lý. Những cô này đích thị gái điếm, không phải gái nhảy. Hoặc có làm tiệm nhảy cũng chỉ đến chằm đèn, bưng nước, sai vật. Chứ ai mà nhảy nhót với các cô nhày nhựa như thế. Nghĩa là, tôi cứ nhận xét chơi thế, trong khi lời Thuý dặn, tôi vẫn đĩnh ninh. Tôi đương một xu không dính túi, đương định "làm tiền" lại của cô gái làm tiền. Ví với cái giẻ lau tôi cũng chưa đáng, càn cao lá dài dẫu mà khen chê ai.

Tôi ngồi đối diện một cô gầy nhất bọn - như cái que đóm lưng cũng cong cong như cái dòm mỏng. Hình như Thuý muốn sắp tôi gần cô khác, nhưng tôi đã ngồi vào đấy rồi không tiện đổi chỗ. Cô này chắc có bệnh gì. Mặt cô xanh lợt:

Cô nói, miệng thở hơi rất tanh và cứ chốc lại nhăn mặt ợ, rồi nắm tay dấm trên bụng áo vài cái. Nhưng tình thế trước mắt cũng không để tôi kén chọn nữa. Con mắt lúc nào cũng giục giã gấp gáp của Thuý. Tôi

thấy tôi phải quả quyết làm ngay một việc ghê quá đối với tôi để đáp lại lòng sốt sắng của Thuý.

Tôi nhớ có lần có đọc quyển truyện gì của Muixtê(6) tả cảnh đám đông ngồi ăn hai bên cái bàn, có người con trai tỏ tình với người con gái, người con trai đặt nghiêng chân mình lên chân bạn ở dưới gầm bàn. Nhớ thế, và bắt chước ngay. Tôi đoán ước phỏng ra cái chỗ chân cô gầy guộc ngồi trước mặt tôi, tôi nhẹ nhàng đặt chân tôi xuống.

Ăn ốc bao giờ cũng vui nhộn vì những tiếng húp soàn soạt, tiếng xuýt xoa ớt cay. Các cô nghề này chỉ thích bún ốc.

Chân tôi đã đụng gấu quần nàng. Tôi bèn ý tứ đưa lui lại một chút để đầu ngón chân tôi chạm vào gót. Mọi việc đều xảy ra ngầm dưới gầm do trí óc tôi điều khiển và tưởng tượng làm gì thì mắt tôi cũng không trông thấy, và tôi vẫn điềm đạm húp bát dấm ốc cay. Chân tôi đã chịn mạnh vào rồi mà sao tôi vẫn thấy nàng ta thản nhiên gỡ một lớp bún lá xuống bát. Tôi cứ để yên chân tôi như thế. Cái chân tôi đụng phải mà nàng vẫn lặng im, thế là bằng lòng rồi. Tôi bỗng bàng hoàng nửa mừng nửa sợ như thấy cái giao kèo bí mật của đôi bên đã xong. Rồi cuộc đời tôi sẽ như thế nào, từ đây.

Bỗng nhiên, suýt một cái, nếu không nhanh tay, tôi đã bị ngã tụt xuống gầm bàn. Cái chân cô kia đột ngột thúc gót một cái mạnh quá. May tôi chỉ để sánh ít nước ốc và cái bàn hơi rung. Khi đó, mọi người chột cười vang và có lẽ không ai hiểu mình cười gì. Tôi thì tôi đương chín cả người. Tôi nghĩ họ cười tôi Cái cô kia vừa đá ngầm tôi cũng cười như mọi người và cô vẫn tuân tự gỡ từng con bún xuống bát mình.

Từ đấy đến lúc về, tôi cảm hẫng, không nói được câu nào nữa.

Vừa ra đến đường, Thuý đã nhận xét:

- Sao trông anh cứ lằm lằm thế nào ấy?

Tôi cười ngẩn ngơ:

- Thuý không biết, suýt chết.

Hôm sau tôi mới kể Thuý nghe câu chuyện ngoắt ngoéo đã xảy ra dưới gầm bàn.

Thuý cười ngặt nghẽo:

- Công tử Hà Nội mà hớ ở là hớ. Hất đi mà lại là bằng lòng, cứ làm bừa nữa đi chứ.

Tôi không tin. Và tôi ơ là tôi, tôi cũng không nghĩ được ra nếu cứ dẫn vào thì nên làm những như thế nào. Thuý không bị suýt ngã nên Thuý không tưởng được cái hất cáu kinh đã khiến tôi đau điếng cả trong lòng và cả bàn chân.

Nhưng khi nghe Thuý nói thế, trong tôi lại nảy một nhận xét và mong manh một hy vọng khác. Hay là mình đã quặp nhầm chân cái cô bên cạnh, cô khác, không phải cô gầy gầy trước mặt. Nó thế nào chứ mình có thò chân sang đường đột lắm đâu. Có lẽ vậy, vì thấy mặt nó vẫn bình thản, và nó vẫn gỡ bún. Nhầm thật. Nếu thế phải làm lại, một dịp khác, sẽ làm...

Tôi nghĩ loăng quăng xa gần cả đêm. Sáng hôm sau, tôi ra đường sớm. Nhưng không phải tôi đến cái gác gần chợ Cột Đèn để tìm cách làm lại cái quặp chân. Tôi chỉ mạnh bạo lúc nghĩ vẫn vợ. Chưa mấy khi đêm nghĩ hung hăng thế, sáng hôm sau lại đi làm thế được. Trời sáng, tôi có cảm tưởng mặt tôi đã bệch ra vì nỗi lo, và lại tủi thân. Tôi không thể làm thế.

Thuý rất tốt. Nhưng chết thôi, chết thì thôi tôi không thể tham hại đến vậy.

Tôi lại đi vẫn vợ qua những phố Trung Quốc, phố Đông Kinh, các phố có nhiều cửa hiệu, tôi lại vào hỏi xem có hiệu nào mượn người làm không. Mà trước khi hỏi đã biết khó lòng có. Tâm sự người hỏi việc càng nẫu ruột. Những nhà tây cao đẹp, nhưng cửa đóng, tôi không dám vào. Tôi đã nhiều lần vào hết các hiệu khách ở phố buôn bán. Không còn chỗ mới nào hỏi nữa. Mỗi đêm, nghe tiếng còi tàu thủy rống "tun tun" ngoài cảng, như nghe tiếng gọi của hy vọng. Những cái tàu kéo còi chào bến để nhổ neo, niềm hy vọng vu vơ chưa đến đã ra đi rồi.

Từ sớm, bà phán Quý đã bắc ghế ngồi trong nhà chửi vóng ra. Tiếng bà rin rít vi vút trên đầu tường. Lúc đi qua, tôi đã biết thế.

Đến trưa ông phán Quý đứng trước hiên, vén bức màn, nhổ toẹt miếng nước súc miệng ngay trước chân tôi vừa bước tới, rồi nói:

- Này, này? Tối nay mà "vu" còn về đây tự bạ vô luân lý sẽ có đội con gái đến điệu các "vu" về bóp. Là "moa" có tính làm phúc hay thương người, "moa" bảo trước cho mà biết.

Tôi không trở lại nhà Cần tối hôm ấy. Tôi cũng không nói cho vợ chồng Cần biết tôi đi đâu.

Trong túi không còn một chinh. Nhưng tôi lại trở về Hà Nội. Kinh Kha không kiếm được việc cũng không dám chết ở đất khách, đành cuộc bộ về Hà Nội, Kinh Kha cuộc bộ về...

1970, Hải Phòng

Chú thích:

(1) Tiếng Pháp: hậu vệ bóng đá.

(2) Tiếng Pháp: căng chân.

(3) Thời thuộc Pháp, người theo đạo Gia Tô bị báng người đạo Tin Lành là đạo giả.

(4) Tiếng Pháp: gái nhảy.

(5) Tiếng Pháp: đại ý là xông vào.

(6) Tiểu thuyết Bệnh thời đại của A. Muiytxê.

TẬP TỰ TRUYỆN - TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

5. Một quãng đường (1):

1.

Một hôm, Như Phong đến nhà tôi.

Bấy giờ là cuối mùa hè năm 1943. Mấy năm trước tôi đã có lần gặp Như Phong, nhưng chúng tôi chưa quen nhau. Tôi chỉ biết trên tuần báo Tiểu thuyết thứ bảy tôi đã đọc những truyện ngắn Như Phong từ hồi tôi làm nhà Bata, mua báo Tiểu thuyết thứ bảy bán cân. Truyện có một không khí mới, đem đến những suy nghĩ man mác đẹp cho người đọc. Anh hoạt động phong trào Thanh niên Dân chủ.

Tôi đã có lần gặp anh ở toà báo Thế Giới, phố Phạm Phú Thứ gần chợ Hàng Da. Tôi đến đây vì thích nghe các anh ở toà soạn hay nói chuyện thế giới đại đồng và chủ nghĩa cộng sản.

Hồi ấy, tôi chưa vào nghề văn.

Một bạn ở toà báo đã trở Như Phong và Trần Mai Ninh cho tôi trông thấy. Tôi lại nghe đồn Như Phong, trong ngày cưới, không chịu lễ sống các bề trên nhà gái, vì vậy nhà gái không cho đón dâu. Tuy thế, chuyện bản lĩnh con nhà giàu ấy cũng thật xa xôi với tôi. Tôi yêu văn Như Phong và vì tôi biết anh tham gia cuộc đình bút của các nhà văn chống ông chủ xuất bản Tân Dân. Anh đã bị mật thám Pháp bắt, sau khi các tổ chức báo chí công khai của đoàn thể phải đóng cửa. Những điều đó đủ cho tôi thật ngỡ ngàng, khi gặp Như Phong.

Như Phong bảo tôi:

- Đoàn thể muốn gặp...

Tôi chỉ nhớ Như Phong cho một cái hẹn, đưa tôi quyển Tuyên ngôn, chương trình và điều lệ Việt Minh, một tờ báo Cứu Quốc. Sách báo bí mật của Tổng bộ Việt Minh hồi ấy in li-tô giấy xanh, gấp cả hai thứ lại chỉ bằng bàn tay.

Tôi biết đây là sự tin cậy, mặc dù chúng tôi chưa thật biết nhau. Thời kỳ ấy, thanh niên khao khát lý tưởng, như người đi nắng khát nước, chỉ nghe đồn cũng đã tìm đến bày tỏ nỗi băn khoăn và đánh bạn với nhau. Những người yêu văn những người viết văn cùng một lứa, chỉ đọc một truyện ngắn một bài thơ với những lời xa xôi bằng những chữ Ngày Mai, Trời Hồng, Nhân Loại... viết hoa, thế là chúng tôi đi tìm gặp nhau. Chúng tôi hiểu đấy là người cùng chí hướng.

Đến ngày hẹn, tôi đi tàu điện xuống Quán Thánh, rồi rẽ về Hồ Tây, qua đường Cổ Ngư, lên phố "Lốc cốc No"(1).

Cũng con đường này, những năm trước, tôi đi học trường Yên Phụ.

Tìm đúng số nhà 126, tôi gõ cửa.

Cái cửa gỗ màu gu, chạm trổ, có quả đấm sứ và rèm vải treo trong. Đây là một nếp nhà và một căn phòng đẹp. Nhà lát đá hoa, ghế sa lông, lịch treo tường, thoáng và đơn giản, lịch sự.

Mở cửa mời tôi vào là một thanh niên. Anh mặc sơ mi trắng, đeo kính trắng và tự giới thiệu tên là Uy. Chỉ một cái bắt tay chặt và cách nhìn nhau, nói thế, cũng như với Như Phong hôm trước, chúng tôi nghiêm nhiên coi như đã biết và ngầm hiểu chúng tôi gặp nhau để làm gì.

Trường tiểu học Yên Phụ ngày trước ở gần đây. Tôi ăn cơm đầu ghế buổi trưa chỗ hàng cơm bên cạnh nhà máy điện đầu lối vào Ngũ Xã. Hàng ngày trước kia, tôi vẫn đi qua cái nhà này. Đây là một dãy nhà sang, thường chủ Tây ở, hoặc nhà của những người đi làm có xe đạp, xe nhà. Nhà nào cũng nhiều buồng, bên cạnh có đường sỏi và dàn hoa, lối cho ô tô, xe nhà, đi cổng riêng. Tôi không thể tưởng rồi ra có ngày đi họp cách mạng, tôi lại vào cái nhà này.

Bấy giờ còn chạng vạng, chưa tối hẳn. Tôi ngồi trong phòng trông ra cửa nách. Qua bóng loáng thoáng xanh đen lá cây na thấp ven tường, thấy đằng cửa nhà máy điện Yên Phụ có một người xuống xe tay, đi lại phía này, lững thững như người đi bách bộ.

Tôi nhận ra đấy là Như Phong. Trước nhất ở dáng người bệ vệ, bộ quần áo tờ rô xám sáng, nách kẹp mấy quyển sách, đầu để trần, miệng ngậm cái tẩu gộc. Với tôi, đấy cũng là hình ảnh hấp dẫn của một kiểu nghệ sĩ.

Một lát, thấy Nguyên Hồng và Học Phi đến. Nguyên Hồng là nhà văn nổi tiếng, đặc biệt khác lạ với những nhà văn tôi đã đọc. Những truyện anh viết về đời anh và cảnh Hải Phòng sôi nổi cảm động, thiết tha. Và gần gũi bao nhiêu, khi đọc thấy anh kể anh nghèo lắm, anh ngồi viết chuyện đời anh từ năm anh mười sáu tuổi như thế nào. Trong gian nhà lá, cái mái ọp ẹp tối, sát đầu, kê giấy lên mảnh ván mặt chiếc hòm phản, cạnh vại nước ăn. Cứ thế, viết suốt ngày đêm đến đau cả ngực... Những chi tiết ấy kích thích tôi. Thoạt trông vẻ tất tưởi mà lại như không cần gì ai, tôi đã có cảm tình, lại nghĩ đây là người nghệ sĩ, một nhà văn của giai cấp công nhân, như Mácxim Goócky.

Tôi vừa có mấy cái truyện ngắn in trên tuần báo Hà Nội Tân văn được toà soạn trả tiền nhuận bút. Thế là tôi quyết định vứt những công phu chờ đợi và chạy chọt tìm việc làm, bước vào nghề viết. Bởi vậy, cái gì của người viết văn, tôi đương mộ, tôi đều thấy hay, muốn học đòi. Dáng dấp đỉnh đạc, bề thế của Như Phong, cách người lam lũ với vẻ mặt cóc cần đời của Nguyên Hồng đều làm cho tôi yêu cả.

Học Phi là người tôi biết mặt từ hồi "Bình dân". Năm ấy, tôi hay viết tin chống thuế, tin thợ dệt tranh đấu, tin hoạt động Ái hữu thợ dệt ở vùng tôi. Có khi tôi làm thơ. Thơ tôi gửi nhiều nơi mà chưa báo nào đăng. Tôi quý báo Tin Tức, báo Đời Nay vì các toà báo này hay góp ý kiến cả về cách viết từng câu kỹ lưỡng, dẫu trả lại bài. Hồi ấy, các anh toà báo đã chỉ cho tôi trông thấy Học Phi. Học Phi ngồi trên giường có cái chăn dạ xám bên cạnh, chăm chú đọc bằng tiếng Pháp tiểu thuyết Người mẹ của Goócky. Truyện dài Xung đột của anh ký tên Tử Văn đương đăng từng kỳ trên báo Tin Tức. Tôi không thấy hay. Nhưng tôi phục truyện ấy vì truyện đã đăng trên báo công khai của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Bấy giờ được gặp và quen ở đây, tôi cũng thật cảm động.

Tôi cũng đương thành người viết văn và hoạt động cách mạng. Tôi ngẫm nghĩ, đây là cuộc họp quan trọng.

Trời đã tối, Uy đưa chúng tôi lên cái gác sân thượng sau nhà, tầng như ngồi chơi. Ở đấy đứng lên, thấy cái dốc vào Ngũ Xã trong hồ Trúc Bạch dưới chân tường. Uy nói: Chúng ta bắt đầu họp. Và lần lượt đọc tuyên ngôn chương trình, điều lệ Việt Minh. Lại nói từ nay chúng ta là một tiểu tổ, cùng chí hướng đánh Pháp đuổi Nhật, theo điều lệ, tôn chỉ mục đích Việt Minh, hàng tháng đóng tiền nguyệt liễm vào quỹ đoàn thể.

Trong bóng đêm hè bao phủ tối đen cái gác sân sau, trên đầu mảnh sân phơi cong queo những sợi dây thép làm cho tôi cảm tưởng như ngồi trong lưới. Nhưng ngoài cái lưới dây thép ấy bao la từng chùm sao nghiêng xuống và mặt nước sông Hồng đằng kia cuốn đi những ánh sao rơi. Ý nghĩ của tôi mênh mông xa và đầy tưởng tượng kỳ ảo lang thang ra ngoài cuộc họp trên cái sân gác chật chội này.

Ngoảnh lại mấy năm trước, tôi phải thôi học, vào đời, bó buộc vào đời, không biết đời đưa đẩy mình đến đâu. Chỉ mấy năm mà lúc nào cũng cảm thấy dài thế, ngắn ngang thế, những chua chát, những mỉa mai, những chờ đợi. Niềm mơ ước mờ mịt, chấp nối, lông bông và thật cũng không biết ước mơ gì.

Hôm nay cách mạng đến với tôi trên chặng đường mới.

Mỗi chặng đường sâu vào cuộc đời, những ước mơ lại như những đợt sóng dồn về một hướng nước. Từ đây, tôi là người viết văn có lý tưởng cộng sản. Trong bóng tối đêm ấy và trong cuộc sống của tôi lúc ấy, tôi thấm thía nhận ra đời mình đã ràng buộc thật sự với lý tưởng ấy không phải mới bây giờ mà từ khi hoạt động phong trào Ái hữu thợ dệt Hà Đông.

Ít lâu sau, Như Phong đến tìm tôi, lại hẹn xuống họp ở nhà Uy.

Lúc ấy gần tối, chỉ có Vũ Quốc Uy với Như Phong và tôi.

Đương ngồi nói chuyện, có một người bước vào ánh đèn. Anh bé choắt, lượt thượt cái vạt áo dài ma-ga tóc đen nhánh. Anh đội mũ "cát" vải màu đỏ kịch, đeo kính trắng cận thị, như cậu học trò trường huyện.

Tôi tưởng ai hỏi gì, nhưng thấy Uy đã đứng dậy và bảo chúng tôi lên cái gác sân sau như lần trước.

Anh người bé nhỏ nọ cũng lên theo. Uy giới thiệu đây là đồng chí cán bộ về nói chuyện tình hình. Tên anh là Bé(2).

Anh Bé như đã biết tôi. Anh hỏi thăm tôi đương viết gì, khiến tôi lúng túng, ngượng ngịu. Anh lại hỏi cách sinh sống của tôi thế nào, có chắc chắn không, mỗi tháng viết được bao nhiêu tiền. Anh so sánh rồi nói thế thì người làm văn nước ta còn khổ, mỗi tháng kiếm mấy đồng bạc chưa được chắc lưng bằng người thợ có nghề. Anh cười, mặt tròn nét hằn lại. Tôi thấy anh hồn nhiên như trẻ con và anh nói: "Nhưng mà viết văn là nghề tự do, khoái!"

Trong khi họp, anh Bé đặt ra những cách thức khiến tôi vừa lo vừa hào hứng. Tôi có cảm tưởng họp thế mới là họp bí mật.

- Phải giữ thật nghiêm các nguyên tắc để đối phó với tình hình xấu, nếu xảy ra. Khi biết có "chó"(3) đến, trong tay có tài liệu thì nhai nuốt chửng ngay. Ta phân công trước, lúc ấy ai chạy đằng nào cứ thế chạy, không bối rối. Chẳng may đồng chí nào bị "chó" bắt, nó đánh, cứ khai ngời chơi. Đánh mãi cũng chỉ có thế, không để nó moi được gì.

Anh Bé bảo mọi người cần có bí danh. Hễ đi đến nơi hẹn đều đặt dấu hiệu để xem biết trước chỗ mình đến có động hay yên. Nghe dặn những chuyện ấy, tôi cứ dần dần không còn thấy ở anh Bé vẻ ngơ ngác học trò trường huyện đi giày vải Ba ta với cái áo dài ma-ga tóc nữa. Trong cái nhìn và ý nghĩ tôi, anh to lớn lên và hoá thành người cán bộ có những nét ngang tàng khác lạ. Hai bàn tay anh xù xì mốc rấp và gợn chai. Cổ anh ngắn nặng chấy đen. Tôi đoán anh vừa xông pha nắng gió từ nơi xa về đây.

Câu chuyện anh kể, càng tỏ rõ thế.

- Cả nước ta đương sôi nổi cách mạng rồi. Tôi đi công tác qua vùng đồng chiêm, các cụ đồng chiêm suốt đời trong bùn lầy nước đọng, không ra khỏi làng bao giờ, thế mà các cụ hỏi có phải Hồng quân Nga vừa tiêu diệt mấy chục vạn phát xít Đức ở Ucòren, Hồng quân đương phản công khắp các mặt trận không? Rồi các cụ bảo tôi kể tỉ mỉ về từng trận Hồng quân tiến công phát xít Đức ở Kuốc, ở sông Đơniép. Đấy, quần chúng nông dân theo cách mạng, đã học hỏi và tiến bộ như thế...

Anh Bé lại đọc tuyên ngôn, giảng điều lệ và chương trình Việt Minh. Từng đoạn, từng phần, sách lược đối với các giai cấp trong Mặt trận cùng với nhiệm vụ cách mạng của mỗi tầng lớp.

Đêm nay nữa, ở cái gác sân thượng nơi góc phố vắng ấy, bốn chúng tôi ngồi quây lại với nhau chưa kín một mảnh chiếu, trên đầu ngang dọc đan những sợi dây thép ban ngày phơi quần áo, nhưng ngoài kia, đêm thành phố đương dìu dịu vào thu. Trong mệnh mông có những chùm sao lóng lánh kỳ lạ Tôi trông thấy trên khắp nước, từng lớp người đã đứng lên trong vị trí của mình, đâu đâu cũng đương sôi nổi phát cờ cứu nước xông ra đánh Pháp, đuổi Nhật. Nước Việt Nam độc lập đương từ từ mọc, như ông trăng đêm rằm tròn

vành vạnh ló ra trên đầu ô Yên Phụ và trong bóng dừa, bóng tre làng tôi.

Từ đấy, thỉnh thoảng Như Phong và tôi lại đến nhà Uy hợp. Ba chúng tôi thành một tổ bí mật. Tôi hiểu thế mà không hỏi thêm. Trong tình hình mà lúc nào mật thám cũng rình mò quanh mình, công tác ai làm người nấy biết, làm đến đâu biết đến đấy. Tôi không biết Uy làm nghề gì. Những lần sau không thấy Nguyên Hồng, Học Phi đến, tôi cũng không hỏi.

Tôi thường thấy Như Phong ngồi xe tay, xuống xe ở phố gần đấy rồi lững thững đi bộ lại nhà Uy. Như Phong bảo tôi "Như vậy tại "chó" sẽ tưởng mình đi chơi láo thôi. Luôn luôn ta phải đề phòng "chó và A.B" (4). Như Phong cũng bí mật. Nhưng ít nhất, tôi đã biết nhà anh trước chợ Đồng Xuân có cửa hiệu bán chè và đường cát - nhà buôn lối cổ của những gia đình gốc gác ở Hà Nội.

Mỗi lần họp, tôi đóng một hào làm nguyệt liễm. Cũng đã quen giữ bí mật, đến đâu nhà Uy, tôi dừng lại, nhìn trước nhìn sau, xem có ai theo mình, có con "chó" nào đeo kính râm đứng đằng kia không, rồi tôi còn đi vòng vài lần, đến khi không thấy có người vợ vãn, tôi mới bước tới cái cột đèn xi măng, nhìn lên. Không thấy có hòn đá đặt đấy. Thế là trong nhà yên, cứ vào.

Có lần, anh Bé trình bày bản Đề cương về văn hoá Việt Nam của Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương và chúng tôi thảo luận. Tôi không nhớ đã thảo luận những gì. Có thể vì trình độ kém hiểu biết lý luận của tôi. Bởi vì, cũng hồi đó, nghe cắt nghĩa quyển Chỉ thị về sửa soạn khởi nghĩa, tôi lại nhớ rành rọt, cụ thể.

Quyển sách nhỏ Chỉ thị về sửa soạn khởi nghĩa có những đoạn tôi chú ý đến thuộc lòng.

"Lấy gì để đánh quân thù? Một dân tộc bị áp bức cũng như một giai cấp bị bóc lột, muốn tự giải phóng phải cầm vũ khí thẳng tay mà chiến đấu. Không thể tay không mà đánh giặc. Dân ta muốn đánh đuổi Nhật Pháp cũng không thể không sắm sửa và tận dụng vũ khí. Có hai cách kiếm vũ khí là tự chế, mua và chiếm của giặc.

I. Dân ta phải tự chế một phần vũ khí thì lúc nổi dậy mới có cái mà giết giặc. Bởi vậy, ngay từ nay, mỗi đội tự vệ hay tiểu tổ du kích phải sắm cho đủ những thứ này:

a) Vũ khí để đánh: dao chiến đấu (mỗi đội viên 1 con) gậy tày (mỗi đội viên một cái), giáo hay đinh ba (ít nhất mỗi đội 2 cái) Ngoài ra, có vũ khí gì hơn càng hay (ví dụ: súng, nỏ v. v...).

b) Khí cụ dùng để phá hoại (chung cho cả đội) một đôi lắc lê mở bù loong, một đôi cuốc chim, một đôi xẻng lục lộ, một cái kim bấm để cắt dây thép. Ngoài ra, có mìn, thuốc nổ, cửa thép, búa tạ, càng hay.

Chú ý: muốn đánh những thứ trên đây, tất cả cái hội viên cứu quốc từ nay phải tìm kiếm, tích trữ những miếng sắt vụn hay những đồ dùng bằng sắt có thể dùng để đánh vũ khí.

"Các đồng chí!

"Các chiến sĩ cứu quốc!

"Thời cuộc thế giới biến đổi rất nhanh. Phe Đồng minh (Anh, Mỹ, Nga, Tàu) càng đánh càng thắng. Phe phát xít xâm lược đã bắt đầu tan rã với việc phát xít ý thua bại và còn tan rã hơn? Quân Đức Hít-le đương bị Hồng Quân Nga đánh cho thua liểng xiểng. Mai đây, mặt trận thứ hai chính thức mở ở Tây Âu và Hồng quân tổng phản công một nhip ở Đông Âu thì quân Đức sẽ bị kẹp nát giữa hai gọng kìm ghê gớm. Cách mạng sẽ bùng nổ tại Pháp, Bỉ, Hà, tại các thuộc địa khác của Đức và ngay tại Đức nữa.

"Bên Viễn Đông, cuộc phản công của Đồng minh lấy lại Diên Điện đã bắt đầu. Nếu phát xít Đức ngã quy ở châu Âu, thì phát xít Nhật sẽ mất hết vây cánh. Đi đôi với cuộc tổng phản công của Anh, Mỹ, Nga, cuộc kháng chiến của Tàu sẽ thắng lợi hoàn toàn. Phong trào phản chiến ở Nhật và các thuộc địa Nhật sẽ mỗi ngày một sôi nổi thêm.

"Ở Đông Dương, Nhật nghi kỵ Pháp và ghen ăn với Pháp. Pháp căm tức Nhật và chán cảnh làm đầy tớ cho Nhật. Nhật sửa soạn truất quyền Pháp và cho bọn Việt gian phản quốc lập chính phủ bù nhìn. Phần đông người Pháp chỉ đợi quân Đồng minh vào Đông Dương đánh Nhật là quay lại bản Nhật.

Hai kẻ thù Nhật Pháp ngày càng xung đột nhau dữ dội và tự làm cho nhau yếu sức.

"Tất cả các lực lượng tự do và tiến bộ trên thế giới đang cùng chúng ta chiến đấu, tình thế Đông Dương ngày một có lợi cho cuộc vận động cách mạng dân tộc giải phóng của ta.

"Chúng ta phải biết nắm lấy cơ hội ngàn năm có một để giành quyền độc lập, đuổi kịp năm châu.

"Chúng ta phải hăng hái góp phần vào cuộc chiến đấu chung của thế giới chống lũ mọi phát xít, mưu hoà bình, hạnh phúc cho loài người.

"Những rên xiết, kêu than của dân tộc, làm cho máu ta sôi lên. Lịch sử hơn bốn nghìn năm chiến đấu của dân tộc ta tiến bước.

"Tình thế không cho phép chúng ta chậm chạp nữa. Hãy tích cực sửa soạn khởi nghĩa để bẻ xiềng, tháo ách cho dân tộc.

Các đồng chí cứu quốc! Toàn quốc đồng bào ta đang trông đợi nơi các đồng chí. Tất cả các tổ chức Việt Minh hãy ganh đua thực hành những chỉ thị trên đây. Các đồng chí kỳ bộ phải hết sức đôn đốc và kiểm soát việc thi hành chỉ thị và báo cáo lên thượng cấp những kết quả xác thực.

"Chúng ta phải thắng và chúng ta nhất định sẽ thắng!

"Ngày mai vẻ vang của dân ta không xa nữa.

"Đánh đuổi phát xít Nhật – Pháp!

"Tinh thần tích cực sửa soạn khởi nghĩa muôn năm!

"Cách mạng Việt Nam thành công muôn năm?(5)

Cứ khi nào nghĩ đến những điều trên trong tôi lại dạt dào thấy khắp nước đương vào thời kỳ mới.

Ngoài đồng tối, từng đám công nhân nhà máy điện Yên Phụ, công nhân nhà in Iđeo(6) đương âm thầm đi men chân tường đến xưởng làm tua đêm. ở chỗ bờ tường nhà in Iđeo xám dài dằng dặc, từ ngày còn đi học tới giờ, lúc nào tôi cũng thấy lom khom có mấy người phu xe cời trần đương bán lại cho nhau giờ xe kéo. Lúc thì chửi, lúc thì cười, lúc đánh nhau, chốc chốc lại ồn ã lên. Xã hội cứ bối rối và buồn thảm như thế.

Nhưng biết đâu, thằng Tây biết đâu được bên trong người thợ hay người phu xe, Tây biết đâu được chúng tôi ngồi họp trên cái sân thượng bé tí tẹo này, trong người có truyền đơn, có báo cách mạng, có con mắt và tinh thần bao quát nhìn ra thế giới. Mỗi chúng tôi bấy giờ đều trữ lắc lê, kìm, búa, có người có cả súng - như những công việc sửa soạn khởi nghĩa yêu cầu phải sắp sẵn thế.

Có hôm, anh Bé đến nhà tôi trên Nghĩa Đô. Tôi hỏi:

- Khi khởi nghĩa thì Văn hoá Cứu quốc làm gì?

Anh đáp:

- Khi khởi nghĩa, Văn hoá Cứu quốc cầm vũ khí đứng lên xông ra giết giặc nh các giới cứu quốc khác của đồng bào.

Tôi cũng sắm được cái búa đánh, cái kìm và cái đèn Neong hai pin. Lần họp nào cũng kiểm điểm mấy thứ ấy. Chỉ là mấy vật nhỏ ấy làm cho tôi tưởng như đó là việc cuối cùng, việc to nhất góp phần làm nên cách mạng.

Có lần anh Bé kể chuyện Việt Minh đã lập được nhiều chiến khu. Những khu giải phóng trên miền ngược sẵn sàng tham gia khởi nghĩa rồi. Các chiến khu ấy đã đánh Pháp, đánh Nhật, thằng Nhật sợ không dám mò vào rừng, Tây thì đã rút chạy khỏi các đồn bốt ở nơi hiểm trở. Các tỉnh thượng du Cao Bằng. Lạng Sơn Bắc Cạn đã nhiều khu giải phóng độc lập hoàn toàn.

Tôi hình dung đến những vùng tự do, đất và trời xanh rời rọi và trong lặng quá, như chờ đợi.

Tôi đã biết rừng núi trong một ngày Tết trên sông Thao ở Yên Bái, lần đầu tiên tôi làm quen. Cửa đền Đông Công có cây mai nở, khe khẽ reng reng tiếng nhạc ở tay bà then. Tôi lại trông thấy những vùng rừng rậm núi cao khi tàu tốc hành Hà Nội - Sài Gòn chạy xuyên qua cực nam Trung bộ, với những cái tên xa xôi, những Sông Lòng Sông, những Tua Chàm, những Xuân Lộc xanh đen đất đỏ Biên Hoà và rừng cao su

mờ mờ như hoàng hôn suốt ngày. Mỗi lúc có đoàn tàu hoả chạy qua, những người phu cạo mũ cao su lại ngẩng đầu nhìn theo đoàn tàu về Bắc. Người lớn, trẻ con nhấp nhô, bóng in lên nền rừng hết sức hiu hắt.

Những nơi đầu sóng ngọn nguồn ấy bây giờ có Việt Minh đứng ra đánh Pháp đuổi Nhật cả rồi!

Anh Bé kể chuyện trên Bắc Cạn có đội nữ du kích hồ Ba Bể. Ngày bé, có lần tôi đọc quyển truyện thần quái Sóng hồ Ba Bể. Tôi tưởng tượng hồ Ba Bể là nơi âm u có những ngọn sóng thần xanh biếc bỗng dừng nửa đêm nổi cao như núi, đến gà gáy sáng, sóng ập xuống, trôi hết cả rừng, cả làng mạc quanh bờ.

Bây giờ, ở nơi rừng thiêng nước độc ấy đã có đội du kích toàn nữ áo chàm đánh Tây đuổi Nhật.

Anh Bé bảo tôi viết thành truyện để in báo Cứu Quốc.

Báo bí mật có kỷ luật giấy và kỷ luật chữ. Giấy viết nhỏ bằng tờ giấy quần thuốc lá, để dễ mang đi. Bài chỉ được hai trăm chữ.

Bài Đội nữ du kích Ba Bể tôi viết khoảng chữ ấy. Tôi còn loay hoay viết những bài thật ngắn khác, viết xong xoe giấy lại, như cái ống lông ngỗng.

Như Phong và Vũ Quốc Uy chuyển cho tôi báo Cứu Quốc của Tổng bộ Việt Minh, báo Cờ Giải phóng cơ quan Trung ương của Đảng cộng sản Đông Dương. Tôi đọc số báo đặc biệt Cứu quốc Hải ngoại say sưa thấy hai chữ Việt Minh đã vượt ra ngoài biên giới được phe Đồng minh ủng hộ.

Tôi cặm cụi viết những bài báo thật ngắn, chữ bằng con kiến. Những bài báo một hai trăm chữ mà viết rất khó, viết mãi không thành.

Hồi này, nhà xuất bản Tân Dân đã mời tôi đến làm giao kèo viết. Tôi đã bán hàng tháng được bản thảo truyện ngắn và có tiền. Tôi chưa viết truyện dài bao giờ, thế mà nhà xuất bản Mới mua truyện dài đặt tiền, tôi viết luôn truyện dài Quê người. Cũng có cái dễ, đấy là những chuyện làng xóm tôi chấp nhận viết lại mà thôi.

Những năm còn nhỏ đi học, đời tôi rất những mĩa mai tình cờ và tức cười. Bây giờ, khi tôi quyết định lấy nghề viết nuôi thân, tôi không nghĩ là tình cờ, nhưng thật tôi cũng không có mục đích gì đặt ra trước để cho rồi thành nghề văn và viết văn Tôi chỉ có cái lo lắng của một công việc mới tìm được.

Tôi ham viết từ khi ít tuổi. Tôi có cảm tưởng học đến đâu viết đến đấy, - bắt chước viết đến đấy.

Chín, mười tuổi, nhà tôi có quyển Kiều, các dì tôi hay bói Kiều. Bác thợ cùi nhà tôi có quyển Học Kiều lấy. Thế là tôi làm thơ lấy Kiều. Đến khi tôi tha đâu về được một tập Tứ dân văn uyển, trong có nhiều bài dịch thơ Đường của Nguyễn Can Mộng và quyển Văn đàn bảo giám của Trần Trung Viên, tôi bèn loay hoay làm thơ tứ tuyệt, bát cú, làm văn tế và tôi dịch lại những bài thơ Đường người ta đã dịch, mặc dầu tôi không biết chữ Hán. Thày tôi ở Sài Gòn đã đem về những pho truyện dịch của Nguyễn Chánh Sắt, Chinh

đông Chinh tây Tam hạ Nam đường, Càn Long du Giang Nam... Thế là tôi vừa đọc vừa viết kiếm hiệp. Rồi tôi say mê lung tung: Bông hoa rừng, Dao bay, Thủy hử, Gươm cứu khổ, Tố Tâm, Hồn bướm mơ tiên, Sống mà yêu...

Có điều chưa bao giờ tôi bắt chước viết theo truyện của Khái Hưng, Nhất Linh, mặc dầu tôi thích đọc những truyện ấy. Bởi lẽ giản dị: viết truyện viễn vông giang hồ kỳ hiệp, ai cũng có thể tưởng tượng, nhưng viết giống cái thật thì nhân vật trong truyện của các ông nhà giàu con quan có đồn điền như thế, tôi không biết những kiểu người ấy, không bắt chước được.

Truyện Dế mèn phiêu lưu ký của tôi phảng phất những nét lẫn lộn Guylive du ký, Đông Kisôt, Têlêmac phiêu lưu ký mà tôi đã đọc những bản dịch trong loại sách Âu Tây tư tưởng của Nguyễn Văn Vĩnh. Tôi tự học tiếng Pháp bằng cách tập dịch. Tôi mê và tôi dịch nhiều của Môpátxăng, Mateclinh, Đô đê. Khi ấy, tôi hay viết truyện ngắn và cũng có khi làm thơ.

Tôi đã thôi học hẳn và bỏ việc nhà Bata đã lâu, lại đi lang thang nhiều rã cả chân, và phải chặt vật kiếm miếng hàng ngày. Đời sống trong xã hội quanh tôi, tư tưởng và hoàn cảnh của chính tôi đã vào cả trong những sáng tác của tôi. Ý nghĩ tự nhiên của tôi bấy giờ là viết văn tả thực, văn xã hội.

Tôi viết đủ thứ, viết được cái gì, tôi đều gửi báo. Tôi luôn gửi báo để thử sức và "xem thế nào". Báo ở Hà Nội hay Sài Gòn, báo nào tôi biết, tôi gửi tất: Nước Non, Cậu ấm, Mới, Đông Pháp, Việt Báo, Hạnh Phúc, Tiểu thuyết thứ năm, Ngày Nay, Tiểu thuyết thứ bảy... Tôi vẫn ký tên như tên tôi bây giờ. Mãi chẳng được bài nào đăng. Tôi cũng không nản.

Vì thật sự khi nào đọc lại bài tôi cũng tự thấy còn xoàng thế nào ấy. Tôi vẫn viết, tôi chịu khó viết. Dần dần, đôi khi, cũng có báo đăng bài thơ, cái truyện ngắn, truyện vui cười, tranh khôi hài tôi vẽ.

Hồi tôi mới mất việc ở nhà giày Bata, có bạn quen là Bản trên Yên Thái bán hàng cho hãng Đainan Kôsi của Nhật ở Hàng Bồ mách tôi hãng ấy mở đồn điền trên Bắc Giang, đương cần chân thư ký công nhật. Tôi làm đơn nhờ bạn chạy hộ. Nhưng đi lại mấy lần vẫn chỉ thấy nó hện.

Thế là tôi lại qua một thời kỳ thất nghiệp mới. Châu Âu, châu Á, chiến tranh thế giới cứ dần dần khói lửa mù mịt bốn bên xung quanh. Xứ Đông Dương co lại như con tôm khô, chẳng đào đâu ra việc làm, làng xóm tôi ngày một rạc rày khốn khổ hơn.

Ngôi nhà hương hoả, đáng lẽ ông bà ngoại tôi không được quyền bán, thế mà cũng đem cầm bán rồi.

Ông trưởng Hải buôn lùa mua cái nhà ấy theo lối "cầm đoạn mại". Nghĩa là số tiền người ta bỏ ra mua không nhiều, cái nhà đáng bạc nghìn chỉ cầm có một trăm bạc, người mua để ngỏ cho mình có cơ chuộc lại. Nhưng người bán cứ cùng túng mãi đi, lãi mẹ đẻ lãi con cộng vào gốc, thì chỉ trăm bạc ấy rồi cũng có thể dễ mất cái nhà giá bạc nghìn.

Lúc ông ngoại tôi ấn ngón tay điểm chỉ vào cái văn tự đoạn mai, ông trưởng Hải cũng chỉ còn đưa thêm có hai chục bạc. Vì nhà tôi đã vay mượn tiêu trước rồi. Thế mà cũng phải biện đồng bạc cho ông lý Sùng đến áp triệu chứng nhận, kèm theo bữa nhắm sơ sài mấy bánh đậu phụ, miếng thịt lợn luộc, tôi chạy lên chợ sớm mua vội về. Ôi cái xó rượu ông ngoại tôi ngồi, uống tiếp ông lý trưởng có ơn đến áp triệu cho bán nhà, bao nhiêu năm nay tôi vẫn còn nhớ, vào một buổi sáng trắng nhợt, cả nhà tôi im phắc hay tránh đi đâu, không biết, nặng nề như nhà có đám.

Còn ở nhà ngày nào chỉ ăn bám ngày ấy, thật khổ nhục. Công việc vẫn đành là không tìm đâu ra, cũng phải kiếm cách tháo thân đi.

Tôi nảy ra sáng kiến đọc sách đạo Phật. Ngày ấy, tôi không hiểu. Nhưng bây giờ tôi biết đấy chỉ là lối kiếm sống mà thôi. Có thể vì tôi ảnh hưởng của Hồ. Biệt hiệu của Song Hồ là Hương Hát Tiên ông (ông tiên chùa Hương sông Hát), Hồ hay rủ tôi đi vãng cảnh chùa (cũng như đã đi chơi các nhà mồ quê gốc ở Đốc Tín).

Đọc sách Phật rồi, tôi có sáng kiến bàn với các bạn là chúng ta sẽ đi du lịch Trung Nam Bắc bằng cách đi truyền chùa này qua chùa kia, đến đâu thuyết nhà chùa thết ăn một vài bữa rồi lại đi. Cửa Phật, ai ăn mà chẳng được. Khắp nước ta, làng nào cũng có chùa, vậy chúng ta có thể đi bất cứ đâu.

Tôi đến mấy chùa vùng tôi tìm thêm sách Phật. Gặp cái ngạc nhiên đầu tiên là nhiều nhà sư không biết chữ nho, không biết quốc ngữ, không biết kinh kệ hay sự tích Phật pháp ra sao. Chẳng qua người ta đi tu vì cảnh nhà, vì đói khổ...

Tôi đến xin sách kinh của hai cái chùa to nhất Hà Nội.

Chùa Quán Sứ và chùa Bà Đá. Tôi lại gặp cái ngạc nhiên nữa. Nhà chùa cũng cánh vế và có quan thầy. Chùa Quán Sứ của quan Thiếu Hà Đông có chùa Hương giàu sụ và nhiều chùa to ở các tỉnh. Chùa Bà Đá của phái tuần phủ Nguyễn Năng Quốc - một ông quan giàu có vợ lai tây lại cứ nhận mình là sư. Cánh này có chùa Trầm và mấy chùa xung quanh lép vế hơn cánh Quán Sứ.

Dù sao, cũng quyết lên đường. Chí giang hồ thúc giục hay sự cùng khổ xui đi, chẳng nào cũng thế.

Cùng đi với tôi, có Điều và Tề - hai anh thợ cửi người làng vừa mất việc dệt cửi ở Vạn Phúc. Hai cậu cũng lây cái bệnh phiêu lưu ngông cuồng của tôi. Không đứa nào có đồng xu dính túi. Chúng tôi cũng không lấy đấy làm cái để tâm, chỉ có Điều biết lo hơn. Điều giắt theo trong người con dao cạo chuôi gỗ. “Đến chỗ nào khó kiếm, ta vào trong xóm cạo đầu cho trẻ cũng có thể được miếng” - Điều nghĩ thế.

Ngày lên đường đi vào núi chùa Trầm của chúng tôi bắt đầu một buổi sáng tại cầu Am đầu làng Vạn Phúc. Nhiều bạn thợ dệt trong hội Ái hữu đạo trước ra tiễn chúng tôi. Như là một cuộc đua xe đạp bắt đầu.

Từ Vạn Phúc, qua La Tinh và mấy cánh đồng vào đến xóm Phượng. Chúng tôi hỏi thăm đường đi chùa

Hoả Tinh.

Đến gần chợ Trúc thì tối. Nhưng chùa Hoả Tinh không có sư, chỉ có ông tự. Ông tự chùa Hoả Tinh lại điếc. Không cách nào giảng giải được, tôi quát rõ to vào tai ông tự và ra hiệu:

- Nhà chùa thối cơm cho chúng tôi?

Ông tự đã nghe ra, xuống bếp nấu cho niêu cơm không.

Mỗi đứa chỉ được một bát. Đêm ấy, chúng tôi ngủ trên chùa.

Ông tự thương người nhờ độ đường, đem cho chiếc chiếu ba thằng đắp. Gần sáng, chúng tôi trỗi dậy, máy nhau đi. Sợ ông tự dậy đòi tiền cơm.

Nửa buổi trên đường vào Trầm, đến một ngôi chùa trên dãy đồi thấp. Chùa này toàn sư nữ. Tôi được các bạn đẩy ra làm tay ăn nói. Tôi cũng nói như tối qua, nhưng thưa gửi dịu dàng cẩn thận:

- Nam mô a di đà Phật, nhà chùa cho chúng tôi ăn mày một bữa.

Sư bà nhón nhác nhìn ra. Có lẽ tưởng bọn cướp ngày ập đến. Rồi sư bà nói rì rầm như khẩn:

- Nam mô a di đà Phật, nhà chùa chúng tôi đây quanh năm phải đi khuyên giáo thập phương. Khách ít lắm, vô duyên lắm, mấy hôm nay cũng đương chạy bữa, chư vị ạ.

Nghe câu nói thiếu não và thấy cung cách nhà sư cù rù như bà già trong làng suốt đời chưa ra khỏi cổng xóm, tôi nghĩ có cất công thuyết phục cũng bằng thừa. Thế là chúng tôi lủi thủi ra.

Ở chùa này đi, giữa ba chúng tôi xảy chuyện hục hặc với nhau. Không biết tại câu chuyện quá đà hay tại nửa buổi chưa biết trông bữa vào đâu, bụng lép mà sinh cáu gắt. Đầu tiên, chúng tôi cãi cọ về chuyện đệ tam, đệ tứ. Khi tranh luận, Điều hay hung hăng và đuối lý thì gây sự. Nó khẳng khẳng “đệ tứ ra đời sau đệ tam thì đệ tứ là mới hơn. Không đúng thì việc gì người ta phải nghĩ ra đệ tứ. Đệ tam quốc tế cũ rồi”.

Rồi nó kể tội tôi:

- Mày là con nhà tiểu chủ mày theo đệ tam. Tao là thợ, cả đời chỉ có cái thoi dẹt giắt dẹt, tao theo đệ tứ. Tiểu chủ không bao giờ tranh đấu đến đâu đến đâu. Hồi chống thuế, không có chúng tao thầy dùi thì mày cũng bỏ rồi. Tao là thằng thợ dẹt, tao phải tranh đấu với đứa có khung cửi. Giai cấp công nhân sẽ đánh đổ hết những đứa có khung cửi. Con nhà tiểu chủ là chúa nước đôi. Mày đấy?

Thế rồi, găm ghè rồi, đâm đá nhau. Thằng Tề bênh tôi. Nhưng hai đứa tôi yếu hơn Điều và đến lúc nó lấy con dao cạo ra, chúng tôi chạy.

Rồi cũng quên ngay trận thui nhau, một lúc, lại đi với nhau. Bởi vì nhiều lần to tiếng rồi vẫn đi như

thường. Nhưng rồi cũng chỉ đi với nhau được vài hôm. Xem chừng khó bởi vì những ba miệng ăn. Ừ muốn về thì chúng mày cứ về đi. Vả chẳng, tôi cũng đã nhận ra nếu cả ba thằng dẫn rượu đi chắc không tài nào kiếm ăn nổi. Đây là lý do chính khiến tan cuộc hào hứng du lịch xuyên Bắc, Trung, Nam chưa được vài ngày.

Một mình tôi đi. Tôi nhịn đói vào chùa Trầm.

Sư ông chùa Trầm mặc áo lụa nâu, người vạm vỡ, nước da bánh mật, khoẻ như tay lực điền, có đôi mắt khoằm khoằm cú vọ. Chẳng ra vẻ sư mô gì.

Sư ông thạo tình hình, thời thế, biết cả chuyện sáng sớm lính Nhật quay mặt về phía đông chào mặt trời và Thiên Hoàng. Sư ông cũng sôi giá gạo, giá ngô chợ Trúc, chợ Đơ. Sư ông chửi cánh chùa Quán Sứ, kể các khoé bịp của các sư chùa Hương.

Mới đến đầu xóm, tôi đã nghe người ở đầu ghế hàng nước bép xép rằng xóm này đến lắm trẻ con giống mặt sư ông. Lại một cái là những đứa trẻ nào giống sư ông, sư ông đều gọi nó lên chùa cho làm tiểu, bắt chăn trâu cắt cỏ, hầu hạ nhà chùa, như con cháu trong nhà vậy.

Vừa gặp, sư ông đã nói:

- Nhà chùa tôi không cần che mắt thế gian. Bá ngộ những thằng chùa Hương núp dít Phật? Chúng nó bịp đời. Toàn thằng ngô con đĩ đem đồ vàng đồ bạc cho thằng ngô con đĩ.

Dường như nhớ cách lúc tôi còn đứng bán giày Bata ở Hàng Đào, Hàng Khay, tôi tán tằm phào:

- Bạch sư ông, cái nhẽ đời thì hữu sự tự nhiên hương, nhưng lắm lúc cũng phải quảng cáo một ít cho người ta biết, không nên nhún mình quá trong thời buổi này. Cái người viết quyển Trỏ nẻo chùa Hương là thằng bạn tôi đấy.

Sư ông sừng sộ lên:

- Quyển ấy thì ra cái chó gì! Đây tôi mà quảng cáo khuếch trương ấy à, cứ đếm đầu chùa của tôi cũng bằng mấy chúng nó. Từ chùa Hoả Tinh vào đây, rồi qua Vô Vi Trăm Gian, So, Sở sang chùa Thày... ối? Gấp đôi! Gấp ba!

Nhưng chửi "bọn chùa Hương chúng nó" xong, sư ông lại dịu mặt, nhìn tôi:

- "Sừ" cũng làm cho tôi một quyển nhé. Chùa Bà Đá chúng tôi ở ngoài Hà Nội có nhà máy in.

Sư ông ngỡ tôi là tay học trò tìm nơi tĩnh để nghỉ hè học thi. Nhà chùa có thối cơm chứa trọ. Chỗ hai bên nhà khách, cạnh chùa hang, đã đóng lên những tầng gác gỗ ngăn trên dưới thành từng cái buồng nho nhỏ. Nhà chùa vẫn cho người tỉnh về thuê ở chơi, hoặc học trò làm chỗ ôn thi, hoặc những người thừa lương yêu

am thanh cảnh vắng muốn trốn nợ đời vài ba hôm.

Người ngoài xóm cũng đồn sư ông kiểm bầm về những ngăn buồng ấy. Cả trai gái đi chơi chùa thuê chiếu, thuê chỗ ở từng buổi, từng ngày, cấm như nhà "xăm" chứa gái ngoài tỉnh.

Trưa ấy, tôi nhịn vì không tiện bảo nhà chùa cho ăn. Sư ông mời, tôi nói khoác đã ăn sáng ngoài chợ Trúc. Đói một tí, nhưng giữ được thể, và đến chiều, vào bữa có thể thoải mái.

Quả nhiên, cơm chiều có thịt trâu, cả rượu.

Sư ông và tôi ngồi đối ẩm gặt gù. Một chú tiểu đứng hầu rượu. Cái cảm lẹm giống bố đáo để. Sư ông cắt nghĩa việc đi tu ăn thịt uống rượu của sư ông.

- Cái tượng trên chùa chẳng qua bằng gỗ bằng đất chứ bằng gì? Tu là tu tại tâm, tâm chính thì đạo thành...

Những điều sư ông trần tình khiến tôi hiểu rõ hơn được câu chuyện người ta xì xào làng này nhiều trẻ con giống sư ông.

Cho tới năm 1958, ngót hai mươi năm sau, tôi theo đoàn làm phim Vợ chồng A Phủ vào chùa Trầm quay một số thước ngoại cảnh. Bao nhiêu năm rồi, sư ông có già đi nhưng vẫn lực lưỡng quắc thước thế. Nhưng không còn nhớ tôi. Hay không muốn nói là có nhớ. Ít lâu sau nghe tin cụ sư phải đi tù.

Tôi ở lại chùa Trầm có đến tuần lễ. Buộc vào câu sư ông đã mời tôi viết sách quảng cáo chùa. Tôi dựa đấy mà ở. Mỗi buổi chiều, ngồi nhấm rượu và "đàm đạo" miên man. Nhưng không phải chỉ có chuyện chùa chiền. Lung tung, chuyện nhà quê kẻ chợ, đủ cả. Vốn vài ba câu sách Phật của tôi chưa phải mở ra. Xem chừng sư ông cũng không thích chuyện phật pháp mấy.

Có hôm tôi đi biệt cả ngày. Tôi phân vân chưa biết viết thế nào. Ngồi trên đồi So trông xuống mà lo. Nhưng rồi tôi cũng viết xong. Tôi đưa sư ông mấy trang viết bút chì, đầu đề là Qua dòng sông Hát. Đây là sự tích các chùa dọc theo bờ sông Hát mà sư ông đã kể. Tôi thêm mấy đoạn tả phong cảnh, mỗi chỗ chêm mười câu thơ lục bát.

Thế là xong. Có thể kể đấy cũng như truyện kiếm hiệp Tráng sĩ rừng Thông, những sáng tác câu cơm đầu tay cầu may của tôi. Tôi không còn cố gì ở lại. Sư ông cũng bảo sư ông sắp có việc ra chùa Bà Đá. Sư ông đã nói giáo từ hôm kia hôm qua. Có thể nhà chùa đuổi khéo tôi.

Tôi cũng tỏ vẻ cứng. Tôi thiết gì ở đây? Tôi kể tôi còn vắng vài cảnh chùa nữa. Tôi nói:

- Nhờ sư ông giới thiệu tôi vào chùa Vô Vi.

Sư ông cười khanh khách, khoái chí:

- Chùa Vô Vi cũng một tay mõ đèn nhang, đây không có sư.

- Thế thì chùa Trăm Gian.

Sư ông trừng mắt:

- "Sừ" vào Trăm Gian cứ vào, chứ "sừ" nói ở Trăm vào thì các bà lão trong ấy ghét đấy. Mấy con mẹ trốn chúa lộn chồng, tôi khinh lắm.

Tôi vào chùa Trăm Gian.

Tôi tiếp tục cuộc phiêu lưu của tôi. Tuy nhiên cũng pháp phỏm vì lời sư ông dọa.

Chuyến lang thang này thực tên là đi ăn mày nhà chùa. Nhưng cũng để lại cho tôi những kỷ niệm mà thời gian dù mài tròn đi thế nào, vẫn còn nhớ.

Nơi tường đáng lo thì lại đáng nhớ. Chùa Trăm Gian, một ngôi chùa cổ trên đồi, thấp thoáng trong những bóng cây thông già. Đôi lúc, gió thổi qua, làn thông lại thổi dài.

Cô tiểu nữ quảy nước ngoài giếng, bước ra cổng tán nhà hậu, đi thanh thảo. Dưới cái khăn vuông nâu, đôi mắt to và trong. Cái nhìn quyến luyến như ngừng lại.

Mỗi khi chiều xuống toả lụa thừa trong cảnh thông lại nghe tiếng chuông thu không. Nện một vồ rồi cô tiểu buông thông tay, đứng nhìn thành chuông, niệm rì rào. Rồi chuông dồn những tiếng cuối, hoà tiếng tụng kinh, bóng người và bóng chuông. Tưởng như lúc ấy, người con gái đi tu kia, buồn quá chỉ còn dập đầu chết bên chuông hay là chợt tỉnh, dương xăm xăm xuống bậc tháp, theo tiếng chuông hoàng hôn đưa nỗi vui buồn đến trên mái nhà trong đồi. Cô tiểu bỏ chùa xuống với cuộc đời hay xuống với tôi chăng. Nhưng cũng chỉ có đôi mắt thế thôi.

Buổi tối, dưới nhà hậu, vang tiếng giã gạo thành thạch. Tôi nhòm trộm khe cánh cửa, thấy in bóng lên vách, hai cô tiểu đứng cõng, cái đầu trọc trắng hếu nhấp nhô bên chiếc quang đèn dầu.

Tôi phải ngủ biệt tịch trên chùa chính, đắp chiếu nằm trong ruột bệ ông hộ pháp Thiện. Hôm đầu còn ẩm mùi đất mốc, sau chỗ nằm quen, có hơi người ấm như cái ổ.

Đêm tháng mười, trời rét buốt sắc như thủy tinh. Thế mà vẫn thoảng đâu đưa đến mùi hoa sồi cúc vạn thọ, mùi hương.

Không biết mùi thơm bốc ra từ các bát nhang trên kia hay từ ngoài ánh trăng vào..

Có đêm thức dậy, trăng trong ngần qua cửa ngăn, lơ lơ những đầu tượng, tôi có cảm tưởng chùa đông người hẳn lên.

Nhưng lại chợt lạnh ngắt. Tại trăng sáng, tại tiếng chày giã gạo của các cô sư nữ hay tại chiều nào tôi cũng đứng đón nhìn cô tiểu ra gánh nước rồi lại tương tư vụng cô tiểu lúc thỉnh chuông mà băng khuâng không ngủ được.

Tôi đến chùa như khách vãng cảnh. Sư bà cũng ngỡ tôi là cậu học trò ngoài tỉnh. Sư bà gọi tôi bằng "cậu". Sư bà kể chuyện ngày trước còn ở nhà, sư bà cũng có cậu em trạc tuổi tôi nho nhã đáng học trò như tôi, "cậu cháu vừa đỗ giáo học".

Một hôm khác, sư bà thở dài:

- Năm mô a di đà Phật, rồi có người nó hãm hại, vu cho cậu cháu đi "hội kín". Phải toà áo đỏ bắt đi đày Côn Lôn. Đã mười năm rồi, chẳng biết có còn sống không.

Rồi sư bà "nam mô phật" liên tiếp, tiếng thở dài chìm xuống.

Tôi hiểu được nỗi sư bà mến tôi, để tôi quanh quẩn ở chùa như người nhà. Ấy chỉ vì sư bà nhớ thương người thân.

Suốt ngày tôi đi vơ vẩn ngoài đồng, trên đồi, chiều về, nhà chùa bưng lên cái mâm gỗ cơm gạo đỏ, muối vừng, đậu rán dầu lạc chấm tương và bát canh dưa nấu lạc. Ngày rằm được ăn oản chuối. Cứ hai buổi chiều ngày đầu tháng giữa tháng nhà chùa phải thắp hương, thật khó nhọc. Chiều mười tư tôi cũng xuống nhà hậu lấy hương đi cắm. Chùa Trăm Gian có đến mấy trăm bát hương phải cắm. Mỗi cửa một bát một nén, một trăm gian khuất dọc hai bên hành lang, trên chùa chính, dưới nhà tổ, chỗ thờ hậu, các tháp ngoài vườn. Các cô tiểu phải rảo bước cắm hương mới kịp lên thỉnh chuông chiều.

Ở chùa hồi này chỉ còn có sư bà với hai cô tiểu - sư bác và một tiểu đi khuyên giáo xa. Mỗi chuyến quang gánh đi thiên hạ xin ăn cũng biên biệt hàng tháng. Suốt ngày, sư bà và hai cô tiểu đi làm đồng, chiều về chưa vào bữa đã phải chạy lên đèn hương rồi vào tụng kinh, ra thỉnh chuông dai dẳng hàng giờ.

Ở chùa Trăm Gian, tuy được ăn uống no đủ, nhưng tôi cũng định khi nào sư bà không cho ở nữa thì tôi trở về Vạn Phúc. Không thể đi tiếp được nữa. Điều ngạc nhiên, tôi nhận ra sau cùng là không phải dễ chỗ nào cũng có chùa Trăm hay chùa Trăm Gian cho ta ăn. Kiểm ăn các chùa nào có dễ?

Thằng Điều ở Vạn Phúc lại trở lại cuộc đi với tôi và chúng tôi cùng nấn ná ở Trăm Gian. Nếu không có một việc bất ngờ xảy ra, chắc còn lần khần ở đấy.

Một hôm, lý trưởng, phó lý trong làng đem tuần ra hỏi nhà chùa xem có khách vãng lai đến ở không. Chúng tôi đưa thẻ thân cho bọn chức dịch.

Phó lý hất tay không xem thẻ, hạch:

- Các quan nhà binh sắp về "ma nớp" tập trận, người lạ mặt phải đi ngay bây giờ?

Nhưng lý trưởng tỏ ra kỹ lưỡng công việc hơn phó lý, lão xem thẻ thân rồi vặn:

- Chúng mày quê ở ngoài phủ loài vào đây làm gì? Ma cà bông ma cà cúi hả?

- Chúng tôi đi chơi.

Thế là ma cà bông rồi. Dem ra điểm, trói lại giải lên huyện.

Chúng tôi phải ra điểm thôn Tiên Lữ. Nhưng trai tuần không trói. Chúng tôi chỉ phải ngồi chịu rét, làm mồi cho muỗi đốt suốt đêm. Hôm sau, bị giải lên huyện Chương Mỹ.

Từ Tiên Lữ ra, đã thấy lối nhỏ từng tốp lính khố đỏ, lính da đen đi cùng đàn lừa và la kéo những khẩu đại bác xúng xoảng vào con đường đôi gồ ghề đất bùn như pha son. A, lính đi tập trận. Sau những cái tường đá ong nhọt nhọt, người làng đứng lặng lẽ nhìn ra. Đi với mỗi đám lính, có một ả me Tây, gánh hai thùng nặng chũu bánh mì xúc xích, giấm bông, các thứ kẹo, chuối trứng và bia, rượu. Mỗi me lại mướn hai ba người gánh theo các đồ ăn uống như thế. Có me thuê hẳn một xe tay lùn "Ô mịch" cái mặt bụi phấn và cặp môi đỏ chót cao vắt vẻo ngồi trên mũi. Đó là những me Tây được nhà binh cho thầu bán thức ăn uống cho các quan làm "ma nớp" đánh trận giả.

Những cảnh xe thức ăn uống và lính tráng đứng đĩnh như thế, tôi đã quen mắt từ hơn mười năm trước, khi còn học trường Yên Phụ. Buổi sáng, tôi thường đứng xem lính trong thành ra tập thối kèn "bú dích" và tập trận giả ở đường Cổ Ngư bên Hồ Tây. Cạnh mỗi đám lính bao giờ cũng phấp phới xanh đỏ mấy me Tây quang gánh và xe cộ bán bánh, bia rượu... Đấy gần trại, có lần lính khuôn cả bàn ghế ra bãi bày các thứ ăn uống. Các quan Tây mê đay óng ánh, lon vàng choé, uống rượu đỏ lự mặt, ngồi quất tháo và ra quất roi, đá dít đán lính tập trận rên bờ hồ.

Nước Pháp đã thua trận bên châu Âu. Toàn quyền Đờ cu đã mở cửa Đông Dương rước Nhật vào. Nước cờ đương đổi, thế mà cảnh tập trận của lính Tây vẫn ngênh ngang bấy nhiêu súng ống, vẫn các me quấy thức ăn uống đi theo. Chẳng khác ngày trước.

Anh tuần đình nói:

- Nhân thể tớ ra chợ Đơ, chứ hơi đâu giải người lên huyện!

Chúng tôi đi với anh ta như người trong làng ra tỉnh.

Đến thị xã Hà Đông, anh bảo:

- Bây giờ các đảng ấy đi đâu thì đi!

Thì ra phó lý thôn Tiên Lữ và lý trưởng khác cánh nhau, đâm phiến người ta. Thế cũng là thật tan cuộc du lịch phiêu lưu. Tôi trở về Nghĩa Đô.

Mùa nước to, trai trắng dương bị các trường phiên, khán thủ đốc đi hộ đê sông Cái. Làng tôi canh điểm nước trên địa phận Tú Tổng. Tôi có bằng “xécvica”(7) nhưng vì chưa sửa được cái lễ mâm xôi con gà vào hộ tư văn – có chân tư văn được mỗi năm hai lần ra văn chỉ chia phần dự lễ đức Khổng Tử. Văn bạch đình, cho nên phải chịu phu phen tạp dịch và tuần phiên cắt lượt đi đê như trai làng chân trắng.

Cảnh canh đê, trống giục trống đồn, năm nào cũng thế.

Chánh tổng cười ngựa dong nhan trên đê cao. Lý trưởng xách batoong bước lừ lừ, đến điểm là giơ gậy lên hét.

Buổi tối, cái đèn ba dây chong giữa điểm. Các cụ chức việc mò ra đánh tổ tôm. Đã cho phu canh gác, thấy quan phủ Hoài hay Tây lục lộ Hà Nội về khám thì tang vật tổ tôm hay tài bàn, xóc đĩa đều biến mất. Trong điểm chỉ có khay nước để các cụ thức nhấp canh đê. Ở bãi cỏ sườn đê, phu các làng ngủ lẫn lóc.

Các xóm dưới bãi chạy nước lên, người lớn và gà lợn, trẻ con rúc ráy bên vệ vó. Ngày nào cũng có người chết đuối.

Nước lớn, củi rêu trôi về nhiều. Những người tiếc củi của trời đã chạy nước lên lại nhào xuống bãi, bơi ra vớt củi, có người bị cuốn đi.

Sông Hồng chướng đỏ như pha máu, cuồn cuộn giữa hai bên làng mạc đợi tai vạ đến. Trống ngũ liên, tù và nổi sùng sục giữa đêm, rộn gáy.

Tôi viết cái truyện ngắn Nước lên, hôm đi hộ đê ở Tú Tổng về. Tôi tả quang cảnh bi thảm của một năm sông Hồng nước lớn. Truyện ngắn này tôi gửi tuần báo Hà Nội Tân Văn.

Về sau, chị Hằng Phương kể cho biết truyện tôi viết vào giấy lèm nhèm, chữ tôi lại gầy nét, khó xem. Chị tình cờ lấy trong đám truyện loại lên đọc và thấy đáng chú ý. Đây là truyện ngắn đầu tiên của tôi in trên báo được trả tiền nhuận bút. Hồi ấy, không phải cứ có bài đăng báo thì toà báo trả tiền người viết như thể lệ bây giờ. Toà báo chỉ trả tiền người nào được mời, còn như mình gửi bài "lai cáo" thì người ta đăng đến bao nhiêu bài cũng thế thôi. Bởi vì đây là anh gửi cho báo chứ người ta có mời anh viết đâu! Bởi vậy, đồng tiền báo Hà Nội Tân văn "mở hàng" cho tôi vào nghề và những quyển tiểu thuyết Đỏ và đen của Stăngdan, tiểu thuyết của Panai Istrati mà anh Vũ Ngọc Phan khuyên tôi đọc, đó là cái duyên duyên tôi vào nghề văn.

Tôi không thể so sánh và tưởng tượng ra giá một bài báo với công sá những công việc đã làm bấy lâu để kiếm sống.

Hãng giày Bata mỗi tháng trả lương tôi sáu đồng. Bây giờ, một cái truyện ngắn tôi được mười đồng, lại có bằng quần quanh tờ giấy bạc, ngoài để tên ông... Ôi, lịch sự? Mà một tháng, tôi có thể viết mấy cái truyện ngắn! Điếc không sợ súng, tôi cứ lia tràn. Tôi khoảng một đêm xong cái truyện ngắn, là thường Tôi

vào nghề văn từ truyện ngắn Nước lên - nếu có thể nói truyện đăng được trả tiền, là vào nghề. Rồi tôi gửi liên tiếp cho báo Hà Nội Tân văn những truyện ngắn Bụi ô tô, Một đêm sáng trăng sông, Bệnh già, những truyện thiếu nhi, Trê và Cóc, ông Trạng Chuối và một cái kịch loài vật. Tôi thành cộng tác viên của báo được trả tiền bài. Nhưng mỗi lần đến tòa báo, tôi vẫn phải vòng quanh phố Hàng Buồm không biết bao nhiêu lần mới mạnh bạo bước vào cửa nhà in Trung Bắc, nơi hàng ngày anh Vũ Ngọc Phan đến làm việc tòa soạn.

Cũng hồi này, tôi gửi cho Tự Lực văn đoàn truyện ngắn Con gà ri. Truyện ngắn này đầu tiên tên là Mè gái đăng số 1 tuần báo Chủ Nhật của văn đoàn ấy.

Một hôm, Đình Hùng và Huyền Kiều dẫn tôi đến làm quen với tòa báo Chủ Nhật và nhà xuất bản Đời Nay.

Khái Hưng reo ầm lên, gọi họa sĩ Tô Ngọc Vân, nhà văn Thạch Lam và nhiều người xung quanh đến:

- Tôi đã bảo mà? Tác giả truyện ngắn này còn rất trẻ! Rất trẻ!

Tôi cảm động run cả tay, khi bắt tay mọi người. Nhưng ông Khái Hưng chỉ khen tôi mà không trả tôi đồng nào, cũng chẳng cho tôi một tờ báo biểu? Vẫn cái lệ tòa báo chỉ trả tiền và biểu báo người được mời viết.

Tôi đến với nghề văn đại khái như vậy. Tôi không có cảm tưởng nào mới lạ hơn khi tôi nghĩ lại những nghề bán giày làm kế toán, đánh máy chữ, coi kho hay dạy trẻ học và những khi thất nghiệp với những mong ước của một người lương thiện muốn có một công việc làm.

Tôi bắt đầu làm quen với nhiều người trong nghề mới của tôi Nhưng không dễ quen được đâu. Cánh Tự Lực văn đoàn thì ăn mảnh. Vài người tìm cách chơi với họ "thấy người sang bắt quàng làm họ", ra vẻ hí hửng. Những ông kiểu như ông Lưu Thần thuộc đám trác táng cao đạo, cũng không để mắt đến tôi.

Bọn lau nhau chúng tôi thì khá đông, có anh đã viết, có anh chưa viết và những anh không biết viết chuyên điếu đóm chạy hiệu để các đàn anh sai bảo. Mỗi đứa - có một biệt hiệu lỗ lã: Cát Noát, Zannine Lệ Thủy, hoặc tên bố mẹ đặt cho lại đem lộn ngược lên cho lạ kiểu, như Thái Kim Điền, Thái Đình Gia (Đình Gia Thái). Tôi ở trong đám đó.

Nghe anh em nói uống một chén nước mắt rồi uống rượu, không bao giờ say. Tôi cũng uống hần một chén nước mắt. Nhưng chỉ nhấp một ngụm rượu đã say đừ ra như mọi khi. Có khi đi đánh nhau lố đòn hội chợ nữa. Hồi ấy, làng văn hay đánh nhau lắm. Thiết Can viết một bài trên báo Hà Nội Tân văn chê Nguyễn Doãn Vượng. Vượng đón Thiết Can đánh Thiết Can ngay trước cửa nhà in Trung Bắc giữa phố Hàng Buồm, Nguyễn Bính đương in truyện ký Ngậm miệng trên báo Tiểu thuyết thứ năm. Thượng Sĩ viết phê bình, đọc sách cho báo Tin Mới, nhả Nguyễn Bính: không nộp tiền "mãi lộ" sẽ phết cho một bài chửi. Nguyễn Bính nhả lại: chửi thì đánh. Rồi đánh thật. Tôi cũng hung hăng trong đám đánh hồi ấy.

Những cái vỡ lòng trong nghề văn cũng là những bông lông la đà của đám này.

Tôi quen Đinh Hùng và Huyền Kiêu ở nhà xuất bản Tân Việt. Kim Hà dắt tôi đến nhà xuất bản ấy ở phố Hàng Cót.

Nhà xuất bản ở trong Sài Gòn mới ra làm ăn ngoài này. Ông Lê Văn Văng chủ nhà xuất bản đương cảm cờ chiêu mộ đám trẻ. Nhà xuất bản đã ra quyển Đám ma tôi của Hoài Điệp (Đinh Hùng) và Những đêm sâu của linh hồn của Phiêu Linh (Nguyễn Đức Chính), hai ngòi bút mới nhoi ra trong đám trẻ.

Chúng tôi xúm đến nhà xuất bản ấy, coi như nhà mình. Các bạn chữ tốt như Huyền Kiêu thì viết thơ của mình lên những tờ giấy hồng điều treo đầy tường. Các bạn hay chim gái như Đinh Hùng, Nguyễn Bính thì gạ gẫm ve vãn cô em gái chủ nhà xuất bản đương học trường đạo La Coócde trên Quận Ngựa.

Một hôm, trước cả bọn chúng tôi, ông Tân Việt cao hứng, tuyên bố.

- Tôi sẽ cho hai anh này đi học đến đỗ “bắc”(8).

Hai anh này là tôi và Kim Hà, Kim Hà còn dốt hơn tôi. Anh không hề được cấp sách đến trường. Hai chúng tôi vui sướng và vui lây cả đến Nam Cao - khi này, Nam Cao đương là ông giáo trường tư Công Thanh ở làng Thụy. Ba chúng tôi đã bao lần ngồi ghế đá vườn hoa Écke cạnh chùa Quán Thánh trông ra Hồ Tây ban đêm. Gió hồ cuối thu thổi vào rào rạt như nguồn cơn của lòng người. Ngỡ như ngọn gió đương thổi cái tương lai tốt đẹp đến cho mình.

Tôi biết Kim Hà từ hồi "Bình dân". Anh chính trị phạm Giang Đức Cường thợ ảnh báo Tin Tức giới thiệu tôi với Kim Hà trong cuộc mít tinh ở nhà Đấu Xảo ngày 1 tháng 5 năm 1938. Anh Cường nói Kim Hà viết văn. Kim Hà hăng hái đi mít tinh trong đoàn thất nghiệp như tôi. Rồi quen Kim Hà tôi cũng không thấy anh viết văn. Suốt ngày, Kim Hà gò cổ gõ trang kim. Nhà anh có nghề làm vàng mã.

Thế rồi, một hôm anh đưa cho tôi quyển tiểu thuyết anh viết dày đến ba bốn tập giấy kẻ. Truyện tên là Cái nhà gạch. Chữ to tướng. Bởi mắt anh toét lèm nhèm, lại toàn viết đêm.

Cái nhà gạch là chuyện Kim Hà kể sự tích mẹ anh ký cóp, xoay xoã để làm nên cái nhà gạch hai gian mà anh đương ở đấy.

Ít lâu sau, Kim Hà đến bảo tôi:

- Cái nhà gạch của tao được giải thưởng Tự Lực văn đoàn.

Kim Hà mở tờ tuần báo Ngày nay đăng tin giải thưởng văn chương hàng năm của Tự Lực văn đoàn cho tôi xem. Kim Hà được giải thưởng thật. Mà giải nhất. Đọc báo xong, tôi cũng chưa tin hẳn. Phải đến hôm Kim Hà đưa tôi ra nhà Mạnh Phú Tư là người có cuốn tiểu thuyết Làm lễ cũng được giải thưởng. Mạnh Phú Tư giỏi tiếng Pháp, viết văn bằng đánh máy, ở trong cái ngõ gần Cửa Nam một mình một buồng, mặc

áo ngủ láng đen lưng thêu con rồng vàng, thế mà chỉ được giải ba. Bấy giờ tôi mới thật tin, nhưng vẫn lạ lẫm.

Quyển Cái nhà gạch của Kim Hà viết sự thực, sự thực mạnh mẽ đến nỗi người đọc không thấy chữ nữa, chỉ gặp xù xì toàn cuộc sống. Nào Kim Hà gò trang kim. Nào Kim Hà bị mẹ chửi, phải nhịn đói. Nào Kim Hà đi chơi nhà thổ, mắc bệnh lậu, mẹ lại chửi thế nào... Cũng phải, Kim Hà làm gì có chữ. Kim Hà chỉ có đời thực của mình thôi.

Kim Hà được lĩnh trăm bạc tiền thưởng. Trăm bạc Đông Dương hồi ấy còn to lắm. Khoái quá, một độ anh vút cả đục trang kim vàng mã. Chơi bởi thế nào mà lại mắc bệnh lậu lần nữa, người cứ ốm rề đi như cái tã.

Tiểu thuyết Cái nhà gạch, nhà xuất bản Đời nay bảo để nhà văn Thạch Lam chữa rồi in. Nhưng cả mấy năm cũng chẳng thấy in. Anh đến đòi bản thảo mấy lần, không được.

Anh không đến nữa. Nhưng anh cũng không bức mình mà lại có một bằng lòng giản dị. Cũng như công mình đục trang kim bán cho hàng mã, đã lấy được tiền rồi thì thôi. Anh viết quyển khác.

Anh viết Tiếng còi nhà máy, Nhà xuất bản Tân Việt in.

Tiếng còi nhà máy, anh ngồi ở nhà nghe còi tầm ở Nhà máy thuộc Da, nhà máy Bia ô Mền, nhà La Pho rồi anh tưởng tượng ra truyện. Cái tài tự nhiên của Kim Hà đã trút tất cả cho Cái nhà gạch, quyển này tuy được in nhưng không còn gì nữa. Chủ nhà xuất bản Tân Việt trả Kim Hà mỗi tháng mười đồng. Anh cũng lại bằng lòng. Anh ngỡ Tân Việt bắt đầu nuôi anh lương tháng để sắp cho anh đi học. Kim Hà bấy giờ đã ngoài ba mươi, mặt rỗ chẳng chịt, bệnh hen nặng, người lử khử như con cò ruồi. Thế mà lúc nào cũng khoái đời. Ông Tân Việt chỉ trả tiền anh được bốn tháng. Còn tôi chỉ được một dòng quảng cáo sắp in truyện Đen trắng (chưa viết bao giờ) lên bìa một quyển sách của người khác, thì chẳng được xu nào.

Toàn chuyện hão.

Chuyện hão nữa là cô "em gái" ông chủ mà cái bạn ngấp nghé, lại chính là vợ lão. Ông ta bịa để câu đám trẻ.

Chúng tôi được chiêu mộ đến cũng muộn, vào lúc nhà xuất bản vừa qua đận khó khăn ban đầu. Ông Lê Văn Văng này vác một túi bạc ở Mỹ Tho ra làm xuất bản. Nhiều bậc nhà văn đàn anh, các ông Lan Khai, Trương Tửu đã xúm đến trổ tài đào tiền lão, lão sắp khánh kiệt.

Lão gần kiệt lực mới học được nghề, trước nhất là, biết cách đối xử với từng hạng người viết văn. Cái khó vào nghề đã qua, bây giờ, mảnh khoé xuất bản đầu tiên lão trổ ra là lão cấm cửa mấy vị quân sư quặt mo nọ. Việc thứ hai, lão đánh tiếng gọi bọn mới viết lách và cũng còn ít tuổi đến, như chúng tôi, dụ dỗ làm công không. Cứ chiêng trống rùm beng rằng sắp có lớp nhà văn mới xuất hiện. Ông Trương Tửu viết bài

phèng la "Tôi thả hương cầu nguyện..." cho lớp trẻ ra đời. Một nhà xuất bản khác, nhà Tân Dân ra loại báo thiếu nhi dưới hình thức sách, tên là Truyền Bá. Báo Hà Nội Tân văn của anh Vũ Ngọc Phan sắp phải đóng cửa, vì người bỏ tiền ra in báo là Vũ Đình Dy thân Nhật đã trốn đi. Anh Vũ Ngọc Phan cũng chỉ là người làm công. Anh tìm việc mới cho tôi. Anh Vũ Ngọc Phan và anh Nguyễn Công Hoan mách tôi với nhà xuất bản Tân Dân. Ra loại sách "Truyền Bá" cho thiếu nhi, ông Tân Dân mời tôi viết thử cho nhà ông quyển Con đế mèn, sách bán được khách mua, ông Tân Dân đặt tôi viết tiếp. Tôi viết Đế mèn phiêu lưu ký dài gấp đôi quyển Con đế mèn - tất nhiên, tiền cũng được trả gấp đôi.

Tôi cũng không nhớ kỹ được tại sao tôi lại viết truyện Con đế mèn. Có lẽ gợi ý khởi đầu là vì thuở nhỏ tôi giỏi chơi đúc đế ở bờ sông Tô Lịch.

Thấy sách của tôi bán được, ông Tân Dân hợp đồng miệng với tôi là khi nào tôi trao bản thảo, ông trả tiền ngay.

Mỗi quyển mỗi loại truyện ngắn, truyện vừa, truyện dài, bản thảo bán theo giá định sẵn. Như vậy mỗi tháng tôi viết một truyện vừa cho trẻ em chừng năm mươi trang viết tay (nếu viết quá phải san làm hai quyển. Những "Đế mèn" của tôi hồi ấy chia làm ba quyển vì giá quy định như vậy, chứ không phải vì yêu cầu của cảm hứng. Ngoài ra, một tháng tôi đưa hai truyện ngắn và cứ ba tháng viết một truyện dài. Chao ôi, sao mà tôi viết khoẻ thế. Tôi vào nghề văn có trong ngoài ba năm trước 1945 mà viết như chạy thi, được năm truyện dài, truyện vừa, ba tập truyện ngắn(9) còn truyện thiếu nhi như "Đế mèn" thì có đến cả chục truyện, cái in cái chưa in, vương vãi lung tung - bản thảo đã bán, rồi đảo chính Nhật, Pháp, rồi cách mạng, thành thử thất lạc cả, tôi cũng không nhớ hết.

Cũng chẳng lạ, viết để kiếm miếng sống lúc ấy tất phải cuốc khoẻ thế vậy.

Ông Tân Dân làm ăn nền nếp, giàu có, khác nhà ông Tân Việt, Tân Dân là nhà xuất bản lớn, có nhà in riêng, có biệt thự ở làng Thụy Khuê bên Hồ Tây, có ruộng ở quê nhà trong Mục Xá, Văn Đình huyện ứng Hoà.

Ông có thói quen không tiếp và cùng một lúc trò chuyện công việc với hai người viết văn. Ông không bảo ai như thế, nhưng phàm người viết đã giao thiệp với ông đều biết rĩ tai nhau như thế.

Giá bản thảo có lẽ ông mua của mỗi người mỗi khác mà chỉ hai người biết với nhau. Có những tác giả hạng nhất của nhà ông, như Nguyễn Công Hoan, Lê Văn Trương sách đương bán rất chạy. Có những người viết và làm ăn lương tháng như Trúc Khê, Ngọc Giao, có những người đưa bản thảo không lấy nhuận bút, được ông in đã là sướng. Có người đưa bản thảo kèm thêm tiền để ông in cho. Không ai biết ông đối đãi với mỗi ai thế nào. Cứ như truyện Trạng Quỳnh lừa người vào xem cái lạ trong buồng quây cọt giữa ao, chỉ thấy một câu chửi đứa nào ra mà bảo đứa nào.

Câu chuyện giữa ông và tôi đại khái như sau:

- Chào ông.

- Xin chào ông. Ông đem quyền gì mới cho tôi?

- Thưa ông, tôi có cái truyện Truyền Bá năm mươi trang khổ to thế này.

- Giấy nhượng bản quyền đây, mời ông ký cho. Giá là năm mươi đồng.

- Năm mươi đồng ạ?

- Thưa vâng. Chúng tôi đương tính nếu tình hình có khó khăn nữa, sẽ tăng nhuận bút. Chiến tranh gay thật.

Tờ giấy " Nhượng bản quyền tác giả" đã in sẵn, được đặt trước mặt tôi. Trong giấy có khoản: in lần thứ hai thì bản quyền trở lại tác giả (nhưng in lần thứ nhất bao nhiêu, lần thứ hai bao giờ, chẳng điều nào ghi cho tác giả biết hoặc nói rõ phải có chứng kiến của tác giả. Mà giấy nhượng bản quyền cũng chỉ có mỗi một tờ ông chủ xuất bản giữ).

Với tôi thì ông có in lại đến mấy lần cũng được hay chẳng có tờ nhượng bản quyền kia cũng không sao. Vì ông đã trả tiền tôi. Tôi viết cả chữ và con số 50 vào tờ giấy nhượng bản quyền rồi ký tên. Trong khi ấy, ông nhón ngón tay đếm lại mười tờ “con công”. Rồi hai tay ông nâng tập giấy bạc tãi xoè ra, ông nói:

- Cám ơn ông.

Xong hẳn những việc đó, ông xoa tay, hoan hỉ hỏi:

- Hồi này ông có định đi du lịch đâu xa không?

- Thưa ông, tôi sắp vào Huế.

Ông trợn mắt, nói nhỏ:

- Ấy đi Huế thì ông phải cẩn thận ông còn ít tuổi, tôi xin nói thật. Ở Huế nhiều bệnh hoa liễu lắm. Ông nào rủ ông chơi sông Hương mà có gọi gái đến ngủ đêm, ông cứ cho nó ăn cháo gà. Đứa nào mà không dám ăn cháo gà thì ông biết ngay là nó tim la, nhẹ cũng là bệnh lậu. Cái giống thịt gà cá chép là ký các bệnh phong tình. Ông còn ít tuổi, tôi xin nói thật.

Tuy câu chuyện làm quà, nhưng tôi ngẫm nghĩ ông đã nói thật và tôi lấy làm cảm kích. Bởi vì chưa chắc tôi đã bằng tuổi cô Nga con gái đầu của ông. Mà mặt mũi tôi thì nhờ nhếch? Lãng mạn nhất, thì cũng như câu chuyện tôi đã viết lại trong Xóm Giếng ngày xưa, nửa đêm kia tôi đã đi với Đình Hùng và Huyền Kiều vào nghĩa địa Thanh Xuân trên đường Hà Đông. Cho ông gác một hào, rồi vào bãi tha ma. Tôi đốt bản thảo tập thơ Dưới bóng trăng thanh của tôi trước ngôi mộ cô Khuyên mới chôn được ba ngày. Khuyên bỏ làng

quê Nghĩa Đô ra Kẻ Chợ ở với mẹ rồi lấy chồng ngoài ấy. Đình Hùng đặt một bài thơ trên mộ Đình Thị Tuyết Hồng, chị Đình Hùng năm trước trẫm mình tự tử ở hồ Trúc Bạch - hay hồ Gươm, tôi không nhớ. Có người đã viết thành sách Tuyết Hồng lệ sử.

Rồi chúng tôi về Ngã Tư Sở uống bia. Tôi không có tiền nhiều hơn và cũng chưa dám vào nhà hát.

Bởi vậy, câu chuyện ông Tân Dân dạy cách ăn chơi cho tôi ông nghĩ thật và chắc không phải chuyện ông nói như thế như, khi tiếp ông Lưu Thần, ông Lê Văn Trương, ông Lan Khai hay ông Nguyễn Công Hoan, những nhà văn đã lịch lãm.

Đến đây, chuyện đã dài, tôi hiểu vậy. Tôi bắt tay ông.

- Chào ông.

Ông đáp lại:

- Xin chào ông.

Tôi đi ra. Ông đứng dậy, tiễn tôi đến chỗ cái bình phong.

Ở ngoài đường, Nam Cao cộc cộc giày tây bước vào, phớt lạnh khi qua mặt tôi, như không quen.

Cách ông Tân Dân hợp đồng tợn tạo, mạnh mẽ với tôi, cũng có ý riêng của ông. Ông cốt tích trữ. Nhà xuất bản này thường mua và tích trữ nhiều tác phẩm của những người có tiếng. Tôi là người viết còn trẻ, nhưng sách viết cho thiếu nhi của tôi bán chạy. Ông muốn độc quyền giữ người viết.

Sau đó, dù tôi có không viết cho ông nữa, ông vẫn khối sách của tôi để có thể tung ra mấy quyển một lúc, bán rẻ, đánh quỵ nhà nào in sách tôi. Việc con nhà buôn bán cạnh tranh tác phẩm này không xảy ra cho tôi. Nhưng nhiều đàn anh, như Nguyễn Công Hoan, đã bị miếng đòn hiểm ấy. Nhà Đời Mới in truyện Cái thủ lợn và tiểu thuyết Thanh đàm của ông cùng lúc ông Tân Dân cho ra thị trường mấy quyển khác cũng của Nguyễn Công Hoan, mà giá sách Phổ thông bán nguyệt san là giấy in báo, chỉ rẻ bằng nửa tiền sách nhà Đời Mới.

Nhà xuất bản Tân Dân không phải là một nhóm, một văn đoàn như kiểu văn đoàn Tự Lực hay nhà Hàn Thuyên.

Cái nhà xuất bản này là cửa hàng tạp hoá to vốn, nhiều quầy, nhiều mặt hàng, ai mua gì cũng có. Truyện kiếm hiệp, sách giáo khoa, tạp chí tranh luận duy tâm duy vật, truyện trinh thám, truyện tình ái văn vợ, truyện xã hội tả thực. Mỗi thứ đựng một ô trong ngăn kéo. Không tác giả nào biết tác giả nào. Tôi chưa hề ngồi chơi với ai ở nhà xuất bản trừ mỗi lần đến gặp ông Tân Dân, nộp bản thảo, lấy tiền. Một mình ông Tân Dân có bốn tờ báo ra hàng tháng, hàng tuần (Tiểu thuyết thứ bảy, Tao Đàn, Phổ thông bán nguyệt san, Truyền Bá. Không kể, có thời kỳ còn tờ tuần báo Ích Hữu). Một nhà xuất bản đủ thứ sách, cho người lớn,

cho trẻ em, cho nhà lý luận, cho cô hàng xóm. Thế mà ông chỉ phải nuôi có hai ông viết văn ăn lương tháng và những năm về sau, một ông thầu văn, ông Vũ Bằng.

Tình hình Nhật Pháp và Đông Dương càng căng, nhà xuất bản Tân Dân cũng kinh doanh tấp nham theo thời thế, không cứ nghề in và nghề xuất bản. Tôi nghe ông Vũ Bằng nói ông Tân Dân còn buôn nhà và buôn đồ cổ. Công việc biên tập và in sách báo dồn vào tay ông Vũ Bằng. Vũ Bằng thầu cả ba tờ báo tháng, báo tuần của ông. Ông Vũ Bằng còn thầu thêm tờ tuần báo nữa của nhà in Trung Bắc, tờ Trung Bắc chủ nhật.

Hà Nội lúc ấy chỉ có trên dưới chục tờ báo hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng. Phần nhiều đều là báo có người thầu hoặc làm khoán. Tờ Đàn Bà của bà Thụy An có thể lực với Tây, xin được cấp giấy Đáp Cầu, số giấy chính để bán chợ đen. Trúc Đường làm nhà in Lê Cường nơi in báo Đàn Bà được khoán cho việc biên tập. Chủ báo chỉ thu tiền phần quảng cáo và giữ mục nhấn tin mua bán hộ. Hàng hoá khan hiếm, nhà báo đứng ra nhận mua giúp - tất nhiên có lãi, các thứ khó mua như sơn, phấn, sáp, nước hoa và nhiều thứ khác của các bà, có bạn đọc lắm tiền nhờ xoay chợ đen hộ.

Tôi vẫn viết thẳng cho ông Tân Dân và lĩnh tiền ở ông ấy. Tôi mách mối, ông Tân Dân mời Nam Cao viết truyện thiếu nhi.

Đến khi Nam Cao muốn viết thêm truyện ngắn, ông bảo hỏi ông Vũ Bằng. Mỗi số báo Vũ Bằng lĩnh của chủ một món tiền biên tập rồi phát lại cho ai bao nhiêu thì tùy. Nhiều người ở xa viết với ông Vũ lúc ấy, như Lý Văn Sâm ở Biên Hoà, Bửu Kế, Phan Du ở Huế, Nguyễn Văn Xuân ở Quảng Nam, không biết có được ông ấy gửi trả nhuận bút không.

Hồi này nhiều tay giáo học được Tây gọi về làm phòng kiểm duyệt. Họ viết văn lấy tiếng, còn toàn cho bài không.

Báo nào cũng phải in khẩu hiệu và danh ngôn "Thống chế Pétanh đã nói" cũng phải đăng bài của các ông ở phòng kiểm duyệt kiêm nhà văn. Sách của các ông này, loại như truyện Đời cạo giấy của Giao Chi và tập truyện ngắn Rượu cần chẳng uống mà say của Nguyễn Khắc Mẫn nhà xuất bản Đời Mới in bày nhan nhản các hiệu.

Trong cảnh làm ăn bon chen thế, tôi sống một cách trái ngược, vừa thiếu thốn lại vừa chơi bời - dù là chơi bời cò con và cò rả. Trong sinh hoạt nghề mới, gì tôi cũng muốn biết, muốn học, học lỏm. Lúc đầu cũng có cái thích, nhưng lâu rồi lại buồn bã nhìn ra những dở dẩn và chua chát của nó.

Bàn giấy nhà văn Lê Văn Trương, người có nhiều sách in nhất lúc ấy. Tôi đến nhà anh ở Láng, thấy giữa bàn viết, anh đặt cái sọ đầu lâu người đã lên nước bóng vàng khè. (Cái một nhiều người viết văn bấy giờ hay chơi đầu lâu, để trên mặt bàn). Con dao găm xiên ngang giữa hai hàm răng. Cái đầu lâu và con dao găm chặn lên tấm bìa xanh của một bản thảo đương viết, trên bìa có hàng chữ to: "Quyển tiểu thuyết hay nhất đời nhà văn của tôi". Và cái chậu nước mưa đặt ở thềm hè. Để lúc viết hăng quá, bị nóng đầu, - anh ấy bảo thế, nhà văn ra dìm mặt vào nước mát cho bộ óc dịu đi.

Trò ảo thuật dao găm, đầu lâu, chậu nước và câu thần chú nọ không phải để nhà văn tâm niệm và làm theo, cũng không để tôi xem, nó để bầy các ông xuất bản đến chơi. Vì các bạn, ai cũng biết thời kỳ này anh đã viết ầu. Nhiều quyển, Lê Văn Trương cho đàn em, đám Đặng Đình Hồng, Tân Hiến viết rồi anh ký tên. Đọc văn biết khác ngay.

Tôi đã hết ngạc nhiên thấy trong nghề viết văn cũng có chợ đen và làm xiếc. Có khi tôi cũng theo các đàn anh Vũ Bằng, Ngọc Giao lai vãng vài ba tiệm thuốc phiện ở Hàng Chiếu, ở Bờ Sông ngoài Hà Nội hay có những lần cùng Nguyễn Bính, Việt Châu tác giả tập thơ Lông ngỗng reo tình đến tiệm hút ở Chợ Cũ, ở đường Cây Mai, vào Chợ Lớn. Nhiều ông viết văn làm báo nằm trong làn khói thuốc phiện như "bóng ma" và bàn tán tất cả mọi chuyện trên đời.

Cuộc sống của tôi lảng vảng bên hồ truy lạc, khi sợ, khi thích thú, khi buồn chán, không tự phân biệt được.

Một lần, Nguyễn Bính rủ tôi đi “giang hồ”. Nghĩa là đi chơi không cần tiền. Có tiền mới đi chơi, thì là xoàng rồi, ai cũng làm được. Lên tàu hoả ra ga Đầu Cầu thì lên không. Ở đấy đã có Trần Nhân Cư ông trưởng ga xếp này sinh làm thơ và là người của trường thơ Nguyễn Bính. Đến ga Bắc Ninh, thi sĩ Vũ Hoàng Chương, do Mạnh Phú Tư giới thiệu, tôi biết anh Chương đỗ tú tài toán, làm thơ, lại mê đọc truyện trinh thám. Nhà ở Bến Thóc, thành phố Nam Định. Một nhà thế gia, đương tàn. Nhưng mà vẫn to lắm. Nam Cao và tôi ở ăn cơm cả tháng, cũng không ai giáp mặt chúng tôi. Mỗi tầng gác có nhiều buồng, buồng treo rèm vải điều. Bên trong, một bà già nằm hút thuốc phiện. Vũ Hoàng Chương làm ga, có tiền. Anh mua giấy, in lấy tập Thơ say ở nhà in Cộng Lực rồi lại nhờ nhà xuất bản Cộng Lực đứng tên phát hành.

Chúng tôi đỗ lại Bắc Ninh. Vũ Hoàng Chương gài chúng tôi xuống nhà ả đào, nhà cô Tuyết Lành dưới phố Niềm. Tối hát, ngày ăn bún ốc - lại ăn bún ốc, trừ cơm. Chán cảnh phố Niềm, chúng tôi lên phủ Lạng Thương, kéo theo xếp ga Chương. Xếp ga Chương bỏ cả ga, đi chơi. Ba người ngồi toa đen, như những kiện hàng.

Chúng tôi vào nhà Bàng Bá Lân. Thấy có ông tờ-rốt-kít Dương Tá Ban chút khăn, mặc áo trắng dài đã ngồi uống rượu ở đấy. Ông Dương tự nhận là tờ-rốt-kít lại thạo xem tướng tay, hay đi phân kim cầm huyết tìm đất để mả như nghề cụ Tả Ao.

Ở sông Thương, ngày ngày, Chương và Bính tha thẩn vào xóm Thùng Đấu ngoại ô thị xã Bắc Giang. Hai bạn thơ vừa đi vừa ngêu ngao đọc thơ. Ông Chương thì " Tổ của Hoàng ơ", ông Bính thì " Ngày xưa vua nước Bướm"...

Ở đây, ngày trước thi sĩ Bính có yêu một người. Bây giờ, trở về, khóc mỗi tình cũ. Tình cũ chẳng thấy đâu, chỉ thấy trẻ con ra xem xúm đông xúm đỏ, chạy trước chạy sau. Thế mà hai người vừa đi vừa đọc thơ, tôi đi giữa chịu khó khoác tay hai bạn. Ngất ngểu ba thằng rồ.

Được mấy hôm, nếu Bàng quân không đưa tiền tàu và nói thẳng rằng thế là tiền tiền, chưa biết bao giờ

chúng tôi mới nhớ rõ.

Còn đến cả tuần sau mới về đến Hà Nội. Qua Niêm, lại xuống Tuyết Lành. Rồi lại hát cô đầu Phủ Từ. Không có tiền, Bính và tôi phải "nằm va-li" ở cô đầu Từ Sơn, Chương về Hà Nội chạy tiền "chữa cháy".

Tối hôm chia tay chuyển đi tiêu tiền toàn của người khác ở hàng thịt chó Hàng Đồng, Vũ Hoàng Chương và Nguyễn Bính tức cảnh đọc bốn câu thơ:

Tô Hoài, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương

Còi thét vào ga Phủ Lạng Thương,

Sở tại bàng quan châu xuống xóm

Thi nhân bá ngọ chuyển lên đường

Chả là rủ Bàng quân đi hát, ông phản đối, nên "bá ngọ" chuyển đi? Chơi thế, phải mặt dày đi chạy vạy chẳng bừa. Nhưng lại thối màu phiêu đảng bất cần đời lên mà làm thơ. Những "say đi em", "ngiênngiên trăn thế", "nàng tiên nâu" chỉ là "làm thơ" vậy thôi. Thời thế những năm ấy đã khác. Cái lãng quên và quay lưng chỉ còn là sự gục đầu xuống. Đời thật lúc đó thảm hại lắm, như những chuyến hành khất "giang hồ" trên. Những bế tắc, bệnh hoạn đã thành tên là thơ say, thơ trắng, thơ tiên, thơ sâu mộng, thơ điên, thơ em gái. Thật tên là thơ xin ăn, vì thèm, vì đói, đủ kiểu. Có người hỏi tiền thẳng thừng như thơ Nguyễn Tử Kính, nhà xuất bản Á Châu in:

Gió rét chưa chi về sớm quá

Áo chưa đan được lạnh bên lòng

Còn đâu hi vọng mà mong

Người đan áo rét tặng trong dịp này

Nguyễn Bính trong Tiểu thuyết thứ năm:

Chùa Hương xa lắm em ơi

Đò giang cách trở, chịu thôi cô mình

Câu này anh nói thật tình

Muốn đi thì phải cho anh mượn tiền

Và mơ màng Quỳnh Dao:

Bạch lập bùng sôi trên mỏ hạc

Hồng đơm thơ ngự khắp chân tường

Đơm tình gái mộng chờ thi sĩ...

Những câu thơ đã đăng báo in sách giá trị tương tự hai câu rao thuốc chữa bệnh phong tình thời ấy: Chỉ đầu mà buộc ngang trời. Thuốc Hồng Khê chữa những người lẳng lơ. Tuy vậy, có lúc tôi gọi những rạc rày như thế là thơ và đời thơ.

Bọn chúng tôi rồi có người ngã rục, có người đau ngoảnh mặt đi, có người tỉnh ngộ.

Tôi tham gia Văn hoá Cứu quốc ít lâu sau khi làm nghề văn, giữa đám bè bạn lố nhố lao sao vậy. Mới đầu không phân biệt được rồi có lẽ vì thói quen vốn là người làm ăn bình thường chân chỉ, tôi thấy ra rằng trong nghề văn và sự nghiệp cách mạng cũng đòi người hoạt động không khác lúc tôi ở Ái hữu thợ dệt, ở Thanh niên dân chủ.

Tôi nghĩ thuyết phục bạn.

Một hôm, tôi đưa Nguyễn Bính một tờ Cứu Quốc. Lần sau Bính đến, hỏi tôi có báo Việt Minh, cho xem nữa. Nhưng xem xong Nguyễn Bính cũng lặng lẽ đi, không nói.

Một hôm, tôi đưa Vũ Trọng Can xem báo Cứu Quốc, Vũ Trọng Can người làng Thọ vùng tôi. Truyện Màu hoàng yến và kịch dài Cái vạ đầu tiên của anh in trên các báo Ngày nay và Tiểu thuyết thứ năm rất hay, đã thúc giục tôi càng ham mê viết. Vũ Trọng Can đọc xong tờ báo Cứu Quốc bí mật hỏi: “Còn nữa không?”. Đôi mắt “chó giấy” của anh ngược nhìn, chẳng ra ngờ nghệch, chẳng ra khinh đời.

Ít lâu, tôi gặp Vũ Trọng Can ngoài phố. Quần áo "tuýtso" lụa, giày "dôn", cà vạt hoàng yến, thật điển. Nam Cao và tôi đến nhà Can chơi. Những năm trước, đã thành lệ, Can có quần áo tốt mặc hết mùa lại đem gửi nhà cầm đồ Vạn Bảo ở phố Mới lấy tiền tiêu. "Cho người ta giữ hộ. Bao giờ cần lại lấy về cơ mà". Can nói cợt thế. Bây giờ, Can thuê gác ở, có tủ, bàn, giường tây (cũng đều thuê). Trên cái giường lò xo, tôi trông thấy một bên là cô bạn diễn viên kịch. Cô bạn gái Mỹ Ảnh nằm bên kia và Can nằm giữa hai cô. Họ đương xem tướng tay cho nhau.

Can ngồi lên, hét vào mặt Nam Cao và tôi:

- Chúng mày ngốc hơn những thằng ngốc... đeo đuôi viết lách mãi... mở mắt trông ông đây, ông còn nhiều thứ nữa...

Chúng tôi phải mở mắt trông ông ấy là như thế này. Độ trước Vũ Trọng Can đã đem bộ Đông chu liệt quốc đến nhà tôi ngồi liền cả tháng soạn riêng ra từng vai, viết lại thành quyển Người chiến quốc đầy sự. Rồi xin phép xuất bản. Sở thông tin báo chí của Pháp cấp phép cho mua giấy. Nhưng không in sách, Can

đem bán giấy lấy tiền. Vì thế mà phát tài.

Rồi Can nói khéo thế nào, có người làng đưa tiền cho anh đi với Nguyễn Trọng Trạc - trước quản lý báo Ngày Nay lên Lạng Sơn buôn dó làm giấy. Nướng vào sòng bạc trên ấy hết sạch tiền, lại thêm mắc nghiện. Lăn khân không về, không dám về, cứ ở Đồng Đăng Kỳ Lừa rồi ốm ngã nước. Khi khiêng về đến nhà thì đã hấp hối. Bấy giờ người nhà mới biết anh đã nghiện. Nhưng đổ thuốc phiện vào không kịp nữa.

Đó là lớp người trôi như bèo trên mặt sóng.

Trần Huyền Trân có gian buồng nhỏ trống trơ sau Cổng Trắng, trông ra một đầm sen - ngõ Sơn Nam, tên ông chủ cho thuê các nhà trong ngõ. Mẹ anh sinh sống ở cái lều kéo vó trong đầm. Đấy cũng là nơi trú ngụ, chúng tôi thỉnh thoảng đến nằm khàn ở cái buồng rỗng ấy. (Khi thuyết phục Trần Huyền Trân tham gia Văn hoá Cứu quốc, Lê Quang Đạo đã có lần đến ở đây). Hoặc lên túm năm tùm ba trên cái gác phố Hàng Đồng nhà Chu Ngọc, coi như thế là "xê dịch", là "giang hồ vật". Phiêu lưu kiểu kiến bò cho qua cơn trống trải.

Cuộc sống trong ao mà những con chấu chàng thỉnh thoảng ngoi lên mặt nước, đờ đẫn nhìn theo mấy cái bọt mình vừa thờ.

Đôi khi, Nam Cao và tôi lang thang đến rạc cẳng trên hè phố rồi ra cửa ga Hàng Cỏ, thuê buồng ngủ. Để đêm đêm nghe tiếng còi tàu. Nam Cao thích truyện ngắn Dik và Linh đăng ở Hà Nội báo, tôi không nhớ một trong hai anh viết, của Nguyễn Hồng Tranh hay Vũ Năng An. (Tôi mới được biết Dik và Linh của Vũ Năng An). Truyện tả đời phiêu bạt của những người làm tàu biển. Chúng tôi ao ước thế.

Cuộc sống chữ nghĩa còm cõi thật phức tạp và thương tâm. Nhưng ở lớp người ấy, có người biết mơ ước, cả trong u tối Khi hiểu được nguyên do những thảm hại nhiều người trong chúng tôi đã vứt đi được cái hào hoa, nông nghênh侈, thấy ra mình đương ở đâu và phải làm gì cho đáng là con người. Tôi hiểu các bạn thơ trường phái "áo cừu gốc liễu" lối Thâm Tâm và Trần Huyền Trân ở trường hợp ấy.

Thơ Thâm Tâm viết:

"Đưa người ta không đưa qua sông

Sao có tiếng sóng ở trong lòng

Năng chiều không thăm không vàng vọt

Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong

Đưa người ta chỉ đưa người ấy

Một già gia đình, một dửng dưng

Ly khách! Ly khách! Con đường nhỏ

Chí lớn chưa thành, bàn tay không

Thì đừng bao giờ nói trở lại

Ba năm mẹ già cũng đừng mong..."(10)

Bài thơ này Thâm Tâm viết tặng một bạn đi thoát ly, lại vừa là than thân, thương thân. Tình cảm anh bày tỏ trước người ra đi vì đại nghĩa. Về tráng sĩ bên sông Dịch, đi không bao giờ về, có cách riêng của nó. Cái cảm khái của người bất đắc chí. Tôi lại nhớ những đêm đi hát uống rượu ở Ổn Rợp với các bạn Võng Xuyên, Đồ Điếc, Nguyệt Hồ ở Nam Định. Say rồi đập bát, khía tay lấy máu viết lên tường. Nhưng dù sao, đã thấy được tù túng, cùng quẫn. Tiếng sóng Tiếng sóng trong lòng ta! Cái khát vọng của tâm sự người làm thơ.

Những số báo Cứu Quốc đầu tiên ra công khai hàng ngày trong tháng tám 1945 ở Hà Nội, nền lá cờ đỏ to suốt trang nhất của báo, Thâm Tâm vẽ lá cờ ấy.

Kháng chiến chống Pháp, Thâm Tâm vào bộ đội rồi mất bệnh ở châu Quảng Uyên trên Cao Bằng, trong chiến dịch biên giới thu đông năm 1950.

Thơ Trần Huyền Trân:

Ở kìa thiên hạ đương say

Có nghìn tay vẫy nghìn tay đương cười

Nhớ người nhạt thếch môi cười

Ta vo chỏm tóc ta ngồi ta ca

Tình tang lỗi nhịp mình ta

Thương về đầu bạc nhớ ra má hồng

Đầu xanh ai vợ ai chồng

Võng đưa ai mẹ bế bồng không con

Nằm đây thép rỉ son mòn.

Cái đi mất mát cái còn lần khần

Cúi đầu bóng rết vương chân

Ngẩng lên đã đụng trời xuân trên cành

Không vui sâu cỏ không đành

Mà cười e chữa ngon lành trái mơ...(11)

Đó là một tự sự theo lối của trường thơ Trần Huyền Trân, Thâm Tâm. Giữa một ngày xuân nghìn tay đương vẫy nghìn tay (phong trào cách mạng đương lên), tôi nhớ anh (cán bộ cách mạng), tôi hát. Tôi hát rằng tình hình bây giờ thật đau xót, vì đâu mà xã hội tan đàn xẻ nghé, ngoài đường ảm đạm đầy tiếng khóc. Tôi còn lẫn khân ở đây, người tôi mòn rỉ đi. Chợt thấy cái rét chưa qua hẳn mà mùa xuân đến rồi. Không vui cái vui còn con không đành nhưng vui là vui gượng, vì cách mạng chưa thành công. Nhớ người đi chiến khu, như người độc hành lên biên ải, trùng quan dăng áo ngự hàn là đây, tôi gửi anh tấm áo ấm và dăng anh lời thơ một tấm lòng.

Không ngẫu nhiên, Trần Huyền Trân đã viết nhiều ca dao hô hào đánh Pháp đuổi Nhật, ký tên Đỗ Quyên, đã in trên báo Cờ Giải phóng, báo Cứu Quốc, thời bí mật.

Truyện Con đế mèn và Đế mèn phiêu lưu ký là những sáng tác đầu tay của tôi cùng những truyện ngắn Nước lên, Con gà ri, Bụi ô tô... Những sáng tác non dại ấy cũng có thể dùng để đo được trình độ tư tưởng và hiểu biết của tôi đương như thế nào.

Tôi lớn lên giữa những buồn vui, những gian truân, trong mọi tập tục, thói quen của lớp tuổi tôi ở làng. Lúc đó, đương thời kỳ Mặt trận Bình dân. Lý tưởng như giấc mơ đẹp đến với những người thanh niên cùng lứa, cùng cảnh như tôi. Cái ao ước "thế giới đại đồng" của Đế Mèn, của Đế Trũi, của Châu Chấu Voi, của Xiên Tóc là cái hiểu chủ nghĩa cộng sản của tôi với vẻ đẹp và cả những trống rỗng trong suy nghĩ tôi.

Từ khi biết nghĩ điều hay cho những ao ước của mình, tôi chỉ một mạch nghĩ theo cách mạng. Nhưng ở cái chợ văn thời ấy eo xèo kẻ mua người bán, kẻ ra người vào. Ngót nửa thế kỷ văn học quốc ngữ, được dăm tác phẩm có giá trị. Còn thì người ta cầm bút không vì cái gì cả hoặc chỉ để giải cái thích của số người đọc ít ỏi lúc ấy. Những nhân vật chàng và nàng phù phiếm... Và nhảm nhí tệ hại, lướt qua bìa sách cũng đã thấy nặng mùi. Ngoại tình... Thả cỏ... Một đêm với Dương Quý Phi.(12).

Sáng tác của tôi còn nhiều thiếu sót dường như tự nhiên chủ nghĩa, nhưng gốc tôi giữ được cho tâm hồn cái dáng dấp lý tưởng mình theo đuổi từ khi chưa làm nghề văn.

Tâm trạng tôi, gia đình tôi, làng tôi - mọi cái của mình, quanh mình. Quê người, Giăng thề, Nhà nghèo, Xóm Giếng ngày xưa trong đó có những mảnh đời, mảnh tình còn con của mình, của những người cùng tưng. Cái nhìn còn bế tắc hoặc có phần nhẹ nhàng, hay xót xa, hay đá chút khinh bạc, ấy là phần nào con người và tư tưởng chán chường của tôi.

Từng chi tiết và từng nhân vật trong sáng tác của tôi, các bạn lứa tuổi tôi trong làng là người và chuyện

tiểu thuyết Quê người. Truyện ngắn Nước lên hao hao giống ai, là ai. Cái nhà giáo trong truyện Giăng thề, đời sống các ông hương sư vùng quê. Cả những truyện loài vật tưởng như xa lạ kia cũng không ngoài cái rộn ràng hay thâm lặng của mảnh vườn trước cửa, trong lũy tre cuối xóm hay trên bãi Cơm Thi bên kia cửa đình làng Nghè bờ sông Tô Lịch.

Tôi ngồi giữa làng tôi mà viết, hồi hải viết. Mấy năm nay, Nam Cao thất nghiệp vì trường học phải đóng cửa đã về ở nhà tôi. Chúng tôi ở trong một gian bên kia buồng, cái gian nhà ngày trước có những thầy giáo bên đạo đã ở, chỉ trở một lỗ vuông cửa sổ tí tẹo, thành gạch sâu và im vắng đến nỗi bất chợt thò tay có thể nắm đuôi được chú chim sẻ đương than vãn ngoài hốc tường.

Cái bàn viết bằng gỗ tạp, hai chân rời như bàn đánh bóng. Hai đứa tôi ngồi hai đầu, cũng như hai tay đánh bóng, châu mặt vào nhau. Mùa hè, Nam Cao căng màn nằm ngủ đêm trên bàn ấy.

Mỗi tháng, chúng tôi túi bụi bận viết vào mấy ngày cuối tháng. Đã vào nghề viết, nhưng nghề ra sao, chỉ biết lúc nào cũng ngại viết, viết lúc nào cũng là một dằn vặt. Cứ sắp đến ngày hẹn đem truyện xuống nhà xuất bản, tôi mới ráo riết, cầm cúi thâu đêm. Có khi, chúng tôi phải viết đổi tay cho nhau mới làm kịp.

Nam Cao thạo tả nhân vật, tôi nhờ anh viết cho tôi những đoạn như thế. Lúc Nam Cao buồn ngủ hay chán viết anh bảo tôi: “Cậu làm hộ mình thế này nhé. Sắp mưa, bờ ao có bụi tre. Buổi chiều. Mấy trang cũng được”. Tôi vốn thích tả cảnh. Tôi lia hộ bạn vài trang như anh đã phác.

Chúng tôi túng đề tài - thực tế bề bộn quanh mình, nhưng có thể chưa đủ năng lực biết phân tích khai thác. Có một truyện ngắn Nam Cao viết về một anh đi xem bói, thầy bói đoán toàn cái tốt sắp gặp. Nhưng xem bói xong, anh ta ra đến cửa, bị ô tô chẹt chết. Lần ấy bí cái viết, chúng tôi về Nam Định xem thầy bói Kế. Lão thầy bói Kế đương được tiếng, Nam Cao viết từ đầu chí cuối hết quang cảnh đi xem bói Kế. Nhà thầy bói, cái mặt và dáng lão bói Kế ngồi, những câu lão phán, nhất nhất thật. Chỉ thêm đoạn cuối tả cái ô tô đâm chết người vừa xem bói ra.

Ý thức viết của tôi rõ rệt hơn từ khi tham gia hoạt động Văn hoá Cứu quốc. Lý trí tôi khẳng định được vấn đề miêu tả xã hội đau khổ là đúng. Tuy nhiên, hiểu biết số phận nhân vật trong một xã hội với quy luật của nó thì nhiều năm sau này, mới dần dần vỡ ra. Vậy mà cả tới bây giờ mỗi khi cầm bút vẫn cảm thấy chập chững, ngập ngừng, có thể thiếu sót, có thể sai lầm, thật khó khăn.

Đến nhà Vũ Quốc Uy họp, chúng tôi thường kiểm điểm việc phát triển tổ.

Tôi rất lo việc này. Tôi chưa tự tin khả năng thuyết phục của tôi. Thực thì, một số bạn mà tôi dúi cho tài liệu bí mật đọc đều thờ ơ, như Đình Hùng, Nguyễn Bính, Vũ Trọng Can.

Tôi chưa biết cách nào đưa được bạn biết nhìn lên trước cái nhìn hàng ngày. Chút danh hão, sự cam chịu bó mình trong mòn mỏi mà không tự biết, cái sợ nổi nguy hiểm có thể đến.

Tôi không giúp đỡ nổi cho các bạn cất mình cao hơn những ràng buộc và lo lắng ấy.

Vũ Quốc Uy rất hoạt động. Cả Như Phong nữa. Như Phong kể lại đã phát triển tổ thế nào. Có hôm Như Phong và Nguyên Hồng đi đấu khẩu với bọn tờ-rốt-kít. Có lần Như Phong đến nhà tôi, họa sĩ Văn Giáo cùng đi. Tôi đoán Như Phong đã tuyên truyền sang cả giới hội họa.

Tình hình người viết văn những năm trong chiến tranh thế giới lần thứ hai biến đổi hàng ngày. Chợ văn ở Hà Nội oi ả, chợ chiều, hiu hiu.

Có bạn bây giờ tưởng văn chương hồi ấy chỉ có Tự Lực văn đoàn. Không phải. Bạn đọc Tự Lực nhiều, nhưng không phải là tất cả. Bạn đọc Tự Lực phần lớn là thầy giáo, công chức, thanh niên sinh viên học sinh. Nhóm Tự Lực gồm một số nhà văn muốn truyền bá một quan niệm, một lối sống, từ xã hội đến gia đình, đến cá nhân và tình yêu.

Thời phát đạt của văn đoàn Tự Lực bắt đầu những năm Mặt trận Dân chủ đến chiến tranh thế giới lần thứ hai. Họ muốn làm cho văn chương kiểu đó được độc tôn. Không công nhận các dòng văn khác hoặc chỉ đề cao ai do mình tung lên.

Thậm chí, dìm chết người viết khác lối văn của mình, như đối với Kim Hà và Phan Huân Chương(13).

Nhưng từ bắt đầu chiến tranh thế giới lần thứ hai, trong giông bão chống tai họa phát xít, bản thân văn đoàn này và người đọc cũng phân hoá. Những người chủ chốt trong nhóm Tự Lực: Hoàng Đạo, Nhất Linh, Khái Hưng... đi vào con đường chính trị thân Nhật. Còn ai ở lại với văn chương thì văn chương đã tàn. Bây giờ văn đoàn Tự Lực có in vài sáng tác rộng ra ngoài cánh mình. Cũng không vớt được thanh thế nữa. Đến sau tập truyện ngắn Hoa vòng vang của Đỗ Tổn và truyện ngắn của Cung Khanh thì lịm hẳn.

Lúc này, tạp chí Thanh Nghị mang màu sắc trí thức lớp trên muốn đứng ra cầm cờ. Nhưng không có thực lực và uy tín văn học. Và lại, năm 1943 không phải năm 1938, không ai chỉ còn biết chú ý đến cờ quạt văn chương và tư tưởng thuần trên sách báo. Quanh mình đã nóng như lửa và thực sự lửa đang cháy. Mỗi người, người nào cũng đương tự quyết định.

Chết hay là đứng lên.

Khuynh hướng tờ-rốt-kít không có sức hút về văn học. Nhưng họ hoạt động nhiều vì Pháp dễ yên và họ đã quấy mạnh trong đám trẻ cầm bút. Tờ Tranh đấu của nhóm tờ-rốt-kít ở Hà Nội cũng ra bí mật. Những khẩu hiệu khoa trương khá hấp dẫn đã được nêu trong các cuộc đấu tranh đòi đời sống, lập Ái hữu tiến tới nghiệp đoàn. Nhưng chỉ có khẩu hiệu, không có việc. Rồi cũng tan rã.

Nhà xuất bản Hàn Thuyên ra đời với mấy tay quân sự tờ-rốt-kít mồm. Một số nhà xuất bản khác mới nhoi ra, có dây mơ rễ má với đám thanh niên tờ-rốt-kít, Mới, Ngày Mới, Đại Học... Nhưng tình hình lúc ấy dồn dập đến nỗi cả tờ-rốt-kít lý thuyết cũng không thể cứ đứng hò hét. Mấy người lao vào hoạt động phản

động. Một số viết sách báo từng bừng trong bàn tay quỷ thuật của nhà cầm quyền Pháp. Một số khác đi với cách mạng Đám người có khuynh hướng phục cổ lúc này cũng lăm vể, nhưng vể nào cũng là cơ hội, "Cần lao, Gia đình, Tổ quốc" hay "Đại Đông Á" gia giảm, phục cổ cũng chỉ khoanh trong lứa tuổi và tầng lớp nào đấy thôi.

Văn hoá Cứu quốc ở Hà Nội bắt rễ vào một số tiểu tư sản trí thức. Người tiểu tư sản vốn không có sức riêng. Xã hội tan rã đương lay động nó dữ dội. Người tiểu tư sản được hút vào cách mạng, thành tiếng nói sức mạnh cách mạng. Cái đèn pin và cái lắc lê của tôi, thật ngây ngô, nhưng đã nói đầy đủ được tinh thần hành động của tôi. Trên báo Cứu Quốc, khi Tổng khởi nghĩa, Xuân Diệu viết bài hô: "Thời vứt sách". Lời hô ấy, lúc ấy không hẳn phù hợp. Nhưng tinh thần "Thời vứt sách" trong cả quá trình người cầm bút tham gia chuẩn bị Tổng khởi nghĩa là một sự thật. Chử không đủ. Phải võ trang.

Trong những người nửa lãng mạn, nửa thời thế, có Nam Cao với tôi. Tôi quen Nam Cao vì tôi đến học chữ Pháp ở trường tư của một bà dì họ tôi, trường Công Thanh ở Thụy. Đi làm nhà Bata, tôi học thêm tiếng Tây. Nam Cao dạy ở đấy và đầu tiên tôi gọi anh là ông giáo Tri, ông Trần Hữu Tri. Tôi ít tuổi hơn anh, văn hoá kém anh, nhưng anh thấy tôi đã viết được truyện ngắn đăng báo. Việc đó có thể rất kích thích anh.

Nam Cao đã đỗ bằng "đíp lôm" đã làm phóng viên báo Kịch Bóng từ hồi ở Sài Gòn, thế mà đến nay viết vẫn lộn dận. Anh đã thử cả các cửa, thơ trào phúng, thơ mơ mộng, lúc truyện ngắn, truyện vui ký tên Nhiều Khê, Thuý Rư, Nguyệt, Xuân Du, Nam Cao... nhưng chưa biết đứng lại đâu.

Lính Nhật chiếm cái trường tư Công Thanh với cả quăng phố làng Thụy làm chỗ nhốt ngựa. Nam Cao thất nghiệp, lên ở với tôi. Anh mới viết xong một truyện vừa. Truyện Cái lò gạch cũ. Nhân vật Chí Phèo trong truyện là tên một người thật ở làng anh. Chuyện từ đời trước, anh viết theo vợ anh kể.

Chi tiết để tô điểm chuyện Chí Phèo thời bấy giờ, tất nhiên là những tai nghe mắt thấy trong bọn chức việc họ hàng anh ở làng mà anh biết.

Truyện viết xong, nhưng cũng như bao lần, anh không tin có ai. Anh muốn đưa nhà xuất bản Đời Mới. Nhà xuất bản này là một hiệu thuốc chữa bệnh lậu ở phố Hàng Cót, mở thêm xuất bản. Lại một điều là ở Hà Nội hồi ấy, có nhiều nhà lang thuốc kiêm nghề xuất bản sách báo. Có lẽ vì các nhà thuốc Hồng Khê, Bình Hưng, Lê Huy Phách, Từ Ngọc Liên, Hương Sơn đã sẵn nhà in in nhãn thuốc, bây giờ làm báo, làm sách không tốn kém mấy chỉ thêm danh giá. Nam Cao tính: "Cái thằng xuất bản hạng bét này có thể quý bản thảo". Tuy vậy, cũng chỉ dám đến nhà xuất bản Đời Mới vào lúc nhá nhem tối, bản thảo Cái lò gạch cũ đã quán sẵn, tròn như cái ống.

Ít lâu, ông Trác Vỹ, chủ nhà xuất bản viết thư mời Nam Cao đến.

Ông Trác Vỹ nói:

- Tôi sẽ in truyện của ông. Nhưng đầu đề Cái lò gạch cũ không ăn khách. Tôi đổi cho ông là truyện Đồi

lửa xứng đôi. Tôi nhờ ông Lê Văn Trương văn sĩ trứ danh thay tên và đề lời giới thiệu. Sách đã in sắp xong. Tôi báo để ông mừng.

Chẳng nhớ rồi Trác Vỹ "thí" cho Nam Cao được mấy đồng. Nhưng dù sao thế là đã có sách in, từ nay anh dễ đi chào hàng những quyển khác. Và Chu Ngọc, Thâm Tâm, nhiều bạn rất khen Đôi lứa xứng đôi. Nam Cao không ngờ.

Nam Cao được mời viết truyện thiếu nhi cho loại sách Truyền Bá của Nhà xuất bản Tân Dân. Ông Tân Dân thuê anh làm truyện thiếu nhi rồi lại viết truyện ngắn.

Không bao giờ chúng tôi đủ ăn. Ở nhà quê, nhà nheo nhóc một vợ ba con, Nam Cao liên miên viết truyện dài, truyện ngắn, truyện thiếu nhi thế mà mỗi ngày vẫn phải đi dạy kèm các cháu một người bạn chúng tôi để được đỡ thêm ít tiền.

Tôi đưa báo Cứu Quốc bí mật, Nam Cao đọc chăm chú.

Nếu lúc ấy đương viết, anh thu giấy lại, giắt bút cẩn thận vào cái kẹp bìa, ra đóng cửa cài then cẩn thận rồi nằm xuống cầm báo đọc đi đọc lại một lúc lâu. Có khi Nam Cao nói:

- Đêm không ngủ được.

Nam Cao là người hay nghĩ, cả lo. Mỗi lần họp với Như Phong và Uy về, tôi đều kể lại Nam Cao nghe nhận định của đoàn thể về tình hình thế giới trong nước. Tôi bảo Nam Cao viết bài cho báo bí mật. Nam Cao cặm cụi viết những bài báo hai trăm chữ. Anh cũng thấy khó viết, như tôi.

Thêm hai người bạn hoạt động truyền bá quốc ngữ, anh Khôi, anh Oanh, chúng tôi đã thành một tổ Văn hoá Cứu quốc riêng. Chỉ hai ba người một tổ, bảo đảm bí mật, ngộ xảy ra việc gì không vỡ loang được. Tôi vẫn sinh hoạt tổ gốc nhưng chỉ biết Uy và Như Phong. Thịnh thoảng mới gặp Bé hay Hương (Trần Quốc Hương) ở trên về liên lạc.

Cùng ở trọ nhà tôi có Nguyễn Xuân Huy. Hồi mới viết, tôi yêu những truyện ngắn đẹp như thơ của Nguyễn Xuân Huy. Vì sao Nguyễn Xuân Huy đến ở với chúng tôi, không nhớ. Có lẽ chỉ vì anh ấy chạy bom Mỹ, nhà anh thuê ở đầu phố Quán Thánh, máy bay Mỹ có thể đến ném bom cái tháp nước Hàng Đậu. Cũng có thể Huy đến ở chẳng vì lẽ gì, hoặc vì anh thích ra ngoại ô rộng rãi.

Nguyễn Xuân Huy dạy học ở trường tư thục Nguyễn Vạn Tòng. Ngày hai buổi tàu điện đi về, cần cù, làm việc, đọc sách, tiêu pha và sống điều độ. Thịnh thoảng, Nam Cao và tôi bốc lên đi đông dài mấy ngày liền. Huy không thể. Nếu không đi dạy, anh ở nhà viết, viết và chữa. Anh viết mực tím, chữ thật đủ nét, rồi chữa mực đỏ. Nếu không viết, anh Huy đọc sách và ngồi im hàng giờ.

Bỗng nhiên, Huy vác về bộ tự truyện "Đời tôi" của Tờrốtky. Sách có dấu thư viện Hà Nội. Ba quyển dày bằng cái gối xếp. Sách hồi ký mà nhiều lý sự và đọc cũng khó, tôi không thích. Thịnh thoảng, Nam Cao lấy

xem rồi buồn ngủ, hạ xuống làm gối. Huy tỏ ý không bằng lòng.

Nam Cao nói nhỏ bảo tôi:

- Thăng này có mùi đệ tử.

Quả thật Huy đương viết một quyển tiểu luận văn học sắc hơi tờ-rốt-kít. Văn Huy vốn đẹp, sáng diệu mà tôi rất yêu, bây giờ lý luận giọng đao to búa lớn xô bồ. Thỉnh thoảng, Nam Cao và Huy hay tranh luận về thuyết cách mạng thường trực của Tờ-rốt-kít. Mỗi lần cãi cọ, mặt Huy đương trắng bệch bỗng đỏ găng, đỏ cả hai tròng mắt cá ngỗng, như sắp đả nhau. Nhưng họ không quá tay bao giờ, không như Điều và tôi đánh nhau năm trước.

Các loại đệ tử linh tinh ở đất Hà Nội này lúc ấy chẳng thiếu. Tờ-rốt-kít nói cộng sản thì Tây không để mắt. Mẹo Tây rẻ tiền quá, ai cũng biết. Việt Minh hoạt động bí mật, hờ một cái, Tây bắt. Chúng tôi bàn cách hoạt động bán công khai.

Cần chui vào bất kỳ báo nào, ngay tờ Thông Tin của Hoàng Cừ thân Nhật. Nếu có được một trang đăng bài ta, cũng tốt.

Nhưng thật khó. Mọi hoạt động và tổ chức mật thám Pháp rình triệt từng tí. Nguyễn Hữu Đang mới xui được Đỗ Xuân Dũng ra xuất bản lấy tên là nhà xuất bản Người bốn phương.

Nhà xuất bản chỉ mới in tờ quảng cáo ba chữ Người bốn phương và tên những bạn cộng tác sắp vào trong lòng hình ngôi sao năm cánh, thế mà Sở Mật thám đã tịch thu và gọi một số người chúng tôi lên. Rồi cộng tác với nhà Kiên thiết của quân sư Lan Khai cũng bị đe nẹt.

Không kể những nhà xuất bản to lúc ấy như Tư Lực, Hàn Thuyên, Tân Dân, nhiều người cũng đua đòi bỏ tiền mở xuất bản. Nhà xuất bản mới mọc như cua bò.

Người ta làm xuất bản, làm báo không phải vì xuất bản, vì báo. Bấy giờ sách báo đều in bằng giấy bã mía Đáp Cầu và giấy dó thủ công. Một quyển sách có được phòng kiểm duyệt phủ Thống Sứ cho in mới được sở Thông Tin cấp phép cho mua giấy. Nhà xuất bản được giấy cũng không cần in. Được giấy, đem bán cho hàng vàng mã, cho các nhà phất quạt, độn mũ, độn khăn. Hoặc muốn được gọn tiền, bán lại ngay cho các nhà làm giấy. Các nhà sản xuất giấy này đã đứng đón mua lại giấy của mình ngoài cửa kho. Họ chỉ việc bỏ đi tờ đầu có đóng dấu rồi lại đem vào bán cho nhà nước thu mua chỗ trạm giấy ở vạc làng Hồ.

Tìm ra cái vòng tròn ấy lại là Vũ Trọng Can. Anh vốn người làng Thọ chuyên nghề làm giấy.

Tôi cũng đã có phen đi làm thầy dùi - mà thời ấy tiếng lóng gọi là thầy xuất, cho nhà xuất bản Bách Việt. Đặt hy vọng có thể hoạt động “bán công khai” ở nhà xuất bản này.

Ông bạn con nhà giàu ở phố Hàng Đồng đứng lên, lo in. Tôi chạy kiểm duyệt.

Từ khi có chiến tranh. Pháp lập cơ quan thông tin tuyên truyền, báo chí, có phòng kiểm duyệt. Báo chí sách vở sống chết chập chờn như ma trời. Thời kỳ Mặt trận Dân chủ, trên toàn quốc có ngót hai trăm báo các loại. Năm 1937, Đại hội các nhà báo ở Hà Nội, cả những người Pháp chi nhánh đảng xã hội Pháp làm báo ở Đông Dương cũng dự. Những chuyện ấy đã ra chuyện ngày xưa. Bây giờ làm báo, viết văn, in sách, to tát nhất cũng là chuyện cò con, chạy chọt dứt lốt các người ta ăn tiền với mọi mảnh khoé tôi tệ - như mọi hoạt động chợ đen thời bấy giờ.

Đầu tiên, tôi đưa kiểm duyệt quyển tiểu thuyết Xóm Giếng của tôi và tiểu thuyết Một đời người của Nam Cao.

Nguyễn Văn Chính, giáo học ở Nam Định, được về Hà Nội làm kiểm duyệt. Chính khét tiếng ăn dút. Mặt Chính dài như mặt ngựa, môi thâm xì búng ra sỏi thuốc phiện. Quyển sách nào đến tay lão, được ra hay không chưa biết, hãy đặt hai mươi đồng lốt vào bản thảo, lão mới đọc cho. Không thì cứ nằm chõng đống đấy đã.

Sách đưa đã lâu, tôi phải giục bằng cách đến nhà Chính biện thêm hăm một trăm đồng. Chính bỏ kính xuống chõng bản thảo đương đọc, bắt tay tôi, rồi nói:

- Ông cho tôi nhiều thế. Tôi xin ông. Cám ơn ông.

Rồi lại nói:

- Hai quyển sách ông đưa thì thế này. Cái truyện dài Xóm Giếng của ông đành phải bỏ. Nó phạm luật. Ông viết cả cái xóm cháy trụi, tan nát, thì hồng to. Bây giờ khẩu hiệu thống chế Pétanh là "gia đình" mà ông cho cháy hết cả nhà cả cửa con nhà người ta thế thì còn đâu gia đình. Nhưng tôi để lại cho ông cái quãng "Xóm Giếng ngày xưa" đề tựa ở đầu, cũng còn vớt vát in được. Chắc ông đã lấy tiền bản quyền của ông Bách Việt rồi, thôi thế ông cũng chẳng mất gì. Còn quyển Một đời người của ông Nam Cao không thể được. Tôi mà hạ bút xuống ký liệu thì tôi ngồi tù. Ông Nam Cao ông ấy chửi Tây thâm thật. Có con đàn bà chẳng bần gì đến Tây ông cũng bịa ra, đặt tên là Suyzan rồi cho nó đi làm đi. Thế có bỏ mẹ Tây không? Phạm huý tuốt? Phạm vào khẩu hiệu "Tổ quốc" của thống chế Pétanh đấy. Ông về bảo ông Nam Cao thế. Các ông văn sĩ viết văn kiếm cơm mà viết thế thì bỏ mẹ cả nút. Các ông chẳng nhớ gì cả? "Cần lao, gia đình, tổ quốc" ba khẩu hiệu hôm nào cũng in to bằng cái mẹt trên đủ các báo mà cứ nhắm mắt viết liều...

Tôi không hiểu ba khẩu hiệu "cần lao, gia đình, tổ quốc" của thống chế Pétanh nước Pháp bại trận còn nghĩa gì thâm thúy khác không, nhưng bài học mà tôi nhận được của người kiểm duyệt sách dạy cho, ý tứ nó là thế. Tất nhiên, ông Hợp chủ nhà xuất bản Bách Việt, sau việc ấy, đối với tôi, có ý nghi ngại. Tôi biết thế và không đến nữa. Tan hi vọng có thể “bán công khai”.

Thủ đoạn đàn áp và dao kéo kiểm duyệt của địch, đối với sách báo xuất bản công khai hồi ấy là một đòn không cách nào đối phó lại được. Những tác phẩm mong muốn không thể viết ra. Suốt thời kỳ này, phần tích cực chống địch và tuyên truyền lý tưởng của mình trong các sáng tác được in chỉ có thể là nói bóng,

nói xa, nói hai mặt. Cứ kể ngay hồi "bình dân" cũng chưa bao giờ người viết có tự do, nhưng bây giờ còn gay gắt hơn. Văn học Việt Nam thời thuộc Pháp chỉ là cái khập khiễng. Bởi vậy, nói bóng lúc nào cũng là vũ khí dễ dùng.

Với Nguyên Hồng là Lửa, Nhân Loại, Ngày Mai. Đặc biệt tập truyện ký Cuộc sống anh viết ở cảng Bắc Mê, nơi Nguyên Hồng bị bắt đi an trí, nhan nhản những Ngày mới, Tương Lai...

Nam Cao viết truyện ngắn Cơn giông, tả một ngày bức sốt trước cơn giông. Người đọc có đầu óc thời thế hiểu cơn giông là sự mong muốn thay đổi.

Những ý nghĩ của Thứ trong Sống Mòn(14) về tương lai, cái triết lý của Thứ về sự đổi thay. Chúng ta hiểu như thế là tác giả nói về cách mạng và bàn với bạn đọc nên khắc phục nhược điểm của bản thân mình mà tiến tới một đổi thay như thế nào.

"Trên những bãi sông kia, trong những làng mạc, những khóm xanh xanh kia, có biết bao nhiêu người sống y như không bao giờ dám cưỡng lại đời mình. Đời họ là một đời tù đầy Nhưng cũng như một con trâu, họ vẫn cắm cúi kéo cày, ăn cỏ, chịu roi. Ở bên kia những cánh đồng bùn lầy là rừng xanh, cuộc sống tự do, cỏ ngập rừng. Con trâu cũng biết vậy, nhưng chẳng bao giờ nó dám đi, chẳng bao giờ nó dám dứt đứt sợi dây thừng. Cái gì giữ con trâu lại đồng bằng và ngăn ngừa người ta đến một cuộc đời rộng rãi hơn, đẹp đẽ hơn? Ấy là thói quen, lòng sợ hãi sự đổi thay, sợ hãi những cái gì chưa tới ấy thế mà trên đời này lại chẳng có gì tới hai lần. Sống tức là thay đổi".

Một đoạn cuối truyện ngắn tả cái chết của một nông dân, Nam Cao đã nói những mong ước:

"Bây giờ thì sự im lặng bất tuyệt đã bịt chặt đôi tai anh, chán nghe những lời mai mỉa của đời rồi. Bóng tối đời đã phủ kín đôi mắt anh, mở thao láo nhiều đêm để nhìn trong bóng tối những cảnh nó làm anh nhục nhã. Anh đã có thể dừng dừng đối với những chuyện loài người... Vậy thì anh Phúc ơi? Anh hãy nghĩ cho yên! Những chuyện đời bây giờ là của chúng tôi. Chúng tôi, những kẻ đã đau khổ, đã uất ức, đã ao ước, đã khát thèm, đã thất vọng và vẫn còn hy vọng và phải hy vọng mãi. Sự đời không phải cứ mù mịt mãi thế này đâu Tương lai phải sáng sủa hơn. Một rạng đông đã báo rồi.

Một mặt trời mới sẽ mọc lên bên trên nắm mồ anh và bên trên đầu hai đứa con cô anh để lại. Một bàn tay bè bạn sẽ nắm lấy bàn tay chúng và dắt chúng đi tới một cuộc đời đẹp hơn"(15).

Nguyễn Đình Thi ca tụng sức sống dân tộc trong ca dao và khi anh viết lược sử một số quan điểm triết học duy tâm, anh cũng khéo đưa vào đôi ba ý tiến bộ chủ quan của mình.

" Văn học khái luận" của Đặng Thai Mai phân tích ba nguyên tắc: dân tộc, khoa học, đại chúng trong đề cương văn hoá Việt Nam theo cách riêng anh. Những tác phẩm dịch Lỗ Tấn và Tào Ngu của Đặng Thai Mai, trên báo Thanh Nghị chúng tôi xem như những áng văn tiến bộ mẫu mực trên thế giới mà Đặng Thai Mai đã ý tứ và lạng lẽ trình bày, giới thiệu.

Tôi viết truyện Dế mèn phiêu lưu ký cũng có mục đích nói những hoài bão lý tưởng của mình. Truyện Đám cưới chuột và truyện Chuột thành phố, viết lối hai mặt diễn đạt chương trình Việt Minh "Toàn dân đoàn kết tập trung đánh kẻ thù chính".

Nhiều câu trong phần đầu tiểu thuyết Xóm Giếng (Xóm Giếng ngày xưa) đều mang nghĩa bóng mà người viết có ý gửi gắm:

"Người ta ước ao làm một trận mưa rào. Mưa rào xuống cho lòng hả hê và cho trời quang đãng. Những cái gì bức tức được gột bỏ. Trong khoảng mênh mông xanh nhớn kia sẽ phủ một không khí tốt lành và tự do. Trái đất chín nẫu này quấy cựa dưới một cái mặt trời thui người, đương chờ một trận mưa sung sướng.

"Tôi cho rằng lúc này mà cứ ca ngợi xê dịch, tán tụng vãn vơ cái thú đi lông bông là thất sách lắm. Ai không thích nhớn nhor đi đây đi đó. Xưa nay, bài hát đáng hát nhất là bài hát giục lên đường. Nhưng lên đường đi đâu? Tuổi trẻ chúng ta bây giờ đi đâu? Đi đâu? Cất bước trong một buổi mai, nhắm cái phía chân trời mới đỏ thắm màu hy vọng, những người thanh niên bốn phương của đất nước. Chớ không phải giang hồ mà mồm miệng lòi cái va li cà khố lệch thếch...

"Tôi hướng về những đóm nhà tránh nắng trong núi, nghĩ đến một phương trời nào rộng rãi tự do. Tự do như núi cao, tự do như sông dài. Cuộc sống có giá đối ngang trước mắt. Người ta và tự nhiên trở về với nhau, khởi một cuộc đấu tranh mãi mãi"(16).

"Tôi tin tưởng. Tôi có quyền tin tưởng lắm chứ. Đây đây một đoá hoa trong cánh rừng Xuân mới rờ ràng của những Ngày Lớn chúng ta đương nằm trên lòng bàn tay tôi, ơi người đồng chí thân mến"(17).

Người viết sách báo thời kỳ này, tương tự thời kỳ văn chương yêu nước 1930 trở về trước, nhưng khác về nội dung.

1930 các nhà văn có tâm huyết đồng thời là những người hoạt động đánh Pháp. Được ảnh hưởng của Đảng, người viết văn thời kỳ chuẩn bị tổng khởi nghĩa 1945, con người và đời sống, ngòi bút với sức mạnh quần chúng, với hoạt động cách mạng, gắn bó là một. Chúng tôi nghĩ giải phóng được đất nước và con người đồng thời lấy lại được tự do cho tư tưởng và văn nghệ. Nhiều nhà văn đã tham gia các tổ chức cứu quốc.

Hiện tượng văn học đó là hoạt động cách mạng thành được phong trào như thế, trong giới văn học không có ở những năm trước khi có cao trào tiến tới Tổng khởi nghĩa.

Các nhà xuất bản lập loè như đom đóm. Thôi thì "Lượm lúa vàng", "Hàn Mặc", nào "Mới", nào "Sáng", nào "Ngày mới", nào "Người mới", "Bách Việt", nào "Duy Tân", "Kiến Thiết", "Nguyễn Du", "Đại Học", "Đại Đồng thi xã", "Xây dựng"... Chưa kể những người có tiền bỏ ra in lấy những tập thơ, tự tiện đem tên cô nào mà mình muốn mỗi chài ghép vào tên sách, như Thơ Kim. Thơ Ngọc Bích, Thơ Ngà. Khác nào phở Tàu Bay, phở Khuyển, phở "ngầu pín" và phở Bắc đường Lagorăngdie ở Sài Gòn. Phan Như, Nguyễn Tố,

Nguyễn Tuất, Nguyễn Văn Phúc ít nhất cũng có ba bốn năm các ông viết sách, ra thơ tranh nhau nhận là cháu Tản Đà, (lúc ấy, Tản Đà đã mất), bài nào cũng đề hai chữ “Tản diệt” lên trên tên mình.

Trong cái nhố nhăng có bạn thanh niên bị ám tư tưởng tờ-rốt-kít chui vào khối nhà xuất bản của những công tử nhà giàu cốt bỏ tiền để có tên, có tiếng. Nhà nhỏ thì ra các sách tạp, không khuynh hướng rõ rệt, cốt giữ chỗ. Chủ xuất bản Tân Việt, lúc đầu, bài lời nhà xuất bản nào trên đầu sách cũng thêm bốn chữ "phá sạch sành sanh" chú thích chữ Pháp: table rase - đấy là chữ mà Tạ Thu Thâu hay dùng. Xuất bản Tân Việt làm ra vẻ ta đây tờ-rốt-kít. Nhưng chính lão lại đang sưu tầm các mảnh khoé làm giàu. Nhà xuất bản Hàn Thuyên tỏ mình có quan điểm tương lai của nhân loại, dường như độc quyền dùng những chữ chạm huý thực dân (ai viết những chữ ấy các ông kiểm duyệt cứ việc xoá, không kể câu thể nào nhưng sách báo của nhà xuất bản này thì thả cửa sài các chữ: xã hội, giai tầng, thượng tầng, hạ tầng, đế quốc thực dân, nhân loại đại đồng, cộng sản, đấu tranh giai cấp, cách mạng, duy vật biện chứng...

Chưa đủ, Nguyễn Tế Mỹ thường thắt cà vạt đỏ cho nó thật hiệu là cách mạng.

Như Phong bảo tôi:

- Ta phải tấn công vào bọn này. Đẳng ấy với Nam Cao giác ngộ Nguyễn Xuân Huy. Thăng này vốn lãng mạn mới bị ồm ệ tứ thôi. Để tở tranh luận với thăng Tế.

Cũng đôi khi tôi đã cãi cọ với Tế Mỹ. Bao giờ Tế cũng hoa tay nói một loạt "biện chứng pháp, duy vật lịch sử" con gà đẻ quả trứng, quả trứng nở ra con gà và cây đậu sinh hạt đậu, hạt đậu lại mọc ra cây đậu, rồi những tít mù mâu thuẫn thống nhất gì nữa, tôi không biết, và tôi cũng không đáp lại được.

Tế đã viết bài trên báo hàng ngày Bình Minh thân Nhật khen truyện dài Quê người của tôi nhà Mới vừa xuất bản. Từ đấy, tôi quen Tế. Mới gặp, Tế đã hỏi tôi biết đâu có thuốc gia truyền chữa bệnh liệt dương thì mách.

Tế cũng thuộc bọn lang thang trong thành phố. Nhưng không chơi với cánh viết văn. Tế sống rúc ráy như chuột cống.

Tế bảo phải ở "hạ tầng cơ sở". Tôi đánh giá cái “hạ tầng cơ sở” của Tế cũng như hồi tôi đi lang thang vào nhà mỗ các làng với Song Hồ. Nhưng tôi im lặng đi với Tế. Tế hay rủ tôi ăn cơm đậu rán, uống rượu ở hàng cơm đầu ghế chỗ đầu cầu trên phố Bờ Sông. Vùng ấy, Tế thuộc cả các góc ngách hàng cơm, tiệm hút, nhà chứa. Có đêm Tế rủ tôi đi thuê "xăm" ngủ. Cái “xăm” kỳ quái cho người chơi lậu chốc lát hay cả đêm, rất bất ngờ đối với “đội con gái” lòng nhà thổ. Các nhà trên Bờ Sông hay ngăn buồng ra làm từng khoảng, chắn vách gỗ, liếp nửa. Chúng tôi nằm trong một gian hẹp như cái chuồng xí. Hai bên, một vách gỗ, một phen nửa, chong đèn cả đêm. Tế rất thạo tìm ra trong khe vách có một chỗ đút nút giấy để nhòm trộm sang buồng bên cạnh.

Từ khi ấy, mỗi lần gặp Tế trình trọng đeo cà vạt đỏ, tôi buồn cười, như ở trên Kép gặp tờ-rốt-kít Dương

Tả Ban đi làm thầy địa Tả Ao để mả.

Tế đi giày tây có cổ, chỉnh tề. Nhìn kỹ, mép cà vạt đỏ đã bóng nhẫy mồ hôi tay. Tế và tôi ngồi trong nhà Nguyễn Xuân Huy. Như Phong từ phía vườn hoa Hàng Đậu đi tới. Như Phong to lớn, bước đỉnh đạc, vẫn như mọi khi, nách kẹp quyển sách, đầu trần và miệng ngậm cái píp to.

Tôi không nhớ Tế và Như Phong tranh luận những gì. Lời qua tiếng lại ào ào như ong bay, đến tận lúc thành phố lên đèn. Tế nói hơi lắp, mép nhấp nháy lông chông mấy sợi ria râu ngô. Tế đặt tay cạnh bàn. Tay Tế trắng xanh, nổi gân cục, cứ run từng lúc. Có vẻ Tế sợ Như Phong.

Hôm gặp lại, Tế hỏi:

- Thăng Như Phong có nói gì về tao không?

Như Phong đã nói: "Thăng Tế ngu như bò mà kiêu không chịu được!", nhưng tôi không dám nói lại với Tế như thế. Tế nhận xét Như Phong:

- "Luý" chỉ lúng túng trong phạm vi quốc gia, phải quốc tế chứ. Tương lai nước ta trong tương lai cuộc đấu tranh giai cấp toàn thế giới. Các cậu không thấy ra chỗ này.

Tế nói thêm:

- Liên hiệp là thoả hiệp, liên hiệp không phải là chủ trương của giai cấp công nhân. Thời kỳ bình dân các cậu thoả hiệp, bây giờ các cậu đầu hàng.

Tế dùng chữ "các cậu" ám chỉ chúng tôi. Nhưng Tế không nói thẳng là Việt Minh, không phải Tế nể mà cả đến trong trò chuyện với nhau người ta cũng không dám nói hai chữ Việt Minh. Nhưng quái, hôm trước không nghe Tế nói thế. Thăng này sợ Như Phong, chỉ mạnh bạo nói phét trước mặt tôi.

Tôi nói:

- Đừng nói nữa. Chúng mày lý thuyết suông, tao biết rồi.

Tế tái mặt, mắt lồi ra như mắt cua:

- Cách mạng không dừng lại, cách mạng bùng nổ liên tiếp đến khi cách mạng thành công trên cả trái đất. Mác đã nói thế.

Ít lâu, Tế đi đâu. Có người bảo Tế đã về quê ở Hải Dương. Sau này, nghe có người nói Tế bị Việt Minh ở Thanh Hà thủ tiêu.

Chúng tôi tìm cách giác ngộ Nguyễn Xuân Huy. Tôi bàn với Nam Cao. Chúng tôi ngần ngại. Nhưng rồi tôi cứ thử đưa một tờ Cứu Quốc cho Huy. Huy giữ tờ báo mấy hôm. Rồi lặng lẽ trả lại.

Nam Cao nói:

- Mình muốn bàn việc này.

Huy trả lời ngay:

- Cho mình nghĩ ít lâu nữa.

Chúng tôi hiểu ít lâu là không bao giờ.

Một trường hợp khác, Nguyễn Đức Chính có biệt hiệu là Phiêu Linh. Một anh thanh niên tập tễnh viết văn, cũng như tôi Chính ở Bắc Giang về Hà Nội. Đầu tiên, Chính làm đàn em điều đóm cho cánh Đình Hùng, Huyền Kiêu. Từ khi nhà xuất bản Tân Việt ra quyển ký Những đêm sâu của linh hồn và nhà Hàn Mặc in truyện thiếu nhi Con bò giòì đầy cũng của Chính, Chính thấy mình đã biết thế nào là làng văn. Và chẳng bấy lâu hầu hạ lão Tân Việt, cũng học được mấy tầy của nghề xuất bản. Chính bắt đầu đi dụ dỗ được nhiều người làm xuất bản. Chúng tôi gọi Chính là "thầy xuất".

Chính nói:

- Quấy cho cái nghề xuất bản nhộn nhịp lên thì anh em mình có phận nhờ.

Có một hồi Nguyễn Đức Chính cũng mở nhà xuất bản, nhà xuất bản Nguyễn Đức Chính. Người ta kể Nguyễn Đức Chính về Bắc Giang nói khôn nói đại thế nào mà bố anh - một mục sư Tin Lành địa phận trên ấy, ông mục sư đã bán nhà cho anh cầm tiền về Hà Nội làm xuất bản.

Nhà xuất bản Nguyễn Đức Chính in quyển tiểu thuyết tự truyện tên là Nhà ai của Nguyễn Đức Chính. Quyển sách dày tới năm trăm trang, bày lù lù ở các hàng sách. Thế rồi cả năm đi qua, vẫn thấy quyển sách trên quầy đã mờ cả bìa. Không ra thêm được quyển nào, sách ế, không thu được vốn Nhà ai về.

Nguyễn Đức Chính lại long tong đi làm thầy xuất. Về việc Nguyễn Đức Chính sạt nghiệp, Vũ Hoàng Chương, có ra một vế câu đối, mà không ai đối được: Nhà mình bỗng chốc hoá "nhà ai".

Chính vốn nhẹ tính, chỉ cười hề hề. Tôi đưa báo Cứu Quốc cho Chính đọc. Chính cao to, đen xám, nói ồ ồ, khề như ngái ngủ. Ngày tôi mới gặp, Chính mặc áo dài thâm, đi guốc.

Chỉ ít lâu, Chính đã nhiễm bộ tịch vừa ngang ngang vừa chán chường, cái điệu của anh làm văn thấy đời khinh mình nên phải khinh lại đời. Có lúc tay cũng cầm cái quạt thước, như nhà văn Nguyễn Tuân.

Chính cười, trả tôi tờ báo:

- Tớ chẳng Việt Minh, chẳng Đại Đông Á gì đâu, nhưng tớ muốn làm Việt Minh, làm Tây, làm chú Lùn lúc nào cũng được. Tính tớ thế.

Cho đến bây giờ, tôi vẫn nghĩ có khi Nguyễn Đức Chính đã chết vì cái câu "tính tứ thế". Ít lâu sau, ở Hà Nội không thấy Chính đâu. Có người nói Chính về Bắc Giang, đi các làng mua thầu dầu, mua trâu cho nhà thầu. Một lần, Lê Quang Đạo cho chúng tôi biết trên chiến khu Bắc Giang hỏi về Nguyễn Đức Chính ở Hà Nội. Đạo biết Nguyễn Đức Chính.

Chúng tôi cũng biết Chính. Nhưng biết thế nào về cái người "tính tứ thế", làm Tây, làm Việt Minh, làm Nhật, được cả.

Biết cũng như không.

Tôi không gặp lại Nguyễn Đức Chính lần nào nữa.

Một buổi trưa, Nguyễn Xuân Huy từ trên phố về, bảo tôi:

- Uy bị bắt.

Tôi không hiểu sao Huy biết tin ấy, xưa nay tôi ngờ Huy không biết Uy và tôi có quan hệ với nhau. Lúc ấy đương có báo động máy bay Đồng minh Anh Mỹ. Huy không ăn cơm, vào gói mấy cái quần áo, mấy quyển sách xong ngồi đấy đợi báo yên, rồi đi lên phố.

Hà Nội hồi này ngày nào cũng có báo động. Tiếng còi trầm bổng rít lên, ngoại ô còn nghe rõ mồn một. Tàu điện bỗng dừng lại. Người chạy táo tác. Súng phòng không đã bắn ầm ầm. Người ta phân biệt đạn cao xạ Nhật thì sủi khói trắng. Súng Pháp từ pháo đài Cáo, pháo đài Láng bắn lên lỗ chỗ từng vệt khói đen vằn vèo.

Máy bay Mỹ từ phía đông nam tới. Những chiếc phóng pháo B.26 lúc đen trũi, lúc sáng trắng theo bóng mặt trời, lừ lừ trôi trên đầu, rắc bom xuống thành phố.

Như Phong tới. Về bình tĩnh của Như Phong làm tôi yên tâm hơn.

Như Phong nói:

- Bé đã đi thoát được rồi. Có tin đã đến chiến khu.

Vũ Quốc Uy bị bắt đột ngột. Bắt Uy rồi, mật thám dăng bẫy ở nhà Uy. Chúng thay tua đến rình và ngủ ngay đấy, tảng như người nhà.

Một hôm, Bé đến nhà Uy. Mấy mật thám đã ngồi sẵn, đưa đánh cờ, đưa xem báo. Nhà Uy vốn chạ người đi lại. Có khi Bé ở đấy, lại ăn cơm hàng ở nhà đầu phố, gần nhà máy điện Yên Phụ. Như học trò ăn cơm tháng và cả Nguyễn Đức Chính cũng ăn cơm trọ đấy. Người ta chỉ biết mặt nhau ở lúc ăn, không biết gì hơn.

Bé vào nhà chào mọi người rồi cất mũ lên mặc. Thấy người đánh cờ ngược lên, lé mắt nhìn trộm, anh chợt dạ. Bọn mật thám cũng không ngờ cái người cần rình bắt lại đương đứng trước mặt. Anh Bé mặc cái áo dài vải magatoc đen. Sở Liêm phóng Bắc kỳ đương lòng bắt bí thư cộng sản, "Ông đốc lý đỏ" theo cách gọi của mật thám. Không ngờ cái cậu bé loắt choắt áo dài như học trò nhà quê ra lại là ông đốc lý cộng sản đương ở trước mặt chúng.

Bé vờ ra sau nhà đi giải. Trông thấy vợ Tường - một anh công chức bạn Uy nhà ở trong, đứng cửa bếp, mắt đỏ hoe. Biết có biến, Bé chạy lên cái sân thượng sau bếp mọi khi chúng tôi vẫn họp.

Bọn trong nhà cũng bắt đầu nghi, ra nhìn. Thấy bóng người vụt qua sân sau, cả bọn ùa ra.

Bé đã tụt xuống chân tường sau chạy vào Ngũ Xã, rồi biến mất về phía chùa Châu Long.

Thế là Bé thoát. Bọn ấy không dám báo về sở để Tây cho vây lùng. Tây mà biết mấy thằng để xổng ông đốc lý đỏ thì chúng nó mọt gông.

Câu chuyện Như Phong kể Bé vượt vòng vây mạo hiểm và hồi hộp, không làm tôi sợ, mà tôi lại mơ màng đến những hoạt động ẩn hiện tài giỏi của người cán bộ.

Như Phong nói:

- Chúng ta tin ở tinh thần Uy, nhưng cũng phải cẩn thận. Cần tránh đi ít ngày.

Nam Cao về Nam Định. Tôi cũng theo anh xuống quê Nam Cao ở Đại Hoàng.

Hơn một tháng, tôi trở lại Hà Nội.

Như Phong đến bảo:

- Uy bị bắt vì lộ một công tác khác, không phải việc chúng mình. Và Như Phong lại hẹn đi họp. Chúng tôi không đề phòng hoặc tránh đi nữa.

Còi báo động rên rĩ lại nổi dồn từng hồi. Máy bay Mỹ đến trên bầu trời ánh sáng một ngày tàn đã vàng mờ thành phố tiêu tụy lặng im, chờ đợi.

Bên kia hồ Tây, dần dần nổi lên tiếng gầm gừ. Rồi tiếng ran ra khắp trời. Cả đoàn tàu bay Mỹ đã đến, những cái máy reo rắc cái chết đương trôi trên trời.

Người chạy nhốn nháo. Những tiếng nổ sét đánh xuống.

Hồi ấy, tôi làm giáo viên truyền bá quốc ngữ miền Tây Hà (Bưởi) dạy đêm ở trường làng và trên Yên Thái, lại làm phòng thủ thụ động khi có báo động, đeo băng đỏ lên đứng đầu chợ dẹp người. Khói bom mù mịt bốn phía.

Các đám cháy khét lẹt. Bơm rơi xuống Quần Ngựa, vào làng Hồ, cổng Đõ, cả dọc sông Tô Lịch. Ở vạc làng Hồ, có một đám cưới đương ăn cỗ chết cháy hết. Những người đi chợ về ngồi gục trong gốc cây. Người hái rau muống dưới cổng Đõ nằm lòi ruột trên cái thuyền thúng.

Chúng tôi khiêng các xác chết đặt ra ngoài cạnh đường cái.

Đầu làng Thụy, lính Nhật đứng trong lô cốt gác trại. Giữa làng Thụy, tiệm nhảy "Thuyền buồm" bờ hồ Tây đã đóng cửa. Một cơ lính Pháp đến đóng đầy đã mấy hôm. Người lính lê dương gác, đứng im. Tây, Nhật đứng dưng nhìn người chết bom xung quanh.

Cả vùng bờ hồ Tây cháy mãi, tận đêm trời còn nổi từng tảng khói và lửa đỏ xuộm. Đâu còn đường sống bây giờ? Hôm sau, sáng sớm, còi báo động đã nổi. Báo động, báo động. Thúc bách lắm rồi. Tiếng đồn Nhật sắp hất cẳng Tây càng rộ lên cùng với những câu chuyện tàn ác về phát xít Nhật. Những chuyện người kể cũng giống những chuyện đăng trong báo Cứu Quốc bí mật. Đâu đâu cũng khủng khiếp. Bên Gia Lâm có người đàn bà chữa đi cắt cỏ ngựa bán cho Nhật, bị Nhật ngờ là người đi dò tin tức. Nhật mổ bụng con ngựa, nhét sống cả người đàn bà có mang vào bụng ngựa, đem khâu lại.

Máy bay phóng pháo Mỹ lại bay từng hàng vào rải bom xuống thành phố. Nhà Đấu Xảo, xung quanh ga Hàng Cỏ, ngõ Hàng Dừa, chợ Hàng Da, vùng Giáp Bát, bãi nhãn Nhật buộc ngựa ở Thủ Lệ. Mấy hôm nay lại đánh phá nhà máy xe lửa Gia Lâm.

Người chết nhiều quá. Tôi xốc những cái xác chết bên bè rau muống bờ sông lên, khuân ra để ngoài rệ đường, như khuân củi. Không thấy ghê tay buồn nôn nữa. Còi báo động và tiếng máy bay xé trời. Người chạy từng đám, nằm chồng đống trong các chân tường, các gốc nhãn. Tiếng Nam mô a di đà phật vẳng lên như khóc.

Còi báo yên. Tôi về đến đầu làng. Tôi trông thấy Nguyên Hồng đã đi trước vào nhà tôi. Nguyên Hồng đưa vợ con chạy máy bay sang Thuận Thành hôm trước đã đem gửi tôi cái hòm và cái bàn. Thỉnh thoảng, anh lại lên chơi.

Đột nhiên, tôi quay lại. Từ gốc đa cổng làng đi vào một đám lối nhố quần áo tây vàng, trắng.

Bọn họ đã đến sau lưng tôi. Tiếng gọi: Ê! ê? ê! Rồi, mật thám Luyt, một Tây lai, nhay lên trước mặt tôi, giơ cái còng sắt:

- Đưa tay đây!

Mật thám vào nhà tôi, gác cổng, gác sân. Bà ngoại tôi, mẹ tôi đâu phải ngồi nguyên đấy. Nguyên Hồng đương đứng trên đầu thềm. Anh hấp tấp ra đón tôi. Mật thám Luyt dang thẳng cánh, tát Nguyên Hồng một cái lạng cá, nó quát: "Đứng im!" Tôi thương quá. Vốn Nguyên Hồng tính bộp chộp thế. Năm trước, ăn cưới Thâm Tâm ở nhà phố Nhà Diêm rồi cả lũ, Nguyễn Dân Giám, Trúc Khê, Trần Huyền Trân, cả chú rể

Thâm Tâm, kéo nhau ra hát cô đầu ở “24 gian” trên đường xuống Bạch Mai. Nửa đêm, Nguyên Hồng lay tôi dậy sang giường anh. Một người cô đầu ngồi đấy. Nghe hát xong, mọi người đã ngủ. Nguyên Hồng vẫn rì rầm trò chuyện với người cô đầu. Nguyên Hồng nói: "Anh giới thiệu em, anh Tô Hoài, nhà văn xã hội". Có lẽ cả đêm anh đã thuyết phục, giấc ngủ cô ả đào.

Chúng khám nhà rồi bắt tôi và Nguyên Hồng đi, khuôn theo của tôi một hòm sách và bản thảo, giấy má. Trong có một tờ Cứu Quốc bí mật, một quyển "ABC mác xít", quyển phóng sự chữ Pháp Mười ngày rung chuyển thế giới của Giôn Rít, sách Như Phong mượn của thư viện Hà Nội.

Cái xe ô tô mật thám bịt bịt vải xám, có hai hàng ghế, đỗ trên ngã ba đầu chợ. Tôi bị ấy lên đầu ghế trong. Tình cờ, ngồi ngay sau lưng mật thám Luýt, cách cái vách bịt, có lỗ vuông cửa kính mi-ca, nhìn qua được. Tôi thấy thằng Luýt cầm mảnh giấy nhỏ, trong giấy viết những tên người; Tô Hoài, Như Phong, Nguyễn Đình Thi, Học Phi, Nguyễn Hữu Đang.

Ô tô đến trước chợ Đồng Xuân, đỗ lại. Mật thám Luýt nhảy xuống. Thế này thì tổ tôi bị bắt cả rồi. Một lát, mấy người dẫn Như Phong ra. Hai tay Như Phong bị khoá còng sắt như tôi. Nhưng khuôn mặt phương phi của anh vẫn thản nhiên như mọi khi khiến tôi chợt nhớ việc xảy ra. Đã trông thấy có thể có ngày hôm nay từ đêm họp đầu tiên trên sân thượng sau nhà Uy. Nghĩ thế, tôi bình tĩnh hơn.

Chúng tôi bị giải về Sở Mật thám Hà Nội. Một lúc, tôi thấy những người có tên trên mảnh giấy tôi trông trộm ở tay mật thám Luýt cầm đều lần lượt bị bắt tới. Người sau cùng bị giải đến là Nguyễn Đình Thi. Chỉ thiếu Học Phi. Nguyễn Đình Thi, một sinh viên, tôi chưa biết mặt nhưng lại biết Thi vì một chuyện khác. Năm trước, Lại Phú Khoát cùng làng tôi học trường Bưởi với Thi. Thi đã tổ chức lạc quyền ủng hộ Khởi nghĩa Bắc Sơn trong học sinh. Khoát được Thi và các bạn tuyên truyền Khoát đã về kể lại với tôi. Khoát ủng hộ Bắc Sơn cái đèn pin và chiếc áo ba-đờ-suy dạ “mông-ta-nhắc” đương mặc.

Tôi xin ra đi đái. Từ sáng, bây giờ mới được đái. Vừa đứng chỗ đái, người mật thám dẫn tôi canh đẳng sau, đã cất mồm chửi:

- Tiên sư mày, đái nhanh lên?

Câu chửi nghe thấm cái đau hơn cả lúc bị bắt. Lúc còn trẻ con chơi chửi nhau, chẳng nói làm gì. Từ khi lớn, chỉ bị thằng đốc tờ ở Hà Đông chửi một lần, còn chưa nghe ai chửi mình bao giờ. Đời sang giai đoạn khác từ đây.

Tôi phải giam chung xà lim với một người bồi bị chủ Tây nghi là ăn trộm. Anh khóc lo mai bị tra điện. Cái xà lim dài hơn sải chân. Muỗi quá, nằm ngửa, chân tay bị cùm, không xua được. Tiếng muỗi, tiếng người khóc ti ti, đàn rệp ngửi hơi người bò ra. Lạ thật, chỉ bệ xi măng và cùm sắt mà rệp cũng ở được.

Đến khuya, người bị tình nghi ăn trộm hỏi tôi:

- Ông làm sao mà bị bắt?

Tôi không bằng lòng anh ấy khóc ư ừ từ nãy, tôi trả lời:

- Tôi bị bắt về tội đọc sách làm chính trị.

Tôi thấy người ấy im đến sáng.

Tờ mờ sáng, mật thám Luýt xuống quát tôi ra, hỏi ngay trước cửa xà lim:

- Thăng Hồng đến họp ở nhà mày à? Chúng mày sắp họp à?

Tôi nói:

- Không, người ta đến chơi. Chẳng có việc gì cả.

Ngày hôm ấy, Nguyễn Hồng được thả, chúng tôi bị giải đi Nam Định, vẫn không hiểu vì tội gì.

Mới bị bắt ít lâu mà Uy gầy yếu, da tái xám. Đầu anh trọc trông càng rộc hần. xuống nhà lao Nam Định, mới rõ dần chuyện chúng tôi bị bắt thật rắc rối. Không phải Uy bị bắt vì Văn hoá Cứu quốc. Uy làm công chức phủ Toàn quyền trên Hà Nội, nhưng bố anh dạy học và nhà ở Nam Định, Uy về Nam Định, đem sách báo bí mật tuyên truyền Việt Minh cho nhiều người dưới ấy. Anh đã lập được mấy tổ công chức Cứu Quốc ở thành phố Nam Định.

Những người những anh em ấy được giác ngộ rồi đã hăng hái, xốc nổi và ngây thơ. Có người viết thư nặc danh chửi công sứ Giảng Giảng. Mật thám tìm ra chữ người viết thư, tra hỏi. Thế là lộ tất cả những ai đã được Uy tổ chức vào Việt Minh, Uy bị mật thám Nam Định lên Hà Nội bắt.

Uy bị bắt, bị tra tấn, xét hỏi về tổ công chức Cứu Quốc ở Nam Định. Hồ sơ đã xong và đã bị đưa lên Hà Nội giam Hoả Lò sắp ra toà. Nhưng mật thám Nam Định vẫn còn nghi Uy có hoạt động khác nữa. Bèn nhờ sở Mật thám Hà Nội bắt Tường ở nhà trong. Tường bị tra điện, bị đánh. Thế là chúng biết còn có bọn chúng tôi hay đến nhà Uy.

Buổi sáng, trước cửa nhà giam, Văn Tiến Dũng từ trong xà lim được dẫn ra hành lang cho đi giải. Đột nhiên, anh đứng lại, quay mặt ra sân, nhìn vào chúng tôi đương ngồi rải rác đấy, anh nói to: “Thưa đồng bào, tôi từ hải ngoại về nước. Cách mạng Việt Nam hiện nay đương trôi nổi, từ hải ngoại...”

Văn Tiến Dũng bị mật thám bắt ở Sen Hồ bên Bắc Ninh. Anh đương hoạt động ở Trung du.

(Sau này, tôi được biết anh nói “tôi từ hải ngoại về” vì anh đoán trong bọn ở ngoài sân, có anh em mình, cũng có thể có "chó", nó sẽ tưởng anh ở nước ngoài về. Vì thế mà địch lạc hướng hỏi cung). Những trận đòn ác liệt mà Văn Tiến Dũng đã ra gan chịu ròn rã hàng tháng. Tất cả trại giam nín lặng, kính phục. Có

Cầm Văn Dung, tri châu người Thái, bị bắt vì tội âm mưu với nhân tình là Lò Thị Cam, đầu độc chết công sứ Sơn La Sanh Pulốp. Ông tri châu, mặc quần áo ngủ, ở ngoài hiên, không phải nhốt xà lim. Sau mỗi trận mật thám tra điện anh Văn Tiến Dũng, ông ta lại lẩm bẩm tiếng Tây: một người anh hùng. Rồi ông ấy bí mật đưa sữa vào cho anh.

Tôi lại thấy những mật thám ác như tên Đình ở Nam Định, suốt ngày đêm quay điện, đánh người không ghê tay. Thế mà Đình lại sợ vợ, bị vợ vác củi đánh. Vợ Đình đồng bóng cũng khét tiếng thành Nam, như Đình khét tiếng ác.

Chúng tôi được giải xuống Nam Định. Tôi hồi hộp bồn chồn thấy những đêm mật thám đi càn bắt về hàng trăm người các huyện Yên Khánh, Yên Mô ở Ninh Bình. Chúng tra tấn ròng rã cả tuần cũng không cạy răng ai được một câu.

Thế mà, ngay giữa cơn đòn tra, chập tối đến, trong các xà lim lại vang ra những lời tụng kinh Tam thiên tự Việt Minh. Tiếng đọc đều như học trò học bài.

Tôi lại thấy cảnh mật thám trùm chiếc chăn dạ xám lên đầu những đứa phản bội đã khai báo rồi dặt chúng đứng nấp trong ngách cửa cho nhìn ra nhận diện người mới bị bắt.

Xà lim tôi bị nhốt ở Nam Định đông ngốt đến ba chục người. Thế mà cũng có vài con "chó" giả làm người bị bắt, "chó" vờ nằm lẫn với người để đánh hơi tìm đầu mối.

Có người bảo chúng tôi còn may, vì Nam Định lên nhờ mật thám Hà Nội bắt hộ, điều đó bẽ mặt mật thám Hà Nội, nên chúng nó làm tắc trách. Bởi thế, thoáng buổi sáng, ở sân nhà giam, trước khi bị giải xuống Nam Định, Uy đã rỉ tai được với bọn tôi những việc cần khai cho khớp khẩu cung với nhau. Chúng tôi sẽ nhận có đến nhà Uy. Mỗi người quen Uy vì một lẽ khác nhau. Chúng tôi có nói chuyện về văn hoá tiến bộ, nhưng không phải là hội họp, không đóng tiền nguyệt liễm. Phần riêng của tôi tôi chỉ biết Uy và Như Phong. Nó hỏi về anh Bé, tôi bảo tôi không biết. Tôi sẽ không khai Nam Cao.

Trong chúng tôi, Thi và Như Phong đã bị bắt, bị tra tấn lần trước, khi mật thám khủng bố Mặt trận Dân chủ. Thi cao lớn ngăm ngăm, thoát trông thì dữ, nhưng có đôi mắt hiền và người ra vẻ trí thức. Những đêm xà lim lạnh buồn đầu thu, khi đã xong cung, đợi phải đưa sang toà án, chúng tôi được giam chung, tôi nghe Thi hát giọng trầm mà buồn. Thi kể chuyện bị bắt ở Hà Nội năm trước, mật thám Photô bảo: "Chúng nó khen mày hát hay lắm, bây giờ mày hát tao nghe". Vừa nói, nó quay điện tra luôn.

Như Phong dặn tôi một mẹo: "Lúc bị quay điện, mày cứ há mồm ra kêu tướng lên như thế đỡ đau". Tôi gầy kheo khư nhất đám. Ai cũng ngại tôi không chịu nổi đòn.

Uy bị giam ở đây đã lâu nên thông thạo, biết làm cách liên lạc. Chốc lại xin cai ngục cho đi đại. Có lần, đi qua, đứng lại trước lỗ ánh sáng cửa xà lim tôi lâu đến lúc cai ngục trông thấy, đuổi mới đi. Uy nói rõ vào: "Cứ như thế nhé. Khi nào đau quá thì nghĩ đến cờ đỏ... mình lăn ra đấy thì không biết đau nữa... Nghĩ

đến cờ đỏ búa liềm...”.

Có lần Như Phong gọi vào lỗ cửa:

- Này, này, nhớ đấy. Trông mặt tao đây, đừng run.

Tôi trông ra lỗ đưa cơm trên cánh cửa xà lim có lưới mắt cáo chỉ thấy một cái mặt lờm chờm râu. Nghe tiếng thì biết chứ mặt chẳng giống Như Phong mọi khi.

Thật tôi cũng không nghĩ ngợi gì. Đôi khi, tôi chỉ phảng phất nhớ nhà. Bố của Uy, bố Như Phong, mẹ vợ Thi đã xuống thăm con. Tội nghiệp chắc bà tôi, u tôi ở cái làng Nghĩa Đô quê khách kia không biết tại sao tôi bị bắt và cũng chẳng biết tôi bị bắt đi đâu.

Một hôm, tôi phải điệu lên phòng giấy mật thám Tây Lơ Cóc hay Lơ Giơn gì, không nhớ. Tôi thấy Học Phi đã đứng đó.

Lâu không gặp, nhưng anh vẫn thế. Anh nhe răng cười, hai hàm răng trắng toát, lúc nào anh cũng đánh răng bằng miếng cau khô.

Tôi nhớ đã bàn tôi chỉ biết Uy và Như Phong. Tây mật thám trở Học Phi, hỏi tôi:

- Biết ai đây không?

Tôi lắc đầu. Tôi đã nghĩ sẵn: này nó đánh, này nó đánh. Nhưng nó chỉ nện tôi một bạt tai, rồi lại sai dẫn tôi về xà lim.

Không ai nhận, Học Phi được thả ngay. Hôm sau, tôi bị tra điện. Nó hỏi việc họp tổ ở nhà Uy. Tôi chưa nói gì, đã ngất sùi bọt mép.

Cũng chỉ có một lần ăn đòn như thế. Rồi chúng tôi được trả lại Hà Nội, sau câu nói cuối cùng của chánh án Nguyễn Hữu Trí: "Các anh không nên liều lĩnh". Tôi đã biết mặt lão tây lai Nguyễn Hữu Trí quan phủ Hoài Đức, khi tôi cùng Điều và Hoà đi xin phép lập hội Ái hữu thợ dệt Hà Đông và khi tôi bị bắt đi lính không nghề suýt phải sang Tây. Bây giờ lại thấy lão ở toà án Nam Định. Tôi không hiểu thế nào về câu nói vuốt đuôi ấy của ông quan. Bởi tất cả những gì phải làm và lấy của đút của người nhà phạm nhân thằng Tây đã làm, đã ăn, thằng quan chánh án An Nam này có chấm mút gì hay không.

Chúng tôi bị đưa về Hà Nội. Uy ở lại. Cái án Văn hoá Cứu quốc chỉ có đến thế ở Nam Định. Uy trở sang nhà lao rồi lên Hoả Lò với án ba năm tù ngồi tù án trước.

Uy đứng cuối sân nhà giam cạnh bãi cỏ, nhìn ra tiền chúng tôi. Tay anh cầm lọ mật ong vàng sánh có ngâm rau thai của bố anh gửi vào cho. Anh ngược cặp mắt kính. Hai gò má nhô lên, trông càng hốc hác. Những ngày gian khổ vừa qua, những việc anh giúp chúng tôi, tôi hiểu lòng anh, thật tình anh không phản

bội.

Trên tàu hoả đêm ấy, trăng cuối thu lạnh biếc loang loáng ngoài cánh đồng chiêm vào cửa sồ. Thi và Như Phong ngủ ngon trên cái ghế dài như hai đứa trẻ, tay vẫn bị cùm.

Mật thám Đinh giải chúng tôi lên. Cả đêm, Đinh nói chuyện huyền thuyên như người ngồi đồng. Ô hay nhỉ, cái lúc thằng mật thám không đánh người thì nó cũng người như người ta. Nó kể chuyện tại sao nó đi làm nghề mật thám.

Tương tự chuyện nhiều mật thám cũng thường nói thế. Hết thằng Kiêm trong Vạn Phúc năm trước kể với tôi.

Năm ấy, Mặt trận dân tộc phản đế ra đời và hoạt động ở Vạn Phúc được ít lâu thì các cơ sở vùng La, Mỗ, Ngọc Trục, Vạn Phúc bị vỡ. Kiêm bị bắt với Tý, là em. Được tha về, gặp tôi, Kiêm bảo:

- Hai anh em thì chỉ có thể một người đi làm cách mạng, còn một người phải ở nhà nuôi bố mẹ. Tớ ở nhà.

Kiêm ở nhà và làm "chó", lấy con gái nuôi nhà Hai Cua chủ sòng bạc. Chuẩn bị Tổng khởi nghĩa Kiêm bị thủ tiêu ở Vạn Phúc.

Đinh cũng kể nó và anh nó cùng hoạt động. Đinh cũng từng là cách mạng. "Nhưng không thể hai anh em cùng hy sinh". Anh nó bây giờ đi hoạt động xa. Ở nhà, cả nhà vợ anh, nó cũng chu đáo không sót, làm mật thám, nhưng nó hay giúp người cách mạng, Đinh bảo thế. Câu chuyện bịa cứ thao thao ráo hoảnh.

Về đến xà lim sở Mật thám Hà Nội, mật thám Luyt lại gọi từng người chúng tôi lên.

Luyt ngắm nghía tôi một thoáng, rồi bảo:

- Cái thằng "Bé con" dạo nọ vẫn hợp với mày ở nhà thằng Uy là ông đốc lý cộng sản đấy, mày biết không? Được, cứ xuống xà lim cho "tình người" rồi ông sẽ cho mày biết thêm.

Ở mật thám Hà Nội bấy giờ Tây đương giam nhiều đảng viên đảng Đại Việt. Pháp và Nhật đã đến độ căng nhất.

Những người thân Nhật chạy vào trại lính Nhật, Nhật đưa đi Chiêu Nam (Sanhgapo) như Dương Bá Trạc, Trần Trọng Kim, Vũ Đình Di.. . Bọn ở lại, cật thế Nhật, đã sắm súng ống, nhưng Pháp cũng lùng bắt ráo riết.

Khu vi ô lông ngoài sân, chỗ nào cũng có Đại Việt. Có lão già râu ria lồi thoi ngồi bần thần bắt rận. Như ông lang phố huyện. Cánh Đại Việt cãi nhau hàng ngày với Việt Minh.

Nguyễn Chấn "mắm tôm" bên ta đối phó hăng nhất. Anh cười trần, bụng xệ, cặp lông mày sâu róm, nói choang choác. Anh bẻ gãy lý sự chúng nó.

Chấn bảo chúng tôi:

- Cũng bị bắt như các đảng ấy, chỉ một năm trước, thì ăn chắc năm năm tù.

Một năm trước, tình hình khác.

Bây giờ, mật thám Luýt ngày ngày đem báo Đông Pháp xuống ngồi đọc ngay cửa xà lim. Đến chỗ tin Hồng quân Nga giải phóng Bucarét, nó cười như mếu.

Một lão Đại Việt tru tréo, vu vạ:

- Đấy nhá, đấy, các ông một duộc với giặc lõ rồi, mật thám ngồi đọc báo cho nghe, rõ ràng, rõ ràng đấy thôi.

Thế là lại um lên. Đại Việt ngồi trong hiên. Việt Minh đứng ngoài gốc sấu.

Tôi được biết Hà Nội sắp xét lại vụ của chúng tôi.

Luýt gọi tôi lên. Nó đương mài viết, không ngừng đầu. Vẫn cầm cúi thế, bỗng nó quát thật to, chẳng buồn nhìn lên.

- Cho cút. Bận sau còn tụ bạ thì chết với ông?

Hôm mới vào, đi đái, bị mật thám chửi, câu chửi buổi đầu còn cay, đến câu quát này nghe thấy nhàm. Nhưng tự dừng Luýt ngừng lên, nói thêm một câu, khác hẳn:

- Mai kia cách mệnh thành công, mà đừng giết thẳng Luýt nhé!

Đương tưởng sắp lòi thôi, lại hoá ra được thả. Tôi không hiểu sao.

Tôi ra chỗ lấy quần áo gửi. Vào xà lim, theo lệ, sợ người bị giam tự tử, sở Mật thám bắt cởi để lại cả dây giày, thắt lưng, giải rút, ví tiền, đồng hồ... tất cả những dây dợ và cái gì có trong người.

Tôi đứng cửa. Một người ngồi trong bàn giấy mở sổ gọi tên lần lượt. Đến tên tôi, người ấy nói trở ra:

- Mà chẳng còn cái đếch gì cả?

Tôi bước thất thểu. Bấy lâu, những cái mặt sần xà lim xi măng ở Hà Nội, ở Nam Định đã căn bằng mất cả lưng cái áo may ô.

Tôi cứ lưng trần đi về nhà.

Bà ngoại tôi trông thấy, oà khóc. Ở làng trên, cũng có ông cai Long làm sở mật thám. Hôm trước, cai Long xuống dọa: cháu bà có sống về cũng thành tật. Chạy đưa một trăm thì mọi việc xong xuôi. Một đồng gãy nhà tôi cũng chẳng đào đâu ra nữa là những ấy tiền. Và đúng là cả nhà chẳng biết mấy tháng nay tôi bị bắt đi nơi nào. Bà ngoại, ngày rằm và mừng một lại mua miếng thịt lợn sống, ra lễ ngoài "rừng ông Cự".

Tối hôm ấy, Hoà đến hỏi thăm. Hoà ở xóm Trẽ. Chúng tôi đã cùng hoạt động hồi Ái hữu năm trước.

Hoà nói:

- Mai tớ lên nhà hộ sinh Yên Thái xin mấy cái rau bà đẻ. Cái rau đàn bà đẻ chóng lại người, bằng mấy thuốc. Bây giờ công tác nhiều lắm.

Chỉ đi vắng ít lâu mà như tình thế đã khác nhiều rồi.

Hoà đưa tôi một tờ Cứu Quốc mới. Và một mảnh giấy to bằng cái phong bì cứng bóng như giấy ảnh. Đây là tờ giấy của tàu bay Mỹ ném xuống, trong vẽ hình người phi công Mỹ cao to màu xanh mờ, bên cạnh ghi hàng chữ quốc ngữ: "Ai thấy người phi công nước Hoa Kỳ như thế này nhảy dù ở đâu thì giúp đỡ cho ăn uống, chỉ đường, đừng đi báo quân Nhật Bản. Ai có công, giữ tờ giấy này, sau này Đồng minh sẽ thưởng nhiều tiền".

Nhớ phong trào làng tôi năm trước, có Điều, có Hoà... Mới đầu, diễn kịch còn là việc rất mới. Hoà đóng vai thổ công trong một vở kịch. Bố Hoà tối nào cũng đi lòng chổ tập kịch đuổi đánh con. Ông sợ phải tội vua bếp làm. Hôm kịch diễn, ông đứng xem, thấy thằng con ra đeo râu, đội cái mũ vua bếp phát giấy đen có trang kim lấp lánh, lại đi đôi hia giấy, mặc áo thụng và hai đầu gối thò ra, nhiều người cười vỗ tay, ông cũng cười. Rồi chúng tôi được đà diễn nhiều kịch. Mỗi tối, người xem đứng chật sân đình. Các vở Người biển lận và Cái tú chè của Vũ Trọng Can, Tấm lòng vàng của Nguyễn Công Hoan, Gái không chồng của Đoàn Phú Tứ. Không một tiếng vang của Vũ Trọng Phụng. Và Toà án lương tâm của Vũ Đình Long. Chúng tôi lập hẳn một ban kịch, tên là Nghĩa Đô kịch đoàn. Nô nức lắm. Diễn kịch rồi đến việc đi kiện hương lý bán bãi nhãn của công rồi chống thuế, rồi lập Ái hữu thợ dệt, rồi dạy truyền bá quốc ngữ phong trào và ý thức lên dần. Hoà hăng hái tham gia tất cả.

Suốt ngày, Hoà ngồi xếp bằng tròn giải thích điều lệ trên phản giữa trụ sở hội Ái hữu trên đầu chợ Bưởi trong cái hầm chứa vỏ dó nhà Oanh mà chúng tôi thuê lại. Đến ngày nay, phải bí mật, có thể tù tội, thế mà cách mạng đã nảy nở sâu trong làng. Tôi hiểu dù gian nguy, nhưng đương tới thay đổi.

Tình hình thế giới, trong nước, trong làng tôi đồn lại phải đi tới thế nào. Chưa bao giờ cả vùng tiêu điều khốn khổ đến như thế. Nghề lĩnh lụa đã lụn bại hẳn. Khung cửi đem chẻ đụn, bán làm củi. Người tha hương bơ vơ những đâu, vẫn cả làng. Trông trước thấy cái đói, cái chết mà dường như đành.

Hoà và tôi ngồi trong thềm hè. Ánh ngọn đèn hoa kỳ hắt lốm đốm xuống mảnh chiếu.

Ở bờ rào rặng tầm xuân ngoài cổng tán nghe một tiếng soạt mạnh. Hoà cười, đứng lên. Cái bầy chuột đã sập. Được con chuột! Làng tôi hay ăn thịt chuột. Thịt chuột rán với vỏ quít. Nhưng ngày trước, chỉ đến tháng mười mới đi bắt chuột đồng. Chuột làng người ta chê bẩn. Bây giờ chén tuốt cả chuột cống.

Đấy là mùa đông 1944.

Nhà xuất bản Tân Dân thôi không mua bài của tôi như mọi khi nữa. Ông ấy ngại lôi thôi.

Tôi đến, ông Tân Dân nói:

- Tôi đã bảo ông đừng đua đả, đừng đại. Không phải tôi sợ cách mệnh đâu ông nhé. Có ông Trúc Khê ngồi làm việc trên gác, ông Trúc Khê ngày trước là Việt Nam quốc dân đảng chứ có tay vừa đâu. Về sau ông ấy mới thấy chỉ có đem văn học ra phụng sự quốc dân mới đúng là giúp nước.

Ông Tân Dân còn nói nữa, nhưng chẳng có câu nào mời tôi viết. Tôi không thấy như mọi khi, ông mở ngăn kéo lấy ra cái giấy nhượng quyền tác giả và những tờ giấy bạc, trịnh trọng và cẩn thận đếm xong đưa cho tôi rồi ông xoa hai tay hoan hỉ, theo thói quen. Hôm nay, ông chỉ mời xơi nước. Tôi cũng không đưa ra cuộn bản thảo, có truyện ngắn, có truyện thiếu nhi Truyền Bá. Ông tiễn tôi ra tận thềm ngoài, sau cái bình phong như mọi khi, nhưng cũng không nói khác thêm. Rồi nhà Tân Dân chạy bom Mỹ về Mục Xá. Tôi cũng không đến nhà ông lần nào nữa.

Nhà xuất bản Kiến Thiết ở phố Trường Thi mới mở, mời tôi viết. Tôi không quen ai ở đây, túng thì nhận lời. Tên tôi cùng một số tên nhà văn khác, nhà xuất bản quảng cáo lên báo.

Hôm ấy, tôi có khách lạ chưa gặp bao giờ. Một người mặc sơ mi trắng, dáng nhanh nhẹn, tự giới thiệu:

- Tôi ở Sở liên phóng.

Tôi không ngờ. Nhưng tôi không thấy người mật thám chìa cái cùm ra. Người mật thám chỉ nói:

- Sở liên phóng mời ông xuống.

Một người mật thám Tây hỏi tôi có biết nhà xuất bản Kiến Thiết và những người cùng đứng tên trong quảng cáo với tôi. Tôi nói không biết - mà tôi không biết thật.

Mật thám Tây ấy mặc cả liền:

- Tôi cho anh viết nhà xuất bản này, anh phải báo cho tôi biết mọi việc họp việc làm của những người mà tôi cần biết. Anh bằng lòng không?

Tôi không dám làm chỉ điểm công nhật cho mật thám như nó bảo thế. Tôi hiểu vậy là tôi bị triệt đường làm ăn. Thế nào bây giờ? Tôi lo đói - cũng như cả làng đương đói.

Nguyễn Huy Tưởng đến bắt liên lạc ngay sau mấy hôm tôi được sở Mật thám thả về. Nguyễn Huy Tưởng cũng hoạt động trong hội Truyền bá quốc ngữ, anh có một truyện dài dã sử, Đêm hội Long Trì đương đăng trên tờ Tri Tân tuần báo nghiên cứu lịch sử.

Bây giờ cái sở nhà Đoan - nơi Nguyễn Huy Tưởng làm chạy bom đi khỏi thành phố, và vợ con Tưởng cũng tránh về Dục Tú làng quê anh, chỉ có mình Nguyễn Huy Tưởng ở lại. Cả ngày, lông nhông ngoài đường.

Chiếc xe đạp có cái ghi đồng vênh. Những bài báo bí mật tôi viết cho báo Cứu Quốc, báo Cờ Giải phóng, những bài một trăm, hai trăm chữ được cuốn tổ sâu, Tưởng đem đút vào ruột ghi đồng rồi đập lại cái tay nắm bằng nhựa đen.

Nguyễn Huy Tưởng bảo tôi viết bài cho báo. Tôi lại viết, tôi viết lại chuyện đội nữ du kích hồ Ba Bể lần nữa.

Những ngày đầu khởi nghĩa, đội Tuyên truyền giải phóng quân từ chiến khu Việt Bắc vào Hà Nội, tôi đã gặp chị Thanh, chị Loan. Các chị giải phóng quân kể chuyện sinh hoạt ở khu giải phóng, chuyện Kim Đồng hi sinh, chuyện trận Lũng Hoàng. Các chị nói có vài lần hành quân qua hồ Ba Bể, không có đội nữ du kích ở đấy.

Nhưng đội nữ du kích hồ Ba Bể tưởng tượng của tôi đã thành kỷ niệm trong đời viết, từ khi tôi chưa đặt chân tới vùng rừng núi ấy. Biết đâu câu chuyện trời nước rừng xanh này lại không phải là ngọn nguồn tình cảm tôi sau này, khi lên Việt Bắc, tôi đến ở lâu núi Phia Biếc cạnh Ba Bể châu Chợ Rã - quê hương thứ hai cho sáng tác của tôi. Trong cội rễ tư tưởng, có nhiều nguyên nhân lắm khi không biết và cắt nghĩa hết được.

Mỗi lần gặp, Nguyễn Huy Tưởng lại dốc ghi đồng ra một đồng bài đút nút bên trong. Có lần anh lấy đăng lừng áo sơ mi ra một hộp báo Cứu Quốc, báo Cờ Giải phóng. Tưởng sôi nổi, thú vị gần gũi không có vẻ bí mật lặng lẽ và trinh thám của Như Phong.

Tình hình càng sôi nổi, mọi hoạt động của chúng tôi gần như công khai.

Cái Tết lạng lẽ đến. Không ai biết Tết, bởi không có Tết.

Cả làng im ắng như không. Nhà phong lưu trong làng tôi năm nay cũng gói bánh chưng nhân thịt chó. Không ai nghĩ ra được có khi phải ăn bánh chưng nhân thịt cái giống xúi quẩy ấy vào ngày tết nhất.

Nguyễn Huy Tưởng bảo tôi:

- Chúng ta sẽ có một cuộc họp hai ba hôm. Làm ở nhà cậu có tiện không?

Tôi bảo:

- Được Nhưng ăn uống thế nào, độ mấy người?

Cậu không phải lo.

Hỏi kỹ, Nguyễn Huy Tưởng cũng chẳng lo được gì. Thế là tôi vẫn phải chạy. Nguyễn Hữu Đang đưa cho năm đồng và tôi vận động các bạn cảm tình Việt Minh, Khôi và Khoát cho được mấy cái bánh chưng và cân cá mắm.

Vẫn ở nhà tôi. Cái gian buồng âm thầm tối om om đầu nhà, tôi và Nam Cao đương ở, ngày trước các thầy giáo bên đạo đã ở và tôi đã được sinh ra ở đấy, và năm trước, mật thám Luyt đến bắt tôi ở đấy. Bây giờ cách mạng lại đến họp ở đây và họp to hơn tất cả mọi lần. Tình thế đã nóng lắm đến nơi rồi. Thay đổi gì không hay là chết đến nơi. Phiên chợ Bưởi cuối năm, bè bọn người các làng kéo ra ăn xin, ăn cướp, người đói đông gấp mấy lần người đi mua bán.

Tôi cũng không biết trước những ai đến họp. Tưởng nói độ mười người. Con số thế cũng là to, chưa lần nào nhiều thế.

Đến hôm họp, thấy vẫn toàn bạn quen. Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Hữu Đang, Trần Huyền Trân, Nguyên Hồng. Các anh Hương và anh Độ(18), cán bộ trên về.

Một ngày, Trần Độ nói về tình hình thế giới trong nước.

Một ngày, giảng chương trình Việt Minh và kế hoạch sửa soạn khởi nghĩa.

Độ người vạm vỡ, khác anh Bé. Anh say sưa nhất khi nói công tác khởi nghĩa đến mục quân sự.

Độ nói: Đề cương về văn hoá của Đảng viết "Cách mạng văn hoá có thể hoàn thành khi nào cách mạng chính trị thành công" và "bây giờ chúng ta đương dồn sức chuẩn bị khởi nghĩa, làm cho cách mạng chính trị thành công". Đề cương đã nói cách mạng văn hoá đi sau cách mạng chính trị. Những phương pháp cải cách văn hoá đề ra bây giờ dọn đường cho cuộc cách mạng triệt để mai sau. Chúng ta đương phấn đấu như thế".

Đề cương văn hoá Việt Nam của Đảng nói cả nhiệm vụ cần kíp của nhà văn hoá mác xít Việt Nam. Độ bảo anh không am tường vấn đề này lắm. "Các đồng chí cứ phát biểu. Khi cách mạng thắng lợi chúng ta sẽ lãnh đạo văn hoá chúng ta là những người xây dựng công tác văn hoá trong chương trình của Việt Minh".

Công tác chuẩn bị khởi nghĩa, Độ nói tỉ mỉ. Nghe Độ nói, tôi như nhìn thấy khởi nghĩa là một chiến trường mà cả nước sắp bước vào. Thế nào là du kích chiến. Đánh du kích, đánh bằng trí óc và mẹo cùng với sự nhanh nhẹn. Một bà già, một em nhỏ cũng có thể đánh du kích. Kẻ địch đi đâu cũng gặp du kích, bị du kích tấn công, cả nước thành du kích. Kẻ địch muốn đứng không chỗ đứng muốn nằm không chỗ nằm cứ đánh thế, đánh mãi, luôn luôn vững tinh thần người này hy sinh người khác thay, cho đến lúc cách mạng thành công. Trần Độ hẹn lần sau sẽ cho tập bắn súng, tập lựu đạn.

Năm trước, họp ba người với Lê Quang Đạo trên gác sân thượng sau nhà Uy. Bây giờ, những cuộc họp ấy đã xa xa như trong kỷ niệm thơ ấu. Bây giờ sự thật to lớn đương rầm rộ lên. Tôi cảm tưởng hồi hộp cả nước chuẩn bị.

Tôi viết thư nhắn Nam Cao. Không hình dung được Nam Cao lên để làm gì và làm thế nào chúng tôi sống được, nhưng tôi cảm thấy Nam Cao phải lên ngay không thể ở Đại Hoàng.

Lúc này phải làm gì. Mặc dầu tôi đương cảnh khó khăn, không biết trông vào đâu. Nhà có bà tôi, u tôi, ba người. Màu đói đã vàng cả trong mắt, vàng cả chân trời. Nhưng tôi cứ giục Nam Cao lên. Tình thế bỗng bật, mãnh liệt vượt cả nỗi khó khăn chồng chất hàng ngày.

Trên chợ Bưởi, người lang thang đâu đến càng nhiều. Buổi tối, lẫn vào ngủ trong các cầu chợ. Đêm nào cũng có người chết. Người chết khắp nơi, như gà chết dầy. Những người thu thuế cho dọn xác đi từ gà gáy. Chợ lại họp như mọi ngày. Không sợ và cũng không sợ được nữa.

Các chức việc trong làng, vì cái chợ đói mà khó nhọc. Người chết, chủ thầu thuế chợ không chịu chôn, làng lấy tiền đâu mua chiếu bó và mượn đào huyệt.

Thế là phải canh. Bốn cầu chợ hai bên sông Tô Lịch, chập tối đã có tuần ngồi canh. Nhưng rồi cũng chỉ canh được một phía đèn sáng. Người đói lén vào đằng kia, chỗ bóng tối bờ sông lên. Người ta phải nghĩ cách kéo càn rong ra rấp xung quanh các cầu chợ.

Nam Cao ở quê lên. Dưới làng, anh đương sốt ruột ngóng tin. Làng anh cũng chết vẫn người, chết cả đến nhà hàng xóm rồi.

Mấy hôm ấy, chúng tôi sửa soạn diễn kịch ủng hộ quỹ hội Truyền bá quốc ngữ miền Bưởi. Chúng tôi tập kịch, Nam Cao đóng vai giới thiệu kịch. Vai còn con ấy cũng đã quá quan trọng, nặng nề. Tính Nam Cao, cứ ngồi với anh em quen thì nói như trạng, nhưng gặp ai lạ lại im thin thít, đôi khi mặt đỏ lên tận tai.

Hôm nào cũng đi từ chập tối. Đêm về, lại thức viết. Nam Cao viết một truyện dài về cái đói, cái đói giày vò ngay trong mấy bạn quen và cả chúng tôi. Nam Cao viết chuyện chúng tôi. Anh Lập làng tôi có võ, lực lưỡng khoẻ mạnh, thế mà mỗi lần đến, lấy gân bấp tay, tọp trông thấy. Tập kịch, chỉ nói một lúc miệng đã nhạt dờ. Buồn quá, Nam Cao lại cầm cúi viết những chuyện cảm giận quanh mình. Viết chẳng ai in, nhưng vẫn viết.

Quãng chín giờ tối, phía thành phố, bỗng có chớp giạt. Rồi nổ súng râm ran. Ai cũng đoán ngay Pháp Nhật đả nhau. Chúng tôi chạy ra bờ tre cuối làng, trông về cánh đồng Cáo.

Trong bóng tối, đại bác Pháp từ pháo đài bắn ra đỏ lừ. Nhật đương tấn công pháo đài Cáo.

Nam Cao nắm chặt tay tôi:

- Đảng nào súng cũng phải nổ mới ngã ngũ được.

- Tôi cũng nghĩ thế.

TẬP TỰ TRUYỆN - TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

5. Một quãng đường (2):

Tiếng súng đã im hẳn từ lúc gần sáng. Cả làng, cả vùng lặng như chết. Nhưng chắc không ai chớp mắt. Sốt ruột chẳng hiểu thế nào.

Có điều tôi không biết, ngay khi súng nổ trong đêm, người các làng đã kéo đi. Chó cắn nhau, thế nào cũng có con què gãy, và thế nào cũng có cái gì kiếm được. Bà con thiết thực hơn chúng tôi, đói hơn chúng tôi.

Vùng tôi từ ngày xưa đã biết đi kiếm ăn lúc thời thế rối ren như thế. Các cụ còn kể lại hai lần Tây hạ thành, đương loạn lạc, cả làng đã kéo vào hôi của các dinh thự. Bố ông Năm Cạnh đi chậm quá, chỉ vớ được chiếc nón chóp bạc, đội ngay lên đầu. Tây trông ra, tưởng quan đội nón, bắn chết. Những người vào sau không được gì thì đi khuôn gạch vỡ chỗ thành lở Bấy giờ, các tường làng và tường gạch vồ, nhiều nhà ở làng Hồ, làng Thọ, làng Nghè là cái tích gạch ấy. Làng Noi khiêng được cả cái kiệu bát cống còn rực rỡ đẹp nguyên. Những câu chuyện về Tây hạ thành vẫn được kể lại. Bây giờ Nhật hạ Tây, lại kéo đi kiếm ăn. Lúc này đương đói, càng hăng.

Từ gà gáy, cả một khu kho thuốc nổ của nhà công nghệ pháo Phú Mỹ trong đường cánh đồng vào Noi bị phá cửa. Kho bốc cháy, chết bỏng nhiều người có thằng Cửu, thằng Tồn người làng tôi. Những người không chết, khuôn sạch đi những thùng thuốc pháo. Kho giấy vạc nhà nước ở làng Hồ, không còn lại một bó dó, một tờ giấy.

Trên đồn Bưởi, trên pháo đài Cáo, lính Nhật cầm ngang súng lười lê đứng sừng sững như cái gốc cây. Mọi nơi đồn ải và trại lính vẫn nguyên. Chỉ có cái mặt trăng Tây đổi ra mặt trăng Nhật.

Cầu chợ Bưởi đèn sáng rực. Bốn cầu chợ rỗng không, xung quanh rấp rong, giữa sáng trắng. Như cái chợ ma. Chợ ma thật. Người đói vẫn dật dờ đến như những cái bóng biết đi. Những đêm giêng hai rét buốt, người đói lâu đã khô xương rồi sợ bóng tối. Họ men đến chỗ sáng, trông thấy sáng mới biết mình vẫn còn sống. Người đói lần đến...

Vào lúc chập tối, lính Nhật trong đồn ra đồn lại một chỗ được bốn người đói. Nhật đâm chết cả bốn người dưới gốc cây đề cạnh cầu chợ rồi để bêu xác luôn đấy. Cho phải sợ. Nhưng chỉ thừa thừa vài hôm, người đói lại kéo đến, như mọi chập tối.

Một sáng, có người đến nhà tôi. Nước da ngăm ngăm, mắt nhìn sâu thẳm, đôi mày rậm đen sẫm. Trông hao hao quen. Chỉ lạ cái áo the dài. À, nhớ rồi. Giới.

Năm trước, Lê Hữu Kiều giới thiệu Giới với tôi. Giới mới trong Thanh ra. Có dạo đọc báo Bạn đường ở Thanh Hoá, tôi yêu tư tưởng mới trong các bài và thơ của Giới viết, ký tên Thôi Hữu, cũng như những chữ rất mới của Trần Mai Ninh trên báo ấy.

Vào ngôi trong nhà, Giới bỏ mũ ra. Đầu Giới trọc tếu.

Đoán được điều tôi phân vân. Giới vừa nói vừa cười, vẫn đùa như mọi khi:

- Tớ mới chui cổng Hoà Lò ra. Cho ở nhờ vài ngày, để tóc mọc khá một tí đã nhé.

Bấy giờ, Nhật đang lòng Việt Minh ác lắm. Nhà tôi không có lối thoát đằng sau. Nhưng biết làm thế nào. Tôi không dám nói với Giới cái sợ của tôi. Tôi đi xin được cái áo sợi dệt mặc rét cho Giới. Giới cởi áo the thâm treo lên vách. Nếu ai đến, trông cũng đỡ lạ mắt.

Được cái nhà tôi, cả ngày cũng chẳng có người đến. U tôi hồi này hay sang Bắc bán giấy phèn. Mỗi bận u đeo tay nải mang đi vài ba trăm giấy, có khi hai ba ngày mới về. Ở nhà không có ai, bà ngoại tôi chạy đỏi lên nhà dì Niêm trên Sơn Tây. Cái làng thiếu đỏi không người động tay chân, suốt ngày êm ả, chẳng ai đến nhà ai.

Cả ngày, Giới ở trong buồng đọc sách và ngủ. Chúng tôi chỉ ăn ngày một bữa, gạo tấm Sài Gòn. Giới chén khoẻ, hết cơm thì đứng dậy, chắc cũng chưa no. Khi đi ra sân, anh buộc cái khăn lên đầu. Tôi nói với u tôi: "Các anh người miền trong thường để đầu trọc và hay húi cua như lính tập". Không biết u tôi có nghi ngờ không, nhưng im lặng. Hôm bà ngoại tôi về bảo: "Tao thấy rồi. Ngày trước các thầy giáo trên nhà thờ làng Đông xuống trọ nhà ta thầy nào cũng tóc cun cún, suốt ngày ở trong buồng, chập tối mới ra sân đi bách bộ. Anh này có phải là người bên đạo không?".

Vài hôm sau, Giới hay đi, chốc lại về. Có khi đi lâu hơn, không ăn cơm nhà. Tôi đoán Giới đi dạo quanh. Nhưng không hỏi. Một hôm, Giới đương đọc sách, Trần Độ đến.

Độ đưa cho tôi bản chỉ thị của Thường vụ Trung ương ngày 12-3-1945: Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta. Độ bảo sẽ họp thảo luận tài liệu quan trọng này. Đã mong cái gì to lớn sắp đến, từ hôm đảo chính Nhật.

Giới đi lâu không thấy về. Không hiểu sao, Giới cũng không bảo gì với tôi.

Có đến một tháng sau, chợt gặp Giới ở nhà bà Lam cuối xóm Trê đầu cánh đồng đi ra. Tôi ngạc nhiên sao Giới vào nhà ấy. Tôi không tưởng được Giới quen ai, ngoài tôi trong làng này.

Giới thì thầm:

- Tớ vẫn có việc quanh đây. Nhưng không tiện đến nhà đảng ấy nữa. Đảng ấy biết nguyên tắc bí mật rồi. Tên tớ bây giờ là Tấn. Nhớ đấy, Tấn.

Tôi hiểu, Tấn đã bắt liên lạc được với đoàn thể, và công tác ở vùng này. Đến khi khởi nghĩa, tôi được biết Tấn là thành uỷ viên phụ trách ngoại thành.

Từ hôm Nhật đảo chính, nhiều nhộn nhạo chính trị trong thành phố, nhưng làng tôi vẫn im lìm dưới bóng cây đa to bờ ao đình. Lý trưởng, chánh hội vẫn yên như mọi khi. Và vẫn đói dài, càng đói. Những nhộn nhạo chính trị ngoài thành phố không dội về được qua lũy tre cuối làng. Tiếng gào thiếu hơi chưa nghe đã tắt.

Nếu không có cuộc mít tinh kỷ niệm Nguyễn Thái Học của Quốc dân đảng tổ chức ở vườn Bách Thảo, tôi không biết những gì đương xảy ra trong thành phố. Cuộc mít tinh vườn Bách Thảo, Đại Việt và Quốc dân đảng “ra mắt đồng bào”.

Trên gò núi Nùng, cái lư hương giả phết sơn đen sì to bằng chiếc bồ đại. Khói trầm bốc nghi ngút. Hai bên lư hương, hai ông lão đứng túc trực. Hai lão cùng chít khăn, mặc áo thụng lam, cùng có bộ râu đen tốt sum sê. Hai ông đứng chấp tay chăm chăm nhìn xuống, cũng im như cái lư hương.

Một lúc, bỗng dưng, có người trèo lên trụ tường hoa chõ vào loa máy, kêu:

- Đả đảo Việt Minh!

Tôi còn đương ngơ ngác chưa hiểu sao thì trong đám người đứng chật cả lối đi khắp vườn, ầm ầm tiếng hô:

- Đả đảo Nghiệp, Sơn(19).

- Đả đảo Nghiệp, Sơn!

Rồi đám đông đi diễu qua trước gò đất. Ở đầu mỗi đám, khi có một người nào hô lên: "Đả đảo Việt Minh" thì trong các hàng lại rầm rập hò hét: "Đả đảo Nghiệp, Sơn? Đả đảo Nghiệp, Sơn!" Nhiều người chửi om lên rồi không nghe tiếng hô nữa. Dòng người đi rầm rập.

Đáng lẽ làng tôi cũng không biết đám mít tinh ấy. Đương đói chẳng ai đi đâu. Nhưng Việt Minh các tổng ngoại thành đã điều động quần chúng ra vườn Bách Thảo phá mít tinh.

Các làng đi đông, hô to gấp mấy lần người của Quốc dân đảng. Họ bị vỗ không ngờ, tán loạn ngay từ đầu. Ông đọc diễn văn không ai nghe được câu nào nữa. Hai ông lão râu dài đứng trang trí đã biến mất lúc nào. Đám đông ùn ùn ra các ngã. Rồi tiếng hò "Đả đảo Nghiệp, Sơn" lại rầm rầm tới chỗ đỗ xe điện đầu đường Quán Thánh.

Về làng, bà con còn khá chuyện. Có người tinh ý, nhận xét:

- Toàn người ốm đói ở đâu đi mít tinh.

- Thăng trên vù "đả đảo", chúng tớ rập luôn "Nghịệp, Sơn", thế là bọn nó cũng ú ớ "Nghịệp, Sơn".
Chẳng ai biết Nghịệp, Sơn là cái chó gì!

Lại chuyện mít tinh giả hiệu. Chúng tôi nhớ năm trước ở Quần Ngựa có mít tinh tiễn thống sứ Saten về Pháp. Nhà nước cũng thuê đi mít tinh toàn phu đám ma mặc nguyên cả áo khiêng đòn màu cháo lòng lụng thụng đến đầu gối. Các hội Ái hữu bí mật vào phá. Chúng tôi chia thành tổ, trà trộn vào Quần Ngựa vừa cướp kẹo tiệc trà bày trên giấy, vừa hô đả đảo lung tung. Đám phu đám ma thấy có người cướp kẹo, thế là cũng xô nhau cướp, như cướp cháo cúng quan ôn, quên cả mít tinh.

Thế là, trên quảng Đường Thành, từ Bách Thảo lên Quần Ngựa, mấy năm nay đã có hai đám trò về của Pháp Nhật.

Ít lâu, trong làng nhận nhạo một vẻ bí mật khác thường. Ai cũng biết có Việt Minh trong làng rồi. Người ta đoán, ai là Việt Minh, ai Việt Minh. Cứ lo lo và chờ đợi. Việt Minh xoay chuyển thế nào chứ vẫn sắp chết đói, sắp chết đói cả.

Tiếng chân người rậm rịch về phía đồng Mả Mái suốt sáng. Việt Minh tập quân sự đằng ấy. Tài liệu, sách báo, súng đạn thuốc nổ, trên bến Chèm, Sơn Tây, Hà Đông, từng tốp người gánh đến người gánh qua, như khi bình thời cuối năm đến gà gáy, người các làng đi chợ phiên áp Tết. Đêm trước, bên nhà cô Thạo có thuốc súng đưa về, để không cẩn thận, cháy nhà. lửa bốc cao, tiếng nổ như pháo ném, lính Nhật trên đồn Bưởi nhốn nháo chạy xuống. Nhật không biết tưởng cháy nhà vì đun bếp. Cũng đứng nhìn cho đến lúc cái nhà chỉ còn là đồng than.

Cách mạng lên nhanh trong cảnh đói khổ ngày càng tang thương. Mấy tháng trước chỉ có người đói ở đâu đến, bây giờ vùng tôi bỏ làng, đi chết bơ vơ nơi khác. Cả người trai trẻ, người giác ngộ cũng chết đói. Nếu không mau khởi nghĩa thì chết hết. Tin bí mật Ủy ban giải phóng tổng Bưởi đã có rồi.

Người ta mừng lạ lùng.

Hai Bùng nhà ông đôi Ngôn là thợ mũ, hoạt động Ái hữu ở Hà Nội, tham gia phong trào thanh niên trong làng hồi Mặt trận Dân chủ. Đã lâu anh thất nghiệp. Vợ chết đói, con chết đói, anh phải lên chợ xin ăn. Lúc đầu các bạn thương chung nhau cứu. Nhưng rồi cũng không còn ai cho ai được. Tay chân nề ra, người gầy không hăn lên. Anh hai Bùng chỉ còn hai con mắt trong leo lẻo. Anh chết xó nào, không ai biết.

Nhiều thanh niên giác ngộ, nhưng không còn kiếm được miếng ăn, không thể ở lại quê nhà. Điều thì đi phu cao su Dầu Tiếng đã lâu. Các anh Kết, Thận, Lập cũng chạy đói đi tha phương. Phần nhiều vào Sài Gòn. Sang tận Kam-pốt, tìm đến những nơi có nghề dệt mà tôi đã có tới đấy với Điều.

Phong trào vùn vụt lên, vượt trên cái chết. Nguyễn Huy Tưởng vẫn đưa đều cho tôi báo Cứu Quốc, báo Cờ Giải phóng.

Thỉnh thoảng Tấn cho xem tờ Đuối giặc nước của Việt Minh ở Thanh Hoá.

Mít tinh quần chúng ở chợ Canh, chợ Nhổn. Rồi các vùng Trôi, Gối, cả Sổng, Ốc cũng có Việt Minh về chợ diễn thuyết.

Rồi Việt Minh tổ chức cho người đói cướp kho thóc của Nhật ở phủ Hoài, ở Nhổn. Ngày nào cũng nghe tin phá kho thóc các nơi. Trên đường lên Sơn Tây, quãng Bún, Nhật vào trong làng lôi người ra chặt đầu cầm cọc dọa kẻ quấy rối trị an, nhưng đêm đến, tiếng tù và báo cướp inh ỏi. Các kho thóc ngay vùng Bún cũng bị phá đem chia cho người đói. Tinh thần quần chúng náo nức.

Chấn động nhất là khi Tấn bắn chết mật thám Cai Long trên đường tàu điện xế cổng Đõ. Đây là tiếng súng cách mạng đầu tiên nổ trong vùng Bưởi.

Cai Long, người làng Yên Thái. Năm trước, tôi bị bắt, đã xuống nhà tôi, bảo chạy trăm bạc thì nó cứu cho đấy.

Pháp bị Nhật đá. Nhưng các hồ sơ, Pháp để lại cho Nhật.

Mật thám ta lên ngôi cạnh chủ mới. Cai Long, đội Sinh được thăng chức. Đoàn thể đã cho lệnh thủ tiêu tên chó săn.

Nhờ Quế Thái là cơ sở trong xóm, Tấn biết giờ giấc nó đi làm. Buổi sáng, Cai Long dắt xe ra cổng làng rồi đạp đi. Hôm ấy Quế Thái đi đằng trước nó, như tự nhiên Tấn đi xe đạp sau lưng.

Bến tàu điện sáng sớm vắng, thưa thớt. Đầu làng Đông mấy chị thợ xeo đứng xo ro thành đám đợi người ra “đón xeo” hay mượn bóc uốn. Cổng làng Hồ, một người quảy bìa qua đường, ra sông đái sớm. Tiếng chày giã dó, tiếng đòn "kéo tàu" xì xoẹt trong dây tàu xeo lụp xụp bên bờ sông. Cuối xóm Đông Lân đến cổng Đõ, ven sông chỉ có những cây nhãn lồng đã bắt đầu mùa hoa vàng rộm như những mâm xôi phủ trên lá.

Tấn đạp dẫn xe lên.

Từ cổng Đõ, quãng đường quanh ra cổng Rong một bên hồ Tây lô xô những bụi cây rút xanh mờ, bên này, giữa hai bờ tường đền Voi Phục, một dải đất hoang và bãi tha ma.

Một đêm ở Sổng - trong chùa làng An Thọ, đêm mừng một tết năm kháng chiến đầu tiên, lúc ấy Tấn phụ trách báo Thủ đô, Tấn kể cho tôi nghe lúc ấy như thế nào.

- Mình cũng mới tập bóp cò, tập ngắm từ hôm nhận nhiệm vụ, chưa được bắn thật lần nào. Nhưng lúc ấy không bắn khoảh gì. Chỉ nghĩ một mực là mình phải bắn chết nó.

"Qua cổng Đõ, tới một thôi đường mới vào đầu làng Thụy. Trại Nhật đóng ở nhà Tam Đa. Quãng này mà

hạ nó thì tốt nhất. Xe dẫn lên, mình rút súng vẩy vào giữa lưng nó. Vừa lúc, nó chợt dạ quay lại. Trong tiếng súng nổ, mình trông mặt nó khiếp đảm, đen ngòm, mồm mắt dạng cả ra.

"Xe nó đâm vào đường tàu. Xe mình cũng loạng choạng đổ theo. Nó vùng dậy. Mình xông đến, bắn phát nữa. Nó gục hẳn, nằm vắt một bên đường tàu.

"Trại Nhật đầu làng Thụy nghe tiếng súng, lính Nhật nhốn nháo xô ra.

"Trông lên, Quế Thái đương đạp xe qua cửa trại Nhật.

Không hiểu nghĩ thế nào, mình không quay lại, mình lại nhảy lên xe, từ từ đạp qua đám lính Nhật đương chạy đến chỗ tiếng súng. Qua rồi, chợt nhìn xuống thấy một bên ống quần và cái vạt áo lổm đổm vết máu phun còn đỏ đồng đỏ.

Thế mà lính Nhật không biết.

"Đến chùa Thụy, bờ bên kia sông Tô Lịch, cả nửa làng Thụy cũng nghe tiếng súng, đương nhốn nháo ra.

"Bình tĩnh, vào chùa, sư bà đương ngồi khâu vá bên cái gại đầu thềm. Mình chào, rồi nói:

- Tôi là Việt Minh, tôi vừa trừ gian...

"Chưa nghe hết câu, sư bà đã đứng dậy, dắt vào buồng nhà hậu, tối như hũ nút. Sư bà thì thào: "Cứ đứng đây đã, Nam mô a di đà phật". Rồi đi ra. Mình đứng im, tay giữ khẩu súng trong túi quần. Lát sau, sư bà vào cầm bộ quần áo nâu cũ. Mình thay cái quần và cái áo dính máu lại đấy, giắt khẩu súng vào lưng. Rồi nắm tay từ biệt sư bà, bước ra cổng chùa, qua cầu, lại sang đường.

"Đằng kia, bọn Nhật đã chằng dây khám người qua lại.

Mấy cái ô tô kín mít, có lẽ của sở Liêm phóng Nhật, đương phóng lên. Xe đạp mình cứ bon bon đi. Bộ quần áo nâu cũ mình mặc đã vá vai mấy miếng. Giống anh thợ vườn người làng Thụy buổi sáng ra sở ươm cây La Pho làm".

Sau đó, Việt Minh làng tôi lại trừ tên Ba Lự - một mật thám khác em ruột Cai Long. Chiến công ấy của Hoà. Hoà nấp cạnh ao Cá đầu làng Bái. Lúc ấy đã tối. Bên gốc đa, ngay sau vách, Hoà kê súng vào khe nửa. Trong nhà Tíu - nhà mụ chứa gái điếm, Ba Lự nằm hút thuốc phiện ngay dưới mũi súng của Hoà lách vào.

Sang giữa mùa hè, hoạt động dồn dập của các đội thanh niên xung phong Hoàng Diệu trong thành phố càng vang dội.

Diễn thuyết ở trường Gia Long trường Kỹ Nghệ, rạp chiếu bóng Palát, rạp hát Tố Như, nhà máy rượu,

chợ Mơ, chợ Đuối.

Cờ đỏ sao vàng treo đỉnh tháp Rùa, trên tàu điện đường Hà Đông, trên sông Hồng. Người ta thì thào chưa ngớt chuyện kỳ diệu này đã vô số chuyện thần tình khác.

Trong khi, nạn đói vẫn cứ mỗi lúc một trầm trọng.

Những vùng Thái Bình, Nam Định ruộng nương thẳng cánh cò bay người đói còn đi lang thang chặt đường tứ xứ hưởng chi làng tôi, tấc đất không có. Người ở các phố nội thành mới được hàng tháng mua gạo "bông" - gạo bán cung cấp. Địa phận thành phố ngày ấy hẹp như bàn tay. Cuối phố Huế đã hết Hà Nội. Cái xe bánh sắt ngoại thành kéo khách qua Khâm Thiên, đến chỗ chắn tàu hoả gần ga Hàng Cỏ, chỗ ấy vẫn còn thuộc tỉnh Hà Đông, xe bánh sắt bị cấm không được vào. Làng tôi ở ngay ngoài đường vòng thành thuộc phủ Hoài Đức không được mua gạo "bông", cả làng đói.

Thỉnh thoảng, Nguyễn Huy Tưởng đến đưa vài đồng của anh em gửi giúp. Nếu chúng tôi không có tiền ấy và anh Khôi tôi, người bạn đã nhờ Nam Cao dạy mấy đứa cháu học cấp cho gạo ăn cầm hơi, không biết tình thế sẽ thế nào. Có thể chết như hai Bùng, dễ lắm.

Nam Cao nhận thư của vợ. Thư kể mấy tháng nay mẹ con chỉ ăn rau sam. Con bé út mới sinh được hơn một năm - con bé, anh đặt tên là Bình Yên. Con Bình Yên chê cơm nhà đói khó, đã bỏ đi rồi. Cái thư đau đớn đọc xong, biết làm thế nào, anh thờ thần nuốt nước mắt.

Từ lâu, Nam Cao chẳng còn kiếm được đủ nổi miệng mình ăn. Thỉnh thoảng, chị ấy cũng nhận được ít tiền của chồng đỡ dần nhưng đã lâu, chẳng có. Mẹ con ở quê đành sống lần hồi. Lo chẳng được, lại tính cả lo. Lúc nào cũng xót xa vì trách nhiệm với vợ con. Nhưng biết làm thế nào hơn? Đi dạy mấy cháu học, được vài đồng còm cõi đổi lấy gạo. Viết truyện nhà xuất bản chỉ mua ngữ, rồi chẳng mua nữa. Thời buổi này? Anh mới viết xong một cái truyện dài, đặt tên truyện là Chết mòn(20). Mấy tháng trời mới xong, vác đi dạm bán các nhà xuất bản, chẳng ma nào ngời. Người ta không thể in một cái dài của tác giả mới và nhất là trong thời buổi này.

Trác Vỹ, chủ nhà xuất bản Đời Mới, một hôm, đưa cho Nam Cao một danh thiếp đề: Vũ Đình Hải. Trác Vỹ viết thêm một dòng: "Ông Hải muốn gặp ông".

Chúng tôi phân vân xem đi xem lại cái thiếp, tên và địa chỉ. Một người hay nghĩ ngợi lung tung như Nam Cao, mỗi khi gặp việc khúc mắc, anh lại thử bày trước ra vô vàn cái rắc rối để lo thêm, băn khoăn thêm.

Tôi chợt nhớ:

- À, thôi thôi, thằng này là thằng làm mối người. Ở phố Boócni Đétbóc, phải, ở Trường Thi.

Tôi đã nhớ ra. Một độ, trên tờ Việt Báo, báo hàng ngày, có mục tên là "Sợ tư hồng" ký tên Vũ Đình Hải. Mục này đăng tin làm mối người. Trai: tuổi, nghề, vốn. Gái: tuổi vốn, gia thế... Đôi khi kèm ảnh. Ai muốn

lấy vợ lấy chồng thế nào cứ nhờ mục "Sợi tơ hồng" đăng cái ý muốn của mình lên, "Sợi tơ hồng" ở giữa liệu cách xe duyên rồi ăn tiền hoa hồng đôi bên.

Trên mục ấy, Vũ Đình Hải đã có viết bình luận rằng nghề làm mối người còn rất mới ở nước ta, nhưng nó đã cũ rích ở các nước Âu Tây. Ông ta muốn mục "Sợi tơ hồng" và ngành kinh doanh làm mối sẽ góp phần quan trọng vào quốc kế dân sinh.

Nhưng được ít lâu, báo bỏ mục ấy. Tại ế hay tại sao, không biết. Cũng không ai chú ý đến. Thời buổi nhố nhăng, thiếu gì nghề lạ, nghề bịp. Vũ Ổn, gồng Trà Kha, "Xây đập dì", thuốc cường dương, Khánh Sơn bói tây, nhà Sipic Dương Văn Mẫn buôn nước bọt, tômbôla xổ số, Sỷ Cát ăn cắp của mỗi người một đồng... Có thêm cái nghề làm mối người này thì cũng là thường. Không biết có phải Vũ Đình Hải ấy không.

Nam Cao đi gặp Vũ Đình Hải có tôi kèm. Tính Nam Cao cẩn thận.

Chúng tôi đến Trường Thi, tìm đúng số nhà, ngẩng lên thấy trên tường đóng cái biển đồng to có khoá dưới đuôi. Biển khắc hai dòng chữ "Vũ Đình Hải. Trình thám tử".

Quả thực ở Hà Nội, Hải Phòng hay Sài Gòn, tôi chưa thấy đâu có chiếc biển thế và nghề trình thám tử. Ở nước ta chỉ mới có hai người làm nghề ấy trong tiểu thuyết là thám tử Lê Phong của Thế Lữ và thám tử Kỳ Phát của Phạm Cao Củng.

Chúng tôi cứ vào. Cái bàn giấy rộng bè bè kê giữa một gian phòng to, chõng chất giấy má, sổ sách - phòng làm việc của một đại thương, một chủ hãng, một giám đốc công ty.

Ngồi đằng sau cái bàn đồ sộ và bề bộn một vẻ làm ăn phát tài tấn tới đó là một người đứng tuổi, da bành bệch, mặt béo xị như khách lai.

Ông ta đứng dậy, bước ra kéo ghế và nghiêng người, nghiêng mặt, một tay để lên ngực, rành rọt từng tiếng kiểu Tây nói tiếng Tây:

- Tôi, Vũ Đình Hải, trình thám tử. Tôi được hân hạnh tiếp hai ông là...

Nam Cao, mặt đỏ gấc:

- Tôi là Nam... Nam...

Hải giơ tay bắt, giựt một cái như muốn giăng Nam Cao sang bên lão ta, rồi kêu:

- Ông Nam Cao! Ông Nam Cao! Rất hân hạnh! Hân hạnh!

Nam Cao càng lúng túng.

- Mời ông ngồi. Còn ông... à... Ông Tô Hoài. Mời hai ông ngồi. Phải, tôi muốn gặp ông Nam Cao, gặp

các ông. Hân hạnh, Bá Nha, Tử Kỳ mà. Tôi đọc truyện Đồi lúa xứng đôi của nhà Đời Mới ông Trác Vỹ in, tôi thấy cái truyện ấy mới đúng là văn chương An Nam. Cho nên tôi muốn gặp ông, khen ông, làm quen với ông, chơi với ông.

À ra thế! Chỉ có thế. Tôi thờ dài khẽ... Nam Cao chưa qua cơn đỏ mặt lại càng đỏ hơn vì anh hay ngượng khi nghe ai khen mình. Nhưng Vũ Đình Hải đã lại nói chộp chộp như cái máy, không cần nhìn người nghe:

- Trình thám là nghề tôi chơi thôi, nghề chính của tôi là thương mại. Tôi là bạn hàng cánh hẩu của ông Myzuxuni sáng lập viên công ty xuất nhập khẩu Nam Nhật... An Nam Nippôn... vốn một trăm vạn mà tôi có cổ phần sáng lập... Trụ sở chính của công ty chúng tôi ở Cầu Đất dưới Hải Phòng, tê-lê-phôn số 384...

Nói xong, Hải dang cả hai tay lừa chúng tôi đi giật lùi ra:

- Giới thiệu qua với các "vu" thế. Còn bây giờ thì tôi đương bận. Các "vu" sẽ cho tôi hân hạnh được tiếp tối nay nhé, rượu nhạt thôi. Tám giờ, dưới Khâm Thiên, tay phải, số...

Chúng tôi lại nhảy sang cái hồi hộp mới. Chỗ Khâm Thiên, số nhà ấy là nhà cao lâu à? Lão thám tử tư chắc lắm sự oái oăm. Khâm Thiên, phố ăn chơi, chúng tôi cũng chỉ nghe hơi nôi chỗ thế. Có đi ả đào, chúng tôi cũng chỉ phát phơ "che tàn" ở Ngã Tư Sở, Vạn Thái, Mả ông Năm cà khổ vớ vẩn thôi. Hay là chúng mình sắp trải "Một đêm với Dương Quý Phi" - đêm huy hoàng, như cái bìa quyển sách vàng khè có tên như thế của Trúc Đình mới xuất bản. Nam Cao tưởng tượng và nói đùa. Cuối cùng chúng tôi quyết định đi.

Hai đứa ăn qua loa bát phở rồi đi dần ra Cửa Nam, ngồi vườn hoa Bà đầm xoè(21) giết thì giờ bằng cách nhìn tàu điện lên xuống để chờ tối.

Phố Khâm Thiên đã lên đèn. Những đốm đèn phòng thủ, chao đèn bọc kín, đỏ bẻm.

Từ hồi đảo chính Nhật, tiệm nhảy Cái chùa (La Pagode) ở Khâm Thiên đã biến thành tiệm nhảy Takara ngay giữa phố với cả dãy nhà hát bên ấy, bọn sĩ quan Nhật chơi thâu đêm. Chúng tôi đi lò dò bờ hè bên này, đếm số nhà. Đúng đấy, nhìn ra, thấy cái nhà cửa khép cửa mở, tà áo thấp thoáng. Đúng kiểu nhà hát. Khép cửa, vì đã có khách. Chúng tôi bước vào.

- À, à. Khách của ông Hải, ông Vũ Đình Hải...

Nam Cao nói trống không, và giọng ê à, cố vẻ tự nhiên và hách dịch - oai tí chút. Để che cái ngượng ngịu. Mấy cô ả đào không chú ý, cứ đon đả thường lệ:

- Mời hai anh lên gác.

Một tiệc đã sắp sẵn trên chiếc bàn dài khăn giải bàn trắng. Có đến hai chục người hai bên. Những ông

Tàu già mặc áo lụng thụng chấm gót. Vũ Đình Hải ngồi đằng kia, nói to tên chúng tôi và "chức vụ" văn sĩ cho mọi người nghe xong, rồi chạy lại, thì thào chỉ trỏ đưa mắt giới thiệu cho chúng tôi biết: ông Nhật này chủ hiệu Đại nan Kôsi ở Hàng Bồ, ông Nhật này chủ hiệu Nakamura ở Cửa Đông, ông Mizuxum nghiệp chủ sáng lập công ty An nam Nippôn ở Hải Phòng và ông Ca ca Cu cu gì nữa, giám đốc công ty thu thóc tạ Bắc Kỳ. Ông Tàu này là bang trưởng Quảng Đông, ông Tàu áo dài kia bang trưởng Phúc Kiến...

Chẳng ai để mắt đến hai chúng tôi. Họ ngồi ưỡn người ra đằng sau, thì thào ghé tai và thỉnh thoảng tiện tay quệt má những cô ả đào đương cầm quạt phe phẩy.

Hai đứa tôi vào trận hoà mù, chẳng hiểu đâu vào đâu.

Chúng tôi xuống đến đường cái mới độ chín giờ. Có lẽ tiệc chưa bưng ra hết món. Bị thờ ơ và lạc lõng quá, chúng tôi khó chịu ăn không nuốt được. Chúng tôi nháy nhau lùi xuống trong lúc trận chè chén đương ồn ào. Vũ Đình Hải trình thám tư mặt rượu đỏ găng, đương la đà, ba hoa, không trông thấy chúng tôi. Có thể lão cũng chẳng còn nhớ có chúng tôi.

Về sau, mới biết đấy là nhà hát loại sang ở Khâm Thiên của đốc Sao. Bà đốc Sao là chị ruột nhà trình thám tư Vũ Đình Hải.

Chúng tôi cuốc bộ từ đấy về Bưởi.

Nửa đêm, Nam Cao hỏi tôi:

- Còn thức không? Mình muốn bàn cái này.

- Cái gì?

- Thăng Hải này có chân trong Nam Nhật công ty, chắc thế lực lắm. Mà nó lại buôn sợi. Hay là nói nó xin cho tôi cái giấy mua sợi của nhà máy sợi Nam Định. Mua sợi bây giờ phải có phép nhà binh Nhật. Có cái phép ấy mà mua được sợi thì vợ con mình dễ chịu quá.

Tôi băn khoăn và man mác. Khi anh xưng "tôi" và nói giọng xúc động, thế là anh đương nghĩ ngợi lắm. Chúng tôi đã quên hẳn câu chuyện nhà hát cô đầu. Chắc anh vẫn suy nghĩ chuyện này từ lúc tối. Tôi không biết bàn với Nam Cao như thế nào.

Sáng hôm sau, Nam Cao dậy sớm, ra ngồi ngoài bậc cửa, hai tay chống má, mắt đỏ hoe. Không biết anh khóc hay vì đêm không ngủ được mà mắt đỏ thế. Đến giờ đi dạy học, anh bước ra.

Không bao giờ Nam Cao nói lại việc muốn dựa thế Vũ Đình Hải nhờ xin giấy mua sợi nữa. Nhưng sự hối hận và căm tức gặm nhấm anh còn đau hơn cả lời nói ra. Có việc nghĩ trong đêm, cao hứng miên man, nhưng ngay lúc ấy, nghĩ lại, anh hối hận, lo lắng, dằn vặt mình, tưởng không thể bao giờ nguôi. Con người cứ mấp mé cái sáng cái tối, đường quang đăng và bóng tối. Việc này cũng thế.

Một đêm kia, Nam Cao và tôi lại đi hát “che tàn” mấy người bạn buôn dó, bạn của Khôi, ở Ngã Tư Sở.

Lâu lắm, từ ngày đói, các bạn ăn chơi cũng dạt đi như chuồn chuồn trốn bão. Chẳng còn đâu những đàn đúm, rượu vào rồi lạy nhau, bình thơ nhau, đêm đêm nháo nhác cô đầu cô đuôi Vũ Trọng Can đã chết, Nguyễn Bính đi Sài Gòn. Sắp đảo chính Nhật, Đình Hùng đến chơi. Hùng nói không còn ở cái gác cây hương sên thượng trên đầu ô Yên Phụ nữa. Tôi hỏi thăm mày vẫn còn cái đầu lâu để trên bàn và cái bình cắm mấy cọng sen tàn? Hồi ở trên gác thượng có cây hương đầu ô, chàng thường khoe đấy là “hoa sen của Liên đến cắm từ mùa sen trước”. Rồi Liên ốm, chết. Bây giờ thì “Bao giờ Liên nhớ thì Liên đến đổi hoa, nếu không thì Hoa-cái-đầu-lâu-thời gian cứ trơ ra đấy”. Chơi hoa tàn, ôi là một sự đẹp không mất tiền và lại bọc lên đấy nỗi nhớ thương. Đến lúc Hùng cởi cái áo va rơi dạ đen ra, thấy đít quần thủng hai miếng to. Tôi lại đưa Hùng xem tờ Cứu Quốc. Đình Hùng đọc không nói gì. Uống rượu xong, rồi khóc, đi về phía Cổ Nhuế.

Đèn điện Ngã Tư Sở lù mù như những con đom đóm trên vách. Đường vắng rợn. Quanh chiếc chao phòng thủ, muỗi đậu đen như châu. Các nhà hát có khách đều đã cài then cửa, buông màn. Họ hải người đói thấy sáng thì xông vào. Lại sợ cả lính Nhật đi tuần, lính Nhật say rượu. Ở Vĩnh Hồ, bọn Nhật vào nhà nào, dù nhà ấy có khách đương hát, khách cũng phải tháo chạy ra cửa sau.

Người đi chơi bây giờ cũng xót tiền, hiếm ai hát chầu “mặn”. Thời buổi khó khăn, mâm rượu mà bày ra, dù chỉ vài con mực nướng, các cô đầu trong nhà cũng xúm lại tiếp, làm việc hầu hạ, ăn đồ mời của khách.

Chúng tôi ngồi trong nhà hát một lúc, ảo não, khó thở, bèn mở cửa ra đường.

Từ Vĩnh Hồ xuống, còn đèn và lác đác người. Phía Cầu Mới, đường Tàu Bay, đường Láng tối như hũ nút. Mới độ chín giờ, chưa khuya. Trong hơi gió đưa lại, mùi rác ẩm lẫn mùi xác chết. Chỉ đứng một lát, trông ngang đã thấy lều đều mấy cái bóng. Người vẫn nằm sắn đầu trong mép đường, thấy khách chơi từ ánh sáng trong nhà ra thì dật dờ lại.

Bỗng ánh đèn pin loang loáng xiên tới.

Tiếng người quát:

- Cút đi! Cút đi!

Rồi một ông trương phiên, khán thủ nào hét tuần tráng:

- Thăng này ra đường Tàu Bay? Thấy cái nào thì kéo đi thật xa. Hôm qua vớt ngay ở Vĩnh Hồ, nó lừa đến gần sáng nó vớt lại. Bỏ mẹ tao?

Luồng đèn pin rọi thẳng vào mặt chúng tôi:

- Các ông này đi hát thì vào nhà hát, đi đâu thì đi ngay. vợ vẫn đây, lính Nhật trên áp nó tuần xuống mà

gặp, thì toi mạng...

Ở đâu bây giờ cũng như ở chợ Bưởi. Những chức việc trong làng cả đêm phải đi rình đuổi không cho người đói đứng lại địa phận mình. Sợ đêm nó chết. Và hễ gặp xác người, lập tức kéo vút sang địa phận khác. Làng nọ ném xác chết sang làng kia. Người ta sợ phải chôn. Chôn xác trần trụi không có chiếu bó, cũng phải mất tiền thuê người đào huyệt. Tiền đâu ra mà hôm nào cũng thuê đào hàng chục cái huyệt. Người đào huyệt cũng hiếm.

Chúng tôi bỏ về ngay lúc ấy. Trời đất này, còn lòng dạ nào mà đi chơi.

Một hôm, có một cuộc họp mở rộng nhiều tổ ở nhà Như Phong - ngôi nhà gạch nhỏ trong xóm Cung giữa làng Tây Hồ. Nhà ấy, nhà Như Phong thuê để đến mùa hè người nhà lên ở hóng mát.

Nam Cao và tôi, cả Nguyễn Huy Tưởng, Trần Huyền Trân, Nguyên Hồng cùng lên nhà tôi rồi chúng tôi vào làng Vĩng ra bến đò ngang hồ Tây sang Tây Hồ, cái bến trước cửa đình Vĩng chỉ ngày phiên chợ Bưởi mới có người sang. Đương giữa mùa sen, con đò ngập lút trong bóng những chiếc lá sen xanh rợp, thơm ngát. Cái đò ngang ngày xưa có Hồ Xuân Hương ở Tây Hồ sang chợ Vĩng Thị.

Nguyễn Huy Tưởng nói:

- Đò này là thuyền rồng chở vua Thánh Tông ngự chơi hồ Tây. Thuyền đến quảng làng Tây Hồ gặp con hồ ly chín đuôi ra rờn. Chúng mình, anh nào có tướng làm vua thì cứ tự dừng trông hồ ly hoá ra người. Con gái xóm Cung bên kia đẹp lắm, anh nào là vua Trần?

Không ai nói. Nếu lúc vui chuyện, chắc mọi người đã gặp cho Nam Cao và Trần Huyền Trân, (Trần Kim) hai chàng họ Trần tranh nhau chân học trò, chân vua gặp hồ ly. Nhưng lúc ấy ai cũng lặng im.

Nguyễn Huy Tưởng lại kể một điển khác:

- Ngày trước, Hồ Xuân Hương cũng quê ở Tây Hồ, chắc phiên chợ thường sang chợ Vĩng bán chỉ và mua tơ về đánh chỉ. Nàng thơ đã qua bến đò ngang này.

Gió nồm hây hây đưa lại chút mát lá sen. Thế mà tưởng như trời đương oi bức ngọt ngào. Không ai đáp chuyện Tưởng.

Có lẽ vẫn còn ám ảnh cảnh bi thảm vừa nãy. Ông lái khua bơi chèo đuổi đám người đói ở cửa đình xô xuống đò, có lẽ vì tiếng canh nổ phành phạch đảo lại đầu làn nước, ngay sát những chiếc lá sen lơ thơ ngoài nhất, trông thấy trên thuyền má, nhấp nhô chòm mũi và đôi mắt kính lấp lánh. Thằng lính Nhật! Câu chuyện lịch sử và nàng thơ dù cho hào hứng mấy, đến đây cũng phải nín.

Nào đâu trời nước hồ Tây mệnh mang giữa vườn Ngự Uyển thời Lý. Chỗ nào kiến trúc sư Vũ Như Tô của Nguyễn Huy Tưởng dựng đài Cửu Trùng? Chỉ thấy lính Nhật đi tuần trên hồ. Tiếng canh sùng sục quần

suốt ngày, cả tối.

Cuộc họp hai ngày ở nhà Như Phong đông hơn lần họp ở nhà tôi hồi đầu năm, lần này, Trần Quốc Hương nói chuyện tình hình thế giới, trong nước rồi đọc sách báo, chương trình Việt Minh, lại thảo luận chuẩn bị khởi nghĩa và bàn cách phát triển các tổ.

Lần nào họp cũng bàn chương trình Việt Minh và kế hoạch khởi nghĩa.

Lần nào cũng bàn, bàn đi bàn lại, càng háo hức. Hương bỏ trong người ra một khẩu súng lục Bờrônh mới, bọc giấy bóng. Cuộc bàn càng sôi nổi, nghiêm trọng. Việc bàn chiến đấu trong lúc khởi nghĩa là tự nhiên.

Ngay cả khi ngồi vào họp đã có mục dặn lại nhau cách thủ tiêu tài liệu, cách rút lui khi lâm sự, địch bắt thì khai thế nào. Những chuẩn bị đối phó ấy bao giờ cũng cho tôi cảm tưởng và ý thức về công việc đường đòi hỏi, không nghĩ mình người cầm bút hay người cầm súng. Anh Bé nói năm trước khi khởi nghĩa, văn hoá cũng xông ra đánh quân thù như các giới khác.

Buổi tối nghỉ họp. Chúng tôi cắt canh bảo vệ, ngôi sao lung lay sa xuống đầu. Đẹp quá. Nhưng cứ đường nghĩ cái đẹp hồ Tây lại chập chờn nghe tiếng canô Nhật. Tiếng máy canô hay tiếng sóng vỗ?

Không, không, không phải tiếng canô Nhật. Đây là tiếng sóng vỗ. Sôi sục lắm rồi. Trong thành phố, những trận nổ súng của các đội danh dự Việt Minh trừ gian đường xảy ra hàng ngày. Đây là tiếng súng. Không phải tiếng giặc. Tiếng sóng hồ Tây quê tôi, tiếng sóng cách mạng vỗ. Cái làng Vồng nhỏ bé chúng tôi vừa đi qua để sang Tây Hồ, làng Vồng có đền thờ ông Mục Thận quăng lưới bắt hổ cứu vua. Nhưng xưa nay không ai trông thấy làng Vồng. Bởi cái làng nhỏ bé đã ngủ quên cả đời trong rừng nhân cổ thụ ven hồ. Thế mà cũng trong làng Vồng xa mờ ấy, Tấn đã đặt ở nhà một cơ sở cơ quan "ấn"(22) báo Hồn nước của Đoàn thanh niên Cứu Quốc Việt Nam. Thế mà ở bến Chèm bên kia, đêm đến, những gánh sủng gánh đạn sau chùa Tân, bên tha ma Mả Mái trong cái làng đói của tôi, người các đoàn thể Cứu Quốc đã gầy rạc, nhưng khuya nào cũng ra đồng tập quân sự. Bốn phía quanh thành phố bây giờ không có đêm.

Đến cuộc họp nữa ở nhà Nguyễn Huy Tường, họp bí mật to nhất từ xưa đến nay, mà họp ngay giữa thành phố. Có những anh hôm nay tôi mới gặp, Nguyễn Công Mỹ, Lưu Văn Lợi, Hồng (Thép Mới)... Lưu Văn Lợi cũng công chức nhà Đoan với Tường, Hồng là sinh viên, Nguyễn Công Mỹ dạy học ở Hà Phòng lên.

Mấy năm trước, tôi chỉ biết trong tổ tôi có Như Phong và Vũ Quốc Uy. Nguyên tắc bí mật, tổ có ba người biết nhau. Thêm một tổ đương hình thành, có Nam Cao. Bây giờ, Nhật ác đến khủng khiếp, khám thấy có tài liệu Việt Minh, bắn người tại chỗ. Thế mà chúng tôi họp cả mười người trên gác nhà Nguyễn Huy Tường.

Cái gác dài và rộng, chỉ có mình Tường còn ở lại. Bên Phủ Từ hay Thuận Thành sang, Nguyên Hồng thường ở nhờ đấy. Cái khoá chữ, các bạn đều biết khoá số đề 1789 - năm cách mạng tư sản dân quyền

Pháp. Cứ tự do mở khoá vào ở.

Gác bên cạnh, Tường bảo là nhà một mật thám Tây làm cho Nhật. Nhưng cũng chẳng cần để ý. Tường đóng cửa sổ và cuộc họp bắt đầu, bàn về ra báo Tiền phong số 1 của Hội Văn hoá Cứu quốc Việt Nam và phân công viết. Văn-to-đầu(23) thay mặt cấp trên tới dự

Thời Mặt trận Dân chủ Văn-to-đầu hoạt động công khai, đã ra ứng cử Hội đồng thành phố. Bây giờ vào bí mật, anh vẫn đạp xe đi cả ngày. Đầu anh to, rất dễ nhận. Thế mà anh cứ đi như thường. Biến chuyển đến nơi rồi.

Tình hình càng khẩn trương. Báo Cứu Quốc đăng tin Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ họp từ ngày 15 đến 20 tháng tư Có hôm Tường giao cho tôi một đệp sách báo.

Tôi chia cho cả Hoà là Việt Minh trong làng, theo đường dây của Tấn không cần giữ bí mật như mọi khi. Sách báo Việt Minh hồi này in chữ typô hằn hoi. Nghe Tường rỉ tai: sắp chữ và in trong Hà Nội nhiều thợ in vào công nhân Cứu Quốc cả rồi.

Không cứ Nguyễn Huy Tường nói, tôi cũng biết. Mấy lâu, có hai anh thợ in báo Tin Mới, nhà ở đền Quán Thánh buổi trưa lên nhà tôi nghỉ nhờ, tránh báo động tàu bay Mỹ. Hai anh đã lấy cho tôi những đoạn bài báo Nhật kiểm duyệt bỏ các con số người đói, người chết đói, những vụ đói ăn thịt lẫn nhau ở Ninh Bình. Ở Nam Định kể trong báo cáo của cụ Ngô Tử Hạ, lúc ấy là trưởng ban Cứu tế. Tôi gửi con số những việc đau thương ấy cho Nguyễn Huy Tường chuyển đi báo Cứu Quốc.

Gần như ai quanh mình cũng là Việt Minh. Tôi đi bán tín phiếu(24) cho các người quen biết. Anh đi buôn bán, anh mộ đạo Phật, đều mua. Có anh mua tín phiếu hai trăm bạc.

Những người có của đánh tiếng muốn được xem truyền đơn “Đồng tiền cứu nước” và mua tín phiếu - có thể để giữ sẵn dấu tích Việt Minh trong nhà.

Đảng Cộng sản Đông Dương mới ra thêm Tạp chí Cộng Sản. Tài liệu bây giờ nhiều. Nguyễn Huy Tường bó thành một bó trong cái túi vải nâu treo lưng lẳng trước ghi đông xe đạp.

Hồi này, Nam Cao mãi mê với một đoàn kịch. Nam Cao vốn trầm tĩnh, nhưng đã bốc thì hay tuyệt đối và coi trời bằng vung. Nam Cao có lý sự mới: trong công tác văn hoá chỉ có kịch là đặc lực nhất. Sân khấu, nghìn người xem, hàng nghìn người xem một đêm? Một khẩu hiệu ném ra trên sân khấu khác nào hô hào ở mít tinh. Mỗi buổi diễn kịch giá trị bằng một buổi mít tinh.

Nam Cao với Nguyễn Huy Tường, Nguyên Hồng, một số đã thực hiện công tác văn hoá công khai của Đảng. Như Phong, Nam Cao, Trần Huyền Trân Nguyên Hồng, Kim Lân... dựa vào một đoàn kịch sẵn có - Ban kịch Hà Nội của Chu Ngọc. Như trước kia đối với nhà xuất bản Người bốn phương hoặc lợi dụng cả với trang phụ trương báo Thông tin thân Nhật.

Nam Cao vay nhà xuất bản nào được một trăm bạc - tôi không nhớ. Một trăm đồng lúc ấy chẳng còn giá trị lắm, nhưng cũng không phải nhỏ đối với bữa cơm bữa cháo của chúng tôi. Đã lâu, Nam Cao không nhận được tin tức. Vợ con mù mịt trong cơn lốc, con Bình Yên đói chết. Thế mà trăm đồng ấy, Nam Cao đem một phần góp quỹ đoàn kịch. Nam Cao còn có ý định viết những vở kịch như truyền đơn, như tiếng dội của khẩu hiệu hô trong mít tinh.

Nhiều việc khác đang bối rối và cần làm trước. Đoàn kịch Hà Nội, đoàn kịch tài tử của những bạn tốt nhưng quen lang thang và quên lãng không chú ý chính trị. Các bạn thường mê một ngất ngưỡng những kịch Bóng giai nhân(25), những cuộc ngâm thơ rền rĩ "Ta rót về đâu... rót về đâu... về đâu... hề hề hề...". Đoàn kịch sống lối chèo gánh, khi rồi việc đồng thì gọi nhau, lập bọn, tìm đám. Vì vậy phải đưa tư tưởng tiến bộ vào từ tổ chức đến tiền bạc, đến vở mới.

Giữa lúc này một cuộc họp cấp tốc được triệu tập. Họp tại làng Vạn Phúc trong Hà Đông. Ở nhà một người cảm tình của Trần Huyền Trân. Chủ nhà không hoạt động nhưng quý Việt Minh và có góp vốn giúp đoàn kịch. Làng Vạn Phúc ở trong phạm vi an toàn của xứ uỷ Bắc kỳ.

Họp có một đêm. Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Hữu Đang được cử tham gia đoàn đại biểu trí thức Hà Nội lên chiến khu dự Đại hội đại biểu quốc dân toàn quốc ở Tân Trào.

Trong ý nghĩ và tưởng tượng hào hứng của tôi ngày ấy, cả nước đã thành chiến khu trước nhất trên biên giới phía bắc. Báo Cứu Quốc đăng tin quân giải phóng đánh Nhật ở châu Tự Do (Sơn Dương). quân giải phóng tiêu diệt đồn Nhật ở núi Tranh Đấu (Tam Đảo), giải phóng một trại tù binh Pháp. Ở các chiến khu Hoàng Hoa Thám, Lê Lợi, Quang Trung, Trần Hưng Đạo, Phan Đình Phùng, Trưng Trắc, Nguyễn Tri Phương đều có du kích hoạt động. Và Hà Nội đã được đặt tên bí mật là thành Hoàng Diệu.

Lên chiến khu! Lên chiến khu! Tiếng gọi thiêng liêng trong chúng tôi. Đi chiến khu trở thành mong ước của nhiều người, cả những người chưa biết cách mạng.

Làng tôi có ông lang Dương giỏi võ. Tổ chức Việt Minh đã đến tận xóm ông. Việt Minh xóm ông là những ai, ông đều biết. Nhưng ông không phục những người ấy lại là Việt Minh.

Ông bỏ làng đi tìm Việt Minh ở chiến khu. Nghe nói chiến khu trên Bắc Sơn. Ông lên Thái Nguyên, lên Võ Nhai.

Dọc đường, ông nhập bọn cùng với đám đông thanh niên các nơi, nhiều người cũng đương đi tìm chiến khu. Lính Nhật bắt được cả bọn. May Nhật không chém người nào, chỉ đánh một trận gần chết, rồi đuổi về.

Nhiều nơi, nhiều người, với tâm trạng khác nhau như thế đã đi tìm chiến khu.

Nguyễn Huy Tưởng và tôi từ Bưởi lên tàu điện xuống Bờ Hồ. Những cái hầm xây nổi như gò đồng bãi tha ma để nấp máy bay, lỗ chỗ vằn vệt lượn quanh hồ Hoàn Kiếm đã bị người đói chiếm ở. Có báo động

cũng không ai núp vào được.

Sáng nào, từ các miệng hầm những người phu hót rác cũng khiêng ra những xác chết cứng.

Những chiếc xe bò chất đông những bao gạo đóng bì trắng nổi đuôi qua. Như thế ai cũng biết có chuyến tàu chở gạo, của nhà binh Nhật vừa ở Sài Gòn ra đã thoát bom dọc đường. Lính Nhật đeo súng đi xe đạp hai bên xe bò gạo. Cả đường phố ngơ ngẩn trông theo.

Còi báo động! Cái xe bò thành linh chững lại giữa dốc.

Người cầm còi lả đi, quy xuống. Cả đoàn xe gạo ùn lại. Bao nhiêu người tứ phía xông đến. Bọn Nhật đâm lưỡi lê chết người cầm còi rồi nằm ghếch súng nấp sau những chiếc xe đạp quảng đầy. Người cứ xô lên vây quanh.

Toán xe gạo khác lại đến trong tiếng máy bay âm âm trên đầu. Phía sông Hồng, một chiếc tàu bay Mỹ hai thân hiện ra, rồi một đàn phóng pháo lừ lừ đến. Tiếng rú rền khắp nơi. Đạn cao xạ Nhật bùng từng cục khói trắng vào nền trời xanh nhể nhại. Tiếng bom rơi nổ từng chập... Đâu đâu?.. Lại nhà xe lửa Gia Lâm... Lại ở Sét, ở Giáp Bát...

Bọn Nhật đã chạy hết. Những người đói, đẩy những xe gạo về phía phố Bắc Ninh. Trong chốc lát, giữa đường Hàng Gai xuống dốc Bờ Hồ chỉ còn lại xác người cầm còi và một chiếc xe bò trống không, sập trục, hai bánh nằm úp.

Gạo vãi - cái gạo máy Sài Gòn trắng nhơn như vôi bột rắc trên đường nhựa. Những dòng máu khô đen xỉn lại quanh cái xác. Đây là cảnh Hà Nội khi chúng tôi chia tay.

Nguyễn Huy Tưởng nói:

- Cậu biết không, trên chiến khu bây giờ một đồng chí quốc tế về lãnh đạo. Có nghe đồn đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã về chiến khu không?

Rồi Tưởng ghé tai tôi:

- Mình sắp đi xa.

Tôi bắt tay Tưởng, bùi ngùi. Cảnh cướp gạo và người chết đã lấy đi hết những câu nói của chúng tôi. Chúng tôi chỉ nhìn nhau và thấm thía rằng chiến đấu lúc này là cứu mình nữa.

Tờ mờ sáng hôm sau. Tôi nghe tiếng gọi ngoài cổng. Lật đật chạy ra, người bước vào lại là Nguyễn Huy Tưởng.

Tưởng nói:

- Bọn Lùn khủng bố, lòng nhiều nhà, cả nhà Nguyễn Đình Thi. Nhưng thoát được hết. Tránh đi ngay.

Từ hôm mật thám Ba Lự ở làng trên bị Hoà bắn chết, lính Nhật đã hai lần sục vào làng tôi. Nhiều người đã đi tránh trong vùng, không về làng.

Tôi tìm Tấn, muốn nhờ Tấn giúp cho tôi về Thanh Hoá. Nhưng Tấn đi đâu, đã lâu không đến nhà ai trong làng.

Tôi báo tin cho Nam Cao đang ở Ngã Tư Sở. Nam Cao xuống Phà Đen, xuôi tàu thuỷ về ngay Nam Định. Tôi đã hẹn: có thể nào, sẽ viết thư.

Tôi cứ vào Thanh. vì không biết đi đâu.

Ô tô quăng Ninh Bình vào phải chạy đêm qua Đồng Giao. Ngày đêm máy bay Mỹ rình tàu hoả và ô tô suốt quãng đường trống ấy. Bọn Nhật chuyển quân vào phía Nam không dám đi xe lửa, lũ lượt kéo bộ. Đêm sáng trăng Đồng Giao, cỏ tranh quét lấp đến lưng ô tô. Trên nóc xe có người ngồi nghe ngóng gác máy bay. Có động, người gác làm hiệu dấm tay xuống mái xe.

Đến Thanh, tôi không tìm được người bạn dạo trước Tấn đã dẫn ra nhà tôi chơi. Người cùng nhà nói anh ấy đi vắng.

Trông vẻ mặt, con mắt người trả lời và cái nhìn khách hỏi tôi đoán anh ấy đã thoát ly hoặc đã bị Nhật bắt. Không đâu có ai ngồi yên.

Hôm sau, tôi đáp ô tô vào Vinh.

Ghế cạnh tôi là một chị người Vinh. Chị đi buôn hay ra Hà Nội làm gì tôi không biết. Nhưng, chỉ làm quen, bắt chuyện một lát: chị Lân đã đưa tôi xem tờ Độc lập, cơ quan bí mật của Đảng Dân chủ Việt Nam trong Mặt trận Việt Minh. Báo cũng in giấy xanh như báo Cứu Quốc, sặc mùi mực li-tô.

Tới một chặng, chị bảo: "Sắp đến chỗ lính Nhật khám". Như thế chị nói khéo cho tôi biết: "Có gì thì cẩn thận".

Trong người tôi lúc ấy có tờ Cờ Giải phóng và quyển Kinh nghiệm Bắc Sơn khởi nghĩa. Quyển sách tôi nhét trong túi quần, lấy ra bây giờ cũng không được. Tờ báo thì đây.

Lính Nhật mưu mẹo thường khám bất chợt. Chiếc xe hàng từ từ đỗ. Mọi người xuống đứng sắp dãy cạnh xe. Bọn Nhật từ ven đường xách súng ra vây quanh vùng với bọn mật thám Tây. Chúng soát từng người một, xông lên lục xe.

Người lính Nhật đứng dạng hai chân, súng dựng một bên vai, giơ khuỳnh hai tay như cái máy. Đàn ông hay đàn bà cũng một tay nó ngoặt vào từ mái tóc vuốt xuôi vuốt ngược. Hai bàn tay cùng một lúc giựt lộn

hai túi quần.

Nhưng tôi đã nuốt xong tờ Cờ Giải phóng từ lâu. Quyển sách thì đành để đấy. May, nó không rơi đến.

Chiếc xe hàng, lại được đi. Chị Lân lên ngồi ghế cạnh tôi, như lúc nãy. Chị hỏi:

- Anh xem báo nữa không?

Tôi lại thấy tay chị cầm tờ báo Độc lập. Chị cất thế nào tài quá. Tôi ngần ngừ. Chị cười, nói:

- Từ đây đến Vinh không còn chặng nào nữa đâu.

Đến Vinh, tôi ở nhà chị Ba - một trong cánh với chị Tây đi buôn đường dài tàu Sài Gòn, tôi đã quen năm trước. Tôi vào nhà Bùi Hiến. Trong câu chuyện úp mở tôi hiểu ở đây, anh đã có liên lạc với Việt Minh.

Ngày nào, máy bay Mỹ cũng đến ném bom ga Vinh.

Hồng quân Liên Xô đã chớp nhoáng diệt tan đạo quân Quan Đông của Nhật ở Mãn Châu. Nhưng, tôi không biết gì hết. Một đêm, tôi thấy êm ả khác, mọi khi bọn Nhật đi grooms kéo kệt kệt trên mặt đường đá, nhận nhạo cả bóng tối. Hôm sau, có tin Nhật đã đầu hàng Đồng minh.

Lính Nhật say lê giày đinh hát ô ô và chọi grooms xoang xoảng.

Tôi về ngay Hà Nội. Tôi đi qua những nơi mà hôm trước còn náu hình lạng lẽ, bây giờ đương cuộn lên từng lớp sóng người.

Thanh Hoá, Ninh Bình, Phủ Lý... Đoàn người quần áo nâu lam lũ ồ ạt kéo ra, những người đồng sâu lên. Chắc những ông già đồng chiêm đã hỏi anh Bé về trận đánh thẳng phát xít Đức của Hồng quân năm trước. Kiếm, gậy tay thước, câu liêm, đèn pin, dao găm... trang bị của các đoàn thể theo kế hoạch "sửa soạn khởi nghĩa" - mà chúng tôi cũng đã chuẩn bị thế. Trên khuôn mặt sạm đen, hốc hác, những con mắt quắc đăm đăm.

Những đoàn người đi trên đê cao, trong cánh đồng, trên thuyền dưới sông tưởng không bao giờ hết. Người các làng kéo vào chiếm thị trấn, chiếm huyện, chiếm tất cả, tịch thu đồng triện, đốt văn tự sổ sách trên đồn, nhà quan phủ, ông thừa ông lục - những dấu vết đau khổ. Những đám khói nghi ngút.

Về đến ngã ba Đuôi Cá, trước mặt Hà Nội.

Hà Nội rực đỏ cờ. Lòng đường ngùn ngụt những khẩu hiệu: Việt Nam độc lập muôn năm.

Tôi bỏ đến nhà Như Phong.

Trong đêm 17, Như Phong cùng một đội tuyên truyền xung phong và công nhân Cứu Quốc nhà in đột

nhập toà báo hàng ngày Tin Mới yêu cầu in bài tường thuật cuộc biểu tình buổi chiều của công chức toàn thành đã biến thành cuộc biểu tình của các đoàn thể Cứu Quốc và quần chúng ủng hộ Việt Minh trước Nhà hát lớn thành phố.

Rồi anh tham gia chiếm Sở Báo chí thông tin của Nhật.

Bây giờ, Như Phong phụ trách cơ quan đó của chính quyền cách mạng.

Như Phong bảo tôi:

- Hôm qua họp tất cả các tổ, anh Nghiêm(26) đã phân công. Mà tìm thằng Nguyễn Hồng thì biết công tác của mày.

Tôi gặp Nguyễn Hồng ở chỉ huy sở Uỷ ban khởi nghĩa Hà Nội, nhà số 101 cuối phố Gambetta (phố Trần Hưng Đạo bây giờ) gần ga Hàng Cỏ. Nguyễn Hồng mặc quần áo nâu, đương đứng trong sân. Thấy tôi, Nguyễn Hồng vẫn đứng yên như thế, nhưng Nguyễn Hồng giơ hai tay một vẻ hết sức khoát đạt. Cả người, cả mặt Nguyễn Hồng rung lên. Nguyễn Hồng ôm choàng lấy tôi.

- Tô Hoài ơi! Cách mạng thành công rồi.

Sau đó Nguyễn Hồng đưa cho tôi năm đồng bạc bảo tôi đi ăn cơm. Rồi chúng tôi cùng về báo Cứu Quốc. Nguyễn Hồng và tôi được làm phóng viên báo Cứu Quốc, cơ quan hàng ngày của Tổng bộ Việt Minh.

Trong bí mật, tôi vẫn hồi hộp đọc và viết cho báo đoàn thể. Bây giờ làm phóng viên của báo, tôi làm việc cùng những đồng chí đã làm báo Cứu Quốc bí mật.

Những tự vệ toà báo lại là những người tôi gặp lại - các thanh niên trong khu an toàn của Xứ uỷ được lấy đi làm bảo vệ.

Các anh đều quê làng Vạn Phúc. Nhiều người năm trước đã cùng tôi hoạt động Ái hữu. Những thợ cửi, mặc áo nâu, giắt khẩu “bờrôrinh” trong thắt lưng đứng trước cửa cơ quan.

Làng Vạn Phúc cách mạng với biết bao kỷ niệm đời tôi, bây giờ gặp lại đây.

Toà nhà ba tầng nhà in Têrêxa là cơ quan Tổng bộ Việt Minh và báo Cứu Quốc. Trong một buồng ở tầng trên cùng có một viên quan là Ngô Đình Diệm bị giữ từ Quảng Bình vừa được đưa ra Hà Nội. Không phải giam, mà Diệm chỉ bị để ở đấy cho đến khi sắp kháng chiến toàn quốc thì được thả.

Một hôm Nguyễn Huy Tưởng đến rủ tôi đi có việc. Tưởng làm báo Cờ Giải phóng ký là Điều Tử và ở trong ban lãnh đạo hội Văn hoá Cứu quốc.

Chúng tôi đạp xe ra Yên Phụ, lên Phú Gia. Tưởng tìm đến một nhà cơ sở. Trước hôm lên chiến khu, Tưởng đã được đưa đến ở đây. Tưởng để quần tây, áo sơ mi lại, mặc quần áo nâu rồi liên lạc đưa qua sông Hồng, tắt Tam Đảo lên châu Sơn Dương vào chiến khu... Đò sang chỗ bến Hối.

Trông sang bến Hối. Chỉ thấy làn dâu xanh mờ. Nước sông Hồng đương cỡ lớn, mênh mông đỏ rực chân trời. Mắt Tưởng nhìn xa xôi. Nghẹn ngào, Tưởng nói:

- Những ngày lên chiến khu mình nhớ suốt đời..

Trong anh em chúng tôi, Nguyên Hồng là người sôi nổi, hay xúc động, hay khóc. Nhưng hôm gặp lại tôi, cảm động đến run cả câu nói, Nguyên Hồng lại không khóc. Sự xúc động lặng lẽ của Nguyên Hồng còn sâu hơn cả nước mắt. Bây giờ "Ông Tôn Tôi" Nguyễn Huy Tưởng vốn trầm mặc này lại rơm rớm nước mắt. Thì ra, thói quen vui buồn của Tưởng không phải bao giờ cũng âm thầm.

Một hôm tôi gặp lại Tấn. Tôi mới biết cái hôm tôi tìm Tấn trước khi vào Thanh, Tấn được trên điều đi học quân sự ở chiến khu 2 trong Chợ Bến.

Tấn có đôi mắt đen sâu thẳm dưới đôi mày rậm. Một miệng cười khoẻ, vẻ đẹp rất đàn ông. Nhưng đôi khi cặp môi thờ ơ, thoáng một nét buồn.

Tấn tâm sự với tôi một câu lạ lùng:

- Tớ ở lớp quân sự trong Chợ Bến về, Hà Nội đã khởi nghĩa rồi. Tớ vào làng nào cũng thấy mỗi đồng chí ngồi một cái bàn, không còn thân thiết như khi nằm ổ rơm lúc bí mật. Ồ, ngồi bàn ghế mình lại nhớ ổ rơm. Rất buồn, mình muốn thôi công tác trở về làm thơ.

Kháng chiến chống Pháp bắt đầu, Tấn phụ trách báo Thủ đô rồi Tấn làm báo Vệ quốc quân, báo Sự thật. Tấn lại viết nhiều thơ như Tấn đã mong ước thế.

Tấn mất đã lâu, từ năm 1950, bị máy bay Pháp bắn, anh hy sinh ở Hợp Thành trên Thái Nguyên. Tôi cứ nhớ chuyến ấy Thôi Hữu vừa thoát chết trên biên giới về kể chuyện. Ở biên giới, Thôi Hữu và Trần Đăng đi với một đơn vị chủ lực. Chẳng may, cả ban chỉ huy tiểu đoàn bị quân Tàu Tưởng giả làm Hồng quân Trung Quốc lừa bắt rồi đem bắn. Trong những người bị bắn có Trần Đăng và Thôi Hữu, hai phóng viên báo Vệ quốc quân đi với đơn vị. Trần Đăng đã hy sinh cùng tiểu đoàn trưởng Hùng Sinh. Thôi Hữu chạy thoát. Nhưng về thăm nhà ở Hợp Thành, lại bị tử nạn.

Tôi nhớ những nỗi buồn nhiều khi thật vẩn vơ của Thôi Hữu. Nửa đêm anh ngâm thơ. Không thể nào cảm hết cái giọng trầm trầm, ảo não ấy. Những đêm đầu kháng chiến chúng tôi ở chùa Sùng, Thôi Hữu đã kể cho tôi biết đời anh.

Đời anh thật bình thường. Học hết sơ học trường phủ Hoảng Hoá, bố mẹ cho vào Huế học trường Kỹ nghệ. Cứ thế thôi, chẳng nói làm gì. Nhưng một năm, về quê nghỉ hè. Tình cờ, Thôi Hữu được biết anh

không phải là con của ông bà chánh tổng ấy. Anh chỉ là cái thai hoang ông bà nhặt ngoài ruộng về nuôi.

Từ đấy, không bao giờ Thôi Hữu về làng nữa. Chỉ vì buồn. Cứ chợt nhớ như thế, anh buồn lắm, buồn thăm thẳm - anh kể, tưởng như có thể tự tử được.

Làm phóng viên báo Cứu Quốc, tôi đã đi Nam tiến. Cả nước đương ngày đêm trông ngóng về Nam. Quân đội Anh lật lọng, bọn Pháp quay trở lại chiếm Nam bộ. Chiến trường đương lan ra quanh Sài Gòn. Trên sân ga Hàng Cỏ, liên tiếp những chuyến tàu đưa Vệ quốc quân vào Nam. Tiếng hát vang động lẫn tiếng pháo tiễn.

Tết Độc lập 2 tháng 9 năm đầu tiên, tôi ở thị xã Quảng Ngãi.

Tôi vào Tuy Hoà rồi Nha Trang, lên chiến trường Kon Tum rồi qua Củng Sơn xuống mặt trận An Khê, viết tập phóng sự Ở mặt trận Nam Trung Bộ(27). Gặp lại Trần Mai Ninh, hôm đến thăm trường quân chính trên bờ biển Bồng Sơn.

Trở ra Hà Nội, tháng mười 1946 chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương ở báo Cứu Quốc kết nạp tôi.

Tổ chức kết nạp tôi vào Đảng trong cái buồng con của chị Tư Già trên gác báo Cứu Quốc phố Hàng Trống. Chị Tư Già phụ trách nhà ăn của báo. Tuổi trẻ của chị đã bỏ lại trong nhà tù. Bây giờ khi nào chị nghe các đầu xương đau buốt kêu o o như đương trong cơn mật thám tra tấn, biết đấy là sắp trở trời.

Lễ kết nạp tôi không có nghi thức, trang trí gì hết. Nguyễn Hữu Mai đại diện Thành uỷ đến dự. Xuân Thuỷ thay mặt chi bộ giới thiệu tôi. Trong buồng, chỉ có cái giường nhỏ của chị Tư Già. Bốn người ngồi xúm lại. Tôi nghĩ đến cảnh năm trước ngồi họp đêm trên gác thượng nhà Vũ Quốc Uy. Bây giờ cách mạng thành công rồi. Nhưng lễ kết nạp vẫn trong bí mật. Trông thấy trước mặt những gian khổ, những khó khăn mới.

Xuân Thuỷ nói:

- Làm đảng viên cốt nhất lòng trung thành với Đảng. Đảng ta qua bao gian nguy được lớn mạnh đến ngày nay là vì Đảng có nhiều đảng viên trung thực. Đảng cách mạng còn phải trải nhiều sóng gió, ở hoàn cảnh nào cũng đòi người đảng viên một lòng trung thực.

Ngoài đường, Quốc dân đảng đương kèm người ở Ngũ Xã lên đi biểu tình quanh Bờ Hồ phản đối chính phủ. Cổ vấn Vĩnh Thụy đêm đến lại lên đi chơi. Lính Tàu trắng ngang nhiên cầm tiểu liên lia các phố. Cái ô tô của Nguyễn Hải Thần lạ kiểu đến nỗi ai cũng biết ngay. Trong xe có vệ sĩ, ngoài thành xe đứng hai vệ sĩ. Trên nóc ô tô, một vệ sĩ nằm dạng chân ghếch súng dõng dăng sau.

Tình thế bao nhiêu phức tạp, rắc rối. Ban ngày chúng tôi làm việc ở toà báo. Buổi tối chuyển ra ngoại thành ở chùa Thông gần cổng Mọc.

Đêm 19 tháng mười hai, Hà Nội nổ súng khởi đầu kháng chiến, tôi ở chùa Thông.

Rồi tôi làm phóng viên báo trên mặt trận Hà Nội. Ở cùng với Thôi Hữu làm báo Thủ Đô. Được vài tháng, theo cơ quan báo Cứu Quốc lên Hạ Giáp, huyện Phù Ninh Phú Thọ.

Một năm sau.

Mùa đông năm 1947, Pháp tấn công Việt Bắc.

Tôi đương ở Bắc Cạn, trong châu Bạch Thông.

Nam Cao đã để vợ con ở lại Hà Nam, lên Bắc Cạn làm báo Cứu Quốc với chúng tôi. Quân Pháp đánh đến tận nơi, cơ quan báo ở bản Vi Hương bỏ mình phá mất cả cái bộ máy in chưa kịp chạy. Chúng tôi rút lên châu Chợ Rã.

Báo Cứu Quốc Việt Bắc được thành lập.

Nam Cao, hoạ sĩ Trần Đình Thọ và tôi được phân công ở lại núi Phia Bióc ở Bắc Cạn làm báo Cứu Quốc Việt Bắc. Tôi thành Nông Văn Tư, đồng chí Tư, Nam Cao có tên là Ma Văn Hữu, chúng tôi thay đổi tên, ở lẫn trong làng. Ngoài đường xe vận tải Pháp chạy suốt ngày. Một thử thách. Lòng trung thực được thử thách.

Chi bộ Đảng mà tôi là bí thư đã kết nạp Nam Cao. Lễ kết nạp trong hốc đá.

Lúc ấy sương sớm bắt đầu tan trắng xoá. Thỉnh thoảng, một quả mócchiê ngoài ngã ba Phiêng Phường nện vào vách núi. Chỉ có Xuân Thuỷ, Văn Tân và tôi dự.

Trong cơn thử thách.

Nam Cao ngồi xếp bằng tròn, rét quá, cổ quấn cái màn, nhìn không chớp xuống thung lũng. Nước mắt chảy ròng trên gò má cao, hốc hác. Nam Cao nói trầm giọng: "... Tôi thề trung thành với Đảng...".

Mắt tôi cũng nhoà đi. Những giọt nước mắt cảm kích và tự hào.

Nam Cao thường kể lại lúc ấy anh nghĩ gì. Anh nghĩ lại những ngày trôi nổi ở Sài Gòn, ở Hà Nội, những quẩn quại của con người dễ mơ mộng và xúc động, cái gì không có cũng thêm muốn, cái gì đương có cũng chán ghét, tất cả đều không nghĩa, cứ "chết mòn" không lối thoát. Bên tai, anh nghe tiếng nói đại diện Đảng như ánh cờ bay lượn trên bóng tối cuộc đời vô vị cũ, như thế, và anh không cầm được nước mắt.

Thân phận trôi dạt, đã chèo chống, phấn đấu tới hôm nay. Trên sóng cát cuộc đời, mình đã từng là cái kiếp phong trần vật vờ vào đâu nên đấy, của con phù du.

Chú thích:

(1) Phố Blóckhauss Nord (Lô cốt Bắc), bây giờ là phố Phó Đức Chính.

(2) Bí danh chúng tôi thường gọi Lê Quang Đạo thời kỳ ấy làm bí thư Ban cán sự của Đảng ở Hà Nội.

(3) Tiếng lóng chỉ mật thám.

(4) Chữ tắt Anti-bolchevick chỉ bọn phản động chui vào tổ chức cách mạng để làm mật thám.

(5) Sửa soạn khởi nghĩa (Tổng bộ Việt Minh xuất bản. Bản in 1942 thời kỳ bí mật.

(6) Nhà in Viễn Đông, một nhà in lớn của Pháp.

(7) Bằng tốt nghiệp bậc sơ học thời thuộc Pháp.

(8) Chữ Pháp, viết tắt. Chỉ bằng "tú tài" thời Pháp thuộc .

(9) Quê người (truyện dài, đã in ở nhà xuất bản Mới). Xóm Giếng (truyện dài, mất bản thảo chính, nhà Bách Việt viết lời tựa đề là Xóm Giếng ngày xưa). Đêm mưa (truyện dài, mất bản thảo). Giăng thề (truyện vừa, nhà xuất bản Tân Dân). Cỏ dại (ký ức, nhà xuất bản Hà Nội), O chuột (tập truyện ngắn, đã in nhà xuất bản Tân Dân), Nhà nghèo (tập truyện ngắn, nhà xuất bản Người Mới). Nước lên (tập truyện ngắn, mất bản thảo, đã bán cho nhà Tân Dân). Và một số truyện ngắn đăng báo, truyện cho thiếu nhi.

(10) " Tổng biệt hành", thơ của Thâm Tâm.

(11) " Độc hành ca", thơ của Trần Huyền Trân

(12) Ngoại tình, tiểu thuyết của Vũ Trọng Can. Thả cỏ, phóng sự của Nguyễn Tố. Một đêm với Dương Quý Phi của Trúc Đình.

(13) Tiểu thuyết Rạng Đông của Phan Huấn Chương đạt giải thưởng Tự Lực cùng năm với Kim Hà, Văn đoàn này tặng thưởng giải ba tiểu thuyết Rạng Đông, nhưng không in.

(14) Sống mòn, tiểu thuyết của Nam Cao .

(15) Điều văn, truyện ngắn của Nam Cao.

(16) Xóm Giếng ngày xưa, truyện của Tô Hoài. Nhà xuất bản Bách Việt 1944.

(17) Cỏ dại, hồi ký của Tô Hoài, nhà xuất bản Hà Nội, 1994 .

(18) Trần Độ lúc ấy làm công tác đội của Trung ương Đảng.

(19) Nguyễn Thế Nghiệp và Nguyễn Ngọc Sơn, hai thủ lĩnh Quốc dân đảng đã xin phép Nhật cho tổ chức mít tinh.

(20) Trong kháng chiến chống Pháp, nhà xuất bản Cứu Quốc ở Việt Bắc định in và Nam Cao đã đổi tên truyện là Sống mòn. Tiểu thuyết Sống mòn, Nhà xuất bản Hội Nhà Văn in lần đầu ở Hà Nội, sau 1954 .

(21) Vườn hoa Cửa Nam có pho tượng một người đàn bà tượng trưng thần Tự Do, người qua lại gọi là tượng Bà đầm xoè (đã bị phá sau đảo chính Nhật)

(22) Cơ quan in báo bí mật.

(23) Bí danh Khuất Duy Tiến.

(24) "Giấy bạc" của Mặt trận Việt Minh. Tín phiếu có Bộ trưởng Việt Minh ký tên và lời ghi "Nhiệt liệt hoan nghênh tinh thần đồng bào ủng hộ cách mạng. Khi khởi nghĩa thành công, Chính phủ cách mạng sẽ hoàn lại tiền đồng bào".

(25) Bóng giai nhân, kịch thơ của Yến Lan và Nguyễn Bính.

(26) Một bí danh Trường Chinh, Tổng bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương.

(27) Phóng sự dài này đăng từng kỳ trên báo Cứu Quốc, Nhà xuất bản Văn hoá Cứu quốc đang in thì toàn quốc kháng chiến, mất bản thảo.

TẬP TỰ TRUYỆN - TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

6. Những năm 1944 - 1945:

Đảng cần phái cán bộ chuyên môn hoạt động về văn hoá để gây ra một phong trào văn hoá tiên bộ, Văn hoá Cứu quốc, chống lại văn hoá phát xít thụt lùi. Ở những đô thị văn hoá như Hà Nội, Sài Gòn, Huế... phải gây ra những tổ chức Văn hoá Cứu quốc và phải dùng những hình thức công khai để đoàn kết các nhà văn hoá và trí thức.

(Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ngày 25/2/1943)

Một hôm, Hương "đen" lên Nghĩa Đô, đến nhà tôi.

Hương bảo tôi:

- Họp ở đây được không?
- Được! Nhiều người hơn mọi khi đấy.
- Độ bao nhiêu?
- Khoảng mười người mà có thể liên một hai ngày...
- Bao giờ?
- Cứ lo sẵn đi. Rồi có người đến hẹn nữa.

Hương "đen" ngần ngừ hỏi lại tôi:

- Có cáng nổi không?

Tôi cũng ngần ngừ rồi âm ừ, không dám không nạt.

- Được!

Hương "đen" dường như cũng chẳng để ý về ngần ngại thế nào của tôi, lại móc trong lưng ra một khẩu súng Bröning nhỏ, đen bóng như con quay sừng. Bao giờ thấy súng tôi cũng có một cảm tưởng nghiêm trọng khác thường. Cách mạng phải có những cái này chứ, tôi vẫn cho là thế.

Ít lâu sau ngày cách mạng thành công. Xuân Thuỷ chủ nhiệm báo Cứu Quốc cho tôi một khẩu súng lục. Chắc là súng giả, vì trông nó gồ ghề màu bồ hóng không loang loáng như súng của Hương "đen". Tôi giắt

sau lưng áo, cũng không mở xem bao giờ. Thế mà tôi đã đeo khẩu súng ấy với cái máy ảnh Leica - mà tôi không biết chụp - làm phóng viên báo đi Nam tiến, vào tận mặt trận Nha Trang và Cù Mông ở Nam Trung bộ.

Còn Hương "đen" thì như nghiện súng. Mỗi lần tôi lại được Hương "đen" khoe một khẩu brô-nin mới soi gương được còn bọc giấy bóng. Có lẽ rồi cái thú mê súng đã đưa Hương "đen, vào ngành an ninh. Suốt kháng chiến chống Pháp rồi chống Mỹ, Hương "đen" ở chiến trường miền Nam. Khi chế độ Ngô Đình Diệm chết, Hương "đen" thoát được khỏi cái hầm đất nhà tù của bạo chúa Ngô Đình Cần ở Huế. Hương "đen" đã bị nhốt ngồi một mình dưới đất suốt năm năm trời. Tôi ôm Hương "đen", sờ thấy cái lưng gù gù hết hiên ngang và hai cánh tay lòng không dài hơn trước. Cặp môi vẫn hơi đầy, nước da ngăm ngăm. Tiếng nói giọng mũi vẫn ấm và thân thương như ngày trước. Sau đấy, Hương "đen" lại vào chiến trường, lại làm nghề "cá" cho tới Sài Gòn giải phóng.

Thật sự tôi cũng cứ "ừ" thế, nhưng ngổn ngang những cái phải lo chưa biết lo thế nào. Đảo chính Nhật rồi, các hoạt động của Việt Minh còn táo tợn hơn trước, dầu cho bộ máy cả sở Liêm phóng Bắc Kỳ, người Pháp đã phải "bàn giao" nguyên vẹn cho người Nhật, ông chủ mới của Đông Dương. Mỗi khi máy bay Mỹ và Anh của Đồng Minh đến ném bom giải thảm xuống Hà Nội, quân Pháp bị xích chân ở các pháo đài Xuân Canh, pháo đài Láng, pháo đài Cáo vẫn phải bắn cao xạ lên phối hợp với súng phòng không Nhật mà người thành phố phân biệt được khói trắng đạn Nhật, khói đen đạn Pháp. Nhiều mật thám sùng sỏ thời Tây đã bị Việt Minh tiêu diệt. Những Phớt, Luyt thì chết ngay rồi. Đội Sinh bị giết ở cống Mộc. Cai Long, Ba Lự người Yên Thái thì Thôi Hữu, cán bộ phụ trách ngoại thành đã bắn chết ở dốc Tam Đa, ở lều tiếm hút nhà thổ mụ Tíu đầu làng Bái.

Nhà tôi ở trong giữa làng, không có vườn hay lũy tre trở ra đồng, nhưng nếu động, có thể chui rào sau nhà chạy sang làng Tân được.

Lo chính là cái ăn. Đã bao lâu, không còn thấy mặt hạt gạo. Người đói la liệt các xóm. Không phải đâu xa, mà ngay trong nhà tôi. Nguyễn Xuân Huy không lên ở chung với Nam Cao và tôi nữa. Có lẽ cũng không hẳn vì thiếu ăn, bấy giờ Nguyễn Xuân Huy đang dạy trường tư Nguyễn Văn Tông, nhưng từ hôm giữa trưa về, Nguyễn Xuân Huy rỉ tai tôi: "Vũ Quốc uy bị bắt", rồi đi thẳng. Tôi vẫn đoán Nguyễn Xuân Huy đã dính líu với những tổ chức bí mật khác, có thể là tờ-rốt-kít mà đôi khi tôi có được đọc tờ báo Tranh đấu in thạch của một nhóm làm nhà in Lê Văn Tân, cũng như Nguyễn Xuân Huy đã tha về cho chúng tôi cả một bộ ba quyển tự truyện Đời tôi của Trôtky.

Có hôm Nguyễn Xuân Huy chong đèn viết đến khuya, anh không viết truyện thơ mộng kiểu " Nắng đào, Hoa lưu động khẩu lưu trường..." và làm cho xong tập 13 bài thơ không bao giờ xuất bản, mà Nguyễn Xuân Huy vờn vai, da trắng bệch, râu tua tủa, vừa ngáp vừa vuốt nách kêu: lúc này không còn lòng dạ thơ mộng nào nữa. Nguyễn Xuân Huy viết sách lý luận. Chử Nguyễn Xuân Huy chân phương nhà giáo, cả đến chi tiêu hàng ngày cũng ghi: tiền giặt là, tiền xe điện, tiền mỗi tháng đi nhà thổ một lần, viết đều nét như anh đương soạn tập lý luận văn học Sống và viết, nhà văn mộng mơ này cũng xông vào chính trị rồi.

Cũng như đã lâu không gặp lại Nguyễn Tế Mỹ, cái chàng tờ-rốt-kít bạn tôi này đã viết bài khen tiểu thuyết Quê người của tôi trên báo Tin mới.

Cái khó về cuộc họp cũng không phải có hay không có Nguyễn Xuân Huy khác xu hướng chính trị cùng ở mà trước nhất, vì tiền. Từ năm ngoái, khi tôi bị bắt, thì hầu như các chủ báo, xuất bản đều hững hờ và xa lánh. Tất nhiên vì chúng tôi có mùi Việt Minh mà vì sách báo thời buổi này đương ế quá. Nam Cao đã phải về quê rồi. Ở quê nhà, con bé Bình Yên mới sinh - tội nghiệp cháu sinh ra, được đặt tên là Bình Yên. Chắc là mẹ con đã rau sam, rau rệu nhiều quá mà "cháu đã phải nhà hàng bún bắt đi rồi". Thôi thì về, ra thế nào thì ra, đến phải chết thì cùng chết mà thôi. Những nhân vật trong sáng tác của Nam Cao càng ngày càng không cất đầu nổi lên trên miếng ăn, chẳng qua cũng là cái bóng xót xa mà hàng ngày chúng tôi phải chịu giữa bao nhiêu con người đói khát vạ vật trên chợ

Bưởi, ngoài đầu làng kia.

Hôm mới rồi, Trần Độ hỏi tôi: “Có phải mình gặp Nam Cao cái hồi đói mà họp ở nhà cậu được ăn bánh chưng ấy phải không?”

Lúc thiếu đói, miếng ăn ngon no bụng bao giờ cũng nhớ lâu, nhưng không phải, Nam Cao đã về quê sống liều chết liều từ tháng trước rồi.

Cũng chỉ còn mình tôi ở nhà. Mấy tháng nay bà ngoại tôi đã lên ở Sơn Tây. Cái xe ba gác bán đình vít, đình đĩa, lười thuổng Thừa Lệnh của chú dì tôi mỗi phiên chợ Gạch, chợ Nghệ cũng còn bới đất lật cỏ được ra miếng cơm cho mẹ già. U tôi quang gánh giấy phèn, có khi mấy ngày mới về, chân tay vàng ửng như chát hòe. Người nói có hôm sang Bắc Bôi, qua tận chỗ Ao Cả, Vực Dê. Các làng bên ấy ai người ta mua thứ giấy hẩm lau bát ấy làm gì bây giờ. Hay là u tôi tránh mặt đi làm mướn, đi ăn mày ở xa, cho tôi không biết.

Chỉ còn có em không đi đâu được nữa. Em tôi ốm. Mấy tháng nay em thúng thảng ho, gầy rạc đi. Mấy cô trong xóm cùng lứa tuổi đi mua nhật sách cũ nằng nôi vất vả quá Nam Cao đã đưa em tôi xuống Kê Chợ khám. Bác sĩ bảo thử đờm mới biết bệnh. Nhưng phải mất tiền, mà nhà thương thí ở Phủ Doãn không nhận người ốm ho hay lây. Chẳng biết làm thế nào.

Người ta bảo hồi cải cách ruộng đất, các làng đem đốt mất nhiều sách chữ nho ngày xưa. Tôi thì tôi trông thấy trong nạn đói năm ấy người ta huỷ hoại sách mới ghê. Ở các chợ, những quang sách chữ hán bìa màu cánh gián chất đống như gò cỏ khô, bán làm nôm, làm củi, lấy cái sưởi cho qua đêm rét khủng khiếp. U tôi và em với lũ con gái làng lứa tuổi ấy đi các xóm mua sách quảy lên chợ. Chẳng ai nhòm đến, có buổi tối người đói đem đốt sách để sưởi như cháy chợ.

Bây giờ lấy đâu ra cho cả chục người ăn hai ngày họp. Làng tôi tuy đói dài, nhưng hầu như cả làng đã vào Việt Minh. Thôi Hữu vượt ngục Hoả Lò ra, bí danh là Tấn, là Thường, thỉnh thoảng đưa tôi xem tờ Đuối giặc nước cơ quan của Việt Minh Thanh Hoá.

Thôi Hữu vẫn có liên lạc với quê. Lê Hữu Kiêu đã giới thiệu cho tôi quen Thôi Hữu khi các anh ấy làm báo Bận đường. Sau khởi nghĩa, Thôi Hữu không làm cán bộ chính trị nữa, mà làm phóng viên báo Thủ đô rồi báo Vệ quốc quân, đến năm Thôi Hữu bị máy bay Pháp bắn chết ở Hợp Thành trên Thái Nguyên, bấy giờ đương làm báo Sự thật. Ở làng trong các chị em phụ nữ cứu quốc, cô Thu yêu Tấn lắm. Có hôm hai đứa đèo xe đạp hôn nhau, chốc lại loạng choạng đâm vào đường tàu điện. Cũng chính ở quãng Cống Dong cạnh hồ Quần Ngựa năm trước Tấn đã bắn chết mật thám Cai Long. Tôi biết đêm đêm những gánh sách báo, giấy mực, thuốc súng từ trong thành quảy ra qua vùng này sang bên kia sông Cái và ở cánh đồng Mả Mái sau làng tự vệ chiến đấu ra tập quân sự ngay từ chập tối.

Dù đói đến thế, nhưng phiên nào cũng có mít tinh ở chợ Canh, chợ Trôi. Cô Thu, áo nâu non đôi vai, vạt thắt quả găng, trề một bên khẩu súng bro-ninh nữ, chít khăn mỏ quạ, mắt đeo kính râm. Cán bộ Việt Minh xuất hiện diễn thuyết giữa chợ hô hào phá kho thóc, đánh đuổi phát xít Nhật.

Nhưng tôi không dám bảo với Thôi Hữu rằng sắp có họp ở nhà tôi, giúp cho tôi ít nhiều. Tôi giữ nghiêm ngặt kỷ luật hoạt động bí mật. Giữa lúc ấy, Nguyễn Hữu Đang tới. Nguyễn Hữu Đang đến xem lại tôi đã sửa soạn thế nào. Pháp chết rồi, nhưng tay chân Nhật vẫn nhan nhản, mặc dầu cũng không khó bằng trước.

Có lần chúng tôi họp tới mười mấy người ở nhà Nguyễn Huy Tưởng giữa phố gần chợ Hôm. Lần đầu tiên tôi gặp Lưu Văn Lợi, Thép Mới, Nguyễn Công Mỹ... nhưng vẫn cứ phải cẩn thận.

Nguyễn Hữu Đang hỏi tôi:

- Công việc đến đâu?
- Nhà vắng không có ai, bờ rào đằng sau nhà, có gì thì chạy sang làng bên.

Nguyễn Hữu Đang xuống bờ cái chuôm cạnh gặt gù nhìn sang gò đất trống bên kia mấy bụi cây ráy.

- Cũng được.
- Nhưng chưa có tiền.
- Chưa có tiền?
- Thăng... thăng... có đưa mày đồng nào không?

Tôi nói tránh.

- Không sao, anh em ở địa phương đã cho ít gạo và cá khô, đủ rồi.

Nguyễn Hữu Đang lau bầu chửi mấy thằng trong thành phố nhà còn có máu mặt.

- Tiên sư những đồ khốn nạn, tao đã bảo chúng nó biết họp ở đây mà mày thì đào đâu ra tiền. Nhà chúng

nó vẫn còn có ăn. Không cứu nhau lúc này thì lúc nào!

Làng tôi ở vào một thế hết sức oái oăm. Các làng bên kia, Yên Thái, Đông, Hồ thuộc thành phố, được phát “bông” mua gạo hàng tháng. Làng Nghĩa Đô ở ngay đường bên này, nhưng đã sang địa phận tỉnh Hà Đông, đói lặn ra cũng không đáng quan tâm. Tây cũng như Nhật không cần giữ thể diện như đối với Hà Nội.

Nhiều nhà từ thiện trong thành phố như cụ Ngô Tử Hạ đã đứng ra tổ chức cứu tế các tỉnh đói. Việt Minh chủ trương đẩy nhanh tiến tới Tổng khởi nghĩa, không kéo dài cái sống ngặt nghèo. Cũng là hai công tác xã hội, nhưng thái độ và chủ trương của Việt Minh đối với Tổng hội Cứu tế khác với phong trào Truyền bá Quốc ngữ. Nhớ lại chuyện hồi ấy bây giờ có người không biết hoặc lẫn lộn.

Nguyễn Hữu Đang cũng xem qua loa chiếu lệ. Tình thế bây giờ đã khác hồi mùa thu 1944, khi bọn mật thám Huýt đẩy Vũ Quốc Uy về nhà này nhận mặt tôi rồi xích đi. Nguyễn Hữu Đang cho tôi một tờ giấy năm đồng. Tờ giấy bạc vẽ con công - năm đồng bạc ngày ấy khi mà sáu đồng Bảo Đại ăn một chĩnh Khái Định thì năm đồng tiền Đông Dương giá trị còn to lắm. Thế là yên trí rồi. Nguyễn Hữu Đang vốn thẳng tính và tính việc nhanh, ở cơ sở nào cũng thân như người nhà. Còn nhớ như nhà ông Mai ở Hàng Điếu, nhà ông thợ điện ở hàng Quạt mà chúng tôi đã đi ăn cưới con trai ông ấy, như ruột thịt.

Năm mươi năm sau, mới đây, tôi được Phùng Quán và Phùng Cung mời đến dự ở nhà Phùng Quán cuộc mừng Nguyễn Hữu Đang 80 tuổi mà vẫn độc thân. Nguyễn Hữu Đang chụp chung với tôi bức ảnh, mới đấy mà bây giờ đã lụ khụ cả, anh có đề một câu rằng “... tặng Tô Hoài để ghi nhớ buổi họp mặt mừng tôi “sống dai” 80 tuổi...! Hôm ấy, Nguyễn Hữu Đang trình trọng cầm giấy phát biểu hùng biện, rành rẽ, vẫn thể mạch lạc một, hai, ba, bốn hô hào thanh niên cầu tiến tha thiết. Tôi bồi hồi và buồn bã, băng khuâng. Cô Phương Quỳnh ngồi bên đã nói một câu lạ lùng mà thật vậy, tôi bàng hoàng thấy ra sự thật mà tôi không bao giờ có thể nhận xét được như thế “ Nhớ ngày nào liễu mới giâm. Le te bên vũng độ tầm ngang vai. Chợt đâu bóng lá cành dài. Đã sương, đã khói...!” (Nguyễn Huy Tự). Cô Phương Quỳnh bảo rằng cụ Đang nói hăng hái như cụ ngủ từ 1945, bây giờ vừa mới trở dậy. Quả như rằng, cụ mà mặc cái áo năm thân nhuộm cày, vẫn cái mặt đói hốc hác năm ấy, thì đúng là ông phụ lão cứu quốc đi dự mít tinh chợ Canh... Thôi cũng là đời. Nghe nói mấy lâu nay cụ nghiền ngẫm Lão - Trang.

Rồi ngày họp đã tới. Các bạn lác đác về như tình cờ đến chơi. Như Phong, Trần Huyền Trân. Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Huy Tưởng. Trần Quốc Hương đến từ sáng sớm. Chập tối, Trần Độ mới vào. Sau này mới biết nơi công tác đội của Trung ương ở ngay ngoài đê, chỉ qua cánh đồng Dân, Cáo thì tới làng tôi, Trần Độ đã thuộc nhiều đường nên không muốn đi ban ngày. Trần Độ và Trần Quốc Hương là cán bộ trên đến truyền đạt công tác. Văn hoá Cứu quốc ở Hà Nội liên lạc trực tiếp với Trung ương theo cách thức hoạt động đơn tuyến - chỉ có một người biết. Tổng bí thư Trường Chinh phụ trách công tác hội Văn hoá Cứu quốc. Ngày ấy, nghe nói "thượng cấp" tưởng ở những đâu, rồi sau mới biết các anh Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ ở ngay những làng ven đê sông Cái cũng thường qua lại làng tôi. Chỉ thị của anh Trường Chinh được Trần Độ làm công tác đội đưa đi. Người đón nhận tài liệu, giữa đường là Hương "đen", rồi từ Trần

Quốc Hương đến Lê Quang Đạo, bí thư ban cán sự thành phố. Trong ban cán sự chỉ có một mình Lê Quang Đạo liên lạc với một tổ Văn hoá Cứu quốc, là tổ của Vũ Quốc Uy- Như Phong và tôi. Các tổ cứ độc lập phát triển, ba người một... Lần này họp thiếu Lê Quang Đạo. Cuối năm ngoái, Lê Quang Đạo bị bắt hốt ở nhà Vũ Quốc Uy số 125 phố Lốc-Cốc-No (phố Phó Đức Chính bây giờ).

Nghe nói Lê Quang Đạo không còn ở Hà Nội, đã lên chiến khu.

Nhà tôi là ngôi nhà hương hoả của ông bà ngoại - ông tôi đã mất, năm gian nhà ngói cổ, hoang vắng, tiêu tụy, đã đổ nát nhiều. Cả tháng chẳng ai tới, cửa ngõ đóng, cỏ rêu lên tận thềm. Nhưng cũng cứ cẩn thận, chúng tôi chỉ ở trong buồng, chỗ phản nằm của Nam Cao và tôi. Chúng tôi cũng làm việc thông thường và cần thiết mỗi lần họp, dặn nhau các cách đối phó, nếu bị “chó” xộc vào thành lính. Mọi người quây quần hai ngày hai đêm dài ỉa xuống chỗ chuôm cạ dưới kia. Đã lâu mới gặp nhau đông thế, lại họp đây, ăn ở đây, trời lạnh, tối đắp chiếu, chăn Nam Định, lăn lóc co quắp ngủ ngay trên phản.

Vẫn những tài liệu ấy, những công việc ấy, lại bàn nhưng vẫn thấy mới. Cái mới thấy được chính là quang cảnh ở ngoài đường, trên chợ ừa vào. Người chết đói càng nhiều. Việt Minh tập quân sự, chuyển sách báo và thuốc súng. Có tối thuốc súng để ở nhà cô Thu bị bén lửa, cháy cả nhà. Lính Nhật trên đồn Bưởi xuống nghe ngóng nhưng cũng chỉ biết là cháy nhà. Cô Thu cũng phải nhờ ông Bảy Nền đốt mồm ông bá Kế mấy đồng bạc. Sau khởi nghĩa ông bá đến trả tiền lại cô Thu và xin lỗi. Chúng tôi ở trong cái nhà vắng mà cũng cảm thấy chuyển động, tưởng như nghe tiếng chân người bước rầm rập. Tôi lại nhớ ông ngoại tôi kể chuyện ngày trước các cụ đem nghĩa quân về cánh đồng ban đêm bắc loa gọi vào các làng: bố ba quân thượng hạ... không trông thấy mà vẫn như trông thấy.

Đổi khác đến nơi rồi. Trần Độ và Hương "đen" kể tội ác phát xít Nhật và tin tức nhiều nơi trong nước đã lập các khu giải phóng. Đạo đó tôi đã viết bài "Đội nữ du kích Ba Bể" in báo Cứu quốc bí mật theo lời kể của Lê Quang Đạo.

Hai tài liệu của Trần Độ mang tới để nghiên cứu và thảo luận là: Đề cương văn hoá Việt Nam năm 1943 của Trung ương đảng cộng sản Đông Dương và Chỉ thị sửa soạn khởi nghĩa của Tổng bộ Việt Minh (in năm 1944). Đề cương chưa in, Trần Độ đọc bản chép tay. Đề cương này sau được đăng tạp chí Tiên Phong của Hội Văn hoá Cứu quốc Việt Nam số 1 ngày 10 tháng 11 năm 1945 tại Hà Nội.

Tôi đã có dịp kể: Đề cương văn hoá đã nghe đọc nhiều lần. Hồi ấy, “Chương trình Việt Minh, có bản lưu hành viết thành những câu năm chữ gọi là "Ngũ tự kinh" để dễ đọc và dễ nhớ. Đề cương văn hoá cũng được là "Ngũ tự kinh" của chúng tôi. Hình như mỗi người đã kín đáo chép lấy một bản và lần họp nào cũng đem ra đọc. Chúng tôi hiểu và đón nhận đây là một mệnh lệnh, mệnh lệnh chiến đấu của chiến sĩ văn hoá - người chiến sĩ chấp hành mệnh lệnh chiến đấu, xung quanh đương sôi sục chuẩn bị khởi nghĩa. Lý tưởng, lẽ sống, mong ước và chờ đợi và sẵn sàng ấy đã được cảm và thấy như thật không phải chỉ có ở đề cương văn hoá Việt Nam 1943 mà từ lâu ở những tài liệu Nam kỳ khởi nghĩa, tập "Kinh nghiệm Bắc Sơn khởi nghĩa", những quyển Ba trẻ anh hùng ở Hạ Môn, Du kích Tôn Tử (chủ tịch Hồ Chí Minh biên soạn ở Việt

Bắc, bí mật đưa về xuôi in lại) và các báo chí bí mật Cờ Giải phóng, Tạp chí Cộng sản (Đảng Cộng sản Đông Dương), Cửu Quốc (Tổng bộ Việt Minh), Hồn nước (Đoàn Thanh niên Cửu quốc), Kèn gọi lính (Hội Binh sĩ cứu quốc): những trang sách báo ấy ngày nào còn in đất, in thạch, in đá, bây giờ con chữ đang hoang (do tổ Công nhân Cửu quốc ở báo Tin mới gửi chữ ra).

Trông hình thức cũng hiểu được tình hình. Có lần tôi hỏi Lê Quang Đạo ngày khởi nghĩa thì Văn hoá Cửu quốc làm gì. Lê Quang Đạo nói: “ Văn hoá Cửu quốc cũng như mọi đoàn thể, cầm võ khí chiến đấu”. Chúng tôi chuẩn bị dao găm, đèn pin, lắc lê để phá đường tàu, quỳ quần áo rét ủng hộ chiến khu Bắc Sơn. Chúng tôi đương làm như thế. Sự thực tình hình, tình thế, thực trạng văn hoá và chiến đấu là như vậy.

Đến tổng khởi nghĩa thành công, sau 19-8-1945, một số hội viên Văn hoá Cửu quốc và trí thức, sinh viên cứu quốc đều được phân công vào các công tác văn hoá. Tôi còn nhớ: Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Huy Tưởng (Hội Văn hoá Cửu quốc), Nguyên Hồng, Tô Hoài (Báo Cửu quốc), Trần Lâm, Nguyễn Văn Thân, Trần Kim Xuyến (Đài phát thanh) Nguyễn Công Mỹ (Bình dân học vụ), Trần Huyền Trân (kiểm duyệt sân khấu), Như Phong (kiểm duyệt sách báo)...

Không phải cuộc họp ít ý kiến trao đổi, nhưng cũng chẳng bao lâu. Nhóm các tổ Văn hoá Cửu quốc là những tiểu tư sản trí thức không gây được ảnh hưởng và tác động rộng rãi, mà chỉ quan hệ qua lại và lôi kéo được trong những trạc như nhau, mà cũng không phải đơn giản. Có người thủ an, có người nhận là cảm tình nhưng không đi họp, không đóng nguyệt liễm ngại liên lụy, có người rong chơi, không thích chính trị, sợ vào hội kín. Đình Hùng kể rằng cậu ấy uống rượu rồi ngủ suốt ngày 19 mãi đến trưa 20 ở nhà trong Ngõ Bò trông ra ngã tư Trung Hiền thấy cờ đỏ sao vàng la liệt mới biết trời đất đã đổi khác. Đến kháng chiến, Đình Hùng làm báo Cửu Quốc khu ba ít lâu.

Nhóm tuần báo Thanh nghị của Vũ Đình Hòe hay tạp chí Khoa học của Nguyễn Xiển chúng tôi không với tới. Vũ Văn Huyền, Thẩm Hoàng Tín đều có quen Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Hữu Đang nhưng cũng chỉ thế thôi, không giác ngộ được. Đặng Thai Mai tán thành Việt Minh và đường lối Đảng cộng sản nhưng chỉ giao thiệp với một người đến liên lạc (Vũ Quốc Uy). Các vị từ a, từ b, báo Tri Tân của Nguyễn Văn Tố - mà Nguyễn Huy Tưởng viết truyện lịch sử Đêm hội Long Trì đăng báo ấy - thì không thành lực lượng, cũng như các tay phò tá giải thưởng Alêchxan đơ Rốt cũng đã tàn. Văn đoàn Tự lực lúc ra tập " Giai phẩm" không còn hấp dẫn như trước; vả chăng, nhiều người trong văn đoàn và một số trí thức đã đi vào hoạt động chính trị thân Nhật, ủng hộ Nhật. Người Nhật lúc đầu còn nhẹ nhàng dưới hình thức văn hoá và giao lưu. Một số họa sĩ Nguyễn Đỗ Cung, Nguyễn Văn Ty được mời thăm Nhật, họa sĩ Phuzita người Nhật sống ở Pháp về Hà Nội, nhà văn hoá Kôn-su giỏi quốc ngữ và chữ Hán khi đảo chính rồi làm kiểm duyệt, cho Nguyễn Giang ra nhật báo Bình Minh, mấy nhân sĩ Trần Trọng Kim, Vũ Đình Dy đã lục tục ở Chiêu Nam (Singapore) về. Thật ra, nhà xuất bản Hàn Thuyên chưa bao giờ thành nhóm, hội nhưng những khuynh hướng gần nhau năm trước bây giờ cũng không còn gắn bó rõ rệt. Nguyễn Tế Mỹ, Lương Đức Thiệp, khác Trương Tửu, Nguyễn Đức Quỳnh, Phạm Ngọc Khuê, cũng khác cả tay cơ hội Hồ Hữu Tường (về sau, người thì hoạt động chống đối, nhưng người thì đi kháng chiến). Đồ Phồn, Nguyễn Đình Lạp, thì hồ như xa lánh đã lâu, từ sau mấy cuốn tiểu thuyết "dã sử" nhà Hàn Thuyên in loại phổ thông, không ký tên Đồ Phồn.

Mặc dầu vậy, tư tưởng con người ta cũng lạ, nếu đọc lời bạt ở tiểu thuyết Khao của Đồ Phồn in năm 1945 thì lại thấy hơi hướng "phá sạch sành sanh (table rase), khác nào những năm trước đây, kiểm duyệt của Pháp và Nhật đã khéo léo như chỉ riêng để sách của nhà Hàn Thuyên được dùng những chữ "giai tăng", "đấu tranh giai cấp", "thế giới hoà đồng"... Nhiều trí thức và sinh viên đã được các tổ chức khác nhau của đảng giác ngộ. Đảng Dân chủ Việt Nam được thành lập đã gia nhập Mặt trận Việt Minh. Bài hát Tiến quân ca của Văn Cao và bài hát Diệt phát xít của Nguyễn Đình Thi lần đầu tiên đã in trên báo Độc lập của Đảng Dân chủ Việt Nam phát hành bí mật. Đến khi cả hai vợ chồng Dương Đức Hiền được coi như thủ lĩnh sinh viên bấy giờ cũng đã thoát ly đi hoạt động, thanh thế của các đoàn thể cách mạng văn hoá và trí thức càng có tiếng vang lớn, không phải trực tiếp chỉ ở thành tựu của nhóm Văn hoá Cứu quốc.

Thời Pháp rồi Nhật, mọi hoạt động công khai đều bị sấn chặn khắc nghiệt. Đỗ Xuân Dũng - em luật sư Đỗ Xuân Sảng - được Nguyễn Hữu Đang làm "quân sư quạt mo" mở nhà xuất bản Gió muôn phương, Nguyễn Hữu Đang làm cái quảng cáo tên các tác giả in chung trong một hình ngôi sao năm cánh ở trang bìa sau, Sở Liêm phóng Bắc Kỳ gọi từng người lên. Tôi bị hỏi và đe: “Ngôi sao hả? Sao cộng sản sao Việt Minh chứ gì! Muốn được ở yên thì bỏ cái trò bịt mắt mật thám đi nhé”.

Riêng hội Truyền bá Quốc ngữ thì Việt Minh vào được êm đẹp. Nguyễn Hữu Đang - trưởng ban dạy học của Hội, kể khi xin phép định đặt tên là hội Chống nạn mù chữ, nhưng sau thấy cái chữ "chống" và chữ "mù" ấy thì dẫu ông hội trưởng hiền hậu như Nguyễn Văn Tố cũng khó qua được mắt cú vọ mật thám. Rồi mới thành tên hội Truyền bá Quốc ngữ đúng nghĩa và vừa phải. Hội đã phát triển ở Hà Nội và lan dần ra các tỉnh.

Ở Hà Nội, hầu hết người hoạt động Truyền bá Quốc ngữ đều bí mật là hội viên các đoàn thể cứu quốc khác nhau của Việt Minh. Trong công việc tổ chức ngày mít tinh 2 tháng chín năm 1945 ở Quảng trường Ba Đình có phần góp sức lớn của lực lượng Truyền bá Quốc ngữ ở Hà Nội. Mấy năm ấy Nam Cao và tôi đều đi dạy học buổi tối ở trường đình Yên Thái và Nghĩa Đô miền Tây Hà của Hội. Rồi hầu như tất cả anh chị em hoạt động và giáo viên vùng này đều tham gia tổng khởi nghĩa.

Hai đêm ngày bàn bạc, bao nhiêu lo toan và hứng khởi tưởng như khởi nghĩa tới nơi, mà thật, cũng chỉ một lần họp sau ở Hà Đông, thì Văn hoá Cứu quốc đã có đại biểu, Nguyễn Hữu Đang. Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Huy Tưởng đi dự hội nghị Tân Trào trên châu Sơn Dương. Càng gắng, càng khẩn trương, hơn một năm nay cuộc họp nào cũng lại nghe đọc thông báo kích động thống thiết về cái chết của Hoàng Văn Thụ.

THÔNG CÁO HÃY RA SỨC TỔ CHỨC MỘT LỚP ĐẢNG VIÊN MỚI

Hỡi các đồng chí!

Hỡi các đảng bộ

Bọn phát xít Pháp vừa mới xử bắn đồng chí Hoàng Văn Thụ thân mến của chúng ta.

Cái chết của đồng chí Hoàng Văn Thụ chứng tỏ rằng: quân thù càng sắp tới ngày rầy chết càng tàn nhẫn gấp bội.

Cái chết của đồng chí Hoàng Văn Thụ còn chứng tỏ rằng: quân thù rất sợ Đảng ta và tinh thần phấn đấu của các đồng chí chúng ta.

Cũng như các đồng chí trước kia đã hy sinh trong khi làm tròn nghĩa vụ, đồng chí Hoàng Văn Thụ đã chết để bảo toàn cho Đảng, để nâng cao tinh thần anh dũng của dân tộc bị áp bức Đông Dương.

Bằng những hy sinh của các đồng chí đã khuất, nhất định chúng ta sẽ thắng!

Một đảng viên chết đi phải được muôn nghìn đảng viên mới nối chí.

Các đảng bộ phải tổ chức thêm một lớp đảng viên mới, gọi là lớp Hoàng Văn Thụ.

Mỗi đồng chí trong thời hạn một tháng phải giới thiệu một đảng viên mới vào Đảng.

- Phản đối khủng bố trắng - Tinh thần Trung ương uỷ viên Hoàng Văn Thụ muôn năm.

- Cách mạng Đông Dương thành công muôn năm

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG

Nhiều năm sau này, ở nhà anh Trường Chinh thường có những dịp gặp gỡ anh em Văn hoá Cứu quốc ngày trước. Vũ Quốc Uy chịu trách nhiệm tổ chức và nhắc anh em, anh Trường Chinh cẩn thận, kỹ lưỡng, bao giờ anh cũng xem tờ giấy ghi tên người dự, và thiếu ai, thừa ai, anh báo ngay. Cái lần tôi đi Thất Khê viết tập truyện ký Tuổi trẻ Hoàng Văn Thụ cho Nhà xuất bản Thanh niên, anh dặn dò tỉ mỉ, anh bảo: nghe kể lại chuyện cũ phải tỉnh ý phân tích bởi mỗi người một tâm sự, một nguyện vọng của mình trong câu chuyện. Có người nói sự thật, có người khoe khoang báo công, có người nói dối, có người minh oan. Rồi tôi nghiệm thấy đúng như vậy. Bấy giờ cụ ông sinh anh Hoàng Văn Thụ đã mất, chỉ còn bà chị ruột của anh.

Anh Trường Chinh gửi quà biếu cẩn thận, anh kể anh đã đón ông cụ xuống ở nhà ít lâu. Ông cụ cứ đi chơi phố rồi vào chợ Đồng Xuân uống rượu say, ngồi xích lô về tận cửa, anh Trường Chinh nói: "Lộ bêm (bí mật) quá, nhưng biết làm thế nào". Rồi anh cười to.

Anh Trường Chinh hay kể lại hồi ấy ở bí mật cùng anh Hoàng Văn Thụ, khi Xuân Đình, khi Phú Thượng huyện Từ Liêm, anh Hoàng Văn Thụ dạy anh học bạch thoại. Biết đọc rồi, anh hay đọc sách báo tiến bộ Trung Quốc có nói về tân văn hoá, anh đã viết dự thảo Đề cương văn hoá Việt Nam hồi này, anh nhớ hình ảnh và hay nói đùa: "Mình là học sinh Hà Nội hảnh hoi mà mỗi khi ra đường phải đóng vai lý Đình Dù khăn xếp, áo the, ô khoác tay, chân đi giày ta. Hoàng Văn Thụ người miền núi mà giả trang đẹp trai lắm, mặc quần áo tây, đi xe đạp cách như thầy ký, như sinh viên. Đề cương văn hoá mà Trần Độ đưa đi phổ biến cho chúng tôi, anh Trường Chinh khởi thảo, anh Hoàng Văn Thụ tham gia ý kiến rồi anh chữa lại. Tình hình gấp

gấp đến độ không kịp đưa đi cơ quan “ấn” (in), chỉ truyền miệng như các cậu biết đấy”. Năm trước, một lần Trần Độ chuẩn bị giúp anh Trường Chinh một số tài liệu về hoạt động Văn hoá Cứu quốc. Trần Độ hỏi, tôi nói còn nhớ được gì thì tôi đã viết cả trong tập Tự truyện. Chỉ nghĩ rằng cuộc cách mạng giành độc lập của đất nước ta không như ở một số nước khác mà những hoạt động văn hoá làm chấn động tinh thần con người trước đây.

Không, ở nước ta, trước nhất là cuộc sống và chiến đấu tư tưởng và cách nghĩ này cứ tự nhiên ảnh hưởng trong tôi suốt các thời kỳ kháng chiến mà tôi đã viết ý nghĩ ấy trong nhật ký, những khi chứng kiến tổ chức kết nạp Nam Cao và Nguyễn Tuân vào đảng.

Mấy hôm sau, anh em tôi được bữa no. Có gì đâu, còn lại vài lẻ gạo và một xâu cá mắt. Lâu lắm, em tôi mới được ngửi mùi thơm cá nướng. Chao ôi, mới đấy mà "đã sương đã khói" hơn năm mươi năm qua rồi.

Anh chỉ còn nhớ mà em ở cánh đồng làng chỗ gò Mũ Đồng Cân trông ra.

TẬP TỰ TRUYỆN - TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

7. 1947:

Nhớ lại năm làm báo Cứu Quốc Việt Bắc bao giờ tôi cũng nhớ mùa hoa mơ và những ngày áp Tết. Hoa mơ nở trắng các bản trắng đầy trong cánh đồng và đầu suối. Bạt ngàn, trắng ngàn, trắng ngàn rừng mơ chân núi Phia Bioóc.

Mùa đông đầu tiên tôi ở rừng, rét cóng cá. Cả ngày mờ mịt trong sương mù và ánh lửa sưởi. Khi trời loé nắng lại chỉ thấy hoa mơ trắng cửa rừng càng rét thêm.

Chúng tôi ở cách Phủ Thông đồn Pháp chẳng bao xa.

Ngày ngày tiếp xúc với cả nước và thế giới bằng cái đài cọc cạch của Nguyễn Tiêu và những bản tin mỗi tuần một lần giao thông đi mấy ngày lên Bản Váng trên hồ Ba Bể mới lấy về được. Nha Thông tin và đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam ở trên ấy.

Công việc hàng ngày của tôi: viết tin, bài và xuống nhà in ở rừng bên cạnh. Suốt tháng, ăn thịt gà đến phát sợ.

Không có rau. Trong các làng, chưa mấy nhà biết làm vườn.

Thỉnh thoảng, có việc được ra “Thủ đô” thị xã Bắc Cạn, về kể lại những chuyện phở vịt, bánh khảo nhân đồ đen, chuyện đi diễu quanh mấy phố tỉnh đường ngược, gặp mặt toàn người quen ở Hà Nội, rồi lại vào chơi với đội kèn ông "quản" Liên.

Sớm hôm ấy, sương mù mịt trên Đèo Giàng. Tiếng máy bay âm âm phía Bắc Cạn.

Đến trưa, được tin địch nhảy dù thị xã.

Chúng tôi ngơ ngác. Hôm trước, Xuân Thủy, chủ nhiệm báo ra thị xã. Cả mấy người cùng đi, không biết thế nào. Địch nhảy dù xuống đấy.

Mọi việc đã được lo trước. Khi còn ở gần Phủ Thông đã đi tìm nơi đóng cơ quan dự bị khác. Báo Cứu Quốc ra đời từ thời kỳ còn bí mật, trong những ngày cực kỳ gian khổ mà "cơ quan ẩn" chỉ là một người ngồi lẩn li-tô trong buồng nhà kín đáo.

Người ấy phải đái vào ống, đêm mới đem ra ngoài đổ. Chúng tôi đã nghe Lê Viên kể lại khi cơ quan "ẩn" của báo ở núi chùa Thày, bị mật thám Pháp ập đến, các anh đã cất giấu những cuộn giấy, những lô mực, những con chữ và hòn đá - chiếc máy cái của nhà in. Công việc trong bí mật của tờ báo lớn nhất

nước ta ngày nay(1), có chi nhánh toàn quốc, lúc bắt đầu là như thế.

Tôi hiểu tôi đương làm báo cách mạng khác làm văn làm báo xưa kia.

Sáng sớm, hôm ấy lại một đoàn sắp hàng ba, mười hai chiếc đakôta bay trắng phau, qua trên Đèo Giàng. Màu trắng và tiếng máy rú thật rùng rợn. Máy bay đi nhảy dù Cao Bằng.

Cơ quan dự bị của chúng tôi chạy sâu vào giữa châu Chợ Rã.

Làng Khuổi Khún chỉ có ba nhà dân tộc Tày. Chúng tôi trú tạm. Nhà chữ, toà soạn, kho giấy và mực chuyển lên, dồn vào rừng gần xóm. Cuộc di chuyển đột ngột ấy cũng là chuyến cuối cùng của cái ô tô Sơvrôlê của toà báo đã đem được từ phố Hàng Trống đi. Không phải bị máy bay bắn, mà ô tô phải chết xó chỉ vì không còn đường đi. Những đoạn đường đá lên Chợ Rã cũng phá hố ngang hố dọc hết. Cái xe được đánh vào bụi cây trong rừng. Ít lâu sau, định vào tháo lấy phụ tùng, nhưng tìm không thấy cái ô tô màu cánh quít nữa. Đạp một đồng mồi thấy lòi ra mảnh sắt gỉ. Mồi đã ăn hết cả cái ô tô.

Lên tới Khuổi Khún vừa chập tối, Xuân Thuỷ đã về được.

Mấy hôm chạy luồn rừng, chỉ còn trông cái cười mà nhận ra mặt Xuân Thuỷ. Em Cầu hôm sau mới về đến. Cầu còn gầy gò hơn. Cầu đã bị lính dù bắt giữa thị xã. Lính dù đem Cầu ra bến Cầu Phà để bắn cùng đám người chúng lòi từ trong phố ra. Bộ trưởng Nguyễn Văn Tố, hội trưởng hội Truyền bá Quốc ngữ ngày trước, cũng bị bắn chết chuyến ấy. Nhưng Cầu thấp bé chạy thoát được. Cầu chạy ngược về Chợ Đồn.

Đảng ấy cũng có Tây xuống dù. Cầu lại đâm vào rừng. Rồi làm thế nào cũng lần được về Khuổi Khún. Cầu ốm nằm liệt.

Chúng tôi ai cũng sốt rét. Cứ tự dừng tìm chần, đắp chum đầu. Thế là biết hiệu cơn sốt đến, lại thường sốt rét ác tính đái ra máu. Có anh ở nhà chữ, mới đến châu Tự Do đã chết.

Nhưng cũng không ai kịp ở yên. Tiếng súng, tiếng ô tô đêm ngày réo trên Đèo Giàng trước mắt. Bộ binh Pháp đương đánh xuyên Bắc Cạn lên tới Cao Bằng. Bọn Tàu Tưởng cho quân Pháp mượn đường. Pháp ở Lạng Sơn mượn đường ô tô chở quân vòng sang Tàu rồi bất chợt ập vào thị xã. Mất Cao Bằng và Bắc Cạn, chúng tôi bị chẹt vào giữa.

Cũng không thể trở về Phủ Thông khuân đồ đạc được. Pháp chiếm Phủ Thông, sục vào các cánh rừng xung quanh. Cái bệ máy "công tự" to nhất chưa kịp chạy. Máy này chạy bằng máy phát điện, từ Hà Nội đi, đầu tiên lên đến Trung Giáp, Hạ Giáp ở Phù Ninh bên sông Lô. Rồi ngược thuyền lên Bình Ca. Rồi trâu kéo vào Sơn Dương, trâu kéo qua Thái Nguyên lên Bắc Cạn - hai con trâu ròng rã kéo lết bộ máy mấy tháng, trượt vai, mòn cụt cả móng. Thay mấy đôi trâu.

Bây giờ dịch đặt mìn phá vỡ. Mất máy cái, từ nay chỉ còn máy "mi néc" đạp chân, quay tay.

Nhưng chưa phải chỉ gay go thế. Đường dựng lán trong cửa rừng ở tạm, một toán quân Pháp lên châu Chợ Rã, qua ngay ngoài đầu đường.

Không thể vá víu được nữa, cơ quan báo lúc ấy chỉ có một số ít người ở lại làm Cứu Quốc Hà Nội phát hành ở mặt trận còn tất cả lên đây. Có đến ngoài trăm người. Nhà in biên tập, giao thông cùng với máy, kho giấy, kho gạo, kho muối, công kênh, bễ bộn.

Vượt rừng sang làng Bản Hậu - một xóm Tày ở tựa chân núi Phía Bióc. Nhưng đây cũng chỉ cách đường bộ hai kilômét. Suốt đêm, mọcchiê câu vào núi. Tiếng ình oàng dội ra. Không biết nó bị ta đánh chặn hay đương tiến vào phía nào. Các làng ven đường, Khuổi Khún, Thạch Ngoà và những Bản Pục, Phiêng Phường, nhà bị đốt, khói bốc lên, đến tận tối còn đỏ ngòn.

Mọi nhà đã lánh vào ở rừng. Cảnh chạy giặc không phải là cái gì bối rối với người ở đây. Hôm Tây nhảy dù Bắc Cạn lên tới Phủ Thông, chúng tôi lúng túng ở Khuổi Khún, Quốc Lâm, cán bộ châu tạt về qua nhà, cả ngày quét sà, trang thóc, uống rượu: "Phá đường rồi, lập trạm gác rồi, không lo. Thằng Tây không làm gì được. Thằng Tây phải chết thôi". Rồi đi ngủ. Sáng hôm sau, khi tan sương, có nắng, Quốc Lâm lại ngã cái cót, đổ thóc ra, lại trang thóc cồn cọt như hôm qua.

Nghe kể chuyện, mới biết ở Khuổi Khún, năm trước, du kích đã đánh một toán hơn trăm lính Nhật từ Chợ Rã kéo xuống.

Có lẽ vì thế mà không ai biết sốt ruột. Tôi đã viết truyện ngắn Đồng chí Hùng Vương tả lại quang cảnh ấy.

Ở đây đã thạo vườn không nhà trống từ thời khu giải phóng. Từ hôm Tây nhảy dù ngoài tỉnh làng nào cũng vắng tanh. Thỉnh thoảng mới gặp người ra vác mảnh gỗ vách, ván sà nhà vào để ở lán bí mật. Những con gà nhà gáy xa xa như mọi khi nghe gà rừng gáy trong thung lũng.

Chúng tôi chia từng tốp, ngủ lán như bà con trong làng.

Đêm đầu nằm yên một chỗ, nhưng sau mọcchiê câu sáng cả rừng. Khói ngoài Phiêng Phường cuộn cuộn đỏ đến sáng.

Đương cử tháng mười, đêm buốt ngăn ngắt. Tây ở ngoài đường, đốt nhà để sưởi.

Mỗi chập tối, lại đi tìm một chỗ phẳng trên sườn núi để ngủ tạm. Nhưng cũng chẳng đêm nào yên một chỗ. Đêm ngoài trời trên núi, không dám nhóm lửa. Chúng tôi trùm chăn, trùm cả rơm rạ lên đầu ngủ ngồi vạ vật ở sườn núi đá.

Cái màn quần bù xù quanh cổ. Mưa "nay" như sương mù rơi, đóng từng mảng nước cứng nho nhỏ trên đầu cuộng rạ. Nam Cao đã được chi bộ kết nạp vào Đảng ở núi Phía Bióc trong những ngày ấy.

Đêm nào cũng vất vả thế, không được. Phải tìm nơi chắc chắn hơn. Xuân Thủy và tôi với Toàn, chủ nhiệm Việt Minh xã, chúng tôi lên các làng Dao rải rác đỉnh núi. Sườn đá dốc dựng đứng. Cỏ tranh cửa xước chảy máu cổ chân và ngón tay.

Trèo một quãng, thở ra cả hai tai. Trời dần tan sương. Trông xuống Phiêng Phường ngoài đường thấy ô tô Pháp đậu thành từng cụm, chốc lại rời ra, bò lên bò xuống như những con bọ hung. Nom rõ trên xe, có bọn Tây cởi trần, mình đỏ hắt.

Sau lưng chúng tôi rừng đại ngàn. Triền Phia Bioóc che chở cho chúng tôi. Núi Phia Boóc - tên của khu giải phóng đặt từ lúc bí mật là núi Cứu Quốc, cao chát ngất chạy dài từ chân ngọn Phia U-ắc trên châu Nguyên Bình xuống, sườn châu Chợ Rã bên kia ghe khắp châu Chợ Đồn, chập trùng đến đầu tỉnh lỵ Bắc Cạn thấp xuống toả ra những cánh rừng lúp xúp. Người Tày ở dọc thung lũng hai bên chân núi. Trên đỉnh, các làng Dao mù mịt trong sương. Có thể lên Cao Bằng, xuống Thái Nguyên chỉ truyền qua các xóm chóp núi thừa thớt này.

Tôi có những cảm giác háo hức. Chỉ vài ngày lên đây, những “noọng” Liễn, những “nhình” Pin cứ dần dần thấy là những người đẹp.

Các làng Dao trên núi đã là trạm giao thông của khu giải phóng trong bí mật. Đội Võ trang tuyên truyền từ Cao Bằng xuống đã qua núi Cứu Quốc về Tân Trào. Trận quân cách mạng hạ đồn trên Tam Đảo của Nhật đã vang dội xuống đồng bằng từ khi ấy.

Các dân tộc trên núi giác ngộ từ lâu. Trong bóng rừng âm u, những làng Dao, làng Tày đã là những làng “Việt Minh hoàn toàn” từ nhiều năm trước. Cuộc sống còm cõi của tôi ở thành phố bấy lâu, đến đây đã mờ xa.

Chúng tôi lên Cốc Phường, qua Vàng Kheo, sang Píc Cáy, ngọn núi cao nhất.

Đến một xóm Dao ở Khui Váng, một cái khe cạn sâu trong rừng vầu tối ẩm ướt. Chủ nhà đem dao ra rừng lấy về một giỏ nấm hương. Những cái nấm còn ướt sương, nhoáng màu nhung nâu. Nấm xào suông với muối ăn thơm như mùi thịt nướng. Tôi biết thêm sự tích núi Phia Boóc - Phia Boóc là Núi Hoa, núi hoa thơ mộng. Bởi vì trên núi có dòng suối, ban đêm nước chảy lóng lánh cát vàng cát bạc sáng như rắc hoa.

Tôi ngồi giữa yên tĩnh rừng núi Phia Boóc và những làng Dao. Tưởng như bọn Tây đang đốt phá dưới chân núi kia là cái bóng chập chờn ngoài cuộc đời này.

Trở về, Xuân Thủy làm một bài thơ dài, Đường lên Píc Cáy âm u. Bài thơ in trên báo Cứu Quốc Việt Bắc ký tên là Trần Liên. Cũng là một bí danh Xuân Thủy dùng để liên lạc với chúng tôi từ đấy về sau, khi báo Cứu Quốc Trung ương đã về dưới Bắc Giang.

Một buổi tối, quanh ánh lửa sưởi trong hốc núi ở Cốc Phường có một cuộc họp quan trọng của cơ quan.

Xuân Thuỷ báo tin: báo Cứu Quốc Trung ương sẽ chuyển về căn cứ khu 12. Nhưng nhiệm vụ tuyên truyền tổ chức đồng bào Việt Bắc đương trực tiếp chiến đấu càng phải phát triển. Đoàn thể đã quyết định thành lập báo Cứu Quốc Việt Bắc phát hành ba tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn - Cao Bắc Lạng căn cứ địa của khu giải phóng cũ.

Tôi được phân công chịu trách nhiệm chung và làm bí thư chi bộ Đảng của báo mới thành lập. Nguyễn Bá Lợi, quản lý báo. Một mình Nam Cao toà soạn. Một mình hoạ sĩ Trần Đình Thọ làm "nhà in". Trần Đình Thọ viết và lặn đá li-tô. Nguyễn Tiêu phụ trách "điện đài", nghĩa là săn sóc cái đài thu thanh chạy pin để ghi chép tin tức. Cảnh đánh máy. Sáu Hồng, Phúc Mơ nhà in, nhà chữa, chúng tôi sẽ lắp lên cái máy mi néc đập chân.

Cơ quan chính rút đi, vượt núi sang Chợ Đồn giữa quãng Vàng Kheo. Mấy hôm, mưa trớn lầy lội dốc núi đoàn người và máy chuyển xuống phía Chợ Lạng. Không biết phải bao nhiêu ngày mới về tới được rừng Yên Thế bên kia.

Mấy chúng tôi ở lại. Chủ nhiệm Việt Minh Toàn giúp cho chúng tôi mặc như đồng bào địa phương. Quần áo chàm, túi chàm, mũ nồi chàm. Toàn lại đưa chú Mộc đến làm liên lạc. Mộc người ở Thạch Ngòi. Tối đến, chú Mộc dạy chúng tôi tiếng Tày.

Báo Cứu Quốc Việt Bắc đã ra đời.

Tôi bắt đầu làm quen với cuộc sống rừng núi. Tôi với tôi cũng khác trước nhiều rồi. Nhớ hôm đầu ở Hà Nội đi, mang theo bánh xà phòng và bộ quần áo mặc thay đổi. Đến ở đồi Đồng Lư với báo Vệ quốc quân của Lê Tất Đắc cạnh núi chùa Trầm trông vào vùng đồi So Sỡ đã cảm thấy vẻ chiến khu?

Đầu tiên, bắt liên lạc với tỉnh uỷ Bắc Cạn. Trần Đình Thọ mở một lớp dạy in đá li-tô cho cán bộ tuyên truyền của tỉnh. Nam Cao cũng học lặn li-tô. Anh còn viết rồi in truyền đơn địch vận chữ Pháp cho hội Phụ nữ châu Chợ Rã.

Địch đương đánh rộng ra chiếm đóng Bắc Cạn. Tỉnh giao trách nhiệm cho tôi thành một đơn vị phụ trách cả xã nơi cơ quan đóng. Với tôi, mọi việc thật mới, nhưng cũng thật thích thú.

Hôm họp ở ban châu, có một chị cán bộ về. Chị ấy người nhỏ bé, trắng trẻo, dáng nhanh nhẹn. áo dài chàm, đeo túi chít khăn và thắt lưng quặt đằng sau, sống áo cẩn thận như cô gái trong làng. Nghe giọng nói, tôi đoán là người Tày ở Chợ Rã. Nhưng đến lúc hỏi chuyện mới biết chị người xuôi. Chị Ngọc Bảo người Hà Nội lên Việt Bắc trong đợt “cán bộ xung phong Việt Bắc” vừa rồi. Thế ra, đến kiệt cùng rừng núi này không phải chỉ có chúng tôi.

Tôi mở một lớp huấn luyện cán bộ xã. Tất cả đảng viên ở ba thôn Khuổi Khún, Bản Hậ, Mỹ Vi, các ban và mặt trận xã Trong một hòm tài liệu của báo Cứu Quốc để lại có tập báo Việt Nam Độc lập xuất bản ở Khu Giải Phóng. Các bài trong báo có thể soạn thành chương trình Việt Minh cơ sở.

Lớp huấn luyện trong một cánh rừng trên đồi sau làng Bản Hậu. Học tập, ăn tập thể, tối ngủ ngay đấy. Tôi giảng bài, cũng tự giảng cho mình được một hiểu biết và một tình cảm. Mơ ước và lý tưởng sự thật đơn sơ như lớp huấn luyện này.

Đến xóm người Dao ở Cốc Phường xa hẻo lánh, có thể tránh được Tây đánh úp thành lình. Gọi là xóm, kỳ thực chỉ ba túp lều nền đất. Vào tận nơi vẫn chỉ thấy cây và đá, chưa nhận ra chỗ người ở.

Ở nhà Chấn. Chấn còn mẹ, em gái là Liễu và người em trai, Pảo. Mới tháng trước, Pảo đương ngồi trước cửa, có một con gấu đi qua. Con gấu tát Pảo một cái, Pảo mất một bên má. Bây giờ, mặt gấu bôi còn vàng xuộm cả mặt.

Ở Cốc Phường, nghe tiếng súng chìm xa xa dưới chân núi. Tôi cho toà soạn báo và nhà in ở hai nơi cách xa. Cốc Phường chỉ mới là nơi dừng chân. Ở đây, mỗi nhà đều có một chỗ trong rừng, bí mật, chỉ nhà mình biết. Nam Cao và Trần Đình Thọ theo Chấn. Không phải đi cho vui hai người. Mà chúng tôi bảo vệ cái "máy in" Trần Đình Thọ. Máy "mi néc" đập chân còn quăng một đồng ở cửa rừng sau Bản Hậu. Như vậy, "máy" Trần Đình Thọ đương cần thiết. Nếu chưa lắp được máy, phải ra báo in li-tô. Thế thì một mình Trần Đình Thọ là cả một nhà in rồi. "Toà soạn" Nam Cao và "nhà in" Trần Đình Thọ phải ở liền với nhau.

Trên đỉnh núi, trong rừng sâu, cái lán nhỏ nhô ra bên một gốc trám cổ thụ. Phải xuống một quãng mới tới ngọn nước. Hàng ngày, Nam Cao và Trần Đình Thọ xuống lấy nước về thổi nấu. Theo cách đi đứng đảm bảo bí mật, từ bờ suối lên, không để một vết tích của con người. Hai anh ở lán với mẹ đồng chí Chấn. Suốt ngày, Chấn đi nương, có khi ngủ ngay ở lều. Còn tôi, khi xuống xã, khi đi họp châu, họp tỉnh, khi ở chỗ nhà in dưới lán gần làng. Thỉnh thoảng mới có đêm lên đây.

Chúng tôi lại đổi sang núi Vàng Kheo, trên lối đi Píc Cáy.

Vàng Kheo khuất nẻo ở xóm, trông vào rừng núi. Ở Vàng Kheo, ngồi trong nhà không ra được bốn phía. Phía rừng nào tới cũng phải qua cánh nương trồng trước mặt. Không thể bị ập bất ngờ. Ngày ngày, chú Mộc liên lạc xuống nhà in. Ở rừng dưới đã bắt đầu dựng lán và lắp máy. Vàng Kheo cũng chỉ quanh quẩn có ba nhà. Đêm rét buốt quanh bếp lửa, cả hai nhà bên đều đến ngồi chuyện râm ran.

Chúng tôi học tiếng Dao... Học đếm trước... iệt... uy... pu... piê nhận háng ăn cơm... nhận đom ăn cơm chiều... nhận pi êu ăn no... im mình dạo tôi đi chơi... ma hieu chong câu không biết nói chuyện... im mình Hà Nội tôi đi Hà Nội...

Lán dựng cho chiếc máy minéc đã làm xong. Nhưng Trần Đình Thọ vẫn lẩn li-tô. In truyền đơn hộ trung đoàn 72 và cô Ngọc Bảo, cán bộ phụ nữ châu Chợ Rã. Cái máy minéc chỉ làm đủ việc báo. Bây giờ không phải chỉ một mình Trần Đình Thọ mà cả "toà soạn" Nam Cao cũng lẩn li-tô. Trần Đình Thọ trở nên nhà kỹ thuật viết chữ ngược, quét nước chanh và quét mực. Nam Cao mắt môi mắt miệng lẩn, lẩn lẩn... Truyền đơn dịch vận (bằng tiếng Pháp) Hoàng Xuân Tuỳ, chính trị viên trung đoàn 72 bên Nà Đông gửi sang nhờ in cả tuần lễ không ngơi tay.

Ở Vàng Kheo trông thẳng lên đèo Giàng bên kia. Người Dao ở Vàng Kheo bảo thế. Bởi sương mù chẳng mấy khi trông thấy núi. Còn nói đâu đến con đường đi Chợ Rã, Tây đóng ở Phiêng Phường, ở Phủ Thông, cả tuần cả tháng lặn vào bóng sương. Mùa đông lạnh tê, suốt ngày mù mịt. Những đêm trăng, sương phủ trắng như bông. Đôi khi bóng núi hé ra, chỉ thấy núi xanh, núi xanh chất ngất dán lên nhau. Tưởng như trên thế gian, độc còn có mỏm Vàng Kheo và những ngọn núi xanh như thế. Thỉnh thoảng, tiếng súng bên đèo Giàng, tiếng gầm gừ của những đoàn xe địch chạy lên Cao Bằng. Cái hiu quạnh tan được chốc lát.

Nhưng bây giờ không còn lo như ngày đầu địch nhảy dù. Tự vệ các làng đã được củng cố. Chủ lực huyện đi hoạt động. Cả Trung đoàn 72 về nữa.

Đường núi từ Phia Boóc sang Lùng Trang qua Pác Trang, tỉnh uỷ Bắc Cạn đóng ở đấy. Chấn ở Cốc Phường đưa tôi đi.

Chập tối, đến Píc Cáy.

Tôi đã biết cách nhận xét lúc đi giữa rừng và khi sắp đến làng xóm. Chưa thấy suối, nhưng trông thấy bụi cây lượn lô xô, biết đấy có nước chảy. Nơi có người ở, nhiều vết người và những loại vật nuôi trong nhà. Đường quang hơn, chân trâu lỗ chỗ nhiều hơn. Đến lúc, thấy có phân lợn, biết sắp đến nhà.

Chấn bảo:

- Đồng chí Tư đứng lại dây tôi vào trước.

Tôi ngạc nhiên. Chợt nghĩ đến cái súng ngắn tôi giắt lưng. Khẩu mứt cầm trong tay, Chấn bước vào.

Tôi hỏi theo:

- Đứng lại làm gì?

Chấn nói:

Có tiếng lạ.

Và nói thêm:

- Đừng vào vội.

Chấn bảo tôi đứng lại để mình vào trước. Thế thôi. Can đảm và lòng trung thực dung dị.

Lúc sau, Chấn trở ra nói:

- Có bọn người ngủ nhờ.

Đây là một đám công nhân công binh xưởng bên kia núi chuyển về Chợ Đồn.

Đêm Pic Cáy yên tĩnh ấm áp trong tiếng còi sưởi thấu đêm. Sáng ra, lại đi trong lạnh buốt. Nhưng câu chuyện cẩn thận ấy của Chân, tôi nhớ mãi.

Bút ký Ở rừng của Nam Cao viết trong những ngày ở núi Vàng Kheo. Hai buổi thổi cơm ăn xong, lăn li-tô một lúc, lại ngồi lúi húi viết. Cả cái truyện ngắn Tiên sư thằng Tào Tháo rồi Nam Cao tự đổi là Đôi mắt cũng được viết ở chỗ đèo heo hút gió ấy. Cũng ở đây, tôi bắt đầu viết tập truyện ngắn Núi Cứu Quốc. Một lần xuống Đại Từ về Thái Nguyên, tôi đã đem đưa những sáng tác của chúng tôi cho Nguyễn Huy Tưởng ở hội Văn Nghệ.

Suốt ngày, Nam Cao ngồi bên thành chuồng gà cạnh bếp. Chuồng gà ở dưới đầu giường, nghe tiếng gà đinh tai ngay dưới gáy. Nam Cao tựa lưng vào chuồng gà, bảo ngồi thế cho ấm, bọ mạt bò vào lưng cần không biết ngứa, đã quen.

Bao giờ Nam Cao cũng có cách cắt nghĩa về bất cứ một cử chỉ nào của mình. Anh thường lý luận và nhận xét khẳng định thiết thực, lại vui vui, gàn gàn. Anh bước ra, đứng đái ở đầu sàn. Những con trâu quanh đấy đã biết lệ, nghe tiếng người, liền chạy lại, hếch mũi lên, khoan khoái hứng nước thải. Bao giờ anh cũng đợi cho trâu đến đông. Bảo là khỏi phí.

Trâu núi cũng thiếu muối. Ở nước đái, ở lưng áo và ở chiếu có hơi muối. Phơi áo phơi chiếu cẩn thận, kéo trâu chén mạt.

Anh lại bảo: hút thuốc lá tất nhiên dẫn đến bệnh ho lao. Nói thế, những khi Trần Đình Thọ đẽo cho chúng tôi mỗi người một cái tẩu gỗ, đầu tẩu tạc một mặt Tây mũi lõ. Nam Cao hút tợn. Lúc ấy anh cười mà nói rằng hút thuốc chống rét cần hơn, nhiễm lạnh còn dễ ho lao hơn hút thuốc. Cũng phải nói, thuốc lá núi Phia Boóc những năm ấy cũng là cái chống rét hiệu nghiệm. Lưng có chuồng gà ủ, - mặc dầu bọ mạt bò rần rần trên người. Trước mắt có lửa sưởi, trên mặt đượm hơi thuốc lá. Đây cũng là những phương tiện giúp đỡ toà soạn làm việc.

Nhưng có một chuyện tôi nhớ mãi, câu chuyện đã làm những "nhận xét khẳng định" của Nam Cao đổ vỡ. Trong bút ký Ở rừng Nam Cao có một đoạn triết lý về con người, ấy là khi anh nghĩ đến mình, đến vợ con đương ở vùng tạm chiếm dưới khu Ba. Anh viết rằng con người ta phải vào lửa mới có thử thách, cũng như người có xuống sông bơi mới biết bơi. Cái triết lý cũng không lấy gì là mới ấy đã nảy ra hôm chúng tôi khuân đồ đạc từ lán bí mật ở Cốc Phường leo núi sang Vàng Kheo. Những người khác đi làm lán máy in. Mộc đi liên lạc. Nam Cao, Trần Đình Thọ và tôi ở lại dọn cơ quan. Ba lô, đồ đạc đem hộ mỗi người lại chia nhau khuân hết tất tậ các thứ giấy, mực, phiến đá mài, cái lô lán, mọi đồ dùng in li-tô của "nhà in" Trần Đình Thọ, lại nôi xoong thổi cơm, lại những bao gạo. Chúng tôi đeo tất cả. Đi mấy chuyến, suốt ngày cật lực.

Cũng chẳng phải một công việc ghê gớm gì trong những ngày long đong ở đây. Nhưng mấy ngày sau Nam

Cao còn phải bóp chân nước nóng. Anh lại có những khẳng định mới. Nam Cao nói: “Thế là mình không đau tim. Thì ra cái lão đốc tờ ở Nam Định ngày ấy đã nói láo”. Ngày trước, khi anh bôn ba vào Nam Kỳ rồi ốm bệnh phù phải trở về, anh đã học ôn lấy, rồi đi thi đúp lôm. Đổ rồi, anh xin thi vào làm thư ký toà sứ ở Nam Định. Nhưng khám sức khoẻ, đốc tờ bảo anh “đau tim”.

Những người bệnh đau tim và ho lao thì không được làm công chức luật lệ của Tây thế. Câu chuyện này, mỗi khi Nam Cao kể, tôi cho là lại không có tiền đấm mồm cho nên lão đốc tờ phong bệnh cho đấy thôi. Nhưng bao giờ Nam Cao cũng cãi lại. Anh tin ở "khoa học" là anh đau tim thật.

Sau cái chuyến vác nặng sang Vàng Kheo mà chỉ đau bắp chân, rồi còn nhiều lần đổi cơ quan, phải vác, đi xa nữa, nặng nữa, anh lại “xà lù” chửi thẳng đốc tờ gà mờ và anh lại có một nhận xét mới: "Thế là mình không đau tim, tim mình khoẻ chẳng khác tim các cậu". Anh tin như thế và anh đã viết vào bút ký Ở rừng rằng có bơi mới biết bơi, Mai Thiên con ơi!

Pháp đã rút khỏi các châu Chợ Đồn, Chợ Rã về chụm lại ở thị xã Bắc Cạn, rồi Cầu Phà, Phủ Thông, Bằng Khẩu, Hạ Hiệu, Ngân Sơn, dọc đường lên Cao Bằng. Bây giờ, nơi đóng của Pháp gần chúng tôi nhất là ở đồn Phủ Thông, cách khoảng mười kilômét.

Chúng tôi rời xuống ven đường và ở tập trung cho tiện công việc. Khe suối Thâm Phạ trên sườn núi ngay đầu làng Bản Hậu trông xuống đường Chợ Rã.

Những cây mắc có - cây hạt dẻ cao, quả rụng gai nhọn và sắc. Đến mùa hạt dẻ, mùa trám trắng, sáng nào quanh gốc cây cũng thấy vết chân hươu, chân gấu. Lán chúng tôi cheo leo trên nguồn nước, hai bên um tùm những bụi dong rậm xanh đen, bên các lán của bà con trong làng. Anh Trúc, anh Ba, nhà chủ nhiệm Việt Minh Toàn cũng ở đây. Sàn nhà bắc trên dòng nước mà mùa rét đến chỉ còn một vệt ẩm, phải đào xuống, cầm máng vào, mới thấy nước thấm ra.

Bắt đầu những ngày mưa xuân mới, mưa bụi rồi mưa dầm rả rích. Suốt đêm nước mưa đọng trên cây cao rơi lùnh phùng đánh trống xuống mặt lán lá dong và những bụi dong quanh nhà - nghe còn xa vắng hiu quạnh hơn khi ở Vàng Kheo.

Trên Cốc Phường tôi để một lán muối. Phải đem muối xuống, kéo muối chảy hết. Ở Việt Bắc, hạt muối còn quý hơn gạo. Hết mực, hết giấy còn ngồi đợi được nhưng muối ngày nào cũng phải có ăn.

Những bì muối giấu giữa rừng, chỉ một mình Chấn và tôi biết. Chấn lợp lán, vác dó muối vào, buộc treo lên những dóng cây cao, phủ một túm lá cọ.

Chấn trèo lên cành cây trông xuống mặt đất tối lầy lội, kêu:

- Hồng rồi? Hồng rồi!

Tôi chưa kịp hiểu thế nào. Chỉ trông thấy bùn lầy cứt trâu, biết có trâu qua lại rừng này nhiều. Ngay lúc

ấy, một đàn trâu xông đến, đen kịt, hung hăng húc đánh sừng quanh gốc cây. Đàn trâu lên phá kho muối. Trên thân cây nước muối chảy xuống. Thân cây trơ trụi, toác cả vỏ. Tàu lá cọ buộc che mưa kêu lạt xạt, có tàu đã rơi xuống. Những con trâu cúi liếm xồn xột, liếm đến tan cả tàu lá. Vẫn còn hơi muối, lại càng bị kích thích. Tiếng sừng húc, tiếng lưỡi liếm xuống đất tiếng móng va nhau lộp cộp.

Những con trâu nghênh sừng trông ra. Đốm mắt trâu đỏ dòng dọc. Trâu đương hăng tiết. Trâu sắp phát điên. Chúng tôi phải trèo trốn lên một cành ngoã cao, chần cúi xuống, giơ khẩu súng "mút" bắn vu vơ mấy phát.

Đàn trâu bỗng chạy toé. Phút chốc, cánh rừng vắng hẳn.

Chần ở lại đẩy canh không cho trâu trở lại. Đêm ấy, Chần ngủ trên cành cây, trước những bì muối. Sớm hôm sau, các nhà ở Vàng Kheo và Cốc Phường - cả mấy chú bé, cô bé nhà đồng chí Quân, nhà ké Hùng và "em" Liễu, "chị" Pin cũng theo vào, vác cả kho muối xuống núi ngay buổi sáng.

Báo đã được in máy cẩn thận. Mỗi tuần hai số, bốn trang bằng cái quạt nan.

Trong cả mấy đồng tài liệu báo Cứu Quốc Trung ương để lại, tập báo Việt Nam độc lập in hồi bí mật ở Cao Bằng là quý nhất. Chúng tôi học báo Việt Nam độc lập của Bác Hồ mà làm báo Cứu Quốc Việt Bắc. Một cái tin ngắn Nam Cao cũng viết có nháp, sửa đi sửa lại. Viết rồi đem đọc cho chú Mộc nghe. Có khi đọc cả cho các em bé ở các lán quanh đây hay quần quít đến chơi với chúng tôi. Rồi lại sửa lại. Cứ thế, một cái tin, một câu ca dao cũng làm theo lối này. Chúng tôi chữa lại, tờ báo nôm na hơn, dễ hiểu hơn. Đôi khi, bài ca dao của Nam Cao ký tên là Suối Trong lại in lời dịch ra tiếng Tày của Nông Quốc Chấn hoặc một bài xã luận cả hai thứ tiếng Kinh và tiếng Tày.

Những công việc tưởng dễ, đối với những người đã làm nghề viết như chúng tôi. Vậy mà chẳng dễ dàng. Khi Nam Cao viết bài, đem đọc đem chữa, viết lại cả buổi. Loay hoay vẫn chưa yên tâm, còn chữa được nữa. Tôi nhớ năm trước viết bài hai trăm chữ cho báo bí mật ở Hà Nội.

Được nhiều thư của bạn đọc gửi về hỏi ý kiến. Bước đầu đã tới những điều mà chúng tôi mong muốn. Tờ báo là bạn của người đọc. Những lá thư mộc mạc đủ mọi chuyện, cả chuyện gia đình, chuyện làng xóm, cách cư xử... Ở báo Việt Nam độc lập khi trước, có cả bài xã luận khuyên cán bộ nữ lúc đi công tác đương có kinh nguyệt không nên lợi suối nhiều và có mục kêu gọi bạn đọc ủng hộ chanh để toà báo in li-tô.

Bạn đọc gửi về cho nhà báo hàng túi chanh giúp báo có thể ra đều đặn.

Buổi tối, chúng tôi ngủ cả trong một lán. Ở sườn núi bên kia, chiếc máy in minéc đập chân lạch cạch, đều đều trong ánh nến nhựa trám. Sáu Hùng đứng máy thật oai. Một máy con con hai bát, chân đập, tay lật giấy, như người đập máy khâu. Thế nhưng với chúng tôi lúc ấy, cái máy in bé nhỏ nhất trong các loại máy in này đã là một bước tiến xa. Từ hòn đá hộp mực và con lăn của họa sĩ Trần Đình Thọ lên cái máy của công nhân Sáu Hùng nhả ra những tờ báo vuông vắn chữ nổi đều đẹp tằm tấp.

Cơm chiều xong, trời cũng vừa tối. Bóng rừng sụp xuống.

Rừng Thâm Pha tối đen như ai bịt mắt. Chúng tôi xúm quanh cái đài. Đài của Nguyễn Tiêu cũng như cái máy minéc, những cửa cái văn minh này đã khiến cho tờ báo du kích mang vẻ khoa học. Trong khi nghe đài, Cảnh rửa bát trên suối Cảnh vốn nghề đánh máy chữ, bây giờ chỉ việc thổi nấu rửa bát. Cái “suối mơ” chảy ngay dưới sàn nằm, suối mơ thật.

Suối cho nước thổi nấu, rửa bát và ban đêm có thể đá xuống đấy, khỏi ra ngoài, hải gặp con gấu về tìm quả hạt dẻ. Cán bộ Cảnh lại chuyên vác gạo, đi kiếm rau và thổi cơm. Có khi cất công lên tận châu lỵ Chợ Rã, mua bó thuốc lá còn nguyên lá của người Nùng và mật ong về làm "căng tin".

Góc sàn trong, dưới ánh nhựa trám, Nam Cao đương “làm việc toà soạn” với chú Mộc. Mộc đọc lại bài báo anh vừa viết. Lại dịch ra tiếng Tày cho chúng tôi cùng học.

Trần Đình Thọ gầy quắt queo, ngồi trầm ngâm với cái tẩu gỗ, to bằng nắm tay.

Năm người nằm trên cái sàn tre - với khẩu súng các bin. Thật sự là một tiểu đội du kích.

Dần dà, vào những ngày cuối năm. Cái rét ngăn ngắt đến. Những cây mai nở trắng ngần ngơ các đầu xóm báo hiệu lại sắp năm hết Tết đến.

Làng nào cũng ăn Tết trong lán. Ở các mảnh ruộng chân rừng cạnh ngọn nước đã thấy cắm lên những cây tre thẳng tuột, quần giấy vàng, trên đầu buộc những vòng tròn. Đây là cột vòng để trai gái ra đánh cò, đánh yến. Anh Ba, anh Học, anh Trúc... Cô Nhạn, cô Eng áo chàm mới. Những quả còn vừa khâu xong tua đỏ tua vàng. Chúng tôi cũng ra chơi cò.

Kháng chiến ở rừng vẫn có Tết như thường.

Giấy và mực, kho chính vẫn để gần Phủ Thông, chỉ cách đồn địch một quãng - ngay trong rừng Vi Hương, chỗ đóng cơ quan khi Tây chưa nhảy dù thị xã.

Kho trong rừng phải cắt lượt đi trông coi. Bởi hàng ngày con hươu, con hoẵng, con chuột đến phá, nhất là mối. Vô ý, soát cột kho mà chỉ nhìn bề ngoài, ba hôm sau xem lại đã thấy đóng mối đùn trong, đục thủng vào, thùng hàng tắc giấy. Cách vài ngày lại phải có hai người xuống cùng dân quân tắt qua rừng, đến xem xét kho.

Nhưng cứ như thế nữa, không được. Đất mới như nhử mối đến, nhiều mối quá. Phải có người ở luôn. Thế là Phúc Mơ xung phong đi coi kho.

Phúc Mơ thợ nhà sách, từ khi lên Bắc Cạn, chuyên làm lán, đánh tranh lợp nhà. Tên anh là Phúc, các bạn còn gọi là Phúc Mơ, bởi Phúc Mơ thích văn thơ và có mộng viết văn.

Em Tước cũng đòi đi với Phúc Mơ. Tước nói: “Cho em đi với. Có hai anh em cho vui?” Tước là một em bé liên lạc ở cơ quan từ Hà Nội đi. Tước ở lại cơ quan Chợ Rã với chúng tôi.

Hồi còn ở Hà Nội, ở nhiều cơ quan, ngày nào cũng có những em thiếu niên xin đi công tác. Những ngày đầu, thiếu niên học sinh cả nước sôi nổi. Công tác của cách mạng bao trùm lên tâm trí hết thảy mọi người, kể cả các em bé. Trên các chuyến tàu Nam tiến đưa Vệ quốc đoàn vào các chiến trường miền Nam, nhiều em trốn nhà bám theo tàu, nhảy lên tàu. Có khi rủ nhau lập thành tiểu đội, trung đội rồi xin gia nhập đoàn quân Vệ quốc. Ở cơ quan nào cũng có những chú bé đến đòi cho em đi liên lạc, làm cấp dưỡng, làm gì cũng làm.

Báo Cứu Quốc cũng vậy, có em đến học sắp chữ, xin đi “làm cách mạng, đi đánh Tây”. Một em theo Phạm Văn Hảo lên Tây Bắc, bị Pháp nhảy dù đánh úp, mất tích. Em Vinh bị vây trong Hà Nội, chạy thoát được ra lại tìm lên Bắc Cạn. Em Cầu, em Tước là những em hăng hái như vậy. Ngay ở Bản Hậu, nơi chúng tôi đương ở, cũng nhiều trẻ em dân tộc đòi theo cơ quan. Các em trong làng không xa nhà bao giờ mà hăng hái thế. Tương và Nhu, mấy năm sau đã theo tôi về dưới Bắc Giang.

Trước hết, tính nơi ở và công việc cho Phúc Mơ và Tước.

Kho tàng bên ấy chẳng qua chỉ ném tạm vào rừng. Tây trong Phủ Thông, nếu hôm nào nó cần chặt, đốt bớt rừng xung quanh, sẽ đi đòi mấy cái kho. Đảng nào sang giềng cũng phải tính bốc đi. Phúc Mơ sang để sửa soạn trước việc đó.

Phúc Mơ làm lán ở cách một quãng. Ở đấy, ngày ngày đến kiểm soát kho. Như vậy, vừa xa đồn địch lại bảo đảm bí mật kho tàng.

Trần Đình Thọ có sáng kiến lập một "chi nhánh" in li-tô bên ấy. Ngoài tờ báo tin tức, mở xuất bản in bằng li tô. Ngồi trong rừng có thêm việc hàng ngày. Mà làm việc đến bao nhiêu cũng không thể cạn. Bởi vì kho giấy, kho mực ngay đấy.

Trong tủ sách của toà soạn, có nhiều sách in bằng li-tô của Khu Giải phóng ngày trước. Những quyển Du kích Nga, và Ba trẻ anh hùng ở Hạ Môn được lấy ra in lại. Những sách ấy vẫn thích hợp với phong trào đánh du kích bây giờ. Tôi đã tìm được việc làm hàng ngày cùng với công tác coi kho của Phúc Mơ và Tước.

Trước khi đi, chi bộ tổ chức kết nạp Phúc Mơ vào Đảng.

Thế là, chi bộ thêm hai đảng viên mới, ngay trong lúc công tác khẩn trương. Cùng một cảnh trong rừng ở Bản Hậu, nhưng kết nạp Phúc Mơ được tổ chức đàng hoàng hơn hôm kết nạp Nam Cao.

Chúng tôi ở trong lán. Hoạ sĩ Trần Đình Thọ vẽ một hình búa liềm to cài lên vách nứa. Trên sàn có một ống tre cắm hoa mua, hoa sim. Phúc Mơ giơ tay thề tuyệt đối trung thành với Đảng, nước mắt Phúc Mơ ứa

ra, như khi Nam Cao giơ tay thề như thế. Đêm ấy, Phúc Mơ kể: "Anh ạ, tôi nhớ bố mẹ tôi, tôi thương bố mẹ tôi, bố mẹ tôi chết năm đói cả rồi".

Trần Đình Thọ hướng dẫn cách viết chữ ngược, bôi chanh đặt giấy, lấn đá. Rồi Phúc Mơ và em Tước sang giữ kho giấy bên Phủ Thông.

Chỉ tuần lễ sau, đã thấy Tước đeo về điệu sách in, xén cẩn thận, buộc hai buộc dây rừng. Hơn trăm quyển Du kích Nga phát hành đợt đầu. Công việc khá tẩn tưởi...

Tết bây giờ mới đến. Nhưng về Tết đã đến từ hôm hoa mai trắng ngần đầu rừng. Anh em quảy gạo sang lán Phúc Mơ và thịt lợn, thịt gà đã kho sẵn, cả những xôi bánh tày của bà con trong làng đem cho cơ quan ngày Tết. Chúng tôi chuyển thư khen của Tổng bộ Việt Minh về công tác kịp thời của chúng tôi ra sách báo cho đồng bào các dân tộc ở Việt Bắc.

Ngoài giêng, Sáu Hùng đưa mấy anh thợ in sang. Ngày Tết, chắc Phúc Mơ đã in được kha khá, phải sang gánh đỡ về. Hơn nữa, bên này đã cạn giấy, đi lấy giấy mực nhân thế.

Xế trưa, tôi đang họp với xã ở lán chủ nhiệm Việt Minh. Mộc vào gọi:

- Anh Tư về ngay!
- Việc gì thế?
- Anh Sáu Hùng về rồi.
- Ờ, để anh họp xong. Bảo anh Sáu Hùng cứ đỡ giấy mực ra.
- Nhưng mà có việc khác kia, anh Sáu Hùng bảo thế.
- Việc gì, chú biết không?
- Em có biết.
- Việc gì thế?

Chú Mộc nói thông thả:

- Tây đốt kho giấy của ta ở Phủ Thông rồi.

Tôi về ngay. Các anh sang gần đến nơi, vào nghỉ lán một nhà quen ở rừng Vi Hương. Cũng để nghe ngóng tình hình. Lúc ấy, có chị xách cái nồi hớt hải chạy ra. Sáu Hùng hỏi:

- Cái gì thế?

Chị ấy nói: "Tây vào ngoài suối, bắt mất hai cán bộ rồi". Sáu Hùng lại hỏi: "Hai cán bộ nào?". Chị, nói: "Hai cán bộ kho giấy ấy mà".

Một lát thấy rừng bên khói lên, rồi tiếng nứa nổ lép bép, rồi ánh lửa đỏ khé ngùn ngụt bốc. Tây đốt kho.

Nhưng cũng chưa tin hẳn. Sáu Hùng chạy theo vào lán sâu, tìm gặp người ẩn trong ấy xem thực hư thế nào.

Một cụ già đi đến.

- Hôm qua, hai cháu cán bộ đến lán nhà cụ chơi. Sáng nay hai cháu xuống suối lấy nước gặp Tây đi tuần. Có người ta trông thấy mà. Còn trông thấy cả Tây đem hai cháu cán bộ về lán, về kho đấy. Nó đốt kho khói đầy rừng kia. Thế là cán bộ làm phản, đem Tây về đốt của cải của đoàn thể ta.

Sáu Hùng và anh em chạy về. Chúng tôi bàn cách chuyển lán đương ở và máy in. Phải đề phòng cả khả năng xấu ấy. Có thể lắm. Có thể Phúc Mơ dẫn Tây sang đây.

Nhưng tôi phân vân, thật phân vân. Tôi không thể hình dung được Phúc Mơ lại như thế.

Tôi bảo anh em không vội. Có gì, mai hãy chuyển cho cẩn thận, và không nên làm hoang mang bà con các lán quanh đây vẫn chưa biết việc xảy ra bên Phủ Thông. Chúng tôi ở lại.

Đêm ấy cắt canh gác suốt đêm. Chúng tôi làm lặng lẽ. Nhưng chỉ đến chập tối, bà con đã biết cả. Không một khe rừng nào thôi thóp ánh lửa. Người ta đã dọn đi hay ở nhà mà không dám đốt lửa. Tự nghĩ thấy xấu hổ. Cơ quan cách mạng mà có người phản bội để lo lắng cho làng xóm. Cả đêm không ai chợp mắt.

Sáng sớm, dưới chân núi, sương phủ trắng trên đèo Giàng. Thật là ngày rồi. Một đêm yên tĩnh, và ngày mùa đông trong óng như thế, tôi lại nghĩ đến Phúc Mơ. Phúc Mơ không thể phản bội.

Sáu Hùng lại sang Phủ Thông. Sáu Hùng bao giờ cũng bồn chồn sôi nổi. Quê anh vùng Canh Diễn. Sáu Hùng lại đi.

Sáu Hùng đi một mình. Sáu Hùng nói: "Để tôi đi một mình đã. Tôi thuộc đường. Lại quen biết hết bên ấy. Đi một mình cho gọn, dễ xoay xoả. Không sao đâu".

Đến giữa trưa, Sáu Hùng đã về. Đi nhanh như vậy, Sáu Hùng nói to:

- Thằng Phúc Mơ tinh thần lắm. Không phải nó dẫn Tây vào đốt kho đâu. Kho giấy vẫn còn nguyên. Tao vào tận nơi xem rồi mới về đây mà.

Câu nói đó của Sáu Hùng đem lại cho mọi người cái nhẹ người. Không những vì kho không bị đốt, mà vì biết Phúc Mơ không phản bội.

Thì ra buổi sớm, Phúc Mơ và Tước ra suối lấy nước. Ở rừng cẩn thận, theo cách của người khu du kích đã có kinh nghiệm, không làm lán cạnh suối, sợ Tây hay lòng ngược, tìm người ở ngọn nước. Phúc Mơ ở xa suối, mấy ngày mới đi vác nước một lần.

Bọn lính Pháp mò đi lùng theo suối.

Chúng bắt được cả Phúc Mơ và Tước. Chúng đánh hai người ngay trên bờ suối. Phúc Mơ chỉ nhận là người trong làng đi kiếm củi. Hai anh em đều mặc quần áo chàm như người ở đây. Nhưng em Tước lại thắt cái thắt lưng da to bản, kiểu thắt lưng bộ đội. Thế là chúng nó cứ đánh, đánh mãi.

Rồi chúng bắt Phúc Mơ dẫn đến nơi ở. Phúc Mơ và em Tước đưa bọn lính về lán. Vốn quen làm việc gòn gàng ở nhà máy, lại cẩn thận đề phòng. Nơi ở của hai người cũng như lán ở rừng. Trên mặt sàn nằm chỉ có bộ quần áo, cái quang treo xoong cơm và nôi thịt Tết. Nhưng bọn Pháp vẫn nghi ngờ.

Chúng nó lại đánh. Phúc Mơ chỉ một mực nói: “Tôi ở đây”. Em Tước lắc đầu không biết.

Khói và ánh lửa hôm trước trông thấy, chỉ là khói Tây đốt lán Phúc Mơ.

Tôi đã đến họp với các xã, kể cho cán cán bộ xã nghe tình thần Phúc Mơ và em Tước dũng cảm bảo vệ kho như thế nào.

Mấy hôm sau, chuyển được hết kho giấy mực về. Các làng Dao ở Nà Đông, Cốc Phường, Vàng Kheo, Pic Cáy lại xuống khuân kho cho chúng tôi. Người Dao đi rừng như hổ đi, cứ theo hướng, không cần đường. Vào tận kho, dỡ giấy mực hai ngày liền, mà Pháp ngoài đồn Phủ Thông không hay biết gì.

Chúng tôi vào lán Phúc Mơ ở. Còn thấy được cái ống đựng đậu xanh. Tìm quanh đấy, trong hốc cây có mấy chục quyển Ba trẻ anh hùng ở Hạ Môn.

Đầu mùa hạ, trung đoàn 88 đánh tiêu diệt Phủ Thông.

Bộ đội vào cứu được một số đồng bào. Nhưng không thấy Phúc Mơ và em Tước.

1973

Chú thích:

(1) Từ 1947, báo Cứu Quốc ra hàng ngày khắp các chiến khu, gồm có: Cứu Quốc trung ương. Cứu Quốc khu 11 (Hà Nội). Cứu Quốc khu 3, Cứu Quốc khu 10, Cứu Quốc khu 12, Cứu Quốc Việt Bắc, Cứu Quốc khu 4. Cứu Quốc khu 5, Cứu Quốc Nam Bộ.

TẬP TỰ TRUYỆN - TÔ HOÀI

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

8. Ông già ở Agra.:

Chưa bao giờ tôi nghĩ có ngày tôi đến Ấn Độ. Đất nước Ấn Độ, với tôi trong ý nghĩ, vừa xa lại vừa gần.

Bởi từ thuở bé, tôi đã được phiêu lưu theo Tây du ký qua những chốn lạ lùng với thầy trò Đường Tăng. Bởi vì, bây giờ ở Tân Đêli, ở Bombay hay Canquita, gặp chúng tôi đến từ Việt Nam, người Ấn Độ đọc câu thơ: Tên tôi, tên anh là Việt Nam...

Và trong tôi Ấn Độ còn nguyên những mơ màng, chiêm bao xám mờ của tuổi thơ tôi ở trong làng.

Các làng vùng Bưởi, người tứ chiếng đến ngụ cư cũng nhiều. Người Đại Từ lên xóm Vạc làng Yên Thái bờ sông Tô Lịch làm nghề nấu dó đã mấy đời. Các chị thợ xeo giấy quê dưới Nam. Trai tráng Quần Anh, Quần Tín ở Thái Bình lên làm thợ thâm nhuộm lĩnh lụa. Đến mùa rét, các nhà đào ao, đắp tường, từng bọn thợ đấu trên Phụng kéo xuống trọ rồi đi rao hỏi việc khắp các ngõ.

Lại có những người tặn đầu đầu, không bao giờ chúng tôi có thể tưởng tượng ra nơi xa xôi ấy, cũng đến sinh cơ lập nghiệp. Có người nước Nhật làm hiệu buôn trong thành phố về lấy vợ làng Đoài Môn. Có ông Ấn Độ chuyên chăn dê. Ông ấy lấy vợ làng Bái. Làng Yên Thái, làng Đông, làng Hồ, có người Tàu đến ở lâu từ bao đời, ai cũng coi như người Nam Định, Thái Bình lên. Có một người Tàu đến ở gần đây nhất một ông quan ba Tàu. Năm 1945, Tàu Tưởng được làm Đồng minh thắng trận, sang đóng quân ở trường đạo La Coóc Đe trên Quần Ngựa, lo việc tước khí giới quân đội Nhật. Ông quan Tàu này hay xuống dốc Bái chơi nhà thổ nhà mụ Tíu.

Đến khi quân Tàu rút về, ông ở lại. Ông lấy cô nhà thổ. Hai vợ chồng sinh sống bằng nghề quẩy nước thuê cho các tàu xeo giấy, về sau đi đâu không biết.

Những người lạ ấy đều nói giọng vùng tôi. Những đứa trẻ Nhật hay Ấn Độ, hay Tàu nói tiếng Bưởi hết giọng hơn cả tôi.

Các nhà Tàu bán thuốc bắc, giết thịt lợn, mở hiệu cao lâu, bán kẹo, làm thợ dọi vàng lá trang kim. Con trai cũng được “vào làng”, đóng tiền đi việc làng, đi khiêng giúp đòn đám ma rồi ăn cỗ, cũng đánh trống đi rước những ngày đình đám.

Nhưng tôi biết hơn cả, là nhà ông Tây đen - Ông Carata Sinh. Điều đó tự nhiên với tôi, vì nhà ông ấy có lũ con trạc tuổi tôi cùng đi học trường làng Yên Thái.

Mấy hôm nay các bạn nhà văn Ấn Độ đưa tôi đi chơi đền Ta Mahan ở tỉnh Agra. Một di tích đẹp vùng

Trung Ấn. Quả tình, tôi thấy cũng không có gì lạ. Tôi mơ hồ trong những nghĩ ngợi lông bông. Không phải vì không có gì quyến rũ lòng ham hiểu biết, thưởng thức, say mê nghệ thuật. Ở trong đền có một ngôi mộ hoàng hậu Munta Mahan. Cái đau xót của ông vua có vợ chết đã biến thành công trình xây dựng và điêu khắc dày công tốn của như thế vậy - nỗi buồn của vua chúa cũng khác người ta.

Tôi đương đi qua một vùng đồng bằng mênh mông trời xanh xanh thăm. Người ta bảo tất cả những con đất nhô ra biển đều có quang cảnh và tính nết tương tự, mặc dầu, so với thân hình cả nước ý đắm vào Địa Trung Hải thì cái doi đất Ấn Độ bao la gấp bao nhiêu lần, nhưng Ấn Độ cũng như thế hai bên là đại dương, giữa bao phủ ngày đêm một trời thiên thanh. Hàng năm chỉ có vài ba cơn mưa, đôi khi mùa hạ đem đến những đám mây đen tụ lại chốc lát, nhả nước xuống rồi tan ngay, trời đất trở lại màu xanh nhợt nhạt quanh năm.

Trong những ngày đêm Ấn Độ hồi ấy, tôi đi dưới khoảng trời lúc nào cũng xanh. Vòm trời nhờ nhờ, đây là màu xanh ban đêm, màu xanh thăm trời, rồi tiếp đến đất nước lại xanh xanh suốt ngày không lúc nào khác.

Những cánh đồng ngô, những cánh đồng cà tím liên tiếp dọc đường. Không giống những quăng đồng ruộng bé nhỏ quê tôi, ở đây cánh đồng dằng dặc xào xạc vàng nhợt, những bãi cà tím bao la quanh những tảng đá ngời chói như những núi nham thạch sao băng rơi. Đường xuống phía nam lại bỏ dọc qua những cánh đồng trơ trọi bãi ngô vừa bẻ.

Từng đàn lạc đà tải hàng, đi dài. Người cưỡi lạc đà chỉ hở hai con mắt nhấp nhô sau cái vấu vai con vật, đầu quấn khăn trắng giữa nắng sa mạc.

Sông Hằng xa xa mặt nước lẫn bờ cát vàng. Vài chỗ cạn, có một đàn trâu đen, sừng cong tròn. Lặng lẽ đứng uống nước trông ra dòng nước nắng ánh lên đỏ chói. Đằng kia, làng xóm lơ thơ những túp nhà lợp lá mía trắng nhờ trong làn bụi mịn mù. Con đường đất xuyên bờ bãi vào tới cái giếng có thành cao tròn đầu làng, người đứng xúm xít. Đã lâu không mưa, chiếc lá xanh cũng đổi màu bạc. Người làm đồng, váy áo trắng quần bụi bên cạnh những con la lắc lư, ngất ngưỡng.

Nắng thế mà những người đàn bà đi làm vẫn thướt tha bộ cánh váy áo loà toả, toả trắng, toả hồng, toả vàng.

Ở những thị trấn ven đường có những người làm trò quỷ thuật, người làm xiếc, con người đông dài trong thiên nhiên, như thiên nhiên. Người ấy, tay cầm cái beng beng bằng đồng, gõ từng tiếng một, thông thả bước ra, mấy con khỉ lon ton đi trước ông chủ. Ở ngực mỗi chú đeo một cái trống tý tẹo. Cẳng chân khỉ nhỏ như cái que, bước đều tậm tấp, như giả, như thật. Chốc chốc, con khỉ giơ hai tay vỗ mặt trống, ngoảnh bên phải, ngoảnh bên trái, căng căng, vênh váo.

Những người đạo sĩ làm quỷ thuật, người làm việc đi dong trong những đêm Tân Đêli xanh biếc, sôi nổi bập bùng tiếng trống cơm. Các góc phố, các ngã năm, ngã sáu, ở thị trấn nào cũng có những đám hát, - đám

xăm chợ, như ở ta.

Người xem sáng đêm vẫn đông như nôm cối. Điệu múa Tala Mala, thần nước xanh, thần lửa đỏ quần lấy nhau, đẹp kỳ diệu. Tưởng như đời sống tinh thần của các dân tộc ở Ấn Độ đã trải những nền văn hoá lâu đời như từng thời kỳ của tuổi trái đất.

Đền Ta Mahan trong bóng tường thành uy nghiêm cất lên nền trời xanh, đẹp nhất toà tháp tròn nóc đá trắng cao lơ lửng như vầng trăng mọc ban ngày trên sông Giua, một nhánh sông Hằng. Cái nóc nhà lạ lùng, cái thang gác toàn đá trắng đá đỏ ở lõi xuống hầm mộ bà hoàng hậu, tuyệt vời tinh hoa kiến trúc của văn hoá Ấn Hồi.

Tôi tha thần ra chỗ lan can đá góc sân đền hạ nhìn xuống sông. Con đường mùa cạn, sông đọng từng vũng nước tròn. Trẻ con vầy nước, tiếng cười the thé chen tiếng đập vải, vỗ vải từ mặt nước vang lên. Từng đàn trâu sừng cong cuốn như cái loa kèn in hình đen kịt mặt cát trắng, lù lù nổi nhau lội qua sông.

Ở bờ tường đá giáp lưng tôi, cũng có người ngồi. Một ông già, ông đạo sĩ già trong làng ra chơi qui thuật. Có lẽ thế. Từ này, ông già duỗi thẳng hai chân, yên như cái yên lặng ở đấy.

Tôi chỉ thấy nhờ nhờ râu tóc và con mắt loáng sáng ngược lên rồi lại thăm thăm đi đâu. Con mắt ấy đã khiến tôi chú ý đến ông. Phải thế không, hay là bởi một hồi tưởng xa xôi nào.

Ông già từ từ đứng dậy. Trước mặt ông, một con gấu đứng đấy tự bao giờ. Con gấu đen, lưng kẻ một vạch lông trắng lủa tủa như bờm ngựa, cao hơn hẳn người, như cây dừa che bóng tàu lá trên ông già. Mồm nó rúc trong chiếc rọ con, cái rọ mỏng mảnh đóng vào mồm gấu cốt làm phép cho khách lạ khỏi hãi thôi, chứ đấy là con gấu ở với ông. Chắc người sai bảo nó đã quá quen. Ông đứng lên thì con gấu bước ra ngoài, dưới lưng ngay trước mặt. Hai mắt gấu thâm lầy như hai giọt nước mắt trong vắt sắp rơi xuống đám lông ngực đen xám.

Một tay gấu cầm chiếc côn gỗ thông, đầu buộc cái chuông nhỏ. Gấu bắt đầu lắc nhạc reo leng keng... leng keng... nhẹ nhẹ, và từ lúc ấy, luôn tay rung như thế.

Ông già ra đứng với con gấu như hai bố con cùng khúm núm chào khách rồi nhấc cái bị trên vai xuống. Chiếc bị bằng vải xám nhạt, như bao bưu kiện của người công nhân mỗi sáng khuôn ra các xe thư.

Trông màu bao tải, tôi nhớ tôi đã trông thấy cái bao tải như thế này. Không phải mới trông thấy thường mấy hôm nay ở dọc đường, mà ngày trước ông già Carata Sinh ở làng tôi cũng có chiếc bao tải giống thế. Trí nhớ khó hiểu của người ta nhiều khi đình ninh, mặc dầu sự thực cũng lắm lúc chẳng phải. Nhưng lúc này, cái nhớ như thế, làm cho tôi có cảm tưởng bàn tay xám xù xì của ông già ở Ta Mahan này tôi đã được thấy, tôi biết từ lâu rồi.

Chiếc bao tải màu xám nhạt đeo trên vai ông già Carata Sinh ngày ấy ở vùng Bưởi. Chập tối, từ trên

thành phố về nhà, ông bỏ bao xuống, trong cái bao xam xám lẫn lóc ra, có khi là quả cà tím đem bán còn ế lại, có khi là mẩu bánh - không phải những chiếc bánh, mà những mẩu bánh, mẩu đầu đuôi chiếc bánh mì. Lúc này, trên đường đi làm về qua Cửa Bắc, ông Carata Sinh đã mua của những người gánh đồ thầu cơm cho lính Tây đem ra dọc đường Cửa Đông bày bán những thùng thức ăn thừa - người bấy giờ gọi là đồ Tây quăng. Ông Carata Sinh đã mua những mẩu bánh vụn như thế. Ông buông cái bị xuống đầu nhà. Lũ trẻ trong nhà, những thằng Caranan Sinh, cái Hácô, thằng Uđà Sinh chạy đến, bao giờ cũng hồi hộp và nhộn nhạo hẳn lên.

Bây giờ, ông già làm xiếc đặt chiếc túi xam xuống. Tất nhiên, chẳng khi nào việc đời hơn ba mươi năm trước lại trở lại đúng là quả cà tím của ông Carata Sinh đổ ra. Cái túi của ông già vừa buông, ngoẵng ra một đàn rắn.

Những con cạp nong, cạp nia khúc vàng khúc trắng, con rắn da mờ như da rắn ráo, vừa bò vừa vươn lên, bạnh mang tròn đầu như quả vả, nghe ngóng đánh hơi. Những con rắn đương tìm nghe tiếng nhạc. Người thả rắn thế này, tôi cũng thường trông thấy ở dọc đường các thành phố Ấn Độ. Người ta cầm ống sáo thổi. Con rắn ngó ngó như đuôi bắt những tiếng réo rắt. Lúc ấy, một nhà du lịch nào đó đến chụp ảnh với đàn rắn vừa nghe nhạc và múa. Khách đã thấy rõ những con rắn chỉ là những thính giả hiền lành đương say nhạc. Khách đứng vào giữa đám rắn, bấm ảnh rồi trả công cho người đã cho thuê cái phong lý thú như thế. Cảnh ấy làm kỷ niệm, ở đâu khác, người xem ảnh còn lý thú hơn nhiều những bức ảnh người chụp với gấu gỗ, hổ gỗ, cá sấu nhồi cỏ thường thấy bày ở vườn hoa các thành phố châu Âu công nghiệp không có hổ, gấu và cá sấu.

Ông già có chiếc túi xam đựng rắn giống cái túi của ông Carata Sinh làng tôi ngày trước. Khi tôi còn bé, tôi thấy trẻ con đi chăn trâu mùa lạnh hay tìm các hang đất bắt những con rắn ráo ngủ tránh rét trong đấy rồi đem quần rắn lẫn vào trong cổ áo, bảo có khăn quàng rắn vào cổ thể thì ấm, khỏi ho. Chẳng biết ông Carata Sinh và trẻ con nhà ông có chơi rắn như thế không, ngày ấy tôi không chú ý như vậy.

Tôi bước đến gần ông già cửa đền Ta Mahan. Tôi giơ tay muốn nói xin ông bắt lại những con rắn vào bao tải. Không khó khăn gì, ông già buông cái sáo xuống, tiếng nhạc o o vừa im, những con rắn lẳng lẳng ngoẵng vào cái tải - đã thành lệ thế. Và thế là quang cảnh xung quanh không còn rung động như lúc có tiếng chuông khe khẽ như tiếng nước reo trên đầu cái côn của con gấu và những con rắn đương nghe tiếng sáo.

Ông hộ pháp gấu từ này cầm dựng cái côn, lại lùi ra đứng tựa vào tường đá.

Tôi đến ngồi cạnh ông già. Trời nắng dịu - một ngày cuối thu như ở ta. Nắng vàng nhoe trên mặt sông gió cuốn, trong cánh đồng cát bay có những người xách cào đi làm đồng về qua đấy, các bà già giặt vải ở dưới sông, lũ trẻ chơi bên bờ nước cũng đã lên đây, cả những người gác đền cũng tụ lại trong chỗ nhiều bóng nắng. Người nằm trong nắng và trong cỏ như mình ngồi quạt máy, cái thú của người ta ở đây. Ông già làm xiếc cũng ngả mình xuống bãi cỏ đầu kê lên cái tải xam. Những con rắn nằm xếp khúc bên trong, im như những nồn gối bông thật.

Tôi bồi hồi mỉm cười, tôi gọi ông già. Tôi gọi bằng tên người mà tôi nhớ.

- Ông Carata Sinh ời?

Ông già nhìn tôi, hai mắt mở to dưới hàng lông mày rậm bạc nhờ nhệch, khác vẻ lim dim suy nghĩ lúc nãy. Rồi ông nhại lại những tiếng tôi vừa gọi:

- Carata Sing...

Anh bạn nhà văn người Băng gan cùng đi, bảo tôi:

- Cụ ấy nói tên người. Carata Sing... Sing...

Tôi lại gọi:

- Hácô ời?

Ông già đáp, như nhắc tôi gọi cho đúng hơn:

- Hara Co?

Tôi kể cho bạn nghe chuyện ngày trước, ở làng tôi. Bóng nắng vàng bờ sông, như từ nhánh sông Hằng ngoài xa kia kia, cát cũng vàng lẫn nắng.

Làng tôi, ba bốn mươi năm trước ở ven thành phố, nhưng không có vẻ phường phố. Nhiều người cả đời không ra Kê Chợ bao giờ. Chúng tôi thèm Kê Chợ đến nỗi hay bắt con bọ ngựa, cầm gậy bọ ngựa lên hỏi: "Bọ ngựa? Bọ ngựa? Kê Chợ đằng nào?" Chiếc gươm con bọ ngựa bơi bơi phía nào thì trẻ con lại cười ngẩn ngơ, bảo nhau: "Kê Chợ đằng ấy? Kê Chợ đằng ấy?". Thỉnh thoảng mới nghe tiếng chuông xe đạp kính coong trên đường Thành xuống dốc chợ. Có khi là tiếng chuông xe đạp của ông Carata Sinh - không biết xe của ông hay của sở Tây cho mượn. Trẻ con lóc nhóc chạy theo, kêu toáng lên: "Ma tà! Ma tà bắt gà bỏ túi!". Ông ấy nhảy xuống xe, quay lại. Thế là lũ trẻ sợ, biến vào những bụi dứa dại dưới chân đê.

Tôi không được biết ông ấy đến vùng tôi từ bao giờ.

Nhưng tôi biết tên ông không phải là Ma tà, tên ông là Carata Sinh. Công phu lắm mới biết được? Phải xem trộm cái khai sinh của thằng Uđà Sinh. Ngày trước, trẻ con hay giấu không cho đứa nào biết khai sinh, sợ đến lúc chửi nhau thì nó réo tên bố mẹ mình. Nhưng tôi không cãi nhau với Uđà Sinh bao giờ và cũng không mách tên bố nó cho đứa khác biết.

Nhà ông ấy ở vườn Bàng, cái bãi hoang cạnh đồn Bưởi.

Ông lấy vợ làng Bái. Cả hai chị em cô Gáo đều là vợ ông, bà cả bà hai. Ai mới lái nên cuộc nhân duyên lạ lùng ấy, tôi chỉ trạc tuổi với Uđà Sinh, đứa con bé nhất trong nhà, tôi không thể biết.

Anh lớn, anh Caranan Sinh đã thôi học, ra về người lớn rồi. Một hôm tôi thấy Caranan Sinh không cời trần như mọi khi. Đầu anh quấn khăn vố to bằng cái vành rế, thường gọi là khăn quấn thùng. Như bố. Cũng như bố, hai con mắt dưới lằn khăn vố càng sâu hoắm. Anh để râu quai nón. Chỉ khác, bộ râu anh chưa ngả màu vàng như râu bố. Anh mặc sơ mi lụa mờ gà, anh hay đi đâu, thường đến chiều, khi chúng tôi tan học mới về.

Chúng tôi túm anh lại, hỏi:

- Anh Nan ơi anh Nan, anh đi đâu về thế?

Anh quắc mắt, trịnh trọng nói:

- Tao đi làm, tao đi làm mà chúng mày không biết à?

Bây giờ tôi mới để ý anh Carnan Sinh đi đôi giày da gan gà của bố, bước cộp cộp. Mỗi ngày gặp, trông mặt anh càng tối xạm, vì râu ria cứ xồm xoàm ra. Caranan Sinh đã chạy được chân chặn dê ở Ngã Tư Sở. Anh ấy đi giày tây, chít khăn và để râu dài cho ra vẻ người lớn. Có thể người ta mới mượn làm và chúng tôi còn đoán: anh phải để râu vậy, đàn dê mới sợ, và trẻ con cũng sợ, không dám đến nghịch.

Cái Hác Cô học cùng lớp với tôi. Bàn tôi ngồi dài độ hai sải chân, có sáu đứa, đến năm đứa là con gái. Cái Lộ ở làng Cả, cái Trung trên Quán La... Có mình tôi là con trai ngồi cuối bàn, áp tường, lếp vế quá. Chen chúc một cái bàn như thế, bọn con gái tai ác cứ bắt nạt tôi, lúc nào chúng cũng ngồi xoe quần lên tận bẹn. Tôi sợ chúng nó, sợ cả cái Hác Cô.

Tưởng cái Hác Cô có thể đâm tôi, tát tôi, dù nó không dành tôi bao giờ. Nhưng lúc nào tôi cũng sợ.

Trông mặt mũi cái Hác Cô khác lạ và dữ lắm. Nó không giống mẹ - có lẽ nó giống đàn bà ở đất nước bố nó. Đầy đà, da đen mờ, hai mắt sâu, to, cứ ngơ ngơ, mới thoát tưởng thờ ơ, kỳ tình nó đương nhìn lạ lùng đến ngẩn ngơ ra thì có. Ôi, đôi mắt, đôi mắt thăm thẳm của cái Hác Cô, không, đôi mắt ấy không ác với tôi đâu. Có khi nghe tiếng người ta nói, chỉ mới nghe cũng làm cho mình được an ủi, tin ngay. Đôi mắt ấy cũng như thế. Lúc ấy mới vào lớp, cả lớp còn lơ nhố đứng đợi thầy giáo Thịnh gõ cái thước cho phép ngồi, mới được ngồi xuống.

Cái Hác Cô quay sang, thì thào hỏi lại tôi:

- Mày bảo cái gì?

Tôi lại nói, khỗ sở, khe khẽ:

- Cho tao để nhờ vào lưng...

Thế là nó hiểu. Nó vẫn ngồi tự nhiên, nói:

- Được rồi.

Giọng nói và đôi mắt nó thật dịu. Không phải tôi có cảm tưởng vậy, vì nó hứa làm ơn cho tôi. Thế nào hôm nay tôi cũng bị gọi đọc bài. Tôi đã nhiều lần nghiệm cứ y như xem bói thấy thế, khi mình không học bài thì lại hay bị thầy giáo gọi đọc bài.

Tôi sẽ phải đứng lên, khoan tay lại, đọc thuộc lòng một bài cách trí. Hác Cô sẽ cho tôi đặt quyển vở lên cái lưng bè bè của nó. Nó giả vờ ngồi hơi cúi để quyển vở khỏi đổ. Tôi có thể đọc bài cách trí bằng cách hếch một mắt lên để thầy biết mình đương đọc thuộc lòng, còn một mắt cúp xuống quyển vở mở trên lưng áo cái Hác Cô.

Nhiều lần nó đã cho tôi nhờ, dù nó biết nếu làm ơn này bị lộ, thầy giáo sẽ phạt quỳ nó, có thể phạt lay cả bàn phải quỳ lên ghế suốt buổi đến sưng đầu gối. Nhưng những đứa ngồi cùng bàn cũng không đứa nào cản trở hay mách thầy. Bọn con gái hay bắt nạt tôi, nhưng hình như thầy giáo càng ác, học trò sợ khiếp lên, càng hay tìm cách ngấm ngầm giúp nhau và đấy cũng là cách chống trả. Thế đấy, tôi vẫn nhớ những chuyện nhỏ bé, nhạt nhẽo như thế về cái Hác Cô.

Thằng Uđà Sinh, em cái Hác Cô ngồi bàn sau tôi. Chỉ bàn trên bàn dưới, đã ra hai lớp khác nhau. Có nghĩa là Uđà Sinh mới chỉ học lớp "a b c dặt dề..." thôi. Nhưng tôi chơi với nó. Chỉ vì tôi ham tìm tổ chim chích choè trong bụi tre, bắt dế, nhổ trộm củ cà rốt. Những việc tình nghịch ấy chúng tôi mả lảm.

Chẳng mấy đứa bè bạn với chị em nhà nó. Không biết có phải trông người ngợm chúng nó đen đui, xa lạ thế nào ấy.

Chỉ một việc nghĩ đến chỗ nhà chúng nó ở, bọn trẻ con đã lo lắng lắm rồi. Nhà nó ở bãi hoang vườn Bàng, cả người lớn cũng chẳng ai có việc qua đấy. Không biết ai đã bảo cho chúng tôi biết vườn Bàng - chẳng có cây bàng nào - ngày xưa khi Tây mới sang, Tây đem người ra đấy chém nhiều lắm. Nghe nói bây giờ đào còn xương người, có khi chỉ thấy cái đầu lâu.

Làm sao chúng tôi dám bén mảng đến chỗ ghê gớm thế, dù cho có tò mò thế nào. Cứ nghĩ mà đã rợn, khi thấy chị em cái Hác Cô đi học, lại nhớ đêm qua chúng nó đã ở trong cái vườn Bàng có ma hiện ra cả đêm. Cũng may, những ý nghĩ kinh hãi chỉ thấp thoáng từng lúc. Rồi cả những cuộc chơi mê mải của tuổi ấy làm cho nỗi sợ vẩn vơ lúc đậm, lúc mờ đi.

Một hôm, Uđà Sinh rủ tôi:

- Nhà tao có cái này cơ. Sang mà xem...

- Xem cái gì?

Nó cười, răng trắng, ghé tai:

- Nhà tao mới có con khi. Đừng bảo đứa nào. Chỉ một mình mày thôi.

Làm như đứa nào cũng thích đến chơi nhà nó! Nhưng mà nhà nó có con khi. Con khi à? Thế lại chuyện khác. Thế thì lạ quá ở chợ, hàng thuốc ê và người làm xiếc, hay dắt con khi.

Con khi quái quỷ lắm. Trông thấy trẻ con, khi kêu khếch khếch như chửi nhau, rồi quay lại, giơ mông, gãi đít. Tuy thế, trẻ con không tức nó, mà lại reo lên. Thế mà ở nhà thằng Uđà Sinh bây giờ có một con khi.

Tôi không được sự cảm dỗ đến nỗi quên cả sợ. Một hôm, tôi theo Uđà Sinh về nhà nó. Nhà ai trong làng cũng đôi bên hàng xóm khin khít, nhà này nằm trống chệnh giữa khu vườn. Một túp hai gian lúp xúp. Những luống cà tím, luống già vừa hái, luống mới gieo, luống đương bồi, lá tốt um chạm mái tranh. Bố nó đã đem giống cà này từ bên nước Ấn Độ sang. Người ta theo hình thù, màu sắc của nó, đặt tên là quả cà dái dê, quả cà tím. Có người còn kể lần đầu, mẹ nó quấy cà ra chợ bán chẳng ma nào mớ đến. Nhưng rồi thấy ăn bồi như cà ghém, mà lại rẻ. Ở chợ, dù có ôi đến đâu mà rẻ cũng bán hết. Mùa sau, đã có người trồng rau bên Đồng Văn đến nhà Uđà Sinh mua hạt giống. Rồi năm sau, khối người gánh cà dái dê ra chợ Bưởi.

Cái Hác Cô quảy đôi thùng tre ghép, chiếc gáo dừa thọc xuống một đầu thùng. Nó trân trân nhìn tôi, rồi lại đi ra ao lấy nước tưới. Không bao giờ cái Hác Cô nói hay chào hỏi tôi, trừ phi hôm nào tôi để nhờ quẩy vở vào lưng nó, nó chỉ hơi gật đầu, hay lý nhí “được rồi” mà thôi.

Ở con khi kia kìa. Con khi con, xinh như chú mèo tý tẹo được buộc vào sợi xích nhôm trắng bên cái cột chống phen cửa. Tôi ngồi ngoài sân cũng xem được. Con khi tung tăng mãi miết đi quanh cái cột. Con khi gặm quả cà dái dê. Hai tay khi bưng quả cà, nhấp nháy mắt, nhai gau gấu. Cái vai xo lên, như ông già lụ khụ, lợm khom.

Một lát, tôi đưa mắt nhìn quanh. Vào buổi trưa, thường mẹ nó, dì nó và chị nó ra chợ bán cà. Thế là hôm nay mẹ nó ở ngoài chợ, chị nó phải tưới vườn. Còn bố nó và anh nó, đã đi làm, chập tối mới về.

Tôi lé mắt vào khe liếp. Nhà nó có nhiều thứ cũng như mọi nhà trong làng. Cái chum nước, cái chõng, vại cà muối, chiếc thùng chẳng đầu hè vắt bề bọn xống áo. Tôi bỗng nhìn thấy bố nó lù lù tựa lưng vào cái chõng tre. Bố nó ngồi trông ra ngoài sân. Bởi vì, gian nhà tối, râu ria ông mờ mịt và ông ngồi chìm vào bóng gian nhà vang tiếng muỗi reo o o. Những sọt cà tím đặt khắp mặt đất, cả trên chõng. Ông duỗi thẳng hai chân, đầu ngả vào sọt cà. Ông ngồi nghiêm trang trong bóng tối trông ra sân thế để làm gì vậy?

Tôi sợ toát người. Tôi không ngờ có bố nó ở nhà. Một lần trên dốc chợ ông ấy đương cúi đầu, rù rù đạp xe, tôi vào hòa với bọn trẻ con gào to: "Ma tà! Ma Tà... Ma tà bắt gà bỏ túi...".

Rồi tôi chạy xuống nấp sau bụi dứa. Bây giờ ông ấy nhớ ra tôi thì có mà ông chôn sống tôi.

Tôi ngồi ơ mặt. Sợ quá cũng không dám đứng. Chỉ rón rén rút chân lại. Con khi vẫn nhai tóp tóp. Lại

mới thêm trò giơ tay gãi đầu. Nhưng tôi chẳng còn bụng dạ nào ngồi xem khi như lúc này. Tôi lom khom thu mình đứng dậy.

Uđà Sinh biết ý. Nó nhìn vào trong nhà, rồi bảo tôi:

- Không sợ, đừng sợ, mày ạ.

Giọng nó có vẻ buồn buồn. Nó lo tôi chuồn về.

Tôi ngơ ngác:

- Không, không...

Uđà Sinh cười, nói:

- Thầy tao đang ngủ đấy. Thầy tao đi làm thức cả đêm, đến sáng mới về. Cứ ngồi làm một giấc thế, đến chiều u tao về chợ mới thức. Tao nói to, cũng chẳng nghe tiếng nữa là. Cứ ở đây, không sợ, đừng sợ.

Rồi Uđà Sinh lại kể cho tôi nghe tại sao bố nó hay ngồi ngủ.

Ông Carata Sinh ngồi ngủ như thế trong đêm, đã quen.

Ông làm nghề gác đêm ở khu sân quần vợt của Tây trong thành phố. Suốt đêm, ông cầm gậy song đi canh xung quanh hàng chắn song sắt. Đi vài tua rồi đến ngồi cạnh bức tường có đèn điện treo trên đầu. Ông ngồi, chiếc ba toong dựng tường, chân duỗi thẳng, cái chân dạ đỏ Nam Định ủ đầu gối, cái ấm giỏ quần giẻ trong để tích nước chè mạn và cái đồng hồ báo thức của sở đặt bên cạnh. Ông ngủ ngồi như vậy. Ông ngáy pho pho, thế mà đến một lúc, như ngủ đã có ngủ, đến giờ ấy tự dưng ông đứng lên, cầm cái ba toong, đi vòng quanh toà nhà, cái sân quần vợt chẳng dây thép mắt cáo, đèn sáng choang. Tua vài vòng, rồi ông lại vào tường ngồi ngủ, rồi lại đi, cứ thế cho đến sáng. Ông gác lúc ngồi lúc đứng ở sở như vậy đã quen. Về nhà, có chỗ thì ông nằm. không có chỗ ông cũng chỉ ngồi một lát đã ngáy.

Nghe Uđà Sinh nói thế, tôi cũng đỡ sợ. Tôi lại ngồi xem con khi đương nhâng nháo vừa ăn quả cà vừa gãi tai. Thỉnh thoảng, tôi liếc mắt trông vào gian nhà tối. Bấy giờ nghe tiếng ngáy lạ tai như tiếng mọt gặm. Biết ông ấy vẫn ngủ, không có gì khác, nhưng rồi tôi lại sợ. Tôi vẫn không thể tưởng tượng được ngồi thế lại là ngủ. Rồi chốc, tôi thấy bàn tay ông sờ soạng lên, như đập con dãn, con muỗi, rồi lại thông xuống. Ông Carata Sinh ngủ đập muỗi hay ông Carata Sinh thức đập muỗi. Chỉ thấy ông ấy vẫn ngồi nguyên thế.

Thế là tôi đâm sợ thật. Tôi phải về, cứ thấp thỏm mãi càng sợ hơn và ngồi xem như thế cũng chán. Và chẳng ông ấy ngủ rồi cũng phải đến lúc ông ấy thức. Ông ấy mà nhớ ra cái hôm trẻ con trêu mình, có khi lại nhớ có cả tôi. Không xong rồi.

Tôi bảo Uđà Sinh.

- Tao về đây.

Uđà Sinh phụng phịu:

- Không thích chơi ở nhà tao nữa à?

Uđà Sinh nắm tay tôi. Bàn tay nó có những nốt ghẻ lên mốc xanh, khác nốt ghẻ của tôi, đỏ sạm.

Tôi ngơ ngẩn bước ra. Đầu nhà Uđà Sinh trồng những bụi hoa cúc vạn thọ vàng xẫm. Chỉ rất một giống cúc vạn thọ, lá hắc xì. Khi những cánh hoa vàng li ti rụng xuống, muối đất, muối mắt bám đen xỉn cả lối đi lầy lội. Bãi cỏ xanh mơn như cái sân bằng cỏ vuông vắn trước nhà. Tường bãi cỏ tốt ấy để nuôi dê, nuôi thỏ, nhưng không, ông Carata Sinh hay ra ngồi đấy, nằm đấy. Những khi trời nắng, ông ấy nằm sấp trong cỏ, như đồng quần áo cũ ai đem phơi một ngày mùa đông nắng to. Cả khi mùa hạ, gió trong đồng thổi nắng như tấp lửa vào, cũng thấy ông phơi mình trên bãi cỏ. Không lạ, đấy chỉ là thói quen. Tôi là bạn của các con ông ấy, rồi tôi cũng có lúc quen mắt.

Tôi không hiểu được, vì lòng mong nhớ quê hương, ông đã làm cái sân cỏ và trồng luống cúc vạn thọ, để ông có những buổi ra nằm lẩn trong cỏ ngoài vườn cà, như cảnh quê nhà ông.

Từ ngoại ô Tân Đêli xuống, nối tiếp bao nhiêu cánh đồng cà tím hai bên đường. Quả cà tím Ấn Độ mỡ mịn màu tím hàng lụa hoa cà Bombay. Những khóm cúc vạn thọ vàng xẫm ở Việt Nam trồng cửa đền cửa chùa và đôi khi, nhặt ra một cái hoa trong gói hoa cúng, chẳng mấy ai cất công chơi cảnh cúc vạn thọ. Nhưng ở Ấn Độ nhà nào cũng trồng hàng bụi và người chủ nhà mến khách bước đến quàng cổ anh bạn từ Việt Nam tới, một vòng hoa cúc vạn thọ, mỗi đoá hoa nhử hạt mắt bồ đề lên nước vàng ánh. Cây cúc vạn thọ ở đây tốt lạ lùng.

Đất khô xác, bụi bay khắp cánh đồng nhưng lá cúc xanh biếc và hoa vàng mờ, như cô gái Ấn Độ yếu điệu có đôi môi màu hoa hiên. Khác những gốc vạn thọ sần sùi ở vườn Bàng sân nhà Uđà Sinh năm xưa.

Anh Caranan Sinh mới đi làm chẳng bao lâu, mà đã lộm khộm giống bố, ít ai nhận ra ngay được anh ấy khác ông Carata Sinh thế nào. Anh ấy không mặc sơ mi lụa mờ gà như ngày mới đi làm phải có cái áo mồi cho ra mẽ người. Râu tóc anh mờ mịt dưới cái khăn quấn thường màu xám, trông kỹ mới thấy hai con mắt sâu hoắm. Suốt ngày, anh lang thang ngoài đồng, ngoài bãi - anh kể thế, đến xẩm xẩm tối mới dõn xong được đàn dê, đàn bò vào chuồng nhà chủ - một lão Tây lai, và hôm nào cũng phải nhá nhem tối, Caranan Sinh mới lò mò về đến đầu chợ.

Trường làng Yên Thái ngày ấy chưa có đến lớp ba. Rồi đến năm tôi ở ngoài Hàng Mã, cũng ít gặp chị em Uđà Sinh.

Mấy năm sau, không nhớ rõ. Cái Hác Cô đã lớn. Có khi gặp nó đi chơi với các bạn gái ở đám hội, đám rước làng Đông, làng Hồ, và những đêm hát chèo trong vùng vào dịp đình đám, cầu mát tháng tư. Nó đẩy

đầu nhất bọn. Chỉ đám trai lạ mới thấy nó khác con gái mình. Chúng tôi đã quen mắt, không biết thế nào khác, về đôi mắt mơ màng, làn môi bóng hơi cong, những ngón tay nhỏ uốn éo, mái tóc đen dày với nước da mờ của nó. Chúng tôi chỉ biết nhà nó cũng làm ăn, cũng chợ búa như mọi nhà và nó đương vào tuổi mười bảy mười tám như chúng tôi. Anh Caranan Sinh thì cứ mỗi hôm một lụ khụ. Tay cầm cây hóp dài bằng chiếc lao màn, anh vẫn đi chăn dê, chăn bò cho nhà lão Tây lai tận Ngã Tư Sở, cuối sông Tô Lịch đằng kia.

Uđà Sinh đã cao vổng hẳn lên. Nhưng nó không chít khăn, không để râu như anh Nan. Uđà Sinh mặc áo sơ mi lụa chuội sống cứng cằn cằn và đánh đuôi guốc mộc, buổi tối đi chơi nhớn như trai làng chúng tôi.

Uđà Sinh cũng bỏ học đã lâu. Thỉnh thoảng, tôi gặp nó đi ngoài thành phố về. Trông cung cách người bước đi lạch lạch, thất thểu, cũng hiểu được nó đi đâu. Ngày ngày nó đi kiếm việc làm. Chiến tranh thế giới đã xám ngắt ở châu Âu rồi, hình như nước Pháp cũng thua trận rồi, chẳng còn công việc ở đâu nữa.

Tôi gặp Uđà Sinh ở chợ. Nó đi chân đất, tay áo xắn, xăm xăm đi.

Tôi hỏi:

- Sinh ơi, mày đi đâu?

Uđà Sinh cười nhe răng:

- Tớ đi vác tre... à mua tre...

Tôi còn đương ngạc nhiên, nó đã cắt nghĩa cho tôi biết trong thành phố đương mua nhiều tre. Từ khi bên Tây có đánh nhau, Tây không sang được, không có cốt sắt, đồ trần nhà người ta làm bằng cốt tre ốp xi măng. Uđà Sinh đi chặt tre, nói khoác thế chứ chỉ vác thuê cho người ta ra Kẻ Chợ. Uđà Sinh lại tất tả đi.

Rồi đến những năm đói. Bây giờ nhớ lại, tôi còn ngỡ như lúc ấy có đợt sóng thần, như những làn sóng thần hàng năm nổi lên ở vịnh Băng gan mà máy bay từ Hà Nội đi Ấn Độ qua vịnh, cơn đói như sóng thần từ đại dương tràn liếm đi biết bao người trên mặt đất dưới kia. Không ai còn nhìn thấy ai nữa. Cả vùng tôi, người đói ngời bơ vơ trên bãi rác như người thế kỷ trước hiện về, con mắt lơ đãng nhìn xuống âm ti.

Nghe ai nói ông Carata Sinh cũng chết đói rồi. Tôi không biết. Bởi trông anh Caranan Sinh bây giờ còn lụ khụ hơn bố, có khi người ta tưởng bố anh vẫn sống đấy. Cũng có lần tôi gặp cái Hác Cô ngoài chợ. Nó vêu vào xám ngắt. Khi ấy, chẳng ai còn máu mặt. Rồi nó ra sao, nhà anh em Uđà Sinh, ai còn sống, cũng không rõ.

Đến khi cách mạng, tôi làm phóng viên báo Cứu Quốc. Tôi ra ở hẳn ngoài thành phố, ít dịp về làng.

Một hôm, tôi bỗng gặp trên xe điện thẳng Uđà Sinh. Từ đằng xa, trông đã biết ngay nó. Lẫn Uđà Sinh với ai được?

Nhưng Uđà Sinh từng bừa quá, bảnh quá. Uđà Sinh đội mũ ca lô, mặc quần áo Vệ quốc đoàn.

Phải, Uđà Sinh đã đi bộ đội. Uđà Sinh là Vệ quốc đoàn.

Mũ ca lô dạ tím, thắt lưng da to bản thắt ngang lưng. Ngôi sao vàng đăng trước mũ, sao tròn hẵn hoi, không phải tự vệ Sao vương. Lực lưỡng, hiên ngang, cao gần cửa sổ tàu điện, oai như những anh bộ đội ở ban liên kiểm Việt Pháp.

Tôi nắm tay Uđà Sinh, chỉ kịp nói:

- Bây giờ Sinh ở đâu?

Uđà Sinh cười hiền lành, răng trắng tởn, như mọi khi. Uđà Sinh nói:

- Tớ đóng trên đường Thành.

Tàu điện đỗ ở Hàng Bún. Uđà Sinh trở tay, tôi hiểu đơn vị của nó ở Cửa Bắc. Chỗ ấy, ngày trước, ông Carata Sinh, những buổi đi làm về, hay mua mẩu bánh mì bỏ vào cái tải xám đen về cho chúng nó. Khu vực này bây giờ đương nhiều rắc rối khó khăn nhất thành phố. Quốc dân đảng theo quân Tàu về đóng ở ngã tư Hàng Bún, trong trường Yên Thành, dãy nhà Tham Thiên Đường ở phố Quán Thánh, chiếm cả một vùng Ngũ Xã, Nam Tràng trong hồ Trúc Bạch. Lại còn bọn tây mũ đỏ ở trường Bưởi ngày nào cũng ra gây sự với bộ đội và tự vệ quảng Hàng Bún, Yên Ninh này.

Uđà Sinh xuống tàu chỗ ấy. Tôi cũng không gặp lại Uđà Sinh. Khi bắt đầu Hà Nội nổ súng, tôi chỉ biết những đơn vị bộ đội đóng ở Cửa Bắc phải đương đầu với Pháp ngay từ phút đầu tiên.

Cuộc kháng chiến đã lan rộng ra các tỉnh quanh Hà Nội.

Có lần, tôi gặp trên đường Trung Hà lên Lâm Thao một đám người và xe bò tản cư. Trong một chiếc xe có gia đình một bác da đen. Người vợ nói tiếng Sơn Tây ánh ỏi. Chị ngồi trên thùng xe, nhai trầu bồm bồm, đương vạch vú cho con bú.

Bốn bên lít nhít gồ ghề mấy đứa bé ngồi lẫn với những tay nải quần áo. Người chồng, râu tóc nhếch nháng mồ hôi, cầm cày. Đứa con lớn, đứa lau nhau, cũng đen kịt như bố, đứa đẩy, đứa bắt bánh. Nhưng không phải gia đình ông Carata Sinh.

Lần khác, tôi qua Phủ Đoan, nghe nhà đồ kể chuyện bên kia sông Lô, trong đơn vị bộ đội đóng ở đấy, có một người da đen, tôi tìm đến. Cũng không phải Uđà Sinh. Anh này quê ở đảo Mactinich, thuộc địa Pháp, bị bắt đi lính, ra hàng ta dưới Việt Trì, rồi tình nguyện theo bộ đội.

Đến năm hoà bình, tôi về Hà Nội, trở lại quê làng. Có lúc anh em cùng lứa tuổi ngồi kể chuyện hồi đầu kháng chiến nhắc đến một số bạn cũ, ai ở đâu, ai làm gì, anh nào trong Nam Bộ ra tập kết, ai ở đâu cũng

biết tin, chỉ không ai biết nhà Uđà Sinh phiêu bạt nơi nào. Người nói, con cái nhà ông Carata Sinh đã đưa nhau về Ấn Độ. Có người nói thẳng Uđà Sinh đã hy sinh ở mặt trận ngoại thành từ ngày ấy. Nhưng ở chỗ nào, có thật thế không. Trong chiến tranh, những người mất tích, người hy sinh mà ta không tận mắt trông thấy, thường có cảm tưởng rồi sẽ gặp, rồi có khi gặp. Tôi cũng nghĩ thế về Uđà Sinh.

Bóng tường đèn Ta Mahan đã rớt xuống bờ nước, những đứa trẻ dưới sông đã lên chơi quanh bãi cỏ từ lâu.

Ông già làm xiếc đã lại ngả lưng trên thảm cỏ. Những bãi cỏ công viên chân tường đá cửa đền được cắt phẳng đều đặn như những chiếc chiếu xanh. Ở Ấn Độ, công viên không đặt ghế ngồi. Mà những bãi cỏ xanh rờn, đẹp muốt, là chỗ ngồi chơi nằm chơi. Ông già và lũ trẻ cùng nằm chơi trên bãi cỏ Sao mà tôi thấy ông già và các cháu bé quen thuộc, như tờ tranh Tô Vũ chần dê dán tường nhà mình thuở bé, tự nhiên ngược mắt lên nhìn thấy thế suốt đời. Tôi cũng cứ bỗng dưng nhớ lại cái sân cỏ và khóm cúc vạn thọ trước cửa nhà ông Carata Sinh ngày ấy, có lúc ông nằm phủ phục trong nắng, lũ con im lặng ngồi quanh.

Chú bé giống Uđà Sinh - tất nhiên không thể bao giờ như thế, nhưng tôi trông ở cửa đền Ta Mahan đứa trẻ nào cũng hao hao Uđà Sinh, da đen mờ, cặp mắt lơ lơ, hiền hiền. Một chú dắt cái xe đạp kiểu Anh cao lênh khênh, đến trước mặt tôi, nhìn tôi.

Tôi cười, tôi nắm tay chú bé, gọi:

- Uđà Sinh!

Chú Uđà Sinh của tôi lúc ấy nở một nụ cười nhỏ bé trên khuôn mặt âm thầm. Dường như chú cảm được đây là tiếng kêu thân ái của tôi. Chú giơ xe đạp, như mời tôi nhảy lên, như bảo anh cứ đi một vòng cho khoái chân. Tôi nắm ghi đông rồi phóc lên, lách xe thông thả ngoằn ngoèo biểu diễn giữa đám trẻ.

Đám trẻ mỗi lúc xúm lại đông lúu rúu cười, reo: Việt Nam Việt Nam. Tôi lại đến bên ông già đương nằm gối đầu lên cái bao đựng răn cạnh con gấu. Và tôi gọi:

- Ông Carata Sinh?

Lũ trẻ đột nhiên à lên. Những tiếng trong trẻo, vang như chuông, nhắc lại:

- Carata Sing...

Tôi quay lại đám trẻ:

- Uđà Sinh?

Cả bọn lại cười, lại rồi rít:

- Uđà Sing? Uđà Sing.

Rồi cười nắc nẻ.

Những tiếng và những tên người xa xôi, nghe phơ phất băng khuâng trời Agra. Tôi không hiểu những tiếng ấy, nhưng khi nghe mình nói được có tiếng nhắc lại như hai người cùng nói, bỗng thấm thía lạ lùng. Hoạ may chỉ có nước mắt mới làm chứng hết được nỗi xúc động chan hoà ấy.

Tôi nói rằng:

Bạn nhà văn thân mến quê ở Tây Bắg gan ời? Nhớ hồi đầu thế kỷ, người Pháp chiếm nhiều thành phố ven biển Ấn Độ: Bombay, Pôngđixêri, Madrat, Sắgđécnago... Người Ấn Độ đói khổ ở các nơi đô hội ấy bỏ quê lần đi các thuộc địa khác của Pháp để kiếm ăn ngờ như thoát khỏi nơi mình ở thì rử bỏ lại được cái nghèo nặng nề trên vai. Đến đất nước tôi, họ đã lẫn lộn làm mọi nghề vất vả, bán hàng thuê, gác cổng, gác nhà, chăn dê chăn bò, canh đồn điền cao su.. . Đi đồng đất xa xôi mà vẫn không ra khỏi được cái nghèo khó.

Anh bạn nhà văn ở Bắg gan đã kể lại cho ông già làm xiếc nghe chuyện ông Carata Sinh ngày trước đã đến ở rể vùng tôi.

Ừ còn cái ông già Carata Sinh này đương nằm nắng ngoài bãi cỏ, cạnh tường đền Ta Mahan. Đối với tôi, đất nước bí ẩn đây thật gần gũi, thật mơ mộng, như cả nước Ấn Độ ra nằm bãi cỏ nắng, những khi nắng đẹp. Ông lim dim mắt, nhìn tôi, nhìn lại tôi. Không thể đoán được con mắt mơ màng ấy đương nghĩ gì. Còn tôi, tôi đương tưởng ra đấy thật là ông Carata Sinh nghề gác đêm, tôi vừa gặp lại ở chỗ chân tường đền Ta Mahan này. Tôi thấy ông mỉm cười, cái cười u ẩn hiền lành trong chòm râu dữ dội xồm xoàm.

Ở Agra hay Bombay, Đêli cũ hay Tân Đê li, ai tôi trông cũng tựa tựa anh chị em nhà Uđà Sinh. Cái Hác Cô có đôi mắt đen to, sâu thăm thẳm. Trong mớ tóc dày bênh bông buông xuống và đôi tay có những ngón dài cong mà nhỏ nhắn.

Trong dáng khoan thai lả tả cánh áo vàng, áo trắng, áo tím toả xuống hai vai. Trong nụ cười hiền dịu...

1973

Mục lục

⋮

TÌNH BUỒN

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

:

Ngày trước ai đi lấy chồng như bà Tứ người ta bêu môi chửi là gái nứng đi theo chồng và khinh ra mặt. Ông Tứ nghề thợ ngõa, quanh năm đeo hòe vác cưa, cầm cân nảy mực đi ăn cơm tứ chiếng. Năm ấy, bỗng dưng đưa về một người con gái. Làng nước thì thảo cô này chữa buộm, đưa con trai đầu lòng ấy không phải con phó Tứ. Có người bảo là anh thợ mộc cuôm con gái chủ nhà. Cô ấy người dưới nam, nghe rõ giọng kẻ bề. Lại người thì nói cái tiếng ấy là người chẳng đâu xa, vùng bên kia sông thôi. Không biết thế nào. Bà con rồi cũng gọi là thím Tứ, cô Tứ. Dần dà thì sự khinh khi của người ta cũng nhạt dần. Đến khi con cái trong nhà đã lớn và thế sự đã thay đổi nhiều thì cũng chẳng còn ai rồi hơi bởi móc gốc rễ cái người đàn bà ngày trước khăn gói lấy chồng theo không ấy nữa. Thời buổi mới, cho qua.

Vợ chồng phó Tứ có ba người con. Chồng đặt tên con theo cái thú chơi cờ bạc là sáu tên sáu mặt con thò lò thoát nghe cũng có vẻ buồn cười một tý nhưng rồi sinh có ba con, nên chỉ có được thằng Nhất, cái Nhị, cái Tam. Thế mà đứa con nào cũng khá cả. Thằng Nhất học hết bậc phổ thông, được làm anh giáo trường làng. Cô Nhị, cô Tam lấy chồng làng bên, những con rể có chức vị có máu mặt. Người nào cũng khi chủ tịch, khi chủ nhiệm, khi bí thư...

Một năm kia, ông Tứ ốm. Rồi ông mất bệnh già. Chẳng bao lâu, thấp thoáng đấy mà bà phó Tứ đã lợm khộm lúc nào. Từ khi ông mất, bà không ở hẳn với con nào. Cứ liều liệu ở mỗi nhà ít lâu, nhưng Tết nhất hay giỗ chạp thì bà thế nào cũng về nhà con trai là anh Nhất. Mới năm trước, còn đi ra ruộng làm cỏ lúa. Giữa trưa, nắng chang chang mà xách được giỏ cua dưới đồng sâu về, lấm như vùi. Mấy năm nay thì chịu rồi, chỉ loanh quanh nhặt nhạnh cái rau cái cỏ trong bờ rào. Tính nết đâm ra lấm cẩm dần, ăn đấy lại quên đấy.

Bà Tứ ngồi rười rượi trông ra ngoài ngõ, có người đi qua, chào hỏi: "Bà đã xơi cơm chưa?". Vừa xong bữa hẳn hoi, mà bà Tứ ngây mặt ra rồi hừ một cái: "Nào đã cơm cháo gì đâu ! ". Người con dâu trưởng đã để ý cái nhằng tính tai ác đấy của bà mẹ chồng từ lâu. Có lần chị cũng nói trong bữa ăn, nhưng nói vui thôi. Bà buông đũa xuống, đứng lên: "Tôi vu oan giá họa cho ai để tôi chết không nhắm mắt à?".

Các cháu cũng không dám nói cợt bà thế. Tưởng chỉ ở nhà giáo Nhất thì có thể sinh ra chuyện "chó dữ mất lán giếng, dâu dữ mất họ!" bà lão mới hay đỡ chứng, nhưng cả những khi ở bên nhà các cô Nhị, cô Tam bà cũng vùng vằng, mà trước mặt các con gái, bà còn rủa xả ác khẩu gấp mấy: "Là con chó đại cắn càn thì mới mở mồm ra ăn không nói có thể".

Cả năm nay bà lão ngại đi, chỉ ở nhà giáo Nhất, không sang nhà các con gái. Thỉnh thoảng hai cô em đeo lên anh yến gạo và ít tiền. Được cái anh em nhà này vốn cũng dễ dãi, êm ả cả. Nhưng mà người ta bảo số

tuổi càng gồng đeo trĩu cổ thì lại chỉ trái tính hơn. Bao nhiêu nết na, kỹ càng, ý tứ và thời con gái nhanh nhẹn ve vế việc nhà của cô Tứ xưa mà bà lão Tứ bây giờ vẫn còn nhớ vanh vách đấy nhưng bà lão thì hàng ngày chỉ còn làm trò chơi cho lũ trẻ con.

Bà vẫn nói: Người ta trước kia không tuềnh toàng đoảng như chúng mày bây giờ đâu. Nồi cơm bưng lên phải nhớ lót rế, sôi cơm thì có đĩa cả, đàn bà con gái phải ngồi đầu nồi... Không vét nồi quên quẹt, vét nồi là điếm năm ấy đói kém, mà cũng là nhà keo kiệt mới thôi ít cơm phải vét nồi thế. Dâu con trong nhà, giá có ăn được ba bát thì cũng chỉ thông thả hai lưng, mà khéo ý tứ đứng lên sớm hơn trước cả nhà. Bà lão vẫn thuộc in những thói phép thế. Bà hay mắng: "Bố chúng mày là thầy giáo mà chúng mày ăn uống hùng hục như lợn thế thì bố chúng mày đi bảo người ta học cái gì! ". Bà rủa róc thế, các cháu chỉ cười hô hố.

Không phải chúng nó cười những sự cổ tích nhiều khe của bà đâu. Mà chúng nó cười cái khác, cái hăm của bà. Chả là những răn dạy khuôn phép của bà lão bây giờ lẫn lộn cả với những cái dở hơi. Thói quen trên dưới nhường nhịn vẫn nhớ đời mà con người thì già đi, ít ai nhận ra tuổi đã khác thì cũng sinh lăm tính khác.

Ăn đói thì phải chóng đói. Mà người già ở trong làng, cả đời chưa chắc đã được đủ ngày hai bữa. Bụng còn thòm thèm, nhưng lại nghĩ, bây giờ chẳng còn làm ra của nả cho nhà mày, mắt kèm nhèm đuổi con gà cũng không được, nên bót mồm bót miệng lại. Nhưng mà thế thì đói, làm thế nào.

Khi nhà vắng, bà lão Tứ lần xuống bếp. Bà lão sờ soạn các thứ từ cái mâm chõng ăn cơm lên chạn. Có bát tương, bà lão thò hai ngón tay chấm rồi đưa vào hàng móm mút chùn chụt. Chỗ cơm nguội còn đến lưng liễn. Bà lão bốc một nắm to. Mỗi lần bốc rồi, bà lão lại lấy tay san phẳng vun khéo lại như cũ. Hai hàm răng bà lão đã rụng hết, lâu nay chỉ nhai bằng lợi. Hình như của ăn vụng bao giờ cũng ngon hơn hay là bà lão đương đói, lại đứng trong bếp một mình, cho nên cứ việc bốc bải, nhai nuốt, mặc sức mặc nhiên.

Bà lão tưởng thế thôi, chứ không phải lúc ấy có một mình đâu. Hai con mắt bà lão bị nhai quẹt, bấy lâu chỉ còn thấy mờ mờ, đi trong nhà đã quen bước chân và người thì chỉ nhìn bóng mà đoán ra. Mấy đứa nhóc tụ tập ngay ngoài hiên. Trẻ con thích nghịch ác, chúng nó bấm lưng nhau im lặng rón rén vào xem bà ăn vụng. Bà mút tương, bà húp nước dưa, bà bốc cơm... Chốc bà lại hốt hoảng nhìn ra. Nhưng chẳng nhìn thấy gì cả.

Có đứa thích quá, thúc cùi tay vào sườn đứa kia. Thằng nọ kêu toáng:

- ối!

Bà lão Tứ giật mình, đặt vội cái liễn vào trạn, khép hai cánh gỗ lại, quay mặt ra hỏi ngay ngẩn tự nhiên:

- Đứa nào về đấy?

Bà lão còn lúng túng chưa biết nói thêm thế nào, một đứa đã hét to:

- Một, hai, ba...

Rồi cả lũ ồn ào hét một lượt:

- Bà ăn vụng cơm ? Một, hai , ba. Bà ăn...

- Cha đẻ mẹ chúng bay!

- Mép bà còn dính hạt cơm kia kìa. Cơm lại vãi dưới đất nữa...

- Cha đẻ mẹ chúng mày ? Tao thề có thổ thần hai vai, tao mà nuốt trộm một hột cơm của nhà chúng mày thì giới tru đất diệt tao.

- Ê, ê... Một, hai...

- Tao thề...

Hôm ấy câu chuyện vui, trẻ con khoái quá kể với bố mẹ ngay ở bữa ăn. Bà lão đặt bát cơm ăn dở xuống, run run đứng dậy, nước mắt đổ ròng ròng, ra ngồi ngoài ngõ. Vợ giáo Nhất chỉ tủm tủm cười, giáo Nhất thì quát chúng nó im. Giáo Nhất vốn người dễ tính, mãi đến chiều mới nói với mẹ:

- Bận sau bà cứ ăn cơm cho no, đừng phải làm thế.

- Tôi thề, tôi thề có quỷ thần hai vai, tôi không...

- Con chỉ xin mẹ thế thôi. Đến bữa cứ ăn đủ, đừng nhường nhịn mà khổ thân, mà để các cháu nói hỗn thế nó sinh hư ra.

Sáng hôm sau, nhà lại vắng như mọi hôm, bà lão Tứ nghe ngóng xung quanh im ả, rồi lần lần vào bếp. Những đứa trẻ lại đến đứng ngoài hiên từ lúc nào, thêm cả mấy đứa hàng xóm cũng sang xem "trò chơi" bà ăn vụng. Mà bà không biết.

Bà lão Tứ bốc cục cơm, móm mém nhai. Thì...

- Một, hai, ba...

- Bà già ăn vụng! Một, hai... bà già...

Bà lão trợn hai con mắt cùi nhãn, lật đặt đóng cánh cửa chạn.

- Đẻ mẹ chúng bay?

- Một, hai, ba...

- Có quý thần hai vai...

Thường mỗi buổi sáng lại sinh ra trò chơi ấy của trẻ con. Ngồi vào mâm, có hôm quên bố mắng, trẻ em lại lờ miệng riu rít kể. Bà lão lại bỏ bát cơm, lần thần ra ngồi ngoài ngõ. Giáo Nhất phải quát: "Không được hỗn!". Rồi những đứa trẻ cũng sợ bố, không dám nói huyền thuyên, bắt chước cả bà bốc cơm, nhưng mỗi buổi sáng chúng nó vẫn rủ nhau rón rén đến đứng xem bà vào bếp ăn vụng. Mẹ chúng nó chép miệng nói trống không: "Cả tối bà cũng lần xuống bếp, chả cứ ban ngày!".

Giáo Nhất lặng im. Nông nổi nhà này cũng lắm éo le. Vợ giáo Nhất chẳng ưa mẹ chồng, nhưng nể chồng cho nên không bao giờ nói một lời nặng nhẹ như cái câu thể gian mai mĩa: "Cha mẹ nuôi con bằng trời bằng bể; con nuôi cha mẹ con kể từng ngày", nhà không hề có tiếng bắc tiếng chì về gánh nặng mẹ già. Nhưng mọi việc phải làm cho mẹ, Nhất càng đáng tất. Nhất không cho mẹ ra cầu ao, sợ nhờ bà cụ lấy bấy sa chân thì khốn. Nhất tự tay rũ giặt xống áo cho mẹ. Vợ giáo Nhất làm như không để ý.

Cái sự con trẻ xác xược thì giáo Nhất cũng chỉ coi như một bức mình lật vặt đẹp đi thì thôi. Nhưng mà việc đời đổi thay như mưa nắng có con kiến và con người vằn xoay ở trong, vả chăng, nghĩ hay chẳng nghĩ thì rồi cái việc ấy, cái ngày ấy cũng đến. Mỗi năm mỗi tuổi, bà lão Tứ ngày một yếu. Rồi bà lão Tứ ốm. Việc ấy, ngày ấy đương tới rồi.

Bà lão Tứ không dậy được. Rồi cũng chẳng ăn uống gì nữa. Giáo Nhất che chiếu lên một gian bên, kê cái giường ra phía ngoài cho sáng một chút. Rồi bẻ hai quãng nan giường dưới đặt một thúng tro. Lại cắt thùng cái chiếu để bà cụ nằm lọt một phần lưng vào chỗ giường khoét, cho tiện dãi ỉa.

Nhà có người ốm cứ buồn thiu như ngày có mưa dầm, ấy là bà con xóm giềng rồi các thầy cô, học trò trường làng và trường bên đến thăm hỏi, quà bánh, lúc nào cũng có người ra vào.

Nhất bưng bát cháo vào giường mẹ. Mấy hôm nay bà lão không nghiêng người được. Nhất ngồi đút từng thìa cháo cho mẹ. Bà lão ngoẹo cổ ra cổ nuốt, trông tội tội như con cá ngáp trên cạn.

Cũng hết được lưng cháo. Nhất đặt cái bát, kéo lại mép chiếu lệch góc trong. Một lúc, bà lão bỗng bảo Nhất:

- Mẹ có việc nhờ anh.

- Có gì thì mẹ bảo.

- Mẹ không phải là người làng này.

- Mẹ cứ lần thần nghĩ ngợi điều ấy làm gì?

- Không, mẹ có nghĩ đâu. Mẹ chỉ muốn nhờ con.

- Vâng.

- Mẹ quê ở Giang Hạ bên kia sông thôi.

- Ờ làng Giang, làng Hạ.

- Làng Hạ, con ạ. Hôm nào con sang Hạ, con vào xóm Đồng, bây giờ già rồi thì không biết tên là gì, nhưng ngày trước tên là Côi, anh cả Côi. Con nói rằng ông Côi có được thư thả thì mời ông sang chơi.

Nhất còn muốn hỏi thêm mẹ thế nào nữa, nhưng bà lão đã lặng lẽ nghiêng mặt vào vách.

Cái người ngày trước tên là Côi, cái anh cả Côi ấy là tôi. Bây giờ tên tôi vẫn là Côi, bởi tôi vẫn bà cô ông mãnh thế. Có điều, đã tuổi tác, theo tục lệ và thói quen kính nể, ít người réo tên tục người già ra nữa mà làng xóm gọi tôi là ông Ba, cụ Ba - chỉ có mấy con mẹ bán bánh đúc tương ở chợ hay ồm ờ chót nhả thỉnh thoảng cứ réo tên cúng cơm gọi đùa là ông Côi, ông mãnh Côi, bao giờ ông Côi cưới bà ấy cho chúng cháu được ăn cỗ. Có mà lấy bà sáu tấm. Ấy, chúng nó cứ trêu chọc thế. Tôi chẳng chấp.

Anh giáo Nhất vỗ tay nói:

- Mẹ cháu có lời thưa với ông...

Chỉ mới nghe thoáng thế thôi, tôi đã như thấy ngay cả rồi. Như là có thần linh cách cảm giao nhau khi người ta cùng nghĩ đến nhau hay là bởi nét mặt người đàn ông này, cái mũi và con mắt sao mà phảng phất cô ấy đến thế.

Mấy chục năm đã qua. Nhưng mấy chục năm ở quãng giữa trống không, người trong cuộc thì ngỡ như chẳng có khoảng cách nào. Cô ấy ngày trước con nhà khá giả vườn trên ao dưới. Mà tôi thì bố mẹ nghèo quá. Dây dợ đầu đầu vương tơ khi trai gái đương thì, cái duyên cái nợ mà gặp nhau thôi. Cô ấy bảo tôi: "Anh về nói với mẹ bỏ cái nghề cặp thúng đi khâu mướn thì...". Tôi bực mình, mát mẻ: "Nếu mẹ không bỏ được cái tội đi khâu mướn ăn cơm nhà người thì giá xem có được ngày nhờ người đến đánh tiếng chắc ông phó lý bố em cho tuần cầm ba toong ra đuổi ông mối, chứ gì!". Thế là cô ấy lại khóc, chỉ khóc.

Làm sao cho mẹ tôi vượt đi đâu được việc khâu mướn ăn cơm khoán, cho bố con tôi thôi đi bốc củi thuê và các em tôi ngày không cặp cái bị bật quai ra cửa đình nhặt lá đa về phơi lấy cái đun. Chúng tôi như con săn sắt, con mài mài trong ao làm sao bỗng thành con cá hóa rồng được. Làng xóm dần dà cũng biết cuộc đàn dúi thầm vụng éo le này. Ông phó lý đã đánh cô con gái thừa sống thiếu chết. Có khi xích chân vào cột buồng cả phiên chợ. Nhưng mà dường như cô ấy lại càng bỗng bột như điên. Xềnh ra lại đi tìm tôi. Có khi khóc đến hết nước mắt rồi cô bảo tôi hay là bây giờ hai đứa cùng ra cái đầm đầu làng nhảy xuống trầm mình. Tôi phải vỗ tay van lạy nín cô ấy lại.

Thế rồi chỉ một việc nhẹ nhàng, vừa tan hoang lại vừa xong. Bố mẹ cô ấy tìm gả được chồng cho con gái. Đất làng này, nơi môn đăng hộ đối những nhà phó lý, trưởng bạ thường thường bậc trung, trước sân có

hàng cau, vườn sau chuồng lợn ao bèo thì cũng chẳng mấy khó khăn. Mà cô ấy cũng chẳng tai tiếng đâu đến nỗi. Những chuyện trai gái phải lòng nhau làng nước coi như chuyện trẻ con mà người ta đồn đại đông dài chứ phải đâu gái chửa hoang, quân giăng há lên tỉnh la liếm hàng cơm quán trọ. Thế nào thì rồi mọi chuyện gả bán cũng xong xuôi như trăm nghìn đám cha mẹ đặt đâu ngồi đấy thôi.

Rồi nhà nọ đi xem mặt, dạm ngõ, ăn hỏi, lại đã qua một cái sáu tết tháng bảy, đến dạo cơm mới tháng mười này thì cưới. Một hôm, cô ấy đi chợ rồi không về nữa. Thế là biệt tăm từ ngày ấy.

Bây giờ anh giáo Nhất mới nhớ lại và nhận ra hình như cả một hồi còn trẻ không khi nào mẹ đi xem hội hè đình đám chèo hát ở đâu, cũng chẳng biết mặt cái chợ huyện, mà quanh năm mẹ chỉ như gái đẻ chít khăn vuông xùm xụp, ra cái chợ hôm lèo tèo mấy mùng cá tép ươn của nhà chài dưới sông đem lên đầu làng lúc xẩm tối. Con người gan liều đến thế. Chẳng được đẹp phận như người ta, thôi thì coi như một đời đành vùi vào chiêm bao, chỉ có một mình mình biết.

Cái lão ba Côi tôi theo giáo Nhất về bên sông ngay hôm ấy. Hai ông con qua đò ngang. Chiếc đò ngang xưa kia, ừ con đò ngang ngày ấy. Có lẽ như từ bao giờ vẫn thế. Bên này ới bên kia, con đò tai nghênh ngang, chênh mảng, ẹo ợt, lững lờ sang. Năm xưa, đã có những giêng hai, mưa bụi như phấn hoa ngô bay, những chuyến đò đưa đầy người vào xem hội làng trong cánh đồng.

Còn đương băng khuâng về những ngày nào, thì mũi đò đã đụng bờ cát. Anh giáo Nhất vác cái xe đạp lên trước làm chòong chành con đò ọp ẹp. Ông Côi đứng dậy, chị nhà đò một tay bế con, một tay giơ chiếc bơi chèo cho ông lão níu lấy, lấy bấy lần lên. Rồi tôi lại vẫn đương đi về ngày xưa. Tôi vừa lập cập vừa xầm xầm bước. Anh giáo "mời ông lại lên xe cho con đèo ông đỡ mỏi" nhưng tôi bảo anh cứ để cho tôi đi thanh thả thế này. Xóm nhà anh tôi cũng biết rồi, chỗ khoanh tre quăng sông dưới kia chứ đâu.

Nghĩ thế thì tôi bồi hồi giật mình. Làm sao chỉ vài bước chân mà cả đời tôi không nghĩ được ra, không tìm ra cô ấy ở đâu mà cô ấy dường như vẫn biết tôi, vẫn nhìn thấy tôi.

Nếp nhà ba gian lợp lá mía, dựng tre trát xi-măng xám nhạt. Trước sân, hai cây mít xum xuê lá. Một vườn xoan sau nhà. Cái cổng rong cành rào trống hốc, con chó cũng chui lọt. Nhà tuy ngăn nắp nhưng cũng chẳng có cửa nả, cũng không cần cửa giả nên hờn. Tôi bỗng ngỡ tôi đương đi về nhà tôi. ừ giá mà ngày ấy chúng tôi lấy được nhau thì nhà cửa, vườn tược, con cái chắc cũng tương tự thế này. Ngày ngày ra sông xuống đồng kiếm cái ăn, cả đời người chẳng có điều phải nghĩ xa nghĩ gần. Ở trong làng xóm, ngẩng mặt lên bốn phía khoanh tre mù mịt, quan tâm đâu đến ngoài kia đồng đất thế nào, tôi đương đi về nhà tôi đây. .

Tôi ngồi xuống chiếc ghế đầu kê đầu giường bà Tứ. Lũ trẻ lại đã lấp ló ngoài hiên. Từ hôm bà ốm, mỗi buổi sáng trẻ con không còn trò xem bà ăn vụng nữa. Chúng nó cũng buồn. Bây giờ chỉ còn ngóng khách đến chơi thăm bà- nhưng nhiều khi chỉ toàn người làng, nhìn mãi cũng chán mắt, lại tản ra ngoài vườn nhặt quả xoan non đánh chắt, chơi đổ lá.

Không, bà lão nằm ốm liệt giường kia không phải là cô ấy. Trong tưởng tượng của tôi chưa bao giờ nghĩ ra nông nỗi buồn thảm này. Tôi ngồi im. Tôi nghĩ thầm, tôi cầu mong không phải. Thì cũng đâu phải cô ấy ngày xưa, cô ấy ngày xưa cơ mà.

Tôi cởi gói bánh lúc nãy đi qua mua ngoài chợ và rồi lại lặng im chẳng biết nên nói thế nào.

- Nhà vẫn ở dưới Hạ, chỗ cái bụi duối to ấy, hả ông?

- Vẫn đấy. Nhưng cây duối thì làng xẻ đóng làm bàn cho trẻ học rồi, bà ạ.

- Ông thứ lỗi cho tôi.

- Làm gì mà phải nặng lời thế. Cố thuốc thang ít lâu cho khỏe rồi còn đi hội làng trong. Tôi vừa qua đò, sắp sang tháng hai rồi đấy.

Trên khuôn mặt méo mó thoáng một nét cười mếu.

- Ông vẫn chúa hay pha trò. Ông ơi, tôi chết không nhắm mắt được, tôi không giữ được lời với ông.

- Đã bảo thôi mà. Ngồi dậy ăn bánh, cái bánh nếp mật ở chợ bây giờ chúng nó làm cũng khá.

- Ông bỏ lỗi cho tôi.

- Thôi mà . . .

- Ông nói đi, ông bỏ lỗi cho tôi.

Tôi run rẩy đưa hai bàn tay lên mặt người con gái năm xưa. Mặt người ốm trắng nhợt nhạt như đá, mà nước mắt thì nóng ẩm đầm đìa lòng bàn tay tôi. Tôi sờ đến hai con mắt, hai con mắt mềm mềm nhắm lại, tôi dừng tay. Anh giáo Nhất quỳ xuống, ôm hai đầu gối tôi. "Ông ơi, mẹ cháu đi rồi". Tôi vuốt lại hai con mắt người vừa nhắm. Thôi thế bà ấy đi rồi, cô ấy đi rồi.

Những người con dâu, con gái đứng ở chân giường ôm mặt khóc nức nở. Lũ trẻ con chạy tán loạn ra vườn, tiếng khóc ánh ỏi, léc téc như những con chim sẻ bay vỡ đàn.

Mục lục

⋮

VỢ CHỒNG A PHỦ

Tô Hoài
www.dtv-ebook.com

:

Ai ở xa về, có việc vào nhà thống lý (1) Pá Tra thường trông thấy có một cô gái ngồi quay sợi gai bên tảng đá trước cửa, cạnh tàu ngựa. Lúc nào cũng vậy, dù quay sợi, thái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi hay đi công nước dưới khe suối lên, cô ấy cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi. Người ta nói: nhà Pá Tra làm thống lý, ăn của dân nhiều, đồn Tây lại cho muối về bán, giàu lắm, nhà có nhiều nương, nhiều bạc, nhiều thuốc phiện nhất làng. Thế thì con gái nó còn bao giờ phải xem cái khổ mà biết khổ, mà buồn.

Nhưng rồi hỏi ra mới rõ cô ấy không phải con gái thống lý: cô ấy là vợ A Sử, con trai thống lý.

My về làm dâu nhà Pá Tra đã mấy năm. Từ năm nào, không nhớ, cũng không ai nhớ. Những người nghèo ở Hồng Ngải thì vẫn còn kể lại câu chuyện My về làm người nhà quan thống lý.

Ngày xưa bố My lấy mẹ My không đủ tiền cưới, phải đến vay nhà thống lý, bố của thống lý Pá Tra bấy giờ. Mỗi năm đem nộp lãi cho chủ nợ một nương ngô. Đến tận khi hai vợ chồng về già mà cũng chưa xong nợ. Người vợ chết, cũng chưa trả hết nợ.

Cho tới năm ấy My đã lớn, My là con gái đầu lòng. Thống lý đến bảo bố My:

- Cho tao đưa con gái này về làm dâu thì tao xóa hết nợ cho.

Ông lão nghĩ năm nào cũng phải trả một nương ngô cho người ta, tiếc ngô, nhưng cũng lại thương con quá. Ông chưa biết nói thế nào thì My bảo bố rằng:

- Con đã biết cuộc nương làm ngô, con làm nương ngô trả nợ thay cho bố. Bố đừng bán con cho nhà giàu.

Tết năm ấy, tết vui chơi, trai gái đánh pao, đánh quay rồi đêm đêm rủ nhau đi chơi. Những nhà có con gái, bố mẹ không thể ngủ được vì tiếng chó sủa. Suốt đêm, con trai đến nhà người mình yêu, đứng thối sáo xung quanh vách.

Trai đứng hẳn cả chân vách đầu buồng My.

Một đêm khuya My nghe tiếng gõ vách. Tiếng gõ vách hện của người yêu. My hồi hộp lặng lẽ quờ tay lên, gập hai ngón tay lách vào khe gỗ. Một ngón đeo nhẫn. Người yêu My đeo nhẫn ngón tay ấy. My nhấc tấm ván gỗ. Một bàn tay dắt My bước ra.

My vừa bước ra, lập tức có mấy người choàng đến, nhét áo vào miệng My rồi bịt mắt công My đi.

Sáng hôm sau, My mới biết mình đang ngồi trong nhà thống lý. Họ nhốt My vào buồng.

Ngoài vách kia, tiếng nhạc sinh tiền cúng ma rập rờn nhảy múa.

A Sử đến nhà bố My.

A Sử nói:

- Tôi đã đem con gái bố về cúng trình ma nhà tôi. Bây giờ tôi đến cho bố biết. Tiền bạc để cưới, bố tôi bảo đã đưa cả cho bố rồi (2).

Rồi A Sử về. Ông lão nhớ câu nói của thống lý dạo trước: cho con gái về nhà thống lý thì trừ được nợ. Thế là cha mẹ ăn bạc nhà giàu kiếp trước, bây giờ người ta bắt con trừ nợ. Không làm thế nào khác được rồi.

Có đến mấy tháng, đêm nào My cũng khóc.

Một hôm, My trốn về nhà, hai tròng mắt còn đỏ hoe. Trông thấy bố, My quỳ, úp mặt xuống đất, nước nở. Bố My cũng khóc, đoán biết lòng con gái:

- Mày về chào lạy tao để mày đi chết đấy à? Mày chết nhưng nợ tao vẫn còn, quan lại bắt trả nợ. Mày chết rồi không lấy ai làm nương ngô, trả được nợ, tao thì ốm yếu quá rồi. Không được con ơi!

My chỉ bưng mặt khóc. My ném năm lá ngón (một thứ thuốc độc) xuống đất. Năm lá ngón My đã đi tìm hái trong rừng. My vẫn giấu trong áo. Thế là My không đành lòng chết. My chết thì bố My còn khổ hơn bao nhiêu lần bây giờ.

My lại trở lại nhà thống lý.

Lần lần, mấy năm qua, mấy năm sau, bố My chết. Nhưng My cũng không còn nghĩ đến My có thể ăn lá ngón tự tử. ở lâu trong cái khổ, My cũng quen khổ rồi. Bây giờ My tưởng mình cũng là con trâu, mình cũng là con ngựa. Con ngựa chỉ biết ăn cỏ, biết đi làm mà thôi.

My cúi mặt, không nghĩ ngợi nữa, lúc nào cũng nhớ lại những việc giống nhau, mỗi năm một mùa, mỗi tháng lại làm đi làm lại: Tết xong lên núi hái thuốc phiện; giữa năm thì giặt đay; đến mùa đi nương bẻ bắp. Và dù đi hái củi, bung ngô, lúc nào cũng gài một bó đay trong cánh tay để tước sợi. Bao giờ cũng thế, suốt năm, suốt đời thế. Con ngựa, con trâu làm có lúc, đêm còn được đứng gãi chân, nhai cỏ, đàn bà con gái nhà này vùi vào việc cả đêm cả ngày.

Mỗi ngày My càng không nói, lúi lúi như con rùa nuôi trong xó cửa. ở buồng My nằm, kín mít, có một chiếc cửa sổ một lỗ vuông ấy mà trông ra. Đến bao giờ chết thì thôi.

Trên đầu núi, các nương ngô, nương lúa gặt xong, ngô lúa đã xếp yên các nhà kho.

Trẻ em đi hái bí đỏ, tinh nghịch, đốt những lều quanh nương để sưởi lửa. ở Hồng Ngải, người ta thành lệ, cứ ăn tết thì gặt hái vừa đoạn, không kể ngày tháng. ỉn tết thế cho kịp mưa xuân xuống, đi vớ nương mới.

Hồng Ngải năm ấy ăn Tết giữa lúc gió thổi vào cỏ gianh vàng ửng, rét càng dữ.

Nhưng trong các làng Mông Đỏ, những chiếc váy hoa đã được phơi ra mồm đá, xòe như con bướm sặc sỡ. Hoa thuốc phiện nở trắng lại nở màu đỏ hau, đỏ thắm, rồi nở màu tím man mát. Đám trẻ đợi Tết, chơi quay, cười ầm trên sân chơi trước nhà.

Ngoài đầu núi, đã có tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi chơi. Mỵ nghe tiếng sáo vọng lại, thiết tha bồi hồi.

"Mày có con trai con gái

Mày đi làm nương

Ta không có con trai con gái

Ta đi tìm người yêu".

Tiếng chó sủa xa xa. Những đêm tình mùa xuân đã tới.

ở mỗi đầu làng đều có một mồm đất phẳng làm sân chơi chung ngày tết. Trai gái, trẻ con ra sân ấy tụ tập đánh pao, đánh quay, thổi sáo, thổi kèn và nhảy.

Cả nhà thống lý ăn xong bữa cơm tết cúng ma. Xung quanh chiêng đánh ầm ỹ, người ộp đồng vẫn nhảy lên xuống, run bần bật. Vừa hết bữa cơm tiếp ngay cuộc rượu bên bếp lửa.

Ngày tết, Mỵ cũng uống rượu. Mỵ lén lấy hũ rượu, uống ực từng bát. Rồi say, Mỵ lịm mặt ngồi đấy nhìn người nhảy đồng, người hát. Nhưng lòng Mỵ đang sống về ngày trước, tai văng vẳng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Ngày trước Mỵ thổi sáo giỏi. Mùa xuân đến, Mỵ uống rượu bên bếp và thổi sáo. Mỵ uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, cứ ngày đêm thổi sáo đi theo Mỵ hết núi này sang núi khác.

Rượu tan lúc nào. Người về, người đi chơi đã vãn cả, Mỵ không biết. Mỵ vẫn ngồi trơ một mình giữa nhà. Mãi sau Mỵ mới đứng dậy. Nhưng Mỵ không bước ra đường. Mỵ từ từ vào buồng.

Chẳng năm nào A Sử cho Mỵ đi chơi Tết.

Bấy giờ Mỵ ngồi xuống giường, trông ra cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trăng trắng. Từ này Mỵ thấy phơi phơi trở lại, trong lòng đột nhiên vui như những đêm Tết ngày trước. Mỵ trẻ. Mỵ vẫn còn trẻ. Mỵ muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi Tết. Huống chi A Sử với Mỵ, không có lòng với nhau mà vẫn phải

ở với nhau. Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mỹ sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra.

Mà tiếng sáo gọi bạn vẫn lửng lơ bay ngoài đường.

"Anh ném pao

Em không bắt

Em không yêu

Quả pao rơi rồi..."

A Sử vừa ở đâu về, lại sửa soạn đi chơi. A Sử thay áo mới, khoác thêm hai vòng bạc vào cổ rồi bịt cái khăn trắng lên đầu. Có khi nó đi mấy ngày mấy đêm. Nó còn đương rình bắt nhiều người con gái nữa về làm vợ. Cũng chẳng bao giờ Mỹ nói.

Bây giờ Mỹ cũng không nói. Mỹ đến góc nhà, lấy ống mỡ, xắn một miếng, bỏ thêm vào đĩa đèn cho sáng.

Trong đầu Mỹ đang rập rờn tiếng sáo. Mỹ muốn đi chơi. Mỹ cũng sắp đi chơi. Mỹ quấn lại tóc. Mỹ với tay lấy cái váy hoa vắt phía trong vách. A Sử sắp bước ra, bỗng quay lại, lấy làm lạ. A Sử nhìn quanh thấy Mỹ rút thêm cái áo.

A Sử hỏi:

- Mày muốn đi chơi à?

Mỹ không nói. A Sử cũng không hỏi thêm. A Sử bước lại, nắm Mỹ, lấy thắt lưng trói hai tay Mỹ. Nó xách cả một thúng sợi dây ra trói đứng Mỹ vào cột nhà. Tóc Mỹ xổ xuống. A Sử quấn luôn tóc lên cột, Mỹ không cúi, không nghiêng được đầu nữa. Trói xong, A Sử thắt cái thắt lưng xanh ra ngoài áo rồi phẩy tay tắt đèn, đi ra khép cửa buồng lại.

Trong bóng tối, Mỹ đứng im, như không biết mình đang bị trói. Hơi rượu còn nồng nàn. Mỹ vẫn nghe thấy tiếng sáo đưa Mỹ đi theo những cuộc chơi. "Em không yêu, quả pao rơi rồi. Em yêu người nào, em bắt pao nào...". Mỹ vùng bước đi. Nhưng chân đau không cựa được. Mỹ không nghe tiếng sáo nữa. Chỉ còn nghe tiếng chân ngựa đạp vào vách. Ngựa vẫn đứng yên, gãi chân, nhai cỏ. Mỹ thổn thức nghĩ mình không bằng con ngựa.

Chó sủa xa xa. Chường đã khuya. Lúc này, lúc trai đang đến gõ vách làm hiệu, rủ người yêu dỡ vách ra rừng chơi. Mỹ nín khóc, Mỹ lại bồi hồi.

Cả đêm Mỹ phải trói đứng như thế. Lúc thì khắp người bị dây trói thít lại, đau nhức. Lúc lại tràn trề tha

thiết nhớ. Hơi rượu tỏa. Tiếng sáo. Tiếng chó sủa xa xa. My lúc mê, lúc tỉnh. Cho tới khi trời tang tảng rồi không biết sáng từ bao giờ.

My bàng hoàng tỉnh. Buổi sáng âm âm trong cái nhà gỗ rộng. Vách bên cũng im ắng. Không nghe tiếng lửa réo trong lò nấu lợn. Không một tiếng động. Không biết bên buồng quanh đấy, các chị vợ anh, vợ chú của A Sử có còn ở nhà, không biết tất cả những người đàn bà khốn khổ sa vào nhà quan đã được đi chơi hay cũng đang phải trói như My. My không thể biết.

Đời người đàn bà lấy chồng nhà giàu ở Hồng Ngải, một đời người chỉ biết đi theo đuôi con ngựa của chồng. My chợt nhớ lại câu chuyện người ta vẫn kể: đời trước, ở nhà thống lý Pá Tra có người trói vợ trong nhà ba ngày rồi đi chơi, khi về nhìn đến, vợ chết rồi. My sợ quá, My cựa quậy. Xem mình còn sống hay chết. Cỗ tay, đầu, bắp chân bị dây trói xiết lại, đau đứt từng mảnh thịt.

Có tiếng xôn xao phía ngoài. Rồi một đám đông vào nhà. Thống lý Pá Tra xuống ngựa vút cương cho "thị sống" (một chức việc đi hầu thống lý như người làm mồi thời trước) dắt ngựa vào tàu. Nghe như bọn họ không theo con lợn, hoặc một người phải trói, vừa vút huych xuống đất, cứ thở phò phò.

A Sử chệnh choạng vào buồng. áo rách toạc một mảnh vai. Cái khăn xéo trắng loang lổ máu, xụp xuống quanh trán. A Sử nằm lăn ra giường. Thống lý Pá Tra bước vào. Theo sau thống lý, một lũ "thống quán" (một chức việc như phó lý) "xéo phải" (như trường thôn) và bọn thị sống vẫn thường ra vào hầu hạ, ăn thịt uống rượu, hút thuốc phiện nhà thống lý.

Có người bấy giờ mới nhìn thấy My phải trói đứng trong cột. Nhưng cũng không ai để ý. Họ xúm lại quanh giường A Sử.

Pá Tra, tay vẫn cầm cái roi ngựa, lại từ từ đi ra. My nhắm mắt lại, không dám nhìn. My chỉ nghe hình như có tiếng ông thống lý gọi người ra ngoài.

My hé nhìn ra, thấy chị dâu bước tới. Người chị dâu ấy chưa già, nhưng cái lưng quanh năm phải đeo thồ nặng quá, đã còng rạp xuống. Người chị dâu đến cởi trói cho My. Sợi dây gai bắp chân vừa lỏng ra, My ngã sập xuống.

Chị dâu khẽ nói vào tai My:

- My! đi hái thuốc cho chồng mày.

My quên cả đau đứng lên. Nhưng không nhích chân lên được. My phải ôm vai chị dâu. Hai người khố sờ dìu nhau bước ra. Vào rừng tìm lá thuốc, My nghe nói lại, mới biết chuyện A Sử đi chơi bị đánh vỡ đầu.

Nửa đêm qua, A Sử vào làng tìm đến đám tiếng sáo, tiếng khèn. Nhiều chàng trai làng ấy và các làng khác, chơi quay, thổi sáo suốt ngày, chập tối vừa tan xong chầu rượu trong nhà, bây giờ vẫn còn chưa chịu tan về.

Lúc A Sử và chúng bạn kéo đến, không còn ai chơi trong nhà. Nhưng người ra người vào còn dập dìu quanh ngõ.

A Sử đứng ngoài, tức lắm. Nó bàn với lũ khác, dọa đánh bọn trai lạ bám quanh nhà, khiến bọn A Sử bị vướng không thể vào được.

Bọn A Sử ném vào vách. Ông bố trong nhà ra chửi. Vẫn ném. Ông lão vào trong cửa, bắn ra hai phát súng. Thế là tan những đám hẹn.

Nhưng cũng chưa người trai nào vội về. Họ tản vào các nhà quen trong xóm. Đợi sáng mai lại lên sân đánh pao với con gái trong xóm.

Bọn A Sử cũng không chịu để cánh kia yên. Sáng sớm, khi họ vừa ra đầu ngõ, bọn A Sử đã kéo đến gây sự. A Sử đi trước, nạm vòng bạc rủ xuống tua chỉ xanh đỏ, chỉ riêng con cái nhà quan trong làng mới được đeo. A Sử hùng hổ bước ra. Bọn kia đứng đồn cả lại, xôn xao.

- Lũ phá đám ta hôm qua đây rồi.

- A Phủ đâu? A Phủ đánh chết nó đi!

Một người to lớn chạy vụt ra, vung tay ném con quay thẳng vào mặt A Sử. Con quay gỗ ngát lảng vào giữa mặt. Nó vừa kịp bưng tay lên, A Phủ đã xộc tới, nắm vòng cổ, kéo dập đầu xuống, xé vai áo, đánh tới tấp. Người làng nghe tiếng hò hét đổ ra. Bọn trai làng lạ tản hết lên rừng. Mấy người đuổi đón đầu A Phủ.

A Phủ bị bắt sống, trói gô chân tay lại. Vừa lúc thống lý Pá Tra tới. Chúng nó xọc ngang cái gậy, khiêng A Phủ mang về ném xuống giữa nhà thống lý.

My đi hái được lá thuốc về, thấy trong nhà càng đông hơn lúc nãy. Ngoài sân, dưới gốc đào lại buộc thêm mấy con ngựa lạ.

My đi cửa sau vào, lé mắt nhìn thấy một người to lớn quỳ trong góc nhà. My đoán đấy là A Phủ.

Bọn chức việc cả vùng Hồng Ngài đến nhà thống lý dự đám kiện.

Các lý dịch, quan làng thống quán, xéo phải, đội mũ quần khăn, xách gậy, cưỡi ngựa kéo đến xử kiện và ăn cỗ.

Trong nhà thống lý đã bày ra năm bàn đèn. Khói thuốc phiện tuôn ra các lỗ cửa sổ tun hút xanh như khói bếp. Cả những người chức việc bên làng A Phủ cũng tới. Chỉ bọn trai làng ấy phải ngồi khoanh tay cạnh A Phủ, vì họ bị gọi sang hầu kiện. Bọn chức việc nằm dài cả bên khay đèn.

Suốt từ trưa cho tới hết đêm, mấy chục người hút. Trên nhất là thống lý Pá Tra. Thống lý hút xong một

đợt năm điếu, đến người khác, lại người khác, cứ thế lần lượt xuống tới bọn đi gọi người về dự kiện.

Chỉ có đàn bà ngồi trong buồng và đi bên ngoài dòm ngó đám xử kiện và A Phủ quỳ chịu tội ở xó nhà, không được dự tiệc hút ấy.

Một loạt người vừa hút xong, Pá Tra ngồi dậy, vuốt ngược cái đầu trọc dài, kéo đuôi tóc ra đằng trước, cất giọng lè nhè gọi:

- Thăng A Phủ ra đây.

A Phủ ra quỳ giữa nhà. Lập tức, bọn trai làng xô đến, trước nhất, chắp tay lạy lia lịa lên thống lý rồi quay lại đánh A Phủ.

A Phủ quỳ chịu đòn, chỉ im như cái tượng đá...

Cứ mỗi đợt bọn chức việc hút thuốc phiện xong, A Phủ lại phải ra quỳ giữa nhà, lại bị người xô đến đánh. Mặt A Phủ sưng lên, môi và đuôi mắt giọt chảy máu. Người đánh, người quỳ lạy, kể lể, chửi bới. Xong một lượt đánh, kể, chửi, lại hút. Khói thuốc phiện ngào ngạt tuôn qua các lỗ cửa sổ. Rồi Pá Tra lại ngóc cổ lên, vuốt tóc, gọi A Phủ... Cứ như thế, suốt chiều, suốt đêm, càng hút, càng tỉnh, càng đánh, càng chửi, càng hút.

Trong buồng bên cạnh, My cũng thức suốt đêm, im lặng ngồi xoa thuốc dầu cho A Sử. Lúc nào My mỏi quá, cựa mình, những chỗ lằn trói trong người lại đau ê ẩm. My lại gục đầu nằm thiếp. A Sử đạp chân vào mặt My. My choàng thức, lại nhặt nắm lá thuốc xoa đều đều trên lưng chồng.

Ngoài nhà vẫn rên lên từng cơn kéo thuốc phiện, như những con mọt nghiêng gổ kéo dài, giữa tiếng người khóc, tiếng người kể lào xào, và tiếng đấm đánh huỳnh huých.

Sáng hôm sau, đám kiện đã xong. Mấy người, chẳng biết từ bao giờ, ngủ ngáy ngay bên khay đèn. Bọn xéo phải đang bắc cái chảo đồng và xách ấm nước ra nấu thêm lạng thuốc để hút ban ngày cho các quan làng thật tỉnh, các quan làng còn một tiệc ăn cỗ nữa.

Thống lý mở tráp, lấy ra một trăm đồng bạc hoa xòe bày lên mặt tráp, rồi nói:

- Thăng A Phủ kia, mày đánh người thì làng xử mày phải nộp vạ cho người phải mày đánh là hai mươi đồng, nộp cho thống quán năm đồng, mỗi xéo phải hai đồng, mỗi người đi gọi các quan làng về hầu kiện năm hào. Mày phải mất tiền mời các quan hút thuốc từ hôm qua tới nay. Lại mất con lợn hai mươi cân, chốc nữa mổ để các quan làng ăn vạ mày. A Phủ, mày đánh con quan làng, đáng lẽ làng xử mày tội chết, nhưng làng tha cho mày được sống mà nộp vạ. Cả tiền phạt, tiền thuốc, tiền lợn, mày phải chịu một trăm bạc trắng. Mày không có trăm bạc thì tao cho mày vay để mày ở nợ. Bao giờ có tiền trả thì tao cho mày về, chưa có tiền trả thì tao bắt mày làm con trâu cho nhà tao. Đời mày, đời con, đời cháu mày tao cũng bắt thế, bao giờ hết nợ tao mới thôi. A Phủ! Lại đây nhận tiền quan cho vay.

A Phủ lê hai cái đầu gối sưng bạnh lên như mặt hồ phù. A Phủ cúi sờ lên đồng bạc trên tráp, trong khi Pá Tra đốt hương, lầm rầm khấn gọi ma về nhận mặt người vay nợ. Pá Tra khấn xong, A Phủ cũng nhặt xong bạc, nhưng chỉ nhặt làm phép lên như thế rồi lại để ngay xuống mặt tráp. Rồi Pá Tra lại trút cả bạc vào trong tráp.

Con lợn vừa bắt về cho A Phủ thết làng ăn vạ đã kêu eng éc ngoài sân. Đếm tiền rồi, A Phủ không phải quỳ, phải đánh nữa.

A Phủ đứng lên cầm con dao, chân đau bước tập tễnh, cùng với trai làng ra chợ tiết làm thịt lợn hầu làng.

Trong nhà, thuốc phiện vẫn hút rào rào.

Thế là từ đấy A Phủ phải ở trừ nợ cho nhà quan thống lý. Đốt rừng, cày nương, cuốc nương, săn bò tót, bẫy hổ, chăn bò chăn ngựa, quanh năm một thân một mình rong ruổi ngoài gò rừng. A Phủ đương tuổi sức lực. Đi làm hay đi săn cái gì cũng phăng phăng. Không còn có lúc nào trở về làng bên. Nhưng A Phủ cũng chẳng muốn trở về làm gì bên ấy.

A Phủ cũng không phải người bên ấy. Bố mẹ đẻ A Phủ ở Hắc Bì. Năm xưa, làng Hắc Bì phải một trận bệnh đậu mùa, nhiều trẻ con, cả người lớn chết, có nơi chết cả nhà. Còn sót lại một mình A Phủ. Có người làng đói bắt A Phủ đem xuống bán đổi lấy thóc của người Thái dưới cánh đồng. A Phủ mới mười một tuổi, nhưng A Phủ gan bướng, không chịu ở cánh đồng thấp.

A Phủ trốn lên núi, lưu lạc đến Hồng Ngải. Đi làm cho nhà người, lần nữa mùa này sang mùa khác. Chẳng bao lâu A Phủ đã lớn, biết đúc lưỡi cày, biết đục cuốc, lại cày giỏi và đi săn bò tót rất bạo.

A Phủ khỏe, chạy nhanh như ngựa. Con gái trong làng nhiều cô mê. Nhiều người nói: "Đứa nào được A Phủ cũng bằng được con trâu tốt trong nhà. Chẳng mấy lúc mà giàu". Người ta ao ước đùa thế thôi chứ phép rượu cũng chẳng to hơn phép làng, còn tục lệ cưới xin, mà A Phủ không có bố mẹ, không có ruộng, không có bạc, A Phủ không thể lấy nổi vợ.

Tuy nhiên, đang tuổi chơi, trong ngày Tết đến, A Phủ chẳng có quần áo mới như nhiều trai khác, A Phủ chỉ có độc một chiếc vòng bằng sợi dây đồng vĩa lẫn trên cổ. A Phủ cứ cùng trai làng đem sáo, khèn, đem con quay và quả pao, quả yến đi tìm người yêu ở các làng trong vùng.

Vì thế mà sinh sự đánh nhau ở Hồng Ngải.

Một năm kia, phải khi đang đốt rừng. Hổ gấu từng đàn ra phá nương, bắt mất nhiều bò ngựa. Nhà thống lý lúc nào cũng đầy ngựa trong tàu trước cửa, đầy lưng bò đứng chen chân trong cột cửa, và dê, chó, lợn nằm quanh nhà. Ngày nào cũng lũ lượt hàng mấy chục con đi nương ăn. Bây giờ gặp khi rừng đói, mỗi lần bò ngựa đi nương, A Phủ phải ở lại trông.

A Phủ ở lều hàng tháng ngoài nương. Đêm đến, dồn bò ngựa về nằm châu nhau ngủ quanh lều.

Mấy ngày A Phủ mê mãi đi bẫy dím, không đếm được ngựa. Hôm ấy vào rừng thấy vết chân hổ. A Phủ vội phóng ngựa chạy vòng quanh đàn, dồn chúng quần lại để đếm. A Phủ đếm lại mấy lần. Thiếu một con bò. A Phủ nhào vào rừng, lần theo lốt chân hổ, tìm được con bò đã bị hổ ăn thịt, chỉ còn lại một nửa mình nằm ngay dưới cây thông cụt.

A Phủ nhặt mấy miếng thịt rơi quanh đấy rồi vác nốt nửa con bò về. Nghĩ bụng: "Con hổ này to lắm. Hãy còn người thấy mùi hôi quanh đây. Ta về lấy súng đi tìm, thế nào cũng bắn được".

Về đến nhà, A Phủ lẳng vai ném nửa con bò xuống gốc đào trước cửa. Pá Tra bước ra hỏi:

- Mất mấy con bò?

A Phủ trả lời tự nhiên:

- Tôi về lấy súng. Thế nào cũng bắn được. Con hổ này to lắm.

Pá Tra hất tay, nói:

- Quân ăn cướp mất bò tao. A Sử đâu! Đem súng đi lấy con hổ về.

Rồi Pá Tra quay lại, bảo A Phủ:

- Mày ra ngoài kia, lấy vào đây một cái cọc, một cuộn dây mây. Tao trói mày đứng chỗ kia. Bao giờ chúng nó bắn được con hổ về thì mày khỏi phải chết. Nếu không được con hổ thì tao cho mày đứng chết ở đấy.

A Phủ cãi:

- Tôi được con hổ ấy còn nhiều tiền hơn con bò.

Pá Tra cười:

- Lấy cọc dây mây vào đây!

Không nói nữa, như con trâu đã đóng lên tròn. A Phủ lẳng lẳng ra vác chiếc cọc gỗ rồi lấy cuộn dây mây trên gác bếp xuống. Tự tay A Phủ đóng cọc xuống bên cột, Pá Tra đẩy A Phủ vào chân cột, hai tay bắt ôm quặt lên. Rồi dây mây cuốn từ chân lên vai, chỉ còn cổ và đầu lúc lắc được.

Đàn bà trong nhà, mỗi khi đi qua đều cúi mặt. Không một ai dám hỏi. Cũng không một ai dám nhìn ngang mắt.

Đến đêm, A Phủ cúi xuống, nhay đứt hai vòng mây, nhích dần dây trói một bên tay. Nhưng trời cũng vừa sáng. Pá Tra quàng thêm một vòng tròn lọng vào cổ. Thế là A Phủ không cúi, không còn lắc được nữa.

A Sử và lính đông của thống lý đi đuổi, mấy ngày không lùng bắt được con hổ. Thì cũng mấy ngày A Phủ phải trói đứng góc nhà. Đằng kia, bếp lò bung ngô cao ngang đầu người vẫn hừng hực đỏ rực. Mỗi hôm hai buổi, người ra người vào ăn uống tấp nập. A Phủ đứng nhắm mắt, cho tới khuya.

Những đêm mùa đông trên núi cao dài và buồn. Nếu không có bếp lửa sưởi kia thì My cũng đến chết héo. Mỗi đêm, My dậy ra thối lửa hơ tay, hơ lưng, không biết bao nhiêu lần.

Thường khi đến gà gáy, My dậy ra bếp sưởi một lúc thật lâu, các chị em trong nhà mới bắt đầu ra dóm lò bung ngô, nấu cháo lộn.

Mỗi đêm, nghe tiếng phù phù thối bếp, A Phủ lại mở mắt. Ngọn lửa bùng lên, cùng lúc ấy My cũng nhìn sang, thấy mắt A Phủ trừng trừng. Mới biết nó còn sống. Mấy đêm nay như thế.

Nhưng My vẫn thản nhiên thối lửa, hơ tay. Nếu A Phủ là cái xác chết đứng chết đấy, cũng thế thôi. My vẫn trở dậy, vẫn sưởi. My chỉ biết, chỉ còn ở với ngọn lửa. Có đêm A Sử chợt về thấy My ngồi đấy, A Sử ngửa tay đánh My ngã xuống cửa bếp. Nhưng đêm sau My vẫn ra sưởi như đêm trước.

Lúc ấy đã khuya. Trong nhà ngủ yên. My trở dậy thối lửa, ngọn lửa bập bùng sáng lên. My trông sang thấy hai mắt A Phủ cũng vừa mở. Dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen. Thấy tình cảnh thế, My chợt nhớ đêm năm trước, A Sử trói My, My cũng phải trói đứng thế kia. Nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ, không biết lau đi được. Trời ơi nó bắt trói đứng người ta đến chết. Nó bắt mình chết cũng thôi. Nó đã bắt trói đến chết người đàn bà ngày trước ở cái nhà này. Chúng nó thật độc ác. Chỉ đêm mai là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét, phải chết. Ta là thân đàn bà, nó đã bắt về trình ma rồi, chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây thôi... Người kia việc gì mà phải chết. A Phủ... My phảng phất nghĩ như vậy.

Đám than đã vạc hẵn lửa. My không thối cũng không đứng lên. My nhớ lại đời mình. My tưởng tượng như có thể một lúc nào, biết đâu A Phủ chẳng trốn được rồi, lúc đó bố con thống lý sẽ đổ là My đã cởi trói cho nó, My liền phải trói thay vào đấy. My chết trên cái cọc ấy. Nghĩ thế, nhưng làm sao My cũng không thấy sợ...

Trong nhà tối bùng, My rón rén bước lại, A Phủ vẫn nhắm mắt. Nhưng My tưởng như A Phủ biết có người bước lại... My rút con dao nhỏ cắt lúa, cắt nút dây mây. A Phủ thở phè từng hơi, như rần thờ, không biết mê hay tỉnh.

Lần lần, đến lúc gỡ được hết dây trói ở người A Phủ thì My cũng hốt hoảng. My chỉ thì thào được một tiếng "Đi đi..." rồi My nghẹn lại. A Phủ khuyu xuống không bước nổi.

Nhưng trước cái chết có thể đến nơi ngay, A Phủ lại quật sức vùng lên, chạy.

My đứng lặng trong bóng tối.

Trời tối lắm. My vẫn băng đi. My đuổi kịp A Phủ, đã lặn, chạy xuống tới lưng dốc.

My thở trong hơi gió thốc lạnh buốt:

- A Phủ cho...

A Phủ chưa kịp nói, My lại vừa thở vừa nói:

- ở đây chết mất.

A Phủ chột hiều.

Hai người đỡ nhau lao xuống dốc núi.

Hai người đi ròng rã hơn một tháng. Họ chuyển trên những triền núi cao ngất, lởm đồm nhà, thấp thoáng ruộng, đất đỏ, suối trắng tinh, trông thấy trước mặt mà đi mấy ngày chưa tới. Từ Hồng Ngải xuống qua vùng ruộng ở Mường Quài của người Thái, từ Nậm Cất sang Chốong Chia, từ Chốong Chia qua dốc Lùng Chùng Phủng lại trở về bờ sông Đà phía giữa châu Phù Yên sang châu Mai Sơn, chỗ đầu mối giao thông của ngoài vùng tự do vào khu du kích của các dân tộc Thái, Dao, Mèo bên kia sông. Rồi họ về trong những làng Mông Đỏ hẻo lánh vùng Phì Sa. Xa lắm rồi, thống lý không đuổi được nữa... họ nghỉ thế.

Ròng rã, ăn rau rừng, củ nâu, mộc nhĩ, vừa hết mùa mưa, tới Phìn Sa.

Hai người tới Phìn Sa, ở đấy không ai biết đấy là A Phủ, người ở nợ nhà thống lý. Người ta ngỡ đây là hai vợ chồng trong một nhà đông anh em ở bên kia dốc Lùng Chùng Phủng, nương vờ được ít mà miệng ăn thì nhiều, anh em, vợ chồng phải chia ra, đem nhau đi tìm ăn nơi khác...

Hai người nhận là vợ chồng. Mà thật thì A Phủ và My đã thành vợ chồng.

1. Tổ chức cai trị của thực dân Pháp trước đặt chức thống lý cho bọn chức việc người Mông, cũng như chánh tổng, lý trưởng ở xuôi, phía ở làng Thái.

2. Người Mông có tục cướp vợ trai gái yêu nhau, bằng lòng nhau (có khi chỉ anh con trai muốn người con gái. Nhưng trường hợp này hiếm). Người con trai giữa đêm cùng một số bạn trai khác, đến nhà người yêu, bí mật "cướp" đi. Hôm sau, người trai trở lại báo tin cho bố người gái ấy là tôi đã cướp được con gái ông làm vợ. Thế là phong tục bắt bố phải nhận lời. Cưới lối "cướp" như thế, người trai mất rất ít tiền. Thường mùa xuân ăn Tết, con trai hay đi "cướp" vợ. Đó là phong tục vui, thanh niên rất thích. Bây giờ vẫn thường xảy ra.